A Treatise on Cosmic Fire

A Treatise on Cosmic Fire

by

ALICE A. BAILEY

Dedicated with Gratitude to

HELENA PETROVNA BLAVATSKY,

that great disciple who lighted her torch in the

East and brought the light to Europe and America in 1875.

do

ALICE A. BAILEY

Trân trọng hiến tặng với lòng biết ơn đến

HELENA PETROVNA BLAVATSKY,

người đệ tử vĩ đại đã thắp lên ngọn đuốc của bà ở

phương Đông và mang ánh sáng đến châu Âu và châu Mỹ vào năm 1875.

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN — TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và

chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant offers to the Guru and Master Whom he is as yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity-not to the Master.

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công

that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters can be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư có thể được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG TÁM 1934

THE GREAT INVOCATION — ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế

Let purpose guide the little wills of men—

Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người

The purpose which the Masters know and serve.

Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự

From the centre which we call the race of men

Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người

Let the Plan of Love and Light work out.

Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi

And may it seal the door where evil dwells.

Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác

Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.

Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian

"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

"Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A. BAILEY

ALICE A. BAILEY

"To the God Who is in the FIRE and Who is in the waters;

To the God Who has suffused Himself through all the world;

To the God Who is in summer plants and in the lords of the forest;

To that God be adoration, adoration."

SH'VET UPANISHAD, II.17

"Kính dâng lên Thượng đế ở trong LỬA và ở trong các dòng nước;

Kính dâng lên Thượng đế đã thấm nhuần chính Ngài qua toàn thế giới;

Kính dâng lên Thượng đế ở trong cây cỏ mùa hạ và trong các chúa tể của rừng xanh;

Xin tôn thờ Thượng đế ấy, tôn thờ."

SH'VET UPANISHAD, II.17

[vi] The story of the many years of telepathic work by the Tibetan with Alice A. Bailey is revealed in her *Unfinished Autobiography*, published in 1951. This includes the circumstances of her first contact with him, on the physical plane, which took place in California in November 1919. Thirty years' work was planned. When this had been accomplished, and within thirty days after that period, Mrs. Bailey gained her release from the limitations of the physical vehicle.

The *Autobiography* also contains certain statements by the Tibetan in regard to his work and some information as to the reasons why it was undertaken. In the early stages the work involved careful attention to the physical plane conditions which might best help to make the telepathic process more successful. But during the latter years the technique was so perfected and the etheric mechanism of A.A.B. so skilfully attuned and adjusted that the whole process was practically effortless, and the reality and practical usefulness of telepathic interplay was demonstrated to an unique degree.

[vi] Câu chuyện về nhiều năm làm việc viễn cảm của Chân sư Tây Tạng với Alice A. Bailey được thuật lại trong cuốn *Tự Truyện Chưa Hoàn Tất* của bà, xuất bản năm 1951. Tác phẩm này bao gồm các hoàn cảnh của lần tiếp xúc đầu tiên của bà với Ngài, trên cõi hồng trần, diễn ra tại California vào tháng Mười Một năm 1919. Ba mươi năm làm việc đã được hoạch định. Khi điều này đã được hoàn tất, và trong vòng ba mươi ngày sau thời kỳ đó, bà Bailey đã được giải thoát khỏi những giới hạn của vận cụ hồng trần.

Cuốn *Tự Truyện* cũng chứa đựng một số phát biểu của Chân sư Tây Tạng liên quan đến công việc của Ngài và một số thông tin về những lý do tại sao công việc ấy được đảm nhận. Trong các giai đoạn đầu, công việc này đòi hỏi sự chú ý cẩn trọng đến các điều kiện trên cõi hồng trần có thể giúp tốt nhất để làm cho tiến trình viễn cảm thành công hơn. Nhưng trong những năm về sau, kỹ thuật ấy đã được hoàn thiện đến mức và bộ máy dĩ thái của A.A.B. đã được khéo léo chỉnh hợp và điều chỉnh đến mức toàn bộ tiến trình hầu như không cần nỗ lực, và tính hiện thực cùng tính hữu dụng thực tiễn của sự tương

tác viễn cảm đã được chứng minh ở một mức độ độc đáo.

The spiritual truths dealt with involved in many cases the expression by the lower concrete mind (often with the insuperable restrictions of the English language) of abstract ideas and hitherto quite unknown concepts of spiritual realities. This unescapable limitation of truth has been frequently called to the attention of the readers of the books so produced but is all too often forgotten. Its constant remembrance will constitute in the years to come one of the chief factors in preventing the crystallisation of the teaching from producing yet one more dogmatic sectarian cult.

Những chân lý tinh thần được bàn đến trong nhiều trường hợp liên quan đến sự biểu đạt, bởi hạ trí cụ thể (thường với những hạn chế không thể vượt qua của Anh ngữ), các ý tưởng trừu tượng và những khái niệm cho đến nay hoàn toàn chưa được biết đến về các thực tại tinh thần. Giới hạn không thể tránh khỏi này của chân lý đã thường xuyên được lưu ý đến với độc giả của những cuốn sách được tạo ra như thế nhưng lại quá thường xuyên bị quên lãng. Việc luôn luôn ghi nhớ điều đó trong những năm sắp tới sẽ cấu thành một trong những yếu tố chính để ngăn việc giáo huấn bị kết tinh dẫn đến sự hình thành thêm một giáo phái giáo điều, bè phái nữa.

The present volume, *A Treatise on Cosmic Fire*, first published in 1925, was the third book jointly produced and carries inherent evidence that it will stand as the major and most far-reaching portion of the thirty-year teachings, notwithstanding the profundity and usefulness of the volumes published in the series [vii] entitled *A Treatise on the Seven Rays* or of any other of the books.

Tập sách hiện tại, *Luận về Lửa Vũ Trụ*, xuất bản lần đầu năm 1925, là cuốn thứ ba được cùng nhau thực hiện và tự thân mang bằng chứng rằng nó sẽ là phần chủ yếu và có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất của giáo huấn ba mươi năm, bất chấp chiều sâu và tính hữu ích của các tập đã xuất bản trong bộ [vii] mang tên *Luận về Bảy Cung* hay của bất kỳ cuốn sách nào khác.

During the long course of the work the minds of the Tibetan and A.A.B. became so closely attuned that they were in effect—so far as much of the production of the teaching was concerned—a single joint projecting mechanism. Even to the end A.A.B. often spoke of her amazement at the glimpses she obtained through contact with the Tibetan's mind, of limitless vistas of spiritual truths which she could not possibly have otherwise contacted, and often of a quality she could not possibly express. This experience was the basis of her often proclaimed but frequently little-understood

Trong suốt tiến trình lâu dài của công việc, trí tuệ của Chân sư Tây Tạng và A.A.B. đã trở nên chỉnh hợp chặt chẽ đến mức, trên thực tế—ít nhất là trong phần lớn việc truyền đạt giáo huấn—họ là một bộ máy phóng chiếu chung duy nhất. Ngay cho đến cuối cùng, A.A.B. thường nói về sự kinh ngạc của bà trước những thoáng thấy mà bà có được qua sự tiếp xúc với trí tuệ của Chân sư Tây Tạng, về những viễn cảnh vô hạn của các chân lý tinh thần mà nếu không thì bà hoàn toàn không thể tiếp xúc, và thường là về một phẩm tính mà bà hoàn toàn không thể diễn đạt. Kinh nghiệm này là nền tảng cho lời

assertion that all the teachings she was aiding in producing was in fact only the A B C of esoteric knowledge, and that in the future she would gladly abandon any pronoucement in the present teaching, when she found better and more deeply esoteric teaching available. Clear and profound as the teaching actually is in the books published in her name, the truths imparted are so partial and subject to later revelation and expansion that this fact, if constantly remembered, will give us a second much-needed safeguard against that quality of the concrete mind which constantly tends to produce sectarianism.

khẳng định mà bà thường tuyên bố nhưng lại thường ít được thấu hiểu, rằng toàn bộ giáo huấn mà bà đang trợ giúp để tạo ra thực ra chỉ là bảng chữ cái A B C của tri thức huyền bí học, và rằng trong tương lai bà sẽ sẵn lòng từ bỏ bất kỳ phát biểu nào trong giáo huấn hiện tại, khi bà tìm thấy một giáo huấn tốt hơn và sâu sắc hơn về huyền bí học. Dù giáo huấn trong các cuốn sách xuất bản dưới tên bà thực sự rõ ràng và sâu sắc, các chân lý được truyền đạt vẫn chỉ là từng phần và còn tùy thuộc vào sự mặc khải và mở rộng về sau; vì thế sự kiện này, nếu luôn được ghi nhớ, sẽ đem lại cho chúng ta một sự bảo vệ thứ hai rất cần thiết chống lại phẩm tính của trí cụ thể vốn luôn có khuynh hướng tạo ra tinh thần bè phái.

At the very beginning of the joint effort and after careful consideration it was decided between the Tibetan (D.K.) and A.A.B. that she as the working disciple on the outer plane should shoulder as much as possible of karmic responsibility on that plane, and that the teaching should go to the public over her signature. This involved the burden of leadership in the esoteric field and precipitated attack and condemnation from persons and organisations whose positions and activities were more Piscean and authoritarian.

Ngay từ lúc bắt đầu nỗ lực chung và sau khi cân nhắc cẩn thận, đã có quyết định giữa Chân sư Tây Tạng (D.K.) và A.A.B. rằng bà, với tư cách là đệ tử hoạt động trên cõi bên ngoài, nên gánh vác càng nhiều càng tốt trách nhiệm nghiệp quả trên cõi đó, và rằng giáo huấn nên được công bố ra công chúng dưới chữ ký của bà. Điều này kéo theo gánh nặng lãnh đạo trong lĩnh vực huyền bí học và gây ra sự công kích và lên án từ những cá nhân và tổ chức có lập trường và hoạt động mang tính Song Ngư và độc đoán hơn.

The entire platform upon which esoteric teaching stands before the public today has been liberated from the limitations and follies of mystery, glamour, claim-making and impracticality, by the position taken by the Tibetan and A.A.B. The stand taken against dogmatic assertion has helped to establish a new era of mental freedom for the students of the progressively unfolding revelation of the Ageless Wisdom.

Toàn bộ nền tảng mà trên đó giáo huấn huyền bí học hiện nay đứng trước công chúng đã được giải phóng khỏi những giới hạn và sai lầm của sự bí hiểm, ảo cảm, sự tự xưng và tính thiếu thực tiễn, nhờ lập trường mà Chân sư Tây Tạng và A.A.B. đã giữ vững. Lập trường chống lại sự khẳng định giáo điều đã giúp thiết lập một kỷ nguyên mới của tự do trí tuệ cho các đạo sinh của sự mặc khải đang dần dần khai mở của Minh Triết Ngàn Đời.

[viii]The age-old method of arriving at truth by the process of accepting new authorities and comparing them with previously established doctrines, while of undoubted value in the training of the mind, is gradually being transcended. In its place is emerging in both the religious and philosophical worlds a new capacity to take a more scientific position. Spiritual teaching will be increasingly accepted as an hypothesis to be proved less by scholasticism, historical foundation and authority, and more by the results of its effect upon the life lived and its practical usefulness in solving the problems of humanity.

[viii]Phương pháp lâu đời để đạt đến chân lý bằng tiến trình chấp nhận những thẩm quyền mới và so sánh chúng với các giáo lý đã được thiết lập trước đó, tuy có giá trị không thể phủ nhận trong việc rèn luyện trí tuệ, đang dần dần được vượt qua. Thay vào đó, trong cả thế giới tôn giáo lẫn triết học đang xuất hiện một năng lực mới để giữ một lập trường khoa học hơn. Giáo huấn tinh thần sẽ ngày càng được chấp nhận như một giả thuyết cần được chứng minh không phải chủ yếu bằng tính kinh viện, nền tảng lịch sử và thẩm quyền, mà nhiều hơn bằng kết quả của tác động của nó lên đời sống thực tế và tính hữu dụng thực tiễn của nó trong việc giải quyết các vấn đề của nhân loại.

Heretofore, advanced esoteric teaching has almost invariably been obtainable only by the student's acceptance of the authority of the teacher, varying degrees of personal obedience to that teacher and pledges of secrecy. As the new Aquarian dispensation progresses these limitations will disappear. The personal relation of the disciple to the Master remains, but already discipleship training has been attempted in Group formation. The record of one such experiment and attempt to use this new age method has been made available to the public in the book entitled *Discipleship in the New Age*, which gives the direct personal instructions by the Tibetan to a selected group.

Trước đây, giáo huấn huyền bí học cao cấp hầu như luôn chỉ có thể đạt được khi đạo sinh chấp nhận thẩm quyền của huấn sư, tuân phục cá nhân đối với huấn sư ấy ở những mức độ khác nhau, và cam kết giữ bí mật. Khi kỷ nguyên Bảo Bình mới tiến triển, những giới hạn này sẽ biến mất. Mối liên hệ cá nhân của đệ tử với Chân sư vẫn còn, nhưng việc huấn luyện địa vị đệ tử đã được thử nghiệm trong hình thức nhóm. Hồ sơ của một thử nghiệm như thế và nỗ lực sử dụng phương pháp của kỷ nguyên mới này đã được công bố cho công chúng trong cuốn sách mang tựa đề *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới*, trình bày những chỉ huấn cá nhân trực tiếp của Chân sư Tây Tạng dành cho một nhóm được tuyển chọn.

In *A Treatise on Cosmic Fire* the Tibetan has given us what H. P. Blavatsky prophesied he would give, namely the psychological key to the Cosmic Creation. H.P.B. stated that in the 20th century a disciple would come who would give the psychological key to her own monumental work *The Secret Doctrine* on which treatise the Tibetan worked with her;

Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, Chân sư Tây Tạng đã trao cho chúng ta điều mà H. P. Blavatsky đã tiên tri rằng Ngài sẽ trao, tức là chiếc chìa khóa tâm lý học cho Sáng Tạo Vũ Trụ. H.P.B. đã nói rằng trong thế kỷ 20 sẽ xuất hiện một đệ tử, người sẽ trao chiếc chìa khóa tâm lý học cho chính công trình đồ sộ của bà là *Giáo Lý Bí Nhiệm*, bộ luận mà Chân sư Tây Tạng đã cùng làm việc với bà; và Alice A. Bailey đã

and Alice A. Bailey worked in complete recognition of her own task in this sequence.

làm việc trong sự nhận biết trọn vẹn về nhiệm vụ riêng của bà trong chuỗi tiếp nối này.

FOSTER BAILEY, TUNBRIDGE WELLS, DECEMBER 1950

FOSTER BAILEY, TUNBRIDGE WELLS, DECEMBER 1950

FOREWORD — LỜI NÓI ĐẦU

[xii] This "Treatise on Cosmic Fire" has a fivefold purpose in view:

[xii] "Luận về Lửa Vũ Trụ" này nhắm đến một mục đích ngũ phân:

First, to provide a compact and skeleton outline of a scheme of cosmology, philosophy, and psychology which may perhaps be employed for a generation as a reference and a textbook, and may serve as a scaffolding upon which more detailed instruction may later be built, as the great tide of evolutionary teaching flows on.

Thứ nhất, cung cấp một đại cương cô đọng và khung sườn của một hệ thống vũ trụ luận, triết học và tâm lý học, có thể được dùng trong một thế hệ như một tài liệu tham khảo và giáo trình, và có thể làm giàn giáo để về sau xây dựng trên đó những chỉ huấn chi tiết hơn, khi làn sóng lớn của giáo huấn tiến hoá tiếp tục tuôn chảy.

Secondly, to express that which is subjective in comprehensible terms, and to point out the next step forward in the understanding of the true psychology. It is an elucidation of the relation existing between Spirit and Matter, which relation demonstrates as *consciousness*. It will be found that the Treatise deals primarily with the aspect of mind, with consciousness and with the higher psychology, and less with matter as we know of it on the physical plane. The danger involved in giving out information concerning the various energies of atomic matter is too great, and the race as yet too selfish to be entrusted with these potencies. Man is already, through the able work of the scientists, discovering the needed knowledge with adequate rapidity. The emphasis in this book will be found to be laid upon those forces which are responsible for the objective manifestation of a solar Logos and of man, and only in the first section will indication be given as to the

Thứ hai, diễn đạt điều chủ quan bằng những thuật ngữ có thể hiểu được, và chỉ ra bước tiến kế tiếp trong việc thấu hiểu tâm lý học chân chính. Đây là sự làm sáng tỏ mối liên hệ hiện hữu giữa tinh thần và vật chất, mối liên hệ biểu lộ thành *tâm thức*. Sẽ thấy rằng bộ Luận này chủ yếu bàn đến phương diện trí tuệ, đến tâm thức và tâm lý học cao hơn, và ít bàn hơn đến vật chất như chúng ta biết về nó trên cõi hồng trần. Mối nguy liên quan đến việc công bố thông tin về các năng lượng khác nhau của vật chất nguyên tử là quá lớn, và nhân loại vẫn còn quá ích kỷ để có thể được giao phó những tiềm lực ấy. Con người, nhờ công trình tài giỏi của các nhà khoa học, đã đang khám phá tri thức cần thiết với tốc độ đủ nhanh. Trong sách này, trọng tâm sẽ được đặt vào những mãnh lực chịu trách nhiệm cho sự biểu hiện khách quan của một Thái dương Thượng đế và của con người, và chỉ trong phần thứ nhất mới có những chỉ dẫn về bản chất của những năng lượng bị giới hạn nghiêm ngặt trong cõi hồng trần.

nature of those energies which are strictly confined to the physical plane.

Thirdly, to show the coherent development of all that is found within a solar system; to demonstrate that everything which exists evolves (from the lowest form of life at the densest point of concretion up to the highest and most tenuous manifestation) and that all forms are but the expression of a stupendous and divine Existence. This expression is caused by the blending of two divine aspects through the influence of a third, and produces the manifestation which we call a form, starting it upon its [xiii] evolutionary cycle in time and space. Thus is form brought to the point where it is an adequate medium for the demonstration of the nature of that which we call God.

Thứ ba, trình bày sự phát triển mạch lạc của mọi điều được tìm thấy trong một hệ mặt trời; chứng minh rằng mọi thứ hiện hữu đều tiến hoá (từ hình thức sự sống thấp nhất ở điểm cô đặc đậm đặc nhất cho đến biểu hiện cao nhất và tinh tế nhất) và rằng mọi hình tướng chỉ là biểu hiện của một Hiện Hữu thiêng liêng vĩ đại. Biểu hiện này do sự hòa trộn của hai phương diện thiêng liêng dưới ảnh hưởng của một phương diện thứ ba tạo nên; chính biểu hiện này tạo ra sự biểu hiện mà chúng ta gọi là một hình tướng, khởi đầu cho nó trên chu kỳ [xiii] tiến hoá của nó trong thời gian và không gian. Như thế, hình tướng được đưa đến điểm mà nó trở thành một trung gian thích hợp để biểu lộ bản chất của điều mà chúng ta gọi là Thượng đế.

Fourthly, to give practical information anent those focal points of energy which are found in the etheric bodies of the solar Logos, the *macrocosm*, and of man, the *microcosm*. As the etheric substratum which is the true substance underlying every tangible form is understood, certain great revolutions will be brought about in the domains of science, of medicine and of chemistry. The study of medicine, for instance, will eventually be taken up from a new angle, and its practice will be built upon a comprehension of the laws of radiation, of magnetic currents, and of the force centres found in men's bodies and their relationship to the force centres and currents of the solar system.

Thứ tư, cung cấp thông tin thực tiễn liên quan đến những tiêu điểm năng lượng được tìm thấy trong các thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế, tức *Đại thiên địa*, và của con người, tức *Tiểu thiên địa*. Khi nền tảng dĩ thái, tức chất liệu chân thực nằm bên dưới mọi hình tướng hữu hình, được thấu hiểu, một số cuộc cách mạng lớn lao sẽ diễn ra trong các lĩnh vực khoa học, y học và hóa học. Chẳng hạn, việc nghiên cứu y học cuối cùng sẽ được tiếp cận từ một góc độ mới, và việc thực hành nó sẽ được xây dựng trên sự thấu hiểu các định luật bức xạ, các dòng từ tính, và các trung tâm lực được tìm thấy trong thân thể của con người cùng mối liên hệ của chúng với các trung tâm lực và các dòng lực của hệ mặt trời.

Fifthly, to give some information, hitherto not exoterically imparted as to the place and work of those myriads of sentient lives who form the essence of objectivity; to indicate the nature of those Hierarchies of Existences

Thứ năm, cung cấp một số thông tin, từ trước đến nay chưa từng được truyền dạy công khai, về vị trí và công việc của vô số sự sống hữu cảm tạo thành tinh túy của tính khách quan; chỉ ra bản chất của những

who form out of their own substance all that is seen and known, and who are themselves Fire and the cause of all the heat, warmth, life and motion in the universe. In this way the action of Fire on Water, of Heat in Matter, whether macrocosmically or microcosmically considered, will be touched upon and some light thrown upon the Law of Cause and Effect (the Law of Karma) and its significance in the solar system.

Huyền Giai các Hiện Hữu tạo nên từ chính chất liệu của các Ngài mọi điều được thấy và được biết, và chính các Ngài là Lửa và là nguyên nhân của mọi nhiệt, hơi ấm, sự sống và chuyển động trong vũ trụ. Theo cách này, tác động của Lửa lên Nước, của Nhiệt trong Vật chất, dù được xét theo đại thiên địa hay tiểu thiên địa, sẽ được đề cập đến, và một ít ánh sáng sẽ được soi rọi lên Định luật Nhân Quả (Định luật Nghiệp quả) cùng thâm nghĩa của nó trong hệ mặt trời.

To sum up the matter, the teaching in this book should tend to an expansion of conscionsness, and should bring about a recognition of the adequacy, as a working basis, for both science and religion, of that interpretation of the processes of nature which has been formulated for us by the Master Minds of all time. It should tend to bring about a reaction in favor of a system of philosophy which will link both Spirit and matter, and demonstrate the essential unity of the scientific and religious idea. The two are at present somewhat divorced, and we are only just beginning to grope our intellectual way out of the depths of a materialistic interpretation. It must not be forgotten, however, that under the Law of Action and Reaction, the long period of materialistic thought has been a necessary one for humanity, because the mysticism of the Middle Ages has led [xiv] us too far in the opposite direction. We are now tending to a more balanced view, and it is hoped that this treatise may form part of the process through which equilibrium is attained.

Tóm lại, giáo huấn trong sách này nên dẫn đến sự mở rộng tâm thức, và nên đưa đến sự nhìn nhận rằng, như một nền tảng làm việc, cả khoa học lẫn tôn giáo đều có thể dựa vào cách diễn giải các tiến trình của tự nhiên đã được các Trí Tuệ Chân sư của mọi thời đại hình thành cho chúng ta. Nó nên giúp tạo ra một phản ứng thuận lợi đối với một hệ thống triết học sẽ nối kết cả tinh thần lẫn vật chất, và chứng minh tính hợp nhất cốt yếu của ý niệm khoa học và tôn giáo. Hiện nay hai lĩnh vực này phần nào bị tách rời, và chúng ta chỉ mới bắt đầu lần mò bằng con đường trí tuệ để thoát ra khỏi vực sâu của lối diễn giải duy vật. Tuy nhiên, không được quên rằng dưới Định luật Tác Động và Phản Tác Động, thời kỳ dài của tư tưởng duy vật là điều cần thiết đối với nhân loại, bởi vì thần bí học của thời Trung Cổ đã dẫn [xiv] chúng ta đi quá xa theo hướng ngược lại. Hiện nay chúng ta đang nghiêng về một quan điểm quân bình hơn, và hy vọng rằng bộ luận này có thể tạo thành một phần của tiến trình qua đó sự quân bình được đạt tới.

In studying this treatise the student is asked to bear in mind certain things:

Khi nghiên cứu bộ luận này, đạo sinh được yêu cầu ghi nhớ một số điều:

a. That in dealing with these subjects we are concerned with the essence of that which is objective, with the subjective side of

a. Rằng khi bàn đến những chủ đề này, chúng ta quan tâm đến tinh túy của điều khách quan, đến mặt chủ quan của sự biểu

manifestation, and with the consideration of force and of energy. It is well nigh impossible to reduce such concepts to concrete formulas and to express them in such a way that they can be easily apprehended by the average man.

hiện, và đến việc xem xét mãnh lực cùng năng lượng. Gần như không thể nào quy những khái niệm như thế thành những công thức cụ thể và diễn đạt chúng theo cách mà người bình thường có thể dễ dàng lĩnh hội.

b. That as we use words and phrases and speak in terms of modern language the whole subject necessarily becomes limited and dwarfed, and much of the truth is thereby lost.

b. Rằng khi chúng ta dùng từ ngữ và cụm từ, và nói bằng ngôn ngữ hiện đại, toàn bộ chủ đề tất yếu trở nên bị giới hạn và thu nhỏ lại, và do đó phần lớn chân lý bị mất đi.

c. That all that is in this treatise is offered in no dogmatic spirit but simply as a contribution to the mass of thought upon the subject of world origins and to the data already accumulated as to the nature of man. The best that man can offer as a solution of the world problem must perforce take a dual form and will demonstrate through a life of active service, tending to amelioration of environal conditions, and through a formulation of some cosmological scheme or plan which will seek to account as much as may be for conditions as they are seen to exist. Arguing as men do at present from the basis of the known and the demonstrated and leaving untouched and unaccounted for, those deep-seated causes which must be presumed to be producing the seen and known, all solutions as yet fail and will continue to fail in their objective.

c. Rằng tất cả những gì có trong bộ luận này được cống hiến không phải với tinh thần giáo điều mà chỉ đơn giản như một đóng góp vào khối tư tưởng về chủ đề nguồn gốc thế giới và vào dữ liệu đã được tích lũy về bản chất của con người. Điều tốt nhất mà con người có thể cống hiến như một giải pháp cho vấn đề thế giới tất phải mang hình thức nhị phân và sẽ biểu lộ qua một đời sống phụng sự tích cực, hướng đến việc cải thiện các điều kiện môi trường xung quanh, và qua việc hình thành một hệ thống hay sơ đồ vũ trụ luận nào đó nhằm cố gắng giải thích càng nhiều càng tốt các điều kiện như chúng được thấy đang hiện hữu. Vì hiện nay con người lập luận từ nền tảng của điều đã biết và đã được chứng minh, đồng thời bỏ mặc không đụng đến và không giải thích những nguyên nhân sâu xa vốn phải được giả định là đang tạo ra điều được thấy và được biết, nên mọi giải pháp cho đến nay đều thất bại và sẽ tiếp tục thất bại trong mục tiêu của chúng.

d. That all attempts to formulate in words that which must be felt and *lived* in order to be truly comprehended must necessarily prove distressingly inadequate. All that can be said will be after all but the partial statements of the great veiled Truth, and must be offered to the reader and student as

d. Rằng mọi nỗ lực diễn đạt bằng lời điều phải được cảm nhận và *sống* để có thể thực sự được thấu hiểu, tất yếu sẽ tỏ ra đau đớn thay là không đầy đủ. Rốt cuộc, tất cả những gì có thể nói ra chỉ là những phát biểu từng phần về Chân Lý vĩ đại còn được che giấu, và phải được trình bày cho độc giả và đạo sinh

simply providing a working hypothesis, and a suggestive explanation. To the open-minded student and the man who keeps the recollection in his mind that the truth is progressively revealed, it will be apparent that the fullest expression of the truth possible at any one time will be seen later to be but a fragment of a whole, and [xv] later still be recognised to be only portions of a fact and thus in itself a distortion of the *real*.

chỉ như một giả thuyết làm việc và một lời giải thích gợi ý. Đối với đạo sinh có tâm trí cởi mở và người luôn giữ trong trí nhớ rằng chân lý được mặc khải dần dần, sẽ hiển nhiên rằng sự biểu đạt đầy đủ nhất của chân lý có thể có ở bất kỳ thời điểm nào rồi sau này cũng sẽ được thấy chỉ là một mảnh của một toàn thể, và [xv]về sau nữa sẽ được nhìn nhận chỉ là những phần của một sự kiện và do đó tự nó là một sự bóp méo của điều *thực tại*.

This treatise is put out in the hope that it may prove useful to all broad-minded seekers after truth and of value to all investigators into the subjective Source of all that which is tangibly objective. It aims to provide a reasonably logical plan of systemic evolution and to indicate to man the part he must play as an atomic unit in a great and corporate Whole. This fragment of the Secret Doctrine, in the turning of the evolutionary wheel, goes out to the world making no claims as to its source, its infallibility or the correctness in detail of its statements.

Bộ luận này được công bố với hy vọng rằng nó có thể tỏ ra hữu ích cho mọi người truy tầm chân lý có đầu óc rộng mở và có giá trị đối với mọi nhà khảo cứu về Nguồn cội chủ quan của tất cả những gì khách quan hữu hình. Nó nhằm cung cấp một sơ đồ tương đối hợp lý về sự tiến hoá của hệ mặt trời và chỉ cho con người phần việc mà y phải đảm nhận như một đơn vị nguyên tử trong một Toàn Thể vĩ đại và tập thể. Mảnh đoạn này của Giáo Lý Bí Nhiệm, trong vòng quay của bánh xe tiến hoá, được gửi ra thế giới mà không đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về nguồn gốc của nó, tính vô ngộ của nó hay tính chính xác chi tiết trong các phát biểu của nó.

No book gains anything from dogmatic claims or declarations as to the authoritative value of its source of inspiration. It should stand or fall solely on the basis of its own intrinsic worth, on the value of the suggestions made, and its power to foster the spiritual life and the intellectual apprehension of the reader. If this treatise has within it anything of truth and of reality, it will inevitably and unfailingly do its work, carry its message, and thus reach the hearts and minds of searchers everywhere. If it is of no value, and has no basis in fact, it will disappear and die, and most rightly so. All that is asked from the student of this treatise is a sympathetic

Không cuốn sách nào đạt được điều gì nhờ những tuyên bố giáo điều hay những lời khẳng định về giá trị thẩm quyền của nguồn cảm hứng của nó. Nó chỉ nên đứng vững hay sụp đổ trên cơ sở giá trị nội tại của chính nó, trên giá trị của những gợi ý được đưa ra, và trên năng lực nuôi dưỡng đời sống tinh thần và sự lĩnh hội bằng trí tuệ của độc giả. Nếu bộ luận này chứa đựng bất cứ điều gì của chân lý và thực tại, nó tất yếu và chắc chắn sẽ làm công việc của nó, chuyển tải thông điệp của nó, và như thế chạm đến trái tim và trí óc của những người truy tầm ở khắp nơi. Nếu nó không có giá trị và không có nền tảng trong sự kiện, nó sẽ biến mất và chết đi, và điều đó hoàn toàn đúng đắn. Tất cả

approach, a willingness to consider the views put forth and that honesty and sincerity of thought which will tend to the development of the intuition, of spiritual diagnosis, and a discrimination which will lead to a rejection of the false and an appreciation of the true.

những gì được yêu cầu nơi đạo sinh của bộ luận này là một sự tiếp cận đầy cảm thông, một thiện chí xem xét những quan điểm được nêu ra, và sự trung thực cùng chân thành trong tư tưởng, những điều sẽ dẫn đến sự phát triển của trực giác, của sự chẩn đoán tinh thần, và của sự phân biện sẽ đưa đến việc bác bỏ điều sai lầm và trân trọng điều chân thật.

The words of the Buddha most appropriately have their place here, and make a fitting conclusion to these preliminary remarks:

Những lời của Đức Phật rất thích hợp để được đặt ở đây, và tạo thành một kết luận xứng đáng cho những nhận xét mở đầu này:

THE LORD BUDDHA HAS SAID

ĐỨC PHẬT ĐÃ DẠY

"that we must not believe in a thing said merely because it is said; nor traditions because they have been handed down from antiquity; nor rumours, as such; nor writings by sages, because sages wrote them; nor fancies that we may suspect to have been inspired in us by a Deva (that is, in presumed spiritual inspiration); nor from inferences drawn from some haphazard assumption we may have made; nor [xvi] because of what seems an analogical necessity; nor on the mere authority of our teachers or masters. But we are to believe when the writing, doctrine, or saying is corroborated by our own reason and consciousness. "For this," says he in concluding, "I taught you not to believe merely because you have heard, but when you believed of your consciousness, then to act accordingly and abundantly."

"rằng chúng ta không được tin vào một điều chỉ vì nó được nói ra; cũng không tin vào truyền thống chỉ vì chúng đã được truyền lại từ thời cổ xưa; cũng không tin vào tin đồn, như chính chúng; cũng không tin vào các trước tác của các hiền triết chỉ vì các hiền triết đã viết ra chúng; cũng không tin vào những tưởng tượng mà chúng ta có thể ngờ rằng đã được một thiên thần gợi hứng trong chúng ta (nghĩa là, trong điều được cho là cảm hứng tinh thần); cũng không tin từ những suy luận rút ra từ một giả định ngẫu nhiên nào đó mà chúng ta có thể đã đưa ra; cũng không [xvi] vì điều gì đó dường như là một sự tất yếu theo loại suy; cũng không chỉ vì thẩm quyền đơn thuần của các huấn sư hay chân sư của chúng ta. Nhưng chúng ta phải tin khi trước tác, giáo lý hay lời nói ấy được xác nhận bởi chính lý trí và tâm thức của chúng ta. 'Vì điều này,' Ngài nói khi kết luận, 'Ta đã dạy các con không được tin chỉ vì các con đã nghe, mà khi các con tin bằng tâm thức của mình, thì hãy hành động theo đó một cách dồi dào.'"

—*Secret Doctrine III. 401.*

—*Secret Doctrine III. 401.*

May this be the attitude of every reader of this "Treatise on Cosmic Fire."

ALICE A. BAILEY.

Note:—In the footnotes throughout this treatise "The Secret Doctrine" by H. P. Blavatsky is designated by the initials S.D. The page references are to the "Third Revised Edition."

Mong rằng đây sẽ là thái độ của mọi độc giả của "Luận về Lửa Vũ Trụ" này.

ALICE A. BAILEY.

Lưu ý:—Trong các chú thích xuyên suốt bộ luận này, "Giáo Lý Bí Nhiệm" của H. P. Blavatsky được ký hiệu bằng các chữ cái đầu S.D. Các tham chiếu trang là theo "Ấn bản Hiệu đính Lần thứ Ba."

FIRE — LỬA

[xvii]"What says the esoteric teaching with regard to *Fire*?"

Fire is the most perfect and unadulterated reflection, in Heaven as on earth, of the One Flame. It is life and death, the origin and the end of every material thing. It is divine Substance."

—SECRET DOCTRINE I. 146.

Our earth and man (are) the products of the Three Fires.

—SECRET DOCTRINE II. 258.

Fire and flame destroy the body of an Arhat; their essence makes him immortal.

—SECRET DOCTRINE I. 35.

[xvii]"Giáo huấn huyền bí nói gì liên quan đến *Lửa*?"

Lửa là sự phản chiếu hoàn hảo nhất và thuần khiết nhất, trên Trời cũng như dưới đất, của Ngọn Lửa Duy Nhất. Nó là sự sống và cái chết, là nguồn gốc và chung cuộc của mọi sự vật vật chất. Nó là Chất liệu thiêng liêng."

—SECRET DOCTRINE I. 146.

Trái Đất của chúng ta và con người là sản phẩm của Ba Lửa.

—SECRET DOCTRINE II. 258.

Lửa và ngọn lửa thiêu hủy thân thể của một A La Hán; tinh túy của chúng làm cho ông trở nên bất tử.

—SECRET DOCTRINE I. 35.

THE THREE FIRES

I. *The Internal Fire or Fire by Friction.*

BA LỬA

I. *Lửa Nội Tại hay Lửa ma sát.*

"There is heat internal and heat external in every atom, the breath of the Father (Spirit) and the breath (or heat) of the Mother (matter)."

—*Secret Doctrine I. 112.*

"Trong mỗi nguyên tử đều có nhiệt bên trong và nhiệt bên ngoài, hơi thở của Cha (Tinh thần) và hơi thở (hay nhiệt) của Mẹ (vật chất)."

—*Secret Doctrine I. 112.*

II. *The Fire of Mind or Solar Fire.*

II. *Lửa của Trí Tuệ hay Lửa Thái dương.*

"The fire of knowledge burns up all action on the plane of illusion, therefore those who have acquired it and are emancipated are called 'Fires.'"

—*Secret Doctrine I.114.*

"Lửa của tri thức thiêu rụi mọi hành động trên cõi ảo tưởng, vì vậy những ai đã đạt được nó và được giải thoát được gọi là 'Những Lửa'."

—*Secret Doctrine I.114.*

III. *The Fire of Spirit or Electric Fire.*

III. *Lửa của Tinh thần hay Lửa Điện.*

"Lift up thy head, O Lanoo; dost thou see one, or countless lights above thee, burning in the dark midnight sky?"

"I sense one Flame, O Gurudeva; I see countless Undetached sparks shining in it."

"Hãy ngẩng đầu lên, hỡi Lanoo; ngươi có thấy một hay vô số ánh sáng phía trên ngươi, đang cháy trong bầu trời đen thẳm lúc nửa đêm không?"

"Con cảm nhận một Ngọn Lửa, thưa Gurudeva; con thấy vô số tia lửa không tách rời đang chiếu sáng trong đó."

—*Secret Doctrine I. 145.*

—*Secret Doctrine I. 145.*

The subjects dealt with in this treatise is of very real importance, for it forms the basis of that which we shall be considering. The total lack of a wider consciousness than the individual and the personal, acts as a bar to the true comprehension of things macrocosmic, but if the occult method is adhered to, if the Law of Correspondences is studied, and if we ever reason upward from the microcosm to the greater Whole, then glimpses will be caught of vast realms of realisation and vistas of spiritual

Những chủ đề được bàn đến trong bộ luận này có tầm quan trọng rất thực, vì chúng tạo thành nền tảng cho điều mà chúng ta sẽ xem xét. Sự thiếu vắng hoàn toàn một tâm thức rộng lớn hơn tâm thức cá nhân và riêng tư hoạt động như một chướng ngại đối với sự thấu hiểu chân thực những điều thuộc đại thiên địa; nhưng nếu phương pháp huyền bí học được tuân thủ, nếu Định luật Tương Ứng được nghiên cứu, và nếu chúng ta luôn lập luận đi lên từ tiểu thiên địa đến Toàn Thể lớn lao hơn, thì những thoáng thấy về các lĩnh vực rộng lớn của sự chứng nghiệm sẽ

unfoldment will open up before us, undreamt of hitherto.

được nắm bắt và những viễn cảnh về sự khai mở tinh thần, từ trước đến nay chưa từng được mơ tưởng, sẽ mở ra trước mắt chúng ta.

CHARTS — CÁC BIỂU ĐỒ

I. Evolution of Matter - 56

I. Sự tiến hoá của Vật chất - 56

II. Logos of a Solar System - 94

II. Thượng đế của một Hệ Mặt Trời - 94

III. The Constitution of Man - 117

III. Cấu tạo của Con người - 117

IV. The Pleroma - 226

IV. Pleroma - 226

V. The Evolution of a Solar Logos - 344

V. Sự tiến hoá của một Thái dương Thượng đế - 344

VI. Solar Septenary Chart - 373

VI. Biểu đồ Thất phân Thái dương - 373

VII. The Earth Scheme - 385

VII. Hệ Địa Cầu - 385

VIII. The Egoic Lotus and the Centres - 817

VIII. Hoa Sen Chân Ngã và các Trung Tâm - 817

IX. The Egoic Lotus - 823

IX. Hoa Sen Chân Ngã - 823

X. The Science of Meditation - 961

X. Khoa học về Tham Thiền - 961

XI. The Atom - 1181

XI. Nguyên tử - 1181

XII. Parabrahm - 1230

XII. Parabrahm - 1230

XIII. Solar and Planetary Hierarchies - 1238

XIII. Các Huyền Giai Thái dương và Hành tinh - 1238

FULL PAGE TABULATIONS

CÁC BẢNG TOÀN TRANG

I. Fire and the Aspects - 42

I. Lửa và các Phương diện - 42

II. Evolution in the Universe - 293

III. The Aspects and Evolution - 444

IV. The Building Entities - 565

V. Agni-Lord of Fire - 607

VI. The Lives and their Goal - 844

VII. Energies - 1187

II. Tiến hoá trong Vũ trụ - 293

III. Các Phương diện và Tiến hoá - 444

IV. Các Thực Thể Kiến Tạo - 565

V. Agni-Chúa Tể của Lửa - 607

VI. Các Sự sống và Mục tiêu của chúng - 844

VII. Các Năng lượng - 1187

INTRODUCTORY POSTULATES — CÁC TIỀN ĐỀ NHẬP MÔN

[Page 3] The teaching which is given in this Treatise on Cosmic Fire might be formulated in the following terms. These postulates are simply extensions of the three fundamentals to be found in the Proem in the first volume of the *Secret Doctrine (p 42-44)* by H. P. Blavatsky. Students are recommended to study them carefully; in this way their understanding of the Treatise will be greatly aided.

[Page 3] Giáo huấn được đưa ra trong Luận về Lửa Vũ Trụ này có thể được phát biểu theo những thuật ngữ sau đây. Những tiền đề này chỉ đơn giản là sự mở rộng của ba nguyên lý căn bản được tìm thấy trong Lời Mở Đầu ở quyển thứ nhất của *Giáo Lý Bí Nhiệm (tr. 42-44)* của H. P. Blavatsky. Các đạo sinh được khuyến nghị nghiên cứu chúng cẩn thận; bằng cách này, sự thấu hiểu của họ về bộ Luận sẽ được hỗ trợ rất nhiều.

I. *There is one Boundless Immutable Principle; one Absolute Reality which, antecedes all manifested conditioned Being. It is beyond the range and reach of any human thought or expression.*

I. *Có một Nguyên Khí vô biên bất biến; một Thực Tại Tuyệt Đối duy nhất, có trước mọi Bản Thể biểu hiện có điều kiện. Nó vượt ngoài phạm vi và tầm với của mọi tư tưởng hay diễn đạt của con người.*

The manifested Universe is contained within this Absolute Reality and is a conditioned symbol of it.

Vũ trụ biểu hiện được bao hàm trong Thực Tại Tuyệt Đối này và là một biểu tượng có điều kiện của Nó.

In the totality of this manifested Universe, three aspects are to be conceived.

Trong toàn thể vũ trụ biểu hiện này, cần phải quan niệm ba phương diện.

1. The First Cosmic Logos, impersonal and unmanifested, the precursor of the Manifested.

1. Cosmic Logos thứ nhất, phi ngã và không biểu hiện, đấng tiền thân của Đấng Biểu Hiện.

2. The Second Cosmic Logos, Spirit-Matter, Life, the Spirit of the Universe.

2. Cosmic Logos thứ hai, Tinh thần-Vật chất, Sự sống, Tinh thần của Vũ trụ.

3. The Third Cosmic Logos, Cosmic Ideation, the Universal World-Soul.

3. Cosmic Logos thứ ba, Ý Niệm Vũ Trụ, Đại Hồn Vũ Trụ.

From these basic creative principles, in successive gradations there issue in ordered sequence the numberless Universes comprising countless Manifesting Stars and Solar Systems.

Từ những nguyên lý sáng tạo căn bản này, qua những cấp độ kế tiếp nhau, vô số Vũ trụ bao gồm vô số Tinh Tú biểu hiện và các Hệ Mặt Trời phát xuất theo trình tự có trật tự.

Each Solar System is the manifestation of the energy and life of a great Cosmic Existence, Whom we call, for lack of a better term, a Solar Logos.

Mỗi Hệ Mặt Trời là sự biểu hiện của năng lượng và sự sống của một Hiện Hữu Vũ Trụ vĩ đại, Đấng mà chúng ta gọi, vì không có thuật ngữ nào tốt hơn, là một Thái dương Thượng đế.

[Page 4] This Solar Logos incarnates, or comes into manifestation, through the medium of a solar system.

[Page 4] Thái dương Thượng đế này nhập thể, hay đi vào biểu hiện, thông qua trung gian của một hệ mặt trời.

This solar system is the body, or form, of this cosmic Life, and is itself triple.

Hệ mặt trời này là thân thể, hay hình tướng, của Sự sống vũ trụ này, và chính nó cũng là tam phân.

This triple solar system can be described in terms of three aspects, or (as the Christian theology puts it) in terms of three Persons.

Hệ mặt trời tam phân này có thể được mô tả theo ba phương diện, hay (như thần học Cơ Đốc giáo diễn đạt) theo ba Ngôi vị.

ELECTRIC FIRE, or SPIRIT.

LỬA ĐIỆN, hay TINH THẦN.

1st Person... Father. Life. Will. Purpose. Positive energy.

Ngôi thứ nhất... Cha. Sự sống. Ý chí. Mục đích. Năng lượng dương.

SOLAR FIRE, or SOUL.

LỬA THÁI DƯƠNG, hay LINH HỒN.

2nd Person... Son. Consciousness. Love-Wisdom. Equilibrised energy.

Ngôi thứ hai... Con. Tâm thức. Bác Ái – Minh Triết. Năng lượng quân bình.

FIRE BY FRICTION, or Body, or Matter.

LỬA MA SÁT, hay Thân thể, hay Vật chất.

3rd Person... Holy Spirit. Form. Active Intelligence. Negative energy.

Ngôi thứ ba... Chúa Thánh Thần. Hình tướng. Trí Tuệ Hoạt Động. Năng lượng âm.

Each of these three is also triple in manifestation, making therefore

Mỗi phương diện trong ba phương diện này cũng tam phân trong biểu hiện, do đó tạo thành

a. The nine Potencies or Emanations.

a. chín Quyền năng hay các Xuất lộ.

b. The nine Sephiroth.

b. chín Sephiroth.

c. The nine Causes of Initiation.

c. chín Nguyên nhân của điểm đạo.

These, with the totality of manifestation or the Whole, produce the ten (10) of perfect manifestation of the perfect MAN.

Những điều này, cùng với toàn thể sự biểu hiện hay Toàn Thể, tạo ra con số mười (10) của sự biểu hiện hoàn hảo của con NGƯỜI hoàn hảo.

These three aspects of the Whole are present in every form.

Ba phương diện này của Toàn Thể hiện diện trong mọi hình tướng.

a. The solar system is triple, manifesting through the three above mentioned.

a. Hệ mặt trời là tam phân, biểu hiện qua ba phương diện đã nêu trên.

b. A human being is equally triple, manifesting as Spirit, Soul and Body, or Monad, Ego and Personality.

b. Một con người cũng tam phân như vậy, biểu hiện thành Tinh thần, Linh hồn và Thân thể, hay Chân thần, Chân ngã và Phàm ngã.

c. The atom of the scientist is also triple, being composed of a positive nucleus, the negative electrons, and the totality of the outer manifestation, [Page 5] the result of the relation of the other two.

c. Nguyên tử của nhà khoa học cũng là tam phân, được cấu tạo bởi một hạt nhân dương, các điện tử âm, và toàn thể biểu hiện bên ngoài, [Page 5] là kết quả của mối liên hệ giữa hai yếu tố kia.

The three aspects of every form are inter-related and susceptible of intercourse, because

Ba phương diện của mọi hình tướng đều liên hệ với nhau và có thể giao tiếp với nhau, bởi vì

a. Energy is in motion and circulates.

a. Năng lượng đang chuyển động và tuần hoàn.

b. All forms in the solar system form part of the Whole, and are not isolated units.

b. Mọi hình tướng trong hệ mặt trời đều là một phần của Toàn Thể, và không phải là những đơn vị cô lập.

c. This is the basis of brotherhood, of the communion of saints, and of astrology.

c. Đây là nền tảng của tình huynh đệ, của sự hiệp thông của các thánh đồ, và của chiêm tinh học.

These three aspects of God, the solar Logos, and the Central Energy or Force (for the terms are occultly synonymous) demonstrate through seven centres of force, —three major centres and four minor. These seven centres of logoic Force are themselves so constituted that they form corporate Entities. They are known as

Ba phương diện này của Thượng đế, của Thái dương Thượng đế, và của Năng Lượng hay Mãnh Lực Trung Tâm (vì các thuật ngữ này, một cách huyền bí, là đồng nghĩa) biểu lộ qua bảy trung tâm lực,—ba trung tâm chính và bốn trung tâm phụ. Bảy trung tâm của Mãnh Lực Thượng đế này tự chúng được cấu thành theo cách tạo thành những Thực Thể tập thể. Chúng được biết đến như là

a. The seven planetary Logoi.

a. bảy Hành Tinh Thượng Đế.

b. The seven Spirits before the Throne.

b. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

c. The seven Rays.

c. bảy cung.

d. The seven Heavenly Men.

d. bảy Đấng Thiên Nhân.

The Seven Logoi embody seven types of differentiated force, and in this Treatise are known under the names of Lords of the Rays. The names of the Rays are

Bảy Logoi thể hiện bảy loại mãnh lực đã được biến phân, và trong bộ Luận này được biết dưới danh xưng các Đấng Chúa Tể của các Cung. Tên của các Cung là

Ray I	Ray of Will or Power	1st Aspect
Ray II	Ray of Love-Wisdom	2nd Aspect
Ray III	Ray of Active Intelligence	3rd Aspect

These are the major Rays.	Đây là các Cung chính.
Ray IV	Ray of Harmony, Beauty and Art.
Ray V	Ray of Concrete Knowledge or Science.
Ray V	Ray of Devotion or of Abstract Idealism.
Ray VII	Ray of Ceremonial Magic or Order.

II. *There is a basic law called the Law of Periodicity.*	II. *Có một định luật căn bản được gọi là Định luật Chu Kỳ.*
1. This law governs all manifestation, whether it is the manifestation of a solar Logos through the [Page 6] medium of a solar system, or the manifestation of a human being through the medium of a form. This law controls likewise in all the kingdoms of nature.	1. Định luật này chi phối mọi sự biểu lộ, dù đó là sự biểu lộ của một Thái dương Thượng đế qua [Page 6] trung gian của một hệ mặt trời, hay sự biểu lộ của một con người qua trung gian của một hình tướng. Định luật này cũng kiểm soát trong mọi giới của tự nhiên.
2. There are certain other laws in the system which are linked with this one; some of them are as follows:	2. Có một số định luật khác trong hệ thống có liên kết với định luật này; một vài trong số đó như sau:
a. The Law of Economy	the law governing matter, the third aspect.

b. The Law of Attraction	the law governing soul, the second aspect.
c. The Law of Synthesis	the law governing spirit, or the first aspect.

3. These three are cosmic laws. There are seven systemic laws, which govern the manifestation of our solar Logos:	3. Ba định luật này là các định luật vũ trụ. Có bảy định luật của hệ mặt trời, chi phối sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế của chúng ta:
a. The Law of Vibration.	a. Định luật Rung động.
b. The Law of Cohesion.	b. Định luật Cố Kết.
c. The Law of Disintegration.	c. Định luật Tan rã.
d. The Law of Magnetic Control.	d. Định luật Kiểm soát Từ tính.
e. The Law of Fixation.	e. Định luật Cố định.
f. The Law of Love.	f. Định luật Bác ái.
g. The Law of Sacrifice and Death.	g. Định luật Hi sinh và Chết.
4. Each of these Laws manifests primarily on one or other of the seven planes of the solar system.	4. Mỗi Định luật này biểu lộ chủ yếu trên một hay một cõi khác trong bảy cõi của hệ mặt trời.
5. Each law sweeps periodically into power and each plane has its period of manifestation and its period of obscuration.	5. Mỗi định luật phát huy quyền năng theo chu kỳ và mỗi cõi có chu kỳ biểu lộ của nó cùng chu kỳ che khuất của nó.
6. Every manifested life has its three great cycles: [Page 7]	6. Mọi sự sống biểu lộ đều có ba chu kỳ lớn của nó: [Page 7]

Birth	Life	Death.
Appearance	growth	disappearance.

Involution	evolution	obscuration.
Inert motion	activity	rhythmic motion.
Tamasic life	rajasic life	sattvic life.

7. Knowledge of the cycles involves knowledge of number, sound and colour.

7. Kiến thức về các chu kỳ bao hàm kiến thức về số, âm thanh và màu sắc.

8. Full knowledge of the mystery of the cycles is the possession only of the perfected adept.

8. Sự hiểu biết trọn vẹn về huyền nhiệm của các chu kỳ chỉ thuộc sở hữu của chân sư đã hoàn thiện.

III. *All souls are identical with the Oversoul.*

III. *Mọi linh hồn đều đồng nhất với đại hồn.*

1. The Logos of the solar system is the Macrocosm. Man is the Microcosm.

1. Thượng đế của hệ mặt trời là Đại thiên địa. Con người là Tiểu thiên địa.

2. Soul is an aspect of every form of life from a Logos to an atom.

2. Linh hồn là một phương diện của mọi hình thức sự sống từ một Logos đến một nguyên tử.

3. This relationship between all souls and the Oversoul constitutes the basis for the scientific belief in Brotherhood. Brotherhood is a fact in nature, not an ideal.

3. Mối liên hệ này giữa mọi linh hồn và đại hồn tạo thành nền tảng cho niềm tin khoa học vào Tình Huynh Đệ. Tình Huynh Đệ là một sự kiện trong tự nhiên, không phải một lý tưởng.

4. The Law of Correspondences will explain the details of this relationship. This Law of Correspondences or of Analogy is the interpretive law of the system, and explains God to man.

4. Định luật tương ứng sẽ giải thích các chi tiết của mối liên hệ này. Định luật tương ứng hay định luật tương đồng này là định luật diễn giải của hệ thống, và giải thích Thượng đế cho con người.

5. Just as God is the Macrocosm for all the kingdoms in Nature, so man is the Macrocosm for all the sub-human kingdoms.

5. Cũng như Thượng đế là Đại thiên địa đối với mọi giới trong Tự nhiên, thì con người là Đại thiên địa đối với mọi giới dưới nhân loại.

6. The goal for the evolution of the atom is self-consciousness as exemplified in the human kingdom.

6. Mục tiêu cho sự tiến hoá của nguyên tử là ngã thức như được nêu gương trong giới nhân loại.

The goal for the evolution of man is group consciousness, as exemplified by a planetary Logos. (*Ancient of Days. Daniel VII, pp.13, 22.)*

Mục tiêu cho sự tiến hoá của con người là tâm thức nhóm, như được nêu gương bởi một Hành Tinh Thượng Đế. (*Đấng Thái Cổ. Daniel VII, tr.13, 22.)*

The goal for the planetary Logos is God consciousness, as exemplified by the solar Logos.

Mục tiêu cho Hành Tinh Thượng Đế là tâm thức Thượng đế, như được nêu gương bởi Thái dương Thượng đế.

7. The solar Logos is the sum-total of all the states of consciousness within the solar system. (3)

7. Thái dương Thượng đế là tổng thể của mọi trạng thái tâm thức bên trong hệ mặt trời. (3)

(3) "We have all got into the habit of viewing the universe as a vast group of isolated bodies having very little connection with each other, while the fact that the universe is one in its essence and many in its manifestations, descending from homogeneity on the highest plane to more and more marked heterogeneity as it reaches the lowest planes"—*Some Thoughts on the Gita*, p. 54. (back)

(3) "Tất cả chúng ta đều đã quen nhìn vũ trụ như một nhóm khổng lồ gồm những vật thể cô lập có rất ít liên hệ với nhau, trong khi sự kiện là vũ trụ là một trong bản chất của nó và là nhiều trong các biểu lộ của nó, đi xuống từ tính đồng nhất trên cõi cao nhất đến tính dị biệt ngày càng rõ nét hơn khi nó đạt tới các cõi thấp nhất"—*Một Vài Tư Tưởng về Gita*, tr. 54. (trở lại)

STANZAS OF DZYAN — CÁC BÀI KỆ DZYAN

STANZA I — BÀI KỆ I

[Page 11] The Secret of the Fire lieth hid in the second letter of the Sacred Word. The mystery of life is concealed within the heart. When the lower point vibrates, when the sacred triangle glows, when the point, the middle center, and the apex, connect and circulate the Fire, when the threefold apex likewise burns, then the two triangles—the greater and the lesser—merge into one flame, which burneth up the whole.

[Page 11] Bí mật của Lửa ẩn giấu trong chữ cái thứ hai của Linh từ Thiêng Liêng. Huyền nhiệm của sự sống được che giấu trong trái tim. Khi điểm thấp rung động, khi tam giác thiêng liêng rực sáng, khi điểm, trung tâm ở giữa, và đỉnh nối kết và làm cho Lửa tuần hoàn, khi đỉnh tam phân cũng bừng cháy, thì hai tam giác—tam giác lớn và tam giác nhỏ—hợp nhất thành một ngọn lửa, ngọn lửa ấy thiêu đốt toàn thể.

STANZA II — BÀI KỆ II

[Page 12] "AUM," said the Mighty One, and sounded forth the Word. The sevenfold waves of matter resolved themselves, and varied forms appeared. Each took its place, each in the sphere ordained. They waited for the sacred flood to enter and to fill.

[Page 12] "AUM," Đấng Đại Hùng phán, và xướng lên Linh từ. Những làn sóng vật chất thất phân tự phân giải, và những hình tướng đa dạng xuất hiện. Mỗi hình tướng nhận lấy vị trí của mình, mỗi hình tướng trong khối cầu đã được chỉ định. Chúng chờ đợi dòng tuôn đổ thiêng liêng đi vào và làm đầy.

The Builders responded to the sacred sound. In musical collaboration they attended to the work. They built in many spheres, beginning with the third. Upon this plane their work commenced. They built the sheath of atma and strung it to its Primary.

Các đấng kiến tạo đáp ứng âm thanh thiêng liêng. Trong sự cộng tác hài hòa, họ chăm lo công việc. Họ kiến tạo trong nhiều khối cầu, bắt đầu với khối cầu thứ ba. Trên cõi này công việc của họ khởi sự. Họ xây dựng vỏ bọc của atma và nối nó với Cội Nguồn của nó.

"AUM," said the Mighty One. "Let now the work proceed. Let the Builders of the air continue with the plan."

"AUM," Đấng Đại Hùng phán. "Giờ đây hãy để công việc tiến hành. Hãy để các đấng kiến tạo của khí tiếp tục với Thiên Cơ."

The Deva-Lord and Builders upon the plane of air worked with the forms within that sphere which is reckoned mainly theirs. They wrought for union, each in his group assigned. The moulds grew fast beneath their hands.

Chúa Tể thiên thần và các đấng kiến tạo trên cõi khí đã làm việc với các hình tướng bên trong khối cầu vốn được kể chủ yếu là của họ. Họ hoạt động vì sự hợp nhất, mỗi vị trong nhóm được chỉ định của mình. Những khuôn mẫu lớn lên nhanh chóng dưới tay họ.

The sacred plane of juncture, the fourth great plane, became the sphere within the greater circle which marked the goal for man.

Cõi thiêng liêng của sự nối kết, cõi lớn thứ tư, trở thành khối cầu bên trong vòng tròn lớn hơn, vòng tròn đánh dấu mục tiêu cho con người.

"AUM," said the Mighty One, He breathed forth to the fifth, the plane which is the burning-ground, the meeting place for fire. This time a cosmic note is heard beneath the sound systemic. The fire within, the fire without, meet with the fire ascending. The guardians of the cosmic fire, the devas of fohatic heat, watched o'er the forms that formless stood, waiting a point in time.

"AUM," Đấng Đại Hùng phán, Ngài thở ra tới cõi thứ năm, cõi là vùng đất cháy, nơi gặp gỡ của lửa. Lần này một âm điệu vũ trụ được nghe thấy bên dưới âm thanh của hệ mặt trời. Ngọn lửa bên trong, ngọn lửa bên ngoài, gặp ngọn lửa đang đi lên. Những vị canh giữ lửa vũ trụ, các thiên thần của nhiệt fohat, trông nom các hình tướng đang đứng vô

tướng, chờ đợi một thời điểm trong thời gian.

[Page 13] The builders of a lesser grade, devas who work with matter, wrought at the forms. They stood in fourfold order. Upon the threefold levels in empty silence stood the forms. They vibrated, they responded to the key, yet useless stood and uninhabited.

[Page 13] Các đấng kiến tạo thuộc cấp thấp hơn, các thiên thần làm việc với vật chất, đã hoạt động trên các hình tướng. Họ đứng theo trật tự tứ phân. Trên các cấp độ tam phân, trong sự im lặng trống không, các hình tướng đứng đó. Chúng rung động, chúng đáp ứng với chủ âm, nhưng vẫn đứng vô dụng và không có cư dân.

"AUM," said the Mighty One, "let the waters too bring forth." The builders of the watery sphere, the denizens of moisture, produced the forms that move within the kingdom of Varuna. They grew and multiplied. In constant flux they swayed. Each ebb of cosmic motion increased the endless flow. The ripple of the forms was seen.

"AUM," Đấng Đại Hùng phán, "hãy để nước cũng sinh ra." Các đấng kiến tạo của khối cầu nước, những cư dân của ẩm chất, đã tạo ra các hình tướng chuyển động trong vương quốc của Varuna. Chúng lớn lên và sinh sôi. Trong lưu chuyển không ngừng chúng dao động. Mỗi lần triều xuống của chuyển động vũ trụ làm tăng thêm dòng chảy vô tận. Gợn sóng của các hình tướng được nhìn thấy.

"AUM," said the Mighty One, "let the Builders deal with matter." The molten solidified. The solid forms were built. The crust cooled. The rocks congealed. The builders wrought in tumult to produce the forms of maya. When the rocky strata were completed the work stood in completion. The builders of the lowest grade announced the work was finished.

"AUM," Đấng Đại Hùng phán, "hãy để các Đấng kiến tạo xử lý vật chất." Chất nóng chảy đông đặc lại. Các hình tướng rắn chắc được xây dựng. Lớp vỏ nguội đi. Đá đông kết. Các đấng kiến tạo hoạt động trong hỗn động để tạo ra các hình tướng của ảo lực. Khi các tầng đá đã hoàn tất thì công việc đứng trong sự hoàn tất. Các đấng kiến tạo thuộc cấp thấp nhất tuyên bố công việc đã xong.

Forth from the rocky strata emerged the covering next. The builders of the second agreed the work was done. The first and second on the upward way stood forth in fourfold form. The inner five was somewhat seen by those whose sight was keen.

Từ các tầng đá, lớp bao phủ kế tiếp xuất hiện. Các đấng kiến tạo của cấp thứ hai đồng ý rằng công việc đã hoàn tất. Cấp thứ nhất và thứ hai trên đường đi lên xuất hiện trong hình thức tứ phân. Năm phần bên trong được phần nào nhìn thấy bởi những ai có thị lực sắc bén.

"AUM," said the Mighty One, and gathered in His Breath. The spark within the peopling third impelled to further growth. The builders of the lowest forms, manipulating

"AUM," Đấng Đại Hùng phán, và thu hồi Hơi Thở của Ngài. Tia lửa bên trong cấp thứ ba đông đúc thúc đẩy sự tăng trưởng thêm nữa. Các đấng kiến tạo của những hình tướng

densest maya, merged their production with the forms built by the watery ones. Matter and water merged produced the third in time. Ascension thus progressed. The builders worked in union. They called the guardians of the fiery zone. [Page 14] Matter and water mixed with fire, the inner spark within the form were blended all together.

thấp nhất, thao tác với ảo lực đậm đặc nhất, đã hòa sản phẩm của họ với các hình tướng do những vị của nước xây dựng. Vật chất và nước hòa nhập tạo ra cấp thứ ba theo thời gian. Sự thăng lên nhờ đó tiến triển. Các đấng kiến tạo làm việc trong hợp nhất. Họ gọi các vị canh giữ vùng lửa. [Page 14] Vật chất và nước hòa với lửa, tia lửa bên trong hình tướng được hòa trộn tất cả cùng nhau.

The Mighty One looked down. The forms met His approval. Forth came the cry for further light. Again He gathered in the sound. He drew to higher levels the feeble spark of light. Another tone was heard, the sound of cosmic fire, hid in the Sons of Manas. They called to their Primaries. The lower four, the higher three, and the cosmic fifth met at the great inbreathing. Another sheath was formed.

Đấng Đại Hùng nhìn xuống. Các hình tướng được Ngài chấp thuận. Tiếng kêu đòi thêm ánh sáng vang ra. Một lần nữa Ngài thu âm thanh lại. Ngài kéo tia lửa ánh sáng yếu ớt lên các cấp độ cao hơn. Một âm điệu khác được nghe thấy, âm thanh của lửa vũ trụ, ẩn trong các Con của Trí Tuệ. Họ gọi đến các Cội Nguồn của mình. Bốn phần thấp, ba phần cao, và phần thứ năm vũ trụ gặp nhau trong lần hít vào vĩ đại. Một vỏ bọc khác được hình thành.

STANZA III — BÀI KỆ III

[Page 15] The great Wheel turned upon itself. The seven lesser wheels rushed into being. They revolve like their Mother, around, within and forward. All that existeth was.

[Page 15] Bánh Xe lớn tự quay trên chính nó. Bảy bánh xe nhỏ hơn lao vào hiện hữu. Chúng quay như Mẹ của chúng, chung quanh, bên trong và tiến về phía trước. Mọi điều hiện hữu đều đã có.

The wheels were diverse, and in unification, one. As evolved the great Wheel, the inner fire burst forth. It touched into life wheel the first. It circulated. A million fires rose up. The quality of matter densified, but form was not. The Sons of God arose, scanned the depth of Flame, took from its heart the sacred Stone of Fire, and proceeded to the next.

Các bánh xe thì đa dạng, và trong hợp nhất, là một. Khi Bánh Xe lớn tiến hoá, ngọn lửa bên trong bùng phát. Nó chạm vào bánh xe thứ nhất để làm cho bánh xe ấy sống động. Nó tuần hoàn. Một triệu ngọn lửa bốc lên. Phẩm tính của vật chất trở nên đậm đặc hơn, nhưng hình tướng thì chưa. Các Con của Thượng đế trỗi dậy, khảo sát chiều sâu của Ngọn Lửa, lấy từ trái tim của nó Viên Đá thiêng của Lửa, rồi tiến sang bánh xe kế tiếp.

In turning next the Great Wheel launched the second. Again the flame burst forth, took to its heart the Stone and proceeded in

Trong lần quay kế tiếp, Bánh Xe Lớn phóng ra bánh xe thứ hai. Một lần nữa ngọn lửa bùng phát, nhận Viên Đá vào tim nó rồi tiếp

revolution. The Sons of God again arose, and sought within the flame. “The form sufficeth not,” they said, “remove from without the fire.”

tục trong vòng quay. Các Con của Thượng đế lại trỗi dậy, và tìm kiếm bên trong ngọn lửa. “Hình tướng chưa đủ,” họ nói, “hãy lấy lửa từ bên ngoài ra.”

Faster revolved the greater Wheel, blue white emerged the flame. The Sons of God again came down and a lesser wheel revolved. Seven times the revolution, and seven times great the heat. More solid grew the formless mass, and deeper sank the Stone. To the heart of inmost fire the sacred Stone went down. This time the work was better done, and the product more perfected. At the seventh revolution, the third wheel rendered back the Stone. Triple the form, rosy the light, and sevenfold the eternal principle.

Bánh Xe lớn quay nhanh hơn, ngọn lửa xanh trắng xuất hiện. Các Con của Thượng đế lại đi xuống và một bánh xe nhỏ hơn quay. Bảy lần vòng quay, và sức nóng lớn gấp bảy. Khối vô tướng trở nên rắn chắc hơn, và Viên Đá chìm sâu hơn. Viên Đá thiêng đi xuống trái tim của ngọn lửa sâu kín nhất. Lần này công việc được làm tốt hơn, và sản phẩm hoàn thiện hơn. Đến vòng quay thứ bảy, bánh xe thứ ba hoàn trả lại Viên Đá. Hình tướng tam phân, ánh sáng hồng, và nguyên khí vĩnh cửu thất phân.

[Page 16] From out the greater Wheel, down from the vault of heaven, came into light the lesser wheel that counted as the fourth. The eternal Lhas looked down, and the Sons of God reached forth. Down to the inmost point of death They flung the sacred Stone. The plaudits of the Chohans rose. The work had turned a point. From the pit of outer darkness, They gathered forth the Stone, translucent now and unalloyed, of colour rose and blue.

[Page 16] Từ Bánh Xe lớn hơn, từ vòm trời cao, bánh xe nhỏ hơn được kể là thứ tư đi vào ánh sáng. Các Lhas vĩnh cửu nhìn xuống, và các Con của Thượng đế vươn tới. Xuống đến điểm sâu kín nhất của cái chết, Các Ngài ném Viên Đá thiêng. Tiếng hoan hô của các Chohan vang lên. Công việc đã đạt đến một bước ngoặt. Từ hố tối tăm bên ngoài, Các Ngài thu hồi Viên Đá, giờ đây trong suốt và không pha tạp, mang màu hồng và xanh lam.

The turning of the fifth wheel and its action on the Stone rendered it still more fit. Yellow the blending tint, orange the inner fire, till yellow, rose and blue mingled their subtle tones. The four wheels with the greater worked thus upon the Stone till all the Sons of God acclaimed, and said: “The work is done.”

Sự quay của bánh xe thứ năm và tác động của nó lên Viên Đá làm cho nó càng thích hợp hơn nữa. Màu pha trộn là vàng, ngọn lửa bên trong là cam, cho đến khi vàng, hồng và xanh lam hòa trộn các sắc điệu vi tế của chúng. Bốn bánh xe cùng với bánh xe lớn đã tác động như thế lên Viên Đá cho đến khi tất cả các Con của Thượng đế đều tung hô và nói: “Công việc đã hoàn tất.”

STANZA IV — BÀI KỆ IV

[Page 17] In revolution fifth of the great Wheel the period set was reached. The lesser wheel, that responded to that fifth great turn, passed through the cycle and entered into peace.

[Page 17] Trong vòng quay thứ năm của Bánh Xe lớn, thời kỳ đã định được đạt tới. Bánh xe nhỏ hơn, bánh xe đáp ứng với vòng quay lớn thứ năm ấy, đã đi qua chu kỳ và bước vào an bình.

The lesser wheels come forth and likewise do their work. The great Wheel gathers back the emanating sparks. The Five dealt with the work, the lesser two but wrought with detail. The Stone had gathered fire, lambent with flame it shone. The outer sheath met not the need till the sixth wheel and the seventh had passed it through their fires.

Các bánh xe nhỏ hơn xuất hiện và cũng làm công việc của chúng. Bánh Xe lớn thu hồi các tia lửa đã phát xạ ra. Năm vị xử lý công việc, còn hai vị nhỏ hơn chỉ làm phần chi tiết. Viên Đá đã thu nhận lửa, nó chiếu sáng với ngọn lửa lập lòe. Vỏ bọc bên ngoài không đáp ứng nhu cầu cho đến khi bánh xe thứ sáu và thứ bảy đã đưa nó đi qua các ngọn lửa của chúng.

The Sons of God emerged from out their source, gazed on the sevenfold work, and stated it was good. The Stone was set alone. In dual revolution moved the greater Wheel. The fourth Lord of the greater Twelve handled the work of sevenfold fire. “It is not fit,” He said, “merge thou this Stone within the wheel which started revolution.”

Các Con của Thượng đế xuất hiện từ cội nguồn của họ, nhìn ngắm công trình thất phân, và tuyên bố rằng nó là tốt lành. Viên Đá được đặt riêng ra. Trong vòng quay nhị phân, Bánh Xe lớn chuyển động. Chúa Tể thứ tư của Mười Hai lớn hơn xử lý công việc của lửa thất phân. “Nó chưa thích hợp,” Ngài nói, “hãy hòa Viên Đá này vào trong bánh xe đã khởi đầu vòng quay.”

The lords of the greater seven plunged the Stone within the moving wheel. The lords of the greater fifth and sixth likewise plunged their Stone.

Các chúa tể của bảy lớn hơn dìm Viên Đá vào bánh xe đang chuyển động. Các chúa tể của thứ năm và thứ sáu lớn hơn cũng dìm Viên Đá của họ vào.

Within the fire, deep at the inmost sphere, as whirled through space the greater Wheel, bearing the lesser seven, the two were fused. The fourth, the fifth, the sixth blended, merged and intermingled.

Bên trong lửa, sâu trong khối cầu sâu kín nhất, khi Bánh Xe lớn quay cuồng xuyên không gian, mang theo bảy bánh xe nhỏ hơn, hai viên đá được dung hợp. Thứ tư, thứ năm, thứ sáu hòa trộn, hợp nhất và xen lẫn vào nhau.

The aeon closed, the work was done. The stars stood still. The eternal Ones cried to inmost heaven: “Display the work. Draw

Kỷ nguyên khép lại, công việc hoàn tất. Các vì sao đứng yên. Các Đấng vĩnh cửu kêu lên với thiên giới sâu kín nhất: “Hãy phô bày

forth the Stones." And lo, the Stones were one.

công trình. Hãy rút các Viên Đá ra." Và kìa, các Viên Đá là một.

STANZA V — BÀI KỆ V

[Page 18] The moment manvantaric, for which had waited all the Triads, the hour that marked the solemn point of juncture, arrived within the scope of time, and lo, the work was done.

[Page 18] Khoảnh khắc của giai kỳ sinh hóa, mà mọi Tam nguyên tinh thần đã chờ đợi, giờ khắc đánh dấu điểm nối kết trang nghiêm, đã đến trong phạm vi thời gian, và kìa, công việc đã hoàn tất.

The hour for which the seven groups purushic, each vibrant to the sounding of the Word, seeking the adding of the power, had waited for millennia, passed in a flash of time, and lo, the work was done.

Giờ khắc mà bảy nhóm thuộc Purusha, mỗi nhóm rung động theo sự xướng lên của Linh từ, tìm kiếm sự gia tăng quyền năng, đã chờ đợi suốt hàng thiên niên kỷ, trôi qua trong một thoáng thời gian, và kìa, công việc đã hoàn tất.

The First Degree in mighty acclamation deeming the hour propitious, sounded the triple note in threefold reverberation. The echo reached the goal. They three times sent it forth. Restless the sphere of blue felt the vibration and answering, roused herself and hastened to the call.

Đẳng cấp Thứ Nhất, trong sự tung hô mãnh liệt, cho rằng giờ đã thuận lợi, đã xướng lên âm điệu tam phân trong sự dội lại tam phân. Tiếng vọng đạt tới mục tiêu. Họ ba lần phát nó ra. Khối cầu xanh lam bất an cảm nhận rung động và, đáp lại, tự mình thức dậy và vội vã theo tiếng gọi.

The Second, with wise insistence, hearing the First sound forth, knowing the hour had likewise come, echoed the sound or note quadruple. This fourfold reverberation circled the gamut of the spheres. Again it was sent forth. Three times the note was sounded, pealing across the heavens. At the third intoning came the answer to the call. Vibrant as a key attuned, the eternal Primary replied. The blue to the dense one answered and responded to the need.

Đẳng cấp Thứ Hai, với sự kiên định minh triết, nghe Đẳng cấp Thứ Nhất xướng lên, biết rằng giờ của mình cũng đã đến, đã vọng lại âm thanh hay âm điệu tứ phân. Sự dội lại tứ phân này bao quanh toàn bộ âm giai của các khối cầu. Một lần nữa nó được phát ra. Ba lần âm điệu được xướng lên, ngân vang khắp các tầng trời. Ở lần xướng thứ ba, câu trả lời cho tiếng gọi đã đến. Rung động như một chủ âm được chỉnh hợp, Cội Nguồn vĩnh cửu đáp lại. Khối cầu xanh lam đáp lại khối cầu đậm đặc và đáp ứng nhu cầu.

Quivering the sphere heard the third take up the note, pealing it forth, a full-toned chord smote on the ears of the Watchers of the Flame.

Khối cầu run rẩy nghe cấp thứ ba tiếp nhận âm điệu, xướng nó ra, một hợp âm tròn đầy giáng vào tai các Đấng Canh Giữ Ngọn Lửa.

The Lords of Flame arose and prepared Themselves. It was decision's hour. The seven Lords of the seven spheres watched breathless the result. The [Page 19] great Lord of sphere the fourth awaited the oncoming.

Các Chúa Tể của Lửa trỗi dậy và chuẩn bị chính Các Ngài. Đó là giờ quyết định. Bảy Chúa Tể của bảy khối cầu nín thở theo dõi kết quả. [Page 19] vị Chúa Tể Vĩ Đại của khối cầu thứ tư chờ đợi điều đang đến.

The lower was prepared. The upper was resigned. The great Five waited for the point of equidistant merging. The foundation note ascended. Deep answered unto deep. The fivefold chord awaited the response from Those Whose hour had come.

Phần thấp đã sẵn sàng. Phần cao đã thuận theo. Năm vị lớn chờ đợi điểm hợp nhất cách đều. Âm điệu nền tảng đi lên. Cái sâu đáp lại cái sâu. Hợp âm ngũ phân chờ đợi sự đáp ứng từ Những Đấng mà giờ của Các Ngài đã đến.

Dark grew the space between the spheres. Radiant two balls became. The threefold thirty-five, finding the distance just, flashed like a sheet of intermittent flame, and lo, the work was done. The great Five met the Three and Four. The point intermediate was achieved. The hour of sacrifice, the sacrifice of Flame, arrived, and for aeons hath endured. The timeless Ones entered into time. The Watchers began Their task, and lo, the work proceeds.

Không gian giữa các khối cầu trở nên tối sẫm. Hai quả cầu trở nên rực sáng. Bộ ba ba mươi lăm, khi thấy khoảng cách vừa đúng, lóe lên như một tấm lửa chập chờn, và kìa, công việc đã hoàn tất. Năm vị lớn gặp Bộ Ba và Bốn. Điểm trung gian đã đạt được. Giờ hi sinh, sự hi sinh của Lửa, đã đến, và đã kéo dài qua các kỷ nguyên. Những Đấng vô thời gian bước vào thời gian. Các Đấng Canh Giữ bắt đầu nhiệm vụ của Các Ngài, và kìa, công việc vẫn tiếp diễn.

STANZA VI — BÀI KỆ VI

[Page 20] Within the cavern dark the fourfold one groped for expansion and for further light. No light above, and all around the gloom enveloped. Pitchy the darkness that surrounded it. To the innermost centre of the heart, throbbing without the Warming Light, crept in the icy cold of uttermost darkness.

[Page 20] Bên trong hang động tối tăm, kẻ tứ phân lần mò tìm sự mở rộng và thêm ánh sáng. Không có ánh sáng ở trên, và khắp chung quanh bóng tối bao phủ. Sự tối tăm đen đặc vây quanh nó. Vào trung tâm sâu kín nhất của trái tim, đang đập mà không có Ánh Sáng Sưởi Ấm, cái lạnh băng giá của bóng tối cùng cực len vào.

Above the cavern dark shone all the light of day; yet the fourfold one saw it not, nor did the light pervade.

Phía trên hang động tối tăm, toàn bộ ánh sáng ban ngày chiếu rạng; tuy nhiên kẻ tứ phân không thấy nó, ánh sáng cũng không thấm vào.

The rending of the cavern precedes the light of day. Great, then, must be the shattering. No help is found within the cave, nor any hidden light. Around the fourfold one lieth the vault of stone; beneath him menaceth the root of blackness, of utter denseness; beside him and above, naught but the same is seen.

Sự xé toạc hang động đi trước ánh sáng ban ngày. Vì thế, sự tan vỡ hẳn phải lớn lao. Không tìm thấy sự trợ giúp nào bên trong hang, cũng không có ánh sáng ẩn giấu nào. Chung quanh kẻ tứ phân là vòm đá; bên dưới nó, gốc rễ của bóng đen, của sự đậm đặc cùng cực, đang đe dọa; bên cạnh và phía trên nó, không thấy gì ngoài điều ấy.

The threefold Watchers know and see. The fourfold is now ready; the work of denseness is completed; the vehicle prepared.

Các Đấng Canh Giữ tam phân biết và thấy. Kẻ tứ phân giờ đây đã sẵn sàng; công việc của sự đậm đặc đã hoàn tất; vận cụ đã được chuẩn bị.

Soundeth the trump of shattering. Blinding the power of the oncoming flame. The mystic earthquake rocks the cavern; the burning Flames disintegrate the maya, and lo, the work is done.

Tiếng kèn của sự tan vỡ vang lên. Chói lòa là quyền năng của ngọn lửa đang đến. Cơn địa chấn thần bí làm rung chuyển hang động; các Ngọn Lửa rực cháy làm tan rã ảo lực, và kìa, công việc đã hoàn tất.

Gone is the gloom and the blackness; rent is the cavern's roof. The light of life shines in; the warmth inspires. The Lords on-looking see the work commence. The fourfold one becomes the seven. The [Page 21] chant of those who flame rises to all creation. The moment of achievement is attained.

Bóng tối và sự đen tối đã biến mất; mái hang đã bị xé toạc. Ánh sáng của sự sống chiếu vào; hơi ấm truyền cảm hứng. Các Chúa Tể đang quan sát thấy công việc bắt đầu. Kẻ tứ phân trở thành bảy. Bài ca [Page 21] của những vị đang bừng cháy dâng lên khắp mọi tạo vật. Khoảnh khắc thành tựu đã đạt tới.

Proceedeth the work anew. Creation moveth on its way, while waxeth the light within the cavern.

Tiếp diễn công việc một lần nữa. Tạo hóa tiến bước trên con đường của nó, trong khi ánh sáng bên trong hang động lớn dần.

STANZA VII — BÀI KỆ VII

[Page 22] Riseth the cave of beauty rare, of colour iridescent. Shineth the walls with azure tint, bathed in the light of rose. The blending shade of blue irradiates the whole and all is merged in gleaming.

[Page 22] Vươn lên hang động của vẻ đẹp hiếm có, của màu sắc óng ánh. Những bức tường tỏa sáng với sắc xanh thiên thanh, được tắm trong ánh sáng hồng. Sắc thái pha trộn của xanh lam chiếu rạng toàn thể và mọi sự hòa vào ánh sáng lấp lánh.

Within the cave of iridescent colour, within its arching circle, standeth the fivefold One demanding further light. He struggleth for expansion, he wrestleth towards the day. The Five demand the greater Sixth and Seventh. The surrounding beauty meeteth not the need. The inner warmth sufficeth but to feed the urge for FIRE.

Bên trong hang động của màu sắc óng ánh, bên trong vòng cung của nó, đứng đó Đấng ngũ phân đòi hỏi thêm ánh sáng. Ngài vật lộn để mở rộng, Ngài tranh đấu hướng tới ban ngày. Năm vị đòi hỏi Đấng Thứ Sáu và Thứ Bảy lớn hơn. Vẻ đẹp bao quanh không đáp ứng nhu cầu. Hơi ấm bên trong chỉ đủ để nuôi dưỡng sự thôi thúc hướng tới LỬA.

The Lords of Flame look on; they chant aloud: “The time is come, that time for which We wait. Let the Flame become the FIRE and let the light shine forth.”

Các Chúa Tể của Lửa nhìn theo; Các Ngài xướng lớn: “Thời điểm đã đến, thời điểm mà Chúng Ta chờ đợi. Hãy để ngọn lửa trở thành LỬA và hãy để ánh sáng chiếu rạng.”

The effort of the Flame within the crystal cave becometh ever greater. The cry goes forth for other aid from other Flaming Souls. The response comes.

Nỗ lực của ngọn lửa bên trong hang động pha lê ngày càng lớn hơn. Tiếng kêu cầu sự trợ giúp khác từ những Linh Hồn Rực Cháy khác vang ra. Sự đáp ứng đến.

The Lord of Flame, the Ancient One, the Mighty Lord of Fire, the Point of Blue within the hidden diamond, the Youth of Timeless Aeons, assisteth in the work. The inner burning light and the outer waiting fire,—together with the ROD,—meet on the sphere of crystal, and lo, the work is done. The crystal rends and quivers.

Chúa Tể của Lửa, Đấng Cổ Xưa, vị Chúa Tể Hùng Mạnh của Lửa, Điểm Xanh Lam bên trong viên kim cương ẩn giấu, Thanh Niên của các Kỷ Nguyên Vô Thời, trợ giúp trong công việc. Ánh sáng cháy bên trong và ngọn lửa chờ đợi bên ngoài,—cùng với THẦN TRƯỢNG,—gặp nhau trên khối cầu pha lê, và kìa, công việc đã hoàn tất. Pha lê nứt vỡ và rung chuyển.

Seven times the work proceeds. Seven the efforts made. Seven the applications of the Rod, held by a Lord of Flame. Three are the lesser touches; four [Page 23] the divine assistance. At the final fourth the work is done and the whole cave disrupts. The lighted flame within spreads through the rending walls. It mounteth to its Source. Another fire is merged; another point of blue findeth its place within the diadem logoic.

Bảy lần công việc tiếp diễn. Bảy nỗ lực được thực hiện. Bảy lần áp dụng Thần Trượng, được một Chúa Tể của Lửa cầm giữ. Ba là những lần chạm nhỏ hơn; bốn [Page 23] là sự trợ giúp thiêng liêng. Ở lần thứ tư cuối cùng, công việc hoàn tất và toàn bộ hang động tan vỡ. Ngọn lửa được soi sáng bên trong lan qua những bức tường nứt vỡ. Nó vươn lên tới Cội Nguồn của nó. Một ngọn lửa khác được hòa nhập; một điểm xanh lam khác tìm thấy vị trí của nó trong vương miện Thượng đế.

STANZA VIII — BÀI KỆ VIII

[Page 24] The greater Three, each with their seven lesser wheels, in spiral evolution, rotate within the timeless Now, and move as one. The cosmic Lords from Their high place, view the past, control the Now, and ponder on the Day be with us.

[Page 24] Ba Đấng lớn hơn, mỗi Đấng với bảy bánh xe nhỏ hơn của mình, trong tiến hoá xoắn ốc, quay trong Hiện Tại Vĩnh Cửu vô thời gian, và chuyển động như một. Các Chúa Tể vũ trụ từ chỗ cao của Các Ngài nhìn quá khứ, kiểm soát Hiện Tại, và suy ngẫm về Ngày sẽ đến với chúng ta.

The Lhas of the eternal Sound, the product of the time that was, surmount the sevenfold display. Within the Ring-pass-not the Word of Love sounds forth.

Các Lhas của Âm Thanh vĩnh cửu, sản phẩm của thời gian đã qua, vượt lên trên biểu hiện thất phân. Bên trong vòng-giới-hạn, Linh từ của Bác ái vang lên.

The sevenfold Lords proceed with just vibration to carry out the work. They sound forth each a note of the deep logoic chord. Each to His greater Lord makes record due. In the solemn breathing forth the forms are built, the colour just apportioned, and the flame within reveals itself with ever growing light.

Các Chúa Tể thất phân tiến hành với rung động chính xác để thực hiện công việc. Mỗi vị xướng lên một âm điệu của hợp âm Thượng đế sâu thẳm. Mỗi vị ghi nhận đúng mức với Chúa Tể lớn hơn của mình. Trong sự thở ra trang nghiêm, các hình tướng được xây dựng, màu sắc được phân phối đúng mức, và ngọn lửa bên trong tự bộc lộ với ánh sáng ngày càng tăng.

Blue to the green is added and completion quick is seen. The vibration of the third is added to the one. Blue to the orange blends, and in their wise admixture is seen the stable scheme. To the yellow and the red, to the purple and the ultimate is the vibration of the seventh adjusted as the Primary.

Xanh lam được thêm vào xanh lục và sự hoàn tất mau chóng được thấy. Rung động của thứ ba được thêm vào một. Xanh lam hòa với cam, và trong sự pha trộn minh triết của chúng, hệ hành tinh ổn định được nhìn thấy. Với vàng và đỏ, với tím và cái tối hậu, rung động của thứ bảy được điều chỉnh như Cội Nguồn.

Each of the seven Lords, within Their seven schemes, adjusted to the second karmic circle, merge [Page 25] Their migrating spheres and blend Their myriad atoms.

Mỗi vị trong bảy Chúa Tể, trong bảy hệ hành tinh của Các Ngài, được điều chỉnh theo vòng nghiệp quả thứ hai, hợp nhất [Page 25] các khối cầu di chuyển của Các Ngài và hòa trộn vô số nguyên tử của Các Ngài.

The forms through which They work, the lesser million spheres, the cause of separation and the curse of the Asuras,

Các hình tướng mà qua đó Các Ngài hoạt động, hàng triệu khối cầu nhỏ hơn, nguyên nhân của sự phân ly và lời nguyền của các

shatter when sounds the Sacred Word within a point in time.

Asura, tan vỡ khi Linh từ Thiêng Liêng vang lên tại một thời điểm trong thời gian.

The life logoic surges out. The streams of colour melt together. The forms are left behind, and Parabrahm stands complete. The Lord of the cosmic Third utters a Word unknown. The sevenfold lesser Word forms part of the vaster chord.

Sự sống Thượng đế tuôn trào ra ngoài. Các dòng màu hòa tan vào nhau. Các hình tướng bị bỏ lại phía sau, và Parabrahm đứng trọn vẹn. Chúa Tể của Đấng Thứ Ba vũ trụ xướng ra một Linh từ chưa được biết đến. Linh từ thất phân nhỏ hơn tạo thành một phần của hợp âm bao la hơn.

The Now becomes the time that was. The aeon mergeth into space. The Word of Motion hath been heard. The Word of Love succeedeth. The Past controlled the form. The Now evolves the life. The Day that is to be sounds forth the Word of Power.

Hiện Tại trở thành thời gian đã qua. Kỷ nguyên hòa nhập vào không gian. Linh từ của Chuyển Động đã được nghe thấy. Linh từ của Bác ái tiếp nối. Quá Khứ kiểm soát hình tướng. Hiện Tại tiến hóa sự sống. Ngày Sắp Đến xướng lên Quyền năng từ.

The form perfected and the life evolved hold the third secret of the greater Wheel. It is the hidden mystery of living motion. The mystery, lost in the Now but known to the Lord of Cosmic Will.

Hình tướng được hoàn thiện và sự sống được tiến hóa nắm giữ bí mật thứ ba của Bánh Xe lớn hơn. Đó là huyền nhiệm ẩn kín của chuyển động sống động. Huyền nhiệm ấy bị mất trong Hiện Tại nhưng được Chúa Tể của Ý Chí Vũ Trụ biết đến.

STANZA IX — BÀI KỆ IX

[Page 26] The thirty thousand million Watchers refused to heed the call. “We enter not the forms,” they said, “until the seventh aeon.” The twice thirty thousand million hearkened to the call and took the forms designed.

[Page 26] Ba mươi ngàn triệu Đấng Quan Sát đã từ chối lưu tâm đến tiếng gọi. “Chúng ta không đi vào các hình tướng,” các Ngài nói, “cho đến kỷ nguyên thứ bảy.” Sáu mươi ngàn triệu đã lắng nghe tiếng gọi và nhận lấy các hình tướng đã được thiết kế.

The rebellious ones laughed within themselves, and sought pralayic peace until the seventh aeon. But the seven great Lords called to the greater Chohans, and with the eternal Lhas of the third cosmic heaven entered into debate.

Những kẻ phản nghịch tự cười trong lòng, và tìm kiếm sự bình an của giai kỳ qui nguyên cho đến kỷ nguyên thứ bảy. Nhưng bảy Chúa Tể vĩ đại đã kêu gọi các Chohan cao cả hơn, và cùng với các Lha vĩnh cửu của cõi trời vũ trụ thứ ba bước vào cuộc nghị bàn.

The dictum then went forth. The laggards in the highest sphere heard it echo through the

Khi ấy phán quyết được ban ra. Những kẻ chậm trễ trong khối cầu cao nhất nghe nó

scheme. “Not till the seventh aeon, but at the fourteenth seventh will the chance again come round. The first shall be the last and time be lost for aeons.”

vang dội khắp hệ hành tinh. “Không phải cho đến kỷ nguyên thứ bảy, mà đến lần thứ bảy của chu kỳ mười bốn thì cơ hội mới lại quay về. Kẻ đầu sẽ là kẻ cuối và thời gian sẽ mất đi trong nhiều kỷ nguyên.”

The obedient Sons of Mind connected with the Sons of Heart, and evolution spiralled on its way. The Sons of Power stayed in their appointed place, though cosmic karma forced a handful to join the Sons of Heart.

Các Con của Trí Tuệ vâng phục đã kết nối với các Con của Tâm, và tiến hóa xoắn ốc trên đường đi của nó. Các Con của Quyền năng ở lại nơi đã được chỉ định cho mình, dù nghiệp quả vũ trụ buộc một số ít phải gia nhập các Con của Tâm.

At the fourteenth seventh aeon, the Sons of Mind and Heart, absorbed by endless flame, will join the Sons of Will, in manvantaric manifestation. Three times the wheel will turn.

Vào kỷ nguyên thứ bảy của chu kỳ mười bốn, các Con của Trí Tuệ và Tâm, được hấp thụ bởi ngọn lửa vô tận, sẽ hợp nhất với các Con của Ý Chí, trong sự biểu hiện của giai kỳ sinh hóa. Bánh xe sẽ quay ba lần.

At the centre stand the buddhas of activity, helped by the lords of love, and following their twofold work will come the radiant lords of power.

Tại trung tâm đứng các vị Phật của hoạt động, được các chúa tể của bác ái trợ giúp, và tiếp theo công việc nhị phân của các Ngài sẽ đến các chúa tể rạng ngời của quyền năng.

The buddhas of creation from out the past have [Page 27] come. The buddhas of love are gathering now. The buddhas of will at the final turn of the third major wheel will flash into being. The end will then be consummated.

Các vị Phật của sáng tạo từ quá khứ đã [Page 27] đến. Các vị Phật của bác ái hiện đang tụ hội. Các vị Phật của ý chí vào vòng quay cuối cùng của bánh xe lớn thứ ba sẽ lóe hiện vào hiện hữu. Khi ấy sự kết thúc sẽ được hoàn tất.

STANZA X — BÀI KỆ X

[Page 28] The Fifth progresseth and from the remnants of the Fourth multiplied and reproduced. The waters arose. All sank and was submerged. The sacred remnant, in the place appointed, emerged at later date from out the zone of safety.

[Page 28] Giống dân gốc thứ Năm tiến lên và từ những tàn dư của Giống dân gốc thứ Tư đã nhân lên và sinh sôi. Nước dâng lên. Mọi sự chìm xuống và bị nhấn ngập. Phần tàn dư thiêng liêng, ở nơi đã được chỉ định, về sau xuất hiện từ vùng an toàn.

The waters dissipated. The solid ground emerged in certain destined places. The Fifth

Nước tan đi. Đất rắn hiện ra ở một số nơi đã được định sẵn. Giống dân gốc thứ Năm tràn khắp Thánh Địa, và trong các nhóm ngũ

o'er-ran the Sacred Land, and in their fivefold groups developed the lower Fifth.

phân của mình đã phát triển giống dân phụ thứ năm thấp hơn.

They passed from stage to stage. The watching Lords, recognising the rupas formed, gave a sign to the circulating Fourth and it speeded faster on its way. When the lesser Fifth had midway passed and all the lesser four were peopling the land, the Lords of Dark Intent arose. They said: "Not so shall go the force. The forms and rupas of the third and fourth, within the corresponding Fifth, approach too close the archetype. The work is far too good."

Họ đi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Các Chúa Tể quan sát, nhận ra các rupa đã được tạo thành, đã ra dấu cho Giống dân gốc thứ Tư đang tuần hoàn và nó tăng tốc nhanh hơn trên đường đi. Khi giống dân phụ thứ năm thấp hơn đã đi qua điểm ở giữa và tất cả bốn giống dân phụ thấp hơn đang cư trú trên đất, các Chúa Tể của Ý Định Hắc Ám trỗi dậy. Họ nói: "Mãnh lực sẽ không vận hành như thế. Các hình tướng và các rupa của giống dân thứ ba và thứ tư, bên trong giống dân thứ năm tương ứng, tiến quá gần nguyên mẫu. Công việc quá ư tốt đẹp."

They constructed other forms. They called for cosmic fire. The seven deep pits of hell belched forth the animating shades. The incoming seventh reduced to order all the forms,—the white, the dark, the red, and shaded brown.

Họ kiến tạo những hình tướng khác. Họ kêu gọi lửa vũ trụ. Bảy vực sâu của địa ngục phun ra những bóng mờ được tiếp sinh lực. Đấng thứ bảy đi vào đã đưa tất cả các hình tướng vào trật tự,—trắng, đen, đỏ, và nâu sẫm.

The period of destruction extended far on either hand. The work was sadly marred. The Chohans of the highest plane gazed in silence on the work. The Asuras and the Chaitans, the Sons of Cosmic Evil, and the Rishis of the darkest constellations, [Page 29] gathered their lesser hosts, the darkest spawn of hell. They darkened all the space.

Thời kỳ hủy diệt kéo dài rất xa về cả hai phía. Công việc bị làm hư hại nặng nề. Các Chohan của cõi cao nhất lặng lẽ nhìn công việc. Các Asura và các Chaitan, các Con của Điều Ác Vũ Trụ, và các Rishi của những chòm sao tối tăm nhất, [Page 29] đã tập hợp các đạo quân nhỏ hơn của họ, bầy giống tối tăm nhất của địa ngục. Họ làm tối đen toàn bộ không gian.

* * * * *

* * * * *

From the coming of the heaven-sent One peace passed upon the earth. The planet staggered and belched forth fire. Part rose. Part fell. The form was changed. Millions took other forms or ascended to the appointed place of waiting. They tarried till the hour of progress should again sound forth for them.

Từ khi Đấng do trời sai đến, bình an giáng xuống địa cầu. Hành tinh chao đảo và phun lửa ra. Một phần trồi lên. Một phần sụp xuống. Hình tướng bị thay đổi. Hàng triệu sinh linh nhận lấy những hình tướng khác hoặc thăng lên nơi chờ đợi đã được chỉ định. Họ lưu lại đó cho đến khi giờ tiến bộ lại vang lên đối với họ.

* * * * *

The early Third produced the monsters, great beasts and evil forms. They prowled upon the surface of the sphere.

The watery Fourth produced within the watery sphere, reptiles and spawn of evil fame, the product of their karma. The waters came and swept away the progenitors of the fluidic spawn.

The separating Fifth built in the rupa sphere the concrete forms of thought. They cast them forth. They peopled the lower four, and like a black and evil cloud shut out the light of day. The higher three were hid.

* * * * *

The war upon the planet had been waged. Both sides descended into hell. Then came the Conqueror of form. He drew on the Sacred Fire, and purified the rupa levels. The fire destroyed the lands in the days of the lesser Sixth.

When the Sixth appeared the land was changed. The surface of the globe circled through another cycle. Men of the higher Fifth mastered the lower [Page 30] three. The work was shifted to the plane whereon the Pilgrim stood. The lesser triangle within the lower auric egg became the centre of cosmic dissonance.

STANZA XI

* * * * *

Giống dân gốc thứ Ba thời kỳ đầu đã tạo ra những quái vật, những thú lớn và những hình tướng xấu ác. Chúng lang thang trên bề mặt khối cầu.

Giống dân gốc thứ Tư thuộc nước đã tạo ra trong khối cầu nước những loài bò sát và giống nòi tai tiếng của điều ác, sản phẩm của nghiệp quả của chúng. Nước tràn đến và cuốn đi những tổ tiên của giống nòi lưu chất ấy.

Giống dân gốc thứ Năm phân ly đã xây dựng trong khối cầu rupa những hình tư tưởng cụ thể. Họ phóng chúng ra ngoài. Họ cư trú trong bốn cõi thấp, và như một đám mây đen xấu ác che khuất ánh sáng ban ngày. Ba cõi cao hơn bị che giấu.

* * * * *

Cuộc chiến trên hành tinh đã diễn ra. Cả hai phía đều sa xuống địa ngục. Rồi Đấng Chinh Phục hình tướng xuất hiện. Ngài vận dụng Lửa Thiêng và thanh lọc các cấp độ rupa. Lửa đã hủy diệt các vùng đất trong những ngày của giống dân phụ thứ sáu thấp hơn.

Khi giống dân phụ thứ Sáu xuất hiện, đất đai đã thay đổi. Bề mặt của bầu hành tinh quay qua một chu kỳ khác. Những người nam và nữ của giống dân phụ thứ năm cao hơn đã chế ngự ba giống dân thấp hơn [Page 30]. Công việc được chuyển sang cõi nơi Người Hành Hương đứng. Tam giác nhỏ hơn bên trong noãn hào quang thấp hơn trở thành trung tâm của sự bất hòa vũ trụ.

BÀI KỆ XI

[Page 31] The wheel of life turns within the wheel of outer form.

[Page 31] Bánh xe sự sống quay bên trong bánh xe của hình tướng bên ngoài.

The matter of Fohat circulateth, and its fire hardeneth all the forms. The wheel that is not glimpsed moveth in rapid revolution within the slower outer case, till it weareth out the form.

Chất liệu của Fohat tuần hoàn, và lửa của nó làm cứng mọi hình tướng. Bánh xe không được thoáng thấy chuyển động trong vòng quay nhanh chóng bên trong vỏ bọc bên ngoài chậm hơn, cho đến khi nó làm mòn hình tướng.

The forty-nine fires burn at the inner centre. The thirty-five circulating fiery vortices extend along the circle of the periphery. Between the two passeth in ordered sequence the various coloured flames.

Bốn mươi chín ngọn lửa cháy tại trung tâm bên trong. Ba mươi lăm xoáy lửa tuần hoàn trải dọc theo vòng tròn của chu vi. Giữa hai bên ấy đi qua theo trình tự có trật tự các ngọn lửa nhiều màu khác nhau.

The great Triangles in their just arrangement hold hid the secret of the wheel of life. The cosmic fire radiates as directed from the second sphere, controlled by the Ruler of the merging ray. The cohorts of the third encircling sphere in varied ranks mark out the lesser threes.

Các Tam Giác lớn trong sự sắp xếp đúng đắn của chúng cất giấu bí mật của bánh xe sự sống. Lửa vũ trụ bức xạ theo sự chỉ đạo từ khối cầu thứ hai, được kiểm soát bởi Đấng Cai Quản cung đang hòa nhập. Các đoàn quân của khối cầu bao quanh thứ ba trong những hàng ngũ khác nhau vạch ra các bộ ba nhỏ hơn.

The wheel of life still moves within the form. The devas of the fourth connect the thirty-five, and blend them with the central forty-nine. Above they work, seeking to merge the whole. Upward they strive, who in their myriad forms revolve within the wheels of lesser magnitude. The whole is one, yet on the lower spheres only the forms appear. They seem in their divisions more than can be grasped or met.

Bánh xe sự sống vẫn chuyển động bên trong hình tướng. Các thiên thần của cõi thứ tư kết nối ba mươi lăm, và hòa trộn chúng với bốn mươi chín ngọn lửa ở trung tâm. Phía trên, họ hoạt động, tìm cách hòa nhập toàn thể. Hướng lên trên, họ nỗ lực, những vị đang quay trong vô số hình tướng của mình bên trong các bánh xe có tầm mức nhỏ hơn. Toàn thể là một, tuy nhiên trên các khối cầu thấp hơn chỉ các hình tướng xuất hiện. Trong các phân chia của chúng, chúng dường như nhiều hơn mức có thể nắm bắt hay đối diện.

The many circulate. The forms are built, become too firm, are broken by the life, and circulate again. The few revolve, holding the many in the heat of motion. The one

Số nhiều tuần hoàn. Các hình tướng được xây dựng, trở nên quá vững chắc, bị sự sống phá vỡ, rồi lại tuần hoàn. Số ít quay vòng, giữ số nhiều trong sức nóng của chuyển động. Đấng duy nhất ôm trọn tất cả, và mang tất

embraces all, and carries all from great activity into the heart of cosmic peace.

cả từ hoạt động lớn lao vào trái tim của bình an vũ trụ.

STANZA XII — BÀI KỆ XII

[Page 32] The Blessed Ones hide Their threefold nature but reveal Their triple essence by means of the three great groups of atoms. Three are the atoms and threefold the radiation.

[Page 32] Các Đấng Chân Phúc che giấu bản chất tam phân của Các Ngài nhưng biểu lộ tinh túy bộ ba của Các Ngài bằng ba nhóm nguyên tử lớn. Ba là các nguyên tử và bức xạ là tam phân.

The inner core of Fire hides itself and is known only through radiation and that which radiates. Only after the blaze dies out and the heat is no longer felt can the fire be known.

Lõi bên trong của Lửa tự ẩn mình và chỉ được biết qua bức xạ và điều đang bức xạ. Chỉ sau khi ngọn lửa tắt đi và sức nóng không còn được cảm nhận nữa thì lửa mới có thể được biết.

STANZA XIII — BÀI KỆ XIII

[Page 33] Through the band of violet that encircleth the Heavens passeth the globe of purple dark. It passeth and returneth not. It becometh enrapt in the blue. Three times the blue enfoldeth, and when the cycle is completed the purple fadeth and is merged into the rose, and the path again is traversed.

[Page 33] Xuyên qua dải tím đang bao quanh các cõi trời, bầu hành tinh tím sẫm đi qua. Nó đi qua và không quay lại. Nó trở nên ngây ngất trong màu lam. Ba lần màu lam bao bọc, và khi chu kỳ hoàn tất, màu tím phai đi và hòa nhập vào màu hồng, rồi con đường lại được đi qua.

Three the great colours in the cycle that counteth as the fourth, violet, blue and rose, with the basic purple in revolution.

Ba là những màu lớn trong chu kỳ được tính là thứ tư, tím, lam và hồng, với màu tím nền tảng trong vòng quay.

Four are the colours secondary in the cycle of discrimination in which the revolution taketh place. It is circled to the midmost point and somewhat passed. Yellow the band that cometh, orange the cloud that hideth, and green for vivification. Yet the time is not yet.

Bốn là những màu thứ yếu trong chu kỳ của sự phân biện, trong đó vòng quay diễn ra. Nó được quay đến điểm giữa nhất và vượt qua đôi chút. Vàng là dải đang đến, cam là đám mây đang che giấu, và xanh lục là để tiếp sinh lực. Tuy nhiên, thời điểm vẫn chưa đến.

Many the circling fires; many the revolving rounds, but only when the complementary colours recognise their source, and the whole adjusteth itself to the seven will be

Nhiều là các ngọn lửa tuần hoàn; nhiều là các cuộc tuần hoàn quay vòng, nhưng chỉ khi các màu bổ sung nhận ra nguồn gốc của chúng, và toàn thể tự điều chỉnh theo số bảy

seen completion. Then will be seen each colour in adjustment right, and the cessation of revolution.

thì sự hoàn tất mới được thấy. Khi ấy sẽ thấy mỗi màu trong sự điều chỉnh đúng đắn, và sự chấm dứt của vòng quay.

SECTION ONE. The Internal Fires - Fire by Friction — PHẦN MỘT. Các Lửa Nội Tại - Lửa ma sát

INTRODUCTORY REMARKS — NHỮNG NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

I. Fire in the Macrocosm.

I. Lửa trong Đại thiên địa.

II. Fire in the Microcosm.

II. Lửa trong Tiểu thiên địa.

III. Fire in manifestation.

III. Lửa trong biểu hiện.

[Page 37] We purpose in these few introductory remarks to lay down the foundation for a 'Treatise on Cosmic Fire,' and to consider the subject of fire both macrocosmically and microcosmically, thus dealing with it from the standpoint of the solar system, and of a human being. This will necessitate some preliminary technicalities which may seem at first perusal to be somewhat abstruse and complicated but which, when meditated upon and studied, may eventually prove illuminating and of an elucidating nature, and which also, when the mind has familiarised itself with some of the details, may come to be regarded as providing a logical hypothesis concerning the nature and origin of energy. We have elsewhere, in an earlier book, touched somewhat upon this matter, but we desire to recapitulate and in so doing to enlarge, thus laying down a broad foundation upon which the subject matter can be built up, and providing a general outline which will serve to show the limits of our discussion.

[Page 37] Trong vài nhận xét mở đầu này, chúng tôi dự định đặt nền tảng cho một 'Luận về Lửa Vũ Trụ', và xem xét chủ đề lửa cả theo phương diện đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, như vậy bàn đến nó từ quan điểm của hệ mặt trời và của một con người. Điều này sẽ đòi hỏi một số điểm kỹ thuật sơ bộ, thoạt đọc có vẻ phần nào khó hiểu và phức tạp, nhưng khi được tham thiền và nghiên cứu, cuối cùng có thể chứng tỏ là soi sáng và có tính chất làm sáng tỏ; đồng thời, khi thể trí đã làm quen với một số chi tiết, chúng có thể được xem như cung cấp một giả thuyết hợp lý liên quan đến bản chất và nguồn gốc của năng lượng. Ở nơi khác, trong một quyển sách trước đây, chúng tôi đã phần nào đề cập đến vấn đề này, nhưng chúng tôi muốn tóm lược lại và khi làm như vậy sẽ mở rộng thêm, nhờ đó đặt ra một nền tảng rộng lớn để nội dung chủ đề có thể được xây dựng lên, đồng thời cung cấp một đại cương tổng quát nhằm cho thấy các giới hạn của cuộc bàn luận của chúng tôi.

Let us, therefore, look at the subject macrocosmically and then trace the

Vì vậy, trước hết chúng ta hãy xem xét chủ đề theo phương diện đại thiên địa rồi truy

correspondence in the microcosm, or human being.

tìm sự tương ứng trong tiểu thiên địa, hay con người.

I. FIRE IN THE MACROCOSM — I. LỬA TRONG ĐẠI THIÊN ĐỊA

In its essential nature Fire is threefold, but when in manifestation it can be seen as a fivefold demonstration, and be defined as follows: [Page 38]

Trong bản chất cốt yếu của nó, Lửa là tam phân, nhưng khi ở trong biểu hiện, nó có thể được thấy như một biểu lộ ngũ phân, và được định nghĩa như sau: [Page 38]

1. *Fire by friction*, or internal vitalising fire. These fires animate and vitalise the objective solar system. They are the sumtotal of logoic kundalini, when in full systemic activity.

1. *Lửa ma sát*, hay lửa tiếp sinh lực nội tại. Những ngọn lửa này làm linh hoạt và tiếp sinh lực cho hệ mặt trời khách quan. Chúng là tổng thể kundalini Thượng đế, khi hoạt động trọn vẹn trong hệ mặt trời.

2. *Solar Fire*, or cosmic mental fire. This is that portion of the cosmic mental plane which goes to the animation of the mental body of the Logos. This fire may be regarded as the sumtotal of the sparks of mind, the fires of the mental bodies and the animating principle of the evolving units of the human race in the three worlds.

2. *Lửa Thái dương*, hay lửa trí tuệ vũ trụ. Đây là phần của cõi trí vũ trụ dùng để làm linh hoạt thể trí của Logos. Lửa này có thể được xem như tổng thể của các tia lửa trí tuệ, các ngọn lửa của các thể trí và nguyên khí làm linh hoạt của các đơn vị đang tiến hóa của nhân loại trong ba cõi thấp.

3. *Electric Fire*, or the logoic Flame Divine. This flame is the distinguishing mark of our Logos, and it is that which differentiates Him from all other Logoi; it is His dominant characteristic, and the sign of His place in cosmic evolution.

3. *Lửa Điện*, hay Ngọn Lửa Thiêng Thượng đế. Ngọn lửa này là dấu hiệu phân biệt của Logos của chúng ta, và chính nó phân biệt Ngài với tất cả các Logoi khác; đó là đặc tính trội vượt của Ngài, và là dấu hiệu về vị trí của Ngài trong tiến hóa vũ trụ.

This threefold fire may be expressed in ray terms as follows:

Lửa tam phân này có thể được diễn tả theo các thuật ngữ cung như sau:

First, we have the animating fires of the solar system, which are the fires of the primordial ray of active intelligent matter; these constitute the energy of Brahma, the third aspect of the Logos. Next are to be found the fires of the divine Ray of Love-Wisdom, the ray of intelligent love, which constitutes the energy of the Vishnu aspect,

Trước hết, chúng ta có các ngọn lửa làm linh hoạt của hệ mặt trời, là những ngọn lửa của cung nguyên sơ của vật chất hoạt động thông tuệ; chúng cấu thành năng lượng của Brahma, phương diện thứ ba của Logos. Kế đến là các ngọn lửa của Cung thiêng liêng Bác Ái – Minh Triết, cung của bác ái thông tuệ, cấu thành năng lượng của phương diện

the second aspect logoic. (4) Finally are to be found [Page 39] the fires of the cosmic mental plane, which are the fires of the cosmic ray of will. They might be described as the rays of intelligent will and are the manifestation of the first aspect logoic, the Mahadeva aspect.(5) Therefore we have three cosmic rays manifesting:

Vishnu, phương diện Thượng đế thứ hai. (4)Sau cùng là [Page 39] các ngọn lửa của cõi trí vũ trụ, là những ngọn lửa của cung vũ trụ của ý chí. Chúng có thể được mô tả như các cung của ý chí thông tuệ và là biểu hiện của phương diện Thượng đế thứ nhất, phương diện Mahadeva.(5) Vì vậy chúng ta có ba cung vũ trụ đang biểu hiện:

(4) “That whereinto all enter, vishanti, is Vishnu; he who covers up, envelopes, surrounds, undertakes all, is Brahma; he who sleeps, shete, in everything, is Shiva. Shiva sleeps, lies hidden, in all and everything as the nexus, the bond, and this is the nature of desire. Vrinite signifies the envelopment, the covering with an envelope, the demarcation of the limiting bounds or the periphery, and so the formation or creation (of all forms); and this is action presided over by Brahma. Vishanti sarvani indicates that all things enter into It and It into all, and such is the Self, connected with cognition and Vishnu. The summation or totality of these is Maha-Vishnu.

(4) “Cái mà mọi sự đi vào, vishanti, là Vishnu; đấng che phủ, bao bọc, vây quanh, đảm nhận mọi sự, là Brahma; đấng ngủ, shete, trong mọi sự, là Shiva. Shiva ngủ, ẩn tàng, trong mọi sự và mọi vật như mối nối, mối ràng buộc, và đó là bản chất của dục vọng. Vrinite có nghĩa là sự bao bọc, sự phủ bằng một lớp vỏ, sự phân định các giới hạn hay chu vi, và như vậy là sự hình thành hay sáng tạo (của mọi hình tướng); và đây là hành động do Brahma chủ trì. Vishanti sarvani chỉ rằng mọi sự đi vào Nó và Nó đi vào mọi sự, và đó là Bản Ngã, liên kết với nhận thức và Vishnu. Sự tổng hợp hay toàn thể của những điều này là Maha-Vishnu.

“Maha-Vishnu, ‘the overlord of all this world-system, is described as the Ishvara, white-coloured, four-armed, adorned with the conch, the discus, the mace, the lotus, the forest-wreath, and the kanstubha-gem, shining, vestured in blue and yellow, endless and imperishable in form, attributeless, yet ensouling and underlying all attributes. Here, the epithet Ishvara indicates the rule; the four arms, the four activities of cognition, etc.; the white resplendence is the illumination of all things; the shankha, conch or shell, indicates all sound, and the chakra, wheel or discus, all time, there being a connexion between the two; gada, the (whirling) mace, is the spiral method of the procession of the world and the lotus-flower

“Maha-Vishnu, ‘vị chúa tể tối cao của toàn bộ hệ thống thế giới này, được mô tả là Ishvara, màu trắng, bốn tay, được trang sức bằng vỏ ốc, đĩa, chùy, hoa sen, vòng hoa rừng, và ngọc kanstubha, sáng chói, mặc y phục xanh và vàng, vô tận và bất hoại trong hình tướng, vô thuộc tính, nhưng phú linh và làm nền cho mọi thuộc tính. Ở đây, danh xưng Ishvara chỉ quyền cai quản; bốn cánh tay, bốn hoạt động của nhận thức, v.v.; sự rực sáng trắng là sự soi sáng của mọi sự; shankha, vỏ ốc hay vỏ sò, chỉ mọi âm thanh, và chakra, bánh xe hay đĩa, chỉ mọi thời gian, vì có một mối liên hệ giữa hai điều ấy; gada, cây chùy (xoay tròn), là phương pháp xoắn ốc của tiến trình thế giới và hoa sen là toàn bộ tiến trình ấy; vana-mala, vòng hoa rừng,

is the whole of that procession; the vana-mala, the wreath of forest flowers, indicates the stringing together of all things into unity and necessity; the nila-pit-ambara, blue and yellow vestures, are darkness and light; the kaustubha jewel indicates inseparable connexion with all; Nirguna, attributeless, shows the presence of the nature of Negation; while saguna, attributeful, implies possession of name and form. The World-process (as embodied in our world-system) is the result of the ideation of Maha-Vishnu."—*Pranava-Vada*, pp. 72-74, 94-95. (back)

chỉ sự kết chuỗi mọi sự thành hợp nhất và tất yếu; y phục nila-pit-ambara, xanh và vàng, là bóng tối và ánh sáng; ngọc kaustubha chỉ mối liên hệ bất khả phân với mọi sự; Nirguna, vô thuộc tính, cho thấy sự hiện diện của bản chất Phủ định; trong khi saguna, hữu thuộc tính, hàm ý sự sở hữu danh và sắc. Tiến trình Thế giới (như được thể hiện trong hệ thống thế giới của chúng ta) là kết quả của ý niệm hóa của Maha-Vishnu."—*Pranava-Vada*, tr. 72-74, 94-95. (trở lại)

(5) Mahadeva is literally "great Deva." The term is frequently applied to the first Person of the manifested Trinity, to Shiva, the Destroyer aspect, the Creator. (back)

(5) Mahadeva theo nghĩa đen là "thiên thần vĩ đại." Thuật ngữ này thường được áp dụng cho Ngôi thứ nhất của Tam Vị biểu hiện, cho Shiva, phương diện Hủy Diệt, Đấng Sáng Tạo. (trở lại)

The Ray of intelligent activity. This is a ray of a very demonstrable glory, and of a higher point of development than the other two, being the product of an earlier mahakalpa, or a previous solar system. (6) It embodies [Page 40] the basic vibration of this solar system, and is its great internal fire, animating and vitalising the whole, and penetrating from the centre to the periphery. It is the cause of *rotary* motion, and therefore of the spheroidal form of all that exists.

Cung của hoạt động thông tuệ. Đây là một cung có vinh quang rất hiển nhiên, và ở một điểm phát triển cao hơn hai cung kia, vì là sản phẩm của một mahakalpa sớm hơn, hay một hệ mặt trời trước đây. (6) Nó thể hiện [Page 40] rung động căn bản của hệ mặt trời này, và là lửa nội tại lớn lao của nó, làm linh hoạt và tiếp sinh lực cho toàn thể, đồng thời xuyên thấu từ trung tâm đến chu vi. Nó là nguyên nhân của chuyển động *xoay tròn*, và do đó của hình cầu của mọi cái đang hiện hữu.

(6) "One day out of this long life of Brahma is called Kalpa; and a Kalpa is that portion of time which intervenes between one conjunction of all the planets on the horizon of Lanka, at the first point of Aries, and a subsequent similar conjunction. A Kalpa embraces the reign of fourteen Manus, and their sandhies (intervals); each Manu lying between two sandhies. Every Manu's rule contains seventy-one Maha Yugas,—each

(6) "Một ngày trong cuộc đời dài lâu này của Brahma được gọi là Kalpa; và một Kalpa là khoảng thời gian xen giữa một lần đồng vị của tất cả các hành tinh trên chân trời Lanka, tại điểm đầu tiên của Bạch Dương, và một lần đồng vị tương tự về sau. Một Kalpa bao gồm triều đại của mười bốn Manu, và các sandhi của các ngài (các khoảng gián đoạn); mỗi Manu nằm giữa hai sandhi. Sự cai quản của mỗi Manu gồm bảy mươi mốt Maha

Maha Yuga consists of four Yugas, viz., Krita, Treta, Dwapara, and Kali; and the length of each of these four Yugas is respectively as the numbers, 4, 3, 2 and 1.

Yuga,—mỗi Maha Yuga gồm bốn Yuga, tức Krita, Treta, Dwapara, và Kali; và độ dài của mỗi Yuga trong bốn Yuga này lần lượt theo các số 4, 3, 2 và 1.

The number of sidereal years embraced in the foregoing different periods are as follows:

Số năm tinh tú bao gồm trong các thời kỳ khác nhau nói trên như sau:

	Mortal years
360 days of mortals make a year	1
Krita Yuga contains	1,728,000
Treta Yuga contains	1,296,000
Dwapara Yuga contains	864,000
Kali Yuga contains	432,000
The total of the said four Yugas constitute a Maha Yuga	4,320,000
Seventy-one of such Maha Yugas form the period	
of the reign of one Manu	306,720,000
The reign of 14 Manus embraces the duration of 994	
Maha Yugas, which is equal to	4,294,080,000
Add Sandhis, i.e., intervals between the reign of each	
Manu, which amount to 6 Maha Yugas, equal to	25,920,000

The total of these reigns and interregnums of 14

Manus, is 1,000 Maha Yugas, which constitute

a Kalpa, i.e., one day of Brahma, equal to 4,320,000,000

As Brahma's night is of equal duration,

one day and night of Brahma will contain 8,640,000,000

360 of such days and nights make one year

of Brahma, equal to 3,110,400,000.000

100 of such years constitute the whole period

of Brahma's age, i.e., Maha Kalpa 311,040,000,000,000

That these figures are not fanciful, but are founded upon astronomical facts, has been demonstrated by Mr. Davis, in an essay in the Asiatic Researches; and this receives further corroboration from the geological investigations and calculations made by Dr. Hunt, formerly President of the Anthropological Society, and also in some respects from the researches made by Professor Huxley.

Rằng các con số này không phải là tưởng tượng, mà dựa trên các sự kiện thiên văn, đã được ông Davis chứng minh trong một tiểu luận đăng trong Asiatic Researches; và điều này còn được xác nhận thêm bởi các khảo cứu và tính toán địa chất của Tiến sĩ Hunt, nguyên Chủ tịch Hội Nhân chủng học, và cũng phần nào bởi các nghiên cứu của Giáo sư Huxley.

Great as the period of the Maha Kalpa seems to be, we are assured that *thousands and thousands of millions of such Maha Kalpas have passed, and as many more are yet to come.* (Vide Brahma-Vaivarta and Bhavishyre Puranas; and Linga Purana, ch. 171, verse 107, &c.) and this in plain language means that the Time past is infinite and the Time to

Dù thời kỳ của Maha Kalpa có vẻ lớn lao đến đâu, chúng ta vẫn được bảo đảm rằng *hàng ngàn và hàng ngàn triệu Maha Kalpa như thế đã trôi qua, và cũng còn bấy nhiêu nữa sẽ đến.* (Xem Brahma-Vaivarta và Bhavishyre Purana; và Linga Purana, ch. 171, câu 107, v.v.) và điều này, nói một cách đơn giản, có nghĩa là Thời gian đã qua là vô hạn và Thời

come is equally infinite. The Universe is formed, dissolved, and reproduced, in an indeterminate succession (*Bhagavata-gita*, VIII, 19)."—*The Theosophist*, Vol. VII, p. 115.5. (back)

gian sắp đến cũng vô hạn như vậy. Vũ trụ được hình thành, tan rã, và tái tạo, trong một chuỗi tiếp nối bất định (*Bhagavata-gita*, VIII, 19)."—*The Theosophist*, Tập VII, tr. 115.5. (trở lại)

The Ray of intelligent love. This is the ray which embodies the highest vibration of which our solar Logos or Deity is capable in this present solar system. It is not yet vibrating adequately nor has it yet attained the peak of its activity. It is the basis of the cyclic spiral movement of the body logoic, and just as the Law of Economy is the law governing the internal fires of the system so the cosmic Law of Attraction and Repulsion is the basic law of this divine Ray.

Cung của bác ái thông tuệ. Đây là cung thể hiện rung động cao nhất mà Thái dương Thượng đế hay Thượng đế của chúng ta có khả năng đạt được trong hệ mặt trời hiện tại này. Nó vẫn chưa rung động đầy đủ, cũng chưa đạt đến đỉnh cao hoạt động của nó. Nó là nền tảng của chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ của thể Thượng đế, và cũng như Định luật Tiết Kiệm là định luật chi phối các lửa nội tại của hệ mặt trời, thì Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi vũ trụ là định luật căn bản của Cung thiêng liêng này.

The Ray of intelligent will. Little as yet can be said about this ray. It is the ray of cosmic mind and in its evolution parallels that of cosmic love, but as yet its vibration is slower and its development more retarded. This is definitely and deliberately so, and is due to the underlying purpose and choice of the solar Logos, Who seeks on His high level (just as do His reflections, the sons of men) to achieve a more rounded out development, [Page 41] and He therefore concentrates on the development of cosmic love in this greater cycle.

Cung của ý chí thông tuệ. Hiện nay còn rất ít điều có thể được nói về cung này. Đây là cung của trí tuệ vũ trụ và trong tiến hóa của nó song hành với tiến hóa của bác ái vũ trụ, nhưng hiện nay rung động của nó còn chậm hơn và sự phát triển của nó còn bị trì hoãn hơn. Điều này rõ ràng và có chủ ý là như vậy, và là do mục đích nền tảng cùng sự lựa chọn của Thái dương Thượng đế, Đấng tìm cách trên cấp độ cao của Ngài (cũng như các phản chiếu của Ngài, những người con của nhân loại, đang làm) đạt được một sự phát triển viên mãn hơn, [Page 41] và vì vậy Ngài tập trung vào sự phát triển của bác ái vũ trụ trong chu kỳ lớn hơn này.

This ray is governed by the Law of Synthesis, and is the basis of the systemic movement which may be best described as that of *driving forward through space*, or forward progression. Little can be predicated anent this ray and its expression. It controls the movements of the entire ring-pass-not in connection with its cosmic centre. (7)

Cung này được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp, và là nền tảng của chuyển động của hệ mặt trời có thể được mô tả đúng nhất như là sự *lao tới xuyên qua không gian*, hay sự tiến triển về phía trước. Còn rất ít điều có thể được khẳng định liên quan đến cung này và biểu hiện của nó. Nó kiểm soát các chuyển động của toàn bộ vòng-giới-hạn trong mối liên hệ với trung tâm vũ trụ của nó. (7)

(7) The term “ring-pass-not” is used in occult literature to denote the periphery of the sphere of influence of any central life force, and is applied equally to all atoms, from the atom of matter as dealt with by the physicist or chemist through the human and planetary atoms up to the great atom of a solar system. The ring-pass-not of the average human being is the spheroidal form of his mental body which extends considerably beyond the physical and enables him to function on the lower levels of the mental plane. (back)

(7) Thuật ngữ “vòng-giới-hạn” được dùng trong văn liệu huyền bí học để chỉ chu vi của khối cầu ảnh hưởng của bất kỳ mãnh lực sự sống trung tâm nào, và được áp dụng đồng đều cho mọi nguyên tử, từ nguyên tử vật chất như nhà vật lý hay nhà hoá học đề cập đến, xuyên qua các nguyên tử nhân loại và hành tinh, cho đến nguyên tử vĩ đại của một hệ mặt trời. Vòng-giới-hạn của con người trung bình là hình cầu noãn của thể trí của y, mở rộng khá xa vượt ra ngoài thể xác và giúp y hoạt động trên các cấp thấp của cõi trí. (back)

The tabulation on page 42 may make the above ideas somewhat clearer.

Bảng liệt kê ở trang 42 có thể làm cho các ý tưởng trên phần nào rõ ràng hơn.

These three expressions of the divine Life may be regarded as expressing the triple mode of manifestation. First, the objective or tangible universe; second, the subjective worlds or form; and thirdly, the spiritual aspect which is to be found at the heart of all. (8) The internal fires that animate and vitalise shew themselves in a twofold manner: [Page 42]

Ba biểu hiện này của Sự sống thiêng liêng có thể được xem như biểu lộ phương thức biểu hiện tam phân. Thứ nhất, vũ trụ khách quan hay hữu hình; thứ hai, các thế giới chủ quan hay hình tướng; và thứ ba, phương diện tinh thần được tìm thấy nơi trung tâm của tất cả. (8) Các lửa nội tại làm sinh động và tiếp sinh lực biểu lộ theo cách nhị phân: [Page 42]

(8) 1. The Primordial is the Ray and the direct emanation of the Sacred Four. S. D, I, 115, 116.

(8) 1. Cái Nguyên Sơ là cung và là sự phát xạ trực tiếp của Bộ Bốn Thiêng Liêng. S. D, I, 115, 116.

The Sacred Four are:

Bộ Bốn Thiêng Liêng là:

Unity	Hợp nhất
a. Father... Mahadeva...1st Logos... Will... Spirit.	a. Cha... Mahadeva... Logos 1... Ý chí... Tinh thần.
Duality	Nhị nguyên tính

b. Son... Vishnu...2nd Logos... Love-Wisdom.

b. Con... Vishnu... Logos 2... Bác Ái – Minh Triết.

Trinity

Ba Ngôi

c. Mother... Brahma... 3rd Logos... Intelligent activity.

c. Mẹ... Brahma... Logos 3... Hoạt động thông tuệ.

Sacred Four

Bộ Bốn Thiêng Liêng

d. The united manifestation of the three—Macrocosm.

d. Biểu hiện hợp nhất của ba Đấng—Đại thiên địa.

2. The manifested Quaternary and the seven Builders proceed from the Mother.—S. D., I, 402.

2. Bộ Bốn biểu hiện và bảy đấng kiến tạo phát xuất từ Mẹ.—S. D., I, 402.

a. The seven Builders are the Manasaputras, the Mind-born sons of Brahma, the third aspect. S. D., III, 540.

a. Bảy đấng kiến tạo là các Manasaputras, các con sinh ra từ Trí của Brahma, phương diện thứ ba. S. D., III, 540.

b. They come into manifestation to develop the second aspect.

b. Các Ngài đi vào biểu hiện để phát triển phương diện thứ hai.

S. D., I., 108.

S. D., I., 108.

c. Their method is objectivity.

c. Phương pháp của Các Ngài là tính khách quan.

3. The re-awakened Energies sprang into space.

3. Các Năng Lượng được đánh thức trở lại phóng vào không gian.

a. They are the veiled synthesis. S. D., I, 362

a. Chúng là tổng hợp được che giấu. S. D., I, 362

b. They are the totality of manifestation. S. D., I, 470

b. Chúng là toàn thể biểu hiện. S. D., I, 470

c. They are pre-cosmic. S. D., I, 152, 470. (back)

c. Chúng là tiền vũ trụ. S. D., I, 152, 470. (back)

TABULATION I.

BẢNG LIỆT KÊ I.

	Fire	*Ray*	*Aspect*	*Expression*	*Law*	*Quality*
1.	Internal	Primordial	Intelligent Activity	Rotary motion	Economy	Fire by friction
2.	Of Mind	Love	Intelligent Love	Spiral Cyclic motion	Attraction	Solar Fire.
3.	Divine Flame	Will	Intelligent Will.	Forward Progression	Synthesis	Electric Fire.

[Page 43] First as *latent heat*. This is the basis of rotary motion and the cause of the spheroidal coherent manifestation of all existence, from the logoic atom, the solar ring-pass-not, down to the minutest atom of the chemist or physicist.

Second, as *active heat*. This results in the activity and the driving forward of material evolution. On the highest plane the combination of these three factors (active heat, latent heat and the primordial substance which they animate) is known as the 'sea of fire,' of which akasha is the first differentiation of pregenetic matter. Akasha, in manifestation, expresses itself as Fohat, or divine Energy, and Fohat on the different planes is known as aether, air, fire, water, electricity, ether, prana and similar terms. (9),(10), (11) It is the sumtotal [Page 44] of that which is active, animated, or vitalized, and of all that concerns itself with the adaptation of the form to the needs of the inner flame of life.

[Page 43] Thứ nhất như nhiệt *tiềm ẩn*. Đây là nền tảng của chuyển động quay và là nguyên nhân của biểu hiện hình cầu kết hợp của mọi hiện hữu, từ nguyên tử của Thượng đế, vòng-giới-hạn mặt trời, xuống đến nguyên tử nhỏ nhất của nhà hoá học hay nhà vật lý.

Thứ hai, như *nhiệt hoạt động*. Điều này dẫn đến hoạt động và sự thúc đẩy tiến lên của tiến hoá vật chất. Trên cõi cao nhất, sự kết hợp của ba yếu tố này (nhiệt hoạt động, nhiệt tiềm ẩn và chất liệu nguyên sơ mà chúng làm sinh động) được gọi là "biển lửa", trong đó akasha là sự biến phân đầu tiên của vật chất tiền sinh thành. Akasha, trong biểu hiện, tự biểu lộ như Fohat, hay Năng lượng thiêng liêng, và Fohat trên các cõi khác nhau được biết đến như aether, không khí, lửa, nước, điện, dĩ thái, prana và các thuật ngữ tương tự. (9), (10), (11) Nó là tổng thể [Page 44] của tất cả những gì hoạt động, được làm sinh động, hay được tiếp sinh lực, và của mọi điều liên quan đến việc thích ứng hình tướng với các nhu cầu của ngọn lửa sự sống bên trong.

(9) Akasha. Definition S. D., II, 538

It is the synthesis of ether S. D., I, 353, 354

It is the essence of ether S. D., I, 366

It is primordial ether S. D., I, 585

(9) Akasha. Định nghĩa S. D., II, 538

Nó là tổng hợp của dĩ thái S. D., I, 353, 354

Nó là tinh túy của dĩ thái S. D., I, 366

Nó là dĩ thái nguyên sơ S. D., I, 585

(10) H. P. B., defines the Akasha in the following terms: S. D., II, 538. "Akasha the astral Light can be defined in a few words: It is the Universal soul, the Matrix of the Universe, the Mysterium Magicum from which all that exists is born by separation or differentiation. In the various occult books it is called by different terms and it would be of value perhaps if we enumerate some of them here: There is one universal element with its differentiations.

(10) H. P. B. định nghĩa Akasha theo các thuật ngữ sau đây: S. D., II, 538. "Akasha, Ánh sáng cảm dục, có thể được định nghĩa bằng vài lời: Nó là đại hồn Vũ trụ, Mẫu thể của Vũ trụ, Mysterium Magicum mà từ đó mọi cái hiện hữu được sinh ra bằng sự phân ly hay biến phân. Trong các sách huyền bí học khác nhau, nó được gọi bằng những thuật ngữ khác nhau, và có lẽ sẽ hữu ích nếu chúng ta liệt kê một số thuật ngữ ấy ở đây: Có một nguyên tố vũ trụ duy nhất với các biến phân của nó.

	Homogeneous		*Differentiated.*
1.	Undifferentiated cosmic substance	1.	Astral Light.
2.	Primordial ether	2.	Sea of fire.
3.	Primordial electric entity	3.	Electricity.
4.	Akasha	4.	Prakriti.
5.	Super-astral light	5.	Atomic matter.
6.	Fiery serpent	6.	The serpent of evil.
7.	Mulaprakriti	7.	

			Ether, with its four divisions, air, fire, water, earth. “
8.	Pregenetic matter.		

(back)

(11) Fohat is divine thought or energy (Shakti) as manifested on any plane of the cosmos. It is the interplay between Spirit and matter. The seven differentiations of Fohat are:

(back)

(11) Fohat là tư tưởng hay năng lượng thiêng liêng (Shakti) như được biểu lộ trên bất kỳ cõi nào của vũ trụ. Nó là sự tương tác giữa tinh thần và vật chất. Bảy biến phân của Fohat là:

1.	The Plane of divine life	Adi	Sea of fire.
2.	The Plane of monadic life	Anupadaka	Akasha.
3.	The Plane of Spirit	Atma	Aether.
4.	The Plane of the intuition	Buddhi	Air.
5.	The Plane of mind	Mental	Fire.
6.	The Plane of desire	Astral	Astral Light.
7.	The Plane of density	Physical	Ether.

—S. D. I, 105, 134, 135, 136. (back)

It might here be useful to point out that *magnetism* is the effect of the divine ray in manifestation in the same sense that electricity is the manifested effect of the primordial ray of active intelligence. It would be well to ponder on this for it holds hid a mystery.

—S. D. I, 105, 134, 135, 136. (back)

Ở đây có lẽ hữu ích khi chỉ ra rằng *từ điện* là hiệu quả của cung thiêng liêng trong biểu hiện cũng theo cùng ý nghĩa như điện là hiệu quả biểu hiện của cung nguyên sơ của thông tuệ hoạt động. Sẽ là điều tốt nếu suy ngẫm về điều này vì trong đó ẩn giấu một huyền nhiệm.

The fires of the mental plane also demonstrate in a twofold manner:

Các lửa của cõi trí cũng biểu lộ theo cách nhị phân:

First, as the *Fire of Mind*, the basis of all expression and in one peculiar occult sense the sumtotal of existence. It provides the relation between the life and the form, between spirit and matter, and is the basis of consciousness itself.

Thứ nhất, như *Lửa của Trí Tuệ*, nền tảng của mọi biểu lộ và theo một ý nghĩa huyền bí đặc biệt là tổng thể của hiện hữu. Nó cung cấp mối liên hệ giữa sự sống và hình tướng, giữa tinh thần và vật chất, và là nền tảng của chính tâm thức.

Second, as the *Elementals of Fire*, or the sumtotal of the active expression of thought, showing itself through the medium of those entities who, in their very essence, are fire itself.

Thứ hai, như *các hành khí của lửa*, hay tổng thể của biểu lộ hoạt động của tư tưởng, tự cho thấy qua trung gian của những thực thể mà trong chính bản chất của chúng là lửa.

These dualities of expression make the four necessary factors in the logoic quaternary, (12) or the lower nature of the Logos viewing His manifestation from one esoteric angle; exoterically, they are the sumtotal of the logoic quaternary, plus the logoic fifth principle, cosmic mind.

Các nhị nguyên tính biểu lộ này tạo nên bốn yếu tố cần thiết trong bộ bốn của Thượng đế, (12) hay bản chất thấp của Logos khi nhìn biểu hiện của Ngài từ một góc độ huyền bí; theo ngoại môn, chúng là tổng thể của bộ bốn của Thượng đế, cộng với nguyên khí thứ năm của Thượng đế, trí tuệ vũ trụ.

(12) The quaternary is composed of the four lower principles and the sheaths through which they manifest as a coherent unit, being held together during manifestation by the life force of the indwelling entity. (back)

(12) Bộ bốn được cấu thành bởi bốn nguyên khí thấp và các vỏ bọc qua đó chúng biểu lộ như một đơn vị kết hợp, được giữ lại với nhau trong thời kỳ biểu hiện bởi mãnh lực sự sống của thực thể nội tại. (back)

The divine spark does not as yet manifest (as do the other two fires) as a duality, though what lies hidden in a later cycle, evolution alone will disclose. This third fire, along with the other two, make the necessary five of logoic evolutionary development and by its perfected merging with the other two fires as the evolutionary process proceeds is seen the goal of logoic attainment for this greater cycle or period of this solar system.

Tia lửa thiêng liêng chưa biểu lộ (như hai lửa kia) thành một nhị nguyên tính, dù điều gì ẩn giấu trong một chu kỳ sau này thì chỉ có tiến hoá mới tiết lộ. Lửa thứ ba này, cùng với hai lửa kia, tạo nên bộ năm cần thiết của sự phát triển tiến hoá của Thượng đế, và qua sự hoà nhập hoàn hảo của nó với hai lửa kia khi tiến trình tiến hoá tiếp diễn, mục tiêu thành tựu của Thượng đế cho chu kỳ lớn hơn này hay thời kỳ này của hệ mặt trời được thấy rõ.

[Page 45] When the primordial ray of intelligent activity, the divine ray of

[Page 45] Khi cung nguyên sơ của hoạt động thông tuệ, cung thiêng liêng của bác ái

intelligent love, and the third cosmic ray of intelligent will meet, blend, merge, and blaze forth, the Logos will take His fifth initiation, thus completing one of His cycles. When the rotary, the forward, and the spiral cyclic movements are working in perfect synthesis then the desired vibration will have been reached. When the three Laws of Economy, of Attraction, and of Synthesis work with perfect adjustment to each other, then nature will perfectly display the needed functioning, and the correct adaptation of the material form to the indwelling spirit, of matter to life, and of consciousness to its vehicle.

thông tuệ, và cung vũ trụ thứ ba của ý chí thông tuệ gặp nhau, hòa trộn, hợp nhất và bùng cháy rực lên, Logos sẽ nhận lần điểm đạo thứ năm của Ngài, nhờ đó hoàn tất một trong các chu kỳ của Ngài. Khi các chuyển động quay, tiến tới và xoắn ốc tuần hoàn hoạt động trong sự tổng hợp hoàn hảo, thì rung động mong muốn sẽ đạt được. Khi ba Định luật Tiết Kiệm, Hấp Dẫn và Tổng Hợp hoạt động trong sự điều chỉnh hoàn hảo với nhau, thì tự nhiên sẽ biểu lộ một cách hoàn hảo sự vận hành cần thiết, và sự thích ứng đúng đắn của hình tướng vật chất với tinh thần nội tại, của vật chất với sự sống, và của tâm thức với vận cụ của nó.

II. FIRE IN THE MICROCOSM — II. LỬA TRONG TIỂU THIÊN ĐỊA

Let us briefly consider therefore the correspondence between the greater whole and the unit man and then block out our subject in detail and consider the sections into which it will be wise to divide it.

Vì vậy, chúng ta hãy ngắn gọn xem xét sự tương ứng giữa toàn thể lớn lao hơn và đơn vị con người, rồi phác thảo chủ đề của chúng ta một cách chi tiết và xem xét cách phân chia chủ đề thành các phần cho hợp lý.

Fire in the Microcosm is likewise threefold in essence and fivefold in manifestation.

Lửa trong Tiểu thiên địa cũng tam phân trong bản chất và ngũ phân trong biểu hiện.

1. There is *Internal Vitalising Fire*, which is the correspondence to fire by friction. This is the sumtotal of individual kundalini; it animates the corporeal frame and demonstrates also in the twofold manner:

1. Có *Lửa Tiếp Sinh Lực Nội Tại*, là sự tương ứng với lửa ma sát. Đây là tổng thể của kundalini cá nhân; nó làm sinh động khung thể xác và cũng biểu lộ theo cách nhị phân:

First, as *latent heat* which is the basis of life of the spheroidal cell, or atom, and of its rotary adjustment to all other cells.

Thứ nhất, như *nhiệt tiềm ẩn* là nền tảng của sự sống của tế bào hay nguyên tử hình cầu, và của sự điều chỉnh quay của nó với mọi tế bào khác.

Second, as *active heat* or prana; this animates all, and is the driving force of the evolving form. It shows itself in the four ethers and in the gaseous state, and a correspondence is here found on the

Thứ hai, như *nhiệt hoạt động* hay prana; điều này làm sinh động tất cả, và là động lực của hình tướng đang tiến hoá. Nó tự biểu lộ trong bốn dĩ thái và trong trạng thái khí, và ở đây tìm thấy một sự tương ứng trên cõi

physical plane in connection with man to the Akasha and its fivefold manifestation on the plane of the solar system.

hồng trần liên quan đến con người với Akasha và biểu hiện ngũ phân của nó trên cõi của hệ mặt trời.

This fire is the basic vibration of the little system in which the monad or human spirit is the logos, and it [Page 46] holds the personality or lower material man in objective manifestation thus permitting the spiritual unit to contact the plane of densest matter. It has its correspondence in the ray of intelligent activity and is controlled by the Law of Economy in one of its subdivisions, the Law of Adaptation in Time.

Lửa này là rung động căn bản của tiểu hệ trong đó chân thần hay tinh thần con người là logos, và nó [Page 46] giữ phàm ngã hay phàm nhân vật chất thấp trong biểu hiện khách quan, nhờ đó cho phép đơn vị tinh thần tiếp xúc với cõi vật chất đậm đặc nhất. Nó có sự tương ứng trong cung của hoạt động thông tuệ và được kiểm soát bởi Định luật Tiết Kiệm trong một trong các phân bộ của nó, Định luật Thích Ứng trong Thời Gian.

2. There is next the *Fire or Spark of Mind* which is the correspondence in man to solar fire. This constitutes the thinking self-conscious unit or the soul. This fire of mind is governed by the Law of Attraction as is its greater correspondence. Later we can enlarge on this. It is this spark of mind in man, manifesting as spiral cyclic activity, which leads to expansion and to his eventual return to the centre of his system, the Monad—the origin and goal for the reincarnating Jiva or human being. As in the macrocosm this fire also manifests in a twofold manner.

2. Kế đến là *Lửa hay Tia Lửa của Trí Tuệ* là sự tương ứng nơi con người với lửa thái dương. Điều này cấu thành đơn vị tư duy có ngã thức hay linh hồn. Lửa của trí tuệ này được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn cũng như sự tương ứng lớn hơn của nó. Sau này chúng ta có thể khai triển thêm về điều này. Chính tia lửa của trí tuệ này nơi con người, biểu lộ như hoạt động xoắn ốc tuần hoàn, dẫn đến sự mở rộng và đến sự trở về sau cùng của y với trung tâm của hệ thống của y, Chân thần—nguồn gốc và mục tiêu của Jiva hay con người tái sinh. Cũng như trong đại thiên địa, lửa này cũng biểu lộ theo cách nhị phân.

It shows as that intelligent will which links the Monad or spirit with its lowest point of contact, the personality, functioning through a physical vehicle.

Nó biểu lộ như ý chí thông tuệ liên kết Chân thần hay tinh thần với điểm tiếp xúc thấp nhất của nó, phàm ngã, đang hoạt động qua một vận cụ hồng trần.

It likewise demonstrates, as yet imperfectly, as the vitalising factor in the thought forms fabricated by the thinker. As yet but few thought forms, comparatively, can be said to be constructed by the center of consciousness, the thinker, the Ego. Few people as yet are in such close touch with their higher self, or Ego, that they can build

Nó cũng biểu lộ, tuy còn bất toàn, như yếu tố tiếp sinh lực trong các hình tư tưởng do người tư duy tạo ra. Hiện nay, tương đối mà nói, chỉ có ít hình tư tưởng có thể được nói là được kiến tạo bởi trung tâm tâm thức, người tư duy, chân ngã. Hiện nay có ít người đạt được sự tiếp xúc gần gũi đến thế với Bản Ngã Cao Siêu, hay Chân ngã, của họ đến mức họ

the matter of the mental plane into a form which can be truly said to be an expression of the thoughts, purpose or desire of their Ego, functioning through the physical brain. Most of the thought forms at present in circulation may be said to be aggregations of matter, built into form with the aid of kama-manas (or of desire faintly tinged with mind producing thus an admixture of astral and mental matter, mostly astral), and largely due to reflex elemental action.

có thể xây dựng chất liệu của cõi trí thành một hình tướng mà thực sự có thể nói là biểu lộ các tư tưởng, mục đích hay ham muốn của chân ngã của họ, đang hoạt động qua bộ não hồng trần. Phần lớn các hình tư tưởng hiện đang lưu hành có thể được nói là những tập hợp chất liệu, được xây dựng thành hình tướng với sự trợ giúp của kama-manas (hay ham muốn được nhuốm nhẹ bởi trí tuệ, do đó tạo ra một hỗn hợp của vật chất cảm dục và trí tuệ, phần lớn là cảm dục), và phần lớn là do hoạt động phản xạ của hành khí.

These dualities of expression are: [Page 47]

Các nhị nguyên tính biểu lộ này là: [Page 47]

1. *Active fire* or prana.

1. *Lửa hoạt động* hay prana.

Latent fire or bodily heat.

Lửa tiềm ẩn hay nhiệt của thể xác.

2. *Mental energy* in the mental body.

2. *Năng lượng trí tuệ* trong thể trí.

Purely mental thought forms, animated by self-engendered fire, or by the fifth principle, and therefore part of the sphere, or system of control, of the Monad.

Các hình tư tưởng thuần túy trí tuệ, được làm sinh động bởi lửa tự phát sinh, hay bởi nguyên khí thứ năm, và do đó là một phần của khối cầu, hay hệ thống kiểm soát, của Chân thần.

These form an esoteric quaternary which with the fifth factor, the divine spark of intelligent will, make the five of monadic manifestation—manifestation in this case connotating a purely *subjective manifestation* which is neither altogether spiritual nor altogether material.

Chúng tạo thành một bộ bốn huyền bí mà cùng với yếu tố thứ năm, tia lửa thiêng liêng của ý chí thông tuệ, làm nên bộ năm của biểu hiện chân thần—biểu hiện trong trường hợp này hàm ý một *biểu hiện chủ quan* không hoàn toàn tinh thần cũng không hoàn toàn vật chất.

3. Finally there is the *Monadic Flame Divine*. This embodies the highest vibration of which the Monad is capable, is governed by the Law of Synthesis, and is the cause of the forward progressive movement of the evolving Jiva.

3. Sau cùng là *Ngọn Lửa Thiêng Liêng Chân Thần*. Điều này thể hiện rung động cao nhất mà Chân thần có khả năng đạt tới, được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp, và là nguyên nhân của chuyển động tiến tới không ngừng của Jiva đang tiến hoá.

We now come, in due course, to the point of merging or to the end of manifestation, and to the consummation (viewing it monadically) of the great cycle or manvantara. What shall we therefore find? Just as in the macrocosm the blending of the three essential fires of the cosmos marked the point of logoic attainment, so, in the blending of the essential fires of the microcosm, do we arrive at the apotheosis of human attainment for this cycle.

Giờ đây, theo tiến trình tự nhiên, chúng ta đi đến điểm hoà nhập hay đến chỗ kết thúc biểu hiện, và đến sự viên mãn (khi nhìn theo chân thần) của đại chu kỳ hay giai kỳ sinh hóa. Vậy chúng ta sẽ thấy gì? Cũng như trong đại thiên địa, sự hòa trộn của ba lửa cốt yếu của vũ trụ đánh dấu điểm thành tựu của Thượng đế, thì trong sự hòa trộn của các lửa cốt yếu của tiểu thiên địa, chúng ta đi đến sự tôn vinh tối hậu của thành tựu nhân loại cho chu kỳ này.

When the latent fire of the personality or lower self blends with the fire of mind, that of the higher self, and finally merges with the Divine Flame, then the man takes the fifth Initiation in this solar system, and has completed one of his greater cycles. (13) When the three blaze forth as one fire, liberation from matter, or from material form is achieved. Matter has been correctly adjusted to spirit, and finally the indwelling life slips forth out of its sheath which forms now only a channel for liberation.

Khi lửa tiềm ẩn của phàm nhân hay phàm ngã hòa trộn với lửa của trí tuệ, tức lửa của chân ngã, và cuối cùng hợp nhất với Ngọn Lửa Thiêng Liêng, thì con người nhận lần điểm đạo thứ năm trong hệ mặt trời này, và đã hoàn tất một trong các đại chu kỳ của y. (13) Khi cả ba bùng cháy như một lửa duy nhất, sự giải thoát khỏi vật chất, hay khỏi hình tướng vật chất, được thành tựu. Vật chất đã được điều chỉnh đúng đắn với tinh thần, và cuối cùng sự sống nội tại trượt ra khỏi vỏ bọc của nó, vỏ bọc giờ đây chỉ còn tạo thành một kênh giải thoát.

(13) These terms, Lower Self, Higher Self, Divine Self, are apt to be confusing until the student apprehends the various synonyms connected with them. The following table may be found helpful:

(13) Các thuật ngữ này, phàm ngã, chân ngã, Bản Ngã Thiêng Liêng, dễ gây lẫn lộn cho đến khi đạo sinh nắm bắt được các từ đồng nghĩa khác nhau liên hệ với chúng. Bảng sau đây có thể hữu ích:

Father	Son	Mother
Spirit	Soul	Body
Life	Consciousness	Form
Monad	Ego	Personality
Divine Self	Higher Self	Lower Self

Spirit	Individuality	Personal Self
The Point	The Triad	The Quaternary
Monad	Solar Angel	Lunar Lords

(back) (back)

III. FIRE IN MANIFESTATION. — III. LỬA TRONG BIỂU HIỆN.

[Page 48] To continue our consideration of the fires which sustain the economy of the visible solar system, and of the visible objective human being, which produce evolutionary development, and which are the bases of all objective efflorescence, it must be noted that they demonstrate as the sumtotal of the vital life of a solar system, of a planet, of the entire constitution of active functioning man upon the physical plane, and of the atom of substance.

[Page 48] Để tiếp tục việc xem xét các lửa duy trì sự vận hành của hệ mặt trời hữu hình, và của con người hữu hình khách quan, tạo ra sự phát triển tiến hoá, và là nền tảng của mọi sự nở rộ khách quan, cần lưu ý rằng chúng biểu lộ như tổng thể của sự sống sinh động của một hệ mặt trời, của một hành tinh, của toàn bộ cấu tạo của con người hoạt động tích cực trên cõi hồng trần, và của nguyên tử chất liệu.

Speaking broadly we would say that the first fire deals entirely with:

Nói một cách khái quát, chúng tôi sẽ nói rằng lửa thứ nhất hoàn toàn liên quan đến:

a. Activity of matter.

a. Hoạt động của vật chất.

b. The rotary motion of matter.

b. Chuyển động quay của vật chất.

c. The development of matter by the means of friction, under the law of Economy. H. P. B. touches on this in the *Secret Doctrine*. (14)

c. Sự phát triển của vật chất bằng phương tiện ma sát, dưới Định luật Tiết Kiệm. H. P. B. có đề cập đến điều này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. (14)

(14) See S. D., I, 169, 562, 567, 569; II, 258, 390, 547, 551, 552. (back)

(14) Xem S. D., I, 169, 562, 567, 569; II, 258, 390, 547, 551, 552. (back)

The *second fire*, that from the cosmic mental plane, deals with:

Lửa thứ hai, lửa từ cõi trí tuệ vũ trụ, liên quan đến:

a. The expression of the evolution of mind or manas.

b. The vitality of the soul.

c. The evolutionary expression of the soul as it shows forth in the form of that elusive something which brings about the synthesis of matter. As the two merge by means of this active energising factor, that which is termed consciousness appears. (15) As [Page 49] the merging proceeds and the fires become more and more synthesised, that totality of manifestation which we regard as a conscious existence becomes ever more perfected.

a. Sự biểu lộ của tiến hoá của trí tuệ hay manas.

b. Sinh lực của linh hồn.

c. Sự biểu lộ tiến hoá của linh hồn khi nó tự bày tỏ trong hình thức của một cái gì đó khó nắm bắt, mang lại sự tổng hợp của vật chất. Khi cả hai hòa nhập nhờ yếu tố hoạt động tiếp năng lượng này, cái được gọi là tâm thức xuất hiện. (15) Khi [Page 49] sự hòa nhập tiếp diễn và các lửa ngày càng được tổng hợp hoá nhiều hơn, thì toàn thể biểu hiện mà chúng ta xem là một hiện hữu hữu thức trở nên ngày càng hoàn hảo hơn.

(15) In the *Study of Consciousness* Mrs. Besant says (page 37): "Consciousness is the one reality, in the fullest sense of that much-used phrase; it follows from this that any reality found anywhere is drawn from consciousness. Hence, everything which is thought, is. That consciousness in which everything is, everything literally, "possible" as well as "actual"—actual being that which is thought of as existent by a separated consciousness in time and space, and *possible* all that which is not so being thought of at any period in time and any point in space—we call Absolute Consciousness. It is the All, the Eternal, the Infinite, the Changeless. Consciousness, thinking time and space, and of all forms as existing in them in succession and in places, is the Universal Consciousness, the One, called by the Hindu the Saguna Brahman—the Eternal with attributes—the Pratyag-Atma—the Inner Self; by the Parsi, Hormuzd; by the Mussulman, Allah. Consciousness dealing with a definite time, however long or short, with a definite space, however vast or restricted, is individual, that of a concrete Being, a Lord of many

(15) Trong *Nghiên Cứu về Tâm Thức* bà Besant nói (trang 37): "Tâm thức là thực tại duy nhất, theo ý nghĩa đầy đủ nhất của cụm từ được dùng quá nhiều ấy; từ đó suy ra rằng bất kỳ thực tại nào được tìm thấy ở bất cứ đâu đều được rút ra từ tâm thức. Vì vậy, mọi điều được nghĩ tới, đều là. Tâm thức trong đó mọi sự đều hiện hữu, mọi sự theo nghĩa đen, cả "khả hữu" lẫn "hiện thực"—hiện thực là cái được một tâm thức tách biệt trong thời gian và không gian nghĩ là hiện hữu, còn *khả hữu* là tất cả những gì không được nghĩ như thế vào bất kỳ thời kỳ nào trong thời gian và bất kỳ điểm nào trong không gian—chúng ta gọi là Tâm thức Tuyệt đối. Nó là Tất Cả, Vĩnh Cửu, Vô Hạn, Bất Biến. Tâm thức, khi nghĩ về thời gian và không gian, và về mọi hình tướng như hiện hữu trong đó theo trình tự và ở các nơi chốn, là Tâm thức Vũ trụ, Đấng Duy Nhất, được người Hindu gọi là Saguna Brahman—Đấng Vĩnh Cửu với các thuộc tính—Pratyag-Atma—Bản Ngã Bên Trong; người Parsi gọi là Hormuzd; người Hồi giáo gọi là Allah. Tâm thức xử lý một thời gian xác định, dù dài hay ngắn, với một không gian xác định, dù rộng lớn hay hạn hẹp, là tâm thức cá nhân, tức tâm thức của một

universes, or a universe or of any so-called portion of a universe, his portion and to him therefore a universe—these terms varying as to extent with the power of the consciousness; so much of the universal thought as a separate consciousness can completely think, i.e., on which he can impose his own reality, can think of as existing like himself, is his universe." (back)

Hữu thể cụ thể, một Chúa Tể của nhiều vũ trụ, hay của một vũ trụ hoặc của bất kỳ phần nào được gọi là một phần của một vũ trụ, phần của ông và vì thế đối với ông là một vũ trụ—các thuật ngữ này thay đổi về phạm vi theo quyền năng của tâm thức; phần tư tưởng vũ trụ mà một tâm thức tách biệt có thể nghĩ trọn vẹn, nghĩa là cái mà ông có thể áp đặt thực tại riêng của mình lên đó, có thể nghĩ là hiện hữu giống như chính ông, thì đó là vũ trụ của ông." (back)

d. The operation of this fire under the Law of Attraction.

d. Sự vận hành của lửa này dưới Định luật Hấp Dẫn.

e. The subsequent result in the spiral-cyclic movement which we call, within the system, solar evolution, but which (from the standpoint of a cosmos) is the approximation of our system to its central point. This must be considered from the standpoint of time. (16)

e. Kết quả tiếp theo trong chuyển động xoắn ốc tuần hoàn mà chúng ta gọi, trong nội bộ hệ thống, là tiến hoá thái dương, nhưng (từ quan điểm của một vũ trụ) là sự tiến gần của hệ thống chúng ta đến điểm trung tâm của nó. Điều này phải được xem xét từ quan điểm thời gian. (16)

(16) Universal consciousness, manifesting as consciousness in time and space, as Mrs. Besant so ably expresses it, includes all forms of activity and spiral cyclic evolution from the standpoint of cosmic evolution, and in terms of absolute consciousness, may again be rotary. (back)

(16) Tâm thức vũ trụ, biểu lộ như tâm thức trong thời gian và không gian, như bà Besant đã diễn đạt rất tài tình, bao gồm mọi hình thức hoạt động và tiến hoá xoắn ốc tuần hoàn từ quan điểm tiến hoá vũ trụ, và xét theo các thuật ngữ của tâm thức tuyệt đối, lại có thể là chuyển động quay. (back)

The *third fire* deals with:

Lửa thứ ba liên quan đến:

a. The evolution of spirit.

a. Sự tiến hoá của tinh thần.

Practically nothing can at this stage be communicated anent this evolution. The development of spirit can be only expressed as yet in terms of the evolution of matter, and only through the adequacy of the vehicle, and through the suitability of the sheath, the body or form, can the point of [Page 50] spiritual development reached in

Trên thực tế, ở giai đoạn này hầu như không thể truyền đạt điều gì liên quan đến sự tiến hoá này. Sự phát triển của tinh thần hiện nay chỉ có thể được diễn tả bằng các thuật ngữ của sự tiến hoá của vật chất, và chỉ thông qua sự đầy đủ của vận cụ, và thông qua sự thích hợp của vỏ bọc, thân thể hay hình tướng, mà điểm [Page 50] phát triển

any way be appraised. A word of warning should here be interpolated:—

tinh thần đạt được mới có thể được lượng định theo bất kỳ cách nào. Ở đây cần xen vào một lời cảnh báo:—

Just as it is not possible upon the physical plane for the physical vehicle fully to express the total point of development of the Ego or higher self, so it is not possible even for the Ego fully to sense and express the quality of spirit. Hence the utter impossibility for human consciousness justly to appraise the life of the spirit or Monad.

Cũng như trên cõi hồng trần, vận cụ hồng trần không thể biểu lộ trọn vẹn toàn bộ mức phát triển của chân ngã hay Bản Ngã Cao Siêu, thì ngay cả chân ngã cũng không thể cảm nhận và biểu lộ đầy đủ phẩm tính của tinh thần. Vì thế, tâm thức con người hoàn toàn không thể lượng định một cách đúng đắn sự sống của tinh thần hay Chân thần.

b. The working of the flame divine under the Law of Synthesis—a generic term which will be seen eventually to include the other two laws as subdivisions.

b. Sự vận hành của ngọn lửa thiêng liêng dưới Định luật Tổng Hợp—một thuật ngữ tổng quát mà về sau sẽ thấy là bao gồm hai định luật kia như những phân bộ.

c. The subsequent result of forward progressive motion—a motion which is rotary, cyclic and progressive.

c. Kết quả tiếp theo của chuyển động tiến tới —một chuyển động vừa quay, vừa tuần hoàn, vừa tiến triển.

The whole matter dealt with in this Treatise concerns the subjective essence of the solar system, not primarily either the objective or spiritual aspect. It concerns the Entities who indwell the form, who demonstrate as animating factors through the medium of matter, and primarily through etheric matter; who are evolving a second faculty, the fire of mind, and who are essentially themselves points of fire, cast off through cosmic friction, produced by the turning of the cosmic wheel, swept into temporary limited manifestation and due eventually to return to their central cosmic centre. They will return plus the results of evolutionary growth, and through assimilation they will have intensified their fundamental nature, and be spiritual fire plus the fire manasic.

Toàn bộ vấn đề được bàn đến trong bộ Luận này liên quan đến tinh chất chủ quan của hệ mặt trời, chứ không chủ yếu liên quan đến phương diện khách quan hay tinh thần. Nó liên quan đến các Thực Thể cư ngụ trong hình tướng, biểu lộ như các yếu tố làm sinh động qua trung gian của vật chất, và chủ yếu qua vật chất dĩ thái; các Đấng đang tiến hoá một năng lực thứ hai, lửa của trí tuệ, và về bản chất chính Các Ngài là những điểm lửa, bị bắn ra do ma sát vũ trụ, do sự quay của bánh xe vũ trụ tạo ra, bị cuốn vào biểu hiện tạm thời có giới hạn và cuối cùng phải trở về trung tâm chính của mình trong vũ trụ. Các Ngài sẽ trở về mang theo các kết quả của sự tăng trưởng tiến hoá, và qua sự đồng hoá, Các Ngài sẽ tăng cường bản chất căn bản của mình, và sẽ là lửa tinh thần cộng với lửa manas.

The internal fire of matter is called in the *Secret Doctrine* “Fire by Friction.” It is an

Lửa nội tại của vật chất được gọi trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* là “Lửa ma sát.” Nó là một *kết*

effect and not a cause. It is produced by the two fires of spirit and of mind (electric and solar fire) contacting each other through the medium of matter. This energy demonstrates in [Page 51] matter itself as the internal fires of the sun, and of the planets and finds a reflection in the internal fires of man. Man is the Flame Divine and the fire of Mind brought into contact through the medium of substance or form. When evolution ends, the fire of matter is not cognisable. It persists only when the other two fires are associated, and it does not persist apart from substance itself.

quả chứ không phải nguyên nhân. Hai lửa của tinh thần và của trí tuệ (lửa điện và lửa thái dương), khi tiếp xúc với nhau qua trung gian của vật chất, tạo ra nó. Năng lượng này biểu lộ trong chính [Page 51] vật chất như các lửa nội tại của mặt trời và của các hành tinh, và tìm thấy một sự phản chiếu trong các lửa nội tại của con người. Con người là Ngọn Lửa Thiêng liêng và là lửa của Trí Tuệ được đưa vào tiếp xúc qua trung gian của chất liệu hay hình tướng. Khi tiến hoá chấm dứt, lửa của vật chất không còn có thể nhận biết được. Nó chỉ tồn tại khi hai lửa kia kết hợp với nhau, và nó không tồn tại tách rời khỏi chính chất liệu.

Let us now briefly recognise certain facts regarding fire in matter and let us take them in order, leaving time to elucidate their significance. First we might say that the internal fire being both latent and active, shows itself as the synthesis of the acknowledged fires of the system, and demonstrates, for instance, as solar radiation and inner planetary combustion. This subject has been somewhat covered by science, and is hidden in the mystery of physical plane electricity, which is an expression of the active internal fires of the system and of the planet just as inner combustion is an expression of the latent internal fires. These latter fires are to be found in the interior of each globe, and are the basis of all objective physical life.

Giờ đây, chúng ta hãy ngắn gọn ghi nhận một số sự kiện liên quan đến lửa trong vật chất và hãy xét chúng theo thứ tự, dành thời gian để làm sáng tỏ thâm nghĩa của chúng. Trước hết, chúng ta có thể nói rằng lửa nội tại, vừa tiềm ẩn vừa hoạt động, tự biểu lộ như sự tổng hợp của các lửa đã được thừa nhận của hệ mặt trời, và chẳng hạn biểu lộ như bức xạ mặt trời và sự đốt cháy nội tại của hành tinh. Khoa học đã phần nào đề cập đến đề tài này, và được che giấu trong huyền nhiệm của điện năng cõi hồng trần, vốn là một biểu hiện của các lửa nội tại hoạt động của hệ mặt trời và của hành tinh, cũng như sự đốt cháy nội tại là biểu hiện của các lửa nội tại tiềm ẩn. Những lửa tiềm ẩn này hiện diện bên trong mỗi bầu hành tinh, và là nền tảng của mọi sự sống hồng trần khách quan.

Secondly, we might note that the internal fires are the basis of life in the lower three kingdoms of nature, and in the fourth or human kingdom in connection with the two lower vehicles. The Fire of Mind, when blended with the internal fires, is the basis of life in the fourth kingdom, and united they control (partially now and later entirely) the lower threefold man or the

Thứ hai, chúng ta có thể lưu ý rằng các lửa nội tại là nền tảng của sự sống trong ba giới thấp của tự nhiên, và trong giới thứ tư hay giới nhân loại liên hệ với hai vận cụ thấp. Lửa của Trí Tuệ, khi hòa trộn với các lửa nội tại, là nền tảng của sự sống trong giới thứ tư, và khi hợp nhất lại chúng kiểm soát (một phần hiện nay và về sau là hoàn toàn) con người tam phân thấp hay phàm ngã; sự kiểm

personality; this control lasts up to the time of the first Initiation.

soát này kéo dài cho đến thời điểm của lần điểm đạo thứ nhất.

The fire of Spirit finally, when blended with the two other fires (which blending commences in man at the first initiation), forms a basis of spiritual life or existence. As evolution proceeds in the fifth or spiritual kingdom, these three fires blaze forth simultaneously, producing perfected consciousness. This blaze results in the final [Page 52] purification of matter and its consequent adequacy; at the close of manifestation it brings about eventually the destruction of the form and its dissolution, and the termination of existence as understood on the lower planes. In terms of Buddhistic theology it produces annihilation; this involves, not loss of identity, but the cessation of objectivity and the escape of Spirit, plus mind, to its cosmic centre. It has its analogy in the initiation at which the adept stands free from the limitations of matter in the three worlds.

Sau cùng, lửa của Tinh thần, khi hòa trộn với hai lửa kia (sự hòa trộn này bắt đầu nơi con người vào lần điểm đạo thứ nhất), tạo thành nền tảng của sự sống hay sự tồn tại tinh thần. Khi tiến hoá tiếp diễn trong giới thứ năm hay giới tinh thần, ba lửa này cùng lúc bùng cháy, tạo ra tâm thức hoàn hảo. Sự bùng cháy này dẫn đến sự [Page 52] thanh lọc cuối cùng của vật chất và do đó làm cho nó trở nên thích đáng; vào lúc kết thúc biểu hiện, cuối cùng nó mang lại sự hủy diệt của hình tướng và sự tan rã của nó, và sự chấm dứt của tồn tại như được hiểu trên các cõi thấp. Theo thuật ngữ thần học Phật giáo, nó tạo ra sự hủy diệt; điều này không hàm ý mất bản sắc, mà là sự chấm dứt tính khách quan và sự thoát ly của Tinh thần, cộng với trí tuệ, về trung tâm vũ trụ của nó. Nó có sự tương đồng của mình trong cuộc điểm đạo mà tại đó chân sư thoát khỏi các giới hạn của vật chất trong ba cõi giới.

The internal fires of the system, of the planet, and of man are threefold:

Các lửa nội tại của hệ mặt trời, của hành tinh và của con người là tam phân:

1. Interior fire at the centre of the sphere, those inner furnaces which produce warmth. This is latent fire.

1. Lửa bên trong tại trung tâm của khối cầu, những lò lửa nội tại tạo ra hơi ấm. Đây là lửa tiềm ẩn.

2. Radiatory fire. This type of fire might be expressed in terms of physical plane electricity, of light rays, and of etheric energy. This is active fire.

2. Lửa bức xạ. Loại lửa này có thể được diễn tả theo điện năng cõi hồng trần, các tia sáng, và năng lượng dĩ thái. Đây là lửa hoạt động.

3. Essential fire, or the fire elementals who are themselves the essence of fire. They are mainly divided into two groups:

3. Lửa bản chất, hay các hành khí của lửa vốn chính là tinh chất của lửa. Chúng chủ yếu được chia thành hai nhóm:

a. Fire devas or evolutionary entities.

a. Các thiên thần lửa hay các thực thể thăng thượng tiến hoá.

b. Fire elementals or involutionary entities.

b. Các hành khí của lửa hay các thực thể giáng hạ tiến hoá.

Later we will elaborate on this when we consider the Fire of Mind and deal with the nature of the thought elementals. All these elementals and devas are under the control of the fire Lord, Agni. When considering Him and His kingdom the subject can be taken up at greater length.

Về sau chúng ta sẽ khai triển điều này khi xét đến Lửa của Trí Tuệ và bàn đến bản chất của các hành khí tư tưởng. Tất cả các hành khí và thiên thần này đều ở dưới sự kiểm soát của Chúa Tể lửa, Agni. Khi xét đến Ngài và giới của Ngài, đề tài này có thể được trình bày dài hơn.

We might here point out, however, that our first two statements concerning the internal fires, express the *effect* that the fire entities have upon their environment. Heat and radiation are other terms which might be applied in this sense. Each of these effects produces a [Page 53] different class of phenomena. Latent fire causes the active growth of that in which it is embedded and causes that upward pushing which brings into manifestation all that is found in the kingdoms of nature. Radiatory fire causes the continued growth of that which has progressed, under the influence of latent fire, to a point receptive of the radiatory. Let us tabulate it thus:

Tuy nhiên, ở đây chúng ta có thể chỉ ra rằng hai phát biểu đầu tiên của chúng ta liên quan đến các lửa nội tại diễn tả *kết quả* mà các thực thể lửa tạo ra trên môi trường của chúng. Nhiệt và bức xạ là những thuật ngữ khác có thể được áp dụng theo nghĩa này. Mỗi một trong các kết quả này tạo ra một [Page 53] loại hiện tượng khác nhau. Lửa tiềm ẩn gây ra sự tăng trưởng hoạt động của cái mà nó ẩn chứa bên trong và gây nên sự thúc đẩy đi lên, mang vào biểu hiện tất cả những gì được tìm thấy trong các giới của tự nhiên. Lửa bức xạ gây ra sự tăng trưởng liên tục của cái đã tiến triển, dưới ảnh hưởng của lửa tiềm ẩn, đến một điểm có khả năng tiếp nhận lửa bức xạ. Chúng ta hãy lập bảng như sau:

Systemic or Macrocosmic: The solar Logos or The Grand Man of the Heavens.

Thuộc hệ mặt trời hay Đại thiên địa: Thái dương Thượng đế hay Đấng Đại Nhân của Thiên Giới.

Latent or interior fire produces the internal heat which makes the solar system productive of all forms of life. It is the inherent warmth that causes all fertilisation, whether human, animal, or vegetable.

Lửa tiềm ẩn hay lửa bên trong tạo ra nhiệt nội tại khiến hệ mặt trời sinh ra mọi hình tướng sự sống. Đó là hơi ấm cố hữu gây ra mọi sự thụ tinh, dù là nơi con người, động vật hay thực vật.

Active or radiatory fire retains in life and causes the evolution of all that has evolved into objectivity by means of latent fire.

Lửa hoạt động hay lửa bức xạ duy trì sự sống và gây ra sự tiến hoá của tất cả những gì đã

tiến hoá vào tính khách quan bằng phương tiện của lửa tiềm ẩn.

Planetary, or the Heavenly Men:

Hành tinh, hay các Đấng Thiên Nhân:

What is laid down anent the system, as a whole, can be predicated of all planets which in their nature reflect the Sun, their elder brother.

Điều được xác lập liên quan đến toàn thể hệ mặt trời có thể được khẳng định về mọi hành tinh, vốn trong bản chất của chúng phản chiếu Mặt Trời, người anh cả của chúng.

Human, or the Microcosmic Man:

Con người, hay Con Người Tiểu thiên địa:

Human latent fire, the heat interior of the human frame causes production of other forms of life, such as—

Lửa tiềm ẩn của con người, nhiệt bên trong cơ thể con người, gây ra việc sản sinh các hình tướng sự sống khác, như—

1. The physical body cells.

1. Các tế bào của thể xác.

2. Organisms nourished by the latent heat.

2. Các cơ thể sống mà nhiệt tiềm ẩn nuôi dưỡng.

3. The reproduction of itself in other human forms, the basis of the sex function.

3. Sự tái tạo chính nó trong các hình tướng con người khác, nền tảng của chức năng tính dục.

Human radiatory, or active fire, is a factor as yet but little comprehended; it relates to the health aura and to that radiation from the etheric which makes a man a healer, and able to transmit active heat.

Lửa bức xạ hay lửa hoạt động của con người là một yếu tố cho đến nay vẫn còn rất ít được thấu hiểu; nó liên hệ đến hào quang sức khỏe và đến bức xạ từ thể dĩ thái khiến một người trở thành người chữa lành, và có khả năng truyền dẫn nhiệt hoạt động.

It is necessary to differentiate between this radiation from the etheric, which is a radiation of prana, and magnetism, which is an emanation from a subtler body (usually the astral), and has to do with the manifestation of [Page 54] the Divine Flame within the material sheaths. The Divine Flame is formed on the second plane, the monadic, and magnetism (which is a

Cần phải phân biệt giữa bức xạ này từ thể dĩ thái, vốn là bức xạ của prana, và từ điện, vốn là một phát xạ từ một thể vi tế hơn (thường là thể cảm dục), và liên quan đến sự biểu lộ của [Page 54] Ngọn Lửa Thiêng liêng bên trong các lớp vỏ vật chất. Ngọn Lửa Thiêng liêng được hình thành trên cõi thứ hai, cõi chân thần, và vì thế từ điện (vốn là một phương pháp biểu lộ lửa bức xạ) được cảm

method of demonstrating radiatory fire) is therefore felt paramountly on the fourth and sixth planes, or through the buddhic and astral vehicles. These are, as we know, closely allied to the second plane. This distinction is of importance and should be carefully recognised.

nhận mạnh mẽ nhất trên cõi thứ tư và thứ sáu, hay qua các vận cụ Bồ đề và cảm dục. Như chúng ta biết, các cõi này có liên hệ mật thiết với cõi thứ hai. Sự phân biệt này rất quan trọng và cần được ghi nhận một cách cẩn thận.

Having, therefore, made the above statements, we can proceed to take up somewhat in greater detail the interior fires of the systems, microcosmic and macrocosmic.

Vì vậy, sau khi đã đưa ra các phát biểu trên, chúng ta có thể tiếp tục xét chi tiết hơn đôi chút về các lửa bên trong của các hệ thống, tiểu thiên địa và đại thiên địa.

DIVISION A - THE INTERNAL FIRES OF THE SHEATHS. — PHÂN ĐOẠN A - CÁC LỬA NỘI TẠI CỦA CÁC THỂ.

I. The three channels.

I. Ba kênh.

II. Fire Elementals and devas.

II. Các hành khí của lửa và các thiên thần.

I. THE THREE CHANNELS FOR THE FIRE — I. BA KÊNH CHO LỬA

[Page 55] From the very use of the term “sheath” it will be noted that we are considering those fires which manifest through the medium of those externalities, of those veils of substance which hide and conceal the inner Reality. We shall not here take up the subject of the sheaths on the higher planes, but simply deal with the fires that animate the three lower vehicles,—the physical body in its two divisions (etheric and dense), the emotional or astral body, and the mental sheath. It is frequently overlooked by the casual student that both the astral and the mental bodies are material, and just as material in their own way, as is the dense physical body, and also that the substance of which they are composed is animated by a triple fire, as is the physical.

[Page 55] Từ chính việc dùng thuật ngữ “thể”, cần lưu ý rằng chúng ta đang xét đến những lửa biểu lộ qua trung gian của những cái bên ngoài ấy, của những màn che bằng chất liệu che giấu và bao phủ Thực Tại bên trong. Ở đây chúng ta sẽ không đề cập đến chủ đề các thể trên các cõi cao, mà chỉ bàn đến các lửa làm sinh động ba vận cụ thấp,—thể xác trong hai phần của nó (dĩ thái và đậm đặc), thể cảm xúc hay thể cảm dục, và thể trí. Đạo sinh thông thường thường bỏ qua rằng cả thể cảm dục lẫn thể trí đều là vật chất, và theo cách riêng của chúng cũng vật chất y như thể xác đậm đặc, và rằng một lửa tam phân cũng làm sinh động chất liệu cấu thành chúng, giống như thể xác.

In the physical body we have the fires of the lower nature (the animal plane) centralised at the base of the spine. They are situated at a spot which stands in relation to the physical body as the physical sun to the solar system. This central point of heat radiates in all directions, using the spinal column as its main artery, but working in close connection with certain central ganglia, wherever located, and having a special association with the spleen. [Page 56]

Trong thể xác chúng ta có các lửa của bản chất thấp (cõi động vật) được tập trung tại đáy cột sống. Chúng tọa lạc tại một điểm có liên hệ với thể xác giống như mặt trời vật lý đối với hệ mặt trời. Điểm nhiệt trung tâm này bức xạ theo mọi hướng, dùng cột sống làm động mạch chính của nó, nhưng hoạt động trong liên hệ mật thiết với một số hạch trung tâm, ở bất cứ nơi nào chúng tọa lạc, và có một sự liên kết đặc biệt với lá lách. [Page 56]

[picture]

[picture]

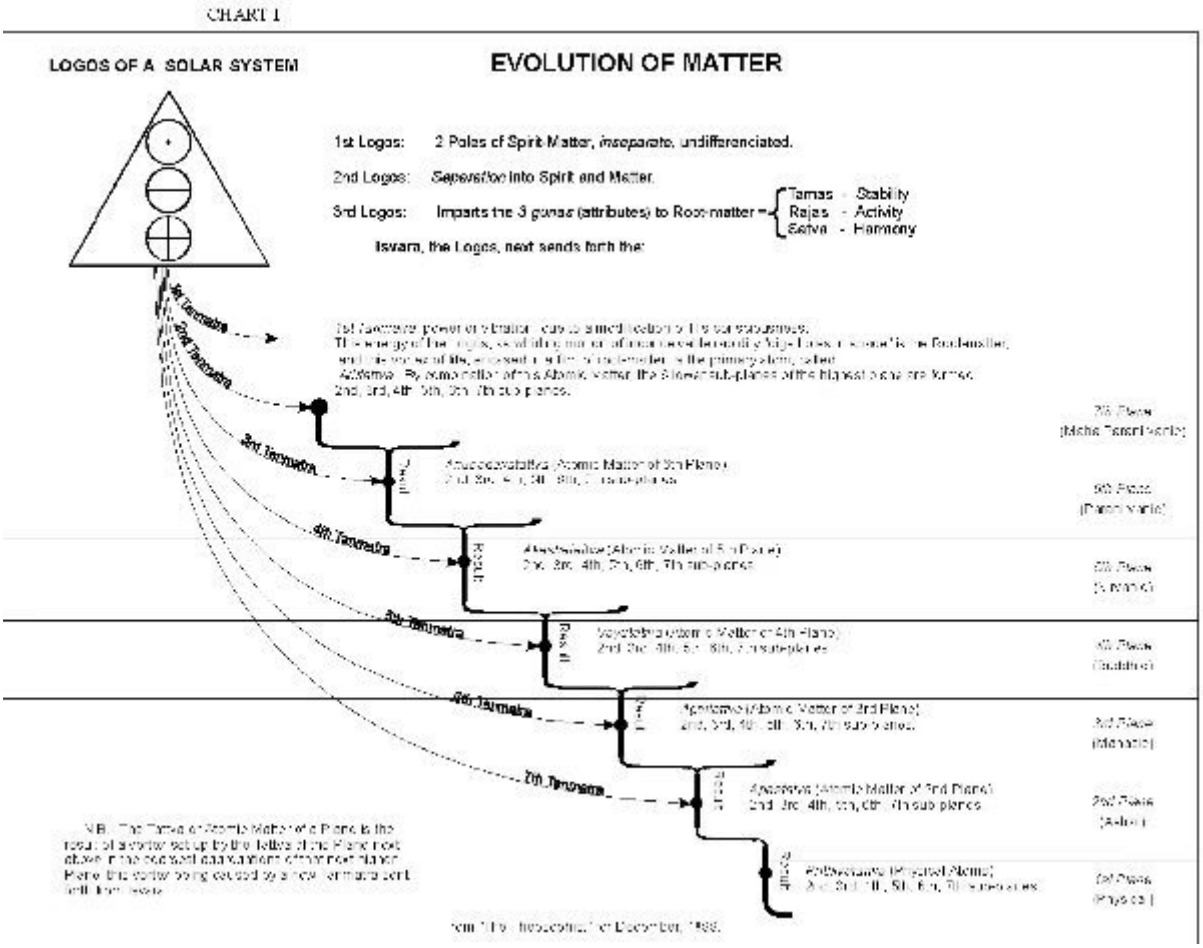

[Page 57] *In the etheric body*, which is an exact replica of its denser counterpart, we have the organ of active or radiatory fire, and, as is well known, the vehicle of prana. Its function is to store up the rays of radiatory light and heat which are secured

[Page 57] *Trong thể dĩ thái*, vốn là một bản sao chính xác của đối phần đậm đặc hơn của nó, chúng ta có cơ quan của lửa hoạt động hay lửa bức xạ, và như ai cũng biết, là vận cụ của prana. Chức năng của nó là tích trữ các tia sáng và nhiệt bức xạ thu nhận từ mặt

from the sun, and to transmit them, via the spleen, to all parts of the physical body. Hence in the future it will come to be recognised that the spine and the spleen are of the utmost importance to the physical well-being of man, and that when the spinal column is duly adjusted and aligned, and when the spleen is freed from congestion and in a healthy condition, there will be little trouble in the dense physical body. When the physical furnace burns brightly and when the fuel of the body (pranic rays) is adequately assimilated, the human frame will function as desired.

trời, và truyền chúng, qua lá lách, đến mọi phần của thể xác. Vì thế, trong tương lai người ta sẽ nhận ra rằng cột sống và lá lách có tầm quan trọng tối đa đối với sức khỏe thể chất của con người, và rằng khi cột sống được điều chỉnh và chỉnh hợp đúng đắn, và khi lá lách được giải phóng khỏi sự tắc nghẽn và ở trong tình trạng lành mạnh, thì sẽ có rất ít rắc rối trong thể xác đậm đặc. Khi lò lửa hồng trần cháy sáng và khi nhiên liệu của thể xác (các tia prana) được đồng hoá đầy đủ, cơ thể con người sẽ hoạt động như mong muốn.

The subject of the blending of these two fires, which is complete in a normal and healthy person, should engross the attention of the modern physician. He will then concern himself with the removal of nerve congestion or material congestion, so as to leave a free channel for the inner warmth. This blending, which is now a natural and usual growth in every human being, was one of the signs of attainment or of initiation in an earlier solar system. Just as initiation and liberation are marked in this solar system by the blending of the fires of the body, of the mind and of the Spirit, so in an earlier cycle attainment was marked by the blending of the latent fires of matter with the radiatory or active fires, and then their union with the fires of mind. In the earlier period the effects in manifestation of the divine Flame were so remote and deeply hidden as to be scarcely recognisable, though dimly there. Its correspondence can be seen in the animal kingdom, in which instinct holds the intuition in latency, [Page 58] and the Spirit dimly overshadows. Yet all is part of a divine whole.

Chủ đề về sự hòa trộn của hai lửa này, vốn hoàn tất nơi một người bình thường và khỏe mạnh, cần thu hút sự chú ý của thầy thuốc hiện đại. Khi đó, thầy thuốc sẽ quan tâm đến việc loại bỏ sự tắc nghẽn thần kinh hay sự tắc nghẽn vật chất, để chừa ra một kênh thông suốt cho hơi ấm bên trong. Sự hòa trộn này, hiện nay là một sự tăng trưởng tự nhiên và thông thường nơi mỗi con người, đã từng là một trong những dấu hiệu của thành tựu hay của điểm đạo trong một hệ mặt trời trước đây. Cũng như điểm đạo và giải thoát được đánh dấu trong hệ mặt trời này bằng sự hòa trộn của các lửa của thân thể, của trí tuệ và của Tinh thần, thì trong một chu kỳ trước kia, thành tựu được đánh dấu bằng sự hòa trộn của các lửa tiềm ẩn của vật chất với các lửa bức xạ hay hoạt động, rồi sau đó là sự hợp nhất của chúng với các lửa của trí tuệ. Trong thời kỳ trước đó, các hiệu quả trong biểu hiện của Ngọn Lửa thiêng liêng xa xôi và ẩn kín sâu đến mức hầu như không thể nhận ra được, dù vẫn mờ nhạt hiện diện. Sự tương ứng của nó có thể được thấy trong giới động vật, nơi bản năng giữ trực giác ở trạng thái tiềm ẩn, [Page 58] và Tinh thần phủ bóng một cách mờ nhạt. Tuy nhiên, tất cả đều là một phần của một toàn thể thiêng liêng.

The subject of the radiatory heat of the macrocosmic and microcosmic systems will be dealt with in detail in a later subdivision. Here we will only deal with the latent interior fire of the

Chủ đề về nhiệt bức xạ của các hệ thống đại thiên địa và tiểu thiên địa sẽ được bàn chi tiết trong một phân mục sau. Ở đây chúng ta sẽ chỉ bàn đến lửa nội tại tiềm ẩn của

a. Sun.

a. Mặt trời.

b. Planet.

b. Hành tinh.

c. Man.

c. Con người.

d. Atom.

d. Nguyên tử.

We must remember that in both the astral and the mental sheaths there exist the counterparts of the centres as found in the physical body. These centres concern matter and its evolution. One fundamental statement can be laid down anent the internal fires of all these four (sun, planet, man, and atom):

Chúng ta phải nhớ rằng trong cả thể cảm dục lẫn thể trí đều tồn tại các đối phần của các trung tâm như được tìm thấy trong thể xác. Các trung tâm này liên quan đến vật chất và sự tiến hoá của nó. Có thể nêu ra một phát biểu căn bản liên quan đến các lửa nội tại của cả bốn loại này (mặt trời, hành tinh, con người và nguyên tử):

There exists in the Sun, in the planet, in man, and in the atom, a central point of heat, or (if I might use so limiting and inappropriate a term) a central cavern of fire, or nucleus of heat, and this central nucleus reaches the bounds of its sphere of influence, its ring-pass-not by means of a threefold channel. (17)

Trong Mặt Trời, trong hành tinh, trong con người và trong nguyên tử, đều tồn tại một điểm nhiệt trung tâm, hay (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ quá giới hạn và không thích hợp như vậy) một hang lửa trung tâm, hay một hạt nhân nhiệt, và hạt nhân trung tâm này vươn đến các biên giới của khối cầu ảnh hưởng của nó, vòng-giới-hạn của nó, bằng phương tiện của một kênh tam phân. (17)

(17) "The divine essence that, pervading the entire universe of millions of solar systems, is caught up by our sun and passed out in a manifested form to the utmost boundaries of our solar system, so that this manifested essence may be the basic soil of the growth, preservation and destruction of our worlds, that divine essence is simple Nadam of our yogic philosophy and that Nadam or OM

(17) "Tinh chất thiêng liêng, thấm nhuần toàn thể vũ trụ gồm hàng triệu hệ mặt trời, được mặt trời của chúng ta thu hút và truyền ra dưới một hình thức biểu lộ đến tận những biên giới xa nhất của hệ mặt trời của chúng ta, để tinh chất biểu lộ này có thể là mảnh đất căn bản cho sự tăng trưởng, bảo tồn và hủy diệt của các thế giới chúng ta, tinh chất thiêng liêng ấy chính là Nadam

subsequently manifests itself as seven streams. The unmanifested is manifested by or borne by the subsequent ramifications. These streams are the seven vowels or seven notes. These seven vowels and notes must have special correlations with the seven vedic metres, since in the Vishnu Purana, Parasara describes the vedic metres as the coursers of the solar essence."—*Some Thoughts on the Gita*, p. 74. (back)

đơn nhất của triết học yoga của chúng ta, và Nadam hay OM ấy về sau biểu lộ thành bảy dòng. Các phân nhánh tiếp theo biểu lộ hay chuyên chở cái không biểu lộ. Những dòng này là bảy nguyên âm hay bảy nốt. Bảy nguyên âm và nốt này hẳn phải có những tương quan đặc biệt với bảy nhịp luật Veda, vì trong Vishnu Purana, Parasara mô tả các nhịp luật Veda như những tuấn mã của tinh chất thái dương."—*Một Vài Tư Tưởng về Gita*, tr. 74. (trở lại)

a. The Sun. Within the sun, right at its very heart, is a sea of fire or heat, but not a sea of flame. Herein may lie a distinction that perhaps will convey no meaning to some. It is the centre of the sphere, and the point of fiercest internal burning, but has little relation to the flames or burning gases (whatever terms you care [Page 59] to use) that are generally understood to exist whenever the sun is considered. It is the point of fiercest incandescence, and the objective sphere of fire is but the manifestation of that internal combustion. This central heat radiates its warmth to all parts of the system by means of a triple channel, or through its "Rays of Approach" which in their totality express to us the idea of "the heat of the sun."

a. Mặt trời. Bên trong mặt trời, ngay tại chính tim của nó, là một biển lửa hay nhiệt, nhưng không phải một biển ngọn lửa. Chính trong đây có thể có một sự phân biệt mà có lẽ sẽ không chuyển tải ý nghĩa gì đối với một số người. Đó là trung tâm của khối cầu, và là điểm bốc cháy nội tại mãnh liệt nhất, nhưng ít liên hệ với các ngọn lửa hay các khí đang cháy (dù bạn muốn dùng thuật ngữ nào [Page 59] đi nữa) mà người ta thường hiểu là tồn tại bất cứ khi nào xét đến mặt trời. Đó là điểm nóng sáng mãnh liệt nhất, và khối cầu lửa khách quan chỉ là biểu hiện của sự đốt cháy nội tại ấy. Nhiệt trung tâm này bức xạ hơi ấm của nó đến mọi phần của hệ mặt trời bằng phương tiện của một kênh tam phân, hay qua các "Tia Tiếp Cận" của nó, mà trong tổng thể của chúng biểu lộ cho chúng ta ý niệm về "nhiệt của mặt trời."

1. *The akasha*, itself vitalised matter, or substance animated by latent heat.

1. *Akasha*, bản thân nó là vật chất được tiếp sinh lực, hay chất liệu do nhiệt tiềm ẩn làm sinh động.

2. *Electricity*, substance of one polarity, and energised by one of the three aspects logoic. To express it more occultly, substance showing forth the quality of the cosmic Lord Whose energy it is.

2. *Điện*, chất liệu của một cực tính, và do một trong ba phương diện Thượng đế tiếp năng lượng. Diễn tả một cách huyền bí hơn, đó là chất liệu biểu lộ phẩm tính của Đấng Chúa Tể vũ trụ mà nó là năng lượng của Ngài.

3. *Light Rays of pranic aspect*, some of which are being now recognised by the modern

3. *Các tia sáng thuộc phương diện prana*, một số tia mà các nhà khoa học hiện đại hiện

scientist. They are but aspects of the latent heat of the sun as it approaches the Earth by a particular line of least resistance.

đang nhận ra. Chúng chỉ là các phương diện của nhiệt tiềm ẩn của mặt trời khi nó tiếp cận Trái Đất theo một con đường ít trở ngại nhất đặc biệt.

When the term "channel or ray of approach" is used, it means approach from the centre of solar radiation to the periphery. What is encountered during that approach—such as planetary bodies, for instance—will be affected by the akashic current, the electrical current, or the pranic current in some way, but all of these currents are only the internal fires of the system when viewed from some other point in universal, though not solar, space. It is, therefore, obvious that this matter of fire is as complex as that of the rays. The internal fires of the solar system become external and radiatory when considered from the standpoint of a planet, while the internal fires of the planet will affect a human being as radiation in exactly the same way as the pranic emanations of his etheric body affect another physical body as radiatory. The point to be grasped in all these [Page 60] aspects is that one and all have to do with matter or substance, and not with mind or Spirit.

Khi dùng thuật ngữ "kênh hay tia tiếp cận", điều đó có nghĩa là sự tiếp cận từ trung tâm bức xạ mặt trời đến chu vi. Bất cứ điều gì gặp phải trong quá trình tiếp cận ấy—chẳng hạn như các thiên thể hành tinh—sẽ chịu tác động của dòng akasha, dòng điện, hay dòng prana theo một cách nào đó, nhưng tất cả các dòng này chỉ là các lửa nội tại của hệ mặt trời khi được nhìn từ một điểm khác trong không gian vũ trụ, dù không phải không gian thái dương. Vì vậy, hiển nhiên là vấn đề lửa này phức tạp cũng như vấn đề các cung. Các lửa nội tại của hệ mặt trời trở thành bên ngoài và bức xạ khi được xét từ quan điểm của một hành tinh, trong khi các lửa nội tại của hành tinh sẽ tác động lên một con người như bức xạ theo đúng cùng cách mà các phát xạ prana của thể dĩ thái của y tác động lên một thể xác khác như bức xạ. Điểm cần nắm bắt trong tất cả các [Page 60] phương diện này là tất cả đều liên quan đến vật chất hay chất liệu, chứ không liên quan đến trí tuệ hay Tinh thần.

b. The Planet. Deep in the heart of the planet—such a planet as the Earth, for instance—are the internal fires that occupy the central sphere, or the caverns which—filled with incandescent burning—make life upon the globe possible at all. The internal fires of the moon are practically burnt out, and, therefore, she does not shine save through reflection, having no inner fire to blend and merge with light external. These inner fires of the earth can be seen functioning, as in the sun, through three main channels:

b. Hành tinh. Sâu trong tim của hành tinh—chẳng hạn một hành tinh như Trái Đất—là các lửa nội tại chiếm giữ khối cầu trung tâm, hay các hang động mà—đầy sự cháy sáng rực—làm cho sự sống trên bầu hành tinh trở nên khả hữu. Các lửa nội tại của mặt trăng thực tế đã cháy cạn, và vì thế nó không chiếu sáng ngoại trừ bằng phản chiếu, không có lửa bên trong để hòa trộn và hợp nhất với ánh sáng bên ngoài. Các lửa nội tại này của trái đất có thể được thấy đang hoạt động, như trong mặt trời, qua ba kênh chính:

1. *Productive substance*, or the matter of the planet vitalised by heat. This heat and

1. *Chất liệu sinh sản*, hay vật chất của hành tinh do nhiệt tiếp sinh lực. Nhiệt và vật chất

matter together act as the mother of all that germinates, and as the protector of all that dwells therein and thereon. This corresponds to the akasha, the active vitalised matter of the solar system, that nourishes all as does a mother.

này cùng nhau hoạt động như người mẹ của mọi thứ nảy mầm, và như người bảo hộ của mọi thứ cư ngụ trong đó và trên đó. Điều này tương ứng với akasha, vật chất hoạt động được tiếp sinh lực của hệ mặt trời, nuôi dưỡng mọi sự như một người mẹ.

2. *Electrical fluid*, a fluid which is latent in the planet though as yet but little recognized. It is perhaps better expressed by the term "animal magnetism." It is the distinctive quality of the atmosphere of a planet, or its electrical ring-pass-not. It is the opposite pole to the solar electrical fluid, and the contact of the two and their correct manipulation is the aim—perhaps unrealised—-of all scientific endeavor at this time.

2. *Lưu chất điện*, một lưu chất tiềm ẩn trong hành tinh dù cho đến nay còn rất ít được nhận biết. Có lẽ nó được diễn tả tốt hơn bằng thuật ngữ "từ điện động vật." Đó là phẩm tính đặc thù của khí quyển của một hành tinh, hay vòng-giới-hạn điện của nó. Nó là cực đối nghịch với lưu chất điện thái dương, và sự tiếp xúc của cả hai cùng sự vận dụng đúng đắn chúng là mục tiêu—có lẽ chưa được nhận ra—của mọi nỗ lực khoa học vào lúc này.

3. That emanation of the planet which we might term *Planetary Prana*. It is that which is referred to when one speaks of the health-giving qualities of Mother Nature, and which is back of the cry of the modern physician, when he wisely says "Back to the Earth." It is the fluidic emanation of this prana which acts upon the physical body, though in this case not via the etheric body. It is absorbed [Page 61] through the skin purely and the pores are its line of least resistance.

3. Phát xạ của hành tinh mà chúng ta có thể gọi là *Prana Hành Tinh*. Đó là điều được nhắc đến khi người ta nói về các phẩm tính ban sức khỏe của Mẹ Thiên Nhiên, và là điều đứng sau tiếng kêu của vị thầy thuốc hiện đại, khi ông khôn ngoan nói "Hãy trở về với Trái Đất." Chính phát xạ linh động của prana này tác động lên thể xác, dù trong trường hợp này không phải qua thể dĩ thái. Nó được hấp thu [Page 61] hoàn toàn qua da và các lỗ chân lông là con đường ít trở ngại nhất của nó.

c. The Man. At the base of the spine lie hid the fires of the human system, or the internal fires of the Microcosm. The centre is located there, and from it the radiations go forth along the three channels, recognisable in the spine.

c. Con người. Ở đáy cột sống ẩn giấu các lửa của hệ thống con người, hay các lửa nội tại của Tiểu thiên địa. Trung tâm tọa lạc ở đó, và từ đó các bức xạ phát ra dọc theo ba kênh, có thể nhận biết được trong cột sống.

1. *Bodily warmth*, the channel along which the heat radiates and which finds the goal of its attention to be the heating of the corporeal frame. This vitalisation of the dense matter of the body finds its

1. *Hơi ấm cơ thể*, kênh dọc theo đó nhiệt bức xạ và mục tiêu chú ý của nó là làm nóng khung thể xác. Sự tiếp sinh lực này cho vật chất đậm đặc của thể xác tìm thấy sự tương

correspondence in the systemic akasha, and in planetary productive substance.

ứng của nó trong akasha của hệ mặt trời, và trong chất liệu sinh sản của hành tinh.

2. *Nervous response.* This is the vitalising tenuous fluid which applies itself to the stimulation of the nervous centres, and which creates electrical response to contact between the nerves and the brain. It should now be more closely studied. It corresponds to systemic electricity, and to planetary electricity.

2. *Đáp ứng thần kinh.* Đây là lưu chất vi tế tiếp sinh lực, tự áp dụng vào việc kích thích các trung tâm thần kinh, và tạo ra đáp ứng điện đối với sự tiếp xúc giữa các dây thần kinh và bộ não. Hiện nay điều này cần được nghiên cứu chặt chẽ hơn. Nó tương ứng với điện của hệ mặt trời, và với điện của hành tinh.

3. *Pranic emanation.* The emanation, via the etheric body, which corresponds in man to solar prana and to planetary prana. This demonstrates principally in the health aura and has naught to do with magnetic qualities, as generally interpreted when considering a personality, or man as a unit. I make this repetition as it is very necessary that no mental confusion exists between that magnetism which is a spiritual emanation and that which is purely animal.

3. *Phát xạ prana.* Phát xạ, qua thể dĩ thái, tương ứng nơi con người với prana thái dương và prana hành tinh. Nó biểu lộ chủ yếu trong hào quang sức khỏe và không liên quan gì đến các phẩm tính từ điện, như thường được diễn giải khi xét đến một phàm ngã, hay con người như một đơn vị. Tôi lặp lại điều này vì rất cần thiết để không có sự lẫn lộn trí tuệ nào giữa từ điện vốn là một phát xạ tinh thần và cái vốn thuần túy động vật.

It might be wise here to point out that this triple manifestation of fire demonstrates in the astral and mental bodies likewise, having to do with the *substance* of those bodies. We might express this fire in its triple manifestation as the sumtotal of the essential fire, or life activity of the third Logos. It should be carefully borne [Page 62] in mind that the manifestation of the work of the three Logoi is the expression of the mind of some cosmic Entity. In the same way, the seven planetary Entities, the seven Heavenly Men, are seven Logoi (likewise cosmic Beings) Who in Their totality form the Body of the threefold Logos. We have, therefore:

Ở đây có lẽ nên chỉ ra rằng sự biểu lộ tam phân này của lửa cũng biểu lộ trong thể cảm dục và thể trí, liên quan đến *chất liệu* của các thể ấy. Chúng ta có thể diễn tả lửa này trong biểu lộ tam phân của nó như là tổng thể của lửa bản chất, hay hoạt động sự sống của Thượng đế thứ ba. Cần phải luôn ghi nhớ cẩn thận [Page 62] rằng sự biểu lộ công việc của ba Thượng đế là biểu hiện của trí tuệ của một Thực Thể vũ trụ nào đó. Cũng theo cách ấy, bảy Thực Thể Hành Tinh, bảy Đấng Thiên Nhân, là bảy Thượng đế (cũng là các Hữu thể vũ trụ), Các Ngài trong tổng thể tạo thành Thân thể của Thượng đế tam phân. Vì vậy, chúng ta có:

1. The undifferentiated Logos—a cosmic Entity.

1. Thượng đế chưa biến phân—một Thực Thể vũ trụ.

2. The Logos, threefold in manifestation:

a. The cosmic Lord of Will Power.

b. The cosmic Lord of Love and Wisdom.

c. The cosmic Lord of Active Intelligence.

3. The triple Logos, sevenfold in manifestation., i.e. The seven planetary Logoi.(18),(19), (20)

(18) T. Subba Rao says on page 20, of *Esoteric Writings*: "As a general rule, whenever seven entities are mentioned in the ancient occult science of India in any connection whatsoever, you must suppose that those seven entities came into existence from *three primary entities* and that these three entities again are evolved out of a *single* entity or monad. To take a familiar example, the seven coloured rays in the solar ray are evolved out of three primary coloured rays; and the three primary colours co-exist with the four secondary colours in the solar ray. Similarly the three primary entities which brought man into existence co-exist in him with the *four secondary* entities which arose from different combinations of the three primary entities."

In Christian terminology these are the three Persons of the Trinity, and the seven Spirits which are before the Throne. Compare "Our God is a consuming fire." Heb: 12.29. (back)

(19) "I have already said in speaking of this Logos, that it was quite possible that it was

2. Thượng đế, tam phân trong biểu lộ:

a. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Quyền năng Ý Chí.

b. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Bác Ái và Minh Triết.

c. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Trí Tuệ Hoạt Động.

3. Thượng đế tam phân, thất phân trong biểu lộ, tức là bảy Hành Tinh Thượng Đế. (18), (19), (20)

(18) T. Subba Rao nói ở trang 20 của *Esoteric Writings*: "Theo quy luật tổng quát, bất cứ khi nào bảy thực thể được nhắc đến trong khoa huyền bí học cổ xưa của Ấn Độ trong bất kỳ mối liên hệ nào, bạn phải giả định rằng bảy thực thể ấy đã đi vào hiện hữu từ *ba thực thể sơ cấp* và ba thực thể này lại được tiến hoá ra từ một thực thể hay chân thần *duy nhất*. Lấy một ví dụ quen thuộc, bảy tia màu sắc trong tia thái dương được tiến hoá ra từ ba tia màu sắc sơ cấp; và ba màu sơ cấp cùng đồng hiện hữu với bốn màu thứ cấp trong tia thái dương. Tương tự như vậy, ba thực thể sơ cấp đã đưa con người vào hiện hữu cũng đồng hiện hữu trong y với *bốn thực thể thứ cấp* đã phát sinh từ những sự kết hợp khác nhau của ba thực thể sơ cấp."

Theo thuật ngữ Ki-tô giáo, đây là ba Ngôi của Tam Vị, và Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai. Hãy so sánh câu "Thượng đế của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt." Hê-bơ-rơ 12:29. (back)

(19) "Tôi đã nói rồi khi bàn đến Logos này, rằng hoàn toàn có thể đó chính là Logos đã

the Logos that appeared in the shape of the first Dhyan Chohan, or planetary Spirit, when the evolution of man was recommenced after the last period of inactivity on this planet, as stated in Mr. Sinnett's book, *Esoteric Buddhism*, and after having set the evolutionary current in motion, retired to the spiritual plane congenial to its own nature, and has been watching since over the interests of humanity, and now and then appearing in connection with a human individuality for the good of mankind. Or you may look upon the Logos represented by Krishna as one belonging to the same class as the Logos which so appeared. In speaking of himself Krishna says, (chap. x, verse 6):

xuất hiện dưới hình tướng của vị Dhyan Chohan đầu tiên, hay Tinh thần hành tinh, khi sự tiến hoá của con người bắt đầu lại sau thời kỳ bất động gần nhất trên hành tinh này, như đã nêu trong sách của ông Sinnett, *Esoteric Buddhism*, và sau khi đã làm cho dòng tiến hoá chuyển động, đã lui về cõi tinh thần phù hợp với bản chất riêng của Ngài, và từ đó đến nay vẫn dõi theo những lợi ích của nhân loại, thỉnh thoảng lại xuất hiện trong mối liên hệ với một cá thể nhân loại vì lợi ích của loài người. Hoặc bạn có thể xem Logos được Krishna biểu hiện là một Đấng thuộc cùng loại với Logos đã xuất hiện như thế. Khi nói về chính mình, Krishna nói (chương x, câu 6):

"The seven great Rishis, the four preceding Manus, partaking of my nature were born from my mind: from them sprang, was (born) the human race and the world."

"Bảy vị Rishi vĩ đại, bốn vị Manu đi trước, cùng dự phần vào bản chất của ta, đã sinh ra từ trí của ta: từ các vị ấy đã phát sinh, hay đã sinh ra, nhân loại và thế giới."

He speaks of the sapta Rishis and of the Manus as his manasaputras, or mind-born sons, which they would be if he was the so-called Prajapati, who appeared on this planet and commenced the work of evolution."—*The Theosophist*, Vol. VIII, p. 443. (back)

Ngài nói về các sapta Rishi và các Manu như những manasaputras của Ngài, hay những người con sinh từ trí, điều sẽ đúng nếu Ngài là vị Prajapati như người ta thường gọi, Đấng đã xuất hiện trên hành tinh này và khởi sự công việc tiến hoá."—*The Theosophist*, Tập VIII, tr. 443. (back)

(20) The following tabulation should be borne in mind:

(20) Cần ghi nhớ bảng liệt kê sau đây:

Seven branch races make	one subrace
Seven subraces make	one rootrace
Seven rootraces make	one world period
Seven world periods make	one round

Seven rounds make	one chain period
Seven chain periods make	one planetary scheme
Ten planetary schemes make	one solar system

(back)

(back)

[Page 63] Each of these cosmic Entities is, in His essential essence, *Fire*; each manifests as fire in a threefold manner. In point of time the cosmic Lord of active Intelligence, considered from the standpoint of *cosmic* evolution, is more evolved than His two Brothers. He is the life of matter, its latent internal Fire. His is the fire essence that lies at the heart of the Sun, of the planet, and of man's material forms. He is the sumtotal of the Past.

[Page 63] Mỗi Thực Thể vũ trụ này, trong tinh túy cốt yếu của Ngài, là *Lửa*; mỗi Đấng biểu lộ như lửa theo cách tam phân. Xét về thời gian, Chúa Tể vũ trụ của Trí Tuệ hoạt động, được nhìn từ quan điểm của sự tiến hoá *vũ trụ*, thì tiến hoá hơn hai Huynh Đệ của Ngài. Ngài là sự sống của vật chất, là Lửa nội tại tiềm ẩn của nó. Ngọn lửa tinh túy của Ngài nằm ở trung tâm của Mặt Trời, của hành tinh, và của các hình tướng vật chất của con người. Ngài là tổng thể của Quá Khứ.

The Lord of Cosmic Love now seeks union with His Brother, and, in point of time, embodies all the Present. He is the sumtotal of all that is embodied; He is conscious Existence. He is the Son divine and His life and nature evolve through every existent form. The Lord of Cosmic Will holds hid the future within His plans and consciousness. They are all three the Sons of one Father, all three the aspects of the One God, all three are Spirit, all three are Soul, and all three are Rays emanating from one cosmic centre. All three are substance, but in the past one Lord was the elder Son, in the present another Lord comes to the fore, and in the future still another. But this is so only in Time. From the standpoint of the Eternal Now, none is greater nor less than another, for the last shall be first, and the first last. Out of manifestation time is not, and freed from objectivity states of consciousness are not.

Chúa Tể của Bác Ái Vũ Trụ hiện đang tìm cách hợp nhất với Huynh Đệ của Ngài, và xét về thời gian, Ngài thể hiện toàn bộ Hiện Tại. Ngài là tổng thể của mọi điều được thể hiện; Ngài là Hiện Hữu hữu thức. Ngài là Con thiêng liêng và sự sống cùng bản chất của Ngài tiến hoá qua mọi hình tướng hiện hữu. Chúa Tể của Ý Chí Vũ Trụ giữ kín tương lai trong các kế hoạch và tâm thức của Ngài. Cả ba đều là những Người Con của một Cha, cả ba đều là các phương diện của một Thượng đế Duy Nhất, cả ba đều là tinh thần, cả ba đều là linh hồn, và cả ba đều là những cung phát ra từ một trung tâm vũ trụ. Cả ba đều là chất liệu, nhưng trong quá khứ một Chúa Tể là Người Con trưởng, trong hiện tại một Chúa Tể khác nổi lên hàng đầu, và trong tương lai lại là một Chúa Tể khác nữa. Nhưng điều này chỉ đúng trong Thời gian. Từ quan điểm của Hiện Tại Vĩnh Cửu, không ai lớn hơn hay nhỏ hơn ai, vì kẻ sau sẽ thành

trước, và kẻ trước sẽ thành sau. Ngoài biểu hiện thì không có thời gian, và khi được giải thoát khỏi tính khách thể thì cũng không có các trạng thái tâm thức.

The fire of Spirit is the essential fire of the first Lord of Will plus the fire of the second Logos of Love. These two cosmic Entities blend, merge, and demonstrate as Soul, utilising for purposes of manifestation the aid of the third Logos. The three fires blend and merge. In this fourth round and on this fourth globe of our planetary scheme, the fires of the third Logos of intelligent matter are fusing somewhat with the fires of cosmic [Page 64] mind, showing as will or power, and animating the Thinker on all planes. The object of Their co-operation is the perfected manifestation of the cosmic Lord of Love. This should be pondered upon for it reveals a mystery.

Lửa của tinh thần là ngọn lửa cốt yếu của Chúa Tể thứ nhất của Ý Chí cộng với lửa của Logos thứ hai của Bác Ái. Hai Thực Thể vũ trụ này hòa trộn, dung nhập, và biểu lộ như linh hồn, sử dụng sự trợ giúp của Logos thứ ba cho các mục đích biểu hiện. Ba ngọn lửa hòa trộn và dung nhập. Trong cuộc tuần hoàn thứ tư này và trên bầu hành tinh thứ tư này của hệ hành tinh chúng ta, các ngọn lửa của Logos thứ ba của vật chất thông tuệ đang dung hợp phần nào với các ngọn lửa của trí tuệ [Page 64] vũ trụ, biểu lộ như ý chí hay quyền năng, và làm sinh động Nhà Tư Tưởng trên mọi cõi. Mục đích của sự hợp tác của Các Ngài là sự biểu hiện hoàn hảo của Chúa Tể vũ trụ của Bác Ái. Điều này cần được suy gẫm vì nó mặc khải một huyền nhiệm.

The blending of the three fires, the merging of the three Rays, and the co-operation of the three Logoi have in view (at this time and within this solar system) the development of the Essence of the cosmic Lord of Love, the second Person in the logoic trinity. Earlier it was not so, later it will not be, but now it is. When viewed from the cosmic mental plane these Three constitute the PERSONALITY OF THE LOGOS, and are seen *functioning as one*. Hence the secret (well recognised as fact, though not understood) of the excessive *heat*, occultly expressed, of the astral or central body of the triple personality. It animates and controls the physical body, and its desires hold sway in the majority of cases; it demonstrates in *time and space* the correspondence of the temporary union of spirit and matter, the fires of cosmic love and the fires of matter

Sự hòa trộn của ba ngọn lửa, sự dung nhập của ba cung, và sự hợp tác của ba Logos đều nhắm đến (vào lúc này và trong hệ mặt trời này) sự phát triển Tinh Túy của Chúa Tể vũ trụ của Bác Ái, Ngôi thứ hai trong Tam Vị Thượng đế. Trước đây không phải vậy, về sau cũng sẽ không phải vậy, nhưng hiện nay là như thế. Khi được nhìn từ cõi trí vũ trụ, Ba Đấng này cấu thành PHÀM NGÃ CỦA LOGOS, và được thấy là *vận hành như một*. Do đó mới có bí mật (một sự kiện đã được thừa nhận rõ, dù chưa được thấu hiểu) về *nhiệt* quá mức, được diễn đạt theo huyền bí học, của thể cảm dục hay thể trung tâm của phàm ngã tam phân. Nó làm sinh động và kiểm soát thể xác, và các ham muốn của nó chi phối trong đa số trường hợp; nó biểu lộ trong *thời gian và không gian* sự tương ứng của sự hợp nhất tạm thời giữa tinh thần và vật chất, các ngọn lửa của bác ái vũ trụ và các ngọn lửa của vật chất được hòa trộn. Một

blended. A similar analogy is found in the heat apparent in this second solar system.

sự tương đồng tương tự được tìm thấy trong sức nóng biểu hiện trong hệ mặt trời thứ hai này.

d. The Atom. The inner fires of the atom can likewise be seen functioning along similar lines, their demonstration being already somewhat recognised by science. This being so there exists no necessity for further elaboration. (21)

d. Nguyên tử. Các ngọn lửa bên trong nguyên tử cũng có thể được thấy đang vận hành theo những đường lối tương tự, và sự biểu lộ của chúng đã phần nào được khoa học thừa nhận. Vì đã như vậy, không cần phải khai triển thêm nữa. (21)

(21) "It should be remembered that the mere scale does not matter, for greatness and smallness are essentially relative. The destiny of each atom is to create a brahmanda. Brahmandas like or smaller or larger than ours, held together by a sun, are present in every atom. Vishvas, great world-systems, exist in an atom, and atoms again exist in these vishvas. This is the significance of 'many from one'; wherever we see the one we should recognise the many also, and conversely. After securing the ability of, and then actually, creating a brahmanda, the next step is the creation of a jagat, then a vishva, then a maha-vishva and so on, till the status of maha-vishnu is reached."—Bhagavan Das in the *Pranava Vada*, p. 94. (back)

(21) "Cần nhớ rằng bản thân quy mô không quan trọng, vì lớn và nhỏ về bản chất đều là tương đối. Định mệnh của mỗi nguyên tử là tạo ra một brahmanda. Những brahmanda giống như, nhỏ hơn, hay lớn hơn của chúng ta, do một mặt trời giữ lại với nhau, hiện diện trong mọi nguyên tử. Những vishva, những hệ thống thế giới vĩ đại, tồn tại trong một nguyên tử, và các nguyên tử lại tồn tại trong những vishva này. Đây là ý nghĩa của 'nhiều từ một'; ở đâu chúng ta thấy cái một thì cũng nên nhận ra cái nhiều, và ngược lại. Sau khi đạt được khả năng, rồi thực sự, tạo ra một brahmanda, bước kế tiếp là tạo ra một jagat, rồi một vishva, rồi một maha-vishva, và cứ thế cho đến khi đạt tới địa vị maha-vishnu."—Bhagavan Das trong *Pranava Vada*, tr. 94. (back)

II. FIRE ELEMENTALS AND DEVAS — II. HÀNH KHÍ CỦA LỬA VÀ THIÊN THẦN

[Page 65] We might now briefly consider the subject of the fire elementals and devas, and then deal with the relation of the Personality Ray to this internal fire of the system in its threefold manifestation.

[Page 65] Giờ đây chúng ta có thể xét ngắn gọn về đề tài các hành khí của lửa và thiên thần, rồi sau đó bàn đến mối liên hệ của cung phàm ngã với ngọn lửa nội tại này của hệ mặt trời trong biểu hiện tam phân của nó.

Certain facts are known in connection with the fire spirits (if so they may be termed). The fundamental fact that should here be emphasised is that AGNI, the Lord of Fire, rules over all the fire elementals and devas on the three planes of human evolution, the

Một số sự kiện đã được biết liên quan đến các tinh linh lửa (nếu có thể gọi như vậy). Sự kiện căn bản cần được nhấn mạnh ở đây là AGNI, Chúa Tể của Lửa, cai quản mọi hành khí của lửa và thiên thần trên ba cõi của sự tiến hoá nhân loại, cõi hồng trần, cõi cảm

physical, the astral, and the mental, and rules over them not only on this planet, called the Earth, but on the three planes in all parts of the system. He is one of the seven Brothers (to use an expression familiar to students of the *Secret Doctrine*) Who each embody one of the seven principles, or Who are in Themselves the seven centres in the body of the cosmic Lord of Fire, called by H. P. B. "Fohat." He is that active fiery Intelligence, Who is the basis of the internal fires of the solar system. On each plane one of these Brothers holds sway, and the three elder Brothers (for always the three will be seen, and later the seven, who eventually merge into the primary three) rule on the first, third and the fifth planes, or on the plane of adi, of atma (22) and of manas. It is urgent that we here remember that They are fire viewed [Page 66] in its third aspect, *the fire of matter*. In Their totality these seven Lords form the essence of the cosmic Lord, called in the occult books, Fohat. (23)

dục và cõi trí, và cai quản họ không chỉ trên hành tinh này, gọi là Trái Đất, mà còn trên ba cõi ấy trong mọi phần của hệ mặt trời. Ngài là một trong bảy Huynh Đệ (dùng một cách diễn đạt quen thuộc với các đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm*) mà mỗi Đấng thể hiện một trong bảy nguyên khí, hay tự thân là bảy trung tâm trong thân thể của Chúa Tể vũ trụ của Lửa, được H. P. B. gọi là "Fohat." Ngài là Trí Tuệ lửa linh hoạt ấy, Đấng là nền tảng của các ngọn lửa nội tại của hệ mặt trời. Trên mỗi cõi, một trong các Huynh Đệ này nắm quyền chi phối, và ba Huynh Đệ trưởng (vì luôn luôn sẽ thấy ba, rồi sau đó là bảy, những Đấng cuối cùng dung nhập vào ba nguyên thủy) cai quản trên các cõi thứ nhất, thứ ba và thứ năm, hay trên cõi adi, của atma (22) và của manas. Điều cấp thiết là ở đây chúng ta phải nhớ rằng Các Ngài là lửa được nhìn [Page 66] trong phương diện thứ ba của nó, *lửa của vật chất*. Trong tổng thể của Các Ngài, bảy Chúa Tể này tạo thành tinh túy của Chúa Tể vũ trụ, được gọi trong các sách huyền bí là Fohat. (23)

(22) *Atma* means as you all know the self or the ego or an individualised centre of consciousness around which all worldly experiences in their dual aspect of subjective and objective cluster and arrange themselves. It is as it were one of the foci from which emerge rays of light to illumine the cosmic waters and in which also converge the rays sent back by those waters. In Theosophical writings, it is called the selfconscious individuality or the Higher Manas. From this point of view, you will see that the Higher Manas is the most important principle or the central pivot of the human constitution or the true soul. It is the thread which ought to be caught hold of by one who wants to know the truth and lift himself out of this conditioned existence. To this it may be objected that Atma represents the seventh principle of the theosophical

(22) *Atma* có nghĩa, như tất cả các bạn đều biết, là bản ngã hay chân ngã hoặc một trung tâm tâm thức đã được biệt ngã hóa, quanh đó mọi kinh nghiệm thế gian trong phương diện kép chủ quan và khách quan của chúng tụ lại và tự sắp xếp. Nó có thể nói là một trong những tiêu điểm từ đó các tia sáng phát ra để soi sáng các đại dương vũ trụ và trong đó cũng hội tụ các tia được những đại dương ấy phản chiếu trở lại. Trong các trước tác Thông Thiên Học, nó được gọi là cá thể có ngã thức hay Thượng trí. Từ quan điểm này, bạn sẽ thấy rằng Thượng trí là nguyên khí quan trọng nhất hay trục trung tâm của cấu tạo con người, hay linh hồn đích thực. Nó là sợi dây mà người nào muốn biết chân lý và nâng mình ra khỏi hiện hữu bị điều kiện hóa này phải nắm lấy. Có thể có người phản đối điều này rằng Atma biểu hiện nguyên khí thứ bảy của bộ bảy nguyên khí theo Thông

septenary and that the Manas is far lower in the scale. But the plain answer is that the seventh principle is the ultimate state attainable by the self after crossing the ocean of conditioned existence or samsara."—*Some Thoughts on the Gita*, p. 26. (back)

Thiên Học và rằng Manas ở thấp hơn nhiều trong thang bậc. Nhưng câu trả lời rõ ràng là nguyên khí thứ bảy là trạng thái tối hậu mà bản ngã có thể đạt được sau khi vượt qua đại dương của hiện hữu bị điều kiện hóa hay samsara."—*Some Thoughts on the Gita*, tr. 26. (back)

(23) Fohat, or electricity, is an Entity.

(23) Fohat, hay điện, là một Thực Thể.

He is the primordial	electric Entity	S. D., I, 105.
He is	Will	S. D., I, 136.
He is	Love-Wisdom	S. D., I, 100,144,155.
He is	Active Intelligence	S. D., I, 136.
Therefore He is God		S. D., I, 167.

He is the sumtotal of the energy of the seven Spirits, Who are the sumtotal of the Logos.—S. D., I, 169. (back)

Ngài là tổng thể của năng lượng của bảy Thánh Linh, các Đấng là tổng thể của Logos.—S. D., I, 169. (back)

This is so in the same sense as the seven Chohans, (24) with Their affiliated groups of pupils, form the essence or centres in the body of one of the Heavenly Men, one of the planetary Logoi. These seven again in Their turn form the essence of the Logos.

Điều này cũng đúng theo cùng ý nghĩa như bảy Chohan, (24) cùng với các nhóm đệ tử trực thuộc của Các Ngài, tạo thành tinh túy hay các trung tâm trong thân thể của một trong các Đấng Thiên Nhân, một trong các Hành Tinh Thượng Đế. Bảy Đấng này, đến lượt mình, lại tạo thành tinh túy của Logos.

(24) *Chohan* (Tibetan). A Lord or Master. A high Adept. An initiate who has taken more Initiations than the five major Initiations which make man a "Master of the Wisdom." (back)

(24) *Chohan* (Tây Tạng). Một Chúa Tể hay Chân sư. Một chân sư cao cấp. Một điểm đạo đồ đã nhận nhiều lần điểm đạo hơn năm lần điểm đạo lớn khiến con người trở thành một "Chân sư Minh Triết." (back)

Each of the seven Lords of Fire (25) are differentiated into numerous groups of fire

Mỗi một trong bảy Chúa Tể của Lửa (25) đều được biến phân thành vô số nhóm thực thể

entities, from the Deva-Lords of a plane down to the little salamanders of the internal furnaces. We are not dealing with the fiery essences of the higher planes at this stage in our discussion. We will only enumerate somewhat briefly some of the better known groups, as contacted in the three worlds.

lửa, từ các Chúa Tể Thiên thần của một cõi cho đến những salamander nhỏ bé của các lò lửa bên trong. Ở giai đoạn này của cuộc bàn luận, chúng ta không đề cập đến các tinh túy lửa của các cõi cao hơn. Chúng ta sẽ chỉ liệt kê khá ngắn gọn một vài nhóm được biết đến nhiều hơn, như được tiếp xúc trong ba cõi thấp.

(25) The seven Brothers. See S. D., I, 105. These seven are the seven differentiations of primordial electric energy.

(25) Bảy Huynh Đệ. Xem S. D., I, 105. Bảy vị này là bảy sự biến phân của năng lượng điện nguyên thủy.

Plane. As used in occultism, the term denotes the range or extent of some state of consciousness or of the perceptive power of a particular set of senses or the action or a particular force, or the state of matter corresponding to any of the above. (back)

Cõi. Như được dùng trong huyền bí học, thuật ngữ này chỉ phạm vi hay tầm mức của một trạng thái tâm thức nào đó, hay của năng lực tri giác của một tập hợp giác quan nhất định, hay hoạt động của một mãnh lực đặc thù, hay trạng thái của vật chất tương ứng với bất kỳ điều nào kể trên. (back)

1. *Physical Plane.*

1. *Cõi Hồng Trần.*

Salamanders, those little fire elementals who can be seen dancing in every flame, tending the fires of the hearth and the home, and of the factory. They are of the same group as the fire spirits who can be contacted deep in the fiery bowels of the planet.

Salamander, những hành khí của lửa nhỏ bé có thể được thấy nhảy múa trong mọi ngọn lửa, chăm nom lửa trong lò sưởi, trong nhà cũng như trong nhà máy. Chúng thuộc cùng một nhóm với các tinh linh lửa có thể được tiếp xúc sâu trong lòng rực lửa của hành tinh.

Fire spirits, latent in all focal points of heat, who are themselves the essence of warmth, and can be contacted [Page 67] in the heat of the bodily frame, whether human or animal, and who are likewise the warmth terrestrial.

Các tinh linh lửa, tiềm ẩn trong mọi tiêu điểm của nhiệt, bản thân chúng là tinh túy của hơi ấm, và có thể được tiếp xúc [Page 67] trong sức nóng của thân thể, dù là người hay thú, và cũng chính là hơi ấm của địa cầu.

The Agnichaitans, a higher grade of fire spirit, who form a vortex of fire when viewed on a large scale, such as in volcanoes and large destructive burnings. They are closely allied to a still more important group

Các Agnichaitan, một cấp bậc cao hơn của tinh linh lửa, tạo thành một xoáy lửa khi được nhìn trên quy mô lớn, như trong núi lửa và những đám cháy hủy diệt lớn. Chúng có liên hệ mật thiết với một nhóm thiên

of devas, who form the fiery envelope of the sun.

thần còn quan trọng hơn nữa, những vị tạo thành lớp bao lửa của mặt trời.

The pranic elementals, those minute fiery essences who have the ability to permeate the texture of the human body, of a tree, or of all that may be found in the human, vegetable and animal kingdoms, and who blend with the fires of the microcosmic systems.

Các hành khí prana, những tinh túy lửa cực vi có khả năng thấm vào kết cấu của thân thể con người, của cây cối, hay của mọi thứ có thể tìm thấy trong giới nhân loại, giới thực vật và giới động vật, và hòa trộn với các ngọn lửa của các hệ thống tiểu thiên địa.

Certain of the deva kingdom who may be described as ensouling certain of the great light rays, and Who are in Themselves the essence of those rays. Other forms of such elemental lives and of deva groups might be enumerated, but the above tabulation will suffice for our present purpose.

Một số vị trong giới thiên thần có thể được mô tả là đang phú linh cho một số tia sáng lớn, và tự thân Các Ngài là tinh túy của những tia ấy. Có thể liệt kê thêm những dạng khác của các sự sống hành khí như thế và của các nhóm thiên thần, nhưng bảng trên là đủ cho mục đích hiện tại của chúng ta.

2. *The Astral Plane.*

2. *Cõi Cảm Dục.*

The fiery essences of this plane are more difficult for us to comprehend, having not, as yet, the seeing eye upon that plane. They are in themselves the warmth and heat of the emotional body, and of the body of feeling. They are of a low order when upon the path of desire, and of a high order when upon the path of aspiration, for the elemental is then transmuted into the deva.

Các tinh túy lửa của cõi này khó để chúng ta hiểu hơn, vì chúng ta chưa có con mắt có thể nhìn thấy trên cõi ấy. Tự thân chúng là hơi ấm và sức nóng của thể cảm dục, và của thể cảm xúc. Chúng thuộc cấp thấp khi ở trên con đường dục vọng, và thuộc cấp cao khi ở trên con đường khát vọng, vì khi đó hành khí được chuyển hoá thành thiên thần.

Their grades and ranks are many, but their names matter not save in one instance. It may be of interest to know the appellation applied to the devas of fire whose part it is to tend the fires that will later destroy the causal body. We need to remember that it is the upspringing of the latent fire of matter and its merging with two other fires that causes destruction. These elementals and devas are called the *Agnisuryans,* and in [Page 68] their totality are the fiery essences

Cấp bậc và thứ hạng của chúng rất nhiều, nhưng tên gọi của chúng không quan trọng ngoại trừ trong một trường hợp. Có lẽ điều đáng quan tâm là biết danh xưng được áp dụng cho các thiên thần lửa có phần việc là chăm nom những ngọn lửa mà về sau sẽ hủy diệt thể nguyên nhân. Chúng ta cần nhớ rằng chính sự bùng lên của lửa tiềm ẩn của vật chất và sự dung nhập của nó với hai ngọn lửa khác gây ra sự hủy diệt. Những hành khí và thiên thần này được gọi là *Agnisuryan,* và trong [Page 68] tổng thể của chúng, chúng là các tinh túy lửa của Bồ đề, vì

of buddhi, hence their lowest manifestation is on the sixth plane, the astral.

vậy biểu hiện thấp nhất của chúng là trên cõi thứ sáu, cõi cảm dục.

Further information concerning these deva lives will be found further on in the Treatise, where they are dealt with at some length.

Ở phần sau của Luận thuyết, chúng ta sẽ tìm thấy thêm thông tin về các sự sống thiên thần này, với phần bàn luận khá dài về chúng.

S1S6

DIVISION B - THE PERSONALITY RAY AND FIRE BY FRICTION — PHÂN ĐOẠN B - CUNG PHÀM NGÃ VÀ LỬA MA SÁT

I. The work of the three rays

I. Công việc của ba cung

1. The personality ray.

1. Cung phàm ngã.

2. The Egoic ray.

2. Cung chân ngã.

3. The monadic ray.

3. Cung chân thần.

II. The personality ray and the permanent atom.

II. Cung phàm ngã và nguyên tử trường tồn.

III. The personality ray and karma,

III. Cung phàm ngã và nghiệp quả,

I. THE WORK OF THE THREE RAYS — I. CÔNG VIỆC CỦA BA CUNG

[Page 69] We here touch upon a matter of wide general interest yet which is withal very little comprehended. I refer to the subject of the permanent atoms. (26) Each body or form wherein Spirit functions has, for its focal point on each plane, an atom composed of matter of the atomic subplane of each plane. This serves as a nucleus for the distribution of force, for the conservation of faculty, for the assimilation of experience, and for the preservation [Page 70] of memory. These atoms are in direct connection with one or other of the three

[Page 69] Ở đây chúng ta chạm đến một vấn đề được quan tâm rộng rãi nói chung nhưng lại rất ít được thấu hiểu. Tôi muốn nói đến đề tài các nguyên tử trường tồn. (26) Mỗi thân thể hay hình tướng mà trong đó tinh thần vận hành đều có, làm tiêu điểm của nó trên mỗi cõi, một nguyên tử được cấu tạo bằng vật chất của cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi. Nguyên tử này làm hạt nhân cho sự phân phối mãnh lực, cho sự bảo tồn năng lực, cho sự đồng hoá kinh nghiệm, và cho sự gìn giữ [Page 70] ký ức. Những nguyên tử này có liên hệ trực tiếp với một trong ba cung lớn liên quan đến tiểu thiên địa:—

Great rays in connection with the microcosm:—

(26) *Permanent Atom*. An appropriated point of atomic matter. A tiny centre of force which forms the central factor and the attractive agency around which the sheaths of the incarnating Monad are built. These are strung like pearls upon the sutratma, or thread.

Ray. A stream of force or an emanation. The solar Logos, or the Macrocosm, manifests through three major rays and four minor rays. The Monad or microcosm likewise manifests through three rays as mentioned in the text above. All rays express a peculiar and specialised type of force.

Triad. This is literally Atma-buddhi-manas, the expression of the Monad, just as the personality is the expression of the Ego. The Monad expresses itself through the Triad, and in its lowest or third Aspect forms the Egoic or Causal body, the infant or germinal Ego. Similarly, the Ego expresses itself through the threefold lower man, mental, emotional, and etheric (these being the reflection of the higher triad) and these three give rise to the dense physical manifestation. (back)

a. The *Monadic* Ray, the synthetic ray of the microcosm.

b. The *Egoic* Ray.

c. The *Personality* Ray.

(26) *Nguyên tử trường tồn*. Một điểm vật chất nguyên tử được chiếm dụng. Một trung tâm mãnh lực cực nhỏ tạo thành yếu tố trung tâm và tác nhân hấp dẫn quanh đó các vỏ bọc của Chân thần đang lâm phàm được xây dựng. Chúng được xâu như những hạt ngọc trên sutratma, hay sợi dây.

Cung. Một dòng mãnh lực hay một sự phát xạ. Thái dương Thượng đế, hay Đại thiên địa, biểu lộ qua ba cung chính và bốn cung phụ. Chân thần hay tiểu thiên địa cũng biểu lộ qua ba cung như đã nêu trong đoạn trên. Mọi cung đều biểu lộ một loại mãnh lực đặc thù và chuyên biệt.

Tam nguyên tinh thần. Theo nghĩa đen, đây là Atma-buddhi-manas, sự biểu lộ của chân thần, cũng như phàm ngã là sự biểu lộ của chân ngã. Chân thần biểu lộ qua Tam nguyên tinh thần, và trong Phương diện thấp nhất hay thứ ba của nó tạo thành thể Chân ngã hay thể nguyên nhân, chân ngã sơ sinh hay mầm mống. Tương tự như vậy, chân ngã biểu lộ qua phàm nhân tam phân thấp, trí tuệ, cảm xúc và dĩ thái (ba điều này là sự phản chiếu của Tam nguyên tinh thần cao hơn) và ba điều này làm phát sinh biểu hiện hồng trần đậm đặc. (back)

a. Cung *Chân thần*, cung tổng hợp của tiểu thiên địa.

b. Cung *Chân ngã*.

c. Cung *Phàm ngã*.

of the higher Triad) and these three give rise to the dense physical manifestation.

Each of these rays has a connection with one or other of the permanent atoms in the lower threefold man, and has a direct action upon the spirillae (27) found within the atom. We have noted in *"Letters on Occult Meditation"* that the atoms of the lower threefold man underwent a twofold process: —

(27) Spirilla: "In order to examine the construction of the atom, a space is artificially made, then, if an opening be made in the wall thus constructed, the surrounding force flows in, and three whorls immediately appear, surrounding the "hole" with their triple spiral of two and a half coils, and returning to their origin by a spiral within the atom; these are at once followed by seven finer whorls, which following the spiral of the first three on the outer surface and returning to their origin by a spiral within that, flowing in the opposite direction form a caduceus with the first three. Each of the three coarser whorls, flattened out, makes a closed circle; each of the seven finer ones, similarly flattened out, makes a closed circle. The forces which flow in them, again, come from "outside," from a fourth-dimensional space. Each of the finer whorls is formed of seven yet finer ones, set successively at right angles to each other, each finer than its predecessor; these we call spirillae.

"Each spirilla is animated by the life-force of a plane, and four are at present normally active, one for each round. Their activity in

của Tam nguyên tinh thần cao hơn) và ba điều này làm phát sinh biểu hiện hồng trần đậm đặc.

Mỗi cung này có liên hệ với một trong các nguyên tử trường tồn trong con người tam phân thấp, và có tác động trực tiếp lên các loa tuyến (27) được tìm thấy bên trong nguyên tử. Chúng ta đã lưu ý trong *"Thư Về Tham thiền Huyền môn"* rằng các nguyên tử của con người tam phân thấp đã trải qua một tiến trình nhị phân:—

(27) Loa tuyến: "Để khảo sát cấu tạo của nguyên tử, người ta tạo ra một khoảng không một cách nhân tạo; rồi nếu tạo một lỗ mở trong bức tường được dựng nên như thế, mãnh lực chung quanh sẽ tràn vào, và ba vòng xoáy lập tức xuất hiện, bao quanh 'lỗ' bằng đường xoắn ốc tam phân của chúng gồm hai vòng rưỡi, rồi trở về điểm xuất phát bằng một đường xoắn ốc bên trong nguyên tử; ngay sau đó là bảy vòng xoáy mịn hơn, đi theo đường xoắn ốc của ba vòng đầu trên bề mặt ngoài và trở về điểm xuất phát bằng một đường xoắn ốc bên trong đường kia, chảy theo hướng ngược lại, tạo thành một caduceus với ba vòng đầu. Mỗi một trong ba vòng xoáy thô hơn, khi được trải phẳng ra, tạo thành một vòng tròn khép kín; mỗi một trong bảy vòng xoáy mịn hơn cũng vậy, khi được trải phẳng ra, tạo thành một vòng tròn khép kín. Các mãnh lực chảy trong chúng, một lần nữa, đến từ 'bên ngoài', từ một không gian bốn chiều. Mỗi vòng xoáy mịn hơn lại được tạo thành từ bảy vòng còn mịn hơn nữa, được đặt nối tiếp nhau vuông góc với nhau, mỗi vòng mịn hơn vòng trước; chúng tôi gọi những vòng này là các loa tuyến.

"Mỗi loa tuyến do sinh lực của một cõi làm sinh động, và hiện nay bốn loa tuyến hoạt động bình thường, một cho mỗi cuộc tuần

an individual may be prematurely forced by yoga practice."—*Occult Chemistry*, p. 28. (back)

hoàn. Hoạt động của chúng trong một cá nhân có thể bị cưỡng bức phát triển sớm bằng việc thực hành yoga."—*Occult Chemistry*, tr. 28. (back)

They were first vivified in rotation, and each held the light in ordered sequence until the lower triangle was entirely illumined.

Thoạt tiên, chúng được tiếp sinh lực theo vòng tuần tự, và mỗi cái giữ ánh sáng theo trình tự có trật tự cho đến khi tam giác thấp hoàn toàn được soi sáng.

Eventually transmutation took place, or (to word it otherwise) the polarisation eventually shifted into the three permanent atoms of the Triad, and out of the three permanent atoms of the lower triangle. The physical permanent atom is transcended and the polarisation becomes manasic or mental, the astral permanent atom is transcended and the polarisation becomes buddhic, while the mental unit is superseded by the permanent [Page 71] atom, of the fifth plane, the atmic. This is all brought about by the action of the three rays upon the atoms and upon the life within each atom. The relationship between these three rays and the permanent atoms might be summarised as follows:

Cuối cùng, sự chuyển hoá đã diễn ra, hay (nói cách khác) sự phân cực rốt cuộc đã chuyển vào ba Nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần, và ra khỏi ba Nguyên tử trường tồn của tam giác thấp. Nguyên tử trường tồn hồng trần được vượt qua và sự phân cực trở thành manas hay trí tuệ, nguyên tử trường tồn cảm dục được vượt qua và sự phân cực trở thành Bồ đề, trong khi đơn vị hạ trí nhường chỗ cho nguyên tử trường tồn [Page 71] của cõi thứ năm, tức atma. Tác động của ba cung lên các nguyên tử và lên sự sống bên trong mỗi nguyên tử mang lại tất cả điều này. Mối liên hệ giữa ba cung này và các Nguyên tử trường tồn có thể được tóm lược như sau:

The *Personality* Ray has direct action upon the physical permanent atom.

Cung *phàm ngã* tác động trực tiếp lên nguyên tử trường tồn hồng trần.

The *Egoic* Ray has a similar action upon the astral permanent atom.

Cung *chân ngã* có tác động tương tự lên nguyên tử trường tồn cảm dục.

The *Monadic* Ray has a close connection with the mental unit.

Cung *chân thần* có liên hệ mật thiết với đơn vị hạ trí.

The effect which they have is threefold, but is not simultaneous; they work ever, as do all things in Nature, in ordered cycles. The stimulation, for instance, that is the result of the action of the monadic Ray upon the mental unit is only felt when the aspirant

Hiệu quả mà chúng tạo ra là tam phân, nhưng không đồng thời; chúng luôn hoạt động, như mọi sự trong tự nhiên, theo các chu kỳ có trật tự. Chẳng hạn, sự kích thích là kết quả của tác động của cung chân thần lên đơn vị hạ trí chỉ được cảm nhận khi người

treads the Path, or after he has taken the first Initiation. The action of the egoic Ray upon the astral permanent atom is felt as soon as the Ego can make good connection with the physical brain; when this is so the egoic ray is beginning to affect the atom powerfully and continuously; this occurs when a man is highly evolved and is nearing the Path. This threefold force is felt in the following way:

chí nguyện bước trên Đường Đạo, hoặc sau khi y đã nhận lần điểm đạo thứ nhất. Tác động của cung chân ngã lên nguyên tử trường tồn cảm dục được cảm nhận ngay khi chân ngã có thể tạo được sự liên kết tốt với bộ não hồng trần; khi điều này xảy ra, cung chân ngã bắt đầu ảnh hưởng mạnh mẽ và liên tục lên nguyên tử ấy; điều này xảy ra khi một người đã tiến hoá cao và đang đến gần Đường Đạo. Mãnh lực tam phân này được cảm nhận theo cách sau:

First. It plays upon the wall of the atom as an external force and affects its rotary and vibratory action.

Thứ nhất. Nó tác động lên vách của nguyên tử như một mãnh lực bên ngoài và ảnh hưởng đến chuyển động quay và rung động của nó.

Second. It stimulates the inner fire of the atom and causes its light to shine with increasing brilliancy.

Thứ hai. Nó kích thích lửa bên trong nguyên tử và khiến ánh sáng của nó chiếu rạng ngày càng chói lọi hơn.

Third. It works upon the spirillae, and brings them all gradually into play.

Thứ ba. Nó tác động lên các loa tuyến, và dần dần đưa tất cả chúng vào hoạt động.

II. THE PERSONALITY RAY AND THE PERMANENT ATOM — II. CUNG PHÀM NGÃ VÀ NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN

The *Personality Ray* deals with the first four spirillae, and is the source of their stimulation. Note here the [Page 72] correspondence to the lower quaternary and its stimulation by the ego. The *Egoic Ray* concerns itself with the fifth spirilla and with the sixth, and is the cause of their emerging from latency and potentiality into power and activity. The *Monadic Ray* is the source of the stimulation of the seventh spirilla.

Cung *Phàm ngã* tác động đến bốn loa tuyến đầu tiên, và là nguồn kích thích của chúng. Ở đây, hãy lưu ý sự [Page 72] tương ứng với bộ tứ thấp và sự kích thích của nó bởi chân ngã. Cung *Chân ngã* liên quan đến loa tuyến thứ năm và thứ sáu, và là nguyên nhân khiến chúng thoát khỏi trạng thái tiềm ẩn và tiềm năng để đi vào quyền năng và hoạt động. Cung *Chân thần* là nguồn kích thích loa tuyến thứ bảy.

There is great interest attached to this subject and wide reaches of thought and vast fields for investigation open up before the earnest student. This threefold action

Đề tài này rất đáng quan tâm, và những chân trời tư tưởng rộng lớn cùng những lĩnh vực khảo cứu bao la mở ra trước mắt đạo sinh tha thiết. Tác động tam phân này thay đổi về

varies in point of time and sequence according to the ray itself upon which the Monad may be found; but the subject is too vast to be handled at this time.

thời điểm và trình tự tùy theo chính cung của chân thần; nhưng đề tài này quá bao la để có thể bàn đến vào lúc này.

In looking at the matter from the standpoint of fire the idea may be grasped a little through the realisation that the latent fire of matter in the atom is brought into brilliance and usefulness by the action of the personality Ray which merges with this fire and stands in the same position to the permanent atom in the microcosm as FOHAT does on the cosmic plane. The fire is there hidden within the sphere (whether the sphere systemic or the sphere atomic) and the personality Ray in the one case, and Fohat in the other, acts as the force which brings latency into activity and potentiality into demonstrated power. This correspondence should be thought out with care and judgment. Just as Fohat has to do with active manifestation or objectivity, so the personality Ray has to do with the third, or activity aspect in the microcosm. The work of the third aspect logoic was the arranging of the matter of the system so that eventually it could be built into form through the power of the second aspect. Thus the correspondence works out. By life upon the physical plane (that life wherein the physical permanent atom has its full demonstration) the matter is arranged and separated that must eventually be built into the Temple of Solomon, the egoic body, through the agency of the egoic life, the second [Page 73] aspect. In the quarry of the personal life are the stones prepared for the great Temple. In existence upon the physical plane and in the objective personal life is that experience gained which demonstrates as faculty in the Ego. What is here suggested would richly repay our closest attention, and open up before us reaches of ideas, which should eventuate in a wiser comprehension,

Khi xem xét vấn đề từ quan điểm của lửa, ý tưởng này có thể được nắm bắt phần nào qua sự chứng nghiệm rằng lửa tiềm ẩn của vật chất trong nguyên tử được đưa đến chỗ rực sáng và hữu dụng nhờ tác động của cung phàm ngã, cung này hòa nhập với lửa ấy và đứng trong cùng vị trí đối với nguyên tử trường tồn trong tiểu thiên địa như FOHAT đứng trên cõi vũ trụ. Lửa ấy ẩn kín bên trong khối cầu (dù là khối cầu của hệ mặt trời hay khối cầu nguyên tử), và cung phàm ngã trong trường hợp này, còn Fohat trong trường hợp kia, hoạt động như mãnh lực đưa cái tiềm ẩn vào hoạt động và cái tiềm năng vào quyền năng được biểu lộ. Sự tương ứng này cần được suy nghĩ với sự cẩn trọng và phân biện. Cũng như Fohat liên quan đến sự biểu hiện tích cực hay tính khách quan, thì cung phàm ngã liên quan đến phương diện thứ ba, hay phương diện hoạt động, trong tiểu thiên địa. Công việc của phương diện thứ ba Thượng đế là sắp xếp vật chất của hệ mặt trời để cuối cùng nó có thể được xây dựng thành hình tướng nhờ quyền năng của phương diện thứ hai. Như vậy sự tương ứng được triển khai. Bằng sự sống trên cõi hồng trần (sự sống mà trong đó nguyên tử trường tồn hồng trần có sự biểu lộ trọn vẹn của nó), vật chất được sắp xếp và phân tách để cuối cùng phải được xây dựng thành Đền thờ Solomon, thể chân ngã, thông qua tác nhân của sự sống chân ngã, phương diện thứ hai [Page 73]. Trong mỏ đá của đời sống cá nhân, những phiến đá được chuẩn bị cho Đền thờ vĩ đại. Trong sự tồn tại trên cõi hồng trần và trong đời sống cá nhân khách quan, kinh nghiệm được thu nhận, kinh nghiệm ấy biểu lộ thành năng lực trong chân ngã. Điều được gợi ra ở đây rất đáng để chúng ta chú tâm sát sao nhất, và mở ra trước mắt chúng

a sounder judgment, and a greater encouragement to action.

ta những chân trời ý tưởng, những điều này sẽ dẫn đến sự thấu hiểu minh triết hơn, sự phán đoán vững chắc hơn, và sự khích lệ hành động lớn lao hơn.

III. THE PERSONALITY RAY AND KARMA — III. CUNG PHÀM NGÃ VÀ NGHIỆP QUẢ

It might be wise here to recapitulate a little so that in the refreshing of the memory may come the basis of further knowledge. We dealt first with the three fires of the system, macrocosmic and microcosmic, and having laid down certain hypotheses we passed to the consideration of the first of the fires, that which is inherent in matter. Having studied it somewhat in its threefold manifestation in the various parts of the system, including man, we took up the matter of the personality Ray and its relationship to this third fire. We must recall here that all that has been dealt with has been in relation to matter, and for the whole of this first section this thought must be borne carefully in mind.

Ở đây, có lẽ nên tóm lược lại đôi chút để việc ôn lại ký ức có thể làm nền tảng cho tri thức sâu hơn. Trước hết, chúng ta đã bàn đến ba ngọn lửa của hệ mặt trời, đại thiên địa và tiểu thiên địa, và sau khi đặt ra một số giả thuyết, chúng ta chuyển sang xem xét ngọn lửa thứ nhất, tức ngọn lửa vốn cố hữu trong vật chất. Sau khi nghiên cứu phần nào sự biểu hiện tam phân của nó trong các phần khác nhau của hệ mặt trời, kể cả con người, chúng ta đã đề cập đến vấn đề cung phàm ngã và mối liên hệ của nó với ngọn lửa thứ ba này. Ở đây, chúng ta phải nhớ rằng tất cả những gì đã được bàn đến đều liên quan đến vật chất, và trong toàn bộ phần thứ nhất này, tư tưởng ấy phải được ghi nhớ cẩn thận.

In our second section we will consider all from the standpoint of mind, and in the final from the standpoint of the Divine Ray. Here we are dealing with what H. P. B. calls the primordial ray and its manifestations in matter. *(See S. D., I, 108; II, 596.)* All these Rays of Cosmic Mind, Primordial Activity, and Divine Love-Wisdom are but essential quality demonstrating through the agency of some one factor.

Trong phần thứ hai, chúng ta sẽ xem xét mọi sự từ quan điểm của trí tuệ, và trong phần cuối cùng từ quan điểm của cung thiêng liêng. Ở đây, chúng ta đang bàn đến điều mà H. P. B. gọi là cung nguyên sơ và các biểu hiện của nó trong vật chất. *(Xem S. D., I, 108; II, 596.)* Tất cả các Cung của Trí Tuệ Vũ Trụ, Hoạt Động Nguyên Sơ, và Bác Ái – Minh Triết thiêng liêng này chỉ là phẩm tính cốt yếu được biểu lộ thông qua tác nhân của một yếu tố nào đó.

The *Primordial Ray* is the quality of motion, demonstrating through matter.

Cung *Nguyên sơ* là phẩm tính của chuyển động, được biểu lộ qua vật chất.

[Page 74] The *Ray of Mind* is the quality of intelligent organisation, demonstrating

[Page 74] Cung *Trí Tuệ* là phẩm tính của sự tổ chức thông minh, được biểu lộ qua các hình

through forms, which are the product of motion and matter.

tướng, vốn là sản phẩm của chuyển động và vật chất.

The *Ray of Love-Wisdom* is the quality of basic motive that utilises the intelligent organisation of matter in motion to demonstrate in one synthetic whole the great Love aspect of the Logos. *(S. D., I, 99, 108; II, 596.)*

Cung *Bác Ái – Minh Triết* là phẩm tính của động cơ căn bản, động cơ này sử dụng sự tổ chức thông minh của vật chất đang chuyển động để biểu lộ trong một toàn thể tổng hợp duy nhất phương diện Bác Ái vĩ đại của Logos. *(S. D., I, 99, 108; II, 596.)*

This line of thought can be worked out also correspondingly in the Microcosm, and will show how individual man is engaged in the same type of work on a lesser scale as the solar Logos.

Dòng tư tưởng này cũng có thể được triển khai tương ứng trong Tiểu thiên địa, và sẽ cho thấy con người cá nhân đang tham gia cùng một loại công việc như Thái dương Thượng đế, nhưng ở quy mô nhỏ hơn.

At this point in the treatise we are confining our attention to the Ray of Active Matter, or to that latent heat in substance which underlies its activity and is the cause of its motion. If we think with sincerity and with clarity we will see how closely therefore the Lipika Lords or the Lords of Karma are associated with this work. Three of Them are closely connected with Karma as it concerns one or other of the three great Rays, or the three FIRES, while the fourth Lipika Lord synthesizes the work of his three Brothers and attends to the uniform blending and merging of the three fires. On our planet, the Earth, They find Their points of contact through the three "Buddhas of Activity," (30) (the correspondence should be noted here) and the fourth Kumara, the Lord of the World. Therefore, we arrive at the realisation that the personality Ray, in its relation to the fire of matter, is directly influenced and adjusted in its working by one of the Buddhas of Activity.

Tại điểm này trong bộ luận, chúng ta đang giới hạn sự chú ý vào Cung của Vật Chất Hoạt Động, hay vào nhiệt tiềm ẩn trong chất liệu, thứ làm nền cho hoạt động của nó và là nguyên nhân của chuyển động của nó. Nếu chúng ta suy nghĩ với sự chân thành và sáng tỏ, do đó chúng ta sẽ thấy các Đấng Lipika hay các Đấng Nghiệp Quả gắn bó mật thiết với công việc này đến mức nào. Ba Vị trong Các Ngài liên hệ chặt chẽ với nghiệp quả khi nó liên quan đến một trong ba Cung lớn, hay ba NGỌN LỬA, trong khi Đấng Lipika thứ tư tổng hợp công việc của ba Huynh đệ của Ngài và chăm lo sự hòa trộn và hòa nhập đồng đều của ba ngọn lửa. Trên hành tinh của chúng ta, Trái Đất, Các Ngài tìm thấy những điểm tiếp xúc của Các Ngài thông qua ba "Đức Phật Hoạt Động," (30) (sự tương ứng ở đây cần được lưu ý) và Kumara thứ tư, Đức Chúa Tể Thế Giới. Vì vậy, chúng ta đi đến sự chứng nghiệm rằng cung phàm ngã, trong mối liên hệ của nó với lửa của vật chất, chịu ảnh hưởng trực tiếp của một trong các Đức Phật Hoạt Động, và hoạt động của cung này do vị ấy điều chỉnh.

(30) "Buddhas of Activity." The 'Pratyeka Buddhas.' This is a degree which belongs

(30) "Các Đức Phật Hoạt Động." Các 'Pratyeka Buddha.' Đây là một cấp độ chỉ riêng Trường

exclusively to the Yogacharya School, yet it is only one of high intellectual development with no true spirituality....It is one of the three paths to Nirvana, and the lowest, in which a yogi—"without teacher and without saving others"—by the mere force of will and technical observances, attains to a kind of nominal Buddahood individually."—*Theosophical Glossary.* (back)

phái Yogacharya mới có, tuy nhiên đó chỉ là một sự phát triển trí tuệ cao mà không có tinh thần chân chính.... Đó là một trong ba con đường dẫn đến Niết Bàn, và là con đường thấp nhất, trong đó một yogi —"không có huấn sư và không cứu giúp người khác"—chỉ bằng mãnh lực của ý chí và các nghi thức kỹ thuật, đạt đến một loại Phật quả trên danh nghĩa một cách cá nhân."—*Theosophical Glossary.* (trở lại)

[Page 75] The karma (31, 32, 33) of matter itself is an abstruse subject and has as yet scarcely been hinted at. It is nevertheless indissolubly mixed up with the karma of the individual. It involves a control of the evolution of the monadic essence, the elemental essence and of the atomic matter of the plane; it is concerned with the development of the four spirillae, with their activity, with their attachment to forms when atomic, and with the development of the inner latent heat and its gradual fiery increase until we have within the atom a repetition of what is seen within the causal body: the destruction of the periphery of the atom by the means of burning. It deals with the subject of the building of matter into form by the interaction of the two rays, the Divine and the Primordial, producing thereby that fire by friction which tends to life and fusing.

[Page 75] Nghiệp quả (31, 32, 33) của chính vật chất là một đề tài thâm áo và cho đến nay hầu như chưa được gợi ý đến. Tuy nhiên, nó gắn bó bất khả phân ly với nghiệp quả của cá nhân. Nó bao hàm sự kiểm soát tiến hoá của tinh chất chân thần, tinh chất hành khí và vật chất nguyên tử của cõi; nó liên quan đến sự phát triển của bốn loa tuyến, hoạt động của chúng, sự gắn kết của chúng với các hình tướng khi ở trạng thái nguyên tử, và sự phát triển của nhiệt tiềm ẩn bên trong cùng sự gia tăng rực lửa dần dần của nó cho đến khi chúng ta có bên trong nguyên tử một sự lặp lại của điều được thấy bên trong thể nguyên nhân: sự phá hủy chu vi của nguyên tử bằng phương tiện đốt cháy. Nó bàn đến chủ đề xây dựng vật chất thành hình tướng bằng sự tương tác của hai cung, cung Thiêng liêng và cung Nguyên sơ, nhờ đó tạo ra lửa ma sát vốn có khuynh hướng hướng đến sự sống và sự dung hợp.

(31) "From the view taken of Karma as I have done it, you will see that no plane of the highest spirituality, be that the plane of the nirvanees, is outside the karmic wheel and when it is said in the Sanskrit writings and even in the Bhagavat Gita that men cross the karmic ocean, it must be understood with some allowance. The entities that have now succeeded in going outside the karmic wheel, have done so, only if that wheel be taken as the one that turns now. The cosmos

(31) "Từ quan điểm về Karma như tôi đã trình bày, bạn sẽ thấy rằng không một cõi nào của tinh thần cao nhất, dù đó là cõi của các nirvanees, lại ở ngoài bánh xe nghiệp quả, và khi trong các trước tác Sanskrit và ngay cả trong Bhagavat Gita có nói rằng con người vượt qua đại dương nghiệp quả, thì điều đó phải được hiểu với một mức độ dè dặt nào đó. Những thực thể hiện nay đã thành công trong việc đi ra ngoài bánh xe nghiệp quả chỉ làm được như vậy nếu bánh

is not going in one groove all the days of Brahma, but it is going on a higher and higher status as it fulfils its mission. Those who have attained unto a rest in a state of spirituality not reachable now, will therefore in a future day come within the action of the wheel, with perhaps a punishment for the great duties neglected for long ages."—*Some Thoughts on the Gita*, p. 40.

xe ấy được hiểu là bánh xe hiện đang quay. Vũ trụ không đi trong một rãnh duy nhất suốt mọi ngày của Brahma, mà nó tiến lên những trạng thái ngày càng cao hơn khi nó hoàn thành sứ mệnh của mình. Vì vậy, những ai đã đạt đến sự an nghỉ trong một trạng thái tinh thần hiện nay chưa thể đạt tới, thì trong một ngày tương lai sẽ lại đi vào dưới tác động của bánh xe ấy, có lẽ kèm theo một sự trừng phạt vì những bổn phận lớn lao đã bị bỏ bê trong nhiều thời đại."—*Some Thoughts on the Gita*, tr. 40.

The karma of form is likewise a vast subject, too [Page 76] involved for average comprehension but a factor of real importance which should not be overlooked in connection with the evolution of a world, a synthesis of worlds, or of a system when viewed from higher levels. Everything is, in its totality, the result of action taken by cosmic Essences and Entities in earlier solar systems, which is working out through the individual atoms, and through those congeries of atoms which we call forms. The effect of the personality Ray upon the internal fires is therefore, in effect, the result of the influence of the planetary Logos of whatever ray is implicated, as He works out that portion of Karma which falls to His share in any one cycle, greater or lesser. He thus brings about and eventually transmutes, the effects of causes which He set in motion earlier in relation to His six Brothers, the other planetary Logoi. We get an illustrative parallel in the effect which one individual will have upon another in worldly contact, in moulding and influencing, in stimulating or retarding. We have to remember that all fundamental influence and effects are felt on the astral plane and work thence through the etheric to the dense physical thereby bringing

Nghiệp quả của hình tướng cũng là một đề tài bao la, quá [Page 76] phức tạp đối với sự thấu hiểu trung bình, nhưng là một yếu tố thực sự quan trọng không nên bị bỏ qua khi liên hệ với sự tiến hoá của một thế giới, một tổng hợp các thế giới, hay một hệ mặt trời khi được nhìn từ các cấp độ cao hơn. Mọi sự, trong tính toàn thể của nó, đều là kết quả của hành động do các Tinh Chất và các Thực Thể vũ trụ thực hiện trong các hệ mặt trời trước đây, và hiện đang được triển khai qua các nguyên tử cá biệt, cũng như qua những tập hợp nguyên tử mà chúng ta gọi là các hình tướng. Vì vậy, hiệu quả của cung phàm ngã lên các ngọn lửa bên trong, trên thực tế, là kết quả của ảnh hưởng của Hành Tinh Thượng Đế thuộc bất kỳ cung nào có liên can, khi Ngài triển khai phần Nghiệp Quả mà Ngài đảm nhận trong bất kỳ chu kỳ nào, lớn hay nhỏ. Như thế, Ngài mang lại và cuối cùng chuyển hoá các hiệu quả của những nguyên nhân mà trước đây Ngài đã khởi động trong mối liên hệ với sáu Huynh đệ của Ngài, các Hành Tinh Thượng Đế khác. Chúng ta có một sự tương đồng minh họa trong hiệu quả mà một cá nhân sẽ có lên một cá nhân khác trong tiếp xúc thế gian, trong việc uốn nắn và ảnh hưởng, trong việc kích thích hay làm chậm lại. Chúng ta phải nhớ rằng mọi ảnh hưởng và hiệu quả căn bản đều được cảm nhận trên cõi cảm dục và từ đó hoạt động qua dĩ thái đến cõi hồng trần đậm

matter under its sphere of influence, yet not itself originating on the physical plane.

đặc, nhờ đó đưa vật chất vào trong phạm vi ảnh hưởng của nó, tuy bản thân nó không khởi nguồn trên cõi hồng trần.

S1S7

DIVISION C - THE ETHERIC BODY AND PRANA — PHÂN ĐOẠN C - THỂ DĨ THÁI VÀ PRANA

(34)

(34) "Prana, or the vital principle, is the special relation of the Atma with a certain form of matter which by the relation of Atma organises and builds up as a means of having experience. This special relation constitutes the individual Prana in the individual body. The cosmic all-pervading Prana is not Prana in the gross sense, but is a name for the Brahman as the author of the individual Prana....All beings, whether Devatas, men or animals, exist only so long as the Prana is within the body. It is the life duration of all....Prana, or vitality, is the common function of the mind and all the senses."—*Serpent Power*, pp. 94, 95. (back)

(34)

(34) "Prana, hay nguyên khí sinh lực, là mối liên hệ đặc biệt của Atma với một dạng vật chất nào đó mà nhờ mối liên hệ của Atma, nó tổ chức và xây dựng lên như một phương tiện để có kinh nghiệm. Mối liên hệ đặc biệt này cấu thành prana cá nhân trong thân thể cá nhân. Prana vũ trụ bao trùm khắp nơi không phải là prana theo nghĩa thô trược, mà là một danh xưng dành cho Brahman như tác giả của prana cá nhân....Mọi hữu thể, dù là Devata, con người hay động vật, chỉ tồn tại chừng nào prana còn ở trong thân thể. Nó là thời lượng sự sống của tất cả....Prana, hay sinh lực, là chức năng chung của trí tuệ và mọi giác quan."—*Serpent Power*, tr. 94, 95. (trở lại)

I. The nature of the etheric body.

1. Its purpose and description.

2. Eight statements.

II. The nature of prana.

1. Solar prana.

2. Planetary prana.

3. The prana of forms.

I. Bản chất của thể dĩ thái.

1. Mục đích và mô tả của nó.

2. Tám mệnh đề.

II. Bản chất của prana.

1. Prana thái dương.

2. Prana hành tinh.

3. Prana của các hình tướng.

III. The function of the etheric body.

1. It is the receiver of prana.

2. It is the assimilator of prana.

3. It is the transmitter of prana.

4. Disorders of the etheric body.

IV. Macrocosmic and microcosmic ethers.

1. The planetary Logos and the ethers.

2. Cosmic and systemic ethers.

3. Protective purpose of etheric body.

V. Death and the etheric body.

1. Microcosmic death.

2. Macrocosmic pralaya.

III. Chức năng của thể dĩ thái.

1. Nó là bộ tiếp nhận prana.

2. Nó là bộ đồng hoá prana.

3. Nó là bộ truyền dẫn prana.

4. Những rối loạn của thể dĩ thái.

IV. Các dĩ thái đại thiên địa và tiểu thiên địa.

1. Hành Tinh Thượng Đế và các dĩ thái.

2. Các dĩ thái của vũ trụ và của hệ mặt trời.

3. Mục đích bảo vệ của thể dĩ thái.

V. Cái chết và thể dĩ thái.

1. Cái chết tiểu thiên địa.

2. Giai kỳ qui nguyên đại thiên địa.

I. THE NATURE OF THE ETHERIC BODY — I. BẢN CHẤT CỦA THỂ DĨ THÁI

[Page 77] In our consideration of the internal fires of the system we shall find much of very real interest to the coming [Page 78] generation of thinkers for three main reasons, which might be enumerated as follows:

[Page 77] Trong khi xem xét các ngọn lửa bên trong của hệ mặt trời, chúng ta sẽ thấy nhiều điều thực sự rất đáng quan tâm đối với thế hệ [Page 78] các nhà tư tưởng sắp đến vì ba lý do chính, có thể được liệt kê như sau:

1. Its Purpose and Description — 1. Mục đích và Mô tả của nó

First. In the study of the etheric body lies hid (for scientists and those of the medical profession) a fuller comprehension of the laws of matter and the laws of health. The word *health* has become too localised in the

Thứ nhất. Trong việc nghiên cứu thể dĩ thái, có ẩn giấu (đối với các nhà khoa học và những người trong ngành y) một sự thấu hiểu đầy đủ hơn về các định luật của vật chất và các định luật của sức khỏe. Trong quá

past, and its meaning confined to the sanity of the body corporeal, to the co-operative action of the atoms of the physical body of man, and to the full expression of the powers of the physical elemental. In days to come it will be realised that the health of man is dependent upon the health of all allied evolutions, and upon the co-operative action and full expression of the matter of the planet and of the planetary elemental who is himself a composite manifestation of the physical elementals of all manifested nature.

khứ, từ *sức khỏe* đã mang nghĩa quá hạn hẹp, và ý nghĩa của nó bị giới hạn vào sự lành mạnh của thân thể, vào hoạt động hợp tác của các nguyên tử trong thể xác hồng trần của con người, và vào sự biểu lộ trọn vẹn các quyền năng của tinh linh thể xác. Trong những ngày sắp đến, người ta sẽ chứng nghiệm rằng sức khỏe của con người tùy thuộc vào sức khỏe của mọi tiến hoá liên hệ, và vào hoạt động hợp tác cùng sự biểu lộ trọn vẹn của vật chất của hành tinh và của hành khí hành tinh, vốn chính là một biểu hiện tổng hợp của các tinh linh thể xác của toàn bộ tự nhiên biểu hiện.

Second. In the study of the etheric body and prana lies the revelation of the effects of those rays of the sun which (for lack of better expression), we will call "solar pranic emanations." These solar pranic emanations are the produced effect of the central heat of the sun approaching other bodies within the solar system by one of the three main channels of contact, and producing on the bodies then contacted certain effects differing somewhat from those produced by the other emanations. These effects might be considered as definitely stimulating and constructive, and (through their essential quality) as producing conditions that further the growth of cellular matter, and concern its adjustment to environing conditions; they concern likewise the internal health (demonstrating as the heat of the atom and its consequent activity) and the uniform evolution of the form of which that particular atom of matter forms a constituent part. Emanative prana does little in connection with [Page 79] form building; that is not its province, but it conserves the form through the preservation of the health of its component parts. Other rays of the sun act differently, upon the forms and upon their substance. Some perform the work of the Destroyer of forms, and others carry on

Thứ hai. Trong việc nghiên cứu thể dĩ thái và prana có sự mặc khải về các hiệu quả của những tia của mặt trời mà (vì thiếu một cách diễn đạt tốt hơn), chúng ta sẽ gọi là "các phát xạ prana thái dương." Các phát xạ prana thái dương này là hiệu quả do nhiệt trung tâm của mặt trời tạo ra khi tiếp cận các vật thể khác trong hệ mặt trời qua một trong ba kênh tiếp xúc chính, và tạo ra trên các vật thể được tiếp xúc những hiệu quả phần nào khác với những hiệu quả do các phát xạ khác tạo ra. Những hiệu quả này có thể được xem là có tính kích thích và kiến tạo rõ rệt, và (qua phẩm tính cốt yếu của chúng) như tạo ra những điều kiện thúc đẩy sự tăng trưởng của vật chất tế bào, và liên quan đến sự điều chỉnh của nó đối với các điều kiện môi trường xung quanh; chúng cũng liên quan đến sức khỏe nội tại (biểu lộ như nhiệt của nguyên tử và hoạt động kéo theo của nó) và sự tiến hoá đồng đều của hình tướng mà nguyên tử vật chất đặc thù ấy tạo thành một phần cấu thành. Prana phát xạ ít làm việc liên quan đến [Page 79] việc xây dựng hình tướng; đó không phải là phạm vi của nó, nhưng nó bảo tồn hình tướng qua việc duy trì sức khỏe của các phần cấu thành của nó. Những tia khác của mặt trời tác động khác đi lên các hình tướng và lên chất liệu của chúng. Một số thực hiện công việc của Đấng

the work of cohering and of attracting; the work of the Destroyer and of the Preserver is carried on under the Law of Attraction and Repulsion. Some rays definitely produce accelerated motion, others produce retardation. The ones we are dealing with here—pranic solar emanations—work within the four ethers, that matter which (though physical) is not as yet objectively visible to the eye of man. They are the basis of all physical plane life considered solely in connection with the life of the physical plane atoms of matter, their inherent heat and their rotary motion. These emanations are the basis of that "fire by friction" which demonstrates in the activity of matter.

Hủy Diệt các hình tướng, và những tia khác tiếp tục công việc kết dính và thu hút; công việc của Đấng Hủy Diệt và của Đấng Bảo Tồn được tiến hành dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Một số tia rõ rệt tạo ra chuyển động gia tốc, những tia khác tạo ra sự trì hoãn. Những tia mà ở đây chúng ta đang bàn đến—các phát xạ thái dương prana—hoạt động bên trong bốn dĩ thái, tức loại vật chất mà (dù là hồng trần) vẫn chưa hiện rõ khách quan trước mắt người. Chúng là nền tảng của toàn bộ sự sống cõi hồng trần nếu chỉ xét trong mối liên hệ với sự sống của các nguyên tử vật chất của cõi hồng trần, nhiệt cố hữu của chúng và chuyển động quay của chúng. Các phát xạ này là nền tảng của "lửa ma sát" biểu lộ trong hoạt động của vật chất.

Finally, in the study of the etheric body and prana comes comprehension of the method of logoic manifestation, and therefore much of interest to the metaphysician, and all abstract thinkers. The etheric body of man holds hid the secret of his objectivity. It has its correspondence on the archetypal plane, —the plane we call that of the divine manifestation, the first plane of our solar system, the plane Adi. The matter of that highest plane is called often the "sea of fire" and it is the root of the akasha, the term applied to the substance of the second plane of manifestation. Let us trace the analogy a little more in detail, for in its just apprehension will be found much of illumination and much that will serve to elucidate problems both macrocosmic and microcosmic. We will begin with man and his etheric body.

Sau cùng, trong việc nghiên cứu thể dĩ thái và prana xuất hiện sự thấu hiểu về phương pháp biểu hiện Thượng đế, và do đó có nhiều điều đáng quan tâm đối với nhà siêu hình học và mọi nhà tư tưởng trừu tượng. Thể dĩ thái của con người ẩn giữ bí mật về tính khách quan của y. Nó có sự tương ứng của nó trên cõi nguyên mẫu,—cõi mà chúng ta gọi là cõi của sự biểu hiện thiêng liêng, cõi thứ nhất của hệ mặt trời chúng ta, cõi Adi. Vật chất của cõi cao nhất ấy thường được gọi là "biển lửa" và là cội rễ của akasha, thuật ngữ được áp dụng cho chất liệu của cõi biểu hiện thứ hai. Chúng ta hãy lần theo sự tương đồng này chi tiết hơn một chút, vì trong sự nắm bắt đúng đắn về nó sẽ tìm thấy nhiều sự soi sáng và nhiều điều sẽ giúp làm sáng tỏ các vấn đề cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa. Chúng ta sẽ bắt đầu với con người và thể dĩ thái của y.

The etheric body has been described as a network, permeated with fire, or as a web, animated with golden light. It is spoken of in the Bible as the "golden bowl." [Page 80] It is a composition of that matter of the physical

Thể dĩ thái đã được mô tả như một mạng lưới thấm đẫm lửa, hay như một tấm lưới được làm sinh động bởi ánh sáng vàng kim. Trong Kinh Thánh, nó được nói đến như "chiếc bát vàng." [Page 80] Nó là một cấu hợp

plane which we call etheric, and its shape is brought about by the fine interlacing strands of this matter being built by the action of the lesser Builders into the form or mould upon which later the dense physical body can be moulded. Under the Law of Attraction, the denser matter of the physical plane is made to cohere to this vitalised form, and is gradually built up around it, and within it, until the interpenetration is so complete that the two forms make but one unit; the pranic emanations of the etheric body itself play upon the dense physical body in the same manner as the pranic emanations of the sun play upon the etheric body. It is all one vast system of transmission and of interdependence within the system. All receive in order to give, and to pass on to that which is lesser or not so evolved. Upon every plane this process can be seen.

của loại vật chất của cõi hồng trần mà chúng ta gọi là dĩ thái, và hình dạng của nó do các Đấng Kiến Tạo nhỏ hơn dựng nên từ những sợi mảnh đan xen của loại vật chất này, thành hình tướng hay khuôn mẫu mà về sau thể xác hồng trần đậm đặc có thể được nắn theo khuôn. Dưới Định luật Hấp Dẫn, vật chất đậm đặc hơn của cõi hồng trần được làm cho kết dính vào hình tướng đã được tiếp sinh lực này, và dần dần được xây dựng quanh nó và bên trong nó, cho đến khi sự xuyên thấm lẫn nhau hoàn toàn đến mức hai hình tướng chỉ tạo thành một đơn vị; các phát xạ prana của chính thể dĩ thái tác động lên thể xác hồng trần đậm đặc theo cùng cách như các phát xạ prana của mặt trời tác động lên thể dĩ thái. Tất cả chỉ là một hệ thống truyền dẫn và tương thuộc bao la bên trong hệ mặt trời. Mọi sự đều nhận để cho đi, và để chuyển tiếp đến cái thấp hơn hay chưa tiến hoá bằng. Trên mọi cõi, tiến trình này đều có thể được thấy.

Thus the etheric body forms the archetypal plane in relation to the dense physical body. The thinker on his own plane stands, in relation to the physical, as the Logos to His system. In the synthesis of thought it might be expressed thus: The thinker on the astral plane, the plane of desire and of necessity, stands to the physical body as the Logos on the cosmic astral plane stands to His system.

Như vậy, thể dĩ thái tạo thành cõi nguyên mẫu trong mối liên hệ với thể xác hồng trần đậm đặc. Thức giả trên cõi riêng của y đứng, trong mối liên hệ với thể xác, như Logos đối với hệ mặt trời của Ngài. Trong sự tổng hợp của tư tưởng, điều này có thể được diễn đạt như sau: thức giả trên cõi cảm dục, cõi của dục vọng và nhu cầu, đứng đối với thể xác hồng trần như Logos trên cõi cảm dục vũ trụ đứng đối với hệ mặt trời của Ngài.

As we continue the study we will work out the correspondence in the cosmos, the system, and in the three worlds, for we need to remember that the analogy must be perfect.

Khi tiếp tục nghiên cứu, chúng ta sẽ triển khai sự tương ứng trong vũ trụ, trong hệ mặt trời, và trong ba cõi thấp, vì chúng ta cần nhớ rằng sự tương đồng phải là hoàn hảo.

1. Man, the Microcosm, the manifesting Monad, or One.

1. Con người, Tiểu thiên địa, chân thần đang biểu hiện, hay Đấng Duy Nhất.

2. The Heavenly Man, the planetary Logos, or the manifesting group.

3. The Grand Man of the Heavens, the Macrocosm, the solar Logos, the manifestation of all groups and of all evolutions within His Body, the solar system.

[Page 81] All these bodies—the body of a man, a planetary Logos, and a solar Logos—are the product of desire originating on the planes of abstract mind, whether cosmic, systemic, or mind in the three worlds, whether cosmic desire-mind or human desire-mind, and all their bodies are "Sons of Necessity," as H. P. B. so aptly expressed it. *(S. D., I, 74)*, (36)

(36) "This whole solar system being conceived of as one vast mechanism, with an exquisite adjustment of its parts in all major details, is only the physical expression of Vishnu, or the ethereal basic substance, as we may understand the word for the present. All the harmonies observable in the manifested cosmos are only the result of the harmoniously working energies that resolve ether into the expression that we recognise. All planets, worlds, human beings, etc., are only parts of the body, each functioning in subordination to the law which governs the whole. The evolution, preservation and destruction of the world is therefore one vast process called Yagna, which takes place in the body of Yagna Purusha, or the psychical body of nature. Humanity taken collectively is the heart and brain of this Purusha and therefore all the Karma generated by humanity, physical, mental, or spiritual, determines mainly the character of this Yagnic process....Sri Krishna therefore calls the process the Yagnic life that he has

2. Đấng Thiên Nhân, Hành Tinh Thượng Đế, hay nhóm đang biểu hiện.

3. Đại Nhân của Thiên Giới, Đại thiên địa, Thái dương Thượng đế, sự biểu hiện của mọi nhóm và mọi tiến hoá bên trong Thân thể của Ngài, tức hệ mặt trời.

[Page 81] Tất cả các thân thể này—thân thể của một con người, của một Hành Tinh Thượng Đế, và của một Thái dương Thượng đế—đều là sản phẩm của dục vọng khởi nguồn trên các cõi trí trừu tượng, dù là vũ trụ, hệ mặt trời, hay trí tuệ trong ba cõi thấp, dù là trí-cảm vũ trụ hay trí-cảm nhân loại, và tất cả các thân thể của các Đấng ấy đều là "Các Con của Nhu Cầu," như H. P. B. đã diễn đạt rất xác đáng. *(S. D., I, 74)*, (36)

(36) "Toàn thể hệ mặt trời này, được quan niệm như một bộ máy bao la duy nhất, với sự điều chỉnh tinh vi của các bộ phận trong mọi chi tiết chính yếu, chỉ là biểu hiện hồng trần của Vishnu, hay chất liệu căn bản dĩ thái, theo cách chúng ta có thể hiểu từ ngữ ấy vào lúc này. Mọi sự hài hòa có thể quan sát được trong vũ trụ biểu hiện chỉ là kết quả của những năng lượng vận hành hài hòa, những năng lượng phân giải dĩ thái thành biểu hiện mà chúng ta nhận biết. Mọi hành tinh, thế giới, con người, v.v., chỉ là những phần của thân thể, mỗi phần hoạt động trong sự lệ thuộc vào định luật chi phối toàn thể. Do đó, sự tiến hoá, bảo tồn và hủy diệt của thế giới là một tiến trình bao la duy nhất gọi là Yagna, diễn ra trong thân thể của Yagna Purusha, hay thể thông linh của tự nhiên. Nhân loại, xét như một toàn thể, là tim và não của Purusha này, và vì thế mọi nghiệp quả do nhân loại tạo ra, dù hồng trần, trí tuệ hay tinh thần, chủ yếu quyết định đặc tính của tiến trình Yagna này....Vì vậy, Sri Krishna gọi tiến trình ấy là sự sống Yagna

been giving out to Arjuna as Yoga (1st Sloka 4th Chr). In fact, Yoga and Yagna are very closely allied and even inseparable, though at the present day people seem to disconnect the two. Yoga derived from the root Yuj to join means an act of joining. Now as the heart is the great centre in man, likewise the Yogee of the heart keeps his central position in the universe and hence his individuality. The individuality or the Higher Manas being the pivot of the human constitution or the centre on which two hemispheres of higher and lower existence turn as I have already said, the Yogee of the heart has a heavenly dome above and earthly abyss below and his yoga becomes twofold as a consequence. He joins himself on to the thing above in dhyana and the thing below in action. The word yagna derived from the root Yaj—to serve also means a twofold service, service done to the thing above through service done unto its expression the thing below."—*Some Thoughts on the Gita*, pp. 18, 134. (back)

mà Ngài đã truyền đạt cho Arjuna như Yoga (Sloka thứ 1, Chương 4). Thật vậy, Yoga và Yagna liên hệ rất mật thiết với nhau, thậm chí không thể tách rời, mặc dù ngày nay người ta dường như tách rời hai điều ấy. Yoga, bắt nguồn từ gốc Yuj, nghĩa là nối kết, có nghĩa là một hành vi nối kết. Giờ đây, cũng như tim là trung tâm lớn trong con người, thì Yogi của tim cũng giữ vị trí trung tâm của mình trong vũ trụ, và do đó giữ được tính cá thể của mình. Tính cá thể hay Thượng trí, là trục xoay của cơ cấu con người hay trung tâm mà trên đó hai bán cầu của sự tồn tại cao và thấp xoay chuyển, như tôi đã nói, nên Yogi của tim có một vòm trời ở trên và một vực thẳm trần thế ở dưới, và vì vậy yoga của y trở thành nhị phân. Y nối kết chính mình với điều ở trên trong dhyana và với điều ở dưới trong hành động. Từ yagna, bắt nguồn từ gốc Yaj—phụng sự, cũng có nghĩa là một sự phụng sự nhị phân, sự phụng sự dâng lên điều ở trên thông qua sự phụng sự đối với biểu hiện của nó là điều ở dưới."—*Một Vài Tư Tưởng về Gita*, tr. 18, 134. (trở lại)

2. Eight Statements. — 2. Tám Mệnh Đề.

It is with the etheric bodies of all we are dealing, and with their vivification by prana (whether cosmic, solar, planetary or human), with the organs of reception and with the basis of emanations. Here, therefore, we can arrive at certain dicta anent the etheric body which for purposes of clarity might well be enumerated:

Điều chúng ta đang bàn đến là các thể dĩ thái của mọi hữu thể, và sự tiếp sinh lực cho chúng bằng prana (dù là vũ trụ, thái dương, hành tinh hay nhân loại), các cơ quan tiếp nhận và nền tảng của các phát xạ. Vì vậy, ở đây chúng ta có thể đi đến một số mệnh đề liên quan đến thể dĩ thái mà vì mục đích minh bạch, rất nên được liệt kê ra:

First. The etheric body is the mould of the physical body.

Thứ nhất. Thể dĩ thái là khuôn mẫu của thể xác.

Second. The etheric body is the archetype upon which [Page 82] the dense physical form is built, whether it is the form of a solar

Thứ hai. Thể dĩ thái là nguyên mẫu mà trên đó [Page 82] hình tướng hồng trần đậm đặc được xây dựng, dù đó là hình tướng của một

system, or of a human body in any one incarnation.

hệ mặt trời hay của một thân thể con người trong bất kỳ một lần lâm phàm nào.

Third. The etheric body is a web or network of fine interlacing channels, formed of matter of the four ethers, and built into a specific form. It forms a focal point for certain radiatory emanations, which vivify, stimulate and produce the rotary action of matter.

Thứ ba. Thể dĩ thái là một mạng lưới hay hệ thống các kênh đan xen tinh vi, được tạo thành từ vật chất của bốn loại dĩ thái và được xây dựng thành một hình thể đặc thù. Nó tạo thành một tiêu điểm cho một số phát xạ bức xạ, những phát xạ này tiếp sinh lực, kích thích và tạo ra chuyển động quay của vật chất.

Fourth. These pranic emanations when focalised and received, react upon the dense matter which is built upon the etheric scaffolding and framework.

Thứ tư. Những phát xạ prana này, khi được hội tụ và tiếp nhận, sẽ tác động trở lại lên vật chất đậm đặc được xây dựng trên giàn khung và bộ khung dĩ thái.

Fifth. This etheric web, during incarnation, forms a barrier between the physical and astral planes, which can only be transcended when consciousness is sufficiently developed to permit of escape. This can be seen in both the microcosm and the macrocosm. When a man has, through meditation and concentration, expanded his consciousness to a certain point he is enabled to include the subtler planes, and to escape beyond the limits of the dividing web.

Thứ năm. Mạng dĩ thái này, trong thời kỳ lâm phàm, tạo thành một hàng rào giữa cõi hồng trần và cõi cảm dục, chỉ có thể được vượt qua khi tâm thức phát triển đủ để cho phép thoát ra. Điều này có thể thấy được trong cả tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa. Khi một người, nhờ tham thiền và tập trung, đã mở rộng tâm thức của mình đến một mức độ nhất định, y có thể bao quát các cõi vi tế hơn và thoát ra ngoài giới hạn của mạng ngăn cách.

	Physical Sub Planes	*Solar System Planes*
1.	First ether. Atomic plane	Adi. Divine. Sea of fire. First cosmic ether.
2.	Second ether. Sub-atomic	Anupadaka. Monadic plane. Akasha. Second cosmic ether.
3.	Third ether. Super-etheric	Atmic. Spiritual plane. Aether. Third cosmic ether.
4.	Fourth ether. Super-gaseous	

		Buddhic. Intuitional Plane. Air. Fourth cosmic ether.
	Dense Physical	*Planes of Humanity*
5.	Gaseous. Sub-etheric	Mental. Fire. Cosmic gaseous.
6.	Liquid	Astral. Emotional plane. Water. Cosmic liquid.
7.	Earthly. Dense	Physical plane. Earth. Cosmic dense.

[Page 83] When the Logos has expanded His Consciousness on cosmic levels He can then transcend the logoic etheric web, and escape beyond the ring-pass-not of His objective manifestation. In thinking out this analogy we must hold closely in mind the fact that the seven major planes of our solar system are the seven subplanes of the cosmic physical or the lowest cosmic plane.

[Page 83] Khi Thượng đế đã mở rộng Tâm thức của Ngài trên các cấp độ vũ trụ, khi đó Ngài có thể vượt qua mạng dĩ thái Thượng đế và thoát ra ngoài vòng-giới-hạn của biểu hiện khách quan của Ngài. Khi suy xét sự tương đồng này, chúng ta phải luôn ghi nhớ chặt chẽ sự kiện rằng bảy cõi chính của hệ mặt trời chúng ta là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, hay cõi vũ trụ thấp nhất.

We might note here the accurate working out of the correspondence in matter and the radiatory correspondence is equally accurate.

Ở đây, chúng ta có thể lưu ý đến sự thể hiện chính xác của sự tương ứng trong vật chất, và sự tương ứng bức xạ cũng chính xác như vậy.

Sixth. In all the three bodies—human, planetary, and systemic or logoic—will be found a great organ within the organism which acts as the receiver of prana. This organ has its etheric manifestation and its dense physical correspondence.

Thứ sáu. Trong cả ba thân thể—của con người, của hành tinh và của hệ mặt trời hay Thượng đế—đều sẽ thấy có một cơ quan lớn bên trong cơ thể, hoạt động như cơ quan tiếp nhận prana. Cơ quan này có biểu hiện dĩ thái của nó và sự tương ứng hồng trần đậm đặc của nó.

In the system. In the system, the organ of cosmic prana, of the force vitalising matter, is the central sun, which is the direct receiver and dispenser of cosmic radiation. This is one of the threefold divisions of the Primordial Ray of active intelligence. Each of

Trong hệ mặt trời. Trong hệ mặt trời, cơ quan của prana vũ trụ, của mãnh lực tiếp sinh lực cho vật chất, là mặt trời trung tâm, vốn là cơ quan tiếp nhận và phân phối trực tiếp bức xạ vũ trụ. Đây là một trong ba phân bộ của Cung nguyên thủy của trí tuệ hoạt động. Mỗi

the cosmic Rays is in essence threefold, a fact which is oft overlooked, though logically obvious; each Ray is the vehicle for a cosmic Entity, and all existence is necessarily triple in manifestation. The central Sun has within its periphery a centre of reception with a surface radiation.

cung vũ trụ về bản chất đều là tam phân, một sự kiện thường bị bỏ qua, dù về mặt logic là hiển nhiên; mỗi cung là vận cụ cho một Thực Thể vũ trụ, và mọi sự tồn tại tất yếu đều là tam phân trong biểu hiện. Mặt trời trung tâm có bên trong chu vi của nó một trung tâm tiếp nhận với một bức xạ bề mặt.

In the Planet. In the planet there will be found a similar organ or receiver within its etheric body, the locality of which is not for exoteric publication and cannot therefore be revealed. It is connected with the location of the two poles, north and south, and is the centre around which the globe rotates, and is the source of the legend of a sacred fertile land within the sphere of polar influences. The mythic land of exceeding fertility, of abundant [Page 84] luxuriance, and of phenomenal growth, vegetable, animal and human would naturally lie where prana is received. It is the esoteric Garden of Eden, the land of physical perfection. Surface radiation demonstrates, after distribution, as planetary prana.

Trong Hành tinh. Trong hành tinh cũng sẽ thấy có một cơ quan hay bộ phận tiếp nhận tương tự bên trong thể dĩ thái của nó; vị trí của cơ quan này không thể công bố công truyền và vì vậy không thể tiết lộ. Nó liên hệ với vị trí của hai cực, bắc và nam, và là trung tâm quanh đó bầu hành tinh quay, đồng thời là nguồn gốc của truyền thuyết về một vùng đất thiêng liêng màu mỡ nằm trong phạm vi các ảnh hưởng cực. Vùng đất thần thoại với sự phì nhiêu tột bậc, sự sum suê dồi dào và sự tăng trưởng phi thường của giới thực vật, giới động vật và nhân loại, dĩ nhiên sẽ nằm ở nơi prana được tiếp nhận. Đó là Vườn Địa Đàng huyền bí, vùng đất của sự hoàn hảo hồng trần. Bức xạ bề mặt, sau khi được phân phối, biểu lộ thành prana hành tinh.

In Man. The organ of reception is the spleen through its etheric counterpart. After distribution over the entire body via the etheric network it demonstrates in surface radiation as the health aura.

Trong Con Người. Cơ quan tiếp nhận là lá lách thông qua đối phần dĩ thái của nó. Sau khi được phân phối khắp toàn thân qua mạng dĩ thái, nó biểu lộ trong bức xạ bề mặt như hào quang sức khỏe.

Seventh. Thus in all the three bodies will the resemblance clearly be seen, and the working out in perfect correspondence is easily demonstrable:

Thứ bảy. Như vậy, trong cả ba thân thể, sự tương tự sẽ được thấy rõ ràng, và sự triển khai trong tương ứng hoàn hảo có thể được chứng minh dễ dàng:

PRANA OF THE SOLAR SYSTEM	PRANA CỦA HỆ MẶT TRỜI
THE SOLAR SYSTEM	HỆ MẶT TRỜI

Entity manifesting	The solar Logos.
Body of manifestation	The solar system.
Receptive centre	Pole of the central Sun.
Surface radiation or emanation	Solar prana.
Movement produced	Systemic rotation.
Distributive effect	Solar etheric radiation (felt cosmically).

THE PLANET	HÀNH TINH
Entity manifesting	A planetary Logos.
Body of manifestation	A planet.
Receptive centre	The planetary pole.
Surface radiation or emanation	Planetary prana.
Movement produced	Planetary rotation.
Distributive effect	Planetary etheric radiation (felt within the system).

A HUMAN BEING	MỘT CON NGƯỜI
Entity manifesting	The thinker, a Dhyan Chohan
Body of manifestation	Physical body.

Receptive centre	The spleen.
Surface radiation or emanation	Health aura.
Movement produced	Atomic rotation.
Distributive effect	Human etheric radiation (felt by environment).

[Page 85] [Page 85]

THE ATOM OF MATTER NGUYÊN TỬ CỦA VẬT CHẤT

Entity manifesting	An elementary life.
Body of manifestation	The atomic sphere.
Receptive centre	Pole of the atom.
Surface radiation or emanation	Contribution of atom to the united health aura of body.
Movement produced	Atomic rotation.
Distributive effect	Atomic etheric radiation (felt within the physical form).

Eighth. When the "will to live" vanishes, then the "Sons of Necessity" cease from objective manifestation. This is logically inevitable, and its working out can be seen in every case of *entified objectivity*. When the Thinker on his own plane withdraws his attention from his little system within the three worlds and gathers within himself all his forces, then physical plane existence comes to an end and all returns within the

Thứ tám. Khi "ý chí sống" biến mất, thì "Các Con của Sự Tất Yếu" chấm dứt biểu hiện khách quan. Điều này tất yếu về mặt logic, và sự vận hành của nó có thể thấy trong mọi trường hợp của *tính khách quan dưới dạng thực thể*. Khi Đấng Tư Tưởng trên cõi riêng của mình rút sự chú ý của y khỏi hệ thống nhỏ bé của y trong ba cõi thấp và thu hồi vào bên trong mình mọi mãnh lực, thì sự tồn tại trên cõi hồng trần chấm dứt và mọi sự trở về

causal consciousness; this is as much an abstraction in the three worlds of the Thinker as the Absolute is in the threefold solar system of the Logos. This demonstrates on the physical plane in the withdrawing from out of the top of the head of the radiant etheric body and the consequent disintegration of the physical. The framework goes and the dense physical form falls apart; the pranic life is abstracted bodily from out of the dense sheath, and the stimulation of the fires of matter ceases to be. The latent fire of the atom remains; it is inherent, but the form is made by the action of the two fires of matter—active and latent, radiatory and inherent—aided by the fire of the second Logos, and when they are separated the form falls apart. This is a picture in miniature of the essential duality of all things acted upon by Fohat.

trong tâm thức nguyên nhân; điều này cũng là một sự trừu xuất trong ba cõi của Đấng Tư Tưởng, giống như Đấng Tuyệt Đối là như vậy trong hệ mặt trời tam phân của Thượng đế. Điều này biểu lộ trên cõi hồng trần bằng việc thể dĩ thái bức xạ rút ra khỏi đỉnh đầu và hậu quả là sự tan rã của thể xác. Bộ khung mất đi và hình tướng hồng trần đậm đặc tan rã; sự sống prana bị rút toàn bộ ra khỏi vỏ bọc đậm đặc, và sự kích thích các lửa của vật chất không còn nữa. Lửa tiềm ẩn của nguyên tử vẫn còn; nó vốn cố hữu, nhưng hình tướng do tác động của hai lửa của vật chất tạo ra—chủ động và tiềm ẩn, bức xạ và cố hữu—với sự trợ giúp của lửa của Logos thứ hai, và khi chúng bị tách rời thì hình tướng tan rã. Đây là một bức tranh thu nhỏ về tính nhị nguyên cốt yếu của mọi sự vật chịu tác động của Fohat.

[Page 86] There is a close connection between the spleen and the top of the head in connection with the etheric body. The organ of the spleen has an interesting correspondence to thebilical cord which attaches an infant to the mother for purposes of nourishment, and which is separated at birth. When a man starts to live his own life of conscious desire, when a man is born into a new world of a subtler form of life, that interlaced cord of etheric matter (which had united him to his physical body) is broken; the “silver cord is loosed” and the man severs his connection with the dense physical body and passes out through the highest center of the body instead of the lowest to life in a higher world and of another dimension. So it will be found in all the bodies and sheaths of the microcosm, for the analogy will persist on all planes during manifestation. When more scientific knowledge has been gained it will be found that the same procedure on a larger scale, takes place in planetary manifestation. A

[Page 86] Có một mối liên hệ mật thiết giữa lá lách và đỉnh đầu liên quan đến thể dĩ thái. Cơ quan lá lách có một sự tương ứng thú vị với dây rốn nối đứa trẻ với người mẹ nhằm mục đích nuôi dưỡng, và bị cắt đứt khi sinh ra. Khi một người bắt đầu sống đời sống riêng của mình với dục vọng có ý thức, khi một người được sinh ra vào một thế giới mới của một hình thái sự sống vi tế hơn, thì sợi dây đan xen bằng vật chất dĩ thái ấy (vốn đã nối y với thể xác) bị cắt đứt; “sợi dây bạc được tháo lỏng” và người ấy cắt đứt liên hệ với thể xác đậm đặc, rồi đi ra qua trung tâm cao nhất của thể xác thay vì trung tâm thấp nhất để bước vào sự sống trong một thế giới cao hơn và thuộc một chiều kích khác. Điều này cũng sẽ được thấy trong mọi thân thể và vỏ bọc của tiểu thiên địa, vì sự tương đồng sẽ tiếp diễn trên mọi cõi trong thời kỳ biểu hiện. Khi tri thức khoa học đạt được nhiều hơn, người ta sẽ thấy rằng cùng một tiến trình ấy, ở quy mô lớn hơn, diễn ra trong biểu hiện hành tinh. Một hành tinh chỉ là thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế,

planet is but the body of a planetary Logos, that body being etheric, and the Logos expressing Himself through it and building upon the etheric scaffolding a vehicle of manifestation. The MOON once was the body of expression for one of the Logoi; the Earth now is, and the cycles change continuously. The centre of escape for the etheric body is found likewise in a physical planet, and the planetary silver cord is loosed at the time appointed; but the times and cycles, their commencement and termination are hid in the mysteries of Initiation, and do not concern us.

thân thể ấy thuộc dĩ thái, và Thượng đế biểu hiện chính Ngài qua nó và xây dựng trên giàn khung dĩ thái một vận cụ biểu hiện. MẶT TRĂNG xưa kia từng là thân thể biểu hiện của một trong các Thượng đế; nay Trái Đất là như vậy, và các chu kỳ liên tục thay đổi. Trung tâm thoát ra của thể dĩ thái cũng được tìm thấy tương tự trong một hành tinh hồng trần, và sợi dây bạc hành tinh được tháo lỏng vào thời điểm đã định; nhưng các thời kỳ và chu kỳ, sự khởi đầu và chấm dứt của chúng, đều được che giấu trong các huyền nhiệm của điểm đạo, và không liên quan đến chúng ta.

Again in the solar system itself similar action will eventuate at the close of a Mahamanvantara. The Logos will withdraw within Himself, abstracting His three major principles. (37) His body of manifestation—the Sun [Page 87] and the seven sacred Planets, all existing in etheric matter—will withdraw from objectivity and become obscured. From the usual physical standpoint, the light of the system will go out. This will be succeeded by a gradual inbreathing until He shall have gathered all unto Himself; the etheric will cease to exist, and the web will be no more. Full consciousness will be achieved, and in the moment of achievement existence or entified manifestation will cease. All will be reabsorbed within the Absolute; pralaya, (38) or the cosmic heaven of rest will then ensue, and the Voice of the Silence will be heard no more. The reverberations of the WORD will die away, and the "Silence of the High Places" will reign supreme.

Một lần nữa, trong chính hệ mặt trời, hành động tương tự sẽ xảy ra vào lúc kết thúc một Đại giai kỳ sinh hóa. Thượng đế sẽ rút vào bên trong chính Ngài, trừu xuất ba nguyên khí chính của Ngài. (37) Thân thể biểu hiện của Ngài—Mặt Trời [Page 87] và bảy Hành Tinh thiêng liêng, tất cả đều tồn tại trong vật chất dĩ thái—sẽ rút khỏi tính khách quan và trở nên mờ khuất. Theo quan điểm hồng trần thông thường, ánh sáng của hệ mặt trời sẽ tắt. Tiếp theo đó sẽ là một sự hít vào dần dần cho đến khi Ngài thu hồi mọi sự vào chính mình; dĩ thái sẽ không còn tồn tại nữa, và mạng lưới sẽ không còn. Tâm thức trọn vẹn sẽ đạt được, và trong khoảnh khắc đạt được ấy, sự tồn tại hay biểu hiện dưới dạng thực thể sẽ chấm dứt. Mọi sự sẽ được tái hấp thu vào trong Đấng Tuyệt Đối; giai kỳ qui nguyên, (38) hay cõi trời nghỉ ngơi vũ trụ, khi đó sẽ bắt đầu, và Tiếng Nói của Im Lặng sẽ không còn được nghe nữa. Những vang động của LINH TỪ sẽ lịm dần, và "Sự Im Lặng của Những Chốn Cao Cả" sẽ ngự trị tối thượng.

(37) *Principles*, the basic differentiations, essential qualities or types of energy upon which all things are built; they give the distinctive nature of all forms. (back)

(37) *Các nguyên khí*, những sự biến phân căn bản, những phẩm tính cốt yếu hay những loại năng lượng mà trên đó mọi sự vật được

xây dựng; chúng ban cho mọi hình tướng bản chất đặc thù của chúng. (trở lại)

(38) *Pralaya*....A period of obscuration or repose—planetary, systemic or cosmic. An interlude between two periods of manifestation. (back)

(38) *Giai kỳ qui nguyên*....Một thời kỳ mờ khuất hay nghỉ ngơi—hành tinh, hệ mặt trời hay vũ trụ. Một quãng gián đoạn giữa hai thời kỳ biểu hiện. (trở lại)

S1S8

II. THE NATURE OF PRANA — II. BẢN CHẤT CỦA PRANA

In dealing with the subject of the etheric body and its functions as an assimilator and distributor of prana, we have dealt with it from the standpoint of its place in the scheme of things. We have considered this matter of etherics from the angle of correspondences, and have traced analogies in the system, the planet, and man. We have seen that it formed the foundation of the dense physical form, and in itself constituted a most important link between:

Khi bàn đến chủ đề thể dĩ thái và các chức năng của nó như một bộ máy đồng hóa và phân phối prana, chúng ta đã bàn đến nó từ quan điểm về vị trí của nó trong hệ thống sự vật. Chúng ta đã xem xét vấn đề dĩ thái này từ góc độ các tương ứng, và đã lần theo các tương đồng trong hệ mặt trời, hành tinh và con người. Chúng ta đã thấy rằng nó tạo thành nền tảng của hình tướng hồng trần đậm đặc, và tự nó cấu thành một mối liên kết hết sức quan trọng giữa:

a. Physical man, and the emotional or astral plane.

a. Con người hồng trần và cõi cảm xúc hay cõi cảm dục.

b. Planetary Man, and essential emotional quality.

b. Con Người Hành Tinh và phẩm tính cảm xúc cốt yếu.

c. The Logos, the grand Heavenly Man, and the cosmic astral plane.

c. Thượng đế, Đấng Thiên Nhân vĩ đại, và cõi cảm dục vũ trụ.

We might now narrow the subject down to the consideration of the etheric body of the human being and not touch upon correspondences to things systemic or cosmic at all, though it may be necessary to remind ourselves that for the wise student the line along which wisdom [Page 88] comes is the interpretative one; he who knows himself (in objective manifestation, essential quality, and comprehensive

Giờ đây, chúng ta có thể thu hẹp chủ đề lại để chỉ xem xét thể dĩ thái của con người mà hoàn toàn không đụng đến các tương ứng với những sự vật thuộc hệ mặt trời hay vũ trụ, mặc dù có lẽ cần nhắc mình rằng đối với đạo sinh minh triết, đường lối mà theo đó minh triết [Page 88] đến là đường lối diễn giải; ai biết chính mình (trong biểu hiện khách quan, phẩm tính cốt yếu và sự phát triển bao quát) thì cũng biết Chúa Tể cung

development) knows likewise the Lord of his Ray, and the Logos of his system. It is only then a matter of application, conscious expansion, and intelligent interpretation, coupled to a wise abstention from dogmatic assertion, and a recognition that the correspondence lies in quality and method more than in detailed adherence to a specified action at any given time in evolution.

của mình và Thượng đế của hệ mặt trời mình. Khi đó, chỉ còn là vấn đề áp dụng, mở rộng có ý thức và diễn giải thông minh, đi đôi với sự kiêng tránh khôn ngoan đối với những khẳng định giáo điều, và sự nhìn nhận rằng sự tương ứng nằm ở phẩm tính và phương pháp nhiều hơn là ở sự tuân thủ chi tiết đối với một hành động xác định nào đó tại bất kỳ thời điểm nào trong tiến hoá.

All that it is possible to give here is material which, if rightly pondered on, may result in more intelligent practical living in the occult sense of the term "living"; which, if studied scientifically, religiously and philosophically, may lead to the furthering of the aims of the evolutionary process in the immediately coming lesser cycle. Our aim, therefore, is to make the secondary body of man more real, and to show some of its functions and how it can eventually be brought *consciously* into the range of mental comprehension.

Tất cả những gì có thể trình bày ở đây là tài liệu mà, nếu được suy ngẫm đúng đắn, có thể dẫn đến một đời sống thực tiễn thông minh hơn theo nghĩa huyền bí của từ "sống"; mà, nếu được nghiên cứu một cách khoa học, tôn giáo và triết học, có thể dẫn đến việc thúc đẩy các mục tiêu của tiến trình tiến hoá trong chu kỳ nhỏ sắp đến ngay trước mắt. Vì vậy, mục tiêu của chúng ta là làm cho thân thể thứ yếu của con người trở nên thực hơn, và chỉ ra một số chức năng của nó cùng cách cuối cùng nó có thể được đưa *một cách có ý thức* vào phạm vi thấu hiểu của trí tuệ.

Science, as we know, is fast reaching the point where it will be forced to admit the fact of the etheric body, because the difficulties of refusing to acknowledge it, will be far more insuperable than an admission of its existence. Scientists admit already the fact of etheric matter; the success of photographic endeavor has demonstrated the reality of that which has hitherto been considered unreal, because (from the standpoint of the physical) intangible. Phenomena are occurring all the time which remain in the domain of the supernatural unless accounted for through the medium of etheric matter, and in their anxiety to prove the spiritualists wrong, scientists have aided the cause of the true and higher spiritism by falling back on reality, and on the fact of the etheric body,

Như chúng ta biết, khoa học đang nhanh chóng đạt đến điểm mà ở đó nó sẽ buộc phải thừa nhận sự kiện về thể dĩ thái, bởi vì những khó khăn của việc từ chối thừa nhận nó sẽ khó khắc phục hơn rất nhiều so với việc chấp nhận sự tồn tại của nó. Các nhà khoa học đã thừa nhận sự kiện về vật chất dĩ thái; thành công của nỗ lực nhiếp ảnh đã chứng minh tính hiện thực của điều từ trước đến nay bị xem là không thực, bởi vì (từ quan điểm hồng trần) không thể sờ chạm được. Các hiện tượng đang xảy ra mọi lúc vẫn còn nằm trong lĩnh vực siêu nhiên trừ phi được giải thích thông qua trung gian của vật chất dĩ thái, và trong sự sốt sắng muốn chứng minh các nhà thần linh học là sai, các nhà khoa học đã giúp ích cho chính nghĩa của thần linh học chân chính và cao hơn bằng cách quay về với thực tại, và với sự kiện

even though they consider it a body of [Page 89] emanative radiation—being concerned with the effect and not having yet ascertained the cause. Medical men are beginning to study (blindly as yet) the question of vitality, the effect of solar rays upon the physical organism, and the underlying laws of inherent and radiatory heat. They are beginning to ascribe to the spleen functions hitherto not recognised, to study the effect of the action of the glands, and their relation to the assimilation of the vital essences by the bodily frame. They are on the right road, and before long (perhaps within this century) the FACT of the etheric body and its basic function will be established past all controversy, and the whole aim of preventive and curative medicine will shift to a higher level. All we can do here is to give simply, and in a condensed form, a few facts which may hasten the day of recognition, and further the interest of the true investigator. Let me, therefore, briefly state what will be dealt with in our remaining three points:

về thể dĩ thái, dù họ xem nó là một thân thể của [Page 89] bức xạ phát xạ—vì họ quan tâm đến hiệu quả mà chưa xác định được nguyên nhân. Các y sĩ đang bắt đầu nghiên cứu (dù còn mù mờ) vấn đề sinh lực, tác động của các tia thái dương lên cơ thể hồng trần, và các định luật nền tảng của nhiệt cố hữu và nhiệt bức xạ. Họ đang bắt đầu quy cho lá lách những chức năng từ trước đến nay chưa được nhận biết, nghiên cứu tác động của hoạt động các tuyến và mối liên hệ của chúng với việc cơ thể đồng hóa các tinh chất sinh lực. Họ đang đi đúng đường, và chẳng bao lâu nữa (có lẽ trong thế kỷ này) SỰ KIỆN về thể dĩ thái và chức năng căn bản của nó sẽ được xác lập vượt ngoài mọi tranh cãi, và toàn bộ mục tiêu của y học phòng ngừa và chữa trị sẽ chuyển lên một cấp độ cao hơn. Tất cả những gì chúng ta có thể làm ở đây chỉ là trình bày đơn giản, dưới hình thức cô đọng, một vài sự kiện có thể đẩy nhanh ngày được công nhận và thúc đẩy sự quan tâm của nhà nghiên cứu chân chính. Vì vậy, hãy để tôi ngắn gọn nêu ra những gì sẽ được bàn đến trong ba điểm còn lại của chúng ta:

The functions of the etheric body.

Các chức năng của thể dĩ thái.

Its relation to the physical during life.

Mối liên hệ của nó với thể xác trong lúc sống.

The ills or diseases of the etheric body (taking care to retain the original meaning of the word “disease.”)

Những tật bệnh hay bệnh tật của thể dĩ thái (cẩn thận giữ nguyên ý nghĩa nguyên thủy của từ “disease.”)

Its after death condition.

Tình trạng của nó sau khi chết.

This will embody all that is as yet of practical use. More may later be forthcoming for our helping if that which is now given to the public is carefully followed up, and if investigators wisely, sanely and broadly study this important matter.

Điều này sẽ bao gồm tất cả những gì hiện nay có ích về mặt thực tiễn. Về sau, có thể sẽ có thêm điều được đưa ra để giúp đỡ chúng ta nếu những gì hiện đang được công bố cho công chúng được theo đuổi cẩn trọng, và nếu các nhà nghiên cứu học hỏi vấn đề quan

trọng này một cách khôn ngoan, lành mạnh và bao quát.

As the nature and functions of the etheric body of man assume their rightful place in the thought of the world and as it is realised that the etheric is the most important of the two physical bodies, man will be brought into closer conscious contact with the other evolutions [Page 90] that evolve in etheric matter just as he does in a dense physical body. There are certain large groups of devas, called "the devas of the shadows," or the violet devas, who are closely allied with the evolutionary development of man's etheric body, and who transmit to him solar and planetary radiation. The etheric body of man receives prana in different ways and of different kinds, and all these ways bring him into touch with varying entities.

Khi bản chất và các chức năng của thể dĩ thái của con người chiếm vị trí đúng đắn của chúng trong tư tưởng của thế giới, và khi người ta chứng nghiệm rằng thể dĩ thái là quan trọng hơn trong hai thể hồng trần, con người sẽ tiếp xúc một cách có ý thức và gần gũi hơn với các tiến hoá khác [Page 90] đang tiến hoá trong vật chất dĩ thái, cũng như y tiến hoá trong một thể hồng trần đậm đặc. Có những nhóm lớn thiên thần nhất định, được gọi là "các thiên thần của bóng tối," hay các thiên thần tím, có liên hệ mật thiết với sự phát triển tiến hoá của thể dĩ thái con người, và truyền cho y bức xạ thái dương và hành tinh. Thể dĩ thái của con người tiếp nhận prana theo những cách khác nhau và thuộc những loại khác nhau, và tất cả những cách này đưa y vào tiếp xúc với những thực thể khác nhau.

1. Solar prana. — 1. Prana thái dương.

This is that vital and magnetic fluid which radiates from the sun, and which is transmitted to man's etheric body through the agency of certain deva entities of a very high order, and of a golden hue. It is passed through their bodies and emitted as powerful radiations, which are applied direct through certain plexi in the uppermost part of the etheric body, the head and shoulders, and passed down to the etheric correspondence of the physical organ, the spleen, and from thence forcibly transmitted into the spleen itself. These golden hued pranic entities are in the air above us, and are specially active in such parts of the world as California, in those tropical countries where the air is pure and dry, and the rays of the sun are recognised as being specially beneficial. Relations between

Đây là lưu chất sinh lực và từ tính phát ra từ mặt trời, và được truyền đến thể dĩ thái của con người qua trung gian của một số thực thể thiên thần thuộc đẳng cấp rất cao và có sắc vàng. Nó đi qua thân thể của họ và được phát ra như những bức xạ mạnh mẽ, được áp dụng trực tiếp qua một số đám rối ở phần cao nhất của thể dĩ thái, nơi đầu và vai, rồi được dẫn xuống đối phần dĩ thái của cơ quan hồng trần là lá lách, và từ đó được truyền mạnh mẽ vào chính lá lách. Những thực thể prana sắc vàng này ở trong không khí phía trên chúng ta, và đặc biệt hoạt động mạnh ở những vùng như California, ở những xứ nhiệt đới nơi không khí trong lành và khô ráo, và các tia mặt trời được nhận biết là đặc biệt có lợi. Mối liên hệ giữa con người và nhóm thiên thần này rất mật thiết, nhưng hiện nay vẫn đầy nguy hiểm đối với con

man and this group of devas are very close, but fraught as yet with much danger to man. These devas are of a very powerful order, and, along their own line, are further evolved than man himself. Unprotected man lies at their mercy, and in this lack of protection, and man's failure to understand the laws of magnetic resistance, or of solar repulsion comes, for instance, the menace of sunstroke. When the etheric body and its assimilative processes are comprehended scientifically, man will then be immune from dangers due to solar radiation. He will protect himself by the application of the laws governing [Page 91] magnetic repulsion and attraction, and not so much by clothing and shelter. It is largely a question of polarisation. One hint might here be given: When men understand the deva evolution somewhat more correctly and recognise their work along certain lines in connection with the Sun and realise that they represent the feminine pole as they themselves represent the masculine (the fourth Creative Hierarchy being male) (39) they will comprehend the mutual relationship, and govern that relationship by law.

người. Những thiên thần này thuộc một đẳng cấp rất mạnh, và trên đường lối riêng của họ, họ tiến hoá xa hơn chính con người. Con người không được bảo vệ nằm dưới quyền chi phối của họ, và chính trong sự thiếu bảo vệ này, cùng với việc con người không hiểu các định luật về sức kháng từ tính hay về sự đẩy lùi thái dương, mà chẳng hạn, xuất hiện mối đe dọa của chứng cảm nắng. Khi thể dĩ thái và các tiến trình đồng hóa của nó được thấu hiểu một cách khoa học, khi đó con người sẽ miễn nhiễm với những nguy hiểm do bức xạ thái dương gây ra. Y sẽ tự bảo vệ mình bằng cách áp dụng các định luật chi phối [Page 91] sự đẩy lùi và hút vào từ tính, chứ không quá nhiều bằng quần áo và nơi trú ẩn. Điều này phần lớn là vấn đề sự phân cực. Ở đây có thể đưa ra một gợi ý: Khi con người hiểu đúng hơn đôi chút về tiến hoá thiên thần và nhận biết công việc của họ theo một số đường lối nhất định liên quan đến Mặt Trời, và chứng nghiệm rằng họ tượng trưng cho cực nữ tính cũng như chính con người tượng trưng cho cực nam tính (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là nam) (39) thì họ sẽ hiểu mối liên hệ hỗ tương và chi phối mối liên hệ ấy bằng định luật.

(39) S. D., I, 232-238.

(39) S. D., I, 232-238.

The whole cosmos is guided, controlled and animated by an almost endless series of Hierarchies of sentient Beings, each having a mission to perform.—S. D., I, 295.

Một chuỗi gần như vô tận các Huyền Giai của những Hữu thể hữu tri hướng dẫn, kiểm soát và làm sinh động toàn thể vũ trụ; mỗi vị đều có một sứ mệnh phải hoàn thành.—S. D., I, 295.

Among these the Hierarchy of human Monads has a place. (back)

Trong số đó, Huyền Giai các Chân thần nhân loại có một vị trí. (trở lại)

These solar devas take the radiatory rays of the sun which reach from its centre to the periphery along one of the three channels of approach, pass them through their organism and focalise them there. They act almost as a

Những thiên thần thái dương này tiếp nhận các tia bức xạ của mặt trời vươn từ trung tâm đến chu vi của nó theo một trong ba kênh tiếp cận, đưa chúng đi qua cơ thể của họ và hội tụ chúng tại đó. Họ hoạt động gần

burning glass acts. These rays are then reflected or transmitted to man's etheric body, and caught up by him and again assimilated. When the etheric body is in good order and functioning correctly, enough of this prana is absorbed to keep *the form organised*. This is the whole object of the etheric body's functioning, and is a point which cannot be sufficiently emphasised. The remainder is cast off in the form of animal radiation, or physical magnetism—all terms expressing the same idea. Man therefore repeats on a lesser scale the work of the great solar devas, and in his turn adds his quota of repolarised or remagnetised emanation to the sumtotal of the planetary aura.

giống như một thấu kính hội tụ. Những tia này sau đó được phản chiếu hay truyền đến thể dĩ thái của con người, và được y tiếp nhận rồi lại đồng hóa. Khi thể dĩ thái ở trong tình trạng tốt và hoạt động đúng đắn, đủ lượng prana này được hấp thu để giữ cho *hình tướng được tổ chức*. Đây là toàn bộ mục đích của hoạt động của thể dĩ thái, và là một điểm không thể được nhấn mạnh quá mức. Phần còn lại bị thải ra dưới dạng bức xạ động vật, hay từ điện hồng trần—tất cả đều là những thuật ngữ diễn đạt cùng một ý tưởng. Vì vậy, con người lặp lại ở quy mô nhỏ hơn công việc của các thiên thần thái dương vĩ đại, và đến lượt mình, y bổ sung phần phát xạ được tái phân cực hay được tái từ hóa của mình vào tổng thể hào quang hành tinh.

2. Planetary prana. — 2. Prana hành tinh.

This is the vital fluid emanated from any planet, which constitutes its basic coloring or quality, and is produced by a repetition within the planet of the same process [Page 92] which is undergone in connection with man and solar prana. The planet (the Earth, or any other planet) absorbs solar prana, assimilates what is required, and radiates off that which is not essential to its well-being in the form of planetary radiation. Planetary prana, therefore, is solar prana which has passed throughout the planet, has circulated through the planetary etheric body, has been transmitted to the dense physical planet, and has been cast off thence in the form of a radiation of the same essential character as solar prana, *plus the individual and distinctive quality of the particular planet concerned*. This again repeats the process undergone in the human body. The physical radiations of men differ according to *the quality* of their physical bodies. So it is with a planet.

Đây là lưu chất sinh lực phát ra từ bất kỳ hành tinh nào, cấu thành sắc thái hay phẩm tính căn bản của nó, và do sự lặp lại bên trong hành tinh tạo ra cùng một tiến trình [Page 92] đã diễn ra liên quan đến con người và prana thái dương. Hành tinh (Trái Đất, hay bất kỳ hành tinh nào khác) hấp thu prana thái dương, đồng hóa phần cần thiết, và bức xạ ra phần không thiết yếu cho sự an lành của nó dưới dạng bức xạ hành tinh. Vì vậy, prana hành tinh là prana thái dương đã đi xuyên suốt hành tinh, đã lưu chuyển qua thể dĩ thái hành tinh, đã được truyền đến hành tinh hồng trần đậm đặc, và từ đó đã bị thải ra dưới dạng một bức xạ có cùng bản chất cốt yếu như prana thái dương, *cộng thêm phẩm tính cá biệt và đặc thù của hành tinh liên hệ*. Điều này lại lặp lại tiến trình diễn ra trong thân thể con người. Các bức xạ hồng trần của con người khác nhau tùy theo *phẩm tính* của các thể xác của họ. Hành tinh cũng vậy.

Planetary emanative prana (as in the case of solar prana) is caught up and transmitted via a particular group of devas, called the "devas of the shadows," who are ethereal devas of a slightly violet hue. Their bodies are composed of the matter of one or other of the four ethers, and they focalise and concentrate the emanations of the planet, and of all forms upon the planet. They have a specially close connection with human beings owing to the fact of the essential resemblance of their bodily substance to man's etheric substance, and because they transmit to him the magnetism of "Mother Earth" as it is called. Therefore we see that there are two groups of devas working in connection with man:

Prana phát xạ hành tinh (như trong trường hợp của prana thái dương) được một nhóm thiên thần đặc biệt tiếp nhận và truyền dẫn, được gọi là "thiên thần của bóng tối", là những thiên thần dĩ thái có sắc tím nhạt. Thân thể của họ được cấu tạo bằng vật chất của một trong bốn loại dĩ thái, và họ hội tụ và tập trung các phát xạ của hành tinh, cũng như của mọi hình tướng trên hành tinh. Họ có một mối liên hệ đặc biệt mật thiết với con người do sự tương đồng cốt yếu giữa chất liệu cấu tạo thân thể của họ với chất liệu dĩ thái của con người, và vì họ truyền cho y từ điện của "Mẹ Địa Cầu" như cách gọi thông thường. Do đó, chúng ta thấy có hai nhóm thiên thần hoạt động liên hệ với con người:

a. Solar devas, who transmit the vital fluid which circulates in the etheric body.

a. Các thiên thần thái dương, truyền dẫn lưu chất sinh lực lưu chuyển trong thể dĩ thái.

b. Planetary devas of a violet color, who are allied to man's etheric body, and who transmit earth's prana, or the prana of whichever planet man may be functioning upon during a physical incarnation.

b. Các thiên thần hành tinh có màu tím, liên kết với thể dĩ thái của con người, và truyền dẫn prana của địa cầu, hay prana của bất cứ hành tinh nào mà con người có thể đang hoạt động trên đó trong một kiếp lâm phàm hồng trần.

A very pertinent question might here be asked, and though we may not fully explain the mystery, a few suggestive [Page 93] hints may be possible. We might ask: What causes the apparent deadness of the Moon? Is there deva life upon it? Does solar prana have no effect there? What constitutes the difference between the apparently dead Moon, and a live planet, such as the Earth? *(S. D., I, 170-180.)*

Ở đây có thể nêu ra một câu hỏi rất thích đáng, và dù chúng ta có thể không giải thích trọn vẹn được huyền nhiệm này, một vài gợi ý [Page 93] ám chỉ có lẽ vẫn có thể đưa ra. Chúng ta có thể hỏi: Điều gì gây ra trạng thái dường như chết của Mặt Trăng? Có sự sống thiên thần trên đó không? Prana thái dương không có tác động gì ở đó sao? Điều gì tạo nên sự khác biệt giữa Mặt Trăng dường như đã chết và một hành tinh sống như Trái Đất? *(S. D., I, 170-180.)*

Here we touch upon a hidden mystery, of which the solution lies revealed for those who seek, in the fact that human beings and

Ở đây chúng ta chạm đến một huyền nhiệm ẩn kín, mà lời giải của nó được mặc khải cho những ai tìm kiếm, trong sự kiện rằng con

certain *groups of devas are no longer found upon the Moon. Man has not ceased to exist upon the Moon because it is dead and cannot therefore support his life, but the Moon is dead because man and these deva groups have been removed from off its surface and from its sphere of influence. (S. D., I, 179.)* Man and the devas act on every planet as intermediaries, or as transmitting agencies. Where they are not found, then certain great activities become impossible, and disintegration sets in. The reason for this removal lies in the cosmic Law of Cause and Effect, or cosmic karma, and in the composite, yet individual, history of that one of the Heavenly Men Whose body, the Moon or any other dead planet at any time happened to be.

người và một số *nhóm thiên thần nào đó không còn được tìm thấy trên Mặt Trăng nữa. Con người không chấm dứt hiện hữu trên Mặt Trăng vì nó đã chết và do đó không thể duy trì sự sống của y, mà Mặt Trăng chết là vì con người và các nhóm thiên thần này đã bị dời khỏi bề mặt của nó và khỏi phạm vi ảnh hưởng của nó. (S. D., I, 179.)* Con người và các thiên thần hoạt động trên mọi hành tinh như những trung gian, hay như những tác nhân truyền dẫn. Nơi nào họ không hiện diện, thì một số hoạt động lớn lao trở nên bất khả, và sự tan rã bắt đầu xuất hiện. Lý do của sự di dời này nằm trong Định luật Nhân Quả vũ trụ, hay nghiệp quả vũ trụ, và trong lịch sử tổng hợp nhưng cá biệt của một trong các Đấng Thiên Nhân mà thân thể của Ngài, vào một thời điểm nào đó, chính là Mặt Trăng hay bất kỳ hành tinh chết nào khác.

S1S9

3. The prana of forms. — 3. Prana của các hình tướng.

It must first be pointed out that forms are necessarily of two kinds, each having a different place in the scheme:

Trước hết cần chỉ ra rằng các hình tướng tất yếu thuộc hai loại, mỗi loại có một vị trí khác nhau trong hệ thống:

Forms that are the result of the work of the third and the second Logos, and Their united life. Such forms are the units in the vegetable, animal and mineral kingdoms.

Những hình tướng là kết quả công việc của Thượng đế thứ ba và thứ hai, cùng sự sống hợp nhất của Các Ngài. Những hình tướng như thế là các đơn vị trong giới thực vật, giới động vật và giới kim thạch.

Forms that are the result of the united action of the three Logoi, and comprise the strictly deva and human forms.

Những hình tướng là kết quả của tác động hợp nhất của ba Thượng đế, và bao gồm các hình tướng đúng nghĩa của thiên thần và nhân loại.

There is also the still simpler form embodied in the substance of which all the other forms are made. This matter is strictly speaking the atomic and molecular matter, and is

Cũng còn có hình tướng đơn giản hơn nữa được thể hiện trong chất liệu mà từ đó mọi hình tướng khác được tạo nên. Nói một cách chính xác, vật chất này là vật chất nguyên tử

animated by the life or energy of the third Logos.

[Page 94] CHART II — LOGOS OF A SOLAR SYSTEM

và phân tử, và sự sống hay năng lượng của Thượng đế thứ ba làm sinh động nó.

[Page 94] BIỂU ĐỒ II — THƯỢNG ĐẾ CỦA MỘT HỆ MẶT TRỜI

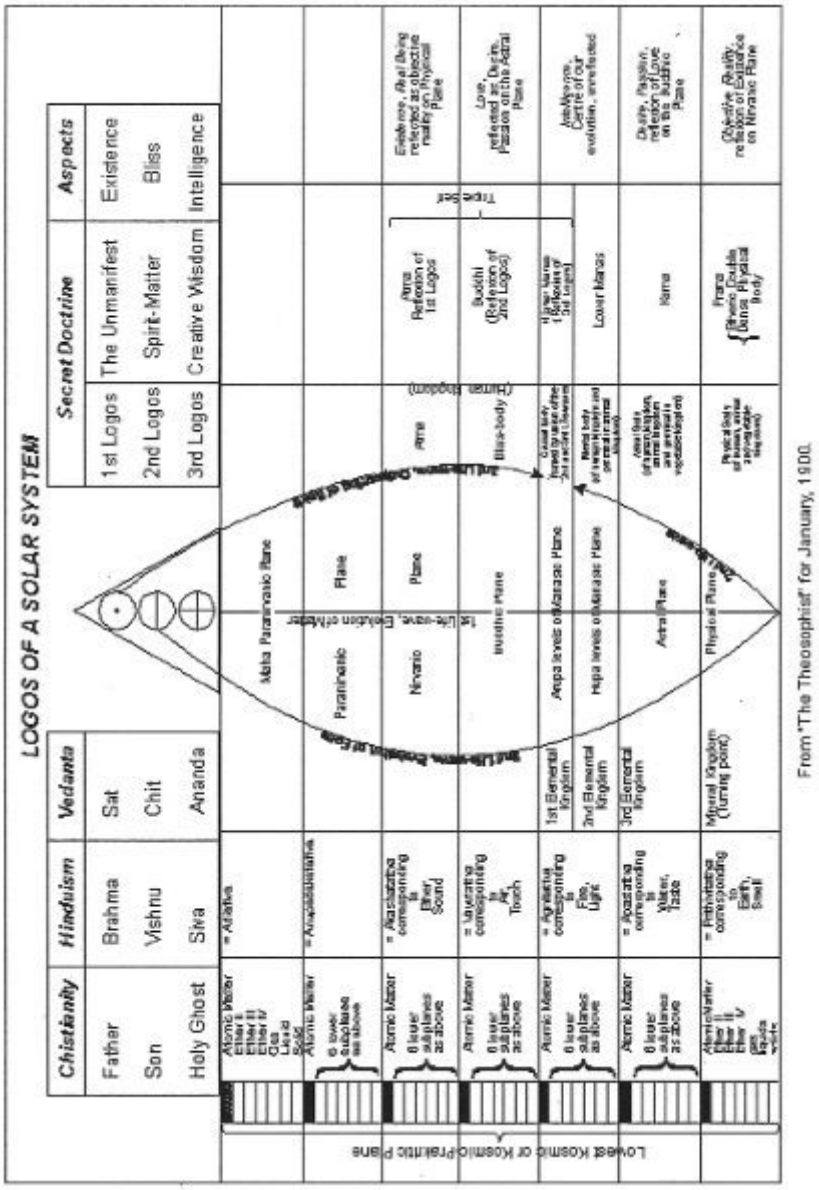

[Page 95] In dealing with the first group of forms, it must be noted that the pranic emanations given off by units of the animal and vegetable kingdom (after they have absorbed both solar and planetary prana) are naturally a combination of the two, and are transmitted by means of *surface radiation*, as in solar and planetary prana, to certain lesser groups of devas of a not very high

[Page 95] Khi bàn đến nhóm hình tướng thứ nhất, cần lưu ý rằng các phát xạ prana do các đơn vị của giới động vật và giới thực vật phát ra (sau khi chúng đã hấp thu cả prana thái dương lẫn prana hành tinh) tự nhiên là một sự kết hợp của cả hai, và được truyền dẫn bằng *bức xạ bề mặt*, như trong prana thái dương và prana hành tinh, đến một số nhóm thiên thần nhỏ hơn thuộc cấp không cao

order, who have a curious and intricate relationship to the group soul of the radiating animal or vegetable. This matter cannot be dealt with here. These devas are also of a violet hue, but of such a pale color as to be almost grey; they are in a transitional state, and merge with a puzzling confusion with groups of entities that are almost on the involutionary arc. (42, 43, 43a)

lắm, những vị có một mối liên hệ kỳ lạ và phức tạp với Hồn nhóm của loài động vật hay thực vật đang bức xạ. Vấn đề này không thể được bàn đến ở đây. Các thiên thần này cũng có sắc tím, nhưng màu sắc nhạt đến mức gần như xám; họ ở trong một trạng thái chuyển tiếp, và hòa lẫn một cách rối rắm khó hiểu với các nhóm thực thể gần như đang ở trên cung giáng hạ tiến hoá. (42, 43, 43a)

(42) *Involutionary Arc* is the term applied to the first part of the evolutionary process. It covers the "path of descent," or the coming down of Spirit into ever denser matter until the lowest point is reached, the point of densest concretion. The latter half of the process is called evolutionary and marks the ascent or return of Spirit to its emanating source, plus the gains of the evolutionary process. (back)

(42) *Cung Giáng Hạ Tiến Hoá* là thuật ngữ áp dụng cho phần đầu của tiến trình tiến hoá. Nó bao trùm "con đường đi xuống", hay sự đi xuống của Tinh thần vào vật chất ngày càng đậm đặc hơn cho đến khi đạt tới điểm thấp nhất, điểm cô đặc dày đặc nhất. Nửa sau của tiến trình được gọi là thăng thượng tiến hoá và đánh dấu sự đi lên hay trở về của Tinh thần đến nguồn phát xạ của nó, cộng thêm những thành quả của tiến trình tiến hoá. (trở lại)

[Page 96] In dealing with the second group, the human form transmits the emanative radiations to a much higher grade of deva. These devas are of a more pronounced hue, and after due assimilation of the human radiation, they transmit it principally to the animal kingdom, thus demonstrating the close relationship between the two kingdoms. If the above explanation of the intricate inter-relation between the sun and the planets, between the planets and the evolving forms upon them, between the forms themselves in ever descending importance demonstrates nothing more than the exquisite interdependence of all existences, then much will have been achieved.

[Page 96] Khi bàn đến nhóm thứ hai, hình tướng con người truyền các bức xạ phát xạ đến một cấp thiên thần cao hơn nhiều. Các thiên thần này có sắc màu đậm hơn, và sau khi đồng hoá thích đáng bức xạ của con người, họ truyền nó chủ yếu đến giới động vật, nhờ đó chứng minh mối liên hệ mật thiết giữa hai giới này. Nếu lời giải thích trên về mối tương liên phức tạp giữa mặt trời và các hành tinh, giữa các hành tinh và các hình tướng đang tiến hoá trên chúng, giữa chính các hình tướng với nhau theo tầm quan trọng ngày càng giảm dần, không chứng minh gì hơn ngoài sự tương thuộc tinh tế của mọi hiện hữu, thì như thế cũng đã đạt được rất nhiều.

Another fact which must also be brought out is the close relationship between all these evolutions of nature, from the celestial

Một sự kiện khác cũng cần được nêu ra là mối liên hệ mật thiết giữa tất cả các tiến hoá này của thiên nhiên, từ mặt trời thiên giới

sun down to the humblest violet *via the* [Page 97] *deva evolution* which acts as the transmitting transmuting force throughout the system.

xuống đến bông hoa violet nhỏ bé nhất *thông qua* [Page 97] *tiến hoá thiên thần* vốn hoạt động như mãnh lực truyền dẫn và chuyển hoá xuyên suốt toàn hệ mặt trời.

Lastly, all work with fire. Fire internal, inherent and latent; fire radiatory and emanative; fire generated, assimilated and radiated; fire vivifying stimulating, and destroying; fire transmitted, reflected, and absorbed; fire, the basis of all life; fire, the essence of all existence; fire, the means of development, and the impulse behind all evolutionary process; fire, the builder, the preserver and the constructor; fire, the originator, the process and the goal; fire the purifier and the consumer. The God of Fire and the fire of God interacting upon each other, till all fires blend and blaze and till all that exists, is passed through the fire—from a solar system to an ant—and emerges as a triple perfection. Fire then passes out from the ring-pass-not as perfected essence, whether essence emerging from the human ring-pass-not, the planetary ring-pass-not or the solar. The wheel of fire turns and all within that wheel is subjected to the threefold flame, and eventually stands perfected.

Sau hết, tất cả đều làm việc với lửa. Lửa nội tại, cố hữu và tiềm ẩn; lửa bức xạ và phát xạ; lửa được tạo ra, được đồng hoá và được bức xạ; lửa tiếp sinh lực, kích thích và hủy diệt; lửa được truyền dẫn, phản chiếu và hấp thu; lửa, nền tảng của mọi sự sống; lửa, tinh túy của mọi hiện hữu; lửa, phương tiện phát triển và xung lực đứng sau mọi tiến trình tiến hoá; lửa, đấng kiến tạo, đấng bảo tồn và đấng cấu tạo; lửa, kẻ khởi xướng, tiến trình và mục tiêu; lửa, đấng thanh luyện và đấng thiêu hủy. Thượng đế của Lửa và lửa của Thượng đế tương tác lẫn nhau, cho đến khi mọi ngọn lửa hòa nhập và bùng cháy, và cho đến khi mọi cái đang hiện hữu đều đi qua lửa —từ một hệ mặt trời đến một con kiến—và xuất hiện như một sự hoàn thiện tam phân. Khi đó lửa vượt ra khỏi vòng-giới-hạn như tinh chất đã được hoàn thiện, dù là tinh chất xuất hiện từ vòng-giới-hạn của con người, của hành tinh hay của thái dương. Bánh xe lửa quay chuyển và mọi thứ bên trong bánh xe ấy đều chịu tác động của ngọn lửa tam phân, và cuối cùng đạt đến sự hoàn thiện.

S1S10

III. THE FUNCTION OF THE ETHERIC BODY — III. CHỨC NĂNG CỦA THỂ DĨ THÁI

We will now continue with the discussion of the etheric body, and take up the consideration of its function and its relation to the physical body.

Giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục bàn về thể dĩ thái, và xét đến chức năng của nó cùng mối liên hệ của nó với thể xác.

The two may wisely be considered together, for the inter-relation is so close that it is not possible to discuss them separately. Primarily the functions of the etheric body are three in number:

Thật khôn ngoan khi xem xét hai thể này cùng nhau, vì mối tương liên quá mật thiết đến nỗi không thể bàn riêng từng thể. Trước hết, các chức năng của thể dĩ thái có ba loại:

1. It is the receiver of prana.

2. It is the assimilator of prana.

3. It is the transmitter of prana.

1. Nó là bộ tiếp nhận prana.

2. Nó là bộ đồng hoá prana.

3. Nó là bộ truyền dẫn prana.

1. The receiver of prana. — 1. Bộ tiếp nhận prana.

The etheric body may therefore be described as negative or receptive in respect to the rays of the sun, and as [Page 98] positive and expulsive in respect to the dense physical body. The second function—that of assimilation—is strictly balanced or internal. As stated earlier, the pranic emanations of the sun are absorbed by the etheric body, via certain centres which are found principally in the upper part of the body, from whence they are directed downwards to the centre which is called the etheric spleen, as it is the counterpart in etheric matter of that organ. The main centre for the reception of prana at present is a centre between the shoulder blades. Another has been allowed to become partially dormant in man through the abuses of so-called civilisation, and is situated slightly above the solar plexus. In the coming rootrace, and increasingly in this, the necessity for the exposure of these two centres to the rays of the sun, will be appreciated, with a corresponding improvement in physical vitality and adaptability. These three centres,

Do đó, thể dĩ thái có thể được mô tả là âm hay tiếp nhận đối với các tia của mặt trời, và là [Page 98] dương và tống xuất đối với thể xác đậm đặc. Chức năng thứ hai—chức năng đồng hoá—hoàn toàn quân bình hay mang tính nội tại. Như đã nói trước đây, các phát xạ prana của mặt trời được thể dĩ thái hấp thu qua một số trung tâm chủ yếu nằm ở phần trên của thể dĩ thái, từ đó chúng được dẫn xuống trung tâm được gọi là lá lách dĩ thái, vì nó là đối phần trong vật chất dĩ thái của cơ quan đó. Trung tâm chính để tiếp nhận prana hiện nay là một trung tâm nằm giữa hai xương bả vai. Một trung tâm khác đã được để cho trở nên phần nào ngủ yên nơi con người do những lạm dụng của cái gọi là văn minh, và nằm hơi phía trên tùng thái dương. Trong giống dân gốc sắp tới, và ngày càng nhiều trong giống dân này, sự cần thiết phải để hai trung tâm này tiếp xúc với các tia mặt trời sẽ được nhận thức, cùng với sự cải thiện tương ứng về sinh lực hồng trần và khả năng thích ứng. Ba trung tâm này,

1. Between the shoulder blades,

2. Above the diaphragm,

3. And the spleen

1. Giữa hai xương bả vai,

2. Phía trên cơ hoành,

3. Và lá lách

make, if one could but see it, a radiant etheric triangle, which triangle is the originating impulse for the later pranic circulation throughout the entire system. The etheric body is really a net-work of fine channels, which are the component parts of one interlacing fine cord,—one portion of this cord being the magnetic link which unites the physical and the astral bodies and which is snapped or broken after the withdrawal of the etheric body from the dense physical body at the time of death. The silver cord is loosed, as the Bible expresses it *(The Bible. Ecc: XII, 6.)*, and this is the basis of the legend of the fateful sister who cuts the thread of life with the dreaded shears.

tạo thành, nếu người ta có thể thấy được, một tam giác dĩ thái rực sáng, mà tam giác này là xung lực khởi nguyên cho sự tuần hoàn prana về sau trong toàn bộ hệ thống. Thể dĩ thái thực sự là một mạng lưới các kênh nhỏ mịn, là những bộ phận cấu thành của một sợi dây mịn đan xen duy nhất,—một phần của sợi dây này là liên kết từ tính nối thể xác với thể cảm dục và bị đứt hay gãy sau khi thể dĩ thái rút ra khỏi thể xác đậm đặc vào lúc chết. Sợi dây bạc được tháo lỏng, như Kinh Thánh diễn tả *(Kinh Thánh. Truyền: XII, 6.)*, và đây là cơ sở của truyền thuyết về người chị em định mệnh cắt sợi dây sự sống bằng chiếc kéo đáng sợ.

The etheric web is composed of the intricate weaving of this vitalised cord, and apart from the seven centres [Page 99] within the web (which correspond to the sacred centres, and of which the spleen is frequently counted as one) it has the two above mentioned, which make—with the spleen—a triangle of activity. The etheric web of the solar system is of an analogous nature, and likewise has its three receptive centres for cosmic prana. The mysterious band in the heavens, which we call the *Milky Way*, *(S. D. II. 250)* is closely connected with cosmic prana, or that cosmic vitality or nourishment which vitalises the solar etheric system.

Mạng dĩ thái hình thành từ sự đan dệt phức tạp của sợi dây đã được tiếp sinh lực này, và ngoài bảy trung tâm [Page 99] bên trong mạng (tương ứng với các trung tâm thiêng liêng, và trong đó lá lách thường được tính là một) nó còn có hai trung tâm đã nói ở trên, hợp với lá lách thành một tam giác hoạt động. Mạng dĩ thái của hệ mặt trời có bản chất tương tự, và cũng có ba trung tâm tiếp nhận prana vũ trụ. Dải bí ẩn trên bầu trời mà chúng ta gọi là *Dải Ngân Hà*, *(S. D. II. 250)* có liên hệ mật thiết với prana vũ trụ, hay sinh lực hay dưỡng chất vũ trụ tiếp sinh lực cho hệ dĩ thái thái dương.

2. The assimilator of prana. — 2. Bộ đồng hoá prana.

The process of assimilation is carried on in this triangle, and the prana which enters into either centre, circulates three times around the triangle before being transmitted to all parts of the etheric vehicle and from thence to the dense physical body. The main organ of assimilation is the spleen

Tiến trình đồng hoá được thực hiện trong tam giác này, và prana đi vào bất kỳ trung tâm nào sẽ tuần hoàn ba lần quanh tam giác trước khi được truyền đến mọi phần của vận cụ dĩ thái và từ đó đến thể xác đậm đặc. Cơ quan chính của sự đồng hoá là lá lách—trung tâm dĩ thái và cơ quan hồng trần đậm

—the etheric centre and the dense physical organ. The vital essence from the sun is passed into the etheric spleen, and is there subjected to a process of intensification or devitalisation, according to the condition, healthy or not, of that organ. If the man is in a healthy state the emanation received will be augmented by his own individual vibration, and its rate of vibration will be keyed up before it is passed on into the physical spleen; or it will be slowed down and lowered if the man is in a poor condition of health.

đặc. Tinh chất sinh lực từ mặt trời được chuyển vào lá lách dĩ thái, và tại đó chịu một tiến trình tăng cường hay làm mất sinh lực, tùy theo tình trạng lành mạnh hay không của cơ quan ấy. Nếu con người ở trong trạng thái khỏe mạnh thì rung động cá nhân của chính y sẽ tăng cường phát xạ tiếp nhận được, và nhịp rung của nó sẽ được nâng cao trước khi được chuyển vào lá lách hồng trần; hoặc nó sẽ bị làm chậm lại và hạ thấp nếu con người ở trong tình trạng sức khỏe kém.

These three centres are in the form that all centres take, of saucer-like depressions, resembling somewhat the appearance of small whirlpools, and which draw within their sphere of influence the currents that come their way.

Ba trung tâm này có hình dạng mà mọi trung tâm đều có, là những chỗ lõm như chiếc đĩa, phần nào giống các xoáy nước nhỏ, và hút vào trong phạm vi ảnh hưởng của chúng các dòng chảy đi ngang qua.

The centres should be pictured as whirling vortices with a closely woven threefold channel passing from each centre to the other, and forming an almost separate circulatory system. This finds its point of departure for [Page 100] the entire system at the further side of the spleen to that at which the prana entered. The vital fluid circulates through and between these three centres three times, before it finally passes out from them to the periphery of its little system. This final circulation carries the prana, via the fine interlacing channels, to every part of the body, which becomes entirely impregnated by these emanations, if it might be so expressed. These emanations find their way finally out of the etheric system by means of surface radiation. The pranic essence escapes from the circumference of its temporary ring-pass-not as emanative human prana, which is the same prana as earlier received, plus the peculiar quality that any single individual

Nên hình dung các trung tâm như những xoáy lốc quay tròn với một kênh tam phân đan dệt chặt chẽ đi từ mỗi trung tâm sang trung tâm kia, tạo thành một hệ tuần hoàn gần như riêng biệt. Hệ này tìm thấy điểm khởi hành của nó cho [Page 100] toàn bộ hệ thống ở phía bên kia của lá lách so với nơi prana đi vào. Lưu chất sinh lực tuần hoàn xuyên qua và giữa ba trung tâm này ba lần, trước khi cuối cùng đi ra khỏi chúng đến chu vi của hệ nhỏ của nó. Sự tuần hoàn cuối cùng này mang prana, qua các kênh nhỏ đan xen, đến mọi phần của thân thể, vốn trở nên hoàn toàn thấm đẫm các phát xạ này, nếu có thể diễn tả như vậy. Các phát xạ này cuối cùng tìm đường ra khỏi hệ dĩ thái bằng bức xạ bề mặt. Tinh chất prana thoát ra khỏi chu vi của vòng-giới-hạn tạm thời của nó như prana phát xạ của con người, tức chính là prana đã tiếp nhận trước đó, cộng thêm phẩm tính đặc thù mà bất kỳ cá nhân nào cũng có thể truyền cho nó trong thời gian

may convey to it during its transitory circulation. The essence escapes, plus individual quality.

tuần hoàn thoáng qua của nó. Tinh chất thoát ra, cộng thêm phẩm tính cá nhân.

Here again can be seen the correspondence to the escape of all essences from within any ring-pass-not when the cycle has been completed.

Ở đây một lần nữa có thể thấy sự tương ứng với sự thoát ra của mọi tinh chất từ bên trong bất kỳ vòng-giới-hạn nào khi chu kỳ đã hoàn tất.

This matter of the etheric body is of a very practical interest, and when its importance is better realised, men will attend to the distribution of prana within the body with closer attention, and will see that the vitalisation of the body, via the three centres, proceeds unhindered.

Vấn đề về thể dĩ thái này có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn, và khi tầm quan trọng của nó được chứng nghiệm rõ hơn, con người sẽ chú ý sát sao hơn đến sự phân phối prana trong thể dĩ thái, và sẽ bảo đảm rằng sự tiếp sinh lực cho thể dĩ thái, qua ba trung tâm, diễn ra không bị cản trở.

The subject has necessarily to be handled in a superficial manner, and only outlines and scattered hints can be given. Nevertheless, it will be found that if this teaching is studied with care, it will convey a knowledge of truths whose calibre and content will prove invaluable and of a kind hitherto not given out. The place of the etheric sheath as a separator or ring-pass-not, and its functions as a receiver and distributor of prana, are dealt with here in a larger sense than heretofore, and the subject may later be enlarged.

Đề tài này tất yếu phải được trình bày một cách khái quát, và chỉ có thể đưa ra những nét phác cùng những gợi ý rải rác. Tuy nhiên, sẽ thấy rằng nếu giáo huấn này được nghiên cứu cẩn trọng, nó sẽ truyền đạt tri thức về những chân lý mà tầm mức và nội dung của chúng sẽ chứng tỏ là vô giá và thuộc loại từ trước đến nay chưa từng được công bố. Vị trí của lớp vỏ dĩ thái như một vật ngăn cách hay vòng-giới-hạn, và các chức năng của nó như bộ tiếp nhận và phân phối prana, ở đây được bàn đến theo một ý nghĩa rộng lớn hơn trước kia, và đề tài này về sau có thể được khai triển thêm.

Two fundamental truths stand out from the aggregate of facts so slightly dealt with here: [Page 101]

Hai chân lý căn bản nổi bật lên từ toàn bộ các sự kiện chỉ được đề cập rất sơ lược ở đây: [Page 101]

First. The fourth etheric subplane of the physical plane is the immediate concern of

Thứ nhất. Cõi phụ dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần là mối quan tâm trực tiếp của

a. Man, the Microcosm,

a. Con người, Tiểu thiên địa,

b. The Heavenly Man, the planetary Logos,

b. Đấng Thiên Nhân, Hành Tinh Thượng Đế,

c. The Grand Man of the Heavens, the solar Logos.

c. Đại Nhân của Thiên Giới, Thái dương Thượng đế.

Second. In this fourth chain and fourth round, the fourth ether is beginning to be studied, and—viewed as a separating web—it permits occasional exit to those of suitable vibration.

Thứ hai. Trong dãy thứ tư và cuộc tuần hoàn thứ tư này, dĩ thái thứ tư đang bắt đầu được nghiên cứu, và—khi được xem như một mạng ngăn cách—nó cho phép sự thoát ra từng lúc của những ai có rung động thích hợp.

3. The Transmitter of Prana. — 3. Bộ truyền dẫn Prana.

We have touched but little on the subject of the fire, the purpose of the etheric body being to convey it and distribute it to all parts of its system. We have dwelt on facts which might stimulate interest and emphasise the utility of this pranic vehicle. Certain facts need emphasis and consideration as we study this static ring and its circulating fires. Let me briefly recapitulate for the sake of clarity:

Chúng ta mới chỉ chạm rất ít đến đề tài lửa, trong khi mục đích của thể dĩ thái là chuyển tải nó và phân phối nó đến mọi phần trong hệ thống của nó. Chúng ta đã lưu tâm đến những sự kiện có thể khơi dậy sự quan tâm và nhấn mạnh tính hữu dụng của vận cụ prana này. Có một số sự kiện cần được nhấn mạnh và xem xét khi chúng ta nghiên cứu vòng tĩnh này và các ngọn lửa tuần hoàn của nó. Xin cho phép tôi tóm lược ngắn gọn để được rõ ràng:

The System receives prana from cosmic sources via three centres, and redistributes it to all parts of its extended influence, or to the bounds of the solar etheric web. This cosmic prana becomes colored by solar quality and reaches the furthest confines of the system. Its mission might be described as the vitalisation of the vehicle which is the physical material expression of the solar Logos.

Hệ mặt trời tiếp nhận prana từ các nguồn vũ trụ qua ba trung tâm, và phân phối lại nó đến mọi phần trong phạm vi ảnh hưởng mở rộng của nó, hay đến các ranh giới của mạng dĩ thái thái dương. Prana vũ trụ này được nhuốm phẩm tính thái dương và đạt đến những biên giới xa nhất của hệ mặt trời. Sứ mạng của nó có thể được mô tả như là sự tiếp sinh lực cho vận cụ là biểu hiện vật chất hồng trần của Thái dương Thượng đế.

The Planet receives prana from the solar centre, and redistributes it via the three receiving centres to all parts of its sphere of influence. This solar prana becomes colored by the planetary quality and is absorbed by all evolutions found within the planetary ring-pass-not. Its mission might be

Hành tinh tiếp nhận prana từ trung tâm thái dương, và phân phối lại nó qua ba trung tâm tiếp nhận đến mọi phần trong phạm vi ảnh hưởng của nó. Prana thái dương này được nhuốm phẩm tính hành tinh; mọi tiến hoá hiện diện trong vòng-giới-hạn hành tinh đều hấp thu nó. Sứ mạng của nó có thể được

described as the vitalisation of the vehicle which is the physical material expression of one or other of the seven Heavenly Men.

mô tả như là sự tiếp sinh lực cho vận cụ là biểu hiện vật chất hồng trần của một trong bảy Đấng Thiên Nhân.

[Page 102] *The Microcosm* receives prana from the sun after it has permeated the planetary etheric vehicle, so that it is solar prana, plus planetary quality. Each planet is the embodiment of some one ray aspect, and its quality is marked predominantly on all its evolution.

[Page 102] *Tiểu thiên địa* tiếp nhận prana từ mặt trời sau khi nó đã thấm qua vận cụ dĩ thái hành tinh, do đó nó là prana thái dương cộng thêm phẩm tính hành tinh. Mỗi hành tinh là hiện thân của một phương diện cung nào đó, và phẩm tính của nó được ghi dấu nổi trội trên toàn bộ tiến hoá của nó.

Prana, therefore, which is active radiatory heat, varies in vibration and quality according to the receiving Entity. Man passes the prana through his etheric vehicle, colors it with his own peculiar quality, and so transmits it to the lesser lives that make up his little system. Thus, the great interaction goes on, and all parts blend, merge and are interdependent; and all parts receive, color, qualify and transmit. An endless circulation goes on that has neither a conceivable beginning nor possible end from the point of view of finite man, for its source and end are hid in the unknown cosmic fount. Were conditions everywhere perfected this circulation would proceed unimpeded and might result in a condition of almost endless duration, but limitation and termination result as the effects of imperfection giving place to a gradual perfection. Every cycle originates from another cycle of a relative completeness, and will give place ever to a higher spiral; thus eventuate periods of apparent relative perfection leading to those which are still greater.

Do đó, prana, vốn là nhiệt bức xạ hoạt động, thay đổi về rung động và phẩm tính tùy theo Thực Thể tiếp nhận. Con người chuyển prana qua vận cụ dĩ thái của mình, nhuốm nó bằng phẩm tính đặc thù riêng của mình, và như thế truyền nó đến các sự sống nhỏ hơn cấu thành hệ nhỏ của mình. Như vậy, sự tương tác lớn lao tiếp diễn, và mọi phần hòa nhập, dung hợp và tương thuộc lẫn nhau; và mọi phần đều tiếp nhận, nhuốm màu, định tính và truyền dẫn. Một sự tuần hoàn vô tận tiếp diễn, không có khởi đầu nào con người hữu hạn có thể quan niệm được, cũng không có kết thúc nào có thể có theo quan điểm của con người hữu hạn, vì nguồn và đích của nó ẩn kín trong suối nguồn vũ trụ chưa biết. Nếu các điều kiện ở khắp nơi đều hoàn thiện thì sự tuần hoàn này sẽ diễn ra không bị ngăn trở và có thể dẫn đến một trạng thái gần như kéo dài vô tận, nhưng sự giới hạn và chấm dứt lại là kết quả của sự bất toàn nhường chỗ cho một sự hoàn thiện dần dần. Mỗi chu kỳ khởi sinh từ một chu kỳ khác có tính hoàn tất tương đối, và sẽ luôn nhường chỗ cho một vòng xoắn cao hơn; do đó xuất hiện những thời kỳ hoàn thiện tương đối bề ngoài dẫn đến những thời kỳ còn lớn lao hơn nữa.

The aim for this greater cycle is the blending, as we know, of the two fires of matter, latent and active, and their merging

Mục tiêu của chu kỳ lớn hơn này, như chúng ta biết, là sự hòa nhập của hai ngọn lửa của vật chất, tiềm ẩn và hoạt động, và sự dung

with the fires of mind and spirit till they are lost from sight in the general flame; the fires of mind and spirit burn up matter and thereby bring about liberation from the confining vehicles. The altar of earth is the birthplace of spirit, its liberator from the mother (matter), and its entrance into higher realms.

hợp của chúng với các ngọn lửa của trí tuệ và tinh thần cho đến khi chúng mất hút trong ngọn lửa chung; các ngọn lửa của trí tuệ và tinh thần thiêu đốt vật chất và nhờ đó đem lại sự giải thoát khỏi các vận cụ giam hãm. Bàn thờ của đất là nơi sinh ra tinh thần, là đấng giải thoát nó khỏi người mẹ (vật chất), và là lối vào của nó đến các cõi cao hơn.

Hence, when the pranic vehicle is working perfectly in all three groups, human, planetary and solar, the union with latent fire will be accomplished. Here lies [Page 103] the reason for the emphasis laid on the necessity for building pure, refined physical vehicles. The more refined and rarefied the form, the better a receiver of prana will it be, and the less will be the resistance found to the uprising of kundalini at the appointed time. Coarse matter and crude immature physical bodies are a menace to the occultist, and no true seer will be found with a body of a gross quality. The dangers of disruption are too great, and the menace of disintegration by fire too awful. Once in the history of the race (in Lemurian days) this was seen in the destruction of the race and the continents by means of fire. (45) The Guides of the race at that time availed Themselves of just this very thing to bring about the finish of an inadequate form. The latent fire of matter (as seen in volcanic display, for instance) and the radiatory fire of the system were combined. Planetary kundalini and solar emanation rushed into conjunction, and the work of destruction was accomplished. The same thing may again be seen, only in matter of the second ether, and the effects therefore will be less severe owing to the rarity of this ether and the comparatively greater refinement of the vehicles.

Do đó, khi vận cụ prana hoạt động hoàn hảo trong cả ba nhóm, nhân loại, hành tinh và thái dương, thì sự hợp nhất với lửa tiềm ẩn sẽ được hoàn thành. Chính trong đây có [Page 103] lý do của sự nhấn mạnh đặt vào nhu cầu xây dựng những vận cụ hồng trần thanh khiết, tinh luyện. Hình tướng càng tinh luyện và càng thanh nhẹ, nó sẽ càng là một bộ tiếp nhận prana tốt hơn, và sẽ càng ít gặp sự kháng cự đối với sự trỗi dậy của kundalini vào thời điểm đã định. Vật chất thô nặng và các thể xác hồng trần thô sơ chưa trưởng thành là một mối nguy cho nhà huyền bí học, và sẽ không tìm thấy một nhà thông nhãn chân chính nào với một thể xác có phẩm chất thô trược. Những nguy cơ đổ vỡ là quá lớn, và mối đe dọa tan rã bởi lửa là quá khủng khiếp. Đã từng có một lần trong lịch sử nhân loại (vào thời Lemuria) điều này được thấy trong sự hủy diệt của giống dân này và các lục địa bằng lửa. (45) Các Đấng Hướng Dẫn của nhân loại vào thời đó đã vận dụng chính điều này để đem lại sự kết thúc cho một hình tướng không thích hợp. Lửa tiềm ẩn của vật chất (chẳng hạn như thấy trong các biểu hiện núi lửa) và lửa bức xạ của hệ mặt trời đã được kết hợp. Kundalini hành tinh và phát xạ thái dương lao vào nhau và kết hợp, và công việc hủy diệt đã được hoàn tất. Điều tương tự có thể lại được thấy, chỉ khác là trong vật chất của dĩ thái thứ hai, và do đó các hiệu quả sẽ ít nghiêm trọng hơn vì tính thanh nhẹ của dĩ thái này và sự tinh luyện tương đối lớn hơn của các vận cụ.

(45) In the Secret Doctrine, Vol. I, p. 473, footnote, the destruction of Lemuria by fire is hinted at, and in the Secret Doctrine, II, 149, footnote, the words occur, "Lemuria was not submerged but was destroyed by volcanic action, and afterward sank." (back)

(45) Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, Tập I, tr. 473, chú thích, sự hủy diệt của Lemuria bằng lửa được ám chỉ đến, và trong Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 149, chú thích, có những lời như sau, "Lemuria không bị nhấn chìm mà do hoạt động núi lửa hủy diệt, và sau đó chìm xuống." (trở lại)

We might here note a fact of interest, though of a mystery insoluble as yet to most of us, and that is, that these destructions by fire are part of the tests by fire of an initiation of that one of the Heavenly Men Whose karma is bound up with our earth.

Ở đây chúng ta có thể lưu ý một sự kiện đáng quan tâm, dù vẫn còn là một huyền nhiệm chưa thể giải được đối với phần lớn chúng ta, đó là những sự hủy diệt bằng lửa này là một phần của các cuộc thử thách bằng lửa trong một cuộc điểm đạo của một trong các Đấng Thiên Nhân mà nghiệp quả của Ngài gắn liền với địa cầu của chúng ta.

Each destruction of a portion of the web results in a greater facility of exit, and is in reality (when seen from the higher planes) a step forward and an expansion. A repetition of this takes place likewise in the system at the stated cycles.[Page 104]

Mỗi sự hủy diệt một phần của mạng đều dẫn đến sự dễ dàng thoát ra lớn hơn, và thực ra (khi được nhìn từ các cõi cao hơn) là một bước tiến và một sự mở rộng. Sự lặp lại của điều này cũng diễn ra trong hệ mặt trời vào những chu kỳ đã định.[Page 104]

S1S11

4. Disorders of the etheric body. — 4. Những rối loạn của thể dĩ thái.

We will now study the etheric body, and its ills and also its after death condition. This matter can be only briefly touched upon. All that may now be indicated is a general idea of the fundamental ailments to which the etheric may be subject, and the trend which applied medicine may later take when occult laws are better understood. One fact must here be brought out—a fact but little comprehended or even apprehended. This is the significant fact that the ills of the etheric vehicle, in the case of the microcosm, will be found likewise in the Macrocosm. Herein lies the knowledge that ofttimes explains the apparent miseries of nature. Some of the

Giờ đây chúng ta sẽ nghiên cứu thể dĩ thái, các bệnh trạng của nó và cả tình trạng của nó sau khi chết. Vấn đề này chỉ có thể được chạm đến một cách ngắn gọn. Tất cả những gì hiện nay có thể nêu ra chỉ là một ý niệm tổng quát về các bệnh căn bản mà thể dĩ thái có thể phải chịu, và xu hướng mà y học ứng dụng về sau có thể đi theo khi các định luật huyền bí được thấu hiểu rõ hơn. Ở đây cần nêu ra một sự kiện—một sự kiện rất ít được thấu hiểu hay thậm chí được nhận biết. Đó là sự kiện quan trọng rằng các bệnh trạng của vận cụ dĩ thái, trong trường hợp của tiểu thiên địa, cũng sẽ được tìm thấy trong Đại thiên địa. Chính trong đây có tri thức thường

great world evils have their source in etheric ills, extending the idea of the etheric to planetary conditions and even to solar. As we touch upon the causes of etheric distress in man, their planetary and solar correspondences and reactions may perhaps be realised. We will need to bear carefully in mind when studying this matter, that all the diseases of the etheric body will appertain to its threefold purpose and be either:

giải thích những khổ đau bề ngoài của thiên nhiên. Một số điều ác lớn trên thế giới có nguồn gốc trong các bệnh trạng dĩ thái, nếu mở rộng ý niệm về dĩ thái sang các điều kiện hành tinh và thậm chí cả thái dương. Khi chúng ta chạm đến các nguyên nhân của sự khốn khổ dĩ thái nơi con người, các tương ứng và phản ứng hành tinh và thái dương của chúng có lẽ sẽ được chứng nghiệm. Khi nghiên cứu vấn đề này, chúng ta cần cẩn thận ghi nhớ rằng mọi bệnh của thể dĩ thái sẽ thuộc về mục đích tam phân của nó và sẽ hoặc là:

a. Functional and thereby affecting its apprehension of prana,

a. Thuộc về chức năng và do đó ảnh hưởng đến sự tiếp nhận prana của nó,

b. Organic, and thereby affecting its distribution of prana,

b. Thuộc về cơ quan, và do đó ảnh hưởng đến sự phân phối prana của nó,

c. Static, and thereby affecting the web, when viewed solely from the angle of providing a physical ring-pass-not, and acting as a separator between the physical and the astral.

c. Tĩnh, và do đó ảnh hưởng đến mạng, khi chỉ được nhìn từ góc độ cung cấp một vòng-giới-hạn hồng trần, và hoạt động như một vật ngăn cách giữa hồng trần và cảm dục.

These three different groups of functions or purposes are each of paramount interest, lead to totally different results, and react in a different manner both outwardly and inwardly.

Ba nhóm chức năng hay mục đích khác nhau này, mỗi nhóm đều cực kỳ quan trọng, dẫn đến những kết quả hoàn toàn khác nhau, và phản ứng theo những cách khác nhau cả bên ngoài lẫn bên trong.

Viewed from the *planetary* standpoint the same conditions will be perceived, and the etheric planetary body [Page 105] (which is fundamentally *the* body in the case of the sacred planets, of which the Earth is not one) will have its functional disorders, which will affect its reception of prana, will suffer its organic troubles which may affect its distribution, and those disorders which permit of trouble in the etheric web, which forms the ring-pass-not for the involved planetary Spirit. Here I would point out that

Xét từ quan điểm *hành tinh*, ta cũng sẽ nhận thấy các điều kiện tương tự, và thể dĩ thái hành tinh [Page 105] (vốn về căn bản là *thân thể* trong trường hợp các hành tinh thiêng liêng, mà Trái Đất không phải là một trong số đó) sẽ có những rối loạn chức năng, ảnh hưởng đến sự tiếp nhận prana của nó, sẽ chịu những trục trặc về cơ quan có thể ảnh hưởng đến sự phân phối của nó, và những rối loạn cho phép phát sinh sự cố trong mạng dĩ thái, vốn tạo thành vòng-giới-hạn cho Chân Linh Hành Tinh liên hệ. Ở đây tôi

in the case of the planetary Spirits Who are on the divine evolutionary arc, the Heavenly Men Whose bodies are planets, the etheric web does not form a barrier, but (like the Karmic Lords on a higher plane) They have freedom of movement outside the bounds of the planetary web within the circumference of the solar ring-pass-not. (46)

muốn chỉ ra rằng trong trường hợp các Chân Linh Hành Tinh đang ở trên cung tiến hoá thiêng liêng, các Đấng Thiên Nhân mà thân thể của Các Ngài là các hành tinh, thì mạng dĩ thái không tạo thành một rào cản, mà (giống như các Đấng Nghiệp Quả ở một cõi cao hơn) Các Ngài có tự do di chuyển ra ngoài giới hạn của mạng hành tinh trong chu vi của vòng-giới-hạn thái dương. (46)

(46) The planetary Spirit is another term for the Logos of our planet, one of the "seven Spirits before the Throne," and therefore one of the seven Heavenly Men. He is on the evolutionary arc of the universe, and has passed many stages beyond the human.

(46) Chân Linh Hành Tinh là một thuật ngữ khác chỉ Thượng đế của hành tinh chúng ta, một trong "Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai", và do đó là một trong bảy Đấng Thiên Nhân. Ngài ở trên cung tiến hoá của vũ trụ, và đã vượt qua nhiều giai đoạn vượt xa con người.

The planetary Entity is on the involutionary arc and is a very low grade Entity. He is the sum total of all the elemental lives of the planet. (back)

Thực Thể Hành Tinh ở trên cung giáng hạ tiến hoá và là một Thực Thể có cấp độ rất thấp. Y là tổng thể của mọi sự sống hành khí của hành tinh. (back)

Again from the *systemic* standpoint, these same effects may be observed, functionally, this time in connection with the cosmic centre; organically, in connection with the sum total of the planetary systems; and statically, in connection with the solar or logoic ring-pass-not.

Một lần nữa, từ quan điểm *hệ mặt trời,* cũng có thể quan sát các hiệu quả tương tự này: về mặt chức năng, lần này trong liên hệ với trung tâm vũ trụ; về mặt cơ quan, trong liên hệ với tổng thể các hệ hành tinh; và về mặt tĩnh, trong liên hệ với vòng-giới-hạn thái dương hay của Thượng đế.

We might now, for purposes of clarity, take up these three groups separately and briefly touch upon them and hint (for more will not be possible) at methods of cure and of adjustment.

Giờ đây, để cho rõ ràng, chúng ta có thể xét riêng ba nhóm này và đề cập ngắn gọn đến chúng, đồng thời gợi ý (vì không thể làm hơn) về các phương pháp chữa trị và điều chỉnh.

a. Microcosmic functional disorders. These have to do with the reception by man, via the necessary centres, of the pranic fluids. We must always bear in mind, and thus keep the distinction clear, that these emanations of prana have to do with the heat latent in matter; when received and functioning

a. Các rối loạn chức năng của tiểu thiên địa. Những rối loạn này liên quan đến sự tiếp nhận của con người, qua các trung tâm cần thiết, các lưu chất prana. Chúng ta phải luôn ghi nhớ, và nhờ đó giữ cho sự phân biệt được rõ ràng, rằng các phát xạ prana này liên quan đến nhiệt ẩn tàng trong vật chất; khi được

through the etheric body correctly, they co-operate with the natural latent bodily [Page 106] warmth, and (merging therewith) hold the body in a vitalised condition, imposing upon the matter of the body a certain rate of vibratory action that leads to the necessary activity of the physical vehicle, and the right functioning of its organs. It will, therefore, be apparent that the A. B. C. of bodily health is wrapped up in the right reception of prana, and that one of the basic changes that must be made in the life of the human animal (which is the aspect we are dealing with now) will be in the ordinary conditions of living.

tiếp nhận và hoạt động đúng đắn qua thể dĩ thái, chúng hợp tác với nhiệt tự nhiên tiềm ẩn của thân thể [Page 106] và (hòa nhập với nó) giữ cho thân thể ở trong trạng thái được tiếp sinh lực, áp đặt lên vật chất của thân thể một nhịp độ hoạt động rung động nhất định dẫn đến hoạt động cần thiết của vận cụ hồng trần, và sự vận hành đúng đắn của các cơ quan của nó. Vì vậy, hiển nhiên là ABC của sức khỏe thể xác gắn liền với sự tiếp nhận đúng đắn prana, và một trong những thay đổi căn bản phải được thực hiện trong đời sống của người thú (là phương diện chúng ta đang bàn đến lúc này) sẽ nằm ở các điều kiện sinh hoạt thông thường.

The three fundamental centres whereby reception is brought about must be allowed to function with greater freedom, and with less restriction. Now, owing to centuries of wrong living, and to basic mistakes (originating in Lemurian days) man's three pranic centres are not in good working order. The centre between the shoulder blades is in the best receptive condition, though owing to the poor condition of the spinal column (which in so many is out of accurate alignment), its position in the back is apt to be misplaced. The splenic centre near the diaphragm is sub-normal in size and its vibration is not correct. In the case of the aboriginal dwellers in such localities as the South Seas, better etheric conditions will be found; the life they lead is more normal (from the animal standpoint) than in any other portion of the world.

Phải để ba trung tâm căn bản thực hiện sự tiếp nhận hoạt động tự do hơn và ít bị hạn chế hơn. Hiện nay, do nhiều thế kỷ sống sai lầm, và do những sai lầm căn bản (bắt nguồn từ thời Lemuria), ba trung tâm prana của con người không ở trong tình trạng hoạt động tốt. Trung tâm giữa hai bả vai ở trong tình trạng tiếp nhận tốt nhất, dù do tình trạng kém của cột sống (vốn ở rất nhiều người không được chỉnh hợp chính xác), vị trí của nó ở lưng dễ bị lệch chỗ. Trung tâm lá lách gần cơ hoành thì có kích thước dưới mức bình thường và rung động của nó không đúng. Trong trường hợp các cư dân bản địa ở những địa phương như Nam Hải, sẽ thấy các điều kiện dĩ thái tốt hơn; đời sống của họ bình thường hơn (xét từ quan điểm động vật) so với bất kỳ phần nào khác của thế giới.

The race suffers from certain incapacities, which may be described as follows:

Nhân loại chịu đựng một số sự bất lực, có thể được mô tả như sau:

First. Inability to tap pranic currents, owing to the unhealthy lives passed by so many. This involves the cutting off of the source of supply, and the consequent atrophying and

Thứ nhất. Không có khả năng khai thác các dòng prana, do đời sống không lành mạnh mà quá nhiều người đã sống. Điều này kéo theo việc cắt đứt nguồn cung cấp, và hậu quả

shrinkage of the receptive centres. This is seen in an exaggerated form in the children of the congested quarters of any great city, and in the vitiated anemic dwellers of the slums. The cure is apparent—the bringing about of better living conditions, the employment [Page 107] of more appropriate clothing, and the adoption of a freer and more salubrious mode of living. When the pranic rays can find free access to the shoulders, and to the diaphragm, the subnormal state of the average spleen will adjust itself automatically.

là các trung tâm tiếp nhận bị teo đi và co rút lại. Tình trạng này biểu hiện rõ rệt hơn nơi trẻ em ở các khu chật chội của bất kỳ thành phố lớn nào, và nơi những cư dân thiếu máu, suy nhược của các khu ổ chuột. Phương thuốc thì rõ ràng—tạo ra các điều kiện sống tốt hơn, sử dụng [Page 107] y phục thích hợp hơn, và áp dụng một lối sống tự do hơn và lành mạnh hơn. Khi các tia prana có thể tự do đi vào vai và cơ hoành, tình trạng dưới mức bình thường của lá lách trung bình sẽ tự động điều chỉnh.

Second. Over-ability to tap pranic currents. The first type of functional disorder is common and widespread. Its reverse can be found where conditions of life are such that the centres (through too direct and prolonged submittal to solar emanation) become overdeveloped, vibrate too rapidly, and receive prana in too great an amount. This is rarer, but is found in some tropical countries, and is responsible for much of the troublesome debility that attacks dwellers in these lands. The etheric body receives prana or solar rays too rapidly, passes it through and out of the system with too much force, and this leaves the victim a prey to inertia and devitalisation. Putting it otherwise, the etheric body becomes lazy, is like an unstrung web, or (to use a very homely illustration) it resembles a tennis racket which has become too soft, and has lost its resilience. The inner triangle transmits the pranic emanations with too great rapidity, giving no time for the subsidiary absorption, and the whole system is thereby the loser. Later it will be found that many of the ills that Europeans, living in India, fall heir to, originate in this way; and by attention, therefore, to the spleen, and by wise control of living conditions, some of the trouble may be obviated.

Thứ hai. Khả năng khai thác các dòng prana quá mức. Loại rối loạn chức năng thứ nhất là phổ biến và lan rộng. Điều ngược lại của nó có thể được tìm thấy ở nơi các điều kiện sống khiến cho các trung tâm (do chịu trực tiếp và kéo dài quá mức các phát xạ thái dương) trở nên phát triển quá độ, rung động quá nhanh, và tiếp nhận prana với số lượng quá lớn. Điều này hiếm hơn, nhưng được thấy ở một số nước nhiệt đới, và là nguyên nhân của phần lớn tình trạng suy nhược phiền toái tấn công cư dân ở những vùng đất này. Thể dĩ thái tiếp nhận prana hay các tia thái dương quá nhanh, truyền nó xuyên qua và ra khỏi hệ thống với lực quá mạnh, và điều này khiến nạn nhân trở thành mồi cho quán tính và sự mất sinh lực. Nói cách khác, thể dĩ thái trở nên lười biếng, giống như một mạng lưới bị chùng, hoặc (dùng một minh họa rất đời thường) nó giống như một cây vợt tennis đã trở nên quá mềm và đã mất tính đàn hồi. Tam giác bên trong truyền các phát xạ prana với tốc độ quá lớn, không cho thời gian để sự hấp thu phụ trợ diễn ra, và bởi vậy toàn bộ hệ thống bị thiệt hại. Về sau người ta sẽ thấy rằng nhiều chứng bệnh mà người châu Âu sống ở Ấn Độ phải gánh chịu phát sinh theo cách này; và do đó, bằng sự chú ý đến lá lách, và bằng sự kiểm soát khôn ngoan các điều

kiện sống, một phần rắc rối có thể được ngăn ngừa.

In touching upon similar conditions in the planet, both these types of trouble will be found. More cannot be said, but in the wise study of solar radiation upon the surface of the planet in connection with its rotary action, some of the group rules of health may be comprehended and followed. The spirit of the planet (or the planetary entity) likewise has his cycles, and in the absorption of [Page 108] planetary prana, and in its correct distribution, lies the secret of fertility and equable vegetation. Much of this is hidden in the fabled story of the war between fire and water, which has its basis in the reaction of the fire latent in matter, to the fire emanating outside of matter, and playing upon it. In the interval that has to elapse while the two are in process of blending, come those periods where, through karmic inheritance, reception is unstable and distribution inequable. As the point of race equilibrium is reached, so planetary equilibrium will likewise be attained, and in planetary attainment will come the equilibrium that must mutually take place between the solar planets. When they attain a mutual balance and interaction then the system is stabilised and perfection reached. The even distribution of prana will parallel this balancing in the man, in the race, in the planet and in the system. This is but another way of saying that uniform vibration will be achieved.

Khi đề cập đến các điều kiện tương tự trong hành tinh, sẽ thấy cả hai loại rắc rối này. Không thể nói thêm, nhưng trong việc nghiên cứu khôn ngoan bức xạ thái dương trên bề mặt hành tinh liên hệ với chuyển động quay của nó, có thể thấu hiểu và tuân theo một số quy luật sức khỏe của nhóm. Tinh thần của hành tinh (hay Thực Thể Hành Tinh) cũng có các chu kỳ của y, và chính trong sự hấp thu [Page 108] prana hành tinh, và trong sự phân phối đúng đắn của nó, có bí mật của sự phì nhiêu và thực vật sinh trưởng đồng đều. Phần lớn điều này được che giấu trong câu chuyện huyền thoại về cuộc chiến giữa lửa và nước, vốn có cơ sở trong phản ứng của lửa ẩn tàng trong vật chất đối với lửa phát ra từ bên ngoài vật chất và tác động lên nó. Trong khoảng thời gian phải trôi qua khi cả hai đang trong tiến trình hòa trộn, xuất hiện những giai đoạn mà, do di sản nghiệp quả, sự tiếp nhận thì bất ổn và sự phân phối thì không đồng đều. Khi đạt đến điểm quân bình của nhân loại, thì quân bình hành tinh cũng sẽ đạt được; và trong sự thành tựu của hành tinh sẽ đến sự quân bình phải diễn ra một cách hỗ tương giữa các hành tinh thái dương. Khi chúng đạt đến sự cân bằng và tương tác hỗ tương thì hệ mặt trời đạt được sự ổn định và hoàn hảo. Sự phân phối đồng đều prana sẽ song hành với sự quân bình này nơi con người, nơi nhân loại, nơi hành tinh và nơi hệ mặt trời. Đây chỉ là một cách khác để nói rằng rung động đồng nhất sẽ được đạt tới.

b. Microcosmic organic disorders. These are basically two in number:

b. Các rối loạn về cơ quan của tiểu thiên địa. Về căn bản, chúng có hai loại:

Troubles due to congestion.

Các rắc rối do tắc nghẽn.

Destruction of tissue due to over-absorption of prana, or its too rapid blending with latent physical fire.

Sự phá hủy mô do hấp thu prana quá mức, hoặc do nó hòa trộn quá nhanh với lửa hồng trần tiềm ẩn.

We have a curious illustration of both of these forms of trouble in sun stroke and in heat stroke. Though supposedly understood by physicians, they are nevertheless altogether etheric disorders. When the nature of the etheric body is better understood, and its wise care followed both these types of disease will be prevented. They are due to solar pranic emanation; in one case the effect of the emanation is to bring about death or serious illness through the congestion of an etheric channel, while in the other the same result is brought about by destruction of etheric matter.

Chúng ta có một minh họa kỳ lạ cho cả hai dạng rắc rối này trong chứng say nắng và sốc nhiệt. Dù người ta cho rằng các y sĩ đã hiểu rõ chúng, chúng vẫn hoàn toàn là các rối loạn dĩ thái. Khi bản chất của thể dĩ thái được hiểu rõ hơn, và việc chăm sóc khôn ngoan đối với nó được thực hiện, cả hai loại bệnh này sẽ được ngăn ngừa. Chúng là do phát xạ prana thái dương; trong một trường hợp, hiệu quả của phát xạ là gây ra cái chết hoặc bệnh nặng do sự tắc nghẽn của một kinh dĩ thái, trong khi ở trường hợp kia, sự phá hủy vật chất dĩ thái gây ra cùng một kết quả.

The above illustration has been used with definite intent, [Page 109] but it should be pointed out that etheric congestion may lead to many forms of disease and of mental incompetence. Etheric congestion leads to the thickening of the web to an abnormal extent, and this thickening may prevent, for instance, contact with the higher Self or principles and its resultants, idiocy and mental unbalance. It may lead to abnormal fleshy development, to the thickening of some internal organ, and consequent undue pressure; one portion of the etheric body being congested may lead to the entire physical condition being upset, resulting in diverse complaints.

Minh họa trên đã được dùng với chủ ý rõ rệt, [Page 109] nhưng cần chỉ ra rằng sự tắc nghẽn dĩ thái có thể dẫn đến nhiều dạng bệnh tật và sự bất lực trí tuệ. Sự tắc nghẽn dĩ thái dẫn đến việc mạng lưới dày lên đến mức bất thường, và sự dày lên này có thể chẳng hạn ngăn cản sự tiếp xúc với chân ngã hay các nguyên khí cao hơn và hậu quả của sự dày lên này là chứng đần độn và mất quân bình trí tuệ. Nó có thể dẫn đến sự phát triển thịt bất thường, đến sự dày lên của một cơ quan nội tạng nào đó, và hậu quả là áp lực quá mức; một phần của thể dĩ thái bị tắc nghẽn có thể dẫn đến toàn bộ tình trạng hồng trần bị xáo trộn, gây ra nhiều chứng bệnh khác nhau.

Destruction of tissue may lead to insanity of many kinds, especially those kinds deemed incurable. The burning of the web may let in extraneous astral currents against which man is helpless; the brain tissue may be literally destroyed by this pressure, and serious trouble be caused through the

Sự phá hủy mô có thể dẫn đến nhiều loại điên loạn, đặc biệt là những loại được xem là không thể chữa. Sự đốt cháy mạng lưới có thể để cho các dòng cảm dục ngoại lai tràn vào mà con người bất lực trước chúng; mô não có thể bị hủy hoại theo đúng nghĩa đen bởi áp lực này, và rắc rối nghiêm trọng phát

etheric ring-pass-not having been destroyed in some one place.

sinh do vòng-giới-hạn dĩ thái đã bị phá hủy tại một điểm nào đó.

In connection with the planet a similar state of affairs may be found. Later information may be forthcoming, which is at present withheld; this will show that whole races have been influenced, and certain kingdoms of nature troubled by planetary etheric congestion, or the destruction of planetary etheric tissue.

Liên hệ với hành tinh, cũng có thể thấy một tình trạng tương tự. Về sau có thể sẽ có thêm thông tin, hiện đang được giữ lại; điều này sẽ cho thấy rằng trọn những giống dân đã bị ảnh hưởng, và một số giới tự nhiên đã bị xáo trộn bởi sự tắc nghẽn dĩ thái hành tinh, hoặc bởi sự phá hủy mô dĩ thái hành tinh.

We have dealt with the functional and organic ills of the etheric, giving certain indications for the extension of the concept to other realms than the purely human. In the human kingdom lies the key, but the turning of that key opens up a door to a wider interpretation as it admits one into the mysteries of nature. Though that key has to be turned seven times, yet even one turn reveals untold avenues of eventual comprehension. (47, 48)

Chúng ta đã bàn đến các bệnh về chức năng và cơ quan của thể dĩ thái, đưa ra một số chỉ dẫn để mở rộng khái niệm này sang những lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực thuần túy nhân loại. Trong giới nhân loại có chiếc chìa khóa, nhưng việc xoay chiếc chìa khóa đó mở ra cánh cửa cho một cách giải thích rộng lớn hơn khi nó cho phép người ta bước vào các huyền nhiệm của thiên nhiên. Dù chiếc chìa khóa đó phải được xoay bảy lần, nhưng ngay cả một lần xoay cũng hé lộ những con đường vô kể dẫn đến sự thấu hiểu rốt ráo. (47, 48)

(47) *The keys to the Secret Doctrine*, by H. P. Blavatsky. See S. D., I, 343; note; II, 551.

(47) *Các chìa khóa của Giáo Lý Bí Nhiệm*, của H. P. Blavatsky. Xem S. D., I, 343; chú thích; II, 551.

1. Every symbol and allegory has seven keys. —S. D., II, 567; III, 3.

1. Mọi biểu tượng và ẩn dụ đều có bảy chìa khóa.—S. D., II, 567; III, 3.

2. Only three keys available in the nineteenth century.—S. D., II, 543. Compare II, 617, 842.

2. Chỉ có ba chìa khóa khả dụng trong thế kỷ mười chín.—S. D., II, 543. So sánh II, 617, 842.

3. There are seven keys to the Entrance door to the Mysteries.—S. D., III, 178. Compare I, 346; II, 330; II, 668, II, 731.

3. Có bảy chìa khóa mở cánh cửa dẫn vào các Huyền nhiệm.—S. D., III, 178. So sánh I, 346; II, 330; II, 668, II, 731.

4. The keys, as hinted by H. P. B., are:

4. Các chìa khóa, như H. P. B. gợi ý, là:

a. Psychological.—S. D., II, 25, note; I, 389.

b. Astronomical.—S. D., II, 25, note; I, 389; III, 198.

c. Physical or physiological.—S. D., II, 25, note; III, 198.

d. Metaphysical.—S. D., II, 25, note; II, 394.

e. Anthropological.—S. D., I, 389; III, 198.

f. Astrological.—S. D., II, 343.

g. Geometrical.—S. D., II, 494; III, 176.

h. Mystical.—S. D., I, 401.

i. Symbolical.—S. D., II, 561.

j. Numerical.—S. D., II, 198.

5. Each key must be turned seven times.—S. D., I, 22.

6. The Jews availed themselves of two keys out of the seven.

7. The Metaphysical key is available.—S. D., I, 338. Compare III, 198. (back)

[Page 110] We have considered the reception and distribution of pranic emanations in man, the planet, and the system, and have seen what produces temporary disorders, and the devitalisation or the over-vitalisation of the organic form. Now we can look at the subject from a third angle and therefore study:

a. Tâm lý học.—S. D., II, 25, chú thích; I, 389.

b. Thiên văn học.—S. D., II, 25, chú thích; I, 389; III, 198.

c. Hồng trần hay sinh lý học.—S. D., II, 25, chú thích; III, 198.

d. Siêu hình học.—S. D., II, 25, chú thích; II, 394.

e. Nhân chủng học.—S. D., I, 389; III, 198.

f. Chiêm tinh học.—S. D., II, 343.

g. Hình học.—S. D., II, 494; III, 176.

h. Thần bí.—S. D., I, 401.

i. Biểu tượng học.—S. D., II, 561.

j. Số học.—S. D., II, 198.

5. Mỗi chìa khóa phải được xoay bảy lần.—S. D., I, 22.

6. Người Do Thái đã sử dụng hai chìa khóa trong số bảy chìa khóa.

7. Chìa khóa Siêu hình học là khả dụng.—S. D., I, 338. So sánh III, 198. (back)

[Page 110] Chúng ta đã xem xét sự tiếp nhận và phân phối các phát xạ prana nơi con người, hành tinh và hệ mặt trời, và đã thấy điều gì tạo ra các rối loạn tạm thời, cùng sự mất sinh lực hay sự quá tiếp sinh lực của hình tướng hữu cơ. Giờ đây chúng ta có thể nhìn đề tài này từ một góc độ thứ ba và do đó nghiên cứu:

c. Microcosmic static disorders, or a consideration of the etheric body in connection with its work of providing a ring-pass-not from the purely physical to the astral. As has been said, both here and in the books of H. P. B., the ring-pass-not (48a) is that confining barrier which acts as a separator or a division between a system and that which is external to that system. This, as may well be seen, has its interesting correlations when the subject is viewed (as we must consistently endeavour to view it) from the point of view of a human being, a planet and a system, remembering always that in dealing with the [Page 111] etheric body we are dealing with *physical matter*. This must ever be borne carefully in mind. Therefore, one paramount factor will be found in all groups and formations, and this is the fact that the ring-pass-not acts only as a hindrance to that which is of small attainment in evolution, but forms no barrier to the more progressed. The whole question depends upon two things, which are the karma of the man, the planetary Logos, and the solar Logos, and the dominance of the spiritual indwelling entity over its vehicle.

c. Các rối loạn tĩnh của tiểu thiên địa, hay sự xem xét thể dĩ thái trong liên hệ với công việc của nó là cung cấp một vòng-giới-hạn từ cõi thuần hồng trần sang cõi cảm dục. Như đã nói, cả ở đây lẫn trong các sách của H. P. B., vòng-giới-hạn (48a) là rào cản giới hạn hoạt động như một yếu tố ngăn cách hay phân chia giữa một hệ thống và cái ở bên ngoài hệ thống đó. Điều này, như có thể thấy rõ, có những tương quan thú vị khi đề tài được nhìn (như chúng ta phải luôn cố gắng nhìn nó) từ quan điểm của một con người, một hành tinh và một hệ mặt trời, luôn ghi nhớ rằng khi bàn về thể dĩ thái, chúng ta đang bàn về [Page 111] vật chất *hồng trần*. Điều này phải luôn được ghi nhớ cẩn thận. Do đó, sẽ thấy một yếu tố tối quan trọng trong mọi nhóm và mọi cấu tạo, và đó là sự kiện rằng vòng-giới-hạn chỉ hoạt động như một sự cản trở đối với cái có thành tựu nhỏ trong tiến hoá, nhưng không tạo thành rào cản nào đối với cái tiến bộ hơn. Toàn bộ vấn đề tùy thuộc vào hai điều, đó là nghiệp quả của con người, của Hành Tinh Thượng Đế, và của Thái dương Thượng đế, cùng sự thống trị của thực thể tinh thần nội tại đối với vận cụ của nó.

IV. MACROCOSMIC AND MICROCOSMIC ETHERS — IV. CÁC DĨ THÁI CỦA ĐẠI THIÊN ĐỊA VÀ TIỂU THIÊN ĐỊA

1. The Planetary Logos and the Ethers — 1. Hành Tinh Thượng Đế và các dĩ thái

Man, the indwelling thinker, passes at night from out of his etheric ring-pass-not and functions elsewhere. Therefore, under the law, the planetary Logos likewise can pass His ring-pass-not at stated seasons which correspond in the planet to the hours of man's temporary repose, or pralaya.

Con người, thức giả nội tại, ban đêm đi ra khỏi vòng-giới-hạn dĩ thái của mình và hoạt động ở nơi khác. Do đó, theo định luật, Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể vượt qua vòng-giới-hạn của Ngài vào những thời kỳ đã định tương ứng nơi hành tinh với những giờ nghỉ ngơi tạm thời, hay giai kỳ qui nguyên, của con người.

The solar Logos likewise does the same during stated cycles, which are not the cycles succeeding those which we term solar pralaya, but lesser cycles succeeding the 'days of Brahma' or periods of lesser activity, periodically viewed. All these are governed by karma, and just as the true Man himself applies the law of karma to his vehicles, and in his tiny system is the correspondence to that fourth group of karmic entities whom we call the Lipika Lords; He applies the law to his threefold lower nature. The fourth group of extra-cosmic Entities Who have Their place subsidiary to the three cosmic Logoi Who are the threefold sumtotal of the logoic nature, can pass the bounds of the solar ring-pass-not in Their stated cycles. This is a profound mystery and its complexity is increased by the recollection that the fourth Creative Hierarchy of human Monads, and the Lipika Lords in Their three groups (the first [Page 112] group, the second, and the four Maharajahs, making the totality of the threefold karmic rulers who stand between the solar Logos and the seven planetary Logoi), are more closely allied than the other Hierarchies, and their destinies are intimately interwoven.

Thái dương Thượng đế cũng làm như vậy trong những chu kỳ nhất định, không phải là những chu kỳ tiếp nối những chu kỳ mà chúng ta gọi là giai kỳ qui nguyên của hệ mặt trời, mà là những chu kỳ nhỏ hơn tiếp nối "những ngày của Brahma" hay những thời kỳ hoạt động nhỏ hơn, được nhìn theo chu kỳ. Tất cả những điều này đều do nghiệp quả chi phối, và cũng như Chân Nhân đích thực tự mình áp dụng định luật nghiệp quả lên các vận cụ của mình, và trong hệ thống nhỏ bé của y là sự tương ứng với nhóm thứ tư các thực thể nghiệp quả mà chúng ta gọi là các Đấng Lipika; y áp dụng định luật ấy lên bản chất thấp tam phân của mình. Nhóm thứ tư các Thực thể ngoài vũ trụ, có vị trí phụ thuộc vào ba Thượng đế vũ trụ là tổng thể tam phân của bản chất của Thượng đế, có thể vượt qua giới hạn của vòng-giới-hạn thái dương trong các chu kỳ nhất định của Các Ngài. Đây là một huyền nhiệm sâu xa và tính phức tạp của nó tăng thêm khi nhớ rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại, và các Đấng Lipika trong ba nhóm của Các Ngài (nhóm thứ nhất, [Page 112] nhóm thứ hai, và bốn Maharajah, tạo thành toàn thể các vị cai quản nghiệp quả tam phân đứng giữa Thái dương Thượng đế và bảy Hành Tinh Thượng

Đế), liên hệ mật thiết với nhau hơn các Huyền Giai khác, và số phận của họ đan xen mật thiết với nhau.

A further link in this chain which is offered for consideration lies in the fact that the four rays of mind (which concern the karma of the four planetary Logoi) in their totality hold in their keeping the present evolutionary process for Man, viewing him as the Thinker. These four, with the karmic four, work in the closest co-operation. Therefore, we have the following groups interacting:

Một mối liên kết nữa trong chuỗi này được đưa ra để suy xét nằm ở sự kiện rằng bốn cung của trí tuệ (liên quan đến nghiệp quả của bốn Hành Tinh Thượng Đế) trong tổng thể của chúng nắm giữ trong tay tiến trình tiến hoá hiện tại của Con người, xét y như Thức Giả. Bốn cung này, cùng với bốn vị nghiệp quả, hoạt động trong sự hợp tác mật thiết nhất. Do đó, chúng ta có các nhóm tương tác sau đây:

First. The four Maharajahs, the lesser Lipika Lords, (49) who apply past karma and work it out in the present.

Thứ nhất. Bốn Maharajah, các Đấng Lipika nhỏ hơn, (49) là những Đấng áp dụng nghiệp quả quá khứ và triển khai nó trong hiện tại.

(49) The four Lipika Lords stand between the first and second plane.—S. D., I, 155.

(49) Bốn Đấng Lipika đứng giữa cõi thứ nhất và cõi thứ hai.—S. D., I, 155.

a. They can pass the ring-pass-not.—S. D., I, 157.

a. Các Ngài có thể vượt qua vòng-giới-hạn.—S. D., I, 157.

b. They are connected with karma.—S. D., I, 153.

b. Các Ngài liên hệ với nghiệp quả.—S. D., I, 153.

c. They are concerned with the Hereafter.—S. D., I, 151.

c. Các Ngài quan tâm đến đời sau.—S. D., I, 151.

d. They are in three groups.—S. D., I, 153.

d. Các Ngài ở trong ba nhóm.—S. D., I, 153.

e. They are the spirits of the Universe.—S. D., I, 153. (back)

e. Các Ngài là các tinh thần của Vũ trụ.—S. D., I, 153. (back)

Second. The four Lipikas of the second group, referred to by H. P. B. as occupied in applying future karma, and wielding the future destiny of the races. The work of the first group of four cosmic Lipika Lords is occult and is only revealed somewhat at the

Thứ hai. Bốn Lipika của nhóm thứ hai, được H. P. B. nhắc đến như đang bận rộn áp dụng nghiệp quả tương lai, và nắm giữ vận mệnh tương lai của các giống dân. Công việc của nhóm thứ nhất gồm bốn Đấng Lipika vũ trụ là huyền bí và chỉ được tiết lộ phần nào ở lần

fourth Initiation (and even then but slightly) so it will not be touched upon here.

điểm đạo thứ tư (và ngay cả khi đó cũng chỉ rất ít) nên sẽ không được đề cập ở đây.

Third. The fourth Creative Hierarchy of human Monads, held by a fourfold karmic law under the guidance of the Lipikas.

Thứ ba. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại, chịu sự chi phối của một định luật nghiệp quả tứ phân dưới sự hướng dẫn của các Lipika.

Fourth. The four planetary Logoi (50) of Harmony, Knowledge, Abstract Thought and Ceremonial, who [Page 113] are in Their totality the Quaternary of Manas while in process of evolution, and who pass under Their influence all the sons of men.

Thứ tư. Bốn Hành Tinh Thượng Đế (50) của Hài Hòa, Tri Thức, Tư Tưởng Trừu Tượng và Nghi Lễ, là những Đấng mà [Page 113] trong tổng thể của Các Ngài là Bộ Tứ của Manas trong tiến trình tiến hoá, và là những Đấng đưa tất cả những người con của nhân loại vào phạm vi ảnh hưởng của Các Ngài.

(50) The four rays of mind are the four minor rays which form the logoic Quaternary and which are synthesised eventually into a fifth ray, the third major ray of active intelligence, or adaptability. The names of the rays are as follows:

(50) Bốn cung của trí tuệ là bốn cung phụ tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế và cuối cùng được tổng hợp thành một cung thứ năm, cung chính thứ ba của trí tuệ linh hoạt, hay khả năng thích ứng. Tên các cung như sau:

The three major rays:

Ba cung chính:

1. The Ray of Will or Power.

1. Cung Ý Chí hay Quyền Năng.

2. The Ray of Love or Wisdom.

2. Cung Bác Ái hay Minh Triết.

3. The Ray of Active Intelligence.

3. Cung Trí Tuệ Linh Hoạt.

The four minor Rays:

Bốn cung phụ:

4. The Ray of Beauty, Harmony, Art or Rhythm.

4. Cung Mỹ Lệ, Hài Hòa, Nghệ Thuật hay Nhịp Điệu.

5. The Ray of Concrete Knowledge or Science.

5. Cung Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học.

6. The Ray of Abstract Idealism.

6. Cung Lý Tưởng Trừu Tượng.

7. The Ray of Ceremonial Order or Organisation. (back)

Fifth. The Deva Lords of the four planes of Buddhi, or the plane of spiritual Intuition, Manas, or the mental plane, Desire, and the Physical, who are likewise allied to the human evolution in a closer sense than the higher three.

A further interesting correspondence is found in the following facts that are even now in process of development:

The fourth plane of Buddhi is the one on which the planetary Logoi begin to make Their escape from Their planetary ring-pass-not, or from the etheric web that has its counterpart on all the planes.

When man begins in a small sense to co-ordinate the buddhic vehicle or, to express it otherwise, when he has developed the power to contact ever so slightly the buddhic plane, then he begins simultaneously and consciously to achieve the ability to escape from the etheric web on the physical plane. Later he escapes from its correspondence on the astral plane, and finally from the correspondence on the fourth subplane of the mental plane this time via the mental unit. This leads eventually to causal functioning, or to the ability to dand to be active in, the vehicle of the Ego, who is the embodiment of the love and wisdom aspect of the Monad. Note here the correspondence to that proved fact, that many can even now escape from the etheric body, and function in their [Page 114] astral sheath, which is the personality reflection of that same second aspect.

7. Cung Trật Tự hay Tổ Chức Nghi Lễ. (back)

Thứ năm. Các Chúa Tể thiên thần của bốn cõi Bồ đề, hay cõi Trực giác tinh thần, Manas, hay cõi trí, Dục vọng, và cõi Hồng trần, cũng liên hệ với tiến hoá nhân loại theo một ý nghĩa mật thiết hơn so với ba cõi cao hơn.

Một sự tương ứng thú vị nữa được tìm thấy trong các sự kiện sau đây hiện nay vẫn đang trong tiến trình phát triển:

Cõi thứ tư, cõi Bồ đề, là cõi trên đó các Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu thoát ra khỏi vòng-giới-hạn hành tinh của Các Ngài, hay khỏi mạng dĩ thái có đối phần của nó trên mọi cõi.

Khi con người bắt đầu, ở một mức độ nhỏ, phối hợp vận cụ Bồ đề hay, nói cách khác, khi y đã phát triển năng lực tiếp xúc dù chỉ rất nhẹ với cõi Bồ đề, thì y đồng thời và một cách hữu thức bắt đầu đạt được khả năng thoát ra khỏi mạng dĩ thái trên cõi hồng trần. Về sau y thoát khỏi đối phần của nó trên cõi cảm dục, và cuối cùng khỏi đối phần trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, lần này qua đơn vị hạ trí. Điều này cuối cùng dẫn đến hoạt động trong thể nguyên nhân, hay đến khả năng cư ngụ và hoạt động trong vận cụ của chân ngã, là hiện thân của phương diện bác ái và minh triết của chân thần. Hãy lưu ý ở đây sự tương ứng với sự kiện đã được chứng minh rằng ngay cả hiện nay nhiều người có thể thoát ra khỏi thể dĩ thái và hoạt động trong [Page 114] thể cảm dục của họ, vốn là phản ánh phàm ngã của cùng phương diện thứ hai đó.

When a man takes the fourth Initiation, he functions in the fourth plane vehicle, the buddhic, and has escaped permanently from the personality ring-pass-not, on the fourth subplane of the mental. There is naught to hold him to the three worlds. At the first Initiation he escapes from the ring-pass-not in a more temporary sense, but he has yet to escape from the three higher mental levels, which are the mental correspondences to the higher ethers, and to develop full consciousness on these three higher subplanes. We have here a correspondence to the work to be done by the initiate after he has achieved the fourth solar plane, the buddhic. There yet remains the development of full consciousness on the three higher planes of spirit before he can escape from the solar ring-pass-not, which is achieved at the seventh Initiation, taken somewhere in the system, or in its cosmic correspondence reached by the cosmic sutratma, or cosmic thread of life. (51)

Khi một người trải qua lần điểm đạo thứ tư, y hoạt động trong vận cụ cõi thứ tư, tức vận cụ Bồ đề, và đã vĩnh viễn thoát khỏi vòng-giới-hạn phàm ngã trên cõi phụ thứ tư của cõi trí. Không còn gì giữ y lại với ba cõi thấp. Ở lần điểm đạo thứ nhất, y thoát khỏi vòng-giới-hạn theo một nghĩa tạm thời hơn, nhưng y vẫn còn phải thoát khỏi ba cấp độ trí tuệ cao hơn, là những tương ứng trí tuệ với các dĩ thái cao hơn, và phát triển tâm thức đầy đủ trên ba cõi phụ cao hơn này. Ở đây chúng ta có một sự tương ứng với công việc mà điểm đạo đồ phải làm sau khi đã đạt đến cõi thái dương thứ tư, cõi Bồ đề. Vẫn còn sự phát triển tâm thức đầy đủ trên ba cõi cao hơn của tinh thần trước khi y có thể thoát khỏi vòng-giới-hạn thái dương, điều này đạt được ở lần điểm đạo thứ bảy, được thực hiện ở một nơi nào đó trong hệ mặt trời, hay trong sự tương ứng vũ trụ của nó do sutratma vũ trụ, hay sợi dây sự sống vũ trụ, đạt tới. (51)

(51) Sutratma. The “silver thread” which incarnates from the beginning of a period of manifestation until the end, stringing upon itself the pearls of human existence. It is the line of energy which connects the lower personal man with his Father in Heaven via the ego, the mediating middle principle. Upon it are found those focal points of energy we call the permanent atoms. (back)

(51) Sutratma. “Sợi chỉ bạc” nhập thể từ đầu một thời kỳ biểu hiện cho đến cuối thời kỳ ấy, xâu trên chính nó những hạt ngọc của sự tồn tại nhân loại. Nó là đường năng lượng nối kết con người phàm ngã thấp với Cha của y trên Thiên Đàng qua chân ngã, nguyên khí trung gian ở giữa. Trên đó có những điểm hội tụ năng lượng mà chúng ta gọi là các nguyên tử trường tồn. (back)

This fourth earth chain is in this connection one of the most important, for it is the appointed place for the domination of the etheric body by the human monad, with the aim in view of both human and planetary escape from limitations. This earth chain, though not one of the seven sacred planetary chains, is of vital importance at this time to the planetary Logos, who temporarily employs it as a medium of

Dãy địa cầu thứ tư này, trong mối liên hệ này, là một trong những dãy quan trọng nhất, vì đó là nơi đã được chỉ định để chân thần nhân loại thống ngự thể dĩ thái, nhằm mục đích giúp cả nhân loại lẫn hành tinh thoát khỏi các giới hạn. Dãy địa cầu này, tuy không phải là một trong bảy dãy hành tinh thiêng liêng, nhưng hiện nay có tầm quan trọng thiết yếu đối với Hành Tinh Thượng Đế, Đấng tạm thời sử dụng nó như một trung gian lâm

incarnation, and of expression. This fourth round finds the solution of its strenuous and chaotic life in the very simple fact of the shattering of [Page 115] the etheric web in order to effect liberation, and permit a later and more adequate form to be employed.

phàm và biểu lộ. Cuộc tuần hoàn thứ tư này tìm thấy giải pháp cho đời sống căng thẳng và hỗn loạn của nó trong sự kiện rất đơn giản là làm tan vỡ [Page 115] mạng lưới dĩ thái để thực hiện sự giải thoát, và cho phép về sau sử dụng một hình tướng thích đáng hơn.

A further chain of ideas may be followed up in the remembrance that the fourth ether is even now being studied and developed by the average scientist, and is already somewhat harnessed to the service of man; that the fourth subplane of the astral plane is the normal functioning ground of the average man and that in this round escape from the etheric vehicle is being achieved; that the fourth subplane of the mental plane is the present goal of endeavor of one-fourth of the human family; that the fourth manvantara will see the solar ring-pass-not offering avenues of escape to those who have reached the necessary point; that the four planetary Logoi will perfect Their escape from Their planetary environment, and will function with greater ease on the cosmic astral plane, paralleling on cosmic levels the achievement of the human units who are the cells in Their bodies.

Một chuỗi ý tưởng khác nữa có thể được theo đuổi nếu nhớ rằng dĩ thái thứ tư ngay lúc này đang được nhà khoa học trung bình nghiên cứu và phát triển, và đã phần nào được chế ngự để phụng sự con người; rằng cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục là nền hoạt động bình thường của con người trung bình và rằng trong cuộc tuần hoàn này, sự thoát khỏi vận cụ dĩ thái đang được thành tựu; rằng cõi phụ thứ tư của cõi trí là mục tiêu nỗ lực hiện nay của một phần tư gia đình nhân loại; rằng giai kỳ sinh hóa thứ tư sẽ chứng kiến vòng-giới-hạn thái dương mở ra những lối thoát cho những ai đã đạt đến điểm cần thiết; rằng bốn Hành Tinh Thượng Đế sẽ hoàn thiện sự thoát ly của Các Ngài khỏi môi trường hành tinh của Các Ngài, và sẽ hoạt động dễ dàng hơn trên cõi cảm dục vũ trụ, song hành trên các cấp độ vũ trụ với thành tựu của các đơn vị nhân loại là những tế bào trong các thân thể của Các Ngài.

Our solar Logos, being a Logos of the fourth order, will begin to co-ordinate His cosmic buddhic body, and as He develops cosmic mind He will gradually achieve, by the aid of that mind, the ability to touch the cosmic buddhic plane.

Thái dương Thượng đế của chúng ta, là một Thượng đế thuộc đẳng cấp thứ tư, sẽ bắt đầu phối hợp thể Bồ đề vũ trụ của Ngài, và khi Ngài phát triển trí tuệ vũ trụ, Ngài sẽ dần dần đạt được, nhờ sự trợ giúp của trí tuệ ấy, khả năng chạm đến cõi Bồ đề vũ trụ.

These possibilities and correspondences have been somewhat dwelt upon, as it is necessary for us to realise the work to be done in connection with the etheric web before we take up the matter of the various causes which may hinder the desired progress, and prevent the appointed escape

Những khả năng và những tương ứng này đã được bàn đến phần nào, vì chúng ta cần phải nhận thức rõ công việc cần thực hiện liên quan đến mạng lưới dĩ thái trước khi xét đến vấn đề các nguyên nhân khác nhau có thể cản trở sự tiến bộ mong muốn, và ngăn trở sự thoát ra đã được chỉ định cùng sự giải

and destined liberation. Later we will take up the consideration of the etheric web, and its static condition. This will entail the recollection of two things:

thoát đã được định sẵn. Về sau chúng ta sẽ xem xét mạng lưới dĩ thái và trạng thái tĩnh của nó. Điều này đòi hỏi phải ghi nhớ hai điều:

First, that this static condition is only so when viewed from the standpoint of man at the present time, and is [Page 116] only termed so in order to make plainer the changes that must be effected and the dangers that must be offset. Evolution moves so slowly from man's point of view that it seems to be almost stationary, especially where etheric evolution is concerned.

Thứ nhất, trạng thái tĩnh này chỉ là như vậy khi được nhìn từ quan điểm của con người ở thời điểm hiện tại, và chỉ được gọi như thế để [Page 116] làm rõ hơn những thay đổi phải được thực hiện và những nguy hiểm phải được hóa giải. Từ quan điểm của con người, tiến hoá vận động chậm đến nỗi dường như gần như đứng yên, đặc biệt là khi liên quan đến tiến hoá dĩ thái.

Second, that we are only concerning ourselves with the physical etheric body and not with its correspondences on all planes. This is because our system is on the *cosmic etheric* levels, and hence is of prime importance to us.

Thứ hai, chúng ta chỉ đang đề cập đến thể dĩ thái hồng trần chứ không phải các tương ứng của nó trên mọi cõi. Điều này là vì hệ mặt trời của chúng ta ở trên các cấp độ *dĩ thái vũ trụ*, và do đó có tầm quan trọng hàng đầu đối với chúng ta.

2. Cosmic and Systemic Ethers — 2. Các Dĩ Thái Vũ Trụ và Hệ Mặt Trời

For the sake of those who read this treatise, and because the sequential repetition of fact makes for clarity, let us here briefly tabulate certain fundamental hypotheses that have a definite bearing upon the matter in hand, and which may serve to clear up the present existing confusion concerning the matter of the solar system. Some of the facts stated are already well known, others are inferential, while some are the expression of old and true correspondences couched in a more modern form.

Vì lợi ích của những người đọc bộ luận này, và bởi vì sự lặp lại tuần tự của sự kiện tạo nên tính sáng tỏ, ở đây chúng ta hãy tóm lược ngắn gọn dưới dạng bảng một số giả thuyết nền tảng có liên hệ xác định đến vấn đề đang bàn, và có thể giúp làm sáng tỏ sự lẫn lộn hiện đang tồn tại liên quan đến vấn đề hệ mặt trời. Một số sự kiện được nêu ra đã được biết rõ, một số khác là suy luận, trong khi một số là sự biểu đạt của những tương ứng cổ xưa và chân thực được trình bày dưới một hình thức hiện đại hơn.

a. The lowest cosmic plane is the cosmic physical, and it is the only one which the finite mind of man can in any way comprehend.

a. Cõi vũ trụ thấp nhất là cõi hồng trần vũ trụ, và đó là cõi duy nhất mà trí tuệ hữu hạn của con người có thể hiểu được phần nào.

b. This cosmic physical plane exists in matter differentiated into seven qualities, groups, grades, or vibrations.

b. Cõi hồng trần vũ trụ này tồn tại trong vật chất được biến phân thành bảy phẩm tính, nhóm, cấp độ, hay rung động.

c. These seven differentiations are the seven major planes of our solar system.

c. Bảy sự biến phân này là bảy cõi chính của hệ mặt trời chúng ta.

For purposes of clarity, we might here tabulate under the headings physical, systemic, and cosmic, so that the relationship and the correspondences may be apparent, and the connection to that which is above, and to that which is below, or included, may be plainly seen. [Page 117]

Để làm sáng tỏ, ở đây chúng ta có thể lập bảng dưới các tiêu đề hồng trần, hệ mặt trời và vũ trụ, để mối liên hệ và các tương ứng được hiển lộ, và mối nối kết với điều ở trên, và với điều ở dưới, hay được bao gồm, có thể được thấy rõ ràng. [Page 117]

CHART III

BIỂU ĐỒ III

[picture]

[picture]

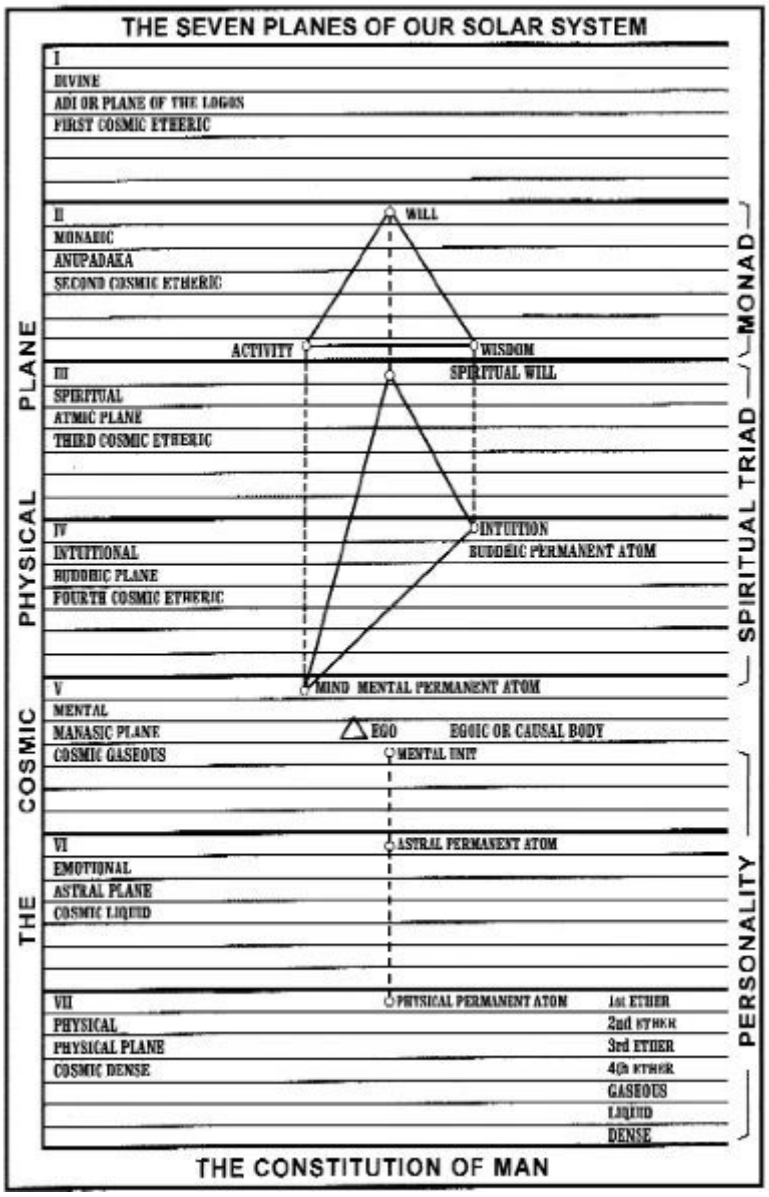

THE PLANES [Page 118] CÁC CÕI [Page 118]

	Physical Plane	*Systemic Planes*	*Cosmic Planes*
1.	Atomic plane	Divine. Adi.	Atomic plane
	1st ether	Primordial matter	1st ether
2.	Sub-atomic	Monadic. Anupadaka The Akasha	Sub-atomic 2nd ether
3.	Super-etheric	Spiritual. Atmic Ether	3rd ether

	Plane of Union or At-one-ment	*Plane of Union or At-one-ment*	
4.	Etheric	Intuitional. Buddhic Air	4th Cosmic ether
	The Lower Three Worlds	*The Lower Three Worlds*	
5.	Gaseous	Mental. Fire	Gaseous Sub-etheric
6.	Liquid	Astral. Emotional	Liquid
7.	Dense physical	Physical plane	Dense physical

d. These major seven planes of our solar system being but the seven subplanes of the cosmic physical plane, we can consequently see the reason for the emphasis laid by H. P. B. *(S. D., I, 136, 354; I, 87, 136, 731, 732. See also note page 8.)* upon the fact that matter and ether are synonymous terms and that this ether is found in some form or other on all the planes, and is but a gradation of cosmic atomic matter, called when undifferentiated mulaprakriti or primordial pre-genetic substance, and when differentiated by Fohat (or the energising Life, the third Logos or Brahma) it is termed prakriti, or matter. (54)

d. Vì bảy cõi chính này của hệ mặt trời chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, nên do đó chúng ta có thể thấy lý do của sự nhấn mạnh mà H. P. B. đặt *(S. D., I, 136, 354; I, 87, 136, 731, 732. Xem thêm chú thích trang 8.)* vào sự kiện rằng vật chất và dĩ thái là những thuật ngữ đồng nghĩa và rằng dĩ thái này được tìm thấy dưới hình thức này hay hình thức khác trên mọi cõi, và chỉ là một sự phân cấp của vật chất nguyên tử vũ trụ, được gọi khi chưa biến phân là mulaprakriti hay chất liệu nguyên sơ tiền sinh thành, và khi được Fohat (hay Sự sống tiếp sinh lực, Thượng đế thứ ba hay Brahma) biến phân thì được gọi là prakriti, hay vật chất. (54)

(54) Mulaprakriti. The Parabrahmic root, the abstract deific feminine principle—undifferentiated substance. Akasa. Literally, "the root of Nature" (Prakriti), or matter. (back)

(54) Mulaprakriti. Căn nguyên Parabrahmic, nguyên lý nữ tính thần thánh trừu tượng—chất liệu chưa biến phân. Akasa. Theo nghĩa đen là "căn nguyên của Tự Nhiên" (Prakriti), hay vật chất. (back)

e. Our solar system is what is called a system of the fourth order; that is, it has its location on the fourth cosmic etheric plane,

e. Hệ mặt trời của chúng ta là cái được gọi là một hệ thống thuộc đẳng cấp thứ tư; nghĩa là, nó có vị trí trên cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư, luôn luôn tính từ trên xuống dưới.[Page 119]

counting, as always, from above downwards.[Page 119]

f. Hence this fourth cosmic etheric plane forms the meeting ground for the past and the future, and is the present.

f. Do đó cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư này tạo thành nơi gặp gỡ của quá khứ và tương lai, và là hiện tại.

g. Therefore, also, the buddhic or intuitional plane (the correspondence in the system of this fourth cosmic ether) is the meeting ground, or plane of union, for that which is man and for that which will be superman, and links the past with that which is to be.

g. Vì vậy, cõi Bồ đề hay trực giác (tương ứng trong hệ mặt trời của dĩ thái vũ trụ thứ tư này) cũng là nơi gặp gỡ, hay cõi hợp nhất, của điều là con người và điều sẽ là siêu nhân, và nối kết quá khứ với điều sẽ đến.

h. The following correspondences in time would repay careful meditation. They are based on a realisation of the relationship between this fourth cosmic ether, the buddhic plane, and the fourth physical etheric subplane.

h. Những tương ứng sau đây trong thời gian rất đáng để tham thiền cẩn trọng. Chúng dựa trên sự chứng nghiệm về mối liên hệ giữa dĩ thái vũ trụ thứ tư này, cõi Bồ đề, và cõi phụ dĩ thái hồng trần thứ tư.

The fourth subplane of mind, the correspondence on the mental plane of the physical etheric, is likewise a point of transition from out of a lower into a higher, and is the transferring locality into a higher body.

Cõi phụ thứ tư của cõi trí, là tương ứng trên cõi trí của dĩ thái hồng trần, cũng là một điểm chuyển tiếp từ thấp lên cao, và là nơi chuyển dịch vào một thân thể cao hơn.

The fourth subplane of the monadic plane is in a very real sense the place of transition from off the egoic ray (whichever that ray may be) on to the monadic ray; these three major rays are organised on the three higher subplanes of the monadic plane in the same way that the three abstract subplanes of the mental are the group of transference from off the personality ray on to the egoic.

Cõi phụ thứ tư của cõi chân thần, theo một ý nghĩa rất thực, là nơi chuyển tiếp từ cung chân ngã (dù đó là cung nào) sang cung chân thần; ba cung chính này được tổ chức trên ba cõi phụ cao của cõi chân thần theo cùng cách mà ba cõi phụ trừu tượng của cõi trí là nhóm chuyển dịch từ cung phàm ngã sang cung chân ngã.

The four lesser rays blend with the third major ray of active intelligence on the mental plane and on the atmic plane. The four Logoi or planetary Spirits work as one, on the atmic plane.

Bốn cung phụ hòa nhập với cung chính thứ ba của trí tuệ linh hoạt trên cõi trí và trên cõi atma. Bốn Thượng đế hay các Chân Linh Hành Tinh hoạt động như một trên cõi atma.

i. Another synthesis takes place on the synthetic second ray on the second subplane of the buddhic plane and the monadic plane, while the comparatively few Monads of will or power are synthesised on the atomic subplane of the atmic. All three groups of Monads work in triple form on the mental plane under the Mahachohan, the Manu, and the Bodhisattva, or the Christ; on the second or monadic plane they work as a unit, only demonstrating [Page 120] their dual work on the atmic plane, and their essential triplicity on the buddhic plane. (55)

i. Một sự tổng hợp khác diễn ra trên cung hai tổng hợp ở cõi phụ thứ hai của cõi Bồ đề và cõi chân thần, trong khi số tương đối ít các chân thần ý chí hay quyền năng được tổng hợp trên cõi phụ nguyên tử của cõi atma. Cả ba nhóm chân thần đều hoạt động dưới hình thức tam phân trên cõi trí dưới quyền Đức Mahachohan, Đức Manu, và Đức Bồ Tát, hay Đức Christ; trên cõi thứ hai hay cõi chân thần, các Ngài hoạt động như một đơn vị, chỉ biểu lộ [Page 120] công việc nhị phân của các Ngài trên cõi atma, và tính tam phân cốt yếu của các Ngài trên cõi Bồ đề. (55)

(55) The monads of the fourth Creative Hierarchy, the human Monads, exist in three main groups:

(55) Các chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, các chân thần nhân loại, tồn tại trong ba nhóm chính:

a. The Monads of Will.

a. Các Chân thần Ý chí.

b. The Monads of Love.

b. Các Chân thần Bác ái.

c. The Monads of Activity.

c. Các Chân thần Hoạt động.

Mahachohan. The officer in our planetary Hierarchy who presides over the activities carried on in the four minor rays and their synthesising third ray. He has to do with civilisation, with the intellectual culture of the races, and with intelligent energy. He is the head of all the Adepts.

Đức Mahachohan. Vị chức sắc trong Thánh đoàn hành tinh của chúng ta chủ trì các hoạt động được tiến hành trong bốn cung phụ và cung thứ ba tổng hợp của chúng. Ngài liên quan đến nền văn minh, đến văn hóa trí tuệ của các giống dân, và đến năng lượng thông tuệ. Ngài là thủ lĩnh của mọi chân sư.

Bodhisattva. The exponent of second ray force, the Teacher of the Adepts of men and of Angels. This office was originally held by the Buddha, but His place was taken (after His Illumination) by the Christ. The work of the Bodhisattva is with the religions of the world, and with the spiritual Essence in Man.

Đức Bồ Tát. Đấng biểu hiện mãnh lực cung hai, Huấn sư của các chân sư của loài người và của các Thiên Thần. Chức vụ này nguyên thủy do Đức Phật nắm giữ, nhưng vị trí của Ngài đã được Đức Christ đảm nhận (sau sự Soi Sáng của Ngài). Công việc của Đức Bồ Tát liên quan đến các tôn giáo của thế giới, và đến Tinh chất tinh thần trong Con Người.

The Manu. The One Who presides over the evolution of the races. He is the ideal man. He has to work with the forms through which Spirit is to manifest; he destroys, and builds up again. These three Individuals preside over the three Departments into which the Hierarchy is divided, and therefore represent in their particular sphere the three Aspects of divine manifestation. (back)

Đức Manu. Đấng chủ trì sự tiến hoá của các giống dân. Ngài là con người lý tưởng. Ngài phải làm việc với các hình tướng qua đó Tinh thần sẽ biểu lộ; Ngài hủy diệt, rồi xây dựng lại. Ba Cá Nhân này chủ trì ba Ban của Thánh đoàn, và do đó đại diện trong phạm vi riêng của các Ngài cho ba Phương diện của sự biểu lộ thiêng liêng. (back)

The fourth etheric plane holds the key to the dominance of matter, and it might be noted that:

Cõi dĩ thái thứ tư nắm giữ chìa khóa của sự thống ngự vật chất, và cần lưu ý rằng:

On the fourth physical ether man begins to co-ordinate his astral, or emotional body, and to escape at ever more frequent intervals into that vehicle. Continuity of consciousness is achieved when a man has mastered the four ethers.

Trên dĩ thái hồng trần thứ tư, con người bắt đầu phối hợp thể cảm dục, hay thể cảm xúc, của mình, và ngày càng thường xuyên thoát vào vận cụ đó. Sự liên tục của tâm thức đạt được khi con người đã làm chủ bốn dĩ thái.

On the fourth subplane of the mental plane, man begins to control his causal or egoic body, and to polarise his consciousness therein until the polarisation is complete. He functions then consciously on it when he has mastered the correspondences to the ethers on the mental plane.

Trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, con người bắt đầu kiểm soát thể nguyên nhân hay thể chân ngã của mình, và phân cực tâm thức của mình trong đó cho đến khi sự phân cực hoàn tất. Khi đã làm chủ các tương ứng với các dĩ thái trên cõi trí, lúc ấy y hoạt động hữu thức trên đó.

On the buddhic plane (the fourth cosmic ether) the Heavenly Men (or the grouped consciousness of the human and deva Monads) begin to function, and to escape eventually from the cosmic etheric planes. When these three cosmic ethers are mastered, the functioning is perfected, polarisation is centred in the monadic vehicles, and the seven Heavenly Men have achieved Their goal.

Trên cõi Bồ đề (dĩ thái vũ trụ thứ tư), các Đấng Thiên Nhân (hay tâm thức nhóm của các chân thần nhân loại và thiên thần) bắt đầu hoạt động, và cuối cùng thoát khỏi các cõi dĩ thái vũ trụ. Khi ba dĩ thái vũ trụ này được làm chủ, sự hoạt động được hoàn thiện, sự phân cực được định tâm trong các vận cụ chân thần, và bảy Đấng Thiên Nhân đã đạt được mục tiêu của Các Ngài.

j. On these etheric levels, therefore, the Logos of our [Page 121] system repeats, as a

j. Do đó, trên các cấp độ dĩ thái này, Thượng đế của hệ mặt trời [Page 121] chúng ta lặp

grand totality, the experiences of His tiny reflections on the physical planes; He co-ordinates His cosmic astral body, and attains continuity of consciousness when He has mastered the three cosmic ethers.

lại, như một toàn thể vĩ đại, những kinh nghiệm của các phản ánh nhỏ bé của Ngài trên các cõi hồng trần; Ngài phối hợp thể cảm dục vũ trụ của Ngài, và đạt được sự liên tục của tâm thức khi Ngài đã làm chủ ba dĩ thái vũ trụ.

k. It is to be observed that just as in man the dense physical body in its three grades—dense, liquid and gaseous—is not recognised as a principle, so in the cosmic sense the physical (dense) astral (liquid) and mental (gaseous) levels are likewise regarded as non-existing, and the solar system has its location on the fourth ether. The seven sacred planets are composed of matter of this fourth ether, and the seven Heavenly Men, whose bodies they are, function normally on the fourth plane of the system, the buddhic or the fourth cosmic ether. When man has attained the consciousness of the buddhic plane, he has raised his consciousness to that of the Heavenly Man in whose body he is a cell. This is achieved at the fourth Initiation, the liberating initiation. At the fifth Initiation he ascends with the Heavenly Man on to the fifth plane (from the human standpoint), the atmic, and at the sixth he has dominated the second cosmic ether and has monadic consciousness and continuity of function. At the seventh Initiation he dominates the entire sphere of matter contained in the lowest cosmic plane, escapes from all etheric contact, and functions on the cosmic astral plane.

k. Cần lưu ý rằng cũng như nơi con người, thể xác hồng trần đậm đặc trong ba cấp độ của nó—đậm đặc, lỏng và khí—không được thừa nhận là một nguyên khí, thì theo nghĩa vũ trụ, các cấp độ hồng trần (đậm đặc), cảm dục (lỏng) và trí tuệ (khí) cũng được xem như không tồn tại, và hệ mặt trời có vị trí của nó trên dĩ thái thứ tư. Bảy hành tinh thiêng liêng được cấu thành bằng vật chất của dĩ thái thứ tư này, và bảy Đấng Thiên Nhân, mà các hành tinh ấy là các thân thể của Các Ngài, hoạt động bình thường trên cõi thứ tư của hệ mặt trời, cõi Bồ đề hay dĩ thái vũ trụ thứ tư. Khi con người đạt đến tâm thức của cõi Bồ đề, y đã nâng tâm thức của mình lên đến tâm thức của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào. Điều này đạt được ở lần điểm đạo thứ tư, cuộc điểm đạo giải thoát. Ở lần điểm đạo thứ năm, y thăng lên cùng với Đấng Thiên Nhân đến cõi thứ năm (theo quan điểm nhân loại), cõi atma, và ở lần thứ sáu, y đã thống ngự dĩ thái vũ trụ thứ hai và có tâm thức chân thần cùng sự liên tục của chức năng. Ở lần điểm đạo thứ bảy, y thống ngự toàn bộ khối cầu vật chất chứa trong cõi vũ trụ thấp nhất, thoát khỏi mọi tiếp xúc dĩ thái, và hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ.

The *past* solar system saw the surmounting of the three lowest cosmic physical planes viewed from the matter standpoint and the co-ordination of the dense threefold physical form in which all life is found, dense matter, liquid matter, gaseous matter. A correspondence may be seen here in the

Hệ mặt trời *quá khứ* đã chứng kiến sự vượt qua ba cõi hồng trần vũ trụ thấp nhất xét từ quan điểm vật chất và sự phối hợp hình tướng hồng trần tam phân đậm đặc trong đó mọi sự sống được tìm thấy: vật chất đậm đặc, vật chất lỏng, vật chất khí. Ở đây có thể thấy một tương ứng trong công việc được

work achieved in the first three rootraces. (56, 57)

(56) Rootrace. The Secret Doctrine teaches us that in this evolution or Round on this planet the Jivatma—the human soul—passes through seven main types or "rootraces." In the case of the two earliest of these, known as the "Adamic" and the "Hyperborean," the forms ensouled were astral and etheric respectively: "huge and indefinite" they were with a low state or outward-going consciousness exercised through the one sense (hearing) possessed by the first race, or through the two senses (hearing and touch) possessed by the second. But with the third race the Lemurian, a denser and more human type was evolved, this being perfected in the fourth or Atlantean race. The fifth race, the Aryan, is now running its course on this globe concurrently with a large part of the fourth race and a few remnants of the third. For it must be noted that, although each race gives birth to the succeeding race, the two will overlap in time, coexisting for many ages. Of existing peoples the Tartars, Chinese and Mongolians belong to the fourth race, the Australian aborigines and Hottentots to the third. (back)

hoàn thành trong ba giống dân gốc đầu tiên. (56, 57)

(56) Giống dân gốc. Giáo Lý Bí Nhiệm dạy chúng ta rằng trong cuộc tiến hoá này hay Cuộc tuần hoàn này trên hành tinh này, Jivatma—linh hồn nhân loại—đi qua bảy loại chính hay "giống dân gốc." Trong trường hợp của hai loại sớm nhất này, được biết đến như "Adamic" và "Hyperborean," các hình tướng được phú linh lần lượt là cảm dục và dĩ thái: chúng "khổng lồ và không xác định" với một trạng thái tâm thức thấp hay hướng ngoại được vận dụng qua một giác quan (thính giác) mà giống dân thứ nhất sở hữu, hoặc qua hai giác quan (thính giác và xúc giác) mà giống dân thứ hai sở hữu. Nhưng với giống dân thứ ba là Lemuria, một loại đậm đặc hơn và giống con người hơn đã tiến hóa, và loại này được hoàn thiện trong giống dân thứ tư hay Atlantis. Giống dân thứ năm, Arya, hiện đang vận hành tiến trình của nó trên bầu hành tinh này đồng thời với một phần lớn của giống dân thứ tư và một vài tàn dư của giống dân thứ ba. Vì cần lưu ý rằng, mặc dù mỗi giống dân sinh ra giống dân kế tiếp, hai giống dân sẽ chồng lấn nhau trong thời gian, cùng tồn tại trong nhiều thời đại. Trong các dân tộc hiện tồn, người Tartars, người Trung Hoa và người Mông Cổ thuộc giống dân thứ tư, còn thổ dân Úc và người Hottentots thuộc giống dân thứ ba. (back)

[Page 122]

[Page 122]

S1S13

3. The Protective Purpose of the Etheric Body. — 3. Mục Đích Bảo Vệ của Thể Dĩ Thái.

Now let us, after this somewhat lengthy digression, leave things cosmic and incomprehensible, and come down to practical evolution, and to the study of the matter of man's etheric body, and of the

Giờ đây, sau sự lạc đề khá dài này, chúng ta hãy rời khỏi những điều vũ trụ và bất khả lĩnh hội, để đi xuống tiến hoá thực tiễn, và đến với việc nghiên cứu vấn đề thể dĩ thái của con người, cùng sự tổn hại có thể xảy

harm that may ensue to him should that body (through the breaking of the law) no longer perform its protective function. Let us see first of all what those protective functions are:

đến cho y nếu thể đó (do vi phạm định luật) không còn thực hiện chức năng bảo vệ của nó nữa. Trước hết hãy xem những chức năng bảo vệ ấy là gì:

First. The etheric web acts as a separator or a dividing web between the astral and the dense physical body.

Thứ nhất. Mạng lưới dĩ thái hoạt động như một tấm màn ngăn cách hay một mạng lưới phân chia giữa thể cảm dục và thể xác hồng trần đậm đặc.

Second. It circulates the inflowing vitality or pranic fluid and carries on its work in three stages.

Thứ hai. Nó luân chuyển sinh lực hay lưu chất prana đang tuôn vào và thực hiện công việc của nó trong ba giai đoạn.

The first stage is that wherein the pranic fluid and [Page 123] solar radiations are received, and circulated three times around the triangle, thence being distributed to the periphery of the body, animating and vitalising all the physical organs and conducing to the automatic subconscious workings of the body of dense matter. When perfectly accomplishing its object it protects from disease, and the ills of the flesh are unknown to the man who absorbs and distributes prana with accuracy. This hint is recommended to all physicians, and when properly comprehended, will result in a basic change in medicine, from a curative to a preventive foundation.

Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn trong đó lưu chất prana và [Page 123] các bức xạ thái dương được tiếp nhận, rồi luân chuyển ba lần quanh tam giác, từ đó được phân phối đến chu vi của thân thể, làm sinh động và tiếp sinh lực cho mọi cơ quan hồng trần và góp phần vào các hoạt động tự động thuộc tiềm thức của thân thể vật chất đậm đặc. Khi hoàn thành mục đích của nó một cách hoàn hảo, nó bảo vệ khỏi bệnh tật, và người hấp thu và phân phối prana một cách chính xác không biết đến những chứng bệnh của xác thân. Gợi ý này được khuyến nghị cho mọi y sĩ, và khi được thấu hiểu đúng đắn, sẽ dẫn đến một thay đổi căn bản trong y học, từ nền tảng chữa trị sang nền tảng phòng ngừa.

The second stage is that in which the pranic fluids begin to blend with the fire at the base of the spine and to drive that fire slowly upwards, transferring its heat from the centres below the solar plexus to the three higher centres—that of the heart, the throat and the head. This is a long and slow process when left to the unaided force of nature, but it is just here that (in a few cases) a quickening of the process is permitted in order to equip workers in the field of human service. This is the object of all occult

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn trong đó các lưu chất prana bắt đầu hòa trộn với lửa ở đáy cột sống và đẩy ngọn lửa ấy chậm rãi đi lên, chuyển nhiệt của nó từ các trung tâm bên dưới tùng thái dương đến ba trung tâm cao hơn—trung tâm tim, cổ họng và đầu. Đây là một tiến trình dài và chậm khi được để cho mãnh lực tự nhiên không được trợ giúp vận hành, nhưng chính ở đây mà (trong một vài trường hợp) sự thúc đẩy nhanh tiến trình được cho phép để trang bị cho những người hoạt động trong lĩnh vực phụng sự nhân

training. This angle of the matter we will take up in still greater detail when we handle our next point of "Kundalini and the Spine."

loại. Đây là mục tiêu của mọi sự huấn luyện huyền bí học. Khía cạnh này của vấn đề chúng ta sẽ còn xét chi tiết hơn nữa khi bàn đến điểm kế tiếp là "Kundalini và Cột sống."

The third stage is that in which active radiatory matter or prana is blended ever more perfectly with the fire latent in matter; this results (as will be brought out later) in certain effects.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn trong đó vật chất bức xạ linh hoạt hay prana ngày càng được hòa trộn hoàn hảo hơn với ngọn lửa tiềm ẩn trong vật chất; điều này dẫn đến (như sẽ được trình bày sau) một số hiệu quả nhất định.

It produces a quickening of the normal vibration of the physical body so that it responds with more readiness to the higher note of the Ego, and causes a steady rising of the blending fires through the threefold channel in the spinal column. In the second stage this vitalising blended fire reaches a centre between the lower part of the shoulder blades, which is the point of conjunction, and of complete merging, of the fire from the base of the [Page 124] spine and the fire circulating along the pranic triangle. It will be remembered how one point of this triangle originates there. When the threefold basic fire and the threefold pranic fire meet and merge, then evolution proceeds with greatly increased velocity. This is effected definitely at the first Initiation when the polarisation becomes fixed in one or other of the three higher centres,—which centre being dependent upon a man's ray.

Nó tạo ra sự gia tốc trong rung động bình thường của thể xác hồng trần để thể này đáp ứng dễ dàng hơn với âm điệu cao hơn của chân ngã, và gây nên sự dâng lên đều đặn của các ngọn lửa hòa trộn qua kênh tam phân trong cột sống. Trong giai đoạn thứ hai, ngọn lửa hòa trộn tiếp sinh lực này đạt đến một trung tâm nằm giữa phần dưới của hai xương bả vai, là điểm giao hội và hòa nhập hoàn toàn của ngọn lửa từ đáy [Page 124] cột sống và ngọn lửa luân chuyển dọc theo tam giác prana. Sẽ nhớ rằng một điểm của tam giác này phát nguyên tại đó. Khi lửa căn bản tam phân và lửa prana tam phân gặp nhau và hòa nhập, thì tiến hoá diễn ra với tốc độ tăng mạnh. Điều này được thực hiện một cách xác định ở lần điểm đạo thứ nhất khi sự phân cực trở nên cố định trong một trong ba trung tâm cao hơn,—trung tâm nào tùy thuộc vào cung của một người.

The result of this merging leads to a change in the action of the centres. They become "wheels turning upon themselves," and from a purely rotary movement become fourth dimensional in action, and manifest as radiant whirling centres of living fire.

Kết quả của sự hòa nhập này dẫn đến một thay đổi trong hoạt động của các trung tâm. Chúng trở thành "những bánh xe tự xoay trên chính mình," và từ một chuyển động thuần túy quay tròn trở thành có tác động bốn chiều, và biểu lộ như những trung tâm lửa sống động xoáy tròn rực xạ.

The three major head centres (the sequence varying according to ray) become active and a similar process is effected between them as was effected in the pranic triangle. From being three centres that react faintly to each other's vibratory movement (feeling the warmth and rhythm of each other, yet separated), the fire leaps from centre to centre, and each whirling wheel becomes linked by a chain of fire till there is a triangle of fire through which the kundalini and pranic fires radiate back and forth. Circulation is also carried on. The fire of kundalini produces the heat of the centre, and its intense radiance and brilliance, while the pranic emanatory fire produces ever increasing activity and rotation.

Ba trung tâm chính ở đầu (trình tự thay đổi tùy theo cung) trở nên linh hoạt và một tiến trình tương tự được thực hiện giữa chúng như đã được thực hiện trong tam giác prana. Từ chỗ là ba trung tâm chỉ phản ứng mờ nhạt với chuyển động rung động của nhau (cảm nhận hơi ấm và nhịp điệu của nhau, nhưng vẫn tách biệt), lửa nhảy từ trung tâm này sang trung tâm khác, và mỗi bánh xe xoáy tròn được nối kết bằng một chuỗi lửa cho đến khi có một tam giác lửa qua đó các lửa kundalini và prana bức xạ qua lại. Sự luân chuyển cũng được tiếp tục. Lửa kundalini tạo ra nhiệt của trung tâm, cùng sự rực xạ và chói sáng mãnh liệt của nó, trong khi lửa phát xạ prana tạo ra hoạt động và sự quay tròn ngày càng tăng.

As time elapses between the first and fourth Initiation, the threefold channel in the spine, and the entire etheric body is gradually cleansed and purified by the action of the fire till all "dross" (as the Christian expresses it) is burnt away, and naught remains to impede the progress of this flame.

Khi thời gian trôi qua giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ tư, tác động của lửa dần dần tẩy sạch và thanh lọc kênh tam phân trong cột sống cùng toàn bộ thể dĩ thái cho đến khi mọi "cặn bã" (như người Cơ Đốc giáo diễn đạt) đều bị đốt cháy, và không còn gì ngăn trở bước tiến của ngọn lửa này nữa.

As the fire of kundalini and prana proceed with their work, and the channel becomes more and more cleared, the centres more active, and the body purer, the flame [Page 125] of spirit, or the fire from the Ego, comes more actively *downwards* till a flame of real brilliance issues from the top of the head. This flame surges upwards through the bodies towards its source, the causal body.

Khi lửa kundalini và prana tiếp tục công việc của chúng, và kênh ngày càng được khai thông, các trung tâm linh hoạt hơn, và thể này thanh khiết hơn, thì ngọn lửa [Page 125] của tinh thần, hay lửa từ chân ngã, đi xuống một cách linh hoạt hơn cho đến khi một ngọn lửa thực sự rực rỡ phát ra từ đỉnh đầu. Ngọn lửa này dâng lên xuyên qua các thân thể hướng về nguồn của nó, thể nguyên nhân.

Simultaneously with the activity of these fires of matter and of Spirit, the fires of mind, or manas, burn with greater intensity. These are the fires given at individualisation. They are fed continuously by the fire of matter, and their heat is

Đồng thời với hoạt động của các lửa vật chất và Tinh thần này, các lửa của trí tuệ, hay manas, bùng cháy với cường độ lớn hơn. Đây là những ngọn lửa được ban cho vào lúc biệt ngã hóa. Lửa vật chất liên tục nuôi dưỡng chúng, và lửa phát xạ thái dương, phát

augmented by solar emanatory fire, which originates on the cosmic levels of mind. It is this aspect of the manasic fire that develops under the forms of instinct, animal memory, and functional recollection which are so apparent in the little evolved man. As time progresses the fire of mind burns more brightly and thus reaches a point where it begins to burn through the etheric web—that portion of the web that can be found guarding the centre at the very top of the head, and admitting entrance to the downflow from the Spirit. By its means certain things are brought about:

nguyên trên các cấp độ vũ trụ của trí tuệ, tăng cường nhiệt của chúng. Chính phương diện này của lửa manas phát triển dưới các hình thức bản năng, ký ức động vật, và sự hồi tưởng chức năng vốn rất hiển nhiên nơi con người ít tiến hóa. Khi thời gian trôi qua, lửa trí tuệ cháy sáng hơn và do đó đạt đến một điểm mà nó bắt đầu đốt xuyên qua mạng lưới dĩ thái—phần của mạng lưới có thể được tìm thấy đang bảo vệ trung tâm ở ngay đỉnh đầu, và cho phép sự tuôn xuống từ Tinh thần đi vào. Nhờ đó một số điều được thực hiện:

The kundalini fire is consciously directed and controlled by the mind or will aspect from the mental plane. The two fires of matter by the power of the mind of man are blended first with each other, and, secondly, with the fire of mind.

Lửa kundalini được trí tuệ hay phương diện ý chí từ cõi trí điều khiển và kiểm soát một cách hữu thức. Hai lửa của vật chất, nhờ quyền năng của trí tuệ con người, trước hết được hòa trộn với nhau, và thứ hai, được hòa trộn với lửa trí tuệ.

The united result of this blending is the destruction (under rule and order), of the etheric web, and the consequent production of continuity of consciousness and the admission into the personal life of man of "Life more abundant," or the third fire of Spirit.

Kết quả hợp nhất của sự hòa trộn này là sự hủy diệt (dưới quy luật và trật tự) của mạng lưới dĩ thái, và hậu quả là tạo ra sự liên tục của tâm thức cùng sự tiếp nhận vào đời sống cá nhân của con người "Sự sống dồi dào hơn," hay ngọn lửa thứ ba của Tinh thần.

The downrush of Spirit, and the uprising of the inner fires of matter (controlled and directed by the conscious action of the fire of mind) produce corresponding results on the same levels on the astral and mental planes, so that a paralleling contact is brought about, and the great work of liberation proceeds in an ordered manner.

Sự tuôn xuống của Tinh thần, và sự dâng lên của các lửa nội tại của vật chất (được kiểm soát và điều khiển bởi tác động hữu thức của lửa trí tuệ) tạo ra những kết quả tương ứng trên cùng các cấp độ của cõi cảm dục và cõi trí, nhờ đó một sự tiếp xúc song hành được thiết lập, và đại công cuộc giải thoát tiến hành một cách có trật tự.

The three first initiations see these results perfected, [Page 126] and lead to the fourth, where the intensity of the united fires results in the complete burning away of all barriers, and the liberation of the Spirit by

Ba lần điểm đạo đầu tiên chứng kiến những kết quả này được hoàn thiện, [Page 126] và dẫn đến lần thứ tư, nơi cường độ của các lửa hợp nhất dẫn đến sự thiêu hủy hoàn toàn mọi rào cản, và sự giải thoát của tinh thần

conscious directed effort from out its threefold lower sheath. Man has consciously to bring about his own liberation. These results are self-induced by the man himself, as he is emancipated from the three worlds, and has broken the wheel of rebirth himself instead of being broken upon it.

bằng nỗ lực hữu thức có định hướng ra khỏi lớp vỏ thấp tam phân của nó. Con người phải tự mình một cách hữu thức tạo ra sự giải thoát của chính mình. Những kết quả này do chính con người tự gây ra, khi y được giải phóng khỏi ba cõi giới, và tự mình phá vỡ bánh xe tái sinh thay vì bị nó nghiền nát.

It will be apparent from this elucidation that the exceeding importance of the etheric vehicle as *the separator of the fires* has been brought forward, and consequently we have brought to our notice the dangers that must ensue should man tamper injudiciously, ignorantly or wilfully with these fires.

Từ sự làm sáng tỏ này, sẽ hiển nhiên rằng tầm quan trọng vượt bậc của vận cụ dĩ thái như *yếu tố phân cách các ngọn lửa* đã được nêu bật, và do đó chúng ta được lưu ý đến những nguy hiểm chắc chắn sẽ xảy ra nếu con người can thiệp một cách thiếu thận trọng, vô minh hay cố ý vào các ngọn lửa này.

Should a man, by the power of will or through an over-development of the mental side of his character, acquire the power to blend these fires of matter and to drive them forward, he stands in danger of obsession, insanity, physical death, or of dire disease in some part of his body, and he also runs the risk of an over-development of the sex impulse through the driving of the force in an uneven manner upwards, or in forcing its radiation to undesirable centres. The reason of this is that the matter of his body is not pure enough to stand the uniting of the flames, that the channel up the spine is still clogged and blocked, and therefore acts as a barrier, turning the flame backwards and downwards, and that the flame (being united by the power of mind and not being accompanied by a simultaneous downflow from the plane of spirit), permits the entrance, through the burning etheric, of undesirable and extraneous forces, currents, and even entities. These wreck and tear and ruin what is left of the etheric vehicle, of the brain tissue and even of the dense physical body itself.

Nếu một người, bằng quyền năng của ý chí hoặc do sự phát triển quá mức mặt trí tuệ trong tính cách của mình, đạt được quyền năng dung hợp các lửa của vật chất này và thúc đẩy chúng tiến lên, y đứng trước nguy cơ bị ám nhập, điên loạn, chết về thể xác, hoặc mắc bệnh hiểm nghèo ở một phần nào đó của thân thể mình, và y cũng có nguy cơ phát triển quá mức xung lực tính dục do thúc đẩy mãnh lực đi lên một cách không đồng đều, hoặc ép sự bức xạ của nó đến những trung tâm không mong muốn. Lý do là vì vật chất của thân thể y không đủ thanh khiết để chịu đựng sự hợp nhất của các ngọn lửa, rằng kênh dọc theo cột sống vẫn còn bị nghẽn và bít lại, do đó hoạt động như một rào cản, làm ngọn lửa quay ngược trở xuống, và rằng ngọn lửa ấy (được hợp nhất bởi quyền năng của trí tuệ mà không đi kèm với một dòng tuôn xuống đồng thời từ cõi tinh thần), cho phép những mãnh lực, dòng lực, và ngay cả những thực thể không mong muốn và ngoại lai xâm nhập qua thể dĩ thái đang cháy. Chúng tàn phá, xé nát và hủy hoại những gì còn lại của vận cụ dĩ thái, của mô não và ngay cả của chính thể xác đậm đặc.

The unwary man, being unaware of his Ray and therefore of the proper geometrical form of triangle that is [Page 127] the correct method of circulation from centre to centre, will drive the fire in unlawful progression and thus burn up tissue; this will result then (if in nothing worse), in a setting back for several lives of the clock of his progress, for he will have to spend much time in rebuilding where he destroyed, and with recapitulating on right lines all the work to be done.

Người bất cẩn, vì không biết cung của mình và do đó không biết hình tam giác hình học thích hợp là gì, tức là [Page 127] phương pháp tuần hoàn đúng đắn từ trung tâm này sang trung tâm khác, sẽ thúc đẩy lửa theo một tiến trình trái luật và do đó thiêu hủy mô; điều này rồi sẽ dẫn đến ít nhất là sự trì hoãn đồng hồ tiến bộ của y trong nhiều kiếp sống, vì y sẽ phải dành nhiều thời gian để tái tạo nơi mình đã phá hủy, và làm lại theo những đường lối đúng đắn toàn bộ công việc cần phải làm.

If a man persists from life to life in this line of action, if he neglects his spiritual development and concentrates on intellectual effort turned to the manipulation of matter for selfish ends, if he continues this in spite of the promptings of his inner self, and in spite of the warnings that may reach him from Those who watch, and if this is carried on for a long period he may bring upon himself a destruction that is final for this manvantara or cycle. He may, by the uniting of the two fires of matter and the dual expression of mental fire, succeed in the complete destruction of the physical permanent atom, and thereby sever his connection with the higher self for aeons of time. H. P. B. has somewhat touched on this when speaking of "lost souls"; (58,59) we must here emphasise the reality of this dire disaster and sound a warning note to those who approach this subject of the fires of matter with all its latent dangers. The blending of these fires must be the result of spiritualised knowledge, and must be directed solely by the Light of the Spirit, who works through love and is love, and who seeks this unification and this utter merging not from the point of view of sense or of material gratification, but because liberation and purification is desired in order that the higher union with the Logos may be

Nếu một người cứ tiếp tục đường lối hành động này từ đời này sang đời khác, nếu y sao lãng sự phát triển tinh thần của mình và tập trung vào nỗ lực trí tuệ hướng đến việc thao túng vật chất vì những mục đích ích kỷ, nếu y tiếp tục như vậy bất chấp những thôi thúc của bản ngã bên trong, và bất chấp những cảnh báo có thể đến với y từ Các Ngài đang quan sát, và nếu điều này được tiếp diễn trong một thời gian dài, y có thể tự chuốc lấy một sự hủy diệt mang tính chung cuộc đối với giai kỳ sinh hóa hay chu kỳ này. Y có thể, bằng sự hợp nhất của hai lửa của vật chất và biểu hiện nhị phân của lửa trí tuệ, thành công trong việc hủy diệt hoàn toàn nguyên tử trường tồn hồng trần, và do đó cắt đứt mối liên hệ của y với chân ngã trong những đại kiếp thời gian. H. P. B. đã phần nào đề cập đến điều này khi nói về "những linh hồn lạc mất"; (58,59) ở đây chúng ta phải nhấn mạnh tính hiện thực của tai họa khủng khiếp này và lên tiếng cảnh báo cho những ai tiếp cận chủ đề về các lửa của vật chất với tất cả những hiểm nguy tiềm ẩn của nó. Sự dung hợp các lửa này phải là kết quả của tri thức đã được tinh thần hóa, và phải được định hướng chỉ bởi Ánh sáng của Tinh thần, Đấng hoạt động qua tình thương và là tình thương, và Đấng tìm kiếm sự hợp nhất này cùng sự hòa tan hoàn toàn này không phải từ quan điểm của cảm giác hay sự thỏa mãn

effected; this union must be desired, not for selfish ends, but because group perfection is the goal and scope for greater service to the race must be achieved.

vật chất, mà bởi vì sự giải thoát và thanh lọc được mong cầu để sự hợp nhất cao hơn với Thượng đế có thể được thực hiện; sự hợp nhất này phải được mong cầu không vì những mục đích ích kỷ, mà bởi vì sự hoàn thiện nhóm là mục tiêu và phạm vi cho sự phụng sự lớn lao hơn đối với nhân loại phải được đạt đến.

(58) Lost Souls. See Isis Unveiled, Vol. II, p. 368; also S. D., I, 255, and S. D., III 493, 513-516, 521, 525, 527.cosmic aether. This will not be then counted. (back)

(58) Những linh hồn lạc mất. Xem Isis Unveiled, Tập II, tr. 368; cũng xem S. D., I, 255, và S. D., III 493, 513-516, 521, 525, 527. (back)

S1S14

V. DEATH AND THE ETHERIC BODY — V. CÁI CHẾT VÀ THỂ DĨ THÁI

[Page 128] It is not our purpose to give facts for verification by science, or even to point the way to the next step onward for scientific investigators; that we may do so is but incidental and purely secondary. What we seek mainly is to give indications of the development and correspondence of the threefold whole that makes the solar system what it is—the vehicle through which a great cosmic ENTITY, the solar Logos, manifests active intelligence with the purpose in view of demonstrating perfectly the love side of His nature. Back of this design lies a yet more esoteric and ulterior purpose, hid in the Will Consciousness of the Supreme Being, which perforce will be later demonstrated when the present objective is attained. The dual alternation of objective manifestation and of subjective obscuration, the periodic out-breathing, followed by the in-breathing of all that has been carried forward through evolution embodies in the system one of the basic cosmic vibrations, and the key-note of that cosmic ENTITY whose body we are. The heart beats of the Logos (if it might be so

[Page 128] Mục đích của chúng ta không phải là đưa ra những dữ kiện để khoa học kiểm chứng, hay thậm chí chỉ ra bước tiến kế tiếp cho các nhà nghiên cứu khoa học; việc chúng ta có thể làm như vậy chỉ là điều phụ và hoàn toàn thứ yếu. Điều chúng ta chủ yếu tìm cách làm là đưa ra những chỉ dẫn về sự phát triển và sự tương ứng của toàn thể tam phân tạo nên hệ mặt trời đúng như nó là—vận cụ qua đó một THỰC THỂ vũ trụ vĩ đại, Thái dương Thượng đế, biểu lộ trí tuệ linh hoạt với mục đích nhằm biểu hiện một cách hoàn hảo phương diện bác ái trong bản chất của Ngài. Đằng sau đồ án này còn có một mục đích huyền bí hơn và sâu xa hơn nữa, ẩn trong Tâm thức Ý Chí của Đấng Tối Cao, mục đích ấy tất yếu sẽ được biểu hiện về sau khi mục tiêu hiện tại đã đạt được. Sự luân phiên nhị nguyên giữa biểu hiện khách quan và sự che khuất chủ quan, sự thở ra theo chu kỳ, tiếp đó là sự hít vào của tất cả những gì đã được đưa tiến lên qua tiến hoá, thể hiện trong hệ mặt trời một trong những rung động vũ trụ căn bản, và chủ âm của THỰC THỂ vũ trụ mà chúng ta là thân thể của Ngài. Những nhịp đập tim của Thượng đế

inadequately expressed) are the source of all cyclic evolution, and hence the importance attached to that aspect of development called the "heart" or "love aspect," and the interest that is awakened by the study of rhythm. This is true, not only cosmically and macrocosmically, but likewise in the study of the human unit. Underlying all the physical sense attached to rhythm, vibration, cycles and heart-beat, lie their subjective analogies—love, feeling, emotion, desire, harmony, synthesis and ordered sequence,—and back of these analogies lies the source of all, the identity of that Supreme Being Who thus expresses Himself.

(nếu có thể diễn đạt một cách không đầy đủ như vậy) là nguồn gốc của mọi tiến hoá theo chu kỳ, và do đó tầm quan trọng được gán cho phương diện phát triển gọi là "tim" hay "phương diện bác ái," cùng sự quan tâm được khơi dậy bởi việc nghiên cứu nhịp điệu. Điều này đúng không chỉ về mặt vũ trụ và đại thiên địa, mà cũng đúng trong việc nghiên cứu đơn vị con người. Nằm bên dưới mọi ý nghĩa hồng trần gắn với nhịp điệu, rung động, chu kỳ và nhịp tim là những tương đồng chủ quan của chúng—bác ái, cảm giác, cảm xúc, dục vọng, hài hòa, tổng hợp và trình tự có trật tự,—và đằng sau những tương đồng này là nguồn cội của tất cả, tức bản sắc của Đấng Tối Cao ấy, Đấng tự biểu lộ chính Ngài như vậy.

Therefore, the study of pralaya, or the withdrawal of the life from out of the etheric vehicle will be the same [Page 129] whether one studies the withdrawal of the human etheric double, the withdrawal of the planetary etheric double, or the withdrawal of the etheric double of the solar system. The effect is the same and the consequences similar.

Do đó, việc nghiên cứu giai kỳ qui nguyên, hay sự rút sự sống ra khỏi vận cụ dĩ thái sẽ giống nhau [Page 129] dù người ta nghiên cứu sự rút bản sao dĩ thái của con người, sự rút bản sao dĩ thái của hành tinh, hay sự rút bản sao dĩ thái của hệ mặt trời. Hiệu quả là như nhau và các hệ quả thì tương tự.

What is the result of this withdrawal, or rather what causes that something which we call death or pralaya? As we are strictly pursuing the text-book style in this treatise, we will continue our methods of tabulation. The withdrawal of the etheric double of a man, a planet, and a system is brought about by the following causes:

Kết quả của sự rút này là gì, hay đúng hơn điều gì gây ra cái mà chúng ta gọi là cái chết hay giai kỳ qui nguyên? Vì chúng ta đang nghiêm ngặt theo đuổi lối văn giáo khoa trong bộ luận này, chúng ta sẽ tiếp tục phương pháp liệt kê của mình. Những nguyên nhân sau đây gây ra sự rút bản sao dĩ thái của một người, một hành tinh và một hệ mặt trời:

a. The cessation of desire. This should be the result of all evolutionary process. *True* death, under the law, is brought about by the attainment of the objective, and hence by the cessation of aspiration. This, as the perfected cycle draws to its close, will be true

a. Sự chấm dứt dục vọng. Đây phải là kết quả của toàn bộ tiến trình tiến hoá. *Theo* định luật, việc đạt đến mục tiêu, và do đó sự chấm dứt khát vọng, mang lại cái chết chân chính. Điều này, khi chu kỳ hoàn thiện dần đi đến kết thúc, sẽ đúng đối với cá nhân con người,

of the individual human being, of the Heavenly Man, and of the Logos Himself.

b. By the slowing down and gradual cessation of the cyclic rhythm, *the adequate vibration is achieved*, and the work accomplished. When the vibration or note is perfectly felt or sounded it causes (at the point of synthesis with other vibrations) the utter shattering of the forms.

Motion is characterised, as we know, by three qualities:

1. Inertia,

2. Mobility,

3. Rhythm.

These three are experienced in just the above sequence and presuppose a period of slow activity, succeeded by one of extreme movement. This middle period produces incidentally (as the true note and rate is sought) cycles of chaos, of experiment, of experience and of comprehension. Following on these two degrees of motion (which are characteristic of the atom, Man, of the Heavenly Man [Page 130] or group, and of the Logos or the Totality) comes a period of rhythm and of stabilisation wherein the point of balance is achieved. By the force of balancing the pairs of opposites, and thus producing equilibrium, pralaya is the inevitable sequence.

c. *By the severing of the physical from the subtler body* on the inner planes, through the shattering of the web. This has a threefold effect:

đối với Đấng Thiên Nhân, và đối với chính Thượng đế.

b. Do sự chậm lại và dần dần chấm dứt của nhịp điệu chu kỳ, *rung động thích đáng được đạt tới*, và công việc được hoàn thành. Khi rung động hay âm điệu được cảm nhận hoặc được xướng lên một cách hoàn hảo, nó gây ra (tại điểm tổng hợp với các rung động khác) sự tan vỡ hoàn toàn của các hình tướng.

Như chúng ta biết, ba phẩm tính đặc trưng cho chuyển động:

1. Quán tính,

2. Tính động,

3. Nhịp điệu.

Ba phẩm tính này được trải nghiệm đúng theo trình tự trên và giả định trước một giai đoạn hoạt động chậm, tiếp theo là một giai đoạn chuyển động cực độ. Giai đoạn giữa này đồng thời tạo ra (khi âm điệu và tốc độ chân chính được tìm kiếm) các chu kỳ hỗn loạn, thử nghiệm, kinh nghiệm và thấu hiểu. Tiếp theo hai cấp độ chuyển động này (vốn là đặc trưng của nguyên tử, của Con Người, của Đấng Thiên Nhân [Page 130] hay nhóm, và của Thượng đế hay Toàn Thể) là một giai đoạn nhịp điệu và sự ổn định trong đó điểm quân bình được đạt tới. Bằng mãnh lực quân bình các cặp đối nghịch, và do đó tạo ra trạng thái cân bằng, giai kỳ qui nguyên là hệ quả tất yếu tiếp theo.

c. *Do sự cắt rời thể xác khỏi thân thể vi tế hơn* trên các cõi bên trong, thông qua sự phá vỡ màng lưới. Điều này có tác động tam phân:

First. The life that had animated the physical form (both dense and etheric) and which had its starting point in the permanent atom and from thence "pervaded the moving and the unmoving" (in God, the Heavenly Man, and the human being, as well as in the atom of matter) is withdrawn entirely within the atom upon the plane of abstraction. This "plane of abstraction" is a different one for the entities involved:

Thứ nhất. Sự sống đã làm sinh động hình tướng hồng trần (cả đậm đặc lẫn dĩ thái) và có điểm khởi đầu trong nguyên tử trường tồn, rồi từ đó "thấm khắp cái động và cái bất động" (trong Thượng đế, Đấng Thiên Nhân, và con người, cũng như trong nguyên tử vật chất) được rút hoàn toàn vào trong nguyên tử trên cõi trừu xuất. "Cõi trừu xuất" này là khác nhau đối với các thực thể liên quan:

a. For the physical permanent atom, it is the atomic level.

a. Đối với nguyên tử trường tồn hồng trần, đó là cấp độ nguyên tử.

b. For man, it is the causal vehicle.

b. Đối với con người, đó là vận cụ nguyên nhân.

c. For the Heavenly Man, it is the second plane of monadic life, His habitat.

c. Đối với Đấng Thiên Nhân, đó là cõi thứ hai của sự sống chân thần, nơi cư ngụ của Ngài.

d. For the Logos, it is the plane of Adi.

d. Đối với Thượng đế, đó là cõi Adi.

All these mark the points for the disappearance of the unit into pralaya. We need here to remember that it is always pralaya when viewed from *below*. From the higher vision, that sees the subtler continuously overshadowing the dense when not in objective manifestation, pralaya is simply subjectivity, and is not that "which is not," but simply that which is esoteric.

Tất cả những điều này đánh dấu các điểm mà tại đó đơn vị biến mất vào giai kỳ qui nguyên. Ở đây chúng ta cần nhớ rằng đó luôn luôn là giai kỳ qui nguyên khi được nhìn từ *bên dưới*. Từ linh thị cao hơn, vốn thấy cái vi tế liên tục phủ bóng lên cái đậm đặc khi không ở trong biểu hiện khách quan, giai kỳ qui nguyên đơn giản chỉ là tính chủ quan, và không phải là "cái không hiện hữu," mà chỉ đơn giản là cái huyền bí.

Second. The etheric double of a man, a planetary Logos, and a solar Logos, being shattered, becomes nonpolarised as regards its indweller, and permits therefore of escape. It is (to word it otherwise) no longer a source of attraction, nor a focal magnetic point. It becomes non-magnetic, and the great Law of Attraction ceases to [Page 131] control it; hence disintegration is the ensuing condition of the form. The Ego

Thứ hai. Bản sao dĩ thái của một người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế, khi bị phá vỡ, trở nên không phân cực đối với đấng ngự bên trong của nó, và do đó cho phép sự thoát ra. Nói cách khác, nó không còn là một nguồn hấp dẫn, cũng không còn là một điểm hội tụ từ tính. Nó trở nên không từ tính, và Định luật Hấp Dẫn vĩ đại không còn [Page 131] kiểm soát nó nữa; do đó sự tan rã là tình trạng tiếp theo của

ceases to be attracted by its form on the physical plane, and, proceeding to inbreathe, withdraws its life from out of the sheath. The cycle draws to a close, the experiment has been made, the objective (a relative one from life to life and from incarnation to incarnation) has been achieved, and there remains nothing more to desire; the Ego, or the thinking entity, loses interest therefore in the form, and turns his attention inward. His polarisation changes, and the physical is eventually dropped.

hình tướng. Chân ngã không còn bị thu hút bởi hình tướng của mình trên cõi hồng trần, và, tiến tới hít vào, rút sự sống của mình ra khỏi vỏ bọc. Chu kỳ đi đến kết thúc, cuộc thử nghiệm đã được thực hiện, mục tiêu (một mục tiêu tương đối từ đời này sang đời khác và từ lần nhập thể này sang lần nhập thể khác) đã đạt được, và không còn gì để ham muốn nữa; do đó Chân ngã, hay thực thể tư duy, mất hứng thú đối với hình tướng, và quay sự chú ý vào bên trong. Sự phân cực của y thay đổi, và cuối cùng cái hồng trần bị buông bỏ.

The planetary Logos likewise in His greater cycle (the synthesis or the aggregate of the tiny cycles of the cells of His body) pursues the same course; He ceases to be attracted downward or outward, and turns His gaze within; He gathers inward the aggregate of the smaller lives within His body, the planet, and severs connection. Outer attraction ceases and all gravitates towards the centre instead of scattering to the periphery of His body.

Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy, trong chu kỳ lớn hơn của Ngài (sự tổng hợp hay tổng số các chu kỳ nhỏ bé của những tế bào trong thân thể Ngài) đi theo cùng một tiến trình; Ngài không còn bị thu hút xuống dưới hay ra bên ngoài nữa, mà quay ánh nhìn vào bên trong; Ngài thu gom vào trong tổng số các sự sống nhỏ hơn trong thân thể Ngài, tức hành tinh, và cắt đứt liên hệ. Sự hấp dẫn bên ngoài chấm dứt và mọi sự đều hướng về trung tâm thay vì tản ra chu vi thân thể Ngài.

In the system, the same process is followed by the solar Logos; from His high place of abstraction, He ceases to be attracted by His body of manifestation. He withdraws His interest and the two pairs of opposites, the spirit and the matter of the vehicle, dissociate. With this dissociation the solar system, that "Son of Necessity," or of desire, ceases to be, and passes out of objective existence.

Trong hệ mặt trời, Thái dương Thượng đế cũng tuân theo cùng một tiến trình; từ vị trí trừu xuất cao cả của Ngài, Ngài không còn bị thu hút bởi thân thể biểu hiện của Ngài nữa. Ngài rút lại sự quan tâm của mình và hai cặp đối nghịch, tinh thần và vật chất của vận cụ, phân ly. Với sự phân ly này, hệ mặt trời, "Con của Tất Yếu," hay của dục vọng, không còn hiện hữu nữa, và ra khỏi sự tồn tại khách quan.

Third. This leads finally, to the scattering of the atoms of the etheric body into their primordial condition. The subjective life, the synthesis of will and love taking active form, is withdrawn. The partnership is dissolved. The form then breaks up; the magnetism that has held it in coherent shape is no

Thứ ba. Điều này cuối cùng dẫn đến sự phân tán các nguyên tử của thể dĩ thái trở về trạng thái nguyên sơ của chúng. Sự sống chủ quan, sự tổng hợp của ý chí và bác ái mang hình thức linh hoạt, được rút đi. Sự cộng tác bị giải thể. Khi đó hình tướng tan vỡ; từ điện đã giữ nó trong hình dạng kết hợp không còn

longer present, and dissipation is complete. Matter persists, but the *form* no longer persists.

hiện diện nữa, và sự tiêu tan hoàn tất. Vật chất vẫn tồn tại, nhưng *hình tướng* không còn tồn tại nữa.

The work of the second Logos ends, and the divine [Page 132] incarnation of the Son is concluded. But the faculty or inherent quality of matter also persists, and at the end of each period of manifestation, matter (though distributed again into its primal form) is active intelligent matter plus the gain of objectivity, and the increased radiatory and latent activity which it has gained through experience. Let us illustrate: The matter of the solar system, when undifferentiated, was active intelligent matter, and that is all that can be predicated of it. This active intelligent matter was matter qualified by an earlier experience, and coloured by an earlier incarnation. Now this matter is *in form*, the solar system is not in pralaya but in objectivity,—his objectivity having in view the addition of another quality to the logoic content, that of love and wisdom. Therefore at the next solar pralaya, at the close of the one hundred years of Brahma, the matter of the solar system will be coloured by active intelligence, and by active love. This means literally that the aggregate of solar atomic matter will eventually vibrate to another key than it did at the first dawn of manifestation.

Công việc của Thượng đế thứ hai chấm dứt, và sự nhập thể thiêng liêng [Page 132] của Người Con được hoàn tất. Nhưng năng lực hay phẩm tính cố hữu của vật chất cũng vẫn tồn tại, và vào cuối mỗi thời kỳ biểu hiện, vật chất (dù lại được phân bố vào hình thức nguyên sơ của nó) là vật chất trí tuệ linh hoạt cộng thêm thành quả của tính khách quan, và hoạt động bức xạ cùng hoạt động tiềm ẩn gia tăng mà nó đã đạt được qua kinh nghiệm. Chúng ta hãy minh họa: Vật chất của hệ mặt trời, khi chưa biến phân, là vật chất trí tuệ linh hoạt, và đó là tất cả những gì có thể được khẳng định về nó. Vật chất trí tuệ linh hoạt này là vật chất được định tính bởi một kinh nghiệm trước đó, và được nhuốm màu bởi một lần nhập thể trước đó. Hiện nay vật chất này đang ở *trong hình tướng*, hệ mặt trời không ở trong giai kỳ qui nguyên mà ở trong tính khách quan,—tính khách quan của nó nhằm thêm vào nội dung Thượng đế một phẩm tính khác, đó là bác ái và minh triết. Do đó, vào giai kỳ qui nguyên kế tiếp của hệ mặt trời, khi kết thúc một trăm năm của Brahma, vật chất của hệ mặt trời sẽ được nhuốm màu bởi trí tuệ linh hoạt, và bởi bác ái linh hoạt. Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là tổng số vật chất nguyên tử mặt trời cuối cùng sẽ rung động theo một chủ âm khác với chủ âm của nó vào buổi bình minh đầu tiên của biểu hiện.

We can work this out in connection with the planetary Logos and the human unit, for the analogy holds good. We have a correspondence on a tiny scale in the fact that each human life period sees a man taking a more evolved physical body of a greater responsiveness, tuned to a higher key, of more adequate refinement, and

Chúng ta có thể triển khai điều này trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế và đơn vị con người, vì sự tương đồng là xác đáng. Chúng ta có một sự tương ứng ở quy mô nhỏ trong sự kiện là mỗi giai đoạn đời sống con người đều cho thấy một người đảm nhận một thể xác tiến hóa hơn, có khả năng đáp ứng lớn hơn, được chỉnh theo một chủ âm

vibrating to a different measure. In these three thoughts lies much information, if they are carefully studied and logically extended.

cao hơn, có sự tinh luyện thích đáng hơn, và rung động theo một nhịp độ khác. Chính trong ba ý tưởng này có nhiều thông tin, nếu chúng được nghiên cứu cẩn thận và được mở rộng một cách hợp lý.

d. By the transmutation of the violet into the blue. This we cannot enlarge on. We simply make the statement, and leave its working out to those students whose karma permits and whose intuition suffices.

d. Do sự chuyển hoá từ tím sang lam. Điều này chúng ta không thể nói rộng thêm. Chúng ta chỉ nêu ra mệnh đề ấy, và để việc triển khai nó cho những đạo sinh mà nghiệp quả cho phép và trực giác đủ sức đảm đương.

e. By the withdrawal of the life, the form should gradually dissipate. The reflex action here is interesting to note, for the greater Builders and Devas who are the [Page 133] active agents during manifestation, and who hold the form in coherent shape, transmuting, applying and circulating the pranic emanations, likewise lose their attraction to the matter of the form, and turn their attention elsewhere. On the path of out-breathing (whether human, planetary or logoic) these building devas (on the same Ray as the unit desiring manifestation, or on a complementary Ray) are attracted by his will and desire, and perform their office of construction. On the path of in-breathing (whether human, planetary or logoic) they are no longer attracted, and the form begins to dissipate. They withdraw their interest and the forces (likewise entities) who are the agents of destruction, carry on their necessary work of breaking up the form; they scatter it—as it is occultly expressed—to "The four winds of Heaven," or to the regions of the four breaths,—a fourfold separation and distribution. A hint is here given for careful consideration.

e. Do sự rút sự sống, hình tướng phải dần dần tiêu tan. Phản ứng phản chiếu ở đây đáng chú ý, vì các đấng kiến tạo lớn hơn và các thiên thần là [Page 133] những tác nhân linh hoạt trong thời kỳ biểu hiện, và là những vị giữ hình tướng trong hình dạng kết hợp, chuyển hoá, áp dụng và tuần hoàn các phát xạ prana, cũng không còn bị vật chất của hình tướng thu hút, và chuyển sự chú ý của họ sang nơi khác. Trên con đường thở ra (dù là con người, hành tinh hay Thượng đế) các thiên thần kiến tạo này (ở cùng cung với đơn vị mong muốn biểu hiện, hoặc ở một cung bổ sung) bị thu hút bởi ý chí và dục vọng của y, và thực hiện chức năng kiến tạo của mình. Trên con đường hít vào (dù là con người, hành tinh hay Thượng đế) họ không còn bị thu hút nữa, và hình tướng bắt đầu tiêu tan. Họ rút lại sự quan tâm của mình và các mãnh lực (cũng là các thực thể) là những tác nhân hủy diệt tiếp tục công việc cần thiết của họ là phá vỡ hình tướng; họ phân tán nó —như được diễn tả một cách huyền bí—vào "Bốn ngọn gió của Thiên Đàng," hay vào các vùng của bốn hơi thở,—một sự phân ly và phân bố tứ phân. Ở đây có một gợi ý cần được suy xét cẩn thận.

Though no pictures have been drawn of death bed scenes nor of the dramatic escape of the palpitating etheric body from the

Dù không có những bức tranh nào được vẽ ra về các cảnh bên giường chết hay về sự thoát ra đầy kịch tính của thể dĩ thái rung động từ

centre in the head, as might have been anticipated, yet some of the rules and purposes governing this withdrawal have been mentioned. We have seen how the aim of each life (whether human, planetary or solar) should be the effecting and the carrying out of a definite purpose. This purpose is the development of a more adequate form for the use of the spirit; and when this purpose is achieved then the Indweller turns his attention away, and the form disintegrates, having served his need. This is not always the case in every human life nor even in each planetary cycle. The mystery of the moon is the mystery of failure. This leads, when comprehended, to a life of dignity and offers an aim worthy of our best endeavour. When this angle of truth is universally recognised, as it will be when the intelligence of the race suffices, then evolution will proceed with certainty, and the failures be less numerous.

trung tâm ở đầu, như người ta có thể chờ đợi, tuy nhiên một số quy luật và mục đích chi phối sự rút lui này đã được đề cập đến. Chúng ta đã thấy mục tiêu của mỗi đời sống (dù là con người, hành tinh hay mặt trời) phải là thực hiện và hoàn thành một mục đích xác định. Mục đích này là phát triển một hình tướng thích đáng hơn cho tinh thần sử dụng; và khi mục đích này đạt được thì Đấng Ngự Bên Trong quay sự chú ý đi nơi khác, và hình tướng tan rã, vì đã phục vụ nhu cầu của y. Điều này không phải lúc nào cũng xảy ra trong mọi đời sống con người, và cũng không phải trong mỗi chu kỳ hành tinh. Bí nhiệm của mặt trăng là bí nhiệm của sự thất bại. Khi được thấu hiểu, điều này dẫn đến một đời sống có phẩm giá và đưa ra một mục tiêu xứng đáng với nỗ lực tốt nhất của chúng ta. Khi góc độ chân lý này được thừa nhận một cách phổ quát, như sẽ xảy ra khi trí tuệ của nhân loại đủ sức, thì tiến hoá sẽ tiến hành một cách chắc chắn, và những thất bại sẽ ít đi hơn.

Cosmic Fire S2

(134 – 220)

DIVISION D - KUNDALINI AND THE SPINE — PHÂN ĐOẠN D - KUNDALINI VÀ CỘT SỐNG

(60, 61)

(60, 61)

(60) "*Kundalini*, the serpent power or mystic fire; it is called the serpentine or annular power on account of its spiral-like working or progress in the body of the ascetic developing the power in himself. It is an electric fiery occult, or fohatic power, the great pristine force which underlies all organic and inorganic matter."—H. P. Blavatsky. (back)

[Page 134]

I. Kundalini and the three triangles.

1. In the head.

2. In the body.

3. At the base of the spine.

II. The arousing of Kundalini.

Very briefly, owing to the impossibility of revealing much on this necessarily dangerous subject, we will consider the subject of kundalini and the spine.

We must remember here that we are dealing with the etheric counterpart of the spine, and not with the bony structure which we call the spine or spinal column. This is a fact not sufficiently recognised by those who treat of the matter. Too much emphasis has been laid on the three spinal channels that compose the threefold spinal cord.

These channels are important in connection with the [Page 135] nervous system of the man, but in relation to the matter in hand, they are not primarily so important as the etheric channel, which is the unit enclosing

(60) "*Kundalini*, quyền năng rắn hay lửa thần bí; nó được gọi là quyền năng hình rắn hay hình vòng do hoạt động hay sự tiến triển giống xoắn ốc của nó trong thân thể của nhà khổ hạnh đang phát triển quyền năng ấy trong chính mình. Nó là một quyền năng huyền bí bằng lửa điện, hay fohat, là mãnh lực nguyên sơ vĩ đại làm nền tảng cho mọi vật chất hữu cơ và vô cơ."—H. P. Blavatsky. (back)

[Page 134]

I. Kundalini và ba tam giác.

1. Trong đầu.

2. Trong thân thể.

3. Ở đáy cột sống.

II. Sự đánh thức Kundalini.

Rất vắn tắt, do không thể tiết lộ nhiều về chủ đề tất yếu nguy hiểm này, chúng ta sẽ xem xét chủ đề kundalini và cột sống.

Ở đây chúng ta phải nhớ rằng mình đang đề cập đến đối phần dĩ thái của cột sống, chứ không phải cấu trúc xương mà chúng ta gọi là cột sống hay trụ sống. Những người bàn về vấn đề này chưa thừa nhận đầy đủ sự kiện ấy. Người ta đã quá nhấn mạnh ba kênh cột sống hợp thành tủy sống tam phân.

Những kênh này quan trọng trong liên hệ với [Page 135] hệ thần kinh của con người, nhưng đối với vấn đề đang bàn, chúng không quan trọng hàng đầu bằng kênh dĩ thái, là đơn vị bao bọc ba kênh ấy. Do đó,

these three. Therefore, we must strictly remember that we are dealing with

chúng ta phải nghiêm ngặt nhớ rằng mình đang đề cập đến

a. The etheric channel,

a. Kênh dĩ thái,

b. The fire that passes up the channel,

b. Ngọn lửa đi lên qua kênh ấy,

c. The conjunction of this fire with the radiatory energising fire of the physical body at the point between the shoulder blades,

c. Sự kết hợp của ngọn lửa này với ngọn lửa tiếp sinh lực bức xạ của thể xác tại điểm giữa hai xương bả vai,

d. Their united ascension into the head,

d. Sự thăng lên hợp nhất của chúng vào đầu,

e. Their blending eventually with the manasic fire which energises the three head centres.

e. Cuối cùng sự hòa trộn của chúng với lửa manas tiếp sinh lực cho ba trung tâm đầu.

I. KUNDALINI AND THE THREE TRIANGLES — I. KUNDALINI VÀ BA TAM GIÁC

The fire energising the triangle in the head is the higher correspondence to the triangle of prana, midway in the body, and its lower reflection at the base of the spine. We have, therefore, in the human unit three important triangles:

Ngọn lửa tiếp sinh lực cho tam giác trong đầu là sự tương ứng cao hơn của tam giác prana ở giữa thân thể, và của sự phản chiếu thấp hơn của tam giác ấy ở đáy cột sống. Do đó, trong đơn vị con người chúng ta có ba tam giác quan trọng:

1. *In the head:* The triangle of the three major centres,

1. *Trong đầu:* Tam giác của ba trung tâm chính,

a. The pineal gland,

a. Tuyến tùng quả,

b. The pituitary body,

b. Tuyến yên,

c. The alta major centre.

c. Trung tâm alta major.

2. In the body: The triangle of prana,

2. Trong thân thể: Tam giác prana,

a. Between the shoulders,

a. Giữa hai vai,

b. Above the diaphragm,

b. Phía trên cơ hoành,

c. The spleen.

3. At the base of the spine: The three lower centres,

a. A point at the bottom of the spinal column.

b. and *c.* The two major sex organs in the male and female. (62)

(62) It is not my intention to lay any stress on the sex side of this subject, for these are organs with which the occultist has nothing to do. I will not therefore enumerate them in detail. I would only point out that in the transference of the fire at the base of the spine and the turning of its attention to the two higher triangles comes the redemption of man. (back)

[Page 136] The merging of the fires of matter and the fires of mind results in the energising of the sumtotal of the atoms of the matter of the body. This is the secret of the immense staying power of the great thinkers and workers of the race. It results also in a tremendous stimulation of the three higher centres in the body, the head, the heart, the throat and in the electrification of this area of the body. These higher centres then form a field of attraction for the downflow of the third fire, that of Spirit. The many-petalled head centre at the top of the head becomes exceedingly active. It is the synthetic head centre, and the sumtotal of all the other centres. The stimulation of the centres throughout the body is paralleled or duplicated by the concurrent vivification of the many-petalled lotus. It is the meeting place of the three fires, those of the body, of the mind, and of the Spirit. The at-one-ment with the Ego is

c. Lá lách.

3. Ở đáy cột sống: Ba trung tâm thấp,

a. Một điểm ở đáy trụ sống.

b. và *c.* Hai cơ quan tính dục chính ở nam và nữ. (62)

(62) Tôi không có ý định nhấn mạnh vào phương diện tính dục của chủ đề này, vì đây là những cơ quan mà nhà huyền bí học không can dự vào. Do đó tôi sẽ không liệt kê chúng một cách chi tiết. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng trong sự chuyển dịch ngọn lửa ở đáy cột sống và việc quay sự chú ý của nó về hai tam giác cao hơn, có sự cứu chuộc của con người. (back)

[Page 136] Sự hòa nhập của các lửa của vật chất và các lửa của trí tuệ dẫn đến sự tiếp sinh lực cho tổng số các nguyên tử của vật chất trong thân thể. Đây là bí mật của sức bền phi thường nơi các nhà tư tưởng và người hoạt động vĩ đại của nhân loại. Nó cũng dẫn đến một sự kích thích mãnh liệt của ba trung tâm cao hơn trong thân thể, đầu, tim, cổ họng, và đến sự điện hóa khu vực này của thân thể. Khi đó các trung tâm cao hơn này tạo thành một trường hấp dẫn cho dòng tuôn xuống của lửa thứ ba, tức lửa của Tinh thần. Trung tâm đầu nhiều cánh ở đỉnh đầu trở nên cực kỳ linh hoạt. Nó là trung tâm đầu tổng hợp, và là tổng số của tất cả các trung tâm khác. Sự kích thích các trung tâm khắp thân thể được song hành hay lặp lại bởi sự làm sống động đồng thời của hoa sen nhiều cánh. Nó là nơi gặp gỡ của ba lửa, các lửa của thân thể, của trí tuệ, và của Tinh thần. Sự hợp nhất với Chân ngã được hoàn tất khi nó được kích thích đầy đủ,

completed when it is fully stimulated, and combustion then ensues; this is duplicated in the subtler vehicles and causes the final consummation and the liberation of Spirit.

và khi đó sự cháy bùng xảy ra; điều này được lặp lại trong các vận cụ vi tế hơn và gây ra sự thành tựu tối hậu cùng sự giải thoát của Tinh thần.

The merging of the fires of matter is the result of evolutionary growth, when left to the normal, slow development that time alone can bring. The junction of the two fires of matter is effected early in the history of man, and is the cause of the rude health that the clean-living, high-thinking man should normally enjoy. When the fires of matter have passed (united) still further along the etheric spinal channel they contact *the fire of manas as it radiates from the throat centre*. Clarity of thought is here essential, and it will be necessary to elucidate somewhat this rather abstruse subject.

Sự dung hợp của các lửa của vật chất là kết quả của sự tăng trưởng tiến hoá, khi được để cho phát triển bình thường và chậm chạp mà chỉ thời gian mới có thể mang lại. Sự kết hợp của hai lửa của vật chất được thực hiện sớm trong lịch sử loài người, và là nguyên nhân của sức khỏe cường tráng mà người sống thanh sạch, suy nghĩ cao thượng lẽ ra bình thường phải được hưởng. Khi các lửa của vật chất đã đi xa hơn nữa (hợp nhất) dọc theo ống sống dĩ thái, chúng tiếp xúc với *lửa của manas khi nó phát xạ từ trung tâm cổ họng*. Ở đây, sự minh bạch của tư tưởng là điều thiết yếu, và cần phải làm sáng tỏ phần nào chủ đề khá khó hiểu này.

1. The three major head centres (from the physical standpoint) are the:

1. Ba trung tâm chính yếu ở đầu (xét từ quan điểm hồng trần) là:

a. Alta centre,

a. Trung tâm alta,

b. Pineal gland,

b. Tuyến tùng quả,

c. Pituitary body. [Page 137]

c. Tuyến yên. [Page 137]

2. They form a manasic triangle, after their juncture with the two fires of the two lower triangles, i.e., when they become synthetic.

2. Chúng tạo thành một tam giác manas sau khi kết hợp với hai lửa của hai tam giác thấp hơn, tức là khi chúng trở nên tổng hợp.

3. But the purely manasic triangle prior to this merging is,

3. Nhưng tam giác thuần manas trước sự dung hợp này là,

a. The throat centre,

a. Trung tâm cổ họng,

b. The pineal gland,

b. Tuyến tùng quả,

c. Pituitary body.

c. Tuyến yên.

This is during the period when the human unit consciously aspires and throws his will on the side of evolution, thus making his life constructive.

Đây là trong giai đoạn khi đơn vị nhân loại khát vọng một cách hữu thức và đặt ý chí của y về phía tiến hoá, nhờ đó làm cho đời sống của y có tính xây dựng.

The other fire of matter (the dual fire) is attracted upward, and merges with the fire of mind through a junction effected at the alta major centre. This centre is situated at the base of the skull, and there is a slight gap between this centre and the point at which the fires of matter issue from the spinal channel. Part of the work the man who is developing thought power has to do, is to build a temporary channel in etheric matter to bridge the gap. This channel is the reflection in physical matter of the antaskarana (63) that the Ego has to build in order to bridge the gap between the lower and higher mental, between the causal vehicle on the third subplane of the mental plane, and the manasic permanent atom on the first subplane. This is the work that all advanced thinkers are unconsciously doing now. When the gap is completely [Page 138] bridged, man's body becomes co-ordinated with the mental body and the fires of mind and of matter are blended. It completes the perfecting of the personality life, and as earlier said, this perfecting brings a man to the portal of initiation—initiation being the seal set upon accomplished work; it marks the end of one lesser cycle of development, and the beginning of the transference of the whole work to a still higher spiral.

Lửa kia của vật chất (lửa nhị phân) bị hút lên trên, và dung hợp với lửa của trí tuệ qua một sự kết hợp được thực hiện tại trung tâm alta major. Trung tâm này nằm ở đáy sọ, và có một khoảng hở nhỏ giữa trung tâm này với điểm mà các lửa của vật chất phát ra từ ống sống. Một phần công việc mà người đang phát triển quyền năng tư tưởng phải làm là xây dựng một ống dẫn tạm thời trong vật chất dĩ thái để bắt cầu qua khoảng hở đó. Ống dẫn này là sự phản ánh trong vật chất hồng trần của antaskarana (63) mà chân ngã phải xây dựng để bắt cầu qua khoảng hở giữa hạ trí và thượng trí, giữa vận cụ nguyên nhân trên cõi phụ thứ ba của cõi trí và nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ thứ nhất. Đây là công việc mà tất cả những nhà tư tưởng tiến bộ hiện nay đang vô thức thực hiện. Khi khoảng hở được [Page 138] bắt cầu hoàn toàn, thân thể của con người trở nên phối hợp với thể trí và các lửa của trí tuệ và của vật chất được hòa trộn. Điều đó hoàn tất sự hoàn thiện của đời sống phàm ngã, và như đã nói trước đây, sự hoàn thiện này đưa con người đến cổng điểm đạo—điểm đạo là dấu ấn đặt lên công việc đã hoàn thành; nó đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ phát triển nhỏ hơn, và sự khởi đầu của việc chuyển toàn bộ công việc sang một vòng xoắn cao hơn nữa.

(63) 1. "The Master-soul is Alaya, the universal soul or Atma, each man having a ray of it in him and being supposed to be able to identify himself with and to merge himself into it.

(63) 1. "Linh hồn-Chân sư là Alaya, linh hồn vũ trụ hay Atma, mỗi người đều có một tia của nó trong mình và được cho là có thể đồng hoá với nó và hòa nhập vào nó.

2. Antaskarana is the lower Manas, the path of communication or communion between

the personality and the higher Manas or human soul.

2. Antaskarana là Hạ trí, con đường giao tiếp hay hiệp thông giữa phàm ngã và Thượng trí hay linh hồn nhân loại.

At death it is destroyed as a path or medium of communication, and its remains survive in a form as the Kama-rupa—the shell."—*Voice of the Silence*, page 71.

Khi chết, nó bị hủy diệt như một con đường hay phương tiện giao tiếp, và phần còn lại của nó tồn tại dưới một hình thức là Kama-rupa—cái vỏ." —*Tiếng Nói của Im Lặng*, trang 71.

"The antaskarana is the imaginary path between the personal and the impersonal self, and is the highway of sensation; it is the battlefield for mastery over the personal self. It is the path of aspiration, and where one longing for goodness exists the antaskarana persists."—See *Voice of the Silence*, pp. 50, 55, 56, 88. (back)

"Antaskarana là con đường tưởng tượng giữa bản ngã cá nhân và bản ngã phi cá nhân, và là đại lộ của cảm giác; nó là chiến trường để làm chủ bản ngã cá nhân. Nó là con đường khát vọng, và nơi nào có một lòng khao khát điều thiện tồn tại thì antaskarana vẫn tồn tại." —Xem *Tiếng Nói của Im Lặng*, các trang 50, 55, 56, 88. (trở lại)

We must always bear in mind that the fires from the base of the spine and the splenic triangle are *fires of matter*. We must not lose this recollection nor get confused. They have no spiritual effect, and *concern themselves solely with the matter in which the centres of force are located.* These centres of force are always directed by manas or mind, or by the conscious effort of the indwelling entity; but that entity is held back in the effects he seeks to achieve until the vehicles through which he is seeking expression, and their directing, energising centres, make adequate response. Hence it is only in due course of evolution, and when the matter of these vehicles is energised sufficiently by its own latent fires that he can accomplish his long-held purpose. Hence again the need of the ascension of the fire of matter to its own place, and its resurrection from its long burial and seeming prostitution before it can be united with its Father in Heaven, the third Logos, Who is the Intelligence of matter itself. The correspondence, again, holds good. Even the atom of the physical

Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng các lửa từ đáy cột sống và tam giác lá lách là *các lửa của vật chất*. Chúng ta không được đánh mất sự ghi nhớ này hay trở nên lẫn lộn. Chúng không có tác động tinh thần, và *chỉ liên quan duy nhất đến vật chất trong đó các trung tâm lực được định vị.* Manas hay trí tuệ, hoặc nỗ lực có ý thức của thực thể nội tại, luôn luôn điều khiển các trung tâm lực này; nhưng thực thể đó chưa thể đạt được các kết quả mà y tìm kiếm cho đến khi các vận cụ mà qua đó y tìm cách biểu lộ, và các trung tâm tiếp sinh lực chỉ đạo của chúng, có đáp ứng thích đáng. Vì vậy, chỉ theo tiến trình thích đáng của tiến hoá, và khi vật chất của các vận cụ này được tiếp sinh lực đầy đủ bởi các lửa tiềm ẩn riêng của nó thì y mới có thể hoàn thành mục đích đã ôm giữ từ lâu. Vì vậy lại càng cần sự thăng lên của lửa vật chất đến đúng chỗ của nó, và sự phục sinh của nó khỏi sự chôn vùi lâu dài và sự dường như bị làm ô uế trước khi nó có thể được hợp nhất với Cha của nó trên Thiên Đàng, tức Thượng đế thứ ba, Đấng là Trí Tuệ của chính vật chất. Sự tương ứng, một lần nữa, vẫn đúng.

plane has its goal, its initiations and its ultimate triumph.

Ngay cả nguyên tử của cõi hồng trần cũng có mục tiêu, các lần điểm đạo và chiến thắng tối hậu của nó.

Other angles of this subject, such as the centres and their relationship to manas, the fire of Spirit and manas, and the eventual blending of the three fires, will be dealt with in our next two main divisions. In this division we are confining ourselves to the study of matter and fire, and must not digress, or confusion will ensue.

Những góc độ khác của chủ đề này, như các trung tâm và mối liên hệ của chúng với manas, lửa của Tinh thần và manas, và sự hòa trộn sau cùng của ba lửa, sẽ được bàn đến trong hai phần chính tiếp theo của chúng ta. Trong phần này, chúng ta đang giới hạn mình vào việc nghiên cứu vật chất và lửa, và không được đi chệch hướng, nếu không sự lẫn lộn sẽ xảy ra.

[Page 139] How this fire at the base of the spine can be aroused, the form its progression should take (dependent upon the Ray), the blending of the fire with pranic fire and their subsequent united progression, are things of the past with many, and fortunately for the race, the work was achieved without conscious effort. The second blending with the fire of manas has to be effected. Scarcely as yet have men succeeded in directing the fire up more than one channel of the threefold column; hence two-thirds of its effect in the majority is yet confined to the stimulation of the organs of race propagation. Only when the fire has circled unimpeded up another channel is the complete merging with the fire of manas effected, and only when it progresses geometrically up all the three—with simultaneous action and at uniform vibration—is the true kundalini fire fully aroused, and therefore able to perform its work of cleansing through the burning of the confining web and of the separating particles. When this is accomplished the threefold channel becomes one channel. Hence the danger.

[Page 139] Việc lửa này ở đáy cột sống có thể được đánh thức như thế nào, hình thức tiến triển của nó nên diễn ra ra sao (tùy thuộc vào cung), sự hòa trộn của lửa này với lửa prana và sự tiến triển hợp nhất tiếp theo của chúng, là những điều đối với nhiều người đã thuộc về quá khứ, và may thay cho nhân loại, công việc ấy đã được hoàn thành mà không có nỗ lực có ý thức. Sự hòa trộn thứ hai với lửa của manas phải được thực hiện. Cho đến nay, con người hầu như chưa thành công trong việc hướng lửa đi lên quá một ống dẫn của cột tam phân; vì vậy hai phần ba tác động của nó nơi đa số vẫn còn bị giới hạn vào sự kích thích các cơ quan sinh sản của nhân loại. Chỉ khi lửa đã tuần hoàn không bị cản trở lên một ống dẫn khác thì sự dung hợp hoàn toàn với lửa của manas mới được thực hiện, và chỉ khi nó tiến lên theo hình học qua cả ba ống dẫn—với hoạt động đồng thời và ở rung động đồng nhất—thì lửa kundalini chân chính mới được đánh thức trọn vẹn, và do đó có thể thực hiện công việc thanh tẩy của nó bằng cách đốt cháy mạng lưới giam hãm và các hạt phân cách. Khi điều này được hoàn thành, ống dẫn tam phân trở thành một ống dẫn duy nhất. Vì vậy mới có sự nguy hiểm.

No more can be imparted concerning this subject. He who directs his efforts to the control of the fires of matter, is (with a dangerous certainty) playing with a fire that may literally destroy him. He should not cast his eyes backwards, but should lift them to the plane where dwells his immortal Spirit, and then by self-discipline, mind-control and a definite refining of his material bodies, whether subtle or physical, fit himself to be a vehicle for the divine birth, and participate in the first Initiation. When the Christ-child (as the Christian so

Không thể truyền đạt thêm gì nữa về chủ đề này. Kẻ hướng nỗ lực của mình vào việc kiểm soát các lửa của vật chất là (với một sự chắc chắn nguy hiểm) đang đùa với một ngọn lửa có thể theo nghĩa đen hủy diệt y. Y không nên ngoảnh mắt nhìn về phía sau, mà nên ngước mắt lên cõi nơi Tinh thần bất tử của y ngự trị, rồi bằng tự kỷ luật, kiểm soát trí tuệ và một sự tinh luyện rõ rệt các thân thể vật chất của mình, dù vi tế hay hồng trần, làm cho mình thích hợp để trở thành một vận cụ cho sự giáng sinh thiêng liêng, và tham dự vào lần điểm đạo thứ nhất. Khi Hài Nhi

beautifully expresses it) has been born in the cave of the heart, then that divine guest can consciously control the lower material bodies by means of consecrated mind. Only when buddhi has assumed an ever-increasing control [Page 140] of the personality, via the mental plane (hence the need of building the antaskarana), will the personality respond to that which is above, and the lower fires mount and blend with the two higher. Only when Spirit, by the power of thought, controls the material vehicles, does the subjective life assume its rightful place, does the God within shine and blaze forth till the form is lost from sight, and "The path of the just shine ever more and more until the day be with us."

Christ (như tín đồ Cơ Đốc diễn tả thật đẹp) đã được sinh ra trong hang động của tim, thì vị khách thiêng liêng ấy có thể kiểm soát một cách hữu thức các thân thể vật chất thấp hơn bằng phương tiện của trí tuệ đã được thánh hiến. Chỉ khi Bồ đề đã đảm nhận một sự kiểm soát ngày càng tăng [Page 140] đối với phàm ngã, qua cõi trí (vì thế mới cần xây dựng antaskarana), thì phàm ngã mới đáp ứng với điều ở bên trên, và các lửa thấp hơn mới thăng lên và hòa trộn với hai lửa cao hơn. Chỉ khi Tinh thần, bằng quyền năng của tư tưởng, kiểm soát các vận cụ vật chất, thì đời sống chủ quan mới đảm nhận vị trí chính đáng của nó, Thượng đế bên trong mới chiếu sáng và bừng cháy cho đến khi hình tướng khuất khỏi tầm mắt, và "Con đường của người công chính chiếu sáng ngày càng hơn cho đến khi ngày ở cùng chúng ta."

DIVISION E - MOTION ON THE PHYSICAL AND ASTRAL PLANES — PHÂN ĐOẠN E - CHUYỂN ĐỘNG TRÊN CÕI HỒNG TRẦN VÀ CÕI CẢM DỤC

I. Preliminary remarks.

1. The threefold goal.

2. The threefold function.

3. The threefold mode of activity.

II. The effects of rotary motion.

1. Separation.

2. Momentum.

3. Friction.

4. Absorption.

I. Những nhận xét sơ bộ.

1. Mục tiêu tam phân.

2. Chức năng tam phân.

3. Phương thức hoạt động tam phân.

II. Các tác động của chuyển động quay.

1. Sự phân ly.

2. Động lượng.

3. Ma sát.

4. Sự hấp thu.

III. The qualities of rotary motion.

1. Inertia.

2. Mobility.

3. Rhythm.

IV. Rotary motion and symbolism.

V. Motion and the centres.

1. The nature of the centres.

2. The centres and the rays.

3. The centres and kundalini.

4. The centres and the senses.

5. The centres and initiation.

III. Các phẩm tính của chuyển động quay.

1. Quán tính.

2. Tính động.

3. Nhịp điệu.

IV. Chuyển động quay và biểu tượng học.

V. Chuyển động và các trung tâm.

1. Bản chất của các trung tâm.

2. Các trung tâm và các cung.

3. Các trung tâm và kundalini.

4. Các trung tâm và các giác quan.

5. Các trung tâm và điểm đạo.

I. PRELIMINARY REMARKS — I. NHỮNG NHẬN XÉT SƠ BỘ

[Page 141] I would point out primarily and emphasize the fact that the motion we are considering is that due to the fire latent in matter itself, a motion that is the prime characteristic and basic quality of the Primordial Ray of Active Intelligence. To express it otherwise: it is the outstanding faculty of the third Logos, of Brahma [Page 142] viewed as the Creator, and this faculty is the product or result of an earlier manifestation. Each of the three Logoi, when in manifestation and thus personified, is exemplifying some one quality which predominates over the others. Each, more or less, exemplifies all, but each demonstrates one of the three aspects so profoundly as to be recognised as that aspect itself. In much

[Page 141] Trước hết, tôi muốn chỉ ra và nhấn mạnh sự kiện rằng chuyển động mà chúng ta đang xem xét là chuyển động do lửa tiềm ẩn trong chính vật chất tạo ra, một chuyển động là đặc tính chủ yếu và phẩm tính căn bản của Cung Nguyên Sơ của Trí Tuệ Hoạt Động. Nói cách khác: đó là năng lực nổi bật của Thượng đế thứ ba, của Brahma [Page 142] được xem như Đấng Sáng Tạo, và năng lực này là sản phẩm hay kết quả của một biểu lộ trước đó. Mỗi một trong ba Thượng đế, khi biểu lộ và do đó được nhân cách hóa, đều biểu hiện một phẩm tính nào đó trội hơn các phẩm tính khác. Mỗi vị, ít nhiều, đều biểu hiện tất cả, nhưng mỗi vị chứng tỏ một trong ba phương diện sâu sắc đến mức được nhận biết như chính phương

the same way, for instance, the different incarnating jivas carry a vibration which is their main measure, though they may also have lesser vibrations that are subsidiary to them. Let us get this clear, for the truth embodied is fundamental.

diện ấy. Chẳng hạn, cũng gần giống như vậy, các jiva nhập thể khác nhau mang một rung động là nhịp độ chính của chúng, dù chúng cũng có thể có những rung động nhỏ hơn phụ thuộc vào rung động chính đó. Chúng ta hãy làm cho điều này rõ ràng, vì chân lý được hàm chứa ở đây là nền tảng.

1. The threefold goal,

1. Mục tiêu tam phân,

2. The threefold function,

2. Chức năng tam phân,

3. The threefold mode of activity.

3. Phương thức hoạt động tam phân.

The Third Logos. The third Logos, or Brahma, is characterised by active intelligence; His mode of action is that which we call *rotary*, or that measured revolution of the matter of the system, first as a grand totality, setting in movement the material circumscribed by the entire ring-pass-not, and secondly differentiating it, according to seven vibratory rates or measures into the seven planes. On each of these planes the process is pursued, and the matter of any plane within the plane ring-pass-not shows first as a totality and then as a sevenfold differentiation. This differentiation of matter is brought about by rotary motion, and is controlled by the *Law of Economy* (one of the cosmic laws) with which we will deal later, only pausing here to say that this Law of Economy might be considered as the controlling factor in the life of the third Logos. Therefore:

Thượng đế thứ ba. Thượng đế thứ ba, hay Brahma, được đặc trưng bởi trí tuệ hoạt động; phương thức hành động của Ngài là điều mà chúng ta gọi là *quay tròn*, hay sự xoay chuyển theo nhịp độ của vật chất của hệ mặt trời, trước hết như một toàn thể vĩ đại, làm cho vật chất được bao bọc trong toàn bộ vòng-giới-hạn chuyển động, và thứ hai là biến phân nó, theo bảy tốc độ hay nhịp độ rung động, thành bảy cõi. Trên mỗi cõi này, tiến trình ấy được tiếp tục, và vật chất của bất kỳ cõi nào trong vòng-giới-hạn của cõi trước hết biểu lộ như một toàn thể rồi sau đó như một sự biến phân thất phân. Chuyển động quay tạo ra sự biến phân của vật chất này, và *Định luật Tiết Kiệm* kiểm soát sự biến phân ấy (một trong các định luật vũ trụ) mà chúng ta sẽ bàn đến sau, ở đây chỉ dừng lại để nói rằng Định luật Tiết Kiệm này có thể được xem như yếu tố kiểm soát trong đời sống của Thượng đế thứ ba. Vì vậy:

a. His *goal* is the perfect blending of Spirit and matter.

a. *Mục tiêu* của Ngài là sự hòa trộn hoàn hảo giữa Tinh thần và vật chất.

b. His *function* is the manipulation of prakriti, or matter, so as to make it fit, or

b. *Chức năng* của Ngài là vận dụng prakriti, hay vật chất, để nó thích hợp, hay tương

equal to, the demands and needs of the Spirit. [Page 143]

xứng, với những đòi hỏi và nhu cầu của Tinh thần. [Page 143]

c. His *mode of action* is rotary, or, by the revolution of matter, to increase activity and thereby make the material more pliable.

c. Phương thức hành động của Ngài là quay tròn, hay bằng sự xoay chuyển của vật chất, làm gia tăng hoạt động và nhờ đó khiến chất liệu trở nên dễ uốn nắn hơn.

All these three concepts are governed by the Law of Economy, which is the Law of Adaptation in time and space, or the line of least resistance. This line of least resistance is that which is sought for and followed on the matter side of existence. Incidentally, Brahma manifests Will, because He is purpose, and Love because in this solar system Love is the line of least resistance. While this is an occult statement worthy of consideration, yet it must be remembered that He is primarily activity and intelligence with the aim of adaptability, and that this is His main characteristic.

Cả ba khái niệm này đều được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm, tức Định luật Thích Ứng trong thời gian và không gian, hay con đường ít trở ngại nhất. Con đường ít trở ngại nhất này là điều được tìm kiếm và đi theo ở phía vật chất của sự tồn tại. Nhân đây, Brahma biểu lộ Ý Chí, vì Ngài là mục đích, và biểu lộ Bác ái vì trong hệ mặt trời này Bác ái là con đường ít trở ngại nhất. Dù đây là một phát biểu huyền bí đáng để suy ngẫm, vẫn phải nhớ rằng trước hết Ngài là hoạt động và trí tuệ với mục tiêu là khả năng thích ứng, và đó là đặc tính chính của Ngài.

The Second Logos. The second Logos, Vishnu, the divine Wisdom Ray, the great principle of Buddhi seeking to blend with the principle of Intelligence, is characterised by Love. His motion is that which we might term *spiral cyclic*. Availing Himself of the rotary motion of all atoms, He adds to that His own form of motion or of spiralling periodical movement, and by circulation along an orbit or spheroidal path (which circles around a central focal point in an ever ascending spiral) two results are brought about:

Thượng đế thứ hai. Thượng đế thứ hai, Vishnu, Cung Minh triết thiêng liêng, nguyên khí vĩ đại của Bồ đề đang tìm cách hòa trộn với nguyên khí của Trí Tuệ, được đặc trưng bởi Bác ái. Chuyển động của Ngài là điều mà chúng ta có thể gọi là *xoắn ốc chu kỳ*. Tận dụng chuyển động quay của mọi nguyên tử, Ngài thêm vào đó hình thức chuyển động riêng của Ngài hay chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ, và bằng sự tuần hoàn dọc theo một quỹ đạo hay đường hình cầu (quay quanh một tiêu điểm trung tâm trong một đường xoắn ốc luôn đi lên) hai kết quả được tạo ra:

a. He gathers the atoms into forms.

a. Ngài tập hợp các nguyên tử thành các hình tướng.

b. By means of these forms He gains the needed contact, and develops full consciousness on the five planes of human

b. Bằng các hình tướng này, Ngài đạt được sự tiếp xúc cần thiết, và phát triển tâm thức trọn vẹn trên năm cõi của sự phát triển nhân

development, gradually rarefying and refining the forms as the Spirit of Love or the Flame Divine spirals ever onward towards its goal, that goal which is also the source from which it came.

loại, dần dần làm cho các hình tướng trở nên thanh nhẹ và tinh luyện hơn khi Tinh thần Bác ái hay Ngọn Lửa Thiêng liêng xoắn tiến mãi về mục tiêu của nó, mục tiêu ấy cũng chính là nguồn mà từ đó nó đã xuất phát.

These forms are the sumtotal of all spheres or atoms within the solar system, or within the solar ring-pass-not, and in their seven major differentiations they are the [Page 144] spheres of the seven Spirits, or the seven planetary Logoi.

Các hình tướng này là tổng số của mọi khối cầu hay nguyên tử trong hệ mặt trời, hay trong vòng-giới-hạn mặt trời, và trong bảy biến phân chính yếu của chúng, chúng là các [Page 144] khối cầu của bảy Thánh Linh, hay bảy Hành Tinh Thượng Đế.

All lesser spheres ranging downward from these major spheres, include all grades of manifestation down to the elemental essence on the arc of involution. (64) We need to remember that on the Path of Involution, the action of Brahma is primarily felt, seeking the line of least resistance. On the Path of Evolution the work of the second Logos is felt, beginning at a point in time and space which hides the mystery of the second chain, but finding its point of accelerated vibration or the unification of the two modes of manifestation—rotary-spiral-cyclic—in the middle part of what we call the third chain. This is after all the blending of the activity of Brahma with the onward progress of Vishnu. We have the correspondence to this in the sumtotal of the effects brought about in the second and third root races.

Mọi khối cầu nhỏ hơn trải dài xuống dưới từ các khối cầu lớn này bao gồm mọi cấp độ biểu lộ cho đến Tinh chất hành khí trên cung giáng hạ tiến hoá. (64) Chúng ta cần nhớ rằng trên Con Đường Giáng Hạ Tiến Hoá, hoạt động của Brahma được cảm nhận chủ yếu, tìm kiếm con đường ít trở ngại nhất. Trên Con Đường Thăng Thượng Tiến Hoá, công việc của Thượng đế thứ hai được cảm nhận, bắt đầu tại một điểm trong thời gian và không gian che giấu huyền nhiệm của dãy thứ hai, nhưng tìm thấy điểm rung động gia tốc của nó hay sự hợp nhất của hai phương thức biểu lộ—quay tròn-xoắn ốc-chu kỳ—ở phần giữa của điều mà chúng ta gọi là dãy thứ ba. Rốt cuộc, đây là sự hòa trộn hoạt động của Brahma với sự tiến triển đi tới của Vishnu. Chúng ta có sự tương ứng với điều này trong tổng số các tác động được tạo ra trong giống dân gốc thứ hai và thứ ba.

(64) Elemental Essence is seen to consist of aggregations of matter, on one of the six non-atomic subplanes of the mental and the desire planes—aggregations which do not themselves serve as forms for any entity to inhabit, but as the material out of which such forms may be built. the turning of its attention. (back)

(64) Tinh chất hành khí được thấy là gồm những tập hợp vật chất trên một trong sáu cõi phụ không nguyên tử của cõi trí và cõi dục vọng—những tập hợp mà tự chúng không làm thành hình tướng cho bất kỳ thực thể nào cư ngụ, nhưng là chất liệu để từ đó những hình tướng như thế có thể được xây dựng. (trở lại)

The activity of the second Logos is carried on under the cosmic Law of Attraction. The Law of Economy has for one of its branches a subsidiary Law of marked development called the Law of Repulsion. The cosmic Laws of Attraction and Economy are therefore the *raison d'être* (viewed from one angle) of the eternal repulsion that goes on as Spirit seeks ever to liberate itself from form. The matter aspect always follows the line of least resistance, and repulses all tendency to group formation, while Spirit, governed by the Law of Attraction, seeks ever to separate itself from matter by the method of attracting an ever more adequate type of matter in the process of distinguishing the real from the unreal, and passing from one illusion to another until the resources of matter are fully utilised.

Hoạt động của Thượng đế thứ hai được tiến hành dưới Định luật Hấp Dẫn vũ trụ. Định luật Tiết Kiệm có một trong những phân nhánh của nó là một Định luật phụ thuộc đã phát triển rõ rệt gọi là Định luật Đẩy Lùi. Vì vậy, các Định luật Hấp Dẫn và Tiết Kiệm vũ trụ là *lý do tồn tại* (xét từ một góc độ) của sự đẩy lùi vĩnh cửu diễn ra khi Tinh thần luôn tìm cách giải thoát chính nó khỏi hình tướng. Phương diện vật chất luôn đi theo con đường ít trở ngại nhất, và đẩy lùi mọi khuynh hướng hướng đến sự hình thành nhóm, trong khi Tinh thần, được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn, luôn tìm cách tách chính nó khỏi vật chất bằng phương pháp thu hút một loại vật chất ngày càng thích đáng hơn trong tiến trình phân biệt cái thực với cái không thực, và đi từ ảo tưởng này sang ảo tưởng khác cho đến khi các tài nguyên của vật chất được sử dụng trọn vẹn.

[Page 145] Eventually the Indweller of the form feels the urge, or attractive pull, of its Own Self. The reincarnating jiva, for instance, lost in the maze of illusion, begins in course of time to recognise (under the Law of Attraction) the vibration of its own Ego, which stands to it as the Logos of its own system, its deity in the three worlds of experience. Later, when the body egoic itself is seen as illusion, the vibration of the Monad is felt, and the jiva, working under the same law, works its way back through the matter of the two planes of superhuman evolution, till it is merged in its own essence.

[Page 145] Sau cùng, Đấng Nội Tại của hình tướng cảm nhận được sự thôi thúc, hay lực hút hấp dẫn, của chính Bản Ngã của nó. Chẳng hạn, jiva tái sinh, bị lạc trong mê cung của ảo tưởng, theo thời gian bắt đầu nhận biết (dưới Định luật Hấp Dẫn) rung động của chân ngã của chính nó, chân ngã này đối với nó cũng như Thượng đế của hệ thống riêng của nó, vị thần của nó trong ba cõi kinh nghiệm. Về sau, khi chính thể chân ngã được thấy là ảo tưởng, rung động của chân thần được cảm nhận, và jiva, hoạt động dưới cùng định luật ấy, lần đường quay trở lại xuyên qua vật chất của hai cõi của sự tiến hoá siêu nhân cho đến khi nó hòa nhập vào bản chất riêng của nó.

Therefore:

Vì vậy:

a. The *goal* of the second Logos is consciousness, to be achieved in co-operation with the third Logos.

a. Mục tiêu của Thượng đế thứ hai là tâm thức, đạt được trong sự hợp tác với Thượng đế thứ ba.

b. His *function* is the building of forms to be His instruments of experience.

b. Chức năng của Ngài là xây dựng các hình tướng để làm công cụ trải nghiệm của Ngài.

c. His *mode* of action is cyclic and spiral, the revolution of the wheel of existence in ordered cycles for a specific purpose, and the progression of these spheres of matter around a fixed centre, within the solar periphery.

c. Phương thức hành động của Ngài là chu kỳ và xoắn ốc, sự quay của bánh xe tồn tại trong những chu kỳ có trật tự vì một mục đích xác định, và sự tiến triển của các khối cầu vật chất này quanh một trung tâm cố định, trong chu vi hệ mặt trời.

These three concepts are governed by the Law of Attraction, or the law governing the interplay or the action and reaction.

Ba khái niệm này được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn, hay định luật chi phối sự tương tác hoặc tác động và phản tác động.

a. Between the Sun and its six brothers.

a. Giữa Mặt Trời và sáu huynh đệ của nó.

b. Between the circling whirling seven planes of the solar system.

b. Giữa bảy cõi quay tròn xoáy lượn của hệ mặt trời.

c. Between everything in the matter of all forms, the spheres of matter themselves and the aggregate of those spheres that are embodied in the forms of still others.

c. Giữa mọi thứ trong vật chất của mọi hình tướng, chính các khối cầu vật chất và tổng thể những khối cầu ấy được nhập thể trong các hình tướng của những khối cầu khác nữa.

The First Logos. The first Logos is the Ray of Cosmic Will. His mode of action is a literal driving forward of the solar ring-pass-not through space, and until the end of this mahamanvantara or day of Brahma (the logoic [Page 146] cycle) we shall not be able to conceive of the first aspect of will or power as it really is. We know it now as the will to exist, manifesting through the matter of the forms (the Primordial Ray and the Divine Ray), and we know it as that which in some occult manner links the system up with its cosmic centre. In a manner inconceivable to us the first Logos brings in the influence of other constellations. When this first aspect is better understood (in the next mahamanvantara) the work of the seven

Thượng đế thứ nhất. Thượng đế thứ nhất là Cung của Ý Chí Vũ Trụ. Phương thức hành động của Ngài là một sự thúc đẩy theo nghĩa đen vòng-giới-hạn mặt trời tiến xuyên qua không gian, và cho đến cuối Đại giai kỳ sinh hóa hay ngày của Brahma này (chu kỳ của Thượng đế [Page 146]) chúng ta sẽ không thể quan niệm được phương diện thứ nhất của ý chí hay quyền năng như nó thực sự là gì. Hiện nay chúng ta biết nó như ý chí tồn tại, biểu lộ qua vật chất của các hình tướng (Cung Nguyên Sơ và Cung Thiêng liêng), và chúng ta biết nó như điều bằng một cách huyền bí nào đó liên kết hệ mặt trời với trung tâm vũ trụ của nó. Theo một cách không thể quan niệm được đối với chúng ta, Thượng đế thứ nhất mang vào ảnh hưởng của các chòm sao khác. Khi phương diện thứ

Rishis of the Great Bear, (65) and the supreme influence of Sirius will be comprehended; in this present manifestation of the Son, or of the Vishnu aspect, we are concerned more closely with the Pleiades and their influence via the Sun, and, in relation to our planet, via Venus.

nhất này được thấu hiểu rõ hơn (trong Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp) công việc của bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, (65) và ảnh hưởng tối thượng của Sirius sẽ được hiểu rõ; trong biểu lộ hiện tại này của Con, hay của phương diện Vishnu, chúng ta quan tâm gần gũi hơn đến Pleiades và ảnh hưởng của chúng qua Mặt Trời, và, liên hệ với hành tinh của chúng ta, qua Sao Kim.

(65) "The Hindus place their seven primitive Rishis in the Great Bear. The prototypes or the animating source of the seven Heavenly Men, the planetary Logoi, are considered the seven Existences who function through the seven stars of the Bear."—S. D., II, 668. (back)

(65) "Người Hindu đặt bảy vị Rishi nguyên thủy của họ trong Đại Hùng Tinh. Các nguyên mẫu hay nguồn sinh động của bảy Đấng Thiên Nhân, các Hành Tinh Thượng Đế, được xem là bảy Hiện Hữu hoạt động qua bảy ngôi sao của chòm Gấu." — S. D., II, 668. (trở lại)

This subject of the first Logos, manifesting only in connection with the other two in the system, is a profound mystery, which is not fully understood by even those who have taken the sixth Initiation.

Chủ đề này về Thượng đế thứ nhất, chỉ biểu lộ trong sự liên hệ với hai Thượng đế kia trong hệ mặt trời, là một huyền nhiệm sâu xa mà ngay cả những người đã trải qua lần điểm đạo thứ sáu cũng chưa thấu hiểu trọn vẹn.

The first Logos embodies the "will to live" and it was through His instrumentality that the Manasaputras came into objective existence in relation to the human and deva hierarchies. In this system, the blending of the Divine Ray of Wisdom and the Primordial Ray of intelligent matter forms the great dual evolution; back of both these cosmic Entities stands another Entity Who is the embodiment of Will, and Who is the utiliser of forms—though not the forms of any other than the Greater Building devas and the human hierarchies in time and space. He is the animating principle; the will-to-live aspect of the seven Hierarchies. Nevertheless these seven Hierarchies are (as says H. P. B.) the sevenfold ray of wisdom, the dragon in its seven forms. *(S. D., I, 100-108.)* (67, 68) This is a [Page 147] deep

Thượng đế thứ nhất thể hiện "ý chí sống", và chính nhờ sự tác động của Ngài mà các Manasaputras đi vào sự tồn tại khách quan trong liên hệ với các huyền giai nhân loại và thiên thần. Trong hệ mặt trời này, sự hòa trộn của Cung thiêng liêng Minh Triết và Cung nguyên sơ của vật chất thông tuệ tạo thành cuộc tiến hoá nhị nguyên vĩ đại; đằng sau cả hai Thực thể vũ trụ này còn có một Thực thể khác, Đấng là hiện thân của Ý Chí, và là người sử dụng các hình tướng—dù không phải các hình tướng nào khác ngoài hình tướng của các thiên thần kiến tạo cao hơn và các huyền giai nhân loại trong thời gian và không gian. Ngài là nguyên khí làm sinh động; là phương diện ý chí-sống của bảy Huyền Giai. Tuy nhiên, bảy Huyền Giai này lại là (như H. P. B. nói) cung minh triết thất phân, con rồng trong bảy hình thức của

mystery, and only a clue to it all can be found at this time by man in the contemplation of his own nature in the three worlds of his manifestation. Just as our Logos is seeking objectivity through His solar system in its threefold form of which the present is the second, so man seeks objectivity through his three bodies—physical, astral and mental. At this time he is polarised in his astral body, or in his second aspect in like manner as the undifferentiated Logos is polarised in His second aspect. In time and space as we now conceive it, the sum total of jivas are governed by feeling, emotion, and desire, and not by the will, yet at the same time the will aspect governs manifestation, for the Ego who is the source of personality shows in manifestation the will to love.

nó. *(S. D., I, 100-108.)* (67, 68) Đây là một [Page 147] huyền nhiệm sâu xa, và hiện nay con người chỉ có thể tìm được một đầu mối cho toàn bộ điều này bằng cách chiêm ngưỡng bản chất của chính mình trong ba cõi thấp của sự biểu hiện của y. Cũng như Thượng đế của chúng ta đang tìm kiếm tính khách quan qua hệ mặt trời của Ngài trong hình thức tam phân của nó mà hiện nay là hình thức thứ hai, thì con người cũng tìm kiếm tính khách quan qua ba thân thể của mình—thể xác, thể cảm dục và thể trí. Hiện nay y đang phân cực trong thể cảm dục của mình, hay trong phương diện thứ hai của y, cũng giống như Thượng đế chưa biến phân đang phân cực trong phương diện thứ hai của Ngài. Trong thời gian và không gian như chúng ta hiện quan niệm, tổng số các jivas bị chi phối bởi cảm giác, cảm xúc và dục vọng, chứ không phải bởi ý chí, tuy nhiên đồng thời phương diện ý chí vẫn chi phối sự biểu hiện, vì chân ngã là nguồn của phàm ngã biểu lộ trong sự biểu hiện ý chí yêu thương.

(67) Subba Rao says in *Five Years of Theosophy,* page 102: "As a general rule, whenever seven entities are mentioned in the ancient occult science of India in any connection whatsoever, you must suppose that those seven entities came into existence from three primary entities; and that these three entities, again, are evolved out of a single entity or monad. To take a familiar example, the seven coloured rays in the solar ray are evolved out of three primary coloured rays; and the three primary colours coexist with the four secondary colours in the solar ray. Similarly the three primary entities which brought man into existence coexist in him with the four secondary entities which arose from different combinations of the three primary entities. Read also S. D., I, 190, 191. (back)

(67) Subba Rao nói trong *Five Years of Theosophy,* trang 102: "Theo quy luật chung, bất cứ khi nào bảy thực thể được nhắc đến trong khoa huyền bí cổ xưa của Ấn Độ trong bất kỳ mối liên hệ nào, bạn phải giả định rằng bảy thực thể ấy đi vào tồn tại từ ba thực thể sơ nguyên; và ba thực thể này, đến lượt chúng, lại được tiến hoá ra từ một thực thể đơn nhất hay chân thần. Lấy một ví dụ quen thuộc, bảy tia màu sắc trong tia mặt trời được tiến hoá ra từ ba tia màu sắc sơ nguyên; và ba màu sơ nguyên cùng đồng tồn tại với bốn màu thứ cấp trong tia mặt trời. Tương tự như vậy, ba thực thể sơ nguyên đã đưa con người vào tồn tại cùng đồng tồn tại trong y với bốn thực thể thứ cấp phát sinh từ những sự kết hợp khác nhau của ba thực thể sơ nguyên. Cũng hãy đọc S. D., I, 190, 191. (back)

The difficulty lies in the inability of the finite mind to grasp the significance of this threefold manifestation, *but by thoughtful brooding over the Personality and its relation to the Ego, who is the love aspect and who nevertheless in relation to manifestation in the three worlds is the will aspect likewise*, will come some faint light upon the same problems raised to Deity, or expanded from microcosmic to macrocosmic spheres.

Khó khăn nằm ở chỗ trí tuệ hữu hạn không thể nắm bắt được thâm nghĩa của sự biểu hiện tam phân này, *nhưng bằng sự suy tư sâu sắc về Phàm ngã và mối liên hệ của nó với Chân ngã, vốn là phương diện bác ái và tuy vậy trong liên hệ với sự biểu hiện trong ba cõi thấp cũng đồng thời là phương diện ý chí*, sẽ có chút ánh sáng mờ nhạt soi vào chính những vấn đề ấy khi được nâng lên tới Thượng đế, hay được mở rộng từ các khối cầu tiểu thiên địa sang các khối cầu đại thiên địa.

The Mahadeva aspect or the first Logos (who embodies cosmic will) is controlled by the Law of Synthesis, the cosmic law governing the tendency to unification; only in this case, it is not the unification of matter and Spirit, but the unification of the seven into the three, and into the one. These three figures primarily stand for Spirit, [Page 148] for quality, for principle, and not so primarily for matter, although matter, being inspired by spirit, conforms. The Law of Synthesis has a direct connection with One Who is still higher than our Logos, and is the law of control exercised by Him upon the Logos of our system. This is a spiritual relationship that tends to abstraction or to that synthesis of the spiritual elements that will result in their *conscious* return (the whole point lying in that word "conscious") to their cosmic point of synthesis, or of unification with their source. Their source is the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, as we have earlier seen.

Phương diện Mahadeva hay Thượng đế thứ nhất (Đấng thể hiện ý chí vũ trụ) được kiểm soát bởi Định luật Tổng Hợp, định luật vũ trụ chi phối khuynh hướng hướng tới hợp nhất; chỉ có điều trong trường hợp này, đó không phải là sự hợp nhất của vật chất và tinh thần, mà là sự hợp nhất của bảy vào trong ba, và vào trong một. Ba con số này trước hết tượng trưng cho Tinh thần, [Page 148] cho phẩm tính, cho nguyên khí, chứ không chủ yếu tượng trưng cho vật chất, mặc dù vật chất, vì được tinh thần truyền cảm hứng, vẫn tuân theo. Định luật Tổng Hợp có liên hệ trực tiếp với một Đấng còn cao hơn Thượng đế của chúng ta, và là định luật kiểm soát do Ngài thực thi lên Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta. Đây là một mối liên hệ tinh thần có khuynh hướng đi đến sự trừu xuất, hay đến sự tổng hợp các yếu tố tinh thần mà kết quả sẽ là sự trở về *hữu thức* của chúng (toàn bộ điểm then chốt nằm trong từ "hữu thức" ấy) về điểm tổng hợp vũ trụ của chúng, hay sự hợp nhất với cội nguồn của chúng. Cội nguồn của chúng là ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, như chúng ta đã thấy trước đây.

Therefore, in connection with the first Logos, we can sum up as we did with the other Logoi:

Do đó, liên quan đến Thượng đế thứ nhất, chúng ta có thể tóm lược như đã làm với các Thượng đế khác:

a. His *goal* is the synthesis of the Spirits who are gaining consciousness through manifestation, and who, by means of experience in matter, are gaining in quality.

a. Mục tiêu của Ngài là sự tổng hợp các Tinh thần đang đạt được tâm thức qua sự biểu hiện, và đang nhờ kinh nghiệm trong vật chất mà gia tăng phẩm tính.

b. His *function* is, by means of will, to hold them in manifestation for the desired period, and later to *abstract* them, and blend them again with their spiritual source. Hence the necessity of remembering that fundamentally, the first Logos controls the cosmic entities or extra-systemic beings; the second Logos controls the solar entities; the third Logos controls the lunar entities and their correspondences elsewhere in the system.

b. Chức năng của Ngài là, bằng ý chí, giữ chúng trong sự biểu hiện trong thời kỳ mong muốn, và về sau *trừu xuất* chúng, rồi hòa trộn chúng trở lại với cội nguồn tinh thần của chúng. Vì thế cần nhớ rằng, về căn bản, Thượng đế thứ nhất kiểm soát các thực thể vũ trụ hay các hữu thể ngoài hệ mặt trời; Thượng đế thứ hai kiểm soát các thực thể thái dương; Thượng đế thứ ba kiểm soát các thực thể thái âm và các tương ứng của chúng ở nơi khác trong hệ mặt trời.

This rule must not be carried too far in detail as long as man's mind is of its present calibre. The mystery lies in the realisation that all is carried on in a divine co-operation that has its base outside the system. Hence too the fact that the first Logos is called the Destroyer, because He is abstraction, if viewed from below upwards. His work is the synthesis of Spirit with Spirit, their [Page 149] eventual abstraction from matter, and their unification with their cosmic source. Hence also He is the one who brings about pralaya or the disintegration of form,—the form from which the Spirit has been abstracted.

Không nên đẩy quy luật này đi quá xa vào chi tiết chừng nào trí tuệ con người vẫn còn ở tầm mức hiện nay. Huyền nhiệm nằm trong sự chứng nghiệm rằng mọi sự đều được tiến hành trong một sự hợp tác thiêng liêng có nền tảng ở bên ngoài hệ mặt trời. Vì thế cũng có sự kiện rằng Thượng đế thứ nhất được gọi là Đấng Hủy Diệt, bởi vì Ngài là sự trừu xuất, nếu nhìn từ dưới lên trên. Công việc của Ngài là sự tổng hợp Tinh thần với Tinh thần, sự [Page 149] trừu xuất cuối cùng của chúng ra khỏi vật chất, và sự hợp nhất của chúng với cội nguồn vũ trụ của chúng. Vì thế Ngài cũng là Đấng mang lại giai kỳ qui nguyên hay sự tan rã của hình tướng,—hình tướng mà từ đó Tinh thần đã được trừu xuất.

If we carry the analogy down to the microcosm a glimpse can be gained of the same idea and hence ability to comprehend with greater facility. The Ego (being to the man on the physical plane what the Logos is to His system) is likewise the animating will, the destroyer of forms, the producer of pralaya and the One Who withdraws the inner spiritual man from out of his threefold body; he draws them to himself the centre of

Nếu chúng ta đưa phép loại suy xuống tiểu thiên địa, có thể thoáng thấy cùng một ý tưởng ấy và nhờ đó có khả năng thấu hiểu dễ dàng hơn. Chân ngã (đối với con người trên cõi hồng trần cũng như Thượng đế đối với hệ mặt trời của Ngài) cũng là ý chí làm sinh động, là kẻ hủy diệt các hình tướng, là tác nhân tạo ra giai kỳ qui nguyên và là Đấng rút con người tinh thần bên trong ra khỏi thân thể tam phân của y; chân ngã kéo chúng về

his little system. The Ego is extra-cosmic as far as the human being on the physical plane is concerned, and in the realisation of this fact may come elucidation of the true cosmic problem involving the Logos and "the spirits in prison," as the Christian puts it.

với chính nó, trung tâm của hệ nhỏ bé của nó. Chân ngã là ngoài vũ trụ xét theo con người trên cõi hồng trần, và khi nhận thức rõ sự kiện này có thể xuất hiện sự làm sáng tỏ vấn đề vũ trụ chân thực liên quan đến Thượng đế và "những tinh thần trong ngục tù", như cách người Cơ Đốc giáo nói.

c. His *mode of action* is a driving forward; the will that lies back of evolutionary development is His, and He it is who drives Spirit onward through matter till it eventually emerges from matter, having achieved two things:

c. Phương thức hành động của Ngài là một sự thúc đẩy tiến lên; ý chí nằm phía sau sự phát triển tiến hoá là của Ngài, và chính Ngài thúc đẩy Tinh thần tiến qua vật chất cho đến khi cuối cùng nó xuất hiện ra khỏi vật chất, sau khi đã đạt được hai điều:

First, Added quality to quality, and therefore emerging plus the gained faculty that experience has engendered.

Thứ nhất, cộng thêm phẩm tính vào phẩm tính, và do đó xuất hiện với năng lực đã đạt được mà kinh nghiệm đã tạo ra.

Second, Increased the vibration of matter itself by means of its own energy, so that matter at the moment of pralaya and obscuration will have two main characteristics,—activity, the result of the Law of Economy, and a dual magnetism which will be the result of the Law of Attraction.

Thứ hai, làm tăng rung động của chính vật chất bằng năng lượng riêng của nó, để cho vật chất vào lúc giai kỳ qui nguyên và sự che khuất sẽ có hai đặc tính chính,—hoạt động, là kết quả của Định luật Tiết Kiệm, và một từ điện nhị nguyên sẽ là kết quả của Định luật Hấp Dẫn.

All of these three concepts are governed by the Law of Synthesis, which is the law of a coherent will-to-be, persisting [Page 150] not only in time and space, but within a still vaster cycle.

Tất cả ba khái niệm này đều được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp, là định luật của một ý chí hiện hữu nhất quán, tồn tại bền bỉ [Page 150] không chỉ trong thời gian và không gian, mà còn trong một chu kỳ còn rộng lớn hơn nữa.

These preliminary statements have been laid down in an endeavour to show the synthesis of the whole. In the use of words comes limitation, and a clouding of the idea; words literally veil or hide thoughts, detract from their clarity, and confuse them by expression. The work of the second and third Logoi (being the production of the objectivity of the essential Spirit) is more

Những phát biểu sơ bộ này đã được nêu ra nhằm cố gắng chỉ ra sự tổng hợp của toàn thể. Trong việc dùng ngôn từ có sự giới hạn, và có sự làm mờ ý tưởng; ngôn từ theo nghĩa đen che phủ hay giấu kín tư tưởng, làm giảm sự sáng tỏ của chúng, và làm chúng rối lên qua sự diễn đạt. Công việc của Thượng đế thứ hai và thứ ba (là tạo ra tính khách quan của Tinh thần cốt yếu) dễ nắm bắt trong đại

easy to grasp in broad outline than the more esoteric work of the first Logos, which is that of the animating will.

cương hơn là công việc huyền bí hơn của Thượng đế thứ nhất, vốn là công việc của ý chí làm sinh động.

In terms of *fire* another angle of expression may perhaps elucidate.

Xét theo thuật ngữ của *lửa*, một góc độ diễn đạt khác có lẽ sẽ làm sáng tỏ hơn.

The *third Logos* is fire in matter. He burns by friction, and gains speed and added vibration by the rotation of the spheres, their interplay thus producing friction with each other.

Thượng đế thứ ba là lửa trong vật chất. Ngài bốc cháy bằng ma sát, và đạt được tốc độ cùng rung động gia tăng nhờ sự quay của các khối cầu, sự tương tác của chúng do đó tạo ra ma sát với nhau.

The *second Logos* is solar fire. He is the fire of matter and the electric fire of Spirit blended, producing, in time and space, that fire which we call solar. He is the quality of the flame, or the essential flame, produced by this merging. A correspondence to this may be seen in the radiatory fire of matter, and in the emanation, for instance, from the central sun, from a planet, or from a human being,—which latter emanation we call magnetism. A man's emanation, or characteristic vibration, is the result of the blending of Spirit and matter, and the relative adequacy of the matter, or the form, to the life within. The objective solar system, or the sun in manifestation, is the result of the blending of Spirit (electric fire) with matter (fire by friction), and the emanations of the Son, in time and space, are dependent upon the adequacy of the matter, and of the form to the life within.

Thượng đế thứ hai là Lửa Thái dương. Ngài là lửa của vật chất và Lửa Điện của Tinh thần hòa trộn, tạo ra, trong thời gian và không gian, ngọn lửa mà chúng ta gọi là thái dương. Ngài là phẩm tính của ngọn lửa, hay ngọn lửa cốt yếu, được tạo ra bởi sự hòa nhập này. Một tương ứng của điều này có thể thấy trong lửa bức xạ của vật chất, và trong sự phát xạ, chẳng hạn, từ mặt trời trung tâm, từ một hành tinh, hay từ một con người,—mà sự phát xạ sau cùng này chúng ta gọi là từ điện. Sự phát xạ của một người, hay rung động đặc trưng của y, là kết quả của sự hòa trộn giữa Tinh thần và vật chất, và của mức độ tương đối thích đáng của vật chất, hay của hình tướng, đối với sự sống bên trong. Hệ mặt trời khách quan, hay mặt trời trong sự biểu hiện, là kết quả của sự hòa trộn giữa Tinh thần (Lửa Điện) với vật chất (Lửa ma sát), và các phát xạ của Con, trong thời gian và không gian, tùy thuộc vào mức độ thích đáng của vật chất, và của hình tướng đối với sự sống bên trong.

The *first Logos is electric fire,* the fire of pure Spirit. Yet in manifestation He is the Son, for by union with matter (the mother) the Son is produced by Whom He is [Page 151] known. "I and my Father are One" *(Bible. John, 10:30)* is the most occult statement in the Christian Bible, for it not only refers to

Thượng đế thứ nhất là Lửa Điện, lửa của Tinh thần thuần túy. Tuy nhiên trong sự biểu hiện Ngài là Con, vì nhờ sự kết hợp với vật chất (người mẹ), Con được sinh ra, nhờ Đấng ấy mà Ngài được [Page 151] biết đến. "Ta và Cha Ta là Một" *(Bible. John, 10:30)* là phát biểu huyền bí nhất trong Kinh Thánh Cơ

the union of a man with his source, the monad, via the ego, but to the union of all life with its source, the will aspect, the first Logos.

Đốc, vì nó không chỉ nói đến sự hợp nhất của một con người với cội nguồn của mình, chân thần, qua chân ngã, mà còn nói đến sự hợp nhất của mọi sự sống với cội nguồn của nó, phương diện ý chí, Thượng đế thứ nhất.

We will now endeavor to confine ourselves strictly to the subject of fire in matter, and its active effect upon the sheaths of which it is the animating factor, and upon the centers which come primarily under its control.

Giờ đây chúng ta sẽ cố gắng giới hạn mình một cách nghiêm ngặt vào chủ đề lửa trong vật chất, và tác động thúc đẩy hoạt động của nó lên các vỏ bọc mà nó là nhân tố làm sinh động, cũng như lên các trung tâm chủ yếu nằm dưới sự kiểm soát của nó.

As we have been told, and as is generally recognised, the effect of heat in matter is to produce that activity which we call rotary, or the revolution of the spheres. Some of the ancient books, and among them a few that are not yet accessible in the occident, have taught that the entire vault of heaven is a vast sphere, revolving slowly like a stupendous wheel, and carrying with it, in its revolution, the entire number of constellations and of universes contained within it. This is a statement unverifiable by the finite mind of man at his present stage, and with his present scientific accessories, but (like all occult statements) it contains within it the seed of thought, the germ of truths, and the clue to the mystery of the universe. Suffice it here to say, that the rotation of the spheres within the solar periphery is a recognized occult fact, and indications are available to prove that science itself likewise formulates the hypothesis that the solar ring-pass-not similarly rotates in its appointed place among the constellations. But at this juncture we will not deal with this angle of the subject, but will study the rotary action of the spheres of the system, and of its content—all the lesser spheres of every degree—remembering ever to keep the distinction clearly in mind that we are

Như chúng ta đã được bảo, và như thường được thừa nhận, tác động của nhiệt trong vật chất là tạo ra hoạt động mà chúng ta gọi là quay tròn, hay sự xoay chuyển của các khối cầu. Một số sách cổ, và trong số đó có vài sách vẫn chưa thể tiếp cận được ở phương Tây, đã dạy rằng toàn bộ vòm trời là một khối cầu bao la, quay chậm như một bánh xe khổng lồ, và mang theo trong vòng quay của nó toàn bộ số chòm sao và vũ trụ chứa bên trong nó. Đây là một phát biểu mà trí tuệ hữu hạn của con người ở giai đoạn hiện nay, với các phương tiện khoa học hiện có, không thể kiểm chứng được, nhưng (giống như mọi phát biểu huyền bí) nó chứa trong nó hạt giống của tư tưởng, mầm mống của chân lý, và đầu mối dẫn đến huyền nhiệm của vũ trụ. Ở đây chỉ cần nói rằng sự quay của các khối cầu bên trong chu vi thái dương là một sự kiện huyền bí đã được công nhận, và có những chỉ dấu sẵn có để chứng minh rằng chính khoa học cũng xây dựng giả thuyết rằng vòng-giới-hạn thái dương cũng quay tương tự trong vị trí đã định của nó giữa các chòm sao. Nhưng vào lúc này chúng ta sẽ không bàn đến góc độ ấy của chủ đề, mà sẽ nghiên cứu hoạt động quay tròn của các khối cầu của hệ mặt trời, và của nội dung của nó—mọi khối cầu nhỏ hơn ở mọi cấp độ—luôn luôn nhớ giữ rõ trong tâm trí sự phân biệt rằng hiện nay chúng ta chỉ đang

dealing now simply with the inherent characteristic of matter itself, and not with matter in co-operation with [Page 152] its opposite, Spirit, which co-operation brings about spiral-cyclic movement.

đề cập đến đặc tính cố hữu của chính vật chất, chứ không phải vật chất trong sự hợp tác với [Page 152] đối cực của nó là Tinh thần, mà sự hợp tác ấy tạo ra chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

II. THE EFFECTS OF ROTARY MOTION — II. CÁC TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỘNG QUAY TRÒN

Every sphere in the body macrocosmic rotates. This rotation produces certain effects, which effects might be enumerated as follows:

Mọi khối cầu trong thân thể đại thiên địa đều quay. Sự quay này tạo ra những tác động nhất định, và các tác động ấy có thể được liệt kê như sau:

1. *Separation* is produced by rotary movement. By means of this action, all the spheres became differentiated, and form, as we know, the following atomic units:

1. *Chuyển động quay tròn* tạo ra sự phân ly. Nhờ hoạt động này, mọi khối cầu trở nên biến phân, và tạo thành, như chúng ta biết, các đơn vị nguyên tử sau đây:

a. The solar system, recognised as a cosmic atom, all the so-called atoms within its periphery being regarded as molecular.

a. Hệ mặt trời, được công nhận như một nguyên tử vũ trụ, mọi cái gọi là nguyên tử bên trong chu vi của nó đều được xem là phân tử.

b. The seven planes, regarded as seven vast spheres, rotating *latitudinally* within the solar periphery.

b. Bảy cõi, được xem như bảy khối cầu bao la, quay *theo vĩ độ* bên trong chu vi thái dương.

c. The seven rays, regarded as the seven veiling forms of the Spirits, themselves spheroidal bands of colour, rotating *longitudinally*, and forming (in connection with the seven planes) a vast interlacing network. These two sets of spheres (planes and rays) form the totality of the solar system, and produce its form spheroidal.

c. Bảy cung, được xem như bảy hình tướng che phủ của các Tinh thần, bản thân chúng là những dải màu hình cầu, quay *theo kinh độ*, và tạo thành (liên hệ với bảy cõi) một mạng lưới đan xen bao la. Hai tập hợp khối cầu này (các cõi và các cung) tạo thành toàn thể của hệ mặt trời, và tạo ra hình thể cầu của nó.

Let us withdraw our thought at this juncture from the informing Consciousnesses of these three types of spheres, and concentrate our attention upon the realisation that each plane is a vast sphere of matter, actuated by latent heat and progressing or rotating in one particular

Vào lúc này, hãy rút tư tưởng của chúng ta ra khỏi các Tâm thức phú linh của ba loại khối cầu này, và tập trung sự chú ý vào việc nhận thức rõ rằng mỗi cõi là một khối cầu vật chất bao la, được thúc động bởi nhiệt tiềm ẩn và đang tiến triển hay quay theo một hướng xác định. Mỗi tia sáng, bất kể màu gì, cũng là

direction. Each ray of light, no matter of what colour, is likewise a sphere of matter of the utmost tenuity, rotating in a direction opposite to that of the planes. These rays produce by their mutual interaction a radiatory effect upon each other. Thus by the approximation of the latent heat in matter, and the interplay of that heat upon other spheres that totality is produced which we call "fire by friction."

một khối cầu vật chất cực kỳ thanh nhẹ, quay theo hướng ngược lại với các cõi. Các tia này tạo ra, nhờ sự tương tác lẫn nhau, một hiệu quả bức xạ lên nhau. Như vậy, nhờ sự tiếp cận của nhiệt tiềm ẩn trong vật chất, và sự tương tác của nhiệt ấy lên các khối cầu khác, mà toàn thể ấy được tạo ra, cái mà chúng ta gọi là "Lửa ma sát."

[Page 153] In connection with these two types of spheres we might, by way of illustration and for the sake of clarity, say that:

[Page 153] Liên quan đến hai loại khối cầu này, chúng ta có thể, để minh họa và cho rõ ràng, nói rằng:

a. The planes rotate from east to west.

a. Các cõi quay từ đông sang tây.

b. The rays rotate from north to south.

b. Các cung quay từ bắc xuống nam.

Students should here bear carefully in mind that we are not referring here to points in space; we are simply making this distinction and employing words in order to make an abstruse idea more comprehensible. From the point of view of the totality of the rays and planes there is no north, south, east nor west. But at this point comes a correspondence and a point of real interest, though also of complexity. By means of this very interaction, the work of the four Maharajahs or Lords of Karma, is made possible; the quaternary and all sumtotals of four can be seen as one of the basic combinations of matter, produced by the dual revolutions of planes and rays.

Ở đây các đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ rằng chúng ta không nói đến các điểm trong không gian; chúng ta chỉ đơn giản tạo ra sự phân biệt này và dùng ngôn từ để làm cho một ý tưởng khó hiểu trở nên dễ hiểu hơn. Xét từ quan điểm của toàn thể các cung và các cõi thì không có bắc, nam, đông hay tây. Nhưng tại điểm này xuất hiện một tương ứng và một điểm thật sự đáng quan tâm, dù cũng phức tạp. Chính nhờ sự tương tác này mà công việc của bốn Maharajah hay các Chúa Tể Nghiệp Quả trở nên khả hữu; bộ bốn và mọi tổng thể của bốn có thể được thấy như một trong những tổ hợp căn bản của vật chất, được tạo ra bởi các vòng quay nhị nguyên của các cõi và các cung.

The seven planes, likewise atoms, rotate on their own axis, and conform to that which is required of all atomic lives.

Bảy cõi, cũng là các nguyên tử, quay trên trục riêng của chúng, và tuân theo điều được đòi hỏi nơi mọi sự sống nguyên tử.

The seven spheres of any one plane, which we call subplanes, equally correspond to the

Bảy khối cầu của bất kỳ một cõi nào, mà chúng ta gọi là các cõi phụ, cũng tương ứng

system; each has its seven revolving wheels or planes that rotate through their own innate ability, due to latent heat—the heat of the matter of which they are formed.

với hệ mặt trời; mỗi khối cầu có bảy bánh xe hay cõi quay của nó, quay nhờ năng lực vốn có riêng, do nhiệt tiềm ẩn—nhiệt của vật chất mà chúng được tạo thành.

The spheres or atoms of any form whatsoever, from the form logoic, which we have somewhat dealt with, down to the ultimate physical atom and the molecular matter that goes to the construction of the physical body, show similar correspondences and analogies.

Các khối cầu hay nguyên tử của bất kỳ hình tướng nào, từ hình tướng của Thượng đế mà chúng ta đã phần nào bàn đến, xuống đến nguyên tử hồng trần tối hậu và vật chất phân tử dùng để cấu tạo thể xác, đều cho thấy những tương ứng và loại suy tương tự.

All these spheres conform to certain rules, fulfil certain conditions and are characterised by the same fundamental qualifications. Later we will consider these conditions, [Page 154] but must now continue with the effect of rotary action.

Tất cả các khối cầu này đều tuân theo những quy luật nhất định, đáp ứng những điều kiện nhất định và được đặc trưng bởi cùng những phẩm tính căn bản. Sau này chúng ta sẽ xem xét các điều kiện ấy, [Page 154] nhưng giờ đây phải tiếp tục với tác động của hoạt động quay tròn.

2. *Momentum*, resulting therefore in repulsion, was produced by the rotary movement. We have referred to the Law of Repulsion as one of the subsidiary branches of the great Law of Economy, which governs matter. Repulsion is brought about by rotary action, and is the basis of that separation which prevents the contact of any atom with any other atom, which keeps the planets at fixed points in space and separated stably from each other; which keeps them at a certain distance from their systemic centre, and which likewise keeps the planes and subplanes from losing their material identity. Here we can see the beginning of that age-long duel between Spirit and matter, which is characteristic of manifestation, one aspect working under the Law of Attraction, and the other governed by the Law of Repulsion. From aeon to aeon the conflict goes on, with matter becoming less potent. Gradually (so gradually as to seem negated when viewed

2. *Chuyển động quay tròn tạo ra động lượng*, do đó dẫn đến sự đẩy lùi. Chúng ta đã đề cập đến Định luật Đẩy Lùi như một trong những nhánh phụ của Định luật Tiết Kiệm vĩ đại, định luật chi phối vật chất. Hoạt động quay tròn tạo ra sự đẩy lùi, và là nền tảng của sự phân ly ngăn cản sự tiếp xúc của bất kỳ nguyên tử nào với bất kỳ nguyên tử nào khác, giữ các hành tinh ở những điểm cố định trong không gian và ổn định tách biệt với nhau; giữ chúng ở một khoảng cách nhất định với trung tâm hệ mặt trời của chúng, và cũng giữ cho các cõi và cõi phụ không đánh mất bản sắc vật chất của chúng. Ở đây chúng ta có thể thấy khởi đầu của cuộc đấu tranh lâu dài giữa Tinh thần và vật chất, vốn là đặc trưng của sự biểu hiện, một phương diện hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn, còn phương diện kia được chi phối bởi Định luật Đẩy Lùi. Từ kỷ nguyên này sang kỷ nguyên khác, cuộc xung đột vẫn tiếp diễn, với vật chất ngày càng kém mạnh hơn. Dần dần (chậm đến mức dường như không diễn ra

from the physical plane) the attractive power of Spirit is weakening the resistance of matter till, at the close of the greater solar cycles, destruction (as it is called) will ensue, and the Law of Repulsion be overcome by the Law of Attraction. It is a destruction of form and not of matter itself, for matter is indestructible. This can be seen even now in the microcosmic life, and is the cause of the disintegration of form, which holds itself as a separated unit by the very method of repulsing all other forms. It can be seen working out gradually and inappreciably in connection with the Moon, which no longer is repulsive to the earth, and is giving of her very substance to this planet. H. P. B. hints at this in *The Secret Doctrine*, and I have here suggested the law under which this is so. *(S. D., I, 179.)* (70)

khi nhìn từ cõi hồng trần) quyền năng hấp dẫn của Tinh thần đang làm suy yếu sức kháng cự của vật chất cho đến khi, vào lúc kết thúc các chu kỳ thái dương lớn hơn, sự hủy diệt (như cách gọi) sẽ xảy ra, và Định luật Đẩy Lùi bị Định luật Hấp Dẫn vượt thắng. Đó là sự hủy diệt hình tướng chứ không phải của chính vật chất, vì vật chất là bất khả hủy. Điều này có thể thấy ngay cả bây giờ trong sự sống tiểu thiên địa, và là nguyên nhân của sự tan rã của hình tướng, vốn tự giữ mình như một đơn vị tách biệt bằng chính phương pháp đẩy lùi mọi hình tướng khác. Có thể thấy điều này đang diễn ra dần dần và không dễ nhận ra liên quan đến Mặt Trăng, vốn không còn đẩy lùi Trái Đất nữa, và đang trao chính chất liệu của nó cho hành tinh này. H. P. B. gợi ý điều này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, và ở đây tôi đã nêu ra định luật chi phối điều đó. *(S. D., I, 179.)* (70)

(70) "The moon (our satellite) pouring forth into the lowest globe of our planetary chain (Globe D. "Earth"), all its energy and powers; and having transferred them to a new centre, becoming virtually a dead planet in which, since the birth of our globe, rotation has ceased."—S. D., I, 179. (back)

(70) "Mặt trăng (vệ tinh của chúng ta) tuôn đổ vào bầu hành tinh thấp nhất của dãy hành tinh chúng ta (Bầu D. "Trái Đất"), toàn bộ năng lượng và quyền năng của nó; và sau khi đã chuyển chúng sang một trung tâm mới, trên thực tế trở thành một hành tinh chết mà trong đó, kể từ khi bầu hành tinh của chúng ta ra đời, sự quay đã chấm dứt."—S. D., I, 179. (back)

[Page 155] 3. *Frictional* effect on all other bodies atomic, producing:

[Page 155] 3. *Tác động ma sát* lên mọi vật thể nguyên tử khác, tạo ra:

a. Vitality of the atom,

a. Sinh lực của nguyên tử,

b. Coherence of the atom,

b. Sự kết dính của nguyên tử,

c. Ability to function.

c. Khả năng hoạt động.

d. Heat supplied to the composite form of which it may form a fragmentary part, whether it is the heat supplied by the

d. Nhiệt được cung cấp cho hình tướng hợp thành mà nó có thể là một phần tử cấu thành, dù đó là nhiệt được cung cấp bởi sự

rotation of a planet within the form macrocosmic, or the rotation of a cell in the physical body within the form microcosmic.

quay của một hành tinh trong hình tướng đại thiên địa, hay sự quay của một tế bào trong thể xác bên trong hình tướng tiểu thiên địa.

e. Final combustion or disintegration, when the fires latent and radiatory have achieved a specific stage. This is the secret of final obscuration and of pralaya, but cannot be dissociated from the two other factors of solar and electric fire.

e. Sự bốc cháy cuối cùng hay tan rã, khi các ngọn lửa tiềm ẩn và bức xạ đã đạt đến một giai đoạn nhất định. Đây là bí mật của sự che khuất cuối cùng và của giai kỳ qui nguyên, nhưng không thể tách rời khỏi hai yếu tố kia là Lửa Thái dương và Lửa Điện.

4. *Absorption*, through that expression which is seen in all whirling spheres of atomic matter at whichever surface in the sphere corresponds to the point called in a planet the North Pole. Some idea of the intention that I seek to convey may be grasped by a study of the atom as portrayed in Babbitt's *"Principles of Light and Colour,"* and later in Mrs. Besant's *"Occult Chemistry."* This depression is produced by radiations which proceed counter to the rotations of the sphere and pass down from the north southwards to a midway point. From there they tend to increase the latent heat, to produce added momentum and to give specific quality according to the source from which the radiation comes. This absorption of extra-spheroidal emanation is the secret of the dependence of one sphere upon another, and has its correspondence in the cycling of a ray through any plane sphere. Every atom, though termed spheroidal, is more accurately a sphere slightly depressed at one location, [Page 156] that location being the place through which flows the force which animates the matter of the sphere. This is true of all spheres, from the solar down to the atom of matter that we call the cell in the body physical. Through the depression in the physical atom flows the vitalising force from without. Every atom is both positive and negative; it is

4. *Sự hấp thụ*, thông qua biểu hiện được thấy trong mọi khối cầu xoáy của vật chất nguyên tử tại bất cứ bề mặt nào trong khối cầu tương ứng với điểm được gọi trên một hành tinh là Cực Bắc. Có thể nắm được phần nào ý định mà tôi muốn truyền đạt bằng cách nghiên cứu nguyên tử như được mô tả trong tác phẩm *"Principles of Light and Colour,"* của Babbitt, và sau đó trong *"Occult Chemistry."* của bà Besant. Chỗ lõm này được tạo ra bởi các bức xạ đi ngược chiều quay của khối cầu và đi xuống từ phía bắc về phía nam đến một điểm ở giữa. Từ đó chúng có khuynh hướng làm tăng nhiệt tiềm ẩn, tạo ra thêm động lượng và ban cho phẩm tính đặc thù tùy theo nguồn mà bức xạ phát ra. Sự hấp thụ phát xạ ngoài khối cầu này là bí mật của sự phụ thuộc của khối cầu này vào khối cầu khác, và có tương ứng của nó trong sự tuần hoàn của một cung qua bất kỳ khối cầu cõi nào. Mọi nguyên tử, dù được gọi là hình cầu, chính xác hơn là một khối cầu hơi lõm tại một vị trí, [Page 156] vị trí ấy là nơi mà qua đó mãnh lực làm sinh động vật chất của khối cầu chảy vào. Điều này đúng với mọi khối cầu, từ khối cầu thái dương xuống đến nguyên tử vật chất mà chúng ta gọi là tế bào trong thể xác. Qua chỗ lõm trong nguyên tử hồng trần chảy vào mãnh lực tiếp sinh lực từ bên ngoài. Mọi nguyên tử vừa là dương vừa là âm; nó tiếp nhận hay âm xét theo mãnh lực chảy vào, và dương hay bức xạ xét theo

receptive or negative where the inflowing force is concerned, and positive or radiatory where its own emanations are concerned, and in connection with its effect upon its environment.

các phát xạ riêng của nó, cũng như liên quan đến tác động của nó lên môi trường xung quanh.

This can be predicated likewise of the entire ring-pass-not of the solar system in relation to its cosmic environment. Force flows into the solar system from three directions via three channels:

Điều này cũng có thể được khẳng định đối với toàn bộ vòng-giới-hạn của hệ mặt trời trong liên hệ với môi trường vũ trụ của nó. Mãnh lực chảy vào hệ mặt trời từ ba hướng qua ba kênh:

a. The sun Sirius,

a. Sao Thiên Lang,

b. The Pleiades,

b. Thất Tinh,

c. The Great Bear.

c. Đại Hùng Tinh.

I would here point out the connection or correspondence in this statement to an earlier one made when speaking of solar radiation, and the channels through which it can be felt. These currents or radiations we call

Ở đây tôi muốn chỉ ra mối liên hệ hay tương ứng trong phát biểu này với một phát biểu trước đó khi nói về bức xạ thái dương, và các kênh mà qua đó nó có thể được cảm nhận. Những dòng hay bức xạ này chúng ta gọi là

a. Akashic.

a. Akashic.

b. Electrical.

b. Điện.

c. Pranic.

c. Prana.

In considering the occult meaning of what is here suggested, one point in elucidation may be imparted, leaving the working out of the other two relationships to the student. The Pleiades are to the solar system, the source of electrical energy, and just as our sun is the embodiment of the heart, or love aspect, of the Logos (Who is Himself the heart of ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID) so the Pleiades are the feminine opposite of

Khi xem xét ý nghĩa huyền bí của điều được gợi ra ở đây, có thể truyền đạt một điểm để làm sáng tỏ, còn việc khai triển hai mối liên hệ kia xin để lại cho đạo sinh. Pleiades đối với hệ mặt trời là nguồn năng lượng điện, và cũng như mặt trời của chúng ta là hiện thân của phương diện tim, hay phương diện bác ái, của Thượng đế (Đấng mà chính Ngài là tim của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ) thì Pleiades là đối cực nữ tính của Brahma. Hãy

Brahma. Think this out, for much is contained in this statement.

suy ngẫm điều này, vì có rất nhiều điều được hàm chứa trong phát biểu ấy.

Certain broad statements have been laid down here concerning the rotation of matter, and the results produced [Page 157] in diverse spheres by that rotation. What is predicated of any one sphere or atom can be predicated of all, if it is in any way an occult statement of fact and we should be able to work out these four effects:

Ở đây đã nêu ra một số khẳng định khái quát liên quan đến sự quay của vật chất, và các kết quả được tạo ra [Page 157] trong những khối cầu khác nhau bởi sự quay đó. Điều được khẳng định về bất kỳ khối cầu hay nguyên tử nào cũng có thể được khẳng định về tất cả, nếu đó theo bất kỳ cách nào là một phát biểu huyền bí về sự kiện, và chúng ta phải có thể khai triển bốn hiệu quả này:

1. Separation, or the repulsive effect,

1. Sự tách rời, hay hiệu quả đẩy lùi,

2. Momentum, or the interior effect,

2. Động lượng, hay hiệu quả nội tại,

3. Frictional, environal effect,

3. Hiệu quả ma sát đối với môi trường chung quanh,

4. Absorption, the receptive or attractive effect,

4. Sự hấp thu, hiệu quả tiếp nhận hay thu hút,

in every grade and type of atom,—a solar system, a sun, a planet, a plane, a ray, the body of the Ego, or a cell in the physical body.

trong mọi cấp độ và loại nguyên tử,—một hệ mặt trời, một mặt trời, một hành tinh, một cõi, một cung, thân thể của chân ngã, hay một tế bào trong thể xác.

III. THE QUALITIES OF ROTARY MOTION — III. CÁC PHẨM TÍNH CỦA CHUYỂN ĐỘNG QUAY

Every rotating sphere of matter is characterised by the three qualities, of inertia, mobility and rhythm.

Mọi khối cầu vật chất đang quay đều được đặc trưng bởi ba phẩm tính: quán tính, tính động và nhịp điệu.

1. *Inertia.* This characterises every atom at the dawn of manifestation, at the beginning of a solar cycle or mahamanvantara (or one hundred years of Brahma), at the commencement of a chain, of a globe, or of any spheroidal form whatsoever without exception. This statement, therefore,

1. *Quán tính.* Điều này đặc trưng cho mọi nguyên tử vào buổi bình minh của biểu hiện, vào lúc khởi đầu một chu kỳ hệ mặt trời hay một Đại giai kỳ sinh hóa (hay một trăm năm của Brahma), vào lúc bắt đầu một Dãy, một bầu hành tinh, hay bất kỳ hình tướng dạng cầu nào mà không có ngoại lệ. Vì vậy, phát

includes the totality of manifesting forms within the solar system.

Let us keep clearly in our minds that we are simply considering the three qualities of matter itself and are not considering consciousness. Inertia is the result of lack of activity and the relative quiescence of the fires of matter. These fires, during obscuration or Pralaya, though latent, are free from the stimulation that comes from the aggregation of atoms into form, and the consequent interplay of the forms upon each other. Where form exists and the Laws of Repulsion and Attraction are coming into force, making radiation therefore possible, then comes stimulation, emanative effect, and a gradual speeding up which eventually, from within the atom itself, by its own rotary movement produces the next quality. [Page 158]

2. *Mobility.* The inherent fires of matter produce rotary movement. Eventually this rotation results in radiation. The radiation of matter, the result of its dual heat, produces necessarily an effect upon other atoms in its environment (it matters not whether that environment is cosmic space, systemic space, or the periphery of the physical body of a man), and this interaction and interplay causes repulsion and attraction according to the polarity of the cosmic, systemic or physical atom. Eventually this produces coherence of form; bodies, or aggregates of atoms come into being or manifestation, and persist for the length of their greater or lesser cycles until the third quality is brought into definite recognition.

3. *Rhythm*, or the attainment of the point of perfect balance and of equilibrium. This point of perfect balance then produces

biểu này bao gồm toàn thể các hình tướng đang biểu hiện trong hệ mặt trời.

Chúng ta hãy ghi nhớ thật rõ rằng chúng ta chỉ đang xem xét ba phẩm tính của chính vật chất, chứ không xem xét tâm thức. Quán tính là kết quả của sự thiếu hoạt động và sự tĩnh tại tương đối của các lửa của vật chất. Các lửa này, trong thời kỳ che khuất hay Giai kỳ qui nguyên, tuy tiềm ẩn, nhưng không chịu sự kích thích phát sinh từ sự kết tụ các nguyên tử thành hình tướng, và từ sự tương tác hệ quả của các hình tướng lên nhau. Ở đâu có hình tướng tồn tại và các Định luật Đẩy Lùi cùng Hấp Dẫn bắt đầu có hiệu lực, nhờ đó làm cho sự bức xạ trở nên khả hữu, thì ở đó xuất hiện sự kích thích, hiệu quả phát xạ, và một sự gia tốc dần dần mà cuối cùng, từ bên trong chính nguyên tử, bằng chuyển động quay của nó, tạo ra phẩm tính kế tiếp. [Page 158]

2. *Tính động.* Các lửa cố hữu của vật chất tạo ra chuyển động quay. Cuối cùng sự quay này dẫn đến bức xạ. Sự bức xạ của vật chất, là kết quả của nhiệt song đôi của nó, tất yếu tạo ra một hiệu quả lên các nguyên tử khác trong môi trường chung quanh nó (môi trường ấy là không gian vũ trụ, không gian hệ mặt trời, hay chu vi của thể xác của một con người cũng không thành vấn đề), và sự tương tác cùng tác động qua lại này gây ra sự đẩy lùi và thu hút tùy theo sự phân cực của nguyên tử vũ trụ, hệ mặt trời hay hồng trần. Cuối cùng điều này tạo ra sự kết dính của hình tướng; các vật thể, hay các tập hợp nguyên tử, đi vào hiện hữu hay biểu hiện, và tồn tại suốt độ dài của các chu kỳ lớn hay nhỏ của chúng cho đến khi phẩm tính thứ ba được nhận biết một cách rõ rệt.

3. *Nhịp điệu*, hay sự đạt đến điểm quân bình hoàn hảo và thế cân bằng. Điểm quân bình hoàn hảo này sau đó tạo ra một số hiệu quả

certain specific effects which might be enumerated and pondered upon, even if to our finite minds they may seem paradoxical and contradictory.

đặc thù có thể được liệt kê và suy ngẫm, dù đối với trí tuệ hữu hạn của chúng ta chúng có thể dường như nghịch lý và mâu thuẫn.

The limitation lies with us and with the use of words, and not in any real inaccuracy. These effects are:

Sự giới hạn nằm ở chúng ta và ở việc sử dụng ngôn từ, chứ không phải ở bất kỳ sự thiếu chính xác thực sự nào. Các hiệu quả ấy là:

a. The disintegration of form,

a. Sự tan rã của hình tướng,

b. The liberation of the essence which the form confines,

b. Sự giải thoát tinh chất mà hình tướng giam giữ,

c. The separations of Spirit and matter,

c. Sự phân ly của tinh thần và vật chất,

d. The end of a cycle, whether planetary, human or solar,

d. Sự chấm dứt của một chu kỳ, dù là hành tinh, con người hay hệ mặt trời,

e. The production of obscuration, and the end of objectivity or manifestation,

e. Sự tạo ra tình trạng che khuất, và sự chấm dứt của tính khách quan hay biểu hiện,

f. The reabsorption of the essence, and the merging again of differentiated matter with the root of matter,

f. Sự tái hấp thu tinh chất, và sự hòa nhập trở lại của vật chất đã biến phân với cội nguồn của vật chất,

g. The end of time and space as we understand it,

g. Sự chấm dứt của thời gian và không gian như chúng ta hiểu,

h. The unification of the three Fires and the bringing about of spontaneous combustion, if one might so express it, [Page 159]

h. Sự hợp nhất của ba Lửa và việc tạo ra sự tự bốc cháy, nếu có thể diễn tả như vậy, [Page 159]

i. The synthetic activity of matter in the three types of movement,—rotary, spiralling-cyclic and onward progression,—which unified movement will be produced by the interaction of the fires of matter, of mind and of Spirit upon each other.

i. Hoạt động tổng hợp của vật chất trong ba loại chuyển động,—quay, xoắn ốc-chu kỳ và tiến triển về phía trước,—mà chuyển động hợp nhất ấy sẽ được tạo ra bởi sự tương tác của các lửa của vật chất, của trí tuệ và của tinh thần lên nhau.

When the point of rhythm or balance is reached in a solar system, in a plane, in a ray,

Khi điểm nhịp điệu hay quân bình được đạt tới trong một hệ mặt trời, trong một cõi,

in a causal body, and in the physical body, then the occupier of the form is loosed from prison; he can withdraw to his originating source, and is liberated from the sheath which has hitherto acted as a prison; and he can escape from an environment which he has utilised for the gaining of experience and as a battle ground between the pairs of opposites. The sheath or form of whatever kind then automatically disintegrates.

trong một cung, trong một thể nguyên nhân, và trong thể xác, thì kẻ cư ngụ trong hình tướng được tháo khỏi ngục tù; y có thể rút lui về nguồn gốc phát sinh của mình, và được giải thoát khỏi lớp vỏ bấy lâu nay đã hoạt động như một nhà tù; và y có thể thoát khỏi một môi trường mà y đã sử dụng để thu nhận kinh nghiệm và như một chiến trường giữa các cặp đối nghịch. Khi đó lớp vỏ hay hình tướng thuộc bất kỳ loại nào cũng tự động tan rã.

IV. ROTARY MOTION AND SYMBOLISM — IV. CHUYỂN ĐỘNG QUAY VÀ BIỂU TƯỢNG HỌC

Every rotating sphere of matter can be pictured by using the same general cosmic symbols as are used for the portrayal of evolution.

Mọi khối cầu vật chất đang quay đều có thể được hình dung bằng cách dùng cùng những biểu tượng vũ trụ tổng quát như được dùng để mô tả tiến hoá.

1. *The circle.* This stands for the ring-pass-not of undifferentiated matter. It stands for a solar system or the body logoic, viewed etherically; it stands for a planet or the body of a Heavenly Man viewed etherically; it stands for a human body, viewed likewise, etherically and it stands for them all at the prime or earliest epoch of manifestation. It stands finally for a single cell within the human vehicle, and for the atom of the chemist or physicist.

1. *Hình tròn.* Điều này tượng trưng cho vòng-giới-hạn của vật chất chưa biến phân. Nó tượng trưng cho một hệ mặt trời hay thân thể của Thượng đế, được nhìn theo phương diện dĩ thái; nó tượng trưng cho một hành tinh hay thân thể của một Đấng Thiên Nhân được nhìn theo phương diện dĩ thái; nó tượng trưng cho một thân thể con người, cũng được nhìn theo phương diện dĩ thái, và nó tượng trưng cho tất cả những điều ấy ở thời kỳ nguyên sơ hay sớm nhất của biểu hiện. Cuối cùng nó tượng trưng cho một tế bào đơn lẻ trong hiện thể con người, và cho nguyên tử của nhà hóa học hay nhà vật lý học.

2. *The circle with the point in the centre.* This signifies the production of heat in the heart of matter; the point of fire, the moment of the first rotary activity, the first straining of the atom, motivated by latent heat, into the sphere of influence of another atom. This produced the first radiation, the first pull of attraction, and the [Page 160] consequent

2. *Hình tròn với điểm ở trung tâm.* Điều này biểu thị sự sản sinh nhiệt trong tim của vật chất; điểm lửa, khoảnh khắc của hoạt động quay đầu tiên, sự căng vươn đầu tiên của nguyên tử, được thúc đẩy bởi nhiệt tiềm ẩn, đi vào phạm vi ảnh hưởng của một nguyên tử khác. Điều này tạo ra bức xạ đầu tiên, lực kéo thu hút đầu tiên, và [Page 160] do đó thiết lập một sự đẩy lùi và vì vậy tạo ra

setting up of a repulsion and therefore producing

3. *The circle divided into two*. This marks the active rotation and the beginning of the mobility of the atom of matter, and produces the subsequent extension of the influence of the positive point within the atom of matter till its sphere of influence extends from the centre to the periphery. At the point where it touches the periphery it contacts the influence of the atoms in its environment; radiation is set up and the point of depression makes its appearance, marking the inflow and outflow of force or heat.

3. *Hình tròn chia làm hai*. Điều này đánh dấu sự quay tích cực và sự khởi đầu của tính động của nguyên tử vật chất, và tạo ra sự mở rộng tiếp theo của ảnh hưởng của điểm dương bên trong nguyên tử vật chất cho đến khi phạm vi ảnh hưởng của nó kéo dài từ trung tâm đến chu vi. Tại điểm nó chạm đến chu vi, nó tiếp xúc với ảnh hưởng của các nguyên tử trong môi trường chung quanh; bức xạ được thiết lập và điểm lõm xuất hiện, đánh dấu sự chảy vào và chảy ra của mãnh lực hay nhiệt.

We are here only showing the application of cosmic symbols to matter, and are not dealing with manifestation from any other angle than that of the purely material. For instance, we are applying the symbol of the point within the circle to the sphere of matter, and the point of latent heat. We are not handling at this point matter as informed by an entity who is to matter, when so informing, a point of conscious life.

Ở đây chúng ta chỉ đang trình bày việc áp dụng các biểu tượng vũ trụ vào vật chất, và không bàn đến biểu hiện từ bất kỳ góc độ nào khác ngoài góc độ thuần túy vật chất. Chẳng hạn, chúng ta đang áp dụng biểu tượng điểm trong vòng tròn vào khối cầu vật chất, và vào điểm nhiệt tiềm ẩn. Ở đây, chúng ta không bàn đến vật chất được một thực thể phú linh; khi phú linh vật chất như vậy, thực thể ấy là một điểm sự sống hữu thức đối với vật chất.

We are dealing only with matter and latent heat, with the result produced by rotary movement of radiatory heat and the consequent interplay of bodies atomic. We are therefore dealing with the point we set out to consider while studying our fifth division, motion in the sheaths.

Chúng ta chỉ đang bàn đến vật chất và nhiệt tiềm ẩn, đến kết quả do chuyển động quay của nhiệt bức xạ tạo ra và sự tương tác hệ quả của các vật thể nguyên tử. Vì vậy, chúng ta đang bàn đến điểm mà chúng ta đã đặt ra để xem xét khi nghiên cứu phân bộ thứ năm của mình, chuyển động trong các lớp vỏ.

4. *The Circle divided into four*. This is the true circle of matter, the equal armed cross of the Holy Spirit, Who is the personification of active intelligent matter. This shows the fourth dimensional quality of matter and the penetration of the fire in four directions, its threefold radiation being symbolised by

4. *Hình tròn chia làm bốn*. Đây là hình tròn đích thực của vật chất, thập giá có bốn cánh bằng nhau của Chúa Thánh Thần, Đấng là hiện thân của vật chất hoạt động thông minh. Điều này cho thấy phẩm tính bốn chiều của vật chất và sự thâm nhập của lửa theo bốn hướng, sự bức xạ tam phân của nó

the triangles formed by the fourfold cross. This portrays the fourfold revolution of any atom. By this is not meant the ability of any atom to make four revolutions, but the fourth dimensional quality of the revolution which is the goal aimed at, and which is even now becoming known in matter during this [Page 161] fourth round, and in this fourth chain. As the fifth spirilla or fifth stream of force in an atom becomes developed, and man can conceive of a fourth-dimensional rotary movement, the accuracy of this symbol will be recognised. It will then be seen that all sheaths in their progress from inertia to rhythm, via mobility, pass through all stages, whether they are logoic sheaths, the rays in which the Heavenly Men veil Themselves, the planes which form the bodies of certain solar entities, the causal body (or the sheath of the Ego on the mental plane), the human physical body in its etheric constitution, or a cell in that body etheric. All these material forms (existent in etheric matter which is the true matter of all forms) are primarily undifferentiated ovoids; they then become actively rotating or manifest latent heat; next they manifest duality or latent and radiatory fire; the expression of these two results in fourth dimensional action or the wheel or rotary form turning upon itself.

được biểu tượng hóa bằng các tam giác được tạo thành bởi thập giá tứ phân. Điều này mô tả cuộc quay tứ phân của bất kỳ nguyên tử nào. Điều này không có nghĩa là khả năng của bất kỳ nguyên tử nào thực hiện bốn vòng quay, mà là phẩm tính bốn chiều của cuộc quay, vốn là mục tiêu được nhắm tới, và hiện nay đang bắt đầu được biết đến trong vật chất trong [Page 161] cuộc tuần hoàn thứ tư này, và trong dãy thứ tư này. Khi loa tuyến thứ năm hay dòng mãnh lực thứ năm trong một nguyên tử được phát triển, và con người có thể quan niệm được một chuyển động quay bốn chiều, thì tính chính xác của biểu tượng này sẽ được thừa nhận. Khi đó sẽ thấy rằng mọi lớp vỏ trong tiến trình đi từ quán tính đến nhịp điệu, qua tính động, đều đi qua mọi giai đoạn, dù đó là các lớp vỏ của Thượng đế, các cung mà trong đó các Đấng Thiên Nhân che giấu Chính Các Ngài, các cõi tạo thành các thân thể của một số thực thể thái dương, thể nguyên nhân (hay lớp vỏ của chân ngã trên cõi trí), thể xác con người trong cấu tạo dĩ thái của nó, hay một tế bào trong thể dĩ thái ấy. Tất cả các hình tướng vật chất này (tồn tại trong vật chất dĩ thái là vật chất đích thực của mọi hình tướng) trước hết là những hình trứng chưa biến phân; rồi chúng trở nên quay tích cực hay biểu lộ nhiệt tiềm ẩn; kế đó chúng biểu lộ nhị nguyên tính hay lửa tiềm ẩn và lửa bức xạ; sự biểu lộ của hai điều này dẫn đến hoạt động bốn chiều hay bánh xe hay hình tướng quay tự xoay trên chính nó.

5. *The swastika*, or the fire extending not only from the periphery to the centre in four directions, but gradually circulating and radiating from and around the entire periphery. This signifies completed activity in every department of matter until finally we have a blazing, fiery wheel, turning every way, with radiant channels of fire from the centre to the ring-pass-not,—fire within, without and around until the wheel is

5. *Chữ Vạn*, hay lửa không chỉ kéo dài từ chu vi đến trung tâm theo bốn hướng, mà còn dần dần lưu chuyển và bức xạ từ và quanh toàn bộ chu vi. Điều này biểu thị hoạt động hoàn tất trong mọi bộ môn của vật chất cho đến cuối cùng chúng ta có một bánh xe lửa rực cháy, quay theo mọi hướng, với các kênh lửa bức xạ từ trung tâm đến vòng-giới-hạn, —lửa bên trong, bên ngoài và chung quanh

consumed and there is naught remaining but perfected fire.

cho đến khi bánh xe bị thiêu rụi và không còn gì sót lại ngoài lửa hoàn hảo.

V. MOTION AND THE CENTRES — V. CHUYỂN ĐỘNG VÀ CÁC TRUNG TÂM

We can take up this matter of the centres along three lines. Much has been written and discussed anent the centres, and much mystery exists which has aroused the curiosity of the ignorant, and has tempted many to meddle with that which does not concern them. I seek to elucidate somewhat and to give a new angle of vision to [Page 162] the study of these abstruse matters. I do not in any way intend to take up the subject from such an angle as to convey rules and information that will enable a man to vivify these centres and bring them into play. I sound here a solemn word of warning. Let a man apply himself to a life of high altruism, to a discipline that will refine and bring his lower vehicles into subjection, and to a strenuous endeavor to purify and control his sheaths. When he has done this and has both raised and stabilised his vibration, he will find that the development and functioning of the centres has pursued a parallel course, and that (apart from his active participation) the work has proceeded along the desired lines. Much danger and dire calamity attends the man who arouses these centres by unlawful methods, and who experiments with the fires of his body without the needed technical knowledge. He may, by his efforts, succeed in arousing the fires and in intensifying the action of the centres, but he will pay the price of ignorance in the destruction of matter, in the burning of bodily or brain tissue, in the development of insanity, and in opening the door to currents and forces, undesirable and destructive. It is not the part of a coward, in these matters concerning the subjective life, to move with caution and with care; it is the

Chúng ta có thể tiếp cận vấn đề các trung tâm này theo ba đường hướng. Đã có nhiều điều được viết và bàn luận về các trung tâm, và có nhiều điều huyền bí tồn tại đã khơi dậy sự tò mò của kẻ vô minh, và cám dỗ nhiều người can thiệp vào điều không liên quan đến họ. Tôi tìm cách làm sáng tỏ phần nào và đem lại một góc nhìn mới cho [Page 162] việc nghiên cứu những vấn đề thâm áo này. Tôi hoàn toàn không có ý định trình bày đề tài này từ một góc độ nhằm truyền đạt các quy luật và thông tin giúp một người tiếp sinh lực cho các trung tâm này và đưa chúng vào hoạt động. Ở đây tôi cất lên một lời cảnh báo nghiêm trọng. Mỗi người hãy chuyên tâm vào đời sống vị tha cao cả, vào một kỷ luật sẽ tinh luyện và đưa các vận cụ thấp của y vào sự chế ngự, và vào một nỗ lực mãnh liệt nhằm thanh lọc và kiểm soát các lớp vỏ của y. Khi y đã làm được điều này và vừa nâng cao vừa ổn định rung động của mình, y sẽ thấy rằng sự phát triển và hoạt động của các trung tâm đã đi theo một tiến trình song song, và rằng (không cần sự tham dự chủ động của y) công việc đã tiến hành theo những đường hướng mong muốn. Nhiều hiểm nguy và tai họa nghiêm trọng đi kèm với người đánh thức các trung tâm này bằng những phương pháp trái luật, và là kẻ thử nghiệm với các lửa của thân thể mình mà không có tri thức kỹ thuật cần thiết. Bằng nỗ lực của mình, y có thể thành công trong việc đánh thức các lửa và tăng cường hoạt động của các trung tâm, nhưng y sẽ phải trả giá cho sự vô minh bằng sự hủy hoại vật chất, bằng việc đốt cháy mô cơ thể hay mô não, bằng sự phát triển của chứng điên loạn, và bằng việc mở cửa cho các dòng và mãnh lực không mong muốn và có tính hủy diệt.

part of discretion. The aspirant, therefore, has three things to do:

Trong những vấn đề liên quan đến đời sống chủ quan này, tiến bước một cách thận trọng và cẩn mật không phải là hành vi của kẻ hèn nhát; đó là biểu hiện của sự thận trọng sáng suốt. Vì vậy, người chí nguyện có ba điều phải làm:

1. Purify, discipline and transmute his threefold lower nature.

1. Thanh lọc, kỷ luật và chuyển hoá bản chất thấp tam phân của mình.

2. Develop knowledge of himself, and equip his mental body; build the causal body by good deeds and thoughts,

2. Phát triển tri thức về chính mình, và trang bị thể trí của mình; xây dựng thể nguyên nhân bằng các hành động và tư tưởng tốt đẹp,

3. Serve his race in utter self-abnegation.

3. Phụng sự nhân loại của mình với tinh thần hoàn toàn quên mình.

In doing this he fulfils the law, he puts himself in the right condition for training, fits himself for the ultimate application of the Rod of Initiation, and thus minimises the danger that attends the awakening of the fire.

Khi làm như vậy, y thực hiện đúng định luật, y đặt mình vào tình trạng thích hợp để được huấn luyện, làm cho mình thích hợp với việc áp dụng tối hậu của Thần Trượng Điểm đạo, và nhờ đó giảm thiểu hiểm nguy đi kèm với sự đánh thức lửa.

[Page 163] All that is intended to do in this treatise, is to cast some further light upon these centres, to show their interrelation, and to trace the effects produced by their rightful development. To do this, as before stated, the subject will be divided into the following divisions:

[Page 163] Bộ luận này chỉ nhằm soi thêm chút ánh sáng lên các trung tâm này, chỉ ra mối tương quan của chúng, và truy nguyên các hiệu quả do sự phát triển đúng đắn của chúng tạo ra. Để làm điều đó, như đã nói trước đây, đề tài sẽ được chia thành các phân bộ sau:

1. The nature of the centres.

1. Bản chất của các trung tâm.

2. The centres and the rays.

2. Các trung tâm và các cung.

3. The centres and kundalini.

3. Các trung tâm và kundalini.

4. The centres and the senses.

4. Các trung tâm và các giác quan.

5. The centres and initiation.

5. Các trung tâm và điểm đạo.

As can be seen from the above tabulation, the subject is not only vast but abstruse. This is principally owing to the fact that until the race is normally clairvoyant, it is not in a position to verify what is said, and has to accept the statements of those who profess to know. Later when man can see and prove for himself, it will be possible to check up these statements; the time is not yet, except for the few.

Như có thể thấy từ bảng liệt kê trên, đề tài này không những rộng lớn mà còn thâm áo. Điều này chủ yếu là do cho đến khi nhân loại trở nên thông nhãn một cách bình thường, họ chưa ở vào vị thế có thể kiểm chứng điều được nói ra, và phải chấp nhận các phát biểu của những người tự nhận là biết. Về sau khi con người có thể tự mình thấy và chứng minh, sẽ có thể kiểm tra những phát biểu này; thời điểm ấy vẫn chưa đến, ngoại trừ đối với một số ít.

1. The Nature of the Centres. — 1. Bản chất của các trung tâm.

Let us take the first point: I wish to enumerate the centres to be dealt with in this treatise, keeping the enumeration very closely to that laid down earlier, and dealing not with all the centres, but simply with those closely concerned with man's fivefold evolution.

Chúng ta hãy lấy điểm thứ nhất: Tôi muốn liệt kê các trung tâm sẽ được bàn đến trong bộ luận này, giữ sự liệt kê thật sát với điều đã được nêu ra trước đây, và không bàn đến tất cả các trung tâm, mà chỉ bàn đến những trung tâm liên hệ mật thiết với sự tiến hoá ngũ phân của con người.

As before stated, man, at the close of his long pilgrimage, will have passed through the five kingdoms of nature on his way back to his source:

Như đã nói trước đây, con người, vào lúc kết thúc cuộc hành hương dài lâu của mình, sẽ đã đi qua năm giới trong thiên nhiên trên đường trở về nguồn cội của mình:

1. The mineral kingdom,

1. giới kim thạch,

2. The vegetable kingdom,

2. giới thực vật,

3. The animal kingdom,

3. giới động vật,

4. The human kingdom,

4. giới nhân loại,

5. The superhuman, or the spiritual kingdom,

5. giới siêu nhân, hay giới tinh thần,

and will have developed full consciousness on the five planes: [Page 164]

và sẽ đã phát triển đầy đủ tâm thức trên năm cõi: [Page 164]

1. The physical plane,

2. The emotional or astral plane,

3. The mental plane,

4. The intuitional, or the buddhic plane,

5. The spiritual, atmic, or nirvanic plane,

by means of the five senses and their correspondences on all the five planes:

1. Hearing,

2. Touch,

3. Sight,

4. Taste,

5. Smell.

By the time the fifth round is reached, three-fifths of the human family will have attained this point and will have their five senses fully functioning on the three planes in the three worlds, leaving the two other planes to be subjugated during the remaining two rounds. I would here point out a fact that is little realised, that in this fivefold evolution of man and in this solar system, the two remaining rounds in any planetary cycle, and the sixth and seventh root-races in those cycles are always synthetic; their function is to gather up and synthesise that which has been achieved in the earlier five. For instance, in this root-race, the sixth and seventh sub-races will synthesise and blend that which the earlier five have wrought out. The analogy lies in

1. cõi hồng trần,

2. cõi cảm xúc hay cõi cảm dục,

3. cõi trí,

4. cõi trực giác, hay cõi Bồ đề,

5. cõi tinh thần, atma, hay cõi Niết Bàn,

bằng năm giác quan và các tương ứng của chúng trên cả năm cõi:

1. Thính giác,

2. Xúc giác,

3. Thị giác,

4. Vị giác,

5. Khứu giác.

Vào lúc đạt đến cuộc tuần hoàn thứ năm, ba phần năm gia đình nhân loại sẽ đã đạt tới điểm này và sẽ có năm giác quan của mình hoạt động đầy đủ trên ba cõi trong ba cõi giới, để lại hai cõi kia sẽ được chinh phục trong hai cuộc tuần hoàn còn lại. Ở đây tôi muốn chỉ ra một sự kiện ít người nhận thức rõ, đó là trong sự tiến hoá ngũ phân này của con người và trong hệ mặt trời này, hai cuộc tuần hoàn còn lại trong bất kỳ chu kỳ hành tinh nào, và các giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy trong các chu kỳ ấy luôn luôn có tính tổng hợp; chức năng của chúng là thu góp và tổng hợp điều đã được thành tựu trong năm giai đoạn trước. Chẳng hạn, trong giống dân gốc này, các giống dân phụ thứ sáu và thứ bảy sẽ tổng hợp và hòa trộn điều mà năm giống dân phụ trước đã tạo tác. Sự tương

the fact that in this solar system the two higher planes (the logoic-and the monadic) are synthetic. One is the synthesising plane for the Logos from whence He abstracts the essence in manifestation; the other for the Monad, from whence the Monad abstracts and garners the fruits of objectivity.

đồng nằm ở chỗ trong hệ mặt trời này, hai cõi cao hơn (cõi của Thượng đế và cõi chân thần) là các cõi tổng hợp. Một cõi là cõi tổng hợp đối với Thượng đế, từ đó Ngài trích xuất tinh chất trong biểu hiện; cõi kia là cõi tổng hợp đối với chân thần, từ đó chân thần trích xuất và thu hoạch các thành quả của tính khách quan.

We will therefore only concern ourselves here with those centres which relate to the evolution of the subtler bodies, the evolution of the psyche, and not with those connected with the evolution and propagation of the dense physical body. These centres are five in number: [Page 165]

Vì vậy, ở đây chúng ta sẽ chỉ quan tâm đến những trung tâm liên hệ với sự tiến hoá của các thân thể vi tế hơn, sự tiến hoá của tâm hồn, chứ không phải những trung tâm gắn với sự tiến hoá và sinh sản của thể xác đậm đặc. Các trung tâm này có năm: [Page 165]

1. That at the base of the spine, the only one dealt with that has a physical effect.

1. Trung tâm ở đáy cột sống, là trung tâm duy nhất được bàn đến ở đây có hiệu quả hồng trần.

2. That situated at the solar plexus, the most important one in the body from the standpoint of the astral plane.

2. Trung tâm ở tùng thái dương, là trung tâm quan trọng nhất trong thân thể xét từ quan điểm của cõi cảm dục.

3. That found at the throat, the most important from the standpoint of the mental plane.

3. Trung tâm ở cổ họng, là trung tâm quan trọng nhất xét từ quan điểm của cõi trí.

4. That in the region of the heart, which has an occult link with the buddhic plane.

4. Trung tâm ở vùng tim, có một liên kết huyền bí với cõi Bồ đề.

5. That above the top of the head, which is the crown, and has relation with the atmic plane.

5. Trung tâm ở phía trên đỉnh đầu, tức trung tâm đỉnh đầu, và có liên hệ với cõi atma.

We do not deal with the lower centres of generation, nor with the spleen which has a direct connection with the etheric, and is the transmitter of prana; they have been dealt with earlier.

Chúng ta không bàn đến các trung tâm sinh dục thấp hơn, cũng không bàn đến lá lách vốn có liên hệ trực tiếp với dĩ thái, và là cơ quan truyền dẫn prana; các trung tâm ấy đã được bàn đến trước đây.

The centres in the human being deal fundamentally with the FIRE aspect in man, or with his divine spirit. They are definitely connected with the Monad, with the will aspect, with immortality, with existence, with the will to live, and with the inherent powers of Spirit. They are not connected with objectivity and manifestation, but with *force*, or the powers of the divine life. The correspondence in the Macrocosm can be found in the *force* which manipulates the cosmic nebulae and which by its whirling rotary motion eventually builds them into planets or spheroidal bodies. These planets are each of them an expression of the "will to live" of some cosmic entity, and the force that swirled, that rotated, that built, that solidified, and that continues to hold in form coherent, is the force of some cosmic Being.

Các trung tâm trong con người về căn bản liên quan đến phương diện Lửa trong con người, hay tinh thần thiêng liêng của y. Chúng được nối kết rõ rệt với chân thần, với phương diện ý chí, với sự bất tử, với sự hiện hữu, với ý chí sống, và với các quyền năng cố hữu của Tinh thần. Chúng không liên hệ với tính khách quan và biểu hiện, mà liên hệ với *mãnh lực*, hay các quyền năng của sự sống thiêng liêng. Sự tương ứng trong Đại thiên địa có thể được tìm thấy trong *mãnh lực* điều khiển các tinh vân vũ trụ và bằng chuyển động quay xoáy của nó cuối cùng kiến tạo chúng thành các hành tinh hay các vật thể dạng cầu. Mỗi hành tinh này là một biểu hiện của "ý chí sống" của một thực thể vũ trụ nào đó, và mãnh lực đã xoáy chuyển, đã quay, đã kiến tạo, đã làm đông đặc, và vẫn tiếp tục giữ cho hình tướng được kết dính, là mãnh lực của một Hữu thể vũ trụ nào đó.

This force originates on cosmic mental levels, from certain great foci there, descends to the cosmic astral, forming corresponding cosmic focal points, and on the fourth cosmic etheric level (the buddhic plane of our solar system) finds its outlet in certain great centres. These [Page 166] centres are again reflected or reproduced in the three worlds of human endeavor. The Heavenly Men, therefore, have centres on three solar planes, a fact to be remembered.

Mãnh lực này phát sinh trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ, từ một số tiêu điểm lớn ở đó, giáng xuống cõi cảm dục vũ trụ, hình thành các tiêu điểm vũ trụ tương ứng, và trên cấp dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề của hệ mặt trời chúng ta) tìm được lối thoát của nó trong một số trung tâm lớn. Các trung tâm này [Page 166] lại được phản chiếu hay tái tạo trong ba cõi giới của nỗ lực con người. Vì vậy, các Đấng Thiên Nhân có các trung tâm trên ba cõi hệ mặt trời, một sự kiện cần được ghi nhớ.

a. On the monadic plane, the plane of the seven Rays.

a. Trên cõi chân thần, cõi của bảy Cung.

b. On the buddhic plane, where the Masters and their disciples form the forty-nine centres in the bodies of the seven Heavenly Men.

b. Trên cõi Bồ đề, nơi các Chân sư và các đệ tử của Các Ngài tạo thành bốn mươi chín trung tâm trong các thân thể của bảy Đấng Thiên Nhân.

c. On the fourth etheric physical plane, where the sacred planets, the dense bodies in etheric matter of the Heavenly Men, are to be found.

c. Trên cõi hồng trần dĩ thái thứ tư, nơi có thể tìm thấy các hành tinh thiêng liêng, là các thân thể đậm đặc trong vật chất dĩ thái của các Đấng Thiên Nhân.

Here again we can trace the microcosmic correspondence: In the human being the centres are found on the mental plane from which originates the impulse for physical plane existence, or the will to incarnate; from thence they can be traced to the astral level, and eventually to the etheric levels, to the fourth ether, where they practically go through the same evolution that the planetary centres went through, and are instrumental in bringing about objectivity, —being the force centres.

Ở đây một lần nữa chúng ta có thể truy ra sự tương ứng tiểu thiên địa: trong con người, các trung tâm được tìm thấy trên cõi trí, từ đó phát sinh xung lực cho sự hiện hữu trên cõi hồng trần, hay ý chí lâm phàm; từ đó chúng có thể được truy ra đến cấp cảm dục, và cuối cùng đến các cấp dĩ thái, đến dĩ thái thứ tư, nơi chúng thực tế trải qua cùng một sự tiến hoá mà các trung tâm hành tinh đã trải qua, và là công cụ đem lại tính khách quan,—vì chúng là các trung tâm mãnh lực.

The centres are formed entirely of streams of force, pouring down from the Ego, who transmits it from the Monad. In this we have the secret of the gradual vibratory quickening of the centres as the Ego first comes into control, or activity, and later (after initiation) the Monad, thus bringing about changes and increased vitality within these spheres of fire or of pure life force.

Các trung tâm được hình thành hoàn toàn bằng các dòng mãnh lực, tuôn xuống từ chân ngã, là đấng truyền dẫn nó từ chân thần. Trong điều này chúng ta có bí mật của sự tăng tốc rung động dần dần của các trung tâm khi chân ngã trước hết đi vào kiểm soát, hay hoạt động, và về sau (sau điểm đạo) chân thần cũng vậy, nhờ đó tạo ra những biến đổi và sinh lực gia tăng bên trong các khối cầu lửa hay mãnh lực sự sống thuần túy này.

The centres, therefore, when functioning properly, form the "body of fire" which eventually is all that is left, first to man in the three worlds, and later to the Monad. This body of fire is "the body incorruptible" *(Bible. I Cor., XV, 53.)* or indestructible, spoken of by St. Paul, and is the product of evolution, of the perfect blending of the three fires, which ultimately destroy the form. When the form is [Page 167] destroyed there is left this intangible spiritual body of fire, one pure flame, distinguished by seven brilliant centres of intenser burning. This electric fire is the result of the bringing together of the two poles and demonstrates

Vì vậy, các trung tâm, khi hoạt động đúng đắn, tạo thành "thể lửa", rốt cuộc là tất cả những gì còn lại, trước hết đối với con người trong ba cõi giới, và về sau đối với chân thần. Thể lửa này là "thể bất hoại" *(Kinh Thánh. I Cor., XV, 53.)* hay bất khả hủy diệt, như Thánh Paul đã nói đến, và là sản phẩm của tiến hoá, của sự hòa trộn hoàn hảo của ba ngọn lửa, rốt cuộc hủy diệt hình tướng. Khi hình tướng bị [Page 167] hủy diệt, còn lại thể lửa tinh thần vô hình này, một ngọn lửa thuần nhất, được phân biệt bởi bảy trung tâm rực sáng với sự bừng cháy mãnh liệt hơn. Lửa điện này là kết quả của việc đưa hai cực lại với nhau và chứng minh, vào lúc hợp

at the moment of complete at-one-ment, the occult truth of the words "Our God is a consuming Fire." *(Bible. Deut. IV, 24; Hebrews XII, 29.)*

nhất hoàn toàn, chân lý huyền bí của lời nói: "Thượng đế của chúng ta là một Ngọn Lửa thiêu đốt." *(Kinh Thánh. Deut. IV, 24; Hebrews XII, 29.)*

Three of these centres are called major centres, as they embody the three aspects of the threefold Monad—Will, Love and Intelligence:

Ba trong các trung tâm này được gọi là các trung tâm chính, vì chúng thể hiện ba phương diện của chân thần tam phân—Ý chí, Bác ái và Trí tuệ:

1.	The Head centre	The Monad. Will or Power.
2.	The Heart centre	The Ego. Love and Wisdom.
3.	The Throat centre	The Personality. Activity or Intelligence.

The other two centres have to do primarily with the etheric body and with the astral plane. The throat centre synthesises the entire personality life, and is definitely connected with the mental plane,—the three planes, and the two higher planes, and the three centres with the two other centres, the heart and head. Yet, we must not forget that the centre at the base of the spine is also a synthesiser, as would normally be expected, if it is recognised that the lowest plane of all manifestation is the point of deepest reflection. This lowest centre, by synthesising the fire of kundalini and the pranic fires, eventually blends and merges with the fire of mind, and later with the fire of Spirit, producing thus consummation.

Hai trung tâm kia chủ yếu liên quan đến thể dĩ thái và cõi cảm dục. Trung tâm cổ họng tổng hợp toàn bộ đời sống phàm ngã, và chắc chắn liên hệ với cõi trí,—ba cõi, và hai cõi cao hơn, và ba trung tâm với hai trung tâm kia, tim và đầu. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng trung tâm ở đáy cột sống cũng là một trung tâm tổng hợp, như lẽ thường phải thế, nếu người ta nhận ra rằng cõi thấp nhất của mọi biểu hiện là điểm phản chiếu sâu nhất. Trung tâm thấp nhất này, bằng cách tổng hợp lửa kundalini và các ngọn lửa prana, cuối cùng hòa trộn và hợp nhất với lửa của trí tuệ, và về sau với lửa của tinh thần, nhờ đó tạo nên sự viên mãn.

We must disabuse our minds of the idea that these centres are *physical things.* They are whirlpools of force that swirl etheric, astral and mental matter into activity of some kind. Because the action is rotary, the result produced in matter is a circular effect that

Chúng ta phải gột bỏ khỏi trí óc ý niệm rằng các trung tâm này là *những vật thể hồng trần.* Chúng là những xoáy mãnh lực cuốn chất liệu dĩ thái, cảm dục và trí tuệ vào một loại hoạt động nào đó. Vì hoạt động ấy có tính xoay tròn, nên kết quả tạo ra trong vật chất

can be seen by the clairvoyant as fiery wheels situated:

là một hiệu ứng hình tròn mà nhà thông nhãn có thể thấy như những bánh xe lửa nằm ở:

1. In the region of the spine, the lowest part.

1. Vùng cột sống, phần thấp nhất.

2. Between the ribs, just below the diaphragm. [Page 168]

2. Giữa các xương sườn, ngay dưới cơ hoành. [Page 168]

3. In the region of the left breast.

3. Vùng ngực trái.

4. In the centre of the throat.

4. Chính giữa cổ họng.

5. Just above the top of the head.

5. Ngay phía trên đỉnh đầu.

I would like to describe these centres in greater detail, dealing with them as seen in etheric matter, and basing what I say upon a similar statement by Mr. C. W. Leadbeater in *"Inner Life," Vol. 1, page 447-460.* We will note the colours and petals:

Tôi muốn mô tả các trung tâm này chi tiết hơn, bàn đến chúng như được thấy trong chất liệu dĩ thái, và dựa điều tôi nói trên một phát biểu tương tự của ông C. W. Leadbeater trong *"Inner Life," Tập 1, trang 447-460.* Chúng ta sẽ lưu ý đến màu sắc và các cánh hoa:

1. The base of the spine, four petals. These petals are in the shape of a cross, and radiate with orange fire.

1. Đáy cột sống, bốn cánh hoa. Các cánh hoa này có hình thập giá, và phát ra lửa màu cam.

2. The solar plexus, ten petals rosy color with admixture of green.

2. Tùng thái dương, mười cánh hoa màu hồng pha lẫn xanh lục.

3. The heart centre, twelve petals glowing golden.

3. Trung tâm tim, mười hai cánh hoa rực sáng màu vàng kim.

4. The throat centre, sixteen petals of a silvery blue, with blue predominating.

4. Trung tâm cổ họng, mười sáu cánh hoa màu lam bạc, trong đó lam chiếm ưu thế.

5. The head centre in its twofold divisions:

5. Trung tâm đầu trong hai phân bộ của nó:

a. Between the eyebrows, consisting of ninety-six petals, one-half of the lotus being

a. Giữa hai chân mày, gồm chín mươi sáu cánh hoa, một nửa hoa sen màu hồng và vàng, nửa kia màu lam và tím.

rose and yellow, and the other half blue and purple.

b. The very top of the head. A centre consisting of twelve major petals of white and gold, and nine hundred and sixty secondary petals arranged around the central twelve. This makes a total of ten hundred and sixty-eight petals in the two head centres (making the one centre) or three hundred and fifty-six triplicities. All these figures have an occult significance.

b. Chính đỉnh đầu. Một trung tâm gồm mười hai cánh hoa chính màu trắng và vàng kim, và chín trăm sáu mươi cánh hoa phụ xếp quanh mười hai cánh trung tâm. Điều này tạo thành tổng số một ngàn không trăm sáu mươi tám cánh hoa trong hai trung tâm đầu (hợp thành một trung tâm) hay ba trăm năm mươi sáu bộ ba. Tất cả các con số này đều có một ý nghĩa huyền bí.

Just as the Monad is the sumtotal of all the three aspects, and of the seven principles of man, so is the head centre a replica of this, and has within its sphere of influence seven other centres with itself for synthesis. These seven centres are likewise divided into the three major and the four minor centres, with their union and consummation seen in the gorgeous centre surmounting and enveloping them all. There are also three physical centres, called [Page 169]

Cũng như chân thần là tổng thể của cả ba phương diện và của bảy nguyên khí của con người, thì trung tâm đầu cũng là một bản sao của điều này, và trong phạm vi ảnh hưởng của nó có bảy trung tâm khác, với chính nó là trung tâm tổng hợp. Bảy trung tâm này cũng được chia thành ba trung tâm chính và bốn trung tâm phụ, với sự hợp nhất và viên mãn của chúng được thấy trong trung tâm huy hoàng ở phía trên và bao bọc tất cả. Cũng có ba trung tâm hồng trần, được gọi là [Page 169]

a. The alta major centre,

a. trung tâm alta major,

b. The pineal gland,

b. tuyến tùng,

c. The pituitary body,

c. tuyến yên,

with four lesser centres. These four lesser centres are blended in that centre which we call the alta major centre and need not concern us. I would here also point out that there is a close connection:

cùng với bốn trung tâm nhỏ hơn. Bốn trung tâm nhỏ hơn này được hòa nhập vào trung tâm mà chúng ta gọi là trung tâm alta major và không cần bận tâm đến. Ở đây tôi cũng xin chỉ ra rằng có một liên hệ mật thiết:

a. Between the alta major centre and the throat centre.

a. Giữa trung tâm alta major và trung tâm cổ họng.

b. Giữa trung tâm tim và tuyến yên.

b. Between the heart centre and the pituitary body.

c. Between the head centre and the pineal gland.

c. Giữa trung tâm đầu và tuyến tùng.

It would repay the student to contemplate the interesting succession of triangles that are to be found and the way in which they must be linked by the progression of the fire before that fire can perfectly vivify them, and thence pass on to other transmutations. We might enumerate some of these triangles, bearing always in mind that according to the ray so will proceed the geometric rising of the fire, and according to the ray so will the points be touched in ordered sequence. Herein lies one of the secrets of initiation, and herein is found some of the dangers entailed in a too quick publication of information concerning the rays.

Đạo sinh sẽ được lợi nhiều nếu chiêm ngưỡng chuỗi tam giác lý thú có thể tìm thấy và cách chúng phải được nối kết bằng sự tiến triển của lửa trước khi lửa ấy có thể tiếp sinh lực cho chúng một cách hoàn hảo, rồi từ đó chuyển sang những sự chuyển hoá khác. Chúng ta có thể liệt kê một số tam giác này, luôn ghi nhớ rằng tùy theo cung mà sự bốc lên theo hình học của lửa sẽ diễn ra, và tùy theo cung mà các điểm sẽ được chạm đến theo trình tự có trật tự. Chính trong đây có một trong những bí mật của điểm đạo, và cũng chính trong đây tìm thấy một số nguy hiểm phát sinh do việc công bố quá vội thông tin liên quan đến các cung.

1. The pranic triangle.

a. The shoulder centre.

b. The centre near the diaphragm.

c. The spleen.

1. Tam giác prana.

a. Trung tâm vai.

b. Trung tâm gần cơ hoành.

c. Lá lách.

2. Man controlled from the astral plane.

a. The base of the spine.

b. The solar plexus.

c. The heart.

2. Con người được kiểm soát từ cõi cảm dục.

a. Đáy cột sống.

b. Tùng thái dương.

c. Tim.

3. Man controlled from the mental plane.

3. Con người được kiểm soát từ cõi trí.

a. The base of the spine.

b. The heart.

c. The throat. [Page 170]

4. Man partially controlled by the Ego, advanced man.

a. The heart.

b. The throat.

c. The head, i.e., the four lesser centres and their synthesis, the alta centre.

5. Spiritual man to the third Initiation.

a. The heart.

b. The throat.

c. The seven head centres.

6. Spiritual man to the fifth Initiation

a. The heart.

b. The seven head centres.

c. The two many-petalled lotuses.

All these different periods show different triangular radiances. We must not infer from this that when the fire is centred in one triangle it is not demonstrating in others. Once the fire has free passage along any triangle it flames continuously, but always

a. Đáy cột sống.

b. Tim.

c. Cổ họng. [Page 170]

4. Con người được chân ngã kiểm soát một phần, con người tiến bộ.

a. Tim.

b. Cổ họng.

c. Đầu, tức là bốn trung tâm nhỏ hơn và sự tổng hợp của chúng, trung tâm alta.

5. Con người tinh thần cho đến lần điểm đạo thứ ba.

a. Tim.

b. Cổ họng.

c. Bảy trung tâm đầu.

6. Con người tinh thần cho đến lần điểm đạo thứ năm

a. Tim.

b. Bảy trung tâm đầu.

c. Hai hoa sen nhiều cánh.

Tất cả các thời kỳ khác nhau này cho thấy những bức xạ tam giác khác nhau. Chúng ta không được suy ra từ đó rằng khi lửa được định tâm trong một tam giác thì nó không biểu lộ trong những tam giác khác. Một khi lửa đã có lối đi tự do dọc theo bất kỳ tam giác

there is one triangle more radiant and luminous than the others, and it is from these glowing triangles of light, issuing from wheels and vortices of fire that the clairvoyant and the teachers of the race can appraise a man's position in the scheme of things, and judge of his attainment. At the culmination of life experience, and when man has reached his goal, each triangle is a radiant path of fire, and each centre a wheel of living fiery force rotating at terrific speed; the centre at this stage not only rotates in a specific direction, but literally turns upon itself, forming a living flaming iridescent globe of pure fire, and holding within it a certain geometrical shape, yet withal vibrating so rapidly that the eye can scarcely follow it. Above all, at the top of the head will be seen a fiery display that seems to put all the other centres into insignificance; from the heart of this many-petalled lotus issues a flame of fire with the basic hue of a man's ray. This flame [Page 171] mounts upward and seems to attract downward a sheet of electric light, which is the downflow from the spirit on the highest plane. This marks the blending of the fires and the deliverance of man from the trammels of matter.

nào, nó bùng cháy liên tục, nhưng luôn luôn có một tam giác rực rỡ và sáng chói hơn các tam giác khác, và chính từ những tam giác ánh sáng rực cháy này, phát ra từ các bánh xe và các xoáy lửa, mà nhà thông nhãn và các huấn sư của nhân loại có thể thẩm định vị trí của một người trong hệ thống sự vật, và phán đoán mức thành tựu của y. Vào lúc đỉnh cao của kinh nghiệm sống, và khi con người đã đạt đến mục tiêu của mình, mỗi tam giác là một con đường lửa rực sáng, và mỗi trung tâm là một bánh xe của mãnh lực lửa sống động quay với tốc độ khủng khiếp; ở giai đoạn này, trung tâm không những quay theo một hướng nhất định, mà còn thực sự tự quay trên chính nó, tạo thành một khối cầu sống động, rực lửa, óng ánh của lửa thuần khiết, và giữ bên trong nó một hình dạng hình học nhất định, nhưng đồng thời rung động nhanh đến mức mắt khó lòng theo kịp. Trên hết, ở đỉnh đầu sẽ thấy một sự phô diễn lửa dường như khiến mọi trung tâm khác trở nên không đáng kể; từ tâm của hoa sen nhiều cánh này phát ra một ngọn lửa mang sắc thái căn bản của cung của một người. Ngọn lửa này [Page 171] bốc lên trên và dường như hút xuống một màn ánh sáng điện, là dòng tuôn xuống từ tinh thần trên cõi cao nhất. Điều này đánh dấu sự hòa trộn của các ngọn lửa và sự giải thoát con người khỏi những trói buộc của vật chất.

We might now note that the evolution of these centres of force can be portrayed, not only in words, but under the same five symbols that have so often a cosmic interpretation.

Giờ đây chúng ta có thể lưu ý rằng sự tiến hoá của các trung tâm mãnh lực này có thể được mô tả không chỉ bằng lời, mà còn dưới cùng năm biểu tượng vốn thường có một cách diễn giải vũ trụ.

1. *The circle.* At this stage the centre is seen simply as a saucer-like depression (as Mr. C. W. Leadbeater expresses it) of dimly glowing fire, a fire diffused throughout but of no real intensity. The wheel rotates slowly, but so slowly as to be almost inappreciable. This

1. *Hình tròn.* Ở giai đoạn này, trung tâm chỉ được thấy đơn giản như một chỗ lõm giống chiếc đĩa (như ông C. W. Leadbeater diễn tả) của ngọn lửa phát sáng mờ nhạt, một ngọn lửa lan tỏa khắp nơi nhưng không có cường độ thực sự. Bánh xe quay chậm, nhưng chậm

corresponds to the little developed stage, and to the early Lemurian root-race, and to that period wherein man was simply animal; all that was being formed was a field for the appearance of the spark of mind.

đến mức hầu như không thể nhận thấy. Điều này tương ứng với giai đoạn ít phát triển, với thời kỳ đầu giống dân gốc Lemuria, và với thời kỳ con người chỉ đơn thuần là động vật; tất cả những gì đang được hình thành chỉ là một trường cho sự xuất hiện của tia lửa trí tuệ.

2. *The circle with the point in the centre.* The centre is here seen with a point of glowing fire in the middle of the saucer-like depression, and the rotation becomes more rapid. This corresponds to the stage wherein mind is beginning to be felt and thus to later Lemurian days.

2. *Hình tròn với điểm ở trung tâm.* Ở đây trung tâm được thấy với một điểm lửa sáng rực ở giữa chỗ lõm hình đĩa, và sự quay trở nên nhanh hơn. Điều này tương ứng với giai đoạn mà trí tuệ bắt đầu được cảm nhận và do đó thuộc về thời kỳ sau của Lemuria.

3. *The divided circle.* At this stage the point of light in the centre of the vortex of fire is becoming more active; rotary motion causes it to burn more brightly, and to cast off rays of fire in two directions, which appear to split the vortex into two; the motion is much accelerated, and the dividing flame in the vortex shoots back and forth, stimulating the glow of the centre itself, till a much greater point of radiance is achieved. This corresponds to Atlantean days.

3. *Hình tròn bị chia đôi.* Ở giai đoạn này, điểm sáng ở trung tâm của xoáy lửa trở nên hoạt động hơn; chuyển động quay khiến nó cháy sáng hơn, và phóng ra các tia lửa theo hai hướng, dường như chia xoáy thành hai phần; chuyển động được gia tốc rất nhiều, và ngọn lửa phân chia trong xoáy bắn qua bắn lại, kích thích sự rực sáng của chính trung tâm, cho đến khi đạt được một điểm bức xạ lớn hơn nhiều. Điều này tương ứng với thời Atlantis.

4. *The circle divided into four.* We come now to the point where the centre is exceedingly active, with the cross within its periphery rotating as well as the wheel itself, and causing an effect of great beauty and activity. The man has reached a stage of very high development [Page 172] mentally, corresponding to the fifth root-race, or to the fifth round in the larger cycle; he is conscious of two activities within himself, symbolised by the rotating wheel and the inner rotating cross. He is sensing the spiritual, though actively functioning in the personal life, and the development has reached a point wherein he is nearing the Probationary Path.

4. *Hình tròn chia thành bốn phần.* Giờ đây chúng ta đến điểm mà trung tâm cực kỳ hoạt động, với thập giá bên trong chu vi của nó quay cũng như chính bánh xe, và tạo nên một hiệu ứng rất đẹp và đầy hoạt động. Con người đã đạt đến một giai đoạn phát triển rất cao [Page 172] về trí tuệ, tương ứng với giống dân gốc thứ năm, hay với cuộc tuần hoàn thứ năm trong chu kỳ lớn hơn; y ý thức được hai hoạt động bên trong chính mình, được biểu trưng bởi bánh xe quay và thập giá quay bên trong. Y đang cảm nhận cái tinh thần, dù vẫn hoạt động tích cực trong đời sống cá nhân, và sự phát triển đã đạt đến một điểm mà y đang tiến gần Con Đường Dự Bị.

5. *The swastika.* At this stage the centre becomes fourth-dimensional; the inner rotating cross begins to turn upon its axis, and to drive the flaming periphery to all sides so that the centre is better described as a sphere of fire than as a wheel. It marks the stage of the Path in its two divisions, for the process of producing the effect described covers the whole period of the Path. At the close, the centres are seen as globes of radiant fire with the spokes of the wheel (or the evolution of the cross from the point in the centre) merging and blending into a "fire that burneth up the whole."

5. *Chữ vạn.* Ở giai đoạn này, trung tâm trở thành bốn chiều; thập giá quay bên trong bắt đầu quay trên trục của nó, và đẩy chu vi rực lửa ra mọi phía khiến trung tâm được mô tả đúng hơn là một khối cầu lửa hơn là một bánh xe. Nó đánh dấu giai đoạn của Đường Đạo trong hai phân bộ của nó, vì tiến trình tạo ra hiệu ứng được mô tả bao trùm toàn bộ thời kỳ của Đường Đạo. Khi kết thúc, các trung tâm được thấy như những khối cầu lửa rực sáng với các nan của bánh xe (hay sự tiến hoá của thập giá từ điểm ở trung tâm) hòa nhập và hòa trộn thành một "ngọn lửa thiêu rụi toàn thể."

A brief sentence has its place here owing to its relation to this subject. Another sentence is also added here, which, if meditated upon, will prove of real value and will have a definite effect upon one of the centres, which centre it is for the student himself to find out.

Một câu ngắn được thêm vào đây do liên hệ của nó với chủ đề này. Một câu khác cũng được bổ sung, và nếu được tham thiền, sẽ chứng tỏ có giá trị thực sự và sẽ có một tác động rõ rệt lên một trong các trung tâm; trung tâm nào thì chính đạo sinh phải tự tìm ra.

These two sentences are as follows:

Hai câu ấy như sau:

"The secret of the Fire lies hid in the second letter of the Sacred Word. The mystery of life is concealed within the heart. When the lower point vibrates, when the Sacred Triangle glows, when the point, the middle centre, and the apex likewise burn, then the two triangles—the greater and the lesser—merge with one flame which burneth up the whole."

"Bí mật của Lửa ẩn giấu trong chữ cái thứ hai của Linh từ Thiêng Liêng. Huyền nhiệm của sự sống được che giấu trong tim. Khi điểm thấp rung động, khi Tam Giác Thiêng Liêng rực sáng, khi điểm, trung tâm ở giữa, và đỉnh cũng bừng cháy, thì hai tam giác—tam giác lớn và tam giác nhỏ—hòa nhập thành một ngọn lửa thiêu rụi toàn thể."

"The fire within the lesser fire findeth its progress much impelled when the circle of the moving and the unmoving, of the lesser wheel within the greater wheel that moveth not in Time, findeth a twofold outlet; it then shineth with the glory of the twofold One and of His sixfold brother. Fohat rusheth through space. He searcheth for his

"Ngọn lửa bên trong ngọn lửa nhỏ hơn tìm thấy sự tiến triển của nó được thúc đẩy mạnh mẽ khi vòng tròn của cái chuyển động và cái bất động, của bánh xe nhỏ hơn bên trong bánh xe lớn hơn vốn không chuyển động trong Thời gian, tìm thấy một lối thoát nhị phân; khi ấy nó chiếu sáng với vinh quang của Đấng Duy Nhất nhị phân và của

complement. [Page 173] The breath of the unmoving one, and the fire of the One Who seeth the whole from the beginning rush to meet each other, and the unmoving becomes the sphere of activity."

huynh đệ lục phân của Ngài. Fohat lao vút qua không gian. Ngài tìm kiếm đối phần của Ngài. [Page 173] Hơi thở của Đấng bất động, và ngọn lửa của Đấng nhìn thấy toàn thể từ khởi đầu lao đến gặp nhau, và cái bất động trở thành khối cầu hoạt động."

We take up our second point in the consideration of the centres:

Chúng ta xét đến điểm thứ hai trong việc khảo cứu các trung tâm:

2. The centres in connection with the Rays. — 2. Các trung tâm trong liên hệ với các cung.

This will give us a large range of subject to be dealt with, and much food for thought, surmise and wise conjecture. All that is here stated is given simply as basic or foundation facts, upon which may be erected a structure of conjecture, and of logical reasoning, employing the imagination, and thereby effecting two things:

Điều này sẽ cho chúng ta một phạm vi chủ đề rộng lớn để bàn đến, và nhiều điều đáng suy ngẫm, phỏng đoán và suy luận khôn ngoan. Tất cả những gì được trình bày ở đây chỉ được đưa ra như những sự kiện căn bản hay nền tảng, trên đó có thể dựng lên một cấu trúc của phỏng đoán và lý luận hợp logic, sử dụng sự tưởng tượng, và nhờ đó thực hiện hai điều:

These are an ability to expand our mental concept and to build the antaskarana, or that bridge which all who seek to function in the buddhic vehicle must build between higher and lower mind; hence the necessity for the use of the imagination (which is the astral equivalent to mental discrimination), and its ultimate transmutation into intuition.

Đó là khả năng mở rộng khái niệm trí tuệ của chúng ta và xây dựng antaskarana, hay cây cầu mà tất cả những ai tìm cách hoạt động trong vận cụ Bồ đề phải xây dựng giữa thượng trí và hạ trí; do đó mới cần sử dụng sự tưởng tượng (là đối ứng cảm dục của sự phân biện trí tuệ), và sự chuyển hoá tối hậu của nó thành trực giác.

All teachers, who have taken pupils in hand for training, and who seek to use them in world service, follow the method of imparting a fact (oft veiled in words and blinded by symbol) and then of leaving the pupil to follow his own deductions. Discrimination is thereby developed, and discrimination is the main method whereby the Spirit effects its liberation from the trammels of matter, and discerns between illusion and that which is veiled by it.

Tất cả các huấn sư, những vị đã trực tiếp huấn luyện các môn sinh và tìm cách sử dụng họ trong công việc phụng sự thế gian, đều theo phương pháp truyền đạt một sự kiện (thường được che phủ trong lời và làm mờ bởi biểu tượng) rồi để môn sinh tự rút ra kết luận của mình. Nhờ đó, sự phân biện được phát triển, và sự phân biện là phương pháp chính nhờ đó tinh thần thực hiện sự giải thoát của mình khỏi những trói buộc

của vật chất, và phân biệt giữa ảo tưởng với điều bị nó che phủ.

Not much can be here imparted, as the subject, if dealt with at all fully, would convey too much information to those liable to misuse it. As we know, the evolution of the centres is a slow and gradual thing, and proceeds in ordered cycles varying according to the ray of a man's Monad.

Ở đây không thể truyền đạt nhiều, vì chủ đề này, nếu được bàn đến đầy đủ, sẽ chuyển giao quá nhiều thông tin cho những người có thể lạm dụng nó. Như chúng ta biết, sự tiến hoá của các trung tâm là một việc chậm chạp và tuần tự, và tiến hành theo những chu kỳ có trật tự, thay đổi tùy theo cung của chân thần của một người.

[Page 174] The life of the Pilgrim can be, for purposes of discussion, divided into three main periods:

[Page 174] Vì mục đích thảo luận, đời sống của Người Lữ Hành có thể được chia thành ba thời kỳ chính:

1. That period wherein he is under the influence of the Personality Ray.

1. Thời kỳ mà y ở dưới ảnh hưởng của cung phàm ngã.

2. That wherein he comes under the Ray of the Ego.

2. Thời kỳ mà y chịu ảnh hưởng của cung chân ngã.

3. That wherein the Monadic Ray holds sway.

3. Thời kỳ mà cung chân thần nắm quyền chi phối.

The first period is by far the longest, and covers the vast progression of the centuries wherein the activity aspect of the threefold self is being developed. Life after life slips away during which the aspect of manas or mind is being slowly wrought out, and the human being comes more and more under the control of his intellect, operating through his physical brain. This might be looked upon as corresponding to the period of the first solar system, wherein the third aspect logoic, that of Brahma, Mind, or Intelligence, was being brought to the point of achievement. (74) Then the second aspect began in [Page 175] this present solar system to be blended with, and wrought out through it. Centuries go by and the man becomes ever more actively intelligent, and

Thời kỳ thứ nhất dài hơn hẳn các thời kỳ còn lại, và bao trùm sự tiến triển rộng lớn qua nhiều thế kỷ trong đó phương diện hoạt động của bản ngã tam phân đang được phát triển. Hết kiếp này đến kiếp khác trôi qua, trong đó phương diện manas hay trí tuệ đang dần dần được tạo tác, và con người ngày càng chịu sự kiểm soát của trí năng mình, hoạt động qua bộ não hồng trần. Điều này có thể được xem như tương ứng với thời kỳ của hệ mặt trời thứ nhất, trong đó phương diện thứ ba của Thượng đế, tức phương diện Brahma, Trí Tuệ hay Thông Minh, đang được đưa đến mức thành tựu. (74) Khi ấy phương diện thứ hai bắt đầu trong [Page 175] hệ mặt trời hiện tại này được hòa trộn với nó và được triển khai qua nó. Nhiều thế kỷ trôi qua và con người trở

the field of his life more suitable for the coming in of this second aspect. The correspondence lies in similitude and not in detail as seen in time and space. It covers the period of the first three triangles dealt with earlier. We must not forget that, for the sake of clarity, we are here differentiating between the different aspects, and considering their separated development, a thing only permissible in time and space or during the evolutionary process, but not permissible from the standpoint of the Eternal Now, and from the Unity of the All-Self. The Vishnu or the Love-Wisdom aspect is latent in the Self, and is part of the monadic content, but the Brahma aspect, the Activity-Intelligence aspect precedes its manifestation in time. The Tabernacle in the Wilderness preceded the building of the Temple of Solomon; the kernel of wheat has to lie in the darkness of mother Earth before the golden perfected ear can be seen, and the Lotus has to cast its roots down into the mud before the beauty of the blossom can be produced.

nên ngày càng thông minh tích cực hơn, và trường đời sống của y ngày càng thích hợp hơn cho sự đi vào của phương diện thứ hai này. Sự tương ứng nằm ở tính tương tự chứ không phải ở chi tiết như được thấy trong thời gian và không gian. Nó bao trùm thời kỳ của ba tam giác đầu tiên đã được bàn đến trước đây. Chúng ta không được quên rằng, vì mục đích làm sáng tỏ, ở đây chúng ta đang phân biệt giữa các phương diện khác nhau và xem xét sự phát triển tách biệt của chúng, điều chỉ được phép trong thời gian và không gian hay trong tiến trình tiến hoá, nhưng không được phép từ quan điểm của Hiện Tại Vĩnh Cửu và từ Hợp Nhất của Đại Ngã. Phương diện Vishnu hay Bác Ái – Minh Triết tiềm ẩn trong Bản Ngã, và là một phần của nội dung chân thần, nhưng phương diện Brahma, phương diện Hoạt Động-Thông Minh, đi trước sự biểu hiện của nó trong thời gian. Nhà Tạm trong Hoang Địa có trước việc xây dựng Đền thờ Solomon; hạt lúa mì phải nằm trong bóng tối của Mẹ Trái Đất trước khi bông lúa vàng hoàn hảo có thể được nhìn thấy, và Hoa sen phải cắm rễ xuống bùn trước khi vẻ đẹp của đóa hoa có thể được tạo ra.

(74) “When the last cycle of man-bearing has been completed by that last fecund earth; and humanity has reached in a mass the stage of Buddhahood and passed out of the objective existence into the mystery of Nirvana—then “strikes the hour”; the seen becomes the unseen, the concrete resumes its pre-cyclic state of atomic distribution.

(74) “Khi chu kỳ cuối cùng của sự sản sinh con người đã được hoàn tất bởi địa cầu phì nhiêu cuối cùng ấy; và toàn thể nhân loại đã đạt đến giai đoạn Phật quả và vượt ra khỏi sự tồn tại khách quan để đi vào huyền nhiệm của Niết Bàn—thì ‘giờ đã điểm’; cái được thấy trở thành cái không được thấy, cái cụ thể trở lại trạng thái tiền chu kỳ của sự phân bố nguyên tử.

But the dead worlds left behind the onsweeping impulse do not continue dead. Motion is the eternal order of things and affinity or attraction its handmaid of all works. The thrill of life will again re-unite the atom, and it will stir again in the inert

Nhưng các thế giới chết bị bỏ lại phía sau bởi xung lực cuốn đi không tiếp tục chết mãi. Chuyển động là trật tự vĩnh cửu của sự vật và ái lực hay hấp dẫn là nữ tỳ của nó trong mọi công việc. Sự rung động của sự sống sẽ lại tái hợp nguyên tử, và nó sẽ lại khuấy

planet when the time comes. Though all its forces have remained statu quo and are now asleep, yet little by little it will—when the hour re-strikes—gather for a new cycle of man-bearing maternity, and give birth to something still higher as moral and physical types than during the preceding manvantara. And its "cosmic atoms already in a differentiated state" (differing—in the producing force in the mechanical sense of motions and effects) remain statu quo as well as globes and everything else in the process of formation." Such is the "hypothesis fully in accordance with (your) (my) note." For, as planetary development is as progressive as human or race evolution, the hour of the Pralaya's coming catches the series of worlds at successive stages of evolution; (i.e.) each has attained to some one of the periods of evolutionary progress —each stops there, until the outward impulse of the next manvantara sets it going from that very point—like a stopped time-piece re-wound. Therefore, I have used the word "differentiated."

động trong hành tinh trì trệ khi thời điểm đến. Dù mọi mãnh lực của nó vẫn ở nguyên trạng thái và hiện đang ngủ yên, tuy nhiên từng chút một nó sẽ—khi giờ lại điểm—tập hợp cho một chu kỳ mới của thiên chức làm mẹ sinh ra con người, và sinh ra một điều gì đó còn cao hơn về các loại hình đạo đức và thể chất so với trong giai kỳ sinh hóa trước. Và các 'nguyên tử vũ trụ của nó vốn đã ở trong một trạng thái biến phân' (khác nhau —trong mãnh lực sản sinh theo nghĩa cơ học của các chuyển động và hiệu quả) vẫn ở nguyên trạng thái cũng như các bầu hành tinh và mọi thứ khác trong tiến trình hình thành." Đó là "giả thuyết hoàn toàn phù hợp với ghi chú của (bạn) (tôi)." Vì, cũng như sự phát triển hành tinh có tính tiến bộ như sự tiến hoá của con người hay của nhân loại, giờ đến của Giai kỳ qui nguyên bắt gặp chuỗi thế giới ở những giai đoạn tiến hoá kế tiếp nhau; (tức là) mỗi thế giới đã đạt đến một trong những thời kỳ của sự tiến bộ tiến hoá—mỗi thế giới dừng lại ở đó, cho đến khi xung lực bên ngoài của giai kỳ sinh hóa kế tiếp làm nó vận hành trở lại từ chính điểm ấy—như một chiếc đồng hồ ngừng chạy được lên dây lại. Vì vậy, tôi đã dùng từ "biến phân."

At the coming of the Pralaya no human, animal, or even vegetable entity will be alive to see it, but there will be the earths or globes with their mineral kingdoms; and all these planets will be physically disintegrated in the pralaya, yet not destroyed; for they have their places in the sequence of evolution and their "privations" coming again out of the subjective, they will find the exact point from which they have to move on around the chain of "manifested forms." This, as is repeated endlessly throughout Eternity. Each man of us has gone this ceaseless round, and will repeat it forever and ever. The deviation of each one's course, and his rate of progress from Nirvana to Nirvana is governed by causes which he

Khi giai kỳ qui nguyên đến, sẽ không có thực thể nhân loại, động vật, hay ngay cả thực thể thực vật nào còn sống để chứng kiến nó, nhưng sẽ vẫn có các địa cầu hay các bầu hành tinh với các giới kim thạch của chúng; và tất cả các hành tinh này sẽ bị phân giải về mặt hồng trần trong giai kỳ qui nguyên, tuy vậy không bị hủy diệt; vì chúng có vị trí của mình trong chuỗi tiến hoá và những "sự thiếu vắng" của chúng, khi lại xuất hiện từ cõi chủ quan, chúng sẽ tìm thấy đúng điểm mà từ đó chúng phải tiếp tục vận động quanh Dãy của các "hình tướng biểu hiện." Điều này, như đã được lặp đi lặp lại vô tận suốt Vĩnh Cửu. Mỗi người trong chúng ta đã đi qua vòng tuần hoàn bất tận này, và sẽ lặp lại nó mãi mãi. Sự sai biệt trong lộ trình của

himself creates out of the exigencies in which he finds himself entangled."—From *The Mahatma Letters* to A. P. Sinnett, p. 67. (back)

mỗi người, và tốc độ tiến bộ của y từ Niết Bàn này đến Niết Bàn khác, được chi phối bởi những nguyên nhân mà chính y tự tạo ra từ những đòi hỏi cấp bách trong đó y thấy mình bị vướng mắc."—Trích từ *Các Thư Mahatma* gửi A. P. Sinnett, tr. 67. (xem lại)

The second period, wherein the egoic ray holds sway, is not so long comparatively; it covers the period wherein the fourth and fifth triangles are being vivified, and marks the lives wherein the man throws his forces on the side of evolution, disciplines his life, steps upon the Probationary Path, and continues up to the third Initiation. Under the regime of the Personality Ray, the man proceeds upon the five Rays to work consciously with Mind, the sixth sense, passing first upon the four minor Rays and eventually upon the third. He works [Page 176] upon the third Ray, or that of active Intelligence, and from thence proceeds to one of the subrays of the two other major Rays, if the third is not his egoic Ray.

Thời kỳ thứ hai, trong đó cung chân ngã nắm quyền chi phối, tương đối không dài bằng; nó bao trùm giai đoạn trong đó tam giác thứ tư và thứ năm được tiếp sinh lực, và đánh dấu những kiếp sống trong đó con người đặt các mãnh lực của mình về phía tiến hoá, rèn luyện đời sống của mình, bước lên Con Đường Dự Bị, và tiếp tục cho đến lần điểm đạo thứ ba. Dưới chế độ của cung phàm ngã, con người tiến bước trên năm cung để làm việc một cách hữu thức với trí tuệ, giác quan thứ sáu, trước hết đi qua bốn cung phụ và cuối cùng qua cung ba. Y hoạt động [Page 176] trên cung ba, hay cung của Trí Tuệ linh hoạt, và từ đó tiến sang một trong các cung phụ của hai cung chính kia, nếu cung ba không phải là cung chân ngã của y.

Enquiry might naturally arise as to whether the egoic ray is necessarily one of the three major rays, and if Initiates and Masters are not to be found upon some of the rays of mind, the minor four.

Một câu hỏi tự nhiên có thể nảy sinh là liệu cung chân ngã có nhất thiết phải là một trong ba cung chính hay không, và liệu có phải các điểm đạo đồ và các Chân sư không hiện diện trên một số cung của trí tuệ, tức bốn cung phụ, hay không.

The answer lies here: The egoic ray can always be one of the seven, but we need to remember that, in this astral-buddhic solar system, wherein love and wisdom are being brought into objectivity, the bulk of the monads are on the love-wisdom ray. The fact, therefore, of its being the synthetic ray has a vast significance. This is the system of the SON, whose name is Love. This is the divine incarnation of Vishnu. The Dragon of Wisdom is in manifestation, and He brings into incarnation those cosmic Entities who

Câu trả lời ở đây là: cung chân ngã luôn có thể là một trong bảy cung, nhưng chúng ta cần nhớ rằng, trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề này, nơi bác ái và minh triết đang được đưa vào sắc tướng khách quan, phần lớn các chân thần thuộc về cung bác ái-minh triết. Vì vậy, sự kiện nó là cung tổng hợp có một thâm nghĩa vô cùng to lớn. Đây là hệ mặt trời của CON, danh xưng của Ngài là Bác Ái. Đây là sự nhập thể thiêng liêng của Vishnu. Rồng Minh Triết đang biểu hiện, và Ngài đưa vào nhập thể những Thực Thể vũ trụ vốn

are in essence identical with Himself. After the third Initiation all human beings find themselves on their monadic ray, on one of the three major rays, and the fact that Masters and Initiates are found on all the rays is due to the following two factors:

đồng nhất về bản chất với chính Ngài. Sau lần điểm đạo thứ ba, mọi con người đều thấy mình ở trên cung chân thần của mình, trên một trong ba cung chính, và sự kiện các Chân sư và các điểm đạo đồ được tìm thấy trên mọi cung là do hai yếu tố sau đây:

First. Each major ray has its subrays, which correspond to all the seven.

Thứ nhất. Mỗi cung chính đều có các cung phụ của nó, tương ứng với cả bảy cung.

Second. Many of the guides of the race transfer from one ray to another as They are needed, and as the work may require. When one of the Masters or Initiates is transferred it causes a complete re-adjustment.

Thứ hai. Nhiều vị hướng đạo của nhân loại chuyển từ cung này sang cung khác khi Các Ngài được cần đến, và khi công việc đòi hỏi. Khi một Chân sư hay một điểm đạo đồ được chuyển đi, điều đó gây ra một sự điều chỉnh lại hoàn toàn.

When a Master likewise leaves the hierarchy of our Planet to take up work elsewhere, it frequently necessitates a complete re-organisation, and a fresh admission of members into the great White Lodge. These facts have been but little realised. We might here also take the opportunity to point out that we are not dealing with earth conditions when we consider the Rays, nor are we only concerned with the evolution of the Monads upon this planet, but are equally concerned with the solar [Page 177] system in which our earth holds a necessary but not supreme place. The earth is an organism within a greater one, and this fact needs wider recognition. The sons of men upon this planet so often view the whole system as if the earth were in the position of the sun, the centre of the solar organism.

Khi một Chân sư cũng rời khỏi Thánh đoàn của Hành Tinh chúng ta để đảm nhận công việc ở nơi khác, điều đó thường đòi hỏi một sự tái tổ chức hoàn toàn, và một sự tiếp nhận mới các thành viên vào Thánh đoàn vĩ đại. Rất ít người nhận thức rõ những sự kiện này. Ở đây chúng ta cũng có thể nhân cơ hội này để chỉ ra rằng chúng ta không bàn đến các điều kiện của Trái Đất khi xem xét các cung, cũng không chỉ quan tâm đến sự tiến hoá của các chân thần trên hành tinh này, mà còn quan tâm ngang nhau đến hệ mặt trời [Page 177] trong đó Trái Đất chúng ta giữ một vị trí cần thiết nhưng không tối thượng. Trái Đất là một cơ thể sống bên trong một cơ thể sống lớn hơn, và sự kiện này cần được nhìn nhận rộng rãi hơn. Những người con của nhân loại trên hành tinh này quá thường nhìn toàn bộ hệ mặt trời như thể Trái Đất ở vào vị trí của mặt trời, trung tâm của cơ thể sống hệ mặt trời.

Under the régime of the Ego, the ray upon which the ego can be found holds sway. This ray is simply a direct reflection of the monad, and is dependent upon that aspect of the spiritual triad which for the man is at

Dưới chế độ của Chân ngã, cung mà chân ngã thuộc về nắm quyền chi phối. Cung này chỉ đơn giản là một phản ánh trực tiếp của chân thần, và tùy thuộc vào phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần mà đối với con

any particular time the line of least resistance. By that we must understand that sometimes the ray will have for its centre of force the atmic aspect, sometimes the buddhic, and at other times the manasic aspect. Though the triad is threefold, yet its egoic outposts (if one may so express it) will be either definitely atmic, or predominantly buddhic or manasic. Here again I would draw attention to the fact that this triple demonstration can be seen under three forms, making in all a ninefold choice of rays for the Ego:

người, vào một thời điểm nhất định, là con đường ít trở ngại nhất. Bởi đó chúng ta phải hiểu rằng đôi khi cung ấy sẽ có phương diện atma làm trung tâm mãnh lực, đôi khi là phương diện Bồ đề, và vào những lúc khác là phương diện manas. Dù Tam nguyên tinh thần là tam phân, nhưng các tiền đồn chân ngã của nó (nếu có thể diễn đạt như vậy) sẽ hoặc là rõ rệt atma, hoặc chủ yếu là Bồ đề hay manas. Ở đây một lần nữa tôi muốn lưu ý đến sự kiện rằng biểu hiện tam phân này có thể được thấy dưới ba hình thức, tạo thành tổng cộng chín lựa chọn cung cho Chân ngã:

Atmic aspect.

1. atmic-atmic

2. atmic-buddhic

3. atmic-manasic.

Buddhic aspect.

1. buddhic-atmic

2. buddhic-buddhic

3. buddhic-manasic.

Manasic aspect.

1. manasic-atmic

2. manasic-buddhic

3. manasic-manasic

Phương diện atma.

1. atma-atma

2. atma-Bồ đề

3. atma-manas.

Phương diện Bồ đề.

1. Bồ đề-atma

2. Bồ đề-Bồ đề

3. Bồ đề-manas.

Phương diện manas.

1. manas-atma

2. manas-Bồ đề

3. manas-manas

This literally means that the three major rays can each be subdivided (in connection

Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là mỗi một trong ba cung chính đều có thể được phân

with the Ego) into three divisions. This fact is also little appreciated.

chia nhỏ hơn (liên quan đến Chân ngã) thành ba phân bộ. Sự kiện này cũng ít được đánh giá đúng mức.

[Page 178] *The third period*, wherein the monadic ray makes itself felt on the physical plane, is by far the shortest, and covers the period in which the sixth triangle holds sway. It marks the period of achievement, of liberation, and therefore, although it is the shortest period when viewed from below upward, it is the period of comparative permanence when viewed from the plane of the Monad. It covers the totality of time remaining in the one hundred years of Brahma, or the remainder of the process of manifestation.

[Page 178] *Thời kỳ thứ ba*, trong đó cung chân thần biểu lộ ảnh hưởng của mình trên cõi hồng trần, ngắn hơn hẳn các thời kỳ còn lại, và bao trùm giai đoạn trong đó tam giác thứ sáu nắm quyền chi phối. Nó đánh dấu giai đoạn thành tựu, giải thoát, và vì vậy, tuy là giai đoạn ngắn nhất khi nhìn từ dưới lên trên, nó lại là giai đoạn tương đối thường tồn khi nhìn từ cõi của chân thần. Nó bao trùm toàn bộ thời gian còn lại trong một trăm năm của Brahma, hay phần còn lại của tiến trình biểu hiện.

When we study, therefore, the sets of triangles earlier referred to and the periods of ray dominance, we will find much room for thought. Let me here point out, however, that the six groups of triangles are in all but five if we eliminate the pranic triangle which has to do with matter itself and is not counted any more than the dense physical is counted a principle. Therefore we have:

Vì vậy, khi nghiên cứu các bộ tam giác đã được nói đến trước đây và các thời kỳ cung chi phối, chúng ta sẽ thấy có nhiều điều đáng suy ngẫm. Tuy nhiên, ở đây xin chỉ ra rằng sáu nhóm tam giác thực ra chỉ là năm nếu chúng ta loại bỏ tam giác prana, vốn liên quan đến chính vật chất và không được tính đến, cũng như thể xác hồng trần đậm đặc không được tính là một nguyên khí. Vì vậy chúng ta có:

a. Two triangles brought to vivification by the personality ray.

a. Hai tam giác do cung phàm ngã tiếp sinh lực.

b. Two triangles brought to vivification by the egoic ray.

b. Hai tam giác do cung chân ngã tiếp sinh lực.

c. The synthesising triangle of the Monad.

c. Tam giác tổng hợp của Chân thần.

We must, nevertheless, recollect that the complexity is increased by the fact that *the personality triangles will be brought to full activity according to the ray of the Monad or Spirit*. Therefore, no hard or fast rule can be laid down about development. The egoic

Tuy vậy, chúng ta phải nhớ rằng sự phức tạp tăng thêm vì *các tam giác phàm ngã sẽ được đưa vào hoạt động trọn vẹn tùy theo cung của Chân thần hay Tinh thần*. Vì vậy, không thể đặt ra quy luật cứng nhắc nào về sự phát triển. Các tam giác chân ngã phần lớn tùy

triangles are dependent largely upon the reflection in the personality of the spiritual life force. They are the midway point, just as the causal or egoic body is the transmitting point (when sufficiently equipped and built) between the higher and the lower.

thuộc vào sự phản ánh trong phàm ngã của mãnh lực sự sống tinh thần. Chúng là điểm ở giữa, cũng như thể nguyên nhân hay thể chân ngã là điểm truyền dẫn (khi đã được trang bị và xây dựng đầy đủ) giữa phần cao và phần thấp.

The permanent atoms are enclosed within the periphery of the causal body, yet that relatively permanent body is built and enlarged, expanded and wrought into [Page 179] a central receiving and transmitting station (using inadequate words to convey an occult idea) by the direct action of the centres, and *of the centres above all*. Just as it was spiritual force, or the will aspect, that built the solar system, so it is the same force in the man that builds the causal body. By the bringing together of spirit and matter (Father-Mother) in the macrocosm, and their union through the action of the will, the objective solar system, or the Son, was produced—that Son of desire, Whose characteristic is love, and Whose nature is buddhi or spiritual wisdom. By the bringing together (in microcosm) of Spirit and matter, and their coherence by means of force (or the spiritual will) that objective system, the causal body, is being produced; it is the product of transmuted desire, whose characteristic (when fully demonstrated) will be love, the expression eventually on the physical plane of buddhi. The causal body is but the sheath of the Ego. The solar system is but the sheath of the Son. In both the greater and the lesser systems, force centres exist which are productive of objectivity. The centres in the human being are reflections in the three worlds of those higher force centres.

Các nguyên tử trường tồn được bao bọc trong chu vi của thể nguyên nhân, tuy nhiên thể tương đối trường tồn đó được xây dựng và mở rộng, được khai triển và được tạo tác thành [Page 179] một trạm trung tâm tiếp nhận và truyền dẫn (dùng những từ ngữ không đầy đủ để chuyển đạt một ý tưởng huyền bí) bởi tác động trực tiếp của các trung tâm, và *trên hết là của các trung tâm cao hơn*. Cũng như chính mãnh lực tinh thần, hay phương diện ý chí, đã xây dựng hệ mặt trời, thì cũng chính mãnh lực ấy trong con người xây dựng thể nguyên nhân. Bằng sự đưa tinh thần và vật chất (Cha-Mẹ) lại với nhau trong đại thiên địa, và sự hợp nhất của chúng qua tác động của ý chí, hệ mặt trời khách quan, hay Con, đã được tạo ra—Con của dục vọng ấy, mà đặc tính là bác ái, và bản chất là Bồ đề hay minh triết tinh thần. Bằng sự đưa Tinh thần và vật chất lại với nhau trong tiểu thiên địa, và sự kết hợp của chúng bằng mãnh lực (hay ý chí tinh thần), hệ thống khách quan ấy, thể nguyên nhân, đang được tạo ra; nó là sản phẩm của dục vọng đã được chuyển hoá, mà đặc tính của nó (khi được biểu lộ trọn vẹn) sẽ là bác ái, cuối cùng là sự biểu hiện trên cõi hồng trần của Bồ đề. Thể nguyên nhân chỉ là vỏ bọc của Chân ngã. Hệ mặt trời chỉ là vỏ bọc của Con. Trong cả hệ thống lớn lẫn nhỏ, đều tồn tại các trung tâm mãnh lực tạo ra tính khách quan. Các trung tâm trong con người là những phản ánh trong ba cõi thấp của các trung tâm mãnh lực cao hơn ấy.

Before taking up the subject of kundalini and the centres, it would be well to extend

Trước khi bàn đến chủ đề kundalini và các trung tâm, sẽ là điều tốt nếu mở rộng thông

the information given above, from its prime significance for man, as that which concerns himself, to the solar system, the macrocosm, and to the cosmos. What can be predicated of the microcosm is naturally true of the macrocosm and of the cosmos. It will not be possible to give the systemic triangles, for the information would have to be so blinded that, except for those who have occult knowledge and the intuition developed, it would be practically useless intellectually, but certain things may be pointed out in this connection that may be of interest.

tin đã nêu trên, từ ý nghĩa chủ yếu của nó đối với con người, như điều liên quan đến chính y, sang hệ mặt trời, đại thiên địa, và vũ trụ. Điều gì có thể được khẳng định về tiểu thiên địa thì tự nhiên cũng đúng với đại thiên địa và với vũ trụ. Sẽ không thể đưa ra các tam giác hệ mặt trời, vì thông tin ấy sẽ phải được che giấu quá nhiều đến mức, ngoại trừ những ai có tri thức huyền bí và trực giác đã phát triển, thì về mặt trí tuệ nó hầu như vô dụng; nhưng có thể chỉ ra một số điều liên quan đến vấn đề này có thể gây hứng thú.

The Solar System. We might briefly look at this from [Page 180] the standpoint of the centres of the Heavenly Men and of the Grand Man of the Heavens, the Logos.

Hệ mặt trời. Chúng ta có thể ngắn gọn nhìn điều này từ [Page 180] quan điểm của các trung tâm của các Đấng Thiên Nhân và của Đại Nhân trên Thiên Giới, tức Thượng đế.

a. The Heavenly Men. The Heavenly Men, in Themselves, embody centres just as does a human being, and on Their Own plane these centres of force can be found. Again we need to recollect that these centres of force on cosmic levels, and in manifestation in the objective system, demonstrate as the great force centres of which any particular group of adepts and Their pupils are the exponents. Every group of Masters and all the human beings incarnate or discarnate—who are held within the periphery of Their consciousness—are centres of force of some particular kind or quality. This is a fact generally recognised, but students should be urged to link up this fact with the information imparted on the centres of the human being, and see if much is not thereby learnt. These centres of force will demonstrate on etheric levels and on the subtler planes just as they do in a man, and they will be vivified as are the human centres by planetary kundalini, progressing in the desired triangles.

a. Các Đấng Thiên Nhân. Các Đấng Thiên Nhân, tự thân Các Ngài, mang trong mình các trung tâm cũng như con người vậy, và trên cõi riêng của Các Ngài có thể tìm thấy các trung tâm mãnh lực này. Một lần nữa chúng ta cần nhớ rằng các trung tâm mãnh lực này trên các cấp độ vũ trụ, và trong biểu hiện nơi hệ mặt trời khách quan, biểu lộ như những trung tâm mãnh lực lớn mà một nhóm chân sư nào đó cùng các đệ tử của Các Ngài là những vị biểu hiện ra chúng. Mỗi nhóm Chân sư và tất cả những con người đang lâm phàm hay không lâm phàm—được giữ trong chu vi tâm thức của Các Ngài—đều là những trung tâm mãnh lực thuộc một loại hay phẩm tính riêng biệt nào đó. Đây là một sự kiện thường được thừa nhận, nhưng các đạo sinh cần được khuyến khích liên kết sự kiện này với thông tin được truyền đạt về các trung tâm của con người, và xem liệu nhờ đó có học được nhiều điều hay không. Các trung tâm mãnh lực này sẽ biểu lộ trên các cấp độ dĩ thái và trên các cõi vi tế hơn cũng như chúng biểu lộ trong con người, và kundalini hành tinh, tiến triển trong các tam giác

mong muốn, sẽ tiếp sinh lực cho chúng, tương tự như cách các trung tâm của con người được tiếp sinh lực.

Two hints can here be given for thoughtful consideration. In connection with one of the Heavenly Men (which one cannot at this juncture be pointed out) we have one triangle of force to be seen in the following three centres:

Ở đây có thể đưa ra hai gợi ý để suy xét cẩn trọng. Liên quan đến một trong các Đấng Thiên Nhân (không thể chỉ ra là Đấng nào vào lúc này), chúng ta có thể thấy một tam giác mãnh lực trong ba trung tâm sau đây:

a. The force centre of which the Manu, and His group, are the expression.

a. Trung tâm mãnh lực mà Đức Manu và nhóm của Ngài là sự biểu hiện.

b. The centre of which the Bodhisattva or the Christ and His adherents are the focal point.

b. Trung tâm mà Đức Bồ Tát hay Đức Christ cùng những người đi theo Ngài là tiêu điểm.

c. The centre of which the Mahachohan and his followers are the exponents.

c. Trung tâm mà Đức Mahachohan và những người theo Ngài là những vị biểu hiện.

These three groups form the three centres in one great triangle—a triangle which is not yet in complete vivification at this stage of evolutionary development.

Ba nhóm này tạo thành ba trung tâm trong một tam giác lớn—một tam giác mà ở giai đoạn phát triển tiến hoá này vẫn chưa được tiếp sinh lực hoàn toàn.

[Page 181] Another triangle in connection with our own planetary Logos is that formed by the seven Kumaras—the four exoteric Kumaras corresponding to the four minor head centres, and the three esoteric Kumaras corresponding to the three major head centres. *(S. D., I, 186-189)* (75)

[Page 181] Một tam giác khác liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta là tam giác được tạo thành bởi bảy Kumaras—bốn Kumaras ngoại môn tương ứng với bốn trung tâm đầu phụ, và ba Kumaras nội môn tương ứng với ba trung tâm đầu chính. *(S. D., I, 186-189)* (75)

(75) There are seven Kumaras connected with our planetary evolution, of Whom four are exoteric; the four exoteric have vehicles in etheric matter; three Kumaras are esoteric and have their vehicles in subtler matters still.

(75) Có bảy Kumaras liên hệ với sự tiến hoá hành tinh của chúng ta, trong đó bốn vị là ngoại môn; bốn vị ngoại môn có các vận cụ bằng vật chất dĩ thái; ba Kumaras là nội môn và có các vận cụ bằng những chất liệu còn vi tế hơn nữa.

Sanat Kumara, The Lord of the world, is the representative on earth of the specialized force of the planetary Logos; the other six

Đức Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới, là vị đại diện trên Trái Đất cho mãnh lực chuyên biệt của Hành Tinh Thượng Đế; sáu

Kumaras transmit energy from the other six planetary schemes. (back)

Kumaras kia truyền dẫn năng lượng từ sáu hệ hành tinh khác. (xem lại)

The second hint I seek to give, lies in the triangle formed by the Earth, Mars and Mercury. In connection with this triangle, the analogy lies in the fact that Mercury and the centre at the base of the spine in the human being are closely allied. Mercury demonstrates kundalini in intelligent activity, while Mars demonstrates kundalini latent. The truth lies hid in their two astrological symbols. In transmutation and planetary geometrising, the secret may be revealed.

Gợi ý thứ hai tôi muốn đưa ra nằm trong tam giác được tạo thành bởi Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Thủy. Liên quan đến tam giác này, sự tương đồng nằm ở sự kiện rằng Sao Thủy và trung tâm ở đáy cột sống trong con người có liên hệ mật thiết với nhau. Sao Thủy biểu lộ kundalini trong hoạt động thông minh, trong khi Sao Hỏa biểu lộ kundalini tiềm ẩn. Chân lý ẩn giấu trong hai biểu tượng chiêm tinh của chúng. Trong sự chuyển hoá và sự hình học hóa hành tinh, bí mật có thể được tiết lộ.

b. The Grand Man of the Heavens. The seven Heavenly Men are the seven centres in the body of the Logos, bearing to Him a relationship identical with that borne by the Masters and Their affiliated groups, to some planetary Logos. Systemic kundalini goes forward to the vivification of these centres, and at this stage of development certain centres are more closely allied than others. Just as in connection with our planetary Logos, the three etheric planets of our chain —Earth, Mercury and Mars (77) —form a triangle of rare importance, so it may be here said that at the present point in evolution of the logoic centres, Venus, Earth and Saturn form one triangle of great interest. It is a triangle that is at this time undergoing vivification [Page 182] through the action of kundalini; it is consequently increasing the vibratory capacity of the centres, which are becoming slowly fourth-dimensional. It is not yet permissible to point out others of the great triangles, but as regards the centres, we may here give two hints:

b. Đại Nhân trên Thiên Giới. Bảy Đấng Thiên Nhân là bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế, mang đối với Ngài một mối liên hệ giống hệt như mối liên hệ mà các Chân sư và các nhóm liên kết với Các Ngài mang đối với một Hành Tinh Thượng Đế nào đó. Kundalini hệ mặt trời tiến tới việc tiếp sinh lực cho các trung tâm này, và ở giai đoạn phát triển này một số trung tâm liên kết mật thiết với nhau hơn những trung tâm khác. Cũng như liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, ba hành tinh dĩ thái của Dãy chúng ta—Trái Đất, Sao Thủy và Sao Hỏa (77) —tạo thành một tam giác có tầm quan trọng hiếm có, thì ở đây cũng có thể nói rằng tại điểm tiến hoá hiện nay của các trung tâm của Thượng đế, Sao Kim, Trái Đất và Sao Thổ tạo thành một tam giác rất đáng quan tâm. Đó là một tam giác hiện đang được tiếp sinh lực [Page 182] qua tác động của kundalini; do đó nó đang làm tăng khả năng rung động của các trung tâm, vốn đang từ từ trở thành bốn chiều. Chưa được phép chỉ ra các tam giác lớn khác, nhưng liên quan đến các trung tâm, ở đây chúng ta có thể đưa ra hai gợi ý:

(77) The chains of any planetary scheme are frequently called by the names of the seven sacred planets, making the study of the Law of Correspondences easier; similarly, the globes of any chain are called by planetary names, as is the case here. There are planetary schemes called Mars and Mercury. (back)

(77) Các Dãy của bất kỳ hệ hành tinh nào thường được gọi bằng tên của bảy hành tinh thiêng liêng, khiến việc nghiên cứu định luật tương ứng trở nên dễ dàng hơn; tương tự như vậy, các bầu hành tinh của bất kỳ Dãy nào cũng được gọi bằng tên hành tinh, như trường hợp ở đây. Có những hệ hành tinh được gọi là Sao Hỏa và Sao Thủy. (xem lại)

First. Venus corresponds to the heart centre in the body logoic, and has an inter-relationship therefore with all the other centres in the solar system wherein the heart aspect is the one of greater prominence.

Thứ nhất. Sao Kim tương ứng với trung tâm tim trong thân thể của Thượng đế, và do đó có mối tương liên với tất cả các trung tâm khác trong hệ mặt trời nơi phương diện tim là phương diện nổi trội hơn cả.

Second. Saturn corresponds to the throat centre, or to the creative activity of the third aspect.

Thứ hai. Sao Thổ tương ứng với trung tâm cổ họng, hay với hoạt động sáng tạo của phương diện thứ ba.

As evolution proceeds, the other centres attain a more pronounced vibration and the fire (circulating triangularly) will bring them into greater prominence; the two above mentioned, however, are of prime importance at this time. These two, with the lesser triangle of our chain, constitute the focal point of energy *viewed from our planetary standpoint.*

Khi tiến hoá tiếp diễn, các trung tâm khác đạt đến một rung động rõ rệt hơn và lửa (luân chuyển theo hình tam giác) sẽ đưa chúng vào vị thế nổi bật hơn; tuy nhiên, hai trung tâm nêu trên có tầm quan trọng hàng đầu vào lúc này. Hai trung tâm này, cùng với tam giác nhỏ hơn của Dãy chúng ta, tạo thành tiêu điểm của năng lượng *khi được nhìn từ quan điểm hành tinh của chúng ta.*

In addition to these some hints in connection with the microcosmic and macrocosmic centres, we might here give the cosmic correspondences at which it is possible to hint.

Ngoài những gợi ý này liên quan đến các trung tâm tiểu thiên địa và đại thiên địa, ở đây chúng ta có thể đưa ra những tương ứng vũ trụ mà hiện nay có thể gợi ý đến.

The Cosmos. Our solar system, with the Pleiades and one of the stars of the Great Bear, form a cosmic triangle, or an aggregation of three centres in the Body of HIM OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID. The seven stars in the constellation of the Great Bear are the correspondences to the seven

Vũ trụ. Hệ mặt trời của chúng ta, cùng với Pleiades và một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh, tạo thành một tam giác vũ trụ, hay một tập hợp gồm ba trung tâm trong Thân Thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Bảy ngôi sao trong chòm Đại Hùng Tinh là những tương ứng với bảy trung tâm đầu

head centres in the body of that Being, greater than our Logos. Again, two other systems, when allied with the solar system and the Pleiades, make a lower quaternary which are eventually synthesised into the seven head centres in much the same way as in the human being after the fourth initiation. [Page 183]

trong thân thể của Đấng ấy, vĩ đại hơn Thượng đế của chúng ta. Hơn nữa, hai hệ thống khác, khi liên kết với hệ mặt trời và Pleiades, tạo thành một bộ tứ thấp mà cuối cùng được tổng hợp vào bảy trung tâm đầu theo cách rất giống như trong con người sau lần điểm đạo thứ tư. [Page 183]

1. The base of the spine.

1. đáy cột sống.

2. The solar plexus.

2. tùng thái dương.

3. The heart.

3. tim.

4. The throat.

4. cổ họng.

The sevenfold head centre in its turn finds ultimate expression in the gorgeous twofold centre above the top of the head and surrounding it. Equally so, beyond the above named constellations is still another cosmic centre. The name of this centre is one of the secrets of the final initiation, the seventh. These are the only correspondences that may as yet be imparted. What lies beyond the solar ring-pass-not may be of intellectual interest, *(S. D., I, 545,726; II, 581, 582, 654.)* but, for the purposes of microcosmic evolution it is a matter of no vast import.

Trung tâm đầu thất phân đến lượt nó tìm thấy sự biểu hiện tối hậu trong trung tâm nhị phân huy hoàng phía trên đỉnh đầu và bao quanh nó. Tương tự như vậy, vượt ra ngoài các chòm sao vừa nêu còn có một trung tâm vũ trụ khác nữa. Tên của trung tâm này là một trong những bí mật của lần điểm đạo cuối cùng, lần thứ bảy. Đây là những tương ứng duy nhất hiện nay có thể được truyền đạt. Điều gì nằm bên ngoài vòng-giới-hạn mặt trời có thể gây hứng thú về mặt trí tuệ, *(S. D., I, 545,726; II, 581, 582, 654.)* nhưng đối với mục đích của sự tiến hoá tiểu thiên địa thì đó không phải là vấn đề có tầm quan trọng lớn lao.

3. The Centres and Kundalini. — 3. Các Trung Tâm và Kundalini.

As stated, it is not possible to impart much about kundalini, or the serpent fire. It might be of value, however, briefly to enumerate what has been said:

Như đã nói, không thể truyền đạt nhiều về kundalini, hay hỏa xà. Tuy nhiên, có lẽ sẽ hữu ích nếu ngắn gọn liệt kê những gì đã được nói ra:

a. Kundalini lies at the base of the spine, and, in the normal average man, its main function is the vitalisation of the body.

a. Kundalini nằm ở đáy cột sống, và nơi con người bình thường trung bình, chức năng chính của nó là tiếp sinh lực cho thân thể.

b. Kundalini makes three at-one-ments during the period of evolution:

b. Kundalini thực hiện ba sự hợp nhất-thành-một trong suốt thời kỳ tiến hoá:

1. With the radiatory fires of the body or prana at a point between the shoulder blades.

1. Với các hỏa lực bức xạ của thân thể hay prana tại một điểm giữa hai bả vai.

2. With the fires of mind at a point at the very top of the spine, in the centre of the back part of the throat.

2. Với các hỏa lực của trí tuệ tại một điểm ở chính đỉnh cột sống, trong trung tâm ở phần sau của cổ họng.

3. With the fire of Spirit at the point where these two united fires of matter and of mind issue from the top of the head.

3. Với hỏa lực của Tinh thần tại điểm mà hai hỏa lực đã hợp nhất này của vật chất và của trí tuệ phát ra từ đỉnh đầu.

c. Each of the three channels within the spinal column have for specific purpose the blending of these threefold fires. We need to bear in mind that the [Page 184] fires *circulate*, and that, at the moment of achievement, every triangle in the body is vivified, every centre is fully functioning, and a threefold path of fire can be seen extending the entire length of the backbone.

c. Mỗi một trong ba kênh bên trong cột sống đều có mục đích chuyên biệt là hòa trộn ba loại hỏa lực này. Chúng ta cần ghi nhớ rằng các [Page 184] hỏa lực *luân chuyển*, và rằng, vào lúc thành tựu, mọi tam giác trong thân thể đều được tiếp sinh lực, mọi trung tâm đều hoạt động trọn vẹn, và có thể thấy một con đường lửa tam phân kéo dài suốt toàn bộ xương sống.

d. When kundalini has blended with the pranic fire, the centres become three-dimensional. When it blends with mind or solar fire and the two fires are perfectly united, the centres become fourth-dimensional. When it blends with the electric fire of pure Spirit after the third Initiation, they take on two more dimensions.

d. Khi kundalini đã hòa trộn với hỏa lực prana, các trung tâm trở thành ba chiều. Khi nó hòa trộn với trí tuệ hay Lửa Thái dương và hai hỏa lực được hợp nhất hoàn toàn, các trung tâm trở thành bốn chiều. Khi nó hòa trộn với Lửa Điện của Tinh thần thuần túy sau lần điểm đạo thứ ba, chúng nhận thêm hai chiều nữa.

e. Kundalini, as it is aroused, steadily increases the vibratory action, not only of the centres, but of every atom of matter in

e. Kundalini, khi được khơi dậy, đều đặn làm tăng hoạt động rung động không chỉ của các trung tâm mà còn của mọi nguyên tử vật

all the bodies—etheric, astral and mental. This quickening of activity has a dual effect of great interest:

chất trong tất cả các thể—dĩ thái, cảm dục và trí tuệ. Sự tăng tốc hoạt động này có một tác dụng kép rất đáng quan tâm:

1. It causes the elimination of all matter that is coarse and unsuitable, and casts it off in exactly the same way as a rapidly rotating wheel casts off or rejects from its surface.

1. Nó gây ra sự loại bỏ mọi vật chất thô trược và không thích hợp, và tống nó ra đúng theo cách mà một bánh xe quay nhanh tống ra hay loại khỏi bề mặt của nó.

2. It sweeps into its sphere of influence matter that is keyed to its own vibration, and builds it into its vibratory content. This is but a reflection of the action of the Logos in sweeping into differentiation the matter of the solar system. Kundalini is likewise the fire or force of matter, and therefore the life of the third Logos.

2. Nó cuốn vào phạm vi ảnh hưởng của nó loại vật chất được điều chỉnh theo chính rung động của nó, và xây dựng vật chất ấy vào nội dung rung động của nó. Đây chỉ là một phản ánh của tác động của Thượng đế trong việc cuốn vật chất của hệ mặt trời vào sự biến phân. Kundalini cũng là lửa hay mãnh lực của vật chất, và vì vậy là sự sống của Thượng đế thứ ba.

f. Kundalini has two effects upon the etheric web, as it is called.

f. Kundalini có hai tác động lên tấm lưới dĩ thái, như nó được gọi.

1. By its gradually increasing action it purifies that etheric form and cleanses it from “dross,” as the Christian expresses it.

1. Bằng tác động tăng dần của nó, nó thanh lọc hình thể dĩ thái ấy và làm sạch nó khỏi “cặn bã,” như tín đồ Cơ Đốc giáo diễn đạt.

2. Eventually, after the two fires of matter and the fire of mind have begun to blend (a slow and gradual process), the web itself is destroyed [Page 185] and by the time the third Initiation is reached, the man should have continuity of consciousness. This is so unless for certain work and for certain specific ends, the man consciously and willingly foregoes the burning of the web, a thing which can be brought about by the conscious action of the will.

2. Cuối cùng, sau khi hai hỏa lực của vật chất và hỏa lực của trí tuệ đã bắt đầu hòa trộn (một tiến trình chậm chạp và từ từ), chính tấm lưới ấy bị phá hủy [Page 185] và vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ ba, con người hẳn đã có sự liên tục của tâm thức. Điều này là như vậy trừ phi vì một công việc nào đó và vì những mục đích chuyên biệt nào đó, con người chủ động và tự nguyện không đốt cháy tấm lưới, điều có thể được thực hiện bằng tác động hữu thức của ý chí.

4. The Centres and the Senses, Normal and Supernormal. — 4. Các Trung Tâm và Các Giác Quan, Bình Thường và Siêu Thường.

Before at all dealing with the centres and their relationship to the senses, it will be

Trước khi bàn đến các trung tâm và mối liên hệ của chúng với các giác quan, trước hết

necessary first of all to point out certain facts of interest in connection with those senses, (79) and so clear the ground for further information.

cần chỉ ra một số sự kiện đáng quan tâm liên quan đến các giác quan ấy, (79) và như vậy dọn đường cho thông tin tiếp theo.

(79) The seven senses or the avenues of perception.—S. D., I, 489, 490, The third or Indriya Creation.—S. D., III, 567.

(79) Bảy giác quan hay các con đường của tri giác.—S. D., I, 489, 490, Cuộc Sáng Tạo thứ ba hay Indriya.—S. D., III, 567.

Indriya—The control of the senses in yoga practice. These are the 10 external agents; the 5 senses which are used for perception are called 'Jnana-indriya' and the 5 used for action 'karma-indriya.'—Theosophical Glossary.

Indriya—Sự kiểm soát các giác quan trong thực hành yoga. Đây là 10 tác nhân bên ngoài; 5 giác quan được dùng cho tri giác được gọi là 'Jnana-indriya' và 5 giác quan được dùng cho hành động là 'karma-indriya.'—Từ điển Thông Thiên Học.

"Jnana-indriyas"—literally knowledge-senses...by which knowledge is obtained....They are the avenues inward.

"Jnana-indriyas"—nghĩa đen là các giác quan tri thức... nhờ đó tri thức được thu nhận.... Chúng là những con đường hướng vào trong.

"Karma-indriyas"—literally action senses...those producing action. They are the avenues outwards.—Study in Consciousness, pp. 166-167.

"Karma-indriyas"—nghĩa đen là các giác quan hành động... những gì tạo ra hành động. Chúng là những con đường hướng ra ngoài.—Nghiên Cứu về Tâm Thức, tr. 166-167.

1. Sensation is latent in every atom of substance.—S. D., II, 710.

1. Cảm giác tiềm tàng trong mọi nguyên tử của chất liệu.—S. D., II, 710.

2. The Sun is the heart of the system and sensation emanates from there. It is due to solar radiation.—S. D., I, 590, 662.

2. Mặt Trời là trái tim của hệ mặt trời và cảm giác phát xuất từ đó. Cảm giác ấy có được nhờ bức xạ mặt trời.—S. D., I, 590, 662.

3. Knowledge is the end of sense.—S. D., I, 300.

3. Tri thức là cứu cánh của giác quan.—S. D., I, 300.

4. There is a double set of senses, spiritual and material.—S. D., I, 582; S. D., II, 307, 308. This finds its reflection in the double set of physical senses noted in defining the indriyas.

4. Có hai bộ giác quan, tinh thần và vật chất. —S. D., I, 582; S. D., II, 307, 308. Điều này phản ánh trong hai bộ giác quan hồng trần được ghi nhận khi định nghĩa các indriyas.

5. The senses might be enumerated as follows: S. D., I, 583 and note 123; S. D., II, 600, 674, 675, 676.

5. Các giác quan có thể được liệt kê như sau: S. D., I, 583 và chú thích 123; S. D., II, 600, 674, 675, 676.

6. The elements are the progenitors of the senses....—S. D., II, 112, 113.

6. Các nguyên tố là những đấng sinh ra các giác quan....—S. D., II, 112, 113.

a.	Aether	Hearing	Sound	.Atmic plane
b.	Air	Touch	Sound, touch	Buddhic plane
c.	Fire	Sight	Sound, touch, sight	Mental plane
d.	Water	Taste	Sound, touch, sight, taste	.Astral plane
e.	Earth	Smell	Sound, touch, sight, taste, smell	Physical plane

7. Every sense pervades every other sense....—S. D., III, 569.

7. Mỗi giác quan thấm khắp mọi giác quan khác....—S. D., III, 569.

There is no universal order.

Không có một trật tự phổ quát nào.

All are on all planes.—S. D., III, 550.

Tất cả đều hiện diện trên mọi cõi.—S. D., III, 550.

8. The senses correspond with every other septenate in nature.

8. Các giác quan tương ứng với mọi bộ bảy khác trong bản chất.

See S. D., III, 448. (Compare S. D., III, 497.

Xem S. D., III, 448. (So sánh S. D., III, 497.

Practical reading....—S. D., I, 288 (back)

Đọc phần thực hành....—S. D., I, 288 (back)

[Page 186] What are the senses? How many are there? And what is their connection with the indwelling Man, the Thinker, the Divine Manasaputra? These are questions of vital moment, and in their due comprehension

[Page 186] Các giác quan là gì? Có bao nhiêu giác quan? Và mối liên hệ của chúng với Con Người nội tại, Đấng Tư Tưởng, Manasaputra Thiêng Liêng là gì? Đây là những câu hỏi có tầm quan trọng thiết yếu, và trong sự thấu

comes the ability wisely to follow the path of knowledge.

hiểu đúng đắn về chúng sẽ xuất hiện khả năng khôn ngoan bước theo con đường tri thức.

The senses might be defined as those organs whereby man becomes aware of his surroundings. We should perhaps express them not so much as organs (for after all, an organ is a material form, existent for a purpose) but as media whereby the Thinker comes in contact with his environment. They are the means whereby he makes investigation on the plane of the gross physical, for instance; the means whereby he buys his experience, whereby he discovers that which he requires to know, whereby he becomes aware, and whereby he expands his consciousness. We are dealing here with the five senses as used by the human being. In the animal these five senses exist but, as the thinking correlating faculty is lacking, as the "relation between" the self and the not-self is but little developed, we will not concern ourselves with them at this juncture. The senses in the animal kingdom are *group faculty* and demonstrate as racial instinct. The senses in man are his individual asset, and demonstrate:

Các giác quan có thể được định nghĩa là những cơ quan nhờ đó con người trở nên nhận biết được môi trường chung quanh mình. Có lẽ chúng ta nên diễn đạt chúng không hẳn như những cơ quan (vì rốt cuộc, một cơ quan là một hình tướng vật chất, hiện hữu vì một mục đích) mà như những môi giới nhờ đó Đấng Tư Tưởng tiếp xúc với môi trường của mình. Chúng là những phương tiện nhờ đó y khảo sát trên cõi hồng trần thô trược chẳng hạn; là những phương tiện nhờ đó y mua lấy kinh nghiệm của mình, nhờ đó y khám phá điều mình cần biết, nhờ đó y trở nên nhận biết, và nhờ đó y mở rộng tâm thức của mình. Ở đây chúng ta đang bàn đến năm giác quan như được con người sử dụng. Nơi loài vật, năm giác quan này có tồn tại nhưng, vì thiếu năng lực tư duy liên kết, vì "mối liên hệ giữa" tự ngã và phi-ngã chỉ phát triển rất ít, nên vào lúc này chúng ta sẽ không quan tâm đến chúng. Các giác quan trong giới động vật là một *năng lực nhóm* và biểu lộ thành bản năng chủng loại. Các giác quan nơi con người là tài sản cá nhân của y, và biểu lộ như sau:

a. As the separate realisation of self-consciousness.

a. Như sự nhận thức riêng biệt về ngã thức.

b. As ability to assert that individualism.

b. Như khả năng khẳng định tính cá biệt ấy.

c. As a valuable means to self-conscious evolution.

c. Như một phương tiện quý giá cho sự tiến hoá có ngã thức.

d. As a source of knowledge.

d. Như một nguồn tri thức.

e. As the transmuting faculty towards the close of life in the three worlds.

e. Như năng lực chuyển hoá vào lúc gần kết thúc sự sống trong ba cõi giới.

As we know, the senses are five in number and in order of development are as follows:

a. Hearing.

b. Touch.

c. Sight.

d. Taste.

e. Smell.

[Page 187] Each of these five senses has a definite connection with one or other plane, and has also a correspondence on all planes.

Let us first take up each of these senses, point out some interesting facts in connection with them, and suggest their subplane correspondence.

Như chúng ta biết, các giác quan có số lượng là năm và theo thứ tự phát triển thì như sau:

a. Thính giác.

b. Xúc giác.

c. Thị giác.

d. Vị giác.

e. Khứu giác.

[Page 187] Mỗi một trong năm giác quan này có một liên hệ xác định với cõi này hay cõi khác, và cũng có một sự tương ứng trên mọi cõi.

Trước hết, chúng ta hãy xét từng giác quan này, nêu ra vài sự kiện lý thú liên quan đến chúng, và gợi ý sự tương ứng cõi phụ của chúng.

	PLANE	SENSE
1.	Physical	Hearing.
2.	Astral	Touch or feeling.
3.	Mental	Sight.
4.	Buddhic	Taste.
5.	Atmic	Smell.

In the two lower planes in the three worlds —the astral and the physical—the five subplanes of human endeavour are the five

Trên hai cõi thấp hơn trong ba cõi giới—cõi cảm dục và cõi hồng trần—năm cõi phụ của nỗ lực nhân loại là năm cõi phụ cao nhất. Hai

highest. The two lowest subplanes, the sixth and seventh, are what we might express as "below the threshold," and concern forms of life beneath the human altogether. We have a corroborating analogy in the fact that the two earliest root-races in this round are not definitely human, and that it is the third root-race which is really human for the first time. Counting, therefore, from the bottom upwards it is only the third subplane on the physical and the astral planes which mark the commencement of human effort, leaving five subplanes to be subdued. On the mental plane the five lower subplanes have to be subjugated during purely human evolution. When the consciousness is centred on the fifth subplane (counting from below upwards) then the planes of abstraction—from the standpoint of man in the three worlds—supervene the two subplanes of synthesis, demonstrating through the synthesis of the five senses. In the evolution of the Heavenly Man we have exactly the same thing: the five planes of endeavour, the five lower planes of the solar system, and the two higher planes of abstraction, the spiritual or monadic and the divine, or logoic. [Page 188]

cõi phụ thấp nhất, tức cõi phụ thứ sáu và thứ bảy, là điều mà chúng ta có thể gọi là "ở dưới ngưỡng," và liên quan đến những hình thái sự sống hoàn toàn ở dưới mức con người. Chúng ta có một sự tương đồng xác nhận trong sự kiện rằng hai giống dân gốc sớm nhất trong cuộc tuần hoàn này chưa hẳn là con người, và chính giống dân gốc thứ ba mới thật sự là con người lần đầu tiên. Vì vậy, nếu tính từ dưới lên trên thì chỉ cõi phụ thứ ba trên cõi hồng trần và cõi cảm dục mới đánh dấu sự khởi đầu của nỗ lực nhân loại, để lại năm cõi phụ cần phải được chinh phục. Trên cõi trí, năm cõi phụ thấp hơn phải được chế ngự trong suốt tiến trình tiến hoá thuần túy nhân loại. Khi tâm thức được định tâm trên cõi phụ thứ năm (tính từ dưới lên trên) thì các cõi trừu tượng—xét từ quan điểm của con người trong ba cõi giới—xuất hiện, tức hai cõi phụ tổng hợp, biểu lộ qua sự tổng hợp của năm giác quan. Trong sự tiến hoá của Đấng Thiên Nhân, chúng ta có đúng cùng một điều như thế: năm cõi nỗ lực, năm cõi thấp của hệ mặt trời, và hai cõi cao của sự trừu tượng, tức cõi tinh thần hay chân thần và cõi thiêng liêng hay cõi của Thượng đế. [Page 188]

MICROCOSMIC SENSORY EVOLUTION

SỰ TIẾN HOÁ GIÁC QUAN CỦA TIỂU THIÊN ĐỊA

Plane				
Physical	1.	Hearing	5th	gaseous
	2.	Touch, feeling	4th	first etheric
	3.	Sight	3rd	super-etheric
	4.	Taste	2nd	sub-atomic

	5.	Smell	1st	atomic
Astral	1.	Clairaudience	5th	
	2.	Psychometry	4th	
	3.	Clairvoyance	3rd	
	4.	Imagination	2nd	
	5.	Emotional idealism	1st	
Mental	1.	Higher clairaudience	7th	FORM
	2.	Planetary psychometry	6th	FORM
	3.	Higher clairvoyance	5th	FORM
	4.	Discrimination	4th	FORM
	5.	Spiritual discernment	3rd	FORMLESS
		Response to group vibration	2nd	FORMLESS
		Spiritual telepathy	1st	FORMLESS
Buddhic	1.	Comprehension	7th	
	2.	Healing	6th	
	3.	Divine vision	5th	
	4.	Intuition	4th	
	5.	Idealism	3rd	
Atmic	1.	Beatitude	7th	

2.	Active service	6th
3.	Realisation	5th
4.	Perfection	4th
5.	All knowledge	3rd

It can be noted that we have not summed up the two planes of abstraction on the atmic and the buddhic planes, the reason being that they mark a degree of realisation which is the property of initiates of higher degree [Page 189] than that of the adept, and which is beyond the concept of the evolving human unit, for whom this treatise is written.

Cần lưu ý rằng chúng ta chưa tổng kết hai cõi trừu tượng trên các cõi atma và Bồ đề, lý do là vì chúng đánh dấu một mức độ chứng nghiệm vốn là sở hữu của các điểm đạo đồ có cấp độ cao hơn [Page 189] chân sư, và vượt ngoài quan niệm của đơn vị nhân loại đang tiến hoá, là đối tượng mà bộ luận này được viết cho.

We might here, for the sake of clarity, tabulate the five different aspects of the five senses on the five planes, so that their correspondences may be readily visualised, using the above table as the basis:

Ở đây, để cho rõ ràng, chúng ta có thể lập bảng năm phương diện khác nhau của năm giác quan trên năm cõi, để các sự tương ứng của chúng có thể được hình dung một cách dễ dàng, dùng bảng trên làm cơ sở:

a. The First Sense..... Hearing.

a. Giác quan thứ nhất..... Thính giác.

1. Physical hearing.

1. Thính giác hồng trần.

2. Clairaudience.

2. Thông nhĩ.

3. Higher clairaudience.

3. Thông nhĩ cao hơn.

4. Comprehension (of four sounds)

4. Sự thấu hiểu (bốn âm thanh)

5. Beatitude.

5. Chí phúc.

b. The Second Sense..... Touch or feeling.

b. Giác quan thứ hai..... Xúc giác hay cảm nhận.

1. Physical touch.

2. Psychometry.

3. Planetary psychometry.

4. Healing.

5. Active service.

c. The Third Sense..... Sight.

1. Physical sight.

2. Clairvoyance.

3. Higher clairvoyance.

4. Divine vision.

5. Realisation.

d. The Fourth Sense..... Taste.

1. Physical taste.

2. Imagination.

3. Discrimination.

4. Intuition.

5. Perfection.

e. The Fifth Sense.....Smell.

1. Physical smell.

1. Xúc giác hồng trần.

2. Thuật trắc tâm.

3. Thuật trắc tâm hành tinh.

4. Trị liệu.

5. Phụng sự tích cực.

c. Giác quan thứ ba..... Thị giác.

1. Thị giác hồng trần.

2. Thông nhãn.

3. Thông nhãn cao hơn.

4. Tầm nhìn thiêng liêng.

5. Chứng nghiệm.

d. Giác quan thứ tư..... Vị giác.

1. Vị giác hồng trần.

2. Sự tưởng tượng.

3. Sự phân biện.

4. Trực giác.

5. Sự hoàn hảo.

e. Giác quan thứ năm.....Khứu giác.

1. Khứu giác hồng trần.

2. Emotional idealism.

3. Spiritual discernment.

4. Idealism.

5. All knowledge.

[Page 190] Let us now proceed to take up each of these senses in detail:

a. Hearing. This, very appropriately, is the first sense to be manifested; the first aspect of manifestation is that of sound, and necessarily therefore we would expect sound to be the first thing noticed by man on the physical plane, the plane of densest manifestation, and of the most marked effects of sound, regarding it as a creating factor. Pre-eminently the physical plane is the plane of hearing and hence the sense ascribed to the lowest plane of evolution, and of each of the five planes. On this seventh or lowest plane man has to come to full cognisance of the effect of the Sacred Word as it is in process of sounding forth. As it reverberates throughout the system, it drives matter into its appointed place, and on the physical plane finds its point of deepest materiality and of most concrete demonstration. The key for man to discover and turn, concerns itself with the revealing of the mystery of:

a. His own sound.

b. His brother's sound.

c. His group sound.

2. Chủ nghĩa lý tưởng cảm xúc.

3. Phân biện tinh thần.

4. Chủ nghĩa lý tưởng.

5. Mọi tri thức.

[Page 190] Giờ đây, chúng ta hãy tiếp tục xét chi tiết từng giác quan này:

a. Thính giác. Điều này, rất thích hợp, là giác quan đầu tiên được biểu lộ; phương diện đầu tiên của biểu hiện là âm thanh, và vì thế tất nhiên chúng ta sẽ mong đợi âm thanh là điều đầu tiên được con người ghi nhận trên cõi hồng trần, cõi của biểu hiện đậm đặc nhất, và của những hiệu quả rõ rệt nhất của âm thanh, khi xem nó như một yếu tố sáng tạo. Nổi bật hơn hết, cõi hồng trần là cõi của thính giác, và vì thế thính giác là giác quan tương ứng với cõi thấp nhất của tiến hoá cũng như với cõi phụ thấp nhất của mỗi một trong năm cõi. Trên cõi thứ bảy hay thấp nhất này, con người phải đi đến sự nhận biết đầy đủ về hiệu quả của Linh từ Thiêng Liêng khi nó đang trong tiến trình được xướng lên. Khi nó vang dội khắp hệ mặt trời, nó đẩy vật chất vào vị trí đã được chỉ định của nó, và trên cõi hồng trần tìm thấy điểm vật chất tính sâu đậm nhất và sự biểu lộ cụ thể nhất. Chìa khóa mà con người phải khám phá và xoay mở liên quan đến việc vén lộ huyền nhiệm của:

a. Âm thanh của chính y.

b. Âm thanh của huynh đệ y.

c. Âm thanh nhóm của y.

d. The sound of that one of the Heavenly Men with whom he is connected.

d. Âm thanh của một trong các Đấng Thiên Nhân mà y có liên hệ.

e. The sound of the Logos, or the sound of nature; of the solar system, of the Grand Man of the Heavens.

e. Âm thanh của Thượng đế, hay âm thanh của bản chất; của hệ mặt trời, của Đại Nhân trên Thiên Giới.

Therefore, we note that on the physical plane a man has to find his own note, finding it in spite of the density of the form.

Vì vậy, chúng ta lưu ý rằng trên cõi hồng trần con người phải tìm ra âm điệu riêng của mình, tìm thấy nó bất chấp sự đậm đặc của hình tướng.

a. On the physical plane he finds his own note.

a. Trên cõi hồng trần y tìm ra âm điệu riêng của mình.

b. On the astral plane he finds his brother's note; through identity of emotion he comes to the recognition of his brother's identity. [Page 191]

b. Trên cõi cảm dục y tìm ra âm điệu của huynh đệ mình; qua sự đồng nhất về cảm xúc, y đi đến chỗ nhận ra bản sắc của huynh đệ mình. [Page 191]

c. On the mental plane he begins to find his group note.

c. Trên cõi trí y bắt đầu tìm ra âm điệu nhóm của mình.

d. On the buddhic plane, or the plane of wisdom, he begins to find the note of his planetary Logos.

d. Trên cõi Bồ đề, hay cõi minh triết, y bắt đầu tìm ra âm điệu của Đức Hành Tinh Thượng Đế của mình.

e. On the atmic, or spiritual, plane the note logoic begins to sound within his consciousness.

e. Trên cõi atma, hay cõi tinh thần, âm điệu của Thượng đế bắt đầu vang lên trong tâm thức của y.

I am differentiating thus for the sake of clarity. In evolution itself, due to the parallelism of nature, the distinctions are not so sharply made, and a man's ray, point of development, the work earlier accomplished, his temporary limitations, and other causes create a seeming confusion, but in the great scheme as seen from above downwards, the work proceeds as described.

Tôi phân biệt như vậy là để cho rõ ràng. Trong chính tiến hoá, do tính song hành của bản chất, các phân biệt không được tạo ra sắc nét đến thế, và cung của một người, điểm tiến hoá, công việc đã hoàn tất trước đây, những giới hạn tạm thời của y, cùng các nguyên nhân khác tạo nên một sự lẫn lộn bề ngoài, nhưng trong đại thể, như được nhìn từ trên xuống dưới, công việc diễn tiến như đã mô tả.

Hearing on the astral plane is commonly called clairaudience, and means the ability to hear the sounds of the astral plane. It is a faculty that demonstrates throughout the entire astral body, and a man hears all over his vehicle and not only through the specialised organs, the ears, the product of physical plane action and reaction. This would necessarily be so, owing to the fluidic nature of the astral body. Man on the physical plane hears at the same time a certain range of sounds, and only a small and particular gamut of vibrations impinges upon his ears. There are many of the lesser sounds of nature which entirely escape him, while the major group sounds are not differentiated at all. As evolution proceeds and the inner sense of hearing becomes acute, these other physical plane sounds will likewise swing into his ken, and he will be acutely conscious of all sounds on the astral, and the physical plane—a thing, which if possible now, would result in the shattering of the body. If the note of nature, for instance, were to strike but once upon the ear of a man (a note made up of the totality of vibrations produced by all dense material forms) his physical body would be completely disrupted. [Page 192] He is not ready yet for such a happening; the inner ear is not duly prepared. Only when the threefold hearing is consummated will completed hearing on the physical plane be likewise permitted.

Thính giác trên cõi cảm dục thường được gọi là thông nhĩ, và có nghĩa là khả năng nghe các âm thanh của cõi cảm dục. Đó là một năng lực biểu lộ khắp toàn thể thể cảm dục, và con người nghe bằng toàn bộ vận cụ của mình chứ không chỉ qua các cơ quan chuyên biệt là đôi tai, sản phẩm của tác động và phản ứng trên cõi hồng trần. Điều này tất nhiên phải như vậy, do bản chất linh động của thể cảm dục. Con người trên cõi hồng trần đồng thời nghe được một phạm vi âm thanh nhất định, và chỉ một âm giai nhỏ và riêng biệt của các rung động tác động lên tai y. Có nhiều âm thanh nhỏ hơn của bản chất hoàn toàn thoát khỏi y, trong khi các âm thanh nhóm chủ yếu thì hoàn toàn không được phân biệt. Khi tiến hoá tiếp diễn và giác quan thính giác bên trong trở nên bén nhạy, những âm thanh khác của cõi hồng trần này cũng sẽ đi vào tầm nhận biết của y, và y sẽ nhận biết một cách sắc bén mọi âm thanh trên cõi cảm dục và cõi hồng trần—một điều mà nếu hiện nay có thể xảy ra, sẽ dẫn đến sự tan vỡ của thể xác. Chẳng hạn, nếu âm điệu của bản chất chỉ đập vào tai một người một lần thôi (một âm điệu được tạo thành từ tổng thể các rung động do mọi hình tướng vật chất đậm đặc tạo ra) thì thể xác của y sẽ hoàn toàn bị phá vỡ. [Page 192] Y chưa sẵn sàng cho một biến cố như thế; nội nhĩ chưa được chuẩn bị đúng mức. Chỉ khi nào thính giác tam phân được hoàn tất thì thính giác hoàn chỉnh trên cõi hồng trần mới cũng được cho phép.

Hearing on the mental plane is simply an extension of the faculty of differentiating sound. The hearing dealt with on all these planes is the hearing that has to do with the form, that concerns the vibration of matter, and that is occupied with the not-self. It has not to do with the psyche, or the telepathic communication that proceeds from mind to mind, but with the sound of the form or that

Thính giác trên cõi trí chỉ đơn giản là một sự mở rộng của năng lực phân biệt âm thanh. Thính giác được bàn đến trên tất cả các cõi này là thính giác có liên quan đến hình tướng, liên quan đến rung động của vật chất, và bận tâm với phi-ngã. Nó không liên quan đến tâm hồn, hay giao tiếp viễn cảm diễn ra từ trí tuệ này sang trí tuệ khác, mà liên quan đến âm thanh của hình tướng hay quyền

power whereby one separated unit of consciousness is aware of another unit who is not himself. Bear this carefully in mind. When the extension of hearing becomes such that it concerns the psyche, then we call it telepathy or that wordless communication that is the synthesis of hearing on all the three lower planes and which is known by the Ego in the causal body on the formless levels of the mental plane.

năng nhờ đó một đơn vị tâm thức biệt lập nhận biết một đơn vị khác không phải là chính mình. Hãy ghi nhớ điều này cẩn thận. Khi sự mở rộng của thính giác trở nên như thế đến mức nó liên quan đến tâm hồn, thì chúng ta gọi nó là viễn cảm hay sự giao tiếp không lời, là sự tổng hợp của thính giác trên cả ba cõi thấp và được Chân ngã trong thể nguyên nhân biết đến trên các cấp độ vô tướng của cõi trí.

On the buddhic plane, hearing (now of the synthetic quality called telepathy) demonstrates as complete comprehension, for it has involved two things:

Trên cõi Bồ đề, thính giác (nay thuộc phẩm tính tổng hợp gọi là viễn cảm) biểu lộ thành sự thấu hiểu trọn vẹn, vì nó đã bao hàm hai điều:

1. A knowledge and recognition of individual sound,

1. Một tri thức và sự nhận biết về âm thanh cá nhân,

2. A similar knowledge of group sound,

2. Một tri thức tương tự về âm thanh nhóm,

and their complete unification. This causes the most perfect comprehension, and is the secret of the Master's power.

và sự hợp nhất hoàn toàn của chúng. Điều này tạo nên sự thấu hiểu hoàn hảo nhất, và là bí mật của quyền năng của Chân sư.

On the atmic plane this perfected hearing is seen as beatitude. Sound, the basis of existence; sound, the method of being; sound, the final unifier; sound therefore realised as the *raison d'être*, as the method of evolution, and therefore as beatitude. (80)

Trên cõi atma, thính giác đã được hoàn thiện này được thấy như chí phúc. Âm thanh, nền tảng của hiện hữu; âm thanh, phương pháp của tồn tại; âm thanh, yếu tố hợp nhất tối hậu; do đó âm thanh được chứng nghiệm như là *lý do hiện hữu,* như phương pháp của tiến hoá, và vì vậy như chí phúc. (80)

(80)..."the chief agency by which Nature's wheel is moved in a phenomenal direction is sound. Sound is the first aspect of the manifested pentagon since it is a property of ether called Akas and as I already said Vedic recitation is the highest Yagnam containing in itself all minor Yagnams and tending to preserve the manifested pentagon in the proper order. In the opinion of our old

(80)..."tác nhân chủ yếu nhờ đó bánh xe của Thiên Nhiên được chuyển động theo hướng hiện tượng là âm thanh. Âm thanh là phương diện đầu tiên của ngũ giác biểu hiện vì nó là một thuộc tính của dĩ thái gọi là Akas và như tôi đã nói, sự tụng đọc Veda là Yagnam cao nhất, tự nó chứa đựng mọi Yagnams nhỏ hơn và có khuynh hướng duy trì ngũ giác biểu hiện trong trật tự thích

philosophers sound or speech is next to thought the highest karmic agent used by man.

đáng. Theo quan điểm của các triết gia xưa của chúng ta, âm thanh hay lời nói là tác nhân nghiệp quả cao nhất mà con người sử dụng, chỉ đứng sau tư tưởng.

Of the various karmic agencies wielded by man in the way of moulding himself and surroundings, sound or speech is the most important, for, to speak is to work in ether which of course rules the lower quaternary of elements, air, fire, water and earth. Human sound or language contains therefore all the elements required to move the different classes of Devas and those elements are of course the vowels and the consonants. The details of the philosophy of sound in its relation to the devas who preside over the subtle world, belong to the domain of true Mantra Sastra which of course is in the hands of the knowers."—*Some Thoughts on the Gita*, p. 72. (back)

Trong số các tác nhân nghiệp quả khác nhau mà con người vận dụng theo cách uốn nắn chính mình và môi trường chung quanh, âm thanh hay lời nói là quan trọng nhất, vì nói là làm việc trong dĩ thái, mà dĩ thái dĩ nhiên cai quản bộ tứ thấp của các nguyên tố: khí, lửa, nước và đất. Do đó âm thanh hay ngôn ngữ của con người chứa đựng mọi yếu tố cần thiết để vận động các loại thiên thần khác nhau, và những yếu tố ấy dĩ nhiên là nguyên âm và phụ âm. Các chi tiết của triết lý về âm thanh trong mối liên hệ của nó với các thiên thần chủ quản thế giới vi tế thuộc về lãnh vực của Mantra Sastra chân chính, vốn dĩ nhiên nằm trong tay các thức giả."—*Một Vài Tư Tưởng về Gita*, tr. 72. (back)

[Page 193] *b. Touch.* In taking up the subject of the second sense, *that of touch*, we must note that this sense is pre-eminently the sense of very great importance in this, the second, solar system—a system of astral-buddhic consciousness. (81) Each of these senses, after having reached a certain point, begins to synthesise with the others in such a way that it is almost impossible to know where one begins and the other ends. Touch is that innate recognition of contact through the exercise of manas or mind in a threefold manner:

[Page 193] *b. Xúc giác.* Khi xét đến đề tài của giác quan thứ hai, *đó là xúc giác*, chúng ta phải lưu ý rằng giác quan này nổi bật là giác quan có tầm quan trọng rất lớn trong hệ mặt trời thứ hai này—một hệ của tâm thức cảm dục-Bồ đề. (81) Mỗi giác quan này, sau khi đã đạt đến một điểm nào đó, bắt đầu tổng hợp với các giác quan khác theo cách khiến gần như không thể biết được chỗ nào giác quan này bắt đầu và chỗ nào giác quan kia chấm dứt. Xúc giác là sự nhận biết bẩm sinh về tiếp xúc qua việc vận dụng manas hay trí tuệ theo cách tam phân:

(81) Astral-buddhic consciousness is the term applied to the basic consciousness in our solar system. It is characterised by emotion, by feeling, sensation, which have eventually to be transmuted into intuition, spiritual perception and unity. (back)

(81) Tâm thức cảm dục-Bồ đề là thuật ngữ được áp dụng cho tâm thức căn bản trong hệ mặt trời của chúng ta. Đặc trưng của nó là cảm xúc, cảm nhận và cảm giác, những điều rốt cuộc phải được chuyển hoá thành trực giác, tri giác tinh thần và hợp nhất. (back)

As recognition.

Như sự nhận biết.

As memory.

Như ký ức.

As anticipation.

Như sự dự cảm.

Each of the five senses, when coupled with manas, develops within the subject a concept embodying the past, the present and the future. Therefore when a man is very highly evolved, has transcended time (as known in the three worlds), and can therefore look at the three lower planes from the standpoint of the Eternal Now, he has superseded the senses by full active consciousness. He *knows*, and needs not the senses to guide him any longer to knowledge. But in time, and in the three worlds, each sense on each plane is employed to convey to the Thinker some aspect of the not-self, and by the aid [Page 194] of mind, the Thinker can then adjust his relationship thereto.

Mỗi một trong năm giác quan, khi kết hợp với manas, phát triển trong chủ thể một khái niệm bao hàm quá khứ, hiện tại và tương lai. Vì vậy, khi một người tiến hoá rất cao, đã vượt lên trên thời gian (như được biết trong ba cõi giới), và do đó có thể nhìn ba cõi thấp từ quan điểm của Hiện Tại Vĩnh Cửu, thì y đã thay thế các giác quan bằng tâm thức hoạt động trọn vẹn. Y *biết*, và không còn cần các giác quan dẫn dắt mình đến tri thức nữa. Nhưng trong thời gian, và trong ba cõi giới, mỗi giác quan trên mỗi cõi được dùng để truyền đạt cho Đấng Tư Tưởng một phương diện nào đó của phi-ngã, và nhờ sự trợ giúp [Page 194] của trí tuệ, Đấng Tư Tưởng khi ấy có thể điều chỉnh mối liên hệ của mình với điều đó.

Hearing gives him an idea of relative direction, and enables a man to fix his place in the scheme and to locate himself.

Thính giác mang lại cho y một ý niệm về phương hướng tương đối, và giúp con người xác định vị trí của mình trong hệ thống và định vị chính mình.

Touch gives him an idea of relative quantity and enables him to fix his relative value as regards other bodies, extraneous to himself.

Xúc giác mang lại cho y một ý niệm về lượng tương đối và giúp y xác định giá trị tương đối của mình so với các thân thể khác ở ngoài mình.

Sight gives him an idea of proportion, and enables him to adjust his movements to the movements of others.

Thị giác mang lại cho y một ý niệm về tỉ lệ, và giúp y điều chỉnh các chuyển động của mình theo các chuyển động của những kẻ khác.

Taste gives him an idea of value, and enables him to fix upon that which to him appears best.

Vị giác mang lại cho y một ý niệm về giá trị, và giúp y quyết định điều mà đối với y dường như là tốt nhất.

Smell gives him an idea of innate quality, and enables him to find that which appeals to him as of the same quality or essence as himself.

Khứu giác mang lại cho y một ý niệm về phẩm tính bẩm sinh, và giúp y tìm ra điều hấp dẫn y như có cùng phẩm tính hay tinh chất với chính mình.

In all these definitions it is necessary to bear in mind *that the whole object of the senses is to reveal the not-self, and to enable the Self therefore to differentiate between the real and the unreal.* (82)

Trong tất cả các định nghĩa này, cần ghi nhớ rằng *toàn bộ mục đích của các giác quan là vén lộ phi-ngã, và do đó giúp Bản Ngã phân biệt giữa cái thực và cái không thực.* (82)

(82) Sensations aroused by sense objects are experienced by means of the outer instruments of the Lord of the Body or senses (Indriya) which are the pathways through which the Jiva receives worldly experience. These are ten in number, and are of two classes:

(82) Những cảm giác do các đối tượng giác quan khơi dậy được trải nghiệm nhờ các công cụ bên ngoài của Chúa Tể của Thân Thể hay các giác quan (Indriya), là những con đường qua đó Jiva tiếp nhận kinh nghiệm thế gian. Chúng có số lượng là mười, và thuộc hai loại:

a. The five organs of sensation.....*Jnanendriya*

a. Năm cơ quan cảm giác.....*Jnanendriya*

1.....The Ear.....Hearing.

1.....Tai.....Thính giác.

2..... Skin.....Feeling by touch.

2..... Da.....Cảm giác bằng xúc chạm.

3..... Eye..... Sight.

3..... Mắt..... Thị giác.

4.....Tongue.....Taste.

4.....Lưỡi.....Vị giác.

5..... Nose..... Smell.

5..... Mũi..... Khứu giác.

b. The five organs of action.....*Karmendriya*

b. Năm cơ quan hành động.....*Karmendriya*

1..... Mouth..... Speaking.

1..... Miệng..... Nói.

2..... Hands..... Grasping.

2..... Tay..... Nắm bắt.

3..... Legs.....Walking.

3..... Chân.....Đi lại.

4..... Anus.....Excretion.

4..... Hậu môn..... Bài tiết.

5..... Genitals.... Procreation.

The organs of sensation are the reactive response which the Self makes to sensation. The organs of action are those through which effect is given to the Jiva's desires.

"The Indriya or sense is not the physical organ, but the faculty of mind operating through that organ as its instrument. The outward sense organs are the usual means whereby on the physical plane the functions of hearing and so forth are accomplished. But, as they are mere instruments and their power is derived from the mind, a Yogi may accomplish by the mind only all that may be done by means of these physical organs without the use of the latter....

"The three functions of *attention, selection* and *synthesising* the discreet manifold of the senses, are those belonging to that aspect of the mental body, the internal agent, called Manas. Just as manas is necessary to the senses, the latter are necessary for manas....Manas is thus the leading indriya, of which the senses are powers."—*Serpent Power*, by Arthur Avalon. (back)

[Page 195] In the evolution of the senses, hearing is the first vague something which calls the attention of the apparently blind self

a. To another vibration.

b. To something originating outside of itself.

5..... Cơ quan sinh dục.... Sinh sản.

Các cơ quan cảm giác là sự đáp ứng phản ứng mà Bản Ngã tạo ra đối với cảm giác. Các cơ quan hành động là những cơ quan qua đó các ham muốn của Jiva được thực hiện.

"Indriya hay giác quan không phải là cơ quan hồng trần, mà là năng lực của trí tuệ vận hành qua cơ quan ấy như công cụ của nó. Các cơ quan giác quan bên ngoài là những phương tiện thông thường nhờ đó trên cõi hồng trần các chức năng như nghe, v.v. được thực hiện. Nhưng vì chúng chỉ là những công cụ và quyền năng của chúng bắt nguồn từ trí tuệ, nên một Yogi chỉ bằng trí tuệ cũng có thể thực hiện mọi điều có thể làm được nhờ các cơ quan hồng trần này mà không cần dùng đến chúng....

"Ba chức năng của *sự chú ý, sự chọn lọc* và *sự tổng hợp* cái đa tạp rời rạc của các giác quan là những chức năng thuộc về phương diện ấy của thể trí, tác nhân nội tại, được gọi là Manas. Cũng như manas là cần thiết cho các giác quan, thì các giác quan cũng cần thiết cho manas....Do đó, manas là indriya dẫn đầu, mà các giác quan là những quyền năng của nó."—*Serpent Power*, của Arthur Avalon. (back)

[Page 195] Trong sự tiến hoá của các giác quan, thính giác là cái gì đó mơ hồ đầu tiên thu hút sự chú ý của bản ngã dường như mù lòa

a. Đến một rung động khác.

b. Đến một điều gì đó phát sinh từ bên ngoài chính nó.

c. To the concept of externality. When sound is first contacted the consciousness for the first time becomes aware of that which is without.

c. Đến khái niệm về tính bên ngoài. Khi âm thanh lần đầu được tiếp xúc, tâm thức lần đầu tiên nhận biết điều ở bên ngoài.

But all that is grasped by the dormant consciousness (by means of this one sense of hearing) is the fact of something extraneous to itself, and of the direction in which that something lies. This apprehension, in course of time, calls into being another sense, that of touch. The Law of Attraction works, the consciousness moves slowly outwards towards that which is heard; and when contact is made with the not-self it is called touch. This touch conveys other ideas to the groping consciousness, ideas of size, of external texture, and of surface differences; the concept of the Thinker is thus slowly enlarged. He can hear and feel, but as yet knows not enough to correlate nor name. When he succeeds in naming, he has made a big stride forward. We might note here, therefore, that the earliest cosmic symbols are applicable to the senses as well as elsewhere:

Nhưng tất cả những gì tâm thức đang ngủ yên nắm bắt được (bằng giác quan duy nhất này là thính giác) chỉ là sự kiện có một cái gì đó ở ngoài nó, và phương hướng mà cái gì đó ấy nằm về phía đó. Sự lĩnh hội này, theo thời gian, làm phát sinh một giác quan khác, đó là xúc giác. Định luật Hấp Dẫn vận hành, tâm thức chậm rãi chuyển ra ngoài hướng về điều được nghe; và khi sự tiếp xúc được tạo lập với phi-ngã thì điều đó được gọi là xúc chạm. Sự xúc chạm này truyền đạt những ý niệm khác cho tâm thức đang dò dẫm, những ý niệm về kích thước, về kết cấu bên ngoài, và về những khác biệt trên bề mặt; do đó khái niệm của Đấng Tư Tưởng được mở rộng dần dần. Y có thể nghe và cảm thấy, nhưng cho đến lúc này vẫn chưa biết đủ để liên hệ hay gọi tên. Khi y thành công trong việc gọi tên, y đã tiến một bước dài. Vì vậy, ở đây chúng ta có thể lưu ý rằng những biểu tượng vũ trụ sớm nhất cũng áp dụng cho các giác quan cũng như ở nơi khác:

The point in the centre—consciousness and the not-self at a stage where sound alone is descriptive.

Điểm ở trung tâm—tâm thức và phi-ngã ở một giai đoạn mà chỉ riêng âm thanh là có tính mô tả.

The divided circle—consciousness aware of the not-self, through a dual recognition.

Vòng tròn bị chia đôi—tâm thức nhận biết phi-ngã, qua một sự nhận biết nhị nguyên.

[Page 196] Sight follows on this, the third sense, and the one definitely marking the correlation of ideas, or the relation between; it parallels the coming of Mind, both in time and function. We have hearing, touch or feeling, and then sight. In connection with the correspondence it is to be noted that sight came in with the third root-race in this

[Page 196] Tiếp theo đó là thị giác, giác quan thứ ba, và là giác quan xác định rõ rệt sự tương quan của các ý niệm, hay mối liên hệ giữa chúng; nó song hành với sự xuất hiện của Trí Tuệ, cả về thời gian lẫn chức năng. Chúng ta có thính giác, xúc giác hay cảm giác, rồi đến thị giác. Liên quan đến sự tương ứng, cần lưu ý rằng thị giác xuất hiện cùng

round, and that the third race saw also the coming in of Mind. The Self and the not-self were immediately correlated, and co-ordinated. Their close partnership became an accomplished fact, and evolution hastened forward with renewed impetus.

với giống dân gốc thứ ba trong cuộc tuần hoàn này, và giống dân thứ ba cũng chứng kiến sự xuất hiện của Trí Tuệ. Bản Ngã và phi-ngã được tương quan và phối hợp ngay tức thì. Sự cộng tác mật thiết của chúng trở thành một sự kiện đã hoàn tất, và tiến hoá được thúc đẩy nhanh hơn với một xung lực mới.

These three major senses (if I might so describe them) are very definitely allied, each with one of the three Logoi:

Ba giác quan chính này (nếu tôi có thể mô tả chúng như vậy) liên kết rất rõ rệt, mỗi giác quan với một trong ba Đấng Thượng đế:

Hearing—The recognition of the fourfold word, the activity of matter, the third Logos.

Thính giác—Sự nhận biết linh từ tứ phân, hoạt động của vật chất, Đấng Thượng đế thứ ba.

Touch—The recognition of the sevenfold Form Builder, the gathering together of forms, their approximation and interrelation, the second Logos. The Law of Attraction between the Self and the not-self begins to work.

Xúc giác—Sự nhận biết Đấng Kiến Tạo Hình Tướng thất phân, sự tập hợp các hình tướng, sự xích lại gần nhau và liên hệ lẫn nhau của chúng, Đấng Thượng đế thứ hai. Định luật Hấp Dẫn giữa Bản Ngã và phi-ngã bắt đầu vận hành.

Sight—The recognition of totality, the synthesis of all, the realisation of the One in Many, the first Logos. The Law of Synthesis, operating between all forms which the self occupies, and the recognition of the essential unity of all manifestation by the means of sight.

Thị giác—Sự nhận biết tính toàn thể, sự tổng hợp của tất cả, sự chứng nghiệm Đấng Duy Nhất trong Nhiều, Đấng Thượng đế thứ nhất. Định luật Tổng Hợp, vận hành giữa mọi hình tướng mà bản ngã chiếm ngụ, và sự nhận biết tính hợp nhất cốt yếu của mọi biểu hiện bằng phương tiện thị giác.

As regards *taste* and *smell*, we might call them minor senses, for they are closely allied to the important sense of touch. They are practically subsidiary to that sense. This second sense, and its connection with this second solar system, should be carefully pondered over. It is predominantly the sense most closely connected with the second Logos. This conveys a hint of much value if duly considered. It is of value to study the extensions of physical plane touch on other planes and to see whither we are led. It is the

Về *vị giác* và *khứu giác*, chúng ta có thể gọi chúng là những giác quan phụ, vì chúng liên kết chặt chẽ với giác quan quan trọng là xúc giác. Trên thực tế, chúng là phụ thuộc của giác quan ấy. Giác quan thứ hai này, và mối liên hệ của nó với hệ mặt trời thứ hai này, cần được suy ngẫm kỹ lưỡng. Chủ yếu, đây là giác quan gắn bó mật thiết nhất với Đấng Thượng đế thứ hai. Điều này gợi ra một ám chỉ rất có giá trị nếu được suy xét đúng mức. Việc nghiên cứu những sự mở rộng của xúc giác cõi hồng trần trên các cõi khác và xem

faculty which enables us to arrive [Page 197] at the essence by due recognition of the veiling sheath. It enables the Thinker who fully utilises it to put himself *en rapport* with the essence of all selves at all stages, and thereby to aid in the due evolution of the sheath and actively to serve. A Lord of Compassion is one who (by means of touch) feels with, fully comprehends, and realises the manner in which to heal and correct the inadequacies of the not-self and thus actively to serve the plan of evolution. We should study likewise in this connection the value of touch as demonstrated by the healers of the race (those on the Bodhisattva line) (83) and the effect of the Law of Attraction and Repulsion as thus manipulated by them. Students of etymology will have noted that the origin of the word *touch* is somewhat obscure, but probably means to 'draw with quick motion.' Herein lies the whole secret of this objective solar system, and herein will be demonstrated the quickening of vibration by means of touch. Inertia, mobility, rhythm, are the qualities manifested by the not-self. Rhythm, balance, and stable vibration are achieved by means of this very faculty of touch or feeling. Let me illustrate briefly so as to make the problem somewhat clearer. What results in meditation? By dint of strenuous effort and due attention to rules laid down, the aspirant succeeds in touching matter of a quality rarer than is his usual custom. He contacts his causal body, in time he contacts the matter of the buddhic plane. By means of this touch his own vibration is temporarily and briefly quickened. Fundamentally we are brought back to the subject that we deal with in this treatise. The latent fire of matter attracts to itself that fire, latent in other forms. They touch, and recognition and awareness ensues. The fire of manas burns continuously and is fed by that which is

chúng dẫn chúng ta đến đâu là điều có giá trị. Chính năng lực này cho phép chúng ta đạt tới [Page 197] bản chất cốt yếu nhờ sự nhận biết đúng đắn lớp vỏ che phủ. Nó cho phép Đấng Tư Tưởng, khi vận dụng trọn vẹn nó, đặt mình vào sự hòa hợp với bản chất cốt yếu của mọi bản ngã ở mọi giai đoạn, và nhờ đó trợ giúp cho sự tiến hoá đúng đắn của lớp vỏ và tích cực phụng sự. Chúa Tể của Lòng Từ Bi là Đấng mà (bằng xúc giác) cảm thông, hoàn toàn thấu hiểu, và nhận ra cách thức chữa lành và điều chỉnh những khiếm khuyết của phi-ngã và nhờ đó tích cực phụng sự Thiên Cơ tiến hoá. Tương tự, trong mối liên hệ này, chúng ta cũng nên nghiên cứu giá trị của xúc giác qua sự biểu lộ của những nhà chữa lành trong nhân loại (những vị trên dòng Bồ Tát) (83) và hiệu quả của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi khi được họ vận dụng như thế. Những người nghiên cứu từ nguyên học hẳn đã lưu ý rằng nguồn gốc của từ *xúc chạm* phần nào mơ hồ, nhưng có lẽ có nghĩa là "kéo bằng chuyển động nhanh." Chính trong đây có toàn bộ bí mật của hệ mặt trời khách quan này, và chính trong đây sẽ được chứng minh sự làm tăng tốc rung động bằng phương tiện xúc chạm. Quán tính, tính động, nhịp điệu là những phẩm tính mà phi-ngã biểu lộ. Nhịp điệu, sự quân bình và rung động ổn định đạt được nhờ chính năng lực xúc chạm hay cảm giác này. Hãy để tôi minh họa ngắn gọn để làm cho vấn đề phần nào rõ hơn. Điều gì xảy ra trong tham thiền? Nhờ nỗ lực mãnh liệt và sự chú ý đúng mức đến các quy luật đã được đặt ra, người chí nguyện thành công trong việc chạm đến vật chất có phẩm tính tinh tế hơn điều thường lệ của y. Y tiếp xúc với thể nguyên nhân của mình, và theo thời gian y tiếp xúc với vật chất của cõi Bồ đề. Nhờ sự xúc chạm này, rung động của chính y tạm thời và trong chốc lát được tăng tốc. Về căn bản, chúng ta được đưa trở lại chủ đề mà chúng ta bàn đến trong bộ luận này. Lửa tiềm ẩn của vật chất tự hút về mình ngọn

attracted and repulsed. When the two [Page 198] blend, the stimulation is greatly increased and the ability to touch intensified. The Law of Attraction persists in its work until another fire is attracted and touched, and the threefold merging is completed. Forget not in this connection the mystery of the Rod of Initiation. (84) Later when we consider the subject of the centres and Initiation it must be remembered that we are definitely studying one aspect of this mysterious faculty of touch, the faculty of the second Logos, wielding the law of Attraction.

lửa tiềm ẩn trong các hình tướng khác. Chúng chạm nhau, và sự nhận biết cùng sự tỉnh giác tiếp theo sau. Lửa của manas cháy liên tục và nhận sự nuôi dưỡng từ những gì được hút đến và đẩy ra. Khi hai thứ ấy [Page 198] hòa trộn, sự kích thích tăng lên rất nhiều và khả năng xúc chạm được tăng cường. Định luật Hấp Dẫn tiếp tục công việc của nó cho đến khi một ngọn lửa khác được hút đến và được chạm tới, và sự hòa nhập tam phân được hoàn tất. Trong mối liên hệ này, đừng quên huyền nhiệm của Thần Trượng Điểm đạo. (84) Về sau, khi chúng ta xem xét chủ đề các trung tâm và Điểm đạo, cần nhớ rằng chúng ta đang nghiên cứu rõ rệt một phương diện của năng lực xúc chạm huyền nhiệm này, năng lực của Đấng Thượng đế thứ hai, vận dụng Định luật Hấp Dẫn.

(83) The line of the Bodhisattva is that of Love-Wisdom, and of the detailed science of the soul; it is the teaching line and the path upon which all must eventually pass. (back)

(83) Dòng của Đức Bồ Tát là dòng của Bác Ái – Minh Triết, và của khoa học chi tiết về linh hồn; đó là dòng giảng huấn và là con đường mà cuối cùng tất cả đều phải đi qua. (back)

(84) The Initiations spoken of in this Treatise are the major Initiations which bring about those expansions of consciousness which lead to liberation; these are taken in the causal body and from thence reflected into the physical; the Initiate never proclaims his initiation. (back)

(84) Những cuộc điểm đạo được nói đến trong bộ Luận này là những cuộc điểm đạo lớn đem lại những sự mở rộng tâm thức dẫn đến giải thoát; chúng được tiếp nhận trong thể nguyên nhân và từ đó phản chiếu vào cõi hồng trần; điểm đạo đồ không bao giờ công bố sự điểm đạo của mình. (back)

Let us now finish what may be imparted on the remaining three senses—sight, taste, smell—and then briefly sum up their relationship to the centres, and their mutual action and interaction. That will then leave two more points to be dealt with in this first division of the Treatise on Cosmic Fire, and a summing up. We shall then be in a position to take up that portion of the treatise that deals with the fire of manas and with the development of the manasaputras, (85) both

Giờ đây, chúng ta hãy hoàn tất điều có thể được truyền đạt về ba giác quan còn lại—thị giác, vị giác, khứu giác—rồi sau đó tóm lược ngắn gọn mối liên hệ của chúng với các trung tâm, và hoạt động cùng tác động hỗ tương của chúng. Khi đó sẽ còn lại hai điểm nữa cần được bàn đến trong phần thứ nhất này của Luận về Lửa Vũ Trụ, cùng một phần tổng kết. Sau đó chúng ta sẽ ở vào vị thế để tiếp tục phần của bộ luận bàn về lửa của manas và về sự phát triển của các

in their totality and likewise individually. This topic is of the most imperative importance as it deals entirely with man, the Ego, the thinker, and shows the cosmic blending of the fires of matter and of mind, and their utilisation by the indwelling Flame.

manasaputras, (85) cả trong tính toàn thể của các Ngài lẫn từng vị riêng biệt. Chủ đề này có tầm quan trọng cấp thiết nhất vì nó hoàn toàn bàn về con người, chân ngã, đấng tư tưởng, và cho thấy sự hòa trộn vũ trụ của các ngọn lửa vật chất và trí tuệ, cùng cách Ngọn Lửa nội tại vận dụng chúng.

(85) Manasaputras: These are the Sons of Mind, the individual principle in man, the Ego, the solar Angel, in his own body on the abstract levels of the mental plane. (back)

(85) Manasaputras: Đây là các Con của Trí Tuệ, nguyên khí cá thể trong con người, chân ngã, Thái dương Thiên Thần, trong thân thể của chính Ngài trên các cấp độ trừu tượng của cõi trí. (back)

c. Sight. This sense, as said before, is the paramount correlating sense of the solar system.

c. Thị giác. Như đã nói trước đây, giác quan này là giác quan tương quan tối thượng của hệ mặt trời.

Under the Law of Economy man hears. Sound permeates matter and is the basis of its subsequent heterogeneity.

Dưới Định luật Tiết Kiệm, con người nghe. Âm thanh thấm khắp vật chất và là nền tảng cho tính dị biệt tiếp theo của nó.

Under the Law of Attraction, man touches and makes contact with that which is brought to his attention [Page 199] through sound waves of activity. This leads to a condition of mutual repulsion and attraction between the one who apprehends and that which is apprehended.

Dưới Định luật Hấp Dẫn, con người xúc chạm và tiếp xúc với điều được đưa đến sự chú ý của y [Page 199] qua các làn sóng hoạt động của âm thanh. Điều này dẫn đến một trạng thái đẩy lùi và hấp dẫn hỗ tương giữa kẻ lĩnh hội và điều được lĩnh hội.

Having apprehended and then contacted his eyes are opened and he recognises his place in the whole order under the Law of Synthesis.

Sau khi đã lĩnh hội rồi tiếp xúc, mắt y được mở ra và y nhận biết vị trí của mình trong toàn bộ trật tự dưới Định luật Tổng Hợp.

Hearing	Unity
Touch	Duality
Sight	Triplicity.

In these three senses the present is summed up for us. The work of evolution is to recognise, utilise, co-ordinate, and dominate the whole till the Self, by means of these three, becomes actively aware of every form, of every vibration, and of every pulsation of the not-self; then, through the arranging power of mind, the objective of the self will be to find the truth, or that centre in the circle of manifestation which is, for the Self, the centre of equilibrium, and the one point where the co-ordination is perfected; then the Self can dissociate itself from every veil, every contact, and every sense. This leads in every manifestation to three types of separation:

Trong ba giác quan này, hiện tại được tóm lược cho chúng ta. Công việc của tiến hoá là nhận biết, vận dụng, phối hợp và chế ngự toàn bộ cho đến khi Bản Ngã, bằng phương tiện ba giác quan này, chủ động nhận biết mọi hình tướng, mọi rung động và mọi nhịp đập của phi-ngã; khi đó, nhờ quyền năng sắp xếp của trí tuệ, mục tiêu của bản ngã sẽ là tìm ra chân lý, hay trung tâm ấy trong vòng tròn biểu hiện, vốn là, đối với Bản Ngã, trung tâm quân bình, và là điểm duy nhất nơi sự phối hợp được hoàn thiện; khi đó Bản Ngã có thể tách mình ra khỏi mọi màn che, mọi tiếp xúc và mọi giác quan. Điều này dẫn trong mọi biểu hiện đến ba loại phân ly:

Involution. The separation of matter, or the one becoming the many. The senses are developed, and the apparatus is perfected by the Self for the utilisation of matter. This is under the Law of Economy.

Giáng hạ tiến hoá. Sự phân ly của vật chất, hay cái một trở thành cái nhiều. Các giác quan được phát triển, và bộ máy được Bản Ngã hoàn thiện để vận dụng vật chất. Điều này ở dưới Định luật Tiết Kiệm.

Evolution up to the time of the Probationary Path. The merging of Spirit and matter, and the utilisation of the senses in a progressing identification of the Self with all forms from the lowest to those relatively refined. This is under the Law of Attraction.

Tiến hoá cho đến thời kỳ Con Đường Dự Bị. Sự hòa nhập của tinh thần và vật chất, và sự vận dụng các giác quan trong một sự đồng hoá ngày càng tăng của Bản Ngã với mọi hình tướng từ thấp nhất đến những hình tướng tương đối tinh luyện. Điều này ở dưới Định luật Hấp Dẫn.

Evolution on the Path. Again the separation of spirit from matter, its identification with the One, and the ultimate rejection of form. The senses then are synthesised into acquired faculty, and the Self has no [Page 200] further use for the not-self. It blends with the All-Self. This is under the Law of Synthesis.

Tiến hoá trên Đường Đạo. Lại là sự phân ly của tinh thần khỏi vật chất, sự đồng hoá của nó với Đấng Duy Nhất, và sự từ bỏ hình tướng sau cùng. Khi đó các giác quan được tổng hợp thành năng lực đã thủ đắc, và Bản Ngã không còn [Page 200] dùng đến phi-ngã nữa. Nó hòa nhập với Đại Ngã. Điều này ở dưới Định luật Tổng Hợp.

If this is borne in mind it leads to a realisation that the separation of the Spirit

Nếu điều này được ghi nhớ, nó sẽ dẫn đến sự nhận thức rằng sự phân ly của Tinh thần

from the material vehicle involves two aspects of the One great All; herein is seen the work of the Creator, the Preserver and the Destroyer.

khỏi vận cụ vật chất bao hàm hai phương diện của Một Toàn Thể Vĩ Đại; chính trong đây thấy được công việc của Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt.

In the final perfection of this third sense of sight, the term used is the wholly inadequate one of *realisation*. Let the student study carefully the lowest and highest demonstration of the senses as laid down in the tabulation earlier imparted, and note the occult significance of the expressions used in the summation.

Trong sự hoàn thiện cuối cùng của giác quan thứ ba này là thị giác, thuật ngữ được dùng là "chứng nghiệm", một từ hoàn toàn không diễn đạt đầy đủ *điều ấy*. Hãy để đạo sinh nghiên cứu cẩn thận biểu hiện thấp nhất và cao nhất của các giác quan như đã được nêu trong bảng biểu đã truyền đạt trước đó, và lưu ý ý nghĩa huyền bí của những cách diễn đạt được dùng trong phần tổng kết.

Hearing	Beatitude.	This is realised through the not-self.
Touch	Service.	The summation of the work of the Self for the not-self.
Sight	Realisation.	Recognition of the triplicity needed in manifestation, or the reflex action of the Self and the not-self.
Taste	Perfection.	Evolution completed through the utilisation of the not-self and its realised adequacy.
Smell	Perfected Knowledge.	The principle of manas in its discriminating activity, perfecting the inter-relation between the Self and the not-self.

This all concerns the perfected, realised Personality.

Tất cả điều này đều liên quan đến Phàm ngã đã hoàn thiện, đã chứng nghiệm.

In all these perfections is seen the *awareness* of the Self, and the graded process of identification, utilisation, manipulation and

Trong mọi sự hoàn thiện này, người ta thấy được *sự nhận biết* của Bản Ngã, và tiến trình tuần tự của sự đồng hoá, vận dụng, điều

final rejection of the not-self by that Self who is now consciously aware. He hears the note of nature and that of his monad; he recognises their identity, utilises their vibration, and passes rapidly through the three stages of Creator, Preserver and Destroyer.

khiển và cuối cùng từ bỏ phi-ngã mà Bản Ngã nay đã nhận biết một cách hữu thức thực hiện. Y nghe âm điệu của bản chất và âm điệu của chân thần của y; y nhận biết sự đồng nhất của chúng, vận dụng rung động của chúng, và nhanh chóng đi qua ba giai đoạn của Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt.

[Page 201] He *touches* or feels the vibration of the form or not-self in all its various grades, recognises his identity in time and space, and for purposes of existence or being and by means of the three Laws of Economy, Attraction and Synthesis utilises, blends and eventually dissociates himself. He sees the threefold evolutionary process and by means of the development of the inner vision, sees within the heart of the system macrocosmic and microcosmic, the one SELF in many forms, and finally identifies himself with that one Self by the conscious rejection of the not-self after its complete subjugation and utilisation.

[Page 201] Y *xúc chạm* hay cảm nhận rung động của hình tướng hay phi-ngã trong mọi cấp độ khác nhau của nó, nhận biết sự đồng nhất của y trong thời gian và không gian, và vì những mục đích của sự tồn tại hay hiện tồn và bằng phương tiện ba Định luật Tiết Kiệm, Hấp Dẫn và Tổng Hợp, y vận dụng, hòa nhập và cuối cùng tách mình ra. Y thấy tiến trình tiến hoá tam phân và bằng sự phát triển của linh thị bên trong, thấy trong trái tim của hệ thống, đại thiên địa và tiểu thiên địa, một BẢN NGÃ duy nhất trong nhiều hình tướng, và cuối cùng đồng hoá mình với Bản Ngã duy nhất ấy bằng sự từ bỏ phi-ngã một cách hữu thức sau khi nó đã hoàn toàn bị chế ngự và được vận dụng.

d. Tasting. He *tastes* then finally and discriminates, for taste is the great sense that begins to hold sway during the discriminating process that takes place when the illusory nature of matter is in process of realisation. Discrimination is the educatory process to which the Self subjects itself in the process of developing intuition —that faculty whereby the Self recognises its own essence in and under all forms. Discrimination concerns the duality of nature, the Self and the not-self, and is the means of their differentiation in the process of abstraction; the intuition concerns unity and is the capacity of the Self to contact other selves, and is not a faculty whereby the not-self is contacted. Hence, its rarity these days owing to the intense

d. Nếm. Khi đó, cuối cùng y *nếm* và phân biện, vì vị giác là giác quan lớn bắt đầu nắm quyền trong tiến trình phân biện diễn ra khi bản chất ảo tưởng của vật chất đang trong tiến trình được chứng nghiệm. Sự phân biện là tiến trình giáo dục mà Bản Ngã tự đặt mình vào trong tiến trình phát triển trực giác—năng lực nhờ đó Bản Ngã nhận biết bản chất cốt yếu của chính nó trong và dưới mọi hình tướng. Sự phân biện liên quan đến tính nhị nguyên của bản chất, Bản Ngã và phi-ngã, và là phương tiện để chúng được phân biệt trong tiến trình trừu xuất; trực giác liên quan đến sự hợp nhất và là khả năng của Bản Ngã tiếp xúc với các bản ngã khác, chứ không phải là một năng lực nhờ đó phi-ngã được tiếp xúc. Do đó, ngày nay nó hiếm hoi vì sự biệt ngã hóa mãnh liệt của

individualisation of the Ego, and its identification with the form—necessary identification at this particular time. As the sense of taste on the higher planes is developed, it leads one to ever finer distinctions till one is finally led through the form, right to the heart of one's nature.

chân ngã, và sự đồng hoá của nó với hình tướng—một sự đồng hoá cần thiết vào thời điểm đặc biệt này. Khi giác quan vị giác trên các cõi cao hơn được phát triển, nó dẫn con người đến những phân biệt ngày càng tinh tế hơn cho đến khi cuối cùng người ta được dẫn xuyên qua hình tướng, đi thẳng vào trái tim của bản chất mình.

e. Smelling is the faculty of keen perception that eventually brings a man back to the source from whence he came, the archetypal plane, the plane where his true home is to be found. A perception of difference has been cultivated that has caused a divine discontent within the [Page 202] heart of the Pilgrim in the far country; the prodigal son draws comparisons; he has developed the other four senses, and he utilises them. Now comes in the faculty of vibratory recognition of the *home vibration*, if it might be so expressed. It is the spiritual counterpart of that sense which in the animal, the pigeon and other birds, leads them back unerringly to the familiar spot from whence they originally came. It is the apprehension of the vibration of the Self, and a swift return by means of that instinct to the originating source.

e. Ngửi là năng lực tri giác sắc bén cuối cùng đưa con người trở về nguồn cội từ đó y đã đến, cõi nguyên mẫu, cõi nơi quê hương đích thực của y được tìm thấy. Một tri giác về sự khác biệt đã được vun bồi, gây nên một nỗi bất mãn thiêng liêng trong [Page 202] trái tim của Người Hành Hương ở xứ xa; người con hoang đàng bắt đầu so sánh; y đã phát triển bốn giác quan kia, và y vận dụng chúng. Giờ đây xuất hiện năng lực nhận biết rung động của *rung động quê nhà*, nếu có thể diễn đạt như vậy. Đó là đối phần tinh thần của giác quan ấy nơi loài vật, chim bồ câu và các loài chim khác, dẫn chúng trở về không sai lạc đến nơi quen thuộc từ đó ban đầu chúng đã đến. Đó là sự lĩnh hội rung động của Bản Ngã, và sự trở về mau lẹ bằng bản năng ấy đến nguồn gốc phát sinh.

The consideration of this subject awakens the realisation of the vastness of the region of thought concerned—the region of the whole evolutionary development of the human being. Yet all that is possible here, as elsewhere, is to indicate lines of thought for careful pondering, and to emphasise certain ideas which may serve as the foundation thoughts for the future mental activity of the immediate generation. The following facts must also be borne in mind when considering the matter:

Việc xem xét chủ đề này khơi dậy sự nhận thức về tính bao la của lĩnh vực tư tưởng liên quan—lĩnh vực của toàn bộ sự phát triển tiến hoá của con người. Tuy nhiên, tất cả những gì có thể làm ở đây, cũng như ở nơi khác, chỉ là chỉ ra những đường hướng tư tưởng để suy ngẫm kỹ lưỡng, và nhấn mạnh một số ý tưởng nhất định có thể dùng làm những tư tưởng nền tảng cho hoạt động trí tuệ tương lai của thế hệ trước mắt. Những sự kiện sau đây cũng phải được ghi nhớ khi xem xét vấn đề này:

a. That the senses have been dealt with in this division of our Treatise on Cosmic Fire because they concern the material form. Strictly speaking the five senses, as we know them, are the means of contact built up by the Thinker (polarised in his etheric body) and find their expression in the physical form in those nerve centres, brain cells, ganglia and plexus which exoteric science recognises.

a. Rằng các giác quan đã được bàn đến trong phần này của Luận về Lửa Vũ Trụ của chúng ta vì chúng liên quan đến hình tướng vật chất. Nói một cách nghiêm ngặt, năm giác quan, như chúng ta biết, là những phương tiện tiếp xúc do Đấng Tư Tưởng xây dựng nên (phân cực trong thể dĩ thái của y) và tìm thấy sự biểu lộ của chúng trong hình thể hồng trần nơi những trung tâm thần kinh, tế bào não, hạch và đám rối mà khoa học ngoại môn nhận biết.

b. That these senses for all purposes of present manifestation, have their focal point on the astral plane and are therefore largely under the stimulating action of the solar plexus—that great focal point in the centre of the body which is the stimulating agent for most of the human family at this time.

b. Rằng các giác quan này, đối với mọi mục đích của biểu hiện hiện tại, có tiêu điểm của chúng trên cõi cảm dục và do đó phần lớn ở dưới tác động kích thích của tùng thái dương—tiêu điểm lớn ấy ở trung tâm cơ thể, là tác nhân kích thích đối với phần lớn gia đình nhân loại vào lúc này.

c. That as the higher triangle comes into play and the polarisation steps up to the higher centres, the senses begin to make themselves felt on the mental level and [Page 203] man becomes aware on that plane. We have in the human body an interesting reflection of the transference of the polarisation from the Personality to the Ego, or into the causal body, in the division that exists between the higher and the lower mental planes, and the dividing line of the diaphragm between the higher and the lower portions of the body. Below the diaphragm we have the four lower centres:

c. Rằng khi tam giác cao hơn bắt đầu hoạt động và sự phân cực được nâng lên các trung tâm cao hơn, các giác quan bắt đầu tự biểu lộ trên cấp độ cõi trí và [Page 203] con người trở nên nhận biết trên cõi ấy. Trong cơ thể con người, chúng ta có một sự phản chiếu thú vị của sự chuyển dịch phân cực từ Phàm ngã sang chân ngã, hay vào thể nguyên nhân, trong sự phân chia tồn tại giữa cõi thượng trí và cõi hạ trí, và đường phân cách của cơ hoành giữa phần trên và phần dưới của cơ thể. Bên dưới cơ hoành, chúng ta có bốn trung tâm thấp:

1. The solar plexus.

1. Tùng thái dương.

2. The spleen.

2. Lá lách.

3. Organs of generation.

3. Các cơ quan sinh sản.

4. Base of the spine.

4. Đáy cột sống.

Above are the three higher:

1. Heart.

2. Throat.

3. Head.

In the microcosm we have the lower quaternary separated from the Triad in a similar manner, and this analogy will bear pondering upon. By careful thought we can therefore work out the reflex action of the centres and the senses from the standpoint of the different planes, remembering that as the centres are awakened the process will be threefold:

First. The awakening on the physical plane, and the gradually increasing activity of the centres, until the Probationary Path is reached. This is paralleled by the increasing use of the senses, and their constant utilisation for the identification of the self and its sheaths.

Second. The awakening on the astral plane, and the gradually increasing activity of the centres, until the first Initiation is reached. This is paralleled by the tremendously keen use of the senses for the purposes of discriminating between the Self and the not-self. [Page 204]

Third. The awakening upon the mental plane, and the gradually increasing activity of the centres and the senses. The effect in both cases tends to identification of the Self with its own essence in all groups and the rejection of the sheaths and the forms.

Bên trên là ba trung tâm cao hơn:

1. Tim.

2. Cổ họng.

3. Đầu.

Trong tiểu thiên địa, chúng ta có bộ tứ thấp được tách khỏi Tam nguyên tinh thần theo một cách tương tự, và sự tương đồng này đáng để suy ngẫm. Do đó, bằng tư duy cẩn thận, chúng ta có thể tìm ra tác động phản xạ của các trung tâm và các giác quan từ quan điểm của các cõi khác nhau, ghi nhớ rằng khi các trung tâm được thức tỉnh, tiến trình sẽ là tam phân:

Thứ nhất. Sự thức tỉnh trên cõi hồng trần, và hoạt động tăng dần của các trung tâm, cho đến khi đạt tới Con Đường Dự Bị. Điều này song hành với việc sử dụng ngày càng tăng các giác quan, và sự vận dụng liên tục của chúng để đồng hoá bản ngã với các lớp vỏ của nó.

Thứ hai. Sự thức tỉnh trên cõi cảm dục, và hoạt động tăng dần của các trung tâm, cho đến khi đạt tới lần điểm đạo thứ nhất. Điều này song hành với việc sử dụng cực kỳ sắc bén các giác quan nhằm mục đích phân biện giữa Bản Ngã và phi-ngã. [Page 204]

Thứ ba. Sự thức tỉnh trên cõi trí, và hoạt động tăng dần của các trung tâm và các giác quan. Hiệu quả trong cả hai trường hợp đều hướng đến sự đồng hoá của Bản Ngã với bản chất cốt yếu của chính nó trong mọi nhóm và sự từ bỏ các lớp vỏ cùng các hình tướng.

This development is paralleled on the two higher planes simultaneously as in the lower, and as the astral senses come into perfected activity, the corresponding centres of force on the buddhic plane begin to function until the vibratory interplay between the two is consummated, and the force of the Triad can be felt definitely in the Personality via the astral.

Sự phát triển này song hành đồng thời trên hai cõi cao hơn cũng như ở các cõi thấp, và khi các giác quan cảm dục đi vào hoạt động hoàn hảo, các trung tâm lực tương ứng trên cõi Bồ đề bắt đầu vận hành cho đến khi sự tương tác rung động giữa hai bên được hoàn tất, và lực của Tam nguyên tinh thần có thể được cảm nhận rõ rệt trong Phàm ngã qua trung gian cõi cảm dục.

Again the corresponding vortices on the atmic level come into active vibration as the mental centres become fourth dimensional, till we have a wonderful fiery activity demonstrating on all the three planes.

Một lần nữa, các xoáy lực tương ứng trên cấp độ atma đi vào rung động hoạt động khi các trung tâm trí tuệ trở nên bốn chiều, cho đến khi chúng ta có một hoạt động rực lửa kỳ diệu biểu hiện trên cả ba cõi.

From the point of view of fire, (86) leaving the aura and [Page 205] its colors out of temporary consideration, the evolutionary development marks an equally definite process.

Xét từ quan điểm của lửa, (86) tạm thời không xét đến hào quang và [Page 205] các màu sắc của nó, sự phát triển tiến hoá đánh dấu một tiến trình cũng xác định không kém.

(86) The Fire of the manifested cosmos is Septenary.

(86) Lửa của vũ trụ biểu hiện là thất phân.

The Threefold God manifests through the seven Fires:

Thượng đế Tam Vị biểu hiện qua bảy Lửa:

1. Electric fire... The seven Heavenly Men.

1. Lửa Điện... Bảy Đấng Thiên Nhân.

2. Solar fire... Evolution of the seven Entities through their vehicles developing the seven principles.

2. Lửa Thái dương... Sự tiến hoá của bảy Thực Thể qua các vận cụ của Các Ngài, phát triển bảy nguyên khí.

3. Fire by friction... The seven chains.

3. Lửa ma sát... Bảy Dãy.

They are the seven centres of the Logos.

Các Ngài là bảy trung tâm của Thượng đế.

A Heavenly Man manifests through a chain.

Một Đấng Thiên Nhân biểu hiện qua một Dãy.

1. He is electric fire... The seven solar entities who inform each globe.	1. Ngài là Lửa Điện... Bảy thực thể thái dương phú linh mỗi bầu hành tinh.
2. He is solar fire... Evolution of the life through the forms, developing the seven principles.	2. Ngài là Lửa Thái dương... Sự tiến hoá của sự sống qua các hình tướng, phát triển bảy nguyên khí.
3. He is fire by friction... The seven globes.	3. Ngài là Lửa ma sát... Bảy bầu hành tinh.
Each Heavenly Man has seven principles.	Mỗi Đấng Thiên Nhân có bảy nguyên khí.
A Man, the Microcosm, manifests through his vehicles:	Con người, Tiểu thiên địa, biểu hiện qua các vận cụ của y:
1. He is electric fire... The monad, a solar entity.	1. Y là Lửa Điện... chân thần, một thực thể thái dương.
2. He is solar fire... Evolution of the life through the vehicles in order to develop the seven principles.	2. Y là Lửa Thái dương... Sự tiến hoá của sự sống qua các vận cụ để phát triển bảy nguyên khí.
3. He is fire by friction... The seven sheaths:	3. Y là Lửa ma sát... Bảy thể:
1. Atmic	1. Atma
2. Buddhic.	2. Bồ đề.
3. Causal	3. Nguyên nhân
4. Mental body.	4. thể trí.
5. Astral body	5. thể cảm dục
6. Etheric body.	6. thể dĩ thái.
7. Physical body.	7. thể xác.
Physical Plane man manifests in the three worlds:	Con người cõi Hồng trần biểu hiện trong ba cõi giới:

1. Electric fire... The higher self.

2. Solar fire... The seven centres.

3. Fire by friction... The sheaths. (back)

a. The vivification of the inner heat of the sheaths, or the tiny point of fire latent in every individual atom of matter. This process proceeds in all three bodies, at first slowly, then more rapidly, and finally simultaneously and synthetically.

b. The bringing into activity from latency of the seven centres on all planes, beginning from the bottom upwards, until the centres (according to ray and type) are interrelated and co-ordinated. There are manifest thirty-five vortices of fire in the perfected adept,—all of radiant activity and all interacting.

c. The vortices or wheels of lambent flame become interlinked by triangles of fire which pass and circulate from one to another, till we have a web of fiery lines, uniting centres of living fire, and giving truth to the statement that the Sons of Mind are FLAMES.

d. These centres reach this condition of perfection as the Spirit or Will aspect takes ever fuller control. The unifying triangles are produced by the action of the fire of mind, while the fire of matter holds the form together in ordered sequence. So the interdependence of matter, mind and Spirit can be seen and demonstrates to the eye of the clairvoyant as the co-ordination of the three fires.

1. Lửa Điện... chân ngã.

2. Lửa Thái dương... Bảy trung tâm.

3. Lửa ma sát... Các thể. (back)

a. Sự tiếp sinh lực cho nhiệt bên trong của các thể, hay điểm lửa nhỏ bé tiềm ẩn trong mỗi nguyên tử cá biệt của vật chất. Tiến trình này diễn ra trong cả ba thể của phàm ngã, lúc đầu chậm chạp, rồi nhanh hơn, và cuối cùng đồng thời và tổng hợp.

b. Sự đưa vào hoạt động từ trạng thái tiềm ẩn của bảy trung tâm trên mọi cõi, bắt đầu từ dưới lên trên, cho đến khi các trung tâm (theo cung và loại) liên hệ với nhau và phối hợp. Có ba mươi lăm xoáy lửa biểu hiện nơi chân sư toàn thiện,—tất cả đều hoạt động rạng ngời và đều tương tác với nhau.

c. Các xoáy lực hay bánh xe lửa rực sáng trở nên nối kết với nhau bằng những tam giác lửa truyền dẫn và lưu chuyển từ cái này sang cái khác, cho đến khi chúng ta có một mạng lưới những đường lửa, hợp nhất các trung tâm của lửa sống, và xác nhận chân lý của phát biểu rằng các Con của Trí Tuệ là NHỮNG NGỌN LỬA.

d. Các trung tâm này đạt đến tình trạng toàn thiện ấy khi phương diện tinh thần hay Ý Chí ngày càng nắm quyền kiểm soát đầy đủ hơn. Tác động của lửa trí tuệ tạo ra các tam giác hợp nhất, trong khi lửa của vật chất giữ hình tướng lại với nhau trong trình tự có trật tự. Vì vậy có thể thấy sự tương thuộc của vật chất, trí tuệ và tinh thần, và điều đó biểu hiện trước mắt nhà thông nhãn như sự phối hợp của ba lửa.

e. In the Heavenly Man and His body, a chain of globes (87) likewise can be seen and we need here to remember [Page 206] very carefully that the seven chains of a scheme are the expression of a planetary Logos. The Heavenly Men are expressing Themselves through a scheme of seven chains and the emphasis has been laid unduly, perhaps, upon the dense physical planet in any particular chain. This has caused the fact of the chain importance to be somewhat overlooked. Each of the seven chains might be looked upon as picturing the seven centres of one of the Heavenly Men. The idea of groups of Egos forming centres in the Heavenly Men is nevertheless correct, but in this connection the reference is to the centres of force on buddhic and monadic levels. (88)

e. Trong Đấng Thiên Nhân và thân thể của Ngài, một dãy các bầu hành tinh (87) cũng có thể được thấy, và ở đây chúng ta cần ghi nhớ [Page 206] rất cẩn thận rằng bảy dãy của một hệ hành tinh là biểu hiện của một Đức Hành Tinh Thượng Đế. Các Đấng Thiên Nhân đang biểu hiện chính Các Ngài qua một hệ hành tinh gồm bảy dãy, và có lẽ sự nhấn mạnh đã được đặt quá mức vào hành tinh hồng trần đậm đặc trong bất kỳ dãy riêng biệt nào. Điều này đã khiến sự kiện về tầm quan trọng của dãy phần nào bị bỏ qua. Mỗi một trong bảy dãy có thể được xem như phác hoạ bảy trung tâm của một trong các Đấng Thiên Nhân. Tuy nhiên, ý tưởng về các nhóm chân ngã tạo thành các trung tâm trong các Đấng Thiên Nhân là đúng, nhưng trong mối liên hệ này, sự quy chiếu là đến các trung tâm mãnh lực trên các cấp độ Bồ đề và chân thần. (88)

(87) The Planetary Chains:

(87) Các Dãy Hành Tinh:

The seven Heavenly Men.....Form, the sun and the seven sacred planets.—S. D., I, 100, 155.

Bảy Đấng Thiên Nhân.....Tạo thành mặt trời và bảy hành tinh thiêng liêng.—S. D., I, 100, 155.

Some of their names and qualities.

Một vài danh xưng và phẩm tính của Các Ngài.

a. The seven planetary Logoi, or the seven Spirits before the throne.

a. Bảy Đức Hành Tinh Thượng Đế, hay Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

b. The seven Kumaras.... S. D., III, 59, 327.

b. Bảy Kumara.... S. D., III, 59, 327.

c. Seven solar deities....S. D., I, 114; I, 228; II, 92, 257.

c. Bảy Thượng đế thái dương....S. D., I, 114; I, 228; II, 92, 257.

d. The primordial seven....S. D., I, 116.

d. Bảy vị nguyên sơ....S. D., I, 116.

e. The seven Builders....S. D., I, 152, 153.

e. Bảy đấng kiến tạo....S. D., I, 152, 153.

f. Seven intellectual Breaths....S. D., II, 332, note.

f. Bảy Hơi Thở trí tuệ....S. D., II, 332, note.

g. The seven Manus.... S. D., I, 488.

g. Bảy Đức Manu.... S. D., I, 488.

h. The Flames.... S. D., II, 258.

h. Những Ngọn Lửa.... S. D., II, 258.

They came from previous kalpas... S. D., II, 99.

Các Ngài đến từ những kalpa trước... S. D., II, 99.

Their nature is knowledge and love.... S. D., II, 275; S. D., II, 619.

Bản chất của Các Ngài là tri thức và bác ái.... S. D., II, 275; S. D., II, 619.

The seven sacred planets are:

Bảy hành tinh thiêng liêng là:

1. Saturn

1. Sao Thổ

2. Jupiter.

2. Sao Mộc.

3. Mars

3. Sao Hỏa

4. Sun (substitute for another).

4. Mặt Trời (thay thế cho một hành tinh khác).

5. Venus

5. Sao Kim

6. Mercury.

6. Sao Thủy.

7. Moon (substitute for another).

7. Mặt Trăng (thay thế cho một hành tinh khác).

Neptune and Uranus are not here enumerated, nor Vulcan.

Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương không được liệt kê ở đây, Vulcan cũng vậy.

The orbit of Neptune includes apparently the entire ring-pass-not.

Quỹ đạo của Sao Hải Vương dường như bao gồm toàn bộ vòng-giới-hạn.

Vulcan is within the orbit of Mercury.

Vulcan ở bên trong quỹ đạo của Sao Thủy.

Each one of the Heavenly Men manifests through a chain of seven globes.

Mỗi một Đấng Thiên Nhân biểu hiện qua một dãy gồm bảy bầu hành tinh.

All the seven Logoi influence a chain, but one of Them is the incarnating Entity. They influence:

Cả bảy Thượng đế đều ảnh hưởng đến một dãy, nhưng một trong Các Ngài là Thực Thể nhập thể. Các Ngài ảnh hưởng đến:

a. Some globe in chain

a. Một bầu hành tinh nào đó trong dãy

b. Some plane

b. Một cõi nào đó

c. Some round.

c. Một cuộc tuần hoàn nào đó.

d. Some world period

d. Một thời kỳ thế giới nào đó

e. Some rootrace

e. Một giống dân gốc nào đó

f. Some subrace.

f. Một giống dân phụ nào đó.

g. Some branch race

g. Một chủng tộc nhánh nào đó

h. Some group

h. Một nhóm nào đó

i. Some human unit. (back)

i. Một đơn vị nhân loại nào đó. (back)

(88) In the *Secret Doctrine*, the Sons of Mind are spoken of as flames. In Stanza VII, 4, "These are the three-tongued flame of the four wicks. The wicks are the sparks, that draw from the three-tongued flame shot out by the seven flames. The spark hangs from the flame by the finest thread of Fohat." (back)

(88) Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, các Con của Trí Tuệ được nói đến như những ngọn lửa. Trong Bài kệ VII, 4, "Đây là ngọn lửa ba lưỡi của bốn tim đèn. Các tim đèn là những tia lửa, rút ra từ ngọn lửa ba lưỡi do bảy ngọn lửa phóng ra. Tia lửa treo từ ngọn lửa bằng sợi chỉ mảnh nhất của Fohat." (back)

[Page 207] In connection with this there is a fundamental point that must never be forgotten: these seven Heavenly Men might be considered as being in physical incarnation through the medium of a physical planet, and herein lies the mystery of planetary evolution. Herein lies the

[Page 207] Liên quan đến điều này có một điểm căn bản không bao giờ được quên: bảy Đấng Thiên Nhân này có thể được xem như đang lâm phàm hồng trần qua trung gian của một hành tinh hồng trần, và chính trong đó có huyền nhiệm của sự tiến hoá hành tinh. Chính trong đó có huyền nhiệm của

mystery of our planet, the most mysterious of all the planets. Just as the karma of individuals differs, so differs the karma of the various Logoi, and the karma of our planetary Logos has been a heavy one, and veiled in the mystery of personality at this time.

hành tinh chúng ta, huyền bí nhất trong mọi hành tinh. Cũng như nghiệp quả của các cá nhân khác nhau, nghiệp quả của các Thượng đế khác nhau cũng khác nhau, và nghiệp quả của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một nghiệp quả nặng nề, và hiện nay được che phủ trong huyền nhiệm của phàm ngã.

Again, according as the centres are active or inactive, so the manifestation differs likewise, and the study which opens up is of vast and abstruse interest in connection with the solar system.

Một lần nữa, tùy theo các trung tâm hoạt động hay bất hoạt mà biểu hiện cũng khác nhau tương ứng, và sự nghiên cứu mở ra từ đó có mối quan tâm rộng lớn và sâu xa liên quan đến hệ mặt trời.

5. The Centres and Initiation — 5. Các Trung Tâm và Điểm đạo

We have dealt briefly with the evolution of the centres, with their function, their organisation and their gradually increasing activity from a point of comparative inertia until they are consummated motion. Then they become living wheels of flame, distinguished by a dual motion of the periphery and the inner revolving wheels, and by a fourth-dimensional effect, due primarily to the alignment of the inner subtler vortices with the comparatively exoteric etheric centres. This alignment is brought about eventually at initiation.

Chúng ta đã bàn ngắn gọn về sự tiến hoá của các trung tâm, về chức năng, tổ chức của chúng và hoạt động tăng dần từng bước của chúng từ một điểm có tính trì trệ tương đối cho đến khi chúng trở thành chuyển động viên mãn. Khi đó chúng trở thành những bánh xe lửa sống động, có đặc điểm là chuyển động kép của chu vi và các bánh xe quay bên trong, cùng một hiệu ứng bốn chiều, chủ yếu do sự chỉnh hợp của các xoáy lực tinh tế bên trong với các trung tâm dĩ thái tương đối ngoại môn. Sự chỉnh hợp này cuối cùng được thực hiện vào lúc điểm đạo.

At the time that initiation is taken, the centres are all active and the lower four (which correspond to the Personality) are beginning the process of translating the fire into the three higher. The dual revolution in the lower centres is clearly to be seen and the three higher are commencing to be similarly active. By the application of the Rod of Initiation at the time of the initiation ceremony, certain results are achieved in connection with the centres which might be enumerated as follows:

Vào lúc điểm đạo được tiếp nhận, các trung tâm đều hoạt động và bốn trung tâm thấp (tương ứng với phàm ngã) đang bắt đầu tiến trình chuyển dịch lửa vào ba trung tâm cao. Có thể thấy rõ sự quay kép trong các trung tâm thấp và ba trung tâm cao đang bắt đầu hoạt động tương tự. Bằng việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo vào lúc nghi lễ điểm đạo, một số kết quả nhất định được đạt tới liên quan đến các trung tâm, có thể được liệt kê như sau:

a. The fire at the base of the spine is definitely directed [Page 208] to whichever centre is the object of special attention. This varies according to the Ray, or the specialised work of the initiate.

b. The centre has its activity intensified, its rate of evolution increased, and certain of the central spokes of the wheel brought into more active radiance. These spokes which are also called by some students lotus-petals, have a close connection with the different spirillae in the permanent atoms. Through their stimulation there comes into play one or more of the corresponding spirillae in the permanent atoms on the three lower planes. After the third Initiation, a corresponding stimulation takes place in the permanent atoms of the Triad, leading to the co-ordination of the buddhic vehicle, and the transference of the lower polarisation into the higher.

c. By the application of the Rod of Initiation the downflow of force from the Ego to the personality is tripled, the direction of that force being dependent upon whether the centres receiving attention are the etheric, or the astral at the first and second Initiations, or whether the initiate is standing before the LORD OF THE WORLD. In the latter case, his mental centres or their corresponding force vortices on higher levels, will receive stimulation. When the World Teacher initiates at the first and second Initiations, the direction of the Triadal force is turned to the vivification of the heart, and throat centres, and the ability to synthesise the force of the lower centres is greatly increased. When the One Initiator applies the Rod of His Power, the downflow is from the Monad, and though the throat and heart intensify vibration as a response, the main direction of the force is to the

a. Lửa ở đáy cột sống được hướng đi một cách xác định [Page 208] đến bất cứ trung tâm nào là đối tượng của sự chú ý đặc biệt. Điều này thay đổi tùy theo cung, hoặc công việc chuyên biệt của điểm đạo đồ.

b. Trung tâm được tăng cường hoạt động, tốc độ tiến hoá của nó được gia tăng, và một số nan hoa trung tâm của bánh xe được đưa vào sự rạng ngời hoạt động hơn. Những nan hoa này, cũng được một số đạo sinh gọi là các cánh hoa sen, có liên hệ mật thiết với các loa tuyến khác nhau trong các nguyên tử trường tồn. Qua sự kích thích của chúng, một hay nhiều loa tuyến tương ứng trong các nguyên tử trường tồn trên ba cõi thấp được đưa vào hoạt động. Sau lần điểm đạo thứ ba, một sự kích thích tương ứng diễn ra trong các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần, dẫn đến sự phối hợp của vận cụ Bồ đề, và sự chuyển dịch phân cực thấp lên phân cực cao.

c. Bằng việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo, dòng mãnh lực tuôn xuống từ chân ngã đến phàm ngã được tăng gấp ba, hướng đi của mãnh lực ấy tùy thuộc vào việc các trung tâm được chú ý là các trung tâm dĩ thái, hay cảm dục trong lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai, hoặc liệu điểm đạo đồ đang đứng trước ĐỨC CHÚA TỂ THẾ GIỚI hay không. Trong trường hợp sau, các trung tâm trên cõi trí của y hoặc các xoáy mãnh lực tương ứng của chúng trên các cấp độ cao hơn sẽ nhận được sự kích thích. Khi Đức Chưởng Giáo điểm đạo trong lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai, hướng của mãnh lực Tam nguyên tinh thần được chuyển sang sự tiếp sinh lực cho các trung tâm tim và cổ họng, và khả năng tổng hợp mãnh lực của các trung tâm thấp được gia tăng rất nhiều. Khi Đấng Điểm đạo Duy Nhất áp dụng Thần Trượng Quyền năng của Ngài, dòng tuôn xuống là từ chân thần, và dù cổ

seven head centres, and finally (at liberation) to the radiant head centre above, and synthesising the lesser seven head centres.

họng và tim tăng cường rung động như một đáp ứng, hướng chính của mãnh lực là đến bảy trung tâm đầu, và cuối cùng (khi giải thoát) đến trung tâm đầu rạng ngời ở phía trên, vốn tổng hợp bảy trung tâm đầu nhỏ hơn.

d. The centres at initiation receive a fresh access of [Page 209] vibratory capacity and of power, and this results, in the exoteric life, as:

d. Các trung tâm khi điểm đạo nhận được một sự gia tăng mới về [Page 209] năng lực rung động và quyền năng, và điều này dẫn đến, trong đời sống ngoại môn, như sau:

First. A sensitiveness and refinement of the vehicles which may result, at first, in much suffering to the initiate, but which produces a capacity to respond to contacts that far outweighs the incidental pain.

Thứ nhất. Một sự nhạy cảm và tinh luyện của các vận cụ, lúc đầu có thể dẫn đến nhiều đau khổ cho điểm đạo đồ, nhưng tạo ra một khả năng đáp ứng với các tiếp xúc vượt xa nỗi đau ngẫu nhiên đi kèm.

Second. A development of psychic faculty that again may lead to temporary distress, but which eventually causes a recognition of the one Self in all selves, which is the goal of endeavor.

Thứ hai. Một sự phát triển năng lực thông linh, điều này lại có thể dẫn đến khổ sở tạm thời, nhưng cuối cùng gây ra sự nhận biết một Bản Ngã trong mọi bản ngã, vốn là mục tiêu của nỗ lực.

Third. A burning away, through a gradual arousing of kundalini, and its correct geometrical progression through the etheric web. This produces a resultant continuity of consciousness which enables the initiate consciously to utilise *time* as a factor in the plans of evolution.

Thứ ba. Một sự đốt cháy đi, qua sự thức tỉnh dần dần của kundalini, và sự tiến triển hình học đúng đắn của nó xuyên qua mạng dĩ thái. Điều này tạo ra một sự liên tục của tâm thức, giúp điểm đạo đồ sử dụng thời gian một cách hữu thức như một yếu tố trong các kế hoạch tiến hoá.

Fourth. A gradual grasp of the Law of Vibration as an aspect of the basic law of building; the initiate learns consciously to build, to manipulate thought matter for the perfecting of the plans of the Logos, to work in mental essence, and to apply the law of mental levels and thereby affect the physical plane. Motion originates cosmically on cosmic mental levels, and in the microcosm the same order will be seen. There is an occult hint here that will reveal much if pondered upon. At initiation, at the moment

Thứ tư. Một sự nắm bắt dần dần Định luật Rung động như một phương diện của định luật căn bản về kiến tạo; điểm đạo đồ học cách kiến tạo một cách hữu thức, vận dụng chất liệu tư tưởng để hoàn thiện các kế hoạch của Thượng đế, làm việc trong tinh chất cõi trí, và áp dụng định luật của các cấp độ cõi trí, nhờ đó tác động đến cõi hồng trần. Chuyển động khởi nguồn về mặt vũ trụ trên các cấp độ cõi trí vũ trụ, và trong tiểu thiên địa cũng sẽ thấy cùng một trật tự như vậy. Ở đây có một gợi ý huyền bí sẽ tiết lộ nhiều

of the application of the Rod, the initiate *consciously* realises the meaning of the Law of Attraction in form building, and in the synthesis of the three fires. Upon his ability to retain that realisation and himself to apply the law, will depend his power and progress.

điều nếu được suy ngẫm. Khi điểm đạo, vào khoảnh khắc áp dụng Thần Trượng, điểm đạo đồ *chứng nghiệm một cách hữu thức* ý nghĩa của Định luật Hấp dẫn trong việc kiến tạo hình tướng, và trong sự tổng hợp ba lửa. Quyền năng và sự tiến bộ của y sẽ tùy thuộc vào khả năng giữ vững sự chứng nghiệm ấy và tự mình áp dụng định luật.

e. By the application of the Rod, the fire of kundalini is aroused, and its upward progress directed. The fire at the base of the spine, and the fire of mind are [Page 210] directed along certain routes, or triangles, by the action of the Rod as it moves in a specified manner. There is a definite occult reason, under the Laws of Electricity, behind the known fact that every initiate, presented to the Initiator, is accompanied by two of the Masters, who stand one on either side of him. The three of them together form a triangle which makes the work possible.

e. Bằng việc áp dụng Thần Trượng, lửa kundalini được đánh thức, và sự tiến triển đi lên của nó được định hướng. Tác động của Thần Trượng khi nó di chuyển theo một cách thức xác định hướng lửa ở đáy cột sống và lửa trí tuệ [Page 210] theo những lộ trình hay tam giác nhất định. Có một lý do huyền bí rõ rệt, theo các Định luật Điện, đằng sau sự kiện đã biết rằng mọi điểm đạo đồ được dẫn đến trước Đấng Điểm đạo đều có hai Chân sư đi kèm, đứng mỗi vị một bên y. Cả ba cùng nhau tạo thành một tam giác làm cho công việc trở nên khả thi.

The force of the Rod is twofold, and its power terrific. Apart and alone the initiate could not receive the voltage from the Rod without serious hurt, but in triangular formation transmission comes safely. The two Masters Who thus sponsor the initiate, represent two polarities of the electric All; part of Their work is therefore to stand with all applicants for initiation when they come before the Great Lord.

Mãnh lực của Thần Trượng là nhị phân, và quyền năng của nó thật khủng khiếp. Nếu tách riêng và đơn độc, điểm đạo đồ không thể tiếp nhận điện thế từ Thần Trượng mà không bị tổn thương nghiêm trọng, nhưng trong đội hình tam giác, sự truyền dẫn diễn ra an toàn. Hai Chân sư bảo trợ điểm đạo đồ theo cách đó tượng trưng cho hai cực tính của Toàn Thể điện; vì vậy một phần công việc của Các Ngài là đứng cùng mọi ứng viên điểm đạo khi họ đến trước Đức Chúa Tể Vĩ Đại.

When the Rods of Initiation are held in the hands of the Initiator in His position of power, and at the stated seasons, they act as transmitters of electric force from very high levels,—so high indeed that the "Flaming Diamond" at certain of the final initiations (the sixth and seventh) transmits force, via the Logos, from outside the system

Khi Đấng Điểm đạo cầm các Thần Trượng Điểm đạo trong tay ở vị thế quyền năng của Ngài, và vào những mùa kỳ định, chúng hoạt động như những vật truyền dẫn mãnh lực điện từ các cấp độ rất cao,—quả thật cao đến mức "Kim Cương Rực Lửa" trong một số lần điểm đạo cuối cùng (thứ sáu và thứ bảy) truyền mãnh lực, qua Thượng đế, từ hoàn

altogether. We need to remember that this major Rod is the one used on this planet, but that within the system there are several such Rods of Power, and that they are to be found in three grades, if it may be so expressed.

toàn bên ngoài hệ mặt trời. Chúng ta cần nhớ rằng đại Thần Trượng này là loại được dùng trên hành tinh này, nhưng trong nội bộ hệ mặt trời có một số Thần Trượng Quyền năng như vậy, và có thể nói rằng chúng được tìm thấy trong ba cấp bậc.

First. The Rod of Initiation used for the first two initiations and wielded by the Great Lord, the Christ, the World Teacher. It is magnetised by application of the "Flaming Diamond"—the magnetisation being repeated when each new world Teacher takes office. There is a wonderful ceremony performed at the time that a new World Teacher takes up His work. During the ceremony He receives His Rod of Power—the same Rod as used since the foundation of our planetary Hierarchy—and holds it forth to the Lord of the World, Who touches it [Page 211] with His own mighty Rod, causing a fresh re-charging of its electric capacity. This ceremony takes place at Shamballa. (89, 90)

Thứ nhất. Thần Trượng Điểm đạo được dùng cho hai lần điểm đạo đầu tiên và do Đức Chúa Tể Vĩ Đại, Đức Christ, Đức Chưởng Giáo, sử dụng. Nó được từ hoá bằng việc áp dụng "Kim Cương Rực Lửa"—sự từ hoá được lặp lại khi mỗi Đức Chưởng Giáo mới nhậm chức. Có một nghi lễ kỳ diệu được cử hành vào lúc một Đức Chưởng Giáo mới đảm nhận công việc của Ngài. Trong nghi lễ, Ngài nhận Thần Trượng Quyền năng của Ngài—chính Thần Trượng đã được dùng từ khi Thánh đoàn hành tinh của chúng ta được thiết lập—và giơ nó ra trước Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng chạm vào nó [Page 211] bằng chính Thần Trượng hùng lực của Ngài, gây ra một sự nạp lại mới cho năng lực điện của nó. Nghi lễ này diễn ra tại Shamballa. (89, 90)

Second. The Rod of Initiation known as the "Flaming Diamond" and used by Sanat Kumara, the One Initiator, called in the Bible, the Ancient of Days. This Rod lies hidden "in the East" and holds the fire latent which irradiates the Wisdom Religion. This Rod was brought by the Lord of the World when He took form and came to our planet eighteen million years ago.

Thứ hai. Thần Trượng Điểm đạo được biết đến như "Kim Cương Rực Lửa" và được Đức Sanat Kumara, Đấng Điểm đạo Duy Nhất, sử dụng, Đấng được gọi trong Kinh Thánh là Đấng Thái Cổ. Thần Trượng này được cất giấu "ở phương Đông" và giữ ngọn lửa tiềm ẩn chiếu rạng Tôn Giáo Minh Triết. Đức Chúa Tể Thế Giới đã mang Thần Trượng này đến khi Ngài nhận hình tướng và đến hành tinh chúng ta mười tám triệu năm trước.

Once in every world period it is subjected to a similar process as that of the lesser Rod, only this time it is recharged by the direct action of the Logos Himself,—the Logos of the solar system. The location of this Rod is known only to the Lord of the World, and to the Chohans of the Rays, and (being the talisman of this evolution) the Chohan of

Mỗi thời kỳ thế giới một lần, nó chịu một tiến trình tương tự như của Thần Trượng nhỏ hơn, chỉ khác là lần này nó được nạp lại bằng tác động trực tiếp của chính Thượng đế,—Thượng đế của hệ mặt trời. Chỉ Đức Chúa Tể Thế Giới và các Chohan của các Cung mới biết vị trí của Thần Trượng này, và (vì là bùa hộ mệnh của cuộc tiến hoá này)

the second Ray is—under the Lord of the World—its main guardian, aided by the deva Lord of the second plane. The Buddhas of activity are responsible for its custody, and under them the Chohan of the Ray. It is produced only at stated times when specific work has to be done. It is used not only at the initiating of men, but at certain planetary functions, of which nothing as yet has been given out. It has its place and function in certain ceremonies connected with the inner round (91) and the triangle formed by the Earth, Mars [Page 212] and Mercury. But more about this is not at this time permissible.

Chohan của cung hai là—dưới quyền Đức Chúa Tể Thế Giới—người giám hộ chính của nó, với sự trợ giúp của Chúa Tể thiên thần của cõi thứ hai. Các Đức Phật Hoạt Động chịu trách nhiệm gìn giữ nó, và dưới các Ngài là Chohan của Cung. Nó chỉ được đưa ra vào những thời điểm định sẵn khi công việc đặc thù phải được thực hiện. Nó không chỉ được dùng trong việc điểm đạo cho những người nam và nữ, mà còn trong một số chức năng hành tinh, về những điều đó cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. Nó có vị trí và chức năng của nó trong một số nghi lễ liên quan đến cuộc tuần hoàn nội môn (91) và tam giác do Trái Đất, Sao Hỏa [Page 212] và Sao Thủy tạo thành. Nhưng hiện nay không được phép nói thêm về điều này.

(91) *The inner round* is a mysterious cycle of which little can be told. It is not concerned with manifestation through the seven schemes or globes, but has to do with certain aspects of the subjective Life or the soul. (back)

(91) *Cuộc tuần hoàn nội môn* là một chu kỳ huyền bí mà rất ít điều có thể được nói ra. Nó không liên quan đến sự biểu hiện qua bảy hệ hành tinh hay các bầu hành tinh, mà liên quan đến một số phương diện của Sự sống chủ quan hay linh hồn. (back)

Third. The Rod of Initiation, wielded by the Logos of the solar system, is called among other things, the "Sevenfold Flaming Fire." It was confided to our Logos by the Lord of Sirius and sent to our system from that radiant sun. One of its purposes is for use in emergencies. This great talisman has never yet been employed in this particular manner, though twice it was nearly thus used,—once in Atlantean days, and once in the third year of the late war. This Rod of Power is used at the initiation of the seven Heavenly Men on cosmic levels. It is used also in the initiation of groups, a thing almost incomprehensible to us. It is applied to the centres of the seven Heavenly Men in the same general way as the lesser Rods are applied to the human centres, and the effects are the same, only on a vaster scale.

Thứ ba. Thần Trượng Điểm đạo, do Thượng đế của hệ mặt trời sử dụng, được gọi, trong số những danh xưng khác, là "Lửa Rực Cháy Thất Phân." Chúa Tể của Sirius đã giao phó nó cho Thượng đế của chúng ta và gửi đến hệ mặt trời chúng ta từ mặt trời rạng ngời ấy. Một trong những mục đích của nó là để dùng trong các tình huống khẩn cấp. Bùa hộ mệnh vĩ đại này chưa bao giờ được sử dụng theo cách đặc biệt này, mặc dù đã hai lần suýt được dùng như vậy,—một lần vào thời Atlantis, và một lần vào năm thứ ba của cuộc chiến vừa qua. Thần Trượng Quyền năng này được dùng trong việc điểm đạo cho bảy Đấng Thiên Nhân trên các cấp độ vũ trụ. Nó cũng được dùng trong việc điểm đạo cho các nhóm, một điều hầu như không thể hiểu nổi đối với chúng ta. Nó được áp dụng vào các trung tâm của bảy Đấng Thiên Nhân theo

This, needless to say, is a vast and abstruse subject, and concerns not the sons of men. It is but touched upon, as an enumeration of the Rods of Initiation would be incomplete without some reference to it, and it serves to show the wondrous synthesis of the whole, and the place of the system within an even greater scheme. In all things cosmic, perfect law and order are found, and the ramifications of the plan can be seen on all planes and all subplanes. This greatest Rod is in the care of the first great group of karmic Lords. It might be described as the Rod which carries a voltage of pure fohatic force from cosmic levels. The two lesser Rods carry differentiated fohatic force. This logoic Rod of Power is kept within the Sun, and is only re-charged at the beginning of every one hundred years of Brahma.

cùng cách tổng quát như các Thần Trượng nhỏ hơn được áp dụng vào các trung tâm của con người, và các hiệu quả cũng giống như vậy, chỉ là trên một quy mô rộng lớn hơn. Không cần phải nói, đây là một chủ đề rộng lớn và sâu xa, và không liên quan đến những người con của nhân loại. Nó chỉ được chạm đến, vì việc liệt kê các Thần Trượng Điểm đạo sẽ không đầy đủ nếu không có một vài quy chiếu đến nó, và nó giúp cho thấy sự tổng hợp kỳ diệu của toàn thể, cùng vị trí của hệ mặt trời trong một hệ còn lớn hơn nữa. Trong mọi sự việc vũ trụ, đều có thể tìm thấy quy luật và trật tự hoàn hảo, và các phân nhánh của Thiên Cơ có thể được thấy trên mọi cõi và mọi cõi phụ. Đại Thần Trượng này được đặt dưới sự chăm sóc của nhóm vĩ đại thứ nhất các Chúa Tể Nghiệp Quả. Nó có thể được mô tả như Thần Trượng mang một điện thế của mãnh lực fohat thuần túy từ các cấp độ vũ trụ. Hai Thần Trượng nhỏ hơn mang mãnh lực fohat đã được biến phân. Thần Trượng Quyền năng của Thượng đế này được giữ trong Mặt Trời, và chỉ được nạp lại vào đầu mỗi một trăm năm Brahma.

The reason why the Rods of Power are here discussed is that they have definitely to do with the centres which are *force vortices in matter* and which (though channels [Page 213] for spiritual force, or centres wherein the 'will to be' finds expression) demonstrate as activity in matter. They are the centres of existence, and just as one cannot, in manifestation, dissociate the two poles of Spirit and matter, so one cannot, in initiation apply the Rod without bringing about definite effects between the two. The Rods are charged with Fohat which is fire of matter plus electric fire, hence their effect. The mystery cannot be explained in greater detail as the secrets of initiation are not transmissible. More has been here imparted

Lý do các Thần Trượng Quyền năng được bàn đến ở đây là vì chúng chắc chắn có liên quan đến các trung tâm, vốn là những *xoáy mãnh lực trong vật chất* và là những gì (dù là các kênh [Page 213] cho mãnh lực tinh thần, hay các trung tâm trong đó "ý chí hiện hữu" tìm được sự biểu hiện) vẫn biểu lộ như hoạt động trong vật chất. Chúng là các trung tâm của sự tồn tại, và cũng như trong biểu hiện người ta không thể tách rời hai cực của tinh thần và vật chất, thì trong điểm đạo cũng không thể áp dụng Thần Trượng mà không gây ra những hiệu quả xác định giữa hai cực ấy. Các Thần Trượng được nạp bằng Fohat, vốn là lửa của vật chất cộng với Lửa Điện, do đó mới có hiệu quả của chúng. Huyền nhiệm này không thể được giải thích chi tiết hơn vì các bí mật của điểm đạo không thể truyền

on this matter than hitherto, though there are those who have heard these things.

đạt được. Ở đây đã truyền ra về vấn đề này nhiều hơn trước kia, mặc dù có những người đã nghe những điều này.

DIVISION F - THE LAW OF ECONOMY — PHÂN ĐOẠN F - ĐỊNH LUẬT TIẾT KIỆM

[Page 214] *I. Its effect in matter.*

1. Dissociation of atoms.

2. Distribution of atoms.

3. Vibratory rhythm.

4. Heterogeneity.

5. Inherent rotary activity.

II. Its subsidiary laws.

1. The law of vibration.

2. The law of adaptation.

3. The law of repulsion.

4. The law of friction.

[Page 214] *I. Tác động của nó trong vật chất.*

1. Sự phân ly của các nguyên tử.

2. Sự phân bố các nguyên tử.

3. Nhịp điệu rung động.

4. Tính dị biệt.

5. Hoạt động quay vốn có.

II. Các định luật phụ thuộc của nó.

1. Định luật rung động.

2. Định luật thích ứng.

3. Định luật đẩy lùi.

4. Định luật ma sát.

I. ITS EFFECT IN MATTER — I. TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TRONG VẬT CHẤT

This law is the law governing the matter aspect of manifestation, and is the law characterising the work of the third Logos, and of the entities who are the embodiment of His will and the agents of His purposes. Each of the great cosmic Entities who take form as the three Logoi, is distinguished by different methods of activity, which might be described thus:

Định luật này là định luật chi phối phương diện vật chất của sự biểu hiện, và là định luật đặc trưng cho công việc của Thượng đế thứ ba, cùng các thực thể là hiện thân của ý chí của Ngài và là tác nhân cho các mục đích của Ngài. Mỗi một trong các Thực Thể vũ trụ vĩ đại khoác lấy hình tướng như ba Đấng Thượng đế đều có những phương pháp hoạt động khác nhau, có thể được mô tả như sau:

The third Aspect or Brahma aspect of the activities of those Entities who are His expression, is characterised by that method in the distribution of matter which we call the Law of Economy. It is the law governing the scattering of the atoms of matter and their dissociation from one another, wide distribution, vibratory rhythm, [Page 215] heterogeneity and quality and their inherent rotary action. This Law of Economy causes matter always to follow the line of least resistance, and is the basis of the separative action of atomic matter. It governs matter, the opposite pole of spirit.

Phương diện thứ ba hay phương diện Brahma của các hoạt động của những Thực Thể là biểu hiện của Ngài, có đặc trưng là phương pháp phân bố vật chất mà chúng ta gọi là Định luật Tiết Kiệm. Đây là định luật chi phối sự phân tán các nguyên tử của vật chất và sự phân ly của chúng khỏi nhau, sự phân bố rộng khắp, nhịp điệu rung động, [Page 215] tính dị biệt và phẩm tính của chúng cùng hoạt động quay vốn có của chúng. Định luật Tiết Kiệm này khiến vật chất luôn luôn đi theo con đường ít trở ngại nhất, và là nền tảng của hoạt động phân ly của vật chất nguyên tử. Nó chi phối vật chất, cực đối nghịch của tinh thần.

The second Aspect, the building, or Vishnu aspect, is governed by the Law of Attraction; the activities of the entities who embody this aspect are directed to the attracting of matter to Spirit, and the gradual approximation of the two poles. It results in cohesion, in the production of congeries of atoms in various formations, and this attraction is brought about by the attractive power of Spirit itself. It shows itself in:

Định luật Hấp Dẫn chi phối phương diện thứ hai, phương diện kiến tạo hay Vishnu; các hoạt động của những thực thể hiện thân cho phương diện này được hướng đến việc hút vật chất về phía Tinh thần, và sự xích lại gần dần dần của hai cực. Điều này đưa đến sự kết dính, đến việc tạo ra những tập hợp nguyên tử trong nhiều cấu trúc khác nhau, và chính quyền năng hấp dẫn của Tinh thần tạo ra sự hấp dẫn này. Nó biểu lộ trong:

1. Association,

1. Sự liên kết,

2. Form building,

2. Sự tạo dựng hình tướng,

3. Adaptation of form to vibration,

3. Sự thích ứng của hình tướng với rung động,

4. Relative homogeneity of group unity,

4. Tính đồng nhất tương đối của sự hợp nhất nhóm,

5. Cyclic spiralling movement.

5. Chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ.

The line of least resistance is not the law for this aspect. The attractive power of Spirit in form-building, and in the adaptation of the

Con đường ít trở ngại nhất không phải là định luật của phương diện này. Quyền năng hấp dẫn của Tinh thần trong việc xây dựng

form to the need, is the secret of the pain and resistance in the world; pain is only caused by resistance, and is a necessary phase in the process of evolution. This law of attraction is the law governing the Spirit, the opposite pole of matter.

hình tướng, và trong sự thích ứng của hình tướng với nhu cầu, là bí mật của đau khổ và sự kháng cự trong thế gian; đau khổ chỉ do sự kháng cự gây ra, và là một giai đoạn cần thiết trong tiến trình tiến hoá. Định luật hấp dẫn này là định luật chi phối Tinh thần, cực đối nghịch của vật chất.

The first Aspect, or the will to exist, is governed by the Law of Synthesis, and the activities of the cosmic entities who are its embodiments are governed by the law of enforced unity, and of essential homogeneity. It is the law that eventually comes into play after spirit and matter are blending, and adapting themselves each to each; it governs the eventual synthesis of Self with Self, and finally with the All-Self, and also of essence with essence in contra-distinction to the synthesis of matter and Spirit. It demonstrates as: [Page 216]

Định luật Tổng Hợp chi phối phương diện thứ nhất, hay ý chí hiện hữu, và định luật của sự hợp nhất cưỡng bách và tính đồng nhất bản chất chi phối các hoạt động của những thực thể vũ trụ là hiện thân của phương diện ấy. Đây là định luật rốt cuộc đi vào hoạt động sau khi tinh thần và vật chất đang hòa trộn và thích ứng với nhau; nó chi phối sự tổng hợp tối hậu của Ngã với Ngã, và cuối cùng với Đại Ngã Toàn Thể, đồng thời cả của tinh túy với tinh túy, đối lập với sự tổng hợp của vật chất và Tinh thần. Nó biểu lộ như: [Page 216]

1. Abstraction,

1. Sự trừu xuất,

2. Spiritual liberation,

2. Sự giải thoát tinh thần,

3. Destruction of form through the withdrawal of Spirit (the Destroyer aspect)

3. Sự hủy diệt hình tướng qua việc rút Tinh thần ra (phương diện Đấng Hủy Diệt)

4. Absolute homogeneity and absolute essential unity,

4. Tính đồng nhất tuyệt đối và sự hợp nhất bản chất tuyệt đối,

5. Progressive forward motion.

5. Chuyển động tiến tới không ngừng.

Thus can be seen the wonderful synthesis brought about by the evolutionary working of these three cosmic laws,—*each of them embodying the mode of work of certain cosmic Entities or Existences*. The final two will be taken up in their right place. Now we will touch but briefly upon the law of matter, that of Economy.

Như vậy có thể thấy được sự tổng hợp kỳ diệu do hoạt động tiến hoá của ba định luật vũ trụ này mang lại,—*mỗi định luật trong số đó hiện thân cho phương thức hoạt động của những Thực Thể hay Hiện Hữu vũ trụ nhất định*. Hai định luật cuối sẽ được bàn đến ở đúng chỗ của chúng. Giờ đây chúng ta chỉ chạm sơ lược đến định luật của vật chất, tức Định luật Tiết Kiệm.

This is the law that lies back of what has been mistakenly called "The Fall" by religious writers, by which is defined in reality the involutionary process, cosmically considered. It led to a sevenfold differentiation in the matter of the system. Just as the Law of Attraction led to the sevenfold psychic differentiation of the Sons of Mind, and the Law of Synthesis results in the sevenfold perfection of the same Manasaputras, so we have an interesting connection between

Đây là định luật nằm phía sau điều mà các tác giả tôn giáo đã lầm gọi là "Sự Sa Ngã", mà thực ra là để xác định tiến trình giáng hạ tiến hoá, xét theo vũ trụ. Nó đã dẫn đến một sự biến phân thất phân trong vật chất của hệ mặt trời. Cũng như Định luật Hấp Dẫn đã dẫn đến sự biến phân thông linh thất phân của các Con của Trí Tuệ, và Định luật Tổng Hợp đưa đến sự hoàn thiện thất phân của chính các Manasaputras ấy, thì ở đây chúng ta có một mối liên hệ thú vị giữa

The seven planes, or the seven grades of matter.

Bảy cõi, hay bảy cấp độ của vật chất.

The seven Heavenly Men, the seven Divine Manasaputras, or the seven types of wisdom-love.

Bảy Đấng Thiên Nhân, bảy Manasaputras thiêng liêng, hay bảy loại minh triết-bác ái.

The seven qualities of wisdom, which are produced by the cosmic entities, the Kumaras by the aid of knowledge through the medium of matter.

Bảy phẩm tính của minh triết, do các thực thể vũ trụ, các Kumara, tạo ra nhờ sự trợ giúp của tri thức qua trung gian vật chất.

This Law of Economy has several subsidiary laws which govern its effects on the different grades of matter. As said before, this is the Law swept into action by the sounds as uttered by the Logos. The Sacred Word, or the uttered Sound of the Creator, exists in different forms, and though in reality but one Word, has several syllables. The syllables

Định luật Tiết Kiệm này có một số định luật phụ thuộc chi phối các tác động của nó trên những cấp độ khác nhau của vật chất. Như đã nói trước đây, các âm thanh do Thượng đế xướng lên đưa Định luật này vào hoạt động. Linh từ Thiêng Liêng, hay Âm Thanh được Đấng Sáng Tạo phát ra, tồn tại dưới những hình thức khác nhau, và tuy thực sự chỉ là

all together form a solar [Page 217] phrase; separated they form certain words of power, producing different effects. (92)

một Linh từ, lại có nhiều âm tiết. Tất cả các âm tiết hợp lại tạo thành một cụm từ thái dương [Page 217]; tách riêng ra, chúng tạo thành những quyền năng từ nhất định, tạo ra những tác động khác nhau. (92)

(92)..."the Veda, the world song in human sound that was given to man for his use metaphysically from the standpoint of its meaning, and magically from the standpoint of its proper recitation. The world song obeying certain laws of proportions or the Pythagorean arithmetic and imparting its thrilling effect to the domain of cosmic substance, has induced the latter into a crystallisation process that the philosopher Plato called the geometry of the cosmos. The various forms that are observed from a molecule of salt crystal to the wonderfully complex organism of the human body are all the structures of the great cosmic geometriser known as Viswakarma, the deva carpenter in our Puranic writings. The revealed Veda whose function is to trace out the cosmos from one basic sound substance symbolised as Om, necessarily split itself into a primal three, a subsequent seven vowels and then into seven notes and then into seven combinations of the seven notes on a basic three and then into hymns. All these falling into the material field of the consonants, gradually produced the manifested crystallised forms which are collectively taken as the universe. The world to a thinker is the magic motion produced by the Orphean singer or the Hindu Saraswati...."

(92)..."Veda, bài ca thế giới trong âm thanh nhân loại được ban cho con người để sử dụng về mặt siêu hình từ quan điểm ý nghĩa của nó, và về mặt huyền thuật từ quan điểm sự tụng đọc đúng đắn của nó. Bài ca thế giới, tuân theo những định luật nhất định về tỉ lệ hay số học Pythagoras và truyền tác động rung động của nó vào cõi chất liệu vũ trụ, đã khiến cõi này đi vào một tiến trình kết tinh mà triết gia Plato gọi là hình học của vũ trụ. Những hình thức khác nhau được quan sát thấy từ một phân tử tinh thể muối cho đến cơ thể sống phức tạp kỳ diệu của thân thể con người đều là những cấu trúc của nhà hình học hóa vũ trụ vĩ đại được biết đến như Viswakarma, vị thiên thần thợ mộc trong các trước tác Purana của chúng ta. Veda được mặc khải, mà chức năng của nó là phác ra vũ trụ từ một chất liệu âm thanh căn bản được biểu tượng hóa như Om, tất yếu đã tự phân tách thành một bộ ba nguyên thủy, rồi thành bảy nguyên âm tiếp theo, rồi thành bảy nốt, rồi thành bảy tổ hợp của bảy nốt trên một bộ ba căn bản, và sau đó thành các thánh ca. Tất cả những điều này, khi rơi vào lĩnh vực vật chất của các phụ âm, dần dần tạo ra những hình tướng biểu hiện đã kết tinh mà tổng thể được xem là vũ trụ. Đối với một nhà tư tưởng, thế giới là chuyển động huyền thuật do người ca sĩ Orpheus hay Saraswati của Ấn Độ tạo ra...."

"In the Vishnu Purana, second part, you will see that the power that resides in the sun is represented as the three-sided Vedic power, that the power as Rik creates, as Yajus preserves and as Sama destroys. Rik is therefore the creative song of the Devas in

"Trong Vishnu Purana, phần thứ hai, bạn sẽ thấy rằng quyền năng ngự trong mặt trời được trình bày như quyền năng Veda tam diện, rằng quyền năng ấy với tư cách Rik thì sáng tạo, với tư cách Yajus thì bảo tồn và với tư cách Sama thì hủy diệt. Vì vậy Rik là bài ca

the Sun. Yajus the song of preservation and Sama the song of destruction of the Devas in the sun and construction of the Devas in the moon. Rik therefore is the song of the Devas and Sama the song of the Pitris and Yajua the intermediate song. The functions of the Vedas must of course vary according to the standpoint. If you take the Pitris, Sama is their constructive song, and Rik is their destructive note. The three Vedas correspond to every trinity in Nature and I request you will search for further information in the much abused Puranas...."

sáng tạo của các thiên thần trong Mặt Trời. Yajus là bài ca bảo tồn và Sama là bài ca hủy diệt của các thiên thần trong mặt trời và kiến tạo của các thiên thần trong mặt trăng. Vì vậy Rik là bài ca của các thiên thần và Sama là bài ca của các Pitris còn Yajua là bài ca trung gian. Dĩ nhiên các chức năng của các Veda phải thay đổi tùy theo quan điểm. Nếu bạn xét các Pitris, thì Sama là bài ca kiến tạo của họ, còn Rik là âm điệu hủy diệt của họ. Ba Veda tương ứng với mọi bộ ba trong Thiên Nhiên và tôi đề nghị bạn hãy tìm thêm thông tin trong các Purana vốn bị lạm dụng quá nhiều...."

"Of the various karmic agencies wielded by man in the way of moulding himself and surroundings, sound or speech is the most important, for, to speak is to work in ether which of course rules the lower quaternary or elements, air, fire, water and earth. Human sound or language contains therefore all the elements required to move the different classes of Devas and those elements are of course the vowels and the consonants. The details of the philosophy of sound in its relation to the devas who preside over the subtle world, belong to the domain of true Mantra Sastra which of course is in the hands of the knowers."—From *Some Thoughts on the Gita.* (back)

"Trong số những tác nhân nghiệp quả khác nhau mà con người sử dụng để uốn nắn chính mình và môi trường xung quanh, âm thanh hay lời nói là quan trọng nhất, vì nói là hoạt động trong dĩ thái, mà dĩ nhiên dĩ thái chi phối bộ tứ thấp hay các nguyên tố: khí, lửa, nước và đất. Do đó âm thanh hay ngôn ngữ của con người chứa đựng mọi yếu tố cần thiết để làm chuyển động các loại thiên thần khác nhau, và dĩ nhiên những yếu tố ấy là nguyên âm và phụ âm. Các chi tiết của triết học về âm thanh trong mối liên hệ của nó với các thiên thần chủ quản thế giới vi tế thuộc về lĩnh vực của Mantra Sastra chân chính, mà dĩ nhiên nằm trong tay các thức giả."—Trích từ *Một vài suy tưởng về Gita.* (trở lại)

The great WORD that peals through one hundred years of Brahma or persists in reverberation throughout a solar system, is the sacred sound of A U M. In differentiation and as heard in time and space, each of those three mystic letters stands for the first letter of a subsidiary phrase, consisting of various sounds. One letter, with a sequence of four sounds, makes up the vibration or note of Brahma, which is the intelligence aspect dominant in matter. Hence the mystery

Linh từ vĩ đại vang dội suốt một trăm năm của Brahma hay tiếp tục ngân vọng trong toàn bộ một hệ mặt trời là âm thanh thiêng liêng A U M. Trong sự biến phân và như được nghe thấy trong thời gian và không gian, mỗi một trong ba mẫu tự thần bí ấy tượng trưng cho mẫu tự đầu tiên của một cụm từ phụ thuộc, gồm nhiều âm thanh khác nhau. Một mẫu tự, với một chuỗi bốn âm, tạo thành rung động hay âm điệu của Brahma, tức phương diện trí tuệ chiếm ưu thế trong

hidden in [Page 218] the pentagon, in the fifth principle of mind, and in the five planes of human evolution. These five letters when sounded forth on the right note, give the key to the true inwardness of matter and also to its control,—this control being based on the right interpretation of the Law of Economy.

vật chất. Do đó có bí nhiệm ẩn giấu trong [Page 218] ngũ giác, trong nguyên khí thứ năm là trí tuệ, và trong năm cõi tiến hoá của con người. Năm mẫu tự này khi được xướng lên đúng âm điệu sẽ trao chìa khóa cho nội nghĩa chân thực của vật chất và cả cho sự kiểm soát nó,—sự kiểm soát này dựa trên sự giải thích đúng đắn Định luật Tiết Kiệm.

Another phrase, this time of seven letters, or a letter for each of the seven Heavenly Men, embodies the sound or note of the Vishnu aspect, the second aspect logoic, the form-building aspect. By its correct or partial sounding, by its complete or incomplete reverberation, are the forms built and adapted. The Law of Attraction finds expression in the manipulation of matter and its welding into form for the use of Spirit.

Một cụm từ khác, lần này gồm bảy mẫu tự, hay một mẫu tự cho mỗi một trong bảy Đấng Thiên Nhân, hiện thân cho âm thanh hay âm điệu của phương diện Vishnu, phương diện thứ hai của Thượng đế, phương diện xây dựng hình tướng. Bằng sự xướng lên đúng đắn hay từng phần của nó, bằng sự ngân vọng trọn vẹn hay không trọn vẹn của nó, các hình tướng được xây dựng và thích ứng. Định luật Hấp Dẫn tìm thấy sự biểu lộ trong việc vận dụng vật chất và hàn gắn nó thành hình tướng để Tinh thần sử dụng.

Then a third Word or phrase is added to the other two, completing the entire Word logoic and producing consummation. It is a Word of nine letters, making therefore the twenty-one sounds (5 + 7 + 9) of this solar system. The final nine sounds produce spiritual synthesis, and the dissociation of the spirit from the form. We have a correspondence in the nine Initiations, each initiation marking a more perfect union of the Self with the All-Self, and a further liberation from the trammels of matter.

Rồi một Linh từ hay cụm từ thứ ba được thêm vào hai cụm từ kia, hoàn tất toàn bộ Linh từ của Thượng đế và tạo ra sự viên mãn. Đó là một Linh từ gồm chín mẫu tự, do đó tạo thành hai mươi mốt âm thanh (5 + 7 + 9) của hệ mặt trời này. Chín âm thanh cuối cùng tạo ra sự tổng hợp tinh thần, và sự phân ly của tinh thần khỏi hình tướng. Chúng ta có một sự tương ứng trong chín cuộc điểm đạo, mỗi cuộc điểm đạo đánh dấu một sự hợp nhất hoàn hảo hơn của Ngã với Đại Ngã Toàn Thể, và một sự giải thoát thêm nữa khỏi những trói buộc của vật chất.

When the sense of hearing on all planes is perfected (which is brought about by the Law of Economy rightly understood) these three great Words or phrases will be *known*. The Knower will utter them in his own true key, thus blending his own sound with the entire volume of vibration, and thereby achieving sudden realisation of his essential

Khi giác quan nghe trên mọi cõi được hoàn thiện (điều này có được nhờ thấu hiểu đúng đắn Định luật Tiết Kiệm) thì ba Linh từ hay cụm từ vĩ đại này sẽ được *biết đến*. Thức giả sẽ xướng chúng theo đúng chủ âm riêng của mình, nhờ đó hòa trộn âm thanh riêng của mình với toàn bộ âm lượng rung động, và như vậy đạt được sự chứng nghiệm đột ngột

identity with Those Who utter the words. As the sound of matter or of Brahma peals forth in his ears on all the planes, he will see all forms as illusion and will be freed, knowing himself as omnipresent. As the sound of Vishnu reverberates within himself, he knows himself as perfected wisdom, and distinguishes [Page 219] the note of his being (or that of the Heavenly Man in whose Body he finds place) from the group notes, and knows himself as omniscient. As the note of the first or Mahadeva aspect, follows upon the other two, he realises himself as pure Spirit and on the consummation of the chord is merged in the Self, or the source from which he came. Mind is not, matter is not, and nought is left but the Self merged in the ocean of the Self. At each stage of relative attainment, one of the laws comes into sway, —first the law of matter, then the law of groups, to be succeeded by the law of Spirit and of liberation.

về sự đồng nhất cốt yếu của mình với Những Đấng xướng lên các linh từ ấy. Khi âm thanh của vật chất hay của Brahma vang lên trong tai y trên mọi cõi, y sẽ thấy mọi hình tướng là ảo tưởng và sẽ được giải thoát, biết mình là hiện diện khắp nơi. Khi âm thanh của Vishnu ngân vọng bên trong chính mình, y biết mình là minh triết hoàn hảo, và phân biệt được [Page 219] âm điệu của bản thể mình (hay của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y tìm được chỗ đứng) với các âm điệu nhóm, và biết mình là toàn tri. Khi âm điệu của phương diện thứ nhất hay Mahadeva tiếp nối hai âm điệu kia, y chứng nghiệm mình là Tinh thần thuần túy và khi hợp âm đạt đến viên mãn thì được hòa nhập vào Ngã, hay nguồn cội từ đó y đã đến. Trí tuệ không còn, vật chất không còn, và chẳng còn gì ngoài Ngã hòa nhập trong đại dương của Ngã. Ở mỗi giai đoạn thành tựu tương đối, một trong các định luật bắt đầu chi phối, —trước hết là định luật của vật chất, rồi đến định luật của các nhóm, sau đó là định luật của Tinh thần và của sự giải thoát.

II. THE SUBSIDIARY LAWS — II. CÁC ĐỊNH LUẬT PHỤ THUỘC

The subsidiary laws under the Law of Economy are four in number, dealing with the lower quaternary:

Các định luật phụ thuộc dưới Định luật Tiết Kiệm có bốn, liên quan đến bộ tứ thấp:

1. *The Law of Vibration*, dealing with the key note or measure of the matter of each plane. By knowledge of this law the material of any plane in its seven divisions can be controlled. 2. *The Law of Adaptation*, is the law governing the rotary movement of any atom on every plane and subplane. 3. *The Law of Repulsion*, governs that relationship between atoms, which results in their non-attachment and in their complete freedom from each other; it also keeps them rotating at fixed points from the globe or sphere of opposite polarity. 4. *The Law of Friction,*

1. *Định luật Rung Động*, liên quan đến chủ âm hay nhịp độ của vật chất trên mỗi cõi. Nhờ hiểu biết định luật này, chất liệu của bất kỳ cõi nào trong bảy phân bộ của nó đều có thể được kiểm soát. 2. *Định luật Thích Ứng*, là định luật chi phối chuyển động quay của bất kỳ nguyên tử nào trên mọi cõi và cõi phụ. 3. *Định luật Đẩy Lùi*, chi phối mối liên hệ giữa các nguyên tử, đưa đến việc chúng không bám dính vào nhau và hoàn toàn tự do đối với nhau; nó cũng giữ cho chúng quay tại những điểm cố định tính từ bầu hành tinh hay khối cầu có cực tính đối nghịch. 4. *Định*

governs the heat aspect of any atom, the radiation of an atom, and the effect of that radiation on any other atom.

luật Ma Sát, chi phối phương diện nhiệt của bất kỳ nguyên tử nào, sự bức xạ của một nguyên tử, và tác động của sự bức xạ ấy lên bất kỳ nguyên tử nào khác.

Every atom of matter can be studied in four aspects, and is governed by one or other, or all of the four above mentioned laws.

Có thể nghiên cứu mỗi nguyên tử vật chất dưới bốn phương diện; nguyên tử ấy chịu sự chi phối của một định luật này hay định luật khác, hoặc của cả bốn định luật vừa nêu trên.

a. An atom vibrates to a certain measure.

a. Một nguyên tử rung động theo một nhịp độ nhất định.

b. It rotates at a certain speed. [Page 220]

b. Nó quay với một tốc độ nhất định. [Page 220]

c. It acts and reacts upon its environing atoms.

c. Nó tác động và phản ứng lên các nguyên tử bao quanh nó.

d. It adds its quota to the general heat of the atomic system, whatever that may be.

d. Nó góp phần của mình vào nhiệt lượng chung của hệ thống nguyên tử, dù hệ thống ấy là gì đi nữa.

These general rules relating to atomic bodies can be extended not only to the atoms of the physical plane, but to all spheroidal bodies within the system, and including the system also, regarding it as a cosmic atom.

Những quy luật tổng quát này liên quan đến các vật thể nguyên tử có thể được mở rộng không chỉ cho các nguyên tử của cõi hồng trần, mà còn cho mọi vật thể hình cầu trong hệ mặt trời, kể cả chính hệ mặt trời, nếu xem nó như một nguyên tử vũ trụ.

The tiny atom of the physical plane, a plane itself, a planet, and a solar system all evolve under these rules, and all are governed by the Law of Economy in one of its four aspects.

Nguyên tử nhỏ bé của cõi hồng trần, bản thân một cõi, một hành tinh, và một hệ mặt trời đều tiến hoá theo các quy luật này, và một trong bốn phương diện của Định luật Tiết Kiệm chi phối tất cả.

It might be added in closing, that this law is one that initiates have to master before They can achieve liberation. They have to learn to manipulate matter, and to work with energy or force in matter under this law; they have to utilise matter and energy in order to

Có thể nói thêm để kết thúc rằng định luật này là một định luật mà các điểm đạo đồ phải làm chủ trước khi Các Ngài có thể đạt được giải thoát. Các Ngài phải học cách vận dụng vật chất, và làm việc với năng lượng hay mãnh lực trong vật chất dưới định luật

achieve the liberation of Spirit, and to bring to fruition the purposes of the Logos in the evolutionary process.

này; Các Ngài phải sử dụng vật chất và năng lượng để đạt được sự giải thoát của Tinh thần, và làm cho các mục đích của Thượng đế trong tiến trình tiến hoá được kết quả viên mãn.

Cosmic Fire S3

(Page 223 – 341)

SECTION TWO. The Fire of Mind - Solar Fire — PHẦN HAI. Lửa của Trí Tuệ - Lửa Thái dương

INTRODUCTORY QUESTIONS — NHỮNG CÂU HỎI NHẬP ĐỀ

[Page 223]1. What is the relation of the Son to the Sun?

[Page 223]1. Mối liên hệ của Con với Mặt Trời là gì?

2. What is evolution, and how does it proceed?

2. Tiến hoá là gì, và nó diễn ra như thế nào?

3. Why is the solar system evolving along the lines of duality?

3. Tại sao hệ mặt trời lại tiến hoá theo những đường lối của nhị nguyên tính?

4. What is consciousness and what is its place in the scheme?

4. Tâm thức là gì và vị trí của nó trong hệ thống sự vật là gì?

5. Is there a direct analogy between a system, a planet, man and an atom?

5. Có một sự tương đồng trực tiếp nào giữa một hệ mặt trời, một hành tinh, con người và một nguyên tử không?

6. What is the mind aspect? Who are the Manasaputras?

6. Phương diện trí tuệ là gì? Các Manasaputra là ai?

7. Why is the progress of evolution cyclic?

7. Tại sao sự tiến bộ của tiến hoá lại có tính chu kỳ?

8. Why is knowledge both exoteric and esoteric?

8. Tại sao tri thức vừa là ngoại môn vừa là nội môn?

9. What is the relation between—

a. The ten schemes,

b. The seven sacred planets,

c. The seven chains in a scheme,

d. The seven globes in a chain,

e. The seven rounds of a chain,

f. The seven rootraces and subraces?

Before taking up the subject of the fire of mind under the schedule already outlined, it might be of profit if certain facts are here pointed out, and one or two points clarified. The subject we are undertaking to elucidate is one of profound mystery, and is the basis of all that is now seen and known, both objectively and subjectively. We have somewhat studied that pole of manifestation called *matter*. The subject we are now entering upon concerns several things which might be considered in general terms as *Consciousness*, and in specified terms as including the following subjects,—hence its fundamental importance. [Page 224]

a. The science of objectivity.

b. The manifestation of the Son through the Sun and its attendant spheres, or the solar system in its entirety.

c. The evolutionary development of consciousness in time and space, therefore, the evolution of spirit and matter.

9. Mối liên hệ giữa—

a. mười hệ hành tinh,

b. bảy hành tinh thiêng liêng,

c. bảy dãy trong một hệ hành tinh,

d. bảy bầu hành tinh trong một dãy,

e. bảy cuộc tuần hoàn của một dãy,

f. bảy giống dân gốc và các giống dân phụ?

Trước khi bàn đến đề tài lửa của trí tuệ theo dàn bài đã được phác ra, sẽ có ích nếu ở đây nêu ra một số sự kiện nhất định và làm sáng tỏ một hoặc hai điểm. Chủ đề mà chúng ta đang đảm nhận việc làm sáng tỏ là một chủ đề huyền nhiệm sâu xa, và là nền tảng của mọi điều hiện nay được thấy và được biết, cả khách quan lẫn chủ quan. Chúng ta đã phần nào nghiên cứu cực của biểu hiện được gọi là *vật chất*. Chủ đề mà giờ đây chúng ta bước vào liên quan đến một số điều mà theo những thuật ngữ tổng quát có thể được xem là *Tâm thức*, và theo những thuật ngữ chuyên biệt thì bao gồm các đề tài sau đây,—do đó tầm quan trọng căn bản của nó. [Page 224]

a. Khoa học về tính khách quan.

b. Sự biểu hiện của Con qua Mặt Trời và các khối cầu đi kèm của nó, hay toàn thể hệ mặt trời.

c. Sự phát triển tiến hoá của tâm thức trong thời gian và không gian, do đó là sự tiến hoá của tinh thần và vật chất.

If the above three fundamentals are studied, it will be noted that they are very comprehensive, and, therefore, from the immensity of the theme, it will not be possible to do more than attempt to bring a general clarity of conception as to the broad outline of the process, and as to the gradual development of consciousness. For the sake of an intelligent following of this matter, it might be wise first to lay down a number of propositions which—(even if already known and appreciated)—will serve students as the scaffolding on which to erect the intended structure of knowledge. If a student of the Wisdom can grasp the nature of the general theme, he can then more easily and accurately fit the detailed information into its appropriate niche. Perhaps the best plan would be to formulate certain questions, and then proceed to answer them,—the answers to embody therefore the propositions that will be laid down. These questions arise naturally to the student of the *Secret Doctrine*, when he has reached the point where the big plan is becoming visible to him, but the pile of detailed material to be built in remains, as yet, inchoate. The questions we might ask and study are the following:

Nếu ba điều căn bản trên được nghiên cứu, cần lưu ý rằng chúng rất bao quát, và vì vậy, do tính bao la của chủ đề, sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc cố gắng đem lại một sự sáng tỏ khái niệm tổng quát về đại cương của tiến trình, và về sự phát triển dần dần của tâm thức. Vì mục đích theo dõi vấn đề này một cách thông minh, trước hết có lẽ nên nêu ra một số mệnh đề mà—ngay cả khi đã được biết và đánh giá đúng—sẽ phục vụ đạo sinh như bộ giàn giáo để dựng lên cấu trúc tri thức dự định. Nếu một đạo sinh của Minh triết có thể nắm được bản chất của chủ đề tổng quát, khi đó y có thể dễ dàng và chính xác hơn đặt thông tin chi tiết vào đúng vị trí thích hợp của nó. Có lẽ kế hoạch tốt nhất là nêu thành một số câu hỏi, rồi tiếp tục trả lời chúng,—do đó các câu trả lời sẽ bao hàm những mệnh đề sẽ được nêu ra. Những câu hỏi này tự nhiên nảy sinh nơi đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, khi y đã đạt đến điểm mà đại kế hoạch bắt đầu trở nên hiển lộ đối với y, nhưng khối tài liệu chi tiết cần được đưa vào cấu trúc ấy vẫn còn, cho đến nay, chưa thành hình. Những câu hỏi mà chúng ta có thể nêu ra và nghiên cứu là như sau:

1. What is the relationship of the Son to the Sun?

1. Mối liên hệ của Con với Mặt Trời là gì?

2. What is evolution and how does it proceed?

2. Tiến hoá là gì và nó diễn ra như thế nào?

3. Why is this solar system evolving along the lines of duality?

3. Tại sao hệ mặt trời này lại tiến hoá theo những đường lối của nhị nguyên tính?

4. What is consciousness and what is its place in the present scheme of things? [Page 225]

4. Tâm thức là gì và vị trí của nó trong hệ thống sự vật hiện nay là gì? [Page 225]

5. Is there a direct analogy between the development of the following factors: a solar system, a planet, a man, and an atom?

5. Có một sự tương đồng trực tiếp nào giữa sự phát triển của các yếu tố sau đây: một hệ mặt trời, một hành tinh, một con người, và một nguyên tử không?

6. What is the mind aspect and why is the manasic or mental principle of such importance? Who are the Manasaputras, or the Sons of Mind?

6. Phương diện trí tuệ là gì và tại sao nguyên khí manas hay trí tuệ lại quan trọng đến thế? Các Manasaputra, hay các Con của Trí Tuệ, là ai?

7. Why is the progress of evolution cyclic?

7. Tại sao sự tiến bộ của tiến hoá lại có tính chu kỳ?

8. Why, as yet, do we consider certain knowledge as esoteric, and other aspects of knowledge as exoteric?

8. Tại sao, cho đến nay, chúng ta xem một số tri thức là nội môn, còn những phương diện tri thức khác là ngoại môn?

9. What is the relationship between

9. Mối liên hệ giữa

a. The ten planetary schemes?

a. mười hệ hành tinh?

b. The seven sacred planets?

b. bảy hành tinh thiêng liêng?

c. The seven globes in a chain?

c. bảy bầu hành tinh trong một dãy?

d. The seven rounds in a globe?

d. bảy cuộc tuần hoàn trong một bầu hành tinh?

e. The seven root races and the subraces?

e. bảy giống dân gốc và các giống dân phụ?

When we have endeavored to answer in brief and concise fashion these nine questions, and have grasped, through their replies, something of the purpose lying behind the evolution of the consciousness of the Son (with all that is included in that expression) we shall be in a position to go more intelligently into a consideration of the plan, and to grasp more accurately the immediate stage ahead to be attained,

Khi chúng ta đã cố gắng trả lời ngắn gọn và súc tích chín câu hỏi này, và qua các câu trả lời của chúng nắm được phần nào mục đích nằm phía sau sự tiến hoá của tâm thức của Con (cùng mọi điều được bao hàm trong cách diễn đạt ấy), chúng ta sẽ ở vào vị thế để đi sâu hơn một cách thông minh vào việc xem xét Thiên Cơ, và nắm bắt chính xác hơn giai đoạn trước mắt cần đạt đến, lấy quan điểm hiện tại của chúng ta làm nền tảng.

working from our present standpoint as a basis.

We must ever remember that a curious interest and a far-seeing grasp of the plan of the Logos is of no importance to a man unless he correlates the present with that which he believes to lie in the future, unless he ascertains the point achieved, and realises wherein consists the work immediately to be undertaken in this gradual process of attaining full consciousness. [Page 226]

Chúng ta phải luôn nhớ rằng một sự quan tâm hiếu kỳ và một sự nắm bắt xa rộng về kế hoạch của Thượng đế không có tầm quan trọng gì đối với một người trừ phi y liên hệ hiện tại với điều mà y tin là nằm trong tương lai, trừ phi y xác định được điểm đã đạt tới, và nhận ra công việc cần phải đảm nhận ngay trong tiến trình dần dần đạt đến tâm thức trọn vẹn này hệ tại ở đâu. [Page 226]

CHART IV

Chart of the Pleroma according to Valentinus

BIỂU ĐỒ IV

Biểu đồ về Pleroma theo Valentinus

CHART IV

CHART OF THE PLEROMA ACCORDING TO VALENTINUS.

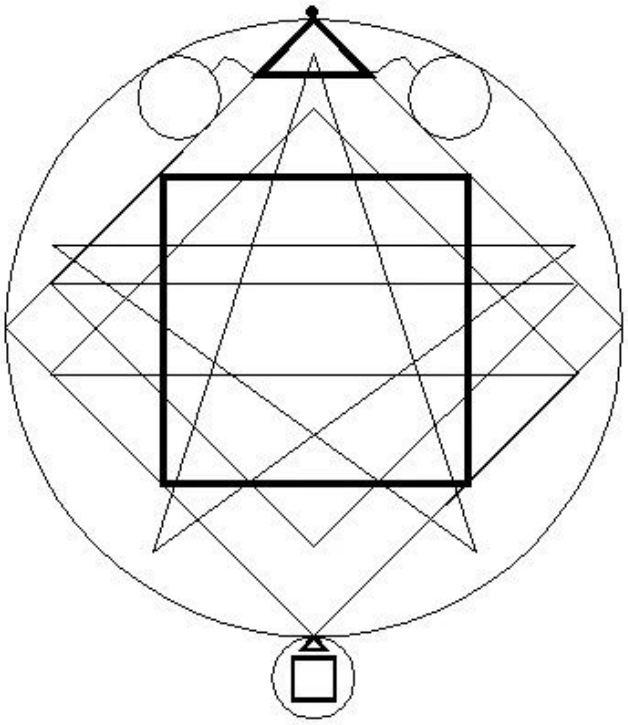

First the • (Point), the Monad, Bythus (the Deep), the unknown and unknowable Father. Then the △ (Triangle), Bythus and the first emanated pair or Duad, Nous (Mind) and its syzygy Aletheia (Truth) Then the □ (Square), the dual Duad; Tetractys or Quaternary, two males || , the Logos (Word) and Anthropos (Man), two females, their syzygies, = Zoe (Life) and Ekklesia (the Church or Assembly), Seven in all. The Triangle the Potentiality of Spirit, the Square the Potentiality of Matter; the Vertical Straight Line the Potency of Spirit, and the Horizontal the Potency of Matter. Next comes the Pentagram ☆ , the Pentad, the mysterious symbol of the Manasaputras or Sons of Wisdom, which together with their syzygies make 10, or the Decad; and last of all, the Hexalpha or interlaced Triangles ✡ the Hexad, which with their syzygies make 12, or the Dodecad. Such are the Contents of the Pleroma or Completion, the Ideas in the Divine Mind, 28 in all, for Bythus or the Father is not reckoned, as it is the Root of all. The two small circles within the Pleroma are the syzygy Christos-Pneuma (Christ and the Holy Spirit); these are after-emanations, and, as such, from one aspect, typify the descent of Spirit to inform and evolve Matter, which essentially proceeds from the same source; and from another, the descent or incarnation of the Kumaras or the Higher Egos of Humanity.

From "Lucifer" For May, 1890.

First the (Point), the *Monad*, Bythus (the Deep), the unknown and the unknowable Father. Then the (triangle), Bythus and the first emanated pair or *Duad*, Nous (Mind) and its syzygy Aletheia (Truth), Then the (Square), the dual *Duad, Tetractys or Quaternary*, two males ||, the Logos (Word) and Anthrôpos (Man), two females, their syzygies, = Zoê (Life) and Ekklesia (the Church or Assembly), *Seven in all*. The triangle, the *Potentiality* of Spirit, the Square the *Potentiality* of Matter; the vertical straight line the *Potency* of Spirit, and the horizontal the *Potency* of Matter. Next comes the Pentagram, the *Pentad*, the mysterious symbol of the Manasaputras or Sons of Wisdom, which together with their syzygies make 10, or the *Decad*; and last of all, the Hexalpha or interlaced Triangles the *Hexad* which with their syzygies make 12, or the *Dodecad*. Such are the contents of the Pleroma or Completion, the *Ideas* in the *Divine mind*, 28 in all, for Bythus or the Father is not reckoned, as it is the *Root* of all. The two small circles within the Pleroma are the syzygy Christos-Pneuma (Christ and the Holy Spirit): these are *after*-emanations, and, as such, form one aspect, typify the descent of Spirit to inform and evolve Matter, which *essentially* proceeds from the same source; and another, the desent or incarnation of the Kumâras or the Higher Egos of Humanity.

Trước hết là (Điểm), *Chân thần*, Bythus (Vực Sâu), Người Cha vô danh và bất khả tri. Kế đến là (tam giác), Bythus và cặp đầu tiên được phát xạ hay *Nhị nguyên*, Nous (Trí Tuệ) và syzygy của nó là Aletheia (Chân Lý), rồi đến (Hình vuông), *Nhị nguyên kép, Tetractys hay Bộ bốn*, hai nam ||, Logos (Linh từ) và Anthrôpos (Con Người), hai nữ, các syzygy của các vị ấy, = Zoê (Sự Sống) và Ekklesia (Giáo Hội hay Hội Chúng), *tổng cộng là Bảy*. Tam giác là *Tiềm năng* của Tinh thần, Hình vuông là *Tiềm năng* của Vật chất; đường thẳng đứng là *Uy lực* của Tinh thần, và đường ngang là *Uy lực* của Vật chất. Tiếp theo là Ngũ giác tinh, *Bộ năm*, biểu tượng huyền nhiệm của các Manasaputra hay các Con của Minh Triết, những vị này cùng với các syzygy của mình tạo thành 10, hay *Bộ mười*; và sau cùng là Hexalpha hay các Tam giác đan xen, *Bộ sáu* mà cùng với các syzygy của chúng tạo thành 12, hay *Bộ mười hai*. Đó là nội dung của Pleroma hay Sự Viên Mãn, các *Ý tưởng* trong *Trí của Thượng đế*, tổng cộng là 28, vì Bythus hay Người Cha không được tính đến, bởi đó là *Cội Rễ* của tất cả. Hai vòng tròn nhỏ bên trong Pleroma là syzygy Christos-Pneuma (Christ và Chúa Thánh Thần): đây là những phát xạ *về sau*, và như thế tạo thành một phương diện, tiêu biểu cho sự giáng hạ của Tinh thần để thấm nhuần và làm cho Vật chất tiến hoá, điều mà *về bản chất* phát xuất từ cùng một nguồn; và một phương diện khác, là sự giáng hạ hay nhập thể của các Kumara hay các Chân ngã Cao Siêu của nhân loại.

From “Lucifer” for May 1890

Trích từ “Lucifer” tháng Năm 1890

I. WHAT IS THE RELATIONSHIP OF THE SON TO THE SUN? — I. MỐI LIÊN HỆ CỦA CON VỚI MẶT TRỜI LÀ GÌ?

This question brings us primarily to a consideration as to Who is the Son, and

Câu hỏi này trước hết đưa chúng ta đến việc xem xét Con là Ai, và chức năng của Ngài là

what is His function. Two [Page 227] factors are universally recognised in all systems that merit the name of philosophy; they are the two factors of spirit and matter, of purusha and prakriti. There is at times a tendency to confound such terms as "life and form," "consciousness and the vehicle of consciousness" with the terms "Spirit and matter." They are related, but clarity of view would be facilitated if it were realised that *prior to manifestation*, or to the birth of a solar system, it is more correct to utilise the words, Spirit and matter. When these two are inter-related *during manifestation*, and after the cessation of the pralayic interval or interlude between two systems, then the terms, life and form, consciousness and its vehicles, are more correct, for during the period of abstraction consciousness is not, form is not, and life, demonstrating as an actual principle, is not. There is Spirit-substance but in a state of quiescence, of utter neutrality, of negativity, and of passivity. In manifestation the two are approximated; they interact upon each other; activity supersedes quiescence; positivity replaces negativity; movement is seen in place of passivity, and the two primordial factors are no longer neutral to each other, but attract and repulse, interact and utilise. Then and only then, can we have form animated by life, and consciousness demonstrated through appropriate vehicles.

How can this be expressed? In terms of fire, when the two electric poles are brought into definite relationship we have demonstrated, along the line of occult sight and of occult feeling, both heat and light. This relationship is brought about and perfected during the evolutionary process. This heat and light are produced by the union of the two poles, or by the occult marriage of male and female, of Spirit (father) and matter (mother). In terms of the physical, this

gì. Hai [Page 227] yếu tố được nhìn nhận phổ quát trong mọi hệ thống xứng đáng mang tên triết học; đó là hai yếu tố tinh thần và vật chất, purusha và prakriti. Đôi khi có khuynh hướng lẫn lộn những thuật ngữ như "sự sống và hình tướng," "tâm thức và vận cụ của tâm thức" với các thuật ngữ "Tinh thần và vật chất." Chúng có liên hệ với nhau, nhưng sự sáng tỏ trong cách nhìn sẽ được hỗ trợ nếu nhận ra rằng *trước khi biểu hiện*, hay trước khi một hệ mặt trời ra đời, thì dùng các từ Tinh thần và vật chất là chính xác hơn. Khi hai yếu tố này liên hệ với nhau *trong khi biểu hiện*, và sau khi chấm dứt khoảng hay quãng xen kẽ pralaya giữa hai hệ mặt trời, thì các thuật ngữ sự sống và hình tướng, tâm thức và các vận cụ của nó, là chính xác hơn, vì trong thời kỳ trừu xuất thì không có tâm thức, không có hình tướng, và không có sự sống biểu lộ như một nguyên khí thực sự. Có tinh thần-chất liệu nhưng ở trong trạng thái tĩnh lặng, hoàn toàn trung tính, âm tính, và thụ động. Trong biểu hiện, hai yếu tố ấy được đưa lại gần nhau; chúng tác động lẫn nhau; hoạt động thay thế sự tĩnh lặng; dương tính thay thế âm tính; chuyển động xuất hiện thay cho thụ động, và hai yếu tố nguyên sơ không còn trung tính đối với nhau nữa, mà hút và đẩy, tương tác và sử dụng lẫn nhau. Khi đó và chỉ khi đó, chúng ta mới có thể có hình tướng được sự sống làm sinh động, và tâm thức được biểu lộ qua những vận cụ thích hợp.

Điều này có thể được diễn đạt như thế nào? Theo thuật ngữ của lửa, khi hai cực điện được đưa vào một mối liên hệ xác định, chúng ta có sự biểu lộ, theo đường lối của thị giác huyền bí và cảm nhận huyền bí, cả nhiệt lẫn ánh sáng. Mối liên hệ này được tạo ra và hoàn thiện trong tiến trình tiến hoá. Sự kết hợp của hai cực, hay cuộc hôn phối huyền bí giữa nam và nữ, giữa Tinh thần (cha) và vật chất (mẹ), tạo ra nhiệt và ánh sáng này. Theo phương diện hồng trần, sự kết hợp này tạo ra

union produces the objective solar system, the Son of the Father and the Mother. In terms of the subjective, it produces the Sun, as the sum total of [Page 228] the qualities of light and heat. In terms of fire, by the union or at-one-ment of electric fire (Spirit) and fire by friction (energised matter) solar fire is produced. This solar fire will be distinguished above all else by its evolutionary development, and by the gradual intensification of the heat to be felt, and of the light to be seen.

hệ mặt trời khách quan, Con của Cha và Mẹ. Theo phương diện chủ quan, nó tạo ra Mặt Trời, như tổng thể của [Page 228] các phẩm tính ánh sáng và nhiệt. Theo thuật ngữ của lửa, bởi sự kết hợp hay hiệp nhất của Lửa Điện (Tinh thần) và Lửa ma sát (vật chất được tiếp năng lượng), Lửa Thái dương được tạo ra. Đặc trưng nổi bật nhất của Lửa Thái dương này sẽ là sự phát triển tiến hoá của nó, cùng sự tăng cường dần dần của nhiệt có thể cảm nhận và ánh sáng có thể nhìn thấy.

For a clearer comprehension of this abstract matter, we might consider the microcosm, or man evolving in the three worlds. Man is the product of the approximation (at present imperfect) of the two poles of Spirit (the Father in Heaven) and of matter (the Mother). The result of this union is an individualised Son of God, or unit of the divine Self, an exact replica in miniature on the lowest plane of the great Son of God, the All-Self, who is in Himself the totality of all the miniature sons, of all the individualised Selves, and of each and every unit. The microcosm, expressed in other terms or from the subjective point of view, is a miniature sun distinguished by the qualities of heat and light. At present that light is "under the bushel," or deeply hidden by a veil of matter, but in due process of evolution it will shine forth to such an extent that the veils will be lost from sight in a blaze of exceeding glory. At present the microcosmic heat is of small degree, or the magnetic radiation between the microcosmic units is but little felt (in the occult significance of the term), but as time proceeds, the emanations of heat,—due to intensification of the inner flame, coupled with the assimilated radiation of other units —will increase, and become of such proportions that the interaction between the individualised Selves will result in the

Để hiểu rõ hơn vấn đề trừu tượng này, chúng ta có thể xét đến tiểu thiên địa, hay con người đang tiến hoá trong ba cõi giới. Con người là sản phẩm của sự tiến gần (hiện nay còn bất toàn) giữa hai cực của Tinh thần (Người Cha trên Trời) và vật chất (Người Mẹ). Kết quả của sự kết hợp này là một Con của Thượng đế đã được biệt ngã hóa, hay một đơn vị của Đại Ngã thiêng liêng, một bản sao thu nhỏ chính xác trên cõi thấp nhất của Con vĩ đại của Thượng đế, Đại Ngã Toàn Thể, Đấng trong chính Ngài là tổng thể của mọi người con thu nhỏ, của mọi Đại Ngã đã được biệt ngã hóa, và của từng đơn vị một. Tiểu thiên địa, được diễn đạt theo những thuật ngữ khác hay từ quan điểm chủ quan, là một mặt trời thu nhỏ được phân biệt bởi các phẩm tính nhiệt và ánh sáng. Hiện nay ánh sáng ấy "ở dưới cái đấu," hay bị một bức màn vật chất che giấu sâu kín, nhưng theo đúng tiến trình tiến hoá, nó sẽ chiếu rạng đến mức các bức màn sẽ biến mất khỏi tầm nhìn trong một luồng vinh quang chói lọi tột bậc. Hiện nay nhiệt của tiểu thiên địa còn ở mức nhỏ, hay bức xạ từ tính giữa các đơn vị tiểu thiên địa chỉ được cảm nhận rất ít (theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ này), nhưng khi thời gian trôi qua, các phát xạ nhiệt,—do sự tăng cường của ngọn lửa bên trong, kết hợp với bức xạ đã được đồng hoá của các đơn vị khác—sẽ gia tăng, và trở nên có quy mô đến mức sự tương tác giữa các Đại Ngã đã

merging to perfection of the flame within each one, and a blending of the heat; this will proceed until there is "one flame with countless sparks" within it, until the heat is general and balanced. When this is the case and each Son of God is a perfected Sun, characterised by perfectly expressed light and heat, [Page 229] then the entire solar system, the greater Son of God, will be the perfected Sun.

được biệt ngã hóa sẽ dẫn đến sự hòa nhập hoàn hảo của ngọn lửa bên trong mỗi đơn vị, và sự hòa trộn của nhiệt; điều này sẽ tiếp diễn cho đến khi có "một ngọn lửa với vô số tia lửa" bên trong nó, cho đến khi nhiệt trở nên phổ quát và quân bình. Khi điều này xảy ra và mỗi Con của Thượng đế là một Mặt Trời hoàn hảo, được đặc trưng bởi ánh sáng và nhiệt được biểu lộ hoàn toàn, [Page 229] khi đó toàn thể hệ mặt trời, Con lớn hơn của Thượng đế, sẽ là Mặt Trời hoàn hảo.

The system will then be characterised by a "blaze of refulgent glory," and by a radiation that will link it up with its cosmic centre, and thus effect the liberation of the Son, and His return to the far distant source from whence the primal impulse originated. Therefore, bear in mind:

Khi đó hệ mặt trời sẽ có đặc trưng là một "luồng vinh quang rực rỡ chói ngời," và bởi một bức xạ sẽ nối kết nó với trung tâm vũ trụ của nó, và như thế thực hiện sự giải thoát của Con, cùng sự trở về của Ngài với nguồn cội xa xăm từ đó xung lực nguyên thủy đã phát sinh. Vì vậy, hãy ghi nhớ:

First, that the Son is the radiant result of the union of Spirit and Matter, and may be considered as the totality of the solar system, the Sun and the seven sacred planets.

Thứ nhất, rằng Con là kết quả rạng ngời của sự kết hợp giữa Tinh thần và Vật chất, và có thể được xem như tổng thể của hệ mặt trời, Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng.

Second, that the Son manifests through his qualities of light and heat, as does the solar Sun.

Thứ hai, rằng Con biểu lộ qua các phẩm tính ánh sáng và nhiệt của Ngài, cũng như Mặt Trời thái dương biểu lộ vậy.

Third, that the Son is the product of the electrical union of "fire by friction" and electric fire, and is Himself "solar fire" or the manifestation of the other two, hence *that which is seen and that which is felt.*

Thứ ba, rằng Con là sản phẩm của sự kết hợp điện giữa "Lửa ma sát" và Lửa Điện, và chính Ngài là "Lửa Thái dương" hay sự biểu hiện của hai loại kia, do đó là *điều được thấy và điều được cảm nhận.*

Finally, that the Son, therefore, is the middle manifestation, and is produced by that which is above, and that which is below, in the occult sense. Therefore, the Son on His own plane (the cosmic mental plane), is the egoic body of the Logos in the same sense as the egoic body of the microcosm is the product of the union of the Monad, or Spirit,

Sau cùng, rằng vì vậy Con là biểu hiện trung gian, và do điều ở trên và điều ở dưới tạo ra, theo ý nghĩa huyền bí. Do đó, Con trên cõi riêng của Ngài (cõi trí vũ trụ), là thể chân ngã của Thượng đế theo cùng ý nghĩa như thể chân ngã của tiểu thiên địa là sản phẩm của sự kết hợp giữa chân thần, hay Tinh thần, và vật chất. Cũng như thể chân ngã

and matter. Just as the body egoic of man (that which is called the causal body) is only in process of formation, and is not yet perfected, so we may predicate the same of the solar system, as it expresses the Life of God. It is in process of perfecting. The Son, manifesting through the Sun and its sphere of influence, is yet in a state of gradual development, and not until each cell within His body is fully alive and vibrating to a uniform measure, will He be "full grown" and perfected. Not until His radiation and His display of light is perfectly seen and felt, will His place among the heavenly constellations (the Son of God in a cosmic sense) be fully achieved.

của con người (điều được gọi là thể nguyên nhân) chỉ mới đang trong tiến trình hình thành, và chưa hoàn thiện, thì chúng ta cũng có thể khẳng định điều tương tự về hệ mặt trời, khi nó biểu lộ Sự sống của Thượng đế. Nó đang trong tiến trình hoàn thiện. Con, biểu lộ qua Mặt Trời và khối cầu ảnh hưởng của Ngài, vẫn còn ở trong trạng thái phát triển dần dần, và chỉ khi mỗi tế bào trong thể nguyên nhân của Ngài hoàn toàn sống động và rung động theo một nhịp độ đồng nhất, Ngài mới "trưởng thành đầy đủ" và hoàn hảo. Chỉ khi bức xạ của Ngài và sự biểu lộ ánh sáng của Ngài được thấy và cảm nhận một cách hoàn hảo, vị trí của Ngài giữa các chòm sao thiên giới (Con của Thượng đế theo nghĩa vũ trụ) mới được đạt đến trọn vẹn.

[Page 230] Not until each cell in His body is a sphere of radiant glory—a blaze of fire and light, and a source of magnetic radiation or heat, occultly expressed, will the Son in the Heavens "shine forth." From the cosmic point of view, as we know, our sun is but of the fourth order, and on the lowest cosmic plane. When the Son has, through the Sun, attained full expression (that is, perfected His display of light and heat) then He will shine forth upon another plane, that of the cosmic mental. We have the analogy in the microcosm or man. When a man's light fully shines forth, when his magnetic radiation has reached the stage of vivid interaction or group activity, then he has attained full self-expression, and has included within his sphere of influence and control the mental plane. He is then considered a Master. He also is of the fourth order; he is the quaternary. The etheric plane is the centre of his life in the physical sense, just as we are told that the sun and the planets esoterically are considered as existing in etheric matter. As above, so below, is the occult law. Therefore, the relationship of the Son of the

[Page 230] Chỉ khi mỗi tế bào trong thể nguyên nhân của Ngài là một khối cầu vinh quang rạng ngời—một luồng lửa và ánh sáng chói lọi, và một nguồn bức xạ từ tính hay nhiệt, được diễn đạt theo huyền bí học—thì Con trên Thiên Giới mới "chiếu rạng." Từ quan điểm vũ trụ, như chúng ta biết, mặt trời của chúng ta chỉ thuộc bậc thứ tư, và ở trên cõi vũ trụ thấp nhất. Khi Con, qua Mặt Trời, đã đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn (nghĩa là đã hoàn thiện sự biểu lộ ánh sáng và nhiệt của Ngài) thì Ngài sẽ chiếu rạng trên một cõi khác, cõi trí vũ trụ. Chúng ta có sự tương đồng nơi tiểu thiên địa hay con người. Khi ánh sáng của một người chiếu rạng hoàn toàn, khi bức xạ từ tính của y đã đạt đến giai đoạn tương tác sinh động hay hoạt động nhóm, thì y đã đạt đến sự tự biểu lộ trọn vẹn, và đã bao gồm trong khối cầu ảnh hưởng và kiểm soát của mình cõi trí. Khi đó y được xem là một Chân sư. Y cũng thuộc bậc thứ tư; y là bộ bốn. Cõi dĩ thái là trung tâm sự sống của y theo nghĩa hồng trần, cũng như chúng ta được cho biết rằng về mặt huyền bí, mặt trời và các hành tinh được xem là tồn tại trong vật chất dĩ thái. Trên sao, dưới vậy, là

Father, and of the Mother, is to the Sun the same as man's relationship to the vehicle through which he functions. It is His mode of enterprise, His vehicle of expression; it is the form which His life animates for the specific purpose of

định luật huyền bí. Vì vậy, mối liên hệ của Con của Cha và của Mẹ với Mặt Trời cũng giống như mối liên hệ của con người với vận cụ mà qua đó y hoạt động. Đó là phương thức hoạt động của Ngài, là vận cụ biểu lộ của Ngài; đó là hình tướng mà sự sống của Ngài làm sinh động vì mục đích cụ thể là

a. Gaining experience.

a. Thu nhận kinh nghiệm.

b. Making contact.

b. Tạo tiếp xúc.

c. Developing full self-knowledge.

c. Phát triển sự tự tri trọn vẹn.

d. Achieving full mastery or control.

d. Đạt được quyền làm chủ hay kiểm soát trọn vẹn.

e. Attaining "manhood" cosmically. The cosmic Christ must measure up to the stature "of a full grown man," as it is expressed in the Christian Bible.*(Ep., 4:13)*

e. Đạt đến "trưởng thành" theo nghĩa vũ trụ. Đức Christ vũ trụ phải đạt đến tầm vóc "của một người trưởng thành đầy đủ," như được diễn đạt trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo.*(Ep., 4:13)*

f. Expanding His consciousness.

f. Mở rộng tâm thức của Ngài.

[Page 231] All these stages have to be achieved on cosmic levels, in exactly the same sense as the microcosm, on systemic levels, likewise strives for similar ideals.

[Page 231] Tất cả các giai đoạn này đều phải được đạt đến trên các cấp độ vũ trụ, theo đúng cùng một ý nghĩa như tiểu thiên địa, trên các cấp độ hệ mặt trời, cũng phấn đấu vì những lý tưởng tương tự.

II. WHAT IS EVOLUTION AND HOW DOES IT PROCEED? — II. TIẾN HOÁ LÀ GÌ VÀ NÓ DIỄN RA NHƯ THẾ NÀO?

1. *Life Cycles.*

1. *Các chu kỳ sự sống.*

I do not propose to deal here with the evolutionary process in any other way than briefly to indicate that the whole method of evolution is simply that of adjusting the matter aspect to the Spirit aspect, so that the former proves entirely adequate as a body of

Ở đây tôi không định bàn đến tiến trình tiến hoá theo cách nào khác ngoài việc ngắn gọn chỉ ra rằng toàn bộ phương pháp của tiến hoá đơn giản là điều chỉnh phương diện vật chất cho phù hợp với phương diện Tinh thần, để phương diện trước chứng tỏ hoàn

expression for the latter. The life cycle of the Son is one hundred years of Brahma in the same sense as man has a life cycle consisting of a certain number of years, dependent upon his karma. During the life cycle of a man, he expresses what is in him at his particular stage, and gradually develops from the stage of the ante-natal period wherein the Self overshadows the matter aspect until the period wherein that Higher Self takes full possession of the prepared form. This stage varies with every individual. From that time on fuller self-consciousness is sought, and the man (if proceeding normally) expresses himself through the form ever more adequately. Each life of lesser cycle in the great cycle of the Ego or Self, sees that expression more complete, brings the form more under control and develops a conscious realisation of the Self until there comes a culminating cycle of lives in which the Self within rapidly dominates, and takes full authority. The form becomes wholly adequate; the fusion of the two poles of Spirit and matter is fully brought about; and the light (fire) and heat (radiation) is seen and felt systemically. Then the form is either consciously utilised for specific ends or is vacated, and the man is liberated. Electric fire and fire by friction are fused, and the consequent solar fire blazes forth in radiant glory.

toàn thích hợp như một thân thể biểu lộ cho phương diện sau. Chu kỳ sự sống của Con là một trăm năm của Brahma theo cùng ý nghĩa như con người có một chu kỳ sự sống gồm một số năm nhất định, tùy thuộc vào nghiệp quả của y. Trong chu kỳ sự sống của một con người, y biểu lộ điều ở trong y tại giai đoạn riêng của mình, và dần dần phát triển từ giai đoạn tiền sinh, trong đó Đại Ngã phủ bóng phương diện vật chất, cho đến giai đoạn trong đó Bản Ngã Cao Siêu ấy hoàn toàn chiếm hữu hình tướng đã được chuẩn bị. Giai đoạn này thay đổi theo từng cá nhân. Từ lúc đó trở đi, ngã thức đầy đủ hơn được tìm kiếm, và con người (nếu tiến triển bình thường) biểu lộ chính mình qua hình tướng ngày càng thích đáng hơn. Mỗi đời sống của chu kỳ nhỏ hơn trong đại chu kỳ của Chân ngã hay Đại Ngã đều làm cho sự biểu lộ ấy hoàn chỉnh hơn, đưa hình tướng ngày càng nằm dưới sự kiểm soát và phát triển một sự chứng nghiệm hữu thức về Đại Ngã cho đến khi xuất hiện một chu kỳ đỉnh điểm của các đời sống, trong đó Đại Ngã bên trong nhanh chóng chi phối và nắm toàn quyền. Hình tướng trở nên hoàn toàn thích hợp; sự dung hợp của hai cực Tinh thần và vật chất được thực hiện trọn vẹn; và ánh sáng (lửa) cùng nhiệt (bức xạ) được thấy và được cảm nhận trong hệ mặt trời. Khi đó hình tướng hoặc được sử dụng một cách hữu thức cho những mục đích cụ thể hoặc bị bỏ lại, và con người được giải thoát. Lửa Điện và Lửa ma sát được dung hợp, và Lửa Thái dương phát sinh từ đó bừng lên trong vinh quang rạng ngời.

Extend this idea from man, an individualised unit of [Page 232] consciousness, to the great Heavenly Men, in one of Whose bodies a man forms a cell. The body of expression of each Heavenly Man is one of the sacred planets, and They aim at the same goal as man—the attainment, on Their own levels, of full expression, and the development of Their vehicles of

Hãy mở rộng ý tưởng này từ con người, một đơn vị tâm thức đã được biệt ngã hóa, [Page 232] đến các Đấng Thiên Nhân vĩ đại, trong một thân thể của Các Ngài mà con người tạo thành một tế bào. Thân thể biểu lộ của mỗi Đấng Thiên Nhân là một trong các hành tinh thiêng liêng, và Các Ngài nhắm đến cùng mục tiêu như con người—đạt được, trên các cấp độ riêng của Các Ngài, sự biểu lộ trọn

consciousness to a point where the Spirit may blaze forth as light divine, and as heat. This heat radiates consciously and with intense magnetic attraction between all the seven systemic groups, or planetary schemes. Their magnetic field of action will include the planetary radius of one and all. Carry this thought still further to include the Son, and the entire solar system which He animates; His attempt is to find full expression therein, so that eventually and consciously His light may be seen and His heat, or magnetic radiation, may be felt beyond His immediate sphere of influence, the logoic ring-pass-not. Both the light of the Son and the heat of the Son must be felt by the *opposite cosmic pole, that constellation which is our system's magnetic opposite.*

vẹn, và phát triển các vận cụ tâm thức của Các Ngài đến một điểm mà tại đó Tinh thần có thể bừng sáng như ánh sáng thiêng liêng, và như nhiệt. Nhiệt này bức xạ một cách hữu thức và với sức hút từ tính mãnh liệt giữa tất cả bảy nhóm trong hệ mặt trời, hay các hệ hành tinh. Trường hoạt động từ tính của Các Ngài sẽ bao gồm bán kính hành tinh của tất cả. Hãy đưa tư tưởng này đi xa hơn nữa để bao gồm Con, và toàn thể hệ mặt trời mà Ngài làm sinh động; nỗ lực của Ngài là tìm được sự biểu lộ trọn vẹn trong đó, để cuối cùng và một cách hữu thức ánh sáng của Ngài có thể được thấy và nhiệt của Ngài, hay bức xạ từ tính của Ngài, có thể được cảm nhận vượt ra ngoài khối cầu ảnh hưởng trực tiếp của Ngài, vòng-giới-hạn của Thượng đế. Cả ánh sáng của Con lẫn nhiệt của Con đều phải được cảm nhận bởi *cực vũ trụ đối nghịch, chòm sao là đối cực từ tính của hệ mặt trời chúng ta.*

2. *The objective of the units of consciousness.*

2. *Mục tiêu của các đơn vị tâm thức.*

Thus, the thought of union and of fusion underlies the entire scheme of evolution; Man, the Heavenly Men, and the cosmic Man (the Son of the Father and the Mother) have to

Như vậy, tư tưởng về sự kết hợp và sự dung hợp nằm bên dưới toàn bộ hệ thống tiến hoá; Con người, các Đấng Thiên Nhân, và Con Người vũ trụ (Con của Cha và Mẹ) đều phải

a. Radiate occult *heat* beyond their own individualised ring-pass-not.

a. Bức xạ *nhiệt* huyền bí vượt ra ngoài vòng-giới-hạn đã được biệt ngã hóa của chính mình.

b. Occultly blaze forth and demonstrate light or fiery objectivity.

b. Bừng sáng một cách huyền bí và biểu lộ ánh sáng hay tính khách quan rực lửa.

c. Expand so as to include that which lies beyond their own immediate spheres.

c. Mở rộng để bao gồm điều nằm ngoài các khối cầu trực tiếp của chính mình.

d. Fuse and blend the two fires so as to produce perfectly the central fire, solar fire.

d. Dung hợp và hòa trộn hai ngọn lửa để tạo ra một cách hoàn hảo ngọn lửa trung tâm, Lửa Thái dương.

e. Blend Spirit and matter so that a body is produced that will adequately express Spirit.

e. Hòa trộn Tinh thần và vật chất để tạo ra một thân thể có thể biểu lộ Tinh thần một cách thích đáng.

f. Merge the essence within the form, which is occultly [Page 233] qualified during evolution, with the essence in all form—humanly, in a planetary sense, and cosmically.

f. Hòa nhập tinh túy bên trong hình tướng, vốn một cách huyền bí được [Page 233] định tính trong tiến hoá, với tinh túy trong mọi hình tướng—theo nghĩa nhân loại, theo nghĩa hành tinh, và theo nghĩa vũ trụ.

g. Attain human, systemic and cosmic manhood.

g. Đạt đến sự trưởng thành của con người, của hệ mặt trời và của vũ trụ.

h. Achieve mastery on three planes of the solar system, humanly speaking.

h. Đạt được quyền làm chủ trên ba cõi của hệ mặt trời, xét theo nghĩa con người.

i. Achieve mastery on five planes of the solar system, when speaking of a Heavenly Man.

i. Đạt được quyền làm chủ trên năm cõi của hệ mặt trời, khi nói về một Đấng Thiên Nhân.

j. Achieve mastery on three cosmic planes when speaking of the cosmic Christ, the Son, or the Logos manifesting objectively.

j. Đạt được quyền làm chủ trên ba cõi vũ trụ khi nói về Đức Christ vũ trụ, Con, hay Thượng đế biểu lộ một cách khách quan.

3. *The Manifesting Units of Consciousness.* (94)

3. *Các Đơn Vị Tâm Thức Biểu Hiện.* (94)

(94) "Matter, it must be remembered, is that totality of Existence in the Kosmos which falls within any of the planes of possible perception."—S. D., I, 560.

(94) "Cần nhớ rằng vật chất là toàn thể Hiện Hữu trong Vũ Trụ nằm trong bất kỳ cõi nào của tri giác khả hữu."—S. D., I, 560.

These Existences might be enumerated as follows:

Các Hiện Hữu này có thể được liệt kê như sau:

1. The Seven Heavenly Men. In their totality they make up the Body of the Grand Man of the Heavens, the Logos.

1. Bảy Đấng Thiên Nhân. Trong tổng thể, Các Ngài tạo thành Thân thể của Đại Nhân trên Thiên Giới, Thượng đế.

Other names for these Beings:

Những tên gọi khác của các Hữu thể này:

a. The seven planetary Logoi or Spirits.

a. Bảy Hành Tinh Thượng Đế hay các Chân Linh Hành Tinh.

b. The Prajapatis.

b. Các Prajapati.

c. The seven Lords of the Rays.

c. Bảy Chúa Tể của các cung.

d. The Dyhan Chohans.

d. Các Dyhan Chohan.

e. The seven Spirits before the Throne.

e. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

f. The seven Archangels.

f. Bảy Tổng Thiên Thần.

g. The seven Logoi.

g. Bảy Thượng đế.

h. The seven Builders.

h. Bảy Đấng kiến tạo.

—S. D., I, 115, 130, 152, 535.

—S. D., I, 115, 130, 152, 535.

They are the informing Entities of the Divine Ray, the Ray of the Second Logos, in much the same sense as Fohat and his seven Brothers are the totality of the Primordial Ray.—S. D., I, 100, 108, 155.

Các Ngài là những Thực Thể phú linh của Cung Thiêng Liêng, Cung của Thượng đế thứ hai, theo cùng một ý nghĩa như Fohat và bảy Huynh đệ của Ngài là tổng thể của Cung Nguyên Sơ.—S. D., I, 100, 108, 155.

a. Matter is fecundated by the Primordial Ray of Intelligence. This is the anima mundi, the soul of the world.

a. Cung Nguyên Sơ của Trí Tuệ thụ tinh cho vật chất. Đây là anima mundi, linh hồn của thế giới.

b. The Primordial Ray is the vehicle for the Divine Ray of Love and Wisdom. The merging of these two is the aim of evolution.

b. Cung Nguyên Sơ là vận cụ cho Cung Thiêng Liêng của Bác Ái và Minh Triết. Sự hòa nhập của hai cung này là mục tiêu của tiến hoá.

c. The Divine Ray is sevenfold. It brings in seven Entities.

c. Cung Thiêng Liêng là thất phân. Nó đem vào bảy Thực Thể.

d. These seven are:

d. Bảy vị này là:

1. The Logos of Will or Power.

1. Thượng đế của Ý Chí hay Quyền Năng.

2. The Logos of Love and Wisdom.

2. Thượng đế của Bác Ái và Minh Triết.

3. The Logos of Activity.

3. Thượng đế của Hoạt Động.

4. The Logos of Harmony.

4. Thượng đế của Hài Hòa.

5. The Logos of Concrete Science

5. Thượng đế của Khoa Học Cụ Thể

6. The Logos of Devotion or Abstract Idealism.

6. Thượng đế của Sùng Tín hay Duy Tâm Trừu Tượng.

7. The Logos of Ceremonial Law or Order.

7. Thượng đế của Định Luật hay Trật Tự Nghi Lễ.

2. Men, The Monad, The Units of Consciousness. They, in their totality, make up the Bodies of the seven Heavenly Men. Each Monad is found upon one of the seven Rays.—S. D., I, 197, 285, 624; S. D., II, 85, 176, 196.

2. Con người, Chân thần, Các Đơn Vị Tâm Thức. Trong tổng thể, họ tạo thành các Thân thể của bảy Đấng Thiên Nhân. Mỗi Chân thần được tìm thấy trên một trong bảy cung. —S. D., I, 197, 285, 624; S. D., II, 85, 176, 196.

3. Devas.—S. D. I, 308; S. D., II, 107.

3. Các thiên thần.—S. D. I, 308; S. D., II, 107.

Such devas are, for instance:

Chẳng hạn, các thiên thần như sau:

a. The deva Lord of a plane. The sphere of his body is the entire plane.

a. Chúa Tể thiên thần của một cõi. Khối cầu của thân thể Ngài là toàn bộ cõi ấy.

b. Groups of building devas.

b. Các nhóm thiên thần kiến tạo.

4. Entities involved in the mineral, vegetable, and animal kingdoms.—S. D., I, 210, 298.

4. Các thực thể liên can trong các giới kim thạch, thực vật, và động vật.—S. D., I, 210, 298.

a. The life of the third Logos—the atom of matter.

a. Sự sống của Thượng đế thứ ba—nguyên tử của vật chất.

b. The life of the second Logos—groups of atoms built into forms, plant, animal.

b. Sự sống của Thượng đế thứ hai—các nhóm nguyên tử được xây dựng thành hình tướng, thực vật, động vật.

c. The life of the first Logos—the forms indwelt by highest Spirit.

c. Sự sống của Thượng đế thứ nhất—các hình tướng được Tinh thần cao nhất ngự bên trong.

5. The spirit of a planet.—S. D., I, 178; S. D., II, 251, 500.

5. Tinh linh của một hành tinh.—S. D., I, 178; S. D., II, 251, 500.

He is the sum-total of the many involutionary lives upon a planet.

Ngài là tổng thể của nhiều sự sống giáng hạ tiến hoá trên một hành tinh.

6. The atom.—S. D., I, 559, 620-622.

6. Nguyên tử.—S. D., I, 559, 620-622.

Summing Up: For the purpose and the goal see S. D., I, 70, 132 (back)

Tóm lại: Về mục đích và mục tiêu, xem S. D., I, 70, 132 (trở lại)

If these stated aims are carefully considered, it will be seen how each has its place within the plan, and how [Page 234] evolution is but a term used to express the gradual development in time and space of the inherent capacity of a human being, of a Heavenly Man, and of the Grand Man of the Heavens. The place and position of one and all to each other must be borne in mind, for no one can develop without the other. What, therefore, have we?

Nếu các mục tiêu đã nêu này được xem xét cẩn thận, sẽ thấy mỗi mục tiêu đều có vị trí của nó trong Thiên Cơ, và rằng [Page 234] tiến hoá chỉ là một thuật ngữ được dùng để diễn tả sự phát triển dần dần trong thời gian và không gian của năng lực cố hữu của một con người, của một Đấng Thiên Nhân, và của Đại Nhân trên Thiên Giới. Phải ghi nhớ vị trí và tương quan của tất cả đối với nhau, vì không ai có thể phát triển mà không có người kia. Vậy thì, chúng ta có gì?

a. The Son, the Grand Man of the Heavens. He manifests through the Sun and the seven sacred planets, each of whom embodies one of His seven principles, just as He in His totality embodies one of the principles of a greater cosmic Entity.

a. Con, Đại Nhân trên Thiên Giới. Ngài biểu lộ qua Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng, mỗi hành tinh thể hiện một trong bảy nguyên khí của Ngài, cũng như chính Ngài trong tổng thể thể hiện một trong các nguyên khí của một Thực Thể vũ trụ lớn hơn.

b. A Heavenly Man. He manifests through a planet, and embodies one of the principles of the Son, the Logos. He Himself is likewise developing through seven principles, which are the source of His essential unity with all other Heavenly Men. Cosmically considered, the Son is developing the principle of a

b. Một Đấng Thiên Nhân. Ngài biểu lộ qua một hành tinh, và thể hiện một trong các nguyên khí của Con, Thượng đế. Chính Ngài cũng đang phát triển qua bảy nguyên khí, là nguồn gốc của sự hợp nhất cốt yếu của Ngài với mọi Đấng Thiên Nhân khác. Xét theo nghĩa vũ trụ, Con đang phát triển nguyên

greater cosmic Being, that principle which we call love-wisdom. That is the fundamental characteristic He has to develop during His life cycle. Each Heavenly Man, therefore, embodies predominantly a subsidiary principle of the fundamental one. In like manner He Himself has six subsidiary principles, as has the Son.

khí của một Hữu thể vũ trụ lớn hơn, nguyên khí mà chúng ta gọi là bác ái-minh triết. Đó là đặc tính căn bản mà Ngài phải phát triển trong chu kỳ sự sống của mình. Vì vậy, mỗi Đấng Thiên Nhân chủ yếu thể hiện một nguyên khí phụ thuộc của nguyên khí căn bản ấy. Cũng theo cách đó, chính Ngài có sáu nguyên khí phụ thuộc, cũng như Con vậy.

c. A Human Being, Man. He manifests on the physical [Page 235] plane through form, and has also seven principles; in each life cycle he works at their development. He likewise has His primary coloring, dependent upon the fundamental principle embodied by the Heavenly Man, Who is his originating source. Thus we have:

c. Một Con Người, con người. Y biểu lộ trên cõi hồng trần [Page 235] qua hình tướng, và cũng có bảy nguyên khí; trong mỗi chu kỳ sự sống, y làm việc để phát triển chúng. Y cũng có sắc thái chính của mình, tùy thuộc vào nguyên khí căn bản mà Đấng Thiên Nhân thể hiện là nguồn gốc phát sinh của y. Như vậy chúng ta có:

THE LOGOS

Father-Spirit.....Mother-Matter.

producing

The Son or the Grand Man of the Heavens,

the conscious logoic Ego

evolving through

The Sun and the seven sacred planets

each embodying a

Cosmic principle, in six differentiations

by method of

THƯỢNG ĐẾ

Cha-Tinh thần.....Mẹ-Vật chất.

sinh ra

Con hay Đại Nhân trên Thiên Giới,

Chân ngã hữu thức của Thượng đế

tiến hoá qua

Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng

mỗi hành tinh thể hiện một

Nguyên khí vũ trụ, trong sáu sự biến phân

bằng phương pháp

a. Expansion, vibratory stimulation, magnetic interaction, or the law of attraction and repulsion.

a. Mở rộng, kích thích rung động, tương tác từ tính, hay định luật hút và đẩy.

b. Cyclic progress, rotary repetition, coupled to spiralling ascension, and developing

b. Tiến bộ theo chu kỳ, lặp lại theo vòng quay, kết hợp với thăng tiến theo đường xoắn ốc, và phát triển

a. The quality of love-wisdom, through the utilization of form by the means of active intelligence.

a. Phẩm tính bác ái-minh triết, qua việc sử dụng hình tướng bằng phương tiện trí tuệ hoạt động.

b. Full self-consciousness.

b. Ngã thức trọn vẹn.

c. A perfected solar system, or the form, adequate to the needs of the indwelling spirit.

c. Một hệ mặt trời hoàn hảo, hay hình tướng thích hợp với các nhu cầu của tinh thần ngự bên trong.

Here a similar tabulation may be worked out to demonstrate the similarity of the process in the case of a Heavenly Man and a human being. If we ask why ten schemes, and in effect ten planets (seven sacred and three concealed) [Page 236] it is because the seven sacred planets are eventually merged into the three, and finally the three are blended into the one. This can be traced along the line of analogy as we consider the seven Rays. These seven Rays, which in manifestation are diverse, are eventually synthesised. The minor four are blended, we are told, into the third major ray, and the three major rays are finally merged into the one synthetic ray, the Love-Wisdom Ray (the Dragon of Wisdom, the occult serpent swallowing its tail) *(S. D., I, 704; II, 531)*. This has been pointed out by H. P. B. We have, therefore, the three crowning rays, but seven seen during the evolutionary process. In connection with the Heavenly Men, functioning through the planets, there are, therefore, three planets which might be considered as synthesising planets, and four which are blended eventually, until the three have absorbed the essence of the four; finally the one absorbs the essence of the three, and the work is completed. This process lies

Ở đây có thể lập ra một bảng biểu tương tự để chứng minh tính tương đồng của tiến trình trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân và một con người. Nếu chúng ta hỏi vì sao có mười hệ hành tinh, và thực ra là mười hành tinh (bảy hành tinh thiêng liêng và ba hành tinh ẩn kín) [Page 236] thì đó là vì bảy hành tinh thiêng liêng rốt cuộc được hợp nhất vào ba, và cuối cùng ba được dung hợp vào một. Điều này có thể được truy theo con đường tương đồng khi chúng ta xét đến bảy cung. Bảy cung này, vốn đa dạng trong biểu hiện, rốt cuộc được tổng hợp. Bốn cung nhỏ, như chúng ta được cho biết, được dung hợp vào cung lớn thứ ba, và ba cung lớn cuối cùng được hợp nhất vào một cung tổng hợp, Cung Bác Ái – Minh Triết (Con Rồng Minh Triết, con rắn huyền bí nuốt đuôi mình) *(S. D., I, 704; II, 531)*. Điều này đã được H. P. B. chỉ ra. Vì vậy, chúng ta có ba cung tối cao, nhưng lại thấy bảy cung trong tiến trình tiến hoá. Liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, hoạt động qua các hành tinh, vì thế có ba hành tinh có thể được xem là các hành tinh tổng hợp, và bốn hành tinh cuối cùng được dung hợp, cho đến khi ba hành tinh đã hấp thu tinh túy của bốn hành tinh; cuối cùng một hành tinh hấp thu tinh túy của ba hành tinh, và công việc hoàn tất. Tiến trình này

many millennia ahead, during the inevitable period of the gradual obscuration of our system. Four of the Heavenly Men find Their magnetic opposites, and fuse and blend. First this takes place between Themselves, the negative and the positive rays merging and fusing, forming then the two from the four. Again the two merge, producing a united whole, and the one thus produced blends with the major third ray, the intelligence aspect,—the ray represented in our planetary Hierarchy by the Mahachohan. So the fusion will proceed until ultimately unity is reached in the system, and the Son has accomplished His purpose. He is perfected love-wisdom; his light shines forth cosmically; His magnetic radius touches the periphery of His cosmic opposite, and the marriage of the Son is effected. The two cosmic units merge.

còn ở rất nhiều thiên niên kỷ phía trước, trong giai đoạn tất yếu của sự lu mờ dần dần của hệ mặt trời chúng ta. Bốn Đấng Thiên Nhân tìm thấy các đối cực từ tính của Các Ngài, rồi dung hợp và hòa nhập. Trước hết điều này diễn ra giữa chính Các Ngài, các cung âm và dương hợp nhất và hòa nhập, từ đó hình thành hai từ bốn. Rồi hai lại hợp nhất, tạo ra một toàn thể thống nhất, và cái một được tạo ra như thế hòa nhập với cung lớn thứ ba, phương diện trí tuệ,—cung mà Đức Mahachohan biểu hiện trong Thánh đoàn hành tinh của chúng ta. Như vậy sự dung hợp sẽ tiếp diễn cho đến khi cuối cùng sự hợp nhất đạt được trong hệ mặt trời, và Con đã hoàn thành mục đích của Ngài. Ngài là bác ái-minh triết toàn hảo; ánh sáng của Ngài chiếu tỏa ra trong vũ trụ; bán kính từ tính của Ngài chạm đến chu vi của đối cực vũ trụ của Ngài, và cuộc hôn phối của Con được thành tựu. Hai đơn vị vũ trụ hợp nhất.

If we here naturally ask which is the cosmic unit that is our solar opposite, we shall be told that that question [Page 237] lies hid for the present, though it is hinted at in the *Secret Doctrine*, and in other sacred books. A hint lies concealed in the relationship of the Pleiades to our earth, but not until a further precession of the equinoxes will it be more fully seen what is the exact relationship involved. (96)

Nếu ở đây chúng ta tự nhiên hỏi đơn vị vũ trụ nào là đối cực thái dương của chúng ta, thì chúng ta sẽ được bảo rằng câu hỏi ấy [Page 237] hiện còn được che giấu, dù đã được gợi ý trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, và trong các sách thiêng liêng khác. Một gợi ý được ẩn giấu trong mối liên hệ của chòm Thất Nữ với địa cầu chúng ta, nhưng chỉ sau một chu kỳ tuế sai nữa của các điểm phân thì mới thấy đầy đủ hơn mối liên hệ chính xác ấy là gì. (96)

(96) Students might compare the following references and then form their own conclusions.—S. D., I, 711 note, 545, 439; II, 811, 830, 581, 582, 426, 454, 654, 371. (back)

(96) Các đạo sinh có thể đối chiếu các dẫn chiếu sau đây rồi tự rút ra kết luận của mình. —S. D., I, 711 note, 545, 439; II, 811, 830, 581, 582, 426, 454, 654, 371. (back)

III. WHY IS THIS SOLAR SYSTEM EVOLVING ALONG THE LINES OF DUALITY? — III. VÌ SAO HỆ MẶT TRỜI NÀY ĐANG TIẾN HOÁ THEO NHỮNG ĐƯỜNG CỦA NHỊ NGUYÊN TÍNH?

1. *The Problem of Existence.*

The third question involves one of the most difficult problems in metaphysics, and covers in its consideration the whole perplexing mystery of the reason why there is objectivity at all.

It is one that has been asked under different forms by men of every school of thought—by religious people who enquire:—"Why did God create at all? Why is existence forced upon one and all?"; by scientists in their search for the ultimate truth and in their endeavor to find out the motivation of all that is seen, and to account for sensuous life; by philosophers in their equally diligent search for that animating subjectivity that is expressing itself through all the moral and ethical sciences in every civilisation and among every people; by the biologist in his persistent application to search for the discovery of the source of life, and in his strenuous endeavour to account for the principle of life that is seen ever to evade his investigations; by the mathematician, who, dealing with the form side of manifestation in all the grades of mathematics, decides that God geometrises, that law and rule pervade universally, that the one exists by means of the many, and who yet is unable to solve the problem as to who that geometrising [Page 238] identity may be. So the problems persist, and all the many lines of approach (in the endeavour to find the solution) end in the cul-de-sac of hypothesis, and in the recognition of an ultimate something of such an elusive nature, that men are forced seemingly to predicate a source of energy, of life, of intelligence, and to call it by diverse names according to the

1. *Vấn Đề của Sự Tồn Tại.*

Câu hỏi thứ ba bao hàm một trong những vấn đề khó khăn nhất của siêu hình học, và trong sự khảo cứu của nó bao trùm toàn bộ huyền nhiệm gây bối rối về lý do vì sao lại có tính khách quan nói chung.

Đó là câu hỏi mà con người thuộc mọi trường phái tư tưởng đã nêu ra dưới nhiều hình thức khác nhau—những người có tôn giáo hỏi rằng:—"Vì sao Thượng đế lại sáng tạo nói chung? Vì sao sự tồn tại lại bị áp đặt lên tất cả mọi người?"; bởi các nhà khoa học trong cuộc truy tầm chân lý tối hậu và trong nỗ lực tìm ra động cơ của mọi điều được thấy, cũng như giải thích đời sống cảm giác; bởi các triết gia trong cuộc tìm kiếm cũng chuyên cần không kém đối với tính chủ quan làm sinh động đang biểu lộ qua mọi khoa học đạo đức và luân lý trong mọi nền văn minh và giữa mọi dân tộc; bởi nhà sinh vật học trong sự chuyên chú bền bỉ nhằm khám phá nguồn gốc của sự sống, và trong nỗ lực mãnh liệt của ông để giải thích nguyên khí sự sống vốn luôn luôn lẩn tránh các cuộc khảo sát của ông; bởi nhà toán học, người khi xử lý phương diện hình tướng của biểu hiện trong mọi cấp độ toán học, đi đến kết luận rằng Thượng đế hình học hóa, rằng định luật và quy luật thấm khắp một cách phổ quát, rằng cái một tồn tại nhờ cái nhiều, nhưng vẫn không thể giải quyết vấn đề xem [Page 238] chủ thể đang hình học hóa ấy là ai. Vì vậy các vấn đề vẫn tồn tại, và mọi con đường tiếp cận khác nhau (trong nỗ lực tìm ra lời giải) đều kết thúc trong ngõ cụt của giả thuyết, và trong sự thừa nhận một cái gì đó tối hậu có bản chất quá đỗi khó nắm bắt, đến nỗi con người dường như buộc phải giả định một nguồn năng lượng, của sự sống, của trí

trend (religious, scientific or philosophical) of their minds. God, the Universal Mind, Energy, Force, the Absolute, the Unknown,—these terms and many others are forced from the lips of those who, by means of the form side, seek the Dweller within the form, and cannot find Him as yet. This failure to find Him is due to the limitations of the physical brain, and to the lack of development in the mechanism whereby the spiritual may be known, and whereby He may, and eventually will, be contacted.

tuệ, và gọi nó bằng nhiều tên khác nhau tùy theo xu hướng (tôn giáo, khoa học hay triết học) của trí tuệ họ. Thượng đế, Trí Tuệ Vũ Trụ, Năng lượng, Mãnh lực, Cái Tuyệt Đối, Đấng Vô Danh,—những thuật ngữ này cùng nhiều thuật ngữ khác bị buộc phải thốt ra từ môi miệng của những ai, bằng phương diện hình tướng, tìm kiếm Kẻ Chận Ngõ bên trong hình tướng mà vẫn chưa thể tìm thấy Ngài. Sự thất bại trong việc tìm thấy Ngài là do những giới hạn của bộ não hồng trần, và do sự thiếu phát triển của bộ máy nhờ đó cái tinh thần có thể được biết đến, và nhờ đó Ngài có thể, và cuối cùng sẽ, được tiếp xúc.

The problem of duality is the problem of existence itself, and cannot be solved by the man who refuses to recognise the possibility of two occult facts:

Vấn đề nhị nguyên tính là chính vấn đề của sự tồn tại, và người nào từ chối thừa nhận khả năng của hai sự kiện huyền bí sau đây thì không thể giải quyết vấn đề ấy:

1. That the entire solar system embodies the consciousness of an Entity, who originates on planes entirely without the solar ring-pass-not.

1. Rằng toàn bộ hệ mặt trời thể hiện tâm thức của một Thực Thể, Đấng khởi nguyên trên những cõi hoàn toàn ở ngoài vòng-giới-hạn thái dương.

2. That manifestation is periodical and that the Law of Rebirth is the method that evolution takes in dealing with a man, a planetary Logos, and a solar Logos. Hence, the emphasis laid in the Proem of the *Secret Doctrine* on the three fundamentals, *(I, 42-44)*

2. Rằng biểu hiện có tính chu kỳ và Định luật Tái Sinh là phương pháp mà tiến hoá sử dụng khi xử lý một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế. Do đó, sự nhấn mạnh được đặt trong Lời Mở Đầu của *Giáo Lý Bí Nhiệm* vào ba chân lý căn bản, *(I, 42-44)*

a. The Boundless Immutable Principle and

a. Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến và

b. The periodicity of the Universe.

b. tính chu kỳ của Vũ Trụ.

c. The identity of all souls with the Oversoul.

c. sự đồng nhất của mọi linh hồn với đại hồn.

When scientists recognise these two facts then their explanations will take a different line and the truth, as it is, will begin to illuminate their reason. Few men are yet

Khi các nhà khoa học thừa nhận hai sự kiện này thì các giải thích của họ sẽ đi theo một đường hướng khác và chân lý, đúng như nó là, sẽ bắt đầu soi sáng lý trí của họ. Chưa có

ready for illumination, which is simply the light of the [Page 239] intuition breaking through the barriers that the rational faculty has erected. The duality of the solar system will eventually be recognised as dependent upon the following factors:

nhiều người sẵn sàng cho sự soi sáng, vốn chỉ đơn giản là ánh sáng của [Page 239] trực giác xuyên thủng những rào cản mà năng lực lý trí đã dựng lên. Nhị nguyên tính của hệ mặt trời cuối cùng sẽ được thừa nhận là tùy thuộc vào các yếu tố sau:

a. Existence itself.

a. Chính sự tồn tại.

b. Time and space.

b. Thời gian và không gian.

c. The quality of desire or necessity.

c. Phẩm tính của dục vọng hay của sự cần thiết.

d. The acquisitive faculty inherent in life itself. This faculty, by the means of motion, gathers to itself the material whereby it achieves its desire, whereby it fabricates the form through which expression is sought, and whereby it confines itself within the prison of the sheath in order to gain experience.

d. Năng lực thủ đắc vốn cố hữu trong chính sự sống. Năng lực này, bằng phương tiện của chuyển động, thu hút về mình vật chất nhờ đó nó đạt được dục vọng của mình, nhờ đó nó tạo tác hình tướng qua đó sự biểu lộ được tìm kiếm, và nhờ đó nó tự giam mình trong ngục tù của lớp vỏ để thu nhận kinh nghiệm.

The supposition is correct that this theory takes for granted a mighty Intelligence who works thus through an ordered plan, and Who consciously takes shape and incarnates in order to carry out specific purposes of His own. But this hypothesis is but the rock bottom fact underlying the eastern teaching, and is one that is largely accepted, though diversely expressed and viewed by thinkers of all schools of thought throughout the globe. Even this conception is but a partial presentation of the real Idea, but owing to the limitations of man at this stage of evolution, it is sufficient as a working basis on which he may erect his temple of truth.

Giả định cho rằng lý thuyết này mặc nhiên thừa nhận một Trí Tuệ hùng vĩ hoạt động như thế qua một kế hoạch có trật tự, và Đấng một cách hữu thức mang lấy hình tướng và nhập thể để thực hiện những mục đích riêng biệt của Ngài, là đúng. Nhưng giả thuyết này chỉ là sự kiện nền tảng nhất nằm bên dưới giáo huấn phương Đông, và là điều phần lớn được chấp nhận, dù được diễn đạt và nhìn nhận khác nhau, bởi các nhà tư tưởng thuộc mọi trường phái trên khắp địa cầu. Ngay cả quan niệm này cũng chỉ là một sự trình bày từng phần của Ý Tưởng thực sự, nhưng do những giới hạn của con người ở giai đoạn tiến hoá này, nó đủ làm nền tảng công tác để y có thể dựng nên ngôi đền chân lý của mình.

This Entity, Whom we call the solar Logos, is in no sense the same as the personal God of

Thực Thể này, Đấng mà chúng ta gọi là Thái dương Thượng đế, tuyệt nhiên không đồng

the Christian, who is no more nor less than man himself, expanded into a being of awful power, and subject to the virtues and vices of man himself. The solar Logos is more than man, for He is the sumtotal of all the evolutions within the entire solar system, including the human, which is an evolution standing at a middle point in relation to the other evolutions. On one side of him are ranged hosts of beings who are more than human, and who, in [Page 240] past kalpas, reached and passed the stage where man now is; on the other side are hosts of the subhuman evolutions who in future kalpas will achieve the stage of humanity. Man stands midway between the two, and is at the point of balance; herein lies his problem. He does not partake wholly of the material side of evolution, nor is he wholly the expression of the third Logos, the Brahma aspect of the Deity, Who is an expression of pure energy or intelligence, motivating that tenuous something which we call substance. He is not wholly Spirit, the expression of the first Logos, the Mahadeva aspect, which is an expression of pure will or necessitous desire, impelling to manifestation. It is the fundamental motive itself or the great will to be. Man is a product of the union of the two; he is the meeting place of matter or active intelligent substance, and of Spirit or the basic will. He is the child born of their marriage or at-one-ment. He assumes objectivity in order to express that which is in each of the two opposites, plus the result of their merging in himself.

nhất với vị Thượng đế có tính cách cá nhân của người Cơ Đốc, vốn không hơn không kém chính là con người được phóng đại thành một hữu thể có quyền năng đáng sợ, và chịu những đức hạnh cùng tật xấu của chính con người. Thái dương Thượng đế còn hơn con người, vì Ngài là tổng thể của mọi cuộc tiến hoá trong toàn bộ hệ mặt trời, kể cả cuộc tiến hoá nhân loại, là một cuộc tiến hoá đứng ở điểm giữa trong tương quan với các cuộc tiến hoá khác. Về một phía của y là vô số hữu thể cao hơn con người, những hữu thể mà trong [Page 240] các kalpa trước đây đã đạt đến và vượt qua giai đoạn mà con người hiện đang ở; về phía kia là vô số các cuộc tiến hoá dưới nhân loại, những cuộc tiến hoá mà trong các kalpa tương lai sẽ đạt đến giai đoạn nhân loại. Con người đứng ở giữa hai bên, và ở tại điểm quân bình; chính trong đó có vấn đề của y. Y không hoàn toàn dự phần vào phương diện vật chất của tiến hoá, cũng không hoàn toàn là biểu lộ của Thượng đế thứ ba, phương diện Brahma của Thượng đế, Đấng là biểu lộ của năng lượng thuần túy hay trí tuệ, thúc đẩy cái gì đó vi tế mà chúng ta gọi là chất liệu. Y cũng không hoàn toàn là Tinh thần, biểu lộ của Thượng đế thứ nhất, phương diện Mahadeva, vốn là biểu lộ của ý chí thuần túy hay dục vọng tất yếu, thúc đẩy đến biểu hiện. Đó là chính động cơ căn bản hay đại ý chí muốn hiện hữu. Con người là sản phẩm của sự kết hợp của hai điều ấy; y là nơi gặp gỡ của vật chất hay chất liệu trí tuệ hoạt động, và của Tinh thần hay ý chí căn bản. Y là đứa con sinh ra từ cuộc hôn phối hay sự hợp nhất của chúng. Y mang lấy tính khách quan để biểu lộ điều hiện diện trong mỗi một của hai đối cực, cộng thêm kết quả của sự hòa nhập của chúng trong chính y.

2. *Its Nature and Duality.*

2. *Bản Chất và Nhị Nguyên Tính của Nó.*

In terms of quality what have we? Active intelligence at one with will or power produces that "Son of necessity" *(S.D., I,74)* (as H. P. B. expresses it) Who embodies intelligence, will or desire, and their united latent demonstration, love-wisdom.

Xét theo phẩm tính thì chúng ta có gì? Trí tuệ hoạt động hợp nhất với ý chí hay quyền năng tạo ra "Con của sự cần thiết" ấy *(S.D., I,74)* (như H. P. B. diễn tả) Đấng thể hiện trí tuệ, ý chí hay dục vọng, và sự biểu lộ tiềm tàng hợp nhất của chúng, bác ái-minh triết.

In terms of *Fire* how might we express an analogous thought? The fire latent in matter —itself a product of an earlier manifestation of the same cosmic Identity, or the relatively perfected quality worked out by Him in a previous cosmic incarnation—is set in motion again by the desire of that same Identity to circle once more the wheel of rebirth. That "fire by friction" produces heat and radiation and calls forth a reaction from its [Page 241] opposite "electric fire" or spirit. Here we have the thought of the Ray striking through matter, for the action of electric fire is ever forward, as earlier suggested. The one Ray "electric fire" drops into matter. This is the systemic marriage of the Father and the Mother. The result is the blending of these two fires, and their united production of that expression of fire which we call "solar fire." Thus is produced the Son. Active Intelligence and Will are united and love-wisdom, when perfected through evolution, will be the outcome.

Xét theo *Lửa* thì chúng ta có thể diễn đạt một tư tưởng tương tự như thế nào? Ngọn lửa tiềm ẩn trong vật chất—bản thân nó là sản phẩm của một biểu hiện trước đó của cùng Bản Sắc vũ trụ ấy, hay phẩm tính tương đối toàn hảo do Ngài khai triển trong một lần nhập thể vũ trụ trước đây—lại chuyển động do dục vọng của chính Bản Sắc ấy muốn một lần nữa quay vòng bánh xe tái sinh. "Lửa ma sát" ấy tạo ra nhiệt và bức xạ, và gọi ra một phản ứng từ [Page 241] đối cực của nó là "Lửa Điện" hay tinh thần. Ở đây chúng ta có tư tưởng về cung xuyên qua vật chất, vì tác động của Lửa Điện luôn luôn hướng về phía trước, như đã gợi ý trước đây. Cung duy nhất "Lửa Điện" giáng vào vật chất. Đây là cuộc hôn phối trong hệ mặt trời của Cha và Mẹ. Kết quả là sự hòa trộn của hai ngọn lửa này, và sự sản sinh hợp nhất của chúng ra biểu lộ của lửa mà chúng ta gọi là "Lửa Thái dương." Như vậy Con được sinh ra. Trí tuệ Hoạt động và Ý chí được hợp nhất và bác ái-minh triết, khi được hoàn thiện qua tiến hoá, sẽ là kết quả.

Electric fire or Spirit, united to fire by friction (heat) produces solar fire or light.

Lửa Điện hay Tinh thần, hợp nhất với Lửa ma sát (nhiệt) tạo ra Lửa Thái dương hay ánh sáng.

Hence, when the cosmic Entity takes form, there is added to the active intelligence which is the product of His earlier incarnation, a further quality, which is inherent and potential, that of love-wisdom. This is the ability to love that which is objective or the not-self, and ultimately to use with wisdom the *form*. Pure will is as yet

Do đó, khi Thực Thể vũ trụ mang lấy hình tướng, thì ngoài trí tuệ hoạt động vốn là sản phẩm của lần nhập thể trước của Ngài, còn được thêm vào một phẩm tính nữa, vốn cố hữu và tiềm tàng, đó là bác ái-minh triết. Đây là khả năng yêu thương cái khách quan hay phi-ngã, và cuối cùng sử dụng một cách minh triết hình *tướng*. Ý chí thuần túy hiện

an abstraction, and will only be brought into full development in another incarnation of the Logos. Mind or Intelligence is not an abstraction; it is something that IS. Neither is love-wisdom an abstraction. It is in process of development or bringing into manifestation, and is the aspect of the Son.

vẫn còn là một sự trừu tượng, và chỉ sẽ được đưa đến sự phát triển đầy đủ trong một lần nhập thể khác của Thượng đế. Trí tuệ hay Trí tuệ không phải là một sự trừu tượng; nó là một cái gì đó HIỆN HỮU. Bác ái-minh triết cũng không phải là một sự trừu tượng. Nó đang trong tiến trình phát triển hay được đưa vào biểu hiện, và là phương diện của Con.

What is above stated is in no way new, but these thoughts on essential duality are gathered together, in order to convey to our minds the necessity of viewing these things from the standpoint of their place in the cosmic scheme, and not from the point of view of our own planetary evolution and of man himself. *Humanity is that evolution through which the Son aspect is to express itself most perfectly in this cosmic incarnation.* Man blends the pairs of opposites, and the three fires meet in him. He is the best expression of the manasic principle and might be considered, from one very interesting [Page 242] standpoint, the chef-d'oeuvre of Brahma. He is the sheath for the life of God; he is the individualised consciousness of the Logos, manifesting through the seven divine Manasaputras, or Heavenly Men, in Whose bodies each unit of the human family finds place. He is the Vishnu aspect in process of development through the intelligence of Brahma, impelled by the will of Mahadeva. Therefore, in a peculiar sense man is very important, as he is the place of at-one-ment for all the three aspects; nevertheless, he is very unimportant for he is not the apex of the triangle, but simply the middle point, if we view the triangle thus:

Điều được trình bày ở trên hoàn toàn không mới, nhưng những tư tưởng này về nhị nguyên tính cốt yếu được tập hợp lại để truyền đạt cho trí tuệ chúng ta sự cần thiết phải nhìn những điều này từ quan điểm vị trí của chúng trong hệ vũ trụ, chứ không phải từ quan điểm của tiến hoá hành tinh riêng của chúng ta và của chính con người. *Nhân loại là cuộc tiến hoá mà qua đó phương diện Con sẽ biểu lộ chính nó một cách hoàn hảo nhất trong lần nhập thể vũ trụ này.* Con người hòa hợp các cặp đối cực, và ba ngọn lửa gặp nhau trong y. Y là biểu lộ tốt nhất của nguyên khí manas và có thể được xem, từ một quan điểm rất thú vị [Page 242] nào đó, là kiệt tác của Brahma. Y là lớp vỏ cho sự sống của Thượng đế; y là tâm thức biệt ngã hóa của Thượng đế, biểu lộ qua bảy Manasaputra thiêng liêng, hay các Đấng Thiên Nhân, trong các thân thể của Các Ngài mỗi đơn vị của gia đình nhân loại đều tìm được chỗ đứng. Y là phương diện Vishnu đang trong tiến trình phát triển qua trí tuệ của Brahma, do ý chí của Mahadeva thúc đẩy. Vì vậy, theo một ý nghĩa đặc biệt, con người rất quan trọng, vì y là nơi hợp nhất của cả ba phương diện; tuy nhiên, y lại rất không quan trọng vì y không phải là đỉnh của tam giác, mà chỉ đơn giản là điểm giữa, nếu chúng ta nhìn tam giác như sau:

Spirit-Father.

Tinh thần-Cha.

The Son or man.

Con hay con người.

Matter-Mother.

Vật chất-Mẹ.

The evolution of the Son, or the cosmic incarnation of the Christ, is of immense importance in the plans of the Being greater than the solar Logos, HE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID. The animating principles of allied constellations and systems watch the progress of the evolution of the Son with keenest attention.

Sự tiến hoá của Con, hay lần nhập thể vũ trụ của Đức Christ, có tầm quan trọng vô cùng lớn trong các kế hoạch của Hữu Thể vĩ đại hơn Thái dương Thượng đế, Đấng Bất Khả Tư Nghị. Các nguyên khí làm sinh động của những chòm sao và hệ liên kết theo dõi tiến trình tiến hoá của Con với sự chú tâm sâu sắc nhất.

Just as the planet called the earth is regarded as the turning point or the battle-ground between Spirit and matter, and is therefore, from that very consideration, of great importance, so our solar system holds an analogous place in the cosmic scheme. The cosmic man, the solar Arjuna, is wrestling for His individualised perfected self-consciousness, and for freedom and liberation from the form, and from the not-self. So man on this planet battles for similar ideals on his tiny scale; so battle in heaven Michael and His Angels, or the divine Heavenly Men, Whose problem is the same on the higher scale.

Cũng như hành tinh được gọi là địa cầu được xem là điểm xoay chuyển hay chiến trường giữa Tinh thần và vật chất, và vì thế, từ chính sự xét đoán ấy, có tầm quan trọng lớn lao, thì hệ mặt trời của chúng ta cũng giữ một vị trí tương tự trong hệ vũ trụ. Con người vũ trụ, Arjuna thái dương, đang vật lộn để giành lấy ngã thức biệt ngã hóa toàn hảo của Ngài, và để đạt tự do cùng giải thoát khỏi hình tướng, khỏi phi-ngã. Vì vậy con người trên hành tinh này chiến đấu cho những lý tưởng tương tự trên quy mô nhỏ bé của mình; vì vậy trên thiên giới Michael và các Thiên Thần của Ngài, hay các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng, chiến đấu, mà vấn đề của Các Ngài cũng y hệt như thế trên cấp độ cao hơn.

Duality, and the interplay between the two produces: [Page 243]

Nhị nguyên tính, và sự tương tác giữa hai mặt ấy tạo ra: [Page 243]

a. Objectivity, or the manifested Son or Sun.

a. Tính khách quan, hay Con hay Mặt Trời biểu hiện.

b. Evolution itself.

b. Chính tiến hoá.

c. The development of quality.

c. Sự phát triển của phẩm tính.

d. Time and space.

d. Thời gian và không gian.

The questions we are now engaged in answering embody certain fundamental aspects of manifestation, viewed principally from the subjective or psychic angle.

Những câu hỏi mà hiện nay chúng ta đang bận trả lời bao hàm một số phương diện căn bản của biểu hiện, được nhìn chủ yếu từ góc độ chủ quan hay thông linh.

IV. WHAT IS CONSCIOUSNESS? WHAT IS ITS PLACE IN THE SCHEME OF THINGS? — IV. TÂM THỨC LÀ GÌ? VỊ TRÍ CỦA NÓ TRONG HỆ THỐNG SỰ VẬT LÀ GÌ?

Consciousness might be defined as the faculty of apprehension, and concerns primarily the relation of the Self to the not-self, of the Knower to the Known, and of the Thinker to that which is thought about. All these definitions involve the acceptance of the idea of duality, of that which is objective and of that which lies back of objectivity. (99)

Tâm thức có thể được định nghĩa là năng lực lĩnh hội, và chủ yếu liên quan đến mối liên hệ của Ngã với phi-ngã, của thức giả với cái được biết, và của nhà tư tưởng với điều được suy tưởng đến. Tất cả những định nghĩa này đều bao hàm sự chấp nhận ý tưởng về nhị nguyên tính, về cái khách quan và về cái nằm phía sau tính khách quan. (99)

(99) "Consciousness is the kosmic seed of superkosmic omniscience. It has the potentiality of budding into divine consciousness."—S. D., III, 555.

(99) "Tâm thức là hạt giống vũ trụ của toàn tri siêu vũ trụ. Nó có tiềm năng nảy nở thành tâm thức thiêng liêng."—S. D., III, 555.

The universe is an aggregate of states of consciousness.—S. D., II, 633.

Vũ trụ là một tổng thể của các trạng thái tâm thức.—S. D., II, 633.

Consciousness may be roughly divided into:

Tâm thức có thể được phân chia đại khái thành:

1. Absolute or God Consciousness..... Unmanifested Logos.

1. Tâm thức Tuyệt đối hay Tâm thức Thượng đế..... Thượng đế Không Biểu Hiện.

"I am That I am."

"Tôi là Cái Tôi là."

2. Universal or Group Consciousness... Manifested Logos.

2. Tâm thức Phổ quát hay Tâm thức Nhóm... Thượng đế Biểu Hiện.

"I am That."... Consciousness of planetary Logos.

"Tôi là Cái Đó."... Tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế.

3. Individual or Self-Consciousness.... Human consciousness.

3. Tâm thức Cá nhân hay Ngã thức.... Tâm thức con người.

"I am."

"Tôi là."

4. Consciousness or Atomic

4. Tâm thức hay Tâm thức

Consciousness... Sub-human consciousness.

Nguyên tử... Tâm thức dưới nhân loại.

The goal of consciousness for:

Mục tiêu của tâm thức đối với:

1. A planetary Logos..... Absolute consciousness.

1. Một Hành Tinh Thượng Đế..... Tâm thức tuyệt đối.

2. Man..... Group consciousness.

2. Con người..... Tâm thức nhóm.

3. Atom..... Self-consciousness.

3. Nguyên tử..... Ngã thức.

The Logos is the Macrocosm for Man.—S. D., I, 288, 295.

Thượng đế là Đại thiên địa đối với Con người. —S. D., I, 288, 295.

Man is the Macrocosm for the Atom....

Con người là Đại thiên địa đối với Nguyên tử....

Summation: The Life and the Lives.—S. D., I, 281, 282. (back)

Tổng kết: Sự sống và các sự sống.—S. D., I, 281, 282. (back)

Consciousness expresses that which might be regarded as the middle point in manifestation. It does not involve entirely the pole of Spirit. It is produced by the union of the two poles, and the process of interplay and of adaptation that necessarily ensues. It might be tabulated as follows, in an effort to clarify by visualisation: [Page 244]

Tâm thức biểu lộ điều có thể được xem là điểm giữa trong biểu hiện. Nó không hoàn toàn bao hàm cực của Tinh thần. Sự kết hợp của hai cực cùng tiến trình tương tác và thích ứng tất yếu tiếp theo tạo ra nó. Có thể lập bảng như sau, nhằm làm sáng tỏ bằng sự hình dung: [Page 244]

First Pole	*The Point of Union*	*Second Pole*
First Logos	Second Logos	Third Logos.

Mahadeva	Vishnu	Brahma.
Will	Wisdom-Love	Active Intelligence.
Spirit	Consciousness	Matter.
Father	Son	Mother.
Monad	Ego	Personality.
The Self	The relation between	The Not-Self.
The Knower	Knowledge	The Known.
Life	Realisation	Form.

One could go on piling up terms, but the above suffices to demonstrate the relationship between the threefold Logos, *during manifestation.* Emphasis must be laid upon the above fact: The solar system embodies the above logoic relationship during evolutionary objectivity, and the whole aim of progressive development is to bring the Son of the Father and the Mother, to a point of full realisation, of complete self-consciousness, and to full and active knowledge. This Son is *objectively* the solar system, *inherently* will or power, and *subjectively* He is love-wisdom. This latter quality is in process of development through the utilisation of active intelligence.

Người ta có thể tiếp tục chồng chất thêm các thuật ngữ, nhưng những điều trên đủ để chứng minh mối liên hệ giữa Thượng đế tam phân, *trong thời kỳ biểu hiện.* Phải nhấn mạnh vào sự kiện trên: Hệ mặt trời thể hiện mối liên hệ của Thượng đế nói trên trong tính khách quan tiến hoá, và toàn bộ mục tiêu của sự phát triển tiến bộ là đưa Con của Cha và Mẹ đến một điểm chứng nghiệm đầy đủ, ngã thức hoàn toàn, và tri thức đầy đủ cùng tích cực. Con này *một cách khách quan* là hệ mặt trời, *một cách cố hữu* là ý chí hay quyền năng, và *một cách chủ quan* Ngài là bác ái-minh triết. Phẩm tính sau này đang trong tiến trình phát triển qua việc sử dụng trí tuệ hoạt động.

The three manifested Persons of the logoic Triad seek full development by means of each other. The will to be, of the Mahadeva aspect, seeks, with the aid of the intelligence of Brahma, to develop love-wisdom, or the Son aspect, the Vishnu aspect. In the microcosmic system, the reflection of the threefold Logos, the man is endeavoring through the three vehicles to attain the

Ba Ngôi biểu hiện của Tam nguyên của Thượng đế tìm kiếm sự phát triển đầy đủ bằng phương tiện của nhau. Ý chí muốn hiện hữu, của phương diện Mahadeva, tìm cách, với sự trợ giúp của trí tuệ của Brahma, phát triển bác ái-minh triết, hay phương diện Con, phương diện Vishnu. Trong hệ tiểu thiên địa, là phản ánh của Thượng đế tam phân, con người đang nỗ lực qua ba vận cụ

same development on his own plane. On higher planes the Heavenly Men (through atma-buddhi-manas) aim at a similar progression. These two, the Heavenly Men plus the units in Their bodies, which are composed of deva and human monads form, in their totality, the Grand Heavenly Man. When man achieves, then the Heavenly Men likewise achieve; when They reach Their full growth and knowledge, [Page 245] and are self-conscious on all planes, then the Son achieves, and the solar system (His body of manifestation and experience) has served its purpose. The Son is liberated. Extend the idea of this threefold development of consciousness to the Logos in a still larger cycle (to that of the three solar systems of which this is the middle one) and we have repeated on cosmic levels in connection with the Logos, the process of the development of man in the three worlds.

để đạt đến cùng một sự phát triển trên cõi riêng của mình. Trên các cõi cao hơn, các Đấng Thiên Nhân (qua atma-buddhi-manas) nhắm đến một sự tiến triển tương tự. Hai điều này, các Đấng Thiên Nhân cộng với các đơn vị trong các thân thể của Các Ngài, vốn được cấu thành bởi các chân thần thiên thần và con người, tạo thành, trong tổng thể của chúng, Đại Đấng Thiên Nhân. Khi con người đạt được, thì các Đấng Thiên Nhân cũng đạt được; khi Các Ngài đạt đến sự tăng trưởng và tri thức đầy đủ của mình, [Page 245] và có ngã thức trên mọi cõi, thì Con đạt được, và hệ mặt trời (thân thể biểu hiện và kinh nghiệm của Ngài) đã phục vụ xong mục đích của nó. Con được giải thoát. Mở rộng ý tưởng về sự phát triển tâm thức tam phân này đến Thượng đế trong một chu kỳ còn lớn hơn nữa (đó là chu kỳ của ba hệ mặt trời mà hệ này là hệ ở giữa) thì chúng ta có sự lặp lại trên các cấp độ vũ trụ, liên quan đến Thượng đế, của tiến trình phát triển của con người trong ba cõi thấp.

THE MACROCOSM		ĐẠI THIÊN ĐỊA
The first solar system	embodied	the “I am” principle.
The second solar system	is embodying	the “I am that” principle.
The third solar system	will embody	the “I am that I am” principle.

THE MICROCOSM	TIỂU THIÊN ĐỊA
The first manifestation, the Personality, embodies the “I am” principle.	Biểu hiện thứ nhất, phàm ngã, thể hiện nguyên lý “Tôi là”.
The second manifestation, the Ego, is embodying the “I am that” principle.	Biểu hiện thứ hai, chân ngã, đang thể hiện nguyên lý “Tôi là Cái Đó”.

The third manifestation, the Monad, will embody the "I am that I am" principle.

Biểu hiện thứ ba, chân thần, sẽ thể hiện nguyên lý "Tôi là Cái Tôi là".

Thus the different factors play their part in the general scheme of things, and all are interrelated, and all are interested parts and members one of the other.

Như vậy các yếu tố khác nhau đều đóng vai trò của mình trong hệ thống sự vật tổng quát, và tất cả đều liên hệ với nhau, và tất cả đều là những phần cùng những thành viên hữu quan của nhau.

V. IS THERE A DIRECT ANALOGY BETWEEN THE DEVELOPMENT OF A SYSTEM, A PLANET, A MAN AND AN ATOM? — V. CÓ MỘT SỰ TƯƠNG ĐỒNG TRỰC TIẾP GIỮA SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỘT HỆ, MỘT HÀNH TINH, MỘT CON NGƯỜI VÀ MỘT NGUYÊN TỬ KHÔNG?

If by this question the desire exists to demonstrate exact similarity, the answer must be: No, the analogy is never exact in detail but only in certain broad basic correspondences. In all the four factors, there will be found unchangeable points of resemblance, but in development the stages of growth may not appear the same in detailed evolution, viewed from the standpoint of a man in the [Page 246] three worlds, handicapped as he is by limited apprehension. The points of resemblance between the four might be summed up as follows, taking the atom on the physical plane as our starting point, and developing the concept from stage to stage:

Nếu câu hỏi này nhằm chứng minh một sự tương tự chính xác, thì câu trả lời phải là: Không, sự tương đồng không bao giờ chính xác trong chi tiết mà chỉ trong một số tương ứng căn bản rộng lớn. Trong cả bốn yếu tố, sẽ thấy có những điểm giống nhau bất biến, nhưng trong sự phát triển, các giai đoạn tăng trưởng có thể không xuất hiện giống nhau trong tiến hoá chi tiết, khi được nhìn từ quan điểm của một con người trong [Page 246] ba cõi thấp, vốn bị năng lực lĩnh hội giới hạn cản trở. Những điểm tương đồng giữa bốn yếu tố có thể được tóm lược như sau, lấy nguyên tử trên cõi hồng trần làm điểm khởi đầu, và phát triển khái niệm từ giai đoạn này sang giai đoạn khác:

An Atom. (101)

Một Nguyên tử. (101)

(101) In connection with the Atom, the Secret Doctrine says:

(101) Liên quan đến Nguyên tử, Giáo Lý Bí Nhiệm nói rằng:

1. Absolute intelligence thrills through every atom. S. D., I, 298.

1. Trí tuệ tuyệt đối rung động xuyên qua mọi nguyên tử. S. D., I, 298.

2. Wherever there is an atom of matter, there is life. S. D., I, 245, 269, 279.

2. Bất cứ nơi nào có một nguyên tử vật chất, ở đó có sự sống. S. D., I, 245, 269, 279.

3. The atom is a concrete manifestation of the Universal Energy. S. D., I, 281.

3. Nguyên tử là một biểu hiện cụ thể của Năng Lượng Vũ Trụ. S. D., I, 281.

4. The same invisible lives compose the atoms, etc.. S. D., I, 218.

4. Cùng những sự sống vô hình ấy cấu thành các nguyên tử, v.v.. S. D., I, 218.

5. Every atom in the universe has the potentiality of self-consciousness. S. D., I, 132; II, 742.

5. Mọi nguyên tử trong vũ trụ đều có tiềm năng ngã thức. S. D., I, 132; II, 742.

6. Atoms and souls are synonymous in the language of Initiates. S. D., I., 620, 622.

6. Nguyên tử và linh hồn là đồng nghĩa trong ngôn ngữ của các điểm đạo đồ. S. D., I., 620, 622.

7. The atom belongs wholly to the domain of metaphysics. S. D., I, 559.

7. Nguyên tử hoàn toàn thuộc về lĩnh vực siêu hình học. S. D., I, 559.

8. Deity is within every atom. S. D., I, 89, 183.

8. Thượng đế ở trong mọi nguyên tử. S. D., I, 89, 183.

9. Every atom is doomed to incessant differentiation. S. D., I, 167.

9. Mọi nguyên tử đều có số phận phải biến phân không ngừng. S. D., I, 167.

l0. The object of the evolution of the atom is Man. S. D., I, 206.

10. Mục tiêu của sự tiến hoá của nguyên tử là Con người. S. D., I, 206.

11. A germ exists in the centre of every atom. S. D., I, 87; II, 622.

11. Một mầm sống tồn tại ở trung tâm của mọi nguyên tử. S. D., I, 87; II, 622.

12. There is heat in every atom. S. D., I, 112.

12. Có nhiệt trong mọi nguyên tử. S. D., I, 112.

13. Every atom has 7 planes of being. S. D., I, 174.

13. Mọi nguyên tử có 7 cõi hiện hữu. S. D., I, 174.

14. Atoms are vibrations. S. D., I, 694. (back)

14. Các nguyên tử là những rung động. S. D., I, 694. (back)

a. An atom consists of a spheroidal form containing within itself a nucleus of life.

a. Một nguyên tử gồm một hình cầu chứa trong chính nó một hạt nhân sự sống.

b. An atom contains within itself differentiated molecules, which in their totality form the atom itself. For instance, we are told that the physical atom contains within its periphery fourteen thousand millions of the archetypal atoms, yet these myriads demonstrate as one.

b. Một nguyên tử chứa trong chính nó các phân tử đã biến phân, mà trong tổng thể của chúng tạo thành chính nguyên tử ấy. Chẳng hạn, chúng ta được cho biết rằng nguyên tử hồng trần chứa trong chu vi của nó mười bốn ngàn triệu nguyên tử nguyên mẫu, tuy nhiên vô số ấy lại biểu lộ như một.

c. An atom is distinguished by activity, and shows forth the qualities of:

c. Một nguyên tử có đặc trưng là hoạt động, và biểu lộ các phẩm tính của:

a. Rotary motion.

a. Chuyển động quay.

b. Discriminative power.

b. Năng lực phân biện.

c. Ability to develop.

c. Khả năng phát triển.

d. An atom, we are told, contains within itself three major spirals and seven lesser (102). which ten are in process [Page 247] of vitalisation, but have not yet attained full activity. Only four are functioning at this stage, and the fifth is in process of development.

d. Một nguyên tử, như chúng ta được cho biết, chứa trong chính nó ba loa tuyến lớn và bảy loa tuyến nhỏ (102)., mà mười loa tuyến ấy đang trong tiến trình [Page 247] được tiếp sinh lực, nhưng chưa đạt đến hoạt động đầy đủ. Chỉ bốn loa tuyến đang hoạt động ở giai đoạn này, và loa tuyến thứ năm đang trong tiến trình phát triển.

(102) *Inner Life*: Vol. II, 177-179. *Occult Chemistry*, p. 22. *Occult Chemistry,* Appendix II and III. Babbitt's *"Light and Colour,"* pp. 97-101. (back)

(102) *Inner Life*: Vol. II, 177-179. *Occult Chemistry*, p. 22. *Occult Chemistry,* Appendix II and III. Babbitt's *"Light and Colour,"* pp. 97-101. (back)

e. An atom is governed by the Law of Economy, is coming slowly under the Law of Attraction, and will eventually come under the Law of Synthesis.

e. Một nguyên tử chịu sự chi phối của Định luật Tiết Kiệm, đang chậm rãi đi vào dưới Định luật Hấp Dẫn, và cuối cùng sẽ đi vào dưới Định luật Tổng Hợp.

f. An atom finds its place within all forms; it is the aggregation of atoms that produces form.

f. Một nguyên tử tìm thấy vị trí của nó trong mọi hình tướng; chính sự tập hợp các nguyên tử tạo ra hình tướng.

g. Its responsiveness to outer stimulation:

g. Tính đáp ứng của nó đối với kích thích bên ngoài:

Electrical stimulation, affecting its objective form.

Kích thích điện, tác động đến hình tướng khách quan của nó.

Magnetic stimulation, acting upon its subjective life.

Kích thích từ tính, tác động lên sự sống chủ quan của nó.

The united effect of the two stimulations, producing consequent internal growth and development.

Hiệu quả hợp nhất của hai loại kích thích, tạo ra sự tăng trưởng và phát triển nội tại tiếp theo.

An atom therefore is distinguished by:

Vì vậy một nguyên tử có các đặc trưng là:

1. Its spheroidal shape. Its ring-pass-not is definite and seen.

1. Hình cầu của nó. Vòng-giới-hạn của nó xác định và có thể thấy được.

2. Its internal arrangement, which comprises the sphere of influence of any particular atom.

2. Sự sắp xếp nội tại của nó, bao gồm khối cầu ảnh hưởng của bất kỳ nguyên tử đặc thù nào.

3. Its life-activity, or the extent to which the life at the centre animates the atom, a relative thing at this stage.

3. Hoạt động sự sống của nó, hay mức độ mà sự sống ở trung tâm làm sinh động nguyên tử, một điều tương đối ở giai đoạn này.

4. Its sevenfold inner economy in process of evolution.

4. Cơ cấu nội tại thất phân của nó đang trong tiến trình tiến hoá.

5. Its eventual synthesis internally from the seven into the three.

5. Sự tổng hợp nội tại cuối cùng của nó từ bảy vào ba.

6. Its group relation.

6. Mối liên hệ nhóm của nó.

7. Its development of consciousness, or responsiveness.

7. Sự phát triển tâm thức của nó, hay tính đáp ứng.

Having predicated the above facts of the atom, we can extend the idea now to man, following the same general outline:

Sau khi đã khẳng định các sự kiện trên về nguyên tử, giờ đây chúng ta có thể mở rộng ý tưởng ấy đến con người, theo cùng đại cương tổng quát:

A Man.

a. A man is spheroidal in form, he can be seen as a circular ring-pass-not, a sphere of matter with a nucleus [Page 248] of life at the centre. In predicating this we are considering the true man in his fundamental position as the Ego, with his sphere of manifestation, the causal body,—that body which forms the middle point between Spirit and matter.

b. A man contains within himself differentiated atoms, which in their totality make up the objective form of the man on the planes of his manifestation. All are animated by his life, by his persistent will-to-be; all vibrate according to the point reached by the man in evolution. As seen from the higher planes man demonstrates as a sphere (or spheres) of differentiated matter, vibrating to a certain measure, tinctured by a certain color, and rotating to a fixed key—the key of his life cycle.

c. A man is distinguished by activity on one or more planes in the three worlds, and shows forth the qualities of:

1. Rotary motion, or his particular cycling on the wheel of life, around his egoic pole.

2. Discriminative capacity, or the power to choose and gain experience.

3. Ability to evolve, to increase vibration and to make contact.

Một Con Người.

a. Con người có hình cầu, y có thể được thấy như một vòng-giới-hạn hình tròn, một khối cầu vật chất với một hạt nhân [Page 248] sự sống ở trung tâm. Khi khẳng định điều này, chúng ta đang xét con người đích thực trong vị trí căn bản của y là chân ngã, với khối cầu biểu hiện của y, thể nguyên nhân,—thể này tạo thành điểm giữa giữa Tinh thần và vật chất.

b. Con người chứa trong chính mình các nguyên tử đã biến phân, mà trong tổng thể của chúng tạo thành hình tướng khách quan của con người trên các cõi biểu hiện của y. Sự sống của y, ý chí muốn hiện hữu bền bỉ của y, làm sinh động tất cả; tất cả đều rung động tùy theo điểm mà con người đã đạt đến trong tiến hoá. Khi được nhìn từ các cõi cao hơn, con người biểu lộ như một khối cầu (hay các khối cầu) của vật chất đã biến phân, rung động theo một mức độ nhất định, nhuốm một màu sắc nhất định, và quay theo một chủ âm cố định—chủ âm của chu kỳ sự sống của y.

c. Con người có đặc trưng là hoạt động trên một hay nhiều cõi trong ba cõi giới, và biểu lộ các phẩm tính của:

1. Chuyển động quay, hay chu kỳ riêng của y trên bánh xe sự sống, quanh cực chân ngã của y.

2. Năng lực phân biện, hay quyền năng chọn lựa và thu nhận kinh nghiệm.

3. Khả năng tiến hoá, gia tăng rung động và tạo tiếp xúc.

d. A man contains within himself three major principles,—will, love-wisdom, active intelligence or adaptability—and their differentiation into the seven principles. These, making the eventual ten of perfected manifestation, are in process of vitalisation, but have not yet attained full expression. Only four principles in man are active, and he is in process of developing the fifth, or manasic principle. Note how perfect is the analogy between man, viewed as the lower quaternary developing the principle of mind, and the atom with its four spirillae active; and the fifth in process of stimulation.

d. Con người chứa trong chính mình ba nguyên khí lớn,—ý chí, bác ái-minh triết, trí tuệ hoạt động hay khả năng thích ứng—và sự biến phân của chúng thành bảy nguyên khí. Những nguyên khí này, tạo nên mười nguyên khí cuối cùng của biểu hiện toàn hảo, đang trong tiến trình được tiếp sinh lực, nhưng chưa đạt đến biểu lộ đầy đủ. Chỉ có bốn nguyên khí trong con người là hoạt động, và y đang trong tiến trình phát triển nguyên khí thứ năm, hay nguyên khí manas. Hãy lưu ý sự tương đồng hoàn hảo giữa con người, được nhìn như bộ tứ thấp đang phát triển nguyên khí trí tuệ, và nguyên tử với bốn loa tuyến của nó đang hoạt động; còn loa tuyến thứ năm thì đang trong tiến trình được kích thích.

e. A man is governed by the Law of Attraction, is [Page 249] evolved through the Law of Economy, and is coming under the Law of Synthesis. Economy governs the material process with which he is not so much consciously concerned; attraction governs his connection with other units or groups, and synthesis is the law of his inner Self, of the life within the form.

e. Con người chịu sự chi phối của Định luật Hấp Dẫn, [Page 249] tiến hoá qua Định luật Tiết Kiệm, và đang đi vào dưới Định luật Tổng Hợp. Tiết kiệm chi phối tiến trình vật chất mà y không quan tâm nhiều đến một cách hữu thức; hấp dẫn chi phối mối liên hệ của y với các đơn vị hay nhóm khác, và tổng hợp là định luật của Ngã bên trong của y, của sự sống bên trong hình tướng.

f. Man finds his place within the group form. Egoic groups and the Heavenly Men are formed by the aggregate of human and of deva units.

f. Con người tìm thấy vị trí của mình trong hình tướng nhóm. Sự tập hợp của các đơn vị con người và thiên thần hình thành nên các nhóm chân ngã và các Đấng Thiên Nhân.

g. His responsiveness to outer stimulation:

g. Tính đáp ứng của y đối với kích thích bên ngoài:

a. Electrical stimulation, affecting the outer form, or pranic response.

a. Kích thích điện, tác động đến hình tướng bên ngoài, hay đáp ứng prana.

b. Magnetic stimulation, acting upon his subjective life. This emanates from his egoic group, and later from the Heavenly Man, in Whose body he is a cell.

b. Kích thích từ tính, tác động lên sự sống chủ quan của y. Điều này phát ra từ nhóm chân ngã của y, và về sau từ Đấng Thiên

Nhân, trong thân thể của Ngài y là một tế bào.

c The united effect of these two stimulations, inducing steady growth and development.

c Hiệu quả hợp nhất của hai loại kích thích này, tạo ra sự tăng trưởng và phát triển đều đặn.

A man is distinguished therefore by:

Vì vậy con người có các đặc trưng là:

1. His spheroidal shape. His ring-pass-not is definite and seen.

1. Hình cầu của y. Vòng-giới-hạn của y xác định và có thể thấy được.

2. His internal arrangement; his entire sphere of influence is in process of development. At present that sphere is limited and his range of activity is small. As the body egoic is developed, the nucleus of life at the centre increases its radius of control until the whole is brought under rule and government.

2. Sự sắp xếp nội tại của y; toàn bộ khối cầu ảnh hưởng của y đang trong tiến trình phát triển. Hiện nay khối cầu ấy còn hạn chế và phạm vi hoạt động của y còn nhỏ. Khi thể chân ngã được phát triển, hạt nhân sự sống ở trung tâm gia tăng bán kính kiểm soát của nó cho đến khi toàn bộ được đưa vào dưới sự cai quản và điều hành.

3. His life activity or the extent to which at any given time he demonstrates self-consciousness, or controls his threefold lower nature.

3. Hoạt động sự sống của y hay mức độ mà vào bất kỳ thời điểm nào y biểu lộ ngã thức, hay kiểm soát bản chất thấp tam phân của mình.

4. His sevenfold inner economy; the development of his seven principles. [Page 250]

4. Cơ cấu nội tại thất phân của y; sự phát triển của bảy nguyên khí của y. [Page 250]

5. His eventual internal synthesis under the working of the three laws from the seven into the three and later into the one.

5. Sự tổng hợp nội tại cuối cùng của y dưới tác động của ba định luật từ bảy vào ba và về sau vào một.

6. His group relation.

6. Mối liên hệ nhóm của y.

7. His development of consciousness, of responsiveness to contact, involving therefore the growth of awareness.

7. Sự phát triển tâm thức của y, của tính đáp ứng đối với tiếp xúc, do đó bao hàm sự tăng trưởng của nhận biết.

A Heavenly Man. (103)

Một Đấng Thiên Nhân. (103)

(103) These Heavenly Men are:

1. The sum-total of consciousness...S. D., I, 626,

2. The Creators...S. D., I, 477, 481-485.

Compare S. D., II, 244.

a. They are the seven primary creations, or the taking of the etheric body by a Heavenly Man.

b. They are the seven secondary creations, or the taking of the dense physical body.

Trace this in the Microcosm, and the work of the devas of the ethers in building the body.

c. The aggregate of divine intelligence...S. D., I, 488,

d. The mindborn Sons of Brahma...S. D., I, 493, S. D., II, 610, 618.

They are the logoic Quaternary, the Five, and the Seven.

e. The seven Rays...S. D., I, 561, S. D., II, 201.

They are the seven paths back to God.....Spirit.

They are the seven principles metaphysically.

They are the seven races physically.

(103) Các Đấng Thiên Nhân này là:

1. Tổng thể của tâm thức...S. D., I, 626,

2. Các Đấng Sáng Tạo...S. D., I, 477, 481-485.

So sánh S. D., II, 244.

a. Các Ngài là bảy sáng tạo nguyên thủy, hay việc một Đấng Thiên Nhân đảm nhận thể dĩ thái.

b. Các Ngài là bảy sáng tạo thứ cấp, hay việc đảm nhận thể xác hồng trần đậm đặc.

Hãy truy nguyên điều này trong Tiểu thiên địa, và công việc của các thiên thần của dĩ thái trong việc xây dựng thân thể.

c. Tổng thể của trí tuệ thiêng liêng...S. D., I, 488,

d. Các Con của Brahma được sinh ra từ trí tuệ...S. D., I, 493, S. D., II, 610, 618.

Các Ngài là Bộ Tứ của Thượng đế, Bộ Năm, và Bộ Bảy.

e. Bảy cung...S. D., I, 561, S. D., II, 201.

Các Ngài là bảy con đường trở về với Thượng đế.....Tinh thần.

Về mặt siêu hình học, Các Ngài là bảy nguyên khí.

Về mặt hồng trần, Các Ngài là bảy giống dân.

f. The Lords of ceaseless and untiring devotion...S. D., II, 92,

f. Các Đấng Chúa Tể của sự tận tụy không ngừng nghỉ và không mệt mỏi...S. D., II, 92,

g. The failures of the last system...S. D., II, 243,

g. Những thất bại của hệ mặt trời trước...S. D., II, 243,

h. The polar opposites to the Pleiades...S. D., II, 579, 581.

h. Các cực đối nghịch với chòm Pleiades...S. D., II, 579, 581.

Our system is masculine occultly and the Pleiades is feminine.

Hệ mặt trời của chúng ta, về mặt huyền bí, là nam tính còn Pleiades là nữ tính.

A Heavenly Man in His planetary scheme creates in a similar manner. See S. D., II, 626. (back)

Một Đấng Thiên Nhân trong hệ hành tinh của Ngài sáng tạo theo cách tương tự. Xem S. D., II, 626. (trở lại)

a. Each Heavenly Man is likewise to be seen as spheroidal in shape. He has His ring-pass-not as has the atom and the man. This ring-pass-not comprises the entire planetary scheme; the dense physical globe of any one chain being analogous in His case to the physical body of any man, and to the atom on the physical plane. Each scheme of seven chains is the expression of the life of an Entity, Who occupies it, as does a man his body, for purposes of manifestation and in order to gain experience.

a. Mỗi Đấng Thiên Nhân cũng được thấy là có hình cầu. Ngài có vòng-giới-hạn của Ngài cũng như nguyên tử và con người có vòng-giới-hạn của chúng. Vòng-giới-hạn này bao gồm toàn bộ hệ hành tinh; bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của bất kỳ dãy nào tương tự, trong trường hợp của Ngài, với thể xác của bất kỳ người nào, và với nguyên tử trên cõi hồng trần. Mỗi hệ gồm bảy dãy là biểu hiện của sự sống của một Thực Thể, Đấng cư ngụ trong đó như con người cư ngụ trong thân thể của mình, vì các mục đích biểu hiện và để đạt được kinh nghiệm.

[Page 251] *b.* A Heavenly Man contains within Himself that which corresponds to the cells within the vehicles of expression of a human being. The atoms or cells in His body are made up of the aggregate of the deva and human units who vibrate to His key note, and who respond to the measure of His life. All are held together and animated by His will to be, and all vibrate according to the point achieved by Him in evolution. From the cosmic standpoint a Heavenly Man can be seen as a sphere of wondrous life, which includes within its radius of influence

[Page 251] *b.* Một Đấng Thiên Nhân chứa trong chính Ngài điều tương ứng với các tế bào bên trong các vận cụ biểu hiện của một con người. Các nguyên tử hay tế bào trong thân thể của Ngài được cấu thành từ tổng thể các đơn vị thiên thần và nhân loại rung động theo chủ âm của Ngài, và đáp ứng với mức độ sự sống của Ngài. Ý chí hiện hữu của Ngài giữ tất cả lại với nhau và làm sinh động tất cả, và tất cả rung động tùy theo điểm mà Ngài đã đạt được trong tiến hoá. Từ quan điểm vũ trụ, một Đấng Thiên Nhân có thể được thấy như một khối cầu của sự sống kỳ

the vibratory capacity of an entire planetary scheme. He vibrates to a certain measure, which can be estimated by the activity of the life pulsating at the centre of the sphere; the entire planetary scheme is tinctured by a certain color, is rotating to a fixed key which is the key of His life cycle within the still greater mahamanvantara or logoic cycle.

diệu, bao gồm trong bán kính ảnh hưởng của Ngài năng lực rung động của toàn bộ một hệ hành tinh. Ngài rung động theo một mức độ nhất định, có thể được ước lượng bằng hoạt động của sự sống đang đập ở trung tâm khối cầu; toàn bộ hệ hành tinh được nhuốm một màu sắc nhất định, đang quay theo một chủ âm cố định là chủ âm của chu kỳ sự sống của Ngài bên trong đại giai kỳ sinh hóa còn lớn hơn nữa hay chu kỳ của Thượng đế.

c. A Heavenly Man is distinguished by His activity on one or other of the planes which we call the Triadal, or Atma-Buddhi-Manas, in the same way as a man is distinguished by his activity on one of the planes in the three worlds, mental-astral-physical. Eventually a man is self-conscious on all three. Eventually a Heavenly Man is fully self-conscious on the higher three. Every forward movement or increased vitality in the aggregate of men in the three worlds, is paralleled by an analogous activity on the three higher planes. The action and the interaction between the life animating the groups or the Heavenly Men, and the life animating the atoms or men who form the units in groups is both mysterious and wonderful. A Heavenly Man on His own planes likewise shows forth the qualities of:

c. Một Đấng Thiên Nhân có đặc trưng là hoạt động của Ngài trên một trong các cõi mà chúng ta gọi là các cõi Tam Nguyên, hay Atma-Buddhi-Manas, cũng như con người có đặc trưng là hoạt động của y trên một trong ba cõi giới: cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần. Cuối cùng con người có ngã thức trên cả ba. Cuối cùng một Đấng Thiên Nhân có ngã thức trọn vẹn trên ba cõi cao. Mọi chuyển động tiến tới hay sự gia tăng sinh lực trong tổng thể loài người trong ba cõi giới đều song hành với một hoạt động tương tự trên ba cõi cao. Tác động và tương tác giữa sự sống làm sinh động các nhóm hay các Đấng Thiên Nhân, và sự sống làm sinh động các nguyên tử hay những con người tạo thành các đơn vị trong các nhóm, vừa huyền nhiệm vừa kỳ diệu. Một Đấng Thiên Nhân trên các cõi riêng của Ngài cũng biểu lộ các phẩm tính sau:

Rotary motion, or His particular cycling activity around His life wheel, a planetary scheme, and thus around His egoic pole. [Page 252]

Chuyển động quay, hay hoạt động tuần hoàn đặc thù của Ngài quanh bánh xe sự sống của Ngài, một hệ hành tinh, và như thế quanh cực chân ngã của Ngài. [Page 252]

Discriminating capacity, or the power to choose and thereby gain experience. They are the embodiments of manas or the intelligent faculty (hence Their title of Divine Manasaputras) which comprehends, chooses and discards, thus attaining knowledge and self-consciousness. This

Năng lực phân biện, hay quyền năng chọn lựa và nhờ đó đạt được kinh nghiệm. Các Ngài là hiện thân của manas hay năng lực trí tuệ (do đó có danh xưng là các Manasaputra Thiêng Liêng) vốn thấu hiểu, chọn lựa và loại bỏ, nhờ vậy đạt được tri thức và ngã thức. Năng lực manas này Các Ngài đã phát

manasic faculty They developed in earlier kalpas or solar systems. Their purpose is now to utilise that which is developed to bring about certain specific effects and to attain certain specific goals.

triển trong các đại kiếp hay các hệ mặt trời trước đây. Mục đích của Các Ngài hiện nay là sử dụng điều đã được phát triển ấy để tạo ra những hiệu quả đặc thù nào đó và đạt tới những mục tiêu đặc thù nào đó.

Ability to evolve, to increase vibration, to gain knowledge, and to make contact. This increased vibration is of a gradual and evolutionary order and proceeds from centre to centre as it does in man, and as it does in the case of the atomic spirillae. Their aim is to achieve uniformity of contact with each other, and to merge eventually Their separated identities in the One Identity, retaining simultaneously full self-consciousness or individualised self-apprehension.

Khả năng tiến hoá, gia tăng rung động, đạt được tri thức, và tạo tiếp xúc. Sự gia tăng rung động này thuộc loại tiệm tiến và tiến hoá, và diễn ra từ trung tâm này sang trung tâm khác như nơi con người, và như trong trường hợp các loa tuyến nguyên tử. Mục tiêu của Các Ngài là đạt được sự đồng nhất trong tiếp xúc với nhau, và cuối cùng hòa nhập các bản sắc tách biệt của Các Ngài vào trong Bản Sắc Duy Nhất, đồng thời vẫn giữ trọn ngã thức hay sự tự nhận biết đã được biệt ngã hóa.

d. A Heavenly Man contains within Himself three major principles—will, love-wisdom, intelligence, and their manifestation through the seven principles so often discussed in our occult literature. These make the ten of His ultimate perfection, for the seven are resolved into the three, and the three into the one.

d. Một Đấng Thiên Nhân chứa trong chính Ngài ba nguyên khí chính—ý chí, bác ái-minh triết, trí tuệ—và sự biểu hiện của chúng qua bảy nguyên khí thường được bàn đến trong văn liệu huyền bí của chúng ta. Chúng tạo nên mười của sự toàn thiện tối hậu của Ngài, vì bảy được quy về ba, và ba quy về một.

Each Heavenly Man has, of course, His primary coloring or principle as has man and the atom. Man has for his primary coloring or principle that of the Heavenly Man in Whose body he is a unit. He has also the other two major principles (as has the Heavenly Man), and their differentiation into the seven as earlier said. The atom has for primary coloring or principle, that of the egoic ray of the human being for instance in whose body it finds place. This, of course, is in connection with the [Page 253] physical atom in a man's body. This coloring manifests as the vibration setting the measure of the major three spirillae and the minor seven.

Mỗi Đấng Thiên Nhân dĩ nhiên có sắc thái hay nguyên khí chủ yếu của Ngài cũng như con người và nguyên tử có sắc thái hay nguyên khí chủ yếu của chúng. Con người có sắc thái hay nguyên khí chủ yếu của mình là của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một đơn vị. Y cũng có hai nguyên khí chính kia (cũng như Đấng Thiên Nhân), và sự biến phân của chúng thành bảy như đã nói trước đây. Nguyên tử có sắc thái hay nguyên khí chủ yếu là của cung chân ngã của con người chẳng hạn, trong thân thể của người ấy nó tìm được chỗ đứng. Điều này dĩ nhiên liên quan đến [Page 253] nguyên tử hồng trần trong thân thể của con người. Sắc thái này biểu lộ như rung động ấn định mức

độ của ba loa tuyến chính và bảy loa tuyến phụ.

Only four principles in the Heavenly Men are as yet manifesting to any extent, though One of Them is rather in advance of the others, and has the fifth principle vibrating adequately, while certain others are in process of perfecting the fourth. The Heavenly Man of our chain is vibrating somewhat to the fifth principle, or rather is in process of awakening it to life. His fourth vibration or principle in this fourth round or cycle, and on this fourth globe, is awakened, though not functioning as it will in the fifth round. Much of the trouble present in the planet at this time arises from the coming into activity of the higher or fifth vibration, which will be completed and transcended in the next or fifth cycle. The analogy, as in man and the atom, again holds good but not in exact detail.

Cho đến nay, chỉ có bốn nguyên khí trong các Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ ở mức độ nào đó, mặc dù Một trong Các Ngài khá tiến trước những vị khác, và có nguyên khí thứ năm rung động đầy đủ, trong khi một số vị khác đang trong tiến trình hoàn thiện nguyên khí thứ tư. Đấng Thiên Nhân của dãy chúng ta đang rung động phần nào theo nguyên khí thứ năm, hay đúng hơn đang trong tiến trình đánh thức nó vào sự sống. Rung động thứ tư hay nguyên khí thứ tư của Ngài trong cuộc tuần hoàn hay chu kỳ thứ tư này, và trên bầu hành tinh thứ tư này, đã được đánh thức, dù chưa hoạt động như nó sẽ hoạt động trong cuộc tuần hoàn thứ năm. Phần lớn khó khăn hiện có trên hành tinh vào lúc này phát sinh từ việc rung động cao hơn hay rung động thứ năm đi vào hoạt động, điều sẽ được hoàn tất và vượt qua trong chu kỳ kế tiếp hay chu kỳ thứ năm. Sự tương đồng, như nơi con người và nguyên tử, một lần nữa vẫn đúng nhưng không đúng trong chi tiết chính xác.

e. A Heavenly Man is governed by the Law of Attraction, has transcended the Law of Economy, and is rapidly coming under the Law of Synthesis. Note therefore the gradual stepping-up of the control and the fact that:

e. Một Đấng Thiên Nhân chịu sự chi phối của Định luật Hấp Dẫn, đã vượt qua Định luật Tiết Kiệm, và đang nhanh chóng đi vào dưới Định luật Tổng Hợp. Vì vậy, hãy lưu ý sự nâng dần mức kiểm soát và sự kiện rằng:

First. The Law of Economy is the primary law of the atom. The Law of Attraction is coming into control of the atom. The Law of Synthesis is but slightly felt by the life of the atom. It is the law of life.

Thứ nhất. Định luật Tiết Kiệm là định luật chủ yếu của nguyên tử. Định luật Hấp Dẫn đang đi vào kiểm soát nguyên tử. Định luật Tổng Hợp chỉ được sự sống của nguyên tử cảm nhận rất ít. Đó là định luật của sự sống.

Second. The Law of Attraction is the primary law of man. The Law of Economy is a secondary law for man. It governs the matter of his vehicles. The Law of Synthesis is steadily beginning to be felt.

Thứ hai. Định luật Hấp Dẫn là định luật chủ yếu của con người. Định luật Tiết Kiệm là một định luật thứ yếu đối với con người. Nó chi phối vật chất của các vận cụ của y. Định

luật Tổng Hợp đang đều đặn bắt đầu được cảm nhận.

Third. The Law of Synthesis is the primary law of a Heavenly Man. The Law of Attraction has full sway. The Law of Economy is transcended.

Thứ ba. Định luật Tổng Hợp là định luật chủ yếu của một Đấng Thiên Nhân. Định luật Hấp Dẫn có toàn quyền chi phối. Định luật Tiết Kiệm đã được vượt qua.

The dense physical body is not a principle for a Heavenly Man, hence the Law of Economy is transcended. [Page 254] The Law of Attraction governs the material process of form building. The Law of Synthesis is the law of His Being.

Thể xác hồng trần đậm đặc không phải là một nguyên khí đối với một Đấng Thiên Nhân, do đó Định luật Tiết Kiệm đã được vượt qua. [Page 254] Định luật Hấp Dẫn chi phối tiến trình vật chất của việc xây dựng hình tướng. Định luật Tổng Hợp là định luật của Bản Thể Ngài.

f. A Heavenly Man is finding His place within the logoic groups, and is seeking to realise His position among the seven and by realisation to approximate unity.

f. Một Đấng Thiên Nhân đang tìm vị trí của Ngài trong các nhóm của Thượng đế, và đang tìm cách chứng nghiệm vị trí của Ngài giữa bảy vị và nhờ sự chứng nghiệm mà tiến gần đến hợp nhất.

g. His responsiveness to outer stimulation. This viewed from the limited human standpoint touches on realms unattainable by man's intellect as yet. It deals with:

g. Khả năng đáp ứng của Ngài đối với kích thích bên ngoài. Điều này, khi được nhìn từ quan điểm hạn hẹp của con người, chạm đến những lĩnh vực mà trí tuệ con người hiện chưa thể đạt tới. Nó đề cập đến:

Electrical stimulation, and concerns the response to solar radiation, and to paralleling planetary radiation.

Kích thích điện, và liên quan đến sự đáp ứng đối với bức xạ mặt trời, và đối với bức xạ hành tinh song song.

Magnetic stimulation, acting upon His subjective life. This radiation emanates from sources outside the system altogether. We might note the following facts:

Kích thích từ tính, tác động lên sự sống chủ quan của Ngài. Bức xạ này phát ra từ những nguồn hoàn toàn ở ngoài hệ mặt trời. Chúng ta có thể lưu ý các sự kiện sau:

Magnetic stimulation of the *physical atom* emanates from man on astral levels, and later from buddhic levels.

Kích thích từ tính của *nguyên tử hồng trần* phát ra từ con người trên các cấp độ cảm dục, và về sau từ các cấp độ Bồ đề.

Magnetic stimulation of *man* emanates from the Heavenly Men on buddhic, and later on monadic levels.

Kích thích từ tính của *con người* phát ra từ các Đấng Thiên Nhân trên các cấp độ Bồ đề, và về sau trên các cấp độ chân thần.

Magnetic stimulation of a *Heavenly Man* emanates extra-systemically, from the cosmic astral, the united effect of these stimulations inducing steady internal development.

Kích thích từ tính của một *Đấng Thiên Nhân* phát ra từ ngoài hệ mặt trời, từ cõi cảm dục vũ trụ; hiệu quả hợp nhất của các kích thích này gây ra sự phát triển nội tại đều đặn.

A Heavenly Man is distinguished therefore by:

Vì vậy, một Đấng Thiên Nhân có các đặc trưng là:

1. His spheroidal shape. His ring-pass-not, during objectivity, is definite and seen.

1. Hình cầu của Ngài. Vòng-giới-hạn của Ngài, trong thời kỳ khách quan, là xác định và có thể thấy được.

2. His internal arrangement and His sphere of influence, or that activity animating the planetary chain.

2. Sự sắp xếp nội tại của Ngài và khối cầu ảnh hưởng của Ngài, hay hoạt động làm sinh động dãy hành tinh.

3. His spiritual life control at any given period. It is the power whereby He animates His sevenfold [Page 255] nature. Note the increase of influence as compared to man's threefold radius.

3. Sự kiểm soát sự sống tinh thần của Ngài trong bất kỳ thời kỳ nào. Đó là quyền năng nhờ đó Ngài làm sinh động bản chất thất phân [Page 255] của Ngài. Hãy lưu ý sự gia tăng ảnh hưởng so với bán kính tam phân của con người.

4. His eventual ultimate synthesis from the seven into the three and from thence into one. This covers the obscuration of the globes, and the blending into unity of the seven principles which each globe is evolving.

4. Sự tổng hợp tối hậu cuối cùng của Ngài từ bảy vào ba và từ đó vào một. Điều này bao gồm sự che khuất của các bầu hành tinh, và sự hòa nhập vào hợp nhất của bảy nguyên khí mà mỗi bầu hành tinh đang tiến hoá.

5. His evolution under Law and consequent development.

5. Sự tiến hoá của Ngài dưới Định luật và sự phát triển hệ quả.

6. His group relation.

6. Quan hệ nhóm của Ngài.

7. His development of consciousness and of awareness.

Finally, we must extend these ideas to a solar Logos, and see how completely the analogy persists. The paragraphs dealing with stimulation, magnetic and electric, inevitably brings us back to the contemplation of fire, the basis and source of all life.

A Solar Logos.

a. A solar Logos, the Grand Man of the Heavens, is equally spheroidal in shape. His ring-pass-not comprises the entire circumference of the solar system, and all that is included within the sphere of influence of the Sun. The Sun holds a position analogous to the nucleus of life at the centre of the atom. This sphere comprises within its periphery the seven planetary chains with the synthesising three, making the ten of logoic manifestation. The Sun is the physical body of the solar Logos, His body of manifestation, and His life sweeps cycling through the seven schemes in the same sense as the life of a planetary Logos sweeps seven times around His scheme of seven chains. Each chain holds a position analogous to a globe in a planetary chain. Note the beauty of the correspondence, yet withal the lack of detailed analogy. *(S.D., I, 136)*

b. A solar Logos contains within Himself, as the atoms in His body of manifestation, all groups of every kind, [Page 256] from the involutionary group-soul to the egoic groups on the mental plane. He has (for the animating centres of His body) the seven major groups or the seven Heavenly Men,

7. Sự khai mở tâm thức và nhận biết của Ngài.

Sau cùng, chúng ta phải mở rộng các ý tưởng này đến một Thái dương Thượng đế, và thấy sự tương đồng được duy trì trọn vẹn đến mức nào. Các đoạn bàn về kích thích, từ tính và điện, tất yếu đưa chúng ta trở lại với việc chiêm ngưỡng lửa, nền tảng và nguồn gốc của mọi sự sống.

Một Thái dương Thượng đế.

a. Một Thái dương Thượng đế, Đại Nhân trên Thiên Giới, cũng có hình cầu. Vòng-giới-hạn của Ngài bao gồm toàn bộ chu vi của hệ mặt trời, và tất cả những gì được bao hàm trong khối cầu ảnh hưởng của Mặt Trời. Mặt Trời giữ một vị trí tương tự như hạt nhân của sự sống ở trung tâm nguyên tử. Khối cầu này bao gồm trong chu vi của nó bảy dãy hành tinh cùng với ba dãy tổng hợp, tạo thành mười của biểu hiện của Thượng đế. Mặt Trời là thể xác hồng trần của Thái dương Thượng đế, thể xác biểu hiện của Ngài, và sự sống của Ngài quét theo chu kỳ qua bảy hệ hành tinh theo cùng ý nghĩa như sự sống của một Hành Tinh Thượng Đế quét bảy lần quanh hệ của Ngài gồm bảy dãy. Mỗi dãy giữ một vị trí tương tự như một bầu hành tinh trong một dãy hành tinh. Hãy lưu ý vẻ đẹp của sự tương ứng, nhưng đồng thời cũng lưu ý sự thiếu vắng tương đồng chi tiết. *(S.D., I, 136)*

b. Một Thái dương Thượng đế chứa trong chính Ngài, như các nguyên tử trong thân thể biểu hiện của Ngài, mọi nhóm thuộc mọi loại, [Page 256] từ hồn nhóm giáng hạ tiến hoá đến các nhóm chân ngã trên cõi trí. Ngài có (làm các trung tâm làm sinh động thân thể Ngài) bảy nhóm chính hay bảy Đấng

who ray forth Their influence to all parts of the logoic sphere, and who embody within Themselves all lesser lives, the lesser groups, human and deva units, cells, atoms and molecules.

Thiên Nhân, Các Ngài phát ra ảnh hưởng của mình đến mọi phần của khối cầu của Thượng đế, và hiện thân trong chính Các Ngài mọi sự sống nhỏ hơn, các nhóm nhỏ hơn, các đơn vị nhân loại và thiên thần, các tế bào, nguyên tử và phân tử.

Seen from cosmic levels, the sphere of the Logos can be visualised as a vibrating ball of fire of supernal glory, containing within its circle of influence, the planetary spheres likewise vibrating balls of fire. The Grand Man of the Heavens vibrates to a steadily increasing measure; the entire system is tinctured by a certain color,—the color of the life of the Logos, the One Divine Ray; and the system rotates to a certain measure, which is the key of the great kalpa or solar cycle, and revolves around its central solar pole.

Được nhìn từ các cấp độ vũ trụ, khối cầu của Thượng đế có thể được hình dung như một quả cầu lửa rung động với vinh quang thiên thượng, chứa trong vòng ảnh hưởng của nó các khối cầu hành tinh cũng là những quả cầu lửa rung động. Đại Nhân trên Thiên Giới rung động theo một mức độ tăng dần đều đặn; toàn bộ hệ mặt trời được nhuốm một màu sắc nhất định,—màu sắc của sự sống của Thượng đế, Cung Thiêng Liêng Duy Nhất; và hệ mặt trời quay theo một mức độ nhất định, là chủ âm của đại kiếp hay chu kỳ mặt trời, và xoay quanh cực mặt trời trung tâm của nó.

c. The solar Logos is distinguished by His activity on all the planes of the solar system; He is the sumtotal of all manifestation, from the lowest and densest physical atom up to the most radiant and cosmic ethereal Dhyan Chohan. This sevenfold vibratory measure is the key of the lowest cosmic plane, and its rate of rhythm can be felt on the cosmic astral, with a faint response on the cosmic mental. Thus the life of the logoic existence on cosmic levels, may be seen paralleling the life of a man in the three worlds, the lowest of the systemic planes.

c. Thái dương Thượng đế có đặc trưng là hoạt động của Ngài trên mọi cõi của hệ mặt trời; Ngài là tổng thể của mọi biểu hiện, từ nguyên tử hồng trần thấp nhất và đậm đặc nhất cho đến vị Dhyan Chohan dĩ thái vũ trụ rực rỡ nhất. Mức độ rung động thất phân này là chủ âm của cõi vũ trụ thấp nhất, và nhịp điệu của nó có thể được cảm nhận trên cõi cảm dục vũ trụ, với một đáp ứng mờ nhạt trên cõi trí vũ trụ. Như vậy, sự sống của tồn tại của Thượng đế trên các cấp độ vũ trụ có thể được thấy là song hành với sự sống của con người trong ba cõi giới, tức các cõi thấp nhất của hệ mặt trời.

On His own planes the Logos likewise shows forth:

Trên các cõi riêng của Ngài, Thượng đế cũng biểu lộ:

First. Rotary motion. His life as it cycles through a day of Brahma, can be seen spiralling around His greater wheel, the ten schemes of a solar system.

Thứ nhất. Chuyển động quay. Sự sống của Ngài, khi tuần hoàn qua một ngày của Brahma, có thể được thấy đang xoắn ốc

quanh bánh xe lớn hơn của Ngài, mười hệ hành tinh của một hệ mặt trời.

Second. Discriminatory capacity. His first act, as we know, was to discriminate or choose the matter he needed for manifestation. That choice was controlled by: [Page 257]

Thứ hai. Năng lực phân biện. Hành động đầu tiên của Ngài, như chúng ta biết, là phân biện hay chọn lựa vật chất mà Ngài cần cho biểu hiện. Các yếu tố kiểm soát sự chọn lựa đó là: [Page 257]

Cosmic Karma.

Nghiệp quả vũ trụ.

Vibratory capacity.

Năng lực rung động.

Responsive coloring or quality.

Sắc thái hay phẩm tính đáp ứng.

Numerical factors involved in cosmic mathematics.

Các yếu tố số học liên quan trong toán học vũ trụ.

He is the embodiment of cosmic manas, and through the use of this faculty He seeks—by means of animated form—to build into His cosmic causal body, a paralleling quality of love-wisdom.

Ngài là hiện thân của manas vũ trụ, và thông qua việc sử dụng năng lực này, Ngài tìm cách—bằng phương tiện hình tướng được làm sinh động—xây dựng vào thể nguyên nhân vũ trụ của Ngài một phẩm tính tương ứng của bác ái-minh triết.

Third. Ability to progress, to increase vibration, and to gain full self-consciousness on cosmic levels.

Thứ ba. Khả năng tiến bộ, gia tăng rung động, và đạt được ngã thức trọn vẹn trên các cấp độ vũ trụ.

d. The solar Logos contains within Himself the three major principles or aspects, and their differentiation into seven principles. These make the ten of His ultimate perfection and are eventually synthesised into the one perfected principle of love-wisdom. This ultimate principle is His primary coloring. Each principle is embodied in one of the schemes, and is being worked out through one of the Heavenly Men. Only four principles are as yet manifested to any extent, for the

d. Thái dương Thượng đế chứa trong chính Ngài ba nguyên khí hay phương diện chính, và sự biến phân của chúng thành bảy nguyên khí. Chúng tạo nên mười của sự toàn thiện tối hậu của Ngài và cuối cùng được tổng hợp vào một nguyên khí toàn thiện duy nhất là bác ái-minh triết. Nguyên khí tối hậu này là sắc thái chủ yếu của Ngài. Mỗi nguyên khí được hiện thân trong một hệ hành tinh, và đang được triển khai qua một trong các Đấng Thiên Nhân. Cho đến nay, chỉ có bốn nguyên khí được biểu lộ ở mức độ nào đó, vì

evolution of the Logos parallels that of the Heavenly Men.

sự tiến hoá của Thượng đế song hành với sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân.

e. The solar Logos is governed by the Law of Synthesis. He holds all in synthetic unity or homogeneity. His subjective life is governed by the Law of Attraction; His material form is governed by the Law of Economy. He is coming under another cosmic law as yet incomprehensible to men, which law is but revealed to the highest initiates.

e. Thái dương Thượng đế chịu sự chi phối của Định luật Tổng Hợp. Ngài giữ mọi sự trong hợp nhất tổng hợp hay tính đồng nhất. Sự sống chủ quan của Ngài chịu sự chi phối của Định luật Hấp Dẫn; hình tướng vật chất của Ngài chịu sự chi phối của Định luật Tiết Kiệm. Ngài đang đi vào dưới một định luật vũ trụ khác mà con người hiện chưa thể hiểu được, định luật này chỉ được mặc khải cho các điểm đạo đồ cao nhất.

f. The solar Logos is in process of ascertaining His place within the greater system in which He holds a place analogous to that of a Heavenly Man in a solar system. He seeks *first* to find the secret of His own existence, and to achieve full Self-Consciousness; *secondly* to ascertain the position and place of His polar opposite; *thirdly* to [Page 258] merge and blend with that polar opposite. This is the cosmic marriage of the Logos.

f. Thái dương Thượng đế đang trong tiến trình xác định vị trí của Ngài trong hệ thống lớn hơn, trong đó Ngài giữ một vị trí tương tự như vị trí của một Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời. Ngài tìm cách *trước hết* khám phá bí mật của chính sự tồn tại của Ngài, và đạt được trọn vẹn Ngã-Thức; *thứ hai* xác định vị trí và chỗ đứng của cực đối nghịch của Ngài; *thứ ba* hòa nhập [Page 258] và dung hợp với cực đối nghịch đó. Đây là cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế.

g. A solar Logos is distinguished by His responsiveness to outer stimulation. This concerns itself with:

g. Một Thái dương Thượng đế có đặc trưng là khả năng đáp ứng của Ngài đối với kích thích bên ngoài. Điều này liên quan đến:

Electrical stimulation or His response to electrical fohatic force emanating from other stellar centres, and controlling largely the action of our system and its movements in space in relation to other constellations.

Kích thích điện hay sự đáp ứng của Ngài đối với mãnh lực điện fohat phát ra từ các trung tâm tinh tú khác, và phần lớn kiểm soát hoạt động của hệ mặt trời chúng ta cùng các chuyển động của nó trong không gian trong tương quan với các chòm sao khác.

Magnetic stimulation, acting upon His subjective Life, and emanating from certain cosmic centres hinted at in the *Secret Doctrine*. These find their source on cosmic buddhic levels.

Kích thích từ tính, tác động lên Sự sống chủ quan của Ngài, và phát ra từ một số trung tâm vũ trụ được ám chỉ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Chúng tìm thấy nguồn của mình trên các cấp độ Bồ đề vũ trụ.

It is their united effect which induces steady development.

Chính hiệu quả hợp nhất của chúng gây ra sự phát triển đều đặn.

The solar Logos is distinguished

Thái dương Thượng đế có các đặc trưng sau

1. By the spheroidicity of His manifesting existence. His solar ring-pass-not is definite and seen. This can only be demonstrated as yet by the endeavour to ascertain the extent of the subjective control, by the measure of the solar sphere of influence, or the magnetic attraction of the Sun to other lesser bodies which it holds in circular motion around itself.

1. tính hình cầu của sự tồn tại biểu hiện của Ngài. Vòng-giới-hạn mặt trời của Ngài là xác định và có thể thấy được. Điều này hiện nay chỉ có thể được chứng minh bằng nỗ lực xác định mức độ của sự kiểm soát chủ quan, bằng thước đo khối cầu ảnh hưởng mặt trời, hay lực hút từ tính của Mặt Trời đối với các thiên thể nhỏ hơn khác mà nó giữ trong chuyển động tròn quanh chính nó.

2. By the activity of the life animating the ten schemes.

2. hoạt động của sự sống làm sinh động mười hệ hành tinh.

3. By the extent of the control exerted by the Logos at any given period.

3. mức độ kiểm soát được Thượng đế vận dụng trong bất kỳ thời kỳ nào.

4. By the ultimate synthesis of the seven schemes into three and thence into one. This covers the obscuration of the schemes and the unification of the seven principles which they embody.

4. sự tổng hợp tối hậu của bảy hệ hành tinh vào ba và từ đó vào một. Điều này bao gồm sự che khuất của các hệ hành tinh và sự hợp nhất của bảy nguyên khí mà chúng hiện thân.

5. By His subjection to the Law of His Being.

5. sự phục tùng của Ngài đối với Định luật của Bản Thể Ngài.

6. By His group relation.

6. quan hệ nhóm của Ngài.

7. By His unfoldment of Consciousness, the time factor [Page 259] being controlled by the measure of the unfoldment of all the conscious units in His body.

7. sự khai mở Tâm thức của Ngài, mức độ khai mở của mọi đơn vị hữu thức trong thân thể Ngài kiểm soát yếu tố thời gian [Page 259].

Here we have traced very briefly some of the analogies between the four factors earlier mentioned, and have in a cursory way answered the question. These points, if dwelt upon, will be found of real assistance

Ở đây chúng ta đã truy theo rất vắn tắt một số tương đồng giữa bốn yếu tố đã được nêu trước đó, và theo cách khái lược đã trả lời câu hỏi. Những điểm này, nếu được suy ngẫm, sẽ được thấy là thật sự hữu ích trong việc phát

in developing the mental appreciation of the student, and in increasing his apprehension of the beauty of the entire solar scheme.

triển sự lĩnh hội trí tuệ của đạo sinh, và trong việc gia tăng sự nhận thức của y về vẻ đẹp của toàn bộ hệ mặt trời.

VI. WHAT IS THE MIND ASPECT? WHY IS THE MANASIC PRINCIPLE OF SUCH IMPORTANCE? WHO ARE THE MANASAPUTRAS? — VI. PHƯƠNG DIỆN TRÍ TUỆ LÀ GÌ? TẠI SAO NGUYÊN KHÍ MANAS LẠI QUAN TRỌNG ĐẾN THẾ? CÁC MANASAPUTRAS LÀ AI?

We are now to touch upon the profoundest mystery of the whole manifested solar system—the mystery spoken of by H. P. B. as the mystery of electricity. *(S.D., I, 439,221,107* It is intimately connected with the life of God as demonstrated through His seven Centres, the seven Heavenly Men, the Divine Manasaputras. This problem is not soluble as yet exoterically and but little can be revealed to the general public. This is for three reasons:

Giờ đây chúng ta sẽ chạm đến huyền nhiệm sâu xa nhất của toàn bộ hệ mặt trời biểu hiện —huyền nhiệm được H. P. B. nói đến như huyền nhiệm của điện. *(S.D., I, 439,221,107* Nó liên hệ mật thiết với sự sống của Thượng đế như được biểu lộ qua bảy Trung tâm của Ngài, bảy Đấng Thiên Nhân, các Manasaputra Thiêng Liêng. Vấn đề này hiện chưa thể được giải quyết một cách ngoại môn và chỉ có thể được tiết lộ rất ít cho công chúng nói chung. Điều này là vì ba lý do:

First, the stage reached by man does not permit of his correct apprehension of these abstractions.

Thứ nhất, giai đoạn mà con người đã đạt tới không cho phép y lĩnh hội đúng đắn các trừu tượng này.

Second, the greater part of the possible explanation is only revealed to initiates who have passed the third Initiation, and even to them in a carefully guarded manner.

Thứ hai, phần lớn lời giải thích khả dĩ chỉ được tiết lộ cho các điểm đạo đồ đã vượt qua lần điểm đạo thứ ba, và ngay cả với họ cũng theo một cách được canh giữ cẩn mật.

Third, the revelation of the close connection between mind and fohat or energy, or between thought power and electrical phenomena—the effect of fohatic impulse on matter—is fraught with peril, and the missing link (if so it might be termed) in the chain of reasoning from phenomena to its initiatory impulse, can only be safely imparted when the bridge between higher and lower mind, is adequately constructed. When the lower is under the control of the higher, or when the quaternary is merging into the triad, then man can be trusted with the remaining [Page 260] four fundamentals. Three of these fundamentals

Thứ ba, sự mặc khải về mối liên hệ mật thiết giữa trí tuệ và fohat hay năng lượng, hay giữa quyền năng tư tưởng và các hiện tượng điện—hiệu quả của xung động fohat lên vật chất—chứa đầy hiểm nguy, và mắt xích còn thiếu (nếu có thể gọi như vậy) trong chuỗi lý luận từ hiện tượng đến xung lực khởi phát của nó, chỉ có thể được truyền đạt một cách an toàn khi cây cầu giữa thượng trí và hạ trí được xây dựng đầy đủ. Khi cái thấp hơn ở dưới sự kiểm soát của cái cao hơn, hay khi bộ tứ đang hòa nhập vào tam nguyên tinh thần, khi ấy con người mới có thể được tin cậy để nhận bốn nền tảng còn lại [Page 260]. Ba trong số các nền tảng này đã được đặt ra cho

are laid down for us in the Proem of the *Secret Doctrine*, *(I, 42-44)* and with the evolving concept of psychology, make the revealed three and the dawning fourth. The other three are esoteric and must remain so until each man has for himself worked at his spiritual development, built the bridge between the higher and the lower mind, prepared the shrine in the temple of Solomon for the Light of God, and turned his activities into altruistic helping of the evolutionary plans of the Logos.

chúng ta trong Lời Mở Đầu của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, *(I, 42-44)* và cùng với khái niệm đang tiến hoá của tâm lý học, tạo nên ba điều đã được mặc khải và điều thứ tư đang ló rạng. Ba điều kia là nội môn và phải vẫn như vậy cho đến khi mỗi người tự mình nỗ lực cho sự phát triển tinh thần của mình, xây dựng cây cầu giữa thượng trí và hạ trí, chuẩn bị điện thờ trong đền Solomon cho Ánh sáng của Thượng đế, và chuyển các hoạt động của mình thành sự trợ giúp vị tha cho các kế hoạch tiến hoá của Thượng đế.

When these qualities are assuming a foremost place and when man has demonstrated the thoroughness of his will to serve, then the clue will be put into his hands and he will find the method whereby electrical impulse, demonstrating as heat, light and motion, is controlled and utilised; he will discover the source of the initial impulse from extra-systemic centres, and discover the basic rhythm. Then, and only then, will he be a truly intelligent co-operator, and (escaping from the control of the Law in the three worlds) wield the law himself within the lower spheres.

Khi các phẩm tính này đang chiếm vị trí hàng đầu và khi con người đã chứng tỏ tính triệt để của ý chí phụng sự của mình, khi ấy đầu mối sẽ được đặt vào tay y và y sẽ tìm ra phương pháp nhờ đó xung lực điện, biểu lộ thành nhiệt, ánh sáng và chuyển động, được kiểm soát và sử dụng; y sẽ khám phá nguồn của xung lực ban đầu từ các trung tâm ngoài hệ mặt trời, và khám phá nhịp điệu căn bản. Khi ấy, và chỉ khi ấy, y mới là một cộng tác viên thật sự thông tuệ, và (thoát khỏi sự kiểm soát của Định luật trong ba cõi giới) tự mình vận dụng định luật trong các khối cầu thấp hơn.

1. *The Nature of Manifestation.*

1. *Bản chất của Biểu hiện.*

Here are three important questions to be dealt with as one, all bearing on the same subject, and all concerned with the fact of intelligent objectivity itself. Perhaps if we paraphrased the threefold query, and brought it down to microcosmic objectivity, the problem might not appear so complex. We might express it thus:

Ở đây có ba câu hỏi quan trọng cần được bàn đến như một, tất cả đều liên quan đến cùng một chủ đề, và tất cả đều gắn với chính sự kiện khách quan tính thông tuệ. Có lẽ nếu chúng ta diễn đạt lại câu hỏi tam phân này, và đưa nó xuống khách quan tính của tiểu thiên địa, thì vấn đề có thể sẽ không có vẻ phức tạp đến thế. Chúng ta có thể diễn đạt như sau:

What is the thought aspect of a human being? Why is his mind and mental process of such importance? Who is the Thinker?

Phương diện tư tưởng của một con người là gì? Tại sao trí tuệ và tiến trình trí tuệ của y lại quan trọng đến thế? Ai là Nhà Tư Tưởng?

Man, in essential essence, is the higher triad demonstrating through a gradually evolving form, the egoic or causal body, and utilising the lower threefold personality [Page 261] as a means to contact the lower three planes. All this has for purpose the development of perfect self-consciousness. Above the triad stands the Monad or the Father in Heaven—a point of abstraction to man as he views the subject from the physical plane. The Monad stands to him in the position of the Absolute, in the same sense as the undifferentiated Logos stands to the threefold Trinity, to the three Persons of logoic manifestation. The parallel is exact.

Con người, trong tinh túy cốt yếu, là tam nguyên tinh thần cao biểu lộ qua một hình tướng tiến hoá dần dần, thể chân ngã hay thể nguyên nhân, và sử dụng phàm ngã tam phân thấp hơn [Page 261] như một phương tiện để tiếp xúc với ba cõi thấp. Tất cả điều này nhằm mục đích phát triển ngã thức hoàn hảo. Bên trên tam nguyên tinh thần là Chân thần hay Đức Cha trên Trời—một điểm trừu tượng đối với con người khi y nhìn chủ đề này từ cõi hồng trần. Chân thần đứng đối với y ở vị trí của Tuyệt Đối, theo cùng ý nghĩa như Thượng đế không phân hóa đứng đối với Ba Ngôi tam phân, đối với ba Ngôi Vị của biểu hiện của Thượng đế. Sự song hành là chính xác.

1. The Monad.

1. Chân thần.

2. The threefold Triad, Atma-Buddhi-Manas, or spiritual will, intuition, and higher mind.

2. Tam nguyên tinh thần tam phân, Atma-Buddhi-Manas, hay ý chí tinh thần, trực giác, và thượng trí.

3. The body egoic or the causal body, the shrine for the buddhic principle. This body is to be built by the power of the mind. It is the manifestation of the three.

3. Thể chân ngã hay thể nguyên nhân, điện thờ cho nguyên khí Bồ đề. Thể này phải được xây dựng bằng quyền năng của trí tuệ. Nó là biểu hiện của bộ ba.

4. The threefold lower nature, the points of densest objectivity.

4. Bản chất thấp tam phân, các điểm của khách quan tính đậm đặc nhất.

5. This threefold lower nature is in essence a quaternary—the etheric vehicle, animating life or prana, kama-manas, and lower mind. Manas or the fifth principle, forms the link between the lower and the higher. *(S.D., I, 107)*

5. Bản chất thấp tam phân này về bản chất là một bộ tứ—vận cụ dĩ thái, sự sống làm sinh động hay prana, kama-manas, và hạ trí. Manas hay nguyên khí thứ năm tạo thành mắt xích giữa cái thấp hơn và cái cao hơn. *(S.D., I, 107)*

We have, therefore, our lower four, our higher three, and the relation between them, the principle of mind. Here we have the seven formed by the union of the three and the four, and another factor, making eight.

Vì vậy, chúng ta có bốn thấp của mình, ba cao của mình, và mối liên hệ giữa chúng, nguyên khí trí tuệ. Ở đây chúng ta có bảy được hình thành bởi sự hợp nhất của ba và bốn, và một yếu tố khác, tạo thành tám. *Bảy*

The ultimate seven will be seen when buddhi and manas are merged. Much has been hinted at in certain of our occult books about the eighth sphere. I would suggest that in this linking factor of intelligent mind, we have a clue to the mystery. When mind becomes unduly developed and ceases to unite the higher and the lower, it forms a sphere of its own. This is the greatest disaster that can overtake the human unit.[Page 262]

tối hậu sẽ được thấy khi buddhi và manas được hòa nhập. Trong một số sách huyền bí của chúng ta đã có nhiều ám chỉ về khối cầu thứ tám. Tôi muốn gợi ý rằng trong yếu tố liên kết này của trí tuệ thông tuệ, chúng ta có một đầu mối cho huyền nhiệm ấy. Khi trí tuệ trở nên phát triển quá mức và không còn hợp nhất cái cao hơn với cái thấp hơn, nó tạo thành một khối cầu của riêng nó. Đây là tai họa lớn nhất có thể xảy đến cho đơn vị nhân loại.[Page 262]

Therefore we have:

Vì vậy chúng ta có:

Monad, the microcosmic absolute.

Chân thần, tuyệt đối của tiểu thiên địa.

Pure Spirit.

Tinh thần thuần túy.

The one and only.

Đấng duy nhất và độc nhất.

The monadic trinity.

Bộ ba chân thần.

First aspect	Atma or spiritual will.
Second aspect.	Buddhi, the Christ principle.
Third aspect	Manas, or higher mind.

The Son aspect in objectivity.

Phương diện Con trong khách quan tính.

The body egoic or causal body.

Thể chân ngã hay thể nguyên nhân.

The lower quaternary.

Bộ tứ thấp.

1. The mental body.	3. Prana, or vital energy.

2. The astral or emotional body. (108)

4. Etheric body

The microcosm reproduces the solar system in miniature. The above deals with the objective forms, corresponding to the sun and the seven sacred planets. But the exoteric form is paralleled by a psychic development which we call the seven principles. Man develops seven principles, which might be enumerated as follows:

Tiểu thiên địa tái tạo hệ mặt trời trong dạng thu nhỏ. Phần trên đề cập đến các hình tướng khách quan, tương ứng với mặt trời và bảy hành tinh thiêng liêng. Nhưng hình thức ngoại môn được song hành bởi một sự phát triển thông linh mà chúng ta gọi là bảy nguyên khí. Con người phát triển bảy nguyên khí, có thể được liệt kê như sau:

MICROCOSMIC PRINCIPLES (109)

CÁC NGUYÊN KHÍ CỦA TIỂU THIÊN ĐỊA (109)

(109) 1. There are two main cosmic principles in nature:—

(109) 1. Trong thiên nhiên có hai nguyên khí vũ trụ chính:—

a. Active and passive, male and female.—S. D., II, 556. I, 46.

a. Chủ động và thụ động, nam và nữ.—S. D., II, 556. I, 46.

b. Buddhi and mahat. See also S. D., I, 357. II, 649. III, 273.

b. Buddhi và mahat. Xem thêm S. D., I, 357. II, 649. III, 273.

2. These higher principles united produce the three and the seven.—S. D., I, 46.

2. Các nguyên khí cao này hợp nhất tạo ra bộ ba và bộ bảy.—S. D., I, 46.

a. They are called the three Rays of Essence and the four Aspects.—S. D., I, 147.

a. Chúng được gọi là ba Cung của Tinh Túy và bốn Phương diện.—S. D., I, 147.

b. They can be called the three Vehicles with their three Aspects and Atma.—S. D., I, 182.

b. Chúng có thể được gọi là ba Vận cụ với ba Phương diện của chúng và Atma.—S. D., I, 182.

c. They are also called the three-tongued Flame of the Four Wicks.—S. D., I, 257.

c. Chúng cũng được gọi là Ngọn Lửa ba lưỡi của Bốn Tim Đèn.—S. D., I, 257.

This is true cosmically and humanly.

Điều này đúng cả về mặt vũ trụ lẫn nhân loại.

The Principles of the Logos.... the seven Planetary Logoi.—S. D., I, 358, 365.

Các Nguyên khí của Thượng đế.... bảy Hành Tinh Thượng Đế.—S. D., I, 358, 365.

The Principles of the planetary Logos.... The vehicle called a chain.—S. D., I, 194, 196. II, 626.

Các Nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế.... Vận cụ được gọi là một dãy.—S. D., I, 194, 196. II, 626.

The Principles of man.... The different vehicles. Note also:—S. D., I, 176, 177. II, 630, 631. I, 189.

Các Nguyên khí của con người.... Các vận cụ khác nhau. Cũng lưu ý:—S. D., I, 176, 177. II, 630, 631. I, 189.

Summation:—S. D., III, 475.

Tóm lược:—S. D., III, 475.

3. Cosmic Ideation, focussed in a principle results as the consciousness of the individual.—S. D., I, 351.

3. Ý niệm Vũ trụ, được tập trung trong một nguyên khí, tạo ra tâm thức của cá nhân.—S. D., I, 351.

a. Appropriation by the individual of a vehicle produces a display of energy of any particular plane. This energy will be of a peculiar colour and quality, according to the plane involved.

a. Việc cá nhân chiếm dụng một vận cụ tạo ra sự biểu lộ năng lượng của bất kỳ cõi đặc thù nào. Năng lượng này sẽ có màu sắc và phẩm tính đặc biệt, tùy theo cõi liên quan.

4. The seven principles are the manifestation of the one Flame.—S. D., 45. III, 374.

4. Bảy nguyên khí là biểu hiện của một Ngọn Lửa.—S. D., 45. III, 374.

Note also the function of the Gods in furnishing man with his principles. S. D., I, 308. (back)

Cũng lưu ý chức năng của các Thượng đế trong việc cung cấp cho con người các nguyên khí của y. S. D., I, 308. (trở lại)

Two higher principles:

Hai nguyên khí cao hơn:

1. Active intelligence.

1. Trí tuệ chủ động.

2. Latent love-wisdom.

2. Bác ái-minh triết tiềm ẩn.

[Page 263] (The psychic nature of the Monad is twofold.)

[Page 263] (Bản chất thông linh của Chân thần là nhị phân.)

1. The principle of atma. Spiritual nature. Will.

1. Nguyên khí atma. Bản chất tinh thần. Ý chí.

2. The principle of buddhi. Love nature. Wisdom.

2. Nguyên khí buddhi. Bản chất bác ái. Minh triết.

3. The principle of manas. Intelligence nature, Activity.

3. Nguyên khí manas. Bản chất trí tuệ, Hoạt động.

Note here that the three principles in terms of the Triad with the two synthesising principles on the plane of the Monad, make five principles and give the key to H. P. B.'s numbering in certain places. We might express it thus:

Hãy lưu ý ở đây rằng ba nguyên khí xét theo Tam nguyên tinh thần cùng với hai nguyên khí tổng hợp trên cõi của Chân thần tạo thành năm nguyên khí và cho chìa khóa đối với cách đánh số của H. P. B. ở một số chỗ. Chúng ta có thể diễn đạt như sau:

I.	The Absolute	The Monad.
II.	1. Prakriti	Active intelligence. The Divine Manasaputra.
	2. Purusha	Love-Wisdom. The Vishnu aspect.
	On the plane of objectivity.	*Trên cõi khách quan tính.*
III	3. Atma	The Triad.
	4. Buddhi	The Triad.
	5. Manas	The Triad.

rom the standpoint of evolution we regard the higher two and the highest one as the correspondence to the Absolute as He manifests in duality. This is prior to

Từ quan điểm tiến hoá, chúng ta xem hai nguyên khí cao hơn và một nguyên khí cao nhất là sự tương ứng với Tuyệt Đối khi Ngài biểu lộ trong nhị nguyên tính. Điều này có

objectivity, which requires the presence of the three. In manifestation we might regard the principles as follows: [Page 264]

trước khách quan tính, vốn đòi hỏi sự hiện diện của bộ ba. Trong biểu hiện, chúng ta có thể xem các nguyên khí như sau: [Page 264]

First Principle	The sphere of manifestation, the monadic egg.	The sphere of manifestation, the monadic egg.
Second Principle	Atma	Will.
Third Principle	Buddhi	Pure reason, wisdom.
Fourth Principle	Manas	Pure mind, higher mind.
Fifth Principle	Manas	Lower mind.
Sixth Principle	Kama-manas	
Seventh Principle	Pure emotion, or feeling.	

These are the principles for the microcosm viewed as having transcended the physical bodies altogether, and thus the tabulation deals entirely *with the subjective life, or the development of the psyche or soul.*

Đây là các nguyên khí của tiểu thiên địa khi được nhìn như đã vượt hẳn các thể xác hồng trần, và như vậy bảng liệt kê này hoàn toàn đề cập *đến sự sống chủ quan, hay sự phát triển của tâm hồn hay linh hồn.*

This should be borne carefully in mind else confusion will ensue. In our enumeration we are here dealing with subjectivity and not with form. We have, therefore, considered:

Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận, nếu không sự lẫn lộn sẽ xảy ra. Trong sự liệt kê của chúng ta, ở đây chúng ta đang đề cập đến tính chủ quan chứ không phải hình tướng. Vì vậy, chúng ta đã xét đến:

a.	Sevenfold objectivity	the material forms.
b.	Sevenfold subjectivity	the psychic evolution.
c.	Sevenfold spirituality	the life of the Entity.

We will note also that in the tabulation of the spiritual life of the Monad we considered it as fivefold. This was necessarily so in this fivefold evolution, but the remaining two principles might be considered as:

Chúng ta cũng sẽ lưu ý rằng trong bảng liệt kê về sự sống tinh thần của Chân thần, chúng ta đã xem nó là ngũ phân. Điều này tất yếu là như vậy trong sự tiến hoá ngũ phân này, nhưng hai nguyên khí còn lại có thể được xem là:

6. The life of the Heavenly Man in Whose body the human Monad finds a place.

6. Sự sống của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài Chân thần nhân loại tìm được chỗ đứng.

7. The life of the Logos in Whose body the Heavenly Man finds place.

7. Sự sống của Thượng đế mà trong thân thể của Ngài Đấng Thiên Nhân tìm được chỗ đứng.

It might be useful here to consider another enumeration of the principles of man (110) as he manifests in the [Page 265] three worlds, the planes whereon the subjective and the objective are united. What have we there? Let us begin where man begins, with the lowest:

Ở đây có thể hữu ích nếu xét đến một cách liệt kê khác về các nguyên khí của con người (110) khi y biểu lộ trong [Page 265] ba cõi giới, các cõi nơi chủ quan và khách quan được hợp nhất. Ở đó chúng ta có gì? Hãy bắt đầu từ nơi con người bắt đầu, với cái thấp nhất:

(110) Enumeration of the Principles.—S. D., II, 627, 631.

(110) Sự liệt kê các Nguyên khí.—S. D., II, 627, 631.

1st Principle..... Dense physical body. Sthula Sharira.

Nguyên khí thứ 1..... Thể xác hồng trần đậm đặc. Sthula Sharira.

2nd Principle.....Etheric body. Linga Sharira.

Nguyên khí thứ 2.....Thể dĩ thái. Linga Sharira.

3rd Principle..... Prana. Vital energy.

Nguyên khí thứ 3..... Prana. Năng lượng sinh lực.

4th Principle..... Kama-rupa. The energy of desire. —S. D., I, 136.

Nguyên khí thứ 4..... Kama-rupa. Năng lượng của dục vọng. —S. D., I, 136.

(These are the lower four principles.)

(Đây là bốn nguyên khí thấp.)

5th Principle..... Manas. The energy of thought. The middle principle.—S. D., II, 83, 84. II, 332. S. D., II, 669.

6th Principle..... Buddhi. The energy of love. —S. D., II, 649, 676. S. D., III, 58.

7th Principle..... Atma. The synthetic principle.—S. D., I, 357, 201. S. D., III, 142.

See S. D., III, 201, note.

a. Buddhi is the vehicle for atma.

b. Manas is the vehicle for buddhi.

c. Kamarupa is the vehicle for manas.—S. D., II, 171.

d. The etheric body is the vehicle for prana.

Remember also:—

a. That the physical body is not a principle.—S. D., II, 652. III, 445. III, 652.

b. That atma is not a principle. See also S. D., III, 62, 63. III, 293.

(Other enumerations, differing in certain particulars will be found:—S. D., 177, 181, 685. II, 669. III, 476, 560. The latter is more esoteric.) (back)

Nguyên khí thứ 5..... Manas. Năng lượng của tư tưởng. Nguyên khí ở giữa.—S. D., II, 83, 84. II, 332. S. D., II, 669.

Nguyên khí thứ 6..... Buddhi. Năng lượng của bác ái.—S. D., II, 649, 676. S. D., III, 58.

Nguyên khí thứ 7..... Atma. Nguyên khí tổng hợp.—G. L. B. N., I, 357, 201. G. L. B. N., III, 142.

Xem G. L. B. N., III, 201, chú thích.

a. Buddhi là vận cụ của atma.

b. Manas là vận cụ của buddhi.

c. Kamarupa là vận cụ của manas.—G. L. B. N., II, 171.

d. Thể dĩ thái là vận cụ của prana.

Cũng hãy ghi nhớ:—

a. Thể xác không phải là một nguyên khí.—G. L. B. N., II, 652. III, 445. III, 652.

b. Atma không phải là một nguyên khí. Cũng xem G. L. B. N., III, 62, 63. III, 293.

(Những cách liệt kê khác, khác nhau ở một vài chi tiết, sẽ được tìm thấy:—G. L. B. N., 177, 181, 685. II, 669. III, 476, 560. Cách sau cùng có tính nội môn hơn.) (back)

7.	The etheric body	1.	The vital body.
6.	Prana	2.	Vital force.

5.	Kama-manas	3.	Desire Mind.
4.	Lower mind	4.	Concrete mind.
3.	Manas	5.	Higher or abstract mind.
2.	Buddhi	6.	Wisdom, Christ force, intuition.
1.	Atma	7.	Spiritual Will.

This is the lowest enumeration for little evolved man at the present time.

Đây là cách liệt kê thấp nhất dành cho con người ít tiến hoá ở thời điểm hiện nay.

From the standpoint of the Ego what can be seen?

Từ quan điểm của chân ngã, có thể thấy điều gì?

I. The Absolute..... Atma. Pure will-to-be.

I. Tuyệt Đối..... Atma. Ý Chí-hướng-tồn tại thuần túy.

II. *The Duad.*

II. *Nhị nguyên.*

1. Buddhi..... Pure reason, wisdom.

1. Buddhi..... Lý trí thuần túy, minh triết.

2. Manas.....Pure mind.

2. Manas..... Trí tuệ thuần túy.

III. *The Triad.*

III. *Tam nguyên.*

3. The causal body.

3. Thể nguyên nhân.

4. Lower mind. [Page 266]

4. Hạ trí. [Page 266]

5. Kama-manas.

5. Kama-manas.

6. Prana.

6. Prana.

7. The etheric body.

7. Thể dĩ thái.

In these various enumerations of the principles we are dealing with them (as H. P. B. has pointed out they must be dealt with) *(S. D., III, 456.)* (111), from differing standpoints, dependent upon the stage reached and the angle of vision. We have considered them thus in answering question six because we have sought to emphasise and to impress clearly upon our minds that the three lines of development must be remembered when considering the evolution of the Manasaputras.

Trong những cách liệt kê khác nhau này về các nguyên khí, chúng ta đang đề cập đến chúng (như H. P. B. đã chỉ ra rằng chúng phải được đề cập đến) *(G. L. B. N., III, 456.)* (111), từ những quan điểm khác nhau, tùy thuộc vào giai đoạn đã đạt được và góc độ tầm nhìn. Chúng ta đã xem xét chúng theo cách ấy khi trả lời câu hỏi thứ sáu vì chúng ta đã tìm cách nhấn mạnh và ghi khắc rõ ràng vào trí tuệ mình rằng phải ghi nhớ ba đường phát triển khi xem xét sự tiến hoá của các Manasaputra.

(111) H. P. Blavatsky says in the Secret Doctrine in connection with the Principles.

(111) H. P. Blavatsky nói trong Giáo Lý Bí Nhiệm liên quan đến các Nguyên khí.

a. That mistakes in the classification are very possible.—S. D., II, 677.

a. Rằng những sai lầm trong việc phân loại là hoàn toàn có thể xảy ra.—G. L. B. N., II, 677.

b. That we must seek the occult meaning.—S. D., II, 652.

b. Rằng chúng ta phải tìm kiếm ý nghĩa huyền bí.—G. L. B. N., II, 652.

That there are really six not seven principles.

Rằng thực ra có sáu chứ không phải bảy nguyên khí.

c. That there are several classifications.—S. D., III, 374, 446.

c. Rằng có nhiều cách phân loại.—G. L. B. N., III, 374, 446.

d. That the esoteric enumeration cannot be made to correspond with the exoteric—S. D., III, 476.

d. Rằng cách liệt kê nội môn không thể làm cho tương ứng với cách liệt kê ngoại môn—G. L. B. N., III, 476.

e. That the numbering of the principles is a question of spiritual progress.—S. D., III, 456, 460. (back)

e. Rằng việc đánh số các nguyên khí là một vấn đề của sự tiến bộ tinh thần.—G. L. B. N., III, 456, 460. (back)

2. *The Objective Development.*

2. *Sự Phát Triển Khách Quan.*

This is sevenfold in evolution and in time, ninefold during obscuration, and tenfold at dissolution.

Điều này có tính thất phân trong tiến hoá và trong thời gian, cửu phân trong thời kỳ che khuất, và thập phân khi tan rã.

Macrocosmic

1. The seven sacred planets of the solar system.

2. The two which are hid, which are the synthesising planets.

3. The one final synthesising planet—the Sun. Seven added to two added to one make ten.

There are ten centres in the Grand Heavenly Man.

Đại thiên địa

1. Bảy hành tinh thiêng liêng của hệ mặt trời.

2. Hai hành tinh được che giấu, là những hành tinh tổng hợp.

3. Một hành tinh tổng hợp tối hậu—Mặt Trời. Bảy cộng hai cộng một thành mười.

Có mười trung tâm trong Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

A Heavenly Man

1. The seven chains of a scheme.

2. The two synthesising chains.

3. One ultimate chain.

[Page 267] There are ten centres in a planetary Logos.

Một Đấng Thiên Nhân

1. Bảy dãy của một hệ hành tinh.

2. Hai dãy tổng hợp.

3. Một dãy tối hậu.

[Page 267] Có mười trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế.

Microcosm

1. The seven vehicles employed:

a. The atmic sheath.

b. The buddhic vehicle.

c. The causal or egoic body.

d. The mental body.

e. The astral body.

Tiểu thiên địa

1. Bảy vận cụ được sử dụng:

a. Vỏ bọc atma.

b. Vận cụ Bồ đề.

c. Thể nguyên nhân hay thể chân ngã.

d. Thể trí.

e. Thể cảm dục.

f. The etheric body.

f. Thể dĩ thái.

g. The dense physical.

g. Thể hồng trần đậm đặc.

2. Two synthesising bodies:

2. Hai thể tổng hợp:

a. The causal body.

a. Thể nguyên nhân.

b. The physical body.

b. Thể xác.

3. One synthesising body:

3. Một thể tổng hợp:

a. The monadic sheath.

a. Vỏ bọc chân thần.

There are seven centres in the physical vehicle which correspond to these bodies, with the synthesising centres at the heart and throat; the head is then the ultimate synthesiser. This tabulation deals entirely with the form side, and with the vehicles indwelt by the Logos, the Manasaputras and by Man.

Có bảy trung tâm trong vận cụ hồng trần tương ứng với các thể này, với các trung tâm tổng hợp ở tim và cổ họng; khi đó đầu là trung tâm tổng hợp tối hậu. Bảng này hoàn toàn đề cập đến phương diện hình tướng, và đến các vận cụ được Thượng đế, các Manasaputra và con người cư ngụ.

3. *The Subjective Development.*

3. *Sự Phát Triển Chủ Quan.*

This is also sevenfold:

Điều này cũng có tính thất phân:

1. Astral	pure desire, emotion, feeling.
2. Kama-manas	desire-mind.
3. Manas	lower concrete mind.
4. Higher manas	abstract or pure mind.
5. Buddhi	pure reason, intuition.
6. Atma	pure will, realisation.

7. Monadic	Will, love-wisdom, intelligence.
This deals with the sevenfold development of inherent love-wisdom by the aid of mind. This proceeds macrocosmically through the seven Heavenly Men, Who are [Page 268] actively intelligent, inherently love, and are objectively seen through Their forms, the planetary schemes. In Their totality They are the Logos, the Grand Man of the Heavens. In the case of a Heavenly Man the development proceeds through the seven groups of human entities who form Their psychic centres. These groups are on their own plane developing intelligence, are inherently love, and can be objectively contacted on the seven chains of a scheme. In the case of individual man, the development proceeds through his seven centres, which are the key to his psychic evolution. A man is also developing intelligence, is inherently love, and is objectively seen through one or other of his bodies.	Điều này đề cập đến sự phát triển thất phân của Bác Ái – Minh Triết cố hữu nhờ sự trợ giúp của trí tuệ. Điều này diễn ra ở cấp đại thiên địa qua bảy Đấng Thiên Nhân, là những Đấng [Page 268] thông tuệ trong hoạt động, vốn là bác ái, và được thấy một cách khách quan qua các hình tướng của Các Ngài, tức các hệ hành tinh. Trong tổng thể của Các Ngài, Các Ngài là Thượng đế, Đại Nhân trên Thiên Giới. Trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân, sự phát triển diễn ra qua bảy nhóm thực thể nhân loại tạo thành các trung tâm thông linh của Ngài. Các nhóm này trên cõi riêng của mình đang phát triển trí tuệ, vốn là bác ái, và có thể được tiếp xúc một cách khách quan trên bảy dãy của một hệ hành tinh. Trong trường hợp của từng con người, sự phát triển diễn ra qua bảy trung tâm của y, là chìa khóa cho sự tiến hoá thông linh của y. Con người cũng đang phát triển trí tuệ, vốn là bác ái, và được thấy một cách khách quan qua một trong các thể của y.
What I seek to emphasise is the fact of the psychic development, and also that *subjective evolution is the main enterprise of the Logos*, of a planetary Logos and of a man. Active intelligent love (the bringing forth from latency of the inherent quality of love by the intelligent application of the mind faculty) will be the result of the evolutionary process. Just as objectivity is dual, life-form, so subjectivity is dual, mind-love, and the blending of the two produces consciousness. Spirit alone is unity, and is undivided; the development of Spirit (or its assumption of the fruits of evolution) is only to be realised and brought about when the dual evolution of the form and the psyche is consummated.	Điều tôi tìm cách nhấn mạnh là sự kiện của sự phát triển thông linh, và cũng là việc rằng *tiến hoá chủ quan là công cuộc chính của Thượng đế*, của một Hành Tinh Thượng Đế và của con người. Bác ái thông tuệ trong hoạt động (sự đưa phẩm tính bác ái cố hữu từ trạng thái tiềm ẩn ra biểu lộ bằng sự vận dụng thông tuệ của năng lực trí tuệ) sẽ là kết quả của tiến trình tiến hoá. Cũng như tính khách quan là nhị nguyên, sự sống-hình tướng, thì tính chủ quan cũng là nhị nguyên, trí tuệ-bác ái, và sự hòa trộn của hai điều ấy tạo ra tâm thức. Chỉ riêng tinh thần là hợp nhất, và không phân chia; sự phát triển của tinh thần (hay việc tinh thần tiếp nhận các thành quả của tiến hoá) chỉ có thể được

Then Spirit garners the fruits of evolution and gathers to itself the qualities nurtured during manifestation,—perfect love and perfect intelligence showing forth then as active intelligent love-wisdom.

chứng nghiệm và thực hiện khi sự tiến hoá nhị nguyên của hình tướng và tâm hồn được hoàn tất. Khi đó tinh thần gặt hái các thành quả của tiến hoá và thu về cho chính nó những phẩm tính được nuôi dưỡng trong thời kỳ biểu hiện,—bác ái hoàn hảo và trí tuệ hoàn hảo khi ấy biểu lộ như bác ái-minh triết thông tuệ trong hoạt động.

We might, therefore, answer the questions: "What is the Mind aspect and why is it so important?" by saying that the mind aspect is in reality the ability or capacity of the logoic Existence to think, to act, to build, and to evolve in order to develop the faculty of active love. When the Logos, Who IS active intelligence, has run His [Page 269] life-cycle, He will be also love fully manifested throughout Nature. This can be likewise predicated of a Heavenly Man in His sphere and of a man in his tiny cycle. Thus the importance of manas can be fully seen. It is the means whereby evolution becomes possible, comprehension is achieved, and activity is generated and utilised.

Vì vậy, chúng ta có thể trả lời các câu hỏi: "Phương diện Trí tuệ là gì và tại sao nó lại quan trọng đến thế?" bằng cách nói rằng phương diện trí tuệ thực ra là khả năng hay năng lực của Sự Tồn Tại của Thượng đế để suy tư, hành động, kiến tạo và tiến hoá nhằm phát triển năng lực bác ái hoạt động. Khi Thượng đế, Đấng LÀ trí tuệ hoạt động, đã hoàn tất chu kỳ [Page 269] sự sống của Ngài, Ngài cũng sẽ là bác ái được biểu hiện trọn vẹn khắp Thiên nhiên. Điều này cũng có thể được khẳng định tương tự đối với một Đấng Thiên Nhân trong khối cầu của Ngài và đối với con người trong chu kỳ nhỏ bé của y. Như vậy, tầm quan trọng của manas có thể được thấy đầy đủ. Nó là phương tiện nhờ đó tiến hoá trở nên khả hữu, sự thấu hiểu được đạt tới, và hoạt động được tạo ra rồi được sử dụng.

Let us now consider how this question can be expressed in terms of Fire:

Giờ đây chúng ta hãy xem xét câu hỏi này có thể được diễn đạt theo thuật ngữ của Lửa như thế nào:

Objectively	*Subjectively*	
1. The sea of fire	1. Our God is a consuming fire	Energising will
2. The akasha	2. The Light of God	Form aspect.
3. The aether	3. The heat of matter	Activity aspect.
4. The air		

	4. The illumination of the intuition.
5. Fire	5. The fire of mind.
6. The astral light	6. The heat of the emotions.
7. Physical plane electricity	7. Kundalini and prana.

Spiritually.	*Về mặt tinh thần.*
This is hid in a threefold mystery:	Điều này được che giấu trong một huyền nhiệm tam phân:
1. The mystery of electricity.	1. Huyền nhiệm của điện.
2. The mystery of the seven constellations.	2. Huyền nhiệm của bảy chòm sao.
3. The mystery of the ONE ABOVE THE LOGOS.	3. Huyền nhiệm của ĐẤNG DUY NHẤT TRÊN CẢ THƯỢNG ĐẾ.
4. *The Heavenly Men and Man.*	4. *Các Đấng Thiên Nhân và Con Người.*
The final part of question six is: Who are the Manasaputras?	Phần cuối của câu hỏi thứ sáu là: Các Manasaputra là ai?
This will be dealt with in greater detail in connection with our planet when taking up the subject of the coming of the Lords of Flame. It is desirable now to make certain facts clear which must form the basis of any thought upon this subject.	Điều này sẽ được bàn đến chi tiết hơn liên quan đến hành tinh của chúng ta khi đề cập đến chủ đề sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa. Hiện giờ, điều đáng mong muốn là làm sáng tỏ một số sự kiện nhất định, những điều phải tạo thành nền tảng cho mọi tư tưởng về chủ đề này.
[Page 270] The Divine Manasaputras, (113) (114) Who are known in the *Secret Doctrine* by diverse names, are the Mind-born Sons of Brahma, the third aspect logoic.	[Page 270] Các Manasaputra thiêng liêng, (113) (114) được biết đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* dưới nhiều danh xưng khác nhau, là các Con của Brahma được sinh ra từ Trí tuệ, tức phương diện thứ ba của Thượng đế.

(113) In the Secret Doctrine the Heavenly Men are spoken of as:

1. Agents of creation. They are the totality of manifestation.—S. D., I, 470.

2. They are pre-cosmic.—S. D., I, 470.

3. They are the sumtotal of solar and lunar entities.—S. D., I, 152, 470. Compare II, 374.

4. They are the seven Biblical Archangels.

They are the seven Forces or creative Powers.

They are the seven Spirits before the Throne.

They are the seven Spirits of the Planets.—S. D., I, 472, 153.

5. In Their totality They are the Secret Unpronounceable Name.—S. D., I, 473.

6. They are the collective Dhyan Chohans.—S. D., I, 477.

7. They are the seven Kumaras. The seven Rishis.—S. D., I, 493. III, 196, 327.

8. They are the Sons of Light.—S. D., I, 521, 522.

9. They are the Hierarchy of creative Powers. —S. D., I, 233.

(113) Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, các Đấng Thiên Nhân được nói đến như là:

1. Các tác nhân của sáng tạo. Các Ngài là tổng thể của sự biểu hiện.—G. L. B. N., I, 470.

2. Các Ngài là tiền vũ trụ.—G. L. B. N., I, 470.

3. Các Ngài là tổng số của các thực thể thái dương và thái âm.—G. L. B. N., I, 152, 470. So sánh II, 374.

4. Các Ngài là bảy Tổng Thiên Thần trong Kinh Thánh.

Các Ngài là bảy Mãnh lực hay các Quyền năng sáng tạo.

Các Ngài là Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

Các Ngài là bảy Chân Linh của các Hành Tinh.—G. L. B. N., I, 472, 153.

5. Trong tổng thể của Các Ngài, Các Ngài là Danh Xưng Bí Mật Không Thể Phát Âm.—G. L. B. N., I, 473.

6. Các Ngài là tập thể các Dhyan Chohan.—G. L. B. N., I, 477.

7. Các Ngài là bảy Kumara. Bảy Rishi.—G. L. B. N., I, 493. III, 196, 327.

8. Các Ngài là các Con của Ánh sáng.—G. L. B. N., I, 521, 522.

9. Các Ngài là Huyền Giai của các Quyền năng sáng tạo.—G. L. B. N., I, 233.

10. They are the veiled synthesis.—S. D., I, 362.

10. Các Ngài là sự tổng hợp được che giấu.—G. L. B. N., I, 362.

11. They are our own planetary deities.—S. D., I, 153.

11. Các Ngài là các Thượng Đế hành tinh của chính chúng ta.—G. L. B. N., I, 153.

12. They are all men, the product of other worlds.—S. D., I, 132.

12. Các Ngài đều là con người, sản phẩm của những thế giới khác.—G. L. B. N., I, 132.

13. They are closely connected with the seven stars of the Great Bear.—S. D., I, 488. S. D., II 332. II, 579, 668. S. D., III, 195.

13. Các Ngài có liên hệ mật thiết với bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh.—G. L. B. N., I, 488. G. L. B. N., II 332. II, 579, 668. G. L. B. N., III, 195.

14. They are symbolised by circles.—S. D., II, 582.

14. Các Ngài được biểu tượng hóa bằng các vòng tròn.—G. L. B. N., II, 582.

15. They are collectively the fallen Angels.—S. D., II, 284, 541. (back)

15. Xét tập thể, Các Ngài là các Thiên Thần sa ngã.—G. L. B. N., II, 284, 541. (back)

(114) The Sons of Mind: are known by various terms, such as:— "The Manasaputras, the Prajapatis, the Kumaras, the Primordial Seven, the Rudras, the Heavenly Men, the Rishis, the Spirits before the Throne." (back)

(114) Các Con của Trí Tuệ: được biết đến bằng nhiều thuật ngữ khác nhau, như:— "Các Manasaputra, các Prajapati, các Kumara, Bảy Đấng Nguyên Sơ, các Rudra, các Đấng Thiên Nhân, các Rishi, các Thánh Linh trước Thánh Ngai." (back)

They are the seven planetary Logoi, and are the Lords of the Rays, the seven Heavenly Men. They developed the mind aspect in the first solar system, that in which Brahma was paramount, and in Himself embodied objective existence. This He did in the same sense as that in which the second aspect (the Vishnu or Dragon of Wisdom aspect) is the sumtotal of existence in this the second system.

Các Ngài là bảy Hành Tinh Thượng Đế, và là các Chúa Tể của các Cung, bảy Đấng Thiên Nhân. Các Ngài đã phát triển phương diện trí tuệ trong hệ mặt trời thứ nhất, hệ mà Brahma là tối thượng, và trong chính Ngài đã hiện thân sự tồn tại khách quan. Điều này Ngài đã làm theo cùng ý nghĩa như phương diện thứ hai (phương diện Vishnu hay Rồng Minh Triết) là tổng thể của sự tồn tại trong hệ mặt trời thứ hai này.

The cells in Their bodies are made up of the units of the human and deva evolutions in the same manner (only on a higher turn of the spiral) as the bodies of human beings are

Các tế bào trong các thân thể của Các Ngài được cấu thành từ các đơn vị của tiến hoá nhân loại và thiên thần theo cùng cách thức (chỉ ở một vòng xoắn cao hơn) như các thân

made up of living organisms, the various animated cells, or the lesser lives. This is a basic fact in occultism, and the relationship between the cells in the human vehicles, and the cells in the bodies of a Heavenly [Page 271] Man, will be productive of illumination if carefully studied.

thể của con người được cấu thành từ các cơ thể sống, các tế bào sống động khác nhau, hay các sự sống nhỏ hơn. Đây là một sự kiện nền tảng trong huyền bí học, và mối liên hệ giữa các tế bào trong các vận cụ của con người, và các tế bào trong các thân thể của một Đấng Thiên [Page 271] Nhân, sẽ tạo ra sự soi sáng nếu được nghiên cứu cẩn thận.

Just as a human being has an originating source, the Monad, and a semi-permanent vehicle, the causal body, but manifests through his lower principles (of which the dense physical is not one) so a Heavenly Man has an originating source, His Monad, a semi-permanent body on the monadic levels of the solar system, but manifests through three lower sheaths, our atmic, buddhic, and manasic levels. He is extraneous to the astral and physical planes just as a human being is to the physical. Man vitalises the physical vehicle with his force or heat but he does not occultly count it as a principle. So the Heavenly Man is extraneous to the two lower planes of manifestation though He vitalises them with His force. The human being realises his relationship (as a cell in the body) to a Heavenly Man only when he is developing the consciousness of the Ego on its own plane. If it might be so expressed, the groups of causal bodies are the lowest forms through which a Heavenly Man manifests, just as the physical body is the lowest through which a human being manifests, and this in its etheric connotation.

Cũng như một con người có một nguồn gốc khởi nguyên, chân thần, và một vận cụ bán thường tồn, thể nguyên nhân, nhưng biểu hiện qua các nguyên khí thấp của y (trong đó thể hồng trần đậm đặc không phải là một nguyên khí) thì một Đấng Thiên Nhân cũng có một nguồn gốc khởi nguyên, Chân thần của Ngài, một thể bán thường tồn trên các cấp chân thần của hệ mặt trời, nhưng biểu hiện qua ba vỏ bọc thấp hơn, tức các cấp atma, Bồ đề và manas của chúng ta. Ngài ở ngoài cõi cảm dục và cõi hồng trần cũng như con người ở ngoài cõi hồng trần. Con người tiếp sinh lực cho vận cụ hồng trần bằng mãnh lực hay nhiệt của mình nhưng về mặt huyền bí học y không tính nó là một nguyên khí. Cũng vậy, Đấng Thiên Nhân ở ngoài hai cõi thấp của biểu hiện mặc dù Ngài tiếp sinh lực cho chúng bằng mãnh lực của Ngài. Con người chỉ chứng nghiệm mối liên hệ của mình (như một tế bào trong thân thể) với một Đấng Thiên Nhân khi y đang phát triển tâm thức của chân ngã trên cõi riêng của nó. Nếu có thể diễn đạt như vậy, thì các nhóm thể nguyên nhân là những hình tướng thấp nhất qua đó một Đấng Thiên Nhân biểu hiện, cũng như thể xác là hình tướng thấp nhất qua đó con người biểu hiện, và điều này theo hàm nghĩa dĩ thái của nó.

It should be borne in mind that the manifesting Existences embody certain planes, and have Their points of deepest involution on diverse levels:

Cần ghi nhớ rằng các Sự Tồn Tại biểu hiện hiện thân một số cõi nhất định, và có những điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của Các Ngài ở những cấp độ khác nhau:

a. A Man originates on the monadic level, has his main focal point on the fifth level, the mental, but is seeking full conscious development on the three lower planes, the mental, the astral and the physical.

b. A Heavenly Man has His source outside the solar system (as man outside the three worlds of his endeavor), has His main focal point on the second plane of the system, the monadic, and is seeking consciousness on the planes of the Triad,—this in relation to all the cells in His body. He developed consciousness on the three [Page 272] lower planes of the three worlds during the first solar system, again in relation to the cells in His body. Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara. In connection with the initiations this should be carefully borne in mind.

c. A solar Logos has His origin on a still higher cosmic level, has His main focal point on the cosmic mental plane but is expressing Himself through the three lower cosmic planes just as man is seeking self-expression in the three worlds. Therefore, the seven major planes of the solar system are in the same relation to Him cosmically as the physical plane is to a human being. They form His etheric and dense bodies. It might be stated that:

1. He vitalises them by His life and heat.

2. He animates them.

a. Một Con Người khởi nguyên trên cấp chân thần, có tiêu điểm chính trên cấp thứ năm, cõi trí, nhưng đang tìm kiếm sự phát triển hoàn toàn hữu thức trên ba cõi thấp, cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

b. Một Đấng Thiên Nhân có nguồn gốc của Ngài ở ngoài hệ mặt trời (cũng như con người ở ngoài ba cõi giới của nỗ lực mình), có tiêu điểm chính trên cõi thứ hai của hệ, cõi chân thần, và đang tìm kiếm tâm thức trên các cõi của Tam nguyên tinh thần,—điều này liên quan đến tất cả các tế bào trong thân thể của Ngài. Ngài đã phát triển tâm thức trên ba cõi thấp [Page 272] của ba cõi giới trong hệ mặt trời thứ nhất, một lần nữa là liên quan đến các tế bào trong thân thể của Ngài. Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều. Liên quan đến các cuộc điểm đạo, điều này cần được ghi nhớ cẩn thận.

c. Một Thái dương Thượng đế có nguồn gốc của Ngài trên một cấp vũ trụ còn cao hơn nữa, có tiêu điểm chính trên cõi trí vũ trụ nhưng đang biểu hiện chính Ngài qua ba cõi vũ trụ thấp hơn cũng như con người đang tìm cách tự biểu hiện trong ba cõi giới. Vì vậy, bảy cõi chính của hệ mặt trời có cùng mối liên hệ với Ngài về mặt vũ trụ như cõi hồng trần đối với con người. Chúng tạo thành các thể dĩ thái và đậm đặc của Ngài. Có thể nói rằng:

1. Ngài tiếp sinh lực cho chúng bằng sự sống và nhiệt của Ngài.

2. Ngài làm cho chúng sống động.

3. He is fully conscious through them.

3. Ngài hoàn toàn hữu thức qua chúng.

4. The etheric is *in time* His lowest principle, but the dense physical is not counted. The dense cosmic physical body is composed of matter of the three lower planes of the solar system, the mental, the astral and the physical. *The buddhic plane is consequently the fourth cosmic ether.*

4. Thể dĩ thái theo thời gian là *nguyên khí thấp nhất* của Ngài, nhưng thể hồng trần đậm đặc không được tính đến. Thể hồng trần vũ trụ đậm đặc được cấu thành từ vật chất của ba cõi thấp của hệ mặt trời, cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần. *Do đó cõi Bồ đề là dĩ thái vũ trụ thứ tư.*

d. The Heavenly Men form the seven centres in the body of the Logos. Therefore, They are the spheres of fire which animate His body, and each of Them expresses one form of His force manifestation, according to Their place within the body.

d. Các Đấng Thiên Nhân tạo thành bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế. Vì vậy, Các Ngài là những khối cầu lửa làm sinh động thân thể của Ngài, và mỗi Đấng trong Các Ngài biểu lộ một hình thức biểu hiện mãnh lực của Ngài, tùy theo vị trí của Các Ngài trong thể ấy.

e. Human beings, when centred within their groups on causal levels, form one or other of the seven centres in the body of a Heavenly Man.

e. Con người, khi được tập trung trong các nhóm của mình trên các cấp nguyên nhân, tạo thành một trong bảy trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân.

f. The solar Logos forms one centre in the body of a still greater cosmic ENTITY. Human beings therefore [Page 273] find their place within one of the forty-nine centres (not groups, for a centre may be made up of many groups, corresponding to the different parts) of the seven Heavenly Men.

f. Thái dương Thượng đế tạo thành một trung tâm trong thân thể của một THỰC THỂ vũ trụ còn vĩ đại hơn. Vì vậy, con người [Page 273] tìm thấy vị trí của mình trong một trong bốn mươi chín trung tâm (không phải nhóm, vì một trung tâm có thể được tạo thành từ nhiều nhóm, tương ứng với các phần khác nhau) của bảy Đấng Thiên Nhân.

A Heavenly Man, with His seven centres, forms one centre in the body of the solar Logos. I would here point out to you the close connection existing between *the seven Rishis of the Great Bear* and the seven Heavenly Men. The seven Rishis of the Great Bear are to Them what the Monad is to the evolving human unit.

Một Đấng Thiên Nhân, với bảy trung tâm của Ngài, tạo thành một trung tâm trong thân thể của Thái dương Thượng đế. Ở đây tôi muốn chỉ ra cho bạn mối liên hệ mật thiết hiện hữu giữa *bảy Rishi của Đại Hùng Tinh* và bảy Đấng Thiên Nhân. Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh đối với Các Ngài cũng như chân thần đối với đơn vị nhân loại đang tiến hoá.

VII. WHY IS THE PROGRESS OF EVOLUTION CYCLIC? — VII. TẠI SAO SỰ TIẾN BỘ CỦA TIẾN HOÁ LẠI CÓ TÍNH CHU KỲ?

This question is one which necessarily appals us and makes us wonder.

Đây là một câu hỏi tất yếu khiến chúng ta kinh ngạc và tự hỏi.

Let us, therefore, deal with it as follows: Certain ideas are involved in the thought of cyclic progression, and these ideas it might pay us well to contemplate.

Vì vậy, chúng ta hãy đề cập đến nó như sau: Một số ý tưởng nhất định hàm chứa trong tư tưởng về sự tiến triển theo chu kỳ, và những ý tưởng này có lẽ rất đáng để chúng ta chiêm ngưỡng.

1. *The Idea of Repetition.*

1. *Ý Tưởng về Sự Lặp Lại.*

This repetition involves the following factors:

Sự lặp lại này bao hàm các yếu tố sau:

a. Repetition in time: The thought of cyclic activity necessitates periods of time of differing length—greater or lesser cycles—but (according to their length) of uniform degree. A manvantara, or Day of Brahma, is always of a certain length, and so is a mahamanvantara. The cycles wherein an atom of any plane revolves upon its axis are uniform on its own plane.

a. Sự lặp lại trong thời gian: Tư tưởng về hoạt động theo chu kỳ đòi hỏi những khoảng thời gian có độ dài khác nhau—những chu kỳ lớn hơn hay nhỏ hơn—nhưng (tùy theo độ dài của chúng) có mức độ đồng đều. Một giai kỳ sinh hóa, hay Ngày của Brahma, luôn luôn có một độ dài nhất định, và một đại giai kỳ sinh hóa cũng vậy. Những chu kỳ trong đó một nguyên tử của bất kỳ cõi nào quay quanh trục của nó đều đồng đều trên cõi riêng của nó.

b. Repetition in fact: This involves the idea of a key measure, or sound of any particular group of atoms that go to the composition of any particular form. This grouping of atoms will tend to the make-up of a particular series of circumstances and will repeat the measure or sound when an animating factor is brought to bear upon them. When the vitalising force is contacting at stated periods a certain set of atoms, it will call forth from them a specific sound which will demonstrate objectively as environing circumstances. In other words, [Page 274] the interplay of the Self and the not-self is

b. Sự lặp lại trong thực tế: Điều này bao hàm ý tưởng về một nhịp điệu chủ âm, hay âm thanh của bất kỳ nhóm nguyên tử đặc thù nào góp phần cấu thành bất kỳ hình tướng đặc thù nào. Sự tập hợp các nguyên tử này sẽ có khuynh hướng tạo nên một chuỗi hoàn cảnh đặc thù và sẽ lặp lại nhịp điệu hay âm thanh ấy khi một yếu tố làm sinh động tác động lên chúng. Khi mãnh lực tiếp sinh lực tiếp xúc vào những thời kỳ nhất định với một tập hợp nguyên tử nào đó, nó sẽ gọi ra từ chúng một âm thanh đặc thù, âm thanh này sẽ biểu lộ một cách khách quan thành những hoàn cảnh bao quanh. Nói cách khác,

invariably of a cyclic nature. The same quality in tone will be called forth by the Self as it indwells the form, but the key will ascend by gradual degrees. It is similar to the effect produced in striking the same note in different octaves, beginning at the base.

[Page 274] sự tương tác giữa Bản Ngã và phi-ngã luôn luôn có tính chu kỳ. Cùng một phẩm tính trong âm điệu sẽ được Bản Ngã gọi ra khi nó cư ngụ trong hình tướng, nhưng chủ âm sẽ tăng dần theo từng cấp độ. Điều này tương tự như hiệu quả được tạo ra khi đánh cùng một nốt ở những quãng tám khác nhau, bắt đầu từ âm trầm.

c. Repetition in space: This concept is involved deep in the greater concept of karma, which is really the law that governs the matter of the solar system, and which commenced its work in earlier solar systems. We have, therefore, *cycles in order*, and repetition in an ever-ascending spiral, under definite law.

c. Sự lặp lại trong không gian: Khái niệm này được hàm chứa sâu xa trong khái niệm lớn hơn về nghiệp quả, vốn thực sự là định luật chi phối vật chất của hệ mặt trời, và đã bắt đầu công việc của nó trong những hệ mặt trời trước đó. Vì vậy, chúng ta có *các chu kỳ theo trật tự*, và sự lặp lại trong một vòng xoắn luôn đi lên, dưới định luật xác định.

The thoughts thus conveyed might be expressed likewise as follows:

Những tư tưởng được truyền đạt như vậy cũng có thể được diễn đạt như sau:

a. The solar system repeating its activity....Repetition in Space.

a. Hệ mặt trời lặp lại hoạt động của nó....Sự lặp lại trong Không gian.

b. A planetary chain repeating its activity....Repetition in Time.

b. Một dãy hành tinh lặp lại hoạt động của nó....Sự lặp lại trong Thời gian.

c. The constant consecutive reverberation of a plane note, of a subplane note, and of all that is called into objectivity by that note.....Plane Repetition.

c. Sự vang dội liên tiếp không ngừng của một âm điệu cõi, của một âm điệu cõi phụ, và của tất cả những gì âm điệu ấy gọi vào tính khách quan.....Sự lặp lại của Cõi.

d. The tendency of atoms to perpetuate their activity, and thus produce similarity of circumstance, of environment and of vehicle....Form Repetition.

d. Khuynh hướng của các nguyên tử duy trì hoạt động của chúng, và do đó tạo ra sự tương tự về hoàn cảnh, môi trường và vận cụ....Sự lặp lại của Hình tướng.

When we carry these ideas on to every plane in the solar system, and from thence to the cosmic planes, we have opened up for ourselves infinitude.

Khi chúng ta mang những ý tưởng này đến mọi cõi trong hệ mặt trời, và từ đó đến các cõi vũ trụ, chúng ta đã mở ra cho chính mình tính vô hạn.

2. *Repetition of Cyclic Action is Governed by Two Laws:*

Perhaps it is more accurate to say that it is governed by one law, primarily, and a subsidiary law. This leads [Page 275] to two general types of cycles, and is involved in the very nature of the Self and of the not-self. The interplay of the two by the aid of mind produces that which we call environment or circumstance.

The general law, which produces cyclic effect, is the Law of Attraction and Repulsion, of which the subsidiary law is the Law of Periodicity, and of Rebirth. Cyclic evolution is entirely the result of the activity of matter, and of the Will or Spirit. It is produced by the interaction of active matter and moulding Spirit. Every form holds hid a Life. Every life constantly reaches out after the similar life latent in other forms. When Spirit and matter sound the same note evolution will cease. When the note sounded by the form is stronger than that of Spirit, we have attraction between forms. When the note sounded by Spirit is stronger than that of matter and form, we have Spirit repelling form. Here we have the basis for the battlefield of life, and its myriads of intermediate stages, which might be expressed as follows:

a. The period of the domination of the form note is that of involution.

b. The period of the repulsion of form by Spirit is that of the battlefield of the three worlds.

2. *Hai Định Luật Chi Phối Sự Lặp Lại của Hoạt Động Chu Kỳ:*

Có lẽ nói chính xác hơn là chủ yếu một định luật cùng một định luật phụ chi phối nó. Điều này dẫn [Page 275] đến hai loại chu kỳ tổng quát, và được hàm chứa trong chính bản chất của Bản Ngã và của phi-ngã. Sự tương tác của hai điều ấy nhờ sự trợ giúp của trí tuệ tạo ra điều mà chúng ta gọi là môi trường hay hoàn cảnh.

Định luật tổng quát tạo ra hiệu quả chu kỳ là Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, mà định luật phụ của nó là Định luật Chu Kỳ Tính, và Tái Sinh. Tiến hoá theo chu kỳ hoàn toàn là kết quả của hoạt động của vật chất, và của Ý Chí hay tinh thần. Sự tương tác của vật chất hoạt động và tinh thần tạo khuôn tạo ra nó. Mỗi hình tướng đều ẩn chứa một Sự sống. Mỗi sự sống luôn luôn vươn tới sự sống tương tự tiềm ẩn trong các hình tướng khác. Khi tinh thần và vật chất xướng cùng một âm điệu thì tiến hoá sẽ chấm dứt. Khi âm điệu do hình tướng xướng lên mạnh hơn âm điệu của tinh thần, chúng ta có sự hấp dẫn giữa các hình tướng. Khi âm điệu do tinh thần xướng lên mạnh hơn âm điệu của vật chất và hình tướng, chúng ta có tinh thần đẩy lùi hình tướng. Ở đây chúng ta có cơ sở cho chiến trường của sự sống, và vô số giai đoạn trung gian của nó, có thể được diễn đạt như sau:

a. Thời kỳ mà âm điệu của hình tướng thống trị là thời kỳ giáng hạ tiến hoá.

b. Thời kỳ tinh thần đẩy lùi hình tướng là thời kỳ chiến trường của ba cõi giới.

c. The period of the attraction of Spirit and Spirit, and the consequent withdrawal from form is that of the Path.

c. Thời kỳ hấp dẫn giữa tinh thần và tinh thần, và do đó rút ra khỏi hình tướng là thời kỳ của Đường Đạo.

d. The period of domination of the note of Spirit is that of the higher planes of evolution.

d. Thời kỳ âm điệu của tinh thần thống trị là thời kỳ của các cõi cao hơn của tiến hoá.

To the synchronisation of the notes, or to the lack of synchronisation, may be attributed all that occurs in the world cycles. Thus we have the production of harmony; first, the basic note of matter, then the note of Spirit gradually overcoming the lower note and usurping attention [Page 276] till gradually the note of Spirit overpowers all other notes. Yet it must be borne in mind that it is the note of the life that holds the form together. The note of the Sun, for instance, holds in just attraction the circling spheres, the planets. The notes synchronise and harmonise till the stage of adequacy is reached and the period of abstraction. Cyclic evolution proceeds. A human being, similarly, holds (by means of his note) the atoms of the three bodies together, being to them as the central sun to the planets. Primarily, nevertheless, it may be posited that the Law of Attraction is the demonstration of the powers of Spirit, whilst the Law of Repulsion governs the form. Spirit attracts Spirit throughout the greater cycle. In lesser cycles, Spirit temporarily attracts matter. The tendency of Spirit is to merge and blend with Spirit. Form repulses form, and thus brings about separation. But—during the great cycle of evolution—when the third factor of Mind comes in, and when the point of balance is the goal, the cyclic display of the interaction between Spirit and form is seen, and the result is the ordered cycles of the planets, of a human being, and of an atom. Thus, through repetition, is consciousness

Mọi điều xảy ra trong các chu kỳ thế giới đều có thể được quy cho sự đồng bộ của các âm điệu, hay sự thiếu đồng bộ. Như vậy chúng ta có sự tạo ra hài hòa; trước hết là âm điệu căn bản của vật chất, rồi âm điệu của tinh thần dần dần vượt thắng âm điệu thấp hơn và chiếm lấy sự chú ý [Page 276] cho đến khi dần dần âm điệu của tinh thần áp đảo mọi âm điệu khác. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng chính âm điệu của sự sống giữ cho hình tướng gắn kết với nhau. Chẳng hạn, âm điệu của Mặt Trời giữ trong sự hấp dẫn chính xác các khối cầu đang quay, tức các hành tinh. Các âm điệu đồng bộ và hài hòa cho đến khi đạt tới giai đoạn đầy đủ và thời kỳ trừu xuất. Tiến hoá theo chu kỳ tiếp diễn. Tương tự như vậy, con người giữ các nguyên tử của ba thể lại với nhau (bằng âm điệu của y), đối với chúng cũng như mặt trời trung tâm đối với các hành tinh. Tuy nhiên, về căn bản, có thể khẳng định rằng Định luật Hấp Dẫn là sự biểu lộ các quyền năng của tinh thần, trong khi Định luật Đẩy Lùi chi phối hình tướng. Tinh thần hấp dẫn tinh thần trong suốt chu kỳ lớn hơn. Trong các chu kỳ nhỏ hơn, tinh thần tạm thời hấp dẫn vật chất. Khuynh hướng của tinh thần là hòa nhập và dung hợp với tinh thần. Hình tướng đẩy lùi hình tướng, và do đó tạo ra sự phân ly. Nhưng—trong đại chu kỳ tiến hoá—khi yếu tố thứ ba là Trí tuệ đi vào, và khi điểm quân bình là mục tiêu, thì sự biểu lộ theo chu kỳ của sự tương tác giữa tinh thần và hình tướng được thấy rõ, và kết quả là các chu kỳ có trật tự của các hành tinh, của con người, và của nguyên tử. Như vậy, thông qua sự lặp lại,

developed, and responsive faculty induced. When this faculty is of such a nature that it is an inherent part of the Entity's working capital, it has to be exercised on every plane, and again cyclic action is the law, and hence rebirth again and again is the method of exercise. When the innate conscious faculty of every unit of consciousness has become co-ordinated as part of the equipment of the Logos on every plane of the solar system, then, and only then, will cyclic evolution cease, will rotary movement on every plane of the cosmic physical plane be of such a uniform vibration as to set up action on the next cosmic plane, the astral. [Page 277]

tâm thức được phát triển, và năng lực đáp ứng được tạo ra. Khi năng lực này có bản chất đến mức nó là một phần cố hữu trong vốn hoạt động của Thực Thể, thì nó phải được vận dụng trên mọi cõi, và một lần nữa hoạt động chu kỳ là định luật, và do đó tái sinh lặp đi lặp lại là phương pháp vận dụng. Khi năng lực hữu thức bẩm sinh của mọi đơn vị tâm thức đã được phối hợp như một phần của trang bị của Thượng đế trên mọi cõi của hệ mặt trời, thì khi ấy, và chỉ khi ấy, tiến hoá theo chu kỳ mới chấm dứt, chuyển động quay trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ mới có một rung động đồng đều đến mức thiết lập hoạt động trên cõi vũ trụ kế tiếp, tức cõi cảm dục. [Page 277]

3. *The Third Idea Involved Is That of the Two Types of Cycles*

3. *Ý Tưởng Thứ Ba Được Hàm Chứa là Ý Tưởng về Hai Loại Chu Kỳ*

1. *Rotation on the axis:* This is to be seen whether we are dealing with a minute atom of substance, with a planet revolving on its axis, with the rotation of the causal body, or with the rotation of a solar system.

1. *Sự quay trên trục:* Điều này có thể được thấy dù chúng ta đang đề cập đến một nguyên tử cực nhỏ của chất liệu, một hành tinh quay trên trục của nó, sự quay của thể nguyên nhân, hay sự quay của một hệ mặt trời.

a. In relation to the human being, this might be considered as the rotation of the various sheaths around the central consciousness during any one incarnation.

a. Liên quan đến con người, điều này có thể được xem là sự quay của các vỏ bọc khác nhau quanh tâm thức trung tâm trong bất kỳ một lần nhập thể nào.

b. In relation to a Heavenly Man it might be considered as the rotation of a globe within a chain, or the period of one incarnation.

b. Liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, điều này có thể được xem là sự quay của một bầu hành tinh trong một dãy, hay thời kỳ của một lần nhập thể.

c. In relation to a solar Logos it might be considered as one complete revolution of the Sun in space, with all that is included within the ring-pass-not.

c. Liên quan đến một Thái dương Thượng đế, điều này có thể được xem là một vòng quay trọn vẹn của Mặt Trời trong không gian, cùng với tất cả những gì được bao gồm trong vòng-giới-hạn.

2. *Rotation around an orbit.* This is the revolution of a sphere of life, not only on its axis, but along a spheroidal path or orbit around a central point.

2. *Sự quay quanh một quỹ đạo.* Đây là sự tuần hoàn của một khối cầu sự sống, không chỉ trên trục của nó, mà còn dọc theo một đường đi hay quỹ đạo hình cầu quanh một điểm trung tâm.

a. In connection with man this might be considered as the revolution of the wheel of life, or the passage of an entity through the three lower planes down into incarnation and back again.

a. Liên quan đến con người, điều này có thể được xem là sự quay của bánh xe sự sống, hay sự đi qua của một thực thể qua ba cõi thấp xuống đến nhập thể rồi trở lại.

b. In connection with a Heavenly Man it might be considered as the cycle which we call a round in which the life of the Heavenly Man cycles through all the seven globes.

b. Liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, điều này có thể được xem là chu kỳ mà chúng ta gọi là một cuộc tuần hoàn, trong đó sự sống của Đấng Thiên Nhân tuần hoàn qua cả bảy bầu hành tinh.

c. In connection with the solar Logos it is the complete revolution of the solar system around its cosmic centre.

c. Liên quan đến Thái dương Thượng đế, đó là sự tuần hoàn trọn vẹn của hệ mặt trời quanh trung tâm vũ trụ của nó.

It is to be noted at this point that the ideas dealt with in connection with cyclic evolution cannot be posited apart from the concept of consciousness. The ideas of [Page 278] time, of space, and of activity (from the point of view of the occultist), can only be conceived as relative to some conscious entity, to some Thinker.

Cần lưu ý rằng ở điểm này, những ý tưởng được đề cập liên quan đến tiến hoá theo chu kỳ không thể được khẳng định tách rời khỏi khái niệm tâm thức. Những ý tưởng về [Page 278] thời gian, không gian, và hoạt động (theo quan điểm của nhà huyền bí học), chỉ có thể được quan niệm là tương đối đối với một thực thể hữu thức nào đó, đối với một Đấng Tư Tưởng nào đó.

Time to the occultist is that cycle, greater or lesser, in which some life runs some specific course, in which some particular period begins, continues, and ends, in connection with the awareness of some Entity, and is recognised only as time when the participating life has reached a considerable stage of awareness. Time has been defined as a succession of states of consciousness, (115) and it therefore may be studied from the point of view of

Đối với nhà huyền bí học, thời gian là chu kỳ, lớn hay nhỏ, trong đó một sự sống vận hành một tiến trình đặc thù nào đó, trong đó một giai đoạn đặc thù bắt đầu, tiếp diễn, và kết thúc, liên quan đến sự nhận biết của một Thực Thể nào đó, và chỉ được nhận ra là thời gian khi sự sống tham dự đã đạt đến một giai đoạn nhận biết đáng kể. Thời gian đã được định nghĩa là một chuỗi các trạng thái tâm thức, (115) và vì vậy nó có thể được nghiên cứu từ quan điểm của

(115) The *Secret Doctrine* says:

(115) Giáo Lý Bí Nhiệm nói rằng:

1. The Universe is in reality but a huge aggregation of states of consciousness.—S. D., II, 633. I, 70, 626,

1. Vũ trụ thực ra chỉ là một tập hợp khổng lồ các trạng thái tâm thức.—G. L. B. N., II, 633. I, 70, 626,

2. Spirit and consciousness are synonymous terms.—S. D., I, 43, 125, 349, 350, 592, 593.

2. Tinh thần và tâm thức là những thuật ngữ đồng nghĩa.—G. L. B. N., I, 43, 125, 349, 350, 592, 593.

3. Every atom in the universe is endowed with consciousness.—S. D., I, 105. II, 709, 742.

3. Mọi nguyên tử trong vũ trụ đều được phú cho tâm thức.—G. L. B. N., I, 105. II, 709, 742.

4. Six types of Consciousness as embodied in the Kingdom of Nature on the five planes of *Human Evolution*.—S. D., I, 123. II, 678.

4. Sáu loại Tâm thức như được hiện thân trong Giới Thiên Nhiên trên năm cõi của *Tiến Hoá Nhân Loại*.—G. L. B. N., I, 123. II, 678.

a. *The Mineral Kingdom* 1.

a. *Giới Kim Thạch* 1.

Intelligent activity. All atoms show ability to select, to discriminate intelligently under the Law of Attraction and Repulsion.—S. D., I, 295.

Hoạt động thông tuệ. Mọi nguyên tử đều cho thấy khả năng chọn lựa, phân biện một cách thông tuệ dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.—G. L. B. N., I, 295.

b. *Vegetable Kingdom* 2.

b. *Giới Thực Vật* 2.

Intelligent activity plus embryo sensation or feeling.

Hoạt động thông tuệ cộng với cảm giác hay cảm thọ phôi thai.

c. *Animal Kingdom* 3.

c. *Giới Động Vật* 3.

Intelligent activity, sensation plus instinct, or embryo mentality.—S. D., III, 573, 574.

Hoạt động thông tuệ, cảm giác cộng với bản năng, hay trí tuệ phôi thai.—G. L. B. N., III, 573, 574.

These three embody the sub-human consciousness.

Ba giới này hiện thân tâm thức dưới nhân loại.

d. *Human consciousness* 4.

d. *Tâm thức nhân loại* 4.

Intelligent activity, love or perfected feeling or realisation and will, or intelligent purpose. The three aspects. S. D., I, 215, 231. —S. D., II, 552. III, 579.

Hoạt động thông tuệ, tình thương hay cảm nhận hoặc sự chứng nghiệm đã hoàn thiện, và ý chí, hay mục đích thông tuệ. Ba phương diện. S. D., I, 215, 231.—S. D., II, 552. III, 579.

This is Self-Consciousness—the middle point.—S. D., I, 297.

Đây là Ngã thức—điểm ở giữa.—S. D., I, 297.

e. *Spiritual Consciousness* 5.

e. *Tâm thức tinh thần* 5.

Buddhic realisation. The unit is aware of his group. The separated unit identifies himself with his ray or type.—S. D., III, 572. I, 183, 623.

Sự chứng nghiệm Bồ đề. Đơn vị ý thức được nhóm của mình. Đơn vị tách biệt đồng nhất mình với cung hay kiểu của mình.—S. D., III, 572. I, 183, 623.

f. *Atmic Consciousness* 6.

f. *Tâm thức atma* 6.

The consciousness of the unit of the Septenary solar system.—S. D., II, 673. II, 741.

Tâm thức của đơn vị của hệ mặt trời thất phân.—S. D., II, 673. II, 741.

These two embody super-consciousness.

Hai loại này thể hiện siêu tâm thức.

The seventh type embraces them all and is God Consciousness.—S. D., II, 740 note.

Loại thứ bảy bao trùm tất cả chúng và là Tâm thức Thượng đế.—S. D., II, 740 note.

Study also S. D., I, 300, 301, 183, 221, 623. S. D., II, 32 note, 741, 552 note.—S. D., III, 573, 574, 558, 557, 584. (back)

Cũng hãy nghiên cứu S. D., I, 300, 301, 183, 221, 623. S. D., II, 32 note, 741, 552 note.—S. D., III, 573, 574, 558, 557, 584. (back)

[Page 279] *a. Logoic consciousness*, or the successive states of divine realisation within the solar sphere.

[Page 279] *a. Tâm thức của Thượng đế,* hay các trạng thái kế tiếp của sự chứng nghiệm thiêng liêng bên trong khối cầu thái dương.

b. Planetary consciousness, or the consciousness of a Heavenly Man as He cycles successively through the scheme.

b. Tâm thức hành tinh, hay tâm thức của một Đấng Thiên Nhân khi Ngài tuần tự chu chuyển qua hệ hành tinh.

c. Causal consciousness, or the successive expanding of the intelligent awareness of a human being from life to life.

c. Tâm thức nguyên nhân, hay sự mở rộng kế tiếp của nhận biết thông tuệ của một con người từ kiếp này sang kiếp khác.

d. Human consciousness, or the awareness of a man on the physical plane, and progressively on the emotional and the mental planes.

d. Tâm thức nhân loại, hay sự nhận biết của con người trên cõi hồng trần, và dần dần trên cõi cảm dục và cõi trí.

e. Animal, vegetable and mineral consciousness which differs from the human consciousness in many particulars, and primarily in that it does not co-ordinate, or deduce and recognise separate identity. It resembles human consciousness in that it covers the response to successive contacts of the units involved during their small cycles.

e. Tâm thức động vật, thực vật và khoáng vật khác với tâm thức nhân loại ở nhiều chi tiết, và chủ yếu ở chỗ nó không phối hợp, hay suy diễn và nhận ra bản sắc tách biệt. Nó giống tâm thức nhân loại ở chỗ nó bao gồm sự đáp ứng đối với các tiếp xúc kế tiếp của các đơn vị liên hệ trong các chu kỳ nhỏ của chúng.

f. Atomic consciousness, demonstrating through successive states of repulsion and attraction. In this last definition lies the key to the other states of consciousness.

f. Tâm thức nguyên tử, biểu lộ qua các trạng thái kế tiếp của sự đẩy lùi và hút nhau. Chính trong định nghĩa cuối cùng này có chìa khóa cho các trạng thái tâm thức khác.

An atom revolves upon its axis. In its revolution it comes within the field of activity of other atoms. These it either attracts and swings into its own field of operation, or it repulses and drives them outside its range of activity, causing separation. One thing to be borne in mind in

Một nguyên tử quay trên trục của nó. Trong sự quay đó, nó đi vào trường hoạt động của các nguyên tử khác. Những nguyên tử này hoặc bị nó hút và cuốn vào trường vận hành riêng của nó, hoặc bị nó đẩy ra ngoài phạm vi hoạt động của nó, gây nên sự phân ly. Một điều cần ghi nhớ trong khái niệm về sự hút

the concept of mutual attraction is the preservation of identity in cohesion.

A human being in objective manifestation likewise revolves upon his axis, or around his central point, his mainspring of animation; this brings him within the range of activity of other men, other human atoms. This similarly either tends to co-operation or cohesion, or to separation or repulsion. Again it must be borne in mind that even in cohesion identity is preserved.

[Page 280] *A Heavenly Man,* through the form of a planetary chain, similarly revolves upon His axis, and a like phenomenon may be observed. A planet repulses a planet similarly charged, for it is a known law that like particles repel each other, but occultly it is a known law that they will eventually attract each other as the vibration becomes sufficiently strong. A negative planet will be attracted by a positive, and so on through all forms. This is the manifestation of SEX in substance of every kind, from the tiny atom in the body to the vast planetary chains, and this is the basis of activity. Radiatory activity is simply the interplay between male and female, and this can be seen in the physical atom of the scientist, among men and women, and in the vaster atom of a solar system as it vibrates with its cosmic opposite.

We might, therefore, consider *time* as that process of activity, or that progression in development, wherein the indwelling Consciousness is seeking its opposite, and coming under the Law of Attraction, which leads to atomic, human, planetary, spiritual, solar and cosmic marriage. This idea is comparatively simple in relation to a human

lẫn nhau là sự bảo tồn bản sắc trong sự kết dính.

Một con người trong biểu hiện khách quan cũng quay trên trục của y, hay quanh điểm trung tâm của y, nguồn động lực sinh hoạt của y; điều này đưa y vào trong phạm vi hoạt động của những người khác, những nguyên tử nhân loại khác. Điều này cũng tương tự hoặc dẫn đến hợp tác hay kết dính, hoặc dẫn đến phân ly hay đẩy lùi. Một lần nữa cần ghi nhớ rằng ngay cả trong sự kết dính, bản sắc vẫn được bảo tồn.

[Page 280] *Một Đấng Thiên Nhân,* qua hình tướng của một dãy hành tinh, cũng quay trên trục của Ngài, và có thể quan sát thấy một hiện tượng tương tự. Một hành tinh đẩy lùi một hành tinh mang điện tích tương tự, vì đó là một định luật đã biết rằng các hạt giống nhau đẩy nhau, nhưng về mặt huyền bí thì đó là một định luật đã biết rằng cuối cùng chúng sẽ hút nhau khi rung động trở nên đủ mạnh. Một hành tinh dương sẽ hút một hành tinh âm, và cứ thế qua mọi hình tướng. Đây là biểu hiện của GIỚI TÍNH trong chất liệu thuộc mọi loại, từ nguyên tử nhỏ bé trong cơ thể đến các dãy hành tinh bao la, và đây là nền tảng của hoạt động. Hoạt động bức xạ chỉ đơn giản là sự tương tác giữa nam và nữ, và điều này có thể thấy trong nguyên tử hồng trần của nhà khoa học, giữa những người nam và nữ, và trong nguyên tử rộng lớn hơn của một hệ mặt trời khi nó rung động với đối cực vũ trụ của nó.

Vì vậy, chúng ta có thể xem xét *thời gian* như tiến trình hoạt động đó, hay sự tiến triển trong phát triển đó, trong đó Tâm thức nội tại đang tìm kiếm đối cực của mình, và chịu dưới Định luật Hút, định luật dẫn đến hôn phối nguyên tử, nhân loại, hành tinh, tinh thần, thái dương và vũ trụ. Ý tưởng này tương đối đơn giản khi liên hệ đến một con

being, and can be seen in daily demonstration in his contacts with other men; these contacts are governed, for instance, very largely by his likes and dislikes. All these attractions and repulsions are under law, and their cause exists in form itself. The emotion of like or of dislike is nothing else but the realisation by the conscious entity of the swinging into his magnetic radius of an atomic form which he is led, by the very law of his own being, to either attract or repulse. Only when the form is transcended, and Spirit seeks out Spirit, will the phenomena of repulsion cease. This will be the inevitable finale at the cessation of solar evolution, and it will bring about pralaya. The duration of the interplay, the period of the search of Spirit for Spirit, and [Page 281] the vibratory process necessitated by the utilisation of the form, this we call Time, whether in connection with a man, a planetary Logos, or the Deity.

người, và có thể thấy trong biểu hiện hằng ngày nơi các tiếp xúc của y với những người khác; chẳng hạn, những điều y thích và không thích chi phối phần lớn các tiếp xúc này. Tất cả những sự hút và đẩy này đều ở dưới định luật, và nguyên nhân của chúng tồn tại trong chính hình tướng. Cảm xúc thích hay không thích không là gì khác ngoài sự nhận biết của thực thể hữu thức về việc một hình tướng nguyên tử đi vào trong bán kính từ tính của y, hình tướng mà do chính định luật của bản thể mình, y bị dẫn dắt để hoặc hút hoặc đẩy lùi. Chỉ khi hình tướng được siêu vượt, và tinh thần tìm đến tinh thần, thì hiện tượng đẩy lùi mới chấm dứt. Đây sẽ là kết cục tất yếu khi sự tiến hoá thái dương chấm dứt, và nó sẽ đưa đến Giai kỳ qui nguyên. Thời lượng của sự tương tác, thời kỳ tinh thần tìm kiếm tinh thần, và [Page 281] tiến trình rung động cần thiết do việc sử dụng hình tướng, đó là điều chúng ta gọi là Thời gian, dù liên hệ với con người, một Hành Tinh Thượng Đế, hay Thượng đế.

Space, again, is included in the idea of consciousness, and its utilisation of matter. Space, for the Logos, is literally the form wherein His conscious activities and purposes are worked out—the solar ring-pass-not. The space wherein a planetary Logos works out His plans is similarly as much of solar space as His consciousness is developed enough to use. Man again repeats the process and his ring-pass-not is included in the radius of his consciousness, and may be very circumscribed as in the case of the little evolved, or may be inclusive of a portion of planetary space of great extent, and even in the case of the very highly evolved may begin to touch the periphery of the sphere of influence of the planetary Logos in Whose body he is a cell.

Không gian, một lần nữa, được bao hàm trong ý niệm về tâm thức, và việc nó sử dụng vật chất. Đối với Thượng đế, không gian theo nghĩa đen là hình tướng trong đó các hoạt động và mục đích hữu thức của Ngài được triển khai—vòng-giới-hạn thái dương. Không gian trong đó một Hành Tinh Thượng Đế triển khai các kế hoạch của Ngài cũng tương tự là phần không gian thái dương mà tâm thức của Ngài đã phát triển đủ để sử dụng. Con người lại lặp lại tiến trình ấy và vòng-giới-hạn của y được bao gồm trong bán kính tâm thức của y, và có thể rất hạn hẹp như trong trường hợp kẻ ít tiến hoá, hoặc có thể bao gồm một phần không gian hành tinh rất rộng lớn, và ngay cả trong trường hợp người tiến hoá rất cao cũng có thể bắt đầu chạm đến chu vi của khối cầu ảnh hưởng của Hành Tinh Thượng Đế mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào.

Space for the atom (for instance, the atom in the physical body of man) will be the radius of the form in which is found the greater centre of consciousness of which it is a part and it will be both attracted and repulsed—attracted and built into the form of the greater Life, yet repulsed and thereby prevented from moving from a certain point within that form.

Không gian đối với nguyên tử (chẳng hạn nguyên tử trong thể xác của con người) sẽ là bán kính của hình tướng trong đó tìm thấy trung tâm tâm thức lớn hơn mà nó là một phần, và nó sẽ vừa bị hút vừa bị đẩy lùi—bị hút và được xây dựng vào hình tướng của Sự sống lớn hơn, nhưng cũng bị đẩy lùi và nhờ đó bị ngăn không cho di chuyển khỏi một điểm nhất định bên trong hình tướng ấy.

We have here dealt a little with time and space in their relation to a specific centre of consciousness; we have seen that they are simply *forms of ideas to express the cyclic activity of an entity*. The subject is exceedingly abstruse, due to the low stage of the human intelligence, which is as yet so occupied with the objective or material side of manifestation that the attraction existing between Spirit and Spirit is little more than a concept. When more of the human family have their centre of consciousness in the Ego and hence are busy with the work of repulsing matter, and with the withdrawal of [Page 282] Spirit from form, then only will the transmutative process be comprehended, then only will time (as known in the three worlds) be transcended, and then only will space (as manifested to man through the three lower planes or the eighteen subplanes) be found to be a barrier. This same statement can be predicated of the seven Logoi and of the solar Logos, extending the idea to other planes, solar and cosmic. So also can it be narrowed down to the subhuman, and to the involutionary lives, remembering ever that as the consciousness is more confined and restricted so inertia, lack of response and limitation of radiation will be seen.

Ở đây chúng ta đã bàn đôi chút về thời gian và không gian trong mối liên hệ của chúng với một trung tâm tâm thức đặc thù; chúng ta đã thấy rằng chúng chỉ đơn giản là *những hình tướng của các ý tưởng để diễn đạt hoạt động chu kỳ của một thực thể*. Chủ đề này cực kỳ trừu tượng, do giai đoạn thấp của trí tuệ nhân loại, vốn cho đến nay còn quá bận tâm với phương diện khách quan hay vật chất của biểu hiện đến nỗi sự hút tồn tại giữa tinh thần và tinh thần hầu như không hơn gì một khái niệm. Khi nhiều thành viên hơn của gia đình nhân loại có trung tâm tâm thức của họ ở chân ngã và do đó bận rộn với công việc đẩy lùi vật chất, và với sự rút lui của [Page 282] tinh thần khỏi hình tướng, thì chỉ khi ấy tiến trình chuyển hoá mới được thấu hiểu, chỉ khi ấy thời gian (như được biết trong ba cõi giới) mới được siêu vượt, và chỉ khi ấy không gian (như biểu lộ cho con người qua ba cõi thấp hay mười tám cõi phụ) mới được thấy là một rào cản. Cùng một phát biểu này có thể được áp dụng cho bảy Thượng đế và cho Thái dương Thượng đế, mở rộng ý tưởng sang các cõi khác, thái dương và vũ trụ. Tương tự, nó cũng có thể được thu hẹp xuống giới dưới nhân loại, và xuống các sự sống giáng hạ tiến hoá, luôn ghi nhớ rằng khi tâm thức càng bị giam hãm và hạn chế hơn thì quán tính, sự thiếu đáp ứng và sự giới hạn của bức xạ sẽ càng được thấy rõ.

By a close scrutiny of chart V, it will be apparent wherein lies the problem of the Logos, and wherein lies the accuracy of the correspondence between Him and His reflection Man.

Qua việc khảo sát kỹ biểu đồ V, sẽ rõ chính trong đâu có vấn đề của Thượng đế, và chính trong đâu có sự chính xác của sự tương ứng giữa Ngài và phản ảnh của Ngài là Con Người.

First. Both are in objective manifestation on the physical plane.

Thứ nhất. Cả hai đều ở trong biểu hiện khách quan trên cõi hồng trần.

Second. Both are at their point of deepest involution.

Thứ hai. Cả hai đều ở tại điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của mình.

Third. Both are trammelled by matter, and are developing consciousness (egoic consciousness) on the physical plane—man on the solar physical, and the Logos on the cosmic physical plane.

Thứ ba. Cả hai đều bị vật chất trói buộc, và đang phát triển tâm thức (tâm thức chân ngã) trên cõi hồng trần—con người trên cõi hồng trần thái dương, và Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ.

Fourth. Man has to bring down into conscious full control, the God within. Through that control he must dominate circumstance, make his environment his instrument and manipulate matter. On cosmic levels the Logos does likewise. Both are far from achievement.

Thứ tư. Con người phải đưa Thượng đế bên trong xuống dưới sự kiểm soát đầy đủ có ý thức. Qua sự kiểm soát đó y phải chế ngự hoàn cảnh, biến môi trường của mình thành công cụ của mình và vận dụng vật chất. Trên các cấp độ vũ trụ, Thượng đế cũng làm như vậy. Cả hai còn xa mới đạt được thành tựu.

Fifth. Both work in, with, and by, electrical force.

Thứ năm. Cả hai đều hoạt động trong, với, và bằng mãnh lực điện.

Sixth. Both come under the laws governing forms and hence both are controlled in time and space by KARMA, which is the Law of forms. It has to do with quality, as force has to do with vibration.

Thứ sáu. Cả hai đều chịu dưới các định luật chi phối các hình tướng và do đó NGHIỆP QUẢ kiểm soát cả hai trong thời gian và không gian, vốn là Định luật của các hình tướng. Nó liên hệ đến phẩm tính, cũng như mãnh lực liên hệ đến rung động.

Seventh. Both work through forms made up of: [Page 283]

Thứ bảy. Cả hai đều hoạt động qua các hình tướng được cấu thành bởi: [Page 283]

a. Three main types of forms: A mental form, one aspect of manifestation; an astral form, a second aspect; and a physical form, the

a. Ba loại hình tướng chính: Một hình tướng trí tuệ, một phương diện của biểu hiện; một hình tướng cảm dục, phương diện thứ hai;

third aspect. The mental vibration sets the key measure and seeks to utilise and co-ordinate the physical body at *Will*. It deals with or links up the consciousness to the three forms in one direction; it repulses and causes separation in another. The astral vibration deals with the quality, with the attractive measure. It is the psychic element. The physical is the meeting ground of consciousness with the material form. This last is the result produced by the union of the key measure and the quality of tone.

và một hình tướng hồng trần, phương diện thứ ba. Rung động trí tuệ đặt ra nhịp điệu chủ chốt và tìm cách sử dụng và phối hợp thể xác theo *Ý chí*. Nó đề cập đến hay nối kết tâm thức với ba hình tướng theo một hướng; nó đẩy lùi và gây ra phân ly theo hướng khác. Rung động cảm dục liên hệ đến phẩm tính, đến nhịp độ hút. Đó là yếu tố thông linh. Hồng trần là nơi gặp gỡ của tâm thức với hình tướng vật chất. Điều cuối cùng này là kết quả do sự kết hợp của nhịp điệu chủ chốt và phẩm tính của âm điệu tạo ra.

b. Seven centres of force which hold the three forms in one coherent whole, and cause their vitalisation and their co-ordination. They put the triple unit into correlation with their main centre of consciousness on the higher planes, whether that centre is the causal body of man, of a planetary Logos, or of a solar Logos.

b. Bảy trung tâm mãnh lực giữ ba hình tướng trong một toàn thể cố kết, và gây nên sự tiếp sinh lực và sự phối hợp của chúng. Chúng đặt đơn vị tam phân vào trong tương quan với trung tâm tâm thức chính của chúng trên các cõi cao hơn, dù trung tâm đó là thể nguyên nhân của con người, của một Hành Tinh Thượng Đế, hay của một Thái dương Thượng đế.

c. Millions of infinitesimal cells, each embodying a lesser life, each in a condition of constant activity, and each repulsing other cells so as to preserve individuality or identity, yet each held to each by a central attractive force. Thus we have produced the objective form of a crystal, a vegetable, an animal, a man, a planet, a system.

c. Hàng triệu tế bào cực vi, mỗi tế bào thể hiện một sự sống nhỏ hơn, mỗi tế bào ở trong tình trạng hoạt động không ngừng, và mỗi tế bào đẩy lùi các tế bào khác để bảo tồn cá thể tính hay bản sắc, tuy nhiên một mãnh lực hút trung tâm vẫn giữ các tế bào gắn kết với nhau. Như vậy chúng ta tạo ra hình tướng khách quan của một tinh thể, một thực vật, một động vật, một con người, một hành tinh, một hệ mặt trời.

Finally, both work, therefore, in a dual manner and each demonstrates both attraction and repulsion.

Sau cùng, vì vậy, cả hai đều hoạt động theo cách kép và mỗi bên đều biểu lộ cả hút lẫn đẩy.

Attraction of matter to Spirit and the building of a form for the use of Spirit is the result of electrical energy in the universe, which in each case brings the lesser lives or spheres into its range of influence. The magnetic force, the life of the Logos gathers

Sự hút của vật chất đối với tinh thần và việc xây dựng một hình tướng cho tinh thần sử dụng là kết quả của năng lượng điện trong vũ trụ, năng lượng trong mỗi trường hợp đưa các sự sống hay các khối cầu nhỏ hơn vào trong phạm vi ảnh hưởng của nó. Mãnh

together His body of manifestation. The magnetic force of the Heavenly Man, the planetary Logos, gathers out of the solar ring-pass-not that which He needs for each incarnation.

lực từ tính, sự sống của Thượng đế, tập hợp thân thể biểu hiện của Ngài. Mãnh lực từ tính của Đấng Thiên Nhân, Hành Tinh Thượng Đế, tập hợp từ vòng-giới-hạn thái dương điều mà Ngài cần cho mỗi lần nhập thể.

[Page 284] The magnetic force of the Ego gathers, at each rebirth, matter within the particular sphere or scheme within which the Ego has place. So on down the scale, we find the lesser pursuing its round ever within the greater.

[Page 284] Mãnh lực từ tính của chân ngã tập hợp, trong mỗi lần tái sinh, vật chất bên trong khối cầu hay hệ hành tinh đặc thù mà trong đó chân ngã có vị trí. Cứ thế đi xuống theo thang bậc, chúng ta thấy cái nhỏ hơn luôn theo đuổi cuộc tuần hoàn của nó bên trong cái lớn hơn.

Therefore we have (during a period of Attraction and Repulsion, or a life cycle) that which we call Time and Space, and this holds equally true in the life cycle of a Logos or an ant, or a crystal. There are cycles of activity in matter, due to some energising Will, and then Time and Space are known. There are cycles of non-being when Time and Space are not, and the energising Will is withdrawn. But we must not forget that this is purely relative, and only to be considered from the standpoint of the particular life or entity involved, and the special stage of awareness reached. All must be interpreted in terms of consciousness.

Vì vậy chúng ta có (trong một thời kỳ Hút và Đẩy, hay một chu kỳ sống) điều mà chúng ta gọi là Thời gian và Không gian, và điều này đúng như nhau trong chu kỳ sống của một Thượng đế, một con kiến, hay một tinh thể. Có những chu kỳ hoạt động trong vật chất, do một Ý chí tiếp năng lượng nào đó, và khi ấy Thời gian và Không gian được biết đến. Có những chu kỳ phi hữu thể khi Thời gian và Không gian không hiện hữu, và Ý chí tiếp năng lượng được rút lại. Nhưng chúng ta không được quên rằng điều này hoàn toàn có tính tương đối, và chỉ được xem xét từ quan điểm của sự sống hay thực thể đặc thù liên hệ, và giai đoạn nhận biết đặc biệt đã đạt tới. Mọi sự đều phải được diễn giải theo các thuật ngữ của tâm thức.

The first type of cycle, or the period involved in one entire revolution of a sphere around its own centre of consciousness, is to the particular Entity involved (be he God or man) a lesser cycle. The second type of cycle or the period involved in the complete circling of an orbit, or the revolution of a sphere around the centre of which it is an integral part, we can consider as a greater cycle. The third type of cycle has not so much to do with the transition of the form

Loại chu kỳ thứ nhất, hay thời kỳ bao hàm trong một vòng quay trọn vẹn của một khối cầu quanh trung tâm tâm thức riêng của nó, đối với Thực Thể đặc thù liên hệ (dù là Thượng đế hay con người) là một chu kỳ nhỏ hơn. Loại chu kỳ thứ hai hay thời kỳ bao hàm trong sự chu chuyển trọn vẹn của một quỹ đạo, hay sự quay của một khối cầu quanh trung tâm mà nó là một phần toàn vẹn, chúng ta có thể xem là một chu kỳ lớn hơn. Loại chu kỳ thứ ba không liên hệ nhiều

through a certain location in space but as the cycle which includes both the greater and the lesser cycles. It has to do with the response of the ENTITY, to Whom our solar Logos is but a centre in His Body, to the contacts made on that centre and on its cosmic opposite. These two centres, for instance, our solar system and its cosmic opposite, in their interaction create a cycle period which has a relation to the "ONE WHO IS ABOVE OUR LOGOS." This is, of course, beyond human conception, but must be included in our enumeration of cycles if exactitude is to be achieved. [Page 285]

đến sự chuyển tiếp của hình tướng qua một vị trí nào đó trong không gian cho bằng chu kỳ bao gồm cả chu kỳ lớn hơn lẫn chu kỳ nhỏ hơn. Nó liên hệ đến sự đáp ứng của THỰC THỂ mà đối với Ngài Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ là một trung tâm trong Thân thể của Ngài, đối với các tiếp xúc được tạo ra trên trung tâm đó và trên đối cực vũ trụ của nó. Chẳng hạn, hai trung tâm này, hệ mặt trời của chúng ta và đối cực vũ trụ của nó, trong sự tương tác của chúng tạo ra một thời kỳ chu kỳ có liên hệ với "ĐẤNG Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ CỦA CHÚNG TA." Dĩ nhiên điều này vượt ngoài quan niệm của con người, nhưng phải được bao gồm trong sự liệt kê các chu kỳ của chúng ta nếu muốn đạt được tính chính xác. [Page 285]

VIII. WHY IS KNOWLEDGE BOTH EXOTERIC AND ESOTERIC? — VIII. TẠI SAO TRI THỨC VỪA NGOẠI MÔN VỪA NỘI MÔN?

(116)

(116) In the *Secret Doctrine* we are told that *there are seven branches of knowledge mentioned in the Puranas*. S. D., I, 192.

Correspondences can here be worked out in connection with:—

a. The seven Rays, the Lords of Sacrifice, Love and Knowledge.

b. The seven states of consciousness.

c. The seven states of matter or planes.

d. The seven types of forces.

e. The seven Initiations and many other septenates.

(116)

(116) Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* chúng ta được cho biết rằng *có bảy ngành tri thức được nhắc đến trong các Purana*. S. D., I, 192.

Ở đây có thể triển khai các tương ứng liên hệ với:—

a. bảy cung, các Đấng Chúa Tể của Hi sinh, Bác ái và Tri thức.

b. bảy trạng thái tâm thức.

c. bảy trạng thái của vật chất hay các cõi.

d. bảy loại mãnh lực.

e. bảy cuộc điểm đạo và nhiều bộ bảy khác.

The Gnosis, the hidden knowledge, is the seventh Principle, the six schools of Indian philosophy are the six principles.—S. D., I, 299.

Gnosis, tri thức ẩn tàng, là nguyên khí thứ bảy, sáu trường phái triết học Ấn Độ là sáu nguyên khí.—S. D., I, 299.

These six schools are:—

Sáu trường phái này là:—

a. The school of Logic..Proof of right perception.

a. Trường phái Luận lý..Chứng minh về tri giác đúng đắn.

b. The atomic school...System of particulars. Elements. Alchemy and chemistry.

b. Trường phái nguyên tử...Hệ thống các đặc tính riêng biệt. Các nguyên tố. Thuật luyện kim và hoá học.

c. The Sankhya school...System of numbers. The materialistic school. The theory of the seven states of matter or prakriti.

c. Trường phái Sankhya...Hệ thống các con số. Trường phái duy vật. Lý thuyết về bảy trạng thái của vật chất hay prakriti.

d. The school of Yoga...Union. The rule of daily life. Mysticism.

d. Trường phái Yoga...Hợp nhất. Quy luật của đời sống hằng ngày. Thần bí học.

e. The school of Ceremonial religion...Ritual. Worship of the devas or Gods.

e. Trường phái Tôn giáo nghi lễ...Nghi thức. Sự thờ phụng các thiên thần hay các Thượng đế.

f. The Vedanta school...Has to do with non-duality. Deals with the relation of Atma in man to the Logos.

f. Trường phái Vedanta...Liên hệ đến phi nhị nguyên. Đề cập đến mối liên hệ của Atma trong con người với Thượng đế.

The Gnosis or hidden knowledge is the same as Atma vidya, or Theosophy, and includes the other six. (back)

Gnosis hay tri thức ẩn tàng cũng chính là Atma vidya, hay Thông Thiên Học, và bao gồm sáu trường phái kia. (back)

We can now take up the question next in order, which was worded: *"Why do we consider certain aspects of knowledge esoteric and other aspects as exoteric?"*

Giờ đây chúng ta có thể nêu câu hỏi kế tiếp theo thứ tự, được diễn đạt như sau: *"Tại sao chúng ta xem một số phương diện tri thức là nội môn và các phương diện khác là ngoại môn?"*

The answer to this practically involves the realisation that some knowledge deals with the subjective side of life, and the other type of knowledge with the objective side; that

Câu trả lời cho điều này trên thực tế bao hàm sự nhận ra rằng một loại tri thức đề cập đến phương diện chủ quan của sự sống, còn loại tri thức kia đề cập đến phương diện khách

one type of knowledge is concerned with energy and force (hence the danger of undue hasty revelation) and another with that which is energised. Therefore it will be apparent that until the faculty of ascertaining subjective information is achieved, whole ranges of facts will remain outside the scope of the consciousness of the majority.

quan; rằng một loại tri thức liên quan đến năng lượng và mãnh lực (do đó có sự nguy hiểm của việc mặc khải quá vội vàng) và loại kia liên quan đến điều được tiếp năng lượng. Vì vậy sẽ rõ rằng cho đến khi đạt được khả năng xác định thông tin chủ quan, toàn bộ những phạm vi sự kiện sẽ vẫn nằm ngoài tầm của tâm thức của đa số.

As we have been told, the goal of evolution is the attainment of consciousness on all planes; owing to the small evolutionary attainment of the race only the physical plane is as yet in any way brought under conscious control. The knowledge which deals with that plane, [Page 286] the information which is concerned with densest objectivity, the sumtotal of facts connected with the five lower subplanes of the physical plane are (from the occult standpoint) considered exoteric. During the next two races the other two subplanes will be mastered, and the entire mass of knowledge concerned with physical and etheric matter, with energy, form and experience on the physical plane, will be easily available to man, and concern only his five physical senses.

Như chúng ta đã được cho biết, mục tiêu của tiến hoá là đạt được tâm thức trên mọi cõi; do thành tựu tiến hoá còn nhỏ bé của nhân loại, cho đến nay chỉ có cõi hồng trần phần nào được đưa vào dưới sự kiểm soát có ý thức. Tri thức đề cập đến cõi đó, [Page 286] thông tin liên quan đến tính khách quan đậm đặc nhất, tổng số các sự kiện gắn với năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần, đều được xem là ngoại môn (theo quan điểm huyền bí học). Trong hai giống dân kế tiếp, hai cõi phụ còn lại sẽ được làm chủ, và toàn bộ khối tri thức liên quan đến vật chất hồng trần và dĩ thái, đến năng lượng, hình tướng và kinh nghiệm trên cõi hồng trần, sẽ dễ dàng sẵn có cho con người, và chỉ liên quan đến năm giác quan hồng trần của y.

Information and knowledge of the life evolving through the forms will for a considerably longer time be considered esoteric, as also will the apprehension and comprehension of the matter aspect, and the laws governing energy on the astral and the mental planes. This is stated in connection with average man, the rank and file of humanity. Objective or exoteric information is largely that obtained or ascertained by men in the Hall of Learning by means of the five senses, and by experiment. Experiment in due course of time and after many cycles of incarnation is

Thông tin và tri thức về sự sống đang tiến hoá qua các hình tướng sẽ còn được xem là nội môn trong một thời gian dài hơn đáng kể, cũng như sự lĩnh hội và thấu hiểu phương diện vật chất, và các định luật chi phối năng lượng trên cõi cảm dục và cõi trí. Điều này được nói ra liên hệ đến con người trung bình, hàng ngũ đông đảo của nhân loại. Thông tin khách quan hay ngoại môn phần lớn là điều được con người thu nhận hay xác định trong Phòng Hiểu Biết bằng năm giác quan, và bằng thực nghiệm. Thực nghiệm theo thời gian và sau nhiều chu kỳ nhập thể được chuyển hoá thành kinh

transmuted into experience, and this produces eventually that which we call instinct, or the habitual reaction of some type of consciousness to a given set of circumstances, or of environment. These two factors of the senses and of experimental contact can be seen working out in the animal and human kingdoms; the difference between the two exists in the ability of the man consciously to remember, apprehend, anticipate, and utilise the fruits of past experience, and thus influence the present and prepare for the future. He employs the physical brain for this purpose. An animal likewise has an instinctual memory, apprehension, and an embryo anticipation, but (lacking mind) he is unable to adjust them to circumstances in the sense of prearrangement, and lacks the capacity consciously to utilise, and thus reap, the benefit of past events, and to learn from experience in the manner which a man does. The [Page 287] animal uses the solar plexus in the same way that a man uses the brain; it is the organ of instinct.

nghiệm, và cuối cùng điều này tạo ra cái mà chúng ta gọi là bản năng, hay phản ứng quen thuộc của một loại tâm thức nào đó đối với một tập hợp hoàn cảnh hay môi trường nhất định. Hai yếu tố này của giác quan và của tiếp xúc thực nghiệm có thể được thấy đang vận hành trong giới động vật và giới nhân loại; sự khác biệt giữa hai giới tồn tại ở khả năng của con người trong việc nhớ lại một cách có ý thức, lĩnh hội, dự liệu, và sử dụng thành quả của kinh nghiệm quá khứ, và nhờ đó ảnh hưởng đến hiện tại và chuẩn bị cho tương lai. Y sử dụng bộ não hồng trần cho mục đích này. Động vật cũng có ký ức bản năng, sự lĩnh hội, và một mầm mống dự liệu, nhưng (do thiếu trí tuệ) nó không thể điều chỉnh chúng theo hoàn cảnh theo nghĩa sắp đặt trước, và thiếu khả năng sử dụng một cách có ý thức, và do đó gặt hái, lợi ích của các biến cố quá khứ, cũng như học hỏi từ kinh nghiệm theo cách mà con người làm. Con [Page 287] vật sử dụng tùng thái dương theo cùng cách mà con người sử dụng bộ não; đó là cơ quan của bản năng.

All that can be acquired by instinct and by the use of the concrete mind functioning through the physical brain can be considered as dealing with that which we call exoteric. It is thus evident how the range of fact will differ according to:

Tất cả những gì có thể đạt được bằng bản năng và bằng việc sử dụng trí cụ thể hoạt động qua bộ não hồng trần đều có thể được xem là đề cập đến điều mà chúng ta gọi là ngoại môn. Do đó hiển nhiên là phạm vi sự kiện sẽ khác nhau tuỳ theo:

a. The age of the soul.

a. tuổi của linh hồn.

b. Experience developed and used.

b. kinh nghiệm được phát triển và sử dụng.

c. Condition of the brain and the physical body.

c. tình trạng của bộ não và thể xác.

d. Circumstances and environment.

d. hoàn cảnh và môi trường.

As time progresses and man reaches a fair state of evolution, mind is more rapidly developed, and a new factor comes gradually into play. Little by little the intuition, or the transcendental mind, begins to function, and eventually supersedes the lower or concrete mind. It then utilises the physical brain as a receiving plate, but at the same time develops certain centres in the head, and thus transfers the zone of its activity from the physical brain to the higher head centres, existing in etheric matter. For the mass of humanity, this will be effected during the opening up of the etheric subplanes during the next two races. This is paralleled in the animal kingdom by the gradual transference of the zone of activity from the solar plexus to the rudimentary brain, and its gradual development by the aid of manas.

Khi thời gian tiến triển và con người đạt đến một trạng thái tiến hoá khá tốt, trí tuệ phát triển nhanh hơn, và một yếu tố mới dần dần đi vào hoạt động. Từng chút một, trực giác, hay Trí Tuệ Siêu Việt, bắt đầu hoạt động, và cuối cùng thay thế hạ trí hay trí cụ thể. Khi ấy nó sử dụng bộ não hồng trần như một tấm tiếp nhận, nhưng đồng thời phát triển một số trung tâm trong đầu, và nhờ đó chuyển vùng hoạt động của nó từ bộ não hồng trần sang các trung tâm đầu cao hơn, tồn tại trong vật chất dĩ thái. Đối với đại đa số nhân loại, điều này sẽ được thực hiện trong thời kỳ khai mở các cõi phụ dĩ thái trong hai giống dân kế tiếp. Điều này được song hành trong giới động vật bởi sự chuyển dịch dần dần vùng hoạt động từ tùng thái dương sang bộ não sơ khai, và sự phát triển dần dần của nó nhờ sự trợ giúp của manas.

As we consider these points, it will become apparent that the esoteric aspects of knowledge are really those zones of consciousness which are not yet conquered, and brought within the radius of control of the indwelling Entity.

Khi chúng ta xem xét các điểm này, sẽ trở nên rõ ràng rằng các phương diện nội môn của tri thức thực ra là những vùng tâm thức chưa được chinh phục, và chưa được đưa vào trong bán kính kiểm soát của Thực Thể nội tại.

The point to be emphasised is that when this is realised the true significance of the esoteric and the occult will be appreciated, and *the endeavor of all* KNOWERS *will be to draw within the zone of their knowledge other* [Page 288] *units who are ready for a similar expansion of consciousness.* In this thought lies the key to the work of the Brotherhood. They attract by Their force into certain fields of realisation and endeavor and by that attraction and the response of those human atoms who are ready, the group soul on the upward arc, or a particular centre of a Heavenly Man, is co-ordinated.

Điểm cần nhấn mạnh là khi nhận ra điều này, thâm nghĩa đích thực của nội môn và huyền bí học sẽ được đánh giá đúng, và *nỗ lực của tất cả* CÁC THỨC GIẢ *sẽ là đưa vào trong vùng tri thức của mình những* [Page 288] *đơn vị khác đã sẵn sàng cho một sự mở rộng tâm thức tương tự.* Trong tư tưởng này có chìa khóa cho công việc của Huynh đệ Đoàn. Các Ngài hút bằng mãnh lực của Các Ngài vào những lĩnh vực chứng nghiệm và nỗ lực nhất định, và nhờ sự hút đó cùng sự đáp ứng của những nguyên tử nhân loại đã sẵn sàng, hồn nhóm trên cung đi lên, hay một trung tâm đặc thù của một Đấng Thiên Nhân, được phối hợp.

In the same way the animal is brought at a certain stage into the zone of influence of the lesser sons of mind—human beings who are the elder brothers of the animals, as the Masters of the Wisdom are the Elder Brothers where humanity is concerned. So the interlocking proceeds and the division of responsibility.

Cũng theo cách ấy, động vật được đưa vào ở một giai đoạn nhất định trong vùng ảnh hưởng của các con nhỏ hơn của trí tuệ—những con người là các huynh trưởng của loài vật, cũng như các Chân sư Minh Triết là các Huynh Trưởng đối với nhân loại. Cứ thế sự móc nối tiếp diễn và sự phân chia trách nhiệm cũng vậy.

IX. WHAT IS THE RELATION BETWEEN: — IX. MỐI LIÊN HỆ GIỮA:

a. The ten planetary schemes?

a. mười hệ hành tinh là gì?

b. The seven sacred planets?

b. bảy hành tinh thiêng liêng là gì?

c. The seven chains in a scheme?

c. bảy dãy trong một hệ hành tinh là gì?

d. The seven globes in a chain?

d. bảy bầu hành tinh trong một dãy là gì?

e. The seven rounds on a globe?

e. bảy cuộc tuần hoàn trên một bầu hành tinh là gì?

f. The seven root-races and the seven subraces?

f. bảy giống dân gốc và bảy giống dân phụ là gì?

We have in this question a vast quantity of matter to deal with and it will be impossible for us to do more than to get a broad and general idea.

Trong câu hỏi này chúng ta có một khối lượng nội dung rất lớn để bàn đến và chúng ta sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc nắm được một ý niệm rộng và tổng quát.

The subject is so vast and the comprehensiveness of the interrelated points is so great that we shall only attain lucidity if we confine our attention to certain broad general conceptions, leaving the subsidiary points for more detailed elucidation at some later period.

Chủ đề này quá bao la và tính bao quát của các điểm liên hệ lẫn nhau quá lớn đến nỗi chúng ta chỉ có thể đạt được sự sáng tỏ nếu giới hạn sự chú ý của mình vào một số quan niệm tổng quát rộng lớn, để các điểm phụ thuộc lại cho sự làm sáng tỏ chi tiết hơn vào một thời kỳ sau.

1. *The Inter-related Parts*

1. *Các phần liên hệ lẫn nhau*

Primarily I would suggest that we consider this subject only as it *concerns a Heavenly Man*, that we omit from our immediate calculations the consideration of the cellular composition of His body (those separated units of consciousness which we call deva and human [Page 289] beings), and that we view the matter from what is to the human being, the group concept, and not the individual.

Trước hết tôi xin gợi ý rằng chúng ta chỉ xem xét chủ đề này trong chừng mực nó *liên hệ đến một Đấng Thiên Nhân*, rằng chúng ta tạm thời bỏ ra ngoài các tính toán trực tiếp của mình việc xem xét thành phần tế bào của thân thể Ngài (những đơn vị tâm thức tách biệt mà chúng ta gọi là thiên thần và con người [Page 289]), và rằng chúng ta nhìn vấn đề từ điều mà đối với con người là quan niệm nhóm, chứ không phải cá nhân.

The entire middle section of this treatise on the Fires has to do with the development of the consciousness of a Heavenly Man, and the application by Him of the knowledge gained (through the aid of manas or mind) in a previous solar system, to the acquisition of wisdom through objectivity, and to the transmutation of the earlier acquired faculty into applied Love. This is His work in the same sense that the work of the cells within His body is to develop the mind principle. When through experience in the three worlds the human units have accomplished this, they can then gain—through the final initiations—something of the group concept, or the conscious realisation of place, and of energised activity within the ring-pass-not of their particular planetary Logos. Therefore, we might consider the following points:

Toàn bộ phần giữa của bộ luận này về các Loại Lửa đề cập đến sự phát triển tâm thức của một Đấng Thiên Nhân, và việc Ngài áp dụng tri thức đã đạt được (nhờ sự trợ giúp của manas hay trí tuệ) trong một hệ mặt trời trước đây, vào việc đạt được minh triết qua tính khách quan, và vào việc chuyển hoá năng lực đã đạt được trước kia thành Bác Ái được áp dụng. Đây là công việc của Ngài theo cùng ý nghĩa như công việc của các tế bào trong thân thể Ngài là phát triển nguyên khí trí tuệ. Khi qua kinh nghiệm trong ba cõi giới các đơn vị nhân loại đã hoàn thành điều này, khi ấy họ có thể đạt được—qua các cuộc điểm đạo cuối cùng—một phần nào quan niệm nhóm, hay sự chứng nghiệm có ý thức về vị trí, và về hoạt động được tiếp năng lượng bên trong vòng-giới-hạn của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của họ. Vì vậy, chúng ta có thể xem xét các điểm sau:

First: The work of the units who go to the make-up of a particular planetary Logos. This is of a threefold nature:

Thứ nhất: Công việc của các đơn vị tạo nên thành phần của một Hành Tinh Thượng Đế đặc thù. Điều này có bản chất tam phân:

a. To attain the consciousness of the realised control of their own individual ring-pass-not, or of their own sphere of activity. This covers the period of evolution up to the first Initiation, or their entrance upon the Path, and thus into the spiritual kingdom. It

a. Đạt được tâm thức về sự kiểm soát đã chứng nghiệm đối với vòng-giới-hạn cá nhân của chính họ, hay đối với khối cầu hoạt động riêng của họ. Điều này bao trùm thời kỳ tiến hoá cho đến lần điểm đạo thứ nhất, hay việc họ bước vào Đường Đạo, và do đó

concerns the awakening of consciousness on the three lower planes.

vào giới tinh thần. Nó liên hệ đến sự thức tỉnh tâm thức trên ba cõi thấp.

b. To attain the consciousness of the particular centre in the body of one of the planetary Logoi—which centre embodies their group activity. This carries them to the fifth Initiation, and covers the period wherein consciousness is awakened on the five planes of evolution.

b. Đạt được tâm thức về trung tâm đặc thù trong thân thể của một trong các Hành Tinh Thượng Đế—trung tâm thể hiện hoạt động nhóm của họ. Điều này đưa họ đến lần điểm đạo thứ năm, và bao trùm thời kỳ trong đó tâm thức được thức tỉnh trên năm cõi tiến hoá.

c. To attain to the consciousness of the centre in the Body of the Logos of which any particular planetary [Page 290] Logos is the sumtotal. This carries them to the seventh Initiation and covers the period of the awakening of consciousness on the seven planes of the solar system.

c. Đạt đến tâm thức về trung tâm trong Thân thể của Thượng đế mà bất kỳ Hành Tinh [Page 290] Thượng Đế đặc thù nào cũng là tổng thể. Điều này đưa họ đến lần điểm đạo thứ bảy và bao trùm thời kỳ thức tỉnh tâm thức trên bảy cõi của hệ mặt trời.

These expansions are attained by the aid of mind, transmuted in due course of time into love-wisdom, and entail the conscious control of the entire seven planes of the solar system, or of the lowest cosmic plane.

Những sự mở rộng này đạt được nhờ sự trợ giúp của trí tuệ, được chuyển hoá theo thời gian thành Bác Ái – Minh Triết, và bao hàm sự kiểm soát có ý thức đối với toàn bộ bảy cõi của hệ mặt trời, hay cõi vũ trụ thấp nhất.

Second: The work of the Heavenly Men Who in their totality are the seven centres in the body of the Logos. This work is again threefold:

Thứ hai: Công việc của các Đấng Thiên Nhân là những Đấng trong tổng thể của Các Ngài là bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế. Công việc này lại cũng tam phân:

a. To attain to full self-consciousness, or to individual consciousness on the five planes; to vibrate with conscious activity within Their Own ring-pass-not, a planetary scheme. This covers a period in the scheme of involution, and of that period during the evolutionary stage which is comprised within the first three rounds up to the entrance upon the fourth round.

a. Đạt đến ngã thức trọn vẹn, hay tâm thức cá nhân trên năm cõi; rung động với hoạt động có ý thức bên trong vòng-giới-hạn riêng của Các Ngài, một hệ hành tinh. Điều này bao trùm một thời kỳ trong tiến trình giáng hạ tiến hoá, và thời kỳ trong giai đoạn thăng thượng tiến hoá được bao gồm trong ba cuộc tuần hoàn đầu cho đến khi bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư.

b. To attain to the consciousness of the solar Logos, within Whose body They form the centres. It entails the attainment by a

b. Đạt đến tâm thức của Thái dương Thượng đế, trong thân thể của Ngài Các Ngài tạo thành các trung tâm. Điều đó bao hàm việc

Heavenly Man of a group consciousness of a sevenfold nature, or the achievement of accurate vibratory relationship with the other Heavenly Men Who form the other centres. It carries with it the capacity to have full conscious control on the seven planes of the solar system, and covers that period of development which is undergone in a planetary chain during the fourth, fifth, and sixth rounds. It should be borne in mind that a paralleling recognition should here be given to the fact that the solar Logos holds an analogous position in the body of a cosmic Entity to that held by a Heavenly Man in the body of a solar Logos.

một Đấng Thiên Nhân đạt được một tâm thức nhóm có bản chất thất phân, hay thành tựu mối liên hệ rung động chính xác với các Đấng Thiên Nhân khác tạo thành các trung tâm khác. Nó mang theo khả năng có sự kiểm soát hoàn toàn có ý thức trên bảy cõi của hệ mặt trời, và bao trùm thời kỳ phát triển được trải qua trong một dãy hành tinh trong cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ sáu. Cần ghi nhớ rằng ở đây cũng nên thừa nhận một sự nhận biết song hành đối với sự kiện rằng Thái dương Thượng đế giữ một vị trí tương tự trong thân thể của một Thực Thể vũ trụ như vị trí mà một Đấng Thiên Nhân giữ trong thân thể của một Thái dương Thượng đế.

c. To attain to the consciousness of a greater centre on cosmic levels. This covers the period of the seventh round, and gives to a Heavenly Man (when these rounds are viewed in the light of the Eternal Now, and not from the standpoint of time and of space) the consciousness of [Page 291] the cosmic astral, or the second lowest plane of the cosmic planes. A great deal of the problem to be seen slowly working out at this time to a solution is due to the fact that the control of the Heavenly Man, Whose body our scheme may be, is as yet but partial, and His cosmic experience is as yet but imperfect. This necessarily affects the cells in His body in the same way that lack of astral control in the case of a human being, affects his vehicle. It might here be pointed out that the evolution of the Heavenly Men is unequal, and that our planetary Logos has not the control, for instance, that the Heavenly Man of the Venus chain has achieved. In each round one subplane of the cosmic astral plane is brought under control, and the consciousness of the Heavenly Man expands to include one subplane more. The planetary Lord of Venus has dominated and controlled the five subplanes and is working

c. Đạt đến tâm thức của một trung tâm lớn hơn trên các cấp độ vũ trụ. Điều này bao trùm thời kỳ của cuộc tuần hoàn thứ bảy, và mang lại cho một Đấng Thiên Nhân (khi các cuộc tuần hoàn này được nhìn dưới ánh sáng của Hiện Tại Vĩnh Cửu, chứ không từ quan điểm của thời gian và không gian) tâm thức của [Page 291] cõi cảm dục vũ trụ, hay cõi thấp thứ hai trong các cõi vũ trụ. Phần lớn vấn đề hiện đang được thấy chậm rãi tiến tới một giải pháp là do sự kiện rằng sự kiểm soát của Đấng Thiên Nhân mà thân thể Ngài có thể là hệ hành tinh của chúng ta, cho đến nay vẫn chỉ là từng phần, và kinh nghiệm vũ trụ của Ngài cho đến nay vẫn chưa hoàn hảo. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến các tế bào trong thân thể Ngài theo cùng cách mà sự thiếu kiểm soát cảm dục trong trường hợp một con người ảnh hưởng đến vận cụ của y. Ở đây có thể chỉ ra rằng sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân là không đồng đều, và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chẳng hạn chưa có được sự kiểm soát mà Đấng Thiên Nhân của dãy Kim Tinh đã đạt được. Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ được đưa vào dưới sự kiểm soát, và tâm thức của Đấng Thiên Nhân mở rộng để bao gồm thêm một cõi phụ

on the sixth. Our planetary Logos is engaged in a similar work on the fourth and fifth. The work, as in all cycles, overlaps and it might be explained thus:

nữa. Chúa Tể Hành Tinh của Kim Tinh đã chế ngự và kiểm soát năm cõi phụ và đang làm việc trên cõi phụ thứ sáu. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang dấn thân vào một công việc tương tự trên cõi phụ thứ tư và thứ năm. Công việc này, như trong mọi chu kỳ, có sự chồng lấn và có thể được giải thích như sau:

He is perfecting the control of the fourth subplane on the cosmic astral plane, and has nearly completed it. He is beginning to work at the control of the fifth subplane—a control which will be perfected in the fifth round.

Ngài đang hoàn thiện sự kiểm soát cõi phụ thứ tư trên cõi cảm dục vũ trụ, và gần như đã hoàn tất. Ngài đang bắt đầu làm việc để kiểm soát cõi phụ thứ năm—một sự kiểm soát sẽ được hoàn thiện trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

He is sensing and responding to the vibration of the sixth subplane, but is not as yet fully conscious on that subplane.

Ngài đang cảm nhận và đáp ứng với rung động của cõi phụ thứ sáu, nhưng cho đến nay chưa hoàn toàn có ý thức trên cõi phụ đó.

We have a corresponding reflection to this in the fourth and fifth root-races on this planet, in which the astral consciousness of the Atlantean cycle is being perfected, the fifth principle is being developed, and the sixth is being gradually sensed. This deserves thoughtful consideration.

Chúng ta có một phản ảnh tương ứng của điều này trong giống dân gốc thứ tư và thứ năm trên hành tinh này, trong đó tâm thức cảm dục của chu kỳ Atlantis đang được hoàn thiện, nguyên khí thứ năm đang được phát triển, và nguyên khí thứ sáu đang dần dần được cảm nhận. Điều này đáng được suy ngẫm cẩn trọng.

Third: The work of a solar logos is again of a corresponding nature:

Thứ ba: Công việc của một Thái dương Thượng đế lại cũng có bản chất tương ứng:

[Page 292] *a.* He has to attain to the full consciousness of His entire ring-pass-not, or of the seven planes of the solar system. This covers a period wherein five of the Heavenly Men, or five of His centres, and therefore, five schemes, reach a stage of accurate response to contact and stimulation.

[Page 292] *a.* Ngài phải đạt đến tâm thức trọn vẹn về toàn bộ vòng-giới-hạn của Ngài, hay về bảy cõi của hệ mặt trời. Điều này bao trùm một thời kỳ trong đó năm Đấng Thiên Nhân, hay năm trung tâm của Ngài, và do đó năm hệ hành tinh, đạt đến một giai đoạn đáp ứng chính xác đối với tiếp xúc và kích thích.

b. He has to attain to the consciousness of the cosmic Logos within Whose body He is a centre. He must find by experience His place within the cosmic group of which He is a part, in much the same way as a planetary Logos pursues a similar course. This is achieved when all the Heavenly Men or each of the seven centres are awakened and functioning consciously and freely, with their systemic inter-relation adjusted and controlled by the Law of Action and Reaction. It brings within His control not only the seven subplanes of the cosmic physical plane (our seven major planes) but necessarily also the cosmic astral plane.

b. Ngài phải đạt đến tâm thức của Thượng đế vũ trụ mà trong thân thể của Ngài, Ngài là một trung tâm. Ngài phải tìm ra bằng kinh nghiệm vị trí của mình trong nhóm vũ trụ mà Ngài là một phần, theo cách rất giống như một Hành Tinh Thượng Đế theo đuổi một tiến trình tương tự. Điều này đạt được khi tất cả các Đấng Thiên Nhân hay mỗi một trong bảy trung tâm đều được thức tỉnh và hoạt động một cách có ý thức và tự do, với mối liên hệ giữa chúng trong hệ mặt trời chịu sự điều chỉnh và kiểm soát của Định luật Hành Động và Phản Ứng. Điều đó đưa vào dưới sự kiểm soát của Ngài không chỉ bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi chính của chúng ta) mà tất yếu còn cả cõi cảm dục vũ trụ nữa.

c. To attain to the consciousness of the centre in the body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID. This centre is formed by the sphere of influence of a cosmic Logos. In the body of a cosmic Logos, a solar Logos is a centre.

c. Đạt đến tâm thức của trung tâm trong thân thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Trung tâm này được tạo thành bởi khối cầu ảnh hưởng của một Thượng đế vũ trụ. Trong thân thể của một Thượng đế vũ trụ, một Thái dương Thượng đế là một trung tâm.

We must bear in mind that this enumeration is given from the standpoint of *the present*, and from the angle of vision (relatively limited) of the Heavenly Man of our particular scheme, and that it is therefore circumscribed by His peculiar conditions, which govern the intelligence of the cells in His body; it is given from the point of view of differentiation and not of synthesis. A synthetic absorption proceeds eventually in connection with all these Entities, and each undergoes a process, paralleling on His Own level that undergone by the Microcosm; in the case of the Microcosm the causal body or the body of the Ego acts as the synthesiser of the energy of the Quaternary or lower Self, and the spiritual

Chúng ta phải ghi nhớ rằng sự liệt kê này được đưa ra từ quan điểm của *hiện tại*, và từ góc nhìn (tương đối hạn chế) của Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh đặc thù của chúng ta, và do đó chịu sự giới hạn của các điều kiện đặc thù của Ngài, những điều kiện chi phối trí tuệ của các tế bào trong thân thể Ngài; nó được đưa ra từ quan điểm của biến phân chứ không phải của tổng hợp. Cuối cùng một sự hấp thu tổng hợp sẽ diễn ra liên hệ với tất cả các Thực Thể này, và mỗi vị đều trải qua một tiến trình, song hành trên cấp độ riêng của Ngài với tiến trình mà Tiểu thiên địa trải qua; trong trường hợp của Tiểu thiên địa, thể nguyên nhân hay thể của chân ngã hoạt động như yếu tố tổng hợp năng lượng của Bộ Tứ hay phàm ngã, và vỏ bọc tinh thần

[Page 293] TABULATION II

EVOLUTION IN THE UNIVERSE

[Page 293] BẢNG II

TIẾN HOÁ TRONG VŨ TRỤ

Entity	*Vehicle*	*Centre*	*Space*	*Time*
The Unknown	7 constellations.	cosmic Logos	5 cosmic planes.	
A cosmic Logos	7 solar systems	solar Logos	4 cosmic planes.	
A solar Logos	7 planetary schemes	Heavenly Man	3 cosmic planes.	Period of three solar systems.
A Heavenly Man	7 planetary chains	Chohans and groups	2 cosmic planes.	Period of one solar system.
A Man	7 etheric centrcs	a Principle	1 cosmic plane	Period of one planetary scheme.

[Page 294] or monadic sheath as the synthesiser of the seven principles, making thus the three, the seven, and the ten.

In closing I would point out that the mind must carefully be kept from reducing all these ideas into a rankly materialistic concept. It must be rigidly borne in mind that we are dealing with the subjective life, and not with the objective form, and that we are considering, for instance, the synthesis

[Page 294] hoặc vỏ bọc chân thần như yếu tố tổng hợp của bảy nguyên khí, do đó tạo thành bộ ba, bộ bảy và bộ mười.

Để kết thúc, tôi xin chỉ ra rằng phải hết sức ngăn thể trí quy giản tất cả các ý tưởng này thành một khái niệm duy vật thô thiển. Phải luôn ghi nhớ một cách nghiêm ngặt rằng chúng ta đang đề cập đến sự sống chủ quan, chứ không phải hình tướng khách quan, và rằng chẳng hạn, chúng ta đang xem xét sự tổng hợp của các nguyên khí hay các năng

of the principles or the qualitating energies and not the synthesis of form.

lượng phẩm tính chứ không phải sự tổng hợp của hình tướng.

Through each etheric centre man is bringing to perfect vibration some one principle or quality through which the subjective life may express itself.

Qua mỗi trung tâm dĩ thái, con người đang đưa một nguyên khí hay phẩm tính nào đó đến rung động hoàn hảo, nhờ đó sự sống chủ quan có thể biểu lộ chính nó.

Through each chain in a scheme a Heavenly Man is endeavoring to do the same.

Qua mỗi Dãy trong một hệ hành tinh, một Đấng Thiên Nhân đang nỗ lực làm điều tương tự.

Through each scheme in a system, a solar Logos is working at the same thing; the goal is synthetic quality and not primarily the perfection of the form. The response of the energised form to the qualitative life is naturally—under the law—equal to the demand, but this is of secondary importance and is not the object in view.

Qua mỗi hệ hành tinh trong một hệ mặt trời, một Thái dương Thượng đế đang hoạt động cho cùng một việc; mục tiêu là phẩm tính tổng hợp chứ không chủ yếu là sự hoàn thiện của hình tướng. Sự đáp ứng của hình tướng được tiếp năng lượng đối với sự sống phẩm tính, một cách tự nhiên—dưới định luật—tương xứng với nhu cầu, nhưng điều này chỉ quan trọng hàng thứ yếu và không phải là mục tiêu được nhắm đến.

We have seen that the work to be accomplished in all the above cases is necessarily threefold:

Chúng ta đã thấy rằng công việc phải được hoàn thành trong mọi trường hợp nêu trên tất yếu là tam phân:

First. The development of individual consciousness.

Thứ nhất. Sự phát triển của tâm thức cá nhân.

Second. The development of group consciousness.

Thứ hai. Sự phát triển của tâm thức nhóm.

Third. The development of God consciousness, of that consciousness in each case which represents the highest spiritual Source, and which is recognised as the same in essence as the God within the individual, whether man or solar Logos.

Thứ ba. Sự phát triển của tâm thức Thượng đế, của tâm thức trong mỗi trường hợp vốn biểu thị Nguồn tinh thần cao nhất, và được nhận biết là đồng nhất về bản chất với Thượng đế bên trong cá nhân, dù là con người hay Thái dương Thượng đế.

This concept must be meditated upon by all thinkers and its synthesis emphasised. The relation of the cell to the group, of the group

Mọi nhà tư tưởng phải tham thiền về khái niệm này và nhấn mạnh sự tổng hợp của nó. Mối liên hệ của tế bào với nhóm, của nhóm

to the aggregate of groups, and of them all to the indwelling Entity Who holds them in synthetic correlation by means of the Law of Attraction and Repulsion is of vital moment. Two main ideas must always be borne in mind: [Page 295]

với tổng thể các nhóm, và của tất cả chúng với Thực Thể nội tại, Đấng giữ chúng trong sự tương quan tổng hợp bằng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, là điều có tầm quan trọng thiết yếu. Luôn phải ghi nhớ hai ý tưởng chính: [Page 295]

That the terms "cell, group, or congery of groups" relate entirely to the form of vehicle, and thus to the *matter* aspect.

Rằng các thuật ngữ "tế bào, nhóm, hay tập hợp các nhóm" hoàn toàn liên hệ đến hình tướng của vận cụ, và do đó đến phương diện *vật chất*.

That the idea of an Entity Who synthesises the groups and is the animating life of the cell has to do with the *Spirit* aspect.

Rằng ý tưởng về một Thực Thể tổng hợp các nhóm và là sự sống làm sinh động tế bào thì liên quan đến phương diện *Tinh thần*.

These two concepts lead necessarily to a third, that of the development of consciousness, which is the gradual expansion of the realisation of the Indweller in the form, the apprehension by the Self of the relation of the form to Itself, and of its slow utilisation and control. This persists until that Realisation includes the cell, the group, and the totality of groups. These ideas can be applied to the three grades of consciousness referred to. As follows:

Hai khái niệm này tất yếu dẫn đến một khái niệm thứ ba, đó là sự phát triển của tâm thức, tức sự mở rộng dần dần của sự chứng nghiệm của Đấng Nội Tại trong hình tướng, sự lĩnh hội của Bản Ngã về mối liên hệ của hình tướng với chính Nó, và việc sử dụng cùng kiểm soát nó một cách chậm rãi. Điều này tiếp diễn cho đến khi sự Chứng Nghiệm ấy bao gồm tế bào, nhóm và toàn thể các nhóm. Những ý tưởng này có thể được áp dụng vào ba cấp độ tâm thức đã được nói đến. Như sau:

Man, the lowest type of *coherent* consciousness (using the word "consciousness" in its true connotation as the "One who knows") is but a cell, a minute atom within a group.

Con người, loại tâm thức *mạch lạc* thấp nhất (dùng từ "tâm thức" theo hàm nghĩa chân thực của nó như là "Đấng biết") chỉ là một tế bào, một nguyên tử nhỏ bé bên trong một nhóm.

A *Heavenly Man* represents a coherent conscious group.

Một *Đấng Thiên Nhân* biểu thị một nhóm hữu thức mạch lạc.

A solar Logos on His Own plane holds an analogous place to that of a Heavenly Man in a solar system, and from a still higher standpoint to that of a man within the solar system. When the place of the solar planes

Một Thái dương Thượng đế trên cõi riêng của Ngài giữ một vị trí tương tự như vị trí của một Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời, và từ một quan điểm còn cao hơn nữa thì tương tự như vị trí của một con người

within the cosmic scheme is duly apprehended it will be recognised that on cosmic levels of a high order the solar Logos is an Intelligence as relatively low in the order of cosmic consciousness as man is in relation to solar consciousness. He is but a cell in the body of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID. His work parallels on cosmic levels the work of man on the solar planes. He has to undergo on the three lower cosmic planes a process of developing an apprehension of His environment of the same nature as man in the three worlds. This fact should be remembered by all students [Page 296] of this central division of our subject; above all the analogy between the cosmic physical planes and the solar physical planes must be pondered upon. It holds hid the fourfold mystery:

trong hệ mặt trời. Khi vị trí của các cõi thái dương trong hệ vũ trụ được lĩnh hội đúng mức, người ta sẽ nhận ra rằng trên các cấp độ vũ trụ cao, Thái dương Thượng đế là một Trí Tuệ tương đối thấp trong trật tự tâm thức vũ trụ, cũng như con người tương đối với tâm thức thái dương. Ngài chỉ là một tế bào trong thân thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ. Công việc của Ngài trên các cấp độ vũ trụ song hành với công việc của con người trên các cõi thái dương. Ngài phải trải qua trên ba cõi vũ trụ thấp một tiến trình phát triển sự lĩnh hội về môi trường của Ngài có cùng bản chất như con người trong ba cõi giới. Mọi đạo sinh của [Page 296] phân bộ trung tâm này của đề tài chúng ta cần ghi nhớ sự kiện này; trên hết, phải suy ngẫm về sự tương đồng giữa các cõi hồng trần vũ trụ và các cõi hồng trần thái dương. Trong đó ẩn giấu bí nhiệm tứ phân:

1. The mystery of the Akasha.

1. Bí nhiệm của Akasha.

2. The secret of the fifth round.

2. Bí mật của cuộc tuần hoàn thứ năm.

3. The esoteric significance of Saturn, the third planet.

3. Ý nghĩa nội môn của Sao Thổ, hành tinh thứ ba.

4. The occult nature of cosmic kundalini, or the electrical force of the system.

4. Bản chất huyền môn của kundalini vũ trụ, hay mãnh lực điện của hệ mặt trời.

One hint on this fourth point may be given for wise consideration. When the electrical interplay between the planets is better ascertained (and by this I mean their negative or positive interplay), then it will be revealed which are related or connected, and which are nearing the point of balance. I would here point out very briefly certain facts, not pausing to elaborate or to elucidate, but simply making various statements which—as the knowledge of man progresses—will assume their rightful place in the ordered scheme. They will then

Có thể đưa ra một gợi ý về điểm thứ tư này để suy xét một cách minh triết. Khi sự tương tác điện giữa các hành tinh được xác định rõ hơn (và bởi điều này tôi muốn nói đến sự tương tác âm hay dương của chúng), khi đó sẽ được tiết lộ hành tinh nào có liên hệ hay kết nối với nhau, và hành tinh nào đang tiến gần đến điểm quân bình. Ở đây tôi xin rất ngắn gọn chỉ ra vài sự kiện, không dừng lại để khai triển hay làm sáng tỏ, mà chỉ đơn giản nêu ra nhiều mệnh đề khác nhau, những điều này—khi tri thức của con người tiến bộ—sẽ đảm nhận vị trí đúng đắn của

be seen as enlightening and revealing the necessary sequence of development.

chúng trong hệ thống có trật tự. Khi ấy chúng sẽ được thấy là soi sáng và tiết lộ trình tự phát triển tất yếu.

2. *The Work of the Atomic Units.*

2. *Công việc của các đơn vị nguyên tử.*

a. The seven Heavenly Men, considered in relation to the Entity of Whom the solar Logos is a reflection, are as the seven centres in the physical body of a human being. This will be realised as the correspondence between the cosmic physical plane and the systemic physical plane is studied.

a. Bảy Đấng Thiên Nhân, được xét trong mối liên hệ với Thực Thể mà Thái dương Thượng đế là sự phản chiếu của Ngài, cũng như bảy trung tâm trong thể xác của một con người. Điều này sẽ được nhận ra khi sự tương ứng giữa cõi hồng trần vũ trụ và cõi hồng trần hệ mặt trời được nghiên cứu.

b. Three of these centres, therefore

b. Vì vậy, ba trung tâm này

Concern the lower centres of the cosmic Being.

Liên quan đến các trung tâm thấp của Hữu thể vũ trụ.

Have their analogies on the dense, liquid and gaseous planes.

Có những tương đồng của chúng trên các cõi đậm đặc, lỏng và khí.

Are at present the object of the attention of cosmic kundalini.

Hiện nay là đối tượng chú ý của kundalini vũ trụ.

[Page 297] *c.* One of these centres corresponds to the solar plexus and is the synthesiser of the lower three, thus making a quaternary.

[Page 297] *c.* Một trong các trung tâm này tương ứng với tùng thái dương và là yếu tố tổng hợp của ba trung tâm thấp, do đó tạo thành một bộ bốn.

d. The centre which is analogous to that at the base of the spine, or the reservoir of kundalini, has a permanence which is not seen in the other two lower centres. The Heavenly Man Who embodies this principle and is the source of generative heat to His Brothers, must be sought for by the aid of the intuition. Concrete Mind will not here avail.

d. Trung tâm tương tự với trung tâm ở đáy cột sống, hay hồ chứa kundalini, có một tính thường tồn không thấy nơi hai trung tâm thấp kia. Đấng Thiên Nhân hiện thân cho nguyên khí này và là nguồn nhiệt sinh sản cho các Huynh Đệ của Ngài, phải được tìm ra nhờ trực giác. Trí cụ thể ở đây sẽ không hữu dụng.

e. The three higher centres, or the Heavenly Men Who correspond to the head, the heart

e. Ba trung tâm cao, hay các Đấng Thiên Nhân tương ứng với đầu, tim và cổ họng của

and the throat of the solar Logos, have Their etheric analogies on the three higher etheric levels of the cosmic physical plane, just as the Heavenly Man Who embodies the logoic solar plexus finds His manifesting source on the fourth etheric.

Thái dương Thượng đế, có những đối phần dĩ thái của Các Ngài trên ba cấp dĩ thái cao của cõi hồng trần vũ trụ, cũng như Đấng Thiên Nhân hiện thân cho tùng thái dương của Thượng đế tìm thấy nguồn biểu hiện của Ngài trên cõi dĩ thái thứ tư.

f. This Heavenly Man, with His etheric vortex or wheel of force on the fourth cosmic ether, is in this fourth round, a vital factor in planetary evolution.

f. Đấng Thiên Nhân này, với xoáy lực dĩ thái hay bánh xe lực của Ngài trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, là một nhân tố thiết yếu trong tiến hoá hành tinh.

g. When the Heavenly Man, Who is at present demonstrating through the Earth scheme, has succeeded in vitalising His middle centre, or in directing the force of planetary kundalini away from the lower centres to the solar plexus centre, a new cycle will be reached, and much of the present distress will be ended. His work is as yet in an embryonic condition, and two and a half more cycles must transpire before He has accomplished the necessary work. When that is done, the result in connection with the human units in incarnation will be threefold:

g. Khi Đấng Thiên Nhân, Đấng hiện đang biểu lộ qua hệ hành tinh Địa Cầu, thành công trong việc tiếp sinh lực cho trung tâm giữa của Ngài, hay trong việc hướng mãnh lực kundalini hành tinh ra khỏi các trung tâm thấp đến trung tâm tùng thái dương, thì một chu kỳ mới sẽ đạt tới, và phần lớn nỗi khốn khổ hiện nay sẽ chấm dứt. Công việc của Ngài hiện vẫn còn trong tình trạng phôi thai, và phải thêm hai chu kỳ rưỡi nữa trôi qua trước khi Ngài hoàn thành công việc cần thiết. Khi điều đó được thực hiện, kết quả liên quan đến các đơn vị nhân loại đang lâm phàm sẽ là tam phân:

Sex stimulation, as now understood, will be showing a tendency to manifest in creation, not so much on the physical plane, as on the astral and mental, demonstrating in the creations of art and beauty, and the objective work of the scientists.

Sự kích thích tính dục, như hiện nay được hiểu, sẽ cho thấy khuynh hướng biểu lộ trong sáng tạo, không nhiều trên cõi hồng trần bằng trên cõi cảm dục và cõi trí, được chứng tỏ trong các sáng tạo của nghệ thuật và mỹ lệ, và trong công trình khách quan của các nhà khoa học.

Crime, as now seen, based largely on the sex emotion, [Page 298] will be a thing of the past, and physical plane license, orgy and horror will be reduced seventy-five per cent.

Tội ác, như hiện nay được thấy, phần lớn dựa trên cảm xúc tính dục, [Page 298] sẽ trở thành chuyện quá khứ, và sự buông thả, trụy lạc và kinh hoàng trên cõi hồng trần sẽ giảm bảy mươi lăm phần trăm.

Sự tương tác giữa ba hành tinh hồng trần đậm đặc sẽ được hoàn thiện và con người sẽ

The interplay between the three dense physical planets will be perfected and man will pass at will from one to another.

tùy ý đi từ hành tinh này sang hành tinh khác.

I would here point out the inadvisability of the method whereby the names of the globes in a chain, just as the names of a chain in a scheme, follow the planetary nomenclature. This has led to confusion.

Ở đây tôi xin chỉ ra tính không thích đáng của phương pháp theo đó tên các bầu hành tinh trong một Dãy, cũng như tên một Dãy trong một hệ hành tinh, lại theo danh pháp hành tinh. Điều này đã dẫn đến sự lẫn lộn.

A clue tending towards the correct understanding lies hid in the words: "Venus is the Earth's primary." *(S.D., II, 33. I, 323)*

Một đầu mối hướng đến sự thấu hiểu đúng đắn nằm ẩn trong những lời: "Sao Kim là hành tinh gốc của Trái Đất." *(S.D., II, 33. I, 323)*

It is not permissible to say much about this mystery, that *"Venus is the Earth's alter ego,"* nor is it advisable, but certain ideas may be suggested which—if brooded on—may result in a wider grasp of the beauty of nature's synthesis, and of the wonderful correlation of all that is in process of evolution.

Không được phép nói nhiều về bí nhiệm này, rằng *"Sao Kim là alter ego của Trái Đất,"* và cũng không nên làm vậy, nhưng có thể gợi ra vài ý tưởng mà—nếu được suy ngẫm sâu xa—có thể dẫn đến một sự nắm bắt rộng lớn hơn về vẻ đẹp của sự tổng hợp trong bản chất, và về sự tương quan kỳ diệu của mọi điều đang trong tiến trình tiến hoá.

Perhaps some idea may be gained if we remember that, in an occult sense, Venus is to the Earth what the higher Self is to man.

Có lẽ có thể đạt được một vài ý niệm nếu chúng ta nhớ rằng, theo nghĩa huyền bí, Sao Kim đối với Trái Đất cũng như chân ngã đối với con người.

The coming of the Lords of Flame to the Earth was all under law and not just an accidental and fortunate happening; it was a planetary matter which finds its correspondence in the connection between the mental unit and the manasic permanent atom. Again, as the antaskarana is built by individual man between these two points, so—again in a planetary sense—is a channel being built by collective man on this planet to its primary, Venus.

Sự giáng lâm của các Chúa Tể của Lửa đến Trái Đất đều hoàn toàn theo định luật chứ không chỉ là một biến cố ngẫu nhiên và may mắn; đó là một vấn đề hành tinh có sự tương ứng của nó trong mối liên hệ giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas. Cũng như antahkarana được con người cá nhân xây dựng giữa hai điểm này, thì—một lần nữa theo nghĩa hành tinh—một kênh dẫn đang được con người tập thể trên hành tinh này xây dựng đến hành tinh gốc của nó là Sao Kim.

In connection with these two planets, it must be remembered that Venus is a sacred planet and the Earth is not. This means that certain of the planets are to the Logos what the permanent atoms are to man. They embody principles. Certain planets afford only temporary [Page 299] homes to these principles. Others persist throughout the mahamanvantara. Of these Venus is one.

Liên quan đến hai hành tinh này, phải nhớ rằng Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng còn Trái Đất thì không. Điều này có nghĩa là một số hành tinh đối với Thượng đế cũng như các nguyên tử trường tồn đối với con người. Chúng hiện thân cho các nguyên khí. Một số hành tinh chỉ cung cấp những nơi cư ngụ tạm thời [Page 299] cho các nguyên khí này. Những hành tinh khác tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Sao Kim là một trong số đó.

Three of the sacred planets, it should be remembered, are the home of the three major Rays, of the embodied forms of the three logoic aspects or principles. Other planets are embodiments of the four minor rays. We might consider—*from the standpoint of the present*—that Venus, Jupiter and Saturn might be considered as the vehicles of the three super-principles at this time. Mercury, the Earth and Mars are closely allied to these three, but a hidden mystery lies here. The evolution of the inner round has a close connection with this problem. Perhaps some light may be thrown upon the obscurity of the matter by the realisation that just as the Logos has (in the non-sacred planets) the correspondence to the permanent atoms in the human being, so the middle evolution between these two (God and man) is the Heavenly Man, whose body is made up of human and deva monads, and Who has likewise His permanent atoms. Always the three higher principles can be distinguished in importance from the four lower.

Cần nhớ rằng ba hành tinh thiêng liêng là nơi cư ngụ của ba Cung chính, của các hình tướng hiện thân của ba phương diện hay nguyên khí của Thượng đế. Các hành tinh khác là hiện thân của bốn cung phụ. Chúng ta có thể xét—*từ quan điểm hiện tại*—rằng Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thổ có thể được xem là các vận cụ của ba siêu-nguyên khí vào lúc này. Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa liên hệ mật thiết với ba hành tinh ấy, nhưng ở đây có một bí nhiệm ẩn giấu. Sự tiến hoá của cuộc tuần hoàn nội tại có liên hệ chặt chẽ với vấn đề này. Có lẽ một ít ánh sáng có thể được rọi vào sự tối nghĩa của vấn đề nếu nhận ra rằng cũng như Thượng đế có (trong các hành tinh không thiêng liêng) sự tương ứng với các nguyên tử trường tồn trong con người, thì sự tiến hoá trung gian giữa hai bên này (Thượng đế và con người) là Đấng Thiên Nhân, mà thân thể của Ngài do các chân thần người và thiên thần cấu thành, và Ngài cũng có các nguyên tử trường tồn của riêng Ngài. Luôn luôn có thể phân biệt ba nguyên khí cao là quan trọng hơn bốn nguyên khí thấp.

The key is hidden in the fact that between the number of a globe in a chain and its corresponding chain lies a method of communication. The same is true likewise of the correspondence between a chain of globes and a scheme of analogous number. The connection between Venus and the

Chìa khóa ẩn giấu trong sự kiện rằng giữa số của một bầu hành tinh trong một Dãy và Dãy tương ứng của nó có một phương pháp thông giao. Điều tương tự cũng đúng đối với sự tương ứng giữa một Dãy các bầu hành tinh và một hệ hành tinh có số tương tự. Mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất ẩn trong con

Earth lies hid in number, and it took a moment of mysterious alignment between a globe, its corresponding chain and the scheme of allied number to effect the momentous occurrence known as the coming of the Lords of Flame. It occurred in the third rootrace in the fourth round. Here we have an analogy between the quaternary and the Triad, carrying the interpretation up to a Heavenly Man. The chain was the fourth chain and the globe, the fourth. The fourth [Page 300] chain in the Venus scheme and the fourth globe in that chain were closely involved in the transaction.

số, và cần đến một khoảnh khắc chỉnh hợp huyền nhiệm giữa một bầu hành tinh, Dãy tương ứng của nó và hệ hành tinh có số liên hệ để tạo nên biến cố trọng đại được biết đến như sự giáng lâm của các Chúa Tể của Lửa. Điều đó xảy ra trong giống dân gốc thứ ba ở cuộc tuần hoàn thứ tư. Ở đây chúng ta có một sự tương đồng giữa bộ bốn và Tam nguyên tinh thần, đưa cách giải thích lên đến một Đấng Thiên Nhân. Dãy ấy là Dãy thứ tư và bầu hành tinh cũng là bầu thứ tư. Dãy thứ tư [Page 300] trong hệ hành tinh Sao Kim và bầu hành tinh thứ tư trong Dãy ấy có liên quan mật thiết đến sự kiện này.

h. The progress of development of the Heavenly Men is by no means uniform. One point has not been emphasised hitherto, and that is, that the problem before each of Them is dissimilar, and, therefore, it is not possible for man correctly to gauge the work done by Them and Their relative point of attainment. It has been said that as Venus is in the fifth round, the Venusian Lord is further progressed than His brothers. This is not altogether so. Just as in the development of humanity three main lines may be seen with four lesser lines merging into one of the three main lines, so in connection with the Heavenly Men, there are three main lines of which the Venusian is not one. The Lord of Venus holds place in the logoic quaternary, as does the Lord of Earth.

h. Sự tiến triển phát triển của các Đấng Thiên Nhân hoàn toàn không đồng đều. Có một điểm cho đến nay chưa được nhấn mạnh, đó là vấn đề trước mặt mỗi Đấng là khác nhau, và vì vậy con người không thể đánh giá đúng công việc do Các Ngài thực hiện cũng như điểm thành tựu tương đối của Các Ngài. Người ta đã nói rằng vì Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm nên Chúa Tể Kim Tinh tiến bộ hơn các Huynh Đệ của Ngài. Điều này không hoàn toàn đúng. Cũng như trong sự phát triển của nhân loại có thể thấy ba đường chính với bốn đường phụ hòa nhập vào một trong ba đường chính, thì liên quan đến các Đấng Thiên Nhân cũng có ba đường chính mà đường của Kim Tinh không phải là một. Chúa Tể của Sao Kim giữ vị trí trong bộ bốn của Thượng đế, cũng như Chúa Tể của Trái Đất.

The main idea underlying the question we have been endeavoring to answer has to do with the relationship between the schemes, chains, rounds, and races, and it should be borne in mind that these manifestations bear the same relationship to a Heavenly Man as incarnations do to a human being. This gives the opportunity here to bring out perhaps a little more clearly the place of

Ý tưởng chính nằm bên dưới câu hỏi mà chúng ta đã cố gắng trả lời liên quan đến mối tương quan giữa các hệ hành tinh, các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các giống dân, và cần ghi nhớ rằng các biểu hiện này có cùng mối liên hệ với một Đấng Thiên Nhân như các lần nhập thể đối với một con người. Điều này cho ta cơ hội ở đây để có lẽ làm sáng tỏ hơn đôi chút vị trí của các *chu kỳ* trong sự tiến

cycles in the evolution of all these Entities from a man up to a cosmic Logos, via a Heavenly Man and a solar Logos. *(S.D., I, 258)* Just as it is pointed out in the *Secret Doctrine* that there are greater and lesser cycles in the evolution of a solar system, so it can be predicated equally of a Heavenly Man, of a human being, and of an atom. This brings us, therefore, to another statement:

hoá của tất cả các Thực Thể này từ con người lên đến một Thượng đế vũ trụ, qua một Đấng Thiên Nhân và một Thái dương Thượng đế. *(S.D., I, 258)* Cũng như trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* đã chỉ ra rằng có những chu kỳ lớn và nhỏ trong sự tiến hoá của một hệ mặt trời, thì điều đó cũng có thể được khẳng định tương tự đối với một Đấng Thiên Nhân, một con người và một nguyên tử. Do đó, điều này đưa chúng ta đến một phát biểu khác:

i. The cycles in the evolutionary process of all these Entities may be divided mainly into three groups, though necessarily these groups can be extended into septennates and into an infinity of multiples of seven. [Page 301]

i. Các chu kỳ trong tiến trình tiến hoá của tất cả các Thực Thể này có thể được chia chủ yếu thành ba nhóm, dù tất yếu các nhóm này có thể được mở rộng thành các bộ bảy và thành vô số bội số của bảy. [Page 301]

In connection with a solar Logos the cycles might be called:

Liên quan đến một Thái dương Thượng đế các chu kỳ có thể được gọi là:

1. One hundred years of Brahma.

1. Một trăm năm của Brahma.

2. A year of Brahma.

2. Một năm của Brahma.

3. A day of Brahma.

3. Một ngày của Brahma.

These periods have been computed by the Hindu students and are the sumtotal of *time* as we understand it or the duration of a solar system.

Những thời kỳ này đã được các đạo sinh Ấn giáo tính toán và là tổng số của *thời gian* như chúng ta hiểu, hay thời lượng của một hệ mặt trời.

In connection with a Heavenly Man we have the corresponding cycles to those of the Logos:

Liên quan đến một Đấng Thiên Nhân chúng ta có các chu kỳ tương ứng với các chu kỳ của Thượng đế:

1. The period of a planetary scheme.

1. Thời kỳ của một hệ hành tinh.

2. The period of a planetary chain.

2. Thời kỳ của một Dãy hành tinh.

3. The period of a planetary round.

3. Thời kỳ của một cuộc tuần hoàn hành tinh.

Within these three divisions, which are the differentiations of the three great cycles of incarnation of a planetary Logos, are numerous lesser cycles or incarnations but they all fall within one or other of the three main divisions. Such lesser cycles might be easily comprehended if it were pointed out that they mark such periods as:

Trong ba phân bộ này, vốn là những sự biến phân của ba chu kỳ nhập thể lớn của một Hành Tinh Thượng Đế, có vô số chu kỳ nhỏ hơn hay các lần nhập thể nhỏ hơn, nhưng tất cả đều thuộc vào một trong ba phân bộ chính. Những chu kỳ nhỏ hơn như thế có thể dễ dàng được hiểu nếu chỉ ra rằng chúng đánh dấu những thời kỳ như:

a. The period of manifestation on a globe.

a. Thời kỳ biểu hiện trên một bầu hành tinh.

b. The period of a root-race.

b. Thời kỳ của một giống dân gốc.

c. The period of a sub-race.

c. Thời kỳ của một giống dân phụ.

d. The period of a branch race.

d. Thời kỳ của một giống dân nhánh.

In order to apprehend even cursorily the identity of manifestation of a planetary Logos in a root-race, for instance, it must be remembered that the sumtotal of human and deva units upon a planet make the *body vital* of a planetary Logos, whilst the sumtotal of lesser lives upon a planet (from the material bodies of men or devas down to the other kingdoms of nature) form His *body corporeal,* and are divisible into two types of such lives:

Để lĩnh hội dù chỉ sơ lược bản sắc của sự biểu hiện của một Hành Tinh Thượng Đế trong một giống dân gốc, chẳng hạn, phải nhớ rằng tổng số các đơn vị người và thiên thần trên một hành tinh tạo nên *thể sinh lực* của một Hành Tinh Thượng Đế, trong khi tổng số các sự sống nhỏ hơn trên một hành tinh (từ các thể vật chất của người hay thiên thần cho đến các giới khác trong thiên nhiên) tạo thành *thể xác của Ngài,* và có thể chia thành hai loại sự sống như thế:

a. Those on the evolutionary arc, such as in the animal kingdom.[Page 302]

a. Những sự sống trên vòng cung thăng thượng tiến hoá, như trong giới động vật. [Page 302]

b. Those on the involutionary arc, such as the totality of all elemental material forms within His sphere of influence. All the involutionary lives, as earlier pointed out, form the vehicles for the spirit of the planet, or the planetary entity, who is the sumtotal

b. Những sự sống trên vòng cung giáng hạ tiến hoá, như toàn thể mọi hình tướng vật chất hành khí trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài. Tất cả các sự sống giáng hạ tiến hoá, như đã chỉ ra trước đây, tạo thành các vận cụ cho Tinh linh của hành tinh, hay thực thể

of the elemental essences in process of involution. He holds a position (in relation to a Heavenly Man) analogous to that held by the different elementals that go to the make-up of man's three bodies, physical, astral and mental, and he is—like all manifesting beings—threefold in his nature, but involutionary. Therefore, man and devas (differentiating the devas from the lesser Builders) form the SOUL of a Heavenly Man. Other lives form his BODY, and it is with body and soul that we are concerned in these two divisions of our thesis on FIRE. One group manifests the fire of matter, the other group the fire of mind, for the devas are the personification of the active universal mind, even though man is considered manasic in a different sense. Man bridges in essence; the devas bridge in matter.

hành tinh, là tổng số các tinh chất hành khí đang trong tiến trình giáng hạ tiến hoá. Nó giữ một vị trí (liên hệ với một Đấng Thiên Nhân) tương tự như vị trí của các hành khí khác nhau cấu thành ba thể của con người: thể xác, thể cảm dục và thể trí, và nó—giống như mọi hữu thể biểu hiện—có bản chất tam phân, nhưng là giáng hạ tiến hoá. Vì vậy, con người và thiên thần (phân biệt thiên thần với các vị tiểu kiến tạo) tạo thành LINH HỒN của một Đấng Thiên Nhân. Những sự sống khác tạo thành THÂN THỂ của Ngài, và chính với thân thể và linh hồn mà chúng ta quan tâm trong hai phân bộ này của luận đề về LỬA. Một nhóm biểu hiện lửa của vật chất, nhóm kia biểu hiện lửa của trí tuệ, vì thiên thần là sự nhân cách hóa của trí tuệ vũ trụ năng động, dù con người được xem là manas theo một nghĩa khác. Con người bắt cầu trong bản chất; thiên thần bắt cầu trong vật chất.

In connection with Man the cycles are equally threefold:

Liên quan đến Con người các chu kỳ cũng là tam phân:

1. The Monadic cycle, which corresponds in man to the 100 years of Brahma, and to a planetary scheme.

1. Chu kỳ chân thần, tương ứng nơi con người với 100 năm của Brahma, và với một hệ hành tinh.

2. The Egoic cycle.

2. Chu kỳ chân ngã.

3. The Personality cycle.

3. Chu kỳ phàm ngã.

In these thoughts on cycles we have opened up a vast range of thought, especially if we link the idea of egoic and personality cycles to the vaster periods in connection with a planetary Logos. The idea is capable of vast expansion, and is governed by certain fundamental ideas that must be carefully considered and contemplated.

Trong những tư tưởng này về các chu kỳ, chúng ta đã mở ra một phạm vi tư tưởng rộng lớn, đặc biệt nếu liên kết ý tưởng về các chu kỳ chân ngã và phàm ngã với những thời kỳ bao la hơn liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế. Ý tưởng này có thể được mở rộng rất lớn, và chịu sự chi phối của một số ý tưởng nền tảng phải được cân nhắc và chiêm ngưỡng cẩn thận.

[Page 303] The cycles in a man's *personality* manifestation demonstrate in groups of fours and sevens, and follow the usual evolutionary sequence, as:

a. Differentiation, the involutionary process, or the one becoming the many, the homogeneous becoming the heterogeneous.

b. Balance, or the process of karmic adjustment.

c. Synthesis, or spiritualisation, the many again becoming the One.

d. Obscuration, or liberation, the end of the evolutionary process, or the freeing of Spirit from the limitations of matter.

By this we must understand that all incarnations on the physical plane are not of equal importance, but some are of more moment than others; some, from the point of view of the Ego, are practically negligible, others count; some are to the evolving human Spirit of importance analogous to the incarnation of a planetary Logos in a globe, or through a root-race, whilst others are as relatively unimportant to him as the manifestation of a branch-race is to a Heavenly Man.

As yet, owing to the small point of development of the average man, the astral incarnations or cycles count for little, but they are by no means to be discounted, and are oft relatively of more importance than the physical. In due course of time the astral cycles will be better comprehended and their relation to the physical. When it is realised that the physical body is not a

[Page 303] Các chu kỳ trong sự biểu hiện *phàm ngã* của một người biểu lộ theo các nhóm bốn và bảy, và tuân theo trình tự tiến hoá thông thường, như:

a. Biến phân, tiến trình giáng hạ tiến hoá, hay cái một trở thành cái nhiều, cái đồng nhất trở thành cái dị biệt.

b. Quân bình, hay tiến trình điều chỉnh nghiệp quả.

c. Tổng hợp, hay tinh thần hóa, cái nhiều lại trở thành Cái Một.

d. Che mờ, hay giải thoát, sự kết thúc của tiến trình tiến hoá, hay sự giải phóng Tinh thần khỏi những giới hạn của vật chất.

Bởi điều này chúng ta phải hiểu rằng không phải mọi lần nhập thể trên cõi hồng trần đều có tầm quan trọng ngang nhau, mà một số quan trọng hơn những lần khác; một số, từ quan điểm của chân ngã, hầu như có thể bỏ qua, những lần khác thì đáng kể; một số có tầm quan trọng đối với Tinh thần nhân loại đang tiến hoá tương tự như sự nhập thể của một Hành Tinh Thượng Đế trong một bầu hành tinh, hay qua một giống dân gốc, trong khi những lần khác tương đối không quan trọng đối với y như sự biểu hiện của một giống dân nhánh đối với một Đấng Thiên Nhân.

Hiện nay, do điểm phát triển còn nhỏ của con người trung bình, các lần nhập thể hay chu kỳ cảm dục ít được tính đến, nhưng tuyệt nhiên không thể xem nhẹ chúng, và chúng thường tương đối quan trọng hơn các chu kỳ hồng trần. Đến đúng thời, các chu kỳ cảm dục và mối liên hệ của chúng với các chu kỳ hồng trần sẽ được hiểu rõ hơn. Khi người ta nhận ra rằng thể xác không phải là

principle but that the kama-manasic principle (or desire-mind principle) is one of the most vital to man then the period or cycle in which a man functions on the fifth subplane of the astral (the fundamentally kama-manasic plane) will assume its rightful place. It is so again with the mental cycles and so with the causal. The causal cycles or the egoic cycles, which include all the groups of lesser [Page 304] cycles in the three worlds correspond to a complete round in the cycles of a Heavenly Man. There are seven such cycles, but the number of lesser cycles (included within the seven) is one of the secrets of Initiation.

một nguyên khí mà nguyên khí trí-cảm (hay nguyên khí dục-vọng-trí tuệ) là một trong những nguyên khí thiết yếu nhất đối với con người, thì thời kỳ hay chu kỳ trong đó một người hoạt động trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục (cõi căn bản trí-cảm) sẽ giữ vị trí đúng đắn của nó. Điều này cũng đúng với các chu kỳ trí tuệ và cũng đúng với các chu kỳ nguyên nhân. Các chu kỳ nguyên nhân hay các chu kỳ chân ngã, bao gồm mọi nhóm chu kỳ nhỏ hơn [Page 304] trong ba cõi giới, tương ứng với một cuộc tuần hoàn hoàn chỉnh trong các chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân. Có bảy chu kỳ như thế, nhưng số lượng các chu kỳ nhỏ hơn (được bao gồm trong bảy chu kỳ ấy) là một trong những bí mật của Điểm đạo.

The egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes, and not in groups of fours and sevens as do the personality cycles, and the same ratio must be predicated of the central cycles of a Heavenly Man and of a solar Logos.

Các chu kỳ chân ngã tiến hành theo các nhóm bảy và ba, chứ không theo các nhóm bốn và bảy như các chu kỳ phàm ngã, và cùng một tỷ lệ ấy phải được khẳng định đối với các chu kỳ trung tâm của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế.

The monadic cycles proceed in groups of ones and of threes as do the basic cycles of those great Entities of which man is the microcosmic reflection. If the general concept here laid down is studied in relation to the schemes, and other forms of manifestation to each other and, if the microcosm himself is studied as the clue to the whole, some idea will begin to permeate the mind as to the purpose underlying all these manifestations. It should be borne also in mind that just as the average man in each incarnation achieves three objects:

Các chu kỳ chân thần tiến hành theo các nhóm một và ba cũng như các chu kỳ căn bản của những Thực Thể vĩ đại mà con người là sự phản chiếu tiểu thiên địa. Nếu khái niệm tổng quát được nêu ra ở đây được nghiên cứu trong mối liên hệ giữa các hệ hành tinh và các hình thức biểu hiện khác với nhau, và nếu chính tiểu thiên địa được nghiên cứu như đầu mối cho toàn thể, thì một vài ý niệm sẽ bắt đầu thấm nhuần thể trí về mục đích nằm bên dưới tất cả các biểu hiện này. Cũng cần ghi nhớ rằng cũng như con người trung bình trong mỗi lần nhập thể đạt được ba mục tiêu:

1. The development of consciousness or the awakening of the faculty of *awareness*,

1. Sự phát triển của tâm thức hay sự thức tỉnh năng lực *nhận biết*,

2. The achievement of a certain proportion of permanent faculty, or the definite increase of the content of the causal body,

2. Sự đạt được một tỷ lệ nhất định của năng lực trường tồn, hay sự gia tăng xác định nội dung của thể nguyên nhân,

3. The making of karma, or the setting in motion (by action), of causes which necessitate certain unavoidable effects,

3. Việc tạo nghiệp quả, hay khởi động (bằng hành động) những nguyên nhân đòi hỏi những kết quả tất yếu nào đó,

so a Heavenly Man at one stage of His evolution does the same. As man progresses and as he enters upon the Probationary Path and the subsequent Path of Initiation, he succeeds in bringing about some further noticeable developments.

thì một Đấng Thiên Nhân ở một giai đoạn tiến hoá của Ngài cũng làm như vậy. Khi con người tiến bộ và khi y bước vào Con Đường Dự Bị rồi tiếp đó là Con Đường Điểm Đạo, y thành công trong việc tạo ra một số phát triển thêm đáng chú ý.

1. As before, his consciousness expands, but he begins to work intelligently from above and does not work blindly on the lower planes. [Page 305]

1. Như trước, tâm thức của y mở rộng, nhưng y bắt đầu hoạt động một cách thông minh từ bên trên và không hoạt động mù quáng trên các cõi thấp. [Page 305]

2. The building of the causal body is carried to full completion, and he begins next to shatter what he earlier wrought, and to destroy the Temple so carefully constructed, finding it too to be a limitation.

2. Việc xây dựng thể nguyên nhân được đưa đến chỗ hoàn tất trọn vẹn, và tiếp theo y bắt đầu phá vỡ điều mà trước đây y đã tạo dựng, và hủy diệt Ngôi Đền đã được kiến tạo cẩn trọng đến thế, vì thấy rằng nó cũng là một giới hạn.

3. He ceases to make karma in the three worlds, but begins to work it off, or, literally, to "wind up his affairs."

3. Y ngừng tạo nghiệp quả trong ba cõi giới, nhưng bắt đầu giải trừ nó, hay nói theo nghĩa đen, "thu xếp công việc của mình."

So do the Heavenly Men, for They likewise have a cosmic *path* to tread, analogous to that trodden by man, as he nears the goal of his endeavor.

Các Đấng Thiên Nhân cũng vậy, vì Các Ngài cũng có một *Con Đường* vũ trụ phải bước đi, tương tự với con đường mà con người bước đi khi y tiến gần mục tiêu nỗ lực của mình.

Again we can with exactitude carry the concept further still, and predicate action of a similar nature by the solar Logos.

Một lần nữa, chúng ta có thể với độ chính xác tiếp tục mở rộng khái niệm này hơn nữa, và khẳng định hành động có bản chất tương tự nơi Thái dương Thượng đế.

The consideration of this question is nearly concluded and it must be apparent that the relation between the aforementioned manifestations is of a *psychic* nature (using the word *psychic* in its true sense, as having reference to the psyche, or soul, or consciousness) and deals with the gradual expansion of Soul-Knowledge in a Heavenly Man. A word of warning should here be sounded. Though all these cosmic Beings find in man a reflection of Their Own Nature, yet the analogy of resemblance must not be pushed to extremity. Man reflects, but he reflects not perfectly; man is evolving, but he is not occupied with the same problems in exact detail as are the perfected Manasaputras.

Việc xem xét câu hỏi này gần như đã kết thúc và hẳn phải rõ ràng rằng mối liên hệ giữa các biểu hiện đã nêu ở trên có bản chất *thông linh* (dùng từ *thông linh* theo nghĩa chân thực của nó, như có liên hệ đến tâm hồn, hay linh hồn, hay tâm thức) và liên quan đến sự mở rộng dần dần của Tri Thức Linh Hồn trong một Đấng Thiên Nhân. Ở đây cần đưa ra một lời cảnh báo. Dù tất cả các Hữu thể vũ trụ này đều tìm thấy nơi con người một sự phản chiếu của Bản Chất riêng của Các Ngài, tuy nhiên sự tương đồng về giống nhau không được đẩy đến cực đoan. Con người phản chiếu, nhưng không phản chiếu một cách hoàn hảo; con người đang tiến hoá, nhưng y không bận tâm đến cùng những vấn đề chi tiết chính xác như các Manasaputra đã hoàn thiện.

Man aims at becoming a Divine Manasaputra, or perfected Son of Mind showing forth all the powers inherent in mind, and thus becoming like unto his monadic source, a Heavenly Man. *A Heavenly Man* has developed Manas, and is occupied with the problem of becoming a Son of Wisdom, not inherently but in full manifestation. *A solar Logos* is both a Divine Manasaputra and likewise a Dragon of Wisdom, and His problem concerns itself [Page 306] with the development of the principle of cosmic Will which will make Him what has been called a "Lion of Cosmic Will."

Con người nhắm đến việc trở thành một Manasaputra Thiêng Liêng, hay Con của Trí Tuệ hoàn hảo biểu lộ mọi quyền năng vốn có trong trí tuệ, và do đó trở nên giống với nguồn chân thần của mình là một Đấng Thiên Nhân. *Một Đấng Thiên Nhân* đã phát triển Manas, và đang bận tâm với vấn đề trở thành một Con của Minh Triết, không chỉ vốn sẵn như vậy mà còn trong sự biểu hiện trọn vẹn. *Một Thái dương Thượng đế* vừa là một Manasaputra Thiêng Liêng vừa là một Rồng của Minh Triết, và vấn đề của Ngài liên quan đến [Page 306] sự phát triển nguyên khí Ý Chí vũ trụ, điều sẽ làm cho Ngài trở thành điều đã được gọi là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ."

Throughout all these graded manifestations the law holds good, and the lesser is included in the greater. Hence the need for the student to preserve with care a due sense of proportion, a discrimination as to time in evolution, and a just appreciation of the place of each unit within its greater sphere. Having sounded this note of warning we can

Xuyên suốt tất cả những biểu hiện có cấp bậc này, định luật vẫn đúng, và cái nhỏ hơn được bao gồm trong cái lớn hơn. Do đó cần cho đạo sinh phải cẩn trọng giữ gìn một Ý thức về tỉ lệ thích đáng, một sự phân biện về thời gian trong tiến hoá, và một sự đánh giá đúng đắn về vị trí của mỗi đơn vị trong khối cầu lớn hơn của nó. Sau khi đã gióng lên nốt

now proceed with the concluding remarks anent this final question.

cảnh báo này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục với những nhận xét kết luận liên quan đến câu hỏi cuối cùng này.

It has been stated that a mystery lies hid in the 777 incarnations. This figure provides room for much speculation. *(S.D., I, 191)* It should be pointed out that it does not hold the number of a stated cycle of incarnations through which a man must pass, but holds the key to the three major cycles previously mentioned. Primarily this number applies to the planetary Logos of our scheme and not so much to other schemes. Each Heavenly Man has His number and the number of our Heavenly Man lies hid in the above three figures, just as 666 and 888 holds the mystery hid of two other Heavenly Men. This number *777 is also the number of transmutation*, which is the fundamental work of all the Heavenly Men. The basic work of man is accumulation and acquisition, or the acquiring of that which must later be transmuted. The work of transmutation, or the true cycle of 777 commences on the Probationary Path, and is definitely the activity of a Heavenly Man being realised and responded to by the cells in His Body. Only when His Body has reached a certain vibratory movement can He truly influence the individual cells. This work of transmuting cell activity was begun on this planet during the last root-race, and the divine alchemy proceeds. The progress made is as yet but small, but each transmuted [Page 307] conscious cell increases the speed and the accuracy of the work. Time alone is needed for the completion of the work. In connection with this matter of transmutation comes the legend of the Philosopher's Stone, which is literally the application of the Rod of Initiation, in one sense.

Đã có nói rằng một bí nhiệm ẩn giấu trong 777 lần nhập thể. Con số này mở ra chỗ cho nhiều suy đoán. *(S.D., I, 191)* Cần chỉ ra rằng nó không nắm giữ số lượng của một chu kỳ nhập thể xác định mà con người phải trải qua, nhưng nắm giữ chìa khóa của ba chu kỳ chính đã được đề cập trước đây. Trước hết, con số này áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta chứ không nhiều đối với các hệ hành tinh khác. Mỗi Đấng Thiên Nhân có con số của Ngài và con số của Đấng Thiên Nhân của chúng ta ẩn trong ba chữ số trên, cũng như 666 và 888 nắm giữ bí nhiệm ẩn giấu của hai Đấng Thiên Nhân khác. Con số *777 này cũng là con số của sự chuyển hoá*, vốn là công việc căn bản của tất cả các Đấng Thiên Nhân. Công việc căn bản của con người là tích lũy và thu nhận, hay thu nhận điều mà về sau phải được chuyển hoá. Công việc chuyển hoá, hay chu kỳ chân thực của 777, bắt đầu trên Con Đường Dự Bị, và rõ ràng là hoạt động của một Đấng Thiên Nhân đang được các tế bào trong Thân thể của Ngài chứng nghiệm và đáp ứng. Chỉ khi Thân thể của Ngài đã đạt đến một chuyển động rung động nhất định thì Ngài mới thực sự có thể ảnh hưởng đến các tế bào cá biệt. Công việc chuyển hoá hoạt động của tế bào này đã được bắt đầu trên hành tinh này trong giống dân gốc trước, và thuật luyện kim thiêng liêng vẫn tiếp diễn. Tiến bộ đạt được cho đến nay vẫn còn nhỏ, nhưng mỗi tế bào hữu thức [Page 307] được chuyển hoá lại làm tăng tốc độ và độ chính xác của công việc. Chỉ cần thời gian để hoàn tất công việc. Liên quan đến vấn đề chuyển hoá này xuất hiện truyền thuyết về Hòn Đá của Nhà Hiền Triết, theo một nghĩa, đúng theo nghĩa đen là sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo.

DIVISION A - THE NATURE MANAS OR MIND — PHÂN BỘ A - BẢN CHẤT CỦA MANAS HAY TRÍ TUỆ

[Page 308] *I. Three manifestations of manas.*

II. Some definitions of manas:

1. Manas is the fifth principle.

2. Manas is electricity.

3. Manas is that which produces cohesion.

4. Manas is the key opening the door into the fifth kingdom.

5. Manas is the synthetic vibration of five rays.

6. Manas is the intelligent will or ordered purpose of an existence.

We enter now upon a very important division of our subject, and take up for consideration the Fire of Mind, cosmically, systemically, and humanly considered. We have dealt with the fire of matter, and studied for a while its purpose, origin and work. We considered somewhat the factor of Consciousness, and saw that the great work of a solar Logos, with all included manifesting lives, was the development of a conscious control, and a psychic awareness within certain set limits. Having laid down these preliminary foundation thoughts, we need now to block out, for the sake of clarity, the mass of material that is available on the subject of the manasic fire, which is the animating principle of consciousness itself. Let us first of all get one broad general outline and then proceed to fill in the details.

[Page 308] *I. Ba biểu hiện của manas.*

II. Một số định nghĩa về manas:

1. Manas là nguyên khí thứ năm.

2. Manas là điện.

3. Manas là cái tạo ra sự cố kết.

4. Manas là chìa khóa mở cánh cửa vào giới thứ năm.

5. Manas là rung động tổng hợp của năm cung.

6. Manas là ý chí thông minh hay mục đích có trật tự của một hiện hữu.

Giờ đây chúng ta bước vào một phân bộ rất quan trọng của đề tài, và bắt đầu xem xét Lửa của Trí Tuệ, xét theo vũ trụ, hệ mặt trời và con người. Chúng ta đã đề cập đến lửa của vật chất, và đã nghiên cứu một thời gian về mục đích, nguồn gốc và công việc của nó. Chúng ta đã phần nào xem xét yếu tố Tâm thức, và thấy rằng công việc lớn lao của một Thái dương Thượng đế, cùng với mọi sự sống biểu hiện được bao gồm, là sự phát triển một sự kiểm soát có ý thức và một sự nhận biết thông linh trong những giới hạn nhất định. Sau khi đã đặt ra những tư tưởng nền tảng sơ bộ này, giờ đây chúng ta cần phác họa, vì mục đích sáng tỏ, khối lượng tư liệu sẵn có về đề tài lửa manas, vốn là nguyên khí làm sinh động của chính tâm thức. Trước hết, hãy có một đại cương rộng lớn rồi sau đó tiếp tục điền vào các chi tiết.

(120)

(120) "Manas is the individuality or the spiritual Ego on the side of the higher Triad, and the personality or the kamic ego on the side of the lower quaternary. Manas is the pivot of the human structure, or the centre on which the spiritual and material parts of man are made to turn."

"Lower manas is only a ray of the higher manas let into the fleshly tabernacle for illuminating its being and giving it thought, desire and memory."

"It is because manas is the turning point in the cycle that H. P. B. has considered it under the two aspects—higher and lower—the higher the attainer and experiencer of spiritual heights and the lower, the soul of the lower three, the triangle that completes embodiment. Manas is therefore the battle-ground of forces contained in the microcosm....The stage of evolution which we have reached is the very starting point of the great struggle."—*Some Thoughts on the Gita*. (back)

1. The fire of mind, cosmically considered. [Page 309]

2. The fire of mind viewed systemically.

3. The fire of mind in connection with a human being.

In other words, what we are endeavoring to do is to study Mind in a solar Logos, a planetary Logos and in the Microcosm. Each of these three main divisions may be dealt

(120)

(120) "Manas là biệt ngã tính hay chân ngã tinh thần về phía Tam nguyên tinh thần cao, và là phàm ngã hay phàm ngã cảm dục về phía bộ bốn thấp. Manas là trục xoay của cấu trúc con người, hay trung tâm mà trên đó các phần tinh thần và vật chất của con người được làm cho quay."

"Hạ manas chỉ là một tia của thượng manas được đưa vào lều trại bằng xương thịt để soi sáng hiện hữu của nó và ban cho nó tư tưởng, dục vọng và ký ức."

"Chính vì manas là điểm xoay chuyển trong chu kỳ mà H. P. B. đã xem xét nó dưới hai phương diện—cao và thấp—phương diện cao là kẻ đạt đến và kinh nghiệm những đỉnh cao tinh thần, còn phương diện thấp là linh hồn của ba phần thấp, tam giác hoàn tất sự nhập thể. Do đó manas là chiến trường của các mãnh lực chứa đựng trong tiểu thiên địa....Giai đoạn tiến hoá mà chúng ta đã đạt tới chính là điểm khởi đầu của cuộc đấu tranh lớn."—*Một Vài Tư Tưởng về Gita*. (trở lại)

1. Lửa của trí tuệ, xét theo vũ trụ. [Page 309]

2. Lửa của trí tuệ, xét theo hệ mặt trời.

3. Lửa của trí tuệ liên quan đến một con người.

Nói cách khác, điều chúng ta đang cố gắng làm là nghiên cứu Trí Tuệ trong một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và trong Tiểu thiên địa. Mỗi một trong ba phân bộ chính này có thể được bàn đến dưới

with under four lesser heads which may be expressed as follows:

bốn đề mục phụ, có thể được diễn đạt như sau:

a. The origin of cosmic, systemic and microcosmic mind.

a. Nguồn gốc của trí tuệ vũ trụ, hệ mặt trời và tiểu thiên địa.

b. The place of mind in evolution in all three cases.

b. Vị trí của trí tuệ trong tiến hoá trong cả ba trường hợp.

c. The present stage of development of mind in each of the three groups.

c. Giai đoạn phát triển hiện nay của trí tuệ trong mỗi một trong ba nhóm.

d. The future of mind, or of manasic unfoldment.

d. Tương lai của trí tuệ, hay của sự khai mở manas.

When we have taken up these points, we should have a clearer idea as to the purpose and place of the fire of the intelligence, and should be able accurately to comprehend its correlating synthetic work.

Khi chúng ta đã xét đến những điểm này, chúng ta hẳn sẽ có một ý niệm rõ ràng hơn về mục đích và vị trí của lửa của trí tuệ, và sẽ có thể thấu hiểu một cách chính xác công việc tổng hợp tương liên của nó.

Before, however, following up these ideas it might prove of value to us if we sought to define this principle of manas and see what is already understood by it.

Tuy nhiên, trước khi tiếp tục theo đuổi những ý tưởng này, sẽ có ích cho chúng ta nếu chúng ta tìm cách định nghĩa nguyên khí manas này và xem điều gì đã được thấu hiểu về nó.

II. DEFINITIONS OF MANAS OR MIND — II. CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ MANAS HAY TRÍ TUỆ

1. Manas, as we already know, is the fifth principle. — 1. Manas, như chúng ta đã biết, là nguyên khí thứ năm.

Here enter in certain factors and analogies that it would be of profit to us to mention at this juncture.

Ở đây xuất hiện một số yếu tố và các tương đồng mà sẽ có lợi cho chúng ta nếu nêu ra vào lúc này.

This fifth principle embodies the basic vibration of the fifth plane, either cosmically or systemically considered. A certain sound of the logoic Word, when it [Page 310] reaches the mental plane, causes a vibration in the matter of that plane, arrests its

Nguyên khí thứ năm này thể hiện rung động căn bản của cõi thứ năm, dù được xét theo vũ trụ hay theo hệ mặt trời. Một âm thanh nào đó của Linh từ của Thượng đế, khi nó [Page 310] đạt đến cõi trí, gây ra một rung động trong vật chất của cõi ấy, ngăn chặn

tendency to dissipate, causes it to take spheroidal form, and builds it literally into a body which is held in coherent shape by a mighty deva Entity, the Raja Lord of the mental plane. Exactly the same procedure ensued on cosmic levels, when a still mightier sound was uttered by the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and the utterance of this caused a vibration on the fifth cosmic plane. Certain great Entities became active, including such relatively unimportant Beings as our solar Logos and His group.

khuynh hướng phân tán của nó, khiến nó mang hình cầu, và thực sự xây dựng nó thành một thân thể mà một Thực Thể thiên thần hùng mạnh giữ trong hình dạng cố kết, Chúa Tể Raja của cõi trí. Chính cùng một tiến trình như thế đã xảy ra trên các cấp độ vũ trụ, khi Đấng Bất Khả Tư Nghị xướng lên một âm thanh còn hùng mạnh hơn nữa, và sự xướng lên này gây ra một rung động trên cõi vũ trụ thứ năm. Một số Thực Thể vĩ đại trở nên hoạt động, kể cả những Hữu Thể tương đối không quan trọng như Thái dương Thượng đế của chúng ta và nhóm của Ngài.

This fifth principle is the distinctive coloring of a particular group of solar Logoi on the causal level of the cosmic mental, and is the animating factor of Their Existence, the reason of Their manifesting through various solar systems, and the great Will-to-be that brings Them forth into objectivity.

Nguyên khí thứ năm này là sắc thái đặc trưng của một nhóm Thái dương Thượng đế đặc biệt trên cấp độ nguyên nhân của cõi trí vũ trụ, và là yếu tố làm sinh động cho Sự Tồn Tại của Các Ngài, là lý do khiến Các Ngài biểu lộ qua nhiều hệ mặt trời khác nhau, và là Ý Chí-hướng-tồn-tại vĩ đại đưa Các Ngài vào tính khách quan.

Manas has been defined as mind, or that faculty of logical deduction and reasoning, and of rational activity that distinguishes man from the animals. Yet it is something much more than that for it underlies all manifestation, and the very shape of an amoeba, and the discriminative faculty of the lowest atom or cell, is actuated by mind of some kind or another. It is only as the place of that discriminating cell or atom within its greater sphere is apprehended, and recognised, that any clear conception will be gained of what that coherent rational inclusive mentality may be.

Manas đã được định nghĩa là trí tuệ, hay năng lực suy diễn và lý luận logic, và của hoạt động hữu lý phân biệt con người với loài vật. Tuy nhiên, nó còn hơn thế rất nhiều, vì nó nằm bên dưới mọi biểu hiện, và chính hình dạng của một con amip, cùng năng lực phân biện của nguyên tử hay tế bào thấp nhất, đều do một loại trí tuệ nào đó thúc đẩy. Chỉ khi nào vị trí của tế bào hay nguyên tử phân biện ấy trong khối cầu lớn hơn của nó được lĩnh hội và được nhận biết, thì mới có thể đạt được một quan niệm rõ ràng nào đó về trí tuệ kết dính, hữu lý và bao gồm ấy.

2. Manas is electricity. (121) — 2. Manas là điện.(121)

(121) Electricity:

(121) Điện:

... "We know of no phenomenon in nature—entirely unconnected with either magnetism or electricity—since, where there are motion, heat, friction, light, there magnetism and its Alter Ego (according to our humble opinion)—electricity will always appear, as either cause or effect—or rather both if we but fathom the manifestation to its origin. All the phenomena of earth currents, terrestrial magnetism and atmospheric electricity, are due to the fact that the earth is an electrified conductor, whose potential is ever changing owing to its rotation and its annual orbital motion, the successive cooling and heating of the air, the formation of clouds and rain, storms and winds, etc. This you may perhaps find in some text book. But then Science would be unwilling to admit that all these changes are due to Akasic magnetism incessantly generating electric currents which tend to restore the disturbed equilibrium."

... "Chúng ta không biết hiện tượng nào trong thiên nhiên—hoàn toàn không liên hệ với từ điện hay điện—vì ở đâu có chuyển động, nhiệt, ma sát, ánh sáng, ở đó từ điện và Alter Ego của nó (theo ý kiến khiêm tốn của chúng tôi)—điện—sẽ luôn luôn xuất hiện, hoặc như nguyên nhân hoặc như kết quả—hay đúng hơn là cả hai nếu chúng ta truy nguyên biểu hiện ấy đến cội nguồn của nó. Mọi hiện tượng của các dòng điện địa cầu, từ điện địa cầu và điện khí quyển đều là do sự kiện rằng trái đất là một vật dẫn điện, mà điện thế của nó luôn luôn thay đổi do sự quay của nó và chuyển động quỹ đạo hằng năm của nó, do sự lạnh đi và nóng lên kế tiếp nhau của không khí, sự hình thành mây và mưa, bão tố và gió, v.v. Có lẽ bạn có thể tìm thấy điều này trong một sách giáo khoa nào đó. Nhưng khi ấy Khoa Học sẽ không sẵn lòng thừa nhận rằng tất cả những biến đổi này là do từ điện Akasha không ngừng tạo ra các dòng điện có khuynh hướng khôi phục trạng thái quân bình đã bị xáo trộn."

... "The sun is neither a Solid nor a Liquid, nor yet a gaseous glow; but a gigantic ball of electro-magnetic Forces, the store-house of universal Life and Motion, from which the latter pulsate in all directions, feeding the smallest atom as the greatest genius with the same material unto the end of the Maha Yug."—*Mahatma Letters to A. P. Sinnett*, pp. 160, 165. (back)

... "Mặt trời không phải là một khối Rắn cũng không phải là một khối Lỏng, cũng không phải là một khối sáng khí thể; mà là một quả cầu khổng lồ của các Mãnh Lực điện-từ, kho chứa của Sự sống và Chuyển động vũ trụ, từ đó hai điều này đập nhịp theo mọi hướng, nuôi dưỡng nguyên tử nhỏ nhất cũng như thiên tài vĩ đại nhất bằng cùng một chất liệu cho đến hết Đại Chu Kỳ."—Thư *của các Chân sư gửi A. P. Sinnett*, tr. 160, 165. (back)

The fire of Mind is fundamentally electricity, shown in its higher workings, and not considered so much as [Page 311] force in matter. Electricity in the solar system shows itself in seven major forms, which might be expressed as follows:

Lửa của Trí Tuệ về căn bản là điện, được biểu lộ trong các hoạt động cao hơn của nó, và không được xét nhiều như là [Page 311] mãnh lực trong vật chất. Điện trong hệ mặt trời biểu lộ thành bảy hình thức chính, có thể được diễn đạt như sau:

Electricity on the first plane, the logoic or divine, demonstrates as the Will-to-be, the

Điện trên cõi thứ nhất, cõi của Thượng đế hay cõi thiêng liêng, biểu lộ như Ý Chí-hướng-tồn-

primary aspect of that force which eventually results in objectivity. Cosmically considered, it is that initial impulse or vibration, which emanates from the logoic causal body on the cosmic mental plane, and makes contact with the first cosmic etheric, or the solar plane of adi.

tại, phương diện sơ khởi của mãnh lực ấy mà cuối cùng dẫn đến tính khách quan. Xét theo vũ trụ, đó là xung lực hay rung động ban đầu phát ra từ thể nguyên nhân của Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, và tiếp xúc với cõi dĩ thái vũ trụ thứ nhất, hay cõi adi của hệ mặt trời.

Electricity on the monadic plane demonstrates as the first manifestation of form, as that which causes forms to cohere. Matter (electrified by "fire by friction") and the electric fire of spirit meet and blend, and form appears. Form is the result of the desire for existence, hence the dynamic fire of Will is transmuted into the burning fire of Desire. I would call attention to the choice of those two phrases, which might also be expressed under the terms:

Điện trên cõi chân thần biểu lộ như sự biểu hiện đầu tiên của hình tướng, như điều khiển các hình tướng kết dính. Vật chất (do "Lửa ma sát" điện hoá) và Lửa Điện của tinh thần gặp nhau và hòa nhập, và hình tướng xuất hiện. Hình tướng là kết quả của khát vọng tồn tại, do đó lửa năng động của Ý Chí được chuyển hoá thành lửa bừng cháy của Dục vọng. Tôi muốn lưu ý đến sự lựa chọn của hai cụm từ ấy, cũng có thể được diễn đạt bằng các thuật ngữ:

Dynamic electrical manifestation.

Biểu hiện điện năng động.

Burning electrical manifestation.

Biểu hiện điện bừng cháy.

Here on the second plane, the sea of electrical fire, which distinguished the first plane, is transformed into the akasha, or burning etheric matter. It is the plane of the flaming Sun, just as the first plane is that of the fire mist [Page 312] or the nebulae. This idea will be easier to comprehend if it is borne in mind that we are dealing with the *cosmic physical plane*.

Ở đây trên cõi thứ hai, biển lửa điện, vốn là đặc trưng của cõi thứ nhất, được chuyển đổi thành akasha, hay vật chất dĩ thái bừng cháy. Đây là cõi của Mặt Trời rực lửa, cũng như cõi thứ nhất là cõi của sương lửa [Page 312] hay các tinh vân. Ý tưởng này sẽ dễ thấu hiểu hơn nếu ghi nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến *cõi hồng trần vũ trụ*.

Certain things take place on the second plane which need realisation, even if already theoretically conceded:

Một số điều xảy ra trên cõi thứ hai cần được chứng nghiệm, dù về mặt lý thuyết đã được thừa nhận:

Heat or flaming radiation is first seen.

Nhiệt hay bức xạ bừng cháy được thấy lần đầu tiên.

Form is taken, and the spheroidal shape of all existence originates.

Hình tướng được mang lấy, và hình cầu của mọi tồn tại bắt nguồn.

The first interplay between the polar opposites is felt.

Sự tương tác đầu tiên giữa các cực đối nghịch được cảm nhận.

Differentiation is first seen, not only in the recognised duality of all things, but in differentiation in motion; two vibrations are recognised.

Biến phân được thấy lần đầu tiên, không chỉ trong nhị nguyên tính được nhận biết của mọi sự vật, mà còn trong sự biến phân trong chuyển động; hai rung động được nhận biết.

Certain vibratory factors begin to work such as attraction, repulsion, discriminative rejection, coherent assimilation, and the allied manifestation of revolving forms, orbital paths and the beginning of that curious downward pull into matter that results in evolution itself.

Một số yếu tố rung động bắt đầu hoạt động như hấp dẫn, đẩy lùi, loại bỏ bằng phân biện, đồng hoá kết dính, và biểu hiện liên hệ của các hình tướng quay tròn, các quỹ đạo, và sự khởi đầu của lực kéo kỳ lạ đi xuống vật chất, vốn dẫn đến chính tiến hoá.

The primary seven manifestations of logoic existence find expression and the three, with the four, commence their work.

Bảy biểu hiện sơ khởi của sự tồn tại của Thượng đế tìm được sự biểu lộ và bộ ba cùng với bộ bốn bắt đầu công việc của chúng.

The seven wheels, or etheric centres in the body etheric of that great cosmic Entity, of Whom our solar Logos is a reflection, begin to vibrate and His life activity can be seen.

Bảy bánh xe, hay các trung tâm dĩ thái trong thể dĩ thái của Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy, mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phản ánh của Ngài, bắt đầu rung động và hoạt động sự sống của Ngài có thể được thấy.

We are at this juncture considering the manifestations of electricity on the different planes of the cosmic physical plane, or on our solar systemic planes. Hence, all that can be seen in manifestation is fundamentally *physical electricity*. We have seen that the primary manifestation is that which vitalised, tinctured, and pervaded the matter of space, thus embodying—in connection with logoic manifestation—that which is analogous to the vital heat, activity and radiation of a human being, [Page 313] manifesting on the solar physical plane. Certain electrical phenomena distinguish a

Hiện nay chúng ta đang xét các biểu hiện của điện trên các cõi khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ, hay trên các cõi của hệ mặt trời chúng ta. Do đó, tất cả những gì có thể được thấy trong biểu hiện về căn bản là *điện hồng trần*. Chúng ta đã thấy rằng biểu hiện sơ khởi là điều đã tiếp sinh lực, nhuộm sắc và thấm nhuần vật chất của không gian, nhờ đó thể hiện—liên hệ với biểu hiện của Thượng đế—điều tương tự với nhiệt lực sống, hoạt động và bức xạ của một con người, [Page 313] biểu lộ trên cõi hồng trần thái dương. Một số hiện tượng điện tạo nên đặc trưng của con người, chỉ có điều (vì chúng chưa được diễn đạt hay

human being, only (as they have not been expressed or considered in terms of electricity) the analogy has been lost sight of. These demonstrations might be considered as:

xét theo thuật ngữ điện) nên sự tương đồng đã bị bỏ qua. Những biểu hiện này có thể được xem là:

First, that coherent VITALITY which holds the entire body revolving around the central unit of force. It must here be remembered that the entire manifestation of a solar system consists of the etheric body, and the dense body of a Logos.

Thứ nhất, SINH LỰC kết dính ấy giữ toàn bộ thân thể quay quanh đơn vị trung tâm của mãnh lực. Ở đây cần nhớ rằng toàn bộ biểu hiện của một hệ mặt trời gồm thể dĩ thái và thể đậm đặc của một Thượng đế.

Second, that radiatory MAGNETISM which distinguishes man, and makes him active in two ways:

Thứ hai, TỪ ĐIỆN bức xạ ấy tạo nên đặc trưng của con người, và khiến y hoạt động theo hai cách:

In relation to the matter of which his vehicles are composed.

Trong liên hệ với vật chất mà các vận cụ của y được cấu thành từ đó.

In relation to the units which form his group.

Trong liên hệ với các đơn vị tạo thành nhóm của y.

Third, that ACTIVITY on the physical plane which results in due performance of the will and desire of the indwelling entity, and which in man is the correspondence of the Brahma aspect.

Thứ ba, HOẠT ĐỘNG ấy trên cõi hồng trần dẫn đến việc thực hiện thích đáng ý chí và dục vọng của thực thể nội tại, và nơi con người là sự tương ứng của phương diện Brahma.

These three electrical manifestations—vitality, magnetism, and fohatic impulse—are to be seen at work in a solar Logos, a Heavenly Man and a human being. They are the objective manifestations of the psychic nature, which (in a solar Logos, for instance) we speak of in terms of quality, and call will, wisdom, activity. Therefore, it should be noted here that the first three planes of the cosmic physical plane—the logoic, monadic, and atmic planes—are of prime importance and are the basic planes from whence emanate the secondary four; in other words, the first three cosmic ethers embody in a

Ba biểu hiện điện này—sinh lực, từ điện, và xung lực fohat—được thấy đang hoạt động trong một Thái dương Thượng đế, một Đấng Thiên Nhân và một con người. Chúng là những biểu hiện khách quan của bản chất thông linh, mà (chẳng hạn trong một Thái dương Thượng đế) chúng ta nói đến bằng các thuật ngữ phẩm tính, và gọi là ý chí, minh triết, hoạt động. Do đó, cần lưu ý ở đây rằng ba cõi đầu tiên của cõi hồng trần vũ trụ —các cõi của Thượng đế, chân thần, và atma —có tầm quan trọng hàng đầu và là những cõi căn bản từ đó bốn cõi thứ yếu phát ra; nói cách khác, ba cõi dĩ thái vũ trụ đầu tiên thể

literal sense those three Entities whom we know as Mahadeva, Vishnu, and Brahma. In a similar sense these Three find Their densest objectivity in the three physical ethers. The lower four manifest during evolution, but are eventually synthesised into the higher [Page 314] three. It should be also remembered that on all the seven subplanes of a solar plane a process, in connection with electrical phenomena in etheric matter, will parallel all the processes on the major planes. This is easily to be seen on the mental plane, for instance, in connection with Man. Theoretically, the absorption of all faculty by the causal body, and the discontinuance of all enforced objectivity in the three worlds at the close of the synthesising period is conceded. On the other planes it is not so obvious. On the buddhic plane, the Builders on the evolutionary arc, or a large part of the deva evolution, undergo a paralleling synthesis. On the physical plane a mysterious synthesis in connection with the "spirit of the Earth" is undergone, and the first three ethers are related to him in a way as yet little understood.

hiện theo nghĩa đen ba Thực Thể mà chúng ta biết là Mahadeva, Vishnu, và Brahma. Theo một nghĩa tương tự, Ba Đấng này tìm thấy tính khách quan đậm đặc nhất của Các Ngài trong ba cõi dĩ thái hồng trần. Bốn cõi thấp biểu lộ trong tiến hoá, nhưng cuối cùng được tổng hợp vào ba cõi [Page 314] cao hơn. Cũng nên nhớ rằng trên cả bảy cõi phụ của một cõi thái dương, một tiến trình liên hệ với các hiện tượng điện trong vật chất dĩ thái sẽ song hành với mọi tiến trình trên các cõi chính. Chẳng hạn, điều này dễ thấy trên cõi trí trong liên hệ với Con Người. Về mặt lý thuyết, sự hấp thu mọi năng lực bởi thể nguyên nhân, và sự chấm dứt mọi tính khách quan bị cưỡng bách trong ba cõi thấp vào lúc kết thúc thời kỳ tổng hợp, đã được thừa nhận. Trên các cõi khác điều đó không rõ ràng như vậy. Trên cõi Bồ đề, các đấng kiến tạo trên vòng cung tiến hoá, hay một phần lớn của tiến hoá thiên thần, trải qua một sự tổng hợp song hành. Trên cõi hồng trần, một sự tổng hợp huyền nhiệm liên hệ với "Tinh Linh Địa Cầu" được trải qua, và ba cõi dĩ thái đầu tiên liên hệ với y theo một cách mà cho đến nay vẫn còn ít được thấu hiểu.

We might sum it up thus:

Chúng ta có thể tóm lược như sau:

First, the balancing of electrical phenomena, or the achievement of synthesis in connection with Man, transpires on the three higher levels of the mental plane.

Thứ nhất, sự quân bình các hiện tượng điện, hay sự thành tựu tổng hợp liên hệ với Con Người, diễn ra trên ba cấp độ cao hơn của cõi trí.

Second, a similar process in connection with a Heavenly Man transpires on the three higher subplanes of the monadic plane. Viewed in a larger sense it takes place on the three major planes—the atmic, buddhic, and manasic—just as in the three worlds of human evolution—the physical, astral, and mental—the synthesising process proceeds on the higher of the three involved.

Thứ hai, một tiến trình tương tự liên hệ với một Đấng Thiên Nhân diễn ra trên ba cõi phụ cao hơn của cõi chân thần. Xét theo nghĩa rộng hơn, nó diễn ra trên ba cõi chính —atma, Bồ đề, và manas—cũng như trong ba cõi giới của tiến hoá nhân loại—hồng trần, cảm dục, và trí—tiến trình tổng hợp diễn ra trên cõi cao nhất trong ba cõi liên hệ.

Third, in connection with a solar Logos (within the system and not considering His cosmic synthesis) the three higher subplanes of the logoic plane see His final absorption or abstraction, and the three planes of the three Logoi are similarly concerned.

Thứ ba, liên hệ với một Thái dương Thượng đế (bên trong hệ mặt trời và không xét đến sự tổng hợp vũ trụ của Ngài), ba cõi phụ cao hơn của cõi của Thượng đế chứng kiến sự hấp thu hay trừu xuất cuối cùng của Ngài, và ba cõi của ba Thượng đế cũng được liên hệ tương tự.

It should here be carefully borne in mind that we are dealing with electrical matter, and are therefore concerned with cosmic etheric substance; all matter in the system is necessarily etheric. We are consequently dealing literally with physical phenomena on all planes of [Page 315] the system. In time and space we are concerned with units of different polarity which—during the evolutionary process—seek union, balance, equilibrium or synthesis, and eventually find it. This electrical interplay between two units causes that which we call light, and thereby objectivity. During evolution this demonstrates as heat and magnetic interaction and is the source of all vital growth; at the achievement of the desired goal, at union, or at-one-ment, two things occur:

Ở đây cần cẩn thận ghi nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến vật chất điện, và do đó đang quan tâm đến chất liệu dĩ thái vũ trụ; mọi vật chất trong hệ mặt trời tất yếu đều là dĩ thái. Vì vậy, theo nghĩa đen chúng ta đang đề cập đến các hiện tượng hồng trần trên mọi cõi của [Page 315] hệ mặt trời. Trong thời gian và không gian, chúng ta quan tâm đến các đơn vị có cực tính khác nhau, những đơn vị—trong tiến trình tiến hoá—tìm kiếm sự hợp nhất, quân bình, cân bằng hay tổng hợp, và cuối cùng tìm thấy điều đó. Sự tương tác điện này giữa hai đơn vị gây ra điều mà chúng ta gọi là ánh sáng, và nhờ đó là tính khách quan. Trong tiến hoá, điều này biểu lộ như nhiệt và sự tương tác từ tính và là nguồn gốc của mọi sự tăng trưởng sống; khi đạt được mục tiêu mong muốn, trong sự hợp nhất, hay hiệp nhất, hai điều xảy ra:

First, the approximation of the two poles, or their blending, causes a blazing forth, or radiant light.

Thứ nhất, sự xích lại gần của hai cực, hay sự hòa nhập của chúng, gây ra một sự bùng cháy, hay ánh sáng rực rỡ.

Second, obscuration, or the final disintegration of matter owing to intense heat.

Thứ hai, sự che khuất, hay sự tan rã cuối cùng của vật chất do nhiệt độ mãnh liệt.

This can be seen in connection with man, a Heavenly Man and a solar Logos, and their bodies of objectivity. In man this polarity is achieved, the three different types of electrical phenomena are demonstrated, and the light blazes forth, irradiating the causal body, and lighting up the entire sutratma, or

Điều này có thể được thấy liên hệ với con người, một Đấng Thiên Nhân và một Thái dương Thượng đế, cùng các thân thể khách quan của họ. Nơi con người, cực tính này đạt được, ba loại hiện tượng điện khác nhau được biểu lộ, và ánh sáng bùng lên, chiếu rọi thể nguyên nhân, và soi sáng toàn bộ

thread (literally the Path) which connects the causal vehicle with the physical brain. Then disintegration or destruction ensues; the causal body vanishes in a blaze of electrical fire, and the real "man" or self is abstracted from the three world-bodies. So will it be seen in the body of a Heavenly Man, a planetary scheme, and so likewise in the body of the Logos, a solar system.

sutratma, hay sợi dây (theo nghĩa đen là Đường Đạo) nối vận cụ nguyên nhân với bộ não hồng trần. Khi đó sự tan rã hay hủy diệt xảy ra; thể nguyên nhân biến mất trong một luồng chớp của lửa điện, và "con người" hay bản ngã thực sự được trừu xuất khỏi các thể của ba cõi giới. Cũng sẽ được thấy như vậy trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, một hệ hành tinh, và cũng tương tự trong thân thể của Thượng đế, một hệ mặt trời.

The difficulty in apprehending these thoughts is great, for we are necessarily handicapped by lack of adequate terms, but the main ideas only are those I seek to deal with, and the one we are primarily concerned with in this division is *the electrical manifestation of magnetism*, just as earlier we dealt cursorily with the same electrical phenomena, manifesting as the activity of matter.

Khó khăn trong việc lĩnh hội những tư tưởng này là rất lớn, vì tất yếu chúng ta chịu hạn chế do thiếu các thuật ngữ thích đáng, nhưng tôi chỉ tìm cách bàn đến những ý tưởng chính, và điều mà chúng ta chủ yếu quan tâm trong phần này là *biểu hiện điện của từ điện*, cũng như trước đây chúng ta đã đề cập sơ lược đến cùng hiện tượng điện ấy, biểu lộ như hoạt động của vật chất.

Therefore you have: [Page 316]

Do đó bạn có: [Page 316]

1. Activity..... electrical manifestation of matter.

1. Hoạt động..... biểu hiện điện của vật chất.

2. Magnetism... electrical manifestation of form.

2. Từ điện... biểu hiện điện của hình tướng.

3. Vitality..... electrical manifestation of existence.

3. Sinh lực..... biểu hiện điện của sự tồn tại.

This is literally (as pointed out by H. P. B.) *(S.D.,I, 567. II, 258)* fire by friction, solar fire, and electric fire.

Điều này theo nghĩa đen là (như H. P. B. đã chỉ ra) *(S.D.,I, 567. II, 258)* Lửa ma sát, Lửa Thái dương, và Lửa Điện.

Fire by friction is electricity animating the atoms of matter, or the substance of the solar system, and resulting in:

Lửa ma sát là điện làm sinh động cho các nguyên tử của vật chất, hay chất liệu của hệ mặt trời, và dẫn đến:

The spheroidal form of all manifestation.

Hình cầu của mọi biểu hiện.

The innate heat of all spheres.

Nhiệt nội tại của mọi khối cầu.

Differentiation of all atoms one from another.

Sự biến phân của mọi nguyên tử với nhau.

Solar fire is electricity animating forms or congeries of atoms, and resulting in:

Lửa Thái dương là điện làm sinh động cho các hình tướng hay các tập hợp nguyên tử, và dẫn đến:

Coherent groups.

Các nhóm kết dính.

The radiation from all groups, or the magnetic interaction of these groups.

Bức xạ từ mọi nhóm, hay sự tương tác từ tính của các nhóm này.

The synthesis of form.

Sự tổng hợp của hình tướng.

Electric fire is electricity demonstrating as vitality or the will-to-be of some Entity, and manifests as:

Lửa Điện là điện biểu lộ như sinh lực hay ý chí-hướng-tồn-tại của một Thực Thể nào đó, và biểu hiện như:

Abstract Being.

Bản Thể trừu tượng.

Darkness.

Bóng tối.

Unity.

Hợp nhất.

We have seen that electrical manifestation on the first plane caused initial vibration, and on the second its activity resulted in the archetypal form of all manifestation from a God to man, and an atom.

Chúng ta đã thấy rằng biểu hiện điện trên cõi thứ nhất gây ra rung động ban đầu, và trên cõi thứ hai hoạt động của nó dẫn đến hình tướng nguyên mẫu của mọi biểu hiện từ một Thượng đế đến con người, và một nguyên tử.

On the third plane which, is primarily the plane of Brahma, this electrical force showed itself in intelligent purpose. The will-to-be, and the form desired, are correlated by intelligent purpose underlying all. This intelligent purpose, or active will, utilising an instrument, brings us to that most difficult of metaphysical problems, the

Trên cõi thứ ba, vốn chủ yếu là cõi của Brahma, mãnh lực điện này biểu lộ như mục đích thông tuệ. Ý chí-hướng-tồn-tại, và hình tướng được mong muốn, có mối tương liên nhờ mục đích thông tuệ nằm bên dưới tất cả. Mục đích thông tuệ này, hay ý chí hoạt động, sử dụng một công cụ, đưa chúng ta đến một trong những vấn đề siêu hình khó khăn

distinction between will and desire. It is not possible [Page 317] here to handle this delicate subject, save simply to point out that in both will and desire, intelligence or manas is a fundamental factor, and must be recognised. This permeating principle of manas—colouring as it does both the will aspect and the desire aspect—is the cause of much confusion to students, and clarity of thought will eventuate only as it is realised:

nhất, là sự phân biệt giữa ý chí và dục vọng. Không thể [Page 317] ở đây xử lý chủ đề tinh tế này, ngoại trừ chỉ đơn giản chỉ ra rằng trong cả ý chí lẫn dục vọng, trí tuệ hay manas là một yếu tố căn bản, và phải được nhận biết. Nguyên khí manas thấm nhuần này—vì nó nhuộm sắc cả phương diện ý chí lẫn phương diện dục vọng—là nguyên nhân của nhiều sự lẫn lộn nơi các đạo sinh, và sự minh xác trong tư tưởng sẽ chỉ xuất hiện khi nhận ra rằng:

First, that all manifestation emanates, or is electrified, from the cosmic mental plane.

Thứ nhất, mọi biểu hiện đều phát ra, hay được điện hoá, từ cõi trí vũ trụ.

Second, that the Universal Mind, or the divine thinker, is the intelligent Principle which makes Itself known as the Will-to-be, Desire or Love-of-Being, and that active intelligent purpose which animates the solar system.

Thứ hai, Trí Tuệ Vũ Trụ, hay Đấng tư tưởng thiêng liêng, là Nguyên khí thông tuệ tự biểu lộ như Ý Chí-hướng-tồn-tại, Dục vọng hay Tình thương-hướng-tồn-tại, và mục đích hoạt động thông tuệ làm sinh động hệ mặt trời.

Third, that Maha-deva, or the Divine Will, Vishnu, the Wisdom aspect, or the manifested "Son of Necessity," and Brahma or active purpose are the sum-total of intelligent consciousness, and are (to the manifesting cosmic Entity) what the mental body, the desire body, and the physical body are to man, the thinker in the three worlds, functioning in the causal body. We must not forget that the causal body contains the three permanent atoms or the three spheres which embody the principle of intelligence, of desire, and of physical objectivity. Always must the analogy be held between the threefold Logos and threefold man, and definiteness of thought and of concept results when the one likeness between these is pondered on. Man is a unit, functioning as a unit in the causal body. He is a triplicity functioning under the will aspect, or mental body; under the desire or wisdom aspect, the astral body; and under the activity aspect,

Thứ ba, Maha-deva, hay Ý Chí thiêng liêng, Vishnu, phương diện Minh triết, hay "Con của Tất Yếu" biểu lộ, và Brahma hay mục đích hoạt động là tổng thể của tâm thức thông tuệ, và là (đối với Thực Thể vũ trụ đang biểu lộ) điều mà thể trí, thể dục vọng, và thể xác là đối với con người, nhà tư tưởng trong ba cõi giới, hoạt động trong thể nguyên nhân. Chúng ta không được quên rằng thể nguyên nhân chứa ba nguyên tử trường tồn hay ba khối cầu thể hiện nguyên khí trí tuệ, dục vọng, và tính khách quan hồng trần. Luôn luôn phải giữ sự tương đồng giữa Thượng đế tam phân và con người tam phân, và sự xác định rõ ràng của tư tưởng và khái niệm sẽ xuất hiện khi sự giống nhau duy nhất giữa hai bên này được suy gẫm. Con người là một đơn vị, hoạt động như một đơn vị trong thể nguyên nhân. Y là một bộ ba hoạt động dưới phương diện ý chí, hay thể trí; dưới phương diện dục vọng hay minh triết, thể cảm dục; và dưới phương diện hoạt

the physical body. He electrifies or vitalises all three bodies or aspects, unifying them into one, and bringing about—by means of the Intelligence He is—coherency of action, simultaneity of purpose, and synthetic endeavour.

động, thể xác. Y điện hoá hay tiếp sinh lực cho cả ba thể hay phương diện, hợp nhất chúng thành một, và mang lại—nhờ Trí Tuệ mà y là—sự kết dính của hành động, tính đồng thời của mục đích, và nỗ lực tổng hợp.

[Page 318] Finally, therefore, it is apparent that, no matter from what angle we study, the threefold Logos (or His reflection, the microcosm) through the *Manasic principle*, intelligently reduces matter to form, and utilises that form for the fulfilment of the will, desire and purpose of the indwelling Existence; this principle *can be seen underlying all three aspects.*

[Page 318] Cuối cùng, do đó, hiển nhiên là, bất kể chúng ta nghiên cứu từ góc độ nào, Thượng đế tam phân (hay phản ánh của Ngài, tiểu thiên địa) thông qua *nguyên khí Manas*, một cách thông tuệ làm cho vật chất quy về hình tướng, và sử dụng hình tướng ấy để hoàn thành ý chí, dục vọng và mục đích của Sự Tồn Tại nội tại; nguyên khí này *có thể được thấy nằm bên dưới cả ba phương diện.*

There is no need here to point out the different triplicities which can be built up on the basic idea of Spirit and Matter, linked by Intelligence. This has often been done. I but seek to emphasize that INTELLIGENCE is the main quality of the Logos; that it shows as will, as desire or wisdom, and as activity; and that the reason for this is due to the work earlier accomplished by the cosmic Entity, involving cycles which have passed into the dim mist of retrospect, even from the angle of vision of a solar Logos.

Ở đây không cần chỉ ra các bộ ba khác nhau có thể được xây dựng trên ý tưởng căn bản về Tinh thần và Vật chất, được nối kết bởi Trí Tuệ. Điều này đã thường được thực hiện. Tôi chỉ tìm cách nhấn mạnh rằng TRÍ TUỆ là phẩm tính chính của Thượng đế; rằng nó biểu lộ như ý chí, như dục vọng hay minh triết, và như hoạt động; và rằng lý do của điều này là do công việc đã được Thực Thể vũ trụ hoàn thành từ trước, liên quan đến những chu kỳ đã đi vào màn sương mờ của hồi cố, ngay cả từ góc nhìn của một Thái dương Thượng đế.

This developed manasic principle is the intelligent purpose that is bringing about at-one-ment on each plane of the solar system in connection with the subplanes. It will eventually bring about the synthesis of all the planes, and thus bring the cosmic physical plane, as a unified whole, under the complete control of that cosmic Entity Who is seeking expression through that threefold manifestation we call a solar system, or the body logoic.

Nguyên khí manas đã phát triển này là mục đích thông tuệ đang mang lại sự hiệp nhất trên mỗi cõi của hệ mặt trời trong liên hệ với các cõi phụ. Cuối cùng nó sẽ mang lại sự tổng hợp của mọi cõi, và nhờ đó đưa cõi hồng trần vũ trụ, như một toàn thể hợp nhất, dưới sự kiểm soát hoàn toàn của Thực Thể vũ trụ đang tìm cách biểu lộ qua biểu hiện tam phân mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời, hay thân thể của Thượng đế.

On this third plane that intelligent principle demonstrates as coherent activity, either systemic, planetary, or monadic, and also as the triple vibration of spirit-matter-intelligence, sounding as the threefold Sacred Word, or electricity manifesting as sound.

Trên cõi thứ ba này, nguyên khí thông tuệ ấy biểu lộ như hoạt động kết dính, dù là theo hệ mặt trời, hành tinh, hay chân thần, và cũng như rung động tam phân của tinh thần-vật chất-trí tuệ, vang lên như Linh từ Thiêng liêng tam phân, hay điện biểu lộ như âm thanh.

We have here an interesting sequence or inversion, according to the angle of vision, involving the planes as we know them:

Ở đây chúng ta có một chuỗi thú vị hay một sự đảo ngược, tùy theo góc nhìn, liên quan đến các cõi như chúng ta biết:

Electricity as vibratory impulse. This causes the aggregation of matter, and its activity within certain bounds, or its awakening to activity within the solar [Page 319] ring-pass-not. This is the first syllable of the Sacred Word.

Điện như xung lực rung động. Điều này gây ra sự kết tụ của vật chất, và hoạt động của nó trong những giới hạn nhất định, hay sự thức tỉnh của nó vào hoạt động bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời [Page 319]. Đây là âm tiết thứ nhất của Linh từ Thiêng liêng.

Electricity as Light, causing spheroidal objectivity. This is the birth of the Son. It covers the enunciation of the second syllable of the Sacred Word. (123)

Điện như Ánh sáng, gây ra tính khách quan hình cầu. Đây là sự sinh ra của Con. Nó bao hàm sự phát âm âm tiết thứ hai của Linh từ Thiêng liêng. (123)

(123) "Through perfectly concentrated meditation on the light in the head comes the vision of the Masters who have attained."

(123) "Nhờ tham thiền hoàn toàn tập trung vào ánh sáng trong đầu mà linh thị về các Chân sư đã đạt được xuất hiện."

"The tradition is that there is a certain centre of force in the head, perhaps the 'pineal gland,' which some of our Western philosophers have supposed to be the dwelling of the soul,—a centre which is, as it were, the doorway between the natural and the spiritual man. It is the seat of that better and wiser consciousness behind the outward looking consciousness in the forward part of the head; that better and wiser consciousness of "the back of the mind," which views spiritual things, and seeks to impress the spiritual view on the outward looking consciousness in the forward part of the head. It is the spiritual

"Truyền thống nói rằng có một trung tâm mãnh lực nào đó trong đầu, có lẽ là 'tuyến tùng', mà một số triết gia phương Tây của chúng ta đã cho là nơi cư ngụ của linh hồn,—một trung tâm mà, có thể nói, là cánh cửa giữa con người tự nhiên và con người tinh thần. Đó là chỗ ngự của tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn ấy ở phía sau tâm thức hướng ra ngoài ở phần trước của đầu; tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn ấy của 'phía sau trí tuệ', vốn nhìn các sự vật tinh thần, và tìm cách gây ấn tượng quan điểm tinh thần lên tâm thức hướng ra ngoài ở phần trước của đầu. Đó là con người tinh thần đang tìm cách hướng dẫn con người tự nhiên, tìm cách đưa

man seeking to guide the natural man, seeking to bring the natural man to concern himself with the things of his immortality. This is suggested in the words of the Upanishad already quoted. "There, where the dividing of the hair turns, extending upward to the crown of the head'; all of which may sound very fantastical, until one comes to understand it."

con người tự nhiên quan tâm đến những điều thuộc sự bất tử của mình. Điều này được gợi ý trong những lời của Upanishad đã được trích dẫn. 'Ở đó, nơi đường rẽ của tóc quay lại, kéo dài lên đến đỉnh đầu'; tất cả điều này có thể nghe rất huyễn tưởng, cho đến khi người ta bắt đầu thấu hiểu nó."

"It is said that when this power is fully awakened, it brings a vision of the great Companions of the spiritual man, those who have already attained, crossing over to the further shore of the sea of death and rebirth. Perhaps it is to this divine sight that the Master alluded, who is reported to have said: 'I counsel you to buy of me eye salve, that you may see.'"—*Yoga Sutras of Patanjali*, Book III, 32. (C. Johnston's Edition.) (back)

"Người ta nói rằng khi quyền năng này được thức tỉnh hoàn toàn, nó mang lại linh thị về những Bạn Đồng Hành vĩ đại của con người tinh thần, những vị đã đạt được rồi, vượt qua đến bờ bên kia của biển chết và tái sinh. Có lẽ chính đến linh thị thiêng liêng này mà Chân sư đã ám chỉ, Đấng được tường thuật là đã nói: 'Tôi khuyên bạn hãy mua của tôi thuốc xức mắt, để bạn có thể thấy.'"—*Kinh Yoga của Patanjali*, Quyển III, 32. (Bản của C. Johnston.) (back)

Electricity as Sound. Here we have the completed threefold Sacred Word.

Điện như Âm thanh. Ở đây chúng ta có Linh từ Thiêng liêng tam phân đã hoàn tất.

On the fourth plane this electrical force shows itself as colour. In these four we have the fundamental concepts of all manifestation; all four have an electrical dynamic origin; all are basically a differentiation or effect of impulse, emanating from the cosmic mental plane and taking form (with intelligent purpose in view) on the cosmic physical. Man repeats the process on his tiny scale, dealing only with three planes, and flashing into objectivity on the solar physical. It will be demonstrated later as science attains more and more of the truth that

Trên cõi thứ tư, mãnh lực điện này biểu lộ như màu sắc. Trong bốn điều này, chúng ta có các khái niệm căn bản của mọi biểu hiện; cả bốn đều có nguồn gốc năng động điện; tất cả về căn bản đều là một sự biến phân hay hiệu quả của xung lực, phát ra từ cõi trí vũ trụ và mang lấy hình tướng (với mục đích thông tuệ được nhắm đến) trên cõi hồng trần vũ trụ. Con người lặp lại tiến trình ấy trên quy mô nhỏ bé của mình, chỉ đề cập đến ba cõi, và lóe vào tính khách quan trên cõi hồng trần thái dương. Sau này sẽ được chứng minh khi khoa học ngày càng đạt đến chân lý nhiều hơn rằng

1. All physical phenomena as we understand the term have an electrical origin, and an initial vibration on the first sub-plane of the physical plane. [Page 320]

1. Mọi hiện tượng hồng trần như chúng ta hiểu thuật ngữ này đều có nguồn gốc điện, và một rung động ban đầu trên cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần. [Page 320]

2. That Light, physical plane light, has a close connection with, and uses, as a medium, the second ether.

2. Ánh sáng, ánh sáng cõi hồng trần, có liên hệ mật thiết với cõi dĩ thái thứ hai và sử dụng nó như một môi trường.

3. That sound functions through the third ether.

3. Âm thanh hoạt động qua cõi dĩ thái thứ ba.

4. That colour in a peculiar sense is allied to the fourth ether.

4. Màu sắc theo một nghĩa đặc biệt liên hệ với cõi dĩ thái thứ tư.

We must note here that in the development of the senses, hearing preceded sight, as sound precedes colour.

Ở đây chúng ta phải lưu ý rằng trong sự phát triển của các giác quan, thính giác đi trước thị giác, cũng như âm thanh đi trước màu sắc.

An interesting analogy may here be noted between the fourth cosmic ether, and the fourth ether on the physical plane of the solar system. Both are in process of becoming exoteric—one from the standpoint of man in the three worlds, and the other from the standpoint of a Heavenly Man. The fourth ether is even now being investigated by scientists, and much that they predicate concerning ether, the atom, radium, and the ultimate "protyle" has to do with this fourth ether. It will eventually be brought under scientific formula, and some of its properties, knowledge concerning its range of influence, and its utilisation will become known unto men. Paralleling this, the buddhic plane, the plane of the Christ principle, is gradually becoming known to those advanced beings who are individually able to cognise their place in the body of a Logos of a planetary scheme. The influence of the buddhic plane, and the electrical force that is its peculiar characteristic, are

Ở đây có thể lưu ý một sự tương đồng thú vị giữa cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư và cõi dĩ thái hồng trần thứ tư của hệ mặt trời. Cả hai đều đang trong tiến trình trở nên ngoại môn—một từ quan điểm của con người trong ba cõi giới, và cái kia từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân. Cõi dĩ thái thứ tư ngay lúc này đang được các nhà khoa học khảo cứu, và nhiều điều họ khẳng định liên quan đến dĩ thái, nguyên tử, radium, và "protyle" tối hậu đều có liên quan đến cõi dĩ thái thứ tư này. Cuối cùng nó sẽ được đưa vào công thức khoa học, và một số tính chất của nó, tri thức liên quan đến phạm vi ảnh hưởng của nó, và việc sử dụng nó sẽ được loài người biết đến. Song song với điều này, cõi Bồ đề, cõi của nguyên khí Christ, đang dần dần được biết đến đối với những hữu thể tiến bộ có khả năng cá nhân nhận biết vị trí của mình trong thân thể của một Thượng đế của một hệ hành tinh. Ảnh hưởng của cõi Bồ đề, và mãnh lực điện là đặc tính riêng của nó, đang bắt đầu được cảm nhận, và năng lượng của

beginning to be felt, and its energy is also beginning to have a definite effect on the egoic bodies of men; the fourth ether of the physical systemic plane is likewise assuming its rightful place in the minds of men, and the electrical force of that subplane is already being adapted and utilised by man in the assistance of the mechanical arts, for methods of transportation, for widespread illumination, and in healing. These four adaptations of electricity: [Page 321]

nó cũng đang bắt đầu có một tác động rõ rệt lên các thể chân ngã của con người; cõi dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần hệ mặt trời cũng đang đảm nhận vị trí chính đáng của nó trong trí tuệ loài người, và con người đã điều chỉnh và sử dụng mãnh lực điện của cõi phụ ấy để hỗ trợ các kỹ nghệ cơ khí, cho các phương pháp vận chuyển, cho sự chiếu sáng rộng khắp, và trong trị liệu. Bốn cách ứng dụng này của điện: [Page 321]

1. For mechanical uses,

1. Cho các công dụng cơ khí,

2. For transportation,

2. Cho vận chuyển,

3. For illumination,

3. Cho chiếu sáng,

4. In healing,

4. Trong trị liệu,

are but the working out on the physical plane of paralleling utilisation of buddhic electrical force.

chỉ là sự triển khai trên cõi hồng trần của việc sử dụng song hành mãnh lực điện Bồ đề.

It might here be asked why colour primarily is spoken of as the buddhic manifestation of electricity. We are employing the word "colour" here in its original and basic sense as "that which veils." Colour veils the sevenfold differentiation of logoic manifestation and, from the angle of vision of man in the three worlds, can be seen only in its full significance on the buddhic plane. All fire and electrical display will be seen to embody the seven colours.

Ở đây có thể đặt câu hỏi tại sao màu sắc chủ yếu lại được nói đến như biểu hiện Bồ đề của điện. Ở đây chúng ta dùng từ "màu sắc" theo nghĩa nguyên thủy và căn bản của nó là "điều che phủ." Màu sắc che phủ sự biến phân thất phân của biểu hiện của Thượng đế và, từ góc nhìn của con người trong ba cõi giới, chỉ có thể được thấy trong toàn bộ ý nghĩa của nó trên cõi Bồ đề. Mọi lửa và mọi sự biểu lộ điện sẽ được thấy là thể hiện bảy màu sắc.

Again another correspondence between the fourth cosmic ether and the fourth physical ether lies in the fact that they are both primarily concerned with the work of the great builders, bearing in mind that they build the *real* body of the Logos in *etheric* matter; the dense physical vehicle is not so

Lại nữa, một sự tương ứng khác giữa cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư và cõi dĩ thái hồng trần thứ tư nằm ở sự kiện rằng cả hai đều chủ yếu liên quan đến công việc của các đấng đại kiến tạo, ghi nhớ rằng các Ngài xây dựng *thân thể thực* của Thượng đế bằng vật chất *dĩ thái*; vận cụ hồng trần đậm đặc không phải

much the result of their work as it is the result of the meeting of the seven streams of force or electricity, which causes that apparent congestion in matter that we call the dense physical planes (the three lower subplanes). This apparent congestion is, after all, but the exceeding electronic activity or energy of the mass of negative atoms awaiting the stimulation that will result from the presence of a certain number of positive atoms. This needs to be borne in mind. The work of evolution is based on two methods and demonstrates as:

là kết quả công việc của các Ngài nhiều bằng kết quả của sự gặp gỡ của bảy dòng mãnh lực hay điện, điều gây ra sự tắc nghẽn biểu kiến trong vật chất mà chúng ta gọi là các cõi hồng trần đậm đặc (ba cõi phụ thấp hơn). Sự tắc nghẽn biểu kiến này, rốt cuộc, chỉ là hoạt động điện tử hay năng lượng quá mức của khối nguyên tử âm đang chờ sự kích thích sẽ phát sinh từ sự hiện diện của một số nguyên tử dương nhất định. Điều này cần được ghi nhớ. Công việc của tiến hoá dựa trên hai phương pháp và biểu lộ như:

Involution, wherein the negative electrons of matter preponderate. The percentage of these feminine electrons is one of the secrets of initiation and is so vast during the involutionary stage that the rarity of the positive [Page 322] atoms is very noticeable; they are so rare as only to serve to keep the mass coherent.

Giáng hạ tiến hoá, trong đó các điện tử âm của vật chất chiếm ưu thế. Tỷ lệ của các điện tử nữ tính này là một trong những bí mật của điểm đạo và lớn lao đến mức trong giai đoạn giáng hạ tiến hoá, sự hiếm hoi của các nguyên tử dương [Page 322] rất dễ nhận thấy; chúng hiếm đến mức chỉ đủ để giữ cho khối ấy kết dính.

Evolution, wherein, due to the action of manas, these negative atoms become stimulated and either dissipate back into the central electrical reservoir, or merge in their opposite pole, and are consequently again lost. This results in:

Thăng thượng tiến hoá, trong đó, do tác động của manas, các nguyên tử âm này được kích thích và hoặc phân tán trở lại vào bể chứa điện trung tâm, hoặc hòa nhập vào cực đối nghịch của chúng, và do đó lại bị mất đi. Điều này dẫn đến:

Synthesis.

Tổng hợp.

Homogeneity.

Đồng nhất tính.

The rarity instead of the density of matter. The fourth cosmic ether, the buddhic, is the plane of air, and is also the plane of absorption for the three worlds. This rarefication of dense matter (as we know it) simply means that at the close of the evolutionary process it will have been transmuted and be practically, from our point of view, non-existent; all that will be left will be the positive atoms, or certain

Sự thưa loãng thay vì sự đậm đặc của vật chất. Cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề, là cõi của khí, và cũng là cõi hấp thu đối với ba cõi giới. Sự làm loãng vật chất đậm đặc này (như chúng ta biết) đơn giản có nghĩa là vào lúc kết thúc tiến trình tiến hoá, nó sẽ được chuyển hoá và thực tế, từ quan điểm của chúng ta, sẽ không còn tồn tại; tất cả những gì còn lại sẽ là các nguyên tử dương, hay một số xoáy lực mà—sau khi đã hấp thu cái âm—

vortices of force which—having absorbed the negative will demonstrate as electrical phenomena of a form inconceivable to man at his present stage of knowledge. These vortices will be distinguished by:

sẽ biểu lộ như các hiện tượng điện dưới một hình thức mà con người ở giai đoạn tri thức hiện nay không thể hình dung được. Các xoáy này sẽ có các đặc trưng là:

1. Intense vibratory activity.

1. Hoạt động rung động mãnh liệt.

2. The predominance of one certain colour according to the quality of the etheric display, and its source.

2. Sự trội vượt của một màu sắc nhất định tùy theo phẩm tính của sự biểu lộ dĩ thái, và nguồn gốc của nó.

3. Repulsion to all bodies of similar vibratory rate and polarity. Their attractive quality at the end of evolution will cease owing to the fact that naught remains to be attracted.

3. Sự đẩy lùi đối với mọi vật thể có cùng nhịp độ rung động và cực tính. Phẩm tính hấp dẫn của chúng vào cuối tiến hoá sẽ chấm dứt do sự kiện rằng không còn gì để hấp dẫn nữa.

The vortices in each planetary scheme will be, during evolution, seven. Later, during the period of obscuration, three of the vortices will approximate their masculine pole and eventually but one will be left. In man a similar procedure can be seen in connection with his [Page 323] seven centres during the process of initiation. First there are seven, then three absorb the lower four through electrical interaction. We are here viewing the subject wholly from the point of view of our present discussion. Finally, only the head centre is left, for it is the positive pole to all the others.

Các xoáy trong mỗi hệ hành tinh sẽ là bảy trong tiến hoá. Về sau, trong thời kỳ che khuất, ba trong các xoáy sẽ tiến gần đến cực nam tính của chúng và cuối cùng chỉ còn lại một. Nơi con người, một tiến trình tương tự có thể được thấy liên hệ với bảy [Page 323] trung tâm của y trong tiến trình điểm đạo. Trước hết có bảy, rồi ba hấp thu bốn thấp hơn qua sự tương tác điện. Ở đây chúng ta đang nhìn chủ đề hoàn toàn từ quan điểm của cuộc thảo luận hiện tại. Cuối cùng, chỉ còn trung tâm đầu, vì nó là cực dương đối với tất cả các trung tâm khác.

This question of the electrical polarity of the centres is one of real difficulty, and little can be communicated on the matter. It may be safely pointed out, however, that the generative organs are the negative pole to the throat centre as is the solar plexus to the heart. The order of the development of the centres, the ray-type and colour, coupled to the fact that during certain stages of the evolutionary process different centres (such as the base of the spine) are positive to all

Vấn đề cực tính điện của các trung tâm này là một vấn đề thực sự khó khăn, và rất ít điều có thể được truyền đạt về nó. Tuy nhiên, có thể an toàn chỉ ra rằng các cơ quan sinh sản là cực âm đối với trung tâm cổ họng cũng như tùng thái dương là cực âm đối với tim. Trật tự phát triển của các trung tâm, loại cung và màu sắc, cùng với sự kiện rằng trong một số giai đoạn nhất định của tiến trình tiến hoá, các trung tâm khác nhau (chẳng hạn như đáy cột sống) là cực dương đối với

the others, not even excluding the head centre, leads to the vast complexity of the subject. Likewise certain of the planetary schemes are positive and others negative; three of the schemes are dual, both negative and positive. The same can be predicated anent a solar system, and, curiously enough, anent the planes themselves. For instance, in connection with the earth scheme we have a positive polarity of a temporary nature based on the type of incarnation our particular Heavenly Man is undergoing on our planet. By this is meant that there are masculine and feminine incarnations undergone by Heavenly Men as by men, considering the entire subject from the angle of electrical polarity and not from sex as understood in connection with the physical body.

tất cả các trung tâm khác, thậm chí không loại trừ trung tâm đầu, dẫn đến sự phức tạp to lớn của chủ đề này. Tương tự, một số hệ hành tinh là dương và những hệ khác là âm; ba hệ là Kép, vừa âm vừa dương. Điều tương tự có thể được khẳng định về một hệ mặt trời, và kỳ lạ thay, về chính các cõi. Chẳng hạn, liên hệ với hệ địa cầu, chúng ta có một cực tính dương có tính tạm thời dựa trên loại nhập thể mà Đấng Thiên Nhân đặc thù của chúng ta đang trải qua trên hành tinh của chúng ta. Điều này có nghĩa là có những nhập thể nam tính và nữ tính mà các Đấng Thiên Nhân trải qua cũng như con người, nếu xét toàn bộ chủ đề từ góc độ cực tính điện chứ không phải từ giới tính như được hiểu liên hệ với thể xác.

Venus is negatively polarised, and hence it became possible for a mysterious absorption by the Earth of Venusian force. Again in this connection the question of sex may serve to elucidate. The karmic tie between the two Heavenly Men—one in a positive incarnation and the other in a negative—caused the working out of an old debt and a planetary alliance. *Light* flashed forth [Page 324] in Lemurian days in a number of great groups of the human family when these two opposite poles made electrical connection. It needed the joint work of the two Heavenly Men, working on buddhic levels (the fourth cosmic ether) to bring about the blazing forth of the light of manas in the causal groups on the fifth cosmic gaseous plane, the mental plane of the solar system. It will be remembered that it was earlier pointed out that the majority of men function consciously on the fifth subplane of the three planes in the three worlds. In them the fifth principle is beginning to function, but not in sufficient force as yet to do more than keep them in line with the electrical force

Sao Kim có cực tính âm, và do đó một sự hấp thu huyền nhiệm của Trái Đất đối với mãnh lực Kim Tinh trở nên khả hữu. Một lần nữa, trong liên hệ này, vấn đề giới tính có thể giúp làm sáng tỏ. Mối ràng buộc nghiệp quả giữa hai Đấng Thiên Nhân—một trong nhập thể dương và vị kia trong nhập thể âm—đã gây ra sự giải quyết một món nợ cũ và một liên minh hành tinh. *Ánh sáng* đã bùng lên [Page 324] trong thời Lemuria trong một số nhóm lớn của gia đình nhân loại khi hai cực đối nghịch này tạo nên sự tiếp xúc điện. Cần đến công việc phối hợp của hai Đấng Thiên Nhân, hoạt động trên các cấp độ Bồ đề (cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư) để mang lại sự bùng cháy của ánh sáng manas trong các nhóm nguyên nhân trên cõi khí thể vũ trụ thứ năm, cõi trí của hệ mặt trời. Sẽ nhớ rằng trước đây đã chỉ ra rằng đa số loài người hoạt động hữu thức trên cõi phụ thứ năm của ba cõi trong ba cõi giới. Trong họ, nguyên khí thứ năm đang bắt đầu hoạt động, nhưng chưa đủ mạnh để làm gì hơn ngoài việc giữ họ phù hợp với mãnh lực điện đang tuôn chảy từ cõi dĩ thái vũ trụ

flowing from the fourth cosmic ether down to the next subplane of the cosmic physical.

thứ tư xuống cõi phụ kế tiếp của cõi hồng trần vũ trụ.

It must ever be borne in mind that each plane and each subplane which is numerically allied, is embodying the same type of force, and is consequently of the same polarity.

Phải luôn luôn ghi nhớ rằng mỗi cõi và mỗi cõi phụ có liên hệ tương ứng về số đều thể hiện cùng một loại mãnh lực, và do đó có cùng cực tính.

Again, the astral plane and the buddhic plane are related, as we already know; the astral is negative in relation to the buddhic plane. When the polarity of the different planes is known, when the polarity of the subplanes is comprehended, and when the interaction between them and the corresponding cosmic planes is grasped, then will man be free, but not before. When the polarity of the ethers to each other and their relationship to the whole is comprehended, human evolution will have run its course. A Master has solved the problem of electrical phenomena in the three worlds, hence His freedom. Further, when the relationship of the negative form to the positive Spirit is grasped, and their joint connection with the cosmic Entities Who indwell the whole system is somewhat apprehended, group liberation will be achieved.

Một lần nữa, cõi cảm dục và cõi Bồ đề có liên hệ với nhau, như chúng ta đã biết; cõi cảm dục là âm đối với cõi Bồ đề. Khi cực tính của các cõi khác nhau được biết đến, khi cực tính của các cõi phụ được thấu hiểu, và khi sự tương tác giữa chúng với các cõi vũ trụ tương ứng được nắm bắt, bấy giờ con người sẽ được tự do, nhưng không phải trước đó. Khi cực tính của các dĩ thái đối với nhau và mối liên hệ của chúng với toàn thể được thấu hiểu, tiến trình tiến hoá của nhân loại sẽ hoàn tất. Một Chân sư đã giải quyết được vấn đề các hiện tượng điện trong ba cõi thấp, do đó có được sự tự do của Ngài. Hơn nữa, khi mối liên hệ của hình tướng âm với Tinh thần dương được nắm bắt, và sự liên kết chung của chúng với các Thực Thể vũ trụ ngự bên trong toàn bộ hệ mặt trời được phần nào lĩnh hội, sự giải thoát theo nhóm sẽ đạt được.

Perhaps in considering this abstruse matter it may [Page 325] help to clarify the point of view if it is recollected that man is essentially positive in his own nature but his vehicles are negative; hence he is the central unit of positive electricity that draws and holds to him atoms of an opposite polarity. When he has merged and blended the two poles, and produced light of a definite magnitude during any particular incarnation (which magnitude is settled by the Ego prior to incarnation) then obscuration takes place. The electrical

Có lẽ khi xem xét vấn đề thâm áo này, điều đó có thể [Page 325] giúp làm sáng tỏ quan điểm nếu nhớ rằng con người về bản chất riêng của mình là dương, nhưng các vận cụ của y là âm; do đó y là đơn vị trung tâm của điện dương, thu hút và giữ lấy cho mình các nguyên tử có cực tính đối nghịch. Khi y đã hợp nhất và dung hợp hai cực, và tạo ra ánh sáng có cường độ xác định trong bất kỳ kiếp lâm phàm đặc thù nào (mức độ này do chân ngã ấn định trước khi nhập thể) thì sự che mờ xảy ra. Biểu hiện điện đốt cháy và hủy diệt môi trường, và ánh sáng tắt đi; điều mà

manifestation burns up and destroys the medium, and the light goes out; what we call physical death ensues, for the electrical current burns up that which had caused objectivity, and that which shone. Let us carry this idea further and realise that these units called men (who are positive as regards their own vehicles) are but the negative cells in the body of a Heavenly Man, and are held within His sphere of influence by the force of His electrical life. Bear in mind again that the Heavenly Men are thus positive as regards the lesser lives, but in Their turn are negative as regards the greater Life that contains Them.

chúng ta gọi là cái chết hồng trần tiếp theo sau, vì dòng điện đốt cháy cái đã gây ra tính khách quan, và cái đã chiếu sáng. Chúng ta hãy tiếp tục ý tưởng này và nhận ra rằng các đơn vị được gọi là con người này (vốn là dương đối với chính các vận cụ của mình) chỉ là những tế bào âm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, và mãnh lực của sự sống điện của Ngài giữ họ trong khối cầu ảnh hưởng của Ngài. Hãy lại ghi nhớ rằng các Đấng Thiên Nhân như thế là dương đối với các sự sống nhỏ hơn, nhưng đến lượt Các Ngài lại là âm đối với Sự sống lớn hơn bao hàm Các Ngài.

Here again is demonstrated the truth of the teaching given by H. P. B.

Ở đây một lần nữa chân lý của giáo huấn do H. P. B. ban ra lại được chứng minh.

Electric Fire	Positive	Spirit.
Fire by Friction	Negative	Matter.
Solar Fire	Light	The two blended and thus producing the objective blaze.

We have thus considered the question of the electrical origin of all manifestation in connection with the four higher subplanes of the solar system—*those four planes which are the four cosmic ethers, and therefore form the body of objectivity of a Heavenly Man in exactly the same sense as the four physical ethers of the solar system form the etheric body of a man.* I have here repeated the fact, as its importance has not yet been grasped by the average occult student; this fact—when [Page 326] conceded and realised—serves in a wonderful way to clarify the whole subject of planetary evolution. We

Như vậy, chúng ta đã xem xét vấn đề về nguồn gốc điện của mọi biểu hiện liên hệ với bốn cõi phụ cao của hệ mặt trời—*bốn cõi ấy là bốn dĩ thái vũ trụ, và do đó tạo thành thân thể khách quan của một Đấng Thiên Nhân theo đúng cùng ý nghĩa như bốn dĩ thái hồng trần của hệ mặt trời tạo thành thể dĩ thái của con người.* Tôi đã lặp lại ở đây sự kiện này, vì tầm quan trọng của nó vẫn chưa được đạo sinh huyền bí học trung bình nắm bắt; sự kiện này—khi [Page 326] được thừa nhận và nhận thức rõ—phục vụ một cách kỳ diệu cho việc làm sáng tỏ toàn bộ chủ đề tiến hoá hành tinh. Giờ đây chúng ta đã đến ba cõi

have now reached the three planes wherein man functions, or the gaseous, liquid, and dense subplanes of the cosmic physical.

trong đó con người hoạt động, hay các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ.

The whole subject of the akasha will be greatly clarified as exoteric science delves into the question of the ethers. As knowledge of the four types of ethers is available, as the vibratory action of these ethers is realised, and as the details concerning their composition, utilisation, light-bearing capacity, and the various angles from which they may be studied become known then paralleling knowledge anent the corresponding four cosmic ethers will be forthcoming. Much concerning them may be deduced from the already apprehended facts which relate to the four solar physical ethers.

Toàn bộ chủ đề về akasha sẽ được làm sáng tỏ rất nhiều khi khoa học ngoại môn đào sâu vào vấn đề các dĩ thái. Khi tri thức về bốn loại dĩ thái trở nên khả dụng, khi tác động rung động của các dĩ thái này được nhận thức rõ, và khi các chi tiết liên quan đến thành phần, sự sử dụng, khả năng mang ánh sáng, cùng các góc độ khác nhau mà từ đó chúng có thể được nghiên cứu trở nên được biết đến, thì song song với tri thức ấy, tri thức về bốn dĩ thái vũ trụ tương ứng cũng sẽ xuất hiện. Nhiều điều liên quan đến chúng có thể được suy diễn từ những sự kiện đã được lĩnh hội vốn liên hệ đến bốn dĩ thái hồng trần thái dương.

For instance, the fourth ether (which is even now being what we might call “discovered”), is at this stage characterised by certain things. I might enumerate a few of these facts with exceeding brevity, as follows:

Chẳng hạn, dĩ thái thứ tư (ngay lúc này đang được, như chúng ta có thể gọi, “khám phá”) ở giai đoạn này có một số đặc trưng. Tôi có thể liệt kê vài sự kiện ấy hết sức vắn tắt như sau:

a. It is the ether which the violet ray uses as a medium.

a. Đó là dĩ thái mà cung tím sử dụng làm môi trường.

b. The fourth ether is that whereof the majority of the etheric bodies of men are made.

b. Dĩ thái thứ tư là chất liệu mà phần lớn các thể dĩ thái của con người được tạo thành từ đó.

c. The fourth ether is largely the principal sphere of influence of the “devas of the shadows,” or those violet devas which are closely concerned with the physical evolution of man.

c. Dĩ thái thứ tư phần lớn là khối cầu ảnh hưởng chính của các “thiên thần của bóng tối”, hay những thiên thần tím có liên hệ mật thiết với sự tiến hoá hồng trần của con người.

d. It is the etheric sphere within which, at a little later date, the human and the deva evolutions will touch.

d. Đó là khối cầu dĩ thái bên trong đó, vào một thời điểm muộn hơn đôi chút, hai tiến hoá nhân loại và thiên thần sẽ tiếp xúc nhau.

e. From this fourth etheric sphere the dense physical bodies are created.

e. Từ khối cầu dĩ thái thứ tư này, các thể hồng trần đậm đặc được tạo ra.

f. It is the sphere of physical individualisation. Only when the animal to be individualised was fully conscious on that subplane of the physical plane was it possible to co-ordinate the corresponding spheres on the astral and mental planes and by means of this triple co-ordination to effect the necessary steps which enabled the quaternary to succeed in its effort to approximate the Triad. [Page 327]

f. Đó là khối cầu của sự biệt ngã hóa hồng trần. Chỉ khi con vật sắp được biệt ngã hóa hoàn toàn hữu thức trên cõi phụ ấy của cõi hồng trần thì mới có thể phối hợp các khối cầu tương ứng trên cõi cảm dục và cõi trí, và bằng phương tiện của sự phối hợp tam phân này mà thực hiện các bước cần thiết giúp bộ tứ thành công trong nỗ lực tiến gần Tam nguyên tinh thần. [Page 327]

g. This fourth ether in this fourth round and on this fourth chain has to be completely mastered and controlled by the Human Hierarchy, the fourth creative. Every unit of the human family has to attain this mastery before the end of this round.

g. Huyền Giai nhân loại, Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, phải hoàn toàn làm chủ và kiểm soát dĩ thái thứ tư này trong cuộc tuần hoàn thứ tư và trên dãy thứ tư này. Mọi đơn vị của gia đình nhân loại đều phải đạt được sự làm chủ này trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn này.

h. It is the sphere wherein the initiations of the threshold are undergone, and the fivefold initiations of the physical plane are entered upon.

h. Đó là khối cầu trong đó các cuộc điểm đạo của ngưỡng cửa được trải qua, và năm cuộc điểm đạo của cõi hồng trần được bắt đầu.

Much more might be further added to this list, but I have sought only to point out those which can be easily realised as having a correspondence on the buddhic plane, the fourth cosmic ether. It should be borne in mind that our physical plane in its subplanes has its analogy likewise to the entire cosmic physical plane.

Còn có thể bổ sung thêm nhiều điều nữa vào danh sách này, nhưng tôi chỉ tìm cách chỉ ra những điều có thể dễ dàng nhận ra là có sự tương ứng trên cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư. Cần ghi nhớ rằng cõi hồng trần của chúng ta trong các cõi phụ của nó cũng có sự tương đồng với toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

COSMIC PHYSICAL PLANE		CÕI HỒNG TRẦN VŨ TRỤ	
1. Adi	First cosmic ether.	1. Atomic subplane	First ether.
2. Monadic	Second cosmic ether.	2. Sub-atomic	Second ether.

3. Atmic	Third cosmic ether.	3. Super-etheric	Third ether.
4. Buddhic	Fourth cosmic ether.	4. Etheric	Fourth ether.
5. Mental	Cosmic liquid.	5. Gaseous.	
6. Astral	Cosmic liquid.	6. Liquid.	
7. Physical	Cosmic dense.	7. Dense physical.	

The solar physical plane might also be expressed accurately as follows, working out the anaIogy to the major planes:

Cõi hồng trần thái dương cũng có thể được diễn đạt chính xác như sau, triển khai sự tương đồng với các cõi chính:

SOLAR PHYSICAL PLANE		CÕI HỒNG TRẦN THÁI DƯƠNG	
First subplane	atomic	first ether	physical adi.
Second subplane	sub-atomic	second ether	physical anupadaka.
Third subplane	super-etheric	third ether	physical atmic.
Fourth subplane	etheric	fourth ether	physical buddhic.
Fifth subplane	gaseous	physical mental.	
Sixth subplane	liquid	physical astral.	
Seventh subplane	dense	physical dense.	

[Page 328] In both the cosmic and solar physical planes, the plane of buddhi is ever the plane of at-one-ment, or the meeting ground of diversities, and of their blending —not into a fundamental unity—but into group unity. This is owing to the fact that the buddhic plane is pre-eminently the plane most concerned with the evolution of

[Page 328] Trong cả cõi hồng trần vũ trụ lẫn cõi hồng trần thái dương, cõi Bồ đề luôn luôn là cõi của sự hợp nhất, hay nơi gặp gỡ của các dị biệt, và của sự dung hợp chúng—không phải thành một hợp nhất căn bản—mà thành hợp nhất nhóm. Điều này là do cõi Bồ đề nổi bật hơn hết là cõi liên hệ nhiều nhất đến sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân. Vì

the Heavenly Men. What I have therefore predicated anent the fourth physical ether can likewise be extended to the fourth cosmic ether, and find its analogy on the buddhic plane. The place, for instance, of violet in the spectrum is of prime importance in connection with the greater cycles, and marks the end of a cycle and the beginning of a new one. The buddhic plane is peculiarly the plane of violet, even though all the colours find their place there; the Lord of the Ray of Ceremonial Magic, Who embodies the violet ray or hierarchy, has a special relationship to the buddhic plane. It must be borne in mind that each planetary Logos works primarily on one of the seven planes; from this we can infer that His influence finds its line of least resistance on some one plane, even though it be exerted on all planes.

vậy, điều tôi đã khẳng định liên quan đến dĩ thái hồng trần thứ tư cũng có thể được mở rộng đến dĩ thái vũ trụ thứ tư, và tìm thấy sự tương đồng của nó trên cõi Bồ đề. Chẳng hạn, vị trí của màu tím trong quang phổ có tầm quan trọng hàng đầu liên hệ với các chu kỳ lớn hơn, và đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ cùng sự khởi đầu của một chu kỳ mới. Cõi Bồ đề đặc biệt là cõi của màu tím, dù mọi màu sắc đều có chỗ đứng ở đó; Đấng Chúa Tể của Cung Huyền Thuật Nghi Lễ, Đấng hiện thân cung tím hay Huyền Giai, có một mối liên hệ đặc biệt với cõi Bồ đề. Cần ghi nhớ rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế hoạt động chủ yếu trên một trong bảy cõi; từ đó chúng ta có thể suy ra rằng ảnh hưởng của Ngài tìm thấy con đường ít trở ngại nhất trên một cõi nào đó, dù nó được vận dụng trên mọi cõi.

Again, extend the second statement anent the etheric composition of the bodies of men to Those of the Heavenly Men, and it will be found that just as the majority of human etheric bodies are built of matter of the fourth ether, so it may also be said that four of the Heavenly Men have Their etheric vehicles composed of this fourth cosmic ether (buddhic matter).

Một lần nữa, hãy mở rộng phát biểu thứ hai liên quan đến thành phần dĩ thái của thân thể con người sang thân thể của các Đấng Thiên Nhân, và sẽ thấy rằng cũng như phần lớn các thể dĩ thái của con người được kiến tạo bằng vật chất của dĩ thái thứ tư, thì cũng có thể nói rằng bốn Đấng Thiên Nhân có các vận cụ dĩ thái được cấu thành từ dĩ thái vũ trụ thứ tư này (vật chất Bồ đề).

Further, the two great evolutions (human and deva) find their group unity on the buddhic plane, and portions of both hierarchies blend and merge so as to form the body of the divine Hermaphrodite. (124, 125) Earlier, at certain fixed points, they may temporarily approximate each [Page 329] other. On the buddhic plane definite and permanent alliance may be seen. On this plane also the “devas of the shadows” who are concerned in the building of the planetary scheme, pursue their work, and thus parallel the work done in the three

Hơn nữa, hai tiến hoá lớn (nhân loại và thiên thần) tìm thấy sự hợp nhất nhóm của mình trên cõi Bồ đề, và các phần của cả hai Huyền Giai dung hợp và hòa nhập để tạo thành thân thể của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng. (124, 125) Trước đó, tại những điểm cố định nhất định, chúng có thể tạm thời tiến gần nhau [Page 329]. Trên cõi Bồ đề có thể thấy một liên minh xác định và thường tồn. Trên cõi này cũng vậy, các “thiên thần của bóng tối” có liên hệ đến việc xây dựng hệ hành tinh theo đuổi công việc của mình, và như thế song hành với công việc mà các vị tiểu

worlds by the lesser builders who work with the etheric body of man. So can the analogies be worked out, for ever this Law of Resemblance holds good; yet ever must it be remembered that the analogy is of a psychic nature, and demonstrates in work, activity, and quality, and not in literal identity of form.

kiến tạo thực hiện trong ba cõi thấp làm việc với thể dĩ thái của con người. Như vậy các sự tương đồng có thể được triển khai, vì Định luật Tương Tự này luôn luôn đúng; tuy nhiên luôn luôn phải nhớ rằng sự tương đồng ấy có bản chất thông linh, và được chứng minh trong công việc, hoạt động và phẩm tính, chứ không phải trong sự đồng nhất theo nghĩa đen của hình tướng.

(124) The Pairs of Opposites:—From *The Science of Social Organization*, by Bhagavan Das. (back)

(124) Các Cặp Đối Lập:—Trích từ *Khoa Học về Tổ Chức Xã Hội*, của Bhagavan Das. (trở lại)

As time elapses the work of the Heavenly Men in the cosmic etheric spheres will be better comprehended, and assisted intelligently by those lesser intelligences who—by the study of the physical ethers—will eventually hold the key of the greater manifestation. Science is the handmaiden of wisdom, and opens the door to those infinite reaches and to those cosmic expanses, where stand Those vaster Intelligences, Who manipulate the matter of the higher planes, and bend it to the desired form, causing the vibrations thus set up to be felt at the furthest bounds of the solar ring-pass-not. Automatically then all lesser lives and all the denser materials are swept and carried into the needed channels and forms. *Vibration*, or initial activity, *light*, or activity taking form and animating form, *sound* the basis of differentiation and the source of the evolutionary process, and *colour* the sevenfold differentiation—thus is the work carried on. We have been dealing with these four in connection with a solar Logos, and equally with the work of a Heavenly Man and of Man, of the human monad.

Theo thời gian, công việc của các Đấng Thiên Nhân trong các khối cầu dĩ thái vũ trụ sẽ được thấu hiểu tốt hơn, và những trí tuệ nhỏ hơn sẽ hỗ trợ một cách thông minh, những trí tuệ—nhờ nghiên cứu các dĩ thái hồng trần—cuối cùng sẽ nắm giữ chìa khóa của biểu hiện lớn hơn. Khoa học là nữ tỳ của minh triết, và mở cánh cửa đến những tầm mức vô hạn và những không gian vũ trụ, nơi đứng đó những Trí Tuệ bao la hơn, Các Ngài thao tác vật chất của các cõi cao và uốn nó theo hình tướng mong muốn, khiến các rung động được khởi lên như thế được cảm nhận ở những ranh giới xa nhất của vòng-giới-hạn thái dương. Khi ấy, một cách tự động, mọi sự sống nhỏ hơn và mọi vật liệu đậm đặc hơn đều bị cuốn và mang vào các kênh dẫn và hình tướng cần thiết. *Rung động*, hay hoạt động khởi đầu, *ánh sáng*, hay hoạt động mang hình tướng và làm sinh động hình tướng, *âm thanh*, nền tảng của sự biến phân và nguồn gốc của tiến trình tiến hoá, và *màu sắc* sự biến phân thất phân—công việc được tiến hành như thế. Chúng ta đã bàn đến bốn điều này trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế, và cũng tương tự với công việc của một Đấng Thiên Nhân và của Con Người, của chân thần nhân loại.

Students should also bear in mind another point that is often forgotten, which is that every plane can be studied and divided in two ways:

Đạo sinh cũng nên ghi nhớ một điểm khác thường bị quên lãng, đó là mỗi cõi có thể được nghiên cứu và phân chia theo hai cách:

First. The seven subplanes can be divided into the [Page 330] higher three planes or the abstract planes, and the lower four or the concrete planes. This division is the best and most purely metaphysical, for it embodies the entire idea of the Self, the Not-Self, and the Intelligence, with their synthesis, which produces the objective universe, whether solar system, planetary scheme, or human incarnation. In connection with the Logos it is fully discussed and illuminatingly considered in the first volume of the *Secret Doctrine*, where the work of the Father and the Mother in producing the Son through conscious intelligent co-operation is handled by H. P. B. in a masterly manner.

Thứ nhất. Bảy cõi phụ có thể được chia thành [Page 330] ba cõi cao hay các cõi trừu tượng, và bốn cõi thấp hay các cõi cụ thể. Sự phân chia này là tốt nhất và thuần siêu hình nhất, vì nó bao hàm toàn bộ ý niệm về Bản Ngã, Phi-Ngã, và Trí Tuệ, cùng sự tổng hợp của chúng, vốn tạo ra vũ trụ khách quan, dù là hệ mặt trời, hệ hành tinh, hay sự lâm phàm của con người. Liên hệ với Thượng đế, điều này được bàn luận đầy đủ và xem xét một cách soi sáng trong quyển thứ nhất của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, nơi công việc của Cha và Mẹ trong việc sinh ra Người Con qua sự hợp tác hữu thức thông minh được H. P. B. trình bày một cách bậc thầy.

In connection with man the point can be grasped more easily if the causal body on the abstract levels of the mental plane is considered in connection with the lower four or concrete levels from whence manifestation emanates.

Liên hệ với con người, điểm này có thể được nắm bắt dễ hơn nếu thể nguyên nhân trên các cấp độ trừu tượng của cõi trí được xem xét trong liên hệ với bốn cấp độ thấp hay cụ thể, từ đó biểu hiện phát xuất.

Second. Dividing the seven subplanes into the same higher three but making the fourth plane the plane of meeting or of at-one-ment, and regarding the lower three as the planes of endeavour. This division primarily concerns man.

Thứ hai. Chia bảy cõi phụ thành cùng ba cõi cao ấy nhưng lấy cõi thứ tư làm cõi gặp gỡ hay hợp nhất, và xem ba cõi thấp là các cõi của nỗ lực. Sự phân chia này chủ yếu liên quan đến con người.

Both these divisions will be seen later as existing on every plane in the system and as having their origin in electrical force which shows itself differently on each plane but acts on all under three laws: Attraction or Repulsion, Economy, and Synthesis. The lower three planes or subplanes act under

Về sau, cả hai cách phân chia này sẽ được thấy là tồn tại trên mọi cõi trong hệ mặt trời và có nguồn gốc trong mãnh lực điện, mãnh lực này biểu lộ khác nhau trên mỗi cõi nhưng tác động trên tất cả dưới ba định luật: Hấp Dẫn hay Đẩy Lùi, Tiết Kiệm, và Tổng Hợp. Ba cõi hay cõi phụ thấp tác động chủ

the Law of Economy primarily; the plane of meeting or of union acts under a phase of the Law of Attraction. Paralleling them, of course, during evolution are their opposites, showing as Dispersion, Repulsion, and Differentiation.

yếu dưới Định luật Tiết Kiệm; cõi gặp gỡ hay hợp nhất tác động dưới một phương diện của Định luật Hấp Dẫn. Song song với chúng, dĩ nhiên, trong tiến hoá là các đối cực của chúng, biểu hiện thành Sự Phân Tán, Đẩy Lùi, và Biến Phân.

The question of the electrical manifestation of the akasha on the seven planes has therefore to be studied in its three main divisions, then plane by plane or the sevenfold consideration, and finally as the forty-nine [Page 331] fires. Throughout it must be recollected that the subject is still further complicated by the factor of time which brings these forty-nine fires at different stages under different spheres of influence and under the three laws of the cosmos. Thus the same fire at different periods will show itself forth as constructive light, or again bring about combustion and eventual obscuration as the result of burning out.

Do đó, vấn đề biểu hiện điện của akasha trên bảy cõi phải được nghiên cứu trong ba phân bộ chính của nó, rồi từng cõi một hay theo sự xem xét thất phân, và cuối cùng như bốn mươi chín [Page 331] ngọn lửa. Suốt toàn bộ, phải nhớ rằng chủ đề này còn phức tạp thêm bởi yếu tố thời gian, yếu tố đưa bốn mươi chín ngọn lửa này ở những giai đoạn khác nhau vào dưới các khối cầu ảnh hưởng khác nhau và dưới ba định luật của vũ trụ. Vì thế, cùng một ngọn lửa ở những thời kỳ khác nhau sẽ biểu lộ như ánh sáng kiến tạo, hoặc lại gây ra sự cháy và cuối cùng là sự che mờ như kết quả của việc cháy cạn.

In connection with the manifestation of electricity on the mental, astral and physical planes. We will not enlarge upon the subject, as it will later be discussed as fully as may be possible. Suffice it to say that the law holds good and that what is laid down as fact anent a Heavenly Man on His Own planes is equally true of man on the four lower planes. Thus:

Liên hệ với biểu hiện của điện trên các cõi trí, cảm dục và hồng trần. Chúng ta sẽ không mở rộng về chủ đề này, vì về sau nó sẽ được bàn đến đầy đủ nhất có thể. Chỉ cần nói rằng định luật này là đúng và điều được nêu ra như sự kiện liên quan đến một Đấng Thiên Nhân trên các cõi riêng của Ngài cũng đúng tương tự đối với con người trên bốn cõi thấp. Như vậy:

A SOLAR LOGOS	MỘT THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ
1. Electrical vibration	the plane logoic or adi.
2. Electrical light	the plane monadic or anupadaka.
3. Electrical sound	the plane of atma.

4. Electrical colour	the plane of buddhi.
A HEAVENLY MAN	MỘT ĐẤNG THIÊN NHÂN
1. Electrical vibration	the plane monadic.
2. Electrical light	the plane of atma.
3. Electrical sound	the plane of buddhi.
4. Electrical colour	the mental plane
MAN	CON NGƯỜI
1. Electrical vibration	buddhic plane.
2. Electrical light	the mental plane.
3. Electrical sound	the astral plane.
4. Electrical colour	the physical plane

We need to remember here that we were earlier dealing with the Logos, and with the Heavenly Men as incorporate parts of His body of manifestation. In the tabulation above given we are dealing with each separately, [Page 332] and it should be observed that the manifestation of the groups of causal bodies on the mental plane is the colour manifestation of a Heavenly

Ở đây chúng ta cần nhớ rằng trước đó chúng ta đang bàn đến Thượng đế, và đến các Đấng Thiên Nhân như những bộ phận hợp thành thân thể biểu hiện của Ngài. Trong bảng liệt kê trên đây, chúng ta đang xét từng vị một cách riêng biệt, [Page 332] và cần lưu ý rằng biểu hiện của các nhóm thể nguyên nhân trên cõi trí là biểu hiện màu sắc của một Đấng Thiên Nhân và là điểm khách quan

Man and His lowest point of objectivity. In man his lowest point of objectivity is the fifth subplane of the physical plane, as the liquid and the dense subplanes are not counted as principles any more than the cosmic liquid and dense (the astral and the systemic physical planes) count with a Heavenly Man.

thấp nhất của Ngài. Ở con người, điểm khách quan thấp nhất của y là cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần, vì các cõi phụ lỏng và đậm đặc không được tính là các nguyên khí, cũng như các cõi lỏng và đậm đặc vũ trụ (cõi cảm dục và cõi hồng trần hệ mặt trời) không được tính đối với một Đấng Thiên Nhân.

We have seen that manas or mind is the fifth principle, or the basic vibration of the cosmic mental plane, the fifth plane; it was therefore impulse originating from the causal levels of the cosmic mental plane, which drove our solar Logos into manifestation, in the same way that the force which brings man into incarnation emanates from his causal body on the mental plane of the solar system. We have seen also that manas is that discriminative faculty which animates all substance, and which is also the electrical fire of the system showing forth as attraction and repulsion, with all that is involved in those two words. In the widest sense of the idea the Laws of Economy and of Synthesis are only divisions of that same cosmic law of which Attraction and Repulsion are also manifestations. This cosmic law, demonstrating thus in a threefold manner, might (for lack of a better term) be called the Law of Being, and is of a nature so incomprehensible to the finite mind of man that he can only sense it partially through the aforesaid three branches.

Chúng ta đã thấy rằng manas hay trí tuệ là nguyên khí thứ năm, hay rung động căn bản của cõi trí vũ trụ, cõi thứ năm; do đó chính xung lực phát sinh từ các cấp độ nguyên nhân của cõi trí vũ trụ đã thúc đẩy Thái dương Thượng đế của chúng ta đi vào biểu hiện, cũng theo cùng cách mà mãnh lực đưa con người vào nhập thể phát xuất từ thể nguyên nhân của y trên cõi trí của hệ mặt trời. Chúng ta cũng đã thấy rằng manas là năng lực phân biện làm sinh động mọi chất liệu, và cũng là lửa điện của hệ mặt trời biểu lộ thành hấp dẫn và đẩy lùi, cùng mọi điều hàm chứa trong hai từ ấy. Theo nghĩa rộng nhất của ý niệm này, các Định luật Tiết Kiệm và Tổng Hợp chỉ là những phân bộ của cùng một định luật vũ trụ mà Hấp Dẫn và Đẩy Lùi cũng là các biểu hiện. Định luật vũ trụ này, biểu lộ như thế theo cách tam phân, có thể (vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) được gọi là Định luật Bản Thể, và có bản chất khó hiểu đến mức trí tuệ hữu hạn của con người chỉ có thể cảm nhận nó phần nào qua ba nhánh nói trên.

3. MANAS IS THAT WHICH PRODUCES COHESION — 3. MANAS LÀ CÁI TẠO RA SỰ CỐ KẾT

We come now to our third definition: The manasic principle is above all else that cohesive something which enables an Entity (whether Logos, Heavenly Man, or man) to work:

Giờ đây chúng ta đến định nghĩa thứ ba: nguyên khí manas trên hết mọi sự là cái gì đó có tính cố kết, giúp cho một Thực Thể (dù là Thượng đế, Đấng Thiên Nhân, hay con người) có thể hoạt động:

a. Through form, and thus exist. [Page 333]

b. By means of progressive development or cyclic evolution.

c. On certain planes, that are, for the entity concerned, the battleground of life, and the field of experience.

d. By the method of manifestation, which is a gradual growth from a dim and distant dawn through an ever increasing splendour of light to a blaze of effulgent glory; then through a steadily dimming twilight to final obscuration. Dawn, day, midday, twilight, night—thus is the order for the Logos, for a planetary Logos, and for man.

If the above four points are carefully studied, it will be found that they are fairly comprehensive, and embody the four points that are as yet the only ones available for man in this fourth round.

Man regards himself as a synthesised aggregate of physical body, emotional nature, and mentality, yet knows himself as more than these three, and recognises himself as the utiliser of form, of emotion, and of mentality, holding them all together coherently so that he is a unit. A planetary Logos similarly does the same, with the difference that manas is not the medium whereby he is a coherent whole. Owing to his more advanced stage of development, *wisdom* is for Him the dominant factor. *A solar logos achieves through Will what a planetary Logos does through wisdom or buddhi, and man (on his tiny scale) through manas.* Yet, as both planetary Logos and

a. Qua hình tướng, và như thế tồn tại. [Page 333]

b. Bằng phương tiện của sự phát triển tiến bộ hay tiến hoá theo chu kỳ.

c. Trên những cõi nhất định, là chiến trường của sự sống và là lĩnh vực kinh nghiệm đối với thực thể liên hệ.

d. Bằng phương pháp biểu hiện, vốn là một sự tăng trưởng dần dần từ bình minh mờ nhạt và xa xăm qua ánh huy hoàng ngày càng tăng của ánh sáng đến một ngọn lửa vinh quang rực rỡ; rồi qua hoàng hôn mờ dần đều đặn đến sự che mờ cuối cùng. Bình minh, ban ngày, giữa trưa, hoàng hôn, đêm tối—đó là trật tự đối với Thượng đế, đối với một Hành Tinh Thượng Đế, và đối với con người.

Nếu bốn điểm trên được nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rằng chúng khá bao quát, và bao hàm bốn điểm mà hiện nay là những điểm duy nhất khả dụng cho con người trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

Con người xem mình là một tổng thể tổng hợp gồm thể xác, bản chất cảm xúc, và trí tuệ, tuy nhiên biết mình còn hơn ba điều ấy, và nhận ra mình là kẻ sử dụng hình tướng, cảm xúc, và trí tuệ, giữ tất cả chúng lại với nhau một cách cố kết để y là một đơn vị. Một Hành Tinh Thượng Đế cũng làm điều tương tự, với khác biệt là manas không phải là môi trường nhờ đó Ngài là một toàn thể cố kết. Do giai đoạn phát triển cao hơn của Ngài, *minh triết* là yếu tố chi phối đối với Ngài. *Một Thái dương Thượng đế thành tựu bằng Ý Chí điều mà một Hành Tinh Thượng Đế thực hiện bằng minh triết hay Bồ đề, và con người (trên quy mô nhỏ bé của mình) bằng manas.* Tuy nhiên, vì cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn con

man are but parts of their greater whole, the electric fire of will permeates them also, merging with the solar fire of buddhi, and fanning the fires of matter. In all these distinctions and differentiations it must be remembered that they do not exist from the logoic standpoint, but are only to be predicated in relation [Page 334] to the lesser bodies which are included in the solar ring-pass-not.

người chỉ là những phần của toàn thể lớn hơn của mình, lửa điện của ý chí cũng thấm nhuần họ, hòa nhập với lửa thái dương của Bồ đề, và quạt bùng các ngọn lửa của vật chất. Trong mọi sự phân biệt và biến phân này, phải nhớ rằng chúng không tồn tại từ quan điểm của Thượng đế, mà chỉ có thể được khẳng định trong liên hệ [Page 334] với các thân thể nhỏ hơn được bao hàm trong vòng-giới-hạn thái dương.

A man is a coherent unit in objective manifestation for very brief periods on the physical plane simply because as yet he works only through manas and not through wisdom. His cycles are consequently soon run, and gone like a flash in the night. A planetary Logos, Who is perfected manas and works through wisdom, has longer cycles, and from the angle of vision of man endures for aeons; His life is the basis of the comparative permanence of the egoic cycles of man. The cycle of objectivity of a solar Logos persists for the greater mahamanvantara or solar cycle because it is based on will as well as on wisdom and manas. Therefore, it will be apparent that:

Con người là một đơn vị cố kết trong biểu hiện khách quan trong những thời kỳ rất ngắn trên cõi hồng trần chỉ vì hiện nay y chỉ hoạt động qua manas chứ chưa qua minh triết. Do đó các chu kỳ của y nhanh chóng hoàn tất, và qua đi như một tia chớp trong đêm. Một Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là manas hoàn hảo và hoạt động qua minh triết, có các chu kỳ dài hơn, và từ góc nhìn của con người thì tồn tại qua các đại kiếp; sự sống của Ngài là nền tảng cho tính thường tồn tương đối của các chu kỳ chân ngã của con người. Chu kỳ khách quan của một Thái dương Thượng đế kéo dài suốt đại giai kỳ sinh hóa lớn hơn hay chu kỳ thái dương vì nó được đặt nền trên ý chí cũng như trên minh triết và manas. Do đó, sẽ hiển nhiên rằng:

a. Manas or intelligence is the basis of the separative manifestation of man.

a. Manas hay trí tuệ là nền tảng của biểu hiện phân ly của con người.

b. Wisdom or buddhi is the basis of the group manifestation of a Heavenly Man.

b. Minh triết hay Bồ đề là nền tảng của biểu hiện nhóm của một Đấng Thiên Nhân.

c. Will is the basis of the One Life which synthesises all groups.

c. Ý chí là nền tảng của Sự Sống Duy Nhất tổng hợp mọi nhóm.

Therefore again, in studying this Fire of Mind, we must remember that it is that which man is developing and with which he is learning to work, but that it is also that which a Heavenly Man has developed in an

Vì vậy, một lần nữa, khi nghiên cứu Lửa của Trí Tuệ này, chúng ta phải nhớ rằng đó là điều con người đang phát triển và đang học cách làm việc với nó, nhưng đó cũng là điều mà một Đấng Thiên Nhân đã phát triển

earlier system; it is to Him as automatic in its action as is the subconscious activity of a man's physical organs.

trong một hệ mặt trời trước; đối với Ngài, nó tự động trong hoạt động của mình cũng như hoạt động tiềm thức của các cơ quan hồng trần của con người vậy.

4. MANAS IS THE KEY TO THE FIFTH KINGDOM IN NATURE — 4. MANAS LÀ CHÌA KHÓA ĐẾN GIỚI THỨ NĂM TRONG THIÊN NHIÊN

We might also define manas as the key to the door through which entrance is made into th5. MANAS IS THE SYNTHESIS OF FIVE RAYSe fifth kingdom of nature, the spiritual kingdom. Each of the five kingdoms is entered by some one key, and in connection the first two kingdoms—the mineral and vegetable—the key or method whereby the life escapes into the higher kingdom is so inexplicable to man as his present stage [Page 335] of intelligent apprehension that we will not pause to consider it. In relation to the animal kingdom it might be said that the key whereby entrance is effected into the human kingdom is that of *instinct.* This instinct, towards the final stages of the animal's evolution, and as it becomes more and more detached from the group soul, (126) becomes transmuted into mentality, or into that embryo mind which is latent in animal-man, and which simply needed the stimulating vibration which emanated from the Earth's Primary to be fanned into something definitely human. We must always bear in mind that the method of individualisation on this globe was not the one followed on others, and that many of the present advanced units of humanity individualised normally, and through the driving force of evolution itself. They found (to express it as far as possible in terms of fire), their opposite electrical pole through the activity of animal instinct, and by the blending of the two a human being was produced,—the union of the three fires in the causal vehicle.

Chúng ta cũng có thể định nghĩa manas là chìa khóa của cánh cửa qua đó sự đi vào giới thứ năm trong thiên nhiên, giới tinh thần, được thực hiện. Mỗi một trong năm giới được đi vào bằng một chìa khóa nào đó, và liên hệ với hai giới đầu tiên—giới kim thạch và giới thực vật—chìa khóa hay phương pháp nhờ đó sự sống thoát vào giới cao hơn khó giải thích đối với con người ở giai đoạn hiện nay của [Page 335] sự lĩnh hội thông minh của y đến mức chúng ta sẽ không dừng lại để xem xét nó. Liên hệ với giới động vật, có thể nói rằng chìa khóa nhờ đó sự đi vào giới nhân loại được thực hiện là *bản năng.* Bản năng này, vào các giai đoạn cuối của sự tiến hoá của con vật, và khi nó ngày càng tách rời khỏi Hồn nhóm, (126) được chuyển hoá thành trí tuệ, hay thành cái mầm trí tuệ tiềm ẩn trong người thú, và chỉ cần rung động kích thích phát ra từ hành tinh gốc của Trái Đất để được quạt bùng thành một cái gì đó rõ rệt là con người. Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng phương pháp biệt ngã hóa trên bầu hành tinh này không phải là phương pháp được theo trên các bầu hành tinh khác, và rằng nhiều đơn vị hiện nay tiến bộ của nhân loại đã biệt ngã hóa một cách bình thường, và qua chính động lực thúc đẩy của tiến hoá. Họ đã tìm thấy (để diễn đạt điều đó càng nhiều càng tốt bằng các thuật ngữ của lửa) cực điện đối nghịch của mình qua hoạt động của bản năng động vật, và bằng sự dung hợp của hai cực ấy mà một con người được tạo ra,—sự hợp nhất của ba ngọn lửa trong vận cụ nguyên nhân.

(126) "*A Group-soul* is a collection of permanent Triads in a triple envelope of monadic essence. The permanent Triads are a reflection upon the lower planes of the

(126) "*Một Hồn nhóm* là một tập hợp các Tam nguyên trường tồn trong một bao bọc tam phân bằng tinh chất chân thần. Các Tam nguyên trường tồn là một phản ánh trên các

spiritual Triads on the higher. This description is true of all group-souls functioning on the physical plane, but gives no idea of the extreme complexity of the subject."—From *A Study in Consciousness*, by Annie Besant. (back)

cõi thấp của các Tam nguyên tinh thần trên các cõi cao. Mô tả này đúng với mọi hồn nhóm hoạt động trên cõi hồng trần, nhưng không cho ý niệm nào về tính cực kỳ phức tạp của chủ đề này."—Trích từ *Nghiên Cứu về Tâm Thức*, của Annie Besant. (trở lại)

Man passes into the fifth kingdom through the transmutation of the discriminative faculty of mind, which—as in the animal's individualisation—brings about at a certain stage a spiritual individualisation which is the correspondence on higher levels to what transpired in Lemurian days. Therefore, we have:

Con người đi vào giới thứ năm qua sự chuyển hoá năng lực phân biện của trí tuệ, năng lực này—cũng như trong sự biệt ngã hóa của động vật—ở một giai đoạn nhất định tạo ra một sự biệt ngã hóa tinh thần, là sự tương ứng trên các cấp độ cao với điều đã xảy ra trong những ngày Lemuria. Do đó, chúng ta có:

Instinct	The key from the animal into the human kingdom or from the third into the fourth kingdom.
Manas	The key from the human into the spiritual kingdom, or from the fourth kingdom into the fifth kingdom.

[Page 336] Higher we need not go, for the transmutation of manas proceeds, and much as yet remains to be done.

[Page 336] Chúng ta không cần đi cao hơn nữa, vì sự chuyển hoá của manas vẫn đang tiếp diễn, và còn nhiều điều phải làm.

5. MANAS IS THE SYNTHESIS OF FIVE RAYS — 5. MANAS LÀ SỰ TỔNG HỢP CỦA NĂM CUNG

One other definition might be given even though its abstruseness may prove but a bewilderment to the student.

Có thể đưa ra thêm một định nghĩa nữa dù tính thâm áo của nó có thể chỉ gây bối rối cho đạo sinh.

Manas is the united faculty of four of the Heavenly Men, synthesised through a fifth Heavenly Man on the third plane of the system. These five Heavenly Men were the logoic embodiment in an earlier system and

Manas là năng lực hợp nhất của bốn Đấng Thiên Nhân, được tổng hợp qua một Đấng Thiên Nhân thứ năm trên cõi thứ ba của hệ mặt trời. Năm Đấng Thiên Nhân này là hiện thân của Thượng đế trong một hệ mặt trời

achieved the fullness of manasic life. Their synthetic life is that which is primarily understood when we speak of Brahma, that cosmic Entity Who is the sum-total of logoic active intelligence. For lack of better terms we call Them the Lords of the four minor Rays, Who find Their synthesis through the third Ray of Activity. They have been called in an endeavour to express the principles which They embody:

trước và đã đạt đến sự viên mãn của sự sống manas. Sự sống tổng hợp của Các Ngài là điều chủ yếu được hiểu khi chúng ta nói đến Brahma, Thực Thể vũ trụ là tổng thể của trí tuệ hoạt động của Thượng đế. Vì thiếu những thuật ngữ tốt hơn, chúng ta gọi Các Ngài là các Đấng Chúa Tể của bốn Cung nhỏ, những Đấng tìm thấy sự tổng hợp của mình qua cung ba Hoạt Động. Các Ngài đã được gọi như thế trong nỗ lực diễn tả các nguyên khí mà Các Ngài hiện thân:

1. The Lord of Ceremonial Magic.

1. Đấng Chúa Tể của Huyền Thuật Nghi Lễ.

2. The Lord of Abstract Idealism, or Devotion.

2. Đấng Chúa Tể của Chủ Nghĩa Duy Tâm Trừu Tượng, hay Sùng Tín.

3. The Lord of Concrete Science.

3. Đấng Chúa Tể của Khoa Học Cụ Thể.

4. The Lord of Harmony and Art.

4. Đấng Chúa Tể của Hài Hòa và Nghệ Thuật.

These four function through the fourth cosmic ether, and have vehicles of buddhic matter. They merge into the greater life of the Lord of the third Ray of Aspect on atmic levels, and these four (with the one synthetic Ray), are the totality of manasic energy. They are the life of the five lower planes. They are the five Kumaras, and two remain, making the seven Kumaras or Builders of the universe; these five have been called the five Mind-born Sons of Brahma. *(S. D., I, 119, 493; II, 111, 112.)* Manas, therefore, is the psychic effect of Their united group work, and shows forth in different ways according to the units involved, the forms [Page 337] animated, and the planes concerned. They demonstrate predominantly on the five lower subplanes of each plane, and this factor should be remembered in connection with the major initiations of manas. Nevertheless—as They are the sumtotal of the third or Brahma aspect—Their main

Bốn Đấng này hoạt động qua dĩ thái vũ trụ thứ tư, và có các vận cụ bằng vật chất Bồ đề. Các Ngài hòa nhập vào sự sống lớn hơn của Đấng Chúa Tể của cung ba Trạng Thái trên các cấp độ atma, và bốn Đấng này (cùng với một Cung tổng hợp) là toàn thể năng lượng manas. Các Ngài là sự sống của năm cõi thấp. Các Ngài là năm Kumara, và còn lại hai vị, tạo thành bảy Kumara hay các Đấng Kiến Tạo của vũ trụ; năm vị này đã được gọi là năm Người Con của Brahma sinh ra từ Trí Tuệ. *(S. D., I, 119, 493; II, 111, 112.)* Do đó, manas là hiệu quả thông linh của công việc nhóm hợp nhất của Các Ngài, và biểu lộ theo những cách khác nhau tùy theo các đơn vị liên hệ, các hình tướng được [Page 337] làm sinh động, và các cõi liên hệ. Các Ngài biểu lộ chủ yếu trên năm cõi phụ thấp của mỗi cõi, và yếu tố này cần được ghi nhớ liên hệ với các cuộc điểm đạo lớn của manas. Tuy nhiên —vì Các Ngài là tổng thể của phương diện thứ ba hay phương diện Brahma—khối cầu ảnh hưởng chính của Các Ngài là trên phân

sphere of influence is on the lowest or third division of the manifested universe or on the mental, astral, and physical planes.

bộ thấp nhất hay thứ ba của vũ trụ biểu hiện, tức là trên các cõi trí, cảm dục, và hồng trần.

I would here suggest a third division of the major planes of the system which will hold much of interest for the real student of occultism.

Ở đây tôi muốn gợi ý một sự phân chia thứ ba của các cõi chính trong hệ mặt trời, điều sẽ chứa đựng nhiều điều lý thú cho đạo sinh chân chính của huyền bí học.

First Logos	Mahadeva.	Will Aspect	First plane.
Second Logos	Vishnu	Wisdom Aspect	Second, Third, Fourth.
Third Logos	Brahma	Intelligence	Fifth, Sixth, Seventh.

In these five definitions of manas we have suggested scope for thought and much has been hinted at for those who have ears to hear. Many more explanatory words might be spoken but we aim to start students thinking for themselves, and seek to see them defining these ideas in their own words.

Trong năm định nghĩa này về manas, chúng ta đã gợi ra phạm vi cho tư tưởng và đã ám chỉ nhiều điều cho những ai có tai để nghe. Có thể nói thêm nhiều lời giải thích nữa, nhưng chúng ta nhắm đến việc khởi động đạo sinh tự suy nghĩ, và mong thấy họ định nghĩa các ý tưởng này bằng chính lời lẽ của mình.

6. MANAS IS THE INTELLIGENT WILL OR PURPOSE OF AN EXISTENCE — 6. MANAS LÀ Ý CHÍ THÔNG MINH HAY MỤC ĐÍCH CỦA MỘT HIỆN HỮU

Manas might finally be defined as the intelligent will and ordered purpose of every self-conscious entity. I would urge the student to bear in mind certain basic facts which will serve to keep his mind clear, and which will enable him to comprehend something of the place which this fire of mind holds in the cosmos and the solar system, and (needless to say), in his life also, —the reflection of the other two.

Cuối cùng, manas có thể được định nghĩa là ý chí thông minh và mục đích có trật tự của mọi thực thể có ngã thức. Tôi muốn thúc giục đạo sinh ghi nhớ một số sự kiện căn bản sẽ giúp giữ cho thể trí của y được sáng rõ, và sẽ giúp y thấu hiểu phần nào vị trí mà lửa của trí tuệ này giữ trong vũ trụ và trong hệ mặt trời, và dĩ nhiên, cả trong đời sống của chính y nữa,—sự phản ánh của hai phạm vi kia.

He should ever remember that manas is a *principle of the Logos,* and necessarily

Y nên luôn luôn nhớ rằng manas là một *nguyên khí của Thượng đế,* và do đó tất yếu

therefore is felt in all those [Page 338] evolutions which are a part of His nature but is allied especially to the throat and head centres; it is the active intelligent factor which enables a solar Logos, a planetary Logos or Heavenly Man, and a human being to:

a. Use intelligently a form or vehicle.

b. Build faculty into the causal body.

c. Reap the benefit of experience.

d. Expand the consciousness.

e. Make progress towards a specified goal.

f. Discriminate between the two poles.

g. Choose the direction in which his activity shall trend.

h. Perfect the form as well as use it.

i. Obtain control of active substance, and turn its forces into desired channels.

j. Co-ordinate the different grades of matter, and synthesise the utilised forms till each and all show a unanimous line of action and express *simultaneously* the will of the Indweller.

All these ends are the result of the manasic development and perhaps the student might apprehend the underlying idea more clearly if it is realised that

được cảm nhận trong mọi [Page 338] tiến hoá là một phần của bản chất Ngài nhưng đặc biệt liên kết với các trung tâm cổ họng và đầu; đó là yếu tố hoạt động thông minh giúp cho một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân, và một con người có thể:

a. Sử dụng một hình tướng hay vận cụ một cách thông minh.

b. Xây dựng năng lực vào thể nguyên nhân.

c. Gặt hái lợi ích của kinh nghiệm.

d. Mở rộng tâm thức.

e. Tiến bộ hướng đến một mục tiêu xác định.

f. Phân biện giữa hai cực.

g. Chọn hướng mà hoạt động của y sẽ nghiêng theo.

h. Hoàn thiện hình tướng cũng như sử dụng nó.

i. Đạt được sự kiểm soát chất liệu hoạt động, và chuyển các mãnh lực của nó vào những kênh dẫn mong muốn.

j. Phối hợp các cấp độ vật chất khác nhau, và tổng hợp các hình tướng được sử dụng cho đến khi mỗi và tất cả đều biểu lộ một đường lối hành động nhất trí và biểu lộ *đồng thời* ý chí của Đấng Ngự Bên Trong.

Tất cả các mục tiêu này là kết quả của sự phát triển manas, và có lẽ đạo sinh có thể lĩnh hội ý tưởng nền tảng rõ hơn nếu nhận ra rằng

a. The Spirit employs *manas* in all that concerns matter, the electrical substance, or the active akasha.

b. The Spirit employs *buddhi* in all that relates to the psyche, that relates to the soul of the world, to the soul of an individual, or to the soul of every form.

c. The Spirit employs will or *atma* in all that relates to the essence of all, to itself, considering the essence and the Self as pure Spirit as distinguished from spirit-matter.

In the first case, the distinctive quality of manas is discrimination which enables the Spirit to differentiate between: [Page 339]

1. The Self and the Not-Self.

2. Spirit and Matter.

3. The planes and the subplanes.

4. The different grades of atomic matter in the system.

5. Vibrations, engendered by will, working through love-wisdom, and energising substance.

6. All that concerns forms of every kind and in every type of essential existence.

In the second case, the buddhic principle has for its distinctive quality love, and demonstrates as wisdom working through love and producing:

a. Tinh thần sử dụng *manas* trong mọi điều liên quan đến vật chất, chất liệu điện, hay akasha hoạt động.

b. Tinh thần sử dụng *buddhi* trong mọi điều liên hệ đến tâm hồn, liên hệ đến linh hồn của thế giới, đến linh hồn của một cá nhân, hay đến linh hồn của mọi hình tướng.

c. Tinh thần sử dụng phương diện ý chí hay *atma* trong mọi điều liên hệ đến tinh túy của vạn hữu, đến chính nó, xét tinh túy và Bản Ngã như Tinh thần thuần túy phân biệt với tinh thần-vật chất.

Trong trường hợp thứ nhất, phẩm tính đặc thù của manas là sự phân biện, giúp Tinh thần phân biệt giữa: [Page 339]

1. Bản Ngã và Phi-Ngã.

2. Tinh thần và Vật chất.

3. Các cõi và các cõi phụ.

4. Các cấp độ khác nhau của vật chất nguyên tử trong hệ mặt trời.

5. Các rung động, do ý chí tạo ra, hoạt động qua bác ái – minh triết, và tiếp năng lượng cho chất liệu.

6. Mọi điều liên quan đến các hình tướng thuộc mọi loại và trong mọi kiểu hiện hữu bản chất.

Trong trường hợp thứ hai, nguyên khí Bồ đề có phẩm tính đặc thù là bác ái, và biểu lộ như minh triết hoạt động qua bác ái và tạo ra:

1. Unity between all Selves.

1. Sự hợp nhất giữa mọi Bản Ngã.

2. Group coherence.

2. Sự cố kết nhóm.

3. Qualities that are distinctively along the line of what we call love.

3. Các phẩm tính đặc biệt theo đường lối của điều chúng ta gọi là bác ái.

4. Effective work in connection with evolution, or the fundamentals of hierarchical work.

4. Công việc hữu hiệu liên hệ với tiến hoá, hay các nền tảng của công việc của Thánh đoàn.

In the third case the Spirit employs the will aspect or atma (in man), which has, for its distinctive feature, that coherent force which keeps the purpose of the entity ever in view, working it out through love in substantial form.

Trong trường hợp thứ ba, Tinh thần sử dụng phương diện ý chí hay atma (trong con người), phương diện này có, như đặc điểm riêng biệt của nó, mãnh lực cố kết giữ cho mục đích của thực thể luôn luôn ở trong tầm nhìn, triển khai nó qua bác ái trong hình tướng chất liệu.

I have pointed out these distinctions as it serves to bring the scope, and equally the limitations, of the active mental principle somewhat more clearly before the student. In the *Hall of Ignorance* the accumulative side of manas and its ability to store and acquire knowledge and information is being developed. A man, for instance, acquires facts, and application, and sets up vibrations which have to be worked out intelligently. The acquisitive side of this principle is showing forth. In the *Hall of Learning* the discriminative side is being developed, and the man learns not only to choose but to discard, and he begins to merge the two poles intelligently. In the [Page 340] *Hall of Wisdom* he discards also, and perfectly blends the two poles, thereby producing that objective something we call light. The illuminating side of manas is shown. He becomes an intelligent creator, and by the time he has taken the four major initiations he has:

Tôi đã chỉ ra những phân biệt này vì điều đó giúp đưa phạm vi, và đồng thời cả những giới hạn, của nguyên khí trí tuệ hoạt động hiện ra phần nào rõ hơn trước đạo sinh. Trong *Phòng Vô Minh* phương diện tích lũy của manas và khả năng lưu trữ, thu nhận tri thức và thông tin của nó đang được phát triển. Chẳng hạn, một người thu nhận các sự kiện và sự ứng dụng, và thiết lập các rung động phải được triển khai một cách thông minh. Phương diện thu nhận của nguyên khí này đang biểu lộ. Trong *Phòng Hiểu Biết* phương diện phân biện đang được phát triển, và con người học không chỉ chọn lựa mà còn loại bỏ, và y bắt đầu hòa nhập hai cực một cách thông minh. Trong [Page 340] *Phòng Minh triết* y cũng loại bỏ, và dung hợp hoàn hảo hai cực, nhờ đó tạo ra cái gì đó khách quan mà chúng ta gọi là ánh sáng. Phương diện soi sáng của manas được biểu lộ. Y trở thành một đấng kiến tạo thông minh, và vào lúc y đã trải qua bốn cuộc điểm đạo lớn, y đã:

1. Developed perfectly the Brahma aspect, which—as pointed out—functions primarily in the three worlds. It is the active intelligent aspect.

1. Phát triển hoàn hảo phương diện Brahma, phương diện—như đã chỉ ra—hoạt động chủ yếu trong ba cõi giới. Đó là phương diện hoạt động thông minh.

2. Achieved the point of development at which a Heavenly Man, the Divine Manasaputra, commenced this circle of manifestation we call a solar system.

2. Đạt đến điểm phát triển mà tại đó một Đấng Thiên Nhân, Đấng Manasaputra thiêng liêng, đã khởi đầu vòng biểu hiện này mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời.

3. Transmuted manas into wisdom or love.

3. Chuyển hoá manas thành minh triết hay bác ái.

4. Synthesised the Rays of Activity or Intelligence and is beginning to merge this synthesis into the higher one of love-wisdom.

4. Tổng hợp các Cung Hoạt Động hay Trí Tuệ và đang bắt đầu hòa nhập sự tổng hợp này vào sự tổng hợp cao hơn của bác ái – minh triết.

To sum it all up in words of fire: *The fire of matter has blazed out perfectly, and the vibratory activity of the man has been keyed up to synchronise with that of a Heavenly Man, thus enabling a man to function consciously, or be vitally active on the buddhic plane.*

Tóm lại tất cả bằng những lời của lửa: *Lửa của vật chất đã bùng cháy một cách hoàn hảo, và hoạt động rung động của con người đã được nâng lên để đồng bộ với hoạt động của một Đấng Thiên Nhân, nhờ đó giúp con người hoạt động một cách hữu thức, hay hoạt động đầy sinh lực trên cõi Bồ đề.*

The fire of mind has blended with the fire of matter and has stimulated it to such an extent that it has brought about the liberation of the entity, man, from the three worlds, and has occultly "obscured" his manifestation on the three planes in exactly the same way as the manifestation of a Logos "goes out" (occultly) when the fires are sufficiently fierce. As regards the fire of Spirit, or pure electric fire, this is finally synthesised with the other two and brings about the escape of the life on to another plane cosmically considered. [Page 341]

Lửa của trí tuệ đã hòa trộn với lửa của vật chất và đã kích thích nó đến mức giải phóng thực thể là con người ra khỏi ba cõi giới, và một cách huyền bí đã "làm lu mờ" biểu hiện của y trên ba cõi đúng theo cùng cách mà biểu hiện của một Thượng đế "tắt đi" (theo nghĩa huyền bí) khi các ngọn lửa đủ mãnh liệt. Còn về lửa của Tinh thần, hay Lửa Điện thuần túy, thì cuối cùng nó được tổng hợp với hai lửa kia và đưa đến sự thoát ra của sự sống sang một cõi khác nếu xét theo vũ trụ. [Page 341]

A MAN

CON NGƯỜI

a. The blending of the fire of matter and of the fire of mind liberates from the three worlds.

b. The blending of electric fire with the two other fires brings about liberation from the five lower planes, and enables a man to function consciously on the cosmic physical plane.

A HEAVENLY MAN

a. The blending of the fire of matter and of mind liberates from the three planes of His manifestation.

b. The blending of the electric fire in His case brings about escape from the planetary ring-pass-not and enables Him to function consciously on the cosmic astral plane.

A SOLAR LOGOS

a. The blending of the fire of matter and of mind liberates Him from the solar ring-pass-not, and gives Him the freedom of the cosmic physical, astral and the lower subplanes of the cosmic mental planes.

b. The blending of electric fire with the other two enables Him to function consciously in His causal body thus paralleling the work of Man in the three worlds.

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải phóng khỏi ba cõi giới.

b. Sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia đem lại sự giải phóng khỏi năm cõi thấp, và giúp con người hoạt động một cách hữu thức trên cõi hồng trần vũ trụ.

MỘT ĐẤNG THIÊN NHÂN

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải phóng Ngài khỏi ba cõi biểu hiện của Ngài.

b. Sự hòa trộn của Lửa Điện trong trường hợp của Ngài đem lại sự thoát ra khỏi vòng-giới-hạn hành tinh và giúp Ngài hoạt động một cách hữu thức trên cõi cảm dục vũ trụ.

MỘT THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải phóng Ngài khỏi vòng-giới-hạn thái dương, và ban cho Ngài sự tự do của cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và các cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ.

b. Sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia giúp Ngài hoạt động một cách hữu thức trong thể nguyên nhân của Ngài, như thế song hành với công việc của Con Người trong ba cõi giới.

DIVISION B - MANAS AS A COSMIC, SYSTEMIC AND HUMAN FACTOR — PHÂN ĐOẠN B - MANAS NHƯ MỘT NHÂN TỐ VŨ TRỤ, THÁI DƯƠNG HỆ VÀ NHÂN LOẠI

I. THE ORIGIN OF MANAS, OR MIND

1. Cosmic Manas.

a. The process of individualisation.

b. The method of initiation.

2. Planetary Manas.

a. Consciousness and existence.

b. Will and ordered purpose.

3. Human Manas.

a. Man and the planetary Logos.

b. The Logos of our scheme.

c. Venus and the Earth chain.

4. Manas and the Earth Chain.

a. The Earth chain and the incarnating monads.

b. The fourth kingdom and the Hierarchy.

c. A Prophecy.

d. A Summation.

I. NGUỒN GỐC CỦA MANAS, HAY TRÍ TUỆ

1. Manas vũ trụ.

a. Tiến trình biệt ngã hóa.

b. Phương pháp điểm đạo.

2. Manas hành tinh.

a. Tâm thức và hiện hữu.

b. Ý chí và mục đích có trật tự.

3. Manas nhân loại.

a. Con người và Hành Tinh Thượng Đế.

b. Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta.

c. Sao Kim và Dãy Địa Cầu.

4. Manas và Dãy Địa Cầu.

a. Dãy Địa Cầu và các chân thần đang lâm phàm.

b. giới thứ tư và Thánh Đoàn.

c. Một lời tiên tri.

d. Một sự tổng kết.

II. THE POSITION OF MANAS

1. Manas and Karma.

2. Manas and karmic purpose.

III. THE PRESENT STAGE OF MANASIC DEVELOPMENT

1. In the planets.

2. In the system.

3. On the Earth. [Page 343]

IV. THE FUTURE OF MANAS

1. The characteristics of Manas.

a. Discrimination.

b. Ordered activity.

c. Adaptability.

2. Developments of the Human Mind.

a. Ray effects.

b. Animals, men and the rays.

c. Types of Karma.

3. Manas in the Final Rounds.

a. The transmutative process.

b. Synthesis.

II. VỊ TRÍ CỦA MANAS

1. Manas và nghiệp quả.

2. Manas và mục đích nghiệp quả.

III. GIAI ĐOẠN HIỆN NAY CỦA SỰ PHÁT TRIỂN MANAS

1. Trong các hành tinh.

2. Trong hệ mặt trời.

3. Trên Trái Đất. [Page 343]

IV. TƯƠNG LAI CỦA MANAS

1. Các đặc tính của Manas.

a. Phân biện.

b. Hoạt động có trật tự.

c. Khả năng thích ứng.

2. Những phát triển của trí tuệ con người.

a. Các hiệu ứng của cung.

b. Động vật, con người, và các cung.

c. Các loại nghiệp quả.

3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

a. Tiến trình chuyển hoá.

b. Tổng hợp.

I. THE ORIGIN OF MANAS, OR MIND — I. NGUỒN GỐC CỦA MANAS, HAY TRÍ TUỆ

WHAT we are dealing with here (taking these three factors in their order), is the fire of mind in connection with a solar Logos. It has been earlier pointed out that mind has already been developed in a Heavenly Man, and therefore we must equally predicate anent a solar Logos that cosmic mind, or the fifth Principle, is His prime characteristic, and was perfected by Him in an earlier system. We might now consider our first subdivision:

Điều chúng ta đang bàn đến ở đây (xét ba yếu tố này theo thứ tự của chúng) là lửa của trí tuệ trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế. Trước đây đã chỉ ra rằng trí tuệ đã được phát triển nơi một Đấng Thiên Nhân, và vì vậy chúng ta cũng phải khẳng định tương tự về một Thái dương Thượng đế rằng trí tuệ vũ trụ, hay nguyên khí thứ năm, là đặc tính chủ yếu của Ngài, và đã được Ngài hoàn thiện trong một hệ mặt trời trước đó. Giờ đây chúng ta có thể xét đến phân mục thứ nhất của mình:

1. Cosmic Manas. — 1. Manas vũ trụ.

Whence comes this fire? Where originates this vital heat, or vibratory activity, which is predominantly a feature of all conceivable Beings? How far back is it possible for us to go? Can we conceive of its origin? What is this downpouring fire that animates the darkness of matter?

Lửa này từ đâu đến? Nhiệt sinh lực này, hay hoạt động rung động này, vốn nổi trội như một đặc trưng của mọi Hữu thể có thể quan niệm được, phát sinh ở đâu? Chúng ta có thể đi ngược về bao xa? Chúng ta có thể quan niệm được nguồn gốc của nó chăng? Lửa tuôn đổ này là gì mà làm sinh động bóng tối của vật chất?

a. The Process of Individualisation. Perhaps it may help somewhat if we here consider the question of INDIVIDUALISATION, or the process of intelligent self-realisation [Page 344]

a. Tiến trình biệt ngã hóa. Có lẽ sẽ phần nào hữu ích nếu ở đây chúng ta xét đến vấn đề BIỆT NGÃ HÓA, hay tiến trình tự chứng nghiệm một cách thông minh [Page 344]

CHART V

EVOLUTION OF A SOLAR LOGOS

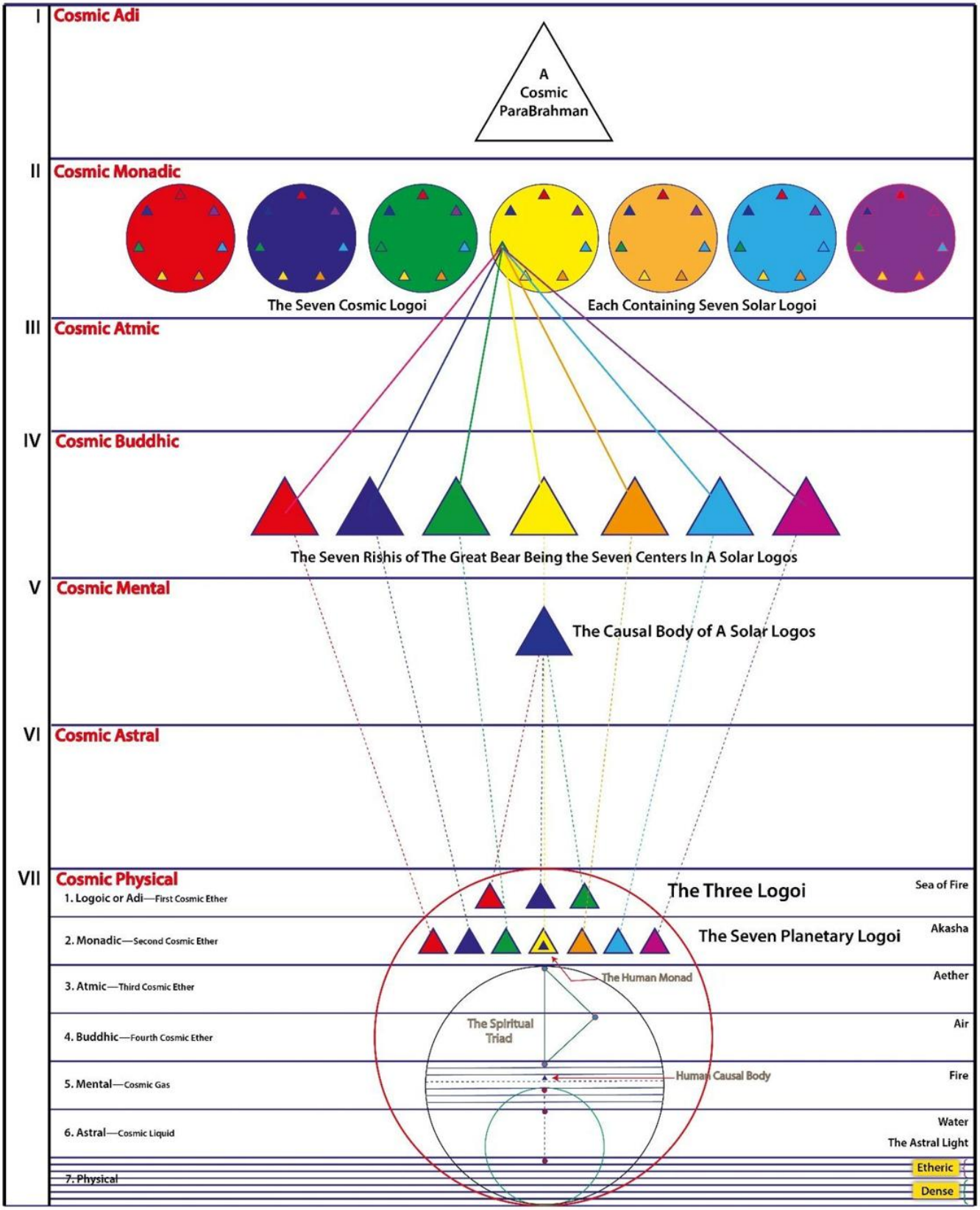

[Page 345] which so strikingly differentiates men from the animals. At individualisation the two poles are approximated, and at their meeting light streams forth, irradiating the cave of matter, and lighting the pathway that must be trodden by the Pilgrim on his way back to his source.

[Page 345] vốn phân biệt con người với loài vật một cách nổi bật như thế. Khi biệt ngã hóa, hai cực được đưa lại gần nhau, và tại điểm gặp gỡ của chúng ánh sáng tuôn ra, chiếu rọi hang động của vật chất, và soi sáng con đường mà Người Lữ Hành phải bước đi trên đường trở về nguồn cội của mình.

This irradiation brings about, in connection with man,

Sự chiếu rọi này, trong liên hệ với con người, đem lại:

Self-realisation.

Tự chứng nghiệm.

Purpose.

Mục đích.

Separation from all other individualised selves, or spheres.

Sự tách biệt khỏi mọi bản ngã biệt ngã hóa khác, hay các khối cầu khác.

Consciousness, above all.

Trên hết là tâm thức.

Ability to evolve.

Khả năng tiến hoá.

Capacity to “shine ever more and more unto the perfect day.”

Năng lực “chiếu sáng ngày càng hơn cho đến ngày toàn hảo.”

This is equally true of a solar Logos, and of a Heavenly Man.

Điều này cũng đúng như vậy đối với một Thái dương Thượng đế và một Đấng Thiên Nhân.

Individualisation is literally the coming together (out of the darkness of abstraction), of the two factors of Spirit and matter by means of a third factor, the intelligent will, purpose and action of an Entity. By the approximation of these two poles light is produced, a flame shines forth, a sphere of radiant glory is seen which gradually increases the intensity of its light, its heat and its radiance until capacity is reached, or that which we call perfection. We should note and distinguish the words *light, heat* and *radiance,* which are the distinctive

Biệt ngã hóa theo nghĩa đen là sự đến gần nhau (ra khỏi bóng tối của sự trừu xuất) của hai yếu tố tinh thần và vật chất nhờ một yếu tố thứ ba, là ý chí, mục đích và hành động thông minh của một Thực Thể. Do sự tiếp cận của hai cực này mà ánh sáng được tạo ra, một ngọn lửa bừng sáng, một khối cầu vinh quang rực rỡ xuất hiện và dần dần gia tăng cường độ ánh sáng, nhiệt và sự rạng ngời của nó cho đến khi đạt tới năng lực, hay điều mà chúng ta gọi là sự toàn hảo. Chúng ta nên lưu ý và phân biệt các từ *ánh sáng, nhiệt* và *sự rạng ngời,* là những đặc điểm phân biệt của

features of all individualised entities from Gods to men.

mọi thực thể biệt ngã hóa từ các Thượng đế đến con người.

Man is beginning to arrive partially at the secret of this phenomenon through his ability to produce through scientific knowledge, that which is called electric light and which is used by man for illumination, heat and healing. As more anent this matter is discovered by physical plane students, the whole question of existence and of creative activity will become clearer.

Con người đang bắt đầu phần nào đạt đến bí mật của hiện tượng này nhờ khả năng tạo ra, qua tri thức khoa học, điều được gọi là ánh sáng điện và được con người dùng để soi sáng, sưởi ấm và chữa lành. Khi các đạo sinh cõi hồng trần khám phá thêm về vấn đề này, toàn bộ câu hỏi về hiện hữu và hoạt động sáng tạo sẽ trở nên sáng tỏ hơn.

As regards the origin of the fire of mind something [Page 346] more may be learned through studying *the various methods of individualisation.* In connection with man these methods are three in number as far as we can tell, though the probability of there being several other methods which are inconceivable to man's finite comprehension, is quite possible. These methods are:

Về nguồn gốc của lửa trí tuệ, có thể học được thêm đôi điều [Page 346] qua việc nghiên cứu *các phương pháp biệt ngã hóa khác nhau.* Trong liên hệ với con người, các phương pháp này có ba loại theo như chúng ta có thể biết, dù khả năng có một số phương pháp khác nữa mà trí hiểu hữu hạn của con người không thể quan niệm được là điều hoàn toàn có thể. Các phương pháp ấy là:

First, the method pursued on the moon-chain (the planetary manifestation previous to ours), when, through innate force and energy, the conjunction of the three fires was brought about and the fire of matter contacted the fire of Spirit through the latent presence of the fiery spark of mind. This spark of mind, working through the instinct, drove the material form or substance, into such activity that it was enabled to reach up to heights where its opposite pole could be contacted. Animal-man aspired; Spirit answered; the vibration of the germ of mentality had permeated the substance like yeast. Thus was consciousness awakened. In the previous solar system, in connection with the Heavenly Men, this was the method pursued by Them, and These advanced cosmic Beings entered into consciousness and mastered

Thứ nhất, phương pháp được theo đuổi trên Dãy Mặt Trăng (biểu hiện hành tinh có trước biểu hiện của chúng ta), khi mà nhờ mãnh lực và năng lượng bẩm sinh, sự giao hội của ba ngọn lửa đã được tạo ra và lửa của vật chất tiếp xúc với lửa của Tinh thần qua sự hiện diện tiềm ẩn của tia lửa trí tuệ. Tia lửa trí tuệ này, hoạt động qua bản năng, đã thúc đẩy hình tướng vật chất hay chất liệu vào một hoạt động mạnh đến mức nó có thể vươn lên những đỉnh cao nơi cực đối nghịch của nó có thể được tiếp xúc. Người thú đã khát vọng; Tinh thần đáp ứng; rung động của mầm mống trí tuệ đã thấm nhuần chất liệu như men. Nhờ đó tâm thức được đánh thức. Trong hệ mặt trời trước, trong liên hệ với các Đấng Thiên Nhân, đây là phương pháp được Các Ngài theo đuổi, và các Hữu thể vũ trụ tiến hóa cao này đã đi vào tâm thức và làm chủ ba cõi thấp của cõi hồng

the three lower planes of the cosmic physical,—the planes which man is endeavouring to master now. They individualised as the result of work accomplished during incomprehensible aeons of endeavour. (128) The earlier solar system was much longer in duration than this one will be, and force in matter was generated by the progression of the ages. *It was the period of the vitalisation of the spirillae in the physical permanent atom of the Logos.*

trần vũ trụ,—những cõi mà con người hiện đang nỗ lực làm chủ. Các Ngài biệt ngã hóa như kết quả của công việc được hoàn thành trong những đại kiếp nỗ lực không thể hiểu nổi. (128) Hệ mặt trời trước kéo dài lâu hơn nhiều so với hệ này, và sự tiến triển của các thời đại đã tạo ra mãnh lực trong vật chất. *Đó là thời kỳ tiếp sinh lực cho các loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế.*

(128) The period of the individualisation of a solar Logos goes back further still and need not concern us here, save to remember that the Law of Analogy holds good. (back)

(128) Thời kỳ biệt ngã hóa của một Thái dương Thượng đế còn lùi xa hơn nữa và không cần liên quan đến chúng ta ở đây, ngoại trừ việc ghi nhớ rằng định luật tương đồng vẫn đúng. (back)

In this method of individualisation, the emphasis is laid on the fact that the principle of manas is a part of the logoic character, and is part of His very nature. It, therefore, has its origin in His Being or Self; it is [Page 347] part of the content of the logoic Causal Body, and therefore permeates all manifestation which originates with Him. Hence the accuracy of the statement that cosmic manas originates on the cosmic mental plane, and is a portion of the fire that animates that plane.

Trong phương pháp biệt ngã hóa này, sự nhấn mạnh được đặt trên sự kiện rằng nguyên khí manas là một phần của đặc tính của Thượng đế, và là một phần của chính bản chất của Ngài. Vì vậy, nó có nguồn gốc trong Hữu thể hay Bản Ngã của Ngài; nó là [Page 347] một phần của nội dung của thể nguyên nhân của Thượng đế, và do đó thấm nhuần mọi biểu hiện phát sinh từ Ngài. Vì thế, phát biểu rằng manas vũ trụ phát sinh trên cõi trí vũ trụ, và là một phần của ngọn lửa làm sinh động cõi ấy, là hoàn toàn chính xác.

Second, in the second solar system, and in connection with the method employed therein, another point merits attention. This fire of mind has its source in a constellation until recently unrecognized by exoteric science as having any relation of an intimate nature to our solar system, owing to its tremendous distance away. *The sun "Sirius" is the source of logoic manas* in the same sense as the Pleiades are connected with the evolution of manas in the seven Heavenly

Thứ hai, trong hệ mặt trời thứ hai, và trong liên hệ với phương pháp được dùng trong đó, có một điểm khác đáng được chú ý. Lửa trí tuệ này có nguồn của nó trong một chòm sao mà cho đến gần đây khoa học ngoại môn chưa công nhận là có bất kỳ liên hệ mật thiết nào với hệ mặt trời của chúng ta, do khoảng cách vô cùng xa xôi của nó. *Mặt trời "Sirius" là nguồn của manas của Thượng đế* theo cùng ý nghĩa như Thất Tinh có liên hệ với sự tiến hoá của manas trong bảy Đấng Thiên Nhân,

Men, and Venus was responsible for the coming in of mind in the Earth chain. Each was primary to the other, or was the agent which produced the first flicker of consciousness in the particular groups involved. In every case the method was that of a slow evolutionary growth till the consciousness suddenly blazed forth owing to the interposition of force, apparently from an extraneous source,

và Sao Kim chịu trách nhiệm cho sự giáng lâm của trí tuệ trong Dãy Địa Cầu. Mỗi nguồn đều là nguồn sơ khởi đối với nguồn kia, hay là tác nhân tạo ra tia chớp đầu tiên của tâm thức trong các nhóm liên hệ. Trong mọi trường hợp, phương pháp là sự tăng trưởng tiến hoá chậm rãi cho đến khi tâm thức đột nhiên bùng sáng do sự xen vào của mãnh lực, dường như từ một nguồn bên ngoài,

1. The Logos	Solar System	Sirius
2. Seven Heavenly Men	Planetary scheme	Pleiades
3. Heavenly Man	Earth chain	Venus

This second method therefore is that which is brought about by the hastening of the evolutionary process through influences from outside; these tend to awaken consciousness, and to bring about the merging of the poles. The first method touched upon was that of the earlier solar system. The method we are now considering is the distinctive one of this solar system and will persist till the end of the mahamanvantara.

Vì vậy, phương pháp thứ hai này là phương pháp mà các ảnh hưởng từ bên ngoài tạo ra bằng cách thúc đẩy nhanh tiến trình tiến hoá; các ảnh hưởng này có khuynh hướng đánh thức tâm thức và đem lại sự hòa nhập của các cực. Phương pháp thứ nhất vừa được đề cập là phương pháp của hệ mặt trời trước. Phương pháp mà chúng ta hiện đang xét là phương pháp đặc trưng của hệ mặt trời này và sẽ tiếp tục cho đến cuối Đại giai kỳ sinh hóa.

That the earlier method was seen in the moon-chain is only evidence of the steadfastness of the Law of Repetition by which every large cycle includes, in its earlier [Page 348] stages, all the lesser, and repeats the earlier procedure. This is a recognised fact, for instance, in the building of man's physical body, for the foetus reproduces all earlier stages and forms till the human is achieved; again, as we know, the fourth round reproduces briefly the

Việc phương pháp trước đó được thấy trong Dãy Mặt Trăng chỉ là bằng chứng về tính kiên định của Định luật Lặp lại, theo đó mỗi chu kỳ lớn đều bao gồm, trong các giai đoạn [Page 348] đầu tiên của nó, mọi chu kỳ nhỏ hơn, và lặp lại tiến trình trước đó. Đây là một sự kiện được công nhận, chẳng hạn, trong việc xây dựng thể xác của con người, vì bào thai tái hiện mọi giai đoạn và hình thức trước đó cho đến khi đạt được hình thể con người; thêm nữa, như chúng ta biết, cuộc tuần hoàn thứ tư tái hiện vắn tắt ba cuộc

earlier three but has its own distinctive quality.

b. The Method of Initiation. In this second method the "Rods of Initiation" are used to effect certain results. These rods are of four kinds:

1. *Cosmic,* used by a cosmic Logos in the initiations of a solar Logos, and of the three major planetary Logoi.

2. *Systemic,* used by a solar Logos in the initiations of a planetary Logos.

3. *Planetary,* used by a planetary Logos for initiatory purposes, and for the third, the fourth, and fifth major initiations, with the two higher.

4. *Hierarchical,* used by an occult Hierarchy for minor Initiations, and for the first two initiations of manas by the Bodhisattva. (129)

(129) The above information about the "Rods" is taken out of *Initiation Human and Solar*, page 126. (back)

When man individualised in Lemurian days (about eighteen million years ago), it was the application of the Rod of Initiation to the Logos of our Earth chain which brought about the event and touched into activity certain centres in His body with their corresponding groups. This application, bringing about consciousness on some plane, may be regarded as literally the awakening of the lives concerned to participate in intelligent work on the mental plane. Animal man was conscious on the

trước nhưng có phẩm tính đặc trưng riêng của nó.

b. Phương pháp điểm đạo. Trong phương pháp thứ hai này, các "Thần Trượng Điểm đạo" được dùng để tạo ra những kết quả nhất định. Các thần trượng này có bốn loại:

1. *Vũ trụ,* được một Thượng đế vũ trụ sử dụng trong các cuộc điểm đạo của một Thái dương Thượng đế và của ba Hành Tinh Thượng Đế lớn.

2. *Thái dương hệ,* được một Thái dương Thượng đế sử dụng trong các cuộc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế.

3. *Hành tinh,* được một Hành Tinh Thượng Đế sử dụng cho các mục đích điểm đạo, và cho lần điểm đạo lớn thứ ba, thứ tư và thứ năm, cùng với hai lần cao hơn.

4. *Thuộc Thánh Đoàn,* được một Thánh đoàn huyền bí sử dụng cho các cuộc điểm đạo nhỏ, và do Đức Bồ Tát sử dụng cho hai lần điểm đạo đầu tiên của manas. (129)

(129) Thông tin trên về các "Thần Trượng" được trích từ *Điểm Đạo Nhân Loại và Thái Dương*, trang 126. (back)

Khi con người biệt ngã hóa trong thời Lemuria (khoảng mười tám triệu năm trước), chính việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo lên Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta đã tạo ra biến cố ấy và khơi hoạt động trong một số trung tâm nhất định trong thân thể của Ngài cùng với các nhóm tương ứng của chúng. Sự áp dụng này, tạo ra tâm thức trên một cõi nào đó, có thể được xem theo nghĩa đen là sự đánh thức các sự sống liên hệ để tham dự vào công việc thông minh trên cõi trí. Người thú đã hữu thức trên

physical, and on the astral planes. By the stimulation effected by the electric rod this animal man awoke to consciousness on the mental. Thus the three bodies were co-ordinated, and the Thinker enabled to function in them.

cõi hồng trần và trên cõi cảm dục. Nhờ sự kích thích do thần trượng điện tạo ra, người thú này thức tỉnh đến tâm thức trên cõi trí. Nhờ đó ba thể được phối hợp, và Kẻ Tư Tưởng có thể hoạt động trong chúng.

[Page 349] All Rods of Initiation cause certain effects:

[Page 349] Mọi Thần Trượng Điểm đạo đều gây ra những hiệu quả nhất định:

a. Stimulation of the latent fires till they blaze.

a. Kích thích các ngọn lửa tiềm ẩn cho đến khi chúng bùng cháy.

b. Synthesis of the fires through an occult activity that brings them within the radius of each other.

b. Tổng hợp các ngọn lửa qua một hoạt động huyền bí đưa chúng vào trong bán kính của nhau.

c. Increase of the vibratory activity of some centre, whether in man, a Heavenly Man, or a solar Logos.

c. Gia tăng hoạt động rung động của một trung tâm nào đó, dù là trong con người, một Đấng Thiên Nhân, hay một Thái dương Thượng đế.

d. Expansion of all the bodies, but primarily of the causal,—this also in speaking of all the three types of Entities.

d. Sự mở rộng của mọi thân thể, nhưng chủ yếu là thể nguyên nhân,—điều này cũng đúng khi nói về cả ba loại Thực Thể.

All these results were seen when the Heavenly Man of our scheme took initiation eighteen million years ago. This initiation was brought about—as earlier pointed out—by a peculiar juxtaposition of chains, globes and schemes, and caused such a stimulation of all the latent manasic units within His body that a downflow of pure manas from the planetary manasic permanent atom was possible along the path of the planetary antaskarana—a channel which exists in the case of the planetary Logos, and which has not to be built as in the case of man. Along with this juxtaposition came a similar alignment with one of the Pleiades, permitting of manasic influence from that source.*(S.D.,II, 711,725,726)* (130)

Tất cả những kết quả này đã được thấy khi Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta nhận điểm đạo cách đây mười tám triệu năm. Một sự đặt kề đặc biệt của các dãy, các bầu hành tinh và các hệ hành tinh đã tạo ra cuộc điểm đạo này—như đã chỉ ra trước đây—, và đã gây nên một sự kích thích mạnh đến mức đối với mọi đơn vị manas tiềm ẩn trong thân thể của Ngài, một sự tuôn xuống của manas thuần túy từ nguyên tử trường tồn manas hành tinh đã trở nên khả hữu dọc theo con đường của antahkarana hành tinh—một kênh tồn tại trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế, và không phải được xây dựng như trong trường hợp của con người. Cùng với sự đặt kề này là một sự chỉnh hợp tương tự với một trong Thất Tinh,

cho phép ảnh hưởng manas từ nguồn đó. *(S.D.,II, 711,725,726)* (130)

(130) "The Secret of the Pleiades and of their relation to the Seven Rishis of the Great Bear, and therefore to our Seven Heavenly Men, is not yet to be revealed. It is known only in detail to the Chohans of the Seventh Initiation, though the fact that there is such a relation is now exoteric." H. P. B. speaks of it in the Secret Doctrine. *(S. D., II, 711, 725, 726)* (back)

(130) "Bí mật của Thất Tinh và mối liên hệ của chúng với Bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh, và do đó với bảy Đấng Thiên Nhân của chúng ta, vẫn chưa được tiết lộ. Điều đó chỉ được các Chohan của lần điểm đạo thứ bảy biết rõ chi tiết, mặc dù sự kiện rằng có một mối liên hệ như thế hiện nay đã là ngoại môn." H. P. B. có nói về điều này trong Giáo Lý Bí Nhiệm. *(S. D., II, 711, 725, 726)* (back)

Third, the third method of individualisation is the one to be followed in the next solar system, though it will have its faint beginnings in this one. It is not based on latent activity as in the first case, nor in electrical polarity as in the second, but in a peculiar process of *"occult abstraction"* (using the word "abstraction" in its basic sense as "the drawing out" of essence). This occult abstraction is brought about by an effort of the will at present incomprehensible. The first method of individualisation [Page 350] is that of the third aspect, or latent activity, and follows the line of least resistance under the Law of Economy; the second method is the purely electrical one, and works under the Law of Attraction; whilst the third method lies hidden in dynamic will and is as yet to us impossible and incomprehensible.

Thứ ba, phương pháp biệt ngã hóa thứ ba là phương pháp sẽ được theo trong hệ mặt trời kế tiếp, dù nó sẽ có những khởi đầu mờ nhạt trong hệ này. Nó không dựa trên hoạt động tiềm ẩn như trong trường hợp thứ nhất, cũng không dựa trên cực tính điện như trong trường hợp thứ hai, mà dựa trên một tiến trình đặc biệt của *"sự trừu xuất huyền bí"* (dùng từ "trừu xuất" theo nghĩa căn bản của nó là "rút tinh chất ra"). Một nỗ lực của ý chí hiện nay không thể hiểu được tạo ra sự trừu xuất huyền bí này. Phương pháp biệt ngã hóa thứ nhất [Page 350] là phương pháp của phương diện thứ ba, hay hoạt động tiềm ẩn, và đi theo con đường ít trở ngại nhất dưới Định luật Tiết Kiệm; phương pháp thứ hai là phương pháp thuần điện, và hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn; còn phương pháp thứ ba ẩn giấu trong ý chí năng động và hiện vẫn là điều bất khả và không thể hiểu được đối với chúng ta.

2. Planetary Manas. — 2. Manas hành tinh.

We sought in the foregoing, to understand somewhat the origin of manas—whether cosmic, or otherwise—through the consideration of human individualisation and the method thereof. We saw that individualisation is the conscious

Trong phần trên, chúng ta đã tìm cách phần nào thấu hiểu nguồn gốc của manas—dù là vũ trụ hay loại khác—qua việc xem xét sự biệt ngã hóa của con người và phương pháp của nó. Chúng ta đã thấy rằng biệt ngã hóa là sự nắm bắt một cách hữu thức của Bản Ngã

apprehension of the Self of its relation to all that constitutes the Not-Self, and that it is evoked in three ways, of which only two as yet are even dimly comprehensible. In each case this awakening of consciousness is preceded by a period of gradual development, is instantaneous at the moment of Self-Realisation for the first time, and is succeeded by another period of gradual evolution. This period of gradual evolution leads up to another crisis which we call *initiation*. In one we have initiation into conscious existence, in the other initiation into spiritual existence or group identification.

về mối liên hệ của nó với tất cả những gì cấu thành Phi-Ngã, và rằng nó được gợi lên theo ba cách, trong đó chỉ có hai cách hiện nay còn có thể được hiểu một cách mơ hồ. Trong mỗi trường hợp, một thời kỳ phát triển dần dần đi trước sự thức tỉnh tâm thức này; sự thức tỉnh diễn ra tức thời vào khoảnh khắc Tự Chứng Nghiệm lần đầu tiên, rồi một thời kỳ tiến hoá dần dần khác tiếp nối. Thời kỳ tiến hoá dần dần này dẫn đến một cuộc khủng hoảng khác mà chúng ta gọi là *điểm đạo*. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có điểm đạo vào hiện hữu hữu thức; trong trường hợp kia, điểm đạo vào hiện hữu tinh thần hay sự đồng nhất với nhóm.

For a *solar Logos* individualisation dates back to stages far anterior to the triplicity of solar systems which constitutes for Him the Eternal Now, but which from man's point of view embody the past, the present, and the future. A planetary Logos individualised in a previous system; a man individualises in this; the planetary entities, now involutionary, will individualise in the next.

Đối với một *Thái dương Thượng đế*, sự biệt ngã hóa có từ những giai đoạn rất lâu trước bộ ba các hệ mặt trời vốn cấu thành đối với Ngài Hiện Tại Vĩnh Cửu, nhưng từ quan điểm của con người lại bao hàm quá khứ, hiện tại và tương lai. Một Hành Tinh Thượng Đế đã biệt ngã hóa trong một hệ mặt trời trước; con người biệt ngã hóa trong hệ này; các thực thể hành tinh, hiện đang giáng hạ tiến hoá, sẽ biệt ngã hóa trong hệ kế tiếp.

a. Consciousness and Existence. From the wider point of view the terms initiation and individualisation are synonymous; they both express the idea of an expansion of consciousness, or of entrance into a new kingdom of nature. The faculty of acquiring knowledge [Page 351] must be realised as paralleling the development of the sense of sight, or vision, as earlier pointed out. The fire of mind shone forth and illuminated animal man in Lemurian days, during that vast cycle wherein sight opened up for him the physical plane. The relationship between sight and mind is a very close one, and must not be lost from sight. In the first round, and in the first root-race of this round, *hearing* was the sense developed. In the second

a. Tâm thức và hiện hữu. Từ quan điểm rộng lớn hơn, các thuật ngữ điểm đạo và biệt ngã hóa là đồng nghĩa; cả hai đều biểu đạt ý niệm về một sự mở rộng tâm thức, hay sự đi vào một giới mới của thiên nhiên. Năng lực tiếp thu tri thức [Page 351] phải được nhận ra là song hành với sự phát triển của giác quan thị giác, hay tầm nhìn, như đã chỉ ra trước đây. Lửa của trí tuệ đã bừng sáng và soi sáng người thú trong thời Lemuria, trong chu kỳ rộng lớn ấy khi thị giác mở ra cho y cõi hồng trần. Mối liên hệ giữa thị giác và trí tuệ là rất mật thiết, và không được bỏ qua. Trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, và trong giống dân gốc thứ nhất của cuộc tuần hoàn này, *thính giác* là giác quan được phát triển. Trong cuộc tuần hoàn thứ hai và giống dân gốc thứ hai,

round and the second root-race *touch* was evolved. In the third round and corresponding root-race *sight* was added to the other two, and the Self which hears, and the Not-self which is touched, or apprehended as tangible, are related and connected by sight,—the correspondence to the intelligence that links. Thus is brought about the blending of the three fires, and illumination is present. But through all this evolutionary development the ONE Who hears, touches, and sees, persists and interprets according to the stage of the development of the manasic principle within Him. This basic Interpreter is the Entity Who is independent of an existence which ever necessitates a form. His is the life that causes matter to vibrate and He is therefore "fire by friction"; His is the life of pure Spirit which wills to be, and which utilises form, and is therefore electrical impulse on the cosmic physical plane or "electric fire"; His is the life that not only animates the atoms and electrifies them by His Own nature, but likewise knows itself to be one with all yet apart from all,—the thinking, discriminating, Self-realising something that we call MIND or Solar Fire. Universal mind or manas permeates all, and is equally that Self-knowing, individualised Entity Whose body contains our solar Logos as well as certain other solar Logoi; Whose fire, heat and radiation embrace certain other solar systems and unify them with our own system so that one complete vital body forms the manifestation of this mighty cosmic Being. [Page 352] Vortices of force on the cosmic etheric plane form the etheric framework of seven solar systems in the same way that the bodies of the seven Heavenly Men are the etheric centres for a solar Logos, and as the seven centres in man (existing in etheric matter), are the animating electrical impulse of his life.

xúc giác được tiến hóa. Trong cuộc tuần hoàn thứ ba và giống dân gốc tương ứng, *thị giác* được thêm vào hai giác quan kia, và thị giác liên hệ và nối kết Bản Ngã nghe với Phi-ngã được chạm đến, hay được nắm bắt như hữu hình,—sự tương ứng với trí tuệ nối kết. Nhờ đó sự hòa trộn của ba ngọn lửa được tạo ra, và sự soi sáng hiện diện. Nhưng xuyên suốt toàn bộ sự phát triển tiến hoá này, Đấng Duy Nhất nghe, chạm và thấy vẫn tồn tại và diễn giải tùy theo giai đoạn phát triển của nguyên khí manas bên trong Ngài. Đấng Diễn Giải căn bản này là Thực Thể độc lập với một hiện hữu luôn luôn đòi hỏi một hình tướng. Sự sống của Ngài là sự sống làm cho vật chất rung động và vì vậy Ngài là "Lửa ma sát"; sự sống của Ngài là sự sống của Tinh thần thuần túy vốn muốn hiện hữu, và sử dụng hình tướng, và vì vậy là xung động điện trên cõi hồng trần vũ trụ hay "Lửa Điện"; sự sống của Ngài là sự sống không những làm sinh động các nguyên tử và điện hóa chúng bằng chính bản chất của Ngài, mà còn tự biết mình là một với tất cả nhưng vẫn tách biệt khỏi tất cả,—một cái gì biết suy tư, biết phân biện, tự chứng nghiệm mà chúng ta gọi là TRÍ TUỆ hay Lửa Thái dương. Trí tuệ vũ trụ hay manas thấm nhuần tất cả, và cũng chính là Thực Thể biệt ngã hóa, tự tri ấy mà thân thể của Ngài bao hàm Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như một số Thái dương Thượng đế khác; lửa, nhiệt và sự bức xạ của Ngài bao trùm một số hệ mặt trời khác và hợp nhất chúng với hệ của chúng ta để một thể sinh lực hoàn chỉnh tạo thành biểu hiện của Hữu thể vũ trụ hùng mạnh này. [Page 352] Các xoáy mãnh lực trên cõi dĩ thái vũ trụ tạo thành bộ khung dĩ thái của bảy hệ mặt trời theo cùng cách mà các thân thể của bảy Đấng Thiên Nhân là các trung tâm dĩ thái đối với một Thái dương Thượng đế, và như bảy trung tâm trong con người (tồn tại trong vật chất dĩ thái) là xung động điện làm sinh động sự sống của y.

To express the origin of manas apart from manifestation through a congery of systems, a solar system, or a man is for us impossible. Only as one grasps the fact that each planetary scheme, for instance, serves as the body of a Heavenly Man Who is the directing Mind in that scheme, and the animating principle of manas or the active discriminating faculty which every atom in that scheme evinces; only when it is realised that a solar Logos is similarly the manasic principle of those large atoms we call schemes in their totality; only when it is apprehended that a cosmic Logos is again the instigating mind of the still vaster atoms we call systems; only when it is admitted that man is the animating discriminative faculty of the tiny spheres which form his body of manifestation; and finally, only when all this is meditated upon, and its truth accepted, will this question of the origin of manas assume a less abstruse character, and the difficulty of its comprehension be less appalling.

Đối với chúng ta, việc diễn đạt nguồn gốc của manas tách rời khỏi biểu hiện qua một tập hợp các hệ mặt trời, một hệ mặt trời, hay một con người là điều bất khả. Chỉ khi nào người ta nắm được sự kiện rằng chẳng hạn mỗi hệ hành tinh đều phục vụ như thân thể của một Đấng Thiên Nhân là Trí Tuệ chỉ đạo trong hệ ấy, và là nguyên khí làm sinh động của manas hay năng lực phân biện hoạt động mà mọi nguyên tử trong hệ ấy đều biểu lộ; chỉ khi nào nhận ra rằng một Thái dương Thượng đế cũng tương tự là nguyên khí manas của những nguyên tử lớn mà chúng ta gọi là các hệ hành tinh trong tổng thể của chúng; chỉ khi nào nắm bắt được rằng một Thượng đế vũ trụ lại là trí tuệ khởi phát của những nguyên tử còn rộng lớn hơn mà chúng ta gọi là các hệ mặt trời; chỉ khi nào thừa nhận rằng con người là năng lực phân biện làm sinh động của những khối cầu nhỏ bé tạo thành thân thể biểu hiện của y; và cuối cùng, chỉ khi nào tất cả điều này được tham thiền và chân lý của nó được chấp nhận, thì câu hỏi về nguồn gốc của manas mới mang tính ít trừu tượng khó hiểu hơn, và khó khăn trong việc thấu hiểu nó mới bớt đáng sợ hơn.

Man, the Thinker, the Knower, the manasic principle in the centre of the many spheres which form his bodies, manipulates electrical force in three departments (the physical, astral and mental bodies) through seven centres which are the focal points of force, and of its intelligent dispersal throughout his little system to the myriads of lesser atoms, which are the cells in these spheres.

Con người, Kẻ Tư Tưởng, thức giả, nguyên khí manas ở trung tâm của nhiều khối cầu tạo thành các thể của y, vận dụng mãnh lực điện trong ba lĩnh vực (thể xác, thể cảm dục và thể trí) qua bảy trung tâm là các tiêu điểm của mãnh lực, và của sự phân phối thông minh của nó khắp hệ thống nhỏ bé của y đến vô số nguyên tử nhỏ hơn, là các tế bào trong những khối cầu ấy.

A Heavenly Man equally, and in a wider sense, the Thinker and Knower, the manasic or mind principle plus the buddhic or Christ principle, manipulates electrical force through three principal vehicles or globes in

Một Đấng Thiên Nhân cũng vậy, và theo nghĩa rộng hơn, là Kẻ Tư Tưởng và thức giả, nguyên khí manas hay trí tuệ cộng với nguyên khí Bồ đề hay nguyên khí Christ, vận dụng mãnh lực điện qua ba vận cụ hay bầu

atmic, buddhic, and manasic matter, dispersing it from thence [Page 353] to the myriads of cells which correspond to the deva and human units.

hành tinh chính trong vật chất atma, Bồ đề và manas, rồi từ đó phân phối nó [Page 353] đến vô số tế bào tương ứng với các đơn vị thiên thần và nhân loại.

A s*olar Logos* in a still wider sense is the permeating universal Mind, the manasic principle, plus the buddhic and the will principle, working in three major schemes, by means of seven centres of force, and through the myriads of groups which are the cells in His body, in the same way as human beings are the cells in the body of a Heavenly Man.

Một *Thái dương Thượng đế* theo nghĩa còn rộng lớn hơn là Trí Tuệ Vũ Trụ thấm nhuần, nguyên khí manas, cộng với nguyên khí Bồ đề và nguyên khí ý chí, hoạt động trong ba hệ hành tinh lớn, bằng bảy trung tâm mãnh lực, và qua vô số nhóm là các tế bào trong thân thể của Ngài, theo cùng cách mà con người là các tế bào trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân.

The *cosmic Logos* of our system works similarly through three major systems (of which ours is not one), utilising seven solar systems (of which ours is one), for the distribution of His force and having myriads of sevenfold groups as the cells of His body.

Thượng đế vũ trụ của hệ mặt trời chúng ta cũng hoạt động tương tự qua ba hệ thống lớn (trong đó hệ của chúng ta không phải là một), sử dụng bảy hệ mặt trời (trong đó hệ của chúng ta là một), để phân phối mãnh lực của Ngài và có vô số nhóm thất phân làm các tế bào trong thân thể của Ngài.

b. *Will and ordered purpose*. Thus all that we can really predicate anent the origin of manas is that it is the unified will-activity, or the purposeful expression of the realised Identity of some great Self which colours the life and swings into intelligent co-operation all the lesser units included in its sphere of influence. Each of us, in illustration, is the thinking purposeful Entity who acts as the manasic principle, and the spring of action, to all the units included in our three bodies. Each of us sways them to our will; we act, and by acting, force co-operation as we see fit. The Logos does the same on a larger scale. In this thought lies light on the question of karma, of free-will and of responsibility. *Manas is, really* WILL *working itself out on the physical plane,* and the truth of this will be seen when it is realised that all our planes form the cosmic physical plane, whereon an Entity, inconceivably greater

b. *Ý chí và mục đích có trật tự*. Vì vậy, tất cả những gì chúng ta thực sự có thể khẳng định về nguồn gốc của manas là nó là hoạt động-ý chí hợp nhất, hay biểu hiện có mục đích của Bản Sắc đã chứng nghiệm của một Đại Ngã nào đó, Đấng tô màu sự sống và đưa vào sự hợp tác thông minh tất cả các đơn vị nhỏ hơn nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài. Mỗi chúng ta, để minh họa, là Thực Thể suy tư có mục đích, hoạt động như nguyên khí manas và là nguồn suối hành động đối với mọi đơn vị nằm trong ba thể của mình. Mỗi chúng ta chi phối chúng theo ý chí của mình; chúng ta hành động, và bằng hành động, buộc sự hợp tác theo như chúng ta thấy thích hợp. Thượng đế cũng làm như vậy trên một quy mô lớn hơn. Trong tư tưởng này có ánh sáng cho vấn đề nghiệp quả, tự do ý chí và trách nhiệm. *Manas thực sự là* Ý CHÍ *đang tự triển khai trên cõi hồng trần,* và chân lý của điều này sẽ được thấy

than our Logos, is working out a set purpose through the Logos, through us, through all Spirit-substance that is included within His sphere of radiatory activity.

khi người ta nhận ra rằng tất cả các cõi của chúng ta tạo thành cõi hồng trần vũ trụ, nơi một Thực Thể lớn lao hơn Thượng đế của chúng ta một cách không thể quan niệm đang triển khai một mục đích nhất định qua Thượng đế, qua chúng ta, qua toàn bộ chất liệu-tinh thần nằm trong phạm vi hoạt động bức xạ của Ngài.

Certain problems of real interest are prone to enter our minds, but they serve only to develop abstract thought [Page 354] and to expand the consciousness, for they are as yet insoluble and will remain so. Some of them might be enumerated as follows:

Một số vấn đề thật sự đáng quan tâm thường có khuynh hướng đi vào trí tuệ chúng ta, nhưng chúng chỉ phục vụ cho việc phát triển tư tưởng trừu tượng [Page 354] và mở rộng tâm thức, vì hiện nay chúng chưa thể giải được và sẽ vẫn như vậy. Một vài trong số đó có thể được liệt kê như sau:

1. Who is the cosmic Entity in Whose scheme our Logos plays his little part?

1. Thực thể vũ trụ là ai mà trong hệ hành tinh của Ngài, Thượng đế của chúng ta đóng vai trò nhỏ bé của mình?

2. What is the nature of the great purpose He is working out?

2. Bản chất của mục đích lớn lao mà Ngài đang triển khai là gì?

3. Which centre in His body is represented by our solar system?

3. Hệ mặt trời của chúng ta tượng trưng cho trung tâm nào trong thân thể của Ngài?

4. What is the nature of the incarnation He is now undergoing?

4. Bản chất của cuộc lâm phàm mà Ngài hiện đang trải qua là gì?

5. What are the ten systems—the three and the seven—of which our solar system is one? Must we look for the major three within the seven, or extraneously?

5. Mười hệ thống—ba và bảy—mà trong đó hệ mặt trời của chúng ta là một, là những hệ nào? Chúng ta phải tìm ba hệ lớn trong bảy hệ ấy, hay ở bên ngoài chúng?

6. What is the coloring or basic quality of this cosmic Entity?

6. Sắc thái hay phẩm tính căn bản của Thực thể vũ trụ này là gì?

7. Is the colouring of the fourth cosmic ether (the buddhic plane), blue, or is it violet to correspond with our fourth physical ether?

7. Màu sắc của dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề) là xanh lam, hay là tím để tương ứng với dĩ thái hồng trần thứ tư của chúng ta? Tại

Why is buddhi exoterically regarded as yellow in color?

sao Bồ đề lại được xem ngoại môn là có màu vàng?

8. Which are the primary three centres in the body of our solar Logos and which the minor four?

8. Ba trung tâm chính trong thân thể của Thái dương Thượng đế chúng ta là những trung tâm nào và bốn trung tâm phụ là những trung tâm nào?

9. What is the karma of the different schemes?

9. Nghiệp quả của các hệ hành tinh khác nhau là gì?

10. What is the over-balancing karma of the Logos Himself as it affects the ten schemes within His system?

10. Nghiệp quả trội hơn của chính Thượng đế ảnh hưởng đến mười hệ hành tinh trong hệ mặt trời của Ngài là gì?

All these questions, and numbers of others, will arise in the mind of the interested student, but beyond the formulation of them he may not as yet go, though the fifth round will see the realisation, by men, of the nature of the karma of the Logos of our chain. Words, as oft we have been told, blind and stultify.

Tất cả những câu hỏi này, cùng vô số câu hỏi khác, sẽ nảy sinh trong trí tuệ của đạo sinh quan tâm, nhưng ngoài việc hình thành chúng ra thì hiện y chưa thể đi xa hơn, mặc dù cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ chứng kiến con người chứng nghiệm được bản chất của nghiệp quả của Thượng đế của dãy chúng ta. Từ ngữ, như chúng ta thường được bảo, làm mù lòa và làm trì độn.

In summing up, this quality of manas may be somewhat apprehended if the student regards it as the intelligent [Page 355] will. the active purpose, and the fixed idea of some Entity which brings about existence, utilises form, and works out effects from causes through discrimination in matter, separation into form, and the driving of all units within His sphere of influence to the fulfilment of that set purpose. Man is the originating source of mind as regards the matter of his vehicles, and their latent manasic impulse. So again with a Heavenly Man and His larger sphere of influence, and so with the solar Logos. Each discriminated, and thus formed His ring-pass-not; each has a purpose in view for every incarnation; each is actively following and intelligently working to effect certain ends, and thus each

Để tổng kết, phẩm tính này của manas có thể được phần nào nắm bắt nếu đạo sinh xem nó như ý chí thông minh, [Page 355] mục đích hoạt động, và ý tưởng cố định của một Thực Thể nào đó, Đấng tạo ra hiện hữu, sử dụng hình tướng, và triển khai các kết quả từ các nguyên nhân qua sự phân biện trong vật chất, sự tách biệt thành hình tướng, và sự thúc đẩy mọi đơn vị trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài đến chỗ hoàn thành mục đích đã định ấy. Con người là nguồn gốc khởi phát của trí tuệ đối với vật chất của các vận cụ của mình, và xung động manas tiềm ẩn của chúng. Điều này cũng đúng với một Đấng Thiên Nhân và phạm vi ảnh hưởng rộng lớn hơn của Ngài, và cũng đúng với Thái dương Thượng đế. Mỗi Đấng đã phân biện, và nhờ đó hình thành vòng-giới-hạn của Ngài; mỗi Đấng đều có một mục đích

is the originator of manas to His scheme; each is the animating fire of intelligence to his system; each, through this very manasic principle individualises, expands gradually this self-realisation till it includes the ring-pass-not of the Entity through Whom the fifth principle comes to him; and each attains initiation, and eventually escapes from form.

nhắm đến cho mỗi lần lâm phàm; mỗi Đấng đang tích cực theo đuổi và làm việc một cách thông minh để đạt đến những cứu cánh nhất định, và do đó mỗi Đấng là nguồn khởi phát của manas đối với hệ hành tinh của Ngài; mỗi Đấng là ngọn lửa làm sinh động của trí tuệ đối với hệ thống của mình; mỗi Đấng, qua chính nguyên khí manas này, biệt ngã hóa, dần dần mở rộng sự tự chứng nghiệm này cho đến khi nó bao gồm vòng-giới-hạn của Thực Thể mà qua Ngài nguyên khí thứ năm đến với mình; và mỗi Đấng đạt đến điểm đạo, và cuối cùng thoát khỏi hình tướng.

3. Human Manas. — 3. Manas nhân loại.

We are now to consider primarily man and the manasic principle, its development in the fourth Creative Hierarchy, the human Monads, with special reference to our Earth chain.

Giờ đây chúng ta sẽ chủ yếu xét đến con người và nguyên khí manas, sự phát triển của nó trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, các Chân thần nhân loại, với sự quy chiếu đặc biệt đến Dãy Địa Cầu của chúng ta.

We have seen that, to all intents and purposes, manas is the active will of an Entity working itself out through all the lesser lives who go to the content of the ring-pass-not or sphere of influence of the indwelling Existence. Therefore—as concerning man on this chain—he is but expressing the purpose and the will in action of the planetary Logos in Whose body he is a cell or lesser life.

Chúng ta đã thấy rằng, xét về mọi phương diện thực tiễn, manas là ý chí năng động của một Thực Thể đang tự biểu lộ qua mọi sự sống nhỏ hơn, những sự sống cấu thành nội dung của vòng-giới-hạn hay khối cầu ảnh hưởng của Sự Tồn Tại nội tại. Do đó—xét về con người trên dãy này—y chỉ đang biểu lộ mục đích và ý chí trong hành động của Hành Tinh Thượng Đế mà trong thân thể của Ngài, y là một tế bào hay sự sống nhỏ hơn.

Certain mysteries arise consequently for our consideration which are connected with the life cycles of the Heavenly Man of our scheme, and particularly in relation to that special incarnation of His which we call the cycle [Page 356] of manifestation on the dense physical globe, the earth. He wears the planetary body as man wears the robe of the physical body, and by means of this objective

Do đó, có những huyền nhiệm nhất định nảy sinh để chúng ta xem xét, liên hệ với các chu kỳ sự sống của Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta, và đặc biệt liên hệ với lần lâm phàm đặc biệt ấy của Ngài mà chúng ta gọi là chu kỳ [Page 356] biểu hiện trên bầu hành tinh hồng trần đậm đặc, là Trái Đất. Ngài khoác lấy thể hành tinh như con người khoác chiếc áo của thể xác, và nhờ hình

form He works His purposes out on the physical plane, through the factor of mind achieving certain goals. Incidentally, the cells in His body conform to that Mind which plays upon them, just as man, the intelligent principle of incarnation on the physical plane, brings into conformity with his purpose the atoms of his body, and stimulates ever more and more the spirillae of those atoms by the force of his mind playing upon them.

tướng khách quan này, Ngài thực hiện các mục đích của Ngài trên cõi hồng trần, qua yếu tố trí tuệ, đạt được những mục tiêu nhất định. Nhân tiện, các tế bào trong thân thể của Ngài tuân theo Trí Tuệ đang tác động lên chúng, cũng như con người, nguyên khí thông minh của sự lâm phàm trên cõi hồng trần, khiến các nguyên tử trong thân thể mình phù hợp với mục đích của y, và ngày càng kích thích các loa tuyến của những nguyên tử ấy bằng mãnh lực của trí tuệ y tác động lên chúng.

Here comes the opportunity to make clear something that is oft lost sight of in the general fog surrounding this subject. *The human and deva units* on the upward arc, who are the cells in His body, *go to the formation of the centres, and not to the remainder of the cellular vital substance of His vehicles*. Man has a body made up of matter which is applied to different uses, yet which forms a unit. In this unit there are certain areas of more vital importance than other areas *from the standpoint of energising force.* Such an area as the heart may, in this connection, be considered and compared (as regards force value) with such an area as the calf of the leg. The entity, man, utilises both, but the heart centre is of paramount importance. Thus is it also with a Heavenly Man. The two great Hierarchies—deva and human—are force centres in the body of a planetary Logos; the other evolutions of an involutionary nature extant within the scheme, and the remainder of the active substance of the globes, and all contained therein, go to the content of the remainder of His body.

Ở đây có cơ hội để làm sáng tỏ một điều thường bị bỏ quên trong màn sương mù chung bao quanh đề tài này. *Các đơn vị nhân loại và thiên thần* trên vòng cung đi lên, là những tế bào trong thân thể của Ngài, *cấu thành các trung tâm, chứ không phải phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào trong các vận cụ của Ngài*. Con người có một thân thể được tạo thành từ vật chất được dùng vào những công dụng khác nhau, tuy vậy vẫn tạo thành một đơn vị. Trong đơn vị này có những khu vực quan trọng về sinh lực hơn các khu vực khác *xét từ quan điểm của mãnh lực tiếp năng.* Chẳng hạn, một khu vực như tim có thể, trong mối liên hệ này, được xem xét và so sánh (về giá trị mãnh lực) với một khu vực như bắp chân. Thực thể là con người sử dụng cả hai, nhưng trung tâm tim có tầm quan trọng tối thượng. Với một Đấng Thiên Nhân cũng vậy. Hai Huyền Giai lớn—thiên thần và nhân loại—là các trung tâm mãnh lực trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế; các tiến hoá khác có bản chất giáng hạ tiến hoá hiện tồn trong hệ hành tinh, cùng phần còn lại của chất liệu hoạt động của các bầu hành tinh, và mọi thứ chứa trong đó, cấu thành nội dung của phần còn lại trong thân thể của Ngài.

a. *Man and the planetary Logos.* With the deva evolution at this point we have nought

a. *Con người và Hành Tinh Thượng Đế.* Ở điểm này, chúng ta không bàn đến tiến hoá thiên

to do. I seek to concentrate attention on man, as he functions on earth. In order to clarify the idea of manas and its relation to a human being it is necessary to point out certain things [Page 357] in connection with a Heavenly Man which must be borne in mind.

thần. Tôi tìm cách tập trung sự chú ý vào con người, như y hoạt động trên Trái Đất. Để làm sáng tỏ ý niệm về manas và mối liên hệ của nó với một con người, cần phải chỉ ra một số điều [Page 357] liên quan đến một Đấng Thiên Nhân mà phải được ghi nhớ.

First, that each Heavenly Man holds the position of a centre in the body of a solar Logos; therefore, the Logos of a scheme will embody some outstanding characteristic. The ten schemes are the seven, and the synthesising three—not the seven and a lower three. The lower centres were vital in the last solar system (from the esoteric standpoint), and are not counted in this; they were synthesised and absorbed during the obscuration process of System I.

Thứ nhất, mỗi Đấng Thiên Nhân giữ vị trí của một trung tâm trong thân thể của một Thái dương Thượng đế; do đó, Thượng đế của một hệ hành tinh sẽ hiện thân cho một đặc tính nổi bật nào đó. Mười hệ hành tinh là bảy và ba hệ tổng hợp—không phải bảy và ba hệ thấp. Các trung tâm thấp có sinh lực trong hệ mặt trời trước (xét theo quan điểm nội môn), và không được tính trong hệ này; chúng đã được tổng hợp và hấp thu trong tiến trình che khuất của Hệ I.

Secondly, each Heavenly Man is consequently the embodiment of a particular kind of electrical force which flows through His scheme as man's force flows through some one of the etheric centres in his body. Each scheme, as each human centre, will

Thứ hai, do đó, mỗi Đấng Thiên Nhân là hiện thân của một loại mãnh lực điện đặc thù chảy qua hệ hành tinh của Ngài cũng như mãnh lực của con người chảy qua một trong các trung tâm dĩ thái trong thân thể y. Mỗi hệ hành tinh, cũng như mỗi trung tâm của con người, sẽ

a. Vibrate to some one key.

a. Rung động theo một chủ âm nào đó.

b. Have its own colouring.

b. Có màu sắc riêng của nó.

c. Resemble, when seen from the higher planes, a vast lotus.

c. Giống như một hoa sen khổng lồ khi được nhìn từ các cõi cao hơn.

d. Possess, according to its vibratory capacity, a definite number of petals.

d. Sở hữu, tùy theo khả năng rung động của nó, một số lượng cánh hoa xác định.

e. Be connected in geometrical formation with certain other centres of Heavenly Men, making systemic triangles. (132)

e. Được nối kết trong sự sắp xếp hình học với một số trung tâm khác của các Đấng Thiên Nhân, tạo thành các tam giác trong hệ mặt trời. (132)

(132) A hint of this triangle of force was conveyed in *Letters on Occult Meditation*, page 79-84, when speaking of man and his centres. (back)

(132) Một gợi ý về tam giác mãnh lực này đã được truyền đạt trong *Thư về Tham Thiền Huyền Bí*, trang 79-84, khi nói về con người và các trung tâm của y. (back)

f. Be characterised by different stages of activity according to the initiation towards which the Logos may be working. Thus, at one period one centre or Heavenly Man may be the subject of logoic attention, and of specialised stimulation, and at another period a totally different scheme may be the object of vitalisation. For some time the Logos has turned His attention to the *Earth Scheme* and to *Saturn*, whilst *Uranus* is receiving [Page 358] stimulation. Much is therefore accentuated, and increased evolutionary development is the consequence of this divine attention.

f. Có đặc trưng là những giai đoạn hoạt động khác nhau tùy theo cuộc điểm đạo mà Thượng đế có thể đang hướng tới. Vì vậy, vào một thời kỳ, một trung tâm hay một Đấng Thiên Nhân có thể là đối tượng được Thượng đế chú ý và được kích thích chuyên biệt, còn vào một thời kỳ khác, một hệ hành tinh hoàn toàn khác có thể là đối tượng được tiếp sinh lực. Trong một thời gian, Thượng đế đã hướng sự chú ý của Ngài đến *hệ hành tinh Địa Cầu* và đến *Sao Thổ*, trong khi *Sao Thiên Vương* đang nhận được [Page 358] sự kích thích. Do đó, nhiều điều được nhấn mạnh, và sự phát triển tiến hoá gia tăng là hệ quả của sự chú ý thiêng liêng này.

When these facts are borne in mind it will be seen that the interaction, and the complexity, is of vast proportions, and man can do no more than accept the fact, and leave the explanation until his consciousness is of greater scope.

Khi ghi nhớ các sự kiện này, người ta sẽ thấy rằng sự tương tác và tính phức tạp có quy mô vô cùng lớn, và con người không thể làm gì hơn ngoài việc chấp nhận sự kiện ấy, và để phần giải thích lại cho đến khi tâm thức của y có phạm vi rộng lớn hơn.

Third, one of the mysteries revealed at initiation is that of the logoic centre which our scheme represents, and the type of electrical fire which is flowing through it. The "Seven Brothers," or the seven types of fohatic force, express Themselves through the seven centres, and the One Who is animating our scheme stands revealed at the third Initiation. It is by knowledge of the nature and quality of the electrical force of our centre, and by realisation of the place our centre holds in the body logoic, that the Hierarchy achieves the aims of evolution. It will be obvious that the Heavenly Man Who stands for the kundalini centre, for instance, will work differently, and have a different

Thứ ba, một trong những huyền nhiệm được mặc khải lúc điểm đạo là huyền nhiệm về trung tâm Thượng đế mà hệ hành tinh chúng ta đại diện, và loại lửa điện đang chảy qua nó. "Bảy Huynh Đệ," hay bảy loại mãnh lực fohat, tự biểu lộ qua bảy trung tâm, và Đấng đang phú linh cho hệ hành tinh chúng ta được mặc khải ở lần điểm đạo thứ ba. Chính nhờ tri thức về bản chất và phẩm tính của mãnh lực điện nơi trung tâm của chúng ta, và nhờ chứng nghiệm về vị trí mà trung tâm chúng ta giữ trong thân thể của Thượng đế, mà Thánh đoàn đạt được các mục tiêu của tiến hoá. Hiển nhiên là chẳng hạn, Đấng Thiên Nhân đại diện cho trung tâm kundalini sẽ hoạt động khác đi, và có mục

purpose and method, from His Brother Who stands for the heart centre in the body logoic, or to the Heavenly Man Who embodies the logoic solar plexus. From this it is apparent that:

đích cùng phương pháp khác với Huynh Đệ của Ngài là Đấng đại diện cho trung tâm tim trong thân thể của Thượng đế, hay với Đấng Thiên Nhân hiện thân cho tùng thái dương Thượng đế. Từ đó hiển nhiên rằng:

a. The type of electrical force

a. Loại mãnh lực điện

b. The vibratory action

b. Tác động rung động

c. The purpose

c. Mục đích

d. The evolutionary development

d. Sự phát triển tiến hoá

e. The dual and triangular interaction

e. Sự tương tác nhị nguyên và tam giác

of all the Heavenly Men will differ, and so will the evolutions that form the cells in Their Bodies differ likewise. Little has as yet been revealed anent the types of evolutions which are to be found in the other schemes of our system. Suffice it to say that in all the schemes, on some [Page 359] globe in the scheme, human beings or self-conscious units, are to be found. Conditions of life, environment and form may differ, but the human Hierarchy works in all schemes.

của tất cả các Đấng Thiên Nhân sẽ khác nhau, và các tiến hoá tạo thành những tế bào trong các Thân thể của Các Ngài cũng sẽ khác nhau tương ứng. Cho đến nay, rất ít điều được mặc khải về các loại tiến hoá có thể tìm thấy trong các hệ hành tinh khác của hệ mặt trời chúng ta. Chỉ cần nói rằng trong mọi hệ hành tinh, trên một [Page 359] bầu hành tinh nào đó trong hệ hành tinh, đều có thể tìm thấy những con người hay các đơn vị có ngã thức. Các điều kiện sống, môi trường và hình tướng có thể khác nhau, nhưng Huyền Giai nhân loại hoạt động trong mọi hệ hành tinh.

It must also be borne in mind that just as all seven Heavenly Men are found in the body logoic, and are Themselves under the influence of seven solar Logoi (using the word “influence” in its astrological sense), so in a planetary scheme with its seven globes each is astrologically under the influence of all the seven Heavenly Men. A scheme is but a replica of a system. Each of the Heavenly Men pours forth His radiation or influence, and stimulates in some way some other centre or globe. To word it otherwise, His

Cũng phải ghi nhớ rằng cũng như cả bảy Đấng Thiên Nhân đều hiện diện trong thân thể của Thượng đế, và chính Các Ngài chịu ảnh hưởng của bảy Thái dương Thượng đế (dùng từ “ảnh hưởng” theo nghĩa chiêm tinh học của nó), thì trong một hệ hành tinh với bảy bầu hành tinh của nó, mỗi bầu cũng chịu ảnh hưởng chiêm tinh học của cả bảy Đấng Thiên Nhân. Một hệ hành tinh chỉ là bản sao của một hệ mặt trời. Mỗi Đấng Thiên Nhân tuôn đổ bức xạ hay ảnh hưởng của Ngài, và kích thích theo một cách nào đó

magnetism is felt by His Brothers in a greater or less degree according to the work being undertaken at any one time. At present the Heavenly Men, representing centres at different stages of stimulation, being not all equally developed and being not as yet psychically unified, this magnetic interplay is little realised, and the psychic flow from one scheme to another is little utilised or comprehended. As time elapses this interplay of force will become more evident and the force will be consciously employed. When men, for instance, know

một trung tâm hay bầu hành tinh khác. Nói cách khác, từ điện của Ngài được các Huynh Đệ của Ngài cảm nhận ở mức độ nhiều hay ít tùy theo công việc đang được đảm trách vào bất kỳ lúc nào. Hiện nay, vì các Đấng Thiên Nhân đại diện cho những trung tâm ở các giai đoạn kích thích khác nhau, không phải tất cả đều phát triển ngang nhau và cũng chưa được hợp nhất về mặt thông linh, nên sự tương tác từ tính này ít được nhận biết, và dòng chảy thông linh từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác ít được sử dụng hay thấu hiểu. Khi thời gian trôi qua, sự tương tác mãnh lực này sẽ trở nên hiển nhiên hơn và mãnh lực ấy sẽ được sử dụng một cách hữu thức. Chẳng hạn, khi con người biết

The quality of the force flowing through their particular scheme;

Phẩm tính của mãnh lực chảy qua hệ hành tinh riêng của họ;

The purpose and name of the centre they stand within;

Mục đích và tên của trung tâm mà họ đứng trong đó;

The centre or Heavenly Man with Whom the Logos of their scheme is allied;

Trung tâm hay Đấng Thiên Nhân mà Thượng đế của hệ hành tinh họ liên kết với;

Which two schemes form, with their own, a triangle for logoic force at a certain stage of evolutionary development;

Hai hệ hành tinh nào cùng với hệ của họ tạo thành một tam giác cho mãnh lực Thượng đế ở một giai đoạn phát triển tiến hoá nhất định;

The secret of the cycles, or the periods of stimulation or obscuration;

Bí mật của các chu kỳ, hay các thời kỳ kích thích hoặc che khuất;

then will the body logoic begin to achieve its purpose; [Page 360] then will the Logos of our system begin to blend and merge and co-ordinate all His vehicles; then will the force flow through all the centres unimpeded; and then will the glory shine out, and each cell in every body—logoic, planetary, deva and human, blaze forth with perfected glory,

thì thân thể của Thượng đế sẽ bắt đầu đạt được mục đích của nó; [Page 360] khi ấy Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta sẽ bắt đầu dung hợp, hòa nhập và phối hợp tất cả các vận cụ của Ngài; khi ấy mãnh lực sẽ chảy qua mọi trung tâm không bị ngăn trở; và khi ấy vinh quang sẽ tỏa sáng, và mỗi tế bào trong mọi thân thể—của Thượng đế, hành tinh, thiên thần và nhân loại—sẽ bừng cháy

vibrate with adjusted accuracy, and a major cosmic initiation be taken.

với vinh quang hoàn hảo, rung động với sự chính xác đã được điều chỉnh, và một cuộc điểm đạo vũ trụ lớn sẽ được tiếp nhận.

b. The Logos of our Scheme. The Heavenly Man or planetary Logos of the Earth scheme can be considered in various ways, and as is our custom we will simply tabulate the statements anent Him which, when considered at length by the individual student, should serve to make the FACT of the essential Personality of this great Entity, the work that He is endeavouring to accomplish, and the relationship of the human Hierarchy to Him, a greater reality. We must bear in mind in studying this matter that it will not be possible to reveal for general publication details as to His specific Identity, His number and His scope of conscious development. Such mysteries, as earlier pointed out, are reserved for those who are pledged to keep silent. But some general idea may be conveyed before we take up specifically this chain and round.

b. Thượng đế của Hệ hành tinh chúng ta. Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Trái Đất có thể được xem xét theo nhiều cách, và như thường lệ, chúng ta sẽ chỉ đơn giản liệt kê thành bảng những phát biểu liên quan đến Ngài; khi được từng đạo sinh suy ngẫm kỹ lưỡng, chúng sẽ giúp làm cho SỰ KIỆN về Phàm ngã cốt yếu của Thực Thể vĩ đại này, công việc mà Ngài đang cố gắng hoàn thành, và mối liên hệ của Huyền Giai nhân loại với Ngài, trở thành một thực tại lớn hơn. Khi nghiên cứu vấn đề này, chúng ta phải ghi nhớ rằng sẽ không thể tiết lộ để công bố rộng rãi những chi tiết về Bản Sắc đặc thù của Ngài, con số của Ngài và phạm vi phát triển hữu thức của Ngài. Những huyền nhiệm như thế, như đã chỉ ra trước đây, được dành cho những ai đã thệ nguyện giữ im lặng. Nhưng một vài ý niệm tổng quát có thể được truyền đạt trước khi chúng ta chuyên biệt bàn đến dãy này và cuộc tuần hoàn này.

It might be asked wherein all this information is of use, and what purpose it serves in this hour of the world's need. Apart from the fact that the cyclic giving out of the truth works under the law, and may not be gain-said, it is suggested for consideration that much advantage will be felt when men in large numbers conceive of the purpose of specific manifestations, when they realise that all forms are but the modes of expression of certain Entities or Beings, Who occupy them for cycles of definite duration in order to attain a purpose, and that each life—great or small—serves its own ends, yet subserves the greater ends of the Being in Whose body it is a corporate part. The details of the plan may not be

Người ta có thể hỏi thông tin này hữu ích ở điểm nào, và nó phục vụ mục đích gì trong giờ phút thế giới đang cần đến như hiện nay. Ngoài sự kiện rằng việc tuần hoàn tiết lộ chân lý vận hành theo định luật và không thể bị phủ nhận, xin gợi ý để suy xét rằng sẽ có nhiều lợi ích khi số đông con người hình dung được mục đích của những biểu hiện đặc thù, khi họ nhận ra rằng mọi hình tướng chỉ là những phương thức biểu lộ của những Thực Thể hay Đấng nhất định, các Đấng chiếm ngụ chúng trong những chu kỳ có thời lượng xác định để đạt tới một mục đích, và rằng mỗi sự sống—lớn hay nhỏ—đều phục vụ các cứu cánh riêng của nó, nhưng đồng thời phụng sự các cứu cánh lớn hơn của Đấng mà trong thân thể của Ngài nó là

given. [Page 361] The general outline—solar, planetary, and hierarchical—may be suggested, and by the very suggestion, bring order into the thoughts of men as they view the apparent chaos of the moment. Let us not forget, that when order is brought about, and united thought produced on the mental plane, then order transpires eventually on the physical plane.

một phần hợp thành. Những chi tiết của Thiên Cơ không thể được tiết lộ. [Page 361] Có thể gợi ra đại cương tổng quát—về mặt thái dương, hành tinh và huyền giai—và chính nhờ sự gợi ra ấy mà đem lại trật tự vào tư tưởng của con người khi họ nhìn vào sự hỗn loạn bề ngoài của hiện thời. Chúng ta đừng quên rằng khi trật tự được thiết lập, và tư tưởng hợp nhất được tạo ra trên cõi trí, thì cuối cùng trật tự cũng sẽ xuất hiện trên cõi hồng trần.

The planetary Logos of this scheme is one of the four minor Logoi, or Lords of the Rays, and is specially concerned therefore with the development of one attribute of manas. Each of the four minor Rays is, as we know, eventually synthesised, or absorbed into that Ray which is represented on our earth by the Mahachohan. He is the Lord of the third major Ray or Aspect, and synthesises the four. *These four Rays with their synthesising Ray make the five rays of Manas or Mind.* We can consider them as:

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này là một trong bốn Thượng đế nhỏ, hay các Chúa Tể của các Cung, và do đó đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của một thuộc tính của manas. Mỗi một trong bốn Cung nhỏ, như chúng ta biết, rốt cuộc đều được tổng hợp, hay hấp thu vào Cung mà Đức Mahachohan đại diện trên Trái Đất chúng ta. Ngài là Chúa Tể của Cung lớn thứ ba hay Phương diện thứ ba, và tổng hợp cả bốn. *Bốn Cung này cùng với Cung tổng hợp của chúng tạo thành năm cung của Manas hay Trí Tuệ.* Chúng ta có thể xem chúng như:

a. The fivefold Brahma Aspect.

a. Phương diện Brahma ngũ phân.

b. They were the five Rays of prime importance in the first solar system, and were the five individualised Heavenly Men, called the Mind-born Sons of Brahma. Through the individualisation of the four in that system the individualisation of the great cosmic Entity we call Brahma was brought about. He individualised and the four go to the content of His body.

b. Chúng là năm Cung có tầm quan trọng hàng đầu trong hệ mặt trời thứ nhất, và là năm Đấng Thiên Nhân biệt ngã hóa được gọi là các Con do Trí Tuệ sinh ra của Brahma. Qua sự biệt ngã hóa của bốn vị trong hệ mặt trời ấy, sự biệt ngã hóa của Thực Thể vũ trụ vĩ đại mà chúng ta gọi là Brahma đã được thực hiện. Ngài đã biệt ngã hóa và bốn vị ấy cấu thành nội dung của thân thể Ngài.

c. They are represented on our earth by the five Kumaras Who obeyed the Law, and took human form, as H. P. B. *(S.D., I, 493)* hints in several passages in the Secret Doctrine.

c. Năm Kumara đại diện cho chúng trên Trái Đất chúng ta, những Đấng đã tuân theo Định luật và mang lấy hình tướng con người, như H. P. B. *(S.D., I, 493)* gợi ý trong vài đoạn của Giáo Lý Bí Nhiệm.

This scheme is considered as the fourth and the one of the most importance in the system during this particular cycle for the following reasons:

Hệ hành tinh này được xem là hệ thứ tư và là hệ quan trọng nhất trong hệ mặt trời trong chu kỳ đặc biệt này vì những lý do sau:

Our *solar system*, being considered as of the fourth [Page 362] order, and *our scheme* being the fourth in order, there is consequently a moment of special opportunity afforded our planetary Logos through the alignment brought about. It eventuates in the turning of the attention of the logoic kundalini fire towards this centre, our scheme, and the subsequent results are in process of working out.

Hệ mặt trời *của chúng ta*, được xem là thuộc bậc thứ tư [Page 362] và *hệ hành tinh của chúng ta* là hệ thứ tư theo thứ tự, nên do đó có một thời điểm cơ hội đặc biệt được dành cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhờ sự chỉnh hợp được tạo ra. Điều này dẫn đến việc lửa kundalini Thượng đế hướng sự chú ý của nó về trung tâm này, tức hệ hành tinh của chúng ta, và các kết quả tiếp theo hiện đang trong tiến trình biểu lộ.

Within the scheme *the chain* that concerns us the most, and which is temporarily of the most vital importance to the planetary Logos, is the Earth chain, the fourth in order again, thus bringing about another alignment of very grave moment. This carries with it special opportunity, and permits of the entry of force from the cosmos itself, or of extra-systemic electrical vitality. This super-stimulation results in what looks to us like cataclysms, and a stupendous shattering of forms, but it is simply the necessary sequence to the vitalisation of the life within the form, and the breaking of the limiting form unable to bear the cosmic action.

Trong hệ hành tinh, *dãy* liên quan đến chúng ta nhiều nhất, và tạm thời có tầm quan trọng sinh tử nhất đối với Hành Tinh Thượng Đế, là Dãy Địa Cầu, lại là dãy thứ tư theo thứ tự, do đó tạo ra một sự chỉnh hợp khác có ý nghĩa vô cùng trọng đại. Điều này mang theo cơ hội đặc biệt, và cho phép mãnh lực từ chính vũ trụ đi vào, hay sinh lực điện ngoài hệ mặt trời. Sự siêu kích thích này dẫn đến điều đối với chúng ta trông như những đại biến động, và một sự phá vỡ hình tướng khủng khiếp, nhưng đó chỉ là hệ quả tất yếu của việc tiếp sinh lực cho sự sống bên trong hình tướng, và sự phá vỡ hình tướng giới hạn không thể chịu nổi tác động vũ trụ.

Again within the chain, *the globe* at present receiving planetary polarisation, or at present embodying in a special sense the life of the planetary Logos is the Earth, the fourth in order. This brings about a still further alignment.

Lại nữa, trong dãy, *bầu hành tinh* hiện đang nhận sự phân cực hành tinh, hay hiện đang hiện thân theo một ý nghĩa đặc biệt cho sự sống của Hành Tinh Thượng Đế, là Trái Đất, bầu thứ tư theo thứ tự. Điều này tạo ra một sự chỉnh hợp sâu hơn nữa.

Add to the above facts the accepted knowledge that this is the *fourth round* and we have a fivefold alignment which is of

Thêm vào các sự kiện trên tri thức đã được chấp nhận rằng đây là *cuộc tuần hoàn thứ tư* và chúng ta có một sự chỉnh hợp ngũ phân

paramount significance to us all, though it had even greater significance and force in the fourth root-race, and brought about that stupendous psychic event—the opening of the door of Initiation to the human Hierarchy.

có ý nghĩa tối thượng đối với tất cả chúng ta, mặc dù nó còn có ý nghĩa và mãnh lực lớn hơn nữa trong giống dân gốc thứ tư, và đã đưa đến biến cố thông linh phi thường ấy—sự mở cánh cửa Điểm đạo cho Huyền Giai nhân loại.

These very important facts merit close attention, and the consideration of all occult students. They hold the key whereby some comprehension of manas and of planetary evolution may come about. What have we, therefore, in this special cyclic alignment? [Page 363]

Những sự kiện rất quan trọng này đáng được chú ý kỹ lưỡng và được mọi đạo sinh huyền bí học suy xét. Chúng nắm giữ chiếc chìa khóa nhờ đó có thể đạt được một phần thấu hiểu về manas và về tiến hoá hành tinh. Vậy thì, trong sự chỉnh hợp chu kỳ đặc biệt này, chúng ta có gì? [Page 363]

1. A solar system of the fourth order.

1. Một hệ mặt trời thuộc bậc thứ tư.

2. The fourth scheme in the system.

2. Hệ hành tinh thứ tư trong hệ mặt trời.

3. The fourth chain in the scheme.

3. Dãy thứ tư trong hệ hành tinh.

4. The fourth globe in the chain.

4. Bầu hành tinh thứ tư trong dãy.

5. The fourth round. (134)

5. Cuộc tuần hoàn thứ tư. (134)

(134) Compare also the following correspondences:

(134) Cũng hãy đối chiếu các tương ứng sau đây:

The sacred Tetraktys..... The manifested Logos.

Tetraktys thiêng liêng..... Thượng đế biểu hiện.

The Fourth Creative Hierarchy..... The Human.

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư..... Con người.

The Fourth Principle..... Lower Mind.

Nguyên khí thứ tư..... Hạ trí.

The Fourth Race..... Kamamanas.

Giống dân thứ tư..... Kamamanas.

The Fourth Element.....Water, S. D., I, 95. I, 640.

Nguyên tố thứ tư.....Nước, S. D., I, 95. I, 640.

The Four Truths.....S. D., I, 70.

Bốn Chân Lý.....S. D., I, 70.

The Four Propositions.....S. D., I, 107.

Bốn Mệnh đề.....S. D., I, 107.

The Four Initiations.....S. D., I, 227.

Bốn lần điểm đạo.....S. D., I, 227.

The Fourth Plane.....Buddhi, fourth cosmic ether.

Cõi thứ tư.....Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư.

The Fourth physical sub-plane..... The Fourth Ether.

Cõi phụ hồng trần thứ tư..... Dĩ thái thứ tư.

The Fourth Round.....The Present. (back)

Cuộc tuần hoàn thứ tư.....Hiện tại. (back)

All these are found active within the same cycle, and all therefore bring about a simultaneous alignment which results in the clearing of a channel direct from the heart of our scheme through every ring-pass-not to the cosmic correspondence, found outside the solar sphere.

Tất cả những điều này đều được thấy là hoạt động trong cùng một chu kỳ, và do đó tất cả cùng tạo ra một sự chỉnh hợp đồng thời, kết quả là khai thông một kênh trực tiếp từ trái tim của hệ hành tinh chúng ta xuyên qua mọi vòng-giới-hạn đến tương ứng vũ trụ, được tìm thấy bên ngoài khối cầu thái dương.

To the above realisation, we must add yet the further fact that the fourth Creative Hierarchy is the one whose evolution we are considering, and it will be apparent to the most superficial student that in these thoughts lies hidden the clue, not only to man but to the entire cyclic evolution in which he is taking part.

Bên cạnh sự nhận thức trên, chúng ta còn phải thêm một sự kiện nữa là Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là Huyền Giai mà chúng ta đang xem xét sự tiến hoá của nó, và ngay cả đạo sinh hời hợt nhất cũng sẽ thấy rõ rằng trong những tư tưởng này ẩn giấu đầu mối không chỉ về con người mà còn về toàn bộ tiến hoá chu kỳ mà y đang tham dự.

The fourth Creative Hierarchy is essentially the Hierarchy of manas. This is no play on words, but a statement of deep occult significance. The statement has been made with entire accuracy that five Hierarchies out of the twelve have passed out and that seven remain. Of these seven, our human Hierarchy is the fourth, making it literally the ninth when counting the entire twelve.

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư về bản chất là Huyền Giai của manas. Đây không phải là một lối chơi chữ, mà là một phát biểu có ý nghĩa huyền bí sâu xa. Phát biểu rằng năm Huyền Giai trong số mười hai đã đi qua và bảy Huyền Giai còn lại đã được nêu ra với sự chính xác hoàn toàn. Trong bảy Huyền Giai ấy, Huyền Giai nhân loại của chúng ta là Huyền Giai thứ tư, khiến nó theo nghĩa đen

In this connection it would be well to link up the statements that have been made to the effect that the five Kumaras or Heavenly Men Who definitely embody the manasic principle (or the five Rays over which the systemic correspondence to the Mahachohan presides) developed [Page 364] manas in an earlier system; They passed out of the wave of manasic influence *as far as their own Nature is concerned.*

là thứ chín khi tính toàn bộ mười hai. Trong mối liên hệ này, nên liên kết các phát biểu đã được nêu rằng năm Kumara hay Đấng Thiên Nhân, những Đấng hiện thân một cách xác định cho nguyên khí manas (hay năm Cung mà Đấng tương ứng với Đức Mahachohan trong hệ mặt trời chủ trì) đã phát triển [Page 364] manas trong một hệ mặt trời trước đó; Các Ngài đã vượt ra khỏi làn sóng ảnh hưởng manas *xét theo bản chất riêng của Các Ngài.*

We must remember also that nine is the number of Initiation, or of the major Initiations of Manas, wherein man becomes a perfect Nine, or literally is the number of his Hierarchy. This is from the standpoint of the three systems, though his present systemic number may be four.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng chín là con số của Điểm đạo, hay của các cuộc điểm đạo lớn của Manas, trong đó con người trở thành một Chín hoàn hảo, hay theo nghĩa đen là con số của Huyền Giai của y. Điều này xét từ quan điểm của ba hệ mặt trời, mặc dù con số hiện tại của y trong hệ mặt trời có thể là bốn.

In occupying ourselves with these various statements anent our scheme and its Ruler we have seen that this particular cycle, or incarnation of His, is one of great importance, not only to Himself but to the entire system. The planetary Logos of this scheme is primarily occupied with a particular group of units, or with those Monads who vibrate to His key, are colored by the same colour as Himself, answer to the same number, and are esoterically known by the same Name. One point here needs emphasis: all Monads pass at different times under the influence of the different planetary Logoi, and all are found at some time in each scheme. This does not mean that every human unit passes a period of incarnation in each scheme. It means that on some one globe in every scheme, human units will be found either prior to physical incarnation, between different egoic cycles (a totally different thing to periods between physical lives), between different rounds or manvantaras, or between the various root-races and subraces. As stated in various

Khi khảo sát những phát biểu khác nhau này liên quan đến hệ hành tinh của chúng ta và Đấng Cai Quản của nó, chúng ta đã thấy rằng chu kỳ đặc biệt này, hay lần lâm phàm này của Ngài, là một chu kỳ có tầm quan trọng lớn lao, không chỉ đối với chính Ngài mà còn đối với toàn bộ hệ mặt trời. Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này trước hết bận tâm đến một nhóm đơn vị đặc thù, hay với những chân thần rung động theo chủ âm của Ngài, được nhuốm cùng màu với chính Ngài, đáp ứng cùng một con số, và một cách huyền bí được biết đến bằng cùng một Danh. Có một điểm ở đây cần được nhấn mạnh: mọi chân thần đều đi qua dưới ảnh hưởng của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau vào những thời điểm khác nhau, và tất cả đều được tìm thấy vào một lúc nào đó trong mỗi hệ hành tinh. Điều này không có nghĩa là mọi đơn vị nhân loại đều trải qua một thời kỳ lâm phàm trong mỗi hệ hành tinh. Nó có nghĩa là trên một bầu hành tinh nào đó trong mọi hệ hành tinh, các đơn vị nhân loại sẽ được tìm thấy hoặc trước khi lâm phàm hồng trần, hoặc giữa các chu kỳ chân ngã

occult books, many of the present advanced humanity individualised on the moon chain, and only took physical bodies in the earth chain during the fourth root-race, thus escaping incarnation during the first three rounds, and the first two races of the fourth round. In the interim, they came under the planetary influence of another Logos of a scheme, and were occupied during that immense period of time in fanning the manasic flame, and developing [Page 365] the attributes of manas, so that the Atlantean root-race found them adequately equipped to cope with life conditions.

khác nhau (một điều hoàn toàn khác với các giai đoạn giữa những kiếp sống hồng trần), hoặc giữa các cuộc tuần hoàn hay các giai kỳ sinh hóa khác nhau, hoặc giữa các giống dân gốc và giống dân phụ khác nhau. Như đã nêu trong nhiều sách huyền bí học, nhiều người trong nhân loại tiến bộ hiện nay đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, và chỉ mang thể xác trong Dãy Địa Cầu vào giống dân gốc thứ tư, nhờ đó tránh được sự lâm phàm trong ba cuộc tuần hoàn đầu và hai giống dân đầu của cuộc tuần hoàn thứ tư. Trong khoảng trung gian ấy, họ chịu ảnh hưởng hành tinh của một Thượng đế khác của một hệ hành tinh, và đã dành trọn thời kỳ mênh mông đó để quạt bùng ngọn lửa manas, và phát triển [Page 365] các thuộc tính của manas, để rồi giống dân gốc Atlantis thấy họ được trang bị đầy đủ để đối phó với các điều kiện sống.

This participation in the life and influence of the different schemes is effected in four different ways:

Sự tham dự này vào sự sống và ảnh hưởng của các hệ hành tinh khác nhau được thực hiện theo bốn cách khác nhau:

First, through passing the interim between egoic cycles of physical incarnation on the particular globe of their scheme, which numerically coincides with the particular other scheme whose influence is desired, either from deliberate choice or karmically necessitated. Each globe in a chain is occultly linked with the chain of its own number, and with the scheme of a similar number. For instance: Globe 2, Chain 2, and scheme 2 during round 2 are specially linked and vitalised, and are the focal point of peculiar attention on the part of the Logos of that scheme. Similarly (again in illustration) globe 2, chain 2 during round 2 in *any scheme* such as the fifth, for instance, are aligned or connected esoterically with the second scheme. This gives opportunity for the units in the body of any Logos to come

Thứ nhất, bằng cách trải qua khoảng trung gian giữa các chu kỳ chân ngã của sự lâm phàm hồng trần trên bầu hành tinh đặc thù của hệ hành tinh họ, bầu này trùng hợp về số học với hệ hành tinh đặc thù khác mà ảnh hưởng của nó được mong muốn, hoặc do lựa chọn có chủ ý hoặc do nghiệp quả bắt buộc. Mỗi bầu hành tinh trong một dãy được nối kết huyền bí với dãy cùng số của nó, và với hệ hành tinh có cùng số. Chẳng hạn: Bầu 2, Dãy 2, và hệ hành tinh 2 trong cuộc tuần hoàn 2 được nối kết và tiếp sinh lực một cách đặc biệt, và là tiêu điểm của sự chú ý đặc thù từ phía Thượng đế của hệ hành tinh ấy. Tương tự như vậy (lại lấy ví dụ), bầu 2, dãy 2 trong cuộc tuần hoàn 2 *ở bất kỳ hệ hành tinh nào* chẳng hạn như hệ thứ năm, đều được chỉnh hợp hay nối kết một cách huyền bí với hệ hành tinh thứ hai. Điều này tạo cơ hội cho các đơn vị trong thân thể của bất kỳ Thượng

under the influence of another Logos, and within his vibratory radiation.

đế nào đi vào dưới ảnh hưởng của một Thượng đế khác, và trong bức xạ rung động của Ngài.

Second, through a direct transference of the units in incarnation in any scheme (during an interlude) to some globe in another scheme where they are subjected to the stimulation and vibration peculiar to that scheme. These two methods are the most usual. This transference will seem mysteriously impossible unless the student is careful to realise that it is the transference of the individualised *lives and not the transference of the forms which they occupy.* The whole matter is psychic, and based on the unity of the anima mundi. It is only possible at those periods when two Heavenly Men are mutually finding each other—under the Law of Attraction—and thus swinging into the magnetic radius of each other.

Thứ hai, bằng một sự chuyển dịch trực tiếp các đơn vị đang lâm phàm trong bất kỳ hệ hành tinh nào (trong một quãng xen kẽ) sang một bầu hành tinh nào đó trong một hệ hành tinh khác, nơi họ chịu sự kích thích và rung động đặc thù của hệ hành tinh ấy. Hai phương pháp này là thông thường nhất. Sự chuyển dịch này sẽ có vẻ bí ẩn đến mức bất khả trừ phi đạo sinh cẩn thận nhận ra rằng đó là sự chuyển dịch của các sự sống *đã biệt ngã hóa chứ không phải sự chuyển dịch của các hình tướng mà chúng chiếm ngụ.* Toàn bộ vấn đề này là thông linh, và dựa trên sự hợp nhất của anima mundi. Nó chỉ có thể xảy ra vào những thời kỳ khi hai Đấng Thiên Nhân đang cùng tìm thấy nhau—dưới Định luật Hấp Dẫn—và do đó cùng đi vào bán kính từ tính của nhau.

Third, through a conscious passage of the initiate, [Page 366] through initiation, from one scheme to another. This is frequently done, and hints of it have been given by different writers and thinkers, though several have confused the globes of their own chain with the scheme of the same number, or have mistaken another chain within the scheme for another scheme.

Thứ ba, bằng sự chuyển qua có ý thức của điểm đạo đồ, [Page 366] qua điểm đạo, từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác. Điều này thường xuyên được thực hiện, và những gợi ý về nó đã được nhiều tác giả và tư tưởng gia đưa ra, dù một số người đã nhầm lẫn các bầu hành tinh của dãy riêng họ với hệ hành tinh cùng số, hoặc đã lầm một dãy khác trong hệ hành tinh là một hệ hành tinh khác.

Fourth, the fourth method of transference of consciousness, and the bringing of the life units under the focal power of a Lord of a Ray, can be brought about through knowledge of certain mantrams and formulae. On this we may not enlarge as these mantrams are esoteric and the use of them is fraught with much danger to the uninitiated.

Thứ tư, phương pháp thứ tư của sự chuyển dịch tâm thức, và việc đưa các đơn vị sự sống vào dưới quyền năng tiêu điểm của một Chúa Tể Cung, có thể được thực hiện nhờ tri thức về một số mantram và công thức nhất định. Về điều này, chúng ta không thể nói rộng hơn vì các mantram ấy là nội môn và việc sử dụng chúng đầy dẫy hiểm nguy cho người chưa được điểm đạo.

The planetary Logos of this scheme is called "the First Kumara," the One Initiator, and the statement is made that He came to this planet from Venus, Venus being "the Earth's primary." This needs elucidation somewhat, though it may not be permitted to do more than convey a few hints as to the truth. The fact is one of the most mysterious in the development of our scheme, and in it lies hidden the secret of this world cycle. It is not easy to convey the truth and words but seem to veil and cloak.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này được gọi là "Kumara Thứ Nhất," Đấng Điểm đạo Duy Nhất, và có lời phát biểu rằng Ngài đã đến hành tinh này từ Sao Kim, Sao Kim là "hành tinh gốc của Trái Đất." Điều này cần được làm sáng tỏ phần nào, dù có lẽ không được phép làm hơn ngoài việc truyền đạt vài gợi ý về chân lý. Sự kiện này là một trong những điều huyền bí nhất trong sự phát triển của hệ hành tinh chúng ta, và trong đó ẩn giấu bí mật của chu kỳ thế giới này. Không dễ truyền đạt chân lý, và lời nói dường như chỉ che phủ và bao bọc nó.

Perhaps a hint may be given in pointing out that there is an analogy between the coming in of the Ego in full sway and its taking hold at certain periods in the life of a human being. At seven years we are told the Ego "takes hold," and again at adolescence; at twenty-one that hold may be made still firmer. Again, as lives are passed, the Ego (in connection with a human being) grips its vehicles and so sways them to his purpose with more effect and fullness. The same procedure can be seen in relation to a Heavenly Man and His body of manifestation, a scheme. It must be remembered that every scheme has seven chains; that each chain has seven globes, making a totality of forty-nine globes; [Page 367] that each globe is again in turn occupied by the life of the Logos during what we call seven rounds, making literally three hundred and forty-three incarnations, or fresh impulses to manifest. We must add to these major manifestations such lesser ones as those named by us root-races, and subraces, also branch races, and thus we are faced with a complexity that is enough to stagger the average student. The planetary wheel of life turns on its lesser scale the wheel of life of the little pilgrim we call man; as it turns, it sweeps the life of the evolving

Có lẽ có thể đưa ra một gợi ý bằng cách chỉ ra rằng có một sự tương đồng giữa việc chân ngã đi vào trong quyền năng trọn vẹn và việc nó nắm quyền vào những thời kỳ nhất định trong đời sống của một con người. Người ta nói rằng vào bảy tuổi chân ngã "nắm quyền," và lại một lần nữa vào tuổi dậy thì; đến hai mươi mốt tuổi, sự nắm quyền ấy có thể còn được làm cho vững chắc hơn. Lại nữa, khi các kiếp sống trôi qua, chân ngã (liên hệ với một con người) nắm lấy các vận cụ của nó và do đó chi phối chúng theo mục đích của y một cách hữu hiệu và đầy đủ hơn. Cùng một tiến trình như vậy có thể được thấy trong mối liên hệ với một Đấng Thiên Nhân và thân thể biểu hiện của Ngài, tức một hệ hành tinh. Phải nhớ rằng mỗi hệ hành tinh có bảy dãy; mỗi dãy có bảy bầu hành tinh, tạo thành tổng số bốn mươi chín bầu hành tinh; [Page 367] rằng mỗi bầu hành tinh lại lần lượt được sự sống của Thượng đế chiếm ngụ trong điều mà chúng ta gọi là bảy cuộc tuần hoàn, theo nghĩa đen tạo thành ba trăm bốn mươi ba lần lâm phàm, hay những xung lực mới để biểu hiện. Chúng ta còn phải thêm vào những biểu hiện lớn này những biểu hiện nhỏ hơn như những gì chúng ta gọi là giống dân gốc, giống dân phụ, và cả các giống dân nhánh, và như vậy chúng ta đối diện với một sự phức tạp đủ làm cho đạo

planetary Logos into ever new forms and experiences until the fire of Spirit burns up all lesser fires.

sinh trung bình choáng váng. Bánh xe sự sống hành tinh quay, ở quy mô nhỏ hơn của nó, bánh xe sự sống của người hành hương nhỏ bé mà chúng ta gọi là con người; khi nó quay, nó cuốn sự sống của Hành Tinh Thượng Đế đang tiến hoá vào những hình tướng và kinh nghiệm luôn mới cho đến khi lửa của tinh thần thiêu rụi mọi lửa nhỏ hơn.

As earlier pointed out, each Heavenly Man is linked with one of His Brothers under the Law of Mutual Attraction, which manifests so degradingly as yet upon the physical plane, through the life of the human unit, imprisoned in physical form. *Psychically* the link is of a different nature, and such a link is found between the planetary Logos of the scheme we call Venus, and the Logos of our scheme. This psychic interaction has its cyclic ebb and flow, as ebbs and flows all life force. In Lemurian days came a period of close interaction which brought about an incarnation on the physical planet of the Logos of our scheme, the Head of the Hierarchy, and the One Initiator. This could not have been effected had not the planetary Logos of the Venus scheme been in a position to link up closely with ours.

Như đã chỉ ra trước đây, mỗi Đấng Thiên Nhân được nối kết với một Huynh Đệ của Ngài dưới Định luật Hấp Dẫn Tương Hỗ, định luật hiện đang biểu lộ một cách hạ thấp trên cõi hồng trần qua đời sống của đơn vị nhân loại bị giam hãm trong hình tướng hồng trần. *Về mặt thông linh*, sự nối kết ấy có bản chất khác, và một sự nối kết như vậy được tìm thấy giữa Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh mà chúng ta gọi là Sao Kim, và Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta. Sự tương tác thông linh này có thủy triều lên xuống theo chu kỳ, cũng như mọi mãnh lực sự sống đều lên xuống như vậy. Vào thời Lemuria đã đến một thời kỳ tương tác mật thiết, đưa đến một lần lâm phàm trên hành tinh hồng trần của Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta, Đấng đứng đầu Thánh đoàn, và Đấng Điểm đạo Duy Nhất. Điều này không thể được thực hiện nếu Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Sao Kim không ở trong vị thế có thể nối kết chặt chẽ với Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta.

c. Venus and the Earth Chain. This question of the coming of the Lords of Flame to the planet Earth is deeply involved (as stated above) in the relationship existing between the Heavenly Man of the Earth scheme and the Lord of the Venus scheme. Until more detailed information is permitted publication anent these two great Entities, little more can be done beyond indicating some probabilities, and pointing out certain factors which students should carefully bear

c. Sao Kim và Dãy Địa Cầu. Vấn đề về sự giáng lâm của các Chúa Tể của Lửa đến hành tinh Trái Đất có liên hệ sâu xa (như đã nêu ở trên) với mối quan hệ hiện tồn giữa Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh Trái Đất và Chúa Tể của hệ hành tinh Sao Kim. Cho đến khi được phép công bố thông tin chi tiết hơn liên quan đến hai Thực Thể vĩ đại này, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra một vài khả năng, và nêu lên một số yếu tố mà đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ. Phát biểu

in mind. The statement [Page 368] has been made that (owing to the Venusian scheme being in its fifth round) its humanity is consequently further advanced than ours, and can help us, and that this help came in Lemurian days. This is an instance of a partial truth and its misinterpretation. The Venusian scheme is—as stated in the *Secret Doctrine (I, 187. II, 33-36,626)*—in its fifth and last round; its humanity is very far ahead of ours in certain particulars, but the momentous occurrence in the third root-race was due to the following causes, and not to the factor of the greater advancement of a certain group of human beings:

[Page 368] đã được nêu rằng (do hệ hành tinh Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm) nhân loại của nó vì thế tiến bộ hơn chúng ta, và có thể giúp chúng ta, và rằng sự trợ giúp này đã đến vào thời Lemuria. Đây là một ví dụ về chân lý bộ phận và sự diễn giải sai của nó. Hệ hành tinh Sao Kim—như đã nêu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm (I, 187. II, 33-36,626)*—đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm và cuối cùng; nhân loại của nó vượt xa chúng ta trong một số phương diện nhất định, nhưng biến cố trọng đại trong giống dân gốc thứ ba là do các nguyên nhân sau đây, chứ không phải do yếu tố tiến bộ hơn của một nhóm người nào đó:

First, the Venus Scheme, viewed as a logoic centre, is more active than ours, and therefore its radiatory magnetism is far more widely spread. Its radiation is such that on the buddhic plane it swept within its magnetic radius that chain in our scheme which is composed predominantly of buddhic matter. Then, via that chain, it magnetised the corresponding globe in our chain, and this resulted in a specific vitalisation in the dense planet itself.

Thứ nhất, hệ hành tinh Sao Kim, khi được nhìn như một trung tâm của Thượng đế, hoạt động mạnh hơn hệ của chúng ta, và do đó từ điện bức xạ của nó lan tỏa rộng hơn nhiều. Bức xạ của nó có tính chất đến mức trên cõi Bồ đề, nó đã quét vào trong bán kính từ tính của nó dãy trong hệ hành tinh chúng ta vốn được cấu thành chủ yếu bằng vật chất Bồ đề. Rồi, thông qua dãy ấy, nó từ hóa bầu hành tinh tương ứng trong dãy của chúng ta, và điều này dẫn đến một sự tiếp sinh lực đặc thù trong chính hành tinh đậm đặc ấy.

Second, just as in the case of man, certain triangles of force are found at different stages of evolution, or (to word it otherwise) different centres become geometrically linked, such as the

Thứ hai, cũng như trong trường hợp của con người, những tam giác mãnh lực nhất định được tìm thấy ở các giai đoạn tiến hoá khác nhau, hay (nói cách khác) những trung tâm khác nhau trở nên nối kết về mặt hình học, chẳng hạn như

a. Base of the spine,

a. Đáy cột sống,

b. Solar plexus,

b. Tùng thái dương,

c. Heart;

c. Tim;

or again,

hoặc lại nữa,

a. Solar Plexus,

b. Heart

c. Throat

so, in the case of a Heavenly Man, or of a solar Logos, a similar event occurs. Such an event transpires in this round in relation to the centre which our planetary Logos [Page 369] embodies. It became geometrically linked with two other centres, of which Venus was one, and logoic Kundalini—circulating with tremendous force through this adjusted Triangle—brought about that intensification of vibration in the human family which resulted in individualisation. We might here enumerate the schemes as a basis for our further work:

The seven planets, centres, or schemes:

1. Vulcan (the sun, exoterically considered).

2. Venus.

3. Mars.

4. Earth.

5. Mercury.

6. Jupiter.

7. Saturn.

The three synthesising planets:

a. Tùng thái dương,

b. Tim

c. Cổ họng

thì trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân, hay của một Thái dương Thượng đế, một biến cố tương tự cũng xảy ra. Một biến cố như vậy đang diễn ra trong cuộc tuần hoàn này liên hệ với trung tâm mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta [Page 369] hiện thân. Nó đã trở nên nối kết về mặt hình học với hai trung tâm khác, trong đó Sao Kim là một, và kundalini của Thượng đế—lưu chuyển với mãnh lực ghê gớm qua Tam giác đã được điều chỉnh này—đã đưa đến sự tăng cường rung động trong gia đình nhân loại, kết quả là sự biệt ngã hóa. Ở đây, chúng ta có thể liệt kê các hệ hành tinh như một cơ sở cho công việc tiếp theo của mình:

Bảy hành tinh, các trung tâm, hay các hệ hành tinh:

1. Vulcan (mặt trời, xét theo ngoại môn).

2. Sao Kim.

3. Sao Hỏa.

4. Trái Đất.

5. Sao Thủy.

6. Sao Mộc.

7. Sao Thổ.

Ba hành tinh tổng hợp:

1. Uranus.

2. Neptune.

3. Saturn.

The One Resolver.

The SUN.

I would caution you here against attaching any importance to the sequence followed in numbering these seven schemes, either in connection with their order of development or importance, or their position in relation to the central planet, the sun, or to each other. Only two are to be considered numerically accurate *at this stage and in this round,* i.e., our Earth, the fourth scheme, and Venus, the second. Venus is either the second or the sixth scheme, according to whether the schemes are counted mystically or occultly. Inversely, Jupiter will be either the second or the sixth, and it must be remembered that: [Page 370]

a. The planets Venus and Jupiter are exceedingly closely connected with the Earth, and form eventually an esoteric triangle.

b. Saturn is the synthesising scheme for the four planets which embody manas purely and simply, or is the major resolution of the minor four, and eventually for all the seven.

1. Sao Thiên Vương.

2. Sao Hải Vương.

3. Sao Thổ.

Đấng Hóa Giải Duy Nhất.

MẶT TRỜI.

Ở đây, tôi muốn cảnh báo bạn đừng gán bất kỳ tầm quan trọng nào cho trình tự được dùng để đánh số bảy hệ hành tinh này, dù là liên hệ đến thứ tự phát triển hay tầm quan trọng của chúng, hay vị trí của chúng đối với hành tinh trung tâm là mặt trời, hoặc đối với nhau. Chỉ có hai hệ được xem là chính xác về mặt số học *ở giai đoạn này và trong cuộc tuần hoàn này,* tức Trái Đất của chúng ta, hệ hành tinh thứ tư, và Sao Kim, hệ thứ hai. Sao Kim hoặc là hệ thứ hai hoặc là hệ thứ sáu, tùy theo các hệ hành tinh được đếm theo cách thần bí hay huyền bí. Theo chiều ngược lại, Sao Mộc sẽ hoặc là hệ thứ hai hoặc là hệ thứ sáu, và phải nhớ rằng: [Page 370]

a. Các hành tinh Sao Kim và Sao Mộc có liên hệ cực kỳ mật thiết với Trái Đất, và cuối cùng tạo thành một tam giác nội môn.

b. Sao Thổ là hệ hành tinh tổng hợp cho bốn hành tinh hiện thân cho manas một cách thuần túy và đơn giản, hay là sự hóa giải lớn của bốn hành tinh nhỏ, và cuối cùng là của cả bảy.

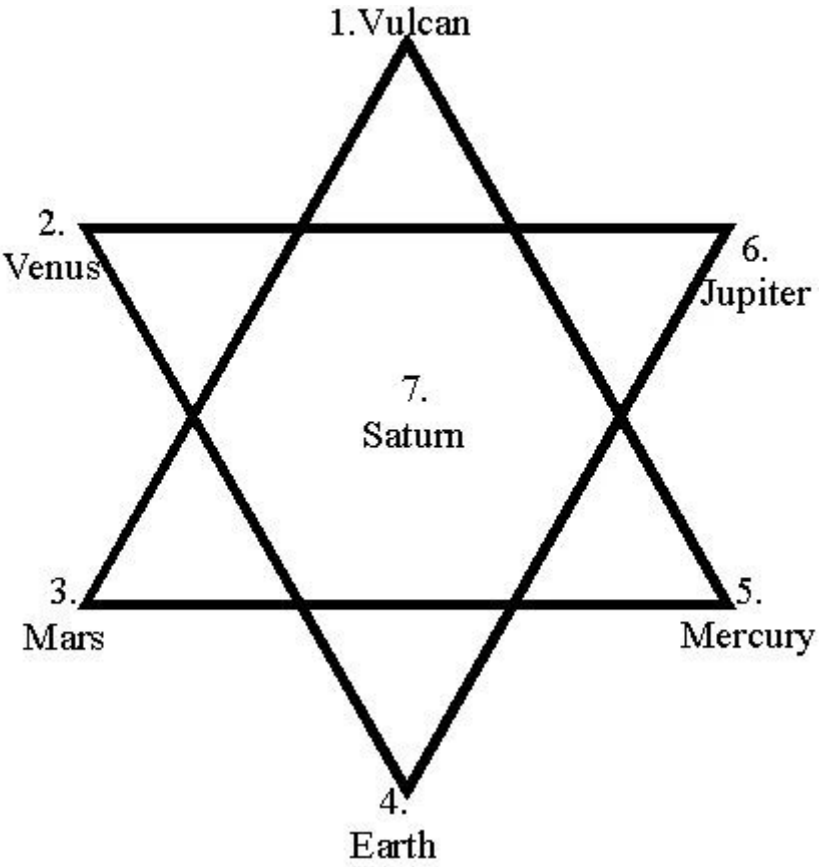

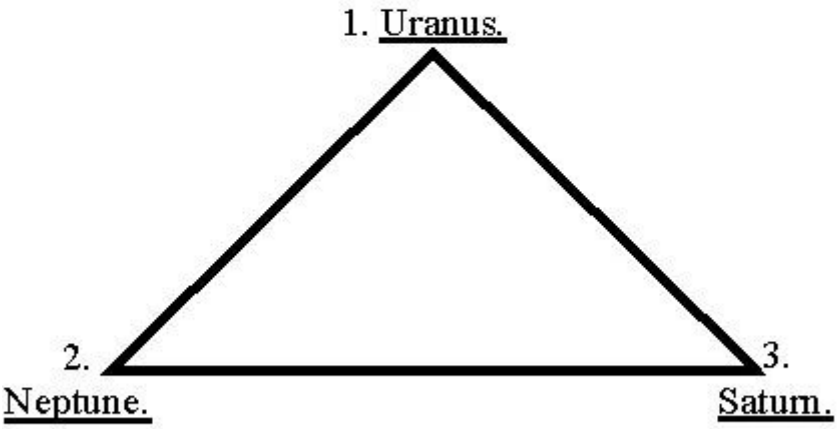

1.
THE SUN.

c. Mercury, the star of the intuition, or of transmuted manas, is, at this stage, considered as the fifth scheme.

c. Sao Thủy, ngôi sao của trực giác, hay của manas đã được chuyển hoá, ở giai đoạn này được xem là hệ hành tinh thứ năm.

Therefore, the Heavenly Men of Venus and Jupiter are magnetically linked with the

Do đó, các Đấng Thiên Nhân của Sao Kim và Sao Mộc được liên kết bằng từ tính với Đấng

Heavenly Man of our scheme. The relationship of the Logos of Jupiter and His influence will not be realised nor felt until the sixth [Page 371] round is in full force, though during the sixth root-race His vibration will be acknowledged and sensed; in the middle of the fifth round the Logos of Mercury will, with the Logos of the Venus scheme, and of our Earth, form a temporary triangle of force. We have here information given that has only been hinted at hitherto but for which, in this fifth subrace and in this fourth round, the world is now ready; it holds the solution of the mystery of this round.

Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta. Mối liên hệ của Thượng đế của Sao Mộc và ảnh hưởng của Ngài sẽ không được chứng nghiệm cũng không được cảm nhận cho đến khi cuộc tuần hoàn thứ sáu [Page 371] phát huy đầy đủ sức mạnh, mặc dù trong giống dân gốc thứ sáu rung động của Ngài sẽ được thừa nhận và cảm nhận; vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, Thượng đế của Sao Thủy sẽ cùng với Thượng đế của hệ hành tinh Sao Kim và của Trái Đất chúng ta tạo thành một tam giác lực tạm thời. Ở đây chúng ta có thông tin được ban ra mà cho đến nay mới chỉ được ám chỉ, nhưng đối với điều đó, trong giống dân phụ thứ năm này và trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, thế giới nay đã sẵn sàng; nó nắm giữ lời giải cho huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn này.

Third, the statement that the great Kumara or the One Initiator came to this planet from Venus is true in so far as it embodies the fact that He came to this dense planet (the fourth) in the fourth chain *from that chain in our scheme which is called the "Venus" chain, and which is the second chain.* He came via the second globe in our chain; His scarcely felt vibration was sensed (occultly) in the second round, but only in the third root-race of the fourth round did conditions permit of His physical incarnation and of His coming as the Avatar. Very reverently might it be said that the first three rounds and the two succeeding root-races in this chain correspond to the period prior to birth; and that His coming in the fourth round with the subsequent awakening of manas in the human units find their analogy in the awakening of the life principle in the unborn infant at the fourth month.

Thứ ba, lời khẳng định rằng Đại Kumara hay Đấng Điểm đạo Duy Nhất đã đến hành tinh này từ Sao Kim là đúng trong chừng mực nó bao hàm sự kiện rằng Ngài đã đến hành tinh đậm đặc này (hành tinh thứ tư) trong dãy thứ tư *từ dãy ấy trong hệ hành tinh chúng ta, dãy được gọi là dãy "Sao Kim", và là dãy thứ hai.* Ngài đến qua bầu hành tinh thứ hai trong dãy của chúng ta; rung động hầu như không thể cảm nhận của Ngài đã được cảm biết (một cách huyền bí) trong cuộc tuần hoàn thứ hai, nhưng chỉ đến giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ tư thì các điều kiện mới cho phép sự lâm phàm hồng trần của Ngài và việc Ngài đến như một Đấng Hoá Thân. Với tất cả lòng tôn kính, có thể nói rằng ba cuộc tuần hoàn đầu tiên và hai giống dân gốc kế tiếp trong dãy này tương ứng với giai đoạn trước khi sinh; và việc Ngài đến trong cuộc tuần hoàn thứ tư cùng với sự thức tỉnh tiếp theo của manas trong các đơn vị nhân loại tìm thấy sự tương đồng của nó trong sự thức tỉnh của nguyên khí sự sống nơi thai nhi chưa sinh vào tháng thứ tư.

The analogy holds good, for a Heavenly Man at the end of the seventh round reaches full maturity, but requires the final process of rounding out and perfecting which He attains during the two final periods

Sự tương đồng này hoàn toàn đúng, vì một Đấng Thiên Nhân vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy đạt đến sự trưởng thành viên mãn, nhưng cần tiến trình cuối cùng của sự hoàn tất và hoàn thiện mà Ngài đạt được trong hai giai đoạn cuối cùng

a. Of synthesis into the major three schemes.

a. Của sự tổng hợp vào ba hệ hành tinh chính.

b. Of resolution into the final one;

b. Của sự phân giải vào hệ hành tinh tối hậu duy nhất;

making again—with reverence may it be said—the nine cycles which cover the gestation of a Heavenly Man, and which precede His birth into yet higher worlds. In this lies much food for thought, and much of moment [Page 372] for the profound student. We might couple with these suggestions the recollection that we are speaking here only of the Logos of our own scheme, and must carefully differentiate other cycles for the other Logoi—a thing as yet impossible for us. As this is meditated upon and studied, the wonder and beauty of the plan will become apparent.

như thế lại tạo thành—xin được nói với lòng tôn kính—chín chu kỳ bao trùm thời kỳ thai nghén của một Đấng Thiên Nhân, và đi trước sự sinh ra của Ngài vào những thế giới còn cao hơn nữa. Chính trong đó có nhiều điều đáng suy ngẫm, và nhiều điều hệ trọng [Page 372] đối với đạo sinh sâu sắc. Chúng ta có thể gắn với những gợi ý này sự ghi nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đang nói về Thượng đế của chính hệ hành tinh chúng ta, và phải cẩn thận phân biệt các chu kỳ khác của các Thượng đế khác—một điều hiện nay vẫn chưa thể đối với chúng ta. Khi điều này được tham thiền và nghiên cứu, sự kỳ diệu và vẻ đẹp của Thiên Cơ sẽ trở nên hiển nhiên.

A clue to the idea of the final Avatar is likewise to be seen here. Many temporary incarnations precede this consummating one, which will be the incarnation wherein the Heavenly Man, in the full beauty of His completed seven cycles, and prior to His merging into His synthesising goal, will demonstrate as the embodiment of that perfected quality, or logoic aspect, for which He primarily stands. As a centre in the body logoic, He will be fully vitalised, and the logoic kundalini will have stimulated, and aroused to perfection His systemic Lotus. For a brief period He will shine forth radiant

Một đầu mối cho ý niệm về Đấng Hoá Thân tối hậu cũng có thể được thấy ở đây. Nhiều lần lâm phàm tạm thời đi trước lần lâm phàm viên mãn này, là lần lâm phàm trong đó Đấng Thiên Nhân, trong toàn bộ vẻ đẹp của bảy chu kỳ đã hoàn tất của Ngài, và trước khi hòa nhập vào mục tiêu tổng hợp của Ngài, sẽ biểu lộ như hiện thân của phẩm tính hoàn hảo ấy, hay phương diện ấy của Thượng đế, mà trước hết Ngài đại diện. Là một trung tâm trong thân thể của Thượng đế, Ngài sẽ được tiếp sinh lực trọn vẹn, và kundalini của Thượng đế sẽ kích thích và khơi dậy đến mức hoàn hảo Hoa sen của

as the Sun in His glory; then the kundalinic fire will pass in higher progressive spirals, and He will gradually become centred in the corresponding logoic head centre, the higher triangle or the major three schemes. To illustrate by means of a human being, the microcosm: Man attains a period of high development wherein his heart and throat centre are perfected and vitalised; they become radiant whorls of fire, fourth dimensional in action, and allied with each other and with some other centre; they become likewise the object of the attention of human kundalini. This is a period of great activity and magnetic usefulness. It is succeeded by still another, wherein the three head centres are synthesising their seven minor correspondences, and the force of kundalini passes there. As above, so below. [Page 373]

Ngài trong hệ mặt trời. Trong một thời gian ngắn, Ngài sẽ chiếu sáng rực rỡ như Mặt Trời trong vinh quang của Ngài; rồi lửa kundalini sẽ đi qua trong những vòng xoắn tiến hoá cao hơn, và Ngài sẽ dần dần trở nên tập trung trong trung tâm đầu tương ứng của Thượng đế, tam giác cao hơn hay ba hệ hành tinh chính. Để minh hoạ bằng con người, tiểu thiên địa: Con người đạt đến một giai đoạn phát triển cao trong đó trung tâm tim và trung tâm cổ họng của y được hoàn thiện và tiếp sinh lực; chúng trở thành những vòng xoáy lửa rực sáng, hoạt động theo chiều thứ tư, và liên kết với nhau cũng như với một trung tâm khác; chúng cũng trở thành đối tượng chú ý của kundalini nơi con người. Đây là một giai đoạn hoạt động lớn lao và hữu dụng từ tính. Tiếp theo đó là một giai đoạn khác nữa, trong đó ba trung tâm đầu đang tổng hợp bảy đối ứng nhỏ của chúng, và lực của kundalini đi qua đó. Trên sao, dưới vậy. [Page 373]

CHART VI

The Divine septenary hanging from the Triad thus forming the Decad and its permutations 7,5,4,3. (S.D. Vol. I, pp.259)

BIỂU ĐỒ VI

Thất nguyên thiêng liêng treo từ Tam nguyên tinh thần, như thế tạo thành Thập nguyên và các hoán vị của nó 7,5,4,3. (G.L.B.N. Tập I, tr.259)

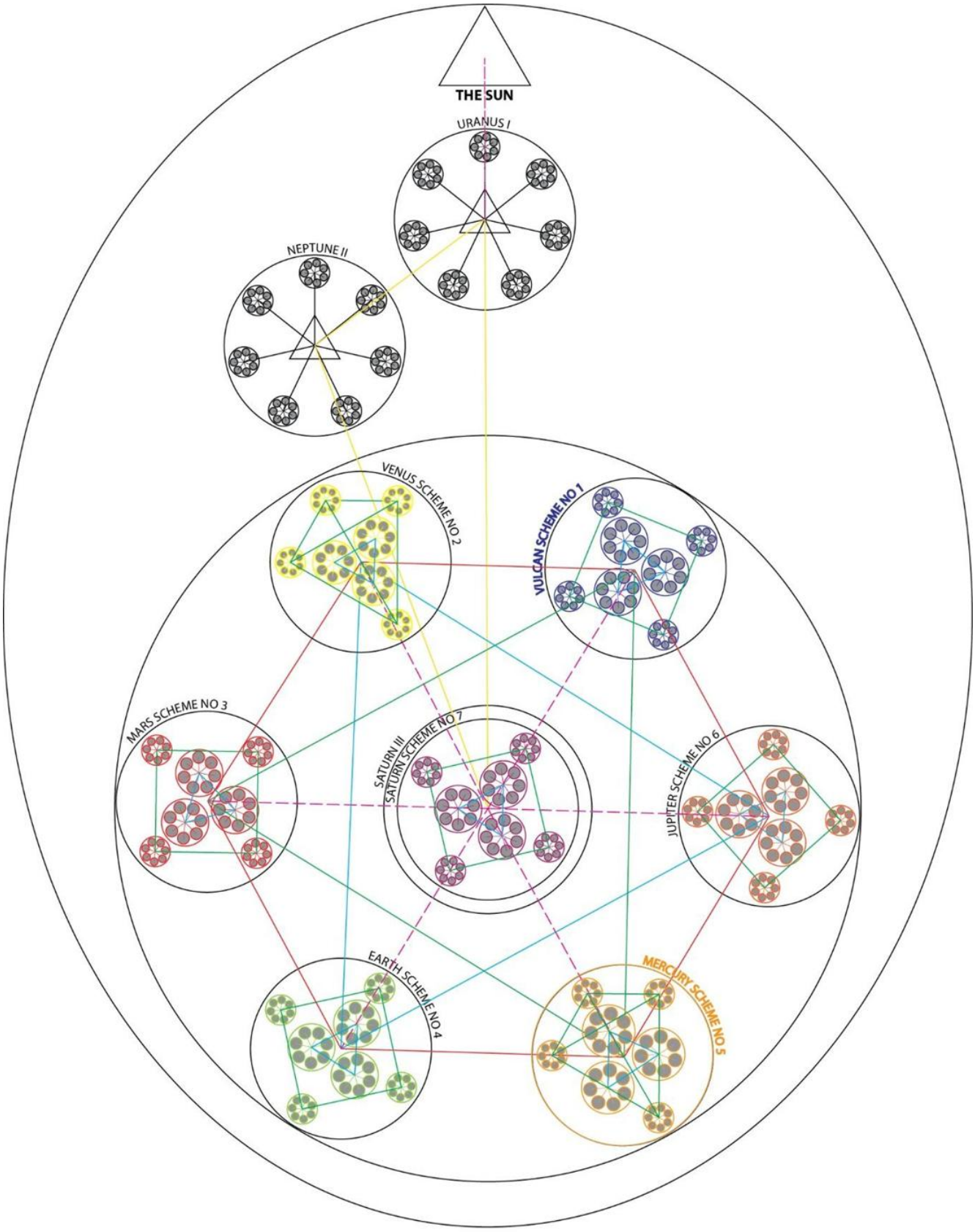

CHART VI - Solar Septenary Chart—From the middle of the Third Root Race, at the Fourth Round to "The Judgment Day" in the middle of the Fifth Round

Solar Septenary Chart - from the middle of the Third Root Race, at the Fourth Round to the “Judgement Day” in the middle of the Fifth Round

Biểu đồ Thất nguyên Thái Dương - từ giữa Giống dân gốc thứ ba, tại Cuộc tuần hoàn thứ tư cho đến “Ngày phán xét” vào giữa Cuộc tuần hoàn thứ năm

THE DENSE PHYSICAL PLANET			HÀNH TINH HỒNG TRẦN ĐẬM ĐẶC		
Earth	4th Chain	4th Globe	Mars	4th Chain	4th Globe
Jupiter	3rd Chain	4th Globe	Vulcan	3rd Chain	4th Globe
Saturn	3rd Chain	4th globe	Venus	5th Chain	5th Globe
		Mercury	4th Chain	5th Globe	

I have especially mentioned these two centres in the microcosm as they are closely concerned (on a larger scale) with the particular cycles through which our [Page 374] planetary Logos passes, and because they represent the third and second aspects.

Tôi đặc biệt đề cập đến hai trung tâm này trong tiểu thiên địa vì chúng liên hệ mật thiết (trên quy mô lớn hơn) với các chu kỳ đặc thù mà [Page 374] Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua, và vì chúng biểu hiện phương diện thứ ba và thứ hai.

We need to bear in mind that the stimulation of the centres is of three kinds, and the distinction between the three must be kept clear.

Chúng ta cần ghi nhớ rằng sự kích thích các trung tâm có ba loại, và phải giữ rõ sự phân biệt giữa ba loại ấy.

First, the vitalisation of the logoic centres, or the pouring through the seven schemes, during stupendous cycles, of logoic kundalini.

Thứ nhất, sự tiếp sinh lực cho các trung tâm của Thượng đế, hay sự tuôn chảy qua bảy hệ hành tinh, trong những chu kỳ đồ sộ, của kundalini của Thượng đế.

Next, the vitalisation of the planetary centres, or the pouring through the seven chains of a scheme, of planetary kundalini.

Kế đến, sự tiếp sinh lực cho các trung tâm hành tinh, hay sự tuôn chảy qua bảy dãy của một hệ hành tinh, của kundalini hành tinh.

Finally, the vitalisation of the centres of a planetary Logos during some particular

Sau cùng, sự tiếp sinh lực cho các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế trong một lần lâm phàm lớn đặc thù nào đó, hay sự

major incarnation, or the pouring through the seven globes of a chain, of kundalini.

tuôn chảy qua bảy bầu hành tinh của một dãy, của kundalini.

It should be stated here that:

Ở đây cần nói rõ rằng:

A major incarnation is one in which a planetary Logos takes some initiation. He may, and does, pass through many incarnations without taking initiation. When He does take initiation, it is interesting to note that *He does so during some incarnation in which He takes a vehicle of etheric matter as is the case at this time.*

Một lần lâm phàm lớn là lần trong đó một Hành Tinh Thượng Đế nhận một điểm đạo nào đó. Ngài có thể, và thực sự có, trải qua nhiều lần lâm phàm mà không nhận điểm đạo. Khi Ngài nhận điểm đạo, điều đáng chú ý là *Ngài làm như vậy trong một lần lâm phàm nào đó mà Ngài mang một vận cụ bằng vật chất dĩ thái như trường hợp hiện nay.*

The Logos of our scheme is preparing for initiation and hence the terrific tests and trials, incident to life on our planet during this cycle, are easily accounted for.

Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta đang chuẩn bị cho điểm đạo và vì thế những thử thách và khảo nghiệm ghê gớm gắn liền với sự sống trên hành tinh chúng ta trong chu kỳ này có thể dễ dàng được giải thích.

The Logos of our scheme, Sanat Kumara, will take a major initiation in the middle of the fifth round, but is preparing for a minor one at this time.

Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta, Đức Sanat Kumara, sẽ nhận một điểm đạo lớn vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, nhưng hiện nay đang chuẩn bị cho một điểm đạo nhỏ.

The Logos of our scheme has been in physical incarnation (having a body of etheric matter) since the middle of the Lemurian root-race, and will remain with us until what is called "the judgment day" in the next round. At that point in His career He will have achieved the necessary vitalisation of the particular centre which is occupying His attention, will have "seen of the travail of His Soul" in connection with the units of the human [Page 375] Hierarchy who go to the composition of this centre, and will drop His present form, will turn His attention to another and higher centre, and give of His force to the units of a different calibre, from another branch of the human

Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta đã lâm phàm hồng trần (có một thân thể bằng vật chất dĩ thái) từ giữa giống dân gốc Lemuria, và sẽ ở với chúng ta cho đến điều được gọi là "ngày phán xét" trong cuộc tuần hoàn kế tiếp. Vào thời điểm đó trong sự nghiệp của Ngài, Ngài sẽ đạt được sự tiếp sinh lực cần thiết cho trung tâm đặc thù đang chiếm giữ sự chú ý của Ngài, sẽ "thấy được công lao khổ nhọc của Linh hồn Ngài" liên hệ với các đơn vị của [Page 375] Huyền Giai nhân loại cấu thành trung tâm này, và sẽ từ bỏ hình tướng hiện tại của Ngài, sẽ chuyển sự chú ý của Ngài sang một trung tâm khác cao hơn, và ban mãnh lực của Ngài cho các đơn vị có phẩm cấp khác, từ một nhánh khác của

Hierarchy, who respond to the vibration of that centre.

Huyền Giai nhân loại, là những đơn vị đáp ứng với rung động của trung tâm ấy.

It would be well to enlarge here a little on the connection between Venus and the Earth, which is hinted at in some of the occult books, and is somewhat touched upon in this. I have stated that the interaction between the two schemes is due largely to their positive and negative polarity, and I pointed out that a similar relation underlies the relation of the Pleiades and the seven schemes of our solar system, and also the relation of Sirius and the system itself. This, therefore, sweeps into close interaction three great systems:

Ở đây sẽ là điều tốt nếu khai triển thêm đôi chút về mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất, điều đã được ám chỉ trong một số sách huyền bí học, và cũng được chạm đến phần nào trong tác phẩm này. Tôi đã nói rằng sự tương tác giữa hai hệ hành tinh phần lớn là do sự phân cực dương và âm của chúng, và tôi đã chỉ ra rằng một mối liên hệ tương tự cũng làm nền cho mối liên hệ giữa chòm Thất Tinh và bảy hệ hành tinh của hệ mặt trời chúng ta, cũng như mối liên hệ giữa Sirius và chính hệ thống này. Vì vậy, điều này đưa vào sự tương tác mật thiết ba hệ thống lớn:

1. The system of Sirius,

1. Hệ thống Sirius,

2. The system of the Pleiades,

2. Hệ thống chòm Thất Tinh,

3. The system of which our sun is the focal point,

3. Hệ thống mà mặt trời chúng ta là tiêu điểm,

making, as we will have noted, a cosmic triangle. Within our system there are several such triangles, varying at different stages; according to their relation to each other, the differentiated force of the different schemes can pass from scheme to scheme, and thus the units of life on the different rays or streams of force become temporarily intermingled. In all these triangles (cosmic, systemic, planetary, and human) two points of the triangle represent each a different polarity, and one point represents the point of equilibrium, of synthesis or merging. This should be borne in mind in studying both the macrocosmic and the microcosmic centres, for it accounts for diversity in manifestation, in forms and in quality.

tạo thành, như chúng ta hẳn đã lưu ý, một tam giác vũ trụ. Bên trong hệ mặt trời chúng ta có một số tam giác như thế, thay đổi theo các giai đoạn khác nhau; tùy theo mối liên hệ của chúng với nhau, mãnh lực biệt phân của các hệ hành tinh khác nhau có thể chuyển từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, và như thế các đơn vị sự sống trên các cung hay các dòng lực khác nhau trở nên tạm thời hòa lẫn vào nhau. Trong tất cả các tam giác này (vũ trụ, hệ mặt trời, hành tinh và nhân loại), hai điểm của tam giác mỗi điểm biểu hiện một sự phân cực khác nhau, và một điểm biểu hiện điểm quân bình, tổng hợp hay hòa nhập. Điều này cần được ghi nhớ khi nghiên cứu cả các trung tâm đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, vì nó giải thích

sự đa dạng trong biểu hiện, trong các hình tướng và trong phẩm tính.

A correspondence might here also be pointed out which [Page 376] may serve to convey light to those who have eyes to see:

Ở đây cũng có thể chỉ ra một sự tương ứng mà [Page 376] có thể giúp soi sáng cho những ai có mắt để thấy:

The Venus scheme, being in the fifth round, had the fifth principle of manas co-ordinated and developed, the minor four manasic aspects had been synthesised, and the buddhic aspect was being provided with a means of expression through the medium of the perfected fifth. Our Heavenly Man, in the fifth round, will have attained a paralleling point in evolution, and the fifth principle will, as stated, be no longer the object of His attention as regards the human units.

Hệ hành tinh Sao Kim, vì đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm, đã có nguyên khí thứ năm là manas được phối hợp và phát triển, bốn phương diện manas nhỏ đã được tổng hợp, và phương diện Bồ đề đang được cung cấp một phương tiện biểu lộ qua trung gian của phương diện thứ năm đã được hoàn thiện. Đấng Thiên Nhân của chúng ta, trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ đạt đến một điểm tiến hoá song hành, và nguyên khí thứ năm, như đã nói, sẽ không còn là đối tượng chú ý của Ngài xét về các đơn vị nhân loại nữa.

Five stages of activity mark the development and utilisation of the mind principle; there are three stages of acquisition, and two wherein that which has been acquired is used. This is too intricate a calculation for us to enter into it here, and it cannot be undertaken except by an initiate, for it involves ability to study the cycles of the earlier solar system, but it might be noted that (judging from the microcosm on the earth planet) this is just what might be expected. Man developed manas in this round during the third, fourth and fifth root-races, and utilises it for the development of the intuition and of the higher consciousness during the sixth and seventh. During an incarnation by a planetary Logos in a chain, during one round He demonstrates through His seven centres or globes manas on three globes, and utilises it for specific purposes on the final two. This is a lesser cycle to that in which we view the seven chains as His seven centres.

Năm giai đoạn hoạt động đánh dấu sự phát triển và sử dụng nguyên khí trí tuệ; có ba giai đoạn thủ đắc, và hai giai đoạn trong đó điều đã được thủ đắc được sử dụng. Đây là một phép tính quá phức tạp để chúng ta đi vào ở đây, và chỉ một điểm đạo đồ mới có thể thực hiện, vì nó bao hàm khả năng nghiên cứu các chu kỳ của hệ mặt trời trước, nhưng có thể lưu ý rằng (xét từ tiểu thiên địa trên hành tinh Trái Đất) đây chính là điều có thể được mong đợi. Con người đã phát triển manas trong cuộc tuần hoàn này trong các giống dân gốc thứ ba, thứ tư và thứ năm, và sử dụng nó cho sự phát triển của trực giác và của tâm thức cao hơn trong giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy. Trong một lần lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế trong một dãy, trong một cuộc tuần hoàn Ngài biểu lộ qua bảy trung tâm hay bảy bầu hành tinh của Ngài manas trên ba bầu hành tinh, và sử dụng nó cho các mục đích đặc thù trên hai bầu cuối cùng. Đây là một chu kỳ nhỏ hơn so với chu kỳ trong đó chúng ta xem bảy dãy

These words are chosen with care; I say not "acquires manas"; He but produces that which is inherent. It must be remembered that just as the planes of a solar system stand for a different purpose, vibrate to a different key, and serve their own specific ends, so do the globes serve an analogous function.

như bảy trung tâm của Ngài. Những lời này được chọn lựa cẩn thận; tôi không nói "thủ đắc manas"; Ngài chỉ làm hiển lộ điều vốn nội tại. Phải nhớ rằng cũng như các cõi của một hệ mặt trời đại diện cho một mục đích khác nhau, rung động theo một chủ âm khác nhau, và phục vụ các cứu cánh đặc thù riêng của chúng, thì các bầu hành tinh cũng phục vụ một chức năng tương tự.

a. Globe 1, is that of ultimate abstraction, and of origination. It is the initial globe of manifestation. [Page 377]

a. Bầu hành tinh 1 là bầu của sự trừu xuất tối hậu và của sự khởi nguyên. Nó là bầu hành tinh khởi đầu của biểu hiện. [Page 377]

b. Globe 2, is the first sheath in which a Heavenly Man embodies Himself.

b. Bầu hành tinh 2 là lớp vỏ đầu tiên trong đó một Đấng Thiên Nhân nhập thể chính Ngài.

c. Globes 3, 4, 5, are those through which He demonstrates the possession of the manasic principle.

c. Các bầu hành tinh 3, 4, 5 là những bầu mà qua đó Ngài biểu lộ sự sở hữu nguyên khí manas.

d. Globes 6 and 7, are the ones through which He manifests buddhi, through forms built by means of the manasic principle.

d. Các bầu hành tinh 6 và 7 là những bầu mà qua đó Ngài biểu lộ Bồ đề, qua các hình tướng được kiến tạo bằng nguyên khí manas.

This can be equally predicated on a larger scale of a chain.

Điều này cũng có thể được khẳng định tương tự trên quy mô lớn hơn đối với một dãy.

An interesting correspondence of a very occult nature can be worked out by the advanced student in connection also with the seven schemes. There are two which may be considered primarily archetypal, causal, or involving abstraction; three in which manas is manifested, and two in which already buddhi is manasically demonstrating. Of these two, Venus is one and thus we have the three and the two which make the five schemes of the five Kumaras, Who are Brahma. (136)

Một sự tương ứng thú vị có bản chất rất huyền bí cũng có thể được đạo sinh tiến bộ khai triển liên hệ với bảy hệ hành tinh. Có hai hệ có thể được xem là chủ yếu nguyên mẫu, nguyên nhân, hay bao hàm sự trừu xuất; ba hệ trong đó manas được biểu lộ, và hai hệ trong đó Bồ đề đã đang biểu lộ theo cách manas. Trong hai hệ này, Sao Kim là một, và như thế chúng ta có ba và hai hợp thành năm hệ hành tinh của năm Kumara, Các Ngài là Brahma. (136)

(136) Students must carefully differentiate between the five Mind born Sons of Brahma, the five true Kumaras and their representatives on our earth planet, Those Who stand around Sanat Kumara Who may be stated (esoterically understood) to represent Himself. (back)

(136) Đạo sinh phải cẩn thận phân biệt giữa năm Con của Brahma sinh ra từ Trí Tuệ, năm Kumara chân chính và các đại diện của Các Ngài trên hành tinh Trái Đất chúng ta, Những Đấng đứng quanh Đức Sanat Kumara, Ngài có thể được xem (hiểu theo nội môn) là đại diện cho chính mình. (back)

Just as Venus is negatively polarised to our Earth scheme, so the seven stars of the Pleiades are negatively polarised to our seven schemes.

Cũng như hệ hành tinh Sao Kim được phân cực âm đối với hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta, thì bảy ngôi sao của chòm Thất Tinh cũng được phân cực âm đối với bảy hệ hành tinh của chúng ta.

A very pertinent question might here be asked. We might justly enquire (in connection with the point that Venus is negatively polarised, and also that the Pleiades are equally so) why they should be termed negative if they are the donors and not the receivers, for to be negative is surely to be receptive. This is indeed so, but the question arises in our minds, owing to lack of information, and consequent misapprehension. Venus may have had much to do with the impartation of the stimulation which resulted in great events on Earth via the Venus chain of our scheme, *but our scheme gave, in a mysterious manner, more than was received*, though the [Page 378] gift was not of the same nature. The coming in of the Venusian influence to our chain, and to our planet, with the subsequent stimulation of certain groups in the fourth Creative Hierarchy, the human, caused a paralleling event of even greater magnitude in the Venus scheme. This affected the sixth Hierarchy, one of the deva Hierarchies, dwelling in the Venus scheme. This stimulation emanated via our sixth chain (or the second according to the angle of vision) and affected a corresponding chain in the Venus scheme. The magnitude of the difference may be seen in the fact that

Ở đây có thể nêu ra một câu hỏi rất xác đáng. Chúng ta có thể hoàn toàn chính đáng mà hỏi (liên hệ với điểm rằng Sao Kim được phân cực âm, và chòm Thất Tinh cũng như vậy) tại sao chúng lại được gọi là âm nếu chúng là bên ban cho chứ không phải bên nhận, vì âm hẳn phải là tiếp nhận. Quả thật là như vậy, nhưng câu hỏi nảy sinh trong trí chúng ta do thiếu thông tin, và hậu quả là hiểu sai. Sao Kim có thể đã liên hệ rất nhiều đến việc truyền đạt sự kích thích dẫn đến những biến cố lớn trên Trái Đất qua dãy Sao Kim của hệ hành tinh chúng ta, *nhưng hệ hành tinh chúng ta đã ban ra, theo một cách huyền nhiệm, nhiều hơn điều đã nhận*, mặc dù [Page 378] món quà không cùng bản chất. Sự đi vào của ảnh hưởng Kim tinh vào dãy của chúng ta, và vào hành tinh chúng ta, cùng với sự kích thích tiếp theo đối với một số nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức nhân loại, đã gây ra một biến cố song hành còn lớn lao hơn trong hệ hành tinh Sao Kim. Điều này ảnh hưởng đến Huyền Giai thứ sáu, một trong các Huyền Giai thiên thần, cư ngụ trong hệ hành tinh Sao Kim. Sự kích thích này phát ra qua dãy thứ sáu của chúng ta (hay dãy thứ hai tùy theo góc độ tầm nhìn) và ảnh hưởng đến một dãy tương ứng trong hệ hành tinh Sao Kim. Mức độ khác biệt có thể thấy trong sự kiện rằng trong trường

in our case *one globe alone* was affected, whereas the influence of our scheme on the Venusian was such that *an entire chain* was stimulated. This was brought about through the positive polarity of the Heavenly Man of the Earth scheme.

hợp của chúng ta *chỉ một bầu hành tinh duy nhất* bị ảnh hưởng, trong khi ảnh hưởng của hệ hành tinh chúng ta lên hệ Sao Kim lại đến mức *cả một dãy* được kích thích. Điều này được tạo ra nhờ sự phân cực dương của Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh Trái Đất.

Therefore, enlarging the concept, we can note the fact that our Heavenly Men are the transmitters, via their seven schemes, to the seven stars of the Pleiades. Our solar system is negatively polarised as regards the sun Sirius, which influences our entire system psychically via the three synthesising schemes—Uranus, Neptune, Saturn—the latter, Saturn, being the focal point for the transmission of cosmic manas to the entire seven schemes.

Do đó, mở rộng khái niệm, chúng ta có thể ghi nhận sự kiện rằng các Đấng Thiên Nhân của chúng ta là những vị truyền dẫn, qua bảy hệ hành tinh của Các Ngài, đến bảy ngôi sao của chòm Thất Tinh. Hệ mặt trời chúng ta được phân cực âm đối với mặt trời Sirius, mặt trời này ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống chúng ta một cách thông linh qua ba hệ hành tinh tổng hợp—Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, Sao Thổ—trong đó Sao Thổ là tiêu điểm cho sự truyền dẫn manas vũ trụ đến toàn bộ bảy hệ hành tinh.

4. Manas and the Earth Chain — 4. Manas và Dãy Địa Cầu

We have brought our consideration of our first point, the origin of cosmic and systemic manas, down to certain facts concerning our chain, and have (with the utmost brevity) passed in review the larger aspect of the question. We touched first of all upon the subject of cosmic manas, as it concerned our Logos and the Heavenly Men. Then we considered it more specifically in its relation to the individual Heavenly Men, and finally brought it down to that which more nearly concerns ourselves— [Page 379] manas and the Heavenly Man of our scheme. Having proceeded thus far, we considered the stimulation of manas in our own chain, and saw that, in connection with our Earth, it came:

Chúng ta đã đưa sự khảo cứu điểm thứ nhất của mình, nguồn gốc của manas vũ trụ và manas của hệ mặt trời, xuống đến một số sự kiện liên quan đến dãy của chúng ta, và đã (với sự ngắn gọn tối đa) điểm lại phương diện lớn hơn của vấn đề. Trước hết chúng ta đã chạm đến chủ đề manas vũ trụ, trong chừng mực nó liên hệ đến Thượng đế của chúng ta và các Đấng Thiên Nhân. Sau đó chúng ta xét nó cụ thể hơn trong mối liên hệ với từng Đấng Thiên Nhân riêng biệt, và cuối cùng đưa nó xuống đến điều gần gũi với chúng ta hơn— [Page 379] manas và Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta. Sau khi tiến xa đến mức ấy, chúng ta đã xét sự kích thích manas trong chính dãy của chúng ta, và thấy rằng, liên hệ với Trái Đất chúng ta, nó đến:

Via the Venus chain of our scheme.

Qua dãy Sao Kim của hệ hành tinh chúng ta.

As the result of a stimulation, originating in the Venus scheme.

Là kết quả của một sự kích thích, phát sinh trong hệ hành tinh Sao Kim.

Because logoic kundalini had vitalised one of the systemic triangles of force, of which (temporarily) Venus and the Earth formed two points of the triangle.

Bởi vì kundalini của Thượng đế đã tiếp sinh lực cho một trong các tam giác lực của hệ mặt trời, mà trong đó (tạm thời) Sao Kim và Trái Đất tạo thành hai điểm của tam giác.

This produced the individualisation of those, particularly in the human Hierarchy, who form a particular centre in the body of the planetary Logos.

Điều này tạo ra sự biệt ngã hóa của những đơn vị, đặc biệt trong Huyền Giai nhân loại, là những đơn vị tạo thành một trung tâm đặc thù trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế.

a. The Earth Chain and the Incarnating Monads.

a. Dãy Địa Cầu và các chân thần đang nhập thể.

We have reached, therefore, a point wherein (having cursorily dealt above with the origin of cosmic, systemic, and planetary manas), it is now possible for us to come definitely down to the consideration of our Earth chain within the Earth scheme, and see something of the origin of the manasic principle *in the present group of incarnating egos*, units of the fourth Creative Hierarchy. It is necessary here for students to remember that only one group in the fourth Hierarchy was affected by the coming in of manas in the third root-race, and that therefore in incarnation on the planet at this time are component parts of the two groups: one group, which received the manasic stimulation during this world period, and another group which received the stimulation during the previous chain. The last named group can be seen incarnating in all those who tread the Probationary Path, who are counted as the advanced units of the race, and considered as the notables among men. Owing to the difference between the two groups may be traced much of the world unrest. This difference lies in

Do đó, chúng ta đã đạt đến một điểm mà tại đó (sau khi đã đề cập sơ lược ở trên đến nguồn gốc của manas vũ trụ, manas của hệ mặt trời và manas hành tinh), nay chúng ta có thể đi hẳn xuống việc xem xét Dãy Địa Cầu của chúng ta bên trong hệ hành tinh Địa Cầu, và thấy phần nào nguồn gốc của nguyên khí manas *trong nhóm chân ngã đang nhập thể hiện nay*, các đơn vị của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Ở đây, đạo sinh cần nhớ rằng chỉ có một nhóm trong Huyền Giai thứ tư bị ảnh hưởng bởi sự đi vào của manas trong giống dân gốc thứ ba, và vì thế hiện đang lâm phàm trên hành tinh này là các thành phần của hai nhóm: một nhóm đã nhận sự kích thích manas trong thời kỳ thế giới này, và một nhóm khác đã nhận sự kích thích trong dãy trước. Nhóm được nêu sau cùng có thể được thấy đang lâm phàm trong tất cả những ai bước trên Con Đường Dự Bị, những người được kể là các đơn vị tiến bộ của nhân loại, và được xem là những người nổi bật giữa loài người. Do sự khác biệt giữa hai nhóm này mà phần lớn tình trạng bất an của thế giới có thể được truy nguyên. Sự

the following [Page 380] factors, which, for purposes of clarity, it might be well to enumerate:

khác biệt này nằm trong các [Page 380] yếu tố sau đây, mà để rõ ràng, có lẽ nên liệt kê ra:

The fact that each group forms a different centre in the body of a Heavenly Man.

Sự kiện rằng mỗi nhóm tạo thành một trung tâm khác nhau trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân.

The difference in the method of individualisation.

Sự khác biệt trong phương pháp biệt ngã hóa.

The different rate of vibration of the two centres.

Tốc độ rung động khác nhau của hai trung tâm.

The fact, therefore, that in each chain the planetary Logos takes a different initiation, affecting different centres; and so bringing into manifestation different lesser entities.

Do đó, sự kiện rằng trong mỗi dãy, Hành Tinh Thượng Đế nhận một điểm đạo khác nhau, ảnh hưởng đến các trung tâm khác nhau; và như thế đưa vào biểu hiện các thực thể nhỏ hơn khác nhau.

Students, when considering these things, need to view the matter from the following angles—some quite possible lines of approach for us, others which we are only capable as yet of dimly anticipating. The occult fact, as stated by the English poet Pope, "The proper study of mankind, is man," is embodied in the investigation of all these vast cycles.

Khi xem xét những điều này, đạo sinh cần nhìn vấn đề từ các góc độ sau đây—một số là những đường tiếp cận hoàn toàn khả dĩ đối với chúng ta, một số khác thì hiện nay chúng ta mới chỉ có thể mơ hồ dự cảm. Sự kiện huyền bí học, như thi sĩ Anh Pope đã nói, "Đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại là con người," được hàm chứa trong việc khảo cứu tất cả các chu kỳ bao la này.

The cosmic angle. This involves the study of the place of the solar Logos within His greater sphere, the study of extra-systemic psychology and astronomy, and the consideration of the relation existing between our system and other constellations, and of our path in the vast arc of the heavens. It bears on the relation of the various suns with their circulating attendants, and of the planets with each other; it concerns the study of their individual polarisation, and their interaction with their polar opposites. It will

Góc độ vũ trụ. Điều này bao hàm việc nghiên cứu vị trí của Thái dương Thượng đế trong khối cầu lớn hơn của Ngài, nghiên cứu tâm lý học và thiên văn học ngoài hệ mặt trời, và xem xét mối liên hệ hiện hữu giữa hệ mặt trời chúng ta với các chòm sao khác, cũng như con đường của chúng ta trong vòng cung bao la của bầu trời. Nó liên quan đến mối liên hệ của các mặt trời khác nhau với các tùy hành quay quanh chúng, và của các hành tinh với nhau; nó liên hệ đến việc nghiên cứu sự phân cực riêng của chúng, và sự tương tác của chúng với các cực đối

lead the student into regions of logical speculation, into the study of cosmic electricity, and the universal Law of attraction, and is as yet much beyond the comprehension of even the most advanced students at this time, and will only become a science (reduced to form and text-book if I might so express it) during the final part of the next round.

nghịch của chúng. Nó sẽ dẫn đạo sinh vào những miền suy đoán hợp lý, vào việc nghiên cứu điện vũ trụ, và Định luật hấp dẫn phổ quát, và hiện nay vẫn vượt xa sự thấu hiểu của ngay cả những đạo sinh tiến bộ nhất, và chỉ sẽ trở thành một khoa học (được quy về hình thức và giáo trình, nếu tôi có thể nói như vậy) trong phần cuối của cuộc tuần hoàn kế tiếp.

The systemic angle. This deals with the place of the Heavenly Men within the body logoic, Their mutual [Page 381] interplay, and Their rational interdependence, and with the cycles wherein each in turn, or in dual formation, is the recipient of logoic force. It necessitates the study of the solar system as a unit, of the astronomical and orbital relation of the Sun to the planets. The systemic triangles will eventually become a subject of popular speculation, then of investigation, of scientific demonstration, and finally be known to be proved and authenticated fact,—but the time is not yet. The different polarities of the schemes will be studied, and information, that is now imparted only to initiates of the third Initiation, will eventually become exoteric. In due course of time systemic information along the lines of:

Góc độ hệ mặt trời. Điều này bàn đến vị trí của các Đấng Thiên Nhân trong thân thể của Thượng đế, sự tương tác lẫn nhau của Các Ngài [Page 381], và sự tương thuộc hợp lý của Các Ngài, cũng như các chu kỳ trong đó mỗi vị lần lượt, hay theo từng cặp, là bên tiếp nhận lực của Thượng đế. Nó đòi hỏi việc nghiên cứu hệ mặt trời như một đơn vị, mối liên hệ thiên văn và quỹ đạo của Mặt Trời với các hành tinh. Các tam giác trong hệ mặt trời cuối cùng sẽ trở thành một đề tài suy đoán phổ biến, rồi thành đối tượng khảo cứu, chứng minh khoa học, và sau cùng được biết đến như sự kiện đã được chứng minh và xác thực,—nhưng thời điểm ấy vẫn chưa đến. Các sự phân cực khác nhau của các hệ hành tinh sẽ được nghiên cứu, và thông tin hiện nay chỉ được truyền đạt cho các điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba cuối cùng sẽ trở nên ngoại môn. Đến đúng thời, thông tin về hệ mặt trời theo các đường lối như:

a. The vitalisation of the schemes

a. Sự tiếp sinh lực cho các hệ hành tinh

b. Interaction between two schemes

b. Sự tương tác giữa hai hệ hành tinh

c. The periods of incarnation of a planetary Logos on the physical plane

c. Các thời kỳ lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế trên cõi hồng trần

d. The initiation of the planetary Logos,

d. Điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế,

will be reduced to law and order. As yet but dim speculations and hints that appeal only

sẽ được quy về định luật và trật tự. Hiện nay mới chỉ có những suy đoán mơ hồ và những

to the spiritual and the intuitive are in any way possible. The early part of the next round will see more widespread knowledge and interest in this matter.

ám chỉ chỉ hấp dẫn đối với người có tinh thần và trực giác là phần nào khả hữu. Phần đầu của cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ chứng kiến tri thức và sự quan tâm rộng rãi hơn về vấn đề này.

The planetary angle. This point of view concerns itself with the history of the individual scheme, and with the consciousness, and evolution of some particular Heavenly Man. The student in studying along these lines must endeavour to get some grasp of the scheme as a unit, as a body corporate with its seven centres and forty-nine globes, and with the triangle formed between them. Separate chains are either

Góc độ hành tinh. Quan điểm này quan tâm đến lịch sử của từng hệ hành tinh riêng biệt, và đến tâm thức cùng sự tiến hoá của một Đấng Thiên Nhân đặc thù nào đó. Đạo sinh khi nghiên cứu theo các đường lối này phải cố gắng nắm được phần nào hệ hành tinh như một đơn vị, như một chỉnh thể thống nhất với bảy trung tâm và bốn mươi chín bầu hành tinh của nó, cùng với tam giác được hình thành giữa chúng. Các dãy riêng biệt hoặc là

The object of planetary stimulation,

Đối tượng của sự kích thích hành tinh,

The sphere of the incarnation of a planetary Logos,

Khối cầu của sự lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế,

Emerging into objectivity, [Page 382]

Đang xuất hiện vào tính khách quan, [Page 382]

Manifesting,

Đang biểu lộ,

Gradually entering into obscurity.

Dần dần đi vào sự mờ khuất.

This point of view is as yet impossible for the average thinker, for it involves an expansion of consciousness unattainable by man. Nevertheless the endeavour to comprehend serves a useful purpose, for it sets a goal for man and enables him to enlarge his present concept.

Quan điểm này hiện nay vẫn là điều bất khả đối với nhà tư tưởng trung bình, vì nó bao hàm một sự mở rộng tâm thức mà con người chưa thể đạt được. Tuy nhiên, nỗ lực thấu hiểu vẫn phục vụ một mục đích hữu ích, vì nó đặt ra một mục tiêu cho con người và giúp y mở rộng quan niệm hiện tại của mình.

The chain angle. This brings the whole idea more within the range of possibility, and has already been indicated to students in *Volume II*, of the *Secret Doctrine.* The student is

Góc độ dãy. Điều này đưa toàn bộ ý tưởng vào gần phạm vi khả hữu hơn, và đã được chỉ ra cho đạo sinh trong *Tập II* của *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Phạm vi chiêm ngưỡng của đạo sinh

narrowed down to the contemplation of the seven globes of the chain of which he is a component, though microscopic, part. He has for investigation the globes as seen in *time,* with their mutual interplay; he has for study the part each one may be playing in the great cycle of a Heavenly Man. For instance, in the present Earth chain which concerns us the most nearly, the fourth globe is of paramount interest, inasmuch as it is the physical plane vehicle for a Heavenly Man in dense objective incarnation. Yet it must not be forgotten that, though manifesting thus objectively, He embodies in totality the chain and the scheme. The idea may be clarified for the student if it is stated that:

được giới hạn ở bảy bầu hành tinh của dãy mà y là một phần cấu thành, dù là phần vi mô. Y khảo cứu các bầu hành tinh xét trong *thời gian,* với sự tương tác lẫn nhau của chúng; y nghiên cứu vai trò mà mỗi bầu có thể đang đảm nhiệm trong chu kỳ lớn của một Đấng Thiên Nhân. Chẳng hạn, trong Dãy Địa Cầu hiện nay là dãy liên hệ gần gũi nhất với chúng ta, bầu hành tinh thứ tư có tầm quan trọng tối cao, vì nó là vận cụ cõi hồng trần cho một Đấng Thiên Nhân trong sự lâm phàm khách quan đậm đặc. Tuy nhiên, không được quên rằng, dù biểu lộ một cách khách quan như thế, Ngài hiện thân trong tính toàn thể cả dãy lẫn hệ hành tinh. Ý tưởng này có thể được làm sáng tỏ cho đạo sinh nếu nói rằng:

A scheme, in its totality, corresponds to the Monad, or to the monadic auric egg, in connection with a human being and his forty-nine cycles.

Một hệ hành tinh, trong tính toàn thể của nó, tương ứng với chân thần, hay với noãn hào quang chân thần, liên hệ với một con người và bốn mươi chín chu kỳ của y.

A chain, (137) in its totality corresponds to the body egoic of a human being, to the causal body with its seven great [Page 383] cycles mentioned elsewhere in these pages, and hinted at in certain occult books.

Một dãy, (137) trong tính toàn thể của nó tương ứng với thể chân ngã của một con người, với thể nguyên nhân cùng bảy chu kỳ lớn của nó [Page 383] được nhắc đến ở nơi khác trong những trang này, và được ám chỉ trong một số sách huyền bí học.

(137) Chain—a series of seven globes or worlds which form the field of evolution during the planetary cycle or manvantara. The first three of these globes—generally known as A., B. and C. form a descending arc, the densest physical matter of the descent being reached in the fourth globe, D, of which our earth is an instance. The fifth globe, E, on the ascending arc (correspondence to C on the descending arc) usually belongs to the astral plane, and the sixth and seventh F and G (correspondence to B and A on the descending arc) to the Rupa and Arupa levels of the mental plane;

(137) Dãy—một chuỗi gồm bảy bầu hành tinh hay thế giới tạo thành trường tiến hoá trong chu kỳ hành tinh hay giai kỳ sinh hóa. Ba bầu hành tinh đầu tiên này—thường được biết là A., B. và C.—tạo thành vòng cung đi xuống, vật chất hồng trần đậm đặc nhất của sự đi xuống đạt đến ở bầu hành tinh thứ tư, D, mà Trái Đất chúng ta là một ví dụ. Bầu hành tinh thứ năm, E, trên vòng cung đi lên (tương ứng với C trên vòng cung đi xuống) thường thuộc cõi cảm dục, và bầu thứ sáu và thứ bảy F và G (tương ứng với B và A trên vòng cung đi xuống) thuộc các cấp độ

these therefore are invisible to ordinary sight. (back)

Rupa và Arupa của cõi trí; vì vậy chúng vô hình đối với thị giác thông thường. (back)

A globe, with its seven races corresponds to a particular series of incarnations in connection with a man, incarnate or discarnate, for all globes are not on physical levels.

Một bầu hành tinh, với bảy giống dân của nó, tương ứng với một chuỗi lâm phàm đặc thù liên hệ với một con người, đang lâm phàm hay không lâm phàm, vì không phải mọi bầu hành tinh đều ở các cấp độ hồng trần.

A physical globe, in a chain corresponds to a particular physical incarnation of a man. The planetary Logos takes physical form in His planet and is its life and works out His purposes.

Một bầu hành tinh hồng trần, trong một dãy tương ứng với một lần lâm phàm hồng trần đặc thù của một con người. Hành Tinh Thượng Đế mang hình tướng hồng trần trong hành tinh của Ngài và là sự sống của nó, đồng thời thực hiện các mục đích của Ngài.

A root-race, simply is analogous to the "seven parts" (as Shakespeare phrases it) as played by the midget, man. In a root-race a Heavenly Man is simply living out His life, working through some experience in the great work of developing buddhi or corporate action, (for buddhi is the unifying principle of groups) and, in the process of experiencing and developing, He sweeps into His vibratory capacity all the cells in His body. In the case of a human being the cells in his body (the material cells) are involutionary lives, animated by the third Logos, co-operating with the second Logos. In the case of a planetary Logos, the cells in His body are evolutionary lives (deva and human units) animated by the life of the second Logos, co-operating with the first Logos, and utilising the activities of the third Logos for purposes of manifesting.

Một giống dân gốc, đơn giản là tương tự với "bảy vai" (như Shakespeare diễn đạt) do con người tí hon đảm nhiệm. Trong một giống dân gốc, một Đấng Thiên Nhân đơn giản là đang sống trọn đời sống của Ngài, đang trải qua một kinh nghiệm nào đó trong công việc lớn lao là phát triển Bồ đề hay hoạt động tập thể, (vì Bồ đề là nguyên khí hợp nhất của các nhóm) và, trong tiến trình kinh nghiệm và phát triển, Ngài cuốn vào năng lực rung động của Ngài tất cả các tế bào trong thân thể Ngài. Trong trường hợp con người, các tế bào trong thân thể y (các tế bào vật chất) là các sự sống giáng hạ tiến hoá, do Thượng đế thứ ba làm sinh động, hợp tác với Thượng đế thứ hai. Trong trường hợp một Hành Tinh Thượng Đế, các tế bào trong thân thể Ngài là các sự sống thăng thượng tiến hoá (các đơn vị thiên thần và nhân loại) do sự sống của Thượng đế thứ hai làm sinh động, hợp tác với Thượng đế thứ nhất, và sử dụng các hoạt động của Thượng đế thứ ba cho các mục đích biểu hiện.

Having pointed out these things, the place the Earth chain and globe play in the

Sau khi đã chỉ ra những điều này, vị trí mà Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu đảm nhiệm trong sự tiến hoá của Hành Tinh

evolution of the planetary Logos of the Earth scheme should be clearer to the student.

Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu hẳn sẽ rõ ràng hơn đối với đạo sinh.

The wheel turns, and in its turning sweeps into objectivity one of its seven globes, or brings into manifestation on the physical plane that great Entity Whose life animates the whole scheme. It must be borne in mind that just as man is handicapped by his physical body, [Page 384] and finds himself unable to express through it the entire content of his egoicconsciousness, so a Heavenly Man, when taking to Himself a dense physical vehicle in any particular chain, is also handicapped, and is unable to express in perfection on the globe the full beauty of His Life or the splendour of His manifesting Consciousness.

Bánh xe quay, và trong sự quay của nó cuốn một trong bảy bầu hành tinh của nó vào tính khách quan, hay đưa vào biểu hiện trên cõi hồng trần Thực Thể vĩ đại mà sự sống của Ngài làm sinh động toàn bộ hệ hành tinh. Phải ghi nhớ rằng cũng như con người bị hạn chế bởi thể xác của mình, [Page 384] và thấy mình không thể biểu lộ qua nó toàn bộ nội dung của tâm thức chân ngã của mình, thì một Đấng Thiên Nhân, khi mang cho mình một vận cụ hồng trần đậm đặc trong một dãy đặc thù nào đó, cũng bị hạn chế, và không thể biểu lộ một cách hoàn hảo trên bầu hành tinh vẻ đẹp trọn vẹn của Sự sống Ngài hay sự huy hoàng của Tâm thức đang biểu lộ của Ngài.

It might here be stated in connection with the planetary Logos of our scheme that:

Ở đây có thể nói liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta rằng:

a. He is in physical incarnation.

a. Ngài đang lâm phàm hồng trần.

b. He is midway through His career upon the cosmic Path of Initiation, and consequently is to take the fourth Initiation in this chain. Well may this globe, therefore, be considered the globe of sorrow and of pain, for through it our planetary Logos is undergoing that which the mystic calls “the Crucifixion.”

b. Ngài đang ở giữa chặng đường sự nghiệp của Ngài trên Con Đường Điểm Đạo vũ trụ, và do đó sẽ nhận lần điểm đạo thứ tư trong dãy này. Vì vậy, bầu hành tinh này hoàn toàn có thể được xem là bầu hành tinh của đau buồn và đau đớn, vì qua nó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua điều mà nhà thần bí gọi là “Sự Đóng Đinh.”

c. The cells in His body—those cells through which He feels, and senses, and experiences,—are, in this world period, rent by pain and suffering, for His is the consciousness at the centre of the Body, and theirs is the capacity to suffer, so that by means of them He may learn the meaning of systemic dispassion, be dissociated from all forms and material substance, and upon the cross of matter

c. Các tế bào trong thân thể Ngài—những tế bào mà qua đó Ngài cảm nhận, tri giác và kinh nghiệm,—trong thời kỳ thế giới này đang bị xé rách bởi đau đớn và khổ đau, vì của Ngài là tâm thức ở trung tâm của Thân thể, còn của chúng là năng lực chịu đau khổ, để nhờ chúng Ngài có thể học được ý nghĩa của sự vô chấp ở quy mô hệ mặt trời, được tách rời khỏi mọi hình tướng và chất liệu vật

eventually find liberation and the freedom of the Spirit.

chất, và trên thập giá của vật chất cuối cùng tìm thấy sự giải thoát và tự do của tinh thần.

The same equally can be predicated of a solar Logos with the following interesting sequence carefully borne in mind:

Điều tương tự cũng có thể được khẳng định đối với một Thái dương Thượng đế, với chuỗi kế tiếp thú vị sau đây cần được ghi nhớ cẩn thận:

The solar Logos has for objective nine initiations, the third cosmic Initiation being His goal.

Thái dương Thượng đế có chín điểm đạo làm mục tiêu, lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là đích đến của Ngài.

Our planetary Logos has for objective seven initiations, the second cosmic Initiation being His goal.

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có bảy điểm đạo làm mục tiêu, lần điểm đạo vũ trụ thứ hai là đích đến của Ngài.

Man has for objective five initiations, the first cosmic Initiation being his goal. [Page 385]

Con người có năm điểm đạo làm mục tiêu, lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất là đích đến của y. [Page 385]

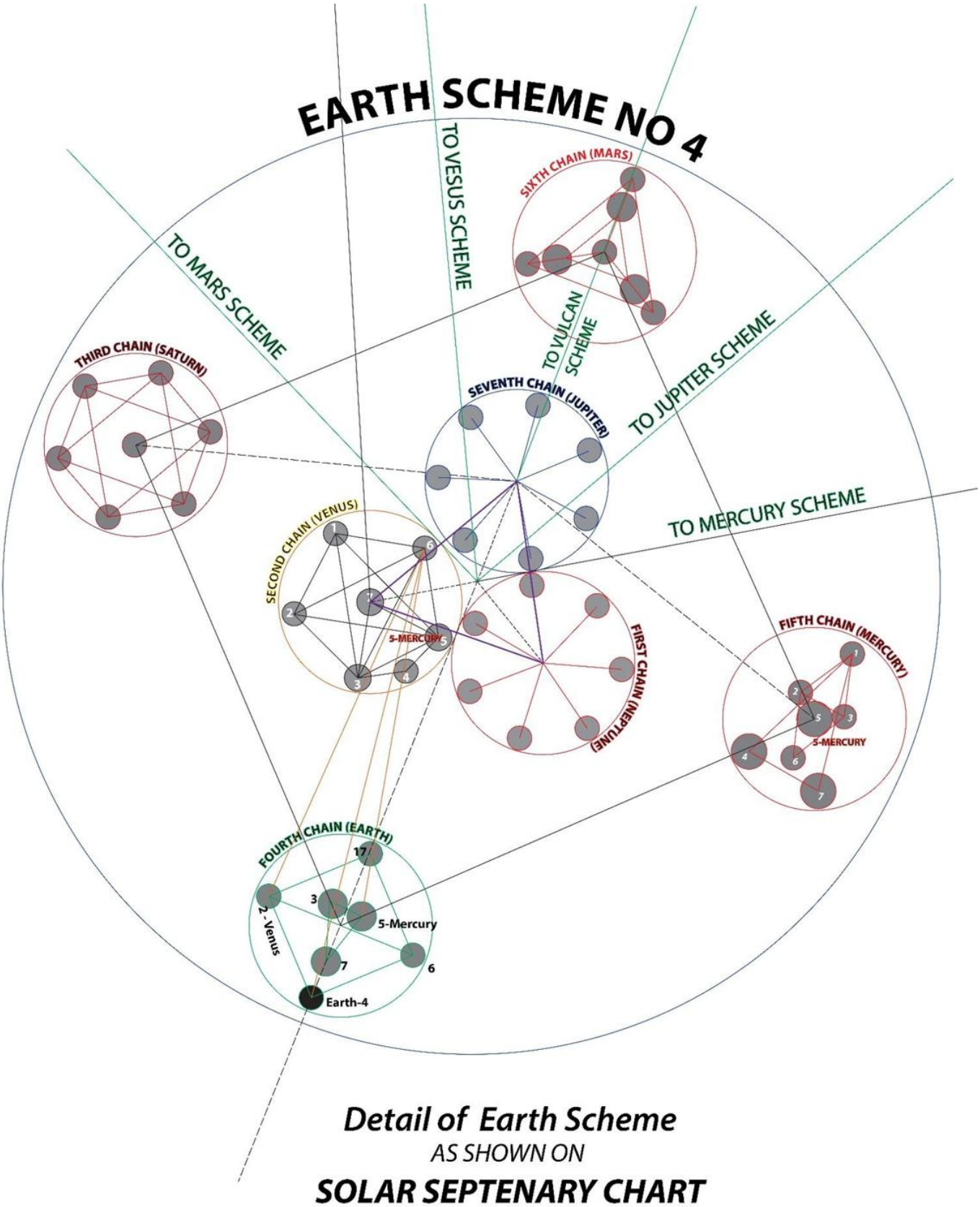

Detail of Earth Scheme
AS SHOWN ON
SOLAR SEPTENARY CHART

[Page 386] If we link this up with that earlier imparted concerning initiation and the sun Sirius, we will have a clue to the triple cosmic Path.

[Page 386] Nếu chúng ta liên kết điều này với những gì đã được truyền đạt trước đây liên quan đến điểm đạo và mặt trời Sirius, chúng

ta sẽ có một đầu mối cho Con Đường vũ trụ tam phân.

b. The Fourth Kingdom and the Hierarchy of the Planet. Certain facts have already been grasped and realised by the average occult student who has been pondering this teaching with care. He is aware that the juncture of Spirit-matter and mind, or manas, was effected during the third root-race, and that the definitely human family became present upon earth from that date. He knows that this was brought about by the coming, in bodily Presence, of certain great Entities, and he has learned that these Entities came from the Venusian chain, that They achieved the necessary juncture, undertook the government of the planet, founded the occult Hierarchy, and that—though some remain with the chain—the remainder have returned to Their originating source. This in many ways sums up the totality of the present knowledge. Let us briefly enlarge upon it, correct certain erroneous interpretations, and ascertain one or two new facts. We might tabulate these as follows:

b. Giới thứ tư và Thánh Đoàn của hành tinh. Một số sự kiện đã được đạo sinh huyền bí học trung bình, người đã suy ngẫm cẩn thận giáo huấn này, nắm bắt và chứng nghiệm. Y biết rằng sự tiếp giáp của tinh thần-vật chất và trí tuệ, hay manas, đã được thực hiện trong giống dân gốc thứ ba, và rằng gia đình nhân loại theo nghĩa xác định đã hiện diện trên trái đất từ thời điểm đó. Y biết rằng điều này do một số Thực Thể vĩ đại đến, hiện diện trong thân thể, và y đã học rằng các Thực Thể này đến từ dãy Kim tinh, rằng Các Ngài đã thực hiện sự tiếp giáp cần thiết, đảm nhận việc cai quản hành tinh, sáng lập Thánh Đoàn huyền bí học, và rằng—dù một số vẫn ở lại với dãy—phần còn lại đã trở về nguồn gốc xuất phát của Các Ngài. Điều này theo nhiều cách tóm lược toàn bộ tri thức hiện nay. Chúng ta hãy ngắn gọn khai triển thêm về nó, chỉnh lại một số cách giải thích sai lầm, và xác định một hoặc hai sự kiện mới. Chúng ta có thể lập bảng những điều này như sau:

First, it should be borne in mind by the occult student that:

Thứ nhất, đạo sinh huyền bí học cần ghi nhớ rằng:

a. This advent signalised the taking of a physical vehicle by the planetary Logos, and was literally the coming of the Avatar.

a. Sự giáng lâm này báo hiệu việc Hành Tinh Thượng Đế mang một vận cụ hồng trần, và theo nghĩa đen là sự đến của Đấng Hoá Thân.

b. That this advent was brought about by a definite systemic alignment which involved:

b. Sự giáng lâm này do một sự chỉnh hợp xác định trong hệ mặt trời mang lại, bao gồm:

The Venus scheme of the system.

Hệ hành tinh Sao Kim của hệ mặt trời.

The Venus chain of the Earth scheme.

Dãy Sao Kim của hệ hành tinh Địa Cầu.

The Venus globe of the Earth chain.

Bầu hành tinh Sao Kim của Dãy Địa Cầu.

c. That the planetary Logos did not come from the Venus scheme but from the Venus chain of His own scheme, the Earth scheme. Owing to systemic [Page 387] alignment logoic kundalini could flow through a certain triangle of which two points were Venus and the Earth. This caused an acceleration of vibration, and enabled the Heavenly Man of our scheme to take a minor initiation, and to set about His preparations for a major initiation.

c. Hành Tinh Thượng Đế không đến từ hệ hành tinh Sao Kim mà từ dãy Sao Kim của chính hệ hành tinh Ngài, tức hệ hành tinh Địa Cầu. Do sự chỉnh hợp trong hệ mặt trời [Page 387] nên kundalini của Thượng đế có thể chảy qua một tam giác nào đó mà hai điểm là Sao Kim và Trái Đất. Điều này gây ra sự gia tốc rung động, và giúp Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta nhận một điểm đạo nhỏ, và bắt đầu các chuẩn bị của Ngài cho một điểm đạo lớn.

Next, it should also be remembered that in considering this matter we must be careful to view it not only as it affects our own globe and its present humanity, but from the systemic and cosmic point of view, or from the angle of its importance to a planetary Logos and a solar Logos. Hence it is a fact that this event was not only the result of the taking of a minor initiation by our Earth Logos, but in the Venus scheme it was signalised by the taking of a major initiation by the Venusian planetary Logos on His fifth chain. In connection with a solar Logos it followed upon the stimulation of one of His centres and from the geometrical progression of the fire through the earlier mentioned Triangle.

Kế đến, cũng cần nhớ rằng khi xem xét vấn đề này, chúng ta phải cẩn thận nhìn nó không chỉ theo cách nó ảnh hưởng đến chính bầu hành tinh chúng ta và nhân loại hiện tại của nó, mà còn từ quan điểm hệ mặt trời và vũ trụ, hay từ góc độ tầm quan trọng của nó đối với một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế. Vì thế, sự kiện này không chỉ là kết quả của việc Địa Cầu Thượng đế của chúng ta nhận một điểm đạo nhỏ, mà trong hệ hành tinh Sao Kim nó còn được báo hiệu bằng việc Hành Tinh Thượng Đế Kim tinh nhận một điểm đạo lớn trên dãy thứ năm của Ngài. Liên hệ với một Thái dương Thượng đế, nó tiếp theo sau sự kích thích một trong các trung tâm của Ngài và từ sự tiến triển theo cấp số nhân của lửa qua Tam giác đã được nhắc đến trước đó.

It has been stated that one hundred and four Kumaras came from Venus to the Earth; literally the figure is one hundred and five, when the synthesising Unit, the Lord of the World Himself, is counted as one. There remain still with Him the three Buddhas of Activity. I would call attention to the dual significance of that name, "Buddha of Activity," bearing out, as it does, the reality of the fact that Entities at Their stage of evolution are active love-wisdom and

Đã có lời nói rằng một trăm lẻ bốn Kumara đã đến từ Sao Kim đến Trái Đất; theo nghĩa đen con số là một trăm lẻ năm, khi Đơn Vị tổng hợp, chính Đức Chúa Tể Thế Giới, được tính là một. Vẫn còn ở lại với Ngài là ba Đức Phật Hoạt Động. Tôi muốn lưu ý đến ý nghĩa nhị nguyên của danh xưng ấy, "Đức Phật Hoạt Động," vì nó xác nhận tính chân thực của sự kiện rằng các Thực Thể ở giai đoạn tiến hoá của Các Ngài là Bác Ái – Minh Triết năng động và hiện thân trong chính Các

embody in Themselves the two aspects. The three Buddhas of activity have a correspondence to the three persons of the Trinity.

Ngài hai phương diện ấy. Ba Đức Phật Hoạt Động có một sự tương ứng với ba ngôi của Tam Vị.

These Entities are divided into three groups of thirty-five each, and in Themselves embody the three major centres of the planetary Logos, those three groups which we know as the "three departments," for it should be emphasised that each department forms a centre: [Page 388]

Các Thực Thể này được chia thành ba nhóm, mỗi nhóm ba mươi lăm vị, và trong chính Các Ngài hiện thân ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế, ba nhóm mà chúng ta biết là "ba ban", vì cần nhấn mạnh rằng mỗi ban tạo thành một trung tâm: [Page 388]

a.	The Head centre	The Ruling Department
b.	The Heart centre	The Teaching Department
c.	The Throat centre	The Mahachohan's Department. This centre synthesises the lesser four, just as the third Ray synthesises the minor four.

These Kumaras (or Their present substitutes) can also be divided into the seven groups which correspond to the seven Rays, and are in Themselves the life of the centre for which They stand. Fifteen, therefore, of these Entities (again the ten and the five) form a centre in the body of the planetary Logos, and the three Kumaras about Whom we are told (Who in Themselves are fivefold, making the fifteen) are the entifying Lives of the particular centre which is involved in the coming Initiation of the Heavenly Man, and to which the human units at this time, and during this greater cycle, belong.

Các Kumara này (hay những vị thay thế hiện tại của Các Ngài) cũng có thể được chia thành bảy nhóm tương ứng với bảy cung, và tự thân Các Ngài là sự sống của trung tâm mà Các Ngài đại diện. Vì vậy, mười lăm Thực Thể này (một lần nữa là mười và năm) tạo thành một trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, và ba Kumara mà chúng ta được biết đến (Các Ngài tự thân đều là ngũ phân, thành ra mười lăm) là các Sự Sống phú thể của trung tâm đặc thù có liên quan đến cuộc điểm đạo sắp đến của Đấng Thiên Nhân, và là trung tâm mà các đơn vị nhân loại hiện nay, và trong đại chu kỳ này, thuộc về.

Another fact that should be noted about these great Beings is, that when viewed in Their seven groups, They form:

Một sự kiện khác cần lưu ý về các Đấng vĩ đại này là, khi được xem trong bảy nhóm của Các Ngài, Các Ngài tạo thành:

a. Focal points for the force or influence emanating from the other solar centres or schemes.

a. Các tiêu điểm cho mãnh lực hay ảnh hưởng phát ra từ các trung tâm thái dương hay các hệ hành tinh khác.

b. The seven divisions of the occult Hierarchy.

b. Bảy phân bộ của Thánh đoàn huyền bí.

They exist, as does the Heavenly Man Himself, in etheric matter, and are literally great Wheels, or centres of living Fire, manasic and electric fire; They vitalise the body of the Heavenly Man and hold all together as an objective whole. They make a planetary triangle within the chain, and each of Them vitalises one globe.

Các Ngài hiện hữu, cũng như chính Đấng Thiên Nhân, trong vật chất dĩ thái, và theo nghĩa đen là những Bánh Xe vĩ đại, hay những trung tâm của Lửa sống, lửa manas và Lửa Điện; Các Ngài tiếp sinh lực cho thân thể của Đấng Thiên Nhân và giữ mọi sự lại với nhau như một toàn thể khách quan. Các Ngài tạo thành một tam giác hành tinh bên trong dãy, và mỗi vị trong Các Ngài tiếp sinh lực cho một bầu hành tinh.

It is not permitted at this stage to state, for exoteric publication:

Ở giai đoạn này, không được phép công bố ra bên ngoài rằng:

Which Ray, or logoic emanation is embodied by our planetary Logos. [Page 389]

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện thân cung nào, hay phát xạ nào của Thượng đế. [Page 389]

Which centre in the solar system is called the Earth scheme.

Trung tâm nào trong hệ mặt trời được gọi là hệ Địa Cầu.

Which scheme is our polar opposite, or which Heavenly Man is most closely allied to ours.

Hệ hành tinh nào là đối cực của chúng ta, hay Đấng Thiên Nhân nào liên kết mật thiết nhất với Đấng của chúng ta.

Which particular centre in the body of the planetary Logos He is at present endeavouring to vitalise.

Trung tâm đặc thù nào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế mà hiện nay Ngài đang nỗ lực tiếp sinh lực.

These points are, as may be inferred, too dangerous to impart, and those students

Như có thể suy ra, các điểm này quá nguy hiểm để truyền đạt, và những đạo sinh nào

whose intuition suffices to attain the information will see for themselves the necessity for silence.

có trực giác đủ để đạt được thông tin ấy sẽ tự mình thấy được sự cần thiết của im lặng.

c. A Prophecy. We might now, prior to continuing with our subject, name the different chains of the Earth scheme. We must bear carefully in mind the fact that these are simply names, affixed to the chains and globes for the sake of clarity. As this subject is more widely studied it will inevitably be found advisable to call the chains by their numbers, and to drop the names as at present used:

c. Một lời tiên tri. Giờ đây, trước khi tiếp tục chủ đề của chúng ta, chúng ta có thể nêu tên các dãy khác nhau của hệ Địa Cầu. Chúng ta phải cẩn thận ghi nhớ sự kiện rằng đây chỉ đơn thuần là những tên gọi, được gán cho các dãy và các bầu hành tinh vì mục đích rõ ràng. Khi chủ đề này được nghiên cứu rộng rãi hơn, tất yếu sẽ thấy rằng nên gọi các dãy bằng số của chúng, và bỏ các tên hiện đang dùng:

1. Neptune.

1. Sao Hải Vương.

2. Venus.

2. Sao Kim.

3. Saturn.

3. Sao Thổ.

4. Earth.

4. Trái Đất.

5. Mercury.

5. Sao Thủy.

6. Mars.

6. Sao Hỏa.

7. Jupiter.

7. Sao Mộc.

It is necessary here to take the opportunity to sound a note of warning to students in connection with the charts which have been inserted in the Treatise.

Ở đây cần nhân cơ hội này để lên tiếng cảnh báo các đạo sinh liên quan đến các biểu đồ đã được đưa vào bộ Luận.

They depict only one cycle in logoic evolution, and cover only the present greater period in the working out of which we are engaged. They might be roughly described as embracing that period in the system which began for us in the middle of the third root-race of this round and continues until the period called “the Judgment” [Page 390]

Chúng chỉ mô tả một chu kỳ trong tiến hoá của Thượng đế, và chỉ bao quát đại thời kỳ hiện tại mà chúng ta đang tham dự vào sự triển khai của nó. Có thể mô tả đại khái rằng chúng bao gồm thời kỳ trong hệ mặt trời bắt đầu đối với chúng ta vào giữa giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn này và tiếp tục cho đến thời kỳ được gọi là “Phán Xét” [Page

in the coming fifth round. When that time comes our planetary Logos will have attained the initiation which is His present goal; the fifth round of the Venusian scheme will be closing, and the Venus scheme will begin to pass into obscuration, preparatory to transferring her life to the synthesising planet with which she is connected; Mercury will be reaching the apotheosis of achievement, and with Mars and the Earth, will form a systemic triangle. We are speaking here of schemes and not of chains.

390] trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp đến. Khi thời điểm ấy đến, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ đạt được điểm đạo vốn là mục tiêu hiện tại của Ngài; cuộc tuần hoàn thứ năm của hệ Sao Kim sẽ khép lại, và hệ Sao Kim sẽ bắt đầu đi vào sự lu mờ, để chuẩn bị chuyển sự sống của nó sang hành tinh tổng hợp mà nó có liên hệ; Sao Thủy sẽ đạt đến đỉnh cao thành tựu, và cùng với Sao Hỏa và Trái Đất, sẽ tạo thành một tam giác trong hệ mặt trời. Ở đây chúng ta đang nói về các hệ hành tinh chứ không phải các dãy.

We must recognise another triangle within the Earth scheme, of the chains called "the Earth chain," the Venus chain, and the Mercurian chain, but this triangle entirely concerns the centres of the planetary Logos of our scheme. A systemic formation of great importance in the next round should be pointed out which will bring three schemes:

Chúng ta phải nhận ra một tam giác khác bên trong hệ Địa Cầu, gồm các dãy được gọi là "dãy Địa Cầu", dãy Sao Kim, và dãy Sao Thủy, nhưng tam giác này hoàn toàn liên quan đến các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta. Cần chỉ ra một cấu trúc trong hệ mặt trời rất quan trọng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cấu trúc này sẽ đưa ba hệ hành tinh:

The Earth scheme,

Hệ Địa Cầu,

Mars,

Sao Hỏa,

Mercury,

Sao Thủy,

into such a position in relation to each other that the following results will eventuate:

vào một vị trí tương quan với nhau đến mức các kết quả sau đây sẽ xảy ra:

1. A systemic triangle will be formed.

1. Một tam giác trong hệ mặt trời sẽ được hình thành.

2. Logoic kundalini will circulate freely between these three points.

2. kundalini của Thượng đế sẽ lưu chuyển tự do giữa ba điểm này.

3. A certain great logoic centre will be vitalised and the attention of logoic kundalini will pass from the present triangle in process of forming (the Earth, Venus, and

3. Một trung tâm của Thượng đế vĩ đại nào đó sẽ được tiếp sinh lực và sự chú ý của kundalini của Thượng đế sẽ chuyển từ tam giác hiện đang trong tiến trình hình thành

a scheme whose name it is advisable to withhold) to the other.

(Trái Đất, Sao Kim, và một hệ hành tinh mà nên giữ kín tên) sang tam giác kia.

4. An entirely new group of human beings will sweep into incarnation in our Earth scheme. Three fifths of the present humanity, being on the Probationary Path, or the Path of Initiation, at that time, will have their centre of consciousness definitely on the mental plane [Page 391] whilst two fifths will remain focussed on the astral. These two fifths will pass into temporary pralaya, preparatory to their transference to another scheme, as the Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture.

4. Một nhóm nhân loại hoàn toàn mới sẽ ào vào lâm phàm trong hệ Địa Cầu của chúng ta. Ba phần năm nhân loại hiện nay, vào thời điểm đó đang ở trên Con Đường Dự Bị, hay Con Đường Điểm Đạo, sẽ có trung tâm tâm thức của họ dứt khoát ở trên cõi trí [Page 391] trong khi hai phần năm sẽ vẫn tập trung trên cõi cảm dục. Hai phần năm này sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời, để chuẩn bị cho sự chuyển sang một hệ hành tinh khác, vì hệ Địa Cầu sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi nuôi dưỡng thích hợp nữa.

5. Entities will come in from Mars to the Earth scheme, and will there find their necessary field of endeavour.

5. Các Thực Thể sẽ từ Sao Hỏa đi vào hệ Địa Cầu, và tại đó sẽ tìm thấy lĩnh vực nỗ lực cần thiết của họ.

6. Mercurian life will begin to synthesise, and to be transferred to its synthesising planet. In the case of Mercury this synthesising planet is not Saturn, but one of the other two higher major centres.

6. Sự sống Sao Thủy sẽ bắt đầu tổng hợp, và được chuyển sang hành tinh tổng hợp của nó. Trong trường hợp của Sao Thủy, hành tinh tổng hợp này không phải là Sao Thổ, mà là một trong hai trung tâm lớn cao hơn kia.

7. The "Judgment Day" in the fifth round, or the point of attainment of our Heavenly Man, will see a period of planetary strife on mental Ievels which will cause the present world unrest to seem as nothing. As pointed out earlier, this present struggle has been to test the ability of the entities within the present human forms to appreciate their mental forces, and through the power of MIND to transcend feeling, or pain. The struggle in the fifth round will be between higher and lower mind, and the battle ground will be the causal body. (138) The [Page 392] struggle now being waged on the planet is between a few Egos (or the leaders of the many races who are necessarily in place and position owing to their egoic

7. "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm, hay điểm thành tựu của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, sẽ chứng kiến một thời kỳ xung đột hành tinh trên các cấp độ trí tuệ khiến tình trạng bất an thế giới hiện nay trở nên không đáng kể. Như đã chỉ ra trước đây, cuộc đấu tranh hiện nay nhằm thử nghiệm khả năng của các thực thể bên trong các hình tướng nhân loại hiện tại trong việc đánh giá các mãnh lực trí tuệ của họ, và nhờ quyền năng của TRÍ TUỆ mà vượt lên trên cảm giác, hay đau đớn. Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ là giữa thượng trí và hạ trí, và chiến trường sẽ là thể nguyên nhân. (138) Cuộc [Page 392] đấu tranh hiện đang diễn ra trên hành tinh là giữa một số ít chân ngã (hay các lãnh đạo của nhiều giống

polarisation) and many personalities, who are swept into the vortex through group association; it is necessarily terrific, and forces the destruction of the form. The struggle in the fifth round, being on mental levels, will be between Egos and egoic groups, each working consciously, and with intellectual application, to bring about certain group results. It will result in the triumph (the ultimate triumph) of Spirit over matter, in the driving out of certain groups as yet unable to shake themselves free from the trammels of matter, and who prefer captivity to the life of the Spirit; it will mark the beginning of the obscuration of our scheme, and the gradual passing into pralaya, during the remaining two and a half rounds of our entire seven chains. It is an interesting occult fact that our Earth should now be in her fifth round, and paralleling the Venusian scheme, but the moon chain of our scheme saw a period of temporary retardation of the evolutionary process of our Heavenly Man; it resulted in a temporary slowing down of His activities, and caused "lost time," if such an expression might reverently be permitted. The Lords of the Dark Face, or the inherent forces of matter for a time achieved success, and only the fifth round of our chain will see their ultimate defeat. The Venusian scheme also had its battleground, but the planetary Logos of that scheme overcame the antagonistic forces, triumphed over material forms, and was consequently in a position—when the right time came—to apply the needed stimulation or an [Page 393] increased fiery vibration to our Earth scheme. The fact that outside aid was called in during the third root-race of this chain, and that the evolution of manas brought about the individualisation, in physical form, of the Avatar, needs to be pondered on. The Divine Manasaputra, the Lord of the World, took form Himself through the

dân, những người tất yếu ở đúng chỗ và đúng vị trí do sự phân cực chân ngã của họ) và nhiều phàm ngã, những kẻ bị cuốn vào vòng xoáy qua sự liên kết nhóm; tất yếu nó rất khốc liệt, và buộc phải hủy diệt hình tướng. Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vì diễn ra trên các cấp độ trí tuệ, sẽ là giữa các chân ngã và các nhóm chân ngã, mỗi bên làm việc một cách hữu thức, và với sự vận dụng trí năng, để đem lại những kết quả nhóm nhất định. Nó sẽ dẫn đến sự chiến thắng (sự chiến thắng tối hậu) của tinh thần đối với vật chất, trong việc đẩy ra ngoài một số nhóm vẫn chưa thể tự giải thoát khỏi những trói buộc của vật chất, và những kẻ thích sự giam cầm hơn là sự sống của tinh thần; nó sẽ đánh dấu sự khởi đầu của sự lu mờ của hệ chúng ta, và sự dần dần đi vào giai kỳ qui nguyên, trong suốt hai cuộc tuần hoàn rưỡi còn lại của toàn bộ bảy dãy của chúng ta. Một sự kiện huyền bí thú vị là lẽ ra Trái Đất của chúng ta hiện nay phải ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, song song với hệ Sao Kim, nhưng dãy Mặt Trăng của hệ chúng ta đã chứng kiến một thời kỳ trì hoãn tạm thời trong tiến trình tiến hoá của Đấng Thiên Nhân của chúng ta; điều đó dẫn đến sự chậm lại tạm thời trong các hoạt động của Ngài, và gây ra "thời gian bị mất", nếu có thể kính cẩn cho phép dùng cách nói như vậy. Các Đấng của Khuôn Mặt Tối, hay các mãnh lực cố hữu của vật chất, trong một thời gian đã đạt được thành công, và chỉ đến cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy chúng ta mới chứng kiến sự thất bại tối hậu của họ. Hệ Sao Kim cũng đã có chiến trường của nó, nhưng Hành Tinh Thượng Đế của hệ ấy đã vượt qua các mãnh lực đối kháng, chiến thắng các hình tướng vật chất, và do đó ở vào vị thế—khi thời điểm thích hợp đến—để áp dụng sự kích thích cần thiết hay một rung động hỏa tính [Page 393] gia tăng cho hệ Địa Cầu của chúng ta. Sự kiện rằng viện trợ từ bên ngoài đã được kêu gọi trong giống dân gốc thứ ba của dãy này, và rằng sự tiến hoá của manas

driving impulse of manas, inherent in His nature, and in some mysterious way this was aided by another Heavenly Man of another scheme. His co-operation was required.

đã đem lại sự biệt ngã hóa, trong hình tướng hồng trần, của Đấng Hoá Thân, là điều cần được suy ngẫm. Đấng Manasaputra Thiêng Liêng, Đức Chúa Tể Thế Giới, đã tự mình mang lấy hình tướng qua xung lực thúc đẩy của manas vốn cố hữu trong bản chất của Ngài, và theo một cách huyền nhiệm nào đó một Đấng Thiên Nhân khác của một hệ hành tinh khác đã trợ giúp điều này. Sự hợp tác của Ngài là điều cần thiết.

(138) *The Causal Body.*

(138) *Thể nguyên nhân.*

"This influence or force, or result, or whatever it may be called, of the antecedent actions of man, forms as it were a seed, from which germinates the plant, yielding good or bad fruit, to be eaten by him during his subsequent existence. (Vishnu Purana I, XIX, 5). This seed is technically called the Karana Sarira, the causal body (Paingala Upanishad II), as it is the cause of man's enjoyment or suffering. This Karana Sarira is composed of the fifth Kosa (Anandamaya) of man and adheres to the soul so long as the soul remains enveloped in the gross or subtle body (Sthula or Sukshma Sarira); and vanishes entirely when the soul extricates itself from the trammels of the said two bodies; for then, the soul attains its primeval purity, and burns up as it were every trace of its combination with the body, including this causal body (Karana Sarira). This happens when the soul is prepared for final emancipation, Moksha. Till then, of course, the Karana Sarira, the seed, the result of prior actions, remains effective, and asserts a strong controlling influence over man's actions."—*The Theosophist*, Vol. VII, III, p. 59.

"Ảnh hưởng hay mãnh lực này, hay kết quả này, hay bất cứ điều gì có thể gọi như thế, của các hành động trước đó của con người, tạo thành như một hạt giống, từ đó nảy mầm cây, sinh ra quả lành hay dữ, để y ăn trong đời sống tiếp theo của mình. (Vishnu Purana I, XIX, 5). Hạt giống này về mặt kỹ thuật được gọi là Karana Sarira, thể nguyên nhân (Paingala Upanishad II), vì nó là nguyên nhân của sự hưởng thụ hay đau khổ của con người. Karana Sarira này được cấu thành từ Kosa thứ năm (Anandamaya) của con người và bám theo linh hồn chừng nào linh hồn còn bị bao bọc trong thể thô hay thể vi tế (Sthula hay Sukshma Sarira); và hoàn toàn biến mất khi linh hồn tự giải thoát khỏi những trói buộc của hai thể nói trên; vì khi ấy, linh hồn đạt đến sự thanh khiết nguyên sơ của nó, và như thiêu hủy mọi dấu vết của sự kết hợp của nó với thân thể, kể cả thể nguyên nhân này (Karana Sarira). Điều này xảy ra khi linh hồn được chuẩn bị cho sự giải thoát cuối cùng, Moksha. Cho đến lúc đó, dĩ nhiên, Karana Sarira, hạt giống, kết quả của các hành động trước đó, vẫn còn hiệu lực, và khẳng định một ảnh hưởng kiểm soát mạnh mẽ lên các hành động của con người."—*The Theosophist*, Tập VII, III, tr. 59.

"An ordinary person will by Vasana (Aroma or smell) repeat (In Jagra, the waking state)

"Một người bình thường do Vasana (Hương hay mùi) sẽ lặp lại (trong Jagra, trạng thái

the old story dreamt in a dream that has passed way. So also will he, who, investigating the true nature of the self has attained to real knowledge, express himself and still will never become Chidabhasa (chidabhasa is the reflection of atma in the Karana Sarira, which is the vehicle of ignorance). *He who has become a celestial being will nevertheless be called 'man' till the causal body that has already died (by the birth of Pragna, or wisdom) is completely consumed by the predominant fire of wisdom."*—*Kaivalyanavanita*, Part II, 31.

thức) câu chuyện cũ đã mơ trong một giấc mơ đã qua. Cũng vậy, người nào, bằng cách khảo cứu bản chất chân thực của tự ngã, đã đạt đến tri thức chân chính, sẽ biểu lộ chính mình và vẫn sẽ không bao giờ trở thành Chidabhasa (chidabhasa là sự phản chiếu của atma trong Karana Sarira, vốn là vận cụ của vô minh). *Người đã trở thành một thiên nhân tuy vậy vẫn sẽ được gọi là 'người' cho đến khi thể nguyên nhân đã chết rồi (do sự sinh ra của Pragna, hay minh triết) hoàn toàn bị ngọn lửa minh triết trội vượt thiêu hủy."*—*Kaivalyanavanita,* Phần II, 31.

"By the rarest fire of True Wisdom the body of avidya (i.e. the causal body) will be reduced to ashes."—*Kaivalyanavanita*, Part I, 98.

"Bởi ngọn lửa cực hiếm của Chân Minh Triết, thể của avidya (tức thể nguyên nhân) sẽ bị thiêu thành tro."—*Kaivalyanavanita*, Phần I, 98.

Copied from *The Theosophist*, Vol. VIII. (back)

Sao chép từ *The Theosophist*, Tập VIII. (back)

d. Summation. We have been studying the origin of manas, and we saw first, that it is the active will, intelligently applied, of an Entity, and then that this active intelligent will affects all lesser lives in cyclic evolution within the Body of that particular actively willing Existence. This is true of all Beings from the Logos downwards. Perhaps in summing up it might be expressed thus:

d. Tổng kết. Chúng ta đã nghiên cứu nguồn gốc của manas, và trước hết đã thấy rằng nó là ý chí hoạt động, được áp dụng một cách thông minh, của một Thực Thể, rồi sau đó thấy rằng ý chí thông minh hoạt động này tác động đến mọi sự sống nhỏ hơn trong tiến hoá theo chu kỳ bên trong Thân thể của Sự Tồn Tại có ý chí hoạt động đặc thù ấy. Điều này đúng với mọi Đấng từ Thượng đế trở xuống. Có lẽ khi tổng kết có thể diễn đạt như sau:

The originating source of manasic activity *in a solar system* is that great cosmic Entity Who embodies our solar Logos as a centre in His Body along with six other solar Logoi Who are, in Their totality, His seven centres.

Nguồn gốc khởi phát của hoạt động manas *trong một hệ mặt trời* là Thực Thể vũ trụ vĩ đại đang hiện thân cho Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm trong Thân thể của Ngài cùng với sáu Thái dương Thượng đế khác, những Đấng trong tổng thể của Các Ngài là bảy trung tâm của Ngài.

The originating source of manasic activity *in the planetary schemes* is that cosmic Entity we call the solar Logos. He is the active,

Nguồn gốc khởi phát của hoạt động manas *trong các hệ hành tinh* là Thực Thể vũ trụ mà chúng ta gọi là Thái dương Thượng đế. Ngài

directing Intelligence Who is working with definite purpose through His seven centres.

là Trí Tuệ hoạt động, chỉ đạo, đang làm việc với mục đích xác định qua bảy trung tâm của Ngài.

The originating source of the manasic principle in a *planetary scheme* is that lesser cosmic Entity Whom we call a planetary Logos. He works through His seven chains as does the Logos through His seven planetary centres. It is interesting here to note that when the solar Logos is being manasically impelled to work out some purpose of His greater Source (THE ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID) He may cause a vivification in one or other of His centres according to the purpose in view. This occurred in the forming of the triangle of which Earth and Venus are two points, and (affecting [Page 394] the Heavenly Men of these two schemes) stimulated Them to take initiation, and led the planetary Logos of our scheme to form a lesser triangle within His sphere of activity, which triangle eventuated in His taking a lesser initiation, and in the manasic impregnation of animal man. Thus were swept into objective activity that group of monads who go to the composition of a particular centre.

Nguồn gốc khởi phát của nguyên khí manas trong một *hệ hành tinh* là Thực Thể vũ trụ nhỏ hơn mà chúng ta gọi là Hành Tinh Thượng Đế. Ngài làm việc qua bảy dãy của Ngài cũng như Thượng đế làm việc qua bảy trung tâm hành tinh của Ngài. Ở đây thật thú vị khi lưu ý rằng khi Thái dương Thượng đế đang được thúc đẩy một cách manas để thực hiện một mục đích nào đó của Nguồn Gốc lớn lao hơn của Ngài (ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ) thì Ngài có thể gây ra một sự làm sống động trong trung tâm này hay trung tâm khác của Ngài tùy theo mục đích được nhắm đến. Điều này đã xảy ra trong việc hình thành tam giác mà Trái Đất và Sao Kim là hai điểm, và (tác động đến [Page 394] các Đấng Thiên Nhân của hai hệ này) đã kích thích Các Ngài nhận điểm đạo, và dẫn Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta đến chỗ hình thành một tam giác nhỏ hơn bên trong khối cầu hoạt động của Ngài, tam giác này đã đưa đến việc Ngài nhận một điểm đạo nhỏ hơn, và đến sự thụ thai manas của người thú. Như thế, nhóm chân thần cấu thành một trung tâm đặc thù đã được cuốn vào hoạt động khách quan.

Similarly, and microcosmically, a human being is the manasic incentive and the origin of active, intelligent will to all the cells within his threefold body,—astral, mental and physical. His is the directing intelligence, and his the source of all action and endeavour within his periphery, and, like his greater corresponding spheres, a solar Logos and a planetary Logos, he works through seven centres.

Tương tự như vậy, và ở cấp vi mô, một con người là động lực manas và là nguồn gốc của ý chí hoạt động, thông minh đối với mọi tế bào bên trong thân thể tam phân của y,—gồm thể cảm dục, thể trí và thể xác. Y là trí tuệ chỉ đạo, và của y là nguồn gốc của mọi hành động và nỗ lực bên trong chu vi của y, và, giống như các khối cầu tương ứng lớn hơn của y, một Thái dương Thượng đế và một Hành Tinh Thượng Đế, y làm việc qua bảy trung tâm.

Thus we have traced the origin of manas as far as it is possible to do at this time. The mystery of manas is hidden in existence itself, and holds the secret of life and conceals and veils those Entities Whose outstanding quality and characteristic it is. To the life of that little entity we call an atom in the physical body of a man, the Thinker in the causal body, his greater directing intelligence, is as obscure and unknown as the Logos is to the Thinker, Man, himself. The analogy is nevertheless accurate. (139) Man's physical body, for instance, considering it [Page 395] as a corporate whole composed of many lesser lives, suffers or prospers as its directing Intelligence acts with wisdom-love or otherwise. The manasic principle actuates all that occurs within the man's aura, and he suffers, or he makes progress, according to the application of that principle.

Như vậy, chúng ta đã truy nguyên nguồn gốc của manas xa đến mức có thể làm được vào lúc này. Huyền nhiệm của manas được che giấu trong chính sự tồn tại, và nắm giữ bí mật của sự sống, đồng thời che đậy và phủ màn những Thực Thể mà phẩm tính và đặc trưng nổi bật của Các Ngài chính là nó. Đối với sự sống của thực thể nhỏ bé mà chúng ta gọi là một nguyên tử trong thể xác của một con người, Nhà Tư Tưởng trong thể nguyên nhân, trí tuệ chỉ đạo lớn hơn của nó, cũng mờ tối và không được biết đến như Thượng đế đối với chính Nhà Tư Tưởng là Con Người vậy. Tuy nhiên, sự tương đồng vẫn chính xác. (139) Chẳng hạn, thể xác của con người, nếu xét nó như một [Page 395] toàn thể hợp nhất gồm nhiều sự sống nhỏ hơn, sẽ chịu khổ hay hưng thịnh tùy theo Trí Tuệ chỉ đạo của nó hành động với bác ái-minh triết hay không. Nguyên khí manas thúc đẩy mọi điều xảy ra bên trong hào quang của con người, và y chịu khổ, hay tiến bộ, tùy theo sự áp dụng nguyên khí ấy.

(139) *Forms.*

(139) *Các hình tướng.*

The *Atharva Veda*, as the summation, instructs us in the principles which equally underlie the methods of the World-process, and of the atom-process—a world in miniature. Whether 'World-process' or 'atom-process' depends on the speaker and his point of view. As every mantra of this Veda reflects the operations of the World-process, so does it reveal to us cognition within cognition, memory within memory, power within power, world within world, fact within fact, action within action, duty within duty, sin within sin, individuality within individuality, ascending and descending from every point in space, endlessly, ceaselessly. Atoms make up molecules, molecules compounds, compounds cells, cells tissues, tissues

Bộ *Atharva Veda*, như một sự tổng kết, chỉ dạy cho chúng ta các nguyên lý vốn làm nền tảng như nhau cho các phương pháp của tiến trình thế giới và của tiến trình nguyên tử—một thế giới thu nhỏ. Là "tiến trình thế giới" hay "tiến trình nguyên tử" tùy thuộc vào người nói và quan điểm của người ấy. Cũng như mỗi mantra của bộ Veda này phản ánh các hoạt động của tiến trình thế giới, nó cũng mặc khải cho chúng ta nhận thức trong nhận thức, ký ức trong ký ức, quyền năng trong quyền năng, thế giới trong thế giới, sự kiện trong sự kiện, hành động trong hành động, bổn phận trong bổn phận, tội lỗi trong tội lỗi, cá thể tính trong cá thể tính, đi lên và đi xuống từ mọi điểm trong không gian, vô tận, không ngừng. Các nguyên tử tạo thành phân tử, các phân tử tạo thành hợp chất, các

organs, organs bodies, bodies communities; communities classes and races; classes and races kingdoms; kingdoms of many grades and varied linkings make up a planet, planets make up a solar system, solar systems a vaster system, and so on, unending; nowhere is found simplicity indivisible; nowhere complexity final. All is relative.—From *Pranava-Vada*, pp. 334-335. (back)

hợp chất tạo thành tế bào, các tế bào tạo thành mô, các mô tạo thành cơ quan, các cơ quan tạo thành thân thể, các thân thể tạo thành cộng đồng; các cộng đồng tạo thành giai cấp và giống dân; các giai cấp và giống dân tạo thành các giới; các giới với nhiều cấp độ và những mối liên kết đa dạng tạo thành một hành tinh, các hành tinh tạo thành một hệ mặt trời, các hệ mặt trời tạo thành một hệ thống rộng lớn hơn nữa, và cứ thế tiếp diễn, không cùng; không nơi nào tìm thấy sự đơn giản bất khả phân; không nơi nào có sự phức tạp tối hậu. Mọi sự đều tương đối.—Trích từ *Pranava-Vada*, tr. 334-335. (back)

So, reverently may the same be said of the body of the solar Logos, a system, and so may it be said of the planetary Logos and His scheme.

Vì vậy, với lòng kính cẩn, điều tương tự cũng có thể được nói về thân thể của Thái dương Thượng đế, một hệ mặt trời, và cũng có thể nói như vậy về Hành Tinh Thượng Đế và hệ hành tinh của Ngài.

II. THE POSITION OF MANAS — II. VỊ TRÍ CỦA MANAS

Manas and Karma.

Manas và nghiệp quả.

Manas and Karmic purpose

Manas và mục đích nghiệp quả

1. Manas and Karma. — 1. Manas và nghiệp quả.

Having seen that *manas is the intelligent purpose of some Being, working out in active objectivity,* and having touched upon the inter-relation existing between certain of these Entities, it may now be possible to vision—even if somewhat cursorily and dimly—the true position of the manasic principle in all three cases. The whole mystery of this principle is hidden in two fundamentals:

Sau khi thấy rằng *manas là mục đích thông minh của một Đấng nào đó, được triển khai trong tính khách quan hoạt động,* và sau khi đã chạm đến mối tương liên hiện hữu giữa một số Thực Thể này, giờ đây có lẽ có thể hình dung—dù phần nào sơ lược và mờ nhạt—vị trí thực sự của nguyên khí manas trong cả ba trường hợp. Toàn bộ huyền nhiệm của nguyên khí này được che giấu trong hai điều căn bản:

Huyền nhiệm của sự phân giải ngôi sao sáu cánh thành ngôi sao năm cánh. (140) (141)

The mystery of the resolution of the six-pointed star, into the five-pointed star. (140) (141)

(140) It might be of interest to note the correspondences between these six forces and the "shaktis" of the Hindu philosophy. The *Secret Doctrine* says that:—

The Six are the six forces of Nature.

What are these six forces? See S. D., I, 312.

a. They are types of energy.

b. They are the dynamic quality or characteristic of a planetary Logos.

c. They are the life force of a Heavenly Man directed in a certain direction.

These "shaktis" are as follows:—

1. Parashakti—Literally, the supreme force, energy and radiation in and from substance.

2. Jnanashakti—The force of intellect or mind.

3. Ichchhashakti—The power of will, or force in producing manifestation.

4. Kriyashakti—The force which materialises the ideal.

5. Kundalini shakti—The force which adjusts internal relations to the external.

(140) Có lẽ sẽ thú vị nếu lưu ý các tương ứng giữa sáu mãnh lực này và các "shakti" của triết học Ấn Độ. *Giáo Lý Bí Nhiệm* nói rằng:—

Sáu là sáu mãnh lực của Thiên Nhiên.

Sáu mãnh lực này là gì? Xem S. D., I, 312.

a. Chúng là các loại năng lượng.

b. Chúng là phẩm tính hay đặc trưng năng động của một Hành Tinh Thượng Đế.

c. Chúng là sinh lực của một Đấng Thiên Nhân được hướng theo một phương hướng nhất định.

Các "shakti" này như sau:—

1. Parashakti—Theo nghĩa đen, mãnh lực tối thượng, năng lượng và phát xạ trong và từ chất liệu.

2. Jnanashakti—Mãnh lực của trí năng hay trí tuệ.

3. Ichchhashakti—Quyền năng của ý chí, hay mãnh lực trong việc tạo ra biểu hiện.

4. Kriyashakti—Mãnh lực hiện hình lý tưởng.

5. Kundalini shakti—Mãnh lực điều chỉnh các tương quan bên trong với bên ngoài.

6. Mantrikashakti—The force latent in sound, speech and music.

These six are synthesised by their Primary, the Seventh. (back)

(141) The Secret Doctrine says that:—

It is on the Hierarchies and the correct number of these Entities that the mystery of the universe is built.

Ten--The line and the circle. The symbol of the Heavenly Men.—S. D., I, 117.

The ten are the arupa universe.... S. D., I, 125.

The ten are manifested existence.... S. D., I, 467.

The ten are sumtotal.... S. D., I. 428.

Six—The six-pointed star. The subjective life and the objective form, overshadowed by Spirit.

The six are the six forces of nature.... S. D., I, 236.

The six Heavenly Men.... S. D., I, 402.

The six planes.... S. D., I, 236.

Force or energy, matter or substance, and Spirit.

The six are the double triangle.... S. D., I, 143.

The six are the symbol of objectivity.... S. D., II, 625.

6. Mantrikashakti—Mãnh lực tiềm ẩn trong âm thanh, lời nói và âm nhạc.

Cội Nguồn của sáu mãnh lực này, mãnh lực thứ Bảy, tổng hợp chúng. (back)

(141) Giáo Lý Bí Nhiệm nói rằng:—

Chính trên các Huyền Giai và số lượng đúng đắn của các Thực Thể này mà huyền nhiệm của vũ trụ được xây dựng.

Mười--Đường thẳng và vòng tròn. Biểu tượng của các Đấng Thiên Nhân.—S. D., I, 117.

Mười là vũ trụ vô sắc.... S. D., I, 125.

Mười là sự tồn tại biểu hiện.... S. D., I, 467.

Mười là tổng thể.... S. D., I. 428.

Sáu—Ngôi sao sáu cánh. Sự sống chủ quan và hình tướng khách quan, được tinh thần phủ bóng.

Sáu là sáu mãnh lực của thiên nhiên.... S. D., I, 236.

Sáu Đấng Thiên Nhân.... S. D., I, 402.

Sáu cõi.... S. D., I, 236.

Mãnh lực hay năng lượng, vật chất hay chất liệu, và tinh thần.

Sáu là tam giác kép.... S. D., I, 143.

Sáu là biểu tượng của tính khách quan.... S. D., II, 625.

They are the deva aspect of manifestation.... S. D., I, 241.

Chúng là phương diện thiên thần của biểu hiện.... S. D., I, 241.

Five—This is the pentagon, the Makara, the five pointed Star. Compare S. D., I, 218, 219.

Năm—Đây là ngũ giác, Makara, Ngôi Sao năm cánh. So sánh S. D., I, 218, 219.

Five is the symbol of a planetary Logos.... S. D., II, 618.

Năm là biểu tượng của một Hành Tinh Thượng Đế.... S. D., II, 618.

Five is the symbol of the microcosm.... S. D., II, 608.

Năm là biểu tượng của tiểu thiên địa.... S. D., II, 608.

Five is the symbol of creation.... S. D., II. 613.

Năm là biểu tượng của sáng tạo.... S. D., II. 613.

It is the second and the third Logos united in evolution.

Đó là Thượng đế thứ hai và thứ ba hợp nhất trong tiến hoá.

In the merging of the five and the six you have the totality of manifestation, the male and female blended in the Divine Hermaphrodite. Summing up, S. D., I, 235-239. II, 610, 638.

Trong sự hòa nhập của năm và sáu, bạn có toàn thể biểu hiện, nam và nữ hòa trộn trong Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng. Tóm lại, S. D., I, 235-239. II, 610, 638.

The first order.... The essential Lives. Spirit. The Self.

Trật tự thứ nhất.... Các Sự Sống cốt yếu. Tinh thần. Bản Ngã.

The sixth order....The objective form. Matter. The Not-Self.

Trật tự thứ sáu.... Hình tướng khách quan. Vật chất. Phi-Ngã.

The fifth order.... Intelligence. Manas. The relation between

Trật tự thứ năm.... Trí tuệ. Manas. Mối liên hệ giữa

(back)

(back)

The mystery of the Lords of Karma, Who are, in themselves, the sole recipients of the Mind purposes [Page 396] of that cosmic ENTITY Who enfolds our solar Logos within His consciousness.

Huyền nhiệm của các Đấng Nghiệp Quả, những Đấng tự thân là những vị duy nhất tiếp nhận các mục đích của Trí Tuệ [Page 396] của THỰC THỂ vũ trụ đang bao hàm Thái dương Thượng đế của chúng ta trong tâm thức của Ngài.

When, therefore, the esoteric side of astrology, and of mystical geometry, has been studied, and alliance has been made between these two sciences, a flood of light will be thrown upon this matter of the intelligent principle; when the inner workings of the Law of Cause and Effect (the law whereby the Lipika Lords govern all Their action) is better comprehended, then —and then only—will the sons of men be able to study with profit the place of manas in the evolutionary scheme. At the present time it is not possible to do more than point out the direction of the path which must be trodden before this [Page 397] abstruse matter can be made clear, and to indicate certain lines of investigation which might (if strenuously and scientifically followed) yield to the student a rich reward of knowledge. Until the intuition is better developed in the average man, the very principle of manas itself forms a barrier to its due understanding.

Vì vậy, khi phương diện nội môn của chiêm tinh học, và của hình học thần bí, được nghiên cứu, và khi sự liên kết được thiết lập giữa hai khoa học này, thì một luồng ánh sáng sẽ được rọi vào vấn đề nguyên khí thông minh này; khi các vận hành bên trong của Định luật Nhân Quả (định luật mà nhờ đó các Đấng Lipika cai quản mọi hành động của Các Ngài) được thấu hiểu tốt hơn, thì—và chỉ khi đó—những người con của nhân loại mới có thể nghiên cứu một cách hữu ích vị trí của manas trong hệ thống tiến hoá. Hiện nay, không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra phương hướng của con đường phải được bước đi trước khi vấn đề [Page 397] thâm áo này có thể được làm sáng tỏ, và nêu ra một số đường hướng khảo cứu mà có thể (nếu được theo đuổi một cách kiên trì và khoa học) sẽ đem lại cho đạo sinh một phần thưởng tri thức phong phú. Cho đến khi trực giác được phát triển tốt hơn nơi con người trung bình, chính nguyên khí manas tự nó tạo thành một rào cản đối với sự thấu hiểu đúng đắn về nó.

2. *Manas and karmic purpose.*

2. *Manas và mục đích nghiệp quả.*

If it is realised by the student that manas and intelligent purpose are practically synonymous terms, it will be immediately apparent that karma, and the activities of the Lipika Lords, will be involved in the matter. It will also be apparent that only as the lower mind is transmuted into the abstract or higher mind and from thence into the intuition, will man be able to understand the significance of manas. We may perhaps ask why this must be so. Surely it is because the abstract mind is the agent on cosmic levels whereby the Entity concerned formulates His plans and purposes. These plans and purposes (conceived of in the abstract mind) in due course of evolution crystallise into concrete

Nếu đạo sinh nhận ra rằng manas và mục đích thông minh thực tế là những thuật ngữ đồng nghĩa, thì ngay lập tức sẽ rõ rằng nghiệp quả, và các hoạt động của các Đấng Lipika, có liên quan đến vấn đề này. Cũng sẽ rõ rằng chỉ khi hạ trí được chuyển hoá thành trí trừu tượng hay thượng trí và từ đó thành trực giác, con người mới có thể thấu hiểu thâm nghĩa của manas. Có lẽ chúng ta có thể hỏi vì sao điều này phải như vậy. Chắc chắn là vì trí trừu tượng là tác nhân trên các cấp độ vũ trụ nhờ đó Thực Thể liên quan hoạch định các kế hoạch và mục đích của Ngài. Các kế hoạch và mục đích này (được hình thành trong trí trừu tượng) đến lượt mình trong tiến hoá sẽ kết tinh thành hình tướng cụ thể bằng phương tiện của trí cụ thể. Điều mà

form by means of the concrete mind. What we call the archetypal plane in connection with the Logos (the plane whereon He forms His ideals, His aspirations and His abstract conceptions) is the logoic correspondence to the atomic abstract levels of the mental plane, from whence are initiated the impulses and purposes of the Spirit in man, —those purposes which eventually force him into an objective form, thus paralleling logoic manifestation. First the abstract concept, then the medium provided for manifestation in form, and, finally, that form itself. Such is the process for Gods and for men, and in it is hidden the mystery of mind and of its place in evolution.

chúng ta gọi là cõi nguyên mẫu liên quan đến Thượng đế (cõi mà trên đó Ngài hình thành các lý tưởng, các khát vọng và các quan niệm trừu tượng của Ngài) là tương ứng của Thượng đế với các cấp độ nguyên tử trừu tượng của cõi trí, từ đó các xung lực và mục đích của tinh thần trong con người được khởi phát,—những mục đích cuối cùng buộc y vào một hình tướng khách quan, do đó song hành với biểu hiện của Thượng đế. Trước hết là quan niệm trừu tượng, rồi đến môi trường được cung cấp cho sự biểu hiện trong hình tướng, và cuối cùng là chính hình tướng ấy. Đó là tiến trình đối với các Thượng đế và đối với con người, và trong đó ẩn giấu huyền nhiệm của trí tuệ và vị trí của nó trong tiến hoá.

For the sake of clarity, let us take the microcosm for momentary study. It should be realised by all students that man is Spirit or the Self, working through matter or [Page 398] the Not-Self, by means of the intelligence or manas, and it should also be realised that the statement of this fact (which is equally true of a solar Logos, a Heavenly Man, and a human being) involves the admission of certain deductions based on manifestation itself. One of these deductions is that by means of this principle of manas *form* is built. Therefore, the whole subject of the Builders has to be studied—those entities who are the embodiment of Universal Mind, who are the animating lives within the form, and who are the Divine Manasaputras in their comprehensive totality. In the occult realisation of this lies hid the secret of the close relationship between man and the deva evolution, man being the repository (through the Heavenly Man of Whose body he forms a part) of the purpose of the Logos, and the devas in all their higher grades being the cohesive attractive factor which manipulates matter, and which moulds it into shape. The two are

Vì mục đích làm sáng tỏ, hãy lấy tiểu thiên địa để nghiên cứu trong chốc lát. Mọi đạo sinh nên nhận ra rằng con người là tinh thần hay Bản Ngã, làm việc qua vật chất hay [Page 398] Phi-Ngã, bằng phương tiện của trí tuệ hay manas, và cũng nên nhận ra rằng việc phát biểu sự kiện này (điều đúng như nhau đối với một Thái dương Thượng đế, một Đấng Thiên Nhân, và một con người) bao hàm sự chấp nhận một số suy luận dựa trên chính biểu hiện. Một trong những suy luận này là bằng phương tiện nguyên khí manas, *hình tướng* được xây dựng. Vì vậy, toàn bộ chủ đề về các Đấng kiến tạo phải được nghiên cứu—những thực thể là hiện thân của Vũ Trụ Trí, là các sự sống làm sinh động hình tướng từ bên trong, và là các Manasaputra Thiêng Liêng trong tổng thể bao quát của các vị ấy. Chính trong sự chứng nghiệm huyền bí này ẩn giấu bí mật của mối liên hệ mật thiết giữa con người và tiến hoá thiên thần, con người là nơi lưu giữ (thông qua Đấng Thiên Nhân mà y là một phần trong thân thể của Ngài) mục đích của Thượng đế, còn các thiên thần trong mọi cấp bậc cao hơn của họ là yếu tố hấp dẫn kết dính thao tác vật chất và nắn nó thành hình.

partners, indispensable to each other, and without the two working in close co-operation this objective solar system would immediately disintegrate, just as man's dense and etheric bodies disintegrate when the Spirit withdraws, and the Builders cease their work.

Hai bên là những đối tác, không thể thiếu đối với nhau, và nếu không có cả hai cùng làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ thì hệ mặt trời khách quan này sẽ lập tức tan rã, cũng như thể xác đậm đặc và thể dĩ thái của con người tan rã khi tinh thần rút lui, và các Đấng kiến tạo ngừng công việc của họ.

Three hierarchies in particular are concerned with objective manifestation in etheric matter, the fourth, or strictly human hierarchy, and the fifth and sixth or the deva hierarchies. The other hierarchies fulfill other purposes connected with the life of the Spirit in the higher forms in the cosmic ethers, but in connection with our present subject these three hierarchies work on the lower levels of the cosmic physical plane the subplanes of which we call the mental, astral, and physical planes. When the five and the four are perfectly blended, we shall have achieved the nine of a major initiation, and when the six is added we shall have the resolution into one of the groups embodied by a Kumara, as has been hinted earlier. [Page 399] This marks the resolution of the six-pointed star finally into the five-pointed star; this is a great mystery, and concerns primarily the Heavenly Man of our scheme, and only incidentally the groups within His body of etheric manifestation.

Đặc biệt có ba huyền giai liên quan đến biểu hiện khách quan trong vật chất dĩ thái, huyền giai thứ tư, hay nói chính xác là huyền giai nhân loại, và huyền giai thứ năm và thứ sáu, tức các huyền giai thiên thần. Các huyền giai khác hoàn thành những mục đích khác liên quan đến sự sống của tinh thần trong các hình tướng cao hơn trong các dĩ thái vũ trụ, nhưng liên quan đến chủ đề hiện tại của chúng ta, ba huyền giai này làm việc trên các cấp độ thấp của cõi hồng trần vũ trụ mà các cõi phụ của nó chúng ta gọi là cõi trí, cõi cảm dục, và cõi hồng trần. Khi năm và bốn được hòa trộn hoàn hảo, chúng ta sẽ đạt được số chín của một cuộc điểm đạo lớn, và khi sáu được thêm vào, chúng ta sẽ có sự phân giải thành một trong các nhóm được một Kumara hiện thân, như đã được ám chỉ trước đây. [Page 399] Điều này đánh dấu sự phân giải cuối cùng của ngôi sao sáu cánh thành ngôi sao năm cánh; đây là một huyền nhiệm lớn, và chủ yếu liên quan đến Đấng Thiên Nhân của hệ chúng ta, và chỉ gián tiếp liên quan đến các nhóm bên trong thân thể biểu hiện dĩ thái của Ngài.

It will, therefore, be apparent that if all manifestation is the embodiment in *form* of a cosmic conception, and the working out of it in concrete shape, manas or intelligence is a basic factor of the process and the means whereby the link is made between the abstract and the concrete. This is already realised to be true in connection with man, and it is equally true of cosmic entities. As man progresses towards the heart of the

Vì vậy, sẽ rõ rằng nếu mọi biểu hiện là sự hiện thân trong *hình tướng* của một quan niệm vũ trụ, và là sự triển khai của nó trong hình dạng cụ thể, thì manas hay trí tuệ là một yếu tố nền tảng của tiến trình và là phương tiện nhờ đó mối liên kết được tạo ra giữa cái trừu tượng và cái cụ thể. Điều này đã được nhận ra là đúng liên quan đến con người, và cũng đúng như vậy đối với các thực thể vũ trụ. Khi con người tiến gần đến

mystery he awakens to a realisation that the aim of evolution for him is to build consciously the channel between the levels which are to him the planes of the abstract or of the ideal, and the concrete ones whereon he normally functions. This connecting channel has been inadequately called, and is literally "THE PATH" itself. He builds it:

trung tâm của huyền nhiệm, y thức tỉnh đến một sự chứng nghiệm rằng mục tiêu của tiến hoá đối với y là xây dựng một cách hữu thức kênh nối giữa các cấp độ mà đối với y là các cõi của cái trừu tượng hay của lý tưởng, và các cõi cụ thể nơi y thường hoạt động. Kênh nối này đã được gọi một cách chưa đầy đủ, và theo nghĩa đen chính là "CON ĐƯỜNG". Y xây dựng nó:

By means of the manasic principle consciously applied.

Bằng phương tiện nguyên khí manas được áp dụng một cách hữu thức.

By the process of transcending the karmic limitations of the three lower planes.

Bằng tiến trình vượt qua các giới hạn nghiệp quả của ba cõi thấp.

Through the method of dominating matter, or the Personality, considering it as the Not-Self.

Qua phương pháp chế ngự vật chất, hay Phàm ngã, khi xem nó là Phi-Ngã.

Through the expansion of his consciousness through graded steps until it includes the planes he seeks to reach, and thereby demonstrating the truth of the statement that in order to tread the Path he must become that Path itself, and the accuracy of the occult truth that the antaskarana is itself but illusion. Ponder on this, for it carries illumination for those who have eyes to see.

Qua sự mở rộng tâm thức của y theo các bước tuần tự cho đến khi nó bao gồm các cõi mà y tìm cách đạt đến, và nhờ đó chứng minh chân lý của phát biểu rằng để bước trên Con Đường, y phải trở thành chính Con Đường ấy, và tính chính xác của chân lý huyền bí rằng antaskarana tự nó chỉ là ảo tưởng. Hãy suy ngẫm về điều này, vì nó mang lại sự soi sáng cho những ai có mắt để thấy.

In the process of treading that Path and of achieving the goal, man is resolved into the five-pointed star, finally into the triangle of Spirit. Between these two stages is [Page 400] a mysterious esoteric stage wherein he is resolved into the four,—not this time the four of the lower quaternary, but a higher four. He becomes part of the consciousness of that occult group hinted at in various places which stands next to the three Logoi, the four great Maharajahs, the dispensers of karma, the repositories of cosmic purpose, who are reflected (but only reflected) in the

Trong tiến trình bước trên Con Đường ấy và đạt đến mục tiêu, con người được phân giải thành ngôi sao năm cánh, và cuối cùng thành tam giác của tinh thần. Giữa hai giai đoạn này là [Page 400] một giai đoạn huyền bí nội môn, trong đó y được phân giải thành bốn,—lần này không phải là bốn của tứ phân thấp, mà là một bộ bốn cao hơn. Y trở thành một phần của tâm thức của nhóm huyền bí đã được ám chỉ ở nhiều nơi, nhóm đứng kế cận ba Thượng đế, bốn Maharajah vĩ đại, những vị phân phối nghiệp quả, những vị lưu giữ mục đích vũ trụ, được phản chiếu

logoic Quaternary, or in those four Heavenly Men Who embody (with their synthesising third) logoic manas. These four with the synthesising one are in Themselves the sumtotal of manas, the Brahma aspect, or Intelligence in activity. Karma works through manas, and only as the six-pointed star (or the sumtotal of concrete mind in its various divisions) becomes the five-pointed star, or the synthesis of the lower into the abstract or higher, is the transmutation into the three, or the Spiritual Triad, made possible via the four, or the formless repositories of karmic purpose; thus is liberation achieved, thus is man set free, and the microcosm attains BEING without the necessity of form-taking. A hint here in connection with the microcosm may help: When the microcosm has transcended the three worlds of matter and has become the five pointed star, he passes into the consciousness of the Monad, or pure Spirit, via the fourth plane of buddhi. For him the buddhic plane is the plane of karmic correspondence. On it he enters into the sphere of conscious co-operation in the working out of karma for a Heavenly Man, having completely worked out his personal karma in the lower three spheres. The student whose intuition suffices can work out the planes which correspond to the buddhic plane, for a Heavenly Man and for a solar Logos. This will only be possible if the concept is extended to cosmic levels and beyond the systemic.

(nhưng chỉ là phản chiếu) trong Bộ Tứ của Thượng đế, hay trong bốn Đấng Thiên Nhân hiện thân (cùng với vị thứ ba tổng hợp của Các Ngài) cho manas của Thượng đế. Bốn vị này cùng với vị tổng hợp là tự thân tổng thể của manas, phương diện Brahma, hay Trí Tuệ trong hoạt động. Nghiệp quả vận hành qua manas, và chỉ khi ngôi sao sáu cánh (hay tổng thể của trí cụ thể trong các phân bộ khác nhau của nó) trở thành ngôi sao năm cánh, hay sự tổng hợp của cái thấp vào cái trừu tượng hay cao hơn, thì sự chuyển hoá thành ba, hay Tam Nguyên Tinh Thần, mới trở nên khả hữu qua bốn, hay những nơi lưu giữ vô tướng của mục đích nghiệp quả; như thế sự giải thoát được đạt đến, như thế con người được giải phóng, và tiểu thiên địa đạt đến BẢN THỂ mà không cần phải mang lấy hình tướng. Một gợi ý ở đây liên quan đến tiểu thiên địa có thể hữu ích: Khi tiểu thiên địa đã vượt qua ba cõi giới của vật chất và đã trở thành ngôi sao năm cánh, y đi vào tâm thức của chân thần, hay tinh thần thuần túy, qua cõi thứ tư là cõi Bồ đề. Đối với y, cõi Bồ đề là cõi tương ứng nghiệp quả. Trên cõi ấy, y đi vào khối cầu hợp tác hữu thức trong việc triển khai nghiệp quả cho một Đấng Thiên Nhân, sau khi đã hoàn toàn giải quyết xong nghiệp quả cá nhân của mình trong ba khối cầu thấp. Đạo sinh nào có trực giác đủ sẽ có thể tự suy ra các cõi tương ứng với cõi Bồ đề đối với một Đấng Thiên Nhân và đối với một Thái dương Thượng đế. Điều này chỉ có thể thực hiện được nếu khái niệm được mở rộng đến các cấp độ vũ trụ và vượt ra ngoài hệ mặt trời.

Through the ideas here imparted it may be possible for the student to think out, for himself, some aspects of the [Page 401] place of manas in cosmic evolution. It necessitates a somewhat synthetic viewpoint, and the steady holding of the thought of PURPOSE in all activity, whether cosmic, systemic, planetary, or microcosmic. It is the fire of

Qua những ý tưởng được truyền đạt ở đây, có lẽ đạo sinh có thể tự mình suy nghĩ ra một số phương diện của [Page 401] vị trí của manas trong tiến hoá vũ trụ. Điều đó đòi hỏi một quan điểm tổng hợp phần nào, và sự giữ vững tư tưởng về MỤC ĐÍCH trong mọi hoạt động, dù là vũ trụ, hệ mặt trời, hành tinh, hay vi mô. Đó là ngọn lửa của xung lực

divine impulse permeating all forms and driving those forms to certain action and achievement.

thiêng liêng thấm nhuần mọi hình tướng và thúc đẩy những hình tướng ấy đến một số hành động và thành tựu nhất định.

The fire of matter earlier dealt with is the dynamic fire of motion, which keeps in activity each atom of matter. The fire of mind is the coherent impulse and purpose, driving the forms (built up of active matter) in a specific direction, and along certain destined paths. It is consequently karmic impulse, originating cause, and operating will. It is likewise the result or the effect of this action in time, and only as the Triad comes into play, via the esoteric four, are the fires of both mind and matter burnt out and the fire of Spirit set free.

Ngọn lửa của vật chất đã được bàn đến trước đây là ngọn lửa năng động của chuyển động, giữ cho mỗi nguyên tử vật chất ở trong hoạt động. Lửa của trí tuệ là xung lực và mục đích kết dính, thúc đẩy các hình tướng (được xây dựng từ vật chất hoạt động) theo một hướng xác định, và dọc theo những con đường đã được định sẵn. Do đó, nó là xung lực nghiệp quả, nguyên nhân khởi phát, và ý chí đang vận hành. Nó cũng là kết quả hay hiệu quả của hành động này trong thời gian, và chỉ khi Tam nguyên tinh thần bắt đầu tác động, qua bộ bốn nội môn, thì các ngọn lửa của cả trí tuệ lẫn vật chất mới bị đốt cạn và ngọn lửa của tinh thần được giải phóng.

III. THE PRESENT STAGE OF MANASIC DEVELOPMENT IN THE THREE GROUPS — III. GIAI ĐOẠN HIỆN NAY CỦA SỰ PHÁT TRIỂN MANAS TRONG BA NHÓM

In the Planets

Trong các hành tinh

In the System

Trong Hệ mặt trời

On Earth

Trên Trái Đất

Literally, should we paraphrase this sentence, we might express it in the form of an enquiry as to the point attained in the active working out of the purposes of the great Entities involved in cosmic and systemic manifestation; we might also enquire if the intelligent will of the cosmic Logos and of the solar Logos and equally (within the system) of the different planetary Logoi, proceeded satisfactorily to a stage where it can be both appreciated and somewhat comprehended. These thoughts are involved in the consideration of this point, and open up for us much of very real

Theo nghĩa đen, nếu diễn giải lại câu này, chúng ta có thể trình bày nó dưới hình thức một câu hỏi về điểm đã đạt được trong sự triển khai tích cực các mục đích của những Thực Thể vĩ đại liên hệ đến sự biểu hiện vũ trụ và hệ mặt trời; chúng ta cũng có thể hỏi liệu ý chí trí tuệ của Thượng đế Vũ Trụ và của Thái dương Thượng đế, và cũng vậy (trong hệ mặt trời) của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau, đã tiến triển một cách thỏa đáng đến một giai đoạn mà nó có thể vừa được nhận biết vừa được phần nào thấu hiểu hay chưa. Những tư tưởng này hàm chứa trong việc xem xét điểm này, và

interest. It should here be pointed out that the manasic principle (whether cosmic, systemic, or human) manifests in five ways, is transmuted into wisdom after its fivefold manifestation, and eventually is resolved into pure will or power. Herein lies the clue; all the objective display we see around us in connection with the Heavenly Men, and with the cells of Their bodies, [Page 402] lies hidden in this. Herein may be found the mystery of the five Kumaras, Who are awaiting the final resolution, and herein is secreted the knowledge of divine alchemy, which is based on the five elements, and is concerned with their transformation into a primal element through the medium of an intermediate stage.

mở ra cho chúng ta nhiều điều thật sự rất đáng quan tâm. Ở đây cần chỉ ra rằng nguyên khí manas (dù là vũ trụ, hệ mặt trời hay nhân loại) biểu lộ theo năm cách, được chuyển hoá thành minh triết sau sự biểu lộ ngũ phân của nó, và cuối cùng được phân giải thành ý chí hay quyền năng thuần túy. Chính trong đó có đầu mối; toàn bộ sự phô bày khách quan mà chúng ta thấy xung quanh mình liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, và với các tế bào trong thân thể của Các Ngài, [Page 402] đều ẩn kín trong điều này. Chính trong đó có thể tìm thấy huyền nhiệm của năm Kumaras, Các Ngài đang chờ đợi sự phân giải cuối cùng, và chính trong đó cất giấu tri thức về thuật luyện kim thiêng liêng, vốn dựa trên năm nguyên tố, và liên quan đến sự chuyển hoá chúng thành một nguyên tố nguyên sơ thông qua một giai đoạn trung gian.

1. In the Planets. — 1. Trong các Hành tinh.

Occult students need, in considering these points, to remember very clearly the distinction between transmutation and the final resolution; between the process of transforming the five elements, esoterically understood, and the final resolution of the transmuted essences into their synthesis. This has a vital bearing upon our subject, for resolution is as yet by no means possible, and the process of transmutation is only just beginning in the majority of cases. In studying these subjects we have necessarily to confine ourselves to the Heavenly Men, for the human units—as cells in Their body—are of course included in all that is posited about Them, and until it is known which cosmic Logos recognises our solar Logos as a centre in His body, and which six other systems are affiliated with ours, it will not be possible to touch upon the systemic stage of manasic development. But in connection

Các đạo sinh huyền bí học khi xem xét các điểm này cần phải ghi nhớ thật rõ sự phân biệt giữa chuyển hoá và sự phân giải cuối cùng; giữa tiến trình chuyển đổi năm nguyên tố, được hiểu theo nghĩa nội môn, và sự phân giải cuối cùng của các tinh chất đã được chuyển hoá vào trong tổng hợp của chúng. Điều này có liên hệ thiết yếu đến chủ đề của chúng ta, vì sự phân giải hiện nay tuyệt nhiên chưa thể có được, và tiến trình chuyển hoá chỉ mới bắt đầu trong đa số trường hợp. Khi nghiên cứu các chủ đề này, tất yếu chúng ta phải giới hạn vào các Đấng Thiên Nhân, vì các đơn vị nhân loại—là những tế bào trong thân thể của Các Ngài—dĩ nhiên được bao hàm trong mọi điều được khẳng định về Các Ngài, và cho đến khi biết được vị Thượng đế Vũ Trụ nào nhìn nhận Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm trong thân thể của Ngài, và sáu hệ thống nào khác liên kết với hệ thống

with the Heavenly Men certain facts are possible of theoretical comprehension, even though not as yet demonstrable to the scientific mind. We will, as usual, tabulate our premises, and thus keep clearly in mind, and visualised, the points under investigation:

của chúng ta, thì sẽ không thể đề cập đến giai đoạn phát triển manas ở quy mô hệ mặt trời. Nhưng liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, một số sự kiện có thể được thấu hiểu về mặt lý thuyết, dù hiện chưa thể chứng minh đối với trí tuệ khoa học. Như thường lệ, chúng ta sẽ liệt kê thành bảng các tiền đề của mình, và nhờ đó giữ rõ trong tâm trí, và hình dung, các điểm đang được khảo sát:

First. It might first be said that the third aspect, combined with the second, or Brahma and Vishnu allied, go to the totality of the Divine Manasaputras. They are Will utilising matter, or active intelligent substance, in order to demonstrate Love-Wisdom; all this is based on purpose, and has causation as a fundamental. This [Page 403] Brahma aspect is fivefold and, with the Vishnu aspect, makes the six, or the pentagon, having Mahadeva or Will in the centre of all manifestation.

Thứ nhất. Trước hết có thể nói rằng phương diện thứ ba, kết hợp với phương diện thứ hai, hay Brahma và Vishnu liên kết, tạo thành tổng thể của các Manasaputra Thiêng Liêng. Các Ngài là Ý chí sử dụng vật chất, hay chất liệu trí tuệ hoạt động, để biểu lộ Bác Ái – Minh Triết; tất cả điều này đều dựa trên mục đích, và lấy nguyên nhân tính làm nền tảng. Phương diện [Page 403] Brahma này là ngũ phân và, cùng với phương diện Vishnu, tạo thành số sáu, hay ngũ giác hình, với Mahadeva hay Ý chí ở trung tâm của mọi biểu hiện.

Second. This fivefold Brahma aspect or the five Kumaras, are in full manifestation, and, with the reflection of the other two aspects, make the seven of our manifested system.

Thứ hai. Phương diện Brahma ngũ phân này hay năm Kumaras, đang ở trong sự biểu hiện trọn vẹn, và cùng với sự phản chiếu của hai phương diện kia, tạo thành bảy của hệ mặt trời biểu hiện của chúng ta.

Third. Mercury and Venus are in process of transmutation, and the manasic principle in both these schemes, having reached a high stage of development, is being transmuted into Love-Wisdom. When three fifths of the units (deva and human) that go to the composition of the vehicles of any planetary Logos are entering upon the Path, then the process of transmutation is entered upon. The faculty of MIND is then an instrument for creative use, and not the "slayer of the real," and a barrier to the free life of the Spirit.

Thứ ba. Sao Thủy và Sao Kim đang trong tiến trình chuyển hoá, và nguyên khí manas trong cả hai hệ hành tinh này, do đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao, đang được chuyển hoá thành Bác Ái – Minh Triết. Khi ba phần năm các đơn vị (thiên thần và nhân loại) cấu thành các vận cụ của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào bắt đầu bước vào Con Đường, thì tiến trình chuyển hoá được khởi sự. Khi ấy năng lực của TRÍ TUỆ trở thành một công cụ để sử dụng sáng tạo, chứ không còn là "kẻ sát hại cái thực," hay một rào cản đối với sự sống tự do của tinh thần.

Again, it must be noted that Earth, Mars, Jupiter, Saturn, and Vulcan are as yet developing manas, and the stage achieved in each varies, and is not for exoteric publication. The Heavenly Men of these schemes have not yet succeeded in bringing Their bodies to the stage where transmutation on a large scale is possible. They are approaching it, and when the necessary three fifths is reached, then They will begin to transmute on a larger scale. The Earth scheme has about one fifth in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly two fifths.

Một lần nữa, cần lưu ý rằng Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas, và giai đoạn đạt được trong mỗi hệ đều khác nhau, và không dành cho sự công bố ngoại môn. Các Đấng Thiên Nhân của các hệ này vẫn chưa thành công trong việc đưa các thân thể của Các Ngài đến giai đoạn mà sự chuyển hoá trên quy mô lớn là khả hữu. Các Ngài đang tiến gần đến đó, và khi đạt đến ba phần năm cần thiết, thì Các Ngài sẽ bắt đầu chuyển hoá trên quy mô lớn hơn. Hệ Địa Cầu hiện có khoảng một phần năm đang trong tiến trình chuyển hoá ở một hay nhiều bầu hành tinh vào lúc này và Vulcan có gần hai phần năm.

We might here point out that though we are concerned primarily with manas in the *human* cells in the body of a planetary Logos, yet we must remember that the deva units in some schemes preponderate. Although from the standpoint of a human being the devas are in no way considered as coming under the influence of manas, as we understand it, yet from another angle they *are* manas itself, the active creative force, the fifth and the sixth [Page 404] Hierarchies in full display. We should ponder upon the relationship (a necessarily close relationship) between the fifth deva Hierarchy and the fifth logoic principle, and we should also bear in mind that—viewing the whole matter from the angle of vision of a Heavenly Man—the devas are a corporate part of His nature, and He is a Manasaputra, a creative Builder, and the fivefold aspect of Brahma. The sumtotal of manas is pure deva essence, and it is only as union is made between this fivefold third aspect and the other two aspects that what we understand as MAN—whether Heavenly Man or human—comes into being. The devas are united with these other two factors and the result is:

Ở đây chúng ta có thể chỉ ra rằng dù chủ yếu chúng ta quan tâm đến manas trong các tế bào *nhân loại* trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế, tuy nhiên chúng ta phải nhớ rằng trong một số hệ, các đơn vị thiên thần chiếm ưu thế. Mặc dù từ quan điểm của một con người, các thiên thần tuyệt nhiên không được xem là chịu ảnh hưởng của manas như chúng ta hiểu, nhưng từ một góc độ khác, các thiên thần *chính là* manas tự thân, mãnh lực sáng tạo hoạt động, Huyền Giai thứ năm và thứ sáu [Page 404] biểu lộ trọn vẹn. Chúng ta nên suy ngẫm về mối liên hệ (một mối liên hệ tất yếu mật thiết) giữa Huyền Giai thiên thần thứ năm và nguyên khí thứ năm của Thượng đế, và chúng ta cũng nên ghi nhớ rằng—khi nhìn toàn bộ vấn đề từ góc nhìn của một Đấng Thiên Nhân—các thiên thần là một phần tập thể trong bản chất của Ngài, và Ngài là một Manasaputra, một đấng kiến tạo sáng tạo, và là phương diện ngũ phân của Brahma. Tổng thể của manas là tinh chất thiên thần thuần túy, và chỉ khi có sự hợp nhất giữa phương diện thứ ba ngũ phân này với hai phương diện kia thì điều mà chúng ta hiểu là CON NGƯỜI—dù là Đấng Thiên Nhân hay con người—mới đi vào hiện hữu. Các thiên thần

a. A solar Logos.

b. A Heavenly Man.

c. A human being.

This is a great mystery and is allied to the mystery of electricity (or of fohatic life) which H. P. B. *(S.D., I, 107)* refers to. The Messengers, the Builders, the devas, are flaming fire, radiant electric matter, and only in time and space, only during manifestation and only through the cycles of objectivity, is such an entity as man possible, or can a Heavenly Man come into existence. Outside a solar ring-pass-not, for instance, and as far as our evolution is concerned, we have radiant electric substance, active, intelligent ether, ensouled by the deva evolution. (143) These [Page 405] work blindly and under the laws of cosmic electricity. (We must differentiate with care between cosmic electricity, and the electrical akasha of the system, which is electrical substance confined and brought under another set of laws through the instrumentality of another factor, that of pure Spirit.) Outside the ring-pass-not, we have that abstraction which we call pure Spirit. This "pure Spirit," or abstract, conscious Being, through conscious karma periodically seeks to manifest, and wills to work out a purpose under the laws of Its Own being, and is thus impelled by the attractive quality of its opposite pole, intelligent substance, to blend with it. The meeting of these two polarities, and their point of merging, causes that flash in the cosmic universe which we call a sun, and results in light or objectivity. Within the ring-pass-not, therefore, the electric fire of

được hợp nhất với hai yếu tố kia và kết quả là:

a. Một Thái dương Thượng đế.

b. Một Đấng Thiên Nhân.

c. Một con người.

Đây là một huyền nhiệm lớn và có liên hệ với huyền nhiệm của điện lực (hay của sự sống fohat) mà H. P. B. *(S.D., I, 107)* đề cập đến. Các Sứ giả, các đấng kiến tạo, các thiên thần, là lửa rực cháy, là vật chất điện quang huy, và chỉ trong thời gian và không gian, chỉ trong thời kỳ biểu hiện và chỉ qua các chu kỳ khách quan, một thực thể như con người mới có thể có được, hay một Đấng Thiên Nhân mới có thể đi vào hiện hữu. Chẳng hạn, bên ngoài vòng-giới-hạn thái dương, và xét theo sự tiến hoá của chúng ta, chúng ta có chất liệu điện quang huy, dĩ thái hoạt động, trí tuệ, do sự tiến hoá thiên thần phú linh. (143) Những thực thể này [Page 405] hoạt động một cách mù quáng và dưới các định luật điện lực vũ trụ. (Chúng ta phải phân biệt cẩn thận giữa điện lực vũ trụ, và akasha điện của hệ mặt trời, vốn là chất liệu điện bị giới hạn và được đặt dưới một tập hợp định luật khác thông qua công cụ của một yếu tố khác, đó là tinh thần thuần túy.) Bên ngoài vòng-giới-hạn, chúng ta có sự trừu xuất mà chúng ta gọi là tinh thần thuần túy. "Tinh thần thuần túy" này, hay Hữu thể trừu tượng, hữu thức, qua nghiệp quả hữu thức, theo chu kỳ tìm cách biểu hiện, và muốn triển khai một mục đích dưới các định luật của Hữu thể riêng của Nó, và do đó bị thúc đẩy bởi phẩm tính hấp dẫn của cực đối nghịch của nó, chất liệu trí tuệ, để hòa trộn với nó. Sự gặp gỡ của hai cực tính này, và điểm hợp nhất của chúng, gây ra tia chớp trong vũ trụ mà chúng ta gọi là một mặt trời, và tạo ra ánh sáng hay tính khách quan. Vì

pure Spirit can only manifest through merging or union with electrical substance, and is, therefore, during evolution and for the major portion of the process, limited by it. In fact, little as it is realised, the deva evolution controls for the greater portion of manifestation up to the beginning of the transmutative process. They build incessantly the confining form.

vậy, bên trong vòng-giới-hạn, Lửa Điện của tinh thần thuần túy chỉ có thể biểu hiện qua sự hòa nhập hay hợp nhất với chất liệu điện, và do đó, trong tiến trình tiến hoá và trong phần lớn của tiến trình, bị nó giới hạn. Thật vậy, dù ít được nhận ra, sự tiến hoá thiên thần kiểm soát phần lớn thời kỳ biểu hiện cho đến khi bắt đầu tiến trình chuyển hoá. Các thiên thần không ngừng xây dựng hình tướng giam hãm.

(143) *Pitris*.

(143) *Pitris*.

"What I called spirituo-ideal constitution is what is known as swarga in our Sanscrit works and the entities that are functioning there are called the Pitris, which of course means fathers. These Pitris are often 'heard of in a sort of antithetical way to the Devas in our puranas and this has led some of our Hindoos, many theosophists included, to think that the Pitris and Devas are in two distinct spheres of life. Now Pitris and Devas always exist together, the Devas giving the consciousness and the Pitris forming the body. The two are relative terms. If the Pitris be water the Devas are the fire in the water. If the Pitris be fire, the Devas are the flame in that fire. If the Pitris be the flame, the Devas are the conscious principle that actuates the flame' and gives to the flame the power of illumining the world and making it exist as a factor of our consciousness. From the highest to the lowest plane of life, the Pitris furnish the objective aspect and the Devas the subjective aspect and life itself is a stream that forms the middle line....When instead of three lokas the cosmos is divided more accurately into seven lokas, you may assort the three higher lokas to the Devas, the three lower to the Pitris and the middle to the life stream which may be conceived as the point in which the Deva essence is changed into Pitric essence or the no loka is

"Điều mà tôi gọi là cấu tạo tinh thần-lý tưởng là điều được biết đến như swarga trong các tác phẩm Sanskrit của chúng tôi và các thực thể đang hoạt động ở đó được gọi là Pitris, dĩ nhiên có nghĩa là những người cha. Những Pitris này thường được 'nghe nói đến theo một cách nào đó đối lập với các thiên thần trong các purana của chúng tôi và điều này đã khiến một số người Hindu của chúng tôi, kể cả nhiều nhà Thông Thiên Học, nghĩ rằng Pitris và các thiên thần ở trong hai lĩnh vực sự sống riêng biệt. Nay Pitris và các thiên thần luôn luôn tồn tại cùng nhau, các thiên thần ban cho tâm thức và các Pitris tạo thành thân thể. Hai từ này là những thuật ngữ tương đối. Nếu Pitris là nước thì các thiên thần là lửa trong nước. Nếu Pitris là lửa, thì các thiên thần là ngọn lửa trong lửa ấy. Nếu Pitris là ngọn lửa, thì các thiên thần là nguyên khí hữu thức làm cho ngọn lửa hoạt động' và ban cho ngọn lửa quyền năng soi sáng thế giới và khiến nó hiện hữu như một yếu tố trong tâm thức của chúng ta. Từ cõi cao nhất đến cõi thấp nhất của sự sống, Pitris cung cấp phương diện khách quan và các thiên thần cung cấp phương diện chủ quan và chính sự sống là một dòng chảy tạo thành đường trung tuyến....Khi thay vì ba lokas mà vũ trụ được phân chia chính xác hơn thành bảy lokas, bạn có thể xếp ba lokas cao hơn cho các thiên thần, ba lokas thấp

made fit to appear as a loka down below or the unmanifested becomes the manifested."—*Some Thoughts on the Gita*, p. 56. (back)

hơn cho Pitris và loka ở giữa cho dòng sự sống, có thể được quan niệm như điểm mà tại đó tinh chất thiên thần được biến đổi thành tinh chất Pitric hay cái không phải loka được làm cho thích hợp để xuất hiện như một loka ở bên dưới hay cái không biểu hiện trở thành cái biểu hiện."—*Một vài suy tưởng về Gita*, tr. 56. (trở lại)

When the process of transmutation is effected by the five Heavenly Men, then the whole system is reaching a very high stage of evolution, and with the two schemes which will be entering into the stage of obscuration, the resolving process will commence. The plan, viewed largely, will be as follows:

Khi năm Đấng Thiên Nhân thực hiện tiến trình chuyển hoá, thì toàn bộ hệ mặt trời đang đạt đến một giai đoạn tiến hoá rất cao, và cùng với hai hệ sẽ bước vào giai đoạn che khuất, tiến trình phân giải sẽ bắt đầu. Thiên Cơ, xét trên đại thể, sẽ như sau:

The four schemes which form the logoic Quaternary [Page 406] will merge into their synthesising scheme, that of Saturn, while Venus and Mercury will merge into Uranus and Neptune. No importance need be attached to the sequence of these names. The dual fact is all that is necessary to grasp.

Bốn hệ tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế [Page 406] sẽ hòa nhập vào hệ tổng hợp của chúng, là hệ Sao Thổ, trong khi Sao Kim và Sao Thủy sẽ hòa nhập vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương. Không cần gán tầm quan trọng nào cho trình tự của các tên gọi này. Sự kiện nhị nguyên là tất cả những gì cần nắm bắt.

Neptune, Uranus, and Saturn will, therefore, have absorbed the essence of manifestation and (in connection with the solar Logos) they correspond to the three permanent atoms in the causal body of a man. We say "correspond" for the analogy is not in detail. Uranus and Neptune are reflections of the logoic astral and mental permanent atoms. Saturn is *in fact* the correspondence to the logoic physical permanent atom. This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme.

Vì vậy, Sao Hải Vương, Sao Thiên Vương, và Sao Thổ sẽ hấp thu tinh chất của sự biểu hiện và (liên quan đến Thái dương Thượng đế) chúng tương ứng với ba Nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân của một con người. Chúng tôi nói "tương ứng" vì phép loại suy không phải ở chi tiết. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những phản chiếu của các nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ của Thượng đế. Sao Thổ *thật ra* là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. Đây là một huyền nhiệm huyền bí và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ vũ trụ.

Viewing manas as the vibratory activity of all atoms and narrowing our concept down

Khi xem manas như hoạt động rung động của mọi nguyên tử và thu hẹp khái niệm của

to our own scheme it is interesting to note that some correspondences can be traced as we study this fifth principle during the present round, the fourth. The manasic principle is the basis of the coming into activity and the mental recognition of the following facts in nature.

chúng ta vào hệ của chính mình, thật thú vị khi lưu ý rằng có thể truy ra một số tương ứng khi chúng ta nghiên cứu nguyên khí thứ năm này trong cuộc tuần hoàn hiện tại, cuộc tuần hoàn thứ tư. Nguyên khí manas là nền tảng cho sự đi vào hoạt động và sự nhận biết bằng trí tuệ về các sự kiện sau đây trong thiên nhiên.

The fifth spirilla within the atom of matter will become active. This fifth spirilla is beginning faintly to vibrate, while the fourth spirilla in this fourth round is assuming a vibration that will cause the intense vitalisation of the vehicles, and eventually bring about the shattering of the form, and the subsequent escape of the Spirit into a form composed of matter which responds to the vibration of the fifth spirilla.

Loa tuyến thứ năm trong nguyên tử vật chất sẽ trở nên hoạt động. Loa tuyến thứ năm này đang bắt đầu rung động mờ nhạt, trong khi loa tuyến thứ tư trong cuộc tuần hoàn thứ tư này đang đảm nhận một rung động sẽ gây ra sự tiếp sinh lực mãnh liệt cho các vận cụ, và cuối cùng mang lại sự tan vỡ của hình tướng, và sau đó là sự thoát ra của tinh thần vào một hình tướng được cấu thành bằng vật chất đáp ứng với rung động của loa tuyến thứ năm.

The fourth ether is coming into recognition, and along with it will come the knowledge of the lives which it embodies. Hence the success of spiritualistic endeavour, for the larger number of the average discarnate entities at this stage who are willing to make contact with the physical plane are clothed in matter of this ether. The devas [Page 407] of this ether will also come to be known before the end of this round, and alliance will be made between the fourth Creative Hierarchy of men, and the devas of the fourth ether.

Dĩ thái thứ tư đang được nhận biết, và cùng với nó sẽ đến tri thức về các sự sống mà nó bao hàm. Do đó mới có sự thành công của nỗ lực thần linh học, vì phần lớn các thực thể trung bình đã lìa xác ở giai đoạn này, những thực thể sẵn lòng tiếp xúc với cõi hồng trần, đều được bao bọc trong vật chất của dĩ thái này. Các thiên thần [Page 407] của dĩ thái này cũng sẽ được biết đến trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn này, và sẽ có sự liên minh giữa Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của nhân loại, và các thiên thần của dĩ thái thứ tư.

The fourth plane, the buddhic, by the aid of manas, will gradually be realised. This will be done as manas is transmuted into wisdom. By a few in this round the fifth principle will be superseded by the principle of buddhi. Right on from now till the middle of the next round there will be an overlapping of the four and the five—manas

Cõi thứ tư, cõi Bồ đề, nhờ sự trợ giúp của manas, sẽ dần dần được chứng nghiệm. Điều này sẽ được thực hiện khi manas được chuyển hoá thành minh triết. Ở một số ít người trong cuộc tuần hoàn này, nguyên khí Bồ đề sẽ thay thế nguyên khí thứ năm. Từ nay cho đến giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ có sự chồng lấn của bốn và năm—manas và

and the buddhic principle—thus making the nine, or perfected man, the initiate.

nguyên khí Bồ đề—do đó tạo thành chín, hay con người hoàn thiện, điểm đạo đồ.

It might also be remarked that more and more will the control of the fourth Kumara be evidenced and felt. On this I cannot enlarge, being only permitted to make the statement.

Cũng có thể nhận xét rằng sự kiểm soát của Kumara thứ tư sẽ ngày càng được biểu lộ và cảm nhận. Về điều này tôi không thể nói rộng hơn, vì chỉ được phép đưa ra lời phát biểu ấy.

The consciousness of the mass of the human family will gradually pass on to the fourth subplane of the mental plane, and be more and more controlled by purely concrete mind. Unless this is paralleled by a steady influx of egos on to the buddhic plane in conscious activity, and thus out of the control of manas pure and simple, a very serious condition will have to be handled by the Hierarchy.

Tâm thức của đại đa số gia đình nhân loại sẽ dần dần chuyển sang cõi phụ thứ tư của cõi trí, và ngày càng chịu sự kiểm soát của trí cụ thể thuần túy. Trừ phi điều này diễn ra song hành với một dòng chảy đều đặn của các chân ngã lên cõi Bồ đề trong hoạt động hữu thức, và do đó thoát khỏi sự kiểm soát của manas thuần túy và đơn giản, thì Thánh đoàn sẽ phải xử lý một tình trạng rất nghiêm trọng.

The work of the four Maharajahs who apportion karma *within* the ring-pass-not will reach its culminating point during the fourth round. In the next round, the work of the Lipikas who handle affairs in connection with our system *outside* the ring-pass-not will become more prominent. This is necessarily so, as the Lipika Lords dispense the law to those who have merged themselves with their divine principle, and are no longer held by the material forms of the three worlds. The Lords of Karma, or the Maharajahs, work with the sons of men in the three worlds, and through manasic principle. [Page 408]

Công việc của bốn Maharajahs, những Đấng phân phối nghiệp quả *trong* vòng-giới-hạn, sẽ đạt đến đỉnh điểm trong cuộc tuần hoàn thứ tư. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, công việc của các Lipika, những Đấng xử lý các vấn đề liên quan đến hệ mặt trời của chúng ta *bên ngoài* vòng-giới-hạn, sẽ trở nên nổi bật hơn. Điều này tất yếu là như vậy, vì các Chúa Tể Lipika ban hành định luật cho những ai đã hòa nhập chính mình với nguyên khí thiêng liêng của họ, và không còn bị giữ lại bởi các hình tướng vật chất của ba cõi giới. Các Chúa Tể Nghiệp Quả, hay các Maharajahs, làm việc với những người con của nhân loại trong ba cõi giới, và thông qua nguyên khí manas. [Page 408]

2. In the System. — 2. Trong Hệ mặt trời.

We have now for consideration some further points on the subject of manasic development within the system and then we

Giờ đây chúng ta sẽ xem xét thêm một số điểm về chủ đề phát triển manas trong hệ mặt trời và rồi có thể tiếp tục bàn đến tương

can proceed to discuss the future of manas, our final subheading.

lai của manas, tiểu mục cuối cùng của chúng ta.

It will be apparent to all of us that the vastness of the subject and the enormous cycles of time involved tend to obscurity and lack of definiteness. Only the high lights stand out, and only broad general concepts, and the impartation of fundamental facts (to the exclusion of detail) are in any way possible in this treatise. Certain ideas stand out clearly against the background of intricate plans, against the apparent confusion caused by the overlapping of cycles, both great and lesser, and against accumulation of chaotic detail. This apparent chaos, and even seeming contradiction, is the result of our imperfect evolution, the result of our entire lack of perspective incident upon our place in the planetary scheme, and the result of the shortness of our vision. Broad outstanding generalisations are all that we can appreciate at our present state, and they might be summed up as three in number:

Đối với tất cả chúng ta, hiển nhiên là tính bao la của chủ đề và những chu kỳ thời gian khổng lồ liên quan có khuynh hướng tạo ra sự mơ hồ và thiếu xác định. Chỉ những nét nổi bật mới hiện ra, và chỉ những khái niệm tổng quát rộng lớn, cùng với việc truyền đạt các sự kiện nền tảng (loại trừ chi tiết) mới có thể có được phần nào trong bộ luận này. Một số ý tưởng nổi bật rõ ràng trên nền của những kế hoạch phức tạp, trên nền của sự hỗn độn bề ngoài do sự chồng lấn của các chu kỳ, cả lớn lẫn nhỏ, và trên nền của sự tích tụ các chi tiết hỗn loạn. Sự hỗn loạn bề ngoài này, và ngay cả sự mâu thuẫn dường như có đó, là kết quả của sự tiến hoá bất toàn của chúng ta, kết quả của sự hoàn toàn thiếu viễn cảnh do vị trí của chúng ta trong hệ hành tinh, và kết quả của tầm nhìn ngắn ngủi của chúng ta. Những khái quát rộng lớn nổi bật là tất cả những gì chúng ta có thể nhận biết ở trạng thái hiện nay, và chúng có thể được tóm lại thành ba điểm:

Position or the place of the system within its greater whole, and the corporate nature of all manifestation. This involves the concept of:

Vị trí hay chỗ đứng của hệ mặt trời trong toàn thể lớn hơn của nó, và bản chất tập thể của mọi biểu hiện. Điều này bao hàm khái niệm về:

A cosmic system, involving lesser systems and holding them together by the power of a unified life. (144)

Một hệ thống vũ trụ, bao gồm các hệ thống nhỏ hơn và giữ chúng lại với nhau bằng quyền năng của một sự sống hợp nhất. (144)

(144) *Diversity from Unity.*

(144) *Tính đa dạng từ Hợp nhất.*

"Now, according to the Adepts of ancient Aryavarta, seven principles are evolved out of these three primary entities. Algebra teaches us that the number of combinations of things, taken one at a time, two at a time, three at a time, and so forth = 2n - 1. Applying this formula to the present case,

"Nay, theo các chân sư của Aryavarta cổ xưa, bảy nguyên khí được khai mở từ ba thực thể sơ khởi này. Đại số dạy chúng ta rằng số lượng các tổ hợp của các vật, lấy từng cái một, từng hai cái một, từng ba cái một, v.v. = 2n - 1. Áp dụng công thức này vào trường hợp hiện tại, số lượng các thực thể được khai

the number of entities evolved from different combinations of these three primary causes amount to 23 - 1 = 8 - 1 = 7. As a general rule whenever seven entities are mentioned in the ancient occult sciences of India in any connection whatsoever, you must suppose that these seven entities come into existence from three primary entities; and that these three entities, again, are evolved out of a single entity or Monad."—*The Theosophist*, Vol. VIII, p 449. (back)

mở từ những tổ hợp khác nhau của ba nguyên nhân sơ khởi này là 23 - 1 = 8 - 1 = 7. Theo quy luật chung, bất cứ khi nào bảy thực thể được nhắc đến trong các khoa học huyền bí cổ xưa của Ấn Độ trong bất kỳ mối liên hệ nào, bạn phải giả định rằng bảy thực thể này đi vào hiện hữu từ ba thực thể sơ khởi; và ba thực thể này, đến lượt chúng, lại được khai mở từ một thực thể duy nhất hay chân thần."—*The Theosophist*, Tập VIII, tr. 449. (trở lại)

A solar system, a portion of that greater system of manifestation, [Page 409] equally involving lesser forms of objectivity, and holding them likewise unified by the power of its own life.

Một hệ mặt trời, là một phần của hệ thống biểu hiện lớn hơn ấy, [Page 409] cũng bao gồm các hình thức khách quan nhỏ hơn, và cũng giữ chúng hợp nhất bằng quyền năng của chính sự sống của nó.

A planetary scheme, or subdivision of that solar system. This likewise persists as a unit by itself, yet has no existence apart from other units.

Một hệ hành tinh, hay một phân bộ của hệ mặt trời ấy. Hệ này cũng tồn tại như một đơn vị tự thân, nhưng không có hiện hữu tách rời khỏi các đơn vị khác.

Groups or unified bodies within the scheme. These are again individualised, yet at the same time are a part of the greater whole.

Các nhóm hay các tập thể hợp nhất trong hệ. Chúng lại được biệt ngã hóa, nhưng đồng thời là một phần của toàn thể lớn hơn.

Congeries or aggregations of cells, the subdivisions of groups. These must be similarly interpreted.

Các tập hợp hay các kết tụ của những tế bào, là các phân bộ của các nhóm. Chúng cũng phải được giải thích tương tự.

The cells, or the individualised units, within the groups. Each of these is a conscious entity, yet each has no existence apart from its groups.

Các tế bào, hay các đơn vị biệt ngã hóa, trong các nhóm. Mỗi đơn vị này là một thực thể hữu thức, nhưng mỗi đơn vị không có hiện hữu tách rời khỏi các nhóm của nó.

Each of these divisions is characterised by:

Mỗi phân bộ này được đặc trưng bởi:

An ensouling life, which—as far as we are concerned, emanates from the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, Who ensouls the seven solar systems, down through the Lord of a solar system, through

Một sự sống phú linh, mà—xét theo chúng ta—xuất lộ từ Đấng Bất Khả Tư Nghị, Đấng phú linh cho bảy hệ mặt trời, đi xuống qua Chúa Tể của một hệ mặt trời, qua các Thực Thể vũ trụ mà chúng ta gọi là các Đấng

the cosmic Entities we call the Heavenly Men, and the solar Entities ensouling groups and through that peculiar central manifestation we call a human being to the little cell within the body of that human being, and the atom which is the basic material whereof all forms in all the kingdoms of nature are made.

Thiên Nhân, và các Thực Thể thái dương phú linh cho các nhóm, và qua biểu hiện trung tâm đặc thù mà chúng ta gọi là một con người đến tế bào nhỏ bé trong thân thể của con người ấy, và nguyên tử là vật chất cơ bản mà từ đó mọi hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên được tạo thành.

Intelligent activity, or the display of purpose or manas, the fifth principle in every type of manifestation. This, as earlier pointed out, is the intelligent plan of the Entity concerned working out in time and space.

Hoạt động trí tuệ, hay sự biểu lộ mục đích hoặc manas, nguyên khí thứ năm trong mọi loại biểu hiện. Điều này, như đã chỉ ra trước đây, là Thiên Cơ trí tuệ của Thực Thể liên hệ đang triển khai trong thời gian và không gian.

Power to evolve or progress. This is literally the distinctive ability of the ensouling life within the form to progress intelligently from lower to higher forms of manifestation. This is above all the peculiar and perfected attribute of the fifth principle.

Quyền năng tiến hoá hay tiến bộ. Đây theo nghĩa đen là khả năng đặc thù của sự sống phú linh bên trong hình tướng để tiến triển một cách trí tuệ từ các hình thức biểu hiện thấp lên cao hơn. Trên hết, đây là thuộc tính đặc thù và hoàn thiện của nguyên khí thứ năm.

Capacity to cohere. This is the ability of all intelligent, active Lives during evolution to conform to the Law of Attraction and Repulsion, and thus form a conscious, intelligent part of a greater life. It is literally [Page 410] the transmutation of manas into wisdom. Though all that IS exists in form yet little is as yet brought under the intelligent control of the entity within the form. Only the Heavenly Men and Their superior embracing lives are consciously and intelligently working through and dominating the form, for only They, as yet, are perfected manas. Beneath them come many grades of consciousness. Man is gradually achieving that conscious control over matter in the three worlds which his divine Prototypes, the Heavenly Men, have already achieved. They are attaining a similar control on higher levels. Below man

Năng lực kết dính. Đây là khả năng của mọi Sự sống trí tuệ, hoạt động trong tiến hoá tuân theo Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, và nhờ đó tạo thành một phần hữu thức, trí tuệ của một sự sống lớn hơn. Theo nghĩa đen, đây là [Page 410] sự chuyển hoá manas thành minh triết. Dù mọi cái ĐANG HIỆN HỮU đều tồn tại trong hình tướng, nhưng hiện nay rất ít được đặt dưới sự kiểm soát trí tuệ của thực thể bên trong hình tướng. Chỉ các Đấng Thiên Nhân và các sự sống bao trùm cao hơn của Các Ngài mới đang làm việc một cách hữu thức và trí tuệ xuyên qua và chi phối hình tướng, vì chỉ Các Ngài, hiện nay, mới là manas hoàn thiện. Bên dưới Các Ngài là nhiều cấp độ tâm thức. Con người đang dần đạt được sự kiểm soát hữu thức ấy đối với vật chất trong ba cõi giới mà các Nguyên Mẫu thiêng liêng của y, các Đấng Thiên Nhân, đã đạt được rồi. Các Ngài đang

come many lives who are blind and unconscious of the congery or subdivision of which they form part. Thus can be seen, in general outline, the place of manas at the present stage.

đạt đến một sự kiểm soát tương tự trên các cấp độ cao hơn. Bên dưới con người là nhiều sự sống mù quáng và không ý thức về tập hợp hay phân bộ mà chúng tạo thành một phần. Như vậy có thể thấy, trong nét đại cương, vị trí của manas ở giai đoạn hiện nay.

Relation. Another outstanding feature that is the result of our studies is that of relation. The realisation of this in future years will lead to the study of the different polarities of the different spheres (from a planetary scheme to an atom) within the solar ring-pass-not, and of the relation existing between:

Tương quan. Một đặc điểm nổi bật khác là kết quả từ các nghiên cứu của chúng ta là tương quan. Sự chứng nghiệm điều này trong những năm tương lai sẽ dẫn đến việc nghiên cứu các cực tính khác nhau của các khối cầu khác nhau (từ một hệ hành tinh đến một nguyên tử) trong vòng-giới-hạn thái dương, và của mối tương quan hiện hữu giữa:

a. A scheme and the totality of schemes.

a. Một hệ và tổng thể các hệ.

b. Scheme and scheme.

b. Hệ này và hệ kia.

c. Chain and chain.

c. Dãy này và dãy kia.

d. Globe and globe.

d. Bầu hành tinh này và bầu hành tinh kia.

e. Group and group.

e. Nhóm này và nhóm kia.

f. Subdivision and subdivision.

f. Phân bộ này và phân bộ kia.

g. Unit and unit. (145)

g. Đơn vị này và đơn vị kia. (145)

(145) I use the word "unit" in connection with all that is in any degree self-conscious, or individualised. It must, therefore, be remembered that this phrase refers to nothing below the human kingdom. (back)

(145) Tôi dùng từ "đơn vị" liên hệ với mọi cái ở bất kỳ mức độ nào có ngã thức, hay đã được biệt ngã hóa. Vì vậy, cần nhớ rằng cụm từ này không chỉ đến bất cứ điều gì dưới giới nhân loại. (trở lại)

h. Cell and cell.

h. Tế bào này và tế bào kia.

The interrelation of all these factors and their profound interdependence is one of the most important points for us to grasp; though this whole relation is governed by

Sự tương liên của tất cả các yếu tố này và sự phụ thuộc lẫn nhau sâu xa của chúng là một trong những điểm quan trọng nhất để chúng ta nắm bắt; dù toàn bộ mối tương quan này

the law of Attraction and Repulsion, and [Page 411] therefore comes more under what we call the second aspect, yet self consciousness itself is the result of the manasic principle, and the close co-operation between these two factors of mind and love-wisdom, or the two laws of Attraction and Synthesis, must ever be carefully remembered.

được chi phối bởi định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, và [Page 411] do đó thuộc nhiều hơn về điều chúng ta gọi là phương diện thứ hai, tuy nhiên chính ngã thức lại là kết quả của nguyên khí manas, và sự hợp tác mật thiết giữa hai yếu tố này của trí tuệ và bác ái – minh triết, hay hai định luật Hấp Dẫn và Tổng Hợp, phải luôn luôn được ghi nhớ cẩn thận.

Limitation. This is a prima factor to be borne in mind in considering a cosmos, a system, a scheme, a chain, or any form of limiting sphere down through them all to the physical atom of the scientist. It presupposes:

Sự giới hạn. Đây là một yếu tố căn bản cần được ghi nhớ khi xem xét một vũ trụ, một hệ mặt trời, một hệ hành tinh, một dãy, hay bất kỳ hình thức khối cầu giới hạn nào xuyên suốt tất cả chúng cho đến nguyên tử hồng trần của nhà khoa học. Nó giả định trước:

a. Capacity beyond that manifested.

a. Năng lực vượt quá điều đã biểu hiện.

b. Duality, or that which is limited and the limiting substance.

b. Nhị nguyên tính, hay cái bị giới hạn và chất liệu giới hạn.

c. Purpose, for in an ordered scheme of existence, the limitation persists just as long as it is required in order to attain certain ends. It is succeeded by "abstraction" occultly understood, and in its literal sense.

c. Mục đích, vì trong một hệ hiện hữu có trật tự, sự giới hạn tồn tại đúng chừng nào nó còn cần thiết để đạt đến những cứu cánh nhất định. Nó được kế tiếp bởi "sự trừu xuất" theo nghĩa huyền bí, và theo nghĩa đen của nó.

When these three factors:

Khi ba yếu tố này:

Position,

Vị trí,

Relation,

Tương quan,

Limitation,

Sự giới hạn,

are studied within the system, the close connection of all the groups within the whole will be evidenced, and the need of each part for all other parts will be brought out.

được nghiên cứu trong hệ mặt trời, mối liên hệ mật thiết của mọi nhóm trong toàn thể sẽ được biểu lộ, và nhu cầu của mỗi phần đối với mọi phần khác sẽ được làm nổi bật.

As regards cosmic position, relation and limitation, little can be said, as e'en to the Heavenly Men Themselves the matter is obscure. That this is necessarily so must be apparent when Their place in the scheme of things is realised and Their relative unimportance is considered. Therefore, we can do no more than accept the fact of the inconceivable magnitude of that EXISTENCE which is manifesting through seven solar systems, and the extension of this concept of Being to [Page 412] embrace the entire vault of the Heavens. It is interesting to bear in mind in this connection that all that is seen, being objective forms or Beings in manifestation through certain spheres of light, may not be all that IS, but that there may lie back of everything visible a vast realm or realms of Existences. The very brain of man reels in contemplation of such a concept. Yet just as there are tens of millions of human beings out of objective manifestation, or discarnate, on the subtler planes of the solar system, so there may be cosmic entities, in rank equal to the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, Who are in a similar sense discarnate, and found in realms subtler than that of the manifestation of light.

Về vị trí, tương quan và sự giới hạn vũ trụ, có rất ít điều có thể nói ra, vì ngay cả đối với chính các Đấng Thiên Nhân, vấn đề này cũng mơ hồ. Điều này tất yếu là như vậy hẳn phải hiển nhiên khi chỗ đứng của Các Ngài trong trật tự sự vật được chứng nghiệm và tầm quan trọng tương đối nhỏ bé của Các Ngài được cân nhắc. Vì vậy, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chấp nhận sự kiện về tầm vóc không thể nghĩ bàn của HỮU THỂ đang biểu hiện qua bảy hệ mặt trời, và mở rộng khái niệm Hữu thể này để [Page 412] bao trùm toàn bộ vòm Trời. Thật thú vị khi ghi nhớ trong mối liên hệ này rằng tất cả những gì được thấy, là những hình tướng khách quan hay những Hữu thể đang biểu hiện qua những khối cầu ánh sáng nhất định, có thể không phải là tất cả những gì ĐANG HIỆN HỮU, mà đằng sau mọi cái hữu hình có thể còn có một hay nhiều cõi giới bao la của các Hữu thể. Chính bộ não con người cũng quay cuồng khi chiêm ngưỡng một khái niệm như thế. Tuy nhiên, cũng như có hàng chục triệu con người ở ngoài biểu hiện khách quan, hay đã lìa xác, trên các cõi vi tế hơn của hệ mặt trời, thì cũng có thể có những thực thể vũ trụ, ngang hàng với Đấng Bất Khả Tư Nghị, ở trong một ý nghĩa tương tự là đã lìa xác, và được tìm thấy trong những cõi giới vi tế hơn cõi biểu hiện của ánh sáng.

3. On the Earth. — 3. Trên Trái Đất.

a. The five Kumaras. We might now consider briefly the subject of the five Kumaras, Who are the sum total of manas on the Earth. I have stated that the Lord of the World, the first Kumara, is the planetary Logos of our scheme in physical incarnation, but nowhere has the impression been conveyed that the three Kumaras, associated with Him, are three other planetary Logoi. This is

a. Năm Kumaras. Giờ đây chúng ta có thể ngắn gọn xem xét chủ đề về năm Kumaras, là tổng thể của manas trên Trái Đất. Tôi đã nói rằng Đức Chúa Tể Thế Giới, Kumara thứ nhất, là Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta trong sự nhập thể hồng trần, nhưng không ở đâu có ấn tượng rằng ba Kumaras kết hợp với Ngài là ba Hành Tinh Thượng Đế khác. Điều này hoàn toàn không phải như

in no way the case. These three, called the "Buddhas of Activity," are but the vicegerents upon our planet of those three planetary Logoi, Who, with our planetary Logos, make the sum total of the logoic Quaternary. Associated with them are the three esoteric Kumaras, mentioned in the *Secret Doctrine*, *(I, 493)* Who represent the three other Logoi, and so make focal points for all the logoic forces within our chain. In each chain such representatives are found, six focal points embraced by the seventh, the planetary Logos of the scheme, Who holds them all within His aura.

vậy. Ba vị này, được gọi là "các Đức Phật Hoạt Động," chỉ là những vị đại diện trên hành tinh chúng ta của ba Hành Tinh Thượng Đế ấy, những Đấng cùng với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tạo thành tổng thể của Bộ Tứ của Thượng đế. Kết hợp với các Ngài là ba Kumara nội môn, được nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm, (I, 493)* các Ngài đại diện cho ba Thượng đế kia, và do đó tạo thành các tiêu điểm cho mọi mãnh lực của Thượng đế trong dãy của chúng ta. Trong mỗi dãy đều có những đại diện như vậy, sáu tiêu điểm được bao hàm bởi tiêu điểm thứ bảy, là Hành Tinh Thượng Đế của hệ, Đấng giữ tất cả họ trong hào quang của Ngài.

[Page 413] Their work is threefold:

[Page 413] Công việc của Các Ngài là tam phân:

First. They are the centres in the body of the planetary Logos. Each chain corresponds to one centre, and the globes are but the lesser wheels within any particular centre. The life of the Logos in this incarnation on the Earth is flowing through three centres and beginning to stimulate a fourth, hence four globes are involved and the three Kumaras (so called for lack of a better term) are vitally intelligently active; three are in abeyance and one is beginning to function. The globes correspond to the chains. This fourth Kumara is as yet practically unrealised, but as hinted at earlier His day is about to dawn.

Thứ nhất. Các Ngài là các trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế. Mỗi dãy tương ứng với một trung tâm, và các bầu hành tinh chỉ là những bánh xe nhỏ hơn trong bất kỳ trung tâm đặc thù nào. Sự sống của Thượng đế trong lần nhập thể này trên Trái Đất đang chảy qua ba trung tâm và bắt đầu kích thích một trung tâm thứ tư, do đó bốn bầu hành tinh được liên hệ và ba Kumaras (được gọi như vậy vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) đang hoạt động một cách sống động và trí tuệ; ba vị đang ở trạng thái tiềm phục và một vị đang bắt đầu hoạt động. Các bầu hành tinh tương ứng với các dãy. Kumara thứ tư này hiện nay hầu như chưa được chứng nghiệm, nhưng như đã gợi ý trước đây, ngày của Ngài sắp rạng lên.

Second. They act as transmitters of a particular type of force to those units who go to the content of any particular centre. They are, in fact, the agents for the Lords of the Rays to the Monads of any ray in incarnation in any particular chain and on any particular globe.

Thứ hai. Các Ngài hoạt động như những đấng truyền dẫn một loại mãnh lực đặc thù đến những đơn vị cấu thành nội dung của bất kỳ trung tâm đặc thù nào. Thật ra, các Ngài là những tác nhân của các Chúa Tể các Cung đối với các chân thần thuộc bất kỳ cung nào

đang lâm phàm trong bất kỳ dãy đặc thù nào và trên bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào.

Third. They are the agents for:

Thứ ba. Các Ngài là những tác nhân cho:

a. The Lord of a Ray as stated above.

a. Chúa Tể của một Cung như đã nói ở trên.

b. The four Maharajahs.

b. Bốn Maharajahs.

c. The planetary Logos of Their own scheme.

c. Hành Tinh Thượng Đế của hệ riêng của Các Ngài.

d. The great Deva of the Earth planet.

d. Đại thiên thần của hành tinh Trái Đất.

They work with the law; They are the cognizers of the intelligent purpose of the planetary Logos, and know His plans; They are the vital activity of the planet, and in a subtle sense they are not only the Ray representatives but likewise the link between the chain and the scheme.

Các Ngài làm việc với định luật; Các Ngài là những Đấng nhận biết mục đích trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế, và biết các kế hoạch của Ngài; Các Ngài là hoạt động sống động của hành tinh, và theo một nghĩa vi tế, các Ngài không chỉ là những đại diện của Cung mà còn là mối liên kết giữa dãy và hệ.

It might here be stated that the relative failure that was the fate of the *Moon chain* in our scheme has greatly handicapped Their work, and made it imperative for Them to employ drastic measures in order to offset that failure. Herein lies another clue to the world turmoil.

Ở đây có thể nói rằng sự thất bại tương đối đã là số phận của *Dãy Mặt Trăng* trong hệ của chúng ta đã gây trở ngại rất lớn cho công việc của Các Ngài, và khiến Các Ngài buộc phải sử dụng những biện pháp quyết liệt để hóa giải sự thất bại ấy. Chính trong đó có một đầu mối khác cho sự hỗn loạn của thế giới.

[Page 414] *b. The Moon chain.* It might be of interest here, if, before passing on to other matters, we took up the very difficult subject of the moon chain and answer certain pertinent questions that may have arisen in the minds of students.

[Page 414] *b. Dãy Mặt Trăng.* Ở đây có thể là điều đáng quan tâm nếu, trước khi chuyển sang các vấn đề khác, chúng ta đề cập đến chủ đề rất khó về dãy mặt trăng và trả lời một số câu hỏi thích đáng có thể đã nảy sinh trong tâm trí các đạo sinh.

The enumeration of the chains and of the schemes as given in the two charts is entirely *for the present*, and covers a period comparatively recent, carrying forward the

Việc đánh số các dãy và các hệ như được nêu trong hai biểu đồ hoàn toàn chỉ *cho hiện tại*, và bao quát một thời kỳ tương đối gần đây, đưa lịch sử tiến hoá tiến tới giữa cuộc tuần

history of evolution to the middle of the next round in our chain. Had we been given the charts embracing pre-Lemurian days, and extending back a distance into the (humanly speaking) unfathomable past, we would have seen the moon chain portrayed with the Neptune chain omitted. In the chart as given two chains are apparently lacking, the moon chain and the Uranus chain. The reasons are abstruse, but something may be hinted at as follows:

hoàn kế tiếp trong dãy của chúng ta. Nếu chúng ta được cung cấp các biểu đồ bao trùm những ngày trước Lemuria, và kéo lùi về một khoảng cách trong quá khứ không thể dò thấu (theo cách nói của con người), chúng ta hẳn đã thấy dãy mặt trăng được mô tả với dãy Sao Hải Vương bị lược bỏ. Trong biểu đồ như đã cho, dường như thiếu hai dãy, dãy mặt trăng và dãy Sao Thiên Vương. Những lý do thì thâm sâu, nhưng có thể gợi ý đôi điều như sau:

The Moon chain with the Earth chain formed two units, or two polarities, negative and positive. The point of merging was reached, and the Earth chain absorbed or synthesised the moon chain in the same sense as certain of the schemes will merge until only three will apparently be left. Therefore the Earth chain is essentially dual in its nature, being the sumtotal of a male and a female chain. This is a mystery impossible to elucidate further, but it is dealt with in certain occult books, and hinted at by H. P. B. *(S.D., I, Section IX, 176-200)*

Dãy Mặt Trăng cùng với Dãy Địa Cầu tạo thành hai đơn vị, hay hai cực tính, âm và dương. Điểm hòa nhập đã đạt tới, và Dãy Địa Cầu đã hấp thu hay tổng hợp dãy mặt trăng theo cùng ý nghĩa như một số hệ sẽ hòa nhập cho đến khi dường như chỉ còn lại ba. Vì vậy Dãy Địa Cầu về bản chất là nhị phân, là tổng thể của một dãy nam và một dãy nữ. Đây là một huyền nhiệm không thể giải thích thêm, nhưng nó được bàn đến trong một số sách huyền bí, và được H. P. B. gợi ý *(S.D., I, Phần IX, 176-200)*

In due course of time another merging in the scheme will eventuate and then Uranus (the chain of that name in our scheme) will flash into objectivity. Forget not that the schemes manifest as seven, as ten, as three from the angle of the Eternal Now, or—from the point of view of a Heavenly Man—the manifestation may be written as (3|7) In time and space the order might be stated to be 7-3-10, and at certain stages 10-7-3. As [Page 415] the opposites merge the ten become the seven and the three, and it is during this process that entire chains and globes, and eventually schemes, will apparently vanish from objectivity, and drop out of sight. They will be simply absorbed.

Đến đúng thời điểm, một sự hòa nhập khác trong hệ sẽ xảy ra và khi đó Uranus (dãy mang tên ấy trong hệ của chúng ta) sẽ bừng lên trong tính khách quan. Đừng quên rằng các hệ biểu hiện thành bảy, thành mười, thành ba từ góc độ của Hiện Tại Vĩnh Cửu, hay—từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân—sự biểu hiện có thể được viết là (3|7) Trong thời gian và không gian, trật tự có thể được phát biểu là 7-3-10, và ở một số giai đoạn là 10-7-3. Khi [Page 415] các cặp đối cực hòa nhập, mười trở thành bảy và ba, và chính trong tiến trình này mà toàn bộ các dãy và các bầu hành tinh, và cuối cùng là các hệ, dường như sẽ biến mất khỏi tính khách quan, và khuất khỏi tầm nhìn. Chúng chỉ đơn giản bị hấp thu. Trong tiến trình tiến

During the twofold process of evolution, it might be numerically expressed as:

During involution the sequence is seen as three, then seven and finally ten.

During evolution the sequence is ten, then seven and finally three.

The involutionary process is over practically and the evolutionary is approximately midway through. This will be marked by the disappearance or absorption of certain chains as they find their polar opposites, and a simultaneous appearance of the more subtle chains or globes as the manasic principle enables man to see them. The moon chain is in process of disappearance, and only a decaying body is left; the life of the second and the first Logos has been withdrawn from it, and only the latent life of matter itself remains. Simultaneously Neptune arose over the horizon, and took its place as one of the seven manifesting chains of the planetary Logos. We are here dealing with the Neptune chain of the earth scheme.

The Moon chain has in itself a curious occult history, not yet to be disclosed. This differentiates it from the other chains in the scheme and even from any other chain in any scheme. An analogous situation or correspondence will be found in another planetary scheme within the solar system. All this is hidden in the history of one of the solar systems which is united to ours within a cosmic ring-pass-not. Hence the impossibility of yet enlarging upon it. Each Heavenly Man of a scheme is a focal point for the force and power and vibratory life of seven stupendous ENTITIES in exactly the same sense [Page 416] as the seven centres in a human being are the focal points for the

hoá nhị phân, điều này có thể được biểu thị bằng số như sau:

Trong giáng hạ tiến hoá, trình tự được thấy là ba, rồi bảy và cuối cùng là mười.

Trong thăng thượng tiến hoá, trình tự là mười, rồi bảy và cuối cùng là ba.

Tiến trình giáng hạ tiến hoá trên thực tế hầu như đã kết thúc và tiến trình thăng thượng tiến hoá thì xấp xỉ ở giữa chặng đường. Điều này sẽ được đánh dấu bằng sự biến mất hay hấp thu của một số dãy khi chúng tìm thấy các cực đối nghịch của mình, và đồng thời là sự xuất hiện của các dãy hay các bầu hành tinh vi tế hơn khi nguyên khí manas giúp con người nhìn thấy chúng. Dãy Mặt Trăng đang trong tiến trình biến mất, và chỉ còn lại một thân thể đang phân rã; sự sống của Thượng đế thứ hai và thứ nhất đã được rút khỏi nó, và chỉ còn lại sự sống tiềm ẩn của chính vật chất. Đồng thời Sao Hải Vương đã mọc lên trên chân trời, và chiếm chỗ của nó như một trong bảy dãy biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế. Ở đây chúng ta đang đề cập đến dãy Sao Hải Vương của hệ địa cầu.

Dãy Mặt Trăng tự nó có một lịch sử huyền bí kỳ lạ, hiện chưa thể tiết lộ. Điều này làm cho nó khác với các dãy khác trong hệ và thậm chí với bất kỳ dãy nào khác trong bất kỳ hệ nào. Một tình huống tương tự hay sự tương ứng sẽ được tìm thấy trong một hệ hành tinh khác trong hệ mặt trời. Tất cả điều này được che giấu trong lịch sử của một trong các hệ mặt trời được liên kết với hệ của chúng ta trong một vòng-giới-hạn vũ trụ. Do đó hiện nay không thể nói rộng hơn về nó. Mỗi Đấng Thiên Nhân của một hệ là một tiêu điểm cho mãnh lực, quyền năng và sự sống rung động của bảy THỰC THỂ vĩ đại đúng theo cùng ý nghĩa [Page 416] như bảy trung tâm trong một con người là những tiêu điểm

influence of a corresponding heavenly Prototype. Our Heavenly Man, therefore, is esoterically allied to one of the seven solar systems, and in this mysterious alliance is hidden the mystery of the moon chain.

cho ảnh hưởng của một Nguyên Mẫu thiên thượng tương ứng. Vì vậy, Đấng Thiên Nhân của chúng ta, theo nghĩa nội môn, được liên kết với một trong bảy hệ mặt trời, và trong sự liên kết huyền nhiệm này ẩn giấu huyền nhiệm của dãy mặt trăng.

Certain brief hints may be given for the due consideration of students:

Có thể đưa ra một vài gợi ý ngắn để các đạo sinh suy xét thích đáng:

The Moon chain was a chain wherein a systemic failure was to be seen.

Dãy Mặt Trăng là một dãy trong đó có thể thấy một sự thất bại ở quy mô hệ mặt trời.

It is connected with the lower principles, which H.P.B. has stated are now superseded.

Nó liên hệ với các nguyên khí thấp, mà H.P.B. đã nói là nay đã bị vượt qua.

The sexual misery of this planet finds its origin in the moon failure.

Sự khốn khổ về tính dục của hành tinh này bắt nguồn từ sự thất bại của mặt trăng.

The progress of evolution on the moon was abruptly disturbed and arrested by the timely interference of the solar Logos. The secret of the suffering in the Earth chain, which makes it merit the name of the Sphere of Suffering, and the mystery of the long and painful watch kept by the SILENT WATCHER, (148) has its origin in the events which brought the moon chain to a terrific culmination. Conditions of agony and of distress such as are found on our planet are found in no such degree in any other scheme. [Page 417]

Sự can thiệp đúng lúc của Thái dương Thượng đế đã đột ngột làm xáo trộn và đình chỉ sự tiến hoá trên mặt trăng. Bí mật của đau khổ trong Dãy Địa Cầu, khiến nó xứng với tên gọi Khối Cầu Đau Khổ, và huyền nhiệm của sự canh thức lâu dài và đau đớn do ĐẤNG QUAN SÁT THẦM LẶNG gìn giữ, (148) bắt nguồn từ những biến cố đã đưa Dãy Mặt Trăng đến một cao trào khủng khiếp. Những điều kiện thống khổ và khốn cùng như thấy trên hành tinh chúng ta không hề được tìm thấy ở mức độ như vậy trong bất kỳ hệ hành tinh nào khác. [Page 417]

(148) "...it is He, again, who holds spiritual sway over the initiated Adepts throughout the whole world. He is, as said, the "Nameless One" who has so many names, and yet whose names and whose very nature are unknown. He is the 'Initiator,' called the 'Great Sacrifice.' For, sitting at the Threshold of Light, he looks into it from within the Circle of Darkness, which he will not cross;

(148) "...chính Ngài, một lần nữa, là Đấng nắm quyền thống trị tinh thần đối với các chân sư đã được điểm đạo trên khắp thế giới. Như đã nói, Ngài là 'Đấng Vô Danh' có rất nhiều danh xưng, nhưng các danh xưng ấy và chính bản chất của Ngài vẫn không được biết đến. Ngài là 'Đấng Điểm đạo,' được gọi là 'Đại Hi Sinh.' Vì, ngồi nơi Ngưỡng Cửa của Ánh Sáng, Ngài nhìn vào đó từ bên trong

nor will he quit his post till the last Day of this Life-Cycle. Why does the Solitary Watcher remain at his self-chosen post? Why does he sit by the Fountain of Primeval Wisdom, of which he drinks no longer, for he has naught to learn which he does not know—aye, neither on this Earth, nor in its Heaven? Because the lonely, sore-footed Pilgrims, on their journey back to their Home, are never sure, to the last moment, of not losing their way, in this limitless desert of Illusion and Matter called Earth-Life. Because he would fain show the way to that region of freedom and light, from which he is a voluntary exile himself, to every prisoner who has succeeded in liberating himself from the bonds of flesh and illusion. Because, in short, he has sacrificed himself for the sake of Mankind, though but a few elect may profit by the Great Sacrifice."—S. D., I, 229. (back)

Vòng Tròn Bóng Tối mà Ngài sẽ không vượt qua; Ngài cũng sẽ không rời bỏ vị trí của mình cho đến Ngày cuối cùng của Chu Kỳ Sự Sống này. Tại sao Đấng Quan Sát Cô Độc vẫn ở lại nơi vị trí do chính mình chọn? Tại sao Ngài ngồi bên Suối Nguồn Minh Triết Nguyên Sơ, mà Ngài không còn uống nữa, vì không còn gì để học mà Ngài chưa biết—đúng vậy, không phải trên Trái Đất này, cũng không phải trong cõi Trời của nó? Bởi vì những Người Hành Hương cô độc, đau chân, trên hành trình trở về Nhà của họ, cho đến giây phút cuối cùng vẫn không bao giờ chắc chắn rằng mình sẽ không lạc đường trong sa mạc vô hạn của Ảo Tưởng và Vật Chất gọi là Đời Sống Trần Gian này. Bởi vì Ngài tha thiết muốn chỉ đường đến miền tự do và ánh sáng ấy, từ đó chính Ngài là một kẻ lưu đày tự nguyện, cho mọi tù nhân nào đã thành công trong việc tự giải thoát mình khỏi xiềng xích của xác thân và ảo tưởng. Bởi vì, nói ngắn gọn, Ngài đã hi sinh chính mình vì nhân loại, dù chỉ có một số ít được tuyển chọn mới có thể hưởng lợi từ Đại Hi Sinh."—Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 229. (back)

The misuse of the vibratory power of a certain centre, and the perversion, or distortion of force to certain erroneous ends, not along the line of evolution, account for much of the moon mystery.

Việc lạm dụng quyền năng rung động của một trung tâm nào đó, và sự xuyên tạc hay bóp méo mãnh lực vào những mục đích sai lạc nhất định, không theo đường tiến hoá, giải thích phần lớn huyền nhiệm của mặt trăng.

Certain results, such as the finding of its polar opposite, were hastened unduly on the moon chain, and the consequence was an uneven development and a retardation of the evolution of a certain number of deva and human groups.

Một số kết quả nhất định, chẳng hạn như việc tìm ra cực đối nghịch của nó, đã bị thúc đẩy quá mức trên Dãy Mặt Trăng, và hậu quả là một sự phát triển không đồng đều cùng sự trì hoãn trong tiến hoá của một số nhóm thiên thần và nhân loại nhất định.

The origin of the feud between the Lords of the Dark Face and the Brotherhood of Light, which found scope for activity in Atlantean

Nguồn gốc của mối thù nghịch giữa các Đấng của Khuôn Mặt Tối và Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, vốn đã có phạm vi hoạt động trong thời Atlantis và trong giống dân gốc

days, and during the present root race, can be traced back to the moon chain.

hiện nay, có thể được truy nguyên về Dãy Mặt Trăng.

We have here all that it is possible to give out at this time, and much that has hitherto not been permitted publication. It is necessary again to emphasise the need of attaching no importance to the names of the chains and globes, and the necessity of a numerical enumeration; at the same time should the student decide to number the chains, and globes, he must carefully bear in mind that the sequence of numbers has no reference or relation to place or time, nor to sequence of appearance, or order of manifestation.

Ở đây chúng ta có tất cả những gì có thể được tiết lộ vào lúc này, và nhiều điều mà trước đây chưa được phép công bố. Cần phải nhấn mạnh một lần nữa rằng không nên gán tầm quan trọng nào cho tên gọi của các dãy và các bầu hành tinh, đồng thời cần phải liệt kê bằng số; đồng thời, nếu đạo sinh quyết định đánh số các dãy và các bầu hành tinh, y phải cẩn thận ghi nhớ rằng chuỗi số ấy không hề liên quan hay tương ứng với vị trí hoặc thời gian, cũng không liên quan đến trình tự xuất hiện hay thứ tự biểu hiện.

IV. THE FUTURE OF MANAS — IV. TƯƠNG LAI CỦA MANAS

It is only intended to handle this immense subject primarily in its relation to MAN, leaving the student to work out for himself much of what might be said, and to expand the concept from the unit to the group, and from the group to the totality of groups within the solar system. We will only touch upon the development of the mind in man and hint at some probable developments; we shall endeavour to show that manas, as it evolves, leads to certain distinct characteristics, which [Page 418] distinguish it from other developments which may be seen. The subject therefore will be discussed under the following subheadings:

Chỉ có ý định bàn đến chủ đề bao la này chủ yếu trong mối liên hệ với CON NGƯỜI, để đạo sinh tự mình khai triển phần lớn những gì có thể được nói thêm, và mở rộng khái niệm từ đơn vị đến nhóm, rồi từ nhóm đến tổng thể các nhóm trong hệ mặt trời. Chúng ta sẽ chỉ chạm đến sự phát triển của trí tuệ nơi con người và gợi ý một vài phát triển có thể có; chúng ta sẽ cố gắng chỉ ra rằng manas, khi tiến hoá, dẫn đến một số đặc tính rõ rệt, những đặc tính [Page 418] phân biệt nó với những sự phát triển khác có thể được thấy. Vì vậy, chủ đề này sẽ được bàn dưới các tiểu mục sau:

1. The characteristics of manas.

1. Các đặc tính của manas.

2. Probable developments of the human mind.

2. Những phát triển có thể có của trí tuệ con người.

3. Manas in the final rounds.

3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

In studying all these points the emphasis is, of course, to be laid upon the future, and I

Khi nghiên cứu tất cả các điểm này, dĩ nhiên sự nhấn mạnh phải được đặt vào tương lai,

enlarge not upon that which is already developed.

và tôi không khai triển về điều đã được phát triển rồi.

1. Characteristics of manas. — 1. Các đặc tính của manas.

The main characteristics of manas might be summed up under three heads:

Các đặc tính chính của manas có thể được tóm lược dưới ba đề mục:

a. Discrimination.

a. Phân biện.

b. Ordered activity.

b. Hoạt động có trật tự.

c. Adaptability.

c. Khả năng thích ứng.

Let us study these a little and note wherein in days and cycles to come they will be seen working out.

Chúng ta hãy nghiên cứu đôi chút về các đặc tính này và lưu ý chúng sẽ được thấy biểu lộ ra sao trong những ngày và chu kỳ sắp tới.

a. Discrimination. This is necessarily almost the statement of a platitude. All students recognise the discriminative quality of manas and its selective capacity; all recognise the faculty in man which enables him to distinguish intelligently between the Self and the Not-Self. What we are apt to forget is that this faculty persists on all planes, and is threefold in manifestation:

a. Phân biện. Điều này hầu như tất yếu là một nhận định quá hiển nhiên. Mọi đạo sinh đều nhận ra phẩm tính phân biện của manas và năng lực chọn lọc của nó; mọi người đều nhận ra nơi con người năng lực giúp y phân biệt một cách thông minh giữa Ngã và Phi-Ngã. Điều chúng ta dễ quên là năng lực này tồn tại trên mọi cõi, và có biểu hiện tam phân:

First. Discrimination between the I-consciousness, and that which is cognised in the external world. This is the ability to distinguish between oneself and all other forms extant. It is universally developed and has reached a fairly high stage of evolution.

Thứ nhất. Sự phân biện giữa tâm thức "Tôi" và điều được nhận biết trong thế giới bên ngoài. Đây là khả năng phân biệt giữa chính mình và mọi hình tướng khác đang tồn tại. Nó đã được phát triển phổ quát và đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá khá cao.

Second. Discrimination between the Ego and the Personality. This narrows the concept down to the sphere of a man's own consciousness, and enables him to differentiate between his subjective self or soul, and the bodies which hold that soul enshrined. This is not [Page 419] by any

Thứ hai. Sự phân biện giữa chân ngã và phàm ngã. Điều này thu hẹp khái niệm vào phạm vi tâm thức riêng của một người, và giúp y phân biệt giữa bản ngã chủ quan hay linh hồn của mình, với các thân thể bao bọc linh hồn ấy. Điều này hoàn toàn không phải là [Page 419] được phát triển phổ quát đến

means so universally developed. Most men do not as yet distinguish with accuracy between themselves as the THINKER, persistent in time and space, and the vehicle through which they think, which is ephemeral and transient. The real recognition of this essential duality, and the scientific appreciation of it is to be seen in the mystics, the advanced thinkers of the race, the conscious aspirants, and those nearing the Portal of Initiation.

thế. Phần lớn con người hiện vẫn chưa phân biệt chính xác giữa mình như là NHÀ TƯ TƯỞNG, bền vững trong thời gian và không gian, và vận cụ mà qua đó y tư duy, vốn phù du và tạm bợ. Sự nhận biết thực sự về tính nhị nguyên cốt yếu này, và sự đánh giá khoa học về nó, được thấy nơi các nhà thần bí, các nhà tư tưởng tiến bộ của nhân loại, những người chí nguyện hữu thức, và những ai đang đến gần Cửa Điểm Đạo.

Third. Discrimination between soul and Spirit, or the realisation by the man that not only can he say, *"I am"*; not only can he realise that *"I am That"*; but that he can advance to a still further realisation, and say, *"I am That I am."*

Thứ ba. Sự phân biện giữa linh hồn và tinh thần, hay sự chứng nghiệm của con người rằng y không chỉ có thể nói, *"Tôi là"*; y không chỉ có thể chứng nghiệm rằng *"Tôi là Cái Đó"*; mà còn có thể tiến đến một chứng nghiệm xa hơn nữa, và nói, *"Tôi là Cái Đó mà Tôi là."*

In all these expansions and appreciations the discriminative faculty of manas is utilised.

Trong mọi sự mở rộng và nhận thức này, năng lực phân biện của manas đều được sử dụng.

Therefore, we can see for ourselves the future development, and whereto it will lead mankind. Man now knows himself as a separated unit of consciousness; he NOW distinguishes between himself and all other materialised selves; he now realises himself as distinct from every other functioning sphere of matter from the materialised Logos to the cell in his own physical body, and the cell in all bodies on the physical plane. This separative instinct, this distinguishing self-centredness has been the nursery wherein the infant, man, has segregated himself until he is of full strength, and able to take his share in the work of his group. Only the voluntary merging of interest and of aim is of value, and only that is seen in man as he nears the final part of the path of evolution. It is incident upon an earlier stage of intense

Vì vậy, chúng ta có thể tự thấy sự phát triển tương lai và nó sẽ dẫn nhân loại đến đâu. Hiện nay con người biết mình như một đơn vị tâm thức tách biệt; hiện nay y phân biệt giữa mình và mọi bản ngã đã hiện hình khác; hiện nay y chứng nghiệm mình là khác biệt với mọi khối cầu vật chất đang hoạt động khác, từ Thượng đế đã hiện hình cho đến tế bào trong chính thể xác của y, và tế bào trong mọi thân thể trên cõi hồng trần. Bản năng phân ly này, sự tập trung vào bản thân có tính phân biệt này, đã là vườn ươm trong đó con người ấu thơ đã tự tách riêng mình ra cho đến khi đủ mạnh và có thể đảm nhận phần việc của mình trong công việc của nhóm. Chỉ sự hòa nhập tự nguyện về quyền lợi và mục tiêu mới có giá trị, và chỉ điều đó mới được thấy nơi con người khi y tiến gần phần cuối của con đường tiến hoá. Nó là kết quả của một giai đoạn trước đó của

self-assertion and intense self-realisation. This stage is with us now; it marks all manifestation, and is the basis of the preservation of identity. It distinguishes: [Page 420]

sự tự khẳng định mãnh liệt và sự tự chứng nghiệm mãnh liệt. Giai đoạn này hiện đang ở cùng chúng ta; nó đánh dấu mọi biểu hiện, và là nền tảng của việc bảo tồn bản sắc. Nó phân biệt: [Page 420]

The Logos and all forms within His body.

Thượng đế và mọi hình tướng bên trong thân thể của Ngài.

The planetary Logoi and all forms within Their bodies.

Các Hành Tinh Thượng Đế và mọi hình tướng bên trong các thân thể của Các Ngài.

Man and all forms within his body.

Con người và mọi hình tướng bên trong thân thể của y.

That which must be emphasised is the little realised concept that this assertion of "I am" distinguishes not only man, but is *the mantric word which preserves the integrity of all groups* likewise. When man can say "I am That" he is beginning to sense his oneness with his group. When groups make a similar assertion they are beginning to realise their identity with all other groups. When a planetary Logos echoes the words "I am That" He is approaching the hour of synthesis, or of absorption. When a solar Logos utters the words, a year of Brahma will be drawing to a close, and the hour of conscious merging with His greater group will be approaching. Broadly (in relation to man) it might be stated that:

Điều cần được nhấn mạnh là khái niệm ít được nhận ra rằng sự khẳng định "Tôi là" này không chỉ phân biệt con người, mà còn là *linh từ mantram bảo tồn tính toàn vẹn của mọi nhóm* nữa. Khi con người có thể nói "Tôi là Cái Đó" thì y đang bắt đầu cảm nhận sự hợp nhất của mình với nhóm. Khi các nhóm đưa ra một khẳng định tương tự, chúng đang bắt đầu chứng nghiệm sự đồng nhất của mình với mọi nhóm khác. Khi một Hành Tinh Thượng Đế vang lên những lời "Tôi là Cái Đó," Ngài đang tiến gần giờ tổng hợp, hay hấp thu. Khi một Thái dương Thượng đế thốt ra những lời ấy, một năm Brahma sẽ gần kết thúc, và giờ hòa nhập hữu thức với nhóm lớn hơn của Ngài sẽ đến gần. Nói rộng ra (liên hệ với con người), có thể phát biểu rằng:

"I am" refers to the *personality* consciousness on three lower planes, or to all that is considered as inferior to the causal body. It concerns a man's realisation of his place upon the *globe* within a chain.

"Tôi là" liên quan đến tâm thức *phàm ngã* trên ba cõi thấp, hay đến tất cả những gì được xem là thấp hơn thể nguyên nhân. Nó liên quan đến sự chứng nghiệm của con người về vị trí của y trên *bầu hành tinh* trong một dãy.

"I am That" refers to his *egoic* consciousness, and to the planes of the Triad. It concerns a

"Tôi là Cái Đó" liên quan đến tâm thức *chân ngã* của y, và đến các cõi của Tam nguyên

man's realisation of his place within the *chain*, and his relationship to the group of which he forms a part.

tinh thần. Nó liên quan đến sự chứng nghiệm của con người về vị trí của y trong *dãy*, và mối liên hệ của y với nhóm mà y là một phần trong đó.

"I am That I am" refers to a man's *monadic* consciousness, and his relationship to the planes of abstraction. It concerns his realisation of his position in the *scheme*.

"Tôi là Cái Đó mà Tôi là" liên quan đến tâm thức *chân thần* của con người, và mối liên hệ của y với các cõi trừu tượng. Nó liên quan đến sự chứng nghiệm của y về vị trí của mình trong *hệ hành tinh*.

When the initiate can say "I am That I am," then he has merged himself with his divine essence, and is freed from form. The first occult assertion marks his emancipation from the three lower kingdoms, and his conscious [Page 421] functioning in the three worlds. This occurred at individualisation through the instrumentality of manas. The second occult assertion marks the gradual emancipation of man from the lower three kingdoms, and his complete freeing from lower form domination at the fifth initiation. At the final assertion, the initiate not only distinguishes between the Self, and all other forms of manifestation; he not only distinguishes between his own identity and the soul, as well as matter in form, but he can discriminate between the three—Spirit, Soul, and Matter—and with this realisation he is entirely liberated from manifestation for this greater cycle. This inherent discriminative faculty of manas, displayed on ever higher spirals leads a man

Khi điểm đạo đồ có thể nói "Tôi là Cái Đó mà Tôi là," thì y đã hòa nhập chính mình với bản chất thiêng liêng của mình, và được giải thoát khỏi hình tướng. Sự khẳng định huyền bí thứ nhất đánh dấu sự giải phóng của y khỏi ba giới thấp, và sự hoạt động hữu thức của y [Page 421] trong ba cõi giới. Điều này đã xảy ra vào lúc biệt ngã hóa nhờ công cụ manas. Sự khẳng định huyền bí thứ hai đánh dấu sự giải phóng dần dần của con người khỏi ba giới thấp, và sự giải thoát hoàn toàn của y khỏi sự thống trị của hình tướng thấp vào lần điểm đạo thứ năm. Ở sự khẳng định cuối cùng, điểm đạo đồ không chỉ phân biệt giữa Ngã và mọi hình thức biểu hiện khác; y không chỉ phân biệt giữa bản sắc riêng của mình với linh hồn, cũng như với vật chất trong hình tướng, mà còn có thể phân biệt giữa cả ba—Tinh thần, Linh hồn và Vật chất—và với sự chứng nghiệm này, y hoàn toàn được giải thoát khỏi biểu hiện trong chu kỳ lớn hơn này. Năng lực phân biện cố hữu của manas này, được biểu lộ trên những vòng xoắn ngày càng cao, dẫn con người

Into matter and form,

Vào vật chất và hình tướng,

Through all forms of matter on all planes and

Xuyên qua mọi hình thức vật chất trên mọi cõi và

Finally brings about his eventual abstraction *from* all forms and matter, plus the aggregate of transmuted knowledge which

Cuối cùng mang lại sự trừu xuất sau cùng của y *ra khỏi* mọi hình tướng và vật chất,

the evolutionary process has procured for him.

cộng với tổng số tri thức đã được chuyển hoá mà tiến trình tiến hoá đã mang lại cho y.

b. Ordered activity. Here comes in the concept of intelligent purpose, pursuing a fixed and settled plan, and working out a preconceived ideal in time and space. The Microcosm comes into incarnation through impulse based on intelligent purpose originating in his case on the mental plane—the plane of the manasic principle. An interesting point might here be indicated. The fifth plane, the mental, may be considered on a large scale as holding, in the case of a Heavenly Man, a position symbolically analogous to that held by the causal bodies of the units on His Ray. Some causal bodies are on the third and some on the second subplanes, and the intricacy is excessive and various, producing geometrical forms allied somewhat to those portrayed upon the charts. All is ordered activity of the units (each pursuing [Page 422] his own self-centred purpose and following the inclination of the lower self, whose slogan is "I am"). This will gradually give place to the ordered activity of the groups in which the units recognise the oneness of their self-interest, and therefore intelligently, actively, and with conscious purpose work for the good of the body corporate. The vibration which occultly accompanies the sounding of the words "I am That" by the units on the physical plane is only very faintly beginning to make itself felt. Units here and there are sounding it forth by their lives, and are thus passing on the vibration, and setting it in motion against the cruder, coarser one of "I am."

b. Hoạt động có trật tự. Ở đây xuất hiện khái niệm về mục đích thông minh, theo đuổi một kế hoạch cố định và ổn định, và triển khai một lý tưởng đã được hình dung trước trong thời gian và không gian. Tiểu thiên địa đi vào nhập thể qua xung lực dựa trên mục đích thông minh, trong trường hợp của y phát sinh trên cõi trí—cõi của nguyên khí manas. Ở đây có thể nêu ra một điểm thú vị. Cõi thứ năm, cõi trí, có thể được xem trên quy mô lớn như giữ, trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân, một vị trí tương tự về mặt biểu tượng với vị trí do các thể nguyên nhân của các đơn vị trên cung của Ngài nắm giữ. Một số thể nguyên nhân ở cõi phụ thứ ba và một số ở cõi phụ thứ hai, và sự phức tạp thì quá mức và đa dạng, tạo ra những hình học phần nào tương tự với những hình được mô tả trên các biểu đồ. Tất cả đều là hoạt động có trật tự của các đơn vị (mỗi đơn vị theo đuổi [Page 422] mục đích tập trung vào bản thân riêng của mình và đi theo khuynh hướng của phàm ngã, khẩu hiệu của nó là "Tôi là"). Điều này sẽ dần dần nhường chỗ cho hoạt động có trật tự của các nhóm, trong đó các đơn vị nhận ra tính nhất thể của quyền lợi bản thân mình, và do đó một cách thông minh, tích cực, và với mục đích hữu thức, hoạt động vì lợi ích của toàn thể. Rung động mà một cách huyền bí đi kèm với việc xướng lên những lời "Tôi là Cái Đó" bởi các đơn vị trên cõi hồng trần hiện chỉ mới bắt đầu được cảm nhận rất mờ nhạt. Các đơn vị đây đó đang xướng nó lên bằng chính đời sống của họ, và như thế đang truyền rung động ấy đi, và làm cho nó chuyển động chống lại rung động thô nặng hơn của "Tôi là."

The time for the sounding of the final mantric phrase by ordered active groups lies

Thời điểm để các nhóm hoạt động có trật tự xướng lên cụm từ mantram cuối cùng còn ở

ahead in the sixth and seventh rounds, and will not reach its full vibration in this solar system at all. “I am That” will peal forth fully consummated in this system of duality, for the third initiation sees the initiate comprehending its mantric force. Nevertheless, initiates of the sixth and seventh Initiations will not preponderate in this system. After the fifth round and the passing into temporary obscuration of two fifths of the human family, the remaining units will achieve an approximate standing as follows:

phía trước, trong cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy, và hoàn toàn sẽ không đạt đến rung động trọn vẹn trong hệ mặt trời này. “Tôi là Cái Đó” sẽ vang lên trọn vẹn trong hệ mặt trời nhị nguyên tính này, vì lần điểm đạo thứ ba cho thấy điểm đạo đồ thấu hiểu mãnh lực mantram của nó. Tuy nhiên, các điểm đạo đồ của lần Điểm Đạo thứ sáu và thứ bảy sẽ không chiếm ưu thế trong hệ mặt trời này. Sau cuộc tuần hoàn thứ năm và sự đi vào che khuất tạm thời của hai phần năm gia đình nhân loại, các đơn vị còn lại sẽ đạt được một vị thế xấp xỉ như sau:

One fifth will mantrically sound the words “I am That I am. “

Một phần năm sẽ xướng lên bằng mantram những lời “Tôi là Cái Đó mà Tôi là.”

Two fifths will achieve the fifth Initiation and will know themselves as “I am That.” They will also be cultivating response to the higher note.

Hai phần năm sẽ đạt lần Điểm Đạo thứ năm và sẽ biết mình là “Tôi là Cái Đó.” Họ cũng sẽ đang vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn.

One fifth and a half will attain the third Initiation, and will know themselves as “I am That” in full consciousness.

Một phần năm rưỡi sẽ đạt lần Điểm Đạo thứ ba, và sẽ biết mình là “Tôi là Cái Đó” trong tâm thức trọn vẹn.

The remaining units will be those who are treading the Path, and beginning to know themselves as the group.

Các đơn vị còn lại sẽ là những người đang bước trên Con Đường, và bắt đầu biết mình là nhóm.

[Page 423] In reference to what has been said anent the second characteristic of manas, a very interesting development may be looked for during the coming century. This is the intensification of business organisation, and the bringing (under law and order), of the entire life of:

[Page 423] Liên quan đến điều đã được nói về đặc tính thứ hai của manas, có thể trông đợi một sự phát triển rất thú vị trong thế kỷ sắp tới. Đó là sự tăng cường tổ chức kinh doanh, và việc đưa toàn bộ đời sống của:

Families and groups of families,

Các gia đình và các nhóm gia đình,

Cities and groups of cities,

Các thành phố và các nhóm thành phố,

Nations and groups of nations,

Các quốc gia và các nhóm quốc gia,

until the human race in every department of its exoteric life will conform to rule,—this voluntarily, and with manasic realisation of group need. The whole trend of mental effort during the next subraces will be towards the synthesis of endeavour, thus ensuring the good of the corporate body involved. Many interesting events will occur and many experiments will necessarily be made (some to prove successful and some failures), before manas, or purposeful, ordered, intelligent activity, will control in the life of the peoples of this world. It is not possible to enter into this in greater detail, as the subject is too vast.

vào dưới luật lệ và trật tự, cho đến khi nhân loại trong mọi phương diện của đời sống ngoại môn sẽ tuân theo quy luật,—điều này một cách tự nguyện, và với sự chứng nghiệm manas về nhu cầu của nhóm. Toàn bộ xu hướng của nỗ lực trí tuệ trong các giống dân phụ kế tiếp sẽ hướng về sự tổng hợp của nỗ lực, nhờ đó bảo đảm lợi ích của toàn thể liên hệ. Nhiều biến cố thú vị sẽ xảy ra và nhiều thử nghiệm tất yếu sẽ được thực hiện (một số thành công và một số thất bại), trước khi manas, hay hoạt động có mục đích, có trật tự, thông minh, kiểm soát được đời sống của các dân tộc trên thế giới này. Không thể đi vào chi tiết hơn về điều này, vì chủ đề quá bao la.

Let us now take the third attribute of manas and its future demonstration.

Giờ đây chúng ta hãy xét đến thuộc tính thứ ba của manas và sự biểu lộ tương lai của nó.

c. Adaptability. This is, as we know, the prime attribute ascribed to the third Ray, or the Brahma aspect. Therefore, fundamentally it may be considered as the attribute of intelligence which adapts the matter aspect to the Spirit aspect, and is a characteristic inherent in matter itself. It works under the two laws of Economy, and of Attraction and Repulsion; the work of the Mahachohan being primarily along this line. Consequently the four lesser Rays of Attribute which are synthesised into the third Ray of Aspect, Adaptability, or Active Intelligence, are fundamentally concerned, and the future of manas is therefore involved in the growing influence of these four Rays: [Page 424]

c. Khả năng thích ứng. Như chúng ta biết, đây là thuộc tính chủ yếu được quy cho cung ba, hay phương diện Brahma. Vì vậy, về căn bản nó có thể được xem là thuộc tính của trí tuệ, vốn thích ứng phương diện vật chất với phương diện tinh thần, và là một đặc tính cố hữu trong chính vật chất. Nó hoạt động dưới hai định luật Tiết Kiệm, và Hấp Dẫn cùng Đẩy Lùi; công việc của Đức Mahachohan chủ yếu theo đường này. Do đó, bốn Cung Thuộc Tính thấp hơn được tổng hợp vào cung ba của Các Cung Trạng Thái, tức Khả năng thích ứng hay Trí Tuệ Hoạt Động, về căn bản đều có liên quan, và vì vậy tương lai của manas gắn liền với ảnh hưởng ngày càng tăng của bốn cung này: [Page 424]

1. Harmony, Beauty, Art or Unity.

1. Hài hòa, Mỹ lệ, Nghệ thuật hay Hợp nhất.

2. Concrete Science or Knowledge.

3. Abstract Idealism.

4. Ceremonial Magic.

2. Khoa học Cụ thể hay Tri thức.

3. Duy tâm Trừu tượng.

4. Huyền thuật Nghi lễ.

2. Development of the Human Mind. — 2. Sự phát triển của trí tuệ con người.

When the future results brought about by the four types of force mentioned above are somewhat realised, and their relationship to the adaptation of matter to Spirit (through the building into form), is studied, much of profound significance will be sensed by the student. In the foretelling of mental developments along these four lines and the prophesying of definite achievement, indications may be given of the path which concrete science may follow. Let us, therefore, take these four types of force, or these four planetary influences, and study them separately, bearing ever in mind that:

Khi những kết quả tương lai do bốn loại mãnh lực nêu trên mang lại được phần nào chứng nghiệm, và mối liên hệ của chúng với sự thích ứng của vật chất với tinh thần (thông qua việc xây dựng vào hình tướng) được nghiên cứu, đạo sinh sẽ cảm nhận được nhiều điều có thâm nghĩa sâu xa. Trong việc tiên báo những phát triển trí tuệ theo bốn đường này và dự ngôn những thành tựu xác định, có thể đưa ra những chỉ dấu về con đường mà khoa học cụ thể có thể đi theo. Vì vậy, chúng ta hãy xét bốn loại mãnh lực này, hay bốn ảnh hưởng hành tinh này, và nghiên cứu riêng từng loại, luôn ghi nhớ rằng:

a. Each of them has swung into power during earlier world cycles.

a. Mỗi loại trong số đó đã từng đi vào quyền lực trong các chu kỳ thế giới trước đây.

b. One of them, being the influence of our own planetary Logos, is ever present with us, and is the major influence or vibration on the planet.

b. Một trong số đó, vì là ảnh hưởng của chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, luôn hiện diện với chúng ta, và là ảnh hưởng hay rung động chủ yếu trên hành tinh này.

c. Certain of them are passing out of power at this present time, and others are coming in.

c. Hiện nay, một số trong chúng đang rời khỏi quyền lực, và những số khác đang đi vào.

d. During the remainder of this round and the entire fifth round these four rays of attribute will circulate into and out of power ceaselessly; towards the end of the fifth round the third Ray of Aspect will predominate, having begun its work of

d. Trong phần còn lại của cuộc tuần hoàn này và toàn bộ cuộc tuần hoàn thứ năm, bốn cung thuộc tính này sẽ luân chuyển vào và ra khỏi quyền lực không ngừng; về cuối cuộc tuần hoàn thứ năm, cung ba của Các Cung Trạng Thái sẽ chiếm ưu thế, vì đã bắt đầu

synthesising and its influence will be paralleled in the sixth round by the gradually growing power of the second Ray of Aspect,—the two types of influence overlapping. In the seventh round, the power of the second Ray will predominate and the influence of the third will weaken. The first Ray will make itself felt. The first Ray, that of [Page 425] Mahadeva (149) or the Destroyer, will set its second great impulse upon our planetary evolution by the obscuration of two fifths of the human family. The impress to be set by the first Ray upon our human family on this globe might be considered as threefold:

công việc tổng hợp của nó, và trong cuộc tuần hoàn thứ sáu, ảnh hưởng của nó sẽ diễn ra song hành với quyền lực tăng dần của cung hai của Các Cung Trạng Thái,—hai loại ảnh hưởng chồng lấn lên nhau. Trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, quyền lực của cung hai sẽ chiếm ưu thế và ảnh hưởng của cung ba sẽ suy yếu. Cung một sẽ bắt đầu được cảm nhận. Cung một, tức cung của [Page 425] Mahadeva (149) hay Đấng Hủy Diệt, sẽ đặt xung lực lớn thứ hai của nó lên sự tiến hoá hành tinh của chúng ta bằng sự che khuất của hai phần năm gia đình nhân loại. Dấu ấn mà cung một sẽ đặt lên gia đình nhân loại của chúng ta trên bầu hành tinh này có thể được xem là tam phân:

(149) The Trinity. “Maha-Vishnu presides over the summation and totality of all this. In every Brahmanda the activity is fourfold, and the chief functionaries are Brahma, Vishnu, and Shiva. Subdivisions of their functions give rise to the names and offices of Narayana, etc.

(149) Ba Ngôi. “Maha-Vishnu chủ trì sự tổng hợp và toàn thể của tất cả điều này. Trong mỗi Brahmanda, hoạt động là tứ phân, và các chức năng chính yếu thuộc về Brahma, Vishnu, và Shiva. Những phân chia phụ của các chức năng của Các Ngài làm phát sinh các danh xưng và chức vụ như Narayana, v.v.

“Among these functions, that of making or creating goes with action and belongs to Brahma. Again, “that which has been made is maintained by knowledge;” this maintenance or preservation is the work of Vishnu. Further, because it is necessary that what has appeared should disappear, therefore is there a destroyer, and he is Shiva, connected with desire, which first affirms and next denies, acts and reacts, now attracts and then repels, begins with craving for, and, after satiety, revolts from its object and casts it off. It precedes action, or Brahma, as longing for manifestation; and it succeeds knowledge or Vishnu, after maintenance or enjoyment of that manifestation, as a sense of fatigue, a growth of inertness, a need for rest by

“Trong các chức năng này, chức năng tạo tác hay sáng tạo đi cùng với hành động và thuộc về Brahma. Lại nữa, ‘điều đã được tạo ra được duy trì bởi tri thức;’ sự duy trì hay bảo tồn này là công việc của Vishnu. Hơn nữa, bởi vì điều đã xuất hiện thì cần phải biến mất, nên có một đấng hủy diệt, và đó là Shiva, liên kết với dục vọng, thứ trước hết khẳng định rồi kế đó phủ nhận, tác động rồi phản tác động, lúc thì hấp dẫn rồi lại đẩy lùi, bắt đầu bằng sự khao khát đối tượng, và sau khi thỏa mãn thì chán ngán đối tượng ấy và vứt bỏ nó. Nó đi trước hành động, hay Brahma, như sự khát khao biểu hiện; và nó theo sau tri thức hay Vishnu, sau sự duy trì hay hưởng thụ biểu hiện ấy, như một cảm giác mệt mỏi, sự tăng trưởng của tính trì trệ, nhu cầu nghỉ ngơi bằng cách kết thúc biểu hiện.”—Trích từ *Pranava-Vada*, tr. 82-84, 311. (back)

winding up the manifestation."—From *Pranava-Vada*, pp. 82-84, 311. (back)

First. At human individualisation in the middle of the third rootrace. This was produced by a vast destruction of the forms we call animal-man. This point has seldom been brought out in teaching. The advent of the Lords of the Flame, the electrical storm which ushered in the period of man, was distinguished by disaster, chaos, and the destruction of many in the third kingdom of nature. The spark of mind was implanted and the strength of its vibration, and the immediate effect of its presence caused the death of the animal form, thus producing the immediate possibility of the newly vitalised causal bodies vibrating to such purpose that new physical vehicles were taken. That was the Will aspect manifesting in the fourth round in connection with the human family.

Thứ nhất. Vào lúc biệt ngã hóa của nhân loại ở giữa giống dân gốc thứ ba. Điều này được tạo ra bởi một sự hủy diệt lớn lao các hình tướng mà chúng ta gọi là người-thú. Điểm này hiếm khi được nêu ra trong giáo huấn. Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa, cơn bão điện đã mở đầu thời kỳ của con người, được đánh dấu bằng tai họa, hỗn loạn, và sự hủy diệt của nhiều sinh thể trong giới thứ ba của thiên nhiên. Tia lửa trí tuệ được cấy vào, và sức mạnh của rung động của nó, cùng hiệu quả tức thời của sự hiện diện của nó, đã gây ra cái chết của hình tướng thú vật, nhờ đó tạo ra khả năng tức khắc để các thể nguyên nhân vừa được tiếp sinh lực rung động đủ mạnh đến mức tiếp nhận các vận cụ hồng trần mới. Đó là phương diện Ý Chí biểu hiện trong cuộc tuần hoàn thứ tư liên hệ với gia đình nhân loại.

Second. In the fifth round, *at the so-called Judgment.* This will bring about the apparent destruction of two-fifths of the human family, and the translation of the indwelling units of consciousness to other spheres, more [Page 426] suited to their stage of evolution. This event will be regarded at the time as a catastrophe, but the Knowers will see and know, and three fifths of the human family will understand the reason.

Thứ hai. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, *vào thời điểm được gọi là Phán Xét.* Điều này sẽ mang lại sự hủy diệt bề ngoài của hai phần năm gia đình nhân loại, và sự chuyển dịch các đơn vị tâm thức cư ngụ bên trong sang những khối cầu khác, thích hợp hơn [Page 426] với giai đoạn tiến hoá của họ. Biến cố này vào lúc đó sẽ được xem là một thảm họa, nhưng các thức giả sẽ thấy và biết, và ba phần năm gia đình nhân loại sẽ hiểu lý do.

Third. At the final reabsorption of the perfected monads into their emanating source in the seventh round. This will be marked by obscuration and the destruction of the form. Suffering will be practically nil, as the human units involved will have reached a stage where they can consciously co-operate in the process of abstraction. It is evident therefore that as regards the human family (the manasaputras in incarnation),

Thứ ba. Vào lúc tái hấp thu cuối cùng của các chân thần đã hoàn thiện vào nguồn phát xạ của mình trong cuộc tuần hoàn thứ bảy. Điều này sẽ được đánh dấu bằng sự che khuất và sự hủy diệt của hình tướng. Đau khổ hầu như sẽ bằng không, vì các đơn vị nhân loại liên hệ sẽ đã đạt đến một giai đoạn mà họ có thể hợp tác một cách hữu thức trong tiến trình trừu xuất. Do đó rõ ràng là, xét về gia đình nhân loại (các manasaputra

the fourth, fifth, and seventh rounds hold hid the key to the first aspect. For the devas it is the first, second and sixth. For the involutionary entity, whom we call the "spirit of the planet" it is simply the third.

đang lâm phàm), các cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ bảy ẩn giấu chìa khóa của phương diện thứ nhất. Đối với các thiên thần thì đó là cuộc tuần hoàn thứ nhất, thứ hai và thứ sáu. Đối với thực thể giáng hạ tiến hoá mà chúng ta gọi là "Tinh linh của hành tinh" thì chỉ đơn giản là cuộc tuần hoàn thứ ba.

The third Ray holds sway all the time, for the second Ray only came into power in the second round. It holds sway simultaneously with the second Ray until the end of the age, when it begins gradually to obscure as the first Ray swings into influence again. Remember, nevertheless, that all three are at all times present. It is simply a question of degree and of cyclic evolution.

Cung ba luôn luôn nắm quyền, vì cung hai chỉ đi vào quyền lực trong cuộc tuần hoàn thứ hai. Nó đồng thời nắm quyền với cung hai cho đến cuối thời đại, khi nó bắt đầu dần dần đi vào che khuất khi cung một lại chuyển vào ảnh hưởng. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng cả ba luôn luôn hiện diện vào mọi lúc. Chỉ là vấn đề mức độ và tiến hoá theo chu kỳ mà thôi.

We might now take the four minor Rays, which, with the third, make the sumtotal of manas, and see wherein their influence may be expected. The subject is so stupendous that we cannot possibly do more than touch upon certain points, nor can we enlarge along the line of the mechanistic development of forms to utilise the force. This is all hidden in the science of electricity, and as exoteric science discovers how:

Giờ đây chúng ta có thể xét đến bốn cung nhỏ, vốn cùng với cung ba tạo thành tổng số của manas, và xem ảnh hưởng của chúng có thể được trông đợi ở đâu. Chủ đề này quá đồ sộ đến nỗi chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chạm đến một vài điểm nhất định, cũng không thể khai triển theo đường phát triển cơ giới của các hình tướng để sử dụng mãnh lực. Tất cả điều này đều ẩn giấu trong khoa học điện, và khi khoa học ngoại môn khám phá được cách:

To utilise the power in the air, or to reduce electrical phenomena to the uses of man;

Sử dụng quyền năng trong không khí, hay quy các hiện tượng điện vào việc sử dụng của con người;

To build forms, and create machines to contain and distribute the electrical forces of the atmosphere; [Page 427]

Xây dựng các hình tướng, và tạo ra các máy móc để chứa đựng và phân phối các mãnh lực điện của khí quyển; [Page 427]

To harness the activity of matter, and to drive it towards certain ends;

Chế ngự hoạt động của vật chất, và thúc đẩy nó hướng đến những mục đích nhất định;

To employ the electrical force in the air to vitalise, rebuild, and heal the physical body;

Sử dụng mãnh lực điện trong không khí để tiếp sinh lực, tái tạo, và chữa lành thể xác;

then the phenomena of the Rays, working in cycles, will be comprehended, and vast opportunities will be seized by man to bring about specific ends during specific cycles.

thì các hiện tượng của các cung, hoạt động theo chu kỳ, sẽ được thấu hiểu, và con người sẽ nắm lấy những cơ hội lớn lao để đạt đến những mục đích xác định trong những chu kỳ xác định.

a. Ray effects. The Ray of Harmony, Beauty and Art, or the second manasic aspect (adaptability being the third) will work out in the following ways:

a. Các hiệu quả của cung. Cung Hài Hòa, Mỹ Lệ và Nghệ Thuật, hay phương diện manas thứ hai (khả năng thích ứng là phương diện thứ ba) sẽ biểu lộ theo những cách sau:

In the development of the intuition by the means of the knowledge of sound vibration, and the higher mathematics. This is being already touched upon exoterically.

Trong sự phát triển trực giác bằng tri thức về rung động âm thanh, và toán học cao cấp. Điều này hiện đã được chạm đến trong ngoại môn.

Music, as a means to be employed in building and destroying, will be recognised, and the laws of levitation and of rhythmic movement in all forms, from an atom to a solar system, will be studied. The manipulation of matter of all kinds by the means of sound will be practised on the two lower planes, and when the synthesis of the four rays into the third is in process of accomplishment, then a similar knowledge will be displayed on the mental plane.

Âm nhạc, như một phương tiện được dùng để xây dựng và hủy diệt, sẽ được công nhận, và các định luật về sự bay lên và chuyển động có nhịp điệu trong mọi hình tướng, từ một nguyên tử đến một hệ mặt trời, sẽ được nghiên cứu. Việc vận dụng mọi loại vật chất bằng âm thanh sẽ được thực hành trên hai cõi thấp, và khi sự tổng hợp của bốn cung vào cung ba đang trong tiến trình hoàn thành, thì một tri thức tương tự sẽ được biểu lộ trên cõi trí.

The laws of fire will be gradually permitted exoteric publication; there are twenty-seven occult laws which are only revealed after initiation at this stage of evolution. In them are summed up the basic laws of color and of music and rhythm. When music produces warmth or stimulation, and when pictures, for instance, glow or reveal the subjective within the objective, then will this fourth Ray of Harmony be coming to fruition.

Các định luật của lửa sẽ dần dần được cho phép công bố ra ngoại môn; có hai mươi bảy định luật huyền bí chỉ được mặc khải sau điểm đạo ở giai đoạn tiến hoá này. Trong đó được tổng kết các định luật căn bản của màu sắc, âm nhạc và nhịp điệu. Khi âm nhạc tạo ra hơi ấm hay sự kích thích, và khi các bức tranh, chẳng hạn, phát sáng hay bộc lộ cái chủ quan bên trong cái khách quan, thì khi ấy cung Hài Hòa thứ tư này sẽ đi đến kết quả.

Let us keep the numbering of the Rays clearly in mind.

Chúng ta hãy ghi nhớ rõ cách đánh số các cung.

The numbers preceding the names have to do with the sevenfold manifestation, and the numbers succeeding the names concern the fivefold manifestation of Brahma. [Page 428]

Các con số đứng trước tên gọi liên quan đến biểu hiện thất phân, và các con số đứng sau tên gọi liên quan đến biểu hiện ngũ phân của Brahma. [Page 428]

	1.	Will or Power.	
Rays of Aspect:	2.	Love or Wisdom.	
	3.	Adaptability or active intelligence	1.
	4.	Harmony, Beauty or Art	2.
	5.	Concrete Knowledge or Science	3.
Rays of Attribute:	6.	Abstract Idealism	4.
	7.	Ceremonial Magic	5.

We must now continue with our consideration of the four types of force, emanating from certain great Entities, and the future results that may be expected from their effect upon man, remembering ever that these four influences (with their synthesis, the third Ray of Aspect) sum up, in themselves, the fifth logoic principle of manas. They are, literally, the radiatory effects of the Divine Manasaputras. We are concerned primarily with the results to be brought about in the units in Their bodies.

Giờ đây chúng ta phải tiếp tục xem xét bốn loại mãnh lực, phát ra từ một số Thực Thể vĩ đại, và những kết quả tương lai có thể được trông đợi từ ảnh hưởng của chúng lên con người, luôn ghi nhớ rằng bốn ảnh hưởng này (cùng với sự tổng hợp của chúng là cung ba của Các Cung Trạng Thái) tự chúng tổng kết nguyên khí thứ năm của Thượng đế, manas. Theo nghĩa đen, chúng là các hiệu quả bức xạ của các Manasaputra Thiêng liêng. Chúng ta chủ yếu quan tâm đến những kết quả sẽ được mang lại nơi các đơn vị trong các thân thể của Các Ngài.

The coming into power of this fourth Ray at any time (and such an advent may be looked for towards the close of this lesser cycle, which ended in 1924) will produce a

Sự đi vào quyền lực của cung bốn này vào bất kỳ lúc nào (và có thể trông đợi một sự giáng lâm như vậy vào gần cuối chu kỳ nhỏ hơn này, vốn kết thúc vào năm 1924) sẽ tạo

corresponding activity in connection with the fourth subplane in each plane, beginning with the fourth physical ether; this will result in the following effects:

First, physical plane scientists will be able to speak with authority anent the fourth ether, even though they may not recognise it as the lowest of the four etheric grades of substance: its sphere of influence and its utilisation will be comprehended, and "force" as a factor in matter, or the electrical manifestation of energy within definite limits, will be as well understood as is hydrogen at this time. Indications of this can already be seen in the discovery of radium, and the study of radioactive substances and of electronic demonstration. This knowledge will revolutionise the life of man; it will put into his hands that which occultists call "power of the fourth order" (on the physical plane). It will enable him to [Page 429] utilise electrical energy for the regulation of his everyday life in a way as yet incomprehensible; it will produce new methods of illuminating, and of heating the world at a small cost and with practically no initial outlay. The *fact* of the existence of the etheric body will be established, and the healing of the dense physical body, via the etheric body, by *force* utilisation and solar radiation, will take the place of the present methods. Healing will then fall practically into two departments:

1. Vitalisation, by means of:

a. Electricity.

b. Solar and planetary radiation.

2. Definite curative processes, through the occult knowledge of:

ra một hoạt động tương ứng liên hệ với cõi phụ thứ tư trong mỗi cõi, bắt đầu với dĩ thái hồng trần thứ tư; điều này sẽ dẫn đến các hiệu quả sau:

Thứ nhất, các nhà khoa học cõi hồng trần sẽ có thể nói một cách có thẩm quyền về dĩ thái thứ tư, dù họ có thể không nhận ra nó là cấp thấp nhất trong bốn cấp dĩ thái của chất liệu: phạm vi ảnh hưởng của nó và việc sử dụng nó sẽ được thấu hiểu, và "mãnh lực" như một yếu tố trong vật chất, hay biểu hiện điện của năng lượng trong những giới hạn xác định, sẽ được hiểu rõ như hydro hiện nay. Những dấu hiệu của điều này đã có thể thấy trong việc khám phá radium, và việc nghiên cứu các chất phóng xạ cùng sự chứng minh điện tử. Tri thức này sẽ cách mạng hóa đời sống con người; nó sẽ đặt vào tay y điều mà các nhà huyền bí học gọi là "quyền năng của bậc thứ tư" (trên cõi hồng trần). Nó sẽ giúp y [Page 429] sử dụng điện năng để điều chỉnh đời sống hằng ngày của mình theo một cách hiện còn chưa thể hiểu nổi; nó sẽ tạo ra những phương pháp mới để chiếu sáng và sưởi ấm thế giới với chi phí nhỏ và hầu như không cần vốn đầu tư ban đầu. *Sự kiện* về sự tồn tại của thể dĩ thái sẽ được xác lập, và việc chữa lành thể xác đậm đặc, thông qua thể dĩ thái, bằng việc sử dụng *mãnh lực* và bức xạ mặt trời, sẽ thay thế các phương pháp hiện nay. Khi đó việc chữa lành trên thực tế sẽ thuộc vào hai bộ phận:

1. Tiếp sinh lực, bằng các phương tiện:

a. Điện.

b. Bức xạ mặt trời và hành tinh.

2. Các tiến trình chữa trị xác định, thông qua tri thức huyền bí về:

a. The force centres.

b. The work of the devas of the fourth ether.

Transportation on sea and land will be largely superseded by the utilisation of air routes and the transit of large bodies through the air, by means of the instantaneous use of the force or energy inherent in the ether itself, will take the place of the present methods.

Religious students will study the side of manifestation we call the "life side" just as the scientist studies that called "matter," and both will come to a realisation of the close relation existing between the two, and thus the old gap and the ancient warfare between science and religion will be in temporary abeyance. Definite methods of demonstrating the fact that life persists after the death of the physical body will be followed, and the etheric web will be recognised as a factor in the case. The connection between the different planes will be sought, and the analogy between the fourth etheric subplane and the fourth or buddhic plane (the fourth cosmic ether) will be studied, for it will be realised that the life of those Entities, Whom we recognise as the planetary Logoi, pours [Page 430] through our scheme from the fourth cosmic plane, the cosmic buddhic, and thus in a very special sense through all lesser correspondences. The alignment will be as follows:

a. The fourth cosmic plane, the cosmic buddhic.

a. Các trung tâm mãnh lực.

b. Công việc của các thiên thần của dĩ thái thứ tư.

Việc vận chuyển trên biển và trên bộ phần lớn sẽ được thay thế bằng việc sử dụng các tuyến đường không, và sự chuyên chở những khối lượng lớn qua không trung, bằng cách sử dụng tức thời mãnh lực hay năng lượng cố hữu trong chính dĩ thái, sẽ thay thế các phương pháp hiện nay.

Các đạo sinh tôn giáo sẽ nghiên cứu phương diện biểu hiện mà chúng ta gọi là "mặt sự sống" cũng như nhà khoa học nghiên cứu phương diện được gọi là "vật chất," và cả hai sẽ đi đến chứng nghiệm về mối liên hệ mật thiết hiện hữu giữa hai phương diện ấy, và như vậy khoảng cách cũ cùng cuộc chiến lâu đời giữa khoa học và tôn giáo sẽ tạm thời lắng xuống. Những phương pháp xác định để chứng minh sự kiện rằng sự sống vẫn tiếp tục sau cái chết của thể xác sẽ được theo đuổi, và màng dĩ thái sẽ được công nhận là một yếu tố trong trường hợp này. Mối liên hệ giữa các cõi khác nhau sẽ được tìm kiếm, và sự tương đồng giữa cõi phụ dĩ thái thứ tư và cõi thứ tư hay cõi Bồ đề (dĩ thái vũ trụ thứ tư) sẽ được nghiên cứu, vì người ta sẽ chứng nghiệm rằng sự sống của những Thực Thể mà chúng ta nhận biết là các Hành Tinh Thượng Đế tuôn [Page 430] qua hệ hành tinh của chúng ta từ cõi vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề vũ trụ, và do đó theo một ý nghĩa rất đặc biệt qua mọi tương ứng thấp hơn. Sự chỉnh hợp sẽ như sau:

a. Cõi vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề vũ trụ.

b. The fourth cosmic ether, the fourth plane of the system, the buddhic.

b. Dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi thứ tư của hệ mặt trời, cõi Bồ đề.

c. The fourth etheric subplane of our physical plane.

c. Cõi phụ dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần của chúng ta.

There is thus a line of least resistance from the planes of the cosmos, producing a special activity in connection with the Heavenly Men, demonstrating on Their Own plane, and sequentially in connection with the units in Their bodies on lower levels. Lines of force, extending from our scheme extra-systemically, will be a recognised fact, and will be interpreted by scientists in terms of electrical phenomena, and by the religious man in terms of life,—the life force of certain Entities.

Như vậy có một con đường ít trở ngại nhất từ các cõi của vũ trụ, tạo ra một hoạt động đặc biệt liên hệ với các Đấng Thiên Nhân, biểu lộ trên chính cõi của Các Ngài, và tuần tự liên hệ với các đơn vị trong các thân thể của Các Ngài ở các cấp thấp hơn. Các đường mãnh lực kéo dài từ hệ hành tinh của chúng ta ra ngoài hệ mặt trời sẽ là một sự kiện được công nhận, và sẽ được các nhà khoa học giải thích theo các hiện tượng điện, còn người có tôn giáo thì giải thích theo sự sống,—mãnh lực sự sống của một số Thực Thể nhất định.

Philosophic students will endeavour simultaneously to link these two schools of thought, and to demonstrate the factor of the intelligent adaptation of the electrical phenomena which we call matter,—of that energised active material we call substance,—to the life purpose of a cosmic Being. In these three lines of thought, therefore,—scientific, religious, and philosophic,—we have the beginning of the *conscious* building, or construction of the antaskarana of that group which we call the fifth rootrace.

Các đạo sinh triết học sẽ đồng thời cố gắng nối kết hai trường phái tư tưởng này, và chứng minh yếu tố thích ứng thông minh của các hiện tượng điện mà chúng ta gọi là vật chất,—của chất liệu hoạt động được tiếp năng lượng mà chúng ta gọi là chất liệu,—với mục đích sự sống của một Hữu thể vũ trụ. Vì vậy, trong ba đường tư tưởng này,—khoa học, tôn giáo, và triết học,—chúng ta có sự khởi đầu của việc *hữu thức* xây dựng, hay kiến tạo antaskarana của nhóm mà chúng ta gọi là giống dân gốc thứ năm.

On the fourth subplane of the astral plane, a similar activity will be noted as in process. The inflowing force will cause an astral stimulation in the bodies of many of the human family who are still on that subplane, and will bring about an awakening of the desire for harmony in a new manner. This will work out relatively well in the sixth subrace. It should be remembered that numbers of the old Atlanteans (fourth rootrace men) will

Trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục, một hoạt động tương tự cũng sẽ được ghi nhận là đang diễn ra. Mãnh lực tuôn vào sẽ gây ra một sự kích thích cảm dục trong các thân thể của nhiều người trong gia đình nhân loại hiện vẫn còn ở trên cõi phụ đó, và sẽ mang lại một sự thức tỉnh của khát vọng về hài hòa theo một cách mới. Điều này sẽ biểu lộ tương đối tốt trong giống dân phụ thứ sáu. Cần nhớ rằng nhiều người Atlantis xưa (con người của giống dân gốc thứ tư) sẽ đáp ứng

respond to [Page 431] the stimulation and will find their way into incarnation at that time, for the four and the six are always closely allied. We have another suggestive analogy in the fact that the devas of the fourth ether will be soon swinging into recognised utility and that in the sixth subrace the deva evolution will be exceedingly prominent. The fourth plane is the plane of at-one-ment for certain deva and human units, and certain groups (the fourth Creative Hierarchy and the sixth Deva Hierarchy) have a pronounced karma to work out together. One can now see the supreme importance of the human Hierarchy, the fourth in this sequence of planes and ideas.

với [Page 431] sự kích thích ấy và sẽ tìm đường đi vào lâm phàm vào thời điểm đó, vì số bốn và số sáu luôn luôn liên kết chặt chẽ. Chúng ta có một sự tương đồng gợi ý khác trong sự kiện rằng các thiên thần của dĩ thái thứ tư sẽ sớm chuyển vào công dụng được công nhận và rằng trong giống dân phụ thứ sáu, sự tiến hoá thiên thần sẽ cực kỳ nổi bật. Cõi thứ tư là cõi của sự hợp nhất đối với một số đơn vị thiên thần và nhân loại nhất định, và một số nhóm (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và Huyền Giai Thiên Thần thứ sáu) có một nghiệp quả rõ rệt phải cùng nhau giải quyết. Giờ đây người ta có thể thấy tầm quan trọng tối cao của Huyền Giai nhân loại, thứ tư trong chuỗi cõi và ý niệm này.

Second Cosmic Plane	Seven Cosmic Logoi.
Fourth Cosmic Plane	Seven Rishis of the Great Bear.
Second Solar Plane	Seven Heavenly Men.
Fourth Solar Plane	Seven centres of the seven Heavenly Men in the fourth cosmic ether.
Fourth subplane of the solar physical	Seven centres of the human unit in ether of the fourth order.

The beauty of the interlocking system will be apparent, even though it may not be so immediately understandable wherein lies the relation between these complexities of entities. We must ever remember that we are considering the force or life-energy of these entities as it pours into, and works through definite, material, substantial forms.

Vẻ đẹp của hệ thống móc nối lẫn nhau sẽ trở nên hiển nhiên, dù có thể không dễ hiểu ngay được chính trong đó có mối liên hệ giữa những phức tạp của các thực thể này. Chúng ta phải luôn nhớ rằng mình đang xem xét mãnh lực hay năng lượng sự sống của các thực thể này khi nó tuôn vào và hoạt động xuyên qua những hình tướng vật chất, chất liệu xác định.

On the fourth subplane of the mental plane there will be, in the immediate future, a period of intensified evolution for the units of the fifth rootrace, prior to their passing out of and into another race, globe, chain, or scheme. We have on the fourth subplane of the fifth plane the centre of interest for the present race and the day of its opportunity. Here can be seen the awakening of the higher consciousness, and the first ripple of perception of, and vibratory response to, the causal body. In this [Page 432] connection, we must ever remember that the periphery of the causal body encloses the permanent atoms. It is the plane of testing, of the major initiations of the Threshold; it is the battleground in man, and from this plane he must secure the right to enter the Path, and procure that control over his lower bodies which will make him a master, and not a slave.

Trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, trong tương lai gần sẽ có một giai đoạn tiến hoá được tăng cường đối với các đơn vị của giống dân gốc thứ năm, trước khi họ chuyển ra khỏi và đi vào một giống dân, bầu hành tinh, Dãy hay hệ hành tinh khác. Trên cõi phụ thứ tư của cõi thứ năm, chúng ta có trung tâm chú ý đối với giống dân hiện nay và ngày cơ hội của nó. Ở đây có thể thấy sự thức tỉnh của tâm thức cao hơn, và làn sóng đầu tiên của sự tri giác về, và đáp ứng rung động đối với, thể nguyên nhân. Trong mối [Page 432] liên hệ này, chúng ta phải luôn nhớ rằng chu vi của thể nguyên nhân bao bọc các Nguyên tử trường tồn. Đây là cõi của sự thử thách, của các điểm đạo lớn nơi Ngưỡng Cửa; đây là chiến trường trong con người, và từ cõi này y phải giành được quyền bước vào Con Đường, và đạt được sự kiểm soát đối với các thân thể thấp của mình, điều sẽ làm cho y thành người làm chủ, chứ không phải một nô lệ.

Thus one could progress the idea and fill many books with suggestions as to that which may be expected during the next few centuries but it does not serve any useful purpose to enlarge further. I might, in summing up these ideas, point out that the immediate future achievement consists in the utilisation of force and of electrical energy for the more harmonious adjustment of the life of man.

Do đó, người ta có thể triển khai ý tưởng này và lấp đầy nhiều cuốn sách bằng những gợi ý về điều có thể được mong đợi trong vài thế kỷ tới, nhưng việc mở rộng thêm nữa không phục vụ mục đích hữu ích nào. Khi tóm lược các ý tưởng này, tôi có thể chỉ ra rằng thành tựu trực tiếp trong tương lai nằm ở việc sử dụng mãnh lực và năng lượng điện cho sự điều chỉnh hài hòa hơn đời sống con người.

One or two more suggestions might be made anent the influence of this fourth Ray of mind, and primarily it might be pointed out that more time has been given to the consideration of this Ray than will be possible with most of the others on account of its holding a place of such importance in this fourth chain of the earth scheme, and on the fourth globe, our earthly planet. Each planetary Logos pours forth His influence in different rounds, planes, chains, globes,

Có thể đưa ra thêm một hay hai gợi ý nữa liên quan đến ảnh hưởng của cung trí tuệ thứ tư này, và trước hết có thể chỉ ra rằng đã dành nhiều thời gian hơn để xem xét cung này so với phần lớn các cung khác, vì nó giữ một vị trí quan trọng như vậy trong dãy thứ tư này của hệ Địa Cầu, và trên bầu hành tinh thứ tư, hành tinh Trái Đất của chúng ta. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế tuôn đổ ảnh hưởng của Ngài trong các cuộc tuần hoàn, các cõi, các Dãy, các bầu hành tinh, các giống dân và

races, and subraces according to their numerical relationship to the scheme of which He is the vitalising Life. Temporarily, and as the cycle progresses, these forms become receptive and negative, and are thus responsive to the positive influence of the planetary Logos.

các giống dân phụ khác nhau tùy theo mối liên hệ số học của chúng với hệ hành tinh mà Ngài là Sự sống tiếp sinh lực. Tạm thời, và khi chu kỳ tiến triển, các hình tướng này trở nên tiếp nhận và âm tính, và do đó đáp ứng với ảnh hưởng dương tính của Hành Tinh Thượng Đế.

One further point I would make, and as it is of an esoteric and occult nature, it can be but hinted at. At the fourth Initiation, the force of the Logos of the fourth Ray is a vital factor in the initiation. It is through the application of the Rod of Initiation that His Life energy is applied to the initiate, or the electrical force that emanates from Him is geometrically circulated through certain [Page 433] centres, producing the necessitated stimulation. At the fifth Initiation similarly the force of the third Logos may be felt, and at the sixth that of the second Logos, while at the seventh the dynamic fire of the first Logos circulates through the body of the Chohan.

Tôi muốn nêu thêm một điểm nữa, và vì nó có bản chất nội môn và huyền bí, nên chỉ có thể được gợi ý. Ở lần điểm đạo thứ tư, mãnh lực của Thượng đế của cung bốn là một yếu tố thiết yếu trong điểm đạo. Chính nhờ sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo mà năng lượng sự sống của Ngài được áp vào điểm đạo đồ, hay mãnh lực điện phát ra từ Ngài được lưu chuyển theo hình học qua một số trung tâm [Page 433] nhất định, tạo ra sự kích thích cần thiết. Tương tự, ở lần điểm đạo thứ năm có thể cảm nhận được mãnh lực của Thượng đế thứ ba, và ở lần thứ sáu là của Thượng đế thứ hai, trong khi ở lần thứ bảy, lửa năng động của Thượng đế thứ nhất lưu chuyển qua thân thể của vị Chohan.

It might be tabulated thus:

Có thể lập bảng như sau:

1. The magical force of the seventh Logos is felt at the first Initiation.

1. Mãnh lực huyền thuật của Thượng đế thứ bảy được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ nhất.

2. The aggressive fire of the sixth Logos is felt at the second Initiation.

2. Lửa xung kích của Thượng đế thứ sáu được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ hai.

3. The illuminating light of the fifth Logos is felt at the third Initiation.

3. Ánh sáng soi sáng của Thượng đế thứ năm được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ ba.

4. The harmonising life of the fourth Logos is felt at the fourth Initiation.

4. Sự sống điều hòa của Thượng đế thứ tư được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ tư.

5. The blending power of the third Logos is felt at the fifth Initiation.

5. Quyền năng hòa trộn của Thượng đế thứ ba được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ năm.

6. The unifying heat of the second Logos is felt at the sixth Initiation.

7. The dynamic electricity of the first Logos is felt at the seventh Initiation.

Let us now pass on to the brief consideration of the future influence of the third manasic ray of "Concrete Knowledge or Science." As I have elsewhere pointed out this ray concerns itself with the building of form, with the utilisation of matter, with the embodying of ideas, or of entities, whether cosmic, systemic, lunar, or subhuman. The planetary Logos of this fifth systemic Ray holds a peculiar position in the scheme of things. He is the embodiment of the fifth logoic principle of manas. His is the synthesising scheme for the five schemes of the five Kumaras Who are Brahma, when viewed as the sum total of the third logoic aspect, though He is not the synthesising factor for the seven schemes which are the sum total of logoic manifestation considered as the union of the second and third aspects. This is a point of prime importance to bear in mind. His is the influence that leads to the scientific adaptation of matter to form, [Page 434] and His is the life that unifies ever the three and the five. Let us see if, by illustration, we can make this idea more simple. He is, as we know, the embodiment of the fifth principle. His influence, therefore, may ever be felt in His numerical correspondences, for He is the Lord of the fifth Ray in the system, and Ruler of the third Manasic Ray when considering only the third aspect. At individualisation, or at the coming into incarnation of the self-conscious units, the fifth principle linked the higher three and the lower four. This took place in the third rootrace and produced a form wherein dwelt Spirit on the third subplane of the fifth plane. All these

6. Nhiệt lực hợp nhất của Thượng đế thứ hai được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ sáu.

7. Điện lực năng động của Thượng đế thứ nhất được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ bảy.

Giờ đây, chúng ta hãy chuyển sang việc xem xét ngắn gọn ảnh hưởng tương lai của cung manas thứ ba của "Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học." Như tôi đã chỉ ra ở nơi khác, cung này đề cập đến việc xây dựng hình tướng, việc sử dụng vật chất, việc hiện thân các ý tưởng, hay các thực thể, dù là vũ trụ, hệ mặt trời, thái âm hay dưới nhân loại. Hành Tinh Thượng Đế của cung thứ năm này của hệ mặt trời giữ một vị trí đặc biệt trong sơ đồ sự vật. Ngài là hiện thân của nguyên khí thứ năm của Thượng đế, manas. Hệ hành tinh của Ngài là hệ tổng hợp cho năm hệ của năm Đấng Kumara là Brahma, khi được nhìn như tổng thể của phương diện thứ ba của Thượng đế, dù Ngài không phải là yếu tố tổng hợp cho bảy hệ là tổng thể của biểu hiện của Thượng đế khi được xét như sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba. Đây là một điểm tối quan trọng cần ghi nhớ. Ảnh hưởng của Ngài dẫn đến sự thích ứng khoa học của vật chất với hình tướng, [Page 434] và sự sống của Ngài luôn hợp nhất bộ ba và ngũ phân. Hãy xem liệu bằng minh họa chúng ta có thể làm cho ý tưởng này đơn giản hơn không. Như chúng ta biết, Ngài là hiện thân của nguyên khí thứ năm. Vì vậy, ảnh hưởng của Ngài luôn có thể được cảm nhận trong các tương ứng số học của Ngài, vì Ngài là Chúa Tể của cung năm trong hệ mặt trời, và là Đấng cai quản cung Manas thứ ba khi chỉ xét phương diện thứ ba. Vào lúc biệt ngã hóa, hay khi các đơn vị có ngã thức đi vào lâm phàm, nguyên khí thứ năm đã nối kết bộ ba cao hơn với bộ bốn thấp hơn. Điều này diễn ra trong giống dân gốc thứ ba và tạo ra một hình tướng trong đó Tinh thần ngự trên cõi phụ thứ ba của cõi thứ năm. Tất cả

analogies will bear pondering upon and the numerical relationship is not by chance. His was the power that acted via certain schemes, chains, and globes, and produced results in the cells and groups of cells in the body of our particular planetary Logos. This is given by way of elucidation, and by way of indicating the relative importance of the influence of a planetary Logos upon another planetary Logos during different stages of evolution.

những tương đồng này đều đáng để suy ngẫm, và mối liên hệ số học ấy không phải là ngẫu nhiên. Chính quyền năng của Ngài đã tác động qua một số hệ, Dãy và bầu hành tinh nhất định, và tạo ra các kết quả trong các tế bào và các nhóm tế bào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta. Điều này được đưa ra để làm sáng tỏ, và để chỉ ra tầm quan trọng tương đối của ảnh hưởng của một Hành Tinh Thượng Đế lên một Hành Tinh Thượng Đế khác trong các giai đoạn tiến hoá khác nhau.

This influence has waxed and waned since that time, dying down during the fourth rootrace, and waxing steadily greater during this fifth or Aryan. The planetary Logos Whose influence it is has not yet reached the zenith of His power, in this race. For a period immediately ahead His electrical energising force will pour on to our planet, and will bring about fresh discoveries anent matter and form, and fresh revelations concerning energy in matter.

Ảnh hưởng này đã tăng rồi giảm kể từ thời điểm đó, suy yếu trong giống dân gốc thứ tư, và tăng dần đều trong giống dân thứ năm hay Arya này. Hành Tinh Thượng Đế mà đây là ảnh hưởng của Ngài vẫn chưa đạt đến đỉnh cao quyền năng của Ngài trong giống dân này. Trong một giai đoạn ngay trước mắt, mãnh lực điện tiếp sinh lực của Ngài sẽ tuôn xuống hành tinh chúng ta, và sẽ mang lại những khám phá mới liên quan đến vật chất và hình tướng, cùng những mặc khải mới về năng lượng trong vật chất.

During the coming subraces His cycle will begin to pass out, and the influence of His Brother, the fourth Logos of Harmony, will reach its zenith for this round. During the fifth round the power or electrical radiation of the fifth Logos will again be strongly felt, for it is His round, and just as He was largely responsible for the manasic stimulation of animal man in the third rootrace, so in [Page 435] the fifth round will he be instrumental in causing that great separation which we call the "Judgment." Remember in this connection that these Logoi—when pouring Their influence through a scheme or other septenary—work through Their numerical correspondence in the chains and globes. In the fifth round, for instance, the fifth chain (a centre in the body of the Heavenly Man)

Trong các giống dân phụ sắp tới, chu kỳ của Ngài sẽ bắt đầu qua đi, và ảnh hưởng của Huynh Đệ của Ngài, Thượng đế thứ tư của Hài Hòa, sẽ đạt đến đỉnh cao cho cuộc tuần hoàn này. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, quyền năng hay bức xạ điện của Thượng đế thứ năm sẽ lại được cảm nhận mạnh mẽ, vì đó là cuộc tuần hoàn của Ngài, và cũng như Ngài phần lớn chịu trách nhiệm cho sự kích thích manas của người thú trong giống dân gốc thứ ba, thì trong [Page 435] cuộc tuần hoàn thứ năm, Ngài sẽ là tác nhân gây ra cuộc phân ly lớn mà chúng ta gọi là "Phán Xét." Hãy nhớ trong mối liên hệ này rằng các Thượng đế này—khi tuôn đổ ảnh hưởng của Các Ngài qua một hệ hay một thất phân khác—hoạt động qua sự tương ứng số học của Các Ngài trong các Dãy và các bầu hành tinh.

will be the recipient of this fifth type of force and will transmit and circulate it to the other chains via their fifth globe. Until the race has further evolved the mystery lies securely hid, and the inability of man to find out the enumeration of the schemes, chains, and globes, or to discover whether they are counted from within outwards, or vice versa, conceals that which must be hid.

Chẳng hạn, trong cuộc tuần hoàn thứ năm, Dãy thứ năm (một trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân) sẽ là nơi tiếp nhận loại mãnh lực thứ năm này và sẽ truyền dẫn và lưu chuyển nó đến các Dãy khác qua bầu hành tinh thứ năm của chúng. Cho đến khi nhân loại tiến hoá thêm nữa, huyền nhiệm này vẫn được che giấu an toàn, và sự bất lực của con người trong việc tìm ra cách đánh số các hệ, các Dãy và các bầu hành tinh, hay khám phá xem chúng được đếm từ trong ra ngoài hay ngược lại, đã che giấu điều phải được che giấu.

The influence of this fifth Logos will be felt very considerably now on the fifth subplane of all the planes, specially in the three worlds of human endeavour, and as we are here dealing with man we can count from what is erroneously termed "the bottom up." Therefore, the mental unit of men in this fifth subrace will receive increased stimulation, enabling man to vibrate on the fifth subplane which literally is the third subplane on the abstract level of the mental plane, on which the causal body is found. The fifth spirilla will, consequently, become active and the electrical force, or the fohatic current, will pour through it, and enable those men who are at the right stage to utilise this force in order to take the first initiation.

Ảnh hưởng của Thượng đế thứ năm này hiện nay sẽ được cảm nhận rất đáng kể trên cõi phụ thứ năm của mọi cõi, đặc biệt trong ba cõi thấp của nỗ lực nhân loại, và vì ở đây chúng ta đang đề cập đến con người, chúng ta có thể đếm từ điều bị gọi sai là "từ dưới lên." Vì vậy, đơn vị hạ trí của con người trong giống dân phụ thứ năm này sẽ nhận được sự kích thích gia tăng, giúp con người rung động trên cõi phụ thứ năm, vốn theo nghĩa đen là cõi phụ thứ ba trên cấp độ trí trừu tượng của cõi trí, nơi thể nguyên nhân được tìm thấy. Do đó, loa tuyến thứ năm sẽ trở nên hoạt động và mãnh lực điện, hay dòng fohat, sẽ tuôn qua nó, và giúp những người đang ở đúng giai đoạn có thể sử dụng mãnh lực này để nhận lần điểm đạo thứ nhất.

As this fifth influence becomes more and more felt, its effects will be seen on the astral plane in an intelligent conscious control which will be based not so much on the desire for harmony as on a desire for a scientific, intelligent manipulation of astral matter. When this is the case, the higher psychism will begin to make itself felt. On the physical plane a great deal of interesting electrical phenomena will be seen, and the opportunity of the [Page 436] Manu to

Khi ảnh hưởng thứ năm này ngày càng được cảm nhận nhiều hơn, các hiệu quả của nó sẽ được thấy trên cõi cảm dục trong một sự kiểm soát hữu thức thông minh, không dựa nhiều vào khát vọng hài hòa cho bằng dựa vào khát vọng thao tác chất liệu cảm dục một cách khoa học và thông minh. Khi điều này xảy ra, thông linh cao hơn sẽ bắt đầu biểu lộ. Trên cõi hồng trần, nhiều hiện tượng điện lý thú sẽ được thấy, và cơ hội của [Page 436] Đức Manu trong việc phân chia các

separate races, to segregate types, and to submerge and detach continents will be great. This is the ray of separative force, and its place, as a factor in the erection and destruction of forms, is very interesting.

giống dân, phân tách các loại hình, và làm chìm xuống cũng như tách rời các lục địa sẽ rất lớn. Đây là cung của mãnh lực phân ly, và vị trí của nó, như một yếu tố trong việc dựng lên và phá hủy các hình tướng, là điều rất đáng quan tâm.

It may be asked wherein this can all be interpreted in terms of fire, and thus the integrity of the thought-form of this book be preserved. Whenever the words influence, radiation, or the power of a ray, are used, we are dealing inferentially with electrical phenomena, or with energy of some kind. This energy, or electrical manifestation, this "mystery of electricity" to which H. P. B. refers, *(S.D., I, 107)* is the foundation of all manifestations, and lies back of all evolution. It produces light in ever-growing brilliancy; it builds and moulds the form to the need of the indwelling Entity; it brings about coherence and group activity; it is the warmth that causes all growth, and that fosters not only the manifestations of the vegetable and animal kingdoms but induces interaction between the human units, and lies behind all human relationships. It is magnetism, radiation, attraction and repulsion, life, death, and all things; it is conscious purpose and essential will in objective manifestation, and he who has solved what lies back of electrical phenomena has solved not only the secret of his own Being, but knows his place within his greater sphere, a planetary Logos, is conscious of the Identity of that cosmic Existence we call a solar Logos, and realises somewhat the place of our system and its electrical relationship with the seven constellations.

Có thể có người hỏi điều này có thể được diễn giải theo thuật ngữ của lửa ở đâu, và nhờ đó tính toàn vẹn của hình tư tưởng của cuốn sách này được bảo toàn. Bất cứ khi nào các từ ảnh hưởng, bức xạ, hay quyền năng của một cung được dùng, chúng ta đang hàm ý đề cập đến các hiện tượng điện, hay một loại năng lượng nào đó. Năng lượng này, hay biểu hiện điện này, "huyền nhiệm của điện" mà H. P. B. nhắc đến, *(S.D., I, 107) là* nền tảng của mọi biểu hiện, và nằm phía sau mọi tiến hoá. Nó tạo ra ánh sáng với độ rực rỡ ngày càng tăng; nó xây dựng và nắn đúc hình tướng theo nhu cầu của Thực Thể ngự bên trong; nó tạo ra sự cố kết và hoạt động nhóm; nó là nhiệt lực gây nên mọi tăng trưởng, và nuôi dưỡng không chỉ các biểu hiện của giới thực vật và giới động vật mà còn tạo ra sự tương tác giữa các đơn vị nhân loại, và nằm sau mọi mối quan hệ của con người. Nó là từ điện, bức xạ, hấp dẫn và đẩy lùi, sự sống, cái chết, và mọi sự; nó là mục đích hữu thức và ý chí cốt yếu trong biểu hiện khách quan, và ai giải được điều nằm sau các hiện tượng điện thì không những giải được bí mật của chính Bản Thể mình, mà còn biết vị trí của mình trong khối cầu lớn hơn của mình, một Hành Tinh Thượng Đế, ý thức được Bản Sắc của Sự Tồn Tại vũ trụ mà chúng ta gọi là một Thái dương Thượng đế, và phần nào chứng nghiệm vị trí của hệ mặt trời chúng ta cùng mối liên hệ điện của nó với bảy chòm sao.

We have now to deal with the influence of a force that is waning and passing out of dominance, that of the sixth Ray of Devotion

Giờ đây chúng ta phải đề cập đến ảnh hưởng của một mãnh lực đang suy giảm và mất dần quyền chi phối, đó là cung sáu của Sùng tín

or Idealism. It will not be possible to predicate much anent it, beyond pointing out certain general ideas which may be of value in the contemplation of Ray cycles in general.

hay Duy tâm. Sẽ không thể nói nhiều về nó ngoài việc chỉ ra một số ý tưởng tổng quát có thể có giá trị trong việc chiêm ngưỡng các chu kỳ cung nói chung.

[Page 437] These Ray influences work through their focal points in all cases (macrocosmic and microcosmic) and these are the etheric centres. The centres, in the case of all Beings, are ever seven in number, and are composed of deva and human units in group activity, or of force vortices which contain in latency, and hold in ordered activity, cells with the potentiality of human manifestation. Forget not the occult truism that all forms of existence pass at one stage of their career through the human kingdom.

[Page 437] Các ảnh hưởng cung này trong mọi trường hợp (đại thiên địa và tiểu thiên địa) đều hoạt động qua các tiêu điểm của chúng, và đó là các trung tâm dĩ thái. Các trung tâm, trong trường hợp của mọi Hữu thể, luôn luôn là bảy về số lượng, và được cấu thành bởi các đơn vị thiên thần và nhân loại trong hoạt động nhóm, hay bởi các xoáy mãnh lực chứa trong trạng thái tiềm ẩn, và giữ trong hoạt động có trật tự, các tế bào có tiềm năng biểu hiện nhân loại. Đừng quên chân lý huyền bí rằng mọi hình thức tồn tại đều đi qua giới nhân loại ở một giai đoạn nào đó trong hành trình của chúng.

Cosmic, or extra-systemic rays, impinge upon or circulate via centres found on the second cosmic ether, but which, at the present stage of objectivity, become systemically visible in the fourth cosmic ether, the buddhic.

Các cung vũ trụ, hay ngoài hệ mặt trời, tác động vào hoặc lưu chuyển qua các trung tâm được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ hai, nhưng ở giai đoạn khách quan hiện nay, lại trở nên hữu hình trong hệ mặt trời trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

One permanent cosmic Ray is the ray of our Logos Himself, and the subrays of this ray permeate His entire system. Six other cosmic Rays, animating other systems, influence ours, finding their reflections in the subrays of our logoic Ray. To these six cosmic influences our Heavenly Men respond. They absorb the influence, being centres in the body logoic, pass it through Their schemes, circulate it through Their own centres (chains), and transmit it on to other schemes, coloring it with Their Own peculiar shade and qualifying it by Their own peculiar tone or note. The whole system of ray influence, or radiatory warmth, considered both physically and psychically,

Một cung vũ trụ thường hằng là cung của chính Thượng đế của chúng ta, và các cung phụ của cung này thấm nhuần toàn bộ hệ mặt trời của Ngài. Sáu cung vũ trụ khác, làm sinh động các hệ mặt trời khác, ảnh hưởng đến hệ mặt trời của chúng ta, tìm thấy các phản chiếu của chúng trong các cung phụ của cung của Thượng đế chúng ta. Với sáu ảnh hưởng vũ trụ này, các Đấng Thiên Nhân của chúng ta đáp ứng. Các Ngài hấp thụ ảnh hưởng ấy, vì là các trung tâm trong thân thể của Thượng đế, chuyển nó qua các hệ của Các Ngài, lưu chuyển nó qua các trung tâm riêng của Các Ngài (các Dãy), và truyền nó đến các hệ khác, nhuốm nó bằng sắc thái đặc thù của Chính Các Ngài và định tính nó bằng

is one of an intricate circulation and interaction. The radiation or vibration passes in ordered cycles from its originating source, the One Ray, or systemic Logos, to the different centres in His body. Viewed from the physical standpoint this ray force is the energising factor in matter. Viewed from the psychical point of view it is the qualitative faculty. From scheme to scheme, from chain to chain, and from globe to globe, this force or quality passes and circulates, both adding, and at the same time abstracting, and returns to its focal point with two noticeable differences: [Page 438]

a. The radiatory heat is intensified.

b. The qualitative character or colour is increased.

The effect on the form side is equally noticeable, and the warmth or quality of a Ray not only affects the psyche of a man, a planetary Logos, and a solar Logos, but has a definite effect on material substance itself.

Ray influences work equally on the deva and human Hierarchies, as they function in a planetary or logoic body. Clarity of thought might eventuate if we ever bear in mind that all forms are dual, both in evolution and in essential nature. They are the product of the work of the Builders (deva forces) and of active intelligence (the human units) and the two are indivisible in the Divine Hermaphrodite, or Heavenly Man. They are stimulated in both aspects of their Being by the ray influence.

âm điệu hay chủ âm riêng của Các Ngài. Toàn bộ hệ thống ảnh hưởng cung, hay nhiệt bức xạ, xét cả về hồng trần lẫn thông linh, là một sự lưu chuyển và tương tác phức tạp. Bức xạ hay rung động đi theo các chu kỳ có trật tự từ nguồn gốc phát sinh của nó, Cung Duy Nhất, hay Thượng đế của hệ mặt trời, đến các trung tâm khác nhau trong thân thể của Ngài. Nhìn từ quan điểm hồng trần, mãnh lực cung này là yếu tố tiếp năng cho vật chất. Nhìn từ quan điểm thông linh, nó là năng lực phẩm tính. Từ hệ này sang hệ khác, từ Dãy này sang Dãy khác, và từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác, mãnh lực hay phẩm tính này truyền đi và lưu chuyển, vừa thêm vào vừa đồng thời rút ra, và trở về tiêu điểm của nó với hai khác biệt đáng chú ý: [Page 438]

a. Nhiệt bức xạ được tăng cường.

b. Đặc tính phẩm tính hay màu sắc được gia tăng.

Hiệu quả trên phương diện hình tướng cũng rõ rệt không kém, và nhiệt lực hay phẩm tính của một cung không chỉ ảnh hưởng đến tâm hồn của một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế, mà còn có một tác động xác định lên chính chất liệu vật chất.

Các ảnh hưởng cung tác động như nhau lên các Huyền Giai thiên thần và nhân loại, khi chúng hoạt động trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế. Sự sáng tỏ trong tư tưởng có thể xuất hiện nếu chúng ta luôn ghi nhớ rằng mọi hình tướng đều là kép, cả trong tiến hoá lẫn trong bản chất cốt yếu. Chúng là sản phẩm của công việc của các đấng kiến tạo (các mãnh lực thiên thần) và của trí tuệ hoạt động (các đơn vị nhân loại), và hai điều này là bất khả phân trong Đấng Lưỡng Tính

thiêng liêng, hay Đấng Thiên Nhân. Cả hai phương diện của Bản Thể của chúng đều được kích thích bởi ảnh hưởng cung.

Let us now tabulate these ideas somewhat:

Giờ đây, chúng ta hãy lập bảng các ý tưởng này phần nào:

	Entity	*Force Centres*	*Psychical Manifestation*	*Physical Manifestation*
1.	Solar Logos	Heavenly Men .	Deva Builders They energise and are active life	A solar system They work in matter and hold the life.
2.	Planetary Logos	Human group units	Deva Builders	A Scheme.
3.	A Man	Seven etheric centres	Elemental builders	Bodies.

Each of these divisions can be studied separately and in due course of time (when it may be safe to transmit information more freely anent the devas) it will be seen that a deva Lord of a plane, for instance, works through force centres, manifests objectively through the colour which is His psychical display, and ensouls the matter of [Page 439] a plane just as a Heavenly Man ensouls His scheme. The idea can be extended likewise to chains, globes, races, and rounds. Duality always will be seen,—human and deva manifestation forming the sumtotal, and

Mỗi phân bộ này có thể được nghiên cứu riêng biệt và theo thời gian thích hợp (khi có thể an toàn để truyền đạt thông tin tự do hơn về các thiên thần), người ta sẽ thấy rằng, chẳng hạn, một Chúa Tể thiên thần của một cõi hoạt động qua các trung tâm mãnh lực, biểu hiện khách quan qua màu sắc là sự biểu lộ thông linh của Ngài, và phú linh cho chất liệu của [Page 439] một cõi cũng như một Đấng Thiên Nhân phú linh cho hệ hành tinh của Ngài. Ý tưởng này cũng có thể được mở rộng tương tự đến các Dãy, các bầu hành tinh, các giống dân và các cuộc tuần hoàn.

always will energy and quality progress in parallel lines.

Nhị nguyên tính sẽ luôn được thấy,—biểu hiện nhân loại và thiên thần tạo thành tổng thể, và năng lượng cùng phẩm tính sẽ luôn tiến triển theo những đường song song.

As the ray influence passes away from a race or a planet, a scheme or a solar system, it must not be supposed that it is completely abrogated; it has simply passed beyond the periphery of whatever ring-pass-not it was energising, and the force of its influence is being focussed elsewhere. The original recipient becomes a channel, or transmitting agent, and not so much an absorber or container. Words again are handicapping us, and proving their inadequacy to express an idea. What the student should recognise is that during a cycle of ray influence, the object of its immediate attention receives and absorbs it, and transmutes it according to its need, and not so much therefore is available for transmission. When the cycle is drawing to a close more and more of the ray influence or magnetism will be felt elsewhere, until practically all of it will be passed on unabsorbed.

Khi ảnh hưởng cung rời khỏi một giống dân hay một hành tinh, một hệ hành tinh hay một hệ mặt trời, không nên cho rằng nó bị bãi bỏ hoàn toàn; nó chỉ đơn giản đã vượt ra ngoài chu vi của bất cứ vòng-giới-hạn nào mà nó đang tiếp năng, và mãnh lực ảnh hưởng của nó đang được tập trung ở nơi khác. Đối tượng tiếp nhận ban đầu trở thành một kênh dẫn, hay tác nhân truyền tải, chứ không còn hấp thụ hay chứa đựng nhiều như trước. Một lần nữa, ngôn từ làm cản trở chúng ta và cho thấy sự bất lực của chúng trong việc diễn đạt một ý tưởng. Điều mà đạo sinh nên nhận ra là trong một chu kỳ ảnh hưởng cung, đối tượng được nó chú ý trực tiếp sẽ tiếp nhận và hấp thụ nó, rồi chuyển hoá nó theo nhu cầu của mình, và do đó không còn nhiều để truyền đi. Khi chu kỳ gần kết thúc, ngày càng nhiều ảnh hưởng cung hay từ điện sẽ được cảm nhận ở nơi khác, cho đến khi thực tế hầu như toàn bộ nó sẽ được truyền đi mà không bị hấp thụ.

This is what is beginning to happen in relation to this sixth Ray of Devotion. Egos who are on that particular Ray will take form elsewhere on other globes, and in other chains, and not so much on our planet. The vibrations of that Ray will quiet down as far as we are concerned, and find increased activity elsewhere. To phrase it otherwise, our planet and all thereon will become positive and non-receptive, and will temporarily repulse this particular type of force. A psychical manifestation of this can be seen in the dying down of what is called *Christian* enthusiasm. This Ray, on which the Chohan Jesus may be found, will no longer pour its force to the same extent into

Đó là điều đang bắt đầu xảy ra liên quan đến cung sáu của Sùng tín này. Các chân ngã thuộc cung đặc thù đó sẽ nhập thể ở nơi khác trên các bầu hành tinh khác, và trong các Dãy khác, chứ không nhiều trên hành tinh chúng ta. Các rung động của cung đó sẽ lắng xuống đối với chúng ta, và tìm thấy hoạt động gia tăng ở nơi khác. Nói cách khác, hành tinh chúng ta và mọi sự trên đó sẽ trở nên dương tính và không tiếp nhận, và sẽ tạm thời đẩy lùi loại mãnh lực đặc thù này. Một biểu hiện thông linh của điều này có thể thấy trong sự suy tàn của điều được gọi là lòng nhiệt thành *Kitô giáo*. Cung này, nơi Chohan Jesus có thể được tìm thấy, sẽ không còn tuôn mãnh lực của nó vào hình tướng

the form He built, and it will necessarily slowly but surely disintegrate, having served its purpose [Page 440] for close on two thousand years. Later again the same force will be felt returning, and a new form will be found slowly coming into being, but along more adequate lines.

mà Ngài đã xây dựng với cùng mức độ như trước, và hình tướng ấy tất yếu sẽ chậm rãi nhưng chắc chắn tan rã, vì đã phục vụ mục đích của nó [Page 440] trong gần hai ngàn năm. Về sau nữa, chính mãnh lực ấy sẽ được cảm nhận trở lại, và một hình tướng mới sẽ được thấy đang chậm rãi đi vào hiện hữu, nhưng theo những đường lối thích đáng hơn.

It will consequently be apparent how the knowledge of these cycles, and of the force manifestation or obscuration of a Ray will eventually lead to a working with the Law, and to an intelligent co-operation with the plan of evolution. It might here be stated that the seven Kumaras (the four exoteric and the three esoteric) cooperate with this Law, and work exoterically, or esoterically according to the Ray in power, with the exception of the first Kumara, the Logos of our scheme, Who—being the synthesizing point for all—remains ever in objective activity.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng tri thức về các chu kỳ này, và về sự biểu hiện mãnh lực hay sự che khuất của một cung, cuối cùng sẽ dẫn đến việc hoạt động phù hợp với Định luật, và đến sự hợp tác thông minh với kế hoạch tiến hoá. Ở đây có thể nói rằng bảy Đấng Kumara (bốn ngoại môn và ba nội môn) hợp tác với Định luật này, và hoạt động ngoại môn hay nội môn tùy theo cung đang nắm quyền, ngoại trừ Đấng Kumara thứ nhất, Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta, Đấng—vì là điểm tổng hợp cho tất cả—luôn luôn ở trong hoạt động khách quan.

It is this Ray activity which governs the obscuration or manifestation of a system, and a scheme with all that is included in these manifestations. Hence the emphasis laid in all occult books on the study of cycles, and on the differentiation of the one hundred years of Brahma into its component parts. In this knowledge lies hid the mystery of Being itself, of electrical force, and of fohatic synthesis.

Chính hoạt động cung này chi phối sự che khuất hay biểu hiện của một hệ thống, và của một hệ hành tinh cùng mọi điều được bao gồm trong các biểu hiện ấy. Do đó có sự nhấn mạnh trong mọi sách huyền bí học về việc nghiên cứu các chu kỳ, và về sự biến phân một trăm năm của Brahma thành các phần cấu thành của nó. Trong tri thức này ẩn giấu huyền nhiệm của chính Bản Thể, của mãnh lực điện, và của sự tổng hợp fohat.

I will make no more comments on the future effects of the Ray which is passing into temporary obscuration as far as we are concerned. We shall later take up at greater length than has been possible with the other Rays, the subject of the seventh type of force now coming into power, and which is

Tôi sẽ không bình luận thêm về các hiệu quả tương lai của cung đang đi vào sự che khuất tạm thời đối với chúng ta. Sau này, chúng ta sẽ khảo sát dài hơn so với các cung khác về chủ đề loại mãnh lực thứ bảy hiện đang đi vào quyền lực, và vì thế là một yếu tố thiết yếu trong sự tiến hoá trước mắt của con người.

therefore a vital factor in the immediate evolution of man.

The fifth principle of manas is at this time beginning to demonstrate mainly through the seventh type of force (or the fifth when considering only the Brahma aspect of manifestation). It will be immediately apparent, therefore, that this incoming Ray is peculiarly situated at this time, and that its influence will be manifested under very favorable conditions. It is pouring its force out upon the [Page 441] seventh plane, the physical, during the fifth rootrace and the fifth subrace, and consequently the opportunity is great. In all that has been said anent the Rays it will be apparent that from the present standpoint two are paramountly concerned with the evolution of man: the *fourth Ray of Harmony,* which is the dominant ray of the greater cycle which includes the fourth round and globe, and the *seventh Ray of Ceremonial Magic*, which is one of the foremost influences concerned in all objective manifestations. These two Rays, or the force of these two planetary Logoi, are largely instrumental in bringing about coherency in our chain, the fourth of the fourth scheme, and on our physical globe, the Earth. The fourth and the seventh interact, one acting temporarily as a negative force and the other as a positive.

Nguyên khí thứ năm của manas vào lúc này đang bắt đầu biểu lộ chủ yếu qua loại mãnh lực thứ bảy (hay thứ năm khi chỉ xét phương diện Brahma của biểu hiện). Vì vậy, sẽ lập tức rõ ràng rằng cung đang đi vào này hiện nay ở trong một vị trí đặc biệt, và ảnh hưởng của nó sẽ được biểu lộ dưới những điều kiện rất thuận lợi. Nó đang tuôn mãnh lực của nó xuống [Page 441] cõi thứ bảy, cõi hồng trần, trong giống dân gốc thứ năm và giống dân phụ thứ năm, và do đó cơ hội là rất lớn. Trong tất cả những gì đã được nói về các cung, sẽ rõ ràng rằng từ quan điểm hiện tại có hai cung đặc biệt liên quan đến tiến hoá của con người: *cung bốn của Hài Hòa, là* cung chi phối của đại chu kỳ bao gồm cuộc tuần hoàn thứ tư và bầu hành tinh thứ tư, và *cung bảy của Huyền Thuật Nghi Lễ*, là một trong những ảnh hưởng hàng đầu liên quan đến mọi biểu hiện khách quan. Hai cung này, hay mãnh lực của hai Hành Tinh Thượng Đế này, phần lớn là tác nhân tạo ra sự cố kết trong Dãy của chúng ta, Dãy thứ tư của hệ hành tinh thứ tư, và trên bầu hành tinh hồng trần của chúng ta, Trái Đất. Cung bốn và cung bảy tương tác với nhau, một cung tạm thời hoạt động như mãnh lực âm và cung kia như mãnh lực dương.

The fifth Kumara, the Lord of the seventh Ray (for it is necessary to keep in mind His dual position as one of the points of the five-pointed Star of Brahma, and as one of the Triangles in the sevenfold logoic body) has a unique position as the "Ruler of the Building Devas" of the physical plane, the devas of the ethers, in cooperation with their Deva Lord. He guides and directs the production of the form by means of certain occult words. He works, therefore, through the etheric body

Đấng Kumara thứ năm, Chúa Tể của cung bảy (vì cần ghi nhớ vị trí kép của Ngài vừa như một trong các điểm của Ngôi Sao năm cánh của Brahma, vừa như một trong các Tam Giác trong thể logoi thất phân) có một vị trí độc nhất như "Đấng Cai Quản các thiên thần kiến tạo" của cõi hồng trần, các thiên thần của các dĩ thái, trong sự hợp tác với Chúa Tể thiên thần của họ. Ngài hướng dẫn và chỉ đạo việc tạo ra hình tướng bằng một số linh từ huyền bí nhất định. Vì vậy, Ngài

of all forms and it is through His inflowing force that we may look for that increased stimulation of the matter of the etheric brain which will make the physical brain receptive to the higher revealing truth, and will put into the hands of scientists the secrets of the fourth and third ethers. The development of the matter of the brain parallels the stage of 7development of its atomic correspondence, and in the vitalisation of the fifth spirilla and the consequent reflex action of the seventh, we may look to see the mind of man assume proportions, and attain achievement, as yet unthought and undreamt.

hoạt động qua thể dĩ thái của mọi hình tướng, và chính nhờ mãnh lực tuôn vào của Ngài mà chúng ta có thể mong đợi sự kích thích gia tăng đối với chất liệu của bộ não dĩ thái, điều sẽ làm cho bộ não hồng trần tiếp nhận chân lý mặc khải cao hơn, và sẽ đặt vào tay các nhà khoa học các bí mật của dĩ thái thứ tư và thứ ba. Sự phát triển của chất liệu bộ não song hành với giai đoạn phát triển của tương ứng nguyên tử của nó, và trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm cùng phản ứng phản xạ hệ quả của loa tuyến thứ bảy, chúng ta có thể mong thấy trí tuệ con người đạt đến những tầm mức và thành tựu mà cho đến nay chưa từng được nghĩ tới hay mơ tới.

[Page 442] We might consider the effect of this incoming force along three lines:

[Page 442] Chúng ta có thể xem xét hiệu quả của mãnh lực đang đi vào này theo ba đường lối:

First. The type of force, or the logoic quality, with its function and aim.

Thứ nhất. Loại mãnh lực, hay phẩm tính logoi, cùng chức năng và mục đích của nó.

Second. Its work in relation to:

Thứ hai. Công việc của nó liên quan đến:

a. The animal kingdom.

a. giới động vật.

b. The human kingdom.

b. giới nhân loại.

c. The deva kingdom.

c. giới thiên thần.

Third. The results to be looked for during the coming centuries.

Thứ ba. Các kết quả có thể được mong đợi trong các thế kỷ sắp tới.

The type of force, or the nature of the Heavenly Man of the seventh Ray, is fundamentally constructive. It will be necessary here to touch somewhat upon His character and His place in the logoic scheme, calling attention to the need of refraining from personalisation and externalisation. The Heavenly Man of the scheme in which

Loại mãnh lực, hay bản chất của Đấng Thiên Nhân của cung bảy, về cơ bản là có tính kiến tạo. Ở đây cần đề cập phần nào đến tính cách của Ngài và vị trí của Ngài trong hệ hành tinh logoi, đồng thời lưu ý đến nhu cầu tránh nhân cách hóa và ngoại hiện hóa. Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh mà trong đó Cung Huyền Thuật Nghi Lễ được hiện thân

the Ray of Ceremonial Magic is embodied is one of the main transmitters of radiation from the Sun to the system and has a close connection with logoic kundalini. Herein lies a hint. The Raja-Lord of the etheric levels of the physical plane works in close alliance with Him and this will be apparent if we bear in mind that the Lord of a plane is its embodied activity. He is the energising force that expresses itself as a unified Identity in the matter of a plane, and we might therefore get some idea of the coherency of Their mutual work if we bear in mind that

là một trong những đấng truyền dẫn chính của bức xạ từ Mặt Trời đến hệ thống và có liên hệ mật thiết với kundalini logoi. Chính trong đây có một gợi ý. Raja-Chúa Tể của các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần hoạt động trong liên minh chặt chẽ với Ngài và điều này sẽ rõ ràng nếu chúng ta ghi nhớ rằng Chúa Tể của một cõi là hoạt động được hiện thân của cõi ấy. Ngài là mãnh lực tiếp năng tự biểu lộ như một Bản Sắc hợp nhất trong chất liệu của một cõi, và do đó chúng ta có thể có được một ý niệm nào đó về sự cố kết trong công việc chung của Hai Ngài nếu ghi nhớ rằng

The Raja-Lord of a plane is the sum total of the substance of that plane.

Raja-Chúa Tể của một cõi là tổng thể chất liệu của cõi ấy.

The planetary Logos Who is most closely connected with any particular plane is its quality and colouring.

Hành Tinh Thượng Đế liên hệ mật thiết nhất với bất kỳ cõi đặc thù nào là phẩm tính và sắc thái của cõi ấy.

By the united action and work of these two Entities all is accomplished,—the Lord of the Builders constructing [Page 443] the forms which the Lord of Life utilises to develop consciousness within.

Nhờ hành động và công việc hợp nhất của hai Thực Thể này mà mọi sự được hoàn thành,—Chúa Tể của các đấng kiến tạo xây dựng [Page 443] các hình tướng mà Chúa Tể của Sự sống sử dụng để phát triển tâm thức bên trong.

The force or vibration of any Ray might be summed up as:

Mãnh lực hay rung động của bất kỳ cung nào có thể được tóm lược như sau:

a. The intelligent purpose of an Entity, a planetary Logos.

a. Mục đích thông minh của một Thực Thể, một Hành Tinh Thượng Đế.

b. His life energy working in, through, and upon His body of manifestation.

b. Năng lượng sự sống của Ngài hoạt động trong, qua, và trên thể biểu hiện của Ngài.

c. His magnetic radiation as it affects (though in lesser degree) His Brothers in manifestation.

c. Bức xạ từ tính của Ngài khi nó ảnh hưởng (dù ở mức độ thấp hơn) đến các Huynh Đệ của Ngài trong biểu hiện.

d. His peculiar colouring or quality, His main psychological aspect, demonstrating through His own activities within His own scheme.

d. Sắc thái hay phẩm tính đặc thù của Ngài, phương diện tâm lý chính của Ngài, biểu lộ qua các hoạt động riêng của Ngài trong chính hệ hành tinh của Ngài.

e. The effect of the same as it influences His Brothers within the body corporate of the solar Logos.

e. Hiệu quả của điều ấy khi nó ảnh hưởng đến các Huynh Đệ của Ngài trong tổng thể của Thái dương Thượng đế.

f. His life force as it radiates beyond His own periphery as active energy and stimulating activity—being literally one of the aspects of Fohat. The activity aspect of a Heavenly Man is as much an aspect of Fohat as Brahma is the sumtotal of Fohat. The Heavenly Men are, by virtue of physical manifestation, Fohat and His Brothers.

f. Mãnh lực sự sống của Ngài khi nó bức xạ vượt ra ngoài chu vi riêng của Ngài như năng lượng hoạt động và hoạt động kích thích—theo nghĩa đen là một trong các phương diện của Fohat. Phương diện hoạt động của một Đấng Thiên Nhân cũng là một phương diện của Fohat cũng như Brahma là tổng thể của Fohat. Các Đấng Thiên Nhân, do biểu hiện hồng trần, là Fohat và các Huynh Đệ của Ngài.

When this is borne in mind it will be seen that each of the planetary Logoi, equally with a solar Logos, and with Their reflections, human beings, demonstrate through the aspects.

Khi điều này được ghi nhớ, sẽ thấy rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế, cũng như một Thái dương Thượng đế, và các phản chiếu của Các Ngài là con người, đều biểu lộ qua các phương diện.

In their totality all these are the expression of the incarnating Logos; in the one case His fohatic energy builds the kingdoms of nature, giving them Body; in the other He gives them their psychical value, and finally through them all He demonstrates as Existence or Being.

Trong tổng thể, tất cả những điều này là biểu hiện của Thượng đế đang nhập thể; trong trường hợp này, năng lượng fohat của Ngài xây dựng các giới tự nhiên, ban cho chúng Thân Thể; trong trường hợp kia, Ngài ban cho chúng giá trị thông linh của chúng, và cuối cùng qua tất cả chúng, Ngài biểu lộ như Sự Tồn Tại hay Bản Thể.

Similar tables can be worked out for a Heavenly Man and a human being, laying the emphasis always upon the development of the middle or psychic aspect. [Page 444]

Những bảng tương tự có thể được lập ra cho một Đấng Thiên Nhân và một con người, luôn luôn nhấn mạnh vào sự phát triển của phương diện trung gian hay thông linh. [Page 444]

TABULATION III

BẢNG III

Aspect	*Manifestation*	*Objectively*	*Subjectively*	*Evelutionary Aspect*
Activity	The Seven Brothers	Seven etheric centres	Seven types of force	Involution and evolution of the kingdoms of nature.
	Sumtotal	Fire by friction. The Mother.	The Brahma or Matter aspect.	
Love-Wisdom Dragon of Wisdom.	Seven Heavenly Men	Seven schemes	Seven Rays	Seven types of deva and human Monads.
	Sumtotal	Solar fire. Vishnu aspect. subjectivity or the psyche. The Son in Manifestation.	Solar fire. Vishnu aspect. subjectivity or the psyche. The Son in Manifestation.	
Will	Seven Cosmic Entities	Seven Heavenly Men	Seven qualities	Seven Hierarchies.
	Sumtotal	Electric Fire, the One Life.	Mahadeva. Spirit	

With these thoughts in mind it should be possible to [Page 445] see more clearly what the coming in of a Ray, such as the present one, or its passing out, may involve. In the particular case under discussion, we have the coming in of a Ray that is intimately connected with the plane of manifestation, the physical plane, which is (within the greater cycle) responsible for man's very existence, and the source of his future hope.

Với những tư tưởng này trong tâm trí, có lẽ sẽ có thể [Page 445] thấy rõ hơn điều mà sự đi vào của một cung, như cung hiện nay, hay sự rút đi của nó, có thể bao hàm. Trong trường hợp đặc thù đang được bàn đến, chúng ta có sự đi vào của một cung gắn bó mật thiết với cõi biểu hiện, cõi hồng trần, là cõi (trong đại chu kỳ) chịu trách nhiệm cho chính sự tồn tại của con người, và là nguồn gốc hy vọng tương lai của y.

This seventh Ray (fifth) ever manifests in a period of transition from one kingdom to another, and this holds hid the mystery of the particular form of service of its planetary Logos. He governs the processes of:

Cung bảy này (thứ năm) luôn biểu lộ trong một giai đoạn chuyển tiếp từ giới này sang giới khác, và điều này che giấu huyền nhiệm về hình thức phụng sự đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế của nó. Ngài cai quản các tiến trình của:

Transmutation

Chuyển hoá

Incarnation

Lâm phàm

Transference.

Chuyển dịch.

In these three words His life-work is summed up; in these three words is embodied the nature of this great Entity, Who presides over the processes of blending and merging and adaptation; Who, through His knowledge of cosmic Sound, guides the life forces of certain solar and lunar entities from form to form, and is the link between the soul awaiting incarnation, and its body of manifestation. This is equally true whether we are considering the incarnation of a man, of a group, of an idea, or of all entities of lesser grade to the solar Being Who manifests through a globe, or the regent of the globe under the planetary Logos. All entities of higher rank than this great evolutionary Being come into incarnation through the linking work of an extra-systemic Being. In all periods of the transference of the life from

Trong ba từ này, công việc sự sống của Ngài được tóm lược; trong ba từ này, bản chất của Thực Thể vĩ đại này được hiện thân, Đấng chủ trì các tiến trình hòa trộn, dung nhập và thích ứng; Đấng, nhờ tri thức của Ngài về Âm Thanh vũ trụ, hướng dẫn các mãnh lực sự sống của một số thực thể thái dương và thái âm từ hình tướng này sang hình tướng khác, và là mối nối giữa linh hồn đang chờ nhập thể và thể biểu hiện của nó. Điều này cũng đúng như nhau dù chúng ta đang xét sự nhập thể của một con người, một nhóm, một ý tưởng, hay của mọi thực thể có cấp bậc thấp hơn Sinh Mệnh thái dương biểu lộ qua một bầu hành tinh, hay vị nhiếp chính của bầu hành tinh dưới Hành Tinh Thượng Đế. Mọi thực thể có cấp bậc cao hơn Sinh Mệnh tiến hoá vĩ đại này đều đi vào lâm phàm qua công việc nối kết của một Sinh Mệnh ngoài hệ thống. Trong mọi giai đoạn chuyển dịch sự sống từ

System to system,

Hệ thống này sang hệ thống khác,

Scheme to scheme,

Hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác,

Chain to chain,

Dãy này sang Dãy khác,

this cosmic Deity pours forth His power and influence. In all periods of lesser transition of the life from [Page 446]

Thượng đế vũ trụ này tuôn đổ quyền năng và ảnh hưởng của Ngài. Trong mọi giai đoạn chuyển tiếp nhỏ hơn của sự sống từ [Page 446]

Globe to globe,

Bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác,

Plane to plane,

Cõi này sang cõi khác,

Kingdom of nature to another kingdom,

Giới tự nhiên này sang giới khác,

the Lord of the seventh Ray plays a similar part.

Chúa Tể của cung bảy đóng một vai trò tương tự.

Herein lies the reason for His inflowing force at this time, for a profound movement is in order of accomplishment, and a transference is in progress which calls for His particular type of energy. A transference is being effected of certain groups of human and deva Monads out of the human kingdom into the fifth or spiritual kingdom. During His cycle of close on two thousand five hundred years, a specific number of men will pass on to the Path of Initiation, and take at least the first Initiation, thus transferring their centres of consciousness out of the purely human into the early stages of the spiritual.

Chính trong đây có lý do cho mãnh lực tuôn vào của Ngài vào lúc này, vì một chuyển động sâu xa đang được thực hiện, và một sự chuyển dịch đang diễn ra đòi hỏi loại năng lượng đặc thù của Ngài. Một sự chuyển dịch đang được thực hiện đối với một số nhóm chân thần nhân loại và thiên thần ra khỏi giới nhân loại để vào giới thứ năm hay giới tinh thần. Trong chu kỳ gần hai ngàn năm trăm năm của Ngài, một số lượng người nhất định sẽ tiến lên Con Đường Điểm Đạo, và nhận ít nhất lần điểm đạo thứ nhất, nhờ đó chuyển các trung tâm tâm thức của họ ra khỏi cái thuần túy nhân loại để vào các giai đoạn đầu của tinh thần.

During this same cycle, a transference of units from out of the animal kingdom into the human will proceed in the fifth chain and from thence on to another chain, thus producing a period of even greater activity than on our own globe. Similarly I may point out (even though it is not possible to give more than a hint) that the force of the cosmic Transferrer is being called into activity by the transference during this cycle of a special group of highly advanced units of the human and deva kingdoms (members of the occult Hierarchy) to another scheme

Trong cùng chu kỳ này, một sự chuyển dịch các đơn vị từ giới động vật sang giới nhân loại sẽ diễn ra trong Dãy thứ năm và từ đó sang một Dãy khác, nhờ đó tạo ra một giai đoạn hoạt động còn lớn hơn trên chính bầu hành tinh của chúng ta. Tương tự, tôi có thể chỉ ra (dù không thể nói hơn một gợi ý) rằng sự chuyển dịch trong chu kỳ này của một nhóm đặc biệt gồm các đơn vị rất tiến bộ của giới nhân loại và giới thiên thần (các thành viên của Thánh Đoàn huyền bí) sang hẳn một hệ hành tinh khác đang gọi mãnh lực của Đấng Chuyển Dịch vũ trụ vào hoạt động.

altogether. Certain units also—from among the Lipika Lords—are taking advantage of this cosmic influence to transfer their activity to another system, giving place to others Who will work out the karma of the new age. The power of these agencies permeates the entire globe and extends throughout the chains and schemes which lie in the line of its path. It will fundamentally affect the vegetable kingdom, obscuring old types and bringing in new; it will work in the mineral kingdom and give a new impetus to the chemical processes, causing incidentally [Page 447] a setting loose of radioactive units, and a consequent accretion of knowledge by the scientist. In the elemental kingdoms and the group souls found therein, it produces facility in the transference of atoms.

Một số đơn vị nữa—trong số các Chúa Tể Lipika—cũng đang tận dụng ảnh hưởng vũ trụ này để chuyển hoạt động của họ sang một hệ thống khác, nhường chỗ cho những Đấng khác sẽ giải quyết nghiệp quả của kỷ nguyên mới. Quyền năng của các tác nhân này thấm nhuần toàn bộ bầu hành tinh và trải rộng khắp các Dãy và các hệ hành tinh nằm trên đường đi của nó. Nó sẽ ảnh hưởng căn bản đến giới thực vật, làm che khuất các loại cũ và đưa vào các loại mới; nó sẽ hoạt động trong giới kim thạch và tạo một xung lực mới cho các tiến trình hóa học, đồng thời gây ra [Page 447] sự giải phóng các đơn vị phóng xạ, và hệ quả là sự tích lũy tri thức của nhà khoa học. Trong các giới hành khí và các hồn nhóm được tìm thấy ở đó, nó tạo ra sự dễ dàng trong việc chuyển dịch các nguyên tử.

So far-reaching are the effects of this Ray, both on the deva and human units in their different kingdoms that entirely new environments will evolve for the utilisation of the new types and entirely new characteristics will be found emerging in the race of men.

Hiệu quả của cung này sâu rộng đến mức, cả trên các đơn vị thiên thần lẫn nhân loại trong các giới khác nhau của họ, những môi trường hoàn toàn mới sẽ tiến hoá để sử dụng các loại hình mới, và những đặc tính hoàn toàn mới sẽ được thấy đang xuất hiện trong nhân loại.

We have somewhat considered the type of force which expresses itself by means of the seventh Ray and have seen that it is the great transmuting, and transferring agent of the Logos. We have seen that it has a powerful effect both on deva and human units; we have found that the prime function of the Logos of the seventh Ray is beyond all else, that of adaptation, or the moulding of the form and the rendering of it suitable to the needs of any particular Entity. In all the constructive work of form-building, certain factors enter in which must here be enumerated as they concern vitally this particular Heavenly Man, and the particular

Chúng ta đã phần nào xem xét loại mãnh lực tự biểu lộ qua cung bảy và đã thấy rằng nó là tác nhân chuyển hoá và chuyển dịch vĩ đại của Thượng đế. Chúng ta đã thấy rằng nó có một hiệu quả mạnh mẽ trên cả các đơn vị thiên thần lẫn nhân loại; chúng ta đã nhận ra rằng chức năng chủ yếu của Thượng đế của cung bảy, vượt trên mọi điều khác, là sự thích ứng, hay việc nắn đúc hình tướng và làm cho nó thích hợp với nhu cầu của bất kỳ Thực Thể đặc thù nào. Trong mọi công việc kiến tạo của việc xây dựng hình tướng, có một số yếu tố tham dự vào mà ở đây phải được liệt kê vì chúng liên quan thiết yếu đến Đấng Thiên Nhân đặc thù này, và đến cõi đặc

plane, the physical, on which we undergo experience. These are:

First. The will or the one-pointed purpose of some entity.

Second. The material through which the life proposes to manifest. This material, as we know, is found within the ring-pass-not in seven grades, and in forty-nine subgrades.

Third. The Builders who are the vehicle for the divine purpose, and who mould matter upon a particular plan. These Builders evolve the forms out of their own nature and substance.

Fourth. A plan by which the work is carried out and which is imparted to the Builders, being latent in their consciousness. They evolve the form of the Grand Heavenly Man, of the Heavenly Men, of the human units, [Page 448] and of all forms from within outwards, and produce the self-identified Existences as a mother builds and produces a conscious Son out of the matter of her own body, carrying certain racial earmarks yet independent, self-conscious, self-willed and threefold in manifestation. The fact of the identity of the deva evolution with the essence they manipulate must ever be borne in mind.

Finally. Certain Words or Mantric Sounds, (151) which—[Page 449] uttered by a greater Life—can ever drive the lesser lives to the fulfillment of constructive purpose.

(151) They have in India an ancient system of psychical teaching called Yoga, in which the recitation of certain mantrams, or verses

thù, cõi hồng trần, nơi chúng ta trải qua kinh nghiệm. Đó là:

Thứ nhất. Ý chí hay mục đích nhất tâm của một thực thể nào đó.

Thứ hai. Chất liệu mà qua đó sự sống dự định biểu lộ. Chất liệu này, như chúng ta biết, được tìm thấy trong vòng-giới-hạn theo bảy cấp độ, và bốn mươi chín cấp độ phụ.

Thứ ba. Các đấng kiến tạo là vận cụ cho mục đích thiêng liêng, và là những đấng nắn đúc vật chất theo một kế hoạch đặc thù. Các đấng kiến tạo này phát triển các hình tướng từ chính bản chất và chất liệu của họ.

Thứ tư. Một kế hoạch mà nhờ đó công việc được thực hiện và được truyền cho các đấng kiến tạo, vốn tiềm ẩn trong tâm thức của họ. Họ phát triển hình tướng của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, của các Đấng Thiên Nhân, của các đơn vị nhân loại, [Page 448] và của mọi hình tướng từ trong ra ngoài, và tạo ra các Sự Tồn Tại tự đồng nhất hóa cũng như một người mẹ xây dựng và sinh ra một Người Con hữu thức từ chất liệu của chính thân thể mình, mang một số dấu ấn chủng tộc nhất định nhưng vẫn độc lập, có ý thức về bản thân, có ý chí riêng và tam phân trong biểu hiện. Sự kiện rằng tiến hoá thiên thần đồng nhất với tinh chất mà họ thao tác phải luôn được ghi nhớ.

Sau cùng. Một số Linh từ hay Âm thanh Mantric nhất định, (151) mà—[Page 449] khi được một Sự sống lớn hơn phát ra—luôn có thể thúc đẩy các sự sống nhỏ hơn đến chỗ hoàn thành mục đích kiến tạo.

(151) Ở Ấn Độ, họ có một hệ thống giáo huấn thông linh cổ xưa gọi là Yoga, trong đó việc tụng đọc một số mantram, hay các câu tiếng

of Sanskrit, is prescribed. Especially important is said to be the way in which the mystical syllable Om, or Aum, is pronounced. Learned Brahmans tell me that the illimitable psychic potentiality of the Sanskrit charms, or mantrams is only drawn out by the adoption of a certain very accurate rule of pronunciation (swara). They say that by formulating the words correctly a vibration is set up in the akaz, or that part of the ether of space which enwraps our globe, which makes man the master over all the spirit denizens of the various kingdoms of nature. It first re-acts upon the astral double or ethereal body of the man himself, purifying its grossness, stimulating its psychic powers out of the normal state of latency, and gradually fortifying them up to the point of mastery over nature's finer forces.—*The Theosophist*, Vol. XIII, pp. 229, 613.

Phạn, được quy định. Điều đặc biệt quan trọng, theo như người ta nói, là cách phát âm âm tiết thần bí Om, hay Aum. Các Bà-la-môn uyên bác nói với tôi rằng tiềm năng thông linh vô hạn của các bùa chú hay mantram tiếng Phạn chỉ được khai mở nhờ áp dụng một quy tắc phát âm rất chính xác nào đó (swara). Họ nói rằng bằng cách phát âm các từ một cách đúng đắn, một rung động được khởi lên trong akaz, hay phần dĩ thái của không gian bao bọc bầu hành tinh của chúng ta, khiến con người trở thành chủ nhân của mọi cư dân tinh thần trong các giới khác nhau của tự nhiên. Trước hết, nó phản ứng trở lại trên bản sao cảm dục hay thể dĩ thái của chính con người, thanh lọc tính thô trược của nó, kích thích các quyền năng thông linh của nó ra khỏi trạng thái tiềm ẩn bình thường, và dần dần củng cố chúng đến mức làm chủ các mãnh lực tinh tế hơn của tự nhiên.—*The Theosophist*, Tập XIII, tr. 229, 613.

"The primal single sound (Aum or Om) is the highest uttered word of power and knowledge. It is verily as Brahman itself. The regulation of the breath is the chiefest tapas-discipline. Higher than the Savitri is no mantra. Higher than silence is truth.

"Âm thanh đơn nhất nguyên thủy (Aum hay Om) là Quyền năng từ và tri thức cao nhất được phát ra. Quả thật nó như chính Brahman. Điều hòa hơi thở là kỷ luật tapas tối cao. Không có mantram nào cao hơn Savitri. Chân lý cao hơn im lặng.

The Creator stored the veritable essences of the Three Vedas in the three letters that make up the Sacred Word, in the three utterances that name and form the three worlds, and in the three parts of the veda-verse that invokes the sun. Each part He milked from one Veda. Who so ponders on these, morning and evening, after having learnt the Vedas previously, he verily studies the whole of the Vedas every day. These are the gateway unto Brahman.

Đấng Sáng Tạo đã cất giữ các tinh chất chân thực của Ba bộ Veda trong ba chữ tạo thành Linh từ Thiêng liêng, trong ba lời phát âm gọi tên và tạo thành ba cõi giới, và trong ba phần của bài kệ veda khẩn cầu mặt trời. Mỗi phần Ngài đã vắt ra từ một bộ Veda. Ai suy ngẫm về những điều này vào buổi sáng và buổi tối, sau khi trước đó đã học các bộ Veda, thì quả thật mỗi ngày người ấy học toàn bộ các bộ Veda. Đây là cánh cổng dẫn đến Brahman.

By repeated dwelling on their significance, and tuning his desire and modelling his

Bằng cách lặp đi lặp lại việc an trụ trong thâm nghĩa của chúng, và điều chỉnh khát

thought to that significance, the seeker after Brahman shall, without fail, attain all perfection, whether he discharge any other duty or not; for the very name of the Brahmana is 'the friend of All creatures' (and the Gayatri is the prayer for the blessing of all creatures by our radiant Father in Heaven, the Sun)."—*Unknown.*

vọng của mình cũng như nắn đúc tư tưởng của mình theo thâm nghĩa ấy, người tìm kiếm Brahman chắc chắn sẽ đạt đến mọi sự hoàn hảo, dù người ấy có chu toàn bất kỳ bổn phận nào khác hay không; vì chính tên gọi của Bà-la-môn là 'người bạn của Mọi sinh vật' (và Gayatri là lời cầu nguyện cho phúc lành của mọi sinh vật bởi Cha rạng ngời của chúng ta trên Thiên Đàng, Mặt Trời)."—*Khuyết danh.*

There are specific formulae known to all initiates of a certain grade (and even to many who have not attained that grade, a number have become known and are used—sometimes in ways that result in no good to the insufficiently instructed user), some one or other of which is specially adapted to produce nearly every possible effect that can be imagined....

Có những công thức đặc thù được biết đến với mọi điểm đạo đồ ở một cấp độ nhất định (và ngay cả với nhiều người chưa đạt đến cấp độ đó, một số công thức cũng đã trở nên được biết đến và được sử dụng—đôi khi theo những cách không đem lại điều tốt lành nào cho người sử dụng chưa được huấn luyện đầy đủ), trong đó công thức này hay công thức khác được đặc biệt thích ứng để tạo ra gần như mọi hiệu quả có thể tưởng tượng được....

Well may *Isis Unveiled* (p. 514) tell us that 'sounds and colors' are all spiritual numerals; nor is that all, for odors, metals and planets are equally spiritual numerals. Each planet (or spiritual plane) has relation to a metal and a color. These again are in co-relation with a corresponding odor and sound.

Quả thật, *Isis Unveiled* (tr. 514) có thể cho chúng ta biết rằng "âm thanh và màu sắc" đều là những con số tinh thần; và không chỉ có thế, vì mùi hương, kim loại và các hành tinh cũng đều là những con số tinh thần. Mỗi hành tinh (hay cõi tinh thần) đều có liên hệ với một kim loại và một màu sắc. Đến lượt chúng, các yếu tố này lại tương liên với một mùi hương và một âm thanh tương ứng.

The sphere of aura that surrounds every human being has one very important 'fold' or 'layer,' which invariably bears the color of the metal and planet to which that particular individual has most affinity, and it is on this layer that the magnetic part of odors and all sound vibrations impinges.—*The Theosophist*, Vol. VII, p. 218. (back)

Khối cầu hào quang bao quanh mỗi con người có một "nếp" hay "lớp" rất quan trọng, luôn luôn mang màu sắc của kim loại và hành tinh mà cá nhân đặc thù ấy có nhiều tương hợp nhất, và chính trên lớp này mà phần từ tính của các mùi hương và mọi rung động âm thanh tác động vào.—*The Theosophist*, Tập VII, tr. 218. (back)

These Words are uttered by

A solar Logos. The threefold Word gives rise to a sevenfold vibration.

A Heavenly Man, Who—through utterance —sweeps into evolutionary objectivity His scheme and all that is therein.

The Monad, whose threefold word gives rise to a sevenfold vibration.

The Ego, who—through sonorous utterance —produces a human being in the three worlds.

The analogy existing between these four should be carefully noted.

Certain Words belong to the different aspects, and the Words of the first aspect set in vibration the matter that evolves through the seven cycles of solar systems. Their relation to the Words of the present solar system is analogous to the primordial substance which lies back of our present creation. The Words of the second aspect concern us closely, but the Words of Brahma are at the present stage more closely connected with our work upon the physical plane. These Words, where the three worlds are concerned, very largely fall into a group of mantrams, hidden in the consciousness of the Lords of the fifth and seventh Rays; by their intelligent utterance the third aspect (the Brahma or manasic aspect) is brought into contact with the first aspect and produces that which we call the “Conscious Son” or Sun. Upon the mental plane they are sounded by the Lord of the fifth Ray, causing a vibration not only in what we might call “the lower levels” but producing response on

Những vị xướng lên các Linh từ này là

Một Thái dương Thượng đế. Linh từ tam phân tạo ra một rung động thất phân.

Một Đấng Thiên Nhân, Đấng—thông qua sự xướng lên—đưa hệ hành tinh của Ngài và mọi sự trong đó vào sự biểu hiện khách quan trong tiến hoá.

Chân thần, mà linh từ tam phân của nó tạo ra một rung động thất phân.

Chân ngã—thông qua sự xướng lên vang dội —tạo ra một con người trong ba cõi thấp.

Cần lưu ý cẩn thận sự tương đồng hiện hữu giữa bốn điều này.

Một số Linh từ thuộc về các phương diện khác nhau, và các Linh từ của phương diện thứ nhất làm rung động vật chất tiến hoá qua bảy chu kỳ của các hệ mặt trời. Mối liên hệ của chúng với các Linh từ của hệ mặt trời hiện tại tương tự như chất liệu nguyên sơ nằm phía sau công trình sáng tạo hiện tại của chúng ta. Các Linh từ của phương diện thứ hai liên hệ mật thiết với chúng ta, nhưng các Linh từ của Brahma ở giai đoạn hiện nay lại gắn bó chặt chẽ hơn với công việc của chúng ta trên cõi hồng trần. Các Linh từ này, khi liên quan đến ba cõi thấp, phần lớn thuộc vào một nhóm mantram, ẩn kín trong tâm thức của các Đấng Chúa Tể Cung năm và cung bảy; nhờ sự xướng lên một cách thông tuệ của các Ngài, phương diện thứ ba (phương diện Brahma hay manas) được đưa vào tiếp xúc với phương diện thứ nhất và tạo ra điều mà chúng ta gọi là “Con Hữu Thức” hay Mặt Trời. Trên cõi trí, Đấng Chúa Tể Cung năm xướng lên chúng, gây ra một rung động không những trong điều mà chúng ta

the first or archetypal [Page 450] plane and on the cosmic mental plane likewise. On the physical plane the words, uttered by the seventh Logos, produce the following results:

có thể gọi là "các cấp độ thấp hơn" mà còn tạo ra sự đáp ứng trên cõi thứ nhất hay nguyên mẫu [Page 450] và trên cõi trí vũ trụ nữa. Trên cõi hồng trần, các linh từ do Thượng đế thứ bảy xướng lên tạo ra các kết quả sau đây:

First. The anchoring of the permanent atoms within their group soul, or the union of matter and consciousness.

Thứ nhất. Sự neo giữ các nguyên tử trường tồn trong hồn nhóm của chúng, hay sự hợp nhất của vật chất và tâm thức.

Second. The guidance of the stream of life into any particular kingdom, or the blending of form and consciousness.

Thứ hai. Sự hướng dẫn dòng sự sống đi vào bất kỳ giới đặc thù nào, hay sự hòa trộn của hình tướng và tâm thức.

Third. The transference of the conscious, sentient life from form to form, from group to group, from kingdom to kingdom within the hierarchies.

Thứ ba. Sự chuyển dịch sự sống hữu thức, có khả năng cảm nhận từ hình tướng này sang hình tướng khác, từ nhóm này sang nhóm khác, từ giới này sang giới khác trong các Huyền Giai Sáng Tạo.

In connection with the human kingdom, the fifth Ray had to function or pour forth its influence in order to produce self-consciousness within the conscious form.

Liên quan đến giới nhân loại, cung năm đã phải hoạt động hay tuôn đổ ảnh hưởng của nó để tạo ra ngã thức trong hình tướng hữu thức.

It will consequently be seen that the utterance of sound along the line of force by the trained adept can both utilize deva activity to effect certain results in connection with the form side of manifestation, and can drive the life within to definite action. Hence the extreme danger —as has been frequently pointed out—of the knowledge of these mantrams and the need to safeguard them from interference and misuse. Power over form and over force lies always ready in the hand of those who have done three things:

Do đó, sẽ thấy rằng việc xướng âm thanh theo đường mãnh lực bởi chân sư đã được huấn luyện vừa có thể sử dụng hoạt động thiên thần để tạo ra những kết quả nhất định liên quan đến phương diện hình tướng của sự biểu hiện, vừa có thể thúc đẩy sự sống bên trong đi đến hành động xác định. Vì thế mới có sự nguy hiểm cực độ—như đã thường được chỉ ra—của tri thức về các mantram này và nhu cầu phải bảo vệ chúng khỏi sự can thiệp và lạm dụng. Quyền năng trên hình tướng và trên mãnh lực luôn sẵn trong tay những ai đã làm được ba điều:

First. Developed the consciousness of the group in which they themselves find place.

Thứ nhất. Phát triển tâm thức của nhóm mà chính họ tìm thấy vị trí của mình trong đó.

Second. Learned the secret of the notes and tones to which that group responds.

Thứ hai. Học được bí mật của các nốt và các thanh âm mà nhóm ấy đáp ứng.

Third. Apprehended certain set words and phrases and the due method of chanting and intonation.

Thứ ba. Lĩnh hội được một số từ ngữ và cụm từ cố định cùng phương pháp tụng niệm và ngữ điệu thích đáng.

They cannot bring about results outside the periphery of the group whose consciousness is theirs. For instance, an adept can work with forms and force within [Page 451] the ring-pass-not of his own planetary Logos within the three worlds, within the ring-pass-not of the polar opposite of his Logos, or within the ring-pass-not of three planetary Logoi who form a systemic triangle. He cannot exhibit this power in the higher planes nor within the spheres of the synthesising and neutral schemes. After the sixth Initiation his power extends to the two planes beyond the three worlds, the buddhic and the atmic, and within the spheres of the entire Brahma aspect as we visualise it as the totality of the schemes of the five Kumaras who are Brahma. At the seventh Initiation he has power on all the seven planes and within the entire number of schemes; all the Sacred Words are then his and he can work in matter of all grades, sound all notes, and control all types of force. He stands ready then to guide the life to regions outside the solar sphere of influence. But on the physical plane he works primarily with the Words of the seventh Logos, which fall naturally into five groups:

Họ không thể tạo ra kết quả bên ngoài chu vi của nhóm mà tâm thức của nhóm ấy là của họ. Chẳng hạn, một chân sư có thể làm việc với các hình tướng và mãnh lực trong [Page 451] vòng-giới-hạn của chính Hành Tinh Thượng Đế của y trong ba cõi thấp, trong vòng-giới-hạn của đối cực của Thượng đế của y, hoặc trong vòng-giới-hạn của ba Hành Tinh Thượng Đế tạo thành một tam giác hệ thống. Y không thể biểu lộ quyền năng này trên các cõi cao hơn cũng như trong các khối cầu của các hệ hành tinh tổng hợp và trung hoà. Sau lần điểm đạo thứ sáu, quyền năng của y mở rộng đến hai cõi vượt trên ba cõi thấp, tức cõi Bồ đề và cõi atma, và trong các khối cầu của toàn bộ phương diện Brahma như chúng ta hình dung nó là tổng thể các hệ hành tinh của năm Kumaras là Brahma. Ở lần điểm đạo thứ bảy, y có quyền năng trên cả bảy cõi và trong toàn bộ số lượng các hệ hành tinh; khi ấy mọi Linh từ Thiêng liêng đều là của y và y có thể làm việc trong vật chất ở mọi cấp độ, xướng mọi nốt, và kiểm soát mọi loại mãnh lực. Khi đó y sẵn sàng hướng dẫn sự sống đến những vùng nằm ngoài khối cầu ảnh hưởng của mặt trời. Nhưng trên cõi hồng trần, y làm việc chủ yếu với các Linh từ của Thượng đế thứ bảy, vốn tự nhiên được chia thành năm nhóm:

1. Mantrams which deal with etheric matter, and control the devas of the ethers.

1. Các mantram tác động đến vật chất dĩ thái, và kiểm soát các thiên thần của các dĩ thái.

2. Các mantram tác động đến vật chất hồng trần đậm đặc và kiểm soát sự tiến hoá dưới

2. Mantrams which deal with dense physical matter and control the sub-human evolution through certain groups of devas.

nhân loại thông qua một số nhóm thiên thần nhất định.

3. Words specifically connected with the human Hierarchy, and which are very carefully guarded from the knowledge of man himself.

3. Các Linh từ được nối kết đặc biệt với Huyền Giai nhân loại, và được giữ hết sức bí mật để chính con người không biết được.

4. Words concerning the deva evolution which control, and bring different groups of devas into the line of the will of the utterer. These are in many ways the most dangerous and all knowledge of them is withheld from men below the rank of initiates of the third order.

4. Các Linh từ liên quan đến sự tiến hoá thiên thần, kiểm soát và đưa các nhóm thiên thần khác nhau vào đường lối của ý chí của người xướng lên. Theo nhiều phương diện, đây là những linh từ nguy hiểm nhất và mọi tri thức về chúng đều được giữ kín đối với những người chưa đạt cấp bậc điểm đạo đồ bậc ba.

5. Words which affect the life side of manifestation and which drive it into, or out of, form.

5. Các Linh từ tác động đến phương diện sự sống của sự biểu hiện và thúc đẩy nó đi vào, hoặc ra khỏi, hình tướng.

[Page 452] There is a sixth group intimately connected with electrical manifestation, which is beginning to work out in the formula of scientists, and students of radio-activity and electrical phenomena, but fortunately for themselves they remain formulas on paper and are not as yet embodied in sound.

[Page 452] Còn có một nhóm thứ sáu gắn bó mật thiết với sự biểu hiện điện, hiện đang bắt đầu được triển khai trong các công thức của các nhà khoa học, và của những người nghiên cứu phóng xạ cùng các hiện tượng điện, nhưng may mắn cho chính họ là chúng vẫn chỉ là những công thức trên giấy và chưa được thể hiện thành âm thanh.

In dealing very briefly with the question of mantrams, it is to be recognised that “The time is not yet” for their general publication. No purpose would be immediately served by the impartation of mantric forms. Inevitably the time will come when they will be known, but at this time no one would be benefited by the knowledge of them for the following reasons:

Khi bàn đến rất vắn tắt vấn đề các mantram, cần phải nhận ra rằng “Thời điểm vẫn chưa đến” để công bố rộng rãi chúng. Việc truyền đạt các hình thức mantram sẽ không ngay lập tức phục vụ mục đích nào. Chắc chắn thời gian sẽ đến khi chúng được biết đến, nhưng vào lúc này không ai được lợi ích từ tri thức ấy vì các lý do sau đây:

Knowledge of things occult does not suffice for their wise utilisation.

Tri thức về những điều huyền bí không đủ để sử dụng chúng một cách minh triết.

The development of the intuition by means of aspiration, endeavour, failure, and renewed effort ending in success is of far more profit to the Ego than the quick results brought about by the use of sound.

Sự phát triển của trực giác bằng khát vọng, nỗ lực, thất bại, và nỗ lực trở lại để cuối cùng đạt thành công thì có ích cho chân ngã hơn nhiều so với những kết quả mau chóng do việc sử dụng âm thanh mang lại.

The "Words" are used for the manipulation of matter and its bending into form along the line of evolution. Until the inner faculty of clairvoyance is somewhat developed, this knowledge of mantrams remains practically useless and may be even a menace. When a man can see a need for correction and for adjustment in a brother's vehicle, and can awaken in his brother a desire to adjust that which is amiss, wise assistance can be given by the one who sees and sounds. Think this out, for it holds the key to the reason for the safeguarding of the words.

Các "Linh từ" được dùng để vận dụng vật chất và uốn nó thành hình tướng theo đường tiến hoá. Chừng nào năng lực bên trong của thông nhãn còn chưa được phát triển phần nào, thì tri thức về các mantram này trên thực tế vẫn vô dụng và thậm chí còn có thể là một mối đe doạ. Khi một người có thể thấy nhu cầu cần sửa chữa và điều chỉnh trong vận cụ của một huynh đệ, và có thể đánh thức nơi huynh đệ ấy một ước muốn điều chỉnh điều gì đang sai lệch, thì người thấy và xướng có thể ban ra sự trợ giúp minh triết. Hãy suy ngẫm điều này, vì nó nắm giữ chìa khóa cho lý do phải bảo vệ các linh từ.

Selflessness, sight, and sincerity of purpose must all three exist before the sounds can be imparted. Selflessness and sincerity are sometimes found but the occult use of the inner vision is still rare.

Sự vô ngã, linh thị, và tính chân thành của mục đích, cả ba điều ấy đều phải hiện hữu trước khi các âm thanh có thể được truyền dạy. Sự vô ngã và tính chân thành đôi khi có thể tìm thấy, nhưng việc sử dụng huyền bí của linh thị bên trong vẫn còn hiếm.

We must keep closely in mind (as we take up this matter of the incoming Ray and the effects to be looked for from its influence) that we are only considering the mind [Page 453] aspect in the three evolutions. I do not purpose to say much anent human development as much has been already hinted at in the preceding pages, and a hint suffices for the true student, but it may be possible to state in broad outline the coming

Chúng ta phải ghi nhớ thật sát sao (khi xem xét vấn đề về cung đang đi vào và những hiệu quả được chờ đợi từ ảnh hưởng của nó) rằng chúng ta chỉ đang xét đến phương diện trí tuệ [Page 453] trong ba cuộc tiến hoá. Tôi không có ý nói nhiều về sự phát triển của con người vì nhiều điều đã được gợi ý trong các trang trước, và một gợi ý là đủ cho đạo sinh chân chính, nhưng có lẽ có thể trình bày đại cương những phát triển sắp tới và

developments and to tabulate the results to be expected. Suggestions only are possible.

lập bảng các kết quả có thể được mong đợi. Chỉ có thể đưa ra các gợi ý mà thôi.

Development of etheric vision universally. This will be due to two causes:

Sự phát triển của linh thị dĩ thái một cách phổ quát. Điều này sẽ do hai nguyên nhân:

First, the scientific recognition of the existence of the etheric levels, thereby freeing people from the onus of adverse public opinion, and enabling them to reveal what they have individually long realised. Etheric vision is comparatively common even now. But comment concerning it is rare, owing to the fear of criticism.

Thứ nhất, sự công nhận có tính khoa học về sự hiện hữu của các cấp độ dĩ thái, nhờ đó giải phóng con người khỏi gánh nặng của dư luận công chúng bất lợi, và giúp họ có thể tiết lộ điều mà cá nhân họ từ lâu đã chứng nghiệm. Linh thị dĩ thái tương đối phổ biến ngay cả lúc này. Nhưng lời bình luận về nó thì hiếm, do nỗi sợ bị chỉ trích.

Secondly, the increased activity of the devas of the ethers, which throws the matter of the etheric levels into more active vibration, with consequent reflex action on the eye of man.

Thứ hai, hoạt động gia tăng của các thiên thần của các dĩ thái, khiến vật chất của các cấp độ dĩ thái rung động tích cực hơn, và do đó tạo ra tác động phản xạ lên mắt người.

Increased mental activity and the spread of education (of the concrete mental kind) everywhere. This will result in:

Hoạt động trí tuệ gia tăng và sự lan rộng của giáo dục (thuộc loại trí tuệ cụ thể) ở khắp nơi. Điều này sẽ dẫn đến:

Increased competition between units and between groups.

Sự cạnh tranh gia tăng giữa các đơn vị và giữa các nhóm.

The organization of business on lines hitherto undreamt of.

Sự tổ chức kinh doanh theo những đường lối từ trước đến nay chưa từng được mơ tới.

The foundation of groups and aggregations of groups whose sole purpose will be to synthesise all the lines of human endeavour, and thus bring about unification of effort, and economy of force in the scientific, business, philosophic, educational, and religious worlds.

Sự thành lập các nhóm và các tập hợp nhóm mà mục đích duy nhất sẽ là tổng hợp mọi đường lối nỗ lực của con người, và do đó mang lại sự hợp nhất nỗ lực, cùng sự tiết kiệm mãnh lực trong các thế giới khoa học, kinh doanh, triết học, giáo dục và tôn giáo.

The foundation of schools of medicine along new lines, whose purpose will be to study the etheric body, its relation to the dense physical body, and its function [Page 454] as

Sự thành lập các trường y khoa theo những đường lối mới, mà mục đích sẽ là nghiên cứu thể dĩ thái, mối liên hệ của nó với thể xác hồng trần đậm đặc, và chức năng của nó

the receiver, storer, and transmitter of the vital fluids of the system.

[Page 454] như là bộ phận tiếp nhận, lưu trữ, và truyền dẫn các lưu chất sinh lực của hệ thống.

The foundation of the new church, which will be no longer along devotional and idealistic lines but which will be an outgrowth of the old idealism, demonstrating through mental forms. It will have for its basis the scientific recognition of the unseen world and its due appreciation and apprehension by means of accurate scientific ceremonial. This ceremonial of the universal church—being founded on the mental unity of all peoples—will not be ceremonial as it is now understood, as it will be the guarded, guided, scientific utilisation of sound and color to bring about certain desired ends, such as

Sự thành lập giáo hội mới, sẽ không còn đi theo những đường lối sùng tín và lý tưởng nữa mà sẽ là một sự phát triển từ chủ nghĩa lý tưởng cũ, biểu lộ thông qua các hình tư tưởng. Nền tảng của nó sẽ là sự công nhận có tính khoa học về thế giới vô hình và sự đánh giá cùng lĩnh hội đúng đắn thế giới ấy bằng nghi lễ khoa học chính xác. Nghi lễ này của giáo hội phổ quát—vì được đặt nền trên sự hợp nhất trí tuệ của mọi dân tộc—sẽ không phải là nghi lễ theo cách hiện nay được hiểu, vì nó sẽ là việc sử dụng âm thanh và màu sắc một cách khoa học, có hướng dẫn và được bảo vệ, để tạo ra một số mục đích mong muốn, như

The aligning of the Ego,

Sự chỉnh hợp chân ngã,

The influencing of groups,

Sự tác động lên các nhóm,

The making of contact with the Occult Hierarchy,

Sự tiếp xúc với Thánh Đoàn Huyền Bí,

The co-operation with the devas in order to further the constructive ends of evolution,

Sự hợp tác với các thiên thần để thúc đẩy các mục đích kiến tạo của tiến hoá,

and many other objects which will grow out of the scientific comprehension of the constitution of man, the nature of vibration or radioactivity, and the demonstrated reality of the hitherto metaphysical hypothesis and religious dogma of the unseen world of thought and of spiritual existence.

và nhiều mục tiêu khác nữa sẽ phát sinh từ sự thấu hiểu có tính khoa học về cấu tạo của con người, bản chất của rung động hay phóng xạ, và thực tại đã được chứng minh của giả thuyết siêu hình học từ trước đến nay cùng giáo điều tôn giáo về thế giới vô hình của tư tưởng và của sự hiện hữu tinh thần.

Increased facility in approaching the Path. This will be based on the fact that so many of the then existent humanity will have

Sự dễ dàng gia tăng trong việc tiếp cận Đường Đạo. Điều này sẽ dựa trên sự kiện là rất nhiều người trong nhân loại hiện hữu lúc bấy giờ

personal knowledge of the ruling powers and forces, will perhaps be on the Probationary Path, or will be initiates of the first degree. Thus the present scepticism will become non-existent. The dangers then will be along other lines—those incident to the very influence of this ray itself: the dangers of crystallisation into form so that the true spiritual devotee may become rare, and the scientific aspirant will take his place.

sẽ có tri thức cá nhân về các quyền năng và mãnh lực cai quản, có lẽ sẽ ở trên Con Đường Dự Bị, hoặc sẽ là các điểm đạo đồ của cấp thứ nhất. Như thế, sự hoài nghi hiện nay sẽ không còn tồn tại. Khi ấy, các nguy hiểm sẽ nằm trên những đường lối khác—những điều phát sinh từ chính ảnh hưởng của cung này: những nguy hiểm của sự kết tinh vào hình tướng đến mức người sùng tín tinh thần chân chính có thể trở nên hiếm hoi, và người chí nguyện khoa học sẽ thay thế vị trí của y.

[Page 455] *The true occultist is a scientist and a devotee*, and where these two are not merged, we have the mystic and the man in danger of black magic, being governed by the intellect and not by selflessness; there are dangers incident also upon contact with the deva evolution and the knowledge of the powers and forces made available through their agency.

[Page 455] *Nhà huyền bí học chân chính là một nhà khoa học và một người sùng tín*, và ở đâu hai điều này không được hòa nhập, ở đó chúng ta có nhà thần bí và con người có nguy cơ rơi vào hắc thuật, chịu sự chi phối của trí tuệ chứ không phải sự vô ngã; cũng còn có những nguy hiểm phát sinh từ sự tiếp xúc với sự tiến hoá thiên thần và tri thức về các quyền năng cùng mãnh lực được cung cấp thông qua tác nhân của họ.

The coming into incarnation of numbers of old magicians and occultists, and the rapid growth therefore of recognised psychic powers among the people. This psychism, being tinged with mentality and not being of a purely astral quality, will be even more dangerous than in Atlantean days, for back of it will be some degree of will, conscious purpose, and intellectual apprehension, and unless this is paralleled by the growth of spiritual realisation, and by the steady grip of the Ego upon the lower personality, a period of real danger may ensue. Hence the need of pointing out and of realising the menace, so that the truth of the inner life and the need of serving the race as an essential to advancement may be proclaimed far and wide.

Sự đi vào lâm phàm của một số lượng lớn các nhà huyền thuật và nhà huyền bí học xưa, và do đó sự tăng trưởng nhanh chóng của các quyền năng thông linh được công nhận giữa dân chúng. Tính thông linh này, vì nhuốm màu trí tuệ và không thuần túy có phẩm tính cảm dục, sẽ còn nguy hiểm hơn cả trong thời Atlantis, vì phía sau nó sẽ có một mức độ nào đó của ý chí, mục đích hữu thức, và sự lĩnh hội trí tuệ, và trừ phi điều này song hành với sự tăng trưởng của sự chứng nghiệm tinh thần và sự nắm giữ vững chắc của chân ngã trên phàm ngã thấp, thì một thời kỳ nguy hiểm thực sự có thể xảy ra. Do đó cần phải chỉ ra và nhận thức mối đe doạ này, để chân lý của đời sống nội tại và nhu cầu phụng sự nhân loại như một điều thiết yếu cho sự tiến bộ có thể được công bố rộng khắp.

Paralleling the incoming of this large band of seventh Ray magicians (some linked to the Brotherhood and some to the purely manasic groups) is the proposed advent of certain members of the Hierarchy (initiates below the fourth Initiation) and of certain disciples and probationers, all on this Ray and all true psychics, who hope through their endeavours to offset the vibrations, and ward off the menace incident to the advent of the other group. The arranging of this and the preparing of the way for them in the different countries, specially in Europe and North America, is occupying the attention at this time of the Master R— and the Master H—. (152)

Song song với sự đi vào của nhóm lớn các nhà huyền thuật cung bảy này (một số liên kết với Huynh đệ Đoàn và một số với các nhóm thuần manas) là sự giáng lâm được dự kiến của một số thành viên của Thánh Đoàn (các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ tư) và của một số đệ tử cùng người dự bị, tất cả đều thuộc cung này và đều là những người thông linh chân chính, những người hy vọng thông qua nỗ lực của mình sẽ hóa giải các rung động ấy, và ngăn chặn mối đe doạ phát sinh từ sự xuất hiện của nhóm kia. Việc sắp đặt điều này và chuẩn bị con đường cho họ tại các quốc gia khác nhau, đặc biệt ở châu Âu và Bắc Mỹ, hiện đang chiếm sự chú ý của Chân sư R— và Chân sư H—. (152)

(152) The Master R. or Rakoczi, is the Hungarian Master, living at this time in Hungary, and is the Regent of Europe and America, under the "great Brotherhood." He works through various organisations and movements including Masonry. He is one of the Masters who take pupils.

(152) Chân sư R. hay Rakoczi là vị Chân sư người Hungary, hiện đang sống tại Hungary, và là Nhiếp chính của châu Âu và châu Mỹ, dưới "Huynh đệ Đoàn vĩ đại". Ngài làm việc thông qua nhiều tổ chức và phong trào khác nhau, kể cả Hội Tam Điểm. Ngài là một trong những Chân sư có nhận đệ tử.

The Master H. or Hilarion, is a Cretan Master, is interested in the Spiritualistic Movement and is responsible for *Light on the Path*. (back)

Chân sư H. hay Hilarion là một Chân sư người Crete, quan tâm đến Phong trào Thần linh học và chịu trách nhiệm về *Ánh sáng trên Đường Đạo*. (back)

A group of scientists will come into incarnation on the [Page 456] physical plane during the next seventy-five years who will be the medium for the revelation of the next three truths concerning electrical phenomena. A formula of truth concerning this aspect of manifestation was prepared by initiates on the fifth Ray at the close of the last century, being part of the usual attempt of the Hierarchy to promote evolutionary development at the close of every cycle of one hundred years. Certain parts (two fifths) of that formula have worked out through the achievements of such men as Edison and

Một nhóm các nhà khoa học sẽ đi vào lâm phàm trên [Page 456] cõi hồng trần trong bảy mươi lăm năm tới, những người sẽ là trung gian cho sự mặc khải của ba chân lý kế tiếp liên quan đến các hiện tượng điện. Một công thức chân lý liên quan đến phương diện này của sự biểu hiện đã được các điểm đạo đồ trên cung năm chuẩn bị vào cuối thế kỷ trước, như một phần của nỗ lực thông thường của Thánh Đoàn nhằm thúc đẩy sự phát triển tiến hoá vào cuối mỗi chu kỳ một trăm năm. Một số phần nhất định (hai phần năm) của công thức ấy đã được triển khai thông qua những thành tựu của những

those who participate in his type of endeavour, and through the work of those who have dealt with the subject of radium and radioactivity. Three more parts of the same formula have still to come, and will embody all that it is possible or safe for man to know anent the physical plane manifestation of electricity during the fifth subrace.

người như Edison và những ai tham gia vào loại nỗ lực của ông, cũng như thông qua công trình của những người đã nghiên cứu chủ đề radium và phóng xạ. Ba phần nữa của cùng công thức ấy vẫn còn phải đến, và sẽ bao hàm tất cả những gì con người có thể biết, hoặc biết một cách an toàn, liên quan đến sự biểu hiện hồng trần của điện trong giống dân phụ thứ năm.

All that we have here considered covers the time till the coming in of the new subrace. This race will summarise and carry to a temporary conclusion the manasic effort of the fifth rootrace of mental growth, and will cause results of stupendous import. During the sixth subrace, the emphasis will not be so much on the *development* of mind, as it will be on the *utilisation* of the concrete mind, and its acquired faculty, for the development of the powers of abstract thought. Perhaps too much importance has been attached to the statement of some occult writers that the sixth subrace will be intuitive. The intuition will be awakening, and will be more prominent than now, but the outstanding characteristic will be the ability of the units of the sixth subrace to think in abstract terms, and to use the abstract mind. Their function will be to perfect (as far as may be in this round) [Page 457] the group antaskarana, (153) or the link between the mental and the buddhic. This bridge will be of a usable nature during the sixth rootrace in which the intuition will show real and general signs of existing. In this rootrace, units only show signs here and there of real intuition, having built the necessary bridge in their individual selves. In the sixth rootrace small groups will be intuitive.

Tất cả những gì chúng ta đã xem xét ở đây bao trùm thời gian cho đến khi giống dân phụ mới xuất hiện. Giống dân này sẽ tổng kết và đưa nỗ lực manas đến chỗ hoàn tất tạm thời của giống dân gốc thứ năm về sự tăng trưởng trí tuệ, và sẽ gây ra những kết quả có tầm quan trọng phi thường. Trong giống dân phụ thứ sáu, trọng tâm sẽ không đặt nhiều vào sự *phát triển* của trí tuệ, mà sẽ đặt vào sự *sử dụng* trí cụ thể, cùng năng lực đã đạt được của nó, để phát triển các quyền năng của tư duy trừu tượng. Có lẽ người ta đã đặt quá nhiều tầm quan trọng vào lời phát biểu của một số tác giả huyền bí học rằng giống dân phụ thứ sáu sẽ có trực giác. Trực giác sẽ thức tỉnh, và sẽ nổi bật hơn hiện nay, nhưng đặc tính nổi trội sẽ là khả năng của các đơn vị thuộc giống dân phụ thứ sáu trong việc suy nghĩ bằng những thuật ngữ trừu tượng, và sử dụng trí trừu tượng. Chức năng của họ sẽ là hoàn thiện (trong mức có thể ở cuộc tuần hoàn này) [Page 457] antaskarana nhóm, (153) hay mối liên kết giữa trí tuệ và Bồ đề. Cây cầu này sẽ có tính khả dụng trong giống dân gốc thứ sáu, trong đó trực giác sẽ cho thấy những dấu hiệu thực sự và phổ quát của sự hiện hữu. Trong giống dân gốc này, chỉ các đơn vị riêng lẻ mới cho thấy đây đó những dấu hiệu của trực giác thực sự, vì đã xây dựng cây cầu cần thiết trong bản thân cá nhân họ. Trong giống dân gốc thứ sáu, các nhóm nhỏ sẽ có trực giác.

(153) Antahkarana is the lower manas, the path of communication between the personality and the higher manas, or human soul.—*H. P. Blavatsky.* (back)

(153) Antahkarana là hạ trí, con đường thông giao giữa phàm ngã và thượng trí, hay linh hồn con người.—*H. P. Blavatsky.* (back)

It is needless to say more here anent the influence of the seventh Ray upon the sons of men. More later may be available but enough has been suggested to form the basis of useful speculation.

Không cần nói thêm ở đây về ảnh hưởng của cung bảy trên những người con của nhân loại. Về sau có thể sẽ có thêm điều được cung cấp, nhưng những gì đã được gợi ra là đủ để làm nền tảng cho sự suy đoán hữu ích.

b. Animals and human beings and the Rays. We will now take up two points and study the effect of the incoming force on the human and animal kingdoms. These points are of profound interest to the occult student for two reasons. The topic we have now to consider is the effect of the incoming seventh Ray during the coming centuries upon the animal kingdom and the deva evolution. The profundity of the interest lies in the fact that in the one case we are dealing with the evolution immediately behind the human and from which man is not as yet wholly emancipated, and in the other we are concerning ourselves with a paralleling evolution, and one that is of vast importance in the scheme of things. Let us take up first *this seventh Ray and its effect upon the animal kingdom.*

b. Động vật, con người và các cung. Giờ đây chúng ta sẽ xét đến hai điểm và nghiên cứu ảnh hưởng của mãnh lực đang đi vào trên giới nhân loại và giới động vật. Hai điểm này rất đáng quan tâm đối với đạo sinh huyền bí học vì hai lý do. Chủ đề mà giờ đây chúng ta phải xem xét là ảnh hưởng của cung bảy đang đi vào trong các thế kỷ sắp tới trên giới động vật và sự tiến hoá thiên thần. Chiều sâu của mối quan tâm nằm ở chỗ trong một trường hợp chúng ta đang đề cập đến cuộc tiến hoá ngay phía sau con người và từ đó con người vẫn chưa hoàn toàn giải thoát, còn trong trường hợp kia chúng ta đang quan tâm đến một cuộc tiến hoá song hành, và là một cuộc tiến hoá có tầm quan trọng to lớn trong sơ đồ của vạn vật. Trước hết, chúng ta hãy xét đến *cung bảy này và ảnh hưởng của nó trên giới động vật.*

Practically little is known to man concerning this kingdom of nature, save what science has vouchsafed anent the physical organisms, and a few occult statements which have been given out at various times; the development of the animal consciousness and its immediate future is as yet but little understood.

Trên thực tế, con người biết rất ít về giới tự nhiên này, ngoại trừ những gì khoa học đã ban cho liên quan đến các cơ thể hồng trần, và một vài phát biểu huyền bí đã được đưa ra vào nhiều thời điểm khác nhau; sự phát triển của tâm thức động vật và tương lai gần của nó cho đến nay vẫn còn rất ít được thấu hiểu.

The most important of the occult facts concerning this [Page 458] third kingdom as

Những sự kiện huyền bí quan trọng nhất liên quan đến [Page 458] giới thứ ba này, trong chừng mực chúng liên hệ đến chủ đề

they relate to our present subject, may be enumerated as follows:

hiện tại của chúng ta, có thể được liệt kê như sau:

1. The animal kingdom holds the same relation to the human kingdom as the dense physical body does to the seven principles and still finds its connecting link with man through the close correspondence between their bodies of objectivity.

1. Giới động vật giữ cùng một mối liên hệ với giới nhân loại như thể xác hồng trần đậm đặc đối với bảy nguyên khí, và vẫn tìm thấy mối liên kết của nó với con người thông qua sự tương ứng chặt chẽ giữa các thân thể biểu hiện khách quan của họ.

2. The animal kingdom is the third of the kingdoms and is (from the esoteric point of view and as regards its relation to mankind) the mother aspect, prior to the overshadowing by the Holy Spirit, the manas aspect. Think out this resemblance, and trace the analogy between the cosmic mother, the systemic mother, and the same mother aspect as seen in the animal kingdom as a basis for the evolution of man.

2. Giới động vật là giới thứ ba và là (từ quan điểm nội môn và xét về mối liên hệ của nó với nhân loại) phương diện mẹ, trước khi được Chúa Thánh Thần phủ bóng, tức phương diện manas. Hãy suy ngẫm sự tương tự này, và truy tìm phép tương đồng giữa người mẹ vũ trụ, người mẹ hệ thống, và cùng phương diện mẹ ấy như được thấy trong giới động vật như một nền tảng cho sự tiến hoá của con người.

Each of the kingdoms of nature acts as the mother to the succeeding one in the evolutionary process. Any group, which may be under consideration, should in due course of evolution give birth to offspring, who will—in themselves—embody some ideal, and who receive their objective *forms on some plane* from the earlier group. From the third kingdom springs the fourth, and from this fourth will emerge the fifth, each receiving

Mỗi giới trong các giới tự nhiên đều hành động như người mẹ đối với giới kế tiếp trong tiến trình tiến hoá. Bất kỳ nhóm nào đang được xem xét, vào đúng thời điểm trong tiến trình tiến hoá, đều phải sinh ra hậu duệ, vốn sẽ—trong chính mình—thể hiện một lý tưởng nào đó, và nhận các hình tướng khách quan của mình *trên một cõi nào đó* từ nhóm trước đó. Từ giới thứ ba nảy sinh giới thứ tư, và từ giới thứ tư này sẽ xuất hiện giới thứ năm, mỗi giới nhận được

a. Germ protection,

a. Sự bảo vệ mầm sống,

b. Form,

b. Hình tướng,

c. Gradual development,

c. Sự phát triển dần dần,

d. Nourishment,

d. Sự nuôi dưỡng,

until in each case the human child, or the Christ child, is brought to the birth. This is a

cho đến khi trong mỗi trường hợp, đứa trẻ nhân loại, hay đứa trẻ Christ, được sinh ra.

very occult truth, and though the facts have been recognised and taught anent the fourth and fifth kingdoms, the work and place of the animal has not received its due recognition.

Đây là một chân lý rất huyền bí, và dù các sự kiện đã được công nhận và giảng dạy liên quan đến giới thứ tư và thứ năm, công việc và vị trí của động vật vẫn chưa nhận được sự công nhận xứng đáng.

3. During the third rootrace, animal individualisation took place, and the self-conscious unit, called Man, came into being. I have somewhat dealt with the question of [Page 459] individualisation elsewhere and seek not here to enlarge upon it. I would only point out a correspondence that holds hid the key to the mystery of individualisation.

3. Trong giống dân gốc thứ ba, sự biệt ngã hóa của động vật đã diễn ra, và đơn vị có ý thức về bản thân, được gọi là Con Người, đã xuất hiện. Tôi đã phần nào bàn đến vấn đề [Page 459] biệt ngã hóa ở nơi khác và không tìm cách khai triển thêm ở đây. Tôi chỉ muốn chỉ ra một sự tương ứng đang che giấu chìa khóa của bí nhiệm biệt ngã hóa.

In this chain, individualisation took place during the third rootrace and in the fourth round, speaking in this connection of a round through a chain of globes, and not the life force of a planetary Logos circulating through the seven chains in a scheme. It is of peculiar interest at this time that we are in the fourth round in a chain as well as in the fourth round as regards the scheme of seven chains. It has led to evolutionary possibilities of great import. On the moon chain individualisation took place during the fifth race of the third round, and in the next chain to ours on the evolutionary arc individualisation will take place during the sixth race of the second round,—in each case this refers to a planetary round through a chain of globes.

Trong dãy này, sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong giống dân gốc thứ ba và trong cuộc tuần hoàn thứ tư, nói ở đây về một cuộc tuần hoàn qua một dãy các bầu hành tinh, chứ không phải mãnh lực sự sống của một Hành Tinh Thượng Đế lưu chuyển qua bảy dãy trong một hệ hành tinh. Điều đặc biệt đáng quan tâm vào lúc này là chúng ta đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư trong một dãy cũng như trong cuộc tuần hoàn thứ tư xét theo hệ hành tinh gồm bảy dãy. Điều đó đã dẫn đến những khả năng tiến hoá có tầm quan trọng lớn lao. Trên Dãy Mặt Trăng, sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong nhân loại thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ ba, và trong dãy kế tiếp dãy của chúng ta trên cung tiến hoá, sự biệt ngã hóa sẽ diễn ra trong nhân loại thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai,—trong mỗi trường hợp, điều này đều chỉ một cuộc tuần hoàn hành tinh qua một dãy các bầu hành tinh.

4. In the fourth rootrace the “door” (as it is called) between the two kingdoms became closed, and no more of the animal kingdom passed into the human. Their cycle temporarily ended and—to express it in terms of fire or of electrical phenomena—the animal kingdom and the human became

4. Trong giống dân gốc thứ tư, “cánh cửa” (như cách gọi) giữa hai giới đã khép lại, và không còn gì từ giới động vật đi vào giới nhân loại nữa. Chu kỳ của chúng tạm thời chấm dứt và—nói theo thuật ngữ của lửa hay của các hiện tượng điện—giới động vật và giới nhân loại trở nên dương đối với nhau,

positive to each other, and repulsion instead of attraction supervened. All this was brought about by the swinging into power of a profoundly long cycle of the fifth Ray. This was necessitated by the need of man to develop along the manasic line, and resulted in a period of repulsion of the animal units, leaving their consciousness to be stimulated on astral lines.

và sự đẩy lùi thay vì hấp dẫn đã xuất hiện. Việc một chu kỳ cực kỳ dài của cung năm bắt đầu nắm quyền đã mang lại tất cả điều này. Điều này là cần thiết do nhu cầu con người phải phát triển theo đường lối manas, và đã dẫn đến một thời kỳ đẩy lùi các đơn vị động vật, để tâm thức của chúng được kích thích theo các đường cảm dục.

Owing to this repulsion, we have one reason (and one of the least fundamental) for the destructive war and the long cycle of cruelty that has been waged between man and the animals. It can be evidenced in the terror of man in connection with wild animals of the jungles and the deserts, and in the terrible toll of life that such animals have exacted during the centuries. This must not [Page 460] be forgotten. For thousands of years, wild animals have—specially before the coming in of firearms—destroyed the defenseless, and during those years, had statistics been taken, the numbers of human beings killed would reach a stupendous figure. Now, in this age, the balancing is taking place and in the slaughter of animals equilibrium is being reached. I do not refer to the wanton cruelties practised under the name of science, nor to certain practices which take place under religious guise in different lands. The source of these enormities must be sought for elsewhere. It is hidden in the karma of that Being, Who for a period—during the moon chain—held office as the Entity Who is the informing evolutionary Life of the animal kingdom. This is a point of view needing careful pondering. Each of the kingdoms of nature is the expression of a Life or Being; man, for instance, being the expression of one or other of the Heavenly Men; the sumtotal of humanity (the fourth Hierarchy) being found, with the deva evolution, as the centres of the solar Logos. The animal

Do sự đẩy lùi này, chúng ta có một lý do (và là một trong những lý do ít căn bản nhất) cho cuộc chiến tàn phá và chu kỳ dài của sự tàn nhẫn đã diễn ra giữa con người và động vật. Điều này có thể được chứng minh trong nỗi kinh hoàng của con người liên quan đến các thú hoang nơi rừng rậm và sa mạc, và trong cái giá khủng khiếp về sinh mạng mà những loài vật ấy đã đòi hỏi qua nhiều thế kỷ. Điều này không được [Page 460] quên. Trong hàng ngàn năm, các thú hoang đã—đặc biệt trước khi súng đạn xuất hiện—hủy diệt những kẻ không tự vệ, và trong những năm ấy, nếu có thống kê, số người bị giết sẽ đạt đến một con số phi thường. Giờ đây, trong thời đại này, sự quân bình đang diễn ra và trong việc tàn sát động vật, trạng thái cân bằng đang được đạt tới. Tôi không nói đến những sự tàn ác vô cớ được thực hiện dưới danh nghĩa khoa học, cũng không nói đến một số tập tục diễn ra dưới vỏ bọc tôn giáo ở các xứ sở khác nhau. Nguồn gốc của những điều ghê tởm này phải được tìm ở nơi khác. Nó ẩn trong nghiệp quả của Đấng ấy, Đấng trong một thời kỳ—trong Dãy Mặt Trăng—đã giữ chức vụ là Thực Thể vốn là Sự Sống tiến hoá phú linh của giới động vật. Đây là một quan điểm cần được suy ngẫm cẩn thận. Mỗi giới trong các giới tự nhiên là sự biểu hiện của một Sự Sống hay một Sinh Mệnh; chẳng hạn, con người là sự biểu hiện của một trong các Đấng Thiên Nhân; tổng thể nhân loại (Huyền Giai thứ tư), cùng với sự tiến hoá thiên thần, được tìm thấy như các trung tâm của Thái dương Thượng đế.

kingdom likewise is the expression of the life of a Being Who is a part of the body of the Logos or of the planetary Logos, but not a centre of conscious energy. (A correspondence is found in the human body, which has its seven centres of force or energy, but also other organs upon which objective manifestation depends in lesser degree.) Such an Entity finds expression through the animal kingdom, of which He is the informing Soul, and He has definite place in the planetary or logoic body. This is a hint which has hitherto not been exoteric and is to be commended to the consideration of students. I would add that some of the tragedies underlying existence at this time are karmically incident upon temporarily faulty relations between an entity who dominated at one period of the third or moon-chain, and the one holding analogous position in this the fourth or earth chain. This latter is the sumtotal of the [Page 461] lowest human principle, if we count the dense physical or animal body of man as a principle. In their lack of agreement lies the clue to the cruelties practised on animals by man.

Tương tự như vậy, giới động vật là sự biểu hiện của sự sống của một Sinh Mệnh là một phần của thân thể của Thượng đế hay của Hành Tinh Thượng Đế, nhưng không phải là một trung tâm năng lượng hữu thức. (Một sự tương ứng được tìm thấy trong thân thể người, vốn có bảy trung tâm mãnh lực hay năng lượng, nhưng cũng có những cơ quan khác mà sự biểu hiện khách quan phụ thuộc vào ở mức độ thấp hơn.) Một Thực Thể như thế tìm thấy sự biểu hiện thông qua giới động vật, mà Ngài là Linh hồn phú linh của giới ấy, và Ngài có một vị trí xác định trong thể hành tinh hay thể logoi. Đây là một gợi ý từ trước đến nay chưa từng được công khai và được khuyến nghị cho sự suy xét của các đạo sinh. Tôi xin nói thêm rằng một số bi kịch nằm dưới sự hiện hữu vào lúc này là những điều phát sinh theo nghiệp quả từ các mối quan hệ tạm thời sai lệch giữa một thực thể đã thống trị trong một thời kỳ của dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng, và thực thể đang giữ vị trí tương tự trong dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu này. Thực thể sau này là tổng thể của [Page 461] nguyên khí thấp nhất của con người, nếu chúng ta tính thể hồng trần đậm đặc hay thể động vật của con người như một nguyên khí. Chính trong sự bất đồng của họ có manh mối cho những sự tàn ác mà con người thực hiện trên động vật.

We have enumerated six occult statements anent the animal kingdom, the third kingdom of nature. They related to the past, and we will now add one further statement to them and then proceed to consider the present and to foretell certain eventualities that may be looked for in the future.

Chúng ta đã liệt kê sáu phát biểu huyền bí liên quan đến giới động vật, giới thứ ba của tự nhiên. Chúng liên hệ đến quá khứ, và giờ đây chúng ta sẽ thêm vào đó một phát biểu nữa rồi tiếp tục xem xét hiện tại và tiên đoán một số khả năng có thể được chờ đợi trong tương lai.

As we have seen, during the third rootrace, opportunity for the animal kingdom occurred and many individualised. In the fourth rootrace this cycle of opportunity ceased temporarily, and something

Như chúng ta đã thấy, trong giống dân gốc thứ ba, cơ hội đã đến với giới động vật và nhiều đơn vị đã biệt ngã hóa. Trong giống dân gốc thứ tư, chu kỳ cơ hội này tạm thời chấm dứt, và một điều gì đó đã xảy ra tương

happened which is analogous to what will occur in the fifth rootrace in connection with man, at the so-called "Judgment Day." In Atlantean days the lives which composed the third kingdom of nature were divided into two groups:

tự với điều sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ năm liên quan đến con người, vào cái gọi là "Ngày Phán Xét." Trong thời Atlantis, các sự sống cấu thành giới thứ ba của tự nhiên được chia thành hai nhóm:

A number of these lives were "passed," and the tide of life sweeps through them, permitting of their incarnating in animal form on earth, and their gradual evolution.

Một số các sự sống này đã được "chấp nhận," và thủy triều sự sống quét qua chúng, cho phép chúng nhập thể trong hình tướng động vật trên địa cầu, và tiến hoá dần dần.

The remainder were rejected, and as a group they became temporarily quiescent, and will not manifest in physical form until the next round.

Số còn lại bị loại bỏ, và với tư cách một nhóm, chúng trở nên tạm thời tĩnh lặng, và sẽ không biểu hiện trong hình tướng hồng trần cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp.

In the fifth round, a corresponding division will take place in the fourth kingdom, and the lives in that kingdom will be subjected to an analogous test; some will be passed and will continue their evolution on this planet, while others will be rejected, and will go into temporary pralaya.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, một sự phân chia tương ứng sẽ diễn ra trong giới thứ tư, và các sự sống trong giới ấy sẽ chịu một cuộc thử thách tương tự; một số sẽ được chấp nhận và sẽ tiếp tục tiến hoá trên hành tinh này, trong khi những số khác sẽ bị loại bỏ, và sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời.

After the rejection in the fourth rootrace of three-fourths of the animal units, the remaining triads (or one-fourth) proceeded on their way holding the promise of opportunity for all in time, and the guarantee of their [Page 462] own attainment in the next round. Just as the human Monads, who are passed in the fifth round, will enter into the fifth kingdom, or respond to its vibration before the climax of the seventh, so the animal monads (if I may employ such a term) who were passed in this round will achieve individualisation during the fifth and enter the fourth kingdom. This will be brought about by the strong manasic impulse which will characterise the whole cycle of the fifth round, and will thus be effected normally and as the result of due evolutionary growth. An electrical

Sau sự loại bỏ trong giống dân gốc thứ tư của ba phần tư các đơn vị động vật, các tam nguyên còn lại (hay một phần tư) tiếp tục con đường của chúng, giữ lời hứa về cơ hội cho tất cả trong thời gian thích hợp, và sự bảo đảm về [Page 462] sự thành tựu của chính chúng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp. Cũng như các chân thần nhân loại, những vị được chấp nhận trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ đi vào giới thứ năm, hay đáp ứng với rung động của giới ấy trước cao điểm của cuộc tuần hoàn thứ bảy, thì các chân thần động vật (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ như vậy) đã được chấp nhận trong cuộc tuần hoàn này sẽ đạt được sự biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm và đi vào giới thứ tư. Xung lực manas mạnh mẽ, vốn sẽ đặc trưng cho toàn bộ chu kỳ của cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ mang lại điều này, và như

stimulation of the nature of the occurrence in Lemurian days will not be required.

thế sẽ được thực hiện một cách bình thường và như kết quả của sự tăng trưởng tiến hoá thích đáng. Sẽ không cần đến một sự kích thích điện có bản chất như biến cố trong thời Lemuria.

Since the great division in the fourth rootrace, the animal kingdom has been primarily occupied with the stimulation and development of kama. This is the basis of the endeavour being made by the Brotherhood *by the aid of man* to fan the emotional instinct (or the embryo love aspect) through the segregating of the domestic animals, and the consequent play made upon the third spirilla in the animal atoms by human magnetism or radiatory energy. The sumtotal of the domestic animals—the animal units brought into closest connection with man—form the heart centre in the body of that great Entity Who is the life of the animal kingdom. From the heart flow all the influences which will eventually permeate the entire body. These units are those which will be finally separated from the group soul at the reopening of the door into the human kingdom in the next round.

Kể từ sự phân chia lớn trong giống dân gốc thứ tư, giới động vật chủ yếu bận rộn với sự kích thích và phát triển kama. Đây là nền tảng của nỗ lực mà Huynh đệ Đoàn đang thực hiện *với sự trợ giúp của con người* để khơi bùng bản năng cảm xúc (hay phương diện bác ái phôi thai) thông qua việc tách riêng các động vật thuần dưỡng, và do sự tác động lên loa tuyến thứ ba trong các nguyên tử động vật bởi từ điện hay năng lượng bức xạ của con người. Tổng thể các động vật thuần dưỡng—các đơn vị động vật được đưa vào mối liên hệ gần gũi nhất với con người—tạo thành trung tâm tim trong thân thể của Thực Thể vĩ đại là sự sống của giới động vật. Từ tim tuôn ra mọi ảnh hưởng cuối cùng sẽ thấm khắp toàn bộ thân thể ấy. Các đơn vị này là những đơn vị cuối cùng sẽ được tách ra khỏi hồn nhóm khi cánh cửa vào giới nhân loại được mở lại trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

Let us now consider the immediate present, and the advent of this seventh ray of ceremonial magic. The effect upon the animal kingdom of the force of this ray will be far less than upon the human, for it is not yet ready to respond to the vibration of this planetary Logos, and will not be until the sixth round when His influence will bring about great events. Nevertheless, certain effects might here be noticed.

Giờ đây, chúng ta hãy xem xét hiện tại trước mắt, và sự xuất hiện của cung bảy này của huyền thuật nghi lễ. Ảnh hưởng trên giới động vật của mãnh lực thuộc cung này sẽ nhỏ hơn nhiều so với trên con người, vì giới ấy chưa sẵn sàng đáp ứng với rung động của Hành Tinh Thượng Đế này, và sẽ chưa đáp ứng cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu khi ảnh hưởng của Ngài sẽ mang lại những biến cố lớn lao. Tuy nhiên, ở đây có thể lưu ý một số hiệu quả nhất định.

[Page 463] Owing to the increased activity of the deva evolution, and specially of the devas of the ethers, the lesser builders will

[Page 463] Do hoạt động gia tăng của sự tiến hoá thiên thần, và đặc biệt của các thiên thần của các dĩ thái, các vị tiểu kiến tạo sẽ

be stimulated to build, with greater facility, bodies of a more responsive nature, and the etheric bodies of both men and animals and also their responsiveness to force or prana will be more adequate. During the sixth subrace, disease as we know it in both kingdoms will be materially lessened owing to the pranic response of the etheric bodies. This will likewise bring about changes in the dense physical body and the bodies of both men and animals will be smaller, more refined, more finely attuned to vibration, and consequently more fitted to express essential purpose.

được kích thích để kiến tạo, một cách dễ dàng hơn, các thân thể có bản chất đáp ứng tốt hơn, và các thể dĩ thái của cả người lẫn động vật cũng như khả năng đáp ứng của chúng đối với mãnh lực hay prana sẽ thích đáng hơn. Trong giống dân phụ thứ sáu, bệnh tật như chúng ta biết trong cả hai giới sẽ giảm đi đáng kể do sự đáp ứng prana của các thể dĩ thái. Điều này cũng sẽ mang lại những thay đổi trong thể xác hồng trần đậm đặc và thân thể của cả người lẫn động vật sẽ nhỏ hơn, tinh luyện hơn, được điều chỉnh tinh tế hơn với rung động, và do đó thích hợp hơn để biểu lộ mục đích cốt yếu.

Owing to the recognition by man of the value of mantrams, and his gradual comprehension of the true ceremonial of evolution, coupled with the use of sound and colour, the animal kingdom will be better understood, and better trained, considered and utilised. Indications of this already can be seen; for instance, in all our current magazines at this time, stories which deal with the psychology of animals, and with their mental attitude to man, are constantly appearing, and by the means of these and through the force of the incoming Ray, man may (if he cares to do so) come to a much wider sympathy with his brothers of less degree. Thus by the turning by man of his thought force upon the animals, stimulation of their latent mentality will ensue, leading in due course of time to the crisis in the next round. More attention should be paid by occult students to the effect of the consciousness of one group upon another group, and the advancement of the lesser, by the means of the stimulating power of the greater, should be studied. The following facts should be realised:

Do con người công nhận giá trị của các mantram, và dần dần thấu hiểu nghi lễ chân chính của tiến hoá, cùng với việc sử dụng âm thanh và màu sắc, giới động vật sẽ được thấu hiểu tốt hơn, và được huấn luyện, quan tâm và sử dụng tốt hơn. Những dấu hiệu của điều này đã có thể thấy được; chẳng hạn, trong tất cả các tạp chí hiện hành của chúng ta lúc này, những câu chuyện đề cập đến tâm lý học của động vật, và đến thái độ trí tuệ của chúng đối với con người, liên tục xuất hiện, và bằng những phương tiện này cùng với mãnh lực của cung đang đi vào, con người có thể (nếu y muốn làm như vậy) đạt đến một sự cảm thông rộng lớn hơn nhiều với những huynh đệ bậc thấp hơn của mình. Như thế, bằng việc con người hướng mãnh lực tư tưởng của mình về phía động vật, sự kích thích trí tuệ tiềm ẩn của chúng sẽ xảy ra, dần dần theo thời gian đến cuộc khủng hoảng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp. Các đạo sinh huyền bí học nên chú ý nhiều hơn đến ảnh hưởng của tâm thức của một nhóm lên một nhóm khác, và sự tiến bộ của nhóm thấp hơn, bằng quyền năng kích thích của nhóm cao hơn, cần được nghiên cứu. Cần nhận ra các sự kiện sau đây:

a. The powerful vibration of the Lords of the three Rays, and of Their radiation, stimulates the four Heavenly [Page 464] Men and develops Their apprehension, enabling Them to expand Their consciousness.

a. Rung động mãnh liệt của các Đấng Chúa Tể của ba cung, và bức xạ của Các Ngài, kích thích bốn Đấng Thiên Nhân [Page 464] và phát triển sự lĩnh hội của Các Ngài, giúp Các Ngài mở rộng tâm thức của mình.

b. The consciousness of the Heavenly Men stimulates all the units in Their bodies, but causes specialised response from those who are actively and intelligently working at the development of group consciousness. The vibration, for instance, of a planetary Logos has a peculiar effect upon all those who are initiates, adepts and chohans, and brings their three major spirillae to the necessitated vibration. This work is begun when the sixth spirilla (in the minor group of seven) is active.

b. Tâm thức của các Đấng Thiên Nhân kích thích mọi đơn vị trong các thân thể của Các Ngài, nhưng gây ra sự đáp ứng chuyên biệt từ những ai đang tích cực và thông tuệ làm việc cho sự phát triển tâm thức nhóm. Chẳng hạn, rung động của một Hành Tinh Thượng Đế có một hiệu quả đặc thù trên tất cả những ai là điểm đạo đồ, chân sư và chohan, và đưa ba loa tuyến chính của họ đến rung động cần thiết. Công việc này bắt đầu khi loa tuyến thứ sáu (trong nhóm phụ bảy loa tuyến) hoạt động.

c. The consciousness of man is stimulated and developed when—at a certain stage—he can respond to the vibration of members of the Occult Hierarchy, and is thus nearing the portal into the fifth kingdom. This coincides with the vibratory activity of the fifth spirilla.

c. Tâm thức của con người được kích thích và phát triển khi—ở một giai đoạn nhất định—y có thể đáp ứng với rung động của các thành viên của Thánh Đoàn Huyền Bí, và như thế đang tiến gần đến cánh cổng vào giới thứ năm. Điều này trùng hợp với hoạt động rung động của loa tuyến thứ năm.

d. In like manner, the less evolved units of the race, who are scarcely more than animals, are brought to the necessary stage of vibration by the play upon their mental bodies of the combined vibrations of men, whose fourth spirilla is functioning adequately. In these last two cases we are dealing with the spirillae of the mental permanent atom. In the other two we are dealing with occult mysteries, bound up in the vivification of solar and not human permanent atoms.

d. Cũng vậy, các đơn vị kém tiến hoá hơn của nhân loại, hầu như không hơn động vật là mấy, đạt đến giai đoạn rung động cần thiết nhờ các rung động kết hợp từ những con người có loa tuyến thứ tư hoạt động thích đáng tác động lên các thể trí của họ. Trong hai trường hợp sau cùng này, chúng ta đang đề cập đến các loa tuyến của nguyên tử trường tồn trí tuệ. Trong hai trường hợp kia, chúng ta đang đề cập đến các bí nhiệm huyền bí, gắn liền với sự tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn thái dương chứ không phải nhân loại.

e. The fourth Creative Hierarchy, viewed as a unit functioning on this planet (and leaving

e. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, được nhìn như một đơn vị đang hoạt động trên hành

out of consideration its manifestation in other schemes) works in a magnetic manner, and in a stimulative capacity upon the animal kingdom, the force of its vibration pouring on to *the astral bodies* of the animals, and producing response. This awakens to a more effective apprehension all the units of the animal kingdom. Hence it can be seen how close is the interplay, and the interdependence, and how closely united all these greater and lesser lives are with each other. Growth and development in one part of the [Page 465] body logoic produces a corresponding advance in the whole. No man, for instance, can make definite and specialised progress without his brother benefiting,—this benefiting taking the form of:

tinh này (và không xét đến sự biểu hiện của nó trong các hệ hành tinh khác) hoạt động theo cách từ tính, và với năng lực kích thích trên giới động vật, mãnh lực của rung động của nó tuôn xuống *các thể cảm dục* của động vật, và tạo ra sự đáp ứng. Điều này đánh thức mọi đơn vị của giới động vật đến một sự lĩnh hội hữu hiệu hơn. Do đó có thể thấy sự tương tác và sự tương thuộc gần gũi đến mức nào, và tất cả những sự sống lớn hơn và nhỏ hơn này liên kết chặt chẽ với nhau đến mức nào. Sự tăng trưởng và phát triển trong một phần của thể [Page 465] logoi tạo ra một sự tiến bộ tương ứng trong toàn thể. Chẳng hạn, không một ai có thể đạt được tiến bộ xác định và chuyên biệt mà không làm huynh đệ của mình được lợi ích,—lợi ích này mang hình thức là:

The increase of the total consciousness of the group.

Sự gia tăng tổng tâm thức của nhóm.

The stimulation of units in the group.

Sự kích thích các đơn vị trong nhóm.

The group magnetism producing increased healing or blending effects upon allied groups.

Từ điện nhóm tạo ra những hiệu quả chữa lành hoặc dung hợp gia tăng trên các nhóm liên kết.

In this thought lies, for the servant of the Master, incentive to effort; no man who strives for mastery, who struggles to attain, and who aims at expansion of consciousness but is having some effect—in ever widening spirals—upon all whom he contacts, devas, men, and animals. That he knows it not, and that he may be totally unaware of the subtle stimulating emanation which proceeds from him may be true, but nevertheless the law works.

Chính trong tư tưởng này có, đối với người phụng sự của Chân sư, động lực để nỗ lực; không một ai cố gắng đạt quyền làm chủ, vật lộn để thành tựu, và nhắm đến sự mở rộng tâm thức mà lại không tạo ra một số ảnh hưởng—trong những vòng xoắn ngày càng mở rộng—trên tất cả những ai y tiếp xúc, thiên thần, con người và động vật. Việc y không biết điều đó, và việc y có thể hoàn toàn không nhận thức được sự phát xạ kích thích vi tế phát ra từ mình, có thể là đúng, nhưng dù vậy định luật vẫn vận hành.

The third effect of the coming in of this ray is one that may at first repel—it will cause a great destruction in the animal kingdom.

Hiệu quả thứ ba của sự đi vào của cung này là một điều thoạt đầu có thể gây phản cảm—nó sẽ gây ra một sự hủy diệt lớn trong giới

During the next few hundred years many of the old animal forms will die out and become extinct. To supply the wants of man, through disease, and through causes latent in the animal kingdom itself, much destruction will be brought about. It must ever be borne in mind that a building force is likewise a destroying one, and new forms for the animal evolution are, at this time, one of the recognized needs. The immense slaughter in America is part of the working out of the plan. The inner life or fire which animates the animal groups, and which is the life expression of an Entity, will, under this seventh influence, blaze up and burn out the old, and permit the escape of the life, to newer and better forms.

động vật. Trong vài trăm năm tới, nhiều hình tướng động vật cũ sẽ chết đi và tuyệt chủng. Để cung ứng các nhu cầu của con người, qua bệnh tật, và qua những nguyên nhân tiềm ẩn trong chính giới động vật, nhiều sự hủy diệt sẽ được gây ra. Phải luôn ghi nhớ rằng một mãnh lực kiến tạo cũng đồng thời là một mãnh lực hủy diệt, và những hình tướng mới cho sự tiến hoá động vật, vào lúc này, là một trong những nhu cầu đã được thừa nhận. Cuộc tàn sát khổng lồ ở Mỹ là một phần của sự triển khai Thiên Cơ. Sự sống bên trong hay lửa làm sinh động các nhóm động vật, và là biểu hiện sự sống của một Thực Thể, dưới ảnh hưởng thứ bảy này, sẽ bùng lên và thiêu rụi cái cũ, đồng thời cho phép sự sống thoát ra để đi vào những hình tướng mới hơn và tốt đẹp hơn.

Our subject for immediate consideration concerns the [Page 466] *deva evolution*, and the effect of the incoming ray upon them.

Đề tài chúng ta cần xem xét ngay liên quan đến [Page 466] *sự tiến hoá thiên thần*, và ảnh hưởng của cung đang đi vào đối với họ.

Cosmic Fire S5

(Trang 465 – 567)

S5S1

The first point to be noted is that this influence at this time affects primarily the devas of the physical plane, the devas of the ethers, or of the shadows, as they are sometimes called, and not, to the same extent, the devas of the astral or mental planes. Every Ray affects in more or less degree the plane or subplane which is its numerical correspondence; the student should bear this in mind, and should therefore recollect that for all purposes of investigation at this time the seventh Ray of Ceremonial Magic will have a powerful influence:

Điểm đầu tiên cần lưu ý là ảnh hưởng này vào lúc này tác động chủ yếu đến các thiên thần của cõi hồng trần, các thiên thần của dĩ thái, hay của bóng tối, như đôi khi họ được gọi như vậy, và không, ở cùng một mức độ, đến các thiên thần của cõi cảm dục hay cõi trí. Mỗi cung đều tác động ở mức độ nhiều hay ít lên cõi hay cõi phụ là tương ứng số học của nó; đạo sinh nên ghi nhớ điều này, và vì vậy nên nhớ rằng cho mọi mục đích khảo cứu vào lúc này, cung bảy của Huyền Thuật Nghi Lễ sẽ có một ảnh hưởng mạnh mẽ:

On the seventh or physical plane, regarding it as a unit.

Trên cõi thứ bảy hay cõi hồng trần, xét nó như một đơn vị.

On the seventh subplane or the lowest subplane on the physical, the astral and the mental planes.

Trên cõi phụ thứ bảy hay cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi trí.

On the seventh or lowest human principle: prana in the etheric body.

Trên nguyên khí nhân loại thứ bảy hay thấp nhất: prana trong thể dĩ thái.

On all Monads in incarnation who are seventh Ray Monads.

Trên tất cả các chân thần đang lâm phàm là các chân thần cung bảy.

On a peculiar group of devas who are the agents, or "mediates" between magicians (either white or black) and the elemental forces. This group is occultly known as "The Mediatory Seventh," and is divided into two divisions:

Trên một nhóm thiên thần đặc biệt là những tác nhân, hay "trung gian" giữa các nhà huyền thuật (dù chánh đạo hay hắc đạo) và các mãnh lực hành khí. Nhóm này trong huyền bí học được biết đến là "Thứ Bảy Trung Gian," và được chia thành hai phân bộ:

a. Those working with evolutionary forces.

a. Những vị làm việc với các mãnh lực thăng thượng tiến hoá.

b. Those working with involutionary forces.

b. Những vị làm việc với các mãnh lực giáng hạ tiến hoá.

One group is the agent of constructive purpose, and the other of destructive. More need not be submitted anent this group as they are not easily contacted, fortunately for man, and can as yet only be reached by a particular group ritual *accurately* performed, —a thing as yet practically unknown. The Masons eventually will be one of the chief agents of contact, and as men are as yet not ready for such power as this will put into their hands, [Page 467] true masonry will develop but slowly. Nevertheless, under the magnetic force of this seventh Ray, the growth of masonry is inevitably sure.

Một nhóm là tác nhân của mục đích kiến tạo, và nhóm kia là của sự hủy diệt. Không cần trình bày thêm về nhóm này vì họ không dễ được tiếp xúc, may thay cho con người, và hiện nay chỉ có thể được tiếp cận bằng một nghi lễ nhóm đặc biệt được thực hiện *chính xác* —một điều hiện vẫn hầu như chưa được biết đến. Về sau, Hội Tam Điểm sẽ là một trong những tác nhân chính của sự tiếp xúc, và vì con người hiện chưa sẵn sàng cho quyền năng mà điều này sẽ đặt vào tay họ, [Page 467] nên Tam Điểm chân chính sẽ chỉ phát triển chậm chạp. Tuy nhiên, dưới mãnh lực từ tính của cung bảy này, sự phát triển

của Tam Điểm chắc chắn là điều không thể tránh khỏi.

This Ray of Ceremonial Magic will consequently have a very profound effect upon the physical plane, for not only is this plane coming under its cyclic force but at all times its planetary Logos has a special effect upon it; the Raja-Lord of this plane is what is occultly termed the "Reflection in the Water of Chaos" of the planetary Logos. Hence in the matter of this plane (which is the body of the Raja-Lord) certain very definite events are occurring which—though invisible to the ordinary man—are apparent to the eye of the spiritual man or adept.

Do đó, Cung Huyền Thuật Nghi Lễ này sẽ có một ảnh hưởng rất sâu xa trên cõi hồng trần, vì không những cõi này đang đi vào dưới mãnh lực chu kỳ của nó mà vào mọi lúc Hành Tinh Thượng Đế của cung này cũng có một ảnh hưởng đặc biệt trên nó; Raja-Lord của cõi này là điều mà trong huyền bí học được gọi là "Sự Phản Chiếu trong Nước của Hỗn Mang" của Hành Tinh Thượng Đế. Vì thế trong vật chất của cõi này (là thân thể của Raja-Lord) đang diễn ra một số biến cố rất xác định mà—dù vô hình đối với người thường—lại hiển nhiên trước mắt con người tinh thần hay chân sư.

The matter of the plane becomes receptive to positive force for the feminine or deva aspect, being negative, becomes responsive to the positive energy of the Heavenly Man. This energy, finding the line of least resistance, pours into the substance of the plane, or the substantial body of the Deva Lords. Owing to the receptive condition of this body it follows certain lines and produces definitely *constructive* results.

Vật chất của cõi trở nên tiếp nhận mãnh lực dương vì phương diện nữ tính hay thiên thần, vốn là âm, trở nên đáp ứng với năng lượng dương của Đấng Thiên Nhân. Năng lượng này, tìm thấy con đường ít trở ngại nhất, tuôn vào chất liệu của cõi, hay thể chất liệu của các Deva Lords. Do tình trạng tiếp nhận của thể này, nó đi theo những đường nhất định và tạo ra những kết quả rõ rệt *mang tính kiến tạo*.

Constructive results transpire in the negative etheric matter of the plane and on the four higher subplanes. On the lower three a contrary effect is produced, and the energy of the Heavenly Man will lead to the destruction of form, preparatory to the building work. The building ever originates on, and proceeds from, etheric levels. Cataclysms of a world wide nature will occur during the next one thousand years; continents will be shaken; lands will be raised and submerged, culminating in the profound material disaster which will overtake the world towards the close of the

Những kết quả kiến tạo diễn ra trong vật chất dĩ thái âm của cõi và trên bốn cõi phụ cao. Trên ba cõi phụ thấp, một hiệu quả trái ngược được tạo ra, và năng lượng của Đấng Thiên Nhân sẽ dẫn đến sự hủy diệt hình tướng, để chuẩn bị cho công việc kiến tạo. Công việc kiến tạo luôn khởi đầu trên, và tiến ra từ, các cấp độ dĩ thái. Những đại biến động trên toàn thế giới sẽ xảy ra trong một ngàn năm tới; các lục địa sẽ rung chuyển; đất đai sẽ được nâng lên và chìm xuống, đạt cực điểm trong tai họa vật chất sâu sắc sẽ giáng xuống thế giới vào gần cuối giống dân nhánh thứ tư của giống dân phụ thứ sáu.

fourth branch race of the sixth subrace. This will usher in the infant sixth rootrace.

Điều này sẽ mở đường cho giống dân gốc thứ sáu còn non trẻ.

The devas of the ethers, with which we are most concerned, [Page 468] will be affected in several ways, and the results upon the other evolutions will be far-reaching. We must remember always that the devas are the qualities and attributes of matter, the active builders, who work consciously or unconsciously upon the plane. Here I would point out that all the devas of the higher levels of the mental plane, for instance, and of the systemic planes from there on to the centre (the divine plane, the plane of the Logos, sometimes called Adi) co-operate consciously, and are of high rank in the system, and of position equal to all the ranks and grades of the Hierarchy from a first degree initiate up to, but not including, the Lord of the World Himself. Below these higher levels, where the concrete is touched, we have lesser grades of devas who work unconsciously, with the following exceptions, who are conscious forces and entities and of high position:

Các thiên thần của dĩ thái, là những vị chúng ta quan tâm nhất, [Page 468] sẽ bị tác động theo nhiều cách, và các kết quả trên những cuộc tiến hoá khác sẽ rất sâu rộng. Chúng ta phải luôn nhớ rằng các thiên thần là các phẩm tính và thuộc tính của vật chất, những đấng kiến tạo hoạt động, làm việc một cách hữu thức hay vô thức trên cõi. Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng chẳng hạn, tất cả các thiên thần của các cấp độ cao của cõi trí, và của các cõi hệ thống từ đó trở vào trung tâm (cõi thiêng liêng, cõi của Logos, đôi khi được gọi là Adi) đều hợp tác một cách hữu thức, và có cấp bậc cao trong hệ thống, với địa vị tương đương mọi cấp bậc và trình độ của Thánh đoàn từ một điểm đạo đồ bậc một cho đến, nhưng không kể, chính Đức Chúa Tể Thế Giới. Bên dưới các cấp độ cao này, nơi cái cụ thể được chạm đến, chúng ta có các cấp thiên thần thấp hơn làm việc một cách vô thức, với những ngoại lệ sau đây, là những mãnh lực và thực thể hữu thức và có địa vị cao:

a. The Raja-lord of a plane.

a. Raja-lord của một cõi.

b. Seven devas who work under Him, and are the entities who inform the matter of the seven subplanes.

b. Bảy thiên thần làm việc dưới quyền Ngài, và là những thực thể phú linh cho vật chất của bảy cõi phụ.

c. Fourteen representatives of the Rays, Who cycle into and out of power, according to the Ray, waxing or waning.

c. Mười bốn đại diện của các cung, Các Ngài luân phiên đi vào và ra khỏi quyền lực, tùy theo sự tăng hay giảm của cung.

d. Four devas who are the *plane* representatives of the four Maharajahs (the Lords of Karma) and are the focal points for karmic influence in connection with man. The four Maharajahs are the dispensers of karma to the Heavenly Men, and thus to the cells, centres, and organs of His body

d. Bốn thiên thần là những đại diện *trên cõi của* bốn Maharajah (các Chúa Tể của Nghiệp Quả) và là những tiêu điểm cho ảnh hưởng nghiệp quả liên quan đến con người. Bốn Maharajah là những vị phân phối nghiệp quả cho các Đấng Thiên Nhân, và do đó tất yếu cho các tế bào, trung tâm và cơ quan trong

necessarily; but the whole system works through graded representatives; the same laws govern these agents of plane karma as govern the systemic and cosmic, and during plane manifestation they are, for instance, the only unit *in form* [Page 469] permitted to pass beyond the plane ring-pass-not. All other units in manifestation on a plane have to discard the vehicle through which they function before they can pass on to subtler levels.

thân thể của Ngài; nhưng toàn bộ hệ thống vận hành qua những đại diện theo cấp bậc; cùng những định luật chi phối các tác nhân nghiệp quả của cõi này cũng chi phối nghiệp quả hệ thống và vũ trụ, và trong thời kỳ biểu hiện của cõi, chẳng hạn, họ là đơn vị duy nhất *trong hình tướng* [Page 469] được phép vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của cõi. Mọi đơn vị khác đang biểu hiện trên một cõi đều phải bỏ vận cụ mà qua đó họ hoạt động trước khi có thể đi sang các cấp độ vi tế hơn.

c. Types of Karma. We might here enumerate the different types of KARMA, even though we have not the time to enlarge upon the subject. A book by itself of vast proportions could not contain all that might be said. We should bear in mind that KARMA is imposed upon the ensouling entity through the medium of matter or of substance itself (which is coloured by it) and that this matter or substance is *intelligent material composed of deva essence*.

c. Các loại nghiệp quả. Ở đây chúng ta có thể liệt kê các loại NGHIỆP QUẢ khác nhau, dù chúng ta không có thời gian để khai triển đề tài này. Một quyển sách riêng với quy mô đồ sộ cũng không thể chứa hết mọi điều có thể nói. Chúng ta nên ghi nhớ rằng NGHIỆP QUẢ được áp đặt lên thực thể phú linh qua trung gian của chính vật chất hay chất liệu (vốn được nó nhuốm màu) và rằng vật chất hay chất liệu này là *chất liệu thông minh được cấu thành từ tinh chất thiên thần.*

Cosmic Karma—Imposed upon the solar Logos from outside of the system.

Nghiệp quả vũ trụ—Được áp đặt lên Thái dương Thượng đế từ bên ngoài hệ thống.

Systemic Karma—The working out by the Logos of effects set in motion in previous Kalpas, and which influence His present type of Body.

Nghiệp quả hệ thống—Sự triển khai của Logos về các hiệu quả đã được khởi động trong các Kalpa trước, và ảnh hưởng đến loại Thân Thể hiện tại của Ngài.

Planetary Karma—The individual karma of a Heavenly Man, which is just as different from that of another Heavenly Man, as is the karma of the different members of the human family.

Nghiệp quả hành tinh—Nghiệp quả cá biệt của một Đấng Thiên Nhân, khác biệt với nghiệp quả của một Đấng Thiên Nhân khác cũng như nghiệp quả của các thành viên khác nhau trong gia đình nhân loại.

The Karma of a chain, which is bound up in the life experience of that entity who ensouls a chain, and is a centre in the body of a Heavenly Man, in the same sense as a

Nghiệp quả của một Dãy, gắn liền với kinh nghiệm sống của thực thể phú linh cho một dãy, và là một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, theo cùng ý nghĩa như một Đấng Thiên Nhân trong hệ hành

Heavenly Man within His scheme is a centre in the body of the solar Logos.

tinh của Ngài là một trung tâm trong thân thể của Thái dương Thượng đế.

Globe Karma—The individual destiny of the entity who is a centre in the body of the ensouling Life of a chain.

Nghiệp quả của bầu hành tinh—Định mệnh cá biệt của thực thể là một trung tâm trong thân thể của Sự Sống phú linh cho một dãy.

These five existences above enumerated, who are worked upon by karma, are all cosmic and solar Lords of Light, Who achieved intelligence, and passed through the human kingdom many kalpas ago.

Năm hiện hữu được liệt kê ở trên này, là những vị chịu tác động của nghiệp quả, đều là các Chúa Tể Ánh Sáng vũ trụ và thái dương, Các Ngài đã đạt được trí tuệ và đã đi qua giới nhân loại từ nhiều kalpa trước.

Plane Karma—This is inextricably mixed up with the [Page 470] karma of the planetary Logos and of the Raja-Lord, and is dependent upon the interplay between these two opposite poles,—the masculine and feminine aspect of the Divine Hermaphrodite.

Nghiệp quả của cõi—Điều này gắn bó không thể tách rời với [Page 470] nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế và của Raja-Lord, và tùy thuộc vào sự tương tác giữa hai cực đối nghịch này,—phương diện nam và nữ của Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng.

The Karma of a subplane, or the destiny of certain lesser entities who manifest through these planes.

Nghiệp quả của một cõi phụ, hay định mệnh của một số thực thể nhỏ hơn biểu hiện qua các cõi này.

In these two types of karma, we have what one might term the “Karma of the Hierarchies” as it has been brought about since the manifesting of the solar system. It is the result of the past of this system, and not so much the working out of effects originating in previous solar systems.

Trong hai loại nghiệp quả này, chúng ta có điều mà người ta có thể gọi là “Nghiệp quả của các Huyền Giai” vì nó đã được tạo ra kể từ khi hệ mặt trời biểu hiện. Nó là kết quả của quá khứ của hệ thống này, chứ không hẳn là sự triển khai các hiệu quả phát sinh trong những hệ mặt trời trước.

The Karma of the kingdoms of nature as we know them on our planet:

Nghiệp quả của các giới trong thiên nhiên như chúng ta biết trên hành tinh của mình:

a. The mineral kingdom.

a. giới kim thạch.

b. The vegetable kingdom.

b. giới thực vật.

c. The animal kingdom.

c. giới động vật.

This is necessarily the karma of the different lunar Lords who ensoul these kingdoms, and who are working out their purposes through them. We must note that we have touched therefore upon cosmic, solar, and lunar karma. In the latter is hid the great mystery of the Moon, and her place in the planetary scheme.

Điều này tất yếu là nghiệp quả của các nguyệt tinh quân khác nhau phú linh cho các giới này, và đang triển khai các mục đích của họ qua chúng. Vì vậy chúng ta phải lưu ý rằng chúng ta đã chạm đến nghiệp quả vũ trụ, thái dương và thái âm. Trong loại sau cùng này ẩn giấu đại bí nhiệm của Mặt Trăng, và vị trí của nàng trong hệ hành tinh.

The Karma of the Human Hierarchy (154) (155) (156) in its seven groups, and of the individual Monads. This in itself is a vast and intricate subject and—during the particular cycle of the Earth globe—can be divided into: [Page 471]

Nghiệp quả của Huyền Giai Nhân Loại (154) (155) (156) trong bảy nhóm của nó, và của các chân thần cá biệt. Tự nó, đây là một đề tài rộng lớn và phức tạp và—trong chu kỳ đặc biệt của bầu hành tinh Trái Đất—có thể được chia thành: [Page 471]

a. World karma. (The seven root-races.)

a. Nghiệp quả thế giới. (Bảy giống dân gốc.)

b. Racial karma, or the destiny and purpose of each root-race.

b. Nghiệp quả chủng tộc, hay định mệnh và mục đích của mỗi giống dân gốc.

c. Subrace karma, for each subrace has its own destiny to work out.

c. Nghiệp quả giống dân phụ, vì mỗi giống dân phụ đều có định mệnh riêng cần triển khai.

d. National karma.

d. Nghiệp quả quốc gia.

e. Family karma.

e. Nghiệp quả gia đình.

f. Individual karma.

f. Nghiệp quả cá nhân.

All these different types of karma are intermingled and bound up in a manner inconceivable and inextricable [Page 472] to man; even the adepts cannot untangle the mystery beyond that of the groups affiliated with them, while the Chohans of the higher degrees work with the karma of the larger groups (which are the aggregates of the lesser groups).

Tất cả những loại nghiệp quả khác nhau này đan xen và gắn chặt với nhau theo một cách không thể hình dung và không thể tháo gỡ [Page 472] đối với con người; ngay cả các chân sư cũng không thể gỡ rối bí nhiệm này vượt quá phạm vi các nhóm liên kết với Các Ngài, trong khi các Chohan ở các cấp cao hơn làm việc với nghiệp quả của những nhóm lớn hơn (là tổng hợp của các nhóm nhỏ hơn).

(154) Karma and Reincarnation, the fourth and fifth doctrines of the Wisdom-religion. These two are, in reality, the A, B, C, of the Wisdom-religion. Karma is the sum total of our acts, both in the present life and in the preceding births. It is of three kinds:—

1. *Sanchita* karma

2. *Prarabdha* karma

3. *Agami* karma

"*Sanchita karma* includes human merits and demerits accumulated in the preceding and in all other previous births. That portion of the Sanchita karma destined to influence human life in one or the present incarnation is called *Prarabdha*. The third kind of karma is the result of the merits and demerits of the present acts. *Agami* extends over all your words, thoughts, and acts. What you think, what you speak, what you do, as well as whatever results your thoughts, words, and acts produce on yourself, and on those affected by them, fall under the category of the present karma, which will be sure to sway the balance of your life for good or for evil in your future development."—*The Theosophist*, Vol. X, p. 235. (back)

(155) "Karma (action) is of three kinds:—

1. Agami:—The bodily actions good and bad —done after the acquisition of the discriminative knowledge. (Vide *Sri Sankaracharya's Tatwa Bodh*, question 34).

2. Sanchita:—The actions formerly done, serving as seeds to grow the countless

(154) Nghiệp quả và Luân hồi, giáo lý thứ tư và thứ năm của Tôn giáo Minh triết. Hai điều này, trên thực tế, là A, B, C của Tôn giáo Minh triết. Nghiệp quả là tổng số tất cả hành động của chúng ta, cả trong đời này lẫn trong các lần sinh trước. Nó có ba loại:—

1. *Sanchita* karma

2. *Prarabdha* karma

3. *Agami* karma

"*Sanchita karma* bao gồm công và tội của con người tích lũy trong lần sinh trước và trong tất cả các lần sinh trước khác. Phần của Sanchita karma được định để ảnh hưởng đến đời sống con người trong một lần nhập thể nào đó hay lần nhập thể hiện tại được gọi là *Prarabdha*. Loại nghiệp quả thứ ba là kết quả của công và tội của các hành động hiện tại. *Agami* bao trùm mọi lời nói, tư tưởng và hành động của bạn. Điều bạn nghĩ, điều bạn nói, điều bạn làm, cũng như bất cứ kết quả nào mà tư tưởng, lời nói và hành động của bạn tạo ra trên chính bạn, và trên những người bị chúng tác động, đều thuộc phạm trù của nghiệp quả hiện tại, vốn chắc chắn sẽ làm nghiêng cán cân đời sống của bạn về thiện hay ác trong sự phát triển tương lai của bạn."—*The Theosophist*, Tập X, tr. 235. (back)

(155) "Nghiệp quả (hành động) có ba loại:—

1. Agami:—Những hành động của thân, tốt và xấu—được thực hiện sau khi đạt được tri thức phân biện. (Xem *Tatwa Bodh của Sri Sankaracharya,* câu hỏi 34).

2. Sanchita:—Những hành động đã làm trước đây, đóng vai trò như hạt giống để làm

births; the store of former actions preserved. *Ibid.*, question 35).

nảy sinh vô số lần sinh; kho chứa các hành động trước kia được bảo tồn. *Ibid.*, câu hỏi 35).

And 3. Prarabdha:—The actions of this body (i.e. birth) which give pleasure or pain in this life alone. (*Ibid.*, question 36.)."—*The Theosophist*, Vol. VIII, p. 170. (back)

Và 3. Prarabdha:—Những hành động của thân thể này (tức là lần sinh) đem lại vui sướng hay đau khổ chỉ trong đời này. (*Ibid.*, câu hỏi 36.)."—*The Theosophist*, Tập VIII, tr. 170. (back)

(156) Karma. "It must be remembered that in every action of man the influence of his prior karma constitutes an important element. For the accomplishment of every action, says, Sri Krishna, we need five essentials:—

(156) Nghiệp quả. "Phải nhớ rằng trong mọi hành động của con người, ảnh hưởng của nghiệp quả trước đó của y tạo thành một yếu tố quan trọng. Để hoàn thành mọi hành động, Sri Krishna nói, chúng ta cần năm điều cốt yếu:—

1. The actor.

1. Tác nhân hành động.

2. The determined will.

2. Ý chí kiên định.

3. Implements for committing the act, such as hands, tongue, etc.

3. Những công cụ để thực hiện hành động, như tay, lưỡi, v.v.

4. The exercise of these implements.

4. Việc sử dụng những công cụ ấy.

5. The influence of antecedent conduct.

5. Ảnh hưởng của hạnh kiểm trước đó.

The work which a man does with his body, speech or mind, whether it be just or unjust, has these five essentials or factors engaged in the performance. (*Gita,* XVIII, 13, 14, 15.)

Công việc mà một người làm bằng thân, lời nói hay trí tuệ của mình, dù công chính hay bất chính, đều có năm điều cốt yếu hay yếu tố này tham dự vào việc thực hiện. (*Gita,* XVIII, 13, 14, 15.)

These five essentials of karma are divided into 2 groups in the Mahabharata:—1, man's present action (including the first four essentials) and, 2, the result of his past action (which forms the fifth essential).

Năm điều cốt yếu này của nghiệp quả được chia thành 2 nhóm trong Mahabharata:—1, hành động hiện tại của con người (bao gồm bốn điều cốt yếu đầu) và, 2, kết quả của hành động quá khứ của y (tạo thành điều cốt yếu thứ năm).

"At the same time it must be remarked that the result of human existence is not the work of a day or even a cycle. It is the aggregate sum of actions committed during innumerable previous existences. Each action may in itself be as slight as can be conceived, like the minutest filaments of cotton,—such that hundreds of them may be blown away by a single breath; and yet, as similar filaments when closely packed and twisted together form a rope, so heavy and strong that it can be used to pull elephants and even huge ships with, so the articles of man's karma, however trivial each of them may be in itself, would yet by the natural process of accretion, combine themselves closely and form a formidable Pasa (rope) to pull the man with, i.e. to influence his conduct for good or evil."—*The Theosophist*, Vol. VII, p. 60. (back)

"Đồng thời cũng phải nhận xét rằng kết quả của sự hiện hữu con người không phải là công việc của một ngày hay thậm chí một chu kỳ. Nó là tổng số cộng dồn của những hành động đã thực hiện trong vô số hiện hữu trước đây. Mỗi hành động tự nó có thể nhỏ bé đến mức có thể hình dung, như những sợi bông nhỏ nhất,—đến nỗi chỉ một hơi thở cũng có thể thổi bay hàng trăm sợi trong số đó; tuy nhiên, cũng như những sợi tương tự khi được nén chặt và xoắn lại với nhau tạo thành một sợi dây nặng và chắc đến mức có thể dùng để kéo voi và cả những con tàu lớn, thì cũng vậy, các yếu tố trong nghiệp quả của con người, dù mỗi yếu tố tự nó có thể tầm thường đến đâu, vẫn sẽ, qua tiến trình tích tụ tự nhiên, kết hợp chặt chẽ với nhau và tạo thành một Pasa (sợi dây) đáng sợ để kéo con người theo, tức là để ảnh hưởng đến hạnh kiểm của y theo hướng thiện hay ác."—*The Theosophist*, Tập VII, tr. 60. (back)

All the lesser grades of devas, "The Army of the Voice," on each plane, the lesser builders and elementals in their myriads, work unconsciously, being guided and directed by words and sound. In this way vibrations are set up in the essence of the planes by the conscious Builders.

Tất cả các cấp thiên thần thấp hơn, "Đạo Quân của Tiếng Nói," trên mỗi cõi, vô số các vị tiểu kiến tạo và hành khí, đều làm việc một cách vô thức, được hướng dẫn và chỉ đạo bằng các lời và âm thanh. Theo cách này, các Đấng Kiến Tạo hữu thức thiết lập các rung động trong tinh chất của các cõi.

There is not much to be added at this point anent the deva evolution; much that might be imparted is perforce withheld owing to the danger arising from superficial knowledge, unaccompanied by wisdom and the inner vision. There are three more points to add to the four already given, concerning primarily the relationship of the devas to man in the future, and their closer approximation to him through the incoming type of force. This approximation, though inevitable, will not have for the human hierarchy results entirely beneficent, and

Không còn nhiều điều có thể thêm vào ở điểm này về sự tiến hoá thiên thần; nhiều điều có thể được truyền đạt buộc phải giữ lại do mối nguy phát sinh từ tri thức hời hợt, không đi kèm minh triết và linh thị bên trong. Còn ba điểm nữa cần thêm vào bốn điểm đã nêu, chủ yếu liên quan đến mối tương quan của các thiên thần với con người trong tương lai, và sự xích lại gần hơn của họ với con người qua loại mãnh lực đang đi vào. Sự xích lại gần này, dù không thể tránh khỏi, sẽ không đem lại cho huyền giai nhân loại những kết quả hoàn toàn có lợi, và trước khi

before the true method of contact is comprehended, and the consequent association wisely utilised, much suffering will eventuate and much bitter experience will be undergone. When it is remembered that the devas are, in their totality, the mother aspect, the great builders of form, and the nourishers of that which is as yet unable to guard itself, any return of man to a closer dependence upon the devas is as if a full grown man returned to the care of his mother, offering up his self-reliance in exchange for material benefit. The devas are the mother of the form, but the self-conscious unit, MAN, should realize his independence of the form, and should follow the path of Self-expression. This should be pondered on, for in days to come (when units here and there contact the devas, and inevitably pay the penalty) it may be helpful [Page 473] if the reason is understood, and man realises his necessary separation from these Essences *in the three worlds*. Approach between the two lines of evolution becomes possible on the plane of buddhi, but then it is an approach of two essences, and not an approach of the concrete to the essence. Man, while functioning in material, substantial forms in the three worlds, may not trespass across the separating line between the two evolutions. Only on the planes of solar fire or on the cosmic etheric levels may contact be permitted; on the planes of the cosmic dense physical plane (our mental, astral and physical planes) disaster only results from contact. I have dwelt on this point, for the danger is real, and near at hand.

phương pháp tiếp xúc chân chính được thấu hiểu, và sự liên kết hệ quả ấy được sử dụng một cách khôn ngoan, nhiều đau khổ sẽ xảy đến và nhiều kinh nghiệm cay đắng sẽ phải trải qua. Khi nhớ rằng các thiên thần, trong tổng thể của họ, là phương diện mẹ, những đấng kiến tạo vĩ đại của hình tướng, và là những vị nuôi dưỡng điều mà hiện còn chưa thể tự bảo vệ, thì bất kỳ sự quay trở lại nào của con người đến một sự lệ thuộc gần gũi hơn vào các thiên thần cũng giống như một người trưởng thành quay lại dưới sự chăm sóc của mẹ mình, đánh đổi sự tự lập của mình lấy lợi ích vật chất. Các thiên thần là mẹ của hình tướng, nhưng đơn vị có ý thức về bản thân, CON NGƯỜI, nên nhận ra sự độc lập của mình đối với hình tướng, và nên đi theo con đường Tự biểu hiện. Điều này nên được suy ngẫm, vì trong những ngày sắp tới (khi những đơn vị rải rác đây đó tiếp xúc với các thiên thần, và tất yếu phải trả giá) điều đó có thể hữu ích [Page 473] nếu lý do được thấu hiểu, và con người nhận ra sự tách biệt cần thiết của mình khỏi các Tinh Chất này *trong ba cõi thấp*. Sự tiếp cận giữa hai tuyến tiến hoá trở nên khả hữu trên cõi Bồ đề, nhưng khi ấy đó là sự tiếp cận của hai tinh chất, chứ không phải sự tiếp cận của cái cụ thể với tinh chất. Con người, khi còn hoạt động trong các hình tướng vật chất, chất liệu ở ba cõi thấp, không được vượt qua ranh giới phân cách giữa hai cuộc tiến hoá. Chỉ trên các cõi của Lửa Thái dương hay trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ thì sự tiếp xúc mới có thể được cho phép; trên các cõi của cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ (các cõi trí, cảm dục và hồng trần của chúng ta), chỉ có tai họa phát sinh từ sự tiếp xúc. Tôi đã nhấn mạnh điểm này, vì mối nguy là có thật, và đang ở rất gần.

The deva evolution will, through this seventh Ray force have much to do with the transmission of prana to units of the three higher kingdoms of nature, and this easier transmission (from the etheric levels of the

Sự tiến hoá thiên thần, qua mãnh lực cung bảy này, sẽ có nhiều liên hệ với việc truyền prana đến các đơn vị của ba giới cao hơn trong thiên nhiên, và sự truyền dẫn dễ dàng hơn này (từ các cấp độ dĩ thái của cõi hồng

physical plane) will parallel a correspondingly easier transmission of spiritual or psychical force from the fourth cosmic ether, the buddhic plane. The results of this pranic transmission will be more healthy physical bodies among the sons of men. This need not be looked for at this time, and will only begin to be noticeable about three hundred years hence, when the incoming seventh Ray Egos will be numerically strong enough to be recognised as the prevailing type for a certain period. Their physical bodies, owing to their being built for seventh Ray force will respond more readily than the others, though first Ray egos and fifth Ray Egos will benefit enormously from this influence. The etheric devas will build during a peculiarly favourable period, and the physical bodies then constructed will be distinguished by:

trần) sẽ song hành với một sự truyền dẫn tương ứng dễ dàng hơn của mãnh lực tinh thần hay thông linh từ dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề. Kết quả của sự truyền dẫn prana này sẽ là những thể xác khỏe mạnh hơn nơi những người con của nhân loại. Điều này không nên được mong đợi vào lúc này, và chỉ bắt đầu trở nên đáng chú ý vào khoảng ba trăm năm nữa, khi các chân ngã cung bảy đang đi vào đủ mạnh về số lượng để được nhận ra như loại hình chiếm ưu thế trong một thời kỳ nhất định. Các thể xác của họ, do được xây dựng cho mãnh lực cung bảy, sẽ đáp ứng dễ dàng hơn những thể xác khác, dù các chân ngã cung một và các chân ngã cung năm cũng sẽ được hưởng lợi rất lớn từ ảnh hưởng này. Các thiên thần dĩ thái sẽ kiến tạo trong một thời kỳ đặc biệt thuận lợi, và các thể xác được cấu tạo khi ấy sẽ nổi bật bởi:

a. Resilience,

a. Tính đàn hồi,

b. Enormous physical magnetism, [Page 474]

b. Từ điện hồng trần to lớn, [Page 474]

c. Ability to reject false magnetism,

c. Khả năng loại bỏ từ điện giả,

d. Capacity to absorb solar rays,

d. Năng lực hấp thụ các tia thái dương,

e. Great strength and resistance,

e. Sức mạnh và sức đề kháng lớn,

f. A delicacy and refinement in appearance as yet unknown.

f. Một sự tinh tế và thanh nhã trong sắc tướng hiện còn chưa được biết đến.

The etheric levels of the plane will be full of an increased activity, and slowly but surely, as the decades slip away, man will become conscious of these levels, and aware of their inhabitants. The immediate effect of this greater etheric energy will be that a numerically larger number of people will possess etheric vision, and will be able normally and naturally to live consciously

Các cấp độ dĩ thái của cõi sẽ tràn đầy hoạt động gia tăng, và chậm rãi nhưng chắc chắn, khi các thập niên trôi qua, con người sẽ ý thức được các cấp độ này, và nhận biết các cư dân của chúng. Hiệu quả tức thời của năng lượng dĩ thái lớn hơn này sẽ là một số người lớn hơn về mặt số lượng sẽ sở hữu linh thị dĩ thái, và sẽ có thể sống một cách bình thường và tự nhiên một cách hữu thức trên các cấp

on etheric levels. The majority of men only function consciously on the three lower levels of the physical—the gaseous, the liquid, and the dense—and the etheric levels are as sealed to them as are the astral. In the coming centuries, man's normal habitat will be the entire physical plane up to, though not including, the second subplane. The fourth and third etheric levels will be as familiar to him as the usual physical landscape to which he is now accustomed.

độ dĩ thái. Đa số con người chỉ hoạt động một cách hữu thức trên ba cấp độ thấp của cõi hồng trần—thể khí, thể lỏng, và thể đậm đặc—và các cấp độ dĩ thái bị phong kín đối với họ cũng như cõi cảm dục vậy. Trong các thế kỷ sắp tới, môi trường cư trú bình thường của con người sẽ là toàn bộ cõi hồng trần cho đến, nhưng không bao gồm, cõi phụ thứ hai. Các cấp độ dĩ thái thứ tư và thứ ba sẽ quen thuộc với y như phong cảnh hồng trần thông thường mà hiện nay y đã quen thuộc.

The centre of attention of medical and scientific students will be focussed on the etheric body, and the dependence of the physical body upon the etheric body will be recognised. This will change the attitude of the medical profession, and magnetic healing and vibratory stimulation will supersede the present methods of surgery and drug assimilation. Man's vision being then normally etheric, will have the effect of forcing him to recognise that which is now called the "unseen world," or the superphysical. Men in their etheric bodies will be noted, and communicated with, and the devas and elementals of the ethers will be studied and recognised. When this is so, then the true use of ceremonial ritual as a protection and safeguard to man will assume its right place.

Sự chú ý của những người nghiên cứu y học và khoa học sẽ được tập trung vào thể dĩ thái, và sự lệ thuộc của thể xác vào thể dĩ thái sẽ được thừa nhận. Điều này sẽ làm thay đổi thái độ của giới y khoa, và việc chữa lành bằng từ điện cùng sự kích thích rung động sẽ thay thế các phương pháp phẫu thuật và hấp thụ dược chất hiện nay. Linh thị của con người khi ấy, vốn bình thường là dĩ thái, sẽ có tác dụng buộc y phải thừa nhận điều hiện nay được gọi là "thế giới vô hình," hay siêu hồng trần. Con người trong thể dĩ thái của họ sẽ được nhận thấy và giao tiếp, và các thiên thần cùng hành khí của dĩ thái sẽ được nghiên cứu và thừa nhận. Khi điều này xảy ra, thì việc sử dụng chân chính nghi lễ nghi thức như một sự bảo vệ và che chở cho con người sẽ giữ đúng vị trí của nó.

[Page 475] The work of the devas in connection with the animal and the vegetable kingdoms will be likewise recognised, and much that is now possible through ignorance will become impossible and obsolete. The time will come, when the attitude of man to the animal kingdom will be revolutionised, and the slaughter, ill-treatment, and that form of cruelty called "sport," will be done away with.

[Page 475] Công việc của các thiên thần liên quan đến giới động vật và giới thực vật cũng sẽ được thừa nhận, và nhiều điều hiện nay còn có thể do vô minh sẽ trở nên bất khả và lỗi thời. Thời gian sẽ đến khi thái độ của con người đối với giới động vật sẽ được cách mạng hóa, và sự tàn sát, ngược đãi, cùng hình thức tàn nhẫn được gọi là "thể thao," sẽ bị xóa bỏ.

A mysterious change in the attitude of men and women to the sex question, marriage and the work of procreation will result from the development of etheric vision, and the consequent recognition of the devas. This change will be based on the realisation of the true nature of matter, or of the mother aspect, and of the effect of the Sun upon substance. The unity of life will be a known and scientific fact, and *life in matter* will no longer be a theory but a fundamental of science. This cannot be enlarged upon here.

Một sự thay đổi huyền nhiệm trong thái độ của những người nam và nữ đối với vấn đề tính dục, hôn nhân và công việc sinh sản sẽ phát sinh từ sự phát triển của linh thị dĩ thái, và sự thừa nhận các thiên thần như hệ quả của sự phát triển ấy. Sự thay đổi này sẽ dựa trên sự chứng nghiệm bản chất chân thực của vật chất, hay phương diện mẹ, và ảnh hưởng của Mặt Trời trên chất liệu. Sự hợp nhất của sự sống sẽ là một sự kiện đã được biết và có tính khoa học, và *sự sống trong vật chất* sẽ không còn là một lý thuyết mà là một nền tảng của khoa học. Điều này không thể được khai triển ở đây.

S5S2

3. Manas in the Final Rounds. — 3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

a. The transmutative process. Transmutation is a subject that from the earliest ages has occupied the attention of students, scientists and alchemists. The power to change, through the application of heat, is of course universally recognised, but the key to the mystery, or the secret of the systemic formula is advisedly guarded from all searchers, and is only gradually revealed after the second Initiation. The subject is so tremendous that it is only possible to indicate in broad general outlines how it may be approached. The mind of the public turns naturally to the transmutation of metals into gold with the aim in view of the alleviation of poverty. The mind of the scientist seeks the universal solvent which will reduce matter to its primordial substance, release energy, and thus reveal the processes of evolution, and enable the seeker to build for himself (from the primordial base) the desired forms. The mind of the alchemist [Page 476] searches for the Philosopher's Stone, that effective transmuting agent which will bring about

a. Tiến trình chuyển hoá. Chuyển hoá là một đề tài từ những thời đại sớm nhất đã chiếm lĩnh sự chú ý của các đạo sinh, các nhà khoa học và các nhà luyện kim. Quyền năng biến đổi, qua việc áp dụng nhiệt, dĩ nhiên được thừa nhận phổ quát, nhưng chìa khóa của bí nhiệm, hay bí mật của công thức hệ thống, được cố ý gìn giữ khỏi mọi người tìm kiếm, và chỉ dần dần được mặc khải sau lần điểm đạo thứ hai. Đề tài này quá rộng lớn đến nỗi chỉ có thể nêu ra bằng những nét đại cương cách nó có thể được tiếp cận. Trí tuệ của công chúng tự nhiên hướng đến việc chuyển hoá kim loại thành vàng với mục đích làm giảm nghèo đói. Trí tuệ của nhà khoa học tìm kiếm dung môi phổ quát sẽ làm giảm vật chất về chất liệu nguyên sơ của nó, giải phóng năng lượng, và như thế mặc khải các tiến trình tiến hoá, đồng thời cho phép người tìm kiếm tự mình kiến tạo (từ nền tảng nguyên sơ) những hình tướng mong muốn. Trí tuệ của nhà luyện kim [Page 476] tìm kiếm Hòn Đá Triết Gia, tác nhân chuyển hoá hữu hiệu sẽ đem lại sự mặc khải, và quyền năng áp đặt ý chí của nhà hóa học lên

revelation, and the power to impose the will of the chemist upon the elemental forces, which work in, by, and through matter. The religious man, especially the Christian, recognises the psychic quality of this transmutative power, and frequently speaks in the sacred books, of the soul being tried or tested seven times in the fire. All these students and investigators are recognising one great truth from their own constricted angle, and the whole lies not with one or another, but in the aggregate.

các mãnh lực hành khí, vốn hoạt động trong, bởi, và qua vật chất. Người có tôn giáo, đặc biệt là người Kitô giáo, nhận ra phẩm tính thông linh của quyền năng chuyển hoá này, và thường nói trong các sách thiêng liêng về việc linh hồn được thử luyện hay khảo nghiệm bảy lần trong lửa. Tất cả những đạo sinh và nhà khảo cứu này đều đang nhận ra một chân lý lớn từ góc nhìn hạn hẹp riêng của mình, và toàn thể chân lý không nằm ở người này hay người kia, mà ở trong tổng thể.

In defining transmutation as it is occultly understood, we might express it thus: *Transmutation is the passage across from one state of being to another through the agency of fire*. The due comprehension of this is based on certain postulates, mainly four in number. These postulates must be expressed in terms of the Old Commentary, which is so worded that it reveals to those who have eyes to see, but remains enigmatic to those who are not ready, or who would misuse the knowledge gained for selfish ends. The phrases are as follows:

Khi định nghĩa chuyển hoá như nó được thấu hiểu trong huyền bí học, chúng ta có thể diễn đạt như sau: *Chuyển hoá là sự vượt qua từ một trạng thái hiện hữu sang một trạng thái khác qua tác nhân của lửa.* Sự thấu hiểu đúng đắn điều này dựa trên một số tiên đề, chủ yếu là bốn điều. Những tiên đề này phải được diễn đạt theo Cổ Luận, vốn được viết sao cho nó mặc khải cho những ai có mắt để thấy, nhưng vẫn bí ẩn đối với những ai chưa sẵn sàng, hoặc những ai sẽ lạm dụng tri thức đạt được cho những mục đích ích kỷ. Các cụm từ như sau:

I. He who transfers the Father's life to the lower three seeketh the agency of fire, hid in the heart of Mother. He worketh with the Agnichaitans, that hide, that burn, and thus produce the needed moisture.

I. Kẻ chuyển sự sống của Cha vào ba cõi thấp tìm kiếm tác nhân của lửa, ẩn trong tim của Mẹ. Y làm việc với các Agnichaitan, những vị che giấu, những vị thiêu đốt, và như thế tạo ra độ ẩm cần thiết.

II. He who transfers the life from out the lower three into the ready fourth seeketh the agency of fire hid in the heart of Brahma. He worketh with the forces of the Agnishvattas, that emanate, that blend, and thus produce the needed warmth.

II. Kẻ chuyển sự sống từ ba cõi thấp vào cõi thứ tư đã sẵn sàng tìm kiếm tác nhân của lửa ẩn trong tim của Brahma. Y làm việc với các mãnh lực của các Agnishvatta, những vị phát xạ, những vị dung hợp, và như thế tạo ra hơi ấm cần thiết.

III. He who transfers the life into the gathering fifth seeketh the agency of fire hid in the heart of Vishnu. He worketh with the forces of the Agnisuryans, that blaze, that

III. Kẻ chuyển sự sống vào cõi thứ năm đang tụ hội tìm kiếm tác nhân của lửa ẩn trong tim của Vishnu. Y làm việc với các mãnh lực của các Agnisuryan, những vị bừng cháy,

liberate the essence, and thus produce the needed radiance.

IV. First moisture, slow and all enveloping; then heat with ever-growing warmth and fierce intensity; then force that presses, drives and concentrates. Thus is radiance [Page 477] produced; thus the exudation; thus mutation; thus change of form. Finally liberation, escape of the volatile essence, and the gathering of the residue back to primordial stuff.

He who ponders these formulas and who meditates upon the method and suggested process will receive a general idea of the evolutionary process of transmutation which will be of more value to him than the formulas whereby the devas transmute the various minerals.

Transmutation concerns the life of the atom, and is hidden in a knowledge of the laws governing radioactivity. It is interesting to note how in the scientific expression 'radioactivity,' we have the eastern conception of Vishnu-Brahma, or the Rays of Light vibrating through matter. Hence the usually accepted interpretation of the term 'atom' must be extended from that of the atom of chemistry to include:

a. All atoms or spheres upon the physical plane.

b. All atoms or spheres upon the astral and mental planes.

c. The human being in physical incarnation.

d. The causal body of man on its own plane.

những vị giải phóng tinh chất, và như thế tạo ra sự rạng ngời cần thiết.

IV. Trước hết là độ ẩm, chậm chạp và bao trùm khắp; rồi đến nhiệt với hơi ấm ngày càng tăng và cường độ mãnh liệt; rồi đến mãnh lực ép, thúc đẩy và tập trung. Như thế sự rạng ngời được [Page 477] tạo ra; như thế sự tiết xuất; như thế sự biến đổi; như thế sự thay đổi hình tướng. Cuối cùng là sự giải thoát, sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi, và sự thu hồi phần cặn trở lại chất liệu nguyên sơ.

Người nào suy ngẫm các công thức này và tham thiền về phương pháp cùng tiến trình được gợi ý sẽ nhận được một ý niệm tổng quát về tiến trình tiến hoá của sự chuyển hoá, điều sẽ có giá trị đối với y hơn là các công thức nhờ đó các thiên thần chuyển hoá các khoáng chất khác nhau.

Chuyển hoá liên quan đến sự sống của nguyên tử, và được ẩn giấu trong tri thức về các định luật chi phối tính phóng xạ. Thật thú vị khi lưu ý rằng trong cách diễn đạt khoa học "tính phóng xạ," chúng ta có quan niệm phương Đông về Vishnu-Brahma, hay Các Tia Sáng rung động xuyên qua vật chất. Vì vậy, cách giải thích thường được chấp nhận về thuật ngữ "nguyên tử" phải được mở rộng từ nguyên tử của hóa học để bao gồm:

a. Mọi nguyên tử hay khối cầu trên cõi hồng trần.

b. Mọi nguyên tử hay khối cầu trên cõi cảm dục và cõi trí.

c. Con người trong lần nhập thể hồng trần.

d. The causal body of the human unit on its own plane.

e. All planes as entified spheres.

f. All planets, chains and globes within the solar system.

g. All monads on their own plane, whether human monads or Heavenly Men.

h. The solar Ring-Pass-Not, the aggregate of all lesser atoms.

In all these atoms, stupendous or minute, microcosmic or macrocosmic, the central life corresponds to the positive charge of electrical force predicated by science, whether it is the life of a cosmic Entity such as a solar Logos, or the tiny elemental life within a physical atom. The lesser atoms which revolve round their positive centre, and which are at present termed electrons by science, are the negative aspect, and this is true not only of the atom on the physical plane, but of the human atoms, held to their central attractive point, a Heavenly Man, or the [Page 478] atomic forms which in their aggregate form the recognised solar system. All forms are built up in an analogous manner and the only difference consists—as the text-books teach—in the arrangement and the number of the electrons. (157) The electron itself will eventually be found to be an elemental, tiny life.

d. Thể nguyên nhân của con người trên cõi riêng của nó.

e. Mọi cõi như những khối cầu được thực thể hóa.

f. Mọi hành tinh, dãy và bầu hành tinh trong hệ mặt trời.

g. Mọi chân thần trên cõi riêng của chúng, dù là chân thần nhân loại hay các Đấng Thiên Nhân.

h. Vòng-giới-hạn thái dương, tổng thể của mọi nguyên tử nhỏ hơn.

Trong tất cả các nguyên tử này, dù vĩ đại hay cực nhỏ, tiểu thiên địa hay đại thiên địa, sự sống trung tâm tương ứng với điện tích dương của mãnh lực điện mà khoa học giả định, dù đó là sự sống của một Thực Thể vũ trụ như một Thái dương Thượng đế, hay sự sống hành khí nhỏ bé trong một nguyên tử hồng trần. Những nguyên tử nhỏ hơn quay quanh trung tâm dương của chúng, và hiện nay được khoa học gọi là electron, là phương diện âm, và điều này đúng không chỉ với nguyên tử trên cõi hồng trần, mà còn với các nguyên tử nhân loại, được giữ tại điểm hấp dẫn trung tâm của chúng là một Đấng Thiên Nhân, hay các [Page 478] hình tướng nguyên tử mà trong tổng thể của chúng tạo thành hệ mặt trời được thừa nhận. Mọi hình tướng đều được xây dựng theo một cách tương đồng và sự khác biệt duy nhất nằm ở—như các sách giáo khoa dạy—sự sắp xếp và số lượng các electron. (157) Bản thân electron cuối cùng sẽ được phát hiện là một hành khí, một sự sống nhỏ bé.

(157) Atom and Electron: See *Consciousness of the Atom*, page 17-22. (back)

(157) Nguyên tử và Electron: Xem *Consciousness of the Atom*, trang 17-22. (back)

The second point I seek to make now is: *Radiation is transmutation in process of accomplishment.* Transmutation being the liberation of the essence in order that it may seek a new centre, the process may be recognised as radioactivity technically understood and applied to all atomic bodies without exception.

Điểm thứ hai mà tôi muốn nêu ra lúc này là: *Sự phóng xạ là sự chuyển hoá trong tiến trình hoàn thành.* Vì chuyển hoá là sự giải phóng tinh chất để nó có thể tìm kiếm một trung tâm mới, nên tiến trình này có thể được nhận ra như tính phóng xạ được hiểu theo nghĩa kỹ thuật và được áp dụng cho mọi thể nguyên tử không ngoại lệ.

That science has but recently become aware of radium (an example of the process of transmutation) is but the fault of science. As this is more comprehended it will be found that all radiations, such as magnetism or psychic exhalation, are but the transmuting process proceeding on a large scale. The point to be grasped here is that the transmuting process, when effective, is superficially the result of outside factors. Basically it is the result of the inner positive nucleus of force or life reaching such a terrific rate of vibration, that it eventually scatters the electrons or negative points which compose its sphere of influence, and scatters them to such a distance that the Law of Repulsion dominates. They are then no more attracted to their original centre but seek another. The atomic sphere, if I might so express it, dissipates, the electrons come under the Law of Repulsion, and the central essence escapes and seeks a new sphere, occultly understood.

Việc khoa học chỉ mới gần đây nhận biết được radium (một ví dụ về tiến trình chuyển hoá) chỉ là lỗi của khoa học mà thôi. Khi điều này được thấu hiểu nhiều hơn, người ta sẽ thấy rằng mọi sự bức xạ, như từ điện hay sự toả ra thông linh, chỉ là tiến trình chuyển hoá đang diễn ra trên quy mô lớn. Điểm cần nắm bắt ở đây là tiến trình chuyển hoá, khi hữu hiệu, bề ngoài là kết quả của các yếu tố bên ngoài. Về căn bản, đó là kết quả của hạt nhân dương nội tại của mãnh lực hay sự sống đạt đến một tốc độ rung động khủng khiếp đến mức cuối cùng nó phân tán các electron hay các điểm âm cấu thành khối cầu ảnh hưởng của nó, và phân tán chúng ra xa đến nỗi Định luật Đẩy Lùi chi phối. Khi đó, chúng không còn bị hút về trung tâm nguyên thủy của mình nữa mà tìm kiếm một trung tâm khác. Khối cầu nguyên tử, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, tan biến đi, các electron chịu dưới Định luật Đẩy Lùi, và tinh chất trung tâm thoát ra và tìm kiếm một khối cầu mới, theo cách hiểu huyền bí.

We must remember always that all within the solar system is dual, and is in itself both negative and positive: positive as regards its own form, but negative as regards its greater sphere. Every atom therefore is [Page 479]

Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng mọi sự bên trong hệ mặt trời đều là kép, và tự thân vừa âm vừa dương: dương đối với hình tướng riêng của nó, nhưng âm đối với khối cầu lớn hơn của nó. Vì vậy, mọi nguyên tử đều là

both positive and negative,—it is an electron as well as an atom.

[Page 479] vừa dương vừa âm,—nó vừa là một electron vừa là một nguyên tử.

Therefore, the process of transmutation is dual and necessitates a preliminary stage of application of external factors, a fanning and care and development of the inner positive nucleus, a period of incubation or of the systematic feeding of the inner flame, and an increase of voltage. There is next a secondary stage wherein the external factors do not count so much, and wherein the inner centre of energy in the atom may be left to do its own work. These factors may be applied equally to all atoms; to the mineral atoms which have occupied the attention of alchemists so much, to the atom, called man who pursues the same general procedure being governed by the same laws; and to all greater atoms, such as a Heavenly Man or a solar Logos.

Do đó, tiến trình chuyển hoá là nhị phân và đòi hỏi một giai đoạn sơ bộ với việc áp dụng các yếu tố bên ngoài, sự quạt lên, chăm sóc và phát triển hạt nhân dương bên trong, một thời kỳ ấp ủ hay nuôi dưỡng có hệ thống ngọn lửa nội tại, và sự gia tăng điện thế. Tiếp theo là một giai đoạn thứ hai trong đó các yếu tố bên ngoài không còn quan trọng nhiều nữa, và trong đó trung tâm năng lượng bên trong nguyên tử có thể được để cho tự thực hiện công việc của nó. Các yếu tố này có thể được áp dụng như nhau cho mọi nguyên tử; cho các nguyên tử khoáng vật vốn đã chiếm nhiều sự chú ý của các nhà luyện kim, cho nguyên tử gọi là con người, kẻ theo đuổi cùng một thủ tục tổng quát vì chịu sự chi phối của cùng những định luật; và cho mọi nguyên tử lớn hơn, như một Đấng Thiên Nhân hay một Thái dương Thượng đế.

The process might be tabulated as follows:

Tiến trình này có thể được lập bảng như sau:

1. The life takes primitive form.

1. Sự sống mang lấy hình tướng nguyên sơ.

2. The form is subjected to outer heat.

2. Hình tướng chịu tác động của nhiệt bên ngoài.

3. Heat, playing on the form, produces exudation and the factor of moisture supervenes.

3. Nhiệt tác động lên hình tướng tạo ra sự tiết xuất và yếu tố ẩm ướt xuất hiện.

4. Moisture and heat perform their function in unison.

4. Độ ẩm và nhiệt thực hiện chức năng của chúng trong sự hợp nhất.

5. Elemental lives tend all lesser lives.

5. Các sự sống hành khí chăm nom mọi sự sống nhỏ hơn.

6. The devas co-operate under rule, order and sound.

6. Các thiên thần hợp tác dưới quy luật, trật tự và âm thanh.

7. The internal heat of the atom increases.

7. Nhiệt nội tại của nguyên tử gia tăng.

8. The heat of the atom mounts rapidly and surpasses the external heat of its environing.

8. Nhiệt của nguyên tử tăng nhanh và vượt quá nhiệt bên ngoài của môi trường bao quanh nó.

9. The atom radiates.

9. Nguyên tử bức xạ.

10. The spheroidal wall of the atom is eventually broken down.

10. Vách hình cầu của nguyên tử cuối cùng bị phá vỡ.

11. The electrons or negative units seek a new centre.

11. Các electron hay các đơn vị âm tìm kiếm một trung tâm mới.

12. The central life escapes to merge with its polar opposite becoming itself negative and seeking the positive.

12. Sự sống trung tâm thoát ra để hòa nhập với cực đối nghịch của nó, tự nó trở thành âm và tìm kiếm cái dương.

13. This is occultly obscuration, the going-out of the light temporarily, until it again emerges and blazes forth.

13. Theo huyền bí học, đây là sự che mờ, sự tắt đi của ánh sáng tạm thời, cho đến khi nó lại xuất hiện và bùng cháy lên.

More detailed elucidation will not be possible here nor advisable:

Ở đây không thể cũng không nên giải thích chi tiết hơn:

It will be apparent, therefore, that it should be possible, [Page 480] from the standpoint of each kingdom of nature, to aid the transmuting process of all lesser atoms. This is so, even though it is not recognised; it is only when the human kingdom is reached that it is possible for an entity consciously and intelligently to do two things:

Do đó, sẽ thấy rõ rằng có thể, [Page 480] từ quan điểm của mỗi giới trong thiên nhiên, trợ giúp tiến trình chuyển hoá của mọi nguyên tử nhỏ hơn. Điều này là như vậy, dù nó không được nhận ra; chỉ khi đạt đến giới nhân loại thì một thực thể mới có thể một cách hữu thức và thông minh làm hai việc:

First: aid in the transmutation of his own positive atomic centre from the human into the spiritual.

Thứ nhất: trợ giúp trong sự chuyển hoá trung tâm nguyên tử dương của chính y từ nhân loại sang tinh thần.

Second: assist at the transmutation

a. From the lower mineral forms into the higher forms.

b. From the mineral forms into the vegetable.

c. From vegetable forms into the animal forms.

d. From animal forms into the human or consciously and definitely to bring about individualisation.

That it is not done as yet is due to the danger of imparting the necessary knowledge. The adepts understand the transmuting process in the three worlds, and in the four kingdoms of nature, which make them a temporary esoteric three and exoteric four.

Man will eventually work with the three kingdoms but, only when brotherhood is a practice and not a concept.

Three points must now be considered in this connection:

Conscious manipulation of the fires.

Devas and transmutation.

Sound and colour in transmutation.

It is necessary here to point out, as I have done in other matters under consideration, that only certain facts can be imparted, whilst the detailed work concerning process may not be dealt with owing to the inability

Thứ hai: hỗ trợ sự chuyển hoá

a. Từ các hình tướng khoáng vật thấp lên các hình tướng cao hơn.

b. Từ các hình tướng khoáng vật sang các hình tướng thực vật.

c. Từ các hình tướng thực vật sang các hình tướng động vật.

d. Từ các hình tướng động vật sang các hình tướng nhân loại hay một cách hữu thức và dứt khoát tạo ra sự biệt ngã hóa.

Việc này chưa được thực hiện là do sự nguy hiểm của việc truyền đạt tri thức cần thiết. Các chân sư hiểu tiến trình chuyển hoá trong ba cõi giới, và trong bốn giới của thiên nhiên, những giới này làm cho chúng trở thành một bộ ba nội môn tạm thời và một bộ bốn ngoại môn.

Con người cuối cùng sẽ làm việc với ba giới nhưng chỉ khi tình huynh đệ là một thực hành chứ không phải một khái niệm.

Giờ đây phải xét đến ba điểm liên quan đến vấn đề này:

Sự điều khiển hữu thức các ngọn lửa.

Các thiên thần và sự chuyển hoá.

Âm thanh và màu sắc trong sự chuyển hoá.

Ở đây cần chỉ ra, như tôi đã làm trong những vấn đề khác đang được xem xét, rằng chỉ có thể truyền đạt một số sự kiện nhất định, trong khi công việc chi tiết liên quan đến tiến trình thì không thể bàn đến do nhân

of the race as yet to act altruistically. Much misapprehension crept in, owing to this very thing, in the early days of hierarchical effort to give out some of the Wisdom fundamentals in book form, and this is bravely dealt [Page 481] with by H. P. B. (158) (159)

loại hiện nay chưa có khả năng hành động vị tha. Chính vì điều này mà đã có nhiều sự hiểu lầm len vào trong những ngày đầu của nỗ lực từ Thánh đoàn nhằm công bố một số nền tảng của minh triết dưới hình thức sách vở, và điều này được H. P. B. xử lý một cách can đảm [Page 481] (158) (159)

(158) The difficulty of giving one the Wisdom Religion is dealt with by H. P. B. in the *Secret Doctrine* as follows:—

(158) Khó khăn của việc truyền đạt cho một người Tôn giáo Minh triết được H. P. B. bàn đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* như sau:—

1. Opinion must be reserved because:—

1. Phải dè dặt trong ý kiến bởi vì:—

a. Complete explanation for initiates only.

a. Sự giải thích trọn vẹn chỉ dành cho các điểm đạo đồ.

b. Only a fragmentary portion of the esoteric meaning given.

b. Chỉ một phần rời rạc của ý nghĩa nội môn được đưa ra.

c. Only adepts can speak with authority.—S. D., I, 188, 190. II, 55, 90.

c. Chỉ các chân sư mới có thể nói với thẩm quyền.—S. D., I, 188, 190. II, 55, 90.

d. The teachings are offered as a hypothesis. —II, 469.

d. Các giáo huấn được đưa ra như một giả thuyết.—II, 469.

2. We must lose sight entirely of:—

2. Chúng ta phải hoàn toàn không để tâm đến:—

a. Personalities.

a. Các phàm ngã.

b. Dogmatic beliefs.

b. Các niềm tin giáo điều.

c. Special religions.—S. D., I, 3, 4.

c. Các tôn giáo riêng biệt.—S. D., I, 3, 4.

3. We must be free from prejudice.—S. D., III, 1.

3. Chúng ta phải thoát khỏi thành kiến.—S. D., III, 1.

We must also:

Chúng ta cũng phải:

a. Be free from conceit.

a. Không tự phụ.

b. Free from selfishness.

c. Ready to accept demonstrated truth.

4. We must find the highest meaning possible. S. D., III, 487.

5. We must be also non-sectarian.—S. D., III, 110.

6. We must remember the handicap of language.—S. D., I, 197, 290, 293.

7. We must aim to become a disciple.—S. D., 188. II, 246. III, 129.

8. We must eventually develop powers.—S. D., I, 518. II, 85.

9. We must lead the life of Brotherhood. S. D., I, 190.

10. We must remember that H. P. B. makes no claim to infallibility.—S. D., II, 25 note, 273. I, 293.

H. P. B. says:—

"I speak with 'absolute certainty' only so far as my own personal belief is concerned. Those who have not the same warrant for their belief as I have would be very credulous and foolish to accept it on blind faith... What I do believe in is:—

1. The unbroken oral tradition revealed by living divine men during the infancy of mankind to the elect among men.

b. Không ích kỷ.

c. Sẵn sàng chấp nhận chân lý đã được chứng minh.

4. Chúng ta phải tìm ra ý nghĩa cao nhất có thể. S. D., III, 487.

5. Chúng ta cũng phải phi giáo phái.—S. D., III, 110.

6. Chúng ta phải nhớ đến sự hạn chế của ngôn ngữ.—S. D., I, 197, 290, 293.

7. Chúng ta phải nhắm đến việc trở thành một đệ tử.—S. D., 188. II, 246. III, 129.

8. Cuối cùng chúng ta phải phát triển các năng lực.—S. D., I, 518. II, 85.

9. Chúng ta phải sống theo tình huynh đệ. S. D., I, 190.

10. Chúng ta phải nhớ rằng H. P. B. không hề tuyên bố mình là bất khả ngộ.—S. D., II, 25 note, 273. I, 293.

H. P. B. nói:—

"Tôi chỉ nói với 'sự chắc chắn tuyệt đối' trong phạm vi niềm tin cá nhân của riêng tôi. Những ai không có cùng sự bảo chứng cho niềm tin của họ như tôi có thì sẽ rất cả tin và ngu xuẩn nếu chấp nhận điều đó bằng đức tin mù quáng... Điều tôi thực sự tin là:—

1. Truyền thống khẩu truyền không gián đoạn được các bậc thiêng liêng đang sống mặc khải trong thời thơ ấu của nhân loại cho những người được tuyển chọn trong loài người.

2. That it has reached us unaltered.

3. That the Masters are thoroughly versed in the science based on such uninterrupted teaching."—*Lucifer*, Vol. V, p. 157.

"The Secret Doctrine is no 'authority' *per se*; but being full of quotations and texts from the Sacred Scriptures and philosophies of almost every great religion and school, those who belong to any of these are sure to find support for their arguments on some page or another. There are, however, Theosophists, and of the best and most devoted, who do suffer from such weakness for authority."—Lucifer, Vol. III, p. 157. (back)

(159) See Preface and Introduction, Secret Doctrine, Vol. I. (back)

The danger still persists, and greatly handicaps the efforts of Those, Who—working on the inner side—feel that the thoughts of men should be lifted from the study of the ways of physical existence to broader concepts, wider vision, and synthetic comprehension. Indication only is possible; it is not permissible here to give out the transmutative formulas, or the mantrams that manipulate the matter of space. Only the way can be pointed to those who are ready, or who are recovering [Page 482] old knowledge (gained through approach to the Path, or latent through experience undergone in Atlantean days) and the landmarks indicated hold sufficient guidance to enable them to penetrate deeper into the arcana of knowledge. The danger consists in the very fact that the whole matter of transmutation concerns the

2. Rằng nó đã đến với chúng ta mà không bị thay đổi.

3. Rằng các Chân sư hoàn toàn tinh thông khoa học dựa trên giáo huấn liên tục như thế."—*Lucifer*, Vol. V, p. 157.

"Giáo Lý Bí Nhiệm tự thân không phải là một 'thẩm quyền'; nhưng vì chứa đầy những trích dẫn và văn bản từ các Kinh điển Thiêng liêng và các triết học của hầu như mọi tôn giáo và trường phái lớn, nên những ai thuộc về bất kỳ truyền thống nào trong số đó chắc chắn sẽ tìm thấy sự hỗ trợ cho lập luận của mình ở trang này hay trang khác. Tuy nhiên, có những nhà Thông Thiên Học, và trong số những người tốt nhất và tận tụy nhất, vẫn mắc nhược điểm lệ thuộc vào thẩm quyền như thế."—Lucifer, Vol. III, p. 157. (back)

(159) Xem Lời Tựa và Dẫn Nhập, Giáo Lý Bí Nhiệm, Tập I. (back)

Sự nguy hiểm ấy vẫn còn tồn tại, và gây trở ngại lớn cho những nỗ lực của Các Ngài, những Đấng—làm việc ở mặt bên trong—cảm thấy rằng tư tưởng của con người nên được nâng lên khỏi việc nghiên cứu các phương cách của sự tồn tại hồng trần để hướng đến những khái niệm rộng lớn hơn, tầm nhìn bao quát hơn, và sự thấu hiểu tổng hợp. Chỉ có thể đưa ra chỉ dẫn; ở đây không được phép công bố các công thức chuyển hoá, hay các mantram điều khiển vật chất của không gian. Chỉ có thể chỉ ra con đường cho những ai đã sẵn sàng, hoặc đang phục hồi [Page 482] tri thức cũ (đạt được qua sự tiếp cận Đường Đạo, hoặc tiềm ẩn do kinh nghiệm đã trải qua trong thời Atlantis) và các dấu mốc được nêu ra giữ đủ sự hướng dẫn để giúp họ thâm nhập sâu hơn vào những huyền nhiệm của tri thức. Sự nguy hiểm nằm chính ở chỗ toàn bộ vấn đề

material form, and deva substance. Man, being not yet master even of the substance of his own sheaths, nor in vibratory control of his third aspect, incurs risk when he concentrates his attention on the Not-Self. It can only be safely done when the magician knows five things:

chuyển hoá liên quan đến hình tướng vật chất, và chất liệu thiên thần. Con người, vì chưa làm chủ được ngay cả chất liệu của các vỏ bọc riêng của mình, cũng chưa kiểm soát được bằng rung động phương diện thứ ba của mình, nên gặp nguy hiểm khi tập trung sự chú ý vào Phi-Ngã. Điều này chỉ có thể được thực hiện an toàn khi nhà huyền thuật biết năm điều:

1. The nature of the atom.

1. Bản chất của nguyên tử.

2. The keynote of the planes.

2. Chủ âm của các cõi.

3. The method of working from the egoic level through conscious control, knowledge of the protective sounds and formulas, and pure altruistic endeavour.

3. Phương pháp làm việc từ cấp độ chân ngã qua sự kiểm soát hữu thức, tri thức về các âm thanh và công thức bảo vệ, và nỗ lực vị tha thuần khiết.

4. The interaction of the three fires, the lunar words, the solar words, and later a cosmic word.

4. Sự tương tác của ba ngọn lửa, các linh từ thái âm, các linh từ thái dương, và về sau là một linh từ vũ trụ.

5. The secret of electrical vibration, which is only realised in an elementary way when a man knows the keynote of his own planetary Logos.

5. Bí mật của rung động điện, điều chỉ được chứng nghiệm theo cách sơ đẳng khi một người biết chủ âm của chính Hành Tinh Thượng Đế của mình.

All this knowledge as it concerns the three worlds is in the hands of the Masters of the Wisdom, and enables Them to work along the lines of energy or force, and not with what is usually understood when the word 'substance' is used. They work with electrical energy, concerning Themselves with positive electricity, or with the energy of the positive nucleus of force within the atom, whether it is the atom of chemistry, for instance, or the human atom. They *deal with the soul of things*. The black magician works with the negative aspect, with the electrons, if I might so term it, with the sheath, and not with the soul. This

Toàn bộ tri thức này, trong chừng mực nó liên quan đến ba cõi giới, nằm trong tay các Chân sư Minh Triết, và cho phép Các Ngài làm việc theo các đường năng lượng hay mãnh lực, chứ không phải với điều thường được hiểu khi dùng từ 'chất liệu'. Các Ngài làm việc với năng lượng điện, quan tâm đến điện dương, hay năng lượng của hạt nhân dương của mãnh lực bên trong nguyên tử, dù đó là nguyên tử hóa học, chẳng hạn, hay nguyên tử con người. Các Ngài *làm việc với linh hồn của vạn vật*. Nhà hắc thuật làm việc với phương diện âm, với các electron, nếu tôi có thể gọi như vậy, với vỏ bọc, chứ không phải với linh hồn. Sự phân biệt này phải

distinction must be clearly borne in mind. It holds the clue to the non-interference of the [Page 483] whole Brotherhood in material matters and affairs, and Their concentration upon the force aspect, upon the centres of energy. *They reach the whole through the agency of the few centres in a form.* With this preamble we will now take up the consideration of the

được ghi nhớ rõ ràng. Nó nắm giữ đầu mối cho sự không can thiệp của toàn thể [Page 483] Huynh đệ Đoàn trong các vấn đề và công việc vật chất, và cho sự tập trung của Các Ngài vào phương diện mãnh lực, vào các trung tâm năng lượng. *Các Ngài đạt đến toàn thể thông qua tác nhân là một vài trung tâm trong một hình tướng.* Với lời mở đầu này, giờ đây chúng ta sẽ bắt đầu xem xét vấn đề

Conscious Manipulation of the Fires

Sự Điều Khiển Hữu Thức các Ngọn Lửa

It will now be apparent that the whole process of transmutation, as we can deal with it at present, concerns itself with the two fires which reached a high stage of perfection in a past solar system:

Giờ đây sẽ rõ rằng toàn bộ tiến trình chuyển hoá, như chúng ta có thể bàn đến hiện nay, liên quan đến hai ngọn lửa đã đạt đến một giai đoạn hoàn thiện cao trong một hệ mặt trời quá khứ:

a. The fire of an atom in its twofold aspect—internal and radiatory.

a. Lửa của một nguyên tử trong phương diện nhị phân của nó—nội tại và bức xạ.

b. The fires of mind.

b. Các ngọn lửa của trí tuệ.

It is with these that transmutation concerns itself from the human standpoint, and the third fire of Spirit is not at this stage to be considered.

Từ quan điểm con người, chính với hai ngọn lửa này mà sự chuyển hoá liên quan, còn ngọn lửa thứ ba của tinh thần thì ở giai đoạn này không được xét đến.

This *conscious* manipulation of the fires is the prerogative of man when he has reached a certain point in his evolution; the unconscious realisation of this has led naturally to the attempts of the alchemist to transmute in the mineral kingdom. A few of the older students right through the ages have comprehended the vastness of the endeavour of which the transmutation of the baser metals into gold was but preliminary and a symbol, a pictorial, allegorical, concrete step. The whole subject of transmutation is covered by the work of the Hierarchy in all its three departments on this planet, and we might get some idea of

Sự điều khiển *hữu thức* các ngọn lửa này là đặc quyền của con người khi y đã đạt đến một điểm nhất định trong tiến hoá của mình; sự chứng nghiệm vô thức về điều này tự nhiên đã dẫn đến những nỗ lực của nhà luyện kim nhằm chuyển hoá trong giới kim thạch. Một vài đạo sinh xưa kia xuyên suốt các thời đại đã hiểu được tính bao la của nỗ lực mà việc chuyển các kim loại kém quý thành vàng chỉ là phần mở đầu và là một biểu tượng, một bước đi bằng hình ảnh, ngụ ngôn, cụ thể. Công việc của Thánh đoàn trong cả ba ban trên hành tinh này bao trùm toàn bộ chủ đề chuyển hoá, và chúng ta có thể có được một vài ý niệm về những vấn đề

the matters involved if we studied this vast hierarchical standpoint, getting thereby a concept of the work done in aiding the evolutionary process. It is the work of transferring the life from one stage of atomic existence to another, and it involves three distinct steps, which can be seen and traced by means of the higher clairvoyance, and from the higher planes. These steps or stages are: [Page 484]

liên quan nếu nghiên cứu quan điểm rộng lớn của Thánh đoàn này, nhờ đó có được một khái niệm về công việc được thực hiện trong việc trợ giúp tiến trình tiến hoá. Đó là công việc chuyển dịch sự sống từ một giai đoạn tồn tại nguyên tử này sang một giai đoạn khác, và nó bao gồm ba bước riêng biệt, có thể được thấy và theo dõi bằng thông nhãn cao hơn, và từ các cõi cao hơn. Những bước hay giai đoạn này là: [Page 484]

The fiery stage—the blending, fusing, burning period, through which all atoms pass during the disintegration of form.

Giai đoạn rực lửa—giai đoạn hòa trộn, dung hợp, thiêu đốt mà mọi nguyên tử đều đi qua trong khi hình tướng tan rã.

The solvent stage, in which the form is dissipated and substance is held in solution, the atom being resolved into its essential duality.

Giai đoạn hòa tan, trong đó hình tướng bị làm tiêu tan và chất liệu được giữ trong trạng thái hòa tan, nguyên tử được phân giải thành tính nhị nguyên cốt yếu của nó.

The volatile stage, which concerns primarily the essential quality of the atom, and the escape of this essence, later to take a new form.

Giai đoạn bay hơi, chủ yếu liên quan đến phẩm tính cốt yếu của nguyên tử, và sự thoát ra của tinh chất này để về sau mang lấy một hình tướng mới.

Radioactivity, pralayic solution, and essential volatility might express the thought. In every transmuting process without exception these three steps are followed. Occultly expressed in the old Commentary they are thus stated:

Tính phóng xạ, sự hòa tan trong giai kỳ qui nguyên, và tính bay hơi cốt yếu có thể diễn tả ý tưởng này. Trong mọi tiến trình chuyển hoá không có ngoại lệ, ba bước này đều được tuân theo. Theo cách diễn đạt huyền bí trong Cổ Luận, chúng được phát biểu như sau:

"The fiery lives burn within the bosom of Mother.

"Các sự sống rực lửa cháy trong lòng Mẹ.

"The fiery centre extends to the periphery of the circle and dissipation supervenes and pralayic peace.

"Trung tâm rực lửa mở rộng đến chu vi của vòng tròn và sự tiêu tan xuất hiện cùng sự an bình của giai kỳ qui nguyên.

"The Son returns to the bosom of Father, and Mother rests quiescent."

"Người Con trở về lòng Cha, và Mẹ nghỉ ngơi trong tĩnh lặng."

The Masters, in concert with the great Devas, concern Themselves with this transmutative process, and each department might be considered as dealing with one of the three stages:

Các Chân sư, phối hợp với các thiên thần lớn, quan tâm đến tiến trình chuyển hoá này, và mỗi ban có thể được xem như xử lý một trong ba giai đoạn:

The Mahachohan's department in its five divisions deals with the burning of the fiery lives.

Ban của Đức Mahachohan trong năm phân ban của mình xử lý sự cháy của các sự sống rực lửa.

The Manu's department concerns itself with the form or the ring-pass-not which encloses the burning lives.

Ban của Đức Manu quan tâm đến hình tướng hay vòng-giới-hạn bao bọc các sự sống đang cháy.

The Bodhisattva's department deals with the return of the Son to the bosom of the Father.

Ban của Đức Bồ Tát xử lý sự trở về của Người Con vào lòng Cha.

Within the department of the Mahachohan, a secondary division along these lives might be outlined:

Trong ban của Đức Mahachohan, có thể phác họa một sự phân chia tiếp theo theo các đường này:

The seventh and fifth Rays are occupied with the return of the Son to the Father and are largely centred in pouring forth energising power when it becomes necessary to transfer the life of the Son from an old form into a new, from one kingdom of nature to another on the Path of Return. [Page 485]

Cung bảy và cung năm bận rộn với sự trở về của Người Con với Cha và phần lớn tập trung vào việc tuôn đổ quyền năng tiếp sinh lực khi cần chuyển dịch sự sống của Người Con từ một hình tướng cũ sang một hình tướng mới, từ giới này của thiên nhiên sang giới khác trên Con Đường Trở Về. [Page 485]

The third and sixth Rays deal with the burning of the fiery lives.

Cung ba và cung sáu xử lý sự cháy của các sự sống rực lửa.

The fourth blends the two fires within the atomic form.

Cung bốn dung hợp hai ngọn lửa bên trong hình tướng nguyên tử.

It will be seen from a close study of these subdivisions, how close is the co-operation between the different groups, and how inter-related are their activities. The work of the Hierarchy can be interpreted always in terms of alchemy, and Their activities deal

Qua việc nghiên cứu kỹ các phân ban này, người ta sẽ thấy sự hợp tác giữa các nhóm khác nhau chặt chẽ đến mức nào, và các hoạt động của họ liên hệ với nhau ra sao. Công việc của Thánh đoàn luôn có thể được diễn giải theo thuật luyện kim, và các hoạt động

with a threefold transmutation. This work is carried on by Them *consciously,* and supervenes upon Their own emancipation.

của Các Ngài xử lý một sự chuyển hoá tam phân. Công việc này được Các Ngài tiến hành *một cách hữu thức,* và diễn ra sau sự giải thoát của chính Các Ngài.

A Master transmutes in the three worlds and principally concerns Himself with the process upon the eighteen subplanes, the great field of human evolution, and with the passage of the life throughout the dense physical body of the Logos. *The Chohans* of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes), and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds, having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom into the monadic. Those on still higher levels—*the Buddhas and their Confrères of the first and third Rays*—deal with the passage of the life into the sub-atomic, and atomic planes of the cosmic physical. What has been said applies to all hierarchical efforts in all schemes and on all globes, for the unity of effort is universal. In every case, conscious self-induced control, or authority, precedes ability to transmute. *Initiates* learn to transmute and superintend the passage of the life out of the animal kingdom into the human after the third Initiation, and during the earlier stages of initiation, formulas that control the lesser devas, and which produce results in the merging of the second and third kingdoms are communicated; they work under safeguards and supervision.

Một Chân sư chuyển hoá trong ba cõi giới và chủ yếu quan tâm đến tiến trình trên mười tám cõi phụ, cánh đồng lớn của tiến hoá nhân loại, và đến sự đi qua của sự sống xuyên suốt thể xác đậm đặc của Thượng đế. *Các Chohan* của lần điểm đạo thứ sáu làm việc trong dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái của Thượng đế (cõi Bồ đề và cõi atma), và xử lý sự đi qua của sự sống của tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong các thế giới ấy, với mục tiêu là sự chuyển hoá các đơn vị từ giới tinh thần sang giới chân thần. Những Đấng ở các cấp độ còn cao hơn—*các Đức Phật và các Huynh Đệ của Các Ngài thuộc cung một và cung ba*—xử lý sự đi qua của sự sống vào các cõi phụ dưới-nguyên-tử và nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. Điều đã được nói áp dụng cho mọi nỗ lực của Thánh đoàn trong mọi hệ hành tinh và trên mọi bầu hành tinh, vì sự hợp nhất của nỗ lực là phổ quát. Trong mọi trường hợp, sự kiểm soát hữu thức do tự thân tạo ra, hay thẩm quyền, đều đi trước khả năng chuyển hoá. *Các điểm đạo đồ* học cách chuyển hoá và giám sát sự đi qua của sự sống từ giới động vật sang nhân loại sau lần điểm đạo thứ ba, và trong các giai đoạn đầu của điểm đạo, các công thức kiểm soát các thiên thần nhỏ hơn, và tạo ra kết quả trong sự hòa nhập của giới thứ hai và giới thứ ba, được truyền đạt; họ làm việc dưới sự bảo vệ và giám sát.

Advanced intellectual man should be able to co-operate in the synthesis of the work, and deal with the transmutation [Page 486] of the metals, as the ratio of their intellectual development to that of the mineral elements, and builders whom they would

Con người tiến bộ về trí tuệ lẽ ra phải có thể hợp tác trong sự tổng hợp của công việc, và xử lý sự chuyển hoá [Page 486] của các kim loại, vì tỷ lệ phát triển trí tuệ của họ so với các nguyên tố khoáng vật, và các đấng kiến tạo mà họ sẽ kiểm soát, cũng giống như

control, is the same as in the above mentioned cases and grades of consciousness, but owing to the disastrous developments in Atlantean days, and the consequent stultification of spiritual evolution for a time until karma has been adjusted, the art has been lost; or rather, the knowledge has been safeguarded until a period is reached in the racial progress wherein the physical body is pure enough to withstand the forces contacted, and to emerge from the process of chemical transmutation enriched, not only in knowledge and experience, but strengthened in its own inner fibre.

trong các trường hợp và cấp độ tâm thức đã nêu ở trên; nhưng do những phát triển tai hại trong thời Atlantis, và sự làm đình trệ tiến hoá tinh thần kéo theo trong một thời gian cho đến khi nghiệp quả được điều chỉnh, nghệ thuật này đã bị mất; hay đúng hơn, tri thức ấy đã được bảo vệ cho đến khi đạt đến một giai đoạn trong sự tiến bộ của nhân loại mà ở đó thể xác đủ thanh khiết để chịu đựng các mãnh lực được tiếp xúc, và bước ra khỏi tiến trình chuyển hoá hóa học với sự phong phú hơn, không chỉ về tri thức và kinh nghiệm, mà còn được tăng cường trong chính thớ sợi nội tại của nó.

As time proceeds, man will gradually do four things:

Theo thời gian, con người sẽ dần dần làm bốn việc:

1. Recover past knowledge and powers developed in Atlantean days.

1. Phục hồi tri thức và các năng lực trong quá khứ đã được phát triển trong thời Atlantis.

2. Produce bodies resistant to the fire elementals of the lower kind which work in the mineral kingdom.

2. Tạo ra các thân thể chống chịu được các hành khí của lửa thuộc loại thấp hoạt động trong giới kim thạch.

3. Comprehend the inner meaning of radioactivity, or the setting loose of the power inherent in all elements and all atoms of chemistry, and in all true minerals.

3. Thấu hiểu ý nghĩa bên trong của tính phóng xạ, hay sự giải phóng quyền năng vốn có trong mọi nguyên tố và mọi nguyên tử hóa học, và trong mọi khoáng vật chân chính.

4. Reduce the formulas of the coming chemists and scientists to SOUND, and not simply formulate through experiment on paper. In this last statement lies (for those who can perceive) the most illuminating hint that it has been possible as yet to impart on this matter.

4. Quy các công thức của các nhà hóa học và khoa học gia tương lai về ÂM THANH, chứ không chỉ đơn thuần hình thành công thức qua thí nghiệm trên giấy. Chính trong phát biểu cuối cùng này có gợi ý soi sáng nhất mà cho đến nay có thể truyền đạt về vấn đề này, đối với những ai có thể nhận ra.

It may seem that I have not communicated much information anent this conscious

Có thể dường như tôi đã không truyền đạt nhiều thông tin về sự điều khiển hữu thức

manipulation of the fires. That lies in the inability of the student to read the esoteric background of the above communicated statements. Conscious transmutation is possible only when a man has transmuted the elements in his own vehicles; then only can he be trusted with the secrets of divine alchemy. [Page 487] When through the latent internal fires of the matter of his own sheaths he has transmuted the chemical and mineral atoms of those sheaths, then can he safely—through affinity of substance—aid the work of mineral transmutation of the first order. Only when (through the radiatory fires of the sheaths) he has transmuted the correspondence to the vegetable kingdom within his own organism can he alchemically do work of the second order. Only when the fires of mind in himself dominate, can he work with the transmutative processes of the third order, or with the transference of life into the animal forms. Only when the Self within, or the Ego in the causal body, is in control of his threefold personality can he occultly be permitted to be an alchemist of the fourth order, and work in connection with the transmutation of the animal monad into the human kingdom, with all the vast knowledge that is included in that idea. Much lies ahead to be accomplished, but in the appreciation of the magnitude of the task need be no place for discouragement, for in the wise outlining of the future, in the cautious promulgation of knowledge concerning the necessitated stages, will come strenuous effort and aim on the part of many aspirants, and the evolutionary bringing in of those who can achieve.

các ngọn lửa này. Điều đó là do đạo sinh chưa có khả năng đọc hiểu hàm ý nội môn của các phát biểu đã được truyền đạt ở trên. Sự chuyển hoá hữu thức chỉ có thể khi một người đã chuyển hoá các nguyên tố trong chính các vận cụ của mình; chỉ khi đó y mới có thể được tin cậy để nhận các bí mật của thuật luyện kim thiêng liêng. [Page 487] Khi qua các ngọn lửa nội tại tiềm ẩn của vật chất trong chính các vỏ bọc của mình, y đã chuyển hoá các nguyên tử hóa học và khoáng vật của các vỏ bọc ấy, khi đó y mới có thể một cách an toàn—nhờ sự tương hợp của chất liệu—trợ giúp công việc chuyển hoá khoáng vật bậc thứ nhất. Chỉ khi (qua các ngọn lửa bức xạ của các vỏ bọc) y đã chuyển hoá sự tương ứng với giới thực vật bên trong cơ thể riêng của mình thì y mới có thể bằng thuật luyện kim thực hiện công việc bậc thứ hai. Chỉ khi các ngọn lửa của trí tuệ trong chính y chi phối, y mới có thể làm việc với các tiến trình chuyển hoá bậc thứ ba, hay với sự chuyển dịch sự sống vào các hình tướng động vật. Chỉ khi Bản Ngã Cao Siêu bên trong, hay Chân ngã trong thể nguyên nhân, kiểm soát phàm ngã tam phân của y thì theo huyền bí học y mới có thể được phép trở thành một nhà luyện kim bậc thứ tư, và làm việc liên quan đến sự chuyển hoá chân thần động vật vào giới nhân loại, cùng với toàn bộ tri thức bao la được bao hàm trong ý tưởng đó. Còn rất nhiều điều phía trước cần được hoàn thành, nhưng trong sự nhận thức về tầm vóc của nhiệm vụ không cần có chỗ cho sự nản lòng, vì trong việc vạch ra tương lai một cách khôn ngoan, trong việc công bố thận trọng tri thức liên quan đến các giai đoạn tất yếu, sẽ xuất hiện nỗ lực mạnh mẽ và mục tiêu nơi nhiều người chí nguyện, cùng sự xuất hiện theo tiến trình tiến hoá của những người có thể thành tựu.

The problem of speaking clearly on this subject of transmutation is a very real one, owing to the vastness of the subject and the

Việc nói rõ ràng về chủ đề chuyển hoá này là một khó khăn thực sự, do tính bao la của chủ đề và sự kiện rằng trong tiến trình chuyển

fact that in the transmutation process the magician or alchemist *works with deva essence through the control of the lesser Builders in co-operation with the greater Devas.*

hoá, nhà huyền thuật hay nhà luyện kim *làm việc với tinh chất thiên thần qua sự kiểm soát các vị tiểu kiến tạo trong sự hợp tác với các thiên thần lớn.*

S5S3

In order, therefore, to bring about clarity of thought and definiteness of conjecture in this respect, I desire primarily to lay down certain postulates which must be carefully borne in mind when considering this question of transmutation. They are five in number and concern specifically the field wherein the transmuting process is carried on. The student must [Page 488] recollect at this juncture the distinction that is made between the work of the black and the white magician. It might be helpful here before proceeding further to look at these distinctions as far as they concern the matter in hand:

Vì vậy, để đem lại sự rõ ràng cho tư tưởng và tính xác định cho suy đoán về phương diện này, trước hết tôi muốn nêu ra một số định đề nhất định phải được ghi nhớ cẩn thận khi xem xét vấn đề chuyển hoá này. Có năm định đề, và chúng liên quan đặc biệt đến lĩnh vực trong đó tiến trình chuyển hoá được tiến hành. Đạo sinh phải [Page 488] nhớ vào lúc này sự phân biệt được nêu ra giữa công việc của nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo. Ở đây, trước khi đi xa hơn, việc xem xét những sự phân biệt này trong chừng mực chúng liên quan đến vấn đề đang bàn có thể hữu ích:

First. The white Brother deals with positive electrical energy. The dark Brother deals with the negative electrical energy.

Thứ nhất. Huynh đệ chánh đạo làm việc với năng lượng điện dương. Huynh đệ bóng tối làm việc với năng lượng điện âm.

Second. The white Brother occupies himself with the soul of things. The black Magician centres his attention upon the form.

Thứ hai. Huynh đệ chánh đạo làm việc với linh hồn của vạn vật. Nhà huyền thuật hắc đạo tập trung sự chú ý vào hình tướng.

Third. The white Magician develops the inherent energy of the sphere concerned (whether human, animal, vegetable or mineral) and produces results through the self-induced activities of the central life, subhuman, human or super-human. The black Magician attains results through the agency of force external to the sphere involved, and produces transmutation through the agency of resolvents (if so I might term it) or through the method of the

Thứ ba. Nhà huyền thuật chánh đạo phát triển năng lượng cố hữu của khối cầu liên quan (dù là con người, động vật, thực vật hay khoáng vật) và tạo ra kết quả qua các hoạt động do tự thân khởi phát của sự sống trung tâm, dưới nhân loại, nhân loại hay siêu nhân loại. Nhà huyền thuật hắc đạo đạt kết quả qua tác nhân là mãnh lực bên ngoài khối cầu liên quan, và tạo ra sự chuyển hoá qua tác nhân là các chất phân giải (nếu tôi có thể gọi như vậy) hay qua phương pháp làm

reduction of the form, rather than through radiation, as does the white Magician.

These differences of method need to be carefully considered and their reaction visualised in connection with different elements, atoms, and forms. To return to our statement of our five postulates anent the transmutation of substance, the resolution of the life, or the transference of energy into different forms.

giảm thiểu hình tướng, thay vì qua bức xạ như nhà huyền thuật chánh đạo.

Những khác biệt về phương pháp này cần được xem xét cẩn thận và phản ứng của chúng được hình dung liên hệ với các nguyên tố, nguyên tử và hình tướng khác nhau. Trở lại với phát biểu của chúng ta về năm định đề liên quan đến sự chuyển hoá của chất liệu, sự phân giải của sự sống, hay sự chuyển dịch năng lượng vào các hình tướng khác nhau.

THE FIVE POSTULATES

NĂM ĐỊNH ĐỀ

Postulate I. All matter is living matter, or is the vital substance of deva entities. For instance, a plane, and forms built of that particular plane substance, is the material form or sheath of a great deva, who is the essence back of manifestation and the soul of the plane. [Page 489]

Định đề I. Mọi vật chất đều là vật chất sống, hay là chất liệu sinh lực của các thực thể thiên thần. Chẳng hạn, một cõi, và các hình tướng được xây dựng bằng chất liệu riêng của cõi đó, là hình tướng vật chất hay vỏ bọc của một thiên thần lớn, vị này là tinh chất đứng sau biểu hiện và là linh hồn của cõi ấy. [Page 489]

Postulate II. All forms, vibrating to any keynote, are fabricated by the building devas out of the matter of their own bodies. Hence they are called the great Mother aspect, for they produce the form out of their own substance.

Định đề II. Mọi hình tướng, rung động theo bất kỳ chủ âm nào, đều được các thiên thần kiến tạo tạo tác từ vật chất của chính thân thể họ. Vì thế họ được gọi là phương diện Mẹ vĩ đại, vì họ tạo ra hình tướng từ chính chất liệu của mình.

Postulate III. The devas are the life which produces form-cohesion. They are the third and second aspects blended, and might be considered as the life of all forms that are subhuman. A magician, therefore, who transmutes in the mineral kingdom works practically with deva essence in its earliest form on the upward arc of evolution, and has to remember three things:

Định đề III. Các thiên thần là sự sống tạo ra sự kết dính của hình tướng. Họ là phương diện thứ ba và thứ hai được hòa trộn, và có thể được xem là sự sống của mọi hình tướng dưới nhân loại. Vì vậy, một nhà huyền thuật chuyển hoá trong giới kim thạch thực tế làm việc với tinh chất thiên thần trong hình thức sớm nhất của nó trên cung đi lên của tiến hoá, và phải nhớ ba điều:

a. The effect of the backward pull of the involutionary lives which lie back of the mineral, or, in effect, its heredity.

b. The sevenfold nature of the peculiar group of devas which constitute its being in an occult sense.

c. The next transition stage ahead into the vegetable kingdom, or the occult effect of the second kingdom on the first.

Postulate IV. All deva essences and builders on the physical plane are peculiarly dangerous to man, for they work on the etheric levels and are—as I have earlier pointed out—the transmitters of prana, or the vital, animating substance, and hence they set loose upon the ignorant and the unwary, fiery essence which burns and destroys.

Postulate V. The devas do not work as individualised conscious units through self-initiating purposes as does a man, a Heavenly Man or a solar Logos (viewed as Egos) but they work in groups subject to:

a. Inherent impulse, or latent active intelligence.

b. Orders issued by the greater Builders.

c. Ritual, or compulsion induced through colour and sound.

[Page 490] When these facts are remembered and considered, some comprehension of the place the devas play in

a. Ảnh hưởng của sức kéo lùi của các sự sống giáng hạ tiến hoá nằm phía sau khoáng vật, hay thực tế là tính di truyền của nó.

b. Bản chất thất phân của nhóm thiên thần đặc thù cấu thành sự hiện hữu của nó theo nghĩa huyền bí.

c. Giai đoạn chuyển tiếp kế tiếp ở phía trước vào giới thực vật, hay ảnh hưởng huyền bí của giới thứ hai lên giới thứ nhất.

Định đề IV. Mọi tinh chất thiên thần và các đấng kiến tạo trên cõi hồng trần đều đặc biệt nguy hiểm đối với con người, vì họ hoạt động trên các cấp độ dĩ thái và—như tôi đã chỉ ra trước đây—là những vị truyền dẫn prana, hay chất liệu sinh động, tiếp sinh lực, và do đó họ phóng thích tinh chất rực lửa thiêu đốt và hủy diệt hướng vào những người vô minh và bất cẩn.

Định đề V. Các thiên thần không làm việc như những đơn vị hữu thức đã biệt ngã hóa thông qua các mục đích do tự mình khởi xướng như con người, một Đấng Thiên Nhân hay một Thái dương Thượng đế (được nhìn như các Chân ngã), mà họ làm việc theo nhóm, chịu sự chi phối của:

a. Xung lực cố hữu, hay trí tuệ hoạt động tiềm ẩn.

b. Các mệnh lệnh do các đấng đại kiến tạo ban ra.

c. Nghi lễ, hay sự cưỡng bách được tạo ra qua màu sắc và âm thanh.

[Page 490] Khi những sự kiện này được ghi nhớ và xem xét, có thể đạt được một phần thấu hiểu về vai trò của các thiên thần trong

transmutation may be achieved. The position that fire occupies in the process is of peculiar interest here, for it brings out clearly the difference of method between the two schools.

sự chuyển hoá. Vị trí mà lửa giữ trong tiến trình này đặc biệt đáng quan tâm ở đây, vì nó làm nổi bật rõ ràng sự khác biệt về phương pháp giữa hai trường phái.

In the transmutative process as carried on by the Brotherhood, the inner fire which animates the atom, form or man is stimulated, fanned and strengthened till it (through its own internal potency) burns up its sheaths, and escapes by radiation from within its ring-pass-not. This is seen in an interesting way as occurring during the process of the final initiations when the causal body is destroyed by fire. The fire within burns up all else and the electric fire escapes. The true alchemist therefore in days to come will in every case seek to stimulate the radioactivity of the element or atom with which he is working and will centre his attention upon the positive nucleus. By increasing its vibration, its activity, or its positivity, he will bring about the desired end. The Masters do this in connection with the human spirit and do not concern Themselves at all with his 'deva' aspect. The same basic rule will be found to apply in the case of a mineral as well as of a man.

Trong tiến trình chuyển hoá mà Huynh đệ Đoàn tiến hành, ngọn lửa bên trong làm sinh động nguyên tử, hình tướng hay con người được kích thích, quạt lên và tăng cường cho đến khi nó (nhờ chính tiềm lực nội tại của mình) thiêu hủy các vỏ bọc của nó, và thoát ra bằng bức xạ từ bên trong vòng-giới-hạn của nó. Điều này được thấy một cách thú vị là xảy ra trong tiến trình các lần điểm đạo cuối cùng khi lửa hủy diệt thể nguyên nhân. Ngọn lửa bên trong thiêu hủy mọi thứ khác và Lửa Điện thoát ra. Vì vậy, nhà luyện kim chân chính trong những ngày sắp tới trong mọi trường hợp sẽ tìm cách kích thích tính phóng xạ của nguyên tố hay nguyên tử mà y đang làm việc và sẽ tập trung sự chú ý vào hạt nhân dương. Bằng cách gia tăng rung động, hoạt động hay tính dương của nó, y sẽ đem lại kết quả mong muốn. Các Chân sư làm điều này liên quan đến tinh thần con người và hoàn toàn không quan tâm đến phương diện 'thiên thần' của y. Cùng một quy luật căn bản sẽ được thấy là áp dụng trong trường hợp khoáng vật cũng như con người.

The process as carried on by the Dark Brotherhood is the reverse of this. They centre the attention upon the form, and seek to shatter and break that form, or the combination of atoms, in order to permit the central electric life to escape. They bring about this result through external agencies and by availing themselves of the destructive nature of the substance (deva essence) itself. They burn and destroy the material sheath, seeking to imprison the escaping volatile essence as the form

Tiến trình do Hắc đoàn tiến hành thì ngược lại. Họ tập trung sự chú ý vào hình tướng, và tìm cách làm tan vỡ và phá hủy hình tướng đó, hay tổ hợp các nguyên tử, để cho phép sự sống điện trung tâm thoát ra. Họ đem lại kết quả này qua các tác nhân bên ngoài và bằng cách lợi dụng bản chất hủy diệt của chính chất liệu (tinh chất thiên thần). Họ đốt cháy và hủy diệt vỏ bọc vật chất, tìm cách giam giữ tinh chất bay hơi đang thoát ra khi hình tướng tan rã. Điều này cản trở kế hoạch tiến hoá trong trường hợp của sự sống liên quan,

disintegrates. This hinders the evolutionary plan in the case of the life involved, delays the consummation, interferes with the ordered progress of development, and puts all [Page 491] the factors involved in a bad position. The life (or entity) concerned receives a setback, the devas work destructively, and without participation in the purpose of the plan, and the magician is in danger, under the Law of Karma, and through the materialising of his own substance by affinity with the third aspect. Black magic of this nature creeps into all religions along this very line of the destruction of the form through outer agency, and not through the liberation of the life through inner development and preparedness. It produces the evils of Hatha Yoga in India and similar methods as practised in certain religious and occult orders in the Occident also. Both work with matter on some plane in the three worlds, and do evil that good may come; both control the devas, and attempt to produce specific ends by manipulation of the matter of the form. The Hierarchy works with the soul within the form and produces results that are intelligent, self-induced and permanent. Wherever attention is centred on the form and not on the Spirit, the tendency is to deva worship, deva contact and black magic, for the *form* is made of deva substance on all planes.

trì hoãn sự hoàn tất, can thiệp vào tiến trình phát triển có trật tự, và đặt mọi [Page 491] yếu tố liên quan vào một vị thế xấu. Sự sống (hay thực thể) liên quan bị thụt lùi, các thiên thần làm việc một cách hủy diệt, và không tham dự vào mục đích của Thiên Cơ, còn nhà huyền thuật thì lâm nguy dưới Định luật Nghiệp quả, và qua sự hiện hình của chính chất liệu của mình do sự tương hợp với phương diện thứ ba. Hắc thuật thuộc loại này len lỏi vào mọi tôn giáo đúng theo đường lối hủy diệt hình tướng qua tác nhân bên ngoài, chứ không phải qua sự giải phóng sự sống nhờ sự phát triển và chuẩn bị bên trong. Nó tạo ra những tai hại của Hatha Yoga ở Ấn Độ và những phương pháp tương tự như được thực hành trong một số dòng tu tôn giáo và huyền bí ở phương Tây. Cả hai đều làm việc với vật chất trên một cõi nào đó trong ba cõi giới, và làm điều ác để điều thiện có thể đến; cả hai đều kiểm soát các thiên thần, và cố tạo ra những kết quả đặc thù bằng sự điều khiển vật chất của hình tướng. Thánh đoàn làm việc với linh hồn bên trong hình tướng và tạo ra những kết quả thông minh, do tự thân khởi phát và bền vững. Bất cứ nơi nào sự chú ý tập trung vào hình tướng chứ không vào tinh thần, xu hướng sẽ là thờ phụng thiên thần, tiếp xúc thiên thần và hắc thuật, vì *hình tướng* được tạo thành từ chất liệu thiên thần trên mọi cõi.

This must be considered well in connection with every form for it holds the key to many mysteries.

Điều này phải được xem xét kỹ liên hệ với mọi hình tướng vì nó nắm giữ chìa khóa cho nhiều huyền nhiệm.

We have seen how in this question of the transference of the life from form to form, the work proceeds under rule and order, and is effected through the co-operation of the devas in the first instance, and the application of external agents to the atom or

Chúng ta đã thấy rằng trong vấn đề chuyển sự sống từ hình tướng này sang hình tướng khác, công việc tiến hành dưới quy luật và trật tự, và được thực hiện qua sự hợp tác của các thiên thần trước hết, cùng việc áp dụng các tác nhân bên ngoài lên nguyên tử hay

form involved, and in the second place (involving the most important and lengthy stage of the procedure) through the subsequent reaction within the atom itself, which produces an intensification of the positive burning centre, and the consequent escape (through radioactivity) of the volatile essence.

hình tướng liên quan, và thứ hai (bao gồm giai đoạn quan trọng nhất và kéo dài nhất của thủ tục) qua phản ứng tiếp theo bên trong chính nguyên tử, phản ứng này tạo ra sự tăng cường của trung tâm cháy dương, và hậu quả là sự thoát ra (qua tính phóng xạ) của tinh chất bay hơi.

At all the different stages, the fire elementals perform their part, aided by the fire devas who are the controlling [Page 492] agents. This is so on all the planes which primarily concern us in the three worlds—different groups of devas coming into action according to the nature of the form concerned, and the plane on which the transmutation is to take place. Electric fire passes from atom to atom according to law, and "fire by friction" responds, being the latent fire of the atom, or its negative aspect; the process is carried on through the medium of solar fire, and herein lies the secret of transmutation and its most mysterious angle. Fire by friction, the negative electricity of substance, has been for some time the subject of the attention of exoteric science, and investigation of the nature of positive electricity has become possible through the discovery of radium.

Ở mọi giai đoạn khác nhau, các hành khí của lửa đảm nhiệm phần việc của chúng, với sự trợ giúp của các thiên thần của lửa là những tác nhân kiểm soát [Page 492]. Điều này đúng trên mọi cõi chủ yếu liên quan đến chúng ta trong ba cõi giới—những nhóm thiên thần khác nhau đi vào hoạt động tùy theo bản chất của hình tướng được xét đến, và cõi nơi sự chuyển hoá sẽ diễn ra. Lửa Điện truyền từ nguyên tử này sang nguyên tử khác theo định luật, và "Lửa ma sát" đáp ứng, vì đó là lửa tiềm tàng của nguyên tử, hay phương diện âm của nó; tiến trình được thực hiện qua trung gian của Lửa Thái dương, và chính trong đó có bí mật của sự chuyển hoá cùng phương diện huyền nhiệm nhất của nó. Lửa ma sát, tức điện âm của chất liệu, từ lâu đã là đối tượng được khoa học ngoại môn chú ý, và việc khảo cứu bản chất của điện dương đã trở nên khả hữu nhờ sự khám phá ra radium.

Keely, as H. P. B. hinted, *(S.D., I, 172, 607-611)* had gone far along this path, and knew even more than he gave out, and others have approached, or are approaching, the same objective. The next step ahead for science lies in this direction, and should concern the potential force of the atom itself, and its harnessing for the use of man. This will let loose upon earth a stupendous amount of energy. Nevertheless, it is only when the third factor is comprehended, and science admits the agency of mental fire as embodied in certain groups of devas, that

Keely, như H. P. B. đã ám chỉ, *(S.D., I, 172, 607-611)* đã đi rất xa trên con đường này, và còn biết nhiều hơn điều ông công bố, và những người khác đã tiến gần, hoặc đang tiến gần, đến cùng mục tiêu ấy. Bước kế tiếp của khoa học nằm theo hướng này, và phải liên quan đến mãnh lực tiềm tàng của chính nguyên tử, cùng việc chế ngự nó để phục vụ con người. Điều này sẽ giải phóng trên Trái Đất một lượng năng lượng khổng lồ. Tuy nhiên, chỉ khi yếu tố thứ ba được thấu hiểu, và khoa học thừa nhận tác nhân của lửa trí tuệ như được hiện thân trong một số nhóm

the force of energy that is triple, and yet one in the three worlds, will become available for the helping of man. This lies as yet far ahead, and will only become possible towards the end of this round; and these potent forces will not be fully utilised, nor fully known till the middle of the next round. At that time, much energy will become available through the removal of all that obstructs. This is effected, in relation to man, at the Judgment separation, but it will produce results in the other kingdoms of nature also. A portion of the animal kingdom will enter into a temporary obscuration, thus releasing energy for [Page 493] the use of the remaining percentage, and producing results such as are hinted at by the prophet of Israel *(Bible, Isiah 11:6)* when he speaks of "the wolf lying down with the lamb"; his comment "a little child shall lead them" is largely the esoteric enunciation of the fact that three fifths of the human family will stand upon the Path, 'a little child' being the name applied to probationers and disciples. In the vegetable and mineral kingdoms a corresponding demonstration will ensue, but of such a nature as to be too obscure for our comprehension.

thiên thần, thì mãnh lực năng lượng vốn là tam phân mà vẫn là một trong ba cõi giới mới trở nên khả dụng để trợ giúp con người. Điều này hiện vẫn còn ở rất xa phía trước, và chỉ có thể trở thành khả hữu vào cuối cuộc tuần hoàn này; và các mãnh lực hùng mạnh ấy sẽ không được sử dụng trọn vẹn, cũng không được biết đến trọn vẹn cho đến giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp. Vào lúc đó, nhiều năng lượng sẽ trở nên khả dụng nhờ việc loại bỏ mọi điều cản trở. Điều này, liên hệ với con người, được thực hiện vào cuộc phân ly Phán Xét, nhưng nó cũng sẽ tạo ra kết quả trong các giới khác trong tự nhiên. Một phần của giới động vật sẽ đi vào một giai đoạn che khuất tạm thời, nhờ đó giải phóng năng lượng để [Page 493] sử dụng cho phần còn lại, và tạo ra những kết quả như đã được nhà tiên tri của Israel ám chỉ *(Bible, Isiah 11:6)* khi ông nói về "con sói nằm với chiên con"; lời bình của ông rằng "một đứa trẻ nhỏ sẽ dẫn dắt chúng" phần lớn là sự tuyên xưng nội môn về sự kiện rằng ba phần năm gia đình nhân loại sẽ đứng trên Đường Đạo, "một đứa trẻ nhỏ" là danh xưng áp dụng cho những người dự bị và các đệ tử. Trong giới thực vật và giới kim thạch, một biểu hiện tương ứng cũng sẽ tiếp theo, nhưng có bản chất quá mơ hồ đối với sự thấu hiểu của chúng ta.

The central factor of solar fire in the work of transmutation will come to be understood through the study of the fire devas and elementals, who are fire, and who are, in themselves (essentially and through active magnetic radiation), the external heat or vibration which produces:

Yếu tố trung tâm của Lửa Thái dương trong công việc chuyển hoá sẽ được hiểu thông qua việc nghiên cứu các thiên thần của lửa và các hành khí, là lửa, và tự thân chúng (về bản chất và qua bức xạ từ tính hoạt động) chính là nhiệt hay rung động bên ngoài tạo ra:

The force which plays upon the spheroidal wall of the atom.

Mãnh lực tác động lên vách hình cầu của nguyên tử.

Sự đáp ứng bên trong nguyên tử tạo ra bức xạ hay sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi.

The response within the atom which produces radiation or the escape of volatile essence.

Speaking cosmically, and regarding the solar system as itself a cosmic atom, we would consider that:

Nói theo nghĩa vũ trụ, và xét hệ mặt trời như chính nó là một nguyên tử vũ trụ, chúng ta sẽ xem rằng:

The abstractions or entities who indwell the form are "electric fire."

Các trừu tượng thể hay thực thể cư ngụ trong hình tướng là "Lửa Điện."

The material substance which is enclosed within the ring-pass-not viewing it as a homogeneous whole, is "fire by friction."

Chất liệu vật chất được bao bọc bên trong vòng-giới-hạn, nếu xem nó như một toàn thể đồng nhất, là "Lửa ma sát."

The fire devas from the cosmic mental plane (of whom Agni and Indra are the embodiers along with one whose name is not to be given) are the external agencies who carry on cosmic transmutation.

Các thiên thần của lửa từ cõi trí vũ trụ (mà Agni và Indra là những Đấng hiện thân cùng với một Đấng có danh xưng không được tiết lộ) là những tác nhân bên ngoài thực hiện sự chuyển hoá vũ trụ.

This triple statement can be applied to a scheme, a chain, or a globe also, remembering ever that in connection [Page 494] with man the fire which is his third aspect emanates from the systemic mental.

Mệnh đề tam phân này cũng có thể được áp dụng cho một hệ hành tinh, một Dãy, hay một bầu hành tinh, đồng thời luôn ghi nhớ rằng liên hệ [Page 494] với con người, ngọn lửa là phương diện thứ ba của y phát xuất từ cõi trí của hệ thống.

We have dealt in broad and general manner with this question of electricity and have seen that fire essence or substance is resolved through internal activity and external heat in such a manner that the electric fire at the centre of the atom is liberated and seeks a new form. This is the aim of the transmutative process and the fact that hitherto alchemists working in the mineral kingdom have failed to achieve their objective has been due to three things:

Chúng ta đã bàn đến vấn đề điện lực này theo cách rộng và tổng quát, và đã thấy rằng tinh chất hay chất liệu lửa được phân giải qua hoạt động nội tại và nhiệt bên ngoài theo cách mà Lửa Điện ở trung tâm nguyên tử được giải phóng và tìm kiếm một hình tướng mới. Đây là mục tiêu của tiến trình chuyển hoá, và sự kiện rằng cho đến nay các nhà luyện kim làm việc trong giới kim thạch đã không đạt được mục tiêu của họ là do ba điều:

First. Inability to contact the central electric spark. This is due to ignorance of certain of the laws of electricity, and above all,

Thứ nhất. Không thể tiếp xúc được tia lửa điện trung tâm. Điều này là do không biết một số định luật điện lực, và trên hết là

ignorance of the set formula which covers the range of the electrical influence of that spark.

Second. Inability to create the necessary channel or "path" along which the escaping life may travel into its new form. Many have succeeded in breaking the form so that the life has escaped but they have not known how to harness or guide it and all their labour has consequently been lost.

Third. Inability to control the fire elementals who are the external fire which affects that central spark through the medium of its environment. This inability is especially distinctive of the alchemists of the fifth root race who have been practically incapable of this control, having lost the Words, the formulas, and the sounds. This is the consequence of undue success in Atlantean days, when the alchemists of the time, through colour and sound so entirely controlled the elementals that they utilised them for their own selfish ends and along lines of endeavours outside their legitimate province. This knowledge of formulas and sounds can be comparatively [Page 495] easily acquired when man has developed the inner spiritual ear. When this is the case, the transmutative processes of the grosser kind (such as are involved in the manufacture of pure gold) will interest him not at all and only those subtler forms of activity which are connected with the transference of life from graded form to form will occupy his attention.

không biết công thức cố định bao quát phạm vi ảnh hưởng điện lực của tia lửa ấy.

Thứ hai. Không thể tạo ra kênh hay "con đường" cần thiết dọc theo đó sự sống thoát ra có thể đi vào hình tướng mới của nó. Nhiều người đã thành công trong việc phá vỡ hình tướng để sự sống thoát ra, nhưng họ không biết cách chế ngự hay hướng dẫn nó, và do đó mọi lao động của họ đều mất trắng.

Thứ ba. Không thể kiểm soát các hành khí của lửa là ngọn lửa bên ngoài tác động đến tia lửa trung tâm ấy qua trung gian môi trường của nó. Sự bất lực này đặc biệt nổi bật nơi các nhà luyện kim của giống dân gốc thứ năm, những người trên thực tế hầu như không thể thực hiện sự kiểm soát này, vì đã đánh mất các Linh từ, các công thức và các âm thanh. Đây là hậu quả của sự thành công quá mức trong thời Atlantis, khi các nhà luyện kim thời đó, thông qua màu sắc và âm thanh, đã kiểm soát các hành khí hoàn toàn đến mức sử dụng chúng cho những mục đích ích kỷ riêng của mình và theo những đường lối nỗ lực nằm ngoài phạm vi chính đáng của họ. Kiến thức về các công thức và âm thanh này có thể được thủ đắc tương đối [Page 495] dễ dàng khi con người đã phát triển nội nhĩ tinh thần. Khi điều này xảy ra, các tiến trình chuyển hoá thuộc loại thô nặng hơn (như những gì liên quan đến việc chế tạo vàng ròng) sẽ hoàn toàn không còn hấp dẫn y, và chỉ những hình thức hoạt động tinh tế hơn có liên hệ với sự chuyển dịch sự sống từ hình tướng theo cấp độ này sang hình tướng theo cấp độ khác mới chiếm lĩnh sự chú ý của y.

The following facts might also be pointed out:

Những sự kiện sau đây cũng có thể được nêu ra:

First. That every kingdom of nature has its note or tone, and the mantric sounds, which concern any transmutative process within that kingdom, will have that note as the key or base note.

Thứ nhất. Mỗi giới trong tự nhiên đều có âm điệu hay thanh âm riêng của nó, và các âm thanh mantram liên quan đến bất kỳ tiến trình chuyển hoá nào trong giới ấy sẽ lấy âm điệu đó làm chủ âm hay âm nền.

Second. That the note of the mineral kingdom is the basic note of substance itself, and it is largely the sounding of the note combinations, based on this key, which produces the great world cataclysms, wrought through volcanic action. Every volcano is sounding forth this note, and, for those who can see, the sound and colour (occultly understood) of a volcano are a truly marvellous thing. Every gradation of that note is to be found in the mineral kingdom which is itself divided into three main kingdoms:

Thứ hai. Âm điệu của giới kim thạch là âm nền của chính chất liệu, và phần lớn chính việc xướng lên các tổ hợp âm điệu dựa trên chủ âm này tạo ra những đại biến động thế giới, được thực hiện qua hoạt động núi lửa. Mỗi núi lửa đều đang phát ra âm điệu này, và đối với những ai có thể thấy, âm thanh và màu sắc (được hiểu theo huyền bí học) của một núi lửa là điều thực sự kỳ diệu. Mọi cấp độ của âm điệu ấy đều có thể được tìm thấy trong giới kim thạch, giới này tự nó được chia thành ba giới chính:

a. The baser metals, such as lead and iron, with all allied minerals.

a. Các kim loại kém quý, như chì và sắt, cùng mọi khoáng chất liên hệ.

b. The standard metals, such as gold and silver, which play such a vital part in the life of the race, and are the mineral manifestation of the second aspect.

b. Các kim loại dùng làm bản vị, như vàng và bạc, đóng một vai trò thiết yếu như vậy trong đời sống của nhân loại, và là biểu hiện khoáng vật của phương diện thứ hai.

c. The crystals and precious stones, the first aspect as it works out in the mineral kingdom—the consummation of the work of the mineral devas, and the product of their untiring efforts.

c. Các tinh thể và đá quý, phương diện thứ nhất khi nó biểu lộ trong giới kim thạch—sự hoàn tất công trình của các thiên thần khoáng vật, và là sản phẩm của những nỗ lực không mệt mỏi của họ.

When scientists fully appreciate what it is which causes the difference between the sapphire and the ruby, they will have found out what constitutes one of the stages [Page

Khi các nhà khoa học hoàn toàn thấu hiểu điều gì gây ra sự khác biệt giữa sapphire và ruby, họ sẽ khám phá ra điều cấu thành một trong những giai đoạn [Page 496] của tiến

496] of the transmutative process, and this they cannot do until the fourth ether is controlled, and its secret discovered. As time progresses, the transmutation, for instance, of coal into diamonds, of lead into silver, or of certain metals into gold, will hold no appeal for man, for it will be recognised that the outcome of such action would cause deterioration of the standard, and result in poverty instead of the acquirement of riches; man will eventually come to the realisation that in atomic energy, harnessed to his need, or in the inducing of increased radioactivity, lies for him the path to prosperity and riches. He will, therefore concentrate his attention on this higher form of life transference and

trình chuyển hoá, và điều này họ không thể làm được cho đến khi dĩ thái thứ tư được kiểm soát và bí mật của nó được khám phá. Khi thời gian tiến triển, chẳng hạn việc chuyển hoá than thành kim cương, chì thành bạc, hay một số kim loại thành vàng, sẽ không còn hấp dẫn con người nữa, vì người ta sẽ nhận ra rằng kết quả của hành động như vậy sẽ gây ra sự giảm giá trị của kim loại làm bản vị và dẫn đến nghèo khó thay vì đạt được giàu có; cuối cùng con người sẽ đi đến sự chứng nghiệm rằng trong năng lượng nguyên tử, được chế ngự để đáp ứng nhu cầu của mình, hay trong việc gây ra sự gia tăng tính phóng xạ, chính trong đó có con đường dẫn y đến thịnh vượng và giàu có. Vì vậy, y sẽ tập trung sự chú ý vào hình thức chuyển dịch sự sống cao hơn này và

a. Through knowledge of the devas,

a. Qua tri thức về các thiên thần,

b. Through external pressure and vibration,

b. Qua áp lực và rung động bên ngoài,

c. Through internal stimulation,

c. Qua sự kích thích bên trong,

d. Through colour applied in stimulation and vitalisation,

d. Qua màu sắc được áp dụng trong sự kích thích và tiếp sinh lực,

e. Through mantric sounds

e. Qua các âm thanh mantram

he will find the secret of atomic energy, latent in the mineral kingdom, and will bend that inconceivable power and force to the solution of the problems of existence. Only when atomic energy is better understood and the nature of the fourth ether somewhat comprehended, shall we see that control of the air which lies inevitably ahead.

y sẽ tìm ra bí mật của năng lượng nguyên tử, tiềm tàng trong giới kim thạch, và sẽ uốn nắn quyền năng và mãnh lực không thể nghĩ bàn ấy vào việc giải quyết các vấn đề của sự tồn tại. Chỉ khi năng lượng nguyên tử được hiểu rõ hơn và bản chất của dĩ thái thứ tư được thấu hiểu phần nào, chúng ta mới thấy được sự kiểm soát không khí chắc chắn đang ở phía trước.

Third. By the discovery of the note of the vegetable kingdom, by its conjunction with other of nature's notes, and by its due

Thứ ba. Qua việc khám phá âm điệu của giới thực vật, qua sự kết hợp của nó với các âm điệu khác của tự nhiên, và qua việc xướng

sounding forth in different keys and combinations will come the possibility to produce marvellous results within that kingdom, and to stimulate the activities of those devas who work with flowers, fruits, trees and herbs.

lên đúng đắn trong những chủ âm và tổ hợp khác nhau, sẽ xuất hiện khả năng tạo ra những kết quả kỳ diệu trong giới ấy, và kích thích hoạt động của những thiên thần làm việc với hoa, quả, cây cối và thảo mộc.

Every root race has its own particular style of vegetation, or certain basic forms and designs which can be traced in all countries where the race locates. These [Page 497] results are brought about by the interaction between the basic note of the vegetable kingdom itself, and the note of the race of men who are evolving simultaneously. The union of these two notes is that which produces distinctive vegetation, though it should be remembered that when the human note dominates too strongly it is apt to drive out the life of the forms of this second kingdom. The devas who work in this kingdom are a special group, and have a closer and more peculiar relation to it than have the builders or devas in any other kingdom. The transmutative process is effected more easily in the vegetable kingdom than in any other owing to this very factor, and also to the incentive given to this second kingdom and its evolutionary process by the coming of the Lords of the Flame from the second or Venus globe—pre-eminently the globe with which this kingdom has a mysterious connection. If I might express it in other words: the cosmic Entity, Who is the life of the second globe and its informing principle, has a close connection with the solar Entity Who is the informing life of the entire vegetable kingdom. This analogy can be worked out in connection with the other kingdoms, globes and other forms and accounts somewhat for the fact that this fourth *(S. D., I, 107.)* (163) globe is above everything else the globe of human evolution in this scheme; it gives

Mỗi giống dân gốc đều có kiểu thực vật riêng biệt của nó, hay một số hình thức và mô hình căn bản có thể được truy ra trong mọi quốc gia nơi giống dân ấy định cư. Sự tương tác giữa âm điệu căn bản của chính giới thực vật và âm điệu của giống dân nhân loại đang tiến hoá đồng thời mang lại những [Page 497] kết quả này. Sự hợp nhất của hai âm điệu này là điều tạo ra thực vật đặc thù, dù cần nhớ rằng khi âm điệu nhân loại chi phối quá mạnh, nó có khuynh hướng xua đuổi sự sống ra khỏi các hình tướng của giới thứ hai này. Các thiên thần làm việc trong giới này là một nhóm đặc biệt, và có mối liên hệ gần gũi và đặc thù với nó hơn các đấng kiến tạo hay thiên thần trong bất kỳ giới nào khác. Tiến trình chuyển hoá được thực hiện dễ dàng hơn trong giới thực vật so với bất kỳ giới nào khác do chính yếu tố này, và cũng do sự thúc đẩy mà sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa từ bầu hành tinh thứ hai hay Sao Kim mang lại cho giới thứ hai này cùng tiến trình tiến hoá của nó—bầu hành tinh có liên hệ huyền nhiệm nổi bật nhất với giới này. Nếu tôi có thể diễn đạt điều đó bằng cách khác: Thực Thể vũ trụ, Đấng là sự sống của bầu hành tinh thứ hai và là nguyên khí phú linh của nó, có một liên hệ mật thiết với Thực Thể thái dương, Đấng là sự sống phú linh của toàn bộ giới thực vật. Sự tương đồng này có thể được triển khai liên hệ với các giới, các bầu hành tinh và các hình tướng khác, và phần nào giải thích sự kiện rằng bầu hành tinh thứ tư này *(S. D., I, 107.)* (163) trên hết mọi thứ là bầu hành tinh của sự tiến hoá nhân loại trong hệ hành tinh này; nó cũng cung cấp đầu mối cho huyền nhiệm về

also the clue to the mystery of the Presence of the great Kumara Himself upon earth.

Sự Hiện Diện của chính Đức Kumara vĩ đại trên Trái Đất.

(163) The Fourth Round. The present (our) Round being the middle Round (between the 1st, 2nd, and 3rd, and the 5th, 6th and 7th) is one of adjustment and final equipoise between Spirit and matter. It is that point, in short, wherein the reign of true matter, its grossest state (which is as unknown to Science as its opposite pole—homogeneous matter or substance) stops and comes to an end. From that point physical man begins to throw off "coat after coat," of his material molecules for the benefit and subsequent formation or clothing of the animal kingdom, which in its turn is passing it on to the vegetable, and the latter to the mineral kingdoms. Man having evoluted in the *first* Round from the animal via the two other kingdoms, it stands to reason that in the present Round he should appear before the animal world of this manvantaric period. But see the *Secret Doctrine* for particulars.—*Lucifer*, Vol. III, p. 253. (back)

(163) Cuộc tuần hoàn thứ tư. Cuộc tuần hoàn hiện tại (của chúng ta), là cuộc tuần hoàn ở giữa (giữa các cuộc tuần hoàn thứ 1, 2 và 3, và thứ 5, 6 và 7), là một cuộc tuần hoàn điều chỉnh và quân bình tối hậu giữa tinh thần và vật chất. Nói ngắn gọn, đó là điểm mà sự thống trị của vật chất đích thực, trong trạng thái thô đặc nhất của nó (vốn cũng xa lạ với Khoa học như cực đối nghịch của nó—vật chất hay chất liệu đồng nhất), dừng lại và chấm dứt. Từ điểm đó, con người hồng trần bắt đầu cởi bỏ "lớp áo này đến lớp áo khác" của các phân tử vật chất của mình vì lợi ích và cho sự hình thành hay khoác áo tiếp theo của giới động vật, rồi đến lượt giới này truyền nó cho giới thực vật, và giới thực vật lại truyền cho giới kim thạch. Vì con người đã tiến hoá trong cuộc tuần hoàn *thứ nhất* từ động vật qua hai giới kia, nên hợp lý là trong cuộc tuần hoàn hiện tại y phải xuất hiện trước thế giới động vật của giai kỳ sinh hóa này. Nhưng hãy xem *Giáo Lý Bí Nhiệm* để biết chi tiết.—*Lucifer*, Tập III, tr. 253. (trở lại)

These thoughts merit close attention. [Page 498] The note of the human kingdom, sounded in quadruple intensity on this globe, has produced portentous happenings, and I would suggest to all occult investigators the close study and scrutiny of the following manifestations in time and space:

Những tư tưởng này đáng được chú ý kỹ lưỡng. [Page 498] Âm điệu của giới nhân loại, được xướng lên với cường độ gấp bốn trên bầu hành tinh này, đã tạo ra những biến cố trọng đại, và tôi muốn gợi ý với mọi nhà khảo cứu huyền bí học hãy nghiên cứu và khảo sát kỹ lưỡng những biểu hiện sau đây trong thời gian và không gian:

1.	The fourth Creative Hierarchy	The human.
2.	The fourth scheme	Our earth scheme.
3.	The fourth chain	The earth chain.

4.	The fourth globe	Our planet.
5.	The fourth kingdom	The human.
6.	The fourth round	The first strictly human round.
7.	The four Kumaras	Embodiers of humanity.
8.	The fourth plane	The buddhic, the human goal.
9.	The fourth ether	The physical correspondence of the buddhic plane.

One fundamental sound is responded to by all these varied factors; it is the note that is the cause of their existence and the basis of their being. This note, if sought for and found, will bring into close alliance all of these factors till they are blended into a great occult unity; it will bring likewise into co-operation the band of devas who are the essences of the fourth human principle.

Tất cả các yếu tố đa dạng này đều đáp ứng với một âm thanh căn bản; đó là âm điệu là nguyên nhân sự tồn tại của chúng và là nền tảng của bản thể chúng. Âm điệu này, nếu được tìm kiếm và phát hiện, sẽ đưa tất cả các yếu tố ấy vào sự liên minh mật thiết cho đến khi chúng được hòa trộn thành một hợp nhất huyền bí vĩ đại; nó cũng sẽ đưa vào sự hợp tác nhóm thiên thần là các tinh chất của nguyên khí nhân loại thứ tư.

b. Synthesis. We have seen that during the coming races and subraces certain very definite development may be looked for in connection with manasic unfoldment; and it is worth while to note particularly that as far as the evolution of manas in this round is concerned its highest efflorescence may be looked for during the next five hundred years. The coming in of the two final root races marks the point of synthesis, and the gradual utilisation of that which has been manasically achieved; this will be brought about by a development of abstract thought, and of intuitive recognition. In other words, manas has (during the past three root races) been principally applied to the understanding of objective existence, to the adaptation of the Dweller in the form to his

b. Tổng hợp. Chúng ta đã thấy rằng trong các nhân loại và giống dân phụ sắp tới, có thể trông đợi một số phát triển rất xác định liên hệ với sự khai mở manas; và điều đáng lưu ý đặc biệt là, xét theo sự tiến hoá của manas trong cuộc tuần hoàn này, sự nở rộ cao nhất của nó có thể được mong đợi trong năm trăm năm tới. Sự xuất hiện của hai giống dân gốc cuối cùng đánh dấu điểm tổng hợp, và sự sử dụng dần dần điều đã được thành tựu về mặt manas; sự phát triển của tư tưởng trừu tượng và của sự nhận biết trực giác sẽ mang lại điều này. Nói cách khác, manas (trong ba giống dân gốc vừa qua) chủ yếu đã được áp dụng vào việc thấu hiểu sự tồn tại khách quan, vào sự thích nghi của chủ thể cư ngụ trong hình tướng với [Page 499] môi trường của y trên cõi hồng trần. Từ nay trở đi, xu

[Page 499] environment on the physical plane. From now on the trend of activity will be towards the understanding of the subjective side of manifestation, and towards the comprehension of the psyche of the individual life, divine, planetary, or human. In the next round, all the previous stages will be recapitulated, and manas will demonstrate in ways inconceivable as yet to the half awakened consciousness of man. In that round three-fifths of the human family will be fully aware, functioning with uninterrupted continuity of recollection on the physical, astral, and lower mental planes. The emphasis of manasic evolution will be laid upon the achievement of causal consciousness, and upon the scientific construction of the bridge which should unite the causal vehicle and the permanent manasic atom on the abstract levels.

hướng hoạt động sẽ hướng đến việc thấu hiểu mặt chủ quan của biểu hiện, và hướng đến việc lĩnh hội linh hồn của sự sống cá biệt, thiêng liêng, hành tinh hay nhân loại. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, mọi giai đoạn trước đó sẽ được lặp lại, và manas sẽ biểu lộ theo những cách hiện còn không thể nghĩ bàn đối với tâm thức nửa thức tỉnh của con người. Trong cuộc tuần hoàn ấy, ba phần năm gia đình nhân loại sẽ hoàn toàn tỉnh thức, hoạt động với sự liên tục không gián đoạn của ký ức trên các cõi hồng trần, cảm dục và hạ trí. Trọng tâm của sự tiến hoá manas sẽ được đặt vào việc đạt được tâm thức nguyên nhân, và vào việc xây dựng một cách khoa học cây cầu phải hợp nhất vận cụ nguyên nhân với nguyên tử trường tồn manas trên các cấp độ trừu tượng.

During the sixth and seventh rounds we shall again have the synthesising process at work in a manner analogous to that which lies ahead in the sixth and seventh root races of this round.

Trong các cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy, chúng ta sẽ lại có tiến trình tổng hợp hoạt động theo cách tương tự với điều đang ở phía trước trong các giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy của cuộc tuần hoàn này.

To express the whole matter in larger terms: The Heavenly Man will be achieving the consciousness of his causal body on cosmic levels, with a consequent reaction, repolarisation and alignment of His body of manifestation. Under the law this will work out as demonstrated quality, and ordered intelligent purpose in every kingdom of nature, and will produce unifying results within those kingdoms of a kind inexplicable to man at his present stage of manasic development. We need not, therefore, give further time to the consideration of them, for the mental concept of man could not measure up to the magnitude of the theme.

Để diễn đạt toàn bộ vấn đề theo những thuật ngữ rộng lớn hơn: Đấng Thiên Nhân sẽ đạt được tâm thức của thể nguyên nhân của Ngài trên các cấp độ vũ trụ, với phản ứng hệ quả, sự tái phân cực và sự chỉnh hợp của thể biểu hiện của Ngài. Theo định luật, điều này sẽ được biểu lộ thành phẩm tính được chứng minh và mục đích thông minh có trật tự trong mọi giới trong tự nhiên, và sẽ tạo ra những kết quả hợp nhất trong các giới ấy thuộc loại mà con người ở giai đoạn phát triển manas hiện nay không thể giải thích được. Vì vậy, chúng ta không cần dành thêm thời gian để xem xét chúng, vì khái niệm trí tuệ của con người không thể tương xứng với tầm vóc của chủ đề này.

In summing up what I have written anent this matter of the discriminative faculty, the intelligent activity, the adaptability nature, and the transmutative power of manas, I would like to point out that so far-reaching are these developments that every department of nature, macrocosmic [Page 500] and microcosmic, will show forth these aspects, and show them forth in a ninefold manner before the consummation is achieved, and man has found his course.

Tóm lại những gì tôi đã viết liên quan đến năng lực phân biện, hoạt động trí tuệ, bản chất thích nghi, và quyền năng chuyển hoá của manas, tôi muốn chỉ ra rằng những phát triển này sâu rộng đến mức mọi bộ phận của tự nhiên, đại thiên địa [Page 500] và tiểu thiên địa, sẽ biểu lộ các phương diện này, và biểu lộ chúng theo cách cửu phân trước khi sự hoàn tất được đạt tới và con người tìm ra lộ trình của mình.

Let us, therefore, look for a brief moment at the microcosmic manifestation, leaving the student as far as he is able to work out analogous ideas in relation to the Heavenly Man and the solar Logos:

Vì vậy, chúng ta hãy nhìn trong chốc lát vào biểu hiện tiểu thiên địa, để đạo sinh tự triển khai trong phạm vi khả năng của mình những ý tưởng tương đồng liên hệ với Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế:

Manasic characteristics and the planes

Các đặc tính manas và các cõi

I. *On the Physical Plane*: Here this quality demonstrates as:

I. *Trên Cõi Hồng Trần*: Ở đây phẩm tính này biểu lộ như:

a. The selective power of the atoms of the body.

a. Quyền năng chọn lọc của các nguyên tử trong thân thể.

b. The adaptability of the physical form to its environment and to its circumstances.

b. Khả năng thích nghi của hình tướng hồng trần với môi trường và hoàn cảnh của nó.

c. The ordered purpose of the informing Life, as it affects the physical form and atoms.

c. Mục đích có trật tự của Sự sống phú linh, khi nó tác động đến hình tướng và các nguyên tử hồng trần.

d. The transmutative power, inherent in man though as yet unrecognised by him, which has brought him to his present stage of physical existence from that of animal man. It concerns also the transference of the life on to manasic levels.

d. Quyền năng chuyển hoá vốn có nơi con người nhưng hiện chưa được y nhận biết, là điều đã đưa y từ trạng thái người thú đến giai đoạn tồn tại hồng trần hiện nay. Nó cũng liên quan đến sự chuyển dịch sự sống lên các cấp độ manas.

II. *On the Astral Plane:*

II. *Trên Cõi Cảm Dục:*

a. The discriminative power of man to choose between the pairs of opposites.

b. His adaptability to emotional conditions, and his power to attain eventual equilibrium.

c. The power of man, through conscious purpose, to *clear* his astral body of foreign matter, and to ensure its translucence.

d. The transmutative inherent power which transmutes, or transfers the life into buddhic forms eventually.

III. *On the Mental Plane:*

a. In the selective power of man to choose the form through which to manifest. [Page 501]

b. His adaptability to mental currents and vibration, and his utilisation of them to control the lower forms.

c. The working out of purpose through the medium of the two lower vehicles. Impulse emanates from the mental plane.

d. The transmutative power which transforms the entire lower threefold man into a new form, the causal body. This process of transmutation is carried on through the entire series of incarnations.

IV. *On the Abstract Levels of the Mental Plane.*

a. The ability of the Ego to discriminate as to time and space in the three worlds.

a. Quyền năng phân biện của con người để chọn lựa giữa các cặp đối nghịch.

b. Khả năng thích nghi của y với các điều kiện cảm xúc, và quyền năng đạt đến sự quân bình sau cùng.

c. Quyền năng của con người, qua mục đích hữu thức, để *loại bỏ vật chất ngoại lai khỏi* thể cảm dục của mình, và bảo đảm tính trong suốt của nó.

d. Quyền năng chuyển hoá vốn có, rốt cuộc chuyển hoá hay chuyển dịch sự sống vào các hình tướng Bồ đề.

III. *Trên Cõi Trí:*

a. Trong quyền năng chọn lọc của con người để chọn hình tướng qua đó biểu hiện. [Page 501]

b. Khả năng thích nghi của y với các dòng và rung động trí tuệ, và việc sử dụng chúng để kiểm soát các hình tướng thấp.

c. Sự triển khai mục đích qua trung gian của hai vận cụ thấp. Xung lực phát xuất từ cõi trí.

d. Quyền năng chuyển hoá biến đổi toàn bộ phàm ngã tam phân thấp thành một hình tướng mới, thể nguyên nhân. Tiến trình chuyển hoá này được thực hiện xuyên suốt toàn bộ chuỗi lâm phàm.

IV. *Trên Các Cấp Độ Trừu Tượng của Cõi Trí.*

a. Khả năng của chân ngã phân biện về thời gian và không gian trong ba cõi giới.

b. Egoic adaptation of matter and circumstance of time and environment to the specific need under the Law of Karma.

b. Việc chân ngã điều chỉnh vật chất, hoàn cảnh thời gian và môi trường cho phù hợp với nhu cầu đặc thù theo Định luật Nghiệp quả.

c. The 'Intelligent Purpose' which lies back of all physical objectivity, and which is seen working out in every life.

c. "Mục Đích Thông Minh" nằm phía sau mọi tính khách quan hồng trần, và được thấy đang triển khai trong mọi sự sống.

d. The transmutation or transference into the Triad of the life of the Ego as it functions in the causal body. This results in dissociation from manifestation in the three worlds. To effect this transmutation (which is a point at times overlooked) the Thinker in the causal vehicle has to do three things:

d. Sự chuyển hoá hay chuyển dịch sự sống của chân ngã đang hoạt động trong thể nguyên nhân vào Tam nguyên tinh thần. Điều này dẫn đến sự tách rời khỏi biểu hiện trong ba cõi giới. Để thực hiện sự chuyển hoá này (một điểm đôi khi bị bỏ qua), Đấng Tư Tưởng trong vận cụ nguyên nhân phải làm ba việc:

1. Build and equip the causal body.

1. Xây dựng và trang bị thể nguyên nhân.

2. Bring about conscious connection or control of the threefold lower nature through the agency of the permanent atoms.

2. Tạo ra sự nối kết hữu thức hay sự kiểm soát bản chất thấp tam phân qua tác nhân của các nguyên tử trường tồn.

3. Bridge the interlude between the causal body on its own level, and the manasic permanent atom. [Page 502]

3. Bắc cầu qua khoảng cách giữa thể nguyên nhân trên cấp độ riêng của nó và nguyên tử trường tồn manas. [Page 502]

V. *On Buddhic Levels:*

V. *Trên Các Cấp Độ Bồ đề:*

a. Discriminative power here demonstrates as ability to distinguish between the abstract and the concrete, and to arrive at conclusions apart from the ordinary apparatus—the mental body and the physical brain.

a. Quyền năng phân biện ở đây biểu lộ như khả năng phân biệt giữa trừu tượng và cụ thể, và đi đến kết luận không dựa vào bộ máy thông thường—thể trí và bộ não hồng trần.

b. Adaptability to Hierarchical enterprise shown by the Initiate or Master, and His receptivity to life impulses and spiritual currents emanating from the planetary

b. Khả năng thích nghi với công cuộc của Thánh đoàn mà điểm đạo đồ hay Chân sư biểu lộ, và tính tiếp nhận của Ngài đối với các xung lực sự sống và các dòng tinh thần phát xuất từ Hành Tinh Thượng Đế thuộc

Logos of His Ray—a thing at this stage impossible of conscious realisation.

cung của Ngài—một điều ở giai đoạn này không thể được chứng nghiệm một cách hữu thức.

c. In the ordered purpose which guides the choice by a Master of one of the seven Paths of endeavour. Thus choice is based on KNOWLEDGE and not on desire.

c. Trong mục đích có trật tự hướng dẫn sự chọn lựa của một Chân sư đối với một trong bảy Con Đường nỗ lực. Như vậy, sự chọn lựa dựa trên TRI THỨC chứ không dựa trên dục vọng.

d. In the conscious transmutation He undertakes in the work of evolution, and in the gradual transference of His own life, and the life of His group, into the monadic aspect which is reflected in the buddhic.

d. Trong sự chuyển hoá hữu thức mà Ngài đảm nhiệm trong công việc tiến hoá, và trong sự chuyển dịch dần dần sự sống của chính Ngài, cùng sự sống của nhóm Ngài, vào phương diện chân thần được phản chiếu trong Bồ đề.

VI. *On Atmic Levels:*

VI. *Trên Các Cấp Độ Atma:*

a. In the selective work of the adept as it relates to planetary manifestation, and the discriminative power which guides all action relating to His own planet, and the two others associated with the Earth, as a systemic triangle.

a. Trong công việc chọn lọc của chân sư khi nó liên hệ với biểu hiện hành tinh, và quyền năng phân biện hướng dẫn mọi hành động liên quan đến hành tinh riêng của Ngài, cùng hai hành tinh khác liên kết với Trái Đất như một tam giác hệ thống.

b. The adaptation of groups (deva and human) to certain types of influence, and vibration, which emanate extra-systemically, and which from high cosmic levels play upon groups, fostering certain attributes for which we have, as yet, no terminology.

b. Sự thích nghi của các nhóm (thiên thần và nhân loại) với một số loại ảnh hưởng và rung động phát xuất ngoài hệ thống, và từ các cấp độ vũ trụ cao tác động lên các nhóm, nuôi dưỡng một số thuộc tính mà hiện nay chúng ta chưa có thuật ngữ để gọi tên.

c. The synthesising work of the Brahma aspect as it works out in the blending of the four minor rays into the third major. [Page 503]

c. Công việc tổng hợp của phương diện Brahma khi nó được triển khai trong sự hòa trộn bốn cung phụ vào cung chính thứ ba. [Page 503]

d. The transmutation which results in planetary obscuration in connection with five of the Heavenly Men and which—as in the previous work of synthesis—concerns

d. Sự chuyển hoá dẫn đến sự che khuất hành tinh liên hệ với năm Đấng Thiên Nhân và—cũng như trong công việc tổng hợp trước đó—liên quan đến sự tiến hoá tiểu thiên địa và

microcosmic evolution and is participated in by man. I would call attention to an interesting point: as more and more of the Monads are resolved back into their source it produces a gradual obscuration of the particular Heavenly Man in Whose body they are the cells. Though this may look to human vision as extending over a profoundly long period, from the point of view of universal or group consciousness it is occurring NOW. For instance, such an event as the obscuration of the manifestation of the Logos of our Earth scheme is already in process and began in Lemurian days.

có sự tham dự của con người. Tôi muốn lưu ý đến một điểm thú vị: khi ngày càng nhiều các chân thần được phân giải trở lại nguồn cội của chúng, điều đó tạo ra sự che khuất dần dần của Đấng Thiên Nhân đặc thù mà trong thân thể của Ngài chúng là các tế bào. Dù điều này có thể trông như kéo dài qua một thời kỳ vô cùng lâu dài đối với tầm nhìn của con người, nhưng từ quan điểm của tâm thức vũ trụ hay tâm thức nhóm, nó đang xảy ra NGAY BÂY GIỜ. Chẳng hạn, một biến cố như sự che khuất biểu hiện của Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta đã đang trong tiến trình và đã bắt đầu từ thời Lemuria.

VII. As regards monadic discrimination, adaptability, purpose and transmutative power it is needless to enlarge.

VII. Về sự phân biện, khả năng thích nghi, mục đích và quyền năng chuyển hoá của chân thần thì không cần phải nói rộng thêm.

All these ideas and concepts are of value only in so far as they produce within the Thinker a more intelligent appreciation of the grandeur of the divine plan, an appropriation of the energy and force which is his by right of participation in the processes of manifestation, and a wise co-operation in the furtherance of the evolutionary plan as it affects him individually and his groups.

Tất cả những ý tưởng và khái niệm này chỉ có giá trị trong chừng mực chúng tạo ra bên trong Đấng Tư Tưởng một sự đánh giá thông tuệ hơn về sự hùng vĩ của Thiên Cơ, một sự chiếm hữu năng lượng và mãnh lực mà y có quyền sở hữu nhờ tham dự vào các tiến trình biểu hiện, và một sự hợp tác minh triết trong việc thúc đẩy kế hoạch tiến hoá khi nó tác động đến cá nhân y và các nhóm của y.

S5S6

DIVISION C - THE EGOIC RAY AND SOLAR FIRE — PHÂN ĐOẠN C - CUNG CHÂN NGÃ VÀ LỬA THÁI DƯƠNG

[Page 504] I. THE NATURE OF THE CAUSAL BODY

[Page 504] I. BẢN CHẤT CỦA THỂ NGUYÊN NHÂN

1. It is formed by the contact of the two fires of Spirit and matter.

1. Sự tiếp xúc của hai ngọn lửa của tinh thần và vật chất hình thành nên nó.

2. It is produced at individualisation.

2. Nó được tạo ra vào lúc biệt ngã hóa.

II. THE NATURE OF THE PERMANENT ATOMS

1. Their purpose.

a. They are force distributors.

b. Conservers of faculty.

c. Assimilators and transmuters.

d. Vehicles of memory.

2. Their place in the Egoic Body.

a. The astral permanent atom.

b. The atomic triangle.

3. The Spirillae and the Egoic Ray.

a. The composition of the permanent atoms.

b. The planes and fiery energy.

c. The three fires.

4. Summary.

III. THE EGOIC LOTUS

1. Wheels or centres of energy.

a. Centres of force.

b. The causal body, the monadic heart centre. [Page 505]

II. BẢN CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN

1. Mục đích của chúng.

a. Chúng là những bộ phân phối mãnh lực.

b. Những bộ bảo tồn năng lực.

c. Những bộ đồng hoá và chuyển hoá.

d. Những vận cụ của ký ức.

2. Vị trí của chúng trong Thể Chân Ngã.

a. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

b. Tam giác nguyên tử.

3. Các loa tuyến và cung chân ngã.

a. Thành phần cấu tạo của các nguyên tử trường tồn.

b. Các cõi và năng lượng lửa.

c. Ba ngọn lửa.

4. Tóm lược.

III. HOA SEN CHÂN NGÃ

1. Các bánh xe hay trung tâm năng lượng.

a. Các trung tâm mãnh lực.

b. Thể nguyên nhân, trung tâm tim của chân thần. [Page 505]

2. The twelve-petalled Lotus.

a. The knowledge petals.

b. The love petals.

c. The sacrifice petals.

3. Summary.

2. Hoa sen mười hai cánh.

a. Các cánh hoa tri thức.

b. Các cánh hoa bác ái.

c. Các cánh hoa hi sinh.

3. Tóm lược.

I. THE NATURE OF THE EGOIC OR CAUSAL BODY — I. BẢN CHẤT CỦA THỂ CHÂN NGÃ HAY THỂ NGUYÊN NHÂN

The subject of the egoic Ray and its relation to the second fire is one of vital import to three types of people: Those who are interested in the true psychology, or in the evolution of the psyche; those who are on or nearing the Path, and hence are coming more and more into touch with their own Ego; those who work with the souls of men, the servers of the race.

Chủ đề về cung chân ngã và mối liên hệ của nó với ngọn lửa thứ hai có tầm quan trọng thiết yếu đối với ba loại người: những ai quan tâm đến tâm lý học chân chính, hay đến sự tiến hoá của linh hồn; những ai đang ở trên hoặc đang tiến gần Đường Đạo, và do đó ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với chân ngã riêng của mình; những ai làm việc với linh hồn của con người, những người phụng sự nhân loại.

The reason for this is because in the due comprehension of this subject, that of the Ego functioning in the causal body, comes the ability to work scientifically with the problem of one's own evolution, and to do good work in aiding the evolution of one's brother.

Lý do là vì trong sự thấu hiểu đúng đắn chủ đề này, tức chủ đề về chân ngã hoạt động trong thể nguyên nhân, xuất hiện khả năng làm việc một cách khoa học với vấn đề tiến hoá của chính mình, và thực hiện công việc tốt đẹp trong việc trợ giúp sự tiến hoá của huynh đệ mình.

1. Egoic manifestation is produced through the medium of two fires. — 1. Biểu hiện chân ngã được tạo ra qua trung gian của hai ngọn lửa.

Let us therefore consider somewhat the subject of the egoic Ray and the causal body, viewing it from the standpoint of the microcosm, and leaving the student to work out for himself the analogies where the Logos is concerned, conjuring him to bear in

Vì vậy, chúng ta hãy xem xét phần nào chủ đề về cung chân ngã và thể nguyên nhân, nhìn nó từ quan điểm của tiểu thiên địa, và để đạo sinh tự mình triển khai các sự tương đồng nơi Thượng đế, đồng thời khẩn thiết yêu cầu y ghi nhớ rằng sự tương đồng luôn

mind that the analogy must ever be drawn with due emphasis upon the fact that all that the human unit can comprehend is the manifestation of the solar Logos in a physical body.

phải được rút ra với sự nhấn mạnh thích đáng vào sự kiện rằng tất cả những gì đơn vị nhân loại có thể lĩnh hội chỉ là biểu hiện của Thái dương Thượng đế trong một thể xác.

In all manifestation, as we well know, we have duality producing triplicity. Spirit meets and contacts matter; the result of that contact is the birth of the Son, or the Ego, the consciousness aspect. The egoic manifestation is therefore the middle aspect, the place of at-one-ment, [Page 506] and (after due evolutionary cycles) the place of balance, or of equilibrium. It should be noted that the analogy between the Logos and man is not accurate, for man has to undergo the whole process *within* the solar periphery, whilst the Logos (within that periphery) goes through the stage analogous to that which the man undergoes when his astral sheath clothes itself with etheric matter and he takes physical incarnation, which was touched upon when considering the subject of "Fire by friction." It will consequently be apparent that, in considering the manifestation of the Ego, we are dealing with the point of central emphasis in man's threefold manifestation. We are concerning ourselves with that division of his nature which concerns the process of making him the perfect six-pointed star during the preliminary stage (the threefold personality and the threefold Triad merged and blended and perfectly produced through the intermediate point the causal body) and which, when the physical body is eliminated, makes him the five-pointed star or perfected manasaputra.

Trong mọi biểu hiện, như chúng ta đều biết rõ, chúng ta có nhị nguyên tính tạo ra bộ ba. Tinh thần gặp gỡ và tiếp xúc vật chất; kết quả của sự tiếp xúc đó là sự sinh ra của Con, hay chân ngã, phương diện tâm thức. Vì vậy, biểu hiện chân ngã là phương diện trung gian, nơi hợp nhất, [Page 506] và (sau các chu kỳ tiến hoá thích đáng) là nơi quân bình, hay cân bằng. Cần lưu ý rằng sự tương đồng giữa Thượng đế và con người không chính xác, vì con người phải trải qua toàn bộ tiến trình *bên trong* chu vi thái dương, trong khi Thượng đế (bên trong chu vi ấy) trải qua giai đoạn tương tự với giai đoạn con người trải qua khi vỏ bọc cảm dục của y khoác lấy vật chất dĩ thái và y lâm phàm hồng trần, điều đã được đề cập khi xem xét chủ đề "Lửa ma sát." Do đó, sẽ rõ ràng rằng khi xem xét biểu hiện của chân ngã, chúng ta đang bàn đến điểm nhấn mạnh trung tâm trong biểu hiện tam phân của con người. Chúng ta đang quan tâm đến phần bản chất của y liên quan đến tiến trình làm cho y trở thành ngôi sao sáu cánh hoàn hảo trong giai đoạn sơ khởi (phàm ngã tam phân và Tam nguyên tinh thần tam phân được hòa nhập, dung hợp và được tạo ra hoàn hảo qua điểm trung gian là thể nguyên nhân) và phần này, khi thể xác bị loại bỏ, làm cho y trở thành ngôi sao năm cánh hay manasaputra hoàn hảo.

To state the whole in terms of fire: The causal body is produced by means of the positive life, or fire, of the Spirit (electric fire) meeting the negative fire of matter, or "fire

Để phát biểu toàn bộ bằng thuật ngữ của lửa: thể nguyên nhân được tạo ra nhờ sự gặp gỡ giữa sự sống dương, hay lửa, của tinh thần (Lửa Điện) với ngọn lửa âm của vật chất, hay

by friction"; this causes the blazing forth of solar fire. This central blaze inevitably in due course burns up the third fire, or absorbs its essence, and is itself eventually blended with the fire of Spirit and passes out of objective display.

"Lửa ma sát"; điều này gây nên sự bùng cháy của Lửa Thái dương. Ngọn lửa trung tâm này tất yếu theo thời gian sẽ thiêu hủy ngọn lửa thứ ba, hay hấp thu tinh chất của nó, và chính nó cuối cùng cũng được hòa trộn với lửa của tinh thần và ra khỏi sự biểu lộ khách quan.

I seek here to deal with the subject of the causal body in two different ways—one along the old lines and the other strictly along the lines of occult electrical phenomena.

Ở đây tôi tìm cách bàn đến chủ đề thể nguyên nhân theo hai cách khác nhau—một theo đường lối cũ và một hoàn toàn theo đường lối của các hiện tượng điện lực huyền bí.

2. Egoic manifestation is produced at individualisation. — 2. Biểu hiện chân ngã được tạo ra vào lúc biệt ngã hóa.

The causal body is that sheath of mental substance which is formed at the moment of individualisation by [Page 507] the contact of the two fires. The force or energy that pours through from the higher planes (the breath of the Monad, if you care so to term it) produces a vacuum, or something analogous to a bubble in koilon, and the sheath of the causal body—the ring-pass-not of the central Life is formed. Within this sheath are to be found three atoms, which have been termed the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom; they correspond individually to the seventh principle of each of the three persons of the microcosmic triad, a reflection (in the three worlds of the microcosm) of the three Persons of the logoic Trinity. H. P. B. hints at this in connection with the Logos when she speaks of the visible sun being the seventh principle of the Brahma aspect, the physical permanent atom of the Logos. *(S.D., III, 143 & I, 574)*

Thể nguyên nhân là vỏ bọc bằng chất liệu cõi trí hình thành vào lúc biệt ngã hóa nhờ [Page 507] sự tiếp xúc của hai ngọn lửa. Mãnh lực hay năng lượng tuôn xuống từ các cõi cao (hơi thở của chân thần, nếu bạn muốn gọi như vậy) tạo ra một khoảng chân không, hay điều gì đó tương tự như một bong bóng trong koilon, và vỏ bọc của thể nguyên nhân —vòng-giới-hạn của Sự sống trung tâm— được hình thành. Bên trong vỏ bọc này có ba nguyên tử, được gọi là đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần; chúng tương ứng riêng rẽ với nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong ba ngôi vị của bộ ba tiểu thiên địa, một phản ánh (trong ba cõi giới của tiểu thiên địa) của Ba Ngôi Vị trong Tam Vị của Thượng đế. H. P. B. ám chỉ điều này liên hệ với Thượng đế khi bà nói rằng mặt trời hữu hình là nguyên khí thứ bảy của phương diện Brahma, nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. *(S.D., III, 143 & I, 574)*

II. THE NATURE OF THE PERMANENT ATOMS — II. BẢN CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN

1. The purpose of the permanent atoms. — 1. Mục đích của các nguyên tử trường tồn.

The three permanent atoms are in themselves centres of force, or those aspects of the personality which hold hid the fires of substance, or of objectivity; it cannot be too strongly pointed out at this juncture that, in considering the threefold man in the three worlds, we are dealing with substance which (in connection with logoic manifestation) is considered the dense physical. Surrounding these three atoms is the causal sheath, answering the following purposes:

Ba nguyên tử trường tồn tự thân là những trung tâm mãnh lực, hay là những phương diện của phàm ngã đang che giấu các lửa của chất liệu, hay của tính khách quan; ở giai đoạn này cần phải nhấn mạnh hết sức rằng, khi xét con người tam phân trong ba cõi thấp, chúng ta đang đề cập đến chất liệu mà (liên hệ với sự biểu hiện của Thượng đế) được xem là hồng trần đậm đặc. Bao quanh ba nguyên tử này là vỏ nguyên nhân, đáp ứng các mục đích sau đây:

It separates one unit of egoic consciousness from another unit of consciousness, yet is itself part of the gaseous body (the fifth cosmic physical subplane) in the physical body of the planetary Logos, Who is the central life of any particular group of Monads. This fact has been little appreciated, and merits careful consideration. [Page 508] It holds hid spiritual potentialities in its inherent ability to respond to the higher vibration; from the moment of individualisation till it is discarded at initiation, the life within steadily develops these potentialities, and produces certain definite results by the utilisation of the three permanent atoms. It gradually vivifies and awakens them until, on the three planes, the central life has an adequate point of contact which can originate the necessitated vibration in the matter of the plane.

Nó tách biệt một đơn vị tâm thức chân ngã khỏi một đơn vị tâm thức khác, tuy nhiên bản thân nó lại là một phần của thể khí trạng (cõi phụ hồng trần vũ trụ thứ năm) trong thể xác của Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là Sự sống trung tâm của bất kỳ nhóm chân thần đặc thù nào. Sự kiện này ít được đánh giá đúng mức, và đáng được suy xét cẩn trọng. [Page 508] Nó che giấu các tiềm năng tinh thần trong khả năng cố hữu của nó là đáp ứng với rung động cao hơn; từ khoảnh khắc biệt ngã hóa cho đến khi nó bị loại bỏ lúc điểm đạo, sự sống bên trong đều đặn phát triển các tiềm năng ấy, và tạo ra những kết quả xác định nhờ việc sử dụng ba nguyên tử trường tồn. Nó dần dần tiếp sinh lực và đánh thức chúng cho đến khi, trên ba cõi, sự sống trung tâm có được một điểm tiếp xúc thích đáng có thể khởi phát rung động cần thiết trong vật chất của cõi đó.

The permanent atoms on each plane serve a fourfold purpose as regards the central or egoic life:

Các nguyên tử trường tồn trên mỗi cõi phục vụ bốn mục đích đối với sự sống trung tâm hay chân ngã:

They are the distributors of a certain type of force.

Chúng là những tác nhân phân phối một loại mãnh lực nhất định.

They are the conservers of faculty or ability to respond to a particular vibration.

Chúng là những tác nhân bảo tồn năng lực hay khả năng đáp ứng với một rung động đặc thù.

They are the assimilators of experience and the transmuters of that experience into quality. This is the direct result of the work of the egoic Ray as it plays upon the atom.

Chúng là những tác nhân đồng hóa kinh nghiệm và chuyển hoá kinh nghiệm ấy thành phẩm tính. Đây là kết quả trực tiếp của công việc của cung chân ngã khi nó tác động lên nguyên tử.

They hold hid the memory of the unit of consciousness. When fully vibrant they are the *raison d'être* for the continuity of the consciousness of the man functioning in the causal body. This distinction must be carefully made.

Chúng che giấu ký ức của đơn vị tâm thức. Khi rung động trọn vẹn, chúng là *căn nguyên của* tính liên tục của tâm thức của con người hoạt động trong thể nguyên nhân. Cần phải phân biệt cẩn trọng điều này.

We must always remember in studying these difficult matters that we are dealing with the logoic dense physical body and that:

Khi nghiên cứu những vấn đề khó khăn này, chúng ta phải luôn nhớ rằng mình đang đề cập đến thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế và rằng:

The mental unit is found in logoic gaseous matter.

Đơn vị hạ trí được tìm thấy trong vật chất khí trạng của Thượng đế.

The astral permanent atom in logoic liquid matter.

Nguyên tử trường tồn cảm dục ở trong vật chất lỏng của Thượng đế.

The physical permanent atom in dense physical substance.

Nguyên tử trường tồn hồng trần ở trong chất liệu hồng trần đậm đặc.

And they therefore have their place in matter of the three lowest subplanes of the physical body of the Logos. Consequently when in the process of evolution, and through initiation, man achieves the consciousness of the Spiritual Triad, and transfers his polarisation into the three triadal [Page 509] permanent atoms, he is

Và vì thế chúng có vị trí của mình trong vật chất của ba cõi phụ thấp nhất của thể xác của Thượng đế. Do đó, khi trong tiến trình tiến hoá, và thông qua điểm đạo, con người đạt được tâm thức của Tam Nguyên Tinh Thần, và chuyển sự phân cực của mình vào ba nguyên tử trường tồn của tam nguyên tinh thần [Page 509], y chỉ đơn giản là có thể

simply able to function consciously in the etheric body of his particular planetary Logos. Work out the analogy in the microcosmic development and note how in order to function consciously in his individual etheric body a man has to burn through what has been called the etheric web, and study how the fires of initiation produce something analogous in the planetary etheric body, and eventually in the cosmic etheric. As each unit of consciousness, through self-induced effort, achieves the goal and crosses the 'burning-ground,' a microscopic portion of the etheric web of the planetary etheric body is consumed by fire; this results in a definite gain for that great Entity, the planetary Logos, through the relatively unimportant liberation of the force of one cell in His body. When all the units or cells in His body have achieved, He too is set free from dense manifestation and *physically dies*. This stage is succeeded by the comparatively brief one of etheric existence (covering the period of planetary obscuration), and then He is liberated from incarnation altogether.

hoạt động một cách hữu thức trong thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của mình. Hãy triển khai phép loại suy trong sự phát triển của tiểu thiên địa và lưu ý rằng để hoạt động một cách hữu thức trong thể dĩ thái cá nhân của mình, con người phải đốt xuyên qua cái đã được gọi là màng dĩ thái, và hãy nghiên cứu cách các lửa của điểm đạo tạo ra một điều tương tự trong thể dĩ thái hành tinh, và cuối cùng trong thể dĩ thái vũ trụ. Khi mỗi đơn vị tâm thức, nhờ nỗ lực tự khởi phát, đạt đến mục tiêu và vượt qua "vùng đất cháy", lửa thiêu hủy một phần cực nhỏ của màng dĩ thái của thể dĩ thái hành tinh; điều này đem lại một lợi ích xác định cho Thực Thể vĩ đại ấy, Hành Tinh Thượng Đế, thông qua sự giải phóng tương đối không quan trọng của mãnh lực của một tế bào trong thân thể của Ngài. Khi mọi đơn vị hay tế bào trong thân thể của Ngài đều đã đạt mục tiêu, chính Ngài cũng được giải thoát khỏi biểu hiện đậm đặc và *chết về mặt hồng trần*. Sau giai đoạn này là một giai đoạn tương đối ngắn của sự tồn tại dĩ thái (bao trùm thời kỳ hành tinh bị che khuất), và rồi Ngài được giải thoát hoàn toàn khỏi lâm phàm.

Viewing this process from the standpoint of the Logos, the Brahma aspect passes out, or the life withdraws from the physical permanent atom, leaving later stages on cosmic levels, with which we need not concern ourselves. These cover the withdrawal of the logoic life from out of the other two aspects. In a solar system, which is a physical incarnation of the Logos, the Brahma aspect is apparently the most important, it being the medium of expression, yet it is the subjective aspect, or the life-desire of the Logos which is fundamentally of moment; this concerns His endeavour on high levels, and on cosmic

Nhìn tiến trình này từ quan điểm của Thượng đế, phương diện Brahma rút đi, hay sự sống rút khỏi nguyên tử trường tồn hồng trần, để lại các giai đoạn sau đó trên các cấp độ vũ trụ mà chúng ta không cần quan tâm. Chúng bao gồm sự rút lui của sự sống của Thượng đế ra khỏi hai phương diện kia. Trong một hệ mặt trời, vốn là một lâm phàm hồng trần của Thượng đế, phương diện Brahma dường như là quan trọng nhất, vì nó là phương tiện biểu lộ, tuy nhiên chính phương diện chủ quan, hay sự sống-khát vọng của Thượng đế, mới là điều căn bản quan trọng; điều này liên quan đến nỗ lực của Ngài trên các cấp độ cao, và trên các cõi

planes beyond the ken of the highest Chohan.

vũ trụ vượt ngoài tầm hiểu biết của vị Chohan cao nhất.

It might be of value here if I pointed out that the Egoic Ray of the human unit (167) with which we are concerning [Page 510] ourselves, manifests *as regards each ray* just as does the logoic manifestation.

Ở đây, sẽ có ích nếu tôi chỉ ra rằng cung chân ngã của đơn vị nhân loại (167) mà chúng ta đang quan tâm [Page 510] biểu hiện *xét theo mỗi cung* đúng như sự biểu hiện của Thượng đế.

(167) The human Ray. "Each human centre is a crystallised ray of the Absolute One that has worked through processes of evolution into what is known as a human being."—Some Thoughts on the Gita. (back)

(167) Cung nhân loại. "Mỗi trung tâm nhân loại là một cung đã kết tinh của Đấng Tuyệt Đối Duy Nhất, cung ấy đã phát triển qua các tiến trình tiến hoá để trở thành điều được gọi là một con người."—Some Thoughts on the Gita. (back)

Each of the seven Rays, viewed in connection with the causal bodies of men, demonstrates as a unity on the first subplane, as a triplicity on the second and as seven on the third, forming there the forty-nine groups which most concern evolving man. According to the angle of vision, this numbering of groups may be increased or lessened, but for purposes of studying the aspects of mind, the above enumeration suffices. In the course of his many septenary lives, and as the cyclic sevens pass over him, man passes under the influence of the seven sub-rays of his own Ray. Then he begins to synthesise and merge the seven into the major three sub-rays, returning thus to unity on his own egoic Ray.

Mỗi một trong bảy cung, khi được xem trong liên hệ với các thể nguyên nhân của con người, biểu lộ như một hợp nhất trên cõi phụ thứ nhất, như một bộ ba trên cõi phụ thứ hai và như bảy trên cõi phụ thứ ba, tại đó hình thành bốn mươi chín nhóm liên quan nhiều nhất đến con người đang tiến hoá. Tùy theo góc độ tầm nhìn, cách đánh số các nhóm này có thể tăng hoặc giảm, nhưng đối với mục đích nghiên cứu các phương diện của trí tuệ, cách liệt kê trên là đủ. Trong suốt nhiều kiếp sống thất phân của mình, và khi các chu kỳ bảy đi qua y, con người đi vào dưới ảnh hưởng của bảy cung phụ của chính cung của mình. Sau đó y bắt đầu tổng hợp và hòa nhập bảy vào ba cung phụ chính, nhờ vậy trở về hợp nhất trên chính cung chân ngã của mình.

First. The septenary status governs the time from individualisation till he enters upon the Path.

Thứ nhất. Tình trạng thất phân chi phối thời kỳ từ lúc biệt ngã hóa cho đến khi y bước vào Đường Đạo.

Second. The threefold status governs the time up till the third Initiation.

Thứ hai. Tình trạng tam phân chi phối thời kỳ cho đến lần điểm đạo thứ ba.

Third. He achieves the unity of his Ray by the fifth Initiation, and is then *consciously* a part of the body of the Heavenly Man.

Thứ ba. Y đạt được sự hợp nhất của cung mình vào lần điểm đạo thứ năm, và khi ấy *y ý thức* được mình là một phần của thân thể Đấng Thiên Nhân.

The same idea can be worked out in connection with the awakening of the life forces within the permanent atoms, viewing each atom as the seventh principle in each of the three aspects of the personality.

Cùng một ý tưởng ấy có thể được triển khai trong liên hệ với sự thức tỉnh của các mãnh lực sự sống bên trong các nguyên tử trường tồn, khi xem mỗi nguyên tử như nguyên khí thứ bảy trong mỗi phương diện trong ba phương diện của phàm ngã.

2. Their Place In the Egoic Body. — 2. Vị trí của chúng trong thể chân ngã.

a. The importance of the astral permanent atom. There is one fact to be grasped in connection with the place of the permanent atom within the causal periphery and its evolution, that needs to be emphasised with care, and that is that the *astral permanent atom* in this solar system is the recipient of a great flow of force or energy, and receives more stimulation and energising than any of the others, and this for the following reasons: [Page 511]

a. Tầm quan trọng của nguyên tử trường tồn cảm dục. Có một sự kiện cần phải nắm bắt liên quan đến vị trí của nguyên tử trường tồn trong chu vi nhân thể và sự tiến hoá của nó, cần được nhấn mạnh cẩn trọng, và đó là *nguyên tử trường tồn cảm dục* trong hệ mặt trời này là nơi tiếp nhận một dòng mãnh lực hay năng lượng lớn, và nhận được nhiều kích thích và tiếp năng lượng hơn bất kỳ nguyên tử trường tồn nào khác, vì các lý do sau đây: [Page 511]

First. The centre of polarisation for the fourth, or human kingdom, is in the astral consciousness viewing this kingdom as a unity in expression. From the astral, and through the desire nature, the majority of men inevitably direct and control the physical vehicle. The astral body is in the direct line of force via the buddhic from monadic levels, 2-4-6.

Thứ nhất. Trung tâm phân cực của giới thứ tư, hay giới nhân loại, nằm trong tâm thức cảm dục nếu xem giới này như một hợp nhất trong biểu hiện. Từ cõi cảm dục, và thông qua bản chất dục vọng, đa số con người tất yếu điều khiển và kiểm soát vận cụ hồng trần. Thể cảm dục nằm trên đường trực tiếp của mãnh lực qua Bồ đề từ các cấp độ chân thần, 2-4-6.

Second. The goal set before humanity is that of becoming Masters of the Wisdom, or conscious units in the Body of the Dragon of Wisdom or of Love. This a man achieves when he can function consciously in the buddhic vehicle, or when the astral

Thứ hai. Mục tiêu đặt ra trước nhân loại là trở thành các Chân sư của Minh triết, hay những đơn vị hữu thức trong Thân Thể của Rồng Minh triết hay Bác ái. Con người đạt được điều này khi y có thể hoạt động một cách hữu thức trong vận cụ Bồ đề, hay khi

permanent atom is superseded by the buddhic permanent atom.

nguyên tử trường tồn Bồ đề thay thế nguyên tử trường tồn cảm dục.

Third. The next reason is that the second aspect of the Logos (that of love or the manifestation of the love nature of the Logos through the medium of the Son) is the one demonstrated in this system. This system is:

Thứ ba. Lý do kế tiếp là phương diện thứ hai của Thượng đế (đó là bác ái hay sự biểu hiện bản chất bác ái của Thượng đế qua trung gian của Con) là phương diện được biểu lộ trong hệ này. Hệ này là:

a. A Son of Necessity, or of desire

a. Một Con của Tất Yếu, hay của dục vọng

b. Vibrant to the key of the cosmic Ray of Love

b. Rung động theo chủ âm của cung vũ trụ Bác ái

c. The form through which this ray of cosmic Love (shown in the inter-relation between the Self and the Not-Self, or through duality) is expressing itself

c. Hình tướng mà qua đó cung Bác ái vũ trụ này (được biểu lộ trong mối tương quan giữa Bản Ngã và Phi-Ngã, hay qua nhị nguyên tính) đang tự biểu hiện

d. Governed by the cosmic Law of Attraction. The monads of love are the dominating quality. (I choose this word 'quality' specifically.)

d. Chịu sự cai quản của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ. Các chân thần bác ái là phẩm tính chi phối. (Tôi chọn từ "phẩm tính" này một cách đặc biệt.)

Fourth. The centre in the cosmic body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID of which our solar Logos is the embodied force is the *heart centre.* Here we have one of the clues to the mystery of electricity. The sacred planets, with certain allied etheric spheres within the ring-pass-not, are parts of that heart centre, and are 'petals in the Lotus,' or in the heart centre of that great unknown Existence Who stands to the solar Logos as He in His turn stands to the Heavenly [Page 512] Men Who are His centres, and specially as He stands to the particular Heavenly Man Who is the embodied force of the logoic Heart centre. Therefore, it will be apparent to the careful student that the entire force and energy of the system and its life quality will be that

Thứ tư. Trung tâm trong thể vũ trụ của Đấng Bất Khả Tư Nghị mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là mãnh lực nhập thể chính là *trung tâm tim.* Ở đây chúng ta có một trong những đầu mối của huyền nhiệm điện lực. Các hành tinh thiêng liêng, cùng với một số khối cầu dĩ thái liên hệ trong vòng-giới-hạn, là những phần của trung tâm tim ấy, và là "các cánh hoa trong Hoa sen", hay trong trung tâm tim của Sự Tồn Tại vĩ đại vô danh ấy, Đấng có mối quan hệ với Thái dương Thượng đế cũng như Ngài đến lượt mình có mối quan hệ với các Đấng Thiên Nhân [Page 512] là các trung tâm của Ngài, và đặc biệt là như Ngài có mối quan hệ với Đấng Thiên Nhân đặc thù là mãnh lực nhập thể của trung tâm Tim của Thượng đế. Vì vậy, đối với đạo sinh cẩn trọng, sẽ hiển nhiên rằng

which we call (having perforce to use handicapping, misleading words) LOVE. This will account for the fact that the force that plays through that cosmic heart centre will be the paramount force found in the manifestation of a solar Logos, and of a Heavenly Man; it will likewise produce its microcosmic analogy, and reflective reactions; hence the relative importance of the astral permanent atom within the causal periphery. It is in the direct line of active force emanating from the cosmic existence, and passing to it in ever lessening degree, via the solar Logos in His system of love, and the planetary Logos within a scheme, the Dragon of Wisdom-Love.

toàn bộ mãnh lực và năng lượng của hệ cùng phẩm tính sự sống của nó sẽ là cái mà chúng ta gọi là (do buộc phải dùng những từ ngữ hạn hẹp và dễ gây hiểu lầm) BÁC ÁI. Điều này sẽ giải thích sự kiện rằng mãnh lực vận hành qua trung tâm tim vũ trụ ấy sẽ là mãnh lực tối thượng được tìm thấy trong sự biểu hiện của một Thái dương Thượng đế, và của một Đấng Thiên Nhân; nó cũng sẽ tạo ra phép loại suy tiểu thiên địa của nó, và các phản ứng phản chiếu; do đó có tầm quan trọng tương đối của nguyên tử trường tồn cảm dục trong chu vi nhân thể. Nó nằm trên đường trực tiếp của mãnh lực hoạt động phát ra từ sự tồn tại vũ trụ, và truyền đến nó với mức độ ngày càng giảm, qua Thái dương Thượng đế trong hệ bác ái của Ngài, và Hành Tinh Thượng Đế trong một hệ hành tinh, tức Rồng Minh triết-Bác ái.

This force when rightly directed and properly controlled is the great transmuting agency, which eventually will make of the human unit a Master of the Wisdom, a Lord of Love, a Dragon of Wisdom in lesser degree.

Mãnh lực này, khi được định hướng đúng và kiểm soát thích đáng, là tác nhân chuyển hoá vĩ đại, cuối cùng sẽ làm cho đơn vị nhân loại trở thành một Chân sư của Minh triết, một Chúa Tể của Bác ái, một Rồng Minh triết ở mức độ thấp hơn.

Finally: this solar system, the objective physical manifestation of the Logos, is interpenetrated by His astral body, as is the case with the human manifestation. As the Logos is polarised in His cosmic astral sheath and has not yet attained cosmic mental polarisation His force or desire nature is the main incentive for the subjective Life and lives that underlie the form.

Sau cùng: hệ mặt trời này, sự biểu hiện hồng trần khách quan của Thượng đế, được thể cảm dục của Ngài thâm nhập xuyên suốt, cũng như trường hợp của biểu hiện nhân loại. Vì Thượng đế được phân cực trong vỏ cảm dục vũ trụ của Ngài và chưa đạt đến sự phân cực trên cõi trí vũ trụ, nên mãnh lực hay bản chất dục vọng của Ngài là động lực chính cho Sự sống chủ quan và các sự sống làm nền cho hình tướng.

If the student will ponder with care these five facts, he will get a clue to the problems of existence as realised around us, to the causes of the heat of the solar system, to the method of the cosmic Law of Attraction and Repulsion, which governs all atomic forms,

Nếu đạo sinh suy ngẫm cẩn trọng về năm sự kiện này, y sẽ có được một đầu mối cho các vấn đề của sự tồn tại như được nhận ra quanh chúng ta, cho các nguyên nhân của nhiệt trong hệ mặt trời, cho phương pháp của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi vũ trụ,

and to the question of SEX which is apparent in every kingdom of nature. They give the clue also to the constitution of the Divine Hermaphrodite.

vốn cai quản mọi hình tướng nguyên tử, và cho vấn đề GIỚI TÍNH vốn hiển hiện trong mọi giới trong tự nhiên. Chúng cũng cho đầu mối về cấu tạo của Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng.

[Page 513] Therefore, it is necessary to bear in mind the relative importance of the permanent atom of the second aspect of the personality within the causal periphery, and to remember that the force which flows through that atom and which is the animating force of the astral body is following the lines of least resistance and really might be considered as bearing upon his physical manifestation in a manner twice as strong as that reaching him through the other two. The Logos expresses Himself now through the Divine Ray, His second aspect, and this Ray is the sumtotal of the radiation of the Lords of Wisdom, the Heavenly Men, the Dragons Who are Unity and Who are Love. Through Them this force flows, and They in turn clothe Themselves with form, or as H. P. B. expresses it 'The primordial Ray becomes the vahan for the Divine Ray.' (168) Their life animates every atom of substance when built into form, and Their life is the sumtotal of Logoic magnetism, or the great desire nature of the Logos going out after the Not-Self, producing the cosmic Marriage; it is the logoic demonstration of the sex appeal, His search for His polar opposite, and their mystic union.

[Page 513] Vì vậy, cần ghi nhớ tầm quan trọng tương đối của nguyên tử trường tồn của phương diện thứ hai của phàm ngã trong chu vi nhân thể, và nhớ rằng mãnh lực chảy qua nguyên tử ấy, vốn là mãnh lực làm sinh động thể cảm dục, đang đi theo con đường ít trở ngại nhất và thực sự có thể được xem như tác động lên biểu hiện hồng trần của con người theo cách mạnh gấp đôi so với mãnh lực đến với y qua hai nguyên tử kia. Thượng đế hiện đang biểu lộ chính Ngài qua Cung Thiêng Liêng, phương diện thứ hai của Ngài, và Cung này là tổng số bức xạ của các Đấng Chúa Tể của Minh triết, các Đấng Thiên Nhân, các Rồng là Hợp Nhất và là Bác ái. Qua Các Ngài, mãnh lực này tuôn chảy, và đến lượt mình Các Ngài khoác lấy hình tướng, hay như H. P. B. diễn tả: "Cung Nguyên Sơ trở thành vahan cho Cung Thiêng Liêng." (168) Sự sống của Các Ngài làm sinh động mọi nguyên tử của chất liệu khi được kiến tạo thành hình tướng, và sự sống của Các Ngài là tổng số từ điện của Thượng đế, hay bản chất dục vọng vĩ đại của Thượng đế hướng ra Phi-Ngã, tạo ra Cuộc Hôn Phối vũ trụ; đó là sự biểu lộ của Thượng đế về sức hấp dẫn giới tính, cuộc tìm kiếm của Ngài đối với cực đối nghịch của Ngài, và sự kết hợp thần bí của cả hai.

(168) The Divine Ray contains within itself seven other rays.

(168) Cung Thiêng Liêng chứa trong chính nó bảy cung khác.

It is the swan with the seven young ones.

Đó là thiên nga với bảy con non.

It is the Logos of love-wisdom with the seven planetary Logoi.

Đó là Thượng đế bác ái-minh triết với bảy Hành Tinh Thượng Đế.

It is the Grand Man of the Heavens, with the seven Heavenly Men.

Đó là Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, với bảy Đấng Thiên Nhân.

It is the One Boundless Principle, with the seven principles.

Đó là Nguyên Khí Duy Nhất Vô Biên, với bảy nguyên khí.

This is subjectively.

Đó là về mặt chủ quan.

It is the seven planets with their informing entities.

Đó là bảy hành tinh với các thực thể phú linh của chúng.

It is the seven planes with their animating principles.

Đó là bảy cõi với các nguyên khí tiếp sinh lực cho chúng.

Love-Wisdom is the manifestation of the astral (or desire) nature of the Solar Logos.—S. D., I, 103. (back)

Bác Ái – Minh Triết là sự biểu hiện của bản chất cảm dục (hay dục vọng) của Thái dương Thượng đế.—S. D., I, 103. (back)

This process is repeated by the microcosm following the line of his being, and this brings him likewise into incarnation, or into mystic union with form.

Tiến trình này được tiểu thiên địa lặp lại theo đường lối bản thể của mình, và điều này cũng đưa y vào lâm phàm, hay vào sự kết hợp thần bí với hình tướng.

b. The atomic triangle. The causal sheath is to the clairvoyant therefore a sphere of vibrant living substance; within it can be seen three fiery points. At the heart of the sphere is a central blaze of light, emitting [Page 514] rays; these rays are given as seven in number, and play upon these points or circles (analogous to the electrons in the atoms of science) and *at this stage* produce most effect upon the astral permanent atom. The physical permanent atom has a position relatively close to the positive centre, and the force plays through it, and passes on to the astral permanent atom in the form of five rays of parti-coloured light which blend with the intensely vivid hue of the astral permanent atom, and increase its intensity until the blaze is so excessive that it appears to the onlooker as if the two points blended,

b. Tam giác nguyên tử. Vì vậy, đối với nhà thông nhãn, vỏ nguyên nhân là một khối cầu chất liệu sống rung động; bên trong nó có thể thấy ba điểm lửa. Ở tim của khối cầu là một luồng sáng trung tâm, phát ra [Page 514] các tia; các tia này được cho là có số lượng bảy, và tác động lên các điểm hay vòng tròn này (tương tự như các electron trong các nguyên tử của khoa học) và *ở giai đoạn này* tạo ra hiệu quả lớn nhất trên nguyên tử trường tồn cảm dục. Nguyên tử trường tồn hồng trần có một vị trí tương đối gần trung tâm dương, và mãnh lực vận hành qua nó, rồi truyền sang nguyên tử trường tồn cảm dục dưới hình thức năm tia sáng nhiều màu hòa trộn với sắc thái cực kỳ rực rỡ của nguyên tử trường tồn cảm dục, và làm tăng cường độ của nó cho đến khi luồng sáng quá mức đến nỗi đối với người quan sát, dường

or the two electrons merged, and (in merging) produce such an intensity of light that they are seen as dissolving. The mental unit, having a position within the causal body analogous to the planet furthermost from the sun, becomes vibrant likewise, and the two other points (considered now as one) begin to interact with the mental unit, and a similar process is set up and is pursued until these two points—circulating around their positive centre—also approach each other, blend, merge, and dissolve. The centre of positive life gathers or synthesises the three points, and thus the *three fires of the personality* repeat on their tiny scale the microcosmic procedure as seen in the synthesis of electric fire, solar fire, and fire by friction, and only a blazing unit is left. This blazing unit, through the combined heat of its being, burns up the causal body, and escapes back on to the planes of abstraction. Thus man is the Path itself, and also the pilgrim upon the Path; thus does he burn, but is also the burning-ground.

như hai điểm hòa lẫn, hay hai electron hợp nhất, và (trong sự hợp nhất) tạo ra một cường độ ánh sáng đến mức chúng được thấy như đang tan biến. Đơn vị hạ trí, có một vị trí trong thể nguyên nhân tương tự như hành tinh xa mặt trời nhất, cũng trở nên rung động, và hai điểm kia (nay được xem như một) bắt đầu tương tác với đơn vị hạ trí, và một tiến trình tương tự được thiết lập và tiếp diễn cho đến khi hai điểm này—đang tuần hoàn quanh trung tâm dương của chúng—cũng tiến lại gần nhau, hòa lẫn, hợp nhất, và tan biến. Trung tâm của sự sống dương thu gom hay tổng hợp ba điểm, và như vậy *ba lửa của phàm ngã* lặp lại trên quy mô nhỏ bé của chúng tiến trình tiểu thiên địa như được thấy trong sự tổng hợp của Lửa Điện, Lửa Thái dương, và Lửa ma sát, và chỉ còn lại một đơn vị rực cháy. Đơn vị rực cháy này, nhờ nhiệt kết hợp của bản thể nó, thiêu hủy thể nguyên nhân, và thoát trở lại các cõi trừu tượng. Như vậy con người chính là Đường Đạo, đồng thời cũng là người hành hương trên Đường Đạo; như vậy y cháy, nhưng cũng chính là vùng đất cháy.

The analogy holds true in the case of the microcosm viewed from monadic levels in his manifestation as Monad, Ego and Personality, and thus the process is carried on as it concerns a Heavenly Man, and likewise a solar Logos. Should the brain suffice to hold the concept, thus [Page 515] is the process also on cosmic levels for such high existences as the seven Rishis of the Great Bear, and that still greater Being, the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

Phép loại suy này vẫn đúng trong trường hợp tiểu thiên địa khi được nhìn từ các cấp độ chân thần trong biểu hiện của y như Chân thần, Chân ngã và phàm ngã, và như vậy tiến trình được tiếp tục khi liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, và cũng thế đối với một Thái dương Thượng đế. Nếu bộ não đủ sức nắm giữ khái niệm này, thì [Page 515] tiến trình ấy cũng diễn ra trên các cấp độ vũ trụ đối với những sự tồn tại cao cả như bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, và Đấng còn vĩ đại hơn nữa, Đấng Bất Khả Tư Nghị.

3. The Spirillae and the Egoic Ray. — 3. Các loa tuyến và cung chân ngã.

We will take up now the subject of the spirillae within the permanent atom, and see in what manner they are affected by the egoic ray, remembering always that we are considering them as:

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến chủ đề các loa tuyến bên trong nguyên tử trường tồn, và xem cung chân ngã tác động đến chúng theo cách nào, luôn luôn nhớ rằng chúng ta đang xem xét chúng như:

First. The interior economy of the life germ on the three planes which concern man in the three worlds; second, as the seventh principle in each of the three sheaths; and third, as the positive nucleus of force which holds together the matter of the three sheaths.

Thứ nhất. Cơ cấu nội tại của mầm sống trên ba cõi liên quan đến con người trong ba cõi giới; thứ hai, như nguyên khí thứ bảy trong mỗi vỏ bọc trong ba vỏ bọc; và thứ ba, như hạt nhân dương của mãnh lực giữ cho vật chất của ba vỏ kết hợp lại với nhau.

Let us therefore study two things:

Vì vậy, chúng ta hãy nghiên cứu hai điều:

The composition of the permanent atom.

Cấu tạo của nguyên tử trường tồn.

The difference between the mental unit and the astral and physical permanent atoms.

Sự khác biệt giữa đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn cảm dục và hồng trần.

To do this with clarity, and so bring some kind of definite concept into being from the dark regions of abstraction, let us tabulate:

Để làm điều này một cách rõ ràng, và nhờ đó đưa một loại khái niệm xác định nào đó vào hiện hữu từ những miền tối của sự trừu tượng, chúng ta hãy lập bảng:

a. The composition of the permanent atom: The permanent atom of the astral and physical planes is a sphere of physical or astral substance, composed of atomic matter, and characterised by the following qualities:

a. Cấu tạo của nguyên tử trường tồn: Nguyên tử trường tồn của cõi cảm dục và cõi hồng trần là một khối cầu chất liệu hồng trần hay cảm dục, được cấu thành từ vật chất nguyên tử, và có các phẩm tính đặc trưng sau đây:

Responsiveness. This is its inherent power to respond to the vibration of some one of the Heavenly Men, as it is transmitted via the deva, or Brahma aspect, of His threefold nature. The permanent atom finds its place within the sphere of influence of one or

Tính đáp ứng. Đây là quyền năng cố hữu của nó để đáp ứng với rung động của một trong các Đấng Thiên Nhân, khi rung động ấy được truyền qua phương diện thiên thần, hay Brahma, của bản chất tam phân của Ngài. Nguyên tử trường tồn tìm thấy vị trí của nó

other of the great devas who are the Raja-Lords of a plane.

trong phạm vi ảnh hưởng của một trong các thiên thần vĩ đại là các Raja-Chúa Tể của một cõi.

Form Building Power. These devas sound forth two syllables of the threefold microcosmic word and are each (on their own plane) the coherent agency which gathers [Page 516] substance into form, and attracts matter for purposes of objectivity. The *astral* sound produces the microcosmic 'Son of Necessity,' and when it reverberates on the *physical* plane produces physical incarnation, and the sudden appearance on etheric levels of the seven centres. The building of the dense physical is the result of consequent automatic action in deva essence, for it must ever be borne in mind that man is essentially (as regards the physical plane) an etheric being, and his dense physical body is esoterically regarded as 'below the threshold' and is not considered a principle.

Quyền năng kiến tạo hình tướng. Các thiên thần này xướng lên hai âm tiết của linh từ tiểu thiên địa tam phân và mỗi vị (trên cõi riêng của mình) là tác nhân kết dính [Page 516] chất liệu thành hình tướng, và thu hút vật chất cho các mục đích khách quan. Âm thanh *cảm dục* tạo ra "Con của Tất Yếu" tiểu thiên địa, và khi nó vang dội trên cõi *hồng trần* thì tạo ra sự lâm phàm hồng trần, và sự xuất hiện đột ngột trên các cấp độ dĩ thái của bảy trung tâm. Việc kiến tạo thể xác hồng trần đậm đặc là kết quả của hoạt động tự động tiếp theo trong tinh chất thiên thần, vì phải luôn ghi nhớ rằng con người về bản chất (xét theo cõi hồng trần) là một sinh mệnh dĩ thái, và thể xác hồng trần đậm đặc của y theo quan điểm nội môn được xem là "dưới ngưỡng cửa" và không được coi là một nguyên khí.

Relative Permanency. In the seventh principle of all manifesting entities is stored up and developed capacity, acquired ability, and the atomic memory, or in other words the *heredity* of the Thinker, viewing him from the physical standpoint or from the emotional. There is no permanence whatever in the sheaths; they are built into temporary forms, and dissolved when the Thinker has exhausted their possibilities, but the seventh principle of each sheath gathers to itself the achieved qualities and stores them up—under the Law of Karma—to work out again and to demonstrate as the *plane impulse* at each fresh cycle of manifestation. This permanency is itself likewise only a relative one, and as the inner fire within the atom burns more brightly, as the external fires of the ego or solar fire beat upon it with ever increasing intensity, the

Tính trường tồn tương đối. Trong nguyên khí thứ bảy của mọi thực thể đang biểu hiện đều được tích trữ và phát triển năng lực, khả năng đã đạt được, và ký ức nguyên tử, hay nói cách khác là *di truyền* của Đấng Tư Tưởng, khi nhìn y từ quan điểm hồng trần hay từ quan điểm cảm xúc. Không hề có sự trường tồn nào trong các vỏ; chúng được kiến tạo thành những hình tướng tạm thời, và bị giải thể khi Đấng Tư Tưởng đã khai thác hết các khả năng của chúng, nhưng nguyên khí thứ bảy của mỗi vỏ tự thu gom các phẩm tính đã đạt được và tích trữ chúng —dưới Định luật Nghiệp quả—để lại được triển khai và biểu lộ như *xung lực của cõi* trong mỗi chu kỳ biểu hiện mới. Tuy nhiên, chính tính trường tồn này cũng chỉ là tương đối, và khi ngọn lửa bên trong nguyên tử cháy sáng hơn, khi các lửa bên ngoài của chân ngã hay lửa thái dương đập vào nó với

atom in due time is consumed, and the inner blaze becomes so great that it destroys its encompassing wall.

cường độ ngày càng tăng, thì nguyên tử đến lúc thích hợp sẽ bị thiêu hủy, và ngọn lửa bên trong trở nên lớn đến mức phá hủy bức tường bao quanh nó.

Heat. Herein lies the distinction between the permanent atoms on all planes, and the atomic matter of which they form a part. It is not easy to make this distinction clear, nor is it desirable at this time; the true facts of the case are one of the guarded secrets of initiation, but the distinction between the permanent atom, and atomic matter, may be somewhat comprehended if we state: [Page 517]

Nhiệt. Chính trong đây có sự phân biệt giữa các nguyên tử trường tồn trên mọi cõi và vật chất nguyên tử mà chúng là một phần của nó. Không dễ làm rõ sự phân biệt này, và hiện nay cũng không nên làm như vậy; các sự kiện chân thực của vấn đề là một trong những bí mật được canh giữ của điểm đạo, nhưng sự phân biệt giữa nguyên tử trường tồn và vật chất nguyên tử có thể phần nào được thấu hiểu nếu chúng ta nói rằng: [Page 517]

The permanent atom is one that has been appropriated by one of the lives that form the *centres* in the body of a solar Lord, whilst atomic matter per se goes to the formation of other parts of His great body of light.

Nguyên tử trường tồn là nguyên tử đã được một trong các sự sống tạo thành các *trung tâm* trong thân thể của một Chúa Tể Thái dương chiếm dụng, trong khi chính vật chất nguyên tử lại đi vào việc hình thành các phần khác của thể ánh sáng vĩ đại của Ngài.

A permanent atom is one which has come under the attractive power of the second aspect, whilst atomic matter itself is vitalised by the life of the third aspect.

Nguyên tử trường tồn là nguyên tử đã đi vào dưới quyền năng hấp dẫn của phương diện thứ hai, trong khi sự sống của phương diện thứ ba tiếp sinh lực cho bản thân vật chất nguyên tử.

A permanent atom follows the line of the least resistance of force, and is passing out of the control of the Deva Lord and coming under the control of positive life. This concerns the evolution of consciousness in substance.

Nguyên tử trường tồn đi theo con đường ít trở ngại nhất của mãnh lực, và đang thoát khỏi sự kiểm soát của Chúa Tể Thiên thần để đi vào dưới sự kiểm soát của sự sống dương. Điều này liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức trong chất liệu.

A permanent atom comes under the direct control of the lower of the three groups of Lipika Lords, and is the agency through which They work in the imposition of karma upon the particular entity who may be utilising it. They work directly with the permanent atoms of men, and produce

Nguyên tử trường tồn đi vào dưới sự kiểm soát trực tiếp của nhóm thấp nhất trong ba nhóm các Chúa Tể Lipika, và là tác nhân mà qua đó Các Ngài hoạt động trong việc áp đặt nghiệp quả lên thực thể đặc thù có thể đang sử dụng nó. Các Ngài làm việc trực tiếp với các nguyên tử trường tồn của con người, và

results through the agency of form until they have exhausted the vibratory capacity of any particular atom; when this is the case the atom passes into the stage of obscuration, as does the seventh principle of any sheath. It comes under the influence of the first aspect, manifesting as the Destroyer.

tạo ra kết quả qua tác nhân của hình tướng cho đến khi các Ngài đã khai thác hết khả năng rung động của bất kỳ nguyên tử đặc thù nào; khi điều này xảy ra, nguyên tử đi vào giai đoạn bị che khuất, cũng như nguyên khí thứ bảy của bất kỳ vỏ nào. Nó đi vào dưới ảnh hưởng của phương diện thứ nhất, biểu hiện như Đấng Hủy Diệt.

Remember that in these affirmations we are concerning ourselves with the microcosm, and with the permanent atoms which are related to him; as regards the solar Logos manifesting in the system, we are concerned with but one permanent atom, and this is His physical permanent atom. It is thus true that within the permanent physical atom of the solar Logos lies hid the ability to respond consciously to the vibration of all the planes, lies hid the secret of the karmic purpose of His incarnation, [Page 518] and lies concealed the mystery of His functional activity; but we cannot penetrate the secret as yet of His three lower permanent atoms as they function as a unity within His causal vehicle. Until we can do this it is useless for us to conjecture as to His fundamental Being.

Hãy nhớ rằng trong những khẳng định này, chúng ta đang quan tâm đến tiểu thiên địa, và đến các nguyên tử trường tồn có liên hệ với y; còn đối với Thái dương Thượng đế đang biểu hiện trong hệ, chúng ta chỉ quan tâm đến một nguyên tử trường tồn duy nhất, và đó là nguyên tử trường tồn hồng trần của Ngài. Vì vậy, đúng là trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế có ẩn giấu khả năng đáp ứng một cách hữu thức với rung động của mọi cõi, có ẩn giấu bí mật về mục đích nghiệp quả của sự lâm phàm của Ngài, [Page 518] và có che giấu huyền nhiệm về hoạt động chức năng của Ngài; nhưng chúng ta hiện chưa thể thâm nhập bí mật về ba nguyên tử trường tồn thấp của Ngài khi chúng hoạt động như một hợp nhất trong vận cụ nguyên nhân của Ngài. Cho đến khi chúng ta có thể làm được điều này, thì việc phỏng đoán về Bản Thể căn bản của Ngài là vô ích.

The difference between them: The mental unit is in a unique and peculiar position as regards man, the Thinker in the causal body. This point will be discussed shortly, suffice it to say here that its mystery lies hid in the nature of the Heavenly Men Themselves. The following correspondence holds the key to this mystery, but it can only be indicated, leaving it to the student to work out the truth for himself. On the three planes of logoic manifestation—the highest three—we have the three aspects manifesting; on the buddhic plane, the fourth cosmic ether,

Sự khác biệt giữa chúng: Đơn vị hạ trí ở trong một vị trí độc nhất và đặc thù đối với con người, Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân. Điểm này sẽ được bàn đến ngay sau đây; ở đây chỉ cần nói rằng huyền nhiệm của nó được che giấu trong bản chất của chính các Đấng Thiên Nhân. Sự tương ứng sau đây nắm giữ chìa khóa của huyền nhiệm này, nhưng chỉ có thể được nêu ra, để đạo sinh tự mình triển khai chân lý. Trên ba cõi của sự biểu hiện của Thượng đế—ba cõi cao nhất—chúng ta có ba phương diện đang biểu hiện; trên cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư, chúng ta

we have the logoic etheric centres demonstrating, or those force vortices which animate the three lower planes of the dense physical manifestation. In connection with the Heavenly Men we have a secondary manifestation, and on the buddhic plane we have Their third aspect found, leaving for Their paramount manifestation of force, the cosmic gaseous plane, or the manasic plane; They are essentially the divine Thinkers, the Manasaputras. In connection, therefore, with the Microcosm, viewing him as part of a centre in the body of a Heavenly Man, we have a lesser descent within the gaseous or fire manifestation of a solar Lord. This concerns the three higher subplanes of what might be considered as the manifestation of Man's three higher aspects in mental matter, whilst on the fourth subplane we have the mental centres of man within the periphery of his mental body, of which the mental unit is the unifying factor. This is—as has been earlier said—a deep mystery, and one that can be no further amplified.

có các trung tâm dĩ thái của Thượng đế đang biểu lộ, hay những xoáy mãnh lực làm sinh động ba cõi thấp của biểu hiện hồng trần đậm đặc. Liên hệ với các Đấng Thiên Nhân, chúng ta có một biểu hiện thứ cấp, và trên cõi Bồ đề chúng ta thấy phương diện thứ ba của Các Ngài, để lại cho sự biểu hiện mãnh lực tối thượng của Các Ngài là cõi khí trạng vũ trụ, hay cõi manas; về bản chất, Các Ngài là các Đấng Tư Tưởng thiêng liêng, các Manasaputra. Vì vậy, liên hệ với Tiểu thiên địa, khi xem y như một phần của một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, chúng ta có một sự giáng hạ nhỏ hơn trong biểu hiện khí trạng hay lửa của một Chúa Tể Thái dương. Điều này liên quan đến ba cõi phụ cao hơn của cái có thể được xem là biểu hiện của ba phương diện cao hơn của Con Người trong vật chất cõi trí, trong khi trên cõi phụ thứ tư chúng ta có các trung tâm thể trí của con người trong chu vi của thể trí của y, mà đơn vị hạ trí là nhân tố hợp nhất. Đây là—như đã nói trước đây—một huyền nhiệm sâu xa, và không thể được khai triển thêm nữa.

b. The Planes and Fiery Energy. It seems desirable [Page 519] that we should here discuss the analogies on each plane, (169) with the seven sub-planes, reminding the student that we are speaking of the planes as the field of evolution of a solar Logos, and not only as a field for the development of man. In the solar system we have:

b. Các cõi và năng lượng lửa. Có vẻ thích hợp [Page 519] khi ở đây chúng ta nên bàn đến các phép loại suy trên mỗi cõi, (169) với bảy cõi phụ, nhắc đạo sinh rằng chúng ta đang nói về các cõi như trường tiến hoá của một Thái dương Thượng đế, chứ không chỉ như một trường cho sự phát triển của con người. Trong hệ mặt trời, chúng ta có:

(169) 1. The seven systemic planes are:

(169) 1. Bảy cõi của hệ là:

1. Divine plane... Logos... ..1st cosmic ether.

1. Cõi thiêng liêng... Thượng đế.....dĩ thái vũ trụ thứ 1.

2. Monadic plane... Monad... .2nd cosmic ether.

2. Cõi chân thần... Chân thần....dĩ thái vũ trụ thứ 2.

3. Spiritual plane... .3rd cosmic ether.	3. Cõi tinh thần....dĩ thái vũ trụ thứ 3.
4. Intuitional plane... 4th cosmic ether.	4. Cõi trực giác... dĩ thái vũ trụ thứ 4.
5. Mental plane... Ego... gaseous plane.	5. Cõi trí.... Chân ngã... cõi khí trạng.
6. Astral plane... ...liquid plane.	6. Cõi cảm dục... cõi lỏng.
7. Physical... ... .gross.	7. Hồng trần.....thô đặc.
2. The seven differentiations in terms of fiery energy are:	2. Bảy sự biến phân xét theo năng lượng lửa là:
a. Plane of divine life... Father... Sea of fire.	a. Cõi của sự sống thiêng liêng..... Cha... Biển lửa.
b. Plane of monadic life... ..Son... Akasha.	b. Cõi của sự sống chân thần.....Con... Akasha.
c. Plane of atma... Holy Ghost... Aether.	c. Cõi atma... Chúa Thánh Thần... Aether.
d. Plane of buddhi, intuition... Central... .. Air.	d. Cõi Bồ đề, trực giác... Trung tâm..... Khí.
e. Plane of mind... ... . Fire.	e. Cõi trí..... Lửa.
f. Plane of desire... ... .Astral Light.	f. Cõi dục vọng..... Ánh sáng cảm dục.
g. Plane of physical... ... Ether	g. Cõi hồng trần..... Dĩ thái
Thought... . Thoughtforms... ..Materialisation.	Tư tưởng.... Hình tư tưởng..... Hiện hình.
Microcosm... .. Macrocosm.	Tiểu thiên địa..... Đại thiên địa.
3. Planes of logoic evolution... the seven planes.	3. Các cõi của sự tiến hoá của Thượng đế... bảy cõi.
Planes of Son's evolution... . the six planes.	Các cõi của sự tiến hoá của Con... sáu cõi.

Planes of monadic evolution... the five planes.

Các cõi của sự tiến hoá chân thần... năm cõi.

Planes of human evolution... the three worlds.

Các cõi của sự tiến hoá nhân loại... ba cõi giới.

Seven is the number of the totality of manifestation.

Bảy là con số của toàn thể sự biểu hiện.

Three is the number of consciousness.

Ba là con số của tâm thức.

One is the number of Life or Spirit.

Một là con số của Sự sống hay tinh thần.

4. Electric fire... .. Solar fire... .. Fire by friction.

4. Lửa Điện..... Lửa Thái dương..... Lửa ma sát.

Father... . Son... .. Holy Ghost.

Cha... Con..... Chúa Thánh Thần.

Spirit... .. Consciousness... Matter. (back)

Tinh thần.... Tâm thức... Vật chất. (back)

First, the three higher planes, which have been rightly called the planes of the three aspects; second, the seventh logoic principle is on the first plane, and we can consider it as the impulse in physical matter which produced His body of objectivity.

Thứ nhất, ba cõi cao hơn, vốn đã được gọi đúng là các cõi của ba phương diện; thứ hai, nguyên khí thứ bảy của Thượng đế ở trên cõi thứ nhất, và chúng ta có thể xem nó như xung lực trong vật chất hồng trần đã tạo ra thân thể biểu hiện khách quan của Ngài.

On the second plane are found the seven Heavenly Men, Who are His principal centres of force. There are others, but we are not here concerned with Them. These latter have achieved a certain specific goal, and are the [Page 520] embodiment of centres which are now quiescent or out of manifestation, the logoic kundalini having turned its attention elsewhere. Under another enumeration they make the ten of the esoteric life, and can also be enumerated as twelve, thus forming the twelve-petalled Lotus, or the heart centre in the Body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

Trên cõi thứ hai có bảy Đấng Thiên Nhân, là các trung tâm mãnh lực chính của Ngài. Còn có những Đấng khác, nhưng ở đây chúng ta không quan tâm đến Các Ngài. Các Đấng thuộc nhóm sau đã đạt được một mục tiêu đặc thù nào đó, và là [Page 520] hiện thân của các trung tâm hiện đang tĩnh lặng hay ngoài biểu hiện, vì kundalini của Thượng đế đã chuyển sự chú ý của nó sang nơi khác. Theo một cách liệt kê khác, Các Ngài tạo thành con số mười của sự sống nội môn, và cũng có thể được liệt kê là mười hai, nhờ đó hình thành Hoa sen mười hai cánh, hay

trung tâm tim trong Thân Thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

On the fourth cosmic ether the buddhic plane, are found the etheric centres of the Logos. There are to be found the esoteric planets and the Sun, viewed as the centre of the buddhic principles, and from thence the Logos animates His dense physical manifestation.

Trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề, có các trung tâm dĩ thái của Thượng đế. Ở đó có thể tìm thấy các hành tinh nội môn và Mặt Trời, khi được xem như trung tâm của các nguyên khí Bồ đề, và từ đó Thượng đế làm sinh động biểu hiện hồng trần đậm đặc của Ngài.

Finally, on the three lower planes we have His gaseous, liquid, and dense bodies or sheaths, forming in themselves a unity in one peculiar sense; they are as much a coherent whole as the three higher planes form a unified triple expression of the three persons of the Trinity.

Sau cùng, trên ba cõi thấp chúng ta có các thể hay vỏ khí trạng, lỏng, và đậm đặc của Ngài, tự chúng tạo thành một khối thống nhất theo một ý nghĩa đặc thù; chúng tạo thành một toàn thể cố kết cũng giống như ba cõi cao hơn tạo thành một biểu hiện tam phân hợp nhất của ba ngôi vị trong Tam Vị.

We have a similar analogy in the subplanes of each plane in the system, and this will become ever more apparent as man achieves a greater clarity of vision, and can consciously ascertain for himself the truth about the subjective life. Let us briefly take these planes and study the life or force manifestation on each, laying the emphasis upon the lower four, and not so much upon the planes which do not concern man so closely.

Chúng ta có một phép loại suy tương tự trong các cõi phụ của mỗi cõi trong hệ, và điều này sẽ ngày càng trở nên hiển nhiên khi con người đạt được tầm nhìn rõ ràng hơn, và có thể một cách hữu thức tự mình xác định chân lý về sự sống chủ quan. Chúng ta hãy xét sơ lược các cõi này và nghiên cứu sự biểu hiện của sự sống hay mãnh lực trên mỗi cõi, nhấn mạnh vào bốn cõi thấp, chứ không quá nhiều vào các cõi không liên quan mật thiết đến con người.

The Logoic Plane. The first, the second, and the third subplanes of the first cosmic ether respond specifically to the vibration of one of the three aspects, or to those cosmic Entities Whose influence reaches the matter of the planes from without the system altogether. On the fourth subplane comes a primary blending of the three fiery Lives, producing archetypally that force manifestation of electricity which eventually causes the blazing forth of the Sons of Light on the next plane. In this electrical connotation we have the three

Cõi của Thượng đế. Cõi phụ thứ nhất, thứ hai, và thứ ba của dĩ thái vũ trụ thứ nhất đáp ứng một cách đặc thù với rung động của một trong ba phương diện, hay với những Thực Thể vũ trụ mà ảnh hưởng của Các Ngài chạm đến vật chất của các cõi từ hoàn toàn bên ngoài hệ. Trên cõi phụ thứ tư diễn ra một sự hòa trộn sơ khởi của ba Sự Sống lửa, tạo ra theo nguyên mẫu sự biểu hiện mãnh lực của điện lực mà cuối cùng gây nên sự bừng cháy của các Con của Ánh sáng trên cõi kế tiếp. Trong hàm ý điện lực này, chúng ta có ba cõi cao hơn luôn luôn hiện thân cho phương

higher planes ever embodying the threefold Spirit aspect, the lower [Page 521] three embodying the threefold substance aspect, and then a plane of at-one-ment whereon an approximation is made which, on the path of return, marks the moment of achievement, and the point of triumph. This is succeeded by obscuration. Hence on every plane in the solar system we have a fourth plane whereon the struggle for perfect illumination, and subsequent liberation takes place, the battle ground, the Kurukshetra. Though for man the fourth plane, the buddhic, is the place of triumph, and the goal of his endeavour, for the Heavenly Man it is the battle-ground, while for the solar Logos it is the burning-ground.

diện Tinh thần tam phân, còn ba cõi [Page 521] thấp hiện thân cho phương diện chất liệu tam phân, và rồi một cõi hợp nhất nơi diễn ra một sự xích lại gần mà, trên Con Đường Trở Về, đánh dấu khoảnh khắc thành tựu, và điểm chiến thắng. Tiếp theo đó là sự che khuất. Vì thế trên mọi cõi trong hệ mặt trời, chúng ta có một cõi thứ tư nơi diễn ra cuộc đấu tranh cho sự soi sáng hoàn hảo, và sự giải thoát tiếp theo, chiến trường, Kurukshetra. Dù đối với con người, cõi thứ tư, cõi Bồ đề, là nơi chiến thắng, và là mục tiêu của nỗ lực của y, thì đối với Đấng Thiên Nhân đó là chiến trường, còn đối với Thái dương Thượng đế đó là vùng đất cháy.

This differentiation of the subplanes of the systemic planes *into a higher three, a lower three, and a central plane of harmony is only so from the standpoint of electrical phenomena, and not from the standpoint of either pure Spirit, or pure substance, viewed apart from each other. It concerns the mystery of electricity, and the production of light.* The three higher planes concern the central Forces or Lives, the three lower concern the lesser Forces or Lives. We must bear this carefully in mind, remembering that to the occultist there is no such thing as substance, but only Force in varying degrees, only Energy of differentiated quality, only Lives emanating from different sources, each distinctive and apart, and only Consciousness producing intelligent effect through the medium of space.

Sự biến phân này của các cõi phụ của các cõi của hệ thống *thành ba cõi phụ cao, ba cõi phụ thấp, và một cõi phụ trung tâm của sự hài hòa chỉ là như vậy khi nhìn từ quan điểm của các hiện tượng điện, chứ không phải từ quan điểm của tinh thần thuần túy hay chất liệu thuần túy, khi được xem tách rời nhau. Điều này liên quan đến huyền nhiệm của điện và sự tạo ra ánh sáng.* Ba cõi cao liên quan đến các Mãnh Lực hay các Sự Sống trung tâm, ba cõi thấp liên quan đến các mãnh lực hay các sự sống nhỏ hơn. Chúng ta phải ghi nhớ điều này một cách cẩn trọng, nhớ rằng đối với nhà huyền bí học không hề có cái gọi là chất liệu, mà chỉ có Mãnh lực ở những cấp độ khác nhau, chỉ có Năng lượng với phẩm tính biến phân, chỉ có các Sự Sống phát xạ từ những nguồn khác nhau, mỗi sự sống đều riêng biệt và tách biệt, và chỉ có Tâm thức tạo ra hiệu quả thông minh qua trung gian của không gian.

I would point out that the Lord Agni shows forth His fiery life on the atomic subplane of each plane; He shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by

Tôi muốn chỉ ra rằng Chúa Tể Agni biểu lộ sự sống rực lửa của Ngài trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi; Ngài biểu lộ như lửa thái dương trên cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như

friction' on the fifth, sixth and seventh. From the point of view of the microcosm, the Spark in the Flame, man demonstrates as electric fire on the second plane, or the second cosmic ether; as solar fire on the third, fourth and the three higher subplanes of the fifth [Page 522] plane, and as fire by friction on the lower subplanes of the fifth, on the sixth, and seventh planes.

'Lửa ma sát' trên cõi phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Từ quan điểm của tiểu thiên địa, Tia Lửa trong Ngọn Lửa, con người biểu lộ như Lửa Điện trên cõi thứ hai, hay dĩ thái vũ trụ thứ hai; như Lửa Thái dương trên cõi thứ ba, thứ tư và ba cõi phụ cao của cõi thứ năm [Page 522], và như Lửa ma sát trên các cõi phụ thấp của cõi thứ năm, trên cõi thứ sáu và cõi thứ bảy.

c. The Planes and the Three Fires. On every plane we have, relatively speaking:

c. Các Cõi và Ba Loại Lửa. Trên mỗi cõi, nói một cách tương đối, chúng ta có:

a. Electric fire demonstrating as the prime condition on the higher three.

a. Lửa Điện biểu lộ như điều kiện chủ yếu trên ba cõi phụ cao.

b. Fire by friction as the most significant factor on the lower three.

b. Lửa ma sát như yếu tố quan trọng nhất trên ba cõi phụ thấp.

c. Solar fire, showing forth as the blaze produced by union on the central plane.

c. Lửa Thái dương, biểu lộ như ngọn lửa bùng lên do sự hợp nhất tạo ra trên cõi trung tâm.

In the solar system this is to be seen in connection with a Heavenly Man on the buddhic plane, where They blaze forth through Their etheric centres. In connection with man on the mental plane, we have a similar condition: the three higher subplanes concern the Spirit aspect in the causal body, the three lower subplanes concern primarily the mental sheath, or fire by friction; the fourth subplane is that on which the force centres of the mental body are to be found. So it is on the physical plane for man—his etheric centres being located in matter of the fourth ether.

Trong hệ mặt trời, điều này có thể được thấy liên hệ với một Đấng Thiên Nhân trên cõi Bồ đề, nơi Các Ngài bừng cháy qua các trung tâm dĩ thái của Các Ngài. Liên hệ với con người trên cõi trí, chúng ta có một tình trạng tương tự: ba cõi phụ cao liên quan đến phương diện tinh thần trong thể nguyên nhân, ba cõi phụ thấp chủ yếu liên quan đến thể trí, hay Lửa ma sát; cõi phụ thứ tư là cõi mà trên đó có thể tìm thấy các trung tâm mãnh lực của thể trí. Trên cõi hồng trần đối với con người cũng vậy—các trung tâm dĩ thái của y nằm trong vật chất của dĩ thái thứ tư.

Each of the three Persons of the Trinity manifests equally as does a man, as Spirit, Soul or Ego, and Substance. In connection with Brahma, we have the Spirit aspect animating the three higher subplanes of

Mỗi một trong Ba Ngôi đều biểu lộ giống như con người, với tư cách là tinh thần, linh hồn hay chân ngã, và chất liệu. Liên hệ với Brahma, chúng ta có phương diện tinh thần tiếp sinh lực cho ba cõi phụ cao của mỗi cõi,

every plane, or the first fire aspect. His soul aspect is found on the fourth subplane of each plane whereon are situated the etheric centres of all manifested entities. His substance aspect is primarily contacted on the three lower subplanes. Hence we have the forty-nine fires of matter, or the seven fires of each plane, the union of the higher three and the lower three producing that blaze which we call the wheels of fire or the centres on the fourth subplane of each plane.

hay phương diện lửa thứ nhất. Phương diện linh hồn của Ngài được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi, nơi các trung tâm dĩ thái của mọi thực thể biểu hiện tọa lạc. Phương diện chất liệu của Ngài chủ yếu được tiếp xúc trên ba cõi phụ thấp. Do đó chúng ta có bốn mươi chín ngọn lửa của vật chất, hay bảy ngọn lửa của mỗi cõi, sự hợp nhất của ba cõi phụ cao và ba cõi phụ thấp tạo ra ngọn lửa bùng cháy mà chúng ta gọi là các bánh xe lửa hay các trung tâm trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi.

In connection with the second aspect there is a similar [Page 523] condition. Solar fire blazes forth in its electrical aspect on the second plane, and demonstrates thus also on the third and fourth planes, but finds its central demonstration on manasic levels, shining through the causal vehicles of the egoic groups. Only two and a half planes then remain through which the fire by friction aspect may manifest, eighteen subplanes in all which concern the third aspect of the second Person of the logoic Trinity.

Liên hệ với phương diện thứ hai cũng có một [Page 523] tình trạng tương tự. Lửa Thái dương bừng cháy trong phương diện điện của nó trên cõi thứ hai, và cũng biểu lộ như vậy trên cõi thứ ba và thứ tư, nhưng tìm thấy sự biểu lộ trung tâm của nó trên các cấp độ manas, chiếu sáng qua các vận cụ nguyên nhân của các nhóm chân ngã. Khi đó chỉ còn lại hai cõi rưỡi mà qua đó phương diện Lửa ma sát có thể biểu lộ, tổng cộng là mười tám cõi phụ liên quan đến phương diện thứ ba của Ngôi thứ hai của Ba Ngôi Thượng đế.

For man, the microcosm, a similar differentiation is possible; His Monad can be studied in its threefold essence on its own plane, his egoic aspect likewise, and the Brahma aspect of the Ego is found within the permanent atoms. Students should therefore study with care:

Đối với con người, tiểu thiên địa, một sự biến phân tương tự là có thể; Chân thần của y có thể được nghiên cứu trong bản chất tam phân của nó trên chính cõi của nó, phương diện chân ngã của y cũng vậy, và phương diện Brahma của Chân ngã được tìm thấy trong các nguyên tử trường tồn. Vì vậy, các đạo sinh nên cẩn trọng nghiên cứu:

1. *The Planes*. The manifestation of Brahma, the third or substance aspect, and should apply to this Entity the same triple constitution as is apparent in the other two. The planes of electric fire, the planes of his lower nature, and the point of blazing forth or conflagration for him (the etheric centres) must be carefully studied. Brahma is the

1. *Các Cõi*. Sự biểu lộ của Brahma, phương diện thứ ba hay phương diện chất liệu, và nên áp dụng cho Thực Thể này cùng một cấu tạo tam phân như được thấy rõ nơi hai Đấng kia. Các cõi của Lửa Điện, các cõi của bản chất thấp của Ngài, và điểm bừng cháy hay bốc lửa đối với Ngài (các trung tâm dĩ thái) phải được nghiên cứu cẩn thận. Brahma là

positive life of matter; He is the revelation of substance and the blaze that can be seen.

sự sống dương của vật chất; Ngài là sự mặc khải của chất liệu và là ngọn lửa bùng cháy có thể được nhìn thấy.

2. *Vibration.* The manifestation of the second aspect. These vibrations of consciousness are the major three words which are the sumtotal of egoic life, the minor three which govern the third aspect of the Ego, and the chord of at-one-ment which is that which is sounding forth now.

2. *Rung động.* Sự biểu lộ của phương diện thứ hai. Những rung động của tâm thức này là ba Linh từ chính yếu, là tổng thể của sự sống chân ngã, ba linh từ phụ chi phối phương diện thứ ba của Chân ngã, và hợp âm của sự hợp nhất là điều hiện đang vang lên.

The three aspects of Spirit as they are seen can only be expressed in terms of the other two in this solar system, and of their nature extra-systemically nought can profitably be said at this stage of cognition.

Ba phương diện của tinh thần như được thấy chỉ có thể được diễn tả bằng các thuật ngữ của hai phương diện kia trong hệ mặt trời này, còn về bản chất của chúng ngoài hệ thống thì ở giai đoạn nhận thức này không thể nói gì hữu ích được.

The above thoughts upon the planes, and the ninefold nature of all that is, take one into regions as yet almost beyond the grasp of man; yet only when the substance [Page 524] aspect is studied by the scientist in its triple nature will truth be approximated, and the true nature of electrical phenomena be comprehended; then and only then will electricity be harnessed and utilised by man as a unity, and not just in one of its aspects as at present; the negative electricity of the planet is all that is as yet contacted for commercial purposes. It must be remembered that this term is used in the sense of negative in relation to solar electricity. When man has found out how to contact and utilise positive solar electricity in combination with negative planetary electricity, we shall have a very dangerous condition brought about, and one of the factors which will eventually manifest in the destruction of the fifth root race by fire. At that great cataclysm—as the Bible says "the Heavens will melt with fervent heat." *(Bible. II Peter, 3:10.)* This will be seen in a

Những tư tưởng trên về các cõi, và bản chất cửu phân của mọi cái đang hiện hữu, đưa người ta vào những lĩnh vực hiện còn gần như vượt ngoài sự nắm bắt của con người; tuy nhiên, chỉ khi phương diện chất liệu [Page 524] được nhà khoa học nghiên cứu trong bản chất tam phân của nó thì người ta mới tiến gần đến chân lý, và bản chất thực sự của các hiện tượng điện mới được thấu hiểu; khi đó và chỉ khi đó điện mới được con người chế ngự và sử dụng như một nhất thể, chứ không chỉ trong một phương diện của nó như hiện nay; điện âm của hành tinh là tất cả những gì cho đến nay mới được tiếp xúc vì mục đích thương mại. Cần nhớ rằng thuật ngữ này được dùng theo nghĩa âm so với điện thái dương. Khi con người khám phá được cách tiếp xúc và sử dụng điện thái dương dương tính kết hợp với điện hành tinh âm tính, chúng ta sẽ có một tình trạng rất nguy hiểm được tạo ra, và đó là một trong những yếu tố rốt cuộc sẽ biểu lộ trong sự hủy diệt giống dân gốc thứ năm bằng lửa. Trong đại biến động ấy—như Kinh Thánh nói "các tầng trời sẽ tan chảy vì sức nóng dữ

still greater degree in the next round, and will cause that destruction by fire of the forms of the men who have failed, which will liberate the lives on a stupendous scale, and thus temporarily 'purify' the Earth from elements which would tend to hinder the evolutionary process. As the cycles pass away, the balancing of these fiery currents will be gradually brought about, and will result in a planetary condition of harmony, and of esoteric equality, which will provide ideal environment for harmonious man.

dội." *(Kinh Thánh. II Peter, 3:10.)* Điều này sẽ được thấy ở mức độ còn lớn hơn trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, và sẽ gây ra sự hủy diệt bằng lửa đối với các hình tướng của những người đã thất bại, điều sẽ giải thoát các sự sống trên một quy mô khổng lồ, và do đó tạm thời "thanh lọc" Trái Đất khỏi những yếu tố có khuynh hướng cản trở tiến trình tiến hoá. Khi các chu kỳ trôi qua, sự quân bình của các dòng lửa này sẽ dần dần được thực hiện, và sẽ đưa đến một tình trạng hành tinh hài hòa, và một sự bình đẳng nội môn, sẽ cung cấp môi trường lý tưởng cho con người hài hòa.

Only when the soul aspect is studied by the psychologist in its threefold essential nature will the mystery of consciousness become apparent, and the nature of the three magnetic groups, in their various subdivisions with their consequent effectual radiation become a factor in the public life. This concerns itself with the definite development of the psyche under law, with the scientific expansion of the consciousness, and will eventually bring about conditions wherein the work, preliminary to the first initiation, will be purely exoteric, and no longer[Page 525] part of an esoteric process. In due course of time, it will be found that the self-induced efforts whereby a man consciously prepares his centres for the application of the Rod of Initiation at the first Initiation, will be the subject of books, and of lectures, and form part of the ordinary thought of the masses. This again will eventuate in a cleavage between the two groups in the middle of the fifth round. It must be remembered that this cleavage will be part of a natural process, and not a drastic ruling, imposed upon an unwilling people. The KNOWERS and the students of the Knowledge—actuated by group consciousness, and working consciously—will separate themselves *in*

Chỉ khi phương diện linh hồn được nhà tâm lý học nghiên cứu trong bản chất cốt yếu tam phân của nó thì huyền nhiệm của tâm thức mới trở nên hiển nhiên, và bản chất của ba nhóm từ tính, trong các phân nhóm khác nhau của chúng cùng với sự bức xạ hiệu quả phát sinh từ đó, mới trở thành một yếu tố trong đời sống công cộng. Điều này liên quan đến sự phát triển rõ rệt của linh hồn dưới định luật, đến sự mở rộng tâm thức một cách khoa học, và rốt cuộc sẽ tạo ra những điều kiện trong đó công việc chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất sẽ hoàn toàn ngoại môn, và không còn [Page 525] là một phần của tiến trình nội môn nữa. Đến đúng thời điểm, người ta sẽ thấy rằng những nỗ lực do chính mình khởi xướng, nhờ đó con người chuẩn bị các trung tâm của mình một cách hữu thức cho việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo trong lần điểm đạo thứ nhất, sẽ là chủ đề của sách vở và các bài giảng, và tạo thành một phần của tư tưởng thông thường của quần chúng. Điều này lại sẽ dẫn đến một sự phân tách giữa hai nhóm vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Cần nhớ rằng sự phân tách này sẽ là một phần của một tiến trình tự nhiên, chứ không phải một quyết định khắc nghiệt áp đặt lên một dân chúng không tự nguyện. Các THỨC GIẢ và các đạo sinh của Hiểu Biết—do tâm thức nhóm thúc đẩy

group formation from those who know not, and from those who care not. This cleavage will be self-induced, and a natural outgrowth of the group life; it will in itself be of a temporary nature for the fundamental aim in view will be the bringing about of an eventual closer merging; it will mark primarily the line of demarcation between the lower four Rays of consciousness, and the higher three. It is also a mystery hid in the relationship between the four exoteric Kumaras, *(S.D., I, 116, 493; II, 112, 149)* and the esoteric three, and from the point of view of man separates those who are developing the consciousness of the Triad from those who as yet are living the life of the Quaternary. It concerns those who respond to the solar Lords, distinguishing them from those who recognise as yet only the control of the lunar Lords. In terms of Fire: those who warm themselves by means of fire by friction and respond not to the heat of solar fire remain within the cavern, thus living in the dark; whilst those whose being is irradiated by the Sun of Wisdom, and who bask in the rays of solar heat dwell in the light, and enjoy an ever increasing freedom, and vital existence.

và làm việc một cách hữu thức—sẽ tự tách ra *thành nhóm* khỏi những người không biết, và khỏi những người không quan tâm. Sự phân tách này sẽ do chính họ tạo ra, và là một kết quả phát triển tự nhiên của đời sống nhóm; tự thân nó sẽ chỉ có tính tạm thời vì mục tiêu căn bản được nhắm đến sẽ là đưa đến một sự hòa nhập gần gũi hơn về sau; trước hết nó sẽ đánh dấu ranh giới phân định giữa bốn Cung thấp của tâm thức và ba Cung cao. Nó cũng là một huyền nhiệm ẩn giấu trong mối liên hệ giữa bốn Đức Kumara ngoại môn, *(S.D., I, 116, 493; II, 112, 149)* và ba Đức Kumara nội môn, và từ quan điểm của con người, nó phân cách những ai đang phát triển tâm thức của Tam nguyên tinh thần với những ai hiện vẫn đang sống đời sống của Tứ nguyên. Điều này liên quan đến những ai đáp ứng với các nhật tinh quân, phân biệt họ với những ai hiện vẫn chỉ nhận biết sự kiểm soát của các nguyệt tinh quân. Nói theo thuật ngữ của Lửa: những ai sưởi ấm mình bằng Lửa ma sát và không đáp ứng với sức nóng của Lửa Thái dương thì vẫn ở trong hang động, do đó sống trong bóng tối; còn những ai mà bản thể được Mặt Trời Minh Triết chiếu rọi, và tắm mình trong các tia nhiệt thái dương thì sống trong ánh sáng, và hưởng một sự tự do cùng sự tồn tại sinh động ngày càng gia tăng.

The true significance of the three aspects of Spirit is only becoming apparent to the initiate of high degree, [Page 526] and cannot be expressed in words, nor comprehended by man before he has passed out of the human kingdom into the spiritual. Therefore, it is needless for us to pause here to consider it at greater length.

Ý nghĩa thực sự của ba phương diện của tinh thần chỉ mới trở nên hiển nhiên đối với điểm đạo đồ cấp cao, [Page 526] và không thể diễn tả bằng lời, cũng không thể được con người thấu hiểu trước khi y đã vượt ra khỏi giới nhân loại để đi vào giới tinh thần. Vì vậy, chúng ta không cần dừng lại ở đây để xem xét nó dài hơn nữa.

We might sum up the matter in terms of the Old Commentary from which source H. P. B. quoted so often:

Chúng ta có thể tóm lược vấn đề bằng những thuật ngữ của Cổ Luận, nguồn mà H. P. B. đã trích dẫn rất thường xuyên:

"The Blessed Ones hide Their threefold nature, but reveal Their triple essence by means of the three great groups of atoms. Three are the atoms, and threefold the radiation. The inner core of fire hides itself and is known only through radiation and that which radiates. Only after the blaze dies out and the heat is no longer felt can the fire be known."

"Các Đấng Chân Phúc che giấu bản chất tam phân của Các Ngài, nhưng mặc khải tinh túy bộ ba của Các Ngài qua ba nhóm nguyên tử lớn. Có ba nguyên tử, và bức xạ cũng tam phân. Lõi lửa bên trong tự che giấu và chỉ được biết qua bức xạ và cái đang bức xạ. Chỉ sau khi ngọn lửa bùng cháy tắt đi và sức nóng không còn được cảm thấy nữa thì lửa mới có thể được biết."

S5S8

We can now resume our consideration of the mystery of the mental unit, and note wherein it differs from the other permanent atoms; we might then briefly summarise a mass of esoteric information anent the permanent atoms, which will suffice for many years to come as the basis of investigation for occult students. The permanent atoms, and their internal economy, will remain a mystery for a long time, and only a few general indications can here be given.

Giờ đây chúng ta có thể tiếp tục việc xem xét huyền nhiệm của đơn vị hạ trí, và lưu ý nó khác với các nguyên tử trường tồn khác ở điểm nào; rồi sau đó chúng ta có thể tóm lược ngắn gọn một khối lượng thông tin nội môn liên quan đến các nguyên tử trường tồn, điều sẽ đủ làm nền tảng nghiên cứu cho các đạo sinh huyền bí học trong nhiều năm tới. Các nguyên tử trường tồn, và cơ cấu nội tại của chúng, sẽ còn là một huyền nhiệm trong một thời gian dài, và ở đây chỉ có thể đưa ra một vài chỉ dẫn tổng quát.

The fundamental difference between the mental unit and the other two atoms consists in the fact that it contains only four spirillae instead of seven. This is brought about by the very facts of evolution itself, for the mental unit is the first aspect of the personality triad, or of man functioning, in the human kingdom on the three lower planes. At his transference into the spiritual kingdom, these three aspects—the mental body, the astral body, and the physical body—are synthesised into the higher by a dual process:

Sự khác biệt căn bản giữa đơn vị hạ trí và hai nguyên tử kia nằm ở chỗ nó chỉ chứa bốn loa tuyến thay vì bảy. Chính các sự kiện của tiến hoá tạo nên điều này, vì đơn vị hạ trí là phương diện thứ nhất của bộ ba phàm ngã, hay của con người đang hoạt động trong giới nhân loại trên ba cõi thấp. Khi y chuyển dịch vào giới tinh thần, ba phương diện này—thể trí, thể cảm dục, và thể xác—được tổng hợp vào cái cao hơn bằng một tiến trình kép:

1. His polarisation shifts from out of the lower three atoms into the Triadal atoms.

1. Sự phân cực của y chuyển ra khỏi ba nguyên tử thấp để đi vào các nguyên tử của Tam nguyên tinh thần.

2. The force which these atoms generate and embody is merged and blended into the higher force points.

[Page 527] A permanent atom is the positive nucleus or germ substance to the sheath wherein it is found. It is that which is the basis of form-building, and it is literally a vibrant point of force, emanating from the second aspect of the Monad, which aggregates to itself, and subsequently builds into form, the negative or third aspect. But it must here be remembered that this second aspect is itself dual, and that in considering the permanent atoms we are dealing with the feminine aspect of the second Person. The spirillae therefore are but streams of force, or second aspect vitality which circulates geometrically within the circumscribing wall of substance, composed of third aspect force or substance. What has been said of objectivity, or of the cosmic atom can be equally well predicated of the permanent atom of man the microcosm:

"The primordial ray is the vehicle of the divine Ray." *(S.D., I, 108) Negative force forms a receptacle for positive force. Atoms are but force centres, and the centres as we know of them are but aggregates of force points which have reached a specific point in evolution, and are responding to the first great aspect in some degree, or to electric fire.*

This sentence, is one to be seriously pondered, for it holds hid much information for the student, and when duly comprehended will result in the light of knowledge being shed upon the problems of manifestation. It concerns the secret of the position of the different kingdoms of nature

2. Mãnh lực mà các nguyên tử này tạo ra và thể hiện được hòa nhập và dung hợp vào các điểm mãnh lực cao hơn.

[Page 527] Một nguyên tử trường tồn là hạt nhân dương hay chất liệu mầm mống đối với lớp vỏ mà trong đó nó được tìm thấy. Nó là cái làm nền tảng cho việc xây dựng hình tướng, và theo nghĩa đen là một điểm mãnh lực rung động, phát ra từ phương diện thứ hai của chân thần, tự tập hợp quanh mình, rồi sau đó xây dựng thành hình tướng, phương diện âm hay phương diện thứ ba. Nhưng ở đây cần nhớ rằng phương diện thứ hai này tự nó là nhị phân, và khi xem xét các nguyên tử trường tồn, chúng ta đang xử lý phương diện nữ tính của Ngôi thứ hai. Vì vậy, các loa tuyến chỉ là những dòng mãnh lực, hay sinh lực của phương diện thứ hai lưu chuyển theo hình học bên trong bức tường bao quanh của chất liệu, do mãnh lực hay chất liệu của phương diện thứ ba cấu thành. Điều đã được nói về tính khách quan, hay về nguyên tử vũ trụ, cũng có thể được khẳng định tương tự về nguyên tử trường tồn của con người, tiểu thiên địa:

"Cung nguyên sơ là vận cụ của Cung thiêng liêng." *(S.D., I, 108) Mãnh lực âm tạo thành một vật chứa cho mãnh lực dương. Các nguyên tử chỉ là những trung tâm mãnh lực, và các trung tâm như chúng ta biết chỉ là những tập hợp của các điểm mãnh lực đã đạt đến một điểm tiến hoá nhất định, và đang đáp ứng ở một mức độ nào đó với phương diện lớn thứ nhất, hay với Lửa Điện.*

Câu này là điều cần được suy ngẫm nghiêm túc, vì nó ẩn chứa nhiều thông tin cho đạo sinh, và khi được thấu hiểu đúng mức sẽ khiến ánh sáng tri thức được rọi vào các vấn đề của sự biểu hiện. Nó liên quan đến bí mật về vị trí của các giới khác nhau trong thiên nhiên bên trong thân thể của Thượng đế, và

within the logoic body, and their place and part, for all depends upon the type of force which animates, upon the interplay of that force in substance, upon the dual, triple, or united aspect of force, and upon its septenary demonstration in form-building.

vị trí cùng vai trò của chúng, vì mọi sự đều tùy thuộc vào loại mãnh lực đang tiếp sinh lực, vào sự tương tác của mãnh lực đó trong chất liệu, vào phương diện nhị phân, tam phân hay hợp nhất của mãnh lực, và vào sự biểu lộ thất phân của nó trong việc xây dựng hình tướng.

Every atom is a focal point of force, the force of substance itself, the life or vitality of the third aspect, the [Page 528] life of that cosmic Entity Who is to the Logos the negative aspect of electricity.

Mỗi nguyên tử là một tiêu điểm của mãnh lực, mãnh lực của chính chất liệu, sự sống hay sinh lực của phương diện thứ ba, sự [Page 528] sống của Thực Thể vũ trụ mà đối với Thượng đế là phương diện âm của điện.

Every form (173) and aggregate of atoms, is simply a force centre produced by the action of positive force and its interaction with negative energy. It is the vitality of the second aspect working in conjunction with the third, and producing—in time and space—that illusion or maya which temporarily blazes forth, and attracts attention, creating the impression that matter is a concrete something. There is no such thing as concretion in reality; [Page 529] there is only force of different kinds, and the effect produced on consciousness by their interplay.

Mỗi hình tướng (173) và tập hợp các nguyên tử chỉ đơn giản là một trung tâm mãnh lực do tác động của mãnh lực dương và sự tương tác của nó với năng lượng âm tạo ra. Đó là sinh lực của phương diện thứ hai hoạt động cùng với phương diện thứ ba, và tạo ra—trong thời gian và không gian—ảo tưởng hay ảo lực tạm thời bừng sáng, thu hút sự chú ý, tạo nên ấn tượng rằng vật chất là một cái gì đó cụ thể. Thực tại không hề có cái gọi là sự đông đặc; [Page 529] chỉ có mãnh lực thuộc những loại khác nhau, và hiệu quả mà sự tương tác của chúng tạo ra trên tâm thức.

(173) *Forms.*

(173) *Các hình tướng.*

1. Divine ideation passes from the abstract to the concrete or visible form.

1. Ý niệm thiêng liêng chuyển từ trừu tượng sang hình tướng cụ thể hay hữu hình.

a. The objective is an emanation of the subjective.—S. D., I, 407.

a. Cái khách quan là một phát xạ của cái chủ quan.—S. D., I, 407.

b. Impulse is spirit energy causing objectivity.—S. D., I, 349; S. D., I, 683.

b. Xung lực là năng lượng tinh thần gây ra tính khách quan.—S. D., I, 349; S. D., I, 683.

c. The Logos renders objective a concealed thought.—S. D., II, 28.

c. Thượng đế làm cho một tư tưởng ẩn kín trở nên khách quan.—S. D., II, 28.

2. Three things required before any form of energy can become objective.—S. D., I, 89.

1. Privation... .. Separation. Initial impulse. Energy. Will.

2. Form... Quality or shape. Nature. Love.

3. Matter... Objective sphere. Intelligent activity.

See S. D., III, 561.

3. Life precedes form.--S. D., I, 242.

a. The Thinker ever remains.—S. D., II, 28.

b. Force of life is the transformation into energy of the thought of the Logos.—See S. D., III, 179.

4. Spirit evolves through form and out of form.--S. D., I, 680.

a. Spirit has to acquire full self-consciousness.—S. D., I, 215.

b. Form imprisons spirit.—S. D., II, 775.

c. The principle of limitation is form.—S. D., III, 561.

d. Spirit informs all sheaths.—S. D., I, 669 note.

2. Cần có ba điều trước khi bất kỳ hình thức năng lượng nào có thể trở nên khách quan.—S. D., I, 89.

1. Sự thiếu vắng..... Sự tách biệt. Xung lực ban đầu. Năng lượng. Ý chí.

2. Hình tướng... Phẩm tính hay hình dạng. Bản chất. Bác ái.

3. Vật chất... Khối cầu khách quan. Hoạt động thông minh.

Xem S. D., III, 561.

3. Sự sống có trước hình tướng.--S. D., I, 242.

a. Đấng Tư Tưởng vẫn luôn tồn tại.—S. D., II, 28.

b. Mãnh lực của sự sống là sự chuyển đổi tư tưởng của Thượng đế thành năng lượng.—Xem S. D., III, 179.

4. Tinh thần tiến hoá qua hình tướng và ra khỏi hình tướng.--S. D., I, 680.

a. Tinh thần phải đạt được ngã thức trọn vẹn.—S. D., I, 215.

b. Hình tướng giam cầm tinh thần.—S. D., II, 775.

c. Nguyên lý giới hạn là hình tướng.—S. D., III, 561.

d. Tinh thần thấm nhuần mọi lớp vỏ.—S. D., I, 669 note.

e. Spirit passes through the cycle of Being.—S. D., I, 160.

e. Tinh thần đi qua chu kỳ của Bản Thể.—S. D., I, 160.

5. The devas are the origin of form.--S. D., I, 488.

5. Các thiên thần là nguồn gốc của hình tướng.--S. D., I, 488.

They exist in two great groups:

Các vị tồn tại trong hai nhóm lớn:

a. The Ahhi are the vehicle of divine thought.—S. D., I, 70.

a. Các Ahhi là vận cụ của tư tưởng thiêng liêng.—S. D., I, 70.

b. The Army of the Voice.—S. D., I, 124.

b. Đạo Quân của Tiếng Nói.—S. D., I, 124.

They are the sum-total of the substance of the four higher planes and of the three lower.

Các vị là tổng thể của chất liệu của bốn cõi cao và của ba cõi thấp.

6. There is a form which combines all forms.—S. D., I, 118.

6. Có một hình tướng kết hợp mọi hình tướng.—S. D., I, 118.

See S. D., I, 77.

Xem S. D., I, 77.

This Form is the sum-total of all that is manifested, or the entire solar sphere or system. This contains:

Hình Tướng này là tổng thể của mọi cái được biểu hiện, hay toàn bộ khối cầu thái dương hoặc hệ thống. Nó bao gồm:

a. The ten planetary schemes and all that is therein.

a. Mười hệ hành tinh và mọi thứ trong đó.

b. All the lesser interplanetary bodies.

b. Mọi thiên thể liên hành tinh nhỏ hơn.

c. The deva and human evolutions.

c. Các tiến hoá thiên thần và nhân loại.

d. The kingdoms of nature everywhere.

d. Các giới trong thiên nhiên ở khắp nơi.

e. The involutionary and evolutionary Gods.

e. Các Thượng đế giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá.

f. Every atom of substance on every plane.

f. Mọi nguyên tử chất liệu trên mọi cõi.

7. All forms are destroyed periodically.

Read carefully S. D., I, 397-401. (back)

Back of all forms and of all substances (as yet but little contacted and realised) lies a third type of force, which utilises these two other factors to produce eventual harmony, and which is itself on its own plane the sumtotal of the second. It can be called:

a. The one synthesising Life.

b. Electric fire.

c. The point of equilibrium.

d. Unity or harmony.

e. Pure Spirit.

f. Dynamic Will.

g. Existence.

It is a Force, working through a dual manifestation of differentiated force, through the energy of matter, the coherency of forms, through force centres, and force points. It is FOHAT in triple demonstration, of which the final or third is as yet unknown and inconceivable.

This brings me to the consideration of the fact earlier stated that the mental unit possesses but four of the streams of force. Each of the streams of force in the permanent atoms vibrates to the note of a particular subplane, and serves as the

7. Mọi hình tướng đều bị hủy diệt theo chu kỳ.

Hãy đọc cẩn thận S. D., I, 397-401. (back)

Đằng sau mọi hình tướng và mọi chất liệu (cho đến nay mới chỉ được tiếp xúc và chứng nghiệm rất ít) có một loại mãnh lực thứ ba, sử dụng hai yếu tố kia để tạo ra sự hài hòa rốt ráo, và chính nó trên cõi riêng của nó là tổng thể của phương diện thứ hai. Nó có thể được gọi là:

a. Sự sống tổng hợp duy nhất.

b. Lửa Điện.

c. Điểm quân bình.

d. Hợp nhất hay hài hòa.

e. Tinh thần thuần túy.

f. Ý Chí năng động.

g. Sự tồn tại.

Đó là một Mãnh lực, hoạt động qua một biểu hiện nhị phân của mãnh lực biến phân, qua năng lượng của vật chất, sự kết dính của các hình tướng, qua các trung tâm mãnh lực, và các điểm mãnh lực. Đó là FOHAT trong sự biểu lộ bộ ba, mà biểu lộ cuối cùng hay thứ ba của nó hiện vẫn chưa được biết và không thể quan niệm được.

Điều này đưa tôi đến việc xem xét sự kiện đã được nêu trước đây rằng đơn vị hạ trí chỉ sở hữu bốn dòng mãnh lực. Mỗi dòng mãnh lực trong các nguyên tử trường tồn rung động theo âm điệu của một cõi phụ nhất định, và phục vụ như trung gian cho việc tiếp sinh

medium for the vitalisation of the matter of the subplane, which is built into any particular body around a permanent atom. It is the force of the Heavenly Man as it animates the cells of His form, and holds them as a coherent unity. Here it must be remembered that, from the point of view of the microcosm, the aspect of pure Spirit or of Electric Fire remains in this solar system as an abstraction. A man can attain group consciousness; he can vibrate to the note of the Heavenly Man in Whose body he is a cell; he can demonstrate in relative perfection fire by friction and solar fire, but it remains for a later mahamanvantara to reveal [Page 530] the true nature of Spirit. Therefore in man, functioning in the human family, this fact is apparent and the correspondence to be seen. Until he passes out of the three worlds, and until he becomes a Master of the Wisdom, he has this truth concealed in these three aspects. The mental is not a septenary permanent atom, but only responds to four types of force, and not to the entire range of vibrations. Herein lies a reason for tolerance. Until a man is coming consciously under the control of the Ego and is beginning to sense the vibration of the manasic permanent atom, it is useless to expect him to respond to certain ideals, or to grasp certain aspects of truth. The mental unit suffices for his need, and no bridge exists between it and the manasic permanent atom.

lực cho chất liệu của cõi phụ ấy, vốn được kết hợp thành bất kỳ thân thể nào quanh một nguyên tử trường tồn. Đó là mãnh lực của một Đấng Thiên Nhân khi nó tiếp sinh lực cho các tế bào của hình tướng của Ngài, và giữ chúng như một nhất thể kết dính. Ở đây cần nhớ rằng, từ quan điểm của tiểu thiên địa, phương diện của tinh thần thuần túy hay của Lửa Điện vẫn là một sự trừu tượng trong hệ mặt trời này. Con người có thể đạt đến tâm thức nhóm; y có thể rung động theo âm điệu của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào; y có thể biểu lộ ở mức tương đối hoàn hảo Lửa ma sát và Lửa Thái dương, nhưng phải chờ đến một Đại giai kỳ sinh hóa sau này mới mặc khải [Page 530] bản chất thực sự của tinh thần. Vì vậy nơi con người, đang hoạt động trong gia đình nhân loại, sự kiện này là hiển nhiên và sự tương ứng có thể được thấy. Cho đến khi y vượt ra khỏi ba cõi giới, và cho đến khi y trở thành một Chân sư Minh Triết, chân lý này vẫn bị che giấu khỏi y trong ba phương diện ấy. Đơn vị hạ trí không phải là một nguyên tử trường tồn thất phân, mà chỉ đáp ứng với bốn loại mãnh lực, chứ không phải toàn bộ phạm vi rung động. Chính trong đó có một lý do cho sự khoan dung. Cho đến khi con người bắt đầu chịu sự kiểm soát một cách hữu thức của Chân ngã và bắt đầu cảm nhận rung động của nguyên tử trường tồn manas, thì thật vô ích khi mong đợi y đáp ứng với một số lý tưởng nhất định, hay nắm bắt một số phương diện nhất định của chân lý. Đơn vị hạ trí là đủ cho nhu cầu của y, và không có cây cầu nào tồn tại giữa nó với nguyên tử trường tồn manas.

Two and a half planes are concerned with the evolution of man, per se, in the fourth kingdom, and he only begins to transcend them as he nears the Path and treads it. From the standpoint of average man in physical incarnation, the egoic consciousness, within the causal periphery,

Hai cõi rưỡi liên quan đến sự tiến hoá của chính con người trong giới thứ tư, và y chỉ bắt đầu vượt lên trên chúng khi y đến gần Đường Đạo và bước đi trên đó. Từ quan điểm của con người trung bình đang lâm phàm trên cõi hồng trần, tâm thức chân ngã, bên trong chu vi nhân thể, cũng trừu tượng như

is as abstract as is the Logos viewed as the Dweller within the system. These two and a half planes are of peculiar interest to the Logos, as they embody:

Thượng đế khi được xem là chủ thể cư ngụ bên trong hệ thống. Hai cõi rưỡi này đặc biệt đáng quan tâm đối với Thượng đế, vì chúng thể hiện:

That which, for Him, lies *below* the threshold of consciousness.

Điều mà, đối với Ngài, nằm *bên dưới* ngưỡng tâm thức.

Those centres from which logoic kundalini is turning.

Những trung tâm mà kundalini của Thượng đế đang rời khỏi.

That which is not considered a principle.

Điều không được xem là một nguyên khí.

That which is gradually passing into obscuration.

Điều đang dần dần đi vào sự lu mờ.

It is impossible to enlarge further upon this mystery.

Không thể khai triển thêm về huyền nhiệm này.

4. *Summary.*

4. *Tóm lược.*

Before proceeding further, however, it might be well to sum up some of the facts anent the spirillae and the atom, and then we can take up the subject of the causal body and man, the individual. [Page 531]

Tuy nhiên, trước khi đi xa hơn, có lẽ nên tóm lược một số sự kiện liên quan đến các loa tuyến và nguyên tử, rồi sau đó chúng ta có thể bàn đến chủ đề thể nguyên nhân và con người, cá thể. [Page 531]

1. The four lower spirillae are definitely under the influence of the personality Ray.

1. Bốn loa tuyến thấp chắc chắn nằm dưới ảnh hưởng của cung phàm ngã.

2. The fifth and sixth spirillae are more specifically under the egoic Ray, whatever that Ray may be.

2. Loa tuyến thứ năm và thứ sáu chịu ảnh hưởng của cung chân ngã một cách đặc thù hơn, bất kể cung ấy là cung nào.

3. The fifth spirilla has a peculiar value inasmuch as it synthesises the lower four. It is the third when counting the streams of spiral force from the standpoint of the atomic pole. It vibrates to five types of force.

3. Loa tuyến thứ năm có một giá trị đặc biệt vì nó tổng hợp bốn loa tuyến thấp. Nó là loa tuyến thứ ba khi đếm các dòng mãnh lực xoắn ốc từ quan điểm của cực nguyên tử. Nó rung động với năm loại mãnh lực.

4. The spirillae are literally ten in number, three major and seven minor. But from the

4. Các loa tuyến theo nghĩa đen có số lượng là mười, ba lớn và bảy nhỏ. Nhưng từ quan

unity point of view, they are the four and the major three, the remaining lesser three being counted as one with their major, inasmuch as they are direct reflections.

điểm nhất thể, chúng là bốn và ba lớn, ba loa tuyến nhỏ còn lại được tính chung với loa tuyến lớn tương ứng của chúng, vì chúng là những phản chiếu trực tiếp.

5. The permanent atoms are not heart-shaped as portrayed in certain books. A certain number of atoms are of that type but they are not the permanent atoms which are more definitely spheroidal and are slightly flattened at the top, where the correspondence to the polar depression may be found, and equally flattened at the under surface.

5. Các nguyên tử trường tồn không có hình trái tim như được mô tả trong một số sách. Một số nguyên tử thuộc loại đó nhưng chúng không phải là các nguyên tử trường tồn, vốn có hình cầu rõ rệt hơn và hơi dẹt ở phía trên, nơi có thể tìm thấy sự tương ứng với chỗ lõm cực, và cũng dẹt tương tự ở mặt dưới.

6. The arrangement of the spirillae within the permanent atoms varies on each plane and the ones most frequently described are those of the physical plane. The arrangement of these tiny force vortices and their internal economy on each plane is one of the secrets of initiation and may not be revealed. One hint only may be given to guide the student: The astral permanent atom has its internal streams of force arranged so that the spirals do approach quite closely the conformation of a heart, though the pointed end is eliminated. The buddhic permanent atom has its spirillae arranged so as to form approximately a figure eight with a central stream bisecting the double spiral.

6. Sự sắp xếp của các loa tuyến bên trong các nguyên tử trường tồn thay đổi trên mỗi cõi và những kiểu được mô tả thường xuyên nhất là của cõi hồng trần. Sự sắp xếp của các xoáy mãnh lực cực nhỏ này và cơ cấu nội tại của chúng trên mỗi cõi là một trong những bí mật của điểm đạo và không được phép tiết lộ. Chỉ có thể đưa ra một gợi ý để hướng dẫn đạo sinh: nguyên tử trường tồn cảm dục có các dòng mãnh lực nội tại được sắp xếp sao cho các vòng xoắn khá gần với hình dạng của một trái tim, dù đầu nhọn đã bị loại bỏ. Nguyên tử trường tồn Bồ đề có các loa tuyến được sắp xếp để tạo thành gần đúng hình số tám với một dòng trung tâm chia đôi vòng xoắn kép.

7. The closer the approach to reality the simpler will be found the arrangement of the spirilla. These streams of force show a septenary arrangement in the [Page 532] lower three permanent atoms of man, while the higher three contain but three spirillae—the major three.

7. Càng đến gần thực tại thì sự sắp xếp của các loa tuyến sẽ càng được thấy là đơn giản hơn. Các dòng mãnh lực này cho thấy một sự sắp xếp thất phân trong [Page 532] ba nguyên tử trường tồn thấp của con người, trong khi ba nguyên tử cao chỉ chứa ba loa tuyến—ba loa tuyến lớn.

8. It should be noted that there are but six permanent atoms connected with human evolution, while a Heavenly Man has but

8. Cần lưu ý rằng chỉ có sáu nguyên tử trường tồn liên hệ với sự tiến hoá của con người, trong khi một Đấng Thiên Nhân chỉ

five, and even then only one in the solar system. (The mystery of a planet and its central life has not yet been revealed. It is connected with another manifestation of which as yet nought is known.)

có năm, và trong số đó chỉ có một nguyên tử nằm trong hệ mặt trời. (Huyền nhiệm của một hành tinh và sự sống trung tâm của nó vẫn chưa được mặc khải. Nó liên hệ với một biểu hiện khác mà hiện nay chưa biết gì cả.)

9. It should be remembered that we are dealing with a physical incarnation of these great Entities and that Their permanent atoms, with the exception of the physical, are extra-systemic.

9. Cần nhớ rằng chúng ta đang xét một sự nhập thể hồng trần của các Thực Thể vĩ đại này và các nguyên tử trường tồn của Các Ngài, ngoại trừ nguyên tử hồng trần, đều ở ngoài hệ thống.

10. The causal body of the Heavenly Men is upon the third subplane of the cosmic mental plane, while that of the solar Logos and those of the three Persons of the logoic Trinity are upon the first subplane.

10. Thể nguyên nhân của các Đấng Thiên Nhân ở trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ, trong khi thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế và của ba Ngôi vị trong Tam Vị Thượng đế ở trên cõi phụ thứ nhất.

11. The permanent atoms of men are upon the atomic subplane of each plane, with the one exception of the mental unit. Those of the animal groups are upon the second subplane; those of the vegetable groups are upon the third subplane; those of the mineral groups are upon the fourth subplane. There is, therefore, a close analogy between these focal points of force of the group—human or otherwise—and a chain, a globe, and a round, and in their due application comes enlightenment. The sumtotal of the permanent atoms of any particular kingdom form the streams of force or spirillae in the greater atoms of solar entities or of lunar entities, while the sumtotal of the permanent atoms of man *in the spiritual kingdom* (the three triadal atoms, atma-buddhi-manas) form the spiral streams of force within certain centres.

11. Các nguyên tử trường tồn của con người ở trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi, chỉ trừ đơn vị hạ trí. Các nguyên tử của các nhóm động vật ở trên cõi phụ thứ hai; của các nhóm thực vật ở trên cõi phụ thứ ba; của các nhóm khoáng vật ở trên cõi phụ thứ tư. Do đó có một sự tương đồng chặt chẽ giữa các tiêu điểm mãnh lực này của nhóm—nhân loại hay khác—với một dãy, một bầu hành tinh, và một cuộc tuần hoàn, và trong sự áp dụng đúng đắn của chúng có giác ngộ. Tổng thể các nguyên tử trường tồn của bất kỳ giới nào tạo thành các dòng mãnh lực hay các loa tuyến trong các nguyên tử lớn hơn của các thực thể thái dương hay các thực thể thái âm, trong khi tổng thể các nguyên tử trường tồn của con người *trong giới tinh thần* (ba nguyên tử tam nguyên tinh thần, atma-buddhi-manas) tạo thành các dòng mãnh lực xoắn ốc bên trong một số trung tâm nhất định.

12. As the permanent atoms become radioactive in due course of evolution, the result within the centre is a marked increase of vibration.

12. Khi các nguyên tử trường tồn trở nên phóng xạ theo tiến trình tiến hoá, kết quả bên trong trung tâm là một sự gia tăng rung động rõ rệt.

13. The permanent atoms concern solar entities when they are found on or above the higher mental. They [Page 533] concern lunar entities on the lower mental, the astral and the physical planes.

13. Các nguyên tử trường tồn liên quan đến các thực thể thái dương khi chúng được tìm thấy trên hay bên trên cõi thượng trí. Chúng [Page 533] liên quan đến các thực thể thái âm trên cõi hạ trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

14. It should be noted that in this solar system the following entities manifest through:

14. Cần lưu ý rằng trong hệ mặt trời này các thực thể sau đây biểu lộ qua:

I. *One permanent atom... the physical.*

I. *Một nguyên tử trường tồn... nguyên tử hồng trần.*

1. A solar Logos.

1. Một Thái dương Thượng đế.

2. The three major Rays, or Lords of Aspect.

2. Ba Cung lớn, hay các Đấng Chúa Tể của Các Cung Trạng Thái.

3. The seven Heavenly Men.

3. Bảy Đấng Thiên Nhân.

4. The forty-nine Regents of the planetary chains.

4. Bốn mươi chín Đấng Nhiếp Chính của các dãy hành tinh.

II. *Two permanent atoms... the physical and the astral.*

II. *Hai nguyên tử trường tồn... nguyên tử hồng trần và cảm dục.*

1. The seven Lords of the globes in every chain.

1. Bảy Chúa Tể của các bầu hành tinh trong mỗi dãy.

2. The forty-nine Root Manus.

2. Bốn mươi chín Đức Manu gốc.

3. The seventy-seven Embodiers of form—a group of solar Lords Who are concerned with form building, working primarily on the first ray.

3. Bảy mươi bảy Đấng Hiện Thân của hình tướng—một nhóm các Chúa Tể thái dương liên quan đến việc xây dựng hình tướng, hoạt động chủ yếu trên Cung một.

4. Certain of the Avatars, Who are selected by the Logos to carry a certain type of force at stated intervals and thus further the evolution of the psyche.

4. Một số Đấng Hoá Thân, được Thượng đế chọn để mang một loại mãnh lực nhất định vào những khoảng thời gian đã định và do đó thúc đẩy sự tiến hoá của linh hồn.

III. *Three permanent atoms... physical, astral, and mental.*

III. *Ba nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, và trí tuệ.*

1. The Lords of the third Kingdom, the animal. They are seven Entities whose bodies are made up of animal souls just as the Heavenly Men embody for man the Buddhic principle, so these lords embody for the animal kingdom the manasic principle, which is the goal of the evolutionary process for them.

1. Các Chúa Tể của giới thứ ba, giới động vật. Các Ngài là bảy Thực Thể mà các linh hồn động vật cấu thành thân thể của Các Ngài, cũng như các Đấng Thiên Nhân thể hiện nguyên khí Bồ đề cho con người, thì các chúa tể này thể hiện nguyên khí manas cho giới động vật, vốn là mục tiêu của tiến trình tiến hoá đối với chúng.

2. Certain great entities who embody a whole range of existences upon five of the planets, of which the earth is not one, but who in due course of time will come to be recognised as having a powerful effect upon man on the earth, via the three Buddhas of Activity. A hint as to this esoteric influence comes to man in the close connection existing between the Earth and Mercury. As yet it is not possible to enlarge further.

2. Một số thực thể vĩ đại thể hiện toàn bộ một phạm vi các sự tồn tại trên năm hành tinh, trong đó Trái Đất không phải là một, nhưng đến đúng thời điểm sẽ được nhận biết là có một ảnh hưởng mạnh mẽ lên con người trên Trái Đất, thông qua ba Đức Phật Hoạt Động. Một gợi ý về ảnh hưởng nội môn này đến với con người qua mối liên hệ chặt chẽ hiện có giữa Trái Đất và Sao Thủy. Hiện chưa thể khai triển thêm.

3. The entities who are the sumtotal of those group souls who contain definite permanent triads. Nine triads constitute the body of one of these entities.

3. Các thực thể là tổng thể của những hồn nhóm chứa các bộ ba trường tồn xác định. Chín bộ ba cấu thành thân thể của một trong các thực thể này.

1V. *Through four permanent atoms... physical, astral, mental and buddhic.*

1V. *Qua bốn nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, trí tuệ và Bồ đề.*

1. Eight groups of solar Entities Who form the subjective life of the seven centres in the body of Brahma, viewing Him as a separate cosmic Entity, [Page 534] dissociated from His two brothers. They are the seven Sons of Fohat, with the eighth Son included, and They are the final differentiation of the

1. Tám nhóm Thực Thể thái dương tạo thành sự sống chủ quan của bảy trung tâm trong thân thể của Brahma, khi xem Ngài như một Thực Thể vũ trụ biệt lập, [Page 534] tách rời khỏi hai Huynh đệ của Ngài. Các Ngài là bảy Con của Fohat, kể cả Người Con thứ tám, và Các Ngài là sự biến phân cuối

forty-nine fires, prior to Their union with the fire of Eros. Thus is it expressed by H. P. B. *(S.D.,I, 139,144)*

cùng của bốn mươi chín ngọn lửa, trước khi hợp nhất với lửa của Eros. H. P. B. đã diễn tả như vậy. *(S.D.,I, 139,144)*

2. That Entity Who works through the FORM of a planetary occult Hierarchy, using it as His body of manifestation, and regarding it as the centre through which His force can flow. It should be remembered that all such groups on every planet form a vehicle for the life of a great Individual Who gives to that Hierarchy its distinctive colouring and its unique keynote.

2. Thực Thể hoạt động qua HÌNH TƯỚNG của một Thánh đoàn huyền bí hành tinh, dùng nó như thân thể biểu hiện của Ngài, và xem nó như trung tâm mà qua đó mãnh lực của Ngài có thể tuôn chảy. Cần nhớ rằng mọi nhóm như vậy trên mỗi hành tinh đều tạo thành một vận cụ cho sự sống của một Cá Thể vĩ đại, Đấng ban cho Thánh đoàn ấy sắc thái đặc thù và chủ âm độc nhất của nó.

3. A number of solar Deities Who are the radiators of solar magnetism, and the life of *form.*

3. Một số Thượng đế thái dương là những Đấng bức xạ từ điện thái dương, và là sự sống của *hình tướng.*

4. A peculiar group of Beings connected with a certain constellation and the lesser Dragon, who have their habitat on Neptune and work with the sixth principle in the solar system. They take physical form, animated by purified desire, controlled by mind, and are the dispensers of love-wisdom by means of certain of the "Halls of Wisdom" on the various planets. The words "Halls of Wisdom" in their esoteric significance describe a stage of consciousness not a location.

4. Một nhóm Hữu Thể đặc biệt liên hệ với một chòm sao nhất định và Tiểu Long, có nơi cư ngụ trên Sao Hải Vương và hoạt động với nguyên khí thứ sáu trong hệ mặt trời. Các vị mang hình thể hồng trần, do dục vọng đã được thanh lọc tiếp sinh lực, được trí tuệ kiểm soát, và là những Đấng phân phối Bác Ái – Minh Triết qua một số "Phòng Minh triết" trên các hành tinh khác nhau. Các từ "Phòng Minh triết" trong ý nghĩa nội môn của chúng mô tả một giai đoạn tâm thức chứ không phải một địa điểm.

V. *Through five permanent atoms... physical, astral, mental, buddhic and atmic.*

V. *Qua năm nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, trí tuệ, Bồ đề và atma.*

1. The Lords of certain subplanes who work under the Raja-Lord of a plane and who are themselves vibration and activity.

1. Các Chúa Tể của một số cõi phụ, hoạt động dưới quyền Chúa Tể Raja của một cõi và chính các Ngài là rung động và hoạt động.

2. The lesser Heavenly Men on the buddhic level, Who reflect Their higher prototypes on the second plane of the system.

2. Các Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn trên cấp độ Bồ đề, phản chiếu các nguyên mẫu cao hơn của Các Ngài trên cõi thứ hai của hệ thống.

3. The entities who are the sum-total of group consciousness on egoic levels, remembering that these groups are differentiated and are formed of aggregates of seven, until there are formed forty-nine groups of seven egoic vehicles forming one group which is the body of this lesser solar Deity. There is a multiplicity of these groups of forty-nine. This has been somewhat stated before when it has been [Page 535] announced that a Master with His particular band of disciples and initiates form a group or force centre. These groups have their permanent atoms as do all lives seeking objective expression.

3. Các thực thể là tổng thể của tâm thức nhóm trên các cấp độ chân ngã, nhớ rằng các nhóm này được biến phân và được tạo thành từ những tập hợp bảy, cho đến khi hình thành bốn mươi chín nhóm bảy vận cụ chân ngã tạo thành một nhóm là thân thể của vị Thượng đế thái dương nhỏ hơn này. Có rất nhiều nhóm bốn mươi chín như vậy. Điều này đã phần nào được nói đến trước đây khi đã [Page 535] công bố rằng một Chân sư cùng nhóm đệ tử và điểm đạo đồ đặc thù của Ngài tạo thành một nhóm hay trung tâm mãnh lực. Các nhóm này có các nguyên tử trường tồn của chúng cũng như mọi sự sống đang tìm kiếm sự biểu lộ khách quan.

4. The entities who are the sumtotal of the vegetable kingdom in its diversity of manifestation in different globes, chains and schemes.

4. Các thực thể là tổng thể của giới thực vật trong tính đa dạng biểu hiện của nó trên các bầu hành tinh, các Dãy và các hệ hành tinh khác nhau.

VI. *Through six permanent atoms... physical, astral, two mental, buddhic and atmic.*

VI. *Qua sáu nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, hai trí tuệ, Bồ đề và atma.*

MAN.

CON NGƯỜI.

All that is here stated is an enlargement of the data given about the "Army of the Voice," *(S.D., I, 121)* and an endeavour to show that many diverse lives (all embodying lesser lives, or embodied in greater ones themselves) are to be found within the various schemes. We have dealt only with those likewise which are superhuman or human, with those who have been or are MEN. We have not dealt with the subhuman, or with the lunar lords or lesser pitris, for their day is not yet, and they progress as the tide of evolution progresses, unconsciously and not self-consciously. We have dealt with these entities and their permanent atoms in connection with their manifestation in a solar system, and have not carried it beyond

Tất cả những gì được trình bày ở đây là sự khai triển rộng hơn các dữ kiện đã được nêu về "Đạo quân của Tiếng Nói," *(S.D., I, 121)* và là một nỗ lực nhằm chỉ ra rằng nhiều sự sống đa dạng (tất cả đều hiện thân cho các sự sống nhỏ hơn, hoặc chính chúng lại được hiện thân trong các sự sống lớn hơn) có thể được tìm thấy trong các hệ hành tinh khác nhau. Chúng ta chỉ bàn đến những vị cũng là siêu nhân loại hoặc nhân loại, những vị đã từng là hoặc đang là CON NGƯỜI. Chúng ta không bàn đến giới dưới nhân loại, cũng không bàn đến các nguyệt tinh quân hay các thái âm tổ phụ thấp hơn, vì ngày của họ chưa đến, và họ tiến triển khi thủy triều tiến hoá tiến triển, một cách vô thức chứ không phải bằng ngã thức. Chúng ta đã bàn đến các

the solar ring-pass-not. *All the permanent atoms concern physical matter and manifestation.* The highest permanent atom of man, the atmic, is, after all, an atom of the third cosmic ether, and this should be pondered upon and studied. We have considered these various personalities (and the word 'personality' is chosen deliberately, for what are They but personalities, or Beings, in physical incarnation?) from the standpoint of Their lowest force point first. We have discussed the permanent atom as a point of contact with the force of a plane, of a planet, of a chain, of a scheme, or of a system. This should ever be borne in mind.

thực thể này và các nguyên tử trường tồn của họ trong liên hệ với sự biểu hiện của họ trong một hệ mặt trời, và không vượt ra ngoài vòng-giới-hạn thái dương. *Tất cả các nguyên tử trường tồn đều liên quan đến vật chất hồng trần và sự biểu hiện.* Nguyên tử trường tồn cao nhất của con người, nguyên tử atma, rốt cuộc vẫn là một nguyên tử của dĩ thái vũ trụ thứ ba, và điều này cần được suy ngẫm và nghiên cứu. Chúng ta đã xem xét các phàm ngã khác nhau này (và từ 'phàm ngã' được chọn một cách có chủ ý, vì Các Ngài là gì nếu không phải là các phàm ngã, hay các Hữu thể, đang lâm phàm hồng trần?) trước hết từ quan điểm của điểm mãnh lực thấp nhất của Các Ngài. Chúng ta đã bàn về nguyên tử trường tồn như một điểm tiếp xúc với mãnh lực của một cõi, của một hành tinh, của một Dãy, của một hệ hành tinh, hay của một hệ thống. Điều này phải luôn luôn được ghi nhớ.

It is to be recognised that much that is written above [Page 536] may seem incomprehensible, but when scientists come to understand and regulate *force*, that which is written here will become plainer; it will be seen that we have dealt with the positive force in all negative forms above, and including the human kingdom.

Cần nhận ra rằng nhiều điều được viết ở trên [Page 536] có thể dường như khó hiểu, nhưng khi các nhà khoa học đi đến chỗ thấu hiểu và điều chỉnh được *mãnh lực*, thì những gì được viết ở đây sẽ trở nên sáng tỏ hơn; người ta sẽ thấy rằng chúng ta đã bàn đến mãnh lực dương trong mọi hình tướng âm thuộc giới nhân loại và các giới cao hơn.

S5S9

III. THE EGOIC LOTUS — III. HOA SEN CHÂN NGÃ

(176)

(176) *The Egoic Lotus* "...the laws of karma are adjusted, the clue being found in the mastery of the sixteen rays of the Ego, for which sixteen rays sixteen mantras or words are given, the real pronunciation being however reserved for initiates only."—*Kali Upanishad*.

(176)

(176) *Hoa Sen Chân Ngã* "...các định luật nghiệp quả được điều chỉnh, đầu mối được tìm thấy trong sự làm chủ mười sáu cung của chân ngã, mà tương ứng với mười sáu cung ấy là mười sáu mantram hay linh từ, tuy nhiên cách phát âm thực sự chỉ dành riêng cho các điểm đạo đồ."—*Kali Upanishad*.

"The mystery of the sixteen rays of the Ego will be revealed when the force of the Sacred Tetraktys is merged with that of the Holy Twelve."—*The Old Commentary.*

"Bí nhiệm của mười sáu cung của chân ngã sẽ được mặc khải khi mãnh lực của Tetraktys Thiêng Liêng được hòa nhập với mãnh lực của Mười Hai Thiêng Liêng."—*Cổ Luận.*

The Primordial is the Ray and the direct emanation of the first Sacred Four.—S. D., I, 115, 116.

Đấng Nguyên Sơ là Cung và là sự phát xạ trực tiếp của Bốn Đấng Thiêng Liêng đầu tiên.—S. D., I, 115, 116.

The Sacred Four are:—

Bốn Đấng Thiêng Liêng là:—

Father... Spirit. Existence. Unity.

Cha... Tinh thần. Hiện hữu. Hợp nhất.

The Son... Soul. Love-Wisdom. Duality.

Con... Linh hồn. Bác Ái – Minh Triết. Nhị nguyên tính.

Mother... Matter. The trinity.

Mẹ... Vật chất. Bộ ba.

and their united manifestation making

và sự biểu hiện hợp nhất của các Ngài tạo thành

The active evolving solar system, the logoic ring-pass-not.

Hệ mặt trời hoạt động đang tiến hoá, vòng-giới-hạn của Thượng đế.

This is the Macrocosm. (back)

Đây là Đại thiên địa. (trở lại)

We must now deal with the subject of the causal body on its own plane from the point of view of FIRE. We have studied it briefly from the more ordinary angle, and in materialistic terms, considering it as a vehicle of rarefied substance, containing within itself the seventh principle of each of the two lower sheaths of the microcosm, and the mental unit. This latter is that which embodies the first aspect in manifestation, and which is analogous to the first logoic aspect—one that in this solar system does not come to full demonstration.

Giờ đây chúng ta phải bàn đến chủ đề thể nguyên nhân trên chính cõi của nó từ quan điểm của LỬA. Chúng ta đã nghiên cứu nó một cách ngắn gọn từ góc độ thông thường hơn, và bằng các thuật ngữ duy vật, xem nó như một vận cụ của chất liệu tinh loãng, chứa trong chính nó nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong hai vỏ bọc thấp của tiểu thiên địa, cùng với đơn vị hạ trí. Chính đơn vị hạ trí này là cái hiện thân cho phương diện thứ nhất trong biểu hiện, và là tương đồng với phương diện thứ nhất của Thượng đế—một phương diện trong hệ mặt trời này không đi đến chỗ biểu lộ trọn vẹn.

I would like to point out here that in studying the solar system as the physical manifestation of a solar Logos, we are investigating:

Tôi muốn chỉ ra ở đây rằng khi nghiên cứu hệ mặt trời như biểu hiện hồng trần của một Thái dương Thượng đế, chúng ta đang khảo cứu:

a. The physical permanent atom of a solar Logos as contained within the logoic causal body on its own plane.

a. Nguyên tử trường tồn hồng trần của một Thái dương Thượng đế như được chứa trong thể nguyên nhân của Thượng đế trên chính cõi của nó.

b. The seven types of force, or the seven logoic spirillae within that permanent atom. This, if realised, [Page 537] gives a new outlook upon the subject of plane vibration.

b. Bảy loại mãnh lực, hay bảy loa tuyến của Thượng đế bên trong nguyên tử trường tồn đó. Điều này, nếu được chứng nghiệm, [Page 537] sẽ đem lại một nhãn quan mới về chủ đề rung động cõi giới.

c. The close correspondence between the planes and the seven spirillae in the permanent atom of a solar Logos.

c. Sự tương ứng mật thiết giữa các cõi và bảy loa tuyến trong nguyên tử trường tồn của một Thái dương Thượng đế.

We have touched upon these spirillae and their function very briefly, and can now approach the question of the egoic Ray and the fire of mind from the subjective point of view, or in terms of fire.

Chúng ta đã chạm đến các loa tuyến này và chức năng của chúng một cách rất ngắn gọn, và giờ đây có thể tiếp cận vấn đề cung chân ngã và lửa của trí tuệ từ quan điểm chủ quan, hay bằng các thuật ngữ của lửa.

1. *Centres or Wheels of Energy.*

1. *Các Trung tâm hay Bánh xe Năng lượng.*

a. Centres of force. We shall again reach the clarity of vision desirable if we study the subject of monadic development from the angle of vision of the human unit. It has been taught in many occult text books that man has seven centres of force (or ten, according to some calculations); that three of these centres are paramount, and eventually synthesise the other four, or absorb their force or energy. This produces their eventual obscuration, or their passing out of manifestation; they occultly 'die.' This is paralleled in the logoic centres, the planetary schemes, which also in due course of time pass into obscuration, and transmit

a. Các trung tâm mãnh lực. Chúng ta sẽ lại đạt được sự sáng tỏ của tầm nhìn mong muốn nếu nghiên cứu chủ đề phát triển chân thần từ góc nhìn của đơn vị nhân loại. Trong nhiều sách giáo khoa huyền bí học đã dạy rằng con người có bảy trung tâm mãnh lực (hoặc mười, theo một số cách tính); rằng ba trong số các trung tâm này là tối quan trọng, và cuối cùng tổng hợp bốn trung tâm kia, hoặc hấp thu mãnh lực hay năng lượng của chúng. Điều này tạo ra sự lu mờ cuối cùng của chúng, hay việc chúng ra khỏi biểu hiện; theo huyền bí học, chúng "chết." Điều này song hành với các trung tâm của Thượng đế, tức các hệ hành tinh, vốn cũng theo thời

their energy to the major three schemes. The three main centres in the Microcosm are the Head, the Heart and the Throat.

gian đi vào sự lu mờ, và truyền năng lượng của chúng cho ba hệ hành tinh chính. Ba trung tâm chính trong Tiểu thiên địa là Đầu, Tim và Cổ họng.

1.	The Head centre	The Monad	Will	Spirit.
2.	The Heart centre	The Ego	Love	Consciousness.
3.	The Throat centre	The Personality	Activity	Matter.

It will, therefore, be apparent that just as in man these centres are related to the threefold spiritual man in his total development, so the three types of centres—microcosmic or macrocosmic—come gradually more and more under the vitalising power of one of the three aspects of the Logos. These centres are recognised also as focal points of active force, manifesting to the vision [Page 538] of the clairvoyant as fiery wheels or the flaming petals of a lotus.

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng cũng như nơi con người các trung tâm này liên hệ với con người tinh thần tam phân trong toàn bộ sự phát triển của y, thì ba loại trung tâm—tiểu thiên địa hay đại thiên địa—cũng dần dần ngày càng nằm dưới quyền năng tiếp sinh lực của một trong ba phương diện của Thượng đế. Các trung tâm này cũng được nhận biết như những tiêu điểm của mãnh lực hoạt động, biểu hiện ra trước linh thị [Page 538] của nhà thông nhãn như những bánh xe lửa hay những cánh hoa rực cháy của một hoa sen.

b. The causal body... monadic heart centre. In studying the egoic body it should be remembered that the causal body is the correspondence in the monadic manifestation to the *heart centre*. It is a flaming wheel of fire within the monadic auric egg, which embraces the five planes of monadic manifestation; it is also seen as the twelve-petalled Lotus. Of these twelve petals, the innermost three are unrevealed, or are embryonic, and hence the causal body is frequently considered as a nine-petalled Lotus, or as a wheel of fire with only nine spokes or whorls. This is essentially true as regards the evolutionary process, but when a man has succeeded in awakening or

b. Thể nguyên nhân... trung tâm tim chân thần. Khi nghiên cứu thể chân ngã, cần nhớ rằng thể nguyên nhân tương ứng với trung tâm tim trong biểu hiện chân thần. Nó là một bánh xe lửa rực cháy bên trong noãn hào quang chân thần, bao trùm năm cõi của biểu hiện chân thần; nó cũng được thấy như Hoa Sen mười hai cánh. Trong mười hai cánh này, ba cánh trong cùng chưa được mặc khải, hay còn ở trạng thái phôi thai, và do đó thể nguyên nhân thường được xem như một Hoa Sen chín cánh, hay như một bánh xe lửa chỉ có chín nan hay vòng xoáy. Điều này về căn bản là đúng xét theo tiến trình tiến hoá, nhưng khi một người đã thành công trong việc đánh thức hay khai mở chín cánh, hoặc

unfolding the nine petals, or in arousing the fire of the nine spokes or whorls (which is practically consummated at the three major Initiations) the inner three are revealed. They respond to the monadic vibration, to the aspect of pure Spirit; it is the stimulation or revelation of these inner petals, by the One Initiator at the third and fourth Initiations which brings about the final conflagration and the blazing up of the causal body with the subsequent liberation of the central positive Life or Fire. 2. *The Twelve-Petalled Egoic Lotus*

khơi dậy lửa của chín nan hay vòng xoáy (điều này trên thực tế được hoàn tất ở ba lần Điểm đạo lớn) thì ba cánh bên trong được mặc khải. Chúng đáp ứng với rung động chân thần, với phương diện Tinh thần thuần túy; chính sự kích thích hay sự mặc khải của các cánh bên trong này, do Đấng Điểm đạo Duy Nhất thực hiện ở lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư, đem lại sự bùng cháy sau cùng và sự bốc sáng của thể nguyên nhân cùng với sự giải phóng tiếp theo của Sự sống hay Lửa dương trung tâm. 2. *Hoa Sen Chân Ngã Mười Hai Cánh*

Solar Fire is dual. It is the fire of matter or substance and the fire of mind blended. This makes man the six-pointed Star of Light, for each of these fires is triple. The fire of mind is also in essence dual, bringing in another triplicity, thus making the nine. When a man has awakened the nine fires, and has unfolded the nine petals, and when he has received the stimulus which is imparted at initiation, through being brought into *conscious* contact with the electric spark of his own particular Heavenly Man, they all blend and merge. The [Page 539] inner three which complete the twelve, and which are concerned with the final, and essentially spiritual stages, of his evolution, are really related more intimately to the evolution of the Heavenly Man, and are connected with the stimulus which He receives Himself in contacting the logoic electric spark, or the pure Spirit aspect of the Logos.

Lửa Thái dương là nhị phân. Nó là lửa của vật chất hay chất liệu và lửa của trí tuệ được hòa trộn. Điều này làm cho con người trở thành Ngôi Sao Ánh Sáng sáu cánh, vì mỗi ngọn lửa này đều là tam phân. Lửa của trí tuệ cũng về bản chất là nhị phân, đưa vào một bộ ba khác, do đó thành chín. Khi một người đã đánh thức chín ngọn lửa, và đã khai mở chín cánh, và khi y đã nhận được sự kích thích được truyền ban lúc điểm đạo, qua việc được đưa vào tiếp xúc *hữu thức* với tia lửa điện của Đấng Thiên Nhân riêng của mình, thì tất cả chúng hòa trộn và dung hợp. Ba cánh [Page 539] bên trong hoàn tất số mười hai, và liên quan đến các giai đoạn cuối cùng, và về căn bản là tinh thần, của sự tiến hoá của y, thực ra liên hệ mật thiết hơn với sự tiến hoá của Đấng Thiên Nhân, và được nối kết với sự kích thích mà chính Ngài nhận được khi tiếp xúc với tia lửa điện của Thượng đế, hay phương diện Tinh thần thuần túy của Thượng đế.

It should here be noted that this ninefold development is hinted at in the *Secret Doctrine* in the various places where H. P. B. deals with the Kumaras *(S. D., II, 257.)* or the Heavenly Men, of Whom the microcosm is a reflection. She calls Them the Lords of Knowledge, the Lords of Love and the Lords

Cần lưu ý ở đây rằng sự phát triển cửu phân này được ám chỉ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* tại nhiều chỗ nơi H. P. B. bàn đến các Kumaras *(S. D., II, 257.)* hay các Đấng Thiên Nhân, mà tiểu thiên địa là sự phản chiếu của Các Ngài. Bà gọi Các Ngài là các Chúa Tể của Tri Thức, các Chúa Tể của Bác Ái và các Chúa Tể của Hi

of Sacrifice. Each of Them is a nine-petalled Lotus in the logoic body. They are the flaming Wheels, and in Their various names, as found in the *Secret Doctrine*, may be discovered the clue to the mystery. Let us realise this clearly, nevertheless, as regards the microcosm, and later extend the idea to the Heavenly Men. Let us picture the nine-petalled egoic lotus, the heart centre in the monadic consciousness, unfolding each of its petals in groups of three upon the three subplanes of the higher mental. Their unfoldment is worked out through the evolutionary process, undergone on the three planes in the three worlds, or within the three Halls of Ignorance, of Learning, and of Wisdom.

Sinh. Mỗi vị trong Các Ngài là một Hoa Sen chín cánh trong thân thể của Thượng đế. Các Ngài là những Bánh Xe rực cháy, và trong các danh xưng khác nhau của Các Ngài, như được tìm thấy trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, có thể tìm ra đầu mối của bí nhiệm. Tuy nhiên, trước hết hãy nhận thức điều này một cách rõ ràng đối với tiểu thiên địa, rồi sau đó mở rộng ý tưởng ấy đến các Đấng Thiên Nhân. Hãy hình dung hoa sen chân ngã chín cánh, trung tâm tim trong tâm thức chân thần, khai mở từng cánh của nó thành từng nhóm ba trên ba cõi phụ của cõi thượng trí. Sự khai mở của chúng được thực hiện qua tiến trình tiến hoá, trải qua trên ba cõi trong ba cõi giới, hay trong ba Phòng Vô Minh, Hiểu Biết và Minh triết.

a. First Group of Petals—Knowledge Petals:

a. Nhóm Cánh Hoa Thứ Nhất—các cánh hoa tri thức:

1. The *Petal of Knowledge* for the physical plane. Through the breaking of the Law and the ensuing suffering the price of ignorance is paid and knowledge is achieved. This unfoldment is brought about through physical plane experience.

1. *Cánh hoa Tri Thức* cho cõi hồng trần. Qua việc vi phạm Định luật và nỗi đau khổ tiếp theo, cái giá của vô minh được trả và tri thức được đạt đến. Sự khai mở này được đem lại qua kinh nghiệm cõi hồng trần.

2. The *Petal of Love* for the physical plane. Unfolds through physical relationships, and the gradual growth of love from love of self to love of others. [Page 540]

2. *Cánh hoa Bác ái* cho cõi hồng trần. Khai mở qua các mối quan hệ hồng trần, và sự tăng trưởng dần dần của tình thương từ tình thương bản thân đến tình thương người khác. [Page 540]

3. The *Petal of Sacrifice* for the physical plane. This unfoldment is brought about through the driving force of circumstances, and not of free will. It is the offering up of the physical body upon the altar of desire—low desire to begin with, but aspiration towards the end, though still desire. As man in the early stages of his evolution is polarised on the physical, much of this is undergone unconsciously and without any

3. *Cánh hoa hi sinh* cho cõi hồng trần. Sự khai mở này được đem lại qua động lực thúc đẩy của hoàn cảnh, chứ không phải của ý chí tự do. Đó là sự dâng hiến thể xác lên bàn thờ của dục vọng—lúc đầu là dục vọng thấp, nhưng về sau là khát vọng, tuy vẫn còn là dục vọng. Vì con người trong các giai đoạn đầu của sự tiến hoá được phân cực trên cõi hồng trần, nên phần lớn điều này được trải qua một cách vô thức và không thực sự nhận

realisation of what is being consummated, but the result in the causal body is seen in a twofold increase of heat or of activity:

thức được điều đang được hoàn tất, nhưng kết quả trong thể nguyên nhân được thấy trong sự gia tăng nhiệt hay hoạt động theo hai mặt:

The physical permanent atom becomes radioactive or a radiant point of fire.

Nguyên tử trường tồn hồng trần trở nên có tính phóng xạ hay thành một điểm lửa rực sáng.

The lower three petals become vibrant and begin to unfold until fully developed.

Ba cánh hoa thấp trở nên rung động và bắt đầu khai mở cho đến khi phát triển đầy đủ.

b. Second Group of Petals—Love Petals:

b. Nhóm Cánh Hoa Thứ Hai—các cánh hoa bác ái:

1. The *Petal of Knowledge,* for the astral plane; unfoldment is brought about by the conscious balancing of the pairs of opposites, and the gradual utilisation of the Law of Attraction and Repulsion. The man passes out of the Hall of Ignorance where, from the egoic point of view, he works blindly and begins to appreciate the effects of his physical plane life; by a realisation of his essential duality he begins to comprehend causes.

1. *Cánh hoa Tri Thức,* cho cõi cảm dục; sự quân bình hữu thức các cặp đối nghịch và việc sử dụng dần dần Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi đem lại sự khai mở. Con người đi ra khỏi Phòng Vô Minh—nơi mà từ quan điểm chân ngã, y làm việc một cách mù quáng—và bắt đầu nhận thức các hiệu quả của đời sống cõi hồng trần của mình; nhờ chứng nghiệm về tính nhị nguyên thiết yếu của mình, y bắt đầu thấu hiểu các nguyên nhân.

2. The *Petal of Love* for the astral plane; unfoldment is brought about through the process of gradually transmuting the love of the subjective nature or of the Self within. This has a dual effect and works through on to the physical plane in many lives of turmoil, of endeavour and of failure as a man strives to turn his attention to the love of the Real.

2. *Cánh hoa Bác ái* cho cõi cảm dục; sự khai mở được đem lại qua tiến trình dần dần chuyển hoá tình thương đối với bản chất chủ quan hay đối với Bản Ngã bên trong. Điều này có tác động nhị phân và tác động xuyên xuống cõi hồng trần qua nhiều kiếp sống đầy xáo trộn, nỗ lực và thất bại khi một người cố gắng hướng sự chú ý của mình đến tình thương đối với Cái Thực.

3. The *Petal of Sacrifice* for the astral plane; unfoldment is brought about by the attitude of man as he [Page 541] consciously endeavours to give up his own desires for the sake of his group. His motive is still somewhat a blind one, and still coloured by

3. *Cánh hoa hi sinh* cho cõi cảm dục; thái độ của con người đem lại sự khai mở khi y [Page 541] hữu thức nỗ lực từ bỏ các dục vọng riêng của mình vì lợi ích của nhóm mình. Động cơ của y vẫn còn phần nào mù quáng, và vẫn còn chịu ảnh hưởng của ham muốn

the desire for a return of that which he gives and for love from those he seeks to serve, but it is of a much higher order than the blind sacrifice to which a man is driven by circumstances as is the case in the earlier unfoldment. As this threefold enlightenment or unfoldment proceeds, again a dual result is seen:

được đền đáp cho điều mình cho đi và được yêu thương từ những người mà y tìm cách phụng sự, nhưng nó thuộc một cấp độ cao hơn nhiều so với sự hi sinh mù quáng mà một người bị hoàn cảnh thúc ép phải làm như trong sự khai mở trước đó. Khi sự soi sáng hay khai mở tam phân này tiến triển, lại thấy một kết quả nhị phân:

The astral permanent atom comes into full activity and radiance, as regards five of its spirillae, and the two atoms of the physical and the astral planes are equally vibrant.

Nguyên tử trường tồn cảm dục đi vào hoạt động và sự rực sáng trọn vẹn, xét theo năm loa tuyến của nó, và hai nguyên tử của cõi hồng trần và cõi cảm dục rung động ngang nhau.

The three petals of the central ring of the egoic lotus come also into full unfoldment, and the heart centre of the Monad is seen as a wheel of fire with six of its spokes in full display of energy and rapidly rotating.

Ba cánh hoa của vòng trung tâm của hoa sen chân ngã cũng đi vào sự khai mở trọn vẹn, và trung tâm tim của Chân thần được thấy như một bánh xe lửa với sáu nan của nó biểu lộ năng lượng trọn vẹn và quay rất nhanh.

c. Third Group of Petals—Sacrifice Petals:

c. Nhóm Cánh Hoa Thứ Ba—các cánh hoa hi sinh:

1. The *Petal of Knowledge* for the mental plane; its unfoldment marks the period wherein the man consciously utilizes all that he has gained or is gaining under the law for the definite benefit of humanity.

1. *Cánh hoa Tri Thức* cho cõi trí; sự khai mở của nó đánh dấu giai đoạn trong đó con người hữu thức sử dụng tất cả những gì y đã đạt được hoặc đang đạt được dưới định luật vì lợi ích thiết thực của nhân loại.

Each of the groups of petals is distinguished by a predominant colouring; *Knowledge*, on the physical plane, with the colouring of the other two subsidiary; *Love*, on the astral plane, with the light of sacrifice weaker in tone than the other two, which practically show forth in equal brilliancy. On the mental plane, the light of sacrifice comes to its full display, and all that is seen is coloured by that light.

Mỗi nhóm cánh hoa có một màu sắc trội để phân biệt; *Tri Thức*, trên cõi hồng trần, với màu sắc của hai cánh kia là phụ; *Bác ái*, trên cõi cảm dục, với ánh sáng của hi sinh yếu sắc hơn hai cánh kia, vốn thực tế biểu lộ với độ rực sáng gần như ngang nhau. Trên cõi trí, ánh sáng của hi sinh đi đến chỗ biểu lộ trọn vẹn, và tất cả những gì được thấy đều mang sắc màu của ánh sáng ấy.

2. The *Petal of Love* on the mental plane is unfolded [Page 542] through the conscious

2. *Cánh hoa Bác ái* trên cõi trí được khai mở [Page 542] qua việc áp dụng hữu thức và bền

steady application of all the powers of the soul to the service of humanity with no thought of return nor any desire for reward for the immense sacrifice involved.

bỉ mọi quyền năng của linh hồn vào việc phụng sự nhân loại mà không nghĩ đến sự đền đáp hay bất kỳ ham muốn phần thưởng nào cho sự hi sinh to lớn liên hệ đến đó.

3. The Petal of Sacrifice for the mental plane: demonstrates as the predominant bias of the soul as seen in a series of many lives spent by the initiate prior to his final emancipation. He becomes in his sphere the "Great Sacrifice."

3. Cánh hoa hi sinh cho cõi trí: biểu lộ như khuynh hướng trội của linh hồn như được thấy trong một chuỗi nhiều kiếp sống do điểm đạo đồ trải qua trước khi được giải thoát sau cùng. Trong phạm vi của mình, y trở thành "Đấng Hi Sinh Vĩ Đại."

This stage can be seen objectively to the eye of the clairvoyant as dual in effect:

Giai đoạn này có thể được thấy một cách khách quan đối với mắt của nhà thông nhãn như có tác động nhị phân:

a. The mental unit becomes a radiant point of light; its four spirillae transmit force with intense rapidity.

a. Đơn vị hạ trí trở thành một điểm sáng rực; bốn loa tuyến của nó truyền mãnh lực với tốc độ cực kỳ nhanh.

b. The three higher petals unfold, and the nine-petalled lotus is seen perfected.

b. Ba cánh hoa cao hơn khai mở, và hoa sen chín cánh được thấy là hoàn hảo.

The causal body is then (expressed in terms of fire) a blazing centre of heat, radiating to its group warmth and vitality. Within the periphery of the egoic wheel can be seen the nine spokes rotating with intense rapidity and—after the third Initiation—becoming fourth dimensional, or the wheels "turn upon" themselves. *(Bible. Ezekiel, 1:15:21)* In the midst forming a certain geometrical triangle (differing according to the ray of the Monad) can be seen three points of fire, or the permanent atoms and the mental unit, in all their glory; at the centre can be seen a central blaze of glory growing in intensity as the three inner petals respond to the stimulation. *When the fire of matter, of "fire by friction," becomes sufficiently intense; when the fire of mind of solar fire (which vitalises the nine petals) becomes equally fierce, and when the electric spark at the innermost centre blazes out and can be seen, the* [Page 543]

Khi đó thể nguyên nhân (được diễn tả bằng các thuật ngữ của lửa) là một trung tâm nhiệt rực cháy, tỏa ra cho nhóm của nó sự ấm áp và sinh lực. Trong chu vi của bánh xe chân ngã có thể thấy chín nan quay với tốc độ cực kỳ nhanh và—sau lần điểm đạo thứ ba—trở thành bốn chiều, hay các bánh xe "quay trên" chính chúng. *(Kinh Thánh. Ezekiel, 1:15:21)* Ở giữa, tạo thành một tam giác hình học nhất định (khác nhau tùy theo cung của Chân thần), có thể thấy ba điểm lửa, hay các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí, trong toàn bộ vinh quang của chúng; tại trung tâm có thể thấy một ngọn lửa vinh quang trung tâm tăng dần cường độ khi ba cánh hoa bên trong đáp ứng với sự kích thích. *Khi lửa của vật chất, của "Lửa ma sát," trở nên đủ mãnh liệt; khi lửa của trí tuệ của Lửa Thái dương (tiếp sinh lực cho chín cánh hoa) trở nên dữ dội tương đương, và khi tia lửa điện ở trung tâm sâu kín nhất bùng cháy và có*

entire causal body becomes radioactive. Then the fires of substance (the vitality of the permanent atoms) escape from the atomic spheres, and add their quota to the great sphere in which they are contained; the fire of mind blends with its emanating source, and the central life escapes. This is the great liberation. The man, in terms of human endeavour, has achieved his goal. He has passed through the three Halls and in each has transferred that which he gained therein to the content of his consciousness; he has in ordered sequence developed and opened the petals of the lotus—first opening the lower three, which involves a process covering a vast period of time. Then the second series of petals are opened, during a period of time covering his participation intelligently in world affairs until he enters the spiritual kingdom at the first Initiation; and a final and briefer period wherein the three higher or inner ring of petals are developed and opened.

thể được thấy, thì [Page 543] *toàn bộ thể nguyên nhân trở nên có tính phóng xạ.* Khi đó các ngọn lửa của chất liệu (sinh lực của các nguyên tử trường tồn) thoát ra khỏi các khối cầu nguyên tử, và góp phần của chúng vào khối cầu lớn trong đó chúng được chứa đựng; lửa của trí tuệ hòa nhập với nguồn phát xạ của nó, và sự sống trung tâm thoát ra. Đây là sự giải thoát lớn lao. Con người, xét theo nỗ lực của nhân loại, đã đạt được mục tiêu của mình. Y đã đi qua ba Phòng và trong mỗi Phòng đã chuyển dịch điều mình đạt được ở đó vào nội dung tâm thức của mình; y đã theo trình tự có trật tự phát triển và khai mở các cánh hoa của hoa sen—trước hết khai mở ba cánh thấp, điều này bao hàm một tiến trình kéo dài qua một thời kỳ vô cùng lâu dài. Sau đó loạt cánh hoa thứ hai được khai mở, trong một thời kỳ bao gồm sự tham dự một cách thông minh của y vào các công việc thế gian cho đến khi y đi vào giới tinh thần ở lần điểm đạo thứ nhất; và một thời kỳ cuối cùng ngắn hơn trong đó ba cánh hoa cao hơn hay vòng trong được phát triển và khai mở.

In closing what may be said on this subject of the egoic Ray and fire of mind, I would request the student to bear the following points in mind:

Để kết thúc những gì có thể nói về chủ đề cung chân ngã và lửa của trí tuệ này, tôi xin yêu cầu đạo sinh ghi nhớ các điểm sau đây:

First. That the order of the development of the petals and the stimulation of the fires depends upon the Ray of the Monad, and the subray upon which the causal body finds itself. This thought would bear expansion, and would prove a fruitful source of study to the occult investigator.

Thứ nhất. Rằng trật tự phát triển của các cánh hoa và sự kích thích các ngọn lửa tùy thuộc vào cung của Chân thần, và cung phụ mà thể nguyên nhân hiện diện trên đó. Tư tưởng này đáng được khai triển, và sẽ chứng tỏ là một nguồn nghiên cứu phong phú cho nhà khảo cứu huyền bí học.

Second. That this unfoldment proceeds slowly in the early stages, and only proceeds with rapidity as the man himself works at it with conscious effort.

Thứ hai. Rằng sự khai mở này tiến hành chậm chạp trong các giai đoạn đầu, và chỉ tiến hành nhanh chóng khi chính con người nỗ lực thúc đẩy sự khai mở đó một cách hữu thức.

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open. Before that time, the work proceeds under the [Page 544] law of its being and through the inherent life of the second Logos which is the life of the petals of the lotus. The life of the first Logos, working through the SELF (who dwells in a form built by the life or energy of the second Logos out of force-substance animated by the life of the third Logos) only responds to opportunity when the above mentioned stage is reached.

Chân ngã không có sự quan tâm tích cực nào đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong loạt thứ hai bắt đầu khai mở. Trước thời điểm đó, công việc tiến hành dưới [Page 544] định luật hiện hữu của nó và qua sự sống cố hữu của Thượng đế thứ hai, vốn là sự sống của các cánh hoa của hoa sen. Sự sống của Thượng đế thứ nhất, hoạt động qua BẢN NGÃ (đấng ngự trong một hình tướng do sự sống hay năng lượng của Thượng đế thứ hai xây dựng từ chất liệu-mãnh lực do sự sống của Thượng đế thứ ba tiếp sinh lực) chỉ đáp ứng với cơ hội khi giai đoạn nói trên đã đạt tới.

Finally: The ceremony of initiation is only undergone when the causal body is in a condition to respond to the Will aspect of the Heavenly Man (the first aspect) and to do this through the glad co-operation of the fully conscious self.

Sau cùng: nghi lễ điểm đạo chỉ được trải qua khi thể nguyên nhân ở trong tình trạng có thể đáp ứng với phương diện Ý Chí của Đấng Thiên Nhân (phương diện thứ nhất) và làm điều này qua sự hợp tác hoan hỉ của bản ngã hoàn toàn hữu thức.

More on this is not now possible, but enough has here been indicated to open up various lines of study. These, if followed, will lead the student to much of practical value and application.

Hiện giờ không thể nói thêm về điều này, nhưng ở đây đã chỉ ra đủ để mở ra nhiều đường hướng nghiên cứu khác nhau. Nếu được theo đuổi, những đường hướng này sẽ dẫn đạo sinh đến nhiều điều có giá trị và ứng dụng thực tiễn.

3. *Summary.*

3. *Tóm lược.*

Our next subject concerns itself with the elementals of the mental plane, with the thought forms they animate, and with the consideration of them as force centres, capable of producing results—constructive, if rightly directed; destructive, if left blindly to follow their own course. Before taking up this matter, however, I want to gather together some threads of thought in connection with the matter just dealt with. If we have carefully followed the data given about the egoic manifestation on its own

Chủ đề kế tiếp của chúng ta bàn đến các hành khí của cõi trí, các hình tư tưởng mà chúng tiếp sinh lực, và việc xem xét chúng như các trung tâm mãnh lực, có khả năng tạo ra các kết quả—xây dựng, nếu được định hướng đúng; hủy diệt, nếu bị bỏ mặc một cách mù quáng để đi theo lộ trình riêng của chúng. Tuy nhiên, trước khi đề cập đến vấn đề này, tôi muốn gom lại một số sợi chỉ tư tưởng liên hệ với vấn đề vừa được bàn đến. Nếu chúng ta đã cẩn thận theo dõi các dữ kiện được đưa ra về biểu hiện chân ngã trên

plane, and the fires of the causal body, we shall have noted the close resemblance between that egoic body, viewed as a force centre, and certain aspects of logoic manifestation.

chính cõi của nó, và các ngọn lửa của thể nguyên nhân, chúng ta sẽ nhận thấy sự tương tự mật thiết giữa thể chân ngã đó, được xem như một trung tâm mãnh lực, và một số phương diện của biểu hiện của Thượng đế.

The causal body has been seen as a wheel of fire, containing within its periphery three focal points of energy, the permanent atoms. They are analogous, as earlier pointed out, to the seventh principle of each of the three aspects—will or power, love-wisdom, and active intelligence. [Page 545] Each of these focal points has its own internal economy, as seen in the spirillae, which are essentially streams of force, responding to stimulation and vibration, aroused within and without their limiting ring-pass-not. The internal life of the permanent atom, and that which animates and produces its activity, is the life of the third aspect; the force playing upon it and through it is the life of the second aspect. As evolution proceeds the intensity of the life forces from within and those which affect it from without, grows gradually stronger and stronger, and the light of the permanent atoms increases, the petals of the lotus unfold, and the spokes of the radiatory fire come into action. Bear in mind here, *that the permanent atoms are concerned with the substance aspect of Existence or Becoming, while the petals of the lotus, or the fiery spokes of the wheel, deal specifically with the psychical aspect, or the development of consciousness; the central nucleus, or the three inner petals, embodies the aspect of pure Spirit.*

Thể nguyên nhân đã được thấy như một bánh xe lửa, chứa trong chu vi của nó ba tiêu điểm năng lượng, tức các nguyên tử trường tồn. Như đã chỉ ra trước đây, chúng tương đồng với nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong ba phương diện—ý chí hay quyền năng, bác ái-minh triết, và trí tuệ hoạt động. [Page 545] Mỗi tiêu điểm này có cơ cấu nội tại riêng của nó, như được thấy trong các loa tuyến, vốn về bản chất là các dòng mãnh lực, đáp ứng với sự kích thích và rung động, được khơi dậy bên trong và bên ngoài vòng-giới-hạn bao quanh chúng. Sự sống nội tại của nguyên tử trường tồn, và cái tiếp sinh lực và tạo ra hoạt động của nó, là sự sống của phương diện thứ ba; mãnh lực tác động lên nó và xuyên qua nó là sự sống của phương diện thứ hai. Khi tiến hoá tiếp diễn, cường độ của các mãnh lực sự sống từ bên trong và những mãnh lực tác động lên nó từ bên ngoài dần dần mạnh hơn và mạnh hơn, và ánh sáng của các nguyên tử trường tồn gia tăng, các cánh hoa của hoa sen khai mở, và các nan của lửa bức xạ đi vào hoạt động. Hãy ghi nhớ ở đây, *rằng các nguyên tử trường tồn liên quan đến phương diện chất liệu của Hiện Hữu hay Đang Trở Thành, trong khi các cánh hoa của hoa sen, hay các nan lửa của bánh xe, đặc biệt liên quan đến phương diện thông linh, hay sự phát triển của tâm thức; hạt nhân trung tâm, hay ba cánh hoa bên trong, hiện thân cho phương diện Tinh thần thuần túy.*

All three lines of evolution are proceeding simultaneously, and have a reflex action the one upon the other; it is this which produces the consequent perfection of unfoldment. It

Cả ba đường tiến hoá đều đang tiến hành đồng thời, và có tác động phản hồi lẫn nhau; chính điều này tạo ra sự hoàn hảo tiếp theo của sự khai mở. Không thể cũng không nên

is neither possible nor desirable to follow each line of this threefold evolution separately, nor to consider them as dissociated from each other. The interplay is too accurate, and the mutual stimulation too important to be neglected by the student of egoic evolution.

theo dõi riêng rẽ từng đường của sự tiến hoá tam phân này, cũng không nên xem chúng như tách rời nhau. Sự tương tác quá chính xác, và sự kích thích hỗ tương quá quan trọng để bị đạo sinh của sự tiến hoá chân ngã bỏ qua.

It is, as stated elsewhere, through the permanent atoms that the Ego comes en rapport with his objective world; he works upon and through his environment successfully or blindly just in so far as he can energise his permanent atoms, and bring the spirillae out of latency into potency. This only becomes possible as he unfolds the petals of the lotus. It must be remembered that the three lower petals when fully unfolded affect, through [Page 546] their vitality, the three major spirillae in the physical permanent atom. As the second ring of petals gradually opens, the astral permanent atom undergoes a similar process, leading up to the full arousing of the spirillae within the mental unit.

Như đã nói ở nơi khác, chính qua các nguyên tử trường tồn mà chân ngã tiếp xúc với thế giới khách quan của mình; y tác động lên và xuyên qua môi trường của mình một cách thành công hay mù quáng đúng theo mức độ y có thể truyền năng lượng cho các nguyên tử trường tồn của mình, và đưa các loa tuyến từ trạng thái tiềm ẩn vào trạng thái hữu lực. Điều này chỉ trở nên khả hữu khi y khai mở các cánh hoa của hoa sen. Cần nhớ rằng ba cánh hoa thấp khi được khai mở hoàn toàn sẽ tác động, qua [Page 546] sinh lực của chúng, lên ba loa tuyến chính trong nguyên tử trường tồn hồng trần. Khi vòng cánh hoa thứ hai dần dần mở ra, nguyên tử trường tồn cảm dục trải qua một tiến trình tương tự, dẫn đến sự khơi dậy trọn vẹn các loa tuyến bên trong đơn vị hạ trí.

Here I would point out that there is a slight difference in the case of the mental unit, for the four spirillae of the mental unit are aroused to full activity when the *knowledge petal* of the final three opens. The opening of the remaining two reveal the glowing threefold flower which lies at the centre of egoic manifestation.

Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng có một khác biệt nhỏ trong trường hợp của đơn vị hạ trí, vì bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí được khơi dậy đến hoạt động trọn vẹn khi *cánh hoa tri thức* của ba cánh cuối cùng mở ra. Việc mở hai cánh còn lại mặc khải đóa hoa tam phân rực sáng nằm ở trung tâm của biểu hiện chân ngã.

It would be wise to sound a note of warning here in connection with this question of egoic unfoldment. What has been said here has been but the formulation of the general plan of egoic unfoldment as interpreted in terms of consciousness or of fire. In studying the subject with due personal

Sẽ là khôn ngoan nếu nêu lên một lời cảnh báo ở đây liên quan đến vấn đề khai mở chân ngã này. Những gì đã được nói ở đây chỉ là sự trình bày của kế hoạch tổng quát về sự khai mở chân ngã như được diễn giải bằng các thuật ngữ của tâm thức hay của lửa. Khi nghiên cứu chủ đề này với sự ứng dụng cá

application, the student should bear in mind the following facts:

First, that according to the Ray of the Monad, so will the petals unfold. For instance, if the Ray of the Monad is the second Ray, the knowledge petal will be the first to open, but the second petal of love will almost parallel its development, being for that particular type of Ego the line of easiest unfoldment; the knowledge petal will be for it the most difficult to open.

Second, that the effects of one circle of petals opening will be felt within the next circle at an early stage and will cause a vibratory response, hence the greater rapidity of the later stages of unfoldment as compared with the first.

Third, that there exist many cases of uneven or unequal unfoldment. Quite frequently people are found with perhaps two petals unfolded in the first circle and one still in latency, while a petal within the central or second ring may be in full development. This is the explanation frequently of the power in service along [Page 547] certain lines displayed by some, coupled with a comparatively low stage of development or of consciousness (egoically speaking). This is due to varying causes, such as the karma of the Monad itself on its high plane and the strength of the monadic grip upon the ego; many lives given to a particular line of action, resulting in the setting up of a strong vibration—one so strong that it renders the development of response to subsidiary vibrations difficult of attainment; certain peculiar conditions hidden in the evolution of any particular Lord of a Ray, and the effect of that condition upon a particular group of cells; the group karma of a collection or congery of causal bodies, and their mutual

nhân thích đáng, đạo sinh nên ghi nhớ các sự kiện sau:

Thứ nhất, rằng tùy theo cung của Chân thần mà các cánh hoa sẽ khai mở. Chẳng hạn, nếu cung của Chân thần là cung hai, cánh hoa tri thức sẽ là cánh đầu tiên mở ra, nhưng cánh hoa bác ái thứ hai sẽ gần như song hành với sự phát triển của nó, vì đối với loại chân ngã đặc biệt đó, đây là đường khai mở dễ dàng nhất; cánh hoa tri thức sẽ là cánh khó mở nhất đối với nó.

Thứ hai, rằng các hiệu quả của việc một vòng cánh hoa mở ra sẽ được cảm nhận trong vòng kế tiếp ở một giai đoạn sớm và sẽ gây ra một đáp ứng rung động, do đó các giai đoạn khai mở về sau diễn ra nhanh hơn so với giai đoạn đầu.

Thứ ba, rằng có nhiều trường hợp khai mở không đồng đều hay không cân xứng. Khá thường xuyên người ta thấy những người có thể đã khai mở hai cánh hoa trong vòng thứ nhất và một cánh vẫn còn tiềm ẩn, trong khi một cánh hoa trong vòng trung tâm hay vòng thứ hai có thể ở trạng thái phát triển trọn vẹn. Đây thường là lời giải thích cho quyền năng phụng sự theo [Page 547] một số đường hướng nhất định được một số người biểu lộ, đi kèm với một giai đoạn phát triển hay tâm thức tương đối thấp (xét theo chân ngã). Điều này là do nhiều nguyên nhân khác nhau, như nghiệp quả của chính Chân thần trên cõi cao của nó và sức mạnh của sự nắm giữ của Chân thần đối với chân ngã; nhiều kiếp sống được hiến cho một đường hành động đặc biệt, dẫn đến việc thiết lập một rung động mạnh—mạnh đến mức khiến sự phát triển khả năng đáp ứng với các rung động phụ trở nên khó đạt được; một số điều kiện đặc thù ẩn giấu trong sự tiến hoá của một Chúa Tể Cung nào đó, và tác động của điều kiện ấy lên một nhóm tế bào nhất

interplay. Every egoic unit or monadic force centre has a definite effect upon the group or community of Egos in which it may have a place, and as the interaction proceeds results are sometimes produced of a temporarily unexpected nature.

định; nghiệp quả nhóm của một tập hợp hay cụm các thể nguyên nhân, và sự tương tác hỗ tương của chúng. Mỗi đơn vị chân ngã hay trung tâm mãnh lực chân thần đều có một tác động rõ rệt lên nhóm hay cộng đồng các chân ngã mà nó có thể có một vị trí trong đó, và khi sự tương tác tiếp diễn, đôi khi tạo ra những kết quả có tính chất tạm thời bất ngờ.

These points should be carefully borne in mind by the student of egoic evolution. This whole subject is of interest in that it is the next step ahead for the students of occult psychology. Much will be eventually ascertained which will throw new light upon the possibility of work upon the physical plane for man. The whole secret of success in any endeavour or enterprise is primarily based on two things:

Những điểm này cần được đạo sinh của sự tiến hoá chân ngã ghi nhớ cẩn thận. Toàn bộ chủ đề này đáng quan tâm vì nó là bước kế tiếp phía trước cho các đạo sinh của tâm lý học huyền bí. Cuối cùng sẽ xác định được nhiều điều, và những điều ấy sẽ soi rọi ánh sáng mới lên khả năng làm việc trên cõi hồng trần của con người. Toàn bộ bí mật của thành công trong bất kỳ nỗ lực hay công việc nào trước hết dựa trên hai điều:

First, the ability of the Ego to work through the personality, using it simply as the medium of expression.

Thứ nhất, khả năng của chân ngã làm việc qua phàm ngã, chỉ dùng nó như phương tiện biểu đạt.

Second, the karma of the egoic group as it becomes more apparent on the physical plane. Hitherto, much has been said and taught about individual karma. Group karma in the future will slowly assume its rightful place in the thought of students, and this will lead to more intelligent co-operation, to a more sympathetic understanding of group responsibilities, and to a more adequate solution of group problems.

Thứ hai, nghiệp quả của nhóm chân ngã khi nó trở nên hiển nhiên hơn trên cõi hồng trần. Cho đến nay, nhiều điều đã được nói và dạy về nghiệp quả cá nhân. Trong tương lai, nghiệp quả nhóm sẽ từ từ giữ vị trí đúng đắn của nó trong tư tưởng của các đạo sinh, và điều này sẽ dẫn đến sự hợp tác thông minh hơn, đến sự thấu hiểu đầy cảm thông hơn về các trách nhiệm nhóm, và đến một giải pháp thích đáng hơn cho các vấn đề nhóm.

[Page 548] The study of occult psychology involves a true conception of the nature of the Ego, or the arousing of the Ego to full activity in manifestation; it will necessitate the sound formulation of the laws of egoic unfoldment, of the methods whereby, petal by petal, the lotus may be brought to

[Page 548] Việc nghiên cứu tâm lý học huyền bí bao hàm một quan niệm chân chính về bản chất của chân ngã, hay việc khơi dậy chân ngã đến hoạt động trọn vẹn trong biểu hiện; nó sẽ đòi hỏi sự trình bày chặt chẽ các định luật của sự khai mở chân ngã, của các phương pháp nhờ đó, từng cánh hoa một,

perfection, and of the triple nature of its evolution; it will bring about an eventual apprehension of the true meaning of force, and of energy in its dual aspect—internal vibration and external radiation; it will produce the centering of the attention of all advanced students upon the centres—in this case not the physical centres on etheric levels but upon the psychical centres, such as the Ego in the causal body and egoic groups. This will produce later a better comprehension of the effect of one consciousness upon another consciousness on the physical plane, and this knowledge will be scientifically utilised to produce specific results in group evolution, and thus some of the world problems will find solution. Finally, the laws of fire will be studied, the nature of heat, of radiation and of flame will be occultly investigated, and the action of one fire upon another fire, the result of radiation from one conscious sphere to another will be realised; the method of arousing consciousness on the different planes by action upon the fires of the causal body and their stimulation will be gradually revealed.

hoa sen có thể được đưa đến chỗ hoàn hảo, và của bản chất tam phân của sự tiến hoá của nó; nó sẽ đem lại sự lĩnh hội cuối cùng về ý nghĩa chân thực của mãnh lực, và của năng lượng trong phương diện nhị phân của nó—rung động bên trong và bức xạ bên ngoài; nó sẽ làm cho sự chú ý của mọi đạo sinh tiến bộ tập trung vào các trung tâm—trong trường hợp này không phải các trung tâm hồng trần trên các cấp dĩ thái mà là các trung tâm thông linh, như chân ngã trong thể nguyên nhân và các nhóm chân ngã. Điều này về sau sẽ tạo ra sự thấu hiểu tốt hơn về tác động của một tâm thức lên một tâm thức khác trên cõi hồng trần, và tri thức này sẽ được sử dụng một cách khoa học để tạo ra các kết quả xác định trong sự tiến hoá nhóm, và như vậy một số vấn đề của thế giới sẽ tìm được giải pháp. Sau cùng, các định luật của lửa sẽ được nghiên cứu, bản chất của nhiệt, của bức xạ và của ngọn lửa sẽ được khảo cứu một cách huyền bí, và tác động của ngọn lửa này lên ngọn lửa khác, kết quả của sự bức xạ từ khối cầu hữu thức này sang khối cầu hữu thức khác sẽ được chứng nghiệm; phương pháp khơi dậy tâm thức trên các cõi khác nhau bằng tác động lên các ngọn lửa của thể nguyên nhân và sự kích thích chúng sẽ dần dần được mặc khải.

The whole question is slowly, very slowly, coming to the fore in human thought (even though this is little realised) through the study of vocational education, business efficiency, and the place of the human unit in any trade or enterprise. Men are being spoken of and considered in terms of potential force factors, and this is a step in the right direction.

Toàn bộ vấn đề này đang từ từ, rất từ từ, nổi lên trong tư tưởng nhân loại (dù điều này ít được nhận ra) qua việc nghiên cứu giáo dục nghề nghiệp, hiệu quả kinh doanh, và vị trí của đơn vị nhân loại trong bất kỳ ngành nghề hay công việc nào. Con người đang được nói đến và được xem xét theo các thuật ngữ của những yếu tố mãnh lực tiềm năng, và đây là một bước đi đúng hướng.

Approaching the same question from the personality standpoint and not the egoic, the time is fast approaching when the emphasis will be laid in education upon

Tiếp cận cùng một vấn đề này từ quan điểm phàm ngã chứ không phải chân ngã, thời điểm đang nhanh chóng đến khi trọng tâm trong giáo dục sẽ được đặt vào [Page 549]

[Page 549] how best the young can be taught to contact their own ego or higher energy; how best they can be led to appropriate the knowledge and ability of their higher self for use on the physical plane; how best they can ascertain their group formation, and thus work along with their group, and in unison with the total energy of that group; how best their threefold lower self—physical, astral, and mental—can be brought into direct alignment with their higher centre of force, and thus draw down a continuous supply of energy for the strengthening of their three vehicles, and their wise manipulation; how best the various spirillae can be awakened and the energy within their own cells released for action. All this will be a thing of gradual evolution, but I have here outlined the trend of the future study, as in the formulation of possibility lies its eventual realisation. Such a process must necessarily be slow. The powers of the ego are stupendous and if released now through the agency of an unready personality would lead to dire disaster. But the time will come, and in the meantime a due apprehension of inherent capacity will profit all who have the intuition to recognise the goal.

cách tốt nhất để người trẻ được dạy tiếp xúc với chân ngã hay năng lượng cao hơn của chính mình; cách tốt nhất để họ được dẫn dắt chiếm hữu tri thức và khả năng của chân ngã của mình để sử dụng trên cõi hồng trần; cách tốt nhất để họ có thể xác định sự hình thành nhóm của mình, và nhờ đó làm việc cùng với nhóm của mình, và trong sự hợp nhất với tổng năng lượng của nhóm đó; cách tốt nhất để phàm ngã tam phân của họ—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—có thể được chỉnh hợp trực tiếp với trung tâm mãnh lực cao hơn của họ, và nhờ đó kéo xuống một nguồn cung năng lượng liên tục để tăng cường ba vận cụ của họ, và điều khiển chúng một cách khôn ngoan; cách tốt nhất để các loa tuyến khác nhau có thể được đánh thức và năng lượng bên trong chính các tế bào của họ được giải phóng cho hoạt động. Tất cả điều này sẽ là một việc của sự tiến hoá dần dần, nhưng ở đây tôi đã phác họa xu hướng của việc nghiên cứu trong tương lai, vì chính trong sự trình bày điều có thể thực hiện đã hàm chứa sự hiện thực hóa nó về sau. Một tiến trình như thế tất yếu phải chậm. Các quyền năng của chân ngã là vô cùng to lớn và nếu được giải phóng ngay bây giờ qua tác nhân của một phàm ngã chưa sẵn sàng sẽ dẫn đến tai họa nghiêm trọng. Nhưng thời điểm ấy sẽ đến, và trong khi chờ đợi, sự lĩnh hội thích đáng về năng lực cố hữu sẽ mang lại lợi ích cho tất cả những ai có trực giác để nhận ra mục tiêu.

S5S11

DIVISION D - THOUGHT ELEMENTALS AND FIRE ELEMENTALS — PHÂN KHU D - CÁC HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC HÀNH KHÍ CỦA LỬA

I. THOUGHT FORMS

I. CÁC HÌNH TƯ TƯỞNG

[Page 550] *1. Their function.*

[Page 550] *1. Chức năng của chúng.*

a. To respond to vibration.

b. To provide the vehicle for an idea.

c. To carry out specific purpose.

2: The Laws of Thought.

a. Three cosmic laws.

b. Seven systemic laws.

II. THOUGHT ELEMENTALS AND DEVAS

1. The Ruler of Fire... Agni.

a. Agni and the solar Logos.

b. Agni and the mental plane.

c. Agni and the three Fires.

2. The Fire Devas... the Greater Builders.

a. Introductory statements.

b. The functions of the devas.

c. The devas and the planes.

3. The Solar Angels... the Agnishvattas.

Introductory remarks.

a. On the fifth Principle.

a. Đáp ứng với rung động.

b. Cung cấp vận cụ cho một ý tưởng.

c. Thực hiện mục đích xác định.

2: Các Định luật của Tư tưởng.

a. Ba định luật vũ trụ.

b. Bảy định luật hệ thống.

II. CÁC HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ THIÊN THẦN

1. Đấng cai quản Lửa... Agni.

a. Agni và Thái dương Thượng đế.

b. Agni và cõi trí.

c. Agni và ba ngọn Lửa.

2. Các thiên thần của Lửa... các đấng đại kiến tạo.

a. Những phát biểu nhập đề.

b. Các chức năng của các thiên thần.

c. Các thiên thần và các cõi.

3. Các Thái dương Thiên Thần... các Agnishvattas.

Những nhận xét mở đầu.

a. Về nguyên khí thứ năm.

b. On Individualisation.

c. On Incarnation.

d. On the Building of the Causal Body.

4. The Fire Elementals... the Lesser Builders.

a. Introductory.

b. Physical plane elementals.

c. Elementals of the ethers.

d. Elementals and the Microcosm. [Page 551]

III. MAN, AS A CREATOR IN MENTAL MATTER

1. The creation of thought forms.

2. The process of thought form building.

IV. MAN AND THE FIRE SPIRITS

1. The Will aspect and creation.

a. The condition of the magician.

b. Construction of thought forms.

c. The occult significance of speech.

2. The nature of Magic.

a. Black magicians and white.

b. The source of black magic.

b. Về biệt ngã hóa.

c. Về sự nhập thể.

d. Về việc xây dựng thể nguyên nhân.

4. Các hành khí của lửa... các vị tiểu kiến tạo.

a. Mở đầu.

b. Các hành khí cõi hồng trần.

c. Các hành khí của các cõi dĩ thái.

d. Hành khí và Tiểu thiên địa. [Page 551]

III. CON NGƯỜI, NHƯ MỘT ĐẤNG SÁNG TẠO TRONG CHẤT LIỆU CÕI TRÍ

1. Sự tạo ra các Hình tư tưởng.

2. Tiến trình xây dựng Hình tư tưởng.

IV. CON NGƯỜI VÀ CÁC TINH LINH CỦA LỬA

1. Phương diện Ý chí và sự sáng tạo.

a. Tình trạng của nhà huyền thuật.

b. Sự kiến tạo các Hình tư tưởng.

c. Ý nghĩa huyền bí của lời nói.

2. Bản chất của huyền thuật.

a. Các nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo.

b. Nguồn gốc của Hắc thuật.

c. Conditions for white magic.

3. Fifteen rules for Magic.

a. Six rules for the mental plane.

b. Five rules for the astral plane.

c. Four rules for the physical plane.

Under this division we shall briefly give an outline of the study which we will undertake upon this vast and stupendous subject, for, as it definitely concerns the evolution of man and his power eventually to create, it will be wise for us to take up the matter in some detail.

This section is not intended to give interesting bits of information anent the devas; I only seek to deal with the matter in its practical application to man, and to give as much of the necessary knowledge as will enable a man to control and build his own system, to understand the method of creation and to comprehend somewhat the lesser lives and the paralleling deva evolution with which he may be concerned.

c. Các điều kiện cho Chánh Thuật.

3. Mười lăm quy luật cho huyền thuật.

a. Sáu quy luật cho cõi trí.

b. Năm quy luật cho cõi cảm dục.

c. Bốn quy luật cho cõi hồng trần.

Dưới phân mục này, chúng ta sẽ vắn tắt phác ra đề cương của công trình nghiên cứu mà chúng ta sẽ đảm nhận về chủ đề rộng lớn và kỳ vĩ này, vì, do nó liên hệ rõ rệt đến sự tiến hoá của con người và quyền năng sáng tạo về sau của y, nên chúng ta nên khảo cứu vấn đề này với một mức độ chi tiết nào đó.

Phần này không nhằm cung cấp những mẩu thông tin lý thú về các thiên thần; tôi chỉ tìm cách bàn đến vấn đề này trong sự ứng dụng thực tiễn của nó đối với con người, và đưa ra lượng tri thức cần thiết đủ để giúp con người kiểm soát và xây dựng hệ thống riêng của mình, hiểu được phương pháp sáng tạo và phần nào lĩnh hội các sự sống nhỏ hơn cùng sự tiến hoá thiên thần song hành mà y có thể liên hệ.

I. THOUGHT FORMS — I. HÌNH TƯ TƯỞNG

1. Their Function. — 1. Chức năng của chúng.

It will be noted that in studying this matter we have not started with that which is most apparent, the exoteric form in mental matter, but with the inner life or Idea within the form and with the Laws that govern the creative [Page 552] aspect. This function of every thought form is threefold:

Cần lưu ý rằng khi nghiên cứu vấn đề này, chúng ta đã không bắt đầu với điều hiển nhiên nhất, tức hình tướng ngoại môn trong chất liệu cõi trí, mà với sự sống bên trong hay Ý tưởng ở trong hình tướng và với các Định luật chi phối phương diện sáng tạo [Page 552]. Chức năng này của mọi Hình tư tưởng có tính tam phân:

To respond to vibration

Đáp ứng với rung động

To provide a body for an idea

Cung cấp một hình thể cho một ý tưởng

To carry out specific purpose.

Thực hiện một mục đích đặc thù.

Let us first study the logoic thought form and then turn our attention to the thought forms fabricated by the Thinker from the systemic mental planes and in mental matter. We have to note that, in the case of the Logos, all upon which we have to base our conclusions are His physical manifestation, and His quality, psychic nature, aroma, emanation or magnetism, as we see it working out through the form. Hence we are very much handicapped.

Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu Hình tư tưởng của Thượng đế, rồi sau đó chuyển sự chú ý sang các Hình tư tưởng do Đấng Tư Tưởng tạo tác từ các cõi trí của hệ thống và trong chất liệu cõi trí. Chúng ta phải lưu ý rằng, trong trường hợp của Thượng đế, tất cả những gì chúng ta có để làm nền tảng cho các kết luận của mình là biểu hiện hồng trần của Ngài, và phẩm tính, bản chất thông linh, hương khí, phát xạ hay từ điện của Ngài, như chúng ta thấy nó vận hành qua hình tướng. Do đó, chúng ta bị hạn chế rất nhiều.

a. *Response to Vibration.* It is always recognised in occult circles that the whole object of human evolution is to enable the Thinker to respond to every contact fully and consciously, and thus to utilise his material sheath, or sheaths, as adequate transmitter of such contact. The most easily studied human thought-form is the one the Ego creates through which to function. He builds his sheaths by the power of thought, and the dense physical body is the best sheath that—at any particular stage of evolution—he can at the time manufacture. The same can be predicated of the solar Logos. He builds by the power of thought a body which can respond to that group of vibrations which are concerned with the cosmic physical plane (the only one we can study). It is not yet adequate, and does not fully express the logoic Thinker.

a. *Đáp ứng với rung động.* Trong các giới huyền bí học, người ta luôn thừa nhận rằng toàn bộ mục tiêu của sự tiến hoá nhân loại là giúp Đấng Tư Tưởng đáp ứng đầy đủ và hữu thức với mọi tiếp xúc, và nhờ đó sử dụng vỏ bọc vật chất của y, hay các vỏ bọc của y, như những bộ truyền đạt thích hợp cho sự tiếp xúc ấy. Hình tư tưởng nhân loại dễ nghiên cứu nhất là hình mà chân ngã tạo ra để hoạt động qua đó. Y xây dựng các vỏ bọc của mình bằng quyền năng tư tưởng, và thể xác đậm đặc là vỏ bọc tốt nhất mà—ở bất kỳ giai đoạn tiến hoá riêng biệt nào—vào lúc đó y có thể tạo ra. Điều tương tự cũng có thể được khẳng định về Thái dương Thượng đế. Ngài xây dựng bằng quyền năng tư tưởng một thân thể có thể đáp ứng với nhóm rung động liên hệ đến cõi hồng trần vũ trụ (cõi duy nhất mà chúng ta có thể nghiên cứu). Nó vẫn chưa thích hợp, và chưa biểu lộ đầy đủ Đấng Tư Tưởng Thượng đế.

The vibrations to which the systemic thought-form must respond are many in

Các rung động mà Hình tư tưởng hệ thống phải đáp ứng thì rất nhiều, nhưng vì mục

number, but for our purposes might be enumerated as mainly seven:

đích của chúng ta có thể liệt kê chủ yếu thành bảy loại:

1. The vibrations of the cosmic physical plane, viewing it as all the matter of that plane which exists [Page 553] outside the logoic ring-pass-not. It concerns the pranic and akashic fluids and currents.

1. Các rung động của cõi hồng trần vũ trụ, xét nó như toàn bộ vật chất của cõi ấy hiện hữu [Page 553] bên ngoài vòng-giới-hạn của Thượng đế. Nó liên quan đến các lưu chất và dòng prana cùng akasha.

2. The vibrations of the cosmic astral plane as they affect the physical form of divine manifestation. This involves cosmically the action upon our solar Logos of the emotional quality of other cosmic entities, and concerns the magnetic effect upon Him of their psychic emanation. This, in view of the fact that His dense physical body is not a principle, is of a more potent nature than the first set of vibrations, as is the case also in man's evolution.

2. Các rung động của cõi cảm dục vũ trụ khi chúng tác động đến hình tướng hồng trần của biểu hiện thiêng liêng. Điều này, về mặt vũ trụ, bao hàm tác động của phẩm tính cảm xúc của các thực thể vũ trụ khác lên Thái dương Thượng đế của chúng ta, và liên quan đến hiệu quả từ tính nơi Ngài do phát xạ thông linh của họ. Xét theo sự kiện rằng thể xác đậm đặc của Ngài không phải là một nguyên khí, điều này có bản chất mạnh hơn nhóm rung động thứ nhất, cũng như trong sự tiến hoá của con người.

3. Vibrations from that which, within the logoic consciousness, is recognised as the logoic Higher Self, or His emanating source. This brings the solar system within the vibratory radius of certain constellations which have a position of profound importance in the general evolution of the system.

3. Các rung động từ điều mà, trong tâm thức Thượng đế, được nhận biết là Chân ngã của Thượng đế, hay nguồn phát xạ của Ngài. Điều này đưa hệ mặt trời vào trong bán kính rung động của một số chòm sao có vị trí vô cùng quan trọng trong sự tiến hoá tổng quát của hệ thống.

4. Vibrations from Sirius via the cosmic mental plane.

4. Các rung động từ Sirius qua cõi trí vũ trụ.

5. Vibrations from the seven Rishis of the Great Bear, and primarily from those two Who are the Prototypes of the Lords of the seventh and fifth Rays. This is a most important point, and finds its microcosmic correspondence in the place which the seventh Ray has in the building of a thoughtform, and the use of the fifth Ray in the work of concretion. All magicians who work with matter and who are occupied

5. Các rung động từ bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh, và chủ yếu từ hai Đấng là Nguyên mẫu của các Đấng Chúa Tể của cung bảy và cung năm. Đây là một điểm hết sức quan trọng, và tìm thấy sự tương ứng tiểu thiên địa của nó trong vị trí mà cung bảy giữ trong việc xây dựng một Hình tư tưởng, và việc sử dụng cung năm trong công việc làm cho cụ thể. Mọi nhà huyền thuật làm việc với vật chất và bận tâm đến việc xây dựng hình

with form-building (either consciously or unconsciously) call in these two types of force or energy.

tướng (dù hữu thức hay vô thức) đều gọi vào hai loại mãnh lực hay năng lượng này.

6. Certain very remote vibrations, as yet no more appreciable in the logoic Body than is monadic influence in that of average man, from the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, that cosmic [Page 554] Existence Who is expressing Himself through seven centres of force, of which our solar system is one.

6. Một số rung động rất xa xôi, hiện nay trong Thân Thể của Thượng đế cũng không dễ nhận thấy hơn ảnh hưởng chân thần trong thân thể của người trung bình, từ ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, Đấng Hiện Hữu vũ trụ ấy [Page 554] đang biểu lộ chính Ngài qua bảy trung tâm mãnh lực, trong đó hệ mặt trời của chúng ta là một.

7. A series of vibrations which will become more potent as our Logos nears that period which is occultly called “Divine Maturity,” which emanate from that constellation in the Heavens which embodies His polar opposite. This is a deep mystery and concerns the cosmic marriage of the Logos.

7. Một chuỗi rung động sẽ trở nên mạnh hơn khi Thượng đế của chúng ta tiến gần đến giai đoạn được gọi một cách huyền bí là “Sự Trưởng Thành Thiêng Liêng”, phát ra từ chòm sao trên Trời hiện thân cho cực đối nghịch của Ngài. Đây là một huyền nhiệm sâu xa và liên quan đến cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế.

It will be apparent, therefore, how little can as yet be predicated anent the future of the solar system until the vibrations of the sixth and seventh order become more powerful, and their effects can consequently be studied more easily. It is not possible here to do more than indicate the seven types of vibrations to which our solar Logos (functioning in a material body) will in due course of time consciously, and fully, respond. He responds to vibrations of the first, second, third and fourth order quite fully at this time, but as yet (though responding) cannot fully, and consciously, utilise these types of energy. The vibration of the fifth order is recognised by Him, particularly in three of His centres, but is not as yet fully under His control. The other two are sensed, and felt, but so remotely as to be almost outside the range of His consciousness.

Do đó, sẽ thấy rõ rằng hiện nay chúng ta còn có thể nói rất ít về tương lai của hệ mặt trời cho đến khi các rung động thuộc loại thứ sáu và thứ bảy trở nên mạnh hơn, và vì thế các hiệu quả của chúng có thể được nghiên cứu dễ dàng hơn. Ở đây không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra bảy loại rung động mà Thái dương Thượng đế của chúng ta (đang hoạt động trong một thân thể vật chất) theo thời gian sẽ đáp ứng một cách hữu thức và trọn vẹn. Hiện nay Ngài đáp ứng khá đầy đủ với các rung động thuộc loại thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư, nhưng cho đến nay (dù có đáp ứng) vẫn chưa thể sử dụng đầy đủ và hữu thức các loại năng lượng này. Rung động thuộc loại thứ năm được Ngài nhận biết, đặc biệt trong ba trung tâm của Ngài, nhưng vẫn chưa hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Ngài. Hai loại còn lại được cảm nhận và cảm thấy, nhưng xa xôi đến mức gần như nằm ngoài phạm vi tâm thức của Ngài.

In carrying out these ideas in connection with man and the thought forms which he fabricates (such as his material sheaths), the correspondence can be worked out within the system, and from the point of view of the planetary schemes in which man has his place. The work of man as he builds in mental thought matter and constructs forms extraneous to himself, we shall deal with later.

Khi triển khai các ý tưởng này liên hệ đến con người và các Hình tư tưởng mà y tạo tác (chẳng hạn như các vỏ bọc vật chất của y), sự tương ứng có thể được khảo sát trong nội bộ hệ thống, và từ quan điểm của các hệ hành tinh nơi con người có vị trí của mình. Công việc của con người khi y xây dựng trong chất liệu tư tưởng cõi trí và kiến tạo các hình tướng ở ngoài chính mình, chúng ta sẽ bàn đến sau.

The methods whereby vibratory response is brought about might be enumerated as follows: [Page 555]

Các phương pháp nhờ đó sự đáp ứng rung động được tạo ra có thể được liệt kê như sau: [Page 555]

Through the factor of time in evolution.

Qua yếu tố thời gian trong tiến hoá.

Through extra-systemic stimulation and intensive training, whether for a Logos or a man.

Qua sự kích thích ngoài hệ thống và sự huấn luyện chuyên sâu, dù là cho một Thượng đế hay một con người.

Through the process of Initiation, and the application of the Rods of Initiation.

Qua tiến trình Điểm đạo, và việc áp dụng các Thần Trượng Điểm đạo.

The factor of evolution is recognised and studied by many schools of thought, esoteric or exoteric. The extrasystemic stimulation involves a large number of factors, but the main two to be remembered are that this stimulation will be applied:

Yếu tố tiến hoá được nhiều trường phái tư tưởng, nội môn hay ngoại môn, thừa nhận và nghiên cứu. Sự kích thích ngoài hệ thống bao hàm một số lượng lớn các yếu tố, nhưng hai yếu tố chính cần ghi nhớ là sự kích thích này sẽ được áp dụng:

Through the group to the unit.

Qua nhóm đến đơn vị.

Through a more evolved “Kingdom of Nature” to a less evolved.

Qua một “Giới của Tự Nhiên” tiến hoá hơn đến một giới kém tiến hoá hơn.

As regards the third factor of Initiation, it must be borne in mind that we are here considering only the great initiations, and not the numerous expansions of consciousness which can be traced through all kingdoms and all manifestations.

Về yếu tố thứ ba là Điểm đạo, cần ghi nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ xét các cuộc điểm đạo lớn, chứ không phải vô số sự mở rộng tâm thức có thể được truy ra trong mọi giới và mọi biểu hiện.

In connection with what we have considered above, anent the primary function of a thought-form (the power to respond to vibration) I would emphasise the necessity of remembering that that response must be made by the inner embodied Idea, and that it will then through a complex reflex action, bring about response from the material sheath which veils it. Vibration is the result of subjective impulse, and makes its appeal to the subjective consciousness through impact upon whatever may be understood as substance; this impact is transmitted direct to the inner life, and in due turn is retransmitted to substance in the form of recognition or realisation. An analogous process may be studied in the nerve reactions of the physical frame, and their alliance with the brain consciousness.

Liên hệ đến điều chúng ta đã xét ở trên, về chức năng chủ yếu của một Hình tư tưởng (quyền năng đáp ứng với rung động), tôi muốn nhấn mạnh sự cần thiết phải nhớ rằng Ý tưởng nhập thể bên trong phải thực hiện sự đáp ứng ấy, và rồi qua một tác động phản xạ phức tạp, sẽ tạo ra sự đáp ứng từ vỏ bọc vật chất che phủ nó. Rung động là kết quả của xung lực chủ quan, và hướng lời kêu gọi của nó đến tâm thức chủ quan qua sự va chạm lên bất cứ điều gì có thể được hiểu là chất liệu; sự va chạm này được truyền trực tiếp đến sự sống bên trong, và đến lượt nó lại được truyền trở lại chất liệu dưới hình thức sự nhận biết hay chứng nghiệm. Một tiến trình tương tự có thể được nghiên cứu trong các phản ứng thần kinh của khung thể xác, và sự liên hệ của chúng với tâm thức bộ não.

As will be seen in the three worlds of man's emprise, man will work as a Creator and will follow a similar procedure. [Page 556] His thought forms will be constructed of mental matter, chosen specifically because it vibrates to the same type of vibration as the Idea seeking embodiment, and these forms will persist—as does the logoic thought form, the solar system—for just as long as the factor of Will, or dynamic vitality, continues to hold it together.

Như sẽ thấy trong ba cõi giới thuộc phạm vi hoạt động của con người, con người sẽ làm việc như một Đấng sáng tạo và sẽ theo một thủ tục tương tự. [Page 556] Các Hình tư tưởng của y sẽ được kiến tạo bằng chất liệu cõi trí, được chọn riêng vì nó rung động cùng loại rung động với Ý tưởng đang tìm cách nhập thể, và các hình này sẽ tồn tại—cũng như Hình tư tưởng của Thượng đế, tức hệ mặt trời—chừng nào yếu tố Ý chí, hay sinh lực năng động, còn tiếp tục giữ chúng lại với nhau.

This brings us to our next point:

Điều này đưa chúng ta đến điểm kế tiếp:

b. *To Provide a Body for an Idea.* In this statement we have latent the basic principle of incarnation, and of activity, even of existence itself. It involves the expansion of our idea to include the cosmic mental plane as we consider the Logos, and as the creative faculty of man is studied we are taken to the mental plane of the solar system. One fundamental thought must here be given and. pondered upon: *This creative impulse, this tendency towards the concretion of the abstract, this inherent ability to "take form" has its fullest expression as yet in physical matter. The "raison d'être" is that—for man—all substances with which he creates, all forms which he builds, and all processes of concretion which he carries on, are created, built and carried on within the physical body of the Logos.* Herein can be found the reason for the emphasis laid in nature on the sex aspect, and on that of physical reproduction; it can be seen in all the kingdoms of nature, with the exception of the first and fifth. This is a most significant point and the exceptions should be studied in their widest connotation, for they contain the basic mystery of sex on the involutionary path, and on the evolutionary. In them we have the two extremes. It will have been noted that as the idea that the solar system is the physical vehicle of the Logos and His body of manifestation is grasped, many problems become elucidated, and two points especially will gradually be apprehended by the student, if he meditates and studies:

b. *Cung cấp một hình thể cho một ý tưởng.* Trong phát biểu này tiềm ẩn nguyên lý căn bản của sự nhập thể, của hoạt động, và ngay cả của chính sự hiện hữu. Nó đòi hỏi chúng ta mở rộng ý niệm của mình để bao gồm cõi trí vũ trụ khi xét về Thượng đế, và khi nghiên cứu năng lực sáng tạo của con người, chúng ta được dẫn đến cõi trí của hệ mặt trời. Ở đây phải nêu ra và suy gẫm một tư tưởng căn bản: *Xung lực sáng tạo này, khuynh hướng hướng đến việc làm cho cái trừu tượng trở nên cụ thể này, khả năng cố hữu để "mang lấy hình tướng" này, cho đến nay đạt biểu hiện đầy đủ nhất trong vật chất hồng trần. "Lý do tồn tại" là ở chỗ—đối với con người—mọi chất liệu mà y dùng để sáng tạo, mọi hình tướng mà y xây dựng, và mọi tiến trình làm cho cụ thể mà y tiến hành, đều được tạo ra, xây dựng và tiến hành bên trong thể xác của Thượng đế.* Chính trong đó có thể tìm thấy lý do cho sự nhấn mạnh mà thiên nhiên đặt lên phương diện tính dục, và lên sự sinh sản hồng trần; điều này có thể thấy trong mọi giới tự nhiên, ngoại trừ giới thứ nhất và giới thứ năm. Đây là một điểm hết sức quan trọng và các ngoại lệ ấy cần được nghiên cứu trong ý nghĩa rộng nhất của chúng, vì chúng chứa đựng huyền nhiệm căn bản của tính dục trên con đường giáng hạ tiến hoá và trên con đường thăng thượng tiến hoá. Trong chúng, chúng ta có hai đầu cực. Cần lưu ý rằng khi ý tưởng cho rằng hệ mặt trời là vận cụ hồng trần của Thượng đế và là thân thể biểu hiện của Ngài được nắm bắt, nhiều vấn đề trở nên sáng tỏ, và đặc biệt có hai điểm sẽ dần dần được đạo sinh lĩnh hội, nếu y tham thiền và nghiên cứu:

First. That in due course of time, as the Logos [Page 557] achieves liberation from the trammels of physical matter, the whole objective system will come to be regarded as an idea or concept, clothed in a veil or sheath of subtler matter than the physical, and the

Thứ nhất. Rằng theo thời gian, khi Thượng đế [Page 557] đạt được sự giải thoát khỏi những ràng buộc của vật chất hồng trần, toàn bộ hệ thống khách quan sẽ được xem như một ý tưởng hay khái niệm, khoác trong một màn che hay vỏ bọc bằng chất liệu vi tế

logoic body will be viewed as the product of will and desire, and physical matter in any of its grades will not enter into its composition; it will simply be a desire body. This will bring about a condition of affairs inconceivable to us, and only to be somewhat apprehended by the man who can function upon the systemic buddhic plane the fourth cosmic ether. Bear in mind here that our astral plane is but the sixth subplane of the cosmic physical plane and that this provides us with no real grounds from which to reason concerning the cosmic astral plane. Only when the astral plane is a calm receiver of buddhic impulse, or a liquid reflector of that plane (which will not be till the close of the mahamanvantara) shall we be able to formulate any ideas anent the cosmic astral plane.

hơn hồng trần, và thân thể của Thượng đế sẽ được nhìn như sản phẩm của ý chí và dục vọng, còn vật chất hồng trần ở bất kỳ cấp độ nào cũng sẽ không tham dự vào thành phần cấu tạo của nó; nó đơn giản sẽ là một thể dục vọng. Điều này sẽ tạo ra một tình trạng không thể hình dung đối với chúng ta, và chỉ người có thể hoạt động trên cõi Bồ đề của hệ thống, tức dĩ thái vũ trụ thứ tư, mới lĩnh hội được phần nào. Ở đây hãy ghi nhớ rằng cõi cảm dục của chúng ta chỉ là cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ và điều đó không cho chúng ta nền tảng thực sự nào để suy luận về cõi cảm dục vũ trụ. Chỉ khi nào cõi cảm dục là một bộ tiếp nhận tĩnh lặng của xung lực Bồ đề, hay một mặt phản chiếu dạng lỏng của cõi ấy (điều này sẽ không xảy ra cho đến cuối Đại giai kỳ sinh hóa) thì chúng ta mới có thể hình thành bất kỳ ý tưởng nào về cõi cảm dục vũ trụ.

Second. That the entire sex aspect of manifestation, as we understand it in the different kingdoms of nature, is an expression of the energy of the Logos, as it flows through and stimulates that centre in His body which corresponds to the generative organs. All the creative functions of the vegetable, animal, and human family, viewing them as a whole, are as yet purely physical, and based on lower desire. The desire of the Logos for *physical* incarnation is as yet the dominant note. Later His desire for that will be less and will become transmuted into desire for creation on mental levels only. This is what brings the Destroyer aspect into activity, leading to eventual obscuration, and the physical "death" of the solar system. Indication that this aspect is coming into power will be seen when two great events transpire: [Page 558]

Thứ hai. Rằng toàn bộ phương diện tính dục của biểu hiện, như chúng ta hiểu nó trong các giới khác nhau của tự nhiên, là một biểu hiện của năng lượng của Thượng đế, khi nó tuôn chảy qua và kích thích trung tâm trong thân thể của Ngài tương ứng với các cơ quan sinh sản. Mọi chức năng sáng tạo của giới thực vật, giới động vật và gia đình nhân loại, xét như một toàn thể, cho đến nay vẫn thuần túy là hồng trần, và dựa trên dục vọng thấp. Dục vọng của Thượng đế đối với sự nhập thể *hồng trần* cho đến nay vẫn là chủ âm chi phối. Về sau dục vọng ấy của Ngài sẽ giảm đi và sẽ được chuyển hoá thành dục vọng chỉ sáng tạo trên các cấp độ cõi trí. Chính điều này đưa phương diện Hủy Diệt vào hoạt động, dẫn đến sự lu mờ sau cùng, và "cái chết" hồng trần của hệ mặt trời. Dấu hiệu cho thấy phương diện này đang chiếm ưu thế sẽ được thấy khi hai biến cố lớn xảy ra: [Page 558]

a. The ability of man consciously to create on mental levels, and the consequent transmutation of his lower sex impulses into higher.

a. Khả năng của con người trong việc sáng tạo một cách hữu thức trên các cấp độ cõi trí, và sự chuyển hoá phát sinh từ đó các xung lực tính dục thấp của y thành cao hơn.

b. The mental vitalisation of another large section of the animal kingdom.

b. Sự tiếp sinh lực trí tuệ cho một bộ phận lớn khác của giới động vật.

When these two things can be seen working out in any round, it will be indicative of a decided mental polarisation of the Logos; we can only become cognisant of this by studying His body of manifestation in its component parts.

Khi có thể thấy hai điều này đang diễn ra trong bất kỳ cuộc tuần hoàn nào, đó sẽ là dấu hiệu cho thấy sự phân cực trí tuệ rõ rệt của Thượng đế; chúng ta chỉ có thể nhận biết điều này bằng cách nghiên cứu thân thể biểu hiện của Ngài trong các thành phần cấu tạo của nó.

What is here predicated anent the logoic thought form can be equally well stated about that of a Heavenly Man, and a planetary scheme. As His cosmic polarisation becomes more mental, and as His cosmic desire nature becomes transmuted, the force that plays through His centres will correspondingly be seen to vary in direction; He will withdraw force from certain of His lower centres and globes; He will cease to be interested in physical incarnation, and He will eventually withdraw within Himself. His thought-form will show a gradual diminution of vitality; the dense physical globe will die and pass out of objectivity, and other globes will temporarily hold His life, though not for long. In due course of time the entire scheme will be obscured, and He will function only in His cosmic astral body.

Điều được khẳng định ở đây về Hình tư tưởng của Thượng đế cũng có thể được phát biểu tương tự về Hình tư tưởng của một Đấng Thiên Nhân, và của một hệ hành tinh. Khi sự phân cực vũ trụ của Ngài trở nên trí tuệ hơn, và khi bản chất dục vọng vũ trụ của Ngài được chuyển hoá, mãnh lực vận hành qua các trung tâm của Ngài cũng sẽ tương ứng mà thay đổi phương hướng; Ngài sẽ rút mãnh lực khỏi một số trung tâm và các bầu hành tinh thấp của Ngài; Ngài sẽ không còn quan tâm đến sự nhập thể hồng trần, và cuối cùng Ngài sẽ rút vào bên trong chính mình. Hình tư tưởng của Ngài sẽ cho thấy sự suy giảm sinh lực dần dần; bầu hành tinh hồng trần đậm đặc sẽ chết và ra khỏi tính khách quan, và các bầu hành tinh khác sẽ tạm thời giữ sự sống của Ngài, dù không lâu. Theo thời gian, toàn bộ hệ hành tinh sẽ bị lu mờ, và Ngài sẽ chỉ hoạt động trong thể cảm dục vũ trụ của Ngài.

Such is the case too with a chain and its informing Life, viewing a chain as simply a centre in the body of the planetary Logos, yet having its own central factor. This can be seen in the Moon in a most interesting way.

Trường hợp của một Dãy và Sự sống phú linh cho nó cũng vậy, nếu xem một Dãy chỉ đơn giản là một trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, nhưng vẫn có yếu tố trung tâm riêng của nó. Điều này có

The desire of its Occupant was no longer for physical manifestation; He therefore withdrew His life. All that is left is the devitalised shell; the two other aspects have gone and only the third aspect, the inherent life of matter itself, remains gradually to dissipate also as the centuries elapse. In connection with man, a similar condition [Page 559] is seen in the gradual disintegration of the physical body after death; the two other aspects are removed, and the form decays.

thể thấy nơi Mặt Trăng theo một cách rất lý thú. Dục vọng của Đấng Cư Ngụ trong đó không còn hướng đến biểu hiện hồng trần nữa; vì vậy Ngài đã rút sự sống của mình. Tất cả những gì còn lại là cái vỏ bị rút sinh lực; hai phương diện kia đã ra đi và chỉ còn phương diện thứ ba, tức sự sống cố hữu của chính vật chất, cũng đang dần dần tiêu tan theo dòng thế kỷ. Liên hệ đến con người, một tình trạng tương tự [Page 559] được thấy trong sự tan rã dần dần của thể xác sau khi chết; hai phương diện kia bị rút đi, và hình tướng phân huỷ.

As these fundamental facts are grasped, and man begins to appreciate his position as Creator, the entire aspect of the sex question will also change; and emphasis will be laid upon the laws of mental creation, on the formulation of thought-forms in a scientific manner, and the dense physical aspect of creation will be in abeyance. When this is so, then will man be coming into his divine right, and the human kingdom be fulfilling its legitimate function. The sex aspect—as at present expressing itself—and the whole process of reproduction is one which man shares with the animal kingdom, and is based upon his animal instincts, and his dense physical nature, which is not a principle. When he is totally emancipated from the animal kingdom, and the third and fourth kingdoms stand distinct from each other, then the sex nature, and the organs of reproduction will be viewed by the average man in a very different manner than at present. Creation will eventually be *the result of thought impulses and not desire impulses*; the process will be then (once the initial impulse on the mental plane has been given), as normal, as safe, and as unconscious as the act of breathing is now. When this is so (and the time is a long way ahead), physical reproduction will still continue, but the physical form will be

Khi các sự kiện căn bản này được nắm bắt, và con người bắt đầu đánh giá vị trí của mình như một Đấng sáng tạo, toàn bộ phương diện của vấn đề tính dục cũng sẽ thay đổi; và sự nhấn mạnh sẽ được đặt lên các định luật của sự sáng tạo trí tuệ, lên việc hình thành các Hình tư tưởng theo cách khoa học, còn phương diện hồng trần đậm đặc của sự sáng tạo sẽ ở trong trạng thái đình chỉ. Khi điều này xảy ra, con người sẽ đi vào quyền thiêng liêng của mình, và giới nhân loại sẽ hoàn thành chức năng chính đáng của nó. Phương diện tính dục—như hiện nay đang biểu lộ—và toàn bộ tiến trình sinh sản là điều mà con người chia sẻ với giới động vật, và dựa trên các bản năng động vật của y, cùng bản chất hồng trần đậm đặc của y, vốn không phải là một nguyên khí. Khi y hoàn toàn được giải phóng khỏi giới động vật, và giới thứ ba cùng giới thứ tư đứng tách biệt rõ ràng với nhau, thì bản chất tính dục và các cơ quan sinh sản sẽ được con người trung bình nhìn theo một cách rất khác với hiện nay. Sự sáng tạo cuối cùng sẽ là *kết quả của các xung lực tư tưởng chứ không phải các xung lực dục vọng*; khi đó tiến trình sẽ (một khi xung lực ban đầu trên cõi trí đã được đưa ra) bình thường, an toàn và vô thức như hành động hô hấp hiện nay. Khi điều này xảy ra (và thời điểm ấy còn rất xa), sự sinh sản hồng trần vẫn sẽ tiếp tục, nhưng hình tướng hồng trần sẽ được nói đến

spoken of in terms of concretion and of energy, and the emphasis will be laid upon that which is to be embodied. This stage will be entered upon when the functions of the etheric body are scientifically grasped and understood and the laws of creative thought are a matter of public knowledge and discussion; it will coincide with a period wherein the animal kingdom will again be under manasic impression, and individualisation will again be permitted.

theo các thuật ngữ của sự làm cho cụ thể và của năng lượng, và sự nhấn mạnh sẽ được đặt lên điều sẽ được nhập thể. Giai đoạn này sẽ được bước vào khi các chức năng của thể dĩ thái được nắm bắt và thấu hiểu một cách khoa học, và các định luật của tư tưởng sáng tạo trở thành vấn đề tri thức và thảo luận công khai; nó sẽ trùng hợp với một thời kỳ trong đó giới động vật lại chịu ấn tượng manas, và sự biệt ngã hóa lại được cho phép.

[Page 560] It will be generally recognised at that time that Spirit-matter are two aspects of the one Unity, and the present terminology of Spirit, and material substance, will have given place to the broader concept of negative and positive energy as the two aspects of the One Energy. All phenomena will then be expressed in force terms, and the sex question—or the union of the male and female, the negative and the positive, on the physical plane—will be redeemed and purified.

[Page 560] Khi ấy, người ta sẽ nhìn nhận một cách phổ biến rằng tinh thần-vật chất là hai phương diện của một Hợp Nhất duy nhất, và thuật ngữ hiện nay về tinh thần và chất liệu vật chất sẽ nhường chỗ cho khái niệm rộng hơn về năng lượng âm và dương như hai phương diện của Một Năng Lượng. Khi đó mọi hiện tượng sẽ được diễn tả bằng các thuật ngữ của mãnh lực, và vấn đề tính dục —hay sự kết hợp của nam và nữ, âm và dương, trên cõi hồng trần—sẽ được cứu chuộc và thanh lọc.

An embodied idea, therefore, is literally a positive impulse, emanating from mental levels, and clothing itself in a veil of negative substance. These two factors in turn will be regarded as emanations from a still greater force centre, which is expressing purpose through them both.

Do đó, một ý tưởng nhập thể theo nghĩa đen là một xung lực dương, phát ra từ các cấp độ cõi trí, và tự khoác lấy một màn che bằng chất liệu âm. Đến lượt mình, hai yếu tố này sẽ được xem như các phát xạ từ một trung tâm mãnh lực còn lớn hơn nữa, đang biểu lộ mục đích qua cả hai.

A thought form, as constructed by man, is the union of a positive emanation and a negative. These two are the emanations of a Unity, the coherent Thinker.

Một Hình tư tưởng, như được con người kiến tạo, là sự kết hợp của một phát xạ dương và một phát xạ âm. Hai điều này là các phát xạ của một Hợp Nhất, tức Đấng Tư Tưởng cố kết.

c. *To Carry Out Specific Purpose.* We touch here upon the most vital element in the building of thoughtforms. In our first point we touched upon the aspect of consciousness, or "response to sensation, or

c. *Thực hiện một mục đích đặc thù.* Ở đây chúng ta chạm đến yếu tố thiết yếu nhất trong việc xây dựng các Hình tư tưởng. Ở điểm thứ nhất, chúng ta đã chạm đến phương diện tâm thức, hay "đáp ứng với cảm

feeling," and thus brought into our study of the building process the second aspect logoic, that of the Ego, or the realisation of essential duality. In our second point the more objective aspect was somewhat elaborated, and the tangible form dealt with, thus bringing in the third logoic aspect, that of intelligent substance, or that through which consciousness seeks expression. Now the will or purpose aspect is to be considered, bringing therefore the first aspect logoic, or the "will-to-be" to the fore. When this third point is meditated upon with care, it will be noted (as might be expected) that it includes the other two, and synthesises them.

giác, hay cảm thọ," và như vậy đã đưa vào công trình nghiên cứu về tiến trình xây dựng phương diện thứ hai của Thượng đế, tức chân ngã, hay sự chứng nghiệm về tính nhị nguyên căn yếu. Ở điểm thứ hai, phương diện khách quan hơn đã được khai triển phần nào, và hình tướng hữu hình đã được bàn đến, do đó đưa vào phương diện thứ ba của Thượng đế, tức chất liệu thông tuệ, hay điều mà qua đó tâm thức tìm cách biểu lộ. Giờ đây phương diện ý chí hay mục đích cần được xem xét, do đó đưa phương diện thứ nhất của Thượng đế, hay "ý chí hiện hữu", ra tiền cảnh. Khi điểm thứ ba này được tham thiền cẩn trọng, sẽ thấy (như có thể chờ đợi) rằng nó bao gồm hai điểm kia và tổng hợp chúng.

Certain factors must be borne in mind as we consider these words "specific purpose." By their tabulation [Page 561] we shall endeavour to make as clear as may be, this very complex matter. The ideas involved are:

Một số yếu tố phải được ghi nhớ khi chúng ta xem xét các từ "mục đích đặc thù" này. Bằng cách liệt kê chúng [Page 561] chúng ta sẽ cố gắng làm cho vấn đề rất phức tạp này sáng tỏ hết mức có thể. Các ý tưởng liên hệ là:

The Factor of Identity. Specific purpose is the practical application of the will, or intent, of a conscious intelligent Existence as it shows itself in:

Yếu tố Bản sắc. Mục đích đặc thù là sự ứng dụng thực tiễn của ý chí, hay chủ ý, của một Đấng Hiện Hữu hữu thức và thông tuệ như nó biểu lộ trong:

a. Its source

a. Nguồn gốc của nó

b. Its mission

b. Sứ mệnh của nó

c. Its method

c. Phương pháp của nó

d. Its objective.

d. Mục tiêu của nó.

All these will vary according to the nature of the emanating Identity. All thought forms—logoic, planetary, and human—(for no other entities of lesser grade work as mental creators), emanate from a mind, are built for the purpose of carrying out some active

Tất cả những điều này sẽ thay đổi tùy theo bản chất của Bản Sắc phát xạ. Mọi Hình tư tưởng—của Thượng đế, hành tinh và con người—(vì không có thực thể nào khác ở cấp thấp hơn làm việc như những đấng sáng tạo trên cõi trí), đều phát ra từ một trí tuệ, được

work, demonstrate under set rules and laws, and have a definite goal, or expected consummation.

xây dựng nhằm thực hiện một công việc hoạt động nào đó, biểu lộ dưới các quy luật và định luật nhất định, và có một mục tiêu xác định, hay một sự hoàn tất được mong đợi.

The Factor of Time. Specific purpose in the solar system is the gradual evolution of a definite plan originating in the Mind of the Logos, and slowly, and cyclically, achieving consummation. Three vast periods of time are consumed in the process:

Yếu tố Thời gian. Mục đích đặc thù trong hệ mặt trời là sự tiến hoá dần dần của một thiên cơ xác định bắt nguồn trong Trí của Thượng đế, và chậm rãi, theo chu kỳ, đạt đến sự hoàn tất. Ba thời kỳ thời gian rộng lớn được dùng trong tiến trình này:

The period of construction, wherein the form is built.

Thời kỳ kiến tạo, trong đó hình tướng được xây dựng.

The period of utilisation, wherein the form is occupied, vitalised by a central Life, and employed.

Thời kỳ sử dụng, trong đó hình tướng được dùng làm nơi cư ngụ, được một Sự sống trung tâm tiếp sinh lực, và được sử dụng.

The period of dissolution, wherein the form is devitalised, destroyed and dissipated.

Thời kỳ tan rã, trong đó hình tướng bị rút sinh lực, bị phá huỷ và bị làm tiêu tan.

In the first stage, that which concerns the tangible, that which deals with objectivity, is the more emphasised, and of supreme importance. In the second stage, the life within the form, or the subjective consciousness, comes gradually to the fore, and the *quality*, or the psyche of the thought-form, becomes apparent. In the final stage, the thought form (having performed its mission), separates into its basic duality, and will or energy (which lies, as a unity, back of duality), ceases in intent. [Page 562] The objective life (*spiritual* life where cosmic thought-forms are concerned; *manasic* life when solar thought-forms are constructed; and *elemental* life where human thought-forms are built) withdraws and the form dissipates.

Trong giai đoạn thứ nhất, điều liên hệ đến cái hữu hình, điều liên hệ đến tính khách quan, được nhấn mạnh hơn và có tầm quan trọng tối thượng. Trong giai đoạn thứ hai, sự sống bên trong hình tướng, hay tâm thức chủ quan, dần dần đi ra tiền cảnh, và *phẩm tính*, hay linh hồn của Hình tư tưởng, trở nên hiển lộ. Trong giai đoạn cuối cùng, Hình tư tưởng (sau khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó), tách ra thành tính nhị nguyên căn bản của nó, và ý chí hay năng lượng (vốn, như một hợp nhất, nằm phía sau nhị nguyên tính), chấm dứt chủ ý. [Page 562] Sự sống khách quan (*tinh thần* khi liên hệ đến các Hình tư tưởng vũ trụ; *manas* khi các Hình tư tưởng thái dương được kiến tạo; và *hành khí* khi các Hình tư tưởng của con người được xây dựng) rút đi và hình tướng tiêu tan.

In all these cases it will be apparent that only in the study of the development of the *quality* of the thought-form will its inherent purpose be revealed; only as its emanative processes are comprehended will the nature of its mission become recognisable. This is true fundamentally of all forms. Where the relatively unimportant forms—such as those constructed by man at this time—are concerned, this can easily be discovered, and to the trained clairvoyant each form reveals:

Trong mọi trường hợp này, sẽ rõ rằng chỉ trong việc nghiên cứu sự phát triển của *phẩm tính* của Hình tư tưởng thì mục đích cố hữu của nó mới được mặc khải; chỉ khi các tiến trình phát xạ của nó được thấu hiểu thì bản chất sứ mệnh của nó mới có thể được nhận ra. Điều này về căn bản là đúng với mọi hình tướng. Khi liên hệ đến các hình tướng tương đối không quan trọng—chẳng hạn như những hình do con người hiện nay kiến tạo—điều này có thể được khám phá dễ dàng, và đối với nhà thông nhãn lão luyện, mỗi hình tướng đều bộc lộ:

By its colour,

Qua màu sắc của nó,

By its vibration,

Qua rung động của nó,

By its direction,

Qua phương hướng của nó,

By its keynote,

Qua chủ âm của nó,

the nature of the inner life, the quality of its vibration and the nature of its goal. In the summation of all these points will the purpose reveal itself.

bản chất của sự sống bên trong, phẩm tính của rung động của nó và bản chất của mục tiêu của nó. Trong sự tổng hợp của tất cả các điểm này, mục đích sẽ tự bộc lộ.

The Factor of Karma. Every thought-form comes under the law of Karma through the effect it produces. At this stage in the history of the system—that vast transitional stage between dense physical life and existence in the logoic etheric body—it is not easy for us to differentiate between those thought forms which are effects and those which are causes. It should be remembered here that *only cosmic and solar lords formulate thoughts*. The lunar Lords and all lesser intelligences do not do so. Therefore, the two above mentioned groups come under karmic law. They only are self-conscious, and therefore responsible. Where self-consciousness is not, there is no

Yếu tố Nghiệp quả. Mọi Hình tư tưởng đều nằm dưới định luật Nghiệp quả qua hiệu quả mà nó tạo ra. Ở giai đoạn này trong lịch sử của hệ thống—giai đoạn chuyển tiếp rộng lớn giữa sự sống hồng trần đậm đặc và sự hiện hữu trong thể dĩ thái của Thượng đế—chúng ta không dễ phân biệt giữa những Hình tư tưởng là kết quả và những Hình tư tưởng là nguyên nhân. Ở đây cần nhớ rằng *chỉ các chúa tể vũ trụ và thái dương mới hình thành tư tưởng*. Các nguyệt tinh quân và mọi thực thể thông tuệ cấp thấp hơn thì không. Do đó, hai nhóm vừa nêu ở trên nằm dưới định luật nghiệp quả. Chỉ các Ngài là có ngã thức, và vì vậy có trách nhiệm. Nơi nào không có ngã thức, nơi đó không có trách

responsibility. Hence animals are not held to be responsible, and though they [Page 563] suffer on the physical plane and in their physical vehicles, on the subtler planes they are freed from karma, for they have neither memory nor anticipation; they lack the correlating faculty and as the spark of mind is missing, they are held free from the law of retribution, except where the physical body is concerned. The reason for the suffering in the animal kingdom is hidden in the mystery of the sin of the mindless, (180) and in that terrible period spoken of in the *Secret Doctrine*, which resulted in abortions and distortions of all kinds. Had this period not occurred, and this particular type of "miscarriage of purpose" not taken place, we should not have had the fearful karmic relationship which now exists between the third and the fourth kingdom.

nhiệm. Vì thế động vật không bị xem là có trách nhiệm, và dù chúng [Page 563] chịu đau khổ trên cõi hồng trần và trong các vận cụ hồng trần của chúng, trên các cõi vi tế hơn chúng được giải thoát khỏi nghiệp quả, vì chúng không có ký ức cũng không có sự dự liệu; chúng thiếu năng lực tương liên và vì tia lửa trí tuệ còn thiếu, chúng được xem là không bị định luật báo ứng chi phối, ngoại trừ nơi thể xác. Lý do của đau khổ trong giới động vật được che giấu trong huyền nhiệm về tội lỗi của những kẻ vô trí, (180) và trong thời kỳ khủng khiếp được nói đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, thời kỳ đã dẫn đến các sự sẩy thai và biến dạng đủ loại. Nếu thời kỳ ấy đã không xảy ra, và loại "sẩy thai của mục đích" đặc biệt này đã không diễn ra, thì chúng ta đã không có mối liên hệ nghiệp quả đáng sợ hiện đang tồn tại giữa giới thứ ba và giới thứ tư.

(180) *The sin of the Mindless*. See S. D., II, 195, 201. This sin has to do with the period of the Separation of the Sexes in the early third rootrace, the Lemurian. The same historical fact is hinted at also in the Bible in Genesis VI, 2:4.

(180) *Tội lỗi của những kẻ vô trí*. Xem S. D., II, 195, 201. Tội lỗi này liên hệ đến thời kỳ Phân Ly Giới Tính trong giống dân gốc thứ ba thời kỳ đầu, tức Lemuria. Sự kiện lịch sử này cũng được ám chỉ trong Kinh Thánh, Sáng Thế Ký VI, 2:4.

"They (the sexes) had already separated before the ray of divine reason had enlightened the dark region of their hitherto slumbering minds, and had sinned. That is to say, they had committed evil unconsciously by producing an effect which was unnatural."

"Họ (hai giới tính) đã phân ly trước khi tia lý trí thiêng liêng soi sáng miền tối tăm của các trí tuệ bấy lâu còn ngủ yên của họ, và họ đã phạm tội. Nghĩa là, họ đã vô thức làm điều ác bằng cách tạo ra một hiệu quả trái tự nhiên."

See also S. D., II, 721, 728. (back)

Xem thêm S. D., II, 721, 728. (back)

The effect of the life and persistence of a thought-form, if maleficent and destructive, works out as "evil karma" if beneficent it works as "good karma" in the group in which the emanator has a place. This is what is meant by there being no karma attached to

Hiệu quả của sự sống và sự tồn tại dai dẳng của một Hình tư tưởng, nếu ác hại và phá hoại, sẽ biểu lộ thành "nghiệp xấu"; nếu thiện lành, nó sẽ biểu lộ thành "nghiệp tốt" trong nhóm mà đấng phát xạ có vị trí. Đây là điều được hàm ý khi nói rằng không có

the working out of a good and altruistic deed.

nghiệp quả gắn với việc thực hiện một hành động tốt lành và vị tha.

S5S12

The Factor of the Lesser Builders. Here a most interesting factor comes in upon which we shall enlarge later, when considering the elementals. The specific purpose of a thought-form is connected very closely with the type of deva essence of which it is constructed, and (in connection with man on the mental plane), with the type of elemental which he can control, and send forth as the occupier, or vitalising agency of the thoughtform. Roughly speaking, *a solar Logos* works only through the greater Builders, the Manasaputras in Their [Page 564] various grades on the two higher planes of the solar system. He works through Them, and sends Them forth upon the mission of constructing, and vitalising the systemic thought-form, with a specific purpose in view. The *planetary* Logoi work primarily through the Builders of the next three planes (atma-buddhi-manas), who construct and control the work of the planetary schemes. Men work through the builders of the lower mental planes, and the astral plane, for the human thought-forms are kama-manasic; the physical plane builders are swept automatically into action by the force of the currents, and energies set up in subtler matter, by the great Builders.

Yếu tố của các vị tiểu kiến tạo. Ở đây xuất hiện một yếu tố rất lý thú mà chúng ta sẽ khai triển thêm về sau khi xét đến các hành khí. Mục đích đặc thù của một Hình tư tưởng liên hệ rất chặt chẽ với loại tinh chất thiên thần mà nó được cấu tạo từ đó, và (liên hệ đến con người trên cõi trí), với loại hành khí mà y có thể kiểm soát, và phóng ra như kẻ cư ngụ, hay tác nhân tiếp sinh lực của Hình tư tưởng. Nói một cách khái quát, *một Thái dương Thượng đế* chỉ làm việc qua các đấng đại kiến tạo, các Manasaputra ở [Page 564] các cấp bậc khác nhau của Các Ngài trên hai cõi cao hơn của hệ mặt trời. Ngài làm việc qua Các Ngài, và phóng Các Ngài ra với sứ mệnh kiến tạo và tiếp sinh lực cho Hình tư tưởng hệ thống, nhằm một mục đích đặc thù. Các *Hành Tinh* Thượng Đế làm việc chủ yếu qua các đấng kiến tạo của ba cõi kế tiếp (atma-buddhi-manas), những vị kiến tạo và kiểm soát công việc của các hệ hành tinh. Con người làm việc qua các đấng kiến tạo của các cõi hạ trí và cõi cảm dục, vì các Hình tư tưởng của con người là trí-cảm; sức mạnh của các dòng và năng lượng do các đấng đại kiến tạo thiết lập trong chất liệu vi tế hơn tự động cuốn các đấng kiến tạo cõi hồng trần vào hoạt động.

The inserted tabulation [below] may make this clear.

Bảng liệt kê được chèn vào [bên dưới] có thể làm sáng tỏ điều này.

If the table is carefully studied, it will be seen that the fivefold earlier enumeration concerns the most important kingdoms in nature, whilst the final two are peculiarly interesting in that the mineral kingdom can in no sense be considered a principle, but

Nếu bảng được nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rằng sự liệt kê ngũ phân trước đó liên hệ đến các giới quan trọng nhất trong tự nhiên, trong khi hai giới cuối cùng đặc biệt lý thú ở chỗ giới kim thạch không thể theo bất kỳ nghĩa nào được xem là một nguyên khí, mà

simply the densest point of concretion of the abstract, and that the vegetable kingdom has a peculiar place in the economy of the system as the transmitter of the vital pranic fluid; the vegetable kingdom is definitely a bridge between the conscious and the unconscious. Here I am using these words in their broadest and most general sense. Though it is known that the mineral kingdom has a consciousness of its own, yet *sensation* is more distinctly recognisable in the second kingdom, and the distinction between the consciousness of the mineral and that of the animal is so vast that their respective consciousnesses are basically unlike. Between these stands the vegetable kingdom, approximating more generally the animal consciousness than the mineral, and having a most esoteric relationship to the deva evolution. [Page 565]

chỉ đơn giản là điểm kết tụ đậm đặc nhất của cái trừu tượng, và giới thực vật có một vị trí đặc biệt trong cơ cấu vận hành của hệ mặt trời như là bộ truyền dẫn lưu chất prana sinh lực; giới thực vật rõ ràng là một cây cầu giữa cái hữu thức và cái vô thức. Ở đây tôi đang dùng các từ này theo nghĩa rộng nhất và tổng quát nhất của chúng. Dù được biết rằng giới kim thạch có một tâm thức riêng của nó, tuy nhiên *cảm giác* được nhận ra rõ rệt hơn trong giới thứ hai, và sự khác biệt giữa tâm thức của giới kim thạch và của giới động vật lớn đến mức các tâm thức tương ứng của chúng về căn bản là không giống nhau. Giữa hai giới ấy là giới thực vật, nhìn chung gần với tâm thức động vật hơn là tâm thức của giới kim thạch, và có một mối liên hệ hết sức nội môn với sự tiến hoá thiên thần. [Page 565]

TABULATION IV

THE BUILDING ENTITIES

BẢNG IV

CÁC THỰC THỂ KIẾN TẠO

	Quality	*Entity*	*Centre*	*Personality*	*Kingdom*	
1.	Atma	Logos	Head (Brain)	Grand Heavenly Man	Seventh	Unity
2-3	Buddhi manas	Planetary Logos	Heart and Throat	Heavenly Men	Sixth and Fifth	Duality
4.	Mental	Man	Solar Plexus Base of the Spine	Man	Fourth	Triplicity
5.	Astral	Animal	Generative Organs		Third	Duality
6.	Etheric	Vegetable	Spleen		Second	Transitional

7.	Dense	Mineral	None		First	Unity

All these kingdoms of nature are “forms of thought”; all have body, vitality, quality and purpose, and all are [Page 566] sent out by a greater life than their own upon a specific mission; they are sent forth by those who are self-conscious and are a blend of mind, spirit and objective form. Only the self-conscious can create, and only they are capable of purpose, of co-ordination, of direction and control.

Tất cả các giới tự nhiên này đều là “các hình tướng tư tưởng”; tất cả đều có thân thể, sinh lực, phẩm tính và mục đích, và tất cả đều [Page 566] được một sự sống lớn hơn chính chúng phóng ra với một sứ mệnh đặc thù; những đấng có ngã thức phóng chúng ra và là sự pha trộn của trí tuệ, tinh thần và hình tướng khách quan. Chỉ những đấng có ngã thức mới có thể sáng tạo, và chỉ họ mới có khả năng về mục đích, về sự phối hợp, về sự chỉ đạo và kiểm soát.

Even though it may seem that much has been left unsaid, yet in due consideration of the above four points in connection with “purpose” in a thought-form, much can be worked out by the student himself.

Dù có vẻ như còn nhiều điều chưa được nói ra, nhưng nếu suy xét đúng mức bốn điểm trên liên hệ đến “mục đích” trong một Hình tư tưởng, đạo sinh có thể tự mình khảo sát ra nhiều điều.

In extending these ideas to a solar Logos, many questions of interest arise which are profitable only in so far as they expand the concept, and widen the horizon of the Thinker. The logoic purpose is not yet comprehensible to man; it does not profit him to meditate thereon, yet in the formulation of ideas, and their apprehension by thinkers may come the gradual dawning of a day of recognition, and a subsequent co-operation with that divine purpose. Let us, therefore, formulate some of these questions, leaving the future to reveal the answer:

Khi mở rộng các ý tưởng này đến một Thái dương Thượng đế, nhiều câu hỏi lý thú nảy sinh, chỉ hữu ích trong chừng mực chúng mở rộng khái niệm và nới rộng chân trời của Đấng Tư Tưởng. Mục đích của Thượng đế hiện chưa thể hiểu được đối với con người; việc tham thiền về nó không mang lại lợi ích cho y, tuy nhiên trong việc hình thành các ý tưởng, và việc các nhà tư tưởng lĩnh hội chúng, có thể sẽ đến sự ló rạng dần dần của một ngày nhận biết, và sau đó là sự hợp tác với mục đích thiêng liêng ấy. Do đó, chúng ta hãy nêu ra một số câu hỏi này, để tương lai mặc khải câu trả lời:

1. What may be the purpose of the present incarnation of the solar Logos?

1. Mục đích của sự nhập thể hiện nay của Thái dương Thượng đế có thể là gì?

2. What is the purpose which may perhaps be working out in our own planetary scheme

2. Mục đích nào có lẽ đang được triển khai trong hệ hành tinh riêng của chúng ta và

and what is the basic plan of our planetary Logos?

thiên cơ căn bản của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là gì?

3. Wherein does it differ from other planetary schemes?

3. Nó khác với các hệ hành tinh khác ở điểm nào?

4. What is the purpose lying back of the relation existing between our Earth and Venus?

4. Mục đích ẩn sau mối liên hệ hiện tồn giữa Trái Đất của chúng ta và Sao Kim là gì?

5. Is the purpose of the animal kingdom, as a whole, in any way to be ascertained?

5. Mục đích của giới động vật, xét như một toàn thể, có thể được xác định theo cách nào đó chăng?

6. What is the purpose back of the present root-race evolution? Can we realise it?

6. Mục đích ẩn sau sự tiến hoá của giống dân gốc hiện nay là gì? Chúng ta có thể chứng nghiệm được nó chăng?

7. What is the purpose behind the differing national forms?

7. Mục đích ẩn sau các hình tướng quốc gia khác nhau là gì?

[Page 567] Let us next bring the whole idea down to a more practical basis, and formulate questions along the following lines:

[Page 567] Tiếp theo, chúng ta hãy đưa toàn bộ ý tưởng này xuống một nền tảng thực tiễn hơn, và nêu thành câu hỏi theo các đường hướng sau:

1. In what type of matter do I usually formulate thoughts?

1. Tôi thường tạo lập các tư tưởng trong loại vật chất nào?

2. What is the psychic quality of my thought-forms?

2. Phẩm tính thông linh của các hình tư tưởng của tôi là gì?

3. With what specific purpose do I use mental matter?

3. Tôi dùng vật chất cõi trí với mục đích đặc thù nào?

4. Do I work in mental matter consciously or unconsciously?

4. Tôi hoạt động trong vật chất cõi trí một cách hữu thức hay vô thức?

5. Do I vitalise my thought-forms with a high or a low order of entity?

5. Tôi có tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng của mình bằng một thực thể thuộc cấp độ cao hay thấp không?

6. Do I study the laws of construction?

6. Tôi có nghiên cứu các định luật của sự kiến tạo không?

7. Do I realise the power of the will to vitalise?

7. Tôi có chứng nghiệm được quyền năng của ý chí để tiếp sinh lực không?

8. Do I destroy thought-forms when they have accomplished their purpose by a conscious act of the will?

8. Tôi có hủy diệt các hình tư tưởng khi chúng đã hoàn thành mục đích của chúng bằng một hành vi hữu thức của ý chí không?

9. Do I make forms which bring karmic effects, or do I build those which go to the good of the group?

9. Tôi có tạo ra những hình tướng đem lại các hậu quả nghiệp quả, hay tôi xây dựng những hình tướng mang lại lợi ích cho nhóm?

Many such thoughts will arise, and in the study of thought man learns the laws of being.

Nhiều tư tưởng như thế sẽ nảy sinh, và trong việc nghiên cứu tư tưởng, con người học được các định luật của bản thể.

Cosmic Fire S6

S6S1

2. The Laws of Thought. — 2. Các Định luật của Tư tưởng.

There are three great laws, that we might term the fundamental laws of the cosmos, of that greater system (recognised by all astronomers), of which we form a part, and seven laws inherent in the solar system. These seven we might consider secondary laws, though, from the standpoint of humanity, they appear as major ones.

Có ba định luật lớn mà chúng ta có thể gọi là các định luật nền tảng của vũ trụ, của hệ thống lớn hơn ấy (được mọi nhà thiên văn học công nhận) mà chúng ta là một phần trong đó, và có bảy định luật vốn có trong hệ mặt trời. Bảy định luật này chúng ta có thể xem là các định luật thứ yếu, mặc dù, từ quan điểm của nhân loại, chúng xuất hiện như những định luật chính yếu.

a. *Three Cosmic Laws.* The first of the cosmic laws is the *Law of Synthesis.* It is almost impossible for those of us who have not the buddhic faculty in any way developed, to comprehend the scope of this law. It is the law that demonstrates the fact that all

a. *Ba Định luật Vũ trụ.* Định luật vũ trụ thứ nhất là *Định luật Tổng Hợp.* Hầu như không thể để những người trong chúng ta, là những người chưa phát triển năng lực Bồ đề theo bất kỳ cách nào, có thể hiểu được phạm vi của định luật này. Đây là định luật biểu thị

things—abstract and concrete—exist as one; it is the law governing the thought form of that One of the cosmic Logoi [Page 568] in Whose consciousness both our system, and our greater centre, have a part. It is a unit of His thought, a thought form in its entirety, a concrete whole, and not the differentiated process that we feel our evolving system to be. It is the sumtotal, the centre and the periphery, and the circle of manifestation regarded as a unit.

sự kiện rằng mọi sự—trừu tượng và cụ thể—đều hiện hữu như một; đây là định luật chi phối hình tư tưởng của một trong các Thượng đế vũ trụ ấy [Page 568] trong tâm thức của Ngài, cả hệ thống của chúng ta lẫn trung tâm lớn hơn của chúng ta đều có một phần. Nó là một đơn vị trong tư tưởng của Ngài, một hình tư tưởng trong tính toàn vẹn của nó, một toàn thể cụ thể, chứ không phải tiến trình biến phân mà chúng ta cảm thấy hệ thống đang tiến hoá của mình là như vậy. Nó là tổng thể, là trung tâm và chu vi, và là vòng tròn biểu hiện được xem như một đơn vị.

The second law is the *Law of Attraction and Repulsion*. Fundamentally, the law describes the compelling force of attraction that holds our solar system to the Sirian; that holds our planets revolving around our central unit, the sun; that holds the lesser systems of atomic and molecular matter circulating around a centre in the planet; and that holds the matter of all physical plane bodies, and that of the subtle bodies co-ordinated around their microcosmic centre.

Định luật thứ hai là *Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi*. Về căn bản, định luật này mô tả mãnh lực hấp dẫn cưỡng bách giữ hệ mặt trời của chúng ta với hệ Sirian; giữ các hành tinh của chúng ta quay quanh đơn vị trung tâm của chúng ta là mặt trời; giữ các hệ thống nhỏ hơn của vật chất nguyên tử và phân tử lưu chuyển quanh một trung tâm trong hành tinh; và giữ vật chất của mọi thân thể trên cõi hồng trần, cũng như của các thể vi tế, được phối hợp quanh trung tâm tiểu thiên địa của chúng.

The third law is the *Law of Economy,* and is the law which adjusts all that concerns the material and spiritual evolution of the cosmos to the best possible advantage and with the least expenditure of force. It makes perfect each atom of time, and each eternal period, and carries all onward, and upward, and *through*, with the least possible effort, with the proper adjustment of equilibrium, and with the necessary rate of rhythm. Unevenness of rhythm is really an illusion of time, and does not exist in the cosmic centre. We need to ponder on this, for it holds the secret of peace, and we need to grasp the significance of that word *through*,

Định luật thứ ba là *Định luật Tiết Kiệm,* và là định luật điều chỉnh mọi điều liên quan đến sự tiến hoá vật chất và tinh thần của vũ trụ sao cho đạt lợi ích tốt nhất có thể với sự tiêu hao mãnh lực ít nhất. Nó làm cho mỗi nguyên tử thời gian và mỗi chu kỳ vĩnh cửu trở nên hoàn hảo, và mang mọi sự tiến lên, đi lên, và *xuyên qua*, với nỗ lực ít nhất có thể, với sự điều chỉnh quân bình thích đáng, và với nhịp điệu cần thiết. Sự không đều của nhịp điệu thật ra là một ảo tưởng của thời gian, và không tồn tại trong trung tâm vũ trụ. Chúng ta cần suy ngẫm về điều này, vì nó nắm giữ bí mật của bình an, và chúng ta cần nắm được thâm nghĩa của từ *xuyên qua*,

for it describes the next racial expansion of consciousness, and has an occult meaning.

vì nó mô tả sự mở rộng tâm thức kế tiếp của nhân loại, và có một ý nghĩa huyền bí.

In the nomenclature of these laws much is lost, for it is well nigh impossible to resolve abstractions into the terms of speech, and not lose the inner sense in the process. In these laws we again have the threefold idea demonstrated, and the correspondence, as might be expected, holds good. [Page 569]

Trong danh xưng của các định luật này, nhiều điều bị mất đi, vì gần như không thể chuyển các điều trừu tượng thành ngôn từ mà không làm mất ý nghĩa bên trong trong tiến trình ấy. Trong các định luật này, chúng ta lại thấy ý tưởng tam phân được biểu lộ, và sự tương ứng, như có thể mong đợi, vẫn đúng. [Page 569]

The Law of Synthesis	The Will Aspect	1st Aspect.
The Law of Attraction	The Love Aspect	2nd Aspect.
The Law of Economy	The Activity Aspect	3rd Aspect.

b. *Seven Systemic Laws.*—Subsidiary to the three major laws, we find the seven laws of our solar system. Again we find the law of analogy elucidating, and the three becoming the seven as elsewhere in the logoic scheme. In each of these seven laws we find an interesting correlation with the seven planes. They are:

b. *Bảy Định luật của Hệ thống.*—Phụ thuộc vào ba định luật chính yếu, chúng ta thấy có bảy định luật của hệ mặt trời chúng ta. Một lần nữa, chúng ta thấy định luật tương đồng làm sáng tỏ, và ba trở thành bảy như ở nơi khác trong hệ thống của Thượng đế. Trong mỗi định luật trong bảy định luật này, chúng ta thấy một sự tương quan thú vị với bảy cõi. Chúng là:

1. *The Law of Vibration,* the basis of manifestation, starting on the first plane. This is the atomic law of the system, in the same sense that on each of our planes the first subplane is the atomic plane.

1. *Định luật Rung động,* nền tảng của biểu hiện, khởi đầu trên cõi thứ nhất. Đây là định luật nguyên tử của hệ thống, theo cùng ý nghĩa như trên mỗi cõi của chúng ta, cõi phụ thứ nhất là cõi nguyên tử.

2. *The law of Cohesion.* On the second plane cohesion is first apparent. It is the first molecular plane of the system, and is the home of the Monad. Divine coherency is demonstrated.

2. *Định luật Cố Kết.* Trên cõi thứ hai, sự kết dính lần đầu tiên trở nên hiển nhiên. Đây là cõi phân tử thứ nhất của hệ thống, và là nơi cư ngụ của chân thần. Sự kết dính thiêng liêng được biểu lộ.

3. *The Law of Disintegration*. On the third plane comes the final casting-off, the ultimate shedding of the sheaths, of the fivefold superman. A Chohan of the sixth Initiation discards all the sheaths beneath the monadic vehicle, from the atmic to the physical.

3. *Định luật Phân giải*. Trên cõi thứ ba diễn ra sự từ bỏ sau cùng, sự cởi bỏ tối hậu các lớp vỏ của siêu nhân ngũ phân. Một Chohan của lần điểm đạo thứ sáu loại bỏ tất cả các lớp vỏ bên dưới vận cụ chân thần, từ atma xuống đến hồng trần.

4. *The Law of Magnetic Control* holds sway paramountly on the buddhic plane, and in the development of the control of this law lies hid the control of the personality by the Monad via the egoic body.

4. *Định luật Kiểm soát Từ tính* ngự trị tối cao trên cõi Bồ đề, và trong sự phát triển của việc kiểm soát định luật này ẩn giấu việc chân thần kiểm soát phàm ngã thông qua thể chân ngã.

5. *The Law of Fixation* demonstrates principally on the mental plane and has a close connection with manas, the fifth principle. The mind controls and stabilises, and cohereney is the result.

5. *Định luật Cố định* biểu lộ chủ yếu trên cõi trí và có liên hệ mật thiết với manas, nguyên khí thứ năm. Trí tuệ kiểm soát và ổn định, và kết quả là sự kết dính.

6. *The Law of Love* is the law of the astral plane. It aims at the transmutation of the desire nature, and links it up with the greater magnetism of the love aspect on the buddhic plane.

6. *Định luật Bác ái* là định luật của cõi cảm dục. Nó nhắm đến sự chuyển hoá bản chất dục vọng, và nối kết nó với từ điện lớn hơn của phương diện bác ái trên cõi Bồ đề.

7. *The Law of Sacrifice and Death* is the controlling factor on the physical plane. The destruction of the form, in order that the evolving life may progress, is one of the fundamental methods in evolution.

7. *Định luật Hi sinh và Tử vong* là yếu tố kiểm soát trên cõi hồng trần. Sự hủy diệt hình tướng, để sự sống đang tiến hoá có thể tiến bộ, là một trong những phương pháp nền tảng trong tiến hoá.

The Intermediate Law of Karma.—There is also an intermediate law, which is the synthetic law of the system [Page 570] of Sirius. This law is called by the generic term, the Law of Karma, and really predicates the effect the Sirian system has on our solar system. Each of the two systems, as regards its internal economy, is independent in time and space, or (in other words), in manifestation. We have practically no effect on our parent system, the reflex action is so

Định luật Trung gian của Nghiệp quả.—Cũng có một định luật trung gian, là định luật tổng hợp của hệ thống [Page 570] của Sirius. Định luật này được gọi bằng thuật ngữ tổng quát là Định luật Nghiệp quả, và thực sự xác định ảnh hưởng mà hệ thống Sirian có trên hệ mặt trời của chúng ta. Mỗi hệ thống trong hai hệ thống này, xét về sự vận hành nội tại của nó, đều độc lập trong thời gian và không gian, hay nói cách khác, trong biểu hiện. Chúng ta hầu như không có ảnh hưởng nào

slight as to be negligible, but very definite effects are felt in our system through causes arising in Sirius. These causes, when experienced as effects, are called by us the Law of Karma, and at the beginning they started systemic Karma which, once in effect, constitutes that which is called *Karma* in our occult and oriental literature.

trên hệ thống mẹ của mình; phản tác động quá nhỏ đến mức có thể bỏ qua, nhưng những ảnh hưởng rất rõ rệt được cảm nhận trong hệ thống chúng ta qua các nguyên nhân phát sinh trong Sirius. Các nguyên nhân này, khi được trải nghiệm như các kết quả, được chúng ta gọi là Định luật Nghiệp quả, và lúc khởi đầu chúng đã tạo ra nghiệp quả của hệ thống, một khi đã có hiệu lực thì cấu thành điều được gọi là *Nghiệp quả* trong văn liệu huyền bí và Đông phương của chúng ta.

The Lipika Lords of our system, the systemic Lords of Karma, are under the rule of a greater corresponding Lord on Sirius.

Các Đấng Lipika của hệ thống chúng ta, các Đấng Chúa Tể Nghiệp quả của hệ thống, ở dưới quyền cai quản của một Đấng Chúa Tể tương ứng lớn hơn trên Sirius.

We have therefore:

Do đó, chúng ta có:

1. The three cosmic laws of Synthesis, Attraction and Economy.

1. Ba định luật vũ trụ là Tổng Hợp, Hấp Dẫn và Tiết Kiệm.

2. The Sirian law of Karma.

2. Định luật Nghiệp quả của Sirius.

3. The seven laws of the solar system.

3. Bảy định luật của hệ mặt trời.

As we have been told, our seven major vibrations are the vibrations of the lowest cosmic plane; there is our habitat. Our Logos Himself, the heart of His system, is on the cosmic astral plane; he is polarised there. Just as the units of the fourth Creative Hierarchy, the human, are evolving through the use of physical bodies, but are polarised at this time in their astral vehicles, so we have seen that the objective solar system forms the physical body of the Logos, though His polarity is in His astral body. It is significant that in this greater manvantara, the Logos is to take the fourth cosmic Initiation. A hint which may enlighten lies in the correspondence which exists between

Như chúng ta đã được cho biết, bảy rung động chính yếu của chúng ta là các rung động của cõi vũ trụ thấp nhất; đó là nơi cư ngụ của chúng ta. Chính Thượng đế của chúng ta, trái tim của hệ thống của Ngài, ở trên cõi cảm dục vũ trụ; Ngài phân cực ở đó. Cũng như các đơn vị của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức nhân loại, đang tiến hoá qua việc sử dụng các thể xác, nhưng hiện nay lại phân cực trong các vận cụ cảm dục của họ, thì chúng ta đã thấy rằng hệ mặt trời khách quan tạo thành thể xác của Thượng đế, mặc dù sự phân cực của Ngài ở trong thể cảm dục của Ngài. Điều đáng lưu ý là trong đại giai kỳ sinh hóa lớn hơn này, Thượng đế sẽ tiếp nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư. Một gợi ý

this statement and the [Page 571] fourth root-race development, and this, the fourth or astral round. (181)

có thể soi sáng nằm trong sự tương ứng hiện tồn giữa phát biểu này và sự phát triển của giống dân gốc thứ tư, [Page 571] và cuộc tuần hoàn thứ tư này, tức cuộc tuần hoàn cảm dục. (181)

(181) *The present Round*, which is the fourth, is the one in which desire, or response to contact and sensation is being brought to its fullest expression. In the next round, the fifth, the fifth principle of mind, or manas, will reach fruition. (back)

(181) *Cuộc tuần hoàn hiện nay*, là cuộc tuần hoàn thứ tư, là cuộc tuần hoàn trong đó dục vọng, hay sự đáp ứng với tiếp xúc và cảm giác, đang được đưa đến biểu hiện đầy đủ nhất. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cuộc tuần hoàn thứ năm, nguyên khí thứ năm là trí tuệ, hay manas, sẽ đạt đến kết quả viên mãn. (trở lại)

The system of the Sirian Logos is on the cosmic mental plane, and in a subtle way, incomprehensible to us, our Logos, with His system, forms a part of a still greater Logos. This does not involve loss of identity, though the matter is too abstruse to express more adequately. It is in this analogy that the basic idea can be found of all teaching given out about the Grand Heavenly Man. The whole conception of these laws is bound up in this idea. We have the three laws of the cosmic higher planes, holding in a synthesis of beauty the greater and the lesser system. Next we have the great law of Sirius, the Law of Karma, on the third subplane of the cosmic mental plane, which law really controls our Logos, and His actions, in the same way as the ego—in due course of evolution—controls the human personality.

Hệ thống của Thượng đế Sirian ở trên cõi trí vũ trụ, và theo một cách vi tế, không thể hiểu được đối với chúng ta, Thượng đế của chúng ta, cùng với hệ thống của Ngài, tạo thành một phần của một Thượng đế còn lớn hơn nữa. Điều này không bao hàm sự mất đi bản sắc, mặc dù vấn đề này quá thâm áo để có thể diễn đạt đầy đủ hơn. Chính trong sự tương đồng này mà có thể tìm thấy ý tưởng nền tảng của mọi giáo huấn được ban ra về Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại. Toàn bộ quan niệm về các định luật này gắn liền với ý tưởng ấy. Chúng ta có ba định luật của các cõi cao vũ trụ, giữ hệ thống lớn hơn và hệ thống nhỏ hơn trong một sự tổng hợp đẹp đẽ. Tiếp theo, chúng ta có định luật lớn của Sirius, Định luật Nghiệp quả, trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ; định luật này thực sự kiểm soát Thượng đế của chúng ta và các hành động của Ngài, theo cùng cách như chân ngã—đến đúng giai đoạn tiến hoá—kiểm soát phàm ngã của con người.

We need to remember that, under the Law of Correspondences, we shall have a relationship in the Cosmos, similar to that existing in the microcosm between the ego and the personality. The suggestion holds much that we might consider with benefit.

Chúng ta cần nhớ rằng, theo định luật tương ứng, chúng ta sẽ có một mối liên hệ trong Vũ trụ tương tự như mối liên hệ hiện tồn trong tiểu thiên địa giữa chân ngã và phàm ngã. Gợi ý này chứa đựng nhiều điều mà chúng ta có thể suy xét một cách hữu ích. Tuy nhiên,

We must not, however, carry the analogy too far; as we have not yet evolved to where we have planetary consciousness, still less systemic, how can we really expect even to conceive of the A B C of cosmic truth? Just broad hints, wide conceptions, and generalities, are as yet possible. Of one thing we can be sure, and that is that *identity ever remains.*

chúng ta không được đẩy sự tương đồng đi quá xa; vì chúng ta chưa tiến hoá đến mức có tâm thức hành tinh, lại càng chưa nói đến tâm thức hệ thống, làm sao chúng ta thực sự có thể mong đợi ngay cả việc quan niệm được ABC của chân lý vũ trụ? Hiện nay chỉ có thể có những gợi ý rộng, những quan niệm bao quát, và những khái quát mà thôi. Nhưng có một điều chúng ta có thể chắc chắn, và đó là rằng *bản sắc luôn luôn còn nguyên.*

Let me explain by illustration:

Hãy để tôi giải thích bằng một minh họa:

Each one of us, in due process of evolution, forms part of one of the Heavenly Men, Who Themselves form the [Page 572] seven centres in that greater Heavenly Man, the Logos. Yet, though we are merged with the whole, we do not lose our identity, but forever remain separated units of consciousness, though one with all that lives or is. In like manner our Logos loses not His identity, even though He forms part of the Consciousness of the Logos of Sirius. In His turn, the Sirian Logos forms one of the seven Grand Heavenly Men, who are the centres in the body of ONE OF WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

Mỗi người trong chúng ta, qua tiến trình tiến hoá, tạo thành một phần của một trong các Đấng Thiên Nhân, mà chính Các Ngài lại tạo thành [Page 572] bảy trung tâm trong Đấng Thiên Nhân lớn hơn ấy, tức Thượng đế. Tuy nhiên, dù chúng ta được hòa nhập vào toàn thể, chúng ta không mất đi bản sắc của mình, mà mãi mãi vẫn là những đơn vị tâm thức biệt lập, dù là một với tất cả những gì sống hay hiện hữu. Cũng vậy, Thượng đế của chúng ta không mất đi bản sắc của Ngài, dù Ngài tạo thành một phần của Tâm thức của Thượng đế Sirius. Đến lượt mình, Thượng đế Sirian tạo thành một trong bảy Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, là các trung tâm trong thân thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

The Laws and the Planes.—We might, while studying the seven laws of the solar system, take them plane by plane, showing certain things—three in all:

Các Định luật và Các Cõi.—Trong khi nghiên cứu bảy định luật của hệ mặt trời, chúng ta có thể xét chúng từng cõi một, chỉ ra một số điều—tổng cộng là ba:

1. We might study their effect as they demonstrate on the path of involution.

1. Chúng ta có thể nghiên cứu tác động của chúng khi chúng biểu lộ trên con đường giáng hạ tiến hoá.

2. As they manifest on the path of evolution, or return.

2. Khi chúng biểu hiện trên con đường thăng thượng tiến hoá, hay trở về.

3. We might also touch on the laws as they affect the human and deva organisms that evolve by means of them.

As we do this, we shall gradually get a broad general idea of how this system of ours (the thought-form of the Logos), was gradually built up, how it is controlled and held together, and how numerous and intricate are the interrelations. Certain fundamental hypotheses are assumed, which must form the background for all we would say. We must assume first that a Builder, or some Creative Mind, is working to bring about an ordered production, and is seeking to manifest through a demonstrable objective. The objective universe is but the product of some subjective mind. Next we must posit that the material for the building of this universe lay ready to the hand of the Builder, and that this material itself is the fruit of some previous system, all that is left of some past consummated product. Given, therefore, the Builder and the material, we must next accede [Page 573] to the proposition that this Builder proceeds with His building under some definite laws that guide His choice of material, that control the form that He erects, and that indicate to Him the process to be followed in the consummating of His idea. We must not forget that three great symbols stand, in the mind of the Logos, for each of His three systems, that the whole exists for Him as a concrete thought-form, for He is learning to manipulate the matter of the cosmic mental plane on concrete levels, in the same way that man is working on the laws of thought, and on the building of thought-forms.

3. Chúng ta cũng có thể đề cập đến các định luật này khi chúng ảnh hưởng đến các cơ thể người và thiên thần tiến hoá nhờ chúng.

Khi làm điều này, chúng ta sẽ dần dần có được một ý niệm khái quát rộng lớn về cách hệ thống của chúng ta (hình tư tưởng của Thượng đế) đã được xây dựng dần dần ra sao, nó được kiểm soát và giữ vững ra sao, và các mối tương liên thì nhiều và phức tạp đến mức nào. Có một số giả thuyết nền tảng được giả định, và chúng phải tạo thành hậu cảnh cho mọi điều chúng ta muốn nói. Trước hết, chúng ta phải giả định rằng một Đấng kiến tạo, hay một Trí Tuệ Sáng Tạo nào đó, đang hoạt động để đem lại một sự sản sinh có trật tự, và đang tìm cách biểu hiện qua một mục tiêu khách quan có thể chứng minh được. Vũ trụ khách quan chỉ là sản phẩm của một trí tuệ chủ quan nào đó. Kế đến, chúng ta phải giả định rằng vật liệu để xây dựng vũ trụ này đã sẵn trong tay của Đấng kiến tạo, và chính vật liệu này là kết quả của một hệ thống trước đó, là tất cả những gì còn lại của một sản phẩm quá khứ đã hoàn tất. Do đó, khi đã có Đấng kiến tạo và vật liệu, tiếp theo chúng ta phải chấp nhận [Page 573] mệnh đề rằng Đấng kiến tạo này tiến hành công việc xây dựng của Ngài dưới những định luật xác định nào đó, là những định luật hướng dẫn sự lựa chọn vật liệu của Ngài, kiểm soát hình tướng mà Ngài dựng nên, và chỉ cho Ngài tiến trình phải theo trong việc hoàn tất ý tưởng của Ngài. Chúng ta không được quên rằng trong trí của Thượng đế có ba biểu tượng lớn lần lượt tượng trưng cho ba hệ thống của Ngài, rằng toàn thể hiện hữu đối với Ngài như một hình tư tưởng cụ thể, vì Ngài đang học cách vận dụng vật chất của cõi trí vũ trụ trên các cấp độ cụ thể, cũng như con người đang làm việc với các định luật của tư tưởng và với việc xây dựng các hình tư tưởng.

It is impossible to do more than sense the symbols of the systems past and present. Perhaps if we could visualise a swastika of ten arms revolving at right angles, of a radiant green colour, all the ten arms emanating from a central blazing sun, we might have some idea of the thought-form that formed the basis of *System I, the activity system.* The basic thought-form for *the second system* embodies the green swastika of the first manifestation, and adds to it concentric and interlaced circles in blue, in groups of three, linked by one large circle. Both symbols are, of course, in the higher dimensions. The symbol for the next system is unknown. After grasping and conceding these three basic ideas, we can now proceed to the working out of the laws of the system on the seven planes, remembering always that these seven laws hold good on the numerically corresponding subplane on each plane. Let me briefly illustrate:

Không thể làm gì hơn ngoài việc cảm nhận các biểu tượng của các hệ thống quá khứ và hiện tại. Có lẽ nếu chúng ta có thể hình dung một chữ vạn có mười nhánh quay vuông góc, màu lục rực sáng, cả mười nhánh phát ra từ một mặt trời trung tâm chói lòa, thì chúng ta có thể có được một ý niệm nào đó về hình tư tưởng làm nền tảng cho *Hệ thống I, hệ thống hoạt động.* Hình tư tưởng nền tảng cho *hệ thống thứ hai* bao hàm chữ vạn màu lục của biểu hiện thứ nhất, và thêm vào đó các vòng tròn đồng tâm và đan xen màu lam, theo từng nhóm ba, được nối với nhau bằng một vòng tròn lớn. Dĩ nhiên, cả hai biểu tượng đều ở trong các chiều kích cao hơn. Biểu tượng cho hệ thống kế tiếp thì chưa được biết. Sau khi nắm được và chấp nhận ba ý tưởng nền tảng này, giờ đây chúng ta có thể tiến tới việc triển khai các định luật của hệ thống trên bảy cõi, luôn luôn nhớ rằng bảy định luật này có hiệu lực trên cõi phụ tương ứng về số của mỗi cõi. Hãy để tôi minh họa ngắn gọn:

The fourth law, Magnetic Control, for instance, holds sway on the fourth subplane of each plane, in the fourth round, and in the fourth root-race specially. We shall then have the correspondence as follows: [Page 574]

Chẳng hạn, định luật thứ tư, Kiểm soát Từ tính, ngự trị trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi, trong cuộc tuần hoàn thứ tư, và đặc biệt trong giống dân gốc thứ tư. Khi đó chúng ta sẽ có sự tương ứng như sau: [Page 574]

4th Law	Magnetic Control.
4th Ray	Harmony or beauty.
4th Plane	The buddhic.
4th Subplane	Buddhic Magnetic Control.
4th Round	Dense Physical Magnetism, controlling sex manifestation on the physical plane, and

	inspired by astral desire, the reflection of the buddhic.
4th Root-Race	The Atlantean, in which the above qualities specially demonstrated.

S6S2

1. *The Law of Vibration.*—This is the law of the first plane, and it governs all the atomic subplanes of each plane. It marks the beginning of the work of the Logos, the first setting in motion of mulaprakriti. On each plane the vibration of the atomic subplane sets in motion the matter of that plane. It is the key measure. We might sum up the significance of this law in the words, "light" or "fire." It is the law of fire; it governs the transmutation of differentiated colours back to their synthesis. It controls the breaking up of the One into the seven, and then the reabsorption back into the One. It is really the basic law of evolution, which necessitates involution. It is analogous to the first movement the Logos made to express Himself through this solar system. He uttered the Sound, a threefold Sound, one sound for each of His three systems, and started a ripple on the ocean of space. The Sound grows in volume as time progresses, and when it has reached its full volume, when it is fully completed, it forms one of the notes in the major cosmic chord. Each note has six subtones, which, with the first, make the seven; the Law of Vibration, therefore, comprises eighteen lesser vibrations and three major, making the twenty-one of our three systems. Two multiplied by nine (2x9), makes the necessary eighteen, which is the key number of our love system. Twenty-seven holds hid the mystery of the third system.	1. *Định luật Rung động.*—Đây là định luật của cõi thứ nhất, và nó chi phối mọi cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi. Nó đánh dấu sự khởi đầu công việc của Thượng đế, sự khởi động đầu tiên của mulaprakriti. Trên mỗi cõi, rung động của cõi phụ nguyên tử làm cho vật chất của cõi ấy chuyển động. Đó là nhịp điệu chủ chốt. Chúng ta có thể tóm lược ý nghĩa của định luật này trong các từ "ánh sáng" hay "lửa". Đây là định luật của lửa; nó chi phối sự chuyển hoá các màu sắc đã biến phân trở lại tổng hợp của chúng. Nó kiểm soát sự phân tách Đấng Duy Nhất thành bảy, rồi sự tái hấp thu trở lại vào Đấng Duy Nhất. Thật ra, đây là định luật nền tảng của tiến hoá, định luật khiến cho giáng hạ tiến hoá trở nên cần thiết. Nó tương tự với chuyển động đầu tiên mà Thượng đế đã thực hiện để biểu lộ chính Ngài qua hệ mặt trời này. Ngài đã phát ra Âm Thanh, một Âm Thanh tam phân, một âm cho mỗi một trong ba hệ thống của Ngài, và khởi lên một gợn sóng trên đại dương không gian. Âm Thanh tăng dần về cường độ theo thời gian, và khi nó đạt đến âm lượng trọn vẹn, khi hoàn toàn viên mãn, nó tạo thành một trong các âm trong hợp âm vũ trụ lớn. Mỗi âm có sáu âm phụ, cùng với âm đầu tiên tạo thành bảy; do đó, Định luật Rung động bao gồm mười tám rung động nhỏ hơn và ba rung động lớn, tạo thành hai mươi mốt của ba hệ thống chúng ta. Hai nhân chín (2x9) tạo thành mười tám cần thiết, là con số chủ chốt của hệ thống bác ái của chúng ta. Hai mươi bảy che giấu huyền nhiệm của hệ thống thứ ba.

On the path of involution, the seven great Breaths or Sounds drove to the atomic subplane of each plane, and [Page 575] there the basic vibration repeated in its own little world the method of logoic vibration, giving rise itself to six subsidiary breaths. We get the same correspondence here as we did in the matter of the Rays, for we shall find that the lines of vibration are 1-2-4-6. Logically this would be so, for involution is negative, receptive, and corresponds to the feminine pole, just as the abstract rays were 2-4-6. This truth requires meditation, and an attempt to think abstractly; it is linked to the fact that the whole second system is receptive and feminine; it concerns the evolution of consciousness of the psyche.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, bảy Hơi Thở hay Âm Thanh lớn đã truyền đến cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi, và [Page 575] ở đó rung động nền tảng đã lặp lại trong thế giới nhỏ bé riêng của nó phương pháp rung động của Thượng đế, tự nó phát sinh sáu hơi thở phụ. Ở đây chúng ta có cùng sự tương ứng như đã có trong vấn đề các cung, vì chúng ta sẽ thấy rằng các đường rung động là 1-2-4-6. Về mặt luận lý, điều này phải là như vậy, vì giáng hạ tiến hoá là âm, tiếp nhận, và tương ứng với cực nữ, cũng như các cung trừu tượng là 2-4-6. Chân lý này đòi hỏi tham thiền và một nỗ lực suy nghĩ một cách trừu tượng; nó gắn liền với sự kiện rằng toàn bộ hệ thống thứ hai là tiếp nhận và nữ tính; nó liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức của linh hồn.

On the path of evolution this law controls the positive aspect of the process. All is rhythm and movement, and when all that evolves on each plane attains the vibration of the atomic subplane, then the goal is reached. When, therefore, we have achieved the first main vibrations, and have perfected vehicles for all evolutions (not merely the human), of fivefold atomic subplane matter, then we have completed the round of evolution for this system. In the coming system we shall add the next two vibrations that complete the scale, and our Logos will then have completed His building.

Trên con đường thăng thượng tiến hoá, định luật này kiểm soát phương diện dương của tiến trình. Mọi sự đều là nhịp điệu và chuyển động, và khi mọi thứ tiến hoá trên mỗi cõi đạt đến rung động của cõi phụ nguyên tử, thì mục tiêu được đạt tới. Do đó, khi chúng ta đã đạt được các rung động chính yếu đầu tiên, và đã hoàn thiện các vận cụ cho mọi sự tiến hoá (không chỉ riêng nhân loại) bằng vật chất cõi phụ nguyên tử ngũ phân, thì chúng ta đã hoàn tất vòng tiến hoá cho hệ thống này. Trong hệ thống sắp tới, chúng ta sẽ thêm hai rung động kế tiếp để hoàn tất âm giai, và khi đó Thượng đế của chúng ta sẽ hoàn tất công trình xây dựng của Ngài.

The fourth Creative Hierarchy, that of the human Monads, has to learn to vibrate positively, but the devas proceed along the line of least resistance; they remain negative, taking the line of acquiescence, of falling in with the law. Only the human Monads, and only in the three worlds, follow the positive line, and by resistance, struggle, battle and strife learn the lesson of divine

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức các chân thần nhân loại, phải học cách rung động một cách dương; nhưng các thiên thần tiến hành theo con đường ít trở ngại nhất; họ vẫn âm, đi theo đường thuận phục, đường thuận theo định luật. Chỉ các chân thần nhân loại, và chỉ trong ba cõi thấp, mới đi theo đường dương, và nhờ sự kháng cự, đấu tranh, chiến đấu và xung đột mà học được bài học về sự

acquiescence. Yet, owing to the increase of friction through that very struggle, they progress with a relatively greater rapidity than the devas. They have need to do this, for they have lost ground to make up.

thuận phục thiêng liêng. Tuy nhiên, do sự gia tăng ma sát qua chính cuộc đấu tranh ấy, họ tiến bộ với một tốc độ tương đối nhanh hơn các thiên thần. Họ cần phải làm như vậy, vì họ có phần bị tụt lại cần phải bù đắp.

The Law of Vibration is the law of progress, of movement and of rotation. On the seventh or lowest plane, the vibration is slow, clogged and lethargic from the [Page 576] standpoint of the first, and it is in learning to vibrate or to rotate more rapidly, that we mount the path of return. It involves, therefore necessarily, the building in of finer matter into the vehicles, both deva and human. In this second system, on the five planes of human evolution, we have the five vehicles—physical, astral, mental, buddhic and atmic—which have all to be purified, rarefied, intensified and refined. In the two lowest, the physical and the astral, only matter of the five higher subplanes, of their respective planes, is to be found, for the two lowest subplanes are too low for deva or human bodies; they were dominated in the first system. The mental body is the first in which we find matter of all the subplanes. The aim of evolution for us is love dominated by intelligence—or intelligence dominated by love, for the interaction will be complete. The human race came into the chain at a point where it naturally took bodies of the fifth astral and physical subplanes, and we can see here an analogy to the coming into the fourth root-race of the more advanced Egos.

Định luật Rung động là định luật của sự tiến bộ, của chuyển động và của sự quay. Trên cõi thứ bảy hay thấp nhất, rung động thì chậm, trì trệ và lờ đờ theo [Page 576] quan điểm của cõi thứ nhất, và chính trong việc học cách rung động hay quay nhanh hơn mà chúng ta leo lên Con Đường Trở Về. Do đó, điều này tất yếu bao hàm việc xây dựng vật chất tinh tế hơn vào trong các vận cụ, cả thiên thần lẫn con người. Trong hệ thống thứ hai này, trên năm cõi của sự tiến hoá nhân loại, chúng ta có năm vận cụ—hồng trần, cảm dục, trí tuệ, Bồ đề và atma—tất cả đều phải được thanh lọc, làm tinh vi, tăng cường và tinh luyện. Trong hai cõi thấp nhất, hồng trần và cảm dục, chỉ có thể tìm thấy vật chất của năm cõi phụ cao hơn thuộc các cõi tương ứng của chúng, vì hai cõi phụ thấp nhất quá thấp đối với thân thể của thiên thần hay con người; chúng đã bị chi phối trong hệ thống thứ nhất. Thể trí là thể đầu tiên trong đó chúng ta thấy vật chất của mọi cõi phụ. Mục tiêu tiến hoá đối với chúng ta là bác ái được trí tuệ chi phối—hay trí tuệ được bác ái chi phối, vì sự tương tác sẽ hoàn toàn. Nhân loại đã đi vào Dãy ở một điểm mà theo tự nhiên họ nhận các thân thể bằng vật chất cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục và cõi hồng trần, và ở đây chúng ta có thể thấy một sự tương đồng với việc các chân ngã tiến bộ hơn đi vào giống dân gốc thứ tư.

2. *The Law of Cohesion.*—This is one of the branch laws of the cosmic Law of Attraction. It is interesting to notice how this law demonstrates in this Love-System in a threefold manner:

2. *Định luật Cố Kết.—Đây* là một trong các định luật nhánh của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ. Thật thú vị khi lưu ý cách định luật này biểu lộ trong Hệ thống Bác ái này theo một cách tam phân:

On the plane of the Monad, as the law of cohesion, the law of birth, if we might use that term, resulting in the appearance of the Monads in their seven groups. Love the source, and the Monad of love, the result.

Trên cõi của chân thần, như định luật cố kết, định luật sinh ra, nếu chúng ta có thể dùng thuật ngữ đó, đưa đến sự xuất hiện của các chân thần trong bảy nhóm của chúng. Bác ái là nguồn, và chân thần của bác ái là kết quả.

On the plane of buddhi, as the law of magnetic control. It shows itself as the love-wisdom aspect, irradiating the ego, and eventually gathering to itself the essence of all experience, garnered, via the Ego, through the personality lives, and controlled throughout from the plane of buddhi. Magnetism, and the capacity to show love, are occultly synonymous.

Trên cõi Bồ đề, như định luật kiểm soát từ tính. Nó biểu lộ như phương diện bác ái-minh triết, chiếu rọi chân ngã, và cuối cùng thu hút về cho chính nó tinh chất của mọi kinh nghiệm, được tích lũy, thông qua chân ngã, qua các kiếp sống phàm ngã, và được kiểm soát xuyên suốt từ cõi Bồ đề. Từ điện và năng lực biểu lộ bác ái, về mặt huyền bí, là đồng nghĩa.

On the astral plane, as love demonstrating through the [Page 577] personality. All branches of the law of attraction, demonstrating in this system, show themselves as a force that ingathers, that tends to coherence, that results in adhesion, and leads to absorption. All these terms are needed to give a general idea of the basic quality of this law.

Trên cõi cảm dục, như bác ái biểu lộ qua [Page 577] phàm ngã. Mọi nhánh của định luật hấp dẫn biểu lộ trong hệ thống này đều cho thấy chính chúng như một mãnh lực thu hút vào, có khuynh hướng kết dính, đưa đến sự bám dính, và dẫn đến sự hấp thu. Tất cả các thuật ngữ này đều cần thiết để đem lại một ý niệm tổng quát về phẩm tính nền tảng của định luật này.

This law is one of the most important of the systemic laws, if it is permissible to differentiate at all; we might term it the law of coalescence.

Định luật này là một trong những định luật quan trọng nhất của hệ thống, nếu quả thực được phép phân biệt như vậy; chúng ta có thể gọi nó là định luật hợp nhất.

On the path of involution it controls the primal gathering together of molecular matter, beneath the atomic subplane. It is the basis of the attractive quality that sets in motion the molecules and draws them into the needed aggregations. It is the measure of the subplanes. The atomic subplane sets the rate of vibration; the Law of Cohesion might be said to fix the colouring of each plane. It is the same thing in other words. We need always to remember in discussing these abstract fundamentals that words but dim

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nó kiểm soát sự tụ họp nguyên sơ của vật chất phân tử bên dưới cõi phụ nguyên tử. Nó là nền tảng của phẩm tính hấp dẫn làm cho các phân tử chuyển động và kéo chúng vào các tập hợp cần thiết. Nó là thước đo của các cõi phụ. Cõi phụ nguyên tử đặt ra nhịp độ rung động; có thể nói Định luật Cố Kết cố định sắc thái của mỗi cõi. Nói cách khác cũng là cùng một điều. Chúng ta luôn cần nhớ khi bàn về các nền tảng trừu tượng này rằng ngôn từ

the meaning, and serve but as suggestions and not as elucidations.

chỉ làm mờ ý nghĩa, và chỉ đóng vai trò gợi ý chứ không phải giải minh.

In manifestation the cosmic Law of Attraction controls all these subsidiary laws, just as the Law of Synthesis governs pralaya and obscuration, and the law of Economy deals with the general working out, along the line of least resistance, of the logoic scheme. During manifestation we have most to do with the Law of Attraction, and it will be found, on study, that each subsidiary law is but a differentiation of that law.

Trong biểu hiện, Định luật Hấp Dẫn vũ trụ kiểm soát tất cả các định luật phụ này, cũng như Định luật Tổng Hợp chi phối giai kỳ qui nguyên và sự che khuất, còn Định luật Tiết Kiệm xử lý sự triển khai tổng quát, theo con đường ít trở ngại nhất, của hệ thống của Thượng đế. Trong thời kỳ biểu hiện, chúng ta liên hệ nhiều nhất với Định luật Hấp Dẫn, và khi nghiên cứu sẽ thấy rằng mỗi định luật phụ chỉ là một sự biến phân của định luật ấy.

This second law of the system governs specially the second plane, and the second subplane on each plane. It might be interesting to work this out and trace the underlying correspondence, bearing in mind always that all that can be done is to point out certain things, and indicate lines of thought that may lead, if pursued, to illumination.

Định luật thứ hai này của hệ thống đặc biệt chi phối cõi thứ hai, và cõi phụ thứ hai trên mỗi cõi. Sẽ là điều thú vị nếu triển khai điều này và truy tìm sự tương ứng nền tảng, luôn luôn ghi nhớ rằng tất cả những gì có thể làm được chỉ là chỉ ra một số điều và nêu lên những đường hướng tư tưởng mà nếu được theo đuổi có thể dẫn đến sự soi sáng.

Ray Two and Law Two are closely allied, and it is [Page 578] interesting to realise that it is on the second subplane of the monadic plane that the majority of the Monads have their habitat; there are a few Monads of power or will on the atomic subplane, but their numbers are not many, and they simply form a nucleus in evolutionary preparation for System III, the power system. The majority of the Monads are on the second subplane and they are the Monads of love; on the third subplane can be found quite a number of the Monads of activity, but numerically not as many as the Monads of love. They are the failures of System I.

Cung hai và Định luật hai có liên hệ mật thiết, và thật [Page 578] thú vị khi chứng nghiệm rằng chính trên cõi phụ thứ hai của cõi chân thần mà đa số các chân thần cư ngụ; có một ít chân thần quyền năng hay ý chí ở trên cõi phụ nguyên tử, nhưng số lượng của họ không nhiều, và họ chỉ đơn giản tạo thành một hạt nhân trong sự chuẩn bị tiến hoá cho Hệ thống III, hệ thống quyền năng. Đa số các chân thần ở trên cõi phụ thứ hai và họ là các chân thần bác ái; trên cõi phụ thứ ba có thể tìm thấy khá nhiều chân thần hoạt động, nhưng về số lượng không nhiều bằng các chân thần bác ái. Họ là những kẻ thất bại của Hệ thống I.

There is a direct channel, as we know, between the atomic subplane on each plane. This is more or less true of each subplane

Như chúng ta biết, có một kênh trực tiếp giữa cõi phụ nguyên tử trên mỗi cõi. Điều này ít nhiều cũng đúng đối với mỗi cõi phụ

and its corresponding higher subplane numerically, and there is, therefore, a direct and quite expansive channel between the second subplane on all planes, enabling the Monads of love to link up with peculiar facility with all their vehicles when composed of second subplane matter. After initiation, the causal body is found on the second subplane of the mental plane, and monadic control then commences.

và cõi phụ cao hơn tương ứng về số của nó, và do đó có một kênh trực tiếp và khá rộng mở giữa cõi phụ thứ hai trên mọi cõi, cho phép các chân thần bác ái nối kết với các vận cụ của mình một cách đặc biệt dễ dàng khi các vận cụ ấy được cấu tạo bằng vật chất cõi phụ thứ hai. Sau điểm đạo, thể nguyên nhân được thấy ở trên cõi phụ thứ hai của cõi trí, và khi đó sự kiểm soát của chân thần bắt đầu.

The Monads of love return (after life in the three worlds and the attainment of the goal) to their originating second subplane, that being also the goal for the monads of activity who have to develop the love aspect. In the five worlds of human evolution both groups of Monads have to control atomic and molecular matter as well and this is done by the utilisation to the full (as full as may be possible in this second system), of the will or power aspect.

Các chân thần bác ái trở về (sau đời sống trong ba cõi thấp và sự đạt đến mục tiêu) với cõi phụ thứ hai nguyên thủy của mình; đó cũng là mục tiêu cho các chân thần hoạt động, là những chân thần phải phát triển phương diện bác ái. Trong năm thế giới của sự tiến hoá nhân loại, cả hai nhóm chân thần đều phải kiểm soát cả vật chất nguyên tử lẫn phân tử, và điều này được thực hiện bằng việc sử dụng đến mức tối đa (tối đa như có thể trong hệ thống thứ hai này) phương diện ý chí hay quyền năng.

The "Kingdom of God suffereth violence and the violent take it by force," or by Will or power. It is not Will, as we shall know it in the final system but it is Will as known in this system, and it has to be utilised to the uttermost by the evolving Monad in his struggle to control each *atomic* subplane. The Monads of power have [Page 579] a much greater struggle, and hence the fact so often apparent that people on what we term the power Ray, have so often a hard time, and are so frequently unlovable. They have to build in on all the six planes the love aspect, which is not prominent in their development.

"Thiên Giới phải chịu sức mạnh cưỡng chiếm và những kẻ mạnh bạo đoạt lấy nó bằng sức mạnh," hay bằng ý chí hoặc quyền năng. Đó không phải là Ý Chí như chúng ta sẽ biết nó trong hệ thống cuối cùng, nhưng là Ý Chí như được biết trong hệ thống này, và nó phải được chân thần đang tiến hoá sử dụng đến mức tận cùng trong cuộc đấu tranh của y để kiểm soát mỗi cõi phụ *nguyên tử*. Các chân thần quyền năng có [Page 579] một cuộc đấu tranh lớn hơn nhiều, và do đó mới có sự kiện thường thấy rằng những người thuộc điều chúng ta gọi là cung quyền năng thường có cuộc đời khó khăn, và thường không đáng mến. Họ phải xây dựng vào trong cả sáu cõi phương diện bác ái, là phương diện không nổi trội trong sự phát triển của họ.

A hint has been given us as to the approximate figures governing the Monads:

Một gợi ý đã được ban cho chúng ta về các con số gần đúng chi phối các chân thần:

35 Thousand million Monads of love

35 ngàn triệu chân thần bác ái

20 Thousand million Monads of activity

20 ngàn triệu chân thần hoạt động

5 Thousand million Monads of power

5 ngàn triệu chân thần quyền năng

making a total of sixty thousand million human Monads. The Monads of power, though in manifestation, are as yet very rare in incarnation. They came in, in large numbers, at the close of the moon chain, and will come in again in full numerical strength in the last two rounds of the present chain.

tạo thành tổng cộng sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại. Các chân thần quyền năng, dù đang trong biểu hiện, cho đến nay vẫn rất hiếm khi lâm phàm. Họ đã đi vào với số lượng lớn vào lúc kết thúc Dãy Mặt Trăng, và sẽ lại đi vào với đầy đủ số lượng trong hai cuộc tuần hoàn cuối của Dãy hiện nay.

We might now briefly trace the correspondence in the second round and the second root-race, showing how the Law of Cohesion was specially active at these periods. A condition of nebulosity of a pronouncedly volatile condition, marked the first round and race. Movement, and the accompaniment of heat, is their distinguishing quality, much as in System I, but in the second round, and also in the second race, a definite cohesion is noticeable, and form is more clearly recognisable in outline. Cohesion is also plainly to be seen as the distinguishing feature of our present system, the second. It is the aim of all things to unite; approximation, unification, a simultaneous attraction between two or more is ever to be seen as a governing principle, whether we look at the sex problem, or whether it demonstrates in business organisation, in scientific development, in manufacture, or in politics. Well might we say that the At-one-ment of the many separated is the keynote of our system.

Giờ đây, chúng ta có thể ngắn gọn truy tìm sự tương ứng trong cuộc tuần hoàn thứ hai và giống dân gốc thứ hai, cho thấy Định luật Cố Kết đã hoạt động đặc biệt ra sao trong các thời kỳ ấy. Một trạng thái tinh vân có tính chất đặc biệt dễ bay hơi đã đánh dấu cuộc tuần hoàn và nhân loại thứ nhất. Chuyển động, cùng với nhiệt đi kèm, là phẩm tính phân biệt của chúng, cũng như trong Hệ thống I; nhưng trong cuộc tuần hoàn thứ hai, và cả trong nhân loại thứ hai, một sự kết dính rõ rệt trở nên đáng chú ý, và hình tướng được nhận ra rõ ràng hơn về đường nét. Sự kết dính cũng được thấy rõ như đặc điểm phân biệt của hệ thống hiện nay của chúng ta, hệ thống thứ hai. Mục tiêu của mọi sự là hợp nhất; sự xích lại gần, sự hợp nhất, một lực hút đồng thời giữa hai hay nhiều hơn luôn luôn được thấy như một nguyên lý chi phối, dù chúng ta nhìn vào vấn đề tính dục, hay dù nó biểu lộ trong tổ chức kinh doanh, trong sự phát triển khoa học, trong sản xuất, hay trong chính trị. Quả thật, chúng ta có thể nói rằng sự Nhất Thể hóa của nhiều cái bị tách rời là chủ âm của hệ thống chúng ta.

One more suggestion may be given: On the path of [Page 580] involution this law governs the gathering together and the segregation of matter; on the evolutionary path it controls the building of forms. It has been stated that the matter of the lowest subplane forms the basis of a new plane; therefore we have on the atomic subplane a point where merging takes place, which makes it a plane of synthesis, just as in the same way the first or logoic plane is the plane of synthesis for this system. There takes place the merging of evolution into an inconceivably higher state.

Có thể nêu thêm một gợi ý nữa: Trên con đường [Page 580] giáng hạ tiến hoá, định luật này chi phối sự tụ họp và sự phân tách của vật chất; trên con đường thăng thượng tiến hoá, nó kiểm soát việc xây dựng các hình tướng. Đã có lời nói rằng vật chất của cõi phụ thấp nhất tạo thành nền tảng của một cõi mới; do đó, trên cõi phụ nguyên tử chúng ta có một điểm nơi sự hòa nhập diễn ra, khiến nó trở thành một cõi tổng hợp, cũng như theo cùng cách đó cõi thứ nhất hay cõi của Thượng đế là cõi tổng hợp cho hệ thống này. Tại đó diễn ra sự hòa nhập của tiến hoá vào một trạng thái cao hơn không thể nghĩ bàn.

3. *The Law of Disintegration.*—This is the law that governs the destruction of the form in order that the indwelling life may shine forth in fullness. It is another aspect of the Law of Cohesion—the reverse side (if one might so express it), and is just as much a part of the divine plan as that of attraction. It is one of the laws that ends with the solar system, for the great laws of attraction, cohesion and love last on into that which is to come. The Law of Disintegration has its correspondence in cosmic law, but it is almost incomprehensible to us. The Law of Economy holds the key to this law. When the Monad has circled through all disintegrating forms, and has achieved the sixth Initiation, it is resolved into its primal monadic source, and the five lesser sheaths are destroyed. Later on the Monads themselves are synthesised, not disintegrated. This law controls only from the third plane, and ceases action in this particular fashion when the third plane is transcended.

3. *Định luật Phân giải.*—Đây là định luật chi phối sự hủy diệt hình tướng để sự sống nội tại có thể chiếu tỏa trọn vẹn. Nó là một phương diện khác của Định luật Cố Kết—mặt trái của nó (nếu có thể diễn đạt như vậy), và cũng là một phần của Thiên Cơ chẳng kém gì hấp dẫn. Đây là một trong những định luật chấm dứt cùng với hệ mặt trời, vì các định luật lớn của hấp dẫn, kết dính và bác ái còn kéo dài sang điều sẽ đến. Định luật Phân giải có sự tương ứng của nó trong định luật vũ trụ, nhưng điều đó hầu như không thể hiểu được đối với chúng ta. Định luật Tiết Kiệm nắm giữ chìa khóa của định luật này. Khi chân thần đã đi vòng qua mọi hình tướng đang phân giải, và đã đạt lần điểm đạo thứ sáu, nó được phân giải vào nguồn chân thần nguyên thủy của nó, và năm lớp vỏ nhỏ hơn bị hủy diệt. Về sau, chính các chân thần được tổng hợp lại, chứ không bị phân giải. Định luật này chỉ kiểm soát từ cõi thứ ba, và chấm dứt hoạt động theo cách đặc thù này khi cõi thứ ba được vượt qua.

This law is one of the most difficult for the race to understand. Some of its workings (those on the path of evolution), can be seen

Đây là một trong những định luật khó hiểu nhất đối với nhân loại. Một số hoạt động của nó (những hoạt động trên con đường thăng

and somewhat comprehended, but on the path of involution, or of construction, the working out of the law is not so apparent to the superficial observer.

thượng tiến hoá) có thể được thấy và phần nào được hiểu, nhưng trên con đường giáng hạ tiến hoá, hay con đường kiến tạo, sự triển khai của định luật này không hiển nhiên đối với người quan sát hời hợt.

On the path of involution it controls the process of the [Page 581] breaking up of group souls; it governs the periods when the permanent triads are transferred from one form to another; it works through the great world cataclysms, and we need to remember that it governs, not only the physical plane catastrophes (as we erroneously term them), but the corresponding cataclysms on the astral plane, and the lower levels of the mental plane. It governs physical plane disruptions, especially those affecting the mineral world; it controls the disintegration, on the astral plane, of thought-forms; it dissolves the astral vehicle when left behind, and the mental likewise. The dissipation of the etheric double is the result of its working.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nó kiểm soát tiến trình của sự [Page 581] phân tách các hồn nhóm; nó chi phối các thời kỳ khi các bộ ba trường tồn được chuyển dịch từ hình tướng này sang hình tướng khác; nó hoạt động qua các đại biến động thế giới, và chúng ta cần nhớ rằng nó không chỉ chi phối các tai biến cõi hồng trần (như chúng ta gọi một cách sai lầm), mà còn cả các biến động tương ứng trên cõi cảm dục và các cấp thấp của cõi trí. Nó chi phối các sự đổ vỡ trên cõi hồng trần, đặc biệt là những gì ảnh hưởng đến giới kim thạch; nó kiểm soát sự phân giải, trên cõi cảm dục, của các hình tư tưởng; nó làm tan rã vận cụ cảm dục khi bị bỏ lại phía sau, và thể trí cũng vậy. Sự tiêu tan của bản sao dĩ thái là kết quả của hoạt động của nó.

Again we can correlate this law with that of Attraction, for the two interact upon each other. This law breaks up the forms, and the Law of Attraction draws back to primal sources the material of those forms, prior to rebuilding them anew.

Một lần nữa, chúng ta có thể liên hệ định luật này với Định luật Hấp Dẫn, vì cả hai tương tác với nhau. Định luật này phá vỡ các hình tướng, còn Định luật Hấp Dẫn kéo vật liệu của các hình tướng ấy trở về các nguồn nguyên thủy trước khi xây dựng chúng lại mới mẻ.

On the path of evolution the effects of this law are well known, not only in the destruction of the discarded vehicles touched upon above, but in the breaking up of the forms in which great ideals are embodied,—the forms of political control, the forms in which nature itself evolves, apart from those in which individual consciousness manifests, the great religious thought-forms, the philanthropic concepts and all the forms which science, art, and

Trên con đường thăng thượng tiến hoá, các hiệu quả của định luật này được biết rõ, không chỉ trong sự hủy diệt các vận cụ bị loại bỏ đã được đề cập ở trên, mà còn trong sự phá vỡ các hình tướng mà trong đó các lý tưởng lớn được thể hiện,—các hình tướng của sự kiểm soát chính trị, các hình tướng mà trong đó chính tự nhiên tiến hoá, tách biệt với những hình tướng mà tâm thức cá nhân biểu hiện, các hình tư tưởng tôn giáo lớn, các quan niệm từ thiện và mọi hình

religion take at any one particular time. All eventually break under the working of this law.

tướng mà khoa học, nghệ thuật và tôn giáo mang lấy vào bất kỳ thời điểm đặc thù nào. Tất cả cuối cùng đều tan vỡ dưới tác động của định luật này.

Its workings are more apparent to the average human mind in its manifestations at this time on the physical plane. We can trace the connection between the atmic and the physical plane (demonstrating on the lower plane as the law of sacrifice and death), but its effect can be seen on all the five planes as well. It is the law that destroys the final sheath that separates the perfected Jiva. It has not yet been fully brought out [Page 582] (for the law of correspondences has been little studied, nor is it readily apparent) that on the third subplane of each plane this law works in a special manner, causing a very definite breaking-up of something that is tending to separation. Like all that works in the system, the process is slow; the work of disintegration begins on the third subplane, and is finished on the second, when the Law of Disintegration comes under the influence of the Law of Cohesion, the disintegration having effected that which makes cohesion possible. We can see an illustration of this on the mental plane. The causal body of the average man is on the third subplane, and as a man becomes fit for the merging into the Triad, that causal body has to be discarded and done away with. Under the Law of Sacrifice and Death, the disintegration is begun on the third level and is consummated on the second, when the man merges with the Triad, preparatory to the final merging with the Monad.

Hoạt động của nó hiển nhiên hơn đối với trí tuệ con người trung bình trong các biểu hiện của nó hiện nay trên cõi hồng trần. Chúng ta có thể truy ra mối liên hệ giữa cõi atma và cõi hồng trần (biểu lộ trên cõi thấp như định luật hi sinh và tử vong), nhưng hiệu quả của nó cũng có thể được thấy trên cả năm cõi. Đây là định luật hủy diệt lớp vỏ cuối cùng ngăn cách Jiva đã hoàn thiện. Điều này vẫn chưa được trình bày đầy đủ [Page 582] (vì định luật tương ứng ít được nghiên cứu, và cũng không dễ thấy) rằng trên cõi phụ thứ ba của mỗi cõi, định luật này hoạt động theo một cách đặc biệt, gây ra một sự tan vỡ rất rõ rệt của một cái gì đó đang có khuynh hướng tách biệt. Giống như mọi điều hoạt động trong hệ thống, tiến trình này chậm; công việc phân giải bắt đầu trên cõi phụ thứ ba, và hoàn tất trên cõi phụ thứ hai, khi Định luật Phân giải đi vào dưới ảnh hưởng của Định luật Cố Kết, sự phân giải đã tạo ra điều khiến cho sự kết dính trở nên khả hữu. Chúng ta có thể thấy một minh họa về điều này trên cõi trí. Thể nguyên nhân của người trung bình ở trên cõi phụ thứ ba, và khi một người trở nên thích hợp cho sự hòa nhập vào Tam nguyên tinh thần, thể nguyên nhân ấy phải bị loại bỏ và xóa đi. Dưới Định luật Hi sinh và Tử vong, sự phân giải được bắt đầu trên cấp thứ ba và được hoàn tất trên cấp thứ hai, khi con người hòa nhập với Tam nguyên tinh thần, để chuẩn bị cho sự hòa nhập cuối cùng với chân thần.

Another illustration of the same thing can be found on the physical plane. When a man has reached the point where he can sense and see the fourth ether, he is ready for the burning away of the etheric web, which has

Một minh họa khác của cùng điều ấy có thể được tìm thấy trên cõi hồng trần. Khi một người đã đạt đến điểm mà y có thể cảm nhận và thấy được dĩ thái thứ tư, y đã sẵn sàng cho việc đốt cháy màng lưới dĩ thái, mà vị trí của

its location midway between the third and second subplane matter which composes his physical body. When this disintegration is effected, the man merges with his astral vehicle, establishing a consequent continuity of consciousness. This correspondence, and this disintegration, can be traced on each plane, till finally on the atmic level on its third subplane comes the final disintegration, which results in a merging with the monadic consciousness.

nó ở khoảng giữa vật chất cõi phụ thứ ba và thứ hai cấu thành thể xác của y. Khi sự phân giải này được thực hiện, con người hòa nhập với vận cụ cảm dục của mình, nhờ đó thiết lập sự liên tục của tâm thức. Sự tương ứng này, và sự phân giải này, có thể được truy ra trên mỗi cõi, cho đến cuối cùng trên cấp atma ở cõi phụ thứ ba của nó diễn ra sự phân giải cuối cùng, đưa đến sự hòa nhập với tâm thức chân thần.

The third Ray, that of adaptability or activity, has a close connection with this law. It is through activity (or the adaptation of matter to need), that the form comes into being; through activity it is employed, and through that very adaptation it becomes a perfect form, [Page 583] and at the moment of perfection loses its usefulness; it crystallises, breaks, and the evolving life escapes to find for itself new forms of greater capacity and adequacy. It is so in the life of the reincarnating Ego; it is so in the rounds and races of humanity; it is so in the solar system; it is so in all cosmic processes.

Cung ba, tức cung của khả năng thích ứng hay hoạt động, có liên hệ mật thiết với định luật này. Chính nhờ hoạt động (hay sự thích ứng của vật chất với nhu cầu) mà hình tướng đi vào hiện hữu; nhờ hoạt động mà nó được sử dụng, và cũng nhờ chính sự thích ứng ấy mà nó trở thành một hình tướng hoàn hảo, [Page 583] và vào lúc đạt đến hoàn hảo thì nó mất đi tính hữu dụng; nó kết tinh, vỡ tan, và sự sống đang tiến hoá thoát ra để tự tìm cho mình những hình tướng mới có năng lực và sự thích đáng lớn hơn. Điều này đúng trong đời sống của chân ngã tái sinh; đúng trong các cuộc tuần hoàn và các giống dân của nhân loại; đúng trong hệ mặt trời; đúng trong mọi tiến trình vũ trụ.

In the third chain, the moon chain, we have an interesting related fact. On the moon chain the point of attainment for the individual was the arhat or fourth Initiation, —the initiation which marks the final breaking with the three worlds, and the disintegration of the egoic body.

Trong dãy thứ ba, tức Dãy Mặt Trăng, chúng ta có một sự kiện liên hệ thú vị. Trên Dãy Mặt Trăng, điểm thành tựu của cá nhân là arhat hay lần điểm đạo thứ tư,—cuộc điểm đạo đánh dấu sự đoạn tuyệt cuối cùng với ba cõi giới, và sự tan rã của thể chân ngã.

At the end of the third root-race came the first of the great cataclysms that broke the race form, and inaugurated a new one, for it was the first definitely human race as we now know it. The analogy will be found to hold good no matter from what angle the subject may be studied. In the third subrace

Vào cuối giống dân gốc thứ ba đã xảy ra trận đại biến động đầu tiên làm tan vỡ hình tướng của giống dân ấy, và khai mở một giống dân mới, vì đó là giống dân đầu tiên rõ rệt mang tính nhân loại như chúng ta hiện biết. Sự tương đồng sẽ được thấy là hoàn toàn đúng bất kể đề tài được nghiên cứu từ

a correspondence can be traced, though it is not yet apparent to the circumscribed vision which characterises most of us. Close proximity to an effect often veils a cause.

góc độ nào. Trong giống dân phụ thứ ba, cũng có thể truy ra một sự tương ứng, dù điều đó chưa hiện rõ đối với tầm nhìn hạn hẹp vốn đặc trưng cho phần lớn chúng ta. Sự gần kề quá mức với một hiệu quả thường che khuất nguyên nhân.

4. *The law of Magnetic Control* (182)

4. *Định luật Kiểm Soát Từ Tính* (182)

(182) Note the correspondence that can be traced here. On the second plane we have the Law of Cohesion—love. On the second plane of the manifesting Triad, the Law of Magnetic Control—love. Again lower down on the second plane of the Personality, the Law of Love. The accuracy of the analogy is quite interesting, and provides room for speculation. (back)

(182) Hãy lưu ý sự tương ứng có thể được truy ra ở đây. Trên cõi thứ hai, chúng ta có Định luật Cố kết—bác ái. Trên cõi thứ hai của Tam nguyên tinh thần biểu hiện, có Định luật Kiểm Soát Từ Tính—bác ái. Lại thấp hơn nữa, trên cõi thứ hai của phàm ngã, có Định luật Bác ái. Sự chính xác của phép tương đồng này thật khá thú vị, và mở ra chỗ cho sự suy đoán. (back)

This law is the basic law controlling the Spiritual Triad. Through this law, the force of evolution drives the Ego to progress through the cycle of reincarnation back to union with his kind. Through separation he finds himself, and then—driven by the indwelling buddhic or Christ principle—transcends himself, and finds himself again in all selves. This law holds the evolving lower self in a coherent form. It controls the Ego in the causal body, in the same way that the Logos controls the Monad on the second plane. It is the law of the buddhic plane; the [Page 584] Master is one Who can function on the buddhic levels, and Who has magnetic control in the three worlds. The lower is always controlled from above, and the effect the buddhic levels have on the three lower is paramount, though that is scarcely yet conceded by our thinkers. It is the Law of Love, in the three worlds, that holds all together, and that draws all upward. It is the demonstration, in the Triad, of the Law of Attraction.

Đây là định luật căn bản kiểm soát Tam Nguyên Tinh Thần. Qua định luật này, mãnh lực tiến hoá thúc đẩy chân ngã tiến bộ qua chu kỳ tái sinh để trở về hợp nhất với đồng loại của y. Qua sự phân ly, y tìm thấy chính mình, rồi—được nguyên khí Bồ đề hay Christ nội tại thúc đẩy—y vượt lên chính mình, và lại tìm thấy mình trong mọi bản ngã. Định luật này giữ phàm ngã đang tiến hoá trong một hình tướng kết hợp chặt chẽ. Nó kiểm soát chân ngã trong thể nguyên nhân, cũng như Thượng đế kiểm soát chân thần trên cõi thứ hai. Đây là định luật của cõi Bồ đề; [Page 584] Chân sư là Đấng có thể hoạt động trên các cấp độ Bồ đề, và có sự kiểm soát từ tính trong ba cõi giới. Cái thấp luôn luôn được kiểm soát từ trên cao, và ảnh hưởng mà các cấp độ Bồ đề tác động lên ba cõi thấp là tối quan trọng, dù điều đó hầu như chưa được các nhà tư tưởng của chúng ta thừa nhận. Chính Định luật Bác ái, trong ba cõi giới, giữ cho mọi sự gắn kết với nhau, và kéo mọi sự đi lên. Đó là sự biểu lộ, trong Tam nguyên tinh thần, của Định luật Hấp dẫn.

On the path of involution this law works with the permanent atoms in the causal body. It is the buddhic principle, and its relation with the lower permanent atom of the Triad is the mainspring of the life of the Ego. On the path of descent it has much to do with the placing of the permanent atoms, but this matter is very abstruse, and the time has not yet come for further elucidation. At the third outpouring, (in which the fourth kingdom, the human, was formed), it was this Law of Magnetic Control that effected the juncture of astro-animal man, and the descending Monad, using the spark of mind as the method of at-one-ment. Again we can see how it works. The monadic plane, the buddhic plane, and the astral plane are all three closely allied, and we find there the line of least resistance. Hence the facility with which the mystic contacts the buddhic and even higher planes. The lines of least resistance in the three systems are:

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, định luật này tác động với các nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân. Nó là nguyên khí Bồ đề, và mối liên hệ của nó với nguyên tử trường tồn thấp của Tam nguyên tinh thần là động lực chính của đời sống chân ngã. Trên con đường đi xuống, nó có liên quan rất nhiều đến việc định vị các nguyên tử trường tồn, nhưng vấn đề này rất thâm áo, và thời điểm để làm sáng tỏ thêm vẫn chưa đến. Vào lần tuôn đổ thứ ba, (trong đó giới thứ tư, tức giới nhân loại, được hình thành), chính Định luật Kiểm Soát Từ Tính này đã tạo nên sự kết hợp giữa người thú cảm dục và chân thần giáng hạ, dùng tia lửa trí tuệ như phương pháp hợp nhất. Một lần nữa chúng ta có thể thấy nó vận hành như thế nào. Cõi chân thần, cõi Bồ đề, và cõi cảm dục cả ba đều liên hệ mật thiết với nhau, và ở đó chúng ta thấy con đường ít trở ngại nhất. Do đó mới có sự dễ dàng mà nhà thần bí tiếp xúc được với cõi Bồ đề và thậm chí các cõi cao hơn. Các đường ít trở ngại nhất trong ba hệ là:

System	I.	Physical, mental, and atmic. The atmic was the highest point of achievement in that system.
	II.	Astral, buddhic and monadic.
	III.	Mental, atmic and logoic

Note the correspondence therefore to be seen between the fourth kingdom and the working of this, the fourth law. It is of vital moment in this fourth chain.

Vì vậy, hãy lưu ý sự tương ứng có thể thấy giữa giới thứ tư và sự vận hành của định luật thứ tư này. Nó có tầm quan trọng thiết yếu trong dãy thứ tư này.

As regards human evolution, this fourth law is of prime importance at this time. The aim

Xét về tiến hoá nhân loại, định luật thứ tư này hiện nay có tầm quan trọng hàng đầu.

of human endeavour [Page 585] is both to be controlled by this law, and likewise to wield it in service. It is the law whereby sex expression, as we know it, is transmuted and elevated; sex is only the physical plane demonstration of the Law of Attraction; it is the working out of that law in the human kingdom, and in all the lower kingdoms, too. The love of all that breathes, and the attraction that works out in service, is the same thing as demonstrated in the Triad. Sex expression, the coming together of two, becomes transmuted into the coming together of many for acts of service, which will give birth to new ideals, and to a new race—the spiritual.

Mục tiêu của nỗ lực nhân loại [Page 585] vừa là được định luật này kiểm soát, vừa là vận dụng nó trong phụng sự. Đây là định luật nhờ đó sự biểu lộ tính dục như chúng ta biết được chuyển hoá và nâng cao; tính dục chỉ là sự biểu lộ trên cõi hồng trần của Định luật Hấp dẫn; đó là sự triển khai của định luật ấy trong giới nhân loại, và cả trong mọi giới thấp nữa. Tình thương đối với mọi sự sống đang hô hấp, và sức hút được biểu lộ trong phụng sự, cũng chính là điều ấy như được biểu lộ trong Tam nguyên tinh thần. Sự biểu lộ tính dục, sự đến với nhau của hai, được chuyển hoá thành sự đến với nhau của nhiều người trong các hành vi phụng sự, những hành vi sẽ sinh ra các lý tưởng mới, và một nhân loại mới—nhân loại tinh thần.

Here I might point out a numerical fact that may be of interest in connection with the fourth hierarchy. This human hierarchy is the fourth, as we know, yet if we count the five hierarchies that have passed on, it is in reality the ninth. Nine is the number of initiation, the number of the adept, and of the man who functions in his buddhic vehicle.

Ở đây tôi có thể chỉ ra một sự kiện số học có thể đáng quan tâm liên quan đến Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Huyền giai nhân loại này là thứ tư, như chúng ta biết, nhưng nếu tính cả năm huyền giai đã rời đi, thì trên thực tế nó là thứ chín. Chín là con số của điểm đạo, con số của chân sư, và của con người hoạt động trong vận cụ Bồ đề của mình.

The fourth Ray also operates in close connection with the fourth Law. It is the Ray of Harmony or Beauty—Harmony through control, that control entailing the knowledge of wisdom. It is the harmony of similarity; it is the equilibrising of all through the realisation of the laws of magnetism that produce the co-ordination of the many diverse into the one homogeneous; magnetism governs the synthesis of the many aspects into a form of unity. This harmony is reached through the fifth plane, and the fifth Ray of Concrete Knowledge acts as a step to the fourth, for many who work on the fifth Ray pass eventually to the fourth. In this system the fifth Ray is of

Cung bốn cũng vận hành trong liên hệ mật thiết với Định luật thứ tư. Đó là Cung của Hài Hoà hay Vẻ Đẹp—Hài Hoà thông qua kiểm soát, mà sự kiểm soát ấy bao hàm tri thức về minh triết. Đó là sự hài hoà của tính tương đồng; là sự quân bình hoá mọi sự thông qua sự chứng nghiệm các định luật từ điện vốn tạo ra sự phối hợp của nhiều yếu tố dị biệt thành một toàn thể đồng nhất; từ điện chi phối sự tổng hợp của nhiều phương diện thành một hình thức hợp nhất. Sự hài hoà này đạt được qua cõi thứ năm, và cung năm của Tri Thức Cụ Thể hoạt động như một nấc thang dẫn đến cung bốn, vì nhiều người hoạt động trên cung năm cuối cùng chuyển sang cung bốn. Trong hệ này, cung năm có

paramount importance in the development of all egos. Each must pass some time on it before definitely remaining on his monadic Ray. In many incarnations much time is spent on the fifth subplane of each plane, which is governed principally by the fifth Ray. All pass [Page 586] then on the fourth subplane governed by the fourth Ray, and in this particular period of the fourth round in the fourth chain, more time is spent on the fourth subplane by evolving Egos than on any other. Many come into incarnation directly on to this plane, and it is here that they begin to think harmoniously.

tầm quan trọng tối cao trong sự phát triển của mọi chân ngã. Mỗi chân ngã đều phải trải qua một thời gian trên cung ấy trước khi dứt khoát an trụ trên cung chân thần của mình. Trong nhiều kiếp lâm phàm, nhiều thời gian được trải qua trên cõi phụ thứ năm của mỗi cõi, vốn chủ yếu do cung năm chi phối. Tất cả rồi đều đi qua [Page 586] cõi phụ thứ tư do cung bốn chi phối, và trong giai đoạn đặc biệt này của cuộc tuần hoàn thứ tư trong dãy thứ tư, các chân ngã đang tiến hoá dành nhiều thời gian trên cõi phụ thứ tư hơn bất kỳ cõi phụ nào khác. Nhiều chân ngã đi vào lâm phàm trực tiếp trên cõi này, và chính tại đây họ bắt đầu suy nghĩ một cách hài hoà.

S6S3

The Laws in the Three Worlds.—We will now take up and briefly study the three most important laws affecting the evolving human being, as he lives his life in the three worlds. These laws are:

Các Định luật trong Ba Cõi Giới.—Giờ đây chúng ta sẽ đề cập đến và nghiên cứu ngắn gọn ba định luật quan trọng nhất ảnh hưởng đến con người đang tiến hoá, khi y sống đời mình trong ba cõi giới. Các định luật ấy là:

1. The Law of Fixation.

1. Định luật Cố Định.

2. The Law of Love.

2. Định luật Bác ái.

3. The Law of Sacrifice and Death.

3. Định luật Hi sinh và Tử vong.

These laws are all dominated and controlled eventually by the three higher laws in the system—the Laws of Magnetic Control, of Disintegration, and of Cohesion. There is a direct connection between these seven laws and the seven Rays or Vibrations, and if we study the correspondence we shall recognise the fact that the first law, that of Vibration, is the controlling law of the six, demonstrating through the second law, that of Cohesion, just as the solar Logos is at this time manifesting Himself through His

Rốt cuộc, ba định luật cao hơn trong hệ đều chi phối và kiểm soát các định luật này—các Định luật Kiểm Soát Từ Tính, Tan Rã, và Cố Kết. Có một mối liên hệ trực tiếp giữa bảy định luật này và bảy cung hay rung động, và nếu chúng ta nghiên cứu sự tương ứng, chúng ta sẽ nhận ra sự kiện rằng định luật thứ nhất, tức Định luật Rung động, là định luật kiểm soát của sáu định luật kia, biểu lộ qua định luật thứ hai, tức Định luật Cố Kết, cũng như Thái dương Thượng đế hiện nay đang biểu lộ chính Ngài qua phương diện

second aspect in this the second solar system.

The first Ray of Will or Power is the first aspect of the All-self, and in the third outpouring, (183) came [Page 587] down to the fifth plane, along with the other monads.

(183) The Three Outpourings. “In the diagram the symbols of the three Aspects (of the Logos) are placed outside of time and space, and only the streams of influence from them descend into our system of planes....They represent in due order what are commonly called the three Persons of the Trinity....It will be seen that from each of them an outpouring of life or force is projected into the planes below. The first of these in order is the straight line which descends from the third Aspect; the second is that part of the large oval which lies on our left hand—the stream which descends from the second Aspect until it has touched the lowest point in matter, and then rises again up the side on our right hand until it reaches the lower mental level. It will be noted that in both of these outpourings the divine life becomes darker and more veiled as it descends into matter, until at the lowest point we might almost fail to recognise it as divine life at all; but as it rises again when it has passed its nadir it shows itself somewhat more clearly. The third outpouring which descends from the highest aspect of the Logos differs from the others in that it is in no way clouded by the matter through which it passes, but retains its virgin purity and splendour untarnished. It will be noted that this outpouring descends only to the level of the buddhic plane (the fourth plane) and that the link between the two is formed by a triangle in a circle, representing the individual soul of

thứ hai của Ngài trong hệ mặt trời thứ hai này.

Cung một của Ý Chí hay Quyền năng là phương diện thứ nhất của Đại Ngã, và trong lần tuôn đổ thứ ba, (183) đã đi xuống [Page 587] đến cõi thứ năm, cùng với các chân thần khác.

(183) Ba Lần Tuôn Đổ. “Trong biểu đồ, các biểu tượng của ba Phương diện (của Thượng đế) được đặt ra ngoài thời gian và không gian, và chỉ các dòng ảnh hưởng từ các Ngài mới đi xuống vào hệ cõi của chúng ta.... Chúng lần lượt biểu thị điều thường được gọi là ba Ngôi của Tam Vị.... Sẽ thấy rằng từ mỗi Ngài, một lần tuôn đổ sự sống hay mãnh lực được phóng chiếu vào các cõi bên dưới. Lần tuôn đổ đầu tiên theo thứ tự là đường thẳng đi xuống từ Phương diện thứ ba; lần thứ hai là phần của hình bầu dục lớn nằm bên tay trái chúng ta—dòng đi xuống từ Phương diện thứ hai cho đến khi chạm tới điểm thấp nhất trong vật chất, rồi lại đi lên phía bên tay phải chúng ta cho đến khi đạt tới cấp độ hạ trí. Cần lưu ý rằng trong cả hai lần tuôn đổ này, sự sống thiêng liêng trở nên tối hơn và bị che phủ nhiều hơn khi đi xuống vào vật chất, cho đến tại điểm thấp nhất chúng ta có thể hầu như không còn nhận ra đó là sự sống thiêng liêng nữa; nhưng khi nó đi lên trở lại sau khi đã qua điểm thấp nhất của mình, nó biểu lộ phần nào rõ ràng hơn. Lần tuôn đổ thứ ba đi xuống từ phương diện cao nhất của Thượng đế khác với hai lần kia ở chỗ nó hoàn toàn không bị chất liệu mà nó đi qua làm mờ đục, mà giữ nguyên sự tinh khiết trinh nguyên và vẻ huy hoàng không tì vết của nó. Cần lưu ý rằng lần tuôn đổ này chỉ đi xuống đến cấp độ của cõi Bồ đề (cõi thứ tư) và mối liên kết giữa hai bên do một tam giác trong một vòng tròn tạo thành, tượng trưng cho linh hồn cá nhân của con người—chân ngã tái sinh. Ở đây tam giác do lần tuôn đổ thứ

man—the reincarnating ego. Here the triangle is contributed by the third outpouring and the circle by the second....”—*The Christian Creed*, by C. W. Leadbeater, pp. 39, 40. (back)

ba đóng góp và vòng tròn do lần tuôn đổ thứ hai....”—*The Christian Creed*, của C. W. Leadbeater, tr. 39, 40. (back)

A subtle correspondence exists between the monads of Will on the fifth plane, the fifth law, and the fifth Ray.

Có một sự tương ứng vi tế giữa các chân thần của Ý Chí trên cõi thứ năm, định luật thứ năm, và cung năm.

The second Ray or the Love-Wisdom aspect wields a control on the fourth and sixth planes, and dominates the Laws of Cohesion and Magnetic Control, and the astral Law of Love. There is a direct interlinking between the abstract Rays and the laws of the planes where they specially control.

Cung hai hay phương diện Bác Ái – Minh Triết thực thi sự kiểm soát trên các cõi thứ tư và thứ sáu, và chi phối các Định luật Cố Kết và Kiểm Soát Từ Tính, cùng Định luật Bác ái trên cõi cảm dục. Có một sự liên kết trực tiếp giữa các cung trừu tượng và các định luật của những cõi mà chúng đặc biệt kiểm soát.

The third Ray which is the Activity aspect, controls the Laws of Disintegration and of Death, on the third and seventh planes.

Cung ba, tức phương diện Hoạt động, kiểm soát các Định luật Tan Rã và Tử vong, trên các cõi thứ ba và thứ bảy.

Therefore, it will be apparent to the careful student of the wisdom that:

Do đó, điều sẽ hiển nhiên đối với đạo sinh cẩn trọng của minh triết là:

1. *The Power Aspect*—Ray 1, Planes 1 and 5, and the Laws of Fixation and Vibration, form one interlocking whole.

1. *Phương diện Quyền năng*—cung một, các cõi 1 và 5, và các Định luật Cố Định và Rung động, tạo thành một toàn thể móc nối với nhau.

2. *The Love Aspect*—Ray 2, Planes 2, 4, 6, and the Laws of Cohesion, Magnetic Control, and of Love, form another unit.

2. *Phương diện Bác ái*—cung hai, các cõi 2, 4, 6, và các Định luật Cố Kết, Kiểm Soát Từ Tính, và Bác ái, tạo thành một đơn vị khác.

3. *The Activity Aspect*—Ray 3, Planes 3 and 7, and the Laws of Disintegration, Sacrifice and Death, make still another group.

3. *Phương diện Hoạt động*—cung ba, các cõi 3 và 7, và các Định luật Tan Rã, Hi sinh và Tử vong, tạo thành một nhóm khác nữa.

It is logical for the first Ray only to have control, as yet, on two planes, for the Power Aspect waits for another system in order to demonstrate in full development. Ray two, the synthetic Ray for our system, controls

Việc cung một hiện nay chỉ kiểm soát trên hai cõi là điều hợp lý, vì Phương diện Quyền năng chờ một hệ khác để biểu lộ trong sự phát triển trọn vẹn. Cung hai, cung tổng hợp của hệ chúng ta, kiểm soát [Page 588] trên ba

[Page 588] on three planes; it has the preponderance, for paramountly we are the Monads of Love, and Love is our synthesis. Ray three, the dominant Ray of the system which is past, its synthetic Ray, controls on two planes, and on one that is little understood, for, just as the physical body is not considered a principle, so there is a sphere of activity that is not included in our enumeration, it is past and gone. Some explanation of this lies hid in the occult words, "The Eighth Sphere."

cõi; nó chiếm ưu thế, vì về căn bản chúng ta là các chân thần của Bác ái, và Bác ái là sự tổng hợp của chúng ta. Cung ba, cung chi phối của hệ đã qua, tức cung tổng hợp của hệ ấy, kiểm soát trên hai cõi, và trên một cõi ít được thấu hiểu, vì cũng như thể xác không được xem là một nguyên khí, nên có một khối cầu hoạt động không được kể vào sự liệt kê của chúng ta, nó đã qua và đã mất. Một phần giải thích cho điều này ẩn giấu trong những lời huyền bí: "Khối Cầu Thứ Tám."

In regard to the four minor Rays of Harmony, Concrete Science, Devotion and Ceremonial Order, their control exists in degrees on all the planes, but they have their particular emphasis in the evolution of the reincarnating ego in the three worlds at this time. These four Rays control, in a subtle and peculiar manner, the four kingdoms of nature—mineral, vegetable, animal and human—and at their merging into the three Rays of Aspect (the Activity Ray of the Mahachohan being the synthesiser of the lower four in our planetary scheme) have a correspondence with the merging of man (the product of the three kingdoms and the fourth) into the superman kingdom, the spiritual. The fourth Ray and the fourth Kingdom form a point of harmony for the lower three, and all four then pass into the major or upper three. This is worthy of our serious thought, and the analogy of the fourth plane will also be apparent. For this system, the buddhic plane, the human kingdom, and the fourth Ray of Harmony or Beauty or Synthesis, have a point of correspondence, just as the fourth rootrace is the one in which the synthesis is first observed—the door into the fifth kingdom of Spirit being then opened; the fourth rootrace also developed the astral capacity

Đối với bốn cung phụ là Hài Hoà, Khoa Học Cụ Thể, Sùng tín và Trật Tự Nghi Lễ, sự kiểm soát của chúng tồn tại ở những mức độ khác nhau trên mọi cõi, nhưng chúng có điểm nhấn đặc biệt trong sự tiến hoá của chân ngã tái sinh trong ba cõi giới vào thời điểm này. Bốn cung này kiểm soát, theo một cách vi tế và đặc thù, bốn giới trong thiên nhiên—giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại—và khi chúng hợp nhất vào ba Cung Trạng Thái (cung Hoạt động của Đức Mahachohan là cung tổng hợp của bốn cung thấp trong hệ hành tinh của chúng ta), chúng có một sự tương ứng với sự hợp nhất của con người (sản phẩm của ba giới và giới thứ tư) vào giới siêu nhân, tức giới tinh thần. Cung bốn và giới thứ tư tạo thành một điểm hài hoà cho bộ ba thấp hơn, và rồi cả bốn cùng đi vào bộ ba chính hay cao hơn. Điều này đáng để chúng ta suy nghĩ nghiêm túc, và phép tương đồng của cõi thứ tư cũng sẽ hiển nhiên. Đối với hệ này, cõi Bồ đề, giới nhân loại, và cung bốn của Hài Hoà hay Vẻ Đẹp hay Tổng Hợp, có một điểm tương ứng, cũng như giống dân gốc thứ tư là giống dân trong đó sự tổng hợp lần đầu tiên được quan sát—cánh cửa vào giới thứ năm của tinh thần khi ấy được mở ra; giống dân gốc thứ tư cũng phát triển năng lực cảm dục khiến cho việc tiếp xúc với cấp độ thứ tư hay Bồ đề trở nên khả hữu.

that made contact with the fourth or buddhic level possible.

In a subtle way too (I use the word subtle for lack of a better, meaning a statement of actuality that seems an [Page 589] illusion), the three minor Rays, Concrete Science, Devotion and Ceremonial Law, have each a connection with the three kingdoms of nature below the human, and with the three laws of the three lower worlds.

Cũng theo một cách vi tế (tôi dùng từ vi tế vì thiếu một từ tốt hơn, muốn nói đến một phát biểu về thực tại mà dường như là một [Page 589] ảo tưởng), ba cung phụ là Khoa Học Cụ Thể, Sùng tín và Định luật Nghi Lễ, mỗi cung đều có một liên hệ với ba giới thiên nhiên bên dưới giới nhân loại, và với ba định luật của ba cõi thấp.

The Ray of Ceremonial Order has special significance at this time; it controls life in the mineral world, and in the final stages of involutionary life at the point where the upward turn of evolution is made. Through Ceremonial Order comes the control of the lesser builders, the elemental forces, the point of synthesis in the lowest plane of all, the period of transition. In all such periods the seventh Ray comes in (as now) the Ray of Law and Order, of accurate arrangement and formation. It is the reflection on the physical plane of the Power and Activity Aspects working in synthesis. Rays 1, 3, 7, have an interplay, as we know. Ray seven is the appearance in combination of the forces of evolution. It is the manifestation of Power and Activity on the lowest plane of all. It is allied to the laws of the third and seventh planes, Disintegration and Death, for all periods of transition are periods of the destruction and building of forms, and the shattering of the old in order that newer and better chalices of life may be constructed.

Cung của Trật Tự Nghi Lễ hiện nay có ý nghĩa đặc biệt; nó kiểm soát sự sống trong giới kim thạch, và trong các giai đoạn cuối của sự sống giáng hạ tiến hoá tại điểm mà bước ngoặt đi lên của tiến hoá được thực hiện. Qua Trật Tự Nghi Lễ mà có sự kiểm soát các vị tiểu kiến tạo, các mãnh lực hành khí, điểm tổng hợp trên cõi thấp nhất trong tất cả, giai đoạn chuyển tiếp. Trong mọi giai đoạn như thế, cung bảy đều đi vào (như hiện nay), cung của Định luật và Trật tự, của sự sắp xếp và hình thành chính xác. Nó là sự phản chiếu trên cõi hồng trần của các phương diện Quyền năng và Hoạt động đang vận hành trong tổng hợp. Các cung 1, 3, 7 có sự tương tác, như chúng ta biết. Cung bảy là sắc tướng kết hợp của các mãnh lực tiến hoá. Nó là sự biểu lộ của Quyền năng và Hoạt động trên cõi thấp nhất trong tất cả. Nó liên hệ với các định luật của cõi thứ ba và thứ bảy, Tan Rã và Tử vong, vì mọi giai đoạn chuyển tiếp đều là những giai đoạn huỷ diệt và xây dựng hình tướng, và đập tan cái cũ để những chén thánh mới hơn và tốt hơn của sự sống có thể được kiến tạo.

The Ray of Devotion has a definite though little known connection with the vegetable kingdom. We must remember that it is linked to a subsidiary law of the cosmic Law of Attraction. It is in the vegetable kingdom that we find one of the first and temporary

Cung của Sùng tín có một liên hệ rõ rệt tuy ít được biết đến với giới thực vật. Chúng ta phải nhớ rằng nó gắn với một định luật phụ của Định luật Hấp dẫn vũ trụ. Chính trong giới thực vật mà chúng ta tìm thấy một trong những sự tiếp cận đầu tiên và tạm thời

approximations between the evolving human Monad, and the evolving deva Monad. The two parallel evolutions touch in that kingdom, and then again follow their own paths, finding their next point of contact on the fourth or buddhic level, and a final merging on the second.

giữa chân thần nhân loại đang tiến hoá và chân thần thiên thần đang tiến hoá. Hai đường tiến hoá song song chạm nhau trong giới ấy, rồi lại đi theo con đường riêng của mình, tìm thấy điểm tiếp xúc kế tiếp trên cấp độ thứ tư hay Bồ đề, và sự hợp nhất cuối cùng trên cấp độ thứ hai.

The concrete Rays have an especial effect on the *negative* evolution of the devas, who form the feminine aspect of the divine hermaphroditic Man, working along [Page 590] the lines of more positive development. The abstract Rays do a similar work on the *positive* human hierarchy, tending towards a more receptive attitude. This hierarchy forms the masculine aspect of the divine Hermaphrodite. But at three points on the path of evolution the Monads of Love, working on the abstract qualities, touch the devas of activity working on concrete faculty. The perfection of the two evolutions marks the point of attainment of the divine Heavenly Man; it is the perfecting of the two major centres, creative activity and love, of the Logos. In their lower aspect these centres are known as the centres of generation and the solar plexus, but are transmuted, as evolution proceeds, into the throat and heart centres. Then, in a dual synthesis, they will pass on into the third system, that in which the Power aspect is developed, and the head centres will be complete. This achieved, our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation, just as He should measure up in this system to the fourth.

Các cung cụ thể có một ảnh hưởng đặc biệt lên sự tiến hoá *âm* của các thiên thần, những vị tạo thành phương diện nữ của Con Người lưỡng tính thiêng liêng, đang hoạt động theo [Page 590] các đường phát triển dương tính hơn. Các cung trừu tượng làm một công việc tương tự trên huyền giai nhân loại *dương*, khiến nó có xu hướng tiến đến một thái độ tiếp nhận hơn. Huyền giai này tạo thành phương diện nam của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng. Nhưng tại ba điểm trên con đường thăng thượng tiến hoá, các chân thần của Bác ái, hoạt động trên các phẩm tính trừu tượng, chạm đến các thiên thần của hoạt động đang làm việc trên năng lực cụ thể. Sự hoàn thiện của hai đường tiến hoá đánh dấu điểm thành tựu của Đấng Thiên Nhân thiêng liêng; đó là sự hoàn thiện của hai trung tâm lớn, hoạt động sáng tạo và bác ái, của Thượng đế. Trong phương diện thấp của chúng, các trung tâm này được biết là các trung tâm sinh sản và tùng thái dương, nhưng được chuyển hoá, khi tiến hoá tiến triển, thành trung tâm cổ họng và trung tâm tim. Rồi, trong một tổng hợp kép, chúng sẽ chuyển sang hệ thứ ba, hệ trong đó phương diện Quyền năng được phát triển, và các trung tâm đầu sẽ hoàn tất. Khi điều này đạt được, Thượng đế của chúng ta đã chiến thắng, và đạt đến lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu, cũng như trong hệ này Ngài phải đạt đến lần điểm đạo thứ tư.

The Ray of Concrete Science has a peculiar relationship to the animal kingdom, in that it is the Ray that governs the merging of that

Cung của Khoa Học Cụ Thể có một mối liên hệ đặc biệt với giới động vật, ở chỗ đó là cung chi phối sự hợp nhất của giới ấy vào giới

kingdom into the human. The planet, Venus, in her fifth round, gave the impetus which produced the spark of mind in animal man —a fact well known. It is also the fifth Ray, and has an interesting connection with the fifth Law of Fixation. We might study, too, with profit, the analogy that can be seen between these factors and the fifth root-race, the race of peculiarly strong development of the concrete mind. The Law of Analogy always holds good.

nhân loại. Hành tinh Sao Kim, trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, đã tạo ra xung lực sản sinh tia lửa trí tuệ trong người thú—một sự kiện đã được biết rõ. Nó cũng là cung năm, và có một liên hệ thú vị với Định luật Cố Định thứ năm. Chúng ta cũng có thể nghiên cứu, một cách hữu ích, phép tương đồng có thể thấy giữa các yếu tố này và giống dân gốc thứ năm, giống dân có sự phát triển đặc biệt mạnh mẽ của trí cụ thể. Định luật Tương đồng luôn luôn đúng.

With this as a basis, the three laws of the personality become replete with life, and can be summed up in the well-known term, "The Law of Rebirth and Death in the three worlds." The fifth law governs a fixed point in the personality, that of the fifth principle.

Lấy điều này làm nền tảng, ba định luật của phàm ngã trở nên tràn đầy sự sống, và có thể được tóm lược trong thuật ngữ quen thuộc, "Định luật Tái sinh và Tử vong trong ba cõi giới." Định luật thứ năm chi phối một điểm cố định trong phàm ngã, tức nguyên khí thứ năm.

[Page 591] The Law of Love in the astral body also has its points for consideration. There is a direct link between the astral body (love in the personality), the buddhic vehicle (love in the Triad), and the Monads of Love. Later on, this will be understood more fully, but it is the main channel for the basic law of the system, Love. These three points mark periods of completion, and likewise starting-points for fresh endeavour in the life of the evolving Monad—from the personality to the Triad, from the Triad to the Monad, from the Monad back again to its source.

[Page 591] Định luật Bác ái trong thể cảm dục cũng có những điểm cần được xem xét. Có một mối liên kết trực tiếp giữa thể cảm dục (bác ái trong phàm ngã), vận cụ Bồ đề (bác ái trong Tam nguyên tinh thần), và các chân thần của Bác ái. Về sau, điều này sẽ được thấu hiểu đầy đủ hơn, nhưng đó là kênh chính cho định luật căn bản của hệ, tức Bác ái. Ba điểm này đánh dấu các giai đoạn hoàn tất, và đồng thời cũng là các điểm khởi đầu cho nỗ lực mới trong đời sống của chân thần đang tiến hoá—từ phàm ngã đến Tam nguyên tinh thần, từ Tam nguyên tinh thần đến chân thần, từ chân thần trở lại nguồn cội của nó.

5. *The Law of Fixation.*—This is the governing law of the mental plane, finding its greater correspondence in the Law of Karma on cosmic mental levels. "As a man thinks, so is he;" according to his thoughts are his desires and acts, and so results the future. He fixes for himself the resultant karma. The word "Fixation" is chosen for

5. *Định luật Cố Định.*—Đây là định luật chi phối cõi trí, tìm thấy sự tương ứng lớn hơn của nó trong Định luật Nghiệp quả trên các cấp độ cõi trí vũ trụ. "Con người nghĩ sao, y là vậy;" theo tư tưởng của y mà có các ham muốn và hành động của y, và như thế tương lai được tạo thành. Y tự cố định cho mình nghiệp quả kết thành. Từ "Cố Định" được

two purposes: First, because the word implies the capacity of the thinker to shape his own destiny, and secondly because the word implies a stabilising idea, for as evolution progresses, the Ego evolves the faculty of forming definite concrete thought-forms, and, through these stable products, of subduing the fluctuations of the astral body.

chọn vì hai mục đích: thứ nhất, vì từ này hàm ý năng lực của người tư duy trong việc định hình số phận của chính mình, và thứ hai, vì từ này hàm ý một ý tưởng ổn định, bởi lẽ khi tiến hoá tiến triển, chân ngã phát triển năng lực tạo thành những hình tư tưởng cụ thể xác định, và qua các sản phẩm ổn định ấy, chế ngự những dao động của thể cảm dục.

This law of the fifth, or mental plane is one of the most important laws with which we have to do at any time, and it will find its most complete demonstration in the next, or fifth round. In relation to this fourth round the following facts may be gathered about its working:

Định luật của cõi thứ năm, hay cõi trí, là một trong những định luật quan trọng nhất mà chúng ta phải đề cập đến vào bất kỳ lúc nào, và nó sẽ tìm thấy sự biểu lộ đầy đủ nhất của mình trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, hay cuộc tuần hoàn thứ năm. Liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ tư này, có thể rút ra các sự kiện sau đây về sự vận hành của nó:

It is the law under which the evolving personality builds up, during the course of many lives, the causal body; it fixes the matter inhering in that body, placed there by the man as the ages slip away, and crystallises it. Before the fourth Initiation the crystallisation is complete, and the inevitable shattering that is the result of crystallisation in all forms, takes place, setting the [Page 592] indwelling life free for further progress. All forms are but hindrances and limitations, and ultimately must go, but they have their needed place in the development of the race. Eventually the causal body of the entire race itself disintegrates.

Đây là định luật mà dưới đó phàm ngã đang tiến hoá xây dựng thể nguyên nhân trong tiến trình của nhiều kiếp sống; nó cố định chất liệu vốn có trong thể ấy, được con người đặt vào đó khi các thời đại trôi qua, và kết tinh nó. Trước lần điểm đạo thứ tư, sự kết tinh hoàn tất, và sự đập vỡ tất yếu vốn là kết quả của sự kết tinh trong mọi hình tướng sẽ xảy ra, giải thoát sự sống [Page 592] nội tại để tiến bộ thêm. Mọi hình tướng chỉ là những chướng ngại và giới hạn, và rốt cuộc đều phải ra đi, nhưng chúng có vị trí cần thiết của mình trong sự phát triển của nhân loại. Cuối cùng, chính thể nguyên nhân của toàn thể nhân loại cũng tan rã.

This law governs the crystallisation of all forms prior to their shattering in the process of evolution.

Định luật này chi phối sự kết tinh của mọi hình tướng trước khi chúng bị đập vỡ trong tiến trình tiến hoá.

It governs the *time* of rebirth, being one of the subsidiary branches of the Law of Karma. Each of the seven subsidiary laws is linked to one of the cosmic laws, or with the

Nó chi phối *thời điểm* tái sinh, là một trong những nhánh phụ của Định luật Nghiệp quả. Mỗi một trong bảy định luật phụ đều gắn với một trong các định luật vũ trụ, hoặc với

Sirian Law of Karma. We need always to remember that the consciousness of the cosmic mental plane is the logoic goal of attainment, and that the Sirian Logos is to our solar Logos what the human Ego is to the personality. The Law of Karma, or cosmic Fixation, is the law of the cosmic mental plane, and controls the corresponding law in our system.

Định luật Nghiệp quả của Sirius. Chúng ta luôn cần nhớ rằng tâm thức của cõi trí vũ trụ là mục tiêu thành tựu của Thượng đế, và rằng Thượng đế Sirius đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như chân ngã nhân loại đối với phàm ngã. Định luật Nghiệp quả, hay sự Cố Định vũ trụ, là định luật của cõi trí vũ trụ, và kiểm soát định luật tương ứng trong hệ của chúng ta.

In the fifth round this law will act as the divider, temporarily crystallising and fixing into two great classes the human Monads, as they evolve. One group then (containing those who will reach the goal), will pass gradually out from under the domination of this law, and will come under the Law of Magnetic Control. The other will remain under the law in a static condition, until in a later period a fresh opportunity will come; old forms will break, and in another mahamanvantara, and in its fifth period, will come the chance for which they will have waited, when they can again swing into the current of evolution and the imprisoned spirits may mount again towards their source.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, định luật này sẽ hoạt động như yếu tố phân chia, tạm thời kết tinh và cố định các chân thần nhân loại đang tiến hoá thành hai nhóm lớn. Khi ấy, một nhóm (gồm những vị sẽ đạt mục tiêu) sẽ dần dần thoát khỏi sự chi phối của định luật này, và sẽ đi vào dưới Định luật Kiểm Soát Từ Tính. Nhóm kia sẽ vẫn ở dưới định luật ấy trong một trạng thái tĩnh, cho đến khi trong một thời kỳ sau một cơ hội mới xuất hiện; các hình tướng cũ sẽ vỡ tan, và trong một Đại giai kỳ sinh hóa khác, và trong thời kỳ thứ năm của nó, sẽ đến cơ hội mà họ đã chờ đợi, khi họ có thể lại hòa vào dòng tiến hoá và các tinh thần bị giam hãm có thể lại vươn lên về nguồn cội của mình.

In an occult sense this law is for us the one with which we are the most intimately concerned. It plays an important part in the hands of the Lords of Flame, and is one of Their main factors in controlling the three worlds. Note here an interesting fact, that Venus is the sixth planet (esoterically the second), and is in her [Page 593] fifth round, and hence is ahead of us along every line.

Theo nghĩa huyền bí, đối với chúng ta đây là định luật mà chúng ta liên hệ mật thiết nhất. Nó đóng một vai trò quan trọng trong tay các Đấng Chúa Tể của Lửa, và là một trong những yếu tố chính của Các Ngài trong việc kiểm soát ba cõi giới. Hãy lưu ý ở đây một sự kiện thú vị, rằng Sao Kim là hành tinh thứ sáu (xét về nội môn là thứ hai), và đang ở trong [Page 593] cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, và do đó đi trước chúng ta trên mọi phương diện.

This law demonstrates the static quality of love, static temporarily, but necessarily so when viewed from the standpoint of time, the great deluder. On the path of involution

Định luật này biểu lộ phẩm tính tĩnh của bác ái, tạm thời là tĩnh, nhưng tất yếu là như vậy khi được nhìn từ quan điểm của thời gian, kẻ mê hoặc vĩ đại. Trên con đường giáng hạ tiến

this law again works with the permanent atoms in the three worlds, with the building in of material around those atoms, in connection with the building devas and the reincarnating Egos. The devas are the mother aspect, the builders of the body, and the reincarnating Jivas are the son aspect; yet the two are but one, and the result is the divine hermaphroditic man. *(See page 512)*

6. *The Law of Love.*—It is not easy, in this brief digest, to approach the tremendous problem of the place love plays in the evolving scheme of things as understood by three-dimensional man. A treatise could be written on the subject, and yet leave it unexhausted. Much light comes if we can ponder deeply on the three expressions of Love: Love in the Personality, Love in the Ego, and Love in the Monad. Love in the Personality gradually develops through the stages of love of self, pure and simple and entirely selfish, to love of family and friends, to love of men and women, until it arrives at the stage of love of humanity or group love consciousness which is the predominant characteristic of the Ego. A Master of Compassion loves, suffers with, and remains with His kind and with His kin. Love in the Ego gradually develops from love of humanity into love universal—a love that expresses not only love of humanity, but also love of the deva evolutions in their totality, and of all forms of divine manifestation. Love in the Personality is love in the three worlds; love in the Ego is love in the solar system, and all that it contains; whilst love in the Monad demonstrates a measure of cosmic love, and embraces much that is outside the solar system altogether.

hoá, định luật này lại tác động với các nguyên tử trường tồn trong ba cõi giới, với việc xây dựng chất liệu quanh các nguyên tử ấy, liên hệ với các thiên thần kiến tạo và các chân ngã tái sinh. Các thiên thần là phương diện mẹ, những đấng kiến tạo thân thể, còn các jiva tái sinh là phương diện con; tuy nhiên cả hai chỉ là một, và kết quả là con người lưỡng tính thiêng liêng. *(Xem trang 512)*

6. *Định luật Bác ái.*—Trong bản tóm lược ngắn này, không dễ để tiếp cận vấn đề to lớn về vị trí mà bác ái giữ trong sơ đồ tiến hoá của vạn vật như được con người ba chiều thấu hiểu. Có thể viết cả một chuyên luận về đề tài này mà vẫn chưa cạn. Nhiều ánh sáng sẽ đến nếu chúng ta có thể suy gẫm sâu xa về ba biểu lộ của Bác ái: Bác ái trong phàm ngã, Bác ái trong chân ngã, và Bác ái trong chân thần. Bác ái trong phàm ngã dần dần phát triển qua các giai đoạn từ tình yêu chỉ đơn thuần dành cho bản thân và hoàn toàn ích kỷ, đến tình yêu gia đình và bạn hữu, đến tình yêu đối với những người nam và nữ, cho đến khi đạt tới giai đoạn yêu thương nhân loại hay tâm thức bác ái nhóm vốn là đặc tính nổi trội của chân ngã. Một Chân sư của Lòng Từ Bi yêu thương, cùng chịu khổ và ở lại với đồng loại và thân tộc của Ngài. Bác ái trong chân ngã dần dần phát triển từ tình yêu nhân loại thành tình yêu phổ quát—một tình yêu biểu lộ không chỉ tình yêu đối với nhân loại, mà còn cả tình yêu đối với các đường tiến hoá thiên thần trong toàn thể của chúng, và đối với mọi hình thức biểu lộ thiêng liêng. Bác ái trong phàm ngã là bác ái trong ba cõi giới; bác ái trong chân ngã là bác ái trong hệ mặt trời, và mọi điều nó chứa đựng; còn bác ái trong chân thần biểu lộ một mức độ bác ái vũ trụ, và bao trùm nhiều điều hoàn toàn ở ngoài hệ mặt trời.

[Page 594] This term “The Law of Love,” is after all too generic a term to apply to one law governing one plane, but will have to suffice for the present, as it conveys the type of idea that is needed, to our minds. The Law of Love is in reality but the law of the system in demonstration on all the planes. Love was the impelling motive for manifestation, and love it is that keeps all in ordered sequence; love bears all on the path of return to the Father’s bosom, and love eventually perfects all that is. It is love that builds the forms that cradle temporarily the inner hidden life, and love is the cause of the disruption of those forms, and their utter shattering, so that the life may further progress. Love manifests on each plane as the urge that drives the evolving Monad onwards to its goal, and love is the key to the deva kingdom, and the reason of the blending of the two kingdoms eventually into the divine Hermaphrodite. Love works through the concrete rays in the building of the system, and in the rearing of the structure that shelters the Spirit, and love works through the abstract rays for the full and potent development of that inherent divinity. Love demonstrates, through the concrete rays, the aspects of divinity, forming the *persona* that hides the one Self; love demonstrates through the abstract rays in developing the attributes of divinity, in evolving to fullest measure the kingdom of God within. Love in the concrete rays leads to the path of occultism; love in the abstract rays leads to that of the mystic. Love forms the sheath and inspires the life; love causes the logoic vibration to surge forward, carrying all on its way, and bringing all to perfected manifestation.

[Page 594] Thuật ngữ này, “Định luật Bác ái,” rốt cuộc vẫn là một thuật ngữ quá khái quát để áp dụng cho một định luật chi phối một cõi, nhưng hiện thời sẽ phải tạm dùng như vậy, vì nó chuyển tải loại ý tưởng mà trí tuệ chúng ta cần. Trên thực tế, Định luật Bác ái chỉ là định luật của hệ đang biểu lộ trên mọi cõi. Bác ái là động cơ thúc đẩy sự biểu hiện, và chính bác ái giữ cho mọi sự ở trong trình tự điều hoà; bác ái mang mọi sự trên Con Đường Trở Về về với lòng Cha, và bác ái cuối cùng hoàn thiện mọi cái đang hiện hữu. Chính bác ái xây dựng các hình tướng tạm thời ấp ủ sự sống ẩn kín bên trong, và bác ái là nguyên nhân của sự tan vỡ các hình tướng ấy, và sự đập tan hoàn toàn của chúng, để sự sống có thể tiến bộ thêm. Bác ái biểu lộ trên mỗi cõi như sự thôi thúc đẩy chân thần đang tiến hoá tiến về mục tiêu của nó, và bác ái là chìa khóa của giới thiên thần, và là lý do của sự dung hợp của hai giới cuối cùng thành Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng. Bác ái hoạt động qua các cung cụ thể trong việc xây dựng hệ, và trong việc dựng nên cấu trúc che chở Tinh thần, còn bác ái hoạt động qua các cung trừu tượng để phát triển đầy đủ và mạnh mẽ thiên tính nội tại ấy. Bác ái biểu lộ, qua các cung cụ thể, các phương diện của thiên tính, tạo thành *persona* che giấu cái Ngã duy nhất; bác ái biểu lộ qua các cung trừu tượng trong việc phát triển các thuộc tính của thiên tính, trong việc tiến hoá đến mức trọn vẹn nhất Thiên Giới bên trong. Bác ái trong các cung cụ thể dẫn đến con đường huyền bí học; bác ái trong các cung trừu tượng dẫn đến con đường của nhà thần bí. Bác ái tạo thành vỏ bọc và truyền cảm hứng cho sự sống; bác ái khiến rung động của Thượng đế dâng trào tiến tới, mang mọi sự theo đường đi của nó, và đưa mọi sự đến sự biểu lộ hoàn hảo.

In System I, Activity, Desire for Expression, and the *Impulse to Move* was the basic note.

Trong Hệ I, Hoạt động, Khát vọng Biểu lộ, và *Xung lực Vận động* là chủ âm căn bản. Hoạt

That activity produced certain results, certain permanent effects, and thus formed the nucleus for the present system. Ordered Activity is the foundation of this system of ordered [Page 595] Love, and leads to system three, wherein ordered Activity, with ordered Love for its impulse, results in ordered loving Power.

The sixth Ray of devotion and the sixth law of love have a close alliance, and on the sixth plane comes the powerful working out in the lower Triad, the Personality, of the Law of Love. On the astral plane, the home of the desires, originate those feelings which we call personal love; in the lowest type of human being this shows itself as animal passion; as evolution proceeds it shows itself as a gradual expansion of the love faculty, passing through the stages of love of mate, love of family, love of surrounding associates, to love of one's entire environment; patriotism gives place later to love of humanity, often humanity as exemplified in one of the Great Ones. The astral plane is, at the present time, the most important for us, for in desire—not corrected or transmuted—lies the difference between the personal consciousness and that of the Ego. (185)

(185) Why do we consider this matter of the devas of the middle system (as we might call those connected with this system and with buddhi and kamamanas) in our consideration of thought forms? For two reasons: One is that all that is in the solar system is but substance energised from the cosmic mental and astral planes, and built into form through the power of electrical law; all that can be known is but forms ensouled by ideas. Secondly, that in the knowledge of the creative processes of the system, man learns for himself how in time

động ấy tạo ra những kết quả nhất định, những hiệu quả trường tồn nhất định, và như thế hình thành hạt nhân cho hệ hiện tại. Hoạt động Có Trật Tự là nền tảng của hệ [Page 595] Bác ái Có Trật Tự này, và dẫn đến hệ ba, trong đó Hoạt động Có Trật Tự, với Bác ái Có Trật Tự làm xung lực của nó, sẽ tạo ra Quyền năng yêu thương Có Trật Tự.

Cung sáu của sùng tín và định luật bác ái thứ sáu có một sự liên minh mật thiết, và trên cõi thứ sáu diễn ra sự triển khai mạnh mẽ trong bộ ba thấp, tức phàm ngã, của Định luật Bác ái. Trên cõi cảm dục, nơi cư ngụ của các ham muốn, phát sinh những cảm xúc mà chúng ta gọi là tình yêu cá nhân; nơi loại người thấp nhất, điều này biểu lộ thành dục vọng thú tính; khi tiến hoá tiến triển, nó biểu lộ thành sự mở rộng dần dần của năng lực yêu thương, đi qua các giai đoạn yêu bạn đời, yêu gia đình, yêu những người chung quanh, đến yêu toàn bộ môi trường của mình; về sau lòng yêu nước nhường chỗ cho tình yêu nhân loại, thường là nhân loại được tiêu biểu nơi một trong Các Đấng Cao Cả. Cõi cảm dục hiện nay là cõi quan trọng nhất đối với chúng ta, vì trong dục vọng—khi không được điều chỉnh hay chuyển hoá—nằm sự khác biệt giữa tâm thức cá nhân và tâm thức của chân ngã. (185)

(185) Tại sao chúng ta lại xem xét vấn đề các thiên thần của hệ trung gian (như chúng ta có thể gọi những vị liên hệ với hệ này và với Bồ đề cùng trí-cảm) trong khi khảo cứu các hình tư tưởng? Vì hai lý do: Một là vì mọi thứ trong hệ mặt trời chỉ là chất liệu được tiếp sinh lực từ các cõi trí và cảm dục vũ trụ, và được xây dựng thành hình tướng nhờ quyền năng của định luật điện; mọi điều có thể được biết chỉ là những hình tướng do các ý tưởng phú linh. Thứ hai, vì trong tri thức về các tiến trình sáng tạo của hệ, con người tự học cho mình cách để theo thời gian trở

to become a creator. We might illustrate this by remarking that one of the main functions of the Theosophical movement in all its many branches is to build a form which can be ensouled, in due time, by the idea of Brotherhood. (back)

thành một đấng sáng tạo. Chúng ta có thể minh hoạ điều này bằng cách nhận xét rằng một trong những chức năng chính của phong trào Thông Thiên Học trong mọi ngành nhánh của nó là xây dựng một hình tướng để đến đúng lúc ý tưởng về Tình Huynh Đệ có thể phú linh cho nó. (back)

In the sixth Scheme, that of Venus, this can be seen clearly; it is the scheme of love. Viewed from one angle, the Venusian Scheme is the second, and from another it is the sixth. It depends upon whether we reason from the circumference to the centre or the reverse.

Trong hệ hành tinh thứ sáu, tức hệ của Sao Kim, điều này có thể được thấy rõ; đó là hệ của bác ái. Nhìn từ một góc độ, hệ Sao Kim là thứ hai, và từ góc độ khác nó là thứ sáu. Điều đó phụ thuộc vào việc chúng ta suy luận từ chu vi vào trung tâm hay theo chiều ngược lại.

It is the home of the planetary Logos of the sixth Ray. This may sound like a contradiction, but it is not so really; we must remember the interlocking, the gradual shifting and changing, that takes place in time on all [Page 596] the Rays. In the same way the Earth chain is the third if viewed from one aspect and the fifth viewed from another.

Đó là nơi cư ngụ của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung sáu. Điều này có thể nghe như một mâu thuẫn, nhưng thực ra không phải vậy; chúng ta phải nhớ đến sự móc nối, sự chuyển dịch và biến đổi dần dần, vốn diễn ra theo thời gian trên mọi [Page 596] cung. Cũng theo cách ấy, Dãy Địa Cầu là thứ ba nếu nhìn từ một phương diện và là thứ năm nếu nhìn từ một phương diện khác.

In the sixth chain of each scheme, this sixth law and the sixth Ray have a very important significance, whilst the seventh chain of each scheme is always synthetic—Love and Activity in a perfect balance. The same effect can be demonstrated in the sixth Round. In the sixth Round of the present chain of the Earth scheme, the sixth law will demonstrate with great clarity and force, as love shown in brotherhood, love translated or transmuted from the astral to the buddhic. So in the sixth rootrace and the sixth subrace a similar analogy will be seen. Out of the shattered form of the fifth subrace of the fifth root race, built up under the fifth Ray of Concrete Knowledge, with the aid of the fifth Law of Fixation, will emerge the sixth subrace of brotherly love—

Trong dãy thứ sáu của mỗi hệ hành tinh, định luật thứ sáu này và cung sáu có một ý nghĩa rất quan trọng, trong khi dãy thứ bảy của mỗi hệ hành tinh luôn luôn là tổng hợp —Bác ái và Hoạt động trong thế quân bình hoàn hảo. Hiệu quả tương tự có thể được biểu lộ trong cuộc tuần hoàn thứ sáu. Trong cuộc tuần hoàn thứ sáu của dãy hiện tại thuộc hệ Địa Cầu, định luật thứ sáu sẽ biểu lộ với sự rõ ràng và mãnh liệt lớn lao, như bác ái được biểu lộ trong tình huynh đệ, bác ái được chuyển dịch hay chuyển hoá từ cảm dục sang Bồ đề. Vì vậy, trong giống dân gốc thứ sáu và giống dân phụ thứ sáu cũng sẽ thấy một phép tương đồng tương tự. Từ hình tướng tan vỡ của giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm, được xây dựng dưới cung năm của Tri Thức Cụ Thể,

love shown in the realisation of the one life latent in each Son of God.

với sự trợ giúp của Định luật Cố Định thứ năm, sẽ xuất hiện giống dân phụ thứ sáu của tình thương huynh đệ—bác ái được biểu lộ trong sự chứng nghiệm một sự sống duy nhất tiềm ẩn trong mỗi Con của Thượng đế.

7. *The Law of Sacrifice and Death.* This law links itself to the third law, that of Disintegration following the connection that always exists between the atmic and the physical plane. The Law of Disintegration controls the fivefold destruction of forms in the five lower worlds, and the Law of Death controls similarly in the three worlds. It is subsidiary to the third law. The Law of Sacrifice is the Law of Death in the subtle bodies, whilst what we call death is the analogous thing in the physical body. This law governs the gradual disintegration of concrete forms and their sacrifice to the evolving life, and is closely linked in its manifestation with the seventh Ray. This Ray is the one that largely controls, that manipulates, that geometrises and that holds sway over the form side, governing the elemental forces of nature. The physical plane is the most concrete exemplification of the *form side*; it holds the divine life imprisoned or [Page 597] enmeshed at its densest point, and it works at this time in line with the seventh law. In a mysterious way this law is the reverse side of the first, or the Law of Vibration. It is Vulcan and Neptune in opposition, which is as yet an almost incomprehensible thing for us. The densest form of expression on the physical plane is after all but a form of synthesis; just as the rarest form of expression on the highest plane is but unity or synthesis of a finer kind. One is the synthesis of matter, and the other the synthesis of life.

7. *Định luật Hi sinh và Tử vong.* Định luật này tự nối kết với định luật thứ ba, tức Định luật Tan Rã, theo mối liên hệ luôn tồn tại giữa cõi atma và cõi hồng trần. Định luật Tan Rã kiểm soát sự huỷ diệt ngũ phân của các hình tướng trong năm thế giới thấp, và Định luật Tử vong cũng kiểm soát tương tự trong ba cõi giới. Nó là định luật phụ thuộc của định luật thứ ba. Định luật Hi sinh là Định luật Tử vong trong các thể vi tế, trong khi điều chúng ta gọi là cái chết là điều tương tự trong thể xác. Định luật này chi phối sự tan rã dần dần của các hình tướng cụ thể và sự hi sinh của chúng cho sự sống đang tiến hoá, và trong sự biểu lộ của nó, nó liên hệ mật thiết với cung bảy. Đây là cung phần lớn kiểm soát, thao tác, hình học hoá và nắm quyền trên phương diện hình tướng, chi phối các mãnh lực hành khí của thiên nhiên. Cõi hồng trần là sự minh hoạ cụ thể nhất của *phương diện hình tướng*; nó giữ sự sống thiêng liêng bị giam cầm hay [Page 597] mắc kẹt tại điểm đậm đặc nhất của nó, và hiện nay nó hoạt động phù hợp với định luật thứ bảy. Theo một cách huyền nhiệm, định luật này là mặt trái của định luật thứ nhất, hay Định luật Rung động. Đó là Vulcan và Sao Hải Vương ở thế đối vị, điều mà hiện nay đối với chúng ta hầu như không thể hiểu nổi. Hình thức biểu lộ đậm đặc nhất trên cõi hồng trần rốt cuộc cũng chỉ là một dạng tổng hợp; cũng như hình thức biểu lộ tinh tế nhất trên cõi cao nhất cũng chỉ là sự hợp nhất hay tổng hợp của một loại tinh tế hơn. Một bên là sự tổng hợp của vật chất, và bên kia là sự tổng hợp của sự sống.

This law governs the seventh chain in each scheme; each chain having achieved the fullest expression possible in the scheme, comes under the Law of Death, and obscuration and disintegration supervenes. In a cosmic sense and analogy, it is the law that governs the coming in of pralaya at the end of a system. It is the law that shatters the cross of the cosmic Christ, and places the form of the Christ within the tomb for a period of time.

Định luật này chi phối dãy thứ bảy trong mỗi hệ hành tinh; mỗi dãy, sau khi đã đạt đến sự biểu lộ đầy đủ nhất có thể trong hệ hành tinh, sẽ đi vào dưới Định luật Tử vong, và sự che mờ cùng tan rã sẽ diễn ra sau đó. Theo nghĩa vũ trụ và phép tương đồng, đó là định luật chi phối sự xuất hiện của giai kỳ qui nguyên vào cuối một hệ. Đó là định luật đập tan thập giá của Đức Christ vũ trụ, và đặt hình tướng của Đức Christ vào trong mộ phần trong một thời kỳ.

The Principle of Mutation. In concluding the above information about the laws, it is needful that we all recognise the extreme danger of dogmatising about these matters, and the risk of laying down hard and fast rules. Much must remain unexplained and untouched, and much also will serve to raise only questions in our minds. Comprehension is as yet impossible. Until fourth-dimensional sight is ours, it will scarcely be possible for us to do more than hint at, and get a passing vision of, the complexity and the interweaving in the system. It is not easy for us to do more than grip as a mental concept the fact that the rays, schemes, planets, chains, rounds, races and laws form a unit; seen from the angle of human vision the confusion seems unimaginable, and the key of its solution to be so hidden as to be useless; yet, seen from the angle of logoic sight, [Page 598] the whole moves in unison, and is geometrically accurate. In order to give some idea of the complexity of the arrangement, I would like here to point out that the Rays themselves circulate, the Law of Karma controlling the interweaving. For instance, Ray I may pass around a scheme (if it is the paramount Ray of the scheme) with its first subray manifesting in a chain, its second in a round, its third in a world period, its fourth in a root race, its fifth in a subrace, and its sixth

Nguyên lý Biến Dịch. Khi kết thúc phần thông tin trên về các định luật, điều cần thiết là tất cả chúng ta phải nhận ra mối nguy cực lớn của việc giáo điều hoá về những vấn đề này, và rủi ro của việc đặt ra những quy luật cứng nhắc. Nhiều điều phải còn lại chưa được giải thích và chưa được chạm đến, và nhiều điều cũng sẽ chỉ làm nảy sinh những câu hỏi trong trí chúng ta. Sự thấu hiểu hiện vẫn là bất khả. Chừng nào linh thị bốn chiều chưa là của chúng ta, chừng đó chúng ta hầu như không thể làm gì hơn ngoài việc gợi ý, và có được một linh ảnh thoáng qua về tính phức tạp và sự đan xen trong hệ. Đối với chúng ta, không dễ làm gì hơn ngoài việc nắm bắt như một khái niệm trí tuệ sự kiện rằng các cung, hệ hành tinh, hành tinh, dãy, cuộc tuần hoàn, giống dân và định luật tạo thành một đơn vị; nhìn từ góc độ tầm nhìn nhân loại, sự rối rắm dường như không thể tưởng tượng nổi, và chìa khóa giải đáp của nó dường như ẩn kín đến mức vô dụng; tuy nhiên, nhìn từ góc độ linh thị của Thượng đế, [Page 598] toàn thể vận động một cách đồng bộ, và chính xác về mặt hình học. Để đưa ra một vài ý niệm về tính phức tạp của sự sắp xếp này, ở đây tôi muốn chỉ ra rằng chính các cung cũng tuần hoàn, với Định luật Nghiệp quả kiểm soát sự đan xen. Chẳng hạn, cung I có thể đi vòng quanh một hệ hành tinh (nếu đó là cung tối quan trọng của hệ hành tinh ấy) với cung phụ thứ nhất của nó biểu lộ

in a branch race. I give this in illustration, and not as the statement of a fact in present manifestation. This gives us some idea of the vastness of the process, and of its wonderful beauty. It is impossible for us, sweeping through on some one Ray, to visualise or in any way to apprehend this beauty; yet, to those on higher levels and with a wider range of vision, the gorgeousness of the design is apparent.

trong một dãy, cung phụ thứ hai trong một cuộc tuần hoàn, cung phụ thứ ba trong một thời kỳ thế giới, cung phụ thứ tư trong một giống dân gốc, cung phụ thứ năm trong một giống dân phụ, và cung phụ thứ sáu trong một giống dân nhánh. Tôi nêu điều này như một minh hoạ, chứ không phải như một phát biểu về một sự kiện đang biểu lộ hiện nay. Điều này cho chúng ta một vài ý niệm về sự bao la của tiến trình, và về vẻ đẹp kỳ diệu của nó. Đối với chúng ta, khi đang đi xuyên qua trên một cung nào đó, không thể hình dung hay bằng bất kỳ cách nào lĩnh hội vẻ đẹp này; tuy nhiên, đối với những vị ở các cấp độ cao hơn và có tầm nhìn rộng lớn hơn, vẻ huy hoàng của mô hình ấy là điều hiển nhiên.

This complexity is for us very much increased because we do not yet understand the principle governing this mutation. Nor is it possible for even the highest human mind in the three worlds to do more than sense and approximate that principle. By mutation I mean the fact that there is a constant changing and shifting, an endless interweaving and interlocking, and a ceaseless ebb and flow, in the dramatic interplay of the forces that stand for the dual synthesis of Spirit and matter. There is constant rotation in the Rays and planes, in their relative importance from the standpoint of time which is the standpoint most closely associated with us. But we can rest assured that there is some fundamental principle directing all the activities of the Logos in His system, and by wrestling to discover the basic principle on which our microcosmic lives rest, we may discover aspects of this inherent logoic principle. This opens to our consideration a wide range of vision, and [Page 599] though it emphasises the complexity of the subject, it also demonstrates the divine magnitude of the scheme, with its magnificent intricacies.

Sự phức tạp này đối với chúng ta càng tăng lên rất nhiều vì chúng ta chưa hiểu nguyên lý chi phối sự biến đổi này. Ngay cả trí tuệ nhân loại cao nhất trong ba cõi giới cũng không thể làm gì hơn ngoài việc cảm nhận và tiến gần đến nguyên lý đó. Khi nói đến sự biến đổi, tôi muốn nói đến sự kiện rằng có một sự thay đổi và chuyển dịch liên tục, một sự đan xen và móc nối vô tận, cùng một sự lên xuống không ngừng, trong sự tương tác đầy kịch tính của các mãnh lực tượng trưng cho sự tổng hợp nhị nguyên của tinh thần và vật chất. Có sự luân chuyển liên tục trong các cung và các cõi, trong tầm quan trọng tương đối của chúng theo quan điểm thời gian, vốn là quan điểm gắn bó mật thiết nhất với chúng ta. Nhưng chúng ta có thể yên tâm rằng có một nguyên lý căn bản nào đó đang chỉ đạo mọi hoạt động của Thượng đế trong hệ của Ngài, và bằng cách vật lộn để khám phá nguyên lý nền tảng trên đó các sự sống tiểu thiên địa của chúng ta đặt nền, chúng ta có thể khám phá các phương diện của nguyên lý cố hữu này của Thượng đế. Điều này mở ra cho sự xem xét của chúng ta một phạm vi tầm nhìn rộng lớn, và [Page 599] tuy nó nhấn mạnh tính phức tạp của đề tài,

The reason the fourth is a major round is because in this round two things happened —the spark of mind was implanted and the door was opened from the animal kingdom into the human; and later, another door opened, on to the Path leading from the human kingdom into the spiritual—again a dual reason. The fifth round is a major round because it marks a point in evolution where those who will achieve the goal, and those who will not, are sharply differentiated into two groups; the seventh is a major round because it will mark the merging of the two evolutions, the human and the deva.

nó cũng chứng minh tầm vóc thiêng liêng của hệ hành tinh, với những sự tinh vi tráng lệ của nó. Lý do cuộc tuần hoàn thứ tư là một cuộc tuần hoàn chính yếu là vì trong cuộc tuần hoàn này đã xảy ra hai điều—tia lửa trí tuệ được cấy vào và cánh cửa được mở từ giới động vật sang giới nhân loại; và về sau, một cánh cửa khác được mở ra, dẫn vào Đường Đạo đưa từ giới nhân loại sang giới tinh thần —một lần nữa lại là một lý do nhị nguyên. Cuộc tuần hoàn thứ năm là một cuộc tuần hoàn chính yếu vì nó đánh dấu một điểm tiến hoá nơi những ai sẽ đạt mục tiêu, và những ai sẽ không đạt, được phân biệt rõ rệt thành hai nhóm; cuộc tuần hoàn thứ bảy là một cuộc tuần hoàn chính yếu vì nó sẽ đánh dấu sự hợp nhất của hai tiến hoá, nhân loại và thiên thần.

The major root races are chosen under the Law of Correspondence. In the third root race came the third Outpouring, the merging and the point of contact between the Spiritual Triad and the Lower Quaternary. The fifth root race marks a point where higher and lower manas approximate, and where the concrete mind, meeting its highest development of this round, gives place to the intuition from above. Here again we have a twofold reason. The seventh root race again demonstrates dual attainment, love in activity, the basis of the third system of Will or Power.

Các giống dân gốc chính yếu được chọn theo định luật tương ứng. Trong giống dân gốc thứ ba đã đến lần tuôn đổ thứ ba, sự hợp nhất và điểm tiếp xúc giữa Tam Nguyên Tinh Thần và Bộ Tứ Hạ. Giống dân gốc thứ năm đánh dấu một điểm mà manas cao và thấp xích lại gần nhau, và nơi trí cụ thể, đạt đến sự phát triển cao nhất của nó trong cuộc tuần hoàn này, nhường chỗ cho trực giác từ bên trên. Ở đây một lần nữa chúng ta có một lý do nhị phân. Giống dân gốc thứ bảy lại chứng minh sự thành tựu kép, bác ái trong hoạt động, nền tảng của hệ thứ ba của Ý Chí hay Quyền Năng.

The three major Rays, being dual, are their own sufficient explanation. They are at present the mode of expression of the three aspects, and demonstrate under their appropriate Logoi, Who manipulate world affairs through the three departments, of which the rulers on our planet are the Lord Maitreya, the Manu, and the Mahachohan. The three major planes demonstrate easily their unique position—on plane two we have

Ba cung chính yếu, vì là nhị nguyên, tự chúng đã là lời giải thích đầy đủ. Hiện nay chúng là phương thức biểu lộ của ba phương diện, và biểu hiện dưới các Thượng đế thích hợp của Các Ngài, Các Đấng vận dụng các công việc thế gian qua ba ban, mà những vị cai quản trên hành tinh chúng ta là Đức Maitreya, Đức Manu, và Đức Mahachohan. Ba cõi chính yếu dễ dàng chứng minh vị trí độc đáo của chúng—trên cõi thứ hai chúng ta có

the home of the Monads of Love, on plane five we find the habitat of their reflections, the reincarnating Egos, and [Page 600] on the physical plane we find the working out at its densest point of the life of the Spirit.

nơi cư ngụ của các chân thần Bác Ái, trên cõi thứ năm chúng ta thấy nơi ở của các phản chiếu của các ngài, các chân ngã tái sinh, và [Page 600] trên cõi hồng trần chúng ta thấy sự triển khai ở điểm đậm đặc nhất của sự sống của Tinh thần.

This principle of mutation governs every department in the Law of Correspondences, and certain things can be stated as regards the system, and its component parts which will be found illuminating if we remember that they are facts *for the present*. Let me again illustrate: we have been told that the three major Rays *at this time* are the first, the second, and the seventh. But later, the Rays now major may become subsidiary, and others take their place, though for this solar system the second Ray, being the synthetic Ray, will always be a major Ray. Perhaps we can here get a hint on this great principle, though we must be careful not to draw it out to too fine a conclusion. For this system the major Rays will always be the dual Rays—the negative-positive Rays, the masculine-feminine Rays—this being the dual system. The major Rays for system three will be those in triple manifestation.

Nguyên lý biến đổi này chi phối mọi bộ môn trong định luật tương ứng, và có thể nêu ra một số điều liên quan đến hệ và các thành phần cấu tạo của nó, những điều sẽ được thấy là soi sáng nếu chúng ta nhớ rằng chúng là các sự kiện *ở hiện tại*. Hãy để tôi lại minh hoạ: chúng ta đã được bảo rằng vào lúc này ba cung chính yếu là cung một, cung hai, và cung bảy. Nhưng về sau, các cung hiện nay là chính yếu có thể trở thành thứ yếu, và các cung khác thay thế vị trí của chúng, mặc dù đối với hệ mặt trời này, cung hai, vì là cung tổng hợp, sẽ luôn luôn là một cung chính yếu. Có lẽ ở đây chúng ta có thể nhận được một gợi ý về nguyên lý vĩ đại này, dù chúng ta phải cẩn thận không rút nó ra thành một kết luận quá tinh vi. Đối với hệ này, các cung chính yếu sẽ luôn luôn là các cung nhị nguyên—các cung âm-dương, các cung nam-nữ—vì đây là hệ nhị nguyên. Các cung chính yếu của hệ thứ ba sẽ là những cung trong biểu hiện tam phân.

The following table may be found of interest, if regarded as relative, and as holding information for the present time, but also as being subject to change and circulation:

Bảng sau đây có thể được thấy là đáng quan tâm, nếu được xem là tương đối, và như chứa đựng thông tin cho thời điểm hiện tại, nhưng cũng là điều có thể thay đổi và luân chuyển:

7 Rays	Major 1-2-7	Four subsidiary converging on the fifth.
7 Principles	3 Major	Monad, Ego and Personality, synthesising at various stages the four subsidiary.

7 Chains	Major 1-4-7	
7 Planes	Major 2-5-7	
7 Manvantaras	Major 3-4-7	
7 Rounds	Major 4-5-7	
7 Root races	Major 3-5-7	
7 Sub races	Major 1-5-6	
7 Initiations	Major 1 4 5	if viewed from the angle of human attainment, and 1-5-7 if viewed from a higher.

S6S4

[Page 601] [Page 601]

II. THOUGHT ELEMENTALS AND DEVAS. — II. HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ THIÊN THẦN.

1. THE RULER OF FIRE—AGNI. — 1. CHÚA TỂ CỦA LỬA—AGNI.

a. Agni and the Solar Logos.

Thus far in this treatise we have considered the first section of the book which has dealt somewhat with the internal fires of the system, both macrocosmic and microcosmic. In this the second section we are dealing with the fire of mind. This section, together with the nine introductory questions, constitutes the main part of the treatise. In it we have dealt with the nature and function of mind and with the egoic ray. We have dealt also, somewhat, with the form side of thought, with its material manifestation and with its substance.

a. Agni và Thái dương Thượng đế.

Cho đến nay trong bộ luận này chúng ta đã xem xét phần thứ nhất của quyển sách, phần đã bàn phần nào về các nội hỏa của hệ, cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa. Trong phần thứ hai này chúng ta đang bàn đến lửa của trí tuệ. Phần này, cùng với chín câu hỏi nhập đề, cấu thành phần chính của bộ luận. Trong đó chúng ta đã bàn đến bản chất và chức năng của trí tuệ và đến cung chân ngã. Chúng ta cũng đã bàn, phần nào, đến phương diện hình tướng của tư tưởng, đến biểu hiện vật chất của nó và đến chất liệu của nó.

We proceed now to take up the consideration of *the Ruler of Fire, AGNI*, and are brought to the study of the vitality that energises and the Life that animates; to the contemplation of the Fire that drives, propels, and produces the activity and organisation of all forms. The realisation of this will reveal the fact that what we are dealing with is the "Life and the lives," (186, 187) as it is called [Page 602] in the Secret Doctrine; with Agni, the Lord of Fire, the Creator, the Preserver, and the Destroyer; and with the forty-nine fires through which He manifests.

Giờ đây chúng ta tiếp tục xem xét *Chúa Tể của Lửa, AGNI*, và được đưa đến việc nghiên cứu sinh lực truyền năng lượng và Sự sống làm sinh động; đến sự chiêm ngưỡng Lửa thúc đẩy, đẩy tới, và tạo ra hoạt động cùng tổ chức của mọi hình tướng. Sự chứng nghiệm điều này sẽ tiết lộ sự kiện rằng điều chúng ta đang bàn đến là "Sự sống và các sự sống," (186, 187) như được gọi [Page 602] trong Giáo Lý Bí Nhiệm; với Agni, Chúa Tể của Lửa, Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn, và Đấng Hủy Diệt; và với bốn mươi chín ngọn lửa qua đó Ngài biểu lộ.

(186) The Life and the Lives. H. P. B. says in the Secret Doctrine.

(186) Sự sống và các sự sống. H. P. B. nói trong Giáo Lý Bí Nhiệm.

"Occultism does not accept anything inorganic in the Kosmos. The expression employed by Science 'inorganic substance' means simply that the latent life, slumbering in the molecules of so-called 'inert matter' is incognisable. All is Life, and every atom of even mineral dust is a Life, though beyond our comprehension and perception....Life therefore is everywhere in the Universe...wherever there is an atom of matter, a particle or a molecule, even in its most gaseous condition, there is life in it however latent and unconscious."—S. D., I, 269, 281, 282.` (back)

"Huyền bí học không chấp nhận bất cứ điều gì là vô cơ trong Vũ trụ. Cách diễn đạt mà Khoa Học dùng là 'chất liệu vô cơ' chỉ đơn giản có nghĩa rằng sự sống tiềm ẩn, đang ngủ trong các phân tử của cái gọi là 'vật chất trơ', là điều không thể nhận biết. Tất cả đều là Sự sống, và mỗi nguyên tử ngay cả của bụi khoáng vật cũng là một sự sống, dù vượt ngoài sự thấu hiểu và tri giác của chúng ta....Vì vậy Sự sống ở khắp nơi trong Vũ trụ...ở bất cứ nơi nào có một nguyên tử vật chất, một hạt hay một phân tử, ngay cả trong trạng thái khí thể nhất của nó, đều có sự sống trong đó dù tiềm ẩn và vô thức đến đâu."—S. D., I, 269, 281, 282.` (back)

FOOTNOTE 87: The Life and the Lives.

CHÚ THÍCH 87: Sự sống và các sự sống.

1. Everything lives and is conscious, but all life and consciousness is not similar to the human.—S. D., I, 79.

1. Mọi thứ đều sống và đều hữu thức, nhưng không phải mọi sự sống và tâm thức đều giống như nơi con người.—S. D., I, 79.

a. Life is the one form of existence manifesting in matter.

a. Sự sống là một hình thức tồn tại duy nhất đang biểu hiện trong vật chất.

b. Matter is the vehicle for the manifesting of soul.

b. Vật chất là vận cụ cho sự biểu hiện của linh hồn.

c. Soul is the vehicle for the manifesting of Spirit.

c. Linh hồn là vận cụ cho sự biểu hiện của tinh thần.

Therefore: 1st Logos, 2nd Logos, 3rd Logos co-operate.

Vì vậy: Thượng đế thứ nhất, Thượng đế thứ hai, Thượng đế thứ ba cùng hợp tác.

Illustration:

Minh họa:

Life of the 3rd Logos—animating atoms of matter.

Sự sống của Thượng đế thứ ba—tiếp sinh lực cho các nguyên tử vật chất.

Life of the 2nd Logos—animating the forms, or aggregate of atoms.

Sự sống của Thượng đế thứ hai—tiếp sinh lực cho các hình tướng, hay tập hợp các nguyên tử.

Life of the 1st Logos—animating the composite forms.

Sự sống của Thượng đế thứ nhất—tiếp sinh lực cho các hình tướng tổng hợp.

2. The one Life synthesises this triplicity.

2. Sự sống duy nhất tổng hợp bộ ba này.

Let us work this out in the Macrocosm and Microcosm.

Chúng ta hãy triển khai điều này trong Đại thiên địa và Tiểu thiên địa.

Fohat, Prana, Electricity, Magnetic Fluid, are all terms used for this one vitalising life.

Fohat, Prana, Điện, Lưu chất từ tính, đều là những thuật ngữ được dùng cho sự sống tiếp sinh lực duy nhất này.

The Microcosm is animated and vitalised by prana, and its actions controlled by the indwelling Thinker.

Tiểu thiên địa được prana tiếp sinh lực và làm cho sống động, còn Đấng Tư Tưởng nội tại kiểm soát các hoạt động của nó.

The Macrocosm is animated and vitalised by Fohat; its actions are controlled by the informing Intelligence we call the Logos.

Đại thiên địa được Fohat làm cho sống động và tiếp sinh lực; Trí Tuệ thấm nhuần mà chúng ta gọi là Thượng đế kiểm soát các hoạt động của nó.

We are dealing with solar fire per se, with the essence of thought, with the coherent

Chúng ta đang bàn đến chính lửa thái dương, đến tinh chất của tư tưởng, đến sự

life of all forms, with the consciousness in its evolving aspect, or with Agni, the sumtotal of the Gods. He is Vishnu and the Sun in His glory; He is the fire of matter and the fire of mind blended and fused; He is the intelligence which throbs in every atom; He is the Mind that actuates the system; He is the fire of substance and the substance of the fire; He is the Flame and that which the Flame destroys.

sống cố kết của mọi hình tướng, đến tâm thức trong phương diện tiến hoá của nó, hay đến Agni, tổng thể của các Thượng đế. Ngài là Vishnu và Mặt Trời trong vinh quang của Ngài; Ngài là lửa của vật chất và lửa của trí tuệ được hoà trộn và dung hợp; Ngài là trí tuệ rung động trong mọi nguyên tử; Ngài là Trí thúc đẩy hệ; Ngài là lửa của chất liệu và chất liệu của lửa; Ngài là Ngọn Lửa và là điều mà Ngọn Lửa hủy diệt.

Students of the *Secret Doctrine* when they read carelessly are apt to consider Him only as the fire of matter and omit to note that He is Himself the sumtotal—and this is especially the case when they find that Agni is the Lord of the mental plane. (188)

Các đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi đọc một cách cẩu thả thường có khuynh hướng chỉ xem Ngài như lửa của vật chất và không lưu ý rằng chính Ngài là tổng thể—và điều này đặc biệt đúng khi họ thấy rằng Agni là Chúa Tể của cõi trí. (188)

(188) "...Agni, who is the source of all that gives light and heat. So that there are different species of Agni (fire); but "whatever other fires there may be, they are but the ramifications of Agni, the immortal" (Rig Veda, L, 59 I). The primary division of Agni is threefold. "Agni," says the Vishnu Parana, "has three sons, Suchi, Pavamana, and Pavaka" (I, x). Suchi means the Saura, or Solar fire; Pavamana means Nirmathana, fire produced by friction, as the friction of two pieces of wood; and Pavaka means the vaidyuta or fire of the firmament, i.e. the fire of the lightning, or electric fire.

(188) "...Agni, Đấng là nguồn gốc của mọi điều ban ánh sáng và nhiệt. Vì vậy có nhiều loại Agni (lửa) khác nhau; nhưng 'dù có bất kỳ loại lửa nào khác, chúng chỉ là những phân nhánh của Agni, Đấng bất tử' (Rig Veda, L, 59 I). Sự phân chia cơ bản của Agni là tam phân. 'Agni,' Vishnu Parana nói, 'có ba con trai, Suchi, Pavamana, và Pavaka' (I, x). Suchi có nghĩa là Saura, hay lửa Thái dương; Pavamana có nghĩa là Nirmathana, lửa do ma sát tạo ra, như ma sát của hai mảnh gỗ; và Pavaka có nghĩa là vaidyuta hay lửa của bầu trời, tức lửa của sấm chớp, hay Lửa Điện.

The sources of these three fires I may observe in passing, constitute the three principal deities spoken of in the Veda, namely, Surya, the sun, representing the solar fire; Indra (and sometimes, Vayu) the rain-producing deity, representing the fire of the firmament; and Agni, representing the terrestrial fire, the fire produced by friction (Nirukta, VII, 4); and all these three, be it remembered, are merely the ramifications of one Agni; which in its turn is an emanation

Nhân tiện tôi có thể nhận xét rằng nguồn gốc của ba loại lửa này cấu thành ba vị thần chính được nói đến trong Veda, tức là Surya, mặt trời, tượng trưng cho lửa thái dương; Indra (và đôi khi là Vayu), thần tạo mưa, tượng trưng cho lửa của bầu trời; và Agni, tượng trưng cho lửa trần thế, lửa do ma sát tạo ra (Nirukta, VII, 4); và xin nhớ rằng cả ba vị này chỉ là những phân nhánh của một Agni; mà đến lượt mình, Agni là một phát xạ từ Đấng Tối Cao, như độc giả sẽ thấy từ mô tả

from the Supreme One, as the reader will find from the allegorical description given of Agni as being the mouth-born son of Brahma, in the Vishnu purana.

ngụ ngôn về Agni như người con sinh từ miệng của Brahma, trong Vishnu purana.

Now, each of the triple forms of Agni has numerous subdivisions. The solar fire is distinguished by several divisions according to the nature of the rays emitted by the great luminary."—*The Theosophist*, Vol VII, p. 196. (back)

Giờ đây, mỗi một trong ba hình thức của Agni đều có nhiều phân bộ. Lửa thái dương được phân biệt thành nhiều loại theo bản chất của các tia phát ra từ thiên thể lớn."—*The Theosophist*, Tập VII, tr. 196. (back)

He is the animating life of the solar system, and that life is the life of [Page 603] God, the energy of the Logos, and the manifestation of the radiance which veils the Central Sun. Only as He is recognised as Fohat, the energy of matter, as Wisdom, the nature of the Ego and its motivation, and as essential unity, can any due conception be arrived at as to His nature or being. He is not the solar Logos on the cosmic mental plane, for the egoic consciousness of the Logos is more than His physical manifestation, but *Agni is the sumtotal of that portion of the logoic Ego which is reflected down into His physical vehicle; He is the life of the logoic Personality, with all that is included in that expression.* He is to the solar Logos on His own plane what the coherent personality of a human being is to his Ego in the causal body. This is a very important point to be grasped, and if meditated upon will bring to the student much enlightenment. His is the life that fuses and blends the threefold nature of the Logos when in physical incarnation; His is the coherent force that makes a unity of the triple logoic Personality, but man can only arrive at His essential nature by the study of the logoic physical vehicle—hence the difficulty; he can only understand by a consideration of His psychic emanation as it can be sensed and viewed by passing the history of the races in retrospect. Man's

Ngài là sự sống làm sinh động của hệ mặt trời, và sự sống đó là sự sống của [Page 603] Thượng đế, năng lượng của Thượng đế, và biểu hiện của sự rạng ngời che phủ Mặt Trời Trung Tâm. Chỉ khi Ngài được nhận biết như Fohat, năng lượng của vật chất, như minh triết, bản chất của chân ngã và động lực của nó, và như sự hợp nhất cốt yếu, thì mới có thể đạt được một quan niệm đúng đắn nào đó về bản chất hay hữu thể của Ngài. Ngài không phải là Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, vì tâm thức chân ngã của Thượng đế còn hơn cả biểu hiện hồng trần của Ngài, nhưng *Agni là tổng thể của phần chân ngã của Thượng đế được phản chiếu xuống vận cụ hồng trần của Ngài; Ngài là sự sống của phàm ngã của Thượng đế, với tất cả những gì bao hàm trong cách diễn đạt đó.* Đối với Thái dương Thượng đế trên cõi riêng của Ngài, Ngài cũng như phàm ngã cố kết của một con người đối với chân ngã của y trong thể nguyên nhân. Đây là một điểm rất quan trọng cần nắm bắt, và nếu đạo sinh tham thiền về điểm này sẽ đem lại cho đạo sinh nhiều sự soi sáng. Sự sống của Ngài là sự sống dung hợp và hoà trộn bản chất tam phân của Thượng đế khi đang lâm phàm hồng trần; mãnh lực cố kết của Ngài là điều tạo nên sự hợp nhất của phàm ngã của Thượng đế tam phân, nhưng con người chỉ có thể đạt đến bản chất cốt yếu của Ngài bằng việc nghiên cứu vận cụ hồng trần của

personality reveals his nature as his life progresses; his psychic quality unfolds as the years slip away, and when he passes out of incarnation he is spoken of in terms of quality, good or bad, selfish or unselfish; the effect of his "emanation" during life is that which remains in men's minds. Thus only can the logoic personality express itself, and our knowledge of His nature is consequently limited by our close perspective, and handicapped by the fact that we are participants in His life, and integral parts of His manifestation.

Thượng đế—do đó mới có khó khăn; y chỉ có thể thấu hiểu bằng cách xem xét sự phát xạ thông linh của Ngài như có thể được cảm nhận và quan sát bằng cách nhìn lại lịch sử các nhân loại. Phàm ngã của con người tiết lộ bản chất của y khi đời sống của y tiến triển; phẩm tính thông linh của y khai mở khi năm tháng trôi qua, và khi y rời khỏi lâm phàm, người ta nói về y theo phẩm tính, tốt hay xấu, ích kỷ hay vị tha; hiệu quả của "sự phát xạ" của y trong đời sống là điều còn lại trong tâm trí con người. Chỉ bằng cách đó phàm ngã của Thượng đế mới có thể biểu lộ chính nó, và vì thế tri thức của chúng ta về bản chất của Ngài bị giới hạn do góc nhìn quá gần của chúng ta, và bị cản trở do chúng ta là những người tham dự vào đời sống của Ngài, và là những phần không thể tách rời trong biểu hiện của Ngài.

It is only as we begin to function upon the buddhic plane that we can in any way "live in the subjective" [Page 604] side of nature, and it is only as our knowledge of the spiritual life increases, and as we pass definitely through the portal of initiation into the fifth kingdom that we can appreciate the distinction between the dense physical, and the vital body. Only as we become polarised in the cosmic etheric body and are no longer held prisoner by a dense material sheath (for the three lower planes are but the dense body of the Logos) do we come to a fuller understanding of the psychic nature of the Logos, for we stand then in the body which bridges the gulf between the dense physical, and the astral body of the Logos. Only when this is the case do we understand the function of the Lord Agni as the vital life of the cosmic etheric, as the vitality of the Heavenly Men and the activity of Their sheaths.

Chỉ khi chúng ta bắt đầu hoạt động trên cõi Bồ đề thì chúng ta mới có thể theo bất kỳ cách nào "sống trong phương diện chủ quan" [Page 604] của tự nhiên, và chỉ khi tri thức của chúng ta về đời sống tinh thần gia tăng, và khi chúng ta dứt khoát đi qua cánh cổng điểm đạo vào giới thứ năm thì chúng ta mới có thể đánh giá được sự phân biệt giữa thể xác đậm đặc và thể sinh lực. Chỉ khi chúng ta trở nên phân cực trong thể dĩ thái vũ trụ và không còn bị một vỏ bọc vật chất đậm đặc giam giữ nữa (vì ba cõi thấp chỉ là thể xác đậm đặc của Thượng đế) thì chúng ta mới đi đến một sự thấu hiểu đầy đủ hơn về bản chất thông linh của Thượng đế, vì khi ấy chúng ta đứng trong thể dĩ thái vũ trụ bắc cầu qua vực ngăn cách giữa thể xác đậm đặc và thể cảm dục của Thượng đế. Chỉ khi điều này xảy ra chúng ta mới hiểu được chức năng của Chúa Tể Agni như sự sống sinh lực của dĩ thái vũ trụ, như sinh lực của các Đấng Thiên Nhân và hoạt động của các vỏ bọc của Các Ngài.

b. Agni and the Mental Plane.

I seek to deal with a very important point here, emphasising the close connection between Agni, the sumtotal of the life force of the logoic threefold personality, as He is seen at work on the mental plane (which closely concerns man), and that manifesting driving force or intelligent will which emanates from the cosmic mental plane. There is a very interesting series of correspondences to be worked out here and we might briefly indicate the lines to be followed in this connection by the ensuing tabulation:

b. Agni và cõi trí.

Ở đây tôi muốn bàn đến một điểm rất quan trọng, nhấn mạnh mối liên hệ chặt chẽ giữa Agni, tổng thể của sinh lực của phàm ngã tam phân của Thượng đế, như Ngài được thấy đang hoạt động trên cõi trí (điều liên hệ mật thiết với con người), và mãnh lực thúc đẩy biểu lộ hay ý chí thông tuệ phát ra từ cõi trí vũ trụ. Ở đây có một chuỗi tương ứng rất thú vị cần được triển khai và chúng ta có thể ngắn gọn chỉ ra các đường hướng cần theo trong mối liên hệ này bằng bảng sau:

The 5th cosmic plane	The cosmic mental.
The 5th systemic plane	The mental plane.
The 5th subplane of the physical	The gaseous.
The 5th principle	Manas.
The 5th Law	Fixation, the Law of Concretion.
The 5th Ray	Concrete knowledge.
The 5th round	The round of manasic attainment.
The 5th root-race	The Aryan. Mental development.
The 5th sub-race	The Teutonic and Anglo-Saxon. Concrete mind.
The 5th group of Devas	Fire Devas of the mental plane.
The 5th Manvantara	Three-fifths of the manasaputras achieve.

The 5th scheme	The Lord of concrete science.
The 5th Mahamanvantara (or solar system)	The solar Logos achieves His fifth major Initiation.
The 5th chain	Principal evolution—fire devas.
The 5th Hierarchy	The greater Builders.
Vibrations of fifth order	Manasic.

[Page 605] It will, therefore, be apparent that when the system is viewed in reverse order and the physical plane is counted as the first (as it often is when considering it as the field of strictly human evolution), that the third plane—the mental plane—comes under the same group of correspondences and Agni, as the energising factor of the dense physical body of the Logos, or as the fire of His most concrete manifestation, vitalising, warming and holding all together, has to be considered.

[Page 605] Do đó, sẽ rõ ràng rằng khi hệ được nhìn theo thứ tự đảo ngược và cõi hồng trần được tính là cõi thứ nhất (như thường được làm khi xem nó là lĩnh vực tiến hoá của riêng con người), thì cõi thứ ba—cõi trí—thuộc cùng một nhóm tương ứng và Agni, như yếu tố tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc của Thượng đế, hay như lửa của biểu hiện cụ thể nhất của Ngài, tiếp sinh lực, sưởi ấm và giữ mọi sự lại với nhau, phải được xem xét.

Three hierarchies are, in this mahamanvantara, of profound significance, the fourth or human Creative Hierarchy, and the two deva hierarchies, the fifth and sixth.

Ba Huyền Giai, trong đại giai kỳ sinh hóa này, có ý nghĩa sâu xa, Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư hay nhân loại, và hai Huyền Giai thiên thần, thứ năm và thứ sáu.

The fourth Hierarchy in the larger scheme is literally the ninth, for five hierarchies have earlier passed on and are considered as pure abstractions. In this system concretion concerns us, and the blending of form and of energy into one coherent whole. In the ninth, tenth and eleventh Hierarchies lie the clue to the nature of Agni, the Lord of fire, the sumtotal of systemic vitality. He who understands the significance of these figures, and their relation to each other as *the triple division of a Unity in time and space*

Huyền Giai thứ tư trong hệ lớn hơn theo nghĩa đen là thứ chín, vì năm Huyền Giai đã rời đi trước đó và được xem là những trừu tượng thuần túy. Trong hệ này, sự kết tinh cụ thể là điều liên quan đến chúng ta, và sự hoà trộn hình tướng với năng lượng thành một toàn thể cố kết. Trong Huyền Giai thứ chín, thứ mười và thứ mười một có manh mối về bản chất của Agni, Chúa Tể của lửa, tổng thể của sinh lực hệ thống. Ai hiểu được ý nghĩa của các con số này, và mối liên hệ của chúng với nhau như *sự phân chia tam*

will have discovered [Page 606] one of the keys which will unlock a door hitherto fast closed. They are the numbers of achievement, of potentiality brought into full activity and of innate capacity demonstrating in perfect fruition. All potentiality lies in the vitalising, energising power of Agni, and in His ability to stimulate. He is life itself, and the driving force of evolution, of psychic development and of consciousness. This fact is hidden in these figures, and not the evolution of substance, which is but a result, emanating from psychic causes. These three numbers are the basis of the cyclic calculations which concern the egoic cycles, and the cycles of Vishnu, as distinguished from the cycles dealing with the third aspect. Occult students have not sufficiently grasped the fact that objectivity is an inevitable result of an inner conscious subjective life. When this is better apprehended, bodies on the physical plane, for instance, will be purified, developed and beautified through a scientific attention paid to the development of the psyche, to the unfoldment of the Ego, and to the stimulation of the egoic vibration. The cause will be dealt with and not the effect, and hence the growing appreciation by the human family of the study of psychology, even though as yet they are but studying the kama-manasic body, and have not reached back to the egoic consciousness. The lunar Lords have had their day; now Agni, as the solar Lord of life and energy, will assume due importance in human life.

phân của một Hợp Nhất trong thời gian và không gian sẽ khám phá ra [Page 606] một trong những chìa khóa sẽ mở một cánh cửa từ trước đến nay vẫn đóng chặt. Chúng là những con số của thành tựu, của tiềm năng được đưa vào hoạt động trọn vẹn và của năng lực bẩm sinh biểu lộ trong sự viên mãn hoàn hảo. Mọi tiềm năng đều nằm trong quyền năng tiếp sinh lực và tiếp năng lượng của Agni, và trong khả năng kích thích của Ngài. Ngài là chính sự sống, và là mãnh lực thúc đẩy của tiến hoá, của sự phát triển thông linh và của tâm thức. Sự kiện này được ẩn giấu trong các con số này, chứ không phải sự tiến hoá của chất liệu, vốn chỉ là một kết quả, phát ra từ các nguyên nhân thông linh. Ba con số này là nền tảng của các tính toán chu kỳ liên quan đến các chu kỳ chân ngã, và các chu kỳ của Vishnu, phân biệt với các chu kỳ liên quan đến phương diện thứ ba. Các đạo sinh huyền bí học chưa nắm đủ sự kiện rằng tính khách quan là kết quả tất yếu của một đời sống chủ quan hữu thức bên trong. Khi điều này được lĩnh hội tốt hơn, chẳng hạn các thân thể trên cõi hồng trần sẽ được thanh lọc, phát triển và làm đẹp thông qua sự chú ý có tính khoa học dành cho sự phát triển của linh hồn, cho sự khai mở của chân ngã, và cho sự kích thích rung động chân ngã. Nguyên nhân sẽ được xử lý chứ không phải kết quả, và do đó gia đình nhân loại ngày càng đánh giá cao việc nghiên cứu tâm lý học, dù hiện nay họ mới chỉ nghiên cứu thể trí cảm, và chưa vươn ngược lên đến tâm thức chân ngã. Các nguyệt tinh quân đã có thời của họ; giờ đây Agni, như nhật tinh quân của sự sống và năng lượng, sẽ đảm nhận tầm quan trọng thích đáng trong đời sống con người.

c. Agni and the Three Fires.

c. Agni và Ba Lửa.

In studying the manifestation of Agni in the solar system it should be remembered that

Khi nghiên cứu biểu hiện của Agni trong hệ mặt trời, cần nhớ rằng ở đây chúng ta đang

we are considering here His essential nature as actuating fire. We have seen that He is the threefold logoic personality, but He is the threefold Logos in a subjective sense, and the form aspect is only subsidiary. Perhaps a tabulation may make this point clearer.[Page 607]

xem xét bản chất cốt yếu của Ngài như lửa thúc đẩy. Chúng ta đã thấy rằng Ngài là phàm ngã tam phân của Thượng đế, nhưng Ngài là Thượng đế tam phân theo nghĩa chủ quan, và phương diện hình tướng chỉ là thứ yếu. Có lẽ một bảng biểu sẽ làm điểm này rõ hơn.[Page 607]

TABULATION V

AGNI—LORD OF FIRE

BẢNG V

AGNI—CHÚA TỂ CỦA LỬA

Aspect	*Fire*	*Result*	*Subjective Manifestation*	*Origin of Energy*	*Objective Manifestation*
First, Will	Electric Fire	Activity of Spirit	The One Life. Unity. Spiritual. Dynamic. Coherence. Synthesis.	Central Spiritual Sun	The solar system (etheric and dense)
Second, Love-Wisdom	Solar Fire	Activity of Consciousness. Egoism. Vitality. Magnetism.	The seven Heavenly Men. The seven Rays The seven types of Mind.	The Heart of the Sun	The seven Rays.manifesting through the seven planetary schemes
Third, Activity	Fire by Friction	Activity in Matter. Atomic vitality. Energy.	The seven fires. The akasha.	The physical Sun	The seven planes

[Page 608] Each of these three aspects of the One Fire, showing as the Creative Fire, Preserving Fire, and Destroying Fire, must be studied as electrical phenomena, and this under the aspects of light, flame, and heat, of electricity, radiance and motion, of will, desire and action. Only thus will the true nature of Agni be apprehended. As the logoic personality He is demonstrating through a triplicity of sheaths forming a unity, and

[Page 608] Mỗi một trong ba phương diện này của Lửa Duy Nhất, biểu lộ như Lửa Sáng Tạo, Lửa Bảo Tồn, và Lửa Hủy Diệt, phải được nghiên cứu như các hiện tượng điện, và xét dưới các phương diện ánh sáng, ngọn lửa, và nhiệt; của điện, sự rạng ngời và chuyển động; của ý chí, dục vọng và hành động. Chỉ như thế bản chất chân thực của Agni mới được lĩnh hội. Là phàm ngã của Thượng đế, Ngài đang biểu lộ qua một bộ ba vỏ bọc tạo

only thus will it become apparent why at this stage in evolution the material aspect is the most considered.

thành một khối thống nhất, và chỉ như thế mới trở nên rõ ràng vì sao ở giai đoạn tiến hoá này phương diện vật chất lại được xem xét nhiều nhất.

The entire system is the physical sheath of the Logos and consequently the most easily cognised, for the Logos is as yet centred in His cosmic sheaths and can only reveal Himself through their medium.

Toàn bộ hệ là vỏ bọc hồng trần của Thượng đế và do đó là điều dễ nhận biết nhất, vì Thượng đế hiện vẫn còn tập trung trong các vỏ bọc vũ trụ của Ngài và chỉ có thể tự biểu lộ qua trung gian của chúng.

Man's just apprehension of this mystery of electricity will only come about as he studies himself, and knows himself to be a triple fire, manifesting in many aspects.

Sự lĩnh hội đúng đắn của con người về huyền nhiệm điện này sẽ chỉ đến khi y nghiên cứu chính mình, và biết mình là một ngọn lửa tam phân, biểu lộ trong nhiều phương diện.

MAN, A FIRE

CON NGƯỜI, MỘT NGỌN LỬA

Monadic fire	Electric fire	Spirit Will	The Central Spiritual Sun.
Egoic fire	Solar fire	Consciousness Love-Wisdom	The Heart of the Sun.
Personality fire	Fire by friction	Physical man	Physical Sun.

Each of these fires can also be studied in a threefold manner and under three aspects.

Mỗi ngọn lửa này cũng có thể được nghiên cứu theo cách tam phân và dưới ba phương diện.

THE MONAD

CHÂN THẦN

Will aspect	Electric fire	Flame	Spiritual Will.
Love-wisdom	Solar fire	Light	Spiritual Love.

	Fire by friction	Heat		Spiritual Intelligence.
Active Intelligence				

[Page 609] [Page 609]

THE EGO CHÂN NGÃ

Will	Atma	Electric fire	The spark The Jewel in the Lotus	Conscious Will.
Love-Wisdom	Buddhi	Solar fire	The rays The twelve-petalled lotus.	Conscious Love.
Active Intelligence	Manas	Fire by friction	Substance The permanent atoms.	Conscious Activity

THE PERSONALITY PHÀM NGÃ

Will	Mental body	Electric fire	Lower mind	Thought
Love	Astral body	Solar fire	Kama	Desire
Activity	Physical body	Fire by friction	Prana	Activity

I seek to emphasise here the fact that in this threefold manifestation there is a ninefold unfoldment. It should ever be borne in mind that seven is the number which governs the evolution of substance and of form building in the solar system, but that nine is the number governing the development of the consciousness within that form of the

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh sự kiện rằng trong biểu hiện tam phân này có một sự khai mở cửu phân. Cần luôn ghi nhớ rằng bảy là con số chi phối sự tiến hoá của chất liệu và của việc kiến tạo hình tướng trong hệ mặt trời, nhưng chín là con số chi phối sự phát triển của tâm thức bên trong hình tướng đó của linh hồn. Điều này được thấy trong sự

psyche. This is seen in the sevenfold display of logoic life through the planetary scheme, and the ninefold nature of egoic unfoldment.

biểu lộ thất phân của sự sống của Thượng đế qua hệ hành tinh, và bản chất cửu phân của sự khai mở chân ngã.

If the student here substitutes for the words, Monad, Ego and personality, the three aspects of the Logos, and will bear in mind that as yet all that he can ascertain or cognise is the lowest of the logoic manifestations—the personality—it will be apparent why so much must remain mysterious to even the higher grades of initiates, and why even the perfected Dhyan Chohan cannot penetrate the secrets of the Logos outside His system. (189) They [Page 610] can cognise much concerning Agni, the Lord of Fire, but until They can contact that of which He is an emanation, a reflection or a ray, there is a limit to what may be known..

Nếu ở đây đạo sinh thay thế các từ chân thần, chân ngã và phàm ngã bằng ba phương diện của Thượng đế, và ghi nhớ rằng hiện nay tất cả những gì y có thể xác định hay nhận biết chỉ là biểu hiện thấp nhất của Thượng đế—phàm ngã—thì sẽ rõ vì sao quá nhiều điều vẫn phải còn huyền nhiệm ngay cả đối với các cấp điểm đạo đồ cao hơn, và vì sao ngay cả Dhyan Chohan hoàn hảo cũng không thể xuyên thấu các bí mật của Thượng đế bên ngoài hệ của Ngài. (189) Các Ngài [Page 610] có thể nhận biết nhiều điều về Agni, Chúa Tể của Lửa, nhưng cho đến khi Các Ngài có thể tiếp xúc với điều mà Ngài là một phát xạ, một phản chiếu hay một tia của nó, thì vẫn có một giới hạn đối với điều có thể được biết.

(189) H. P. B. in the *Secret Doctrine* refers to "...the solution of the riddle...before which even the highest Dhyan Chohan must bow in silence and ignorance—the Unspeakable Mystery of that which is called by the Vedantins, Parabrahman."—S. D., I, 352. (back)

(189) H. P. B. trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* nhắc đến "...lời giải của câu đố...trước điều ấy ngay cả Dhyan Chohan cao nhất cũng phải cúi đầu trong im lặng và vô minh—Huyền Nhiệm Bất Khả Ngôn Thuyết của điều mà các nhà Vedanta gọi là Parabrahman."—S. D., I, 352. (back)

Agni is Fohat, the threefold Energy (emanating from the logoic Ego) which produces the solar system, the physical vehicle of the Logos, and animates the atoms of substance. He is the basis of the evolutionary process, or the cause of the psychic unfoldment of the Logos, and He is that vitality which ultimately brings about a divine synthesis in which the form approximates subjective demand, and after being consciously directed, and manipulated, is finally discarded. This is the goal for the Logos as it is for man; this marks

Agni là Fohat, Năng Lượng tam phân (phát ra từ chân ngã của Thượng đế) tạo ra hệ mặt trời, vận cụ hồng trần của Thượng đế, và làm sinh động các nguyên tử của chất liệu. Ngài là nền tảng của tiến trình tiến hoá, hay nguyên nhân của sự khai mở thông linh của Thượng đế, và Ngài là sinh lực cuối cùng đem lại một sự tổng hợp thiêng liêng trong đó hình tướng tiến gần đến chỗ đáp ứng yêu cầu chủ quan, và sau khi được chỉ đạo và vận dụng một cách hữu thức, cuối cùng bị loại bỏ. Đây là mục tiêu đối với Thượng đế cũng như đối với con người; điều này đánh dấu sự

the final liberation of a human being, of a Heavenly Man and of a solar Logos.

giải thoát cuối cùng của một con người, của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế.

We could divide the process into three periods:

Chúng ta có thể chia tiến trình thành ba thời kỳ:

First. The period wherein the fire of matter (the heat of mother) hides, nourishes and brings to birth the infant Ego. This is the period of purely personality life, when the third aspect dominates, and man is in the veil of illusion.

Thứ nhất. Thời kỳ trong đó lửa của vật chất (nhiệt của mẹ) che giấu, nuôi dưỡng và sinh ra chân ngã sơ sinh. Đây là thời kỳ của đời sống thuần túy phàm ngã, khi phương diện thứ ba chi phối, và con người ở trong màn ảo tưởng.

Second. The period wherein the Ego, or subjective life within the form, passes through certain stages of unfoldment, and comes to an ever fuller consciousness. This is the period of egoic development, and is produced by the gradual merging and blending of the two fires. It is the life of service and of the Path.

Thứ hai. Thời kỳ trong đó chân ngã, hay sự sống chủ quan bên trong hình tướng, đi qua một số giai đoạn khai mở, và đi đến một tâm thức ngày càng đầy đủ hơn. Đây là thời kỳ phát triển chân ngã, và do sự hợp nhất và hoà trộn dần dần của hai ngọn lửa tạo ra. Đây là đời sống phụng sự và của Đường Đạo.

Third. The period wherein the egoic consciousness itself is superseded by spiritual realisation, and the fire of Spirit blends with the other two.

Thứ ba. Thời kỳ trong đó sự chứng nghiệm tinh thần thay thế chính tâm thức chân ngã, và lửa của tinh thần hoà trộn với hai ngọn lửa kia.

At first the personality acts the part of mother, or of material aspect, to the germ of the inner life. Then [Page 611] the Ego manifests its life within the personal life, and produces a shining forth which "groweth ever more and more until the perfect day." *(Bible. Proverbs IV, 18.)* At that perfect day of revelation it is seen what man in essence is, and the Spirit within is revealed. This can be studied from the Christian angle, and Paul was but voicing an occult truth when he enunciated the facts concerning the birth of the Christ within the heart, and the growth of the higher life at the expense of the lower. Thus also can it be taught along occult, and not mystic, lines in

Thoạt đầu phàm ngã đóng vai người mẹ, hay phương diện vật chất, đối với mầm sống bên trong. Rồi [Page 611] chân ngã biểu lộ sự sống của nó bên trong đời sống cá nhân, và tạo ra một sự toả sáng "càng lúc càng tăng cho đến ngày trọn lành." *(Kinh Thánh. Châm Ngôn IV, 18.)* Vào ngày trọn lành của sự mặc khải đó, người ta thấy con người trong bản chất cốt yếu là gì, và tinh thần bên trong được tiết lộ. Điều này có thể được nghiên cứu từ góc độ Cơ Đốc giáo, và Paul chỉ đang phát biểu một chân lý huyền bí khi ông nêu ra các sự kiện liên quan đến sự sinh ra của Đức Christ trong tim và sự tăng trưởng của đời sống cao hơn bằng cái giá của đời sống thấp hơn. Cũng vậy, điều này có thể được giảng

the recognition (by science) of the vitalisation of the permanent atoms (the force centres of the sheaths or substance), of the unfoldment of the egoic lotus, and the awakening of its petals, and in the final revelation of the jewel in the lotus.

dạy theo các đường lối huyền bí học, chứ không phải thần bí học, trong việc khoa học thừa nhận sự tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn (các trung tâm mãnh lực của các vỏ bọc hay chất liệu), sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã, và sự thức tỉnh của các cánh hoa của nó, và trong sự mặc khải cuối cùng của ngọc châu trong hoa sen.

All that can be said of man can be predicated of the Logos on an inconceivably greater scale. As man discovers the laws of his own material sheaths—the laws of substance—he is ascertaining the nature of the fires of the outer man or Fohat, as he vitalises the logoic vehicle; the fires of his own sheaths are aspects of Agni as the fire of matter. As he ascertains the nature of consciousness, and the laws of psychical unfoldment he is studying the nature of the vitality of the subjective man, and the laws of conscious being, thus studying Agni as He manifests as Light and Cool Radiance, shining through the vehicle. Later (for the time is not yet) as he comes to comprehend the nature of his Monad, the spiritual or essential life which is developing consciousness by means of the sheaths, he will discover the nature of Agni as He shews forth as pure electricity. Even though this is not yet possible, nevertheless the statement as to the lines of investigation which can be pursued, and the realisation of that which may eventually [Page 612] be achieved, may cause men's minds to turn to the study of the real and of the true.

Tất cả những gì có thể nói về con người đều có thể được khẳng định về Thượng đế trên một quy mô lớn hơn không thể tưởng tượng nổi. Khi con người khám phá các định luật của các vỏ bọc vật chất của chính mình—các định luật của chất liệu—y đang xác định bản chất của các ngọn lửa của con người bên ngoài hay Fohat, khi y tiếp sinh lực cho vận cụ của Thượng đế; các ngọn lửa của chính các vỏ bọc của y là các phương diện của Agni như lửa của vật chất. Khi y xác định bản chất của tâm thức, và các định luật của sự khai mở thông linh, y đang nghiên cứu bản chất của sinh lực của con người chủ quan, và các định luật của hữu thể hữu thức, nhờ đó nghiên cứu Agni như Ngài biểu lộ như Ánh Sáng và Sự Rạng Ngời Mát Dịu, chiếu xuyên qua vận cụ. Về sau (vì thời điểm ấy chưa đến) khi y đi đến chỗ hiểu được bản chất của chân thần của mình, sự sống tinh thần hay cốt yếu đang phát triển tâm thức bằng phương tiện các vỏ bọc, y sẽ khám phá bản chất của Agni như Ngài biểu lộ như điện thuần túy. Dù cho điều này hiện chưa thể có, tuy nhiên việc nêu ra các đường hướng nghiên cứu có thể được theo đuổi, và sự chứng nghiệm về điều cuối cùng có thể [Page 612] đạt được, có thể khiến tâm trí con người hướng đến việc nghiên cứu cái thực và cái chân.

2.The fire devas, the Greater Builders — 2. Các thiên thần lửa, các đấng đại kiến tạo

I have divided the groups of devas and elementals into evolutionary and involutionary Builders—those who are in themselves positive force, and those which are negative force, the conscious and the blind workers. It is absolutely essential that students bear in mind here that we are studying the mystery of electricity and therefore must remember the following facts:—

Tôi đã chia các nhóm thiên thần và hành khí thành các đấng kiến tạo thăng thượng tiến hoá và giáng hạ tiến hoá—những vị tự thân là mãnh lực dương, và những vị là mãnh lực âm, những người hoạt động hữu thức và những người hoạt động mù quáng. Điều tuyệt đối thiết yếu là các đạo sinh ở đây phải ghi nhớ rằng chúng ta đang nghiên cứu huyền nhiệm điện và do đó phải nhớ các sự kiện sau đây:—

a. *Introductory Remarks.*

a. *Nhận xét nhập đề.*

The Mystery of Electricity. The greater Builders are the positive aspect of substance or of electrical phenomena whilst the lesser Builders are the negative aspect.

Huyền nhiệm Điện. Các đấng đại kiến tạo là phương diện dương của chất liệu hay của các hiện tượng điện trong khi các vị tiểu kiến tạo là phương diện âm.

Two types of force are represented in the activities of these two groups and it is their interaction and interplay which produces Light, or the manifested solar system.

Hai loại mãnh lực được biểu hiện trong các hoạt động của hai nhóm này và chính sự tương tác cùng tác động qua lại của chúng tạo ra Ánh Sáng, hay hệ mặt trời biểu lộ.

Their sumtotal is substance in its totality, the intelligent active form, built for the purpose of providing a habitation for a central subjective life.

Tổng thể của chúng là toàn bộ chất liệu, hình tướng thông tuệ hoạt động, được xây dựng nhằm cung cấp một nơi cư ngụ cho một sự sống chủ quan trung tâm.

They are also the sumtotal of the Pitris, (191) or Fathers of mankind, viewing mankind as the race itself, the fourth kingdom in nature, the Heavenly Men *in physical manifestation.* This is a most important point to emphasise. These deva activities in relation to Self-Consciousness (which is the distinctive characteristic of humanity) can best be studied in the large, or through [Page 613] the consideration of groups, of races, and of the life of the

Chúng cũng là tổng thể của các Pitris, (191) hay các Cha của nhân loại, nếu xem nhân loại như một toàn thể, giới thứ tư trong thiên nhiên, các Đấng Thiên Nhân *trong biểu hiện hồng trần*. Đây là một điểm cực kỳ quan trọng cần nhấn mạnh. Các hoạt động thiên thần này trong liên hệ với Ngã thức (vốn là đặc tính phân biệt của nhân loại) có thể được nghiên cứu tốt nhất trên quy mô lớn, hay qua [Page 613] việc xem xét các nhóm, các

scheme, the manifestation of one of the Heavenly Men.

nhân loại, và đời sống của hệ hành tinh, biểu hiện của một trong các Đấng Thiên Nhân.

(191) The Lunar Pitris.

(191) Các thái âm tổ phụ.

"The great Chohans called the Lords of the Moon, of the airy bodies: "Bring forth Men," they were told, "men of your nature. Give them their forms within. She (Mother Earth) will build coverings without (for external bodies). Males—females will they be. Lords of the Flame also....They went each on his allotted lands: Seven of them each on his lot. The Lords of the Flame remained behind. They would not go. They would not create."—Stanza III, 12, 13, S. D., II, 79, 81. (back)

"Các Chohan vĩ đại được gọi là Chúa Tể của Mặt Trăng, của các thể khí: 'Hãy sinh ra Con Người,' họ được bảo, 'những con người theo bản chất của các ngươi. Hãy cho họ các hình tướng bên trong của họ. Bà (Mẹ Đất) sẽ xây các lớp bao bọc bên ngoài (cho các thể bên ngoài). Họ sẽ là nam—nữ. Các Chúa Tể của Ngọn Lửa cũng vậy....Mỗi vị đi đến vùng đất được phân cho mình: bảy vị, mỗi vị trên phần của mình. Các Chúa Tể của Ngọn Lửa ở lại phía sau. Họ không muốn đi. Họ không muốn sáng tạo.'—Bài kệ III, 12, 13, S. D., II, 79, 81. (back)

When the student brings his study of deva work down to the terms of his own individual life he is apt to become confused through too close a juxtaposition.

Khi đạo sinh đưa việc nghiên cứu công việc thiên thần xuống các thuật ngữ của chính đời sống cá nhân của mình, y thường trở nên rối rắm vì sự đối chiếu quá sát.

The greater Builders are the solar Pitris, whilst the lesser Builders are the lunar ancestors. I would here explain the occult meaning of the word "ancestor," as used in esotericism. It means literally initiatory life impulse. It is that subjective activity which produces objectivity, and concerns those emanatory impulses which come from any positive centre of force, and which sweep the negative aspect into the line of that force, and thus produce a form of some kind. The word "ancestor" is used in connection with both aspects.

Các đấng đại kiến tạo là các thái dương tổ phụ, trong khi các vị tiểu kiến tạo là các tổ tiên thái âm. Ở đây tôi muốn giải thích ý nghĩa huyền bí của từ "tổ tiên," như được dùng trong nội môn học. Nó có nghĩa đen là xung lực sự sống khởi phát. Đó là hoạt động chủ quan tạo ra tính khách quan, và liên quan đến những xung lực phát xạ đến từ bất kỳ trung tâm mãnh lực dương nào, và cuốn phương diện âm vào đường của mãnh lực đó, nhờ đó tạo ra một hình tướng nào đó. Từ "tổ tiên" được dùng liên hệ với cả hai phương diện.

The solar Logos is the initiatory impulse or Father of the Son in His physical incarnation, a solar system. He is the sumtotal of the Pitris, in the process of providing *form*. The union of Father (positive force) and Mother (negative force)

Thái dương Thượng đế là xung lực khởi phát hay Cha của Con trong lần lâm phàm hồng trần của Ngài, một hệ mặt trời. Ngài là tổng thể của các Pitris, trong tiến trình cung cấp *hình tướng*. Sự kết hợp của Cha (mãnh lực dương) và Mẹ (mãnh lực âm) tạo ra ngọn lửa

produces that central blaze which we call the form, the body of manifestation of the Son. *A Heavenly Man* holds an analogous position in relation to a planetary scheme. He is the central germ of positive life or force, which, in due course of time, demonstrates as a planetary scheme, or an incarnation of the planetary Logos. *A man* similarly is the positive life or energy which, through action on negative force, creates bodies of manifestation through which he can shine or radiate. (192) (193) (194)

trung tâm mà chúng ta gọi là hình tướng, thân thể biểu lộ của Con. *Một Đấng Thiên Nhân* giữ một vị trí tương tự trong liên hệ với một hệ hành tinh. Ngài là mầm trung tâm của sự sống hay mãnh lực dương, điều theo tiến trình thời gian thích hợp biểu lộ thành một hệ hành tinh, hay một lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế. *Một con người* cũng tương tự là sự sống hay năng lượng dương, qua tác động lên mãnh lực âm, tạo ra các thân thể biểu lộ qua đó y có thể chiếu sáng hay phát xạ. (192) (193) (194)

(192) The Lunar Pitris created the physical man.—S. D., I, 114, 197.

(192) Các thái âm tổ phụ đã tạo ra con người hồng trần.—S. D., I, 114, 197.

They exist in three great classes.

Các ngài tồn tại trong ba loại lớn.

1. The most developed. They form, in Round one, the sumtotal of the three kingdoms, and achieve a human form.—S. D., I, 203.

1. Loại phát triển nhất. Trong cuộc tuần hoàn một, các ngài tạo thành tổng thể của ba giới, và đạt được hình tướng con người.—S. D., I, 203.

In Rounds two and three they are the sumtotal of that which will eventually be human.

Trong các cuộc tuần hoàn hai và ba, các ngài là tổng thể của điều cuối cùng sẽ trở thành con người.

In Round four at the beginning they form the etheric bodies of our Earth humanity.

Trong cuộc tuần hoàn bốn lúc khởi đầu, các ngài tạo thành các thể dĩ thái của nhân loại Trái Đất chúng ta.

2. Those whose bodies are taken by the Solar Angels.—S. D., I, 203.

2. Những vị có thân thể được các Thái dương Thiên Thần tiếp nhận.—S. D., I, 203.

3. The sum total of the three kingdoms at present known. (back)

3. Tổng thể của ba giới hiện nay đã được biết. (back)

(193) The Earth gives man his body; the Gods give him his five inner principles...Spirit is one.—S. D., I, 248.

(193) Trái Đất cho con người thân thể của y; các Thượng đế cho y năm nguyên khí bên trong...Tinh thần là một.—S. D., I, 248.

1. The Earth gives the dense physical.

1. Trái Đất cho thể xác đậm đặc.

2. The Lunar Gods give him three lower principles—

a. Etheric body

b. Prana

c. Kama—manas

3. The Solar Gods give him two principles—

d. Lower mind

e. Higher mind

4. The Monad is the unified two highest principles—

f. Buddhi

g. Atma

—S. D., I, 248. D., I, 352. (back)

(194) The totality of form. God is "One, notwithstanding the innumerable forms which are in Him," so is man, on earth the microcosm of the macrocosm.—S. D., II, 197; II, 303; III, 584.

Everything is comprised in man.

He unites in himself all forms.

The mystery of the earthly man is the mystery of the Heavenly Man.

2. Các Thượng đế Thái Âm cho y ba nguyên khí thấp—

a. thể dĩ thái

b. prana

c. trí-cảm

3. Các Thượng đế Thái Dương cho y hai nguyên khí—

d. Hạ trí

e. Thượng trí

4. Chân thần là hai nguyên khí cao nhất được hợp nhất—

f. Bồ đề

g. atma

—S. D., I, 248. D., I, 352. (back)

(194) Tính toàn thể của hình tướng. Thượng đế là "Một, bất chấp vô số hình tướng ở trong Ngài," con người cũng vậy, trên trái đất là tiểu thiên địa của đại thiên địa.—S. D., II, 197; II, 303; III, 584.

Mọi sự đều được bao hàm trong con người.

Y hợp nhất trong chính mình mọi hình tướng.

Huyền nhiệm của con người trần thế là huyền nhiệm của Đấng Thiên Nhân.

The potentiality of every organ useful to animal life is locked up in man, the Microcosm of the Macrocosm.—S. D., II, 723. (back)

Tiềm năng của mọi cơ quan hữu ích cho đời sống động vật đều được khóa kín trong con người, Tiểu thiên địa của Đại thiên địa.—S. D., II, 723. (back)

The lesser Builders (195) are the negative aspect and are swept into action in group formation through the play [Page 614] of positive force upon them, or through the action of the conscious Minds of the system.

Các vị tiểu kiến tạo (195) là phương diện âm và bị cuốn vào hoạt động theo nhóm qua tác động [Page 614] của mãnh lực dương lên chúng, hay qua tác động của các Trí Tuệ hữu thức của hệ.

(195) Pitris—The ancestors or creators of mankind. They are of seven classes, three of which are incorporeal and four corporeal. These are usually called the Lunar Pitris or Ancestors and must not be confounded with the Solar Pitris or Angels, who give mind to man, and create the relatively permanent body of the ego, or Higher Self. of every organ useful to animal life is locked up in man, the Microcosm of the Macrocosm.—S. D., II, 723. (back)

(195) Pitris—Các tổ tiên hay các đấng sáng tạo của nhân loại. Các ngài thuộc bảy loại, ba loại không có thân thể và bốn loại có thân thể. Các ngài thường được gọi là các thái âm tổ phụ hay Tổ Tiên và không được nhầm lẫn với các thái dương tổ phụ hay các Thiên Thần, những vị ban trí tuệ cho con người, và tạo ra thân thể tương đối trường tồn của chân ngã, hay Chân ngã. của mọi cơ quan hữu ích cho đời sống động vật đều được khóa kín trong con người, Tiểu thiên địa của Đại thiên địa.—S. D., II, 723. (back)

At the present stage of evolution—during the period of Light—it is difficult for the human being (until he has attained the consciousness of the Ego) to differentiate between the types of force, and to work *consciously* with these dual aspects. An Adept of the Light works with force in substance, viewing substance as that which is negative, and therefore occultly to be moved, and He can do this because He has (in the three worlds of His endeavour) achieved unity, or the point of balance and equilibrium, and can therefore balance forces and deal with positive and negative energies as appears best in the interests of the plan of evolution. The Brother of Darkness, knowing himself to be positive force in essence, works with negative substance, or with the lesser Builders to bring about ends [Page 615] of his own,

Ở giai đoạn tiến hoá hiện nay—trong thời kỳ Ánh Sáng—con người khó (cho đến khi y đạt được tâm thức chân ngã) phân biệt giữa các loại mãnh lực, và hoạt động *một cách hữu thức* với các phương diện nhị nguyên này. Một chân sư của Ánh Sáng làm việc với mãnh lực trong chất liệu, xem chất liệu là phương diện âm và do đó, theo nghĩa huyền bí, là đối tượng được làm cho chuyển động, và Ngài có thể làm điều này vì Ngài đã (trong ba cõi giới của nỗ lực của Ngài) đạt được sự hợp nhất, hay điểm quân bình và cân bằng, và do đó có thể cân bằng các mãnh lực và xử lý các năng lượng dương và âm theo cách tốt nhất cho lợi ích của Thiên Cơ tiến hoá. Huynh Đệ của Bóng Tối, biết mình về bản chất là mãnh lực dương, làm việc với chất liệu âm, hay với các vị tiểu kiến tạo để đạt đến các mục đích [Page 615] riêng của y, do động cơ ích kỷ thúc đẩy. Các Huynh Đệ của

incited thereto by selfish motive. The Brothers of Light co-operate with the positive aspect in, and of, all forms—the building devas of evolutionary intent—in order to bring about the purposes of the Heavenly Man Who is the sumtotal of planetary physical manifestation.

Ánh Sáng hợp tác với phương diện dương trong, và của, mọi hình tướng—các thiên thần kiến tạo có ý hướng tiến hoá—để thực hiện các mục đích của Đấng Thiên Nhân là tổng thể của biểu hiện hồng trần hành tinh.

It can be seen, therefore, how necessary it is that the functions of the devas of all grades be comprehended. It is however equally important that man should refrain from the manipulation of these forces of nature until such time as he "knows" himself, and his own powers, and until he has fully unfolded the consciousness of the ego; then, and only then, can he safely, wisely, and intelligently co-operate in the plan. As yet, for the average man or even the advanced man this is dangerous to attempt and impossible to accomplish.

Do đó, có thể thấy việc thấu hiểu các chức năng của các thiên thần thuộc mọi cấp bậc là cần thiết biết bao. Tuy nhiên, điều cũng quan trọng không kém là con người phải tránh thao túng các mãnh lực thiên nhiên này cho đến khi y "biết" chính mình, và các quyền năng của chính y, và cho đến khi y đã khai mở trọn vẹn tâm thức của chân ngã; khi ấy, và chỉ khi ấy, y mới có thể hợp tác một cách an toàn, minh triết và thông tuệ vào Thiên Cơ. Hiện nay, đối với người trung bình hay ngay cả người tiến bộ, việc thử làm điều này là nguy hiểm và không thể thực hiện được.

Now, let us add a few more statements upon which the student can ponder before we pass on to study specifically the three main groups of building devas on the three planes in the three worlds which most intimately concern man.

Giờ đây, chúng ta hãy thêm một vài phát biểu nữa để đạo sinh có thể suy ngẫm trước khi chúng ta chuyển sang nghiên cứu một cách chuyên biệt ba nhóm chính của các thiên thần kiến tạo trên ba cõi trong ba cõi giới có liên hệ mật thiết nhất với con người.

The building devas (196) are the Ah-hi, or Universal Mind. They contain within their consciousness the plan logoic, [Page 616] and inherently possess the power to work it out in time and space, being the conscious forces of evolution.

Các thiên thần kiến tạo (196) là các Ah-hi, hay Vũ Trụ Trí. Các vị này chứa đựng trong tâm thức của mình Thiên Cơ của Thượng đế, [Page 616] và vốn sẵn có quyền năng triển khai Thiên Cơ ấy trong thời gian và không gian, vì là các mãnh lực hữu thức của tiến hoá.

(196) Devas. "...he would have (1) divided the Devas into two classes—and called them the "Rupa-devas" and the "Arupa-devas" (the "form" or objective, and the "formless" or subjective Dhyan Chohans; and (2) would have done the same for his class of "men"

(196) Các thiên thần. "...ông ấy hẳn đã (1) chia các thiên thần thành hai loại—và gọi họ là các "Rupa-devas" và các "Arupa-devas" (các Dhyan Chohans "có hình tướng" hay khách quan, và "vô tướng" hay chủ quan; và (2) cũng sẽ làm như vậy đối với loại "người"

since there are Shells and “Mara-rupas”—i.e. bodies doomed to annihilation. All these are:

của ông ấy vì có các Vỏ và các “Mara-rupas”—tức là các thân thể bị định sẽ bị hủy diệt. Tất cả những điều này là:

They not only embody the Divine Thought but are that through which it manifests, and its actuating activity. They are essentially motion. The lesser builders are more particularly the material form which is actuated, and in their cohorts are the substance of matter (considering substance as that which lies back of matter).

Các vị ấy không những hiện thân cho Tư Tưởng thiêng liêng mà còn là cái qua đó Tư Tưởng ấy biểu lộ, và là hoạt động thúc đẩy của nó. Về bản chất, các vị ấy là chuyển động. Các vị tiểu kiến tạo đặc biệt là hình tướng vật chất được tác động, và khi hợp thành đoàn ngũ, các vị ấy là chất liệu của vật chất (xét chất liệu như cái nằm phía sau vật chất).

They are that which produces concretion and which gives form to the abstract. The terms “ rupa” and “arupa” devas are relative, (197) for the formless levels and the formless lives are only so from the standpoint of man in the three worlds; the formless lives are those which are functioning in and through the etheric body of the Logos, formed of the matter of the four higher planes of the system.

Các vị ấy là cái tạo ra sự kết tụ và cái ban hình tướng cho điều trừu tượng. Các thuật ngữ “rupa” và “arupa” thiên thần là tương đối, (197) vì các cấp độ vô tướng và các sự sống vô tướng chỉ là như vậy theo quan điểm của con người trong ba cõi giới; các sự sống vô tướng là những sự sống đang hoạt động trong và qua thể dĩ thái của Thượng đế, được tạo thành từ vật chất của bốn cõi cao của hệ thống.

(197) Rupa……with form or body.

(197) Rupa…… có hình tướng hay thân thể.

Arupa…… formless or bodiless.

Arupa…… vô tướng hay không có thân thể.

Generally speaking, the term rupa is applied to all forms in the three worlds whilst the term arupa is applied to all forms through which existences manifest on the four higher levels of the solar system and the abstract levels of the mental plane. (back)

Nói chung, thuật ngữ rupa được áp dụng cho mọi hình tướng trong ba cõi giới trong khi thuật ngữ arupa được áp dụng cho mọi hình tướng qua đó các hiện hữu biểu lộ trên bốn cấp độ cao của hệ mặt trời và các cấp độ trừu tượng của cõi trí. (back)

From this point of view the mental plane provides an interesting consideration:—its three higher subplanes are positive, and centralise the positive force of the plane. This focussing of the positive affects the negative substance of the four lower planes and brings about likewise:

Từ quan điểm này, cõi trí đem lại một điều đáng suy xét thú vị:—ba cõi phụ cao của nó là dương, và tập trung mãnh lực dương của cõi. Sự hội tụ của yếu tố dương này tác động đến chất liệu âm của bốn cõi thấp và cũng đưa đến:

a. The formation of force centres on the causal levels, those force centres being egoic groups in their various divisions.

a. Sự hình thành các trung tâm lực trên các cấp độ nguyên nhân, các trung tâm lực ấy là các nhóm chân ngã trong những phân bộ khác nhau của chúng.

b. The concretion of substance, or the building of the dense physical body of the Logos.

b. Sự kết tụ của chất liệu, hay sự kiến tạo thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế.

On the physical plane of the solar system an analogous process can be seen taking place as regards the physical [Page 617] body of man, or his concrete manifestation. In his case, the fourth subplane is the focal point of positive force. On that plane are located *the etheric centres of man, which have, in the evolutionary process and in the work of force direction, a relationship to his physical body similar to the relationship which groups of Egos on the mental plane have to the dense physical body of the Logos. This is a profound occult hint.*

Trên cõi hồng trần của hệ mặt trời, có thể thấy một tiến trình tương tự đang diễn ra liên quan đến thể xác hồng trần [Page 617] của con người, hay sự biểu lộ cụ thể của y. Trong trường hợp của y, cõi phụ thứ tư là tiêu điểm của mãnh lực dương. Trên cõi ấy tọa lạc *các trung tâm dĩ thái của con người, những trung tâm này, trong tiến trình tiến hoá và trong công việc định hướng mãnh lực, có một mối liên hệ với thể xác hồng trần của y tương tự như mối liên hệ mà các nhóm chân ngã trên cõi trí có với thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế. Đây là một gợi ý huyền bí sâu xa.*

In the words “prana and the etheric body” (or life force and form) we have the key to the mystery of the solar and lunar pitris, and a hint as to the place of the physical body in the scheme of things.

Trong các từ “prana và thể dĩ thái” (hay sinh lực và hình tướng), chúng ta có chiếc chìa khóa mở ra huyền nhiệm của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ, cùng một gợi ý về vị trí của thể xác hồng trần trong hệ thống sự vật.

The solar Pitris and devas find their force expression most adequately through man, with all that is included in that term. They are the source of his self-consciousness, and it is their action upon the negative aspect which produces the human Ego (on a large scale, viewing them in their totality as cosmic force); it is their action upon the negative or mother aspect which, on cosmic levels, produces that Self-conscious Unity, a solar Logos, functioning through His physical vehicle. From the Christian

Các thái dương tổ phụ và các thiên thần tìm thấy sự biểu lộ mãnh lực của mình đầy đủ nhất qua con người, với tất cả những gì được bao hàm trong thuật ngữ đó. Các vị ấy là nguồn gốc của ngã thức của con người, và chính tác động của các vị ấy lên phương diện âm tạo ra chân ngã con người (trên quy mô lớn, khi xem các vị ấy trong tính tổng thể như mãnh lực vũ trụ); chính tác động của các vị ấy lên phương diện âm hay phương diện Mẹ, trên các cấp độ vũ trụ, tạo ra Hợp Nhất hữu ngã thức ấy, một Thái dương

standpoint, the greater Builders are the Holy Spirit, or force overshadowing and fecundating matter, whilst the negative or lesser Builders correspond to the Virgin Mary.

Thượng đế, đang hoạt động qua vận cụ hồng trần của Ngài. Theo quan điểm Cơ Đốc giáo, các đấng đại kiến tạo là Chúa Thánh Thần, hay mãnh lực phủ bóng và làm thụ thai vật chất, trong khi các đấng kiến tạo âm hay tiểu kiến tạo tương ứng với Đức Trinh Nữ Maria.

The lunar Pitris, and lesser builders from the systemic point of view find their fullest expression in the animal kingdom. When they, as the initiatory impulse, had produced animal man they had performed their prime function, and just as (on a smaller scale and in connection with only one of the Heavenly Men) the moon is a dying and decadent world, so on a systemic scale and therefore covering a vast period of time, the work of the lunar Pitris is slowly coming to a conclusion as the power of the third kingdom, the animal, over the human is being [Page 618] superseded by spiritual power; the systemic correspondence to lunar pitric activity will occultly die out.

Các thái âm tổ phụ, và các vị tiểu kiến tạo theo quan điểm hệ thống, tìm thấy sự biểu lộ đầy đủ nhất của mình trong giới động vật. Khi các vị ấy, như xung lực khai nguyên, đã tạo ra người thú thì các vị ấy đã hoàn thành chức năng chính yếu của mình, và cũng như (trên quy mô nhỏ hơn và chỉ liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân) mặt trăng là một thế giới đang chết và suy tàn, thì trên quy mô hệ thống và do đó bao trùm một thời kỳ vô cùng dài, công việc của các thái âm tổ phụ đang chậm rãi đi đến kết thúc khi quyền lực của giới thứ ba, giới động vật, trên giới nhân loại đang bị [Page 618] quyền năng tinh thần thay thế; sự tương ứng hệ thống với hoạt động của thái âm tổ phụ sẽ tàn lụi theo nghĩa huyền bí.

The lunar Pitris, (198,199) the builders of man's lunar body and their correspondence in the other kingdoms of nature, are the sumtotal of the dense physical body of the Logos, or the substance of the mental, astral and physical planes (the gaseous, liquid and dense bodies which form a unity, His physical vehicle, viewing it apart from the etheric). They are the product of an earlier solar system; their activities date from there.

Các thái âm tổ phụ, (198,199) những đấng kiến tạo thể thái âm của con người và các tương ứng của họ trong những giới khác của thiên nhiên, là tổng thể của thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, hay là chất liệu của các cõi trí, cảm dục và hồng trần (các thể khí, lỏng và đậm đặc tạo thành một hợp nhất, vận cụ hồng trần của Ngài, khi xét riêng khỏi thể dĩ thái). Các vị ấy là sản phẩm của một hệ mặt trời trước; các hoạt động của họ bắt đầu từ đó.

(198) The Lunar, or Barhishad Pitris have the following function:—S. D., II, 99.

(198) Các thái âm tổ phụ, hay Barhishad Pitris, có chức năng sau đây:—S. D., II, 99.

1. They are the Ancestors of Man.—S. D., II, 107.

1. Các vị ấy là Tổ tiên của Con người.—S. D., II, 107.

2. They are the Fashioners of his form.

2. Các vị ấy là những đấng tạo hình cho hình tướng của y.

3. They possessed the physical creative fire.

3. Các vị ấy sở hữu lửa sáng tạo hồng trần.

4. They could only clothe the human monads.

4. Các vị ấy chỉ có thể khoác áo cho các chân thần con người.

5. They could not make man in their likeness.

5. Các vị ấy không thể tạo ra con người theo hình ảnh của mình.

6. They could not give him mind.—S. D., II, 82.

6. Các vị ấy không thể ban cho y trí tuệ.—S. D., II, 82.

7. They build his external form.

7. Các vị ấy xây dựng hình tướng bên ngoài của y.

8. They give the lower principle.—S. D., II, 92. (back)

8. Các vị ấy ban nguyên khí thấp.—S. D., II, 92. (back)

FOOTNOTE 99:

CHÚ THÍCH 99:

Temporarily they are the Conquerors of Spirit.—S. D., II, 66.

Tạm thời họ là những kẻ chinh phục tinh thần.—S. D., II, 66.

a. Spirit becomes immersed in material forms.

a. Tinh thần trở nên chìm đắm trong các hình tướng vật chất.

b. Forms are the battle ground.

b. Các hình tướng là chiến trường.

c. Eventually Spirit will slay the forms.—S. D., II, 67.

c. Cuối cùng tinh thần sẽ sát diệt các hình tướng.—S. D., II, 67.

d. Note the esoteric order.

d. Hãy lưu ý trật tự nội môn.

—S. D., II, 88, 92, 100; II, 116.

—S. D., II, 88, 92, 100; II, 116.

That system stands to the present one as the lunar chain to ours. That is why the physical body is considered no principle (either for

Hệ mặt trời ấy có quan hệ với hệ mặt trời hiện nay như Dãy Mặt Trăng với dãy của chúng ta. Đó là lý do vì sao thể xác hồng trần

man or the solar Logos); that is why the lower nature is considered evil, and why man must "slay his lunar body." (201) Evil is that which can be controlled and subdued but which is permitted to govern. The positive can always manipulate the negative. When the negative line is followed and the line of least resistance to that which is no principle, is pursued, then we have evil.

được xem là không phải nguyên khí nào cả (đối với con người cũng như đối với Thái dương Thượng đế); đó là lý do vì sao bản chất thấp được xem là ác, và vì sao con người phải "giết thể thái âm của mình." (201) Điều ác là cái có thể bị kiểm soát và chế ngự nhưng lại được phép cai quản. Yếu tố dương luôn có thể thao túng yếu tố âm. Khi đường lối âm được theo đuổi và con đường ít trở ngại nhất hướng về cái không phải là nguyên khí được đi theo, thì khi ấy chúng ta có điều ác.

(201) In the Voice of the Silence the words occur:

(201) Trong Tiếng Nói của Im Lặng có những lời như sau:

"Before that Path is entered, thou must destroy thy lunar body, cIeanse thy mind body, and make clean thy heart." (back)

"Trước khi bước vào Con Đường ấy, ngươi phải hủy diệt thể thái âm của mình, thanh tẩy thể trí của mình, và làm cho trái tim mình thanh sạch." (back)

In the first solar system the negative substance aspect, the Mother aspect or matter, was perfected. The lower Pitris dominated. In this system force activity lies in the hands of the solar Pitris or greater devas. At the close of the mahamanvantara they will have built according [Page 619] to the plan a perfect sheath or vehicle of expression for the Divine Thought, and this through the manipulation of negative substance; they utilise the heat of the Mother to nourish the germ of the Divine Thought, and to bring it to fruition. When the germ has developed to maturity the Mother aspect no longer has a place, and the Man occultly is freed or liberated. This idea runs through all manifestations, and the kingdoms of nature or the form (no matter what form it may be) nourish the germ of that which is the next step on in the evolutionary process, and are considered the Mother aspect. This aspect is eventually discarded and superseded. For example, the

Trong hệ mặt trời thứ nhất, phương diện chất liệu âm, phương diện Mẹ hay vật chất, đã được hoàn thiện. Các thái âm tổ phụ thấp chi phối. Trong hệ thống này, hoạt động mãnh lực nằm trong tay các thái dương tổ phụ hay các đại thiên thần. Vào lúc kết thúc Đại giai kỳ sinh hóa, các vị ấy sẽ kiến tạo theo [Page 619] Thiên Cơ một vỏ bọc hay vận cụ biểu lộ hoàn hảo cho Tư Tưởng thiêng liêng, và điều này thông qua sự thao túng chất liệu âm; các vị ấy sử dụng nhiệt của Mẹ để nuôi dưỡng mầm của Tư Tưởng thiêng liêng, và đưa nó đến kết quả viên mãn. Khi mầm ấy đã phát triển đến chín muồi thì phương diện Mẹ không còn chỗ đứng nữa, và Con Người được giải thoát hay giải phóng một cách huyền bí. Ý tưởng này xuyên suốt mọi biểu lộ, và các giới trong thiên nhiên hay hình tướng (dù là hình tướng nào) nuôi dưỡng mầm của cái là bước kế tiếp trong tiến trình tiến hoá, và được xem là phương diện Mẹ. Phương diện này rốt cuộc bị loại bỏ và được thay thế. Thí dụ, giới thứ ba, giới động

third kingdom, the animal, in the early stages nourishes and preserves the germ of that which will some day be a man; the personality is the preserver of that which will some day unfold into spiritual man.

vật, trong các giai đoạn đầu nuôi dưỡng và bảo tồn mầm của cái mà một ngày kia sẽ là con người; phàm ngã là kẻ bảo tồn cái mà một ngày kia sẽ khai mở thành con người tinh thần.

It will thus become apparent to students how the Heavenly Man, viewing Him as a solar Deity, a self-conscious Entity, works with His negative aspect through positive force, from logoic etheric levels upon the three aspects of the logoic dense physical, thus bringing to maturity the atoms and cells of His Body, fostering the germ of self-consciousness, fanning the flame until each unit becomes fully group conscious and aware of his place within the body corporate. Each human being likewise, functioning in the three worlds, works in a corresponding way upon the conscious cells of his bodies, until each atom eventually achieves its goal. The Heavenly Man works necessarily through egoic groups, pouring positive force upon them until they emerge from passivity and negativity into potency and activity. Man works correspondingly through his centres upon his sheaths, and has a responsibility to the lesser lives which under the karmic law must be worked out. This is the basis of the evolutionary process.

Như vậy, đạo sinh sẽ thấy rõ cách Đấng Thiên Nhân, khi xem Ngài như một Thượng đế Thái dương, một Thực Thể hữu ngã thức, hoạt động với phương diện âm của Ngài bằng mãnh lực dương, từ các cấp độ dĩ thái của Thượng đế lên ba phương diện của thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, nhờ đó đưa các nguyên tử và tế bào trong thân thể của Ngài đến chín muồi, nuôi dưỡng mầm ngã thức, quạt bùng ngọn lửa cho đến khi mỗi đơn vị trở nên hoàn toàn có tâm thức nhóm và ý thức được vị trí của mình trong toàn thể cơ cấu. Tương tự như vậy, mỗi con người, hoạt động trong ba cõi giới, cũng làm việc theo cách tương ứng trên các tế bào hữu thức của các thể phàm ngã của mình, cho đến khi mỗi nguyên tử cuối cùng đạt được mục tiêu của nó. Đấng Thiên Nhân tất yếu hoạt động qua các nhóm chân ngã, tuôn mãnh lực dương lên họ cho đến khi họ thoát khỏi tính thụ động và âm tính để đi vào năng lực và hoạt động. Con người tương ứng hoạt động qua các trung tâm của mình trên các vỏ bọc của mình, và phải hoàn thành trách nhiệm đối với các sự sống nhỏ hơn theo định luật nghiệp quả. Đây là nền tảng của tiến trình tiến hoá.

S6S6

[Page 620] *b. The Functions of the Devas.*

[Page 620] *b. Các Chức Năng của các Thiên thần.*

Having predicated certain basic facts about the devas, viewing them as the sum total of the energy of substance and of substance itself, we come down to more technical details and to the more detailed

Sau khi đã xác định một số sự kiện căn bản về các thiên thần, xem họ như tổng thể của năng lượng của chất liệu và của chính chất liệu, chúng ta đi xuống các chi tiết kỹ thuật hơn và xem xét chi tiết hơn các mãnh lực

consideration of these building forces as they construct the thought-form of the Logos, the solar System. From this consideration of them certain practical knowledge will eventuate:

kiến tạo này khi chúng xây dựng Hình tư tưởng của Thượng đế, tức hệ mặt trời. Từ việc xem xét này, một số tri thức thực tiễn sẽ phát sinh:

First. Knowledge of how to build in mental matter in the three worlds, and how to employ the devas of the gaseous plane of the cosmic physical.

Thứ nhất. Tri thức về cách xây dựng trong vật chất cõi trí trong ba cõi giới, và cách sử dụng các thiên thần của cõi khí của cõi hồng trần vũ trụ.

Second. Realisation of how to combine the pairs of opposites, and thus give body and form to concept.

Thứ hai. Nhận biết cách kết hợp các cặp đối cực, và nhờ đó mang lại thân thể và hình tướng cho ý niệm.

Third. Materialisation upon the physical plane of the embodied idea.

Thứ ba. Sự hiện hình trên cõi hồng trần của ý tưởng đã nhập thể.

1. *Manifestation of the Logoic Aspects.* This is achieved through the close consideration of the laws of being, and of the method pursued by the Logos in giving His conception form, thus working out His purpose, or will, through that form. In the three planes of man's endeavour we have reflected the three aspects of the Logos as they produce manifestation:

1. *Sự Biểu lộ của các Phương diện Thượng đế.* Điều này đạt được qua việc xem xét kỹ lưỡng các định luật của bản thể, và phương pháp mà Thượng đế theo đuổi khi ban hình tướng cho quan niệm của Ngài, nhờ đó triển khai mục đích, hay ý chí, của Ngài qua hình tướng ấy. Trong ba cõi của nỗ lực con người, chúng ta có sự phản chiếu của ba phương diện của Thượng đế khi chúng tạo ra biểu lộ:

The Mental Plane... reflection of the first aspect. The plane of concept, of the union of Father-Spirit-Will and Mother-Matter-Energy. This is the work of the Logos, and this union produces the Son, for Divine Thought takes form. The body of the Ego is there found.

Cõi Trí... phản chiếu của phương diện thứ nhất. Cõi của ý niệm, của sự hợp nhất giữa Cha-Tinh thần-Ý chí và Mẹ-Vật chất-Năng lượng. Đây là công việc của Thượng đế, và sự hợp nhất này sinh ra Người Con, vì Tư Tưởng thiêng liêng mang lấy hình tướng. Thể của chân ngã được tìm thấy ở đó.

Astral Plane... reflection of the second aspect, the Son. Materialisation proceeds through desire, and the form grows and evolves, becoming more adequate.

Cõi Cảm Dục... phản chiếu của phương diện thứ hai, Người Con. Sự hiện hình tiến hành qua dục vọng, và hình tướng tăng trưởng và tiến hoá, trở nên thích hợp hơn.

Physical Plane... Manifestation. The thought-form (of man or the Logos) appears in

Cõi Hồng Trần... Biểu lộ. Hình tư tưởng (của con người hay của Thượng đế) xuất hiện

activity. The Son is born on the physical plane, the thought of the Thinker (divine or human) becomes an entity, separated [Page 621] from its originating source, yet energised by the vitality emanating from him.

trong hoạt động. Người Con được sinh ra trên cõi hồng trần, tư tưởng của Đấng Tư Tưởng (thiêng liêng hay nhân loại) trở thành một thực thể, tách biệt [Page 621] khỏi nguồn gốc phát sinh của nó, tuy vậy vẫn nhận năng lượng từ sinh lực phát xạ từ chủ thể tư tưởng ấy.

All this becomes possible—speaking now from the human standpoint—through the action of the devas who are that which embodies thought, and that which give it its separated energy, as distinct from the purpose which will work out to fruition as the form becomes adequate as a medium of expression.

Tất cả điều này trở nên khả hữu—nay nói từ quan điểm con người—nhờ hoạt động của các thiên thần là cái hiện thân cho tư tưởng, và là cái ban cho nó năng lượng biệt lập của nó, khác với mục đích sẽ được triển khai đến viên mãn khi hình tướng trở nên thích hợp như một môi trường biểu lộ.

2. *Deva force substance.* As we consider the devas of the seven planes of the solar system, and especially as we consider those who work in the three worlds, we must bear in mind the following statements:

2. *Chất liệu mãnh lực thiên thần.* Khi chúng ta xem xét các thiên thần của bảy cõi của hệ mặt trời, và đặc biệt khi xem xét những vị hoạt động trong ba cõi giới, chúng ta phải ghi nhớ các phát biểu sau đây:

The First Statement. They are the devas who are the dual force-substance of the lowest cosmic plane, the cosmic physical. As regards the three worlds, they are the deva force and substance (202) which compose the dense physical body of the Logos, hence man is limited, as he works on these planes, to those devas who are primarily regarded (from the higher levels) as having no part in the seven principles of the Logos; to those devas who form the gaseous, liquid, and concrete form of the Logos, the devas of concrete fire, of water and of earth in its densest aspect; to those devas who are the automatic, subconscious builders, carrying on the work of the dense physical vehicle of the Logos in the same sense as the builders in man's body work automatically and unconsciously, producing the cells and energising the bodily functions.

Phát biểu thứ nhất. Họ là các thiên thần là chất liệu-mãnh lực nhị nguyên của cõi vũ trụ thấp nhất, cõi hồng trần vũ trụ. Xét về ba cõi giới, họ là mãnh lực thiên thần và chất liệu (202) cấu thành thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, do đó con người bị giới hạn, khi y hoạt động trên các cõi này, vào những thiên thần mà chủ yếu được xem (từ các cấp độ cao hơn) là không có phần nào trong bảy nguyên khí của Thượng đế; vào những thiên thần tạo thành hình tướng khí, lỏng và cụ thể của Thượng đế, các thiên thần của lửa cụ thể, của nước và của đất trong phương diện đậm đặc nhất của nó; vào những thiên thần là các đấng kiến tạo tự động, tiềm thức, tiếp tục công việc của vận cụ hồng trần đậm đặc của Thượng đế theo cùng ý nghĩa như các đấng kiến tạo trong thân thể con người hoạt động tự động và vô thức, tạo ra các tế bào và tiếp năng lượng cho các chức năng của thân thể.

(202) The Solar Angels are dual in Nature.

(202) Các Thái dương Thiên Thần có bản chất nhị nguyên.

"Manas is dual—Lunar in the lower, Solar in its upper portion."—S. D., II, 520, 675.

"Manas là nhị nguyên—thái âm ở phần thấp, thái dương ở phần cao của nó."—S. D., II, 520, 675.

a. The solar aspect is attracted towards Buddhi.

a. Phương diện thái dương bị thu hút về phía Bồ đề.

b. The other descends into, or is attracted by the lower animal.

b. Phương diện kia giáng xuống bản chất động vật thấp kém, hay chịu sức hút của bản chất ấy.

c. The Solar Angels form the "Soul" or Second Aspect.

c. Các Thái dương Thiên Thần tạo thành "Linh hồn" hay Phương diện thứ hai.

d. The chief "Soul" is Manas, or mind."—S. D., II, 521. (back)

d. "Linh hồn" chủ yếu là Manas, hay trí tuệ."—S. D., II, 521. (back)

This is the basis of the danger to man in tampering with these forces. He is too close to them in many ways; he identifies himself with them and until [Page 622] he has attained the consciousness of the Ego, and has with full knowledge established his identity with the Spirit aspect and not with substance, he is liable to be swept into the line of blind force, and become a lost soul should he trespass ignorantly, and curiously, into their domain.

Đây là cơ sở của sự nguy hiểm đối với con người khi can thiệp vào các mãnh lực này. Y quá gần gũi với chúng theo nhiều cách; y đồng hoá mình với chúng và cho đến khi [Page 622] y đã đạt được tâm thức của chân ngã, và với tri thức trọn vẹn đã xác lập sự đồng nhất của mình với phương diện Tinh thần chứ không phải với chất liệu, y có thể bị cuốn vào đường lối của mãnh lực mù quáng, và trở thành một linh hồn lạc mất nếu y xâm phạm một cách ngu dốt và tò mò vào lĩnh vực của chúng.

He is concerned also with those devas who are as yet animated by the life and purpose which distinguished the evolution of the first solar system. That life is the life of God, and that purpose is the working out of His will, but it is evil from our present standpoint, for it is superseded as far as man is concerned by a different purpose and goal. Therefore, identification with that which is

Y cũng liên hệ với những thiên thần mà hiện vẫn nhận sức sống từ sự sống và mục đích vốn đặc trưng cho tiến hoá của hệ mặt trời thứ nhất. Sự sống ấy là sự sống của Thượng đế, và mục đích ấy là sự triển khai ý chí của Ngài, nhưng từ quan điểm hiện nay của chúng ta thì đó là điều ác, vì đối với con người nó đã bị thay thế bởi một mục đích và cứu cánh khác. Do đó, sự đồng hoá với cái đã

past, retrogression and the methods of the old are for a man a return along the path of self-conscious evolution, and lead eventually to a loss of the egoic principle, or of ego-ism, which distinguishes a man (human or heavenly) from the rest of evolution.

qua, sự thoái bộ và các phương pháp cũ, đối với con người là một sự quay trở lại trên con đường tiến hoá hữu ngã thức, và cuối cùng dẫn đến sự mất đi nguyên khí chân ngã, hay tính chân ngã, vốn phân biệt con người (nhân loại hay thiên giới) với phần còn lại của tiến hoá.

The Second Statement. The hope for the devas and for the form aspect lies in the fact that each of the subplanes of the cosmic physical plane comes under the direct influence of cosmic forces, originating on the six other cosmic planes. Of these forces everything is unknown and inconceivable, except the vague and general indications of these currents and forces as they may be felt as emanating from the cosmic planes.

Phát biểu thứ hai. Niềm hy vọng cho các thiên thần và cho phương diện hình tướng nằm ở sự kiện rằng mỗi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của các mãnh lực vũ trụ, phát sinh trên sáu cõi vũ trụ khác. Về các mãnh lực này, mọi sự đều chưa được biết đến và không thể quan niệm được, ngoại trừ những chỉ dẫn mơ hồ và tổng quát về các dòng và mãnh lực này như chúng có thể được cảm nhận như phát ra từ các cõi vũ trụ.

The cosmic mental plane. This manifests for us in the three types of force to be seen on the systemic mental plane. These three types have not been sufficiently studied, and are:

Cõi trí vũ trụ. Điều này biểu lộ đối với chúng ta trong ba loại mãnh lực có thể thấy trên cõi trí của hệ thống. Ba loại này chưa được nghiên cứu đầy đủ, và là:

a. The force which plays through all the manasic permanent atoms, and which produces basically that manifestation which we call the three worlds.

a. Mãnh lực vận hành qua tất cả các nguyên tử trường tồn manas, và về căn bản tạo ra biểu lộ mà chúng ta gọi là ba cõi giới.

b. The force which animates those groups of "lotuses" [Page 623] which we call egoic groups or centres-aggregations of causal bodies.

b. Mãnh lực làm sinh động những nhóm "hoa sen" [Page 623] mà chúng ta gọi là các nhóm chân ngã hay các trung tâm—những tập hợp của các thể nguyên nhân.

c. The force which vitalises all the mental units and which is distributed thence to all the other permanent atoms.

c. Mãnh lực tiếp sinh lực cho tất cả các đơn vị hạ trí và từ đó được phân phối đến mọi nguyên tử trường tồn khác.

These three types of force deal with the substance aspect—permanent atoms, causal vehicle, and mental units, and are therefore directly impressing themselves upon the

Ba loại mãnh lực này tác động lên phương diện chất liệu—các nguyên tử trường tồn, vận cụ nguyên nhân, và các đơn vị hạ trí, và do đó trực tiếp in dấu chính mình lên các

devas who build these forms out of their own substance, and thus develop the divine plan. These three types of force affect substance, but with a psychic intent, being themselves swayed and actuated according to divine purpose, and from high levels. They emanate from the concrete levels of the cosmic mental plane (being therefore the force flowing through the mental unit of the Logos), and are concerned with the force centre which focalises the logoic mental body. They are the force of Agni in His first aspect. He is that fire which is distinctive of the cosmic mental plane, reflected in the cosmic gaseous subplane of the cosmic physical plane—our systemic mental plane.

thiên thần xây dựng các hình tướng này từ chính chất liệu của họ, và nhờ đó phát triển Thiên Cơ thiêng liêng. Ba loại mãnh lực này tác động lên chất liệu, nhưng với một ý hướng thông linh, vì bản thân chúng bị chi phối và thúc đẩy theo mục đích thiêng liêng, và từ các cấp độ cao. Chúng phát ra từ các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ (do đó là mãnh lực chảy qua đơn vị hạ trí của Thượng đế), và liên hệ với trung tâm lực tập trung thể trí của Thượng đế. Chúng là mãnh lực của Agni trong phương diện thứ nhất của Ngài. Ngài là ngọn lửa đặc trưng cho cõi trí vũ trụ, được phản chiếu trong cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ—cõi trí của hệ thống chúng ta.

The Cosmic Astral Plane. The force from this plane plays through our systemic astral plane, the cosmic liquid physical sub-plane, and it is practically subject only to two differentiations, each of them occultly embodied in two great groups of devas:

Cõi cảm dục vũ trụ. Mãnh lực từ cõi này vận hành qua cõi cảm dục của hệ thống chúng ta, cõi phụ lỏng của cõi hồng trần vũ trụ, và trên thực tế chỉ chịu hai sự biến phân, mỗi sự được hiện thân một cách huyền bí trong hai nhóm lớn các thiên thần:

First. The devas who are the substance or force of the astral plane, viewing it as the sumtotal of desire, of feeling and of sensation. They are, therefore, the nerve centers, or nerve plexi, of the logoic physical body, for the systemic astral plane provides the nervous system of the logoic physical body. It is the body of intensest vibration from the physical standpoint, and the vehicle through which all is transmitted to that portion of the logoic physical body which corresponds to the brain [Page 624] in man. I can elucidate this no further, but the few words here imparted open up a tremendous range of thought, and give the key to much which transpires and which is distressing in solar evolution as well as human.

Thứ nhất. Các thiên thần là chất liệu hay mãnh lực của cõi cảm dục, khi xem nó như tổng thể của dục vọng, cảm xúc và cảm giác. Do đó, họ là các trung tâm thần kinh, hay các đám rối thần kinh, của thể hồng trần của Thượng đế, vì cõi cảm dục của hệ thống cung cấp hệ thần kinh cho thể hồng trần của Thượng đế. Đây là thể có rung động mãnh liệt nhất từ quan điểm hồng trần, và là vận cụ qua đó mọi sự được truyền đến phần của thể hồng trần của Thượng đế tương ứng với bộ não [Page 624] ở con người. Tôi không thể làm sáng tỏ điều này thêm nữa, nhưng vài lời được truyền đạt ở đây mở ra một phạm vi tư tưởng vô cùng rộng lớn, và trao chìa khóa cho nhiều điều xảy ra và gây đau khổ trong tiến hoá thái dương cũng như nhân loại.

Second. Those devas who are the sumtotal of the astral light. They are the agents of the karmic lords, who are in themselves deva entities of an inconceivably advanced evolution and who, in their own substance,

Thứ hai. Những thiên thần là tổng thể của ánh sáng cảm dục. Họ là các tác nhân của các Chúa Tể nghiệp quả, mà bản thân các Ngài là các thực thể thiên thần có một tiến hoá cao siêu đến mức không thể quan niệm được và là những vị, trong chính chất liệu của mình,

1. Record.

1. Ghi nhận.

2. Produce effects from cause.

2. Tạo ra kết quả từ nguyên nhân.

3. Direct force.

3. Định hướng mãnh lực.

This particular group of devas emanate from a great force centre which we generalise by calling it by the name of the sun Sirius. Sirius-kama-manas—the cosmic astral plane—and the systemic astral plane—make a close interlocking chain, and form the line of least resistance for a particular type of negative force to pour through.

Nhóm thiên thần đặc biệt này phát ra từ một trung tâm lực lớn mà chúng ta khái quát gọi bằng tên mặt trời Sirius. Sirius-kama-manas —cõi cảm dục vũ trụ—và cõi cảm dục của hệ thống—tạo thành một chuỗi móc nối chặt chẽ, và hình thành con đường ít trở ngại nhất để một loại mãnh lực âm đặc biệt tuôn qua.

The Cosmic Physical Plane. This is the force (external and internal) of the solar system itself, and of its environing space. It might be regarded as the pranic forces, pouring through the logoic etheric body (our four higher subplanes) which are positive to the lower three, impregnating these lower three planes (a reflection in substance, or in the Brahma aspect, of the union of Father-Mother) and producing the purely concrete manifestation. This is why the physical vehicle has such control during long stages of man's evolution, for the *force* of this type of energy is necessarily felt more strongly than any other. It is deva force, and substance, which is so close to us as powerfully to delude us. Here lies the mystery of maya, and here is to be found the secret of illusion. Here exists for man the first great stage of the battle for full Self-consciousness, and for identification with

Cõi hồng trần vũ trụ. Đây là mãnh lực (bên ngoài và bên trong) của chính hệ mặt trời, và của không gian bao quanh nó. Nó có thể được xem như các mãnh lực prana, tuôn qua thể dĩ thái của Thượng đế (bốn cõi phụ cao của chúng ta), vốn là dương đối với ba cõi thấp, thấm nhuần ba cõi thấp này (một phản chiếu trong chất liệu, hay trong phương diện Brahma, của sự hợp nhất Cha-Mẹ) và tạo ra biểu lộ thuần túy cụ thể. Đây là lý do vì sao vận cụ hồng trần có quyền kiểm soát mạnh mẽ trong những giai đoạn dài của tiến hoá con người, vì *mãnh lực* của loại năng lượng này tất yếu được cảm nhận mạnh hơn bất kỳ loại nào khác. Chính mãnh lực thiên thần, và chất liệu, quá gần gũi với chúng ta đến nỗi đánh lừa chúng ta một cách mạnh mẽ. Chính trong đây có huyền nhiệm của ảo lực, và ở đây có thể tìm thấy bí mật của ảo tưởng. Ở đây tồn tại đối với con người giai đoạn lớn đầu tiên của cuộc chiến giành trọn vẹn ngã

the God-aspect, and not with the [Page 625] matter-aspect. Here lies the occult reason why man is called by his father's name and not his mother's. When man has dominated the deva essences of the physical plane, he controls next those of the astral and dominates the mental essences. Having achieved this *in his own* nature he can then safely become a magician and contact, control and work with, the devas in connection with the plans of the Heavenly Man. In the realisation of the three types of force, will be found for man the key to the mystery of his centres.

thức, và để đồng hoá với phương diện Thượng đế, chứ không phải với [Page 625] phương diện vật chất. Chính trong đây có lý do huyền bí vì sao con người được gọi bằng tên cha mình chứ không phải tên mẹ mình. Khi con người đã chế ngự các tinh chất hành khí của cõi hồng trần, kế đó y kiểm soát các tinh chất của cõi cảm dục và chế ngự các tinh chất trí tuệ. Khi đã đạt được điều này *trong chính* bản chất của mình, khi ấy y mới có thể an toàn trở thành một nhà huyền thuật và tiếp xúc, kiểm soát và làm việc với các thiên thần liên hệ đến các Thiên Cơ của Đấng Thiên Nhân. Trong sự chứng nghiệm ba loại mãnh lực này, con người sẽ tìm thấy chìa khóa mở ra huyền nhiệm của các trung tâm của mình.

The secret of the note of the head, the heart, and the throat centre is found here and their blending with the lower centres so that the note of the higher sounds out, and the lower produces only harmony. Upon the note of nature the Logos has to superimpose a higher note. To the natural note of the centre (which is found through the development of the lower centre, which is its reflection or correspondence) must be added the dominant note of the higher centre, and, in the dual harmony the centre vibrates as desired. The note is the result of correct activity. That is why the lower centres of man are (in the early stages of his career) the controlling factor. He has to learn their note, and from it to attain the key of the higher. Then the higher takes the prominent place, and the lower only serves the purpose of providing that which is understood as occult "depth." Why is this? Because in these notes those groups of devas who are the force and energy of the centres (which are centres in substance) are contacted and controlled. Through their activity, directed through the

Bí mật của âm điệu của trung tâm đầu, tim và cổ họng được tìm thấy ở đây cùng với sự hòa trộn của chúng với các trung tâm thấp để âm điệu của trung tâm cao vang lên, còn trung tâm thấp chỉ tạo ra hòa âm. Trên âm điệu của bản chất, Thượng đế phải chồng lên một âm điệu cao hơn. Vào âm điệu tự nhiên của trung tâm (được tìm thấy qua sự phát triển của trung tâm thấp, là phản chiếu hay tương ứng của nó) phải được thêm vào âm điệu chủ đạo của trung tâm cao, và trong sự hòa âm nhị nguyên ấy trung tâm rung động như mong muốn. Âm điệu là kết quả của hoạt động đúng đắn. Đó là lý do vì sao các trung tâm thấp của con người là (trong các giai đoạn đầu của cuộc đời y) yếu tố kiểm soát. Y phải học âm điệu của chúng, và từ đó đạt đến giọng của trung tâm cao. Khi ấy trung tâm cao chiếm vị trí nổi bật, và trung tâm thấp chỉ phục vụ mục đích cung cấp cái được hiểu trong huyền bí học là "chiều sâu." Vì sao vậy? Bởi vì trong các âm điệu này, những nhóm thiên thần là mãnh lực và năng lượng của các trung tâm (vốn là các trung tâm trong chất liệu) được tiếp xúc và kiểm soát. Qua hoạt động của họ, được định hướng qua các trung tâm, các vỏ bọc vật chất

centres, the material sheaths—physical, astral and mental—are built.

—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—được xây dựng.

These ideas of force and the sheaths are the basis of the astrological teaching that is one of the keys to the *Secret Doctrine*.(203) We should therefore bear in mind that [Page 626] the Deva Lords, Agni, Varuna, Kshiti, (204) represent in the exoteric teaching the substance aspect of the dense body of the Logos whilst the force aspect as flowing through the etheric body of the Logos is considered under various names, such as Shiva, Surya, Brahma. Yet the two aspects are but one.

Những ý tưởng này về mãnh lực và các vỏ bọc là nền tảng của giáo huấn chiêm tinh học, vốn là một trong những chìa khóa của *Giáo Lý Bí Nhiệm*.(203) Do đó, chúng ta nên ghi nhớ rằng [Page 626] các Chúa Tể Thiên thần, Agni, Varuna, Kshiti, (204) trong giáo huấn ngoại môn tượng trưng cho phương diện chất liệu của thể đậm đặc của Thượng đế trong khi phương diện mãnh lực khi chảy qua thể dĩ thái của Thượng đế được xét dưới nhiều danh xưng khác nhau, như Shiva, Surya, Brahma. Tuy nhiên, hai phương diện ấy chỉ là một.

(203) The Astrological Key is referred to in the S. D., Vol. II, 26. (back)

(203) Chìa khóa Chiêm tinh được nhắc đến trong S. D., Quyển II, 26. (back)

(204) Agni, the God of Fire in the Veda; the oldest and the most revered of the Gods in India. He is the triple aspect of Fire and therefore the sum total of manifestation. He is regarded also as the Lord of the mental plane (the 5th plane) whose symbol is Fire.

(204) Agni, Thượng đế của Lửa trong Veda; cổ xưa nhất và được tôn kính nhất trong các Thượng đế ở Ấn Độ. Ngài là phương diện tam phân của Lửa và do đó là tổng thể của biểu lộ. Ngài cũng được xem là Chúa Tể của cõi trí (cõi thứ 5) mà biểu tượng là Lửa.

Varuna, the God of Water, in the sense of the waters of space, or the waters of matter. He is regarded also as the Ruler of the astral plane (the 6th plane) whose symbol is water.

Varuna, Thượng đế của Nước, theo nghĩa là những vùng nước của không gian, hay những vùng nước của vật chất. Ngài cũng được xem là Đấng cai quản cõi cảm dục (cõi thứ 6) mà biểu tượng là nước.

Kshiti, the God of the Earth in the sense of dense substance, and not a planetary body; he is the God of the physical plane, the seventh plane. (back)

Kshiti, Thượng đế của Đất theo nghĩa là chất liệu đậm đặc, chứ không phải một thiên thể hành tinh; Ngài là Thượng đế của cõi hồng trần, cõi thứ bảy. (back)

The Third Statement. The final point I seek to make here is that *in connection with these three lower planes and their many groups of devas it must be remembered that their polar*

Phát biểu thứ ba. Điểm cuối cùng tôi muốn nêu ra ở đây là rằng *liên hệ đến ba cõi thấp này và nhiều nhóm thiên thần của chúng, cần nhớ rằng các cực đối lập của chúng được tìm*

opposites are to be found in the great devas of the highest three planes.

thấy trong các đại thiên thần của ba cõi cao nhất.

Divine	1st Cosmic ether	Primordial Fire	Mental Plane	Fire.
Monadic	2nd Cosmic ether	Akasha	AstralPlane	Astral light.
Spiritual or Atmic	3rd Cosmic ether	Aether	Physical Plane	Ether

The particular type of differentiated force which they embody, when brought into union with each other is that which causes concretion, or the appearance, in space and time, of the dense physical body. This should be carefully considered, along with the very interesting fact that on the fourth plane of our system (the fourth cosmic ether, or buddhic plane) we have the sphere of certain occult happenings which cannot be more than hinted at, because their true significance is one of the secrets of initiation. They are an aspect of the plan of the Logos which can be contacted *direct* by those who have expanded their consciousness adequately.

Loại mãnh lực biến phân đặc biệt mà họ hiện thân, khi được đưa vào hợp nhất với nhau, chính là cái gây ra sự kết tụ, hay sự xuất hiện, trong không gian và thời gian, của thể xác hồng trần đậm đặc. Điều này cần được suy xét cẩn thận, cùng với sự kiện rất thú vị rằng trên cõi thứ tư của hệ thống chúng ta (dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay cõi Bồ đề) là phạm vi diễn ra một số biến cố huyền bí mà chúng ta chỉ có thể gợi ý, vì ý nghĩa chân thực của chúng là một trong những bí mật của điểm đạo. Chúng là một phương diện của Thiên Cơ của Thượng đế mà những ai đã mở rộng tâm thức của mình đầy đủ có thể tiếp xúc trực tiếp.

[Page 627] The buddhic plane, or fourth cosmic ether, is the plane whereon:

[Page 627] Cõi Bồ đề, hay dĩ thái vũ trụ thứ tư, là cõi nơi:

a. The sacred planets function.

a. Các hành tinh thiêng liêng hoạt động.

b. Man will eventually function freed from the triple lower man.

b. Con người cuối cùng sẽ hoạt động, được giải thoát khỏi phàm ngã tam phân.

c. The true meaning of the words "Divine Hermaphrodite" is there to be comprehended.

c. Ý nghĩa chân thực của các từ "Lưỡng tính thiêng liêng" được thấu hiểu tại đó.

d. It is predominantly the plane of life-force, and one of the planes of generation.

d. Đây chủ yếu là cõi của sinh lực, và là một trong các cõi của sự sinh thành.

e. Here man will for the first time understand and utilize his relationship with the devas.

e. Ở đây con người lần đầu tiên sẽ thấu hiểu và sử dụng mối liên hệ của mình với các thiên thần.

f. It will see the fruition of the combined evolutionary process of the two solar systems.

f. Nó sẽ chứng kiến kết quả viên mãn của tiến trình tiến hoá kết hợp của hai hệ mặt trời.

g. It is the plane from whence all planetary avatars emanate.

g. Đây là cõi từ đó mọi Đấng Hoá Thân hành tinh phát xuất.

h. The Heavenly Men take the first Initiation on this plane.

h. Các Đấng Thiên Nhân nhận lần điểm đạo thứ nhất trên cõi này.

i. On this plane the true inner significance of the "Sun" is apprehended.

i. Trên cõi này, thâm nghĩa nội tại chân thực của "Mặt Trời" được lĩnh hội.

More I cannot say, but careful study of that which is here given may open up much that is of significance in the study of the macrocosm and the microcosm.

Tôi không thể nói thêm nữa, nhưng việc nghiên cứu cẩn thận điều được trao ra ở đây có thể mở ra nhiều điều có thâm nghĩa trong việc nghiên cứu đại thiên địa và tiểu thiên địa.

c. The Devas and the Planes.

c. Các Thiên thần và các Cõi.

Preliminary Remarks. We have considered in broad and general terms the various types of force which animate deva substance, and its origin. Now we can study more specifically the deva entities in their various groups, having laid down the fundamentals in connection with them.

Nhận xét sơ bộ. Chúng ta đã xem xét theo những nét rộng và tổng quát các loại mãnh lực khác nhau làm sinh động chất liệu thiên thần, và nguồn gốc của nó. Giờ đây chúng ta có thể nghiên cứu chuyên biệt hơn các thực thể thiên thần trong những nhóm khác nhau của họ, sau khi đã đặt ra các nền tảng căn bản liên hệ đến họ.

In this particular section students must remember that we are not considering those builders of involutionary development which are spoken of in theosophical and occult literature as the elemental essences.

Trong phần đặc biệt này, đạo sinh phải nhớ rằng chúng ta không xét đến những đấng kiến tạo của sự phát triển giáng hạ tiến hoá vốn được nói đến trong văn liệu Thông Thiên Học và huyền bí học như các tinh chất

We are discussing those who are on the evolutionary arc, and who are the agents of cosmic force, whilst the lesser builders are the agents specifically of solar and of lunar force. Solar force implies the various differentiations of the threefold cosmic force as it manifests within the solar [Page 628] system. Solar force can also (as far as the creative or building faculty of man is concerned) be termed planetary force, for every human being (be he Adept or ordinary man) builds and creates his thought forms—consciously or unconsciously—within the planetary spheres in the three worlds.

hành khí. Chúng ta đang bàn đến những vị ở trên cung thăng thượng tiến hoá, và là các tác nhân của mãnh lực vũ trụ, trong khi các vị tiểu kiến tạo là các tác nhân đặc biệt của mãnh lực thái dương và thái âm. Mãnh lực thái dương hàm ý các sự biến phân khác nhau của mãnh lực vũ trụ tam phân khi nó biểu lộ trong hệ [Page 628] mặt trời. Mãnh lực thái dương cũng có thể (xét theo khả năng sáng tạo hay kiến tạo của con người) được gọi là mãnh lực hành tinh, vì mỗi con người (dù là chân sư hay người thường) đều xây dựng và sáng tạo các hình tư tưởng của mình—một cách hữu thức hay vô thức—trong các khối cầu hành tinh ở ba cõi giới.

We shall now come to a considerable amount of tabulation, for all that it is wise and possible to give at this time are certain facts, names and outlines which can only be demonstrated through the law of correspondence. The key to comprehension is always this law. The basic differentiation in the solar system is as follows:

Giờ đây chúng ta sẽ đi vào một lượng đáng kể các bảng biểu, vì tất cả những gì khôn ngoan và có thể trao ra vào lúc này chỉ là một số sự kiện, danh xưng và đại cương mà chỉ có thể được chứng minh qua định luật tương ứng. Chìa khóa của sự thấu hiểu luôn luôn là định luật này. Sự biến phân căn bản trong hệ mặt trời như sau:

Agni	Electric fire	Spirit	Central Sun	Spiritual	Energy
Surya	Solar fire	Vishnu	Heart of the Sun		Light
Brahma	Fire by friction		Physical visible Sun		Fohat

As *electric fire* the Logos manifests as the seven aspects of Will, spiritual impulse or purpose.

Như *Lửa Điện*, Thượng đế biểu lộ như bảy phương diện của Ý chí, xung lực tinh thần hay mục đích.

As *solar fire* He manifests as the seven Rays, or as the Light of Wisdom, the Consciousness, radiating through the form.

Như *Lửa Thái dương*, Ngài biểu lộ như bảy cung, hay như Ánh sáng của Minh triết, Tâm thức, đang bức xạ qua hình tướng.

As *fire by friction* He manifests as the seven Sons of Fohat, the seven great fires, or the active heat of intelligent substance.

Như *Lửa ma sát*, Ngài biểu lộ như bảy Con của Fohat, bảy ngọn lửa lớn, hay nhiệt hoạt động của chất liệu thông tuệ.

These three aspects of the God of Fire, and of the fire of God, are the three Entities of the logoic Trinity, and each in turn manifests through seven other Entities Who form their total manifestation.

Ba phương diện này của Thượng đế của Lửa, và của lửa của Thượng đế, là ba Thực Thể của Tam Vị Thượng đế, và mỗi vị lần lượt biểu lộ qua bảy Thực Thể khác tạo thành tổng thể biểu lộ của các vị ấy.

Sevenfold electric fire. The seven types of spiritual existences, or the seven Spirits before the Throne in Their essential essence; the dynamic force or will lying back of all manifestation. They form on their own plane in a peculiar sense the logoic "Jewel in the Lotus," and [Page 629] hence are inconceivable to our intelligence in this solar system, as They are not revealed until the "Son be made perfect," or the logoic consciousness is fully awakened. They are esoterically the "Spirits of Darkness."

Lửa Điện thất phân. Bảy loại hiện hữu tinh thần, hay Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai trong tinh chất cốt yếu của Các Ngài; mãnh lực động hay ý chí nằm phía sau mọi biểu lộ. Các Ngài tạo thành trên cõi của mình, theo một ý nghĩa đặc biệt, "Ngọc trong Hoa Sen" của Thượng đế, và [Page 629] do đó không thể được trí tuệ của chúng ta trong hệ mặt trời này quan niệm nổi, vì Các Ngài không được mặc khải cho đến khi "Người Con được làm cho hoàn hảo," hay tâm thức của Thượng đế được thức tỉnh trọn vẹn. Một cách huyền bí, Các Ngài là "Các Thánh Linh của Bóng Tối."

Sevenfold solar fire. The seven Heavenly Men, the sumtotal of Light, the seven Rays of manifestation of the Spiritual Sun. In time and space these seven Rays of Light become the nine (the major three, with the third demonstrating as seven) and are thus esoterically the nine petals of the logoic Ego as He manifests in His physical vehicle. They are esoterically the "Sons of Light."

Lửa Thái dương thất phân. Bảy Đấng Thiên Nhân, tổng thể của Ánh sáng, bảy cung biểu lộ của Mặt Trời Tinh thần. Trong thời gian và không gian, bảy Cung Ánh sáng này trở thành chín (ba cung chính, với cung thứ ba biểu lộ thành bảy) và do đó một cách huyền bí là chín cánh hoa của chân ngã Thượng đế khi Ngài biểu lộ trong vận cụ hồng trần của Ngài. Một cách huyền bí, các vị ấy là "Các Con của Ánh sáng."

Sevenfold fire by friction. The seven brothers of Fohat. The seven manifestations of electricity, or of electrical phenomena. These are the seven Raja-Lords or Devas of the seven planes; they are the seven Fires, or those seven states of activity through which consciousness is expressing itself. They are

Lửa ma sát thất phân. Bảy huynh đệ của Fohat. Bảy biểu lộ của điện, hay của các hiện tượng điện. Đây là bảy Raja-Lords hay các thiên thần của bảy cõi; họ là bảy Ngọn Lửa, hay bảy trạng thái hoạt động qua đó tâm thức đang biểu lộ chính nó. Họ là các vận cụ của tâm thức và là bảy rung động. Một cách

the vehicles of consciousness and the seven vibrations. They are esoterically the "Brothers of energy."

huyền bí, họ là "Các Huynh Đệ của năng lượng."

Therefore it will be apparent that the sumtotal of logoic manifestation as it can be seen in existence in time and space is:

Do đó, sẽ rõ ràng rằng tổng thể biểu lộ của Thượng đế như có thể được thấy đang hiện hữu trong thời gian và không gian là:

Seven Spirits	sevenfold will.
Seven Rays	sevenfold quality or psyche.
Seven Deva Lords	sevenfold form.

The latter are literally the seven spirillae, or force vibrations within the logoic physical permanent atom. This needs to be carefully borne in mind and pondered upon. The seven Rays are the sumtotal of the psychic nature of the Logos, as it radiates through His physical form—His seven qualities, the aggregate of the expression of His desire, or love nature. The seven Spirits are the sumtotal of His Will-to-be aspect, the synthetic Life of His total manifestation, that which causes the persistence [Page 630] of the form, and its evolution for as long as the logoic Ego seeks physical existence.

Những vị sau theo nghĩa đen là bảy loa tuyến, hay các rung động mãnh lực bên trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận và suy ngẫm. Bảy cung là tổng thể bản chất thông linh của Thượng đế, khi nó bức xạ qua hình tướng hồng trần của Ngài—bảy phẩm tính của Ngài, tổng hợp của sự biểu lộ dục vọng, hay bản chất bác ái của Ngài. Bảy Thánh Linh là tổng thể phương diện Ý chí-hướng-tồn-tại của Ngài, Sự sống tổng hợp của toàn bộ biểu lộ của Ngài, cái gây ra sự bền vững [Page 630] của hình tướng, và sự tiến hoá của nó chừng nào chân ngã Thượng đế còn tìm kiếm sự hiện hữu hồng trần.

To carry the simile, or analogy, even further back and thus bear in mind the resemblance between microcosmic and macrocosmic development we have:

Để tiếp tục phép so sánh, hay phép loại suy, lùi xa hơn nữa và nhờ đó ghi nhớ sự tương tự giữa sự phát triển của tiểu thiên địa và đại thiên địa, chúng ta có:

1. The seven Spirits who find Their originating incentive on:

1. Bảy Thánh Linh tìm thấy động lực khởi nguyên của Các Ngài trên:

a. The cosmic lower mental levels.

a. Các cấp độ hạ trí vũ trụ.

b. The logoic "Jewel in the Lotus."

b. "Ngọc trong Hoa Sen" của Thượng đế.

c. The cosmic atmic plane.

c. Cõi atma vũ trụ.

2. The seven Heavenly Men are in the line of force from:

2. Bảy Đấng Thiên Nhân nằm trên tuyến mãnh lực từ:

a. The cosmic astral plane.

a. Cõi cảm dục vũ trụ.

b. The logoic nine-petalled lotus.

b. Hoa sen chín cánh của Thượng đế.

c. The cosmic buddhic plane (the seven Rishis of the Great Bear).

c. Cõi Bồ đề vũ trụ (bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh).

3. The seven Sons of Fohat find their vital force emanating from:

3. Bảy Con của Fohat tìm thấy mãnh lực sinh động của mình phát ra từ:

a. The cosmic physical plane.

a. Cõi hồng trần vũ trụ.

b. The logoic permanent atoms (within the causal body).

b. Các nguyên tử trường tồn của Thượng đế (bên trong thể nguyên nhân).

c. The cosmic higher mental levels.

c. Các cấp độ thượng trí vũ trụ.

Yet these three are but the expressions of One Existence, for behind the Logos in physical incarnation is to be found the logoic Monad, expressing Itself through the logoic Ego, and its reflection, the logoic Personality.

Tuy nhiên, ba điều này chỉ là những biểu hiện của Một Hiện Hữu, vì đằng sau Thượng đế đang lâm phàm trong thể xác là chân thần của Thượng đế, tự biểu lộ qua chân ngã của Thượng đế, và sự phản chiếu của nó là phàm ngã của Thượng đế.

All these spiritual Essences are individualised self-conscious Identities, and the "Fiery Lives" are real, and conscious, vital Existences. Thus we see the Logos manifesting as One Unity yet Three in One; we see the threefold Unity differentiating into the seven great Lives, containing within Themselves all lesser lives.

Tất cả các Tinh Chất tinh thần này đều là những chủ thể hữu ngã thức đã được biệt ngã hóa, và các "Sự Sống Rực Lửa" là những Hiện Hữu sống động, hữu thức, đầy sinh lực có thực. Vì vậy chúng ta thấy Thượng đế biểu lộ như Một Hợp Nhất nhưng Ba trong Một; chúng ta thấy Hợp Nhất tam phân phân hóa thành bảy Sự sống vĩ đại, chứa trong Chính Các Ngài mọi sự sống nhỏ hơn.

Another broad differentiation must next be touched upon: [Page 631]

a. The seven Fires form the forty-nine Fires.

b. The seven Heavenly Men manifest through forty-nine lesser Rays.

c. The seven Spirits shew forth as forty-nine Existences.

In connection with the Spirit aspect it will prove unprofitable to carry the thought any further. Of Spirit per se we can know nothing, and beyond predicating the forty-nine (205) solar Manus (each of the Heavenly Men is expressing Himself on the physical plane through seven Manus) it is impossible to go.

(205) The forty nine Manus. They are the patrons or guardians of the race cycles in a manvantara, or Day of Brahma. There are seven races in a world period, and there are seven world periods. (back)

Therefore, in discussing these abstract questions, we will concern ourselves only with the seven Rays of Light, or Heavenly Men, and the seven Fires.

Each of the seven Rays of Light differentiates into seven making the forty-nine aspects of the logoic psychic nature, as it shews itself on the cosmic physical plane, and each of the seven Fires manifests as seven lesser Fires, making the forty-nine Fires referred to by H. P. B. in the *Secret Doctrine*. *(S. D., I, 567.)* The seven Heavenly Men manifest each through seven lesser Entities, Who form the psychic centres in Their body in the same manner as

Tiếp theo cần đề cập đến một sự phân biệt rộng lớn khác: [Page 631]

a. Bảy Lửa tạo thành bốn mươi chín Lửa.

b. Bảy Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua bốn mươi chín cung nhỏ hơn.

c. Bảy Thánh Linh hiển lộ thành bốn mươi chín Hiện Hữu.

Liên quan đến phương diện tinh thần, sẽ không ích lợi gì nếu đẩy tư tưởng đi xa hơn nữa. Về chính tinh thần, chúng ta không thể biết gì cả, và ngoài việc khẳng định bốn mươi chín (205) Đức Manu thái dương (mỗi Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ Chính Ngài trên cõi hồng trần qua bảy Đức Manu) thì không thể đi xa hơn.

(205) Bốn mươi chín Đức Manu. Các Ngài là những vị bảo trợ hay hộ trì cho các chu kỳ giống dân trong một giai kỳ sinh hóa, hay một Ngày của Brahma. Có bảy giống dân trong một thời kỳ thế giới, và có bảy thời kỳ thế giới. (back)

Do đó, khi bàn về những vấn đề trừu tượng này, chúng ta sẽ chỉ quan tâm đến bảy Cung Ánh Sáng, hay bảy Đấng Thiên Nhân, và bảy Lửa.

Mỗi một trong bảy Cung Ánh Sáng phân hóa thành bảy, tạo nên bốn mươi chín phương diện của bản chất thông linh của Thượng đế, như nó hiển lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, và mỗi một trong bảy Lửa biểu lộ thành bảy Lửa nhỏ hơn, tạo nên bốn mươi chín Lửa được H. P. B. nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. *(S. D., I, 567.)* Bảy Đấng Thiên Nhân mỗi vị biểu lộ qua bảy Thực Thể nhỏ hơn, các Đấng này tạo thành những trung tâm

They—in Their turn—form the psychic centres in the logoic vahan or vehicle. Each of the seven Fires, or Deva Lords, of a plane manifest through seven lesser devas, who form the central fire, and consciousness of the substance of a subplane. It is with their mutual interplay and work that we are now concerned, or with the study of matter as it is affected and built into form through the medium of Divine Thought or Will.

thông linh trong thân thể của Các Ngài cũng theo cùng cách mà Chính Các Ngài—đến lượt mình—tạo thành những trung tâm thông linh trong vahan hay vận cụ của Thượng đế. Mỗi một trong bảy Lửa, hay các Chúa Tể thiên thần, của một cõi biểu lộ qua bảy thiên thần nhỏ hơn, những vị này tạo thành lửa trung tâm, và tâm thức của chất liệu của một cõi phụ. Điều hiện nay chúng ta quan tâm là sự tương tác và công việc hỗ tương của họ, hay là việc nghiên cứu vật chất khi nó bị tác động và được xây dựng thành hình tướng qua trung gian của Tư Tưởng hay Ý Chí thiêng liêng.

Of the higher Fires (the Lords of the four higher planes) I do not seek to deal, for it only profits us to [Page 632] study the construction of thought-forms in the three worlds through the medium of deva essences; these are vitalised and manipulated by the Builders, the Dhyan Chohans, the Heavenly Men through the force of Their Life, through Their knowledge of the logoic Will or purpose, and through the power of Their psychic nature. Thus They are occupied in building the logoic physical body, and in carrying out His plans in that body, in this way fulfilling the purpose for which He incarnated. Their work is infinitely greater than this, for it lies primarily on cosmic levels, but this is what concerns us, and all that we can, in any way grasp. Man in the three worlds of human endeavour works at two things:

Tôi không tìm cách bàn đến các Lửa cao hơn (các Đấng Chúa Tể của bốn cõi cao), vì điều ích lợi cho chúng ta chỉ là [Page 632] nghiên cứu việc kiến tạo các hình tư tưởng trong ba cõi giới qua trung gian của các tinh chất thiên thần; chúng được các Đấng Kiến Tạo, các Dhyan Chohan, các Đấng Thiên Nhân tiếp sinh lực và điều khiển bằng mãnh lực Sự sống của Các Ngài, bằng tri thức của Các Ngài về Ý Chí hay mục đích của Thượng đế, và bằng quyền năng của bản chất thông linh của Các Ngài. Vì vậy Các Ngài bận rộn xây dựng thể xác hồng trần của Thượng đế, và thực hiện các kế hoạch của Ngài trong thể đó, nhờ đó hoàn thành mục đích mà Ngài đã lâm phàm. Công việc của Các Ngài còn lớn lao hơn vô hạn điều này, vì nó chủ yếu nằm trên các cấp độ vũ trụ, nhưng đây là điều liên quan đến chúng ta, và là tất cả những gì chúng ta có thể nắm bắt được phần nào. Con người trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại làm hai việc:

First. The building of his body of manifestation, a threefold body.

Thứ nhất. Xây dựng thân thể biểu lộ của y, một thân thể tam phân.

Second. The construction of thought-forms, which he builds of mental matter and vitalises by desire, and which he holds

Thứ hai. Kiến tạo các hình tư tưởng, mà y xây dựng bằng vật chất cõi trí và tiếp sinh lực bằng dục vọng, rồi giữ chúng trong hào

within his aura, thus constructing a tiny system of his own.

quang của y, nhờ đó kiến tạo một hệ thống nhỏ bé của riêng mình.

Both man, and the Heavenly Men, work in deva substance; both co-operate with the devas; both manifest will, psychic quality and intelligent activity as they pursue their work but a difference lies, not only in degree, but in consciousness. Man works usually unconsciously. The Heavenly Men, on cosmic levels, work for the most part consciously. Herein lies a hint as to the stage of evolution of our Logos.

Cả con người lẫn các Đấng Thiên Nhân đều làm việc trong chất liệu thiên thần; cả hai đều hợp tác với các thiên thần; cả hai đều biểu lộ ý chí, phẩm tính thông linh và hoạt động thông tuệ khi theo đuổi công việc của mình, nhưng có một khác biệt không chỉ về mức độ mà còn về tâm thức. Con người thường làm việc một cách vô thức. Các Đấng Thiên Nhân, trên các cấp độ vũ trụ, phần lớn làm việc một cách hữu thức. Chính trong đây có một gợi ý về giai đoạn tiến hoá của Thượng đế của chúng ta.

This matter is of real difficulty, for the subject is abstruse and profound. We will now leave these basic ideas, and deal more specifically with the devas with whom we are immediately concerned, or with the three groups I have outlined—the Agnichaitans, the Agnisuryans, and the Agnishvattas. They are concerned primarily with the evolution of the dense body of the Logos, the liquid, gaseous and dense subplanes of the [Page 633] cosmic physical, or the three worlds of human endeavour; with the magnetic radiation of the Logos through His physical vehicle, and with the radiatory emanations of the particular Heavenly Man Who is expressing Himself through our planet. Finally they are concerned with the evolution of consciousness (207) in the three worlds, and particularly with the individualisation of the human unit of consciousness, and with the vitalisation of the centres in the body of the Heavenly Man with Whom we are peculiarly connected.

Vấn đề này thực sự khó khăn, vì chủ đề thì trừu tượng và sâu xa. Giờ đây chúng ta sẽ rời những ý tưởng căn bản này, và bàn cụ thể hơn về các thiên thần mà chúng ta trực tiếp quan tâm, hay ba nhóm mà tôi đã phác họa —các Agnichaitan, các Agnisuryan, và các Agnishvatta. Họ chủ yếu liên quan đến sự tiến hoá của thể đậm đặc của Thượng đế, các cõi phụ lỏng, khí và đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ, hay ba cõi giới của nỗ lực nhân loại; đến bức xạ từ tính của Thượng đế qua vận cụ hồng trần của Ngài, và đến những luồng phát xạ của Đấng Thiên Nhân đặc biệt đang biểu lộ Chính Ngài qua hành tinh của chúng ta. Sau cùng họ liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức (207) trong ba cõi giới, và đặc biệt là với sự biệt ngã hóa của đơn vị tâm thức nhân loại, và với việc tiếp sinh lực cho các trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân mà chúng ta có liên hệ đặc biệt.

(207) The Lunar Angels have to reach the plane of the Solar Angels.—S. D., I, 203.

(207) Các Thiên Thần Thái Âm phải đạt đến cõi của các Thái dương Thiên Thần.—S. D., I, 203.

They have to win immortality.—S. D., III, 518, 519.

Họ phải giành được sự bất tử.—S. D., III, 518, 519.

Self-consciousness is their goal.—S. D., I, 205; II, 622. (back)

Ngã thức là mục tiêu của họ.—S. D., I, 205; II, 622. (back)

The subject of our consideration now is the fire devas of the physical plane, those great building devas who are working out the purposes of the Logos in his dense, physical body. Let us get our ideas as clear as possible on this matter; in the following tabulation, the status of these devas will be apparent at a glance:

Chủ đề chúng ta đang xem xét bây giờ là các thiên thần lửa của cõi hồng trần, những thiên thần kiến tạo vĩ đại đang thực hiện các mục đích của Thượng đế trong thể xác hồng trần đậm đặc của Ngài. Chúng ta hãy làm cho các ý tưởng của mình rõ ràng nhất có thể về vấn đề này; trong bảng liệt kê sau đây, địa vị của các thiên thần này sẽ hiện rõ chỉ trong một cái nhìn:

Systemic — *Hệ thống*

Name	*Cosmic Plane*	*Plane*	*Nature*	*Ruler*
Agnichaitan	7th subplane cosmic physical	- Physical	Densest concretion	Kshiti
Agnisuryan	6th subplane cosmic physical	- Astral	Liquid	Varuna
Agnishvatta	5th subplane cosmic physical	- Mental	Gaseous	Agni

The Agnichaitans. These are the devas who construct, and build in matter of the densest kind in connection with logoic manifestation. They function on the seventh subplane of the cosmic physical plane, and are the producers of the greatest concretion. In the planetary body of our planetary Logos they are the builders of the Earth, His densest form, and throughout the entire solar system they are the sum-total of that activity and vibration [Page 634] which

Các Agnichaitan. Đây là những thiên thần kiến tạo và xây dựng trong loại vật chất đậm đặc nhất liên quan đến sự biểu lộ của Thượng đế. Họ hoạt động trên cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ, và là những tác nhân tạo ra sự kết tụ lớn nhất. Trong thể hành tinh của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, họ là những đấng kiến tạo Trái Đất, hình tướng đậm đặc nhất của Ngài, và trong toàn thể hệ mặt trời họ là tổng thể của

demonstrates through what we call "solid substance."

hoạt động và rung động [Page 634] biểu lộ qua điều mà chúng ta gọi là "chất liệu rắn."

Therefore, it will be apparent that under the law they will have a peculiarly powerful effect on the lowest subplane of the systemic physical plane; hence their esoteric appellation of the "Agnichaitans of the inner or central heat." They are the totality of the lowest vibration in the cosmic physical vehicle.

Do đó, hiển nhiên là dưới định luật, họ sẽ có một tác động đặc biệt mạnh mẽ trên cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống; vì thế mới có danh xưng huyền bí của họ là "các Agnichaitan của nhiệt bên trong hay trung tâm." Họ là tổng thể của rung động thấp nhất trong vận cụ hồng trần vũ trụ.

The Agnisuryans are the builders on the sixth subplane of the cosmic physical plane, our systemic astral plane. They represent, as I have before hinted, the sympathetic nervous system in the logoic physical body, just as their brothers of the seventh vibration represent the sumtotal of the circulatory or blood system. A hint to the student who is interested in the physiological key lies in the relationship between the two great groups of devas who build and construct the most objective portion of logoic manifestation, and the two groups of corpuscles which in their mutual interaction hold the body in health; there is an analogy also in the relationship between the devas of the astral plane, and the motor and sensory nerves of the physical body. I will not enlarge upon this angle of vision.

Các Agnisuryan là những đấng kiến tạo trên cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ, tức cõi cảm dục hệ thống của chúng ta. Như tôi đã gợi ý trước đây, họ tượng trưng cho hệ thần kinh giao cảm trong thể xác hồng trần của Thượng đế, cũng như các huynh đệ của họ thuộc rung động thứ bảy tượng trưng cho tổng thể của hệ tuần hoàn hay hệ máu. Một gợi ý cho đạo sinh quan tâm đến chìa khóa sinh lý học nằm trong mối liên hệ giữa hai nhóm thiên thần lớn kiến tạo và xây dựng phần khách quan nhất của sự biểu lộ của Thượng đế, và hai nhóm huyết cầu mà trong sự tương tác hỗ tương của chúng giữ cho cơ thể được khỏe mạnh; cũng có một sự tương tự trong mối liên hệ giữa các thiên thần của cõi cảm dục và các dây thần kinh vận động cùng cảm giác của thể xác. Tôi sẽ không khai triển thêm góc nhìn này.

These devas have to do, in a very esoteric sense, with the nerve plexus in the:

Các thiên thần này, theo một ý nghĩa rất huyền bí, có liên quan đến các đám rối thần kinh trong:

a. Solar system. (Physical Sun)

a. Hệ mặt trời. (Mặt Trời hồng trần)

b. Planetary scheme. (Dense Planet)

b. Hệ hành tinh. (Hành tinh đậm đặc)

c. Human physical body. (Dense Body)

c. Thể xác hồng trần của con người. (Thể xác đậm đặc)

and are therefore a powerful factor in the eventual vitalisation of the centres in man. The etheric centres, or the focal points of force of a Heavenly Man are on the fourth cosmic ether, the buddhic plane. The astral plane is closely allied to the buddhic, and as the etheric centres of our Heavenly Man, for instance, come into full activity, the force is transmitted through the astral correspondence [Page 635] to the fourth physical ether, in which the centres of man exist.

và vì vậy là một yếu tố mạnh mẽ trong việc tiếp sinh lực sau cùng cho các trung tâm trong con người. Các trung tâm dĩ thái, hay các tiêu điểm mãnh lực của một Đấng Thiên Nhân, nằm trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề. Cõi cảm dục liên hệ chặt chẽ với cõi Bồ đề, và chẳng hạn khi các trung tâm dĩ thái của Đấng Thiên Nhân của chúng ta đi vào hoạt động đầy đủ, mãnh lực được truyền qua sự tương ứng cảm dục [Page 635] đến dĩ thái hồng trần thứ tư, nơi các trung tâm của con người hiện hữu.

The Agnishvattas are the builders on the fifth or gaseous subplane of the cosmic physical, and—from the human standpoint—are the most profoundly important, for they are the builders of the body of consciousness *per se.* From the psychic standpoint of occult physiology, they have a close connection with the physical brain, the seat or empire of the Thinker, and as at this stage all that we can know must be viewed kama-manasically, it will be apparent that between the sympathetic nervous system and the brain is such a close interaction as to make one organised whole. This microcosmic correspondence is of interest, but in studying these groups of devas at present we will view them principally in their work as systemic and planetary builders, leaving the student to trace out for himself the human analogy. He will learn thereby. Having indicated certain lines of thought, we will now take up these groups one at a time and consider them.

Các Agnishvatta là những đấng kiến tạo trên cõi phụ thứ năm hay cõi khí của cõi hồng trần vũ trụ, và—xét từ quan điểm con người—là quan trọng sâu xa nhất, vì họ là những đấng kiến tạo của chính thể tâm thức. Từ quan điểm thông linh của sinh lý học huyền bí, họ có liên hệ mật thiết với bộ não hồng trần, chỗ ngự hay đế quốc của Đấng Tư Tưởng, và vì ở giai đoạn này mọi điều chúng ta có thể biết đều phải được nhìn theo cách trí-cảm, nên hiển nhiên là giữa hệ thần kinh giao cảm và bộ não có một sự tương tác mật thiết đến mức tạo thành một toàn thể có tổ chức. Sự tương ứng tiểu thiên địa này thật đáng quan tâm, nhưng khi nghiên cứu các nhóm thiên thần này hiện nay chúng ta sẽ chủ yếu xem xét họ trong công việc của họ như những đấng kiến tạo hệ thống và hành tinh, để đạo sinh tự mình truy ra sự tương tự nơi con người. Nhờ đó y sẽ học được. Sau khi đã chỉ ra một số tuyến tư tưởng, giờ đây chúng ta sẽ lần lượt xét từng nhóm này và khảo sát họ.

S6S7

The Agnichaitans—Physical Plane Devas.

Các Agnichaitan—Thiên thần cõi hồng trần.

These devas are the sumtotal of physical plane substance. This plane is, as we know, divided into two parts:

Các thiên thần này là tổng thể của chất liệu cõi hồng trần. Cõi này, như chúng ta biết, được chia thành hai phần:

The four ethers, four subplanes.

Bốn dĩ thái, bốn cõi phụ.

The demonstrably concrete or dense three subplanes.

Ba cõi phụ cụ thể hay đậm đặc có thể chứng minh được.

We have here a subdivision of the seventh subplane of the cosmic physical plane making the lowest manifestation one that is divided into forty-nine subplanes or states of activity. For purposes of active work, the devas of the system are divided into forty-nine groups—the forty-nine fires. The Agnichaitans in turn are also divided into forty-nine groups, thus reflecting the whole. [Page 636]

Ở đây chúng ta có một sự phân chia của cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ, khiến cho biểu lộ thấp nhất trở thành một biểu lộ được chia thành bốn mươi chín cõi phụ hay trạng thái hoạt động. Vì mục đích công việc tích cực, các thiên thần của hệ thống được chia thành bốn mươi chín nhóm—bốn mươi chín lửa. Đến lượt mình, các Agnichaitan cũng được chia thành bốn mươi chín nhóm, nhờ đó phản chiếu toàn thể. [Page 636]

1. The Raja-Lord. Kshiti. The life of the physical plane.

1. Raja-Lord. Kshiti. Sự sống của cõi hồng trần.

2. Three groups of Agnichaitans concerned with:

2. Ba nhóm Agnichaitan liên quan đến:

A. The force or energy of physical substance. That electrical aspect which produces activity.

A. Mãnh lực hay năng lượng của chất liệu hồng trần. Phương diện điện tạo ra hoạt động đó.

B. The construction of forms. They produce the union of negative and positive substance, and thus bring into being all that can be seen, and touched in the exoteric and ordinary connotation.

B. Việc kiến tạo các hình tướng. Họ tạo ra sự kết hợp của chất liệu âm và dương, và nhờ đó làm phát sinh mọi điều có thể được nhìn thấy và chạm đến theo nghĩa ngoại môn và thông thường.

C. The internal heat of substance which nourishes and causes reproduction. They form the purely mother aspect.

C. Nhiệt bên trong của chất liệu, thứ nuôi dưỡng và gây ra sự sinh sản. Họ tạo thành phương diện mẫu thân thuần túy.

These three groups are subdivided again into seven groups which form the matter of each

Ba nhóm này lại được chia nhỏ thành bảy nhóm, tạo thành vật chất của mỗi cõi phụ,

subplane, viewing that matter as the body of manifestation of one of the seven devas through whom the Raja-Lord of the plane is manifesting.

nếu xem vật chất đó như thể biểu lộ của một trong bảy thiên thần mà qua đó Raja-Lord của cõi đang biểu lộ.

These seven groups are again divided into seven, making forty-nine.

Bảy nhóm này lại được chia thành bảy, thành ra bốn mươi chín.

The three groups function as follows:

Ba nhóm hoạt động như sau:

Group A. on the first subplane. They are the sumtotal of the atomic matter of the physical plane.

Nhóm A. trên cõi phụ thứ nhất. Họ là tổng thể của vật chất nguyên tử của cõi hồng trần.

Group B. on the second, third and fourth etheric subplanes. They are the substance of those planes, the transmitters of prana, through which prana flows to the most concrete aspects of the logoic dense vahan, or vehicle.

Nhóm B. trên các cõi phụ dĩ thái thứ hai, thứ ba và thứ tư. Họ là chất liệu của các cõi đó, là những tác nhân truyền prana, qua đó prana chảy đến các phương diện cụ thể nhất của vahan hay vận cụ đậm đặc của Thượng đế.

Group C. the lowest three subplanes; they are the devas who are the essences of all that is tangible, visible and objective.

Nhóm C. ba cõi phụ thấp nhất; họ là những thiên thần là tinh chất của mọi điều hữu hình, khả kiến và khách quan.

A very real distinction must be made by students between the centres and the remainder of the body, as they investigate the construction of the body of the solar Logos or of a planetary Logos.

Đạo sinh phải tạo ra một sự phân biệt rất thực giữa các trung tâm và phần còn lại của thân thể, khi nghiên cứu việc kiến tạo thân thể của Thái dương Thượng đế hay của một Hành Tinh Thượng Đế.

[Page 637] The centres are allied or connected with consciousness, and are composed of self-conscious units—the human Monads. The remainder of the body is composed of deva substance, yet the two together form a unity. The deva units therefore far outnumber the human, and deva substance is also feminine and negative, the human Hierarchy being masculine. Through the positive activity of the centres, the negative deva substance is influenced, built and energized. This is true

[Page 637] Các trung tâm liên kết hay gắn với tâm thức, và gồm các đơn vị hữu ngã thức—các Chân thần nhân loại. Phần còn lại của thân thể gồm chất liệu thiên thần, tuy nhiên cả hai cùng nhau tạo thành một hợp nhất. Vì vậy các đơn vị thiên thần đông hơn rất nhiều so với các đơn vị nhân loại, và chất liệu thiên thần cũng là nữ tính và âm, còn Huyền Giai nhân loại là nam tính. Qua hoạt động dương của các trung tâm, chất liệu thiên thần âm bị tác động, được xây dựng và được tiếp năng lượng. Điều này đúng với một Thái dương

of a solar Logos, a planetary Logos and a human being.

Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và một con người.

Three types of force, therefore, play upon or through these devas:

Vì vậy, ba loại mãnh lực tác động lên hay xuyên qua các thiên thần này:

a. That energizing the devas of the first subplane, the atomic. This emanates directly from the first aspect of Brahma, or Agni, considering Him as a self-conscious Identity, the third Person of the logoic Trinity, and therefore Spirit, Soul and Body Himself in His separated essential nature.

a. Mãnh lực tiếp năng lượng cho các thiên thần của cõi phụ thứ nhất, tức cõi nguyên tử. Mãnh lực này phát ra trực tiếp từ phương diện thứ nhất của Brahma, hay Agni, khi xem Ngài như một chủ thể hữu ngã thức, Ngôi thứ ba của Tam Vị Thượng đế, và do đó chính Ngài là Tinh thần, Linh hồn và Thân thể trong bản chất cốt yếu biệt lập của Ngài.

b. That energizing the devas of construction, or the form building groups; this comes from the second aspect of Brahma, and is prana, issuing from the physical Sun, and working under the Law of Attraction.

b. Mãnh lực tiếp năng lượng cho các thiên thần kiến tạo, hay các nhóm xây dựng hình tướng; mãnh lực này đến từ phương diện thứ hai của Brahma, và là prana, phát ra từ Mặt Trời hồng trần, hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn.

c. That energizing the devas of the lowest three orders, emanating from Brahma in His third aspect. Thus in the dual force, or the aspects of matter itself, interacting the one upon the other, densest forms of all are produced. Yet these three function as one.

c. Mãnh lực tiếp năng lượng cho các thiên thần của ba cấp thấp nhất, phát ra từ Brahma trong phương diện thứ ba của Ngài. Như vậy trong mãnh lực kép, hay các phương diện của chính vật chất, tương tác lẫn nhau, các hình tướng đậm đặc nhất được tạo ra. Tuy nhiên ba nhóm này hoạt động như một.

Group C. Agnichaitans. In considering these groups of Agnichaitans, we must remember that we are dealing with that manifestation of the Logos with which exoteric science is dealing, and that as regards Group C, science is already making fair progress in the accumulation of knowledge; it remains yet for science to [Page 638] acknowledge the "entified" nature of substance, (208, 209) and thus account for the life that energizes the substance of the three lower subplanes.

Nhóm C. Các Agnichaitan. Khi xem xét các nhóm Agnichaitan này, chúng ta phải nhớ rằng mình đang bàn đến biểu lộ của Thượng đế mà khoa học ngoại môn đang nghiên cứu, và xét về Nhóm C, khoa học đã đạt được tiến bộ khá tốt trong việc tích lũy tri thức; điều còn lại là khoa học phải [Page 638] thừa nhận bản chất "thực thể hóa" của chất liệu, (208, 209) và nhờ đó giải thích sự sống tiếp năng lượng cho chất liệu của ba cõi phụ thấp.

(208) The “entified” nature of all substance is technically known as Hylozoism. H. P. B. says: “Hylozoism, when philosophically understood, is the highest aspect of Pantheism. It is the only possible escape from idiotic Atheism based on lethal materiality, and the still more idiotic anthropomorphic conceptions of the Monotheists; between which it stands on its own entirely neutral ground. Hylozoism demands absolute Divine Thought, which would pervade the numberless active creating Forces, or “Creators,” which Entities are moved by, and have their being in, from and through that Divine Thought.... Such active “Creators” are known to exist and are believed in because perceived and sensed by the Inner Man in the Occultist.”—S. D., II, 167, 168. (back)

(208) Bản chất “thực thể hóa” của mọi chất liệu về mặt kỹ thuật được gọi là Thuyết vật hoạt. H. P. B. nói: “Thuyết vật hoạt, khi được hiểu theo triết học, là phương diện cao nhất của Phiếm thần luận. Đó là lối thoát khả hữu duy nhất khỏi thuyết Vô thần ngu xuẩn dựa trên tính vật chất chết chóc, và khỏi những quan niệm nhân hình còn ngu xuẩn hơn của những người Nhất thần luận; giữa hai điều đó, nó đứng trên nền tảng hoàn toàn trung lập của riêng nó. Thuyết vật hoạt đòi hỏi Tư Tưởng thiêng liêng tuyệt đối, tư tưởng này sẽ thấm nhuần vô số Mãnh Lực sáng tạo tích cực, hay các “Đấng Sáng Tạo,” Tư Tưởng thiêng liêng đó vận động những Thực Thể này, và các Ngài hiện hữu trong, bắt nguồn từ và thông qua Tư Tưởng ấy.... Những “Đấng Sáng Tạo” tích cực như thế được biết là hiện hữu và được tin là có thật vì được Nội Nhân nơi nhà huyền bí học tri giác và cảm nhận.”—S. D., II, 167, 168. (back)

FOOTNOTE 9:

CHÚ THÍCH 9:

An atom is an entified abstraction.—S. D., I, 559-560.

Một nguyên tử là một trừu tượng được thể hoá.—S. D., I, 559-560.

a. The informing entity of the system is the Logos.´

a. Thực thể thấm nhuần của hệ thống là Logos.´

b. The informing entity of a plane is its raja-Lord.

b. Thực thể thấm nhuần của một cõi là vị Chúa Tể raja của nó.

Such as Indra, Agni, Varuna, Kshiti.

Chẳng hạn như Indra, Agni, Varuna, Kshiti.

c. The informing entity of a planet is its planetary Logos.

c. Thực thể thấm nhuần của một hành tinh là Hành Tinh Thượng Đế của nó.

d. The informing entity in the Microcosm is a Dhyan Chohan.

d. Thực thể thấm nhuần trong Tiểu thiên địa là một Dhyan Chohan.

e. The informing entity in the causal body is the Divine Thinker.

f. The informing entity in a physical atom is an elemental life.

Fire is in all things.—S. D., I, 146; II, 258.

a. The informing entity is Fire.—S. D., I, 145, 146.

b. The matter of the form is permeated with fire.—S. D., I, 112.

c. The developing mind is cosmic fire.—S. D., I, 114.

This recognition by science that all forms are built of intelligent lives will come about when the science of magic begins again to come to the fore, and when the laws of being are better understood. Magic concerns itself with the manipulation of the lesser lives by a greater life; when the scientist begins to work with the consciousness that animates substance (atomic or electronic), and when he brings under his conscious control the forms built of this substance, he will gradually become cognizant of the fact that all entities of all grades and of varying constitutions go to the construction of that which is seen. This will not be until science has definitely admitted the existence of etheric matter as *understood by the occultist*, and until it has developed the hypothesis that this ether is in differing vibrations. When the etheric counterpart of all that exists is allocated to its rightful place, and known to be of more importance in the scale of being than the dense vehicle, being essentially the body of the [Page 639] life, or

e. Thực thể thấm nhuần trong thể nguyên nhân là Đấng Tư Tưởng thiêng liêng.

f. Thực thể thấm nhuần trong một nguyên tử hồng trần là một sự sống hành khí.

Lửa ở trong mọi sự vật.—S. D., I, 146; II, 258.

a. Thực thể thấm nhuần là Lửa.—S. D., I, 145, 146.

b. Vật chất của hình tướng được lửa thấm khắp.—S. D., I, 112.

c. Trí tuệ đang phát triển là lửa vũ trụ.—S. D., I, 114.

Sự thừa nhận này của khoa học rằng mọi hình tướng đều được xây dựng bằng những sự sống thông tuệ sẽ đến khi khoa học huyền thuật lại bắt đầu nổi lên, và khi các định luật của hiện hữu được thấu hiểu tốt hơn. Huyền thuật liên quan đến việc một sự sống lớn hơn điều khiển các sự sống nhỏ hơn; khi nhà khoa học bắt đầu làm việc với tâm thức làm sinh động chất liệu (nguyên tử hay điện tử), và khi ông đặt dưới sự kiểm soát hữu thức của mình các hình tướng được xây dựng bằng chất liệu này, ông sẽ dần dần nhận biết được sự kiện rằng mọi thực thể thuộc mọi cấp bậc và có các cấu tạo khác nhau đều góp phần vào việc kiến tạo cái được nhìn thấy. Điều này sẽ chưa xảy ra cho đến khi khoa học dứt khoát thừa nhận sự hiện hữu của vật chất dĩ thái như *nhà huyền bí học hiểu*, và cho đến khi nó phát triển giả thuyết rằng dĩ thái này có những rung động khác nhau. Khi đối phần dĩ thái của mọi cái hiện hữu được đặt vào đúng vị trí của nó, và được biết là quan trọng hơn trong thang bậc hiện hữu so với vận cụ đậm đặc, vì về bản chất nó là thân thể của [Page 639] sự sống, hay sinh lực, thì vai

vitality, then the role of the scientist and the occultist will merge.

trò của nhà khoa học và nhà huyền bí học sẽ hòa nhập.

H. P. B. has said *(S.D., II. 621)* that the dense physical is not a principle, and this point is frequently overlooked in connection with man and the Logos. Its importance cannot be too strongly realised for it has the effect of transferring the point of centralisation, or of polarisation in the case of man into his etheric body, composed of matter of the four higher subplanes of the systemic physical plane, and in the case of the Logos, of the four higher subplanes of the cosmic physical plane. The point is one of a very real complexity, for it involves the realisation that, from the standpoint of the occultist, the lowest vibration with which he may concern himself is that of the systemic etheric in its four lesser allied vibrations; similarly macrocosmically the lowest logoic vibration with which the greater Adepts are concerned is the cosmic etheric. The three lowest systemic and cosmic vibrations are the result of:

H. P. B. đã nói *(S.D., II. 621)* rằng thể xác đậm đặc không phải là một nguyên khí, và điểm này thường bị bỏ qua khi liên hệ với con người và Thượng đế. Cần nhận thức thật sâu sắc tầm quan trọng của điểm này, vì nó có tác dụng chuyển điểm tập trung, hay điểm phân cực trong trường hợp con người, vào thể dĩ thái của y, được cấu thành bằng vật chất của bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần hệ thống, và trong trường hợp của Thượng đế, vào bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ. Điểm này thực sự rất phức tạp, vì nó bao hàm sự nhận biết rằng, từ quan điểm của nhà huyền bí học, rung động thấp nhất mà ông có thể quan tâm là rung động của cõi dĩ thái hệ thống trong bốn rung động liên hệ thấp hơn của nó; tương tự như vậy về mặt đại thiên địa, rung động thấp nhất của Thượng đế mà các chân sư cao cả hơn quan tâm là cõi dĩ thái vũ trụ. Ba rung động thấp nhất của hệ thống và của vũ trụ là kết quả của:

Reflex action on the part of negative substance for the lower three are negative to the higher four.

Phản ứng phản xạ từ phía chất liệu âm vì ba cõi thấp là âm đối với bốn cõi cao hơn.

Synchronous vibration, inherent in negative substance, the residue of an earlier system, and embodying therefore past karma for the Logos and for man.

Rung động đồng bộ, vốn có trong chất liệu âm, là tàn dư của một hệ thống trước, và do đó hiện thân cho nghiệp quả quá khứ của Thượng đế và của con người.

Vibrations that are gradually being superseded by the imposition of a higher note; therefore for both man and the Logos, they occultly form the "body of death."

Những rung động đang dần bị thay thế bởi sự áp đặt của một âm điệu cao hơn; vì vậy đối với cả con người lẫn Thượng đế, về mặt huyền bí chúng tạo thành "thân thể của sự chết."

This brings us to the point which we are seeking to make anent this third group of the lowest devas. They are very destructive

Điều này đưa chúng ta đến điểm mà chúng ta đang tìm cách nêu ra liên quan đến nhóm thứ ba này của các thiên thần thấp nhất. Họ

where man is concerned, for they embody the final and therefore powerful vibration of the past system, the conscious activity of dense matter. Hence there is consequently a profound truth in the [Page 640] statement that man is at the "mercy of the elements." Man can physically be burned and destroyed by fire; he is helpless before volcanic action, and cannot protect himself from the ravages of fire, unless in the initial stages of such deva endeavour. The occult importance of the war man wages on the fire devas for instance is very real in connection with the fire department in any city. The time lies far ahead as yet, but it will surely come, when the personnel of these departments will be chosen for their ability to control the agnichaitans when manifesting destructively, and their methods will no longer be that of water (or the calling in of the water devas to neutralise the fire devas), but that of incantation, and a knowledge of the sounds that will swing into action forces which will control the fiery destructive elements.

rất có tính hủy diệt đối với con người, vì họ hiện thân cho rung động cuối cùng và do đó mạnh mẽ của hệ thống quá khứ, tức hoạt động hữu thức của vật chất đậm đặc. Vì thế có một chân lý sâu xa trong [Page 640] lời phát biểu rằng con người ở dưới "sự chi phối của các nguyên tố." Con người có thể bị lửa thiêu đốt và hủy diệt về mặt thể xác; y bất lực trước hoạt động núi lửa, và không thể tự bảo vệ mình khỏi sự tàn phá của lửa, trừ trong những giai đoạn đầu của nỗ lực thiên thần như thế. Tầm quan trọng huyền bí của cuộc chiến mà con người tiến hành chống lại các thiên thần lửa, chẳng hạn, là rất thực trong mối liên hệ với sở cứu hỏa ở bất kỳ thành phố nào. Thời điểm đó còn ở rất xa, nhưng chắc chắn sẽ đến, khi nhân sự của các sở này sẽ được chọn vì khả năng kiểm soát các agnichaitan khi chúng biểu lộ một cách hủy diệt, và phương pháp của họ sẽ không còn là dùng nước (hay kêu gọi các thiên thần nước để hóa giải các thiên thần lửa), mà là dùng thần chú, và tri thức về các âm thanh sẽ đưa vào hoạt động những mãnh lực có thể kiểm soát các nguyên tố lửa hủy diệt.

The third group of these devas is very definitely connected with the control of the Manu's department, and of the great devas associated with that department on this planet. Through their activity during certain cycles the entire surface of the Earth is changed through the medium of volcanic action; continents are raised and submerged; volcanoes are active or quiescent, and thus the world is purified by fire. In their own department these Agnichaitans are kept busy building the mineral forms through the agency of fire; they are the alchemists of the lower regions, and through contact with them, and through the knowledge of "the words" by which they are controlled, the future scientific alchemists (I use this expression in contradistinction to the idealistic alchemists of the past) will work

Nhóm thứ ba của các thiên thần này có liên hệ rất rõ rệt với sự kiểm soát của bộ phận của Đức Manu, và của các thiên thần vĩ đại liên kết với bộ phận đó trên hành tinh này. Qua hoạt động của họ trong một số chu kỳ nhất định, toàn bộ bề mặt Trái Đất được thay đổi qua trung gian của hoạt động núi lửa; các lục địa được nâng lên và chìm xuống; các núi lửa hoạt động hay yên lặng, và nhờ đó thế giới được thanh lọc bằng lửa. Trong bộ phận riêng của mình, các Agnichaitan này luôn bận rộn xây dựng các hình tướng khoáng vật qua tác nhân của lửa; họ là các nhà luyện kim của những vùng thấp, và qua sự tiếp xúc với họ, cùng qua tri thức về "các lời" mà nhờ đó họ được kiểm soát, các nhà luyện kim khoa học tương lai (tôi dùng cách diễn đạt này để phân biệt với các nhà luyện kim duy tâm của quá khứ) sẽ làm việc với khoáng vật

with minerals and with the lives embodied in all mineral forms.

và với các sự sống hiện thân trong mọi hình tướng khoáng vật.

The secret of the transmutation of the baser metals into gold will be revealed when world conditions are such that gold is no longer the standard and hence the free manufacture of gold will not lead to disaster, and [Page 641] when scientists work with the life aspect, or with positive electrical life, and not with the substance or form aspect.

Bí mật của sự chuyển hoá các kim loại hèn thành vàng sẽ được tiết lộ khi các điều kiện thế giới trở nên sao cho vàng không còn là tiêu chuẩn nữa và vì thế việc chế tạo vàng tự do sẽ không dẫn đến tai họa, và [Page 641] khi các nhà khoa học làm việc với phương diện sự sống hay với sự sống điện dương, chứ không phải với phương diện chất liệu hay hình tướng.

We have seen that the work of the lowest group of Agnichaitans is to build continents by fire, to purify by fire during alternate cycles, and to construct the metals and the minerals. It is also concerned with the tending of the fires of the hearth, or those fires which warm, cheer and produce livable conditions in a planet, and incidentally in a home. This is of very vital import, for it means that they are connected with the central basic fires in the bowels of the Earth, with the central basic fire that nourishes and warms the physical forms of all the kingdoms of nature, and consequently with the kundalini fire at the base of the spine in individual man.

Chúng ta đã thấy rằng công việc của nhóm Agnichaitan thấp nhất là xây dựng các lục địa bằng lửa, thanh lọc bằng lửa trong các chu kỳ xen kẽ, và kiến tạo các kim loại cùng khoáng vật. Nó cũng liên quan đến việc chăm nom các ngọn lửa nơi lò sưởi, hay những ngọn lửa sưởi ấm, làm vui tươi và tạo ra các điều kiện có thể sinh sống được trên một hành tinh, và cũng trong một ngôi nhà. Điều này có tầm quan trọng rất thiết yếu, vì nó có nghĩa là họ liên kết với các ngọn lửa căn bản trung tâm trong lòng Trái Đất, với ngọn lửa căn bản trung tâm nuôi dưỡng và sưởi ấm các hình tướng hồng trần của mọi giới trong thiên nhiên, và do đó với lửa kundalini ở đáy cột sống nơi từng con người.

It is not advisable for us further to enlarge upon their functions. It should be noted that in connection with the matter aspect there is less to be said than on consciousness, and on the hylozoistic aspect of manifestation. The reason lies in the fact that exoteric science is slowly, yet steadily, finding out the nature of phenomena, and discovering for itself the character of electrical manifestation. In their slowness of discovery lies safety. It is not wise nor right yet for the true nature of these different forces and powers to be fully known; therefore, it is not possible for us to do more

Chúng ta không nên khai triển thêm về các chức năng của họ. Cần lưu ý rằng liên quan đến phương diện vật chất thì có ít điều để nói hơn là về tâm thức, và về phương diện vật hoạt của sự biểu lộ. Lý do nằm ở chỗ khoa học ngoại môn đang chậm rãi nhưng vững chắc khám phá ra bản chất của các hiện tượng, và tự mình phát hiện đặc tính của sự biểu lộ điện. Trong sự chậm chạp khám phá của nó có sự an toàn. Hiện nay việc bản chất chân thực của các mãnh lực và quyền năng khác nhau này được biết đầy đủ vẫn chưa khôn ngoan cũng chưa đúng đắn; vì vậy, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài

than indicate certain broad general lines. In due course of time, as the human family becomes centred in the higher, and not in the lower nature, and as the force from the higher planes can more easily impose itself on the lower, the facts concerning these Lives and Builders, their methods of work, and the laws of their being will be known. Knowledge at this time would be productive of two results. It would first of all bring the human family into the power (as yet blind and destructive) of [Page 642] certain elementals, who are of a nature analogous to that of the physical body. Hence destruction of the form would ensue, or paralysis and insanity on a large scale would eventuate. Secondly, it would put power into the hands of certain of the Brothers of the Left Hand Path (211) and of a number of unconscious magicians (of whom there are quite a number) who would use it only for selfish, evil and material ends. Hence no more can be said anent dense physical substance and its embodiers.

việc chỉ ra một số đường nét tổng quát rộng lớn. Đến đúng thời, khi gia đình nhân loại trở nên tập trung trong bản chất cao hơn chứ không phải bản chất thấp hơn, và khi mãnh lực từ các cõi cao hơn có thể dễ dàng hơn tác động lên các cõi thấp hơn, thì các sự kiện liên quan đến các Sự Sống và các Đấng Kiến Tạo này, các phương pháp làm việc của họ, và các định luật hiện hữu của họ sẽ được biết đến. Tri thức vào lúc này sẽ tạo ra hai kết quả. Trước hết, nó sẽ đưa gia đình nhân loại vào quyền lực (hiện còn mù quáng và hủy diệt) của [Page 642] một số hành khí, có bản chất tương tự với bản chất của thể xác. Vì thế sự hủy diệt hình tướng sẽ xảy ra, hoặc sự tê liệt và điên loạn trên quy mô lớn sẽ phát sinh. Thứ hai, nó sẽ đặt quyền năng vào tay một số huynh đệ của tả đạo (211) và một số nhà huyền thuật vô thức (mà có khá nhiều) là những kẻ sẽ chỉ dùng nó cho các mục đích ích kỷ, xấu ác và vật chất. Vì vậy không thể nói thêm gì nữa liên quan đến chất liệu hồng trần đậm đặc và các thực thể hiện thân của nó.

(211) The left-hand Path is that followed by the Black Magician, and by the Brothers of the Shadows. It originates in the use of the forces of nature for selfish ends; it is characterised by intense selfishness and separativeness, and ends in Avitchi, the 8th sphere, the home of lost souls, or those shells of the lower man which have become separated from their egoic or individual life principle. (back)

(211) Con Đường tả đạo là con đường được nhà hắc thuật và các Huynh Đệ của Bóng Tối đi theo. Nó bắt nguồn từ việc sử dụng các mãnh lực của thiên nhiên cho những mục đích ích kỷ; nó được đặc trưng bởi tính ích kỷ mãnh liệt và tính phân ly, và kết thúc trong Avitchi, khối cầu thứ 8, nơi cư ngụ của các linh hồn lạc mất, hay những vỏ của phàm nhân đã bị tách rời khỏi nguyên khí sự sống chân ngã hay cá nhân của chúng. (back)

The Agnichaitans of the third group are as yet a menace to man, and are only handled in group formation, and on a large scale by the head of the Manu's department through their own rulers-certain devas of a development equal to that of the sixth Initiation.

Các Agnichaitan của nhóm thứ ba hiện vẫn là một mối đe dọa đối với con người, và chỉ vị đứng đầu bộ phận của Đức Manu mới điều khiển họ theo nhóm và trên quy mô lớn, thông qua các vị cai quản riêng của họ—một số thiên thần có mức phát triển ngang với lần điểm đạo thứ sáu.

The occult Hierarchy of our planet is primarily concerned with the development of self-consciousness in man, and with the intelligent interpretation of the happenings of Nature; it is concerned with a wise co-operation with the building Forces of nature; and the object of its main endeavour is the vitalisation and activity of the centres in the Heavenly Man of our planet, and in the individual units of the human family.

Thánh Đoàn huyền bí của hành tinh chúng ta chủ yếu quan tâm đến sự phát triển ngã thức nơi con người, và đến sự diễn giải thông tuệ các biến cố của Thiên Nhiên; Thánh Đoàn quan tâm đến sự hợp tác khôn ngoan với các Mãnh Lực kiến tạo của thiên nhiên; và mục tiêu của nỗ lực chính yếu của Thánh Đoàn là việc tiếp sinh lực và hoạt động của các trung tâm trong Đấng Thiên Nhân của hành tinh chúng ta, và trong các đơn vị cá thể của gia đình nhân loại.

The occult Hierarchy is a great force centre, the heart, head, and throat of the Heavenly Man as these three centres function in a triple co-ordination. Paralleling their activities along the line of consciousness (and primarily consciousness or intelligence as it demonstrates through the third and fourth kingdoms) is to be found a great hierarchy of devas who concern themselves with the development of that portion of the body of a Heavenly Man which is not included in the active centres. Perhaps some idea of what I seek to convey [Page 643] may be gathered from an illustration. The occult Hierarchy is concerned with the unfoldment of the nine-petalled Lotus in the Heavenly Man, and in man (the former through reflex action between the cosmic physical and the cosmic mental), while the great deva Hierarchy is concerned with the permanent atoms, with the egoic body, and with the development of the spirillae. Thus the function of the Agnichaitans of the lowest furnaces—macrocosmically and microcosmically—will be seen and comprehended by the wise student.

Thánh Đoàn huyền bí là một trung tâm mãnh lực vĩ đại, là tim, đầu và cổ họng của Đấng Thiên Nhân khi ba trung tâm này hoạt động trong một sự phối hợp tam phân. Song song với các hoạt động của chúng theo tuyến tâm thức (và chủ yếu là tâm thức hay trí tuệ như nó biểu lộ qua giới thứ ba và giới thứ tư) là một huyền giai thiên thần vĩ đại quan tâm đến sự phát triển của phần thân thể của một Đấng Thiên Nhân không được bao gồm trong các trung tâm hoạt động. Có lẽ một vài ý niệm về điều tôi tìm cách truyền đạt [Page 643] có thể được nắm bắt qua một minh họa. Thánh Đoàn huyền bí quan tâm đến sự khai mở của Hoa sen chín cánh trong Đấng Thiên Nhân, và trong con người (ở Đấng Thiên Nhân, sự khai mở này diễn ra qua phản ứng phản xạ giữa cõi hồng trần vũ trụ và cõi trí vũ trụ), trong khi huyền giai thiên thần vĩ đại quan tâm đến các nguyên tử trường tồn, đến thể chân ngã, và đến sự phát triển của các loa tuyến. Nhờ đó chức năng của các Agnichaitan của những lò lửa thấp nhất—về mặt đại thiên địa và tiểu thiên địa—sẽ được đạo sinh minh triết nhìn thấy và thấu hiểu.

Group B. Agnichaitans. In taking up the matter of the second group of Agnichaitans —Group B—we are dealing with that important group of devas who are designated in some works as the “devas of

Nhóm B. Các Agnichaitan. Khi đề cập đến vấn đề của nhóm Agnichaitan thứ hai—Nhóm B —chúng ta đang bàn đến nhóm thiên thần quan trọng được gọi trong một số tác phẩm là “các thiên thần của bóng tối.” Chức năng

the shadows." Their function is primarily a fourfold one, and they are the basis of motion or of activity on all planes, which activity is produced by the interplay of the negative and positive aspects of Brahma, the manifested God.

của họ chủ yếu có bốn mặt, và họ là nền tảng của chuyển động hay hoạt động trên mọi cõi, hoạt động này do sự tương tác tạo ra giữa các phương diện âm và dương của Brahma, Thượng đế biểu lộ.

First, they are the builders of the etheric bodies of all sentient existences, and primarily of all the etheric bodies of men.

Thứ nhất, họ là những đấng kiến tạo các thể dĩ thái của mọi hiện hữu có tri giác, và chủ yếu là của mọi thể dĩ thái của con người.

Second, they are the transmitters of prana.

Thứ hai, họ là những tác nhân truyền prana.

Third, they perform a very definite function in the evolutionary process of linking up the four kingdoms of nature, being essentially the transmuters and transmitters of the lower into the higher. They build between each kingdom—mineral, vegetable, animal and human—that which in each case corresponds to the antaskarana, or the bridge linking higher and lower manas, and which therefore is the channel for the transmission of the life from out of the lower human kingdom into the higher spiritual one. It will be found that between each of the different stages of consciousness (from the subconscious through the self-conscious to the superconscious) there is a period of linking, of building, and of bridging, and this is carried out by the agency of [Page 644] certain groups of devas on all the planes. These three groups on the physical plane find their counterparts and their work paralleled on higher levels. The point to be remembered is that this work of bridging from one stage or from one kingdom to another has to be performed under the following conditions:

Thứ ba, họ thực hiện một chức năng rất xác định trong tiến trình tiến hoá là nối kết bốn giới trong thiên nhiên, vì về bản chất họ là những tác nhân chuyển hoá và truyền dẫn từ thấp lên cao. Họ xây dựng giữa mỗi giới—kim thạch, thực vật, động vật và nhân loại—điều mà trong mỗi trường hợp tương ứng với antaskarana, hay cây cầu nối manas cao và thấp, và do đó là kênh để truyền sự sống từ giới nhân loại thấp lên giới tinh thần cao hơn. Sẽ thấy rằng giữa mỗi giai đoạn tâm thức khác nhau (từ tiềm thức qua ngã thức đến siêu thức) có một thời kỳ nối kết, xây dựng và bắt cầu, và điều này được thực hiện nhờ tác nhân của [Page 644] một số nhóm thiên thần trên mọi cõi. Ba nhóm này trên cõi hồng trần có các đối phần của chúng và công việc của chúng được song hành trên các cấp độ cao hơn. Điểm cần ghi nhớ là công việc bắt cầu từ giai đoạn này sang giai đoạn khác hay từ giới này sang giới khác phải được thực hiện dưới các điều kiện sau:

a. As the result of an impulse emanating from the lower, or originating in the active desire of the lower to embrace or contact the higher. This is of paramount importance, for

a. Là kết quả của một xung lực phát ra từ phía thấp hơn, hay khởi nguồn trong dục vọng tích cực của phía thấp hơn muốn ôm lấy hay tiếp xúc với phía cao hơn. Điều này

all progress must be self-induced, self-initiated, and be the result of an inner activity.

có tầm quan trọng tối cao, vì mọi tiến bộ đều phải do chính mình khởi phát, do chính mình khởi xướng, và là kết quả của một hoạt động bên trong.

b. As the result of reflex action from the higher stage or kingdom; it is brought about by the activity of the lower which calls forth a response from the higher. All vibration, it must be remembered, travels along waves of living substance.

b. Là kết quả của phản ứng phản xạ từ giai đoạn hay giới cao hơn; hoạt động của phía thấp hơn tạo ra phản ứng ấy, hoạt động này gọi ra một đáp ứng từ phía cao hơn. Cần nhớ rằng mọi rung động đều truyền đi trên những làn sóng của chất liệu sống.

c. As the result of extraneous stimulation produced by the activity of certain conscious powers, interested in the process of evolutionary development.

c. Là kết quả của sự kích thích từ bên ngoài do hoạt động của một số quyền năng hữu thức tạo ra, những quyền năng này quan tâm đến tiến trình phát triển tiến hoá.

All these conditions can be seen in the process of the initiation of man, and of his transference from the fourth kingdom into the spiritual. His efforts must be self-induced, or the effect of his own self-conscious endeavour; they will meet with a response from his superconsciousness, the atmic aspect or Spirit and this dual interplay will be further aided by the Guardians of the Rites of Initiation. Yet all three effects are felt in spirit-matter; all proceed under the law of vibration, and this law is literally the response of deva substance to force emanating from some conscious or unconscious source.

Tất cả các điều kiện này có thể được thấy trong tiến trình điểm đạo của con người, và trong sự chuyển dịch của y từ giới thứ tư sang giới tinh thần. Các nỗ lực của y phải do chính y khởi phát, hay là kết quả của nỗ lực hữu ngã thức của chính y; chúng sẽ gặp được một đáp ứng từ siêu thức của y, phương diện atma hay tinh thần, và sự tương tác kép này sẽ còn được các Đấng Hộ Trì các Nghi Lễ Điểm Đạo trợ giúp thêm. Tuy nhiên cả ba hiệu quả đều được cảm nhận trong tinh thần-vật chất; tất cả đều tiến hành dưới định luật rung động, và định luật này theo nghĩa đen là sự đáp ứng của chất liệu thiên thần đối với mãnh lực phát ra từ một nguồn hữu thức hay vô thức nào đó.

Fourth, these "devas of the shadows," perform certain activities of an interesting and varied kind, but [Page 645] of such diversity as to make enumeration wellnigh impossible. We might attempt with brevity to state a few of these functions, remembering ever that what can be predicated of them on the physical plane can also be predicated of their correspondences on all the planes. This we can leave to the

Thứ tư, các "thiên thần của bóng tối" này thực hiện một số hoạt động thú vị và đa dạng, nhưng [Page 645] đa dạng đến mức gần như không thể liệt kê. Chúng ta có thể thử nêu ngắn gọn một vài chức năng trong số đó, luôn ghi nhớ rằng điều gì có thể được khẳng định về họ trên cõi hồng trần thì cũng có thể được khẳng định về các đối phần của họ trên mọi cõi. Điều này chúng ta có thể để cho đạo sinh tự mình tìm ra, đồng thời lại

student to work out for himself, begging him again to bear in mind that we are dealing with the devas on the evolutionary arc, which may be divided into the following classes, amongst many others.

xin y ghi nhớ rằng chúng ta đang bàn đến các thiên thần trên cung tiến hoá, những vị có thể được chia thành các loại sau đây, trong số nhiều loại khác.

Class 1. The special agents of magic. They are peculiarly susceptible to the building vibrations of the seven rays.

Loại 1. Các tác nhân đặc biệt của huyền thuật. Họ đặc biệt nhạy cảm với các rung động kiến tạo của bảy cung.

Class 2. A group of Agnichaitans who manifest as physical plane electricity. They are a group who are coming somewhat under the control of man, and will be more and more dominated by him.

Loại 2. Một nhóm Agnichaitan biểu lộ thành điện của cõi hồng trần. Họ là một nhóm đang phần nào đi vào dưới sự kiểm soát của con người, và sẽ ngày càng bị con người chi phối hơn.

Class 3. A group who form the health auras of all the three middle kingdoms of nature (vegetable, animal and human) either collectively or individually. Man is coming into contact with them along medical lines and beginning somewhat to recognise them. One of the great errors into which the human family has fallen has been the endeavour to administer mineral drugs to man for medicinal purposes. It has resulted in a combination of deva substances which was never intended. The relation of man to the lower kingdoms, and particularly to the animal and mineral, has brought about a peculiar condition in the deva world and has tended to complicate deva evolution. The use of animal food (and the use of minerals as medicine in a lesser degree) has produced a commingling of deva substance, and of vibrations which are not attuned to each other. The vegetable kingdom is in a totally different situation, and part of its karma has lain in the providing of food for man; this has resulted in a needed transmutation of the life [Page 646] of that kingdom into the higher stage (the animal) which is its goal. The transmutation of vegetable life takes place necessarily on the physical plane.

Loại 3. Một nhóm tạo thành các hào quang sức khỏe của cả ba giới giữa trong thiên nhiên (thực vật, động vật và nhân loại), hoặc tập thể hoặc cá thể. Con người đang tiếp xúc với họ theo hướng y học và bắt đầu phần nào nhận ra họ. Một trong những sai lầm lớn mà gia đình nhân loại đã sa vào là nỗ lực dùng dược chất khoáng vật cho con người vì mục đích chữa bệnh. Điều đó đã dẫn đến một sự kết hợp các chất liệu thiên thần vốn không bao giờ được dự định. Mối liên hệ của con người với các giới thấp hơn, và đặc biệt với động vật và khoáng vật, đã tạo ra một tình trạng đặc biệt trong thế giới thiên thần và có xu hướng làm phức tạp sự tiến hoá thiên thần. Việc dùng thức ăn động vật (và việc dùng khoáng vật làm thuốc ở mức độ thấp hơn) đã tạo ra một sự pha trộn của chất liệu thiên thần, và của những rung động không hòa điệu với nhau. Giới thực vật ở trong một tình thế hoàn toàn khác, và một phần nghiệp quả của nó là cung cấp thức ăn cho con người; điều này đã dẫn đến một sự chuyển hoá cần thiết của sự sống [Page 646] của giới đó sang giai đoạn cao hơn (động vật), vốn là mục tiêu của nó. Sự chuyển hoá của sự sống thực vật tất yếu diễn ra trên cõi hồng trần. Vì thế nó có thể dùng làm thức

Hence its availability as food. The transmutation of the life of the animal into the human kingdom takes place on kamamanasic levels. Hence the non-availability, esoterically understood, of the animal as food for man. This is an argument for vegetarian living which needs due consideration.

ăn. Sự chuyển hoá của sự sống động vật vào giới nhân loại diễn ra trên các cấp độ trí-cảm. Vì thế, theo cách hiểu huyền bí, động vật không thích hợp làm thức ăn cho con người. Đây là một luận cứ ủng hộ đời sống ăn chay cần được cân nhắc thích đáng.

Class 4. A very important class of etheric devas (as far as man is concerned) who are definitely the constituent substance of his centres. They occupy this position for karmic reasons, and are, from many angles, some of the most highly evolved of the devas of the shadows. They are distinguished by their ability to respond to a particular set of planetary vibrations in a peculiar manner, and in their essential essence, and in their own peculiar sphere enable man to react to Ray stimulation. Each centre is under the influence of one or other of the planets. In this fact lies the ability of man eventually—through the agency of his centres—to put himself en rapport with the sevenfold soul of the world.

Loại 4. Một loại thiên thần dĩ thái rất quan trọng (xét theo phương diện con người), vốn rõ ràng là chất liệu cấu thành nên các trung tâm của y. Họ chiếm giữ vị trí này vì những lý do nghiệp quả, và xét từ nhiều góc độ, là một số trong những thiên thần của bóng tối tiến hoá cao nhất. Họ được phân biệt bởi khả năng đáp ứng với một tập hợp rung động hành tinh đặc thù theo một cách riêng biệt, và trong tinh chất cốt yếu của mình, cũng như trong khối cầu đặc thù của mình, giúp con người phản ứng với sự kích thích của cung. Mỗi trung tâm đều ở dưới ảnh hưởng của một hành tinh này hay hành tinh khác. Chính trong sự kiện này có khả năng để con người cuối cùng—thông qua tác động của các trung tâm của y—đặt mình vào sự tương thông với linh hồn thất phân của thế giới.

Class 5. We have here a very important group of devas, who are peculiarly active and esoterically dominant during this round; they are the Agnichaitans who form the centre which vibrates to the measure of kundalini in its many forms and demonstrations; this is the centre at the base of the spine. In this centre we have a very effective display of the two polarities, for the petals of the centre which is the seat of kundalini, and the fire or vitality which animates them are negative and positive to each other. This centre is to be found in some form or other in all sentient beings and upon it largely depends: [Page 647]

Loại 5. Ở đây chúng ta có một nhóm thiên thần rất quan trọng, đặc biệt hoạt động và chiếm ưu thế một cách huyền bí trong cuộc tuần hoàn này; họ là các Agnichaitan tạo thành trung tâm rung động theo mức độ của kundalini trong nhiều hình thức và biểu hiện của nó; đây là trung tâm ở đáy cột sống. Trong trung tâm này chúng ta có một sự biểu lộ rất hữu hiệu của hai cực tính, vì các cánh hoa của trung tâm là nơi ngự của kundalini, và lửa hay sinh lực làm linh hoạt chúng, là âm và dương đối với nhau. Trung tâm này được tìm thấy dưới hình thức này hay hình thức khác trong mọi hữu thể có tri giác và những điều sau phụ thuộc phần lớn vào trung tâm này: [Page 647]

a. Consciousness at one of its seven stages.

a. Tâm thức ở một trong bảy giai đoạn của nó.

b. Continuity of existence.

b. Sự liên tục của tồn tại.

c. Perpetuation of species or reproduction on some or other of the planes.

c. Sự duy trì giống loài hay sự sinh sản trên một cõi nào đó.

It might be of interest here to note that this centre is literally a fourfold radiation, and the "Cross of the Holy Spirit," the equal armed Cross, is its symbol. This four-petalled lotus is the result of evolution. In the first kingdom of nature, the mineral, through which a specific Entity is manifesting, this centre is a unity on etheric levels, for only one petal is to be seen. In the vegetable kingdom, viewing it as the expression of a great Existence, two petals are becoming active. In the third kingdom, the animal, the centre at the base of the spine will be found to have three petals, whereas in man, the lotus is vibrating in a fourfold manner. At each initiation of the great Being Who is manifesting through our planet, one of these petals becomes unfolded on etheric levels, so that at individualisation, the four became active, and His selfconscious activity was brought right down on to the physical plane. The analogy can be seen typified at His great Initiation which took place in the fourth round and the third rootrace; the correspondence between the third kingdom and the fourth, and their production of the esoteric seven is one of the lines of study for the occultist.

Ở đây, có thể đáng quan tâm khi lưu ý rằng trung tâm này theo nghĩa đen là một bức xạ tứ phân, và "Thập Giá của Chúa Thánh Thần", Thập Giá có bốn cánh bằng nhau, là biểu tượng của nó. Hoa sen bốn cánh này là kết quả của tiến hoá. Trong giới thứ nhất của tự nhiên, giới kim thạch, qua đó một Thực Thể đặc thù đang biểu hiện, trung tâm này là một hợp nhất trên các cõi dĩ thái, vì chỉ có thể thấy một cánh hoa. Trong giới thực vật, khi xem nó như biểu hiện của một Sự Tồn Tại vĩ đại, hai cánh hoa đang trở nên hoạt động. Trong giới thứ ba, giới động vật, trung tâm ở đáy cột sống sẽ được thấy có ba cánh hoa, trong khi ở con người, hoa sen rung động theo cách tứ phân. Ở mỗi lần điểm đạo của Đấng Vĩ Đại đang biểu hiện qua hành tinh của chúng ta, một trong các cánh hoa này được khai mở trên các cõi dĩ thái, đến nỗi vào lúc biệt ngã hóa, cả bốn đều trở nên hoạt động, và hoạt động ngã thức của Ngài được đưa thẳng xuống cõi hồng trần. Sự tương đồng này thể hiện qua Cuộc Điểm đạo vĩ đại của Ngài diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ tư và giống dân gốc thứ ba; sự tương ứng giữa giới thứ ba và giới thứ tư, và việc chúng tạo ra số bảy huyền bí, là một trong những đường nghiên cứu dành cho nhà huyền bí học.

As each of the petals of the etheric centres becomes vibrant, or an at-one-ment is brought about in deva substance, a quickening takes place on allied levels in the cosmic etheric body of the planetary Logos,

Khi mỗi cánh hoa của các trung tâm dĩ thái trở nên rung động, hay một sự hợp nhất được tạo ra trong chất liệu thiên thần, thì một sự tiếp sinh lực diễn ra trên các cấp độ tương ứng trong thể dĩ thái vũ trụ của Hành

and of the solar Logos. Certain correspondences in the petals of the egoic lotus of the different units of the human family, and (on cosmic levels) in the solar and planetary egoic bodies become apparent. It should also be borne in mind that these basic centres, wherein the [Page 648] kundalini fire lies hidden, are found in the following Existences, as They function in physical bodies:

Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế. Những sự tương ứng nhất định trong các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã của các đơn vị khác nhau trong gia đình nhân loại, và (trên các cấp độ vũ trụ) trong các thể chân ngã thái dương và hành tinh trở nên hiển nhiên. Cũng nên ghi nhớ rằng các trung tâm căn bản này, nơi [Page 648] lửa kundalini ẩn tàng, được tìm thấy trong các Sự Tồn Tại sau đây, khi Các Ngài hoạt động trong các thể xác:

1. A solar Logos.

1. Một Thái dương Thượng đế.

2. A planetary Logos.

2. Một Hành Tinh Thượng Đế.

3. Those Entities Who are the sumtotal of consciousness as it expresses itself through the different kingdoms of nature—manifesting through them as a man manifests through his body.

3. Những Thực Thể là tổng thể của tâm thức khi nó biểu lộ qua các giới khác nhau của tự nhiên—biểu hiện qua chúng như con người biểu hiện qua thân thể của y.

4. The Lord of a chain.

4. Chúa Tể của một Dãy.

5. The Lord of a globe.

5. Chúa Tể của một bầu hành tinh.

6. Certain Beings Who form the life of specific groups. They are esoteric, and Their function is one of the secrets of initiation.

6. Một số Đấng tạo thành sự sống của các nhóm đặc thù. Các Ngài có tính huyền bí, và chức năng của Các Ngài là một trong những bí mật của điểm đạo.

7. Man.

7. Con người.

8. Animals.

8. Động vật.

It should be here also remarked that in the logoic manifestation one of the planetary schemes forms the centre in the logoic body which harbours kundalini. This scheme, whose name must not as yet be revealed, is largely given over to deva control—the two groups of devas meeting there, and

Ở đây cũng nên nhận xét rằng trong sự biểu lộ của Thượng đế, một trong các hệ hành tinh tạo thành trung tâm trong thân thể của Thượng đế chứa đựng kundalini. Hệ hành tinh này, mà tên của nó hiện chưa được phép tiết lộ, phần lớn được giao cho sự kiểm soát của thiên thần—hai nhóm thiên thần gặp

performing their function of animating the dense physical body of the Logos in the same way as the kundalini in man at this stage animates his dense physical vehicle. Later, as the third major scheme assimilates the life-activity of the lower four, this kundalini fire will be withdrawn, and will be transmuted into the activity of the logoic Throat centre.

nhau ở đó, và thực hiện chức năng làm linh hoạt thể xác đậm đặc của Logos theo cùng cách như kundalini trong con người ở giai đoạn này làm linh hoạt vận cụ hồng trần đậm đặc của y. Về sau, khi hệ hành tinh lớn thứ ba đồng hoá hoạt động sự sống của bốn hệ thấp, lửa kundalini này sẽ được rút đi, và sẽ được chuyển hoá thành hoạt động của trung tâm cổ họng của Thượng đế.

In planetary manifestation, one of the chains performs a similar work in the evolutionary process of the planetary Logos. Again the same can be predicated of one of the globes in a chain. In this fourth round, therefore, it can be seen why the fire at the base of the spine (viewing it in its esoteric significance, and in connection with the Logos, and the Logoi, and not only in connection with man) plays so dominant a part in the stimulation of [Page 649] the logoic Quaternary, or of His Lower Self. Herein is found the mystery of present evil, the source of present distress, and the basis of planetary experience. The kundalini fire in the logoic body is at the height of its activity in stimulating His physical body—our lower three systemic planes—and the four petals of that particular centre are coming into full activity in this fourth round. It must be remembered that He is the sum-total of all the centres in manifestation, and the aggregate of all the fires of kundalini in every department of nature. The trouble in our planet, and likewise the hope for our planet, lies in this very fact. The etheric centre of our planetary Logos being in matter of the fourth cosmic ether (the buddhic plane) stimulates at present His lower quaternary, our three worlds of human endeavour. The direction of the force lies here, and not until the next round (when three-fifths of the human kingdom will be developing the buddhic vehicle), will the point of equilibrium for Him be reached, and

Trong sự biểu hiện hành tinh, một trong các dãy thực hiện một công việc tương tự trong tiến trình tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế. Một lần nữa, điều tương tự có thể được khẳng định về một trong các bầu hành tinh trong một dãy. Vì vậy, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, có thể thấy vì sao lửa ở đáy cột sống (khi xem nó trong thâm nghĩa huyền bí của nó, và trong liên hệ với Logos, và các Logoi, chứ không chỉ trong liên hệ với con người) lại đóng một vai trò chi phối đến thế trong việc kích thích [Page 649] Bộ Tứ của Thượng đế, hay phàm ngã của Ngài. Chính trong đây tìm thấy bí ẩn của điều ác hiện nay, nguồn gốc của nỗi khốn khổ hiện nay, và nền tảng của kinh nghiệm hành tinh. Lửa kundalini trong thân thể của Thượng đế đang ở đỉnh cao hoạt động của nó trong việc kích thích thể xác của Ngài—ba cõi giới hệ thống thấp của chúng ta—và bốn cánh hoa của trung tâm đặc thù ấy đang đi vào hoạt động trọn vẹn trong cuộc tuần hoàn thứ tư này. Phải nhớ rằng Ngài là tổng thể của mọi trung tâm đang biểu hiện, và là tổng hợp của mọi lửa kundalini trong mọi bộ phận của tự nhiên. Sự rắc rối trên hành tinh chúng ta, và cũng vậy niềm hy vọng cho hành tinh chúng ta, nằm chính trong sự kiện này. Trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, ở trong vật chất của dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề), hiện đang kích thích bộ tứ thấp của Ngài, ba cõi giới của nỗ lực nhân loại của chúng ta. Hướng của mãnh lực nằm ở đây, và mãi cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp (khi ba phần năm của giới nhân loại sẽ phát triển

the direction of the serpent fire be directed higher.

vận cụ Bồ đề), điểm quân bình đối với Ngài mới đạt tới, và hướng của hỏa xà mới được hướng lên cao hơn.

This holds the clue to much. A further clue to the sad condition to be seen in the world (especially along sex lines) lies in the fact that those units of the human family who contribute to the constitution of this particular centre out of the seven, are frequently at this stage over-vitalised, the physical vehicle vitality indicating to them the line of least resistance. To word it otherwise: The deva forces who form the centre, and are likewise the activity of the centre, are as yet over-dominant, and the power they acquired in the earlier solar system has not yet been transmuted into spiritual power.

Điều này nắm giữ chìa khóa cho nhiều điều. Một chìa khóa khác đối với tình trạng đáng buồn đang thấy trong thế giới (đặc biệt theo các đường lối tính dục) nằm trong sự kiện rằng những đơn vị của gia đình nhân loại góp phần vào cấu tạo của trung tâm đặc thù này trong số bảy trung tâm, ở giai đoạn này thường bị tiếp sinh lực quá mức, sinh lực của vận cụ hồng trần chỉ cho họ con đường ít trở ngại nhất. Nói cách khác: các mãnh lực thiên thần tạo thành trung tâm, và cũng chính là hoạt động của trung tâm, vẫn còn chiếm ưu thế quá mức, và quyền năng mà họ đạt được trong hệ mặt trời trước vẫn chưa được chuyển hoá thành quyền năng tinh thần.

We have above considered a few of the devas of the ethers but have of necessity left many untouched. The vastness of our subject will be apparent when it is remembered that in dealing with the devas we are dealing [Page 650] with that which is the basic substance of manifestation, or Spirit-matter; with the negative or the mother aspect, in the divine duality, and with the sum total of all that is. We are concerned with the tangible form, using the word "tangible" as that which can be apprehended by consciousness in one or other of its many states. The utter impossibility of cataloguing the forms and aspects of deva substance, or of tabulating the myriad groups and classes will be borne in on our comprehension. On all the planes these three groups will be found, and all are recipients of force. An analogy likewise exists between these three groups of devas on the systemic physical plane, and their correspondences on the cosmic physical plane. Briefly it might be pointed out that we have:

Ở trên, chúng ta đã khảo sát một vài thiên thần của các dĩ thái nhưng tất yếu đã để lại nhiều vị chưa được đề cập đến. Tính bao la của đề tài chúng ta sẽ trở nên hiển nhiên khi nhớ rằng khi bàn đến các thiên thần, chúng ta đang bàn [Page 650] đến cái là chất liệu căn bản của biểu hiện, hay Tinh thần-vật chất; đến phương diện âm hay phương diện mẫu thân trong nhị nguyên tính thiêng liêng, và đến tổng thể của tất cả những gì hiện hữu. Chúng ta quan tâm đến hình tướng khả xúc, dùng từ "khả xúc" theo nghĩa là cái có thể được tâm thức nắm bắt trong một trạng thái nào đó của nhiều trạng thái của nó. Sự bất khả hoàn toàn trong việc liệt kê các hình tướng và phương diện của chất liệu thiên thần, hay lập bảng vô số nhóm và loại, sẽ dần dần in sâu vào sự thấu hiểu của chúng ta. Trên mọi cõi, ba nhóm này sẽ được tìm thấy, và tất cả đều là những kẻ tiếp nhận mãnh lực. Một sự tương đồng cũng tồn tại giữa ba nhóm thiên thần này trên cõi hồng trần hệ thống và các tương ứng của chúng

trên cõi hồng trần vũ trụ. Vắn tắt, có thể chỉ ra rằng chúng ta có:

Group A	The plane Adi Systemic atomic	Divine evolution.
Group B	The three worlds of the Triad Logoic etheric.	Spiritual evolution.
Group C	The three worlds Logoic dense physical.	Human evolution.

In this lies much of interest for the student as it makes clear the correspondence between the evolution of substance and the evolution of spirit.

Chính trong đây có nhiều điều đáng quan tâm đối với đạo sinh vì nó làm sáng tỏ sự tương ứng giữa sự tiến hoá của chất liệu và sự tiến hoá của tinh thần.

As regards the devas of Group B, little more can be said. Only a few more generalities are advisable.

Về các thiên thần của Nhóm B, không thể nói thêm được bao nhiêu. Chỉ nên nêu thêm một vài nhận định tổng quát.

These devas, especially those of the fourth ether, are so closely connected with man that one of the immediate developments ahead will be his awakening to a realisation of their existence, and his consequent gradual domination of them. This domination will be the result of several things but will only be complete when he can function on the fourth cosmic ether, the buddhic plane. One of the things the Hierarchy at this stage is seeking to do, is *to retard* this awakening of the mass of mankind to this realisation, for that event will necessitate [Page 651] many adjustments, and, at the beginning, may produce many apparently evil effects. The development of the physical eye is a thing

Các thiên thần này, đặc biệt là những vị của dĩ thái thứ tư, liên hệ chặt chẽ với con người đến nỗi một trong những phát triển trước mắt sẽ là sự thức tỉnh của y để nhận biết sự hiện hữu của họ, và do đó dần dần thống ngự họ. Sự thống ngự này sẽ là kết quả của nhiều điều nhưng chỉ hoàn toàn khi y có thể hoạt động trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề. Một trong những điều mà Thánh đoàn hiện đang tìm cách thực hiện là *làm chậm lại* sự thức tỉnh này của đại đa số nhân loại đối với sự nhận biết ấy, vì biến cố đó sẽ đòi hỏi [Page 651] nhiều sự điều chỉnh, và lúc ban đầu có thể tạo ra nhiều hiệu quả có vẻ là xấu ác. Sự phát triển của mắt hồng trần là một điều đang tiến hành theo Định luật, và tất yếu toàn thể nhân loại cuối cùng sẽ đạt đến

which is proceeding under the Law, and inevitably the whole race of men will at length attain that dual focus which will enable man to see both the dense and the etheric forms. At this stage his inability to do so is largely due to a lack of pranic vitality. This is mainly the result of wrong conditions of living, and the misuse of food. The present general trend towards juster and purer conditions of life, the return of man to simpler and saner ways, the widespread feeling for bathing, fresh air, and sunlight, and the greater desire for vegetable, and nut foods, will result inevitably in a more ready assimilation of the pranic fluids. This will produce certain changes, and improvements, in the physical organs, and in the vitality of the etheric body.

tiêu điểm kép ấy, khiến con người có thể thấy cả các hình tướng đậm đặc lẫn dĩ thái. Ở giai đoạn này, sự bất lực của y trong việc làm điều đó phần lớn là do thiếu sinh lực prana. Điều này chủ yếu là kết quả của những điều kiện sống sai lầm, và sự lạm dụng thực phẩm. Khuynh hướng chung hiện nay hướng đến những điều kiện sống công bằng hơn và thanh khiết hơn, sự trở về của con người với những lối sống đơn giản hơn và lành mạnh hơn, sự ưa chuộng rộng rãi việc tắm rửa, không khí trong lành và ánh nắng mặt trời, cùng khát vọng lớn hơn đối với thức ăn thực vật và các loại hạt, sẽ tất yếu dẫn đến sự đồng hoá dễ dàng hơn các lưu chất prana. Điều này sẽ tạo ra một số thay đổi và cải thiện trong các cơ quan hồng trần, và trong sinh lực của thể dĩ thái.

Therefore, those of us who see somewhat of the Plan are urged to spread the knowledge of the Wisdom Religion, and above all to break loose from the preconceived dogmas of pre-war days. It should be pointed out here that the war was a great occult event, and caused a vital change in many of the plans and arrangements of the Hierarchy. Modifications have been necessitated, and some events will have to be delayed whilst others will be hastened. One of the profoundest effects of the war was felt among the devas of the shadows, and primarily among those of the fourth order. The etheric web which protected certain groups in the human and animal kingdoms was rent in various places, and the results of that disaster have to be offset. Another effect upon the devas resulting from the war, as it worked, can be seen among the devas of Group A, or those devas who *are* (in an occult sense) the physical permanent atoms of all self-conscious beings. The fourth spirilla was tremendously stimulated, and its evolution hastened [Page 652] to an

Vì vậy, những ai trong chúng ta thấy được phần nào Thiên Cơ được thúc giục truyền bá tri thức về Minh Triết Ngàn Đời, và trên hết là thoát khỏi các giáo điều định sẵn của những ngày trước chiến tranh. Ở đây cần chỉ ra rằng chiến tranh là một biến cố huyền bí lớn, và đã gây ra một thay đổi thiết yếu trong nhiều kế hoạch và sắp đặt của Thánh đoàn. Những sửa đổi đã trở nên cần thiết, và một số biến cố sẽ phải trì hoãn trong khi những biến cố khác sẽ được thúc đẩy nhanh hơn. Một trong những ảnh hưởng sâu xa nhất của chiến tranh được cảm nhận giữa các thiên thần của bóng tối, và trước hết là giữa những vị thuộc loại thứ tư. Mạng lưới dĩ thái bảo vệ một số nhóm trong giới nhân loại và giới động vật đã bị xé rách ở nhiều chỗ, và các kết quả của tai họa đó phải được hóa giải. Một ảnh hưởng khác lên các thiên thần do chiến tranh gây ra, khi nó diễn tiến, có thể thấy nơi các thiên thần của Nhóm A, hay những thiên thần *là* (theo nghĩa huyền bí) các nguyên tử trường tồn hồng trần của mọi hữu thể ngã thức. Loa tuyến thứ tư đã được kích thích mạnh mẽ, và sự tiến hoá của nó được thúc

extraordinary degree, so that some of the lesser evolved men, through the stress of danger and experience, had this fourth spirilla brought up to, and beyond, that of normal humanity. Through this stimulation of the fourth spirilla of the units of the fourth Creative Hierarchy in this fourth round on the fourth globe in this fourth scheme, a tremendous push onward along the evolutionary path has been effected, and hence one of the great objects of the war has been achieved. A still more terrific stimulation was given in the fourth rootrace during the war of that period, and the result was the passing on to the Path of Initiation of many who normally would not even now be treading it. A similar effect can be looked for at this time, and the Hierarchy is preparing itself for the taking over of much of an extra-planetary nature owing to the almost immediate availability of comparatively large numbers of the sons of man. We must not forget that this stimulation of the spirillae affects the matter aspect, or deva substance. Man is literally deva substance, and a God, thus being a true reflection of the solar Logos. (212) (213)

đẩy đến một mức độ phi thường, [Page 652] đến nỗi một số người ít tiến hoá hơn, qua áp lực của hiểm nguy và kinh nghiệm, đã có loa tuyến thứ tư này được nâng lên ngang bằng, và vượt quá, mức của nhân loại bình thường. Qua sự kích thích loa tuyến thứ tư của các đơn vị thuộc Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư trong cuộc tuần hoàn thứ tư này trên bầu hành tinh thứ tư trong hệ hành tinh thứ tư này, một sự thúc đẩy tiến lên mãnh liệt dọc theo con đường tiến hoá đã được thực hiện, và do đó một trong những mục tiêu lớn của chiến tranh đã đạt được. Một sự kích thích còn dữ dội hơn nữa đã được ban ra trong giống dân gốc thứ tư trong cuộc chiến của thời kỳ đó, và kết quả là nhiều người đã bước lên Con Đường Điểm Đạo mà bình thường ngay cả bây giờ họ cũng chưa đi trên đó. Một hiệu quả tương tự có thể được mong đợi vào lúc này, và Thánh đoàn đang chuẩn bị để tiếp nhận nhiều điều có tính ngoài hành tinh do sự sẵn sàng gần như tức thời của những số lượng khá lớn những người con của nhân loại. Chúng ta không được quên rằng sự kích thích các loa tuyến này ảnh hưởng đến phương diện vật chất, hay chất liệu thiên thần. Con người theo nghĩa đen là chất liệu thiên thần, và là một Thượng đế, do đó là một phản ánh chân thực của Thái dương Thượng đế. (212) (213)

FOOTNOTE: 12

“Thus God dwells in all,

From life’s minute beginnings, up at last

To man—the consummation of this scheme

Of being, the completion of this sphere

Of life: whose attributes had here and there

CHÚ THÍCH: 12

“Như thế Thượng đế ngự trong muôn loài,

Từ những khởi đầu nhỏ bé của sự sống, rồi cuối cùng vươn lên

Đến con người—sự viên mãn của cơ đồ này

Của hiện hữu, sự hoàn tất của khối cầu này

	Của sự sống: mà các thuộc tính của y ở đây và kia
Been scattered o'er the visible world before,	Đã từng được rải khắp thế giới hữu hình từ trước,
Asking to be combined, dim fragments meant	Đòi hỏi được kết hợp, những mảnh vụn mờ nhạt được định
To be united in some wondrous whole,	Để hợp nhất trong một toàn thể kỳ diệu nào đó,
Imperfect qualities throughout creation,	Những phẩm tính bất toàn xuyên suốt toàn thể tạo vật,
Suggesting some one creature yet to make,	Gợi ý về một tạo vật nào đó còn phải được tạo nên,
Some point where all those scattered rays should meet	Một điểm nào đó nơi mọi tia sáng tản mác kia phải hội tụ
Convergent in the faculties of man....	Đồng quy trong các năng lực của con người....
When all the race is perfected alike	Khi toàn thể nhân loại đều được hoàn thiện như nhau
As man, that is; all tended to mankind	Như con người, nghĩa là vậy; mọi sự đều hướng đến nhân loại
And, man produced, all has its end thus far:	Và khi con người được tạo ra, mọi sự đến đó là kết thúc:
But in completed man begins anew	Nhưng trong con người đã hoàn tất lại khởi đầu một lần nữa
A tendency to God. Prognostics told	Một khuynh hướng hướng về Thượng đế. Những điềm báo đã nói lên

Man's near approach; so in man's self arise	Sự tiếp cận gần kề của con người; vì thế trong chính con người nảy sinh
August anticipations, symbols, types	Những dự cảm uy nghi, những biểu tượng, những nguyên mẫu
Of a dim splendour ever on before	Về một vẻ huy hoàng mờ ẩn luôn ở phía trước
In that eternal circle life pursues.	Trong vòng tròn vĩnh cửu mà sự sống theo đuổi.
For men begin to pass their nature's bound	Vì con người bắt đầu vượt qua giới hạn của bản chất mình
And find new hopes and cares which fast supplant	Và tìm thấy những hy vọng và ưu tư mới nhanh chóng thay thế
Their proper joys and griefs; they grow too great	Những niềm vui và nỗi buồn riêng của họ; họ trở nên quá lớn
For narrow creeds of right and wrong, which fade	Đối với những tín điều chật hẹp về đúng và sai, những điều phai mờ
Before the unmeasured thirst for good; while peace	Trước cơn khát điều thiện vô lượng; trong khi sự bình an
Rises within them ever more and more.	Dâng lên trong họ ngày càng nhiều hơn.
Such men are even now upon the earth,	Những con người như thế ngay cả lúc này cũng đang ở trên Trái Đất,
Serene amid the half formed creatures round	Tĩnh lặng giữa những tạo vật nửa thành hình chung quanh
—Paracelsus by Robert Browning.	—Paracelsus của Robert Browning.

(213) 1. Man is an animal, plus a living God, within his physical Shell.—S. D., II, 85. S. D., II, 284.	(213) 1. Con người là một động vật, cộng với một Thượng đế sống động, bên trong vỏ bọc hồng trần của y.—S. D., II, 85. S. D., II, 284.

a. Man is the Macrocosm for the animal, therefore he contains all that is meant by the term animal.—S. D., II, 179, 187.

a. Con người là Đại thiên địa đối với động vật, vì vậy y chứa đựng tất cả những gì được hàm ý bởi thuật ngữ động vật.—S. D., II, 179, 187.

b. Divine consciousness is received from the living God.—S. D., II, 103.

b. Tâm thức thiêng liêng được tiếp nhận từ Thượng đế sống động.—S. D., II, 103.

c. The animal forms the basis and the contrast for the divine.—S. D., II, 100.

c. Động vật tạo thành nền tảng và sự tương phản cho cái thiêng liêng.—S. D., II, 100.

d. The light of the Logos is awakened in animal man.—S. D., II, 45.

d. Ánh sáng của Logos được đánh thức trong người thú.—S. D., II, 45.

2. Man is the Tabernacle, the vehicle only, of his God.—S. D., I, 233, 281; II, 316; III, 66.

2. Con người là Nhà Tạm, chỉ là vận cụ của Thượng đế của y.—S. D., I, 233, 281; II, 316; III, 66.

Compare S. D., II, 174. Read Proverbs VIII.

So sánh S. D., II, 174. Đọc Châm Ngôn VIII.

Study Biblical description of Tabernacle:—

Nghiên cứu mô tả trong Kinh Thánh về Nhà Tạm:—

a. Outer court, the place of animal sacrifice and purification.

a. Tiền đình bên ngoài, nơi hiến tế động vật và thanh tẩy.

b. The Holy place, the place of consecration and service.

b. Nơi Thánh, nơi thánh hiến và phụng sự.

c. The Holy of Holies.

c. Nơi Chí Thánh.

The first corresponds to the life of the personality.

Điều thứ nhất tương ứng với đời sống của phàm ngã.

The second to that of the Ego, or Higher Self.

Điều thứ hai tương ứng với đời sống của Chân ngã, hay Bản Ngã Cao Siêu.

The last to that of the Monad, or Divine Self.

Điều cuối cùng tương ứng với đời sống của chân thần, hay Bản Ngã Thiêng liêng.

3. Man contains in himself every element found in the universe.—S. D., I, 619; III, 584.

3. Con người chứa trong chính mình mọi nguyên tố được tìm thấy trong vũ trụ.—S. D., I, 619; III, 584.

a. All in nature tends to become Man.—S. D., II, 179.

a. Mọi sự trong tự nhiên đều có xu hướng trở thành Con người.—S. D., II, 179.

b. All the impulses of the dual, centripetal and centrifugal force are directed towards one point—Man.—S. D., II, 179.

b. Mọi xung lực của mãnh lực kép, hướng tâm và ly tâm, đều được hướng về một điểm —Con người.—S. D., II, 179.

c. Man is the storehouse...he unites in himself all forms.—S. D. II, 303.

c. Con người là kho tàng... y hợp nhất trong chính mình mọi hình tướng.—S. D. II, 303.

d. The potentiality of every organ useful to animal life is locked up in Man.—S. D., II, 723.

d. Tiềm năng của mọi cơ quan hữu ích cho đời sống động vật đều được khóa kín trong Con người.—S. D., II, 723.

4. Man tends to become a God and then God, like every other atom in the universe.—S. D., I, 183.

4. Con người có xu hướng trở thành một Thượng đế rồi thành Thượng đế, giống như mọi nguyên tử khác trong vũ trụ.—S. D., I, 183.

Compare the atom and the Microcosm, man. Illustration:—S. D., I, 174. Every atom has seven planes of being.—S. D., I, 205. Read S. D., I, 201.

So sánh nguyên tử và Tiểu thiên địa, con người. Minh họa:—S. D., I, 174. Mọi nguyên tử đều có bảy cõi hiện hữu.—S. D., I, 205. Đọc S. D., I, 201.

a. Every atom contains the germ from which he may raise the tree of knowledge. (Of good and evil, therefore conscious discrimination).—S. D., II, 622.

a. Mọi nguyên tử đều chứa mầm giống từ đó y có thể vun trồng cây tri thức. (Về thiện và ác, do đó là sự phân biện có ý thức).—S. D., II, 622.

b. It is the spiritual evolution of the inner immortal man that forms the fundamental tenet of the occult sciences.—S. D., I, 694.

b. Chính sự tiến hoá tinh thần của con người bất tử bên trong tạo thành giáo điều căn bản của các khoa học huyền bí.—S. D., I, 694.

c. Atoms and souls are synonymous terms in the language of the initiates.—S. D., I, 620-621.

c. Nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa trong ngôn ngữ của các điểm đạo đồ.—S. D., I, 620-621.

5. Human beings...those Intelligences who have reached the appropriate equilibrium between Spirit and Matter.—S. D., I, 132.

Read also carefully:—S. D., I, 267, 449; S. D., II, 190.

a. On the descending arc Spirit becomes material.—S. D., I, 693.

b. On the middle turn of the base both meet in man.—S. D., I, 214, 271.

c. On the ascending arc Spirit asserts itself at the expense of the material.

d. This is true of Gods and of men. See S. D., II, 88.

e. Man is therefore a compound of Spirit and matter.—S. D., II, 45.

f. In man the intelligence links the two.—S. D., II, 102, 103.

See note to S. D., II, 130. Compare S. D., II, 394. (back)

[Page 653] *Group A. Agnichaitans.* We have seen that on all planes the groups of devas can be divided into three [Page 654] main groups, even though usually studied in their dual capacity of involutionary and evolutionary force units. Broadly speaking, these groups can be viewed as:

a. Those which embody the positive aspect, or positive electrical phenomena.

5. Các hữu thể nhân loại... những Trí Tuệ đã đạt đến sự quân bình thích hợp giữa Tinh thần và Vật chất.—S. D., I, 132.

Cũng hãy đọc cẩn thận:—S. D., I, 267, 449; S. D., II, 190.

a. Trên cung đi xuống, Tinh thần trở nên vật chất.—S. D., I, 693.

b. Ở khúc quanh giữa của đáy, cả hai gặp nhau trong con người.—S. D., I, 214, 271.

c. Trên cung đi lên, Tinh thần tự khẳng định mình bằng cách làm suy giảm ưu thế của vật chất.

d. Điều này đúng với các Thượng đế và với con người. Xem S. D., II, 88.

e. Vì vậy, con người là một hợp thể của Tinh thần và vật chất.—S. D., II, 45.

f. Trong con người, trí tuệ nối kết hai điều ấy. —S. D., II, 102, 103.

Xem chú thích ở S. D., II, 130. So sánh S. D., II, 394. (back)

[Page 653] *Nhóm A. Agnichaitan.* Chúng ta đã thấy rằng trên mọi cõi, các nhóm thiên thần có thể được chia thành ba [Page 654] nhóm chính, dù thường được nghiên cứu trong năng lực kép của chúng như các đơn vị mãnh lực giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá. Nói rộng ra, các nhóm này có thể được xem như:

a. Những nhóm thể hiện phương diện dương, hay các hiện tượng điện dương.

b. Those which embody the negative aspect.

b. Những nhóm thể hiện phương diện âm.

c. That group which—in time and space—is the union of the two aspects and which—during evolution—demonstrates the third type of electrical phenomena.

c. Nhóm mà—trong thời gian và không gian—là sự hợp nhất của hai phương diện và mà—trong tiến hoá—biểu lộ loại hiện tượng điện thứ ba.

Another grouping of this triplicity can be made which brings them into line with the order of manifestation as laid down in the ancient cosmogony, and this we followed when we enumerated the groups of Agnichaitans.

Một cách phân nhóm khác của bộ ba này có thể được thực hiện, đưa chúng phù hợp với trật tự biểu hiện như đã được nêu trong vũ trụ luận cổ xưa, và đây là cách chúng ta đã theo khi liệt kê các nhóm Agnichaitan.

Group A—Corresponds to the manifestations of existence as seen on the highest plane, or that aspect which is understood by the term Agni.

Nhóm A—Tương ứng với các biểu hiện của tồn tại như được thấy trên cõi cao nhất, hay phương diện được hiểu bằng thuật ngữ Agni.

Group B—Corresponds to the Vishnu-Surya aspect.

Nhóm B—Tương ứng với phương diện Vishnu-Surya.

Group C—Corresponds to the Brahma or the creative Logos aspect.

Nhóm C—Tương ứng với phương diện Brahma hay Logos sáng tạo.

We have recapitulated thus, as it is desirable to have the thought clearly defined.

Chúng ta đã tóm lược như vậy vì điều mong muốn là tư tưởng được xác định rõ ràng.

We have touched upon the two lower groups of devas. Now, we might take up the consideration of Group A, the most important group on the physical plane from the standpoint of creation, and of objectivity, for they are the life of matter itself and the intelligence animating the forms of all that exists on the systemic physical [Page 655] plane; they are not self-conscious intelligence, but consciousness as understood by the occultist.

Chúng ta đã chạm đến hai nhóm thiên thần thấp hơn. Giờ đây, chúng ta có thể bắt đầu xem xét Nhóm A, nhóm quan trọng nhất trên cõi hồng trần theo quan điểm sáng tạo và khách quan tính, vì họ là chính sự sống của vật chất và là trí tuệ làm linh hoạt các hình tướng của mọi điều hiện hữu trên cõi hồng trần hệ thống [Page 655]; họ không phải là trí tuệ ngã thức, mà là tâm thức theo cách nhà huyền bí học hiểu.

Each of the atomic subplanes in the solar system is closely interrelated with the

Mỗi cõi phụ nguyên tử trong hệ mặt trời đều liên hệ rất chặt chẽ với các cõi khác, và bảy

others, and the seven atomic subplanes of all the planes form a unity, and are essentially the cosmic physical plane as the term is occultly understood. The subplanes of which they are the originating source bear the same relationship to them as the six principles do to the seventh. Therefore, the devas of Group A are the concentrated creative force of the subplanes, the origin of the objective side of physical manifestation, and the source of the seven Breaths of the creative Logos on the physical plane. But it must be remembered that in each scheme the creative impulse or will is the planetary Logos of the scheme, Who as truly creates His body of Manifestation under the Law (His dense physical planet) as man—under the same Law—creates his physical body, or as the solar Logos (at the other end of the scale) creates His body, a solar system.

cõi phụ nguyên tử của mọi cõi tạo thành một hợp nhất, và về bản chất là cõi hồng trần vũ trụ theo cách thuật ngữ này được hiểu một cách huyền bí. Các cõi phụ mà chúng là nguồn gốc phát sinh mang cùng mối liên hệ với chúng như sáu nguyên khí đối với nguyên khí thứ bảy. Vì vậy, các thiên thần của Nhóm A là mãnh lực sáng tạo tập trung của các cõi phụ, là nguồn gốc của mặt khách quan của biểu hiện hồng trần, và là nguồn của bảy Hơi Thở của Logos sáng tạo trên cõi hồng trần. Nhưng phải nhớ rằng trong mỗi hệ hành tinh, xung lực sáng tạo hay ý chí là Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh ấy, Đấng tạo ra thân thể Biểu Hiện của Ngài dưới Định luật (hành tinh hồng trần đậm đặc của Ngài) cũng chân thực như con người—dưới cùng Định luật ấy—tạo ra thể xác của mình, hay như Thái dương Thượng đế (ở đầu kia của thang bậc) tạo ra thân thể của Ngài, một hệ mặt trời.

This has a definite and esoteric bearing upon the subject under discussion, and the essential differences between the Heavenly Men seeking manifestation will be seen in Their schemes, and therefore in the types of devas through whom They function, and out of whose essence Their form is made.

Điều này có một liên hệ xác định và huyền bí với chủ đề đang được bàn đến, và những khác biệt cốt yếu giữa các Đấng Thiên Nhân đang tìm cách biểu hiện sẽ được thấy trong các hệ hành tinh của Các Ngài, và do đó trong các loại thiên thần qua đó Các Ngài hoạt động, và từ tinh chất của họ mà hình tướng của Các Ngài được tạo thành.

It might be expressed thus: Just as each man has a body which, in its main characteristics and form, resembles other bodies, yet in its quality and personal distinctive features is unique, so each of the Heavenly Men builds for Himself a body out of deva substance or spirit-matter which is of the same nature as that of His brothers, and yet which is distinctive, coloured by His own peculiar colouring, vibrant to His own particular key, and able to demonstrate His own unique quality. This is produced through the peculiar type of deva [Page 656] essence He

Có thể diễn đạt như sau: Cũng như mỗi người có một thân thể mà, trong các đặc điểm chính và hình tướng, giống các thân thể khác, nhưng trong phẩm tính và các nét riêng biệt cá nhân lại là độc nhất, thì mỗi Đấng Thiên Nhân cũng kiến tạo cho Chính Ngài một thân thể từ chất liệu thiên thần hay tinh thần-vật chất, có cùng bản chất như của các huynh đệ của Ngài, nhưng vẫn đặc thù, mang màu sắc riêng của Ngài, rung động theo chủ âm riêng của Ngài, và có khả năng biểu lộ phẩm tính độc nhất của chính Ngài. Điều này được tạo ra qua loại tinh chất

chooses, or (to word it perhaps more occultly) it has involved the response of certain peculiar groups of devas to His note. They embody in themselves just those constituents which He requires to build His body or scheme. It will, therefore, be recognised that the devas of Group A, being what we might call the *key-devas*, are of prime importance, and, from our present standpoint, must remain abstract and esoteric. If we consider this under the Law of Analogy, and study the essentially esoteric nature of the plane of the Logos (the first plane, called Adi) the reason for this will be apparent. If the devas of Group A could be recognised, or even contacted by advanced men, the study of their nature, colouring and tone would reveal to unprepared humanity the colouring and tone of our particular planetary Logos. For this knowledge the race is not ready. It would reveal also, through the study of the Law of Action and Reaction, which of the incarnating Egos were on the ray of this Logos; the deductions from this would lead men into dangerous realms, and put power into hands as yet unprepared to wield it wisely.

thiên thần [Page 656] đặc thù mà Ngài chọn, hay (có lẽ nói theo cách huyền bí hơn) nó đã bao hàm sự đáp ứng của một số nhóm thiên thần đặc thù đối với âm điệu của Ngài. Họ tự thân thể hiện đúng những thành phần mà Ngài cần để kiến tạo thân thể hay hệ hành tinh của Ngài. Vì vậy, sẽ được nhận ra rằng các thiên thần của Nhóm A, là những gì chúng ta có thể gọi là các *thiên thần chủ âm*, có tầm quan trọng hàng đầu, và theo quan điểm hiện nay của chúng ta, phải vẫn còn trừu tượng và huyền bí. Nếu chúng ta xem xét điều này dưới định luật tương đồng, và nghiên cứu bản chất huyền bí cốt yếu của cõi của Logos (cõi thứ nhất, gọi là Adi) thì lý do của điều này sẽ hiển nhiên. Nếu những người tiến bộ có thể nhận biết, hay thậm chí tiếp xúc với các thiên thần của Nhóm A, thì việc nghiên cứu bản chất, màu sắc và âm điệu của họ sẽ tiết lộ cho nhân loại chưa chuẩn bị màu sắc và âm điệu của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta. Nhân loại chưa sẵn sàng cho tri thức này. Nó cũng sẽ tiết lộ, qua việc nghiên cứu Định luật Tác Động và Phản Ứng, những Chân ngã nhập thể nào thuộc cung của Logos này; những suy diễn từ đó sẽ dẫn con người vào những lĩnh vực nguy hiểm, và đặt quyền năng vào những bàn tay chưa sẵn sàng để sử dụng nó một cách minh triết.

Therefore, Group A of Agnichaitans must remain profoundly esoteric, and their true nature can only be revealed to the Adept of the great Law.

Vì vậy, Nhóm A của các Agnichaitan phải vẫn còn hết sức huyền bí, và bản chất chân thực của họ chỉ có thể được tiết lộ cho chân sư của Đại Định luật.

Thus only a few hints are permissible, and these deal simply with the relationship of man to these entities. He is related to them primarily because his physical permanent atom is directly energised by them, being a part of their essential nature, and having a place in their form. It will be apparent to any student that if the permanent atoms of the

Do đó, chỉ một vài gợi ý là được phép, và những gợi ý này chỉ bàn đến mối liên hệ của con người với các thực thể này. Y liên hệ với họ trước hết vì nguyên tử trường tồn hồng trần của y được họ trực tiếp tiếp năng lượng, vì nó là một phần của bản chất cốt yếu của họ, và có một vị trí trong hình tướng của họ. Sẽ hiển nhiên đối với bất kỳ đạo sinh nào

lower man are within the causal periphery the devas of the three worlds on the atomic subplanes must work in the closest co-operation; there must be unity of purpose and of plan.

rằng nếu các nguyên tử trường tồn của phàm nhân ở trong phạm vi của thể nguyên nhân thì các thiên thần của ba cõi giới trên các cõi phụ nguyên tử phải hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ nhất; phải có sự hợp nhất về mục đích và về Thiên Cơ.

The devas of the atomic levels of all the planes in our scheme work in close affiliation: [Page 657]

Các thiên thần của các cấp độ nguyên tử của mọi cõi trong hệ hành tinh chúng ta hoạt động trong sự liên kết chặt chẽ: [Page 657]

a. With each other, thus making seven groups who are the sumtotal of the Brahma aspect of our planetary Logos.

a. Với nhau, do đó tạo thành bảy nhóm là tổng thể của phương diện Brahma của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

b. With the seven groups who constitute the atomic matter of that scheme which is the polar opposite of ours.

b. Với bảy nhóm cấu thành vật chất nguyên tử của hệ hành tinh là cực đối nghịch của hệ chúng ta.

c. With that particular group in that scheme which is one of the points in a systemic triangle of which our scheme and our opposite scheme are the other two.

c. Với nhóm đặc thù trong hệ hành tinh là một trong các điểm trong một tam giác hệ thống mà hệ hành tinh chúng ta và hệ đối nghịch của chúng ta là hai điểm kia.

d. With corresponding groups in lesser degree in all the systemic schemes.

d. Với các nhóm tương ứng ở mức độ thấp hơn trong mọi hệ hành tinh của hệ thống.

e. With the scheme which corresponds to the first aspect, or the plane of Adi.

e. Với hệ hành tinh tương ứng với phương diện thứ nhất, hay cõi Adi.

f. With those devas who form the spirit-substance of the manifestation of that particular Rishi of the Great Bear Who is the prototype of our particular planetary Logos.

f. Với những thiên thần tạo thành tinh thần-chất liệu của sự biểu hiện của vị Rishi đặc thù của Đại Hùng Tinh là nguyên mẫu của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta.

g. With those devas who form the substance of that one of those esoteric existences who are spoken of in the *Secret Doctrine (II, 579-582)* as "The wives of the seven Rishis," or the seven sisters, the Pleiades. One of these seven sisters has a close connection with our Heavenly Man, and therefore we

g. Với những thiên thần tạo thành chất liệu của một trong những sự tồn tại huyền bí được nói đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm (II, 579-582)* như "Những người vợ của bảy vị Rishi," hay bảy chị em, chòm Pleiades. Một trong bảy chị em này có liên hệ chặt chẽ với Đấng Thiên Nhân của chúng ta, và vì vậy

have an interesting cosmic interplay as follows:

chúng ta có một sự tương tác vũ trụ thú vị như sau:

1. One of the seven Rishis of the Great Bear.

1. Một trong bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh.

2. One of the seven Sisters, or a Pleiad.

2. Một trong bảy Chị Em, hay một Pleiad.

3. The Heavenly Man of our scheme.

3. Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta.

This interplay will be threefold and as far as we are concerned just now will involve a transmission of life force through the atomic matter of our planes, circulating in deva substance. This will materially affect certain types of humanity more than others, according to their ray and nature, and this effect will demonstrate in [Page 658] a vivification of the spirillae of the permanent atoms and of the centres.

Sự tương tác này sẽ là tam phân và, theo điều hiện nay liên quan đến chúng ta, sẽ bao hàm một sự truyền dẫn sinh lực qua vật chất nguyên tử của các cõi chúng ta, lưu chuyển trong chất liệu thiên thần. Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến một số loại nhân loại hơn những loại khác, tùy theo cung và bản chất của họ, và hiệu quả này sẽ biểu lộ trong [Page 658] sự làm sống động các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn và của các trung tâm.

S6S8 PART I

Agnisuryans—Astral Plane Devas.

Agnisuryan—Các thiên thần cõi cảm dục.

We start here upon a consideration of those groups of devas who are the substance of the astral plane, the Agnisuryans. They may be considered in the following manner, and by the employment of synonymous terms, some general idea of their function may be arrived at before we begin to differentiate them into groups and study their relation to:

Ở đây chúng ta bắt đầu xem xét những nhóm thiên thần là chất liệu của cõi cảm dục, các Agnisuryan. Họ có thể được xem xét theo cách sau, và bằng việc dùng các thuật ngữ đồng nghĩa, có thể đạt được một ý niệm tổng quát nào đó về chức năng của họ trước khi chúng ta bắt đầu phân biệt họ thành các nhóm và nghiên cứu mối liên hệ của họ với:

1. The various entities who are the soul of the differing kingdoms, or groups, such as the animal kingdom, the human kingdom, and higher in the scale of consciousness than men—the planetary Logos.

1. Các thực thể khác nhau là linh hồn của các giới hay các nhóm khác nhau, như giới động vật, giới nhân loại, và cao hơn trên thang tâm thức so với con người—Hành Tinh Thượng Đế.

2. Man himself.

2. Chính con người.

3. The plane as a totality.

We might consider these devas:

First, as the substance of the astral plane in its seven grades.

Second, as that aspect of logoic manifestation which corresponds to the liquid subplane in the systemic physical plane.

Third, as the vehicle of the deva lord Varuna.

Fourth, as the animating lives of that involutionary matter of the astral plane which we call the elemental essence, and as the vitality energising the desire elementals of all that is sentient. Viewed in this aspect in connection especially with man, they are the correspondence on the astral plane to the "devas of the shadows," for the desire bodies of all human beings are composed of matter of the second, third and fourth subplanes of the astral plane. This is a point which should be closely considered, and the analogy between the etheric body, the vehicle of prana vitalising the dense physical, and [Page 659] man's astral body, and the method of its vitalisation will be found illuminating.

Fifth, from the standpoint of the physical plane, as the sumtotal of material activity (even though subjective) which produces that which is tangible and objective. Just as the solar system is a "Son of Necessity," or of desire, so the physical bodies of all that exist are the product of the desire of some greater or lesser entity within the system.

3. Cõi như một tổng thể.

Chúng ta có thể xem xét các thiên thần này:

Thứ nhất, như chất liệu của cõi cảm dục trong bảy cấp độ của nó.

Thứ hai, như phương diện của sự biểu lộ của Thượng đế tương ứng với cõi phụ lỏng trong cõi hồng trần hệ thống.

Thứ ba, như vận cụ của Chúa Tể Thiên Thần Varuna.

Thứ tư, như các sự sống làm linh hoạt chất liệu giáng hạ tiến hoá của cõi cảm dục mà chúng ta gọi là Tinh chất hành khí, và như sinh lực tiếp năng lượng cho các hành khí dục vọng của mọi điều có tri giác. Khi được xem trong phương diện này, đặc biệt trong liên hệ với con người, họ là sự tương ứng trên cõi cảm dục với "các thiên thần của bóng tối", vì các thể dục vọng của mọi con người đều được cấu tạo từ vật chất của các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư của cõi cảm dục. Đây là một điểm cần được xem xét kỹ lưỡng, và sự tương đồng giữa thể dĩ thái, vận cụ của prana làm tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc, và [Page 659] thể cảm dục của con người, cùng phương pháp tiếp sinh lực cho nó, sẽ được thấy là soi sáng.

Thứ năm, theo quan điểm của cõi hồng trần, như tổng thể của hoạt động vật chất (dù là chủ quan) tạo ra cái hữu hình và khách quan. Cũng như hệ mặt trời là một "Con của Tất Yếu", hay của dục vọng, thì các thể xác của mọi điều hiện hữu là sản phẩm của dục vọng của một thực thể lớn hơn hay nhỏ hơn nào đó trong hệ thống.

It might be apposite here to point out the lines along which energy—whether manasic, pranic, or astral—enters the system and reaches a particular plane, thus finding its way to all units of consciousness, from an atom to a solar Logos.

Ở đây, có lẽ thích hợp để chỉ ra các đường mà theo đó năng lượng—dù là manas, prana, hay cảm dục—đi vào hệ thống và đạt đến một cõi đặc thù, do đó tìm đường đến mọi đơn vị tâm thức, từ một nguyên tử đến một Thái dương Thượng đế.

The dense physical plane itself is energised via:

Chính cõi hồng trần đậm đặc được tiếp năng lượng qua:

a. The planetary etheric body.

a. Thể dĩ thái hành tinh.

b. The mental plane, or the cosmic gaseous subplane.

b. Cõi trí, hay cõi phụ khí vũ trụ.

c. The atmic plane, or the third cosmic ether.

c. Cõi atma, hay dĩ thái vũ trụ thứ ba.

d. The plane of adi, or the first cosmic ether.

d. Cõi adi, hay dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

and inferentially (by means of the logoic permanent atom) a similar flow of force enters from cosmic levels.

và theo suy luận (bằng nguyên tử trường tồn của Thượng đế) một dòng mãnh lực tương tự đi vào từ các cấp độ vũ trụ.

The astral plane is energised via:

Cõi cảm dục được tiếp năng lượng qua:

a. The buddhic plane, the fourth cosmic ether.

a. Cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư.

b. The monadic plane, the second cosmic ether.

b. Cõi chân thần, dĩ thái vũ trụ thứ hai.

c. The cosmic astral plane, and thus to the Heart of all Being.

c. Cõi cảm dục vũ trụ, và do đó đến Trái Tim của mọi Hữu Thể.

The mental plane is energised via:

Cõi trí được tiếp năng lượng qua:

a. The atmic plane, the third cosmic ether.

a. Cõi atma, dĩ thái vũ trụ thứ ba.

b. The plane adi, the first cosmic ether.

b. Cõi adi, dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

c. The cosmic mental plane, beyond which it is unnecessary for us to go.

It will be noted by the careful student that these planes might be looked at in connection with the three worlds [Page 660] as demonstrating two types of force,—first, a force which tends to differentiation such as on the mental plane (the plane of inherent separation) and on the physical plane (the plane of actual separation); secondly, a force which tends to unity, such as on the astral plane, and on the plane of essential harmony, the buddhic plane. It must be remembered that we are considering force as it flows through, or permeates, deva substance. A hint as to the truth lies in the fact that at present the astral body of man is positive to the physical plane, negative to the mental, and positive to the buddhic plane. As evolution proceeds, the astral body should become positive to the mental, and thus prove incapable of being swayed by thought currents, and the separative processes of that plane, and negative to the buddhic plane, or receptive to the forces from that plane. When it has attained equilibrium, and the forces are evenly balanced, the astral body should become the transmitter from the buddhic plane, the fourth cosmic ether, via the gaseous, to the dense physical plane. This thought should be studied in connection with the burning of the etheric web of the planet, thus illumination may come. Literally, there is no such division on the astral plane as we find on the mental or on the physical planes. On both those planes, we have a division into two: the mental plane being divided into higher and lower, rupa and arupa, concrete and abstract, and the physical plane into the etheric levels and the dense subplanes.

c. Cõi trí vũ trụ, vượt quá đó thì chúng ta không cần đi xa hơn.

Cần lưu ý rằng đối với đạo sinh cẩn trọng, các cõi này có thể được nhìn trong liên hệ với ba cõi giới [Page 660] như biểu lộ hai loại mãnh lực,—thứ nhất, một mãnh lực có xu hướng dẫn đến biến phân như trên cõi trí (cõi của sự phân ly cố hữu) và trên cõi hồng trần (cõi của sự phân ly thực sự); thứ hai, một mãnh lực có xu hướng dẫn đến hợp nhất, như trên cõi cảm dục, và trên cõi của sự hài hòa cốt yếu, cõi Bồ đề. Phải nhớ rằng chúng ta đang xem xét mãnh lực khi nó chảy qua, hay thấm nhuần, chất liệu thiên thần. Một gợi ý về chân lý nằm trong sự kiện rằng hiện nay thể cảm dục của con người là dương đối với cõi hồng trần, âm đối với cõi trí, và dương đối với cõi Bồ đề. Khi tiến hoá tiếp diễn, thể cảm dục phải trở nên dương đối với cõi trí, và do đó chứng tỏ không thể bị các dòng tư tưởng và các tiến trình phân ly của cõi ấy làm dao động, và âm đối với cõi Bồ đề, hay tiếp nhận các mãnh lực từ cõi ấy. Khi nó đã đạt đến quân bình, và các mãnh lực được cân bằng đồng đều, thể cảm dục phải trở thành kẻ truyền dẫn từ cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư, qua cõi phụ khí, đến cõi hồng trần đậm đặc. Tư tưởng này nên được nghiên cứu trong liên hệ với việc đốt cháy mạng lưới dĩ thái của hành tinh, nhờ đó sự soi sáng có thể đến. Theo nghĩa đen, không có sự phân chia như vậy trên cõi cảm dục như chúng ta thấy trên cõi trí hay trên cõi hồng trần. Trên cả hai cõi ấy, chúng ta có một sự phân chia thành hai: cõi trí được chia thành thượng và hạ, rupa và arupa, cụ thể và trừu tượng, còn cõi hồng trần thì chia thành các cấp độ dĩ thái và các cõi phụ đậm đặc.

There is, therefore, a correspondence between these two. The reason for this apparent division (considering the question apart from the states of consciousness of a human being) is due to the stage of development of the great devas who embody the plane, who ensoul it, and who manifest through it as a man manifests through his body. Varuna, the Lord of the astral plane, has achieved a more unified conscious control than His brothers of [Page 661] the mental and physical planes. He comes into manifestation in connection with one of the Heavenly Men, Who is the Lord of a major Ray. The other two are linked up with the Lords of a minor Ray. There is a suggestive hint for students in this information. We may justly ask why, if this is so, it should apparently manifest so disastrously in connection with man? There are several reasons for this, one being that the force flowing through the vehicle of the great deva, the plane, is consequently stronger than in the other two cases, and this is owing to His more advanced stage of development and also to the fact that the Logos Himself is polarised in His astral body. Another reason is that he has a peculiar link with the Ruler of the animal kingdom, and as the human being has not yet dissociated himself from, nor learnt to control, his animal nature, he too comes under the influence of this tremendous force. There are other reasons hidden in the karma of our Heavenly Man, but the above reasons suffice.

Do đó, có một sự tương ứng giữa hai điều này. Lý do của sự phân chia biểu kiến này (nếu xét vấn đề tách biệt khỏi các trạng thái tâm thức của một con người) là do giai đoạn phát triển của các thiên thần lớn đang thể hiện cõi ấy, đang phú linh cho nó, và đang biểu hiện qua nó cũng như con người biểu hiện qua thân thể của mình. Varuna, Chúa Tể của cõi cảm dục, đã đạt được một sự kiểm soát hữu thức hợp nhất hơn các huynh đệ của Ngài trên [Page 661] cõi trí và cõi hồng trần. Ngài đi vào biểu hiện có liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân, là Chúa Tể của một cung chính. Hai vị kia được nối kết với các Chúa Tể của một cung phụ. Trong thông tin này có một gợi ý đầy ám chỉ cho các đạo sinh. Chúng ta có thể chính đáng hỏi rằng tại sao, nếu đúng là như vậy, nó lại dường như biểu hiện tai hại đến thế trong liên hệ với con người? Có vài lý do cho điều này, một trong số đó là mãnh lực tuôn chảy qua vận cụ của vị thiên thần lớn, tức cõi ấy, vì thế mạnh hơn trong hai trường hợp kia, và điều này là do giai đoạn phát triển cao hơn của Ngài, đồng thời cũng do sự kiện chính Thượng đế đang phân cực trong thể cảm dục của Ngài. Một lý do khác là vị ấy có một mối liên kết đặc biệt với Chúa Tể của giới động vật, và vì con người vẫn chưa tự tách mình ra khỏi, cũng chưa học được cách kiểm soát, bản chất động vật của mình, nên y cũng chịu ảnh hưởng của mãnh lực to lớn này. Còn có những lý do khác ẩn giấu trong nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, nhưng các lý do trên là đủ.

1. *The Function of the Agnisuryans.* The devas of the astral plane are those with whom man is very specially connected at this time owing to his astral polarisation, and to the place desire and feeling play in his development. Consciousness expands through contact, through intelligent appreciation of that which is contacted, and

1. *Chức năng của các Agnisuryan.* Các thiên thần của cõi cảm dục là những vị mà con người hiện nay có liên hệ đặc biệt mật thiết do sự phân cực cảm dục của mình, và do vị trí mà dục vọng cùng cảm xúc giữ trong sự phát triển của y. Tâm thức mở rộng qua tiếp xúc, qua sự đánh giá thông minh về điều được tiếp xúc, và qua sự nhận biết điều sẽ

through realisation of that which is to be gained through a specific contact. That which is contacted depends upon reciprocal vibration, and the place therefore of desire (which is the going out after sensation) and of feeling (which is the reflex of that desire) is of real importance; they put man constantly in touch—even though he realises it not—with deva substance of some kind or another. Even when man has reached a relatively high stage of evolution, the demonstration of that point of attainment is seen in the type of not-self which he contacts; it is only when he is an initiate that [Page 662] he begins to approximate, and to know the meaning of the essential unity which lies at the heart of Being, and to comprehend the oneness of the Universal Soul, and the Unity of that subjective Life which secretes itself behind form of every kind. It should never be forgotten that the matter aspect is found on all planes; also that forms are ever to be found, until the solar ring-pass-not is transcended and the Logos escapes from His present limitation. Owing to this the devas of the astral plane assume a very important place in the three worlds.

đạt được nhờ một tiếp xúc đặc thù. Điều được tiếp xúc tùy thuộc vào rung động tương hỗ, và vì vậy vị trí của dục vọng (là sự vươn ra tìm cảm giác) và của cảm xúc (là phản xạ của dục vọng ấy) có tầm quan trọng thực sự; chúng khiến con người thường xuyên tiếp xúc—dù y không nhận ra điều đó—với chất liệu thiên thần thuộc loại này hay loại khác. Ngay cả khi con người đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá tương đối cao, sự biểu lộ của điểm thành tựu ấy vẫn được thấy trong loại không-phải-ngã mà y tiếp xúc; chỉ khi y là một điểm đạo đồ thì [Page 662] y mới bắt đầu tiến gần đến, và biết được ý nghĩa của sự hợp nhất cốt yếu nằm ở trung tâm của Bản Thể, và thấu hiểu tính nhất như của Đại Hồn, và Sự Hợp Nhất của Sự sống chủ quan ấy, vốn tự ẩn mình đằng sau mọi loại hình tướng. Không bao giờ nên quên rằng phương diện vật chất được tìm thấy trên mọi cõi; và rằng các hình tướng luôn luôn hiện hữu, cho đến khi vòng-giới-hạn thái dương được vượt qua và Thượng đế thoát khỏi sự giới hạn hiện tại của Ngài. Vì điều này, các thiên thần của cõi cảm dục giữ một vị trí rất quan trọng trong ba cõi thấp.

Previously, we considered them in a fivefold aspect, dividing them into five groups. At this point we will limit our consideration to the relationship of self-conscious units such as Man and the planetary Logos to this deva substance. A great distinction exists between man and his prototype, a Heavenly Man.

Trước đây, chúng ta đã xem xét họ dưới phương diện ngũ phân, chia họ thành năm nhóm. Tại điểm này, chúng ta sẽ giới hạn sự xem xét của mình vào mối liên hệ của các đơn vị ngã thức như Con Người và Hành Tinh Thượng Đế với chất liệu thiên thần này. Có một sự khác biệt lớn giữa con người và nguyên mẫu của y, một Đấng Thiên Nhân.

The astral plane plays a very real part in the evolution of man, having a close connection with one of his principles. Astral matter and vibration is one of the controlling factors in the lives of the great majority of people. To the Heavenly Man, astral matter

Cõi cảm dục đóng một vai trò rất thực trong sự tiến hoá của con người, vì có liên hệ mật thiết với một trong các nguyên khí của y. Vật chất và rung động cảm dục là một trong những yếu tố kiểm soát đời sống của đại đa số nhân loại. Đối với Đấng Thiên Nhân, vật

corresponds to the liquid portion in the physical body of man, and is for Him therefore no principle.

chất cảm dục tương ứng với phần lỏng trong thể xác của con người, và vì vậy đối với Ngài nó không phải là một nguyên khí.

The astral plane is man's principal battle-ground and the area of his most intense field of sensation,—mental sensation (esoterically understood) is for him as yet only a possibility. The astral body is the seat of man's most violent vibration, and these vibrations are a potent cause of his physical plane activities. If man only realised it, the devas of the astral plane at present very largely control what he does and says, and his goal of evolution (his immediate goal) is to liberate himself from their control in order that he, the real Ego or thinker, may be the dominating influence. To be explicit, and thus to illustrate this point: the little elemental lives which form the body of the emotions, and the positive [Page 663] life of any evolutionary deva who (through similarity of vibration) is linked to any particular man and who gives to him an astral body of a coherent and positive power, are as yet practically in control of the majority. Man usually does as his desires and instincts prompt him. If this evolutionary deva is of a high order (as will be the case in a highly developed man) the vibration will be high, and the desires and instincts will be good and exoterically right. Nevertheless, if the man is controlled by them, he is as yet under deva influence, and must free himself. If the deva life is of a low order, the man will demonstrate low and vicious instincts, and desires of a vile calibre.

Cõi cảm dục là chiến trường chính của con người và là khu vực của trường cảm giác mãnh liệt nhất của y,—cảm giác trí tuệ (được hiểu theo nghĩa huyền bí) đối với y hiện vẫn chỉ là một khả năng. Thể cảm dục là chỗ ngự của những rung động dữ dội nhất nơi con người, và các rung động này là một nguyên nhân mạnh mẽ của các hoạt động trên cõi hồng trần của y. Giá như con người nhận ra điều đó: hiện nay các thiên thần của cõi cảm dục phần lớn kiểm soát điều y làm và nói, và mục tiêu tiến hoá của y (mục tiêu trước mắt của y) là giải thoát mình khỏi sự kiểm soát của họ để y, chân ngã hay thức giả thực sự, có thể là ảnh hưởng chi phối. Nói rõ hơn, và như thế để minh họa điểm này: các sự sống hành khí nhỏ bé tạo thành thể cảm xúc, và sự sống dương [Page 663] của bất kỳ thiên thần thăng thượng tiến hoá nào mà (do sự tương đồng rung động) được nối kết với một con người cụ thể nào đó và ban cho y một thể cảm dục có năng lực cố kết và cực dương, hiện nay trên thực tế vẫn đang kiểm soát đa số. Con người thường làm theo điều mà dục vọng và bản năng thúc đẩy y. Nếu thiên thần thăng thượng tiến hoá này thuộc một cấp cao (như sẽ là trường hợp nơi một người phát triển cao) thì rung động sẽ cao, và các dục vọng cùng bản năng sẽ tốt đẹp và đúng đắn theo ngoại môn. Tuy nhiên, nếu con người bị chúng kiểm soát, thì y vẫn còn ở dưới ảnh hưởng thiên thần, và phải tự giải thoát. Nếu sự sống thiên thần thuộc một cấp thấp, con người sẽ biểu lộ các bản năng thấp kém và xấu xa, cùng những dục vọng có phẩm cấp đê tiện.

If these remarks are rightly apprehended, some understanding will come of what is meant when the deva evolution is spoken of

Nếu những nhận xét này được lĩnh hội đúng đắn, thì sẽ có được một phần thấu hiểu về điều được hàm ý khi nói rằng sự tiến hoá

as being a "parallel evolution" to that of man. In the three worlds the two lines of evolution parallel each other, and must not be consciously one. In the planes of the Triad they are known as a unity, producing the Divine Hermaphrodite, or the Heavenly Man,—the self-conscious human units embodying the three aspects of divinity, while the conscious deva units embody the divine attributes. The two, blended together, form the body of manifestation, the centres and substance of the Heavenly Man. Great is the mystery, and until man knows his place within the conscious whole, he should reserve his opinion as to the meaning thereof. It will be apparent, therefore, in view of the connection between the astral plane with its unified work, and the buddhic plane with the conscious harmony there experienced, that the astral body of man calls for the closest study and understanding. A link will be found through its medium with the buddhic plane and harmonious activity on the physical plane will be produced. The student of occultism should study carefully in this connection: [Page 664]

thiên thần là một "sự tiến hoá song song" với sự tiến hoá của con người. Trong ba cõi giới, hai đường tiến hoá song song với nhau, và không được hợp nhất một cách hữu thức. Trên các cõi của Tam nguyên tinh thần, chúng được biết như một hợp nhất, tạo ra Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng, hay Đấng Thiên Nhân,—các đơn vị nhân loại ngã thức thể hiện ba phương diện của thiên tính, trong khi các đơn vị thiên thần hữu thức thể hiện các thuộc tính thiêng liêng. Hai bên, khi hòa trộn với nhau, tạo thành thể biểu hiện, các trung tâm và chất liệu của Đấng Thiên Nhân. Mầu nhiệm này thật lớn lao, và cho đến khi con người biết được vị trí của mình trong toàn thể hữu thức, y nên dè dặt trong ý kiến của mình về ý nghĩa của điều đó. Do đó, sẽ thấy rõ, xét theo mối liên hệ giữa cõi cảm dục với công việc hợp nhất của nó, và cõi Bồ đề với sự hài hòa hữu thức được kinh nghiệm ở đó, rằng thể cảm dục của con người đòi hỏi sự nghiên cứu và thấu hiểu sát sao nhất. Qua trung gian của nó, sẽ tìm thấy một mối nối kết với cõi Bồ đề và hoạt động hài hòa trên cõi hồng trần sẽ được tạo ra. Đạo sinh huyền bí học nên nghiên cứu cẩn thận trong mối liên hệ này: [Page 664]

a. The physical sun, and its relation to prana and the etheric body.

a. Mặt Trời hồng trần, và mối liên hệ của nó với prana và thể dĩ thái.

b. The subjective sun, and its connection with the astral plane, with the kama-manasic principle, and the astral body.

b. Mặt trời chủ quan, và mối liên hệ của nó với cõi cảm dục, với nguyên khí trí-cảm, và thể cảm dục.

c. The central spiritual sun, and its relation to the Spirit or atma in man. *(S. D., II, 250, 251.)*

c. Mặt trời Tinh thần Trung Ương, và mối liên hệ của nó với Tinh thần hay atma trong con người. *(S. D., II, 250, 251.)*

d. The heart of the sun, and its relation to the lower and higher mental bodies, producing that peculiar manifestation we call the causal body. In this connection it must be remembered that the force which

d. Trái tim của mặt trời, và mối liên hệ của nó với thể trí thấp và cao, tạo ra biểu hiện đặc thù mà chúng ta gọi là thể nguyên nhân. Trong mối liên hệ này cần nhớ rằng mãnh lực tuôn chảy từ trái tim của mặt trời hoạt

flows from the heart of the sun, works through a triangle formed by the Venusian scheme, the Earth and the sun.

động qua một tam giác do hệ hành tinh Kim Tinh, Trái Đất và mặt trời tạo thành.

That another triangle was also formed involving two planets was to be expected under the law, and the triangles vary according to the scheme involved.

Rằng một tam giác khác cũng được hình thành, bao gồm hai hành tinh, là điều có thể chờ đợi theo định luật, và các tam giác thay đổi tùy theo hệ hành tinh liên hệ.

Cosmically there is a very interesting series of triangles which will be found by the student of esoteric astronomy and of occult cycles. They originate in the central sun of our particular group of solar systems. This series involves the Pleiades. The fact that this is so will not be known until the last decade of the present century, and will not be recognised by science till that time when certain lines of knowledge and discovery will bring scientists to a realisation that there is a third type of electricity, which ever balances and forms the apex of the triangle. But the time is not yet.

Về mặt vũ trụ, có một chuỗi tam giác rất lý thú mà đạo sinh thiên văn học huyền bí và các chu kỳ huyền bí sẽ tìm thấy. Chúng phát sinh trong mặt trời trung tâm của nhóm hệ mặt trời đặc thù của chúng ta. Chuỗi này bao gồm chòm Pleiades. Sự kiện này sẽ không được biết đến cho đến thập niên cuối của thế kỷ hiện tại, và sẽ không được khoa học công nhận cho đến thời điểm mà một số đường hướng tri thức và khám phá nhất định sẽ đưa các nhà khoa học đến chỗ nhận ra rằng có một loại điện thứ ba, luôn luôn quân bình và tạo thành đỉnh của tam giác. Nhưng thời điểm ấy vẫn chưa đến.

All that is here said is expressed in terms of deva groups and deva forces, which form (in their aggregate) substance responsive to analogous vibration. This is occultly expressed under certain definite names. It is possible, therefore, to transmit safely information of a character incomprehensible to the profane in such a phrase, for instance, as: "The triangle of...of...and of Group...of the Agnisuryans formed itself, and in the turning of the Wheel produced the third." This conveys to the mind of the occultist the knowledge [Page 665] that in the flow of force from a particular constellation, outside our system altogether, through a particular planetary scheme, and thus through the astral body of a planetary Logos, a condition was brought about which produced the appearance of the third kingdom in nature, the sentient

Mọi điều được nói ở đây đều được diễn đạt bằng các thuật ngữ của những nhóm thiên thần và các mãnh lực thiên thần, vốn tạo thành (trong tổng thể của chúng) chất liệu đáp ứng với rung động tương đồng. Điều này được diễn đạt một cách huyền bí dưới những danh xưng xác định nào đó. Vì vậy, có thể truyền đạt một cách an toàn thông tin có tính chất không thể hiểu nổi đối với người phàm tục trong một cụm từ chẳng hạn như: "Tam giác của... của... và của Nhóm... của các Agnisuryan đã tự hình thành, và trong sự quay của Bánh Xe đã tạo ra cái thứ ba." Điều này truyền đạt cho trí của nhà huyền bí học tri thức [Page 665] rằng trong dòng chảy của mãnh lực từ một chòm sao đặc thù, hoàn toàn ở ngoài hệ của chúng ta, qua một hệ hành tinh đặc thù, và như thế qua thể cảm dục của một Hành Tinh Thượng Đế, một điều kiện đã được tạo ra khiến xuất hiện giới

conscious animal kingdom. Some such similar phrase embodies also the deva connection with man's individualisation, but it profits not to pass it on; the above is only quoted in order to do three things:

thứ ba trong thiên nhiên, tức giới động vật hữu cảm hữu thức. Một cụm từ tương tự nào đó cũng bao hàm mối liên hệ thiên thần với sự biệt ngã hóa của con người, nhưng không ích gì khi truyền lại nó; điều trên chỉ được trích dẫn nhằm làm ba việc:

1. Demonstrate somewhat the nature and extent of the forces flowing through our system.

1. Minh họa phần nào bản chất và phạm vi của các mãnh lực tuôn chảy qua hệ của chúng ta.

2. Show the close connection we have with the deva evolution.

2. Cho thấy mối liên hệ mật thiết của chúng ta với sự tiến hoá thiên thần.

3. Emphasise the triangular nature and interrelation of all that eventuates.

3. Nhấn mạnh bản chất tam giác và sự tương liên của mọi điều xảy ra.

It might be advisable here to bring out a point in connection with the devas of the lower planes (those with whom man is peculiarly connected). They can be divided into certain groups, indicating their place in the scale of consciousness. Perhaps the question may here be asked why we are dealing only with those deva groups which are to be found in the three worlds. Occultly understood, these devas (of the type we are considering) are only found in the dense physical body of the Logos,—being the substance of the lower three subplanes of the cosmic physical. The old Commentary says as follows:

Có lẽ ở đây nên nêu ra một điểm liên quan đến các thiên thần của các cõi thấp (những vị mà con người có liên hệ đặc biệt). Họ có thể được chia thành những nhóm nhất định, cho thấy vị trí của họ trên thang tâm thức. Có lẽ ở đây có thể đặt câu hỏi tại sao chúng ta chỉ bàn đến những nhóm thiên thần được tìm thấy trong ba cõi giới. Theo cách hiểu huyền bí, các thiên thần này (thuộc loại chúng ta đang xem xét) chỉ được tìm thấy trong thể xác đậm đặc của Thượng đế,—vì họ là chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ. Cổ Luận nói như sau:

"The spheres of fire seek location upon the lower three. They originate by medium of the fifth, yet merge upon the planes of yoga. When the fiery essences permeate all, then there is no more the fifth nor sixth, nor seventh, but only the three shining by medium of the fourth."

"Các khối cầu lửa tìm chỗ định vị trên ba cõi thấp. Chúng phát sinh qua trung gian của cõi thứ năm, nhưng hòa nhập trên các cõi yoga. Khi các tinh chất lửa thấm khắp mọi sự, thì không còn cõi thứ năm, thứ sáu, hay thứ bảy nữa, mà chỉ còn ba cõi tỏa sáng qua trung gian của cõi thứ tư."

Therefore, for the purposes of our present study, the devas are only to be found in the

Vì vậy, cho mục đích của sự nghiên cứu hiện tại của chúng ta, các thiên thần chỉ được tìm

three worlds. Beyond those three planes we have the three aspects of [Page 666] the major three manifesting through the fourth; we have consequently the spheres of the planetary Logoi upon the plane of buddhi. They synthesise all that has been developing through the denser manifestation. From the standpoint of the esoteric philosophy, the cosmic physical plane on which our entire solar system has its place must be studied in a dual manner:

thấy trong ba cõi giới. Vượt lên trên ba cõi ấy, chúng ta có ba phương diện của [Page 666] bộ ba chính biểu hiện qua cõi thứ tư; do đó chúng ta có các khối cầu của các Hành Tinh Thượng Đế trên cõi Bồ đề. Chúng tổng hợp mọi điều đã phát triển qua biểu hiện đậm đặc hơn. Từ quan điểm của triết học huyền bí, cõi hồng trần vũ trụ mà trên đó toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta có vị trí của nó phải được nghiên cứu theo hai cách:

1. From the point of view of the Heavenly Men, covering the evolutions of the four higher planes, or the etheric levels. Of these we can know practically nothing until after initiation, at which time the consciousness of the human being is transferred gradually on to the cosmic etheric planes.

1. Từ quan điểm của các Đấng Thiên Nhân, bao quát các sự tiến hoá của bốn cõi cao hơn, hay các cấp dĩ thái. Về những điều này, trên thực tế chúng ta không thể biết gì cho đến sau điểm đạo, khi tâm thức của con người được chuyển dịch dần dần lên các cõi dĩ thái vũ trụ.

2. From the standpoint of the human being in the three worlds. Man is the consummating evolution in the three worlds, just as the Heavenly Men are in the higher four.

2. Từ quan điểm của con người trong ba cõi giới. Con người là sự tiến hoá hoàn tất trong ba cõi giới, cũng như các Đấng Thiên Nhân là như vậy trong bốn cõi cao hơn.

In the three worlds, we have the parallel evolutions—deva and human in their many varying grades—the human naturally concerning us the most intimately, though the two evolve through interaction with each other. In the higher four worlds, we have this duality viewed as a unity, and the aspect of the synthetic evolution of the Heavenly Men is the one considered. It would interest us much could we but understand a little of the point of view of those great devas Who co-operate intelligently in the plan of evolution. They have Their own method of expressing these ideas, the medium being colour which can be heard, and sound which can be seen. Man reverses the process and sees colors and hears sounds. A hint lies here as to the

Trong ba cõi giới, chúng ta có các sự tiến hoá song song—thiên thần và nhân loại trong nhiều cấp độ khác nhau của chúng—mà dĩ nhiên sự tiến hoá nhân loại liên hệ đến chúng ta mật thiết nhất, dù cả hai tiến hoá qua sự tương tác với nhau. Trong bốn cõi cao hơn, chúng ta có nhị nguyên tính này được nhìn như một hợp nhất, và phương diện của sự tiến hoá tổng hợp của các Đấng Thiên Nhân là điều được xem xét. Sẽ rất đáng quan tâm đối với chúng ta nếu chúng ta có thể hiểu được đôi chút quan điểm của những thiên thần lớn đang hợp tác một cách thông minh trong Thiên Cơ tiến hoá. Các Ngài có phương pháp riêng để diễn đạt những ý tưởng này, với phương tiện là màu sắc có thể được nghe thấy, và âm thanh có thể được nhìn thấy. Con người đảo ngược tiến trình và

necessity for symbols, for they are signs which convey cosmic truths, and instruction, and can be *comprehended alike by the evolved of both evolutions*. It should be borne in mind, as earlier pointed out, that: [Page 667]

nhìn thấy màu sắc, nghe thấy âm thanh. Ở đây có một gợi ý về sự cần thiết của các biểu tượng, vì chúng là những dấu hiệu truyền đạt các chân lý vũ trụ và giáo huấn, và có thể được *cả những thực thể tiến hoá của hai dòng tiến hoá cùng thấu hiểu như nhau*. Cần ghi nhớ, như đã chỉ ra trước đây, rằng: [Page 667]

a. Man is demonstrating the aspects of divinity. The devas are demonstrating the attributes of divinity.

a. Con người đang biểu lộ các phương diện của thiên tính. Các thiên thần đang biểu lộ các thuộc tính của thiên tính.

b. Man is evolving the inner vision and must learn to see.

b. Con người đang phát triển linh thị bên trong và phải học cách nhìn.

The devas are evolving the inner hearing and must learn to hear.

Các thiên thần đang phát triển sự nghe bên trong và phải học cách nghe.

c. Both are as yet imperfect, and an imperfect world is the result.

c. Cả hai hiện vẫn chưa hoàn hảo, và một thế giới bất toàn là kết quả.

d. Man is evolving by means of contact and experience. He expands.

d. Con người tiến hoá bằng tiếp xúc và kinh nghiệm. Y mở rộng.

The devas evolve by means of the lessening of contact. Limitation is the law for them.

Các thiên thần tiến hoá bằng sự giảm bớt tiếp xúc. Sự giới hạn là định luật đối với họ.

e. Man aims at self-control.

e. Con người nhắm đến sự tự kiểm soát.

Devas must develop by being controlled.

Các thiên thần phải phát triển bằng cách được kiểm soát.

f. Man is innately Love,—the Force which produces coherency. The devas are innately intelligence,—the force which produces activity.

f. Con người bẩm sinh là Tình thương,—Mãnh lực tạo ra sự kết hợp. Các thiên thần bẩm sinh là trí tuệ,—mãnh lực tạo ra hoạt động.

g. The third type of force, that of Will, the balancing equilibrium of electrical phenomena, has to play equally upon and through both evolutions, but in the one it

g. Loại mãnh lực thứ ba, tức Ý Chí, sự quân bình cân xứng của các hiện tượng điện, phải tác động như nhau lên và qua cả hai dòng tiến hoá, nhưng trong một bên nó biểu lộ

demonstrates as self-consciousness, and in the other as constructive vibration.

In the Heavenly Man these two great aspects of divinity are equally blended, and in the course of the mahamanvantara the imperfect Gods become perfect. These broad and general distinctions are pointed out as they throw light upon the relationship of Man to the devas.

S6S8 PART II

The devas of the physical plane, though divided into the three groups A, B, C, are under another grouping spoken of as *"the Devas of the Seventh Order."* The seventh order is peculiarly linked to the devas of the first order on the first plane. They are the reflectors of the mind of God of which the first order is the expression, and manifest it as it has worked through from the [Page 668] archetypal plane. This seventh order of devas is directly under the influence of the seventh Ray, and the planetary Logos of that Ray works in close co-operation with the Raja-Lord of the seventh plane. As the goal of evolution for the devas is the inner hearing, it will be apparent why mantric sounds and balanced modulations are the method of contacting them, and of producing varying phenomena. This seventh order of devas is the one with which the workers on the left hand path are concerned, working through vampirism and the devitalisation of their victims. They deal with the etheric bodies of their enemies, and by means of sounds affect deva substance, thus producing the desired results. The white Magician does not work on the physical plane with physical substance. He transfers His activities to a higher level, and hence deals with desires and motives. He works through the devas of the sixth order.

như ngã thức, còn trong bên kia như rung động kiến tạo.

Trong Đấng Thiên Nhân, hai phương diện lớn này của thiên tính được hòa trộn đồng đều, và trong tiến trình của Đại giai kỳ sinh hóa, các vị Thượng đế bất toàn trở nên hoàn hảo. Những phân biệt rộng lớn và tổng quát này được nêu ra vì chúng soi sáng mối liên hệ của Con Người với các thiên thần.

Các thiên thần của cõi hồng trần, dù được chia thành ba nhóm A, B, C, vẫn nằm dưới một cách phân nhóm khác được gọi là *"các Thiên thần của Đẳng cấp Thứ Bảy."* Đẳng cấp thứ bảy có liên hệ đặc biệt với các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất trên cõi thứ nhất. Họ là những phản chiếu của Trí của Thượng đế mà đẳng cấp thứ nhất là biểu hiện, và biểu lộ nó như nó đã vận hành từ [Page 668] cõi nguyên mẫu. Đẳng cấp thiên thần thứ bảy này trực tiếp ở dưới ảnh hưởng của cung bảy, và Hành Tinh Thượng Đế của cung ấy hoạt động trong sự hợp tác mật thiết với Raja-Chúa Tể của cõi thứ bảy. Vì mục tiêu tiến hoá của các thiên thần là sự nghe bên trong, nên sẽ thấy rõ tại sao các âm thanh mantram và những điều biến quân bình là phương pháp để tiếp xúc với họ, và để tạo ra các hiện tượng khác nhau. Đẳng cấp thiên thần thứ bảy này là đẳng cấp mà những người hoạt động trên tả đạo quan tâm đến, hoạt động qua sự hút sinh lực và sự làm mất sinh lực nơi các nạn nhân của họ. Họ xử lý các thể dĩ thái của kẻ thù mình, và bằng âm thanh tác động lên chất liệu thiên thần, nhờ đó tạo ra các kết quả mong muốn. Nhà huyền thuật chánh đạo không hoạt động trên cõi hồng trần với chất liệu hồng trần. Ngài chuyển các hoạt động của mình lên một cấp cao hơn, và vì thế xử lý các dục vọng và động cơ. Ngài

hoạt động qua các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu.

The devas of the sixth order are those of the astral plane, and are the devas who have the most to do with the forces which produce the phenomena we call love, sex impulse, instinct, or the driving urge and motive which demonstrates later on the physical plane in activity of some kind. The positive vibration set up on the astral plane produces results on the physical and that is why the White Brother, if He works with the devas at all, works only on the astral plane and with the positive aspect.

Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu là những vị của cõi cảm dục, và là các thiên thần có liên hệ nhiều nhất với các mãnh lực tạo ra những hiện tượng mà chúng ta gọi là tình yêu, xung lực tính dục, bản năng, hay sự thôi thúc và động cơ thúc đẩy, vốn về sau biểu lộ trên cõi hồng trần trong một loại hoạt động nào đó. Rung động dương được thiết lập trên cõi cảm dục tạo ra các kết quả trên cõi hồng trần, và đó là lý do tại sao Huynh đệ Chánh đạo, nếu Ngài có hoạt động với các thiên thần đi nữa, thì chỉ hoạt động trên cõi cảm dục và với phương diện dương.

These devas of the sixth order, as might be expected, are closely linked with those of the second order on the monadic plane, and with the heart centre of the particular Heavenly Man on Whose Ray they may be found. They are allied too to the deva forces on the buddhic plane and in these three great orders of devas we have a powerful triangle of electrical force,—the three types of electricity which are met with in occult books. It should be borne in mind that the equilibrising [Page 669] type of force (at present an unknown type) flows in from the buddhic plane at this time, and the apex of the triangle is there.

Như có thể chờ đợi, các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu này có liên hệ mật thiết với những vị của đẳng cấp thứ hai trên cõi chân thần, và với trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân đặc thù mà trên cung của Ngài họ có thể được tìm thấy. Họ cũng liên kết với các mãnh lực thiên thần trên cõi Bồ đề, và trong ba đẳng cấp thiên thần lớn này, chúng ta có một tam giác mãnh lực điện đầy quyền năng,—ba loại điện được gặp trong các sách huyền bí. Cần ghi nhớ rằng loại mãnh lực quân bình [Page 669] (hiện nay là một loại chưa được biết đến) đang tuôn vào từ cõi Bồ đề vào lúc này, và đỉnh của tam giác ở đó.

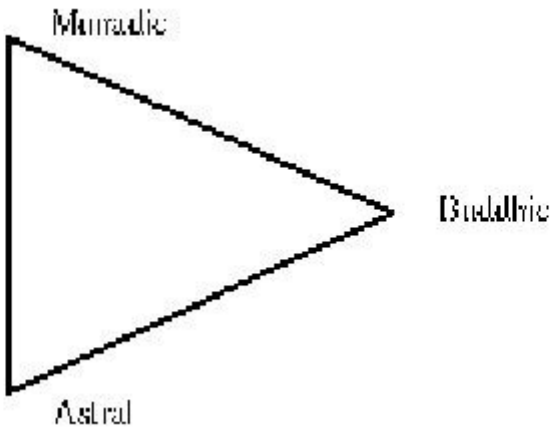

These three orders are (in this solar system) the most potent, especially in this fourth round. They influence particularly the fourth kingdom of nature, and are the basis of that search for balance, of that aspiration towards harmony, union and yoga which distinguishes man in all grades; it shows in its lower manifestation as the sex instinct as we know it, and in its higher as longing for union with God.

Ba đẳng cấp này là (trong hệ mặt trời này) mạnh mẽ nhất, đặc biệt trong cuộc tuần hoàn thứ tư này. Chúng ảnh hưởng đặc biệt đến giới thứ tư trong thiên nhiên, và là nền tảng của sự tìm kiếm quân bình ấy, của khát vọng hướng tới hài hòa, hợp nhất và yoga vốn phân biệt con người ở mọi cấp độ; nó biểu lộ trong biểu hiện thấp hơn của nó như bản năng tính dục như chúng ta biết, và trong biểu hiện cao hơn như sự khao khát hợp nhất với Thượng đế.

These devas of the sixth order come under the special influence of the Lord of the sixth Ray of Abstract Idealism, and it is their connection with Him which facilitates the working through of the archetypal idea on to the physical plane. The sixth Creative Hierarchy likewise is specially connected with this particular order of devas, and through this dual influence is produced that physical manifestation which is definitely objective,—one type of force working through the etheric manifestation, and the other through the dense physical.

Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu này ở dưới ảnh hưởng đặc biệt của Đấng Chúa Tể Cung sáu của Chủ nghĩa Duy tâm Trừu tượng, và chính mối liên hệ của họ với Ngài tạo điều kiện cho ý tưởng nguyên mẫu được vận hành xuống cõi hồng trần. Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu cũng được nối kết đặc biệt với đẳng cấp thiên thần đặc thù này, và qua ảnh hưởng kép này mà biểu hiện hồng trần rõ rệt khách quan được tạo ra,—một loại mãnh lực hoạt động qua biểu hiện dĩ thái, và loại kia qua cõi hồng trần đậm đặc.

This will as yet prove an insoluble mystery to the student, but in the significance of numbers much can be discovered. This angle of the matter should be studied in order to bring out the true meaning of this sixth order of devas, whose symbol is the six-pointed Star set at a particular angle and in full manifestation. The six-pointed star is the sign that a "Son of Necessity" [Page 670] (no matter whether God or man) has sought physical incarnation. The devas of the sixth order, the Agnisuryans, are a prime factor in bringing this about. In the sixth round these devas will begin to make their presence felt more and more potently, but the strength of their vibration will be very gradually turned upwards, and not downwards into the

Điều này hiện vẫn sẽ là một mầu nhiệm không thể giải được đối với đạo sinh, nhưng trong thâm nghĩa của các con số có thể khám phá được nhiều điều. Phương diện này của vấn đề nên được nghiên cứu để làm nổi bật ý nghĩa chân thực của đẳng cấp thiên thần thứ sáu này, mà biểu tượng của nó là Ngôi Sao sáu cánh được đặt ở một góc độ đặc thù và trong sự biểu hiện đầy đủ. Ngôi sao sáu cánh là dấu hiệu cho thấy một "Con của Sự Cần Thiết" [Page 670] (dù là Thượng đế hay con người) đã tìm kiếm sự nhập thể hồng trần. Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu, các Agnisuryan, là một yếu tố chủ yếu trong việc làm cho điều này xảy ra. Trong cuộc tuần hoàn thứ sáu, các thiên thần này sẽ bắt đầu làm cho sự hiện diện của họ được

physical plane. This will involve the transmutation of desire into aspiration, and will produce eventually the liberation of the planetary Logos, and bring a manvantara (or His cycle of physical incarnation) to a close. Withdrawal of the force of desire results likewise in the cessation of man's physical existence. The old Commentary expresses this truth in the following words:

cảm nhận ngày càng mạnh mẽ hơn, nhưng sức mạnh rung động của họ sẽ rất từ từ được chuyển hướng lên trên, chứ không hướng xuống cõi hồng trần. Điều này sẽ bao hàm sự chuyển hoá dục vọng thành khát vọng, và cuối cùng sẽ tạo ra sự giải thoát của Hành Tinh Thượng Đế, đồng thời đưa một giai kỳ sinh hóa (hay chu kỳ nhập thể hồng trần của Ngài) đến chỗ kết thúc. Sự rút lui của mãnh lực dục vọng cũng dẫn đến sự chấm dứt sự tồn tại hồng trần của con người. Cổ Luận diễn đạt chân lý này bằng những lời sau:

"The Sixth retire within themselves; they turn towards the Fifth, leaving the Seventh alone."

"Thứ Sáu rút vào bên trong chính mình; họ quay về phía Thứ Năm, để Thứ Bảy lại một mình."

In continuing our consideration of these deva orders, it should be pointed out that these three lower deva orders—the lower fifth, the sixth and the seventh—have a close connection with the moon. They are the building agents which (working on the involutionary matter of the three worlds) construct the lower three bodies of incarnating man. They are a branch of the lunar Pitris, but the fact should be remembered that this particular branch of pitris are those functioning in our particular scheme, and are closely allied to our planetary Logos. Groups of these Pitris are found wherever man is in incarnation in all the schemes, but in other schemes they differ somewhat from ours, as the "Mystery of the Moon" is connected with a peculiar esoteric condition which concerns our own planetary Logos.

Khi tiếp tục xem xét các đẳng cấp thiên thần này, cần chỉ ra rằng ba đẳng cấp thiên thần thấp này—thứ năm thấp, thứ sáu và thứ bảy—có liên hệ mật thiết với mặt trăng. Họ là các tác nhân kiến tạo, những vị (hoạt động trên vật chất giáng hạ tiến hoá của ba cõi giới) xây dựng ba thể thấp của con người đang nhập thể. Họ là một nhánh của các thái âm tổ phụ, nhưng cần nhớ rằng nhánh tổ phụ đặc thù này là những vị đang hoạt động trong hệ hành tinh đặc thù của chúng ta, và có liên hệ rất mật thiết với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Các nhóm Pitri này được tìm thấy ở bất cứ nơi nào con người đang lâm phàm trong mọi hệ hành tinh, nhưng trong các hệ khác họ có phần khác với của chúng ta, vì "Mầu nhiệm của Mặt Trăng" có liên hệ với một điều kiện huyền bí đặc thù liên quan đến chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

Wherever man is in incarnation, the Builders of his bodies are to be found but they will differ in:

Ở bất cứ nơi nào con người đang lâm phàm, các Đấng kiến tạo các thể phàm ngã của y đều được tìm thấy, nhưng họ sẽ khác nhau về:

a. Their rate of vibration.

b. Their stage of development. [Page 671]

c. Consciousness.

d. Fohatic, magnetic and dynamic force.

It should be remembered also that each round sees the deva substance or the deva evolution changing; they also evolve and, therefore, the subject of the devas in their dual aspect as the negative and positive substance which produces objectivity must be studied in a threefold manner if a true idea is to be approximated. Therefore, the devas—who are the sum-total of substance—must be considered from:

The standpoint of round development.

The standpoint of any particular planetary Logos as they form His body of manifestation, a scheme.

The standpoint of the human kingdom.

a. Tốc độ rung động của họ.

b. Giai đoạn phát triển của họ. [Page 671]

c. Tâm thức.

d. Mãnh lực fohat, từ tính và động lực.

Cũng cần nhớ rằng mỗi cuộc tuần hoàn đều chứng kiến chất liệu thiên thần hay sự tiến hoá thiên thần thay đổi; họ cũng tiến hoá, và vì vậy chủ đề về các thiên thần trong phương diện kép của họ như chất liệu âm và dương tạo ra tính khách quan phải được nghiên cứu theo cách tam phân nếu muốn tiến gần đến một ý niệm chân thực. Vì vậy, các thiên thần—là tổng thể của chất liệu—phải được xem xét từ:

Quan điểm của sự phát triển theo cuộc tuần hoàn.

Quan điểm của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào khi họ tạo thành thân thể biểu hiện của Ngài, một hệ hành tinh.

Quan điểm của giới nhân loại.

When this is not done, a wrong and narrow idea is the result. In future time, as may be seen from a study of the *Secret Doctrine, (I, 288; II, 179, 187.)* the Logos in His septenary Nature will be seen as the Macrocosm for Man, whilst the Microcosm, Man himself, will be seen also as the Macrocosm for the three lower kingdoms. This is simply one way of studying the evolution of the conscious Entity—God, Man, or lesser life—by means of deva substance; it involves the study of the positive and negative interaction. As says the old Commentary again:

Khi điều này không được thực hiện, kết quả là một ý niệm sai lầm và hẹp hòi. Trong tương lai, như có thể thấy qua việc nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm, (I, 288; II, 179, 187.)* Thượng đế trong Bản chất thất phân của Ngài sẽ được thấy là Đại thiên địa đối với Con Người, trong khi Tiểu thiên địa, chính con người, cũng sẽ được thấy là Đại thiên địa đối với ba giới thấp. Đây chỉ đơn giản là một cách nghiên cứu sự tiến hoá của Thực Thể hữu thức—Thượng đế, Con Người, hay sự sống nhỏ hơn—bằng chất liệu thiên thần; nó bao hàm việc nghiên cứu sự tương tác giữa âm và dương. Như Cổ Luận lại nói:

"When Father approaches Mother, that which will be taketh form. The union of the two concealeth the true mystery of Being.

"Khi Cha đến gần Mẹ, điều sắp hiện hữu mang lấy hình tướng. Sự hợp nhất của hai vị che giấu mầu nhiệm chân thực của Bản Thể.

When the two great devas seek each other, when they meet and merge, the promise of life is fulfilled.

Khi hai thiên thần lớn tìm đến nhau, khi họ gặp nhau và hòa nhập, lời hứa của sự sống được hoàn thành.

When the one who sees and knows stands midway between his parents, then can be seen the fruition of knowledge, and all is known upon the planes of consciousness.

Khi đấng nhìn thấy và biết đứng ở giữa cha mẹ mình, khi ấy có thể thấy được quả thành của tri thức, và mọi sự được biết trên các cõi tâm thức.

When Anu, the infinitesimal, is seen to contain Ishvara in His potency, when the lesser spheres and cycles expand into the [Page 672] circle of the Heavens, then shall the essential Unity be cognised and manifested fully.

Khi Anu, cái vô cùng nhỏ bé, được thấy là chứa đựng Ishvara trong tiềm năng của Ngài, khi các khối cầu và chu kỳ nhỏ hơn mở rộng vào [Page 672] vòng tròn của các Cõi Trời, khi ấy Sự Hợp Nhất cốt yếu sẽ được nhận biết và biểu lộ trọn vẹn.

When the One that holds the life becomes the three behind which that life is hidden; when the three by revolution become the seven and the ten; when the thirty million crores of deva lives repeat the revolution; when the central point is reached and reveals the three, the nine, and the inner blazing JEWEL, then is the circle of

Khi Đấng nắm giữ sự sống trở thành ba đằng sau đó sự sống ấy ẩn giấu; khi ba, bằng sự quay vòng, trở thành bảy và mười; khi ba mươi triệu crore sự sống thiên thần lặp lại sự quay vòng; khi điểm trung tâm đạt đến và tiết lộ ba, chín, và VIÊN NGỌC rực cháy bên trong, khi ấy vòng tròn biểu hiện được hoàn

manifestation consummated, and the One again becomes the ten, the seven, the three and the point."

tất, và Đấng Duy Nhất lại trở thành mười, bảy, ba và điểm."

Herein lies the key to the mystic marriage, and to the student of occultism much may be revealed through the study of these pairs of opposites; it will cause the revelation of the process (in time and space) whereby this union and its fruit is consummated, and the resultant creation of the divine Hermaphrodite is seen upon His Own high plane.

Chính trong đây có chìa khóa của cuộc hôn phối thần bí, và đối với đạo sinh huyền bí học, nhiều điều có thể được mặc khải qua việc nghiên cứu những cặp đối cực này; nó sẽ dẫn đến sự mặc khải về tiến trình (trong thời gian và không gian) nhờ đó sự hợp nhất này và quả của nó được hoàn tất, và sự hình thành Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng từ tiến trình ấy được thấy trên cõi cao riêng của Ngài.

We must ever keep clearly in mind that we are dealing in this section with the evolutionary devas who are the positive Life animating involutionary matter or deva substance. Consequently, the correspondence of the mystic marriage of Spirit and matter can be seen working out also in deva substance itself, through the interaction of negative and positive deva lives. Substance itself represents essential duality; forms repeat the same duality, and when we arrive at man himself again, we have duality plus a third factor. These three orders of deva substance—the lower fifth, the sixth and seventh—are a very mysterious group as far as man is concerned. (217) [Page 673]

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ rõ rằng trong phần này chúng ta đang bàn đến các thiên thần thăng thượng tiến hoá là Sự sống dương làm sinh động vật chất giáng hạ tiến hoá hay chất liệu thiên thần. Do đó, sự tương ứng của cuộc hôn phối thần bí giữa Tinh thần và vật chất cũng có thể được thấy đang vận hành trong chính chất liệu thiên thần, qua sự tương tác của các sự sống thiên thần âm và dương. Bản thân chất liệu biểu hiện nhị nguyên tính cốt yếu; các hình tướng lặp lại cùng nhị nguyên tính ấy, và khi chúng ta lại đến với chính con người, chúng ta có nhị nguyên tính cộng thêm một yếu tố thứ ba. Ba đẳng cấp chất liệu thiên thần này—thứ năm thấp, thứ sáu và thứ bảy—là một nhóm rất huyền nhiệm đối với con người. (217) [Page 673]

(217) Sankaracharya and Buddha. The great sage Sankaracharya who is known to us all as the leading head of the adwaitic movement that was set on foot subsequent to the time of the equally great Sage known as Gautama Buddha, the head of the doctrine of Buddhi or Buddhism. Both are great Masters of compassion and may be conceived as the two hemispheres of the burning globe of light that is placed on the

(217) Sankaracharya và Đức Phật. Đại hiền triết Sankaracharya, người mà tất cả chúng ta đều biết là vị lãnh đạo hàng đầu của phong trào bất nhị được khởi xướng sau thời của vị Đại Hiền Triết cũng vĩ đại không kém được biết đến là Gautama Buddha, vị đứng đầu giáo lý Bồ đề hay Phật giáo. Cả hai đều là những Chân sư vĩ đại của lòng từ bi và có thể được hình dung như hai bán cầu của quả cầu ánh sáng rực cháy được đặt trên ngọn núi trí

central mental mount to impart light to the East and the West. The two great Masters are mystically connected, if you will listen to H. P. B., and to understand the natures of these two beings is to understand the nature of the entire cosmos divisible as two hemispheres, the one being the land of the sun-rise of thought eternal and the other being "the Pillar to the West upon whose face the rising sun of thought eternal poureth forth its most glorious waves." They are representatives for us (the poor children of the dust of the ground) of the two great powers known in the Puranas as Siva and Vishnu, the universal sower and reaper, who by their interaction are said to support the universe of progress.—*Some Thoughts on the Gita*, pp. 92-3. (back)

tuệ trung tâm để ban ánh sáng cho Đông và Tây. Hai vị Chân sư vĩ đại này được nối kết một cách thần bí, nếu bạn chịu lắng nghe H. P. B., và hiểu được bản chất của hai Đấng này tức là hiểu được bản chất của toàn thể vũ trụ có thể chia thành hai bán cầu, một bên là miền đất của bình minh của tư tưởng vĩnh cửu và bên kia là "Cột Trụ về phương Tây mà trên mặt của nó mặt trời đang lên của tư tưởng vĩnh cửu tuôn đổ những làn sóng huy hoàng nhất của mình." Đối với chúng ta (những đứa con nghèo nàn của bụi đất), các Ngài là những vị đại diện của hai quyền năng lớn được biết trong các Purana là Siva và Vishnu, đấng gieo và gặt phổ quát, mà nhờ sự tương tác của các Ngài, vũ trụ tiến bộ được nói là được nâng đỡ.—*Một vài suy tưởng về Gita*, tr. 92-3. (back)

They have scarcely been hinted at as yet in occult literature, but they contain within themselves the secret of our planetary individualisation. They were the group which had much to do with the "sin of the mindless," and are very closely associated with animal man. To the power and control which these pitris assumed must be ascribed much of the disastrous early happenings referred to in the *Secret Doctrine*, such as the above mentioned "sin," and also the early "failures" in building suitable vehicles for Spirits seeking incarnation. Here also may be found the beginnings of that mysterious divergence which we call the "left and right hand paths," which conditions (existing within the body logoic and consequently being part of the divine consciousness) originated in the remote "space of time," when the sons of God were seeking form. It has to do with a special condition in the astral body of our planetary Logos, and with His history as it lies hidden in the astral light.

Cho đến nay chúng hầu như chưa được ám chỉ trong văn liệu huyền bí, nhưng chúng chứa trong chính mình bí mật của sự biệt ngã hóa hành tinh của chúng ta. Chúng là nhóm có liên hệ rất nhiều đến "tội lỗi của những kẻ vô trí," và được kết hợp rất chặt chẽ với người thú. Phải quy phần lớn những biến cố tai hại thời kỳ đầu cho quyền lực và sự kiểm soát mà các pitri này đã nắm giữ được nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, như "tội lỗi" vừa nêu trên, và cả những "thất bại" ban đầu trong việc xây dựng những vận cụ thích hợp cho các Tinh thần tìm kiếm nhập thể. Ở đây cũng có thể tìm thấy những khởi đầu của sự phân kỳ huyền nhiệm mà chúng ta gọi là "tả đạo và chánh đạo," những điều kiện ấy (tồn tại trong thân thể của Thượng đế và do đó là một phần của tâm thức thiêng liêng) đã phát sinh trong "khoảng thời gian" xa xôi khi các Con của Thượng đế đang tìm kiếm hình tướng. Nó có liên hệ với một điều kiện đặc biệt trong thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và với lịch sử của Ngài như nó được ẩn giấu trong ánh sáng cảm dục.

It concerns that which He has to surmount and many of the problems which face the occultist, including the "sin of the mindless," the failure in Atlantean days, and even that mysterious "failure" of the Buddha (which has a planetary significance only hinted at in the *Secret Doctrine)* (218) can be traced back to the condition of the deva substance of which the astral body of our planet, and the astral bodies of all forms are formed.

Nó liên quan đến điều mà Ngài phải vượt qua và nhiều vấn đề mà nhà huyền bí học phải đối diện, bao gồm "tội lỗi của những kẻ vô trí," thất bại trong thời Atlantis, và thậm chí cả "thất bại" huyền nhiệm của Đức Phật (có một ý nghĩa hành tinh mà *Giáo Lý Bí Nhiệm chỉ mới gợi ý)* (218) đều có thể được truy nguyên về điều kiện của chất liệu thiên thần mà từ đó thể cảm dục của hành tinh chúng ta, và các thể cảm dục của mọi hình tướng, được tạo thành.

(218) The Stanzas at the beginning of Volume II of the *Secret Doctrine* make these failures apparent.—S. D., II, 195, 201, 721, 728. The Failure of the Buddha. See S. D., III, 376-588. The Imperfect Gods are referred to in S. D., I, 214, 449; II, 223; III, 209. (back)

(218) Các Bài Kệ ở đầu Quyển II của *Giáo Lý Bí Nhiệm* làm cho những thất bại này trở nên rõ ràng.—S. D., II, 195, 201, 721, 728. Thất bại của Đức Phật. Xem S. D., III, 376-588. Các vị Thượng đế Bất Toàn được nhắc đến trong S. D., I, 214, 449; II, 223; III, 209. (back)

Our planetary Logos is one of the Lords spoken of as being a lesser lord, and more "full of passion" than the higher three. Not even yet is His work completed, and deva [Page 674] substance in its various living orders is not yet brought fully under His control. The deva evolution has far to travel.

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một trong các Chúa Tể được nói đến như là một vị chúa tể nhỏ hơn, và "đầy đam mê" hơn ba vị cao hơn. Công việc của Ngài thậm chí đến nay vẫn chưa hoàn tất, và chất liệu thiên thần [Page 674] trong các đẳng cấp sống khác nhau của nó vẫn chưa được đưa hoàn toàn dưới sự kiểm soát của Ngài. Sự tiến hoá thiên thần còn phải đi một chặng đường dài.

If this idea be extended to the solar system, it will be apparent that the astral vehicles of the different planetary Logoi differ. This difference is necessarily dependent upon *Their cosmic astral life which directly affects the systemic astral, or the physical liquid subplane of the cosmic physical.* This is a point but little realised. The dense physical body of the planetary Logos exists, as we know, in a threefold condition—dense, liquid, and gaseous—and each is acted upon directly from the corresponding cosmic plane. The condition of the various physical

Nếu ý tưởng này được mở rộng đến hệ mặt trời, sẽ thấy rõ rằng các vận cụ cảm dục của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau là khác nhau. Sự khác biệt này tất yếu tùy thuộc vào *đời sống cảm dục vũ trụ của Các Ngài, vốn trực tiếp ảnh hưởng đến cõi cảm dục hệ thống, hay cõi phụ lỏng của cõi hồng trần vũ trụ.* Đây là một điểm rất ít được nhận ra. Thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế tồn tại, như chúng ta biết, trong một tình trạng tam phân—đậm đặc, lỏng, và khí—và mỗi tình trạng đều bị tác động trực tiếp từ cõi vũ trụ tương ứng. Tình trạng của các hành tinh

planets will some day be found to be dependent upon this fact.

hồng trần khác nhau một ngày nào đó sẽ được thấy là tùy thuộc vào sự kiện này.

When the psychic nature of the planetary Logos is understood (which knowledge is entered upon after initiation, being a part of the Wisdom) the *nature* of the different schemes, as regards their watery aspect, for instance, will be found to be connected with a particular astral state. As the initiate progresses in wisdom, he intuitively comprehends the essential nature of the seven groups, or of the logoic Septenate, which is that concerning their colour or quality. This colour or quality is dependent upon the psychic nature of any particular planetary Logos, and His emotional or desire nature can thereby be somewhat studied by the initiate. This will lead eventually to a scientific consideration of the effect of this nature upon His dense physical body, and particularly that portion of it which we call the astral plane, the liquid sub-plane of the cosmic physical plane. A reflection of this (or a further working out, if that term is preferred) is found in the liquid portions of the physical planet.

Khi bản chất thông linh của Hành Tinh Thượng Đế được thấu hiểu (tri thức này được bước vào sau điểm đạo, vì là một phần của Minh triết) thì *bản chất* của các hệ hành tinh khác nhau, chẳng hạn về phương diện thủy tính của chúng, sẽ được thấy là có liên hệ với một trạng thái cảm dục đặc thù. Khi điểm đạo đồ tiến bộ trong minh triết, y thấu hiểu bằng trực giác bản chất cốt yếu của bảy nhóm, hay Thất Nguyên của Thượng đế, tức là điều liên quan đến màu sắc hay phẩm tính của chúng. Màu sắc hay phẩm tính này tùy thuộc vào bản chất thông linh của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào, và nhờ đó bản chất cảm xúc hay dục vọng của Ngài có thể phần nào được điểm đạo đồ nghiên cứu. Điều này cuối cùng sẽ dẫn đến một sự xem xét khoa học về ảnh hưởng của bản chất ấy lên thể xác đậm đặc của Ngài, và đặc biệt là phần của nó mà chúng ta gọi là cõi cảm dục, cõi phụ lỏng của cõi hồng trần vũ trụ. Một phản ánh của điều này (hay một sự triển khai thêm, nếu thích dùng thuật ngữ ấy) được tìm thấy trong các phần lỏng của hành tinh hồng trần.

The seventh subplane of the cosmic physical plane can be subdivided into seven, which are our seven physical [Page 675] subplanes. It is this knowledge which enables a magician to work. Given a certain physical phenomenon—such as the weight of water, for instance, upon a planet—and an initiate of the higher orders can form deductions from it as to the quality of the exalted Life manifesting through a plane. He arrives at this knowledge through a process of reasoning from the liquid (sixth) subplane of the systemic physical plane to:

Cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ có thể được chia thành bảy, tức là bảy cõi phụ hồng trần [Page 675] của chúng ta. Chính tri thức này giúp cho một nhà huyền thuật có thể hoạt động. Với một hiện tượng hồng trần nhất định—chẳng hạn như trọng lượng của nước trên một hành tinh—một điểm đạo đồ của các cấp cao hơn có thể suy luận từ đó về phẩm tính của Sự sống siêu việt đang biểu hiện qua một cõi. Y đạt đến tri thức này qua một tiến trình lý luận từ cõi phụ lỏng (thứ sáu) của cõi hồng trần hệ thống đến:

a. The liquid subplane of the cosmic physical, our systemic astral plane.

b. The fourth cosmic ether, the buddhic plane.

c. The second cosmic ether, the monadic plane, or the plane of the seven Heavenly Men.

d. The cosmic astral plane, thus getting in touch with the desire nature of the God.

This method naturally involves a vast knowledge of the deva substance and predicates an intuitive realisation of their orders and groups, the keynotes of those orders and of the planes, and also of the triple nature of substance and a knowledge of how to work with the third type of electrical force, which is the type of energy which puts a man in touch with extra-systemic phenomena. Hence that force still remains unknown, and is only contacted as yet by high Initiates.

It will again be apparent why the Agnisuryans are of such supreme importance; they embody force which is a direct emanation from the cosmic astral plane and which reveals—when triply blended—the desire nature of our Heavenly Man, and of any particular planetary Logos. In the two opposites, which are called by the theologians "Heaven and Hell," we have two of these types of force hinted at, and in this thought we have indicated one of the keys to the astral plane.

2. *Summary.* Before passing to the consideration of [Page 676] those devas who are concerned with the construction of man's causal body, and who are the linking

a. Cõi phụ lỏng của cõi hồng trần vũ trụ, tức cõi cảm dục hệ thống của chúng ta.

b. Dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề.

c. Dĩ thái vũ trụ thứ hai, cõi chân thần, hay cõi của bảy Đấng Thiên Nhân.

d. Cõi cảm dục vũ trụ, nhờ đó tiếp xúc với bản chất dục vọng của Thượng đế.

Phương pháp này dĩ nhiên bao hàm một tri thức rộng lớn về chất liệu thiên thần và giả định một sự chứng nghiệm trực giác về các đẳng cấp và nhóm của họ, các chủ âm của những đẳng cấp ấy và của các cõi, cũng như về bản chất tam phân của chất liệu và tri thức về cách hoạt động với loại mãnh lực điện thứ ba, là loại năng lượng đặt con người vào tiếp xúc với các hiện tượng ngoài hệ thống. Vì thế mãnh lực ấy vẫn còn chưa được biết đến, và cho đến nay chỉ được các điểm đạo đồ cao cấp tiếp xúc mà thôi.

Sẽ lại thấy rõ tại sao các Agnisuryan có tầm quan trọng tối thượng đến vậy; họ thể hiện mãnh lực là một phát xạ trực tiếp từ cõi cảm dục vũ trụ và là điều tiết lộ—khi được hòa trộn tam phân—bản chất dục vọng của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, và của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào. Trong hai đối cực, được các nhà thần học gọi là "Thiên Đàng và Địa Ngục," chúng ta có hai trong các loại mãnh lực này được ám chỉ đến, và trong tư tưởng này chúng ta có một trong những chìa khóa của cõi cảm dục.

2. *Tóm lược.* Trước khi chuyển sang xem xét [Page 676] những thiên thần liên quan đến việc kiến tạo thể nguyên nhân của con người, và là nhóm nối kết giữa Tam nguyên

group between the Triad and the Quaternary, both in man and the Logos, we will briefly enumerate the principal groups of Agnisuryans on the systemic astral plane, as they, in their totality, form the body of manifestation of the great deva or Raja-Lord of the plane.

tinh thần và Tứ nguyên, cả trong con người lẫn trong Thượng đế, chúng ta sẽ vắn tắt liệt kê các nhóm chính của các Agnisuryan trên cõi cảm dục hệ thống, vì trong tổng thể của họ, họ tạo thành thân thể biểu hiện của vị thiên thần lớn hay Raja-Chúa Tể của cõi ấy.

First. The Raja-Lord of the Plane, the great deva Varuna, Who is the central Life of the substance of the astral plane of our planetary scheme. He is Himself an outpost of the consciousness of that greater Deva Who embodies the substance of the solar astral plane, or the sixth subplane of the cosmic physical plane. He again in His turn reflects His prototype, that great cosmic Entity Who ensouls the cosmic astral plane.

Thứ nhất. Raja-Chúa Tể của Cõi, vị thiên thần lớn Varuna, là Sự sống trung tâm của chất liệu của cõi cảm dục trong hệ hành tinh của chúng ta. Chính Ngài là một tiền đồn của tâm thức của vị Thiên thần lớn hơn đang thể hiện chất liệu của cõi cảm dục thái dương, hay cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ. Đến lượt mình, Ngài lại phản chiếu nguyên mẫu của Ngài, tức Thực Thể vũ trụ vĩ đại đang phú linh cho cõi cảm dục vũ trụ.

Second. Seven great Devas, who are the positive force of each of the seven subplanes of the systemic astral plane.

Thứ hai. Bảy thiên thần lớn, là mãnh lực dương của mỗi một trong bảy cõi phụ của cõi cảm dục hệ thống.

Third. Various groups of devas, performing different functions carrying out varying activities, and producing constructive results. They might be enumerated as follows, bearing in mind the fact that we are but touching upon a few of the many groups, and that there are numbers whose name is utterly unknown to man and would be unintelligible if mentioned:

Thứ ba. Nhiều nhóm thiên thần khác nhau, thực hiện các chức năng khác nhau, tiến hành các hoạt động đa dạng, và tạo ra các kết quả kiến tạo. Có thể liệt kê họ như sau, đồng thời ghi nhớ sự kiện rằng chúng ta chỉ mới chạm đến một vài trong số rất nhiều nhóm, và rằng có nhiều nhóm mà con người hoàn toàn chưa biết tên gọi và sẽ không thể hiểu được nếu được nêu ra:

1. Those devas who form the permanent atomic substance of all the Monads, both in and out of physical incarnation. They are divided into seven groups according to the Ray of the Monad.

1. Những thiên thần tạo thành chất liệu nguyên tử trường tồn của mọi chân thần, cả đang lâm phàm lẫn không lâm phàm. Họ được chia thành bảy nhóm tùy theo cung của chân thần.

2. Those devas who form the "liquid" aspect in the physical body of the planetary Logos and of the solar Logos. They are myriads in number, and include deva existences ranging all the way from those who ensoul

2. Những thiên thần tạo thành phương diện "lưu chất" trong thể xác hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế. Họ có số lượng vô vàn, và bao gồm những sự tồn tại thiên thần trải dài từ những vị phú

the astral plane, and the astral currents of the highest religious and aspirational nature, to the little water [Page 677] spirits which are reflections of such astral entities precipitated in watery physical matter.

linh cho cõi cảm dục, và các dòng cảm dục có bản chất tôn giáo và chí nguyện cao nhất, cho đến những tinh linh nước nhỏ bé [Page 677] là những phản ánh của các thực thể cảm dục như thế được ngưng tụ trong vật chất hồng trần thuộc nước.

3. A group of devas, who form the desire body of that great entity who ensouls the animal kingdom. They are the total kamic manifestation (divorced from mentality) of animal desire in its incentive impulsive aspect.

3. Một nhóm thiên thần tạo thành thể dục vọng của thực thể vĩ đại đang phú linh cho giới động vật. Họ là biểu hiện kama toàn bộ (tách rời khỏi trí tuệ) của dục vọng động vật trong phương diện xung lực thúc đẩy của nó.

4. Certain devas who—being of the third order—form the Heaven of the average orthodox Christian or believer of any faith. Another group—being the seventh order—form the Hell for the same class of thinker.

4. Một số thiên thần nhất định—vì thuộc bậc thứ ba—tạo thành cõi thượng thiên của người Ki-tô hữu chính thống trung bình hay của tín đồ thuộc bất kỳ đức tin nào. Một nhóm khác—vì thuộc bậc thứ bảy—tạo thành Địa ngục cho cùng hạng người suy tưởng ấy.

5. Those devas who form the astral life of any thought-form. These we will deal with later when studying thought-form construction.

5. Những thiên thần tạo thành sự sống cảm dục của bất kỳ Hình tư tưởng nào. Chúng ta sẽ bàn đến các vị này sau, khi nghiên cứu việc kiến tạo hình tư tưởng.

6. A mysterious group of devas intimately connected at this time with the sex expression in the human family on the physical plane. They are a group who are, at this juncture, swept into being, and they embody the fire of sex expression as we understand it. They are the impulse, or instinct, back of physical sex desire. They were peculiarly dominant in the fourth root-race, at which time sex conditions reached a stage of unbelievable horror from our point of view. They are gradually being controlled, and when the last of the Lemurian Egos has passed into the fifth root-race they will be slowly passed out of the solar system altogether. They are connected with the passional "fire" of the solar Logos and with

6. Một nhóm thiên thần huyền bí có liên hệ mật thiết vào lúc này với sự biểu lộ tính dục trong gia đình nhân loại trên cõi hồng trần. Họ là một nhóm hiện đang được cuốn vào hiện hữu ở bước ngoặt này, và họ thể hiện lửa của sự biểu lộ tính dục như chúng ta hiểu nó. Họ là xung lực, hay bản năng, đứng sau dục vọng tính dục hồng trần. Họ đặc biệt chiếm ưu thế trong giống dân gốc thứ tư, vào thời kỳ mà các điều kiện tính dục đã đạt đến một giai đoạn kinh hoàng không thể tin nổi theo quan điểm của chúng ta. Họ đang dần dần bị kiểm soát, và khi chân ngã cuối cùng của Lemuria đã chuyển sang giống dân gốc thứ năm thì họ sẽ từ từ bị loại ra khỏi hệ mặt trời hoàn toàn. Họ có liên hệ với "lửa" đam mê của Thái dương Thượng đế và đặc biệt

one of His centres in particular; this centre is being gradually obscured and its fire transferred into a higher centre.

với một trong các trung tâm của Ngài; trung tâm này đang dần dần bị che mờ và lửa của nó được chuyển dịch vào một trung tâm cao hơn.

7. There is also a group of devas connected with the Lodge of Masters, whose work it is to build the aspirational forms towards which average man may aspire. They are divided into certain groups—three in number—connected with science, religion and philosophy, and through these groups of deva substance the Heads of the three departments reach men. It is one of Their [Page 678] channels for work. The Master Jesus is particularly active at this time along this line, working in collaboration with certain adepts on the scientific line, who—through the desired union of science and religion—seek to shatter the materialism of the west on the one hand and on the other the sentimental devotion of the many devotees of all faiths. This is made possible now through the passing out of the sixth Ray and the coming in of the seventh. It should be borne in mind by all students when considering the planes, plane substance and energy that they are in a condition of flux and change all the time. The matter of all planes circulates, and cyclically certain portions become more energised than others; the matter of the planes is thus under a threefold influence, or —to word it otherwise—deva substance is subjected to a threefold cyclic stimulation:

7. Cũng có một nhóm thiên thần liên hệ với Thánh đoàn các Chân sư, mà công việc của họ là kiến tạo những hình tướng chí nguyện mà con người trung bình có thể khát vọng hướng tới. Họ được chia thành một số nhóm nhất định—ba nhóm—liên hệ với khoa học, tôn giáo và triết học, và thông qua các nhóm chất liệu thiên thần này, các Đấng đứng đầu ba ban tiếp cận con người. Đó là một trong những [Page 678] kênh hoạt động của Các Ngài. Đức Jesus đặc biệt hoạt động mạnh vào lúc này theo đường lối này, cộng tác với một số chân sư trên đường lối khoa học, những vị —thông qua sự hợp nhất mong muốn giữa khoa học và tôn giáo—tìm cách phá tan chủ nghĩa duy vật của phương Tây một mặt, và mặt khác là lòng sùng tín cảm tính của nhiều tín đồ tận tụy thuộc mọi đức tin. Điều này hiện nay có thể thực hiện được nhờ cung sáu đang rút đi và cung bảy đang đi vào. Mọi đạo sinh cần ghi nhớ khi xem xét các cõi, chất liệu cõi và năng lượng rằng chúng luôn ở trong tình trạng lưu chuyển và biến đổi. Vật chất của mọi cõi tuần hoàn, và theo chu kỳ một số phần nhất định trở nên được tiếp năng lượng hơn những phần khác; vì thế vật chất của các cõi ở dưới một ảnh hưởng tam phân, hay—nói cách khác—chất liệu thiên thần chịu một sự kích thích chu kỳ tam phân:

1. *Ray stimulation,* dependent upon any Ray being in or out of power. It is inter-systemic and planetary.

1. *Kích thích cung,* tùy thuộc vào việc một cung nào đó đang ở trong hay ngoài quyền lực. Nó có tính liên-hệ-mặt-trời và hành tinh.

2. *Zodiacal stimulation,* which is an extra-systemic stimulation, and is also cosmic and cyclic.

2. *Kích thích hoàng đạo,* là một kích thích ngoài-hệ, đồng thời cũng có tính vũ trụ và chu kỳ.

3. *Solar stimulation,* or the impact of direct solar force or energy upon the substance of a plane; this emanates from the "Heart of the Sun" and is peculiarly potent.

3. *Kích thích thái dương,* hay sự tác động của mãnh lực hay năng lượng thái dương trực tiếp lên chất liệu của một cõi; điều này phát ra từ "Trái Tim của Mặt Trời" và đặc biệt mãnh liệt.

All the planes are subjected to this threefold influence but in the case of the buddhic and the astral planes, the force of this third stimulation is very great. The adepts—working in conjunction with the great devas—utilise cyclic opportunity to effect definitely constructive results.

Mọi cõi đều chịu ảnh hưởng tam phân này nhưng trong trường hợp cõi Bồ đề và cõi cảm dục, mãnh lực của sự kích thích thứ ba này rất lớn. Các chân sư—làm việc phối hợp với các thiên thần vĩ đại—sử dụng cơ hội chu kỳ để tạo ra những kết quả có tính kiến tạo rõ rệt.

8. A group of devas closely connected with the mysteries of initiation. They form what is esoterically called the "path of the Heart," and are the bridge between the astral and the buddhic planes. They are in no way [Page 679] connected with the permanent atoms in the causal body, but are very definitely associated with the central tier of petals in the egoic lotus, or with the "petals of love." Force interacts between these three petals on the one hand, and the devas who form the "Path of the Heart" upon the other, those who are the bridge of astral-buddhic matter whereby initiates of a certain mystic type make the "great approach."

8. Một nhóm thiên thần có liên hệ chặt chẽ với các huyền nhiệm của điểm đạo. Họ tạo thành điều được gọi một cách huyền bí là "con đường của Trái Tim," và là cây cầu giữa cõi cảm dục và cõi Bồ đề. Họ hoàn toàn không [Page 679] liên hệ với các Nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân, nhưng lại rất rõ ràng gắn liền với hàng cánh hoa trung tâm trong Hoa Sen Chân Ngã, hay với "các cánh hoa bác ái." Mãnh lực tương tác giữa ba cánh hoa này một mặt, và các thiên thần tạo thành "Con Đường của Trái Tim" mặt khác, tức những vị là cây cầu của chất liệu cảm dục-Bồ đề nhờ đó các điểm đạo đồ thuộc một loại thần bí nhất định thực hiện "cuộc tiếp cận vĩ đại."

9. Devas of all degrees and vibratory capacity who make up the bulk of the desire forms of every kind.

9. Các thiên thần thuộc mọi cấp độ và khả năng rung động tạo nên phần lớn các hình tướng dục vọng thuộc mọi loại.

10. The devas of transmutative force. They are a peculiar group of devas who embody the "fires of transmutation" and are called by various names, such as:

10. Các thiên thần của mãnh lực chuyển hoá. Họ là một nhóm thiên thần đặc biệt thể hiện "những ngọn lửa chuyển hoá" và được gọi bằng nhiều tên khác nhau, như:

The furnaces of purifications.

Những lò thanh luyện.

The melting elements.

Những nguyên tố nung chảy.

The gods of incense.

Những vị thần của hương trầm.

It is impossible to enumerate more now, and likewise profitless and it has only been deemed advisable to bring these many types of deva substance to the notice of students on account of the pre-eminent importance of the astral body in the three worlds. It is by the domination of these deva lives, and the "transmutation of desire" into aspiration, and by the purificatory fires of the astral plane that man eventually succeeds in attaining buddhic consciousness.

Hiện giờ không thể liệt kê thêm, và cũng không ích lợi; chỉ thấy nên lưu ý cho đạo sinh về nhiều loại chất liệu thiên thần này vì tầm quan trọng nổi bật của thể cảm dục trong ba cõi thấp. Chính nhờ sự chế ngự các sự sống thiên thần này, và nhờ "sự chuyển hoá dục vọng" thành khát vọng, cùng nhờ những ngọn lửa thanh luyện của cõi cảm dục mà con người cuối cùng thành công trong việc đạt đến tâm thức Bồ đề.

It has been the recognition of the cleansing power of the occult fluids—water and blood—that has led to the emphasis laid by Christians (even though erroneously interpreted) upon these two.

Chính sự công nhận quyền năng thanh tẩy của các lưu chất huyền bí—nước và máu—đã dẫn đến sự nhấn mạnh mà người Ki-tô hữu đặt lên hai điều này (dù được giải thích sai lạc).

S6S9

3. The Solar Angels, The Agnishvattas. — 3. Các Thái dương Thiên Thần, Các Agnishvatta.

Introductory Remarks.

Nhận xét mở đầu.

We start here upon the consideration of the Agnishvattas, or the Fire devas of the mental plane, and are [Page 680] thus launched upon the most stupendous subject in connection with our planetary evolution; it is the one having the most occult significance for man, for these solar Angels (219) concern his own essential nature, and are also the creative power by which he works.

Ở đây chúng ta bắt đầu xem xét các Agnishvatta, hay các thiên thần Lửa của cõi trí, và [Page 680] như thế bước vào chủ đề kỳ vĩ nhất liên quan đến tiến hoá hành tinh của chúng ta; đó là chủ đề có ý nghĩa huyền bí sâu xa nhất đối với con người, vì các Thái dương Thiên Thần này (219) liên quan đến chính bản chất cốt yếu của y, và cũng là quyền năng sáng tạo nhờ đó y hoạt động.

(219) Solar angels are therefore entities of a high spiritual order—with a refined consciousness that corresponds to the

(219) Vì vậy, các thái dương thiên thần là những thực thể thuộc một trật tự tinh thần cao—với một tâm thức tinh luyện tương ứng

material substance in which they are clothed. In order to connect this with what I have said already, you may consider the solar angels as collectively forming the Lord Brahma of the lotus isle. The angels are called by various names as planetary spirits, Asuras, etc., but in order to get a proper idea of their nature, you may consider them as standing in the same relation to the spiritually regenerated and released world Brahmins or the Nirmanakayas as these stand to the ordinary humanity. The angels were such Brahmins in previous Mahamanvantaras, who spent those enormous periods in suffering and toil for the sake of rearing wisdom in the world and hence they emerged as angels from the infinite womb of Aditi under their karmic impulse after a period of Mahapralaya.—*Some Thoughts on the Gita*, page 137. (back)

với chất liệu vật chất mà họ khoác lấy. Để nối điều này với những gì tôi đã nói trước đây, bạn có thể xem các thái dương thiên thần như cùng nhau tạo thành Đức Brahma của đảo hoa sen. Các thiên thần được gọi bằng nhiều tên khác nhau như các tinh thần hành tinh, Asura, v.v., nhưng để có được một ý niệm đúng đắn về bản chất của họ, bạn có thể xem họ như có cùng một tương quan với các Brahmin thế giới đã được tái sinh tinh thần và giải thoát hay các Nirmanakaya, như tương quan của các vị này với nhân loại bình thường. Các thiên thần đã từng là những Brahmin như thế trong các Đại giai kỳ sinh hóa trước kia, những vị đã trải qua các thời kỳ mênh mông ấy trong đau khổ và lao nhọc vì mục đích nuôi dưỡng minh triết trong thế gian, và do đó họ xuất hiện như các thiên thần từ lòng vô tận của Aditi dưới xung lực nghiệp quả của mình sau một thời kỳ Đại giai kỳ qui nguyên.—*Một vài tư tưởng về Gita*, trang 137. (back)

For all practical purposes, and for the elucidation of the spiritual evolution of man, this immediate section is of the greatest interest and importance; it should be one of the most widely studied sections of this treatise. Man is ever profoundly interested in himself, and before he can duly develop must comprehend *scientifically* the laws of his own nature, and the constitution of his own "mode of expression." He must realise likewise somewhat of the inter-relation of the three fires in order that he may himself at some future date "blaze forth."

Vì mọi mục đích thực tiễn, và để làm sáng tỏ sự tiến hoá tinh thần của con người, phần này có sức hấp dẫn và tầm quan trọng lớn lao nhất; nó nên là một trong những phần được nghiên cứu rộng rãi nhất của bộ luận này. Con người luôn luôn quan tâm sâu sắc đến chính mình, và trước khi có thể phát triển đúng mức, y phải thấu hiểu *một cách khoa học* các định luật của bản chất riêng của y, và cấu tạo của "phương thức biểu lộ" riêng của y. Y cũng phải nhận biết phần nào mối tương quan giữa ba ngọn lửa để rồi chính y vào một ngày nào đó trong tương lai có thể "bừng cháy."

The question of these Fire Dhyanis and their relation to man is a most profound mystery, and the entire matter is so clothed in intricate legends that students are apt to despair of ever arriving at the desired, and necessary clarity of thought. Not yet will it

Vấn đề về các Hỏa Dhyani này và mối liên hệ của họ với con người là một huyền nhiệm hết sức sâu xa, và toàn bộ vấn đề được bao phủ trong những truyền thuyết rắc rối đến mức các đạo sinh dễ mất hy vọng về khả năng đạt được sự sáng tỏ tư tưởng cần thiết

be possible entirely to dispel the clouds which veil the central mystery, but perhaps, by due tabulation and synthesis, and by a cautious amplification of the data already imparted, the thoughts of the wise student may become somewhat less confused.

và mong muốn. Chưa thể hoàn toàn xua tan những đám mây che phủ huyền nhiệm trung tâm, nhưng có lẽ, bằng cách lập bảng và tổng hợp thích đáng, cùng bằng sự khai triển thận trọng dữ kiện đã được truyền dạy, tư tưởng của đạo sinh minh triết có thể bớt phần nào rối rắm.

There are two statements in the *Secret Doctrine* which are often overlooked by the casual reader but which, if [Page 681] duly pondered upon, convey much information. Let us make note of these two statements:

Có hai phát biểu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* thường bị độc giả thông thường bỏ qua nhưng nếu [Page 681] được suy ngẫm đúng mức, sẽ chuyển tải nhiều thông tin. Chúng ta hãy lưu ý hai phát biểu này:

1. Two connecting principles are needed. This requires a living spiritual Fire of the middle principle from the Fifth and third states of Pleroma. This fire is the possession of the Triangles.

1. Cần có hai nguyên khí nối kết. Điều này đòi hỏi một Lửa tinh thần sống động của nguyên khí trung gian từ trạng thái thứ năm và thứ ba của Pleroma. Lửa này là sở hữu của các Tam Giác.

2. These Beings are Nirvanis from a preceding Mahamanvantara.

2. Các Đấng này là các nirvani từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó.

We have been considering somewhat the devas of evolutionary tendency who are grouped roughly together as the lunar Pitris. (220)

Chúng ta đã phần nào xem xét các thiên thần có khuynh hướng tiến hoá được gom lại một cách khái quát dưới tên thái âm tổ phụ. (220)

(220) The Lunar Pitris are all Nature Spirits. —S. D., II, 107.

(220) Các thái âm tổ phụ đều là tinh linh tự nhiên.—S. D., II, 107.

1. They possess, or are the containers of the fire of the third aspect.—S. D., II, 81.

1. Họ sở hữu, hay là những vật chứa của lửa thuộc phương diện thứ ba.—S. D., II, 81.

2. Their work precedes that of the Solar Angels.—S. D., I, 268.

2. Công việc của họ đi trước công việc của các Thái dương Thiên Thần.—S. D., I, 268.

3. They exist in seven classes as do the Solar Angels.—S. D., II, 96.

3. Họ tồn tại trong bảy loại cũng như các Thái dương Thiên Thần.—S. D., II, 96.

a. Three incorporeal, which are the three elemental kingdoms of nature, providing

man with his etheric, astral and mental bodies.

a. Ba loại vô thể, là ba giới hành khí của thiên nhiên, cung cấp cho con người thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí.

b. Four corporeal which are the forms of the four kingdoms of nature.—S. D., II, 93.

b. Bốn loại hữu thể là các hình tướng của bốn giới của thiên nhiên.—S. D., II, 93.

c. See S. D., II, 233. (back)

c. Xem S. D., II, 233. (back)

These lunar Pitris are divided into four groups and are concerned with the building of man's dual physical body, with his astral body and with his lower mental body; these sheaths are energised by their force through the medium of the permanent atoms. But for the purposes of the subjective nature of man, they are to be considered in their three groups—etheric, astral and lower mental. The work of the Agnishvattas (the self-conscious principles, the Builders or constructors of the egoic body on the higher mental levels) is to unite the higher three principles—atma, buddhi, manas—and the lower three, and thus become in very truth the middle principle in man. They themselves originate from the logoic middle principle. *(S. D., II, 83.)* Thus the esoteric seven is completed. The physical body in its denser manifestation is, as we know, not esoterically considered a principle.

Các thái âm tổ phụ này được chia thành bốn nhóm và liên hệ đến việc xây dựng thể xác hồng trần kép của con người, thể cảm dục của y và thể hạ trí của y; mãnh lực của họ tiếp năng lượng cho các vỏ bọc này thông qua các Nguyên tử trường tồn. Nhưng đối với mục đích của bản chất chủ quan của con người, họ phải được xét trong ba nhóm của mình—dĩ thái, cảm dục và hạ trí. Công việc của các Agnishvatta (các nguyên khí ngã thức, các Đấng kiến tạo hay cấu tạo thể chân ngã trên các cấp độ thượng trí) là hợp nhất ba nguyên khí cao hơn—atma, Bồ đề, manas—và ba nguyên khí thấp hơn, và như thế thực sự trở thành nguyên khí trung gian trong con người. Chính họ phát sinh từ nguyên khí trung gian của Thượng đế. *(S. D., II, 83.)* Như vậy bộ bảy huyền bí được hoàn tất. Thể xác hồng trần trong biểu hiện đậm đặc hơn của nó, như chúng ta biết, không được xem là một nguyên khí theo nghĩa huyền bí.

The devas of the lower mental levels in relation to [Page 682] man work through the mental unit, and are, roughly speaking, divided into four groups, being in fact the first condensation of the threefold lower body of man. They form part of his lunar body. They are directly linked with the highest spiritual essences, and represent the lowest manifestation of force emanating from the cosmic mental plane, and finding its link with the human Hierarchy through the mental units. They are the gaseous devas

Các thiên thần của các cấp độ hạ trí trong liên hệ với [Page 682] con người hoạt động thông qua đơn vị hạ trí, và nói khái quát được chia thành bốn nhóm, thực ra là sự cô đọng đầu tiên của thân thể thấp tam phân của con người. Họ tạo thành một phần của thể thái âm của y. Họ được nối kết trực tiếp với các tinh chất tinh thần cao nhất, và biểu hiện sự biểu lộ thấp nhất của mãnh lực phát ra từ cõi trí vũ trụ, đồng thời tìm thấy mối liên hệ của nó với Huyền Giai nhân loại thông qua các đơn vị hạ trí. Họ là các thiên

of the logoic physical body. We will not deal with them in greater detail at this moment for as we study the subject of the fifth principle certain points will become clearer; their work in connection with man can be enlarged upon as we proceed. More detail at this moment would but serve to complicate.

thần thể khí của thể xác Thượng đế. Chúng ta sẽ không bàn chi tiết hơn về họ vào lúc này vì khi nghiên cứu chủ đề nguyên khí thứ năm, một số điểm sẽ trở nên sáng tỏ hơn; công việc của họ liên hệ với con người có thể được khai triển thêm khi chúng ta tiếp tục. Chi tiết hơn vào lúc này chỉ làm cho vấn đề thêm phức tạp.

Let us be quite clear in our minds just what we are in process of considering. We are dealing with:

Chúng ta hãy thật rõ trong tâm trí mình về chính điều mà chúng ta đang xem xét. Chúng ta đang bàn đến:

1. That fifth state of consciousness called the mental plane,

1. Trạng thái tâm thức thứ năm gọi là cõi trí,

2. The substance of that plane as it exists in its dual aspect, rupa and arupa, (222)

2. Chất liệu của cõi ấy như nó tồn tại trong phương diện kép của nó, rupa và arupa, (222)

(222) For rupa and arupa definitions see pages 615, 616. (back)

(222) Về định nghĩa rupa và arupa xem các trang 615, 616. (back)

3. The lives who ensoul that matter, especially in their relation to man,

3. Các sự sống phú linh cho vật chất ấy, đặc biệt trong mối liên hệ của chúng với con người,

4. The Egos or the self-conscious units who form the middle point in manifestation,

4. Các Chân ngã hay các đơn vị ngã thức tạo thành điểm trung gian trong biểu hiện,

5. The building of the causal body, the opening of the egoic Lotus, and the construction of those groups we call egoic groups,

5. Việc xây dựng thể nguyên nhân, sự khai mở Hoa Sen Chân Ngã, và sự kiến tạo những nhóm mà chúng ta gọi là các nhóm chân ngã,

6. The individuality of those Existences whom we call:

6. Cá thể tính của những Sự Tồn Tại mà chúng ta gọi là:

a. Agnishvattas.

a. Agnishvatta.

b. Manasa devas.

b. Các thiên thần manas.

c. Fire dhyanis.

d. Solar angels, or solar Pitris.

e. The Asuras.

and many other names mentioned in the occult books.

[Page 683] Much confusion exists in the minds of students as to the distinction between the Agnishvattas who incarnated in man, and those who simply were responsible for the implanting of the manasic or mental spark in animal man. This opens up for us the entire question of individualisation itself, and the incarnation of certain spiritual existences who—when in bodily form—are spoken of as Avatars, as Buddhas of Activity, or as direct manifestations of the Logos. The entire mystery is hidden in the relationship of the individual Monads who form the various centres in the body of a planetary Logos and the self-conscious Identity of that planetary Logos Himself. The student must here bear in mind the fact that the mental plane is the first aspect of the *dense* physical body of the planetary Logos, the buddhic plane being a cosmic etheric plane, and the one whereon are to be found the etheric centres of a Heavenly Man.

From the buddhic plane (in a planetary or solar sense) comes the vitality and impulse which galvanises the dense physical vehicle into purposeful and coherent action; it is on the mental plane, therefore, that this impulse is first felt and the contact between the two realised. Herein lies a hint which will serve a purpose if pondered upon. The student should study the place and purpose

c. Hỏa dhyani.

d. Các thái dương thiên thần, hay thái dương tổ phụ.

e. Các Asura.

và nhiều tên khác nữa được nhắc đến trong các sách huyền bí học.

[Page 683] Có rất nhiều nhầm lẫn trong tâm trí các đạo sinh về sự phân biệt giữa các Agnishvatta đã nhập thể vào con người, và những vị chỉ đơn thuần chịu trách nhiệm cấy vào tia lửa manas hay trí tuệ trong người thú. Điều này mở ra cho chúng ta toàn bộ vấn đề về chính biệt ngã hóa, và sự nhập thể của một số sự tồn tại tinh thần mà—khi ở trong hình hài thể xác—được nói đến như các Đấng Hoá Thân, như các Đức Phật Hoạt Động, hay như những biểu lộ trực tiếp của Thượng đế. Toàn bộ huyền nhiệm được ẩn giấu trong mối liên hệ giữa các chân thần cá biệt tạo thành các trung tâm khác nhau trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế và chủ thể hữu ngã thức của chính Hành Tinh Thượng Đế ấy. Ở đây đạo sinh phải ghi nhớ sự kiện rằng cõi trí là phương diện đầu tiên của thể xác hồng trần *đậm đặc* của Hành Tinh Thượng Đế, còn cõi Bồ đề là một cõi dĩ thái vũ trụ, và là cõi nơi có thể tìm thấy các trung tâm dĩ thái của một Đấng Thiên Nhân.

Từ cõi Bồ đề (theo nghĩa hành tinh hay thái dương) phát ra sinh lực và xung lực làm cho vận cụ hồng trần đậm đặc vận hành một cách có mục đích và nhất quán; vì vậy chính trên cõi trí mà xung lực này được cảm nhận đầu tiên và sự tiếp xúc giữa hai cõi được chứng nghiệm. Chính trong đây có một gợi ý sẽ hữu ích nếu được suy ngẫm. Đạo sinh nên nghiên cứu vị trí và mục đích của cõi trí, và

of the mental plane, and its relation to the planetary Logos and a solar Logos. As he investigates more closely the nature of his own etheric body, he must extend that knowledge to higher levels, and must endeavour to comprehend the constitution of the greater sphere of which he is but a part. As the nature of his own centres, and their effective action upon his own dense physical body, is better understood, he will pass to a fuller comprehension of the corresponding effect in the body of the Logos.

mối liên hệ của nó với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế. Khi y khảo sát kỹ hơn bản chất của thể dĩ thái riêng của mình, y phải mở rộng tri thức ấy lên các cấp độ cao hơn, và phải cố gắng thấu hiểu cấu tạo của khối cầu lớn hơn mà y chỉ là một phần. Khi bản chất của các trung tâm riêng của y, và tác động hữu hiệu của chúng lên thể xác hồng trần đậm đặc của y được hiểu rõ hơn, y sẽ tiến đến sự thấu hiểu đầy đủ hơn về hiệu quả tương ứng trong thân thể của Thượng đế.

It is on the mental plane (the reflection in the three worlds of the third and fifth states of Pleroma), that the full force of etheric vitality is felt. A hint as to the [Page 684] significance of this may be found in the fact that the etheric body of man receives, and transmits prana directly to the physical body, and that the vitality of the physical frame is to be gauged largely by the condition and action of the heart. The heart circulates vitality to the myriads of cells that constitute the dense physical sheath; something analogous is seen in the fact that these fire devas are "the Heart of the Dhyan chohanic body," (223) for their energy comes from the spiritual sun, in the same sense that the energy of the pranic devas of the etheric body comes from the physical sun. This energy of the Agnishvattas manifests on the mental plane, the gaseous subplane of the cosmic physical just as the energy of the etheric centres on the fourth etheric subplane manifests first and potently on the gaseous matter of the physical body. This is why the Sons of Wisdom, embodying the buddhic principle, the life force, or love aspect, are nevertheless known on the fifth plane as the self-conscious principles; buddhi uses manas as a vehicle, and occult writers often speak in terms of the vehicle. The Ego, or the self-conscious Identity is in

Chính trên cõi trí (sự phản ánh trong ba cõi giới của các trạng thái thứ ba và thứ năm của Pleroma), mà toàn bộ mãnh lực của sinh lực dĩ thái được cảm nhận. Một gợi ý về [Page 684] ý nghĩa của điều này có thể được tìm thấy trong sự kiện rằng thể dĩ thái của con người tiếp nhận và truyền prana trực tiếp đến thể xác hồng trần, và rằng sinh lực của thân thể hồng trần phần lớn được đo bằng tình trạng và hoạt động của tim. Tim luân chuyển sinh lực đến vô số tế bào cấu thành vỏ bọc hồng trần đậm đặc; một điều tương tự được thấy trong sự kiện rằng các thiên thần lửa này là "Trái Tim của thân thể Dhyan Chohan," (223) vì năng lượng của họ đến từ mặt trời tinh thần, theo cùng ý nghĩa mà năng lượng của các thiên thần prana của thể dĩ thái đến từ mặt trời hồng trần. Năng lượng này của các Agnishvatta biểu lộ trên cõi trí, cõi phụ thể khí của cõi hồng trần vũ trụ, cũng như năng lượng của các trung tâm dĩ thái trên cõi phụ dĩ thái thứ tư biểu lộ trước tiên và mạnh mẽ trên vật chất thể khí của thể hồng trần. Đây là lý do vì sao các Con của Minh Triết, thể hiện nguyên khí Bồ đề, mãnh lực sự sống, hay phương diện bác ái, tuy vậy vẫn được biết đến trên cõi thứ năm như các nguyên khí ngã thức; Bồ đề dùng manas như một vận cụ, và các tác giả huyền bí học thường nói theo thuật ngữ của vận cụ. Chân ngã, hay chủ thể hữu ngã thức, về bản

essence and in truth Love-Wisdom, but manifests primarily as intelligent consciousness.

chất và chân lý là Bác Ái – Minh Triết, nhưng biểu lộ chủ yếu như tâm thức thông tuệ.

(223) This name is given to them in the Secret Doctrine, Volume II, page 96.initions see pages 615, 616. (back)

(223) Tên gọi này được dành cho họ trong Giáo Lý Bí Nhiệm, Quyển II, trang 96.initions see pages 615, 616. (back)

We should endeavor to study carefully the following statement which is concerned with kama-manas, and which deals with the conditions which produce individualisation, or which call forth into self-conscious Being the Monads seeking full self-expression. It is as follows:

Chúng ta nên cố gắng nghiên cứu cẩn thận phát biểu sau đây liên quan đến kama-manas, và bàn đến các điều kiện tạo ra biệt ngã hóa, hay gọi các chân thần đang tìm kiếm sự tự biểu lộ trọn vẹn đi vào sự hiện hữu hữu ngã thức. Phát biểu ấy như sau:

Only as the heart centre of a Heavenly Man (each in His cycle and each differing cyclically) becomes vitalised and attains a certain vibratory capacity does the individualisation of the Monads become possible under the Law.

Chỉ khi trung tâm tim của một Đấng Thiên Nhân (mỗi vị trong chu kỳ của Ngài và mỗi vị khác nhau theo chu kỳ) được tiếp sinh lực và đạt đến một khả năng rung động nhất định thì biệt ngã hóa của các chân thần mới trở nên khả hữu dưới Định luật.

Again, it is only as the threefold dense physical body of a planetary Logos (as expressed by our three worlds, the mental, astral and dense physical planes) has reached [Page 685] a corresponding vibration and retraced the cyclic development of the previous mahamanvantara, that there is produced that vibratory contact which causes the shining out upon the mental plane of the egoic groups. It brings forth a manifestation of the heart impulses of the Heavenly Man, and thus swings into objectivity those Monads (energised by the life of the Heart) who form various centres. The old Commentary says:

Lại nữa, chỉ khi thể xác hồng trần đậm đặc tam phân của một Hành Tinh Thượng Đế (như ba cõi giới của chúng ta biểu lộ, cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần đậm đặc) đã đạt đến [Page 685] một rung động tương ứng và lần theo lại sự phát triển chu kỳ của đại giai kỳ sinh hóa trước đó, thì sự tiếp xúc rung động gây ra sự chiếu sáng của các nhóm chân ngã trên cõi trí mới được tạo ra. Nó làm xuất hiện một biểu lộ của các xung lực tim của Đấng Thiên Nhân, và như thế đưa vào khách quan tính những chân thần ấy (nhận năng lượng từ sự sống của Trái Tim) vốn tạo thành các trung tâm khác nhau. Cổ Luận nói:

"When the Heart of the Body throbs with spiritual energy, when its sevenfold content thrills under the spiritual impulse, then the currents spread and circulate and divine

"Khi Trái Tim của Thân thể rung động với năng lượng tinh thần, khi nội dung thất phân của nó rung lên dưới xung lực tinh thần, khi ấy các dòng chảy lan tỏa và tuần

manifestation becomes a Reality; the divine Man incarnates."

hoàn và biểu lộ thiêng liêng trở thành một Thực Tại; Con Người thiêng liêng nhập thể."

The physical plane analogy is seen at the life stimulation which is felt between the third and fourth month during the prenatal period, when the heart of the child thrills with life and individual existence becomes a possibility.

Sự tương đồng trên cõi hồng trần được thấy trong sự kích thích sự sống được cảm nhận giữa tháng thứ ba và thứ tư trong thời kỳ tiền sản, khi tim của đứa trẻ rung lên với sự sống và sự tồn tại cá biệt trở thành một khả năng.

This life vibration emanates from the soul of the mother (the correspondence to the Pleroma or universal soul) and is coincident with the awakening of the third spirilla in the permanent physical atom of the infant. It must be borne in mind that just as in each round all the preceding stages are rapidly recapitulated, and just as in the prenatal period the foetus recapitulates during the formative process the history of the preceding kingdoms, so in the solar system a similar procedure can be seen. When a certain point is reached and the lower three planes are vibrating, or energised, then cosmic incarnation becomes a possibility; the "Heart" occultly awakens, and the "Son of God," the expression of the desire and love of the Logos, is born. (224, 225)

Rung động sự sống này phát ra từ linh hồn của người mẹ (sự tương ứng với Pleroma hay đại hồn vũ trụ) và trùng hợp với sự thức tỉnh của loa tuyến thứ ba trong Nguyên tử trường tồn hồng trần của đứa trẻ. Cần ghi nhớ rằng cũng như trong mỗi cuộc tuần hoàn tất cả các giai đoạn trước đó đều được lặp lại nhanh chóng, và cũng như trong thời kỳ tiền sản bào thai lặp lại trong tiến trình hình thành lịch sử của các giới trước đó, thì trong hệ mặt trời cũng có thể thấy một tiến trình tương tự. Khi đạt đến một điểm nhất định và ba cõi thấp đang rung động, hay được tiếp năng lượng, thì sự nhập thể vũ trụ trở thành một khả năng; "Trái Tim" thức tỉnh theo nghĩa huyền bí, và "Con của Thượng đế," biểu lộ của dục vọng và bác ái của Thượng đế, được sinh ra. (224, 225)

(224) Compare S. D., I, 203; II, 108, 122, 279. (back)

(224) So sánh S. D., I, 203; II, 108, 122, 279. (back)

25: These three planes are the correspondences to the three lower spirillae in the physical permanent atom of the solar Logos and the planetary Logos.

25: Ba cõi này là những tương ứng với ba loa tuyến thấp trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế.

The cosmic incarnation of certain exalted Beings is consummated, and one of the indications of this is the appearance of the egoic groups [Page 686] on mental levels, and the resultant individualisation. Method and time may vary according to the nature of any particular planetary Logos, but for

Sự nhập thể vũ trụ của một số Đấng cao cả được hoàn tất, và một trong những dấu hiệu của điều này là sự xuất hiện của các nhóm chân ngã [Page 686] trên các cấp độ trí tuệ, và kết quả là biệt ngã hóa. Phương pháp và thời gian có thể thay đổi tùy theo bản chất của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế riêng biệt

each and all the "Heart of the Body" has to thrill with awakening life before the response comes from the lower. The lunar Pitris have to carry on their work in our scheme and system before the solar angels, thrilling with expectancy, take possession of the forms prepared through their endeavour, and stimulate them into self-conscious life and separated existence. Thus the four great schemes in the solar system, which are the vehicles for four of the planetary Logoi (Who constitute the logoic Quaternary), have to reach a certain stage of vibratory capacity, and of consciousness before a similar happening occurs in its fullness in the solar system, and the lower four and higher three are synthesised. The logoic heart is thrilling, and response comes already from all the schemes, as three spirillae are vibrating in all of them, but the Son of God is not yet fully and cosmically self-conscious. As response comes the centres awaken. One logoic centre is responding fully to the heart stimulation, and that is Venus, who is passing through the final round.

nào, nhưng đối với mỗi vị và tất cả các vị, "Trái Tim của Thân thể" phải rung lên với sự sống thức tỉnh trước khi đáp ứng đến từ phần thấp. Các thái âm tổ phụ phải tiếp tục công việc của họ trong hệ hành tinh và hệ thống của chúng ta trước khi các thái dương thiên thần, rung lên với sự mong đợi, chiếm lấy các hình tướng đã được chuẩn bị nhờ nỗ lực của họ, và kích thích chúng vào sự sống ngã thức và sự tồn tại biệt lập. Vì vậy bốn hệ hành tinh lớn trong hệ mặt trời, là các vận cụ cho bốn Hành Tinh Thượng Đế (Các Ngài tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế), phải đạt đến một giai đoạn nhất định về khả năng rung động và tâm thức trước khi một biến cố tương tự xảy ra trọn vẹn trong hệ mặt trời, và bốn phần thấp cùng ba phần cao được tổng hợp. Trái tim Thượng đế đang rung động, và đáp ứng đã đến từ tất cả các hệ hành tinh, vì ba loa tuyến đang rung động trong tất cả chúng, nhưng Con của Thượng đế vẫn chưa hoàn toàn ngã thức theo nghĩa vũ trụ. Khi đáp ứng đến, các trung tâm thức tỉnh. Một trung tâm Thượng đế đang đáp ứng trọn vẹn với sự kích thích của tim, và đó là Sao Kim, đang đi qua cuộc tuần hoàn cuối cùng.

If the student endeavours to dissociate our solar system from that which preceded it, and if he considers the pralaya at the close of this mahamanvantara to be a final one, and the utter consummation of all things, he errs. In the preceding system the cosmic physical plane attained a certain vibratory capacity, and the devas of the internal furnaces became (relatively speaking) highly evolved, the "fires of matter" then blazing forth. Certain Existences attained self-consciousness in that earlier system, and are the "nirvanis" spoken of by H. P. B. *(See S. D., II, 83, 84, 243.)* As might be expected, they are characterised by active intelligence, achieved and developed by means of material evolution during a previous

Nếu đạo sinh cố gắng tách rời hệ mặt trời của chúng ta khỏi hệ thống đi trước nó, và nếu y xem giai kỳ qui nguyên vào cuối đại giai kỳ sinh hóa này là một giai kỳ cuối cùng, và là sự hoàn tất tuyệt đối của mọi sự, thì y sai lầm. Trong hệ thống trước đó, cõi hồng trần vũ trụ đã đạt đến một khả năng rung động nhất định, và các thiên thần của những lò bên trong đã trở nên (nói tương đối) rất tiến hoá, khi ấy "những ngọn lửa của vật chất" bừng cháy. Một số Sự Tồn Tại đã đạt đến ngã thức trong hệ thống trước đó, và là các "nirvani" được H. P. B. nói đến *(Xem S. D., II, 83, 84, 243.)* Như có thể dự đoán, họ được đặc trưng bởi trí tuệ linh hoạt, đạt được và phát triển bằng phương tiện tiến hoá vật chất trong một đại giai kỳ sinh hóa trước đó.

mahamanvantara. They [Page 687] are the Manasa devas and in their totality are the vehicles of the Divine mind, the dhyan-chohanic forces, the aggregate of the Ah-hi. In this solar system the vibration of the cosmic astral plane is becoming dominant, and through that vibration, travelling via the fourth cosmic ether (whereon as earlier stated are the etheric centres of the planetary Logoi) and our systemic astral plane, certain eventualities become possible. The "Sons of desire," logoic or human, can learn certain lessons, undergo certain experiences, and add the faculty of love-wisdom to the intelligence earlier gained.

Họ [Page 687] là các thiên thần manas và trong tổng thể của mình là các vận cụ của Trí của Thượng đế, các mãnh lực dhyan-chohan, tổng thể của các Ah-hi. Trong hệ mặt trời này, rung động của cõi cảm dục vũ trụ đang trở nên chi phối, và thông qua rung động ấy, truyền qua dĩ thái vũ trụ thứ tư (nơi như đã nói trước đó là các trung tâm dĩ thái của các Hành Tinh Thượng Đế) và cõi cảm dục hệ thống của chúng ta, một số diễn biến trở nên khả hữu. Các "Con của dục vọng," thuộc Thượng đế hay nhân loại, có thể học một số bài học, trải qua một số kinh nghiệm, và thêm năng lực Bác Ái – Minh Triết vào trí tuệ đã đạt được trước đó.

Our solar Logos, and the Heavenly Men, are polarised on the cosmic astral plane, and the effect of Their life energy as it flows through the systemic "Heart" can be seen in the activity of the astral plane, and in the part sex and passion play in the development of man. At the close of this mahamanvantara there will be ready for manifestation in the coming third system nirvanis who will be, in very essence, "active intelligent love"; they will have to wait until the five lower planes of the system have reached a stage of vibratory development which will permit them to enter, as the nirvanis in this system waited until the three lower planes became adequate in vibratory response. We are here speaking in terms of the Heavenly Men. In the Earth scheme, the analogy is hidden in the advent of the Egos in the third round, in the third root race and in the third chain. Individualisation, as we understand it, was not possible until the "third state of pleroma" was reached, either universally where a Heavenly Man is concerned, or relatively in connection with a human unit.

Thái dương Thượng đế của chúng ta, và các Đấng Thiên Nhân, được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, và hiệu quả của năng lượng sự sống của Các Ngài khi chảy qua "Trái Tim" của hệ thống có thể được thấy trong hoạt động của cõi cảm dục, và trong vai trò mà tính dục và đam mê đóng trong sự phát triển của con người. Vào cuối đại giai kỳ sinh hóa này sẽ có sẵn để biểu hiện trong hệ thống thứ ba sắp đến những nirvani mà về bản chất đích thực sẽ là "bác ái thông tuệ linh hoạt"; họ sẽ phải chờ cho đến khi năm cõi thấp của hệ thống đạt đến một giai đoạn phát triển rung động cho phép họ đi vào, cũng như các nirvani trong hệ thống này đã chờ cho đến khi ba cõi thấp trở nên đầy đủ về đáp ứng rung động. Ở đây chúng ta đang nói theo thuật ngữ của các Đấng Thiên Nhân. Trong hệ Địa Cầu, sự tương đồng được ẩn giấu trong sự xuất hiện của các Chân ngã ở cuộc tuần hoàn thứ ba, trong giống dân gốc thứ ba và trong dãy thứ ba. Biệt ngã hóa, như chúng ta hiểu, không thể có cho đến khi "trạng thái thứ ba của pleroma" được đạt đến, hoặc theo nghĩa phổ quát khi liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, hoặc theo nghĩa tương đối trong liên hệ với một đơn vị nhân loại.

Considering the same subject from below upwards it is the animal in the third kingdom which individualises. Viewing it from above downwards it is the fifth kingdom, the spiritual, which ensouls the third and produces the fourth, or self-conscious human kingdom. These figures [Page 688] should be studied for they hold the mystery hid, and though the true occult meaning will not be revealed until the third major Initiation, nor fully comprehended until the fifth, yet light may stream in on a difficult point. Equally so in the next solar system, individualisation (if such an inadequate term may be applied to a state of consciousness inconceivable even to an initiate of the third Initiation) will not be possible until the second or sixth stage of Pleroma. Consciousness will blaze forth then on the Monadic plane, and it will be the plane of individualisation. All states of consciousness below that high level will be to the Logos what the consciousness of the three worlds is to Him now. Just as the physical body of man is not a principle, so all planes at this time below the fourth cosmic ether are not considered by the Logos to be a principle.

Xét cùng chủ đề ấy từ dưới lên trên thì chính con vật trong giới thứ ba biệt ngã hóa. Xét nó từ trên xuống dưới thì chính giới thứ năm, giới tinh thần, phú linh cho giới thứ ba và tạo ra giới thứ tư, hay giới nhân loại ngã thức. Những con số này [Page 688] cần được nghiên cứu vì chúng nắm giữ huyền nhiệm ẩn kín, và dù ý nghĩa huyền bí chân thực sẽ không được tiết lộ cho đến lần điểm đạo lớn thứ ba, cũng như không được thấu hiểu trọn vẹn cho đến lần điểm đạo thứ năm, ánh sáng vẫn có thể tuôn vào một điểm khó. Tương tự như vậy trong hệ mặt trời kế tiếp, biệt ngã hóa (nếu có thể áp dụng thuật ngữ không đầy đủ ấy cho một trạng thái tâm thức không thể nghĩ bàn ngay cả đối với một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba) sẽ không thể có cho đến trạng thái thứ hai hay thứ sáu của Pleroma. Khi ấy tâm thức sẽ bừng cháy trên cõi chân thần, và đó sẽ là cõi của biệt ngã hóa. Mọi trạng thái tâm thức dưới cấp độ cao ấy sẽ đối với Thượng đế giống như tâm thức của ba cõi giới đối với Ngài hiện nay. Cũng như thể xác hồng trần của con người không phải là một nguyên khí, thì mọi cõi hiện nay dưới dĩ thái vũ trụ thứ tư cũng không được Thượng đế xem là một nguyên khí.

Our present solar Angels or fire devas will then have a position analogous to that of the lunar Pitris now, for all will form a part of the divine consciousness, and yet, will be esoterically considered as “below the threshold” of consciousness. Man has to learn to control, guide and use the deva substances of which his lower sheaths are made; this goal involves the development of full self-consciousness, which is brought about through the agency of the solar Angels or builders and vitalisers of the egoic body; they are those through whom self-consciousness becomes a fact. In the next solar system they too will no longer embody

Khi ấy các Thái dương Thiên Thần hay thiên thần lửa hiện nay của chúng ta sẽ có một vị trí tương tự như vị trí của các thái âm tổ phụ hiện nay, vì tất cả sẽ tạo thành một phần của tâm thức thiêng liêng, nhưng vẫn sẽ được xem theo nghĩa huyền bí là “ở dưới ngưỡng” của tâm thức. Con người phải học cách kiểm soát, hướng dẫn và sử dụng các chất liệu thiên thần mà từ đó các vỏ bọc thấp của y được tạo nên; mục tiêu này bao hàm sự phát triển ngã thức trọn vẹn, được mang lại thông qua tác nhân của các Thái dương Thiên Thần hay các đấng kiến tạo và tiếp sinh lực cho thể chân ngã; họ là những vị nhờ đó ngã thức trở thành một sự kiện. Trong hệ mặt

the type of consciousness towards which man aspires; he will have to rise to still greater realisations, and again by occultly "putting his foot upon" them these higher realisations will become possible. In this solar system he has to mount by the putting his foot upon the serpent of matter. He rises by domination of matter and becomes himself a serpent of wisdom. In the next solar system he will mount upward by means of the "serpent of wisdom," and by the domination [Page 689] and control of the Agnishvattas, achieve something of which even the illuminated mind of the highest Dhyan-chohan can not yet conceive.

trời kế tiếp, họ cũng sẽ không còn thể hiện loại tâm thức mà con người khát vọng hướng tới; y sẽ phải vươn lên những chứng nghiệm còn lớn hơn nữa, và một lần nữa bằng cách huyền bí "đặt chân lên" họ mà những chứng nghiệm cao hơn này trở nên khả hữu. Trong hệ mặt trời này y phải leo lên bằng cách đặt chân lên con rắn của vật chất. Y vươn lên nhờ chế ngự vật chất và chính y trở thành một con rắn minh triết. Trong hệ mặt trời kế tiếp y sẽ đi lên bằng phương tiện của "con rắn minh triết," và nhờ sự chế ngự [Page 689] và kiểm soát các Agnishvatta, đạt được điều gì đó mà ngay cả trí tuệ được soi sáng của vị Dhyan-chohan cao nhất hiện nay cũng chưa thể quan niệm.

S6S10 PART I

a. The Fifth Principle.

a. Nguyên khí thứ năm.

The solar Angels are the Pitris, the builders of the body of the Ego, and the producers of individualisation or the realised consciousness, the Agnishvattas, the great devas of Mind.

Các Thái dương Thiên Thần là các tổ phụ, các đấng kiến tạo thể nguyên nhân của chân ngã, và là những vị tạo ra biệt ngã hóa hay tâm thức được chứng nghiệm, các Agnishvatta, các thiên thần vĩ đại của Trí Tuệ.

Certain broad and general affirmations have been laid down with the purpose in view of opening up this stupendous and practical subject, and in an endeavour to link up this solar system in its fundamental manasic aspect with the past and the future.

Một số khẳng định rộng lớn và tổng quát đã được nêu ra nhằm mục đích khai mở chủ đề kỳ vĩ và thực tiễn này, và trong nỗ lực nối kết hệ mặt trời này trong phương diện manas căn bản của nó với quá khứ và tương lai.

The section we are now approaching concerns the development of the divine Manasaputras, viewing them as a collective whole, containing the Divine Mind, and considering the individual Monad, who responds to Their life as a part of the body of these Dhyani Buddhas.

Phần mà hiện nay chúng ta đang tiến đến liên quan đến sự phát triển của các Manasaputra thiêng liêng, xét họ như một toàn thể tập thể, chứa đựng Trí Tuệ thiêng liêng, và xét chân thần cá biệt, là vị đáp ứng với sự sống của Các Ngài như một phần của thân thể của các Dhyani Buddha này.

(a.) *Cosmically considered.* An occult sentence has its place here. It holds the key to the mystery of the fivefold Dhyanis:

"The higher Three in cyclic unison sought to know and to be known. The lower Three (for we count not here the eighth) knew not nor saw; they only heard and touched. The fourth had not a place. The Fifth (which also is the fourth) formed at the middle point a cosmic TAU, which was reflected on the cosmic Seventh."

H. P. B. states *(S. D., I, 200, 201. II, 251, 252.)* that the individualised Monad has more spiritual consciousness than the monad itself on its own plane, the second. It must be remembered here that the planetary Logoi are only in physical incarnation in our system, their bodies of individualisation being on the cosmic mental plane, therefore full expression for them [Page 690] is impossible during manifestation. Relatively therefore, *during manifestation*, man is able to express *himself* fully when he attains the "consciousness of the high places." It should, therefore, be pointed out at the very beginning of our study of this fifth principle that the divine Manasaputras on their own plane must be considered from the standpoint of physical incarnation, whereas man can be considered from what is, for him, a spiritual aspect. (229)

Human individualisation, or the emergence of the self-conscious units on the mental plane, is involved in a larger development, for it synchronizes with the appropriation of a dense physical body by the Planetary Logos; this body is composed of matter of our three lower planes. As the etheric centres of the Manasaputras on the fourth cosmic etheric plane become vitalised, they produce increased activity on the systemic

(a.) *Xét theo vũ trụ.* Ở đây có chỗ cho một câu huyền bí. Nó nắm giữ chìa khóa cho huyền nhiệm của các Dhyani ngũ phân:

"Ba phần cao trong sự hợp nhất chu kỳ tìm cách biết và được biết. Ba phần thấp (vì ở đây chúng ta không tính phần thứ tám) không biết cũng không thấy; chúng chỉ nghe và chạm. Phần thứ tư không có chỗ. Phần thứ năm (cũng là phần thứ tư) tạo thành tại điểm ở giữa một TAU vũ trụ, được phản chiếu trên phần thứ bảy vũ trụ."

H. P. B. nói rằng *(S. D., I, 200, 201. II, 251, 252.)* chân thần đã biệt ngã hóa có tâm thức tinh thần nhiều hơn chính chân thần trên cõi riêng của nó, cõi thứ hai. Ở đây cần ghi nhớ rằng các Hành Tinh Thượng Đế chỉ đang lâm phàm hồng trần trong hệ thống của chúng ta, các thể biệt ngã hóa của các Ngài ở trên cõi trí vũ trụ, vì vậy sự biểu lộ trọn vẹn đối với các Ngài [Page 690] là điều bất khả trong thời kỳ biểu hiện. Do đó, theo nghĩa tương đối, *trong thời kỳ biểu hiện*, con người có thể biểu lộ *chính mình* trọn vẹn khi y đạt đến "tâm thức của những nơi cao." Vì vậy, ngay từ lúc bắt đầu nghiên cứu nguyên khí thứ năm này, cần chỉ ra rằng các Manasaputra thiêng liêng trên cõi riêng của họ phải được xét từ quan điểm nhập thể hồng trần, trong khi con người có thể được xét từ phương diện, đối với y, là tinh thần. (229)

Biệt ngã hóa của con người, hay sự xuất hiện của các đơn vị ngã thức trên cõi trí, nằm trong một sự phát triển lớn hơn, vì nó đồng bộ với việc Hành Tinh Thượng Đế chiếm hữu một thể xác hồng trần đậm đặc; thể này được cấu thành từ vật chất của ba cõi thấp của chúng ta. Khi các trung tâm dĩ thái của các Manasaputra trên cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư được tiếp sinh lực, chúng tạo ra hoạt động gia tăng trên cõi trí của hệ thống, tức cõi thể

mental plane, the cosmic gaseous, and the consciousness of the Heavenly Man and His life energy begins to make itself felt. Simultaneously, under the Law, mind force or manasic energy pours in from the fifth cosmic plane, the cosmic mental. This dual energy, contacting that which is inherent in the dense physical body of the Logos itself, produces correspondences to the centres upon that plane and the egoic groups appear. They blend in latency the three types of electricity, and are themselves electrical phenomena. They are composed of those atoms, or types of lives, which are a part of the fourth [Page 691] Creative Hierarchy, the aggregate of purely human Monads. Similarly, this triple force, produced by this conscious appropriation by the Heavenly Man, animates deva substance and the dense physical body of the planetary Logos is manifested objectively. This is what is meant by the statements that devas are found only in the three worlds. It is a statement analogous to the one that humanity is only found in the three worlds; nevertheless, the human Monads in their seven types are found on the plane of spirit —as it is the plane of duality—the deva monads are likewise found there.

khí vũ trụ, và tâm thức của Đấng Thiên Nhân cùng năng lượng sự sống của Ngài bắt đầu được cảm nhận. Đồng thời, dưới Định luật, mãnh lực trí tuệ hay năng lượng manas tuôn vào từ cõi vũ trụ thứ năm, cõi trí vũ trụ. Năng lượng kép này, tiếp xúc với điều vốn tiềm tàng trong chính thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, tạo ra các tương ứng với các trung tâm trên cõi ấy và các nhóm chân ngã xuất hiện. Chúng hòa trộn trong trạng thái tiềm ẩn ba loại điện, và bản thân chúng là các hiện tượng điện. Chúng được cấu thành từ những nguyên tử, hay những loại sự sống, là một phần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư [Page 691], tổng thể của các chân thần thuần túy nhân loại. Tương tự như vậy, mãnh lực tam phân này, do sự chiếm hữu hữu thức này của Đấng Thiên Nhân tạo ra, làm sinh động chất liệu thiên thần và thể xác hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế được biểu lộ khách quan. Đây là điều được hàm ý bởi các phát biểu rằng thiên thần chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới. Đó là một phát biểu tương tự với phát biểu rằng nhân loại chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới; tuy nhiên, các chân thần nhân loại trong bảy loại của chúng được tìm thấy trên cõi tinh thần—vì đó là cõi của nhị nguyên tính—các chân thần thiên thần cũng được tìm thấy ở đó.

Students should ever bear in mind that these occult subjects can be expressed in a twofold manner:

Các đạo sinh nên luôn ghi nhớ rằng các chủ đề huyền bí này có thể được diễn đạt theo hai cách:

In terms of the three worlds, or from the standpoint of the logoic dense physical body.

Theo thuật ngữ của ba cõi giới, hay từ quan điểm của thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế.

In terms of force or energy, or from the standpoint of the logoic body of prana or vitality, the four cosmic ethers.

Theo thuật ngữ của mãnh lực hay năng lượng, hay từ quan điểm của thể prana hay sinh lực của Thượng đế, bốn dĩ thái vũ trụ.

What we understand by the fifth principle is but the expression on the causal plane of that force or energy which emanates from the logoic causal body on the fifth cosmic plane, via the logoic correspondence to the mental unit. (These correspondences involve a concept far in advance of what is possible even to an initiate at this time). In the fifth round, the inner significance may become more apparent to the disciple. As the logoic will is gradually transmuted into desire and thus the physical incarnation is produced, a tremendous downflow of vitalising force from the fifth cosmic plane takes place, until it arrives at our fifth plane, the mental. This force it is which—at the correct cyclic moment—causes certain eventualities in time and space and in the three worlds, His dense physical body. The first of these events is the appropriation *by the Logos* of that dense physical vehicle, and the flashing into manifestation [Page 692] of the physical Sun and the physical planets. Though this, from our standpoint, covers an inconceivably vast period of time, to the Logos it is but the brief period of gestation which all bodies undergo. A second momentous occurrence is the appropriation *by the various Prajapatis*, (230) or Heavenly Men of their physical bodies—again at varying times and according to their evolutionary stage.

Điều mà chúng ta hiểu là nguyên khí thứ năm chỉ là sự biểu lộ trên cõi nguyên nhân của mãnh lực hay năng lượng phát ra từ thể nguyên nhân của Thượng đế trên cõi vũ trụ thứ năm, qua sự tương ứng của Thượng đế với đơn vị hạ trí. (Những sự tương ứng này bao hàm một khái niệm vượt xa điều có thể có ngay cả đối với một điểm đạo đồ vào lúc này). Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, ý nghĩa bên trong có thể trở nên hiển nhiên hơn đối với đệ tử. Khi ý chí Thượng đế dần dần được chuyển hoá thành dục vọng và như thế sự nhập thể hồng trần được tạo ra, một dòng chảy xuống khổng lồ của mãnh lực tiếp sinh lực từ cõi vũ trụ thứ năm diễn ra, cho đến khi nó đến cõi thứ năm của chúng ta, cõi trí. Chính mãnh lực này—vào đúng thời điểm chu kỳ—gây ra một số biến cố trong thời gian và không gian và trong ba cõi giới, thể xác hồng trần đậm đặc của Ngài. Biến cố đầu tiên trong số này là việc Thượng đế chiếm hữu vận cụ hồng trần đậm đặc ấy, và sự bừng lóe vào biểu hiện [Page 692] của Mặt Trời hồng trần và các hành tinh hồng trần. Dù điều này, theo quan điểm của chúng ta, bao trùm một thời kỳ dài không thể tưởng tượng nổi, đối với Thượng đế nó chỉ là thời kỳ thai nghén ngắn ngủi mà mọi thân thể đều trải qua. Một biến cố trọng đại thứ hai là việc *các Prajapati khác nhau*, (230) hay các Đấng Thiên Nhân chiếm hữu các thể xác của Các Ngài—một lần nữa vào những thời điểm khác nhau và tùy theo giai đoạn tiến hoá của các Ngài.

(230) *Prajapatis.* The Progenitors; the givers of life to all on this earth. They are seven and then ten corresponding to the seven and ten Sephiroth. Cosmically, they are the seven Rishis of the Great Bear; systemically they are the seven planetary Logoi, and from the standpoint of our planet they are the seven Kumaras.

(230) *Prajapati.* Các Đấng Tiên Tổ; những vị ban sự sống cho mọi loài trên trái đất này. Họ là bảy rồi đến mười, tương ứng với bảy và mười Sephiroth. Theo vũ trụ, họ là bảy Rishi của Đại Hùng; theo hệ thống, họ là bảy Hành Tinh Thượng Đế, và từ quan điểm của hành tinh chúng ta, họ là bảy Kumaras.

See S. D., I, 109, 122, 459, 661; II, 33, 36; footnote 80. (back)

Xem Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 109, 122, 459, 661; II, 33, 36; chú thích 80. (back)

This is of later date for the seven than for the three. An idea of the meaning of this distinction can be gleaned by the student, as he studies the process of the incarnating ego.

Điều này xảy ra muộn hơn đối với bảy vị so với ba vị. Đạo sinh có thể nắm được một ý niệm về ý nghĩa của sự phân biệt này khi nghiên cứu tiến trình của chân ngã nhập thể.

What do we consequently find? First of all, impulse, or the will-to-be, emanating from the mental plane; then desire, emanating from the astral plane, producing manifestation on the dense physical.

Do đó, chúng ta thấy gì? Trước hết là xung lực, hay ý chí-hướng-tồn tại, phát ra từ cõi trí; rồi đến dục vọng, phát ra từ cõi cảm dục, tạo ra sự biểu hiện trên cõi hồng trần đậm đặc.

This idea must be extended to the three Logoi or logoic Aspects and we then have the key to the mystery of the nine Sephiroth, the triple Trimurti.

Ý tưởng này phải được mở rộng đến ba Thượng đế hay các Phương diện của Thượng đế và khi đó chúng ta có chìa khóa cho huyền nhiệm của chín Sephiroth, bộ ba Trimurti.

The other event might be noted,—the appropriation at a still later period in time and space by the individual Monads of their bodies of manifestation.

Một biến cố khác cũng cần được lưu ý,—đó là sự chiếm hữu, vào một giai đoạn còn muộn hơn nữa trong thời gian và không gian, bởi các chân thần cá biệt đối với các thể biểu hiện của chúng.

The pouring in of this force of energy, emanating from the fifth logoic Principle, brings about two things:

Sự tuôn vào của mãnh lực năng lượng này, phát ra từ Nguyên khí thứ năm của Thượng đế, đem lại hai điều:

The appropriation by the sevenfold Logos of His dense physical body.

Sự chiếm hữu bởi Logos thất phân đối với thể xác hồng trần đậm đặc của Ngài.

The appearance on the fifth systemic plane of the causal bodies of the human Monads.

Sự xuất hiện trên cõi hệ thống thứ năm của các thể nguyên nhân của các chân thần nhân loại.

or

hay

For the greater Life it was incarnation.

Đối với Sự sống lớn hơn, đó là sự nhập thể.

For the lesser lives it was individualisation.

Đối với các sự sống nhỏ hơn, đó là sự biệt ngã hóa.

This needs pondering upon.

Điều này cần được suy ngẫm.

[Page 693] It will, therefore, be apparent to all thinkers why this fifth principle stirred the third aspect into self-conscious activity.

[Page 693] Vì vậy, mọi nhà tư tưởng sẽ thấy rõ vì sao nguyên khí thứ năm này đã khuấy động phương diện thứ ba vào hoạt động ngã thức.

(b.) *Hylozoistically considered.* (231)

(b.) *Xét theo thuyết vật hoạt.* (231)

(231) *Hylozoism*:—From Greek "ule," matter; "zoon," animal; and "ism." Ism is a suffix embodying the doctrine or abstract idea of the noun to which it is attached. Hylozoism is the doctrine that all matter is endowed with life.

(231) *Thuyết vật hoạt*:—Từ tiếng Hy Lạp "ule," vật chất; "zoon," động vật; và "ism." Ism là một hậu tố bao hàm học thuyết hay ý niệm trừu tượng của danh từ mà nó gắn vào. Thuyết vật hoạt là học thuyết cho rằng mọi vật chất đều được phú cho sự sống.

"When we have attained to this conception of hylozoism of a living material universe, the mystery of nature will be solved."—*Standard Dictionary.* (back)

"Khi chúng ta đạt đến quan niệm này về thuyết vật hoạt của một vũ trụ vật chất sống động, huyền nhiệm của thiên nhiên sẽ được giải đáp."—*Từ điển Chuẩn.* (back)

In continuing our consideration of the fifth logoic Principle, we will now view it in its hylozoistic aspect. We have seen that it can be regarded as the force, the energy or the quality which emanates from the logoic mental unit on the cosmic mental plane; this necessarily has a definite effect on the fifth systemic plane, and on the fifth subplane of the physical plane, the gaseous. Before taking up the subject of the Agnishvattas in detail, there are three points which should be borne in mind.

Khi tiếp tục xem xét Nguyên khí thứ năm của Thượng đế, giờ đây chúng ta sẽ nhìn nó trong phương diện vật hoạt của nó. Chúng ta đã thấy rằng nó có thể được xem như mãnh lực, năng lượng hay phẩm tính phát ra từ đơn vị hạ trí của Thượng đế trên cõi trí vũ trụ; điều này tất nhiên có một tác động xác định trên cõi hệ thống thứ năm, và trên cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần, tức cõi khí. Trước khi bàn chi tiết về các Agnishvatta, có ba điểm cần được ghi nhớ.

First, it should be remembered that all the planes of our system, viewing them as deva substance, form the spirillae in the physical permanent atom of the solar Logos. This has earlier been pointed out, but needs re-

Thứ nhất, cần nhớ rằng mọi cõi của hệ thống chúng ta, nếu nhìn chúng như chất liệu thiên thần, đều tạo thành các loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế. Điều này đã được chỉ

emphasising here. All consciousness, all memory, all faculty is stored up in the permanent atoms, and we are consequently dealing here with that consciousness; the student should nevertheless bear in mind that it is on the atomic subplanes that the logoic consciousness (remote as even that may be from the Reality) centres itself. This permanent atom of the solar system, which holds the same relation to the logoic physical body as the human permanent atom does to that of a man, is a recipient of force, and is, therefore, receptive to force emanations from another extra-systemic source. Some idea of the illusory character of manifestation, both human and logoic, may be gathered from the relation of the permanent atoms to the rest of the structure. Apart [Page 694] from the permanent atom, the human physical body does not exist.

ra trước đây, nhưng cần được nhấn mạnh lại ở đây. Mọi tâm thức, mọi ký ức, mọi năng lực đều được tích trữ trong các nguyên tử trường tồn, và do đó ở đây chúng ta đang bàn đến tâm thức ấy; tuy nhiên đạo sinh nên ghi nhớ rằng chính trên các cõi phụ nguyên tử mà tâm thức của Thượng đế (dù điều đó vẫn còn xa xôi đối với Thực Tại) tự tập trung. Nguyên tử trường tồn này của hệ mặt trời, vốn giữ cùng một tương quan với thể xác của Thượng đế như nguyên tử trường tồn hồng trần của con người giữ đối với thân thể của một người, là một cơ quan tiếp nhận mãnh lực, và vì vậy tiếp nhận được các phát xạ mãnh lực từ một nguồn ngoài hệ thống khác. Một vài ý niệm về tính chất ảo huyễn của sự biểu hiện, cả nơi con người lẫn nơi Thượng đế, có thể được rút ra từ mối liên hệ của các nguyên tử trường tồn với phần còn lại của cấu trúc. Tách [Page 694] khỏi nguyên tử trường tồn, thể xác hồng trần của con người không tồn tại.

Again, forms differ as do kingdoms according to the nature of the force flowing through them. In the animal kingdom that which corresponds to the permanent atom responds to force of an involutionary character, emanating from a particular group. The human permanent atom responds to force emanating from a group on the evolutionary arc and the Ray of a particular planetary Logos in Whose body a human Monad has a definite place.

Hơn nữa, các hình tướng khác nhau cũng như các giới khác nhau tùy theo bản chất của mãnh lực chảy qua chúng. Trong giới động vật, cái tương ứng với nguyên tử trường tồn đáp ứng với mãnh lực có tính giáng hạ tiến hoá, phát ra từ một nhóm đặc biệt. Nguyên tử trường tồn của con người đáp ứng với mãnh lực phát ra từ một nhóm trên cung thăng thượng tiến hoá và từ cung của một Hành Tinh Thượng Đế đặc biệt mà trong thân thể của Ngài, một chân thần nhân loại có một vị trí xác định.

Secondly, it must be noted that in view of the above it will be apparent that we are, at this period of manasic inflow and development, concerned with the coming into full vitality and activity of the fifth logoic spirilla; this vitalisation shows itself in the intense activity of the mental plane, and the

Thứ hai, cần lưu ý rằng theo những điều trên, sẽ rõ ràng rằng vào giai đoạn hiện nay của sự tuôn vào và phát triển manas, chúng ta đang quan tâm đến sự đi vào sinh lực và hoạt động trọn vẹn của loa tuyến thứ năm của Thượng đế; sự tiếp sinh lực này biểu lộ trong hoạt động mãnh liệt của cõi trí, và

threefold nature of the electrical phenomena to be witnessed upon it.

trong bản chất tam phân của các hiện tượng điện có thể được chứng kiến trên cõi ấy.

a.	The atomic subplane	manasic atoms	permanent	Positive
b.	The fourth subplane	mental units		Negative
c.	The egoic groups	causal bodies		Equilibrium or neutral

This is in process of demonstration during the course of evolution. We are dealing here with the substance aspect and considering energy in its various manifestations. The response of deva substance to the inflow of force on the mental plane has a threefold effect in connection with the Logos or the Septenate:

Điều này đang được chứng minh trong tiến trình tiến hoá. Ở đây chúng ta đang bàn đến phương diện chất liệu và xem xét năng lượng trong các biểu hiện khác nhau của nó. Sự đáp ứng của chất liệu thiên thần đối với sự tuôn vào của mãnh lực trên cõi trí tạo ra một hiệu quả tam phân liên hệ với Logos hay Thất Nguyên:

1. It produces a greatly increased vitality in the logoic centres on the fourth cosmic ether, due to reflex action, which is felt both above and below the plane of activity.

1. Nó tạo ra một sinh lực gia tăng rất lớn trong các trung tâm của Thượng đế trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, do tác động phản xạ, được cảm nhận cả trên lẫn dưới cõi hoạt động.

2. It stimulates the efforts of the highest specimens of the third kingdom, and a dual effect is produced [Page 695] through this, for the fourth kingdom in nature makes its appearance on the physical plane and the Triads are reflected on the mental plane in the causal bodies to be found thereon.

2. Nó kích thích các nỗ lực của những mẫu mực cao nhất của giới thứ ba, và qua đó tạo ra một hiệu quả kép, vì [Page 695] giới thứ tư trong thiên nhiên xuất hiện trên cõi hồng trần và các Tam nguyên tinh thần được phản chiếu trên cõi trí trong các thể nguyên nhân hiện diện ở đó.

3. As earlier said, the dense physical is linked and co-ordinated with the etheric bodies of the solar logos and of the planetary Logos. Therefore, the lower three planes are synthesised with the higher four, and the devas of an earlier mahamanvantara or solar cycle are brought into conjunction with those of a newer order who were awaiting

3. Như đã nói trước đây, cõi hồng trần đậm đặc được nối kết và phối hợp với các thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế và của Hành Tinh Thượng Đế. Do đó, ba cõi thấp được tổng hợp với bốn cõi cao, và các thiên thần của một Đại giai kỳ sinh hóa hay chu kỳ thái dương trước được kết hợp với những thiên thần của một trật tự mới hơn vốn đang chờ

just conditions. The physical incarnation of the Logos is completed. The lower three kingdoms, being negative to the higher force, the mutual attraction of these two and their interaction bring into being the fourth or human kingdom. The three fires of mind, Spirit and matter are brought together and the work of full self-consciousness begun.

đúng điều kiện. Sự nhập thể hồng trần của Logos được hoàn tất. Ba giới thấp, vì là âm đối với mãnh lực cao hơn, nên sự hấp dẫn hỗ tương của hai bên này và sự tương tác của chúng làm phát sinh giới thứ tư hay giới nhân loại. Ba ngọn lửa của trí tuệ, tinh thần và vật chất được đưa lại với nhau và công việc của ngã thức trọn vẹn bắt đầu.

Finally, the student should very carefully study here the significance of the numbers three, four and five in the evolution of consciousness. Numerology has hitherto been studied primarily, and rightly, from the substance aspect, but not so much from the standpoint of conscious energy. The Triad, for instance, is usually looked upon by our students as the triangle formed by the manasic-buddhic and atmic permanent atoms; the cube stands for the lower material man, and the five-pointed star has frequently a very material interpretation. All these angles of vision are necessary, and must precede the study of the subjective aspect, but they lay the emphasis upon the material rather than upon the subjective; the subject nevertheless should be studied psychologically. In this solar system, the above numbers are the most important from the angle of the evolution of consciousness. [Page 696] In the earlier system, the numbers six and seven held the mystery hid. In the next system, it will be two and one. This refers only to the psychical development. Let me illustrate: The five-pointed star on the mental plane signifies (among other things) the evolution, by means of the five senses in the three worlds (which are also capable of a fivefold differentiation) of the fifth principle, the attainment of self-consciousness, and the development of the fifth spirilla.

Sau cùng, đạo sinh nên hết sức cẩn thận nghiên cứu ở đây thâm nghĩa của các số ba, bốn và năm trong sự tiến hoá của tâm thức. Cho đến nay, số học chủ yếu đã được nghiên cứu, và đúng như vậy, từ phương diện chất liệu, nhưng chưa nhiều từ quan điểm của năng lượng hữu thức. Chẳng hạn, Tam nguyên tinh thần thường được các đạo sinh của chúng ta xem như tam giác do các nguyên tử trường tồn manas, Bồ đề và atma tạo thành; khối lập phương tượng trưng cho con người vật chất thấp, và ngôi sao năm cánh thường có một cách giải thích rất vật chất. Tất cả các góc nhìn này đều cần thiết, và phải đi trước việc nghiên cứu phương diện chủ quan, nhưng chúng nhấn mạnh vào vật chất hơn là vào chủ quan; tuy nhiên chủ đề này nên được nghiên cứu theo tâm lý học. Trong hệ mặt trời này, các con số trên là quan trọng nhất từ góc độ tiến hoá của tâm thức. [Page 696] Trong hệ thống trước, các số sáu và bảy che giấu huyền nhiệm. Trong hệ thống kế tiếp, sẽ là hai và một. Điều này chỉ liên quan đến sự phát triển thông linh. Hãy để tôi minh họa: ngôi sao năm cánh trên cõi trí biểu thị (trong nhiều điều khác) sự tiến hoá, bằng năm giác quan trong ba cõi giới (vốn cũng có khả năng biến phân ngũ phân), của nguyên khí thứ năm, sự đạt được ngã thức, và sự phát triển của loa tuyến thứ năm.

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation.

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng vào lúc điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm cung dưới Đức Mahachohan, và sự đồng hóa tất cả những gì phải học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn mà còn cả tâm thức của nhóm mà trong đó một người hiện diện. Nó hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng.

The five-pointed star at the initiations on the mental plane flashes out above the head of the initiate. This concerns the first three initiations which are undergone in the causal vehicle. It has been said that the first two initiations take place upon the astral plane and this is correct, but has given rise to a misunderstanding. They are felt profoundly in connection with the astral and physical bodies and with the lower mental, and effect their control. The chief effect being felt in those bodies, the initiate may interpret them as having taken place on the planes concerned, for the vividness of the effect, and the stimulation works out largely in the astral body. But it must ever be remembered that the major initiations are taken in the causal body or—dissociated from that body—on the buddhic plane. At the final two initiations, which set a man free from the three worlds and enable him to function in the logoic body of vitality and to wield the force which animates that logoic [Page 697] vehicle, the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is *seen at its very centre*. This descent is brought about through the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is

Ngôi sao năm cánh trong các cuộc điểm đạo trên cõi trí lóe ra phía trên đầu điểm đạo đồ. Điều này liên quan đến ba lần điểm đạo đầu tiên được trải qua trong vận cụ nguyên nhân. Đã có nói rằng hai lần điểm đạo đầu tiên diễn ra trên cõi cảm dục và điều này là đúng, nhưng đã gây ra một sự hiểu lầm. Chúng được cảm nhận sâu sắc liên hệ với thể cảm dục và thể xác cùng với hạ trí, và tạo ra sự kiểm soát đối với chúng. Vì hiệu quả chính được cảm nhận trong các thể ấy, điểm đạo đồ có thể giải thích rằng chúng đã diễn ra trên các cõi liên hệ, do tính sống động của hiệu quả, và sự kích thích phần lớn biểu lộ trong thể cảm dục. Nhưng phải luôn ghi nhớ rằng các cuộc điểm đạo chính yếu được thực hiện trong thể nguyên nhân hoặc—khi tách khỏi thể đó—trên cõi Bồ đề. Trong hai lần điểm đạo cuối cùng, vốn giải thoát con người khỏi ba cõi giới và giúp y hoạt động trong thể sinh lực của Thượng đế và vận dụng mãnh lực làm sinh động vận cụ ấy [Page 697] của Thượng đế, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y được thấy *ở chính trung tâm của nó*. Sự giáng xuống này được tạo ra nhờ tác động của Đấng Điểm đạo, vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, và đặt con người vào tiếp xúc với trung tâm trong Thân thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một

consciously effected. The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane; the five-pointed star "blazes forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame.

cách hữu thức. Hai cuộc điểm đạo, được gọi là thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma; ngôi sao năm cánh "bừng cháy từ bên trong chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào trong Ngọn Lửa.

Initiation and the mystery of numbers primarily concern consciousness, and not fundamentally "ability to function on a plane," nor the energy of matter, as might be gathered from so many occult books. They deal with the subjective life, life as part of the consciousness and self-realization of a planetary Logos, or Lord of a Ray, and not *life in matter* as we understand it. A Heavenly Man functions in His pranic vehicle, and there His consciousness is to be found as far as we are concerned in this system; He works *consciously* through His centres.

Điểm đạo và huyền nhiệm của các con số chủ yếu liên quan đến tâm thức, chứ không căn bản liên quan đến "khả năng hoạt động trên một cõi," cũng không liên quan đến năng lượng của vật chất như có thể suy ra từ rất nhiều sách huyền bí học. Chúng liên quan đến sự sống chủ quan, sự sống như một phần của tâm thức và sự tự chứng nghiệm của một Hành Tinh Thượng Đế, hay Chúa Tể của một cung, chứ không phải *sự sống trong vật chất* như chúng ta hiểu. Một Đấng Thiên Nhân hoạt động trong vận cụ prana của Ngài, và ở đó tâm thức của Ngài được tìm thấy đối với chúng ta trong hệ thống này; Ngài hoạt động *một cách hữu thức* thông qua các trung tâm của Ngài.

To sum up: There is a stage in the evolution of consciousness where the three, the four and the five blend and merge perfectly. Confusion on this point arises from two causes which are the point of individual achievement of the student. We interpret and colour statements according to the state of our own inner consciousness. H. P. B. hints at this *(S. D., III, 456.)* when dealing with the principles; also the interpretation of these figures varies according to the key employed. The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have succeeded in vitalizing the fifth spirilla in all the atoms of the threefold lower man; when they [Page 698] have unfolded three of the egoic petals and are in process of unfolding the fourth and fifth and

Tóm lại: Có một giai đoạn trong sự tiến hoá của tâm thức mà ở đó ba, bốn và năm hòa trộn và dung nhập hoàn hảo. Sự lẫn lộn về điểm này phát sinh từ hai nguyên nhân, vốn là điểm thành tựu cá nhân của đạo sinh. Chúng ta giải thích và tô màu các phát biểu tùy theo trạng thái tâm thức bên trong của chính mình. H. P. B. ám chỉ điều này *(Giáo Lý Bí Nhiệm, III, 456.)* khi bàn về các nguyên khí; ngoài ra, cách giải thích các con số này thay đổi tùy theo chìa khóa được dùng. Giới thứ năm hay giới tinh thần được bước vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm trong mọi nguyên tử của con người thấp tam phân; khi họ [Page 698] đã khai mở ba cánh hoa chân ngã và đang trong tiến trình khai mở cánh thứ tư và thứ năm, và

when they are becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man.

khi họ đang trở nên có ý thức về mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân.

S6S10 PART II

(c.) The Solar Angels and the Fifth Principle. We can now study the Entities concerned with this fifth principle and their effect upon the evolution of consciousness. Where man is concerned these solar Angels, the Agnishvattas, produce the union of the spiritual Triad, or divine Self, and the Quaternary, or lower self. Where the Logos is concerned, whether solar or planetary, they produce conditions whereby the etheric, and the dense physical become a unit.

(c.) Các Thái dương Thiên Thần và Nguyên khí thứ năm. Giờ đây chúng ta có thể nghiên cứu các Thực thể liên quan đến nguyên khí thứ năm này và ảnh hưởng của các Ngài lên sự tiến hoá của tâm thức. Xét nơi con người, các Thái dương Thiên Thần này, các Agnishvatta, tạo ra sự hợp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần, hay Bản Ngã thiêng liêng, với Bộ Tứ, hay phàm ngã. Xét nơi Thượng đế, dù là Thái dương hay Hành Tinh Thượng Đế, các Ngài tạo ra những điều kiện nhờ đó thể dĩ thái và thể xác hồng trần đậm đặc trở thành một đơn vị.

They represent a peculiar type of electrical force; their work is to blend and fuse, and above all else they are the "transmuting fires" of the system, and are those agents who pass the life of God through their bodies of flame as it descends from the higher into the lower, and again as it ascends from the lower into the higher. They are connected in their highest groups with that portion of the logoic head centre which corresponds to the heart, and here is the clue to the mystery of kama-manas. The kamic angels are vitalised from the "heart" centre and the manasic angels from the logoic head centre, *via the point within that centre connected with the heart.* These two dominating groups are the sumtotal of kama-manas in all its manifestations. The solar angels exist in three groups, all of which are concerned with the self-consciousness aspect, all of which are energised and connected with the fifth spirilla of the logoic permanent atom, and all of which work as a unit.

Các Ngài tượng trưng cho một loại mãnh lực điện đặc biệt; công việc của các Ngài là hòa trộn và dung hợp, và trên hết các Ngài là "những ngọn lửa chuyển hoá" của hệ thống, là những tác nhân truyền sự sống của Thượng đế qua các thể lửa của mình khi nó giáng từ cao xuống thấp, và lại một lần nữa khi nó thăng từ thấp lên cao. Trong các nhóm cao nhất của mình, các Ngài liên kết với phần đó của trung tâm đầu của Thượng đế tương ứng với tim, và ở đây có đầu mối cho huyền nhiệm của kama-manas. Các thiên thần kamic được tiếp sinh lực từ trung tâm "tim" và các thiên thần manasic từ trung tâm đầu của Thượng đế, *qua điểm bên trong trung tâm ấy nối với tim.* Hai nhóm chi phối này là tổng thể của kama-manas trong mọi biểu hiện của nó. Các Thái dương Thiên Thần tồn tại trong ba nhóm, tất cả đều liên quan đến phương diện ngã thức, tất cả đều được tiếp năng lượng và liên kết với loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn của Thượng đế, và tất cả đều hoạt động như một đơn vị.

One group, the highest, is connected with the logoic head centre, whether solar or planetary. They work with the manasic permanent atoms and embody the will-to-be in dense physical incarnation. Their power is felt on the atomic subplane and on the second; they are the [Page 699] substance and the life of those planes. Another group is connected definitely with the causal bodies of all Egos and are of prime importance in this solar system. They come from the heart centre, and express that force. The third group, corresponding to the throat centre, show forth their power on the fourth subplane through the mental units. They are the sumtotal of the power of the Ego to see, to hear and to speak (or sound) in the strictly occult sense.

Một nhóm, cao nhất, liên kết với trung tâm đầu của Thượng đế, dù là thái dương hay hành tinh. Họ làm việc với các nguyên tử trường tồn manas và hiện thân cho ý chí-hướng-tồn tại trong sự nhập thể hồng trần đậm đặc. Quyền năng của họ được cảm nhận trên cõi phụ nguyên tử và cõi phụ thứ hai; họ là [Page 699] chất liệu và sự sống của các cõi ấy. Một nhóm khác liên kết rõ rệt với các thể nguyên nhân của mọi Chân ngã và có tầm quan trọng hàng đầu trong hệ mặt trời này. Họ đến từ trung tâm tim, và biểu lộ mãnh lực ấy. Nhóm thứ ba, tương ứng với trung tâm cổ họng, biểu lộ quyền năng của mình trên cõi phụ thứ tư thông qua các đơn vị hạ trí. Họ là tổng thể quyền năng của Chân ngã để thấy, nghe và nói (hay xướng) theo nghĩa huyền bí học nghiêm ngặt.

A hint may here be given to those who have power to see. Three constellations are connected with the fifth logoic principle in its threefold manifestation: Sirius, two of the Pleiades, and a small constellation whose name must be ascertained by the intuition of the student. These three govern the appropriation by the Logos of His dense body. When the last pralaya ended, and the etheric body had been co-ordinated, a triangle in the Heavens was formed under law which permitted a flow of force, producing vibration on the fifth systemic plane. That triangle still persists, and is the cause of the continued inflow of manasic force; it is connected with the spirillae in the logoic mental unit and as long as His will-to-be persists, the energy will continue to flow through. In the fifth round, it will be felt at its height.

Ở đây có thể đưa ra một gợi ý cho những ai có năng lực thấy. Ba chòm sao liên kết với nguyên khí thứ năm của Thượng đế trong biểu hiện tam phân của nó: Sirius, hai ngôi trong Pleiades, và một chòm sao nhỏ mà tên của nó phải được trực giác của đạo sinh khám phá. Ba chòm sao này cai quản việc Thượng đế chiếm hữu thể đậm đặc của Ngài. Khi kỳ pralaya cuối cùng chấm dứt, và thể dĩ thái đã được phối hợp, một tam giác trên các tầng trời được hình thành theo định luật, cho phép một dòng mãnh lực chảy vào, tạo ra rung động trên cõi hệ thống thứ năm. Tam giác đó vẫn còn tồn tại, và là nguyên nhân của sự tuôn vào liên tục của mãnh lực manas; nó liên kết với các loa tuyến trong đơn vị hạ trí của Thượng đế và chừng nào ý chí-hướng-tồn tại của Ngài còn kéo dài, năng lượng sẽ tiếp tục chảy qua. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, nó sẽ được cảm nhận ở mức cao nhất.

In considering the Entities (233) who gave the manasic principle to man, we must remember that they are the beings who, in

Khi xem xét các Thực thể (233) đã ban nguyên khí manas cho con người, chúng ta phải nhớ rằng các Ngài là những hữu thể đã

earlier manvantaras have achieved, and who —in this round—waited for a specific moment at [Page 700] which to enter, and so continue their work.

(233) A very natural question might here be asked:—Why do we consider this matter of the devas of the middle system (as we might call those connected with this system and with buddhi and kama-manas) in our consideration of thought forms? For two reasons:—One is that all that is in the solar system is but substance energised from the cosmic mental and astral planes, and built into form through the power of electrical Law; all that can be known is but forms ensouled by ideas. Secondly, that in the knowledge of the creative processes of the system, man learns for himself how in time to become a creator. We might illustrate this by remarking that one of the main functions of the Theosophical movement in all its many branches is to build a form which can be ensouled, in due time, by the idea of Brotherhood. (back)

A parallel case can be seen at the entry—in Atlantean days—of Egos from the moon-chain. The parallel is not exact, as a peculiar condition prevailed on the moon, and a peculiar karmic purpose brought them all in at that time.

It should here be remembered that in the moon the fifth principle of manas incubated normally, and instinct gradually developed until it imperceptibly merged into manas, being of a similar nature; in this round a peculiar condition necessitated extra-planetary stimulation, and this special group of Pitris effected a transition of the

thành tựu trong các giai kỳ sinh hóa trước, và—trong cuộc tuần hoàn này—đã chờ một thời điểm đặc biệt [Page 700] để đi vào, và nhờ đó tiếp tục công việc của mình.

(233) Một câu hỏi rất tự nhiên có thể được nêu ra ở đây:—Tại sao chúng ta lại xem xét vấn đề các thiên thần của hệ thống trung gian (như chúng ta có thể gọi những vị liên kết với hệ thống này và với bồ đề cùng kama-manas) trong khi bàn về các Hình tư tưởng? Vì hai lý do:—Một là vì mọi thứ trong hệ mặt trời chỉ là chất liệu được tiếp năng lượng từ các cõi trí và cảm dục vũ trụ, và được xây dựng thành hình tướng nhờ quyền năng của Định luật điện; mọi điều có thể biết chỉ là các hình tướng được phú linh bởi các ý tưởng. Thứ hai, vì trong sự hiểu biết về các tiến trình sáng tạo của hệ thống, con người tự học cho mình cách để theo thời gian trở thành một đấng sáng tạo. Chúng ta có thể minh họa điều này bằng cách nhận xét rằng một trong những chức năng chính của phong trào Thông Thiên Học trong mọi ngành nhánh của nó là xây dựng một hình tướng mà đến đúng lúc có thể được phú linh bởi ý tưởng về Tình Huynh Đệ. (back)

Một trường hợp song song có thể được thấy nơi sự đi vào—trong những ngày Atlantis—của các Chân ngã từ Dãy Mặt Trăng. Sự song song này không hoàn toàn chính xác, vì một điều kiện đặc biệt đã chi phối trên mặt trăng, và một mục đích nghiệp quả đặc biệt đã đưa tất cả họ vào lúc ấy.

Ở đây cần nhớ rằng trên mặt trăng, nguyên khí thứ năm, manas, đã được ấp ủ một cách bình thường, và bản năng dần dần phát triển cho đến khi không thể nhận ra lúc nào nó hòa nhập vào manas, vì có bản chất tương tự; trong cuộc tuần hoàn này, một điều kiện đặc biệt đòi hỏi sự kích thích ngoài hành tinh, và nhóm Pitri đặc biệt này đã tạo ra

lower into the higher through a downflow of energy via the Earth's Primary from an extra-systemic centre.

một sự chuyển tiếp từ thấp lên cao thông qua một dòng năng lượng tuôn xuống qua Nguyên khí Sơ cấp của Trái Đất từ một trung tâm ngoài hệ thống.

The central three rounds, as in the planes and principles, are the most important for the evolution of the self-conscious units in this system, and this working towards perfection of the three, the four, and the five, mark, for the planetary Logos, as for man, the cycle of maturity. The earlier and later cycles mark that of growth towards maturity, and the garnering of the fruits of earlier experience. The three Halls again can be here considered from this aspect, and the central period allocated to the Hall of Learning.

Ba cuộc tuần hoàn trung tâm, cũng như trong các cõi và các nguyên khí, là quan trọng nhất đối với sự tiến hoá của các đơn vị ngã thức trong hệ thống này, và sự vận hành hướng đến hoàn thiện của ba, bốn và năm đánh dấu, đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng như đối với con người, chu kỳ trưởng thành. Các chu kỳ sớm hơn và muộn hơn đánh dấu sự tăng trưởng hướng đến trưởng thành, và sự thu hoạch các quả của kinh nghiệm trước đó. Ba Phòng cũng có thể được xem xét lại từ phương diện này, và thời kỳ trung tâm được dành cho Phòng Học Hỏi.

On all the planets these manasadevas are found working, ever in their three groups but varying the methods employed according to the stage of the evolution of the planet concerned, and the karma of its planetary Lord. Their method of work on the Earth can be studied in the *Secret Doctrine* and has a most significant interest for men at this time. (234) The three groups should be carefully considered from the standpoint of their occult work, which is hinted at under the terms of:

Trên mọi hành tinh, các manasadeva này đều được thấy đang hoạt động, luôn luôn trong ba nhóm của mình nhưng thay đổi phương pháp được dùng tùy theo giai đoạn tiến hoá của hành tinh liên hệ, và nghiệp quả của Chúa Tể hành tinh của nó. Phương pháp làm việc của họ trên Trái Đất có thể được nghiên cứu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với con người vào lúc này. (234) Ba nhóm này nên được xem xét cẩn thận từ quan điểm công việc huyền bí học của họ, vốn được ám chỉ dưới các thuật ngữ:

(234) See all the earlier part of the Secret Doctrine, Volume II. (back)

(234) Xem toàn bộ phần đầu của Giáo Lý Bí Nhiệm, Quyển II. (back)

a. Those who refused to incarnate.

a. Những vị từ chối nhập thể.

b. Those who implanted the spark of manas.

b. Những vị cấy tia lửa manas.

c. Those who took bodies and moulded the type.

c. Những vị nhận lấy các thân thể và nắn đúc kiểu mẫu.

[Page 701] The second group, the intermediate, can be subdivided into two lesser groups:

a. Those who implant the spark of manas,

b. Those who fan and feed the latent flame in the best types of animal man,

thus again making five. These statements have been accepted at their face value, but little attention is paid to the real meaning. Much profit would come if the student would study the subject from the standpoint of energy, and of magnetic interaction. Those who refused to incarnate or to energise with their life the prepared forms, were acting under Law, and their opposition to incarnation in these forms was *based on magnetic repulsion*. They could not energise the forms provided, for it involved the opposition of that which is *occultly the same.* The lesser was not negative to the greater Life. Where the Spark was implanted we have the receptivity of the negative aspect to the positive force and therefore the progress of the work. In every case we have deva substance of one polarity energised by another polarity with the goal in view of producing—through their mutual interaction—a balancing of forces, and the attainment of a third type of electrical phenomena.

The question of the coming of the Lords of Flame is discussed hereafter under the heading "Individualisation." At this point we are only dealing with the work of these chohanic forces in a systemic and cosmic sense. These solar entities, being liberated intelligent Essences were in pralaya of a

[Page 701] Nhóm thứ hai, nhóm trung gian, có thể được chia thành hai nhóm nhỏ hơn:

a. Những vị cấy tia lửa manas,

b. Những vị quạt bùng và nuôi dưỡng ngọn lửa tiềm ẩn trong những kiểu người thú tốt nhất,

như vậy lại thành năm. Những phát biểu này đã được chấp nhận theo nghĩa bề mặt của chúng, nhưng ít chú ý đến ý nghĩa thực sự. Sẽ rất có ích nếu đạo sinh nghiên cứu chủ đề này từ quan điểm năng lượng và sự tương tác từ tính. Những vị từ chối nhập thể hay từ chối tiếp năng lượng bằng sự sống của mình cho các hình tướng đã được chuẩn bị, đã hành động theo Định luật, và sự chống đối của họ đối với việc nhập thể vào các hình tướng này *dựa trên sự đẩy lùi từ tính*. Họ không thể tiếp năng lượng cho các hình tướng được cung cấp, vì điều đó bao hàm sự đối kháng của cái mà *về mặt huyền bí học là cùng một thứ.* Cái nhỏ hơn không âm đối với Sự sống lớn hơn. Nơi nào tia lửa được cấy vào, ở đó chúng ta có tính tiếp nhận của phương diện âm đối với mãnh lực dương và do đó công việc tiến triển. Trong mọi trường hợp, chúng ta có chất liệu thiên thần của một cực tính được tiếp năng lượng bởi một cực tính khác với mục tiêu là tạo ra—qua sự tương tác hỗ tương của chúng—một sự quân bình các mãnh lực, và đạt được một loại hiện tượng điện thứ ba.

Vấn đề sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa sẽ được bàn sau dưới tiêu đề "Biệt ngã hóa." Ở điểm này chúng ta chỉ đang bàn đến công việc của các mãnh lực chohanic này theo ý nghĩa hệ thống và vũ trụ. Các thực thể thái dương này, vì là các Tinh chất thông tuệ đã được giải thoát, đang

secondary nature when the time came for their reappearance in manifestation. When the WORD sounded forth which produced desire in the Triad for self-expression, and when the sound of the lower manifestation had blended with it, and had risen up into the Heavens, as the occult books express it, [Page 702] an effect was produced which caused a response in certain allied constellations; this set loose energy which swept into the solar system, carrying with it those solar angels who "rested in the Heart of God until the hour was come." Their appearance upon the mental plane brought about the union of Spirit and matter, and from this union was born a self-conscious Identity, the Ego. On cosmic levels, an analogous process occurs in connection with such stupendous Identities as a solar Logos, and the septenary Lives.

ở trong một pralaya có tính thứ yếu khi thời điểm đến cho sự tái xuất hiện của họ trong biểu hiện. Khi LINH TỪ được xướng lên tạo ra dục vọng trong Tam nguyên tinh thần đối với sự tự biểu lộ, và khi âm thanh của biểu hiện thấp đã hòa trộn với nó, rồi dâng lên các tầng trời, như các sách huyền bí học diễn tả, [Page 702] một hiệu quả đã được tạo ra khiến một số chòm sao đồng loại đáp ứng; điều này giải phóng năng lượng tràn vào hệ mặt trời, mang theo những Thái dương Thiên Thần "đã an nghỉ trong Trái Tim của Thượng đế cho đến khi giờ điểm đến." Sự xuất hiện của họ trên cõi trí đã tạo ra sự hợp nhất của tinh thần và vật chất, và từ sự hợp nhất này đã sinh ra một Bản Sắc ngã thức, tức Chân ngã. Trên các cấp độ vũ trụ, một tiến trình tương tự xảy ra liên hệ với những Bản Sắc vĩ đại như một Thái dương Thượng đế, và các Sự sống thất phân.

As the energy of a human being, seeking incarnation, passes down from the plane of intensive purpose, the mental plane, into the physical vehicle on the gaseous or fifth subplane, so a somewhat analogous stimulation takes place in the body logoic. A somewhat similar process can also be seen in connection with this energy in a human body as it stimulates the life of the individual cell, and brings about relatively its intelligent co-operation in group work, and its ability to take its place in the body corporate. It is so with the human Monads, the cells in the body logoic. When science recognizes this fact (which will scarcely be yet awhile) attention will be turned to the volatile essences of the body, to the heart centre particularly, and its relation to these gaseous elements. The heart will be found to be not only the engine which circulates the life fluids, but also the generator of a certain type of intelligent essence which is the positive factor in the life of the cell.

Cũng như năng lượng của một con người, đang tìm cách nhập thể, đi xuống từ cõi của mục đích mãnh liệt, tức cõi trí, vào vận cụ hồng trần trên cõi phụ khí hay cõi phụ thứ năm, thì một sự kích thích phần nào tương tự cũng diễn ra trong thân thể của Thượng đế. Một tiến trình khá giống cũng có thể được thấy liên hệ với năng lượng này trong thân thể con người khi nó kích thích sự sống của tế bào cá biệt, và tương đối tạo ra sự hợp tác thông tuệ của nó trong công việc nhóm, cùng khả năng đảm nhận vị trí của nó trong cơ thể tập thể. Với các chân thần nhân loại, là các tế bào trong thân thể của Thượng đế, cũng vậy. Khi khoa học nhận ra sự kiện này (điều đó còn chưa thể xảy ra trong một thời gian nữa) sự chú ý sẽ được hướng đến các tinh chất dễ bay hơi của thân thể, đặc biệt là trung tâm tim, và mối liên hệ của nó với các nguyên tố khí này. Tim sẽ được phát hiện không chỉ là động cơ tuần hoàn các lưu chất sự sống, mà còn là bộ phát sinh của một loại

tinh chất thông tuệ nào đó, là yếu tố dương trong sự sống của tế bào.

Some idea can be gathered from this as to the microcosmic process, for the individualization of the units is brought about through a macrocosmic happening which produces effects in the microcosm.

Từ đây có thể rút ra một vài ý niệm về tiến trình tiểu thiên địa, vì sự biệt ngã hóa của các đơn vị được tạo ra thông qua một biến cố đại vũ trụ tạo ra các hiệu quả trong tiểu thiên địa.

A final point here needs emphasising. Occultly understood, the five Kumaras or the five Mind-born Sons of Brahma are the embodiers of this manasic force on [Page 703] our planet; but They only reflect (in the Hierarchy of our planet) the function of the five Kumaras or Rishis who are the Lords of the five Rays manifesting through the four lesser planets and the synthesising planet.

Một điểm cuối cùng ở đây cần được nhấn mạnh. Theo nghĩa huyền bí học, năm Kumara hay năm Người Con do Trí sinh của Brahma là những Đấng hiện thân cho mãnh lực manas này trên [Page 703] hành tinh của chúng ta; nhưng các Ngài chỉ phản chiếu (trong Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta) chức năng của năm Kumara hay Rishi là các Chúa Tể của năm cung biểu hiện qua bốn hành tinh nhỏ hơn và hành tinh tổng hợp.

These five Kumaras are the channels for this force and one of Them, the Lord of the planet Venus, embodies in Himself the function of the fifth Hierarchy. This accounts for the activity of Venus at the moment of individualisation in this round. In the next round, this fifth Hierarchy will be utilising our Earth scheme in this way, and we shall then see manas in full fruition working out in the human family. This fifth Hierarchy of Agnishvattas in their many grades embody the “I principle” and are the producers of self-consciousness, and the builders of man’s body of realisation. In time and space, and on the mental plane, they are Man himself in essential essence; they enable him to build his own body of causes, to unfold his own egoic lotus, and gradually to free himself from the limitations of the form which he has constructed, and thus to put himself—in due course of time—into the line of another type of energy, that of buddhi. To word it otherwise, through Their work man can become conscious without

Năm Kumara này là các kênh dẫn cho mãnh lực này và một trong các Ngài, Chúa Tể của hành tinh Sao Kim, hiện thân trong chính Ngài chức năng của Huyền Giai thứ năm. Điều này giải thích hoạt động của Sao Kim vào thời điểm biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn này. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, Huyền Giai thứ năm này sẽ sử dụng hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta theo cách ấy, và khi đó chúng ta sẽ thấy manas kết trái trọn vẹn biểu hiện trong gia đình nhân loại. Huyền Giai thứ năm của các Agnishvatta này trong nhiều cấp bậc của mình hiện thân cho “nguyên khí Tôi” và là những Đấng tạo ra ngã thức, và là các đấng kiến tạo thể chứng nghiệm của con người. Trong thời gian và không gian, và trên cõi trí, các Ngài chính là Con Người trong tinh chất cốt yếu; các Ngài giúp y xây dựng thể nguyên nhân của chính mình, khai mở hoa sen chân ngã của chính mình, và dần dần giải thoát chính mình khỏi các giới hạn của hình tướng mà y đã kiến tạo, và nhờ đó đặt chính mình—đúng theo tiến trình thời gian—vào đường

the manasic vehicle, for manas is but the form through which a higher principle is making itself known. The life of God comes cyclically under the influence of the different Hierarchies or forces, all of which temporarily build for it a vehicle, pass it through their substance, give to it in this way a certain quality or colouring, and increase thereby its vibratory capacity until eventually the life is set free from hierarchical limitation. It then returns to its eternal Source plus the gain of its experiences and with the increased energy which is the result of its various transitions.

hướng của một loại năng lượng khác, đó là bồ đề. Nói cách khác, nhờ công việc của các Ngài, con người có thể trở nên có ý thức mà không cần vận cụ manas, vì manas chỉ là hình tướng qua đó một nguyên khí cao hơn tự biểu lộ. Sự sống của Thượng đế theo chu kỳ chịu ảnh hưởng của các Huyền Giai hay các mãnh lực khác nhau, tất cả đều tạm thời xây dựng cho nó một vận cụ, truyền nó qua chất liệu của mình, nhờ đó ban cho nó một phẩm tính hay sắc thái nào đó, và do đó gia tăng năng lực rung động của nó cho đến khi cuối cùng sự sống được giải thoát khỏi giới hạn huyền giai. Khi ấy nó trở về Nguồn cội vĩnh cửu của mình cộng thêm thành quả của các kinh nghiệm và với năng lượng gia tăng là kết quả của các chuyển tiếp khác nhau của nó.

Let us bear carefully in mind, that the Rays are the positive aspect in manifestation and pass down into [Page 704] negative matter, deva or hierarchical substance, thus causing certain evidences of activity. The Hierarchies are the negative aspect as far as the Rays are concerned and are responsive to Ray impulse. But within each Ray and each Hierarchy in this system a dual force again will be found. The Sons of God are bisexual. The deva substance is also dual, for the evolutionary devas are the positive energy of the atom, cell or subhuman form, for instance, while the electrons or lesser lives within the form are negative.

Chúng ta hãy cẩn thận ghi nhớ rằng các cung là phương diện dương trong biểu hiện và đi xuống vào [Page 704] vật chất âm, tức chất liệu thiên thần hay huyền giai, nhờ đó gây ra những biểu hiện hoạt động nhất định. Các Huyền Giai là phương diện âm xét theo các cung và đáp ứng với xung lực cung. Nhưng bên trong mỗi cung và mỗi Huyền Giai trong hệ thống này, lại có thể tìm thấy một mãnh lực kép. Các Con của Thượng đế là lưỡng tính. Chất liệu thiên thần cũng là kép, vì các thiên thần tiến hoá là năng lượng dương của nguyên tử, tế bào hay hình tướng dưới nhân loại chẳng hạn, trong khi các điện tử hay các sự sống nhỏ hơn bên trong hình tướng là âm.

The mystery of the Manasaputras is hidden in this, and in the function of the fifth Hierarchy, and it is not possible to reveal more of it. The secret of Buddhi, the sixth or Christ principle, which concerns these Sons of God, and the secret of the fifth Hierarchy which is the vehicle or recipient of buddhi, cannot be mentioned outside initiated

Huyền nhiệm của các Manasaputra được ẩn giấu trong điều này, và trong chức năng của Huyền Giai thứ năm, và không thể tiết lộ thêm. Bí mật của Bồ đề, nguyên khí thứ sáu hay nguyên khí Christ, vốn liên quan đến các Con của Thượng đế này, và bí mật của Huyền Giai thứ năm là vận cụ hay cơ quan tiếp nhận bồ đề, không thể được nói đến ngoài

circles. It holds hid the possibility of egoic unfoldment, and keeps secret the karma of the Heavenly Men, the five Kumaras.

các vòng điểm đạo. Nó che giấu khả năng khai mở chân ngã, và giữ kín nghiệp quả của các Đấng Thiên Nhân, năm Kumara.

The fifth principle of manas is embodied in the five Kumaras, and if the student studies the significance of the first five petals which are unfolded in the egoic lotus, he may touch upon the fringe of the mystery. The fifth Ray, which is the Ray of the fifth Kumara, is potently responsive to the energy flowing through the fifth Hierarchy. As the student of occultism knows, the Lord of the fifth Ray holds that place in the Septenary enumeration, but under the fivefold classification, he holds the third or middle place.

Nguyên khí thứ năm của manas được hiện thân trong năm Kumara, và nếu đạo sinh nghiên cứu ý nghĩa của năm cánh hoa đầu tiên được khai mở trong hoa sen chân ngã, y có thể chạm đến rìa của huyền nhiệm. Cung năm, là cung của Kumara thứ năm, đáp ứng mạnh mẽ với năng lượng chảy qua Huyền Giai thứ năm. Như đạo sinh huyền bí học biết, Chúa Tể của cung năm giữ vị trí đó trong cách liệt kê Thất Nguyên, nhưng dưới cách phân loại ngũ phân, Ngài giữ vị trí thứ ba hay vị trí trung tâm.

1.	The cosmic Lord of Will or Power.	
2.	The cosmic Lord of Love-Wisdom.	
3.	The cosmic Lord of Active Intelligence	1.
4.	The cosmic Lord of Harmony	2.
5.	The cosmic Lord of Concrete Knowledge	3.
6.	The cosmic Lord of Abstract Idealism	4.
7.	The cosmic Lord of Ceremonial Magic	5.

[Page 705] This should be pondered on, and His close connection therefore, as a transmitter of force within the Moon chain, the third chain, in connection with the third kingdom, the animal, and with the third

[Page 705] Điều này cần được suy ngẫm, và do đó mối liên hệ mật thiết của Ngài, với tư cách là một kênh truyền mãnh lực trong Dãy Mặt Trăng, dãy thứ ba, liên hệ với giới thứ ba, giới động vật, và với cuộc tuần hoàn thứ ba,

round, must be borne in mind. One symbol that may be found in the archaic records in lieu of His Name or description is an inverted five-pointed star, with the luminous Triangle at the centre. It will be noted that the points involved in this symbol number eight—a picture of that peculiar state of consciousness brought about when the mind is seen to be the slayer of the Real. The secret of planetary avitchi (235) is hidden here, just as the third major scheme can be viewed as systemic avitchi, and the moon at one time held an analogous position in connection with our scheme.

phải được ghi nhớ. Một biểu tượng có thể được tìm thấy trong các cổ thư thay cho Danh xưng hay mô tả của Ngài là một ngôi sao năm cánh đảo ngược, với Tam giác sáng chói ở trung tâm. Cần lưu ý rằng các điểm liên quan trong biểu tượng này là tám—một bức tranh về trạng thái tâm thức đặc biệt được tạo ra khi trí tuệ được thấy là kẻ sát hại Cái Thực. Bí mật của avitchi hành tinh (235) được ẩn giấu ở đây, cũng như hệ hành tinh lớn thứ ba có thể được xem như avitchi của hệ thống, và mặt trăng đã từng giữ một vị trí tương tự liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta.

(235) *Avitchi*. A state of consciousness, not necessarily after death or between births for it can take place on earth as well. Literally it means "uninterrupted hell." The last of the eight hells we are told where "the culprits die and are reborn without interruption—yet not without hope of final redemption." See S. D., III, 510, 521, 528, 529. (back)

(235) *Avitchi*. Một trạng thái tâm thức, không nhất thiết sau khi chết hay giữa các lần sinh, vì nó cũng có thể xảy ra trên trái đất. Nghĩa đen là "địa ngục không gián đoạn." Chúng ta được cho biết đó là địa ngục cuối cùng trong tám địa ngục, nơi "những kẻ phạm tội chết đi và tái sinh không gián đoạn—nhưng không phải là không có hy vọng được cứu chuộc cuối cùng." Xem Giáo Lý Bí Nhiệm, III, 510, 521, 528, 529. (back)

This must be interpreted in terms of consciousness, and not of locality.

Điều này phải được giải thích theo các thuật ngữ của tâm thức, chứ không phải của địa điểm.

In the fifth round, at its middle point, certain things will eventuate.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, tại điểm ở giữa của nó, một số việc sẽ xảy ra.

The fifth Hierarchy will rise to its full power. This will precede the Judgment Day, and will mark a point of tremendous struggle, for the manasic vehicle "manas" (which they embody) will rebel against the translation of the life within (the buddhi). There will, therefore, be seen on a racial scale and involving millions simultaneously, a repetition of the self-same struggle which embroils the man who seeks to transcend mind and to live the life of Spirit. This will

Huyền Giai thứ năm sẽ vươn lên đến toàn bộ quyền năng của nó. Điều này sẽ đi trước Ngày Phán Xét, và sẽ đánh dấu một điểm đấu tranh ghê gớm, vì vận cụ manas "manas" (mà họ hiện thân) sẽ nổi loạn chống lại sự chuyển dịch của sự sống bên trong (bồ đề). Do đó, trên quy mô nhân loại và liên quan đồng thời đến hàng triệu người, sẽ thấy một sự lặp lại của chính cuộc đấu tranh đã cuốn con người vào khi y tìm cách vượt lên trên trí tuệ và sống đời sống của tinh thần.

be the final Armageddon, the planetary kurukshetra, and will be succeeded by the Judgment Day when the Sons of Manas will be cast out and the Dragons of Wisdom rule. This only means that those in whom the manasic principle is over-potent or under-developed will be considered as failures and will [Page 706] have to wait for a more suitable period for development, while those who are living the buddhic life, and in whom it is waxing stronger—spiritual men, aspirants, disciples of various degrees, initiates and adepts—will be left to pursue the natural course of evolution on this scheme.

Đây sẽ là Armageddon cuối cùng, kurukshetra của hành tinh, và tiếp theo sẽ là Ngày Phán Xét khi các Con của Manas bị loại ra và các Rồng Minh Triết cai quản. Điều này chỉ có nghĩa là những ai trong đó nguyên khí manas quá mạnh hoặc kém phát triển sẽ bị xem là thất bại và sẽ [Page 706] phải chờ một thời kỳ thích hợp hơn để phát triển, trong khi những ai đang sống đời sống bồ đề, và trong họ nó đang mạnh dần lên—những người tinh thần, người chí nguyện, các đệ tử ở nhiều cấp độ, các điểm đạo đồ và các chân sư—sẽ được để tiếp tục tiến trình tiến hoá tự nhiên trên hệ hành tinh này.

The mystery of Capricorn is hidden in these five and in the Biblical words "the sheep and the goats." *(Bible. Rev., 20:6-7. Matt., 25:32.)* The Christian hints at this when he speaks of the Christ reigning on earth a thousand years during which the serpent is imprisoned. The Christ principle will triumph for the remainder of the manvantara, and the lower material nature and mind will be held in abeyance until the next round, when fresh opportunity will arise for certain groups of the discarded, though the majority will be held over until another system. Something similar again will take place on the fifth chain but as it concerns a centre in the planetary Logos of which we know but little, we need not here enlarge upon it.

Huyền nhiệm của Ma Kết được ẩn giấu trong năm vị này và trong những lời trong Kinh Thánh "cừu và dê." *(Kinh Thánh. Rev., 20:6-7. Matt., 25:32.)* Người Kitô hữu ám chỉ điều này khi nói về Đức Christ trị vì trên trái đất một ngàn năm trong thời gian đó con rắn bị giam cầm. Nguyên khí Christ sẽ chiến thắng trong phần còn lại của giai kỳ sinh hóa, và bản chất vật chất thấp cùng trí tuệ sẽ bị giữ trong trạng thái đình chỉ cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp, khi cơ hội mới sẽ xuất hiện cho một số nhóm bị loại bỏ, dù đa số sẽ bị trì hoãn cho đến một hệ thống khác. Một điều tương tự cũng sẽ diễn ra trên dãy thứ năm nhưng vì nó liên quan đến một trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế mà chúng ta biết rất ít, nên ở đây không cần nói rộng thêm.

The planetary chains embody centres, and as they are awakened and come under stimulation, they swing into physical incarnation certain types of manasaputras. The type dominated by the fifth chain energy is little known as it is yet in process of evolution within another scheme, the fifth, so it is waste of our time to consider it. It is connected with the unfoldment of the

Các dãy hành tinh hiện thân cho các trung tâm, và khi chúng được thức tỉnh và chịu sự kích thích, chúng đưa vào nhập thể hồng trần một số loại manasaputra nhất định. Loại bị chi phối bởi năng lượng dãy thứ năm ít được biết đến vì nó còn đang trong tiến trình tiến hoá trong một hệ hành tinh khác, hệ thứ năm, nên việc xem xét nó là lãng phí thời gian của chúng ta. Nó liên hệ với sự khai

fifth egoic petal of a planetary Logos on His Own plane and consequently with the activity of the fifth spirilla. When the hour strikes, these units of energy will "come in" from another scheme on a stream of cosmic energy which will swing through a particular systemic triangle, just as when the egos came in this round.

mở cánh hoa chân ngã thứ năm của một Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài và do đó với hoạt động của loa tuyến thứ năm. Khi giờ điểm đến, các đơn vị năng lượng này sẽ "đi vào" từ một hệ hành tinh khác trên một dòng năng lượng vũ trụ sẽ quét qua một tam giác hệ thống đặc biệt, cũng như khi các Chân ngã đã đi vào trong cuộc tuần hoàn này.

It might here be pointed out that the solar Angels concerned with the fifth Hierarchy are naturally a potent factor in the evolution of the fifth or spiritual kingdom; they are that which make it possible, for they not only [Page 707] bridge the gap between the fourth and third kingdoms, but bridge that found between the fourth and fifth.

Ở đây có thể chỉ ra rằng các Thái dương Thiên Thần liên quan đến Huyền Giai thứ năm tự nhiên là một yếu tố mạnh mẽ trong sự tiến hoá của giới thứ năm hay giới tinh thần; các Ngài là điều làm cho điều đó trở nên khả hữu, vì các Ngài không chỉ [Page 707] bắc cầu khoảng cách giữa giới thứ tư và giới thứ ba, mà còn bắc cầu khoảng cách giữa giới thứ tư và giới thứ năm.

We need not consider any further this question of the fifth principle, for two reasons:

Chúng ta không cần xem xét thêm vấn đề này về nguyên khí thứ năm, vì hai lý do:

First, that the subject has been sufficiently covered for our purpose in an earlier section, and secondly, that the full revelation in connection with cosmic manas and the entities who come in on that influence may not further be revealed at this moment. That which is given in the *Secret Doctrine*, and supplemented here by further details, will suffice for the investigations of students for another generation. Each generation should produce those able to ascertain subjective fact for themselves; they will utilize that which is exoteric and known as stepping stones on the path to perfect knowledge. They will know, and they will give out, and only the next cycle of fifty years after their work is accomplished will see the recognition by the many of the truth revealed by the few. In the case of H. P. B. this is apparent. On the tide of the present

Thứ nhất, vì chủ đề này đã được trình bày đầy đủ cho mục đích của chúng ta trong một phần trước, và thứ hai, vì sự mặc khải trọn vẹn liên hệ với manas vũ trụ và các thực thể đi vào dưới ảnh hưởng đó hiện không thể được tiết lộ thêm. Điều đã được nêu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, và được bổ sung ở đây bằng các chi tiết thêm, sẽ đủ cho các cuộc khảo cứu của các đạo sinh trong một thế hệ nữa. Mỗi thế hệ nên sản sinh ra những người có thể tự mình xác định sự kiện chủ quan; họ sẽ sử dụng điều ngoại môn và đã biết như những viên đá bước trên con đường dẫn đến tri thức hoàn hảo. Họ sẽ biết, và họ sẽ công bố, và chỉ đến chu kỳ năm mươi năm kế tiếp sau khi công việc của họ hoàn tất thì số đông mới công nhận chân lý được số ít mặc khải. Trong trường hợp của H. P. B. điều này là hiển nhiên. Trên làn sóng của nỗ lực hiện

endeavour, the *Secret Doctrine* will be vindicated and her work justified.

tại, *Giáo Lý Bí Nhiệm sẽ* được minh oan và công trình của bà sẽ được biện minh.

S6S11

b. On Individualisation.

b. Về Biệt ngã hóa.

(a.) The Work of the Solar Angels. Let us briefly consider the general construction of the body of the Ego enumerating its component parts and bearing in mind that the form is ever prepared prior to occupancy. From the study of this body, we can get some idea of, and some light upon macrocosmic Individualisation.

(a.) Công việc của các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta hãy ngắn gọn xem xét cấu trúc tổng quát của thể nguyên nhân của Chân ngã bằng cách liệt kê các thành phần của nó và ghi nhớ rằng hình tướng luôn luôn được chuẩn bị trước khi có sự cư ngụ. Từ việc nghiên cứu thể này, chúng ta có thể có được một vài ý niệm và một vài ánh sáng về Biệt ngã hóa đại vũ trụ.

The causal body, called sometimes (though inaccurately) the "karana sarira," has its place on the third subplane of the mental plane, the lowest abstract plane, and the one whereon the Ray of the third Logos provides the necessary "light for construction." (This is because each subplane comes specially under the influence of its Number, Name, or Lord.) When the hour [Page 708] strikes and the vehicles for buddhi are to be co-ordinated certain great Beings, Lords of the Flame, or Manasadevas, through driving external force, come in conjunction with the material of that subplane, and vitalise it with Their Own energy. They form a new and positive impulse which co-ordinates the material of the plane and produces a temporary balancing of forces. Hence the meaning of the "white," or transparent condition of the new causal body. It remains with the new-born ego first to upset the equilibrium, and then to regain it, at the close of the process, producing a radiant form, full of primal colours.

Thể nguyên nhân, đôi khi được gọi (dù không chính xác) là "karana sarira," có vị trí của nó trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, cõi trí trừu tượng thấp nhất, và là cõi mà trên đó cung của Thượng đế thứ ba cung cấp "ánh sáng cần thiết cho việc kiến tạo." (Điều này là vì mỗi cõi phụ đặc biệt chịu ảnh hưởng của Con số, Danh xưng, hay Chúa Tể của nó.) Khi giờ điểm [Page 708] đến và các vận cụ cho bồ đề phải được phối hợp, một số Đấng vĩ đại, các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa, hay các Manasadeva, thông qua mãnh lực bên ngoài thúc đẩy, kết hợp với chất liệu của cõi phụ ấy, và tiếp sinh lực cho nó bằng chính năng lượng của Các Ngài. Các Ngài tạo thành một xung lực mới và dương, phối hợp chất liệu của cõi và tạo ra một sự quân bình tạm thời của các mãnh lực. Do đó mới có ý nghĩa của trạng thái "trắng," hay trong suốt, của thể nguyên nhân mới. Chân ngã mới sinh trước hết phải phá vỡ sự quân bình ấy, rồi sau đó tái lập nó vào lúc kết thúc tiến trình, tạo ra một hình tướng rực rỡ, đầy các màu sắc nguyên sơ.

At the coming in of the Manasadevas to produce self-consciousness and to bring

Khi các Manasadeva đi vào để tạo ra ngã thức và đem lại sự nhập thể của các Chân ngã

about the incarnation of the divine Egos, four things occur on that plane. If the student adds to these four those which have been already imparted in various occult books anent the effect of individualisation on animal man and his appearance as a self-conscious identity on the physical plane, a working hypothesis is provided whereby man can scientifically undertake his own unfoldment. These four are given in the order of their appearance in time and space:

thiêng liêng, bốn điều xảy ra trên cõi ấy. Nếu đạo sinh cộng thêm vào bốn điều này những điều đã được truyền đạt trong nhiều sách huyền bí học khác liên quan đến hiệu quả của sự biệt ngã hóa trên người thú và sự xuất hiện của y như một bản sắc ngã thức trên cõi hồng trần, thì sẽ có được một giả thuyết làm việc nhờ đó con người có thể một cách khoa học đảm nhận sự khai mở của chính mình. Bốn điều này được nêu ra theo thứ tự xuất hiện của chúng trong thời gian và không gian:

First. There appear upon the third subplane of the mental plane certain vibratory impulses—nine in number—corresponding to the fivefold vibration of these Manasadevas in conjunction with the fourfold vibration set up from below and inherent in the matter of this subplane, the fifth from the lower standpoint. This produces "the ninefold egoic lotus," which is at this stage tightly closed, the nine petals folded one upon the other. They are vibrant, and scintillating "light" but not of excessive brightness. These "lotus buds" are in groups, according to the influence of the particular ones of the fivefold Dhyanis Who are acting upon it and Who form it out of Their own substance, colouring it faintly with the "fire of manas."

Thứ nhất. Trên cõi phụ thứ ba của cõi trí xuất hiện một số xung lực rung động—gồm chín xung lực—tương ứng với rung động ngũ phân của các Manasadeva này phối hợp với rung động tứ phân được thiết lập từ bên dưới và vốn có trong vật chất của cõi phụ này, tức cõi phụ thứ năm theo quan điểm từ dưới lên. Điều này tạo ra "hoa sen chân ngã cửu phân", vào giai đoạn này vẫn khép kín chặt chẽ, chín cánh hoa gập chồng lên nhau. Chúng rung động, và lấp lánh "ánh sáng" nhưng không quá rực rỡ. Các "nụ sen" này ở thành nhóm, tùy theo ảnh hưởng của những vị đặc thù trong các Dhyanis ngũ phân đang tác động lên chúng và tạo thành chúng từ chính chất liệu của Các Ngài, nhuộm chúng một cách mờ nhạt bằng "lửa của trí tuệ."

[Page 709] *Second.* There appears a triangle on the mental plane, produced by manasic activity, and this triangle of fire begins slowly to circulate between the manasic permanent atom, and a point at the centre of the egoic lotus, and thence to the mental unit, which has appeared upon the fourth subplane through innate instinct approximating mentality. This triangle of fire, which is formed of pure electrical manasic force, waxes ever brighter until it produces an answering vibration from both

[Page 709] *Thứ hai.* Trên cõi trí xuất hiện một tam giác do hoạt động manas tạo ra, và tam giác lửa này bắt đầu tuần hoàn chậm rãi giữa nguyên tử trường tồn manas, một điểm ở trung tâm hoa sen chân ngã, rồi từ đó đến đơn vị hạ trí, vốn đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư nhờ bản năng bẩm sinh tiến gần đến trí tuệ. Tam giác lửa này, được cấu thành bằng mãnh lực manas điện thuần túy, ngày càng sáng hơn cho đến khi tạo ra một rung động đáp ứng từ cả bên dưới lẫn bên trên. Tam giác này là hạt nhân của antaskarana.

the lower and the higher. This triangle is the nucleus of the antaskarana. The work of the highly evolved man is to reduce this triangle to a unity, and by means of high aspiration (which is simply transmuted desire affecting mental matter) turn it into the Path and thus reproduce in a higher synthetic form the earlier "path" along which the descending Spirit came to take possession of its vehicle, the causal body, and from thence again work through the lower personal self.

Công việc của con người tiến hóa cao là quy tam giác này về nhất thể, và bằng khát vọng cao cả (vốn chỉ là dục vọng đã được chuyển hoá tác động lên vật chất trí tuệ) biến nó thành Đường Đạo, nhờ đó tái tạo dưới một hình thức tổng hợp cao hơn "con đường" trước kia mà theo đó Tinh thần giáng xuống để chiếm hữu vận cụ của nó, thể nguyên nhân, rồi từ đó lại hoạt động qua phàm ngã thấp.

Third. At a certain stage of vibratory activity, the work of the Lords of the Flame having produced a body or form and a vibration calling for response, there occurs a practically simultaneous happening.

Thứ ba. Ở một giai đoạn nhất định của hoạt động rung động, khi công việc của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đã tạo ra một thân thể hay hình tướng và một rung động kêu gọi sự đáp ứng, thì xảy ra một biến cố gần như đồng thời.

A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus. There, by the power of its own vibration, it causes a change in the appearance of the lotus. At the very heart of the lotus, three more petals appear which close in on the central flame, covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus." The egoic lotus is now composed of twelve petals, nine of these appear at this stage in bud form and three are completely hidden and mysterious.

Một dòng Bồ đề tuôn xuống theo đường của tam giác manas cho đến khi đạt tới một điểm ngay tại trung tâm hoa sen. Ở đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó, nó gây ra một sự thay đổi trong vẻ ngoài của hoa sen. Ngay nơi tâm điểm của hoa sen, xuất hiện thêm ba cánh hoa nữa khép lại quanh ngọn lửa trung tâm, che phủ nó kín mít, và vẫn khép kín cho đến khi đến lúc mặc khải "ngọc trong Hoa Sen." Hoa sen chân ngã lúc này gồm mười hai cánh hoa, trong đó chín cánh ở giai đoạn này hiện ra dưới dạng nụ và ba cánh hoàn toàn ẩn kín và huyền nhiệm.

At the same time, the three permanent atoms are enclosed within the lotus, and are seen by the clairvoyant as three points of light in the lower part of the bud, beneath [Page 710] the central portion. They form at this stage a dimly burning triangle. The causal body, though only in an embryonic condition, is now ready for full activity as the eons slip away, and is complete in all its threefold nature. *The*

Đồng thời, ba nguyên tử trường tồn được bao bọc bên trong hoa sen, và được nhà thông nhãn thấy như ba điểm sáng ở phần dưới của nụ, bên dưới [Page 710] phần trung tâm. Ở giai đoạn này, chúng tạo thành một tam giác cháy mờ nhạt. Thể nguyên nhân, tuy mới chỉ ở tình trạng phôi thai, nay đã sẵn sàng cho hoạt động trọn vẹn khi các đại kiếp trôi qua, và hoàn chỉnh trong toàn bộ bản chất tam phân của nó. *Phương diện vật chất,*

matter aspect, which concerns the material form of the man in the three worlds, or his active intelligent personal self call be developed and controlled through the medium of the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom. *The Spirit aspect* lies concealed at the heart of the lotus, in due course of time to stand revealed when the manasadevas have done their work. The will that persists forever is there. *The consciousness aspect* embodying the love-wisdom of the divine Ego as it reveals itself by the means of mind is predominantly there, and in the nine petals and their vibratory capacity lies hid all opportunity, all innate capacity to progress, and all the ability to function as a self-conscious unit, that entity we call Man. (237)

liên quan đến hình tướng vật chất của con người trong ba cõi giới, hay phàm ngã hoạt động thông minh của y, có thể được phát triển và kiểm soát qua trung gian của đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần. *Phương diện Tinh thần* nằm ẩn kín nơi tâm hoa sen, để theo thời gian sẽ được mặc khải khi các manasadeva đã hoàn tất công việc của họ. Ý chí tồn tại mãi mãi ở đó. *Phương diện tâm thức* thể hiện Bác Ái – Minh Triết của chân ngã thiêng liêng khi nó tự biểu lộ qua phương tiện của trí tuệ thì hiện diện nổi trội ở đó, và trong chín cánh hoa cùng năng lực rung động của chúng ẩn giấu mọi cơ hội, mọi năng lực bẩm sinh để tiến bộ, và toàn bộ khả năng hoạt động như một đơn vị ngã thức, thực thể mà chúng ta gọi là Con Người. (237)

(237) The Solar Lord, the Divine Ego. Of the two courses of soul development referred to by H. P. B. in her "Voice of the Silence" as the path of "Dhyana" and "Dharma" or the "Paramitas," Ramayana is based upon the latter. The "Seven Portals," referred to in the book of the same name, correspond very probably to the seven cantos of this sacred poem. But I have read only the first canto, and I shall give you the analysis of it, so far as I know. Excluding the preface to the poem, the first thing, in the first canto, is a description of the peculiar circumstances that attended Rama's birth in Dasaratha's family. Dasaratha is, as you all know, a descendant of solar kings, who began to rule over this earth from the time of Manu the Vyvaswatha. As his name implies, he is a king whose car can travel in ten directions, or taking the occult microcosmic sense he is king of the human body, which has ten senses of action and perception that connect it with the ten directions. You are thoroughly familiar with the idea that our ancient philosophers used to describe the

(237) Nhật tinh quân, Chân ngã thiêng liêng. Trong hai lộ trình phát triển linh hồn được H. P. B. đề cập trong "Tiếng Nói của Im Lặng" của bà như con đường "Dhyana" và "Dharma" hay các "Paramitas," Ramayana dựa trên con đường sau. "Bảy Cổng," được nói đến trong cuốn sách cùng tên, rất có thể tương ứng với bảy khúc ca của bài thơ thiêng liêng này. Nhưng tôi chỉ mới đọc khúc ca thứ nhất, và tôi sẽ trình bày cho bạn phần phân tích của nó, trong phạm vi tôi biết. Không kể lời tựa của bài thơ, điều đầu tiên trong khúc ca thứ nhất là mô tả những hoàn cảnh đặc biệt đi kèm sự ra đời của Rama trong gia đình Dasaratha. Như tất cả các bạn đều biết, Dasaratha là hậu duệ của các vị vua mặt trời, những vị bắt đầu cai quản trái đất này từ thời Đức Manu Vyvaswatha. Như tên của ông hàm ý, ông là một vị vua có cỗ xe có thể đi theo mười hướng, hoặc nếu lấy ý nghĩa huyền bí vi mô thì ông là vua của thân thể con người, vốn có mười giác quan hành động và tri giác nối nó với mười phương. Các bạn rất quen thuộc với ý niệm rằng các triết gia cổ xưa của chúng ta thường mô tả thân thể

body as a town with nine gates. The nine gates are, as the nine orifices of the human body. If you add to the nine one more for the orifice known as the Brahma-rundra or the door of Brahma, you get ten gates corresponding to the ten directions. The word "Dasaratha" indicates the consciousness connected with our senses, which consciousness is inferior to the consciousness which we call mind.—*The Theosophist*, Vol. XIII, p. 340. (back)

như một thành phố có chín cổng. Chín cổng ấy là chín lỗ của thân thể con người. Nếu thêm vào chín cổng ấy một cổng nữa là lỗ được gọi là Brahma-rundra hay cửa của Brahma, ta có mười cổng tương ứng với mười phương. Từ "Dasaratha" chỉ tâm thức gắn với các giác quan của chúng ta, mà tâm thức ấy thấp hơn tâm thức mà chúng ta gọi là trí tuệ.—*The Theosophist*, Tập XIII, tr. 340. (back)

Mahadeva sits at the heart, Surya or Vishnu reveals Him in His essence as the Wisdom of Love and the Love of Wisdom, and Brahma, the Creative Logos makes that revelation possible. The Father in [Page 711] Heaven is to be revealed through the Christ, the Son, by the method of incarnation made possible through the work of the Holy Spirit. All this has been brought about by the sacrifice and instrumentality of certain cosmic entities who "offer Themselves" up in order that Man may be. From their very essence, they give out that which is needed to produce the individualising principle, and that which we call "self-consciousness," and thus enable the divine Spirit to enter into fuller life by means of limitation by form, by means of the lessons garnered through a long pilgrimage, and through the "assimilation of manifold existences."

Mahadeva ngự tại tâm điểm, Surya hay Vishnu mặc khải Ngài trong bản chất của Ngài như Minh Triết của Bác Ái và Bác Ái của Minh Triết, còn Brahma, Thượng đế Sáng Tạo, làm cho sự mặc khải đó trở nên khả hữu. Đức Cha trên [Page 711] Thiên Đàng sẽ được mặc khải qua Đức Christ, Người Con, bằng phương pháp nhập thể được làm cho khả hữu nhờ công việc của Chúa Thánh Thần. Tất cả điều này đã được thực hiện nhờ sự hi sinh và vai trò công cụ của một số thực thể vũ trụ, những Đấng "hiến dâng Chính Mình" để Con Người có thể hiện hữu. Từ chính bản chất của mình, các Ngài ban ra điều cần thiết để tạo nên nguyên khí biệt ngã hóa, và điều mà chúng ta gọi là "ngã thức," nhờ đó làm cho Tinh thần thiêng liêng có thể đi vào sự sống đầy đủ hơn bằng phương tiện sự giới hạn bởi hình tướng, bằng những bài học thu lượm qua một cuộc hành hương dài lâu, và qua "sự đồng hoá nhiều hiện hữu đa tạp."

The *fourth* point to be noted is that when these three events have occurred, the light or fire that circulates along the manasic triangle is withdrawn to the centre of the lotus, and this "prototype" of the future antaskarana, if so it may be expressed, disappears. The threefold energy of the petals, the atoms and the "jewel" is now centralised, because impulse must now be

Điểm *thứ tư* cần lưu ý là khi ba biến cố này đã xảy ra, ánh sáng hay lửa tuần hoàn dọc theo tam giác manas được rút về trung tâm hoa sen, và "nguyên mẫu" này của antaskarana tương lai, nếu có thể nói như vậy, biến mất. Năng lượng tam phân của các cánh hoa, các nguyên tử và "viên ngọc" nay được tập trung vào trung tâm, vì lúc này phải phát sinh một xung lực sẽ tạo ra một dòng năng lượng tuôn

generated which will produce a downflow of energy from the newly made causal vehicle into the three worlds of human endeavour.

xuống từ vận cụ nguyên nhân vừa được tạo thành vào ba cõi giới của nỗ lực nhân loại.

We have dealt with the method of individualisation through the coming in of the Lords of the Flame because it is the prime method in this solar system; whatever methods may be pursued in the varying schemes and chains, this—at the middle stage—is the universal rule. Karmic conditions having to do with a planetary Logos may effect modifications, and bring into action manasadevas whose activity may not be the same in working detail, but the results are ever similar, and the divine Egos in their causal bodies have analogous instruments to work through....

Chúng ta đã bàn đến phương pháp biệt ngã hóa qua sự xuất hiện của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa vì đó là phương pháp chủ yếu trong hệ mặt trời này; dù những phương pháp nào có thể được theo đuổi trong các hệ hành tinh và các dãy khác nhau, thì đây—ở giai đoạn giữa—vẫn là quy luật phổ quát. Những điều kiện nghiệp quả liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế có thể tạo ra các biến đổi, và đưa vào hoạt động những manasadeva mà hoạt động của họ có thể không giống nhau trong chi tiết vận hành, nhưng kết quả luôn tương tự, và các chân ngã thiêng liêng trong các thể nguyên nhân của họ có những công cụ tương đồng để hoạt động qua đó....

A *final* point which is of profound significance is that *the Agnishvattas construct the petals out of Their Own substance, which is substance energised by the principle* [Page 712] *of "I-ness," or ahamkara. They proceed to energise the permanent atoms with Their own positive force, so as to bring the fifth spirilla in due course of time into full activity and usefulness.* All possibility, all hopefulness and optimism, and all future success lies hid in these two points.

Một điểm *sau cùng* có ý nghĩa thâm sâu là *các Agnishvatta kiến tạo các cánh hoa từ chính chất liệu của Các Ngài, tức chất liệu được tiếp sinh lực bởi nguyên khí* [Page 712] *"tính tôi," hay ahamkara. Các Ngài tiếp tục tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn bằng mãnh lực dương của chính Các Ngài, để đến đúng thời điểm loa tuyến thứ năm đi vào hoạt động và công dụng trọn vẹn.* Mọi khả năng, mọi niềm hy vọng và lạc quan, cùng mọi thành công tương lai đều ẩn giấu trong hai điểm này.

As we have seen, the work of the Agnishvattas on the mental plane resulted in a downflow of force or energy from the Monad (or Spirit) and this, in conjunction with the energy of the lower quaternary produced the appearance of the body of the Ego on the mental plane. In ordinary electric light, we have a faint illustration of the thought I seek to convey. By the approximation of the two polarities, light is created. By an analogous type of electrical

Như chúng ta đã thấy, công việc của các Agnishvatta trên cõi trí đã dẫn đến một dòng mãnh lực hay năng lượng tuôn xuống từ chân thần (hay Tinh thần), và điều này, phối hợp với năng lượng của bộ tứ thấp, đã tạo ra sự xuất hiện của thể nguyên nhân của chân ngã trên cõi trí. Trong ánh sáng điện thông thường, chúng ta có một minh họa mờ nhạt cho tư tưởng mà tôi muốn truyền đạt. Do sự tiến gần của hai cực tính, ánh sáng được tạo ra. Bằng một loại hiện tượng điện tương tự,

phenomena, the light of the Monad shines forth, but we have to extend the idea to the subtler planes, and deal with seven types of force or energy in connection with the one polarity and with four in connection with the other. A scientific formula for the process of individualisation conveys this dual approximation with its differing types of energy in one symbol and a number, but it cannot here be revealed.

ánh sáng của chân thần chiếu rạng, nhưng chúng ta phải mở rộng ý niệm này lên các cõi vi tế hơn, và xét đến bảy loại mãnh lực hay năng lượng liên hệ với một cực tính và bốn loại liên hệ với cực tính kia. Một công thức khoa học cho tiến trình biệt ngã hóa diễn đạt sự tiến gần nhị nguyên này cùng các loại năng lượng khác nhau của nó trong một biểu tượng và một con số, nhưng ở đây không thể tiết lộ.

The Manasadevas are themselves energised by force from the cosmic mental plane—a force which has been in operation ever since the individualisation of the solar Logos in kalpas far distant. They, in Their corporate nature, embody the will or purpose of the Logos, and are the cosmic "prototypes" of our solar Angels. The solar Angels on the mental plane of the system embody as much of that will and purpose as the Logos can work through in one single incarnation and as They, in Their groups, can develop. They work, therefore, through egoic groups and primarily, after individualisation, upon the mental units of the separated identities who go to the constituency of the groups. This is Their secondary work. Their work in part might be described as follows:

Bản thân các Manasadeva được tiếp sinh lực bởi mãnh lực từ cõi trí vũ trụ—một mãnh lực đã hoạt động kể từ sự biệt ngã hóa của Thái dương Thượng đế trong những kalpa xa xăm. Trong bản chất tập thể của mình, họ thể hiện ý chí hay mục đích của Thượng đế, và là những "nguyên mẫu" vũ trụ của các Thái dương Thiên Thần của chúng ta. Các Thái dương Thiên Thần trên cõi trí của hệ thống thể hiện phần ý chí và mục đích ấy mà Thượng đế có thể thực hiện trong một lần nhập thể duy nhất và mà chính họ, trong các nhóm của mình, có thể phát triển. Vì vậy, họ hoạt động qua các nhóm chân ngã và chủ yếu, sau khi biệt ngã hóa, trên các đơn vị hạ trí của những bản sắc biệt lập tạo thành thành phần của các nhóm ấy. Đây là công việc thứ yếu của họ. Công việc của họ phần nào có thể được mô tả như sau:

[Page 713] Primarily, they bring about the union of the divine Ego and the lower personal self. This has been dealt with.

[Page 713] Trước hết, họ mang lại sự hợp nhất giữa chân ngã thiêng liêng và phàm ngã thấp. Điều này đã được bàn đến.

Secondly, they work through the mental units, impressing upon the atom that portion, microscopic as it may be, of the logoic purpose which the individual can work out on the physical plane. At first their influence is unconsciously assimilated, and the man responds to the plan blindly and ignorantly. Later, as evolution proceeds, their work is recognised by the man in a

Thứ hai, họ hoạt động qua các đơn vị hạ trí, ghi khắc lên nguyên tử ấy phần mục đích của Thượng đế, dù vi mô đến đâu, mà cá nhân có thể thực hiện trên cõi hồng trần. Lúc đầu, ảnh hưởng của họ được đồng hoá một cách vô thức, và con người đáp ứng với Thiên Cơ một cách mù quáng và vô minh. Về sau, khi tiến hoá tiếp diễn, công việc của họ được con người nhận biết trong sự hợp tác

conscious co-operation with the plan of evolution. (238) After the third initiation, the will or purpose aspect predominates.

(238) *The Sacrificer or Yajamana*. The yajamana is the person who has sacrificed himself for the good of the world and who has undertaken to mould the affairs of it, in obedience to the law. If the human body be taken as the sacrificial ground, the manas in him is the yajamana. All the doings of man in all his life from birth to death, form one grand yagnic process that is conducted by the true human entity called the Manas. He, who is willing to sacrifice his body, speech, and thought to the good of all the world, is a real yagnika and all the higher lokas are reserved for him. The central keynote of yagnika's life is to do good unto all, irrespective of caste and creed even as the sun shines for all.—*Some Thoughts on the Gita*, page 90. (back)

It might here be noted that it is the positive force of the Manasadevas that produces initiation. Their function is embodied by the Hierophant. He, seeing before Him the vehicle for buddhi, passes the voltage from the higher planes through His body, and by means of the Rod (charged with positive manasic force) transmits this higher manasic energy to the initiate so that he is enabled to know consciously and to recognise the plan for his group-centre through the immensely increased stimulation. This force descends from the manasic permanent atom via the antaskarana and is directed to whichever centre the Hierophant—under the Law—sees should be stimulated. He stabilises the force, and regulates its flow as it circulates throughout the egoic Lotus, so that when the work of unfoldment is accomplished the

có ý thức với Thiên Cơ tiến hoá. (238) Sau lần điểm đạo thứ ba, phương diện ý chí hay mục đích chiếm ưu thế.

(238) *Người Hiến Tế hay Yajamana*. Yajamana là người đã hi sinh chính mình vì lợi ích của thế gian và đã đảm nhận việc uốn nắn các sự vụ của thế gian ấy, trong sự tuân phục định luật. Nếu thân thể con người được xem như bãi hiến tế, thì manas trong y là yajamana. Mọi hành động của con người trong suốt cuộc đời từ sinh đến tử tạo thành một tiến trình yagnic vĩ đại được điều hành bởi thực thể nhân loại chân chính gọi là Manas. Người nào sẵn lòng hi sinh thân thể, lời nói và tư tưởng của mình cho lợi ích của toàn thế giới thì là một yagnika chân chính và mọi cõi loka cao hơn đều dành cho y. Chủ âm trung tâm của đời sống yagnika là làm điều thiện cho tất cả mọi người, bất kể giai cấp hay tín ngưỡng, cũng như mặt trời chiếu sáng cho tất cả.—*Some Thoughts on the Gita*, trang 90. (back)

Ở đây có thể lưu ý rằng chính mãnh lực dương của các Manasadeva tạo ra điểm đạo. Chức năng của họ được hiện thân bởi Đấng Điểm đạo. Ngài, khi thấy trước Ngài vận cụ dành cho Bồ đề, sẽ truyền điện thế từ các cõi cao qua thân thể của Ngài, và bằng Thần Trượng Điểm đạo (được nạp mãnh lực manas dương) truyền năng lượng manas cao này cho điểm đạo đồ để y có thể biết một cách hữu thức và nhận ra Thiên Cơ dành cho trung tâm nhóm của mình nhờ sự kích thích tăng lên vô cùng lớn. Mãnh lực này giáng xuống từ nguyên tử trường tồn manas qua antaskarana và được hướng đến bất cứ trung tâm nào mà Đấng Điểm đạo—dưới Định luật—thấy cần phải được kích thích. Ngài ổn định mãnh lực ấy, và điều hòa dòng chảy của nó khi nó tuần hoàn khắp Hoa sen chân ngã, để khi công việc khai mở được hoàn tất thì nguyên khí thứ sáu tại Tâm Hoa Sen có thể

sixth principle at the Heart of the Lotus can stand revealed. After each initiation the Lotus is more unfolded [Page 714] and light from the centre begins to blaze forth—a light or fire which ultimately burns through the three enshrining petals, and permits the full inner glory to be seen, and the electric fire of spirit to be manifested. As this is brought about on the second subplane of the mental plane (whereon the egoic lotus is now situated) a corresponding stimulation takes place in the dense substance which forms the petals or wheels of the centres on the astral and etheric levels.

được mặc khải. Sau mỗi lần điểm đạo, Hoa Sen lại khai mở hơn [Page 714] và ánh sáng từ trung tâm bắt đầu bừng cháy—một ánh sáng hay ngọn lửa cuối cùng đốt xuyên qua ba cánh hoa bao bọc, cho phép toàn bộ vinh quang nội tại được nhìn thấy, và lửa điện của tinh thần được biểu lộ. Khi điều này được thực hiện trên cõi phụ thứ hai của cõi trí (nơi hoa sen chân ngã hiện tọa lạc) thì một sự kích thích tương ứng diễn ra trong chất liệu đậm đặc tạo thành các cánh hoa hay các bánh xe của các trung tâm ở các cấp độ cảm dục và dĩ thái.

(b.) Individualisation and the races. If this treatise serves no other purpose than to direct the attention of the scientific and philosophic students to the study of force or energy in man and in groups, and to interpret man and the human family in terms of electrical phenomena, much good will have been accomplished. The polarity of a man, of a group, and of a congery of groups, the polarity of the planets and their relationship to each other and to the Sun, the polarity of the solar system and its relationship to other systems, the polarity of one plane to another, and of one principle to another, the polarity of the subtler vehicles, and the scientific application of the laws of electricity to the totality of existence on the physical plane will bring about a revolution upon the planet second only to that effected at the time of individualisation. I would point out here a certain significant fact which students will do well carefully to consider.

(b.) Biệt ngã hóa và các giống dân. Nếu chuyên luận này không phục vụ mục đích nào khác ngoài việc hướng sự chú ý của các đạo sinh khoa học và triết học đến việc nghiên cứu mãnh lực hay năng lượng trong con người và trong các nhóm, và diễn giải con người cùng gia đình nhân loại theo các hiện tượng điện, thì cũng đã đạt được nhiều điều tốt đẹp. Cực tính của một con người, của một nhóm, và của một tập hợp các nhóm, cực tính của các hành tinh và mối liên hệ của chúng với nhau và với Mặt Trời, cực tính của hệ mặt trời và mối liên hệ của nó với các hệ khác, cực tính của cõi này với cõi khác, và của nguyên khí này với nguyên khí khác, cực tính của các vận cụ vi tế hơn, cùng việc áp dụng khoa học các định luật điện vào toàn thể hiện hữu trên cõi hồng trần sẽ mang lại một cuộc cách mạng trên hành tinh chỉ đứng sau cuộc cách mạng đã diễn ra vào thời kỳ biệt ngã hóa. Ở đây tôi muốn chỉ ra một sự kiện có ý nghĩa mà các đạo sinh nên cẩn trọng suy xét.

In the third rootrace (239) individualisation took place.

Trong giống dân gốc thứ ba (239) đã diễn ra biệt ngã hóa.

(239) Root races. *The Secret Doctrine teaches that these seven groups of human units inhabit*

(239) Các giống dân gốc. *Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng bảy nhóm đơn vị nhân loại này cư*

seven continents during evolution.—S. D., II, 6, 7, 8.

ngụ trên bảy châu lục trong tiến trình tiến hoá. —S. D., II, 6, 7, 8.

a. First race.....The Imperishable Sacred Land.

a. Giống dân thứ nhất.....Vùng Đất Thiêng Bất Hoại.

b. The 2nd race.....The Hyperborean Land.

b. Giống dân thứ 2.....Vùng Đất Hyperborea.

c. The 3rd race..... Lemurian.

c. Giống dân thứ 3..... Lemuria.

d. The 4th race..... Atlantean.

d. Giống dân thứ 4..... Atlantis.

e. The 5th race..... Aryan.

e. Giống dân thứ 5..... Arya.

f. Two more races will succeed the present one. (back)

f. Sẽ còn hai giống dân nữa tiếp nối giống dân hiện nay. (back)

It was an event which became possible through certain conditions and polar relationships, and because the scientific laws were understood and the Knowers took [Page 715] advantage of a peculiar electrical condition to hasten the evolution of the race. It was electrical phenomena of a stupendous kind, and produced the "lights which ever burn." It was the result of the knowledge of natural law and its adaptation to opportunity.

Đó là một biến cố trở nên khả hữu nhờ những điều kiện nhất định và những tương quan cực tính, và vì các định luật khoa học đã được thấu hiểu nên các thức giả đã [Page 715] tận dụng một điều kiện điện đặc biệt để thúc đẩy nhanh sự tiến hoá của nhân loại. Đó là những hiện tượng điện có quy mô phi thường, và đã tạo ra "những ánh sáng luôn cháy." Đó là kết quả của tri thức về định luật tự nhiên và sự thích ứng của nó với cơ hội.

In the fourth rootrace another adaptation of force occurred. Again time and opportunity were taken advantage of to open the door into the fifth kingdom by the method of forced initiation. A third type of electricity played its part in bringing about this event, and it is the effect of this electrical phenomenon upon the units (who are themselves centres of energy) which—scientifically viewed—indicates a man's suitability for the ceremony of initiation, and his availability as a transmitter of spiritual energy to the world. Every initiate

Trong giống dân gốc thứ tư đã xảy ra một sự thích ứng khác của mãnh lực. Một lần nữa, thời gian và cơ hội đã được tận dụng để mở cánh cửa vào giới thứ năm bằng phương pháp điểm đạo cưỡng bức. Một loại điện thứ ba đã góp phần tạo nên biến cố này, và chính tác động của hiện tượng điện này lên các đơn vị (vốn tự chúng là những trung tâm năng lượng) — xét theo khoa học — cho thấy sự thích hợp của một người đối với nghi lễ điểm đạo, và khả năng của y như một kẻ truyền dẫn năng lượng tinh thần cho thế giới. Mỗi điểm đạo đồ về mặt kỹ thuật đều là

is technically a transmitter of force and his work is consequently threefold:

1. To provide a threefold vehicle capable of the necessary resistance to the force and able to receive and hold it.

2. To transmit it as energy to the world which he serves.

3. To store up a certain amount of it for a twofold purpose:

a. To provide a reservoir of force for emergencies and for special work as required by the Great Ones.

b. To act as a dynamo for the immediate group which all advanced souls, disciples and initiates gather around them on some one or other of the planes in the three worlds.

In the fifth rootrace, another tremendous happening may be looked for, and the time lies immediately ahead. It had its beginning in the energy which eventually culminated in the world war. The first effect of the appearance of fresh electrical stimulation from extra-systemic [Page 716] centres, is ever to bring about a primary destruction leading on to revelation. That which is imprisoned must be loosed. So it will be in this rootrace, the fifth. Certain cosmic forces are at work and the full effect of their energy is not yet apparent. This incoming force, the Hierarchy will avail itself of in order to push forward the planetary plans. In every case the effect of the phenomenon is felt in some one or other of the kingdoms beside the human. In the individualisation period, it is apparent that a tremendous stimulation took place in *the animal kingdom*—a

một kẻ truyền dẫn mãnh lực và vì thế công việc của y có tính tam phân:

1. Cung cấp một vận cụ tam phân có sức kháng cần thiết đối với mãnh lực và có thể tiếp nhận và giữ nó.

2. Truyền nó như năng lượng đến thế giới mà y phụng sự.

3. Tích trữ một lượng nhất định của nó cho mục đích nhị phân:

a. Tạo ra một hồ chứa mãnh lực cho những tình huống khẩn cấp và cho công việc đặc biệt theo yêu cầu của Các Đấng Cao Cả.

b. Hoạt động như một máy phát điện cho nhóm trực tiếp mà mọi linh hồn tiến hóa, đệ tử và điểm đạo đồ đều quy tụ quanh mình trên cõi này hay cõi khác trong ba cõi thấp.

Trong giống dân gốc thứ năm, có thể trông đợi một biến cố to lớn khác, và thời điểm ấy đang ở ngay phía trước. Nó đã khởi đầu trong năng lượng cuối cùng lên đến tột đỉnh trong cuộc thế chiến. Tác động đầu tiên của sự xuất hiện một kích thích điện mới từ các trung tâm [Page 716] ngoài hệ thống luôn là gây ra một sự hủy diệt ban đầu dẫn đến mặc khải. Điều bị giam hãm phải được giải phóng. Trong giống dân gốc này, giống dân thứ năm, cũng sẽ như vậy. Một số mãnh lực vũ trụ đang hoạt động và tác động trọn vẹn của năng lượng của chúng vẫn chưa biểu lộ rõ. Thánh đoàn sẽ tận dụng mãnh lực đang đi vào này để thúc đẩy các kế hoạch hành tinh. Trong mọi trường hợp, tác động của hiện tượng ấy được cảm nhận trong một giới nào đó ngoài giới nhân loại. Trong thời kỳ biệt ngã hóa, rõ ràng là đã có một sự kích thích to lớn diễn ra trong *giới động vật*—một

stimulation which has persisted, and which has led to the phenomenon of "domestic animals" as we call them, and their relatively high stage of intelligence as compared to the wild animals. In Atlantean days the opening of the door into the fifth kingdom, or into the stage of buddhic consciousness, had a profound effect upon *the vegetable kingdom*. This effect can be seen working out in such results as are achieved by Burbank, and which are of a nature corresponding to the initiatory process in man, involving a rapid achievement of relative perfection.

sự kích thích vẫn còn kéo dài, và đã dẫn đến hiện tượng "thú nuôi trong nhà" như chúng ta gọi, cùng trình độ trí tuệ tương đối cao của chúng so với thú hoang. Trong thời Atlantis, việc mở cánh cửa vào giới thứ năm, hay vào giai đoạn tâm thức Bồ đề, đã có một tác động sâu sắc lên *giới thực vật*. Tác động này có thể thấy đang biểu hiện qua những kết quả mà Burbank đạt được, vốn có bản chất tương ứng với tiến trình điểm đạo nơi con người, bao hàm sự đạt đến nhanh chóng một mức hoàn thiện tương đối.

In the tremendous event which is impending, in the great revelation which is near at hand, the Hierarchy will again take advantage of the time and the energy to bring about certain events which will work out primarily in the human kingdom but which will also be seen as force regeneration in the mineral kingdom. The energy, when first felt in the human kingdom, brought about the conditions which caused the tremendous activity which resulted in war, and which is causing the present world stress; in the mineral kingdom it affected certain of the minerals and elements, and the radioactive substances made their appearance. This characteristic (or radioactivity) of pitchblende and the other involved units is comparatively a new development under the evolutionary law, and one which, though latent, only [Page 717] needed the drawing forth of the type of energy now beginning to pour in on the earth. This force began to flow in at the end of the eighteenth century, and its full effect is by no means yet felt, for it will be several hundred years before it passes away. By means of it, certain discoveries are possible, and the new order comes in upon it. The Great Ones, Who know the time and the hour, will bring about, in our rootrace, that

Trong biến cố to lớn đang cận kề, trong cuộc mặc khải vĩ đại đang ở gần trước mắt, Thánh đoàn sẽ lại tận dụng thời gian và năng lượng để tạo ra một số biến cố trước hết sẽ biểu hiện trong giới nhân loại nhưng cũng sẽ được thấy như sự tái sinh lực của mãnh lực trong giới kim thạch. Năng lượng ấy, khi lần đầu được cảm nhận trong giới nhân loại, đã tạo ra những điều kiện gây nên hoạt động mãnh liệt dẫn đến chiến tranh, và đang gây ra sự căng thẳng thế giới hiện nay; trong giới kim thạch, nó tác động lên một số khoáng chất và nguyên tố, và các chất phóng xạ đã xuất hiện. Đặc tính này (hay tính phóng xạ) của pitchblende và các đơn vị liên quan khác tương đối là một sự phát triển mới dưới định luật tiến hoá, và tuy tiềm ẩn, nhưng chỉ [Page 717] cần được lôi ra bởi loại năng lượng hiện đang bắt đầu tuôn vào trái đất. Mãnh lực này bắt đầu tuôn vào từ cuối thế kỷ mười tám, và tác động trọn vẹn của nó còn lâu mới được cảm nhận hết, vì phải vài trăm năm nữa nó mới qua đi. Nhờ nó, một số khám phá trở nên khả hữu, và trật tự mới đi vào trên nền tảng đó. Các Đấng Cao Cả, những Đấng biết thời gian và giờ khắc, sẽ tạo ra trong giống dân gốc của chúng ta điều tương ứng với những biến cố trong các giống dân thứ ba và thứ tư trước kia.

which corresponds to the occurrences in the earlier third and fourth races.

(c.) *Methods of Individualisation.* We have seen how the characteristic method of individualisation in this solar system is the result of force emanating from the cosmic mental plane, which sweeps into activity those entities whose function it is to form the body of the ego out of their own living substance on the mental plane and thus, through their own quality and nature, endow human units on the physical plane with the faculty of self-consciousness, thus producing Man. It is their work also to energise the mental units of all men, and to co-ordinate, by means of the force which they embody, and to energise the sheaths of the threefold lower man, so that they may in due course of time intelligently express the will and purpose of the indwelling Thinker. Through the carrying out of this function in the case of the human family, certain planetary and systemic conditions are brought about. The dense and etheric bodies of the Logos and of the planetary Logoi are merged, and one coherent vehicle of expression is provided for these cosmic Entities.

(c.) *Các phương pháp biệt ngã hóa.* Chúng ta đã thấy phương pháp đặc trưng của biệt ngã hóa trong hệ mặt trời này là kết quả của mãnh lực phát ra từ cõi trí vũ trụ, quét vào hoạt động những thực thể có chức năng tạo thành thể nguyên nhân của chân ngã từ chính chất liệu sống của họ trên cõi trí và nhờ đó, qua chính phẩm tính và bản chất của họ, phú cho các đơn vị nhân loại trên cõi hồng trần năng lực ngã thức, nhờ đó tạo ra Con Người. Công việc của họ cũng là tiếp sinh lực cho các đơn vị hạ trí của mọi người, và điều hợp, bằng mãnh lực mà họ thể hiện, đồng thời tiếp sinh lực cho các vỏ bọc của phàm nhân tam phân, để đến đúng thời điểm chúng có thể biểu lộ một cách thông minh ý chí và mục đích của Đấng Tư Tưởng nội tại. Qua việc thực hiện chức năng này trong trường hợp gia đình nhân loại, một số điều kiện hành tinh và hệ thống được tạo ra. Các thể đậm đặc và dĩ thái của Thượng đế và của các Hành Tinh Thượng Đế được hòa nhập, và một vận cụ biểu lộ nhất quán được cung cấp cho các Thực Thể vũ trụ này.

In the producing of self-consciousness in the human family, the full conscious occupation by the Logos involved is consummated. It is the moment of fruition, and (from a certain esoteric standpoint) marks the attainment of one perfected Septenary. The three involutionary or elemental kingdoms and the three sub-human [Page 718] kingdoms find their seventh principle in the fourth kingdom in nature, 3 + 4 = 7. When the life of God has circled through these seven kingdoms, then full self-consciousness is achieved from a certain relative standpoint, and the Son is on the way to attainment.

Trong việc tạo ra ngã thức trong gia đình nhân loại, sự chiếm hữu hoàn toàn có ý thức của Thượng đế liên quan được hoàn tất. Đó là khoảnh khắc kết quả viên mãn, và (theo một quan điểm huyền bí nhất định) đánh dấu sự đạt thành một Thất Phân hoàn hảo. Ba giới giáng hạ tiến hoá hay giới hành khí và ba giới dưới nhân loại [Page 718] tìm thấy nguyên khí thứ bảy của chúng trong giới thứ tư trong thiên nhiên, 3 + 4 = 7. Khi Sự sống của Thượng đế đã tuần hoàn qua bảy giới này, thì ngã thức trọn vẹn được đạt đến từ một quan điểm tương đối nhất định, và Người Con đang trên đường đạt thành. Sự

This relative perfection has then to be carried on to other stages, but they are stages in which the separated self-consciousness of the Identities concerned (whether human or planetary) must eventually merge itself in universal consciousness.

hoàn thiện tương đối này sau đó phải được tiếp tục đến các giai đoạn khác, nhưng đó là những giai đoạn trong đó ngã thức biệt lập của các Bản Sắc liên hệ (dù là nhân loại hay hành tinh) cuối cùng phải hòa nhập vào tâm thức phổ quát.

Certain centres in the bodies logoic and planetary are also stimulated and the Rays (if it might be so expressed) become radioactive. It is this radiation which will eventually bring about *conscious* group activity, which will lead to interaction between the planets, and which, under the Law of Attraction and Repulsion, will bring about eventual synthesis.

Một số trung tâm trong các thân thể của Thượng đế và của các Hành Tinh Thượng Đế cũng được kích thích và các cung (nếu có thể diễn đạt như vậy) trở nên có tính phóng xạ. Chính bức xạ này cuối cùng sẽ mang lại hoạt động nhóm *có ý thức*, dẫn đến sự tương tác giữa các hành tinh, và dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, sẽ mang lại sự tổng hợp sau cùng.

On extra-systemic or cosmic levels, the individualisation process produces a corresponding activity in the egoic body of the Logos, and hence increased vibration in that centre in the body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID, which our Logos represents. It also produces a reaction or "occult recognition" in the prototype of the Septenate, or in the seven Rishis of the Great Bear, and this reaction in cosmic circles will persist until the end of the mahamanvantara, when the Logos is set free (even though temporarily), from physical plane existence.

Trên các cấp độ ngoài hệ thống hay vũ trụ, tiến trình biệt ngã hóa tạo ra một hoạt động tương ứng trong thể chân ngã của Thượng đế, và do đó làm tăng rung động trong trung tâm ấy trong thân thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị mà Thượng đế của chúng ta đại diện. Nó cũng tạo ra một phản ứng hay "sự nhận biết huyền bí" trong nguyên mẫu của Thất Phân, hay trong bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh, và phản ứng này trong các vòng tròn vũ trụ sẽ kéo dài cho đến hết Đại giai kỳ sinh hóa, khi Thượng đế được giải thoát (dù chỉ tạm thời) khỏi sự hiện hữu trên cõi hồng trần.

It also brings about a setting loose of force from the cosmic mental plane which is cyclic in character. In this round, the fourth, the maximum force of this cycle was felt in the third root race. In the next round, during the fourth root race, and for a very brief period, a fresh cycle will reach its zenith, and will again open the door of individualisation in order to permit the entry of certain very advanced Egos who are seeking [Page 719] incarnation in order to carry out a special

Nó cũng gây ra sự giải phóng một mãnh lực từ cõi trí vũ trụ có tính chu kỳ. Trong cuộc tuần hoàn này, cuộc tuần hoàn thứ tư, mãnh lực tối đa của chu kỳ này đã được cảm nhận trong giống dân gốc thứ ba. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, trong giống dân gốc thứ tư, và trong một thời kỳ rất ngắn, một chu kỳ mới sẽ đạt đến cực điểm, và sẽ lại mở cánh cửa biệt ngã hóa để cho phép một số chân ngã rất tiến hóa đi vào [Page 719] lâm phàm nhằm thực hiện một công việc đặc biệt. Cuộc tuần

piece of work. This round will provide no bodies adequate to their need. The next round may do so if the plans proceed as anticipated. In this case the Manasadevas concerned will not individualise animal men as in the previous round, but will stimulate the mental germ in those members of the present human family who —as H. P. B. says—though apparently men, are without the spark of mind. (240)

hoàn này sẽ không cung cấp những thân thể thích hợp với nhu cầu của họ. Cuộc tuần hoàn kế tiếp có thể làm được điều đó nếu các kế hoạch tiến triển như dự kiến. Trong trường hợp này, các Manasadeva liên hệ sẽ không biệt ngã hóa những người thú như trong cuộc tuần hoàn trước, mà sẽ kích thích mầm trí tuệ nơi những thành viên của gia đình nhân loại hiện nay mà—như H. P. B. nói —dù bề ngoài là người, nhưng không có tia lửa trí tuệ. (240)

(240) Such are the Veddhas of Ceylon, the Bushman of Australia, and certain of the lowest of the African races. See S. D., II, 206, 300, 439. (back)

(240) Đó là những người Veddhas ở Ceylon, người Bushman ở Australia, và một số chủng tộc thấp nhất ở châu Phi. Xem S. D., II, 206, 300, 439. (back)

During the next seven hundred years, these low aboriginal races will practically die out and will not—in this round—reincarnate. They will be *rejected.* In the next round opportunity will again occur, and the Manasadevas will again renew their work of forming individualistic nuclei for the development of self-consciousness. The Egos awaiting opportunity will not, of course, enter in until the human type of that era is sufficiently refined for their purpose. They are concerned with the unfoldment of the sixth petal of the logoic egoic Lotus, and are of such a nature that we can scarcely conceive of them. They are on the line of the Buddhas of Activity, but the above named are free for this mahamanvantara, whereas these particular Egos have yet somewhat to work out. They could only "come in" in the middle of the fifth round, and were a group of initiates who arrested their own evolution (technically speaking) in order to take up a special piece of work on the planet Vulcan; therefore, they must return to continue and complete that which has been left undone. Owing to the results of their experience on Vulcan, the physical vehicle necessitated is

Trong bảy trăm năm tới, các giống dân thổ dân thấp kém này trên thực tế sẽ tuyệt chủng và sẽ không—trong cuộc tuần hoàn này—tái sinh. Họ sẽ bị *loại bỏ.* Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cơ hội sẽ lại đến, và các Manasadeva sẽ lại tiếp tục công việc tạo thành các hạt nhân biệt ngã cho sự phát triển ngã thức. Dĩ nhiên, các chân ngã đang chờ cơ hội sẽ không đi vào cho đến khi loại hình nhân loại của thời đại ấy được tinh luyện đủ cho mục đích của họ. Họ liên quan đến sự khai mở cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen chân ngã của Thượng đế, và có bản chất đến mức chúng ta hầu như không thể hình dung được. Họ thuộc tuyến của các Đức Phật Hoạt Động, nhưng các Đấng vừa nêu ở trên thì tự do trong Đại giai kỳ sinh hóa này, còn các chân ngã đặc thù này vẫn còn đôi điều phải hoàn tất. Họ chỉ có thể "đi vào" vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, và là một nhóm điểm đạo đồ đã tự đình lại sự tiến hoá của chính mình (nói theo thuật ngữ kỹ thuật) để đảm nhận một công việc đặc biệt trên hành tinh Vulcan; vì thế, họ phải trở lại để tiếp tục và hoàn tất điều đã bị bỏ dở. Do kết quả kinh nghiệm của họ trên Vulcan, vận cụ hồng trần cần thiết thuộc loại đến mức hiện nay,

of such an order that they could not at this time, and in this round, incarnate without disaster.

và trong cuộc tuần hoàn này, họ không thể nhập thể mà không gây tai họa.

Individualisation in the next round will begin to show indications of the third method,—that of the next system. [Page 720] This method has been described as that of "occult abstraction." It will concern itself with the withdrawal from out of the lowest type of the then existing men (through knowledge of the etheric constitution of the body) of the vitality latent in it, and a temporary turning of that latent fire to the increase of the activity of the germ or spark of mind; this will be effected by a dynamic action of the will. This seems impossible, and well nigh senseless phraseology when considered in terms of consciousness and of spirituality, but let the student study the phenomenon in terms of the cosmic physical plane, and from the standpoint of the gaseous and etheric subplanes, and he will see that in all these septenary fires it is ever the fire of matter in reality, and these sevenfold diversifications of electrical phenomena can ever affect each other.

Biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ bắt đầu cho thấy dấu hiệu của phương pháp thứ ba,—phương pháp của hệ thống kế tiếp. [Page 720] Phương pháp này đã được mô tả là phương pháp "trừu xuất huyền bí." Nó sẽ liên quan đến việc rút ra khỏi loại người thấp nhất lúc bấy giờ đang tồn tại (thông qua tri thức về cấu tạo dĩ thái của thân thể) sinh lực tiềm ẩn trong đó, và tạm thời chuyển ngọn lửa tiềm ẩn ấy sang làm tăng hoạt động của mầm hay tia lửa trí tuệ; điều này sẽ được thực hiện bằng một tác động năng động của ý chí. Điều này có vẻ bất khả và gần như vô nghĩa khi xét theo tâm thức và tinh thần, nhưng hãy để đạo sinh nghiên cứu hiện tượng ấy theo các thuật ngữ của cõi hồng trần vũ trụ, và từ quan điểm của các cõi phụ khí và dĩ thái, thì y sẽ thấy rằng trong tất cả các ngọn lửa thất phân này, thực ra luôn là lửa của vật chất, và các biến phân thất phân này của hiện tượng điện luôn có thể tác động lẫn nhau.

Thus, in the mahamanvantara, the three methods of individualisation in connection with our planetary scheme are to be seen

Như vậy, trong Đại giai kỳ sinh hóa, có thể thấy ba phương pháp biệt ngã hóa liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta

a. In the Moon chain, the gradual evolution of self-consciousness under natural law.

a. Trong Dãy Mặt Trăng, sự tiến hoá dần dần của ngã thức dưới định luật tự nhiên.

b. In the Earth chain that of achieved self-consciousness through the aid of extraneous agencies. It is the distinctive method of this system.

b. Trong Dãy Địa Cầu là ngã thức đạt được nhờ sự trợ giúp của các tác nhân bên ngoài. Đó là phương pháp đặc thù của hệ thống này.

c. In the next round and chain the method will be abstraction through will power, but this in an embryonic manner.

c. Trong cuộc tuần hoàn và dãy kế tiếp phương pháp sẽ là trừu xuất bằng quyền năng ý chí, nhưng theo cách phôi thai.

I have dealt with these three from the standpoint of our own scheme. In all the schemes whereon man is found at some period or another, these three methods will be contacted. They mark the gradual control by the Logos on cosmic levels of His threefold lower nature. In the first, the correspondence lies in the latent consciousness of matter, and works under the Law of Economy. It concerns primarily the Self-consciousness of the Logos [Page 721] in His dense physical body, and His polarisation therein. It is likewise the same for a Heavenly Man, and a part of the mystery of evil is to be found in the readiness of certain of these cosmic entities (particularly our planetary Logos in the moon chain) to remain polarised in the physical etheric body after having supposedly dominated the material aspect, or gained the control of the third Fire in an earlier system. A hint lies here for the wise student anent present evil on this planet.

Tôi đã bàn đến ba phương pháp này từ quan điểm của hệ hành tinh riêng của chúng ta. Trong mọi hệ hành tinh nơi con người được tìm thấy vào giai đoạn này hay giai đoạn khác, ba phương pháp này đều sẽ được tiếp xúc. Chúng đánh dấu sự kiểm soát dần dần của Thượng đế trên các cấp độ vũ trụ đối với bản chất thấp tam phân của Ngài. Trong phương pháp thứ nhất, sự tương ứng nằm trong tâm thức tiềm ẩn của vật chất, và hoạt động dưới Định luật Tiết Kiệm. Nó chủ yếu liên quan đến ngã thức của Thượng đế [Page 721] trong thể hồng trần đậm đặc của Ngài, và sự phân cực của Ngài trong đó. Điều này cũng tương tự đối với một Đấng Thiên Nhân, và một phần của huyền nhiệm về điều ác có thể được tìm thấy trong sự sẵn lòng của một số thực thể vũ trụ này (đặc biệt là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong Dãy Mặt Trăng) tiếp tục phân cực trong thể dĩ thái hồng trần sau khi được cho là đã chế ngự phương diện vật chất, hay đã đạt quyền kiểm soát ngọn Lửa thứ ba trong một hệ thống trước đó. Ở đây có một gợi ý cho đạo sinh minh triết liên quan đến điều ác hiện nay trên hành tinh này.

The second correspondence concerns the latent "consciousness of desire," and works under the Law of Attraction; it is the law for this system, and deals with the ability of the Logos to "love wisely," in the occult sense of the term. It has relation to the polarisation of the Logos in His astral body, and produces the phenomenon called "sex activity" on all planes in the system. In the earlier system, emancipation was effected through the faculty of *discrimination,* though that word as used to-day is but a faint indication of the systemic process in those days. Through the force engendered during the process that vibration was set up which persists to-day in matter. It is evidenced by the active intelligence and the discriminative selective

Sự tương ứng thứ hai liên quan đến "tâm thức của dục vọng" tiềm ẩn, và hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn; đó là định luật của hệ thống này, và liên quan đến khả năng của Thượng đế "yêu thương một cách minh triết," theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy. Nó có liên hệ với sự phân cực của Thượng đế trong thể cảm dục của Ngài, và tạo ra hiện tượng gọi là "hoạt động tính dục" trên mọi cõi trong hệ thống. Trong hệ thống trước, sự giải thoát đã được thực hiện qua năng lực *phân biện,* dù từ ấy như được dùng ngày nay chỉ là một chỉ dấu mờ nhạt về tiến trình hệ thống trong những thời kỳ đó. Qua mãnh lực được tạo ra trong tiến trình ấy, rung động đó đã được thiết lập và vẫn còn tồn tại trong vật chất cho đến ngày nay. Nó được chứng tỏ qua

capacity of the atom of substance. In this system emancipation will be brought about through the line of occult *dispassion*; this likewise will leave its mark upon matter, tinging it in such a way that in the third system, primordial substance will demonstrate a second quality. In the next system "non-attachment through abstraction" is as near as we can get to the method of the liberating process but it is useless for man to speculate upon this as his mind cannot conceive of the condition.

trí thông minh hoạt động và năng lực chọn lọc phân biện của nguyên tử chất liệu. Trong hệ thống này, sự giải thoát sẽ được mang lại qua con đường *vô dục huyền bí*; điều này cũng sẽ để lại dấu ấn của nó trên vật chất, nhuộm nó theo cách mà trong hệ thống thứ ba, chất liệu nguyên sơ sẽ biểu lộ một phẩm tính thứ hai. Trong hệ thống kế tiếp, "vô chấp qua trừu xuất" là cách gần nhất mà chúng ta có thể diễn đạt phương pháp của tiến trình giải thoát, nhưng con người suy đoán về điều này là vô ích vì trí tuệ của y không thể hình dung được trạng thái ấy.

S6S12

(d.) Avatars, Their nature and Their Work. We have, in our discussion above, connected the phenomenon of individualisation with the appropriation by the Logos, or by a planetary Logos, of Their dense physical vehicles, [Page 722] and Their self-conscious existence through the medium of the physical body. A very difficult and mysterious subject might be touched upon here,—that of AVATARS, and though it will not be possible for us to expound it fully, as it is one of the most occult and secret of the mysteries, perhaps a little light may be thrown upon this profound subject. For purposes of clarity and in order to elucidate a matter of extreme difficulty to the occidental mind above all (on account of the fact that it has not yet grasped the rationale of the process of reincarnation), it would be wise to divide the differing types of avatars into five groups, bearing in mind that every avatar is a Ray, emanated from a pure spiritual source, and that a self-conscious entity only earns the right to this peculiar form of work through a previous series of lives of achievement.

(d.) Các Đấng Hoá Thân, bản chất và Công việc của Các Ngài. Trong phần bàn luận trên, chúng ta đã liên kết hiện tượng biệt ngã hóa với việc Thượng đế, hay một Hành Tinh Thượng Đế, chiếm hữu các vận cụ hồng trần đậm đặc của Các Ngài, [Page 722] và sự hiện hữu ngã thức của Các Ngài qua trung gian thể xác. Ở đây có thể chạm đến một chủ đề rất khó và huyền nhiệm,—đó là các Đấng Hoá Thân, và dù chúng ta không thể trình bày đầy đủ, vì đó là một trong những huyền nhiệm huyền bí và bí mật nhất, có lẽ vẫn có thể soi rọi đôi chút ánh sáng lên chủ đề thâm sâu này. Vì mục đích minh bạch và để làm sáng tỏ một vấn đề cực kỳ khó đối với tâm trí phương Tây trên hết (do thực tế là nó vẫn chưa nắm được căn cứ hợp lý của tiến trình tái sinh), sẽ là khôn ngoan nếu chia các loại Đấng Hoá Thân khác nhau thành năm nhóm, đồng thời ghi nhớ rằng mỗi Đấng Hoá Thân là một cung, phát ra từ một nguồn tinh thần thuần khiết, và rằng một thực thể ngã thức chỉ giành được quyền thực hiện hình thức công việc đặc thù này thông qua một chuỗi đời sống thành tựu trước đó.

1. Cosmic Avatars.

2. Solar Avatars.

3. Inter-planetary Avatars.

4. Planetary Avatars.

5. Human Avatars.

As just said, an avatar is a Ray of effulgent and perfected glory, clothing itself in matter for the purpose of service. All avatars in the strict sense of the word are liberated souls, but the cosmic and solar avatars are liberated from the two lower planes of the cosmic planes. While the planetary and the interplanetary avatars are liberated from the cosmic physical plane, our systemic planes, the human avatar has achieved freedom from the five planes of human endeavour. In a strictly technical and lower sense, a Master in physical plane incarnation is a type of avatar, for He is a "freed soul" and therefore only chooses to incarnate for specific purpose, but we [Page 723] will not deal with Them. Let us again subdivide these groups so as still further to clarify our ideas:

1. *Cosmic Avatars:* They represent embodied force from the following cosmic centres among others:

a. Sirius.

b. That one of the seven stars of the Great Bear which is ensouled by the prototype of the Lord of our third major Ray.

1. Các Đấng Hoá Thân vũ trụ.

2. Các Đấng Hoá Thân thái dương.

3. Các Đấng Hoá Thân liên hành tinh.

4. Các Đấng Hoá Thân hành tinh.

5. Các Đấng Hoá Thân nhân loại.

Như vừa nói, một Đấng Hoá Thân là một cung của vinh quang rực sáng và hoàn hảo, khoác lấy vật chất vì mục đích phụng sự. Mọi Đấng Hoá Thân theo nghĩa nghiêm ngặt của từ này đều là những linh hồn được giải thoát, nhưng các Đấng Hoá Thân vũ trụ và thái dương được giải thoát khỏi hai cõi thấp của các cõi vũ trụ. Trong khi đó, các Đấng Hoá Thân hành tinh và liên hành tinh được giải thoát khỏi cõi hồng trần vũ trụ, tức các cõi của hệ thống chúng ta, còn Đấng Hoá Thân nhân loại đã đạt tự do khỏi năm cõi của nỗ lực nhân loại. Theo nghĩa kỹ thuật nghiêm ngặt và thấp hơn, một Chân sư đang lâm phàm trên cõi hồng trần là một loại Đấng Hoá Thân, vì Ngài là một "linh hồn được giải thoát" và do đó chỉ chọn nhập thể vì một mục đích đặc thù, nhưng chúng ta [Page 723] sẽ không bàn đến Các Ngài. Chúng ta hãy lại chia nhỏ các nhóm này để làm sáng tỏ hơn nữa các ý niệm của mình:

1. *Các Đấng Hoá Thân vũ trụ:* Các Ngài đại diện cho mãnh lực nhập thể từ những trung tâm vũ trụ sau đây, cùng những trung tâm khác:

a. Sirius.

b. Ngôi sao trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh được phú linh bởi nguyên mẫu của

Đấng Chúa Tể cung chính thứ ba của chúng ta.

c. Our cosmic centre.

c. Trung tâm vũ trụ của chúng ta.

They represent entities as far removed from the consciousness of Man, as man is from the consciousness of the atom of substance. Thousands of those great cycles which we call "a hundred years of Brahma" have passed since They approximated the human stage, and They embody force and consciousness which is concerned with the intelligent co-ordination of the starry Heavens.

Các Ngài đại diện cho những thực thể cách xa tâm thức của Con Người cũng như con người cách xa tâm thức của nguyên tử chất liệu. Hàng ngàn đại chu kỳ mà chúng ta gọi là "một trăm năm của Brahma" đã trôi qua kể từ khi Các Ngài tiến gần giai đoạn nhân loại, và Các Ngài thể hiện mãnh lực và tâm thức liên quan đến sự điều hợp thông minh của các Thiên giới đầy sao.

They have achieved all that man can conceive of as the transcendence of will, of love and of intelligence, and in the synthesis of those three have added qualities and vibrations for which we have no terms, and which cannot be visioned by even our highest adepts. Their appearance in a solar system is very unusual, and is only recognised on the highest two planes. Yet, owing to the material nature of our solar system, Their advent is literally the appearance in a physical form of a spiritual Being Who is fully conscious.

Các Ngài đã đạt được mọi điều mà con người có thể hình dung là sự siêu vượt của ý chí, của bác ái và của trí tuệ, và trong sự tổng hợp của ba điều ấy, Các Ngài đã thêm vào những phẩm tính và rung động mà chúng ta không có từ ngữ để diễn tả, và ngay cả các chân sư cao nhất của chúng ta cũng không thể có linh ảnh về chúng. Sự xuất hiện của Các Ngài trong một hệ mặt trời là điều rất hiếm, và chỉ được nhận biết trên hai cõi cao nhất. Tuy nhiên, do bản chất vật chất của hệ mặt trời chúng ta, sự giáng lâm của Các Ngài theo nghĩa đen là sự xuất hiện trong một hình tướng hồng trần của một Thực Thể tinh thần hoàn toàn hữu thức.

Such entities from Sirius appear at the occasion of the initiation of the solar Logos, and They have a peculiar connection with the five Kumaras and through Them (using Them as focal points for force) with the Mahachohan's department in all the occult Hierarchies of the system. Only once has such a Being visited our system, in connection with the appearance in time and space of the five mind-born Sons of Brahma. The effect of such a visit as that of the Avatar from Sirius is seen [Page 724] as the

Những thực thể như vậy từ Sirius xuất hiện vào dịp điểm đạo của Thái dương Thượng đế, và Các Ngài có một mối liên hệ đặc biệt với năm vị Kumara và qua các Ngài (dùng các Ngài như những tiêu điểm của mãnh lực) với bộ phận của Đức Mahachohan trong mọi Huyền Giai huyền bí của hệ thống. Chỉ một lần duy nhất một Đấng như vậy đã viếng thăm hệ thống của chúng ta, liên quan đến sự xuất hiện trong thời gian và không gian của năm Người Con do Trí sinh của Brahma. Tác động của một cuộc viếng thăm như của

sumtotal of civilisation and culture, viewing these from the standpoint of the entire system and in one flash of time.

Đấng Hoá Thân từ Sirius được thấy [Page 724] như tổng thể của văn minh và văn hóa, nếu nhìn chúng từ quan điểm của toàn bộ hệ thống và trong một khoảnh khắc thời gian duy nhất.

An avatar from the cosmic centre will appear as pralaya is nearing and will produce in the body of the Logos that which we call "Death." He is the cosmic Reaper, and (to reduce the above to words of an understandable nature) He belongs to a group which represents the abstracting energy of the cosmos, of which we find faint correspondences in the work of the "destroyer" aspect of the Logos, and in the forces which produce physical death, and the disintegration of the physical body of man. It is not possible to say more on these fundamentally esoteric matters, and the value of what is said lies largely in the bringing to the mind of the student the reality of our cosmic interrelation.

Một Đấng Hoá Thân từ trung tâm vũ trụ sẽ xuất hiện khi Giai kỳ qui nguyên đang đến gần và sẽ tạo ra trong thân thể của Thượng đế điều mà chúng ta gọi là "Cái Chết." Ngài là Đấng Gặt Hái vũ trụ, và (để giản lược điều trên thành những lời có thể hiểu được) Ngài thuộc về một nhóm tiêu biểu cho năng lượng rút tách của vũ trụ, mà chúng ta thấy những tương ứng mờ nhạt trong công việc của phương diện "hủy diệt" của Thượng đế, và trong các mãnh lực tạo ra cái chết hồng trần, cùng sự tan rã của thể xác con người. Không thể nói thêm gì về những vấn đề nội môn căn bản này, và giá trị của điều được nói ra phần lớn nằm ở chỗ đem đến cho trí tuệ của đạo sinh thực tại về sự tương liên vũ trụ của chúng ta.

2. *Solar Avatars:* These avatars are of three types though there are really many more. They are also extra-systemic visitors, and are mainly concerned with certain processes in the system, among others the administration of the law of cause and effect, or of karma. They embody the karma of the past kalpas as far as our Logos is concerned, and give the initiatory impulse to the processes of adjustment, of expiation and of recognition as it concerns the present system as a whole. One such Entity, the "Karmic Avatar" appeared upon the second logoic vibration, being swept in on the second Breath; He has stayed until now: He will remain with us until all the schemes have entered upon their fifth round, and are nearing their "Judgment Day." At that time, He can withdraw, leaving the planetary Logoi concerned to fulfil the karmic purpose

2. *Các Đấng Hoá Thân Thái Dương:* Những Đấng Hoá Thân này có ba loại dù thực ra còn nhiều hơn nữa. Các Ngài cũng là những vị khách ngoài hệ, và chủ yếu liên quan đến một số tiến trình trong hệ, trong đó có việc quản trị định luật nhân quả, hay nghiệp quả. Các Ngài hiện thân cho nghiệp quả của các giai kỳ sinh hóa quá khứ xét theo Thượng đế của chúng ta, và ban xung lực khởi đầu cho các tiến trình điều chỉnh, đền bù và nhận biết khi liên quan đến toàn bộ hệ hiện tại. Một Thực Thể như thế, "Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả," đã xuất hiện trên rung động thứ hai của Thượng đế, được cuốn vào theo Hơi Thở thứ hai; Ngài đã lưu lại cho đến nay: Ngài sẽ ở với chúng ta cho đến khi mọi hệ hành tinh đã bước vào cuộc tuần hoàn thứ năm của chúng, và đang tiến gần "Ngày Phán Xét" của chúng. Khi đó, Ngài có thể rút lui, để lại các Hành Tinh Thượng Đế liên hệ

unwatched. The vibratory impulse will then be so strong and the realisation of the buddhic principle so consciously vivid that nothing can then arrest the onward march of affairs. Under Him work a number of cosmic entities who, as stated in the *Secret Doctrine* [Page 725], [(241) These are the Lipika Lords. See S. D., I, 157] have the privilege of "passing the ring-pass-not"; these are, nevertheless, not avatars for They are Themselves evolving through the administration of karma. It is Their work, and opportunity to progress. An avatar can learn nothing from the place of His appearance. His work is to apply the force of some type of electrical energy to substance in one of its many grades, and thus bring about anticipated results.

tự hoàn thành mục đích nghiệp quả mà không bị giám sát. Khi ấy xung lực rung động sẽ mạnh đến mức và sự chứng nghiệm nguyên khí Bồ đề sẽ sống động một cách hữu thức đến mức không gì còn có thể ngăn cản bước tiến đi lên của các sự việc. Dưới quyền Ngài hoạt động một số thực thể vũ trụ, những vị mà, như được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* [Page 725] [(241) Đây là các Đấng Lipika. Xem G. L. B. N., I, 157] có đặc quyền "vượt qua vòng-giới-hạn"; tuy nhiên, các vị này không phải là các Đấng Hoá Thân vì chính Các Ngài đang tiến hoá thông qua việc quản trị nghiệp quả. Đó là công việc của Các Ngài, và là cơ hội để tiến bộ. Một Đấng Hoá Thân không thể học được gì từ nơi Ngài xuất hiện. Công việc của Ngài là áp dụng mãnh lực của một loại năng lượng điện nào đó lên chất liệu ở một trong nhiều cấp độ của nó, và nhờ đó mang lại những kết quả đã được dự liệu trước.

Another type of solar avatar, Who can be seen appearing in the schemes, has relation to the heart centre of a planetary Logos, and appears on the higher planes (never on the lower) when the heart activity is making itself felt, and when the energising process is seen to bring about three things:

Một loại Đấng Hoá Thân thái dương khác, có thể được thấy xuất hiện trong các hệ hành tinh, có liên hệ với trung tâm tim của một Hành Tinh Thượng Đế, và xuất hiện trên các cõi cao (không bao giờ trên các cõi thấp) khi hoạt động tim đang tự biểu lộ, và khi tiến trình tiếp năng lượng được thấy là mang lại ba điều:

a. An expansion of consciousness.

a. Một sự mở rộng tâm thức.

b. An increase of spiritual light and brilliancy.

b. Một sự gia tăng ánh sáng tinh thần và sự rực rỡ.

c. Planetary radioactivity.

c. Tính phóng xạ hành tinh.

It is this planetary phenomenon which produces (in connection with the fourth kingdom in nature) the throwing open of the door of initiation to man. Such avatars do not come in connection with any particular Hierarchy but only in relation to

Chính hiện tượng hành tinh này tạo ra (liên quan đến giới thứ tư trong thiên nhiên) việc mở rộng cánh cửa điểm đạo cho con người. Những Đấng Hoá Thân như thế không đến trong liên hệ với bất kỳ Huyền Giai riêng biệt nào mà chỉ trong liên hệ với toàn bộ hệ. Các

the total system. They produce the blending of the colours, and the synthesis of the units in their groups.

Ngài tạo ra sự hòa trộn các màu sắc, và sự tổng hợp các đơn vị trong các nhóm của chúng.

At the initiation of a planetary Logos, an avatar may appear in His scheme on the seventh globe from that cosmic centre or star which is ensouled by the particular Rishi Who (in the constellation of the Great Bear) is His cosmic prototype. This is, for the Entity concerned, the taking of a physical form, for our higher planes are but matter from Their standpoint. This has been emphasised frequently, as its significance is not yet sufficiently grasped. By means of the appearance of this Avatar on the seventh globe, the planetary Logos is [Page 726] enabled to preserve continuity of cosmic consciousness even when in physical incarnation; this solar avatar performs the same function for the planetary Logos as the Guru does for His disciple. He makes certain events possible by means of the stimulation and protection of His aura, and He acts as a transmitter of electrical energy from the cosmic centre. We must be careful to hold this analogy very lightly, for the real work accomplished cannot be grasped by man. This avatar has naturally a direct effect upon the centres of the Heavenly Man and therefore upon the units or human Monads, but only indirectly and upon the Monad on its own plane. This influence meets with little response from the Monad until after the third Initiation when its conscious life becomes so strong that it grips afresh its egoic expression in one direction, and awakens to planetary realisation in another. This type of avatar appears only at the time of the initiation of a planetary Logos. The number of initiations taken by a planetary Logos in this system vary from two to four.

Vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế, một Đấng Hoá Thân có thể xuất hiện trong hệ hành tinh của Ngài trên bầu hành tinh thứ bảy từ trung tâm vũ trụ hay ngôi sao được phú linh bởi vị Rishi đặc biệt là nguyên mẫu vũ trụ của Ngài (trong chòm Đại Hùng Tinh). Đối với Thực Thể liên hệ, đây là việc mang lấy một hình thể hồng trần, vì các cõi cao của chúng ta chỉ là vật chất theo quan điểm của Các Ngài. Điều này đã được nhấn mạnh nhiều lần, vì ý nghĩa của nó vẫn chưa được nắm bắt đầy đủ. Nhờ sự xuất hiện của Đấng Hoá Thân này trên bầu hành tinh thứ bảy, Hành Tinh Thượng Đế được [Page 726] giúp duy trì tính liên tục của tâm thức vũ trụ ngay cả khi đang lâm phàm; Đấng Hoá Thân thái dương này thực hiện cùng một chức năng đối với Hành Tinh Thượng Đế như Guru đối với đệ tử của Ngài. Ngài làm cho một số biến cố trở nên khả hữu nhờ sự kích thích và bảo vệ của hào quang Ngài, và Ngài hành động như một kênh truyền năng lượng điện từ trung tâm vũ trụ. Chúng ta phải cẩn trọng khi chỉ xem phép loại suy này như một gợi ý dè dặt, vì công việc thực sự được hoàn thành thì con người không thể hiểu được. Đấng Hoá Thân này dĩ nhiên có một tác động trực tiếp lên các trung tâm của Đấng Thiên Nhân và do đó lên các đơn vị hay các chân thần nhân loại, nhưng chỉ gián tiếp và lên chân thần trên chính cõi của nó. Ảnh hưởng này ít nhận được đáp ứng từ chân thần cho đến sau lần điểm đạo thứ ba khi sự sống hữu thức của nó trở nên mạnh đến mức nó lại nắm lấy biểu hiện chân ngã của mình theo một hướng, và thức tỉnh đối với sự chứng nghiệm hành tinh theo một hướng khác. Loại Đấng Hoá Thân này chỉ xuất hiện vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế. Số lần điểm đạo mà một

Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận trong hệ này thay đổi từ hai đến bốn.

3. *Interplanetary Avatars.* A very interesting group of avatars is here to be found. They are mainly concerned with three things: first with the superintendence of the transfer of force units or *egoic* groups from one scheme to another (not with individual units from chain to chain). They appear usually twice in the history of a scheme, and though unable to take physical bodies of grosser material than those formed of atmic and the buddhic substance, they work with impulse in mental matter and thus effect these group transfers. They Themselves are subdivided into three groups:

3. *Các Đấng Hoá Thân Liên Hành Tinh.* Ở đây có thể tìm thấy một nhóm Đấng Hoá Thân rất thú vị. Các Ngài chủ yếu liên quan đến ba điều: thứ nhất là việc giám sát sự chuyển dịch các đơn vị mãnh lực hay các nhóm *chân ngã* từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác (không phải các đơn vị cá biệt từ dãy này sang dãy khác). Các Ngài thường xuất hiện hai lần trong lịch sử của một hệ hành tinh, và dù không thể mang các thể xác hồng trần bằng vật chất thô nặng hơn những thể được tạo thành từ chất liệu atma và Bồ đề, Các Ngài vẫn hoạt động với xung lực trong chất liệu trí tuệ và nhờ đó thực hiện các sự chuyển dịch nhóm này. Chính Các Ngài lại được phân chia thành ba nhóm:

a. Those effecting the transfer from the minor schemes or Ray manifestations on to the third Ray; They concern Themselves with the result of the merging of the polar opposites in the four [Page 727] lesser schemes until but one is left; and then with the transference of the life and quality of this remaining one on to the third Ray.

a. Những vị thực hiện sự chuyển dịch từ các hệ hành tinh nhỏ hay các biểu hiện cung sang cung ba; Các Ngài quan tâm đến kết quả của sự hợp nhất các cực đối lập trong bốn [Page 727] hệ hành tinh nhỏ cho đến khi chỉ còn lại một; rồi sau đó đến sự chuyển dịch sự sống và phẩm tính của hệ còn lại này sang cung ba.

b. Those dealing with the transference and interaction of the life forces between the three major Rays.

b. Những vị xử lý sự chuyển dịch và tương tác của các mãnh lực sự sống giữa ba Cung chính yếu.

c. Those producing the final systemic transfer at the end of the age.

c. Những vị tạo ra sự chuyển dịch hệ thống cuối cùng vào cuối thời đại.

Secondly, certain avatars from the fourth Creative Hierarchy, for esoteric and for us inexplicable reasons, leave Their Own Hierarchy, and appear in one or other of the deva Hierarchies. This happens only once in the history of each scheme and occurs at the time of its densest physical appearance, and has relation to the transference of deva

Thứ hai, một số Đấng Hoá Thân từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, vì những lý do huyền bí và không thể giải thích đối với chúng ta, rời khỏi chính Huyền Giai của Các Ngài, và xuất hiện trong một Huyền Giai thiên thần nào đó. Điều này chỉ xảy ra một lần trong lịch sử của mỗi hệ hành tinh và diễn ra vào lúc biểu hiện hồng trần đậm đặc nhất của nó, và có

impulse from one scheme to another. They are connected in this way with the appearance of the self-conscious units, being the primal embodiment of the latent self-consciousness of the atom of deva substance. They set the type for the devas of any particular scheme.

liên hệ đến sự chuyển dịch xung lực thiên thần từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác. Theo cách này, Các Ngài liên hệ với sự xuất hiện của các đơn vị ngã thức, là hiện thân nguyên sơ của ngã thức tiềm tàng của nguyên tử chất liệu thiên thần. Các Ngài đặt ra kiểu mẫu cho các thiên thần của bất kỳ hệ hành tinh đặc biệt nào.

Once in the history of each scheme, an avatar from the constellation Capricorn appears on mental levels. This level is the lowest one on which these interplanetary deities appear. No more can be communicated on this matter. "The mystery of the goat" lies hidden here. This avatar makes His appearance in the third round of the third chain, and disappears in the fifth round of the fourth chain.

Một lần trong lịch sử của mỗi hệ hành tinh, một Đấng Hoá Thân từ chòm Ma Kết xuất hiện trên các cấp độ trí tuệ. Đây là cấp độ thấp nhất mà trên đó các thần linh liên hành tinh này xuất hiện. Không thể truyền đạt thêm gì về vấn đề này. "Bí nhiệm của con dê" được ẩn giấu ở đây. Đấng Hoá Thân này xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ ba của dãy thứ ba, và biến mất trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Thứ Tư.

These interplanetary avatars come in, as the products of much earlier kalpas when systemic conditions are refined enough to permit of Their appearance. They are the nirmanakayas of an earlier solar cycle Who now again take the opportunity to effect (in an active sense and through physical manifestation) certain uncompleted work.

Các Đấng Hoá Thân liên hành tinh này đi vào như những sản phẩm của các giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều khi các điều kiện hệ thống đã đủ tinh luyện để cho phép Các Ngài xuất hiện. Các Ngài là các nirmanakaya của một chu kỳ thái dương trước kia, nay lại nắm lấy cơ hội để thực hiện (theo nghĩa chủ động và thông qua biểu hiện hồng trần) một số công việc chưa hoàn tất.

4. *Planetary Avatars.* These emanate from the central [Page 728] planetary Logos of a scheme and embody His will and purpose. They are of two different kinds. The first type is a manifestation on etheric physical levels of the planetary Logos Himself for a specific length of time. It involves the definite taking of a physical body by one of the Kumaras. Such an avatar is to be seen in Sanat Kumara, Who, with the three other Kumaras, embodies the four planetary quaternic principles. In a very real sense, Sanat Kumara is the incarnation of the Lord of the Ray Himself; He is the Silent Watcher,

4. *Các Đấng Hoá Thân Hành Tinh.* Các Ngài xuất lộ từ Đức Hành Tinh Thượng Đế [Page 728] trung tâm của một hệ hành tinh và hiện thân cho ý chí và mục đích của Ngài. Các Ngài có hai loại khác nhau. Loại thứ nhất là một biểu hiện trên các cấp độ hồng trần dĩ thái của chính Hành Tinh Thượng Đế trong một khoảng thời gian xác định. Điều này bao hàm việc một trong các Kumara nhất định mang lấy một thể xác hồng trần. Một Đấng Hoá Thân như thế có thể thấy nơi Đức Sanat Kumara, Đấng cùng với ba Kumara khác hiện thân cho bốn nguyên khí tứ phân hành tinh. Theo một ý nghĩa rất thực, Đức Sanat

the great Sacrifice for humanity. *(S. D., I, 494; II, 112, 149, 333.)*

Kumara là sự nhập thể của chính Chúa Tể của Cung; Ngài là Đấng Quan Sát Thầm Lặng, là Sự Hy Sinh vĩ đại cho nhân loại. *(G. L. B. N., I, 494; II, 112, 149, 333.)*

As noted in the above paragraph, there are secondly three Entities Who embody planetary principles. They are (speaking from the present standpoint) the dynamic energy which holds together the three lower kingdoms, viewing these kingdoms as units and not as differentiations. They are closely connected with the energy aspect of the three earlier chains, and it only needed the work of an interplanetary avatar (at the formation of the triangle which resulted in the individualisation period in Lemurian days) to enable Them to take etheric bodies and incarnate among men. They act as focal points for the energy of the planetary Logos on His own plane. The first Kumara is in a mysterious sense the energy which produces self-consciousness in the human family. The three other kumaras, or the three Buddhas of Activity, act as similar focal points for the energy which animates the three lower kingdoms, and which produces their differing grades of consciousness. It is not possible to express this great mystery more clearly but if the student couples these few hints with those earlier given in the *Secret Doctrine,* the mystery of the "Holy Four" may be somewhat clarified from the standpoint of energy and evolution.

Như đã lưu ý trong đoạn trên, thứ hai có ba Thực Thể hiện thân cho các nguyên khí hành tinh. Các Ngài là (nói từ quan điểm hiện tại) năng lượng động lực giữ ba giới thấp lại với nhau, xét các giới này như những đơn vị chứ không phải như những sự biến phân. Các Ngài liên hệ mật thiết với phương diện năng lượng của ba dãy trước đó, và chỉ cần công việc của một Đấng Hoá Thân liên hành tinh (vào lúc hình thành tam giác dẫn đến thời kỳ biệt ngã hóa trong những ngày Lemuria) là đủ để giúp Các Ngài mang lấy các thể dĩ thái và nhập thể giữa loài người. Các Ngài hành động như những điểm hội tụ cho năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế trên chính cõi của Ngài. Kumara thứ nhất, theo một ý nghĩa huyền nhiệm, là năng lượng tạo ra ngã thức trong gia đình nhân loại. Ba Kumara khác, hay ba Đức Phật Hoạt Động, hành động như những điểm hội tụ tương tự cho năng lượng làm sinh động ba giới thấp, và tạo ra các cấp độ tâm thức khác nhau của chúng. Không thể diễn đạt bí nhiệm lớn lao này rõ hơn, nhưng nếu đạo sinh kết hợp vài gợi ý này với những điều đã được đưa ra trước đó trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* thì bí nhiệm của "Bốn Đấng Thiêng Liêng" có thể phần nào được làm sáng tỏ từ quan điểm năng lượng và tiến hoá.

The times and seasons of their appearing vary according [Page 729] to the particular karma of the Lord of the Ray, and nothing in connection with these great cycles, and incarnation periods, can be revealed to the unpledged and the profane.

Thời điểm và mùa kỳ xuất hiện của Các Ngài thay đổi tùy theo [Page 729] nghiệp quả đặc biệt của Chúa Tể của Cung, và không điều gì liên quan đến các chu kỳ lớn lao này, cùng các thời kỳ nhập thể, có thể được tiết lộ cho những người chưa tuyên thệ và kẻ phàm tục.

5. *Human Avatars.* These are fully dealt with by H. P. B. and there is nothing further to

5. *Các Đấng Hoá Thân Nhân Loại.* Các Ngài đã được H. P. B. bàn đến đầy đủ và không còn gì

add to her information, for the time is not ripe. *(S. D., III, Section 41; III, 345.)* All the above has its place here, as it concerns the mystery of force and consciousness, and the fullest manifestation of a planetary Logos and of a solar Logos in a dense physical body is hidden in the appearance of these various avatars and in their effect.

để thêm vào thông tin của bà, vì thời cơ chưa chín muồi. *(G. L. B. N., III, Phần 41; III, 345.)* Tất cả những điều trên đều có chỗ đứng ở đây, vì chúng liên quan đến bí nhiệm của mãnh lực và tâm thức, và sự biểu hiện đầy đủ nhất của một Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế trong một thể xác hồng trần đậm đặc được ẩn giấu trong sự xuất hiện của các Đấng Hoá Thân khác nhau này và trong tác động của Các Ngài.

(e.) *Individualisation, a form of Initiation.* There is but little more that can be said at this time anent individualisation. What has been said here and in the Secret Doctrine is but a manner of endeavouring to express profound and significant facts, concerning existence and manifestation, in terms of human thought, and through the limiting medium of language. From the most esoteric standpoint "Man is a deva;" he is Spirit and deva substance, united through the work of conscious deva energy. He unites within himself the three aspects of the Deity. He is, while in objectivity:

(e.) *Biệt ngã hóa, một hình thức điểm đạo.* Hiện nay chỉ có thể nói thêm rất ít về biệt ngã hóa. Điều đã được nói ở đây và trong Giáo Lý Bí Nhiệm chỉ là một cách cố gắng diễn đạt những sự kiện sâu xa và đầy ý nghĩa liên quan đến hiện hữu và biểu hiện bằng những thuật ngữ của tư tưởng con người, và thông qua môi trường hạn chế của ngôn ngữ. Từ quan điểm huyền bí nhất, "Con người là một thiên thần;" y là tinh thần và chất liệu thiên thần, được hợp nhất nhờ công việc của năng lượng thiên thần hữu thức. Y hợp nhất trong chính mình ba phương diện của Thượng đế. Khi ở trong tính khách quan, y là:

1. The Self, the Not-Self, and the intelligent link in a very vital sense.

1. Bản Ngã, Phi Ngã, và mối liên kết thông tuệ theo một ý nghĩa rất sinh động.

2. He is Shiva, Vishnu, and Brahma, in synthetic manifestation.

2. Y là Shiva, Vishnu, và Brahma, trong biểu hiện tổng hợp.

3. He is the medium whereby the Will of God, the Love of God, and the Mind of God become intelligible and apparent.

3. Y là môi trường nhờ đó Ý Chí của Thượng Đế, Bác ái của Thượng đế, và Trí của Thượng đế trở nên có thể hiểu được và hiển lộ.

4. He is positive electrical force, plus negative electrical force, plus the equilibrising medium.

4. Y là mãnh lực điện dương, cộng với mãnh lực điện âm, cộng với môi trường quân bình hóa.

5. He is the Flame, the Fire, and the Spark in essential manifestation.

5. Y là Ngọn Lửa, Lửa, và Tia Lửa trong biểu hiện cốt yếu.

6. He is electric fire, solar fire and fire by friction.

6. Y là Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát.

[Page 730] But the point which it is necessary here to emphasise, is that man does not, in space and time and in the three worlds, demonstrate all these aspects simultaneously, but only simultaneously towards the close of the process of evolution. As in the Macrocosm, Brahma manifests activity first, then the second or middle aspect and finally the first or purposeful will makes itself seen, so with the microcosm.

[Page 730] Nhưng điểm cần được nhấn mạnh ở đây là con người không biểu lộ tất cả các phương diện này đồng thời trong không gian và thời gian và trong ba cõi giới, mà chỉ đồng thời vào gần cuối tiến trình tiến hoá. Cũng như trong Đại thiên địa, Brahma biểu lộ hoạt động trước tiên, rồi đến phương diện thứ hai hay trung gian, và cuối cùng phương diện thứ nhất, hay ý chí có mục đích, mới tự biểu lộ, thì với tiểu thiên địa cũng vậy.

The Brahma aspect, that in which the Not-Self or material aspect is apparent and predominant. This covers the sub-human stages, and the first three cycles of the Personality Life:

Phương diện Brahma, tức phương diện trong đó Phi Ngã hay phương diện vật chất là hiển nhiên và chiếm ưu thế. Điều này bao trùm các giai đoạn dưới nhân loại, và ba chu kỳ đầu của Đời Sống Phàm ngã:

a.	First cycle	savage state.
b.	Second cycle	average man.
c.	Third cycle	intellectual successful man.

The Vishnu aspect, that in which the love-wisdom aspect gradually predominates and emerges through the medium of the Brahma aspect. It covers the final two stages of the human personality life, and that period of egoic growth which embraces the final two Initiations:

Phương diện Vishnu, tức phương diện trong đó phương diện bác ái – minh triết dần dần chiếm ưu thế và xuất hiện thông qua môi trường của phương diện Brahma. Nó bao trùm hai giai đoạn cuối của đời sống phàm ngã con người, và giai đoạn tăng trưởng chân ngã bao gồm hai lần điểm đạo cuối cùng:

a.	First cycle	The Path of Probation.
b.	Second cycle	The Path of Initiation. (till the third Initiation)
c.	Third cycle	That covering the fourth and fifth Initiations.

This is the temporary consummation, but just as in the animal kingdom, the human mind was latent and instinctive, and just as in the human kingdom the buddhic aspect is latent and instinctive, so during the final cycle of human endeavour, the Atma, or highest aspect of the Monad, is also latent and instinctive. This must produce later stages of development. There are no gaps in evolution, and no periods wherein there is total absence of any one aspect; all are ever present but they [Page 731] "show forth" in alternation. Only when the fires of matter are blazing brightly, and become radiatory, does it become possible for the fire of mind to show forth, even though ever inherently present. Only when these two fires of matter and of mind have reached a stage of energetic heat and light, can the electric fire of Spirit show forth in its glory. Only again when these three are unitedly burning does the fire of matter die down for lack of that which it may consume, and only when that occurs is it possible for the fires of mind (on mental levels) to burn up that which it has hitherto animated. When this is accomplished, the fire of pure Spirit (increased and intensified by the gaseous essence of the fire of matter, or "fire by friction," and coloured, and rendered radiatory by the fire of mind) blazes forth in perfected glory, so that naught is seen save one vibrant flame. This idea can be extended

Đây là sự viên mãn tạm thời, nhưng cũng như trong giới động vật, trí tuệ con người còn tiềm tàng và bản năng, và cũng như trong giới nhân loại, phương diện Bồ đề còn tiềm tàng và bản năng, thì trong chu kỳ cuối cùng của nỗ lực nhân loại, Atma, hay phương diện cao nhất của chân thần, cũng còn tiềm tàng và bản năng. Điều này tất phải tạo ra các giai đoạn phát triển về sau. Không có khoảng trống nào trong tiến hoá, và không có thời kỳ nào mà ở đó có sự vắng mặt hoàn toàn của bất kỳ phương diện nào; tất cả đều luôn hiện diện nhưng chúng [Page 731] "tự biểu lộ" luân phiên. Chỉ khi các lửa của vật chất đang bùng cháy sáng rực và trở nên phóng xạ thì lửa của trí tuệ mới có thể biểu lộ, dù vốn luôn hiện diện nội tại. Chỉ khi hai lửa này của vật chất và của trí tuệ đã đạt đến một giai đoạn nhiệt và quang năng mãnh liệt thì Lửa Điện của tinh thần mới có thể biểu lộ trong vinh quang của nó. Chỉ khi ba lửa này cùng cháy hợp nhất thì lửa của vật chất mới lắng xuống vì thiếu cái để nó có thể tiêu thụ, và chỉ khi điều đó xảy ra thì lửa của trí tuệ (trên các cấp độ trí tuệ) mới có thể thiêu rụi cái mà trước đây nó đã làm sinh động. Khi điều này được hoàn tất, lửa của tinh thần thuần túy (được tăng cường và làm mãnh liệt bởi tinh chất khí của lửa vật chất, hay "lửa ma sát," và được nhuốm màu, được làm cho phóng xạ bởi lửa của trí tuệ) bùng lên trong vinh quang hoàn hảo, đến nỗi không còn gì được thấy ngoài một ngọn

away from Man to a Heavenly Man, and again to the Logos in His cosmic relationship.

lửa rung động duy nhất. Ý tưởng này có thể được mở rộng từ Con người đến một Đấng Thiên Nhân, và rồi lại đến Thượng đế trong mối liên hệ vũ trụ của Ngài.

Individualisation marks one stage of the process in the intensification of "fire by friction." It has relation to the achievement of Brahma, and marks a point in the energising of substance. Certain forms are ready for self-consciousness. Two cosmic Rays of differing polarities are mutually attracted.

Biệt ngã hóa đánh dấu một giai đoạn của tiến trình tăng cường "lửa ma sát." Nó có liên hệ đến thành tựu của Brahma, và đánh dấu một điểm trong sự tiếp năng lượng cho chất liệu. Một số hình tướng đã sẵn sàng cho ngã thức. Hai cung vũ trụ có cực tính khác nhau hút lẫn nhau.

Initiation marks a stage in the intensification of "solar Fire." It has relation to the achievement of Vishnu, and marks a point in the evolution of consciousness, through self-consciousness to group consciousness, or universal consciousness.

Điểm đạo đánh dấu một giai đoạn trong sự tăng cường của "Lửa Thái dương." Nó có liên hệ đến thành tựu của Vishnu, và đánh dấu một điểm trong sự tiến hoá của tâm thức, từ ngã thức đến tâm thức nhóm, hay tâm thức phổ quát.

Identification with the aggregate of all groups might be the term used to express the final stages of the evolutionary process; it marks a period towards the close of the mahamanvantara when all groups begin *consciously* to work out the eternal Will. It involves a type of realisation, incredible to man now but which is conceivable [Page 732] (though not yet practicable) to the Chohans of the Hierarchy now on Earth. They work consciously carrying out the Will of the planetary Logos in the planet, but even They are as yet far from appreciating fully the Will and purpose of the Logos as He works through the system. Glimpses They may get, and an idea of the general plan, but the details are as yet unrecognisable.

Đồng hoá với tổng thể của mọi nhóm có thể là thuật ngữ dùng để diễn tả các giai đoạn cuối cùng của tiến trình tiến hoá; nó đánh dấu một thời kỳ vào gần cuối Đại giai kỳ sinh hóa khi mọi nhóm bắt đầu *một cách hữu thức* thực hiện Ý Chí vĩnh cửu. Nó bao hàm một loại chứng nghiệm mà hiện nay con người không thể tin nổi nhưng lại có thể hình dung được [Page 732] (dù chưa thể thực hành) đối với các Chohan của Thánh đoàn hiện đang ở trên Trái Đất. Các Ngài hoạt động một cách hữu thức để thực hiện Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế trên hành tinh, nhưng ngay cả Các Ngài cũng còn rất xa mới có thể đánh giá đầy đủ Ý Chí và mục đích của Thượng đế khi Ngài hoạt động thông qua hệ. Các Ngài có thể thoáng thấy, và có một ý niệm về kế hoạch tổng quát, nhưng các chi tiết thì hiện vẫn chưa thể nhận biết được.

Cosmic Fire S7A

(Trang 733-853)

c. On Incarnation.

(*a.*) *Cosmic, Planetary and Human.* We leave now the consideration of self-consciousness, as it is produced through the medium of the particular type of deva substance which the Agnishvattas provided for the body of the Ego, and pass on to the study of incarnation, cosmic, planetary and human. A hint as to the constitution of these solar Pitris and Manasadevas may come to the student who ponders upon the place of the egoic unit in the body of the planetary Logos, and in the particular centre of which it forms a component part. These Manasadevas and Dhyan Chohans who produce self-consciousness in man are indeed the energy and substance of the cosmic Heavenly Man.

The word "incarnation" in its root meaning conveys the fundamental truth involved in the taking of a dense physical body, and should technically be applied only to that period of manifestation which concerns the three lower subplanes of the:

a. Cosmic physical plane, in relation to a solar Logos and to a planetary Logos.

b. Systemic physical plane, in relation to man.

This connotation has been preserved where the cosmic entities are concerned, but when man is under consideration the term has been applied to the unification of the etheric double with the dense physical body, or to the appropriation by man of the vehicle

c. Về sự Nhập thể.

(*a.*) *Vũ trụ, Hành tinh và Nhân loại.* Giờ đây chúng ta rời việc xem xét ngã thức, như nó được tạo ra thông qua môi trường của loại chất liệu thiên thần đặc biệt mà các Agnishvatta đã cung cấp cho thể nguyên nhân của chân ngã, và chuyển sang nghiên cứu sự nhập thể, vũ trụ, hành tinh và nhân loại. Một gợi ý về cấu tạo của các thái dương tổ phụ và Manasadeva này có thể đến với đạo sinh nào suy ngẫm về vị trí của đơn vị chân ngã trong thân thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và trong trung tâm đặc biệt mà nó tạo thành một phần cấu thành. Những Manasadeva và Dhyan Chohan tạo ra ngã thức nơi con người này quả thật là năng lượng và chất liệu của Đấng Thiên Nhân vũ trụ.

Từ "nhập thể" trong ý nghĩa gốc của nó chuyển tải chân lý căn bản liên quan đến việc mang lấy một thể xác hồng trần đậm đặc, và về mặt kỹ thuật chỉ nên được áp dụng cho thời kỳ biểu hiện liên quan đến ba cõi phụ thấp của:

a. Cõi hồng trần vũ trụ, trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế và với một Hành Tinh Thượng Đế.

b. Cõi hồng trần hệ thống, trong liên hệ với con người.

Ý nghĩa này đã được giữ lại khi liên quan đến các thực thể vũ trụ, nhưng khi xét đến con người thì thuật ngữ này đã được áp dụng cho sự hợp nhất của bản sao dĩ thái với thể xác hồng trần đậm đặc, hay cho việc con người chiếm dụng vận cụ được cấu thành từ [Page

composed of the [Page 733] substance of the lowest subplane of the cosmic physical plane in its lowest aspects. This distinction has a certain significance and should be remembered. This appropriation is governed by the same laws which governed the appropriation by the Logos of His physical vehicle. In order to get an idea of what the procedure is, it might be of value if we considered the different kinds of pralaya, and pondered upon those periods which ensue between incarnations. From the point of view of any unit involved, a pralaya is a period of quiescence, of cessation from a particular type of activity, involving objectivity, yet from the point of view of the great whole with which the unit may be involved, a pralaya may be considered merely as a transference of force from one direction into another. Though the unit may be temporarily devitalised as regards its form, yet the greater Entity persists, and is still active.

733] chất liệu của cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ trong các phương diện thấp nhất của nó. Sự phân biệt này có một ý nghĩa nhất định và cần được ghi nhớ. Sự chiếm dụng này được chi phối bởi cùng những định luật đã chi phối việc Thượng đế chiếm dụng vận cụ hồng trần của Ngài. Để có được một ý niệm về tiến trình này là gì, sẽ có ích nếu chúng ta xem xét các loại Giai kỳ qui nguyên khác nhau, và suy ngẫm về những thời kỳ tiếp theo giữa các lần nhập thể. Từ quan điểm của bất kỳ đơn vị nào liên quan, một Giai kỳ qui nguyên là một thời kỳ tĩnh lặng, ngưng dứt một loại hoạt động đặc biệt có liên quan đến tính khách quan, tuy nhiên từ quan điểm của toàn thể lớn lao mà đơn vị ấy có thể liên hệ, một Giai kỳ qui nguyên có thể chỉ được xem như một sự chuyển dịch mãnh lực từ hướng này sang hướng khác. Dù đơn vị có thể tạm thời bị mất sinh lực xét theo hình tướng của nó, song Thực Thể lớn hơn vẫn tồn tại, và vẫn còn hoạt động.

Let us take up the matter first from the human standpoint, and study pralaya as it affects the Monad in incarnation. (244) There are five types of pralaya with which we may legitimately concern ourselves. We should notice first the fact that this condition is primarily one that concerns the relationship between Spirit and matter, in which a condition in substance is brought about through the action of the energising factor, the Spirit. It has, therefore, to do with the relation of the greater devas as They carry out Their work of form-building [Page 734] under the Law of Will of God to the lesser devas who represent living substance. It will be apparent to the student that it concerns the relation of the Holy Spirit to the Mother in the production of the Son, and then the relation of the Son to the Mother. If the ideas formulated in this treatise have been carefully followed, it will be obvious

Trước hết, chúng ta hãy xét vấn đề từ quan điểm nhân loại, và nghiên cứu Giai kỳ qui nguyên khi nó tác động đến chân thần đang nhập thể. (244) Có năm loại Giai kỳ qui nguyên mà chúng ta có thể chính đáng quan tâm. Trước tiên, chúng ta nên lưu ý sự kiện rằng trạng thái này chủ yếu liên quan đến mối liên hệ giữa tinh thần và vật chất, trong đó một trạng thái trong chất liệu được tạo ra thông qua tác động của yếu tố tiếp năng lượng là tinh thần. Vì vậy, nó liên quan đến mối liên hệ của các thiên thần lớn hơn khi Các Ngài thực hiện công việc kiến tạo hình tướng [Page 734] dưới Định luật Ý Chí của Thượng Đế với các thiên thần nhỏ hơn là những vị tiêu biểu cho chất liệu sống. Đối với đạo sinh, sẽ hiển nhiên rằng điều này liên quan đến mối liên hệ của Chúa Thánh Thần với Mẹ trong việc tạo ra Người Con, rồi đến mối liên hệ của Người Con với Mẹ. Nếu các ý tưởng được hình thành trong bộ luận này đã

that in studying the question of pralaya, we are studying the relation (in time and space) of the positive energy of the solar Logos, the planetary Logos, and of Man to the substance through which alone manifestation is possible. Through this relation, existence on the objective planes can be brought about.

được theo dõi cẩn thận, thì sẽ rõ ràng rằng khi nghiên cứu vấn đề Giai kỳ qui nguyên, chúng ta đang nghiên cứu mối liên hệ (trong thời gian và không gian) của năng lượng dương của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, và của Con người với chất liệu mà chỉ thông qua đó biểu hiện mới có thể xảy ra. Nhờ mối liên hệ này, sự hiện hữu trên các cõi khách quan có thể được tạo ra.

(244) There are fundamentally three kinds of Pralaya. See S. D., I, 397-398.

(244) Về căn bản có ba loại Giai kỳ qui nguyên. Xem G. L. B. N., I, 397-398.

1. Solar pralaya. This comes at the end of one hundred years of Brahma. It marks reabsorption into unity. It marks end of manifestation of solar system. Concerns the solar Logos.

1. Giai kỳ qui nguyên thái dương. Điều này đến vào cuối một trăm năm của Brahma. Nó đánh dấu sự tái hấp thu vào hợp nhất. Nó đánh dấu sự chấm dứt biểu hiện của hệ mặt trời. Liên quan đến Thái dương Thượng đế.

2. Incidental pralaya. This succeeds the days of Brahma. It marks periods between manvantaras. Temporary form ceases but duality remains. Concerns a planetary Logos.

2. Giai kỳ qui nguyên ngẫu phát. Điều này tiếp theo các ngày của Brahma. Nó đánh dấu các thời kỳ giữa các giai kỳ sinh hóa. Hình tướng tạm thời chấm dứt nhưng nhị nguyên tính vẫn còn. Liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế.

3. Individual pralaya. Achieved by a man at the fifth initiation. Marks attainment of perfection. Concerns the monad.

3. Giai kỳ qui nguyên cá nhân. Được một người đạt tới ở lần điểm đạo thứ năm. Đánh dấu sự đạt đến hoàn hảo. Liên quan đến chân thần.

There is also the pralaya in connection with human evolution which we call devachanic. It concerns the personality. (back)

Cũng có Giai kỳ qui nguyên liên quan đến tiến hoá nhân loại mà chúng ta gọi là devachan. Nó liên quan đến phàm ngã. (back)

(*b.*) *The Nature of Pralaya.* We can view pralaya as the work of "abstraction," and as the method which brings the form under the Destroyer aspect of Spirit, working ever under the Law of Attraction, of which the Law of Synthesis is but a branch. The basic law of the system is that which governs the

(*b.*) *Bản chất của Giai kỳ qui nguyên.* Chúng ta có thể xem Giai kỳ qui nguyên như công việc của "sự rút tách," và như phương pháp đưa hình tướng vào dưới phương diện Hủy Diệt của tinh thần, luôn hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn, mà Định luật Tổng Hợp chỉ là một nhánh. Định luật căn bản của hệ là định luật

relation of all atoms to the aggregate of atoms, and of the Self to the Not-self. It is (from the occult standpoint) the most powerful force-demonstration in the system, and should the law inconceivably cease to work, instantaneously the system and all forms therein, planetary, human and other would cease to be. By an act of will the planetary schemes persist, by an act of will the system IS; by an act of the egoic will man appears. When the Will of the Logos, of the Heavenly Man, and of the human divine Ego is turned to other ends, the substance of Their vehicles is affected, and disintegration sets in. The five types of pralaya which concern the human unit are as follows:

chi phối mối liên hệ của mọi nguyên tử với tổng thể các nguyên tử, và của Bản Ngã với Phi Ngã. Theo quan điểm huyền bí, đó là sự biểu lộ mãnh lực mạnh mẽ nhất trong hệ, và nếu định luật ấy ngừng hoạt động—dù điều này không thể tưởng tượng nổi—, thì ngay tức khắc hệ và mọi hình tướng trong đó, hành tinh, nhân loại và các loại khác, sẽ chấm dứt hiện hữu. Bằng một hành vi ý chí, các hệ hành tinh tồn tại; bằng một hành vi ý chí, hệ HIỆN HỮU; bằng một hành vi của ý chí chân ngã, con người xuất hiện. Khi Ý Chí của Thượng đế, của Đấng Thiên Nhân, và của chân ngã thiêng liêng nhân loại hướng đến những cứu cánh khác, thì chất liệu của các vận cụ của Các Ngài bị tác động, và sự tan rã bắt đầu. Năm loại Giai kỳ qui nguyên liên quan đến đơn vị nhân loại như sau:

(1) *The period of pralaya between two incarnations*. This is of a triple nature and affects the substance of the three vehicles, physical, astral and mental, reducing the form to its primitive substance, and dissipating its atomic structure. The energy of the second aspect (that of the form-builder) is withdrawn by the will of the Ego, [Page 735] and the atoms composing the form become dissociated from each other, and are resolved into the reservoir of essence to be re-collected again when the hour strikes. This condition is brought about gradually by stages of which we are aware:

(1) *Thời kỳ Giai kỳ qui nguyên giữa hai lần nhập thể*. Điều này có bản chất tam phân và tác động đến chất liệu của ba vận cụ, hồng trần, cảm dục và trí tuệ, đưa hình tướng trở về chất liệu nguyên sơ của nó, và làm tiêu tan cấu trúc nguyên tử của nó. Năng lượng của phương diện thứ hai (phương diện của đấng kiến tạo hình tướng) được rút lại bởi ý chí của chân ngã, [Page 735] và các nguyên tử cấu thành hình tướng trở nên tách rời nhau, và được phân giải vào kho chứa tinh chất để rồi được thu thập lại khi giờ điểm đến. Trạng thái này được tạo ra dần dần qua các giai đoạn mà chúng ta nhận biết được:

The first stage is the withdrawal of the life force in the etheric vehicle from the threefold (dense, liquid and gaseous) dense physical body and the consequent "falling into corruption," and becoming "scattered to the elements." Objective man fades out, and is no more seen by the physical eye, though still in his etheric body. When etheric vision is developed, the thought of death will assume very different proportions. When a

Giai đoạn đầu tiên là sự rút mãnh lực sự sống trong vận cụ dĩ thái ra khỏi thể xác hồng trần đậm đặc tam phân (đậm đặc, lỏng và khí) và hậu quả là sự "rơi vào hư hoại," và trở nên "phân tán vào các nguyên tố." Con người khách quan mờ dần đi, và không còn được mắt hồng trần nhìn thấy nữa, dù vẫn còn trong thể hồng trần dĩ thái của y. Khi khả năng nhìn thấy cõi dĩ thái được phát triển, ý niệm về cái chết sẽ có tầm vóc rất

man can be seen functioning in his etheric physical body by the majority of the race, the dropping of the dense body will be considered just a “release.”

khác. Khi một người có thể được đa số nhân loại nhìn thấy đang hoạt động trong thể hồng trần dĩ thái của mình, thì việc buông bỏ thể đậm đặc sẽ chỉ được xem như một “sự giải thoát.”

The next stage is the withdrawal of the life force from the etheric body or coil, and its devitalisation. The etheric coil is but an extension of one aspect of the sutratma or thread, and this thread is spun by the Ego from within the causal body much as a spider spins a thread. It can be shortened or extended at will, and when the period of pralaya has been decided upon, this thread of light, or of solar fire (note the word “solar”) is withdrawn, and gathered back to the atomic subplane where it will still vitalise the permanent atom and hold it connected within the causal body. The life impulses are then—as far as the physical plane is concerned—centralised within the atomic sphere.

Giai đoạn kế tiếp là sự rút mãnh lực sự sống ra khỏi thể dĩ thái hay cuộn dây, và sự mất sinh lực của nó. Cuộn dây dĩ thái chỉ là sự kéo dài của một phương diện của sutratma hay sợi dây, và sợi dây này do chân ngã kéo ra từ bên trong thể nguyên nhân cũng như con nhện nhả tơ. Nó có thể được rút ngắn hay kéo dài theo ý muốn, và khi thời kỳ Giai kỳ qui nguyên đã được quyết định, sợi dây ánh sáng này, hay của lửa thái dương (lưu ý từ “thái dương”) được rút lại, và thu về cõi phụ nguyên tử nơi nó vẫn sẽ tiếp sinh lực cho nguyên tử trường tồn và giữ nó được nối kết bên trong thể nguyên nhân. Khi ấy các xung lực sự sống — xét theo cõi hồng trần — được tập trung trong khối cầu nguyên tử.

The third stage is the withdrawal of the life force from the astral form so that it disintegrates in a similar manner and the life is centralised within the astral permanent atom. It has gained an increase of vitality through physical plane existence, and added colour through astral experience.

Giai đoạn thứ ba là sự rút mãnh lực sự sống ra khỏi hình tướng cảm dục để nó tan rã theo cách tương tự và sự sống được tập trung trong nguyên tử trường tồn cảm dục. Nó đã đạt được sự gia tăng sinh lực nhờ sự hiện hữu trên cõi hồng trần, và thêm màu sắc nhờ kinh nghiệm cảm dục.

The final stage for the human atom is its withdrawal [Page 736] from the mental vehicle. The life forces after this fourfold abstraction are centralised entirely within the egoic sphere; contact with the three lower planes is still inherently possible by means of the permanent atoms, the force centres of the three personality aspects.

Giai đoạn cuối cùng đối với nguyên tử nhân loại là sự rút lui của nó [Page 736] ra khỏi vận cụ thể trí. Sau sự rút tách tứ phân này, các mãnh lực sự sống được tập trung hoàn toàn trong khối cầu chân ngã; sự tiếp xúc với ba cõi thấp vẫn còn có thể có về bản chất nhờ các nguyên tử trường tồn, là các trung tâm mãnh lực của ba phương diện phàm ngã.

In each incarnation the life forces have gained through the utilisation of the vehicles,

a. An increased activity, which is stored in the physical permanent atom.

b. An added colouring, which is stored in the astral permanent atom.

c. A developed quality of strength, or purpose in action, which is stored in the mental unit.

These are wrought into faculty in devachan.

Devacha (245, 246) is a state of consciousness, reflecting, in [Page 737] the life of the Personality, that higher state which we call nirvanic consciousness, and which is brought about by egoic action. It is but a dim reflection in the separated units (and therefore tinged with selfishness and separative pleasure) of the group condition called nirvanic. In this high state of consciousness each separate identity, though self-realising, shares in the group realisation, and therein lies bliss for the unit. Separation is no longer felt, only unity and essential oneness is known. Therefore, as might be naturally deduced, there is no devachan for the savage or little evolved man, as they merit it not, and have not the mentality to realise it; hence, therefore, the rapidity of their incarnations, and the brevity of the pralayic period. There is little in their case for the Ego, on its own plane, to assimilate in the residue of incarnations, and hence the life principle withdraws rapidly from out of the mental form, with the resulting impulse of the Ego to reincarnate almost immediately.

Trong mỗi lần nhập thể, các mãnh lực sự sống đã thu được nhờ việc sử dụng các vận cụ,

a. Một hoạt động gia tăng, được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn hồng trần.

b. Một màu sắc được thêm vào, được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn cảm dục.

c. Một phẩm tính sức mạnh được phát triển, hay mục đích trong hành động, được lưu trữ trong đơn vị hạ trí.

Những điều này được chuyển thành năng lực trong devachan.

Devacha (245, 246) là một trạng thái tâm thức, phản ánh, trong [Page 737] đời sống của Phàm ngã, trạng thái cao hơn mà chúng ta gọi là tâm thức Niết Bàn, và do hoạt động chân ngã tạo ra. Nó chỉ là một phản ánh mờ nhạt trong các đơn vị tách biệt (và do đó nhuốm màu ích kỷ và khoái lạc phân ly) của trạng thái nhóm được gọi là Niết Bàn. Trong trạng thái tâm thức cao này, mỗi bản sắc tách biệt, dù tự chứng nghiệm, vẫn chia sẻ trong sự chứng nghiệm của nhóm, và trong đó có chí phúc cho đơn vị. Sự phân ly không còn được cảm thấy nữa, chỉ còn sự hợp nhất và tính nhất thể cốt yếu được biết đến. Vì vậy, như có thể tự nhiên suy ra, không có devachan cho người man dã hay người ít tiến hoá, vì họ không xứng đáng với nó, và không có trí tuệ để chứng nghiệm nó; do đó, các lần nhập thể của họ diễn ra nhanh chóng, và thời kỳ Giai kỳ qui nguyên rất ngắn. Trong trường hợp của họ, chân ngã trên chính cõi của nó có rất ít điều để đồng hoá trong phần cặn dư của các lần nhập thể, và vì thế nguyên khí sự sống rút ra nhanh chóng khỏi hình tướng trí tuệ, với xung lực

kết quả từ chân ngã là tái nhập thể gần như ngay lập tức.

(245) Deva-Chan. "(3) 'Who goes to Deva Chan?' The personal Ego, of course, but beatified, purified, holy. Every Ego—the combination of the sixth and seventh principles—which, after the period of unconscious gestation is reborn into the Deva-Chan, is of necessity as innocent and pure as a new-born babe. The fact of his being reborn at all shows the preponderance of good over evil in his old personality. And while the Karma (of evil) steps aside for the time being to follow him in his future earth-reincarnation, he brings along with him but the Karma of his good deeds, words, and thoughts into this Deva-Chan. 'Bad' is a relative term for us—as you were told more than once before,—and the *Law of Retribution* is the only law that never errs. Hence all those who have not slipped down into the mire of unredeemable sin and bestiality—go to the Deva-Chan. They will have to pay for their sins, voluntary and involuntary, later on. Meanwhile they are rewarded; receive the *effects* of the *causes* produced by them.

(245) Deva-Chan. "(3) 'Ai đi vào Deva Chan?' Dĩ nhiên là chân ngã cá nhân, nhưng đã được ban phúc, thanh lọc, thánh thiện. Mọi chân ngã — sự kết hợp của nguyên khí thứ sáu và thứ bảy — sau thời kỳ thai nghén vô thức được tái sinh vào Deva-Chan, tất yếu đều ngây thơ và thanh khiết như một hài nhi mới sinh. Chính sự kiện y được tái sinh cho thấy điều thiện chiếm ưu thế hơn điều ác trong phàm ngã cũ của y. Và trong khi nghiệp quả (của điều ác) tạm thời lùi sang một bên để theo y trong lần tái nhập thể trên trần thế tương lai, y chỉ mang theo nghiệp quả của những việc làm, lời nói và tư tưởng tốt đẹp của mình vào Deva-Chan này. 'Xấu' là một thuật ngữ tương đối đối với chúng ta — như đã được nói với bạn nhiều hơn một lần trước đây, — và *Định luật Báo Ứng* là định luật duy nhất không bao giờ sai lầm. Vì thế tất cả những ai chưa sa xuống vũng bùn của tội lỗi không thể cứu chuộc và tính thú vật — đều đi vào Deva-Chan. Về sau họ sẽ phải trả cho những tội lỗi của mình, tự nguyện và không tự nguyện. Trong khi đó họ được tưởng thưởng; nhận lấy *các hiệu quả* của những *nguyên nhân* do họ tạo ra.

"Of course it is a *state*, one, so to say, of *intense selfishness* during which an *Ego* reaps the reward of his *unselfishness* on earth. He is completely engrossed in the bliss of all his personal earthly affections, preferences, thoughts, and gathers in the fruit of his meritorious actions. No pain, no grief nor even the shadow of a sorrow comes to darken the bright horizon of his unalloyed happiness; for, *it is a state of perpetual 'Maya.'*...Since the conscious perception of one's personality on earth is but an evanescent dream that sense will be equally

"Dĩ nhiên đó là một *trạng thái*, có thể nói là của *sự ích kỷ mãnh liệt* trong đó một *chân ngã* gặt hái phần thưởng cho *tính vô kỷ* của y trên trần thế. Y hoàn toàn đắm chìm trong chí phúc của mọi tình cảm, sở thích, tư tưởng cá nhân trần thế của mình, và thu hoạch quả của những hành động công đức. Không đau đớn, không buồn phiền, thậm chí không cả bóng dáng của một nỗi sầu nào đến làm u ám chân trời sáng ngời của hạnh phúc thuần khiết của y; vì, *đó là một trạng thái của 'Maya' vĩnh viễn*....Vì sự nhận biết hữu thức về phàm ngã của mình trên trần thế chỉ là một giấc mộng thoáng qua, nên cảm giác ấy

that of a dream in the Deva-Chan—only a hundredfold intensified."

trong Deva-Chan cũng sẽ là cảm giác của một giấc mộng — chỉ khác là được tăng cường lên gấp trăm lần."

.....

.....

"'Bardo' is the period between death and rebirth—and may last from a few years to a kalpa. It is divided into three sub-periods (1) when the Ego delivered of its mortal coil enters into Kama-Loka (the abode of Elementaries); (2) when it enters into 'Gestation State'; (3) when it is reborn in the *Rupa-Loka* of Deva-Chan. Sub-period (1) may last from a few minutes to a *number* of years —the phrase 'a few years' becoming puzzling and utterly worthless without a more complete explanation; Sub-period 2nd is 'very long'; as you say, longer sometimes than you may even imagine, yet proportionate to the *Ego's* spiritual stamina; Sub-period 3rd lasts in proportion to the good *Karma*, after which the monad is again reincarnated."

"'Bardo' là thời kỳ giữa cái chết và sự tái sinh — và có thể kéo dài từ vài năm đến một kalpa. Nó được chia thành ba thời kỳ phụ (1) khi chân ngã, được giải thoát khỏi thân thể phàm trần của nó, đi vào Kama-Loka (nơi cư ngụ của các Elementaries); (2) khi nó đi vào 'Trạng thái Thai nghén'; (3) khi nó được tái sinh trong *Rupa-Loka* của Deva-Chan. Thời kỳ phụ (1) có thể kéo dài từ vài phút đến một *số* năm — cụm từ 'vài năm' trở nên khó hiểu và hoàn toàn vô giá trị nếu không có một giải thích đầy đủ hơn; Thời kỳ phụ thứ 2 thì 'rất dài'; như bạn nói, đôi khi dài hơn cả điều bạn có thể tưởng tượng, tuy nhiên vẫn tương xứng với *sức bền tinh thần* của chân ngã; Thời kỳ phụ thứ 3 kéo dài tương ứng với *nghiệp quả* tốt, sau đó chân thần lại tái nhập thể."

.....

.....

... "Every effect must be proportionate to the cause. And, as man's terms of incarnate existence bear but a small proportion to his periods of inter-natal existence in the manvantaric cycle, so the good thoughts, words, and deeds of any one of these 'lives' on a globe are causative of effects, the working out of which requires far more time than the evolution of the causes occupied."—From *Mahatma Letters to A. P. Sinnett*, pp. 100, 105-106. (back)

... "Mọi hiệu quả đều phải tương xứng với nguyên nhân. Và cũng như các thời kỳ hiện hữu nhập thể của con người chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với các thời kỳ tồn tại giữa hai lần sinh của y trong chu kỳ giai kỳ sinh hóa, thì những tư tưởng, lời nói và việc làm tốt đẹp của bất kỳ một trong những 'đời sống' nào trên một bầu hành tinh đều là nguyên nhân của những hiệu quả mà sự triển khai của chúng đòi hỏi nhiều thời gian hơn rất nhiều so với thời gian đã dùng để tiến hoá các nguyên nhân ấy." — Trích từ *Mahatma Letters to A. P. Sinnett*, tr. 100, 105-106. (back)

When the life of the personality has been full and rich, yet has not reached the stage

Khi đời sống của phàm ngã đã đầy đủ và phong phú, nhưng chưa đạt đến giai đoạn

wherein the personal self can *consciously* co-operate with the ego, periods of personality nirvana are undergone, their length depending upon the interest of the life, and the ability of the man to meditate upon experience. Later, when the Ego dominates the personality life, the interest of the man is raised to higher levels, and the nirvana of the soul becomes [Page 738] his goal. He has no interest in devachan. Therefore, those upon the Path (either the probationary Path, or the Path of Initiation) do not, as a rule, go to devachan, but immediate incarnation becomes the rule in the turning of the wheel of life; this time it is brought about by the conscious co-operation of the personal Self with the divine Self or Ego.

mà bản ngã cá nhân có thể *một cách hữu thức* hợp tác với chân ngã, thì các thời kỳ niết bàn của phàm ngã sẽ được trải qua, độ dài của chúng tùy thuộc vào sự phong phú của đời sống, và khả năng của con người trong việc tham thiền về kinh nghiệm. Về sau, khi chân ngã chi phối đời sống phàm ngã, mối quan tâm của con người được nâng lên các cấp độ cao hơn, và niết bàn của linh hồn trở thành [Page 738] mục tiêu của y. Y không còn quan tâm đến devachan. Vì vậy, những ai ở trên Đường Đạo (hoặc là Con Đường Dự Bị, hay Con Đường Điểm Đạo) thông thường không đi vào devachan, mà sự nhập thể tức thời trở thành quy luật trong vòng quay của bánh xe sự sống; lần này điều đó do sự hợp tác hữu thức tạo ra của Bản Ngã cá nhân với Bản Ngã thiêng liêng hay chân ngã.

(2) *The period between egoic Cycles*. Herein is hid the mystery of the 777 incarnations and concerns the relation of the unit to his group on the egoic plane, prior to the unfoldment of the fifth petal. It concerns man in the period between the savage stage and that of the disciple, when he is an average man but still in the two Halls. The mystery of all root races lies here, and the egoic cycles coincide with the building of racial forms, and civilisations. A man will reincarnate again and again in the various subraces of a root race until a certain cycle has been covered; then he may undergo a pralayic condition until in a later (and sometimes much later) root race he will respond to its vibratory call, and the egoic impulse to incarnate will again be felt. In illustration of this, we should bear in mind that the more advanced humanity of today did not incarnate until the fourth root race. These cycles are one of the mysteries of initiation, though one of the earlier mysteries, and are revealed at the second initiation as they enable the initiate to comprehend his position, to see

(2) *Giai đoạn giữa các Chu kỳ chân ngã*. Chính ở đây ẩn giấu huyền nhiệm của 777 lần nhập thể và liên quan đến mối tương quan của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã, trước khi cánh hoa thứ năm khai mở. Điều này liên quan đến con người trong giai đoạn giữa tình trạng dã man và giai đoạn đệ tử, khi y là một người trung bình nhưng vẫn còn ở trong hai Phòng. Huyền nhiệm của mọi giống dân gốc nằm ở đây, và các chu kỳ chân ngã trùng hợp với việc xây dựng các hình tướng chủng tộc và các nền văn minh. Một người sẽ tái sinh hết lần này đến lần khác trong các giống dân phụ khác nhau của một giống dân gốc cho đến khi một chu kỳ nhất định đã được hoàn tất; khi đó y có thể trải qua một trạng thái pralaya cho đến khi trong một giống dân gốc về sau (và đôi khi là muộn hơn rất nhiều) y đáp ứng với tiếng gọi rung động của nó, và xung lực nhập thể của chân ngã lại được cảm nhận. Để minh họa điều này, chúng ta nên ghi nhớ rằng nhân loại tiến bộ hơn ngày nay đã không nhập thể cho đến giống dân gốc thứ tư. Các chu kỳ này là một trong những huyền nhiệm của điểm đạo, tuy là một trong những huyền nhiệm

somewhat the nature of the karmic impulse, and to read his own record in the astral light.

sớm hơn, và được tiết lộ ở lần điểm đạo thứ hai vì chúng giúp điểm đạo đồ hiểu được vị trí của mình, thấy phần nào bản chất của xung lực nghiệp quả, và đọc được hồ sơ của chính mình trong ánh sáng cảm dục.

These might be considered the two lesser pralayic periods and concern primarily life in the three worlds.

Có thể xem đây là hai giai đoạn pralaya nhỏ hơn và chủ yếu liên quan đến sự sống trong ba cõi giới.

(3) *Next comes the period wherein the man has attained freedom.* A man has at this stage succeeded, under law, in "abstracting" himself, the freed soul, from out of the matter of the three worlds. He has used and worked with deva substance and has gained all the vibratory [Page 739] contact possible, and has secured all the intended "realisations" and "revelations"; he can no longer be held imprisoned by the devas. He is free until, consciously and willingly, and in another round, he can return as a member of a Hierarchy to continue His work of service for the little evolved humanity of that distant time. As this concerns the seven paths of opportunity for a Master we will not deal with it here. (247) This is the great human pralaya.

(3) *Tiếp theo là giai đoạn trong đó con người đã đạt được tự do.* Ở giai đoạn này, theo định luật, con người đã thành công trong việc "rút" chính mình, linh hồn được giải thoát, ra khỏi vật chất của ba cõi giới. Y đã sử dụng và làm việc với chất liệu thiên thần và đã đạt được mọi tiếp xúc rung động [Page 739] có thể có, và đã đạt được mọi "chứng nghiệm" và "mặc khải" được dự định; y không còn có thể bị các thiên thần giam giữ nữa. Y được tự do cho đến khi, một cách hữu thức và tự nguyện, và trong một cuộc tuần hoàn khác, Ngài có thể trở lại như một thành viên của một Thánh Đoàn để tiếp tục công việc phụng sự của Ngài cho nhân loại ít tiến hóa của thời kỳ xa xôi ấy. Vì điều này liên quan đến bảy Con đường cơ hội dành cho một Chân sư nên ở đây chúng ta sẽ không bàn đến. (247) Đây là đại pralaya của con người.

(247) The seven Paths upon one of which all must pass:—

(247) Bảy Con đường mà tất cả đều phải đi qua một trong số đó:—

Path 1. The Path of Earth Service.

Con đường 1. Con Đường Phụng Sự Địa Cầu.

Path 2. The Path of Magnetic Work.

Con đường 2. Con Đường Công Tác Từ Tính.

Path 3. The Path of the Planetary Logoi.

Con đường 3. Con Đường của các Hành Tinh Thượng Đế.

Path 4. The Path to Sirius.

Con đường 4. Con Đường đến Sirius.

Path 5. The Ray Path.

Con đường 5. Con Đường Cung.

Path 6. The Path of the Solar Logos.

Con đường 6. Con Đường của Thái dương Thượng đế.

Path 7. The Path of Absolute Sonship.of consciousness. (back)

Con đường 7. Con Đường của Tình Trạng Con Tuyệt Đối.of consciousness. (back)

(4) *Planetary Pralaya.* Man, after these cyclic happenings, is now a conscious part of his group, and a vibrant point in a centre in the body of a Heavenly Man, consciously alive and consciously aware of his place in the great whole. This involves a realisation as to the centre of which he is a point of energy, a knowledge of the type of force he is to transmit, and to manipulate from cosmic levels, and a conscious relation with the six other centres in the planetary Life with which he is associated.

(4) *Pralaya Hành tinh.* Sau những biến cố chu kỳ này, con người giờ đây là một phần hữu thức của nhóm mình, và là một điểm rung động trong một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, sống một cách hữu thức và nhận biết một cách hữu thức vị trí của mình trong toàn thể vĩ đại. Điều này bao hàm một sự chứng nghiệm về trung tâm mà y là một điểm năng lượng trong đó, một tri thức về loại mãnh lực mà y phải truyền dẫn và vận dụng từ các cấp độ vũ trụ, và một mối liên hệ hữu thức với sáu trung tâm khác trong Sự sống Hành tinh mà y có liên hệ.

This period of conscious activity in etheric substance (of which the planetary body is formed) persists according to the karma of the planetary Lord, for the unit is now consciously associated with planetary karma, and is a participant in the working out of the will and purpose of the Lord of His Ray. On the higher planes of the system, this stage persists for the length of the life of a scheme; to which a period of pralaya succeeds that has its beginning towards the end of the seventh round in any scheme or of the fifth if the Law of Persistence of a scheme is working out through cycles of five. I am [Page 740] here generalising and speaking in broad terms; the karma of the units differ and a man—according to the path he chooses after the fifth initiation—stays and works within his own scheme, but changes may occur through the following factors:

Giai đoạn hoạt động hữu thức này trong chất liệu dĩ thái (mà thể hành tinh được tạo thành từ đó) kéo dài tùy theo nghiệp quả của Chúa Tể hành tinh, vì đơn vị giờ đây được liên kết một cách hữu thức với nghiệp quả hành tinh, và là một người tham dự vào việc triển khai ý chí và mục đích của Chúa Tể của Cung của y. Trên các cõi cao hơn của hệ thống, giai đoạn này kéo dài suốt thời gian sống của một hệ hành tinh; tiếp theo đó là một giai đoạn pralaya bắt đầu vào gần cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy trong bất kỳ hệ hành tinh nào hoặc cuộc tuần hoàn thứ năm nếu Định luật về Sự Bền Vững của một hệ hành tinh đang được triển khai qua các chu kỳ năm. Tôi đang [Page 740] khái quát hóa ở đây và nói theo những nét lớn; nghiệp quả của các đơn vị khác nhau và một người—tùy theo con đường y chọn sau lần điểm đạo thứ năm—ở lại và làm việc trong hệ hành tinh

riêng của mình, nhưng những thay đổi có thể xảy ra do các yếu tố sau:

a. Planetary karma.

a. Nghiệp quả hành tinh.

b. The will of the Lord of his Ray.

b. Ý chí của Chúa Tể của cung của y.

c. Orders emanating from the solar Logos which are conveyed to him after liberation via the planetary Logos and through the medium of the chohan of his Ray.

c. Các mệnh lệnh phát ra từ Thái dương Thượng đế được chuyển đến y sau khi giải thoát qua Hành Tinh Thượng Đế và qua trung gian của vị chohan của cung của y.

He is then "abstracted" under a mysterious planetary law which only works on cosmic etheric levels, and is transferred to his destination. If we interpret all the above in terms of energy and of radioactivity and thus avoid the dangers of materialistic interpretation, the meaning will become clearer.

Khi đó y được "rút ra" theo một định luật hành tinh huyền nhiệm chỉ hoạt động trên các cấp dĩ thái vũ trụ, và được chuyển đến đích của mình. Nếu chúng ta diễn giải tất cả những điều trên theo thuật ngữ năng lượng và phóng xạ, nhờ đó tránh được những nguy cơ của lối diễn giải duy vật, thì ý nghĩa sẽ trở nên rõ ràng hơn.

(5) *The Great Pralaya.* This interval comes at the close of every one hundred years of Brahma, and sweeps into dissolution forms of every kind—subtle and dense—throughout the entire system. It is a period analogous to that dealt with when we considered the abstraction of man from his etheric vehicle, and his ability then to function on the astral plane, dissociated from his dual physical form. Within the system a process similar to that undergone when man withdraws the etheric body out of the dense physical vehicle, will be seen towards the close of the mahamanvantara. It will cover the period wherein the lesser four Rays merge and blend, seeking duality, and their polar opposites. Eventually the four become two, the two become one, and all are then synthesised into the third major Ray. The time is not yet, but lies countless aeons ahead. It is the first appearance of the destroyer aspect in connection with the planetary schemes, and marks the

(5) *Đại Pralaya.* Khoảng gián đoạn này đến vào lúc kết thúc mỗi một trăm năm của Brahma, và cuốn mọi hình tướng—vi tế và đậm đặc—trong toàn bộ hệ thống vào sự tan rã. Đây là một giai đoạn tương tự với giai đoạn đã được bàn đến khi chúng ta xem xét việc rút con người ra khỏi vận cụ dĩ thái của y, và khả năng khi đó của y hoạt động trên cõi cảm dục, tách rời khỏi hình thể hồng trần nhị phân của mình. Trong hệ thống, một tiến trình tương tự như tiến trình diễn ra khi con người rút thể dĩ thái ra khỏi vận cụ hồng trần đậm đặc sẽ được thấy vào gần cuối Đại giai kỳ sinh hóa. Nó sẽ bao trùm giai đoạn trong đó bốn Cung nhỏ hơn hòa nhập và dung hợp, tìm kiếm nhị nguyên tính, và các cực đối nghịch của chúng. Cuối cùng bốn trở thành hai, hai trở thành một, và tất cả khi đó được tổng hợp vào Cung lớn thứ ba. Thời điểm ấy chưa đến, mà còn ở phía trước vô số đại kiếp. Đây là lần xuất hiện đầu tiên của phương diện hủy diệt liên quan đến các hệ hành tinh, và đánh dấu sự khởi đầu của

beginning of the [Page 741] time when the "Heavens will melt with fervent heat," and the Sun becomes seven suns. *(See S. D., II, 746, 747.II, 345.)*

[Page 741] thời kỳ khi "các tầng trời sẽ tan chảy trong sức nóng dữ dội," và Mặt Trời trở thành bảy mặt trời. *(Xem S. D., II, 746, 747.II, 345.)*

The microcosmic correspondence can be seen in the following process. The physical permanent atom absorbs the entire life force of the physical body, and its inherent heat and light is thereby increased until at the fourth initiation the seven spirillae are fully vitalised, and vibrant. The internal heat of the atom, plus the external heat of the egoic body wherein it has its place, produces then that which destroys the permanent atom. Temporarily, and just prior to destruction, it becomes a tiny sevenfold sun owing to the radiation and activity of the spirillae. So with the physical sun of the system; it will in a similar manner become seven suns, when it has absorbed the life essence of the fully evolved planes, and of the planetary schemes thereon. The ensuing conflagration is the final work of the Destroyer aspect. It marks the moment of the highest development of deva substance in the system, the consummation of the work of Agni and his fire angels, and the initiation of Brahma. Atomic substance will then *individualise* (which, as we know, is the goal for the atom) and after the great pralaya the next solar system will start with the threefold Spirit manifesting through substance which is essentially distinguished by active intelligent love. This is necessarily incomprehensible to our fourth round minds.

Sự tương ứng tiểu thiên địa có thể được thấy trong tiến trình sau đây. Nguyên tử trường tồn hồng trần hấp thu toàn bộ sinh lực của thể xác, và nhiệt cùng ánh sáng cố hữu của nó nhờ đó gia tăng cho đến khi ở lần điểm đạo thứ tư, bảy loa tuyến được tiếp sinh lực đầy đủ và rung động. Khi đó, nhiệt nội tại của nguyên tử cộng với nhiệt bên ngoài của thể chân ngã nơi nó có vị trí của mình tạo ra điều hủy diệt nguyên tử trường tồn. Tạm thời, và ngay trước khi bị hủy diệt, nó trở thành một mặt trời thất phân tí hon do sự bức xạ và hoạt động của các loa tuyến. Với mặt trời hồng trần của hệ thống cũng vậy; theo cách tương tự, nó sẽ trở thành bảy mặt trời khi nó đã hấp thu tinh túy sự sống của các cõi đã tiến hóa đầy đủ và của các hệ hành tinh trên đó. Sự bùng cháy tiếp theo là công việc cuối cùng của phương diện Hủy Diệt. Nó đánh dấu khoảnh khắc phát triển cao nhất của chất liệu thiên thần trong hệ thống, sự hoàn tất công việc của Agni và các thiên thần lửa của Ngài, và sự điểm đạo của Brahma. Khi đó chất liệu nguyên tử sẽ *biệt ngã hóa* (điều mà, như chúng ta biết, là mục tiêu của nguyên tử) và sau đại pralaya, hệ mặt trời kế tiếp sẽ bắt đầu với Tinh thần tam phân biểu lộ qua chất liệu vốn được phân biệt chủ yếu bởi tình thương trí tuệ năng động. Điều này tất yếu là không thể hiểu nổi đối với trí tuệ cuộc tuần hoàn thứ tư của chúng ta.

We have thus considered the various types of pralaya, in so far as they affect the human unit; each unit finds its ways eventually into one of the cosmic astral centres of the particular cosmic Entity Who is the Lord of his Ray, and therefore at the great pralaya

Như vậy, chúng ta đã xem xét các loại pralaya khác nhau trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến đơn vị con người; cuối cùng mỗi đơn vị đều tìm được đường đi vào một trong các trung tâm cảm dục vũ trụ của Thực Thể vũ trụ đặc thù là Chúa Tể của cung

those human units who have achieved, and who have not passed to other distant cosmic centres, will find their place there.

Before we take up planetary and cosmic pralaya, we might here consider the relationship of the Agnishvattas [Page 742] (who caused the individualisation of animal man on this planet), to other and previous cycles of evolution, and why we have only dealt with them from the point of view of a mahamanvantara, and of a kalpa. The reason we have not considered specifically the group of Agnishvattas, Kumaras and Rudras connected with the Earth has been because we have handled the entire subject from the planetary standpoint, and not from that of the human family. The student who seeks detailed information as to the Agnishvattas of the Earth chain has but to study the *Secret Doctrine.* We have attempted to carry the thought of the student beyond his own tiny sphere to the consideration of the work of the Manasadevas in the solar system. In every scheme They have Their place, but in some—as in the Jupiter scheme—They are just beginning Their work, and in others—as in the Vulcan and Venus schemes—Their work is nearly completed. Venus is in her last round, and has nearly developed her fourth kingdom to perfection, or as much as it is possible in the system. In the Earth scheme, They are in full tide of work, and only in the next round will They demonstrate the height of Their activity. They pass cyclically through the schemes and under Law—the Law of Karma for the planetary Logos, for They are essentially concerned with His Life as it actuates His centres. They come into a scheme on a wave of manasic energy from the head centre of the Logos, and in the process of passing through his Heart centre three things occur:

của y, và vì vậy vào đại pralaya, những đơn vị con người đã thành tựu, và chưa đi đến các trung tâm vũ trụ xa xôi khác, sẽ tìm được vị trí của mình ở đó.

Trước khi bàn đến pralaya hành tinh và vũ trụ, ở đây chúng ta có thể xem xét mối liên hệ của các Agnishvatta [Page 742] (những Đấng đã gây ra sự biệt ngã hóa của người thú trên hành tinh này), với các chu kỳ tiến hóa khác và trước đó, và lý do tại sao chúng ta chỉ bàn về Các Ngài từ quan điểm của một Đại giai kỳ sinh hóa và của một kalpa. Lý do chúng ta không xem xét riêng nhóm Agnishvatta, các Kumara và các Rudra liên hệ với Trái Đất là vì chúng ta đã xử lý toàn bộ chủ đề từ quan điểm hành tinh, chứ không phải từ quan điểm của gia đình nhân loại. Đạo sinh tìm kiếm thông tin chi tiết về các Agnishvatta của Dãy Địa Cầu chỉ cần nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Chúng ta đã cố gắng đưa tư tưởng của đạo sinh vượt ra ngoài khối cầu nhỏ bé của chính y để xem xét công việc của các Manasadeva trong hệ mặt trời. Trong mọi hệ hành tinh, Các Ngài đều có vị trí của mình, nhưng trong một số hệ—như hệ Sao Mộc—Các Ngài chỉ mới bắt đầu công việc của mình, còn trong những hệ khác—như các hệ Vulcan và Sao Kim—công việc của Các Ngài gần như đã hoàn tất. Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn cuối cùng của nó, và gần như đã phát triển giới thứ tư của nó đến mức hoàn hảo, hay đến mức có thể trong hệ thống. Trong hệ Địa Cầu, Các Ngài đang ở giữa làn sóng công việc trọn vẹn, và chỉ trong cuộc tuần hoàn kế tiếp Các Ngài mới biểu lộ đỉnh cao hoạt động của mình. Các Ngài đi qua các hệ hành tinh theo chu kỳ và dưới Định luật—Định luật Nghiệp quả đối với Hành Tinh Thượng Đế, vì Các Ngài chủ yếu liên quan đến Sự sống của Ngài khi nó làm sinh động các trung tâm của Ngài. Các Ngài đi vào một hệ hành tinh trên một làn sóng năng lượng manas từ trung tâm đầu của Thượng đế, và

trong tiến trình đi qua trung tâm Tim của Ngài, ba điều xảy ra:

1. They become differentiated into seven groups.

1. Các Ngài trở nên được biến phân thành bảy nhóm.

2. They direct Themselves as streams of energy to some particular scheme.

2. Các Ngài tự hướng mình như những dòng năng lượng đến một hệ hành tinh đặc thù nào đó.

3. Their contact with a scheme is that which produces the manifestation of the fourth Creative Hierarchy, and leads to the Monads taking form in the three worlds.

3. Sự tiếp xúc của Các Ngài với một hệ hành tinh là điều tạo ra sự biểu lộ của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, và dẫn đến việc các Chân thần mang hình tướng trong ba cõi giới.

[Page 743] These entities who sacrifice Themselves for the human Hierarchy (and we must note here the accuracy of the fact that They emanate from the logoic head centre, or from the will aspect), are the true Saviours who give Their lives for the good of the race. *They stand in relation to the totality of the schemes as the Occult Hierarchy of any particular planet stands to men upon that planet.* During pralaya They are withdrawn (as all else), from manifestation, and return to a cosmic centre of which the logoic head centre is but a dim reflection; they return the richer for experience.

[Page 743] Những thực thể này, những Đấng hy sinh chính mình cho Huyền Giai nhân loại (và ở đây chúng ta phải lưu ý tính chính xác của sự kiện rằng Các Ngài phát xuất từ trung tâm đầu của Thượng đế, hay từ phương diện ý chí), là những Đấng Cứu Rỗi chân chính hiến dâng sự sống của mình vì lợi ích của nhân loại. *Các Ngài đứng trong mối liên hệ với toàn thể các hệ hành tinh như Thánh Đoàn Huyền bí của bất kỳ hành tinh đặc thù nào đứng trong mối liên hệ với con người trên hành tinh ấy.* Trong pralaya, Các Ngài được rút khỏi biểu lộ (như mọi thứ khác), và trở về một trung tâm vũ trụ mà trung tâm đầu của Thượng đế chỉ là một phản ánh mờ nhạt; Các Ngài trở về phong phú hơn nhờ kinh nghiệm.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói:

"The deva shineth with added light when the virtue of the will hath entered. He garnereth colour as the reaper garners wheat, and storeth it up for the feeding of the multitude. Over all this deva host the mystic Goat presideth. Makara is, and is not, yet the link persisteth."

"Thiên thần tỏa sáng với ánh sáng gia tăng khi đức tính của ý chí đã đi vào. Y thu hoạch màu sắc như người gặt thu hoạch lúa mì, và tích trữ nó để nuôi dưỡng số đông. Trên toàn bộ đạo binh thiên thần này, Con Dê thần bí ngự trị. Makara là, và không là, tuy nhiên mối liên kết vẫn tồn tại."

Rounds come and go but (except from the standpoint of a particular planet), the Manasadevas are forever present, but their influence is not forever felt.

Các cuộc tuần hoàn đến rồi đi nhưng (ngoại trừ theo quan điểm của một hành tinh đặc thù), các Manasadeva luôn luôn hiện diện, nhưng ảnh hưởng của Các Ngài không phải lúc nào cũng được cảm nhận.

In considering planetary pralaya we might briefly enumerate the following periods of quiescence:

Khi xem xét pralaya hành tinh, chúng ta có thể ngắn gọn liệt kê các giai đoạn tĩnh lặng sau đây:

Between Two Globes in a Chain. This covers the period of abstraction of the seeds of all life, and its transference from one sphere to another. The seed manu of a globe gathers all the life forces into Himself, as does the Logos at the close of a system, and as also transpires at the close of a chain, and holds them quiescent in His aura. This covers a period of a manvantara, or of one day of Brahma.

Giữa Hai Bầu hành tinh trong một Dãy. Điều này bao trùm giai đoạn rút các hạt giống của mọi sự sống, và chuyển chúng từ khối cầu này sang khối cầu khác. Đức Manu hạt giống của một bầu hành tinh tập hợp mọi sinh lực vào trong chính Ngài, như Thượng đế làm vào lúc kết thúc một hệ thống, và cũng như điều xảy ra vào lúc kết thúc một dãy, và giữ chúng trong trạng thái tĩnh lặng trong hào quang của Ngài. Điều này bao trùm một giai đoạn của một giai kỳ sinh hóa, hay một ngày của Brahma.

Between Two Chains. This covers the period of a mahamanvantara, or of one year of Brahma.

Giữa Hai Dãy. Điều này bao trùm giai đoạn của một Đại giai kỳ sinh hóa, hay một năm của Brahma.

There are many ways of arriving at the greater cycles, but there is no need to confuse with the intricacies of figures. The ten Prajapatis or Rishis, or [Page 744] the ten planetary Logoi, manifest through Their ten schemes in time and space, the hour of Their appearing differing. Each likewise manifests as does the Logos through a septenate and a triad, making again a ten of perfection.

Có nhiều cách để đạt đến các chu kỳ lớn hơn, nhưng không cần làm rối trí bằng những phức tạp của các con số. Mười Prajapati hay Rishi, hay [Page 744] mười Hành Tinh Thượng Đế, biểu lộ qua mười hệ hành tinh của Các Ngài trong thời gian và không gian, giờ xuất hiện của Các Ngài khác nhau. Mỗi Đấng cũng biểu lộ như Thượng đế qua một bộ bảy và một tam nguyên, lại tạo thành một số mười của sự hoàn hảo.

Between Two Solar Systems. This covers the period of one hundred years of Brahma, and through the study of the planetary cycles comprehension of these greater cycles may come. Complication comes to the student

Giữa Hai Hệ Mặt Trời. Điều này bao trùm giai đoạn một trăm năm của Brahma, và qua việc nghiên cứu các chu kỳ hành tinh, sự thấu hiểu về các chu kỳ lớn hơn này có thể đến. Tuy nhiên, sự phức tạp đến với đạo sinh ở

nevertheless in the fact that two of the schemes cover their cyclic periods in five rounds, while others have seven; one scheme has but three rounds, but a mystery is hidden here: on the inner round one planet has nine cycles to run before the purpose of its Lord is completed.

chỗ hai trong các hệ hành tinh hoàn tất các giai đoạn chu kỳ của chúng trong năm cuộc tuần hoàn, trong khi những hệ khác có bảy; một hệ hành tinh chỉ có ba cuộc tuần hoàn, nhưng ở đây có một huyền nhiệm ẩn giấu: trên cuộc tuần hoàn bên trong, một hành tinh có chín chu kỳ phải trải qua trước khi mục đích của Chúa Tể của nó được hoàn tất.

Certain lesser periods of pralaya do not concern man at all, but concern t*he atom of matter as it is released from form of any kind in the subhuman kingdoms. Pralaya is the result of radioactivity carried to a conclusion.*

Một số giai đoạn pralaya nhỏ hơn hoàn toàn không liên quan đến con người, mà liên quan đến nguyên *tử vật chất khi nó được giải thoát khỏi hình tướng thuộc bất kỳ loại nào trong các giới dưới nhân loại. Pralaya là kết quả của phóng xạ được đưa đến chỗ hoàn tất.*

(c.) Types of Human Rebirth. In our study of the building of thought-forms and the agencies for their construction, we have considered:

(c.) Các Loại Tái Sinh của Con Người. Trong nghiên cứu của chúng ta về việc xây dựng các Hình tư tưởng và các tác nhân cho sự kiến tạo của chúng, chúng ta đã xem xét:

1. The deva substance out of which they are constructed.

1. Chất liệu thiên thần mà từ đó chúng được kiến tạo.

2. The energy which animates them and its source.

2. Năng lượng làm sinh động chúng và nguồn gốc của nó.

3. Their appearance in time and space, or their incarnation.

3. Sự xuất hiện của chúng trong thời gian và không gian, hay sự nhập thể của chúng.

4. Their disappearance or pralaya.

4. Sự biến mất của chúng hay pralaya.

5. The constructing entities who in a threefold manner produce these forms, utilising the process of:

5. Các thực thể kiến tạo, những Đấng theo cách tam phân tạo ra các hình tướng này, sử dụng tiến trình:

a. Meditation, which is ever the preliminary to construction.

a. Tham thiền, vốn luôn là bước sơ khởi của sự kiến tạo.

b. Dynamic force, or the positive energy which seizes upon its polar opposite

b. Mãnh lực năng động, hay năng lượng dương tính nắm lấy cực đối nghịch của nó (chất liệu âm tính), và sử dụng nó. [Page 745]

(negative substance), and utilises it. [Page 745]

c. The impartation of colour or quality, which moulds that which has been prepared.

c. Sự truyền đạt màu sắc hay phẩm tính, điều nắn khuôn cái đã được chuẩn bị.

d. A secondary vitalisation, which sets in separate motion the thought-form thus created.

d. Một sự tiếp sinh lực thứ cấp, điều làm cho Hình tư tưởng được tạo ra như thế bắt đầu vận động riêng biệt.

We will now consider the mystery of rebirth, or the incarnation of those lives which exist in subtler matter, and yet which seek form according to law, and touch upon their specific intent on dense physical levels. We can consider this in connection with the cosmic entities who seek existence on the physical plane of the cosmos, our solar systemic planes, or the reincarnating jivas who are driven by the Law towards earthly manifestation in order to become fully conscious, and acquire (by means of sentient existence), added faculty and power.

Giờ đây chúng ta sẽ xem xét huyền nhiệm của tái sinh, hay sự nhập thể của những sự sống tồn tại trong vật chất vi tế hơn, nhưng vẫn tìm kiếm hình tướng theo định luật, và chạm đến ý định đặc thù của chúng trên các cấp hồng trần đậm đặc. Chúng ta có thể xem xét điều này liên hệ với các thực thể vũ trụ tìm kiếm sự tồn tại trên cõi hồng trần của vũ trụ, các cõi của hệ mặt trời chúng ta, hay các jiva tái sinh bị Định luật thúc đẩy hướng đến biểu lộ trần thế để trở nên hoàn toàn hữu thức, và đạt được (bằng phương tiện tồn tại có tri giác) năng lực và quyền năng gia tăng.

H. P. B. has said that rebirths may be divided into three classes: *(S.D., III, 364, 365, 367.45.)*

H. P. B. đã nói rằng các lần tái sinh có thể được chia thành ba loại: *(S.D., III, 364, 365, 367.45.)*

a. Those of Avatars.

a. Những lần tái sinh của các Đấng Hoá Thân.

b. Those of Adepts.

b. Những lần tái sinh của các chân sư.

c. Those of jivas seeking development.

c. Những lần tái sinh của các jiva tìm kiếm sự phát triển.

To those who are endeavouring to grasp somewhat the mystery of rebirth and its laws and purpose, and who are confused when considering the mystery of the Buddha, and the secret purpose of that mysterious Entity, the Silent Watcher; to

Đối với những ai đang cố gắng nắm bắt phần nào huyền nhiệm của tái sinh cùng các định luật và mục đích của nó, và đang bối rối khi xem xét huyền nhiệm của Đức Phật, và mục đích bí mật của Thực Thể huyền nhiệm ấy, Đấng Quan Sát Thầm Lặng; đối với những ai

those who find the problem of understanding the position of the Kumaras and Their relation to the planetary Logos almost an insuperable one, it might be wise to say: Study and meditate upon the difference existing between the lower principles and the higher three; study and meditate upon the place and position of these lower principles in the body of the planetary Logos and ponder upon the correspondence between:

thấy vấn đề thấu hiểu vị trí của các Kumara và mối liên hệ của Các Ngài với Hành Tinh Thượng Đế gần như không thể vượt qua, có lẽ nên nói rằng: Hãy nghiên cứu và tham thiền về sự khác biệt hiện hữu giữa các nguyên khí thấp và ba nguyên khí cao; hãy nghiên cứu và tham thiền về chỗ đứng và vị trí của các nguyên khí thấp này trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế và suy ngẫm về sự tương ứng giữa:

a. The devachan of the reincarnating jiva.

a. Devachan của jiva tái sinh.

b. The nirvana of the Adept. [Page 746]

b. Niết Bàn của chân sư. [Page 746]

c. The pralaya of a cosmic Entity, such as the Lord of a chain, the Lord of a scheme, and the Lord of a Ray.

c. Pralaya của một Thực Thể vũ trụ, như Chúa Tể của một dãy, Chúa Tể của một hệ hành tinh, và Chúa Tể của một cung.

I say *correspondence* in its esoteric significance, and do not seek to infer analogy in detail, but only in purpose and in experience. It may be said of all three states that they are periods of development, long cycles of meditation, and interludes between stages of activity. Hence the emphasis laid in the East and in all occult schools of development upon meditation, for it is the means of bringing to the unit under development the capacity which will produce:

Tôi nói *sự tương ứng* theo thâm nghĩa huyền bí của nó, và không tìm cách suy ra sự tương đồng trong chi tiết, mà chỉ trong mục đích và trong kinh nghiệm. Có thể nói về cả ba trạng thái này rằng chúng là những giai đoạn phát triển, những chu kỳ dài của tham thiền, và những khoảng xen giữa các giai đoạn hoạt động. Vì thế mà ở phương Đông và trong mọi trường phái phát triển huyền bí học, tham thiền được nhấn mạnh, vì đó là phương tiện đem đến cho đơn vị đang phát triển năng lực sẽ tạo ra:

a. Abstraction, or liberation from form.

a. Sự rút ra, hay giải thoát khỏi hình tướng.

b. Creative power.

b. Quyền năng sáng tạo.

c. Direction of energy, through an act of the will.

c. Sự định hướng năng lượng, qua một hành vi của ý chí.

d. Future constructive activity.

d. Hoạt động kiến tạo trong tương lai.

By means of meditation, a man finds freedom from the delusion of the senses, and their vibratory lure; he finds his own positive centre of energy and becomes consciously able to use it; he becomes, therefore, aware of his real Self, functioning freely and consciously beyond the planes of sense; he enters into the plans of the greater Entity within Whose radiatory capacity he has a place; he can then consciously proceed to carry out those plans as he can grasp them at varying stages of realisation; and he becomes aware of essential unity. But when a man has thus freed himself from the objects of sense in the three worlds he again becomes aware of the need of further meditation, and it is this (to man in the three worlds), inconceivable form of meditation that engrosses the attention of the Adept, and which is undertaken by Him in two great stages, each preceding the two final Initiations, the sixth and the seventh. I refer not here only to Adepts who "make the sacrifice," and choose rebirth for service on the planet, but to all adepts. Freedom to work on any Path must be gained by occult [Page 747] meditation; freedom to escape beyond the ring-pass-not is also thus attained, and likewise the curious state of quiescence which is achieved by Those Who have offered for service as the occult Hierarchy in the next round. In Them have to be stored the psychic seeds of knowledge which will be available in the fifth round; this necessitates for Them an attitude of receptivity to occurrences at the close of each root-race, when there is, on subtler levels, a gathering in of psychic force, and its storing with Those prepared for its reception. Their work is analogous to that of the Seed-Manu, Who Himself works through a septenate as do these storers of the psychic life-forces.

Nhờ tham thiền, con người tìm được tự do khỏi ảo tưởng của các giác quan và sức quyến rũ rung động của chúng; y tìm được trung tâm năng lượng dương tính của riêng mình và trở nên có khả năng hữu thức sử dụng nó; vì vậy y nhận biết được Bản Ngã thực sự của mình, hoạt động tự do và hữu thức vượt ngoài các cõi của giác quan; y đi vào các kế hoạch của Thực Thể lớn hơn mà trong năng lực bức xạ của Đấng ấy y có một vị trí; khi đó y có thể hữu thức tiến hành thực hiện các kế hoạch ấy theo mức độ y có thể nắm bắt ở những giai đoạn chứng nghiệm khác nhau; và y nhận biết được sự hợp nhất cốt yếu. Nhưng khi con người đã tự giải thoát như thế khỏi các đối tượng của giác quan trong ba cõi giới, y lại nhận biết nhu cầu phải tham thiền thêm nữa, và chính hình thức tham thiền không thể nghĩ bàn này (đối với con người trong ba cõi giới) chiếm trọn sự chú ý của Chân sư, và được Ngài thực hiện trong hai giai đoạn lớn, mỗi giai đoạn lần lượt đi trước một trong hai Cuộc Điểm Đạo cuối cùng, thứ sáu và thứ bảy. Ở đây tôi không chỉ nói đến các chân sư "thực hiện sự hy sinh," và chọn tái sinh để phụng sự trên hành tinh, mà nói đến mọi chân sư. Tự do để hoạt động trên bất kỳ Con đường nào phải được đạt tới bằng tham thiền huyền bí; [Page 747] tự do để thoát ra ngoài vòng-giới-hạn cũng được đạt tới như vậy, và cũng thế đối với trạng thái tĩnh lặng kỳ lạ mà Những Đấng đã hiến mình phụng sự như Thánh Đoàn huyền bí trong cuộc tuần hoàn kế tiếp đạt được. Trong Các Ngài phải được lưu giữ các hạt giống thông linh của tri thức sẽ sẵn có trong cuộc tuần hoàn thứ năm; điều này đòi hỏi nơi Các Ngài một thái độ tiếp nhận đối với các biến cố vào lúc kết thúc mỗi giống dân gốc, khi ở các cấp vi tế hơn có sự thu gom mãnh lực thông linh, và sự lưu trữ nó nơi Những Đấng đã chuẩn bị để tiếp nhận. Công việc của Các Ngài tương tự với công việc của Đức Manu Hạt Giống,

chính Ngài cũng hoạt động qua một bộ bảy như những Đấng lưu giữ các sinh lực thông linh này.

Again for such cosmic Entities as the planetary Logoi periods of meditation transpire, but these concern Them on the cosmic planes, and only the effects are felt on this. They meditate in Their physical brains, and therefore in substance as does man, but the process is carried on in the etheric brain. This should be pondered on, for it holds the mystery hid. Also, the fact that some of these Lords of the Rays are more proficient in meditation than others, and thus achieve differing results which work out in Their schemes, should be carefully borne in mind.

Một lần nữa, đối với những Thực Thể vũ trụ như các Hành Tinh Thượng Đế, các giai đoạn tham thiền cũng diễn ra, nhưng chúng liên quan đến Các Ngài trên các cõi vũ trụ, và chỉ các hiệu quả mới được cảm nhận trên cõi này. Các Ngài tham thiền trong bộ não hồng trần của Các Ngài, và vì vậy trong chất liệu như con người, nhưng tiến trình được thực hiện trong bộ não dĩ thái. Điều này cần được suy ngẫm, vì nó giữ huyền nhiệm ẩn kín. Ngoài ra, sự kiện rằng một số Chúa Tể của các Cung này thành thạo trong tham thiền hơn những vị khác, và do đó đạt được những kết quả khác nhau được triển khai trong các hệ hành tinh của Các Ngài, cần được ghi nhớ cẩn thận.

(d.) The Future Coming of the Avatar.

(d.) Sự Giáng Lâm Trong Tương Lai của Đấng Hoá Thân.

THE COMING AVATAR

ĐẤNG HOÁ THÂN ĐANG ĐẾN

“From the zenith to the nadir, from dawn to fall of night, from the emergence into being of all that is or may be to the passing into peace of all that hath achieved, gleameth the orb of blue and the inner radiant fire.

“Từ thiên đỉnh đến thiên để, từ bình minh đến lúc đêm xuống, từ sự xuất hiện vào hiện hữu của tất cả những gì đang là hay có thể là đến sự đi vào an bình của tất cả những gì đã thành tựu, khối cầu xanh lam và ngọn lửa rực sáng bên trong lóe lên.

From the gates of gold down to the pit of earth, out from the flaming fire down to the circle of gloom, rideth the secret Avatar, bearing the sword that pierceth.

Từ những cổng vàng xuống đến vực đất, từ ngọn lửa bừng cháy xuống đến vòng tròn u tối, Đấng Hoá Thân bí mật cưỡi đến, mang theo thanh gươm xuyên thấu.

Naught can arrest His approach, and none may say Him nay. To the darkness of our sphere He rideth alone, and on His approach is seen the uttermost disaster, and the chaos

Không gì có thể ngăn cản sự tiếp cận của Ngài, và không ai có thể nói không với Ngài. Một mình Ngài cưỡi vào bóng tối của khối cầu chúng ta, và khi Ngài đến gần, người ta

of that which seeketh to withstand. [Page 748]

thấy tai họa tột cùng, và sự hỗn loạn của cái tìm cách chống lại. [Page 748]

The Asuras veil their faces, and the pit of maya reeleth to the foundation. The stars of the eternal Lhas vibrate to that sound,—the WORD uttered with sevenfold intensity.

Các Asura che mặt lại, và vực ảo lực chao đảo đến tận nền móng. Các vì sao của các Lha vĩnh cửu rung động trước âm thanh ấy,—LINH TỪ được thốt ra với cường độ thất phân.

Greater the chaos becometh; the major centre with all the seven circulating spheres rock with the echoes of disintegration. The fumes of utter blackness mount upwards in dissipation. The noise discordant of the warring elements greets the oncoming One, and deters Him not. The strife and cries of the fourth great Hierarchy, blending with the softer note of the Builders of the fifth and sixth, meet His approach. Yet He passeth on His way, sweeping the circle of the spheres, and sounding forth the WORD.

Sự hỗn loạn càng trở nên lớn hơn; trung tâm lớn cùng với tất cả bảy khối cầu tuần hoàn rung chuyển bởi những tiếng vọng của sự tan rã. Những làn khói của bóng đen tuyệt đối bốc lên trên trong sự tiêu tan. Âm thanh chói tai của các nguyên tố đang giao tranh chào đón Đấng Đang Đến, nhưng không ngăn được Ngài. Cuộc xung đột và tiếng kêu của Huyền Giai lớn thứ tư, hòa lẫn với âm điệu dịu hơn của các Đấng Kiến Tạo của huyền giai thứ năm và thứ sáu, gặp sự tiếp cận của Ngài. Tuy vậy Ngài vẫn tiếp tục trên đường của mình, quét qua vòng tròn các khối cầu, và xướng lên LINH TỪ.

****

****

From the nadir to the zenith, from eve unto the Day be with us, from the circle of manifestation to the centre of pralayic peace, is seen the enveloping blue, lost in the flame of achievement.

Từ thiên để đến thiên đỉnh, từ chiều tối cho đến Ngày ở cùng chúng ta, từ vòng tròn biểu lộ đến trung tâm của an bình pralaya, người ta thấy màu xanh bao bọc, mất hút trong ngọn lửa của thành tựu.

Up from the pit of maya back to the portals of gold, forth from the gloom and darkness back to the splendour of day, rideth the Manifested One, the Avatar, bearing the shattered Cross.

Từ vực ảo lực trở lại các cổng vàng, từ u tối và bóng đêm trở lại vẻ huy hoàng của ban ngày, Đấng Biểu Lộ, Đấng Hoá Thân, cưỡi lên, mang theo Thập Giá đã vỡ tan.

Naught can arrest His return, none can impede His Path, for He passeth along the upper way, bearing His people with Him. Cometh the dissolution of pain, cometh the end of strife, cometh the merging of the

Không gì có thể ngăn cản sự trở lại của Ngài, không ai có thể cản trở Con Đường của Ngài, vì Ngài đi theo thượng đạo, mang dân của Ngài theo cùng. Sự tan biến của đau khổ đến, sự chấm dứt của xung đột đến, sự hòa nhập

spheres and the blending of the hierarchies. All then is re-absorbed within the orb, the circle of manifestation. The forms that exist in maya, and the flame that devoureth all, are garnered by the One Who rideth the Heavens and entereth into the timeless AEon."

(From the Archives of the Lodge.)

We have touched upon the subject of *Avatars* and the various classes into which they might be divided. We might now enlarge somewhat more upon the methods. The methods whereby certain cosmic Existences and certain highly evolved Entities appear among men to do a specific work might be very inadequately, and cursorily summarised, as follows:

The method of overshadowing.

The method of embodying some principle. [Page 749]

The method seen in the mystery of the Bodhisattva, or the Christ.

The method of direct incarnation.

The handicap of words is great, and the above phrases but convey a hint as to the true meaning. Therein lies safety for the student, for the real significance would be incomprehensible to him, and would but mislead him and guide him along the path of misunderstanding. Until a man is a pledged initiate, he cannot comprehend the matter. Of these, the most ordinary method is the first. All these methods of manifestation will perhaps be better understood by the student *if he interprets*

của các khối cầu và sự dung hợp của các huyền giai đến. Khi đó tất cả đều được tái hấp thu vào trong khối cầu, vòng tròn biểu lộ. Các hình tướng tồn tại trong ảo lực, và ngọn lửa thiêu rụi mọi sự, được thu gom bởi Đấng cưỡi trên các tầng trời và đi vào AEon phi thời gian."

(Từ các Lưu trữ của THánh đoàn.)

Chúng ta đã chạm đến chủ đề về các *Đấng Hoá Thân* và các loại khác nhau mà các Ngài có thể được phân chia vào. Giờ đây chúng ta có thể khai triển thêm đôi chút về các phương pháp. Những phương pháp mà nhờ đó một số Hiện Hữu vũ trụ và một số Thực Thể tiến hóa cao xuất hiện giữa loài người để thực hiện một công việc đặc thù có thể được tóm lược rất không đầy đủ và sơ lược như sau:

Phương pháp phủ bóng.

Phương pháp hiện thân cho một nguyên khí nào đó. [Page 749]

Phương pháp được thấy trong huyền nhiệm của Đức Bồ Tát, hay Đức Christ.

Phương pháp nhập thể trực tiếp.

Sự hạn chế của ngôn từ là rất lớn, và các cụm từ trên chỉ chuyển tải một gợi ý về ý nghĩa chân thực. Chính trong đó có sự an toàn cho đạo sinh, vì ý nghĩa thực sự sẽ không thể hiểu nổi đối với y, và chỉ làm cho y lạc hướng và dẫn y đi trên con đường hiểu lầm. Cho đến khi con người là một điểm đạo đồ đã tuyên thệ, y không thể hiểu được vấn đề này. Trong số các phương pháp ấy, phương pháp thông thường nhất là phương pháp thứ nhất. Có lẽ mọi phương pháp biểu lộ này sẽ được đạo sinh hiểu rõ hơn *nếu y luôn diễn*

them always in terms of force and energy, and if he notes that dim reflections of the same processes, and faint analogies can be traced among the reincarnating jivas. When a man has reached a certain development and can be of service to the world, cases occur when he is overshadowed by a great adept, or—as in the case of H. P. B.—by One greater than an adept. A chela can be a centre through which his master can pour His energy and force for the helping of the world, and in certain important crises men have been overshadowed by more than one of the Great Ones. (250) [Page 750] What occurs on lower planes is but a reflection of higher processes, and in this thought may lie illumination. A man is a force centre, either for his Ego, when sufficiently evolved, or, via his Ego, of his group force; when very highly developed he can consciously be overshadowed by an exponent of a different type of force, which blends with his group, or Ray, force, and produces significant results in his life on earth.

giải chúng theo thuật ngữ mãnh lực và năng lượng, và nếu y lưu ý rằng những phản ánh mờ nhạt của cùng các tiến trình ấy, và những sự tương đồng yếu ớt, có thể được truy ra nơi các jiva tái sinh. Khi con người đã đạt đến một mức phát triển nhất định và có thể phụng sự thế gian, sẽ có những trường hợp y được một chân sư vĩ đại phủ bóng, hoặc—như trong trường hợp của H. P. B.—được một Đấng còn cao hơn một chân sư phủ bóng. Một đệ tử có thể là một trung tâm mà qua đó chân sư của y có thể tuôn đổ năng lượng và mãnh lực của Ngài để trợ giúp thế gian, và trong một số khủng hoảng quan trọng, con người đã được hơn một trong Các Đấng Cao Cả phủ bóng. (250) [Page 750] Điều xảy ra trên các cõi thấp chỉ là một phản ánh của các tiến trình cao hơn, và trong tư tưởng này có thể có sự soi sáng. Con người là một trung tâm mãnh lực, hoặc cho chân ngã của mình, khi đã tiến hóa đầy đủ, hoặc, qua chân ngã của mình, cho mãnh lực nhóm của y; khi phát triển rất cao, y có thể được phủ bóng một cách hữu thức bởi một hiện thân của một loại mãnh lực khác, mãnh lực này hòa trộn với mãnh lực nhóm hay mãnh lực cung của y, và tạo ra những kết quả quan trọng trong đời sống của y trên trần thế.

(250) *Discipleship or Chelaship*....The ancient mysteries were but a school of spiritual training and perfection in true wisdom; that the preliminary qualification was the purification of the heart from all sensual passions and false preconceptions; that, while the hand of the Master might lead the neophyte through the dangers of the stage where, like the infant, he could not walk alone he was obliged, in the higher paths, to learn to guide and guard himself, as the adult man has to do in ordinary life; that the ultimate goal was the expansion of the self into infinite existence and potentialities; and, lastly, that, however the initial forms and ceremonies may have differed in

(250) *Địa vị đệ tử hay địa vị chela*....Các huyền nhiệm cổ xưa chỉ là một trường học huấn luyện tinh thần và hoàn thiện trong minh triết chân chính; rằng điều kiện sơ bộ là sự thanh lọc trái tim khỏi mọi đam mê nhục dục và mọi định kiến sai lầm; rằng, trong khi bàn tay của Chân sư có thể dẫn dắt người sơ cơ vượt qua những hiểm nguy của giai đoạn mà, như trẻ thơ, y chưa thể tự đi một mình, thì trên các con đường cao hơn, y buộc phải học cách tự hướng dẫn và tự bảo vệ mình, như người trưởng thành phải làm trong đời sống bình thường; rằng mục tiêu tối hậu là sự mở rộng bản ngã vào hiện hữu và các tiềm năng vô hạn; và sau cùng, rằng dù các hình thức và nghi lễ ban đầu có thể khác

appearance, an identical aim was in view.—*The Theosophist,* Vol. IX, p. 246.

nhau về bề ngoài thế nào đi nữa, thì một mục tiêu đồng nhất vẫn được nhắm đến.—*The Theosophist,* Tập IX, tr. 246.

The pure heart and clean mind alone permit one to attain salvation. This was his doctrine. So, likewise, is it taught in the Aryan Mahabharata (Sec. CXCIX. Vana Parva) which says: "Those high souled persons that do not commit sins in word, deed, heart and soul, are said to undergo ascetic austerities, and not that they suffer their bodies to be wasted by fasts and penances. He that hath no feeling of kindness for relatives cannot be free from sin, even if his body be pure. That hard-heartedness of his is the enemy of his asceticism. Asceticism, again, is not mere abstinence from the pleasures of the world. He that is always pure and decked with virtues, he that practices kindness all his life, is a Muni, even though he lead a domestic life."—*The Theosophist*, Vol. XIII, p. 259. (back)

Chỉ trái tim thanh khiết và trí tuệ trong sạch mới cho phép con người đạt đến cứu rỗi. Đó là giáo lý của ông. Tương tự như vậy, điều ấy cũng được dạy trong Mahabharata Arya (Mục CXCIX. Vana Parva), nơi nói rằng: "Những người có tâm hồn cao cả không phạm tội bằng lời nói, hành động, trái tim và linh hồn, được nói là thực hành khổ hạnh tu trì, chứ không phải những người để thân thể mình hao mòn vì nhịn ăn và sám hối. Người không có lòng tử tế đối với thân quyến thì không thể thoát khỏi tội lỗi, dù thân thể y có thanh sạch. Sự cứng lòng ấy là kẻ thù của sự khổ hạnh của y. Hơn nữa, khổ hạnh không chỉ đơn thuần là kiêng các thú vui của thế gian. Người luôn thanh sạch và được trang sức bằng các đức hạnh, người thực hành lòng tử tế suốt đời mình, là một Muni, dù y sống đời gia thất."—*The Theosophist*, Tập XIII, tr. 259. (back)

Again when an Ego is highly evolved he may choose during any particular incarnation to work paramountly through any one principle among the lower four; when this is the case the man's life on earth is significantly that of an *embodied principle*. He seems to strike one note and to sound out one tone. His work is clearly to be seen along one line. He is a fanatic of high degree, but accomplishes big things for his subrace, even though the physical brain may not be consciously aware of the egoic impulse. This process has a curious relation to the obscuration, or fading out, of the personality, for the particular principle embodied works through a corresponding permanent atom, and its spirillae become over-rapidly developed, and hence their term of service wears to a close. This is a fact

Một lần nữa, khi một chân ngã đã tiến hóa cao, y có thể chọn trong bất kỳ lần nhập thể đặc thù nào làm việc chủ yếu qua bất kỳ một nguyên khí nào trong bốn nguyên khí thấp; khi điều này xảy ra, đời sống của con người trên trần thế mang ý nghĩa rõ rệt là đời sống của một *nguyên khí nhập thể*. Y dường như đánh lên một nốt và xướng ra một âm điệu. Công việc của y được thấy rõ ràng theo một đường lối. Y là một người cuồng tín ở cấp độ cao, nhưng hoàn thành những việc lớn lao cho giống dân phụ của mình, dù bộ não hồng trần có thể không nhận biết một cách hữu thức xung lực chân ngã. Tiến trình này có một mối liên hệ kỳ lạ với sự che mờ, hay phai tắt, của phàm ngã, vì nguyên khí đặc thù được nhập thể hoạt động qua một nguyên tử trường tồn tương ứng, và các loa tuyến của nó phát triển quá nhanh, do đó

which is nevertheless taken advantage of when a superman, or great adept, becomes the embodiment (during a rootrace) of a principle; the vestures or sheaths of which the permanent atom is the nucleus (through the innate strength of the developed spirillae) are preserved by the aid of mantric formulas. The vibration is perpetuated for a specific length of time, and for as long as the vesture or sheath may be required. A hint is here conveyed which may be of service.

thời kỳ phụng sự của chúng đi đến chỗ kết thúc. Tuy nhiên, đây là một sự kiện được tận dụng khi một siêu nhân, hay một chân sư vĩ đại, trở thành hiện thân (trong một giống dân gốc) của một nguyên khí; các y phục hay các thể mà nguyên tử trường tồn là hạt nhân của chúng (nhờ sức mạnh bẩm sinh của các loa tuyến đã phát triển) được bảo tồn bằng sự trợ giúp của các công thức mantram. Sự rung động được duy trì trong một khoảng thời gian đặc thù, và lâu chừng nào y phục hay thể ấy còn cần thiết. Ở đây có một gợi ý có thể hữu ích.

Again, when a man has become a disciple he may, if he so wish, remain upon the astral plane and work there, and—at his pleasure, and under the adjustment of karma by [Page 751] his Guru—he may take immediate physical birth. A hint as to the *mystery of the Bodhisattva* may be found in these two thoughts, provided the student transfers the whole concept to the etheric levels of the cosmic physical plane, and remembers that on these levels the adept works altogether as a part of a group, and not as a separated Identity, as does the ego in the three worlds. Therefore, the energy pouring through Him may be:

Một lần nữa, khi con người đã trở thành một đệ tử, y có thể, nếu muốn, ở lại trên cõi cảm dục và làm việc tại đó, và—tùy ý mình, và với việc nghiệp quả được [Page 751] Guru của y điều chỉnh—y có thể lập tức sinh ra về mặt hồng trần. Một gợi ý về *huyền nhiệm của Đức Bồ Tát* có thể được tìm thấy trong hai tư tưởng này, miễn là đạo sinh chuyển toàn bộ khái niệm lên các cấp dĩ thái của cõi hồng trần vũ trụ, và nhớ rằng trên các cấp này chân sư hoàn toàn hoạt động như một phần của một nhóm, chứ không phải như một Bản Sắc Cô Lập tách biệt, như chân ngã hoạt động trong ba cõi giới. Vì vậy, năng lượng tuôn qua Ngài có thể là:

a. That of a particular centre in the body of the planetary Logos in its total force.

a. Năng lượng của một trung tâm đặc thù trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế trong toàn bộ mãnh lực của nó.

b. That of a particular set of vibrations within that centre, or a part of its vibratory force.

b. Năng lượng của một tập hợp rung động đặc thù trong trung tâm ấy, hay một phần của mãnh lực rung động của nó.

c. That of the energy of a particular principle, either one of His own higher principles which He is seeking to bring to bear upon the earth, by taking incarnation for that specific purpose, or the energy of one of the planetary logoic principles, as it

c. Năng lượng của một nguyên khí đặc thù, hoặc là một trong các nguyên khí cao của chính Ngài mà Ngài đang tìm cách đem tác động lên trái đất bằng cách nhập thể vì mục đích đặc thù ấy, hoặc là năng lượng của một trong các nguyên khí của Hành Tinh

pours through Him via a particular spirilla or life current in the permanent atom of the planetary Logos.

Thượng Đế, khi nó tuôn qua Ngài qua một loa tuyến đặc thù hay dòng sự sống trong nguyên tử trường tồn của Hành Tinh Thượng Đế.

When these types of force are centralised in any particular adept, and He is expressing simply that extraneous force and nothing else, the effect is shown on the physical plane in the appearance of an avatar. *An avatar is, but an adept is made*, but frequently the force, energy, purpose or will of a cosmic Entity will utilise the vehicles of an adept in order to contact the physical planes. This method whereby cosmic Existences make Their power felt can be seen working out on all the planes of the cosmic physical plane. A striking instance of this can be seen in the case of the Kumaras, Who, under certain planetary forces, and through the formation of a systemic triangle, gave the impulse to the third kingdom which produced the fourth by bringing it into conjunction with the fifth. These Kumaras, Sanat Kumara and [Page 752] His three pupils, having achieved the highest initiation possible in the last great cycle, but having as yet (from Their standpoint) another step to take, offered Themselves to the planetary Logos of Their Ray as "focal points" for His force, so that thereby He might hasten and perfect His plans on Earth within the cycle of manifestation. They have demonstrated three out of the four methods. They are *overshadowed* by the planetary Logos, and He works directly as the Initiator (in relation to man) through Sanat Kumara, and with the three kingdoms in nature through the three Buddhas of Activity,—Sanat Kumara, being thus concerned directly with the ego on the mental plane, and His three Pupils being concerned with the other three types of consciousness, of which man is the summation. At the moment of initiation

Khi các loại mãnh lực này được tập trung trong một chân sư nào đó, và Ngài chỉ đơn thuần biểu lộ mãnh lực ngoại lai ấy mà không biểu lộ gì khác, thì hiệu quả được cho thấy trên cõi hồng trần qua sự xuất hiện của một Đấng Hoá Thân. *Một Đấng Hoá Thân vốn hiện hữu, còn một chân sư thì được tạo thành*, nhưng thường thì mãnh lực, năng lượng, mục đích hay ý chí của một Thực Thể vũ trụ sẽ sử dụng các vận cụ của một chân sư để tiếp xúc với các cõi hồng trần. Phương pháp này, nhờ đó các Đấng Tồn Tại vũ trụ làm cho quyền năng của Các Ngài được cảm nhận, có thể thấy đang vận hành trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ. Một thí dụ nổi bật về điều này có thể thấy trong trường hợp các Kumara, các Ngài, dưới những mãnh lực hành tinh nhất định, và thông qua sự hình thành một tam giác hệ thống, đã tạo ra xung lực cho giới thứ ba, xung lực này đã sản sinh ra giới thứ tư bằng cách đưa giới thứ ba vào sự kết hợp với giới thứ năm. Các Kumara này, Đức Sanat Kumara và [Page 752] ba đệ tử của Ngài, sau khi đã đạt được cuộc điểm đạo cao nhất có thể có trong đại chu kỳ trước, nhưng vẫn còn (theo quan điểm của Các Ngài) một bước nữa phải đi, đã tự hiến mình cho Hành Tinh Thượng Đế của cung của Các Ngài như những "tiêu điểm" cho mãnh lực của Ngài, để nhờ đó Ngài có thể xúc tiến và hoàn thiện các kế hoạch của Ngài trên Trái Đất trong chu kỳ biểu hiện. Các Ngài đã minh chứng ba trong bốn phương pháp. Các Ngài được *phủ bóng* bởi Hành Tinh Thượng Đế, và Ngài trực tiếp hoạt động như Đấng Điểm đạo (liên hệ với con người) thông qua Đức Sanat Kumara, và với ba giới trong thiên nhiên thông qua ba Đức Phật Hoạt Động,—Đức Sanat Kumara, do đó, trực tiếp liên hệ với chân ngã trên cõi trí, còn ba Đệ tử của Ngài thì liên hệ với ba

(after the second Initiation) Sanat Kumara becomes the direct mouthpiece and agent of the Planetary Logos. That great Entity speaks through Him and for one brief second (if one can use such a term in connection with a plane whereon time, as we understand it, is not) the planetary Logos of a man's Ray consciously—via His etheric brain—turns His thought upon the Initiate, and "calls him by His Name."

loại tâm thức kia, mà con người là tổng hợp của chúng. Vào lúc điểm đạo (sau lần điểm đạo thứ hai) Đức Sanat Kumara trở thành phát ngôn viên và tác nhân trực tiếp của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Thực Thể vĩ đại ấy nói qua Ngài và trong một giây ngắn ngủi (nếu có thể dùng một thuật ngữ như thế liên hệ với một cõi mà thời gian, như chúng ta hiểu, không hiện hữu) Hành Tinh Thượng Đế của cung của một người một cách hữu thức—qua bộ não dĩ thái của Ngài—hướng tư tưởng của Ngài vào điểm đạo đồ, và "gọi y bằng Danh của Ngài."

Again the Kumaras are *embodied principles*, but in this connection we must remember that this means that the force and energy of one of the principles of the Logos are pouring through Them via that which—to Them—corresponds to the Monad. Through Them, during Their period of incarnation and voluntary sacrifice, the great Prototype of the planetary Logos begins to make His Presence felt, and force from the constellation of the Great Bear faintly vibrates on earth. At initiation, man becomes aware consciously of the Presence of the planetary Logos through self-induced contact with his own divine Spirit. At the fifth Initiation he becomes aware of the full extent of this planetary group influence, and [Page 753] of his part in the great whole. At the sixth and seventh Initiations the influence of the planetary Prototype is sensed, reaching him via the planetary Logos working through the Initiator.

Một lần nữa, các Kumara là những *nguyên khí nhập thể*, nhưng trong mối liên hệ này chúng ta phải nhớ rằng điều đó có nghĩa là mãnh lực và năng lượng của một trong các nguyên khí của Thượng đế đang tuôn đổ qua Các Ngài thông qua điều mà—đối với Các Ngài—tương ứng với chân thần. Qua Các Ngài, trong thời kỳ lâm phàm và hi sinh tự nguyện của Các Ngài, Nguyên Mẫu vĩ đại của Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu làm cho Hiện Diện của Ngài được cảm nhận, và mãnh lực từ chòm sao Đại Hùng Tinh rung động mờ nhạt trên địa cầu. Khi điểm đạo, con người trở nên hữu thức nhận biết Hiện Diện của Hành Tinh Thượng Đế qua sự tiếp xúc do chính mình tạo ra với Tinh thần thiêng liêng của mình. Ở lần điểm đạo thứ năm y nhận biết được toàn bộ phạm vi của ảnh hưởng nhóm hành tinh này, và [Page 753] phần của y trong toàn thể vĩ đại. Ở lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, ảnh hưởng của Nguyên Mẫu hành tinh được cảm nhận, đến với y qua Hành Tinh Thượng Đế đang hoạt động thông qua Đấng Điểm đạo.

The method of *direct incarnation* was earlier seen when the Kumaras were in physical form. This only applied to some of Them; Sanat Kumara and His Pupils are in physical form, but have not taken dense physical

Phương pháp của *sự nhập thể trực tiếp* đã được thấy trước đây khi các Kumara ở trong hình tướng hồng trần. Điều này chỉ áp dụng cho một số vị trong Các Ngài; Đức Sanat Kumara và các Đệ tử của Ngài ở trong hình

bodies. They work on the vital etheric levels, and dwell in etheric bodies. Shamballa, where They dexists in physical matter as do the Kumaras, but it is matter of the higher ethers of the physical plane, and only when man has developed etheric vision will the mystery lying beyond the Himalayas be revealed. Therefore, *Sanat Kumara is the planetary logos yet He is not.* A reflection of this method of direct incarnation can be seen when a disciple steps out of his body and permits his Guru, or a more advanced chela, to use it.

tướng hồng trần, nhưng không mang thể xác đậm đặc. Các Ngài hoạt động trên các cấp dĩ thái sinh lực, và cư ngụ trong các thể dĩ thái. Shamballa, nơi Các Ngài tồn tại trong vật chất hồng trần như các Kumara, nhưng đó là vật chất của các dĩ thái cao của cõi hồng trần, và chỉ khi nào con người đã phát triển linh thị dĩ thái thì huyền nhiệm nằm bên kia dãy Himalaya mới được mặc khải. Vì vậy, *Đức Sanat Kumara là Hành Tinh Thượng Đế nhưng Ngài lại không phải là như thế.* Một phản ánh của phương pháp nhập thể trực tiếp này có thể thấy khi một đệ tử bước ra khỏi thân thể của mình và cho phép Guru của y, hay một đệ tử tiến bộ hơn, sử dụng nó.

The mystery of the Bodhisattvas *(S. D., I, 82, 83.)* has been touched upon by H. P. B. and until students have assimilated and studied what she has said, there is no more to add. Apprehension of truth is ever the factor that calls for fresh revelation.

Huyền nhiệm của các Đức Bồ Tát *(S. D., I, 82, 83.)* đã được H. P. B. đề cập đến, và cho đến khi các đạo sinh đồng hoá và nghiên cứu điều bà đã nói, thì không còn gì để thêm vào. Sự lĩnh hội chân lý luôn luôn là yếu tố đòi hỏi sự mặc khải mới.

A very interesting period will come about the year 1966 and persist to the end of the century. It is one for which the Great Ones are already making due preparation. It concerns a centennial effort of the Lodge and of the Personages taking part therein. Each century sees a centennial effort of the Lodge along a particular line of force made to forward the ends of evolution, and the effort for the twentieth century will be upon a larger scale than has been the case for a very long time, and will involve a number of Great Ones. In a similar effort during the nineteenth century, H. P. B. was concerned, and a fairly large number of chelas. In the effort immediately ahead, [Page 754] several of the Great Ones are concerned and the Master of the Masters Himself; in Their "forthcoming" for work three out of the various methods of appearing mentioned

Một giai đoạn rất lý thú sẽ đến vào khoảng năm 1966 và kéo dài đến cuối thế kỷ. Đó là một giai đoạn mà Các Đấng Cao Cả hiện đã chuẩn bị thích đáng. Nó liên quan đến một nỗ lực bách niên của Thánh đoàn và của các Đấng tham dự trong đó. Mỗi thế kỷ đều chứng kiến một nỗ lực bách niên của Thánh đoàn theo một đường mãnh lực đặc biệt nhằm thúc đẩy các mục tiêu của tiến hoá, và nỗ lực của thế kỷ hai mươi sẽ ở trên một quy mô lớn hơn nhiều so với trường hợp đã xảy ra trong một thời gian rất dài, và sẽ liên quan đến một số Đấng Cao Cả. Trong một nỗ lực tương tự trong thế kỷ mười chín, H. P. B. có tham dự, cùng với một số khá đông các đệ tử. Trong nỗ lực sắp tới ngay trước mắt, [Page 754] một số Đấng Cao Cả có tham dự và chính Chân sư của các Chân sư; trong sự "xuất hiện" của Các Ngài để làm việc, ba trong các phương pháp xuất hiện khác nhau đã được nhắc đến trước đây sẽ được thấy

earlier will be seen in full activity, and it is on these three that we might now touch.

hoạt động trọn vẹn, và giờ đây chúng ta có thể đề cập đến ba phương pháp ấy.

In the appearing of the Bodhisattva Himself, the *mystery of the Bodhisattva* will be seen in its fullest sense, and it is not for us here to enlarge upon it. Suffice it to say that the vestures of the GREAT ONE will be used, but time will show whether the coming Lord will clothe upon those vestures a physical vehicle at this particular juncture, or whether the astral plane may not be the field of His activity. If the student ponders upon the consequences entailed in the appropriation of this vesture, much light upon probable happenings will be thrown. The vestures act in a dual capacity:

Trong sự xuất hiện của chính Đức Bồ Tát, *huyền nhiệm của Đức Bồ Tát* sẽ được thấy theo ý nghĩa đầy đủ nhất của nó, và ở đây chúng ta không nên khai triển thêm. Chỉ cần nói rằng các y bát của ĐẤNG CAO CẢ sẽ được sử dụng, nhưng thời gian sẽ cho thấy liệu Đức Chúa Tể sắp đến có khoác lên các y bát ấy một vận cụ hồng trần vào đúng thời điểm này hay không, hoặc liệu cõi cảm dục có thể là lĩnh vực hoạt động của Ngài hay không. Nếu đạo sinh suy ngẫm về những hệ quả bao hàm trong việc sử dụng y bát này, thì nhiều ánh sáng sẽ được rọi vào những biến cố có thể xảy ra. Các y bát hoạt động trong một năng lực kép:

a. They are very highly magnetised, and therefore have a profound and far-reaching effect when utilised.

a. Chúng được từ hóa rất cao, và do đó có một hiệu quả sâu xa và rộng lớn khi được sử dụng.

b. They act as a focal point for the force of the Lord Buddha and link up the coming Lord with Him, enabling Him to increase His Own stupendous resources by drawing upon still higher force centres, via the Lord Buddha.

b. Chúng hoạt động như một tiêu điểm cho mãnh lực của Đức Phật và nối kết Đức Chúa Tể sắp đến với Ngài, giúp Ngài gia tăng các nguồn lực phi thường của chính Ngài bằng cách rút lấy từ các trung tâm mãnh lực còn cao hơn nữa, qua Đức Phật.

This force will find its expression upon the astral plane, producing vast results of a quieting nature and bringing, by reflex action, peace on earth. The transmutation of desire into aspiration, and the transformation of low desire into high desire, will be some of the effects, while the result of the force flowing through will produce profound reactions of the deva denizens of that plane. Through the vibration thus set up will come the possibility of many (who would otherwise not do so) taking the first initiation. Later, towards the end of the greater cycle, the

Mãnh lực này sẽ tìm thấy sự biểu lộ của nó trên cõi cảm dục, tạo ra những kết quả to lớn có tính chất làm lắng dịu và mang lại, qua phản ứng dội lại, hòa bình trên địa cầu. Sự chuyển hoá dục vọng thành khát vọng, và sự chuyển đổi dục vọng thấp thành dục vọng cao, sẽ là một số hiệu quả, trong khi kết quả của mãnh lực đang tuôn chảy qua sẽ tạo ra những phản ứng sâu sắc nơi các thiên thần cư dân của cõi ấy. Qua rung động được thiết lập như vậy sẽ xuất hiện khả năng để nhiều người (nếu không thì đã không làm như vậy) tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất. Về sau, vào gần cuối đại chu kỳ, Đấng Hoá Thân sắp đến

coming Avatar will again employ the vestures [Page 755] with all that is entailed thereby, and will take a physical body, thus demonstrating on the physical plane the force of the Logos in the administration of the Law. When He comes at the close of this century and makes His power felt, He will come as the Teacher of Love and Unity, and the keynote He will strike will be regeneration through love poured forth on all. As He will work primarily on the astral plane, this will demonstrate on the physical plane in the formation of active groups in every city of any size, and in every country, which will work aggressively for unity, co-operation and brotherhood in every department of life—economic, religious, social and scientific.

sẽ lại sử dụng các y bát [Page 755] cùng với tất cả những gì do đó mà có, và sẽ mang một thể xác, nhờ đó biểu lộ trên cõi hồng trần mãnh lực của Thượng đế trong việc quản trị Định luật. Khi Ngài đến vào lúc cuối thế kỷ này và làm cho quyền năng của Ngài được cảm nhận, Ngài sẽ đến như Huấn sư của Tình thương và Hợp nhất, và chủ âm mà Ngài sẽ gióng lên sẽ là sự tái sinh thông qua tình thương tuôn đổ trên tất cả. Vì Ngài sẽ hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục, điều này sẽ được biểu lộ trên cõi hồng trần trong việc hình thành các nhóm hoạt động ở mọi thành phố có quy mô nào đó, và ở mọi quốc gia, những nhóm sẽ hoạt động mạnh mẽ cho sự hợp nhất, hợp tác và huynh đệ trong mọi lĩnh vực của đời sống—kinh tế, tôn giáo, xã hội và khoa học.

These groups will achieve results now impossible, owing to the retention of buddhic force, but later this force will be set loose on earth via the medium of the Great Lord, operating as an aspect of the Logos, and as a focal point for the consciousness and energy of the Buddha.

Các nhóm này sẽ đạt được những kết quả hiện nay là bất khả, do sự giữ lại của mãnh lực Bồ đề, nhưng về sau mãnh lực này sẽ được giải phóng trên địa cầu qua trung gian của Đức Chúa Tể Vĩ Đại, hoạt động như một phương diện của Thượng đế, và như một tiêu điểm cho tâm thức và năng lượng của Đức Phật.

It is this impending probability which is held in mind during the century at the annual recurrence of the Wesak festival. Students would do well to further the ends of the occult Hierarchy by a similar concentration at the time of the festival, thus setting up currents of thought which will have a great appeal in the occult sense of that term.

Chính khả năng sắp xảy ra này được ghi nhớ trong suốt thế kỷ vào dịp tái diễn hằng năm của lễ Wesak. Các đạo sinh nên thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn huyền bí bằng một sự tập trung tương tự vào thời điểm lễ hội, nhờ đó thiết lập các dòng tư tưởng sẽ có một sức hấp dẫn lớn theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy.

Indication of the nearing of this event will be seen in the reaction which will be set up during the next twenty-five years against crime, sovietism, and the extreme radicalism which is now being made use of by certain powers to achieve ends contrary

Dấu hiệu cho thấy biến cố này đang đến gần sẽ được thấy trong phản ứng sẽ được thiết lập trong hai mươi lăm năm tới chống lại tội phạm, chủ nghĩa Xô viết, và chủ nghĩa cấp tiến cực đoan hiện đang được một số quyền lực sử dụng để đạt những mục tiêu trái với

to the plans of the Lord. The era of peace will be ushered in by a gathering together on earth of the forces which stand for construction, and development, and by a conscious deliberate banding together of groups in every land who embody the principle (as far as they can vision it) of Brotherhood. Watch [Page 756] the signs of the times, and be not discouraged over the immediate future. The appearance of the Great Lord on the astral plane (whether followed by His physical incarnation or not) will date from a certain Wesak festival at which a mantram (known only to those attaining the seventh Initiation) will be pronounced by the Buddha, thus setting loose force, and enabling His great Brother to fulfil his mission. Hence the gradual recognition of the Wesak festival, and its true significance in the occident is desirable, and opportunity will be offered to all who are willing to place themselves in the line of this force, and thus become vitalised by it, and consequently available for service. The reaction mentioned above, will also become possible through the pressure brought to bear by the present children, many of whom are chelas and some initiates. They have come in to prepare the way for the coming of His Feet.

các kế hoạch của Đức Chúa Tể. Kỷ nguyên hòa bình sẽ được mở đầu bằng sự tập hợp trên địa cầu của các lực lượng đứng về phía xây dựng và phát triển, và bằng sự liên kết hữu thức có chủ ý của các nhóm ở mọi xứ sở, những nhóm thể hiện nguyên lý Huynh Đệ (theo mức họ có thể hình dung được nó). Hãy quan sát [Page 756] các dấu hiệu của thời đại, và đừng nản lòng về tương lai trước mắt. Sự xuất hiện của Đức Chúa Tể Vĩ Đại trên cõi cảm dục (dù có được tiếp theo bởi sự nhập thể hồng trần của Ngài hay không) sẽ được tính từ một lễ Wesak nhất định, tại đó một mantram (chỉ những ai đạt lần điểm đạo thứ bảy mới biết) sẽ được Đức Phật xướng lên, nhờ đó giải phóng mãnh lực, và giúp cho Huynh Đệ vĩ đại của Ngài hoàn thành sứ mệnh của mình. Do đó, việc dần dần công nhận lễ Wesak, và thâm nghĩa chân thực của nó ở phương Tây là điều đáng mong muốn, và cơ hội sẽ được trao cho tất cả những ai sẵn lòng đặt mình vào đường đi của mãnh lực này, và nhờ đó được tiếp sinh lực bởi nó, và vì thế sẵn sàng cho việc phụng sự. Phản ứng đã nói ở trên cũng sẽ trở nên khả hữu nhờ áp lực do những trẻ em hiện nay tạo ra, nhiều em trong số đó là đệ tử và một số là điểm đạo đồ. Các em đã đến để chuẩn bị con đường cho sự quang lâm của Bàn Chân Ngài.

When the hour strikes (five years prior to the date of His descent) they will be in the full flower of their service and will have recognised their work, even though they may not be conscious of that which the future holds hid.

Khi giờ điểm đến (năm năm trước ngày Ngài giáng lâm) các em sẽ ở vào thời kỳ sung mãn của sự phụng sự của mình và sẽ nhận ra công việc của mình, dù các em có thể không hữu thức về điều mà tương lai đang che giấu.

When the hour has come (and already a few cases are to be found), many cases of *overshadowing* will be seen and will demonstrate in a threefold manner. In all countries, in the orient and the occident, prepared disciples and highly evolved men

Khi thời điểm đã đến (và hiện nay đã có thể tìm thấy một vài trường hợp), nhiều trường hợp *phủ bóng* sẽ được thấy và sẽ biểu lộ theo một cách tam phân. Ở mọi quốc gia, ở phương Đông và phương Tây, sẽ tìm thấy những đệ tử đã được chuẩn bị và những

and women, will be found who will be doing the work along the lines intended, and who will be occupying places of prominence which will make them available for the reaching of the many; their bodies also will be sufficiently pure to permit of the overshadowing. It will only be possible in the case of those who have been consecrated since childhood, who have been servers of the race all their lives, or who, in previous lives, have acquired the right by karma. This threefold overshadowing will manifest as:

người nam và nữ tiến hoá cao, những người sẽ làm việc theo các đường lối đã được dự định, và sẽ chiếm giữ những vị trí nổi bật khiến họ có thể tiếp cận được nhiều người; các thân thể của họ cũng sẽ đủ thanh khiết để cho phép sự phủ bóng. Điều này chỉ có thể xảy ra trong trường hợp những người đã được thánh hiến từ thời thơ ấu, đã là những người phụng sự nhân loại suốt đời, hoặc trong các kiếp trước đã đạt được quyền ấy nhờ nghiệp quả. Sự phủ bóng tam phân này sẽ biểu lộ như sau:

First. An impression upon the physical brain of the [Page 757] man or woman, of thoughts, plans for work, ideals and intentions which (emanating from the Avatar) will yet be unrecognised by him as being other than his own; he will proceed to put them into action, unconsciously helped by the force flowing in. This is literally a form of higher mental telepathy working out on physical levels.

Thứ nhất. Một sự in dấu lên bộ não hồng trần của [Page 757] người nam hay người nữ, về những tư tưởng, kế hoạch công việc, lý tưởng và ý định mà (phát ra từ Đấng Hoá Thân) tuy vậy vẫn không được người ấy nhận ra là khác với của chính mình; y sẽ tiến hành đưa chúng vào hành động, một cách vô thức được trợ giúp bởi mãnh lực đang tuôn vào. Đây đúng nghĩa là một hình thức viễn cảm thượng trí đang vận hành trên các cấp hồng trần.

Second. The overshadowing of the chela during his work (such as lecturing, writing, or teaching), and his illumination for service. He will be conscious of this, though perhaps unable to explain it, and will seek more and more to be available for use, rendering himself up in utter selflessness to the inspiration of His Lord. This is effected via the chela's Ego, the force flowing through his astral permanent atom; and it is only possible when the fifth petal is unfolded.

Thứ hai. Sự phủ bóng lên đệ tử trong khi y làm việc (như thuyết giảng, viết lách, hay giảng dạy), và sự soi sáng của y cho việc phụng sự. Y sẽ hữu thức về điều này, dù có lẽ không thể giải thích được, và sẽ ngày càng tìm cách trở nên sẵn sàng để được sử dụng, hiến dâng mình trong sự vô ngã hoàn toàn cho cảm hứng của Đức Chúa Tể của y. Điều này được thực hiện qua chân ngã của đệ tử, mãnh lực tuôn qua nguyên tử trường tồn cảm dục của y; và chỉ có thể khi cánh hoa thứ năm đã khai mở.

Third. The conscious co-operation of the chela is necessitated in the third method of overshadowing. In this case he will (with full knowledge of the laws of his being and nature) surrender himself and step out of his physical body, handing it over for the use

Thứ ba. Sự hợp tác hữu thức của đệ tử là điều cần thiết trong phương pháp phủ bóng thứ ba. Trong trường hợp này y sẽ (với sự hiểu biết đầy đủ về các quy luật của hữu thể và bản chất của mình) hiến dâng chính mình và bước ra khỏi thể xác của mình, trao nó

of the Great Lord or one of His Masters. This is only possible in the case of a chela who has brought all the three lower bodies into alignment, and necessitates the unfolding of the sixth petal. By an act of conscious will he renders up his body, and stands aside for a specific length of time.

cho Đức Chúa Tể Vĩ Đại hay một trong các Chân sư của Ngài sử dụng. Điều này chỉ có thể trong trường hợp một đệ tử đã đưa cả ba thể thấp vào chỉnh hợp, và đòi hỏi sự khai mở của cánh hoa thứ sáu. Bằng một hành động ý chí hữu thức, y trao thân thể của mình và đứng sang một bên trong một khoảng thời gian xác định.

These methods of overshadowing will be largely the ones used by the Great Lord and His Masters at the end of the century, and for this reason They are sending into incarnation, in every country, disciples who have the opportunity offered them to respond to the need of humanity. Hence the need of training men and women to recognise the higher psychism, and the true inspiration and mediumship, and to do this scientifically. In fifty years time, the need for true psychics and conscious mediums (such as H. P. B., for instance) will be very great [Page 758] if the Master's plans are to be carried to fruition, and the movement must be set on foot in preparation for the coming of Him for Whom all nations wait. In this work many have their share, provided they demonstrate the necessary endurance.

Các phương pháp phủ bóng này phần lớn sẽ là những phương pháp được Đức Chúa Tể Vĩ Đại và các Chân sư của Ngài sử dụng vào cuối thế kỷ, và vì lý do này Các Ngài đang gửi vào lâm phàm, ở mọi quốc gia, những đệ tử có cơ hội được trao cho để đáp ứng nhu cầu của nhân loại. Do đó mới có nhu cầu huấn luyện những người nam và nữ nhận ra thông linh cao hơn, và cảm hứng cùng khả năng làm đồng tử chân chính, và thực hiện điều này một cách khoa học. Trong năm mươi năm nữa, nhu cầu về những người thông linh chân chính và những đồng tử hữu thức (chẳng hạn như H. P. B.) sẽ rất lớn [Page 758] nếu các kế hoạch của Chân sư phải được đưa đến chỗ thành tựu, và phong trào phải được khởi xướng để chuẩn bị cho sự quang lâm của Đấng mà mọi quốc gia đang chờ đợi. Trong công việc này nhiều người có phần của mình, miễn là họ biểu lộ sức bền cần thiết.

Naturally, the first group will be the largest, for it does not necessitate so much knowledge, but more risk is entailed with them than with the others—the risk of a perversion of the plans, and of disaster to the unit involved. The second group will be less numerous, and the last group will involve only a handful, or two or three in certain countries. In this case, it will be verily true that, through sacrifice, the Son of Man will again tread the highways of men, and His physical incarnation be a fact. Very few will be thus available for His use, as the

Đương nhiên, nhóm thứ nhất sẽ là nhóm lớn nhất, vì nó không đòi hỏi nhiều tri thức như vậy, nhưng nơi họ có nhiều rủi ro hơn so với các nhóm khác—rủi ro làm sai lệch các kế hoạch, và tai họa cho đơn vị liên hệ. Nhóm thứ hai sẽ ít đông hơn, và nhóm cuối cùng sẽ chỉ gồm một số rất ít, hoặc hai hay ba người ở một số quốc gia. Trong trường hợp này, quả thật sẽ đúng rằng, qua hi sinh, Con của nhân loại sẽ lại bước trên những nẻo đường của loài người, và sự nhập thể hồng trần của Ngài sẽ là một sự kiện. Rất ít người sẽ có thể sẵn sàng như vậy cho việc sử dụng của Ngài,

force He carries requires a peculiarly resilient instrument, but due preparation is being made.

vì mãnh lực Ngài mang theo đòi hỏi một công cụ có sức đàn hồi đặc biệt, nhưng sự chuẩn bị thích đáng đang được tiến hành.

Again the method of direct incarnation will be employed by certain of the Masters and initiates through the process of:

Một lần nữa, phương pháp nhập thể trực tiếp sẽ được một số Chân sư và điểm đạo đồ sử dụng thông qua tiến trình:

a. Physical birth.

a. Sinh ra hồng trần.

b. Appropriation of a suitable vehicle, or body.

b. Tiếp nhận một vận cụ hay thân thể thích hợp.

c. Direct creation by an act of will. This will be rare.

c. Sáng tạo trực tiếp bằng một hành động ý chí. Điều này sẽ hiếm.

The second, or middle, method will be the one most frequently employed. Six of the Masters, as yet quite unknown to the average occult student by name, have already sought physical incarnation—one in India, another in England, two in northern America, and one in central Europe, whilst another has made a great sacrifice, and taken a Russian body in the desire to act as a peace centre in that distracted land. Certain initiates of the third Initiation have taken feminine bodies,—one in India will in due time do much toward the emancipation of the women of India, whilst another has a peculiar work to do in connection with the animal kingdom which likewise is awaiting the day of His appearing.

Phương pháp thứ hai, hay phương pháp ở giữa, sẽ là phương pháp được dùng thường xuyên nhất. Sáu Chân sư, cho đến nay vẫn hoàn toàn chưa được đạo sinh huyền bí trung bình biết đến tên, đã tìm cách nhập thể hồng trần—một vị ở Ấn Độ, một vị khác ở Anh, hai vị ở Bắc Mỹ, và một vị ở Trung Âu, trong khi một vị khác đã thực hiện một hi sinh lớn lao, và mang một thân thể người Nga với mong muốn hoạt động như một trung tâm hòa bình tại xứ sở đang rối loạn ấy. Một số điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba đã mang các thân thể nữ,—một vị ở Ấn Độ về sau sẽ làm nhiều điều cho sự giải phóng phụ nữ Ấn Độ, trong khi một vị khác có một công việc đặc biệt phải làm liên hệ với giới động vật, giới này cũng đang chờ đợi ngày Ngài xuất hiện.

[Page 759] The Master Jesus will take a physical vehicle, and with certain of His chelas effect a re-spiritualisation of the Catholic churches, breaking down the barrier separating the Episcopal and Greek churches from the Roman. This may be looked for, should plans progress as hoped, about the year 1980. The Master Hilarion

[Page 759] Chân sư Jesus sẽ mang một vận cụ hồng trần, và cùng với một số đệ tử của Ngài thực hiện một sự tái-tinh thần-hóa các giáo hội Công giáo, phá bỏ bức tường ngăn cách các giáo hội Episcopal và Hy Lạp với giáo hội La Mã. Điều này có thể được trông đợi, nếu các kế hoạch tiến triển như hy vọng, vào khoảng năm 1980. Chân sư Hilarion cũng sẽ

will also come forth, and become a focal point of buddhic energy in the vast spiritualistic movement, whilst another Master is working with the Christian Science endeavour in an effort to swing it on to sounder lines. It is interesting to note that those movements which have laid the emphasis so strongly on the heart or love aspect, may respond more rapidly to the inflow of force at the Coming than other movements which consider themselves very advanced. The "mind may slay" the recognition of the Real, and hatred between brothers swing the tide of love-force away. The three Masters so closely allied with the theosophical movement are already making Their preparations, and will also move among men, recognised by Their Own and by those who have eyes to see. To those of Their chelas on earth who undergo the necessary discipline, opportunity will be offered to work on the astral plane and, should they so choose, an immediate incarnation, provided they have achieved continuity of consciousness. He Who is known as D. K. is planning to restore—via His students—some of the old and occult methods of healing and to demonstrate:

xuất hiện, và trở thành một tiêu điểm của năng lượng Bồ đề trong phong trào thần linh học rộng lớn, trong khi một Chân sư khác đang làm việc với nỗ lực của Christian Science nhằm đưa nó đi theo những đường lối vững chắc hơn. Điều đáng chú ý là những phong trào đã nhấn mạnh rất mạnh vào phương diện tim hay bác ái, có thể đáp ứng nhanh hơn với dòng mãnh lực tuôn vào lúc Quang Lâm so với những phong trào khác vốn tự xem mình là rất tiến bộ. "Trí tuệ có thể giết chết" sự nhận biết cái Thực, và lòng thù hận giữa các huynh đệ có thể làm lệch dòng mãnh lực bác ái đi nơi khác. Ba Chân sư gắn bó mật thiết với phong trào Thông Thiên Học hiện đã chuẩn bị, và cũng sẽ đi lại giữa loài người, được chính những người của Các Ngài nhận ra và bởi những ai có mắt để thấy. Đối với những đệ tử của Các Ngài trên địa cầu, những người trải qua kỷ luật cần thiết, cơ hội sẽ được trao để làm việc trên cõi cảm dục và, nếu họ chọn như vậy, một sự nhập thể tức thời, miễn là họ đã đạt được sự liên tục của tâm thức. Đấng được biết đến như Chân sư DK đang dự định khôi phục—qua các đạo sinh của Ngài—một số phương pháp trị liệu cổ xưa và huyền bí, và chứng minh:

a. The place of the etheric body.

a. Vị trí của thể dĩ thái.

b. The effect of pranic force.

b. Hiệu quả của mãnh lực prana.

c. The opening up of etheric vision.

c. Sự khai mở linh thị dĩ thái.

It is not permissible to say more in connection with the plans of the Great Ones. Their appearing will not be simultaneous in time, for the people could not stand the tremendously increased inflow of force, and recognition of Them and of Their methods will depend upon the intuition, [Page 760] and the training of the inner senses. They

Không được phép nói thêm liên hệ với các kế hoạch của Các Đấng Cao Cả. Sự xuất hiện của Các Ngài sẽ không đồng thời về mặt thời gian, vì con người không thể chịu nổi dòng mãnh lực tuôn vào tăng lên vô cùng mạnh mẽ ấy, và sự nhận ra Các Ngài cùng các phương pháp của Các Ngài sẽ tùy thuộc vào trực giác, [Page 760] và sự huấn luyện các giác quan bên trong. Các Ngài đến không có

come with no herald, and only Their works will proclaim Them.

(*e.*) *Impulse and Incarnation.* Perhaps light upon this very difficult question of the incarnating jivas, of adepts and of avatars may come if the student remembers that:

1. *An ordinary man* demonstrates the third aspect of intelligent activity in his personality life, and is evolving consciously the second aspect, or the egoic manifestation on the physical plane.

2. *An adept* in incarnation is demonstrating fully the second aspect as well as the third, and in his own internal life is in process of evolving the first aspect, or is endeavouring to bring through the monadic life into conscious activity on the buddhic plane.

3. *An avatar* demonstrates one of two things, according to his peculiar karma:

a. The pure light of the Monad, brought through by means of the perfected Ego and personality on to the physical plane. The line of force extends straight through from monadic levels to the physical.

b. The light of the Logos Himself in one or other aspect, this being transmitted consciously via the Monad straight through to the physical plane from the planetary Logos, or even from the solar Logos Himself.

In the first two cases, desire for sentient existence, or desire for service to humanity, are the factors which produce physical manifestation (one through the force of evolution itself, the other through a

người báo trước, và chỉ các công trình của Các Ngài mới công bố Các Ngài.

(*e.*) *Xung lực và Nhập thể.* Có lẽ ánh sáng về vấn đề rất khó này của các jiva nhập thể, của các chân sư và của các Đấng Hoá Thân có thể đến nếu đạo sinh nhớ rằng:

1. *Một người bình thường* biểu lộ phương diện thứ ba của hoạt động thông tuệ trong đời sống phàm ngã của mình, và đang tiến hoá một cách hữu thức phương diện thứ hai, hay sự biểu lộ chân ngã trên cõi hồng trần.

2. *Một chân sư* đang lâm phàm đang biểu lộ trọn vẹn phương diện thứ hai cũng như phương diện thứ ba, và trong đời sống nội tại của mình đang trong tiến trình tiến hoá phương diện thứ nhất, hay đang nỗ lực đưa sự sống chân thần vào hoạt động hữu thức trên cõi Bồ đề.

3. *Một Đấng Hoá Thân* biểu lộ một trong hai điều, tùy theo nghiệp quả đặc thù của mình:

a. Ánh sáng thuần khiết của Chân thần, được đưa xuyên qua chân ngã và phàm ngã đã hoàn thiện xuống cõi hồng trần. Đường mãnh lực kéo dài thẳng từ các cấp chân thần xuống cõi hồng trần.

b. Ánh sáng của chính Thượng đế trong phương diện này hay phương diện khác, ánh sáng này được truyền dẫn một cách hữu thức qua chân thần thẳng xuống cõi hồng trần từ Hành Tinh Thượng Đế, hay thậm chí từ chính Thái dương Thượng đế.

Trong hai trường hợp đầu, dục vọng đối với sự tồn tại có tri giác, hay dục vọng phụng sự nhân loại, là những yếu tố tạo ra sự biểu hiện hồng trần (một bên qua chính mãnh lực của tiến hoá, bên kia qua một hành động ý chí

conscious act of the will). Desire for sentient existence is but the latent second aspect seeking expression by means of the Not-Self, and in the other case the manifested second aspect consciously utilises form as a means to an end. In the case [Page 761] of all avatars it is the will aspect which is brought into play, and which produces appearance—either the will of the perfected adept, such as the Buddha Himself, or (as in the case of the true Avatar, Who is, and Who has not achieved) the will of the planetary Logos or of the solar Logos, taking form for a specific purpose. It involves a higher display of the creative faculty than that displayed by the Adept in the creation of His body of manifestation, the Mayavirupa. (252) The terms "appropriation of a physical body" and "creation of a physical body" must be extended to include all the planes of the solar system, and not just our physical plane, the seventh subplane of the cosmic physical.

hữu thức). Dục vọng đối với sự tồn tại có tri giác chỉ là phương diện thứ hai tiềm tàng đang tìm cách biểu lộ qua Phi-Ngã, và trong trường hợp kia phương diện thứ hai đã biểu lộ một cách hữu thức sử dụng hình tướng như một phương tiện để đạt cứu cánh. Trong trường hợp [Page 761] của mọi Đấng Hoá Thân, chính phương diện ý chí được vận dụng, và tạo ra sự xuất hiện—hoặc là ý chí của chân sư đã hoàn thiện, như chính Đức Phật, hoặc (như trong trường hợp của Đấng Hoá Thân chân chính, Đấng vốn hiện hữu, chứ không trở thành như vậy qua sự thành tựu) ý chí của Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế, mang hình tướng vì một mục đích đặc biệt. Điều này bao hàm một sự biểu lộ cao hơn của năng lực sáng tạo so với năng lực được chân sư biểu lộ trong việc tạo ra thể biểu hiện của Ngài, Mayavirupa. (252) Các thuật ngữ "tiếp nhận một thể xác" và "sáng tạo một thể xác" phải được mở rộng để bao gồm mọi cõi của hệ mặt trời, chứ không chỉ cõi hồng trần của chúng ta, tức cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ.

(252) *The Mayavirupa* is literally the illusory form; it is the body of temporary manifestation which the Adept creates on occasion through the power of the will and in which He functions in order to make certain contacts on the physical plane and to engage in certain work for the race. (back)

(252) *Mayavirupa* theo nghĩa đen là hình tướng ảo huyễn; đó là thể biểu hiện tạm thời mà Chân sư đôi khi tạo ra bằng quyền năng của ý chí và trong đó Ngài hoạt động để thực hiện một số tiếp xúc nhất định trên cõi hồng trần và tham gia vào một số công việc nào đó cho nhân loại. (back)

The causes which combine to produce incarnation, are seen to be three:

Các nguyên nhân kết hợp để tạo ra sự nhập thể được thấy là ba:

1. Egoic impulse.

1. Xung lực chân ngã.

2. The activity of the solar and lunar Angels.

2. Hoạt động của các Thái dương Thiên Thần và các thái âm Thiên Thần.

3. Karma, or the place which antecedent action plays in producing manifestation.

We can hardly dissociate them in the consideration of our subject owing to the innate constitution of the egoic body itself and the factor the indwelling consciousness plays in producing appearance through an act of will. Let us briefly, therefore, reconsider what we have learned anent the egoic body and its constitution, and then take up the steps followed by the Ego in producing results in the three worlds.

We have seen that on the third level of the mental plane, the egoic lotus is found and the student should picture it to himself as follows:

Concealed at the very centre or heart of the lotus is a brilliant point of electric fire of a blue-white hue (the [Page 762] jewel in the lotus) surrounded, and completely hidden, by three closely folded petals. Around this central nucleus, or inner flame, are arranged the nine petals in circles of three petals each, making three circles in all. These petals are formed out of the substance of the solar angels, as are the central three,—substance which is not only sentient as is the substance of the forms in the three worlds and the lunar bodies, but which has an added quality of "I-ness" or of self-consciousness, enabling the spiritual unity at the centre (by means of it) to acquire knowledge, awareness, and self-realisation. These nine petals are of a predominant orange hue, though the six other colours are found as secondary colours in a varying degree. The inner three petals are of a lovely lemon-yellow hue. At the base of the lotus petals are the three points of light which mark the position of the permanent atoms, and which are the medium of

3. Nghiệp quả, hay vai trò mà hành động đi trước giữ trong việc tạo ra sự biểu hiện.

Chúng ta khó có thể tách rời chúng ra khi xem xét đề tài của mình do cấu tạo bẩm sinh của chính thể chân ngã và vai trò mà tâm thức ngự bên trong đảm nhận trong việc tạo ra sự xuất hiện qua một hành động ý chí. Vì vậy, chúng ta hãy ngắn gọn xét lại điều mình đã học liên quan đến thể chân ngã và cấu tạo của nó, rồi sau đó bàn đến các bước mà Chân ngã theo đó tạo ra kết quả trong ba cõi thấp.

Chúng ta đã thấy rằng trên cấp độ thứ ba của cõi trí, Hoa Sen Chân Ngã được tìm thấy và đạo sinh nên hình dung nó như sau:

Ẩn kín ngay tại trung tâm hay trái tim của hoa sen là một điểm rực sáng của Lửa Điện mang sắc xanh-trắng (viên [Page 762] ngọc trong hoa sen) được bao quanh, và hoàn toàn che khuất, bởi ba cánh hoa khép chặt. Chung quanh hạt nhân trung tâm này, hay ngọn lửa bên trong này, là chín cánh hoa được sắp xếp thành các vòng, mỗi vòng ba cánh, tổng cộng thành ba vòng. Các cánh hoa này được tạo thành từ chất liệu của các thái dương thiên thần, cũng như ba cánh trung tâm,—một chất liệu không những có tri giác như chất liệu của các hình tướng trong ba cõi thấp và các thể thái âm, mà còn có thêm phẩm tính "tôi tính" hay ngã thức, giúp cho đơn vị tinh thần ở trung tâm (nhờ phương tiện ấy) đạt được tri thức, sự nhận biết, và sự tự chứng nghiệm. Chín cánh hoa này có sắc cam chiếm ưu thế, dù sáu màu khác cũng hiện diện như những màu phụ ở các mức độ khác nhau. Ba cánh hoa bên trong có sắc vàng chanh rất đẹp. Ở đáy các cánh hoa sen là ba điểm sáng đánh dấu vị trí của các nguyên tử trường tồn, và là môi giới truyền thông giữa các Thái dương Thiên Thần và

communication between the solar Angels and the lunar Pitris. By means of these permanent atoms the Ego, according to its state of evolution can construct his lunar bodies, acquire knowledge on the lower three planes, and thus buy his experience, and becomes aware. On a higher turn of the spiral, the Monad through the egoic petals, and thus with the aid of the solar Angels, acquires knowledge and equally on more exalted levels becomes aware.

các thái âm tổ phụ. Nhờ các nguyên tử trường tồn này mà Chân ngã, tùy theo trạng thái tiến hoá của nó, có thể kiến tạo các thể thái âm của mình, đạt được tri thức trên ba cõi thấp, và nhờ đó mua lấy kinh nghiệm của mình, và trở nên nhận biết. Ở một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, chân thần qua các cánh hoa chân ngã, và nhờ đó với sự trợ giúp của các Thái dương Thiên Thần, đạt được tri thức và cũng trên các cấp độ cao siêu hơn trở nên nhận biết.

The light within these permanent atoms has a dull red glow and we have, therefore, all the three fires demonstrating in the causal body—*electric fire* at the centre, *solar fire* enclosing it as the flame encloses the central nucleus or essence in a candle flame, and *fire by friction*, this latter fire resembling the glowing red wick which lies at the base of the higher flame.

Ánh sáng bên trong các nguyên tử trường tồn này có một ánh đỏ mờ, và vì vậy chúng ta có cả ba loại lửa đang biểu lộ trong thể nguyên nhân—*Lửa Điện* ở trung tâm, *Lửa Thái dương* bao bọc nó như ngọn lửa bao bọc hạt nhân trung tâm hay tinh chất trong ngọn lửa cây nến, và *Lửa ma sát*, loại lửa sau này giống như tim đèn đỏ rực nằm ở đáy của ngọn lửa cao hơn.

These three types of fire on the mental plane —meeting and unified in the egoic body— produce in time a radiation or warmth which streams out from all sides of the lotus, and forms that spheroidal shape noted by investigators. [Page 763] The more fully developed the Ego may be, and the more the petals are unfolded, the greater the beauty of the surrounding sphere, and the more refined its colouring.

Ba loại lửa này trên cõi trí—gặp nhau và hợp nhất trong thể chân ngã—sẽ theo thời gian tạo ra một sự bức xạ hay hơi ấm tuôn ra từ mọi phía của hoa sen, và hình thành nên hình cầu mà các nhà khảo cứu đã ghi nhận. [Page 763] Chân ngã càng phát triển đầy đủ, và các cánh hoa càng khai mở, thì khối cầu bao quanh càng đẹp, và màu sắc của nó càng tinh tế.

At the early stages after individualisation, the egoic body has the appearance of a bud. The electric fire at the centre is not apparent, and all the nine petals are closed down upon the inner three; the orange colour has a dead aspect and the three points of light at the base are just points and nothing more; the triangle which is later seen connecting the points is not demonstrated. The surrounding sphere is colourless and is only to be appreciated as undulatory vibrations

Ở các giai đoạn đầu sau biệt ngã hóa, thể chân ngã có dáng vẻ của một nụ hoa. Lửa Điện ở trung tâm không hiển lộ, và cả chín cánh hoa đều khép xuống trên ba cánh bên trong; màu cam có vẻ xỉn, và ba điểm sáng ở đáy chỉ là những điểm sáng mà thôi; tam giác về sau được thấy nối liền các điểm ấy chưa biểu lộ. Khối cầu bao quanh không màu và chỉ có thể được cảm nhận như những rung động gợn sóng (như sóng trong không

(like waves in the air or ether) reaching barely beyond the petal outline.

khí hay dĩ thái) chỉ vừa vượt ra ngoài đường viền cánh hoa.

By the time the third Initiation is reached, a wondrous transformation has transpired. The outer sphere is palpitating with every colour in the rainbow, and is of wide radius; the streams of electrical energy circulating in it are so powerful that they are escaping beyond the periphery of the circle, resembling the rays of the sun. The nine petals are fully unfolded, forming a gracious setting for the central jewel, and their orange hue is now of a gorgeous translucence, shot with many colours, that of the egoic ray predominating. The triangle at the base is now quickened and scintillating, and the three points are small blazing fires, showing to the eye of the clairvoyant as sevenfold whorls of light, circulating their light from point to point of a rapidly moving triangle.

Đến khi đạt lần điểm đạo thứ ba, một sự chuyển đổi kỳ diệu đã xảy ra. Khối cầu bên ngoài rung động với mọi màu sắc của cầu vồng, và có bán kính rộng; các dòng năng lượng điện lưu chuyển trong đó mạnh đến nỗi chúng thoát ra ngoài chu vi của vòng tròn, giống như các tia mặt trời. Chín cánh hoa đã hoàn toàn khai mở, tạo thành một khung cảnh duyên dáng cho viên ngọc trung tâm, và sắc cam của chúng giờ đây có một độ trong suốt huy hoàng, được điểm xuyết bằng nhiều màu, trong đó màu của cung chân ngã chiếm ưu thế. Tam giác ở đáy giờ đây đã được tiếp sinh lực và lấp lánh, và ba điểm là những ngọn lửa nhỏ rực cháy, hiện ra trước mắt nhà thông nhãn như những vòng xoáy ánh sáng thất phân, lưu chuyển ánh sáng của chúng từ điểm này sang điểm khác của một tam giác chuyển động nhanh chóng.

By the time the fourth Initiation is reached, the activity of this triangle is so great that it looks more like a wheel in rapid revolution. It has a fourth dimensional aspect. The three petals at the centre are opening up, revealing the "blazing jewel." At this initiation, through the action of the Hierophant wielding the electric Rod of Power, the three fires are suddenly stimulated by a downflow of electric, or positive force, from the [Page 764] Monad, and their blazing out in response produces that merging which destroys the entire sphere, dissipates all appearance of form, and produces a moment of equilibrium, or of suspension, in which the "elements are consumed with fervent heat." The moment of highest radiation is known. Then—through the pronouncement of a certain Word of Power—the great solar Angels gather back into themselves the solar fire, thus producing the final dissipation of

Đến khi đạt lần điểm đạo thứ tư, hoạt động của tam giác này lớn đến mức nó trông giống như một bánh xe quay rất nhanh. Nó có một phương diện bốn chiều. Ba cánh hoa ở trung tâm đang mở ra, để lộ "viên ngọc rực cháy." Ở lần điểm đạo này, qua tác động của Đấng Điểm đạo Tối Cao đang vận dụng Thần Trượng Điểm đạo bằng điện, ba loại lửa đột ngột được kích thích bởi một dòng mãnh lực điện, hay dương, tuôn xuống từ [Page 764] chân thần, và sự bùng cháy của chúng để đáp ứng tạo ra sự hòa nhập phá hủy toàn bộ khối cầu, làm tiêu tan mọi dáng vẻ của hình tướng, và tạo ra một khoảnh khắc quân bình, hay đình chỉ, trong đó "các nguyên tố bị thiêu hủy bởi sức nóng dữ dội." Khoảnh khắc bức xạ cao nhất được biết đến. Rồi—qua việc xướng một Quyền năng từ nhất định—các Thái dương Thiên Thần vĩ đại thu hồi Lửa Thái dương trở lại vào chính mình, nhờ đó tạo ra sự tiêu tan cuối cùng của hình

the form, and hence the separation of the life from the form; the fire of matter returns to the general reservoir, and the permanent atoms and the causal body are no more. The central electric fire becomes centralised in atma-buddhi. The Thinker or spiritual entity stands free of the three worlds, and functions consciously on the buddhic plane. Between these two stages of quiescent (though self-conscious) inertia and of that radiant activity which produces a balancing of forces, is a long series of lives.

tướng, và do đó sự tách rời sự sống khỏi hình tướng; lửa của vật chất trở về kho chứa chung, và các nguyên tử trường tồn cùng thể nguyên nhân không còn nữa. Lửa Điện trung tâm được tập trung vào atma-buddhi. Đấng Tư Tưởng hay thực thể tinh thần đứng tự do khỏi ba cõi thấp, và hoạt động một cách hữu thức trên cõi Bồ đề. Giữa hai giai đoạn này của quán tính tĩnh lặng (dù vẫn có ngã thức) và của hoạt động bức xạ tạo ra sự quân bình các mãnh lực, là một chuỗi dài các kiếp sống.

In our consideration of the subject of the reincarnating jivas, we have touched upon three subjects:

Trong việc xem xét đề tài các jiva tái sinh, chúng ta đã chạm đến ba chủ đề:

a. Avatars, with the intent of disposing of the confusion in the minds of students as to certain types of appearances. In our present study we shall deal only with the process followed by ordinary men.

a. Các Đấng Hoá Thân, với mục đích giải tỏa sự lẫn lộn trong tâm trí các đạo sinh về một số loại xuất hiện nhất định. Trong nghiên cứu hiện tại của chúng ta, chúng ta sẽ chỉ bàn đến tiến trình mà những người bình thường đi theo.

b. Pralayas, with the intent of arousing in the mind of the student the idea of interludes of quiescence dependent upon the intervening periods of activity.

b. Các giai kỳ qui nguyên, với mục đích khơi dậy trong tâm trí đạo sinh ý tưởng về những khoảng xen kẽ tĩnh lặng tùy thuộc vào các giai đoạn hoạt động ở giữa.

c. The appearance of the body egoic and its general conformation, with the intent of awakening the realisation of the student to the fact that evolution affects that body also, and not only man's forms in the three worlds. The effects of the process are interdependent, and as the lower self develops, or the personality becomes more active and intelligent, results are produced in the higher body. As these effects are cumulative, and not ephemeral [Page 765] as are the lower results, the egoic body becomes equally more active and its manifestation of energy is increased. Towards the close of the evolutionary period

c. Sự xuất hiện của thể chân ngã và cấu hình tổng quát của nó, với mục đích đánh thức sự nhận biết nơi đạo sinh về sự kiện rằng tiến hoá cũng tác động lên thể ấy, chứ không chỉ lên các hình tướng của con người trong ba cõi thấp. Các hiệu quả của tiến trình là tương thuộc lẫn nhau, và khi phàm ngã phát triển, hay phàm nhân trở nên hoạt động và thông tuệ hơn, thì các kết quả được tạo ra trong thể cao hơn. Vì các hiệu quả này có tính tích lũy, chứ không phù du [Page 765] như các kết quả thấp, nên thể chân ngã cũng trở nên hoạt động hơn và sự biểu lộ năng lượng của nó gia tăng. Về cuối thời kỳ tiến hoá trong ba cõi thấp, người ta thấy có một sự trao đổi

in the three worlds a constant interchange of energy is seen to be taking place; the lower forms become irradiated with light, and reflect the higher radiance; the egoic body is the Sun of the lower system, and its bodies reflect its rays, as the moon reflects the light of the solar sun. Similarly the egoic Sun,—through the interaction—shines with ever greater intensity and glory. On the higher levels a similar interaction takes place for a brief period between the Monad and its reflection the Ego, but only in the coming solar system will this interaction be carried to its logical conclusion.

năng lượng liên tục diễn ra; các hình tướng thấp được chiếu rạng bằng ánh sáng, và phản chiếu bức xạ cao hơn; thể chân ngã là Mặt Trời của hệ thống thấp, và các thể của nó phản chiếu các tia của nó, như mặt trăng phản chiếu ánh sáng của mặt trời thái dương. Tương tự như vậy, Mặt Trời chân ngã,—qua sự tương tác—chiếu sáng với cường độ và vinh quang ngày càng lớn hơn. Trên các cấp độ cao hơn, một sự tương tác tương tự diễn ra trong một thời gian ngắn giữa chân thần và phản ánh của nó là Chân ngã, nhưng chỉ trong hệ mặt trời sắp đến sự tương tác này mới được đưa đến kết luận hợp lý của nó.

Having, therefore, very briefly dealt with these three topics, we can now proceed to consider the process followed by the Ego when seeking manifestation in the three worlds. Let us endeavour in our thoughts to interpret all these processes in terms of energy and of force.

Vì vậy, sau khi đã rất ngắn gọn bàn đến ba chủ đề này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục xem xét tiến trình mà Chân ngã đi theo khi tìm cách biểu hiện trong ba cõi thấp. Chúng ta hãy cố gắng trong tư tưởng của mình diễn giải tất cả các tiến trình này theo các thuật ngữ năng lượng và mãnh lực.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói:

“When the Spark is touched to the four wicks, and when spiritual Fire in its threefold essence meets with that which is combustible, the Flame bursts forth. Faint the flicker at the first appearing, and near to death it seems, but the wicks smoulder and glow, and the heat is retained. This is cycle the first, and is called that of the *glowing* wheel.

“Khi Tia Lửa được chạm vào bốn tim đèn, và khi Lửa tinh thần trong tinh chất tam phân của nó gặp cái có thể cháy được, thì Ngọn Lửa bùng lên. Sự chập chờn lúc mới xuất hiện đầu tiên thật mờ nhạt, và dường như gần tắt, nhưng các tim đèn âm ỉ cháy và rực lên, và nhiệt được giữ lại. Đây là chu kỳ thứ nhất, và được gọi là chu kỳ của bánh xe *rực hồng*.

The flicker grows into a tiny flame and the four wicks burn, but are not consumed, for the heat does not suffice. The light of these three fires is yet so small that the cave is not illumined. Nevertheless, the flame and the essential heat can be felt by the One Who approaches and watches. This is the second

Sự chập chờn lớn dần thành một ngọn lửa nhỏ và bốn tim đèn cháy, nhưng không bị thiêu hết, vì nhiệt chưa đủ. Ánh sáng của ba loại lửa này vẫn còn quá nhỏ nên hang động chưa được soi sáng. Tuy nhiên, Đấng đang đến gần và quan sát có thể cảm nhận ngọn lửa và sức nóng cốt yếu. Đây là chu kỳ thứ

cycle, and is called that of the *warming* wheel.

hai, và được gọi là chu kỳ của bánh xe *làm ấm*.

The tiny flame becomes a lighted lamp. The fire flares up, but much smoke is there, for the wicks are burning fast, and the heat suffices for their quick destruction. The lamp, set in the midst of darkness, makes the thick blackness manifest itself; the light and warmth are felt. This, the third cycle, is called that of the *lighted* wheel.

Ngọn lửa nhỏ trở thành một ngọn đèn được thắp sáng. Lửa bùng lên, nhưng có nhiều khói, vì các tim đèn đang cháy nhanh, và nhiệt đủ để làm chúng mau chóng bị thiêu hủy. Ngọn đèn, đặt giữa bóng tối, làm cho sự đen đặc hiện rõ; ánh sáng và hơi ấm được cảm nhận. Đây, chu kỳ thứ ba, được gọi là chu kỳ của bánh xe *được thắp sáng*.

[Page 766] The four wicks and the flame appear as one, and nearly all the smoke is gone, for flame is mostly seen. The cave itself is lighted up, though the lamp is yet apparent. Cycle the fourth is called the hour of the *flaming* wheel.

[Page 766] Bốn tim đèn và ngọn lửa hiện ra như một, và gần như mọi khói đã tan, vì phần lớn chỉ còn thấy lửa. Chính hang động được soi sáng, dù ngọn đèn vẫn còn thấy rõ. Chu kỳ thứ tư được gọi là giờ của bánh xe *bốc lửa*.

The final cycle comes when even the lamp itself is burned, destroyed through the intensity of heat. The One Who watches, seeing the work accomplished, fans the central point of fire and produces a sudden flaming. The wicks are naught—the flame is all. This, so the Sacred Science says, is called the cycle of the wheel *consumed*."

Chu kỳ cuối cùng đến khi ngay cả chính ngọn đèn cũng bị thiêu cháy, bị cường độ của nhiệt hủy diệt. Đấng đang quan sát, thấy công việc đã hoàn tất, quạt điểm lửa trung tâm và tạo ra một sự bùng cháy đột ngột. Các tim đèn không còn gì—ngọn lửa là tất cả. Điều này, theo Khoa Học Thiêng Liêng nói, được gọi là chu kỳ của bánh xe *bị thiêu rụi*."

Here in the arcane symbology is hid (in terms of energy and of radiant activity) the whole secret of egoic energy, and of impulse making its presence felt in the substance of the lower planes; the student should interpret the above sentences both macrocosmically and microcosmically. In all manifestation, the originating impulse comes from the first aspect which is hidden at the heart of the egoic lotus, but this hidden Identity works under law, and in the earlier stages (the first three cycles) the process goes on under the Law of Economy, which is the law of substance itself; in the final two cycles this law becomes merged (though not superseded, being still potent)

Ở đây trong biểu tượng học huyền môn ẩn giấu (theo các thuật ngữ năng lượng và hoạt động bức xạ) toàn bộ bí mật của năng lượng chân ngã, và của xung lực làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong chất liệu của các cõi thấp; đạo sinh nên diễn giải các câu trên cả theo đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa. Trong mọi biểu hiện, xung lực khởi nguyên đến từ phương diện thứ nhất vốn ẩn kín tại trái tim của Hoa Sen Chân Ngã, nhưng Bản Sắc ẩn kín này hoạt động theo định luật, và trong các giai đoạn đầu (ba chu kỳ đầu) tiến trình diễn ra dưới Định luật Tiết Kiệm, là định luật của chính chất liệu; trong hai chu kỳ cuối, định luật này hòa nhập (dù không bị thay thế, vì vẫn còn hiệu lực) với

with the Law of Attraction, which is the fundamental law of the divine Self. It is the failure to realise this which has resulted in the confusion existing in the minds of many metaphysicians as to which demonstrated first, desire or will, and as to the distinction between them, between impulse and purpose, and between instinct and intention. In the earlier stages man reincarnates under the Law of Economy, and though the will aspect lies back of the process, yet for a long time it is the pull of sensation and its reflex in consciousness, desire, which produces rebirth. Sensation, being a quality in matter or substance, the Self in the beginning identifies Itself with sensation. Later, when the Self is beginning to identify Itself with Itself, and to recognise the nature of the Not-Self, the Law of Attraction and Repulsion becomes [Page 767] more active, and conscious will and purpose are displayed. Here it should be remembered that a profound difference in time and space exists between the Logos, or Macrocosm, and Man, the Microcosm. Average man comes into incarnation through egoic impulse, based on desire and on the relation of the second aspect to the third aspect or of the Self to the Not-Self. He will eventually bring about (through evolution) the revelation of the first aspect, and then egoic impulse (based on conscious mental apprehension of the purpose in view) will be the dominant factor, and will demonstrate through a definite will to act. In connection with the Logos, the first stage has been left far behind, and logoic manifestation is based on will and purpose and on conscious intelligent activity. The reason for this is that the Logos, and the planetary Logoi likewise, are on the path of cosmic initiation.

Định luật Hấp Dẫn, là định luật căn bản của Thiêng Ngã. Chính sự không nhận ra điều này đã dẫn đến sự lẫn lộn tồn tại trong tâm trí nhiều nhà siêu hình học về việc cái nào biểu lộ trước, dục vọng hay ý chí, và về sự phân biệt giữa chúng, giữa xung lực và mục đích, và giữa bản năng và chủ ý. Trong các giai đoạn đầu, con người tái sinh dưới Định luật Tiết Kiệm, và dù phương diện ý chí nằm phía sau tiến trình, nhưng trong một thời gian dài chính sức kéo của cảm giác và phản xạ của nó trong tâm thức, tức dục vọng, tạo ra tái sinh. Cảm giác, vì là một phẩm tính trong vật chất hay chất liệu, nên Thiêng Ngã lúc đầu đồng hoá chính Nó với cảm giác. Về sau, khi Thiêng Ngã bắt đầu đồng hoá chính Nó với chính Nó, và nhận ra bản chất của Phi-Ngã, thì Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi trở nên [Page 767] hoạt động hơn, và ý chí cùng mục đích hữu thức được biểu lộ. Ở đây cần nhớ rằng có một sự khác biệt sâu xa về thời gian và không gian giữa Thượng đế, hay Đại thiên địa, và Con người, Tiểu thiên địa. Con người trung bình đi vào lâm phàm qua xung lực chân ngã, dựa trên dục vọng và trên mối liên hệ của phương diện thứ hai với phương diện thứ ba hay của Thiêng Ngã với Phi-Ngã. Cuối cùng y sẽ mang lại (qua tiến hoá) sự mặc khải của phương diện thứ nhất, và khi đó xung lực chân ngã (dựa trên sự lĩnh hội trí tuệ hữu thức về mục đích được nhắm đến) sẽ là yếu tố chi phối, và sẽ biểu lộ qua một ý chí hành động rõ rệt. Liên hệ với Thượng đế, giai đoạn thứ nhất đã bị bỏ lại rất xa phía sau, và sự biểu hiện của Thượng đế dựa trên ý chí và mục đích cùng hoạt động hữu thức thông tuệ. Lý do của điều này là Thượng đế, và các Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy, đang ở trên con đường điểm đạo vũ trụ.

Therefore, though the originating impulse comes from the central point, it is not at first

Do đó, tuy xung lực khởi nguyên phát xuất từ điểm trung tâm, lúc đầu nó không biểu lộ

apparent. At the moment of individualisation, the dim outline of a form such as earlier described has made its appearance on mental levels, and (which is a point not as yet recognised by students) it becomes apparent that a period on mental levels has transpired given over to a preparation for the imminent event. Through the activity of the solar Angels the twelve petals have gradually taken form, as the point of electric fire at the heart has begun to make itself felt even though not as yet localised. Then the first three petals take shape, and close down upon the vibrant point, or "jewel" under the potency of the Law of Attraction. One by one the nine other petals take shape as the vibrations begin to affect solar substance, the three types of petals being each under the influence of one or other of the major Rays; these, in their turn, come under the influence of force from cosmic centres.

rõ rệt. Vào lúc biệt ngã hóa, đường nét mờ nhạt của một hình tướng như đã mô tả trước đây xuất hiện trên các cấp độ cõi trí, và (đây là một điểm mà các đạo sinh chưa nhận ra) hiển nhiên là đã có một thời kỳ trên các cấp độ cõi trí trôi qua để chuẩn bị cho biến cố sắp xảy đến. Nhờ hoạt động của các Thái dương Thiên Thần, mười hai cánh hoa dần dần thành hình, khi điểm lửa điện ở trung tâm bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận dù chưa định vị. Rồi ba cánh hoa đầu tiên thành hình, và khép lại quanh điểm rung động, hay "viên ngọc", dưới uy lực của Định luật Hấp Dẫn. Từng cánh một, chín cánh hoa còn lại thành hình khi các rung động bắt đầu tác động đến chất liệu thái dương, mỗi loại trong ba loại cánh hoa đều ở dưới ảnh hưởng của một trong các Cung chính; đến lượt chúng, lại chịu ảnh hưởng của mãnh lực từ các trung tâm vũ trụ.

[Page 768] As earlier said, these petals form a bud, each being closely folded. Only faint vibrations are to be seen pulsating in the bud, just enough to testify to its being a living organism. Shadowy and dim can the ring-pass-not be seen, the encircling limit of the activity of the coming Consciousness. It is an ovoid or sphere, and very small as yet. This process of forming the egoic lotus has gone on silently from the moment that the lower animal man, or the lower four principles, had reached a point where the energy (generated by him) could begin to make itself felt on mental levels. When the fire of the lower prepared sheaths (the threefold fire of substance itself) becomes radioactive, this nebulous appearance on the third subplane of the mental plane begins to be organised, as the result of the downward pull of the higher by the lower, and as the response of the Spirit aspect to the radiations, or attraction, of matter. But

[Page 768] Như đã nói trước đây, các cánh hoa này tạo thành một nụ, mỗi cánh đều khép chặt. Chỉ có thể thấy những rung động mờ nhạt đang đập nhịp trong nụ, vừa đủ để chứng tỏ đó là một cơ thể sống. Vòng-giới-hạn có thể được thấy một cách lờ mờ và mờ tối, là giới hạn bao quanh hoạt động của Tâm thức sắp đến. Nó là một hình trứng hay một khối cầu, và hiện còn rất nhỏ. Tiến trình hình thành Hoa Sen Chân Ngã này đã âm thầm diễn ra từ lúc người thú thấp hơn, hay bốn nguyên khí thấp hơn, đã đạt đến một điểm mà năng lượng (do y tạo ra) có thể bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trên các cấp độ cõi trí. Khi lửa của các thể thấp đã được chuẩn bị (tam phân lửa của chính chất liệu) trở nên phóng xạ, hình dạng mơ hồ này trên cõi phụ thứ ba của cõi trí bắt đầu được tổ chức, là kết quả của việc cái thấp hơn kéo cái cao hơn xuống, và là sự đáp ứng của phương diện tinh thần đối với các bức xạ, hay sức hút, của vật chất. Nhưng biệt ngã

individualisation as we understand it is not yet effected. This process of radioactivity on the part of the lower, and of a downflow of energy from the higher, covers a long period wherein the solar Angels are working on Their Own plane and the lower Pitris are also working on theirs; one group is producing the nucleus of the egoic body, and the other the receptacle for the life of God, or the Monad in the three worlds.

hóa như chúng ta hiểu thì vẫn chưa được thực hiện. Tiến trình phóng xạ này từ phía cái thấp hơn, và sự tuôn xuống của năng lượng từ cái cao hơn, bao trùm một thời kỳ dài trong đó các Thái dương Thiên Thần đang hoạt động trên cõi riêng của Các Ngài và các thái âm tổ phụ thấp hơn cũng đang hoạt động trên cõi của họ; một nhóm tạo ra hạt nhân của thể chân ngã, còn nhóm kia tạo ra vật chứa cho sự sống của Thượng đế, hay chân thần trong ba cõi thấp.

Then comes a set time in the life of the planetary Logos wherein His centres become active in a particular manner; this is coincident with the incarnation of the Monads, and their descent into the three worlds. A systemic triangle is formed (for ever the three produce the seven), and through this setting loose of threefold energy, the work of the solar and lunar Pitris is co-ordinated, and the three permanent atoms are appropriated by the jiva concerned, and appear at the base of the egoic lotus. Individualisation has taken place and the work of at-one-ment is completed; the fourth kingdom [Page 769] in nature is a "fait accompli;" the Monad has clothed itself in material sheaths, and the self conscious unit appears on the physical plane. If all that H. P. B. has to say anent the first three rounds of our Earth scheme is read as dealing with the period of condensation of the causal body upon the mental level, and as covering the time leading up to the appearance in the fourth round of man as we now have him, some light may be thrown upon this difficult matter.

Rồi đến một thời điểm định sẵn trong sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế khi các trung tâm của Ngài trở nên hoạt động theo một cách đặc biệt; điều này trùng hợp với sự lâm phàm của các chân thần, và sự giáng xuống của chúng vào ba cõi thấp. Một tam giác hệ thống được hình thành (vì ba luôn tạo ra bảy), và nhờ sự giải phóng năng lượng tam phân này, công việc của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ được phối hợp, và ba Nguyên tử trường tồn được jiva liên hệ tiếp nhận, rồi xuất hiện ở đáy của Hoa Sen Chân Ngã. Biệt ngã hóa đã diễn ra và công việc hợp nhất đã hoàn tất; giới thứ tư [Page 769] trong thiên nhiên là một "sự đã rồi"; chân thần đã khoác lên mình các thể vật chất, và đơn vị ngã thức xuất hiện trên cõi hồng trần. Nếu tất cả những gì H. P. B. nói về ba cuộc tuần hoàn đầu tiên của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta được đọc như nói về thời kỳ ngưng tụ của thể nguyên nhân trên cấp độ cõi trí, và như bao trùm thời gian dẫn đến sự xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ tư của con người như hiện nay, thì có thể soi sáng phần nào vấn đề khó khăn này.

The egoic lotuses can be seen grouped together, and each of them forms part of a group. These groups in their turn form part of a vaster lotus which embodies the

Có thể thấy các Hoa Sen Chân Ngã được nhóm lại với nhau, và mỗi hoa tạo thành một phần của một nhóm. Đến lượt mình, các nhóm này lại tạo thành một phần của một

consciousness of a still greater Entity whose "jewel" may be found on the second subplane. All these in their turn may be divided into seven fundamental groups. These seven groups or aggregates of egoic lotuses form the seven types of consciousness of those Entities Who are the seven centres of force for our own planetary Logos. These seven in their turn will be synthesised on higher levels into the three higher centres, till the entire energy and force which they represent is gathered up, and absorbed by the centre corresponding to the highest head centre of the planetary Logos. Each Logos embodies one type of cosmic energy. Each of His centres embodies this type of energy in one of its seven differentiations. Each of these seven in turn manifests through egoic groups, and these again are composed of those points of energy we call Egos.

Hoa sen rộng lớn hơn, hiện thân cho tâm thức của một Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa mà "viên ngọc" của Ngài có thể được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai. Tất cả những cái này, đến lượt chúng, có thể được chia thành bảy nhóm căn bản. Bảy nhóm hay tập hợp Hoa Sen Chân Ngã này tạo thành bảy loại tâm thức của những Thực Thể là bảy trung tâm mãnh lực của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Đến lượt bảy trung tâm này sẽ được tổng hợp trên các cấp độ cao hơn vào ba trung tâm cao hơn, cho đến khi toàn bộ năng lượng và mãnh lực mà chúng biểu hiện được thu gom lại và do trung tâm tương ứng hấp thụ với trung tâm đầu cao nhất của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Mỗi Thượng đế hiện thân cho một loại năng lượng vũ trụ. Mỗi trung tâm của Ngài hiện thân cho loại năng lượng này trong một trong bảy biến phân của nó. Đến lượt mỗi một trong bảy cái này biểu lộ qua các nhóm chân ngã, và các nhóm này lại được cấu thành bởi những điểm năng lượng mà chúng ta gọi là các chân ngã.

These multitudes of egoic groups form a radiant interlocking whole, though all are diverse and differing, both as to their point of development, and their secondary colouring. Just as the petals in the egoic lotus of the incarnating jivas unfold in differing order and at different periods, so the egoic groups also unfold diversely as to time and sequence. This produces a wonderful appearance. Again just as the Master can (by [Page 770] studying the group or larger lotus of which He is a part), ascertain the condition of the human units who go to its constitution, so the planetary Logos can ascertain through *conscious identification* (note the term) the condition of the various groups through whom His work must be accomplished.

Vô số các nhóm chân ngã này tạo thành một toàn thể rực sáng, đan xen vào nhau, dù tất cả đều đa dạng và khác biệt, cả về điểm phát triển lẫn sắc thái thứ yếu của chúng. Cũng như các cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã của các jiva đang lâm phàm khai mở theo thứ tự khác nhau và vào những thời kỳ khác nhau, thì các nhóm chân ngã cũng khai mở khác nhau về thời gian và trình tự. Điều này tạo nên một cảnh tượng kỳ diệu. Lại nữa, cũng như Chân sư có thể (bằng cách [Page 770] nghiên cứu nhóm hay Hoa sen lớn hơn mà Ngài là một phần của nó) xác định tình trạng của các đơn vị nhân loại cấu thành nó, thì Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể xác định qua *sự đồng hoá hữu thức* (hãy lưu ý thuật ngữ này) tình trạng của các nhóm khác nhau mà qua đó công việc của Ngài phải được hoàn thành.

It will now be apparent to the student that the appearance of the incarnating jivas on the physical plane will be governed by three things:

Giờ đây, đạo sinh sẽ thấy rõ rằng sự xuất hiện của các jiva đang lâm phàm trên cõi hồng trần sẽ được chi phối bởi ba điều:

First of all, on impulse based on the will-purpose of the Life animating the aggregate of groups on any subray, or one of the seven larger groups.

Trước hết, bởi một xung lực dựa trên ý chí-mục đích của Sự sống đang linh hoạt tập hợp các nhóm trên bất kỳ cung phụ nào, hay một trong bảy nhóm lớn hơn.

Second, on impulse based on the will, tinged by desire, of the Life animating a man's egoic group.

Thứ hai, bởi một xung lực dựa trên ý chí, nhuốm màu dục vọng, của Sự sống đang linh hoạt nhóm chân ngã của một người.

Third, on impulse, based on the desire of the Ego for physical plane manifestation.

Thứ ba, bởi một xung lực dựa trên dục vọng của chân ngã muốn biểu lộ trên cõi hồng trần.

As identification of a man with his group becomes matured the desire impulse becomes modified until it is eventually superseded by group will. If these facts are pondered upon it will be apparent that Egos come into incarnation therefore not singly but according to group urge, and thus collectively. This is the basis of collective karma, and of family karma. The individual urge, which is, of course, a reaction to group urge, is the result of personal karma. Hence, though we may by these reflections, have thrown some light upon this question of reincarnation, we have nevertheless said much to increase the magnitude of the question, and its complexity. Average man is confined to the use of the physical brain, and is, therefore, unable to think in group terms.

Khi sự đồng hoá của một người với nhóm của y trở nên chín muồi, xung lực dục vọng sẽ được biến đổi cho đến khi cuối cùng bị thay thế bởi ý chí nhóm. Nếu suy ngẫm về các sự kiện này, sẽ thấy rõ rằng các chân ngã đi vào lâm phàm không phải riêng lẻ mà theo thúc đẩy của nhóm, và do đó một cách tập thể. Đây là nền tảng của nghiệp quả tập thể và nghiệp quả gia đình. Thúc đẩy cá nhân, vốn dĩ là phản ứng đối với thúc đẩy của nhóm, là kết quả của nghiệp quả cá nhân. Vì vậy, tuy qua những suy tư này chúng ta có thể đã soi sáng phần nào vấn đề luân hồi, nhưng đồng thời chúng ta cũng đã nói nhiều điều làm tăng thêm tầm vóc của vấn đề và tính phức tạp của nó. Con người trung bình bị giới hạn trong việc sử dụng bộ não hồng trần, và do đó không thể suy nghĩ theo thuật ngữ nhóm.

This egoic impulse in any group or any group unit makes itself felt as a pulsation, or access of energy, emanating from the central point. This central activity is produced by the action of the planetary Logos working

Xung lực chân ngã này trong bất kỳ nhóm nào hay đơn vị nhóm nào tự biểu lộ như một nhịp đập, hay một đợt tăng năng lượng, phát ra từ điểm trung tâm. Hoạt động trung tâm này do tác động của Đức Hành Tinh Thượng

through the groups in His centres, and according to the [Page 771] centre under stimulation so will the groups concerned be affected. Beyond mentioning this fact, we cannot enlarge, for the subject is stupendous, and beyond a man's comprehension; it is only necessary for him to appreciate his dependence in this matter upon the planetary Logos.

Để tạo ra đang hoạt động qua các nhóm trong các trung tâm của Ngài, và tùy theo [Page 771] trung tâm nào được kích thích mà các nhóm liên hệ sẽ bị ảnh hưởng tương ứng. Ngoài việc nêu ra sự kiện này, chúng ta không thể nói rộng hơn, vì đề tài này quá bao la và vượt ngoài sự thấu hiểu của con người; điều cần thiết duy nhất là y phải nhận thức được sự lệ thuộc của mình trong vấn đề này vào Đức Hành Tinh Thượng Đế.

From the group centre, therefore, emanates an urge to renewed activity, and this spreads throughout the *group lotus* until the units who respond to that particular ray vibration occultly "awaken." All this time (as far as the jivas are concerned) this aspect of force has been that of the first aspect, and has passed from the central points to other central points. The positive nuclei in each case are affected by this flashing forth of electric fire, or energy. Each point concerned responds by a primary contraction followed by an outgoing or expansive display of energy. Each Identity concerned proceeds to sound a WORD. This sound expands into a mantram and the solar angels vibrate in response. There is a point of interest to be noted here.

Do đó, từ trung tâm nhóm phát ra một thúc đẩy hướng đến hoạt động được đổi mới, và điều này lan khắp *Hoa sen nhóm* cho đến khi các đơn vị đáp ứng với rung động cung đặc thù ấy một cách huyền bí "thức tỉnh". Trong suốt thời gian này (xét theo các jiva), phương diện mãnh lực này thuộc về phương diện thứ nhất, và đã truyền từ các điểm trung tâm đến các điểm trung tâm khác. Các hạt nhân dương trong mỗi trường hợp đều bị tác động bởi sự lóe ra này của Lửa Điện, hay năng lượng. Mỗi điểm liên hệ đáp ứng bằng một sự co rút sơ khởi, tiếp theo là một sự phô bày năng lượng hướng ngoại hay mở rộng. Mỗi Bản Sắc liên hệ tiến hành xướng một LINH TỪ. Âm thanh này mở rộng thành một mantram và các Thái dương Thiên Thần rung động để đáp ứng. Có một điểm đáng lưu ý ở đây.

a. The first aspect works through a Word of Power.

a. Phương diện thứ nhất hoạt động qua một Quyền năng từ.

b. The second aspect works through mantric combinations.

b. Phương diện thứ hai hoạt động qua các tổ hợp mantram.

c. The third aspect works through mathematical formulas.

c. Phương diện thứ ba hoạt động qua các công thức toán học.

Having sounded the Word the first aspect, represented by the electric fire at the centre of the lotus, sinks back into quiescence, and becomes an abstraction as far as the self-

Sau khi xướng Linh từ, phương diện thứ nhất, được biểu trưng bởi Lửa Điện ở trung tâm Hoa sen, lùi trở lại trạng thái tĩnh lặng, và trở thành một sự trừu xuất đối với đơn vị

conscious unit is concerned. The work has been begun, the necessary vibration has been set up, and the whole process then proceeds under law. The solar angels have begun their activity, and until their work has reached a very high stage, the Spirit aspect must become, in the causal body, an analogy to the Silent Watcher. As the solar Angels continue sounding out the mantram which is the basis of their work, the lunar Pitris respond [Page 772] to certain sounds in that mantram (not to all by any means at first) and gather out of those sounds the formula under which their work must proceed. So the Word is the basis of the mantram, and the mantram is the basis of the formula.

ngã thức. Công việc đã được khởi sự, rung động cần thiết đã được thiết lập, và toàn bộ tiến trình sau đó diễn ra theo quy luật. Các Thái dương Thiên Thần đã bắt đầu hoạt động của Các Ngài, và cho đến khi công việc của Các Ngài đạt đến một giai đoạn rất cao, phương diện tinh thần phải trở thành, trong thể nguyên nhân, một sự tương đồng với Đấng Quan Sát Thầm Lặng. Khi các Thái dương Thiên Thần tiếp tục xướng lên mantram là nền tảng công việc của Các Ngài, các thái âm tổ phụ đáp ứng [Page 772] với một số âm thanh nhất định trong mantram ấy (thoạt đầu tuyệt nhiên không phải với tất cả) và rút ra từ những âm thanh đó công thức mà theo đó công việc của họ phải tiến hành. Như vậy Linh từ là nền tảng của mantram, và mantram là nền tảng của công thức.

At each incarnation, finer forms are required, and the formulas therefore grow more complicated, and the sounds on which they are based become more numerous. In time, the formulas are completed, and the lunar Pitris respond no more to the sounds or mantrams chanted on the mental plane. This is indicative of the stage of perfection, and shows that the three worlds have no more a downward pull for the jiva concerned. Desire for lower manifestation and experience has no more sway, and only conscious purpose is left. Then, and only then, can the true Mayavirupa be constructed; the Master then sounds the mantram for Himself, and builds *without formulas* in the three worlds. At the time too that man begins to tread the Probationary Path, the mantrams of the solar Angels begin to die down, and slowly (as the petals of the inner circle open up) the true Word emerges until the three enshrining petals burst open, and the central spark is revealed. Then the Word is fully known, and mantrams and formulas have no further

Trong mỗi lần lâm phàm, các hình tướng tinh tế hơn đều được đòi hỏi, và vì thế các công thức ngày càng phức tạp hơn, còn các âm thanh làm nền tảng cho chúng cũng trở nên nhiều hơn. Theo thời gian, các công thức được hoàn tất, và các thái âm tổ phụ không còn đáp ứng với các âm thanh hay mantram được xướng trên cõi trí nữa. Điều này biểu thị giai đoạn hoàn hảo, và cho thấy ba cõi thấp không còn sức kéo đi xuống đối với jiva liên hệ. Dục vọng đối với biểu lộ và kinh nghiệm thấp hơn không còn chi phối nữa, và chỉ còn lại mục đích hữu thức. Khi ấy, và chỉ khi ấy, Mayavirupa chân thực mới có thể được kiến tạo; lúc đó Chân sư tự mình xướng mantram, và kiến tạo *không cần công thức* trong ba cõi thấp. Đồng thời, vào lúc con người bắt đầu bước lên Con Đường Dự Bị, các mantram của các Thái dương Thiên Thần bắt đầu lắng xuống, và chậm rãi (khi các cánh hoa của vòng trong khai mở) Linh từ chân thực xuất hiện cho đến khi ba cánh hoa bao bọc bung mở, và tia lửa trung tâm được hiển lộ. Khi đó Linh từ được biết trọn vẹn, và mantram cùng các công thức không còn

use. Thus is the beauty of the scheme revealed. When the planetary Logos is concerned, the Word sounded on cosmic levels is being resolved into mantrams on the cosmic etheric planes, for He is in a position to create consciously on those levels; He works nevertheless through formulas on the dense physical planes of His scheme, our three worlds of endeavour.

công dụng nữa. Như thế vẻ đẹp của hệ thống được mặc khải. Khi liên quan đến Đức Hành Tinh Thượng Đế, Linh từ được xướng trên các cấp độ vũ trụ đang được phân giải thành các mantram trên các cõi dĩ thái vũ trụ, vì Ngài ở trong vị thế có thể sáng tạo một cách hữu thức trên các cấp độ ấy; tuy nhiên Ngài vẫn hoạt động qua các công thức trên các cõi hồng trần đậm đặc của hệ hành tinh của Ngài, tức ba cõi nỗ lực của chúng ta.

To return to the reincarnating jivas: When the initiatory impulse has been given, the vibration thrills through the petals, and activity starts in those of them which respond to the note of that Word. The solar Angels direct the vibration, and the mantram for that particular [Page 773] type of Ego is begun. Finally the vibration reaches the mental unit at the base of the lotus bud, and the lunar Pitris are called into activity. They begin to work out their formulas for the particular type of vehicle which is required.

Trở lại với các jiva tái sinh: Khi xung lực khởi đầu đã được ban ra, rung động run lên xuyên qua các cánh hoa, và hoạt động bắt đầu trong những cánh đáp ứng với âm điệu của Linh từ ấy. Các Thái dương Thiên Thần điều hướng rung động, và mantram dành cho loại [Page 773] chân ngã đặc thù ấy được khởi xướng. Cuối cùng rung động chạm đến đơn vị hạ trí ở đáy nụ Hoa sen, và các thái âm tổ phụ được gọi vào hoạt động. Họ bắt đầu triển khai các công thức của mình cho loại vận cụ đặc thù được cần đến.

(f.) Activity of the Pitris. The joint activity of the solar and the lunar Pitris (253) in the process pursued by the reincarnating Ego is our next subject of consideration. The Ego, driven by desire for physical experience, has made the initial move and a vibration, emanating from the centre of the lotus bud, has reached the lotus petals, and has consequently vibrated in deva substance, or in [Page 774] matter vitalised by the Agnishvattas. As they are galvanised into activity (according to the group affected) the vibration is increased, and a dual sound is emitted. This dual sound is the basis of the mantram upon which the Ego's cycle of incarnation is founded. The vibration, pulsating through the outer circle of petals (for the two inner circles and the three central petals are not as yet responsive)

(f.) Hoạt động của các Pitri. Hoạt động phối hợp của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ (253) trong tiến trình được chân ngã tái sinh theo đuổi là chủ đề kế tiếp để chúng ta xem xét. Chân ngã, bị thúc đẩy bởi dục vọng muốn có kinh nghiệm hồng trần, đã thực hiện chuyển động khởi đầu và một rung động, phát ra từ trung tâm của nụ Hoa sen, đã chạm đến các cánh hoa sen, và do đó đã làm rung động chất liệu thiên thần, hay [Page 774] vật chất được các Agnishvatta tiếp sinh lực. Khi họ được kích hoạt vào hoạt động (tùy theo nhóm bị ảnh hưởng), rung động được gia tăng, và một âm thanh nhị phân được phát ra. Âm thanh nhị phân này là nền tảng của mantram mà trên đó chu kỳ lâm phàm của chân ngã được xây dựng. Rung động, đập nhịp xuyên qua vòng ngoài của các cánh hoa (vì hai vòng trong và ba

arrives at the triangle formed by the three permanent atoms, and vivifies the three lower spirillae, causing a slight response in the fourth, and leaving the higher three yet dormant. In each round one of the spirillae has been 'created,' and in this fourth round (through the creation of the fourth spirilla) the fourth or human kingdom can come into being. The word 'creation' must be occultly understood, and means the appearance in active manifestation of some form of energy. Only in the next round will the fifth spirilla be an active functioning unit in a sense incomprehensible now.

cánh hoa trung tâm chưa đáp ứng), đi đến tam giác được tạo bởi ba Nguyên tử trường tồn, và làm sinh động ba loa tuyến thấp hơn, gây nên một đáp ứng nhẹ trong loa tuyến thứ tư, đồng thời để ba loa tuyến cao hơn vẫn còn ngủ yên. Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một loa tuyến đã được 'tạo ra', và trong cuộc tuần hoàn thứ tư này (qua việc tạo ra loa tuyến thứ tư), giới thứ tư hay giới nhân loại có thể xuất hiện. Từ 'sáng tạo' phải được hiểu theo nghĩa huyền bí, và có nghĩa là sự xuất hiện trong biểu lộ hoạt động của một hình thức năng lượng nào đó. Chỉ trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, loa tuyến thứ năm mới là một đơn vị hoạt động tích cực theo một nghĩa hiện nay không thể hiểu được.

(253) The joint activity of solar and lunar Pitris.—S. D., II, 258.

(253) Hoạt động phối hợp của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ.—S. D., II, 258.

1. "The spark hangs from the flame by the finest thread of Fohat.

1. "Tia lửa treo từ ngọn lửa bằng sợi chỉ Fohat mảnh nhất.

a. The three-tongued flame that never dies.... Triad.

a. Ngọn lửa ba lưỡi không bao giờ tắt.... Tam nguyên tinh thần.

b. The four wicks..... Quaternary.

b. Bốn tim đèn..... Bộ bốn.

c. The thread of Fohat..... Thread of Life.

c. Sợi chỉ Fohat..... Sinh Mệnh Tuyến.

2. It journeys through the seven worlds of maya.

2. Nó du hành qua bảy thế giới của ảo lực.

Macrocosmically..... the seven planetary schemes.

Về mặt đại thiên địa..... bảy hệ hành tinh.

Planetary..... the seven chains of a scheme.

Về mặt hành tinh..... bảy Dãy của một hệ hành tinh.

Microcosmically..... the seven globes of a chain.

Về mặt tiểu thiên địa..... bảy bầu hành tinh của một Dãy.

Note and meditate upon:—

Hãy lưu ý và tham thiền về:—

"...the divine Septenary hanging from the triad, thus forming the Decad and its permutations. Seven, five and three."

"...thất phân thiêng liêng treo từ tam nguyên tinh thần, do đó tạo thành Thập phân và các hoán vị của nó. Bảy, năm và ba."

3. It stops in the first, and is a metal and a stone; it passes into the second and behold—a plant; the plant whirls through seven forms and becomes a sacred animal."

3. Nó dừng lại ở giới thứ nhất, và là một kim loại và một hòn đá; nó đi vào giới thứ hai và kìa—một cây cỏ; cây cỏ quay cuồng qua bảy hình tướng và trở thành một con vật thiêng liêng."

Compare S. D., I, 266.

So sánh S. D., I, 266.

Note the kabalistic aphorism:—"A stone becomes a plant; a plant, a beast; a beast, a man; a man, a spirit; and the spirit, God.—S. D., I, 267.

Hãy lưu ý châm ngôn Kabbalah:—"Một hòn đá trở thành cây cỏ; cây cỏ thành thú vật; thú vật thành người; người thành tinh thần; và tinh thần thành Thượng đế.—S. D., I, 267.

4. From the combined attributes of these, Manu, the Thinker, is formed.—See S. D., II, 179, 187.

4. Từ các thuộc tính kết hợp của những cái này, Đức Manu, Đấng Tư Tưởng, được hình thành.—Xem S. D., II, 179, 187.

5. Who forms him? The seven lives and the One Life.—See S. D., II. 268.

5. Ai tạo thành y? Bảy sự sống và Một Sự sống.—Xem S. D., II. 268.

The seven groups of lives who form the three lower bodies. The lunar Pitris or fathers of the material forms.

Bảy nhóm sự sống tạo thành ba thể thấp. Các thái âm tổ phụ hay các cha của các hình tướng vật chất.

6. Who completes him? The fivefold Lha.

6. Ai hoàn thiện y? Lha ngũ phân.

Who unites the higher Spiritual Triad and the lower self?

Ai hợp nhất Tam Nguyên Tinh Thần cao hơn và phàm ngã?

a. The fivefold Gods of the intelligence.

a. Các Thượng đế ngũ phân của trí tuệ.

b. The fifth principle of mind.

b. Nguyên khí thứ năm của trí tuệ.

7. Who perfects the last body? Fish, sin, and soma.

7. Ai hoàn thiện thể cuối cùng? Cá, tội lỗi, và soma.

a. Fish, sin and soma collectively compose the three symbols of the immortal being.

a. Cá, tội lỗi và soma cùng nhau cấu thành ba biểu tượng của hữu thể bất tử.

b. Fish—symbol of the buddhic principle, the manifested life on earth. Note the avatara of Vishnu. The sign of Pisces, the fish. Jesus the fisher of men.

b. Cá—biểu tượng của nguyên khí Bồ đề, sự sống biểu lộ trên trần gian. Hãy lưu ý Đấng Hoá Thân của Vishnu. Dấu hiệu hoàng đạo Song Ngư, con cá. Đức Jesus, Đấng đánh lưới người.

c. Sin—The fall of man, involution of Spirit.

c. Tội lỗi—Sự sa ngã của con người, sự giáng hạ tiến hoá của tinh thần.

d. Soma—Moon. The work of lunar Pitris, providing bodies. Read stanza VII, 6, S. D., I, 285. (back)

d. Soma—Mặt Trăng. Công việc của các thái âm tổ phụ, cung cấp các thân thể. Đọc bài kệ VII, 6, S. D., I, 285. (back)

Students should bear in mind that this applies primarily to the humanity individualised on this globe, and was also equally true in the earlier chain; units, however, which come into this fourth or Earth Chain from the earlier ones are much ahead of earth's humanity, and their fifth spirilla is awakening into organised activity in this round. All in Nature overlaps.

Các đạo sinh nên ghi nhớ rằng điều này chủ yếu áp dụng cho nhân loại đã được biệt ngã hóa trên bầu hành tinh này, và cũng đúng như vậy trong Dãy trước đó; tuy nhiên, các đơn vị đi vào Dãy thứ tư này hay Dãy Địa Cầu từ các Dãy trước thì vượt xa nhân loại Địa Cầu, và loa tuyến thứ năm của họ đang thức dậy vào hoạt động có tổ chức trong cuộc tuần hoàn này. Mọi sự trong Thiên nhiên đều chồng lấn lên nhau.

When therefore this vibration from the central Will has arrived at the atomic triangle it is an indication that the entire lotus is turning its force *downwards,* and for the period of manifestation the flow of egoic energy is towards the lower, and consequently away from the higher. There is at this stage very little turning of egoic energy in the direction of the Monad, for it has not yet generated enough force, and is

Do đó, khi rung động này từ Ý Chí trung tâm đã đến tam giác nguyên tử, đó là dấu hiệu cho thấy toàn bộ Hoa sen đang hướng mãnh lực của nó *xuống dưới,* và trong thời kỳ biểu lộ, dòng năng lượng chân ngã hướng về cái thấp hơn, và vì thế rời xa cái cao hơn. Ở giai đoạn này có rất ít sự chuyển hướng của năng lượng chân ngã về phía chân thần, vì nó chưa tạo ra đủ mãnh lực, và chưa phóng xạ về phía phương diện tinh thần. Các hoạt

not as yet radioactive towards the Spirit aspect. Its activities are primarily internal and self-centred for the greater part of the time, or are directed towards arousing the permanent atoms, [Page 775] and not towards the unfolding of the petals. This should be carefully borne in mind.

động của nó chủ yếu là nội tại và tập trung vào bản thân trong phần lớn thời gian, hoặc hướng đến việc đánh thức các Nguyên tử trường tồn, [Page 775] chứ không hướng đến sự khai mở của các cánh hoa. Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận.

The work of the solar Angels is of a triple nature:

Công việc của các Thái dương Thiên Thần có tính tam phân:

(1.) *Directing the vibration towards the atomic triangle.* Here a very interesting fact must be borne in mind. The three permanent atoms, or the three points of the triangle, do not always hold the same relative position as regards the centre of the lotus, but according to the stage of development so will be the position of the atoms, and so will be the apprehension of the inflowing force. In the earlier stages, the physical permanent atom is the first to receive the inflow, passing it through its system to the astral permanent atom and the mental unit. This force is circulated four times around the triangle (this being the fourth round) until the mental unit is again contacted and the energy becomes centralised in the fourth spirilla of the mental unit. Then and only then do the lunar Pitris begin their work, and commence the co-ordination of the substance which will form the mental sheath, next working with the astral body and finally with the etheric body.

(1.) *Điều hướng rung động về phía tam giác nguyên tử.* Ở đây cần ghi nhớ một sự kiện rất thú vị. Ba Nguyên tử trường tồn, hay ba điểm của tam giác, không phải lúc nào cũng giữ cùng một vị trí tương đối đối với trung tâm Hoa sen, mà tùy theo giai đoạn phát triển thì vị trí của các nguyên tử sẽ như thế, và sự lĩnh hội mãnh lực tuôn vào cũng sẽ như thế. Trong các giai đoạn đầu, nguyên tử trường tồn hồng trần là cái đầu tiên tiếp nhận dòng tuôn vào, truyền nó qua hệ thống của nó đến nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí. Mãnh lực này được lưu chuyển bốn lần quanh tam giác (vì đây là cuộc tuần hoàn thứ tư) cho đến khi đơn vị hạ trí lại được chạm đến và năng lượng được tập trung trong loa tuyến thứ tư của đơn vị hạ trí. Khi ấy và chỉ khi ấy các thái âm tổ phụ mới bắt đầu công việc của họ, và khởi sự phối hợp chất liệu sẽ tạo thành thể trí, rồi kế đó làm việc với thể cảm dục và cuối cùng với thể dĩ thái.

At a later stage in the evolution of man (the stage wherein the average man is now) the astral permanent atom is the first contacted, and the energy circulates through it to the other two. At the stage of advanced intellectual man, the mental unit takes the primary place. In this case there is now the possibility of the alignment of the three bodies which will later be an accomplished

Ở một giai đoạn muộn hơn trong tiến hoá của con người (giai đoạn mà con người trung bình hiện nay đang ở), nguyên tử trường tồn cảm dục là cái được chạm đến đầu tiên, và năng lượng lưu chuyển qua nó đến hai cái kia. Ở giai đoạn của con người trí thức tiến bộ, đơn vị hạ trí giữ vị trí chủ yếu. Trong trường hợp này hiện có khả năng chỉnh hợp của ba thể, điều mà về sau sẽ là một sự kiện

fact. The fifth spirilla in the lower two atoms increases its vibration. As we know, there are only four spirillae in the mental unit and the moment that that is in full activity, the co-ordination of the antaskarana becomes a possibility. Changes are now taking place in the egoic lotus, and the petals are unfolding, that unfoldment being partially dependent upon the vibration in the spirillae and their awakening.

hoàn tất. Loa tuyến thứ năm trong hai nguyên tử thấp hơn gia tăng rung động của nó. Như chúng ta biết, chỉ có bốn loa tuyến trong đơn vị hạ trí và ngay khi nó hoạt động trọn vẹn, sự phối hợp của antahkarana trở thành một khả năng. Những thay đổi hiện đang diễn ra trong Hoa Sen Chân Ngã, và các cánh hoa đang khai mở, sự khai mở ấy phần nào tùy thuộc vào rung động trong các loa tuyến và sự thức tỉnh của chúng.

[Page 776] The student should bear in mind the fact that as soon as the mental unit has become the apex of the atomic triangle a condition is brought about wherein force in the future will enter the three atoms simultaneously through the three unfolded petals of the outer circle, and the man has therefore reached a very definite stage in evolution. The direction of force, and its application to the atoms is the work of the solar Pitris. As evolution proceeds, their work in this connection becomes more complex, for the petals are unfolding, and the triangle is revolving more rapidly.

[Page 776] Đạo sinh nên ghi nhớ sự kiện rằng ngay khi đơn vị hạ trí đã trở thành đỉnh của tam giác nguyên tử, một điều kiện được tạo ra trong đó về sau mãnh lực sẽ đi vào ba nguyên tử đồng thời qua ba cánh hoa đã khai mở của vòng ngoài, và do đó con người đã đạt đến một giai đoạn rất xác định trong tiến hoá. Sự định hướng của mãnh lực, và việc áp dụng nó vào các nguyên tử là công việc của các thái dương tổ phụ. Khi tiến hoá tiếp diễn, công việc của họ trong mối liên hệ này trở nên phức tạp hơn, vì các cánh hoa đang khai mở, và tam giác đang quay nhanh hơn.

(2.) *Pronouncing the mantram which will make possible the 777 incarnations.*

(2.) *Xướng mantram sẽ làm cho 777 lần lâm phàm trở nên khả hữu.*

Each of the figures in this triplicity stands for:

Mỗi con số trong bộ ba này tượng trưng cho:

a. A cycle of egoic manifestation.

a. Một chu kỳ biểu lộ chân ngã.

b. A particular sound which will enable the Ego to express some subray of this egoic ray.

b. Một âm thanh đặc thù sẽ giúp chân ngã biểu lộ một cung phụ nào đó của cung chân ngã này.

c. The three circles of petals which will unfold as the result of incarnation.

c. Ba vòng cánh hoa sẽ khai mở như là kết quả của lâm phàm.

d. The particular group of manasadevas who form the causal body of the Ego concerned.

d. Nhóm manasadeva đặc thù tạo thành thể nguyên nhân của chân ngã liên hệ.

The mantric sounds are therefore based on these figures, and through the mantram (which grows in volume, depth and number of sounds involved as time elapses) the force is directed, the petals concerned are stimulated into activity, and the lunar Pitris become aware of the work to be done in preparation for any incarnation.

Do đó, các âm thanh mantram được đặt nền trên các con số này, và qua mantram (vốn tăng trưởng về âm lượng, chiều sâu và số lượng âm thanh liên hệ khi thời gian trôi qua), mãnh lực được điều hướng, các cánh hoa liên hệ được kích thích vào hoạt động, và các thái âm tổ phụ nhận biết công việc phải làm để chuẩn bị cho bất kỳ lần lâm phàm nào.

(3.) *Building into the causal body that which is required for its completion.*

(3.) *Đưa vào thể nguyên nhân những gì cần thiết để hoàn thiện nó.*

In the early stages this work is comparatively small but as the third stage of development is reached, and the man is demonstrating character and ability, their work is rapidly increased, and they are kept fully occupied in the work of perfecting the egoic body, in expanding the egoic consciousness, if metaphysical terms are preferred. All [Page 777] this is accomplished by means of the material furnished by the lower self. When that lower Personality becomes gradually radioactive, these radiations are attracted to the positive ego, and are absorbed into its nature through the activity of the solar Angels.

Trong các giai đoạn đầu, công việc này tương đối nhỏ, nhưng khi giai đoạn phát triển thứ ba đạt đến, và con người biểu lộ Tính cách cùng năng lực, công việc của họ tăng nhanh, và họ hoàn toàn bận rộn trong công việc hoàn thiện thể chân ngã, hay mở rộng tâm thức chân ngã, nếu ưa dùng các thuật ngữ siêu hình học. Tất cả [Page 777] điều này được hoàn thành bằng chất liệu do phàm ngã cung cấp. Khi phàm ngã thấp hơn ấy dần dần trở nên phóng xạ, các bức xạ này bị chân ngã dương thu hút, và được hấp thụ vào bản chất của nó qua hoạt động của các Thái dương Thiên Thần.

These three activities are the main work of the solar Pitris where man is concerned. Where the group, and not the individual, is concerned, their work lies along the line of adjusting the egoic units in their groups, and of making them group conscious, but this is only possible towards the final stages of evolution when the work of the highest group of Agnishvattas is in order. The middle group who form the nine petals are always the most active. They work in

Ba hoạt động này là công việc chính của các thái dương tổ phụ khi liên quan đến con người. Khi liên quan đến nhóm, chứ không phải cá nhân, công việc của họ nằm theo đường hướng điều chỉnh các đơn vị chân ngã trong các nhóm của chúng, và làm cho chúng có tâm thức nhóm, nhưng điều này chỉ có thể xảy ra vào các giai đoạn cuối của tiến hoá khi công việc của nhóm Agnishvatta cao nhất được đặt ra. Nhóm trung gian tạo thành chín cánh hoa luôn

connection with the lower group who are the direct transmitters of energy to the atomic triangle, receiving it from the middle group. More of their work it is not possible to detail, for the work of the Agnishvattas is vast and intricate, and differs also in the various schemes in certain particulars. Those who are working in the Uranus, the Neptune, and the Saturn scheme work somewhat differently to those functioning in the Venus, the Vulcan, the Mars, the Mercury, the Jupiter, the Earth and the exoteric Saturn scheme, and so do the Manasadevas of the inner round. We should note here that we again have a triplicity of groups, representing a triplicity of force, and herein lies a hint. In the central list of schemes the middle and lower group of Agnishvattas are active. In the others the higher group and middle group hold sway as these planets are the most occult and sacred in manifestation, and are concerned only with egos who are on the Path, and who are therefore group-active. In connection with Uranus, Neptune and Saturn, this might be expected as they are the synthesising planetary schemes, and provide conditions suitable only for the very advanced stages. They are the "reaping" planets.

luôn hoạt động mạnh nhất. Họ làm việc liên hệ với nhóm thấp hơn là những vị truyền dẫn trực tiếp năng lượng đến tam giác nguyên tử, tiếp nhận nó từ nhóm trung gian. Không thể trình bày chi tiết hơn về công việc của họ, vì công việc của các Agnishvatta thì bao la và phức tạp, và cũng khác nhau trong các hệ hành tinh khác nhau ở một số chi tiết. Những vị đang hoạt động trong hệ hành tinh Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, và Sao Thổ làm việc hơi khác với những vị đang hoạt động trong hệ hành tinh Sao Kim, Vulcan, Sao Hỏa, Sao Thủy, Sao Mộc, Trái Đất và hệ hành tinh Sao Thổ ngoại môn, và các Manasadeva của cuộc tuần hoàn bên trong cũng vậy. Chúng ta nên lưu ý ở đây rằng một lần nữa chúng ta lại có một bộ ba nhóm, biểu hiện một bộ ba mãnh lực, và chính trong đó có một gợi ý. Trong danh sách các hệ hành tinh ở giữa, nhóm Agnishvatta trung gian và thấp hơn hoạt động. Trong các hệ khác, nhóm cao hơn và nhóm trung gian nắm quyền chi phối vì các hành tinh này là những hành tinh huyền bí và thiêng liêng nhất trong biểu lộ, và chỉ liên quan đến các chân ngã đang ở trên Đường Đạo, và do đó hoạt động theo nhóm. Liên quan đến Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ, điều này có thể được chờ đợi vì chúng là các hệ hành tinh tổng hợp, và chỉ cung cấp những điều kiện thích hợp cho các giai đoạn rất tiến bộ. Chúng là các hành tinh "gặt hái".

[Page 778] Much confusion in connection with Egos exists in the minds of our students on account of their failure to realise that (as H. P. B. has pointed out) *(S. D., I, 41, 83.)* the *Secret Doctrine* is primarily concerned with the planetary scheme of our Earth, and has little to impart anent the other schemes, and their methods of evolving self-consciousness. The general procedure on the mental levels is the same, but as each scheme embodies one particular type of force, the peculiarity of that force

[Page 778] Có nhiều sự lẫn lộn liên quan đến các chân ngã tồn tại trong tâm trí các đạo sinh của chúng ta vì họ không nhận ra rằng (như H. P. B. đã chỉ ra) *(S. D., I, 41, 83.) Giáo Lý Bí Nhiệm* chủ yếu liên quan đến hệ hành tinh của Trái Đất chúng ta, và ít truyền đạt điều gì về các hệ hành tinh khác, cùng các phương pháp tiến hoá ngã thức của chúng. Tiến trình tổng quát trên các cấp độ cõi trí là như nhau, nhưng vì mỗi hệ hành tinh hiện thân cho một loại mãnh lực đặc thù, nên tính chất riêng của mãnh lực ấy sẽ nhuốm

will colour all its evolution, and the work of the Agnishvattas will correspond. It is not possible to state what is the peculiar colouring of the Ray which is embodied in our scheme, as it is one of the most secret of the mysteries revealed at initiation, but students must bear in mind that in the fundamentals laid down here we are not dealing specifically with our scheme.

màu toàn bộ sự tiến hoá của nó, và công việc của các Agnishvatta sẽ tương ứng. Không thể nói loại sắc thái đặc thù của Cung được hiện thân trong hệ hành tinh của chúng ta là gì, vì đó là một trong những huyền nhiệm bí mật nhất được tiết lộ lúc điểm đạo, nhưng các đạo sinh phải ghi nhớ rằng trong những nguyên lý căn bản được nêu ra ở đây, chúng ta không bàn riêng về hệ hành tinh của chúng ta.

A great deal has been said in modern occult literature anent the process followed in the perfecting of those Egos who choose to remain with the Hierarchy of our planet, and their methods of development (through chelaship to adeptship). But nothing practically has been imparted anent the many egos who reach a certain high stage of evolution in our scheme and who are then transferred to one of the three synthesising schemes, passing first to the scheme which is the polar opposite to ours, and from thence to the synthesising scheme. *They are numerically more than those who remain within the Earth scheme.* Whichever may be the synthesising scheme to which they are attracted, it marks and initiates their start upon one of the three cosmic paths. The work of the Manasadevas is carried on throughout the entire system, and a constant circulation transpires, and a constant transmission of energy, and of force units embodying that energy, goes on throughout the entire system. This transmission becomes possible in any scheme when the [Page 779] fourth or human kingdom becomes radioactive; it really marks the setting in of the period of obscuration. Venus is a case in point. Metaphysically stated, it marks the point when the Logoi begin to dissociate Themselves from Their dense physical

Rất nhiều điều đã được nói trong văn học huyền bí học hiện đại về tiến trình được theo đuổi trong việc hoàn thiện những chân ngã chọn ở lại với Thánh đoàn của hành tinh chúng ta, và các phương pháp phát triển của họ (qua địa vị đệ tử đến chân sư). Nhưng hầu như không có gì được truyền đạt về nhiều chân ngã đạt đến một giai đoạn tiến hoá cao nào đó trong hệ hành tinh của chúng ta rồi sau đó được chuyển sang một trong ba hệ hành tinh tổng hợp, trước hết đi đến hệ hành tinh là cực đối nghịch với hệ của chúng ta, rồi từ đó đến hệ hành tinh tổng hợp. *Về số lượng, họ nhiều hơn những người ở lại trong hệ hành tinh Địa Cầu.* Dù họ bị thu hút đến hệ hành tinh tổng hợp nào đi nữa, điều đó đánh dấu và khởi đầu cho việc họ bước lên một trong ba con đường vũ trụ. Công việc của các Manasadeva được tiến hành khắp toàn bộ hệ thống, và một sự lưu chuyển liên tục diễn ra, cùng một sự truyền dẫn liên tục của năng lượng, và của các đơn vị mãnh lực hiện thân cho năng lượng ấy, diễn ra khắp toàn bộ hệ thống. Sự truyền dẫn này trở nên khả hữu trong bất kỳ hệ hành tinh nào khi [Page 779] giới thứ tư hay giới nhân loại trở nên phóng xạ; điều đó thực sự đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ che mờ. Sao Kim là một trường hợp điển hình. Nói theo siêu hình học, nó đánh dấu điểm mà các Thượng đế bắt đầu tách rời Chính Các Ngài khỏi các thể hồng trần đậm đặc của Các Ngài, hay khỏi ba cõi nỗ lực của nhân loại.

bodies, or from the three worlds of human endeavour.

The three groups of Agnishvattas concerned with the evolution of man on the mental level have each a specific function, as we have already seen, and the lowest of the three deal primarily with the transmission of force or energy to the three permanent atoms. In the dual sounding of the egoic mantram by the lowest of the three groups changes are brought about and the lunar Pitris (who concern themselves with the lower three vehicles) enter upon their work, the key being given to them by the solar Angels.

These lunar Pitris embody the substance of man's lower bodies, just as the solar Pitris sacrifice themselves to give him his egoic body, and his consciousness. (255, 256, 257) They are substance in its dual aspect, and the Lunar Pitris in their higher grades are the positive energy of atomic substance, and in their lower are the negative [Page 780] aspect of the same substance. They might be considered, *in connection with man*, as triple in their ranks:

(255) The Ego is described thus in the *Secret Doctrine*: Each is a pillar of Light. Having chosen its vehicle, it expanded, surrounding with an akashic aura the human animal, with the Divine Principle settled within the human form."—S. D., III, 494.

They are the Fire Dhyanis, and emanate from the Heart of the Sun."—S. D., II, 96.

Read the words of the Commentary on S. D., II, 96.

Ba nhóm Agnishvatta liên quan đến sự tiến hoá của con người trên cấp độ cõi trí, mỗi nhóm đều có một chức năng đặc thù, như chúng ta đã thấy, và nhóm thấp nhất trong ba nhóm chủ yếu phụ trách việc truyền dẫn mãnh lực hay năng lượng đến ba Nguyên tử trường tồn. Trong sự xướng nhị phân của mantram chân ngã bởi nhóm thấp nhất trong ba nhóm, những thay đổi được tạo ra và các thái âm tổ phụ (những vị liên quan đến ba vận cụ thấp hơn) bắt đầu công việc của họ, chìa khóa được các Thái dương Thiên Thần trao cho họ.

Các thái âm tổ phụ này hiện thân cho chất liệu của các thể thấp của con người, cũng như các thái dương tổ phụ tự hi sinh để ban cho y thể chân ngã và tâm thức của y. (255, 256, 257) Họ là chất liệu trong phương diện nhị phân của nó, và các thái âm tổ phụ ở các cấp cao hơn của họ là năng lượng dương của chất liệu nguyên tử, còn ở các cấp thấp hơn là phương diện âm của cùng chất liệu ấy. Họ có thể được xem, [Page 780] *liên quan đến con người*, như có ba cấp bậc:

(255) Chân ngã được mô tả như sau trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*: Mỗi vị là một Trụ Ánh Sáng. Sau khi chọn vận cụ của mình, vị ấy mở rộng ra, bao quanh con người-thú bằng một hào quang akasha, với Nguyên Khí thiêng liêng an định bên trong hình tướng con người."—S. D., III, 494.

Họ là các Hỏa Dhyanis, và phát xuất từ Trái Tim của Mặt Trời."—S. D., II, 96.

Hãy đọc những lời của Cổ Luận về S. D., II, 96.

They are the Sons of Fire and fashion inner man.—S. D., II, 114. (back)

a. The highest group of all receives the energy from the higher levels, and ensouls the spirillae of the three permanent atoms.

b. The second group, being the positive energy that attracts, builds and forms the body of man on the three planes.

c. The lowest group are the negative aspect of energised substance and the matter of the three sheaths.

In connection with the solar system they embody the Brahma aspect, being the product of earlier cycles wherein conscious activity was achieved, but self-consciousness was only arrived at by certain cosmic entities who passed through conscious substance, and gave to it that potentiality which will enable atomic substance—after many kalpas—to develop self-consciousness. In connection with a planet, they are called by a mysterious name which may not be revealed, as it conceals the mystery of the scheme which preceded ours, and of which ours is a reproduction. There are Pitris who work in connection with a planet, and with a solar system as well as those working in connection with the human kingdom. They embody the energy of substance as demonstrated in a system, a scheme and a human cycle.

There are also in connection with our peculiar Earth scheme, those lunar Pitris who reached their present stage of activity in the moon chain. They are deva groups but (unlike the Agnishvattas) they have not passed through the human stage; for them it

Họ là Các Con của Lửa và tạo tác con người bên trong.—S. D., II, 114. (back)

a. Nhóm cao nhất trong tất cả tiếp nhận năng lượng từ các cấp độ cao hơn, và phú linh các loa tuyến của ba Nguyên tử trường tồn.

b. Nhóm thứ hai, là năng lượng dương có sức hút, xây dựng và tạo thành thân thể của con người trên ba cõi.

c. Nhóm thấp nhất là phương diện âm của chất liệu được tiếp sinh lực và là vật chất của ba thể.

Liên quan đến hệ mặt trời, họ hiện thân cho phương diện Brahma, là sản phẩm của các chu kỳ trước kia trong đó hoạt động hữu thức đã đạt được, nhưng ngã thức chỉ được đạt đến bởi một số thực thể vũ trụ đã đi qua chất liệu hữu thức, và ban cho nó tiềm năng sẽ giúp chất liệu nguyên tử—sau nhiều kalpa—phát triển ngã thức. Liên quan đến một hành tinh, họ được gọi bằng một danh xưng huyền bí không thể tiết lộ, vì nó che giấu huyền nhiệm của hệ hành tinh đi trước hệ của chúng ta, và hệ của chúng ta là một sự tái tạo của nó. Có những Pitri hoạt động liên hệ với một hành tinh, và với một hệ mặt trời cũng như những vị hoạt động liên hệ với giới nhân loại. Họ hiện thân cho năng lượng của chất liệu như được biểu lộ trong một hệ thống, một hệ hành tinh và một chu kỳ nhân loại.

Cũng có, liên quan đến hệ hành tinh Địa Cầu đặc thù của chúng ta, những thái âm tổ phụ đã đạt đến giai đoạn hoạt động hiện tại của họ trong Dãy Mặt Trăng. Họ là các nhóm thiên thần nhưng (không giống các Agnishvatta) họ chưa đi qua giai đoạn nhân

has yet to be achieved, and their present experience in connection with the human Hierarchy has that end in view. It should be remembered that it is a fundamental law in occult development that any life can only give out that [Page 781] which it has possessed, and possession of the varying attributes of consciousness from that of the atom up to the consciousness of a solar Logos, is the result of long cycles of acquirement. The solar Pitris, therefore, could give to man his consciousness; the lunar Pitris could give to him the instinctual consciousness of his vehicles. In their aggregate in all the kingdoms of nature, on this planet and elsewhere, they give to the planetary Logos and to the solar Logos the sumtotal of the *form consciousness* of Their respective bodies. This is the case in every scheme in the system, but in the Earth chain a peculiar condition of affairs was brought about through the planetary failure coincident with the moon chain; this is the cause of the present balancing of forces on this chain. The fourth chain in every scheme sees the work of the solar Pitris in connection with man begun. It sees also the Pitris of his sheaths in activity through the impulse given by the solar Angels. The matter of those sheaths has passed through three chains and three rounds and is vibrant to a note which is tuned to the....To word it otherwise, the third can be clearly sounded, and is followed naturally by the fifth, or the dominant. The simultaneous sounding of the third and the fifth, basing it upon the planetary keynote, produces the effect of a threefold chord, or a fourth tone, a complex sound. I am here dealing with the chord of the human hierarchy as a whole. Within the hierarchy there is again diversity, based upon the hierarchical chord, and this produces the many egoic chords and notes; these produce in their turn objective manifestation.

loại; đối với họ điều đó vẫn còn phải đạt được, và kinh nghiệm hiện tại của họ liên hệ với Huyền Giai nhân loại nhắm đến mục đích ấy. Cần nhớ rằng đó là một định luật căn bản trong sự phát triển huyền bí học rằng bất kỳ sự sống nào cũng chỉ có thể ban ra điều mà [Page 781] nó đã sở hữu, và việc sở hữu các thuộc tính khác nhau của tâm thức từ tâm thức của nguyên tử cho đến tâm thức của một Thái dương Thượng đế là kết quả của những chu kỳ dài thu đạt. Do đó, các thái dương tổ phụ có thể ban cho con người tâm thức của y; các thái âm tổ phụ có thể ban cho y tâm thức bản năng của các vận cụ của y. Trong tổng thể của họ trong mọi giới của thiên nhiên, trên hành tinh này và ở nơi khác, họ ban cho Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế tổng số *tâm thức hình tướng* của các thể tương ứng của Các Ngài. Điều này đúng trong mọi hệ hành tinh trong hệ thống, nhưng trong dãy Địa Cầu, một tình trạng đặc thù đã được tạo ra do sự thất bại hành tinh trùng hợp với Dãy Mặt Trăng; đây là nguyên nhân của sự quân bình mãnh lực hiện nay trên Dãy này. Dãy Thứ Tư trong mọi hệ hành tinh chứng kiến công việc của các thái dương tổ phụ liên hệ với con người được bắt đầu. Nó cũng chứng kiến các Pitri của các thể của y hoạt động qua xung lực do các Thái dương Thiên Thần ban ra. Vật chất của các thể ấy đã đi qua ba Dãy và ba cuộc tuần hoàn và đang rung động theo một âm điệu được chỉnh theo....Nói cách khác, âm thứ ba có thể được xướng lên rõ ràng, và tự nhiên được tiếp theo bởi âm thứ năm, hay âm chủ. Sự xướng đồng thời âm thứ ba và âm thứ năm, đặt nền trên chủ âm hành tinh, tạo ra hiệu quả của một hợp âm tam phân, hay một âm thứ tư, một âm thanh phức hợp. Ở đây tôi đang bàn đến hợp âm của toàn thể huyền giai nhân loại. Bên trong huyền giai lại có sự đa dạng, dựa trên hợp âm huyền giai, và điều này tạo ra nhiều hợp âm và âm điệu chân ngã; đến lượt chúng tạo ra biểu lộ khách quan.

We can now trace the progress of egoic energy as it passes down from the abstract levels to the permanent atoms. On each plane the work is threefold, and might be tabulated as follows:

Giờ đây chúng ta có thể truy theo tiến trình của năng lượng chân ngã khi nó đi xuống từ các cấp độ trừu tượng đến các Nguyên tử trường tồn. Trên mỗi cõi, công việc có tính tam phân, và có thể được lập bảng như sau:

1. The response within the permanent atom to the vibration set up by the solar Pitris; to word it otherwise: [Page 782] the response of the highest group of lunar Pitris to the chord of the Ego. This definitely affects the spirillae of the atom, according to the stage of evolution of the Ego concerned.

1. Sự đáp ứng bên trong Nguyên tử trường tồn đối với rung động do các thái dương tổ phụ thiết lập; nói cách khác: [Page 782] sự đáp ứng của nhóm thái âm tổ phụ cao nhất đối với hợp âm của chân ngã. Điều này nhất định tác động đến các loa tuyến của nguyên tử, tùy theo giai đoạn tiến hoá của chân ngã liên hệ.

2. The response of the substance to the atomic vibration upon the particular plane involved. This concerns the second group of Pitris, whose function it is to gather together the substance attuned to any particular key, and to aggregate it around the permanent atom. They work under the Law of Magnetic Attraction, and are the attractive energy of the permanent atom. On a tiny scale each permanent atom has (to the substance of a man's sheaths) a position relative to that which the physical sun holds to the substance of the system. It is the nucleus of attractive force.

2. Sự đáp ứng của chất liệu đối với rung động nguyên tử trên cõi đặc thù liên hệ. Điều này liên quan đến nhóm Pitri thứ hai, có chức năng tập hợp chất liệu được chỉnh theo bất kỳ âm khóa đặc thù nào, và gom nó quanh Nguyên tử trường tồn. Họ hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính, và là năng lượng hấp dẫn của Nguyên tử trường tồn. Trên một quy mô rất nhỏ, mỗi Nguyên tử trường tồn có (đối với chất liệu của các thể của con người) một vị trí tương ứng với vị trí mà mặt trời hồng trần giữ đối với chất liệu của hệ thống. Nó là hạt nhân của mãnh lực hấp dẫn.

3. The response of the negative substance concerned and its moulding into the desired form through the dual energy of the two higher groups of Pitris. Some thought of the unity of this threefold work has been given in the differentiation of the substance of any plane into:

3. Sự đáp ứng của chất liệu âm liên hệ và việc nắn nó thành hình tướng mong muốn qua năng lượng nhị phân của hai nhóm Pitri cao hơn. Một vài ý niệm về tính nhất thể của công việc tam phân này đã được gợi ra trong sự biến phân của chất liệu của bất kỳ cõi nào thành:

a. Atomic substance.

a. Chất liệu nguyên tử.

b. Molecular substance.

b. Chất liệu phân tử.

c. Elemental essence.

This differentiation is not entirely accurate, and a truer idea of the underlying concept might be conveyed if the word "energy" took the place of "substance and essence." This third group of Pitris is really not correctly termed Pitris at all. The true lunar Pitris are those of the first and highest group, for they embody one aspect of the intelligent will of Brahma, or of God-in-substance. The third group are literally the lesser Builders, and are blind incoherent forces, subject to the energy emanating from the two higher groups. Occultly these three groups are divided into the following: [Page 783]

a. The Pitris who see, but touch nor handle not.

b. The Pitris who touch but see not.

c. The Pitris who hear but neither see nor touch.

As they all have the gift of occult hearing, they are characterised as the "Pitris with the open ear"; they work entirely under the influence of the egoic mantram. If these differentiations are studied a great deal may become apparent anent a very important group of deva workers. They are a group who only come into manifestation as a *co-ordinated triplicity* in the fourth round in order to provide vehicles for man; the reason for this lies hid in the karma of the seven Logoi, as They energise the fourth, fifth and sixth Hierarchies. In the earlier round in each scheme these three groups attain a certain stage of necessitated growth, and embody the highest evolution of the

c. Tinh chất hành khí.

Sự biến phân này không hoàn toàn chính xác, và một ý niệm chân thực hơn về khái niệm nền tảng có thể được truyền đạt nếu từ "năng lượng" thay thế cho "chất liệu và tinh chất." Nhóm Pitris thứ ba này thực ra hoàn toàn không được gọi đúng là Pitris. Các thái âm tổ phụ chân chính là những vị thuộc nhóm thứ nhất và cao nhất, vì các vị ấy thể hiện một phương diện của ý chí thông tuệ của Brahma, hay của Thượng đế-trong-chất liệu. Nhóm thứ ba theo nghĩa đen là các vị tiểu kiến tạo, và là những mãnh lực mù quáng, rời rạc, phục tùng năng lượng phát ra từ hai nhóm cao hơn. Một cách huyền bí, ba nhóm này được phân chia như sau: [Page 783]

a. Các Pitris thấy, nhưng không chạm cũng không cầm nắm.

b. Các Pitris chạm nhưng không thấy.

c. Các Pitris nghe nhưng không thấy cũng không chạm.

Vì tất cả các vị ấy đều có thiên phú về thính giác huyền bí, nên các vị được đặc trưng là "các Pitris với tai mở"; các vị hoạt động hoàn toàn dưới ảnh hưởng của mantram chân ngã. Nếu các sự biến phân này được nghiên cứu, nhiều điều có thể trở nên hiển nhiên liên quan đến một nhóm rất quan trọng các thiên thần hoạt động. Họ là một nhóm chỉ đi vào biểu hiện như một *bộ ba phối hợp* trong cuộc tuần hoàn thứ tư để cung cấp các vận cụ cho con người; lý do của điều này ẩn kín trong nghiệp quả của bảy Thượng đế, khi Các Ngài tiếp sinh lực cho Huyền Giai thứ tư, thứ năm và thứ sáu. Trong cuộc tuần hoàn trước đó của mỗi hệ hành tinh, ba nhóm này đạt đến một giai đoạn tăng trưởng tất yếu nào

substance aspect. Only the highest and most perfected of the atoms of substance find their way into the vehicles of man,—those which have been the integral parts of the higher evolutionary forms.

đó, và thể hiện sự tiến hoá cao nhất của phương diện chất liệu. Chỉ những nguyên tử chất liệu cao nhất và hoàn thiện nhất mới tìm được đường đi vào các vận cụ của con người,—những nguyên tử đã là các phần cấu thành của các hình tướng tiến hoá cao hơn.

(g.) The Work of Form-building. This work of form-building proceeds under definite laws, which are the laws of substance itself; the effect is the same for human, planetary and solar vehicles. The different stages might be enumerated as follows: 1. *The Nebulous*. The stage wherein the matter of the coming sheath begins to separate itself gradually from the aggregate of plane substance, and to assume a nebulous or milky aspect. This corresponds to the "fire-mist" stage in the formation of a solar system and of a planet. The Pitris of the Mist are then active as one of the many subsidiary groups of the three major groups.

(g.) Công việc xây dựng hình tướng. Công việc xây dựng hình tướng này tiến hành theo những định luật xác định, là các định luật của chính chất liệu; hiệu quả là như nhau đối với các vận cụ nhân loại, hành tinh và thái dương. Các giai đoạn khác nhau có thể được liệt kê như sau: 1. *Dạng tinh vân*. Giai đoạn trong đó vật chất của thể sắp đến bắt đầu dần dần tách ra khỏi tổng thể chất liệu của cõi, và mang lấy một sắc thái tinh vân hay như sữa. Điều này tương ứng với giai đoạn "sương lửa" trong sự hình thành một hệ mặt trời và một hành tinh. Khi ấy các Pitris của Sương Mù hoạt động như một trong nhiều nhóm phụ thuộc của ba nhóm chính.

2. *The Inchoate.* Condensation has set in but all is as yet inchoate, and the condition is chaotic; there is no definite form. "*The Pitris of the Chaos*" hold sway, and are characterised by excessive energy, and violent activity, for the greater the condensation prior to co-ordination [Page 784] the more terrific are the effects of activity. This is true of Gods, of men, and of atoms.

2. *Dạng sơ khởi.* Sự ngưng tụ đã bắt đầu nhưng mọi sự vẫn còn sơ khởi, và trạng thái thì hỗn loạn; chưa có hình tướng xác định. "*Các Pitris của Hỗn Mang*" nắm quyền chi phối, và được đặc trưng bởi năng lượng quá mức cùng hoạt động mãnh liệt, vì sự ngưng tụ càng lớn trước khi phối hợp [Page 784] thì các hiệu quả của hoạt động càng khủng khiếp. Điều này đúng với các Thượng đế, với con người, và với các nguyên tử.

3. *The Fiery.* The internal energy of the rapidly congregating atoms and their effect upon each other produces an increase of heat, and a consequent demonstration of the spheroidal form, so that the vehicle of all entities is seen to be fundamentally a sphere, rolling upon itself and attracting and repulsing other spheres. "*Pitris of the Fiery Spheres*" add their labours to those of the

3. *Dạng lửa.* Năng lượng bên trong của các nguyên tử đang nhanh chóng tụ lại và tác động của chúng lên nhau tạo ra sự gia tăng nhiệt, và do đó biểu lộ hình cầu, đến nỗi vận cụ của mọi thực thể được thấy là về căn bản một khối cầu, tự lăn trên chính nó và hút đẩy các khối cầu khác. "*Các Pitris của những Khối Cầu Lửa*" thêm công lao của mình vào công lao của hai nhóm trước và một giai

earlier two and a very definite stage is reached. The lunar Pitris on every scheme, and throughout the system, are literally the active agents in the building of the dense physical body of the Logos; they energise the substance of the three planes in the three worlds, the mental, the astral and the dense physical planes of the system. This needs much pondering upon.

đoạn rất xác định được đạt tới. Các thái âm tổ phụ trong mọi hệ hành tinh, và khắp hệ thống, theo nghĩa đen là các tác nhân hoạt động trong việc xây dựng thể xác đậm đặc của Thượng đế; các vị ấy tiếp sinh lực cho chất liệu của ba cõi trên ba cõi giới, tức cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống. Điều này cần được suy ngẫm rất nhiều.

4. *The Watery.* The ball or sphere of gaseous fiery essence becomes still more condensed and liquefied; it begins to solidify on its outer surface and the ring-pass-not of each sheath is more clearly defined. The heat of the sphere becomes increased and is centralised at the core or heart of the sphere where it produces that pulsation at the centre which characterises the sun, the planet, and the various vehicles of all incarnating entities. It is an analogous stage to that of the awakening of life in the foetus during the prenatal stage, and this analogy can be seen working out in the form-building which proceeds on every plane. This stage marks the co-ordination of the work of the two higher groups of lunar Pitris, and the *"Pitris of the Dual Heat"* are now intelligently co-operating. The heart and brain of the substance of the slowly evolving form are linked. The student will find it interesting to trace the analogy of this, the watery stage, to the place the astral plane holds in the planetary and systemic body, and the alliance between mind and heart which is hidden in the term "kama-manas." One [Page 785] of the profoundest occult mysteries will be revealed to the consciousness of man when he has solved the secret of the building of his astral vehicle, and the forming of the link which exists between that sheath and the astral light in its totality on the astral plane.

4. *Dạng nước.* Khối cầu hay hình cầu của tinh chất khí lửa trở nên ngưng tụ hơn nữa và hoá lỏng; nó bắt đầu đông đặc trên bề mặt ngoài và vòng-giới-hạn của mỗi thể được xác định rõ ràng hơn. Nhiệt của khối cầu gia tăng và được tập trung tại lõi hay tim của khối cầu, nơi nó tạo ra sự rung động ở trung tâm, đặc trưng cho mặt trời, hành tinh, và các vận cụ khác nhau của mọi thực thể đang lâm phàm. Đây là một giai đoạn tương đồng với sự thức tỉnh của sự sống trong bào thai trong thời kỳ trước khi sinh, và sự tương đồng này có thể được thấy đang vận hành trong công việc xây dựng hình tướng diễn ra trên mọi cõi. Giai đoạn này đánh dấu sự phối hợp công việc của hai nhóm thái âm tổ phụ cao hơn, và *"các Pitris của Nhiệt Kép"* hiện đang hợp tác một cách thông tuệ. Tim và não của chất liệu của hình tướng đang chậm rãi tiến hoá được nối kết. Đạo sinh sẽ thấy thú vị khi truy nguyên sự tương đồng của giai đoạn nước này với vị trí mà cõi cảm dục giữ trong thân thể hành tinh và thân thể hệ thống, và với sự liên minh giữa trí tuệ và tim được ẩn giấu trong thuật ngữ "kama-manas." Một [Page 785] trong những huyền nhiệm huyền bí sâu xa nhất sẽ được mặc khải cho tâm thức con người khi y giải được bí mật của việc xây dựng vận cụ cảm dục của mình, và sự hình thành mối liên kết tồn tại giữa thể ấy với ánh sáng cảm dục trong toàn thể của nó trên cõi cảm dục.

5. *The Etheric.* The stage is not to be confined to the building of the physical body in its etheric division, for its counterpart is found on all the planes with which man is concerned in the three worlds. The condensation and the solidification of the material has proceeded till now the three groups of Pitris form a unity in work. The rhythm set up has been established and the work synchronised. The lesser builders work systematically and the law of Karma is demonstrating actively, for it should be remembered that it is the inherent karma, colouring, or vibratory response of the substance itself which is the selective reaction to the egoic note. Only that substance which has (through past utilisation) been keyed to a certain note and vibration will respond to the mantram and to the subsequent vibrations issuing from the permanent atom. This stage is one of great importance, for it marks the vital circulation throughout the entire vehicle of a particular type of force. This can be clearly seen in relation to the etheric body which circulates the vital force or prana of the sun. A similar linking up with the force concerned is to be seen on the astral and the mental planes. "*The Pitris of the Triple Heat*" are now working synthetically, and the brain, the heart and the lower centres are co-ordinated. The lower and the higher are linked, and the channels are unimpeded so that the circulation of the triple energy is possible. This is true of the form building of all entities, macrocosmic and microcosmic. It is marked by the active co-operation of another group of Pitris, termed "*The Pitris of Vitality*" in connection with the others. Group after group co-operate, [Page 786] for the three main bodies are distributed among many lesser.

5. *Dạng dĩ thái.* Giai đoạn này không nên bị giới hạn vào việc xây dựng thể xác trong phân bộ dĩ thái của nó, vì đối phần của nó được tìm thấy trên mọi cõi mà con người có liên hệ trong ba cõi giới. Sự ngưng tụ và đông đặc của vật chất đã tiến triển đến mức giờ đây ba nhóm Pitris tạo thành một hợp nhất trong công việc. Nhịp điệu được thiết lập đã được xác lập và công việc được đồng bộ hoá. Các vị tiểu kiến tạo làm việc có hệ thống và định luật Nghiệp quả đang biểu lộ một cách hoạt động, vì cần nhớ rằng chính nghiệp quả cố hữu, sắc thái, hay đáp ứng rung động của bản thân chất liệu là phản ứng chọn lọc đối với âm điệu chân ngã. Chỉ chất liệu nào đã được điều chỉnh theo một âm điệu và rung động nhất định (qua việc sử dụng trong quá khứ) mới đáp ứng với mantram và với các rung động tiếp theo phát ra từ nguyên tử trường tồn. Giai đoạn này có tầm quan trọng lớn, vì nó đánh dấu sự tuần hoàn sinh lực xuyên suốt toàn bộ vận cụ của một loại mãnh lực đặc thù. Điều này có thể được thấy rõ trong liên hệ với thể dĩ thái, vốn tuần hoàn mãnh lực sinh lực hay prana của mặt trời. Một sự nối kết tương tự với mãnh lực liên hệ cũng có thể được thấy trên cõi cảm dục và cõi trí. *"Các Pitris của Tam Nhiệt"* hiện đang làm việc một cách tổng hợp, và não, tim cùng các trung tâm thấp được phối hợp. Cái thấp và cái cao được nối kết, và các kênh dẫn không bị cản trở để sự tuần hoàn của năng lượng tam phân trở nên khả hữu. Điều này đúng với việc xây dựng hình tướng của mọi thực thể, đại thiên địa cũng như tiểu thiên địa. Nó được đánh dấu bởi sự hợp tác hoạt động của một nhóm Pitris khác, được gọi là *"Các Pitris của Sinh lực"* trong liên hệ với các nhóm kia. Hết nhóm này đến nhóm khác cùng hợp tác, [Page 786] vì ba nhóm chính được chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn.

6. *The Solid.* This marks the final stage in actual form building, and signifies the moment wherein the work is done as regards the aggregating and shaping of substance. The greater part of the work of the lunar Pitris stands now accomplished. The word "solid" refers not solely to the lowest objective manifestation, for a solid form may be ethereal, and only the stage of evolution of the entity involved will reveal its relative significance.

6. *Dạng rắn.* Điều này đánh dấu giai đoạn cuối cùng trong việc xây dựng hình tướng thực sự, và biểu thị thời điểm công việc đã hoàn tất xét về sự tập hợp và định hình chất liệu. Phần lớn công việc của các thái âm tổ phụ giờ đây đã hoàn thành. Từ "rắn" không chỉ nói đến biểu hiện khách quan thấp nhất, vì một hình tướng rắn có thể là dĩ thái, và chỉ giai đoạn tiến hoá của thực thể liên hệ mới bộc lộ ý nghĩa tương đối của nó.

All that has been here laid down as to the progressive stages of form construction on every plane is true of all forms in all systems and schemes, and is true of all thought-form building. Man is constructing thoughtforms all the time, and is following unconsciously the same method as his Ego pursues in building his bodies, as the Logos follows in building His system, and as a planetary Logos uses in constructing His scheme.

Tất cả những gì đã được trình bày ở đây về các giai đoạn tiến triển của việc kiến tạo hình tướng trên mọi cõi đều đúng với mọi hình tướng trong mọi hệ thống và hệ hành tinh, và cũng đúng với mọi sự xây dựng hình tư tưởng. Con người luôn luôn kiến tạo các hình tư tưởng, và đang vô thức đi theo cùng một phương pháp mà Chân ngã của y theo đuổi khi xây dựng các thể của y, cũng như Thượng đế theo đuổi khi xây dựng hệ thống của Ngài, và như một Đức Hành Tinh Thượng Đế sử dụng khi kiến tạo hệ hành tinh của Ngài.

A man speaks, and a very diversified mantram is the result. The energy thus generated swings into activity a multitude of little lives which proceed to build a form for his thought; they pursue analogous stages to those just outlined. At this time, man sets up these mantric vibrations unconsciously, and in ignorance of the laws of sound and of their effect. The occult work that he is carrying on is thus unknown to him. Later he will speak less, know more, and construct more accurate forms, which will produce powerful effects on physical levels. Thus eventually in distant cycles will the world be "saved," and not just a unit here and there.

Một người nói ra, và kết quả là một mantram rất đa dạng. Năng lượng được tạo ra như thế làm cho vô số sự sống nhỏ bé hoạt động, rồi chúng tiến hành xây dựng một hình tướng cho tư tưởng của y; chúng theo đuổi những giai đoạn tương tự như vừa được phác hoạ. Hiện nay, con người thiết lập các rung động mantram này một cách vô thức, và trong sự không biết các định luật của âm thanh cùng hiệu quả của chúng. Vì vậy công việc huyền bí mà y đang tiến hành là điều y không biết. Về sau y sẽ nói ít hơn, biết nhiều hơn, và kiến tạo những hình tướng chính xác hơn, những hình tướng sẽ tạo ra các hiệu quả mạnh mẽ trên các cấp độ hồng trần. Như thế cuối cùng trong các chu kỳ xa xôi thế giới sẽ được "cứu rỗi," chứ không chỉ một đơn vị ở đây hay ở kia.

In connection with this building of man's sheaths certain interesting points of manifestation occur which might be dealt with now, leaving the student to work out the correspondences in relation to the system and the planet, and giving only general indications which may be of use to him in his conclusions.

Liên quan đến việc xây dựng các thể của con người, có một số điểm biểu hiện thú vị xuất hiện mà giờ đây có thể bàn đến, để cho đạo sinh tự tìm ra các tương ứng trong liên hệ với hệ thống và hành tinh, và chỉ đưa ra những chỉ dẫn tổng quát có thể hữu ích cho y trong các kết luận của mình.

[Page 787] In all the work of form-building, certain very vital occasions occur which concern the Ego even more than the sheaths themselves, though the reflex action between the lower personal self and the higher is so close as to be well nigh inseparable.

[Page 787] Trong mọi công việc xây dựng hình tướng, có những thời điểm rất trọng yếu xảy ra, liên quan đến Chân ngã thậm chí còn nhiều hơn đến chính các thể, mặc dù phản ứng ngược giữa bản ngã cá nhân thấp và cái cao thì gần gũi đến mức hầu như không thể tách rời.

The moment wherein the Ego appropriates the sheath. This takes place only after the fourth spirilla is beginning to vibrate, and the period differs according to the power of the ego over the lower self. In connection with the dense physical vehicle, an analogy can be seen when the Ego ceases from his work of overshadowing, and at some period between

Thời điểm Chân ngã chiếm hữu thể. Điều này chỉ diễn ra sau khi loa tuyến thứ tư bắt đầu rung động, và thời kỳ này khác nhau tuỳ theo quyền năng của chân ngã đối với phàm ngã. Liên quan đến vận cụ hồng trần đậm đặc, có thể thấy một sự tương đồng khi Chân ngã ngừng công việc phủ bóng của mình, và vào một thời điểm nào đó giữa năm thứ tư

the fourth and seventh year makes his contact with the physical brain of the child. A similar occurrence takes place in connection with the etheric vehicle, the astral, and the mental.

và năm thứ bảy tạo tiếp xúc với bộ não hồng trần của đứa trẻ. Một sự kiện tương tự diễn ra liên quan đến vận cụ dĩ thái, cảm dục và trí.

The moment wherein the energy of the Ego is transmitted from one sheath to a lower one. It is often overlooked that the path of incarnation is not a quick one, but that the Ego descends very slowly and takes possession gradually of his vehicles; the less evolved the man, the slower is the process. We are dealing here with the period of time which transpires after the Ego has made the first move towards descent, and not with the time which elapses between two incarnations. This work of passing on to a plane for purposes of incarnation marks a definite crisis, and is characterised by the exertion of the will in sacrifice, the appropriation of the substance in love, and its energising into activity.

Thời điểm năng lượng của Chân ngã được truyền từ một thể xuống một thể thấp hơn. Người ta thường bỏ qua rằng con đường nhập thể không phải là một con đường nhanh chóng, mà Chân ngã giáng xuống rất chậm và dần dần chiếm hữu các vận cụ của mình; con người càng kém tiến hoá thì tiến trình càng chậm. Ở đây chúng ta đang bàn đến khoảng thời gian trôi qua sau khi Chân ngã đã thực hiện chuyển động đầu tiên hướng xuống, chứ không phải thời gian trôi qua giữa hai lần nhập thể. Công việc đi xuống một cõi vì mục đích nhập thể này đánh dấu một cuộc khủng hoảng xác định, và được đặc trưng bởi sự vận dụng ý chí trong hi sinh, sự chiếm hữu chất liệu trong bác ái, và sự tiếp sinh lực cho nó đi vào hoạt động.

The moment wherein the particular type of force with which any particular sheath is energised is appropriated. This brings the sheath concerned:

Thời điểm tiếp nhận loại mãnh lực đặc thù dùng để tiếp sinh lực cho một thể nhất định. Điều này đưa thể liên hệ:

a. Under the influence of the egoic ray,

a. Dưới ảnh hưởng của cung chân ngã,

b. Under the influence of a particular subray of the egoic ray,

b. Dưới ảnh hưởng của một cung phụ đặc thù của cung chân ngã,

c. And through that influence,— [Page 788]

c. Và qua ảnh hưởng đó,— [Page 788]

Under certain astrological influences,

Dưới những ảnh hưởng chiêm tinh nhất định,

Under certain planetary radiations,

Dưới những bức xạ hành tinh nhất định,

Under the influences of certain force currents, emanating from certain constellations.

Dưới ảnh hưởng của những dòng mãnh lực nhất định, phát ra từ những chòm sao nhất định.

These three events have a very interesting analogy in connection with the work of the Logos in the construction of His physical body, the solar system, and also in certain correspondences which can be seen embodied in facts dealt with at the first three Initiations.

Ba biến cố này có một sự tương đồng rất thú vị liên quan đến công việc của Thượng đế trong việc kiến tạo thể xác của Ngài, tức hệ mặt trời, và cả trong một số tương ứng có thể được thấy thể hiện trong các sự kiện được bàn đến ở ba lần điểm đạo đầu tiên.

From the standpoint of the lower self, the two most vital moments in the work of the reincarnating Ego, are those in which the mental unit is re-energised into cyclic activity, and in which the etheric body is vitalised. It concerns that which links the centre at the base of the spine with a certain point within the physical brain via the spleen. This is dealing purely with the physiological key.

Từ quan điểm của phàm ngã, hai thời điểm trọng yếu nhất trong công việc của Chân ngã tái sinh là những thời điểm trong đó đơn vị hạ trí được tiếp sinh lực trở lại vào hoạt động chu kỳ, và trong đó thể dĩ thái được tiếp sinh lực. Điều này liên quan đến cái nối kết trung tâm ở đáy cột sống với một điểm nào đó trong bộ não hồng trần qua lá lách. Điều này chỉ bàn đến chìa khoá sinh lý học thuần tuý.

We might now touch upon a very interesting point concerning the dense physical body, dealing therefore with that which is not considered a principle either in the macrocosm or the microcosm. As we know, man is essentially mental man, and astral man; then the two take to themselves an etheric sheath for purposes of objective work. That is *the true lower man, these two in the etheric body.* But later—in order to know even on the lowest plane of all—man takes to himself a coat of skin, as the Bible expresses it, and puts on (over his etheric body) that outer illusory form we know so well. It is his lowest point of objectivity and his direct "imprisoning." This appropriation of a dense sheath by the Ego is subject to a very peculiar piece of karma connected with the four Kumaras, or Heavenly Men, Who form the logoic Quaternary. In the schemes which concern the logoic Triad (or those of

Giờ đây chúng ta có thể đề cập đến một điểm rất thú vị liên quan đến thể xác đậm đặc, do đó bàn đến cái không được xem là một nguyên khí trong đại thiên địa hay tiểu thiên địa. Như chúng ta biết, con người về bản chất là con người trí tuệ, và con người cảm dục; rồi cả hai khoác lấy cho mình một thể dĩ thái vì mục đích hoạt động khách quan. Đó là *con người thấp thực sự, hai phương diện ấy trong thể dĩ thái.* Nhưng về sau—để biết ngay cả trên cõi thấp nhất—con người khoác cho mình một áo da, như Kinh Thánh diễn tả, và mặc vào (bên ngoài thể dĩ thái của mình) hình tướng ảo tưởng bên ngoài mà chúng ta quá quen thuộc. Đó là điểm thấp nhất của y về tính khách quan và là sự "giam hãm" trực tiếp của y. Việc Chân ngã chiếm hữu một thể đậm đặc chịu sự chi phối của một phần nghiệp quả rất đặc thù liên hệ với bốn Kumaras, hay các Đấng Thiên Nhân, là những Đấng tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế.

the three major Rays or Heavenly Men) dense physical incarnation is not the appointed [Page 789] lot, and man functions in his lowest manifestation in etheric matter.

Trong các hệ hành tinh liên hệ đến Tam nguyên của Thượng đế (hay những hệ của ba Cung chính hoặc các Đấng Thiên Nhân), sự nhập thể hồng trần đậm đặc không phải là số phận đã được chỉ định [Page 789], và con người hoạt động trong biểu hiện thấp nhất của mình bằng vật chất dĩ thái.

This appropriation of the lowest body is distinguished in several ways from the approach to the other sheaths. For one thing, there is no permanent atom to be vitalised. The physical plane is a complete reflection of the mental; the lowest three subplanes reflect the abstract subplanes and the four etheric subplanes reflect the four mental concrete planes. The manifestation of the Ego on the mental plane (or the causal body) is not the result of energy emanating from the permanent atoms as a nucleus of force but is the result of different forces, and primarily of group force. It is predominantly marked by an act of an exterior force, and is lost in the mysteries of planetary karma. This is equally true of man's lowest manifestations. It is the result of reflex action, and is based on the force of the group of etheric centres through which man (as an aggregate of lives) is functioning. The activity of these centres sets up an answering vibration in the three lowest subplanes of the physical plane, and the interaction between the two causes an adherence to, or aggregation around, the etheric body of particles of what we erroneously term "dense substance." This type of energised substance is swept up in the vortex of force currents issuing from the centres and cannot escape. These units of force, therefore, pile up according to the energy direction around and within the etheric sheath till it is hidden and concealed, yet interpenetrating. An inexorable law, the law of matter itself, brings this about, and only those can escape the effect of the

Việc chiếm hữu thể thấp nhất này được phân biệt theo nhiều cách với sự tiếp cận các thể khác. Trước hết, không có nguyên tử trường tồn nào để được tiếp sinh lực. Cõi hồng trần là một phản ánh hoàn toàn của cõi trí; ba cõi phụ thấp nhất phản ánh các cõi phụ trừu tượng và bốn cõi phụ dĩ thái phản ánh bốn cõi trí cụ thể. Sự biểu hiện của Chân ngã trên cõi trí (hay thể nguyên nhân) không phải là kết quả của năng lượng phát ra từ các nguyên tử trường tồn như một hạt nhân mãnh lực mà là kết quả của những mãnh lực khác, và chủ yếu là mãnh lực nhóm. Nó nổi bật được đánh dấu bởi một hành động của một mãnh lực bên ngoài, và bị mất hút trong các huyền nhiệm của nghiệp quả hành tinh. Điều này cũng đúng như vậy đối với các biểu hiện thấp nhất của con người. Nó là kết quả của phản ứng ngược, và dựa trên mãnh lực của nhóm các trung tâm dĩ thái mà qua đó con người (như một tổng thể các sự sống) đang hoạt động. Hoạt động của các trung tâm này thiết lập một rung động đáp ứng trong ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần, và sự tương tác giữa hai bên gây ra sự bám dính vào, hay sự tụ tập quanh, thể dĩ thái của các hạt của cái mà chúng ta gọi sai là "chất liệu đậm đặc." Loại chất liệu được tiếp sinh lực này bị cuốn vào trong xoáy của các dòng mãnh lực phát ra từ các trung tâm và không thể thoát ra. Vì vậy các đơn vị mãnh lực này chất đống lên theo hướng năng lượng quanh và trong thể dĩ thái cho đến khi nó bị che khuất và ẩn kín, tuy vẫn xuyên thấu. Một định luật không thể cưỡng lại, định luật của chính vật chất, tạo ra điều này, và chỉ những ai rõ ràng là "Chúa Tể của Yoga"

vitality of their own centres who are definitely "Lords of Yoga" and can—through the conscious will of their own being—escape the compelling force of the Law of Attraction working on the lowest cosmic physical subplane.

mới có thể thoát khỏi hiệu quả của sinh lực từ chính các trung tâm của mình, và có thể —qua ý chí hữu thức của chính bản thể mình—thoát khỏi mãnh lực cưỡng bách của Định luật Hấp Dẫn đang hoạt động trên cõi phụ hồng trần vũ trụ thấp nhất.

An interesting analogy (accurate on general lines [Page 790] though in detail not so apparent) exists between the building of the antaskarana on mental levels between the mental unit and the manasic permanent atom (whereby the Path of Liberation is travelled, and man set free) and the opening up of the channel between the centre at the base of the spine and the brain and thence to the head centre. Through this latter channel man escapes out of the dense physical body, and continuity of consciousness (between the astral and the physical planes) is reached. In the one case, through right direction of force, the etheric web no longer forms a barrier; it is destroyed and the man is fully conscious *in the physical brain* of what transpires on the astral plane. In the other case, the causal body also is eventually destroyed through the right direction of force. We will not here take up the specific work of building upon the scaffolding of the etheric body the dense physical form. It has been sufficiently dealt with in other books. We will only want to touch upon two more points which are of interest in this consideration of the work of the lunar Pitris in building man's body.

Có một sự tương đồng thú vị (chính xác trên những nét tổng quát [Page 790] dù trong chi tiết thì không rõ ràng bằng) giữa việc xây dựng antahkarana trên các cấp độ cõi trí giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas (nhờ đó Con Đường Giải Thoát được đi qua, và con người được giải thoát) và sự khai mở kênh dẫn giữa trung tâm ở đáy cột sống với bộ não rồi từ đó đến trung tâm đầu. Qua kênh sau này con người thoát ra khỏi thể xác đậm đặc, và đạt được sự liên tục của tâm thức (giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần). Trong trường hợp thứ nhất, nhờ sự định hướng đúng đắn của mãnh lực, màng lưới dĩ thái không còn tạo thành một rào cản; nó bị phá huỷ và con người hoàn toàn hữu thức *trong bộ não hồng trần* về những gì diễn ra trên cõi cảm dục. Trong trường hợp kia, thể nguyên nhân cuối cùng cũng bị phá huỷ nhờ sự định hướng đúng đắn của mãnh lực. Ở đây chúng ta sẽ không bàn đến công việc đặc thù là xây dựng trên bộ khung của thể dĩ thái hình tướng hồng trần đậm đặc. Điều đó đã được bàn đủ trong các sách khác. Chúng ta chỉ muốn đề cập đến thêm hai điểm nữa có ý nghĩa trong sự xem xét này về công việc của các thái âm tổ phụ trong việc xây dựng thân thể của con người.

In connection with the building of the dense body, it should be stated that it appears as a human form, much in the nature of a cross within the ovoid of the other spheres. It is notably of a fivefold nature:

Liên quan đến việc xây dựng thể đậm đặc, cần nói rằng nó xuất hiện như một hình người, gần như một thập giá bên trong hình trứng của các khối cầu khác. Nó rõ rệt có bản chất ngũ phân:

Head.

Đầu.

Two Arms.

Hai cánh tay.

Two Legs.

Hai chân.

According to the position assumed by the man, he is seen as a symbol of the cross and is then fourfold (the two legs being considered as one lower limb) or, if separated, as fivefold, and has been then considered as the symbol of the five-pointed star. This fivefold nature of the dense physical body is brought about through the fact that only five centres primarily are really active in average man [Page 791] up to the third Initiation; all are there, and all are vitalised, but only five in this fivefold normal evolution are dominant. The force emanating from these five, therefore, sweeps the dense substance into a close aggregation. As two of the centres are not functioning as actively as the other five, an ovoid is not formed as in the case of the etheric, astral and mental sheaths. The fivefold shape of physical man is the result of the fivefold direction of force currents from five centres.

Tuỳ theo tư thế mà con người đảm nhận, y được thấy như một biểu tượng của thập giá và khi ấy là tứ phân (hai chân được xem như một chi dưới) hoặc, nếu tách ra, là ngũ phân, và khi ấy đã được xem là biểu tượng của ngôi sao năm cánh. Bản chất ngũ phân này của thể xác đậm đặc được tạo ra do sự kiện rằng thực ra chỉ có năm trung tâm chủ yếu là hoạt động ở con người trung bình [Page 791] cho đến lần điểm đạo thứ ba; tất cả đều hiện diện, và tất cả đều được tiếp sinh lực, nhưng chỉ có năm trung tâm trong sự tiến hoá bình thường ngũ phân này là trội hơn. Vì vậy mãnh lực phát ra từ năm trung tâm này cuốn chất liệu đậm đặc vào một sự kết tụ chặt chẽ. Vì hai trung tâm không hoạt động mạnh bằng năm trung tâm kia, nên không hình thành một hình trứng như trong trường hợp của các thể dĩ thái, cảm dục và trí tuệ. Hình dạng ngũ phân của con người hồng trần là kết quả của sự định hướng ngũ phân của các dòng mãnh lực từ năm trung tâm.

It might be interesting also to point out that the interaction of the energy of the solar Pitris and of the lunar Pitris produces a very definite effect upon the lower group of lunar Pitris, and is one of the means whereby they will eventually reach the stage at which the solar Pitris are. This (if fully realised by man) will bring him to a very careful control of his sheaths, and to a close attention to the direction in which his force or energy is turned. He is responsible for the work of aiding in the evolution of substance, being himself a manasaputra.

Có lẽ cũng thú vị khi chỉ ra rằng sự tương tác giữa năng lượng của các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ tạo ra một hiệu quả rất xác định lên nhóm thấp hơn của các thái âm tổ phụ, và là một trong những phương tiện nhờ đó cuối cùng họ sẽ đạt đến giai đoạn mà các thái dương tổ phụ đang ở. Điều này (nếu được con người nhận biết đầy đủ) sẽ đưa y đến sự kiểm soát rất cẩn trọng các thể của mình, và đến sự chú ý chặt chẽ đối với hướng mà mãnh lực hay năng lượng của y được chuyển về. Y chịu trách nhiệm về công việc trợ giúp trong sự tiến hoá của chất liệu, vì chính y là một manasaputra.

(h.) Incarnation and Karma. In resuming our consideration of the process pursued by the reincarnating Ego, it is necessary to point out that the entire subject radically concerns *energy*, and that according to the place in evolution of the unit of force involved, so will the length of time required for the process be brief, or the reverse. In the early stages, the initiatory impulse is heavy and slow, and the matter required for the sheaths is of a correspondingly "low" grade, that is, it is of low vibratory capacity, and the time elapsing between the first vibration outwards on the mental plane, and the coordination of the dense physical body is a long one. Later on, the vibration becomes more powerful and the effects therefore are more rapidly felt. At the close of evolution, when the human unit is upon the Path and consciously controlling his destiny, and working off [Page 792] karma, the intervals intervening between two incarnations are brief or not as the man may choose in the interests of the work to be done, and according to his intention to achieve liberation from form. It must also be remembered that as the evolutionary process proceeds, the egoic activity calls out response not only from substance in the three worlds, but also from the formless levels of the system. The response will be felt finally on monadic levels. Then, after a moment of equilibrium, the effect of the rhythm is felt entirely on the higher planes, and leaves the lower.

(h.) Nhập thể và Nghiệp quả. Khi tiếp tục lại việc xem xét tiến trình mà Chân ngã tái sinh theo đuổi, cần phải chỉ ra rằng toàn bộ chủ đề này về căn bản liên quan đến *năng lượng*, và tuỳ theo vị trí trong tiến hoá của đơn vị mãnh lực liên hệ mà khoảng thời gian cần cho tiến trình sẽ ngắn hay ngược lại. Trong các giai đoạn đầu, xung lực khởi đầu nặng nề và chậm chạp, và vật chất cần cho các thể có phẩm cấp "thấp" tương ứng, nghĩa là có khả năng rung động thấp, và thời gian trôi qua giữa rung động đầu tiên hướng ra ngoài trên cõi trí và sự phối hợp của thể xác đậm đặc là một khoảng dài. Về sau, rung động trở nên mạnh hơn và do đó các hiệu quả được cảm nhận nhanh hơn. Vào cuối tiến hoá, khi đơn vị nhân loại ở trên Đường Đạo và hữu thức kiểm soát số phận của mình, đồng thời đang giải trừ [Page 792] nghiệp quả, thì các khoảng cách xen giữa hai lần nhập thể là ngắn hay không là tuỳ con người có thể chọn theo lợi ích của công việc cần làm, và theo ý định của y nhằm đạt được giải thoát khỏi hình tướng. Cũng phải nhớ rằng khi tiến trình tiến hoá tiếp diễn, hoạt động chân ngã khơi dậy đáp ứng không chỉ từ chất liệu trong ba cõi giới, mà còn từ các cấp độ vô tướng của hệ thống. Cuối cùng đáp ứng sẽ được cảm nhận trên các cấp độ chân thần. Rồi, sau một khoảnh khắc quân bình, hiệu quả của nhịp điệu được cảm nhận hoàn toàn trên các cõi cao hơn, và rời bỏ các cõi thấp.

The word "moment" is used here in its occult significance to specify a period of time, and must be considered as a period relative to a day or year of Brahma. One of the secrets of initiation is concerned with the apprehension of cycles, and with their duration, and the following terms have to be appreciated, their duration recognised, and

Từ "khoảnh khắc" được dùng ở đây theo ý nghĩa huyền bí của nó để chỉ một khoảng thời gian, và phải được xem là một khoảng tương đối so với một ngày hay một năm của Brahma. Một trong những bí mật của điểm đạo liên quan đến sự lĩnh hội các chu kỳ, và thời lượng của chúng, và các thuật ngữ sau đây phải được thấu hiểu, thời lượng của

their antithesis (an intervening pralaya) duly considered before a man is considered a true occultist.

chúng phải được nhận biết, và phản đề của chúng (một giai kỳ qui nguyên xen giữa) phải được cân nhắc đúng mức trước khi một người được xem là một nhà huyền bí học chân chính.

a.	100 years of Brahma	An occult century. The period of a solar system.
b.	One year of Brahma	The period of seven chains, where the seven planetary schemes are concerned.
c.	One week of Brahma	The period of seven rounds in one scheme. It has a chain significance.
d.	One day of Brahma	The occult period of a round.
e.	One hour of Brahma	Concerns interchain affairs.
f.	One Brahmic minute	Concerns the planetary centres, and therefore egoic groups.
g.	One Brahmic moment	Concerns an egoic group, and its relation to the whole.

These are the greater periods of time, and when their significance is comprehended, much that is now obscure [Page 793] will be revealed. As yet, it is only to initiates that the true figures are given, the figures in the *Secret Doctrine*, such as the 100 years of Brahma, strike the *general average* but it must be ever remembered that in considering the figures where a scheme, for instance, is concerned, much latitude has to be allowed for individual planetary karma, and idiosyncrasy.

Đây là những khoảng thời gian lớn hơn, và khi ý nghĩa của chúng được thấu hiểu, nhiều điều hiện còn mờ tối [Page 793] sẽ được mặc khải. Hiện nay, chỉ các điểm đạo đồ mới được trao cho các con số chân thực; các con số trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, chẳng hạn như 100 năm của Brahma, chỉ nêu ra *mức trung bình tổng quát* nhưng phải luôn nhớ rằng khi xem xét các con số ở nơi chẳng hạn một hệ hành tinh có liên hệ, phải dành một biên độ rộng cho nghiệp quả hành tinh cá biệt và đặc tính riêng.

The following points are worthy of consideration when upon this subject, and deal with some interesting factors.

Những điểm sau đây đáng được xem xét khi bàn về chủ đề này, và liên quan đến một số yếu tố thú vị.

All the planetary Rishis are not equally "long-lived," in the occult sense of the term, and the seven planetary Logoi of the seven sacred planets are at different stages of evolution; Their vibratory response, therefore, differs, producing varying effects in time.

Không phải tất cả các Rishis hành tinh đều "trường thọ" như nhau, theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ này, và bảy Đức Hành Tinh Thượng Đế của bảy hành tinh thiêng liêng đang ở những giai đoạn tiến hoá khác nhau; vì vậy đáp ứng rung động của Các Ngài khác nhau, tạo ra những hiệu quả khác nhau trong thời gian.

The three major planetary schemes (Uranus, Neptune, and Saturn) have not, as yet, received their fullest stimulation, and will not do so until the "energy of the sacred seven" has been transferred to Them. Figures, therefore, as regards their duration and persistence are not in order.

Ba hệ hành tinh chính (Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, và Sao Thổ) cho đến nay vẫn chưa nhận được sự kích thích đầy đủ nhất của mình, và sẽ chưa nhận được cho đến khi "năng lượng của bảy hành tinh thiêng liêng" được chuyển dịch sang Các Ngài. Vì vậy các con số liên quan đến thời lượng và sự kéo dài của các hệ ấy là chưa thích hợp.

The figures for the planets concerned with the "inner round" differ as to *length of time* but not as to space location from those of other planets.

Các con số dành cho những hành tinh liên hệ đến "cuộc tuần hoàn nội tại" khác nhau về *độ dài thời gian* nhưng không khác về vị trí không gian so với các hành tinh khác.

The true figures in connection with any planetary scheme and its occult activity are not ascertainable by the man who cannot be trusted with the significance of the other planetary bodies (of great number) within the solar ring-pass-not. The entire solar sphere is full of such bodies, characterised by the same features as are the seven and the ten, and each of them in some degree has an effect upon the whole. Figures, therefore, cannot be considered as final until the effect of the lesser planetary bodies upon their immediate neighbours is known, and the extent of their planetary radiation has been gauged. There are more than 115 of such bodies to be reckoned with, and all are at

Các con số chân thực liên quan đến bất kỳ hệ hành tinh nào và hoạt động huyền bí của nó không thể được xác định bởi người không thể được tin cậy để nắm giữ ý nghĩa của các thiên thể hành tinh khác (với số lượng lớn) bên trong vòng-giới-hạn thái dương. Toàn bộ khối cầu thái dương đầy những thiên thể như thế, được đặc trưng bởi cùng những nét như bảy và mười thiên thể, và mỗi thiên thể trong một mức độ nào đó đều có ảnh hưởng lên toàn thể. Vì vậy các con số không thể được xem là chung quyết cho đến khi ảnh hưởng của các thiên thể hành tinh nhỏ hơn lên các láng giềng gần nhất của chúng được biết đến, và mức độ bức xạ hành tinh của chúng được đo lường. Có hơn 115 thiên thể

varying stages of vibratory [Page 794] impulse. They have definite orbits, they turn upon their axis, they draw their "life" and substance from the sun, but owing to their relative insignificance, they have not yet been considered factors of moment. This attitude of mind will change when etheric vision is a fact, and the reality of the existence of an etheric double of all that is in manifestation will be recognised by scientists. This fact will be demonstrated towards the close of the century, and, during the early part of the next century a revolution in astronomical circles will occur which will result in the study of the "etheric planets." As these bodies are organs of energy, permeating the dense form, the study of the interaction of solar energy, and the occult "give and take" of planetary bodies will assume a new significance. Certain planetary bodies (both greater and lesser) are "absorbers," others are "radiators," while some are in the stage of demonstrating a dual activity, and are being "transmuted." All these circumstances require to be considered by the initiate who is dealing with cycles.

như thế phải được tính đến, và tất cả đều ở những giai đoạn khác nhau của xung lực rung động [Page 794]. Chúng có những quỹ đạo xác định, chúng quay trên trục của mình, chúng rút "sự sống" và chất liệu của mình từ mặt trời, nhưng do tính không đáng kể tương đối của chúng, chúng chưa được xem là những yếu tố quan trọng. Thái độ tư duy này sẽ thay đổi khi linh thị dĩ thái trở thành một thực tại, và thực tại về sự tồn tại của một bản sao dĩ thái của mọi thứ đang biểu hiện được các nhà khoa học công nhận. Sự kiện này sẽ được chứng minh vào cuối thế kỷ, và trong phần đầu của thế kỷ tiếp theo sẽ xảy ra một cuộc cách mạng trong giới thiên văn học, dẫn đến việc nghiên cứu các "hành tinh dĩ thái." Vì các thiên thể này là những cơ quan năng lượng, thấm nhập hình tướng đậm đặc, nên việc nghiên cứu sự tương tác của năng lượng thái dương, và sự "cho và nhận" huyền bí của các thiên thể hành tinh sẽ mang một ý nghĩa mới. Một số thiên thể hành tinh (cả lớn lẫn nhỏ) là những "bộ hấp thụ," những thiên thể khác là những "bộ bức xạ," trong khi một số đang ở giai đoạn biểu lộ một hoạt động kép, và đang được "chuyển hoá." Tất cả những hoàn cảnh này cần phải được điểm đạo đồ cân nhắc khi bàn đến các chu kỳ.

Figures also must be computed when the effect upon the planets of what are called "asteroids" is known. This is much greater than exoteric science has so far admitted, but the significance of this must eventually be interpreted in terms of energy and on etheric levels.

Các con số cũng phải được tính toán khi ảnh hưởng lên các hành tinh của những gì được gọi là "các tiểu hành tinh" được biết đến. Ảnh hưởng này lớn hơn nhiều so với khoa học ngoại môn cho đến nay đã thừa nhận, nhưng ý nghĩa của điều này cuối cùng phải được diễn giải theo các thuật ngữ của năng lượng và trên các cấp độ dĩ thái.

Another factor in computation which must also be considered is the effect of the various moons upon any planetary scheme, and the true meaning of the eighth sphere in connection with dense substance. Every

Một yếu tố khác trong việc tính toán cũng phải được cân nhắc là ảnh hưởng của các mặt trăng khác nhau lên bất kỳ hệ hành tinh nào, và ý nghĩa chân thực của khối cầu thứ tám liên hệ với chất liệu đậm đặc. Mọi mặt

moon is occultly a "point of corruption," or that which is passing off in noxious gases. The transmutation of the form has been proceeded with in their case to a point where all that represents *vital* energy has left, all solar life has passed off, no remnants of pranic energy remain, and that which is to be seen is simply the decay of the physical body,—a decay which is proceeding on etheric levels as well as [Page 795] on physical. The decay of a moon has as great an evil effect upon all that contacts it as a decaying body on earth has upon its surroundings. It is occultly "offensive." This will be more truly apprehended when the etheric double of our moon is studied. As the moon becomes small through the process of disintegration, its effect upon the Earth will be correspondingly lessened, and this stage will be paralleled by a consequent greater freedom from evil impulse of the sons of men. Better conditions among the animals will be another result above all else, and the dying out of that which is noxious in the animal kingdom. By the time the seventh round is reached, the evil effect of the then moon (which will have to all intents and purposes practically disappeared) will be finished. During the fifth round, men will discover how to neutralise any remaining effects through scientific achievement and knowledge of the necessary sounds and mantrams, and thus much evil will be offset. The etheric moon is included in these remarks. The greatest effect of moon conditions is to be seen working out predominantly in the terror, and present distress in the animal kingdom. *(Bible. Romans, 8:22.)*

trăng theo huyền bí học đều là một "điểm hư hoại," hay cái đang thoát ra trong những khí độc. Sự chuyển hoá của hình tướng trong trường hợp của chúng đã tiến đến một điểm mà mọi thứ đại diện cho năng lượng *sinh lực* đã rời đi, mọi sự sống thái dương đã tiêu tán, không còn tàn dư năng lượng prana nào, và cái có thể được thấy chỉ đơn giản là sự phân rã của thể xác,—một sự phân rã đang diễn ra trên các cấp độ dĩ thái cũng như [Page 795] trên cấp độ hồng trần. Sự phân rã của một mặt trăng có ảnh hưởng xấu lớn lên mọi thứ tiếp xúc với nó cũng như một thân thể đang phân huỷ trên trái đất có ảnh hưởng lên môi trường xung quanh. Theo huyền bí học, nó là "điều gây ô uế." Điều này sẽ được lĩnh hội chân thực hơn khi bản sao dĩ thái của mặt trăng chúng ta được nghiên cứu. Khi mặt trăng trở nên nhỏ đi qua tiến trình tan rã, ảnh hưởng của nó lên Trái Đất sẽ giảm đi tương ứng, và giai đoạn này sẽ song hành với một sự giải thoát lớn hơn khỏi xung lực xấu xa nơi những người con của nhân loại. Những điều kiện tốt hơn trong giới động vật sẽ là một kết quả khác trên hết mọi điều, và sự tiêu vong của cái độc hại trong giới động vật. Vào lúc cuộc tuần hoàn thứ bảy đạt tới, ảnh hưởng xấu của mặt trăng khi ấy (vốn trên thực tế hầu như đã biến mất) sẽ chấm dứt. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, con người sẽ khám phá cách trung hoà mọi ảnh hưởng còn lại qua thành tựu khoa học và tri thức về các âm thanh cùng mantram cần thiết, và như thế nhiều điều ác sẽ được hóa giải. Mặt trăng dĩ thái cũng được bao gồm trong những nhận xét này. Ảnh hưởng lớn nhất của các điều kiện mặt trăng được thấy đang biểu lộ chủ yếu trong nỗi kinh hoàng và khốn khổ hiện nay trong giới động vật. *(Kinh Thánh. Rô-ma, 8:22.)*

A further factor in cyclic computation lies in the effect of the following stars and

Một yếu tố nữa trong việc tính toán chu kỳ nằm ở ảnh hưởng của các ngôi sao và chòm

constellations upon our system and upon any particular scheme within the system:

a. The Great Bear.

b. The Little Bear.

c. The Pole Star, especially where our planet is concerned.

d. The Pleiades.

e. The constellation of Capricorn.

f. Draco.

g. Sirius.

h. The various constellations and stars of the Zodiac.

[Page 796] The mystery is hidden in esoteric astrology, and until the subject of energy working through the etheric body, of radioactivity, and of the transmutation of all bodies from a lower state into a higher is better comprehended, the true mystery of the "influence" of these various bodies upon each other will remain at its present stage—an unrevealed secret. If the radiatory effect of a human being or of a group of human beings upon each other is as yet practically an unknown thing from the standpoint of practical science, so the occult effect of these greater forms upon each other remains unknown. Science recognises certain effects, leading and tending to the general coherence of the universe, just as the general laws of the social order among men are theoretically apprehended, but the true scientific realisation of energy-radiations emanating from the etheric bodies of all

sao sau đây lên hệ thống chúng ta và lên bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào trong hệ thống:

a. Đại Hùng Tinh.

b. Tiểu Hùng Tinh.

c. Sao Bắc Cực, đặc biệt khi liên quan đến hành tinh chúng ta.

d. Thất Nữ Tinh.

e. Chòm sao Ma Kết.

f. Thiên Long.

g. Sirius.

h. Các chòm sao và các ngôi sao khác nhau của Hoàng đạo.

[Page 796] Huyền nhiệm được ẩn giấu trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, và cho đến khi chủ đề năng lượng hoạt động qua thể dĩ thái, tính phóng xạ, và sự chuyển hoá của mọi thân thể từ trạng thái thấp lên trạng thái cao được thấu hiểu tốt hơn, thì huyền nhiệm chân thực về "ảnh hưởng" của các thiên thể khác nhau này lên nhau sẽ vẫn ở giai đoạn hiện nay của nó—một bí mật chưa được mặc khải. Nếu hiệu quả bức xạ của một con người hay của một nhóm người lên nhau cho đến nay vẫn thực tế là điều chưa biết từ quan điểm của khoa học thực nghiệm, thì hiệu quả huyền bí của những hình tướng lớn hơn này lên nhau cũng vẫn chưa được biết. Khoa học công nhận một số hiệu quả nhất định, dẫn đến và hướng đến sự cố kết chung của vũ trụ, cũng như các định luật tổng quát của trật tự xã hội giữa con người được lĩnh hội trên lý thuyết, nhưng sự nhận biết khoa học chân thực về các bức xạ năng lượng phát ra

these suns and groups of suns, and from all these planets and groups of planets is little understood. Their atomic activity is recognised, but that department of their being, which finds its correspondence in "animal magnetism" in man, is little realised, while the even more potent factor of the magnetic radiation of their astral bodies is totally uncalculated, nor is it admitted. All these factors have to be allowed for in any consideration of the factor of time and cycles, and the true esoteric knowledge is not to be gained by the study of figures by the lower mind. It comes as the result of the intuition and is stimulated at initiation.

từ các thể dĩ thái của tất cả các mặt trời và các nhóm mặt trời này, và từ tất cả các hành tinh cùng các nhóm hành tinh này thì ít được thấu hiểu. Hoạt động nguyên tử của chúng được công nhận, nhưng bộ phận của bản thể chúng, vốn tìm thấy tương ứng của nó trong "từ điện động vật" nơi con người, thì ít được nhận biết, trong khi yếu tố còn mạnh hơn nữa là bức xạ từ tính của các thể cảm dục của chúng thì hoàn toàn không được tính đến, cũng không được thừa nhận. Tất cả những yếu tố này phải được tính đến trong bất kỳ sự xem xét nào về yếu tố thời gian và các chu kỳ, và tri thức huyền bí chân thực không thể đạt được bằng việc nghiên cứu các con số bằng hạ trí. Nó đến như kết quả của trực giác và được kích thích lúc điểm đạo.

All that has here been pointed out, can be applied equally (though in a very finite sense) to the ego and its cycles, and also equally, considerations other than the purely "personal" will enter into its time periods. The influence of other groups and of other units, the effects of radiation from other rays, and of certain types of force as yet unrevealed, and thus outside our consideration, are concerned with its appearing, with the duration of its [Page 797] manifestation, its subsequent obscuration, and final pralayic interval. As the Ego has time periods corresponding to those of Brahma, and its "100 years" and its "777 incarnations" have a solar analogy, so equally groups of Egos differ as to time, just as the planetary schemes are analogous in evolution but differ where their periods are concerned. The Law of Periodicity is one, but as it is based upon initial impulse, and upon the rhythmic beat of the "central heart" or the "central sun" of any organism (solar system, planetary scheme, planetary chain, egoic group or individual egoic life) the true nature or "family" of any such organism

Tất cả những gì đã được chỉ ra ở đây đều có thể được áp dụng tương tự (dù theo một ý nghĩa rất hữu hạn) cho chân ngã và các chu kỳ của nó, và cũng tương tự, những cân nhắc khác ngoài cái thuần "cá nhân" sẽ đi vào các thời kỳ thời gian của nó. Ảnh hưởng của các nhóm khác và các đơn vị khác, các hiệu quả của bức xạ từ các cung khác, và của một số loại mãnh lực chưa được mặc khải, do đó nằm ngoài sự xem xét của chúng ta, đều liên quan đến sự xuất hiện của nó, đến thời lượng của [Page 797] biểu hiện của nó, sự che mờ tiếp theo, và khoảng giai kỳ qui nguyên cuối cùng. Cũng như Chân ngã có những thời kỳ thời gian tương ứng với những thời kỳ của Brahma, và "100 năm" cùng "777 lần nhập thể" của nó có một sự tương đồng thái dương, thì các nhóm Chân ngã cũng khác nhau về thời gian, cũng như các hệ hành tinh tương đồng trong tiến hoá nhưng khác nhau về các thời kỳ của chúng. Định luật Chu Kỳ là một, nhưng vì nó dựa trên xung lực ban đầu, và trên nhịp đập có tiết tấu của "tim trung tâm" hay "mặt trời trung tâm" của bất kỳ cơ thể nào (hệ mặt trời, hệ hành tinh, dãy hành tinh, nhóm chân ngã hay sự

must be ascertained before cyclic pronouncements can be made with any hope of approximate accuracy. This was why H. P. B. sought to emphasise the need of studying the "astral family" and occult heredity of any person, for in the astral is to be found the clue to the "egoic family or group." With this clue the student can then ascertain the characteristics of his group on egoic levels, its place among other egoic groups, and eventually his ray or group centre. As time elapses, the true study of heredity and esoteric transmission will open up, and the whole fabric of thought built up around such modern expressions as:

sống chân ngã cá biệt), nên bản chất chân thực hay "gia đình" của bất kỳ cơ thể nào như thế phải được xác định trước khi có thể đưa ra những tuyên bố về chu kỳ với chút hy vọng nào về độ chính xác gần đúng. Đó là lý do H. P. B. đã tìm cách nhấn mạnh nhu cầu nghiên cứu "gia đình cảm dục" và di truyền huyền bí của bất kỳ người nào, vì trong cảm dục có thể tìm thấy đầu mối dẫn đến "gia đình hay nhóm chân ngã." Với đầu mối này, đạo sinh khi ấy có thể xác định các đặc tính của nhóm mình trên các cấp độ chân ngã, vị trí của nó giữa các nhóm chân ngã khác, và cuối cùng là cung hay trung tâm nhóm của mình. Theo thời gian, việc nghiên cứu chân thực về di truyền và truyền thừa nội môn sẽ được khai mở, và toàn bộ cấu trúc tư tưởng được dựng lên quanh những cách diễn đạt hiện đại như:

a. Consanguinity or blood ties

a. Huyết thống hay ràng buộc máu mủ

b. Physical heredity

b. Di truyền hồng trần

c. Atavism

c. Hiện tượng lại giống tổ tiên

d. Intermarriage

d. Hôn phối giữa các nhóm

e. Family relationships

e. Quan hệ gia đình

f. The family unit

f. Đơn vị gia đình

g. Soul mates

g. Bạn đời linh hồn

h. Divorce and many other terms

h. Ly hôn và nhiều thuật ngữ khác

will be shifted to higher planes, and will be recognised and used in connection with soul relationships. They are, as yet, but a faint realisation on the physical plane of [Page 798] certain inner relations, which are seeking outer response. When all aggregates

sẽ được chuyển lên các cõi cao hơn, và sẽ được công nhận và sử dụng trong liên hệ với các quan hệ linh hồn. Hiện nay, chúng chỉ là một sự nhận biết mờ nhạt trên cõi hồng trần về [Page 798] một số quan hệ bên trong đang tìm kiếm đáp ứng bên ngoài. Khi mọi tập

of ideas are interpreted in terms of force and energy, in terms of attraction and repulsion, or the vibratory response of units to each other, and of aggregates of units to other groups, we shall have the clearing up of many problems and a simplification of life. Men will be true to their group affiliations, and the present misgrouping and mismating will gradually, through knowledge, die out.

hợp ý tưởng được diễn giải theo các thuật ngữ của mãnh lực và năng lượng, theo các thuật ngữ của hấp dẫn và đẩy lùi, hay của đáp ứng rung động của các đơn vị đối với nhau, và của các tập hợp đơn vị đối với các nhóm khác, chúng ta sẽ có sự làm sáng tỏ nhiều vấn đề và sự đơn giản hoá đời sống. Con người sẽ trung thành với các liên kết nhóm của mình, và sự xếp nhóm sai lầm cùng kết đôi sai lầm hiện nay sẽ dần dần, nhờ tri thức, biến mất.

We can now take up the consideration of karma in its relation to the act of reincarnation. As we are well aware, the law of karma is the most stupendous law of the system and one which it is impossible for the average man in any way to comprehend, for, if traced back along its central root and its many ramifications, one eventually reaches the position where causes antedating the solar system have to be dealt with, and this point of view can only be usefully grasped by a high initiate.

Giờ đây chúng ta có thể bàn đến nghiệp quả trong liên hệ của nó với hành động tái sinh. Như chúng ta đều biết rõ, định luật nghiệp quả là định luật vĩ đại nhất của hệ thống và là một định luật mà con người trung bình không thể nào thấu hiểu được, vì nếu truy nguyên ngược về căn nguyên trung tâm của nó và vô số nhánh phụ của nó, cuối cùng người ta sẽ đi đến vị trí mà ở đó phải bàn đến những nguyên nhân có trước hệ mặt trời, và quan điểm này chỉ có thể được một điểm đạo đồ cao cấp nắm bắt một cách hữu ích.

This great law really concerns, or is based on causes which are inherent in the constitution of matter itself and on the interaction between atomic units whether we use this expression in connection with an atom of substance, a human being, a planetary atom or a solar atom.

Định luật vĩ đại này thực sự liên quan đến, hay dựa trên, những nguyên nhân vốn cố hữu trong chính cấu tạo của vật chất và trên sự tương tác giữa các đơn vị nguyên tử, dù chúng ta dùng cách diễn đạt này liên hệ với một nguyên tử chất liệu, một con người, một nguyên tử hành tinh hay một nguyên tử thái dương.

We might express it also in saying that the will aspect or initiatory impulse is primarily that which produces cause, which is cause itself. It should be remembered ever that cause involves the idea of duality, i.e., that which initiates, and that which is produced simultaneously by the initiation. The two ideas are inseparable, yet nevertheless the second idea in its most abstract connotation must not be considered literally as an *effect*;

Chúng ta cũng có thể diễn đạt điều đó bằng cách nói rằng phương diện ý chí hay xung lực khởi đầu trước hết là cái tạo ra nguyên nhân, chính là nguyên nhân. Cần luôn nhớ rằng nguyên nhân bao hàm ý niệm về nhị nguyên tính, tức là cái khởi xướng, và cái được tạo ra đồng thời bởi sự khởi xướng. Hai ý niệm này không thể tách rời, tuy nhiên ý niệm thứ hai trong hàm nghĩa trừu tượng nhất của nó không được hiểu theo nghĩa đen

true effect involves a third idea. Some appreciation of the problem may be gleaned by a consideration of phenomena which ever involves this dual initiatory cause and its objective effect: [Page 799]

như một *hiệu quả*; hiệu quả chân thực bao hàm một ý niệm thứ ba. Có thể thu lượm được một phần nào sự lĩnh hội về vấn đề này bằng cách xem xét các hiện tượng, điều luôn bao hàm nguyên nhân khởi đầu nhị nguyên này và hiệu quả khách quan của nó: [Page 799]

a. Spirit-matter in dual activity produces the objective universe.

a. Tinh thần-vật chất trong hoạt động nhị nguyên tạo ra vũ trụ khách quan.

b. Electric fire and fire by friction when brought into contact produce solar fire; it flashes forth from darkness, yet a darkness which is potent with energy.

b. Lửa Điện và Lửa ma sát khi được đưa vào tiếp xúc sẽ tạo ra Lửa Thái dương; nó bùng phát từ bóng tối, nhưng là một bóng tối sung mãn năng lượng.

c. Will-desire is the cause of incarnation; the will-to-be reacting on substance (whose main quality is desire or responsiveness to sensation) produces the forms through which the central Life or Existence seeks expression.

c. Ý chí-dục vọng là nguyên nhân của sự nhập thể; ý chí-hiện hữu tác động lên chất liệu (mà phẩm tính chính là dục vọng hay sự đáp ứng với cảm giác) tạo ra những hình tướng qua đó Sự sống trung tâm hay Hiện Hữu tìm cách biểu lộ.

d. Ideas and thought-matter together produce thoughtforms.

d. Các ý tưởng và vật chất tư tưởng cùng nhau tạo ra các hình tư tưởng.

If the student considers these points, it will become apparent that it is not possible for him to do more than study the *effects* produced by the juxtaposition of the pairs of opposites; he cannot dissociate them in his mind and deal with Spirit *per se*, or with matter *per se* any more than the atom of substance in man's physical body can dissociate itself from that body, and consider itself independently of form influences. All atoms are always controlled by the following factors, just as a man in the body of a planetary Logos, and a planetary Logos within His greater Whole will be equally controlled by the same basic principles:

Nếu đạo sinh suy xét những điểm này, sẽ trở nên hiển nhiên rằng y không thể làm gì hơn ngoài việc nghiên cứu các *kết quả* do sự kề cận của các cặp đối cực tạo ra; y không thể tách rời chúng trong trí mình và bàn đến Tinh thần *chính nó*, hay bàn đến vật chất *chính nó* cũng như nguyên tử chất liệu trong thể xác của con người không thể tự tách mình ra khỏi thể ấy và tự xét mình một cách độc lập với các ảnh hưởng của hình tướng. Mọi nguyên tử luôn luôn bị chi phối bởi các yếu tố sau đây, cũng như một con người trong thân thể của một Đức Hành Tinh Thượng Đế, và một Đức Hành Tinh Thượng Đế bên trong Toàn Thể lớn lao hơn của Ngài, đều sẽ bị chi phối như nhau bởi cùng những nguyên lý căn bản ấy:

The influence and quality of the organ or unit in which it finds a place. In the human atom this means his group force or influence.

Ảnh hưởng và phẩm tính của cơ quan hay đơn vị mà trong đó nó tìm được chỗ đứng. Đối với nguyên tử nhân loại, điều này có nghĩa là mãnh lực hay ảnh hưởng nhóm của y.

The life influence of the entire physical body of which any atom is a corporate part. In the human atom this means the influence of the particular centre in which his egoic group has a place, and the type of energy which it embodies.

Ảnh hưởng sự sống của toàn thể thể xác mà bất kỳ nguyên tử nào cũng là một phần hợp thành. Đối với nguyên tử nhân loại, điều này có nghĩa là ảnh hưởng của trung tâm đặc thù mà nhóm chân ngã của y có một vị trí trong đó, và loại năng lượng mà trung tâm ấy thể hiện.

The life influence of the desire or astral body, the strongest karmic agency which has to be considered. [Page 800] In the human atom, this involves the influence of the three centres in the body of the Heavenly Man which form any specific "force triangle," and which have much to do with the liberation of *groups of Egos* from manifestation.

Ảnh hưởng sự sống của thể dục vọng hay thể cảm dục, tác nhân nghiệp quả mạnh nhất cần phải được xét đến. [Page 800] Đối với nguyên tử nhân loại, điều này bao hàm ảnh hưởng của ba trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân tạo thành bất kỳ "tam giác lực" đặc thù nào, và có liên hệ rất nhiều đến sự giải thoát các *nhóm Chân ngã* khỏi sự biểu hiện.

The life influences of the mental body, or of that principle which imposes upon the atom the quality of activity in form, which governs the reaction of the atom to its group life, and which enables the quality of its life to be demonstrated. In the human atom this concerns those causes which are incident to a man's Ray, or literally the influence of the life of the planetary Logos as He functions as a self-conscious Life on His Own plane, as He works out His Own plans, and consequently sweeps into activity the cells of His body as mere incidents where He (the basic central life) is concerned.

Các ảnh hưởng sự sống của thể trí, hay của nguyên khí áp đặt lên nguyên tử phẩm tính hoạt động trong hình tướng, chi phối sự đáp ứng của nguyên tử đối với đời sống nhóm của nó, và làm cho phẩm tính của sự sống nó có thể được biểu lộ. Đối với nguyên tử nhân loại, điều này liên quan đến những nguyên nhân gắn liền với cung của một người, hay theo nghĩa đen là ảnh hưởng của sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài hoạt động như một Sự sống ngã thức trên cõi riêng của Ngài, khi Ngài triển khai các kế hoạch riêng của Ngài, và do đó cuốn các tế bào trong thân thể Ngài vào hoạt động như những sự việc phụ thuộc đơn thuần xét theo phương diện Ngài (sự sống trung tâm căn bản).

The life impulse of the Thinker functioning in the causal body who—though a great

Xung lực sự sống của Đấng Tư Tưởng hoạt động trong thể nguyên nhân, Đấng—dù là

abstraction or the Absolute where the cellular life is concerned—is nevertheless a potent and active factor in the imposition of rhythm upon the atom in every body. In the human atom, this brings in the influence of the life of the solar Logos, for that Life imposes rhythm upon every human atom in the system, and does so through the agency of substance and its inherent quality, sensation.

In these thoughts, we have but approached the study of karma from a fresh angle, and endeavoured to show the sources of the "influences" which play upon all atomic lives.

The atom likewise is controlled by its own "esse," or by its own inherent nature or vibration, which was the quality of matter itself before it was aggregated into a solar system, and which was the vibratory activity produced through the rhythmic life of an earlier solar system. [Page 801] This is equally true of all atoms of all grades, but only in connection with the atom of substance, and to some degree with the human atom, is it in any way possible to ascertain the predisposing causes. Until the mystery of the Great Bear is revealed and is known as it is, and until the influence of the Pleiades is comprehended, and the true significance of the cosmic triangle formed by

a. The seven Rishis of the Great Bear,

b. The seven planetary Logoi of our solar system,

c. The seven Pleiades or Sisters,

một sự trừu tượng lớn lao hay Tuyệt Đối xét theo sự sống tế bào—dẫu vậy vẫn là một yếu tố mạnh mẽ và năng động trong việc áp đặt nhịp điệu lên nguyên tử trong mọi thân thể. Đối với nguyên tử nhân loại, điều này đưa vào ảnh hưởng của sự sống của Thái dương Thượng đế, vì Sự sống ấy áp đặt nhịp điệu lên mọi nguyên tử nhân loại trong hệ thống, và làm như vậy thông qua tác nhân là chất liệu và phẩm tính cố hữu của nó là cảm giác.

Trong những tư tưởng này, chúng ta chỉ mới tiếp cận việc nghiên cứu nghiệp quả từ một góc độ mới, và cố gắng chỉ ra các nguồn gốc của những "ảnh hưởng" tác động lên mọi sự sống nguyên tử.

Nguyên tử cũng bị chi phối bởi "esse" riêng của nó, hay bởi bản chất hoặc rung động cố hữu của chính nó, vốn là phẩm tính của chính vật chất trước khi nó được kết tập thành một hệ mặt trời, và vốn là hoạt động rung động được tạo ra qua sự sống nhịp điệu của một hệ mặt trời trước đó. [Page 801] Điều này cũng đúng như vậy đối với mọi nguyên tử ở mọi cấp độ, nhưng chỉ liên quan đến nguyên tử chất liệu, và ở một mức độ nào đó với nguyên tử nhân loại, thì mới có thể phần nào xác định được các nguyên nhân khuynh hướng từ trước. Chừng nào huyền nhiệm của Đại Hùng Tinh còn chưa được mặc khải và được biết đúng như nó là, và chừng nào ảnh hưởng của Thất Nữ Tinh còn chưa được thấu hiểu, và thâm nghĩa chân thực của tam giác vũ trụ được tạo thành bởi

a. Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh,

b. Bảy Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta,

c. Bảy Thất Nữ Tinh hay Bảy Chị Em,

is revealed, the karma of the seven sacred planets will remain unknown. All that we can see is its working out in the solar system. The intricacy of the whole subject will be apparent when it is borne in mind that not only do these three groups form a cosmic triangle, but that within that triangle many lesser triangles have to be studied. Any one of the seven Rishis with one of our planetary Logoi and one of the seven Sisters may form a subsidiary triangle, and all must thus be studied.

còn chưa được mặc khải, thì nghiệp quả của bảy hành tinh thiêng liêng vẫn sẽ còn chưa được biết đến. Tất cả những gì chúng ta có thể thấy là sự vận hành của nó trong hệ mặt trời. Tính phức tạp của toàn bộ chủ đề sẽ trở nên hiển nhiên khi nhớ rằng không những ba nhóm này tạo thành một tam giác vũ trụ, mà bên trong tam giác ấy còn có nhiều tam giác nhỏ hơn cần phải được nghiên cứu. Bất kỳ một trong bảy Rishi nào cùng với một trong các Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và một trong Bảy Chị Em đều có thể tạo thành một tam giác phụ, và tất cả đều phải được nghiên cứu như thế.

In connection with the karma of the solar Logos, the subject is even more abstract and incomprehensible. It lies hidden—not in the seven constellations—but in the three constellations which concern the three bodies of His Personality and which in themselves are but manifestations of a central LIFE past our concept and our recognition. It concerns the manifestation in time and space of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and Whose relationship to the solar Logos finds a faint analogy in that of the planetary Logos to man, the human unit. It profits not to extend the thought any further.

Liên quan đến nghiệp quả của Thái dương Thượng đế, chủ đề này còn trừu tượng và bất khả hiểu hơn nữa. Nó ẩn giấu—không phải trong bảy chòm sao—mà trong ba chòm sao liên quan đến ba thể của Phàm ngã của Ngài và bản thân chúng chỉ là những biểu hiện của một SỰ SỐNG trung tâm vượt ngoài quan niệm và sự nhận biết của chúng ta. Nó liên quan đến sự biểu hiện trong thời gian và không gian của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, và mối liên hệ của Ngài với Thái dương Thượng đế có một sự tương đồng mờ nhạt với mối liên hệ của Đức Hành Tinh Thượng Đế với con người, đơn vị nhân loại. Không ích gì khi mở rộng tư tưởng này thêm nữa.

We are but seeking to emphasise the fact of the interdependence of all atoms and forms, to lay stress upon the reality of the variety of influences which play upon all [Page 802] that is manifesting, and to call attention to the fact of the karma of the past aeons, kalpas and that unknowable period in which the initiatory impulses were set up which are still persisting, and which God, man and atoms are still working out and off. Influences or vibrations, calling forth response, play upon every form and atom in the solar system and all that can be

Chúng ta chỉ đang tìm cách nhấn mạnh sự kiện về tính tương thuộc của mọi nguyên tử và hình tướng, nhấn mạnh thực tại của sự đa dạng các ảnh hưởng tác động lên mọi [Page 802] gì đang biểu hiện, và lưu ý đến sự kiện về nghiệp quả của các đại kiếp, các kalpa trong quá khứ và giai đoạn bất khả tri ấy khi các xung lực khởi đầu được thiết lập mà đến nay vẫn còn tồn tại, và Thượng đế, con người và các nguyên tử vẫn đang triển khai và giải trừ. Những ảnh hưởng hay rung động, gọi ra sự đáp ứng, tác động lên mọi hình tướng và nguyên tử trong hệ mặt trời và tất cả những

predicated of them is that they tend to develop consciousness of some kind, impose certain rhythms according to that conscious response, and produce aggregations or group activity.

gì có thể được khẳng định về chúng là chúng có khuynh hướng phát triển một loại tâm thức nào đó, áp đặt những nhịp điệu nhất định tùy theo sự đáp ứng hữu thức ấy, và tạo ra những sự kết tập hay hoạt động nhóm.

The liberation from karma about which would-be occult students so glibly talk is after all but the freeing of the atom from its own personal problem (the problem of response to unitary sensation), and its conscious acquiescence in group response and work. It marks the dissociation of the human atom from the rhythm imposed upon him by the lower "influences" which find their channel of approach through his vehicles, or lunar bodies, and his consequent willing recognition of the will-impulse of his greater whole, or the life of the egoic group—a centre in the planetary body. It involves atomic control, but involves also conscious subjection to the karma of the Heavenly Man. Man is no longer the slave of the rhythm of matter *per se*, but controls it in the three worlds of his endeavour; he is still nevertheless controlled by the group karma of the planetary centre, by its influence, life and vibratory impulse. The same can be predicated of a Heavenly Man, and of a solar Logos.

Sự giải thoát khỏi nghiệp quả mà những người muốn trở thành đạo sinh huyền bí học thường nói đến một cách quá dễ dãi, rốt cuộc chỉ là sự giải phóng nguyên tử khỏi vấn đề cá nhân riêng của nó (vấn đề đáp ứng với cảm giác đơn nhất), và sự thuận nhận có ý thức của nó đối với sự đáp ứng và công việc nhóm. Điều đó đánh dấu sự tách rời của nguyên tử nhân loại khỏi nhịp điệu áp đặt lên y bởi các "ảnh hưởng" thấp hơn vốn tìm được kênh tiếp cận qua các vận cụ của y, hay các thể thái âm, và do đó là sự thừa nhận tự nguyện của y đối với xung lực ý chí của toàn thể lớn hơn của mình, hay sự sống của nhóm chân ngã—một trung tâm trong thân thể hành tinh. Điều này bao hàm sự kiểm soát nguyên tử, nhưng cũng bao hàm sự phục tùng có ý thức đối với nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân. Con người không còn là nô lệ của nhịp điệu của vật chất *chính nó* nữa, mà kiểm soát nó trong ba cõi thấp của nỗ lực mình; tuy nhiên y vẫn còn bị chi phối bởi nghiệp quả nhóm của trung tâm hành tinh, bởi ảnh hưởng, sự sống và xung lực rung động của nó. Điều tương tự cũng có thể được khẳng định về một Đấng Thiên Nhân, và về một Thái dương Thượng đế.

We might, in closing, express the same thought in terms of fire, remembering that words only limit and confine the thought, and that the main reason for this mode of approach is to bring pictorially before man some aspects of the central idea.

Để kết thúc, chúng ta có thể diễn đạt cùng một tư tưởng ấy theo thuật ngữ của lửa, nhớ rằng ngôn từ chỉ giới hạn và giam hãm tư tưởng, và lý do chính của lối tiếp cận này là để đưa một vài phương diện của ý tưởng trung tâm ra trước con người bằng hình ảnh.

"Electric fire, or will-impulse" in conjunction with "fire by friction" produces light or "solar fire." Electric fire is force or

"Lửa Điện, hay xung lực ý chí" kết hợp với "Lửa ma sát" tạo ra ánh sáng hay "Lửa Thái dương." Lửa Điện là mãnh lực hay năng

energy of some kind, and hence in itself [Page 803] is fundamentally an emanation. "Fire by friction" is substance with the quality of heat as its predominant characteristic; it is latent heat or sensation. Both these ideas, therefore, convey the idea of duality. An emanation must have its originating source, and heat is but the result of friction, and is necessarily dual. Both these concepts involve facts long antedating the solar system, and hidden in the Universal Mind. All that we can scientifically ascertain is the nature of that which is produced by their approximation, and this is solar fire or light. These thoughts may make clear somewhat the significance of the number five, esoterically considered. Electric fire, being an emanation is essentially dual in concept, and so is fire by friction; they together produce solar fire, and thus the esoteric fifth.

lượng thuộc một loại nào đó, và do đó tự thân [Page 803] về căn bản là một phát xạ. "Lửa ma sát" là chất liệu với phẩm tính nhiệt là đặc tính nổi trội của nó; đó là nhiệt tiềm ẩn hay cảm giác. Vì vậy, cả hai ý tưởng này đều chuyển tải ý niệm về nhị nguyên tính. Một phát xạ phải có nguồn phát sinh của nó, và nhiệt chỉ là kết quả của ma sát, nên tất yếu là nhị nguyên. Cả hai khái niệm này đều bao hàm những sự kiện có trước hệ mặt trời từ rất lâu, và ẩn giấu trong Vũ Trụ Trí. Tất cả những gì chúng ta có thể xác định một cách khoa học là bản chất của điều được tạo ra bởi sự xích lại gần nhau của chúng, và đó là Lửa Thái dương hay ánh sáng. Những tư tưởng này có thể phần nào làm sáng tỏ thâm nghĩa của số năm khi được xét một cách huyền bí. Lửa Điện, vì là một phát xạ, về bản chất là nhị nguyên trong khái niệm, và Lửa ma sát cũng vậy; cả hai cùng nhau tạo ra Lửa Thái dương, và như thế tạo ra số năm huyền bí.

It will be apparent that when a man speaks of karma, he is dealing with something much wider than the interplay of effect and cause within the sphere of his own individual routine. He is, in all things, governed by causes originating in the aggregate of lives which form his egoic group, by the aggregate of groups which form one petal in a centre of a Heavenly Man, by force or purpose circulating through a triangle of centres, and by the life energy or purposeful will of the planetary Logos Himself. Finally he is governed by the will of the solar Logos as it demonstrates itself in initiatory activity. Beyond this we need hardly go, but enough has been said to show that every human atom is under the dominance of forces outside his own consciousness, which sweep him and others into situations from which there is no escape, and which are to him incomprehensible.

Sẽ hiển nhiên rằng khi một người nói về nghiệp quả, y đang đề cập đến một điều gì đó rộng lớn hơn nhiều so với sự tương tác giữa kết quả và nguyên nhân trong phạm vi nếp sinh hoạt cá nhân riêng của mình. Trong mọi sự, y bị chi phối bởi những nguyên nhân phát sinh trong tổng thể các sự sống tạo thành nhóm chân ngã của y, bởi tổng thể các nhóm tạo thành một cánh hoa trong một trung tâm của một Đấng Thiên Nhân, bởi mãnh lực hay mục đích lưu chuyển qua một tam giác các trung tâm, và bởi năng lượng sự sống hay ý chí có mục đích của chính Đức Hành Tinh Thượng Đế. Sau cùng y bị chi phối bởi ý chí của Thái dương Thượng đế khi ý chí ấy biểu lộ trong hoạt động khởi xướng. Vượt quá điều này chúng ta hầu như không cần đi xa hơn, nhưng như thế cũng đủ để cho thấy rằng mọi nguyên tử nhân loại đều ở dưới sự chi phối của những mãnh lực nằm ngoài tâm thức riêng của y, những mãnh lực cuốn y và những người khác vào những

hoàn cảnh không có lối thoát, và đối với y là bất khả hiểu.

This has been at no time better illustrated than in the event of the late war and in present world conditions; these are effects of causes having their origin in the renewed activity of a certain planetary triangle, and in the vibration set up by our planetary Logos on the moon-chain, [Page 804] and which had a faint beginning in an earlier solar system. This vibration impinged primarily upon certain atoms and groups of atoms in His body, principally those composing the human and animal kingdoms, and produced the apparently dire results which we have been witnessing. So great was the effect of His energy, that the vegetable kingdom was somewhat (though not so much) affected, and the mineral kingdom felt the effect in a startling manner, far more than the vegetable kingdom and almost as much as the animal. Here we have a setting of circumstances outside human and even group control, which illustrates the helplessness of man in certain conditions, and which serves to bring in factors apparently apart from the individual vibration of the fourth kingdom.

Điều này chưa từng được minh họa rõ hơn trong biến cố của cuộc chiến vừa qua và trong các điều kiện thế giới hiện nay; đó là những kết quả của các nguyên nhân bắt nguồn từ hoạt động được đổi mới của một tam giác hành tinh nào đó, và từ rung động được Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thiết lập trên dãy mặt trăng, [Page 804] và đã có một khởi đầu mờ nhạt trong một hệ mặt trời trước đó. Rung động này trước hết tác động lên một số nguyên tử và nhóm nguyên tử nào đó trong thân thể của Ngài, chủ yếu là những nguyên tử cấu thành giới nhân loại và giới động vật, và tạo ra những kết quả có vẻ thảm khốc mà chúng ta đã chứng kiến. Ảnh hưởng năng lượng của Ngài lớn lao đến nỗi giới thực vật cũng bị tác động phần nào (dù không nhiều bằng), và giới kim thạch cảm nhận ảnh hưởng ấy theo một cách đáng kinh ngạc, nhiều hơn giới thực vật rất nhiều và gần như bằng giới động vật. Ở đây chúng ta có một sự an bài hoàn cảnh nằm ngoài sự kiểm soát của con người và ngay cả của nhóm, minh họa sự bất lực của con người trong một số điều kiện nhất định, và đưa vào những yếu tố dường như tách biệt khỏi rung động cá nhân của giới thứ tư.

Nevertheless, within limits, man definitely does “control his destiny,” and can initiate action which produces effects recognisable by him as being dependent upon his activity along a particular line. He does, on a miniature scale, repeat the procedure of the Logos on a vaster scale, and thus is the arbiter of his own destiny, the producer of his own drama, the architect of his own home, and the initiator of his own affairs. Though he may be the meeting place of forces outside his control, yet he can utilize

Tuy nhiên, trong những giới hạn nhất định, con người quả thực “kiểm soát số phận của mình,” và có thể khởi xướng hành động tạo ra những kết quả mà y nhận biết là tùy thuộc vào hoạt động của mình theo một đường lối đặc thù. Ở quy mô thu nhỏ, y lặp lại tiến trình của Thượng đế ở một quy mô lớn hơn, và do đó là người phân xử số phận của chính mình, người tạo ra vở kịch của chính mình, kiến trúc sư của chính ngôi nhà mình, và là kẻ khởi xướng những công việc của chính mình. Dù y có thể là nơi gặp gỡ của những mãnh lực ngoài sự kiểm soát của mình, y

force, circumstance and environment and can turn them, if he so will, to his own ends.

vẫn có thể sử dụng mãnh lực, hoàn cảnh và môi trường, và có thể xoay chuyển chúng, nếu y muốn, theo những mục đích riêng của mình.

The working out of karmic law in a man's own life might be broadly divided into three divisions, in each of which a different type of energy is demonstrating, producing effects upon the lower and higher bodies of a definite nature.

Sự vận hành của định luật nghiệp quả trong đời sống riêng của một người có thể được chia đại thể thành ba phần, trong mỗi phần một loại năng lượng khác nhau đang biểu lộ, tạo ra những kết quả có bản chất xác định trên các thể thấp và cao.

In the very early stages, when man is scarcely more than an animal, the vibratory activity of the atoms of his three sheaths (and of the lowest primarily) governs all actions on his part. He is the victim of the vibratory activity of physical substance, and much that occurs is the [Page 805] consequence of the interaction between the Ego and its lowest manifestation, the physical sheath. The centre of attention is the physical body and only faintly are the two subtler bodies responding. The egoic impulse is slow and heavy, and the vibration is directed to producing response between the egoic consciousness and the atoms of the physical body. The physical permanent atom is more active than the other two. It is the aspect of "fire by friction" which is fanned by the egoic breath, with a triple object in view:

Trong những giai đoạn rất sớm, khi con người hầu như chưa hơn con vật là mấy, hoạt động rung động của các nguyên tử trong ba thể bọc của y (và chủ yếu là thể thấp nhất) chi phối mọi hành động của y. Y là nạn nhân của hoạt động rung động của chất liệu hồng trần, và nhiều điều xảy ra là [Page 805] hệ quả của sự tương tác giữa Chân ngã và biểu hiện thấp nhất của nó, thể bọc hồng trần. Trung tâm chú ý là thể xác và chỉ rất mờ nhạt hai thể vi tế hơn mới đáp ứng. Xung lực chân ngã chậm chạp và nặng nề, và rung động được hướng đến việc tạo ra sự đáp ứng giữa tâm thức chân ngã và các nguyên tử của thể xác. Nguyên tử trường tồn hồng trần hoạt động mạnh hơn hai nguyên tử kia. Đó là phương diện của "Lửa ma sát" được hơi thở chân ngã quạt lên, với một mục tiêu tam phân:

a. Co-ordinating the physical body.

a. Phối hợp thể xác.

b. Increasing the resistance of the etheric web, a work which was only carried to the desired point by the middle of the Atlantean root-race.

b. Gia tăng sức đề kháng của màng lưới dĩ thái, một công việc chỉ được đưa đến điểm mong muốn vào khoảng giữa giống dân gốc Atlantis.

c. Bringing certain of the lower centres to the necessary stage of expression.

c. Đưa một số trung tâm thấp đến giai đoạn biểu lộ cần thiết.

The heat of the atoms in the bodies is increased during this stage, and their atomic life co-ordinated, while the triangle between the three permanent atoms becomes a demonstrable fact and not a faint indication.

Nhiệt của các nguyên tử trong các thể được gia tăng trong giai đoạn này, và sự sống nguyên tử của chúng được phối hợp, trong khi tam giác giữa ba nguyên tử trường tồn trở thành một sự kiện có thể chứng minh được chứ không còn là một dấu hiệu mờ nhạt nữa.

During the second stage, the law of karma or karmic influence (through the inevitable reflex action produced by the increased activity of the sheaths) turns its attention to the working out of desire, and its transmutation into the higher aspiration. Through experience, the pairs of opposites are recognised by the Thinker, and he becomes no longer the victim of the vibratory impulses of his physical body; the factor of intelligent choice becomes apparent. The man begins to discriminate between the pairs of opposites, choosing ever in the early stages that which appeals most to his lower nature and that which he believes will bring him pleasure. The centre of the attention of the Ego is the astral body, and it becomes so closely co-ordinated with the physical body that the two form one united expression of desire. The mental body [Page 806] remains comparatively inactive at this stage. The love nature of the Ego is in process of being developed, and this stage is the longest of the three. It deals with the evolution of the petals of the egoic lotus, and with the blending of solar fire and of fire by friction. Reflex action between the lower and the higher during this middle period produces three effects, which will be seen, if carefully studied to convey much information anent the working out of the law of Karma. These three effects are:

Trong giai đoạn thứ hai, định luật nghiệp quả hay ảnh hưởng nghiệp quả (thông qua phản ứng dội lại tất yếu do hoạt động gia tăng của các thể bọc tạo ra) hướng sự chú ý của nó đến việc triển khai dục vọng, và sự chuyển hoá nó thành khát vọng cao hơn. Qua kinh nghiệm, các cặp đối cực được Đấng Tư Tưởng nhận biết, và y không còn là nạn nhân của các xung lực rung động của thể xác mình nữa; yếu tố lựa chọn thông minh trở nên hiển nhiên. Con người bắt đầu phân biện giữa các cặp đối cực, trong những giai đoạn đầu luôn chọn điều hấp dẫn nhất đối với bản chất thấp của mình và điều mà y tin sẽ đem lại khoái lạc cho mình. Trung tâm chú ý của Chân ngã là thể cảm dục, và nó trở nên được phối hợp chặt chẽ với thể xác đến nỗi cả hai tạo thành một biểu hiện thống nhất của dục vọng. Thể trí [Page 806] vẫn tương đối bất hoạt trong giai đoạn này. Bản chất bác ái của Chân ngã đang trong tiến trình được phát triển, và đây là giai đoạn dài nhất trong ba giai đoạn. Nó liên quan đến sự tiến hoá của các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, và đến sự hòa trộn của Lửa Thái dương với Lửa ma sát. Phản ứng dội lại giữa cái thấp và cái cao trong thời kỳ trung gian này tạo ra ba kết quả, mà nếu được nghiên cứu cẩn thận sẽ thấy là chuyển tải nhiều thông tin liên quan đến sự vận hành của định luật Nghiệp quả. Ba kết quả này là:

1. The development of the astral permanent atom with a concurrent stimulation of the physical permanent atom, and thus the

1. Sự phát triển của nguyên tử trường tồn cảm dục cùng với sự kích thích đồng thời của nguyên tử trường tồn hồng trần, và như

growth and evolution of the two sheaths concerned.

thế là sự tăng trưởng và tiến hoá của hai thể bọc liên hệ.

2. The co-ordination of the threefold man through the innate vitality of the astral body and its effect upon the mental and the physical. This is the kama-manasic period, and as this body is the only complete sphere in the threefold lower man, it is the most powerful body inherently for it embodies (as does the solar system) the heart aspect, or embryonic love nature, which it is the object of macrocosmic and microcosmic evolution to develop.

2. Sự phối hợp của con người tam phân nhờ sinh lực bẩm sinh của thể cảm dục và ảnh hưởng của nó lên thể trí và thể xác. Đây là thời kỳ trí-cảm, và vì thể này là khối cầu hoàn chỉnh duy nhất trong con người thấp tam phân, nên tự thân nó là thể mạnh nhất vì nó thể hiện (cũng như hệ mặt trời) phương diện tim, hay bản chất bác ái phôi thai, mà mục tiêu của tiến hoá đại thiên địa và tiểu thiên địa là phát triển.

3. Finally the unfoldment of the nine egoic petals in three stages.

3. Sau cùng là sự khai mở của chín cánh hoa chân ngã trong ba giai đoạn.

In the working out of the law we must therefore note that man is first of all the victim of the impulses of dense substance or of the brahma aspect, and thus repeats rapidly the evolutionary process of the preceding solar system; in the second stage he is the victim of desire, or of his own love nature.

Vì vậy, trong sự vận hành của định luật, chúng ta phải lưu ý rằng trước hết con người là nạn nhân của các xung lực của chất liệu đậm đặc hay của phương diện Brahma, và do đó lặp lại một cách nhanh chóng tiến trình tiến hoá của hệ mặt trời trước; trong giai đoạn thứ hai y là nạn nhân của dục vọng, hay của chính bản chất bác ái của mình.

In the third stage, the law of karma works through a man's mental nature, and awakens in him recognition of the law, and an intellectual apprehension of cause and of effect. This is the shortest stage but is also the most powerful; it concerns the evolution of the three inner [Page 807] petals shielding the "jewel," and their ability to disclose at the right moment that which lies hidden. It covers the period of the evolution of advanced man, and of the man upon the Path. In connection with the human family it covers the first half of the next round, prior to the great separation. Electric fire is beginning to make its radiations felt, and the will or purpose of the Ego is now consciously realised upon the physical plane.

Trong giai đoạn thứ ba, định luật nghiệp quả vận hành qua bản chất trí tuệ của con người, và đánh thức trong y sự nhận biết về định luật, cùng một sự nắm bắt bằng trí năng về nguyên nhân và kết quả. Đây là giai đoạn ngắn nhất nhưng cũng mạnh mẽ nhất; nó liên quan đến sự tiến hoá của ba cánh hoa bên trong [Page 807] che chở "ngọc châu," và khả năng của chúng trong việc hé lộ vào đúng lúc điều đang ẩn giấu. Nó bao trùm thời kỳ tiến hoá của con người tiến bộ, và của con người trên Đường Đạo. Liên quan đến gia đình nhân loại, nó bao trùm nửa đầu của cuộc tuần hoàn kế tiếp, trước cuộc phân ly lớn. Lửa Điện bắt đầu làm cho các bức xạ của nó được cảm nhận, và ý chí hay mục đích của Chân ngã nay được chứng nghiệm

The three permanent atoms form a triangle of light, and the petals of the lotus are rapidly unfolding. When the will and purpose of the Ego are realised by man in his waking consciousness in the physical brain, then the law of karma in the three worlds is becoming neutralised, and man is on the verge of liberation. He has exhausted the initial vibration, and there is no response within his sheaths to the threefold vibration of the three worlds; he stands freed from the three kingdoms and the fourth.

một cách có ý thức trên cõi hồng trần. Ba nguyên tử trường tồn tạo thành một tam giác ánh sáng, và các cánh hoa của hoa sen đang nhanh chóng khai mở. Khi ý chí và mục đích của Chân ngã được con người chứng nghiệm trong tâm thức thức tỉnh của mình nơi bộ não hồng trần, thì định luật nghiệp quả trong ba cõi thấp đang được trung hòa, và con người ở trên bờ giải thoát. Y đã làm cạn kiệt rung động khởi đầu, và không còn sự đáp ứng nào trong các thể bọc của y đối với rung động tam phân của ba cõi thấp; y đứng giải thoát khỏi ba giới và giới thứ tư.

d. On the building of the Causal Body.

d. Về việc xây dựng Thể Nguyên Nhân.

We enter now upon one of the most vitally practical parts of our Treatise on Fire, that which deals with the building of the causal body, or body of manifestation of the Ego. It concerns the work of the solar Angels, or the true self-conscious Identity, man. If the student has in any way apprehended the general trend of the earlier pages, he will now be in a condition of mind which will enable him to interpret all that is said in terms of energy, or of that vibratory activity which is produced by the three major phases of electrical phenomena, the union which produces that divine manifestation called Man, or, when the aggregated units are considered, the human kingdom.

Giờ đây chúng ta bước vào một trong những phần thực tiễn thiết yếu nhất của Luận về Lửa, phần bàn về việc xây dựng thể nguyên nhân, hay thể biểu hiện của Chân ngã. Nó liên quan đến công việc của các Thái dương Thiên Thần, hay Bản Sắc ngã thức chân thực, con người. Nếu đạo sinh bằng cách nào đó đã nắm bắt được xu hướng tổng quát của những trang trước, thì giờ đây y sẽ ở trong một trạng thái trí tuệ cho phép y diễn giải mọi điều được nói đến theo thuật ngữ của năng lượng, hay của hoạt động rung động được tạo ra bởi ba pha chính của hiện tượng điện, sự hợp nhất tạo ra biểu hiện thiêng liêng gọi là Con Người, hay, khi xét các đơn vị kết tập, là giới nhân loại.

(a) Introductory remarks. We have studied somewhat the constitution of the Triangles, or Pitris, Who, through self-sacrifice, endow man with self-consciousness, building his egoic vehicle out of Their own essence. We [Page 808] have touched briefly upon the lunar Pitris, who endow man with his lower sheaths and principles through which the energy of the solar Lords may make itself

(a) Những nhận xét mở đầu. Chúng ta đã phần nào nghiên cứu cấu tạo của các Tam Giác, hay các Pitri, những Đấng mà qua sự hi sinh bản thân, ban cho con người ngã thức, xây dựng vận cụ chân ngã của con người từ chính tinh chất của Các Ngài. Chúng ta [Page 808] đã chạm đến một cách ngắn gọn các thái âm tổ phụ, những Đấng ban cho con người các thể bọc và nguyên khí thấp của y, qua đó năng lượng của các nhật tinh quân có

felt, and we shall now proceed to study three things:

thể được cảm nhận, và giờ đây chúng ta sẽ tiến hành nghiên cứu ba điều:

First, the effect of the higher energy upon the lower bodies, as it gradually makes itself felt during the evolutionary process, and thus simultaneously "redeems" man in an occult sense, and also "elevates" the lunar Pitris.

Thứ nhất, ảnh hưởng của năng lượng cao lên các thể thấp, khi nó dần dần được cảm nhận trong tiến trình tiến hoá, và như thế đồng thời "cứu chuộc" con người theo nghĩa huyền bí, đồng thời cũng "nâng cao" các thái âm tổ phụ.

Second, the effect of this energy on the mental plane in the development and unfoldment of the egoic lotus.

Thứ hai, ảnh hưởng của năng lượng này trên cõi trí trong sự phát triển và khai mở của Hoa Sen Chân Ngã.

Third, the awakening to activity of the central Life within the lotus. This activity demonstrates in a twofold manner:

Thứ ba, sự thức tỉnh vào hoạt động của Sự sống trung tâm bên trong hoa sen. Hoạt động này biểu lộ theo hai cách:

a. As the realisation by the man on the physical plane within the physical brain of his divine nature, resulting in a consequent demonstration of divinity upon earth, prior to liberation.

a. Như sự chứng nghiệm của con người trên cõi hồng trần trong bộ não hồng trần về bản chất thiêng liêng của mình, đưa đến sự biểu lộ thiên tính trên trần gian trước khi được giải thoát.

b. As the conscious activity of the individual Ego on the mental plane in co-operation with its group or groups.

b. Như hoạt động có ý thức của Chân ngã cá nhân trên cõi trí trong sự hợp tác với nhóm hay các nhóm của nó.

In the first case, we have the effect of the egoic life upon its sheaths, and their subsequent control, and in the second case we have the self-awakening of the egoic unit on its own plane; in the third case, we have a group realisation, or the entrance by the unit into the consciousness of the Heavenly Man.

Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có ảnh hưởng của sự sống chân ngã lên các thể bọc của nó, và sự kiểm soát tiếp theo của nó; trong trường hợp thứ hai, chúng ta có sự tự thức tỉnh của đơn vị chân ngã trên cõi riêng của nó; trong trường hợp thứ ba, chúng ta có một sự chứng nghiệm nhóm, hay sự đi vào của đơn vị ấy trong tâm thức của Đấng Thiên Nhân.

It will not be possible to do more than indicate broad general lines of development. The subject of egoic evolution cannot be fully comprehended until after initiation, but it is felt now by the Teachers on the

Sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra những đường nét phát triển tổng quát. Chủ đề về sự tiến hoá chân ngã không thể được thấu hiểu đầy đủ cho đến sau điểm đạo, nhưng hiện nay các Huấn sư ở phía bên

inner side that the main principles had better be given out at once in view of the unexpected development (since the opening of this century) of two great sciences:

trong cảm thấy rằng tốt hơn nên công bố ngay các nguyên lý chính, xét theo sự phát triển bất ngờ (kể từ đầu thế kỷ này) của hai khoa học lớn:

The Science of Electricity. The investigations of scientists [Page 809] have been greatly stimulated by the discovery of radium, which is an electrical phenomenon of a certain kind, and by the knowledge this discovery brought of the radioactive substances; the development of the many methods of utilising electricity has also greatly aided. This science has brought man to the threshold of a discovery which will revolutionise world thought on these matters, and which will eventually solve a great part of the economic problem, thus leaving many more persons free for mental growth and work. This expansion of knowledge can be looked for before one hundred and fifty years have transpired.

Khoa Học về Điện. Những cuộc khảo cứu của các nhà khoa học [Page 809] đã được kích thích mạnh mẽ bởi việc khám phá ra radium, vốn là một hiện tượng điện thuộc một loại nào đó, và bởi tri thức mà khám phá này đem lại về các chất phóng xạ; sự phát triển của nhiều phương pháp sử dụng điện cũng đã hỗ trợ rất nhiều. Khoa học này đã đưa con người đến ngưỡng cửa của một khám phá sẽ cách mạng hóa tư tưởng thế giới về những vấn đề này, và rốt cuộc sẽ giải quyết một phần lớn vấn đề kinh tế, nhờ đó để lại cho nhiều người hơn sự tự do cho sự phát triển và công việc trí tuệ. Có thể trông đợi sự mở rộng tri thức này trước khi một trăm năm mươi năm trôi qua.

The Science of Psychology. The psycho-analytic theories which (though indicative of progress) are yet tending in a wrong direction, may prove disastrous to the higher development of the race unless the true nature of the "psyche" is elucidated. When the public mind has apprehended, even cursorily, the following briefly stated facts, the trend of popular education, the object of political science, and the goal of economic and social endeavour will take a new and better direction. These facts might be summed up in the following postulates:

Khoa Học về Tâm Lý Học. Các lý thuyết phân tâm học, tuy là dấu hiệu của tiến bộ, nhưng vẫn đang có khuynh hướng đi sai hướng, có thể chứng tỏ là tai hại cho sự phát triển cao hơn của nhân loại trừ phi bản chất chân thực của "linh hồn" được làm sáng tỏ. Khi trí tuệ công chúng nắm bắt được, dù chỉ sơ lược, những sự kiện được phát biểu ngắn gọn sau đây, thì xu hướng của giáo dục đại chúng, mục tiêu của khoa học chính trị, và đích đến của nỗ lực kinh tế và xã hội sẽ đi theo một hướng mới và tốt đẹp hơn. Những sự kiện này có thể được tóm lược trong các định đề sau đây:

I. Man is in essence divine. (259) This has ever been enunciated throughout the ages, but remains as yet a beautiful theory or belief, and not a proven scientific fact, nor is it universally held. [Page 810]

I. Con người về bản chất là thiêng liêng. (259) Điều này đã luôn được tuyên bố qua các thời đại, nhưng cho đến nay vẫn chỉ là một lý thuyết hay niềm tin đẹp đẽ, chứ chưa phải là một sự kiện khoa học đã được chứng

minh, và cũng chưa được chấp nhận phổ quát. [Page 810]

(259) Each human being is an incarnation of God.—S. D., III, 449. Compare:—S. D., II, 541; S. D., III, 475, and the Biblical words: "I have said, Ye are Gods." "Know ye not that ye are the Temple of the Holy Spirit?"

(259) Mỗi con người là một sự nhập thể của Thượng đế.—S. D., III, 449. So sánh:—S. D., II, 541; S. D., III, 475, và những lời trong Kinh Thánh: "Ta đã phán, các ngươi là Thượng đế." "Các ngươi há chẳng biết rằng các ngươi là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần sao?"

No Being can become a God without passing through the human cycles.—S. D., II, 336.

Không Hữu thể nào có thể trở thành một Thượng đế mà không đi qua các chu kỳ nhân loại.—S. D., II, 336.

Man therefore is like God in that he represents the pairs of opposites, good and evil, light and darkness, male and female, etc. He is a duality.

Vì vậy con người giống Thượng đế ở chỗ y biểu hiện các cặp đối cực, thiện và ác, ánh sáng và bóng tối, nam và nữ, v.v. Y là một nhị nguyên tính.

He represents also God in that He is a triplicity, being three in one, and one in three.—See S. D., II, 553.

Y cũng biểu hiện Thượng đế ở chỗ Ngài là một bộ ba, là ba trong một, và một trong ba.—Xem S. D., II, 553.

By man the divine Monad is meant.—S. D., II, 196. (back)

Từ "con người" ở đây hàm ý Chân thần thiêng liêng.—S. D., II, 196. (back)

II. Man is in fact a fragment of the Universal Mind, or world soul, *(S. D., I, Proem., pp. 42-44.)* and as a fragment is thus partaker of the instincts and quality of that soul, as it manifests through the human family. Therefore, unity is only possible upon the plane of mind. This, if true, must lead to the tendency to develop within the physical brain a conscious realisation of group affiliations on the mental plane, a conscious recognition of group relationships, ideals and goal, and a conscious manifestation of that continuity of consciousness which is the object of evolution at this time. It will further produce the transference of the race consciousness from the physical plane to the mental, and a consequent solving through

II. Con người thực ra là một mảnh của Vũ Trụ Trí, hay hồn thế giới, *(S. D., I, Proem., pp. 42-44.)* và với tư cách là một mảnh, do đó dự phần vào các bản năng và phẩm tính của hồn ấy, khi nó biểu lộ qua gia đình nhân loại. Vì vậy, sự hợp nhất chỉ có thể có trên cõi trí. Nếu điều này là đúng, thì nó phải dẫn đến khuynh hướng phát triển trong bộ não hồng trần một sự chứng nghiệm có ý thức về các liên hệ nhóm trên cõi trí, một sự nhận biết có ý thức về các mối quan hệ nhóm, các lý tưởng và mục tiêu, và một sự biểu lộ có ý thức của sự liên tục tâm thức vốn là mục tiêu của tiến hoá vào lúc này. Hơn nữa, nó sẽ tạo ra sự chuyển dịch tâm thức nhân loại từ cõi hồng trần lên cõi trí, và do đó giải quyết mọi vấn đề hiện nay bằng "tri thức, bác ái và

"knowledge, love, and sacrifice" of all present problems. This will bring about emancipation from the present physical plane disorder. It must lead to the education of the public as to the nature of man, and the development of the powers latent within him—powers which will set him free from his present limitations, and which will produce in the human family a collective repudiation of the present conditions. When men everywhere recognise themselves and each other, as divine self-conscious units, functioning primarily in the causal body but utilising the three lower vehicles only as a means of contact with the three lower planes, we will have government, politics, economics and the social order readjusted upon sound, sane and divine lines.

hi sinh." Điều này sẽ đem lại sự giải phóng khỏi tình trạng hỗn loạn hiện nay trên cõi hồng trần. Nó phải dẫn đến việc giáo dục công chúng về bản chất của con người, và sự phát triển các quyền năng tiềm ẩn bên trong y—những quyền năng sẽ giải phóng y khỏi các giới hạn hiện nay, và sẽ tạo ra trong gia đình nhân loại một sự phủ nhận tập thể đối với các điều kiện hiện tại. Khi những người nam và nữ ở khắp nơi nhận biết chính mình và nhau như những đơn vị ngã thức thiêng liêng, hoạt động chủ yếu trong thể nguyên nhân nhưng chỉ sử dụng ba vận cụ thấp như phương tiện tiếp xúc với ba cõi thấp, thì chúng ta sẽ có chính quyền, chính trị, kinh tế và trật tự xã hội được điều chỉnh lại theo những đường lối lành mạnh, sáng suốt và thiêng liêng.

III. Man in his lower nature, and in his three vehicles, is an aggregate of lesser lives, dependent upon him for their group nature, for their type of activity, and collective response, and who— [Page 811] through the energy or activity of the solar Lord—will themselves later be raised, and developed to the human stage.

III. Con người trong bản chất thấp của mình, và trong ba vận cụ của mình, là một tổng thể của những sự sống nhỏ hơn, lệ thuộc vào y về bản chất nhóm của chúng, về loại hoạt động của chúng, và sự đáp ứng tập thể của chúng, và những sự sống ấy— [Page 811] nhờ năng lượng hay hoạt động của nhật tinh quân—về sau chính chúng cũng sẽ được nâng lên và phát triển đến giai đoạn nhân loại.

When these three facts are understood, then and only then will we have a right and just comprehension of the nature of man.

Khi ba sự kiện này được thấu hiểu, thì khi ấy và chỉ khi ấy chúng ta mới có được một sự hiểu biết đúng đắn và công bằng về bản chất của con người.

Again, this realisation will bring about three changes in the thought of the age:

Một lần nữa, sự nhận biết này sẽ đem lại ba thay đổi trong tư tưởng của thời đại:

(1) *A readjustment of the medical knowledge of man*, resulting in a truer understanding of the physical body, of its treatment, and of its protection, and thus producing a juster apprehension of the laws of health. The aim of the physician will then be to find out what

(1) *Sự điều chỉnh lại tri thức y học về con người*, đưa đến một sự thấu hiểu chân thực hơn về thể xác, về việc điều trị và bảo vệ nó, và như thế tạo ra một sự nắm bắt đúng đắn hơn về các định luật sức khỏe. Khi ấy mục tiêu của thầy thuốc sẽ là tìm ra điều gì trong

it is in a man's life which is preventing egoic energy from flooding every part of his being; to find out what lines of thought are being indulged in which are causing that inertia of the will aspect which is so conducive to wrongdoing; to ascertain what it is in the emotional body which is affecting the nervous system, and thus obstructing the flow of energy from the love petals of the egoic lotus (via the astral permanent atom) to the astral body, and from thence to the nervous system; to discover what is the hindrance in the etheric body which is preventing the right flow of prana, or of solar vitality to every part of the body.

đời sống của một người đang ngăn cản năng lượng chân ngã tràn ngập mọi phần của hữu thể y; tìm ra những đường lối tư tưởng nào đang được nuông chiều gây ra tính trì trệ của phương diện ý chí vốn rất thuận lợi cho việc làm điều sai quấy; xác định điều gì trong thể cảm dục đang ảnh hưởng đến hệ thần kinh, và do đó cản trở dòng năng lượng từ các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã (qua nguyên tử trường tồn cảm dục) đến thể cảm dục, và từ đó đến hệ thần kinh; khám phá điều gì là chướng ngại trong thể dĩ thái đang ngăn cản dòng chảy đúng đắn của prana, hay sinh lực thái dương đến mọi phần của thân thể.

It is essential that in days to come medical men should realise that disease in the physical body is incidental to wrong internal conditions. This is already being somewhat considered but the whole question will remain but a beautiful theory (even though an incontrovertible one in view of the achievements of mental scientists and of the various faith healers) until the true nature of the ego, its constitution, its powers, and its field of influence are duly apprehended.

Điều thiết yếu là trong những ngày sắp tới các y sĩ phải nhận ra rằng bệnh tật trong thể xác là hệ quả của những điều kiện sai lầm bên trong. Điều này đã phần nào đang được xem xét nhưng toàn bộ vấn đề sẽ vẫn chỉ là một lý thuyết đẹp đẽ (dù là một lý thuyết không thể bác bỏ xét theo những thành tựu của các nhà khoa học trí tuệ và của nhiều nhà chữa bệnh bằng đức tin khác nhau) cho đến khi bản chất chân thực của chân ngã, cấu tạo của nó, các quyền năng của nó, và phạm vi ảnh hưởng của nó được nắm bắt đúng mức.

This revelation will come when medical men accept this [Page 812] teaching as a working hypothesis, and then begin to note, for instance, the powers of endurance shown by the great souls of the earth, and their capacity to work at high pressure, and to remain practically immune from disease until (at the close of a long life of usefulness) the Ego deliberately chooses to "die-out" of physical existence. It will come when the medical profession concentrates upon preventative action, substituting sunshine, a vegetarian diet, and the application of the laws of magnetic vibration and vitality for

Sự mặc khải này sẽ đến khi các y sĩ chấp nhận giáo huấn này [Page 812] như một giả thuyết làm việc, rồi bắt đầu ghi nhận, chẳng hạn, sức chịu đựng được biểu lộ bởi các đại hồn của thế gian, và khả năng làm việc dưới áp lực cao của họ, cùng việc họ hầu như miễn nhiễm với bệnh tật cho đến khi (vào cuối một đời sống hữu ích lâu dài) Chân ngã cố ý chọn "rút tắt" khỏi sự tồn tại hồng trần. Nó sẽ đến khi giới y khoa tập trung vào hành động phòng ngừa, thay thế chế độ hiện nay gồm thuốc men và phẫu thuật bằng ánh nắng mặt trời, chế độ ăn chay, và việc áp dụng các định luật rung động từ tính và sinh

the present regimen of drugs and surgical operations. Then will come the time when finer and better human beings will manifest on earth. When also physicians learn the nature of the etheric body, and the work of the spleen as a focal point for pranic emanations, then sound principles and methods will be introduced which will do away with such diseases as tuberculosis, debility, malnutrition and the diseases of the blood and of the kidneys. When doctors comprehend the effect of the emotions upon the nervous system, they will turn their attention to the amelioration of environal conditions, and will study the effects of the emotional currents upon the fluids of the body, and primarily upon the great nerve centres, and the spinal column. When the connection between the dense physical and the subtler bodies is a fact established in medical circles, then will the right treatment of lunacy, of obsessions, and of wrong mental conditions be better comprehended, and the results more successful; finally, when the nature of egoic force, or of energy is studied, and the function of the physical brain as the transmitter of egoic intent is better comprehended, then the coordination of man's entire being will be studied, and illness, debility and disease, will be traced to their just cause, and will be treated through the cause and not just through the effect.

lực. Khi ấy sẽ đến thời kỳ những con người tinh tế và tốt đẹp hơn biểu hiện trên trần gian. Khi các y sĩ cũng học được bản chất của thể dĩ thái, và công việc của lá lách như một tiêu điểm cho các phát xạ prana, thì những nguyên lý và phương pháp lành mạnh sẽ được đưa vào, nhờ đó loại bỏ những bệnh như lao phổi, suy nhược, suy dinh dưỡng và các bệnh về máu và thận. Khi các bác sĩ thấu hiểu ảnh hưởng của cảm xúc lên hệ thần kinh, họ sẽ hướng sự chú ý đến việc cải thiện các điều kiện môi trường, và sẽ nghiên cứu các ảnh hưởng của các dòng cảm xúc lên các lưu chất của thân thể, và chủ yếu lên các trung tâm thần kinh lớn, cùng cột sống. Khi mối liên hệ giữa thể xác đậm đặc và các thể vi tế hơn trở thành một sự kiện được xác lập trong giới y học, thì việc điều trị đúng đắn chứng điên loạn, sự ám nhập, và các trạng thái trí tuệ sai lệch sẽ được thấu hiểu tốt hơn, và kết quả sẽ thành công hơn; sau cùng, khi bản chất của mãnh lực chân ngã, hay năng lượng, được nghiên cứu, và chức năng của bộ não hồng trần như bộ truyền đạt ý định chân ngã được thấu hiểu tốt hơn, thì sự phối hợp toàn bộ hữu thể của con người sẽ được nghiên cứu, và bệnh tật, suy nhược và đau ốm sẽ được truy nguyên về đúng nguyên nhân của chúng, và sẽ được điều trị qua nguyên nhân chứ không chỉ qua kết quả.

(2) *The entire social world of thought* will apply itself to the understanding of the emotional nature of [Page 813] humanity, to the group relationships involved, and to the interaction between individuals and other individuals, between groups and other groups. These relationships will be interpreted wisely and broadly and a man will be taught his responsibility to the lesser lives which he ensouls. This will produce a just direction of individual force, and its utilisation for the stabilisation, the

(2) *Toàn bộ thế giới tư tưởng xã hội* sẽ chuyên tâm vào việc thấu hiểu bản chất cảm xúc của [Page 813] nhân loại, các mối quan hệ nhóm liên hệ, và sự tương tác giữa cá nhân với cá nhân khác, giữa nhóm với nhóm khác. Những mối quan hệ này sẽ được diễn giải một cách minh triết và bao quát, và con người sẽ được dạy về trách nhiệm của mình đối với những sự sống nhỏ hơn mà y phú linh. Điều này sẽ tạo ra sự định hướng đúng đắn của mãnh lực cá nhân, và việc sử dụng nó cho sự ổn định, phát triển và tinh luyện

development, and the refining of the substance of the different vehicles. Men will also be taught their definite responsibility under law to their own individual families. This will bring about the protection of the family unit, and its scientific development; it will cause the elimination of marital troubles, and the abolition of abuses of different kinds, so prevalent now in many family circles.

chất liệu của các vận cụ khác nhau. Con người cũng sẽ được dạy về trách nhiệm xác định của mình theo định luật đối với chính gia đình cá nhân của mình. Điều này sẽ đem lại sự bảo vệ đơn vị gia đình, và sự phát triển khoa học của nó; nó sẽ khiến các rắc rối hôn nhân bị loại bỏ, và các lạm dụng đủ loại, hiện đang rất phổ biến trong nhiều gia đình, bị bãi bỏ.

Responsibility to the community in which a man is placed will likewise be emphasised. Men will be taught the true esoteric meaning of citizenship—a citizenship based upon egoic group relations, the law of rebirth, and the real meaning of the law of karma. They will be taught national responsibility, and the place of the community within the nation, and of the nation within the comity of nations. Men will finally be taught their responsibility to the animal kingdom. This will be brought about in three ways:

Trách nhiệm đối với cộng đồng mà một người được đặt vào cũng sẽ được nhấn mạnh. Con người sẽ được dạy ý nghĩa huyền bí chân thực của quyền công dân—một quyền công dân dựa trên các mối quan hệ nhóm chân ngã, định luật tái sinh, và ý nghĩa thực sự của định luật nghiệp quả. Họ sẽ được dạy trách nhiệm quốc gia, và vị trí của cộng đồng trong quốc gia, và của quốc gia trong cộng đồng các quốc gia. Sau cùng con người sẽ được dạy trách nhiệm của mình đối với giới động vật. Điều này sẽ được thực hiện theo ba cách:

1. Man's truer understanding of his own animal nature.

1. Sự thấu hiểu chân thực hơn của con người về bản chất động vật của chính mình.

2. A comprehension of the laws of individualisation, and the effect of the influence of the fourth, or human, kingdom upon the third, or animal, kingdom.

2. Sự hiểu biết về các định luật biệt ngã hóa, và ảnh hưởng của giới thứ tư, hay giới nhân loại, lên giới thứ ba, hay giới động vật.

3. The work of an Avatar of a lesser order Who will come in the beginning of the next century to reveal to man his relationship to the third kingdom. His way is being prepared by the many who in these days are developing public interest through the [Page 814] various societies for the benefit and protection of animals, and through the many stories to be found in books and current periodicals.

3. Công việc của một Đấng Hoá Thân thuộc trật tự thấp hơn, Đấng sẽ đến vào đầu thế kỷ tới để mặc khải cho con người mối liên hệ của mình với giới thứ ba. Con đường của Ngài đang được chuẩn bị bởi nhiều người hiện nay đang phát triển mối quan tâm của công chúng qua [Page 814] các hội đoàn khác nhau vì lợi ích và sự bảo vệ động vật, và qua nhiều câu chuyện có thể tìm thấy trong sách và các tạp chí đương thời.

We are told by H. P. B. *(S. D., III, 580.)* that the sense of responsibility is one of the first indications of egoic control, and as more and more of the human family come under egoic influence, conditions will be bettered slowly and steadily in every department of life.

Chúng ta được H. P. B. cho biết *(S. D., III, 580.)* rằng ý thức về trách nhiệm là một trong những dấu hiệu đầu tiên của sự kiểm soát chân ngã, và khi ngày càng nhiều thành viên của gia đình nhân loại chịu dưới ảnh hưởng chân ngã, các điều kiện sẽ được cải thiện chậm rãi và vững chắc trong mọi lĩnh vực của đời sống.

(3) *In the educational world* an apprehension of man's true nature will bring about a fundamental change in the methods of teaching. The emphasis will be laid upon teaching people the *fact* of the Ego on its own plane, the nature of the lunar bodies, and the methods of aligning the lower bodies so that the Ego can communicate direct with the physical brain, and thus control the lower nature and work out its purposes. Men will be taught how, through concentration and meditation, they can ascertain knowledge for themselves, can develop the intuition, and thus draw upon the resources of the Ego. Then will men be taught to *think*, to assume control of the mental body, and thus develop their latent powers.

(3) *Trong thế giới giáo dục* sự nắm bắt bản chất chân thực của con người sẽ đem lại một thay đổi căn bản trong các phương pháp giảng dạy. Sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào việc dạy con người về *sự kiện* của Chân ngã trên cõi riêng của nó, bản chất của các thể thái âm, và các phương pháp chỉnh hợp các thể thấp để Chân ngã có thể giao tiếp trực tiếp với bộ não hồng trần, và như thế kiểm soát bản chất thấp và triển khai các mục đích của nó. Con người sẽ được dạy cách, qua tập trung và tham thiền, họ có thể tự mình xác định tri thức, có thể phát triển trực giác, và như thế rút ra từ các nguồn lực của Chân ngã. Khi ấy con người sẽ được dạy *tư duy*, nắm quyền kiểm soát thể trí, và như thế phát triển các quyền năng tiềm ẩn của mình.

In the above few remarks are indicated very briefly and inadequately the results which may be looked for from a true understanding of the essential nature of man. It has been written in view of the necessity these days of a statement as to the real or inner man, and as to the laws of the kingdom of God. That inner man has ever been known to be there, and the "kingdom within" has ever been proclaimed until H. P. B. came and gave out the same old truths from a new angle, giving an occult turn to mystic thought. Now comes the opportunity for man to realise the laws of his own being, and in that realisation those who stand on the verge of intuitional apprehension of

Trong vài nhận xét trên đây, những kết quả có thể được trông đợi từ một sự thấu hiểu chân thực về bản chất cốt yếu của con người đã được chỉ ra rất ngắn gọn và chưa đầy đủ. Điều này đã được viết ra vì nhu cầu hiện nay về một phát biểu liên quan đến con người chân thực hay nội tại, và liên quan đến các định luật của Thiên Giới. Con người nội tại ấy từ lâu vẫn được biết là hiện hữu, và "vương quốc bên trong" từ lâu vẫn được công bố cho đến khi H. P. B. xuất hiện và truyền ra những chân lý xưa cũ ấy từ một góc độ mới, đem đến một khúc ngoặt huyền bí cho tư tưởng thần bí. Giờ đây đến cơ hội để con người chứng nghiệm các định luật của chính hữu thể mình, và trong sự chứng

knowledge and those of scientific bent who are willing to accept these truths as a working [Page 815] hypothesis to be utilised as a basis for experiment until proven false, will have the chance to solve the world problems from within. Thus will the Christ principle be manifested upon earth, and thus will the Christ nature be demonstrated to be a fact in nature itself.

nghiệm ấy, những ai đang đứng trên bờ của sự nắm bắt tri thức bằng trực giác và những ai có khuynh hướng khoa học sẵn lòng chấp nhận các chân lý này như một giả thuyết làm việc [Page 815] để được sử dụng làm cơ sở cho thực nghiệm cho đến khi bị chứng minh là sai, sẽ có cơ hội giải quyết các vấn đề của thế giới từ bên trong. Như thế nguyên lý Christ sẽ được biểu lộ trên trần gian, và như thế bản chất Christ sẽ được chứng minh là một sự kiện trong chính thiên nhiên.

The value to the public thought of a true explanation of the evolution of the Ego, and its gradually developing power on earth is very great. There are two ways in which man may view this matter, both of which provide food for meditation, and well merit serious consideration. Both of them have been somewhat dealt with by thinkers of many schools of thought, and hence do not require any lengthy elucidation. The problem may be regarded as one calling for the elevation of the inner consciousness of the human unit (functioning in the physical body) to the higher levels of the mental plane, and therefore involves a raising or expansion of his waking consciousness till it becomes aware of this higher life. This is the way of mystical approach, and many instances of its successful accomplishment can be studied in the lives of the mystics of all ages. By sheer devotion and strenuous application, and by a severe disciplining of the physical body, the mystic effects his entrance into the heart centre of his little system, and his life becomes irradiated by the beams of his own central sun—the egoic light divine. The problem may again be regarded as one in which the effort of the man is concentrated in an attempt to bring down into the physical brain consciousness, and thus on to the physical plane, the life and power and energy of the inner centre, the Ego. This involves necessarily a scientific

Giá trị đối với tư tưởng công chúng của một sự giải thích chân thực về sự tiến hoá của chân ngã, và về quyền năng đang dần phát triển của nó trên Trái Đất, là rất lớn. Có hai cách mà con người có thể nhìn vấn đề này, cả hai đều cung cấp nhiều điều đáng suy ngẫm trong tham thiền, và rất đáng được xem xét nghiêm túc. Cả hai cách ấy phần nào đã được các nhà tư tưởng thuộc nhiều trường phái tư tưởng bàn đến, và vì thế không đòi hỏi sự làm sáng tỏ dài dòng nào. Vấn đề có thể được xem như một vấn đề đòi hỏi sự nâng cao tâm thức bên trong của đơn vị nhân loại (đang hoạt động trong thể xác) lên các cấp độ cao hơn của cõi trí, và do đó bao hàm việc nâng lên hay mở rộng tâm thức thức tỉnh của y cho đến khi nó nhận biết được sự sống cao hơn này. Đây là con đường tiếp cận của nhà thần bí, và nhiều trường hợp thành công của nó có thể được nghiên cứu trong cuộc đời của các nhà thần bí thuộc mọi thời đại. Bằng lòng sùng tín thuần túy và sự chuyên cần mãnh liệt, cùng bằng sự kỷ luật nghiêm khắc đối với thể xác, nhà thần bí đi vào trung tâm tim của hệ thống nhỏ bé của mình, và đời sống của y trở nên được chiếu rạng bởi các tia của mặt trời trung tâm của chính y—ánh sáng thiêng liêng của chân ngã. Vấn đề cũng có thể lại được xem như một vấn đề trong đó nỗ lực của con người được tập trung vào việc cố gắng đem xuống tâm thức bộ não hồng trần, và như thế xuống cõi hồng trần, sự sống, quyền năng và năng lượng của

apprehension of the laws of being, and a recognition of the dual nature of the Self. It involves a devotion to the work of bringing about a domination of the lunar lords through the radiant control of the solar Lord. This is the occult method. It is the method of studying the constitution of those entities who form the [Page 816] fourfold lower nature, the personality, and a close investigation of those divine Essences Who build the body of the Ego or higher self. To this must be added a severe application of the laws of nature to the individual problem.

trung tâm bên trong, tức chân ngã. Điều này tất yếu bao hàm một sự lĩnh hội có tính khoa học về các định luật của bản thể, và một sự nhận biết bản chất nhị nguyên của Bản Ngã. Nó bao hàm sự tận tụy với công việc đem lại sự thống trị các nguyệt tinh quân nhờ sự kiểm soát rạng ngời của nhật tinh quân. Đây là phương pháp huyền bí học. Đó là phương pháp nghiên cứu cấu tạo của những thực thể tạo thành [Page 816] bản chất thấp tứ phân, phàm ngã, và khảo sát kỹ lưỡng những Tinh Chất thiêng liêng xây dựng thể nguyên nhân của chân ngã hay bản ngã cao siêu. Vào đó còn phải thêm sự áp dụng nghiêm ngặt các định luật của thiên nhiên vào vấn đề cá nhân.

What is proposed in this Treatise is to follow the latter method, as the aim is to make clear the rationale of the process.

Điều được đề nghị trong Luận này là theo phương pháp sau, vì mục tiêu là làm sáng tỏ cơ sở hợp lý của tiến trình.

(b) The evolution of the petals. The building of the causal body is the result of dual energy, that of the lower self with its reflex action upon the higher unit, and that of the natural energy of the self as it makes its direct impress upon the substance of the egoic lotus. It should here be remembered that, subtle though the material may be, the egoic lotus is as truly substance of a particular vibration as is the physical body, only (owing to its rarity) physical plane man regards it practically as nonsubstantial. It is in fact, as earlier pointed out, the result of the dual vibration of the fivefold Dhyanis or Gods in conjunction with the fourfold Quaternary, or the Pitris of the lower vehicles. Through a conscious effort of the planetary Logoi, these Dhyanis and lower Pitris are brought into a close relationship. This produces (upon the third subplane of the mental plane) a ninefold vibration or whorl in the gaseous matter of the plane—for this is the cosmic gaseous subplane—

(b) Sự tiến hoá của các cánh hoa. Việc xây dựng thể nguyên nhân là kết quả của năng lượng nhị nguyên, tức năng lượng của phàm ngã với tác động phản chiếu của nó lên đơn vị cao hơn, và năng lượng tự nhiên của bản ngã khi nó tạo dấu ấn trực tiếp lên chất liệu của hoa sen chân ngã. Ở đây cần nhớ rằng, dù vật chất ấy có vi tế đến đâu, hoa sen chân ngã cũng thật sự là chất liệu của một rung động đặc thù như thể xác vậy, chỉ có điều (do tính tinh tế của nó) con người cõi hồng trần thực tế xem nó như phi vật chất. Thật ra, như đã chỉ ra trước đây, nó là kết quả của rung động nhị nguyên của các Dhyanis hay các Thượng đế ngũ phân kết hợp với Bộ Tứ tứ phân, hay các Pitris của các vận cụ thấp. Nhờ nỗ lực có ý thức của các Đức Hành Tinh Thượng Đế, các Dhyanis này và các Pitris thấp được đưa vào một mối liên hệ mật thiết. Điều này tạo ra (trên cõi phụ thứ ba của cõi trí) một rung động hay xoáy lốc cửu phân trong vật chất thể khí của cõi ấy—vì đây là cõi phụ thể khí vũ trụ—rồi sau một

which, after a certain period of persistence, assumes the form of a nine-petalled lotus. This lotus is folded over in bud shape upon the central point, or heart of the lotus—that spark of electric fire which by its action or innate vitality working upon the substance of the lotus, attracts to itself sufficient of that substance to form three inner petals, which closely shield the central spark; these are nevertheless of the same substance or essence as the nine other petals. The student must be careful not to materialise his concept too much and it might therefore be wise for him to view

thời kỳ tồn tại nhất định, nó mang hình dạng của một hoa sen chín cánh. Hoa sen này khép lại thành hình nụ quanh điểm trung tâm, hay tim của hoa sen—tia lửa điện ấy, do tác động của nó hay sinh lực bẩm sinh của nó hoạt động trên chất liệu của hoa sen, hút về mình đủ chất liệu ấy để tạo thành ba cánh hoa bên trong, che chở sít sao tia lửa trung tâm; tuy nhiên, những cánh này vẫn cùng một chất liệu hay tinh chất như chín cánh hoa kia. Đạo sinh phải cẩn thận đừng vật chất hoá khái niệm của mình quá mức, và vì thế có lẽ sẽ là khôn ngoan nếu y nhìn

A.U.M. Chart VIII

THE EGOIC LOTUS AND THE CENTERS

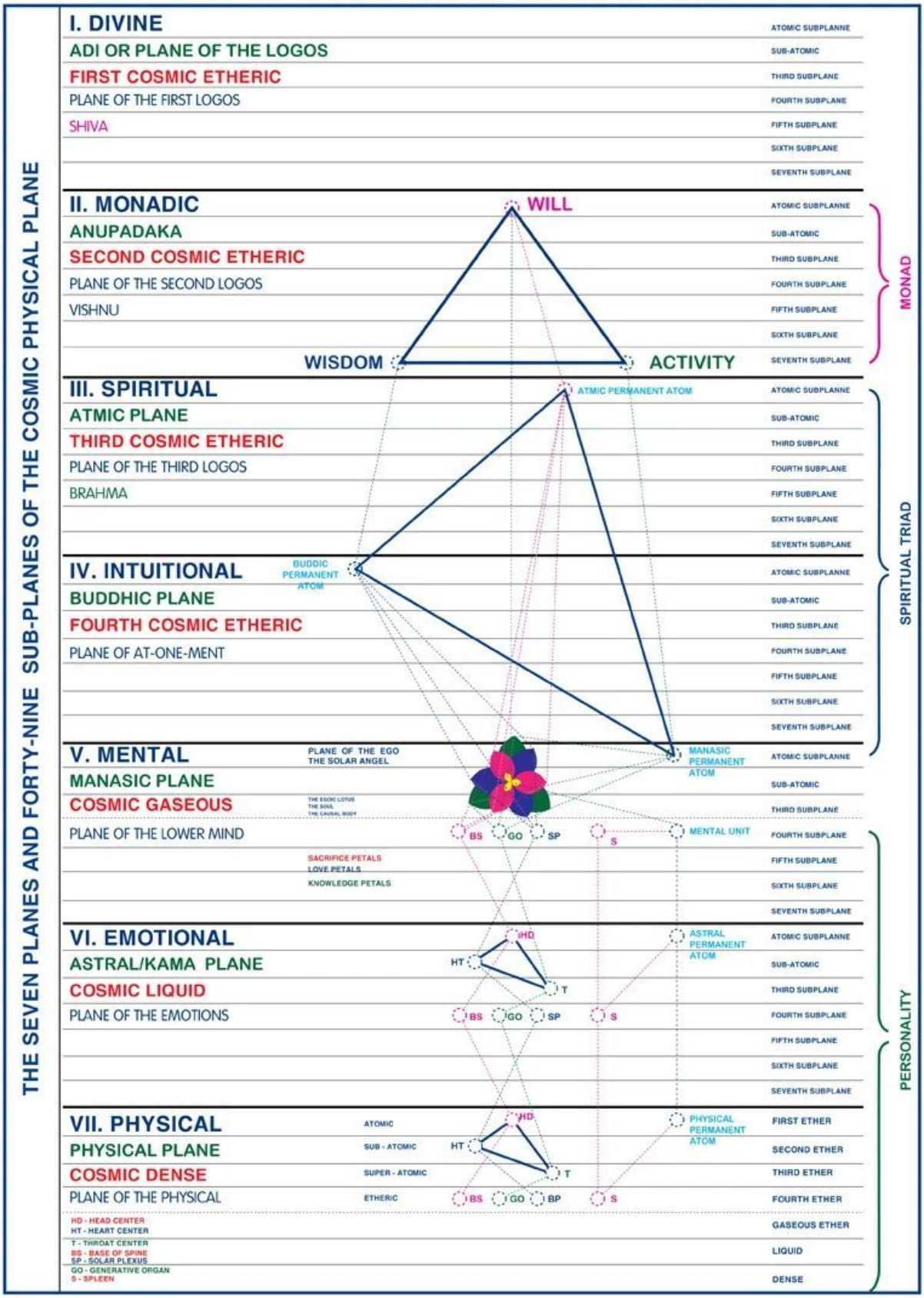

[Page 818] this manifestation from other angles and employ other terms to express the same idea. For instance, the body of the Ego may be viewed in the following four ways:

[Page 818] biểu hiện này từ những góc độ khác và dùng những thuật ngữ khác để diễn đạt cùng một ý tưởng. Chẳng hạn, thể nguyên nhân của chân ngã có thể được nhìn theo bốn cách sau:

As nine vibrations, emanating from a central point, which, in its pulsation or radiations produces three major vibrations of great force pursuing a circular activity around the centre; the nine vibrations pursue a diagonal path until they reach the periphery of the egoic sphere of influence. At this point they swing around, thus forming the well-known spheroidal form of the causal body.

Như chín rung động, phát ra từ một điểm trung tâm, điểm này trong sự đập nhịp hay phát xạ của nó tạo ra ba rung động chính có mãnh lực lớn vận hành theo hoạt động tròn quanh trung tâm; chín rung động đi theo một đường chéo cho đến khi chúng chạm tới chu vi của khối cầu ảnh hưởng chân ngã. Tại điểm này chúng xoay vòng, nhờ đó tạo thành hình cầu quen thuộc của thể nguyên nhân.

As nine petals of a lotus, radiating from a common centre, and hiding within themselves three central petals, which conceal a central point of fire. The radiations from the tip of each petal are those which cause the illusion of a spheroidal shape.

Như chín cánh hoa của một hoa sen, toả ra từ một trung tâm chung, và che giấu trong chính chúng ba cánh hoa trung tâm, những cánh này che kín một điểm lửa trung tâm. Các phát xạ từ đầu mỗi cánh hoa là những gì gây ra ảo tưởng về một hình cầu.

As nine spokes of a wheel, converging towards a central hub, which is in itself threefold, and which hides the central energy or dynamo of force—the generator of all the activity.

Như chín nan hoa của một bánh xe, hội tụ về một trục trung tâm, bản thân trục này là tam phân, và che giấu năng lượng trung tâm hay máy phát lực—nguồn phát sinh mọi hoạt động.

As nine types of energy which produce definite emanations from a threefold unit, again itself an outgoing from a central unit of force.

Như chín loại năng lượng tạo ra những phát xạ xác định từ một đơn vị tam phân, mà bản thân nó lại là một sự tuôn ra từ một đơn vị lực trung tâm.

For all purposes, the second definition will be the one of the most use to us in our attempt to picture the constitution, nature, method of development and true evolution of the Ego, functioning in the causal body.

Vì mọi mục đích, định nghĩa thứ hai sẽ là định nghĩa hữu ích nhất cho chúng ta trong nỗ lực hình dung cấu tạo, bản chất, phương pháp phát triển và sự tiến hoá chân thực của chân ngã đang hoạt động trong thể nguyên nhân.

In terms of fire, the same truths may be expressed as follows, and this should be carefully pondered upon by the student of this Treatise:

Theo thuật ngữ của lửa, các chân lý ấy có thể được diễn đạt như sau, và đạo sinh của Luận này nên suy ngẫm cẩn thận về điều đó:

1. Electric fire	Spirit	Will aspect	Jewel in the lotus.
2. Solar fire	Consciousness	Love aspect	The nine petals.
3. Fire by friction	Substance	Activity aspect	The three permanent atoms.

[Page 819] In electric fire, the Monad is represented in its threefold nature, and stands for that type of manifestation which will be brought to its highest stage of development in the next solar system.

[Page 819] Trong Lửa Điện, chân thần được biểu hiện trong bản chất tam phân của nó, và tượng trưng cho loại biểu hiện sẽ được đưa đến giai đoạn phát triển cao nhất trong hệ mặt trời kế tiếp.

In solar fire, these solar Pitris in their ninefold formation represent and make possible the unfolding of the consciousness of the Monad through the medium of the Ego in the three worlds of human evolution.

Trong Lửa Thái dương, các thái dương tổ phụ này trong cấu trúc cửu phân của Các Ngài biểu hiện và làm cho có thể sự khai mở tâm thức của chân thần thông qua trung gian của chân ngã trong ba cõi giới của tiến hoá nhân loại.

In fire by friction, the lunar Pitris are represented and constitute the lower self, the personality, or those vehicles by means of which the Ego in turn is to acquire experience on the lower planes.

Trong Lửa ma sát, các thái âm tổ phụ được biểu hiện và cấu thành phàm ngã, phàm nhân, hay những vận cụ nhờ đó chân ngã lần lượt thu nhận kinh nghiệm trên các cõi thấp.

Yet these three are one in manifestation within the egoic auric egg, and the interchange of energy and vitality proceeds steadily. Spirit uses the Soul, or the Ego, as a vehicle of enlightenment, and the Ego uses the lower Quaternary as its medium of expression. The evolution of Spirit can really therefore be divided into three stages:

Tuy nhiên, ba điều này là một trong biểu hiện bên trong noãn hào quang chân ngã, và sự trao đổi năng lượng cùng sinh lực diễn ra đều đặn. Tinh thần dùng linh hồn, hay chân ngã, như một vận cụ của sự giác ngộ, và chân ngã dùng Bộ Tứ thấp như phương tiện biểu lộ của nó. Vì vậy, sự tiến hoá của tinh thần thật ra có thể được chia thành ba giai đoạn:

First. The stage in which the lunar Pitris function primarily, and prepare the lower sheaths for occupancy. The lower vibrations control, and "fire by friction" is that which warms and nourishes to the practical exclusion of all else.

Thứ nhất. Giai đoạn trong đó các thái âm tổ phụ hoạt động chủ yếu, và chuẩn bị các vỏ bọc thấp cho sự cư ngụ. Các rung động thấp kiểm soát, và "Lửa ma sát" là điều sưởi ấm và nuôi dưỡng, thực tế loại trừ mọi thứ khác.

Second. The stage in which the solar Pitris gradually become predominant, in which the egoic consciousness is developed. The sheaths are occupied by the Thinker, are gradually controlled by him, are bent to his will and purpose, and are eventually discarded. The middle vibrations control and solar fire irradiates; it lights up in due course of evolution the lower sheaths; it gradually increases its heat, and eventually aids in the destruction of the forms.

Thứ hai. Giai đoạn trong đó các thái dương tổ phụ dần dần trở nên trội hơn, trong đó tâm thức chân ngã được phát triển. Các vỏ bọc được Đấng Tư Tưởng cư ngụ, dần dần được y kiểm soát, được uốn theo ý chí và mục đích của y, và cuối cùng bị loại bỏ. Các rung động trung gian kiểm soát và Lửa Thái dương chiếu rạng; đến đúng kỳ tiến hoá nó soi sáng các vỏ bọc thấp; dần dần nó tăng nhiệt, và cuối cùng trợ giúp vào sự huỷ diệt các hình tướng.

Third. The stage in which electric fire is revealed, and through the intensity of its blaze puts out the other fires. The lunar Pitris have fulfilled their work, the solar Pitris [Page 820] have developed the self-conscious unit, man, and the monad (having utilised both) discards both, and withdraws into itself, this time plus the gain of material existence, and plus developed love-wisdom.

Thứ ba. Giai đoạn trong đó Lửa Điện được mặc khải, và qua cường độ chói sáng của nó dập tắt các lửa khác. Các thái âm tổ phụ đã hoàn tất công việc của mình, các thái dương tổ phụ [Page 820] đã phát triển đơn vị ngã thức, con người, và chân thần (sau khi đã sử dụng cả hai) loại bỏ cả hai, và rút vào chính nó, lần này cộng thêm thành quả của sự tồn tại vật chất, và cộng thêm Bác Ái – Minh Triết đã phát triển.

In terms of the old Commentary, the truth is thus stated:

Theo Cổ Luận, chân lý được phát biểu như sau:

"The Lord of Life Himself sits at the heart and watches. The Lords of solar fire pursue their task and sacrifice themselves to the lunar Lords of all the lower planes. They die, but resurrect. They pass without, and come again. Yet the Lord of Life sits still.

"Chúa Tể của Sự sống đích thân ngự tại tim và quan sát. Các nhật tinh quân theo đuổi nhiệm vụ của Các Ngài và hi sinh chính mình cho các nguyệt tinh quân của mọi cõi thấp. Các Ngài chết, nhưng phục sinh. Các Ngài đi ra ngoài, rồi trở lại. Tuy nhiên Chúa Tể của Sự sống vẫn ngồi yên.

The lunar Lords begin to die; their power begins to wane with each successive cycle.

Các nguyệt tinh quân bắt đầu chết; quyền năng của họ bắt đầu suy giảm theo mỗi chu

The solar Lords shine forth in triumph and consign the fourfold ones to fire,—the fire which burns and dissipates the form.

kỳ kế tiếp. Các nhật tinh quân chiếu sáng trong chiến thắng và giao phó những vị tứ phân cho lửa,—ngọn lửa thiêu đốt và làm tiêu tan hình tướng.

Many times the work repeats itself; the cycles wax and wane, until the day triumphant when the solar Lord acclaims himself and knows himself the ruler.

Công việc lặp lại nhiều lần; các chu kỳ tăng rồi giảm, cho đến ngày chiến thắng khi nhật tinh quân tự xưng mình và biết mình là vị cai quản.

The Lord of Life then turns Himself, and arises in His might. He consumes the solar Lords, and they perish as did the lunar Lords. He speaks a Word; the fire descends. The blaze bursts forth. Gone is the lower fire through the flame of solar burning, gone is the middle fire through the intensity of fire from Heaven.

Khi ấy Chúa Tể của Sự sống xoay mình, và đứng dậy trong uy lực của Ngài. Ngài thiêu huỷ các nhật tinh quân, và họ tiêu vong như các nguyệt tinh quân đã tiêu vong. Ngài phát ra một Linh từ; lửa giáng xuống. Ánh chói bùng lên. Lửa thấp biến mất bởi ngọn lửa thái dương rực cháy, lửa trung gian biến mất bởi cường độ của lửa từ Thiên giới.

Naught remaineth save a threefold flame of violet, indigo and yellow. THAT disappears. Then darkness reigns. Yet the Lord of Life persists, though invisible."

Không gì còn lại ngoài một ngọn lửa tam phân màu tím, chàm và vàng. CÁI ĐÓ biến mất. Rồi bóng tối ngự trị. Tuy nhiên Chúa Tể của Sự sống vẫn tồn tại, dù vô hình."

As we know, the egoic lotus consists of three circles,—each circle being composed of three petals, and all shielding the inner bud where hides the jewel. It is with the evolution of these petals that we are concerned, with their formation, their vitalisation, their nurturing, and eventual unfoldment. It will be useful for the student at this stage to remember that we are primarily dealing with the development of the second aspect in man, the love-wisdom aspect, and are only secondarily considering the third aspect, that of activity which finds its energising centres in the three permanent atoms.

Như chúng ta biết, hoa sen chân ngã gồm ba vòng,—mỗi vòng gồm ba cánh hoa, và tất cả đều che chở nụ bên trong nơi viên ngọc ẩn giấu. Điều chúng ta quan tâm là sự tiến hoá của các cánh hoa này, sự hình thành, sự tiếp sinh lực, sự nuôi dưỡng, và sự khai mở cuối cùng của chúng. Ở giai đoạn này, sẽ hữu ích cho đạo sinh nếu nhớ rằng chúng ta chủ yếu đang bàn đến sự phát triển của phương diện thứ hai trong con người, phương diện bác ái – minh triết, và chỉ thứ yếu mới xét đến phương diện thứ ba, tức phương diện hoạt động, phương diện tìm thấy các trung tâm tiếp năng lượng của nó trong ba nguyên tử trường tồn.

[Page 821] These three circles of petals are called in the esoteric terminology:

[Page 821] Ba vòng cánh hoa này được gọi trong thuật ngữ huyền bí học là:

1. The “outer knowledge” triad, or the lords of active wisdom.

1. Tam nguyên “tri thức” bên ngoài, hay các chúa tể của minh triết hoạt động.

2. The middle “love” triad, or the lords of active love.

2. Tam nguyên “bác ái” ở giữa, hay các chúa tể của bác ái hoạt động.

3. The inner “sacrificial” triad, or the lords of active will.

3. Tam nguyên “hi sinh” bên trong, hay các chúa tể của ý chí hoạt động.

The first is the summation of experience and developed consciousness; the second is the application of that knowledge in love and service, or the expression of the Self and the Not-Self in reciprocal vibration; and the third is the full expression of knowledge and love turned toward the conscious sacrifice of all to the furthering of the plans of the planetary Logos, and to the carrying out of His purposes in group work. Each of these three groups of petals come under the definite guidance of three groups of Agnishvattas, who form them out of their own substance and who in essence are the threefold Ego during its manifestation. Through them flows the force and coherent energy of those mysterious Entities whom (when considering the human family as a whole) we call—

Vòng thứ nhất là tổng hợp của kinh nghiệm và tâm thức đã phát triển; vòng thứ hai là sự áp dụng tri thức ấy trong bác ái và phụng sự, hay sự biểu lộ của Bản Ngã và Phi-Ngã trong rung động tương hỗ; và vòng thứ ba là sự biểu lộ trọn vẹn của tri thức và bác ái hướng về sự hi sinh có ý thức của mọi sự để thúc đẩy các kế hoạch của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và để thực hiện các mục đích của Ngài trong công việc nhóm. Mỗi một trong ba nhóm cánh hoa này đều nằm dưới sự hướng dẫn xác định của ba nhóm Agnishvattas, những vị tạo thành chúng từ chính chất liệu của mình và về bản chất là chân ngã tam phân trong thời kỳ biểu hiện của nó. Qua họ tuôn chảy mãnh lực và năng lượng kết hợp của những Thực Thể huyền nhiệm mà (khi xét toàn thể gia đình nhân loại) chúng ta gọi là—

a. The Buddhas or Lords of Activity.

a. Các Đức Phật hay các Chúa Tể của Hoạt Động.

b. The Buddhas or Lords of Compassionate Love.

b. Các Đức Phật hay các Chúa Tể của Bác Ái Từ Bi.

c. Buddhas of Sacrifice, of Whom the Lord of the World is, to man, the best known exponent.

c. Các Đức Phật của Hi Sinh, trong số các Ngài, Đức Chúa Tể Thế Giới là vị biểu hiện được con người biết rõ nhất.

Through these three groups flows that threefold energy which, on the mental plane, finds its medium of expression in

Qua ba nhóm này tuôn chảy năng lượng tam phân ấy, năng lượng trên cõi trí tìm thấy phương tiện biểu lộ của nó liên hệ với giới

connection with the human kingdom, in the three groups of Agnishvattas or solar Pitris above referred to. These groups form the substance of the three circles of petals, and each group has also a special influence upon the particular petal belonging to their especial scale of vibrations. For the sake of clarity, we might tabulate the various petals so that the student may [Page 822] get a clearer comprehension of the conformation of his own causal vehicle, and some idea of the various triangular relationships:

nhân loại trong ba nhóm Agnishvattas hay thái dương tổ phụ đã nói ở trên. Các nhóm này tạo thành chất liệu của ba vòng cánh hoa, và mỗi nhóm cũng có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa riêng biệt thuộc thang rung động đặc thù của họ. Để cho rõ ràng, chúng ta có thể lập bảng các cánh hoa khác nhau để đạo sinh có thể [Page 822] có được sự hiểu biết rõ ràng hơn về cấu trúc của vận cụ nguyên nhân của chính mình, và một vài ý niệm về các mối liên hệ tam giác khác nhau:

I. The outer “knowledge” triad:

I. Tam nguyên “tri thức” bên ngoài:

a.	Petal 1	Knowledge on the physical plane. Colours: Orange, green and violet.
b.	Petal 2	Love on the physical plane. Colours: Orange, rose and blue.
c.	Petal 3	Sacrifice on the physical plane. Colours: Orange, yellow and indigo.

These three petals are organised and vitalised in the Hall of Ignorance, but remain unopened and only begin to unfold as the second circle is organised.

Ba cánh hoa này được tổ chức và tiếp sinh lực trong Phòng Vô Minh, nhưng vẫn chưa mở và chỉ bắt đầu khai mở khi vòng thứ hai được tổ chức.

II. *The middle “love” triad:*

II. *Tam nguyên “bác ái” ở giữa:*

a.	Petal 1	Higher Knowledge applied through love on the physical and astral planes.

		Colours: Rose, and the original three.
b.	Petal 2	Higher intelligent love on the physical and astral planes. Colours: Rose and the corresponding three.
c.	Petal 3	Loving intelligent sacrifice on the physical and astral planes. Colours: Rose and the same three.

These three petals preserve the fundamental orange but add the colour rose in every petal, so that four colours are now seen. These petals are organised and vitalised in the *Hall of Learning*, but remain unopened. The outer tier of petals simultaneously unfolds till it is open entirely, revealing the second circle; the third remains shielded. [Page 823]

Ba cánh hoa này giữ màu cam căn bản nhưng thêm màu hồng vào mỗi cánh hoa, vì thế nay thấy được bốn màu. Các cánh hoa này được tổ chức và tiếp sinh lực trong *Phòng Hiểu Biết*, nhưng vẫn chưa mở. Đồng thời, tầng cánh hoa bên ngoài khai mở cho đến khi hoàn toàn mở ra, để lộ vòng thứ hai; vòng thứ ba vẫn còn được che chở. [Page 823]

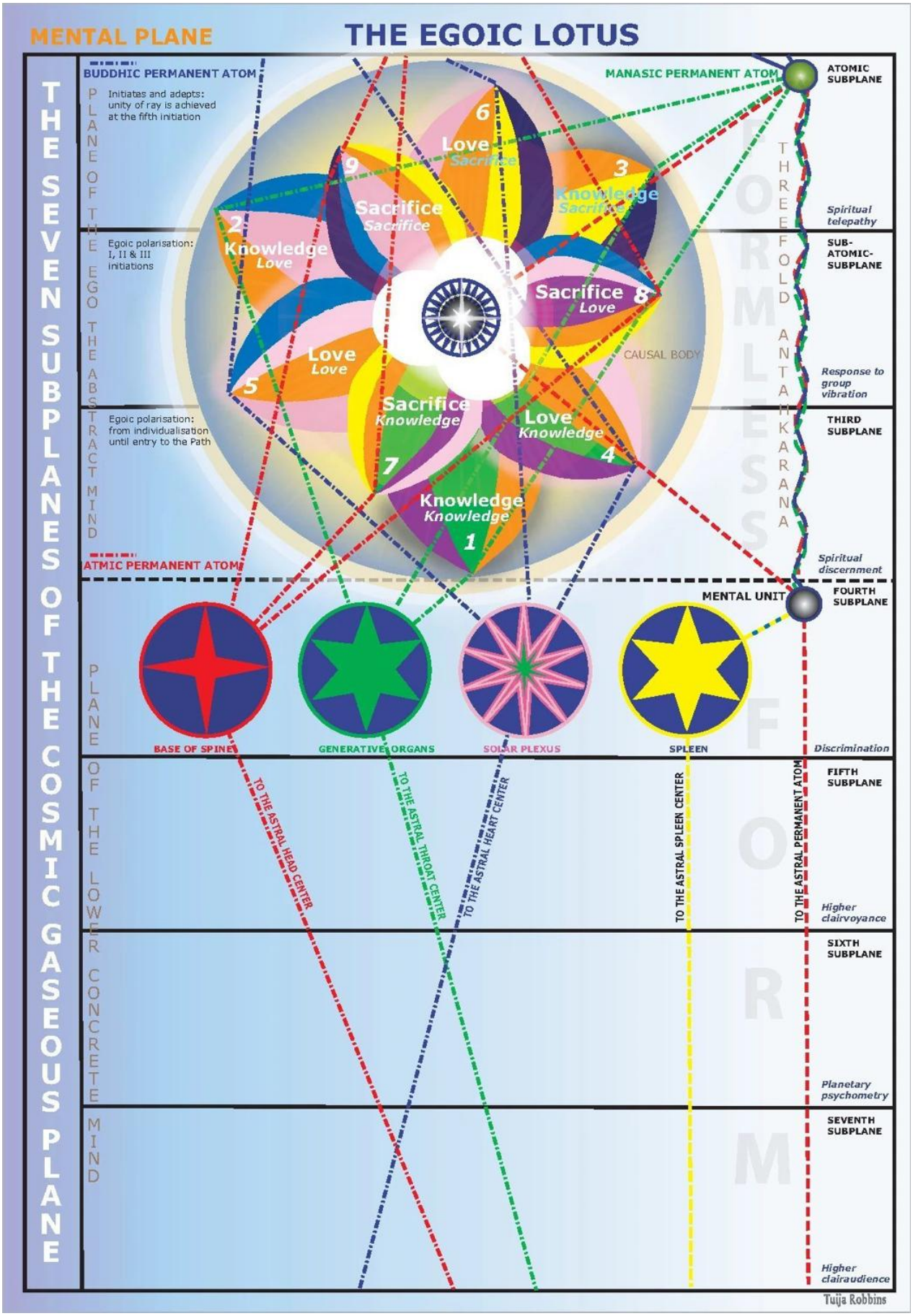

[Page 824] III. *The inner "sacrificial" triad:*

[Page 824] III. *Tam nguyên "hi sinh" bên trong:*

a.	Petal 1	The Will to sacrifice through knowledge on the mental plane, and thus intelligently to dominate the entire threefold lower man. Colours: Yellow and the four colours, orange, green, violet and rose.
b.	Petal 2	The will to sacrifice through love on the mental plane, and thus to serve. Colours: Yellow and the four colours, orange, violet, rose and blue.
c.	Petal 3	The utter sacrifice of all forever. Colours: Yellow, orange, rose, blue and indigo.

In the mystery of these subsidiary colours and of the gradual shining forth within the lotus of five colours in any one petal at one time, is veiled the mystery of the five Kumaras. *(S.D., I, 483.)* The student who seeks the significance of the preponderance of orange and of rose is approaching the secret of the two Kumaras Who fell. More it is not possible to say, but the colours hold the esoteric key to this great occurrence. This inner circle of petals is organised and vitalised in the *Hall of Wisdom*, and simultaneously the middle circle unfolds, so that two rows of petals are duly opened, and only the third remains to be unclosed. This final opening is effected during the period of

Trong huyền nhiệm của các màu phụ này và của sự dần dần chiếu sáng bên trong hoa sen của năm màu trong bất kỳ một cánh hoa nào tại một thời điểm, có che giấu huyền nhiệm của năm Kumaras. *(S.D., I, 483.)* Đạo sinh nào tìm kiếm thâm nghĩa của sự trội hơn của màu cam và màu hồng đang tiến gần đến bí mật của hai Kumaras đã sa ngã. Không thể nói thêm được nữa, nhưng các màu sắc nắm giữ chiếc chìa khóa huyền bí cho biến cố lớn lao này. Vòng cánh hoa bên trong này được tổ chức và tiếp sinh lực trong *Phòng Minh triết*, và đồng thời vòng giữa khai mở, để hai hàng cánh hoa được mở đúng mức, và chỉ còn vòng thứ ba là chưa mở. Sự mở cuối cùng này được thực hiện

treading the stages of the Path of Initiation, and in this round it is hastened by the rites of initiation and by the strenuous and abnormal efforts of the man himself, aided by the electrical work of the Initiator, wielding the Rod of Power.

trong thời kỳ bước đi qua các giai đoạn của Con Đường Điểm Đạo, và trong cuộc tuần hoàn này nó được thúc đẩy nhanh bởi các nghi lễ điểm đạo và bởi những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của chính con người, được trợ giúp bởi công việc điện lực của Đấng Điểm đạo, Đấng cầm Thần Trượng Quyền Năng.

Though we have thus divided off the different stages of development, we have but dealt with the general average, gathering our facts from the records to which we have access and which are grouped in relation to this subject into the three groups, related to:

Dù chúng ta đã phân chia các giai đoạn phát triển khác nhau như thế, chúng ta mới chỉ bàn đến mức trung bình tổng quát, thu thập các dữ kiện từ những hồ sơ mà chúng ta có thể tiếp cận và được nhóm lại liên hệ với đề tài này thành ba nhóm, liên hệ đến:

a. The Monads of power.

a. Các chân thần quyền năng.

b. The Monads of love.

b. Các chân thần bác ái.

c. The Monads of activity.

c. Các chân thần hoạt động.

The student must remember that according to these groupings, so will be the tendency of the petals to unfold. For instance, in the case of the majority of men, being [Page 825] Monads of Love, the love petals are more easily awakened, for love is the nature of the present manifestation and the line of love in some direction (low, high, or spiritual) is the line of least resistance for the many. Yet the Monads of activity are numerous and influential and the first petal in each ring is for them the easiest to unfold. For both groups the "knowledge" petal is the first opened, owing to the inherent nature of the Manasadevas themselves, and their basic vibration. For all, sacrifice is the hardest, for it involves ever the two factors of intelligence and love,—intelligent knowledge and a love that goes out to that which must be saved through sacrifice.

Đạo sinh phải nhớ rằng theo các cách phân nhóm này, xu hướng khai mở của các cánh hoa cũng sẽ như vậy. Chẳng hạn, trong trường hợp đa số người, vì là [Page 825] các chân thần Bác Ái, các cánh hoa bác ái dễ được đánh thức hơn, vì bác ái là bản chất của biểu hiện hiện tại và đường lối bác ái theo một hướng nào đó (thấp, cao, hay tinh thần) là con đường ít trở ngại nhất đối với số đông. Tuy nhiên, các chân thần hoạt động cũng rất đông và có ảnh hưởng, và đối với họ cánh hoa thứ nhất trong mỗi vòng là cánh dễ khai mở nhất. Đối với cả hai nhóm, cánh hoa tri thức là cánh đầu tiên được mở, do bản chất cố hữu của chính các Manasadevas, và rung động căn bản của họ. Đối với tất cả, hi sinh là điều khó nhất, vì nó luôn bao hàm hai yếu tố trí tuệ và bác ái,—tri thức thông minh và một tình thương hướng ra ngoài đến điều phải được cứu vớt qua hi sinh.

In these three circles of petals lies concealed another clue to the mystery of the 777 incarnations. The figures do not convey an exact number of years, but are figurative and symbolical; they are intended to convey the thought of three cycles of varying duration, based upon the septenary nature of the manifesting monad.

Trong ba vòng cánh hoa này còn ẩn giấu một đầu mối khác cho huyền nhiệm của 777 lần lâm phàm. Các con số không truyền đạt một số năm chính xác, mà có tính hình tượng và biểu tượng; chúng nhằm truyền đạt ý tưởng về ba chu kỳ có thời lượng khác nhau, dựa trên bản chất thất phân của chân thần đang biểu hiện.

First. The 700 incarnations. These concern the unfoldment of the outer circle. This is the longest period. The initial vibration is slow and heavy, and millenia of lives have to elapse before the interchange of energy between the Ego and its reflection, the personal self (the lower threefold man) is such that the consciousness of the man occultly "awakens" in the Hall of Learning. For advanced man at this time these incarnations took place upon the moon chain and in some cases upon certain planets connected with the inner round. This is the circumstance which necessitated his "coming-in" during the Atlantean root-race. Men of this type refused to incarnate earlier, as the bodies were too coarse; this was the cyclic reflection (on the lowest plane) of the refusal of the Monads to incarnate at the dawn of manvantaric opportunity. No real "sin" was committed; it was their privilege to discriminate, and this refusal has its [Page 826] bearing upon conditions upon Earth, being the basis of the great class distinctions which—in every land—have been so fruitful of trouble and the esoteric foundation of the "caste" system, so abused now in India. The problem of labor and capital has its roots in the subjective distinction between "equipped and unequipped" Egos, between those units of the human family on earth who have passed out of the Hall of Ignorance, and those who are yet groping in its dark and gloomy corridors; between those Egos who are only

Thứ nhất. 700 lần lâm phàm. Những lần này liên quan đến sự khai mở của vòng ngoài. Đây là thời kỳ dài nhất. Rung động ban đầu chậm và nặng, và phải trải qua hàng thiên niên kỷ của các kiếp sống trước khi sự trao đổi năng lượng giữa chân ngã và phản chiếu của nó, bản ngã cá nhân (con người tam phân thấp), đạt đến mức mà tâm thức của con người một cách huyền bí "thức tỉnh" trong Phòng Hiểu Biết. Đối với con người tiến bộ vào lúc này, các lần lâm phàm này đã diễn ra trên Dãy Mặt Trăng và trong một số trường hợp trên vài hành tinh liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong. Chính hoàn cảnh này đã khiến y phải "đi vào" trong giống dân gốc Atlantis. Những người thuộc loại này đã từ chối lâm phàm sớm hơn, vì các thân thể quá thô trược; đây là sự phản chiếu theo chu kỳ (trên cõi thấp nhất) của sự từ chối của các chân thần không chịu lâm phàm vào buổi đầu của cơ hội giai kỳ sinh hóa. Không có "tội lỗi" thực sự nào được phạm; đó là đặc quyền của họ để phân biện, và sự từ chối này có [Page 826] liên hệ đến các điều kiện trên Trái Đất, là cơ sở của những phân biệt giai cấp lớn lao mà—ở mọi xứ sở—đã sinh ra biết bao rắc rối và là nền tảng huyền bí của hệ thống "đẳng cấp", hiện bị lạm dụng quá mức ở Ấn Độ. Vấn đề lao động và tư bản có gốc rễ trong sự phân biệt chủ quan giữa các chân ngã "được trang bị" và "chưa được trang bị", giữa những đơn vị của gia đình nhân loại trên Trái Đất đã vượt ra khỏi Phòng Vô Minh, và những đơn vị còn đang mò mẫm trong các hành lang tối tăm ảm đạm của nó; giữa

"bud" Egos, and those who have organised the outer circle of petals, and whose petals are ready to open up.

những chân ngã chỉ mới là chân ngã "nụ", và những chân ngã đã tổ chức vòng cánh hoa bên ngoài, và các cánh hoa của họ đã sẵn sàng mở ra.

The idea of a septenate of centuries must be carefully pondered upon, and as ever in all occult matters, the idea of triplicity must be also borne in mind with a synthesising period, which is a summation of the triple coordination:

Ý tưởng về một bộ bảy thế kỷ phải được suy ngẫm cẩn thận, và như thường lệ trong mọi vấn đề huyền bí học, ý tưởng về bộ ba cũng phải được ghi nhớ cùng với một thời kỳ tổng hợp, là sự tổng kết của sự phối hợp tam phân:

3 periods of 3 tens	90 years.
1 synthesising period	10 years.
	100 years.
This seven times repeated	7
	700 years.

Each cycle (again figurative cycles) leaves one of the petals more vitalised, and has a definite effect on each.

Mỗi chu kỳ (lại là các chu kỳ hình tượng) để lại một trong các cánh hoa được tiếp sinh lực nhiều hơn, và có một tác động xác định lên mỗi cánh.

Second. The 70 incarnations. These concern the unfoldment of the middle circle. Much may be learned from a consideration of the occult significance involved in the sending out of their followers by any initiate (such as the Christ) in groups of seventy, going two and two. These seventy incarnations primarily effect the development of love in the personal life, the evolution of the astral nature, based on the recognition of the pairs of opposites, and their equilibrising in love and service.

Thứ hai. 70 lần lâm phàm. Những lần này liên quan đến sự khai mở của vòng giữa. Có thể học được nhiều điều từ việc xem xét thâm nghĩa huyền bí hàm chứa trong việc bất kỳ điểm đạo đồ nào (như Đức Christ) sai các môn đồ của mình đi theo từng nhóm bảy mươi người, đi từng đôi một. Bảy mươi lần lâm phàm này chủ yếu tạo ra sự phát triển của bác ái trong đời sống cá nhân, sự tiến hoá của bản chất cảm dục, dựa trên sự nhận biết các cặp đối đãi, và sự quân bình chúng trong bác ái và phụng sự.

This cycle covers the period passed by the man in the [Page 827] Hall of Learning and has its correspondence in the Atlantean root-race and its conflict between the Lords of the Dark Face and the Brotherhood of

Chu kỳ này bao trùm thời kỳ con người trải qua trong [Page 827] Phòng Hiểu Biết và có sự tương ứng của nó trong giống dân gốc Atlantis cùng cuộc xung đột giữa các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối và Huynh đệ Đoàn

Light. Within the life of each individual, a similar conflict wages during this period, ending with the final kurukshetra or battle-ground which earns for the man the right to tread the Probationary Path, and eventually the privilege to stand before the Portal of Initiation. Again the numerical significance of the numbers must be studied; this time they are hid in the number ten, or three cycles of three lesser periods, each making nine, and one synthesising period, leading up to the consummation of one period within the greater cycle; this is signified by the ten of relative perfection. *(S. D., I, 214; II, 393, 445, 446.)* (263) The interplay between kamic impulse and manasic energy has produced a realisation within the consciousness of the Ego of that [Page 828] which he has learned within the two Halls; the outer circle of petals is unfolded, and the central ring is ready to open.

Ánh Sáng. Trong đời sống của mỗi cá nhân, một cuộc xung đột tương tự cũng diễn ra trong thời kỳ này, kết thúc bằng kurukshetra cuối cùng hay chiến trường cuối cùng, nhờ đó con người giành được quyền bước lên Con Đường Dự Bị, và cuối cùng là đặc ân được đứng trước Cổng Điểm Đạo. Một lần nữa, thâm nghĩa số học của các con số phải được nghiên cứu; lần này chúng được ẩn trong số mười, hay ba chu kỳ gồm ba thời kỳ nhỏ hơn, mỗi chu kỳ thành chín, và một thời kỳ tổng hợp, dẫn đến sự hoàn tất của một thời kỳ trong chu kỳ lớn hơn; điều này được biểu thị bằng số mười của sự toàn hảo tương đối. *(S. D., I, 214; II, 393, 445, 446.)* (263) Sự tương tác giữa xung lực kama và năng lượng manas đã tạo ra một sự chứng nghiệm trong tâm thức của chân ngã về điều mà y đã học được trong hai Phòng; [Page 828] vòng cánh hoa bên ngoài đã khai mở, và vòng trung tâm sẵn sàng mở ra.

(263) *The Number 10.*—See S. D., I, 125, 126.

(263) *Số 10.*—Xem S. D., I, 125, 126.

1. *The three, enclosed within the circle are the sacred Four.*

1. *Bộ ba, được bao trong vòng tròn, là Bộ Bốn thiêng liêng.*

a. Adi-Sanat, the Number, Unity. The Logos, or the One in physical incarnation. God and man function as unities on their respective physical planes.

a. Adi-Sanat, Con Số, Hợp Nhất. Thượng đế, hay Đấng Duy Nhất trong lâm phàm hồng trần. Thượng đế và con người hoạt động như những hợp nhất trên các cõi hồng trần tương ứng của mình.

b. The Voice of the Word, the Numbers, for He is one and nine. The second aspect. The embodied Idea. Consciousness.

b. Tiếng Nói của Linh từ, các Con Số, vì Ngài là một và chín. Phương diện thứ hai. Ý Tưởng nhập thể. Tâm thức.

c. The formless Square, the matter aspect, substance and form. Limitation.

c. Hình Vuông vô tướng, phương diện vật chất, chất liệu và hình tướng. Sự giới hạn.

Trace these out in connection with:—

Hãy truy nguyên những điều này liên hệ với:—

a. A solar Logos informing a solar system.

a. Một Thái dương Thượng đế thấm nhuần một hệ mặt trời.

b. A planetary Logos, informing a planetary scheme.

b. Một Đức Hành Tinh Thượng Đế, thấm nhuần một hệ hành tinh.

c. Man, informing his bodies of manifestation.

c. Con người, thấm nhuần các thể biểu hiện của mình.

2. *The ten are the arupa universe.*

2. *Mười là vũ trụ arupa.*

The emphasis here is laid upon the subjective Lives, or the Intelligent Consciousness within the forms.

Ở đây sự nhấn mạnh được đặt trên các Sự Sống chủ quan, hay Tâm thức Thông minh bên trong các hình tướng.

These ten might be called:—

Mười điều này có thể được gọi là:—

I. The first Logos.... Shiva.... Father.... Will.

I. Thượng đế thứ nhất.... Shiva.... Cha.... Ý chí.

II. The second Logos.... Vishnu.... Son.... Love-wisdom.

II. Thượng đế thứ hai.... Vishnu.... Con.... Bác Ái – Minh Triết.

III. The third Logos.... Brahma.... Holy Ghost.... Intelligence overshadowing Matter, Mother.

III. Thượng đế thứ ba.... Brahma.... Chúa Thánh Thần.... Trí tuệ phủ bóng lên Vật chất, Mẹ.

1. The Lord of Cosmic Will..... First Ray.

1. Chúa Tể của Ý Chí Vũ Trụ..... Cung một.

2. The Lord of Cosmic Love.....Second Ray.

2. Chúa Tể của Bác Ái Vũ Trụ.....Cung hai.

3. The Lord of Cosmic Intelligence..... Third Ray.

3. Chúa Tể của Trí Tuệ Vũ Trụ..... Cung ba.

4. The Lord of Cosmic Harmony..... Fourth Ray.

4. Chúa Tể của Hài Hoà Vũ Trụ..... Cung bốn.

5. The Lord of Cosmic Knowledge.....Fifth Ray.

5. Chúa Tể của Tri Thức Vũ Trụ.....Cung năm.

6. The Lord of Cosmic Devotion.....Sixth Ray.

6. Chúa Tể của Sùng Tín Vũ Trụ.....Cung sáu.

7. The Lord of Cosmic Ceremonial.....Seventh Ray.

7. Chúa Tể của Nghi Lễ Vũ Trụ.....Cung bảy.

They are the subjective consciousness, the cause of manifestation. (back)

Các Ngài là tâm thức chủ quan, nguyên nhân của biểu hiện. (back)

Third. The 7 incarnations. These are those passed upon the Probationary Path. This is an interesting period in which certain things are effected which might be described in the following terms:

Thứ ba. 7 lần lâm phàm. Đây là những lần trải qua trên Con Đường Dự Bị. Đây là một thời kỳ lý thú trong đó một số điều được thực hiện, có thể được mô tả bằng các thuật ngữ sau:

The two outer rings of petals are stimulated in a new and special sense through the conscious act of the probationary disciple. Much of the work hitherto has been pursued under the ordinary laws of evolution and has been unconscious. Now all that changes as the mental body becomes active, and two of the will petals are co-ordinated, and one "awakes" vitality and unfolds.

Hai vòng cánh hoa bên ngoài được kích thích theo một ý nghĩa mới và đặc biệt nhờ hành động có ý thức của đệ tử dự bị. Phần lớn công việc cho đến nay đã được tiến hành dưới các định luật tiến hoá thông thường và trong vô thức. Giờ đây mọi sự thay đổi khi thể trí trở nên hoạt động, và hai cánh hoa ý chí được phối hợp, còn một cánh thì "thức tỉnh" sinh lực và khai mở.

The fire or energy from these two rings begins to circulate along the atomic triangle and when this is the case it marks a very momentous epoch; a dual work has been consummated in the personal lower life and in the egoic:

Lửa hay năng lượng từ hai vòng này bắt đầu lưu chuyển dọc theo tam giác nguyên tử và khi điều này xảy ra, nó đánh dấu một thời kỳ cực kỳ trọng đại; một công việc nhị nguyên đã được hoàn tất trong đời sống cá nhân thấp và trong đời sống chân ngã:

a. The permanent atoms have the four lower spirillae fully active (two groups of two each) and the fifth is in process of arousement into equal activity. The triangle is in circulatory action but has not yet achieved its full brightness nor its rotary or fourth dimensional revolution.

a. Các nguyên tử trường tồn có bốn loa tuyến thấp hoạt động hoàn toàn (hai nhóm, mỗi nhóm hai loa tuyến) và loa tuyến thứ năm đang trong tiến trình được khơi dậy đến mức hoạt động tương đương. Tam giác đang ở trong hoạt động tuần hoàn nhưng chưa đạt đến độ sáng trọn vẹn cũng như sự quay tròn hay sự xoay chuyển theo chiều thứ tư của nó.

b. The two circles of petals are "awake," one being wide open and the other on the verge of opening.

b. Hai vòng cánh hoa đều "thức tỉnh", một vòng mở rộng hoàn toàn và vòng kia ở sát ngưỡng mở ra.

Thus in the life of the probationer two aspects of the divine life are making themselves apparent, and though as yet much remains to be done, nevertheless when the inner circle of petals is awakened —through the instrumentality of the curious and abnormal process of initiation— the remaining aspect will be brought into similar prominence, and produce the perfected man in the three [Page 829] worlds. Thus is the work of the Solar Pitris consummated.

Như thế trong đời sống của người dự bị, hai phương diện của sự sống thiêng liêng đang tự biểu lộ, và dù vẫn còn nhiều việc phải làm, tuy nhiên khi vòng cánh hoa bên trong được đánh thức—nhờ công cụ của tiến trình kỳ lạ và bất thường là điểm đạo—phương diện còn lại sẽ được đưa đến chỗ nổi bật tương tự, và tạo ra con người toàn hảo trong ba [Page 829] cõi thấp. Như vậy công việc của các thái dương tổ phụ được hoàn tất.

The fact of the abnormality of the process of initiation must here be emphasised.

Ở đây cần nhấn mạnh sự kiện về tính bất thường của tiến trình điểm đạo.

Initiation is in the nature of a great experiment which our planetary Logos is making during this round. In earlier and perhaps in later rounds the whole process will follow natural law. In this round and on this chain, our planetary Logos on His high level is what is esoterically called "sitting for yoga," and is definitely undergoing certain processes of training in order to stimulate His centres. This fact is being taken advantage of by the Hierarchy on Earth to produce certain results in the races under Their guidance. The whole process is optional, and a man may—if he so choose— follow the normal process, and take aeons of time to effect what some are choosing to do in a briefer period, through a self-chosen forcing process.

Điểm đạo có bản chất của một cuộc thí nghiệm lớn mà Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang thực hiện trong cuộc tuần hoàn này. Trong các cuộc tuần hoàn trước và có lẽ trong các cuộc tuần hoàn sau, toàn bộ tiến trình sẽ tuân theo định luật tự nhiên. Trong cuộc tuần hoàn này và trên dãy này, Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trên cấp độ cao của Ngài đang ở trong điều được gọi một cách huyền bí là "ngồi để yoga", và đang nhất định trải qua một số tiến trình huấn luyện nhằm kích thích các trung tâm của Ngài. Sự kiện này đang được Thánh Đoàn trên Trái Đất tận dụng để tạo ra một số kết quả trong các nhân loại dưới sự hướng dẫn của Các Ngài. Toàn bộ tiến trình là tùy chọn, và con người có thể—nếu y chọn như vậy—đi theo tiến trình bình thường, và mất những đại kiếp thời gian để thực hiện điều mà một số người đang chọn làm trong một thời kỳ ngắn hơn, qua một tiến trình cưỡng bức do chính mình lựa chọn.

At the termination of the 777 incarnations, a man passes through the door of initiation and enters upon a brief synthesising process, or a final period in which he garners the fruits of the experience in the two first halls, and transmutes knowledge into wisdom, transforms the shadow of things seen into the energy of that which is, and achieves the final liberation from all the lower forms which seek to hold him prisoner. This period of initiation itself is divided into seven stages, but only five of these concern the evolution of the Ego, just as the five Kumaras concern primarily the evolution of Humanity in the system and on this planet. Thus again we have the four exoteric Kumaras, of Whom two fell, and the three esoteric, of whom One gathers the life forces of the four exoteric, making with Them the five above mentioned. The student must study this question from the point of view of energy or life force, considering it from the aspect of polarity and of the mystic marriage, from [Page 830] the comprehension of the real meaning of the sex relation, of the meeting and merging of the pairs of opposites, and the work of the one who synthesises where every type of energy is concerned. For instance:

a. The Ego synthesises or gathers in the life forces of the fourfold lower man.

b. The Mahachohan's Ray on Earth synthesises the life forces of the lower four. This Ray is the third subray of our planetary Ray.

c. The third major Ray of the solar system blends the minor four.

Khi kết thúc 777 lần lâm phàm, con người đi qua cánh cửa điểm đạo và bước vào một tiến trình tổng hợp ngắn ngủi, hay một thời kỳ cuối cùng trong đó y thu hoạch các thành quả của kinh nghiệm trong hai Phòng đầu tiên, và chuyển hoá tri thức thành minh triết, chuyển đổi cái bóng của những điều được thấy thành năng lượng của cái đang hiện hữu, và đạt được sự giải thoát cuối cùng khỏi mọi hình tướng thấp đang tìm cách giam giữ y làm tù nhân. Chính thời kỳ điểm đạo này được chia thành bảy giai đoạn, nhưng chỉ có năm giai đoạn trong số đó liên quan đến sự tiến hoá của chân ngã, cũng như năm Kumaras chủ yếu liên quan đến sự tiến hoá của Nhân Loại trong hệ thống và trên hành tinh này. Như vậy một lần nữa chúng ta có bốn Kumaras ngoại môn, trong số các Ngài có hai vị sa ngã, và ba vị nội môn, trong số các Ngài có Một vị thu gom các lực sự sống của bốn vị ngoại môn, hợp cùng Các Ngài thành năm vị đã nói ở trên. Đạo sinh phải nghiên cứu vấn đề này từ quan điểm năng lượng hay lực sự sống, xét nó từ phương diện cực tính và hôn phối thần bí, từ [Page 830] sự thấu hiểu ý nghĩa thực sự của quan hệ giới tính, của sự gặp gỡ và dung hợp của các cặp đối đãi, và công việc của đấng tổng hợp ở bất cứ nơi nào có liên quan đến mọi loại năng lượng. Chẳng hạn:

a. Chân ngã tổng hợp hay thu gom các lực sự sống của con người thấp tứ phân.

b. Cung của Đức Mahachohan trên Trái Đất tổng hợp các lực sự sống của bốn cung thấp. Cung này là cung phụ thứ ba của cung hành tinh của chúng ta.

c. Cung chính thứ ba của hệ mặt trời dung hợp bốn cung nhỏ.

d. The fifth Kumara blends and unites in Himself the work of the lower four.

d. Kumara thứ năm dung hợp và hợp nhất trong chính Ngài công việc của bốn vị thấp.

The reflection of all this in the Microcosm can be studied by the man who understands how the physical body is the vehicle of all the principles.

Sự phản chiếu của tất cả điều này trong Tiểu thiên địa có thể được người hiểu thể xác là vận cụ của mọi nguyên khí nghiên cứu.

By the time the third Initiation is taken, the inner circle of petals is opened and the full-blown lotus in all its beauty can be seen. At the fourth Initiation the inner bud bursts open through the effect of the electrical force of the Rod, which brings in the power of the synthetic ray of the solar system itself; the inner jewel is thus revealed. The work has been accomplished; the energy resident in the permanent atoms, has vitalised all the spirillae whilst the perfected force of the lotus, and the dynamic will of the central spark are brought into full and united activity. This brings about a threefold display of vital force which causes the disintegration of the form and the following results:

Vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận, vòng cánh hoa bên trong được mở ra và hoa sen nở trọn trong toàn bộ vẻ đẹp của nó có thể được nhìn thấy. Ở lần điểm đạo thứ tư, nụ bên trong bung mở dưới tác động của lực điện của Thần Trượng, lực này mang vào quyền năng của cung tổng hợp của chính hệ mặt trời; vì thế viên ngọc bên trong được lộ ra. Công việc đã được hoàn tất; năng lượng cư ngụ trong các nguyên tử trường tồn đã tiếp sinh lực cho mọi loa tuyến trong khi mãnh lực hoàn hảo của hoa sen, và ý chí năng động của tia lửa trung tâm được đưa vào hoạt động đầy đủ và hợp nhất. Điều này tạo ra một sự biểu lộ tam phân của lực sinh động gây nên sự tan rã của hình tướng và các kết quả sau đây:

a. The permanent atoms become radioactive, and their ring-pass-not is therefore no longer a barrier to the lesser units within; the electronic lives in their various groups escape, and return to the eternal reservoir. They form substance of a very high [Page 831] order, and will produce the forms of those existences who, in another cycle, will seek vehicles.

a. Các nguyên tử trường tồn trở nên phóng xạ, và vì thế vòng-giới-hạn của chúng không còn là một rào cản đối với các đơn vị nhỏ hơn bên trong; các sự sống điện tử trong những nhóm khác nhau của chúng thoát ra, và trở về hồ chứa vĩnh cửu. Chúng tạo thành chất liệu của một trật tự rất cao [Page 831], và sẽ tạo ra các hình tướng của những sự tồn tại mà trong một chu kỳ khác sẽ tìm kiếm các vận cụ.

b. The petals are destroyed by the action of fire, and the multiplicity of deva lives which form them and give to them their coherence and quality are gathered back by the solar Pitris of the highest order into the Heart of

b. Tác động của lửa huỷ diệt các cánh hoa, và vô số sự sống thiên thần tạo thành chúng và ban cho chúng sự kết hợp cùng phẩm tính được các thái dương tổ phụ thuộc cấp cao nhất thu hồi vào Tim Mặt Trời; chúng sẽ lại

the Sun; they will be directed outward again in another solar system.

The atomic substance will be used for another manvantara, but the solar Pitris will not again be called upon to sacrifice themselves until the next solar system when they will come in as planetary Rays, thus repeating upon monadic levels in the next system what they have done in this. They will then be the planetary Logoi.

c. The central Life electric returns to its source, escaping out of prison and functioning as a centre of energy on planes of cosmic etheric energy.

We have endeavoured above to convey a general idea of the evolutionary process in connection with the Ego, and its progression under karmic and cyclic law. If the student ponders upon these two laws it will become apparent to him that both might be summed up under the generic term of the *Law of Rhythm*. All manifestation is the result of active energy producing certain results, and expenditure of energy in any one direction will necessitate an equal expenditure in an opposite. This in terms of the Ego and its life experience brings about three stages:

First. The stage wherein the energy manifested acts outwardly. The Self becomes identified with its sheaths. This is the strictly personal stage.

Second. The stage wherein adjustment under law is being sought, and the Self is neither entirely identified with its sheaths, nor identified entirely with Itself. It is [Page 832] learning to choose between the pairs of opposites. This is the period of the fiercest strife and turmoil, and the battlefield

được hướng ra ngoài trong một hệ mặt trời khác.

Chất liệu nguyên tử sẽ được dùng cho một giai kỳ sinh hóa khác, nhưng các thái dương tổ phụ sẽ không lại được kêu gọi hi sinh chính mình cho đến hệ mặt trời kế tiếp khi Các Ngài sẽ đi vào như các cung hành tinh, nhờ đó lặp lại trên các cấp chân thần trong hệ thống kế tiếp điều mà Các Ngài đã làm trong hệ thống này. Khi ấy Các Ngài sẽ là các Đức Hành Tinh Thượng Đế.

c. Sự sống điện trung tâm trở về nguồn của nó, thoát khỏi ngục tù và hoạt động như một trung tâm năng lượng trên các cõi năng lượng dĩ thái vũ trụ.

Ở trên, chúng ta đã cố gắng truyền đạt một ý niệm tổng quát về tiến trình tiến hoá liên hệ với chân ngã, và sự tiến triển của nó dưới định luật nghiệp quả và chu kỳ. Nếu đạo sinh suy ngẫm về hai định luật này, y sẽ thấy rõ rằng cả hai có thể được tóm lại dưới thuật ngữ tổng quát là *Định luật Nhịp điệu*. Mọi biểu hiện đều là kết quả của năng lượng hoạt động tạo ra những kết quả nhất định, và sự tiêu hao năng lượng theo bất kỳ hướng nào cũng sẽ đòi hỏi một sự tiêu hao tương đương theo hướng đối nghịch. Điều này, xét theo chân ngã và kinh nghiệm sống của nó, tạo ra ba giai đoạn:

Thứ nhất. Giai đoạn trong đó năng lượng biểu hiện hoạt động ra bên ngoài. Bản Ngã đồng hoá với các vỏ bọc của nó. Đây là giai đoạn hoàn toàn cá nhân.

Thứ hai. Giai đoạn trong đó sự điều chỉnh theo định luật đang được tìm kiếm, và Bản Ngã không hoàn toàn đồng hoá với các vỏ bọc của nó, cũng không hoàn toàn đồng hoá với chính Nó. Nó đang [Page 832] học cách lựa chọn giữa các cặp đối đãi. Đây là thời kỳ của xung đột và hỗn loạn dữ dội nhất, và là

wherein the adjustment has to be made; it is the laboratory period wherein enough transmutative force is generated by the disciple to carry him to the opposite extreme of the earlier stage,—that stage wherein the energy will manifest *within* and not without.

chiến trường nơi sự điều chỉnh phải được thực hiện; đó là thời kỳ phòng thí nghiệm trong đó đệ tử tạo ra đủ mãnh lực chuyển hoá để đưa y đến cực đối nghịch của giai đoạn trước,—giai đoạn trong đó năng lượng sẽ biểu hiện *bên trong* chứ không phải bên ngoài.

Third. The stage wherein the energy of the Ego is centred at the heart of the circle, and not in the periphery, being applied from thence through the conscious effort of the Ego in group service. The pull of the lower nature is superseded, and the attraction of that which is higher even than the Ego is felt. The earlier process has then to be repeated on a higher turn of the spiral, and monadic energy begins to work upon the Ego as the egoic worked upon the personality. The Monad, which has been identifying Itself with the Ego (its outer manifestation) begins again to seek its own true centre "within the Heart," and on the higher levels results affecting distribution and conservation of energy may again be seen.

Thứ ba. Giai đoạn trong đó năng lượng của chân ngã được tập trung tại tâm điểm của vòng tròn, chứ không ở chu vi, và từ đó được vận dụng qua nỗ lực hữu thức của chân ngã trong công việc phụng sự nhóm. Sức hút của bản chất thấp được vượt qua, và sức hấp dẫn của điều còn cao hơn cả chân ngã được cảm nhận. Khi ấy tiến trình trước đó phải được lặp lại trên một vòng xoắn ốc cao hơn, và năng lượng chân thần bắt đầu tác động lên chân ngã như năng lượng chân ngã đã tác động lên phàm ngã. Chân thần, vốn đã đồng hoá Chính Nó với chân ngã (biểu hiện bên ngoài của nó), lại bắt đầu tìm kiếm trung tâm chân thực của chính mình "bên trong Trái Tim", và trên các cấp độ cao hơn, lại có thể thấy những kết quả ảnh hưởng đến sự phân phối và bảo tồn năng lượng.

It is necessary to emphasise this procedure because it is important that all occultists should learn to interpret and to think in terms of energy and of force, in contradistinction to the sheaths or instruments employed. The mystic has recognised this "force" factor, but has only worked with the *positive* force aspect. The occultist must recognise and work with three types of force, or energy, and therein lies the distinction between his work and that of the mystic. He recognises:

Cần nhấn mạnh thủ tục này vì điều quan trọng là mọi nhà huyền bí học phải học cách diễn giải và suy nghĩ theo thuật ngữ năng lượng và mãnh lực, khác với các thể hay công cụ được sử dụng. Nhà thần bí đã nhận ra yếu tố "mãnh lực" này, nhưng chỉ làm việc với phương diện mãnh lực *dương* mà thôi. Nhà huyền bí học phải nhận ra và làm việc với ba loại mãnh lực, hay năng lượng, và chính trong đó có sự khác biệt giữa công việc của y và công việc của nhà thần bí. Y nhận ra:

1.	Positive force	Or that which energises.

2.	Negative force	Or that which is the recipient of energy; that which acts or assumes form under the impact of positive force.
3.	Light, or harmonic force	That which is produced by the union of these two. The result is radiant energy, and is the result of the equilibrising of the two others.

[Page 833] These three aspects of energy have been called, as has been often said:

[Page 833] Ba phương diện năng lượng này đã được gọi, như thường được nói:

a.	*Electric fire*	*positive energy*	*Father.*
b.	*Fire by friction*	*negative energy*	*Mother.*
c.	*Solar fire*	*radiant energy*	*Sun or Son.*

Each of these two last aspects demonstrates within itself in a dual manner, but the effect is a unified whole as regards the great Unity in which they are demonstrating.

Mỗi một trong hai phương diện cuối này tự biểu lộ bên trong chính nó theo cách nhị phân, nhưng hiệu quả lại là một toàn thể hợp nhất xét theo Đại Hợp Nhất trong đó chúng đang biểu lộ.

The problem of the devas may be somewhat better understood if it is remembered that they in themselves embody the two types of energy. For instance, the solar Pitris are the substance of the egoic bodies and groups, and the medium of expression for the Spirit aspect, for Spirit manifests by means of soul. The lunar Pitris, who form the personal lower self, being the aggregate of the lower sheaths, are energised and used by the solar Lords. These solar Angels again are in many groups and express within their own ranks a dual energy, both positive and negative.

Vấn đề của các thiên thần có thể được hiểu phần nào rõ hơn nếu nhớ rằng tự bản thân họ thể hiện hai loại năng lượng ấy. Thí dụ, các thái dương tổ phụ là chất liệu của các thể chân ngã và các nhóm, và là phương tiện biểu lộ cho phương diện tinh thần, vì tinh thần biểu lộ qua linh hồn. Các thái âm tổ phụ, những vị tạo thành phàm ngã thấp, là tổng thể của các thể thấp, được các nhật tinh quân tiếp sinh lực và sử dụng. Đến lượt mình, các Thái dương Thiên Thần này lại ở trong nhiều nhóm và biểu lộ trong hàng ngũ của chính họ một năng lượng nhị phân, vừa

There is the positive life of the egoic lotus which co-ordinates, preserves, and actuates the petals, and there is also the energy of the petal substance itself, or the negative aspect which is swept by the positive force of the greater solar Lords into living whorls or wheels which we symbolically call "petals." There is a close analogy in connection with the planetary Logos, and the solar Logos between *prana,* the life force which animates the etheric body of man, and by means of that [Page 834] force coheres the dense physical body, and that synthesising life force of the Logos which animates every atom on every plane of the system. If this is meditated upon, and the fact of all our planes being the etheric and dense manifestation of the solar Logos is realised, then the place played by the solar Angels may become somewhat elucidated, and their relation to the planetary Logos and to the solar Logos may become also clearer.

dương vừa âm. Có sự sống dương của Hoa Sen Chân Ngã điều phối, bảo tồn và làm cho các cánh hoa hoạt động, và cũng có năng lượng của chính chất liệu cánh hoa, hay phương diện âm, được mãnh lực dương của các nhật tinh quân lớn hơn cuốn vào thành những vòng xoáy hay bánh xe sống động mà chúng ta gọi một cách biểu tượng là "các cánh hoa". Có một sự tương đồng chặt chẽ liên quan đến Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế giữa *prana,* mãnh lực sự sống làm sinh động thể dĩ thái của con người, và nhờ mãnh lực [Page 834] đó mà thể xác đậm đặc được kết dính, với mãnh lực sự sống tổng hợp của Thượng đế làm sinh động mọi nguyên tử trên mọi cõi của hệ thống. Nếu điều này được tham thiền, và nếu nhận biết được sự kiện rằng mọi cõi của chúng ta đều là biểu hiện dĩ thái và đậm đặc của Thái dương Thượng đế, thì vai trò do các Thái dương Thiên Thần đảm nhiệm có thể trở nên phần nào sáng tỏ hơn, và mối liên hệ của họ với Đức Hành Tinh Thượng Đế và với Thái dương Thượng đế cũng có thể trở nên rõ ràng hơn.

We must not only study them in connection with ourselves and with our effort to identify ourselves with the solar Lords of the lunar Pitris, but must recognise also:

Chúng ta không những phải nghiên cứu họ trong mối liên hệ với chính mình và với nỗ lực của chúng ta nhằm đồng hoá mình với các nhật tinh quân của các thái âm tổ phụ, mà còn phải nhận ra:

a. The solar Angels of a planetary scheme.

a. Các Thái dương Thiên Thần của một hệ hành tinh.

b. The solar Angels of the solar system.

b. Các Thái dương Thiên Thần của hệ mặt trời.

c. The lunar lords of the scheme and system.

c. Các nguyệt tinh quân của hệ hành tinh và của hệ thống.

The word "lunar" is here an anachronism and is technically inaccurate. The moon or moons in any scheme are systemic effects,

Từ "thái âm" ở đây là một lối gọi lỗi thời và về mặt kỹ thuật là không chính xác. Mặt trăng hay các mặt trăng trong bất kỳ hệ

and are not causes. In certain planetary relationships, they are considered causes, but in connection with our solar system they are not. Yet also, in connection with a system, there exist cosmically certain bodies in space which have as definite an effect upon the system as the moon has upon the earth. This is something as yet unknown and incomprehensible to metaphysicians, scientists and astronomers. War wages cosmically as yet between the systemic "lunar" lords, and those Entities who are analogous to the solar Lords on cosmic levels. Until our students extend their concept to include in their calculations the logoic astral and mental bodies as the Logos seeks to express emotion and mind on the physical plane (through His physical body, a solar system) they will not progress far towards the heart of the solar mystery. Until the force of the cosmic lunar Lords is sought for, the fact of there being entire constellations beyond our solar system in process of disintegration in time and space in a manner similar to [Page 835] the disintegration of the moon will not be known nor the effects of this traced. Eventually our solar system will pass into a similar state. The true mystery of evil (265) lies here, and the true reality of the "War in Heaven" must here be sought. Similarly it must be remembered that planetary schemes pass into obscuration and "die out," through the withdrawal in all cases of the positive life and energy and of the electric fire which is the animating principle of every system, scheme, globe, kingdom in nature, and human unit. This produces again in every case the dying out of the "solar radiance," or of the light produced by the commingling of the negative and positive energy. All that is left in every case again is the habitual energy of the substance upon which, and through which, the positive energy has had such a remarkable

hành tinh nào đều là những hiệu quả có tính hệ thống, chứ không phải nguyên nhân. Trong một số tương quan hành tinh, chúng được xem là nguyên nhân, nhưng liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta thì không phải vậy. Tuy nhiên, liên hệ với một hệ thống, vẫn có những thiên thể nào đó trong không gian, xét theo vũ trụ, có tác động xác định lên hệ thống cũng như mặt trăng tác động lên Trái Đất. Đây là điều hiện vẫn chưa được các nhà siêu hình học, các nhà khoa học và các nhà thiên văn học biết đến và thấu hiểu. Hiện nay, trên bình diện vũ trụ, chiến tranh vẫn diễn ra giữa các nguyệt tinh quân "có tính hệ thống" và những Thực Thể tương tự với các nhật tinh quân trên các cấp độ vũ trụ. Chừng nào các đạo sinh của chúng ta chưa mở rộng khái niệm của mình để bao gồm trong các tính toán của họ các thể cảm dục và thể trí của Thượng đế, khi Thượng đế tìm cách biểu lộ cảm xúc và trí tuệ trên cõi hồng trần (qua thể xác của Ngài là một hệ mặt trời), thì họ sẽ không tiến xa được đến trung tâm của huyền nhiệm thái dương. Chừng nào mãnh lực của các nguyệt tinh quân vũ trụ chưa được truy tìm, thì sự kiện rằng có những chòm sao trọn vẹn bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta đang trong tiến trình tan rã trong thời gian và không gian theo cách tương tự như [Page 835] sự tan rã của mặt trăng sẽ không được biết đến, cũng như các hiệu quả của điều này sẽ không được truy nguyên. Cuối cùng, hệ mặt trời của chúng ta cũng sẽ đi vào một trạng thái tương tự. Huyền nhiệm đích thực của điều ác (265) nằm ở đây, và thực tại đích thực của "Chiến Tranh trên Thiên Đàng" cũng phải được tìm ở đây. Tương tự như vậy, cần nhớ rằng các hệ hành tinh đi vào tình trạng lu mờ và "tắt lịm", trong mọi trường hợp, do sự rút lui của sự sống và năng lượng dương cùng Lửa Điện là nguyên khí sinh động của mọi hệ thống, hệ hành tinh, bầu hành tinh, giới trong thiên nhiên và đơn vị nhân loại. Điều này lại tạo ra trong mọi trường hợp sự tắt dần của "ánh

[Page 836] effect. This negative type of force gradually dissipates, or disperses itself, and seeks the central reservoir of energy. The spheroidal form is thus disintegrated. This can be seen working out now in the case of the moon, and the same rule holds good for all bodies. We might word it otherwise:—The solar Devas (or radiant energy) return to the central Heart or to the source which breathed them out. This leaves the lesser deva substance dependent upon its own internal heat, as it involves the withdrawal of that which built substance into form. This deva substance is of many kinds and perhaps the consequent procedure can be more clearly understood if we say that as the form breaks up the lesser builders and devas return to their group soul. Certain of them, those who form the bodies of the fourth kingdom in nature, and who are therefore the highest kind of substance through which consciousness can manifest in the three worlds, are on the road towards individualisation,—they are nearer the human stage than the substance of the three other kingdoms. They occupy a place in the deva evolution analogous to that which a man holds in the human kingdom (note that I say kingdom, not evolution) who is nearing the Path. The goal for the devas (below the rank of solar Pitris) is individualisation, and their objective is to become men in some future cycle. The goal for a man is initiation, or to become a conscious Dhyan Chohan, and in some distant cycle to do for the humanity of that age what the solar Pitris have done for him, and make their self-conscious expression a possibility. The goal for a solar Pitri is, as said earlier, to become a logoic Ray. (266)

huy hoàng thái dương", hay của ánh sáng được tạo ra bởi sự hòa trộn giữa năng lượng âm và dương. Trong mọi trường hợp, điều còn lại chỉ là năng lượng theo thói quen của chất liệu mà trên đó, và qua đó, năng lượng dương đã tạo ra một hiệu quả [Page 836] đáng kể như thế. Loại mãnh lực âm này dần dần tiêu tan, hay tự phân tán, và tìm về bể chứa năng lượng trung tâm. Do đó hình thể cầu bị tan rã. Điều này hiện có thể thấy đang diễn ra trong trường hợp của mặt trăng, và cùng một quy luật ấy đúng cho mọi thiên thể. Chúng ta có thể diễn đạt theo cách khác:—Các thiên thần thái dương (hay năng lượng rạng ngời) trở về Trái Tim trung tâm hay trở về nguồn đã thở họ ra. Điều này để lại chất liệu thiên thần thấp lệ thuộc vào nhiệt nội tại của chính nó, vì nó bao hàm sự rút lui của cái đã xây dựng chất liệu thành hình tướng. Chất liệu thiên thần này có nhiều loại, và có lẽ tiến trình tiếp theo có thể được hiểu rõ hơn nếu chúng ta nói rằng khi hình tướng tan vỡ, các vị tiểu kiến tạo và các thiên thần trở về hồn nhóm của họ. Một số trong họ, những vị tạo thành các thân thể của giới thứ tư trong thiên nhiên, và vì vậy là loại chất liệu cao nhất mà qua đó tâm thức có thể biểu lộ trong ba cõi thấp, đang trên đường tiến tới biệt ngã hóa,—họ gần giai đoạn nhân loại hơn chất liệu của ba giới kia. Họ chiếm một vị trí trong tiến hoá thiên thần tương tự như vị trí mà một người giữ trong giới nhân loại (lưu ý rằng tôi nói là giới, không phải tiến hoá) khi người ấy đang tiến gần Đường Đạo. Mục tiêu của các thiên thần (dưới cấp bậc các thái dương tổ phụ) là biệt ngã hóa, và cứu cánh của họ là trở thành con người trong một chu kỳ tương lai nào đó. Mục tiêu của con người là điểm đạo, hay trở thành một Dhyan Chohan hữu thức, và trong một chu kỳ xa xôi nào đó làm cho nhân loại của thời đại ấy điều mà các thái dương tổ phụ đã làm cho y, và khiến sự biểu lộ ngã thức của họ trở thành khả hữu. Mục tiêu của một thái

dương tổ phụ, như đã nói trước đây, là trở thành một cung của Thượng đế. (266)

(265) *Problem of Evil.*

The following quotation is from a trance writing, given through Dr. Anna Kingsford; it runs thus:

"You have demanded also the origin of evil. This is a great subject and we should have withheld it from you longer, but that it seems to us now that you are in need of it. Understand then that Evil is the result of Creation. For Creation is the result of the projection of Spirit into matter; and with this projection came the first germ of evil. We would have you know that there is no such thing as a purely spiritual evil, but evil is the result of the materialisation of Spirit. If you examine carefully all we have said to you concerning the various forms of evil, you will see that every one is the result of the limitation of the power to perceive that the whole Universe is but the Larger Self....It is, then, true that God created evil; but yet it is true that God is Spirit, and being Spirit is incapable of evil. Evil is then purely and solely the result of the materialisation of God. This is a great mystery. We can but indicate it tonight....God is perception itself. God is universal percipience. God is that which sees and that which is seen. If we could see all, hear all, touch all, and so forth, there would be no evil, for evil comes of the limitation of perception. Such limitation was necessary if God was to produce aught other than God. Aught other than God must be less than God. Without evil, therefore, God would have remained alone. All things are God according to the measure of the Spirit in them."

(265) *Vấn đề Điều Ác.*

Đoạn trích dẫn sau đây lấy từ một bản viết trong trạng thái xuất thần, được truyền qua Tiến sĩ Anna Kingsford; nội dung như sau:

"Bạn cũng đã hỏi về nguồn gốc của điều ác. Đây là một chủ đề lớn và lẽ ra chúng tôi còn phải giữ lại lâu hơn nữa, nếu như hiện nay chúng tôi không thấy rằng bạn cần đến nó. Vậy hãy hiểu rằng Điều Ác là kết quả của Sáng Tạo. Vì Sáng Tạo là kết quả của sự phóng chiếu Tinh thần vào vật chất; và cùng với sự phóng chiếu ấy đã đến mầm mống đầu tiên của điều ác. Chúng tôi muốn bạn biết rằng không có cái gọi là điều ác thuần túy tinh thần, mà điều ác là kết quả của sự vật chất hoá của Tinh thần. Nếu bạn khảo sát cẩn thận mọi điều chúng tôi đã nói với bạn về các hình thức khác nhau của điều ác, bạn sẽ thấy rằng mỗi một hình thức đều là kết quả của sự giới hạn quyền năng tri giác rằng toàn thể Vũ Trụ chỉ là Bản Ngã Lớn Hơn....Vậy thì đúng là Thượng đế đã tạo ra điều ác; nhưng cũng đúng là Thượng đế là Tinh thần, và vì là Tinh thần nên không thể có điều ác. Vậy điều ác hoàn toàn và duy nhất là kết quả của sự vật chất hoá của Thượng đế. Đây là một huyền nhiệm lớn. Tối nay chúng tôi chỉ có thể chỉ ra điều đó....Thượng đế chính là tri giác. Thượng đế là năng lực tri giác phổ quát. Thượng đế là cái thấy và cái được thấy. Nếu chúng ta có thể thấy tất cả, nghe tất cả, chạm đến tất cả, v.v., thì sẽ không có điều ác, vì điều ác phát sinh từ sự giới hạn của tri giác. Sự giới hạn ấy là cần thiết nếu Thượng đế muốn tạo ra bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế. Bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế đều phải kém hơn Thượng đế. Vì vậy, nếu không có điều ác, Thượng đế đã vẫn ở một mình. Mọi sự

đều là Thượng đế tùy theo mức độ Tinh thần ở trong chúng."

That is to say, a perfected humanity will be a perfect vehicle of the divine Spirit (see the Mercaba of Ezekiel, 1st Chapter). Great is our indebtedness to the Seers who throw out for us flashes of light on the darkness and mystery of human life, where the struggling Spirit within is so often buried in the depths of this mysterious Chaos, thereby making visible the darkness, so that we are enabled to see a few steps of the Way ahead, thus encouraging us to press forward with renewed assurance that the mists and clouds will be dispelled, and we shall in due time enter the fulness of the divine Presence.—*The Theosophist*, Vol. XXIX, p. 50. (back)

Điều đó có nghĩa là một nhân loại được hoàn thiện sẽ là một vận cụ hoàn hảo của Tinh thần thiêng liêng (xem Mercaba của Ezekiel, Chương 1). Thật lớn lao là món nợ biết ơn của chúng ta đối với các nhà thông nhãn, những vị đã ném ra cho chúng ta những tia chớp ánh sáng vào bóng tối và huyền nhiệm của đời sống con người, nơi Tinh thần đang vật lộn bên trong thường bị chôn vùi trong chiều sâu của Cõi Hỗn Mang bí ẩn này, nhờ đó làm cho bóng tối trở nên hữu hình, để chúng ta có thể thấy được vài bước của Con Đường phía trước, và như thế khích lệ chúng ta tiến lên với niềm xác tín được đổi mới rằng sương mù và mây sẽ bị xua tan, và đến đúng lúc chúng ta sẽ đi vào sự viên mãn của Hiện Diện thiêng liêng.—*The Theosophist*, Tập XXIX, tr. 50. (back)

(266) The Goal for the Pitris:

(266) Mục tiêu của các Pitri:

The lunar Pitris are on a level with the lower Principles.—S. D., II, 82.

Các thái âm tổ phụ ở cùng một cấp độ với các nguyên khí thấp.—S. D., II, 82.

a. They create our lower principles... S. D., II, 92.

a. Họ tạo ra các nguyên khí thấp của chúng ta... S. D., II, 92.

b. They possess creative fire but not divine fire... S. D., II, 81, 82.

b. Họ sở hữu lửa sáng tạo nhưng không có lửa thiêng liêng... S. D., II, 81, 82.

c. They evolve the human form... S. D., I, 203.

c. Họ làm cho hình tướng con người tiến hoá... S. D., I, 203.

d. They will eventually become men... S. D., I, 203.

d. Cuối cùng họ sẽ trở thành con người... S. D., I, 203.

Compare S. D., II, 99.

So sánh S. D., II, 99.

The higher Principles are latent in the animals.—S. D., II, 266, 279

a. The solar Pitris embody the fifth principle... S. D., I, 241.

b. They give consciousness to man... S. D., I, 204.

c. They furnish the vehicle for the incarnating Monad, forming the egoic body... S. D., I, 237.

d. They develop the human type... S. D., II, 243.

Compare S. D., II, 96 (back)

[Page 837] To return to the matter which we were considering:—Just as the moon is a deterrent or malefic force where the Earth is concerned, and productive of evil "influences," so all such disintegrating bodies are equally destructive. Such bodies exist within the solar ring-pass-not, (267) unrecognised as yet, and disintegrating constellations (of which there are many in the universe, unknown and unrecognised by scientists) have an equally malefic effect upon our system, and upon all that passes into their sphere of influence.

(267) Unseen Planets: "Not all of the Intra-Mercurial planets, nor yet those in the orbit of Neptune, are yet discovered, although they are strongly suspected. We know that such exist and where they exist; and that there are innumerable planets "burnt out" they say,—in Obscuration we say;—planets in formation and not yet luminous, etc."...

Các nguyên khí cao hơn tiềm tàng trong giới động vật.—S. D., II, 266, 279

a. Các thái dương tổ phụ thể hiện nguyên khí thứ năm... S. D., I, 241.

b. Họ ban tâm thức cho con người... S. D., I, 204.

c. Họ cung cấp vận cụ cho chân thần đang nhập thể, tạo thành thể chân ngã... S. D., I, 237.

d. Họ phát triển loại hình con người... S. D., II, 243.

So sánh S. D., II, 96 (back)

[Page 837] Trở lại vấn đề chúng ta đang xem xét:—Cũng như mặt trăng là một mãnh lực cản trở hay hung hại đối với Trái Đất, và tạo ra những "ảnh hưởng" xấu, thì mọi thiên thể đang tan rã như vậy cũng đều có tính phá hoại tương tự. Những thiên thể như thế tồn tại bên trong vòng-giới-hạn thái dương, (267) hiện vẫn chưa được nhận biết, và các chòm sao đang tan rã (mà có rất nhiều trong vũ trụ, chưa được các nhà khoa học biết đến và nhận ra) cũng có một tác động hung hại tương tự lên hệ thống của chúng ta, và lên mọi thứ đi vào phạm vi ảnh hưởng của chúng.

(267) Các Hành Tinh Vô Hình: "Không phải tất cả các hành tinh nội Sao Thủy, cũng chưa phải tất cả những hành tinh trong quỹ đạo của Sao Hải Vương, đều đã được khám phá, mặc dù người ta rất tin rằng chúng tồn tại. Chúng tôi biết rằng những hành tinh như thế tồn tại và chúng tồn tại ở đâu; và rằng có vô số hành tinh 'đã cháy hết' như họ nói,—chúng tôi nói là đang trong tình trạng Lu

Mờ;—những hành tinh đang hình thành và chưa phát sáng, v.v.”...

“When so attached the ‘tasimeter’ will afford the possibility not only to measure the heat of the remotest of visible stars, but to detect by their invisible radiations stars that are unseen and otherwise undetectable, hence planets also. The discoverer, an F. T. S., a good deal protected by M., thinks that if, at any point in a blank space of heavens—a space that appears blank even through a telescope of the highest power—the tasimeter indicates an accession of temperature and does so invariably; this will be a regular proof that the instrument is in range with the stellar body either non-luminous or so distant as to be beyond the reach of telescopic vision. His tasimeter, he says, ‘is affected by a wider range of etheric undulations than the Eye can take cognisance of.’ Science will Hear sounds from certain planets before she Sees them. This is a Prophecy.”—*Mahatma Letters to A. P. Sinnett*, p. 169. (back)

“Khi được gắn như vậy, ‘tasimeter’ sẽ cho khả năng không những đo được nhiệt của những ngôi sao nhìn thấy xa nhất, mà còn phát hiện qua các bức xạ vô hình của chúng những ngôi sao không thể thấy và không thể phát hiện bằng cách nào khác, do đó cả các hành tinh nữa. Nhà phát minh, một F. T. S., được Chân sư M. bảo hộ khá nhiều, cho rằng nếu, tại bất kỳ điểm nào trong một khoảng trống của bầu trời—một khoảng trống trông có vẻ rỗng ngay cả qua kính thiên văn mạnh nhất—tasimeter cho thấy sự gia tăng nhiệt độ và luôn luôn như vậy; thì đó sẽ là bằng chứng chắc chắn rằng dụng cụ ấy đang nằm trong tầm của một thiên thể hoặc không phát sáng hoặc ở xa đến mức vượt ngoài tầm nhìn của kính thiên văn. Ông nói tasimeter của ông ‘bị tác động bởi một phạm vi rộng hơn của các dao động dĩ thái so với điều mà Mắt có thể nhận biết.’ Khoa học sẽ Nghe được âm thanh từ một số hành tinh trước khi cô ấy Thấy chúng. Đây là một Lời Tiên Tri.”—*Mahatma Letters to A. P. Sinnett*, tr. 169. (back)

There is one such constellation, situated between the lesser Dipper and our system, and another, interrelated with the Pleiades and our system which still have a profound effect upon the physical body of the solar Logos.

Có một chòm sao như thế, nằm giữa Tiểu Hùng Tinh và hệ thống của chúng ta, và một chòm sao khác, có liên hệ với Thất Nữ Tinh và hệ thống của chúng ta, vẫn còn có một ảnh hưởng sâu xa lên thể xác của Thái dương Thượng đế.

The above paragraph is specifically worded thus because the effects are felt in the *lowest* sheath of all, and are responsible for much that is ignorantly termed “black magic.” These two constellations have run their cycles and are “dissolving.” Some of their life force and energy has been transferred to our solar system, [Page 838] just as the lunar life force was transferred to our earth, and this it

Đoạn trên được diễn đạt một cách đặc biệt như vậy vì các hiệu quả được cảm nhận trong *thể thấp nhất* của tất cả, và chịu trách nhiệm cho nhiều điều bị gọi một cách thiếu hiểu biết là “hắc thuật”. Hai chòm sao này đã hoàn tất các chu kỳ của chúng và đang “tan rã”. Một phần mãnh lực sự sống và năng lượng của chúng đã được chuyển dịch sang hệ mặt trời của chúng ta, [Page 838] cũng

is that is the cause of much cyclic evil. The process of decay and the evil emanations induced still have power to influence forms which are responsive to what was for them an earlier vibration. The substance of these forms is magnetically linked with the decaying body, much as the etheric double is connected with its dense sheath, and effects are therefore manifested. Purificatory fire is the only cure for this magnetic corruption, and this is being utilised freely by the planetary Logoi in Their schemes, and by the solar Logos in the system.

như mãnh lực sự sống thái âm đã được chuyển sang địa cầu của chúng ta, và chính điều này là nguyên nhân của nhiều điều ác có tính chu kỳ. Tiến trình phân rã và các phát xạ xấu do đó gây ra vẫn còn có quyền năng ảnh hưởng đến những hình tướng đáp ứng với điều vốn là một rung động trước kia đối với chúng. Chất liệu của các hình tướng này được nối kết bằng từ tính với thiên thể đang phân rã, cũng như bản sao dĩ thái được nối với thể đậm đặc của nó, và vì vậy các hiệu quả được biểu lộ. Lửa thanh lọc là phương thuốc duy nhất cho sự ô nhiễm từ tính này, và điều đó đang được các Đức Hành Tinh Thượng Đế sử dụng rộng rãi trong các hệ hành tinh của Các Ngài, và bởi Thái dương Thượng đế trong hệ thống.

PURIFICATORY FIRE

LỬA THANH LỌC

“The fire burned low. A dull red glow slumbered within the Heart of Mother. Its warmth was scarcely felt. The first and second of the inner lines throbbed with the burning, but the rest were cold.

“Ngọn lửa cháy thấp. Một ánh đỏ xỉn ngủ yên trong Trái Tim của Mẹ. Hơi ấm của nó hầu như không cảm thấy được. Tuyến thứ nhất và thứ hai của các tuyến bên trong rung lên vì sức cháy, nhưng phần còn lại thì lạnh.

The Sons of God looked down from the innermost centre. They looked, then turned away Their gaze and thoughts to other spheres. Their hour had not yet come. The elemental fires had not prepared the altar for the Lords. The sacrificial fire waited in its high place and the steady glow beneath increased.

Các Con của Thượng đế nhìn xuống từ trung tâm thâm nội nhất. Các Ngài nhìn, rồi quay ánh mắt và tư tưởng của Các Ngài sang các khối cầu khác. Giờ của Các Ngài vẫn chưa đến. Các lửa hành khí chưa chuẩn bị bàn thờ cho các Chúa Tể. Ngọn lửa hiến tế chờ đợi ở nơi cao của nó và ánh sáng ổn định bên dưới tăng lên.

The fire burned clearer, and the first and second slowly lighted up. Their glow became a line of brilliant fire yet the five remained untouched. The Sons of God again looked down. For one brief second They thought upon the Mother, and as They thought the third caught fire. Swiftly They looked away for the form as yet relayed to Them no call.

Ngọn lửa cháy sáng hơn, và tuyến thứ nhất cùng thứ hai từ từ bừng lên. Ánh sáng của chúng trở thành một đường lửa rực rỡ nhưng năm tuyến kia vẫn chưa bị chạm đến. Các Con của Thượng đế lại nhìn xuống. Trong một giây ngắn ngủi Các Ngài nghĩ đến Mẹ, và khi Các Ngài nghĩ thì tuyến thứ ba bắt lửa. Nhanh chóng Các Ngài ngoảnh đi vì hình tướng vẫn chưa chuyển đến cho Các

The heat was latent and no outer warmth ascended to Their place.

Ngài một lời kêu gọi nào. Nhiệt vẫn còn tiềm ẩn và không có hơi ấm bên ngoài nào bốc lên đến chỗ của Các Ngài.

The aeons passed. The glow increased. The Spheres took form, but dissipated rapidly, lacking coherent force. They passed. They came again. Action incessant, noise and fire and smouldering heat characterised Their cycles. But the Lhas in Their high heaven spurned this elemental work and gazed within Themselves. They meditated.

Các đại kiếp trôi qua. Ánh sáng tăng lên. Các Khối Cầu thành hình, nhưng tan biến nhanh chóng vì thiếu mãnh lực kết dính. Chúng qua đi. Chúng lại đến. Hoạt động không ngừng, tiếng động và lửa cùng sức nóng âm ỉ đặc trưng cho các chu kỳ của Chúng. Nhưng các Lha ở cõi thượng thiên của Các Ngài khước từ công việc hành khí này và nhìn vào bên trong chính Các Ngài. Các Ngài tham thiền.

* * * * * * * * * *

* * * * * * * * * *

The glow became a steady burning and tiny flames were seen. The first, the second, and the third became three lines of fire and one triangle was consummated. Yet the four are seen quiescent [Page 839] and respond not to the heat. Thus do the cycles and the elemental lives pass and repass, and their work continues.

Ánh sáng trở thành một ngọn cháy ổn định và những ngọn lửa nhỏ được nhìn thấy. Tuyến thứ nhất, thứ hai và thứ ba trở thành ba đường lửa và một tam giác được hoàn tất. Tuy nhiên bốn tuyến vẫn được thấy là tĩnh lặng [Page 839] và không đáp ứng với sức nóng. Cứ thế các chu kỳ và các sự sống hành khí đi qua rồi trở lại, và công việc của chúng tiếp tục.

The forms are set, yet brief their span. They move not, yet they pass. The hour has come for the great awakening. They pass no longer down but mount.

Các hình tướng được thiết lập, nhưng đời sống của chúng ngắn ngủi. Chúng không chuyển động, nhưng chúng qua đi. Giờ của sự thức tỉnh lớn lao đã đến. Chúng không còn đi xuống nữa mà đi lên.

This is the interlude for which the Lhas in Their high place have waited. They may not enter yet the forms prepared, but feel Their hour approaching. They meditate anew, and for a minute gaze upon the myriad threefold fires until the fourth responds.

Đây là quãng ngưng mà các Lha ở nơi cao của Các Ngài đã chờ đợi. Các Ngài chưa thể đi vào các hình tướng đã được chuẩn bị, nhưng cảm thấy giờ của Các Ngài đang đến gần. Các Ngài lại tham thiền, và trong một phút nhìn vào vô số các lửa tam phân cho đến khi tuyến thứ tư đáp ứng.

The sixty seconds passed in dynamic concentration produce forms of triple kind,

Sáu mươi giây trôi qua trong sự tập trung năng động tạo ra các hình tướng tam phân,

three sets of forms, and myriads in the three. The Heart of Mother contracts, and expands with these sixty fiery breaths. The lines become allied, and cubes are formed, shielding the inner fire. The altar is prepared, and four square stands. The altar glows, red at the centre and warm without.

ba bộ hình tướng, và vô số trong bộ ba ấy. Trái Tim của Mẹ co lại, rồi giãn ra theo sáu mươi hơi thở rực lửa này. Các tuyến trở nên liên kết, và các khối lập phương được hình thành, che chở ngọn lửa bên trong. Bàn thờ được chuẩn bị, và hình vuông bốn cạnh đứng vững. Bàn thờ rực sáng, đỏ ở trung tâm và ấm ở bên ngoài.

* * * * * * * * * *

* * * * * * * * * *

The altar flames. Its heat mounts up, yet it burns not, nor is consumed. Its heat, which has no flame, reaches a higher sphere; the Sons of God for a brief period warm Themselves, yet approach not nearer to it until the passing of another cycle. They await the hour, the hour of sacrifice.

Bàn thờ bốc lửa. Nhiệt của nó bốc lên, nhưng nó không thiêu đốt, cũng không bị tiêu hao. Nhiệt của nó, không có ngọn lửa, vươn tới một khối cầu cao hơn; các Con của Thượng đế trong một thời gian ngắn sưởi ấm mình, nhưng chưa đến gần nó hơn cho đến khi một chu kỳ khác trôi qua. Các Ngài chờ đợi giờ ấy, giờ của hiến tế.

The solar Lords, taking the Word as sounded by the Sons of God, arise in the fierceness of their solar life and approach the altar. The four lines glow and burn. The sun applies a ray; the solar Lords pass it through Their substance and again approach the altar. The fifth line awakens and becomes a glowing point, and then a dull red line, measuring the distance ‘twixt the altar and the One Who watches.

Các nhật tinh quân, tiếp nhận Linh từ như được xướng bởi các Con của Thượng đế, trỗi dậy trong sức mãnh liệt của sự sống thái dương của Các Ngài và tiến đến bàn thờ. Bốn tuyến rực sáng và cháy lên. Mặt trời áp một tia; các nhật tinh quân truyền nó qua chất liệu của Các Ngài rồi lại tiến đến bàn thờ. Tuyến thứ năm thức tỉnh và trở thành một điểm sáng rực, rồi thành một đường đỏ xỉn, đo khoảng cách giữa bàn thờ và Đấng đang quan sát.

The fivefold fire dynamic begins to flicker and to burn. It lights not yet without; it simply glows. The aeons pass away, the cycles come and go.

Ngọn lửa ngũ phân năng động bắt đầu chập chờn và cháy lên. Nó chưa chiếu sáng ra bên ngoài; nó chỉ đơn thuần phát sáng. Các đại kiếp trôi qua, các chu kỳ đến rồi đi.

Steadily the solar Lords sacrifice Themselves; They are the fire upon the altar. The fourth provides the fuel.

Các nhật tinh quân đều đặn hiến tế chính Các Ngài; Các Ngài là ngọn lửa trên bàn thờ. Tuyến thứ tư cung cấp nhiên liệu.

* * * * * * * * * *

* * * * * * * * * *

The Sons of God still watch. The work nears its final consummation. The Eternal Lhas in Their high place call each to each, and four take up the cry: "The fire is burning. Does the heat suffice?" [Page 840]

Two answer to each other: "'The fire is burning; the altar is well-nigh destroyed. What happens next?'" "Add to the fire with fuel from Heaven. Breathe on the blazing fire and fan its flame to utter fierceness."

Thus the command goes out from One Who watches, silent hitherto, through countless aeons. They send forth breath. Something prevents the passage of the breath. They call for aid. One makes His appearance Who has not yet been seen.

He lifts His hand. The one, the two, the three, the four and five merge into one and mingle with the sixth. The flame mounts up, responding to the breath. The final disappearance of the cube is needed and then the work stands forth."

From the archives of The Lodge.

(c) *The Names of the Egoic Lotuses.* We might consider briefly the work of forming the egoic lotus on its own plane; this is as the result of the work of the Agnishvattas, after its segregation in space, and the formation of its ring-pass-not. We have touched upon the remotest and earliest stages. One point we have not yet emphasised but which is of interest to the thoughtful student. This is the fact of the difference existing between the egoic bodies owing to their varying stages of development. For instance, up till the middle of the Atlantean rootrace *(S. D., I, 196.)* (when the door of individualisation

Các Con của Thượng đế vẫn quan sát. Công việc gần đến sự hoàn tất cuối cùng. Các Lha Vĩnh Cửu ở nơi cao của Các Ngài gọi nhau, và bốn vị cất tiếng: "Lửa đang cháy. Nhiệt đã đủ chưa?" [Page 840]

Hai vị đáp lời nhau: "'Lửa đang cháy; bàn thờ gần như bị phá hủy. Điều gì xảy ra tiếp theo?'" "Hãy thêm vào lửa nhiên liệu từ Thiên Đàng. Hãy thổi vào ngọn lửa đang bùng cháy và quạt ngọn lửa của nó đến mức mãnh liệt tột cùng."

Thế là mệnh lệnh phát ra từ Đấng đang quan sát, Đấng cho đến nay vẫn im lặng qua vô số đại kiếp. Các Ngài phát ra hơi thở. Có điều gì đó ngăn cản sự đi qua của hơi thở. Các Ngài kêu gọi trợ giúp. Một Đấng xuất hiện mà trước đây chưa từng được thấy.

Ngài nâng tay lên. Một, hai, ba, bốn và năm hòa nhập thành một và hòa lẫn với sáu. Ngọn lửa bốc cao, đáp ứng với hơi thở. Sự biến mất cuối cùng của khối lập phương là điều cần thiết, rồi công việc sẽ hiển lộ."

Từ các văn khố của Thánh Đoàn.

(c) *Tên gọi của các Hoa Sen Chân Ngã.* Chúng ta có thể xét ngắn gọn công việc hình thành Hoa Sen Chân Ngã trên cõi riêng của nó; đây là kết quả của công việc của các Agnishvatta, sau khi nó được tách biệt trong không gian và hình thành vòng-giới-hạn của nó. Chúng ta đã chạm đến những giai đoạn xa xưa và sớm nhất. Có một điểm chúng ta chưa nhấn mạnh nhưng lại đáng quan tâm đối với đạo sinh biết suy tư. Đó là sự kiện về sự khác biệt tồn tại giữa các thể chân ngã do các giai đoạn phát triển khác nhau của chúng. Thí dụ, cho đến giữa giống dân gốc Atlantis *(S. D., I, 196.)* (khi cánh cửa biệt ngã hóa được đóng

was closed), Egos were to be seen at many differing stages from the newly organised "buds," representing freshly individualised men, to the highly developed causal bodies of the different disciples and initiates, who were superintending the evolution of the race. Now the egoic bodies might be grouped from the evolutionary standpoint as follows:

lại), có thể thấy các chân ngã ở nhiều giai đoạn rất khác nhau, từ những "nụ" vừa được tổ chức, tượng trưng cho những người vừa mới biệt ngã hóa, cho đến các thể nguyên nhân phát triển cao của các đệ tử và điểm đạo đồ khác nhau, những người đang giám sát sự tiến hoá của nhân loại. Hiện nay các thể chân ngã có thể được nhóm lại theo quan điểm tiến hoá như sau:

On the third subplane of the mental plane:

Trên cõi phụ thứ ba của cõi trí:

Bud egos. Our planetary scheme, being at the midway point in its evolution, there are therefore no unopened "buds" strictly speaking. All the egoic lotuses have at least one petal open. All the lotuses are organised, but there are vast differences among those of small development, [Page 841] showing forth in the brilliancy of the permanent atoms, and in the stage of petal unfoldment.

Các chân ngã nụ. Hệ hành tinh của chúng ta, vì đang ở điểm ở giữa trong tiến hoá của nó, nên nói cho đúng không có những "nụ" chưa nở. Mọi Hoa Sen Chân Ngã đều có ít nhất một cánh hoa mở. Tất cả các hoa sen đều đã được tổ chức, nhưng có những khác biệt rất lớn giữa những hoa sen ít phát triển, [Page 841] được biểu lộ qua độ rực sáng của các Nguyên tử trường tồn, và qua giai đoạn khai mở của các cánh hoa.

Brahmic lotuses in which the first or knowledge petal is fully unfolded. They are so called as they represent on the physical plane the fully active intelligent unity, the man of small mental development, the lowest type of workers, agriculturists, and peasants on every continent. They are also called "third class creators," as they express themselves only through the act of physical creation on the physical plane, and their function is largely to provide vehicles for those of their own group.

Các hoa sen Brahma trong đó cánh hoa thứ nhất hay cánh hoa tri thức đã hoàn toàn khai mở. Chúng được gọi như vậy vì chúng tượng trưng trên cõi hồng trần cho đơn vị thông minh hoạt động trọn vẹn, con người có sự phát triển trí tuệ ít ỏi, loại người hoạt động thấp nhất, nông dân và tá điền trên mọi lục địa. Chúng cũng được gọi là "những đấng sáng tạo hạng ba", vì chúng chỉ biểu lộ qua hành vi sáng tạo hồng trần trên cõi hồng trần, và chức năng của chúng phần lớn là cung cấp các vận cụ cho những người thuộc nhóm riêng của chúng.

The lotuses of Brahman, in which the second petal is showing signs of opening and the second aspect in its lowest manifestation is showing signs of demonstration. They stand as representing certain groups of Egos from certain planetary schemes, notably Jupiter and Venus, who are a grade higher than the

Các hoa sen của Brahman, trong đó cánh hoa thứ hai đang cho thấy dấu hiệu mở ra và phương diện thứ hai trong biểu hiện thấp nhất của nó đang cho thấy dấu hiệu biểu lộ. Chúng tượng trưng cho một số nhóm chân ngã từ một số hệ hành tinh nào đó, đặc biệt là Sao Mộc và Sao Kim, cao hơn một bậc so

class above, but which have as yet a long way to go. They are called "second class creators," for though they demonstrate on the physical plane in the act of physical creation, yet they are more swayed by love than by animal instinct as in the first case. They are to be found incarnating at this time in the Orient, particularly in India and in the Latin countries, and just lately in America.

với lớp trên, nhưng vẫn còn một chặng đường dài phải đi. Chúng được gọi là "những đấng sáng tạo hạng hai", vì tuy chúng biểu lộ trên cõi hồng trần trong hành vi sáng tạo hồng trần, nhưng chúng bị tình thương chi phối nhiều hơn là bản năng thú vật như trong trường hợp thứ nhất. Hiện nay có thể thấy chúng đang nhập thể ở phương Đông, đặc biệt là ở Ấn Độ và các nước Latin, và mới đây ở Mỹ.

Primary lotuses. These are a group of special interest brought in under the influence of the Lord of the fifth Ray, and therefore fundamentally allied to the energy which is the special manifestation in this system and the basis of all achievement, that is, manas. They were quiescent during the Atlantean root-race but have come in during the fourth and fifth subraces of this rootrace. They are a group a good deal more advanced than the earlier classes but need much to develop the second petal. With them the first and the third petals in the first circle are opening, but the middle petal is yet shut. The middle tier also shows no signs of vitality. Owing [Page 842] to conditions in their emanating planet, their development has been one-sided, and hence their entering on a wave of energy into this scheme in order to "round" themselves out, as it is called. They may be seen in the purely intellectual selfish scientific type. They are responsible for much of the advanced application of mechanical science to the needs of men, and for the introduction of certain types of machinery; they work largely in connection with the energy of the mineral kingdom. By this it must be inferred that the solar Lords who embody this type are linked with a group of lunar Lords who respond magnetically to the devas of the mineral kingdom. Their work for the race has at present a deleterious effect, but when the second petal is opened, the wonders then to

Các hoa sen sơ cấp. Đây là một nhóm đặc biệt đáng quan tâm, được đưa vào dưới ảnh hưởng của Đấng Chúa Tể Cung năm, và do đó về căn bản liên kết với năng lượng là biểu hiện đặc biệt trong hệ thống này và là nền tảng của mọi thành tựu, tức là manas. Chúng ở trong trạng thái tĩnh trong giống dân gốc Atlantis nhưng đã đi vào trong giống dân phụ thứ tư và thứ năm của giống dân gốc này. Chúng là một nhóm tiến bộ hơn khá nhiều so với các lớp trước nhưng cần phát triển rất nhiều cánh hoa thứ hai. Ở chúng, cánh hoa thứ nhất và thứ ba trong vòng thứ nhất đang mở ra, nhưng cánh hoa giữa vẫn còn khép. Tầng giữa cũng chưa cho thấy dấu hiệu sinh lực. Do [Page 842] các điều kiện trên hành tinh phát xạ của chúng, sự phát triển của chúng đã bị lệch một phía, và vì thế chúng đi vào hệ hành tinh này trên một làn sóng năng lượng để "làm tròn" chính mình, như cách gọi. Có thể thấy chúng nơi loại người khoa học thuần trí tuệ và ích kỷ. Chúng chịu trách nhiệm cho phần lớn việc áp dụng tiên tiến khoa học cơ khí vào các nhu cầu của con người, và cho việc đưa vào một số loại máy móc; chúng làm việc phần lớn liên hệ với năng lượng của giới kim thạch. Từ đó phải suy ra rằng các nhật tinh quân thể hiện loại này được nối kết với một nhóm nguyệt tinh quân đáp ứng bằng từ tính với các thiên thần của giới kim thạch. Công việc của chúng đối với nhân loại hiện nay có một tác động có hại, nhưng khi cánh hoa thứ hai được mở ra, những kỳ công mà

be achieved by them in loving service along their own particular line will be one of the factors which will regenerate the fourth kingdom. They will achieve emancipation in the fifth round, four fifths of them passing on to the Path and one fifth set back for another cycle.

khi ấy chúng sẽ đạt được trong sự phụng sự đầy bác ái theo đường lối riêng của chúng sẽ là một trong những yếu tố tái sinh giới thứ tư. Chúng sẽ đạt giải thoát trong cuộc tuần hoàn thứ năm, bốn phần năm trong số chúng bước lên Đường Đạo và một phần năm bị lùi lại cho một chu kỳ khác.

Lotuses of passion or desire. They are so called because their fundamental nature is embodied love in some one or other form. The bulk of the Monads of Love are among this large group and they are to be seen incarnating in the bulk of the well-to-do, kindly people of the world. They are divided into five groups, of whom three individualised upon this planet, and two were the very latest to individualise upon the moon chain. They have two petals unfolded and the third is for them at this time the object of their attention. Many may succeed in unfolding it before the seventh rootrace of this round but the bulk of them will unfold it in the second rootrace of the next round, and will stand ready before the close of the round to pass on to the probationary path, having unfolded one tier of petals, and organised the second. All these lotuses of the first circle are divided into groups but interplay goes on between them; energy in any centre [Page 843] produces reflex energy in another. It must be remembered that in closing the door in Atlantean times to the animal kingdom, and the consequent temporary cessation of the forming of any more "bud lotuses" the effect was dual, in directions other than the human or the animal. It was the result of the internal decision on the part of the planetary Logos to turn His attention away from the act of creation on the systemic mental plane to the work of progressive evolution. This caused a cessation of certain types of activity, producing a quiescence in certain of His centres, and an increased

Các hoa sen của đam mê hay dục vọng. Chúng được gọi như vậy vì bản chất căn bản của chúng là tình thương được thể hiện dưới hình thức này hay hình thức khác. Phần lớn các Chân thần của Tình thương thuộc về nhóm lớn này và có thể thấy chúng đang nhập thể trong phần đông những người khá giả, tử tế trên thế giới. Chúng được chia thành năm nhóm, trong đó ba nhóm đã biệt ngã hóa trên hành tinh này, và hai nhóm là những nhóm biệt ngã hóa muộn nhất trên Dãy Mặt Trăng. Chúng có hai cánh hoa đã khai mở và cánh hoa thứ ba hiện nay là đối tượng chú ý của chúng. Nhiều hoa sen có thể thành công trong việc khai mở cánh hoa ấy trước giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này nhưng phần lớn trong số chúng sẽ khai mở nó trong giống dân gốc thứ hai của cuộc tuần hoàn kế tiếp, và sẽ sẵn sàng trước khi cuộc tuần hoàn kết thúc để bước lên Con Đường Dự Bị, sau khi đã khai mở một tầng cánh hoa và tổ chức tầng thứ hai. Tất cả các hoa sen của vòng thứ nhất này đều được chia thành các nhóm nhưng vẫn có sự tương tác giữa chúng; năng lượng trong bất kỳ trung tâm nào [Page 843] cũng tạo ra năng lượng phản xạ trong một trung tâm khác. Cần nhớ rằng khi đóng cánh cửa vào thời Atlantis đối với giới động vật, và do đó tạm thời chấm dứt việc hình thành thêm bất kỳ "hoa sen nụ" nào nữa, hiệu quả là nhị phân, theo những hướng khác ngoài nhân loại hay động vật. Đó là kết quả của quyết định nội tại từ phía Đức Hành Tinh Thượng Đế nhằm chuyển sự chú ý của Ngài khỏi hành vi sáng tạo trên cõi trí có tính hệ thống sang công việc tiến hoá tuần tự. Điều này gây ra sự

activity in others. It also had an effect upon the solar Angels, and consequently upon the Heart of the solar system from whence they are drawn. Floods of energy or streams of force from the heart of the sun (the subjective Sun) were arrested and directed elsewhere, while the Pitris already active began to centre their attention upon the work begun, and temporarily new beginnings were out of order. It must not be forgotten here that the work of the solar Pitris *from their point of view,* is not primarily the evolution of man, but is the process of their own development within the plan of the solar Logos. The evolution of the human race is, for them, but a method.

chấm dứt của một số loại hoạt động, tạo nên trạng thái tĩnh trong một số trung tâm của Ngài, và gia tăng hoạt động trong những trung tâm khác. Nó cũng có ảnh hưởng lên các Thái dương Thiên Thần, và do đó lên Trái Tim của hệ mặt trời từ đó họ được rút ra. Những dòng năng lượng hay những luồng mãnh lực từ trái tim mặt trời (Mặt Trời chủ quan) đã bị chặn lại và chuyển hướng sang nơi khác, trong khi các Pitri đã hoạt động thì bắt đầu tập trung sự chú ý của họ vào công việc đã khởi sự, và tạm thời những khởi đầu mới không còn được đặt ra. Ở đây không được quên rằng công việc của các thái dương tổ phụ *theo quan điểm của họ,* không chủ yếu là sự tiến hoá của con người, mà là tiến trình phát triển riêng của họ trong Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế. Đối với họ, sự tiến hoá của nhân loại chỉ là một phương pháp.

Perfected men are in the councils of the planetary Logos of their particular ray; the solar Pitris are in the council of the solar Logos. (269)

Những con người hoàn thiện ở trong các hội đồng của Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung riêng của họ; các thái dương tổ phụ ở trong hội đồng của Thái dương Thượng đế. (269)

(269) All these will become solar Logoi of varying grades. (back)

(269) Tất cả những vị này sẽ trở thành các Thái dương Thượng đế với những cấp bậc khác nhau. (back)

It might be of value here if we temporarily stopped our consideration of the egoic groups and briefly tabulated the evolutions, remembering that in this tabulation, the planes of differentiation alone are concerned; on the plane of the unmanifest or of the subjective, only unity is known. It must again be remembered that the term "unmanifest" is one of relative importance only, and concerns *man's apprehension* of all that is. To the solar Logos the planes of the unmanifest are objective. Man has not as yet achieved etheric vision, and the etheric

Ở đây có lẽ sẽ hữu ích nếu chúng ta tạm dừng việc xem xét các nhóm chân ngã và lập bảng ngắn gọn về các tiến hoá, nhớ rằng trong bảng này chỉ liên quan đến các cõi của sự biến phân; trên cõi không biểu hiện hay cõi chủ quan, chỉ có hợp nhất được biết đến. Cần lại nhớ rằng thuật ngữ "không biểu hiện" chỉ có tầm quan trọng tương đối, và liên quan đến *sự lĩnh hội của con người* đối với tất cả những gì hiện hữu. Đối với Thái dương Thượng đế, các cõi không biểu hiện là khách quan. Con người hiện vẫn chưa đạt được linh thị dĩ thái, và các cõi phụ dĩ thái

[Page 844] TABULATION VI

[Page 844] BẢNG VI

#	Lives Các Sự Sống	Goal Mục Tiêu
1	Planetary Logoi - The major Three. Các Đức Hành Tinh Thượng Đế - Ba Đấng Chính Yếu.	Cosmic liberation; the final cosmic Initiations. Giải thoát vũ trụ; các cuộc Điểm đạo vũ trụ tối hậu.
2	The minor four planetary Logoi Bốn Đức Hành Tinh Thượng Đế thứ yếu	Cosmic Initiation, or the first four Initiations. Điểm đạo vũ trụ, hay bốn lần điểm đạo đầu tiên.
3	The informing Lives of a planetary globe Các Sự Sống phú linh của một bầu hành tinh	Manus of a cosmic chain. Not a seed manu, but a periodical manu of lesser degree. This involves an unrevealable mystery, connected with certain Hierarchies of color. Các Đức Manu của một dãy vũ trụ. Không phải là một Đức Manu hạt giống, mà là một Đức Manu chu kỳ ở cấp thấp hơn. Điều này bao hàm một huyền nhiệm không thể tiết lộ, liên quan đến một số Huyền Giai màu sắc nhất định.
4	The informing life of a kingdom in nature	Transference in one of three directions: a. To the line of the solar Pitris. b. To Sirius, as a karmic adjuster. c. To the solar system of the next order to work in connection with the planetary Logos of his own line as

		ruler of a kingdom or life wave in the system, and not just in a scheme.
	Sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên	Chuyển dịch theo một trong ba hướng: a. Đến dòng các thái dương tổ phụ. b. Đến Sirius, như một đấng điều chỉnh nghiệp quả. c. Đến hệ mặt trời thuộc trật tự kế tiếp để hoạt động liên kết với Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc dòng của chính Ngài với tư cách là vị cai quản một giới hay một làn sóng sự sống trong hệ thống, chứ không chỉ trong một hệ hành tinh.
5	The solar Pitris.	The highest three groups will become major planetary Logoi; the lower four groups will become minor planetary Logoi.
	Các thái dương tổ phụ.	Ba nhóm cao nhất sẽ trở thành các Đức Hành Tinh Thượng Đế chính yếu; bốn nhóm thấp hơn sẽ trở thành các Đức Hành Tinh Thượng Đế thứ yếu.
6	The human evolution.	To become the solar Pitris of another cycle. To follow any of the paths earlier enumerated. Those who become solar Pitris, being the bulk of humanity, return to Sirius to be breathed out again into activity.
	Tiến hoá nhân loại.	Trở thành các thái dương tổ phụ của một chu kỳ khác. Đi theo bất kỳ con đường nào đã được liệt kê trước đó. Những ai trở thành các thái dương tổ phụ, vốn là phần lớn nhân loại, sẽ quay trở về Sirius để lại được thở ra vào hoạt động một lần nữa.

7	The lunar Pitris	To become men. They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation.
	Các thái âm tổ phụ	Trở thành con người. Trong các cấp cao hơn của mình, họ sẽ trực tiếp đi vào tiến hoá động vật của chu kỳ kế tiếp và do đó cuối cùng sẽ biệt ngã hóa. Ba cấp cao hơn của họ sẽ trở thành những người-thú, và bốn cấp thấp hơn sẽ góp phần tạo nên các hình tướng tứ phân của con người trong sáng tạo kế tiếp.
8	The animal evolution	Human kingdom.
	Tiến hoá động vật	Giới nhân loại.
9	The vegetable evolution	The animal kingdom.
	Tiến hoá thực vật	Giới động vật.
10	The mineral evolution	The vegetable kingdom.
	Tiến hoá khoáng vật	Giới thực vật.
11	The four higher grades of lesser Builders on all planes	They will form the manifested double or form of that mysterious third evolution of the next system; that is, the etheric body of the planetary entity. This mysterious life is as yet an unfathomable mystery and one which will not be revealed till the final one of the triplicity of solar systems of our solar Logos.
	Bốn cấp cao hơn của các vị tiểu kiến tạo trên mọi cõi	Họ sẽ tạo thành bản sao biểu hiện hay hình tướng của cuộc tiến hoá thứ ba huyền nhiệm của hệ thống kế tiếp; tức

		là thể dĩ thái của thực thể hành tinh. Sự sống huyền nhiệm này hiện vẫn còn là một huyền nhiệm không thể dò thấu và sẽ không được tiết lộ cho đến hệ cuối cùng trong bộ ba các hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế của chúng ta.
12	The three lower grades of the lesser Builders Ba cấp thấp hơn của các vị tiểu kiến tạo	The physical body in its densest form of the planetary entity. Thể xác trong hình tướng đậm đặc nhất của thực thể hành tinh.

[Page 845] subplanes are to him as yet unmanifest. The solar Logos has cosmic etheric vision fully developed, and because He is on the cosmic Path all is known and fully revealed to Him within the solar System.

[Page 845] đối với y hiện vẫn là không biểu hiện. Thái dương Thượng đế đã phát triển đầy đủ linh thị dĩ thái vũ trụ, và vì Ngài đang ở trên Đường Đạo vũ trụ nên mọi sự trong hệ mặt trời đều được biết và được mặc khải trọn vẹn cho Ngài.

It might here be noted that the planetary Entity is the sumtotal of all the elemental lives of the lesser Builders functioning as, or forming, the substance of any particular globe in physical objectivity. The mystery of the whole subject lies hidden in three things:

Ở đây có thể lưu ý rằng Thực Thể Hành Tinh là tổng số của mọi sự sống hành khí của các vị tiểu kiến tạo đang hoạt động như, hay tạo thành, chất liệu của bất kỳ bầu hành tinh nào trong tính khách quan hồng trần. Huyền nhiệm của toàn bộ chủ đề này ẩn giấu trong ba điều:

First, the fact that our three planes, physical, astral, and mental, form the dense body of the solar Logos, and are therefore not considered as forming principles.

Thứ nhất, sự kiện rằng ba cõi của chúng ta, hồng trần, cảm dục và trí, tạo thành thể đậm đặc của Thái dương Thượng đế, và vì vậy không được xem là tạo thành các nguyên khí.

The second fact is that the lesser “lives” or the elemental essence are the “refuse” of an earlier system, and react to inherent impulses so powerfully that it was only possible to control them through the dynamic will of the Logos, consciously applied. The word “refuse” must be

Sự kiện thứ hai là các “sự sống” thấp hơn hay tinh chất hành khí là “phế liệu” của một hệ thống trước, và đáp ứng với những xung lực cố hữu mạnh đến mức chỉ có thể kiểm soát chúng qua ý chí năng động của Thượng đế, được áp dụng một cách hữu thức. Từ “phế liệu” phải được diễn giải theo định luật

interpreted analogically, and as is understood when it is said that man gathers to himself in each fresh incarnation matter to form his dense physical body which is tinged with the earlier vibrations of preceding incarnations. These "lives" have been gradually drawn in during the entire mahamanvantara as it became safe and possible to control and bend them to the will of the greater Builders. Much of the earlier energy-substance in systemic construction has been passed on into that force-matter which we call that of the lunar Pitris, and its place has gradually been taken by this type of energy, gathered in from the greater sphere in which our Logos has place. The twelve evolutions are after all but the twelve types of energy, manifesting ever in three groups of forces, and again as one group when synthesised during the process of manifestation. They are fourfold in interaction, and have a systemic ebb and flow about which little is known.

tương đồng, và như được hiểu khi nói rằng con người thu hút về mình trong mỗi lần nhập thể mới vật chất để tạo thành thể xác đậm đặc của y, thể này nhuốm các rung động trước kia của những lần nhập thể trước. Các "sự sống" này đã dần dần được thu hút vào trong suốt toàn bộ Đại giai kỳ sinh hóa khi việc kiểm soát và uốn chúng theo ý chí của các đấng đại kiến tạo trở nên an toàn và khả thi. Phần lớn chất liệu-năng lượng trước kia trong công trình kiến tạo có tính hệ thống đã được chuyển vào mãnh lực-vật chất mà chúng ta gọi là của các thái âm tổ phụ, và chỗ của nó dần dần được thay thế bởi loại năng lượng này, được thu hút từ khối cầu lớn hơn trong đó Thượng đế của chúng ta có vị trí. Rốt cuộc mười hai tiến hoá chỉ là mười hai loại năng lượng, luôn luôn biểu lộ trong ba nhóm mãnh lực, và rồi lại như một nhóm khi được tổng hợp trong tiến trình biểu hiện. Chúng là tứ phân trong sự tương tác, và có một thủy triều lên xuống có tính hệ thống mà người ta biết rất ít về nó.

Third, the fact of the coming into incarnation of the [Page 846] informing "life" of this low grade substance, who is an entity from a point in the Heavens which may not be mentioned: He embodies influences of a manasic nature, but manas at its very lowest vibration. Perhaps some idea of this may be gathered if it is stated that there is a resemblance between this vibration, or this energising life, and the basic vibration of the solar system preceding this one. We must remember that our basic vibration was the result of the evolutionary process of the entire earlier system. This entity has the same analogous relation to the deva evolution as the mysterious "bridges" which baffle scientists, and which are found between the vegetable and the animal kingdom, and the mineral and the vegetable; they are neither the one nor the other. On a large scale, this "life" or the

Thứ ba, sự kiện về việc đi vào lâm phàm của [Page 846] "sự sống" phú linh của loại chất liệu cấp thấp này, là một thực thể đến từ một điểm trên Thiên Giới không thể nêu tên: y thể hiện những ảnh hưởng có bản chất manas, nhưng là manas ở rung động thấp nhất của nó. Có lẽ có thể hình dung phần nào về điều này nếu nói rằng có một sự tương tự giữa rung động này, hay sự sống tiếp sinh lực này, với rung động căn bản của hệ mặt trời trước hệ này. Chúng ta phải nhớ rằng rung động căn bản của chúng ta là kết quả của tiến trình tiến hoá của toàn bộ hệ thống trước. Thực thể này có mối liên hệ tương tự với tiến hoá thiên thần như những "cầu nối" bí ẩn làm các nhà khoa học bối rối, và được tìm thấy giữa giới thực vật và giới động vật, và giữa giới kim thạch và giới thực vật; chúng không phải cái này cũng không phải cái kia. Trên quy mô lớn, "sự sống" này hay thực thể phú linh của sự sống thấp của cõi

informing entity of the lower life of the physical plane of the solar system is neither a full exponent of the subconscious life of the earlier system, nor of the elemental life of this; only in the next system will be seen the manifestation of a form of consciousness of a type at present inconceivable to man. Esoterically he is stated to have "neither sight nor hearing"; he is neither deva nor human in essence. He is occultly "blind," utterly unaware; he is capable only of movement, and resembles the foetus in the womb; that which is coming to the birth only the next greater cycle will reveal. The mystery of the moon *(S. D., I, 172, footnote.)* or of the "divine lunatic" is connected somewhat with the revelation (through the premature compassion of our planetary Logos) of the life of this nature, informing the dense globe of the moon chain. On His high level, pity awoke in the heart of the planetary Logos for certain involutionary existences within the moon chain, and (like the Buddha on a lesser scale and at a much later date) compassionate zeal brought the karmic results with which we are still concerned. The "beast" must be driven back [Page 847] for his own good to run his cycle, hidden in his den and confined within safe limits until the dawning of a new system brings him conscious opportunity.

hồng trần của hệ mặt trời không phải là một biểu hiện trọn vẹn của sự sống tiềm thức của hệ thống trước, cũng không phải của sự sống hành khí của hệ này; chỉ trong hệ thống kế tiếp mới thấy được sự biểu lộ của một hình thức tâm thức thuộc loại hiện nay con người không thể hình dung nổi. Theo huyền bí học, y được nói là "không có thị giác cũng không có thính giác"; về bản chất y không phải thiên thần cũng không phải con người. Về mặt huyền bí, y "mù", hoàn toàn không hay biết; y chỉ có khả năng chuyển động, và giống như bào thai trong tử cung; điều đang đi đến chỗ sinh ra ấy chỉ chu kỳ lớn hơn kế tiếp mới sẽ mặc khải. Huyền nhiệm của mặt trăng *(S. D., I, 172, chú thích.)* hay của "kẻ điên thiêng liêng" có phần liên hệ với sự mặc khải (qua lòng từ bi quá sớm của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) về sự sống thuộc bản chất này, đang phú linh bầu hành tinh đậm đặc của Dãy Mặt Trăng. Trên cấp độ cao của Ngài, lòng thương xót đã thức dậy trong trái tim của Đức Hành Tinh Thượng Đế đối với một số hiện hữu giáng hạ tiến hoá trong Dãy Mặt Trăng, và (giống như Đức Phật ở quy mô nhỏ hơn và vào một thời điểm muộn hơn nhiều) nhiệt tâm từ bi đã mang đến những kết quả nghiệp quả mà chúng ta hiện vẫn còn liên hệ. "Con thú" phải bị đẩy lùi lại [Page 847] vì lợi ích riêng của nó để chạy hết chu kỳ của nó, ẩn trong hang của nó và bị giam trong những giới hạn an toàn cho đến khi bình minh của một hệ thống mới mang đến cho nó cơ hội hữu thức.

More we may not say. It must be remembered that the mysteries of existence are as yet but little cognised by man. In cases where profound mysteries lie, man is often totally unaware of it; and frequently man remains blind and deaf where no mystery is but only revelation for those who have eyes to see and ears to hear. When man has penetrated to those secrets which lie behind the lower kingdoms in nature, when he has

Chúng ta không thể nói thêm nữa. Cần nhớ rằng các huyền nhiệm của hiện hữu hiện vẫn còn được con người nhận biết rất ít. Trong những trường hợp có các huyền nhiệm sâu xa ẩn tàng, con người thường hoàn toàn không hay biết điều đó; và thường khi không có huyền nhiệm nào cả mà chỉ có sự mặc khải cho những ai có mắt để thấy và tai để nghe, con người vẫn mù và điếc. Khi con người đã thâm nhập được vào những bí

solved the problem of the constitution of the interior of the Earth, and has from there worked his way back to knowledge of the working of the involutionary path and the lives which tread that path, then and then only will he begin to realise the strangeness of that which lies beyond his ken.

mật nằm sau các giới thấp trong thiên nhiên, khi y đã giải được bài toán về cấu tạo bên trong của Trái Đất, và từ đó lần ngược trở lại để biết được sự vận hành của con đường giáng hạ tiến hoá và những sự sống bước đi trên con đường ấy, thì khi đó và chỉ khi đó y mới bắt đầu nhận biết được tính kỳ lạ của điều nằm ngoài tầm hiểu biết của mình.

One further hint may be given, which will serve to throw a beam of light upon the problem for those who are ready, and will add to the confusion of the non-intuitive:—From the standpoint of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, to Whom our solar system is but a centre (*which* centre being one of the three truths revealed at the seventh Initiation)

Có thể đưa ra thêm một gợi ý nữa, gợi ý này sẽ giúp rọi một tia sáng lên vấn đề cho những ai đã sẵn sàng, và sẽ làm tăng thêm sự rối rắm cho những người không có trực giác:—Từ quan điểm của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, Đấng mà đối với Ngài hệ mặt trời của chúng ta chỉ là một trung tâm (việc đó là trung tâm nào là một trong ba chân lý được mặc khải ở lần điểm đạo thứ bảy)

a. System I was characterised by the organisation of a centre, and the mysterious life we have been speaking about was produced by the "lowest vibration of the centre."

b. System II is characterised by the activity in three dimensions of this centre, and the evolution of three types of consciousness, deva, human and subhuman, in all their many grades and hierarchies. It is the period of the balancing of the forces in the centre.

c. System III will be characterised by the fourth dimensional activity of the centre, and the twelve types of evolution will become four types of force.

[Page 848] This is next to impossible for man to understand and will seem inexplicable, but this hint is imparted in order that man may realise the interdependence of the various systems, and the place they hold in a greater scheme; the intent is not to give the student uncorrelated facts of no apparent use to him. Without the premise of our position within a vaster scheme, man's deductions will remain inaccurate.

[Page 848] Điều này hầu như con người không thể thấu hiểu và sẽ có vẻ không thể giải thích được, nhưng gợi ý này được truyền đạt để con người có thể nhận biết sự tương thuộc của các hệ khác nhau, và vị trí mà chúng nắm giữ trong một hệ thống lớn lao hơn; mục đích không phải là cung cấp cho đạo sinh những sự kiện rời rạc dường như không có ích lợi gì cho y. Nếu không có tiền đề về vị trí của chúng ta trong một hệ thống bao la hơn, những suy luận của con người sẽ vẫn không chính xác.

We will now proceed with our enumeration of the groups of Egos according to their characteristics, but it might be wise to deal first with a problem which may be in some minds and see if it is not capable of solution. Two problems come before the mind of the thoughtful student; one concerns the position (in connection with any particular planetary scheme) of those vast groups of Egos, which are embodied by Lives, emanating from any one of the seven Rays, and associated with any of the various schemes. The other deals with the effect produced by the "coming-in" of Egos on the mental plane which are not "bud" Egos, but are possibly very fully developed, such as disciples and initiates.

Giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục việc liệt kê các nhóm chân ngã theo các đặc tính của chúng, nhưng có lẽ khôn ngoan hơn nếu trước hết bàn đến một vấn đề có thể đang hiện diện trong tâm trí một số người và xem liệu nó có thể được giải quyết hay không. Có hai vấn đề hiện ra trước trí tuệ của đạo sinh biết suy tư; một vấn đề liên quan đến vị trí (trong liên hệ với bất kỳ hệ hành tinh riêng biệt nào) của những nhóm chân ngã bao la ấy, là hiện thân của các Sự Sống, phát xuất từ bất kỳ một trong bảy cung nào, và liên kết với bất kỳ hệ nào trong các hệ khác nhau. Vấn đề kia bàn đến hiệu quả do sự "đi vào" của các chân ngã trên cõi trí tạo ra, những chân ngã không phải là các chân ngã "nụ", mà có thể đã phát triển rất đầy đủ, như các đệ tử và các điểm đạo đồ.

These thoughts may be clarified if certain statements are made relating to the mental plane, and which will serve as indications as to the direction in which the solution of these problems may be sought.

Những tư tưởng này có thể được làm sáng tỏ nếu đưa ra một số phát biểu liên quan đến cõi trí, và những phát biểu ấy sẽ đóng vai trò như các chỉ dẫn về hướng mà trong đó có thể tìm kiếm lời giải cho các vấn đề này.

The mental plane is, as H. P. B. has pointed out, the vastest of all the planes with which we are concerned. It is the key plane of the solar system. It is the pivotal plane upon which the great Wheel turns. It is the meeting place of the three lines of evolution

Như H. P. B. đã chỉ ra, cõi trí là cõi bao la nhất trong tất cả các cõi mà chúng ta quan tâm đến. Đó là cõi then chốt của hệ mặt trời. Đó là cõi bản lề mà trên đó Bánh Xe lớn xoay chuyển. Đó là nơi gặp gỡ của ba đường tiến hoá và vì lý do này đã được gọi một cách

and has been for this reason esoterically termed *"the council chamber of the Three Divinities."* On this plane, the three Persons of the logoic Trinity meet in united work. Below two Persons may be seen associated; above another duality functions, but only on this plane do the Three make an at-one-ment.

huyền bí là *"phòng nghị sự của Ba Đấng Thiêng Liêng."* Trên cõi này, ba Ngôi của Tam Vị của Thượng đế gặp nhau trong công việc hợp nhất. Bên dưới có thể thấy hai Ngôi liên kết; bên trên một nhị nguyên tính khác hoạt động, nhưng chỉ trên cõi này Ba Đấng mới tạo nên sự hợp nhất.

[Page 849] All the Logoi of the differing schemes are expressing Themselves upon this plane. There are certain schemes in the system which find their lowest manifestation on this plane, and have no physical body such as the Earth, and the other dense planets. They exist through the medium of gaseous matter, and their spheres of manifestation are simply composed of the four cosmic ethers and the cosmic gaseous. But all the great Lives of the solar system do possess bodies of our systemic mental matter, and therefore on that plane communication between all these Entities becomes a possibility. *This fact is the basis of occult realisation, and the true ground for the at-one-ment.* Matter of the abstract levels of the mental plane enters into the composition of the vehicles for all these greater Existences and through the medium of this energised substance each can get en rapport with each, no matter what Their individual goal of attainment may be. The units, therefore, in Their bodies can equally get in touch with all other Egos and groups once they have achieved the consciousness of the mental plane (causal consciousness) and know the varying group "keys," the group tones and colors.

[Page 849] Tất cả các Thượng đế của những hệ khác nhau đều đang biểu lộ chính Các Ngài trên cõi này. Có một số hệ trong hệ mặt trời tìm thấy biểu hiện thấp nhất của chúng trên cõi này, và không có thể xác như Trái Đất và các hành tinh đậm đặc khác. Chúng tồn tại qua trung gian của vật chất thể khí, và các khối cầu biểu hiện của chúng chỉ đơn giản được cấu tạo bằng bốn dĩ thái vũ trụ và thể khí vũ trụ. Nhưng tất cả các Sự Sống lớn của hệ mặt trời đều sở hữu các thể bằng vật chất cõi trí của hệ chúng ta, và vì vậy trên cõi ấy sự giao tiếp giữa tất cả các Thực Thể này trở thành một khả năng. *Sự kiện này là nền tảng của sự chứng nghiệm huyền bí, và là cơ sở chân chính cho sự hợp nhất. Vật* chất của các cấp độ trí trừu tượng của cõi trí đi vào thành phần cấu tạo các vận cụ của tất cả những Hiện Hữu lớn lao này và qua trung gian của chất liệu được tiếp sinh lực này, mỗi vị có thể thiết lập sự tương thông với nhau, bất kể mục tiêu thành tựu riêng biệt của Các Ngài là gì. Vì vậy, các đơn vị trong các thể của Các Ngài cũng có thể tiếp xúc với mọi chân ngã và mọi nhóm khác một khi họ đã đạt được tâm thức của cõi trí (tâm thức nguyên nhân) và biết các "chủ âm" nhóm khác nhau, các âm điệu và màu sắc của nhóm.

It will consequently be apparent to the careful student that in this fact lies the true relationship between the various groups of Egos, no matter what degree of evolution, or what ray and in which scheme they may be.

Do đó, đối với đạo sinh cẩn trọng, sẽ hiển nhiên rằng chính trong sự kiện này có mối liên hệ chân thực giữa các nhóm chân ngã khác nhau, bất kể mức độ tiến hoá nào, hay thuộc cung nào và ở trong hệ nào. Chân lý

The basic truth here involved may be better grasped if the following occult phrases are studied:

căn bản được bao hàm ở đây có thể được nắm bắt tốt hơn nếu các cụm từ huyền bí sau đây được nghiên cứu:

"Within the Hall of Ignorance kama-manas rules. The man, weighed down by much misplaced desire, seeks for the object of his heart's attention within the murky halls of densest maya. He finds it there but dies ere garnering all the longed-for fruit. The serpent stings him, and the joy desired recedes from out his grasp. All seeking thus the selfish fruits of karma must each despise each other; hence strife and greed, ill-will and hatred, death and retribution, karmic invocation and the thunderbolt of vengeance characterise this Hall. [Page 850]

"Trong Phòng Vô Minh, trí-cảm cai quản. Con người, bị đè nặng bởi quá nhiều ham muốn đặt sai chỗ, tìm kiếm đối tượng mà trái tim y chú ý đến trong những đại sảnh mờ đục của ảo lực đậm đặc nhất. Y tìm thấy nó ở đó nhưng chết trước khi thu hoạch được toàn bộ quả trái hằng mong ước. Con rắn chích y, và niềm vui mong cầu rút khỏi tầm nắm bắt của y. Tất cả những ai tìm kiếm như thế các quả trái ích kỷ của nghiệp quả đều phải khinh miệt lẫn nhau; vì thế xung đột và tham lam, ác ý và thù hận, cái chết và sự báo ứng, sự khẩn cầu nghiệp quả và tia sét báo thù đặc trưng cho Phòng này. [Page 850]

Within the Hall of Learning intellect rules and seeks to guide. Desire of a higher kind, the fruit of manas and its use, supplants the lower kamic urge. Man weighs and balances, and in the twilight Halls of Intellection seeks for the fruit of knowledge. He finds it but to realise that knowledge is not all; he dies upon the open field of knowledge, hearing a cry beat on his dying ears: Know that the knower greater is than knowledge; the One who seeks is greater than the sought.

Trong Phòng Hiểu Biết trí tuệ cai quản và tìm cách hướng dẫn. Ham muốn thuộc loại cao hơn, là quả trái của manas và việc sử dụng nó, thay thế cho sự thôi thúc cảm dục thấp hơn. Con người cân nhắc và quân bình, và trong những đại sảnh chạng vạng của trí năng tìm kiếm quả trái của tri thức. Y tìm thấy nó chỉ để nhận ra rằng tri thức không phải là tất cả; y chết trên cánh đồng rộng mở của tri thức, nghe một tiếng kêu dội vào đôi tai đang hấp hối của mình: Hãy biết rằng thức giả vĩ đại hơn tri thức; Đấng tìm kiếm vĩ đại hơn điều được tìm kiếm.

Within the Hall of Wisdom the Spirit rules; the One within the lesser ones assumes supreme control. Death is not known within these halls, for its two great gates are passed. Discord and strife both disappear and only harmony is seen. The knowers see themselves as One; they recognise the field wherein knowledge grows as Brahmic dissonance and differentiation. Knowledge they know as method, an instrument of purpose utilised by all and just a germ of

Trong Phòng Minh triết tinh thần cai quản; Đấng ở bên trong những vị nhỏ hơn nắm quyền kiểm soát tối thượng. Cái chết không được biết đến trong những đại sảnh này, vì hai cánh cổng lớn của nó đã được vượt qua. Bất hòa và xung đột đều biến mất và chỉ còn sự hài hòa được thấy. Các thức giả thấy chính mình là Một; họ nhận ra cánh đồng nơi tri thức tăng trưởng là sự bất hòa và biến phân Brahma. Họ biết tri thức như một phương pháp, một công cụ của mục đích được mọi

eventual recognition. Within this hall union of each with each, blending of one and all, and unity of action, goal and skill marks every high endeavor."

người sử dụng và chỉ là một mầm mống của sự nhận biết tối hậu. Trong đại sảnh này, sự hợp nhất của mỗi người với nhau, sự hòa trộn của một và tất cả, và sự nhất quán trong hành động, mục tiêu và kỹ năng đánh dấu mọi nỗ lực cao cả."

If these words are pondered on, it will be realised that true union exists in the realisation that the greater life ever includes the lesser, and that each expansion of consciousness brings man closer to this realised Oneness.

Nếu những lời này được suy gẫm, người ta sẽ chứng nghiệm rằng sự hợp nhất chân thực tồn tại trong sự chứng nghiệm rằng sự sống lớn hơn luôn bao gồm sự sống nhỏ hơn, và rằng mỗi lần mở rộng tâm thức đều đưa con người đến gần hơn với Nhất Thể đã được chứng nghiệm này.

Therefore, if one might venture to express an abstraction and a state of consciousness in terms of time and space, and through the limitation of language, it might be stated that on egoic levels, or on the three higher subplanes of the mental plane, there exists a channel of communication, based on similarity of vibration and oneness of endeavour, between every one of the planetary schemes, within the solar ring-pass-not. Here, and here alone (as regards the three worlds and the human kingdom), becomes possible the establishing of egoic relationships and the transmission of thought substance between

Vì vậy, nếu có thể mạo muội diễn đạt một sự trừu tượng và một trạng thái tâm thức theo các thuật ngữ thời gian và không gian, và qua sự giới hạn của ngôn ngữ, thì có thể nói rằng trên các cấp độ chân ngã, hay trên ba cõi phụ cao hơn của cõi trí, tồn tại một kênh giao tiếp, dựa trên sự tương đồng về rung động và sự nhất quán trong nỗ lực, giữa từng hệ hành tinh bên trong vòng-giới-hạn mặt trời. Chính ở đây, và chỉ ở đây thôi (xét về ba cõi thấp và giới nhân loại), việc thiết lập các mối liên hệ chân ngã và sự truyền đạt chất liệu tư tưởng giữa

a. Units and egoic groups.

a. Các đơn vị và các nhóm chân ngã.

b. Groups and other groups. [Page 851]

b. Các nhóm và các nhóm khác. [Page 851]

c. Greater groups with still greater or with lesser ones.

c. Các nhóm lớn hơn với những nhóm còn lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

d. Egos in one planetary scheme with those in another.

d. Các chân ngã trong một hệ hành tinh với các chân ngã trong một hệ khác.

The Ah-hi, the greater Builders, (271) Who are the Lords working out the will of the

Các Ah-hi, các đấng đại kiến tạo, (271) là các Đấng đang thực hiện ý chí của Thái dương

solar Logos, mainly use two planes for communication with each other and with Their cohorts:

Thượng đế, chủ yếu sử dụng hai cõi để giao tiếp với nhau và với các đoàn ngũ của Các Ngài:

(271) From a Sensa word meaning "serpents." These are the Dragons of Wisdom. See S. D., I, 55, 69, 70. (back)

(271) Từ một từ Sensa có nghĩa là "những con rắn." Đây là các Rồng Minh Triết. Xem S. D., I, 55, 69, 70. (back)

First, *the second plane,* where They communicate by means of a spiritual medium incomprehensible to man at present.

Thứ nhất, *cõi thứ hai,* nơi Các Ngài giao tiếp bằng một môi trường tinh thần mà hiện nay con người không thể hiểu được.

Second, *the mental plane,* where They communicate with all lesser lives by means of a type of mental telepathy.

Thứ hai, *cõi trí,* nơi Các Ngài giao tiếp với mọi sự sống thấp hơn bằng một loại viễn cảm trí tuệ.

The "coming-in" of advanced Egos from the inner round, or from other planetary schemes, or from subtler spheres where they have been in pralaya awaiting opportunity is produced in a triple manner and is the result of a triple activity. It is caused by an understanding between the planetary Logos of a scheme, and a brother planetary Logos whereby an exchange is effected. The student must here think in terms of force and energy, of magnetic interaction and the *conscious* transmission of energy out of the body of the planetary Logos, via centres or a centre, into the body of another planetary Logos. *The cause here is the will or purpose, the object is sensation, and the method is force transference.* Exactly the same understanding lies back of the coming in of egos from the inner round, only this time the energy is sent forth by certain existences (working in connection with any planetary Logos) who are the "custodians of the inner circle." This touches upon a mystery and deals with the coming-in of high Egos, of Avatars, of Buddhas, [Page 852] of masters, of initiates, and of disciples, and of all who have to wait for group, and not individual,

Sự "đi vào" của các chân ngã tiến hóa cao từ cuộc tuần hoàn bên trong, hoặc từ các hệ hành tinh khác, hoặc từ những khối cầu vi tế hơn nơi họ đã ở trong Giai kỳ qui nguyên để chờ cơ hội, được tạo ra theo cách tam phân và là kết quả của một hoạt động tam phân. Nó được gây ra bởi một sự thoả thuận giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của một hệ và một Đức Hành Tinh Thượng Đế huynh đệ, nhờ đó một sự trao đổi được thực hiện. Ở đây đạo sinh phải suy nghĩ theo các thuật ngữ mãnh lực và năng lượng, về sự tương tác từ tính và sự truyền năng lượng một cách hữu thức ra khỏi thân thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế, qua các trung tâm hoặc một trung tâm, vào thân thể của một Đức Hành Tinh Thượng Đế khác. *Nguyên nhân ở đây là ý chí hay mục đích, đối tượng là cảm giác, và phương pháp là sự chuyển dịch mãnh lực.* Chính sự thoả thuận tương tự cũng nằm phía sau sự đi vào của các chân ngã từ cuộc tuần hoàn bên trong, chỉ khác là lần này năng lượng được phóng ra bởi một số hiện hữu nào đó (hoạt động trong liên hệ với bất kỳ Đức Hành Tinh Thượng Đế nào) là những vị "giữ gìn vòng tròn bên trong." Điều này chạm đến một huyền nhiệm và bàn đến sự

urge for the fulfillment of cyclic karma on a large scale, and whose "wheels" are controlled by cosmic forces and not by purely systemic forces.

đi vào của các chân ngã cao, của các Đấng Hoá Thân, của các Đức Phật, [Page 852] của các chân sư, của các điểm đạo đồ, và của các đệ tử, cùng tất cả những ai phải chờ sự thôi thúc của nhóm chứ không phải của cá nhân để hoàn tất nghiệp quả chu kỳ trên quy mô lớn, và những "bánh xe" của họ được kiểm soát bởi các mãnh lực vũ trụ chứ không phải chỉ bởi các mãnh lực hệ thống.

Another factor might be termed the karmic results of seeds sown in days long past, and hidden in the mysteries of the earlier system, scheme, or chain as the case may be. All these three groups of manifestation follow karmic impulse, and this impulse it is which controls the time period, and method of the appearance in any group of planetary egos, of newly born lotus buds, or of lotuses which are termed "mystically transplanted." These latter are probably of a high degree of unfoldment. This is possible in individual cases and in the case of entire groups.

Một yếu tố khác có thể được gọi là các kết quả nghiệp quả của những hạt giống đã được gieo trong những ngày tháng rất xa xưa, và được che giấu trong các huyền nhiệm của hệ mặt trời trước, hệ hành tinh trước, hay dãy trước tùy trường hợp. Cả ba nhóm biểu hiện này đều đi theo xung lực nghiệp quả, và chính xung lực này kiểm soát thời kỳ và phương pháp xuất hiện trong bất kỳ nhóm chân ngã hành tinh nào, của những nụ hoa sen mới sinh, hay của những hoa sen được gọi là "được cấy ghép một cách thần bí." Những hoa sen sau này có lẽ ở mức độ khai mở cao. Điều này có thể xảy ra trong các trường hợp cá nhân cũng như trong trường hợp của toàn bộ các nhóm.

A third factor has to do with the transference of Egos or lotuses from one sphere of activity to another and this necessarily produces conditions calling for the appearance of similar centres to take their place. Energy transmitted must be supplied from elsewhere, and this is another predisposing factor for the appearance of egoic lotuses in any scheme. The law of the conservation of force holds good on any plane.

Một yếu tố thứ ba liên quan đến sự chuyển dịch các chân ngã hay các hoa sen từ một khối cầu hoạt động này sang một khối cầu khác và điều này tất yếu tạo ra những điều kiện đòi hỏi sự xuất hiện của các trung tâm tương tự để thay thế chúng. Năng lượng đã được truyền đi phải được cung cấp từ nơi khác, và đây là một yếu tố tiền định khác cho sự xuất hiện của các Hoa Sen Chân Ngã trong bất kỳ hệ nào. Định luật bảo toàn mãnh lực có hiệu lực trên bất kỳ cõi nào.

This whole question of the transference of egoic lotuses from any one scheme to another, or from chain to chain, on the mental plane is one of very real intricacy, and cannot be elucidated to the unpledged

Toàn bộ vấn đề chuyển dịch các Hoa Sen Chân Ngã từ hệ này sang hệ khác, hay từ dãy này sang dãy khác, trên cõi trí là một vấn đề thực sự rất phức tạp, và không thể được làm

disciple. Only these general indications are in any way possible.

sáng tỏ cho đệ tử chưa tuyên thệ. Chỉ có thể đưa ra những chỉ dẫn tổng quát này mà thôi.

It must also be remembered in connection with our planet that Egos appear in those groups whose lotuses are not produced as the result of the Law of Attraction working between the animal kingdom of the globe and the higher Triads, but which are Egos who have individualised elsewhere, and who therefore come in with their petals already organised, and perhaps with several [Page 853] petals unfolded. This has necessarily a profound effect both upon the groups in which they appear, and upon the type of man who will make his appearance subsequently in physical plane incarnation. This is touched upon in the *Secret Doctrine* when the question of the early teachers and divine kings who occupied the ill-favoured bodies of the early humanity, is broached. *(See early part of S.D. Vol II.)* (273)

Cũng phải nhớ rằng, liên quan đến hành tinh của chúng ta, các chân ngã xuất hiện trong những nhóm mà các hoa sen của chúng không được tạo ra như kết quả của Định luật Hấp Dẫn hoạt động giữa giới động vật của bầu hành tinh và các Tam nguyên tinh thần cao hơn, mà là những chân ngã đã biệt ngã hóa ở nơi khác, và vì vậy đi vào với các cánh hoa đã được tổ chức sẵn, và có lẽ với một số [Page 853] cánh hoa đã khai mở. Điều này tất yếu có một ảnh hưởng sâu xa cả lên các nhóm mà họ xuất hiện trong đó, lẫn lên loại người sẽ xuất hiện sau đó trong sự nhập thể trên cõi hồng trần. Điều này được đề cập trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi vấn đề các huấn sư thời kỳ đầu và các vị vua thiêng liêng đã chiếm giữ những thể xác kém thuận lợi của nhân loại sơ khai được nêu ra. *(Xem phần đầu của S.D. Quyển II.)* (273)

(273) C. W. Leadbeater had a dim apprehension of this idea when he referred to those boat loads of Egos from the moon chain. He has of course materialised the idea far too much; if the same fundamental idea is expressed in terms of force and of the appearance of force centres within the earth chain, which force centres are the result of energy emanating from an earlier chain and producing whorls in the ether or substance of the mental plane, then the true significance may be more easily grasped. (back)

(273) C. W. Leadbeater đã có một sự nắm bắt mơ hồ về ý tưởng này khi ông đề cập đến những thuyền chở đầy chân ngã từ Dãy Mặt Trăng. Dĩ nhiên ông đã vật chất hoá ý tưởng này quá mức; nếu cùng ý tưởng căn bản ấy được diễn đạt theo các thuật ngữ mãnh lực và sự xuất hiện của các trung tâm mãnh lực trong Dãy Địa Cầu, mà các trung tâm mãnh lực này là kết quả của năng lượng phát ra từ một dãy trước đó và tạo ra các xoáy trong dĩ thái hay chất liệu của cõi trí, thì thâm nghĩa chân thực có thể được nắm bắt dễ dàng hơn. (back)

Cosmic Fire S7B

(Trang 854-925)

To continue with our consideration of egoic groups: It might be briefly stated that the

Để tiếp tục việc xem xét các nhóm chân ngã: Có thể nói ngắn gọn rằng các nhóm chân ngã

egoic groups in connection with our planet may be roughly grouped according to the stage of lotus organisation, as follows:

liên hệ với hành tinh của chúng ta có thể được phân nhóm một cách đại khái theo giai đoạn tổ chức của hoa sen như sau:

a. Egos who were produced through the individualisation process in Lemurian days. They are the true Earth humanity, along with the second group.

a. Các chân ngã được tạo ra qua tiến trình biệt ngã hóa trong thời Lemuria. Họ là nhân loại Trái Đất đích thực, cùng với nhóm thứ hai.

b. Egos who have individualised during the Atlantean root-race until the door was shut.

b. Các chân ngã đã biệt ngã hóa trong giống dân gốc Atlantis cho đến khi cánh cửa khép lại.

c. Egos who have "come-in" from the moon chain and who are much more evolved than the earth humanity.

c. Các chân ngã đã "đi vào" từ Dãy Mặt Trăng và đã tiến hoá hơn nhiều so với nhân loại Trái Đất.

d. Egos who have been swept in since Atlantean days to take the place of those Egos who have achieved liberation, and whose causal bodies have disappeared, or whose lotuses have "died out" leaving a vacuum in force substance which must be supplied and filled. They usually come in from one of two schemes:

d. Các chân ngã đã được cuốn vào kể từ thời Atlantis để thay thế những chân ngã đã đạt được giải thoát, và các thể nguyên nhân của họ đã biến mất, hoặc các hoa sen của họ đã "tàn lụi" để lại một khoảng trống trong chất liệu mãnh lực cần phải được cung cấp và lấp đầy. Họ thường đi vào từ một trong hai hệ:

1. From the scheme embodied by the polar opposite of our planetary Logos.

1. Từ hệ là hiện thân của Đấng ở cực đối nghịch với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

2. From that scheme which is allied with these two in forming a systemic triangle. [Page 854]

2. Từ hệ liên kết với hai hệ kia trong việc hình thành một tam giác hệ thống. [Page 854]

These cases are necessarily rare at present but will become more frequent as more and more of the human race take the fourth Initiation.

Những trường hợp này hiện nay tất yếu hiếm, nhưng sẽ trở nên thường xuyên hơn khi ngày càng nhiều người trong nhân loại đạt lần điểm đạo thứ tư.

e. Certain rare Egos or lotuses from schemes not enumerated in the above triplicity. They are usually only brought in so that they may perfect certain developments in their own

e. Một số chân ngã hay hoa sen hiếm hoi từ các hệ không được liệt kê trong bộ ba nói trên. Họ thường chỉ được đưa vào để hoàn thiện một số phát triển nào đó trong bản

nature, to carry out experimental work in connection with the deva kingdom, or to produce certain group results desired by the planetary Logos. They frequently do not descend into dense physical incarnation but work primarily on mental and astral levels, returning to their own spheres eventually for the final stages of liberation.

chất riêng của mình, để thực hiện công việc thử nghiệm liên quan đến giới thiên thần, hoặc để tạo ra một số kết quả nhóm mà Đức Hành Tinh Thượng Đế mong muốn. Họ thường không giáng xuống nhập thể hồng trần đậm đặc mà chủ yếu hoạt động trên các cấp độ cõi trí và cõi cảm dục, rồi cuối cùng trở về các khối cầu riêng của mình cho những giai đoạn giải thoát cuối cùng.

All these lotuses in their myriad differentiations have specific effects upon each other on mental levels, and these effects are as yet utterly unrealised by man. Nevertheless, they are the basis of the true psychology, and the grounds of all true activity. The student would do well to ponder upon the effect any advanced Ego would be likely to have upon:

Tất cả những hoa sen này trong vô số biến phân của chúng đều có những tác động đặc thù lên nhau trên các cấp độ cõi trí, và những tác động này hiện con người vẫn hoàn toàn chưa nhận ra. Tuy nhiên, chúng là nền tảng của môn tâm lý học chân chính, và là cơ sở của mọi hoạt động chân chính. Đạo sinh nên suy gẫm về ảnh hưởng mà bất kỳ chân ngã tiến hóa cao nào có thể có lên:

a. Other Egos in his group.

a. Các chân ngã khác trong nhóm của y.

b. The solar Pitris who are the substance of the group.

b. Các thái dương tổ phụ là chất liệu của nhóm.

c. The lunar Pitris, who are linked with the solar Pitris through the permanent atoms.

c. Các thái âm tổ phụ, những vị được liên kết với các thái dương tổ phụ qua các Nguyên tử trường tồn.

We have enumerated above certain classifications of groups of Egos to be found on the causal levels of the mental plane, so as to give students some idea of the vastness of the subject, and the complexity of the problem. It must be remembered that on the third subplane of the mental plane there is no individual separation such as we find when in physical manifestation, but nevertheless group separation is to be seen. These groups are far too many to enumerate in detail. We have outlined and named five of the larger groups as catalogued under [Page 855] one scheme of tabulation in the Hall of Records. Other methods of

Ở trên chúng ta đã liệt kê một số phân loại các nhóm chân ngã được tìm thấy trên các cấp độ nguyên nhân của cõi trí, nhằm giúp đạo sinh có được một ý niệm nào đó về sự bao la của đề tài và tính phức tạp của vấn đề. Phải nhớ rằng trên cõi phụ thứ ba của cõi trí không có sự tách biệt cá nhân như chúng ta thấy khi ở trong biểu hiện hồng trần, nhưng tuy vậy sự tách biệt nhóm vẫn có thể được thấy. Các nhóm này quá nhiều để có thể liệt kê chi tiết. Chúng ta đã phác họa và nêu tên năm nhóm lớn hơn như được ghi mục dưới [Page 855] một hệ thống phân loại trong Phòng Lưu Trữ. Có những phương pháp liệt kê khác tồn tại, và ngay cả trong phương

enumeration exist, and even under the one here used, these five groups are each subdivided into ten groups, and these again are broken up into lesser units, all of them being known and portrayed under certain symbols.

pháp được dùng ở đây, năm nhóm này mỗi nhóm lại được chia thành mười nhóm, rồi các nhóm ấy lại được phân thành những đơn vị nhỏ hơn, tất cả đều được biết đến và mô tả dưới những biểu tượng nhất định.

When we come to the second subplane of the mental plane (the plane whereon the egoic bodies of advanced humanity, of disciples, and of initiates are found) the method of grouping will be according to:

Khi chúng ta đến cõi phụ thứ hai của cõi trí (cõi nơi các thể chân ngã của nhân loại tiến hóa cao, của các đệ tử và các điểm đạo đồ được tìm thấy) thì phương pháp phân nhóm sẽ theo:

a. Ray.

a. Cung.

b. Subray.

b. Cung phụ.

c. Department (whether under the Manu, the Mahachohan or the Bodhisattva on our earth scheme or their analogies on other schemes).

c. Ban ngành (dù thuộc dưới Đức Manu, Đức Mahachohan hay Đức Bồ Tát trong hệ Địa Cầu của chúng ta hay các tương đồng của Các Ngài trong các hệ khác).

d. The Master's group.

d. Nhóm của Chân sư.

These egoic lotuses are all organised, and have a number of petals unfolded whilst some are in the final stages of development.

Các Hoa Sen Chân Ngã này đều đã được tổ chức, và có một số cánh hoa đã khai mở trong khi một số hoa sen đang ở những giai đoạn phát triển cuối cùng.

They have also been grouped under the following three heads:

Chúng cũng đã được phân nhóm dưới ba đầu mục sau đây:

Lotuses of revelation. Those in which the "jewel" is just about to be revealed.

Hoa sen mặc khải. Những hoa sen mà "ngọc" sắp được mặc khải.

Lotuses with perfume. Those whose occult "smell" or aroma is permeating their environment. They are those Egos who have not yet completely unfolded the final tier of petals, but whose lives are of magnetic force in the three worlds, and whose careers are distinguished by altruistic service.

Hoa sen có hương thơm. Những hoa sen mà "mùi" hay hương thơm huyền bí của chúng đang thấm khắp môi trường xung quanh. Đó là những chân ngã chưa hoàn toàn khai mở vòng cánh hoa cuối cùng, nhưng đời sống của họ là mãnh lực từ tính trong ba cõi thấp,

và sự nghiệp của họ nổi bật bởi sự phụng sự vị tha.

Radiant lotuses, or those whose light is beginning to shine forth as lights in a dark place.

Hoa sen rạng ngời, hay những hoa sen mà ánh sáng của chúng bắt đầu chiếu tỏa như những ngọn đèn trong nơi tối tăm.

They are grouped also according to primary colour, to subsidiary colouring, according to key or tone, and one tabulation is entirely numerical. It might be of interest [Page 856] to the student if we here pointed out that in the Hall of Records in connection with the human Egos certain of the records under symbological terminology keep a minute account of the following facts concerning each unit:

Chúng cũng được phân nhóm theo màu chính, theo sắc thái phụ, theo chủ âm hay âm điệu, và có một bảng phân loại hoàn toàn theo số học. Có lẽ sẽ khiến đạo sinh quan tâm [Page 856] nếu ở đây chúng ta chỉ ra rằng trong Phòng Lưu Trữ, liên quan đến các chân ngã nhân loại, một số hồ sơ dưới thuật ngữ biểu tượng học ghi chép tỉ mỉ các sự kiện sau đây về từng đơn vị:

The *lunar* record. This deals with all the lower vehicles and forms, employed by the human Monads and concerns itself with:

Hồ sơ *thái âm*. Hồ sơ này bàn đến tất cả các vận cụ và hình tướng thấp hơn được các chân thần nhân loại sử dụng và liên quan đến:

a. Their rate of vibration,

a. Tốc độ rung động của chúng,

b. Their type,

b. Loại của chúng,

c. Their key number,

c. Con số chủ âm của chúng,

d. The particular group of lunar Lords who are concerned with those bodies,

d. Nhóm nguyệt tinh quân đặc biệt có liên quan đến các thể ấy,

e. The detailed history of the elemental lives who construct the bodies.

e. Lịch sử chi tiết của các sự sống hành khí kiến tạo nên các thể ấy.

This information is employed by the karmic official responsible for the production of a new set of vehicles at each incarnation, in order to assist the working out of karma. The history of the lunar bodies is stored up in the permanent atoms.

Thông tin này được viên chức nghiệp quả chịu trách nhiệm tạo ra một bộ vận cụ mới trong mỗi lần nhập thể sử dụng, nhằm hỗ trợ việc triển khai nghiệp quả. Lịch sử của các thể thái âm được lưu giữ trong các Nguyên tử trường tồn.

The *solar* record. This deals with the more permanent egoic vehicle, and concerns itself with:

a. The rate of vibration.

b. The history of the petal unfoldment.

c. The history of any particular group of solar Angels concerned with the formation of the lotus.

d. The activity of the deva substance out of which the lotus is constructed.

e. Group relationships.

This information is used by the Master Who has made Himself responsible for the stimulation and the growth of any particular series of Egos, and also by advanced Egos who are consciously working with their group.

The *consciousness* record. This concerns the response of the indwelling Entity to its surroundings. It deals [Page 857] with the utilisation of knowledge by the knower, and is in many ways the most intricate and the most lengthy of the records.

These records are mostly used by the Lord of the World and His pupils to ascertain information in connection with the planetary centres. They are arranged in such a way that the entire record of any group, however vast and extensive, is embodied in seven sheets of symbols, each containing forty-nine symbols. These sheets are changed and corrected once every seven years, and are precipitated on astral matter by an effort of will by the Chohan

Hồ sơ *thái dương*. Hồ sơ này bàn đến vận cụ chân ngã bền vững hơn, và liên quan đến:

a. Tốc độ rung động.

b. Lịch sử sự khai mở của các cánh hoa.

c. Lịch sử của bất kỳ nhóm Thái dương Thiên Thần đặc biệt nào có liên quan đến sự hình thành hoa sen.

d. Hoạt động của chất liệu thiên thần mà từ đó hoa sen được kiến tạo.

e. Các mối liên hệ nhóm.

Thông tin này được Chân sư, Đấng đã tự mình nhận trách nhiệm về sự kích thích và tăng trưởng của bất kỳ chuỗi chân ngã đặc biệt nào, sử dụng, và cũng được các chân ngã tiến hóa cao đang hữu thức làm việc với nhóm của mình sử dụng.

Hồ sơ *tâm thức*. Hồ sơ này liên quan đến sự đáp ứng của Thực Thể ngự bên trong đối với môi trường xung quanh. Nó bàn [Page 857] đến việc thức giả sử dụng tri thức, và theo nhiều phương diện là loại hồ sơ phức tạp nhất và dài nhất.

Những hồ sơ này phần lớn được Đức Chúa Tể Thế Giới và các môn sinh của Ngài sử dụng để xác định thông tin liên quan đến các trung tâm hành tinh. Chúng được sắp xếp theo cách mà toàn bộ hồ sơ của bất kỳ nhóm nào, dù bao la và rộng lớn đến đâu, đều được thể hiện trong bảy tờ biểu tượng, mỗi tờ chứa bốn mươi chín biểu tượng. Những tờ này được thay đổi và hiệu chỉnh mỗi bảy năm một lần, và được ngưng tụ trên vật chất cảm dục bằng một nỗ lực ý chí của vị

responsible for the particular group involved.

Chohan chịu trách nhiệm về nhóm đặc biệt liên hệ.

(d.) The Petals and the Etheric Centres. It remains now to point out the close connection between the unfoldment of the petals in the egoic lotuses and the etheric centres in man. *It is through the centres that psychic energy flows.* Students should carefully bear in mind the two following facts: First, the etheric body is vitalised, as we know, by prana. Pranic energy is the stimulator of animal activity, and of physical plane development. Its effect is primarily upon the atoms of the physical body and it has a triple effect upon the substance of the physical body:

(d.) Các Cánh Hoa và các Trung Tâm Dĩ Thái. Giờ đây còn phải chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa sự khai mở của các cánh hoa trong các Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm dĩ thái trong con người. *Chính qua các trung tâm mà năng lượng thông linh tuôn chảy.* Đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ hai sự kiện sau đây: Thứ nhất, như chúng ta biết, prana tiếp sinh lực cho thể dĩ thái. Năng lượng prana là tác nhân kích thích hoạt động động vật và sự phát triển trên cõi hồng trần. Tác động của nó chủ yếu lên các nguyên tử của thể xác và nó có một tác động tam phân lên chất liệu của thể xác:

a. It preserves the animal health of the body.

a. Nó duy trì sức khỏe động vật của thân thể.

b. It constructs and builds in the body, through its energy and force currents, what is needed to replace the daily wear and tear.

b. Nó kiến tạo và xây dựng trong thân thể, qua năng lượng và các dòng mãnh lực của nó, những gì cần thiết để thay thế sự hao mòn hằng ngày.

c. It is the medium whereby man comes into physical touch with his brother man. Physical magnetism is largely, even if not wholly, dependent upon prana.

c. Nó là môi trường nhờ đó con người tiếp xúc hồng trần với đồng loại của mình. Từ điện hồng trần phần lớn, nếu không phải hoàn toàn, phụ thuộc vào prana.

The etheric centres are the force vortices formed in etheric matter by astral impulse, transmitted via the [Page 858] astral centres. These astral centres in their turn are the transmitters of still higher energy, and thus the statement is technically true that the etheric centres are the source of man's psychic energy, and are therefore affected by the unfoldment of the petals. Every petal is in its turn a type of force centre, and the energy emanating from it affects the etheric centres, and produces every type of psychic energy of the true kind.

Các trung tâm dĩ thái là những xoáy mãnh lực do xung lực cảm dục hình thành trong vật chất dĩ thái, được truyền qua [Page 858] các trung tâm cảm dục. Đến lượt mình, các trung tâm cảm dục này là những bộ truyền dẫn của năng lượng còn cao hơn nữa, và vì thế phát biểu rằng các trung tâm dĩ thái là nguồn của năng lượng thông linh của con người là đúng về mặt kỹ thuật, và do đó chúng bị ảnh hưởng bởi sự khai mở của các cánh hoa. Mỗi cánh hoa đến lượt nó là một loại trung tâm mãnh lực, và năng lượng phát ra từ nó ảnh hưởng đến các trung tâm dĩ

thái, và tạo ra mọi loại năng lượng thông linh chân chính.

The energy flowing from the Ego is but little felt in the early stages of development. Man follows his allotted path through animal and racial instinct, and can be safely left to the stimulation emanating from his group centres, and to the ordinary driving force inherent in form, and to the earlier life waves. It is only when he has reached a comparatively advanced stage (in comparison with that of animal man) that egoic or psychic force pours through his centres in such a way as to produce results in consciousness—of these he will eventually become profoundly aware within his physical brain. I do not here refer to the ordinary animal psychism displayed by the higher animals, and found among certain of the post Lemurian races. This is a type of consciousness inherent in the atoms, and is a constituent part of the "soul of the world." It is unconscious and uncontrolled and has no part in this teaching. I refer to the conscious psychism which is displayed by advanced humanity, by disciples and initiates of all grades. This kind is the result of the pouring in of egoic energy through the etheric centres (mainly through five of them) in such a way that the consciousness of the physical brain becomes aware of it, and also aware of:

Năng lượng tuôn chảy từ chân ngã chỉ được cảm nhận rất ít trong các giai đoạn phát triển đầu tiên. Con người đi theo con đường được phân định của mình nhờ bản năng động vật và bản năng chủng tộc, và có thể an toàn để mặc cho sự kích thích phát ra từ các trung tâm nhóm của y, động lực thông thường vốn có trong hình tướng, và các làn sóng sự sống trước đó dẫn dắt. Chỉ khi y đã đạt đến một giai đoạn tương đối tiến hóa cao (so với người thú) thì mãnh lực chân ngã hay thông linh mới tuôn qua các trung tâm của y theo cách tạo ra các kết quả trong tâm thức—mà cuối cùng y sẽ trở nên nhận biết sâu sắc trong bộ não hồng trần của mình. Ở đây tôi không nói đến tính thông linh động vật thông thường được biểu lộ bởi các động vật cao cấp hơn, và được tìm thấy trong một số nhân loại hậu Lemuria. Đây là một loại tâm thức vốn có trong các nguyên tử, và là một phần cấu thành của "linh hồn thế giới." Nó vô thức và không được kiểm soát và không thuộc về giáo huấn này. Tôi nói đến tính thông linh hữu thức được biểu lộ bởi nhân loại tiến hóa cao, bởi các đệ tử và các điểm đạo đồ ở mọi cấp bậc. Loại này là kết quả của sự tuôn vào của năng lượng chân ngã qua các trung tâm dĩ thái (chủ yếu qua năm trung tâm trong số đó) theo cách mà tâm thức của bộ não hồng trần nhận biết được nó, và cũng nhận biết được:

a. Its purpose,

a. Mục đích của nó,

b. Its technique,

b. Kỹ thuật của nó,

c. The effects produced within the lower self of the man himself and also upon others, [Page 859]

c. Các hiệu quả được tạo ra trong phàm ngã của chính con người ấy và cả trên những người khác, [Page 859]

d. His ability to employ it or not as he may desire. It is under his control.

d. Khả năng của y trong việc sử dụng hay không sử dụng nó tùy theo ý muốn. Nó ở dưới sự kiểm soát của y.

The centres with which the student is concerned are, as we know, four in number:

Như chúng ta biết, các trung tâm mà đạo sinh quan tâm đến có số lượng là bốn:

a. The head,

a. Đầu,

b. The heart,

b. Tim,

c. The throat,

c. Cổ họng,

d. The base of the spine.

d. Đáy cột sống.

These are the only ones which should receive consideration. His work is to transfer the force or energy out of the two lower—the spinal and the solar plexus—into the three higher. It is presumed that he has already transferred, or is in process of transferring, the energy of the generative organs into the centre of desire, the solar plexus, with the aim in view of guiding it still higher to the throat centre. The splenic centre, being the vehicle of prana, is specially developed under evolutionary law, and its energy is not transferred to another centre, but is consciously diffused. When its correspondence in the head centre is awakened, this becomes the organ of occult healing; through it the healer (by an act of will), absorbs prana and vitality from the ethers, and then breathes it out again upon the object to be healed by an act of compassionate healing.

Đây là những trung tâm duy nhất cần được xem xét. Công việc của y là chuyển dịch mãnh lực hay năng lượng ra khỏi hai trung tâm thấp hơn—trung tâm cột sống và tùng thái dương—vào ba trung tâm cao hơn. Giả định rằng y đã chuyển dịch, hoặc đang trong tiến trình chuyển dịch, năng lượng của các cơ quan sinh sản vào trung tâm ham muốn, tức tùng thái dương, với mục đích hướng dẫn nó lên cao hơn nữa đến trung tâm cổ họng. Trung tâm lá lách, là vận cụ của prana, được phát triển đặc biệt theo định luật tiến hoá, và năng lượng của nó không được chuyển dịch sang một trung tâm khác, mà được phân tán một cách hữu thức. Khi đối phần của nó trong trung tâm đầu được đánh thức, trung tâm này trở thành cơ quan của trị liệu huyền bí; qua đó người chữa lành (bằng một hành vi ý chí), hấp thu prana và sinh lực từ các dĩ thái, rồi lại thở nó ra trên đối tượng cần được chữa lành bằng một hành vi chữa lành đầy từ bi.

In connection with the etheric centres, we should note the fact that the major head centre is twofold in structure, and consists of a lotus of ninety-six petals between the

Liên quan đến các trung tâm dĩ thái, chúng ta nên lưu ý sự kiện rằng trung tâm đầu chính có cấu trúc nhị phân, và gồm một hoa sen chín mươi sáu cánh giữa hai chân mày,

eyebrows, and of a twelve-petalled lotus at the top of the head, with ninety-six petals in a subsidiary whorl. The significance of these figures is profound. In every case the figure twelve is met with, showing a definite relation to the basic psychic lotuses on egoic levels. Twelve multiplied by eight stands for the twelve petals in each case, while in the figure eight lies hidden the idea of duality: [Page 860]

và một hoa sen mười hai cánh ở đỉnh đầu, với chín mươi sáu cánh trong một vòng xoáy phụ. Ý nghĩa của các con số này rất sâu xa. Trong mọi trường hợp đều gặp con số mười hai, cho thấy một mối liên hệ xác định với các hoa sen thông linh căn bản trên các cấp độ chân ngã. Mười hai nhân với tám biểu thị mười hai cánh hoa trong mỗi trường hợp, trong khi trong con số tám ẩn giấu ý niệm về nhị nguyên tính: [Page 860]

a. The four of the quaternary,

a. Bốn của bộ tứ,

b. The four of the egoic auric egg (the three aspects, and the ring-pass-not.)

b. Bốn của noãn hào quang chân ngã (ba phương diện, và vòng-giới-hạn.)

We must note also, that the idea of twelve in connection with the centres is found in three of them:

Chúng ta cũng phải lưu ý rằng ý niệm về số mười hai liên quan đến các trung tâm được tìm thấy trong ba trung tâm:

a. The higher head centre,

a. Trung tâm đầu cao hơn,

b. The secondary head centre,

b. Trung tâm đầu thứ yếu,

c. The heart centre.

c. Trung tâm tim.

If the student studies this condition, and links up the idea of the three tiers of petals in the twelve-petalled lotus, he may find illumination. More it is not possible to give at this stage.

Nếu đạo sinh nghiên cứu điều kiện này, và liên kết ý niệm về ba tầng cánh hoa trong hoa sen mười hai cánh, y có thể tìm thấy sự soi sáng. Ở giai đoạn này không thể cho thêm gì hơn nữa.

It is only when the etheric centres—the two head centres and the heart centre—are fully active with their twelve petals completely unfolded that the central circle of petals in the egoic lotus (the fourth or inner circle) unfolds. The significance of the four circles in the egoic lotus, and the eight circles of twelve petals each in the etheric lotuses on the mental plane is of great importance.

Chỉ khi các trung tâm dĩ thái—hai trung tâm đầu và trung tâm tim—hoạt động hoàn toàn với mười hai cánh hoa của chúng được khai mở trọn vẹn thì vòng cánh hoa trung tâm trong Hoa Sen Chân Ngã (vòng thứ tư hay vòng bên trong) mới khai mở. Ý nghĩa của bốn vòng trong Hoa Sen Chân Ngã, và tám vòng mỗi vòng mười hai cánh trong các hoa sen dĩ thái trên cõi trí là vô cùng quan trọng.

The centres with which man has to deal are necessarily five at this stage owing to the following facts, which must be studied if a man desires to awaken his centres according to plan, and if he wishes safely to follow along the line of the true psychic unfoldment:

Ở giai đoạn này, các trung tâm mà con người phải xử lý tất yếu là năm do các sự kiện sau đây, những sự kiện phải được nghiên cứu nếu một người muốn đánh thức các trung tâm của mình theo đúng Thiên Cơ, và nếu y muốn an toàn đi theo con đường của sự khai mở thông linh chân chính:

The fact that the energy starts from the fifth plane, the mental, where man is concerned,

Sự kiện rằng năng lượng khởi đi từ cõi thứ năm, cõi trí, xét về con người,

The fact that it is through the agency of the fifth principle that man can consciously work at his own unfoldment,

Sự kiện rằng chính qua tác nhân của nguyên khí thứ năm mà con người có thể hữu thức làm việc cho sự khai mở của chính mình,

The fact that the path of evolution is for man a fivefold one, covering the five planes of human unfoldment; and is divided into five stages as regards the Ego,

Sự kiện rằng con đường tiến hoá đối với con người là một con đường ngũ phân, bao trùm năm cõi của sự khai mở nhân loại; và được chia thành năm giai đoạn xét về chân ngã,

The fact that although this is the second solar system from the standpoint of the egoic cycles of the Logos, [Page 861] or His second major egoic cycle, yet it is the fifth when viewed from another angle, that of the lesser cycles. It corresponds to the fifth period in human evolution, that in which man treads the Path. The Logos is now treading the cosmic Path.

Sự kiện rằng mặc dù đây là hệ mặt trời thứ hai xét từ quan điểm các chu kỳ chân ngã của Thượng đế, [Page 861] hay chu kỳ chân ngã lớn thứ hai của Ngài, nhưng lại là chu kỳ thứ năm khi được nhìn từ một góc độ khác, tức góc độ của các chu kỳ nhỏ hơn. Nó tương ứng với thời kỳ thứ năm trong tiến hoá nhân loại, thời kỳ mà con người bước đi trên Đường Đạo. Hiện nay Thượng đế đang bước đi trên Đường Đạo vũ trụ.

The fact that the fifth spirilla is in process of awakening. This has to be effected before the interplay of energy between the egoic lotus and the etheric centres becomes so powerful as to awaken man's physical brain, and cause him to become aware of the inner currents. This takes place usually when the fifth petal is organised.

Sự kiện rằng loa tuyến thứ năm đang trong tiến trình được đánh thức. Điều này phải được thực hiện trước khi sự tương tác năng lượng giữa Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm dĩ thái trở nên mạnh mẽ đến mức đánh thức bộ não hồng trần của con người, và khiến y nhận biết các dòng chảy bên trong. Điều này thường xảy ra khi cánh hoa thứ năm được tổ chức.

This whole question can also be viewed in a larger manner from the standpoint of the

Toàn bộ vấn đề này cũng có thể được nhìn theo cách rộng lớn hơn từ quan điểm của

five Kumaras. It must be remembered that the aggregate of the etheric centres of any particular group of men form the force centres or minute "energy units" in the larger petals of their group centre. These again form petals in some particular planetary centre, and the aggregate of these petals form those larger centres of energy which we call "planetary centres." These in their turn form centres of force for the Logos.

năm Kumaras. Phải nhớ rằng tổng thể các trung tâm dĩ thái của bất kỳ nhóm người riêng biệt nào tạo thành các trung tâm mãnh lực hay những "đơn vị năng lượng" nhỏ bé trong các cánh hoa lớn hơn của trung tâm nhóm của họ. Đến lượt mình, những cánh hoa này lại tạo thành các cánh hoa trong một trung tâm hành tinh đặc biệt nào đó, và tổng thể các cánh hoa này tạo thành những trung tâm năng lượng lớn hơn mà chúng ta gọi là "các trung tâm hành tinh." Đến lượt chúng, các trung tâm này tạo thành các trung tâm mãnh lực cho Thượng đế.

Yet the mystery in connection with this is so profound that unless the student carefully guards himself from too mathematical and material a concept, he will go astray. The etheric centres of man are not on the same plane as the etheric centres of a planetary Logos. His centres are on the plane of the fourth cosmic ether, the systemic buddhic plane, and it is only when man has taken the final initiation that his energy becomes incorporated into that of the planetary centre on its own plane. The etheric centres of the planetary Logos are transmitters and transmuters of force, and bear the same relation to Him as do the *physical* centres to a human being. All the dense physical centres, such as the mouth, for instance, [Page 862] are transmitters of some type of energy arising in the human brain or will.

Tuy nhiên, huyền nhiệm liên quan đến điều này sâu xa đến mức nếu đạo sinh không cẩn thận tự bảo vệ mình khỏi một quan niệm quá toán học và vật chất, y sẽ lạc đường. Các trung tâm dĩ thái của con người không ở trên cùng một cõi với các trung tâm dĩ thái của một Đức Hành Tinh Thượng Đế. Các trung tâm của Ngài ở trên cõi của dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề của hệ, và chỉ khi con người đã nhận lần điểm đạo cuối cùng thì năng lượng của y mới được sáp nhập vào năng lượng của trung tâm hành tinh trên chính cõi của nó. Các trung tâm dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế là những bộ truyền dẫn và chuyển hoá mãnh lực, và có cùng mối liên hệ với Ngài như các trung tâm *hồng trần* đối với một con người. Tất cả các trung tâm hồng trần đậm đặc, chẳng hạn như miệng, [Page 862] đều là những bộ truyền dẫn một loại năng lượng nào đó phát sinh trong bộ não hay ý chí của con người.

The understanding of force, of force transmission, and of the effects of liberated force upon the higher planes is the secret of occult knowledge. Force or energy flows in from the Ego. It works through the etheric centres and produces results on the three planes, varying according to the age of the soul. As yet, through lack of alignment, this

Sự thấu hiểu về mãnh lực, về sự truyền dẫn mãnh lực, và về các hiệu quả của mãnh lực được giải phóng trên các cõi cao hơn là bí mật của tri thức huyền bí. Mãnh lực hay năng lượng tuôn vào từ chân ngã. Nó hoạt động qua các trung tâm dĩ thái và tạo ra các kết quả trên ba cõi, thay đổi tùy theo tuổi của linh hồn. Hiện nay, do thiếu sự chỉnh

egoic force does not reach the physical brain as fully as it later will, but it does reach the astral centres, and is frequently the cause of much of that lack of emotional control everywhere to be seen. The astral substance is as yet insufficiently organised, and when aroused by egoic energy moves violently. Astral substance is played upon by two counter streams of force: first, the egoic, and secondly, that vibration set up through countless ages on the physical plane, which is latent in substance itself, and is the result of an earlier solar system. This it is which produces the violent action and reaction to be seen in every life.

hợp, mãnh lực chân ngã này chưa đạt đến bộ não hồng trần đầy đủ như về sau nó sẽ đạt, nhưng nó có đạt đến các trung tâm cảm dục, và thường là nguyên nhân của phần lớn sự thiếu kiểm soát cảm xúc có thể thấy ở khắp nơi. Chất liệu cảm dục hiện vẫn chưa được tổ chức đầy đủ, và khi bị năng lượng chân ngã khơi động thì chuyển động dữ dội. Chất liệu cảm dục chịu tác động của hai dòng mãnh lực đối nghịch: thứ nhất là chân ngã, và thứ hai là rung động được thiết lập qua vô số thời đại trên cõi hồng trần, vốn tiềm ẩn trong chính chất liệu, và là kết quả của một hệ mặt trời trước. Chính điều này tạo ra hành động và phản ứng dữ dội có thể thấy trong mọi đời sống.

It is not possible to give more data concerning the unfoldment of the petals and their connection with the etheric centres. Three hints of practical import anent this stupendous subject may however be given which, if duly pondered upon, may carry illumination to those who are ready.

Không thể cung cấp thêm dữ liệu nào nữa liên quan đến sự khai mở của các cánh hoa và mối liên hệ của chúng với các trung tâm dĩ thái. Tuy nhiên, có thể đưa ra ba gợi ý có tầm quan trọng thực tiễn liên quan đến chủ đề đồ sộ này; nếu được suy gẫm đúng mức, chúng có thể mang lại sự soi sáng cho những ai đã sẵn sàng.

The first is that the etheric centres become active in a fourth dimensional sense (or become wheels turning upon themselves) when the aspirant has complied with certain details.

Điều thứ nhất là các trung tâm dĩ thái trở nên hoạt động theo ý nghĩa chiều thứ tư (hay trở thành những bánh xe tự xoay trên chính mình) khi người chí nguyện đã tuân thủ một số chi tiết nhất định.

He must work upon the unfoldment of the fifth and sixth petals, or the final two in the second circle and must endeavour to bring about two things in connection with his threefold lower nature: [Page 863]

Y phải làm việc trên sự khai mở của cánh hoa thứ năm và thứ sáu, hay hai cánh cuối cùng trong vòng thứ hai, và phải nỗ lực mang lại hai điều liên quan đến bản chất thấp tam phân của mình: [Page 863]

a. He must align his three bodies so that there is a direct channel of contact formed between the Ego and the physical brain.

a. Y phải chỉnh hợp ba thể của mình sao cho một kênh tiếp xúc trực tiếp được hình thành giữa Chân ngã và bộ não hồng trần.

b. He must strive to bring about a stabilisation of both the astral body and the

b. Y phải cố gắng mang lại sự ổn định cho cả thể cảm dục lẫn thể trí, và phải nhắm đến sự

mind, and must aim at that emotional equilibrium which is produced by the conscious "balancing of forces."

quân bình cảm xúc do việc "cân bằng các mãnh lực" một cách hữu thức tạo ra.

He must study the laws of transmutation and be a student of that divine alchemy which will result in a knowledge of how to transmute the lower force into the higher, of how to transfer his consciousness into the higher vehicles, and of how to manipulate energy currents so that his own nature is transformed. He will then become a channel for the light of the Ego, and for the illumination of buddhi to pour through for the saving of the race, and the lighting of those who stumble in dark places. He must demonstrate the laws of radioactivity in his own life on the physical plane. His life must begin to radiate, and to have a magnetic effect upon others. By this I mean he will begin to influence that which is imprisoned in others, for he will reach—through his own powerful vibrations—the hidden centre in each one. I do not mean by this the physical or magnetic effect that many quite unevolved souls have upon others. I refer to that spiritual radiation that is only responded to and realised by those who themselves are becoming aware of the spiritual centre within the heart. At this stage the man is recognised as one who can speak occultly "heart to heart." He becomes a stimulator of the heart centre in his brother, and one who arouses men into activity for others.

Y phải nghiên cứu các định luật chuyển hoá và là một môn sinh của thuật luyện kim thiêng liêng ấy, vốn sẽ dẫn đến tri thức về cách chuyển hoá lực thấp thành lực cao, về cách chuyển dịch tâm thức của mình vào các vận cụ cao hơn, và về cách vận dụng các dòng năng lượng sao cho chính bản chất của y được chuyển đổi. Khi đó y sẽ trở thành một kênh cho ánh sáng của Chân ngã, và cho sự soi sáng của Bồ đề tuôn qua để cứu rỗi nhân loại, và soi sáng những ai đang vấp ngã trong nơi tối tăm. Y phải biểu lộ các định luật phóng xạ trong chính đời sống của mình trên cõi hồng trần. Đời sống của y phải bắt đầu toả chiếu, và có một hiệu ứng từ tính đối với người khác. Bởi điều này tôi muốn nói rằng y sẽ bắt đầu ảnh hưởng đến điều đang bị giam hãm trong người khác, vì y sẽ chạm tới—qua các rung động mạnh mẽ của chính mình—trung tâm ẩn kín trong mỗi người. Tôi không muốn nói đến hiệu ứng hồng trần hay từ tính mà nhiều linh hồn còn khá chưa tiến hoá tạo ra nơi người khác. Tôi nói đến sự bức xạ tinh thần mà chỉ những ai đang bắt đầu nhận biết trung tâm tinh thần bên trong tim mới đáp ứng và chứng nghiệm được. Ở giai đoạn này con người được nhìn nhận là người có thể nói một cách huyền bí "tim với tim." Y trở thành người kích thích trung tâm tim nơi huynh đệ mình, và là người khơi dậy con người hoạt động vì người khác.

The second hint is that as the aspirant becomes progressively radioactive, and as the energy of the inner God demonstrates more and more through the lower personality, the "heat radiations" become so powerful that very definite results are produced of a personal, and also [Page 864]

Điều gợi ý thứ hai là khi người chí nguyện dần dần trở nên có tính phóng xạ, và khi năng lượng của Thượng đế nội tại biểu lộ ngày càng nhiều qua phàm ngã thấp, thì các "bức xạ nhiệt" trở nên mạnh mẽ đến mức tạo ra những kết quả rất rõ rệt có tính cách cá nhân, và cũng có tính cách [Page 864] môi

of an environal, nature. A few of these results might be enumerated as follows:

trường xung quanh. Có thể liệt kê một vài kết quả ấy như sau:

The etheric web, separating the lower physical consciousness of the brain from the astral plane begins to undergo a lengthy process of destruction, and the first "rents" in the web occur. It is through these that the student becomes aware of the inner planes, becomes conscious in the physical brain of the inner happenings, and can (if a disciple) make his contacts with his Ego and (via that ego) with his Guru. *(spiritual teacher)* This marks a very important development.

Mạng lưới dĩ thái, vốn ngăn cách tâm thức hồng trần thấp của bộ não với cõi cảm dục, bắt đầu trải qua một tiến trình huỷ diệt kéo dài, và những "vết rách" đầu tiên trong mạng lưới xuất hiện. Chính qua những vết rách này mà đạo sinh trở nên nhận biết các cõi bên trong, trở nên hữu thức trong bộ não hồng trần về những diễn biến nội tại, và có thể (nếu là một đệ tử) tạo các tiếp xúc của mình với Chân ngã và (qua chân ngã ấy) với Guru của mình. *(huấn sư tinh thần)* Điều này đánh dấu một sự phát triển rất quan trọng.

The higher head centre increases its activity and becomes capable of receiving flashes of illumination from the higher planes. This happens only occasionally at first but with increasing frequency as the years progress, and the "rents" become more numerous.

Trung tâm đầu cao hơn gia tăng hoạt động và trở nên có khả năng tiếp nhận những tia chớp soi sáng từ các cõi cao. Lúc đầu điều này chỉ xảy ra thỉnh thoảng nhưng với tần suất ngày càng tăng theo năm tháng, và các "vết rách" trở nên nhiều hơn.

The various triangles become vivified and proceed to increased activity in due geometrical progression, whilst the centre between the shoulder blades, the converging point for certain fires, becomes active. This marks a definite stage in the process of transferring the fires into the higher centres. Roughly speaking, this period of the transference of the heat or energy of the lower centres into the higher may be divided into two parts: first, that in which the centres in the lower part of the body (those below the diaphragm) are transferred into the centres in the higher part of the torso. These centres in the torso are three in number, the heart, the throat, and the centre between the shoulder blades. We must here note that the throat centre is situated in the lower part of the throat, and properly belongs to the torso and not to the head. It should also be stated here that the centre

Các tam giác khác nhau được tiếp sinh lực và tiến tới hoạt động gia tăng theo cấp số hình học thích hợp, trong khi trung tâm giữa hai bả vai, điểm hội tụ của một số loại lửa, trở nên hoạt động. Điều này đánh dấu một giai đoạn xác định trong tiến trình chuyển các loại lửa vào các trung tâm cao hơn. Nói đại khái, thời kỳ chuyển nhiệt hay năng lượng của các trung tâm thấp vào các trung tâm cao có thể được chia thành hai phần: thứ nhất, phần trong đó các trung tâm ở phần dưới của cơ thể (những trung tâm dưới cơ hoành) được chuyển vào các trung tâm ở phần trên của thân mình. Các trung tâm này trong thân mình có ba trung tâm, là tim, cổ họng, và trung tâm giữa hai bả vai. Ở đây chúng ta phải lưu ý rằng trung tâm cổ họng nằm ở phần dưới của cổ họng, và đúng ra thuộc về thân mình chứ không thuộc về đầu. Cũng cần nói thêm ở đây rằng trung tâm giữa hai bả vai không phải là một trung tâm

between the shoulder blades is not a "sacred" centre, but is of a temporary nature, and is created by the aspirant himself during the process of transference.

"thiêng liêng", mà có tính chất tạm thời, và được chính người chí nguyện tạo ra trong tiến trình chuyển dịch.

[Page 865] The second stage is that in which the energy of the lower six centres:

[Page 865] Giai đoạn thứ hai là giai đoạn trong đó năng lượng của sáu trung tâm thấp:

a. The throat,

a. Trung tâm cổ họng,

b. The heart,

b. Trung tâm tim,

c. The solar plexus,

c. Tùng thái dương,

d. The spleen,

d. Lá lách,

e. The organs of generation,

e. Các cơ quan sinh sản,

f. The base of the spine,

f. Đáy cột sống,

are—in due order according to a man's ray and subray—transferred into the correspondences within the head centre. These seven head centres are the reflection in the microcosm of those "mansions prepared in the Heavens" which receive the sevenfold energy of the monad. These are the chambers prepared by the lower energy which are to be the recipients of "soul or the higher psychic energy."

được—theo đúng thứ tự tùy theo cung và cung phụ của một người—chuyển vào các đối phần bên trong trung tâm đầu. Bảy trung tâm đầu này là sự phản chiếu trong tiểu thiên địa của những "nơi cư ngụ đã được chuẩn bị trên Thiên giới" tiếp nhận năng lượng thất phân của chân thần. Đây là những buồng được năng lượng thấp chuẩn bị để trở thành những nơi tiếp nhận "linh hồn hay năng lượng thông linh cao hơn."

The final hint which can be given, may be summed up in the words that as the aspirant progresses, (275) he not only balances the pairs of opposites, but the secret of his brother's heart becomes revealed to him. He becomes an acknowledged force in the world, and is recognised as one who can be depended upon to serve. Men turn to him for assistance and help along his recognised line, and he begins to sound forth his note so as to be heard not only in human but in deva

Điều gợi ý cuối cùng có thể được đưa ra có thể được tóm lại trong lời rằng khi người chí nguyện tiến bộ, (275) y không những quân bình các cặp đối nghịch, mà bí mật của trái tim huynh đệ mình cũng được mặc khải cho y. Y trở thành một mãnh lực được thừa nhận trong thế giới, và được nhìn nhận là người có thể được tin cậy để phụng sự. Con người tìm đến y để xin trợ giúp và hỗ trợ theo đường lối đã được công nhận của y, và y bắt đầu xướng lên âm điệu của mình để được nghe thấy

ranks as well. This he does, at [Page 866] this stage, through the pen in literature, through the spoken word in lecturing and teaching, through music, painting and art. He reaches the hearts of men in some way or another, and becomes a helper and server of his race.

không chỉ trong hàng ngũ nhân loại mà cả trong hàng ngũ thiên thần nữa. Ở giai đoạn này, y làm điều đó qua ngòi bút trong văn chương, qua lời nói trong diễn giảng và giảng dạy, qua âm nhạc, hội hoạ [Page 866] và nghệ thuật. Bằng cách này hay cách khác y chạm tới trái tim con người, và trở thành một người trợ giúp và phụng sự cho nhân loại của mình.

(275) Aspirant.

(275) Người chí nguyện.

"The practices which make for union with the Soul are: fervent aspiration, spiritual reading, and complete obedience to the Master.

"Những thực hành dẫn đến sự hợp nhất với linh hồn là: khát vọng nhiệt thành, đọc sách tinh thần, và hoàn toàn vâng phục Chân sư.

The word which I have rendered "fervent aspiration" means primarily "fire"; and, in the Eastern teaching, it means the fire which gives life and light, and at the same time the fire which purifies. We have, therefore, as our first practice, as the first of the means of spiritual growth, that fiery quality of the will which enkindles and illumines, and, at the same time, the steady practice of purification, the burning away of all known impurities."

Từ mà tôi đã dịch là "khát vọng nhiệt thành" trước hết có nghĩa là "lửa"; và trong giáo huấn Đông phương, nó có nghĩa là ngọn lửa ban sự sống và ánh sáng, đồng thời cũng là ngọn lửa thanh lọc. Vì vậy, thực hành đầu tiên của chúng ta, phương tiện đầu tiên của sự tăng trưởng tinh thần, là phẩm tính rực lửa của ý chí vừa nhóm lên vừa soi sáng, đồng thời là sự thực hành thanh lọc bền bỉ, thiêu đốt đi mọi ô uế đã biết."

"Their aim is, to bring soul-vision, and to wear away hindrances."

"Mục tiêu của chúng là mang lại linh thị của linh hồn, và làm mòn đi các chướng ngại."

"The Rules are these: purity, serenity, fervent aspiration, spiritual reading, and perfect obedience to the Master."

"Các quy luật là đây: thanh khiết, tĩnh lặng, khát vọng nhiệt thành, đọc sách tinh thần, và vâng phục hoàn hảo đối với Chân sư."

"The perfection of the powers of the bodily vesture comes through the wearing away of impurities, and through fervent aspiration."—*Yoga Sutras of Patanjali*, Book II, 1, 2, 32, 43 (C. Johnston's Edition). (back)

"Sự hoàn thiện các quyền năng của chiếc áo thể xác đến qua việc làm mòn đi các ô uế, và qua khát vọng nhiệt thành."—*Yoga Sutras of Patanjali*, Quyển II, 1, 2, 32, 43 (Bản của C. Johnston). (back)

Two more characteristics of this stage might here be enumerated.

Có thể kể thêm ở đây hai đặc tính nữa của giai đoạn này.

The aspirant has an appreciation of the occult value of money in service. He seeks nothing for himself, save that which may equip him for the work to be done, and he looks upon money, and that which money can purchase, as something which is to be used for others and a means to bring about the fruition of the Master's plans as he senses those plans. The occult significance of money is little appreciated, yet one of the greatest tests as to the position of a man upon the probationary path is that which concerns his attitude to and his handling of that which all men seek in order to gratify desire. Only he who desires naught for himself can be a recipient of financial bounty, and a dispenser of the riches of the universe. In other cases where riches increase, they bring with them naught but sorrow and distress, discontent and misuse.

Người chí nguyện có sự đánh giá đúng về giá trị huyền bí của tiền bạc trong phụng sự. Y không tìm kiếm gì cho mình, ngoại trừ điều có thể trang bị cho y đối với công việc cần làm, và y xem tiền bạc, cùng những gì tiền bạc có thể mua được, như một cái gì phải được dùng cho người khác và như một phương tiện để làm cho các kế hoạch của Chân sư được thành tựu theo như y cảm nhận các kế hoạch ấy. Ý nghĩa huyền bí của tiền bạc ít được đánh giá đúng, tuy nhiên một trong những thử thách lớn nhất về vị trí của một người trên Con Đường Dự Bị là điều liên quan đến thái độ của y đối với và cách y xử lý cái mà mọi người đều tìm kiếm để thoả mãn dục vọng. Chỉ người nào không mong cầu gì cho mình mới có thể là người tiếp nhận sự dồi dào tài chính, và là người phân phát những của cải của vũ trụ. Trong những trường hợp khác, khi của cải gia tăng, chúng không mang theo gì ngoài buồn khổ và đau đớn, bất mãn và lạm dụng.

At this stage also the aspirant's life becomes an "instrument of destruction" in the occult sense of the term. Wherever he goes the force which flows through him from the higher planes, and from his own inner God, produces at times peculiar results upon his environment. It acts as a stimulator of both the good and the evil. The lunar Pitris who form the bodies of his brothers and his own body are likewise stimulated, their activity is increased, and their power greatly aggravated. This fact is used by Those Who work on the inner side to bring about certain desired ends. This it is also which oft times temporarily causes the downfall of advanced souls. They cannot stand the force pouring into them, or upon them, [Page 867] and through the temporary over-

Ở giai đoạn này nữa, đời sống của người chí nguyện trở thành một "khí cụ huỷ diệt" theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ này. Bất cứ nơi nào y đi, mãnh lực tuôn qua y từ các cõi cao hơn, và từ Thượng đế nội tại của chính y, đôi khi tạo ra những kết quả kỳ lạ nơi môi trường xung quanh. Nó hoạt động như một yếu tố kích thích cả điều thiện lẫn điều ác. Các thái âm tổ phụ tạo nên các thân thể của các huynh đệ y và thân thể của chính y cũng được kích thích, hoạt động của họ gia tăng, và quyền năng của họ bị làm cho trầm trọng thêm rất nhiều. Sự kiện này được Những Đấng hoạt động ở mặt bên trong sử dụng để mang lại một số cứu cánh mong muốn. Chính điều này cũng thường tạm thời gây ra sự sa ngã của các linh hồn tiến hoá cao. Họ không thể chịu nổi mãnh lực đang tuôn vào

stimulation of their centres and vehicles they go astray. This can be seen working out in groups as well as in individuals. But, inversely, if the lunar Lords of the lower self have been earlier subjugated and brought under control, then the effect of the force and energy contacted is to stimulate the response of the physical brain consciousness and the head centres to egoic contact. Then the otherwise destructive force becomes a factor for good and helpful stimulation, and can be used by Those Who know how, to lead men on to further illumination.

họ, hay đổ xuống trên họ, [Page 867] và qua sự kích thích quá mức tạm thời của các trung tâm và các vận cụ, họ đi lạc đường. Có thể thấy điều này diễn ra trong các nhóm cũng như nơi các cá nhân. Nhưng ngược lại, nếu các nguyệt tinh quân của phàm ngã đã được chế ngự từ trước và được đặt dưới sự kiểm soát, thì hiệu ứng của mãnh lực và năng lượng được tiếp xúc là kích thích sự đáp ứng của tâm thức bộ não hồng trần và các trung tâm đầu đối với tiếp xúc chân ngã. Khi đó mãnh lực vốn nếu không sẽ có tính huỷ diệt lại trở thành một yếu tố thiện lành và kích thích hữu ích, và có thể được Những Đấng biết cách sử dụng để dẫn dắt con người đến sự soi sáng thêm nữa.

All these stages have to work out on all the three lower planes and in the three bodies; this they do according to the particular Ray and subray. In this fashion the work of the disciple is carried forward, and his testing and training carried out until the two circles of petals are unfolded, and the third is organised. Thus he is brought, through right direction of energy and wise manipulation of force currents, to the Portal of Initiation, and graduates out of the Hall of Learning (276) into the great Hall of Wisdom—that Hall wherein he gradually becomes "aware" of forces, and powers, latent in his own Ego and egoic group. It is the Hall wherein he gains the right to use the force of the egoic group, for he can now be trusted to wield it only for the helping of humanity. After the fourth Initiation, he becomes a sharer in, and can be trusted with some part of the energy of the planetary Logos and thus be enabled to carry forward the plans of that Logos for evolution.

Tất cả các giai đoạn này phải được triển khai trên cả ba cõi thấp và trong ba thể; điều này diễn ra tùy theo cung và cung phụ đặc thù. Theo cách này công việc của đệ tử được tiếp tục, và sự thử luyện cùng huấn luyện của y được thực hiện cho đến khi hai vòng cánh hoa được khai mở, và vòng thứ ba được tổ chức. Như vậy y được đưa đến, qua sự định hướng đúng đắn của năng lượng và sự vận dụng khôn ngoan các dòng mãnh lực, Cửa Điểm Đạo, và tốt nghiệp ra khỏi Phòng Học Hỏi (276) để vào Phòng Minh triết vĩ đại—Phòng mà trong đó y dần dần trở nên "nhận biết" các mãnh lực và quyền năng tiềm ẩn trong chính Chân ngã và nhóm chân ngã của mình. Đó là Phòng trong đó y đạt được quyền sử dụng mãnh lực của nhóm chân ngã, vì giờ đây y có thể được tin cậy chỉ vận dụng nó để giúp đỡ nhân loại. Sau lần điểm đạo thứ tư, y trở thành người cùng chia sẻ một phần năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế và có thể được tin cậy giao phó một phần năng lượng ấy, nhờ đó có khả năng xúc tiến các kế hoạch của Đức Hành Tinh Thượng Đế ấy cho tiến hoá.

(276) The three Halls through which the soul of man must progress are spoken of in *The Voice of the Silence*, pp. 19, 20.

(276) Ba Phòng mà linh hồn con người phải đi qua được nói đến trong *Tiếng Nói của Im Lặng*, tr. 19, 20.

1st Hall... Hall of Ignorance... infant humanity... Physical plane.

Phòng thứ 1... Phòng Vô Minh... nhân loại ấu trĩ... cõi hồng trần.

2nd Hall... Hall of Learning... average man.....astral plane.

Phòng thứ 2... Phòng Học Hỏi... người trung bình.....cõi cảm dục.

3rd Hall... Hall of Wisdom.... spiritual man..... mental plane.

Phòng thứ 3... Phòng Minh triết.... con người tinh thần..... cõi trí.

The longest time is spent in the Hall of Ignorance. The later period in the Hall of Learning is called the Probationary Path. In the Hall of Wisdom the Initiate approaches the central mystery of Being. (back)

Thời gian dài nhất được trải qua trong Phòng Vô Minh. Thời kỳ sau trong Phòng Học Hỏi được gọi là Con Đường Dự Bị. Trong Phòng Minh triết, điểm đạo đồ tiến gần đến huyền nhiệm trung tâm của Bản Thể. (back)

[Page 868] *(e.) Initiation and the Petals.* In considering the connection of the petals and their unfoldment through initiation, there is little which it is permissible to give out at this time for the information of the general public. All that is possible is to give certain statements, containing:

[Page 868] *(e.) Điểm đạo và các cánh hoa.* Khi xem xét mối liên hệ của các cánh hoa và sự khai mở của chúng qua điểm đạo, có rất ít điều hiện nay được phép công bố để cung cấp cho công chúng nói chung. Tất cả những gì có thể làm là đưa ra một số phát biểu, bao gồm:

a. Hints as to the right direction of the energy,

a. Những gợi ý về sự định hướng đúng đắn của năng lượng,

b. Suggestions as to the basic mysteries which man has to solve,

b. Những chỉ dẫn về các huyền nhiệm căn bản mà con người phải giải quyết,

c. Indications as to certain correspondences,

c. Những chỉ dấu về một số tương ứng,

d. Practical points for constructive thinking.

d. Những điểm thực tiễn cho tư duy kiến tạo.

Students must remember that the aim of all truly occult teachers is not to give information but to train their pupils in the use of thought energy. It will therefore be apparent why this method of instruction is

Các đạo sinh phải nhớ rằng mục tiêu của mọi huấn sư huyền bí chân chính không phải là cung cấp thông tin mà là huấn luyện học trò của mình trong việc sử dụng năng lượng tư tưởng. Vì vậy, sẽ rõ tại sao phương pháp

the one invariably used. It is the method which involves the dropping of a hint on the part of the Teacher, and the correlation perhaps of certain correspondences, coupled with a suggestion as to the sources of light. It involves, on the part of the pupil, the following recognitions:

giảng dạy này là phương pháp luôn luôn được dùng. Đó là phương pháp bao gồm việc huấn sư đưa ra một gợi ý, và có lẽ liên kết một số tương ứng nào đó, cùng với một chỉ dẫn về các nguồn ánh sáng. Về phần học trò, nó bao gồm những nhận thức sau đây:

a. That the hint may be worth following.

a. Rằng gợi ý ấy có thể đáng để theo đuổi.

b. That meditation is the pathway to the source of light, and that *the hint dropped is the "seed" for meditation.*

b. Rằng tham thiền là con đường dẫn đến nguồn ánh sáng, và rằng *gợi ý được đưa ra là "hạt giống" cho tham thiền.*

c. That facts, ill-assorted and uncorrelated, are menaces to knowledge and no help.

c. Rằng các sự kiện, nếu lộn xộn và không tương liên, là mối đe doạ đối với tri thức và không giúp ích gì.

d. That every aspect of truth, progressively grasped, has to be assimilated, and welded into the experience of the student.

d. Rằng mọi phương diện của chân lý, khi được nắm bắt dần dần, đều phải được đồng hoá và gắn kết vào kinh nghiệm của đạo sinh.

e. That unless the correspondences agree in an atomic, personal, planetary and cosmic fashion, they are not to be trusted.

e. Rằng trừ phi các tương ứng phù hợp theo cách nguyên tử, cá nhân, hành tinh và vũ trụ, chúng không đáng được tin cậy.

f. That much information is withheld until the student is a disciple, and still more until he is a pledged initiate. The reason for this is to be found in the [Page 869] fact that all knowledge concerns energy, its application, and its use or misuse.

f. Rằng nhiều thông tin bị giữ lại cho đến khi đạo sinh là một đệ tử, và còn nhiều hơn nữa cho đến khi y là một điểm đạo đồ đã tuyên thệ. Lý do của điều này nằm trong sự kiện rằng mọi tri thức đều liên quan đến năng lượng, sự áp dụng của nó, và việc sử dụng hay lạm dụng nó. [Page 869]

Let us now continue with our consideration of the petals and Initiation.

Giờ đây chúng ta hãy tiếp tục việc xem xét các cánh hoa và điểm đạo.

Each of the three circles of lotus petals is closely connected with one of the three Halls. This has been earlier referred to. Much of the work connected with the *first tier of petals* is part of the experience in the Hall of

Mỗi một trong ba vòng cánh hoa sen liên hệ mật thiết với một trong ba Phòng. Điều này đã được đề cập trước đây. Phần lớn công việc liên quan đến *tầng cánh hoa thứ nhất* là một phần của kinh nghiệm trong Phòng Vô Minh.

Ignorance. The act of organising and preparing for unfoldment is the most important stage, and that with which man is the most concerned. The act of petal opening is of briefer duration, and is produced by the pouring in of solar heat or fire, and thus bringing about a fresh access of energy. This is produced in our earth scheme through the co-operation of the Mahachohan, of the Chohan of a man's egoic group, and the particular Ego concerned.

Hành động tổ chức và chuẩn bị cho sự khai mở là giai đoạn quan trọng nhất, và là điều mà con người quan tâm nhiều nhất. Hành động mở cánh hoa có thời gian ngắn hơn, và do sự tuôn vào của nhiệt hay lửa thái dương tạo ra, nhờ đó mang lại một sự gia tăng năng lượng mới. Trong hệ hành tinh địa cầu của chúng ta, điều này được tạo ra qua sự hợp tác của Đức Mahachohan, của Chohan của nhóm chân ngã của một người, và của Chân ngã liên hệ.

The following tabulation may be found helpful:

Bảng tóm lược sau đây có thể hữu ích:

I. Knowledge Petals. First circle.

I. Cánh hoa tri thức. Vòng thứ nhất.

a. Organised in the Hall of Ignorance.

a. Được tổ chức trong Phòng Vô Minh.

b. Guided by the force and energy of the Mahachohan.

b. Do mãnh lực và năng lượng của Đức Mahachohan hướng dẫn.

c. The third group of solar Pitris affected.

c. Nhóm thái dương tổ phụ thứ ba bị tác động.

II. Love Petals. Second circle.

II. Cánh hoa bác ái. Vòng thứ hai.

a. Organised in the Hall of Learning.

a. Được tổ chức trong Phòng Học Hỏi.

b. Guided by the force of the Bodhisattva.

b. Do mãnh lực của Đức Bồ Tát hướng dẫn.

c. The second group of solar Lords affected.

c. Nhóm nhật tinh quân thứ hai bị tác động.

III. Will or Sacrifice Petals. Third circle.

III. Cánh hoa ý chí hay hi sinh. Vòng thứ ba.

a. Organised in the Hall of Wisdom.

a. Được tổ chức trong Phòng Minh triết.

b. Guided by the force and energy of the Manu.

b. Do mãnh lực và năng lượng của Đức Manu hướng dẫn.

c. The first group of solar Angels affected.

c. Nhóm Thái dương Thiên Thần thứ nhất bị tác động.

At the stage which we are considering (that of the organisation and unfoldment of the first tier of petals), the egoic influence felt at the beginning is but small, but when the three petals become sufficiently active and alive through the energy accumulated and stored up in the [Page 870] ego during the activities of the personal life, a form of initiation then takes place which is a reflection (on a lower plane) of the great manasic initiations. The energy in the outer circle of petals causes it to spring apart from the next circle, and to unfold. This threefold energy becomes interactive and a very definite stage is thus reached. This series of initiations is seldom recognised within the physical brain consciousness owing to the relatively inchoate stage of the bodies, and the unresponsiveness of the brain matter. Yet they are nevertheless initiations of a definite though less important character, and they involve primarily the display (within the personal life of the man) of an intelligent recognition of his group relationships on earth. This recognition is frequently selfish in character, as, for instance, that which the union worker displays, but it is indicative of group interplay.

Ở giai đoạn mà chúng ta đang xem xét (giai đoạn tổ chức và khai mở tầng cánh hoa thứ nhất), ảnh hưởng chân ngã được cảm nhận lúc ban đầu chỉ rất nhỏ, nhưng khi ba cánh hoa trở nên đủ hoạt động và sống động nhờ năng lượng được tích luỹ và chứa đựng trong [Page 870] chân ngã trong suốt các hoạt động của đời sống cá nhân, thì một hình thức điểm đạo diễn ra, là sự phản chiếu (trên một cõi thấp hơn) của các cuộc điểm đạo manas vĩ đại. Năng lượng trong vòng cánh hoa ngoài cùng khiến nó bung ra khỏi vòng kế tiếp và khai mở. Năng lượng tam phân này trở nên tương tác, và như vậy một giai đoạn rất xác định được đạt tới. Loạt điểm đạo này hiếm khi được nhận biết trong tâm thức bộ não hồng trần do giai đoạn còn tương đối chưa định hình của các thể, và sự không đáp ứng của chất liệu não. Tuy nhiên, chúng vẫn là những cuộc điểm đạo có tính chất xác định dù kém quan trọng hơn, và trước hết bao hàm sự biểu lộ (trong đời sống cá nhân của con người) một sự nhận biết thông minh về các liên hệ nhóm của y trên địa cầu. Sự nhận biết này thường có tính ích kỷ, chẳng hạn như điều mà người hoạt động công đoàn biểu lộ, nhưng nó cho thấy có sự tương tác nhóm.

A similar process takes place when the second circle of petals is organised and ready for unfoldment. This time the World Teacher, the Master and the Ego concerned are co-operating, for these smaller initiations deal with the love nature, with astral or emotional organisation, and with the recognition (by the man in his personal life) of some form of unselfish love, and of a love for some object, person or ideal which

Một tiến trình tương tự diễn ra khi vòng cánh hoa thứ hai được tổ chức và sẵn sàng để khai mở. Lần này Đức Chưởng Giáo, Chân sư và Chân ngã liên hệ cùng hợp tác, vì các cuộc điểm đạo nhỏ hơn này liên quan đến bản chất bác ái, đến sự tổ chức cảm dục hay cảm xúc, và đến sự nhận biết (của con người trong đời sống cá nhân của mình) một hình thức bác ái vô ngã nào đó, và một tình yêu đối với một đối tượng, một người hay một lý

leads to altruistic endeavor, and to the negation of the lower self.

tưởng nào đó dẫn đến nỗ lực vị tha, và đến sự phủ nhận phàm ngã.

This brings us to the third group of petals or to the unfolding of the will or sacrifice petals, based on intelligent purpose and pure love. The force in this group calls in a different factor, that of the Manu, as well as the force of the Bodhisattva, and the desired effect is produced through the full co-operation of the fully awakened Ego, aided by his own Master (if he is evolving in a cycle wherein hierarchical effort for humanity takes the form it does in this present one), and the Manu. Eventually (after the second Initiation) the Lord of the World comes [Page 871] in as a factor,—the Lord of world power, fully expressing itself in love.

Điều này đưa chúng ta đến nhóm cánh hoa thứ ba hay sự khai mở của các cánh hoa ý chí hay hi sinh, dựa trên mục đích thông minh và bác ái thuần khiết. Mãnh lực trong nhóm này gọi vào một yếu tố khác, đó là yếu tố của Đức Manu, cũng như mãnh lực của Đức Bồ Tát, và hiệu quả mong muốn được tạo ra qua sự hợp tác trọn vẹn của Chân ngã đã hoàn toàn thức tỉnh, với sự trợ giúp của chính Chân sư của y (nếu y đang tiến hoá trong một chu kỳ mà nỗ lực của Thánh đoàn đối với nhân loại mang hình thức như trong chu kỳ hiện tại này), và bởi Đức Manu. Cuối cùng (sau lần điểm đạo thứ hai) Đức Chúa Tể Thế Giới trở thành [Page 871] một yếu tố tham dự,—Đức Chúa Tể của quyền năng thế giới, đang biểu lộ trọn vẹn trong bác ái.

Speaking generally, therefore, it might be stated that egoic groups in whom the knowledge petals are being organised and unfolded come under the primary influence of the Mahachohan; those in whom the love aspect, or the second circle of petals, is opening come under the primary influence of the Bodhisattva, with the knowledge unfoldment paralleling the work; whilst those in whom the third tier is being opened come under the energy direction of the Manu, with the two other types of force co-ordinated. It will be apparent to the careful reader that in this fact lies hid the secret of why the Mahachohan holds office longer than either of His two Brothers, holding it as He does for an entire world period. The key to these cycles lies hid in the following thoughts: the Bodhisattva and the Manu change more frequently and pass on to other work owing to the fact that They each embody one type of triple force, whereas the

Nói chung, vì vậy, có thể phát biểu rằng các nhóm chân ngã trong đó các cánh hoa tri thức đang được tổ chức và khai mở nằm dưới ảnh hưởng chủ yếu của Đức Mahachohan; những nhóm trong đó phương diện bác ái, hay vòng cánh hoa thứ hai, đang mở ra thì nằm dưới ảnh hưởng chủ yếu của Đức Bồ Tát, với sự khai mở tri thức song hành với công việc; còn những nhóm trong đó tầng thứ ba đang được mở ra thì nằm dưới sự định hướng năng lượng của Đức Manu, với hai loại mãnh lực kia được phối hợp. Đối với độc giả cẩn trọng, sẽ rõ rằng chính trong sự kiện này ẩn giấu bí mật vì sao Đức Mahachohan giữ chức vụ lâu hơn hai Huynh Đệ của Ngài, vì Ngài giữ chức ấy suốt trọn một thời kỳ thế giới. Chìa khoá của các chu kỳ này ẩn trong những tư tưởng sau đây: Đức Bồ Tát và Đức Manu thay đổi thường xuyên hơn và chuyển sang công việc khác do sự kiện rằng mỗi Ngài hiện thân cho một loại mãnh lực tam phân, trong khi Đức Mahachohan là tiêu điểm của năm loại năng

Mahachohan is the focal point for five types of energy, each in its turn triple in nature.

lượng, mỗi loại đến lượt mình lại có bản chất tam phân.

In each case of petal unfoldment, certain types of force are generated, dealt with, assimilated, and used, at first unconsciously and finally with full intelligence.

Trong mỗi trường hợp khai mở cánh hoa, một số loại mãnh lực nhất định được tạo ra, được xử lý, được đồng hoá, và được sử dụng, lúc đầu một cách vô thức và cuối cùng với đầy đủ trí tuệ.

In the *Hall of Ignorance* the force of the energy of Brahma (the activity and intelligence of substance) is that mostly dealt with, and the man has to learn the meaning of activity based on:

Trong *Phòng Vô Minh*, mãnh lực của năng lượng Brahma (hoạt động và trí tuệ của chất liệu) là điều được xử lý nhiều nhất, và con người phải học ý nghĩa của hoạt động dựa trên:

a. Inherent energy,

a. Năng lượng cố hữu,

b. Absorbed energy,

b. Năng lượng được hấp thụ,

c. Group energy,

c. Năng lượng nhóm,

d. Material energy or that which is hidden in physical plane matter.

d. Năng lượng vật chất hay điều được ẩn giấu trong vật chất cõi hồng trần.

In the *Hall of Learning* the disciple becomes aware of, and uses the energy of, the second aspect in form-building, in social relations, in family and other group affiliations. [Page 872] He comes to the true recognition of sex and its relations but as yet views this force as something to be controlled and not something to be consciously and constructively utilised.

Trong *Phòng Học Hỏi*, đệ tử trở nên nhận biết và sử dụng năng lượng của phương diện thứ hai trong việc xây dựng hình tướng, trong các quan hệ xã hội, trong gia đình và các liên hệ nhóm khác. [Page 872] Y đi đến sự nhận biết chân chính về giới tính và các quan hệ của nó nhưng cho đến lúc này vẫn xem mãnh lực ấy như một điều phải được kiểm soát chứ không phải một điều phải được sử dụng một cách hữu thức và kiến tạo.

In the *Hall of Wisdom* the initiate comes to the knowledge of the first great aspect of energy, the dynamic use of will in sacrifice, and to him is then committed the key to the three fold mystery of energy. Of this energy in its threefold aspect he became aware in the other two halls. At the third, fourth and

Trong *Phòng Minh triết* điểm đạo đồ đạt đến tri thức về phương diện lớn thứ nhất của năng lượng, việc sử dụng năng động của ý chí trong hi sinh, và khi ấy chìa khoá của huyền nhiệm tam phân của năng lượng được giao phó cho y. Về năng lượng này trong phương diện tam phân của nó, y đã trở nên nhận biết trong hai Phòng kia. Ở lần

fifth Initiations the three keys to the three mysteries are given to him.

điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, ba chìa khoá của ba huyền nhiệm được trao cho y.

The key to the mystery sensed in the first Hall, the mystery of Brahma, is handed to him and he can then unlock the hidden energies of atomic substance. The key to the mystery of sex, or of the pairs of opposites, is thrust into his hand, and he can then unlock the hidden forces within all forms. The key to the mystery of sacrifice and to the secret of the Silent Watchers in the cosmos is revealed to him, and he learns to unlock the hidden energies of the will aspect. The dynamo of the solar system is shown to him, if it might so be expressed, and the intricacies of its mechanism revealed.

Chìa khoá của huyền nhiệm được cảm nhận trong Phòng thứ nhất, huyền nhiệm của Brahma, được trao cho y và khi đó y có thể mở khoá các năng lượng ẩn giấu của chất liệu nguyên tử. Chìa khoá của huyền nhiệm về giới tính, hay về các cặp đối nghịch, được đặt vào tay y, và khi đó y có thể mở khoá các mãnh lực ẩn giấu bên trong mọi hình tướng. Chìa khoá của huyền nhiệm về hi sinh và bí mật của các Đấng Quan Sát Thầm Lặng trong vũ trụ được mặc khải cho y, và y học cách mở khoá các năng lượng ẩn giấu của phương diện ý chí. Cỗ máy phát lực của hệ mặt trời được chỉ cho y thấy, nếu có thể nói như vậy, và những phức tạp trong bộ máy của nó được mặc khải.

The following are the three basic mysteries of the solar system:

Sau đây là ba huyền nhiệm căn bản của hệ mặt trời:

1. *The mystery of Electricity.* The mystery of Brahma. The secret of the third aspect. It is latent in the physical sun.

1. *Huyền nhiệm của Điện.* Huyền nhiệm của Brahma. Bí mật của phương diện thứ ba. Nó tiềm ẩn trong mặt trời hồng trần.

2. *The mystery of Polarity,* or of the universal sex impulse. The secret of the second aspect. It is latent in the Heart of the Sun, i.e., in the subjective Sun.

2. *Huyền nhiệm của Cực tính,* hay của xung lực giới tính vũ trụ. Bí mật của phương diện thứ hai. Nó tiềm ẩn trong Trái Tim của Mặt Trời, tức là trong Mặt Trời chủ quan.

3. *The mystery of Fire* itself, or the dynamic central systemic force. The secret of the first aspect. It is latent in the central spiritual sun.

3. *Huyền nhiệm của chính Lửa*, hay mãnh lực trung tâm năng động của hệ thống. Bí mật của phương diện thứ nhất. Nó tiềm ẩn trong Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

These three mysteries which we have touched upon above, come in a peculiar sense under the jurisdiction of [Page 873] certain great Lords or Existences, and They have much to do with the revealing of the mystery to those prepared initiates Who

Ba huyền nhiệm mà chúng ta đã chạm đến ở trên, theo một ý nghĩa đặc biệt, thuộc thẩm quyền của [Page 873] một số Chúa Tể hay Thực Thể vĩ đại, và Các Ngài có liên hệ rất nhiều đến việc mặc khải huyền nhiệm cho những điểm đạo đồ đã chuẩn bị, những

come under Their influence during the final stages of the Path.

The mystery of electricity has three keys, each of which is held in the hands of one of the Buddhas of Activity. Theirs is the prerogative to control the electrical forces of the physical plane, and Theirs the right to direct the three major streams of this type of force in connection *with our present globe*. These three streams are concerned with atomic substance, out of which all forms are constructed. In connection with *our chain* there are three mysterious Entities (of whom our three Pratyeka Buddhas are but the Earth reflections) Who perform a similar function in connection with the electrical forces of the chain. *In the scheme*, the planetary Logos has also three co-operating Existences Who are the summation of His third Aspect, and who perform therefore work similar to that performed by the three aspects of Brahma in the solar system. The mystery of this threefold type of electricity is largely connected with the lesser Builders, with the elemental essence in one particular aspect,—its lowest and most profound for men to apprehend as it concerns the secret of that which "substands" or "stands back" of all that is objective. In a secondary sense it concerns the forces in the ethers which are those which energise and produce the activities of all atoms. Another type deals with the electrical phenomenon which finds its expression in the light which man has somewhat harnessed, in the phenomena such as thunder storms and the manifestation of lightning, with the aurora borealis, and in the production of earthquakes and all volcanic action. All these manifestations are based on electrical activity of some kind, and have to do with the "soul of things," or with the essence of

người đi dưới ảnh hưởng của Các Ngài trong các giai đoạn cuối của Đường Đạo.

Huyền nhiệm của điện có ba chìa khoá, mỗi chìa khoá được nắm giữ trong tay một vị Phật Hoạt Động. Đó là đặc quyền của Các Ngài trong việc kiểm soát các mãnh lực điện của cõi hồng trần, và là quyền của Các Ngài trong việc điều khiển ba dòng chính của loại mãnh lực này liên hệ *với bầu hành tinh hiện tại của chúng ta*. Ba dòng này liên quan đến chất liệu nguyên tử, từ đó mọi hình tướng được kiến tạo. Liên hệ với *Dãy của chúng ta*, có ba Thực Thể huyền nhiệm (mà ba vị Phật Độc Giác của chúng ta chỉ là những phản chiếu trên Trái Đất) thực hiện một chức năng tương tự liên quan đến các mãnh lực điện của Dãy. *Trong hệ hành tinh*, Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng có ba Thực Thể hợp tác là tổng hợp của Phương diện thứ ba của Ngài, và vì thế thực hiện công việc tương tự như công việc do ba phương diện của Brahma trong hệ mặt trời thực hiện. Huyền nhiệm của loại điện tam phân này phần lớn liên hệ với các vị tiểu kiến tạo, với Tinh chất hành khí trong một phương diện đặc biệt,—phương diện thấp nhất và sâu kín nhất để con người có thể lĩnh hội vì nó liên quan đến bí mật của cái "nâng đỡ từ bên dưới" hay "đứng phía sau" mọi điều khách quan. Theo ý nghĩa thứ yếu, nó liên quan đến các mãnh lực trong các dĩ thái, là những mãnh lực tiếp sinh lực và tạo ra các hoạt động của mọi nguyên tử. Một loại khác liên quan đến hiện tượng điện biểu lộ trong ánh sáng mà con người đã phần nào chế ngự, trong các hiện tượng như giông bão và sự biểu lộ của sét, với cực quang phương bắc, và trong việc tạo ra động đất cùng mọi hoạt động núi lửa. Tất cả những biểu lộ này đều dựa trên hoạt động điện thuộc một loại nào đó, và liên quan đến "linh hồn của vạn vật," hay tinh chất của vật chất. Cổ Luận nói: [Page 874]

matter. The old Commentary says: [Page 874]

"The garment of God is driven aside by the energy of His movements, and the real Man stands revealed, yet remains hidden, for who knows the secret of a man as it exists in his own self-recognition."

"Năng lượng của các chuyển động của Thượng đế vén y phục của Ngài sang một bên, và Con Người thực sự đứng lộ ra, tuy vậy vẫn còn ẩn kín, vì ai biết được bí mật của một con người như nó tồn tại trong chính sự tự nhận biết của y."

The mystery of electricity deals with the "garment" of God, just as the mystery of polarity deals with His "form."

Huyền nhiệm của điện liên quan đến "y phục" của Thượng đế, cũng như huyền nhiệm của cực tính liên quan đến "hình tướng" của Ngài.

In the mystery of Polarity, we have three different types of force manifesting and thus it is apparent that the two mysteries deal with the six forces. These three types of force are manipulated by the Buddhas of Love. They, through Their sacrifice, concern Themselves with the problem of sex, or of "magnetic approach" on all the planes. The Buddha of Whom we speak and Who contacts His people at the full moon of Wesak, is one of the three connected with *our globe*, having taken the place of One Who passed on to higher work in connection with *the Chain*, for the same hierarchical grading is seen as in connection with the Buddhas of Action. One group might be considered the divine Carpenters of the planetary system, the other the divine Assemblers of its parts and the Ones Who, through the magnetic influence They wield, unite the diversities and build them into form.

Trong huyền nhiệm của Cực tính, chúng ta có ba loại mãnh lực khác nhau đang biểu lộ và do đó rõ ràng là hai huyền nhiệm này liên quan đến sáu mãnh lực. Các vị Phật Bác Ái vận dụng ba loại mãnh lực này. Qua sự hi sinh của Các Ngài, Các Ngài tự mình quan tâm đến vấn đề giới tính, hay của "sự tiếp cận từ tính" trên mọi cõi. Đức Phật mà chúng ta đang nói đến và Đấng tiếp xúc với dân của Ngài vào lúc trăng tròn Wesak, là một trong ba vị liên hệ với *bầu hành tinh của chúng ta*, đã thay thế vị trí của Một Đấng đã chuyển sang công việc cao hơn liên hệ với *Dãy*, vì cùng một hệ thống thứ bậc được thấy ở đây như trong trường hợp các vị Phật Hoạt Động. Một nhóm có thể được xem là những Thợ Mộc thiêng liêng của hệ hành tinh, nhóm kia là những Đấng Lắp Ráp thiêng liêng các bộ phận của nó và là Những Đấng, qua ảnh hưởng từ tính mà Các Ngài vận dụng, hợp nhất các dị biệt và xây dựng chúng thành hình tướng.

The present ideas anent Sex must be transmuted and raised from the existing lower connotation to its true significance. Sex—in the three worlds—has to do with the work of the lunar Pitris and the solar Lords. It signifies essentially the form-building

Những quan niệm hiện nay về Giới tính phải được chuyển hoá và nâng lên khỏi hàm nghĩa thấp hiện có để đạt đến ý nghĩa chân thực của nó. Giới tính—trong ba cõi giới—liên quan đến công việc của các thái âm tổ phụ và các nhật tinh quân. Về bản chất, nó

work in substance, and its energising by the spiritual aspect. It signifies the elevation of the material aspect through the influence of Spirit as the two together perform their legitimate function in co-operation and thus —by their mutual union and blending— produce the Son in all His glory. This method of interpreting it is equally true of all the Existences manifesting on any plane, systemic and cosmic. Certain [Page 875] factors enter into the thought of sex which might be enumerated as follows:

biểu thị công việc xây dựng hình tướng trong chất liệu, và việc tiếp sinh lực cho chất liệu ấy bởi phương diện tinh thần. Nó biểu thị sự nâng cao phương diện vật chất qua ảnh hưởng của Tinh thần khi cả hai cùng nhau thực hiện chức năng chính đáng của mình trong hợp tác và như vậy—qua sự kết hợp và hoà trộn hỗ tương của chúng—sản sinh ra Con trong tất cả vinh quang của Ngài. Phương pháp giải thích này cũng đúng như nhau đối với mọi Thực Thể đang biểu lộ trên bất kỳ cõi nào, thuộc hệ thống hay vũ trụ. Một số [Page 875] yếu tố đi vào tư tưởng về giới tính có thể được liệt kê như sau:

a. Mutual attraction,

a. Sự hấp dẫn hỗ tương,

b. Complementary suitability,

b. Sự thích hợp bổ sung,

c. Instinctual appeal,

c. Sự lôi cuốn bản năng,

d. Approach, and recognised co-operation,

d. Sự tiếp cận, và sự hợp tác được nhận biết,

e. Union,

e. Sự hợp nhất,

f. The next stage is the temporary importance of the material aspect, that of the Mother, the feminine aspect,

f. Giai đoạn kế tiếp là tầm quan trọng tạm thời của phương diện vật chất, tức của Mẹ, phương diện nữ tính,

g. The withdrawal into a temporary retirement of the Father,

g. Sự rút lui vào một trạng thái ẩn tàng tạm thời của Cha,

h. The work of creating the Son,

h. Công việc tạo ra Người Con,

i. The evolution and growth of the Son, both materially and in consciousness,

i. Sự tiến hoá và tăng trưởng của Người Con, cả về vật chất lẫn về tâm thức,

j. Emancipation of the Son from his Mother, or the liberation of the soul at maturity from matter,

j. Sự giải phóng Người Con khỏi Mẹ của mình, hay sự giải thoát của linh hồn khi trưởng thành khỏi vật chất,

k. Recognition by the Son of the Father and his return to that Father,

k. Sự nhận biết của Người Con về Cha và sự trở về của Người Con với Cha ấy,

The final result of all these successive stages being that all the three aspects have performed their functions (their dharma) on the physical plane and all three have demonstrated certain types of energy.

Kết quả cuối cùng của tất cả các giai đoạn kế tiếp này là cả ba phương diện đều đã thực hiện các chức năng của mình (dharma của chúng) trên cõi hồng trần và cả ba đều đã biểu lộ một số loại năng lượng nhất định.

The Father aspect manifests in giving the initial impulse or the positive electrical demonstration which is the germ of the created Son, and Whose Life is embodied in the Son. The occult significance of the words of the Christ in answer to the cry "Lord, show us the Father" is little appreciated. "He that has seen Me has seen the Father, for I and my Father are One," He said. *(Bible. John XIV, 8.)*

Phương diện Cha biểu lộ trong việc ban ra xung lực ban đầu hay sự biểu lộ điện dương là mầm mống của Người Con được tạo ra, và Sự Sống của Ngài được hiện thân trong Người Con. Ý nghĩa huyền bí của lời Đức Christ đáp lại tiếng kêu "Lạy Chúa, xin chỉ cho chúng con Cha" ít được đánh giá đúng. "Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha, vì Ta và Cha Ta là Một," Ngài nói. *(Kinh Thánh. John XIV, 8.)*

The Mother, or the negative aspect, builds and nourishes, guards and cherishes the Son through the ante-natal, and the infant stages, and stands around Him during later stages, giving of the energy of her own body and activity in ministry to His need.

Người Mẹ, hay phương diện âm, xây dựng và nuôi dưỡng, bảo vệ và chăm nom Người Con qua các giai đoạn trước khi sinh và ấu thơ, và đứng quanh Ngài trong các giai đoạn sau, ban ra năng lượng từ chính thân thể của mình và hoạt động trong sự phụng sự đối với nhu cầu của Ngài.

[Page 876] *The Son,* the combined energy of Father and of Mother, embodies both types and all the dual sets of qualities, but has a character all His Own, an essence which is His peculiar nature, and an energy which leads Him to fulfil His Own ends and projects, and which will eventually cause Him to repeat the process of producing,—

[Page 876] *Người Con,* năng lượng kết hợp của Cha và Mẹ, hiện thân cả hai loại và mọi cặp phẩm tính nhị nguyên, nhưng có một tính cách hoàn toàn của riêng Ngài, một tinh chất là bản chất đặc thù của Ngài, và một năng lượng dẫn Ngài đến việc hoàn thành các cứu cánh và dự định của riêng Ngài, và cuối cùng sẽ khiến Ngài lặp lại tiến trình sản sinh,—

1. Conception,

1. Thụ thai,

2. Creation,

2. Sáng tạo,

3. Conscious growth,

as did His Father.

When we reach *the mystery of Fire*, we are concerned with that mysterious extra-systemic energy which is the basis of both the activity of Mother and the Life of the Son. The Son in very deed "becomes His Mother's husband," as say the ancient Scriptures. This is but an enigmatical phrase unless interpreted in terms of the combination of energy. Only when the Son has reached maturity and knows Himself as essentially the same as the Father can He consciously perform His Father's function, and produce and perpetuate that which is needed for the sustaining of cosmic generation.

The electricity of substance, the electricity of form, and the electricity of Life itself must blend and meet before the true Man (whether Logos, or human being) realises himself as creator. Man at this stage knows somewhat of the electricity of substance, and is coming to the belief as to the electricity of form (even though as yet he calls it magnetism) but as yet he knows nought of the electrical reality of life itself. Only when the "jewel in the Lotus" is about to be revealed, or the third circle of petals is about to open up, does the initiate begin to have a realisation of the true meaning of the word "life" or spirit. The consciousness has to be fully awakened before he can ever understand that great energising something of which the other types of energy are but expressions.

[Page 877] There are only two more points to be considered in connection with the petals and initiation.

3. Tăng trưởng hữu thức,

như Cha của Ngài đã làm.

Khi chúng ta đạt đến *huyền nhiệm của Lửa*, chúng ta đang đề cập đến năng lượng ngoại hệ thống huyền nhiệm ấy, là nền tảng của cả hoạt động của Mẹ lẫn Sự Sống của Người Con. Người Con thực sự "trở thành chồng của Mẹ mình," như các Kinh thư cổ nói. Đây chỉ là một cụm từ bí ẩn nếu không được giải thích theo các thuật ngữ của sự kết hợp năng lượng. Chỉ khi Người Con đã đạt đến trưởng thành và biết mình về bản chất là một với Cha thì Ngài mới có thể một cách hữu thức thực hiện chức năng của Cha mình, và sản sinh cũng như duy trì điều cần thiết cho sự tiếp diễn của sự sinh thành vũ trụ.

Điện của chất liệu, điện của hình tướng, và điện của chính Sự sống phải hòa trộn và gặp nhau trước khi con Người đích thực (dù là Thượng đế hay con người) chứng nghiệm chính mình là đấng sáng tạo. Ở giai đoạn này, con người biết phần nào về điện của chất liệu, và đang đi đến niềm tin về điện của hình tướng (dù hiện nay y vẫn gọi nó là từ điện), nhưng y vẫn chưa biết gì về thực tại điện của chính sự sống. Chỉ khi "viên ngọc trong Hoa sen" sắp được hiển lộ, hay vòng cánh hoa thứ ba sắp mở ra, thì điểm đạo đồ mới bắt đầu có sự chứng nghiệm về ý nghĩa chân thực của từ "sự sống" hay tinh thần. Tâm thức phải được thức tỉnh hoàn toàn trước khi y có thể hiểu được tác nhân tiếp sinh lực vĩ đại ấy mà các loại năng lượng khác chỉ là những biểu hiện của nó.

[Page 877] Chỉ còn hai điểm nữa cần được xem xét liên quan đến các cánh hoa và điểm đạo.

First, it should be noted that the words "knowledge, love and sacrifice" mean much more occultly than the apparent significance of the terms. Each circle of petals stands for one of these three ideas, and each circle again embodies these three aspects of existence in a greater or lesser degree. These three concepts are the modes of expression of the three great qualities which (from the standpoint of the Past, the Present and the Future) characterise the natures of all the manifesting entities—Gods, men and devas. From the standpoint of the central factor in manifestation, man, it should be realised that *knowledge* was inherent in the previous solar system, and is the faculty of which he has to avail himself. It is there available for his use. It is the hidden energy of the planetary Logos which he has to learn to focus through his physical brain, and thus apply.

Trước hết, cần lưu ý rằng các từ "tri thức, bác ái và hi sinh" mang ý nghĩa huyền bí sâu xa hơn nhiều so với thâm nghĩa bề ngoài của các thuật ngữ ấy. Mỗi vòng cánh hoa tượng trưng cho một trong ba ý tưởng này, và mỗi vòng lại hiện thân ba phương diện hiện hữu ấy ở mức độ lớn hay nhỏ. Ba khái niệm này là các phương thức biểu lộ của ba phẩm tính vĩ đại mà (xét từ quan điểm của Quá khứ, Hiện tại và Tương lai) đặc trưng cho bản chất của mọi thực thể đang biểu hiện—các Thượng đế, con người và các thiên thần. Từ quan điểm của yếu tố trung tâm trong biểu hiện là con người, cần nhận biết rằng *tri thức* vốn cố hữu trong hệ mặt trời trước đây, và là năng lực mà y phải tận dụng. Nó hiện hữu đó để y sử dụng. Đó là năng lượng ẩn tàng của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y phải học cách tập trung qua bộ não hồng trần của mình, và nhờ đó vận dụng nó.

Love is the faculty inherent in the present. It is the hidden energy of the planetary Logos of which he must avail himself and focus in his heart centre and thus apply.

Bác ái là năng lực cố hữu trong hiện tại. Đó là năng lượng ẩn tàng của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y phải tận dụng và tập trung vào trung tâm tim của mình rồi nhờ đó vận dụng nó.

Sacrifice is the faculty which will be his in the future, which he will intelligently focus through the highest head centre and thus apply. It is dependent upon his development of consciousness, and therefore upon his recognition of the esoteric purpose of his group, and of the planetary existences. As it involves what is termed "a solar and lunar act of abnegation" it involves, therefore, a due comprehension of solar and of lunar energy, and a bringing of both these two groups to a stage of co-operative activity. It concerns, therefore, the nature of the Jewel in the lotus, and it is only when the three sacrifice petals in the three tiers are unfolded that this particular type of energy

Hi sinh là năng lực sẽ là của y trong tương lai, năng lực mà y sẽ tập trung một cách thông minh qua trung tâm đầu cao nhất rồi nhờ đó vận dụng. Nó tùy thuộc vào sự phát triển tâm thức của y, và vì thế tùy thuộc vào việc y nhận ra mục đích huyền bí của nhóm mình, và của các hiện hữu hành tinh. Vì nó bao hàm điều được gọi là "một hành vi từ khước mang tính thái dương và thái âm", nên do đó nó bao hàm một sự thấu hiểu đúng mức về năng lượng thái dương và thái âm, cùng việc đưa cả hai nhóm này đến một giai đoạn hoạt động hợp tác. Vì vậy, nó liên quan đến bản chất của Viên ngọc trong Hoa sen, và chỉ khi ba cánh hoa hi sinh trong ba tầng được khai mở thì loại năng lượng đặc biệt này mới

is released. The lunar Lords of the three bodies have been controlled, and their vibration synchronised, so that the great act of sacrifice finds them ready [Page 878] for the final process of renunciation. The solar Lords, in their three major groups, are equally ready for the final sacrifice, which involves the "rupture between the sun and the moon" as it is called. This results in the breaking of the magnetic link between the true man, and the vibratory sensitive substance of which his three world bodies are made. The need for incarnation is no longer felt, the chains of karma are broken, and the man is liberated. The "lunar Lords return to their own place" or—as the Christian expresses it—"Satan is bound for a thousand years," *(Bible. Rev. XX, 2.)* this meaning only that pralayic peace is the lot of these entities until the return of manvantaric opportunity.

được giải phóng. Các nguyệt tinh quân của ba thể đã được kiểm soát, và rung động của các vị ấy đã được đồng bộ hóa, để cho đại hành vi hi sinh thấy các vị ấy đã sẵn sàng [Page 878] cho tiến trình từ bỏ cuối cùng. Các nhật tinh quân, trong ba nhóm chính của các vị ấy, cũng sẵn sàng như vậy cho sự hi sinh cuối cùng, điều bao hàm "sự đoạn tuyệt giữa mặt trời và mặt trăng" như cách gọi của nó. Điều này dẫn đến việc cắt đứt liên kết từ tính giữa con người đích thực và chất liệu rung động nhạy cảm mà từ đó các thể của y trong ba cõi giới được tạo thành. Nhu cầu lâm phàm không còn được cảm thấy nữa, các xiềng xích nghiệp quả bị bẻ gãy, và con người được giải thoát. Các "nguyệt tinh quân trở về chỗ riêng của mình" hay—như người Kitô giáo diễn đạt—"Satan bị trói trong một ngàn năm," *(Kinh Thánh. Khải Huyền XX, 2.)* điều này chỉ có nghĩa rằng sự bình an của giai kỳ qui nguyên là số phận của các thực thể này cho đến khi cơ hội của giai kỳ sinh hóa quay trở lại.

The final sacrifice involves also the disappearance of the lower triangle, or the severing of the connection between the three permanent atoms in the lower part of the causal body or egoic lotus, and the central unit of energy. The energy of these atoms is set loose through the intense heat produced by the union of the three fires and is reabsorbed into the general reservoir in interplanetary space. The fiery triangle is lost sight of in the general blaze, and the deva essences who temporarily formed it cease their activity.

Sự hi sinh cuối cùng cũng bao hàm sự biến mất của tam giác thấp, hay sự cắt đứt mối liên hệ giữa ba Nguyên tử trường tồn ở phần dưới của thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã, và đơn vị năng lượng trung tâm. Năng lượng của các nguyên tử này được giải phóng nhờ sức nóng mãnh liệt do sự hợp nhất của ba ngọn lửa tạo ra và được tái hấp thu vào kho chứa chung trong không gian liên hành tinh. Tam giác lửa không còn được nhìn thấy trong ngọn lửa rực chung, và các tinh chất thiên thần tạm thời tạo thành nó chấm dứt hoạt động của mình.

Again, the solar Angels complete their initial sacrifice by a final one, and offer themselves upon the fiery altar. The causal body is completely destroyed. The four lower groups of solar Pitris return to the heart of the subjective sun, or to that inmost centre of

Một lần nữa, các Thái dương Thiên Thần hoàn tất sự hi sinh ban đầu của mình bằng một sự hi sinh cuối cùng, và tự hiến mình trên bàn thờ lửa. Thể nguyên nhân bị hủy diệt hoàn toàn. Bốn nhóm thấp của thái dương tổ phụ trở về tim của mặt trời chủ

the system from whence they came, whilst the three higher groups are carried (by the force and energy generated in the fiery furnace and blaze, and through the stimulation produced by the blazing forth of the central jewel) straight to the central spiritual sun, there to abide until another kalpa calls them forth to sacrifice Themselves, this time as planetary Logoi. The student must bear in mind that [Page 879] in thinking of the Pitris, he must ever think in group terms. The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi. The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems. In them is hid the mystery of the three who become the sixteen—united or synthesised by the seventeenth—a correspondence upon cosmic levels of the seven with the eighth sphere. This must remain practically an insoluble mystery to man at present.

quan, hay về trung tâm thâm nội nhất của hệ thống mà từ đó các vị ấy đã đến, trong khi ba nhóm cao hơn được mang (bởi mãnh lực và năng lượng phát sinh trong lò lửa và ngọn lửa rực, và nhờ sự kích thích do viên ngọc trung tâm bùng sáng) thẳng đến Mặt trời Tinh thần Trung Ương, ở đó an trụ cho đến khi một kalpa khác gọi các vị ấy ra để hi sinh chính mình, lần này như các Đức Hành Tinh Thượng Đế. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng [Page 879] khi nghĩ về các Pitris, y phải luôn luôn nghĩ theo thuật ngữ nhóm. Các Pitris đã tạo thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—trở thành các Đức Hành Tinh Thượng Đế. Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan đến công việc vĩ đại ấy mới là những nhóm được nói đến, và các nhóm ấy trở thành bốn mươi chín Đức Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với bảy hệ mặt trời. Trong các vị ấy ẩn giấu huyền nhiệm của ba trở thành mười sáu—được hợp nhất hay tổng hợp bởi vị thứ mười bảy—một sự tương ứng trên các cấp độ vũ trụ của bảy với khối cầu thứ tám. Điều này hiện nay đối với con người hầu như vẫn phải là một huyền nhiệm không thể giải được.

The four groups who found their way to the Heart of the system will reappear as the four planetary Logoi who are the twenty-eight and who thus produce the possibility of the ten of perfection in another series of manifesting systems.

Bốn nhóm đã tìm được đường đến Tim của hệ thống sẽ tái xuất hiện như bốn Đức Hành Tinh Thượng Đế là hai mươi tám, và nhờ đó tạo ra khả năng của mười hoàn hảo trong một chuỗi hệ thống biểu hiện khác.

The seven types of solar energy find the “path of return” to their central emanating source; by the disruption of the tie between them and the lunar lords (who are esoterically spoken of as “dead or dying on the field of battle”) the great sacrifice is consummated, and they are free to return in triumph.

Bảy loại năng lượng thái dương tìm thấy “Con Đường Trở Về” đến nguồn xuất lộ trung tâm của mình; nhờ sự phá vỡ mối ràng buộc giữa các vị ấy với các nguyệt tinh quân (những vị được nói đến một cách huyền bí là “đã chết hay đang hấp hối trên chiến trường”) mà sự hi sinh vĩ đại được hoàn tất, và các vị ấy được tự do trở về trong khải hoàn.

The occult significance of these words in connection with the energy standing behind and working through all appearance might be expressed as follows:

Ý nghĩa huyền bí của các từ này liên quan đến năng lượng đứng sau và hoạt động xuyên qua mọi sự xuất hiện có thể được diễn đạt như sau:

Knowledge (279) is the right apprehension of the laws of energy, of the conservation of force, of the sources of [Page 880] energy, of its qualities, its types and its vibrations.

Tri thức (279) là sự lĩnh hội đúng đắn các định luật của năng lượng, của sự bảo toàn mãnh lực, của các nguồn [Page 880] năng lượng, của các phẩm tính, các loại và các rung động của nó.

(279) *1. There are seven branches of knowledge mentioned in the Puranas*:—S. D., I, 192.

(279) *1. Có bảy ngành tri thức được nhắc đến trong các Purana*:—S. D., I, 192.

2. The Gnosis, the hidden Knowledge, is the seventh Principle, the six schools of Indian philosophy are the six principles.—S. D., I, 299.

2. Gnosis, Tri thức ẩn tàng, là nguyên khí thứ bảy; sáu trường phái triết học Ấn Độ là sáu nguyên khí.—S. D., I, 299.

These six schools are:

Sáu trường phái này là:

a. The school of Logic..... Proof of right perception.

a. Trường phái Luận lý..... Chứng minh tri giác đúng đắn.

b. The atomic school..... System of particulars. Elements. Alchemy and chemistry.

b. Trường phái nguyên tử..... Hệ thống các biệt thể. Các nguyên tố. Thuật luyện kim và hóa học.

c. The Sankhya school..... System of numbers. The materialistic school. The theory of the seven states of matter or prakriti.

c. Trường phái Sankhya..... Hệ thống các con số. Trường phái duy vật. Lý thuyết về bảy trạng thái của vật chất hay prakriti.

d. The school of Yoga..... Union. The rule of daily life. Mysticism.

d. Trường phái Yoga..... Hợp nhất. Quy luật của đời sống hằng ngày. Thần bí học.

e. The school of Ceremonial Religion..... Ritual. Worship of the devas or Gods.

e. Trường phái Tôn giáo Nghi lễ..... Nghi thức. Sự thờ phụng các thiên thần hay các Thượng đế.

f. The Vedanta school..... Has to do with non-duality. Deals with the relation of Atman in man to the Logos.

f. Trường phái Vedanta..... Liên quan đến bất nhị. Bàn đến mối liên hệ của Atman trong con người với Thượng đế.

3. *There are four branches of knowledge to which H. P. B. specially refers*—S.D., I, 192.

3. *Có bốn ngành tri thức mà H. P. B. đặc biệt đề cập đến*—S.D., I, 192.

These four are probably those with which man has dealt the most, in this fourth round and fourth chain.

Bốn ngành này có lẽ là những ngành mà con người đã nghiên cứu và vận dụng nhiều nhất, trong cuộc tuần hoàn thứ tư và Dãy Thứ Tư này.

Compare S. D., I, 70, 95, 107, 227.

So sánh S. D., I, 70, 95, 107, 227.

The four Noble Truths. The four Vedas. The four Gospels. The four basic admissions. The four ready Elements. The four grades of Initiation.

Bốn Chân Lý Cao Quý. Bốn Veda. Bốn Phúc Âm. Bốn sự thừa nhận căn bản. Bốn Nguyên tố sẵn có. Bốn cấp độ điểm đạo.

a. Yajna Vidya..... The performance of religious rites in order to produce certain results. Ceremonial magic. It is concerned with *Sound*, therefore with the Akasha or the ether of space. The "yajna" is the invisible Deity who pervades space.

a. Yajna Vidya..... Việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo để tạo ra những kết quả nhất định. Huyền thuật nghi lễ. Nó liên quan đến *Âm thanh*, do đó liên quan đến Akasha hay dĩ thái của không gian. "Yajna" là Thượng đế vô hình thấm nhuần không gian.

Perhaps this concerns the physical plane?

Có lẽ điều này liên quan đến cõi hồng trần?

b. Mahavidya..... The great magic knowledge. It has degenerated into Tantrika worship. Deals with the feminine aspect, or the matter (mother) aspect. The basis of black magic. True mahayoga has to do with the form (second aspect) and its adaptation to Spirit and its needs.

b. Mahavidya..... Đại tri thức huyền thuật. Nó đã suy đồi thành sự thờ phụng Tantrika. Nó bàn đến phương diện nữ tính, hay phương diện vật chất (mẹ). Nền tảng của Hắc thuật. Mahayoga chân chính liên quan đến hình tướng (phương diện thứ hai) và sự thích ứng của hình tướng với tinh thần và các nhu cầu của tinh thần.

Perhaps this concerns the astral plane?

Có lẽ điều này liên quan đến cõi cảm dục?

c. Guyha vidya..... The science of mantrams. The secret knowledge of mystic

c. Guyha vidya..... Khoa học về các mantram. Tri thức bí mật về các mantram

mantrams. The occult potency of sound, of the Word.

thần bí. Uy lực huyền bí của âm thanh, của Linh từ.

Perhaps this concerns the mental plane?

Có lẽ điều này liên quan đến cõi trí?

d. Atma vidya..... True spiritual wisdom.

d. Atma vidya..... Minh triết tinh thần chân chính.

4. Knowledge of truth is a common inheritance.—S. D., II, 47, 3.

4. Tri thức về chân lý là một gia tài chung.—S. D., II, 47, 3.

5. Knowledge is a relative subject, and varies according to the grade achieved.

5. Tri thức là một chủ đề tương đối, và thay đổi tùy theo cấp độ đạt được.

a. Ranges of further knowledge open up before a planetary Logos.—S. D., II, 740.

a. Những phạm vi tri thức xa hơn mở ra trước một Đức Hành Tinh Thượng Đế.—S. D., II, 740.

b. The four truths can be arrived at by unaided man.—S. D., III, 420.

b. Bốn chân lý có thể được con người đạt đến mà không cần trợ giúp.—S. D., III, 420.

6. Finally, Knowledge is a dangerous weapon:

6. Sau cùng, tri thức là một vũ khí nguy hiểm:

This is due to: Personal Selfishness.

Điều này là do: sự ích kỷ cá nhân.

It is only safe when:

Nó chỉ an toàn khi:

a. One gives oneself up to it, body, soul and spirit.—S. D., III, 62, 63.

a. Người ta hiến dâng chính mình cho nó, cả thân thể, linh hồn và tinh thần.—S. D., III, 62, 63.

b. One has an unshakeable belief in one's own divinity.—S. D., III, 62, 63.

b. Người ta có một niềm tin bất lay chuyển vào thiên tính của chính mình.—S. D., III, 62, 63.

c. One recognises one's own immortal Principle.

c. Người ta nhận ra nguyên khí bất tử của chính mình.

d. One knows oneself:—S. D., III, 435, 436.

d. Người ta biết chính mình:—S. D., III, 435, 436.

e. All the virtues are practised.—S. D., III, 262.

e. Mọi đức hạnh đều được thực hành.—S. D., III, 262.

f. One has experience.—S. D., III, 481.

f. Người ta có kinh nghiệm.—S. D., III, 481.

g. One realises knowledge is the fruit of Spirit alone.—S. D., III, 453.

g. Người ta nhận biết rằng tri thức chỉ là hoa trái của Tinh thần.—S. D., III, 453.

h. Knowledge is acquired through the region of the higher mind.—S. D., III, 453. (back)

h. Tri thức được thu nhận qua vùng của thượng trí.—S. D., III, 453. (back)

It involves an apprehension of:

Nó bao hàm sự lĩnh hội về:

a. The different key vibrations.

a. Các rung động chủ âm khác nhau.

b. The centres whereby force enters.

b. Các trung tâm mà qua đó mãnh lực đi vào.

c. The channels along which it circulates. [Page 881]

c. Các kênh mà dọc theo đó nó lưu chuyển. [Page 881]

d. The triangles and other geometrical figures which it produces during evolution.

d. Các tam giác và những hình hình học khác mà nó tạo ra trong tiến hoá.

e. The cycles and the ebb and flow of energy in connection with the different types of planetary manifestation, including all the kingdoms of nature.

e. Các chu kỳ và sự lên xuống của năng lượng liên quan đến các loại biểu hiện hành tinh khác nhau, bao gồm mọi giới trong tự nhiên.

f. The true significance of those force aspects which we call “periods of pralaya” and those we call “periods of manifestation.” It also involves a right realisation of the laws of obscuration.

f. Thâm nghĩa chân thực của những phương diện mãnh lực mà chúng ta gọi là “các thời kỳ pralaya” và những phương diện mà chúng ta gọi là “các thời kỳ biểu hiện.” Nó cũng bao hàm một sự chứng nghiệm đúng đắn về các định luật của sự che khuất.

All this the man has been learning in the various Halls through practical experience, involving pleasure and pain; these, in the final initiations, bring him to a realisation not only of the existence of these forces but of how to wield and manipulate them. This

Tất cả điều này con người đã học trong các Phòng khác nhau qua kinh nghiệm thực tiễn, bao hàm lạc thú và đau khổ; đến các lần điểm đạo cuối cùng, những điều này đưa y đến sự chứng nghiệm không chỉ về sự hiện hữu của các mãnh lực ấy mà còn về cách vận

is knowledge: to rightly direct force currents, first in the three worlds of human endeavour, and then in the solar system.

dụng và điều khiển chúng. Đây là tri thức: điều hướng đúng đắn các dòng mãnh lực, trước tiên trong ba cõi thấp của nỗ lực nhân loại, rồi sau đó trong hệ mặt trời.

Love is the right apprehension of the uses and purposes of form, and of the energies involved in form-building, the utilisation of form, and the eventual dissipation of the superseded form. It involves a realisation of the Laws of Attraction and Repulsion, of the magnetic interplay between all forms, great and small, of group relationships, of the galvanizing power of the unifying life, and the attractive power of one unit upon another, be it atom, man, or solar system. It involves an understanding of all forms, form purposes, and form relationships; it concerns the building processes in man himself, and in the solar system; and it necessitates the development of those powers within man which will make him a conscious Builder, a solar Pitri of a coming cycle. This [Page 882] is one of the great revelations at initiation: the unveiling to the initiate of the particular cosmic centre whence emanates the type of force or energy which he, the initiate, will be concerned with when he becomes in due course of time a solar Pitri, or divine manasaputra to coming humanity. Hence he must have, not only knowledge, but the energy of love likewise to enable him to perform the function of linking the higher three and the lower four of a future race of men at some distant period, thus permitting of their individualising through *the sacrifice of his own fully conscious middle principle.*

Bác ái là sự lĩnh hội đúng đắn về các công dụng và mục đích của hình tướng, và về các năng lượng liên quan đến việc xây dựng hình tướng, việc sử dụng hình tướng, và sự làm tiêu tan cuối cùng của hình tướng đã lỗi thời. Nó bao hàm sự chứng nghiệm về các Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, về sự tương tác từ tính giữa mọi hình tướng, lớn và nhỏ, về các mối liên hệ nhóm, về quyền năng điện hóa của sự sống hợp nhất, và quyền năng hấp dẫn của đơn vị này đối với đơn vị khác, dù đó là nguyên tử, con người hay hệ mặt trời. Nó bao hàm sự thấu hiểu mọi hình tướng, các mục đích của hình tướng, và các mối liên hệ của hình tướng; nó liên quan đến các tiến trình xây dựng trong chính con người, và trong hệ mặt trời; và nó đòi hỏi sự phát triển những quyền năng bên trong con người sẽ khiến y trở thành một đấng kiến tạo hữu thức, một thái dương tổ phụ của một chu kỳ sắp đến. Điều này [Page 882] là một trong những mặc khải vĩ đại tại điểm đạo: sự vén mở cho điểm đạo đồ về trung tâm vũ trụ đặc thù mà từ đó phát ra loại mãnh lực hay năng lượng mà y, điểm đạo đồ, sẽ phải quan tâm đến khi theo thời gian y trở thành một thái dương tổ phụ, hay một manasaputra thiêng liêng đối với nhân loại tương lai. Vì thế y phải có không chỉ tri thức mà cả năng lượng bác ái nữa để giúp y thực hiện chức năng nối kết bộ ba cao và bộ bốn thấp của một nhân loại tương lai vào một thời kỳ xa xôi nào đó, nhờ đó cho phép họ biệt ngã hóa qua *sự hi sinh nguyên khí trung gian hoàn toàn hữu thức của chính y.*

Sacrifice involves even more than what has been already pointed out. It involves the following factors:

Hi sinh bao hàm còn nhiều hơn những gì đã được chỉ ra. Nó bao hàm các yếu tố sau:

a. Knowledge of the purposes and intentions of the planetary Logos,

a. Tri thức về các mục đích và ý định của Đức Hành Tinh Thượng Đế,

b. Realisation of the particular and peculiar type of energy, and of the quality of his own Ray Lord,

b. Sự chứng nghiệm về loại năng lượng đặc thù và riêng biệt, và về phẩm tính của Đấng Chúa Tể Cung của chính y,

c. Comprehension of the different groups of existences who are participating in planetary evolution and in solar manifestation,

c. Sự thấu hiểu các nhóm hiện hữu khác nhau đang tham dự vào tiến hoá hành tinh và biểu hiện thái dương,

d. A revelation as to certain cosmic enterprises in which our planetary Logos is acting as an intelligent co-operator. Thus is brought in the factor of extra-systemic force.

d. Một sự mặc khải về một số công cuộc vũ trụ trong đó Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang hành động như một cộng tác viên thông tuệ. Như vậy yếu tố mãnh lực ngoài hệ thống được đưa vào.

When all these and other factors are considered, it is evident that the energy set loose in sacrifice to these plans and intentions involves such a vast field of comprehending wisdom that it is not possible for the average man ever to sense it. It deals with the purposes and plans of the Silent Watchers over the three planes—the five, and the seven; it deals with the dynamic force of the great Destroying Angels on all the planes, who will eventually —through the manipulation of the three forms of energy—bring to an end all that is. These angels are a mysterious group of fohatic Lives Who sound forth the [Page 883] trumpets of destruction, and by means of the notes sounded produce that shattering which will set loose the energy of forms.

Khi mọi yếu tố này và những yếu tố khác được xem xét, hiển nhiên là năng lượng được giải phóng trong sự hi sinh cho các kế hoạch và ý định này bao hàm một lĩnh vực minh triết thấu hiểu rộng lớn đến mức con người trung bình không bao giờ có thể cảm nhận được. Nó bàn đến các mục đích và kế hoạch của các Đấng Quan Sát Thầm Lặng trên ba cõi—năm cõi và bảy cõi; nó bàn đến mãnh lực năng động của các Thiên Thần Hủy Diệt vĩ đại trên mọi cõi, các vị mà rốt cuộc—qua sự điều khiển ba hình thức năng lượng—sẽ chấm dứt mọi cái đang hiện hữu. Các thiên thần này là một nhóm huyền nhiệm gồm các Sự sống fohat phát ra [Page 883] những tiếng kèn hủy diệt, và bằng các âm điệu được xướng lên tạo ra sự tan vỡ sẽ giải phóng năng lượng của các hình tướng.

The second point is very briefly given. It concerns the innermost circle of petals, or that set of three petals, or those three streams of whirling energy, which immediately surround the "jewel in the

Điểm thứ hai được nêu ra rất vắn tắt. Nó liên quan đến vòng cánh hoa trong cùng, hay bộ ba cánh hoa ấy, hay ba dòng năng lượng xoáy chuyển ấy, trực tiếp bao quanh "viên ngọc trong Hoa sen." Mỗi cánh trong ba cánh này

lotus." Each of these three petals is related to one of the three circles, and is organised as each of the three circles is unfolded. They form, therefore, a synthesis of knowledge, love or sacrifice, and are closely connected through the type of force flowing through them with one of the three higher centres of the planetary Logos of a man's particular ray. This central unit of threefold force is dealt with in a specific manner at initiation.

liên hệ với một trong ba vòng, và được tổ chức khi mỗi một trong ba vòng được khai mở. Vì vậy, chúng tạo thành một tổng hợp của tri thức, bác ái hay hi sinh, và được nối kết chặt chẽ, qua loại mãnh lực chảy qua chúng, với một trong ba trung tâm cao hơn của Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung riêng của một người. Đơn vị trung tâm của mãnh lực tam phân này được xử lý theo một cách đặc biệt tại điểm đạo.

At the first, the second, and the third Initiations, one of the three petals opens up, permitting an ever freer display of the central electric point. At the fourth Initiation, the jewel (being completely revealed) through its blazing light, its intense radiatory heat, and its terrific outflow of force, produces the disintegration of the surrounding form, the shattering of the causal body, the destruction of the Temple of Solomon, and the dissolution of the lotus flower. The work of the Initiator in this connection is very interesting. Through the medium of the Rod of Initiation and of certain Words of Power, He brings about results of a co-ordinating, transmuting and liberating nature.

Ở lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba, một trong ba cánh hoa mở ra, cho phép điểm điện trung tâm biểu lộ ngày càng tự do hơn. Ở lần điểm đạo thứ tư, viên ngọc (được hiển lộ hoàn toàn) nhờ ánh sáng rực cháy, sức nóng bức xạ mãnh liệt, và dòng mãnh lực tuôn ra khủng khiếp của nó, tạo ra sự tan rã của hình tướng bao quanh, sự vỡ nát của thể nguyên nhân, sự phá hủy Đền thờ Solomon, và sự tan biến của đóa hoa sen. Công việc của Đấng Điểm đạo trong mối liên hệ này rất đáng quan tâm. Qua trung gian của Thần Trượng Điểm đạo và một số Quyền năng từ, Ngài tạo ra những kết quả có tính phối hợp, chuyển hoá và giải phóng.

Through the action of the Rod as wielded at the first two Initiations, the two outer circles unfold, the energy of the two is set free and the two sets of force as embodied in the six petals are co-ordinated and become interactive. This stage of petal adjustment succeeds upon that called earlier "unfoldment" and has to do with the simultaneous action of the two tiers of petals. The interplay between the two circles is completed, and the circulation [Page 884] of the force currents perfected. According to a man's ray and subray, so is the Rod applied to what might be termed the "key" petal. This of course differs according to the unit

Qua tác động của Thần Trượng khi được sử dụng trong hai lần điểm đạo đầu tiên, hai vòng ngoài được khai mở, năng lượng của hai vòng được giải phóng và hai bộ mãnh lực hiện thân trong sáu cánh hoa được phối hợp và trở nên tương tác. Giai đoạn điều chỉnh cánh hoa này tiếp nối giai đoạn trước đó được gọi là "sự khai mở" và liên quan đến hoạt động đồng thời của hai tầng cánh hoa. Sự tương tác giữa hai vòng được hoàn tất, và sự lưu chuyển [Page 884] của các dòng mãnh lực được hoàn thiện. Tùy theo cung và cung phụ của một người mà Thần Trượng được áp dụng vào cái có thể gọi là cánh hoa "chủ âm". Dĩ nhiên điều này khác nhau tùy theo đơn vị

of force involved. It is of interest to note here that, as the petal substance is deva substance and as the energy of the petals is the energy of certain manasadevas (one of the three higher orders of Agnishvattas) the initiate is overshadowed (the word is not entirely satisfactory in explaining the type of deva service here necessitated, but it must suffice) by a great deva who represents the equilibrium of substantial vibration which is brought about by the efforts of the initiate, aided by the adepts who present him, and who each represent one of the two polarities of force. This is temporarily stabilised by the Initiator. These three factors,

mãnh lực liên quan. Ở đây điều đáng lưu ý là, vì chất liệu cánh hoa là chất liệu thiên thần và vì năng lượng của các cánh hoa là năng lượng của một số manasadeva nào đó (một trong ba cấp cao của Agnishvatta), nên một thiên thần vĩ đại phủ bóng điểm đạo đồ (từ này không hoàn toàn thỏa đáng để giải thích loại phụng sự thiên thần cần thiết ở đây, nhưng phải tạm dùng vậy), và đại diện cho sự quân bình của rung động chất liệu do các nỗ lực của điểm đạo đồ tạo ra, với sự trợ giúp của các chân sư giới thiệu y, và mỗi vị trong các vị ấy đại diện cho một trong hai cực tính của mãnh lực. Điều này được Đấng Điểm đạo tạm thời ổn định. Ba yếu tố này,

1. The representing deva,

1. thiên thần đại diện,

2. The two adepts,

2. hai chân sư,

3. The initiator,

3. Đấng điểm đạo,

form, for a brief second, a triangle of force with the initiate at the centre. Through them circulates the terrific power, the “fire from Heaven,” which is brought down from the higher triad through the agency of the electrical rod.

tạo thành, trong một giây ngắn ngủi, một tam giác mãnh lực với điểm đạo đồ ở trung tâm. Qua các vị ấy lưu chuyển quyền năng khủng khiếp, “lửa từ Thiên Đàng,” được kéo xuống từ Tam Nguyên Tinh Thần cao hơn qua tác nhân của thần trượng điện.

This application of extra-egoic force is in itself of a threefold nature, as symbolised by the three protective agencies and the threefold nature of the Rod itself. It emanates in a primary sense from the planetary Logos of a man’s ray, and proceeds from that one of the planetary centres which corresponds to either the head, heart, or throat centre in a human unit. This energy is applied to the corresponding tier of petals and to the corresponding petal in a tier according to the initiation taken, and according to the primary and secondary ray. A close connection can be traced here

Việc áp dụng mãnh lực ngoài chân ngã này tự nó có bản chất tam phân, như được tượng trưng bởi ba tác nhân bảo hộ và bản chất tam phân của chính Thần Trượng. Theo nghĩa sơ cấp, nó phát xuất từ Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung của một người, và tiến ra từ một trong các trung tâm hành tinh tương ứng với trung tâm đầu, tim, hay cổ họng trong một đơn vị nhân loại. Năng lượng này được áp dụng vào tầng cánh hoa tương ứng và vào cánh hoa tương ứng trong một tầng tùy theo lần điểm đạo được nhận, và tùy theo cung chính và cung phụ. Ở đây có thể truy ra một mối liên hệ chặt chẽ giữa

between the petals and the centres of the etheric level of the physical plane, [Page 885] and thus it can be seen how (when the necessary work is done) it is possible to have a direct transmission of force from the higher planes to the lower in the following order:

các cánh hoa và các trung tâm ở cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, [Page 885] và nhờ đó có thể thấy được làm thế nào (khi công việc cần thiết đã được thực hiện) có thể có một sự truyền dẫn trực tiếp mãnh lực từ các cõi cao xuống các cõi thấp theo trật tự sau:

a. From the logoic centre, or the planetary Logos, to the Monad on its own plane.

a. Từ trung tâm của Thượng đế, hay Đức Hành Tinh Thượng Đế, đến chân thần trên cõi riêng của nó.

b. From that Monad to one of the three tiers of petals, according to the aspect or ray concerned.

b. Từ chân thần ấy đến một trong ba tầng cánh hoa, tùy theo phương diện hay cung liên quan.

c. From the tier of petals, viewed as a unit, to one of the petals in the circle, according to the quality and type of force, using the petal as a transmitting agency.

c. Từ tầng cánh hoa, được xem như một đơn vị, đến một trong các cánh hoa trong vòng, tùy theo phẩm tính và loại mãnh lực, dùng cánh hoa như một tác nhân truyền dẫn.

d. From the particular petal in which the force is momentarily centred to one of the permanent atoms, again according to ray and type of force.

d. Từ cánh hoa đặc biệt mà trong đó mãnh lực tạm thời được tập trung đến một trong các Nguyên tử trường tồn, lại tùy theo cung và loại mãnh lực.

e. From the permanent atom via the atomic triangle, and the mental, and astral centres, to that one of the three higher centres in the etheric body particularly concerned.

e. Từ Nguyên tử trường tồn qua tam giác nguyên tử, và các trung tâm cõi trí và cõi cảm dục, đến một trong ba trung tâm cao hơn trong thể dĩ thái đặc biệt liên quan.

f. From the etheric centre to the physical brain.

f. Từ trung tâm dĩ thái đến bộ não hồng trần.

We have here put very briefly the process of force transmission from the Monad to man on the physical plane, and hence it will be apparent why the emphasis is so consistently laid upon the necessity for bodily purity (in all the three bodies), and upon the alignment of those bodies so that the flow of force may be unimpeded. The effects of this downflow of force may be

Ở đây chúng ta đã trình bày rất vắn tắt tiến trình truyền dẫn mãnh lực từ chân thần đến con người trên cõi hồng trần, và do đó sẽ thấy rõ vì sao sự nhấn mạnh lại luôn luôn được đặt lên nhu cầu về sự thanh khiết của các thể (trong cả ba thể), và lên sự chỉnh hợp của các thể ấy để dòng mãnh lực có thể lưu chuyển không bị cản trở. Các hiệu quả của dòng mãnh lực tuôn xuống này có thể được

viewed in a twofold manner, that is, in a material and in a psychic sense.

nhìn theo hai cách, nghĩa là theo nghĩa vật chất và theo nghĩa thông linh.

The *material effect*, or the result of this stimulation upon the forms and upon the atoms in the forms, is to render them radioactive, or to set loose the energy of substance. This is the liberating of the energy imprisoned within the form, and concerns the Brahma aspect, and [Page 886] the evolution of matter itself. It affects the lunar bodies, and therefore relates to the lunar Lords or Pitris, causing a weakening of their hold upon the lesser builders, bringing them more under the force streams from the solar Angels, and leading to a situation which will eventually result in a return of the lunar Pitris of all degrees to the central point for force substance. In a *psychic sense* the result of the downflow is a stimulation of consciousness, and the acquisition (through that stimulation) of the psychic powers latent in man. His three higher physical centres, the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre are affected, and man becomes psychically aware in the physical brain of the higher influences, happenings and powers. According to the ray concerned, so is the centre affected. The force of the lunar Lords, which has succeeded in keeping these three organs quiescent, is superseded and the solar Angels pour in their energy.

Hiệu quả *vật chất*, hay kết quả của sự kích thích này lên các hình tướng và lên các nguyên tử trong các hình tướng, là làm cho chúng trở nên phóng xạ, hay giải phóng năng lượng của chất liệu. Đây là sự giải phóng năng lượng bị giam hãm trong hình tướng, và liên quan đến phương diện Brahma, và [Page 886] sự tiến hoá của chính vật chất. Nó ảnh hưởng đến các thể thái âm, và vì vậy liên hệ đến các nguyệt tinh quân hay Pitris, gây ra sự suy yếu trong sự nắm giữ của các vị ấy đối với các vị tiểu kiến tạo, khiến các vị này chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ các dòng mãnh lực của các Thái dương Thiên Thần, và dẫn đến một tình huống rốt cuộc sẽ đưa đến sự trở về của các thái âm tổ phụ ở mọi cấp độ về điểm trung tâm của chất liệu mãnh lực. Theo nghĩa *thông linh* thì kết quả của dòng tuôn xuống là sự kích thích tâm thức, và sự đạt được (qua sự kích thích ấy) các năng lực thông linh tiềm ẩn trong con người. Ba trung tâm hồng trần cao hơn của y, tuyến tùng, tuyến yên, và trung tâm alta major đều bị ảnh hưởng, và con người trở nên nhận biết một cách thông linh trong bộ não hồng trần về các ảnh hưởng, biến cố và quyền năng cao hơn. Tùy theo cung liên quan mà trung tâm bị ảnh hưởng. Mãnh lực của các nguyệt tinh quân, vốn đã thành công trong việc giữ cho ba cơ quan này ở trạng thái tĩnh, bị thay thế và các Thái dương Thiên Thần tuôn năng lượng của mình vào.

All this again is closely connected with the threefold energy of the physical body, and produces effects within the spinal column which arouses the kundalini fire at the base of the spine, causing it to mount along the triple spinal channel, again according to ray and aspect involved. More anent this may not here be said, as the dangers of a

Tất cả điều này lại liên hệ chặt chẽ với năng lượng tam phân của thể xác, và tạo ra các hiệu quả trong cột sống làm thức dậy hỏa kundalini ở đáy cột sống, khiến nó đi lên dọc theo kênh cột sống tam phân, lại tùy theo cung và phương diện liên quan. Không thể nói thêm ở đây về điều này, vì những nguy hiểm của một tri thức quá sớm theo đường

premature knowledge along this line are far greater than the dangers of ignorance. Suffice it to point out that the fires at the lower centres,—those below the diaphragm —have, by the time the second initiation is reached, usually mounted to the centre between the shoulder blades; at the second initiation they rise as far as the head, and all the fires of the torso are then active. All that remains then to do is to centralise them, to produce the necessary geometrical interplay between the seven head centres, and then to focus them all prior to the final liberation in the highest centre of all. [Page 887]

lối này còn lớn hơn nhiều so với những nguy hiểm của sự vô minh. Chỉ cần chỉ ra rằng các ngọn lửa ở các trung tâm thấp,—những trung tâm dưới cơ hoành—đến lúc đạt lần điểm đạo thứ hai, thường đã đi lên đến trung tâm giữa hai bả vai; ở lần điểm đạo thứ hai chúng dâng lên tận đầu, và khi đó mọi ngọn lửa của thân mình đều hoạt động. Khi ấy, tất cả những gì còn lại phải làm là tập trung chúng lại, tạo ra sự tương tác hình học cần thiết giữa bảy trung tâm đầu, rồi, trước khi được giải thoát cuối cùng, tập trung tất cả chúng vào trung tâm cao nhất. [Page 887]

4. The Fire Elementals, The Lesser Builders — 4. Các hành khí của lửa, các vị tiểu kiến tạo

a. Introductory.

a. Dẫn nhập.

It will be apparent now that in our consideration of the deva Builders, great and small, of the solar system, we have hitherto practically confined ourselves to those who are the functioning agents in the three worlds of human endeavour. We have dealt briefly with the Builders on the evolutionary arc, the greater entities who either have passed through the human kingdom, and therefore have left that stage of evolution behind them in earlier cycles, or are at this time the "solar agents" of human manifestation. All these forms of divine existence represent—in their own place—aspects of *positive force.* We come now to the consideration of the lesser builders in the three worlds, those who represent the *negative* aspect of force, being on the involutionary arc, and who are, therefore, the recipients of energy and influences. They are worked upon by energy, and through the activity of the greater Builders are forced into different directions in space, being built into the differing forms. The energy that works upon them, as is well

Giờ đây sẽ thấy rõ rằng trong khi xem xét các thiên thần kiến tạo, lớn và nhỏ, của hệ mặt trời, cho đến nay chúng ta trên thực tế hầu như chỉ giới hạn vào những vị là các tác nhân hoạt động trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại. Chúng ta đã bàn sơ lược về các đấng kiến tạo trên cung thăng thượng tiến hoá, những thực thể lớn hơn hoặc đã đi qua giới nhân loại, và vì thế đã bỏ lại giai đoạn tiến hoá ấy phía sau trong các chu kỳ trước, hoặc hiện nay là các "tác nhân thái dương" của biểu hiện nhân loại. Tất cả các hình thức hiện hữu thiêng liêng này đại diện—ở vị trí riêng của mình—cho các phương diện của *mãnh lực dương.* Giờ đây chúng ta chuyển sang xem xét các vị tiểu kiến tạo trong ba cõi giới, những vị đại diện cho phương diện *âm* của mãnh lực, vì ở trên cung giáng hạ tiến hoá, và do đó là những vị tiếp nhận năng lượng và ảnh hưởng. Các vị ấy bị năng lượng tác động, và qua hoạt động của các đấng kiến tạo lớn hơn bị buộc phải đi theo những hướng khác nhau trong không gian, được xây dựng vào các hình tướng khác nhau. Năng lượng tác động lên các vị ấy, như ai

known, emanates from the second aspect, and in their totality they form the great Mother.

cũng biết, phát ra từ phương diện thứ hai, và trong tính toàn thể của mình các vị ấy tạo thành Người Mẹ vĩ đại.

I would call to the attention of all students the fact that these lesser builders are literally a "sea of fire" upon which the great breath, or the AUM, takes effect. Each fiery spark, or atom, becomes (through the action of the Word), vitalised with new life, and impregnated with a different type of energy. In the union of the life of atomic substance itself with that which causes the atoms to cohere, and to form vehicles of some kind or another, can be seen demonstrating the "Son of God." Herein lies the essential duality of all manifestation; this duality is later supplemented by the life of the One Who sounds the Word. Thus is the cosmic incarnation [Page 888] brought about with the three factors entering in. This has been sufficiently dealt with in earlier pages.

Tôi muốn lưu ý tất cả các đạo sinh đến sự kiện rằng các vị tiểu kiến tạo này theo nghĩa đen là một "biển lửa" mà trên đó đại hơi thở, hay AUM, tác động. Mỗi tia lửa, hay nguyên tử, nhờ tác động của Linh từ, được tiếp sinh lực bằng sự sống mới, và được thấm nhuần một loại năng lượng khác. Trong sự hợp nhất giữa sự sống của chính chất liệu nguyên tử với cái khiến các nguyên tử kết dính lại và tạo thành các vận cụ thuộc loại này hay loại khác, có thể thấy "Con của Thượng đế" đang được biểu lộ. Chính trong đó có tính nhị nguyên thiết yếu của mọi biểu hiện; tính nhị nguyên này về sau được bổ sung bởi sự sống của Đấng xướng Linh từ. Như vậy sự nhập thể vũ trụ [Page 888] được tạo ra với ba yếu tố cùng tham dự. Điều này đã được bàn đến đầy đủ trong các trang trước.

Much that will have to be said will be of a tabulatory nature, and the only way in which students can check up the approximate accuracy of that which is imparted will be through a careful meditation upon:

Nhiều điều sẽ phải được nói ra dưới dạng bảng biểu, và cách duy nhất để các đạo sinh kiểm tra độ chính xác gần đúng của điều được truyền đạt là qua sự tham thiền cẩn trọng về:

a. The Law of Correspondences.

a. định luật tương ứng.

b. The realisable probabilities.

b. những khả năng có thể nhận biết được.

c. The indications in occult literature of a corroborative nature.

c. những chỉ dẫn trong văn liệu huyền bí có tính chất xác nhận.

Students should remember that we are dealing with involutionary substance, or atomic matter. This atomic matter is living substance, each atom being a tiny life palpitating with the vitality of the third

Các đạo sinh nên nhớ rằng chúng ta đang bàn đến chất liệu giáng hạ tiến hoá, hay vật chất nguyên tử. Vật chất nguyên tử này là chất liệu sống, mỗi nguyên tử là một sự sống nhỏ bé rung động với sinh lực của Thượng

Logos. These lives, being negative energy, are responsive to their polar opposite, and can (under the Law of Attraction and Repulsion) be built into forms which are the expression of the second aspect. Eventually the forms themselves become in their turn negative, and responsive to still another type of force, becoming recipients of the life of the first Logos when the fourth or human kingdom is reached.

đế thứ ba. Các sự sống này, vì là năng lượng âm, nên đáp ứng với cực đối nghịch của mình, và có thể (theo Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi) được xây dựng thành những hình tướng là biểu hiện của phương diện thứ hai. Cuối cùng chính các hình tướng ấy đến lượt mình trở nên âm, và đáp ứng với một loại mãnh lực khác nữa, trở thành những kẻ tiếp nhận sự sống của Thượng đế thứ nhất khi giới thứ tư hay giới nhân loại được đạt đến.

This Treatise seeks to prove, that in the fourth kingdom the three fires meet:

Luận về Lửa Vũ Trụ này tìm cách chứng minh rằng, trong giới thứ tư, ba ngọn lửa gặp nhau:

a. Fire by friction, or the negative Brahma Aspect, the third Aspect.

a. Lửa ma sát, hay phương diện Brahma âm, phương diện thứ ba.

b. Solar Fire, or the positive negative Vishnu Aspect, the second Aspect.

b. Lửa Thái dương, hay phương diện Vishnu dương-âm, phương diện thứ hai.

c. Electric Fire, or the positive Shiva Aspect, the first Aspect.

c. Lửa Điện, hay phương diện Shiva dương, phương diện thứ nhất.

Man in the three worlds, consciously or unconsciously, recapitulates the logoic process, and becomes a creator, working in substance through the factor of his positive energy. He wills, he thinks, he speaks, and thought-forms eventuate. Atomic substance is attracted to the [Page 889] enunciator. The tiny lives which compose that substance are forced (through the energy of the thinker), into forms, which are themselves active, vitalised and powerful. What man builds is either a beneficent or a maleficent creation according to the underlying desire, motive, or purpose.

Con người trong ba cõi giới, một cách hữu thức hay vô thức, lặp lại tiến trình của Thượng đế, và trở thành một đấng sáng tạo, hoạt động trong chất liệu qua yếu tố năng lượng dương của mình. Y vận dụng ý chí, y suy nghĩ, y nói, và các Hình tư tưởng xuất hiện. Chất liệu nguyên tử bị hút đến [Page 889] người phát ngôn. Những sự sống nhỏ bé cấu thành chất liệu ấy bị buộc (qua năng lượng của người tư tưởng) vào các hình tướng, mà chính các hình tướng ấy lại hoạt động, được tiếp sinh lực và đầy quyền năng. Điều con người xây dựng là một sáng tạo thiện lành hay độc hại tùy theo dục vọng, động cơ hay mục đích nền tảng.

It is essential that we endeavour to make practical what is here to be imparted, as it is useless for man to study the groups of lesser

Điều cốt yếu là chúng ta phải cố gắng làm cho những gì được truyền đạt ở đây trở nên thực tiễn, vì con người nghiên cứu các nhóm

builders, their functions and their names, unless he realises that with many of them he has an intimate connection, being himself one of the great builders, and a creator within the planetary scheme. Men should remember that through the power of their thoughts and their spoken words they definitely produce effects upon other human beings functioning on the three planes of human evolution and upon the entire animal kingdom. The separative and maleficent thoughts of man are largely responsible for the savage nature of wild beasts, and the destructive quality of some of nature's processes, including certain phenomena, such as plague and famine.

tiểu kiến tạo, các chức năng và tên gọi của họ sẽ là vô ích nếu y không nhận biết rằng mình có một mối liên hệ mật thiết với nhiều vị trong số họ, vì chính y là một trong các đại kiến tạo, và là một đấng sáng tạo trong hệ hành tinh. Con người nên nhớ rằng qua quyền năng của tư tưởng và lời nói của mình, họ thực sự tạo ra các hiệu quả lên những con người khác đang hoạt động trên ba cõi của tiến hoá nhân loại và lên toàn bộ giới động vật. Những tư tưởng chia rẽ và độc hại của con người phần lớn chịu trách nhiệm về bản chất hung dữ của thú hoang, và phẩm tính hủy diệt của một số tiến trình trong tự nhiên, kể cả một số hiện tượng như dịch bệnh và nạn đói.

It is of no value to man to know the names of some of the "army of the voice" unless he comprehends his relationship to that army, unless he apprehends the responsibility which is his to be a beneficent creator, working under the law of love, and not impelled to the creative act through selfish desire, or uncontrolled activity.

Việc biết tên của một số thành phần trong "Đạo Quân của Âm Thanh" không có giá trị gì đối với con người trừ phi y hiểu được mối liên hệ của mình với đạo quân ấy, trừ phi y lĩnh hội được trách nhiệm của mình là trở thành một đấng sáng tạo thiện lành, hoạt động dưới định luật bác ái, chứ không để dục vọng ích kỷ hay hoạt động không kiểm soát thúc đẩy mình vào hành vi sáng tạo.

b. Physical Plane Elementals.

b. Hành khí cõi hồng trần.

It should be remembered that the devas we have been considering are the originators of impulse, and the manipulators of energy in their own degree, and on their own plane. In connection with them are to be found, therefore, the recipients of force, or the multitude of lives of an elemental nature which form the sumtotal of the matter of a plane. These are swept on waves of energy, through the impulse of the Breath, and as the result of [Page 890] vibratory action, into all forms as we know them on the physical plane. Therefore, in connection with manifestation on the physical plane the devas may be divided into three groups:

Cần nhớ rằng các thiên thần mà chúng ta đã xem xét là những vị khởi phát xung lực, và là những vị điều khiển năng lượng trong cấp độ riêng của mình và trên cõi riêng của mình. Vì vậy, liên hệ với các vị ấy có thể tìm thấy những kẻ tiếp nhận mãnh lực, hay vô số sự sống có bản chất hành khí tạo thành tổng số vật chất của một cõi. Các sự sống này bị cuốn đi trên những làn sóng năng lượng, qua xung lực của Hơi Thở, và như là kết quả của [Page 890] tác động rung động, vào mọi hình tướng như chúng ta biết trên cõi hồng trần. Vì vậy, liên quan đến biểu hiện trên cõi hồng trần, các thiên thần có thể được chia thành ba nhóm:

1. *The transmitters of the will of God,* the originators of activity in deva substance. These are the greater builders in their various groups.

1. *Những vị truyền đạt Ý Chí của Thượng Đế,* những vị khởi phát hoạt động trong chất liệu thiên thần. Đây là các đấng kiến tạo lớn hơn trong những nhóm khác nhau của các vị ấy.

2. *The manipulators of the initiated energy.* These are the myriads of workers with force who transmit the impulse in their turn to the elemental essence. They are the builders of lesser degree, but are on the evolutionary arc as are the first group.

2. *Những vị điều khiển năng lượng đã được khởi phát.* Đây là vô số người hoạt động với mãnh lực, đến lượt mình truyền xung lực đến Tinh chất hành khí. Họ là các đấng kiến tạo cấp thấp hơn, nhưng ở trên cung tiến hoá cũng như nhóm thứ nhất.

3. *The recipients of force*, the sumtotal of the living substance of a plane. These lives are passive in the hands of the builders of greater degree.

3. *Những kẻ tiếp nhận mãnh lực*, tổng số chất liệu sống của một cõi. Các sự sống này thụ động trong tay các đấng kiến tạo cấp cao hơn.

The three groups to be considered are:

Ba nhóm cần được xem xét là:

1. The elementals of densest matter.

1. Các hành khí của vật chất đậm đặc nhất.

2. The elementals of liquid matter.

2. Các hành khí của vật chất lỏng.

3. The elementals of gaseous matter.

3. Các hành khí của vật chất khí.

We must bear in mind as we study these three groups that we are not concerned with the transmitters, but with the manipulators and with the recipients of energy.

Khi nghiên cứu ba nhóm này, chúng ta phải ghi nhớ rằng chúng ta không bàn đến các vị truyền đạt, mà bàn đến các vị điều khiển và những kẻ tiếp nhận năng lượng.

The Elementals of Densest Matter. These are the workers and builders which are concerned with the tangible and objective part of all manifestation. In their totality they literally form that which can be touched, seen, and contacted physically by man. In considering these matters we must never dissociate the various groups in our minds in a too literal sense, for they all interpenetrate and blend, in the same manner as man's physical body is

Các hành khí của vật chất đậm đặc nhất. Đây là những người hoạt động và những đấng kiến tạo có liên quan đến phần hữu hình và khách quan của mọi biểu hiện. Trong tổng thể của chúng, chúng thực sự tạo thành cái có thể được con người chạm tới, nhìn thấy và tiếp xúc trên phương diện hồng trần. Khi xem xét các vấn đề này, chúng ta không bao giờ được tách rời các nhóm khác nhau trong trí óc mình theo nghĩa quá sát mặt chữ, vì tất cả chúng đều xuyên thấm lẫn nhau và

compounded of dense, liquid, gaseous, and etheric matter. Diversity, producing a unity, is everywhere to be seen; this fact must constantly be borne [Page 891] in mind by the occult student when studying the subhuman forms of existence. There is a distinct danger in all tabulations, for they tend to the forming of hard and fast divisions, whereas unity pervades all.

hòa trộn với nhau, cũng theo cách mà thể xác của con người được cấu thành từ vật chất đậm đặc, lỏng, khí và dĩ thái. Tính đa dạng tạo ra một sự hợp nhất có thể được thấy ở khắp nơi; sự kiện này phải luôn luôn được ghi nhớ [Page 891] trong tâm trí của đạo sinh huyền bí học khi nghiên cứu các hình thức tồn tại dưới nhân loại. Có một nguy cơ rõ rệt trong mọi sự lập bảng, vì chúng có khuynh hướng tạo ra những phân chia cứng nhắc và cố định, trong khi sự hợp nhất thấm nhuần tất cả.

Among the manipulating devas of the lowest level of the dense physical plane are to be found certain subterranean forms of existence, of which hints are to be found in the ancient and occult books. There is to be found in the very bowels of the earth, an evolution of a peculiar nature, with a close resemblance to the human. They have bodies of a peculiarly gross kind, which might be regarded as distinctly physical as we understand the term. They dwell in settlements, or groups, under a form of government suited to their needs in the central caves several miles below the crust of the earth. Their work is closely connected with the mineral kingdom, and the "agnichaitans" of the central fires are under their control. Their bodies are constituted so as to stand much pressure, and they are not dependent upon as free a circulation of air as man is, nor do they resent the great heat to be found in the earth's interior. Little can here be communicated anent these existences, for they are connected with the lesser vital portions of the physical body of the planetary Logos, finding their microcosmic correspondence in the feet and legs of a man. They are one of the factors which make possible the revolutionary progressive activity of a planet.

Trong số các thiên thần thao tác ở cấp thấp nhất của cõi hồng trần đậm đặc có thể tìm thấy một số dạng tồn tại dưới lòng đất, mà những ám chỉ về chúng có thể được thấy trong các sách cổ và huyền bí. Ngay trong lòng sâu của trái đất có một dòng tiến hoá có tính chất đặc biệt, rất giống với con người. Chúng có những thân thể thuộc loại đặc biệt thô nặng, có thể được xem là rõ rệt thuộc hồng trần theo cách chúng ta hiểu thuật ngữ này. Chúng sống trong các khu định cư, hay các nhóm, dưới một hình thức cai quản thích hợp với nhu cầu của chúng trong những hang động trung tâm cách lớp vỏ trái đất nhiều dặm bên dưới. Công việc của chúng liên hệ chặt chẽ với giới kim thạch, và các "agnichaitan" của những ngọn lửa trung tâm nằm dưới sự kiểm soát của chúng. Thân thể của chúng được cấu tạo để chịu được áp lực lớn, và chúng không phụ thuộc vào sự lưu thông không khí tự do như con người, cũng không khó chịu trước sức nóng lớn tìm thấy trong nội địa trái đất. Ở đây chỉ có thể truyền đạt rất ít điều liên quan đến các tồn tại này, vì chúng liên hệ với những phần ít thiết yếu hơn của thể xác của Đức Hành Tinh Thượng Đế, tìm thấy đối phần tiểu thiên địa của chúng nơi bàn chân và cẳng chân của con người. Chúng là một trong những yếu tố làm cho hoạt động quay và

tiến triển của một hành tinh trở nên khả hữu.

Allied with them are several other groups of low class entities, whose place in the scheme of things can only be described as having relation to the grosser planetary functions. Little is gained by enlarging upon these lives and their work; it is not possible for man in any way to contact them, nor would it be desirable. When they have pursued their evolutionary cycle, they will take their place in a later cycle in the ranks of certain deva bodies that are related to the animal kingdom.

Liên kết với chúng là vài nhóm thực thể cấp thấp khác, mà vị trí của chúng trong hệ sự vật chỉ có thể được mô tả là có liên hệ với những chức năng hành tinh thô nặng hơn. Mở rộng thêm về các sự sống này và công việc của chúng cũng không thu được bao nhiêu; con người không thể tiếp xúc với chúng theo bất kỳ cách nào, và điều đó cũng không đáng mong muốn. Khi chúng đã theo đuổi xong chu kỳ tiến hoá của mình, chúng sẽ đảm nhận vị trí trong một chu kỳ sau giữa hàng ngũ của một số nhóm thiên thần có liên hệ với giới động vật.

[Page 892] It is commonly supposed that all the fairies, gnomes, elves, and like nature spirits are to be found solely in etheric matter, but this is not so. They are to be found in bodies of gaseous and liquid substance likewise, but the mistake has arisen for the reason that the basis of all that which can be objectively seen is the etheric structure, and these little busy lives frequently protect their dense physical activities through the agency of glamour, and cast a veil over their objective manifestation. When etheric vision is present then they can be seen, for the glamour, as we understand it, is only a veil over that which is tangible.

[Page 892] Người ta thường cho rằng tất cả các tiên nữ, gnome, elf và những tinh linh tự nhiên tương tự chỉ được tìm thấy trong vật chất dĩ thái, nhưng điều này không đúng. Chúng cũng được tìm thấy trong những thể bằng chất liệu khí và lỏng, nhưng sự nhầm lẫn đã phát sinh vì lý do rằng nền tảng của mọi cái có thể được nhìn thấy một cách khách quan là cấu trúc dĩ thái, và những sự sống nhỏ bé bận rộn này thường bảo vệ các hoạt động hồng trần đậm đặc của chúng thông qua tác nhân của ảo cảm, và phủ một bức màn lên biểu hiện khách quan của chúng. Khi linh thị dĩ thái hiện diện thì chúng có thể được nhìn thấy, vì ảo cảm, theo cách chúng ta hiểu, chỉ là một bức màn che phủ cái hữu hình.

Students must at this juncture remember that all dense physical forms, whether of a tree, an animal, a mineral, a drop of water, or a precious stone, are in themselves elemental lives constructed of living substance by the aid of living manipulators, acting under the direction of intelligent architects. It will immediately become apparent why it is not possible in any way to

Đến lúc này, các đạo sinh phải nhớ rằng mọi hình tướng hồng trần đậm đặc, dù là của cây cối, động vật, khoáng vật, một giọt nước hay một viên đá quý, tự thân đều là những sự sống hành khí được cấu tạo từ chất liệu sống với sự trợ giúp của những đấng thao tác sống, hoạt động dưới sự chỉ đạo của các kiến trúc sư thông tuệ. Sẽ lập tức trở nên rõ ràng vì sao không thể theo bất kỳ cách nào lập

tabulate in connection with this particular lowest group. A beautiful diamond, a stately tree, or a fish in the water are but devas after all. It is the recognition of this essential livingness which constitutes the basic fact in all occult investigation, and is the secret of all beneficent magic. It is not my purpose, therefore, to deal more specifically with these lowest forms of divine life, except to impart two facts, and thus give indication of the solution of two problems which have oft disturbed the average student; these are, first, the problem as to the purpose of all reptilian life, and, secondly, the specific connection of the bird evolution with the deva kingdom.

bảng liên quan đến nhóm thấp nhất đặc biệt này. Một viên kim cương tuyệt đẹp, một cây cổ thụ uy nghi, hay một con cá trong nước, rốt cuộc cũng chỉ là các thiên thần. Chính sự nhận biết tính sống thiết yếu này tạo thành sự kiện nền tảng trong mọi khảo cứu huyền bí, và là bí mật của mọi huyền thuật thiện lành. Vì vậy, mục đích của tôi không phải là bàn đến cụ thể hơn về những hình thức thấp nhất này của sự sống thiêng liêng, ngoại trừ việc truyền đạt hai sự kiện, và như thế đưa ra chỉ dẫn về lời giải cho hai vấn đề vốn thường làm bối rối đạo sinh trung bình; đó là, thứ nhất, vấn đề về mục đích của toàn bộ sự sống loài bò sát, và thứ hai, mối liên hệ đặc thù của tiến hoá loài chim với giới thiên thần.

The secret of the *reptile kingdom* is one of the mysteries of the second round, and there is a profound significance connected with the expression “the serpents of wisdom” which is applied to all adepts of the good law. [Page 893] The reptile kingdom has an interesting place in all mythologies, and all ancient forms of truth impartation, and this for no arbitrary reason. It is not possible to enlarge upon the underlying truth which is hidden in the karmic history of our planetary Logos, and is revealed as part of the teaching given to initiates of the second degree.

Bí mật của *giới bò sát* là một trong những huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn thứ hai, và có một thâm nghĩa sâu xa gắn với cách diễn đạt “những con rắn minh triết” được áp dụng cho mọi chân sư của thiện luật. [Page 893] Giới bò sát có một vị trí thú vị trong mọi thần thoại và mọi hình thức truyền đạt chân lý cổ xưa, và điều này không phải không có lý do. Không thể mở rộng về chân lý nền tảng được che giấu trong lịch sử nghiệp quả của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và được mặc khải như một phần của giáo huấn ban cho các điểm đạo đồ bậc hai.

The second great life impulse, or life wave, initiated by our planetary Logos, when brought in conjunction with the first, was the basis of that activity which we call evolutionary energy; it resulted in a gradual unrolling, or revelation, of the divine form. The heavenly serpent manifested, being produced out of the egg, and began its convolutions, gaining in strength and majesty, and producing through its immense fecundity millions of lesser

Xung lực sự sống lớn thứ hai, hay làn sóng sự sống, do Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta khởi xướng, khi kết hợp với xung lực thứ nhất, đã là nền tảng của hoạt động mà chúng ta gọi là năng lượng tiến hoá; nó dẫn đến sự mở cuộn dần dần, hay sự mặc khải, của hình tướng thiêng liêng. Con rắn thiên giới biểu hiện, được sinh ra từ quả trứng, và bắt đầu những vòng cuộn của nó, lớn lên về sức mạnh và uy nghi, và qua khả năng sinh sản to lớn của nó tạo ra hàng triệu

"serpents." The reptile kingdom is the most important part of the animal kingdom in certain aspects, if such an apparently contradictory statement can be made. For all animal life can be seen passing through it during the prenatal stage, or returning to it when the form is in advanced decomposition. The connection is not purely a physical one, but it is also psychic. When the real nature and method of the kundalini, or serpent fire, is known, this relation will be better understood, and the history of the second round assume a new importance.

"con rắn" nhỏ hơn. Giới bò sát là phần quan trọng nhất của giới động vật trong một số phương diện, nếu có thể đưa ra một phát biểu có vẻ mâu thuẫn như vậy. Vì mọi sự sống động vật đều có thể được thấy đi qua nó trong giai đoạn tiền sinh, hoặc quay trở lại nó khi hình tướng ở trong tình trạng phân huỷ cao độ. Mối liên hệ này không thuần túy là hồng trần, mà còn là thông linh. Khi bản chất và phương pháp thực sự của kundalini, hay lửa rắn, được biết đến, mối liên hệ này sẽ được thấu hiểu rõ hơn, và lịch sử của cuộc tuần hoàn thứ hai sẽ mang một tầm quan trọng mới.

The secret of life lies hidden in the serpent stage,—not the life of the Spirit, but the life of the soul, and this will be revealed as the "serpent of the astral light" is truly approached, and duly studied. One of the four Lipika Lords, Who stand nearest to our planetary Logos, is called "The Living Serpent," and His emblem is a serpent of blue with one eye, in the form of a ruby, in its head. Students who care to carry the symbology a little further can connect this idea with the "eye of Shiva" which sees and knows all, and records all, as [Page 894] does the human eye in lesser degree; all is photographed upon the astral light, as the human eye receives impressions upon the retina. The same thought is frequently conveyed in the Christian Bible, in the Hebrew and Christian recognition of the all-seeing eye of God. The application and value of the hints here given may be apparent if the subject of the third eye is studied, and its relation to the spine, and the spinal currents investigated. This third eye is one of the objects of kundalinic vivification, and in the spinal territory there is first the centre at the base of the spine, the home of the sleeping fire. Next we have the triple channel along which that fire will travel in due course of evolution, and finally we find at the summit

Bí mật của sự sống ẩn giấu trong giai đoạn con rắn,—không phải sự sống của tinh thần, mà là sự sống của linh hồn, và điều này sẽ được mặc khải khi "con rắn của ánh sáng cảm dục" được tiếp cận đúng đắn và được nghiên cứu thích đáng. Một trong bốn Đấng Lipika, Đấng đứng gần Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhất, được gọi là "Con Rắn Sống," và biểu tượng của Ngài là một con rắn màu lam với một con mắt, dưới hình thức một viên hồng ngọc, ở trong đầu nó. Những đạo sinh nào muốn đẩy biểu tượng học đi xa hơn một chút có thể nối kết ý tưởng này với "mắt của Shiva" là cái thấy và biết mọi sự, và ghi lại mọi sự, cũng như [Page 894] mắt người làm điều đó ở mức độ nhỏ hơn; mọi sự đều được chụp lại trên ánh sáng cảm dục, cũng như mắt người tiếp nhận các ấn tượng trên võng mạc. Cùng một tư tưởng này thường được chuyển tải trong Kinh Thánh Cơ Đốc, trong sự công nhận của Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo về con mắt toàn tri của Thượng đế. Sự áp dụng và giá trị của những ám chỉ được đưa ra ở đây có thể sẽ rõ ràng nếu chủ đề về con mắt thứ ba được nghiên cứu, cùng mối liên hệ của nó với cột sống, và các dòng chảy trong cột sống được khảo sát. Con mắt thứ ba này là một trong những đối tượng của sự tiếp sinh lực kundalini, và trong khu vực cột sống trước

of the column, and surmounting all, that small organ called the pineal gland, which when vivified causes the third eye to open, and the beauties of the higher, subtler planes to stand revealed. All this physico-psychical occurrence is possible to man owing to certain events which happened to the Heavenly Serpent in the second, or serpent, round. These happenings necessitated the formation and evolution of that peculiar and mysterious family we call the reptilian. These forms of divine life are very intimately connected with the second planetary scheme, being responsive to energy emanating from that scheme, and reaching the earth via the second globe in the second chain. A group of special devas (connected with a particular *open* sound in the planetary Word), work with the reptile evolution.

hết có trung tâm ở đáy cột sống, nơi cư ngụ của ngọn lửa đang ngủ. Kế đó chúng ta có ba đường dẫn mà ngọn lửa ấy sẽ di chuyển theo trong tiến trình tiến hoá thích hợp, và cuối cùng chúng ta thấy ở đỉnh cột sống, và vượt lên trên tất cả, cơ quan nhỏ gọi là tuyến tùng, mà khi được tiếp sinh lực sẽ khiến con mắt thứ ba mở ra, và vẻ đẹp của các cõi cao hơn, vi tế hơn được mặc khải. Toàn bộ biến cố hồng trần-thông linh này trở nên khả hữu đối với con người nhờ một số sự kiện đã xảy ra cho Con Rắn Thiên Giới trong cuộc tuần hoàn thứ hai, hay cuộc tuần hoàn con rắn. Những biến cố này đòi hỏi sự hình thành và tiến hoá của họ đặc biệt và huyền bí mà chúng ta gọi là loài bò sát. Những hình thức sự sống thiêng liêng này liên hệ rất mật thiết với hệ hành tinh thứ hai, vì chúng đáp ứng với năng lượng phát ra từ hệ đó, và đến trái đất qua bầu hành tinh thứ hai trong dãy thứ hai. Một nhóm thiên thần đặc biệt (liên hệ với một âm thanh *mở* trong Linh từ hành tinh), làm việc với tiến hoá loài bò sát.

It should be noted here that this evolution on the etheric planes has a closer effect upon man than on the physical. If students will apply themselves to the consideration of these facts, to the investigation of the serpent lore in all lands, mythologies and scriptures, and if they will link up all this knowledge with that concerning those heavenly constellations which have a serpent appellation (such as, for instance, the Dragon), much [Page 895] illumination may come. If the intuition suffices, knowledge may then be imparted which will make clearer the connection between the physical bodies with their centres, and the psychic nature.

Cần lưu ý rằng tiến hoá này trên các cõi dĩ thái có ảnh hưởng gần gũi đến con người hơn là trên cõi hồng trần. Nếu các đạo sinh chuyên tâm xem xét các sự kiện này, khảo cứu truyền thuyết về rắn ở mọi xứ sở, thần thoại và kinh điển, và nếu họ nối kết toàn bộ tri thức này với tri thức liên quan đến những chòm sao thiên giới mang danh xưng con rắn (chẳng hạn như Rồng), thì nhiều [Page 895] soi sáng có thể đến. Nếu trực giác đủ mạnh, khi đó tri thức có thể được truyền đạt, điều sẽ làm sáng tỏ hơn mối liên hệ giữa các thể xác với các trung tâm của chúng, và bản chất thông linh.

The *bird kingdom* is specifically allied to the deva evolution. It is the bridging kingdom

Giới chim liên minh một cách đặc thù với tiến hoá thiên thần. Đó là giới bắt cầu giữa

between the purely deva evolution and two other manifestations of life.

First. Certain groups of devas who desire to pass into the human kingdom, having developed certain faculties, can do so via the bird kingdom, and certain devas who wish to get in communication with human beings can do so via the bird kingdom. This truth is hinted at in the Christian Bible and Christian religious representations by angels or devas being frequently represented as having wings. These cases are not many, as the usual method is for the devas gradually to work themselves towards individualisation through expansive feeling, but in the cases which do occur these devas pass several cycles in the bird kingdom, building in a response to a vibration which will ultimately swing them into the human family. In this way they become accustomed to the use of a gross form without the limitations, and impurities, which the animal kingdom engenders.

Second. Many devas pass out of the group of passive lives in the effort to become manipulating lives via the bird kingdom, and before becoming fairies, elves, gnomes, or other sprites, pass a certain number of cycles in the bird realm.

Why the two above events occur will not be apparent to the casual reader, nor will the true connection between the birds and the devas be accurately realised by the occult student unless he applies himself to the consideration of the "bird or swan out of time and space," and the place that birds play in the mysteries. Herein lies for him the clue. He must remember likewise the fact that every life of every degree, from a god to the most [Page 896] insignificant of the

tiến hoá thuần thiên thần và hai biểu hiện khác của sự sống.

Thứ nhất. Một số nhóm thiên thần mong muốn đi vào giới nhân loại, sau khi đã phát triển một số năng lực nhất định, có thể làm như vậy qua giới chim, và một số thiên thần muốn đi vào giao tiếp với con người cũng có thể làm như vậy qua giới chim. Chân lý này được ám chỉ trong Kinh Thánh Cơ Đốc và trong các hình tượng tôn giáo Cơ Đốc khi các thiên thần thường được mô tả là có cánh. Những trường hợp này không nhiều, vì phương pháp thông thường là các thiên thần dần dần tự tiến tới biệt ngã hóa qua cảm xúc mở rộng, nhưng trong những trường hợp có xảy ra, các thiên thần này trải qua vài chu kỳ trong giới chim, xây dựng nơi mình một sự đáp ứng với một rung động mà cuối cùng sẽ đưa chúng vào gia đình nhân loại. Bằng cách này chúng quen với việc sử dụng một hình tướng thô nặng mà không có những giới hạn và tạp chất do giới động vật tạo ra.

Thứ hai. Nhiều thiên thần rời khỏi nhóm các sự sống thụ động trong nỗ lực trở thành các sự sống thao tác qua giới chim, và trước khi trở thành tiên nữ, elf, gnome hay các tinh linh khác, chúng trải qua một số chu kỳ trong giới chim.

Vì sao hai biến cố trên xảy ra sẽ không rõ ràng đối với độc giả thông thường, và mối liên hệ thực sự giữa loài chim và các thiên thần cũng sẽ không được đạo sinh huyền bí học nhận biết chính xác trừ phi y chuyên tâm xem xét "con chim hay thiên nga vượt ngoài thời gian và không gian," và vai trò mà loài chim giữ trong các huyền nhiệm. Chính trong đó có đầu mối cho y. Y cũng phải nhớ sự kiện rằng mọi sự sống ở mọi cấp độ, từ một vị thần cho đến [Page 896] thiên thần nhỏ bé nhất hay đấng kiến tạo nhỏ nhất, vào

lesser devas, or builders, must at some time or another pass through the human family.

lúc nào đó đều phải đi qua gia đình nhân loại.

As H. P. B. has pointed out, *(S. D., Section X, Vol. I, 384, 435; II, 306.)* birds and serpents are closely connected with wisdom, and therefore with the psychic nature of God, of men, and of devas. The study of mythology should reveal certain stages and relationships which will make this matter clearer.

Như H. P. B. đã chỉ ra, *(S. D., Section X, Vol. I, 384, 435; II, 306.)* chim và rắn liên hệ chặt chẽ với minh triết, và do đó với bản chất thông linh của Thượng đế, của con người, và của các thiên thần. Việc nghiên cứu thần thoại sẽ làm lộ ra một số giai đoạn và mối liên hệ khiến vấn đề này sáng tỏ hơn.

The Elementals and Lesser Devas of Liquid Matter. A very interesting illustration of the interpenetration of all the living matter of creation can be seen in connection with the atmosphere surrounding our planet. In it is to be found:

Các hành khí và các thiên thần nhỏ của vật chất lỏng. Một minh hoạ rất thú vị về sự xuyên thấm lẫn nhau của toàn bộ vật chất sống của tạo thành có thể được thấy liên quan đến bầu khí quyển bao quanh hành tinh chúng ta. Trong đó có thể tìm thấy:

a. Moisture, or those living essences which are the liquid elementals.

a. Độ ẩm, hay những tinh chất sống là các hành khí lỏng.

b. Gaseous substance, or those lives which are linked to all fiery essences, being volatile and the result of heat.

b. Chất liệu khí, hay những sự sống liên kết với mọi tinh chất lửa, có tính bốc hơi và là kết quả của nhiệt.

c. Etheric matter, or the lowest orders of the devas of the ethers.

c. Vật chất dĩ thái, hay các cấp thấp nhất của các thiên thần của các dĩ thái.

This major triplicity, when in conjunction, produces that which we breathe, and that in which we live and move and have our being. To the thoughtful student the air is full of symbology, for it is a synthesis, and that which bridges the higher and the lower strata of manifestation.

Bộ ba lớn này, khi kết hợp với nhau, tạo ra cái mà chúng ta hít thở, và cái trong đó chúng ta sống, vận động và hiện hữu. Đối với đạo sinh biết suy tư, không khí đầy biểu tượng học, vì nó là một tổng hợp, và là cái bắt cầu giữa các tầng cao hơn và thấp hơn của biểu hiện.

We must centre our attention first upon those lives which constitute the sumtotal of all that is watery, and liquid throughout manifestation, and in dealing with this we must remember that we are concerned with the most occult of investigations, and with

Trước hết, chúng ta phải tập trung chú ý vào những sự sống tạo thành tổng số của mọi cái có tính nước và lỏng trong toàn bộ biểu hiện, và khi bàn đến điều này chúng ta phải nhớ rằng mình đang quan tâm đến một trong những khảo cứu huyền bí nhất, và đến

matters which are very closely connected with man's evolution.

những vấn đề liên hệ rất chặt chẽ với tiến hoá của con người.

The many groups of the water devas of the manipulatory class have been roughly grouped by mythological writers, under the terms undines, mermaids, and other [Page 897] expressions, but their diversity is great, and this will be necessarily apparent when it is remembered that the sumtotal of water upon the earth (oceans, seas, rivers, lakes and streams), far exceeds the dry portion, or land, and every drop of moisture is in itself a tiny life, fulfilling its function and running its cycle. The mythic forms above referred to are but those myriad lives built into a form through which an evolutionary deva is seeking expression.

Nhiều nhóm thiên thần nước thuộc loại thao tác đã được các tác giả thần thoại gom nhóm một cách đại khái dưới các thuật ngữ undine, nàng tiên cá, và những [Page 897] cách gọi khác, nhưng tính đa dạng của chúng rất lớn, và điều này tất yếu sẽ rõ ràng khi nhớ rằng tổng lượng nước trên trái đất (đại dương, biển, sông, hồ và suối) vượt xa phần khô, hay đất liền, và mỗi giọt ẩm tự thân là một sự sống nhỏ bé, hoàn thành chức năng của nó và vận hành chu kỳ của nó. Những hình thức thần thoại vừa được nhắc đến chỉ là những sự sống vô số ấy được xây dựng thành một hình tướng qua đó một thiên thần tiến hoá đang tìm cách biểu lộ.

The extreme interest of this subject might be expressed under certain statements which will give the student some idea of the close attention which should, and eventually will be paid to this subject of the deva lives of watery manifestation. As said above, the aggregate of these lives is greater than the aggregate of those lives which form the sum total of solid earth as we understand the term, even though they do not exceed the number of lives which form the gaseous portion of manifestation; this gaseous portion is found in the atmosphere, interpenetrating dense matter, and filling in a large degree the interior caverns of the planet. The microcosmic resemblance to the great Life of the planet is seen in the fact that both forms are but outer sheaths or frameworks, sheltering an inner "vault"; both forms are hollow, both have their negative and positive extremities, their poles, so to speak, and internally much proceeds affecting the outer evolutions.

Mối quan tâm cực lớn của chủ đề này có thể được diễn đạt qua một số phát biểu sẽ cho đạo sinh một ý niệm nào đó về sự chú ý sát sao nên được, và cuối cùng sẽ được, dành cho chủ đề này về các sự sống thiên thần của biểu hiện nước. Như đã nói ở trên, tổng số các sự sống này lớn hơn tổng số các sự sống tạo thành toàn bộ đất rắn như chúng ta hiểu thuật ngữ đó, dù chúng không vượt quá số lượng các sự sống tạo thành phần khí của biểu hiện; phần khí này được tìm thấy trong bầu khí quyển, xuyên thấm vật chất đậm đặc, và lấp đầy ở mức độ lớn các hang động bên trong hành tinh. Sự tương đồng tiểu thiên địa với Sự sống vĩ đại của hành tinh được thấy trong sự kiện rằng cả hai hình thức chỉ là những vỏ bọc hay khung sườn bên ngoài, che chở một "vòm" bên trong; cả hai hình thức đều rỗng, cả hai đều có các cực âm và dương của chúng, các cực của chúng, có thể nói như vậy, và bên trong nhiều điều diễn ra ảnh hưởng đến các tiến hoá bên ngoài.

One of the most occult of the planets, Neptune, presides over the "devas of the waters"; their presiding deva Lord, Varuna, the Raja of the astral plane, being an emanation from that planet. Students will find it of profound interest to study the close interaction therefore between:

Một trong những hành tinh huyền bí nhất, Sao Hải Vương, chủ trì các "thiên thần của nước"; vị Chúa Tể thiên thần chủ trì của họ, Varuna, Raja của cõi cảm dục, là một phát xạ từ hành tinh đó. Vì vậy, các đạo sinh sẽ thấy vô cùng thú vị khi nghiên cứu sự tương tác chặt chẽ giữa:

1. The sixth plane, the astral plane, and the sixth subplane of the physical plane, the liquid subplane. [Page 898]

1. Cõi thứ sáu, cõi cảm dục, và cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần, cõi phụ lỏng. [Page 898]

2. The sixth subplane of each plane in the solar system, and their relation to each other.

2. Cõi phụ thứ sáu của mỗi cõi trong hệ mặt trời, và mối liên hệ của chúng với nhau.

Herein will be found one reason why men of a relatively low type of physical body, and having an astral body with some sixth subplane matter in it are responsive to higher things and have a spiritual aspiration. The influence emanating from the sixth subplane of the buddhic plane calls out a reciprocal response from the sixth subplane matter in other bodies, and the sixth principle of buddhi under the Law of Correspondences intensifies that vibration.

Chính trong đó có một lý do vì sao những người có loại thể xác tương đối thấp, và có thể cảm dục chứa một ít vật chất cõi phụ thứ sáu, lại đáp ứng với những điều cao hơn và có một khát vọng tinh thần. Ảnh hưởng phát ra từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề gọi ra một sự đáp ứng tương hỗ từ vật chất cõi phụ thứ sáu trong các thể khác, và nguyên khí thứ sáu, Bồ đề, dưới định luật tương ứng làm tăng cường rung động đó.

The name Neptune is one under which the planetary Logos of one of the major three schemes is known upon our planet. Certain of His influences and energies affect paramountly the deva essence of this sixth subplane matter, reaching them via the Raja Lord Varuna. This knowledge is of practical value astrologically, for it will enable men to understand the nature of their own physical bodies, and above all of their astral bodies. It is an occult fact that the type of astral matter in a man's body decides the quality of the watery substance of his physical body. There is, in occultism, no dissociating the physico-psychic natures, for the latter

Tên Sao Hải Vương là một danh xưng mà dưới đó Đức Hành Tinh Thượng Đế của một trong ba hệ lớn được biết đến trên hành tinh chúng ta. Một số ảnh hưởng và năng lượng của Ngài tác động chủ yếu lên tinh chất thiên thần của vật chất cõi phụ thứ sáu này, đến với chúng qua Chúa Tể Raja Varuna. Tri thức này có giá trị thực tiễn về mặt chiêm tinh, vì nó sẽ giúp con người hiểu bản chất của chính thể xác mình, và trên hết là của thể cảm dục của mình. Đó là một sự kiện huyền bí rằng loại vật chất cảm dục trong thân thể của một người quyết định phẩm tính của chất liệu nước trong thể xác của y. Trong huyền bí học, không có sự tách rời

determines the former. The planet Neptune therefore has a profound effect and a close connection under the Law of Correspondences with the sixth, or astral plane, which is the plane of the liquid portion of the logoic physical body, with the sixth subplane of the physical plane, or with the liquid portion of the human physical body and of the planetary physical body, also with the sixth type of energy or force, or the sixth ray.

giữa bản chất hồng trần-thông linh, vì cái sau quyết định cái trước. Do đó, hành tinh Sao Hải Vương có một ảnh hưởng sâu xa và một mối liên hệ chặt chẽ dưới định luật tương ứng với cõi thứ sáu, hay cõi cảm dục, là cõi của phần lỏng trong thể xác của Thượng đế, với cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần, hay với phần lỏng của thể xác con người và của thể xác hành tinh, cũng như với loại năng lượng hay mãnh lực thứ sáu, hay cung sáu.

The major scheme over which Neptune presides forms a systemic triangle of great interest for esoteric astrologers with the sixth scheme and one other. This is symbolised in the three pronged trident which the god Neptune [Page 899] is always portrayed as holding, the prongs being literally the symbolic triangles connected with each other by three lines of force.

Hệ lớn mà Sao Hải Vương chủ trì tạo thành một tam giác hệ thống rất đáng quan tâm đối với các nhà chiêm tinh học nội môn cùng với hệ thứ sáu và một hệ khác nữa. Điều này được biểu tượng hóa trong cây đinh ba mà thần Neptune [Page 899] luôn được mô tả là cầm trong tay, các mũi nhọn thực sự là những tam giác biểu tượng nối kết với nhau bằng ba đường mãnh lực.

This planet has also a vital relation to the sixth logoic principle, or Buddhi, and therefore the sixth principle of man. No man begins to co-ordinate the buddhic vehicles until he comes under Neptunian influence in some life or another. When this is the case, his personality horoscope will show Neptunian influence dominating somewhere.

Hành tinh này cũng có một mối liên hệ thiết yếu với nguyên khí thứ sáu của Thượng đế, hay Bồ đề, và do đó với nguyên khí thứ sáu của con người. Không ai bắt đầu phối hợp các vận cụ Bồ đề cho đến khi y chịu ảnh hưởng của Sao Hải Vương trong một kiếp sống nào đó. Khi điều này xảy ra, lá số chiêm tinh phàm ngã của y sẽ cho thấy ảnh hưởng của Sao Hải Vương chi phối ở đâu đó.

The Neptunian scheme governs one of the three paths of return, and gathers to itself eventually all those Egos who attain primarily through the manipulation of the sixth type of energy usually called devotion. It is Neptunian influence likewise which presides over and makes possible the second Initiation, wherein the initiate produces results in the astral body, and wherein his astral centres are the object of the Hierophant's attention. This particular type of energy flows through three centres:

Hệ Sao Hải Vương cai quản một trong ba con đường trở về, và cuối cùng thu hút về mình tất cả những Chân ngã đạt được chủ yếu qua sự thao tác loại năng lượng thứ sáu thường được gọi là sùng tín. Cũng chính ảnh hưởng của Sao Hải Vương chủ trì và làm cho lần điểm đạo thứ hai trở nên khả hữu, trong đó điểm đạo đồ tạo ra các kết quả trong thể cảm dục, và trong đó các trung tâm cảm dục của y là đối tượng chú ý của Đấng Điểm đạo. Loại năng lượng đặc biệt này chảy qua ba trung tâm:

a. That particular head centre which is linked to the heart centre.

b. The heart centre.

c. The solar plexus.

The planet Neptune, along with the planetary Logos of the sixth ray controls the astral centres in man. This statement involves much esoteric macrocosmic significance. When it is remembered that all centres—human and divine—are composed of deva essence, the connection between this influence and the devas, and their reflex effect upon man, will immediately become apparent.

In the mystery of the sea and the secret of its occult "drying up" or absorption, will be revealed eventually the significance underlying: [Page 900]

a. The sex impulse, macrocosmically and microcosmically interpreted.

b. The cessation of desire.

c. The direction of fire to the throat centre instead of to the generative organs.

d. Pralaya and obscuration.

e. The meaning of the words "There shall be no more sea" found in the Christian Bible.

When meditating upon these thoughts, students will find it well to bear in mind the fact that Neptune is one of the major or synthesising planets, that it is an "absorbing" or "abstracting" planet, and that

a. Trung tâm đầu đặc biệt được nối kết với trung tâm tim.

b. Trung tâm tim.

c. Tùng thái dương.

Hành tinh Sao Hải Vương, cùng với Đức Hành Tinh Thượng Đế của cung sáu, kiểm soát các trung tâm cảm dục trong con người. Phát biểu này bao hàm nhiều thâm nghĩa nội môn về đại thiên địa. Khi nhớ rằng mọi trung tâm—nhân loại và thiêng liêng—đều được cấu thành từ tinh chất thiên thần, mối liên hệ giữa ảnh hưởng này và các thiên thần, cùng tác động phản chiếu của chúng lên con người, sẽ lập tức trở nên rõ ràng.

Trong huyền nhiệm của biển cả và bí mật của sự "khô cạn" hay hấp thụ huyền bí của nó, cuối cùng sẽ được mặc khải thâm nghĩa nằm bên dưới: [Page 900]

a. Xung lực tính dục, được giải thích theo đại thiên địa và tiểu thiên địa.

b. Sự chấm dứt của dục vọng.

c. Sự hướng lửa đến trung tâm cổ họng thay vì đến các cơ quan sinh dục.

d. Giai kỳ qui nguyên và sự che khuất.

e. Ý nghĩa của những lời "Sẽ không còn biển nữa" được tìm thấy trong Kinh Thánh Cơ Đốc.

Khi tham thiền về những tư tưởng này, các đạo sinh sẽ thấy hữu ích khi ghi nhớ sự kiện rằng Sao Hải Vương là một trong những hành tinh lớn hay tổng hợp, rằng nó là một hành tinh "hấp thụ" hay "trừu xuất," và rằng

it is connected with the process whereby eventual perfection is demonstrated. The Son is made perfect, and the cosmic incarnation is brought to a close.

nó liên hệ với tiến trình qua đó sự toàn hảo tối hậu được biểu lộ. Người Con được làm cho toàn hảo, và sự nhập thể vũ trụ được đưa đến chỗ kết thúc.

There is again a very close esoteric connection between the fact lying behind the Biblical words "the Spirit of God moved upon the face of the waters," *(Bible. Gen., 1:2.)* and the ordered lawful activity of the Great Mother as she performs her work of body-building under the impulse of desire. The true relation between the astral plane and the physical plane will only become apparent as students carefully bear in mind that the astral plane of the solar system is the sixth subplane of the cosmic physical plane, and constitutes the sumtotal of the liquid substance of the logoic physical body. When this is realised, the work of the deva essence takes due place; the factor of desire, or of astral motion, and its reflex action upon the physical body via the sixth subplane will become apparent, and the Great Mother will be seen actively engaged, under the influence of desire, in the work of building, nourishing, and producing that warmth and moisture which make manifestation possible. The Mother is the greatest of the devas, and closely linked [Page 901] with the devas of the waters, for moisture of some kind or another is an essential to all life.

Lại có một mối liên hệ huyền bí rất chặt chẽ giữa sự kiện nằm sau những lời trong Kinh Thánh "Thần của Thượng đế vận hành trên mặt nước," *(Bible. Gen., 1:2.)* và hoạt động có trật tự theo luật của Đại Mẫu khi Bà thực hiện công việc xây dựng thân thể dưới xung lực của dục vọng. Mối liên hệ thực sự giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần sẽ chỉ trở nên rõ ràng khi các đạo sinh cẩn thận ghi nhớ rằng cõi cảm dục của hệ mặt trời là cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ, và tạo thành tổng số chất liệu lỏng của thể xác của Thượng đế. Khi nhận biết điều này, công việc của tinh chất thiên thần sẽ có vị trí thích đáng; yếu tố dục vọng, hay chuyển động cảm dục, và tác động phản chiếu của nó lên thể xác qua cõi phụ thứ sáu sẽ trở nên rõ ràng, và Đại Mẫu sẽ được thấy đang tích cực tham gia, dưới ảnh hưởng của dục vọng, vào công việc xây dựng, nuôi dưỡng, và tạo ra sự ấm áp cùng độ ẩm khiến biểu hiện trở nên khả hữu. Mẹ là vĩ đại nhất trong các thiên thần, và liên hệ chặt chẽ [Page 901] với các thiên thần của nước, vì một loại độ ẩm nào đó là điều thiết yếu cho mọi sự sống.

The sixth principle, therefore, or the love aspect (the Christ principle), and the sixth plane, are connected; there is an interplay of energy between the fourth cosmic ether, or buddhic energy, and the sixth plane, or astral energy. The devas on both these planes belong essentially to groups over which Neptunian influence presides, hence the astral plane can, and eventually will, directly reflect the buddhic.

Do đó, nguyên khí thứ sáu, hay phương diện tình thương (nguyên khí Christ), và cõi thứ sáu có liên hệ với nhau; có một sự tương tác năng lượng giữa dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay năng lượng Bồ đề, và cõi thứ sáu, hay năng lượng cảm dục. Các thiên thần trên cả hai cõi này về bản chất thuộc về những nhóm mà ảnh hưởng của Sao Hải Vương chủ trì, vì thế cõi cảm dục có thể, và cuối cùng sẽ, phản chiếu trực tiếp cõi Bồ đề.

The *greater building devas* on the second plane of the solar system, the monadic plane or the second cosmic ether, direct the energies of the manipulating devas of the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

Các *đấng đại kiến tạo thiên thần* trên cõi thứ hai của hệ mặt trời, cõi chân thần hay dĩ thái vũ trụ thứ hai, chỉ đạo các năng lượng của các thiên thần thao tác của dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề.

The *manipulating devas* of the fourth cosmic ether will, in due course of evolution, work out the plan in objective perfection through the medium of the living substance of the lesser devas of the liquid or astral plane. When they have done this two results will be seen: first, the astral plane will perfectly reflect the buddhic plane and, secondly, the result of that will be that the physical plane will produce the exact vehicle needed for microcosmic or macrocosmic expression through the force of water, or desire.

Các *thiên thần thao tác* của dĩ thái vũ trụ thứ tư, trong tiến trình tiến hoá thích hợp, sẽ thực hiện Thiên Cơ đến mức toàn hảo khách quan qua trung gian của chất liệu sống của các thiên thần nhỏ của cõi lỏng hay cõi cảm dục. Khi họ đã làm xong điều này, sẽ thấy hai kết quả: thứ nhất, cõi cảm dục sẽ phản chiếu hoàn hảo cõi Bồ đề và, thứ hai, kết quả của điều đó sẽ là cõi hồng trần tạo ra đúng vận cụ cần thiết cho sự biểu lộ tiểu thiên địa hay đại thiên địa qua mãnh lực của nước, hay dục vọng.

All this is revealed to esotericists in the symbology of the circulatory system in man. As the blood system, with its two types of channels (arteries and veins) and its two types of builders (the red and the white corpuscles), is studied from the occult standpoint, much will be ascertained of a revolutionary nature. The laws of the path of outgoing, and of the path of return, with the two groups of deva lives therein concerned, will be apprehended by man. A further hint may here be given. In the physical body of man in connection with the circulatory system, we find, in the three factors—the heart, the arteries, and the veins—the clue to the three types [Page 902] of devas, and also to the systemic triangle which they represent, and further, to the three modes of divine expression. There is a planetary as well as a systemic circulation, and it is carried on through the medium of deva substance everywhere, macrocosmically as well as microcosmically.

Tất cả điều này được mặc khải cho các nhà bí truyền học trong biểu tượng học của hệ tuần hoàn nơi con người. Khi hệ máu, với hai loại kênh của nó (động mạch và tĩnh mạch) và hai loại đấng kiến tạo của nó (huyết cầu đỏ và huyết cầu trắng), được nghiên cứu từ quan điểm huyền bí, nhiều điều có tính cách mạng sẽ được xác định. Các định luật của con đường đi ra, và của con đường trở về, cùng với hai nhóm sự sống thiên thần liên quan trong đó, sẽ được con người lĩnh hội. Ở đây có thể đưa ra thêm một ám chỉ. Trong thể xác con người, liên hệ với hệ tuần hoàn, chúng ta thấy, trong ba yếu tố—tim, động mạch, và tĩnh mạch—đầu mối cho ba loại [Page 902] thiên thần, và cũng cho tam giác hệ thống mà chúng biểu hiện, và hơn nữa, cho ba phương thức biểu lộ thiêng liêng. Có một sự tuần hoàn hành tinh cũng như hệ thống, và nó được thực hiện qua trung gian của chất liệu thiên thần ở khắp nơi, trên bình diện đại thiên địa cũng như tiểu thiên địa.

The devas of the sixth physical subplane can be divided into three groups, and these again into seven and into forty-nine, thus corresponding with all groups in the solar system. These groups (in their essential nature) respond to that "which lies above more than that which lies below," which is only an occult way of expressing a relationship of an intimate nature between the devas of fire and the devas of water, and a negation of a close connection between the water devas and the earth. Occultly expressed, through the action of the fire devas, the water devas find liberation.

Các thiên thần của cõi phụ hồng trần thứ sáu có thể được chia thành ba nhóm, và các nhóm này lại chia thành bảy và thành bốn mươi chín, do đó tương ứng với mọi nhóm trong hệ mặt trời. Các nhóm này (trong bản chất thiết yếu của chúng) đáp ứng với "cái nằm bên trên nhiều hơn cái nằm bên dưới," đó chỉ là một cách diễn đạt huyền bí về một mối liên hệ mật thiết giữa các thiên thần của lửa và các thiên thần của nước, và là sự phủ nhận một mối liên hệ chặt chẽ giữa các thiên thần nước và đất. Được diễn đạt theo huyền bí học, qua hoạt động của các thiên thần lửa, các thiên thần nước tìm thấy sự giải thoát.

The devas of water find for themselves the path of service in their great work of nourishing all the vegetable and animal life upon the planet; the goal for them is to enter into that higher group of devas which we call the gaseous or fire devas. These, through the action of their fire upon the waters, produce that sequence of evaporation, condensation, and eventual precipitation which—through its constant activity—nourishes all life upon the earth. Thus again can the psychic laws of love be seen at work in the deva kingdom as in the human; first, the withdrawal or segregation of the unit from the group (called individualisation in man, and evaporation in the water realm). Next, condensation, or the amalgamation of the unit with a newer or higher group, this we call condensation for the devas of the waters, and initiation in man; finally, the sacrifice of the group of human or deva atoms to the good of the whole. So does the law of service and sacrifice govern all the second aspect divine in all its departments great [Page 903] or small. Such is the law. But in the human kingdom, though love is the fulfilling of the law, it is arrived at along the path of pain and sorrow, and every true lover and server of humanity is stretched

Các thiên thần nước tìm thấy cho mình con đường phụng sự trong công việc lớn lao là nuôi dưỡng toàn bộ sự sống thực vật và động vật trên hành tinh; mục tiêu của họ là đi vào nhóm thiên thần cao hơn mà chúng ta gọi là các thiên thần khí hay thiên thần lửa. Những vị này, qua tác động của lửa của họ lên nước, tạo ra chuỗi bốc hơi, ngưng tụ, và cuối cùng là giáng thủy, mà—qua hoạt động liên tục của nó—nuôi dưỡng toàn bộ sự sống trên trái đất. Như vậy, một lần nữa có thể thấy các định luật thông linh của tình thương đang hoạt động trong giới thiên thần cũng như trong giới nhân loại; trước hết, sự rút lui hay tách riêng của đơn vị ra khỏi nhóm (được gọi là biệt ngã hóa nơi con người, và là bốc hơi trong giới nước). Kế đó, sự ngưng tụ, hay sự hòa nhập của đơn vị với một nhóm mới hơn hay cao hơn, điều này chúng ta gọi là ngưng tụ đối với các thiên thần của nước, và là điểm đạo nơi con người; cuối cùng, sự hi sinh của nhóm các nguyên tử người hay thiên thần cho thiện ích của toàn thể. Như thế định luật phụng sự và hi sinh cai quản toàn bộ phương diện thiêng liêng thứ hai trong mọi bộ phận lớn [Page 903] hay nhỏ. Đó là định luật. Nhưng trong giới nhân loại, dù tình thương là sự hoàn tất của định luật, nó đạt được dọc theo con

upon the cross until for them the sixth principle dominates, and the sixth type of matter in their bodies is completely subjected to the higher energy. (282) In the case of the devas, love is the fulfilling of the law without pain or sorrow. It is for them the line of least resistance, for they are the mother aspect, the feminine side of manifestation, and the easy path for them is to give, to nourish, and to tend. Therefore, the devas of the waters pour themselves out in service to the vegetable and animal kingdoms, and in the transmutative fires all that holds them on the sixth subplane will eventually be overcome, and through occult "distillation and evaporation" these devas will eventually form part of the gaseous fiery group and become those fires which are the basis of the divine alchemy.

đường đau đớn và buồn khổ, và mọi người thực sự yêu thương và phụng sự nhân loại đều bị căng trên thập giá cho đến khi đối với họ nguyên khí thứ sáu chi phối, và loại vật chất thứ sáu trong các thể của họ hoàn toàn chịu sự chi phối của năng lượng cao hơn. (282) Trong trường hợp của các thiên thần, tình thương là sự hoàn tất của định luật mà không có đau đớn hay buồn khổ. Đối với họ, đó là con đường ít trở ngại nhất, vì họ là phương diện mẹ, mặt nữ tính của biểu hiện, và con đường dễ dàng đối với họ là cho đi, nuôi dưỡng, và chăm sóc. Do đó, các thiên thần của nước tuôn đổ chính mình ra trong sự phụng sự đối với giới thực vật và giới động vật, và trong những ngọn lửa chuyển hoá, mọi điều giữ họ lại trên cõi phụ thứ sáu cuối cùng sẽ được vượt qua, và qua sự "chưng cất và bốc hơi" huyền bí, các thiên thần này cuối cùng sẽ tạo thành một phần của nhóm khí lửa và trở thành những ngọn lửa là nền tảng của thuật luyện kim thiêng liêng.

Speaking generally, it must be remembered that the earth devas of densest matter become, in the course of evolution, the devas of the waters, and find their way eventually on to the astral plane, the cosmic liquid; the devas of the waters of the physical plane find their way, through service, on to the gaseous subplane, and then to the cosmic gaseous, becoming the devas of the mental plane. This literally and occultly constitutes the transmutation of desire into thought.

Nói chung, phải nhớ rằng các thiên thần đất của vật chất đậm đặc nhất, trong tiến trình tiến hoá, trở thành các thiên thần của nước, và cuối cùng tìm đường lên cõi cảm dục, chất lỏng vũ trụ; các thiên thần của nước của cõi hồng trần tìm đường, qua phụng sự, lên cõi phụ khí, rồi đến cõi khí vũ trụ, trở thành các thiên thần của cõi trí. Điều này theo nghĩa đen và theo huyền bí học tạo thành sự chuyển hoá dục vọng thành tư tưởng.

The gaseous devas become eventually the devas of the fourth ether, and from thence in long aeons, find their way to the cosmic fourth ether, the buddhic plane. These three groups are therefore cosmically connected with: [Page 904]

Các thiên thần khí cuối cùng trở thành các thiên thần của dĩ thái thứ tư, và từ đó trong những đại kiếp dài lâu, tìm đường đến dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề. Do đó, ba nhóm này có liên hệ vũ trụ với: [Page 904]

1. The cosmic astral plane and the constellation whence emotional and desire energy originates.

1. Cõi cảm dục vũ trụ và chòm sao từ đó năng lượng cảm xúc và dục vọng phát sinh.

2. The cosmic mental plane, and therefore with the constellation Sirius.

2. Cõi trí vũ trụ, và do đó với chòm sao Sirius.

3. The cosmic buddhic plane, and the constellation of the Pleiades.

3. Cõi Bồ đề vũ trụ, và chòm sao Pleiades.

Thus can the whole process be worked out, if man carefully studies his own nature, and the law of analogy.

Như vậy toàn bộ tiến trình có thể được triển khai, nếu con người cẩn thận nghiên cứu bản chất của chính mình, và định luật tương đồng.

The Devas of the Gaseous Subplane. In dealing with the elementals, or lesser devas, under the manipulatory devas of this extensive group, we are dealing with the devas of fire, and with the fiery essences of substantial nature which can be seen manifesting in myriads of forms. Certain of the subdivisions of this group are known to students, such as:

Các thiên thần của cõi phụ khí. Khi bàn đến các hành khí, hay các thiên thần nhỏ, dưới quyền các thiên thần thao tác của nhóm rộng lớn này, chúng ta đang bàn đến các thiên thần của lửa, và các tinh chất lửa có bản chất chất liệu có thể được thấy biểu hiện trong vô số hình thức. Một số phân nhóm của nhóm này đã được các đạo sinh biết đến, chẳng hạn như:

The Salamanders, or the fiery lives which can be seen by clairvoyants leaping in the flames of a furnace or of a volcano; this group can be subdivided into four groups according to color—red, orange, yellow, and violet—the last of which approximate very closely to the devas of the fourth ether.

Các Salamander, hay những sự sống lửa mà các nhà thông nhãn có thể thấy đang nhảy múa trong ngọn lửa của lò nung hay núi lửa; nhóm này có thể được chia thành bốn nhóm theo màu sắc—đỏ, cam, vàng, và tím—trong đó nhóm cuối cùng rất gần với các thiên thần của dĩ thái thứ tư.

The Agnichaitans; this is a term applied to the fiery lives, which are the sumtotal of the plane substance, as seen in the first part of our treatise, and also to the tiny essences which compose the fires of manifestation. As the nature of physical plane electricity is understood and studied, and its true condition realised, the reality of the

Các Agnichaitan; đây là một thuật ngữ được áp dụng cho những sự sống lửa, là tổng số chất liệu cõi, như đã thấy trong phần đầu của luận thuyết chúng ta, và cũng cho những tinh chất nhỏ bé cấu thành các ngọn lửa của biểu hiện. Khi bản chất của điện lực cõi hồng trần được thấu hiểu và nghiên cứu, và tình trạng thực sự của nó được chứng

existence of these agnichaitans will stand revealed.

nghiệm, thực tại về sự tồn tại của các agnichaitan này sẽ được mặc khải.

As the race becomes clairvoyant, as it surely will in a great degree before the close of this rootrace, these gaseous devas will stand revealed, and men will realise that they are working with fiery lives, and that they are themselves closely allied to these lives through the fires of their own bodies. The clairvoyance which is in process [Page 905] of developing in this rootrace is entirely physical, and, under the law, its development is to be anticipated, for the Aryan rootrace is that one wherein man—in this fourth round—comes to full self-consciousness. This involves complete physical vision, and the use in perfection of the three physical plane senses of hearing, touch, and sight. In the next rootrace, astral clairvoyance will be prevalent, though not universal, and thus contact with the buddhic plane will be more easily achieved. In the earlier rootraces of the next round, the fifth, there will be a recapitulation of the activities of this round, until, in the fifth rootrace, the sumtotal of that achieved in this round will be seen. Men will then begin to demonstrate mental clairvoyance. Thus the cycles mingle and overlap, in order that no unit of life, however small and unimportant, may fail in opportunity.

Khi nhân loại trở nên thông nhãn, như chắc chắn sẽ xảy ra ở mức độ lớn trước khi kết thúc giống dân gốc này, các thiên thần khí này sẽ được mặc khải, và con người sẽ nhận ra rằng họ đang làm việc với những sự sống lửa, và rằng chính họ cũng liên hệ chặt chẽ với những sự sống này qua các ngọn lửa trong chính các thể của mình. Thông nhãn đang trong tiến trình [Page 905] phát triển trong giống dân gốc này hoàn toàn là hồng trần, và theo định luật, sự phát triển của nó là điều có thể được dự kiến, vì giống dân gốc Arya là giống dân trong đó con người—trong cuộc tuần hoàn thứ tư này—đạt đến ngã thức trọn vẹn. Điều này bao hàm linh thị hồng trần hoàn chỉnh, và việc sử dụng hoàn hảo ba giác quan của cõi hồng trần là thính giác, xúc giác, và thị giác. Trong giống dân gốc kế tiếp, thông nhãn cảm dục sẽ phổ biến, dù không phải là phổ quát, và như vậy sự tiếp xúc với cõi Bồ đề sẽ đạt được dễ dàng hơn. Trong các giống dân gốc đầu tiên của cuộc tuần hoàn kế tiếp, cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ có một sự lặp lại các hoạt động của cuộc tuần hoàn này, cho đến khi, trong giống dân gốc thứ năm, tổng số những gì đạt được trong cuộc tuần hoàn này sẽ được thấy. Khi đó con người sẽ bắt đầu biểu lộ thông nhãn trên cõi trí. Như vậy các chu kỳ hòa lẫn và chồng lấp lên nhau, để không một đơn vị sự sống nào, dù nhỏ bé và không quan trọng đến đâu, bị thiếu cơ hội.

These agnichaitans of the third subplane come particularly under the influence of Saturnian energy. They are the great fusers of substance, and it is in connection with them that the transmutation of metals becomes possible. They have a relationship to the mineral kingdom analogous to that which the watery devas have to the

Các agnichaitan của cõi phụ thứ ba đặc biệt nằm dưới ảnh hưởng của năng lượng Sao Thổ. Chúng là những đấng dung hợp lớn của chất liệu, và chính liên hệ với chúng mà sự chuyển hoá kim loại trở nên khả hữu. Chúng có một mối liên hệ với giới kim thạch tương tự như mối liên hệ mà các thiên thần nước có với giới thực vật và giới động vật. Như sẽ

vegetable and animal. They are, as will be apparent, connected with the throat centre of a planetary Logos and of a solar Logos, and it is through their activity that the transmission of sound through the air becomes possible. It might surprise students and inventors could they but realise that the present rapid growth of wireless communication everywhere is due to the swinging into contact with the human vibration of a group of fiery deva lives hitherto uncontacted.

rõ ràng, chúng liên hệ với trung tâm cổ họng của một Đức Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế, và chính nhờ hoạt động của chúng mà sự truyền âm thanh qua không khí trở nên khả hữu. Các đạo sinh và các nhà phát minh có thể sẽ ngạc nhiên nếu họ có thể nhận ra rằng sự phát triển nhanh chóng hiện nay của truyền thông vô tuyến ở khắp nơi là do một nhóm sự sống thiên thần lửa từ trước đến nay chưa được tiếp xúc đang dao động để tiếp xúc với rung động của con người.

Just as each plane has its seven subplanes, so likewise each subplane can be subdivided, thus making forty-nine fires on every plane, or the three hundred and forty-three fires of the solar system. Herein can be found the clue to the mystery of the "fourth between the three" [Page 906] which has at times bewildered students of the occult records. There are several ways of reading these figures, 3 4 3, but the only occult method which can be hinted at here, lies in the recognition of the three higher planes, the three lower planes, the fourth plane of meeting between them. This fourth plane has occultly been called "the meeting place." When it is remembered that the goal for these gaseous devas is the fourth cosmic ether, or the buddhic plane and that they (in their major and minor groups) are the internal macrocosmic and microcosmic fires, some idea may be gained as to the true significance of the eventual at-one-ment between the two lines of evolution for the goal for man likewise is the buddhic plane.

Cũng như mỗi cõi có bảy cõi phụ của nó, thì mỗi cõi phụ cũng có thể được phân chia, do đó tạo thành bốn mươi chín ngọn lửa trên mỗi cõi, hay ba trăm bốn mươi ba ngọn lửa của hệ mặt trời. Chính trong đó có thể tìm thấy đầu mối cho huyền nhiệm của "thứ tư ở giữa ba" [Page 906] điều đôi khi đã làm bối rối các đạo sinh của các biên niên huyền bí. Có nhiều cách đọc các con số này, 3 4 3, nhưng phương pháp huyền bí duy nhất có thể được ám chỉ ở đây nằm trong sự nhận biết ba cõi cao, ba cõi thấp, và cõi thứ tư là nơi gặp gỡ giữa chúng. Cõi thứ tư này theo huyền bí học đã được gọi là "nơi gặp gỡ." Khi nhớ rằng mục tiêu của các thiên thần khí này là dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay cõi Bồ đề, và rằng họ (trong các nhóm lớn và nhỏ của mình) là những ngọn lửa bên trong của đại thiên địa và tiểu thiên địa, có thể có được một ý niệm nào đó về thâm nghĩa thực sự của sự hợp nhất tối hậu giữa hai đường tiến hoá vì mục tiêu của con người cũng là cõi Bồ đề.

On the third subplane, therefore, in its fifth division of deva essences, certain groups are now being contacted in this, the fifth rootrace; the result of this contact can be seen in the stimulation of responsive vibration, which is demonstrated already in

Do đó, trên cõi phụ thứ ba, trong phân bộ thứ năm của các tinh chất thiên thần, hiện nay một số nhóm đang được tiếp xúc trong giống dân gốc thứ năm này; kết quả của sự tiếp xúc này có thể được thấy trong sự kích thích rung động đáp ứng, vốn đã được biểu lộ

the discovery of wireless intercourse and of radium.

trong việc khám phá giao tiếp vô tuyến và radium.

There will also be seen a paralleling increased vibration of the human spirillae which will result, before the end of the round, in the awakening to full activity of the fifth spirilla of the human physical permanent atom.

Cũng sẽ thấy một sự gia tăng rung động song hành của các loa tuyến con người, điều sẽ dẫn đến, trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn, sự thức tỉnh vào hoạt động trọn vẹn của loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn hồng trần của con người.

Hence the work of the Mahachohan at this time in connection with seventh ray (which is temporarily acting as the synthesis of the five types of energy over which He presides), might be summed up as follows:

Do đó, công việc của Đức Mahachohan vào lúc này liên hệ với cung bảy (tạm thời đang hoạt động như sự tổng hợp của năm loại năng lượng mà Ngài chủ trì) có thể được tóm lược như sau:

First, He is utilising the seventh type of energy in order to further the recognition by the human unit of the subtler substance of the physical plane. This seventh ray is a primary factor in the production of objectivity. The energy of the planetary Logos of the seventh scheme dominates the seventh plane; it is the ray whereon deva substance and Spirit can meet and adapt [Page 907] themselves to each other with greater facility than on any other ray except the third.

Thứ nhất, Ngài đang sử dụng loại năng lượng thứ bảy để thúc đẩy sự nhận biết của đơn vị nhân loại về chất liệu vi tế hơn của cõi hồng trần. Cung bảy này là một yếu tố chủ yếu trong việc tạo ra tính khách quan. Năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ thứ bảy chi phối cõi thứ bảy; đó là cung mà trên đó chất liệu thiên thần và tinh thần có thể gặp nhau và thích ứng [Page 907] với nhau dễ dàng hơn trên bất kỳ cung nào khác ngoại trừ cung ba.

Man, at present, is fully conscious, through some one or other of his senses, on the three lower subplanes; it is intended that he shall be equally conscious on the four higher. This has to be brought about by the stimulation of the deva substance which composes his bodies. This will be accomplished through the dynamic will of the transmitting devas as they energise the manipulatory devas, and thus affect the myriads of lesser lives which compose man's body, and also by an increased responsiveness of the indwelling man or thinker to the contact made upon his body. This increased awareness will be brought about by the arousing of the fifth

Hiện nay, con người hoàn toàn hữu thức, qua giác quan này hay giác quan khác của mình, trên ba cõi phụ thấp; dự định là y sẽ hữu thức tương đương trên bốn cõi phụ cao hơn. Điều này phải được thực hiện bằng sự kích thích chất liệu thiên thần cấu thành các thể của y. Điều này sẽ được hoàn thành qua ý chí năng động của các thiên thần truyền dẫn khi họ tiếp năng lượng cho các thiên thần thao tác, và như thế ảnh hưởng đến vô số sự sống nhỏ hơn cấu thành thân thể của con người, và cũng bằng sự đáp ứng gia tăng của con người nội tại hay thức giả đối với sự tiếp xúc được tạo ra trên thân thể của y. Sự nhận biết gia tăng này sẽ được mang lại bởi sự

spirilla, by the unfolding of the fifth petal in the egoic lotus, and by the gradual opening of the third eye through the arousing and uniform activity of five factors: the centre at the base of the spine, the three channels in the spinal column, and the pineal gland.

khơi dậy loa tuyến thứ năm, bởi sự khai mở cánh hoa thứ năm trong Hoa Sen Chân Ngã, và bởi sự mở dần dần của con mắt thứ ba qua sự khơi dậy và hoạt động đồng đều của năm yếu tố: trung tâm ở đáy cột sống, ba đường dẫn trong cột sống, và tuyến tùng.

All these factors involve the activity of deva essence, plus the resultant awareness of the thinker. This will be followed by the conscious use of the newly-awakened powers. In this manner the close interrelation and interdependence of the two lines of evolution becomes magnificently apparent.

Tất cả những yếu tố này bao hàm hoạt động của tinh chất thiên thần, cộng với sự nhận biết kết quả của thức giả. Tiếp theo đó sẽ là việc sử dụng có ý thức các quyền năng mới được đánh thức. Theo cách này, mối tương liên và tương thuộc chặt chẽ của hai đường tiến hoá trở nên hiển nhiên một cách huy hoàng.

Second, the Mahachohan is working specifically at this time (in co-operation with the Manu), with the devas of the gaseous subplane; this is in connection with the destroying work they are to effect by the end of this rootrace, in order to liberate Spirit from constricting forms. Volcanic action therefore may be looked for, demonstrating in unexpected localities, as well as within the sphere of the present earthquake and volcanic zones. Serious disturbance may be looked for in California before the end of the century, and in Alaska likewise.

Thứ hai, Đức Mahachohan hiện đang làm việc một cách đặc thù (hợp tác với Đức Manu) với các thiên thần của cõi phụ khí; điều này liên hệ đến công việc hủy diệt mà họ sẽ thực hiện vào cuối giống dân gốc này, nhằm giải thoát tinh thần khỏi những hình tướng gò bó. Do đó, có thể chờ đợi hoạt động núi lửa, biểu lộ ở những địa phương bất ngờ, cũng như bên trong phạm vi của các vùng động đất và núi lửa hiện nay. Có thể chờ đợi những xáo trộn nghiêm trọng ở California trước khi thế kỷ kết thúc, và cả ở Alaska nữa.

The work of the Mahachohan can also be seen in the [Page 908] effect that the devas of the kundalini fire are producing upon man. These are a peculiar group of Agnichaitans who have reached a stage of evolution which permits of their being separated off from their group into a group connected with a certain fire in man's bodies. This fire owing to its present activity, and the direction of that activity, is responsible for the reaction against physical marriage, and for the desire evinced by highly evolved men everywhere to evade the marriage relation, and confine

Công việc của Đức Mahachohan cũng có thể được thấy trong [Page 908] tác động mà các thiên thần của lửa kundalini đang tạo ra nơi con người. Đây là một nhóm Agnichaitan đặc biệt đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá cho phép họ được tách ra khỏi nhóm của mình để thành một nhóm liên kết với một loại lửa nào đó trong các thể của con người. Lửa này, do hoạt động hiện nay của nó và do chiều hướng của hoạt động ấy, chịu trách nhiệm cho phản ứng chống lại hôn nhân thể xác, và cho ước muốn được biểu lộ bởi những người tiến hoá cao ở khắp nơi là né tránh

themselves to creation upon the mental or astral planes. This is due to the present inclination of the manipulatory devas of the lower generative organs to seek the throat centre, and to function there, utilising the strength of the kundalini fire to bring this about. All this is under the law of evolution, but in the interim between cause and justified effect much harm, evasion of the law, and consequent suffering can be seen. Owing, therefore, to the violent reaction at this time against the safeguarding laws of civilisation, it has been decided that the nature and functions of the devas must be somewhat revealed to man, and that their place in the scheme of things, and man's close connection and dependence upon them, must be given out. (283) At the same time, the means whereby they can be contacted, and the words whereby they can be controlled, will be withheld.

quan hệ hôn nhân, và chỉ giới hạn mình trong sự sáng tạo trên cõi trí hay cõi cảm dục. Điều này là do khuynh hướng hiện nay của các thiên thần thao tác của các cơ quan sinh dục thấp muốn tìm đến trung tâm cổ họng, và hoạt động tại đó, sử dụng sức mạnh của lửa kundalini để thực hiện điều này. Tất cả điều này đều ở dưới định luật tiến hoá, nhưng trong khoảng trung gian giữa nguyên nhân và kết quả chính đáng, có thể thấy nhiều tổn hại, sự né tránh định luật, và nỗi đau khổ kéo theo. Vì vậy, do phản ứng dữ dội vào lúc này chống lại các định luật bảo vệ của nền văn minh, nên đã có quyết định rằng bản chất và chức năng của các thiên thần phải được phần nào tiết lộ cho con người, và vị trí của họ trong mô hình sự vật, cùng mối liên hệ mật thiết và sự lệ thuộc của con người vào họ, phải được công bố. (283) Đồng thời, các phương tiện nhờ đó họ có thể được tiếp xúc, và những lời nhờ đó họ có thể bị kiểm soát, sẽ bị giữ kín.

(283) If man can be brought to a realisation of the nature of his own being and of his constitution, and can be led to comprehend the rationale of that which can be seen occurring, and if the thinkers of the race can be shown the risks incident upon present happenings in the deva evolution, much danger may be averted. Hence the decision to extend the scope of this book to include more detailed information anent the deva evolution. (back)

(283) Nếu con người có thể được đưa đến chỗ nhận biết bản chất của chính hữu thể mình và cấu tạo của mình, và có thể được dẫn dắt để hiểu được cơ sở hợp lý của những gì có thể thấy đang xảy ra, và nếu các nhà tư tưởng của nhân loại có thể được chỉ cho thấy những nguy cơ gắn liền với các diễn biến hiện nay trong tiến hoá thiên thần, thì nhiều hiểm họa có thể được ngăn tránh. Do đó có quyết định mở rộng phạm vi của quyển sách này để bao gồm thông tin chi tiết hơn về tiến hoá thiên thần. (back)

Laxness in the marriage relation, due to this particular cause, is only seen amongst the highly evolved and amongst the independent thinkers of the race. Similar laxness amongst the masses, and the low types of humanity, is based upon a different reason, and their promiscuity is due to certain developments of the animal nature

Sự lỏng lẻo trong quan hệ hôn nhân, do nguyên nhân đặc biệt này, chỉ thấy nơi những người tiến hoá cao và nơi các nhà tư tưởng độc lập của nhân loại. Sự lỏng lẻo tương tự nơi quần chúng và các hạng người thấp của nhân loại lại dựa trên một nguyên nhân khác, và sự bừa bãi của họ là do những phát triển nào đó của bản chất thú tính

in its lowest manifestation. These two causes [Page 909] will bear consideration by those who have the present needs of civilisation at heart. They can then co-operate with the Mahachohan in the work of effecting the very necessary transfer of force from a lower to a higher centre, and prevent (through knowledge), the incidental license. This will bring about a refusal to besmirch the great love or sex impulse of nature.

trong biểu hiện thấp nhất của nó. Hai nguyên nhân này [Page 909] đáng được những ai quan tâm đến các nhu cầu hiện nay của nền văn minh suy xét. Khi đó họ có thể hợp tác với Đức Mahachohan trong công việc thực hiện sự chuyển dịch mãnh lực rất cần thiết từ một trung tâm thấp lên một trung tâm cao hơn, và ngăn ngừa (nhờ tri thức) sự phóng túng ngẫu phát. Điều này sẽ đưa đến sự từ chối làm hoen ố xung lực vĩ đại của tình thương hay tính dục của thiên nhiên.

The ceremonial ray has been often called "the marriage ritual of the Son," because upon this ray Spirit and matter can meet and have union. This fact also should be borne in mind during the next one hundred years, for they will see great changes in the marriage laws. The present laxity will inevitably bring a reaction, and the laws will become more stringent, in order to safeguard the race during a transition period. These laws will not be along the line of making escape from the marriage relation more difficult, but will take effect at the other end, so to speak; the rising generation will be properly taught and guarded, and indiscriminate, hasty marriage will not be permitted, nor will juveniles be allowed rashly to enter into the marriage obligation. There is no need to enlarge further upon this, for in working out their own problems men learn, and all that those upon the inner side are permitted to do is to give a hint or an indication.

Cung nghi lễ thường được gọi là "nghi thức hôn phối của Thánh Tử", bởi vì trên cung này tinh thần và vật chất có thể gặp nhau và kết hợp. Sự kiện này cũng cần được ghi nhớ trong một trăm năm tới, vì chúng sẽ chứng kiến những thay đổi lớn trong các luật lệ hôn nhân. Sự lỏng lẻo hiện nay tất yếu sẽ đưa đến một phản ứng, và các luật lệ sẽ trở nên nghiêm ngặt hơn để bảo vệ nhân loại trong một thời kỳ chuyển tiếp. Những luật này sẽ không theo hướng làm cho việc thoát khỏi quan hệ hôn nhân trở nên khó khăn hơn, mà sẽ có hiệu lực ở đầu kia, có thể nói như vậy; thế hệ đang lớn lên sẽ được giáo dục và bảo vệ đúng đắn, và hôn nhân bừa bãi, vội vã sẽ không được cho phép, cũng như người trẻ sẽ không được phép hấp tấp bước vào nghĩa vụ hôn nhân. Không cần phải nói thêm về điều này, vì trong khi tự giải quyết các vấn đề của mình, con người học hỏi, và tất cả những gì những người ở phía bên trong được phép làm chỉ là đưa ra một gợi ý hay một chỉ dấu.

Another angle of the Mahachohan's work at this time is connected with *sound*, and therefore with the particular devas whom we are considering. Through the mismanagement of men, and their unbalanced development, the sounds of earth, such as those of the great cities, of the manufactories, and of the implements of war, have brought about a very serious

Một phương diện khác trong công việc của Đức Mahachohan vào lúc này có liên hệ với *âm thanh,* và do đó với những thiên thần đặc biệt mà chúng ta đang xét đến. Do sự quản lý sai lầm của con người, và sự phát triển mất quân bình của họ, những âm thanh của trái đất, như âm thanh của các thành phố lớn, của các nhà máy, và của các công cụ chiến tranh, đã gây ra một tình trạng rất nghiêm

condition among the gaseous devas. This has to be offset in some way and the future efforts of civilisation will be directed towards the spreading of a revolt against the evils of congested living and to the dissemination of an impulse of a widespread [Page 910] nature to seek the country and wide spaces. One of the main interests in the future will be a tendency towards the elimination of noise, owing to the increased sensitiveness of the race. When the energy of water and of the atom is harnessed for the use of man, our present types of factories, our methods of navigation and of transportation, such as steamers and railway apparatus, will be entirely revolutionised. This will have a potent effect not only on man but on the devas.

trọng nơi các thiên thần thể khí. Điều này phải được hóa giải bằng một cách nào đó, và những nỗ lực tương lai của nền văn minh sẽ được hướng đến việc lan rộng một cuộc phản kháng chống lại các tai hại của đời sống chen chúc và đến việc phổ biến một xung lực có tính chất [Page 910] rộng khắp nhằm tìm đến miền quê và những không gian rộng lớn. Một trong những mối quan tâm chính trong tương lai sẽ là xu hướng loại bỏ tiếng ồn, do sự nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại. Khi năng lượng của nước và của nguyên tử được khai thác để con người sử dụng, các loại nhà máy hiện nay của chúng ta, các phương pháp hàng hải và vận chuyển của chúng ta, như tàu hơi nước và thiết bị đường sắt, sẽ được cách mạng hóa hoàn toàn. Điều này sẽ có một tác động mạnh mẽ không chỉ lên con người mà còn lên các thiên thần.

c. The Elementals of the Ethers.

c. Các hành khí của các cõi dĩ thái.

We will consider now the etheric levels of the physical plane or the four highest subplanes of the physical plane. These etheric levels are but gradations of physical plane matter of a rarer and more refined kind, but physical nevertheless. They are termed in most textbooks:

Giờ đây chúng ta sẽ xét các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần hay bốn cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần. Các cấp độ dĩ thái này chỉ là những cấp bậc của vật chất cõi hồng trần thuộc loại thưa hơn và tinh luyện hơn, nhưng dù sao vẫn là hồng trần. Trong phần lớn các giáo trình, chúng được gọi là:

1. The first ether, or atomic matter.

1. Dĩ thái thứ nhất, hay vật chất nguyên tử.

2. The second ether, or sub-atomic matter.

2. Dĩ thái thứ hai, hay vật chất hạ nguyên tử.

3. The third ether, or super-etheric matter.

3. Dĩ thái thứ ba, hay vật chất siêu dĩ thái.

4. The fourth ether, or simply etheric matter.

4. Dĩ thái thứ tư, hay đơn giản là vật chất dĩ thái.

The fourth ether is the only one as yet recognised by scientists, and is the subject of

Dĩ thái thứ tư là loại duy nhất cho đến nay được các nhà khoa học công nhận, và là đối

their present investigations, little though they may realise it.

tượng của các cuộc khảo cứu hiện nay của họ, dù họ ít nhận ra điều đó.

On the atomic subplane are the permanent physical atoms of all humanity and the *appropriated atoms* of the deva kingdom. The devas do not develop as do the human race. They reincarnate in groups, and not as individuals, though each group is composed of units, and has nothing of the nature of the involutionary group soul. The group soul on the involutionary path and that upon the evolutionary are unlike; one is passing on to differentiation and is composed of entities animated by one general life; the other has differentiated, and each entity is a separate unit of the one life, complete in itself, yet one with the whole.

Trên cõi phụ nguyên tử có các nguyên tử hồng trần trường tồn của toàn thể nhân loại và các *nguyên tử được chiếm dụng* của giới thiên thần. Các thiên thần không phát triển như nhân loại. Họ tái sinh theo nhóm chứ không như các cá nhân, mặc dù mỗi nhóm được cấu thành bởi các đơn vị, và không có gì thuộc bản chất của hồn nhóm giáng hạ tiến hoá. Hồn nhóm trên con đường giáng hạ tiến hoá và hồn nhóm trên con đường thăng thượng tiến hoá là không giống nhau; một bên đang tiến đến sự biến phân và được cấu thành bởi các thực thể được linh hoạt bởi một sự sống tổng quát duy nhất; bên kia đã biến phân, và mỗi thực thể là một đơn vị riêng biệt của một sự sống duy nhất, hoàn chỉnh trong chính nó, nhưng vẫn là một với toàn thể.

[Page 911] There are many types of life to be contacted on the four etheric levels, but we can only concern ourselves at present with the deva life, remembering that the deva evolution is of equal importance to that of the human. These devas are many in number, are of involutionary and evolutionary nature, and of all grades and types. Ruling over them on the physical plane is the great deva Kshiti. He is a deva of rank and power equal to a Chohan of a Ray; He presides over everything outside the human kingdom upon the physical plane, and He has for His council the four subordinate deva lords of the four etheric levels. He, with these subordinate devas, presides over a subsidiary council of seven devas who handle all that concerns the deva evolution, and the work of the greater and the lesser builders.

[Page 911] Có nhiều loại sự sống để tiếp xúc trên bốn cấp độ dĩ thái, nhưng hiện nay chúng ta chỉ có thể quan tâm đến sự sống thiên thần, đồng thời ghi nhớ rằng tiến hoá thiên thần quan trọng ngang với tiến hoá của con người. Các thiên thần này rất đông đảo, có bản chất giáng hạ tiến hoá và tiến hoá, và thuộc mọi cấp bậc và loại hình. Cai quản họ trên cõi hồng trần là đại thiên thần Kshiti. Ngài là một thiên thần có cấp bậc và quyền năng ngang với một Chohan của một Cung; Ngài chủ trì mọi sự bên ngoài giới nhân loại trên cõi hồng trần, và có bốn chúa tể thiên thần phụ thuộc của bốn cấp độ dĩ thái làm hội đồng của Ngài. Ngài, cùng với các thiên thần phụ thuộc này, chủ trì một hội đồng phụ gồm bảy thiên thần xử lý mọi điều liên quan đến tiến hoá thiên thần, và công việc của các đấng đại kiến tạo và các vị tiểu kiến tạo.

The deva Ruler of the fourth, or lowest ether, has delegated a member of His council to meet with certain of the Masters at this time for two specific purposes, first, to see whether the approximation of the two lines of evolution, human and deva, might be now tentatively permitted, and, secondly, to reveal some of the methods of healing and the causes of physical disability which are inherent in the etheric double.

Vị thiên thần cai quản dĩ thái thứ tư, hay dĩ thái thấp nhất, đã ủy nhiệm một thành viên trong hội đồng của Ngài gặp gỡ một số Chân sư vào lúc này vì hai mục đích cụ thể: thứ nhất, để xem liệu sự xích lại gần nhau của hai đường tiến hoá, con người và thiên thần, giờ đây có thể được tạm thời cho phép hay không; và thứ hai, để tiết lộ một số phương pháp trị liệu và các nguyên nhân của sự bất toàn thể xác vốn cố hữu trong bản sao dĩ thái.

Devas of all kinds and colours are found on the physical etheric levels, but the prevailing hue is violet, hence the term so often employed, the "devas of the shadows." With the coming in of the ceremonial ray of violet, we have the amplification therefore of the violet vibration, always inherent on these levels, and the great opportunity therefore for contact between the two kingdoms. It is in the development of etheric vision (which is a capacity of the physical human eye) and not in clairvoyance that this mutual apprehension will become possible. With the coming in likewise of this ray will arrive those who belong thereon, with a natural gift of seeing etherically. Children will frequently be born who will [Page 912] see etherically as easily as the average human being sees physically; as conditions of harmony gradually evolve out of the present world chaos, devas and human beings will meet as friends.

Các thiên thần thuộc mọi loại và mọi màu sắc đều được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái hồng trần, nhưng sắc thái chủ đạo là tím, do đó có thuật ngữ thường được dùng là "các thiên thần của bóng". Với sự xuất hiện của cung nghi lễ màu tím, vì vậy chúng ta có sự khuếch đại rung động tím vốn luôn tiềm tàng trên các cấp độ này, và do đó có cơ hội lớn cho sự tiếp xúc giữa hai giới. Chính trong sự phát triển linh thị dĩ thái (vốn là một năng lực của mắt hồng trần con người) chứ không phải trong thông nhãn mà sự nhận biết lẫn nhau này sẽ trở nên khả hữu. Cùng với sự xuất hiện của cung này cũng sẽ đến những người thuộc cung ấy, với thiên phú tự nhiên là nhìn thấy dĩ thái. Trẻ em sẽ thường được sinh ra có thể [Page 912] nhìn thấy dĩ thái dễ dàng như con người trung bình nhìn thấy hồng trần; khi các điều kiện hài hòa dần dần tiến hoá ra khỏi tình trạng hỗn loạn hiện nay của thế giới, các thiên thần và con người sẽ gặp nhau như những người bạn.

As the two planes, astral and physical, merge and blend, and continuity of consciousness is experienced upon the two, it will be difficult for human beings to differentiate at first between devas of the astral plane, and those of the physical. At the beginning of this period of recognition, men will principally contact the violet devas, for those of the higher ranks amongst them are

Khi hai cõi, cảm dục và hồng trần, hòa nhập và pha trộn, và sự liên tục của tâm thức được trải nghiệm trên cả hai, lúc đầu con người sẽ khó phân biệt giữa các thiên thần của cõi cảm dục và các thiên thần của cõi hồng trần. Vào đầu thời kỳ nhận biết này, con người chủ yếu sẽ tiếp xúc với các thiên thần tím, vì những vị thuộc hàng cao hơn trong số họ đang dứt khoát cố gắng tiếp xúc với con

definitely making the attempt to contact the human. These devas of the shadows are of a dark purple on the fourth etheric level, of a lighter purple, much the same colour as violet, on the third etheric level, a light violet on the second, whilst on the atomic subplane they are of a glorious translucent lavender.

người. Các thiên thần của bóng này có màu tím sẫm trên cấp dĩ thái thứ tư, màu tím nhạt hơn, gần giống màu tím violet, trên cấp dĩ thái thứ ba, màu tím nhạt trên cấp thứ hai, trong khi trên cõi phụ nguyên tử họ có màu oải hương rực rỡ trong suốt.

Some of the groups of devas to be contacted on the physical plane are as follows:

Một số nhóm thiên thần có thể được tiếp xúc trên cõi hồng trần như sau:

Four groups of violet devas, associated with the etheric doubles of all that exists on the physical plane. These four are in two divisions, those associated with the building of the etheric doubles, and those out of whose substance these doubles are built.

Bốn nhóm thiên thần tím, liên kết với các bản sao dĩ thái của mọi thứ hiện hữu trên cõi hồng trần. Bốn nhóm này chia thành hai phân bộ: những nhóm liên kết với việc xây dựng các bản sao dĩ thái, và những nhóm từ chất liệu của họ mà các bản sao ấy được xây dựng nên.

The green devas of the vegetable kingdom. These exist in two divisions also. They are of high development, and will be contacted principally along the lines of magnetisation. The greater devas of this order preside over the magnetic spots of the earth, guard the solitude of the forests, reserve intact spaces on the planet which are required to be kept inviolate; they defend them from molestation, and with the violet devas are at this time working definitely, though temporarily, under the Lord Maitreya. The Raja Lord of the astral plane, Varuna [Page 913] and his brother Kshiti, have been called to the council chamber of the Hierarchy for specific consultation, and just as the Masters are endeavouring to prepare humanity for service when the World Teacher comes, so these Raja Lords are working along similar lines in connection with the devas. They are arduous in Their work, intense in Their zeal, but much obstructed by man.

Các thiên thần xanh của giới thực vật. Họ cũng tồn tại thành hai phân bộ. Họ phát triển cao, và sẽ được tiếp xúc chủ yếu theo các đường từ điện hóa. Các thiên thần lớn hơn của cấp này chủ trì các điểm từ tính của trái đất, canh giữ sự tịch mịch của các khu rừng, bảo tồn nguyên vẹn những không gian trên hành tinh cần được giữ bất khả xâm phạm; họ bảo vệ chúng khỏi sự quấy nhiễu, và cùng với các thiên thần tím hiện đang làm việc một cách dứt khoát, dù tạm thời, dưới quyền Đức Maitreya. Chúa Tể Raja của cõi cảm dục, Varuna [Page 913] và huynh đệ của Ngài là Kshiti, đã được triệu đến phòng hội đồng của Thánh Đoàn để tham vấn đặc biệt, và cũng như các Chân sư đang nỗ lực chuẩn bị nhân loại cho sự phụng sự khi Đức Chưởng Giáo đến, thì các Chúa Tể Raja này cũng đang làm việc theo những đường tương tự liên quan đến các thiên thần. Các Ngài chuyên cần trong công việc, mãnh liệt trong nhiệt tâm, nhưng bị con người cản trở rất nhiều.

The white devas of the air and water who preside over the atmosphere work with certain aspects of electrical phenomena, and control the seas, rivers, and streams. From among them, at a certain stage in their evolution, are gathered the guardian angels of the race when in physical plane incarnation. Each unit of the human family has his guardian deva.

Các thiên thần trắng của khí và nước chủ trì khí quyển, làm việc với một số phương diện của các hiện tượng điện, và kiểm soát biển cả, sông ngòi và suối lạch. Từ trong số họ, ở một giai đoạn nào đó trong tiến hoá của mình, các thiên thần hộ mệnh của nhân loại khi đang lâm phàm trên cõi hồng trần được tuyển chọn. Mỗi đơn vị trong gia đình nhân loại đều có thiên thần hộ mệnh của mình.

Each group of devas has some specific method of development and some means whereby they evolve and attain a particular goal.

Mỗi nhóm thiên thần đều có một phương pháp phát triển đặc thù nào đó và một phương tiện nhờ đó họ tiến hoá và đạt đến một mục tiêu nhất định.

For the *violet* devas the path of attainment lies through feeling, and through educating the race in the perfecting of the physical body in its two departments.

Đối với các thiên thần *tím*, con đường thành tựu nằm qua cảm giác, và qua việc giáo dục nhân loại trong sự hoàn thiện thể xác ở hai phương diện của nó.

For the *green* devas the path of service is seen in magnetisation, of which the human race knows nothing as yet. Through this power they act as the protectors of the vegetable plant life, and of the sacred spots of the earth; in their work lies the safety of man's body, for from the vegetable kingdom for the remainder of this round comes the nourishment of that body.

Đối với các thiên thần *xanh*, con đường phụng sự được thấy trong từ điện hóa, điều mà nhân loại cho đến nay chưa biết gì cả. Qua quyền năng này họ hoạt động như những người bảo hộ sự sống thực vật, và các nơi thiêng liêng của trái đất; trong công việc của họ có sự an toàn của thể xác con người, vì từ giới thực vật, trong phần còn lại của cuộc tuần hoàn này, đến sự nuôi dưỡng của thể ấy.

For the *white* devas the path of service lies in the guarding of the individuals of the human family, in the care and segregation of types, in the control of the water and air elementals, and much that concerns the fish kingdom.

Đối với các thiên thần *trắng*, con đường phụng sự nằm trong việc canh giữ các cá nhân của gia đình nhân loại, trong sự chăm sóc và phân loại các loại hình, trong việc kiểm soát các hành khí của khí và nước, và nhiều điều liên quan đến giới cá.

Thus in the service of humanity in some form or another lies attainment for these physical plane devas. They have much to give and do for humanity, and in time [Page 914] it will be apparent to the human unit

Như vậy, chính trong sự phụng sự nhân loại dưới hình thức này hay hình thức khác mà thành tựu nằm đối với các thiên thần cõi hồng trần này. Họ có nhiều điều để trao ban và thực hiện cho nhân loại, và theo thời gian

what he has to give towards the perfecting of the deva kingdom. A great hastening of their evolution goes forward now coincident with that of the human family.

[Page 914] con người sẽ thấy rõ mình phải trao ban điều gì để góp phần vào sự hoàn thiện của giới thiên thần. Một sự thúc đẩy lớn lao trong tiến hoá của họ hiện đang diễn ra đồng thời với tiến hoá của gia đình nhân loại.

There is another group of devas about which much may not as yet be communicated. They have come in from another planetary scheme, and are specialists in their particular line. They have attained, or passed through, the human kingdom, and are of equal rank with certain members of the Hierarchy, having chosen to stay and work in connection with the physical plane evolution. They are not many in number, being only twelve. Four work in the violet group, five in the green group, and two in the white, with a presiding officer of rank equal to a Chohan. The number of the deva evolution is six, as that of man is now five, and as ten stands for perfected man, so twelve stands for perfection in the deva kingdom. This group presides over the three earlier enumerated. Certain subsidiary groups are found.

Có một nhóm thiên thần khác mà hiện nay chưa thể truyền đạt nhiều về họ. Họ đến từ một hệ hành tinh khác, và là những chuyên gia trong đường lối riêng của mình. Họ đã đạt đến, hay đã đi qua, giới nhân loại, và có cấp bậc ngang với một số thành viên của Thánh Đoàn, đã chọn ở lại và làm việc liên quan đến tiến hoá cõi hồng trần. Họ không đông, chỉ có mười hai vị. Bốn vị làm việc trong nhóm tím, năm vị trong nhóm xanh, và hai vị trong nhóm trắng, với một vị chủ tọa có cấp bậc ngang một Chohan. Con số của tiến hoá thiên thần là sáu, cũng như con số của con người hiện nay là năm, và cũng như mười tượng trưng cho con người hoàn thiện, thì mười hai tượng trưng cho sự hoàn thiện trong giới thiên thần. Nhóm này chủ trì ba nhóm đã được liệt kê trước đó. Có một số nhóm phụ thuộc nhất định.

Under group 1 are found all the elementals working with the etheric doubles of men, all the elementals forming the etheric bodies wherein is life, and all the elementals working with the etheric counterparts of so-called inanimate objects. These are named in the order and the importance of their development. The violet devas are on the evolutionary path; the elementals are on the involutionary path, the goal for them being to pass into the deva kingdom of violet hue.

Dưới nhóm 1 có tất cả các hành khí làm việc với các bản sao dĩ thái của con người, tất cả các hành khí tạo thành các thể dĩ thái nơi đó có sự sống, và tất cả các hành khí làm việc với các đối phần dĩ thái của những vật được gọi là vô tri. Chúng được nêu tên theo thứ tự và tầm quan trọng của sự phát triển của chúng. Các thiên thần tím ở trên con đường thăng thượng tiến hoá; các hành khí ở trên con đường giáng hạ tiến hoá, mục tiêu của chúng là đi vào giới thiên thần mang sắc tím.

Under group 2 work the fairies of plant life, the elves who build and paint the flowers, the radiant little beings who inhabit the woods and the fields, the elementals who

Dưới nhóm 2 hoạt động các tiên tử của sự sống thực vật, các elf xây dựng và tô điểm hoa lá, những hữu thể nhỏ bé rạng ngời cư ngụ trong rừng và đồng nội, các hành khí

work with the fruits, vegetables, and with all that leads to the covering of the earth's surface with verdure. Associated with them are the [Page 915] lesser devas of magnetisation, those attached to sacred spots, to talismans and to stones, and also a special group to be found around the habitations of the Masters wherever situated.

làm việc với trái cây, rau củ, và với mọi thứ dẫn đến việc phủ xanh bề mặt trái đất. Liên kết với họ là các [Page 915] thiên thần nhỏ của từ điện hóa, những vị gắn với các nơi thiêng liêng, với bùa hộ mệnh và với đá, và cả một nhóm đặc biệt được tìm thấy quanh nơi cư ngụ của các Chân sư ở bất cứ đâu.

Under group 3 work the elementals of the air and the sea, the sylphs, the water fairies, and the devas who guard each human being.

Dưới nhóm 3 hoạt động các hành khí của khí và biển, các sylph, các tiên nước, và các thiên thần canh giữ từng con người.

Here only general hints are given. This list is not complete and does not include the grosser elementals, the brownies, and those that inhabit the dark spaces of the earth, the cities and the subterranean spots of the earth's crust.

Ở đây chỉ đưa ra những gợi ý tổng quát. Danh sách này chưa đầy đủ và không bao gồm các hành khí thô nặng hơn, các brownie, và những loài cư ngụ trong các khoảng tối của trái đất, các thành phố và các nơi dưới lòng lớp vỏ trái đất.

The devas of the ethers carry on their foreheads a translucent symbol in the form of a crescent moon, and by this they may be distinguished from the astral devas by those able to see clairvoyantly.

Các thiên thần của các cõi dĩ thái mang trên trán một biểu tượng trong suốt có hình trăng lưỡi liềm, và nhờ đó những ai có thể thấy bằng thông nhãn có thể phân biệt họ với các thiên thần cảm dục.

As we consider the devas of the ethers, we find that they fall naturally—as far as manifestation is concerned—into two main groups. Each group is represented on each of the four subplanes, and this grouping must be considered as but one method of differentiation out of the many possible. These groups are, first, those devas who are the transmitters of prana to all forms of life; they are a group of intermediary devas, and may be regarded as the energy providers in their various differentiations; secondly, those devas who form the etheric bodies of every form in manifestation. These constitute the bulk of the lesser devas.

Khi xét các thiên thần của các cõi dĩ thái, chúng ta thấy rằng họ tự nhiên rơi vào—xét theo biểu hiện—hai nhóm chính. Mỗi nhóm đều được biểu hiện trên mỗi một trong bốn cõi phụ, và sự phân nhóm này chỉ phải được xem như một phương pháp biến phân trong số nhiều phương pháp có thể có. Các nhóm này là, thứ nhất, những thiên thần là các vị truyền dẫn prana đến mọi hình tướng sự sống; họ là một nhóm thiên thần trung gian, và có thể được xem như những nhà cung cấp năng lượng trong các biến phân khác nhau của họ; thứ hai, những thiên thần tạo thành các thể dĩ thái của mọi hình tướng trong biểu hiện. Những vị này cấu thành phần lớn các thiên thần nhỏ.

There are naturally many other organised intelligences in the great Army of the Voice in connection with this primary division of the physical plane, but if the student will consider these two groups, and will investigate their relationship to man and to the Heavenly Man within Whose body they are to be found, he will learn much which will enable him to comprehend problems hitherto considered insoluble, and will find many things [Page 916] revealed which will tend to revolutionise the findings of modern science, and bring about changes in the care of the physical body.

Dĩ nhiên còn có nhiều trí tuệ có tổ chức khác trong Đạo Quân vĩ đại của Âm Thanh liên quan đến phân bộ sơ khởi này của cõi hồng trần, nhưng nếu đạo sinh xét hai nhóm này, và khảo cứu mối liên hệ của họ với con người và với Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài họ được tìm thấy, y sẽ học được nhiều điều giúp y hiểu những vấn đề từ trước đến nay được xem là không thể giải quyết, và sẽ thấy nhiều điều [Page 916] được tiết lộ có khuynh hướng cách mạng hóa các kết luận của khoa học hiện đại, và đem lại những thay đổi trong việc chăm sóc thể xác.

The Devas and Energy. Before we take up the consideration of these two groups it might be wise here to emphasise the necessity of remembering that when we consider the etheric levels of the physical plane we are dealing with those planes upon which the *true form* is to be found, and are approaching the solution of the mystery of the Holy Spirit and the Mother. In this realisation, and its extension to include an entire solar system, will come a clarifying of the connection between the four higher planes of the system and the three worlds of human endeavour. We have, in the *macrocosm*, the four planes of super-conscious life, or those four central vibrations which are the basis of the life and energy of the etheric body of a planetary Logos and of a solar Logos, and the three planes of conscious and of self-conscious life which form the dense physical vehicle of a Heavenly Man, and of the Grand Man of the Heavens.

Các thiên thần và năng lượng. Trước khi bắt đầu xem xét hai nhóm này, có lẽ ở đây nên nhấn mạnh sự cần thiết phải ghi nhớ rằng khi chúng ta xét các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, chúng ta đang xử lý những cõi mà trên đó *hình tướng đích thực* được tìm thấy, và đang tiến gần đến lời giải của huyền nhiệm về Chúa Thánh Thần và Mẹ. Trong sự chứng nghiệm này, và sự mở rộng của nó để bao gồm toàn bộ một hệ mặt trời, sẽ đến sự làm sáng tỏ mối liên hệ giữa bốn cõi cao hơn của hệ và ba cõi giới của nỗ lực nhân loại. Trong *Đại thiên địa*, chúng ta có bốn cõi của sự sống siêu hữu thức, hay bốn rung động trung tâm là nền tảng của sự sống và năng lượng của thể dĩ thái của một Đức Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế, và ba cõi của sự sống hữu thức và ngã thức tạo thành vận cụ hồng trần đậm đặc của một Đấng Thiên Nhân và của Đại Nhân trên Thiên Giới.

By a close scrutiny of these conditions in the macrocosm and in the microcosm will come a comprehension of the reason why the physical vehicle is never considered a principle at all by occultists. The Holy Spirit, the One Who overshadows and Who

Nhờ khảo sát kỹ lưỡng các điều kiện này trong Đại thiên địa và trong Tiểu thiên địa, sẽ có sự thấu hiểu lý do tại sao vận cụ hồng trần không bao giờ được các nhà huyền bí học xem là một nguyên khí cả. Chúa Thánh Thần, Đấng phủ bóng và cấy mầm sự sống

implants the germ of life in the waiting acquiescent Virgin Mother or matter (causing her to awaken and to commence her great work of producing the divine incarnation) is a primary factor from the standpoint of the second solar system. In a way incomprehensible to modern thinkers, the Mother, or the divine Aspirant to the mysteries of the cosmic marriage, was (in a previous system) the dominant factor. In this system in connection with substance it is the Holy Spirit. The work, therefore, on etheric levels, and the energy and activity originating therefrom, are the factors that primarily are responsible on the physical [Page 917] plane for all that is tangible, objective, and manifested. The accretion of matter around the vital body, and the densification of substance around the vital etheric nucleus are in themselves the result of interaction, and the final interchange of vibration between that which might be called the residue from an earlier manifestation, and the vibration of this present one.

vào Mẹ Đồng Trinh hay vật chất đang chờ đợi và thuận phục (khiến bà thức tỉnh và bắt đầu công việc vĩ đại của mình là sản sinh sự nhập thể thiêng liêng), là một yếu tố sơ khởi theo quan điểm của hệ mặt trời thứ hai. Theo một cách mà các nhà tư tưởng hiện đại không thể hiểu được, Mẹ, hay người chí nguyện thiêng liêng hướng đến các huyền nhiệm của cuộc hôn phối vũ trụ, đã là (trong một hệ trước) yếu tố chi phối. Trong hệ này, liên quan đến chất liệu, chính là Chúa Thánh Thần. Vì vậy, công việc trên các cấp độ dĩ thái, và năng lượng cùng hoạt động phát sinh từ đó, là những yếu tố chủ yếu chịu trách nhiệm trên cõi hồng trần [Page 917] cho mọi điều hữu hình, khách quan và biểu hiện. Sự bồi tụ vật chất quanh thể sinh lực, và sự làm đậm đặc chất liệu quanh hạt nhân dĩ thái sinh lực, tự chúng là kết quả của sự tương tác, và của sự trao đổi rung động cuối cùng giữa cái có thể được gọi là phần dư từ một biểu hiện trước, và rung động của biểu hiện hiện nay này.

It is here—in the relation between positive electrical energy in its fourfold differentiation, and the triple negative receptive lower substance—that scientists will eventually arrive at certain definite deductions and discover:

Chính ở đây—trong mối liên hệ giữa năng lượng điện dương trong sự biến phân tứ phân của nó, và chất liệu thấp tam phân âm tiếp nhận—mà các nhà khoa học cuối cùng sẽ đi đến những kết luận xác định và khám phá ra:

a. The secret of matter itself, that is, matter as we know and see it.

a. Bí mật của chính vật chất, tức là vật chất như chúng ta biết và thấy nó.

b. The key to the process of creation upon the physical plane, and the method whereby density and concretion on the three lower levels are brought about.

b. Chìa khóa của tiến trình sáng tạo trên cõi hồng trần, và phương pháp nhờ đó sự đậm đặc và sự kết tụ trên ba cấp thấp được tạo ra.

c. The formulas for organic transmutation, or the key to the processes whereby the

c. Các công thức cho sự chuyển hoá hữu cơ, hay chìa khóa của các tiến trình nhờ đó các

elements as we know them can be disintegrated and recombined.

nguyên tố như chúng ta biết có thể bị phân giải và tái kết hợp.

Only when scientists are prepared to admit the fact that there is a body of vitality which acts as a focal point in every organised form, and only when they are willing to consider each element and form of every degree as constituting part of a still greater vital body, will the true methods of the great goddess Nature become their methods. To do this they must be prepared to accept the sevenfold differentiation of the physical plane as stated by Eastern occultism, to recognise the triple nature of the septenary manifestation.

Chỉ khi các nhà khoa học sẵn sàng thừa nhận sự kiện rằng có một thể sinh lực hoạt động như một tiêu điểm trong mọi hình tướng có tổ chức, và chỉ khi họ sẵn sàng xem mỗi nguyên tố và hình tướng ở mọi cấp độ như cấu thành một phần của một thể sinh lực còn lớn hơn nữa, thì các phương pháp đích thực của nữ thần vĩ đại là Thiên Nhiên mới trở thành phương pháp của họ. Để làm được điều này, họ phải sẵn sàng chấp nhận sự biến phân thất phân của cõi hồng trần như huyền bí học phương Đông đã nêu, và nhận ra bản chất tam phân của biểu hiện thất phân.

a. The atomic or Shiva energy, the energy of the first subplane or the first etheric plane.

a. Năng lượng nguyên tử hay Shiva, năng lượng của cõi phụ thứ nhất hay cõi dĩ thái thứ nhất.

b. The vital form building energy of the three ensuing etheric levels.

b. Năng lượng tiếp sinh lực xây dựng hình tướng của ba cấp dĩ thái kế tiếp.

c. The negative receptive energy of the three planes [Page 918] of the dense physical, the gaseous, the liquid and the truly dense.

c. Năng lượng âm tiếp nhận của ba cõi [Page 918] của hồng trần đậm đặc, trạng thái khí, trạng thái lỏng và trạng thái thật sự đậm đặc.

They will also eventually consider the interplay between the lower three and the higher four in that great atom called the physical plane. This can be seen duplicated in the atom of the physicist or chemist. Scientific students who are interested in these matters will find it worth while to consider the correspondence between these three types of energy, and that which is understood by the words, atoms, electrons, and ions.

Cuối cùng họ cũng sẽ xét đến sự tương tác giữa ba cấp thấp và bốn cấp cao trong nguyên tử lớn được gọi là cõi hồng trần. Điều này có thể được thấy lặp lại trong nguyên tử của nhà vật lý hay nhà hóa học. Những đạo sinh khoa học quan tâm đến các vấn đề này sẽ thấy đáng công khi suy xét sự tương ứng giữa ba loại năng lượng này và điều được hiểu qua các từ nguyên tử, điện tử và ion.

All that manifests (from God to man) (284) is the result of these three types of energy or

Mọi thứ biểu hiện (từ Thượng đế đến con người) (284) đều là kết quả của ba loại năng

force, of their combination, their interplay, and their psychic action and reaction. During the great cycle of logoic appearance it is the second type of energy which dominates and which is of evolutionary importance, and this is why the etheric body which lies back of all that is visible is the most important. This is equally true of gods, of men and of atoms.

lượng hay mãnh lực này, của sự kết hợp của chúng, sự tương tác của chúng, và tác động cùng phản ứng thông linh của chúng. Trong đại chu kỳ của sự xuất hiện của Thượng đế, chính loại năng lượng thứ hai chi phối và có tầm quan trọng tiến hoá, và đây là lý do vì sao thể dĩ thái nằm phía sau mọi cái hữu hình là quan trọng nhất. Điều này đúng như nhau đối với các vị thần, con người và các nguyên tử.

(284) The Secret Doctrine says that: *God, Monad, and Atom are the correspondences of Spirit, Mind and Body.*—S. D., I, 679.

(284) Giáo Lý Bí Nhiệm nói rằng: *Thượng đế, Chân thần, và Nguyên tử là những tương ứng của Tinh thần, Trí Tuệ và Thân Thể.*—S. D., I, 679.

The Logos is manifesting in this mahamanvantara as Manas (the Divine Manasaputras in their totality) utilising atomic sheaths for purposes of evolution and with the aim in view of developing the second aspect of buddhi or wisdom. Wisdom must have manas, or intelligent mind for its basis. He is the sumtotal of Intelligence, evolving in order to develop Love. (back)

Thượng đế đang biểu hiện trong đại giai kỳ sinh hóa này như Manas (các Manasaputra Thiêng Liêng trong tổng thể của Các Ngài), sử dụng các vỏ bọc nguyên tử cho các mục đích tiến hoá và với mục tiêu phát triển phương diện thứ hai của Bồ đề hay minh triết. Minh triết phải có manas, hay trí tuệ thông minh, làm nền tảng. Ngài là tổng thể của Trí Tuệ, tiến hoá để phát triển Bác ái. (back)

Much time is spent in speculating upon the sources of life, upon the springs of action, and upon the impulses which underlie the creative processes. Hitherto science has worked somewhat blindly and has spent much time investigating the lower three planes. It has dealt principally with the Mother, with the negative receptive matter, and is only now becoming aware of the Holy Spirit aspect, or of the energy which enables that Mother to fulfill her function, and to carry on her work.

Nhiều thời gian được dành để suy đoán về các nguồn của sự sống, về các suối nguồn của hành động, và về các xung lực nằm dưới các tiến trình sáng tạo. Cho đến nay khoa học đã làm việc phần nào một cách mù quáng và đã dành nhiều thời gian khảo cứu ba cõi thấp. Nó chủ yếu đã bàn đến Mẹ, đến vật chất âm tiếp nhận, và chỉ hiện nay mới bắt đầu nhận biết phương diện Chúa Thánh Thần, hay năng lượng giúp Mẹ ấy hoàn thành chức năng của mình và tiếp tục công việc của mình.

Considering the same problem *microcosmically* it may be pointed out that men are only now beginning to be [Page 919] aware of the springs of spiritual action, and

Xét cùng một vấn đề theo *Tiểu thiên địa*, có thể chỉ ra rằng con người chỉ hiện nay mới bắt đầu [Page 919] nhận biết các suối nguồn của hành động tinh thần, và các nguồn của

of the sources of spiritual life. The energy of the higher planes is only revealing itself as men begin to tread the Way, and to come under the influence of buddhi, which flows from the fourth cosmic etheric plane.

sự sống tinh thần. Năng lượng của các cõi cao hơn chỉ đang tự bộc lộ khi con người bắt đầu bước đi trên Con Đường, và bắt đầu chịu ảnh hưởng của Bồ đề, vốn tuôn chảy từ cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư.

Finally, when scientists are willing to recognise and to co-operate with the intelligent forces that are to be found on etheric levels, and when they become convinced of the hylozoistic nature of all that exists, their findings and their work will be brought into a more accurate correspondence with things as they really are. This, as has been earlier pointed out, will be brought about as the race develops etheric vision, and the truth of the contentions of the occultist is proved past all controversy.

Cuối cùng, khi các nhà khoa học sẵn sàng nhận ra và hợp tác với các mãnh lực thông minh được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái, và khi họ trở nên xác tín về bản chất vật hoạt của mọi cái hiện hữu, thì các phát hiện và công trình của họ sẽ được đưa vào sự tương ứng chính xác hơn với sự vật như chúng thực sự là. Điều này, như đã được chỉ ra trước đây, sẽ được mang lại khi nhân loại phát triển linh thị dĩ thái, và chân lý của những khẳng định của nhà huyền bí học được chứng minh vượt ngoài mọi tranh cãi.

It will have been noted that in the enumeration of these two main groups, we did not touch upon that great group of Builders who are called esoterically “Those who transmit the Word.” I have only dealt with the two groups who constitute the “Army of the Voice.” This is due to the fact that in this section we are only dealing with that army, or with those builders, great and small, who are swept into activity as the Word of the physical plane sounds forth. The “Transmitters of the Word” upon the first subplane or atomic level are those who take up the vibratory sound as it reaches them from the astral plane and—passing it through their bodies—send it forth to the remaining subplanes. These transmitters may be, for purposes of clarity, considered as seven in number. In their totality they form the atomic physical bodies of the Raja Lord of the plane and in a peculiarly occult sense these seven form (in their lower differentiations on etheric levels) the sumtotal of the etheric centres of all human

Cần lưu ý rằng trong việc liệt kê hai nhóm chính này, chúng ta đã không đề cập đến nhóm lớn các đấng kiến tạo được gọi một cách huyền bí là “Những Đấng truyền Linh từ.” Tôi chỉ bàn đến hai nhóm cấu thành “Đạo Quân của Âm Thanh”. Điều này là do trong phần này chúng ta chỉ đang bàn đến đạo binh ấy, hay đến những đấng kiến tạo ấy, lớn và nhỏ, được cuốn vào hoạt động khi Linh từ của cõi hồng trần được xướng lên. “Những Đấng truyền Linh từ” trên cõi phụ thứ nhất hay cấp nguyên tử là những vị tiếp nhận âm thanh rung động khi nó đến với họ từ cõi cảm dục và—truyền nó qua thân thể của mình—phát nó ra đến các cõi phụ còn lại. Vì mục đích làm sáng tỏ, có thể xem các vị truyền dẫn này là bảy vị. Trong tổng thể, họ tạo thành các thể hồng trần nguyên tử của Chúa Tể Raja của cõi, và theo một ý nghĩa huyền bí đặc biệt, bảy vị này tạo thành (trong các biến phân thấp hơn của mình trên các cấp dĩ thái) tổng thể các trung tâm dĩ thái của toàn thể nhân loại, cũng như trên

beings, just as on the cosmic etheric levels are found the centres of a Heavenly Man.

các cấp dĩ thái vũ trụ có thể tìm thấy các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân.

The connection between the centres and etheric substance, systemic and human, opens up a vast range for [Page 920] thought. The "Transmitters of the Word" on the atomic subplane of each plane are devas of vast power and prerogative who may be stated to be connected with the Father aspect, and embodiments of electric fire. They are all fully self-conscious, having passed through the human stage in earlier kalpas. They are also corporate parts of the seven primary head centres in the body of a solar Logos or planetary Logos.

Mối liên hệ giữa các trung tâm và chất liệu dĩ thái, của hệ và của con người, mở ra một phạm vi rộng lớn cho [Page 920] tư tưởng. "Những Đấng truyền Linh từ" trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi là những thiên thần có quyền năng và đặc quyền to lớn, có thể nói là liên kết với phương diện Cha, và là hiện thân của Lửa Điện. Tất cả các vị đều hoàn toàn ngã thức, đã đi qua giai đoạn con người trong các kalpa trước. Họ cũng là những phần hợp nhất của bảy trung tâm đầu sơ khởi trong thân thể của một Thái dương Thượng đế hay Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Though connected with the Father aspect, they are nevertheless part of the body of the Son, and each of them, according to the plane which he energises, is a component part of one or other of the seven centres, either solar or planetary—planetary when only the particular centre is concerned, systemic when that centre is viewed as an integral part of the whole.

Dù liên kết với phương diện Cha, họ vẫn là một phần của thân thể của Thánh Tử, và mỗi vị trong số họ, tùy theo cõi mà Ngài tiếp sinh lực, là một thành phần của một trong bảy trung tâm, hoặc thái dương hoặc hành tinh—hành tinh khi chỉ xét trung tâm đặc biệt ấy, hệ thống khi trung tâm ấy được nhìn như một phần toàn vẹn của toàn thể.

Each of these great lives (embodying deva energy of the first degree) is an emanation from the central spiritual sun in the first instance and from one of the three major constellations in the second instance. Systemically they fall into three groups: Group 1 includes those transmitters of the Word who are found on the three lower subplanes of the plane Adi, or the logoic plane. Group 2 comprises those great builders who transmit the Word on the three next systemic planes, the monadic, the atmic and the buddhic. Group 3 is formed of those who carry on a similar function in the three worlds of human endeavour. Fundamentally they are also emanations

Mỗi một trong các sự sống vĩ đại này (hiện thân cho năng lượng thiên thần bậc thứ nhất) trước hết là một phát xạ từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương và kế đó là từ một trong ba chòm sao lớn. Về mặt hệ thống, họ rơi vào ba nhóm: Nhóm 1 gồm những Đấng truyền Linh từ được tìm thấy trên ba cõi phụ thấp của cõi Adi, hay cõi của Thượng đế. Nhóm 2 gồm những đấng đại kiến tạo truyền Linh từ trên ba cõi kế tiếp của hệ, cõi chân thần, cõi atma và cõi Bồ đề. Nhóm 3 được tạo thành bởi những vị thực hiện một chức năng tương tự trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại. Về căn bản, trong trường hợp thứ ba, họ cũng là những phát xạ từ một trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh.

from one of the seven stars of the Great Bear in the third instance.

In these triple emanatory forces may be found the origin of all that is visible and objective, and through their agency our solar system takes its place within the greater cosmic scheme, and a certain basic cosmic fire is formed. They are the sumtotal of the head, the heart and the throat centres of the solar Logos, and their correspondences will be found within a Heavenly Man, a human [Page 921] being, and an atom. Hence the scientist, as he discovers the nature of the atom, is putting himself in touch with these three types of solar energy, and is unravelling the central mystery of the system. As the triple nature of the atom stands revealed, so likewise the triple nature of man and of God gradually becomes proven. The energy of these groups passes through the physical sun, and from thence they sound the Word for the particular plane of their specific endeavour.

Trong các mãnh lực phát xạ tam phân này có thể tìm thấy nguồn gốc của mọi điều hữu hình và khách quan, và nhờ tác nhân của họ mà hệ mặt trời của chúng ta chiếm vị trí của nó trong mô hình vũ trụ lớn hơn, và một loại lửa vũ trụ căn bản nào đó được hình thành. Họ là tổng thể của các trung tâm đầu, tim và cổ họng của Thái dương Thượng đế, và các tương ứng của họ sẽ được tìm thấy trong một Đấng Thiên Nhân, một con người [Page 921] và một nguyên tử. Do đó nhà khoa học, khi khám phá bản chất của nguyên tử, đang đặt mình vào sự tiếp xúc với ba loại năng lượng thái dương này, và đang tháo gỡ huyền nhiệm trung tâm của hệ. Khi bản chất tam phân của nguyên tử được tiết lộ, thì bản chất tam phân của con người và của Thượng đế cũng dần dần được chứng minh. Năng lượng của các nhóm này đi qua mặt trời hồng trần, và từ đó họ xướng Linh từ cho cõi đặc biệt thuộc nỗ lực chuyên biệt của mình.

The student must not make the mistake of thinking that these seven great transmitters are the seven Heavenly Men. They form one half of Their real nature. This is all that can be said of this great mystery, though it might be added that from another angle of vision, they form but one third of his threefold divine nature. Man is dual, being Spirit and matter; he is also, during evolution, a triplicity, so it is with a Heavenly Man, and hence the mystery.

Đạo sinh không được lầm tưởng rằng bảy vị truyền dẫn vĩ đại này là bảy Đấng Thiên Nhân. Họ tạo thành một nửa bản chất thực sự của Các Ngài. Đó là tất cả những gì có thể nói về huyền nhiệm lớn lao này, dù có thể thêm rằng từ một góc nhìn khác, họ chỉ tạo thành một phần ba bản chất thiêng liêng tam phân của Ngài. Con người là nhị nguyên, là tinh thần và vật chất; y cũng là một bộ ba trong tiến hoá, và Đấng Thiên Nhân cũng vậy, do đó có huyền nhiệm này.

The great Transmitter of the Word on the physical plane, which is the one under our consideration, is the energising factor of the throat centre of Brahma. An interesting tabulation of the threefold centres and the three divine aspects might here be given which may prove of use to the student,

Đấng truyền Linh từ vĩ đại trên cõi hồng trần, là vị mà chúng ta đang xét đến, là yếu tố tiếp sinh lực của trung tâm cổ họng của Brahma. Ở đây có thể đưa ra một bảng thú vị về các trung tâm tam phân và ba phương diện thiêng liêng, có thể hữu ích cho đạo sinh, dù y cần cẩn thận ghi nhớ rằng các

though he should carefully bear in mind that these centres are for the purpose of generating and transmitting energy.

trung tâm này nhằm mục đích phát sinh và truyền dẫn năng lượng.

1. The transmitter of energy on the physical plane forms the throat centre in the body of Brahma, the third aspect.

1. Vị truyền dẫn năng lượng trên cõi hồng trần tạo thành trung tâm cổ họng trong thân thể của Brahma, phương diện thứ ba.

2. The transmitter of energy upon the astral plane forms the heart centre of Brahma.

2. Vị truyền dẫn năng lượng trên cõi cảm dục tạo thành trung tâm tim của Brahma.

3. The transmitter of the Word on the mental plane forms the head centre of this, the third aspect.

3. Vị truyền Linh từ trên cõi trí tạo thành trung tâm đầu của phương diện thứ ba này.

These three Raja Lords, devas, or transmitters, form the three centres of logoic force in the three worlds. They are the lowest energy aspect of Brahma. [Page 922]

Ba Chúa Tể Raja, thiên thần, hay các vị truyền dẫn này tạo thành ba trung tâm của mãnh lực của Thượng đế trong ba cõi giới. Họ là phương diện năng lượng thấp nhất của Brahma. [Page 922]

4. The Transmitter of the Word upon the buddhic plane forms the throat centre of Vishnu, the second aspect. From thence the Word goes forth that builds the dense physical form of a Heavenly Man or of a solar Logos.

4. Đấng truyền Linh từ trên cõi Bồ đề tạo thành trung tâm cổ họng của Vishnu, phương diện thứ hai. Từ đó Linh từ phát ra để xây dựng hình tướng hồng trần đậm đặc của một Đấng Thiên Nhân hay của một Thái dương Thượng đế.

5. The Transmitter of energy upon the monadic plane forms the heart centre of Vishnu, the second aspect.

5. Vị truyền dẫn năng lượng trên cõi chân thần tạo thành trung tâm tim của Vishnu, phương diện thứ hai.

6. The Transmitter of force upon the atmic plane forms the head centre of Vishnu.

6. Vị truyền dẫn mãnh lực trên cõi atma tạo thành trung tâm đầu của Vishnu.

This tabulation will be confusing to students unless it is realised that we are here considering these aspects only as dualities, and are dealing with one of the dual parts. It will be apparent that in the Vishnu aspect, for instance, which manifests upon the second plane, the energy of that plane will act as the head centre to the succeeding

Bảng này sẽ gây rối cho đạo sinh trừ phi nhận ra rằng ở đây chúng ta chỉ đang xét các phương diện này như những nhị nguyên tính, và đang bàn đến một trong hai phần nhị nguyên. Sẽ rõ ràng rằng chẳng hạn trong phương diện Vishnu, biểu hiện trên cõi thứ hai, năng lượng của cõi ấy sẽ hoạt động như trung tâm đầu đối với các cõi kế tiếp, và sự

planes, and this apprehension, rightly grasped, will clarify the others.

nhận thức này, nếu được nắm đúng, sẽ làm sáng tỏ các điều khác.

The Transmitter of the Word on the first plane of Adi is the embodiment of the throat centre of a cosmic entity. From this statement will come a just realisation of our place in the cosmic scheme, and the fundamentally physical nature of the seven planes of the solar system is also here demonstrated, the nature of Brahma, or the Holy Spirit, becoming apparent.

Đấng truyền Linh từ trên cõi thứ nhất của Adi là hiện thân của trung tâm cổ họng của một thực thể vũ trụ. Từ mệnh đề này sẽ đến một sự nhận biết đúng đắn về vị trí của chúng ta trong mô hình vũ trụ, và bản chất căn bản là hồng trần của bảy cõi của hệ mặt trời cũng được chứng minh ở đây, bản chất của Brahma, hay Chúa Thánh Thần, trở nên hiển nhiên.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói rằng:

"Brahma is One, yet includes His brother. Vishnu is One, yet existeth not apart from His brother, younger in point of time yet older far. Shiva is One, and antedates Them both, yet He appeareth not nor is He seen, until They both have cycled through Their courses."

"Brahma là Một, nhưng bao gồm huynh đệ của Ngài. Vishnu là Một, nhưng không tồn tại tách rời huynh đệ của Ngài, trẻ hơn về thời gian nhưng già hơn rất xa. Shiva là Một, và có trước cả Hai Vị, nhưng Ngài không xuất hiện cũng không được thấy, cho đến khi Cả Hai đã tuần hoàn qua các chu trình của Các Ngài."

The above sevenfold tabulation can be, under the law of correspondences, applied equally to every plane, for the transmitters and workers on each plane form similar groups. Equally well can man consider this tabulation in connection with his seven centres, and from a study [Page 923] of the two together he will gain knowledge as to the type of energy which flows through any particular centre. These transmitters likewise can be heard sounding forth the Word with particular force and power in that planetary scheme which corresponds to their note and is keyed to their vibration. The planetary schemes, therefore, will fall into a similar grouping, and this will open up for students a vast field of conjecture. The seven Prajapatis fall into two groups of three, with one dominating. Students will do well to remember in studying the solar

Bảng thất phân trên đây, theo định luật tương ứng, có thể được áp dụng như nhau cho mọi cõi, vì các vị truyền dẫn và người hoạt động trên mỗi cõi tạo thành những nhóm tương tự. Con người cũng có thể xét bảng này liên hệ với bảy trung tâm của mình, và từ việc nghiên cứu [Page 923] cả hai cùng nhau, y sẽ đạt được tri thức về loại năng lượng chảy qua bất kỳ trung tâm đặc biệt nào. Các vị truyền dẫn này cũng có thể được nghe thấy đang xướng Linh từ với mãnh lực và quyền năng đặc biệt trong hệ hành tinh tương ứng với âm điệu của họ và được chỉnh theo rung động của họ. Vì vậy, các hệ hành tinh sẽ rơi vào một sự phân nhóm tương tự, và điều này sẽ mở ra cho đạo sinh một lĩnh vực suy đoán rộng lớn. Bảy Prajapati rơi vào hai nhóm ba, với một vị chi phối. Đạo sinh nên ghi nhớ khi nghiên cứu hệ mặt trời, các cõi, các hệ hành tinh, con

system, the planes, the schemes, man and the atom, that the groupings of the lines or streams of energy during the evolutionary cycles fall naturally into four divisions:

người và nguyên tử, rằng các sự phân nhóm của các đường hay dòng năng lượng trong các chu kỳ tiến hoá tự nhiên rơi vào bốn phân bộ:

1. 1—3—3

2. 4—3

3. 3—4

4. 3—1—3

1. 1—3—3

2. 4—3

3. 3—4

4. 3—1—3

Division 1 can be understood under the law of correspondences when the nature of the atomic plane of the solar system, the three cosmic etheric planes, and the three planes of human endeavour are investigated in connection with each other.

Phân bộ 1 có thể được hiểu theo định luật tương ứng khi bản chất của cõi nguyên tử của hệ mặt trời, ba cõi dĩ thái vũ trụ, và ba cõi của nỗ lực nhân loại được khảo cứu trong mối liên hệ với nhau.

Division 2 becomes easier of comprehension when the close relation between the four cosmic etheric planes and the three lower planes is grasped. This can be illuminated by a study of the four physical ethers and the three lower subplanes of our physical plane.

Phân bộ 2 trở nên dễ hiểu hơn khi mối liên hệ mật thiết giữa bốn cõi dĩ thái vũ trụ và ba cõi thấp được nắm bắt. Điều này có thể được soi sáng bằng việc nghiên cứu bốn dĩ thái hồng trần và ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần của chúng ta.

Division 3 finds the clue to its mystery in the constitution of the mental plane, with its three formless levels, and its four levels of form.

Phân bộ 3 tìm thấy chìa khóa cho huyền nhiệm của nó trong cấu tạo của cõi trí, với ba cấp vô sắc tướng và bốn cấp có sắc tướng.

Division 4 can be grasped as the student arrives at a comprehension of his own nature as a spiritual triad, an egoic body and a threefold lower man. He can likewise approach the first division in a similar manner, and view himself as a primary force or Monad, a triple secondary [Page 924] force or Ego, and a threefold lower energy, or personality, remembering that we are here dealing only with creative energy and with

Phân bộ 4 có thể được nắm bắt khi đạo sinh đi đến chỗ thấu hiểu bản chất của chính mình như một Tam Nguyên Tinh Thần, một thể chân ngã và một phàm nhân tam phân. Y cũng có thể tiếp cận phân bộ thứ nhất theo cách tương tự, và nhìn chính mình như một mãnh lực sơ khởi hay chân thần, một mãnh lực thứ cấp tam phân [Page 924] hay chân ngã, và một năng lượng thấp tam phân, hay phàm ngã, đồng thời ghi nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đang bàn đến năng lượng sáng

the Brahma aspect of manifestation as it co-ordinates itself with the Vishnu aspect.

tạo và đến phương diện Brahma của biểu hiện khi nó tự phối hợp với phương diện Vishnu.

The Transmitters of Prana. We have in an earlier section of this treatise considered somewhat the devas who are the transmitters of prana for the etheric body of man and of the planet. They are the reflection upon the lowest plane of the Vishnu aspect of divinity; the seven subplanes of our physical plane reflect in a dim and distorted fashion the three aspects, and are a shadow, dark and unrevealing, of the Godhead. This group of transmitters are responsible for three principal results, and are active along three main lines.

Những Đấng truyền dẫn prana. Trong một phần trước của bộ luận này, chúng ta đã phần nào xét đến các thiên thần là những vị truyền dẫn prana cho thể dĩ thái của con người và của hành tinh. Họ là sự phản chiếu trên cõi thấp nhất của phương diện Vishnu của thiên tính; bảy cõi phụ của cõi hồng trần của chúng ta phản chiếu một cách mờ nhạt và méo mó ba phương diện, và là một cái bóng, tối tăm và không mặc khải, của Thượng đế tính. Nhóm các vị truyền dẫn này chịu trách nhiệm cho ba kết quả chính, và hoạt động theo ba đường lối chủ yếu.

They are the devas who vitalise and produce the energy of all forms of sentient life. Theirs is the life which pulsates through the etheric body of every plant and animal and of all intermediate forms of life, and which constitutes the raging fire which is seen circulating through all etheric vehicles. Among many other functions they produce the warmth of the sun and of all bodies; they are the cause of solar, planetary, and human radiation, and they nourish and preserve all forms. They occultly mediate between the Father and the Mother on each plane, whether cosmic or systemic. They originate in the sun, and are closely related to the logoic and planetary solar plexus, for the evolutionary process, as in all manifestation, is the result of desire, acting upon the creative faculties and producing that which is objective.

Họ là các thiên thần tiếp sinh lực và tạo ra năng lượng cho mọi hình thức sự sống hữu cảm. Sự sống của họ là sự sống đang rung động xuyên qua thể dĩ thái của mọi loài thực vật, động vật và của mọi hình thức sự sống trung gian, và cấu thành ngọn lửa mãnh liệt được thấy đang lưu chuyển qua mọi thể dĩ thái. Trong nhiều chức năng khác, họ tạo ra hơi ấm của mặt trời và của mọi thân thể; họ là nguyên nhân của bức xạ thái dương, hành tinh và nhân loại, và họ nuôi dưỡng cũng như bảo tồn mọi hình tướng. Một cách huyền bí, họ làm trung gian giữa Cha và Mẹ trên mỗi cõi, dù là vũ trụ hay hệ thống. Họ phát nguyên trong mặt trời, và có liên hệ mật thiết với tùng thái dương của Thượng đế và của hành tinh, vì tiến trình tiến hoá, cũng như trong mọi biểu hiện, là kết quả của dục vọng tác động lên các năng lực sáng tạo và tạo ra điều vốn là khách quan.

They are the devas who energise the myriads of minute lives which build the etheric bodies of all that is seen and tangible, and who are the instigators of the creative processes on the three lowest subplanes of

Họ là các thiên thần tiếp năng lượng cho vô số sự sống cực vi đang kiến tạo các thể dĩ thái của mọi điều được thấy và sờ chạm được, và là những tác nhân khởi phát các tiến trình sáng tạo trên ba cõi phụ thấp nhất

the physical plane. Systemically, the devas engaged in this line of activity can be subdivided into two groups: [Page 925]

a. Those who work on the four higher systemic planes and from thence influence in the three worlds, producing through reflex action the desired results.

b. Those who work in the three worlds of human endeavour, producing directly dense physical manifestation.

All the etheric devas who transmit energy on the physical plane belong to the second division above enumerated, and according to the subplane on which they work come under the guidance of a greater intelligence on a corresponding plane.

There are also the devas who form the attractive force of all subhuman forms, holding the forms of the three lower kingdoms of nature together in coherency, and thus producing the body of manifestation of the great Entity who is the sumtotal of the life of the kingdom, and of the lesser beings who ensoul different families and groups within any specific kingdom.

của cõi hồng trần. Về mặt hệ thống, các thiên thần hoạt động trong đường lối này có thể được chia thành hai nhóm: [Page 925]

a. Những vị hoạt động trên bốn cõi hệ thống cao hơn và từ đó ảnh hưởng vào ba cõi giới, tạo ra các kết quả mong muốn qua tác động phản chiếu.

b. Những vị hoạt động trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại, trực tiếp tạo ra biểu hiện hồng trần đậm đặc.

Tất cả các thiên thần dĩ thái truyền dẫn năng lượng trên cõi hồng trần đều thuộc phân bộ thứ hai được liệt kê ở trên, và tùy theo cõi phụ mà họ hoạt động, họ chịu sự hướng dẫn của một trí tuệ lớn hơn trên một cõi tương ứng.

Cũng có những thiên thần tạo thành lực hấp dẫn của mọi hình tướng dưới nhân loại, giữ cho các hình tướng của ba giới thấp trong thiên nhiên được kết hợp chặt chẽ, và nhờ đó tạo ra thể biểu hiện của Thực Thể vĩ đại là tổng số sự sống của giới ấy, cũng như của các hữu thể nhỏ hơn phú linh cho những họ và nhóm khác nhau trong bất kỳ giới đặc thù nào.

Cosmic Fire S8

(926-1078)

The Devas of the Etheric Double. The subject that we are to deal with now concerns those devas who are etheric doubles of all that is. It is full of profit therefore to the wise student, for it reveals the method whereby all forms materialise upon the physical plane.

Các Thiên Thần của Bản Sao Dĩ Thái. Chủ đề mà giờ đây chúng ta sẽ bàn đến liên quan đến những thiên thần là bản sao dĩ thái của mọi cái đang hiện hữu. Vì thế, điều này rất hữu ích cho đạo sinh minh triết, vì nó mặc khải phương pháp nhờ đó mọi hình tướng hiện hình trên cõi hồng trần.

It is not the purpose of this treatise to trace the materialisation of a form as it originates upon the archetypal planes, through the agency of divine thought, and from thence (through directed streams of intelligent energy) acquires substance as it is reproduced upon each plane, until eventually (upon the physical plane) the form stands revealed at its densest point of manifestation. No form is as yet perfect, and it is this fact which necessitates cyclic evolution, and the continual production of forms until they approximate reality in fact and in deed. The method of form production may be tabulated as follows: [Page 926]

Mục đích của bộ luận này không phải là truy nguyên sự hiện hình của một hình tướng khi nó phát sinh trên các cõi nguyên mẫu, qua tác động của tư tưởng thiêng liêng, rồi từ đó (qua các dòng năng lượng trí tuệ được định hướng) tiếp nhận chất liệu khi được tái tạo trên mỗi cõi, cho đến cuối cùng (trên cõi hồng trần) hình tướng ấy được bộc lộ tại điểm biểu hiện đậm đặc nhất của nó. Chưa có hình tướng nào hoàn hảo, và chính sự kiện này khiến cho tiến hoá theo chu kỳ trở nên cần thiết, cùng với việc liên tục tạo ra các hình tướng cho đến khi chúng xấp xỉ thực tại trong sự thật và trong hành động. Phương pháp tạo ra hình tướng có thể được lập bảng như sau: [Page 926]

FORM PRODUCTION		
1.	Divine thought	The cosmic mental plane.
2.	Divine desire	The cosmic astral plane.
3.	Divine activity	The cosmic physical plane (our seven systemic planes).
	First plane	.

SỰ TẠO RA HÌNH TƯỚNG		
1.	Thiên ý	Cõi trí vũ trụ.
2.	Thiên dục	Cõi cảm dục vũ trụ.
3.	Thiên hoạt động	Cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi hệ thống của chúng ta).
	Cõi thứ nhất	.

The logoic Breath... First plane.... The Sound (285) *A*

(285) *Mantric Sounds.*

A mantram is a combination of sounds, of words and of phrases that, through virtue of certain rhythmic effects, achieve results that would not be possible apart from them. The most sacred of all the Eastern mantrams given out as yet to the public is the one embodied in the words: “Om mani padme

Hơi Thở của Thượng đế... Cõi thứ nhất.... Linh Âm (285) *A*

(285) *Các Linh Âm mantram.*

Một mantram là sự kết hợp của các âm thanh, các từ và các cụm từ mà nhờ hiệu lực của những tác động nhịp điệu nhất định, đạt được những kết quả vốn không thể có nếu thiếu chúng. Thiêng liêng nhất trong tất cả các mantram phương Đông đã được công bố cho công chúng cho đến nay là mantram

hum." Every syllable of this phrase has a secret potency, and its totality has seven meanings and can bring about seven different results.

được hàm chứa trong các từ: "Om mani padme hum." Mỗi âm tiết của cụm từ này đều có một năng lực bí mật, và toàn thể của nó có bảy ý nghĩa và có thể mang lại bảy kết quả khác nhau.

There are various mantric forms, based upon this formula and upon the Sacred Word, which, sounded rhythmically and in different keys, accomplish certain desired ends, such as the invoking of protective angels or devas, and definite work, either constructive or destructive upon the planes.

Có nhiều hình thức mantram khác nhau, dựa trên công thức này và trên Linh từ Thiêng Liêng, khi được xướng theo nhịp điệu và ở những âm điệu khác nhau, sẽ hoàn thành những mục đích mong muốn nhất định, chẳng hạn như việc khẩn cầu các thiên thần hay thiên thần bảo hộ, và công việc xác định, hoặc xây dựng hoặc hủy diệt trên các cõi.

The potency of a mantram depends upon the point in evolution of the man who employs it. Uttered by an ordinary man it serves to stimulate the good within his bodies, to protect him, and it will also prove of beneficent influence upon his environment. Uttered by an adept or initiate its possibilities for good are infinite and far-reaching.

Năng lực của một mantram tùy thuộc vào điểm tiến hoá của người sử dụng nó. Khi được một người bình thường thốt ra, nó giúp kích thích điều thiện trong các thể của y, bảo vệ y, và cũng chứng tỏ có ảnh hưởng thiện lành lên môi trường của y. Khi được một chân sư hay điểm đạo đồ thốt ra, các khả năng thiện lành của nó là vô hạn và lan rộng.

Mantrams are of many kinds, and generally speaking might be enumerated as follows:

Mantram có nhiều loại, và nói chung có thể được liệt kê như sau:

1. Some very esoteric mantrams, existing in the original Sensa, in the custody of the Great White Lodge.

1. Một số mantram rất huyền bí, tồn tại trong Sensa nguyên thủy, được Thánh đoàn gìn giữ.

2. Some Sanskrit mantrams employed by initiates and adepts.

2. Một số mantram Sanskrit được các điểm đạo đồ và chân sư sử dụng.

3. Mantrams connected with the different rays.

3. Các mantram liên hệ với những cung khác nhau.

4. Mantrams used in healing.

4. Các mantram được dùng trong trị liệu.

5. Mantrams used in the departments of either the Manu, the Bodhisattva, or the Mahachohan.

5. Các mantram được dùng trong các ban ngành của Đức Manu, Đức Bồ Tát, hoặc Đức Mahachohan.

6. Mantrams used in connection with the devas and the elemental kingdoms.

6. Các mantram được dùng liên hệ với các thiên thần và các giới hành khí.

7. Special mantrams connected with fire.

7. Các mantram đặc biệt liên hệ với lửa.

All these mantrams depend for their potency upon the sound and rhythm and upon the syllabic emphasis imparted to them when enunciating and intoning. They depend too upon the capacity of the man who uses them to visualise and to will the desired effect. (back)

Tất cả các mantram này tùy thuộc năng lực của chúng vào âm thanh và nhịp điệu, cũng như vào sự nhấn mạnh âm tiết được truyền vào khi phát âm và xướng lên. Chúng cũng tùy thuộc vào khả năng của người sử dụng trong việc hình dung và vận dụng ý chí để tạo ra kết quả mong muốn. (back)

This is the first etheric appearance of a solar system upon the atomic subplane of the cosmic physical plane. The seeds of life are all latent. Faculty inheres from an earlier solar essence.

Đây là sự xuất hiện dĩ thái đầu tiên của một hệ mặt trời trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. Các hạt giống của sự sống đều còn tiềm ẩn. Năng lực vốn nội tại từ một tinh chất thái dương trước kia.

The logoic Sound....Second plane....The Sound A U

Linh Âm của Thượng đế....Cõi thứ hai....Linh Âm A U

This is the body of the solar system in the second ether. This plane is the archetypal plane. The seeds of [Page 927] life are vibrating or germinating. The seven centres of energy are apparent. The one deva Agni is seen as seven. The form is now potentially perfect.

Đây là thân thể của hệ mặt trời trong dĩ thái thứ hai. Cõi này là cõi nguyên mẫu. Các hạt giống của [Page 927] sự sống đang rung động hoặc nảy mầm. Bảy trung tâm năng lượng đã hiện rõ. Một thiên thần Agni được thấy như bảy. Hình tướng giờ đây có tiềm năng hoàn hảo.

The logoic triple Word..The third plane..The Sound A U M.

Linh từ tam phân của Thượng đế..Cõi thứ ba..Linh Âm A U M.

The body of the solar system in substance of the third etheric plane is seen, and the three function as one. The triple energy of the Logos is co-ordinated, and nothing now can hinder the work of evolution. The three

Thân thể của hệ mặt trời trong chất liệu của cõi dĩ thái thứ ba được thấy, và ba cái hoạt động như một. Năng lượng tam phân của Thượng đế được phối hợp, và giờ đây không gì có thể cản trở công việc tiến hoá. Ba nhóm

groups of devas are active, and the archetypal form is in process of materialization.

thiên thần đang hoạt động, và hình tướng nguyên mẫu đang trong tiến trình hiện hình.

The logoic septenary word - The logoic etheric Centres become active

The fourth plane The seven syllabled Word.

The etheric body of the solar system is now complete, though it will not be perfected till the end of another manvantara. The greater body of vitality is ready to energise the dense physical vehicle. The seven centres with their forty-nine major petals are vibrant, and consciousness thrills through every atom in the system.

Thể dĩ thái của hệ mặt trời giờ đây đã hoàn tất, dù nó sẽ chưa được hoàn thiện cho đến cuối một giai kỳ sinh hóa khác. Thể sinh lực lớn hơn đã sẵn sàng tiếp năng lượng cho vận cụ hồng trần đậm đặc. Bảy trung tâm với bốn mươi chín cánh hoa chính của chúng đang rung động, và tâm thức rung lên xuyên qua mọi nguyên tử trong hệ thống.

An interlude or period of pause is to be found at this stage of development; in it the processes of co-ordination and of stabilisation are carried on; the energy or the vibration is increased until it becomes possible, by a simultaneous effort, emanating from all the three aspects, to bring into objectivity that which is as yet subjective. This is paralleled by man on the physical plane in the applied effort he has to make to bring through and materialise, that which he has conceived and desired. The reason so many people fail in materialising their concepts, and hence come to be reckoned as failures, is owing to the fact of their inability to make a co-ordinated applied effort, and thus set in motion substance of the three lower subplanes of the physical plane. They succeed [Page 928] in bringing their concept through from the mental plane (as does the Logos on cosmic levels) as far as the fourth etheric level of the physical, and there their energy becomes exhausted owing to three things:

Ở giai đoạn phát triển này có một khoảng gián đoạn hay thời kỳ tạm ngưng; trong đó các tiến trình phối hợp và ổn định được tiến hành; năng lượng hay rung động được gia tăng cho đến khi có thể, bằng một nỗ lực đồng thời phát xuất từ cả ba phương diện, đưa vào khách quan điều vẫn còn là chủ quan. Điều này được con người trên cõi hồng trần phản ánh qua nỗ lực ứng dụng mà y phải thực hiện để đưa ra và hiện hình điều y đã quan niệm và mong muốn. Lý do khiến rất nhiều người thất bại trong việc hiện hình các khái niệm của mình, và do đó bị xem là những kẻ thất bại, là vì họ không có khả năng thực hiện một nỗ lực ứng dụng có phối hợp, và do đó không thể làm cho chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần chuyển động. Họ thành công [Page 928] trong việc đưa khái niệm của mình từ cõi trí xuống (như Thượng đế làm trên các cấp độ vũ trụ) đến tận cấp dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần, và tại đó năng lượng của họ bị cạn kiệt vì ba điều:

a. Lack of sustained will or concentration,

b. Lack of alignment with the Ego,

c. A weakness of co-ordination between the two parts of the physical vehicle.

a. Thiếu ý chí bền bỉ hay sự tập trung,

b. Thiếu chỉnh hợp với chân ngã,

c. Sự yếu kém trong phối hợp giữa hai phần của vận cụ hồng trần.

The logoic Phrase - The gaseous Fifth plane body.

The plane of the logoic mantram of 35 stanzas.

The gaseous form of the solar system now appears, and the energy centres become veiled and hidden. Accretion and concretion rapidly proceeds. The three groups of builders co-ordinate their efforts afresh and a new influx of energy—bearing devas from the logoic head centre—pours in. The lesser builders respond to the logoic mantram chanted anew at each manvantara, and the seven streams of energy from the seven logoic centres are directed downwards.

Hình tướng thể khí của hệ mặt trời giờ đây xuất hiện, và các trung tâm năng lượng trở nên được che phủ và ẩn kín. Sự bồi tụ và cô đặc tiến triển nhanh chóng. Ba nhóm đấng kiến tạo lại phối hợp nỗ lực của họ, và một dòng năng lượng mới—mang theo các thiên thần từ trung tâm đầu của Thượng đế—tuôn vào. Các vị tiểu kiến tạo đáp ứng với mantram của Thượng đế được xướng lại trong mỗi giai kỳ sinh hóa, và bảy dòng năng lượng từ bảy trung tâm của Thượng đế được hướng xuống dưới.

The logoic Song of Love or Desire - The Sixth plane The logoic liquid body.

A poem in forty-two verses.

This song or vibration causes the bringing in of a body of devas from the logoic heart centre to swell the efforts of those already active. The liquid body of the solar Logos appears, and the form exists in its six differentiations. Concretion is very rapid, and activity is considerably more violent owing to the greater density of the accruing substance.

Bài ca hay rung động này khiến một đoàn thiên thần từ trung tâm tim của Thượng đế được đưa vào để tăng cường nỗ lực của những vị đã hoạt động. Thể lỏng của Thái dương Thượng đế xuất hiện, và hình tướng tồn tại trong sáu sự biến phân của nó. Sự cô đặc diễn ra rất nhanh, và hoạt động mãnh liệt hơn đáng kể do mật độ lớn hơn của chất liệu đang bồi thêm.

The entire form stands revealed. During evolution it must manifest its purpose and its nature. A third group [Page 929] of devas from the logoic throat centre appear, and cooperate with their brothers. All the fires are burning, all the centres are active, and every petal, forty-nine in number, on the fourth plane of Buddhi is producing a reflex activity upon the dense physical plane.

Toàn bộ hình tướng được bộc lộ. Trong tiến hoá, nó phải biểu hiện mục đích và bản chất của nó. Một nhóm thứ ba [Page 929] các thiên thần từ trung tâm cổ họng của Thượng đế xuất hiện, và hợp tác với các huynh đệ của họ. Mọi ngọn lửa đều đang cháy, mọi trung tâm đều hoạt động, và mỗi cánh hoa, tổng cộng bốn mươi chín, trên cõi thứ tư của Bồ đề đang tạo ra một hoạt động phản chiếu trên cõi hồng trần đậm đặc.

Men, when occupied in creation of any kind, and in the process of producing forms on earth which embody an idea, work along similar lines. The analogy is perfect.

Con người, khi bận rộn trong bất kỳ loại sáng tạo nào, và trong tiến trình tạo ra các hình tướng trên trái đất thể hiện một ý tưởng, đều hoạt động theo những đường lối tương tự. Sự tương đồng là hoàn toàn chính xác.

In connection with those human beings who create nothing, but who are only swept into activity under the urge of circumstance—and they are the bulk of the human race—it should be pointed out that they are a part of the creative activity of some greater, and more advanced, entity. As self-conscious evolution proceeds, more and more of the human family will become creators and intelligent workers in connection with deva substance. In the initial stages, therefore, of their dissociation from a passive attitude, there will be found a revolt against law and order, a refusal to be governed, and an ability evidenced to follow out an individual concept at the expense of the group, great or small. This apparent defect, evolution itself and experience will remedy, and as the consciousness becomes alive to higher vibrations the man will become aware of the purpose and plan of the Intelligence of his group. He will awaken to the beauty of that

Liên quan đến những con người không sáng tạo gì cả, mà chỉ bị cuốn vào hoạt động dưới sự thúc đẩy của hoàn cảnh—và họ là phần lớn nhân loại—cần chỉ ra rằng họ là một phần trong hoạt động sáng tạo của một thực thể lớn hơn và tiến bộ hơn. Khi sự tiến hoá ngã thức tiếp diễn, ngày càng nhiều thành viên của gia đình nhân loại sẽ trở thành những người sáng tạo và những người hoạt động trí tuệ liên hệ với chất liệu thiên thần. Vì vậy, trong các giai đoạn đầu của sự tách mình khỏi thái độ thụ động, sẽ thấy có một sự nổi loạn chống lại luật pháp và trật tự, một sự từ chối bị cai quản, và một khả năng được biểu lộ là theo đuổi một quan niệm cá nhân bằng giá phải trả của nhóm, dù lớn hay nhỏ. Khuyết điểm bề ngoài này sẽ được chính tiến hoá và kinh nghiệm chữa lành, và khi tâm thức trở nên sống động với những rung động cao hơn, con người sẽ nhận biết mục đích và Thiên Cơ của Trí Tuệ của nhóm mình. Y sẽ thức tỉnh đối với vẻ đẹp của Thiên

plan and will begin to submerge his own interests in the greater, and to co-operate intelligently. The creative power which had before been of a separative nature will be offered as a willing sacrifice to the greater energy, and his small plans and ideas will be merged in the greater ones. He will no longer, however, be a passive unit, swept hither and thither by the energy of his group, but will become a positive, active potent force, self-immolated through intelligent recognition of the greater plan.

Cơ ấy và sẽ bắt đầu dìm lợi ích riêng của mình vào lợi ích lớn hơn, và hợp tác một cách trí tuệ. Quyền năng sáng tạo trước kia vốn có tính chia rẽ sẽ được dâng hiến như một sự hi sinh tự nguyện cho năng lượng lớn hơn, và những kế hoạch cùng ý tưởng nhỏ bé của y sẽ được hòa nhập vào những kế hoạch lớn hơn. Tuy nhiên, y sẽ không còn là một đơn vị thụ động, bị năng lượng của nhóm cuốn đi đây đó, mà sẽ trở thành một mãnh lực tích cực, hoạt động, đầy năng lực, tự hiến mình qua sự nhận biết trí tuệ về Thiên Cơ lớn lao hơn.

He will become alive to the fact that there are living [Page 930] forces in nature. As the greater energy thrills through him, his own latent powers are awakened. He sees and knows the deva forces and can consequently work with them intelligently. Some he will control and manipulate, with others he will co-operate, and others still he will obey.

Y sẽ trở nên nhận biết sự kiện rằng trong thiên nhiên có những [Page 930] mãnh lực sống động. Khi năng lượng lớn hơn rung động xuyên qua y, các quyền năng tiềm ẩn của chính y được đánh thức. Y thấy và biết các mãnh lực thiên thần và do đó có thể làm việc với chúng một cách trí tuệ. Một số y sẽ kiểm soát và vận dụng, với một số khác y sẽ hợp tác, và những vị khác nữa y sẽ tuân phục.

It is in the realisation of these facts anent deva substance, the power of sound, the law of vibration, and the ability to produce forms in conformity with law, that the true magician can be seen. Herein too lies one of the distinctions to be found between magicians of the Good Law, and those of the Left-hand Path. A white magician can control and manipulate deva substance, and he proceeds to do it through an intelligent co-operation with the greater builders. Owing to the purity and holiness of his life, and the height of his own vibration, he can contact them in some one or other of their grades. The magician of the shadows controls and manipulates deva substance on the astral and physical plane and on the lower levels of the mental plane through the force of his own vibration and knowledge,

Chính trong sự chứng nghiệm các sự kiện này liên quan đến chất liệu thiên thần, quyền năng của âm thanh, định luật rung động, và khả năng tạo ra các hình tướng phù hợp với định luật, mà nhà huyền thuật chân chính có thể được nhận ra. Chính trong đây cũng có một trong những sự phân biệt giữa các nhà huyền thuật của Định luật Thiện và những kẻ thuộc tả đạo. Một nhà huyền thuật chánh đạo có thể kiểm soát và vận dụng chất liệu thiên thần, và y tiến hành điều đó qua sự hợp tác trí tuệ với các đấng đại kiến tạo. Do sự thanh khiết và thiêng liêng của đời sống y, và do độ cao của rung động riêng của y, y có thể tiếp xúc với họ ở một cấp bậc nào đó của họ. Nhà huyền thuật của bóng tối kiểm soát và vận dụng chất liệu thiên thần trên cõi cảm dục và cõi hồng trần, cũng như trên các cấp thấp của cõi trí, bằng mãnh lực

but not through co-operation with the directing builders. He cannot contact them, as his character is impure through selfishness, and his vibration is too low; his power therefore is limited and destructive, yet immense within certain restrictions.

The devas of the etheric doubles fall into two groups. They are those who are the lesser builders, and who, under direction from the greater builders, form the etheric doubles of all that can be seen and all that is tangible on the dense physical plane. They exist in vast hosts and are omnipresent; they gather and build the material needed to form the etheric double of everything, and they do this under certain laws and work under certain restrictions. They are called in occult phraseology *"the listening devas,"* for they are the ones who pick up that particular note and tone from the transmitters of [Page 931] the physical plane sound which is needed to gather the substance for any intended material form. Again, they are spoken of as "having ears but seeing not." They work in close co-operation with the elementals of the dense physical body. This second group are spoken of as the *"seeing elementals,"* for they exist in matter of the three lower subplanes and can therefore see on the objective plane in the occult sense which always implies an analogy between sight and knowledge. The *"listening builders"* gather the material; the "seeing elementals" take that gathered material, and build it into any specific form. They exist in many groups according to their point in evolution, and some of them might be tabulated as follows:

1. *The builders of the human vehicle.*

của rung động và tri thức riêng của y, nhưng không phải qua sự hợp tác với các đấng kiến tạo chỉ đạo. Y không thể tiếp xúc với họ, vì tính cách của y bất tịnh do ích kỷ, và rung động của y quá thấp; do đó quyền năng của y bị giới hạn và có tính hủy diệt, tuy vẫn to lớn trong những giới hạn nhất định.

Các thiên thần của các bản sao dĩ thái thuộc vào hai nhóm. Họ là những vị tiểu kiến tạo, dưới sự chỉ đạo của các đấng đại kiến tạo, tạo thành các bản sao dĩ thái của mọi điều có thể được thấy và mọi điều sờ chạm được trên cõi hồng trần đậm đặc. Họ tồn tại thành những đạo quân khổng lồ và hiện diện khắp nơi; họ tập hợp và kiến tạo chất liệu cần thiết để tạo thành bản sao dĩ thái của mọi vật, và họ làm điều này dưới những định luật nhất định và hoạt động dưới những hạn chế nhất định. Theo thuật ngữ huyền bí học, họ được gọi là *"các thiên thần lắng nghe,"* vì họ là những vị tiếp nhận âm điệu và thanh âm đặc thù từ những vị truyền dẫn [Page 931] âm thanh của cõi hồng trần, vốn cần thiết để tập hợp chất liệu cho bất kỳ hình tướng vật chất dự định nào. Hơn nữa, họ còn được nói đến như "có tai mà không thấy." Họ hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với các hành khí của thể hồng trần đậm đặc. Nhóm thứ hai này được gọi là *"các hành khí thấy,"* vì họ tồn tại trong vật chất của ba cõi phụ thấp và do đó có thể thấy trên cõi khách quan theo nghĩa huyền bí, vốn luôn hàm ý một sự tương đồng giữa thị giác và tri thức. Các *"đấng kiến tạo lắng nghe"* tập hợp chất liệu; còn "các hành khí thấy" lấy chất liệu đã được tập hợp ấy và xây dựng nó thành bất kỳ hình tướng đặc thù nào. Họ tồn tại trong nhiều nhóm tùy theo điểm tiến hoá của mình, và một số trong họ có thể được lập bảng như sau:

1. *Các đấng kiến tạo vận cụ con người.*

This is the highest group of lesser builders, who are highly specialised. These will be dealt with somewhat in detail later.

Đây là nhóm cao nhất của các vị tiểu kiến tạo, những vị có tính chuyên môn hóa rất cao. Những vị này sẽ được bàn đến phần nào chi tiết hơn về sau.

2. *The builders of the forms in the three kingdoms of nature in their two divisions.*

2. *Các đấng kiến tạo các hình tướng trong ba giới của thiên nhiên theo hai phân bộ của họ.*

First. The builders of the mineral kingdom. These are the workers occultly called "the elemental alchemists." They are in many groups connected with the differing elements, metals, chemicals, and minerals, and with what are called active and radioactive substances. They are the custodians of two secrets, that of the immetalisation of the Monad, and the secret of the transmutation of metals.

Thứ nhất. Các đấng kiến tạo giới kim thạch. Đây là những người hoạt động được gọi một cách huyền bí là "các nhà luyện kim hành khí." Họ thuộc nhiều nhóm liên hệ với các nguyên tố, kim loại, hóa chất và khoáng vật khác nhau, cũng như với những gì được gọi là các chất liệu hoạt động và phóng xạ. Họ là những người gìn giữ hai bí mật, một là bí mật về sự kim loại hóa của chân thần, và một là bí mật về sự chuyển hoá kim loại.

Second. The builders of the vegetable kingdom. They exist in many groups and are termed "the surface alchemists" and "the bridging units." They build the doubles of every form of vegetable life, and just as the "alchemists" of the mineral kingdom are mostly concerned with the action of fire, these other alchemical workers are concerned with the liquid action of divine [Page 932] manifestation. They work, therefore, in co-operation with the devas of the waters, or liquid substance, whilst the earlier mentioned group work with the gaseous devas. A hint is here conveyed, but greater expansion of the statement is not possible, owing to the danger of the knowledge to be reached. With them is hidden three secrets: One is concerned with the earlier solar system, or the *green* solar system; another deals with the laws of bridging, or the interaction between the kingdoms of nature, and the third is connected with the history of the second round; this secret when revealed will make clear why man (under the law) should be a vegetarian and not

Thứ hai. Các đấng kiến tạo giới thực vật. Họ tồn tại trong nhiều nhóm và được gọi là "các nhà luyện kim bề mặt" và "các đơn vị bắt cầu." Họ kiến tạo các bản sao của mọi hình thức sự sống thực vật, và cũng như các "nhà luyện kim" của giới kim thạch chủ yếu quan tâm đến tác động của lửa, thì những người hoạt động luyện kim khác này quan tâm đến tác động lưu chất của biểu hiện thiêng liêng. Do đó, họ hoạt động trong sự hợp tác với các thiên thần của nước, hay chất liệu lỏng, trong khi nhóm được nhắc đến trước đó hoạt động với các thiên thần thể khí. Ở đây có một gợi ý, nhưng không thể khai triển thêm lời phát biểu này, do sự nguy hiểm của tri thức có thể đạt đến. Nơi họ ẩn giấu ba bí mật: một bí mật liên quan đến hệ mặt trời trước kia, hay hệ mặt trời [Page 932] xanh; một bí mật khác bàn đến các định luật bắt cầu, hay sự tương tác giữa các giới trong thiên nhiên; và bí mật thứ ba liên hệ với lịch sử của cuộc tuần hoàn thứ hai; khi được mặc khải, bí mật này sẽ làm sáng tỏ vì sao con người (theo định luật) nên ăn chay chứ không nên ăn thịt. Các nhà khoa học hiện đã học được một

carnivorous. Scientists are learning already certain things connected with the second secret, and they may hope, as the knowledge of the significance of colour is extended, to glean hints as to the first. The third secret will not be indicated more clearly till the sixth race is living upon earth.

số điều liên hệ với bí mật thứ hai, và họ có thể hy vọng, khi tri thức về thâm nghĩa của màu sắc được mở rộng, sẽ nhặt nhạnh được những gợi ý về bí mật thứ nhất. Bí mật thứ ba sẽ không được chỉ ra rõ hơn cho đến khi giống dân thứ sáu sống trên trái đất.

Third. The builders of all animal etheric forms. These are a group closely allied with those who build the human form. They came in force from a reservoir of energy which was kept in a quiescent condition until the physical condition of any particular scheme warranted their activity. With them came in much that accounts for the present sad condition, for much of the fear, hatred, and destructive condition to be found among the animals is caused by their bodies being built, and the work of evolution carried on by the "imperfect gods" (as H. P. B. expresses it) working in imperfect matter as yet imperfectly manipulated. The secret of fear is hidden in the etheric body, and the particular type of substance out of which it may be built.

Thứ ba. Các đấng kiến tạo mọi hình tướng dĩ thái động vật. Đây là một nhóm có liên hệ rất gần với những vị kiến tạo hình tướng con người. Họ đã đến một cách mạnh mẽ từ một hồ chứa năng lượng vốn được giữ trong trạng thái tĩnh cho đến khi điều kiện hồng trần của một hệ hành tinh đặc thù nào đó bảo đảm cho hoạt động của họ. Cùng với họ đã đến nhiều điều giải thích cho tình trạng đáng buồn hiện nay, vì phần lớn nỗi sợ hãi, lòng căm ghét và tình trạng hủy diệt được thấy nơi loài vật là do "các vị thần bất toàn" kiến tạo thân thể của chúng và tiến hành công việc tiến hoá (như H. P. B. diễn tả) hoạt động trong vật chất bất toàn, cho đến nay vẫn được vận dụng một cách bất toàn. Bí mật của nỗi sợ hãi được ẩn giấu trong thể dĩ thái, và trong loại chất liệu đặc thù mà từ đó nó có thể được kiến tạo.

3. *The builders of the planetary etheric web.*

3. *Các đấng kiến tạo mạng lưới dĩ thái hành tinh.*

Their work is exceedingly obscure and exists in three divisions: [Page 933]

Công việc của họ cực kỳ khó hiểu và tồn tại trong ba phân bộ: [Page 933]

a. The materialisation of the web. This is only perfected by the fourth round, and was purposely hurried in connection with our planet owing to karmic conditions, and under the law of spiritual necessity. A correspondence to this can be seen in the case of man himself. The etheric web was very loosely co-ordinated in man at the beginning of the fourth rootrace. Spiritual necessity forced its rapid consolidation, and

a. Sự hiện hình của mạng lưới. Điều này chỉ được hoàn thiện vào cuộc tuần hoàn thứ tư, và đã được cố ý thúc đẩy nhanh liên hệ với hành tinh của chúng ta do các điều kiện nghiệp quả, và theo định luật của sự cần thiết tinh thần. Một sự tương ứng với điều này có thể được thấy trong trường hợp của chính con người. Mạng lưới dĩ thái đã được phối hợp rất lỏng lẻo nơi con người vào đầu giống dân gốc thứ tư. Sự cần thiết tinh thần

it is now so constituted that it forms a barrier between the physical and the astral plane.

đã buộc nó phải được củng cố nhanh chóng, và hiện nay nó được cấu tạo sao cho tạo thành một hàng rào giữa cõi hồng trần và cõi cảm dục.

b. The preservation of the planetary web. This will be continued until the sixth round. During this period spiritual evolution proceeds with a certain degree of planetary safety, for the web protects from certain solar influences, and acts largely as a sifter and a distributor of solar forces.

b. Sự bảo tồn mạng lưới hành tinh. Điều này sẽ được tiếp tục cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu. Trong thời kỳ này, tiến hoá tinh thần diễn ra với một mức độ an toàn hành tinh nhất định, vì mạng lưới bảo vệ khỏi một số ảnh hưởng thái dương, và phần lớn hoạt động như một bộ lọc và một bộ phân phối các mãnh lực thái dương.

c. The destruction of the web. This takes place towards the end of planetary evolution, thus permitting the escape of the imprisoned planetary life and the absorption of the life essence into its synthesiser. The process of destruction can only be described in the words perforation and disintegration.

c. Sự hủy diệt mạng lưới. Điều này diễn ra về cuối tiến hoá hành tinh, nhờ đó cho phép sự sống hành tinh bị giam hãm thoát ra và tinh chất sự sống được hấp thu vào đấng tổng hợp của nó. Tiến trình hủy diệt chỉ có thể được mô tả bằng các từ sự đục thủng và sự tan rã.

4. *The builders of the etheric body of the planetary Entity.*

4. *Các đấng kiến tạo thể dĩ thái của Thực Thể Hành Tinh.*

This great involutionary life must remain for many aeons a mystery. His etheric body is now in process of building, and only in another solar system will he assume definite physical form. Sufficient energy has not yet been generated to permit of his manifestation objectively. He remains as yet subjective. He has his solar correspondence. [Page 934]

Sự sống giáng hạ tiến hoá vĩ đại này phải còn là một huyền nhiệm trong nhiều đại kiếp. Thể dĩ thái của Ngài hiện đang trong tiến trình được kiến tạo, và chỉ trong một hệ mặt trời khác Ngài mới đảm nhận hình tướng hồng trần xác định. Năng lượng đầy đủ vẫn chưa được tạo ra để cho phép Ngài biểu hiện một cách khách quan. Hiện nay Ngài vẫn còn chủ quan. Ngài có sự tương ứng thái dương của Ngài. [Page 934]

5. *The builders of the planetary body.*

5. *Các đấng kiến tạo thể hành tinh.*

This proceeds under the same law as that of the solar system and of man, but, as in the solar system, it proceeds upon the higher planes. Students are here recommended to

Điều này tiến hành theo cùng định luật như của hệ mặt trời và của con người, nhưng cũng như trong hệ mặt trời, nó tiến hành trên các cõi cao hơn. Ở đây, các đạo sinh được khuyến nghị truy tìm mối liên hệ giữa các

trace the relation between the solar and cosmic planes in this specific connection.

cõi thái dương và các cõi vũ trụ trong mối liên hệ đặc thù này.

6. *The etheric doubles of all that man creates.*

6. *Các bản sao dĩ thái của mọi điều con người tạo ra.*

These are a special group of etheric builders who, under karma, are forced to act in conjunction with human beings.

Đây là một nhóm đặc biệt các đấng kiến tạo dĩ thái, dưới nghiệp quả, bị buộc phải hoạt động phối hợp với con người.

These are but a few out of the many groups possible to touch upon; it is needless further to enlarge, as no substantial profit will eventuate from the impartation of further information. Only the briefest indications can be given and touched upon. It is neither safe nor advisable as yet to impart to men knowledge anent the workers in etheric matter, which would enable them to contact them, nor is it wise as yet to link up coherently the scattered facts already given in different occult books. Science is treading on the borderland of discovery, and trespassing already into the domain of the building devas. Caution is needed. Yet if the hints given above are studied, if the various secrets of the builders are pondered upon, and if the esoteric side of Masonry is carefully and persistently meditated upon, the work of the Great Architect and His many assistants will stand forth in a clearer and a fuller light. One hint may here be given, forgetting not that the work is twofold:

Đây chỉ là một vài trong số rất nhiều nhóm có thể được đề cập đến; không cần thiết phải khai triển thêm, vì sẽ không có lợi ích thực chất nào phát sinh từ việc truyền đạt thêm thông tin. Chỉ có thể đưa ra và chạm đến những chỉ dẫn ngắn gọn nhất. Hiện nay, việc truyền cho con người tri thức liên quan đến những người hoạt động trong vật chất dĩ thái, tri thức có thể giúp họ tiếp xúc với các vị ấy, là điều không an toàn cũng không nên làm; cũng chưa khôn ngoan để liên kết một cách mạch lạc các sự kiện rời rạc đã được đưa ra trong những sách huyền bí khác nhau. Khoa học đang bước trên ranh giới của khám phá, và đã xâm nhập vào lĩnh vực của các thiên thần kiến tạo. Cần có sự thận trọng. Tuy nhiên, nếu các gợi ý nêu trên được nghiên cứu, nếu các bí mật khác nhau của các đấng kiến tạo được suy ngẫm, và nếu phương diện huyền bí của Hội Tam Điểm được tham thiền một cách cẩn trọng và bền bỉ, thì công việc của Đại Kiến Trúc Sư và nhiều trợ thủ của Ngài sẽ hiện ra trong một ánh sáng rõ ràng và đầy đủ hơn. Ở đây có thể đưa ra một gợi ý, mà không quên rằng công việc là nhị phân:

The construction of the tabernacle, or the building of the temporary forms is the work of the Divine Carpenter, whilst the building of the Temple of Solomon, or the construction of the more permanent structure is the work of the Supervising Architect. One concerns operative, and the

Việc dựng lều tạm, hay xây dựng các hình tướng tạm thời là công việc của Người Thợ Mộc Thiêng Liêng, trong khi việc xây Đền Solomon, hay kiến tạo cấu trúc bền vững hơn là công việc của Vị Kiến Trúc Sư Giám Sát. Một bên liên quan đến Hội Tam Điểm thực hành, và bên kia liên quan đến Hội Tam

other speculative Masonry in the true esoteric significance of the word.

Điểm chiêm nghiệm theo thâm nghĩa huyền bí chân chính của từ này.

[Page 935] The devas who form the etheric doubles of all objects out of their own substance must also be considered. These builders are the sumtotal of all physical plane substance, and constitute the matter of the etheric levels of the physical plane. They exist, therefore, in four groups, and each group has a curious karmic relation to one of the four kingdoms in nature:

[Page 935] Các thiên thần tạo thành các bản sao dĩ thái của mọi vật từ chính chất liệu của họ cũng phải được xem xét. Các đấng kiến tạo này là tổng số mọi chất liệu của cõi hồng trần, và cấu thành vật chất của các cấp dĩ thái của cõi hồng trần. Do đó, họ tồn tại trong bốn nhóm, và mỗi nhóm có một mối liên hệ nghiệp quả kỳ lạ với một trong bốn giới trong thiên nhiên:

Group.	*Plane.*	*Kingdom.*
First	One	Human
Second	Two	Animal
Third	Three	Vegetable
Fourth	Four.	Mineral

The substance of the highest physical form of a human being is therefore atomic. The Master's physical body is made of atomic matter, and when He wishes to materialise it on the dense physical plane, He forms a sheath of gaseous substance upon that atomic matter, perfect in its delineation of all the known physical traits. The substance of the highest form of animal body is that of the second ether, and herein is to be found a clue as to the relation between all sea and watery forms to the animal. The highest form of body possible for the vegetable form of life is that of the third ether. These facts will be demonstrated in the seventh round when the present three kingdoms of nature —the human, the animal, and the vegetable will objectively exist in etheric matter; that

Chất liệu của hình tướng hồng trần cao nhất của một con người vì thế là nguyên tử. Thể xác của Chân sư được tạo bằng vật chất nguyên tử, và khi Ngài muốn hiện hình nó trên cõi hồng trần đậm đặc, Ngài tạo thành một lớp vỏ bằng chất liệu thể khí trên vật chất nguyên tử ấy, hoàn hảo trong việc phác họa mọi đặc điểm hồng trần đã biết. Chất liệu của hình thức thân thể cao nhất của động vật là chất liệu của dĩ thái thứ hai, và ở đây có thể tìm thấy một đầu mối về mối liên hệ giữa mọi hình thức biển và nước với loài vật. Hình thức thân thể cao nhất có thể có đối với hình thức sự sống thực vật là của dĩ thái thứ ba. Những sự kiện này sẽ được chứng minh trong cuộc tuần hoàn thứ bảy khi ba giới thiên nhiên hiện nay—giới nhân loại, giới động vật và giới thực vật—sẽ tồn tại

will be for them their densest manifestation. The mineral kingdom will find its highest manifestation in matter of the fourth ether, and this transmutation is already taking place, for all the radioactive substances now being discovered are literally becoming matter of the fourth ether. The mineral kingdom is relatively nearing its possible manvantaric perfection, and by the time the seventh round is reached all mineral lives (not forms) [Page 936] will have been transferred to another planet. This will not be so with the other three kingdoms.

một cách khách quan trong vật chất dĩ thái; đối với chúng, đó sẽ là biểu hiện đậm đặc nhất của chúng. Giới kim thạch sẽ tìm thấy biểu hiện cao nhất của nó trong vật chất của dĩ thái thứ tư, và sự chuyển hoá này hiện đã đang diễn ra, vì mọi chất liệu phóng xạ hiện đang được khám phá thực sự đang trở thành vật chất của dĩ thái thứ tư. Giới kim thạch tương đối đang tiến gần đến sự hoàn hảo có thể có của nó trong giai kỳ sinh hóa, và vào lúc đạt đến cuộc tuần hoàn thứ bảy, mọi sự sống kim thạch (không phải các hình tướng) [Page 936] sẽ được chuyển dịch sang một hành tinh khác. Điều này sẽ không xảy ra với ba giới kia.

The etheric deva substance is acted upon in two ways:

Chất liệu thiên thần dĩ thái bị tác động theo hai cách:

It is awakened into a specific activity by the sounding of the physical plane word, and it is built into forms by the lesser builders.

Việc xướng linh từ của cõi hồng trần đánh thức nó vào một hoạt động đặc thù, và được các vị tiểu kiến tạo xây dựng thành các hình tướng.

It will, therefore, be apparent that it comes under the influence of two types of force or energy.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng nó chịu ảnh hưởng của hai loại mãnh lực hay năng lượng.

We will now briefly take up the subject of the work of the devas who build man's etheric and dense physical body. By dividing our thoughts into two sections, we may be able to cover the ground somewhat more easily, dealing first with the building devas and the microcosm and then with the lesser builders of the etheric levels.

Giờ đây chúng ta sẽ ngắn gọn bàn đến chủ đề công việc của các thiên thần kiến tạo thể dĩ thái và thể hồng trần đậm đặc của con người. Bằng cách chia tư tưởng của chúng ta thành hai phần, chúng ta có thể bao quát lĩnh vực này phần nào dễ dàng hơn, trước hết bàn đến các thiên thần kiến tạo và tiểu thiên địa, rồi đến các vị tiểu kiến tạo của các cấp dĩ thái.

d. The Elementals and the Microcosm.

d. Các Hành Khí và Tiểu thiên địa.

Man and the building devas. Man, in the process of evolution, as he pursues the method of reincarnation, works with four

Con người và các thiên thần kiến tạo. Con người, trong tiến trình tiến hoá, khi theo đuổi phương pháp tái sinh, hoạt động với

types of builders and three major grades of building essence or deva substance.

bốn loại đấng kiến tạo và ba cấp chính của tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần.

He connects with the transmitting devas who are found in connection with the microcosm on the fourth subplane of the mental plane, and on the atomic subplanes of the astral and physical plane. He connects next with the devas concerned with:

Y liên kết với các thiên thần truyền dẫn được tìm thấy liên hệ với tiểu thiên địa trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, và trên các cõi phụ nguyên tử của cõi cảm dục và cõi hồng trần. Kế đó y liên kết với các thiên thần liên quan đến:

1. The mental unit.

1. đơn vị hạ trí.

2. The astral permanent atom.

2. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

3. The physical permanent atom.

3. Nguyên tử trường tồn hồng trần.

He co-operates with the work of the building devas who form the etheric body, and influences the building devas of the dense physical substances, so that the necessary physical vehicle for his objective manifestation becomes an actuality.

Y hợp tác với công việc của các thiên thần kiến tạo tạo thành thể dĩ thái, và ảnh hưởng đến các thiên thần kiến tạo của các chất liệu hồng trần đậm đặc, để vận cụ hồng trần cần thiết cho biểu hiện khách quan của y trở thành hiện thực.

These are the four main groups of devas which come under the influence of any particular Ego. They unitedly [Page 937] produce the lower man, and bring into manifestation the Personality, that reflection of the Ego and shadow of the Monad. The three grades of building essence which are built into forms through the activity of the above four groups are here briefly recognised as the mental substance, built into the mental body, the astral substance, built into the astral vehicle and the matter of the physical body. These seven groups form, in their totality, what we might call the Brahma aspect of the microcosm.

Đây là bốn nhóm thiên thần chính chịu ảnh hưởng của bất kỳ chân ngã đặc thù nào. Họ cùng nhau [Page 937] tạo ra phàm nhân, và đưa Phàm ngã vào biểu hiện, sự phản chiếu của chân ngã và cái bóng của chân thần. Ba cấp tinh chất kiến tạo được xây dựng thành các hình tướng qua hoạt động của bốn nhóm trên đây được nhìn nhận ngắn gọn ở đây là chất liệu trí tuệ, được xây thành thể trí, chất liệu cảm dục, được xây thành vận cụ cảm dục, và vật chất của thể hồng trần. Bảy nhóm này, trong tổng thể của chúng, tạo thành điều mà chúng ta có thể gọi là phương diện Brahma của tiểu thiên địa.

From another point of view, we may be considered as studying the action of the solar Angel, or Lord, upon the lunar angels,

Từ một quan điểm khác, chúng ta có thể được xem như đang nghiên cứu tác động của Thái dương Thiên Thần, hay Chúa Tể, lên các

and the process whereby the solar Lord imposes a certain rhythm and vibration upon different aspects of lower manifestation. Esoterically, this is all hidden in the words of a very ancient writing, which says:

thái âm thiên thần, và tiến trình nhờ đó Chúa Tể thái dương áp đặt một nhịp điệu và rung động nhất định lên các phương diện khác nhau của biểu hiện thấp. Một cách huyền bí, tất cả điều này được ẩn giấu trong lời của một bản văn rất cổ, nói rằng:

"As the moon revolves, she reflects. As she reflects, she causes response in that which failed to radiate. These three, the Sun, the Moon, and the Mother, produce that which pursues a tiny cycle, and burns."

"Khi mặt trăng xoay chuyển, nàng phản chiếu. Khi nàng phản chiếu, nàng gây ra sự đáp ứng nơi điều đã không phát xạ. Ba điều này, Mặt Trời, Mặt Trăng và Mẹ, tạo ra điều theo đuổi một chu kỳ nhỏ bé, và cháy sáng."

The first step of the Ego towards producing a "shadow" is expressed in the words "The Ego sounds his note." He utters his voice, and (as in the logoic process) the lesser "army of the voice" responds immediately to it. According to the tone and quality of the voice, so is the nature of the responsive agents. According to the depth or height of the note, and according to its volume, so is the status or grade of building deva which replies to the call. This egoic note produces, therefore, certain effects:

Bước đầu tiên của chân ngã trong việc tạo ra một "cái bóng" được diễn tả trong lời "Chân ngã xướng lên âm điệu của mình." Y phát ra tiếng nói của mình, và (như trong tiến trình của Thượng đế) "Đạo Quân của Âm Thanh" nhỏ hơn lập tức đáp ứng với nó. Tùy theo âm sắc và phẩm tính của tiếng nói mà bản chất của các tác nhân đáp ứng sẽ như thế. Tùy theo độ trầm hay cao của âm điệu, và tùy theo âm lượng của nó, mà địa vị hay cấp bậc của thiên thần kiến tạo đáp lời sẽ như thế. Vì vậy, âm điệu chân ngã này tạo ra những hiệu quả nhất định:

It sweeps into activity devas who proceed to transmit the sound. They utter a word.

Nó cuốn các thiên thần vào hoạt động, những vị này tiến hành truyền dẫn âm thanh. Họ thốt ra một từ.

It reaches the listening devas of the second grade who take up the word and proceed to elaborate it into what might be called a mantric phrase. The building process definitely begins in a sequential threefold manner. The [Page 938] mental body begins to co-ordinate in three stages. All the building stages overlap. When, for instance, the co-ordination of the mental body is in its second stage, the first stage of astral concretion begins. This is carried on for seven stages (three major and four minor) which overlap in an intricate fashion. Again,

Nó đến với các thiên thần lắng nghe của cấp thứ hai, những vị tiếp nhận từ ấy và tiến hành khai triển nó thành điều có thể được gọi là một cụm từ mantram. Tiến trình kiến tạo xác định bắt đầu theo một cách tam phân tuần tự. [Page 938] Thể trí bắt đầu phối hợp trong ba giai đoạn. Tất cả các giai đoạn kiến tạo đều chồng lấn lên nhau. Chẳng hạn, khi sự phối hợp của thể trí đang ở giai đoạn thứ hai, thì giai đoạn đầu của sự cô đặc cảm dục bắt đầu. Điều này được tiếp tục qua bảy giai đoạn (ba giai đoạn chính và bốn giai đoạn phụ) chồng lấn lên nhau theo một cách

when the second stage is reached, a vibration is produced which awakens response in etheric matter on the physical plane, and the builders of the etheric double commence their activity. Again the process is repeated. When the second stage of the work of these etheric devas is begun, *conception takes place upon the physical plane*. This is a very important point to be remembered, for it brings the entire process of human birth definitely into line with established karmic law. It shows the close connection between that which is subjective and that which is tangible and seen. The building of the physical body proceeds like that of the three stages during the prenatal period:

phức tạp. Hơn nữa, khi giai đoạn thứ hai đạt đến, một rung động được tạo ra, đánh thức sự đáp ứng trong vật chất dĩ thái trên cõi hồng trần, và các đấng kiến tạo của bản sao dĩ thái bắt đầu hoạt động. Tiến trình lại được lặp lại. Khi giai đoạn thứ hai của công việc của các thiên thần dĩ thái này bắt đầu, *sự thụ thai diễn ra trên cõi hồng trần*. Đây là một điểm rất quan trọng cần ghi nhớ, vì nó đưa toàn bộ tiến trình sinh ra của con người vào sự phù hợp hoàn toàn với định luật nghiệp quả đã được thiết lập. Nó cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa điều chủ quan với điều sờ chạm được và được thấy. Việc kiến tạo thể hồng trần tiến hành qua ba giai đoạn tương tự trong thời kỳ trước khi sinh:

a. The work of the building devas during the three and a half months prior to the realisation of life. This period sees the third stage of the building of the etheric body entered upon.

a. Công việc của các thiên thần kiến tạo trong ba tháng rưỡi trước khi nhận biết sự sống. Thời kỳ này chứng kiến giai đoạn thứ ba của việc kiến tạo thể dĩ thái được bước vào.

b. The building work of the next three and a half months of the gestation period.

b. Công việc kiến tạo của ba tháng rưỡi kế tiếp của thời kỳ thai nghén.

c. The final process of concretion carried on through the remaining two months.

c. Tiến trình cô đặc cuối cùng được tiến hành trong hai tháng còn lại.

Students will here find it interesting to trace out the correspondence in this method of producing evolutionary manifestation in a planetary scheme with its rounds and races, and in a solar system with its manvantaras and greater cycles.

Ở đây, các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi truy tìm sự tương ứng trong phương pháp tạo ra biểu hiện tiến hoá này trong một hệ hành tinh với các cuộc tuần hoàn và các giống dân của nó, và trong một hệ mặt trời với các giai kỳ sinh hóa và các chu kỳ lớn hơn của nó.

In summing up this very cursory outline, the work of the etheric devas does not cease at the birth of the man, but is continued likewise in three stages, which find a close analogy in the life period of a solar system.

Tóm lại phác thảo rất sơ lược này, công việc của các thiên thần dĩ thái không chấm dứt khi con người ra đời, mà cũng được tiếp tục trong ba giai đoạn, những giai đoạn này có sự tương đồng chặt chẽ với thời kỳ sống của một hệ mặt trời.

[Page 939] First, their work is directed to the steady increase of the human physical vehicle, so that it may follow accurately the lines of growth of the two subtler bodies. This is carried on till maturity is reached. The next stage is that in which their work consists largely of repair work, and the preservation of the body during the years of full manhood so that it can measure up to the purpose of the subjective life. This purpose necessarily varies according to the stage of development of the man. Finally comes the stage when the work of building ceases. The vitality in the etheric body waxes dim, and the processes of destruction begin. The Ego begins to call in his forces. The "sound" becomes faint and dim; there is less and less volume for the transmitters to pass on, and the initial vibration gets fainter and fainter. The period of obscuration comes in. First the physical body waxes weak and useless; then the Ego withdraws from the centres, and functions for a few hours in the etheric double. This in turn is devitalised, and so the process is carried on till one by one the sheaths are discarded and the egoic "shadow" is dissipated.

[Page 939] Trước hết, công việc của họ được hướng đến sự tăng trưởng đều đặn của vận cụ hồng trần của con người, để nó có thể theo sát một cách chính xác các đường tăng trưởng của hai thể vi tế hơn. Điều này được tiếp tục cho đến khi đạt đến trưởng thành. Giai đoạn kế tiếp là giai đoạn trong đó công việc của họ phần lớn gồm công việc sửa chữa và bảo tồn thể xác trong những năm sung mãn của đời người để nó có thể đáp ứng mục đích của sự sống chủ quan. Mục đích này tất yếu thay đổi tùy theo giai đoạn phát triển của con người. Cuối cùng đến giai đoạn khi công việc kiến tạo chấm dứt. Sinh lực trong thể dĩ thái mờ dần, và các tiến trình hủy diệt bắt đầu. Chân ngã bắt đầu thu hồi các mãnh lực của mình. "Âm thanh" trở nên yếu và mờ; âm lượng để các vị truyền dẫn chuyển tiếp ngày càng ít đi, và rung động ban đầu ngày càng nhạt dần. Thời kỳ che khuất xuất hiện. Trước hết thể xác trở nên yếu và vô dụng; rồi chân ngã rút khỏi các trung tâm, và hoạt động trong vài giờ trong bản sao dĩ thái. Đến lượt nó, bản sao này bị mất sinh lực, và cứ thế tiến trình tiếp diễn cho đến khi từng lớp vỏ một bị loại bỏ và "cái bóng" chân ngã bị làm tiêu tan.

The work of the building devas.

Công việc của các thiên thần kiến tạo.

Let us now consider the work of the building devas on the three planes, dealing with them in two groups:

Giờ đây chúng ta hãy xét công việc của các thiên thần kiến tạo trên ba cõi, bàn đến họ trong hai nhóm:

a. Those who are connected with the permanent atoms.

a. Những vị liên hệ với các nguyên tử trường tồn.

b. Those who are responsible for the building process.

b. Những vị chịu trách nhiệm về tiến trình kiến tạo.

The devas of the permanent atoms. This particular group of devas are the aggregate of the lives who form the mental unit and

Các thiên thần của các nguyên tử trường tồn. Nhóm thiên thần đặc thù này là tổng thể các sự sống tạo thành đơn vị hạ trí và hai

the two permanent atoms. They, as we know, have their place within the causal periphery, and are focal points of egoic energy. They are the very highest type of building devas, and form a group of lives which are closely allied to the solar Angels. *They exist in seven groups connected with three of the spirillae of* [Page 940] *the logoic physical permanent atom. These three spirillae are to these seven groups of lives what the three major rays are to the seven groups of rays on the egoic subplanes of the mental plane.* This phrase will bear meditating upon, and may convey much information to the intuitional thinker. There is a correspondence between the three permanent atomic triads, and the appearance of man in the third root race. A curiously interesting sequence of the three lines of force can be seen in:

nguyên tử trường tồn. Như chúng ta biết, họ có vị trí của mình trong chu vi nhân thể, và là các tiêu điểm của năng lượng chân ngã. Họ là loại thiên thần kiến tạo cao nhất, và tạo thành một nhóm sự sống có liên hệ mật thiết với các Thái dương Thiên Thần. *Họ tồn tại trong bảy nhóm liên hệ với ba loa tuyến của* [Page 940] *nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. Ba loa tuyến này đối với bảy nhóm sự sống ấy cũng giống như ba cung chính đối với bảy nhóm cung trên các cõi phụ chân ngã của cõi trí.* Cụm từ này đáng để tham thiền, và có thể truyền đạt nhiều thông tin cho nhà tư tưởng trực giác. Có một sự tương ứng giữa ba tam nguyên nguyên tử trường tồn, và sự xuất hiện của con người trong giống dân gốc thứ ba. Một chuỗi rất thú vị của ba đường mãnh lực có thể được thấy trong:

a. The triads of the involutionary group soul.

a. Các tam nguyên của hồn nhóm giáng hạ tiến hoá.

b. The appearance of triple natured man in the third root race.

b. Sự xuất hiện của con người tam phân trong giống dân gốc thứ ba.

c. The triads in the causal bodies of any self-conscious unit.

c. Các tam nguyên trong các thể nguyên nhân của bất kỳ đơn vị ngã thức nào.

These building devas are the ones who take up the sound as the Ego sends it forth through certain of the transmitting deva agencies, and by the vibration which this sets up they drive into activity the surrounding deva essence in their two groups:

Các thiên thần kiến tạo này là những vị tiếp nhận âm thanh khi chân ngã phát nó ra qua một số tác nhân thiên thần truyền dẫn nhất định, và bằng rung động mà điều này tạo nên, họ thúc đẩy vào hoạt động tinh chất thiên thần chung quanh trong hai nhóm của nó:

a. Those who build the form.

a. Những vị kiến tạo hình tướng.

b. Those who are built into the form.

b. Những vị được kiến tạo vào trong hình tướng.

They only affect those of analogous vibration. The stages of the building of any of the four forms through which lower man (the Quaternary) functions, follow exactly analogous stages to the building of the dense physical body, for instance, of a planet, or of a solar system. This can be traced all the way from the nebulous and chaotic stages through the fiery to the solid, or to the *relatively* solid where a subtle body is concerned. There is no need for us further to enlarge. H. P. B. has outlined these stages in the *Secret Doctrine, (I, 279, 280.)* and they have been dealt with in an earlier part of this Treatise.

Các vị này chỉ tác động đến những ai có rung động tương tự. Các giai đoạn kiến tạo bất kỳ một trong bốn thể mà qua đó phàm nhân thấp (Bộ Tứ) hoạt động, đều tuân theo những giai đoạn hoàn toàn tương tự với sự kiến tạo thể xác hồng trần đậm đặc, chẳng hạn, của một hành tinh, hay của một hệ mặt trời. Điều này có thể được truy nguyên suốt từ các giai đoạn tinh vân và hỗn mang, xuyên qua giai đoạn rực lửa đến giai đoạn rắn chắc, hay đến mức *tương đối* rắn chắc khi liên quan đến một thể vi tế. Chúng ta không cần khai triển thêm. H. P. B. đã phác họa các giai đoạn này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm, (I, 279, 280.)* và chúng đã được bàn đến trong một phần trước của bộ Luận này.

We have dealt at some length already with the work [Page 941] of the transmitting devas upon the three planes in the three worlds, and with that of the devas connected with those relatively permanent focal points—the permanent atoms within the causal periphery. We can now consider the group of builders who, responding to the note of the transmitting agencies and to the initial vibration of the second group of builders concerned with the triple lower self, begin the work of aggregating and moulding the living substance necessary for egoic manifestation upon the lower planes.

Chúng ta đã bàn khá dài về công việc [Page 941] của các thiên thần truyền dẫn trên ba cõi trong ba cõi giới, và về công việc của các thiên thần liên hệ với những điểm tiêu cự tương đối thường tồn ấy—các nguyên tử trường tồn bên trong chu vi nhân thể. Giờ đây chúng ta có thể xét đến nhóm các đấng kiến tạo, những vị, đáp ứng với âm điệu của các tác nhân truyền dẫn và với rung động khởi đầu của nhóm đấng kiến tạo thứ hai liên hệ với phàm ngã tam phân, bắt đầu công việc tập hợp và nắn tạo chất liệu sống cần thiết cho sự biểu hiện của chân ngã trên các cõi thấp.

We have seen that the first three stages of the egoic work are:

Chúng ta đã thấy rằng ba giai đoạn đầu của công việc chân ngã là:

1. The sounding of the appropriate note, which note is indicative of man's place in evolution, and of the nature of his "psyche," or Ego.

1. Xướng lên âm điệu thích hợp, âm điệu biểu thị vị trí của con người trong tiến hoá, và bản chất của "linh hồn" hay chân ngã của y.

2. The transmission of this note by the solar Angel, and the three groups of devas connected with the three permanent atoms.

2. Sự truyền đạt âm điệu này bởi Thái dương Thiên Thần, và ba nhóm thiên thần liên hệ với ba nguyên tử trường tồn.

3. The vibration set up within these atoms which is in line with the note sounded, and which becomes so strong as to make itself felt in the surrounding deva substance, thus awakening response.

3. Rung động được khởi lên bên trong các nguyên tử này, phù hợp với âm điệu đã được xướng lên, và trở nên mạnh đến mức tự làm cho mình được cảm nhận trong chất liệu thiên thần chung quanh, nhờ đó đánh thức sự đáp ứng.

These may be considered as the three primary stages, and we find demonstrated (in connection with the microcosm) the three factors of sound, colour and vibration, which, under the Law of Analogy, reflect the three aspects of the macrocosm. Here too is found a resemblance to the work of the first three Sephiroths of the Kabbalah,—the primary stage of manifestation finding its dim reflection in the work of the Ego in the three worlds.

Có thể xem đây là ba giai đoạn sơ khởi, và chúng ta thấy được chứng minh (liên hệ với tiểu thiên địa) ba yếu tố âm thanh, màu sắc và rung động, là những yếu tố, dưới định luật tương đồng, phản chiếu ba phương diện của đại thiên địa. Ở đây cũng thấy có sự tương tự với công việc của ba Sephiroth đầu tiên của Kabbalah,—giai đoạn sơ khởi của sự biểu hiện tìm thấy phản chiếu mờ nhạt của nó trong công việc của chân ngã trong ba cõi giới.

The second stage now takes place, in which the work of building proceeds until the microcosm, man, makes his appearance upon the physical plane. This is succeeded by a third stage of evolution, in which the psychic nature of man is to demonstrate through the medium of the [Page 942] created forms. Then the next two groups of Sephiroth are seen reproduced in man. He is demonstrated to be nine from another angle but we are only concerned in this section with the builders of the form.

Giờ đây giai đoạn thứ hai diễn ra, trong đó công việc kiến tạo tiếp tục cho đến khi tiểu thiên địa, con người, xuất hiện trên cõi hồng trần. Tiếp theo đó là giai đoạn tiến hoá thứ ba, trong đó bản chất thông linh của con người sẽ biểu lộ qua trung gian của các [Page 942] hình tướng đã được tạo ra. Khi ấy hai nhóm Sephiroth kế tiếp được thấy tái hiện trong con người. Y được chứng tỏ là số chín từ một góc độ khác nhưng trong phần này chúng ta chỉ quan tâm đến các đấng kiến tạo hình tướng.

These groups of builders are four in number:

Các nhóm đấng kiến tạo này có bốn nhóm:

1. The builders of the mental body.

1. Các đấng kiến tạo thể trí.

2. The builders of the astral body.

2. Các đấng kiến tạo thể cảm dục.

3. The builders of the etheric body.

3. Các đấng kiến tạo thể dĩ thái.

4. The builders of the dense physical.

4. Các đấng kiến tạo thể xác hồng trần đậm đặc.

Each of these groups can be subdivided into four or seven or three, according to the plane concerned. Students must remember that matter from the two lowest subplanes of the physical and of the astral planes are never built into the human body as now constituted; it is of too low a vibration, and too coarse a grade for even the lowest type of men on earth at this time. It must be pointed out also that in the average man, the matter of some subplane will preponderate according to the depth of his nature and his place on the ladder of evolution. The "builders" of the human body work under the direction of one of the Lords of Karma from the lowest group. These Lords are to be found in three groups, and a Lord out of the third group has the work of superintending the builders of the human being on the three planes. Under Him are to be found certain karmic agents, who again are divided into the following groups:

Mỗi nhóm này có thể được phân chia thành bốn hay bảy hay ba, tùy theo cõi liên hệ. Các đạo sinh phải nhớ rằng vật chất từ hai cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần và cõi cảm dục không bao giờ được kiến tạo vào trong thân thể con người như hiện nay; rung động của nó quá thấp, và cấp độ của nó quá thô đối với ngay cả loại người thấp nhất trên trái đất vào lúc này. Cũng cần chỉ ra rằng nơi con người trung bình, vật chất của một cõi phụ nào đó sẽ chiếm ưu thế tùy theo chiều sâu bản chất của y và vị trí của y trên nấc thang tiến hoá. Các "đấng kiến tạo" của thân thể con người hoạt động dưới sự chỉ đạo của một trong các Đấng Nghiệp Quả thuộc nhóm thấp nhất. Các Đấng này được tìm thấy trong ba nhóm, và một Đấng thuộc nhóm thứ ba có công việc giám sát các đấng kiến tạo con người trên ba cõi. Dưới quyền Ngài có một số tác nhân nghiệp quả, và các vị này lại được chia thành những nhóm sau:

1. Three karmic agents responsible to the karmic Lords for the work on the three planes.

1. Ba tác nhân nghiệp quả chịu trách nhiệm trước các Đấng Nghiệp Quả về công việc trên ba cõi.

2. Five karmic Lords who work in close connection with the Manus of the various races, and who are responsible for the correct building of the varying race types.

2. Năm Đấng Nghiệp Quả hoạt động trong liên hệ mật thiết với các Đức Manu của các giống dân khác nhau, và chịu trách nhiệm về sự kiến tạo đúng đắn các loại hình giống dân khác nhau.

3. Karmic agents responsible for the subrace types of the present time. [Page 943]

3. Các tác nhân nghiệp quả chịu trách nhiệm về các loại hình giống dân phụ của thời hiện tại. [Page 943]

4. Certain intermediary agents who represent (within these three groups) the seven Ray types.

4. Một số tác nhân trung gian đại diện (trong ba nhóm này) cho bảy loại cung.

5. Those agents of the good Law who are connected specifically with the work of the

5. Những tác nhân của Định luật thiện lành liên hệ đặc biệt với công việc của các trung

etheric centres, and their response to the different planetary centres.

tâm dĩ thái, và sự đáp ứng của chúng đối với các trung tâm hành tinh khác nhau.

6. The keepers of the records.

6. Những vị giữ hồ sơ.

These various intelligences manipulate the building forces through the medium of streams of energy, which streams are set in motion when the Ego sounds his note. It must be remembered that in more or less degree upon his own plane the Ego is aware of his karma, and of what must be done to promote growth during the coming incarnation. He works, therefore, in connection with these Lords, but is only directly in touch with an agent of the sixth group and of the fourth. Through these two the work proceeds as far as the Ego is individually concerned, and they set in motion for him *(after he has sounded his note)* the machinery of the Law.

Các trí tuệ khác nhau này điều khiển các mãnh lực kiến tạo qua trung gian các dòng năng lượng, những dòng này được khởi động khi chân ngã xướng lên âm điệu của mình. Cần nhớ rằng ở mức độ nhiều hay ít trên cõi riêng của mình, chân ngã ý thức được nghiệp quả của mình, và điều gì phải được thực hiện để thúc đẩy sự tăng trưởng trong kiếp lâm phàm sắp tới. Vì vậy, y hoạt động trong liên hệ với các Đấng này, nhưng chỉ trực tiếp tiếp xúc với một tác nhân của nhóm thứ sáu và của nhóm thứ tư. Qua hai vị này công việc được tiến hành trong chừng mực liên hệ cá nhân đến chân ngã, và các vị ấy khởi động cho y *(sau khi y đã xướng lên âm điệu của mình)* bộ máy của Định luật.

The builders of the human personality again are divided into seven main groups; all devas, just as is the case with the human Monads, come under one or other of the seven Rays, and are responsive to one or other of the seven logoic streams of fiery energy. According to a man's egoic Ray, so will be the type of deva substance influenced.

Các đấng kiến tạo phàm ngã con người lại được chia thành bảy nhóm chính; mọi thiên thần, cũng như trường hợp các Chân thần nhân loại, đều thuộc về cung này hay cung khác trong bảy Cung, và đáp ứng với dòng này hay dòng khác trong bảy dòng năng lượng lửa của Thượng đế. Tùy theo cung chân ngã của một người mà loại chất liệu thiên thần bị ảnh hưởng sẽ như thế ấy.

These builders work with certain elementals, but it is only upon the physical plane that any idea can be given as to their nature and work. These elementals are the little entities who, adhering to the plan as embodied by the builders, blindly construct the fabric of the body, and form the sheaths through which the Ego is to express himself. On the etheric planes they build the real "form" out of etheric substance, and produce the sheath of intricate lines of interlacing fiery strands, which is in [Page 944] reality

Các đấng kiến tạo này làm việc với một số hành khí, nhưng chỉ trên cõi hồng trần mới có thể đưa ra một ý niệm nào đó về bản chất và công việc của chúng. Các hành khí này là những thực thể nhỏ bé, những kẻ, bám theo thiên cơ như được thể hiện bởi các đấng kiến tạo, một cách mù quáng xây dựng kết cấu của thân thể, và tạo thành các vỏ bọc qua đó chân ngã sẽ biểu lộ chính mình. Trên các cõi dĩ thái chúng xây dựng "hình tướng" thực sự bằng chất liệu dĩ thái, và tạo ra vỏ bọc gồm những đường nét phức tạp của các sợi lửa

an extension of the sutratma, or life thread. As it is woven and interlaced it becomes vitalised with the life energy sent down from the Ego, just as Shiva, the Father, gives to the Son the real "bios" or life, while the Mother warms, builds, and nourishes the body. The work of the etheric elementals reaches its primary consummation when the sutratma is connected with the three centres of the physical nature within the cranium—the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre. Occultly, the most important connection is the entrance of the sutratma into the centre at the top of the head, that through which the life of the etheric body withdraws at the moment of death. This is the vital point. The "thread" of life there, by the time the seventh year is reached, has divided itself into three branches, reaching out to the three centres. The realisation of this fact will eventually prove of much interest to scientists. A good deal of imbecility, or of arrested development will be found to have its origin in the etheric connection with these three centres. The etheric web is literally the fine network of fiery threads which spreads itself over the centre, and forms an area of fairly large dimensions. It separates the two bodies, astral and physical. A similar corresponding area will be found in the solar system. Through it the cosmic forces must pass to the different planetary schemes.

đan xen, mà trong [Page 944] thực tại là một sự mở rộng của sutratma, hay sinh mệnh tuyến. Khi nó được dệt và đan xen, nó trở nên được tiếp sinh lực bằng năng lượng sự sống được gửi xuống từ chân ngã, cũng như Shiva, Người Cha, ban cho Người Con "bios" hay sự sống thực sự, trong khi Người Mẹ sưởi ấm, xây dựng và nuôi dưỡng thân thể. Công việc của các hành khí dĩ thái đạt đến sự hoàn tất sơ khởi khi sutratma được nối với ba trung tâm của bản chất hồng trần bên trong hộp sọ—tuyến tùng, tuyến yên, và trung tâm alta major. Một cách huyền bí, sự nối kết quan trọng nhất là sự đi vào của sutratma vào trung tâm ở đỉnh đầu, trung tâm mà qua đó sự sống của thể dĩ thái rút lui vào lúc chết. Đây là điểm sinh tử. "Sợi dây" sự sống ở đó, vào lúc đứa trẻ đạt đến năm thứ bảy, đã tự phân chia thành ba nhánh, vươn tới ba trung tâm. Việc nhận biết sự kiện này rốt cuộc sẽ chứng tỏ rất đáng quan tâm đối với các nhà khoa học. Phần lớn tình trạng đần độn, hay sự phát triển bị đình trệ, sẽ được thấy là có nguồn gốc trong sự nối kết dĩ thái với ba trung tâm này. Mạng dĩ thái theo nghĩa đen là mạng lưới tinh vi của các sợi lửa trải rộng trên trung tâm, và tạo thành một khu vực có kích thước khá lớn. Nó tách biệt hai thể: thể cảm dục và thể xác. Một khu vực tương ứng tương tự sẽ được tìm thấy trong hệ mặt trời. Qua đó các mãnh lực vũ trụ phải đi đến các hệ hành tinh khác nhau.

The elemental groups of the dense physical plane who are swept into activity by the builders, are three in number:

Các nhóm hành khí của cõi hồng trần đậm đặc được các đấng kiến tạo cuốn vào hoạt động có ba nhóm:

a. The gaseous elementals.

a. Các hành khí thể khí.

b. The liquid elementals.

b. Các hành khí thể lỏng.

c. The strictly dense elementals.

c. Các hành khí đậm đặc đúng nghĩa.

One group concerns itself with the fiery channels, with the fires of the human body, and with the different gases to be found within the human periphery. Another group [Page 945] is to be seen working in connection with the circulatory system, and with all the liquids, juices, and waters of the body; whilst the third is largely involved in the construction of the frame, through the right apportioning of the minerals and chemicals. A hint in connection with medicine is here to be found; it is occultly true that just as the liquid devas and elementals are closely related to the vegetable kingdom, and both to the plane of the emotions, the logoic liquid body, so the ills of men which affect the circulatory system, the kidneys, the bladder, and the lubrication of the joints, will find a CURE in vegetable constituents and above all in the right adjustment of the emotional nature.

Một nhóm chuyên lo các kênh lửa, các ngọn lửa của thân thể con người, và các loại khí khác nhau được tìm thấy trong chu vi con người. Một nhóm khác [Page 945] được thấy hoạt động liên hệ với hệ tuần hoàn, và với mọi chất lỏng, dịch thể, và nước của thân thể; trong khi nhóm thứ ba phần lớn tham gia vào việc xây dựng khung xương, qua sự phân bổ đúng đắn các khoáng chất và hóa chất. Ở đây có thể tìm thấy một gợi ý liên hệ với y học; theo huyền bí học, quả thật đúng rằng cũng như các thiên thần thể lỏng và các hành khí có liên hệ mật thiết với giới thực vật, và cả hai đều liên hệ với cõi cảm xúc, thể lỏng của Thượng đế, thì các chứng bệnh của con người ảnh hưởng đến hệ tuần hoàn, thận, bàng quang, và sự bôi trơn của các khớp, sẽ tìm được một PHƯƠNG THUỐC trong các thành phần thực vật và trên hết là trong sự điều chỉnh đúng đắn bản chất cảm xúc.

Several influences other than those mentioned have to be considered when the subject of the work of these builders of man's body is under discussion. Not only are they affected by:

Khi bàn đến chủ đề công việc của các đấng kiến tạo thân thể con người này, còn phải xét đến một số ảnh hưởng khác ngoài những điều đã nêu. Các vị ấy không chỉ chịu ảnh hưởng của:

a. A man's note,

a. Âm điệu của một người,

b. The colour poured forth by the transmitting agents,

b. Màu sắc do các tác nhân truyền dẫn tuôn ra,

c. The karmic agents,

c. Các tác nhân nghiệp quả,

but they come under:

mà còn chịu ảnh hưởng của:

d. Group karma and vibration which will sweep in another group of agencies and builders, and thus affect a man's bodies,

d. Nghiệp quả và rung động nhóm, là điều sẽ cuốn vào một nhóm tác nhân và đấng kiến tạo khác, và do đó ảnh hưởng đến các thể của một người,

e. Racial karma, an extension of the above,

f. Forces playing upon the planet from another scheme, or through the formation of a systemic triangle,

g. A cosmic triangle of force of some specific kind which may bring in entities and energies of any particular scheme incident upon the karma of the planetary Logos.

It will, therefore, be apparent to the student how intricate this subject is and how truly each man is the outcome of force of some kind—egoic primarily, but also [Page 946] planetary, and even systemic. Yet withal, no man is ever put into circumstances which are insurmountable, once he has reached the point where he has *intelligently* put himself on the side of evolution, or of God. Prior to that he may, and will, be driven by the gales of circumstance; the press of group and racial karma will force him into situations necessary for the process of awakening him to his own innate possibilities. Once he becomes the conscious builder himself, seeking to control the forces and builders of his lower nature, and to construct the Temple of Solomon, then he is no longer *subject* to the earlier conditions. He becomes a ruler, a builder, and a transmitter, until the time comes when he is one with the solar Angels, and the work of human evolution is accomplished.

What has been said above is very superficial, and only that has been imparted which has a profound significance for man at this time. Much must be inferred, and more must be

e. Nghiệp quả chủng tộc, là sự mở rộng của điều trên,

f. Các mãnh lực tác động lên hành tinh từ một hệ hành tinh khác, hay qua sự hình thành một tam giác hệ thống,

g. Một tam giác mãnh lực vũ trụ thuộc một loại đặc thù nào đó có thể đưa vào các thực thể và năng lượng của bất kỳ hệ hành tinh đặc biệt nào tùy theo nghiệp quả của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Vì vậy, đạo sinh sẽ thấy rõ chủ đề này phức tạp đến mức nào và mỗi người thật sự là kết quả của một loại mãnh lực nào đó—trước hết là chân ngã, nhưng cũng còn [Page 946] hành tinh, và thậm chí hệ thống. Tuy nhiên, không người nào bao giờ bị đặt vào những hoàn cảnh không thể vượt qua, một khi y đã đạt đến điểm mà y đã *một cách trí tuệ* đặt mình về phía tiến hoá, hay về phía Thượng đế. Trước đó y có thể, và sẽ, bị những cơn gió của hoàn cảnh cuốn đi; sức ép của nghiệp quả nhóm và chủng tộc sẽ buộc y vào những tình huống cần thiết cho tiến trình đánh thức y đối với các khả năng bẩm sinh của chính mình. Một khi y trở thành chính đấng kiến tạo có ý thức, tìm cách kiểm soát các mãnh lực và các đấng kiến tạo của bản chất thấp của mình, và xây dựng Đền thờ Solomon, thì y không còn *chịu lệ thuộc* vào các điều kiện trước kia nữa. Y trở thành một người cai quản, một đấng kiến tạo, và một tác nhân truyền dẫn, cho đến khi thời điểm đến mà y là một với các Thái dương Thiên Thần, và công việc tiến hoá của con người được hoàn tất.

Điều đã được nói ở trên rất sơ lược, và chỉ những gì có ý nghĩa sâu xa đối với con người vào lúc này mới được truyền đạt. Nhiều điều phải được suy ra, và còn nhiều điều hơn nữa

arrived at under the Law of Correspondences. It must ever be borne in mind likewise that our basic conception is one of *fiery energy*, of force centres set in motion, and kept in active vibration, by the pulsation of still greater centres. Every form is built of fiery atoms, or energetic lives, through the agency of greater lives, and is held in coherent form within the still greater sheaths,—that greater sheath being to the lesser what the macrocosm is to the microcosm. All these groups of building lives may be divided into three groups of energy units, and their nature deduced from the phrases:

phải đạt đến dưới định luật tương ứng. Cũng phải luôn ghi nhớ rằng quan niệm căn bản của chúng ta là về *năng lượng lửa*, về các trung tâm lực được khởi động, và được giữ trong rung động hoạt động bởi sự rung nhịp của những trung tâm còn lớn hơn. Mọi hình tướng đều được xây dựng bằng các nguyên tử lửa, hay các sự sống năng lượng, qua tác nhân của những sự sống lớn hơn, và được giữ trong hình tướng kết hợp bên trong những vỏ bọc còn lớn hơn nữa,—vỏ bọc lớn hơn ấy đối với vỏ bọc nhỏ hơn cũng như đại thiên địa đối với tiểu thiên địa. Tất cả các nhóm sự sống kiến tạo này có thể được chia thành ba nhóm đơn vị năng lượng, và bản chất của chúng được suy ra từ các cụm từ sau:

1. Groups of lives animated by dynamic energy.

1. Các nhóm sự sống nhận sinh lực từ năng lượng động lực.

2. Groups of lives animated by radiant energy.

2. Các nhóm sự sống nhận sinh lực từ năng lượng bức xạ.

3. Groups of lives animated by atomic energy.

3. Các nhóm sự sống nhận sinh lực từ năng lượng nguyên tử.

These again are the sumtotal of the three fires, electric fire, solar fire and fire by friction. In terms of the cosmic [Page 947] physical plane, the correspondence to the systemic plane can be seen in the following tabulation:

Đến lượt chúng, đây là tổng thể của ba ngọn lửa, Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát. Xét theo cõi hồng trần vũ trụ, [Page 947] sự tương ứng với cõi hệ thống có thể được thấy trong bảng sau:

1.	Dynamic energy	electric fire	atomic subplane. - First etheric substance. - Plane adi.
2.	Radiant energy	solar fire	three cosmic etheric levels. - Logoic etheric body.

3.	Atomic energy	fire by friction	three planes of the three worlds. - Logoic dense vehicle.

Each plane will be found to reflect this order in an interesting manner.

Mỗi cõi sẽ được thấy phản chiếu trật tự này theo một cách thú vị.

III. Man as a creator in mental matter — III. Con người như một đấng sáng tạo trong chất liệu trí tuệ

1. The Creation of Thought Forms. — 1. Sự Sáng Tạo Các Hình Tư Tưởng.

The subject we are now to deal with cannot be handled too explicitly on account of the attendant dangers. In the creative processes man is dealing with electrical phenomena of some kind, with that which is vitally affected by each thought emanating from him, and with those lesser lives who (aggregated together) form, from certain angles of vision, a source of very real danger to man. We might embody that which can be said in certain statements.

Chủ đề mà giờ đây chúng ta sắp bàn đến không thể được trình bày quá minh bạch vì những nguy hiểm đi kèm. Trong các tiến trình sáng tạo, con người đang xử lý những hiện tượng điện thuộc một loại nào đó, xử lý điều bị ảnh hưởng một cách thiết yếu bởi mỗi tư tưởng phát ra từ y, và xử lý những sự sống nhỏ hơn kia, những kẻ (khi được tập hợp lại) tạo thành, từ một số góc độ tầm nhìn, một nguồn nguy hiểm rất thực đối với con người. Chúng ta có thể trình bày điều có thể nói ra trong một số mệnh đề.

a. Much that is to be seen now of a distressing nature in the world can be directly traced to the wrong manipulation of mental matter by man; to erroneous conceptions as to the nature of matter itself, and to dangerous conditions brought about by the united creative attempts of human beings down the centuries.

a. Phần lớn những gì hiện nay được thấy trong thế giới với tính chất đau khổ có thể trực tiếp truy nguyên đến sự điều khiển sai lầm chất liệu trí tuệ bởi con người; đến những quan niệm sai lạc về bản chất của chính vật chất, và đến những điều kiện nguy hiểm do những nỗ lực sáng tạo hợp nhất của loài người qua nhiều thế kỷ gây ra.

Misunderstandings have arisen as to the purpose of the vital fluids of the universe and this has added to the distress, as have certain distortions of the astral light, producing a subsidiary or secondary glamour, or reflected [Page 948] light which intensifies the maya already created. This

Những sự hiểu lầm đã phát sinh liên quan đến mục đích của các lưu chất sinh lực của vũ trụ và điều này đã làm tăng thêm đau khổ, cũng như một số sự bóp méo của ánh sáng cảm dục, tạo ra một ảo cảm phụ hay thứ cấp, hay ánh sáng phản chiếu [Page 948] làm tăng cường ảo lực đã được tạo ra. Sự

secondary reflection has been produced by man himself in the evolutionary attempt to balance the pairs of opposites, and has produced a condition which must be surmounted before the true occult balancing begins. It might be regarded as the sumtotal of that great manifestation (created only by man) called "The Dweller on the Threshold."

phản chiếu thứ cấp này đã được chính con người tạo ra trong nỗ lực tiến hoá nhằm quân bình các cặp đối lập, và đã tạo nên một tình trạng phải được vượt qua trước khi sự quân bình huyền bí chân chính bắt đầu. Nó có thể được xem như tổng thể của sự biểu hiện lớn lao ấy (chỉ do con người tạo ra) được gọi là "Kẻ Chận Ngõ."

One of the greatest impediments upon the Path of Return and one for which man is distinctly responsible within occult limits are those animated forms which he has produced ever since the middle of the Atlantean root race when the mind factor began slowly to assume increasing importance. The selfishness, the sordid motives, the prompt response to evil impulses for which the human race has been distinguished has brought about a condition of affairs unparalleled in the system. A gigantic thought form hovers over the entire human family, built by men everywhere during the ages, energised by the insane desires and evil inclinations of all that is worst in man's nature, and kept alive by the promptings of his lower desires. This thought form has to be broken up and dissipated by man himself during the latter part of this round before the conclusion of the cycle, and its dissipation will be one of the forces tending to the production of interplanetary pralaya. It is this piece of creative bungling, if so it might be called, which the Great Ones are occupied in destroying. Under the Law of Karma it has to be dissipated by those who have created it; the work of the Masters has to be carried on, therefore, indirectly, and must take the form of illuminating the sons of men in gradually increasing degree, so that they can see clearly this "Dweller on the Threshold" of the new life, and the antagonist who stands between the fourth kingdom of nature and the fifth. Every time a son of man stands

Một trong những chướng ngại lớn nhất trên Con Đường Trở Về và là điều mà con người rõ ràng phải chịu trách nhiệm trong các giới hạn huyền bí là những hình tướng được làm sinh động mà y đã tạo ra kể từ giữa giống dân gốc Atlantis khi yếu tố trí tuệ bắt đầu chậm rãi đảm nhận tầm quan trọng ngày càng tăng. Sự ích kỷ, những động cơ thấp hèn, sự đáp ứng mau lẹ với các xung lực xấu xa mà nhân loại đã nổi bật vì chúng đã tạo ra một tình trạng chưa từng có trong hệ thống. Một hình tư tưởng khổng lồ lơ lửng trên toàn thể gia đình nhân loại, được con người ở khắp nơi xây dựng qua các thời đại, được tiếp năng lượng bởi những ham muốn điên cuồng và những khuynh hướng xấu xa của tất cả những gì tệ hại nhất trong bản chất con người, và được duy trì sự sống bởi những thôi thúc của các ham muốn thấp của y. Hình tư tưởng này phải được chính con người phá vỡ và làm tiêu tan trong phần sau của cuộc tuần hoàn này trước khi chu kỳ kết thúc, và sự làm tiêu tan nó sẽ là một trong những mãnh lực có xu hướng tạo ra giai kỳ qui nguyên liên hành tinh. Chính sản phẩm sáng tạo vụng về này, nếu có thể gọi như vậy, mà Các Đấng Cao Cả đang bận tâm hủy diệt. Dưới Định luật Nghiệp Quả, những kẻ đã tạo ra nó phải làm nó tiêu tan; vì vậy công việc của các Chân sư phải được tiến hành một cách gián tiếp, và phải mang hình thức soi sáng những người con của nhân loại ở mức độ ngày càng tăng, để họ có thể thấy rõ "Kẻ Chận Ngõ" này của sự sống mới, và kẻ đối kháng đứng giữa giới thứ tư của thiên nhiên và giới thứ năm. Mỗi lần một người con của

upon the Probationary Path [Page 949] Their work is facilitated, for it means that one small stream of life-energy is directed into new channels, and away from the old stream, which tends to vitalise and feed the evil form, and one more conscious assailant can be trained to co-operate in the work of destruction. Every time an initiate is admitted to the Lodge degrees, it means that a new and powerful agent is available for the bringing down of force from higher levels to aid in the work of disintegration. In the comprehension of these two methods of aggressive work (that of the aspirant and the initiate) will come much of vital interest to the careful student of analogy. Here lies the clue to the present problem of evil, and to the vitality of the hold which the matter aspect has on the spiritual. This gigantic thought form, the product of man's ignorance and selfishness, is kept alive and vitalised in three ways:

nhân loại đứng trên Con Đường Dự Bị [Page 949] công việc của Các Ngài được hỗ trợ, vì điều đó có nghĩa là một dòng nhỏ năng lượng-sự sống được hướng vào những kênh mới, và rời xa dòng cũ vốn có xu hướng tiếp sinh lực và nuôi dưỡng hình tướng xấu ác, và thêm một kẻ tấn công có ý thức nữa có thể được huấn luyện để hợp tác trong công việc hủy diệt. Mỗi lần một điểm đạo đồ được thừa nhận vào các cấp bậc của Thánh đoàn, điều đó có nghĩa là có thêm một tác nhân mới và mạnh mẽ sẵn có để đưa mãnh lực từ các cấp độ cao hơn xuống nhằm hỗ trợ công việc phân giải. Trong sự thấu hiểu hai phương pháp công việc tấn công này (của người chí nguyện và của điểm đạo đồ) sẽ có nhiều điều rất đáng quan tâm đối với đạo sinh cẩn trọng của định luật tương đồng. Chính ở đây có đầu mối cho vấn đề hiện tại của điều ác, và cho sức sống của sự bám giữ mà phương diện vật chất có trên tinh thần. Hình tư tưởng khổng lồ này, sản phẩm của sự vô minh và ích kỷ của con người, được duy trì sự sống và tiếp sinh lực theo ba cách:

First, by the aggregate of the evil desires, wicked intentions, and selfish purposes of each individual man. Every wrong thought, when embodied in speech or manifested in action on the physical plane, goes to swell the proportions of this evil entity.

Thứ nhất, bởi tổng thể những ham muốn xấu xa, ý định độc ác, và mục đích ích kỷ của từng cá nhân. Mỗi tư tưởng sai lầm, khi được thể hiện thành lời nói hay biểu lộ thành hành động trên cõi hồng trần, đều góp phần làm tăng kích thước của thực thể xấu ác này.

Second, by the fostering care of the brothers of the shadow, and those representatives of what may be called "cosmic evil" who (under the karma of the fourth or human family, in this fourth round), assume stupendous responsibilities, make possible the secondary vitalisation of the thought form and produce conditions of such a dire description that under law rapid crystallisation supervenes, and ultimate destruction becomes possible. Students would do well to broaden their concept as to

Thứ hai, bởi sự chăm sóc nuôi dưỡng của các huynh đệ bóng tối, và những đại diện của điều có thể được gọi là "ác vũ trụ", những kẻ (dưới nghiệp quả của gia đình thứ tư hay gia đình nhân loại, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này), đảm nhận những trách nhiệm to lớn, làm cho sự tiếp sinh lực thứ cấp của hình tư tưởng trở nên khả hữu và tạo ra những điều kiện nghiêm trọng đến mức dưới định luật, sự kết tinh nhanh chóng xảy ra, và sự hủy diệt tối hậu trở nên khả hữu. Các đạo sinh nên mở rộng quan niệm của mình về mục

the purpose of evil and the place the evil forces play in the general scheme.

đích của điều ác và vai trò mà các mãnh lực ác đóng trong toàn bộ cơ cấu.

Third, by the energy still extant and the vibration still to be felt which is the persistence of force from [Page 950] an earlier solar system, and an emanation from that which is no longer considered in this solar system to be a principle.

Thứ ba, bởi năng lượng vẫn còn tồn tại và rung động vẫn còn được cảm nhận là sự kéo dài của mãnh lực từ [Page 950] một hệ mặt trời trước kia, và một phát xạ từ điều mà trong hệ mặt trời này không còn được xem là một nguyên khí nữa.

These three factors are the main ones to be considered by the Great Ones in Their work of enabling men to break loose from the influence of this self-imposed form, to destroy that which they have themselves constructed, and to shake themselves free from the illusion cast by the persistent vampire which they have nourished and strengthened for millennia of years.

Ba yếu tố này là những yếu tố chính mà Các Đấng Cao Cả phải xét đến trong công việc giúp con người thoát khỏi ảnh hưởng của hình tướng do chính mình áp đặt này, hủy diệt điều mà họ đã tự xây dựng, và tự giải thoát khỏi ảo tưởng do con ma cà rồng dai dẳng mà họ đã nuôi dưỡng và làm mạnh thêm suốt hàng thiên niên kỷ tạo ra.

This work of destruction the Great Ones are bringing about in four main ways:

Công việc hủy diệt này đang được Các Đấng Cao Cả thực hiện theo bốn cách chính:

(1) By the strength of Their united thoughts and meditations.

(1) Bằng sức mạnh của những tư tưởng và sự tham thiền hợp nhất của Các Ngài.

(2) By the work of the Hierarchy in training and teaching individuals, who thus break away from blind group activity, and become conscious centres of force and co-operators in the work of destruction. This work has to be carried on from mental levels. Hence the training of disciples to meditate and work in mental matter.

(2) Bằng công việc của Thánh đoàn trong việc huấn luyện và dạy dỗ các cá nhân, nhờ đó họ thoát khỏi hoạt động nhóm mù quáng, và trở thành những trung tâm lực có ý thức và những người hợp tác trong công việc hủy diệt. Công việc này phải được tiến hành từ các cấp độ cõi trí. Do đó mới có việc huấn luyện các đệ tử tham thiền và làm việc trong chất liệu trí tuệ.

(3) By the use of certain mantrams and words which bring in interplanetary force of the fourth order. This force is then directed towards this distorted creation of the fourth Creative Hierarchy (the fourth or human kingdom) and tends to augment the work of

(3) Bằng việc sử dụng một số mantram và linh từ mang vào mãnh lực liên hành tinh thuộc trật tự thứ tư. Mãnh lực này sau đó được hướng về sáng tạo méo mó này của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư (giới thứ tư hay giới nhân loại) và có xu hướng tăng cường

destruction. Much of this work is carried on by the Nirmanakayas.

(4) By stimulating the egoic bodies of men so that the solar Angels may carry on with greater precision and force their conflict with the lunar gods. This is the true war in heaven. As the solar Gods (287) descend ever [Page 951] nearer to the physical plane, and in their descent assume a steadily increasing control of the lunar natures, the thoughts and desires of men are consequently purified and refined. The solar fires put out the lunar light, and the lower nature is eventually purified and transmuted. In time the solar Angels blaze forth in all their glory through the medium of the lower nature on the physical plane, that lower nature providing fuel to the flames. The hated "Dweller on the Threshold" thus gradually dies for lack of sustenance, and disintegrates for lack of vitality, and man is set free.

(287) The Solar Gods are the "Fallen Angels."—S. D., II, 287.

a. They warm the shadows...the human bodies.

b. They in their turn are warmed by the Monad, or Atma.—S. D., II, 116, 117, 284.

c. They are the Serpents of Wisdom.—S. D., II, 240.

d. Their nature is Knowledge and Love.—S. D., II, 527.

công việc hủy diệt. Phần lớn công việc này được các Nirmanakaya thực hiện.

(4) Bằng cách kích thích các thể chân ngã của con người để các Thái dương Thiên Thần có thể tiến hành cuộc xung đột của mình với các nguyệt thần với độ chính xác và mãnh lực lớn hơn. Đây là cuộc chiến thực sự trên thiên giới. Khi các Thượng đế Thái dương (287) giáng xuống ngày càng [Page 951] gần cõi hồng trần hơn, và trong sự giáng xuống của mình đảm nhận sự kiểm soát ngày càng tăng đối với các bản chất nguyệt tính, thì các tư tưởng và ham muốn của con người do đó được thanh lọc và tinh luyện. Các ngọn lửa thái dương dập tắt ánh sáng nguyệt tính, và bản chất thấp cuối cùng được thanh lọc và chuyển hoá. Theo thời gian các Thái dương Thiên Thần bừng sáng trong toàn bộ vinh quang của mình qua trung gian bản chất thấp trên cõi hồng trần, bản chất thấp ấy cung cấp nhiên liệu cho ngọn lửa. "Kẻ Chận Ngõ" đáng ghét như thế dần dần chết đi vì thiếu sự nuôi dưỡng, và tan rã vì thiếu sinh lực, và con người được giải thoát.

(287) Các Thượng đế Thái dương là những "Thiên Thần Sa Ngã."—G. L. B. N., II, 287.

a. Các Ngài sưởi ấm các cái bóng...các thân thể con người.

b. Đến lượt mình, Các Ngài được Chân thần, hay Atma, sưởi ấm.—G. L. B. N., II, 116, 117, 284.

c. Các Ngài là những Xà Thần Minh Triết.—G. L. B. N., II, 240.

d. Bản chất của Các Ngài là Tri Thức và Bác Ái.—G. L. B. N., II, 527.

e. They come in from the cosmic mental plane.—S. D., III, 540.

e. Các Ngài đi vào từ cõi trí vũ trụ.—G. L. B. N., III, 540.

The Ego, or Solar Angel is imprisoned.--S. D., I, 621.

Chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần, bị giam cầm.--G. L. B. N., I, 621.

a. It has to liberate itself from the thraldom of sensuous perception.

a. Nó phải tự giải thoát khỏi sự nô lệ của tri giác cảm quan.

b. It has to see in the light of the one Reality.

b. Nó phải thấy trong ánh sáng của Thực Tại duy nhất.

c. See S. D., II, 578.

c. Xem G. L. B. N., II, 578.

d. To redeem humanity.—S. D., II, 257.

d. Để cứu chuộc nhân loại.—G. L. B. N., II, 257.

e. To endow him with human affections and aspirations.—S. D., II, 257.

e. Để ban cho y những tình cảm và khát vọng nhân loại.—G. L. B. N., II, 257.

f. They give to men intelligence and consciousness.—S. D., I, 204. (back)

f. Các Ngài ban cho con người trí thông minh và tâm thức.—G. L. B. N., I, 204. (back)

b. At present much of the manipulation of mental matter and its direction into forms of some kind or another emanates from lower levels, and is the result of powerful desire based on physical attraction. The desire bodies, and not the mental bodies of the majority of men are the most powerful, and set up such a strong vibration (due to the force of two groups of lunar lords) that the third group of lunar entities who construct the mental body are swept into a willing response, and the whole threefold lower nature is immediately engaged in the dire process of feeding the dreaded "Dweller." This direction of energy follows the line of least resistance. One of the primary works of the Ego, as we well know, is to impose a new rhythm upon his shadow and reflection, the lower man, and it is this imposition which in

b. Hiện nay phần lớn sự điều khiển chất liệu trí tuệ và sự hướng dẫn nó vào các hình tướng thuộc loại này hay loại khác phát ra từ các cấp độ thấp hơn, và là kết quả của ham muốn mạnh mẽ dựa trên sự hấp dẫn hồng trần. Thể ham muốn, chứ không phải thể trí của đa số con người, là mạnh nhất, và tạo ra một rung động mạnh đến mức (do mãnh lực của hai nhóm nguyệt tinh quân) nhóm thực thể nguyệt tính thứ ba kiến tạo thể trí bị cuốn vào một sự đáp ứng sẵn lòng, và toàn bộ bản chất thấp tam phân lập tức bị lôi kéo vào tiến trình khủng khiếp nuôi dưỡng "Kẻ Chận Ngõ" đáng sợ. Sự hướng dẫn năng lượng này đi theo con đường ít trở ngại nhất. Một trong những công việc sơ khởi của chân ngã, như chúng ta đều biết rõ, là áp đặt một nhịp điệu mới lên cái bóng và sự phản chiếu của mình, phàm nhân thấp, và chính sự áp đặt này

time deflects energy away from man's distorted creation, and brings his vibration into tune with that of his solar Angel.

theo thời gian làm lệch hướng năng lượng khỏi sáng tạo méo mó của con người, và đưa rung động của y hòa điệu với rung động của Thái dương Thiên Thần của y.

The devas who are the sumtotal of the energy of substance itself care not what form they build. They are [Page 952] irresponsibly responsive to energy currents, and theirs is not the problem of dealing with sources of energy. Therefore, the place of man in the cosmic plan becomes more vital and apparent when it is realised that one of his main responsibilities is the direction of energy currents from the mental plane, and the creation of that which is desired on higher levels. Men, as a whole, are undergoing evolutionary development in order that they may become conscious creators in matter. This involves

Các thiên thần là tổng thể của năng lượng của chính chất liệu không quan tâm họ xây dựng hình tướng nào. Họ [Page 952] đáp ứng một cách vô trách nhiệm với các dòng năng lượng, và vấn đề của họ không phải là xử lý các nguồn năng lượng. Vì vậy, vị trí của con người trong thiên cơ vũ trụ trở nên thiết yếu và hiển nhiên hơn khi nhận ra rằng một trong những trách nhiệm chính của y là hướng dẫn các dòng năng lượng từ cõi trí, và sáng tạo điều được mong muốn trên các cấp độ cao hơn. Toàn thể loài người đang trải qua sự phát triển tiến hoá để họ có thể trở thành những đấng sáng tạo có ý thức trong vật chất. Điều này bao hàm

A realisation of the archetypal plan,

Sự nhận biết thiên cơ nguyên mẫu,

An understanding of the laws governing the building processes of nature,

Sự thấu hiểu các định luật chi phối các tiến trình kiến tạo của thiên nhiên,

A conscious process of willing creation, so that man co-operates with the ideal, works under law, and produces that which is in line with the planetary plan, and which tends to further the best interests of the race,

Một tiến trình sáng tạo bằng ý chí có ý thức, để con người hợp tác với lý tưởng, hoạt động dưới định luật, và tạo ra điều phù hợp với thiên cơ hành tinh, và có xu hướng thúc đẩy lợi ích tốt đẹp nhất của nhân loại,

A comprehension as to the nature of energy, and an ability to direct energy currents, to disintegrate (or withdraw energy from) all forms in the three worlds,

Sự hiểu biết về bản chất của năng lượng, và khả năng hướng dẫn các dòng năng lượng, phân giải (hay rút năng lượng khỏi) mọi hình tướng trong ba cõi giới,

An appreciation of the nature of the devas, their constitution and place as builders, and of the words and sounds whereby they are directed and controlled.

Sự đánh giá đúng bản chất của các thiên thần, cấu tạo và vị trí của họ như những đấng kiến tạo, và các linh từ cùng âm thanh nhờ đó họ được hướng dẫn và kiểm soát.

When the energy currents of the human family are directed from egoic levels only, when desire is transmuted, and the fifth principle awakened and finally illuminated by the sixth, then and only then will the strength of the impulse emanating from lower levels die out and the "Dweller on the Threshold" (who now haunts the human family) likewise die. In other words, when the dense physical body of the planetary Logos (composed of matter of the three worlds of human endeavour) is completely purified and vitalised by the force of the life flowing from etheric levels, and when all His centres (formed of human units) are fully awakened, then will [Page 953] those centres be channels for pure force, and such an entity as the "Dweller" be an impossibility.

Khi các dòng năng lượng của gia đình nhân loại chỉ được hướng dẫn từ các cấp độ chân ngã, khi ham muốn được chuyển hoá, và nguyên khí thứ năm được đánh thức và cuối cùng nhận sự soi sáng từ nguyên khí thứ sáu, thì khi ấy và chỉ khi ấy sức mạnh của xung lực phát ra từ các cấp độ thấp hơn mới tắt đi và "Kẻ Chận Ngõ" (kẻ hiện đang ám ảnh gia đình nhân loại) cũng sẽ chết. Nói cách khác, khi thể xác hồng trần đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế (được cấu thành bằng vật chất của ba cõi giới của nỗ lực nhân loại) được thanh lọc hoàn toàn và nhận sinh lực từ mãnh lực của sự sống tuôn chảy từ các cấp độ dĩ thái, và khi mọi trung tâm của Ngài (gồm các đơn vị nhân loại) đều được đánh thức đầy đủ, thì [Page 953] các trung tâm ấy sẽ là những kênh dẫn của mãnh lực thuần khiết, và một thực thể như "Kẻ Chận Ngõ" sẽ là điều bất khả.

All that I have here said anent this "Dweller on the Threshold" of the Path between the two great kingdoms, the fourth and the fifth, can be studied by the student with a personal application. Facing each earnest aspirant to the Mysteries is that vitalised form which he has himself constructed and nourished during the course of his previous incarnations, and which represents the sum total of his evil desires, motives and thoughts. For ages it has vampirised him, and for ages it has represented that which he has failed to achieve. It affects not only himself but also all those units whom he contacts and meets. In its destruction he has to pursue methods similar to those followed by the Great Ones, and through the increasing power of his solar Angel, through the force of his Ego, and through a study of law, the knowledge of the power of sound, and the control of speech, he will eventually bring about its disintegration. The old Commentary says:

Tất cả những gì tôi đã nói ở đây liên quan đến "Kẻ Chận Ngõ" này của Con Đường giữa hai giới lớn, giới thứ tư và giới thứ năm, đều có thể được đạo sinh nghiên cứu với sự áp dụng cá nhân. Đối diện với mỗi người chí nguyện tha thiết hướng đến các Huyền Nhiệm là hình tướng được tiếp sinh lực mà chính y đã xây dựng và nuôi dưỡng trong tiến trình các kiếp lâm phàm trước đây của mình, và hình tướng ấy biểu thị tổng số những ham muốn, động cơ và tư tưởng xấu xa của y. Trong nhiều thời đại nó đã hút sinh lực của y, và trong nhiều thời đại nó đã biểu thị điều mà y đã không đạt được. Nó không chỉ ảnh hưởng đến chính y mà còn đến tất cả những đơn vị mà y tiếp xúc và gặp gỡ. Trong việc hủy diệt nó, y phải theo đuổi những phương pháp tương tự như những phương pháp được Các Đấng Cao Cả sử dụng, và nhờ quyền năng ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần của mình, nhờ mãnh lực của chân ngã mình, và nhờ nghiên cứu định luật, hiểu biết quyền năng của âm thanh, và

kiểm soát lời nói, y cuối cùng sẽ mang lại sự phân giải của nó. Cổ Luận nói:

"The solar Angel must put out the light of the lunar angels and then for lack of warmth and light, that which has served to hinder no longer is."

"Thái dương Thiên Thần phải dập tắt ánh sáng của các thiên thần nguyệt tính và rồi vì thiếu hơi ấm và ánh sáng, điều từng dùng để cản trở sẽ không còn nữa."

c. As yet but few of the human family work deliberately and consciously in mental matter only. The energy exerted by men is mostly kama-manasic or desire coupled with lower mind, with a preponderance, as might be expected, of desire force. This is to be inferred from the second statement. The whole trend of evolution is to bring about ability to build in mental matter, and two things lie ahead of the race:

c. Cho đến nay chỉ có ít người trong gia đình nhân loại làm việc một cách có chủ ý và có ý thức chỉ trong chất liệu trí tuệ mà thôi. Năng lượng do con người vận dụng phần lớn là trí-cảm hay ham muốn kết hợp với hạ trí, với sự trội hơn, như có thể chờ đợi, của mãnh lực ham muốn. Điều này có thể được suy ra từ mệnh đề thứ hai. Toàn bộ xu hướng của tiến hoá là mang lại khả năng kiến tạo trong chất liệu trí tuệ, và có hai điều ở phía trước nhân loại:

First. The gradual dissipation of the indefinite masses of kama-manasic matter which surround practically every unit of the human family, producing a condition of murkiness and fog within, and around, each aura. Gradually [Page 954] this will clear away, and men will be seen surrounded by clear-cut thought forms, characterised by a distinctive vibration and distinguished by a particular quality incident to a man's ray and therefore to his type of mind.

Thứ nhất. Sự làm tiêu tan dần dần những khối chất liệu trí-cảm mơ hồ bao quanh hầu như mọi đơn vị của gia đình nhân loại, tạo ra một tình trạng mờ đục và sương mù bên trong và chung quanh mỗi hào quang. Dần dần [Page 954] điều này sẽ tan đi, và con người sẽ được thấy được bao quanh bởi những hình tư tưởng rõ nét, được đặc trưng bởi một rung động riêng biệt và được phân biệt bởi một phẩm tính đặc thù tùy theo cung của một người và do đó theo loại trí tuệ của y.

Second. The aggregate of human thought forms which now are of a personal character, vibrating around each human being as the planets vibrate around the sun, will tend to approximate a group centre. Thought energy, which now emanates from each human being as a comparatively weak stream of an indefinite conglomeration of mental matter, of no particular character, forming no particularly distinct forms and persisting in animating those forms for but

Thứ hai. Tổng thể các hình tư tưởng của nhân loại hiện nay còn mang tính cá nhân, rung động quanh mỗi con người như các hành tinh rung động quanh mặt trời, sẽ có xu hướng tiến gần đến một trung tâm nhóm. Năng lượng tư tưởng, hiện nay phát ra từ mỗi con người như một dòng tương đối yếu của một hỗn hợp không xác định của chất liệu trí tuệ, không có đặc tính riêng biệt, không tạo thành những hình tướng đặc biệt rõ rệt nào và chỉ tồn tại để làm sinh động

a brief period, will be directed towards the creation of that desired by the group, and not solely towards that desired by the unit. This is the basis, very largely, for the antagonism that all constructive thinkers and group workers encounter. The stream of energy which they emanate, and which constructs vital thought forms, runs counter to that of the masses of men, awakens opposition, and produces temporary chaos. The prominent workers and thinkers of the human family, under the direction of the Lodge, are engaged in three things:

những hình tướng ấy trong một thời gian ngắn, sẽ được hướng đến việc sáng tạo điều được mong muốn bởi nhóm, chứ không chỉ hướng đến điều được mong muốn bởi đơn vị. Đây phần lớn là cơ sở cho sự đối kháng mà mọi nhà tư tưởng có tính xây dựng và những người hoạt động nhóm đều gặp phải. Dòng năng lượng mà họ phát ra, và dòng này xây dựng những hình tư tưởng sống động, đi ngược lại dòng của quần chúng, đánh thức sự chống đối, và tạo ra hỗn loạn tạm thời. Những người hoạt động và nhà tư tưởng nổi bật của gia đình nhân loại, dưới sự chỉ đạo của Thánh đoàn, đang dấn thân vào ba việc:

a. The imposition of the newer and higher rhythm upon men.

a. Áp đặt nhịp điệu mới hơn và cao hơn lên con người.

b. The dissipation of the murky clouds of half-vitalised indefinite thought forms which surround our planet, thus permitting the entry of interplanetary force, and of force from the higher mental levels.

b. Làm tiêu tan những đám mây mờ đục của các hình tư tưởng nửa sống động, không xác định bao quanh hành tinh chúng ta, nhờ đó cho phép mãnh lực liên hành tinh và mãnh lực từ các cấp độ thượng trí đi vào.

c. The awakening within men of the power to think clearly, to energise their thought forms accurately, and to hold in vital form those thought constructions whereby they may attain their objective, and [Page 955] bring about desired conditions upon the physical plane.

c. Đánh thức nơi con người quyền năng tư duy rõ ràng, tiếp năng lượng cho các hình tư tưởng của họ một cách chính xác, và giữ cho những cấu trúc tư tưởng ấy ở trong hình thức sống động nhờ đó họ có thể đạt được mục tiêu của mình, và [Page 955] mang lại những điều kiện mong muốn trên cõi hồng trần.

These three objectives necessitate a clear comprehension among such vital thinkers and workers, of the power of thought; of the direction of thought currents, of the science of thought building, of the manipulation under law and order of mental matter, and of the process of thought manifestation through the two factors of sound and vitalisation. It involves likewise the ability to negate or render futile all impulses arising from the lower self which are of a

Ba mục tiêu này đòi hỏi nơi những nhà tư tưởng và người hoạt động sống động như thế một sự thấu hiểu rõ ràng về quyền năng của tư tưởng; về sự hướng dẫn các dòng tư tưởng, về khoa học kiến tạo tư tưởng, về sự điều khiển chất liệu trí tuệ dưới định luật và trật tự, và về tiến trình biểu hiện tư tưởng qua hai yếu tố âm thanh và sự tiếp sinh lực. Điều đó cũng bao hàm khả năng phủ nhận hay làm cho vô hiệu mọi xung lực phát sinh từ phàm ngã vốn mang tính tập trung vào

centralised and purely personal aspect, and the faculty of working in group form, each thought being sent upon the definite mission of adding its quota of energy and matter to some one stream which is specific and known. This last is of importance, for no worker for humanity becomes of real assistance until he (consciously and with full knowledge of his work) definitely directs his thought energy towards some particular channel of service to the race.

bản thân và thuần túy cá nhân, và năng lực làm việc theo hình thức nhóm, mỗi tư tưởng được gửi đi trong một sứ mệnh xác định là thêm phần năng lượng và chất liệu của nó vào một dòng nào đó vốn đặc thù và đã được biết rõ. Điều cuối cùng này rất quan trọng, vì không người hoạt động nào cho nhân loại trở thành sự trợ giúp thực sự cho đến khi y (một cách có ý thức và với sự hiểu biết đầy đủ về công việc của mình) dứt khoát hướng năng lượng tư tưởng của mình vào một kênh phụng sự đặc biệt nào đó cho nhân loại.

d. In all thought building, therefore, of a high order, men have several things to do, which might be enumerated as follows:

d. Vì vậy, trong mọi sự kiến tạo tư tưởng thuộc trật tự cao, con người có một số việc phải làm, có thể được liệt kê như sau:

First, to purify their lower desires so that they are enabled to see clearly in the occult sense. No man has clear vision who is obsessed with his own needs, actions, and interests, and unconscious of that which is higher and of group activity. This clear vision brings about an ability to read, even if unconsciously at first, the akashic records, and thus ascertain the point of departure for the new and incoming thought impulses, an ability to lose sight of self interest in group interest, and thus co-operate with the plan, and a faculty that enables him to become aware of the keynote of the race, and aware of the "cry of humanity."

Trước hết, thanh lọc các ham muốn thấp của mình để họ có thể thấy rõ theo nghĩa huyền bí. Không người nào có linh thị rõ ràng nếu bị ám ảnh bởi các nhu cầu, hành động, và quyền lợi riêng của mình, và vô thức đối với điều cao hơn và đối với hoạt động nhóm. Linh thị rõ ràng này mang lại khả năng đọc, dù lúc đầu có thể là vô thức, các hồ sơ akasha, và nhờ đó xác định điểm khởi hành cho các xung lực tư tưởng mới và đang đi vào, khả năng quên đi quyền lợi bản thân trong quyền lợi nhóm, và nhờ đó hợp tác với thiên cơ, và một năng lực cho phép y nhận biết chủ âm của nhân loại, và nhận biết "tiếng kêu của nhân loại."

Next, to secure control over the mind. This involves [Page 956] certain important things: A realisation of the nature of the mind and brain through concentration, an understanding of the relation which should exist between the physical brain and Man, the real Thinker on the physical plane, an ability, gradually developed once the mind is brought under control through concentration, to meditate in the occult sense, and thus bring through the plan from

Kế đến, đạt được sự kiểm soát đối với thể trí. Điều này bao hàm [Page 956] một số điều quan trọng: nhận biết bản chất của thể trí và bộ não qua sự tập trung, thấu hiểu mối liên hệ cần phải tồn tại giữa bộ não hồng trần và Con Người, Đấng Tư Tưởng thực sự trên cõi hồng trần, một khả năng, được phát triển dần dần một khi thể trí được đặt dưới sự kiểm soát qua sự tập trung, để tham thiền theo nghĩa huyền bí, và nhờ đó mang thiên cơ từ các cấp độ cao hơn xuống, xác định

higher levels, ascertain his individual share in the plan, and then co-operate in the work of some particular group of Nirmanakayas. This is succeeded by a consideration of the laws of energy. A man discovers how to build a thought form of a particular quality and tone, to energise it with his own life, and thus have—on mental levels—a small creation, the child of his will, which he can use as a messenger, or as a means for the manifestation of an idea. Students will do well to consider these points with care, if they seek to become conscious operators.

phần việc của riêng mình trong thiên cơ, và rồi hợp tác trong công việc của một nhóm Nirmanakaya đặc biệt nào đó. Tiếp theo đó là sự xem xét các định luật năng lượng. Một người khám phá ra cách xây dựng một hình tư tưởng có phẩm tính và âm điệu đặc thù, tiếp năng lượng cho nó bằng chính sự sống của mình, và nhờ đó có được—trên các cấp độ cõi trí—một sáng tạo nhỏ, đứa con của ý chí mình, mà y có thể dùng như một sứ giả, hay như một phương tiện cho sự biểu hiện của một ý tưởng. Các đạo sinh nên suy xét cẩn trọng những điểm này, nếu họ tìm cách trở thành những người vận hành có ý thức.

Finally, having constructed a thought form, the next thing the servant of humanity has to learn is how to send it on its mission, whatever that may be, holding it through his own vital energy in its due form, keeping it vibrating to its own measure, and eventually bringing about its destruction when it has fulfilled its mission. The average man is often the victim of his own thought forms. He constructs them, but is neither strong enough to send them out to do their work, nor wise enough to dissipate them when required. This has brought about the thick swirling fog of half-formed, semi-vitalised forms in which eighty five percent of the human race is surrounded.

Sau cùng, sau khi đã kiến tạo một hình tư tưởng, điều kế tiếp mà người phụng sự nhân loại phải học là làm thế nào để gửi nó đi thi hành sứ mệnh của nó, dù sứ mệnh ấy là gì, giữ nó bằng chính sinh lực của mình trong hình dạng thích đáng, duy trì cho nó rung động theo nhịp độ riêng của nó, và cuối cùng đưa đến sự hủy diệt của nó khi nó đã hoàn tất sứ mệnh. Con người trung bình thường là nạn nhân của chính các hình tư tưởng của mình. Y tạo dựng chúng, nhưng không đủ mạnh để phóng chúng ra làm công việc của chúng, cũng không đủ minh triết để làm tiêu tan chúng khi cần. Điều này đã tạo ra màn sương mù dày đặc xoáy cuộn của những hình thể nửa thành hình, nửa được tiếp sinh lực, trong đó tám mươi lăm phần trăm nhân loại bị bao quanh.

In his work as thought builder, man has to show forth the characteristics of the Logos, the great Architect or Builder of the universe. He has to parallel His work as:

Trong công việc của mình với tư cách là người kiến tạo hình tư tưởng, con người phải biểu lộ các đặc tính của Thượng đế, Đấng Đại Kiến Trúc Sư hay Đấng Kiến Tạo của vũ trụ. Y phải song hành với công việc của Ngài như:

The one who conceives the idea.

Đấng quan niệm ra ý tưởng.

Đấng khoác chất liệu cho ý tưởng. [Page 957]

The one who clothes the idea in matter. [Page 957]

The one who energises the idea, and thus enables the form to preserve its outline and perform its mission.

Đấng tiếp năng lượng cho ý tưởng, và nhờ đó làm cho hình thể có thể giữ được đường nét của nó và thực hiện sứ mệnh của nó.

The one who—in time and space—through desire and love, directs that thought form, vitalises it continuously, until the objective is attained.

Đấng mà—trong thời gian và không gian—qua dục vọng và tình thương, điều khiển hình tư tưởng ấy, tiếp sinh lực cho nó liên tục, cho đến khi mục tiêu đạt được.

The one who, when the desired end has been accomplished, destroys or disintegrates the thought form by withdrawing his energy (occultly, the "attention is withdrawn," or "the eye is no longer upon" it), so that the lesser lives (which had been built into the desired form) fall away and return to the general reservoir of deva substance.

Đấng mà, khi cứu cánh mong muốn đã được hoàn thành, hủy diệt hay phân rã hình tư tưởng bằng cách rút năng lượng của mình lại (theo huyền bí học, "sự chú ý được rút đi," hay "con mắt không còn đặt trên" nó nữa), để cho các sự sống nhỏ hơn (đã được xây vào hình thể mong muốn) rơi rụng đi và trở về kho chứa chung của chất liệu thiên thần.

Thus, in all creative work in mental matter, man is likewise to be seen as a Trinity at work; he is the creator, preserver, and destroyer.

Như vậy, trong mọi công việc sáng tạo trong chất liệu trí tuệ, con người cũng được thấy như một Tam Vị đang hoạt động; y là kẻ sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt.

e. In all occult work in mental matter which has to manifest upon the physical plane, and thus achieve objectivity, man has to work as a unit. This infers the ability, therefore, of the threefold lower man to be subordinated to the Ego, so that the dynamic will of the Ego may be imposed upon the physical brain.

e. Trong mọi công việc huyền bí trong chất liệu trí tuệ mà phải biểu hiện trên cõi hồng trần, và nhờ đó đạt được tính khách quan, con người phải làm việc như một đơn vị. Vì vậy, điều này hàm ý khả năng để phàm ngã tam phân phải được đặt dưới chân ngã, để cho ý chí năng động của chân ngã có thể được áp đặt lên bộ não hồng trần.

The method of the man on the physical plane who is engaged in conscious work in mental matter is to be considered in two divisions: first, the initial process of alignment with the Ego, so that the plan, purpose and method of achievement may be impressed upon the physical brain, and then a secondary process in which the man, using

Phương pháp của con người trên cõi hồng trần đang dấn thân vào công việc hữu thức trong chất liệu trí tuệ cần được xét thành hai phần: trước hết là tiến trình ban đầu chỉnh hợp với chân ngã, để cho kế hoạch, mục đích và phương pháp thành tựu có thể được in sâu vào bộ não hồng trần, rồi đến một tiến trình thứ hai trong đó con người, sử dụng bộ

the physical brain consciously, proceeds to carry out the plan, construct through will and purpose the necessitated form, and then, having built and energised the form, to "keep his eye upon it." This is stating occultly the great truth back of all processes of energising. "The eye of the Lord" is much referred to in the Christian Bible, and occultly understood, the eye is that which brings power to its servant, the thought form. Scientists [Page 958] are becoming interested in the power of the human eye, and that faculty of control and of recognition which is everywhere seen as existing will have its scientific and occult explanation when it is studied as an instrument of initiatory energy.

não hồng trần một cách hữu thức, tiến hành thực hiện kế hoạch, kiến tạo bằng ý chí và mục đích hình thể cần thiết, rồi sau khi đã xây dựng và tiếp năng lượng cho hình thể, thì "giữ mắt mình trên nó." Đây là cách phát biểu theo huyền bí học về chân lý lớn lao nằm sau mọi tiến trình tiếp năng lượng. "Con mắt của Chúa" được nhắc đến rất nhiều trong Kinh Thánh Cơ Đốc, và được hiểu theo huyền bí học, con mắt là cái mang quyền năng đến cho kẻ phụng sự của nó, tức hình tư tưởng. Các nhà khoa học [Page 958] đang bắt đầu quan tâm đến quyền năng của mắt người, và năng lực kiểm soát cùng nhận biết vốn được thấy là hiện hữu khắp nơi ấy sẽ có được lời giải thích khoa học và huyền bí khi nó được nghiên cứu như là một khí cụ của năng lượng điểm đạo.

Therefore, it will be apparent that a thought form is the result of two types of energy:

Do đó, sẽ rõ ràng rằng một hình tư tưởng là kết quả của hai loại năng lượng:

That emanating in the first instance from the Ego on abstract levels.

Loại phát ra trước tiên từ chân ngã trên các cấp độ trừu tượng.

That originating in a secondary sense from the man on the physical plane through the medium of the brain.

Loại phát sinh theo nghĩa thứ hai từ con người trên cõi hồng trần qua trung gian của bộ não.

That men do not recognise the first factor as a general rule is that which is responsible for much that is evil. When the "Science of the Self" has assumed due proportions men will be careful to ascertain the egoic impulses in all thought process, and to utilise true egoic energy before they begin manipulating deva substance, and building forms of deva lives.

Việc con người nói chung không nhận ra yếu tố thứ nhất chính là điều chịu trách nhiệm cho nhiều điều xấu ác. Khi "Khoa Học về Bản Ngã" đã đạt đến tầm mức thích đáng, con người sẽ cẩn trọng xác định các xung lực chân ngã trong mọi tiến trình tư tưởng, và sử dụng năng lượng chân ngã chân chính trước khi họ bắt đầu vận dụng chất liệu thiên thần và xây dựng các hình thể của những sự sống thiên thần.

2. Thought Form Building in the Three Worlds. — 2. Xây Dựng Hình Tư Tưởng trong Ba Cõi Giới.

I have a few more words to say anent this subject of man as a Creator in mental matter. The words are addressed to all those students who—through their ability to concentrate—have developed a certain measure of thought control, and who desire to understand the process of creation with greater scientific accuracy. We will, therefore, consider two factors in the process of thought-form building:

Tôi còn vài lời nữa muốn nói về chủ đề con người như một Đấng Sáng Tạo trong chất liệu trí tuệ. Những lời này được gửi đến tất cả những đạo sinh mà—nhờ khả năng tập trung—đã phát triển được một mức độ kiểm soát tư tưởng nào đó, và mong muốn hiểu tiến trình sáng tạo với độ chính xác khoa học lớn hơn. Vì vậy, chúng ta sẽ xét hai yếu tố trong tiến trình xây dựng hình tư tưởng:

a. That of aligning with the Ego. (288)

a. Việc chỉnh hợp với chân ngã. (288)

(288) Alignment: See Letters on Occult Meditation, pp. 1-7. (back)

(288) Chỉnh hợp: Xem Letters on Occult Meditation, tr. 1-7. (back)

b. The process of impressing the egoic will, on the physical brain, or (to word it otherwise) the initial utilisation of egoic energy.

b. Tiến trình in sâu ý chí chân ngã lên bộ não hồng trần, hay (nói cách khác) việc sử dụng ban đầu năng lượng chân ngã.

[Page 959] Let us take them one by one:

[Page 959] Chúng ta hãy xét từng điểm một:

a. *Alignment with the Ego*. This, as we know, is only possible to the man who has reached the Probationary Path, or a certain very definite point in evolution. Through knowledge and practice, the power has been acquired of automatically and scientifically utilising the sutratma (or channel) as a means of contact. When to this ability is added that of utilising with equal ease the antaskarana (or bridge between the Triad and the personality) then we have a powerful agent of the Hierarchy on the earth. We might generalise in the following manner as to the stages of growth and consequent ability to become the agent of ever increasing powers, tapping the

a. *Chỉnh hợp với chân ngã*. Điều này, như chúng ta biết, chỉ có thể đối với con người đã đạt đến Con Đường Dự Bị, hay một điểm tiến hoá rất xác định nào đó. Qua tri thức và thực hành, quyền năng sử dụng sutratma (hay kênh dẫn) như một phương tiện tiếp xúc một cách tự động và khoa học đã được thủ đắc. Khi khả năng này được bổ sung bằng khả năng sử dụng với sự dễ dàng tương đương antaskarana (hay cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và phàm ngã) thì chúng ta có một tác nhân mạnh mẽ của Thánh đoàn trên Trái Đất. Chúng ta có thể khái quát theo cách sau về các giai đoạn tăng trưởng và năng lực hệ quả để trở thành tác nhân của những quyền năng ngày càng gia tăng, khai

resources of dynamic energy in the three worlds.

thác các nguồn năng lượng năng động trong ba cõi thấp.

Lower types of humanity use the sutratma as it passes through the etheric body.

Các loại thấp của nhân loại sử dụng sutratma khi nó đi qua thể dĩ thái.

Average men utilise almost entirely that part of the sutratma which passes through the astral plane. Their reactions are largely based on desire, and are emotional.

Những người trung bình hầu như hoàn toàn sử dụng phần của sutratma đi qua cõi cảm dục. Các phản ứng của họ phần lớn dựa trên dục vọng, và mang tính cảm xúc.

Intellectual men utilise the sutratma as it passes through the lower levels of the mental plane, down through the astral to the physical in its two sections. Their activities are energised by mind and not by desire, as in the earlier cases.

Những người trí thức sử dụng sutratma khi nó đi qua các cấp thấp của cõi trí, xuống qua cõi cảm dục đến cõi hồng trần trong hai phần của nó. Các hoạt động của họ được tiếp năng lượng bởi trí tuệ chứ không phải bởi dục vọng, như trong các trường hợp trước.

Aspirants on the physical plane use the sutratma as it passes through the two lower subplanes of the abstract levels of the mental plane, and are beginning gradually to build the antaskarana, or the bridge between the Triad and the Personality. The power of the Ego can begin to make itself felt.

Những người chí nguyện trên cõi hồng trần sử dụng sutratma khi nó đi qua hai cõi phụ thấp của các cấp độ trừu tượng của cõi trí, và đang dần dần bắt đầu xây dựng antaskarana, hay cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và Phàm ngã. Quyền năng của chân ngã có thể bắt đầu tự biểu lộ.

Applicants for initiation and initiates up to the third initiation use both the sutratma and the antaskarana, employing them as a unit. The power of the Triad begins to pour through, thus energising all human [Page 960] activities upon the physical plane, and vitalising in ever increasing degree the man's thought forms. The key to the formation of the Mayavirupa is found in the right comprehension of the process.

Những người xin điểm đạo và các điểm đạo đồ cho đến lần điểm đạo thứ ba sử dụng cả sutratma lẫn antaskarana, dùng chúng như một đơn vị. Quyền năng của Tam nguyên tinh thần bắt đầu tuôn đổ qua, nhờ đó tiếp năng lượng cho mọi hoạt động của con người [Page 960] trên cõi hồng trần, và tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng của con người ở mức độ ngày càng tăng. Chìa khóa của sự hình thành Mayavirupa được tìm thấy trong sự thấu hiểu đúng đắn tiến trình này.

If students will study carefully the above differentiations, much light will be thrown upon the quality of the energy employed in thought-form building.

Nếu các đạo sinh nghiên cứu cẩn thận những sự phân biệt trên, nhiều ánh sáng sẽ được rọi vào phẩm tính của năng lượng được dùng trong việc xây dựng hình tư tưởng.

In the early stages of alignment, it has to be concisely and carefully brought about through concentration and meditation. Later, when the right rhythm has been set up in the bodies, and the purification of the sheaths has been rigidly pursued, the dual activity will become practically instantaneous, and the student can then turn his attention to the work of conscious building and vitalisation; his point of concentration will not then be given to the attainment of alignment.

Trong các giai đoạn đầu của sự chỉnh hợp, nó phải được tạo ra một cách ngắn gọn và cẩn trọng qua tập trung và tham thiền. Về sau, khi nhịp điệu đúng đã được thiết lập trong các thể, và sự thanh luyện các vỏ bọc đã được theo đuổi nghiêm ngặt, hoạt động kép sẽ trở nên hầu như tức thời, và khi ấy đạo sinh có thể hướng sự chú ý của mình vào công việc xây dựng và tiếp sinh lực một cách hữu thức; điểm tập trung của y khi ấy sẽ không còn đặt vào việc đạt được sự chỉnh hợp nữa.

Accurate alignment entails,

Sự chỉnh hợp chính xác đòi hỏi,

Mental quiescence, or stable vibration,

Sự tĩnh lặng của trí tuệ, hay rung động ổn định,

Emotional stability, resulting in limpid reflection,

Sự ổn định cảm xúc, đưa đến sự phản chiếu trong sáng,

Etheric poise, producing a condition in the head centre which would permit of the direct application of force to the physical brain via the centre.

Sự quân bình dĩ thái, tạo ra một tình trạng trong trung tâm đầu cho phép áp dụng trực tiếp mãnh lực vào bộ não hồng trần qua trung tâm ấy.

b. Physical brain impression. The accurate realisation by the physical brain of what the Ego is seeking to convey concerning the work to be done only becomes possible when two things are realised:

b. Sự in sâu lên bộ não hồng trần. Việc bộ não hồng trần nhận biết chính xác điều mà chân ngã đang tìm cách truyền đạt liên quan đến công việc phải làm chỉ trở nên khả hữu khi hai điều được nhận ra:

Direct alignment.

Sự chỉnh hợp trực tiếp.

The transmission of the egoic energy or will to one or other of the three physical centres in the head:

Sự truyền năng lượng hay ý chí chân ngã đến một trong ba trung tâm hồng trần ở đầu:

The pineal gland.

Tuyến tùng.

The pituitary body.

Tuyến yên.

The alta major centre, or that nerve centre at the top of the spine, where the cranium and the spine make approximate contact. When this congery of nerves is fully developed, it forms a centre of communication between the vital energy of the spinal column (the kundalini fire) and the energy of the two head centres above enumerated. It is the physical correspondence to the antaskarana on higher levels. [Page 961]

Trung tâm alta major, hay trung tâm thần kinh ở đỉnh cột sống, nơi hộp sọ và cột sống tiếp xúc gần nhau. Khi đám dây thần kinh này phát triển đầy đủ, nó tạo thành một trung tâm giao thông giữa sinh lực của cột sống (lửa kundalini) và năng lượng của hai trung tâm đầu kể trên. Nó là đối phần hồng trần của antaskarana trên các cấp độ cao hơn. [Page 961]

CHART X

BIỂU ĐỒ X

THE SCIENCE OF MEDITATION

KHOA HỌC THAM THIỀN

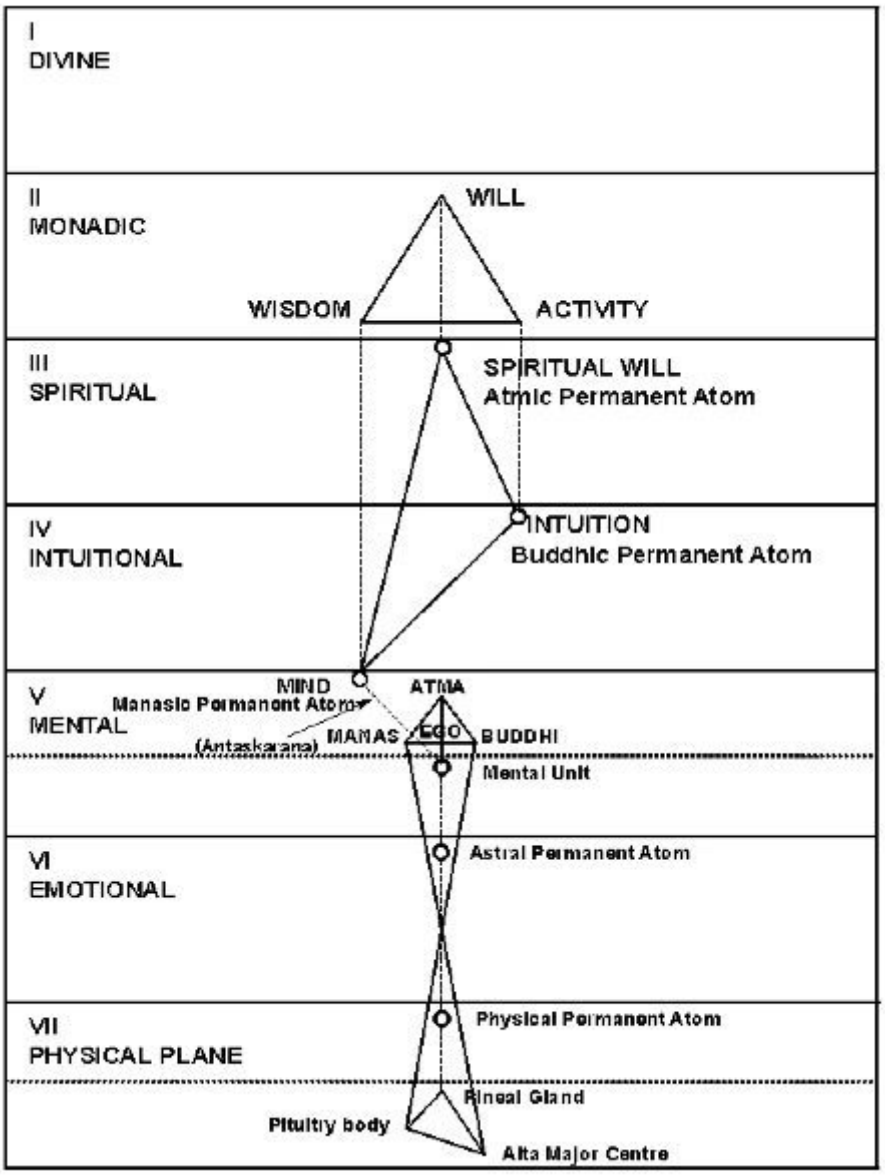

[Page 962] The pituitary body (in all cases of correct normal development) forms the centre which receives the threefold vitalisation pouring through the sutratma from the lower mental, the astral, and the etheric planes. The pineal gland comes into activity when this action is enhanced by the pouring through of energy from the Ego on its own plane. When the antaskarana is in process of utilisation the alta major centre is likewise employed, and the three physical head centres begin to work as a unit, thus forming a kind of triangle. By the time the third Initiation is reached, this triangle is fully awakened and the fire (or energy) is circulated freely.

[Page 962] Tuyến yên (trong mọi trường hợp phát triển đúng đắn bình thường) tạo thành trung tâm tiếp nhận sự tiếp sinh lực tam phân tuôn qua sutratma từ các cõi hạ trí, cảm dục và dĩ thái. Tuyến tùng đi vào hoạt động khi tác động này được tăng cường bởi sự tuôn qua của năng lượng từ chân ngã trên cõi riêng của nó. Khi antaskarana đang trong tiến trình được sử dụng thì trung tâm alta major cũng được dùng, và ba trung tâm đầu hồng trần bắt đầu hoạt động như một đơn vị, nhờ đó tạo thành một loại tam giác. Vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ ba, tam giác này hoàn toàn thức tỉnh và lửa (hay năng lượng) được lưu chuyển tự do.

It will be apparent, therefore, that man's ability to create in mental matter grows as he treads the Path. He needs to remember that (from the angle from which we are studying) we are not considering the power of the Ego to produce forms on the mental plane, but the ability of physical plane man to create upon the mental plane those vehicles for energy which—when set in motion by his conscious will—will produce certain specific effects upon the physical plane. This is brought about by egoic energy passed down the sutratma to the physical brain, and retransmitted back to the mental plane, plus or minus that which has been gained or lost in the process. The true Adept, through knowledge, conserves all energy while in process of transmission, and augments it with the energy contacted. It is, therefore, the energy of will, plus that of desire, fed by the energy of the physical brain. Literally, therefore, it is a small resume of the creative process of the Godhead, being the [Page 963] energy of the three persons unified, and considered from the standpoint of the physical. It is the at-

Vì vậy, sẽ rõ ràng rằng khả năng sáng tạo trong chất liệu trí tuệ của con người tăng trưởng khi y bước đi trên Đường Đạo. Y cần nhớ rằng (xét từ góc độ mà chúng ta đang nghiên cứu) chúng ta không xét quyền năng của chân ngã trong việc tạo ra các hình thể trên cõi trí, mà xét khả năng của con người trên cõi hồng trần trong việc sáng tạo trên cõi trí những vận cụ cho năng lượng mà—khi được đặt vào chuyển động bởi ý chí hữu thức của y—sẽ tạo ra những hiệu quả đặc thù nào đó trên cõi hồng trần. Điều này được thực hiện bởi năng lượng chân ngã truyền xuống qua sutratma đến bộ não hồng trần, rồi được truyền ngược trở lại cõi trí, cộng hoặc trừ phần đã thu được hay mất đi trong tiến trình. Chân sư đích thực, nhờ tri thức, bảo toàn mọi năng lượng trong khi truyền dẫn, và gia tăng nó bằng năng lượng được tiếp xúc. Vì vậy, đó là năng lượng của ý chí, cộng với năng lượng của dục vọng, được nuôi bằng năng lượng của bộ não hồng trần. Theo nghĩa đen, do đó, nó là một bản tóm lược nhỏ của tiến trình sáng tạo của Thượng đế, là [Page 963] năng lượng của ba ngôi vị được hợp nhất, và được xét từ quan điểm

one-ment of the three fires in man, being in fact:

hồng trần. Đó là sự hợp nhất của ba ngọn lửa trong con người, thực ra là:

a. That much of the fire of spirit, or electric fire, which any particular Ego is embodying (relatively little prior to the third Initiation) or is able to transmit, coupled with,

a. Phần lửa tinh thần, hay Lửa Điện, mà bất kỳ chân ngã riêng biệt nào đang thể hiện (tương đối ít trước lần điểm đạo thứ ba) hay có thể truyền dẫn, kết hợp với,

b. That much of the fire of the solar Angel (solar fire) or the egoic aspect which the Ego is able to transmit. This is but little in average man, a good deal in the man on the probationary path, and a full downpour by the time the third Initiation is reached.

b. Phần lửa của Thái dương Thiên Thần (Lửa Thái dương) hay phương diện chân ngã mà chân ngã có thể truyền dẫn. Điều này chỉ rất ít nơi con người trung bình, khá nhiều nơi con người trên Con Đường Dự Bị, và là một sự tuôn đổ trọn vẹn vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ ba.

c. That much of the fire of substance in its purified state which can penetrate. This is dependent upon the purity of the three sheaths, and in the case of a highly advanced man is the kundalinic fire as it swells the blaze produced by the other two.

c. Phần lửa của chất liệu trong trạng thái thanh luyện của nó có thể xuyên thấu. Điều này tùy thuộc vào sự thanh khiết của ba vỏ bọc, và trong trường hợp một người rất tiến hóa, đó là lửa kundalini khi nó làm bùng lớn ngọn lửa do hai loại kia tạo ra.

When, therefore, the alignment is corrected, and the physical head centres are awakening, it becomes possible for man to become a conscious creator in mental matter.

Vì vậy, khi sự chỉnh hợp được điều chỉnh đúng và các trung tâm đầu hồng trần đang thức tỉnh, con người có thể trở thành một đấng sáng tạo hữu thức trong chất liệu trí tuệ.

IV. Man and the Fire Spirits or Builders — IV. Con Người và các Hỏa Tinh Linh hay các Đấng Kiến Tạo

This section we will consider in somewhat greater detail than the previous one, as it concerns much of present practical value to man. This will be seen particularly as we study the effects of speech, and the occult significance of the spoken word.

Phần này chúng ta sẽ xét chi tiết hơn đôi chút so với phần trước, vì nó liên quan đến nhiều điều có giá trị thực tiễn hiện nay đối với con người. Điều này sẽ thấy rõ đặc biệt khi chúng ta nghiên cứu các hiệu quả của lời nói, và ý nghĩa huyền bí của lời được thốt ra.

1. The Will Aspect and Creation. — 1. Phương diện Ý chí và Sáng tạo.

In a previous division, we dealt somewhat with the transmission of the will of the Ego to the physical brain, and we saw how only in those persons who (through evolutionary development) had the sutratma and the antaskarana connected, and whose three physical head centres were more or less awakened, was the will of the Ego capable of transmission. In the other cases, such as the average man and little developed man, the purpose [Page 964] affecting the physical brain emanated from the astral or lower mental levels, and was, therefore, more likely to be the impulse of some lunar Lord, even if of a high order, than the divine will of the solar Angel, who is the true man.

Trong một phần trước, chúng ta đã bàn đôi chút về sự truyền ý chí của chân ngã đến bộ não hồng trần, và chúng ta đã thấy rằng chỉ nơi những người mà (qua sự phát triển tiến hoá) sutratma và antaskarana đã được nối kết, và ba trung tâm đầu hồng trần của họ đã ít nhiều thức tỉnh, thì ý chí của chân ngã mới có khả năng được truyền dẫn. Trong các trường hợp khác, như con người trung bình và con người ít phát triển, mục đích [Page 964] tác động lên bộ não hồng trần phát ra từ các cấp cảm dục hay hạ trí, và vì vậy có nhiều khả năng là xung lực của một nguyệt tinh quân nào đó, dù thuộc cấp cao, hơn là ý chí thiêng liêng của Thái dương Thiên Thần, Đấng là con người chân thực.

a. *The condition of the Magician.* It is of value to remember that when the physical head centres are awakened (through alignment of the etheric centres) we have the very lowest aspect of egoic influence. From these three centres, man on the Probationary Path, and up to the third Initiation, directs and controls his sheath, and from them spreads that illumination which will irradiate the physical plane life. By the time the third Initiation is reached, the internal triangle is in full process of circulatory transmission, and the whole life of the Personality is subjected to the will of the Ego. "The Star absorbs the light of the moon, so that the rays of the Sun may be reflected back" is the occult way of expressing the truth anent this point in evolution. It might be of value here also to point out the condition of the etheric centres during this process of direct solar control. Before the three physical head centres awaken, man is largely subjected to force flowing through the four minor etheric centres; later the three major centres—the head, the heart, and the throat—begin to

a. *Tình trạng của nhà huyền thuật.* Cần nhớ rằng khi các trung tâm đầu hồng trần được thức tỉnh (qua sự chỉnh hợp của các trung tâm dĩ thái) thì chúng ta có phương diện thấp nhất của ảnh hưởng chân ngã mà thôi. Từ ba trung tâm này, con người trên Con Đường Dự Bị, và cho đến lần điểm đạo thứ ba, điều khiển và kiểm soát vỏ bọc của mình, và từ đó lan tỏa sự soi sáng sẽ chiếu rạng đời sống cõi hồng trần. Vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ ba, tam giác nội tại ở trong tiến trình truyền dẫn tuần hoàn trọn vẹn, và toàn bộ đời sống của Phàm ngã bị đặt dưới ý chí của chân ngã. "Ngôi sao hấp thụ ánh sáng của mặt trăng, để các tia của Mặt Trời có thể được phản chiếu trở lại" là cách diễn đạt theo huyền bí học về chân lý liên quan đến điểm tiến hoá này. Ở đây cũng có thể hữu ích khi chỉ ra tình trạng của các trung tâm dĩ thái trong tiến trình kiểm soát trực tiếp của thái dương này. Trước khi ba trung tâm đầu hồng trần thức tỉnh, con người phần lớn chịu sự chi phối của mãnh lực chảy qua bốn trung tâm dĩ thái phụ; về sau ba trung tâm chính—đầu, tim và cổ họng—bắt đầu rung động,

vibrate, gradually assuming a greater sweep of activity, till their energy tends to negate that of the lower centres, to absorb their vitality and deflect the direction of their vitality, until the three higher wheels are in full fourth dimensional activity. As this proceeds, the three physical head centres begin to awake from dormancy into activity, the effect being felt as follows:

dần dần đảm nhận phạm vi hoạt động lớn hơn, cho đến khi năng lượng của chúng có xu hướng vô hiệu hóa năng lượng của các trung tâm thấp, hấp thụ sinh lực của chúng và chuyển hướng dòng sinh lực ấy, cho đến khi ba bánh xe cao hơn ở trong hoạt động chiều thứ tư trọn vẹn. Khi điều này diễn tiến, ba trung tâm đầu hồng trần bắt đầu thức dậy từ trạng thái ngủ yên để đi vào hoạt động, hiệu quả được cảm nhận như sau:

a. As the major head centre awakens, the pineal gland begins to function.

a. Khi trung tâm đầu chính thức tỉnh, tuyến tùng bắt đầu hoạt động.

b. As the heart centre becomes fully alive, the pituitary body enters into activity. [Page 965]

b. Khi trung tâm tim trở nên hoàn toàn sống động, tuyến yên đi vào hoạt động. [Page 965]

c. As the throat centre assumes its right place in the process of evolution, the alta major centre vibrates adequately.

c. Khi trung tâm cổ họng đảm nhận vị trí đúng của nó trong tiến trình tiến hoá, trung tâm alta major rung động đầy đủ.

When the triangle of force that these three physical centres form is in circulatory effect, the greater triangle can be seen in circulation; it then becomes a “wheel turning upon itself.” The major etheric centres are in full action, and the man is nearing the moment of liberation.

Khi tam giác lực mà ba trung tâm hồng trần này tạo thành ở trong hiệu quả tuần hoàn, tam giác lớn hơn có thể được thấy đang lưu chuyển; khi ấy nó trở thành một “bánh xe tự quay trên chính nó.” Các trung tâm dĩ thái chính ở trong hoạt động trọn vẹn, và con người đang tiến gần đến thời điểm giải thoát.

In the work of creation, as occultly carried on, all these three physical centres have to be utilised, and from a consideration of the subject it will become apparent why it has been necessary to deal with them in this order.

Trong công việc sáng tạo, như được tiến hành theo huyền bí học, cả ba trung tâm hồng trần này đều phải được sử dụng, và từ việc xem xét chủ đề này sẽ rõ vì sao cần phải bàn đến chúng theo thứ tự này.

By means of the pineal gland, (289) the organ of spiritual perception, man ascertains the will and purpose of the Ego, and from thence he draws the necessary

Nhờ tuyến tùng, (289) cơ quan của tri giác tinh thần, con người xác định ý chí và mục đích của chân ngã, và từ đó y rút ra năng lượng cần thiết [Page 966] từ các cấp độ cao hơn, qua trung tâm đầu và sutratma.

energy [Page 966] from the higher levels, via the head centre and the sutratma.

(289) The Pineal Gland. The Third Eye.—S. D., III, 548.

1. Goal of evolution to develop the inner vision.

2. The occult significance of the eye.—S. D., III, 577.

3. The "eye of Taurus the Bull."—(Compare bull's-eye.)

The constellation of Taurus was called the Mother of Revelation and the interpreter of the divine Voice.—S. D., I, 721.

4. The organs of inner vision:

a. The exoteric organ.... Pineal gland.... physical.

b. The esoteric organ.... the third eye.... etheric.

Note: Students must be careful to distinguish between the third eye and the pineal gland.—See S. D., II, 308. "The third eye is dead and acts no longer." It has left behind a witness to its existence in the Pineal gland.

5. The Pineal gland is a small pea-like mass of grey nervous matter attached to the back of the third ventricle of the brain.

6. The Pituitary Body stands to the Pineal gland as manas does to Buddhi, or mind to wisdom.—S. D., III, 504, 505.

(289) Tuyến Tùng. Con Mắt Thứ Ba.—S. D., III, 548.

1. Mục tiêu của tiến hoá là phát triển linh thị bên trong.

2. Ý nghĩa huyền bí của con mắt.—S. D., III, 577.

3. "Con mắt của Kim Ngưu."—(So sánh bull's-eye.)

Chòm sao Kim Ngưu được gọi là Mẹ của Mặc Khải và là người diễn giải Tiếng Nói thiêng liêng.—S. D., I, 721.

4. Các cơ quan của linh thị bên trong:

a. Cơ quan ngoại môn.... tuyến tùng.... hồng trần.

b. Cơ quan nội môn.... con mắt thứ ba.... dĩ thái.

Lưu ý: Các đạo sinh phải cẩn thận phân biệt giữa con mắt thứ ba và tuyến tùng.—Xem S. D., II, 308. "Con mắt thứ ba đã chết và không còn hoạt động nữa." Nó đã để lại một chứng tích về sự hiện hữu của nó trong tuyến tùng.

5. Tuyến tùng là một khối nhỏ chất thần kinh xám giống hạt đậu gắn vào phía sau não thất thứ ba của bộ não.

6. Tuyến yên đối với tuyến tùng cũng như manas đối với Bồ đề, hay trí tuệ đối với minh triết.—S. D., III, 504, 505.

7. The Pineal gland reached its highest development proportionately with the Lowest Physical development.—S. D., II, 308, 313.

7. Tuyến tùng đạt đến sự phát triển cao nhất của nó tương ứng với sự phát triển hồng trần thấp nhất.—S. D., II, 308, 313.

8. The third eye exists in etheric matter.

8. Con mắt thứ ba hiện hữu trong chất liệu dĩ thái.

a. In front of the head.

a. Ở phía trước đầu.

b. On a level with the eyes.

b. Ngang tầm với hai mắt.

9. It is an energy centre formed by a triangle of force:

9. Nó là một trung tâm năng lượng do một tam giác lực tạo thành:

a. The Pituitary Body.

a. Tuyến yên.

b. The Pineal Gland.

b. Tuyến tùng.

c. The alta major centre.

c. Trung tâm alta major.

10. The opened or third eye does not convey direct clairvoyance but is the organ through which direct and certain knowledge is obtained.—S. D., I, 77.

10. Con mắt mở hay con mắt thứ ba không truyền đạt thông nhãn trực tiếp mà là cơ quan qua đó tri thức trực tiếp và chắc chắn được đạt tới.—S. D., I, 77.

a. The initiate directs the eye towards the essence of things.

a. Điểm đạo đồ hướng con mắt về tinh chất của sự vật.

b. The third eye must be acquired by the ascetic before he becomes an adept.—S. D., II, 651.

b. Người khổ hạnh phải đạt được con mắt thứ ba trước khi trở thành một chân sư.—S. D., II, 651.

11. Students of occultism ought to know that the third eye is indissolubly connected with karma.—S. D., II, 312, note; S. D., II, 316, 320.

11. Các đạo sinh huyền bí học nên biết rằng con mắt thứ ba gắn liền bất khả phân với nghiệp quả.—S. D., II, 312, note; S. D., II, 316, 320.

a. From its Atlantean past, the fifth root-race is working out fourth root-race causes.

a. Từ quá khứ Atlantis của mình, giống dân gốc thứ năm đang giải quyết các nguyên nhân của giống dân gốc thứ tư.

b. Because it reveals that which is its past.—S. D., II, 297, 320, 813.

b. Bởi vì nó mặc khải điều vốn là quá khứ của nó.—S. D., II, 297, 320, 813.

12. The third eye is the mirror of the soul.—S. D., II, 312.

12. Con mắt thứ ba là tấm gương của linh hồn.—S. D., II, 312.

13. To the inner spiritual eye the Gods are no more abstractions than our soul and body are to us.—S. D., I, 694.

13. Đối với con mắt tinh thần bên trong, các Thượng đế cũng không trừu tượng hơn linh hồn và thân thể của chúng ta đối với chính chúng ta.—S. D., I, 694.

a. The inner eye can see through the veil of matter.—S. D., I, 694.

a. Con mắt bên trong có thể nhìn xuyên qua bức màn vật chất.—S. D., I, 694.

b. The spiritual eye reveals the super-sensual states.—S. D., II, 561.

b. Con mắt tinh thần mặc khải các trạng thái siêu giác quan.—S. D., II, 561.

14. In the spiritual regenerated man the third eye is active.—S. D., II, 458. (back)

14. Trong con người được tái sinh tinh thần, con mắt thứ ba hoạt động.—S. D., II, 458. (back)

By means of the pituitary body, the second element of desire or of the form-building energy, becomes available, and under the law of attraction he can mould, and build in deva substance.

Nhờ tuyến yên, yếu tố thứ hai của dục vọng hay của năng lượng xây dựng hình thể trở nên khả dụng, và dưới định luật hấp dẫn y có thể nắn đúc và xây dựng trong chất liệu thiên thần.

When the alta major centre, the synthesis of what might be called nervous energy, is awake, it becomes possible for him to materialise and activate the desired form which, through attractive energy, he is in process of constructing.

Khi trung tâm alta major, sự tổng hợp của cái có thể gọi là năng lượng thần kinh, được thức tỉnh, thì y có thể hiện hình và hoạt hóa hình thể mong muốn mà, qua năng lượng hấp dẫn, y đang trong tiến trình kiến tạo.

It will be apparent, therefore, why it is that so few people ever construct thought forms which are of constructive lasting benefit to humanity, and also why it is that the Great

Vì vậy, sẽ rõ vì sao rất ít người từng kiến tạo các hình tư tưởng có lợi ích xây dựng và bền lâu cho nhân loại, và cũng vì sao Các Đấng Cao Cả, (khi Các Ngài làm việc qua các đệ tử

Ones, (as They work through Their disciples) are forced to work with groups, being seldom able to find a man or woman whose three physical head centres are simultaneously active. They frequently have to work with large groups before the quota of energy supplied to Them for the accomplishment of Their ends measures up to that necessitated.

của Các Ngài) buộc phải làm việc với các nhóm, vì hiếm khi có thể tìm được một người nam hay nữ mà ba trung tâm đầu hồng trần cùng hoạt động đồng thời. Các Ngài thường phải làm việc với những nhóm lớn trước khi định mức năng lượng được cung cấp cho Các Ngài để hoàn thành các mục đích của Các Ngài đạt đến mức cần thiết.

It will be obvious, likewise, that the disciple's power for service for humanity is dependent largely upon three things: [Page 967]

Tương tự, cũng sẽ hiển nhiên rằng quyền năng phụng sự nhân loại của đệ tử phần lớn tùy thuộc vào ba điều: [Page 967]

a. The state of his bodies and their egoic alignment.

a. Tình trạng các thể của y và sự chỉnh hợp chân ngã của chúng.

b. The condition of activity present in the physical head centres.

b. Tình trạng hoạt động hiện diện trong các trung tâm đầu hồng trần.

c. The circulatory action of the triangular transmission of force.

c. Hoạt động tuần hoàn của sự truyền dẫn lực theo hình tam giác.

These factors are again dependent upon others, among which might be enumerated:

Các yếu tố này lại tùy thuộc vào những yếu tố khác, trong đó có thể kể ra:

1. The ability of the disciple to meditate.

1. Khả năng tham thiền của đệ tử.

2. The capacity he displays for bringing through accurately from the subtler levels the plans and purposes of which his Ego is cognisant.

2. Năng lực mà y biểu lộ trong việc mang xuống một cách chính xác từ các cấp độ vi tế hơn những kế hoạch và mục đích mà chân ngã của y nhận biết.

3. The purity of his motives.

3. Sự thanh khiết của các động cơ của y.

4. His power to "hold a state of meditation," and while in that state begin to build the form for his idea, and thus materialise the plan of his Ego.

4. Quyền năng của y để "duy trì một trạng thái thiền định," và trong khi ở trong trạng thái ấy bắt đầu xây dựng hình thể cho ý tưởng của mình, và nhờ đó hiện hình kế hoạch của chân ngã mình.

5. The amount of energy he can pour later into his thought form and thus procure for it a period of existence, or its tiny "day of Brahma."

5. Lượng năng lượng mà về sau y có thể tuôn vào hình tư tưởng của mình và nhờ đó đem lại cho nó một thời kỳ tồn tại, hay "ngày Brahma" bé nhỏ của nó.

These subsidiary factors are again dependent upon:

Những yếu tố phụ này lại tùy thuộc vào:

a. His place on the ladder of evolution.

a. Vị trí của y trên nấc thang tiến hoá.

b. The condition of his bodies.

b. Tình trạng các thể của y.

c. His karmic condition.

c. Tình trạng nghiệp quả của y.

d. The tenuosity of the etheric web.

d. Độ mỏng của màng lưới dĩ thái.

e. The calibre of his physical body, and its relative refinement.

e. Tầm vóc của thể xác y, và mức độ tinh luyện tương đối của nó.

It is necessary here to warn the student against the error of making any hard or fast rule anent the sequential order of the development of the physical head centres, and the vitalisation of the force centres. This process is incident upon many things, such as the ray upon which the monad may be found, and the nature of the development in the past incarnations. Nature, in all departments of her corporate life, parallels her efforts, and overlaps her various processes, and it takes a seer of [Page 968] vast wisdom and experience to state exactly the stage at which any particular unit of the human family may be. He that is wise always refrains from assertion until he knows.

Ở đây cần cảnh báo đạo sinh chống lại sai lầm là đặt ra bất kỳ quy luật cứng nhắc nào liên quan đến thứ tự tuần tự của sự phát triển các trung tâm đầu hồng trần và sự tiếp sinh lực của các trung tâm lực. Tiến trình này tùy thuộc vào nhiều điều, chẳng hạn như cung mà chân thần có thể thuộc về, và bản chất của sự phát triển trong các kiếp trước. Thiên nhiên, trong mọi bộ môn của đời sống hợp nhất của mình, song hành các nỗ lực của mình và chồng lấn các tiến trình khác nhau của mình, và cần một nhà thông nhãn có [Page 968] minh triết và kinh nghiệm bao la mới có thể nói chính xác giai đoạn mà bất kỳ đơn vị nào của gia đình nhân loại đang ở. Người minh triết luôn luôn tránh khẳng định cho đến khi y biết.

Let us now consider:

Bây giờ chúng ta hãy xét:

b. The construction, vitalisation, and actuating of the thought form. The Ego, having brought about a condition of receptivity, or of

b. Sự kiến tạo, tiếp sinh lực và hoạt hóa hình tư tưởng. Chân ngã, sau khi đã tạo ra một tình trạng tiếp nhận, hay nhận biết trong bộ não

recognition in the physical brain of the man, and having drawn from him the necessary response, the process of building is thereupon begun.

hồng trần của con người, và sau khi đã rút ra từ y sự đáp ứng cần thiết, thì tiến trình xây dựng liền được bắt đầu.

This process of physical plane response is based—as is all else in nature—upon the relation of the polar opposites. The physical centres are receptive to the positive influence of the force centres. The physical brain is responsive to the positive influence of the lower nature in the earlier evolutionary stages, or to the reactions of the substance of the sheaths, the impress of the lunar Lords. It responds in the later stages to the positive influence of the Ego or the impress of the solar Lord.

Tiến trình đáp ứng của cõi hồng trần này dựa trên—như mọi điều khác trong thiên nhiên—mối liên hệ của các cực đối nghịch. Các trung tâm hồng trần tiếp nhận ảnh hưởng dương của các trung tâm lực. Bộ não hồng trần đáp ứng ảnh hưởng dương của bản chất thấp trong các giai đoạn tiến hoá đầu, hay các phản ứng của chất liệu của các vỏ bọc, dấu ấn của các nguyệt tinh quân. Trong các giai đoạn sau, nó đáp ứng ảnh hưởng dương của chân ngã hay dấu ấn của nhật tinh quân.

As is apparent, this building process is divided into three parts, which overlap, and assume an appearance of simultaneity. When (as is the case with the majority of the human family) the process is an unconscious one, produced by reflex action and based largely on the accomplishment of desire, all is carried on with great rapidity, and leads to rapid results—these results being effective of accomplishment according to the ability of the man to vitalise and hold in coherent form his idea. Most of the thought forms created by average man are only relatively effective, and this within great limitations, and having but a restricted radius. When man is learning consciously to create, which he does through the organisation of thought, concentration and meditation, he proceeds more slowly, for he has two primary things to do before the creative process can be carried through: [Page 969]

Như đã rõ, tiến trình xây dựng này được chia thành ba phần, chồng lấn lên nhau, và mang dáng vẻ đồng thời. Khi (như trường hợp của đa số gia đình nhân loại) tiến trình này là vô thức, do phản xạ tạo ra và phần lớn dựa trên sự hoàn thành dục vọng, thì mọi sự được tiến hành rất nhanh chóng, và dẫn đến kết quả mau lẹ—những kết quả này có hiệu quả thành tựu tùy theo khả năng của con người trong việc tiếp sinh lực và giữ cho ý tưởng của mình ở hình thức kết hợp chặt chẽ. Phần lớn các hình tư tưởng do con người trung bình tạo ra chỉ tương đối hữu hiệu, và điều này trong những giới hạn lớn, với một bán kính hạn chế. Khi con người đang học cách sáng tạo một cách hữu thức, điều mà y làm qua sự tổ chức tư tưởng, tập trung và tham thiền, y tiến hành chậm hơn, vì y có hai điều chính phải làm trước khi tiến trình sáng tạo có thể được thực hiện: [Page 969]

a. To contact or communicate with the Ego, or solar Angel.

a. Tiếp xúc hay giao thông với chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần.

b. To study the process of creation and to make it conform step by step with natural evolutionary law.

b. Nghiên cứu tiến trình sáng tạo và làm cho nó phù hợp từng bước với định luật tiến hoá tự nhiên.

The above is necessarily but another way of defining meditation and its objective.

Điều trên tất yếu chỉ là một cách khác để định nghĩa tham thiền và mục tiêu của nó.

Later on, when a man is an expert in meditation, the work of thought creation proceeds with ever increasing rapidity, until he surpasses (on a higher turn of the spiral) the activity of the earlier unconscious period.

Về sau, khi một người là chuyên gia trong tham thiền, công việc sáng tạo tư tưởng diễn tiến với tốc độ ngày càng tăng, cho đến khi y vượt qua (trên một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc) hoạt động của thời kỳ vô thức trước kia.

Starting, therefore, with the recognition of the egoic intent in the physical brain, the man proceeds to build the form for his idea. He begins first to organise the material required upon the mental plane. It is on that plane that the impulse takes to itself its primary form. On the desire or astral plane, the process of vitalisation is largely pursued, for the length of the life of any thought form (even such an one as our solar system) is dependent upon the persistence of desire, and the strength of the desire.

Vì vậy, bắt đầu với sự nhận biết ý định chân ngã trong bộ não hồng trần, con người tiến hành xây dựng hình thể cho ý tưởng của mình. Trước hết y bắt đầu tổ chức chất liệu cần thiết trên cõi trí. Chính trên cõi đó mà xung lực khoác lấy hình thức sơ khởi của nó. Trên cõi dục vọng hay cõi cảm dục, tiến trình tiếp sinh lực phần lớn được theo đuổi, vì độ dài đời sống của bất kỳ hình tư tưởng nào (ngay cả một hình như hệ mặt trời của chúng ta) tùy thuộc vào sự bền bỉ của dục vọng, và sức mạnh của dục vọng ấy.

On the etheric levels of the physical plane the process of physical concretion takes place; as the physical vehicle assumes the necessary proportions, the thought form becomes divorced from the one who is giving it form. Any idea of enough strength will inevitably materialise in dense physical matter, but the main work of its creator ceases when he has worked with it on mental, astral and etheric levels. The dense physical response is automatic and inevitable. Some ideas of a large and important nature, which have arisen in the consciousness of the Guides of the race, reach full manifestation only through the medium of many agents, and the dynamic

Trên các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, tiến trình cô đọng hồng trần diễn ra; khi vận cụ hồng trần đảm nhận các tỷ lệ cần thiết, hình tư tưởng trở nên tách rời khỏi kẻ đang tạo hình cho nó. Bất kỳ ý tưởng nào có đủ sức mạnh đều tất yếu sẽ hiện hình trong vật chất hồng trần đậm đặc, nhưng công việc chính của người sáng tạo nó chấm dứt khi y đã làm việc với nó trên các cấp độ cõi trí, cõi cảm dục và dĩ thái. Sự đáp ứng hồng trần đậm đặc là tự động và không thể tránh khỏi. Một số ý tưởng có bản chất lớn lao và quan trọng, đã phát sinh trong tâm thức của các Đấng Hướng Dẫn nhân loại, chỉ đạt đến biểu hiện trọn vẹn qua trung gian của nhiều tác nhân, và các xung lực năng động của nhiều

impulses of many minds. A few work consciously, when this is the case, at the production of the necessitated [Page 970] form; many more are swept into activity and lend their aid through the very negativity of their natures; they are "forced" to be interested in spite of themselves, and are "swept into the movement," not through any mental apprehension or "vital desire," but because it is the thing to do. In this may be seen an instance of the ability of the Great Ones to utilise conditions of apparent inertia and negativity (due to little development), and thus produce good results.

trí tuệ. Một số ít làm việc hữu thức, khi trường hợp là như vậy, vào việc tạo ra hình thể cần thiết; nhiều người khác nữa bị cuốn vào hoạt động và góp phần trợ giúp qua chính tính thụ động trong [Page 970] bản chất của họ; họ bị "buộc" phải quan tâm bất chấp chính mình, và bị "cuốn vào phong trào," không phải qua bất kỳ sự lĩnh hội trí tuệ hay "dục vọng sống động" nào, mà bởi vì đó là điều phải làm. Trong điều này có thể thấy một ví dụ về khả năng của Các Đấng Cao Cả trong việc sử dụng các điều kiện của quán tính và tính thụ động biểu kiến (do ít phát triển), và nhờ đó tạo ra các kết quả tốt đẹp.

We will here only deal with the man who is learning consciously to build, and will not consider the process as pursued by the adept, or the chaotic attempts of the little evolved. Having grasped the idea, and having with care discriminated the motive underlying the idea, thus ascertaining its utilitarian purposes, and its value to the group in the service of humanity, the man has certain things to do which, for the sake of clarity, we might sum up in certain statements:

Ở đây chúng ta sẽ chỉ bàn đến con người đang học cách xây dựng một cách hữu thức, và sẽ không xét tiến trình như được chân sư theo đuổi, hay những cố gắng hỗn loạn của kẻ ít tiến hóa. Sau khi đã nắm được ý tưởng, và đã cẩn thận phân biện động cơ nằm dưới ý tưởng, nhờ đó xác định các mục đích hữu dụng của nó, và giá trị của nó đối với nhóm trong việc phụng sự nhân loại, con người có một số điều phải làm mà, để cho rõ ràng, chúng ta có thể tóm lại trong một số phát biểu:

He has, first of all, to hold the idea sufficiently long for it to be faithfully registered in the physical brain. Frequently the Ego will "get through" to the brain some concept, some portion of the plan, and yet will have to repeat the process continuously over quite a long period before the physical response is such that the solar Angel can rest assured that it is intelligently registered and recorded. It is perhaps unnecessary to say that the entire process is greatly facilitated if the "shadow," or the man, pursues regular meditation, cultivates the habit of a daily and hourly recollectedness of the higher Self, and before retiring at night endeavours

Trước hết, y phải giữ ý tưởng đủ lâu để nó được ghi nhận trung thực trong bộ não hồng trần. Thường thì chân ngã sẽ "truyền" đến bộ não một khái niệm nào đó, một phần nào đó của kế hoạch, nhưng sẽ phải lặp lại tiến trình ấy liên tục trong một thời gian khá dài trước khi sự đáp ứng hồng trần đạt đến mức để Thái dương Thiên Thần có thể yên tâm rằng nó đã được ghi nhận và lưu giữ một cách thông minh. Có lẽ không cần phải nói rằng toàn bộ tiến trình được hỗ trợ rất nhiều nếu "cái bóng," hay con người, theo đuổi việc tham thiền đều đặn, vun bồi thói quen hồi tưởng hằng ngày và hằng giờ về Bản Ngã Cao Siêu, và trước khi đi ngủ vào ban đêm cố

to “hold the thought” of bringing through at the time of awakening as much as possible of any egoic impress. When the reaction between the two factors, the Ego and the receptive physical brain, is established, the interplay is reciprocal, and the two are keyed or tuned to each other, the second stage is entered upon. The idea is conceived.

gắng “giữ tư tưởng” để khi thức dậy có thể mang xuống càng nhiều càng tốt bất kỳ dấu ấn chân ngã nào. Khi phản ứng giữa hai yếu tố, chân ngã và bộ não hồng trần tiếp nhận, được thiết lập, sự tương tác trở thành hỗ tương, và cả hai được điều chỉnh hay hòa điệu với nhau, thì giai đoạn thứ hai được bước vào. Ý tưởng được thụ thai.

[Page 971] A period of gestation is then pursued, itself divided into various stages. The man broods over the idea; he ponders upon it, thereby setting up activity in mental matter, and attracting to his germ thought the material necessary for its clothing. He pictures to himself the contour of the thought form, clothing it with colour, and painting in its details. Hence will be seen the great value of a true imagination, and its ordered scientific use. Imagination is kama-manasic in origin, being neither pure desire nor pure mind, and is a purely human product, being superseded by the intuition in perfected men, and in the higher Intelligences of Nature.

[Page 971] Sau đó một thời kỳ thai nghén được theo đuổi, bản thân nó được chia thành nhiều giai đoạn. Con người ấp ủ ý tưởng; y suy ngẫm về nó, nhờ đó khơi dậy hoạt động trong chất liệu trí tuệ, và thu hút đến tư tưởng mầm của mình chất liệu cần thiết để khoác áo cho nó. Y hình dung cho mình đường nét của hình tư tưởng, khoác cho nó màu sắc, và tô vẽ các chi tiết của nó. Vì thế sẽ thấy giá trị lớn lao của một sự tưởng tượng chân chính, và việc sử dụng nó một cách khoa học có trật tự. Sự tưởng tượng có nguồn gốc trí-cảm, không phải dục vọng thuần túy cũng không phải trí tuệ thuần túy, và là một sản phẩm thuần túy của con người, được trực giác thay thế nơi những con người hoàn thiện và nơi các Trí Tuệ cao hơn của Thiên nhiên.

When his will, or the initial impulse is sufficiently strong, and when the imagination, or power of visualisation, is adequately vivid, the second part of the gestation period is entered upon, and the vitalisation by desire is begun. The interplay of mental impulse and desire produce what might be called a pulsation in the organising form of the idea, and it becomes alive. It is yet but nebulous and its tenuosity is great, but it shows signs of organisation and the outline of its form. Students must remember that this entire process is being carried on now during this stage which we are considering from within the brain. There is

Khi ý chí của y, hay xung lực ban đầu, đủ mạnh, và khi sự tưởng tượng, hay năng lực hình dung, đủ sống động, thì phần thứ hai của thời kỳ thai nghén được bắt đầu, và sự tiếp sinh lực bằng dục vọng được khởi sự. Sự tương tác giữa xung lực trí tuệ và dục vọng tạo ra điều có thể gọi là một nhịp đập trong hình tướng đang tổ chức của ý tưởng, và nó trở nên sống động. Nó vẫn còn mơ hồ và độ mỏng nhẹ của nó rất lớn, nhưng nó cho thấy những dấu hiệu của sự tổ chức và đường nét của hình tướng mình. Các đạo sinh phải nhớ rằng toàn bộ tiến trình này hiện đang được tiến hành trong giai đoạn mà chúng ta đang xét từ bên trong bộ não. Do đó có một sự

thus a definite correspondence to the work of the nine Sephiroth:

tương ứng rõ rệt với công việc của chín Sephiroth:

The initial three correspond to the egoic impulse with which we have earlier dealt.

Ba Sephiroth đầu tương ứng với xung lực chân ngã mà trước đây chúng ta đã bàn đến.

The secondary group of Sephiroth find their analogy in the work pursued in the stage we are now dealing with, or the impulse of mind-desire, emanating consciously from man's brain.

Nhóm Sephiroth thứ hai tìm thấy sự tương đồng của chúng trong công việc được theo đuổi ở giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang bàn đến, hay xung lực trí tuệ-dục vọng, phát xạ một cách hữu thức từ bộ não con người.

The work of the final three is accomplished when the thought form, being clothed in mental and astral matter, passes into objectivity on the physical plane.

Công việc của ba Sephiroth cuối cùng được hoàn tất khi hình tư tưởng, được khoác bằng vật chất trí tuệ và cảm dục, đi vào tính khách quan trên cõi hồng trần.

[Page 972] A later stage in the gestation period is pursued when the thought form, being clothed in mental matter, and having become vitalised by desire, takes to itself a layer of substance of astral matter, and is consequently enabled to function on the astral plane as well as the mental. Here its growth is rapid. It should be carefully borne in mind that the process of building in mental matter proceeds simultaneously, and that the development is now twofold. Here the conscious builder must be careful to hold the balance, and not to let imagination unduly assume too large proportions. The manasic element and the kamic element must be justly proportioned, or else will be seen that too common manifestation, an idea wrongly conceived and nurtured, and therefore impossible of playing its just part in the evolutionary plan, being but a grotesque distortion.

[Page 972] Một giai đoạn muộn hơn trong thời kỳ thai nghén được tiếp tục khi hình tư tưởng, được khoác bằng vật chất trí tuệ, và đã nhận sinh lực từ dục vọng, tự khoác thêm cho mình một lớp chất liệu của vật chất cảm dục, và do đó có thể hoạt động trên cõi cảm dục cũng như cõi trí. Ở đây sự tăng trưởng của nó rất nhanh. Cần phải ghi nhớ cẩn thận rằng tiến trình kiến tạo trong vật chất trí tuệ vẫn tiến hành đồng thời, và rằng sự phát triển hiện nay là nhị phân. Ở đây đấng kiến tạo hữu thức phải cẩn trọng giữ thế quân bình, và không để sự tưởng tượng chiếm tỷ lệ quá lớn một cách quá mức. Yếu tố manas và yếu tố kama phải được cân xứng đúng đắn, nếu không sẽ thấy biểu hiện quá thông thường ấy, một ý tưởng được quan niệm sai lầm và nuôi dưỡng sai lầm, và vì thế không thể đảm đương phần việc chính đáng của nó trong Thiên Cơ tiến hoá, mà chỉ là một sự méo mó kỳ quái.

The idea now is reaching a critical stage, and should be ready for the assumption of physical matter and to take to itself an etheric form. When on etheric levels, it receives that final impulse which will lead to

Ý tưởng hiện nay đang đạt đến một giai đoạn khủng hoảng, và phải sẵn sàng để tiếp nhận vật chất hồng trần và tự khoác lấy một hình thể dĩ thái. Khi ở trên các cấp dĩ thái, nó nhận được xung lực cuối cùng sẽ dẫn đến

what may be called its “actuating,” or its reception of that motivating impulse which will lead to its dissociation from its originator, and the sending out to assume

điều có thể gọi là “sự vận động hóa” của nó, hay sự tiếp nhận xung lực thúc đẩy sẽ dẫn đến việc nó tách rời khỏi người tạo ra nó, và được phóng ra để đảm nhận

1. A dense form.

1. Một hình thể đậm đặc.

2. A separate existence.

2. Một sự tồn tại riêng biệt.

It should be remembered that the thought form has now passed from the mental plane, taken to itself an astral sheath, and likewise is gathering to itself a body of etheric matter. When it has reached this stage its vitalisation is proceeding apace, and the hour of its separated existence is drawing near.

Cần nhớ rằng hình tư tưởng hiện nay đã đi ra khỏi cõi trí, đã tự khoác lấy một vỏ bọc cảm dục, và cũng đang thu hút về mình một thể bằng vật chất dĩ thái. Khi đã đạt đến giai đoạn này, sự tiếp sinh lực của nó đang tiến hành rất nhanh, và giờ phút tồn tại tách biệt của nó đang đến gần.

This vitalisation is consciously carried out by the man who—according to the original intent or initial impulse—directs to the thought form energy of some kind. This energy is directed from one or other of the three higher centres, according to the quality of the embodied idea, [Page 973] and will be seen pouring towards the rapidly objectivising idea from the particular centre involved. We must not forget that we are considering the thought form of the conscious builder. The thought forms of the majority of human beings are energised from no such high source, but find their active impulse emanating from either the solar plexus, or the still lower organs of generation.

Sự tiếp sinh lực này được con người thực hiện một cách hữu thức—người mà, tùy theo ý định nguyên thủy hay xung lực ban đầu—hướng vào hình tư tưởng một loại năng lượng nào đó. Năng lượng này được hướng ra từ một trong ba trung tâm cao hơn, tùy theo phẩm tính của ý tưởng được nhập thể, [Page 973] và sẽ được thấy tuôn về phía ý tưởng đang nhanh chóng khách quan hóa từ trung tâm đặc thù có liên hệ. Chúng ta không được quên rằng chúng ta đang xét hình tư tưởng của đấng kiến tạo hữu thức. Hình tư tưởng của đa số nhân loại không được tiếp năng lượng từ một nguồn cao như thế, mà tìm thấy xung lực hoạt động của chúng phát ra từ hoặc tùng thái dương, hoặc từ các cơ quan sinh dục còn thấp hơn nữa.

It is this constant stream of emotional or sexual energy which is responsible for the chaotic conditions of the present; the balance is not preserved, the interaction between the two, and the myriads of thought forms consequently produced of a low order and vibration are producing a condition which is going to require all the

Chính dòng năng lượng cảm xúc hay tính dục liên tục này chịu trách nhiệm về các điều kiện hỗn loạn hiện nay; thế quân bình không được duy trì, sự tương tác giữa hai loại năng lượng ấy, và vô số hình tư tưởng do đó được tạo ra thuộc loại thấp và rung động thấp đang tạo nên một tình trạng mà về sau sẽ đòi hỏi mọi nỗ lực của những người hoạt

efforts of mental workers eventually to negate, offset, and transmute. These forms, which scarce merit the prefix "thought," being largely kamic with an admixture of the lowest grade of mental matter, are responsible for the heavy, slow vibrating or pulsating fog or cloak which envelops the human family, and which produces much of the present evil, crime and mental lethargy. People are mainly polarised in the astral body, as we know, and the lower centres are the most active; when an atmosphere or environment of thought-forms of a low key and vitalised by all the baser forms of astral energy is coupled to this, it will become apparent how stupendous is the task of lifting humanity to a clearer, purer and better atmosphere, and how easy it is for the lower aspects and appetites to flourish and to grow.

động trí tuệ để làm tiêu tan, hóa giải và chuyển hoá. Những hình tướng này, hầu như không đáng mang tiền tố "tư tưởng", vì phần lớn là kama với một sự pha trộn của loại vật chất trí tuệ thấp nhất, chịu trách nhiệm về màn sương hay tấm áo choàng nặng nề, rung động chậm chạp hay nhịp đập chậm chạp bao phủ gia đình nhân loại, và gây ra phần lớn điều ác, tội phạm và sự trì trệ trí tuệ hiện nay. Như chúng ta biết, con người chủ yếu phân cực trong thể cảm dục, và các trung tâm thấp là hoạt động mạnh nhất; khi điều này kết hợp với một bầu khí quyển hay môi trường gồm các hình tư tưởng có chủ âm thấp và được tiếp sinh lực bởi mọi dạng năng lượng cảm dục thấp kém nhất, thì sẽ trở nên hiển nhiên rằng nhiệm vụ nâng nhân loại lên một bầu khí quyển sáng sủa hơn, thanh khiết hơn và tốt đẹp hơn là to lớn biết bao, và các phương diện thấp cùng các dục vọng dễ dàng nảy nở và phát triển đến mức nào.

As the vitalisation is pursued and the energy is poured from one or other of the centres into the thought-form, the conscious builder begins to extend this influence in order to send it forth from him to perform its mission, whatever that may be, to make it occultly "radiant" so that its vibrations will emanate, and make themselves felt, and finally to make it magnetic, so that something [Page 974] in the thought form will call forth response from other thought forms or from the minds it may contact.

Khi sự tiếp sinh lực được tiếp tục và năng lượng được tuôn từ một trong các trung tâm vào hình tư tưởng, đấng kiến tạo hữu thức bắt đầu mở rộng ảnh hưởng này để phóng nó ra khỏi mình hầu thực hiện sứ mệnh của nó, bất kể sứ mệnh ấy là gì, làm cho nó một cách huyền bí trở nên "rạng chiếu" để các rung động của nó phát ra và tự làm cho được cảm nhận, và cuối cùng làm cho nó có từ tính, để một điều gì đó [Page 974] trong hình tư tưởng sẽ khơi dậy sự đáp ứng từ các hình tư tưởng khác hoặc từ các trí tuệ mà nó có thể tiếp xúc.

When these three objectives have been reached, the life of the form itself is now so strong that it can pursue its own little life cycle and fulfil its work, being only linked to its creator by a tiny thread of radiant substance, which is a correspondence to the sutratma. All forms have such a sutratma. It

Khi ba mục tiêu này đã đạt được, sự sống của chính hình tướng lúc này mạnh đến mức nó có thể theo đuổi chu kỳ sống nhỏ bé của riêng mình và hoàn thành công việc của nó, chỉ còn được nối với người sáng tạo bởi một sợi chỉ nhỏ bằng chất liệu rạng chiếu, là một sự tương ứng với sutratma. Mọi hình tướng

links a man's bodies to the inner Identity, or to that magnetic current which, emanating from the true Identity, the solar Logos, connects the Creator of the solar system with His great thought form by a stream of energy from the central Spiritual Sun to a point in the centre of the physical Sun.

đều có một sutratma như vậy. Nó nối các thể của con người với Bản Sắc bên trong, hay với dòng từ điện ấy, phát ra từ Bản Sắc chân thực, Thái dương Thượng đế, nối Đấng Sáng Tạo của hệ mặt trời với hình tư tưởng vĩ đại của Ngài bằng một dòng năng lượng từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương đến một điểm ở trung tâm của mặt trời vật lý.

As long as the attention of the creator of any thought form, great or small, is turned towards it, that magnetic link persists, the thought form is vitalised, and its work carried on. When the work has been accomplished, and the thought-form has served its purpose, every creator, consciously or unconsciously, turns his attention elsewhere, and his thought form disintegrates.

Chừng nào sự chú ý của người sáng tạo bất kỳ hình tư tưởng nào, lớn hay nhỏ, còn hướng về nó, thì mối liên kết từ tính ấy vẫn tồn tại, hình tư tưởng được tiếp sinh lực, và công việc của nó được tiếp tục. Khi công việc đã hoàn tất, và hình tư tưởng đã phục vụ xong mục đích của nó, mọi người sáng tạo, hữu thức hay vô thức, đều chuyển sự chú ý của mình sang nơi khác, và hình tư tưởng của mình tan rã.

Hence the occult significance of all the processes occultly involved in sight, can be seen. As long as the eye of the Creator is upon that which is created, just so long does it persist; let the Creator withdraw "the light of his countenance" and the death of the thought form ensues, for vitality or energy follows the line of the eye. When, therefore, a man, in meditation, considers his work and builds his thought form for service, he is occultly looking, and consequently energising; he begins to use the third eye in its secondary aspect. The third or spiritual eye has several functions. Amongst others, it is the organ of illumination, the unveiled eye of the soul, through which light and illumination comes into the mind, and thus the entire lower life becomes irradiated. It is also the organ through which pours the directing energy [Page 975] which streams out from the conscious creating adept to the instruments of service, his thought-forms.

Do đó, có thể thấy được ý nghĩa huyền bí của mọi tiến trình liên quan một cách huyền bí đến thị giác. Chừng nào mắt của Đấng Sáng Tạo còn đặt trên điều được sáng tạo, thì chừng đó nó còn tồn tại; hãy để Đấng Sáng Tạo rút lại "ánh sáng từ dung nhan của Ngài" và cái chết của hình tư tưởng sẽ xảy đến, vì sinh lực hay năng lượng đi theo đường của con mắt. Vì vậy, khi một người, trong tham thiền, suy xét công việc của mình và xây dựng hình tư tưởng của mình để phụng sự, thì một cách huyền bí y đang nhìn, và do đó đang tiếp năng lượng; y bắt đầu sử dụng con mắt thứ ba trong phương diện thứ hai của nó. Con mắt thứ ba hay con mắt tinh thần có nhiều chức năng. Trong số đó, nó là cơ quan của sự soi sáng, con mắt không che phủ của linh hồn, qua đó ánh sáng và sự soi sáng đi vào thể trí, và như thế toàn bộ đời sống thấp trở nên được chiếu rạng. Nó cũng là cơ quan qua đó tuôn ra năng lượng chỉ đạo [Page 975] chảy ra từ chân sư sáng tạo hữu thức đến các công cụ phụng sự, tức các hình tư tưởng của Ngài.

The little evolved do not, of course, employ the third eye for the stimulating of their thought forms. The energy used by them in the majority of cases originates in the solar plexus, and works in two directions, either via the organs of generation, or through the physical eyes. In many people these three points—the lower organs, the solar plexus, and the physical eyes—form a triangle of force, around which the stream of energy flows before going out to the objectivised thought form. In the aspirant, and the man who is intellectual, the triangle may be from the solar plexus, to the throat centre and thence to the eyes. Later, as the aspirant grows in knowledge and purity of motive, the triangle of energy will have the heart for its lowest point instead of the solar plexus, and the third eye will begin to do its work, though as yet very imperfectly.

Dĩ nhiên, những người ít tiến hoá không dùng con mắt thứ ba để kích thích các hình tư tưởng của họ. Năng lượng họ dùng trong đa số trường hợp phát sinh từ tùng thái dương, và hoạt động theo hai hướng, hoặc qua các cơ quan sinh dục, hoặc qua đôi mắt vật lý. Ở nhiều người, ba điểm này—các cơ quan thấp, tùng thái dương, và đôi mắt vật lý—tạo thành một tam giác mãnh lực, quanh đó dòng năng lượng chảy trước khi đi ra đến hình tư tưởng đã được khách quan hóa. Ở người chí nguyện, và người có trí tuệ, tam giác ấy có thể là từ tùng thái dương đến trung tâm cổ họng rồi từ đó đến đôi mắt. Về sau, khi người chí nguyện tăng trưởng trong tri thức và sự thanh khiết của động cơ, tam giác năng lượng sẽ có tim làm điểm thấp nhất thay vì tùng thái dương, và con mắt thứ ba sẽ bắt đầu làm việc của nó, dù hiện còn rất bất toàn.

Just as long as the “Eye” is directed to the created form, the current of force will be transmitted to it, and the more one-pointed the man may be the more this energy will be centralised and effective. Much of the ineffectiveness of people is due to the fact that their interests are not centralised but very diffuse, and no one thing engrosses their attention. They scatter their energy and are attempting to satisfy every wandering desire, and to dabble in everything which comes their way. Therefore, no thought they think ever assumes a proper form, or is ever duly energised. They are consequently surrounded by a dense cloud of half-formed disintegrating thought forms and clouds of partially energised matter in process of dissolution. This produces occultly a condition similar to the decay of a physical form, and is equally unpleasant and unwholesome. It accounts for much of the

Chừng nào “Con Mắt” còn hướng vào hình tướng được tạo ra, thì dòng mãnh lực sẽ được truyền đến nó, và con người càng nhất tâm bao nhiêu thì năng lượng này càng được tập trung và hữu hiệu bấy nhiêu. Phần lớn sự thiếu hiệu quả của con người là do các mối quan tâm của họ không được tập trung mà rất phân tán, và không có một điều gì chiếm trọn sự chú ý của họ. Họ phân tán năng lượng của mình và đang cố thỏa mãn mọi dục vọng lang thang, và nhúng tay vào mọi thứ đến với họ. Vì vậy, không một tư tưởng nào họ nghĩ ra lại có được hình tướng thích đáng, hay từng được tiếp năng lượng đúng mức. Do đó họ bị bao quanh bởi một đám mây dày đặc gồm những hình tư tưởng nửa thành hình đang tan rã và những đám mây vật chất được tiếp năng lượng một phần đang trong tiến trình tan biến. Điều này về mặt huyền bí tạo ra một tình trạng tương tự như sự phân hủy của một hình thể vật lý, và cũng khó chịu và không lành mạnh như vậy.

diseased condition of the human family at this time.

Điều đó giải thích phần lớn tình trạng bệnh hoạn của gia đình nhân loại vào lúc này.

Failure in thought creation is due also to the fact that [Page 976] the laws of thought are not taught, and men do not know how, through meditation, to create those children of their activity to carry on their work. Results on the physical plane are much more quickly achieved through scientific thought creation than through the directly physical plane means. This is becoming more realised, but until the race has reached a point of greater purity and unselfishness, the more detailed explanation of the process must necessarily be withheld.

Sự thất bại trong việc sáng tạo tư tưởng cũng là do sự kiện rằng [Page 976] các định luật của tư tưởng không được giảng dạy, và con người không biết cách, thông qua tham thiền, tạo ra những đứa con của hoạt động mình để tiếp tục công việc của mình. Các kết quả trên cõi hồng trần đạt được nhanh hơn nhiều nhờ sự sáng tạo tư tưởng có tính khoa học so với bằng các phương tiện trực tiếp của cõi hồng trần. Điều này đang ngày càng được nhận biết, nhưng cho đến khi nhân loại đạt đến một điểm có sự thanh khiết và vô ngã lớn hơn, thì sự giải thích chi tiết hơn về tiến trình này nhất thiết phải được giữ lại.

Another reason for creative ineffectiveness is owing to the currents which emanate from the majority of people being of such a low order that the thought forms never reach the point of independent action, except through cumulative group work. Until matter of the three higher subplanes of the astral and physical planes finds its place in the thought form, it has to be energised principally by mob energy. When the higher substance begins to find its way into the form, then it can be seen acting independently, for the individual Ego of the man concerned can begin to work through the matter—a thing before impossible. The Ego cannot work freely in the personality until third subplane matter is found in his bodies; the correspondence consequently holds good.

Một lý do khác của sự thiếu hiệu quả trong sáng tạo là do các dòng năng lượng phát ra từ đa số con người thuộc loại quá thấp nên các hình tư tưởng không bao giờ đạt đến điểm hành động độc lập, ngoại trừ thông qua công việc nhóm tích lũy. Cho đến khi vật chất của ba cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục và cõi hồng trần tìm được chỗ của nó trong hình tư tưởng, thì nó phải nhận năng lượng chủ yếu từ đám đông. Khi chất liệu cao hơn bắt đầu tìm đường đi vào hình tướng, thì người ta có thể thấy nó hành động độc lập, vì chân ngã cá nhân của người liên hệ có thể bắt đầu hoạt động xuyên qua vật chất—điều trước đó là không thể. Chân ngã không thể hoạt động tự do trong phàm ngã cho đến khi vật chất cõi phụ thứ ba hiện diện trong các thể của y; do đó sự tương ứng vẫn đúng.

Once the thought form has been vitalised and its etheric form is completed or “sealed” as it is called, it can attain the dense physical form if desired. This does not mean that the individual thought forms of every man take dense substance upon the etheric, but they

Một khi hình tư tưởng đã được tiếp sinh lực và hình thể dĩ thái của nó đã hoàn tất hay được “niêm phong” như cách gọi, thì nó có thể đạt đến hình thể hồng trần đậm đặc nếu muốn. Điều này không có nghĩa là các hình tư tưởng cá nhân của mọi người đều khoác

will eventuate in activity upon the physical plane. A man, for instance, is thinking a kindly thought; he has built it up and vitalised it; it is objective to the clairvoyant and exists in etheric matter close to the man. It will, therefore, find physical expression in an act of kindness or a physical caress. When the act is over, the caress consummated, the interest of the man in that particular thought form fades out and it dies. Similarly with a crime—the [Page 977] thought form has been built up and inevitably it will find its physical expression in some deed of one kind or another. All activity of every kind is the result:

lấy chất liệu đậm đặc trên nền dĩ thái, nhưng chúng sẽ dẫn đến hoạt động trên cõi hồng trần. Chẳng hạn, một người đang nghĩ một tư tưởng tử tế; y đã xây dựng nó và tiếp sinh lực cho nó; nó khách quan đối với nhà thông nhãn và tồn tại trong vật chất dĩ thái gần người ấy. Vì vậy, nó sẽ tìm thấy sự biểu lộ vật lý trong một hành động tử tế hay một sự vuốt ve bằng thân thể. Khi hành động chấm dứt, sự vuốt ve hoàn tất, sự quan tâm của người ấy đối với hình tư tưởng đặc thù đó phai nhạt đi và nó chết. Tương tự với một tội ác—hình [Page 977] tư tưởng đã được xây dựng và tất yếu nó sẽ tìm thấy sự biểu lộ vật lý của mình trong một hành vi thuộc loại này hay loại khác. Mọi hoạt động thuộc mọi loại đều là kết quả:

a. Of thought forms built consciously or unconsciously.

a. Của các hình tư tưởng được xây dựng một cách hữu thức hay vô thức.

b. Of self-initiated thought forms or of the effect of the thought forms of others.

b. Của các hình tư tưởng do chính mình khởi xướng hoặc của tác động từ các hình tư tưởng của người khác.

c. Of responsiveness to one's own inner impulses, or of responsiveness to the impulses of others, and therefore to group thought forms.

c. Của sự đáp ứng với các xung lực bên trong của chính mình, hoặc của sự đáp ứng với các xung lực của người khác, và do đó với các hình tư tưởng nhóm.

It will be apparent, therefore, how vital is this matter, and how influenced men and women are by the thought forms they themselves create, or the mental children of other men.

Do đó sẽ hiển nhiên rằng vấn đề này quan trọng đến mức nào, và những người nam và nữ bị ảnh hưởng sâu sắc ra sao bởi các hình tư tưởng do chính họ tạo ra, hay những đứa con trí tuệ của người khác.

c. The occult significance of speech. The old Scripture saith: "In the multitude of words there wanteth not sin," (Bible. Prov. 10:19.) because in a tide of words at this stage of man's evolution, many are spoken purposelessly or from motives which (when analysed) will be found to be based purely in the personality. The greater the progress that is

c. Ý nghĩa huyền bí của lời nói. Kinh sách xưa có nói: "Trong nhiều lời nói, tội lỗi chẳng thiếu," (Kinh Thánh. Châm Ngôn 10:19.) bởi vì trong dòng thác ngôn từ ở giai đoạn tiến hoá này của con người, nhiều lời được nói ra vô mục đích hoặc từ những động cơ mà (khi phân tích) sẽ thấy là hoàn toàn dựa trên phàm ngã. Sự tiến bộ trên con đường tiếp cận các Mầu

made along the path of approach to the Mysteries, the greater the care that must be taken by the aspirant. This is necessary for three reasons:

Nhiệm càng lớn bao nhiêu, thì người chí nguyện càng phải cẩn trọng bấy nhiêu. Điều này cần thiết vì ba lý do:

First, owing to his stage in evolution, he is able to enforce his words in a manner which would surprise him could he but see on the mental plane. He builds more accurately than the average men, his subsequent thought-form is more strongly vitalised, and it performs the function whereon it is sent by the "Sound" or speech with greater precision.

Thứ nhất, do giai đoạn tiến hoá của mình, y có thể tăng cường lời nói của mình theo một cách mà sẽ làm y ngạc nhiên nếu y có thể thấy trên cõi trí. Y xây dựng chính xác hơn người trung bình, hình tư tưởng tiếp theo của y được tiếp sinh lực mạnh hơn, và nó thực hiện chức năng mà nó được gửi đi nhờ "Âm Thanh" hay lời nói với độ chính xác lớn hơn.

Second, any word spoken and consequent thought-form built (unless along the higher path and not based on personality impulses) is apt to cause a barrier of mental matter between a man and his goal. This matter or separating wall has to be dissipated before further [Page 978] advance can be made, and this process is karmic and unavoidable.

Thứ hai, bất kỳ lời nào được nói ra và hình tư tưởng hệ quả được xây dựng (trừ phi theo con đường cao hơn và không dựa trên các xung lực phàm ngã) đều dễ gây nên một rào cản bằng vật chất trí tuệ giữa con người và mục tiêu của y. Vật chất này hay bức tường ngăn cách ấy phải được làm tiêu tan trước khi có thể có sự tiến bộ [Page 978] thêm nữa, và tiến trình này mang tính nghiệp quả và không thể tránh khỏi.

Third, speech is very largely a mode of communication on the physical levels; on the subtler levels whereon the worker stands, and in his communications with his fellow workers and chosen co-operators it will play an ever lessening part. Intuitive perception and telepathic interplay will distinguish the intercourse between aspirants and disciples, and when this is coupled with a full trust, sympathy and united effort for the plan we will have a formation wherewith the Master can work, and through which He can pour His force. The Master works through groups (large or small) and the work is facilitated for Them if the interplay between units of the group is steady and uninterrupted. One of the most frequent causes of difficulty in group work

Thứ ba, lời nói phần lớn là một phương thức giao tiếp trên các cấp độ hồng trần; trên các cấp độ vi tế hơn nơi người hoạt động đứng, và trong sự giao tiếp của y với các đồng sự và những cộng tác viên được chọn, nó sẽ giữ một vai trò ngày càng nhỏ đi. Tri giác trực giác và sự tương tác viễn cảm sẽ phân biệt sự giao tiếp giữa những người chí nguyện và các đệ tử, và khi điều này được kết hợp với sự tin cậy trọn vẹn, sự cảm thông và nỗ lực hợp nhất vì Thiên Cơ, chúng ta sẽ có một tập hợp mà Chân sư có thể làm việc cùng, và qua đó Ngài có thể tuôn mãnh lực của Ngài. Chân sư làm việc thông qua các nhóm (lớn hay nhỏ) và công việc được tạo thuận lợi cho Các Ngài nếu sự tương tác giữa các đơn vị của nhóm là vững vàng và không gián đoạn. Một trong những nguyên nhân thường gặp nhất gây

and consequent arrest of the inflow of force from the Master temporarily is based on misuse of speech. It brings about a clogging of the channel for the time being on the mental plane.

khó khăn trong công việc nhóm và do đó tạm thời ngăn trở dòng mãnh lực từ Chân sư là dựa trên việc lạm dụng lời nói. Nó gây ra sự tắc nghẽn của kênh trong một thời gian trên cõi trí.

I mention these three factors for this question of group work is of vital importance and much is hoped from it in these days. If in any organisation on the physical plane the Masters can get a nucleus of even three people who mutually interact (I choose the word deliberately) and who disinterestedly follow the path of service, They can produce more definite results in a shorter space of time than is possible with a large and active body of people who may be sincere and earnest but do not know the meaning of trust in, and co-operation with each other and who guard not the gate of speech.

Tôi nêu ra ba yếu tố này vì vấn đề công việc nhóm có tầm quan trọng sống còn và nhiều hy vọng đang được đặt vào đó trong những ngày này. Nếu trong bất kỳ tổ chức nào trên cõi hồng trần, các Chân sư có thể có được một hạt nhân chỉ gồm ba người tương tác lẫn nhau (tôi chọn từ này một cách có chủ ý) và vô tư bước theo con đường phụng sự, thì Các Ngài có thể tạo ra những kết quả xác định hơn trong một khoảng thời gian ngắn hơn so với điều có thể làm được với một tập thể đông đảo và hoạt động tích cực gồm những người có thể chân thành và nhiệt tâm nhưng không biết ý nghĩa của sự tin cậy và hợp tác với nhau và không canh giữ cánh cổng của lời nói.

If a man succeeds in understanding the significance of speech, if he learns how to speak, when to speak, what is gained by speech, and what happens when he speaks, he is well on the way to achieving his goal. The person [Page 979] who regulates his speech rightly is the person who is going to make the most progress. This has ever been realised by all leaders of occult movements. That most occult order of Pythagoras at Crotona, and many other of the esoteric schools in Europe and Asia had a rule that all neophytes and probationers were not permitted to speak for two years after entering the school and when they had learned to keep silence for that period, they were given the right to speak, for they had learned a specific reticence.

Nếu một người thành công trong việc thấu hiểu ý nghĩa của lời nói, nếu y học được cách nói, khi nào nên nói, lời nói đem lại điều gì, và điều gì xảy ra khi y nói, thì y đang ở rất gần việc đạt được mục tiêu của mình. Người [Page 979] điều chỉnh lời nói của mình đúng đắn là người sẽ đạt được nhiều tiến bộ nhất. Điều này từ lâu đã được mọi nhà lãnh đạo của các phong trào huyền bí học nhận biết. Dòng tu huyền bí nhất của Pythagoras tại Crotona, và nhiều trường phái bí truyền khác ở châu Âu và châu Á có một quy luật rằng mọi người sơ cơ và người trên Con Đường Dự Bị không được phép nói trong hai năm sau khi vào trường, và khi họ đã học được cách giữ im lặng trong khoảng thời gian ấy, họ được trao quyền nói, vì họ đã học được một sự kín tiếng đặc thù.

It might be of value here if students realised that every good speaker is doing a most

Ở đây sẽ có ích nếu các đạo sinh nhận biết rằng mọi diễn giả giỏi đều đang làm một

occult work. A good lecturer (for instance) is one who is doing work that is analogous on a small scale to that done by the solar Logos. What did He do? He thought, He built, He vitalised. A lecturer, therefore, segregates the material with which he is going to build his lecture and which he is going to vitalise. Out of all the thought matter of the world he gathers together the substance which he individually seeks to use. Next he copies the work of the second Logos in wisely building it into form. He constructs the form, and then when it is constructed, he finishes up by playing the part of the first Person of the Trinity putting his Spirit, vitality and force into it so that it is a vibrant, living manifestation. When a lecturer or speaker of any kind can accomplish that, he can always hold his audience and his audience will always learn from him; they will recognise that which the thought form is intended to convey.

công việc hết sức huyền bí. Một giảng sư giỏi (chẳng hạn) là người đang làm một công việc tương tự trên quy mô nhỏ với công việc do Thái dương Thượng đế thực hiện. Ngài đã làm gì? Ngài đã suy tưởng, Ngài đã xây dựng, Ngài đã tiếp sinh lực. Vì vậy, một giảng sư phân tách chất liệu mà y sẽ dùng để xây dựng bài giảng của mình và sẽ tiếp sinh lực cho nó. Từ toàn bộ vật chất tư tưởng của thế giới, y tập hợp lại chất liệu mà cá nhân y tìm cách sử dụng. Kế đó y sao chép công việc của Thượng đế thứ hai trong việc khôn ngoan xây dựng nó thành hình tướng. Y kiến tạo hình tướng, và rồi khi nó đã được kiến tạo, y hoàn tất bằng cách đóng vai Ngôi thứ nhất của Ba Ngôi, đặt Tinh thần, sinh lực và mãnh lực của mình vào đó để nó trở thành một biểu hiện sống động, rung động. Khi một giảng sư hay diễn giả thuộc bất kỳ loại nào có thể làm được điều đó, y luôn luôn có thể giữ được thính giả của mình và thính giả của y luôn luôn sẽ học được từ y; họ sẽ nhận ra điều mà hình tư tưởng được dự định chuyển tải.

In everyday life when the student speaks, he is doing just the same thing, only the trouble frequently arises that in his speech he constructs something that is usually not worth while and vitalises it with the wrong kind of energy, so that the form, instead of being a constructive, vital, helpful force, is a destructive one in the world. If we study the various cosmologies of the world, we shall [Page 980] see that the process of creation was carried on by the means of sound or speech or the Word. We have it in the Christian Bible, “In the beginning was the Word, and the Word was God. All things were made by Him and without Him was not anything made that was made.” (Bible. John I.) Thus, according to the Christian teaching, the worlds were made by the Word of God.

Trong đời sống hằng ngày khi đạo sinh nói, y cũng đang làm đúng điều ấy, chỉ có điều rắc rối thường nảy sinh là trong lời nói của mình y kiến tạo một cái gì đó thường không đáng giá và tiếp sinh lực cho nó bằng loại năng lượng sai lầm, đến nỗi hình tướng ấy, thay vì là một mãnh lực có tính xây dựng, sống động, hữu ích, lại trở thành một mãnh lực phá hoại trong thế giới. Nếu chúng ta nghiên cứu các vũ trụ luận khác nhau của thế giới, chúng ta sẽ [Page 980] thấy rằng tiến trình sáng tạo đã được thực hiện bằng âm thanh hay lời nói hay Linh từ. Chúng ta có điều đó trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo, “Ban đầu có Linh từ, Linh từ ở cùng Thượng đế, và Linh từ là Thượng đế. Muôn vật được làm nên bởi Ngài và không có Ngài thì chẳng vật gì được làm nên mà đã được làm nên.” (Kinh Thánh. Giăng I.) Như vậy, theo giáo huấn Cơ Đốc

giáo, các thế giới được tạo nên bởi Linh từ của Thượng đế.

In the Hindu Scriptures we will find that the Lord Vishnu, Who stands for the second Person of the Trinity, is called "The Voice." He is the great Singer Who has built the worlds and the universe by His song. He is the Revealer of the thought of God Who has constructed the universe of solar systems. Just as the Christian speaks about the great Word, the Word of God, the Christ, so the Hindu speaks of Vishnu, the great Singer, creating by means of His song.

Trong Kinh điển Ấn giáo, chúng ta sẽ thấy rằng Đức Vishnu, Đấng tượng trưng cho Ngôi thứ hai của Ba Ngôi, được gọi là "Tiếng Nói." Ngài là Đại Ca Sĩ đã xây dựng các thế giới và vũ trụ bằng bài ca của Ngài. Ngài là Đấng Mặc Khải tư tưởng của Thượng đế, Đấng đã kiến tạo vũ trụ các hệ mặt trời. Cũng như tín đồ Cơ Đốc nói về Linh từ vĩ đại, Linh từ của Thượng đế, Đức Christ, thì tín đồ Ấn giáo nói về Vishnu, Đại Ca Sĩ, sáng tạo bằng bài ca của Ngài.

In physical plane manifestation, we are known by our speech; we are known by our reticence, by the things we say, and by the things we leave unsaid and are judged by the quality of our conversation. We think of people in terms of what they say, because their words disclose the type of thought-matter in which they work and the quality of energy or life which they put behind their words. To the various solar Logoi of the vast constellations that are apparent when we scan the starry heavens, the quality of the Logos of our solar system is seen through the medium of that great thought form He has built by the power of His speech, and which is energised by His particular quality of love. When God speaks, the worlds are made and at this present time He is only in process of speaking. He has not yet concluded what He has to say, and hence the present apparent imperfection. When that great divine phrase or sentence which occupies His thought is brought to a close, we [Page 981] will have a perfect solar system inhabited by perfect existences.

Trong biểu hiện cõi hồng trần, chúng ta được biết đến qua lời nói của mình; chúng ta được biết đến qua sự kín tiếng của mình, qua những điều chúng ta nói, và qua những điều chúng ta không nói ra, và được phán xét bởi phẩm tính của cuộc trò chuyện của mình. Chúng ta nghĩ về con người theo những gì họ nói, bởi vì lời nói của họ bộc lộ loại vật chất tư tưởng mà họ hoạt động trong đó và phẩm tính của năng lượng hay sự sống mà họ đặt đằng sau lời nói của mình. Đối với các Thái dương Thượng đế khác nhau của những chòm sao bao la hiện ra khi chúng ta ngắm bầu trời đầy sao, phẩm tính của Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta được thấy qua trung gian của hình tư tưởng vĩ đại mà Ngài đã xây dựng bằng quyền năng lời nói của Ngài, và nhận năng lượng từ phẩm tính bác ái đặc thù của Ngài. Khi Thượng đế nói, các thế giới được tạo nên và vào thời điểm hiện tại Ngài vẫn chỉ đang trong tiến trình nói. Ngài vẫn chưa kết thúc điều Ngài phải nói, và do đó mới có sự bất toàn biểu kiến hiện nay. Khi cụm từ hay câu thiêng liêng vĩ đại ấy đang chiếm lĩnh tư tưởng của Ngài được hoàn tất, chúng ta [Page 981] sẽ có một hệ mặt trời hoàn hảo được cư ngụ bởi những sự tồn tại hoàn hảo.

Through speech a thought is evoked and becomes present; it is brought out of abstraction and out of a nebulous condition and materialised upon the physical plane, producing (could we but see it) something very definite on etheric levels. Objective manifestation is produced, for "Things are that which the Word makes them in naming them." Speech is literally a great magical force, and the adepts or white magicians, through knowledge of the forces and power of silence and of speech, can produce effects upon the physical plane. As we well know, there is a branch of magical work which consists in the utilisation of this knowledge in the form of Words of Power and of those mantrams and formulae which set in motion the hidden energies of nature and call the devas to their work.

Qua lời nói, một tư tưởng được gợi lên và trở nên hiện diện; nó được đưa ra khỏi trạng thái trừu tượng và khỏi tình trạng mơ hồ và được hiện hình trên cõi hồng trần, tạo ra (nếu chúng ta có thể thấy được) một điều gì đó rất xác định trên các cấp dĩ thái. Biểu hiện khách quan được tạo ra, vì "Sự vật là điều mà Linh từ làm cho chúng thành ra khi gọi tên chúng." Lời nói theo nghĩa đen là một mãnh lực huyền thuật lớn lao, và các chân sư hay các nhà huyền thuật chánh đạo, nhờ hiểu biết về các mãnh lực và quyền năng của im lặng và của lời nói, có thể tạo ra các hiệu quả trên cõi hồng trần. Như chúng ta đều biết rõ, có một ngành công việc huyền thuật bao gồm việc sử dụng tri thức này dưới hình thức các Quyền năng từ và những mantram cùng công thức làm chuyển động các năng lượng ẩn giấu của thiên nhiên và kêu gọi các thiên thần vào công việc của họ.

Speech is one of the keys which opens the doors of communication between men and subtler beings. It gives the clue to the discovery of those entities who are contacted on the other side of the veil. But only he who has learned to keep silent, and has arrived at the knowledge of the times to speak can pass this veil and make certain esoteric contacts. Magic consists, we are told in the Secret Doctrine, in addressing the Gods in Their own language; therefore, the speech of average man cannot reach Them.

Lời nói là một trong những chìa khóa mở ra các cánh cửa giao tiếp giữa con người và các hữu thể vi tế hơn. Nó cung cấp đầu mối cho việc khám phá những thực thể được tiếp xúc ở phía bên kia bức màn. Nhưng chỉ người nào đã học được cách giữ im lặng, và đã đạt đến tri thức về những lúc nên nói, mới có thể vượt qua bức màn này và tạo ra những tiếp xúc nội môn xác thực. Huyền thuật, như chúng ta được bảo trong Giáo Lý Bí Nhiệm, là việc xưng hô với các Thượng đế bằng chính ngôn ngữ của Các Ngài; vì vậy, lời nói của con người trung bình không thể vươn tới Các Ngài.

Therefore, those who seek to learn the occult language, those who yearn to become aware of the words which will penetrate to the ears of those who stand on the other side, and those who seek to utilise the formulae and phrases which will give them power over the Builders, have to unlearn their previous use of words and to refrain from ordinary

Vì vậy, những ai tìm cách học ngôn ngữ huyền bí, những ai khát khao trở nên nhận biết các lời sẽ thấu đến tai của những vị đứng ở phía bên kia, và những ai tìm cách sử dụng các công thức và cụm từ sẽ cho họ quyền năng đối với các đấng kiến tạo, phải từ bỏ cách dùng lời nói trước đây của mình và kiêng các phương pháp nói chuyện thông

methods of talking. Then the new language will be theirs and the new expressions, words, mantrams and formulas will be entrusted to their care.

thường. Khi đó ngôn ngữ mới sẽ là của họ và các cách diễn đạt mới, các lời, các mantram và các công thức sẽ được giao phó cho họ gìn giữ.

[Page 982] The laws of speech are the laws of matter and students can apply the laws governing physical plane substance to their use of words, for it concerns the manipulation of matter on other levels. Speech is the great medium whereby we make apparent the nature of the little system we are constructing—that system of which each human unit is the central sun, for under the Law of Attraction he draws to himself that which he needs.

[Page 982] Các định luật của lời nói là các định luật của vật chất và các đạo sinh có thể áp dụng các định luật chi phối chất liệu cõi hồng trần vào việc sử dụng lời nói của mình, vì điều đó liên quan đến sự vận dụng vật chất trên các cấp độ khác. Lời nói là môi giới lớn lao nhờ đó chúng ta làm hiển lộ bản chất của hệ thống nhỏ bé mà chúng ta đang kiến tạo—hệ thống mà trong đó mỗi đơn vị nhân loại là mặt trời trung tâm, vì dưới Định luật Hấp Dẫn y thu hút về mình điều y cần.

2. The Nature of Magic. (292) — 2. Bản chất của huyền thuật. (292)

(292) Magic.—S. D., I, 284.

(292) Huyền thuật.—S. D., I, 284.

1. Magic is a divine science which leads to a participation in the attributes of divinity itself.—Isis Unveiled, I, 25-27.

1. Huyền thuật là một khoa học thiêng liêng dẫn đến sự tham dự vào chính các thuộc tính của thiên tính.—Isis Unveiled, I, 25-27.

2. All magical operations consist in freeing oneself from the coils of the Ancient Serpent.—Isis Unveiled, I, 138.

2. Mọi hoạt động huyền thuật đều bao gồm việc tự giải thoát khỏi những vòng cuộn của Con Rắn Cổ Xưa.—Isis Unveiled, I, 138.

3. The object of the art of magic is the perfection of man.—Isis Unveiled, I, 309.

3. Mục đích của nghệ thuật huyền thuật là sự hoàn thiện của con người.—Isis Unveiled, I, 309.

4. Magic explores the essence and power of everything.—Isis Unveiled, I, 282; S. D., II, 538.

4. Huyền thuật thăm dò tinh túy và quyền năng của mọi sự vật.—Isis Unveiled, I, 282; S. D., II, 538.

5. Magic and magnetism are synonymous terms.—Isis Unveiled, I, 279.

5. Huyền thuật và từ điện là những thuật ngữ đồng nghĩa.—Isis Unveiled, I, 279.

6. Magic is the sum-total of natural knowledge.—Isis Unveiled, II, 99, 189.

6. Huyền thuật là tổng thể của tri thức về thiên nhiên.—Isis Unveiled, II, 99, 189.

7. Magic does not imply a transgression of the laws of nature.—Isis Unveiled, I, Preface.

7. Huyền thuật không hàm ý sự vi phạm các định luật của thiên nhiên.—Isis Unveiled, I, Preface.

The Basis of Magic.

Nền tảng của huyền thuật.

1. Magic is based on the inner powers in man's soul.—Isis Unveiled, I, 459.

1. Huyền thuật dựa trên các quyền năng nội tại của linh hồn con người.—Isis Unveiled, I, 459.

2. The trinity of nature is the lock of magic, the trinity of man the key that fits it.—Isis Unveiled, II, 635.

2. Bộ ba của thiên nhiên là ổ khóa của huyền thuật, bộ ba của con người là chìa khóa vừa khít với nó.—Isis Unveiled, II, 635.

3. Magic is occult psychology.—Isis Unveiled, I, 612-616.

3. Huyền thuật là tâm lý học huyền bí.—Isis Unveiled, I, 612-616.

4. The astral light is the chief agent of magic. —Isis Unveiled, I, 128, 616; S. D., I, 275; II, 537. (back)

4. Ánh sáng cảm dục là tác nhân chính của huyền thuật.—Isis Unveiled, I, 128, 616; S. D., I, 275; II, 537. (back)

We have considered somewhat at length the building of thought forms, and have seen that the process pursued by man is analogous to that pursued by the threefold Logos in the creation of the solar system. We are to deal now with that great department in occultism which is usually termed magic. The man who masters the esoteric significance of what is here said will take his place in the ranks of those entitled to call themselves the "Brothers of White Magic." The subject is too immense to be more than briefly touched upon, for it covers [Page 983] the entire range of endeavour in the field of material construction.

Chúng ta đã xem xét khá dài về việc xây dựng các hình tư tưởng, và đã thấy rằng tiến trình con người theo đuổi là tương tự với tiến trình được Thượng đế tam phân theo đuổi trong việc sáng tạo hệ mặt trời. Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến bộ môn lớn lao trong huyền bí học thường được gọi là huyền thuật. Người nào làm chủ được ý nghĩa bí truyền của điều được nói ở đây sẽ chiếm chỗ của mình trong hàng ngũ những người có quyền gọi mình là "Huynh Đệ của Chánh Thuật." Chủ đề này quá bao la nên không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ chạm đến một cách ngắn gọn, vì nó bao trùm [Page 983] toàn bộ phạm vi nỗ lực trong lĩnh vực kiến tạo vật chất.

We must deal first with the mental attitude of man as he faces the work of creation, and his ability to bring through, via the mental body, the purpose of the Ego, thereby impressing the building agents on the mental plane with a certain rate of rhythm, and a certain vibratory activity. This is the prime factor which results (on the physical plane) in direct egoic activity. We must also bear in mind, that in the consideration of this matter we are not dealing with the every day work of average man, but are speaking of the organised creative work, under law and rule, of the advanced man. We thereby set a standard and emphasise the ideal towards which occult students should strive.

Trước hết chúng ta phải bàn đến thái độ trí tuệ của con người khi y đối diện với công việc sáng tạo, và khả năng của y trong việc truyền qua thể trí mục đích của chân ngã, nhờ đó ghi dấu lên các tác nhân kiến tạo trên cõi trí một nhịp điệu nhất định, và một hoạt động rung động nhất định. Đây là yếu tố chủ yếu dẫn đến (trên cõi hồng trần) hoạt động chân ngã trực tiếp. Chúng ta cũng phải ghi nhớ rằng, trong việc xem xét vấn đề này, chúng ta không bàn đến công việc hằng ngày của con người trung bình, mà đang nói đến công việc sáng tạo có tổ chức, dưới định luật và quy luật, của con người tiến bộ. Nhờ đó chúng ta đặt ra một tiêu chuẩn và nhấn mạnh lý tưởng mà các đạo sinh huyền bí học nên phấn đấu hướng tới.

We must also consider the work of the wise magical student upon the astral plane, whereon, through purified desire and sanctified emotion, he provides those equilibrised conditions and those stable vibrations, which will permit of the transmission without hindrance to the physical plane via the physical brain of the man, of the vibratory activity emanating from the Ego, and of the circulatory action of the higher force. Hence (if a remark of a practical nature may be interpolated for the average student) the cultivation of emotional tranquillity is one of the first steps towards the achievement of the needed equipment of the white magician. This tranquillity is not to be achieved by an effort of the will which succeeds in strangling all astral vibratory activity, but by the cultivation of response to the Ego, and a negation of all response to the inherent vibration of the astral sheath itself.

Chúng ta cũng phải xem xét công việc của đạo sinh huyền thuật minh triết trên cõi cảm dục, nơi mà, thông qua dục vọng được thanh lọc và cảm xúc được thánh hiến, y cung cấp những điều kiện quân bình và những rung động ổn định cho phép hoạt động rung động phát ra từ chân ngã, và hoạt động tuần hoàn của mãnh lực cao hơn, được truyền xuống cõi hồng trần không bị cản trở qua bộ não vật lý của con người. Do đó (nếu có thể xen vào một nhận xét có tính thực tiễn cho đạo sinh trung bình) việc trau dồi sự tĩnh lặng cảm xúc là một trong những bước đầu tiên hướng tới việc đạt được trang bị cần thiết của nhà huyền thuật chánh đạo. Sự tĩnh lặng này không đạt được bằng một nỗ lực của ý chí thành công trong việc bóp nghẹt mọi hoạt động rung động cảm dục, mà bằng việc trau dồi sự đáp ứng với chân ngã, và loại bỏ mọi đáp ứng đối với rung động cố hữu của chính vỏ bọc cảm dục.

We will take up the work of force transmission on the physical plane via the etheric centres and the physical brain,

Chúng ta sẽ xét đến công việc truyền dẫn mãnh lực trên cõi hồng trần qua các trung tâm dĩ thái và bộ não vật lý, nghiên cứu phần

studying somewhat the effect of sound as it is emitted unconsciously in everyday speech, and consciously [Page 984] in the ordered regulated words of the true worker in magic. (293)

(293) Magic.—The very word Magic bears within itself proof of its high origin. The Latin Magus, the Greek Magos, a magician, gives us all those other words that are so indicative of authority, wisdom, superiority. Then we have magnitude, magnificent, magniloquent, to express greatness in position, in action and in speech. With the termination slightly changed the same words become majesty, implying dominion, and again, we have magistrate, anything that is magisterial which again has been simplified into Master, and finally by the process of word evolution has become plain Mister. But the Latin is only a transmitter of words. We can equally follow up the historical development of this root until we reach the Zend where we find it doing duty as the name for the whole priestly caste. The magi were renowned all over the world for their wisdom and skill in occultism and no doubt our word magic is mostly indebted to that source for its present existence and meaning. That we need not pause even here for back of the Zend "mag," "looms up the Sanskrit, maha, signifying great." It is thought by good scholars that maha was originally spelled magha. To be sure, there is in the Sanskrit the word Maga meaning a priest of the Sun, but this was evidently a later borrowing from the Zend which had originally derived its root from its neighbor the Sanskrit.—*Lucifer,* Vol. X, p. 157. (back)

nào tác động của âm thanh khi nó được phát ra một cách vô thức trong lời nói hằng ngày, và một cách hữu thức [Page 984] trong những lời nói có trật tự và được điều chỉnh của người hoạt động chân chính trong huyền thuật. (293)

(293) Huyền thuật.—Chính từ Magic đã mang trong nó bằng chứng về nguồn gốc cao quý của nó. Từ Latin Magus, từ Hy Lạp Magos, một nhà huyền thuật, cho chúng ta tất cả những từ khác rất biểu thị quyền uy, minh triết, sự vượt trội. Rồi chúng ta có magnitude, magnificent, magniloquent, để diễn tả sự vĩ đại trong địa vị, trong hành động và trong lời nói. Khi phần kết thúc thay đổi đôi chút, những từ ấy trở thành majesty, hàm ý quyền thống trị, và rồi chúng ta có magistrate, bất cứ điều gì mang tính magisterial, mà lại được đơn giản hóa thành Master, và cuối cùng qua tiến trình tiến hoá của ngôn từ đã trở thành từ thông thường Mister. Nhưng tiếng Latin chỉ là một kẻ truyền tải từ ngữ. Chúng ta cũng có thể lần theo sự phát triển lịch sử của gốc từ này cho đến khi chạm đến tiếng Zend, nơi chúng ta thấy nó được dùng như tên gọi cho toàn bộ giai cấp tư tế. Các magi nổi tiếng khắp thế giới vì minh triết và kỹ năng của họ trong huyền bí học và chắc chắn từ magic của chúng ta phần lớn mắc nợ nguồn đó về sự tồn tại và ý nghĩa hiện nay của nó. Chúng ta không cần dừng lại ngay cả ở đây vì đằng sau từ "mag" của tiếng Zend, "hiện lên từ tiếng Phạn maha, có nghĩa là vĩ đại." Các học giả giỏi cho rằng maha nguyên thủy được viết là magha. Quả thật, trong tiếng Phạn có từ Maga nghĩa là một tư tế của Mặt Trời, nhưng rõ ràng đây là một sự vay mượn muộn hơn từ tiếng Zend, mà bản thân nó nguyên thủy đã rút gốc từ người láng giềng là tiếng Phạn. —*Lucifer,* Vol. X, p. 157. (back)

In this connection, therefore, owing to the vital practical value of this section, and to the dangers attendant upon a comprehension of these matters by those who are as yet unready for the work of conscious manipulation of force, it is proposed to impart the necessary teaching under the formula of "Rules of Magic," with certain elucidating comments. In this way, the magical work is fully safeguarded, and at the same time sufficient is imparted to those who have the inner ear attentive, and the eye of wisdom in process of opening.

Vì vậy, trong mối liên hệ này, do giá trị thực tiễn sống còn của phần này, và do những nguy hiểm đi kèm với sự thấu hiểu các vấn đề này bởi những người còn chưa sẵn sàng cho công việc vận dụng mãnh lực một cách hữu thức, nên dự định sẽ truyền đạt giáo huấn cần thiết dưới công thức "Các Quy Luật của Huyền Thuật," kèm theo một số nhận xét làm sáng tỏ. Bằng cách này, công việc huyền thuật được bảo vệ đầy đủ, đồng thời vẫn truyền đạt đủ cho những ai có nội nhĩ chăm chú và con mắt minh triết đang trong tiến trình mở ra.

a. Black Magicians and White. Much is said among occult students these days anent white and black magic, (294) and much that is said is without force, or truth. It has [Page 985] been truly said that between the two types of workers, the line of demarcation is so slight as to be difficult of recognition by those who, as yet, merit not the term "knower."

a. Các nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo. Ngày nay, giữa các đạo sinh huyền bí học, người ta nói nhiều về chánh thuật và hắc thuật, (294) và nhiều điều được nói ra là không có sức thuyết phục, hoặc không đúng sự thật. Đã [Page 985] từng được nói rất đúng rằng giữa hai loại người hoạt động này, ranh giới phân định mong manh đến mức khó được nhận ra bởi những ai, hiện còn chưa xứng đáng với danh xưng "thức giả."

(294) Magic.—The art of divine Magic consists in the ability to perceive the essence of things in the light of nature (astral light), and—by using the soul-powers of the Spirit—to produce material things from the unseen universe, and in such operations the Above and the Below must be brought together and made to act harmoniously.—S. D., II, 538.

(294) Huyền thuật.—Nghệ thuật của Huyền thuật thiêng liêng bao gồm khả năng nhận biết tinh túy của sự vật trong ánh sáng của thiên nhiên (ánh sáng cảm dục), và—bằng cách sử dụng các quyền năng linh hồn của Tinh thần—tạo ra các sự vật vật chất từ vũ trụ vô hình, và trong những hoạt động như thế, Cái Trên và Cái Dưới phải được đưa lại gần nhau và làm cho hoạt động hài hòa.—S. D., II, 538.

Magic is the second of the four Vidyas, and is the great maha-Vidya in the Tantric writings. It needs the light of the fourth vidya (atmavidya) thrown on it in order to be White magic.—S. D., I, 192.

Huyền thuật là vidya thứ hai trong bốn Vidya, và là đại maha-Vidya trong các trước tác Tantra. Nó cần ánh sáng của vidya thứ tư (atmavidya) chiếu lên nó để trở thành chánh thuật.—S. D., I, 192.

Black Magic is defined by H. P. B. as follows:

a. Black magic employs the astral light for purposes of deception and seduction, whereas the white magician employs it for purposes of information, and the aiding of evolution.—S. D., I, 274.

b. Black magic works with opposing poles. The white magician seeks the point of equilibrium or balance, and of synthesis.—S. D., I, 448.

c. Black magic has for its symbol the inverted 5-pointed star. White magic uses the same symbol with the point uppermost.

d. Black magic is maha-vidya without the light of atma-vidya. White magic is maha-vidya illumined by atma-vidya.—S. D., I, 592.

e. Black magic is ruled over by the moon. White magic is ruled over by the sun.

f. Black and white magic arose during the great schism which started during the fourth root-race.—S. D., II, 221, 445, 520.

g. Black magic is based on the degradation of sex and of the creative function.

White magic is based on the transmutation of the creative faculty into the higher creative thought, the generative organs being neglected by the inner fire, which passes to the throat, the centre of creative sound.

h. Black magic deals with the forces of involution.

Hắc thuật được H. P. B. định nghĩa như sau:

a. Hắc thuật sử dụng ánh sáng cảm dục cho các mục đích lừa dối và quyến dụ, trong khi nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng nó cho các mục đích thông tin, và trợ giúp tiến hoá. —S. D., I, 274.

b. Hắc thuật hoạt động với các cực đối nghịch. Nhà huyền thuật chánh đạo tìm kiếm điểm quân bình hay cân bằng, và sự tổng hợp.—S. D., I, 448.

c. Hắc thuật có biểu tượng là ngôi sao năm cánh đảo ngược. Chánh thuật dùng cùng biểu tượng ấy với một đỉnh hướng lên trên.

d. Hắc thuật là maha-vidya không có ánh sáng của atma-vidya. Chánh thuật là maha-vidya nhận sự soi sáng từ atma-vidya.—S. D., I, 592.

e. Hắc thuật được mặt trăng cai quản. Chánh thuật được mặt trời cai quản.

f. Hắc thuật và chánh thuật phát sinh trong cuộc phân ly lớn bắt đầu vào giống dân gốc thứ tư.—S. D., II, 221, 445, 520.

g. Hắc thuật dựa trên sự đồi bại của tính dục và của chức năng sáng tạo.

Chánh thuật dựa trên sự chuyển hoá năng lực sáng tạo thành tư tưởng sáng tạo cao hơn, các cơ quan sinh dục bị lửa bên trong bỏ qua, lửa này chuyển lên cổ họng, trung tâm của âm thanh sáng tạo.

h. Hắc thuật vận dụng các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá.

White magic works with the powers of evolution.

Chánh thuật hoạt động với các quyền năng của tiến hoá.

i. Black magic is concerned with the form, with matter.

i. Hắc thuật liên quan đến hình tướng, đến vật chất.

White magic is concerned with the life within the form, with Spirit. (back)

Chánh thuật liên quan đến sự sống bên trong hình tướng, đến Tinh thần. (back)

The distinction between the two exists in both motive and method, and might be summed up as follows:

Sự phân biệt giữa hai loại này tồn tại cả trong động cơ lẫn phương pháp, và có thể được tóm lược như sau:

The white magician has for motive that which will be of benefit to the group for whom he is expending his energy and time. The magician of the left hand path ever works *alone*, or if he at any time co-operates with others, it is with a hidden selfish purpose. The exponent of white magic interests himself in the work of constructive endeavour in order to co-operate in hierarchical plans, and to further the desires of the planetary Logos. The Brother of Darkness occupies himself with that which lies outside the plans of the Hierarchy and with that which is not included in the purpose of the Lord of the planetary Ray.

Nhà huyền thuật chánh đạo có động cơ là điều sẽ mang lại lợi ích cho nhóm mà y đang dành năng lượng và thời gian của mình cho họ. Nhà huyền thuật của tả đạo luôn luôn hoạt động *một mình*, hoặc nếu có lúc nào đó hợp tác với người khác, thì cũng là với một mục đích ích kỷ ẩn giấu. Người thực hành chánh thuật quan tâm đến công việc nỗ lực có tính xây dựng để hợp tác trong các kế hoạch của Thánh đoàn, và thúc đẩy các mong muốn của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Huynh đệ bóng tối bận tâm với điều nằm bên ngoài các kế hoạch của Thánh đoàn và với điều không được bao gồm trong mục đích của Chúa Tể của cung hành tinh.

The white magician, as has been earlier said, works entirely through the greater Deva Builders, and through sound and numbers he blends their work, and thus influences the lesser Builders who form the substance of their bodies, and therefore of all that is. He works [Page 986] through group centres and vital points of energy, and from thence produces, in substance, the desired results. The dark brother works directly with substance itself, and with the lesser builders; He does not co-operate with the forces which emanate from egoic levels. The lesser cohorts of the “Army of the Voice” are

Nhà huyền thuật chánh đạo, như đã nói trước đây, hoàn toàn hoạt động thông qua các Đại Thiên Thần Kiến Tạo, và qua âm thanh cùng các con số, y hòa trộn công việc của các vị ấy, và như thế ảnh hưởng đến các vị tiểu kiến tạo tạo thành chất liệu của thân thể các vị ấy, và do đó của mọi cái đang hiện hữu. Y hoạt động [Page 986] thông qua các trung tâm nhóm và các điểm năng lượng sinh động, và từ đó tạo ra, trong chất liệu, các kết quả mong muốn. Huynh đệ bóng tối hoạt động trực tiếp với chính chất liệu, và với các vị tiểu kiến tạo; hắn không hợp tác với các mãnh lực phát ra từ các cấp chân ngã.

his servants, and not the directing Intelligences in the three worlds, and he therefore works primarily on the astral and physical planes, only in rare cases working with the mental forces, and only in a few special cases, hidden in cosmic karma, is a black magician found working on the higher mental levels. Yet the cases which are there to be discovered are the main contributing causes of all manifesting black magic.

Các đạo quân nhỏ hơn của "Đạo Quân của Âm Thanh" là những kẻ phục vụ của hắn, chứ không phải các Trí Tuệ chỉ đạo trong ba cõi thấp, và vì vậy hắn hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục và cõi hồng trần, chỉ trong những trường hợp hiếm hoi mới hoạt động với các mãnh lực trí tuệ, và chỉ trong một vài trường hợp đặc biệt, ẩn giấu trong nghiệp quả vũ trụ, người ta mới thấy một nhà hắc thuật hoạt động trên các cấp thượng trí. Tuy nhiên, những trường hợp có thể được phát hiện ở đó lại là các nguyên nhân đóng góp chủ yếu cho mọi hắc thuật đang biểu hiện.

The Brother of Light works ever through the inherent force of the second aspect as long as he is functioning in connection with the three lower planes. After the third Initiation, he works increasingly with spiritual energy, or with the force of the first aspect. He impresses the lower substances, and manipulates the lesser building lives with the vibration of love, and the attractive coherency of the Son, and through wisdom the forms are built. He learns to work from the heart, and therefore to manipulate that energy which streams from the "Heart of the Sun" until (when he becomes a Buddha) he can dispense somewhat the force emanating from the "Spiritual Sun." Therefore, the heart centre in the Brother of the right hand path is the transmitting agency for the building force, and the triangle he uses in this work is

Huynh Đệ của Ánh Sáng luôn luôn hoạt động qua mãnh lực cố hữu của phương diện thứ hai chừng nào y còn đang hoạt động liên hệ với ba cõi thấp. Sau lần điểm đạo thứ ba, y ngày càng hoạt động nhiều hơn với năng lượng tinh thần, hay với mãnh lực của phương diện thứ nhất. Y gây ấn tượng lên các chất liệu thấp hơn, và điều khiển các sự sống kiến tạo nhỏ hơn bằng rung động của bác ái, và sự cố kết hấp dẫn của Con, và nhờ minh triết mà các hình tướng được xây dựng. Y học cách hoạt động từ tim, và do đó điều khiển năng lượng tuôn chảy từ "Trái Tim của Mặt Trời" cho đến khi (khi y trở thành một vị Phật) y có thể phần nào phân phát mãnh lực phát ra từ "Mặt Trời Tinh thần." Vì vậy, trung tâm tim nơi huynh đệ của chánh đạo là tác nhân truyền dẫn mãnh lực kiến tạo, và tam giác mà y sử dụng trong công việc này là

a. The centre in the head which corresponds to the heart.

a. Trung tâm trong đầu tương ứng với tim.

b. The heart centre itself.

b. Chính trung tâm tim.

c. The throat centre.

c. Trung tâm cổ họng.

The Brothers of the left hand path work with the forces of the third aspect entirely, and

Các huynh đệ của tả đạo hoàn toàn hoạt động với các mãnh lực của phương diện thứ

this it is which [Page 987] gives them so much apparent power, for the second aspect is only in process of reaching its vibratory consummation, whereas the third aspect is at the height of its vibratory activity, being the product of the evolutionary processes of the preceding major solar system. He works from the throat centre almost entirely, and manipulates primarily the forces of the physical sun. This is the reason why he achieves many of his ends through the method of pranic stimulation or of pranic devitalisation, and why, also, most of his effects are carried out on the physical plane. He works, therefore, through

ba, và chính điều này [Page 987] đem lại cho họ rất nhiều quyền năng bề ngoài, vì phương diện thứ hai chỉ mới đang trong tiến trình đạt đến sự viên mãn rung động của nó, trong khi phương diện thứ ba đang ở đỉnh cao hoạt động rung động của nó, là sản phẩm của các tiến trình tiến hoá của hệ mặt trời lớn trước đây. Y hầu như hoạt động hoàn toàn từ trung tâm cổ họng, và chủ yếu điều khiển các mãnh lực của mặt trời hồng trần. Đây là lý do tại sao y đạt được nhiều mục đích của mình qua phương pháp kích thích prana hoặc làm mất sinh lực prana, và cũng là lý do tại sao phần lớn các hiệu quả của y được thực hiện trên cõi hồng trần. Vì vậy, y hoạt động qua

a. The centre in the head corresponding to the throat centre.

a. Trung tâm trong đầu tương ứng với trung tâm cổ họng.

b. The throat centre.

b. Trung tâm cổ họng.

c. The centre at the base of the spine.

c. Trung tâm ở đáy cột sống.

The white magician works always in co-operation with others, and is himself under the direction of certain group Heads. For instance, the Brothers of the White Lodge work under the three great Lords and conform to the plans laid down, subordinating Their individual purposes and ideas to the great general scheme. The black magician usually works in an intensely individualistic way, and can be seen carrying out his schemes alone, or with the aid of subordinates. He brooks usually no known superior, but is nevertheless frequently the victim of agents on higher levels of cosmic evil, who use him as he uses his inferior co-operators, that is, he works (as far as the bigger purpose is involved) blindly and unconsciously.

Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn hoạt động trong sự hợp tác với những người khác, và chính y cũng ở dưới sự chỉ đạo của một số vị đứng đầu nhóm. Chẳng hạn, các Huynh Đệ của Thánh đoàn hoạt động dưới ba Đấng Chúa Tể vĩ đại và tuân theo các kế hoạch đã được vạch ra, đặt các mục đích và ý tưởng cá nhân của Các Ngài dưới kế hoạch tổng thể vĩ đại. Nhà hắc thuật thường hoạt động theo cách hết sức cá nhân chủ nghĩa, và có thể được thấy đang thực hiện các mưu đồ của y một mình, hoặc với sự trợ giúp của các thuộc hạ. Y thường không dung nạp một cấp trên nào được biết đến, nhưng tuy vậy lại thường là nạn nhân của các tác nhân ở những cấp độ cao hơn của điều ác vũ trụ, những kẻ sử dụng y như y sử dụng các cộng sự viên thấp hơn của mình, nghĩa là y hoạt động (xét theo mục đích lớn hơn có liên quan) một cách mù quáng và vô thức.

The white magician, as is well known, works on the side of evolution or in connection with the Path of Return. The black brother occupies himself with the forces of involution, or with the Path of Outgoing. They form the great balancing force in evolution, and though they [Page 988] are occupied with the material side of manifestation and the Brother of Light is concerned with the aspect of soul or consciousness, they and their work, under the great law of evolution, contribute to the general purpose of the solar Logos, though (and this is of tremendous occult significance to the illuminated student) *not to the individual purpose of the planetary Logos.*

Như ai cũng biết, nhà huyền thuật chánh đạo hoạt động về phía thăng thượng tiến hoá hay liên hệ với Con Đường Trở Về. Huynh đệ bóng tối bận tâm với các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá, hay với Con Đường Đi Ra. Họ tạo thành mãnh lực quân bình lớn trong tiến hoá, và mặc dù họ [Page 988] bận rộn với phương diện vật chất của biểu hiện và Huynh Đệ của Ánh Sáng quan tâm đến phương diện linh hồn hay tâm thức, họ và công việc của họ, dưới định luật tiến hoá vĩ đại, vẫn góp phần vào mục đích tổng quát của Thái dương Thượng đế, dù rằng (và điều này có ý nghĩa huyền bí vô cùng to lớn đối với đạo sinh được soi sáng) *không góp phần vào mục đích cá biệt của Đức Hành Tinh Thượng Đế.*

Finally, it might be briefly said in connection with the distinctions between magicians that the magician of the Good Law works with the soul of things. His brothers of darkness work with the material aspect.

Sau cùng, có thể nói vắn tắt liên quan đến những khác biệt giữa các nhà huyền thuật rằng nhà huyền thuật của Định luật Thiện làm việc với linh hồn của vạn vật. Các huynh

đệ bóng tối của y làm việc với phương diện vật chất.

The white magician works through the force centres, on the first and fourth subplanes of each plane. The black magician works through the permanent atoms, and with the substance and forms concerned. The white magician utilises in this connection the higher three centres. The black magician uses the energy of the lower three centres (the organs of generation, the spleen, and the solar plexus) synthesising their energy by an act of the will and directing it to the centre at the base of the spine, so that the fourfold energy is thence transmitted to the throat centre.

Nhà huyền thuật chánh đạo hoạt động qua các trung tâm lực, trên cõi phụ thứ nhất và thứ tư của mỗi cõi. Nhà hắc thuật hoạt động qua các Nguyên tử trường tồn, và với chất liệu cùng các hình tướng liên quan. Nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng trong mối liên hệ này ba trung tâm cao hơn. Nhà hắc thuật dùng năng lượng của ba trung tâm thấp hơn (các cơ quan sinh dục, luân xa lá lách, và tùng thái dương), tổng hợp năng lượng của chúng bằng một hành vi của ý chí và hướng nó đến trung tâm ở đáy cột sống, để từ đó năng lượng tứ phân được truyền đến trung tâm cổ họng.

The white magician uses the kundalini force as it is transmitted via the central spinal channel. The black magician uses the inferior channels, dividing the fourfold energy in two units, which mount via the two channels, leaving the central one dormant. Hence it will be apparent that one works with duality and the other with unity. On the planes of duality, therefore, it is apparent why the black magician has so much power. The plane of unity for humanity is the mental plane. The planes of diversity are the astral and the physical. Hence the black magician is of more apparent power than the white brother on the two lower planes in the three worlds.

Huynh đệ chánh đạo sử dụng mãnh lực kundalini khi nó được truyền qua ống tủy sống trung ương. Nhà hắc thuật sử dụng các đường dẫn thấp kém hơn, chia năng lượng tứ phân thành hai đơn vị, đi lên qua hai đường dẫn, để đường trung ương ở trạng thái ngủ yên. Do đó sẽ thấy rõ rằng một bên làm việc với nhị nguyên tính và bên kia với hợp nhất. Vì vậy, trên các cõi của nhị nguyên tính, hiển nhiên là tại sao nhà hắc thuật lại có nhiều quyền năng đến thế. Cõi của hợp nhất đối với nhân loại là cõi trí. Các cõi của tính đa tạp là cõi cảm dục và cõi hồng trần. Do đó nhà hắc thuật có quyền năng bề ngoài lớn hơn huynh đệ chánh đạo trên hai cõi thấp trong ba cõi giới.

The white brother works under the Hierarchy, or under the great King, carrying out His planetary purposes. [Page 989] The dark brother works under certain separated Entities, unknown to him, who are connected with the forces of matter itself. Much more could be given in this connection, but what is here imparted suffices for our purpose.

Huynh đệ chánh đạo hoạt động dưới Thánh đoàn, hay dưới Đức Vua vĩ đại, thi hành các mục đích hành tinh của Ngài. [Page 989] Huynh đệ bóng tối hoạt động dưới một số Thực Thể biệt lập nào đó, y không biết đến, những Thực Thể này liên hệ với chính các mãnh lực của vật chất. Có thể trình bày nhiều hơn nữa về điểm này, nhưng điều

được truyền đạt ở đây là đủ cho mục đích của chúng ta.

b. The Source of Black Magic. In touching upon this point, we are trespassing into the realms of the mystery and the domain of the inexplicable. Certain statements can, however, be made here which, if pondered upon, may throw a little light upon this dark subject.

b. Nguồn gốc của Hắc thuật. Khi chạm đến điểm này, chúng ta đang bước vào các lĩnh vực của huyền nhiệm và miền của điều không thể giải thích. Tuy nhiên, ở đây có thể nêu ra một số phát biểu mà nếu được suy gẫm, có thể soi rọi đôi chút lên chủ đề tối tăm này.

First. It should be remembered that the whole subject of planetary evil (and students must distinguish carefully between planetary and cosmic evil) lies hid in the individual life cycles and in the history of the Great Being who is the planetary Logos of the Earth. Therefore, until a man has taken certain initiations and thus achieved a measure of planetary consciousness, it is useless for him to speculate upon that record. H. P. B. has touched, in the *Secret Doctrine*, *(III, 62; Section 6, page 67.)* upon the subject of "the imperfect Gods," and in these words lies the key to planetary evil.

Thứ nhất. Cần ghi nhớ rằng toàn bộ chủ đề về điều ác hành tinh (và các đạo sinh phải phân biệt cẩn thận giữa điều ác hành tinh và điều ác vũ trụ) được ẩn giấu trong các chu kỳ sống cá biệt và trong lịch sử của Đấng Vĩ Đại là Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất. Vì vậy, cho đến khi một người đã trải qua một số điểm đạo nhất định và nhờ đó đạt được một mức độ tâm thức hành tinh, thì việc suy đoán về biên niên đó là vô ích. H.P.B. đã đề cập, trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, *(III, 62; Phần 6, trang 67.)* đến chủ đề "các Thượng đế bất toàn," và trong những lời này có chìa khóa của điều ác hành tinh.

Second. It might briefly be said that, as far as our humanity is concerned, the terms planetary evil and cosmic evil might be interpreted thus:

Thứ hai. Có thể nói vắn tắt rằng, xét theo nhân loại chúng ta, các thuật ngữ điều ác hành tinh và điều ác vũ trụ có thể được diễn giải như sau:

Planetary evil arises from certain relations existing between our planetary Logos and another planetary Logos. When this condition of polar opposition is adjusted, then planetary evil will cease. The adjustment will be brought about through the mediation (occultly understood) of a third planetary Logos. These three will eventually form an equilateral triangle, and then planetary evil will cease. Free circulation will ensue; planetary obscuration will become possible, and the "imperfect Gods" will have achieved a

Điều ác hành tinh phát sinh từ một số tương quan hiện hữu giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và một Đức Hành Tinh Thượng Đế khác. Khi tình trạng đối lập giữa các cực này được điều chỉnh, thì điều ác hành tinh sẽ chấm dứt. Sự điều chỉnh sẽ được thực hiện qua sự trung gian (được hiểu theo huyền bí học) của một Đức Hành Tinh Thượng Đế thứ ba. Sau cùng, ba Đấng này sẽ tạo thành một tam giác đều, và khi đó điều ác hành tinh sẽ chấm dứt. Sự lưu thông tự do sẽ tiếp diễn; sự che khuất hành tinh sẽ trở nên khả hữu, và "các Thượng đế bất toàn" sẽ

relative perfection. Thus will the karma of the manvantara, or secondary [Page 990] cycle, be adjusted, and so much planetary karmic evil be "worked off." All the above must be interpreted in its esoteric sense and not its exoteric.

đạt được một sự hoàn thiện tương đối. Như vậy nghiệp quả của giai kỳ sinh hóa, hay chu kỳ thứ cấp [Page 990], sẽ được điều chỉnh, và rất nhiều điều ác nghiệp quả hành tinh sẽ được "giải trừ." Tất cả những điều trên phải được diễn giải theo nghĩa nội môn chứ không phải ngoại môn.

Cosmic evil from the standpoint of our planet consists in the relation between that spiritual intelligent Unit or "Rishi of the Superior Constellation" as He is called (who is the informing Life of one of the seven stars of the Great Bear, and our planetary prototype) and one of the forces of the Pleiades. *(S. D., II, 579-581.)* Students need here to remember that the "seven sisters" are occultly called the "seven wives" of the Rishis, and that the dual forces (resultant from that relationship) converge and play through that one of the planetary Logoi who is the Logos of any particular planet, and is the "reflection" of any specific Rishi. In this relation, at present lacking perfect adjustment, lies hid the mystery of cosmic evil as it makes itself felt in any particular planetary scheme. Again, when the heavenly triangle is duly equilibrated, and the force circulates freely through

Điều ác vũ trụ, từ quan điểm của hành tinh chúng ta, gồm trong mối tương quan giữa Đơn Vị tinh thần thông tuệ ấy hay "Rishi của Chòm Sao Thượng Đẳng" như Ngài được gọi (Đấng là Sự Sống phú linh của một trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh, và là nguyên mẫu hành tinh của chúng ta) với một trong các mãnh lực của Thất Nữ Tinh. *(S. D., II, 579-581.)* Ở đây các đạo sinh cần nhớ rằng "bảy chị em" được gọi một cách huyền bí là "bảy người vợ" của các Rishi, và rằng các mãnh lực nhị nguyên (phát sinh từ mối tương quan đó) hội tụ và vận hành qua một trong các Đức Hành Tinh Thượng Đế là Thượng đế của bất kỳ hành tinh đặc thù nào, và là "sự phản chiếu" của một Rishi đặc thù nào đó. Trong mối tương quan này, hiện nay còn thiếu sự điều chỉnh hoàn hảo, ẩn giấu huyền nhiệm của điều ác vũ trụ khi nó tự biểu lộ trong bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào. Một lần nữa, khi tam giác thiên giới được quân bình đúng mức, và mãnh lực lưu thông tự do qua

a. One of the stars of the Great Bear,

a. Một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh,

b. The Pleiad involved,

b. Ngôi sao thuộc Thất Nữ Tinh có liên quan,

c. The planetary scheme concerned,

c. Hệ hành tinh được xét đến,

then again cosmic evil will be negated, and a relative perfection achieved. This will mark the attainment of primary perfection, and the consummation of the greater cycle.

thì một lần nữa điều ác vũ trụ sẽ bị vô hiệu hóa, và một sự hoàn thiện tương đối sẽ đạt được. Điều này sẽ đánh dấu việc đạt đến sự hoàn thiện sơ cấp, và sự viên mãn của chu kỳ lớn hơn.

Cyclic evil, or tertiary evil, lies hid in the relation between the globes in any particular scheme, two of them ever being in opposition until equilibrised by force emanating from a third. Students will only apprehend the significance of this teaching as they study the pairs of opposites in their own cycles, and the equilibrising work of the Ego.

Điều ác chu kỳ, hay điều ác tam cấp, được ẩn giấu trong mối tương quan giữa các bầu hành tinh trong bất kỳ hệ đặc thù nào, trong đó luôn luôn có hai bầu ở thế đối lập cho đến khi nhận sự quân bình từ mãnh lực phát ra từ một bầu thứ ba. Các đạo sinh chỉ có thể nắm bắt ý nghĩa của giáo huấn này khi họ nghiên cứu các cặp đối cực trong chính các chu kỳ của mình, và công việc quân bình của chân ngã.

A fourth type of evil growing out of the above finds [Page 991] its main expression in the sorrows and troubles of the fourth or human kingdom, and will find its solution in two ways: by the balancing of the forces of the three kingdoms (the spiritual or fifth kingdom, the human, and the animal), and secondly, by the negation of the attractive power of the three lower kingdoms (the mineral, the vegetable, and the animal, who thus form one unit), by the spiritual kingdom, utilising the fourth or human kingdom. In all these cases, triangles of force are formed which, when balanced, procure the desired end.

Một loại điều ác thứ tư phát sinh từ những điều trên tìm thấy [Page 991] biểu hiện chính của nó trong những đau khổ và rắc rối của giới thứ tư hay giới nhân loại, và sẽ tìm được giải pháp theo hai cách: bằng sự quân bình các mãnh lực của ba giới (giới tinh thần hay giới thứ năm, giới nhân loại, và giới động vật), và thứ hai, bằng việc giới tinh thần sử dụng giới thứ tư hay giới nhân loại để vô hiệu hóa quyền năng hấp dẫn của ba giới thấp (giới kim thạch, giới thực vật, và giới động vật, do đó tạo thành một đơn vị). Trong tất cả các trường hợp này, các tam giác lực được hình thành, và khi được quân bình, chúng đem lại kết quả mong muốn.

Black magic is spoken of as making its appearance upon our planet during the fourth root race. *(S. D., I, 451, 452; II, 221, 234, 519.)* It should be borne in mind here that this means strictly in connection with the fourth kingdom and its conscious use by wrongly developed men. The forces of evil of the planetary and cosmic kind have been present since manifestation set in, being latent in the karma of the planetary Logos, but human beings began consciously to work with these forces and to use them for specified selfish ends in this round during the fourth root race.

Hắc thuật được nói đến như đã xuất hiện trên hành tinh chúng ta trong giống dân gốc thứ tư. *(S. D., I, 451, 452; II, 221, 234, 519.)* Ở đây cần ghi nhớ rằng điều này có nghĩa một cách nghiêm ngặt là liên hệ với giới thứ tư và việc sử dụng có ý thức của nó bởi những người phát triển sai lệch. Các mãnh lực của điều ác thuộc loại hành tinh và vũ trụ đã hiện diện từ khi biểu hiện bắt đầu, tiềm ẩn trong nghiệp quả của Đức Hành Tinh Thượng Đế, nhưng con người bắt đầu làm việc một cách có ý thức với các mãnh lực này và sử dụng chúng cho những mục đích ích kỷ xác định trong cuộc tuần hoàn này vào thời giống dân gốc thứ tư.

Black magicians work under certain great Entities, six in number, who are spoken of, for instance, in the Christian Bible as having the number 666. *(Bible. Rev. 13:18.)* They came in (being cosmic, not systemic) on that stream of force emanating from cosmic mental levels which produced the three worlds of human endeavour. Students should remember here the fact that the three lower planes of our solar system are not considered as embodying a cosmic principle, for they form the dense physical body of the Logos, and the dense physical body is not considered a principle. There is an occult significance in the expression "unprincipled." These entities are the sumtotal of the substance of the three lower subplanes of the cosmic physical plane (our three lower systemic [Page 992] planes), and it is under them that the black magicians are swept into activity, often unconsciously, but rising to power as they work consciously. (299)

Các nhà hắc thuật hoạt động dưới một số Thực Thể vĩ đại nào đó, số lượng là sáu, chẳng hạn được nói đến trong Kinh Thánh Cơ Đốc là mang con số 666. *(Kinh Thánh. Khải Huyền 13:18.)* Các Thực Thể này đi vào (vì là vũ trụ, không phải hệ thống) trên dòng mãnh lực phát ra từ các cấp độ cõi trí vũ trụ đã tạo ra ba cõi giới của nỗ lực nhân loại. Ở đây các đạo sinh nên nhớ sự kiện rằng ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta không được xem là hiện thân của một nguyên khí vũ trụ, vì chúng tạo thành thể xác đậm đặc của Thượng đế, và thể xác đậm đặc không được xem là một nguyên khí. Có một ý nghĩa huyền bí trong từ ngữ "vô nguyên khí." Các thực thể này là tổng số chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ (ba cõi thấp của hệ thống chúng ta [Page 992]), và chính dưới các Thực Thể ấy mà các nhà hắc thuật bị cuốn vào hoạt động, thường là vô thức, nhưng vươn lên quyền năng khi họ hoạt động một cách có ý thức. (299)

(299) It might here be asked what, if any, relation there may be in this connection with the inner round? The inner round has many meanings some impossible to give, but two things may here be said: That it concerns itself with the effect of the triangular balancing of forces towards the close of the cycle, when the force or energy involved is circulating unimpeded, even if slowly, through:

(299) Ở đây có thể đặt câu hỏi rằng trong mối liên hệ này có tương quan nào, nếu có, với cuộc tuần hoàn nội tại hay không? Cuộc tuần hoàn nội tại có nhiều ý nghĩa, một số không thể nêu ra, nhưng ở đây có thể nói hai điều: rằng nó liên quan đến hiệu quả của sự quân bình tam giác các mãnh lực vào lúc gần cuối chu kỳ, khi mãnh lực hay năng lượng liên hệ đang lưu thông không bị cản trở, dù chậm, qua:

1. Two constellations of the solar system,

1. Hai chòm sao của hệ mặt trời,

2. The planetary schemes

2. Các hệ hành tinh

3. Three globes in the scheme.

3. Ba bầu hành tinh trong hệ.

It should be remembered that all these three are interdependent. The force begins thus to

Cần nhớ rằng cả ba điều này đều phụ thuộc lẫn nhau. Mãnh lực bắt đầu tuôn chảy như

flow when any cycle is two thirds run. It deals with the greater Initiations, and is the correspondence on the higher planes to the occult short cut to wisdom and knowledge which we call the Path of Initiation. (back)

vậy khi bất kỳ chu kỳ nào đã đi được hai phần ba. Nó liên quan đến các điểm đạo lớn hơn, và là sự tương ứng trên các cõi cao hơn với lối tắt huyền bí dẫn đến minh triết và tri thức mà chúng ta gọi là Con Đường Điểm Đạo. (back)

In the early stages of human unfoldment all men are unconscious black magicians, but are not occultly "damned" thereby. As evolution proceeds they come under the force of the second aspect, and the majority respond to it, escaping from the meshes of the black magicians, and coming under the force of a different number. The few who do not do so in this manvantara are the "failures" who have to continue the struggle at a later date. A tiny percentage wilfully refuse to "pass on," and they become the true "black magicians." For them the end is ever the same, *first,* severance of the Ego from the Monad, entailing a wait for many aeons until another solar system has its being. In the case of the "failures" the Ego severed itself from the personality or lower self, entailing a setback for a lesser period, but still having opportunity within the system. *Second,* a cycle of existence, spent in unlimited evil, and dependent upon the vitality of the severed egoic body and its innate persistence. These are the ordinary "lost souls" spoken of in the Secret Doctrine. (301) If students will study these conditions, and will extend the same concept to an earlier and more matured solar system, they will get [Page 993] some light upon the problem of the origin of evil in this solar system.

Trong các giai đoạn đầu của sự khai mở nhân loại, mọi người đều là những nhà hắc thuật vô thức, nhưng vì thế mà không bị "đọa phạt" theo nghĩa huyền bí. Khi tiến hoá tiếp diễn, họ chịu dưới mãnh lực của phương diện thứ hai, và đa số đáp ứng với nó, thoát khỏi các lưới của các nhà hắc thuật, và đi vào dưới mãnh lực của một con số khác. Số ít không làm như vậy trong giai kỳ sinh hóa này là những "kẻ thất bại" phải tiếp tục cuộc đấu tranh vào một thời điểm muộn hơn. Một tỷ lệ cực nhỏ cố ý từ chối "tiến lên," và họ trở thành những "nhà hắc thuật" thực sự. Đối với họ, kết cuộc luôn luôn như nhau, *thứ nhất,* sự cắt đứt chân ngã khỏi chân thần, kéo theo một thời gian chờ đợi qua nhiều đại kiếp cho đến khi một hệ mặt trời khác xuất hiện. Trong trường hợp các "kẻ thất bại," chân ngã tự tách khỏi phàm ngã hay phàm ngã thấp, kéo theo một sự thụt lùi trong một thời gian ngắn hơn, nhưng vẫn còn cơ hội trong hệ thống. *Thứ hai,* một chu kỳ tồn tại, trải qua trong điều ác vô hạn, và tùy thuộc vào sinh lực của thể chân ngã đã bị cắt lìa cùng tính bền bỉ bẩm sinh của nó. Đây là những "linh hồn lạc mất" thông thường được nói đến trong Giáo Lý Bí Nhiệm. (301) Nếu các đạo sinh nghiên cứu các tình trạng này, và mở rộng cùng một khái niệm ấy đến một hệ mặt trời sớm hơn và trưởng thành hơn, họ sẽ nhận được [Page 993] đôi chút ánh sáng về vấn đề nguồn gốc của điều ác trong hệ mặt trời này.

(301) No soul can be lost where—

(301) Không linh hồn nào có thể bị mất khi —

a. One good aspiration is present.

b. One unselfish deed is done.

c. The life is strong in virtue.

d. The life is righteous.

e. The life is a naturally pure life.—Isis Unveiled, II, 368.

Read S. D., III, 528, 529. (back)

c. Conditions for White Magic. In considering the factors requiring adjustment prior to undertaking the work of magic, we are dealing with that which is of eminently practical value. Unless students of magic enter upon this pursuit fortified by pure motive, clean bodies, and high aspiration, they are foredoomed to disappointment and even to disaster. All those who seek to work consciously with the forces of manifestation, and who endeavour to control the Energies of all that is seen, need the strong protection of purity. This is a point which cannot be too strongly emphasised and urged, and hence the constant injunctions to self control, comprehension of the nature of man, and devotion to the cause of humanity. The pursuit of magical investigation is dangerous in three ways.

If a man's bodies are not sufficiently purified and their atomic vibration is not sufficiently high, he is in danger of over-stimulation when brought in contact with the forces of nature, and this inevitably entails the destruction and disintegration of one or other of his bodies. At times it may entail the destruction of two or more, and when this is

a. Có hiện diện một khát vọng thiện lành.

b. Có thực hiện một hành động vô ngã.

c. Sự sống mạnh mẽ trong đức hạnh.

d. Sự sống là chính trực.

e. Sự sống là một đời sống tự nhiên thanh khiết.—Isis Unveiled, II, 368.

Đọc S. D., III, 528, 529. (back)

c. Các điều kiện cho Chánh Thuật. Khi xem xét các yếu tố cần được điều chỉnh trước khi đảm nhận công việc huyền thuật, chúng ta đang bàn đến điều có giá trị thực tiễn nổi bật. Trừ phi các đạo sinh huyền thuật bước vào sự theo đuổi này với động cơ thanh khiết, các thể trong sạch, và khát vọng cao cả, họ đã được định trước là sẽ thất vọng và thậm chí tai họa. Tất cả những ai tìm cách hoạt động một cách có ý thức với các mãnh lực của biểu hiện, và cố gắng kiểm soát các Năng Lượng của mọi điều được thấy, đều cần sự bảo vệ mạnh mẽ của tính thanh khiết. Đây là một điểm không thể nhấn mạnh và thúc giục quá mức, và do đó mới có những lời huấn thị liên tục về tự chủ, thấu hiểu bản chất con người, và tận tụy với chính nghĩa của nhân loại. Việc theo đuổi sự khảo cứu huyền thuật là nguy hiểm theo ba cách.

Nếu các thể của một người không được thanh lọc đầy đủ và rung động nguyên tử của chúng không đủ cao, y sẽ có nguy cơ bị kích thích quá mức khi tiếp xúc với các mãnh lực của thiên nhiên, và điều này tất yếu kéo theo sự hủy hoại và tan rã của thể này hay thể khác của y. Đôi khi điều đó có thể kéo theo sự hủy hoại của hai hay nhiều

the case, it involves a definite setback to egoic unfoldment, for it requires, in such cases, a much longer interval between incarnations, owing to the difficulty of assembling the needed materials in the sheaths.

thể, và khi trường hợp này xảy ra, nó bao hàm một sự thụt lùi rõ rệt đối với sự khai mở chân ngã, vì trong những trường hợp như vậy cần một khoảng cách lâu hơn nhiều giữa các lần nhập thể, do khó khăn trong việc tập hợp các vật liệu cần thiết trong các vỏ bọc.

Further, unless a man is strengthened in his endeavour by right motive, he is liable to be led astray by the acquisition of power. Knowledge of the laws of magic puts into the hands of the student powers which enable him to create, to acquire, and to control. Such powers [Page 994] are fraught with menace to the unprepared and unready, for the student can, in this case, turn them to selfish ends, use them for his own temporal material advancement, and acquire in this way that which will feed the desires of the lower nature. He takes, therefore, the first step towards the left hand path, and each life may see him progressing towards it with greater readiness, until (almost unconsciously) he will find himself in the ranks of the black masters. Such a state of affairs can only be offset through the cultivation of altruism, sincere love of man, and a steady negation of all lower desire.

Hơn nữa, trừ phi một người được củng cố trong nỗ lực của mình bằng động cơ đúng đắn, y dễ bị dẫn lạc bởi việc đạt được quyền năng. Tri thức về các định luật huyền thuật đặt vào tay đạo sinh những quyền năng giúp y sáng tạo, đạt được, và kiểm soát. Những quyền năng như thế [Page 994] chứa đầy hiểm họa đối với người chưa chuẩn bị và chưa sẵn sàng, vì trong trường hợp này đạo sinh có thể hướng chúng đến những mục đích ích kỷ, dùng chúng cho sự thăng tiến vật chất thế tục của riêng mình, và bằng cách đó đạt được điều sẽ nuôi dưỡng các ham muốn của bản chất thấp. Vì vậy y bước đầu tiên về phía tả đạo, và mỗi kiếp sống có thể thấy y tiến về phía đó ngày càng dễ dàng hơn, cho đến khi (gần như vô thức) y sẽ thấy mình ở trong hàng ngũ các chân sư hắc đạo. Một tình trạng như thế chỉ có thể được hóa giải bằng việc nuôi dưỡng lòng vị tha, tình thương chân thành đối với con người, và sự kiên trì loại bỏ mọi ham muốn thấp hèn.

The third danger which menaces the unwary student of magic lies in the fact that when he tampers with these forces and energies he is dealing with that which is akin to his own lower nature. He, therefore, follows the line of least resistance; he augments these energies, thereby increasing their response to the lower and to the material aspects of his nature. This he does at the expense of his higher nature, retarding its unfoldment and delaying his progress. Incidentally also, he attracts the attention of those masters of the left hand path who are ever on the lookout for those

Mối nguy thứ ba đe dọa đạo sinh huyền thuật thiếu thận trọng nằm ở sự kiện rằng khi y can thiệp vào các mãnh lực và năng lượng này, y đang xử lý điều gì đó tương cận với chính bản chất thấp của mình. Vì vậy, y đi theo con đường ít trở ngại nhất; y gia tăng các năng lượng này, do đó làm tăng đáp ứng của chúng đối với các phương diện thấp và vật chất của bản chất y. Điều này y làm với cái giá là bản chất cao hơn của mình, làm chậm sự khai mở của nó và trì hoãn sự tiến bộ của y. Đồng thời, y cũng thu hút sự chú ý của những chân sư của tả đạo, những vị luôn luôn canh chừng những ai có thể bị bẻ cong

who can be bent to their purposes, and he becomes (unwittingly at first), an agent on the side of evil.

theo các mục đích của họ, và y trở thành (lúc đầu là vô tình) một tác nhân về phía điều ác.

It will be apparent, therefore, that the student has need of the following qualities before he undertakes the arduous task of becoming a conscious Master of Magic:

Vì vậy, hiển nhiên là đạo sinh cần có những phẩm tính sau đây trước khi đảm nhận nhiệm vụ gian khổ là trở thành một Chân sư Huyền thuật có ý thức:

Physical Purity. This is a thing not easily to be acquired, but entailing many lives of strenuous effort. Through abstinence, right continence, clean living, vegetarian diet, and rigid self-control, the man gradually raises the vibration of his physical atoms, builds a body of ever greater resistance and strength, and succeeds in "manifesting" forth in a sheath of greater refinement.

Sự thanh khiết hồng trần. Đây không phải là điều dễ đạt được, mà đòi hỏi nhiều kiếp sống nỗ lực mãnh liệt. Qua sự kiêng cữ, tiết dục đúng đắn, đời sống thanh sạch, chế độ ăn chay, và tự chủ nghiêm ngặt, con người dần dần nâng cao rung động của các nguyên tử hồng trần của mình, xây dựng một thân thể ngày càng có sức đề kháng và sức mạnh lớn hơn, và thành công trong việc "biểu hiện" ra ngoài trong một vỏ bọc tinh luyện hơn.

Etheric Freedom. This term does not convey all that [Page 995] I seek to impart, but it suffices for need of a better. The student of magic who can safely undertake the enterprise, will have constructed an etheric body of such a nature that vitality, or pranic force and energy, can circulate unimpeded; he will have formed an etheric web of such tenuosity that it forms no barrier to consciousness. This is all that can be said on this subject, owing to the danger involved, but it suffices for the conveyance of information to those who are beginning to know.

Sự tự do dĩ thái. Thuật ngữ này không chuyển tải trọn vẹn điều [Page 995] tôi tìm cách truyền đạt, nhưng nó đủ dùng khi chưa có từ tốt hơn. Đạo sinh huyền thuật nào có thể an toàn đảm nhận công việc này sẽ đã kiến tạo một thể dĩ thái có bản chất sao cho sinh lực, hay mãnh lực và năng lượng prana, có thể lưu thông không bị cản trở; y sẽ đã hình thành một màng lưới dĩ thái mỏng nhẹ đến mức nó không tạo thành rào cản nào cho tâm thức. Đây là tất cả những gì có thể nói về chủ đề này, do mối nguy liên quan, nhưng như thế là đủ để truyền đạt thông tin cho những ai đang bắt đầu biết.

Astral Stability. The student of magic aims, above all, to purify his desires, and so to transmute his emotions that the lower physical purity and the higher mental responsiveness and transmutative power may equally be available. Every magician has to learn the fact that, in this solar system, during the cycle of humanity, the astral body is the pivotal point of endeavour,

Sự ổn định cảm dục. Trên hết, đạo sinh huyền thuật nhắm đến việc thanh lọc các ham muốn của mình, và do đó chuyển hoá các cảm xúc của mình để sự thanh khiết hồng trần thấp hơn và khả năng đáp ứng trí tuệ cao hơn cùng quyền năng chuyển hoá đều có thể sẵn dùng như nhau. Mỗi nhà huyền thuật đều phải học sự kiện rằng, trong hệ mặt trời này, trong chu kỳ của nhân loại, thể

having a reflex effect on both the other sheaths, the physical and the mental. He, therefore, aims at transmuting (as has often been said) lower desire into aspiration; at changing the lower cruder colors which distinguish the astral body of average man, for the clearer, purer tones of the spiritual man, and of transforming its normal chaotic vibration, and the "stormy sea of life," for the steady rhythmic response to that which is highest and the centre of peace. These things he effects by constant watchfulness, unremitting control, and steady meditation.

cảm dục là điểm then chốt của nỗ lực, có tác động phản chiếu lên cả hai vỏ bọc kia, thể xác và thể trí. Vì vậy, y nhắm đến việc chuyển hoá (như đã thường được nói) ham muốn thấp thành khát vọng; thay đổi những màu sắc thấp và thô hơn vốn phân biệt thể cảm dục của con người trung bình thành những sắc điệu trong sáng, thanh khiết hơn của con người tinh thần; và chuyển đổi rung động hỗn loạn bình thường của nó, cùng "biển đời dậy sóng," thành sự đáp ứng nhịp nhàng, vững chắc đối với điều cao nhất và trung tâm bình an. Những điều này y thực hiện bằng sự tỉnh thức liên tục, sự kiểm soát không ngơi nghỉ, và tham thiền bền bỉ.

Mental Poise. These words are used in the occult sense, wherein the mind (as it is commonly understood) becomes the keen steady instrument of the indwelling thinker, and the point from which he can travel onwards to higher realms of comprehension. It is the foundation stone whence the higher expansion can be initiated.

Sự quân bình trí tuệ. Những lời này được dùng theo nghĩa huyền bí, trong đó thể trí (như thường được hiểu) trở thành công cụ sắc bén, vững chắc của thức giả nội tại, và là điểm từ đó y có thể tiến lên các cõi cao hơn của sự thấu hiểu. Nó là viên đá nền tảng từ đó sự mở rộng cao hơn có thể được khởi sự.

Let not the would-be student of magic proceed in his investigations and his experiments until he has attended to these injunctions, and until the whole bent of his thought is towards their manifestation and their demonstration [Page 996] in his every day life. When he has so worked, ceaselessly and untiringly, and his physical plane life and service bear witness to the inner transmutation, then he can proceed to parallel this life with magical studies and work. Only the solar Angel can do the work of the white magician, and he effects it through the control of the lunar angels and their complete subjugation. They are arrayed against him, until, through meditation, aspiration, and control, he bends them to his will and they become his servants.

Đừng để đạo sinh huyền thuật tương lai tiến hành các khảo cứu và thí nghiệm của mình cho đến khi y đã lưu tâm đến những huấn thị này, và cho đến khi toàn bộ khuynh hướng tư tưởng của y hướng về sự biểu hiện và chứng minh chúng [Page 996] trong đời sống hằng ngày của mình. Khi y đã làm việc như vậy, không ngừng nghỉ và không mệt mỏi, và đời sống cùng sự phụng sự trên cõi hồng trần của y làm chứng cho sự chuyển hoá nội tại, khi đó y có thể tiến tới song hành đời sống này với việc học tập và công việc huyền thuật. Chỉ Thái dương Thiên Thần mới có thể làm công việc của nhà huyền thuật chánh đạo, và Ngài thực hiện điều đó qua việc kiểm soát các thái âm thiên thần và sự khuất phục hoàn toàn của họ. Họ xếp hàng chống lại Ngài, cho đến khi, qua tham thiền, khát vọng, và kiểm soát, Ngài uốn họ

theo ý chí của Ngài và họ trở thành các tôi tớ của Ngài.

This thought brings us to the vital and real distinction between the white brother and the brother of darkness, and in this summation we will conclude the present discussion and proceed with the rules.

Tư tưởng này đưa chúng ta đến sự phân biệt thiết yếu và thực sự giữa huynh đệ chánh đạo và huynh đệ bóng tối, và với phần tổng kết này chúng ta sẽ kết thúc cuộc thảo luận hiện tại và tiếp tục với các quy luật.

The worker in white magic utilises ever the energy of the Solar Angel to effect his ends. The dark brother works through the inherent force of the lunar lords, which are allied in nature to all that is objective. In an old book of magic, hidden in the caves of learning, guarded by the Masters, are the following conclusive words, which find their place in this Treatise on Fire through their very appropriateness:

Người hoạt động trong Chánh Thuật luôn luôn sử dụng năng lượng của Thái dương Thiên Thần để đạt các mục đích của mình. Huynh đệ bóng tối hoạt động qua mãnh lực cố hữu của các nguyệt tinh quân, vốn đồng bản chất với mọi điều khách quan. Trong một cuốn sách huyền thuật cổ, được cất giấu trong các hang động của tri thức, do các Chân sư canh giữ, có những lời kết luận sau đây, rất thích hợp nên được đặt vào Luận về Lửa Vũ Trụ này:

"The Brothers of the Sun, through the force of solar fire, fanned to a flame in the blazing vault of the second Heaven, put out the lower lunar fires, and render naught that lower 'fire by friction.'

"Các Huynh Đệ của Mặt Trời, qua mãnh lực của Lửa Thái dương, được quạt thành ngọn lửa trong vòm sáng rực của cõi Trời thứ hai, dập tắt các lửa thái âm thấp hơn, và làm cho 'Lửa ma sát' thấp hơn ấy trở thành hư không.

"The Brother of the Moon ignores the sun and solar heat; borrows his fire from all that triply is, and pursues his cycle. The fires of hell await, and lunar fire dies out. Then neither sun nor moon avails him, only the highest heaven awaits the spark electric, seeking vibration synchronous from that which lies beneath. And yet it cometh not."

"Huynh Đệ của Mặt Trăng phớt lờ mặt trời và nhiệt thái dương; vay mượn lửa của mình từ mọi điều tam phân, và theo đuổi chu kỳ của mình. Các lửa địa ngục đang chờ đợi, và lửa thái âm tắt lịm. Khi đó cả mặt trời lẫn mặt trăng đều không giúp ích gì cho y, chỉ cõi trời cao nhất chờ đợi tia lửa điện, tìm kiếm rung động đồng bộ từ điều nằm bên dưới. Nhưng nó vẫn không đến."

3. Fifteen Rules for Magic. — 3. Mười lăm Quy luật cho Huyền thuật.

These rules will necessarily be of an esoteric nature, and the student will need to remember that the terminology is in the

Những quy luật này tất yếu sẽ có bản chất huyền bí, và đạo sinh cần nhớ rằng thuật ngữ được dùng có tính chất như một bức

nature of a blind, which ever carries [Page 997] revelation to those who have the clue, but tends to perplex and to bewilder the student who as yet is unready for the truth. I would also remind the student to bear in mind that all that is here imparted concerns "*white magic*," and is given from the standpoint of the solar Angel, and of solar Fire. Bearing these two points in mind the student will find much in these rules to produce eventual internal illumination. We will divide them into three groups of aphorisms or occult phrases; of these, the first will concern itself with the work of the magician on the mental plane, with his manipulation of solar energy, and his ability to sweep the Builders into co-operation with his purposes.

màn che, luôn mang [Page 997] sự mặc khải đến cho những ai có chìa khóa, nhưng lại có khuynh hướng làm rối trí và hoang mang đạo sinh còn chưa sẵn sàng cho chân lý. Tôi cũng muốn nhắc đạo sinh ghi nhớ rằng tất cả những gì được truyền đạt ở đây đều liên quan đến "*Chánh Thuật*," và được ban ra từ quan điểm của Thái dương Thiên Thần, và của Lửa Thái dương. Ghi nhớ hai điểm này, đạo sinh sẽ thấy trong các quy luật này nhiều điều có thể cuối cùng tạo ra sự soi sáng nội tại. Chúng ta sẽ chia chúng thành ba nhóm châm ngôn hay cụm từ huyền bí; trong đó, nhóm thứ nhất sẽ bàn đến công việc của nhà huyền thuật trên cõi trí, việc y điều khiển năng lượng thái dương, và khả năng của y trong việc cuốn các đấng kiến tạo vào sự hợp tác với các mục đích của mình.

The second group will carry the work on down to the plane of desire, and of vitalisation, and will convey information as to the balancing of the pairs of opposites, and their equilibrising, so that eventual manifestation becomes possible.

Nhóm thứ hai sẽ đưa công việc xuống cõi ham muốn và tiếp sinh lực, và sẽ truyền đạt thông tin về sự quân bình các cặp đối cực, và việc quân bình hóa chúng, để cho sự biểu hiện cuối cùng trở nên khả hữu.

The third group of rules will deal with the physical plane, with the transmission of force:

Nhóm quy luật thứ ba sẽ bàn đến cõi hồng trần, với sự truyền dẫn mãnh lực:

a. Through the centres,

a. Qua các trung tâm,

b. Through the brain,

b. Qua bộ não,

c. Through the physical plane itself.

c. Qua chính cõi hồng trần.

a. Six Rules for the Mental Plane. Certain of the laws of speech will be given, and the significance of colour and of sound will appear beneath the exoteric form of the phrasing to those whose perception suffices.

a. Sáu Quy luật cho Cõi Trí. Một số định luật của lời nói sẽ được nêu ra, và ý nghĩa của màu sắc và âm thanh sẽ hiện ra bên dưới hình thức ngoại môn của cách diễn đạt đối với những ai có tri giác đủ mức.

RULE I. *The Solar Angel collects himself, scatters not his force, but in meditation deep communicates with his reflection.*

QUY LUẬT I. *Thái Dương Thiên Thần thu mình lại, không phân tán thần lực của Ngài mà, trong thiền định sâu sắc, giao tiếp với phản ảnh của Ngài.*

The significance of this rule is easily to be seen. The white magician is ever one who, through conscious alignment with his Ego, with his "Angel," is receptive to his plans and purposes, and therefore capable of receiving the higher impression. We must remember that [Page 998] white magic works from above downwards, and is the result of solar vibration, and not of the heating impulses emanating from one or other of the lunar Pitris; the downflow of the impressing energy from the solar Pitri is the result of his internal recollectedness, his indrawing of his forces prior to sending them out concentratedly to his shadow, man, and his steady meditation upon the purpose and the plan. It may be of use to the student if he here remembers that the Ego (as well as the Logos) is in deep meditation during the whole cycle of physical incarnation. This solar meditation is cyclic in nature, the Pitri involved sending out to his "reflection" rhythmic streams of energy, which streams are recognised by the man concerned as his "higher impulses," his dreams and aspirations. Therefore, it will be apparent why workers in white magic are ever advanced, and spiritual men, for the "reflection" is seldom responsive to the Ego or the solar Angel until many cycles of incarnation have transpired. The solar Pitri communicates with his "shadow" or reflection by means of the sutratma, which passes down through the bodies to a point of entrance in the physical brain.

Ý nghĩa của quy luật này rất dễ thấy. Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn là người, qua sự chỉnh hợp có ý thức với chân ngã của mình, với "Thiên Thần" của mình, có khả năng tiếp nhận các kế hoạch và mục đích của chân ngã, và do đó có khả năng tiếp nhận ấn tượng cao hơn. Chúng ta phải nhớ rằng [Page 998] Chánh Thuật hoạt động từ trên xuống dưới, và là kết quả của rung động thái dương, chứ không phải của các xung lực nung nóng phát ra từ thái âm tổ phụ này hay thái âm tổ phụ khác; dòng chảy xuống của năng lượng gây ấn tượng từ thái dương tổ phụ là kết quả của sự thu nhiếp nội tại của y, sự rút các mãnh lực của y vào trước khi phóng chúng ra một cách tập trung đến cái bóng của y, con người, và sự tham thiền bền bỉ của y về mục đích và Thiên Cơ. Sẽ hữu ích cho đạo sinh nếu ở đây y nhớ rằng chân ngã (cũng như Thượng đế) đang ở trong thiền định sâu suốt toàn bộ chu kỳ nhập thể hồng trần. Sự tham thiền thái dương này có bản chất chu kỳ, vị tổ phụ liên hệ gửi ra cho "sự phản chiếu" của mình những dòng năng lượng nhịp nhàng, mà những dòng này được con người liên hệ nhận biết như những "xung lực cao hơn" của mình, những giấc mơ và khát vọng của mình. Vì vậy, sẽ thấy rõ tại sao những người hoạt động trong Chánh Thuật luôn luôn là những người tiến bộ và tinh thần, vì "sự phản chiếu" hiếm khi đáp ứng với chân ngã hay Thái dương Thiên Thần cho đến khi nhiều chu kỳ nhập thể đã trôi qua. Thái dương tổ phụ giao tiếp với "cái bóng" hay sự phản chiếu của mình bằng sutratma, đi xuống qua các thể đến một điểm đi vào trong bộ não hồng trần.

RULE II. *When the shadow hath responded, in meditation deep the work proceedeth. The lower light is thrown upward; the greater light illuminates the three, and the work of the four proceedeth.*

QUY LUẬT II. *Khi cái bóng đã đáp ứng, trong thiền định sâu thẳm, công việc tiến triển. Ánh sáng thấp được ném lên trên; ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba, và công việc của bốn tiến triển.*

Here the work of the two, the Ego on its own plane, and its instrument in the three worlds, is shown as linked and co-ordinated. As we well know, the main function of meditation is to bring the lower instrument into such a condition of receptivity and vibratory response that the Ego, or solar Angel, can use it, and produce specific results. This involves, therefore, a downflow of force from the upper levels of the mental plane [Page 999] (the habitat of the real Man) and a reciprocal vibration, emanating from Man, the Reflection. When these two vibrations are attuned, and the interplay is rhythmic, then the two meditations proceed synchronously, and the work of magic and of creation can proceed unimpeded. It will, therefore, be apparent that the brain is the physical correspondence to the force centres upon the mental plane, and that the vibration has to be *consciously* set up by the man when meditating. When this is effected, the man can be a *conscious* creator, and the work proceeds therefore in a triple manner; the force circulates freely via three points of centralised activity:

Ở đây công việc của hai bên, chân ngã trên cõi riêng của nó, và công cụ của nó trong ba cõi giới, được cho thấy là liên kết và phối hợp. Như chúng ta đều biết rõ, chức năng chính của tham thiền là đưa công cụ thấp hơn vào một tình trạng tiếp nhận và đáp ứng rung động đến mức chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần, có thể sử dụng nó và tạo ra các kết quả đặc thù. Vì vậy, điều này bao hàm một dòng chảy xuống của mãnh lực từ các cấp độ cao hơn của cõi trí [Page 999] (nơi cư ngụ của Con Người thực sự) và một rung động đáp ứng tương hỗ, phát ra từ Con Người, tức Sự Phản Chiếu. Khi hai rung động này được điều chỉnh hòa điệu, và sự tương tác có nhịp điệu, thì hai sự tham thiền tiến hành đồng bộ, và công việc huyền thuật cùng sáng tạo có thể tiếp tục không bị cản trở. Vì vậy, sẽ thấy rõ rằng bộ não là sự tương ứng hồng trần với các trung tâm lực trên cõi trí, và rằng con người phải thiết lập rung động *một cách có ý thức* khi tham thiền. Khi điều này được thực hiện, con người có thể là một đấng sáng tạo *có ý thức*, và do đó công việc tiến hành theo cách tam phân; mãnh lực lưu thông tự do qua ba điểm hoạt động tập trung:

First. From that circle of petals in the egoic lotus which the Ego chooses to use, or is in a position to use. This is conditioned by the objective in view, and the state of egoic unfoldment.

Thứ nhất. Từ vòng cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã mà chân ngã chọn sử dụng, hay ở trong vị thế có thể sử dụng. Điều này chịu sự định hình của mục tiêu được nhắm đến và trạng thái khai mở chân ngã.

Secondly. The centre in the physical brain which is active in meditation. This is also

Thứ hai. Trung tâm trong bộ não hồng trần đang hoạt động trong tham thiền. Điều này

conditioned by the man's point in evolution, and the particular goal in mind.

cũng chịu sự định hình của điểm tiến hoá của con người và mục tiêu đặc thù trong trí.

Thirdly. The centre of force generated by the man upon the lower mental plane, as he proceeds to form the necessitated thought form, and to sweep into activity those builders who can respond to the vibration sent forth. This is likewise conditioned by the strength of his meditation, the fullness of the note sent forth by him, and the strength of his initiated vibration.

Thứ ba. Trung tâm lực do con người tạo ra trên cõi hạ trí, khi y tiến hành hình thành Hình tư tưởng cần thiết, và cuốn vào hoạt động những đấng kiến tạo có thể đáp ứng với rung động được phát ra. Điều này cũng chịu sự định hình của sức mạnh của sự tham thiền của y, sự viên mãn của âm điệu do y phát ra, và sức mạnh của rung động do y khởi phát.

Hence, the first thing the solar Angel does is to form a triangle, consisting of himself, the man on the physical plane, and the tiny point of force which is the result of their united endeavour. It will be of value to students of meditation to ponder upon this procedure, and to study the correspondence between it and the work of the solar Logos as He created "the Heavens and the Earth." The [Page 1000] Highest and the lowest aspects met, spirit and matter were brought into contact with each other; the consequence of this interplay was the birth of the Son, or the great solar thought form. In the three worlds, man, the lesser Deity, within his limits, proceeds along analogous lines. The three who are illumined by the light of the One are the three persons of the lower Triad, the mental body, the astral body, and the physical body. They, with the Illuminator, make the "Four" referred to, and thus becomes apparent the microcosmic Tetraktys.

Do đó, điều đầu tiên Thái dương Thiên Thần làm là hình thành một tam giác, gồm chính Ngài, con người trên cõi hồng trần, và điểm mãnh lực nhỏ bé là kết quả của nỗ lực hợp nhất của cả hai. Sẽ có giá trị cho các đạo sinh tham thiền nếu suy gẫm về tiến trình này, và nghiên cứu sự tương ứng giữa nó với công việc của Thái dương Thượng đế khi Ngài sáng tạo "Trời và Đất." [Page 1000] Phương diện cao nhất và thấp nhất đã gặp nhau, tinh thần và vật chất được đưa vào tiếp xúc với nhau; hệ quả của sự tương tác này là sự sinh ra của Con, hay Hình tư tưởng thái dương vĩ đại. Trong ba cõi giới, con người, vị Thượng đế nhỏ hơn, trong các giới hạn của mình, tiến hành theo những đường lối tương đồng. Ba vị nhận sự soi sáng từ ánh sáng của Đấng Duy Nhất là ba ngôi vị của Tam nguyên thấp, thể trí, thể cảm dục, và thể xác. Họ, cùng với Đấng Soi Sáng, tạo thành "Bốn" được nói đến, và như vậy Tetraktys của tiểu thiên địa trở nên hiển nhiên.

The two rules above form the esoteric basis of all meditation, and need to be carefully studied if results are to be achieved.

Hai quy luật trên tạo thành nền tảng huyền bí của mọi tham thiền, và cần được nghiên cứu cẩn thận nếu muốn đạt được kết quả.

RULE III. *The Energy circulates. The point of light, the product of the labours of the Four, waxeth and groweth. The myriads gather*

QUY LUẬT III. *Năng Lượng tuần hoàn. Điểm ánh sáng, sản phẩm do công sức của bốn, trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng. Vô số sinh linh*

round its glowing warmth until its light recedes. Its fire grows dim. Then shall the second sound go forth.

tập trung quanh hơi ấm rực rỡ của nó cho đến khi ánh sáng của nó mờ dần. Ngọn lửa của nó mờ đi. Kế đó, âm thanh thứ hai sẽ phát ra.

The white magician, having, through meditation and conscious purpose, formed a focal point of energy upon the mental plane, increases the vibration through strenuous concentration; he begins then to visualise in detail the form he is seeking to build; he pictures it with all its component parts, and sees "before his mind's eye" the consummated product of the egoic meditation as he has succeeded in bringing it through. This produces what is here called "the secondary note," the first being the note emanating from the Ego on its own plane, which awakened the "reflection" and called forth response. The vibration becomes stronger, and the note sounded by the man on the physical plane ascends and is heard upon the mental plane. Hence, in all meditation that is [Page 1001] of occult value, the man has to do certain things in order to aid in bringing about the results.

Nhà huyền thuật chánh đạo, sau khi đã, qua tham thiền và mục đích có ý thức, hình thành một tiêu điểm năng lượng trên cõi trí, làm tăng rung động bằng sự tập trung mãnh liệt; khi đó y bắt đầu hình dung chi tiết hình tướng mà y tìm cách xây dựng; y hình dung nó với tất cả các bộ phận cấu thành, và thấy "trước con mắt trí tuệ của mình" sản phẩm viên mãn của sự tham thiền chân ngã khi y đã thành công đưa nó xuyên qua. Điều này tạo ra cái ở đây được gọi là "âm điệu thứ cấp," âm điệu thứ nhất là âm điệu phát ra từ chân ngã trên cõi riêng của nó, đã đánh thức "sự phản chiếu" và gọi ra sự đáp ứng. Rung động trở nên mạnh hơn, và âm điệu do con người trên cõi hồng trần xướng lên đi lên và được nghe thấy trên cõi trí. Do đó, trong mọi tham thiền có [Page 1001] giá trị huyền bí, con người phải làm một số điều để giúp đem lại các kết quả.

He tranquilises his bodies in order that there be no impediment to the egoic intent, and listens for the "Voice of the Silence." He responds then to that Voice consciously, and broods over the imparted plans.

Y làm cho các thể của mình tĩnh lặng để không có trở ngại nào đối với ý định chân ngã, và lắng nghe "Tiếng Nói của Im Lặng." Khi đó y đáp ứng với Tiếng Nói ấy một cách có ý thức, và ấp ủ các kế hoạch được truyền đạt.

He then sounds the Sacred Word, taking up the note of the Ego as he believes he hears it, and sending it forth to swell the egoic sound, and to set in motion matter on the mental plane. He (synchronously with this sounding) visualises the proposed thought form which is to embody egoic purposes, and pictures it in detail.

Sau đó y xướng Linh từ Thiêng Liêng, tiếp nhận âm điệu của chân ngã như y tin rằng mình nghe được, và phát nó ra để làm tăng âm thanh chân ngã, và làm cho vật chất trên cõi trí chuyển động. Y (đồng thời với việc xướng này) hình dung Hình tư tưởng được dự định sẽ hiện thân cho các mục đích chân ngã, và hình dung nó một cách chi tiết.

We must not forget that we are here dealing with those conscious meditations, based on

Chúng ta không được quên rằng ở đây chúng ta đang bàn đến những sự tham thiền có ý

knowledge and long experience, which produce magical results on the physical plane. We are not dealing here with those meditations which have for their purpose the revelation of the inner God, and the bringing in of the illuminating fire of the Ego.

thức, dựa trên tri thức và kinh nghiệm lâu dài, tạo ra các kết quả huyền thuật trên cõi hồng trần. Ở đây chúng ta không bàn đến những sự tham thiền có mục đích là sự mặc khải Thượng đế nội tại, và việc đưa vào ngọn lửa soi sáng của chân ngã.

When this process is proceeding under rule and order, the focal point of energy on the lower mental plane gains in strength; its light or fire makes itself felt; it becomes, in the occult sense, visually objective, and attracts the attention of the lesser builders through

Khi tiến trình này diễn ra theo quy luật và trật tự, tiêu điểm năng lượng trên cõi hạ trí tăng thêm sức mạnh; ánh sáng hay lửa của nó tự làm cho mình được cảm nhận; theo nghĩa huyền bí, nó trở nên khách quan đối với linh thị, và thu hút sự chú ý của các vị tiểu kiến tạo qua

a. Its radiation or warmth,

a. Sự bức xạ hay hơi ấm của nó,

b. Its active vibration,

b. Rung động hoạt động của nó,

c. Its sound or note,

c. Âm thanh hay âm điệu của nó,

d. Its light.

d. Ánh sáng của nó.

The elemental workers of responsive capacity are gathered and swept into the radius of the force, and begin to gather around. The intended form begins to be apparent, and tiny life after tiny life takes its place in its construction. The result of this "coherency" is that the inner light becomes veiled, its brilliancy dimmed, just as the inner light of the Ego in its shadow, or thought form, man, is similarly dimmed and hidden. [Page 1002]

Các hành khí hoạt động có khả năng đáp ứng được tập hợp lại và bị cuốn vào bán kính của mãnh lực, rồi bắt đầu tụ tập xung quanh. Hình tướng được dự định bắt đầu trở nên rõ rệt, và từng sự sống nhỏ bé một đảm nhận vị trí của mình trong sự kiến tạo của nó. Kết quả của "sự cố kết" này là ánh sáng bên trong trở nên bị che phủ, độ rực rỡ của nó bị làm mờ đi, cũng như ánh sáng bên trong của chân ngã trong cái bóng của nó, hay Hình tư tưởng, con người, cũng bị làm mờ và che khuất tương tự. [Page 1002]

RULE IV. *Sound, light, vibration, and the form blend and merge, and thus the work is one. It proceedeth under the law, and naught can hinder now the work from going forward. The man breathes deeply. He concentrates his forces, and drives the thought-form from him.*

QUY LUẬT IV. *Âm thanh, ánh sáng, rung động, và hình tướng hòa trộn và dung hợp, và như thế công việc trở thành một. Công việc tiến hành theo định luật, và không gì có thể ngăn cản công việc tiến tới. Con người hít thở sâu. Y*

tập trung các lực của mình và đẩy hình tư tưởng ra khỏi y.

Here we have a very important piece of work of magic dealt with, and one that is little considered and known. The force used by the Ego in the work of forcing the man to carry out His purpose has been dynamic will, and the petal, or energy centre, employed has been one of the will petals. The man has, up till now, been driven by egoic will, but has blended with this much of the energy of the attraction aspect (desire or love) thereby gathering to himself on the mental plane, the material needed for his thought form. He has succeeded so far that on the concrete levels of the mental plane is to be seen a form in mental matter which is coherent, alive, vibrant, and of a desired nature. Its internal activity is such that its persistence for the length of time necessary to ensure achievement of the egoic purpose is assured; it stands ready to be sent forth upon its mission, to gather to itself material of a denser nature upon the astral plane, and to achieve greater consolidation. This is brought about by an act of will emanating from the man, and he gives the living form power "to break loose." It is exactly at this point, fortunately for the human race, that the majority of magical investigators fail in their work. They build a form in mental matter, but do not know how to send it forth, so that inevitably it will fulfill its mission. Thus many thought forms die a natural death on the mental plane owing to the inability of the man to exert the will faculty constructively, and his failure to understand the laws of thought-form construction. Another factor is his lack of knowledge [Page 1003] of the formula which releases the elemental builders from their surroundings, and forces them to cohere

Ở đây chúng ta có một công việc huyền thuật rất quan trọng được bàn đến, và là một điều ít được xem xét và biết đến. Mãnh lực được chân ngã sử dụng trong công việc buộc con người thực hiện mục đích của Ngài là ý chí năng động, và cánh hoa, hay trung tâm năng lượng, được dùng là một trong các cánh hoa ý chí. Cho đến lúc này, ý chí chân ngã đã thúc đẩy con người, nhưng đã hòa trộn với điều này nhiều năng lượng của phương diện hấp dẫn (dục vọng hay tình thương), nhờ đó tập hợp cho mình trên cõi trí chất liệu cần thiết cho hình tư tưởng của mình. Cho đến nay y đã thành công đến mức trên các cấp độ cụ thể của cõi trí có thể thấy một hình tướng trong vật chất trí tuệ, kết dính, sống động, rung động và có bản chất mong muốn. Hoạt động nội tại của nó đến mức sự bền vững của nó trong khoảng thời gian cần thiết để bảo đảm việc hoàn thành mục đích chân ngã là điều chắc chắn; nó đứng sẵn để được phóng ra trong sứ mạng của nó, để tập hợp cho mình chất liệu có bản chất đậm đặc hơn trên cõi cảm dục, và đạt đến sự củng cố lớn hơn. Một hành động ý chí phát ra từ con người mang lại điều này, và y ban cho hình tướng sống động ấy quyền năng "bứt thoát." Chính xác tại điểm này, may mắn thay cho nhân loại, mà đa số các nhà khảo cứu huyền thuật thất bại trong công việc của họ. Họ xây dựng một hình tướng trong vật chất trí tuệ, nhưng không biết cách phóng nó ra, để nó tất yếu sẽ hoàn thành sứ mạng của mình. Vì thế nhiều hình tư tưởng chết một cách tự nhiên trên cõi trí do con người không có khả năng vận dụng năng lực ý chí một cách xây dựng, và do y không thấu hiểu các định luật của việc kiến tạo hình tư tưởng. Một yếu tố khác là sự thiếu hiểu biết của y [Page 1003] về công thức giải phóng các đấng kiến tạo hành khí khỏi môi trường chung quanh chúng, và

within the periphery of the thought form for as long as the thinker desires.

buộc chúng kết dính trong chu vi của hình tư tưởng chừng nào người tư tưởng còn mong muốn.

Finally, they die owing to the incapacity of the man, which prevents him holding a meditation long enough, and formulating his ideas clearly enough to bring about ultimate materialisation.

Sau cùng, chúng chết do sự bất lực của con người, điều ngăn y giữ được một sự tham thiền đủ lâu, và định hình các ý tưởng của mình đủ rõ ràng để mang lại sự hiện hình tối hậu.

Men are, as yet, too impure and too selfish to be trusted with this knowledge. Their thought forms would be constructed in order to be sent on selfish missions and for destructive ends, and until they are more spiritual, and have gained control over their lower nature, the magical words which galvanise into separated activity the form in mental substance will not be available for their use.

Cho đến nay, con người vẫn còn quá ô uế và quá ích kỷ để có thể được tin cậy giao cho tri thức này. Các hình tư tưởng của họ sẽ được kiến tạo để được phóng đi trong những sứ mạng ích kỷ và cho các mục đích phá hoại, và cho đến khi họ trở nên tinh thần hơn, và đã đạt được sự kiểm soát đối với bản chất thấp của mình, thì các linh từ huyền thuật làm cho hình tướng trong chất liệu trí tuệ được kích hoạt vào hoạt động tách biệt sẽ không được dành cho họ sử dụng.

It might be asked how it is that men do achieve their ends, through concentration and visualisation, and do manage to send forth thought forms which reach their objective. In two ways this can be brought about:

Có thể có người hỏi làm sao con người vẫn đạt được mục đích của mình, thông qua tập trung và sự hình dung, và vẫn xoay xở phóng ra các hình tư tưởng đạt đến mục tiêu của chúng. Điều này có thể được thực hiện theo hai cách:

First. By an unconscious recollection of methods and formulas known and used in Atlantean days, when the magical formulas were public property, and men produced results through the pronouncement of certain sounds. They did not achieve their ends through mental ability, but principally through a parrot-like capacity to repeat mantrams. These are, at times, hidden in the subconscious nature, and are used unwittingly by the man who is *feeling* strongly enough.

Thứ nhất. Bằng một sự hồi tưởng vô thức về các phương pháp và công thức đã được biết và sử dụng trong thời Atlantis, khi các công thức huyền thuật là tài sản công khai, và con người tạo ra kết quả qua việc phát âm một số âm thanh nhất định. Họ không đạt được mục đích của mình nhờ khả năng trí tuệ, mà chủ yếu nhờ năng lực lặp lại các mantram như con vẹt. Đôi khi những điều này được ẩn trong bản chất tiềm thức, và được con người sử dụng một cách vô tình khi *cảm xúc của y* đủ mạnh.

Second. Through the thoughts and ideas of the man fitting in with the plans and

Thứ hai. Thông qua việc các tư tưởng và ý tưởng của con người phù hợp với các kế

purposes of those who do know, either on the path of white or black magic. Then they utilise the form with its inherent force and galvanise it into activity, and a temporary separate identity, thus sending it forth to accomplish its purpose. This accounts for many of the apparently phenomenal results achieved by selfish or by incompetent (though good) thinkers.

hoạch và mục đích của những ai thực sự biết, hoặc trên chánh đạo hoặc trên con đường của Hắc thuật. Khi đó họ sử dụng hình tướng với mãnh lực cố hữu của nó và kích hoạt nó vào hoạt động, cùng một bản sắc tách biệt tạm thời, nhờ vậy phóng nó đi để hoàn thành mục đích của nó. Điều này giải thích nhiều kết quả dường như phi thường đạt được bởi những người tư tưởng ích kỷ hoặc bất tài (dù tốt).

[Page 1004] The magical words are only communicated under the seal of secrecy, to men working under the Brotherhood of Light, to initiates, and to pledged chelas, owing to the great danger involved. Occasionally, too, they are ascertained by men and women who have brought about a condition of alignment with the Ego, and are, therefore, in touch with the inner centre of all knowledge within themselves. When this is so, the knowledge is safe, for the Ego ever works on the side of law and righteousness, and the words being emanated by the Ego are "lost in His sound" (as it is occultly termed) and will not be remembered by the physical brain when not under the influence of the solar Angel.

[Page 1004] Các linh từ huyền thuật chỉ được truyền đạt dưới ấn tín bí mật, cho những người hoạt động dưới Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, cho các điểm đạo đồ, và cho các đệ tử đã tuyên thệ, do mối nguy hiểm lớn lao liên quan. Đôi khi nữa, chúng được khám phá bởi những người nam và nữ đã tạo ra một tình trạng chỉnh hợp với chân ngã, và vì vậy tiếp xúc được với trung tâm bên trong của mọi tri thức ở ngay trong chính họ. Khi điều này xảy ra, tri thức ấy là an toàn, vì chân ngã luôn luôn hoạt động về phía định luật và chính nghĩa, và các linh từ do chân ngã phát ra "bị mất trong âm thanh của Ngài" (như được gọi một cách huyền bí) và sẽ không được bộ não hồng trần ghi nhớ khi không ở dưới ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần.

The six rules for the mental plane are necessarily brief, owing to the fact that the plane of mind is as yet an unknown land to the majority,—unknown in so far as its *conscious* control is concerned. These two remaining rules concern, in the first case, the brother engaged in white magic, and in the second the thought form he is constructing.

Sáu quy luật cho cõi trí tất yếu phải ngắn gọn, do sự kiện rằng cõi trí cho đến nay vẫn là một miền đất chưa biết đối với đa số,—chưa biết xét về phương diện việc kiểm soát nó một cách hữu thức. Hai quy luật còn lại này, trong trường hợp thứ nhất, liên quan đến huynh đệ đang dấn thân vào Chánh Thuật, và trong trường hợp thứ hai liên quan đến hình tư tưởng mà y đang kiến tạo.

RULE V. *Three things engage the solar Angel before the sheath created passes downward: the condition of the waters, the safety of the one who thus creates, and steady*

QUY LUẬT V. *Ba điều thu hút Thái Dương Thiên Thần trước khi cái vỏ được tạo ra đi xuống; tình trạng của các dòng nước, sự an toàn của người tạo ra hình tư tưởng như vậy, và sự chiêm ngưỡng đều đặn. Như vậy, tim, cổ*

contemplation. Thus are the heart, the throat, and the eye, allied for triple service.

họng và mắt, được liên kết cho sự phụng sự tam phân.

The focal point of energy that the man, the magician, has now created upon the mental plane, has reached a vibratory activity which makes it certain that response will be called forth from the matter required for the providing of the next, and denser sheath. This vibration will result in an aggregation of a different type of divine life-substance around the central nucleus. The form, occultly, is made to be sent forth, to descend, to [Page 1005] fly as a bird forth upon its mission, and a critical moment is near for the magician. One of the things the magician has to see to is that this form which he has constructed, and which he holds linked to him by a fine thread of animated substance (a correspondence on a minute scale of the sutratmic thread whereby the Monad or the Ego holds in connection its "form of manifestation") shall neither die for lack of vital sustenance nor return to him with its mission unfulfilled. When this latter catastrophe is the case, the thought form becomes a menace to the magician, and he becomes the prey of that which he has created. The devas who form the body of the idea which has failed in its purpose form a drain upon his vital force. He, therefore, sees to it that the motive or desire lying back of the "idea," now clothed with its first sheath, retains its pristine purity; that no trace of selfish intent, no perversion of the initial purpose of the solar Angel has been permitted to bring in an unworthy vibration. This is what is meant by attending to the "condition of the waters." As we well know, water stands for matter, and the substances of the astral plane which are now under consideration are of prime importance in all form-building. According to the substance used and the nature of the Builders who respond

Tiêu điểm năng lượng mà con người, nhà huyền thuật, nay đã tạo ra trên cõi trí, đã đạt đến một hoạt động rung động khiến chắc chắn rằng đáp ứng sẽ được khơi dậy từ vật chất cần thiết để cung cấp lớp vỏ kế tiếp và đậm đặc hơn. Rung động này sẽ dẫn đến một sự tập hợp của một loại chất liệu sự sống thiêng liêng khác quanh hạt nhân trung tâm. Hình tướng, theo huyền bí học, được làm cho sẵn sàng để được phóng ra, để đi xuống, để [Page 1005] bay đi như một con chim trong sứ mạng của nó, và một thời điểm nguy cấp đang đến gần đối với nhà huyền thuật. Một trong những điều nhà huyền thuật phải lưu ý là hình tướng mà y đã kiến tạo này, và y giữ nó nối với mình bằng một sợi chỉ mảnh của chất liệu được tiếp sinh lực (một tương ứng trên quy mô cực nhỏ của sợi dây sutratma nhờ đó chân thần hay chân ngã giữ cho "hình tướng biểu hiện" của mình được liên kết) sẽ không chết vì thiếu sự nuôi dưỡng sinh lực cũng không quay trở lại với y khi sứ mạng chưa hoàn thành. Khi tai họa sau này xảy ra, hình tư tưởng trở thành một mối đe dọa đối với nhà huyền thuật, và y trở thành con mồi của chính điều mình đã tạo ra. Các thiên thần tạo thành thân thể của ý tưởng đã thất bại trong mục đích của nó tạo nên một sự rút cạn sinh lực của y. Vì vậy, y phải bảo đảm rằng động cơ hay dục vọng nằm phía sau "ý tưởng," nay đã được khoác lớp vỏ đầu tiên, vẫn giữ được sự tinh khiết nguyên sơ của nó; rằng không một dấu vết nào của ý định ích kỷ, không một sự xuyên tạc nào của mục đích ban đầu của Thái dương Thiên Thần đã được cho phép mang vào một rung động bất xứng. Đây là điều được hàm ý bởi việc lưu ý đến "tình trạng của các nước." Như chúng ta đều biết rõ, nước tượng trưng cho vật chất, và các chất liệu của cõi cảm dục hiện đang được xét đến có tầm quan trọng hàng đầu

to the note of the form in mental matter, will the purpose be accomplished. This is the most important stage in many ways, for the astral body of any form conditions:

trong mọi việc xây dựng hình tướng. Tùy theo chất liệu được dùng và bản chất của các đấng kiến tạo đáp ứng với âm điệu của hình tướng trong vật chất trí tuệ mà mục đích sẽ được hoàn thành. Đây là giai đoạn quan trọng nhất trên nhiều phương diện, vì thể cảm dục của bất kỳ hình tướng nào cũng tác động lên:

a. The nature of the physical vehicle.

a. bản chất của vận cụ hồng trần.

b. The transmission of force from the next highest plane.

b. Sự truyền dẫn mãnh lực từ cõi cao hơn kế tiếp.

Provided the man on the physical plane can hold the purpose steady, and refuse to permit its distortion by the influences and vibrations emanating from the lower man, then the "devas of kama" can carry on their work. [Page 1006] I would remind students at this juncture that any thought form necessarily finds its way into greater streams of force or energy, emanating from advanced thinkers of every grade, from the planetary Logos downward, and according to its nature and motive so the work of evolution is assisted or retarded. It is in this connection that the Nirmanakayas work, manipulating streams of thought energy, vitalising the forms created by men, and thus carrying on the work of construction or destruction. They have to use that which exists; hence the necessity for clear thinking. Having "purified" the waters, or safeguarded his desires, the thinker next proceeds (through the use of certain words which are imparted to him by the solar Angel) to protect himself from the devas of elemental nature with which he is purposing to work. On the mental plane, the nature and vibration of the solar Angel proved sufficient protection, but he is now proposing to work with the most dangerous

Miễn là con người trên cõi hồng trần có thể giữ mục đích vững vàng, và từ chối không cho phép nó bị xuyên tạc bởi các ảnh hưởng và rung động phát ra từ phàm nhân, thì các "thiên thần của kama" có thể tiếp tục công việc của chúng. [Page 1006] Tôi muốn nhắc các đạo sinh tại điểm này rằng bất kỳ hình tư tưởng nào tất yếu cũng tìm đường đi vào các dòng mãnh lực hay năng lượng lớn hơn, phát ra từ các người tư tưởng tiến hóa ở mọi cấp độ, từ Đức Hành Tinh Thượng Đế trở xuống, và tùy theo bản chất và động cơ của nó mà công việc tiến hoá được hỗ trợ hay bị trì hoãn. Chính trong mối liên hệ này mà các Nirmanakaya hoạt động, thao tác các dòng năng lượng tư tưởng, tiếp sinh lực cho các hình tướng do con người tạo ra, và nhờ vậy tiếp tục công việc xây dựng hay phá hủy. Các Ngài phải sử dụng cái đang hiện hữu; do đó mới cần đến tư tưởng rõ ràng. Sau khi đã "thanh lọc" các nước, hay bảo vệ các dục vọng của mình, người tư tưởng tiếp theo tiến hành (qua việc sử dụng một số linh từ nhất định do Thái dương Thiên Thần truyền cho y) để bảo vệ mình khỏi các thiên thần của bản chất hành khí mà y dự định làm việc cùng. Trên cõi trí, bản chất và rung động của Thái dương Thiên Thần đã chứng tỏ là sự bảo vệ đầy đủ, nhưng giờ đây y đang dự định

elementals and existences in the three worlds. (302)

làm việc với các hành khí và các hiện hữu nguy hiểm nhất trong ba cõi giới. (302)

(302) H. P. B. has said that the elementals of the air are the most wicked and dangerous. He refers there to the physical plane, and to dangers menacing the physical body. They are the most dangerous where the physical plane is concerned, but in the case we are considering, we are dealing with man, the unity in the three worlds. (back)

(302) H. P. B. đã nói rằng các hành khí của khí là độc ác và nguy hiểm nhất. Ở đó bà đề cập đến cõi hồng trần, và đến những hiểm nguy đe dọa thể xác. Chúng là nguy hiểm nhất khi liên quan đến cõi hồng trần, nhưng trong trường hợp chúng ta đang xét, chúng ta đang bàn đến con người, đơn vị trong ba cõi giới. (back)

These protective formulas are sounded forth by the thinker, in conjunction with the solar Angel, at the moment the thought form is ready to receive its astral sheath. The mantram deals with the forces which impel activity in the Agnisuryans, and starts a stream of protective energy from one of the heart petals of the Egoic lotus. This circulates through the throat centre of the man, and sets up a circulatory stream of energy around him which automatically repulses the devas who might (through their blind unintelligent work) menace his peace. These two matters attended to—desire adjusted and the identity guarded—both the solar Angel and the worker in magic maintain an attitude of contemplation, [Page 1007] or that profound condition which succeeds that called meditation.

Các công thức bảo vệ này được người tư tưởng xướng lên, cùng với Thái dương Thiên Thần, vào lúc hình tư tưởng sẵn sàng tiếp nhận lớp vỏ cảm dục của nó. Mantram này liên quan đến các mãnh lực thúc đẩy hoạt động trong các Agnisuryan, và khởi động một dòng năng lượng bảo vệ từ một trong các cánh hoa tim của Hoa Sen Chân Ngã. Nó lưu chuyển qua trung tâm cổ họng của con người, và thiết lập một dòng năng lượng tuần hoàn quanh y, tự động đẩy lùi các thiên thần có thể (qua công việc mù quáng không thông minh của chúng) đe dọa sự bình an của y. Khi hai vấn đề này đã được xử lý—dục vọng được điều chỉnh và bản sắc được bảo vệ—cả Thái dương Thiên Thần lẫn người hoạt động trong huyền thuật đều duy trì một thái độ chiêm ngưỡng, [Page 1007] hay trạng thái thâm sâu tiếp nối trạng thái được gọi là tham thiền.

In contemplation, the inner eye is fixed upon the object of contemplation, and this produces (unconsciously in most cases) a steady stream of energy which is focussed upon the objective, producing vitalisation and activity. It is the basis of the "work of transmutation," for instance, when the human substance is transmuted into solar substance. The Ego contemplates his lunar bodies, and gradually the work is accomplished. When his reflection, man,

Trong chiêm ngưỡng, mắt bên trong được cố định vào đối tượng chiêm ngưỡng, và điều này tạo ra (một cách vô thức trong đa số trường hợp) một dòng năng lượng bền vững được tập trung vào mục tiêu, tạo ra sự tiếp sinh lực và hoạt động. Đây là nền tảng của "công việc chuyển hoá," chẳng hạn, khi chất liệu nhân loại được chuyển hoá thành chất liệu thái dương. Chân ngã chiêm ngưỡng các thể thái âm của mình, và dần dần công việc được hoàn thành. Khi phản chiếu của y, con

has reached a point in evolution where he can meditate and contemplate, the work is more rapidly accelerated, and transmutation proceeds with rapidity, particularly on the physical plane. In the work of thought-form building, the man, in contemplation, pursues the work of energising and vitalising. It might here be said that the eye is the great directing agency. When the third eye is used, which is the case in contemplation, it is the synthesiser and director of triple energy; hence the powerful work performed by those in whom it is functioning. The third eye only begins to function when the third circle of egoic petals is beginning slowly to unfold.

người, đã đạt đến một điểm tiến hoá mà ở đó y có thể tham thiền và chiêm ngưỡng, thì công việc được gia tốc nhanh hơn, và sự chuyển hoá diễn ra mau lẹ, đặc biệt trên cõi hồng trần. Trong công việc xây dựng hình tư tưởng, con người, trong chiêm ngưỡng, tiếp tục công việc cấp năng lượng và tiếp sinh lực. Ở đây có thể nói rằng mắt là tác nhân chỉ đạo lớn lao. Khi con mắt thứ ba được sử dụng, như trong trường hợp chiêm ngưỡng, nó là yếu tố tổng hợp và chỉ đạo của năng lượng tam phân; do đó mới có công việc đầy quyền năng được thực hiện bởi những ai nơi họ nó đang hoạt động. Con mắt thứ ba chỉ bắt đầu hoạt động khi vòng thứ ba của các cánh hoa chân ngã đang bắt đầu chậm rãi khai mở.

If students will study the effect of the human eye on the physical plane, and then extend the concept to the work of the interior Thinker, as he utilises the third eye, they will get an interesting light upon the subject of thought control. The old Commentary says:

Nếu các đạo sinh nghiên cứu tác động của mắt người trên cõi hồng trần, rồi mở rộng khái niệm ấy đến công việc của Đấng Tư Tưởng bên trong, khi y sử dụng con mắt thứ ba, họ sẽ có được một ánh sáng thú vị về đề tài kiểm soát tư tưởng. Cổ Luận nói:

"When the eye is blind, the forms created revolve in circles and fulfill not the law. When the eye is open, force streams forth, direction is assured, fulfillment is certain, and the plans proceed under law; the eye which is blue in color, and the eye which sees not red, when open, produce that which is intended with great facility."

"Khi mắt mù, các hình tướng được tạo ra quay vòng tròn và không hoàn thành định luật. Khi mắt mở, mãnh lực tuôn ra, sự chỉ đạo được bảo đảm, sự hoàn thành là chắc chắn, và các kế hoạch tiến hành theo định luật; con mắt có màu xanh lam, và con mắt không thấy màu đỏ, khi mở ra, tạo ra điều được dự định một cách rất dễ dàng."

The final rule is contained in the words: [Page 1008]

Quy luật cuối cùng được chứa trong những lời: [Page 1008]

RULE VI. *The devas of the lower four feel the force when the eye opens; they are driven forth and lose their master.*

QUY LUẬT VI. *Các thiên thần của bốn cõi thấp cảm nhận được mãnh lực khi con mắt mở ra; họ bị xua đuổi và đánh mất chủ nhân của mình.*

The egoic energy, transmitted via the physical brain, is directed now to the work of sending forth the form, so that it may clothe itself in astral matter. The eye of the Thinker opens, and repulsing vitality streams forth. More need not be said here, for until the eye is functioning, it is not possible for men to comprehend the nature of the energy which they will then wield or direct.

Năng lượng chân ngã, được truyền qua bộ não hồng trần, giờ đây được hướng vào công việc phóng hình tướng ra, để nó có thể tự khoác lấy vật chất cảm dục. Mắt của Đấng Tư Tưởng mở ra, và sinh lực đẩy lùi tuôn ra. Không cần nói thêm ở đây, vì cho đến khi mắt hoạt động, con người không thể thấu hiểu bản chất của năng lượng mà khi ấy họ sẽ nắm giữ hay chỉ đạo.

b. Five Rules for the Astral Plane. Before we take up the consideration of the second set of "Rules for Magic," I would like to make a few remarks anent the "eye of the Magician," to which reference has been earlier made. One of the fundamental rules back of all magical processes is that no man is a magician or worker in white magic until the third eye is opened, or in process of opening, for it is by means of that eye that the thought form is energised, directed and controlled and the lesser builders or forces are swept into any particular line of activity. Among the coming discoveries, and among the next revelations of materialistic science will be one which will concern itself with the force-directing faculty of the human eye, alone or collectively, and this will indicate one of the first stages towards the rediscovery of the third eye, or the "Eye of Shiva." Shiva is, as we know, one of the names for the first great logoic aspect, and under that name is hidden much of esoteric moment. Shiva stands for:

b. Năm Quy Luật cho Cõi Cảm Dục. Trước khi chúng ta bắt đầu xem xét bộ thứ hai của "Các Quy Luật Huyền Thuật," tôi muốn đưa ra vài nhận xét liên quan đến "con mắt của Nhà huyền thuật," điều đã được nhắc đến trước đây. Một trong những quy luật nền tảng phía sau mọi tiến trình huyền thuật là không ai là nhà huyền thuật hay người hoạt động trong Chánh Thuật cho đến khi con mắt thứ ba được mở ra, hoặc đang trong tiến trình mở ra, vì chính bằng con mắt đó mà hình tư tưởng được cấp năng lượng, chỉ đạo và kiểm soát, và các vị tiểu kiến tạo hay các mãnh lực được cuốn vào bất kỳ đường hoạt động đặc thù nào. Trong số những khám phá sắp đến, và trong số những mặc khải kế tiếp của khoa học duy vật sẽ có một khám phá liên quan đến năng lực chỉ đạo mãnh lực của mắt người, riêng lẻ hay tập thể, và điều này sẽ chỉ ra một trong những giai đoạn đầu tiên hướng đến việc tái khám phá con mắt thứ ba, hay "Con Mắt của Shiva." Shiva, như chúng ta biết, là một trong những danh xưng của phương diện thượng đế vĩ đại thứ nhất, và dưới danh xưng ấy ẩn giấu nhiều điều có tầm quan trọng huyền bí. Shiva tượng trưng cho:

a. The Will aspect,

a. Phương diện Ý chí,

b. The Spirit aspect,

b. Phương diện Tinh thần,

c. The Father in Heaven,

c. Đức Cha trên Trời,

d. The directing purpose,

e. Conscious energy,

f. Dynamic intent,

[Page 1009] and in the consideration of these phrases the innate faculties of the third eye will become apparent.

The "Eye of Shiva" in the human being has its position, as is already known, in the centre of the forehead between the two physical eyes. *(S. D., I, 77; II, 297,309, 316.)*

It is not to be confounded with the pineal gland, which is distinctly a physical centre or gland. The third eye exists in etheric matter, and is an etheric centre of force, being made of the substance of the ethers, whereas the pineal gland is formed of matter of the three lower subplanes of the physical plane. The latter, nevertheless, has to be functioning more or less before the "Eye of Shiva" becomes in any degree active, and it is this fact that has led writers of occult books in the past purposely to confound the two, in order to protect the knowledge.

The third eye is formed through the activity of three factors:

First, through the direct impulse of the Ego on its own plane. During the greater part of evolution the Ego makes its contact with its reflection, physical plane man, through the centre at the top of the head. When man is more highly evolved, and is nearing or treading the Path, the indwelling Self takes a more complete grasp of its lower vehicle, and descends to a point in the head or brain which is found approximately in the centre

d. Mục đích chỉ đạo,

e. Năng lượng hữu thức,

f. Ý định năng động,

[Page 1009] và khi xem xét các cụm từ này, các năng lực bẩm sinh của con mắt thứ ba sẽ trở nên hiển nhiên.

"Con Mắt của Shiva" trong con người có vị trí của nó, như đã được biết, ở trung tâm trán giữa hai mắt hồng trần. *(S. D., I, 77; II, 297,309, 316.)*

Không nên nhầm lẫn nó với tuyến tùng, vốn rõ ràng là một trung tâm hay tuyến hồng trần. Con mắt thứ ba tồn tại trong vật chất dĩ thái, và là một trung tâm mãnh lực dĩ thái, được tạo thành từ chất liệu của các dĩ thái, trong khi tuyến tùng được tạo thành từ vật chất của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần. Tuy nhiên, tuyến sau này ít nhiều phải hoạt động trước khi "Con Mắt của Shiva" trở nên hoạt động ở bất kỳ mức độ nào, và chính sự kiện này đã khiến các tác giả của các sách huyền bí trong quá khứ cố ý làm lẫn lộn hai điều ấy, nhằm bảo vệ tri thức.

Con mắt thứ ba được hình thành qua hoạt động của ba yếu tố:

Thứ nhất, qua xung lực trực tiếp của chân ngã trên cõi riêng của nó. Trong phần lớn tiến trình tiến hoá, chân ngã tiếp xúc với phản chiếu của nó, con người trên cõi hồng trần, qua trung tâm ở đỉnh đầu. Khi con người tiến hóa cao hơn, và đang đến gần hoặc đang bước trên Đường Đạo, Bản Ngã Cao Siêu nội tại nắm giữ vận cụ thấp của mình một cách trọn vẹn hơn, và hạ xuống một điểm trong đầu hay bộ não được tìm

of the forehead. This is its lowest contact. It is interesting here to note the correspondence with the evolution of the senses. The three major senses and the three first to demonstrate in order are, hearing, touch, sight. For the greater part of evolution, hearing is the guiding impulse of human life through egoic contact with the top of the head. Later, when the Ego descends a little lower, the etheric centre which is active in connection with the pituitary body, is added, and man becomes responsive [Page 1010] to subtler and higher vibrations; the occult correspondence to the physical sense of *touch* awakens. Finally, the third *eye* opens and the pineal gland simultaneously begins to function. At first, the sight is dim, and the gland is only partially responsive to vibration, but gradually the eye opens fully, the gland is fully active, and we have the "fully awakened" man. When this is the case, the alta major centre vibrates and then the three physical head centres are functioning.

thấy xấp xỉ ở trung tâm trán. Đây là tiếp xúc thấp nhất của nó. Ở đây thật thú vị khi lưu ý sự tương ứng với sự tiến hoá của các giác quan. Ba giác quan chính và là ba giác quan đầu tiên biểu lộ theo thứ tự là thính giác, xúc giác, thị giác. Trong phần lớn tiến trình tiến hoá, thính giác là xung lực chỉ đạo của đời sống con người thông qua tiếp xúc chân ngã với đỉnh đầu. Về sau, khi chân ngã hạ xuống thấp hơn một chút, trung tâm dĩ thái hoạt động liên hệ với tuyến yên được thêm vào, và con người trở nên đáp ứng [Page 1010] với các rung động vi tế và cao hơn; sự tương ứng huyền bí với giác quan hồng trần là *xúc giác* được đánh thức. Sau cùng, con *mắt* thứ ba mở ra và tuyến tùng đồng thời bắt đầu hoạt động. Lúc đầu, thị giác còn mờ nhạt, và tuyến chỉ đáp ứng một phần với rung động, nhưng dần dần con mắt mở hoàn toàn, tuyến hoạt động đầy đủ, và chúng ta có con người "hoàn toàn thức tỉnh." Khi điều này xảy ra, trung tâm alta major rung động và khi ấy ba trung tâm đầu hồng trần đều hoạt động.

Second, through the co-ordinated activity of the major head centre, the many petalled lotus above the top of the head. This centre directly affects the pineal gland, and the interplay of force behind the two (the correspondence, on a tiny scale, of the pairs of opposites, spirit and matter), produces the great organ of consciousness, the "Eye of Shiva." It is the instrument of wisdom, and in these three centres of energy we have the correspondence of the three aspects within the head of man.

Thứ hai, qua hoạt động phối hợp của trung tâm đầu chính, hoa sen nhiều cánh phía trên đỉnh đầu. Trung tâm này trực tiếp tác động đến tuyến tùng, và sự tương tác của mãnh lực phía sau cả hai (sự tương ứng, trên quy mô cực nhỏ, của các cặp đối cực, tinh thần và vật chất), tạo ra cơ quan lớn của tâm thức, "Con Mắt của Shiva." Nó là công cụ của minh triết, và trong ba trung tâm năng lượng này chúng ta có sự tương ứng của ba phương diện bên trong đầu con người.

1.	Major head centre	Will Aspect	Spirit	Father in Heaven
2.	Pineal gland	Love-Wisdom aspect	Consciousness	Son

3.	Third eye	Activity aspect	Matter	Mother

The third eye is the director of energy or force, and thus an instrument of the will or Spirit; it is responsive only to that will as controlled by the Son-aspect, the revealer of the love-wisdom nature of gods and man, and it is therefore the sign of the white magician.

Con mắt thứ ba là tác nhân chỉ đạo năng lượng hay mãnh lực, và do đó là một công cụ của ý chí hay Tinh thần; nó chỉ đáp ứng với ý chí ấy khi phương diện Con kiểm soát ý chí ấy, đấng mặc khải bản chất bác ái-minh triết của các thượng đế và con người, và vì vậy nó là dấu hiệu của nhà huyền thuật chánh đạo.

Third, the reflex action of the pineal gland itself.

Thứ ba, phản ứng phản chiếu của chính tuyến tùng.

As these three types of energy, or the vibration of these three centres, begin to contact each other, a definite interplay is set up. This triple interplay forms in time a vortex or centre of force, which finds its place in the centre of the forehead, and takes eventually the semblance of an eye looking out between the other two. [Page 1011] It is the eye of the inner vision, and he who has opened it can direct and control the energy of matter, see all things in the Eternal Now, and therefore be in touch with causes more than with effects, read the akashic records, and see clairvoyantly. Therefore, its possessor can control the builders of low degree.

Khi ba loại năng lượng này, hay rung động của ba trung tâm này, bắt đầu tiếp xúc nhau, một sự tương tác xác định được thiết lập. Sự tương tác tam phân này theo thời gian hình thành một xoáy hay trung tâm mãnh lực, tìm được vị trí của nó ở trung tâm trán, và cuối cùng mang dáng vẻ của một con mắt nhìn ra giữa hai mắt kia. [Page 1011] Nó là con mắt của linh thị bên trong, và ai đã mở nó ra có thể chỉ đạo và kiểm soát năng lượng của vật chất, thấy mọi sự trong Hiện Tại Vĩnh Cửu, và vì vậy tiếp xúc với nguyên nhân nhiều hơn là với kết quả, đọc được các hồ sơ akasha, và thấy bằng thông nhãn. Do đó, người sở hữu nó có thể kiểm soát các đấng kiến tạo cấp thấp.

The "Eye of Shiva," when perfected, is blue in colour, and as our solar Logos is the "Blue Logos" so do His children occultly resemble Him; but this colour must be interpreted esoterically. It must be remembered also that prior to the final two Initiations (the sixth and seventh), the eye of the white magician, when developed, will be coloured according to the man's ray—again esoterically understood. More anent this question of colour may not be communicated. According to the colour, so

"Con Mắt của Shiva," khi hoàn thiện, có màu xanh lam, và cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta là "Thượng đế Xanh Lam" thì con cái của Ngài cũng giống Ngài một cách huyền bí; nhưng màu sắc này phải được giải thích một cách huyền bí. Cũng phải nhớ rằng trước hai lần điểm đạo cuối cùng (thứ sáu và thứ bảy), con mắt của nhà huyền thuật chánh đạo, khi được phát triển, sẽ được tô màu theo cung của con người—một lần nữa phải được hiểu theo nghĩa huyền bí. Không thể truyền đạt thêm gì về vấn đề màu

will be the type of energy manipulated, but here it must be borne in mind that all magicians work with three types of energy:

sắc này. Tùy theo màu sắc mà sẽ có loại năng lượng được thao tác, nhưng ở đây phải ghi nhớ rằng mọi nhà huyền thuật đều làm việc với ba loại năng lượng:

a. That which is the same as their own Ray,

a. Loại giống với cung riêng của họ,

b. That which is complementary to their own type of force,

b. Loại bổ sung cho kiểu mãnh lực riêng của họ,

c. Their polar opposite,

c. Đối cực của họ,

and they work, therefore, either along the line of least resistance, or through attraction, and repulsion.

và vì vậy họ làm việc hoặc theo con đường ít trở ngại nhất, hoặc thông qua hấp dẫn và đẩy lùi.

It is through the medium of this "all-seeing eye" that the Adept can at any moment put Himself in touch with His disciples anywhere; that He can communicate with His compeers on the planet, on the polar opposite of our planet, and on the third planet which, with ours, forms a triangle; that He can, through the energy directed from it, control and direct the builders, and hold any thought form He may have created within His sphere of influence, and upon its intended path of service; and that through his eye by means of directed energy currents He can help and stimulate His disciples or groups of men in any place at any time.

Chính qua trung gian của "con mắt thấy mọi sự" này mà chân sư có thể vào bất cứ lúc nào đặt Chính Ngài vào tiếp xúc với các đệ tử của Ngài ở bất cứ nơi đâu; rằng Ngài có thể giao tiếp với các đồng đẳng của Ngài trên hành tinh, trên hành tinh đối cực của hành tinh chúng ta, và trên hành tinh thứ ba, hành tinh cùng với hành tinh chúng ta tạo thành một tam giác; rằng Ngài có thể, qua năng lượng được chỉ đạo từ đó, kiểm soát và chỉ đạo các đấng kiến tạo, và giữ bất kỳ hình tư tưởng nào Ngài có thể đã tạo ra trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài, và trên con đường phụng sự đã được dự định của nó; và rằng qua mắt của Ngài, bằng các dòng năng lượng được chỉ đạo, Ngài có thể giúp đỡ và kích thích các đệ tử của Ngài hay các nhóm người ở bất kỳ nơi nào vào bất kỳ lúc nào.

[Page 1012] The pineal gland is subject to two lines of stimulation: *First,* that which emanates from the Ego itself via the etheric force centres. This downflow of egoic energy (the result of the awakening of the centres through meditation and spirituality of life), impinges upon the gland and in the course of years gradually increases its secretion,

[Page 1012] Tuyến tùng chịu hai đường kích thích: *Thứ nhất,* đường phát ra từ chính chân ngã qua các trung tâm mãnh lực dĩ thái. Dòng tuôn đổ năng lượng chân ngã này (kết quả của sự thức tỉnh các trung tâm qua tham thiền và đời sống tinh thần), tác động lên tuyến và trong tiến trình nhiều năm dần dần làm tăng sự tiết dịch của nó, làm lớn

enlarges its form, and starts it into a new cycle of activity.

hình dạng của nó, và khởi động nó vào một chu kỳ hoạt động mới.

The second line of stimulation affecting the pineal gland is that which is the consequence of the discipline of the physical body, and its subjugation to the laws of spiritual unfoldment. As the disciple lives a regulated life, avoids meat, nicotine and alcohol, and practises continence, the pineal gland becomes no longer atrophied, but resumes its earlier activity.

Đường kích thích thứ hai tác động đến tuyến tùng là đường là hệ quả của sự kỷ luật thể xác, và sự khuất phục nó trước các định luật của sự khai mở tinh thần. Khi đệ tử sống một đời sống điều độ, tránh thịt, nicotine và rượu, và thực hành tiết dục, tuyến tùng không còn bị teo nữa, mà phục hồi hoạt động trước kia của nó.

More cannot here be given but enough has been indicated to give the student food for thought.

Không thể cho thêm ở đây, nhưng như thế đã chỉ ra đủ để đem lại nhiều điều đáng suy ngẫm cho đạo sinh.

In meditation, by the sounding of the word, the student awakens response in the major head centre, causes reciprocal vibration between it and the physical head centre, and gradually co-ordinates the forces in the head. Through the practice of the power of visualisation, the third eye is developed. The forms visualised, and the ideas and abstractions which are, in the process, mentally clothed and vehicled, are pictured a few inches from the third eye. It is the knowledge of this which causes the Eastern yogi to speak of "concentration upon the tip of the nose." Behind this misleading phrase a great truth is veiled.

Trong tham thiền, bằng việc xướng linh từ, đạo sinh đánh thức sự đáp ứng trong trung tâm đầu chính, gây ra rung động tương hỗ giữa nó và trung tâm đầu hồng trần, và dần dần phối hợp các mãnh lực trong đầu. Qua việc thực hành năng lực hình dung, con mắt thứ ba được phát triển. Các hình tướng được hình dung, và các ý tưởng cùng các ý niệm trừu tượng được khoác hình tướng và mang vận cụ bằng chất liệu cõi trí trong tiến trình ấy, được vẽ nên cách con mắt thứ ba vài inch. Chính tri thức này khiến nhà yogi phương Đông nói đến "sự tập trung vào chóp mũi." Đằng sau cụm từ gây hiểu lầm này là một chân lý lớn lao được che giấu.

In proceeding with the "Rules for Magic," we will take up those concerned with the second set, which deal with the form-building impulses, and those attractive tendencies which are the basis of physical plane manifestation. We have considered certain rules which deal with the work of the solar Angel, who (in all true magical work of any kind), is the active agent. We have [Page 1013] considered the rules whereby He constructs a thought form upon

Khi tiếp tục với "Các Quy Luật Huyền Thuật," chúng ta sẽ xét đến những quy luật liên quan đến bộ thứ hai, bàn về các xung lực xây dựng hình tướng, và những khuynh hướng hấp dẫn là nền tảng của sự biểu hiện trên cõi hồng trần. Chúng ta đã xem xét một số quy luật liên quan đến công việc của Thái dương Thiên Thần, Đấng (trong mọi công việc huyền thuật chân chính thuộc bất kỳ loại nào) là tác nhân hoạt động. Chúng ta đã [Page 1013] xem xét các quy luật nhờ đó Ngài

the mental plane, or that germ body which will (through accretion and vibratory sound), take to itself other forms.

kiến tạo một hình tư tưởng trên cõi trí, hay thể mầm mống mà (qua sự bồi đắp và âm thanh rung động), sẽ thu hút về mình các hình tướng khác.

RULE VII. *The dual forces on the plane whereon the vital power must be sought, are seen; the two paths face the Solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates.*

QUY LUẬT VII. *Các mãnh lực kép của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền.*

Upon the astral plane the thought form must now function, and a body must be provided so as to make this possible. The energy of desire enters it, and "he who meditates" has to energise the form with one of two types of force before it passes into objectivity. Upon the action taken depends the construction of the etheric body, and the consequent physical manifestation. This point is but little realised by the average thinker, but the parallel with his own life experience is exact, as is the correspondence with the cosmic process. The "nature of the deva" (as it is called), enters in, and upon the quality of its love nature, and the specific type of that which is the object of love will depend the nature of the thought form. If the deva, or solar Angel, is as yet in love with manifestation, and has a desire for objective existence, thus identifying himself voluntarily with substance, there ensues the phenomenon of reincarnated physical life. If the deva, or solar Angel, is no longer attracted by matter, then there is no identification, and objective life is no longer the law of his existence. He identifies himself then with quality, or energy, and becomes an expression of the divine attributes. Objectivity may then ensue as a voluntary offering to the good of the group or planetary existence, but identification with the separated form is no longer the

Trên cõi cảm dục, hình tư tưởng giờ đây phải hoạt động, và một thân thể phải được cung cấp để làm cho điều này thành khả hữu. Năng lượng của dục vọng đi vào nó, và "người hành thiền" phải cấp năng lượng cho hình tướng bằng một trong hai loại mãnh lực trước khi nó đi vào tính khách quan. Tùy theo hành động được thực hiện mà việc kiến tạo thể dĩ thái, và sự biểu hiện hồng trần hệ quả, sẽ được quyết định. Điểm này ít được người tư tưởng trung bình nhận ra, nhưng sự tương đồng với kinh nghiệm sống riêng của y là chính xác, cũng như sự tương ứng với tiến trình vũ trụ. "Bản chất của thiên thần" (như được gọi) đi vào, và tùy theo phẩm tính của bản chất bác ái của nó, và loại đặc thù của điều là đối tượng của tình thương mà bản chất của hình tư tưởng sẽ được quyết định. Nếu thiên thần, hay Thái dương Thiên Thần, vẫn còn yêu thích biểu hiện, và có dục vọng đối với sự tồn tại khách quan, do đó tự nguyện đồng hoá với chất liệu, thì hiện tượng đời sống hồng trần tái sinh sẽ xảy ra. Nếu thiên thần, hay Thái dương Thiên Thần, không còn bị vật chất hấp dẫn nữa, thì không có sự đồng hoá, và đời sống khách quan không còn là định luật của sự tồn tại của Ngài nữa. Khi ấy Ngài đồng hoá với phẩm tính, hay năng lượng, và trở thành một biểu hiện của các thuộc tính thiêng liêng. Tính khách quan khi ấy có thể xảy ra như một sự hiến dâng tự nguyện cho

case. The human vehicle then created is as much a thought form in this case as any other particularised idea, and [Page 1014] the greatest act of conscious magic is to be seen. All other magical creations are subsidiary to this. Through manipulation of negative and positive energy, thus bringing them to the point of equilibrium before informing them, the perfected body of the Adept is formed. All magical work on the astral plane has to be along the line of equilibrising activity, and the distinctive nature of this type of work on the three planes in the three worlds might be summed up as follows:

thiện ích của sự tồn tại nhóm hay hành tinh, nhưng sự đồng hoá với hình tướng tách biệt không còn nữa. Vận cụ nhân loại khi ấy được tạo ra trong trường hợp này cũng là một hình tư tưởng như bất kỳ ý tưởng biệt hóa nào khác, và [Page 1014] hành động huyền thuật hữu thức vĩ đại nhất được thấy ở đây. Mọi sáng tạo huyền thuật khác đều phụ thuộc vào điều này. Qua việc thao tác năng lượng âm và dương, nhờ đó đưa chúng đến điểm quân bình trước khi phú linh cho chúng, thân thể hoàn hảo của chân sư được hình thành. Mọi công việc huyền thuật trên cõi cảm dục đều phải theo đường hoạt động quân bình hóa, và bản chất đặc thù của loại công việc này trên ba cõi trong ba cõi giới có thể được tóm lược như sau:

On the mental plane, the positive force of the solar Angel drives the substance needed into the correct form.

Trên cõi trí, mãnh lực dương của Thái dương Thiên Thần đẩy chất liệu cần thiết vào đúng hình tướng.

On the astral plane, the equilibrising force of the solar Angel gathers the needed material and energy from all directions and builds it into the necessary astral sheath.

Trên cõi cảm dục, mãnh lực quân bình hóa của Thái dương Thiên Thần tập hợp chất liệu và năng lượng cần thiết từ mọi hướng và xây dựng chúng thành lớp vỏ cảm dục cần thiết.

On the physical plane the negative force of the solar Angel is all that is needed to gather the desired etheric substance. By this I mean the form has now achieved a vitality and distinction of its own, so that no aggressive action emanating from the egoic centre is required to continue the work. The note and vibration of the form itself suffices.

Trên cõi hồng trần mãnh lực âm của Thái dương Thiên Thần là tất cả những gì cần thiết để tập hợp chất liệu dĩ thái mong muốn. Bởi điều này tôi muốn nói rằng hình tướng giờ đây đã đạt được một sinh lực và một đặc tính riêng của nó, đến mức không cần hành động xung kích nào phát ra từ trung tâm chân ngã để tiếp tục công việc. Chính âm điệu và rung động của bản thân hình tướng là đủ.

RULE VIII. *The Agnisuryans respond to the sound. The waters ebb and flow. Let the magician guard himself from drowning at the point where land and water meet. The midway spot which is neither dry nor wet must provide*

QUY LUẬT VIII. *Các Agnisuryans đáp ứng với âm thanh. Các vùng nước lên xuống và chảy. Hãy để nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi chết đắm tại điểm nơi đất và nước gặp nhau. Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải*

the standing place whereon his feet are set. When water, land and air meet there is the place for magic to be wrought.

cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân. Khi nước, đất và không khí gặp nhau, đó là nơi để huyền thuật được thực hiện.

It will be noted that in this rule, no mention is made of the fourth element, fire. The reason for this is that the magician has to accomplish the stupendous task of generating the needed fire at this triple "meeting place." This is one of the most occult and most puzzling of the [Page 1015] rules. Some light is thrown on it by the following three sentences from the old Commentary:

Cần lưu ý rằng trong quy luật này không có sự nhắc đến nguyên tố thứ tư, lửa. Lý do là nhà huyền thuật phải hoàn thành nhiệm vụ phi thường là tạo ra ngọn lửa cần thiết tại "điểm gặp gỡ" tam phân này. Đây là một trong những quy luật huyền bí nhất và khó hiểu nhất. [Page 1015] Ba câu sau đây từ Cổ Luận phần nào soi sáng quy luật này:

"When the fire is drawn from the inmost point within the heart the waters suffice not to subdue it. Like a stream of flame it issues forth, and traverses the waters, which disappear before it. Thus the goal is found."

"Khi lửa được rút ra từ điểm sâu kín nhất trong tim, các nước không đủ sức khuất phục nó. Như một dòng lửa nó tuôn ra, và băng qua các nước, là những thứ biến mất trước nó. Như thế mục tiêu được tìm thấy."

"When the fire descends from the One Who watches above, the wind suffices not to blow it out. The very winds protect, shield and aid the work, guiding the falling fire unto the point of entrance."

"Khi lửa giáng xuống từ Đấng đang quan sát ở trên cao, gió không đủ sức thổi tắt nó. Chính các luồng gió bảo vệ, che chở và trợ giúp công việc, hướng dẫn ngọn lửa đang rơi đến điểm đi vào."

"When the fire emanates from the mouth of the one who thinks and sees, then the earth sufficeth not to hide or kill the flame. It feeds the flame, causing a growth and magnitude of fire which reaches to the narrow door of entrance."

"Khi lửa phát ra từ miệng của kẻ tư tưởng và thấy, thì đất không đủ sức che giấu hay giết chết ngọn lửa. Nó nuôi ngọn lửa, gây nên sự tăng trưởng và cường độ của lửa, thứ vươn tới cánh cửa hẹp của lối vào."

Under this symbology much is hidden anent the life-giving energy, the centres symbolised to focalise it, and to drive it forth, and the place the various types of receptive matter play in the magical work. As is ever the case in all white magic, the activity of the solar Angel is the primary factor and the work of the man upon the physical plane is regarded as secondary; his physical body, and the work engendered

Dưới biểu tượng học này ẩn giấu nhiều điều liên quan đến năng lượng ban sự sống, các trung tâm được tượng trưng để tập trung nó và phóng nó ra, và vai trò mà các loại vật chất tiếp nhận khác nhau đảm nhiệm trong công việc huyền thuật. Như luôn luôn là trường hợp trong mọi Chánh Thuật, hoạt động của Thái dương Thiên Thần là yếu tố chính yếu và công việc của con người trên cõi hồng trần được xem là thứ yếu; thể xác

therein, being frequently referred to as "fuel and its warmth." This needs careful remembering, and will give the clue to the necessity of egoic alignment, and to the problem of the extinction of certain workers in magic, who were "destroyed by their own fire" or energy. The discreet magician is one who sees to the readiness of his lowest vehicle to carry the fire wherewith he works, and this he accomplishes through discipline and strict purity.

của y, và công việc được tạo ra trong đó, thường được gọi là "nhiên liệu và hơi ấm của nó." Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận, và sẽ cho manh mối về sự cần thiết của chỉnh hợp chân ngã, và về vấn đề sự hủy diệt của một số người hoạt động trong huyền thuật, những kẻ đã "bị hủy diệt bởi chính lửa" hay năng lượng của mình. Nhà huyền thuật thận trọng là người bảo đảm vận cụ thấp nhất của mình sẵn sàng mang ngọn lửa mà y làm việc cùng, và điều này y hoàn thành qua kỷ luật và sự thanh khiết nghiêm ngặt.

The magician guards himself from "drowning" or from coming under the influence of the water or astral elementals, through a knowledge of certain formulas, and until these sounds and mantrams are imparted and known, it is not safe for the man on the physical plane to attempt magical creation. These formulas are three in number: [Page 1016]

Nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi "chết đuối" hay khỏi rơi vào ảnh hưởng của các hành khí nước hay cảm dục, qua sự hiểu biết về một số công thức nhất định, và cho đến khi các âm thanh và mantram này được truyền dạy và được biết đến, thì con người trên cõi hồng trần không an toàn để thử sáng tạo huyền thuật. Các công thức này có ba loại: [Page 1016]

First, those which blend the two notes, add a third, and thus call into activity the builders of the astral plane, the Agnisuryans, in some one or other of their grades. These are based on the initiatory sound of the Ego, and distinguish between it and the sound of the note of the builders and lives of the tiny thought form already formed. The formula is chanted on a basis of these three notes, variation of tone and note, though not of formula, producing the types of forms.

Thứ nhất, những công thức hòa trộn hai âm điệu, thêm một âm thứ ba, và nhờ đó gọi vào hoạt động các đấng kiến tạo của cõi cảm dục, các Agnisuryan, trong một cấp độ nào đó của chúng. Chúng dựa trên âm thanh khởi phát của chân ngã, và phân biệt giữa nó với âm thanh của âm điệu của các đấng kiến tạo và các sự sống của hình tư tưởng nhỏ bé đã được tạo thành. Công thức được tụng trên nền tảng của ba âm điệu này, sự biến đổi về thanh và âm điệu, dù không phải về công thức, tạo ra các loại hình tướng.

Second, those which are of a purely protective nature, and which, through a knowledge of the laws of sound as they are known in connection with water (or the astral plane), place a vacuum between the magician and the waters, as well as between him and his creation. This formula is based on the sounds connected with air as for it is

Thứ hai, những công thức có bản chất thuần túy bảo vệ, và nhờ sự hiểu biết về các định luật của âm thanh như chúng được biết trong liên hệ với nước (hay cõi cảm dục), đặt một khoảng chân không giữa nhà huyền thuật và các nước, cũng như giữa y và sáng tạo của y. Công thức này dựa trên các âm thanh liên hệ với khí vì chính qua việc đặt

through placing around himself a protecting shell of air atoms, esoterically understood, that the magician guards himself from the approach of the water builders.

quanh mình một vỏ bảo vệ bằng các nguyên tử khí, được hiểu theo nghĩa huyền bí, mà nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi sự tiếp cận của các đấng kiến tạo nước.

Third, those which, when sounded, produce two results: the sending forth of the perfected creation, so that it may take to itself a physical body, and next, the dispersal of the building forces, now that their work is completed.

Thứ ba, những công thức mà khi được xướng lên sẽ tạo ra hai kết quả: phóng sáng tạo đã hoàn thiện ra ngoài, để nó có thể thu hút lấy cho mình một thể xác, và kế đó là làm phân tán các mãnh lực kiến tạo, giờ đây công việc của chúng đã hoàn tất.

This last set of formulas is of exceeding interest, and were they not so powerful the magician might find himself cumbered with the produce of his thought, and the prey of a vital form, and of certain "devas of the waters" who would never leave him until they had completely drained from him all the "waters of his nature," absorbing it into their own nature, and producing his astral death. The curious phenomenon would then be seen of the Ego or solar Angel being incarnated in the mental sheath, yet separated from the physical body, owing to the occult "drowning" of the magician. There is nothing left for the Ego to do then but to snap the sutratma [Page 1017] or thread, and sever all connection with the lowest sheath. This lowest sheath then may persist for a short time, according to the strength of the animal life, but more probably death would immediately ensue. (304) Several magicians have perished thus.

Bộ công thức cuối cùng này cực kỳ đáng quan tâm, và nếu chúng không mạnh mẽ đến thế thì nhà huyền thuật có thể thấy mình bị vướng bận bởi sản phẩm của tư tưởng mình, và trở thành con mồi của một hình tướng đầy sinh lực, cùng của một số "thiên thần của các nước" sẽ không bao giờ rời y cho đến khi chúng đã hoàn toàn rút cạn khỏi y mọi "nước của bản chất y," hấp thụ nó vào bản chất riêng của chúng, và gây ra cái chết cảm dục của y. Khi ấy sẽ thấy hiện tượng kỳ lạ là chân ngã hay Thái dương Thiên Thần nhập thể trong lớp vỏ trí tuệ, nhưng lại bị tách khỏi thể xác, do sự "chết đuối" huyền bí của nhà huyền thuật. Khi đó không còn gì cho chân ngã làm ngoài việc cắt đứt sutratma [Page 1017] hay sợi dây, và đoạn tuyệt mọi liên hệ với lớp vỏ thấp nhất. Lớp vỏ thấp nhất này khi ấy có thể tồn tại trong một thời gian ngắn, tùy theo sức mạnh của sự sống động vật, nhưng có lẽ cái chết sẽ xảy ra ngay lập tức. (304) Một số nhà huyền thuật đã chết như thế.

(304) The courses open to the Divine Ego after separation are two.—S. D., III, 524.

(304) Có hai con đường mở ra cho Chân ngã thiêng liêng sau khi tách rời.—S. D., III, 524.

a. It can start a fresh series of incarnations.

a. Nó có thể bắt đầu một chuỗi lâm phàm mới.

b. It can return to the 'bosom of the Father' and be gathered back to the Monad.

b. Nó có thể trở về "lòng Cha" và được thu hồi về chân thần.

Two courses are open to the lower discarded self.—S. D., III, 525, 527.

Có hai con đường mở ra cho bản ngã thấp bị loại bỏ.—S. D., III, 525, 527.

a. If with a physical body it becomes a soulless man. In this case there is hope.

a. Nếu có thể xác, nó trở thành một con người vô hồn. Trong trường hợp này vẫn còn hy vọng.

b. If without a physical body it becomes a spook, or one form of the Dweller on the Threshold. (back)

b. Nếu không có thể xác, nó trở thành một ma ảnh, hay một dạng của Kẻ Chận Ngõ. (back)

RULE IX. *Condensation next ensues. The fire and waters meet, the form swells and grows. Let the magician set his form upon the proper path.*

QUY LUẬT IX. *Sự ngưng tụ tiếp theo xảy ra. Lửa và nước gặp nhau, hình tướng phồng lên và tăng trưởng. Hãy để nhà huyền thuật đặt hình tướng của mình trên con đường thích hợp.*

This rule is very briefly summed up in the injunction: Let desire and mind be so pure and so equally apportioned and the created form so justly balanced that it cannot be attracted towards the destructive or "left-hand" path.

Quy luật này được tóm lược rất ngắn gọn trong lời huấn thị: Hãy để dục vọng và trí tuệ tinh khiết đến thế và được phân phối đồng đều đến thế, và hình tướng được tạo ra được quân bình công chính đến thế, để nó không thể bị lôi kéo về phía con đường hủy diệt hay "tả đạo."

RULE X. *As the waters bathe the form created, they are absorbed and used. The form increases in its strength; let the magician thus continue until the work suffices. Let the outer builders cease their labors then, and let the inner workers enter on their cycle.*

QUY LUẬT X. *Khi các vùng nước tắm rửa hình tướng được tạo ra, chúng được hấp thụ và sử dụng. Hình tướng tăng lên về sức mạnh của nó; hãy để nhà huyền thuật tiếp tục cho đến khi công việc đã đủ. Khi đó, hãy để các đấng kiến tạo bên ngoài ngừng các công việc của họ, và hãy để các công nhân bên trong bước vào chu kỳ của họ.*

One of the fundamental concepts which is grasped by all magical workers, is that both will and desire are *force emanations*. They differ in quality and vibration, but are essentially currents of energy, one forming an initial vortex or centre of activity, being

Một trong những khái niệm nền tảng được mọi người hoạt động huyền thuật nắm bắt là cả ý chí lẫn dục vọng đều là những *sự phát xạ của mãnh lực*. Chúng khác nhau về phẩm tính và rung động, nhưng về bản chất đều là những dòng năng lượng, một dòng tạo

centrifugal, and the other being centripetal, and the main factor in the accretion of matter into a form around the central vortex. This can be seen demonstrating in an interesting way in the case of the egoic lotus, where we have the will aspect forming the "jewel in the lotus," or the inner [Page 1018] centre of electrical energy, and the desire or love aspect forming the egoic lotus itself, or the form which hides the centre. The analogy in all form building holds good for gods, men and atoms. The solar system is (from the higher cosmic planes), seen as a vast blue lotus, and so on down the scale; even the tiny atom of substance can be so considered. The distinction between these various lotuses exists in the number and arrangement of the petals. The solar system is literally a twelve-petalled lotus, each petal being formed of forty-nine lesser petals. The planetary lotuses differ in each scheme, and one of the secrets of initiation is revealed when the number of the petals of

thành một xoáy ban đầu hay một trung tâm hoạt động, có tính ly tâm, còn dòng kia có tính hướng tâm, và là yếu tố chính trong sự bồi tụ vật chất thành một hình tướng quanh xoáy trung tâm. Điều này có thể được thấy biểu lộ một cách thú vị trong trường hợp của Hoa Sen Chân Ngã, nơi chúng ta có phương diện ý chí tạo thành "ngọc trong hoa sen," hay trung tâm bên trong của năng lượng điện [Page 1018], còn phương diện dục vọng hay bác ái tạo thành chính Hoa Sen Chân Ngã, hay hình tướng che giấu trung tâm. Sự tương đồng trong mọi công cuộc xây dựng hình tướng đều đúng cho các vị thần, con người, và các nguyên tử. Hệ mặt trời được nhìn thấy (từ các cõi vũ trụ cao hơn) như một hoa sen xanh bao la, và cứ thế đi xuống theo thang bậc; ngay cả nguyên tử nhỏ bé của chất liệu cũng có thể được xem như vậy. Sự khác biệt giữa các hoa sen này nằm ở số lượng và sự sắp xếp của các cánh hoa. Hệ mặt trời theo nghĩa đen là một hoa sen mười hai cánh, mỗi cánh được tạo thành từ bốn mươi chín cánh nhỏ hơn. Các hoa sen hành tinh khác nhau trong mỗi hệ hành tinh, và một trong những bí mật của điểm đạo được tiết lộ khi số lượng cánh hoa của

a. Our earth planet,

a. hành tinh Trái Đất của chúng ta,

b. Our planetary polar opposite,

b. hành tinh đối cực của hành tinh chúng ta,

c. Our complementary or equilibrising planet,

c. hành tinh bổ sung hay quân bình của chúng ta,

is committed to the initiate. Armed with this knowledge, he can then work out certain formulas of magic which enable him to create in the three spheres. It is the same basic concept which governs thought form building, and which enables a magician of white magic to produce objective phenomena on the physical plane. He works with the two types of energy, will and desire,

được trao cho điểm đạo đồ. Được trang bị bằng tri thức này, y khi đó có thể suy ra một số công thức huyền thuật giúp y sáng tạo trong ba khối cầu. Chính cùng khái niệm căn bản ấy chi phối việc xây dựng Hình tư tưởng, và giúp một nhà huyền thuật chánh đạo tạo ra các hiện tượng khách quan trên cõi hồng trần. Y làm việc với hai loại năng lượng, ý chí và dục vọng, và sự quân bình của chúng dẫn

and their equilibrising is what leads to the balancing of the pairs of opposites, and the subsequent release of energy-substance in the formation of the physical plane structure. The magician has to know the following facts:

đến việc cân bằng các cặp đối cực, và sau đó giải phóng năng lượng-chất liệu trong việc hình thành cấu trúc cõi hồng trần. Nhà huyền thuật phải biết các sự kiện sau đây:

The formulas for the two aspects of logoic energy, will and desire. This is literally apprehension of the note and formula of the Brahma or substance aspect, and the note and formula of the Vishnu, or building aspect. One he ascertains because he has mastered matter; the other is revealed to him when he has achieved group consciousness.

Các công thức cho hai phương diện của năng lượng của Thượng đế, ý chí và dục vọng. Điều này theo nghĩa đen là sự lĩnh hội âm điệu và công thức của phương diện Brahma hay chất liệu, và âm điệu cùng công thức của phương diện Vishnu, hay phương diện kiến tạo. Một điều y xác định được vì y đã làm chủ vật chất; điều kia được tiết lộ cho y khi y đã đạt được tâm thức nhóm.

[Page 1019] The formula for the particular type of energy substance which he is seeking to employ. This will have relation to that particular petal in the solar lotus from which the desired force emanates.

[Page 1019] Công thức cho loại chất liệu năng lượng đặc thù mà y đang tìm cách sử dụng. Điều này sẽ liên hệ đến cánh hoa đặc thù trong hoa sen thái dương mà từ đó mãnh lực mong muốn phát ra.

The formula for the particular type of energy which is transmitted to him via one or other of the three circles of petals in his own egoic lotus.

Công thức cho loại năng lượng đặc thù được truyền đến cho y qua một trong ba vòng cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã của chính y.

The formula for the particular petal in a circle of petals with which he may choose to work. All these concern primarily the will aspect, *as far as the thought form to be produced is concerned*, for the magician is the will, or purpose, or spirit behind the objective phenomenon which he is in process of producing.

Công thức cho cánh hoa đặc thù trong một vòng cánh hoa mà y có thể chọn để làm việc. Tất cả những điều này chủ yếu liên quan đến phương diện ý chí, *xét theo Hình tư tưởng sẽ được tạo ra*, vì nhà huyền thuật là ý chí, hay mục đích, hay tinh thần đứng sau hiện tượng khách quan mà y đang trong tiến trình tạo ra.

The formula which sweeps into activity (and thus produces a form), those Agnisuryans who are energised by any particular aspect of solar force. Where the two forces are brought into contact, the form is produced,

Công thức quét vào hoạt động (và do đó tạo ra một hình tướng) những Agnisuryan nhận năng lượng từ bất kỳ phương diện đặc thù nào của mãnh lực thái dương. Nơi hai mãnh lực được đưa vào tiếp xúc, hình tướng được

or the third energy centre appears or manifests:

tạo ra, hay trung tâm năng lượng thứ ba xuất hiện hay biểu lộ:

a. The energy of the will aspect.

a. Năng lượng của phương diện ý chí.

b. The energy of the desire or love aspect.

b. Năng lượng của phương diện dục vọng hay bác ái.

c. The energy of the consequent thought form.

c. Năng lượng của Hình tư tưởng hệ quả.

There is no contradiction here to the occult teaching that Father and Mother, or Spirit and Matter, when brought into contact, produce the Son. The difficulty which students have to surmount consists in the true interpretation of the three terms: Mother—Matter—Moisture (or the waters).

Ở đây không có mâu thuẫn nào với giáo huấn huyền bí rằng Cha và Mẹ, hay Tinh thần và Vật chất, khi được đưa vào tiếp xúc, tạo ra Người Con. Khó khăn mà các đạo sinh phải vượt qua nằm ở sự diễn giải đúng đắn ba thuật ngữ: Mẹ—Vật chất—Ẩm tính (hay các nước).

In creation, the three vibratory spheres:

Trong sáng tạo, ba khối cầu rung động:

1.	The dense physical	Mother	Matter,
2.	The etheric	Matter	Holy Spirit,
3.	The astral	Moisture	Water,

work as a unit, and in the occult teaching, during the earlier stages of creation, must not be separated or distinguished apart. On the path of involution, if the subject may be approached from a different angle, and thus [Page 1020] somewhat clarify, distinctions are made, and on the path of evolution, or of return, they are, as we well know, surmounted; on the middle point of equilibrium, as on our globe, for instance, confusion ensues in the mind of the student owing to the occult fact that the various formulas are being employed

hoạt động như một đơn vị, và trong giáo huấn huyền bí, trong các giai đoạn đầu của sáng tạo, không được tách rời hay phân biệt riêng ra. Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nếu chủ đề có thể được tiếp cận từ một góc độ khác, và nhờ đó [Page 1020] làm sáng tỏ phần nào, thì có những sự phân biệt được tạo ra, còn trên con đường thăng thượng tiến hoá, hay Con Đường Trở Về, như chúng ta đều biết rõ, chúng được vượt qua; tại điểm giữa của sự quân bình, chẳng hạn như trên bầu hành tinh của chúng ta, sự lẫn lộn nảy sinh trong trí tuệ của đạo sinh do sự kiện

simultaneously, the thought-forms are at all stages of construction, and the ensuing chaos is terrible.

huyền bí rằng các công thức khác nhau đang được sử dụng đồng thời, các Hình tư tưởng đang ở mọi giai đoạn kiến tạo, và sự hỗn loạn phát sinh thật khủng khiếp.

The rule which we are commenting upon may be interpreted as stating that in the magical work, the energy of the waters becomes paramount, and desire for the form and the fulfilment of its objective increases. This takes place after the will energy has formed the central nucleus by being brought into contact with the desire force. The magician, through desire (or strong motive), increases the vitality of the form until it is so powerful and intense in its own separated life that it is ready to go forth on its mission upon the physical plane. The building devas who have been impelled to construct the form out of the myriads of elemental lives available, have completed their work, and now cease from constructing; this particular type of energy no longer drives the lesser lives in any specific direction, and the final cycle of work upon the astral plane is entered upon. This is summed up in the next rule.

Quy luật mà chúng ta đang bình giải có thể được diễn giải là nói rằng trong công việc huyền thuật, năng lượng của các nước trở nên tối quan trọng, và dục vọng đối với hình tướng cùng sự hoàn thành mục tiêu của nó gia tăng. Điều này diễn ra sau khi năng lượng ý chí đã tạo thành hạt nhân trung tâm bằng cách được đưa vào tiếp xúc với mãnh lực dục vọng. Nhà huyền thuật, thông qua dục vọng (hay động cơ mạnh mẽ), gia tăng sinh lực của hình tướng cho đến khi nó trở nên mạnh mẽ và mãnh liệt đến mức, trong sự sống biệt lập riêng của nó, nó sẵn sàng đi ra thực hiện sứ mệnh của mình trên cõi hồng trần. Các thiên thần kiến tạo đã được thúc đẩy xây dựng hình tướng từ vô số sự sống hành khí sẵn có, nay đã hoàn tất công việc của mình, và giờ đây ngừng việc kiến tạo; loại năng lượng đặc thù này không còn thúc đẩy các sự sống nhỏ bé theo bất kỳ hướng đặc biệt nào nữa, và chu kỳ công việc cuối cùng trên cõi cảm dục được bước vào. Điều này được tóm lược trong quy luật kế tiếp.

RULE XI. *Three things the worker with the law must now accomplish. First, ascertain the formula which will confine the lives within the ensphering wall; next, pronounce the words which will tell them what to do and where to carry that which has been made; and finally, to utter forth the mystic phrase which will save him from their work.*

QUY LUẬT XI. *Ba điều người làm việc với định luật bây giờ phải hoàn thành. Trước hết, xác định công thức sẽ giới hạn các sự sống trong bức tường bao quanh; tiếp theo, xướng các từ ngữ sẽ nói cho chúng biết phải làm gì và mang cái gì đã được tạo ra đến đâu; và cuối cùng, thốt ra cụm từ thần bí sẽ cứu y khỏi công việc của chúng.*

The embodied idea has now form and shape upon the astral plane; but all is as yet in a state of flux, and the lives are only held in place through the fixed attention [Page 1021] of the magician, working through the

Ý tưởng đã nhập thể giờ đây đã có hình dạng và hình tướng trên cõi cảm dục; nhưng mọi sự vẫn còn ở trong trạng thái lưu động, và các sự sống chỉ được giữ tại chỗ nhờ sự chú tâm cố định [Page 1021] của nhà huyền

greater builders. He must, through knowledge of certain magical phrases, make the work more permanent and independent and fix the place of the vitalising elements within the form, and give them an impetus that will result in more settled concretion. Having accomplished that, he becomes, if it might so be expressed, an agent of Karma, and sends forth the dual thought form (clothed in mental and astral matter), to fulfil its mission, whatever that may be. Finally, he has to take steps to protect himself from the attractive forces of his own nature, which might eventuate in his holding the thought form so closely within the radius of his own influence that it would be rendered useless, its own inherent energy neutralised, and its purpose negated.

thuật, hoạt động thông qua các đấng đại kiến tạo. Y phải, thông qua tri thức về một số cụm từ huyền thuật, làm cho công việc trở nên bền vững và độc lập hơn, cố định vị trí của các yếu tố tiếp sinh lực bên trong hình tướng, và ban cho chúng một xung lực sẽ dẫn đến sự kết tụ ổn định hơn. Sau khi hoàn thành điều đó, y trở thành, nếu có thể nói như vậy, một tác nhân của nghiệp quả, và phóng ra Hình tư tưởng nhị phân (được khoác bằng vật chất trí tuệ và cảm dục), để hoàn thành sứ mệnh của nó, dù sứ mệnh ấy là gì. Sau cùng, y phải thực hiện các bước để tự bảo vệ mình khỏi các mãnh lực hấp dẫn của chính bản chất mình, những mãnh lực có thể dẫn đến việc y giữ Hình tư tưởng quá chặt trong bán kính ảnh hưởng của chính mình đến nỗi nó trở nên vô dụng, năng lượng cố hữu của nó bị trung hoà, và mục đích của nó bị vô hiệu hóa.

They might also produce such a powerful, attractive force that he would draw the form so closely to himself that he would be forced to absorb it. This can be harmlessly accomplished by the man who knows how, but results, nevertheless, in a waste of energy which is forbidden under the Law of Economy. With the majority of men, who are oft unconscious magicians, many thought forms are malicious or destructive, and react back upon their creators in a disastrous manner.

Chúng cũng có thể tạo ra một mãnh lực hấp dẫn mạnh đến mức y sẽ kéo hình tướng lại quá gần mình đến nỗi y buộc phải hấp thụ nó. Người biết cách có thể thực hiện điều này mà không gây tổn hại, nhưng dù sao vẫn dẫn đến sự lãng phí năng lượng, điều bị cấm theo Định luật Tiết Kiệm. Với đa số con người, vốn thường là các nhà huyền thuật vô thức, nhiều Hình tư tưởng mang ác ý hay có tính phá hoại, và phản tác động trở lại lên những người tạo ra chúng theo một cách tai hại.

c. Four Rules for the Physical Plane. In the magical work of form creation, we have carried the thought form down from the mental plane where the solar Angel initiated the work, through the astral, where the equilibrising work was done, to the physical plane, or to the etheric levels. Here the work of producing objectivity is carried forward, and here the worker in magic is in critical danger of failure should he not be cognisant

c. Bốn Quy Luật cho Cõi Hồng Trần. Trong công việc huyền thuật của sự sáng tạo hình tướng, chúng ta đã đưa Hình tư tưởng đi xuống từ cõi trí, nơi Thái dương Thiên Thần khởi xướng công việc, qua cõi cảm dục, nơi công việc quân bình được thực hiện, đến cõi hồng trần, hay đến các cấp độ dĩ thái. Tại đây công việc tạo ra tính khách quan được tiếp tục, và tại đây người hoạt động trong huyền thuật ở trong mối nguy hiểm nghiêm trọng

of the forms and mantrams by which the new group of builders can be reached, and the gap between the astral plane and the gaseous subplane of the physical be bridged. It might be useful here to remember that in the work of creation [Page 1022] the white magician avails himself *of the current Ray influence*. When the third, fifth and seventh rays are in power, either coming in, at full meridian, or passing out, the work is much easier than when the second, sixth or fourth are dominant. At the present time, the seventh Ray, as we know, is rapidly dominating, and it is one of the easiest of the forces with which man has to work. Under this Ray it will be possible to build a new structure for the rapidly decaying civilisation, and to erect the new temple desired for the religious impulse. Under its influence the work of the numerous unconscious magicians will be much facilitated. This will eventuate in the rapid growth of unconscious psychic phenomena, in the spread of mental science, and the consequent ability of thinkers to acquire and to create those tangible benefits they desire. Nevertheless, this magic of the unconscious or selfish kind leads to karmic results of a deplorable nature, for only those who work with the law and who control the lesser lives through knowledge, love and will, evade the consequences entailed on those who manipulate living matter for selfish ends.

có thể thất bại nếu y không nhận biết các hình tướng và các mantram nhờ đó nhóm kiến tạo mới có thể được tiếp cận, và khoảng cách giữa cõi cảm dục với cõi phụ khí thể của cõi hồng trần có thể được bắt cầu. Ở đây, có lẽ sẽ hữu ích nếu nhớ rằng trong công việc sáng tạo [Page 1022] nhà huyền thuật chánh đạo tận dụng *ảnh hưởng của cung hiện hành.* Khi các cung ba, năm và bảy đang có quyền lực, dù đang đi vào, ở đỉnh cực thịnh, hay đang đi ra, công việc dễ dàng hơn nhiều so với khi cung hai, sáu hay bốn chiếm ưu thế. Hiện nay, như chúng ta biết, cung bảy đang nhanh chóng chiếm ưu thế, và đó là một trong những mãnh lực dễ làm việc nhất đối với con người. Dưới cung này, sẽ có thể xây dựng một cấu trúc mới cho nền văn minh đang nhanh chóng suy tàn, và dựng nên ngôi đền mới mà xung lực tôn giáo mong muốn. Dưới ảnh hưởng của nó, công việc của vô số nhà huyền thuật vô thức sẽ được tạo điều kiện rất nhiều. Điều này sẽ dẫn đến sự tăng trưởng nhanh chóng của các hiện tượng thông linh vô thức, sự lan rộng của khoa học trí tuệ, và khả năng hệ quả của các nhà tư tưởng trong việc đạt được và tạo ra những lợi ích hữu hình mà họ mong muốn. Tuy nhiên, loại huyền thuật vô thức hay ích kỷ này dẫn đến những kết quả nghiệp quả đáng buồn, vì chỉ những ai làm việc với định luật và kiểm soát các sự sống nhỏ bé bằng tri thức, bác ái và ý chí mới tránh được các hậu quả giáng xuống trên những kẻ thao túng vật chất sống vì những mục đích ích kỷ.

The white magician utilises solar forces. As the planet passes around the sun different types of solar energy are contacted, and expert knowledge is required to utilise the influences in due time, and to have the form so constituted that it can respond at the needed hour to the differentiated energy.

Nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng các mãnh lực thái dương. Khi hành tinh chuyển động quanh mặt trời, các loại năng lượng thái dương khác nhau được tiếp xúc, và cần có tri thức chuyên môn để sử dụng các ảnh hưởng đúng lúc, cũng như làm cho hình tướng được cấu tạo sao cho nó có thể đáp ứng vào giờ cần thiết với năng lượng đã được biến phân.

He manipulates planetary force of a triple nature:

Y thao túng mãnh lực hành tinh có bản chất tam phân:

a. That which is the product of his own planet, and the most easily available.

a. Mãnh lực là sản phẩm của chính hành tinh y, và dễ sử dụng nhất.

b. That which emanates from the polar opposite of our planet.

b. Mãnh lực phát ra từ đối cực của hành tinh chúng ta.

c. That which can be felt originating from that planet which forms, with our earth and its opposite, the esoteric triangle.

c. Mãnh lực có thể được cảm nhận là phát sinh từ hành tinh tạo thành, cùng với Trái Đất của chúng ta và đối cực của nó, tam giác huyền bí.

[Page 1023] Students need here to remember that we are now dealing with etheric matter and vital energy, and are therefore concerning ourselves with the physical plane and all that is included in that term. They need likewise to remember that the magician (as he is working on the plane of objectivity) is in a position to use his own vital forces in the work of thought form creation, but this is only possible and permissible when he has reached the point in evolution where he is a channel for force and knows how to draw it within himself, transmute it, or combine it with the forces of his own body, and then transmit it to the thought form which he is in process of constructing. Much of interest will open up before the thinker who extends this idea to the planetary Logos and His work of form creating.

[Page 1023] Các đạo sinh ở đây cần nhớ rằng hiện nay chúng ta đang bàn đến vật chất dĩ thái và năng lượng sinh lực, và do đó đang đề cập đến cõi hồng trần cùng mọi điều được bao hàm trong thuật ngữ ấy. Các đạo sinh cũng cần nhớ rằng nhà huyền thuật (khi y đang làm việc trên cõi khách quan) ở vào vị thế có thể sử dụng các mãnh lực sinh lực riêng của mình trong công việc sáng tạo Hình tư tưởng, nhưng điều này chỉ có thể và được phép khi y đã đạt đến điểm tiến hoá mà tại đó y là một kênh dẫn cho mãnh lực và biết cách thu hút nó vào trong mình, chuyển hoá nó, hay kết hợp nó với các mãnh lực của chính thân thể mình, rồi sau đó truyền nó cho Hình tư tưởng mà y đang trong tiến trình kiến tạo. Nhiều điều thú vị sẽ mở ra trước nhà tư tưởng nào mở rộng ý tưởng này đến Đức Hành Tinh Thượng Đế và công việc sáng tạo hình tướng của Ngài.

With these few preliminary remarks, we can now continue with the Rules of Magic for the physical plane.

Với vài nhận xét sơ bộ này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục với các Quy Luật Huyền Thuật cho cõi hồng trần.

RULE XII. *The web pulsates. It contracts and expands. Let the magician seize the midway point and thus release those "prisoners of the*

QUY LUẬT XII. *Mạng lưới đập nhịp. Nó co lại và giãn ra. Hãy để nhà huyền thuật nắm bắt điểm ở giữa và như vậy giải phóng những "tù*

planet" whose note is right and justly tuned to that which must be made.

nhân của hành tinh" mà âm điệu đúng và được điều chỉnh chính xác với cái phải được tạo ra.

It is necessary for the magician here to remember that all that takes place upon the earth is to be found within the planetary etheric web. The worker in white magic, being an occultist, deals in universals, and starts his magical work on the confines of the physical etheric sphere. His problem is to locate those lesser lives, within the web, who are of the right order to be built into the proposed thought vehicle. Such work can necessarily only be done by the man who, through the severance of the confining web of his own etheric web, can reach out to that which is consciously recognised by him as the planetary vital body. *Only he who is free can control and utilise those who are prisoners.* This is an occult axiom [Page 1024] of real moment, and much of the failure undergone by would-be workers in magic is to be traced to the fact that they themselves are not free. The "prisoners of the planet" are those myriads of deva lives who form the planetary pranic body, and are swept in on the floods of vital force emanating from the physical sun.

Ở đây, nhà huyền thuật cần nhớ rằng mọi điều diễn ra trên trái đất đều được tìm thấy bên trong tấm lưới dĩ thái hành tinh. Người hoạt động trong Chánh Thuật, vì là một nhà huyền bí học, làm việc với những cái phổ quát, và khởi sự công việc huyền thuật của mình ở ranh giới của khối cầu dĩ thái hồng trần. Vấn đề của y là định vị những sự sống nhỏ bé ấy, bên trong tấm lưới, vốn thuộc đúng loại để được xây dựng vào vận cụ tư tưởng được đề xuất. Công việc như thế tất yếu chỉ có thể được thực hiện bởi người mà, thông qua việc cắt đứt tấm lưới giam hãm của chính thể dĩ thái mình, có thể vươn ra đến điều được y nhận biết một cách hữu thức là thể sinh lực hành tinh. *Chỉ người nào tự do mới có thể kiểm soát và sử dụng những kẻ đang bị giam giữ.* Đây là một tiên đề huyền bí [Page 1024] có tầm quan trọng thực sự, và phần lớn sự thất bại mà những người muốn hoạt động trong huyền thuật phải chịu có thể được truy nguyên về sự kiện là chính họ không tự do. "Những tù nhân của hành tinh" là vô số các sự sống thiên thần tạo thành thể prana hành tinh, và bị cuốn vào theo những dòng thác sinh lực phát ra từ mặt trời hồng trần.

RULE XIII. *The magician must recognise the four; note in his work the shade of violet which they evidence, and thus construct the shadow. When this is so, the shadow clothes itself, and the four become the seven.*

QUY LUẬT XIII. *Nhà huyền thuật phải nhận ra bộ bốn; lưu ý trong công việc của mình sắc thái tím mà chúng thể hiện, và như vậy xây dựng cái bóng. Khi điều này được như vậy, cái bóng tự khoác quần áo, và bốn trở thành bảy.*

This means literally that the magician must be in a position to discriminate between the different ethers, and to note the special hue of the different levels, thereby ensuring a balanced building of the "shadow." He "recognises" them in the occult sense; that is, he knows their note and key, and is aware

Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là nhà huyền thuật phải ở vào vị thế có thể phân biện giữa các loại dĩ thái khác nhau, và ghi nhận sắc thái đặc biệt của các cấp độ khác nhau, nhờ đó bảo đảm sự kiến tạo quân bình của "cái bóng." Y "nhận biết" chúng theo nghĩa huyền bí; nghĩa là, y biết âm điệu và

of the particular type of energy they embody. Enough emphasis has not been laid upon the fact that the three higher levels of the etheric planes are in vibratory communication with the three higher planes of the cosmic physical plane, and they (with their ensphering fourth level) have been called in the occult books "the inverted Tetraktys." It is this knowledge which puts the magician in possession of the three types of planetary force and their combination, or the fourth type, and thus releases for him that vital energy which will drive this idea into objectivity. As the different types of forces meet and coalesce, a dim shadowy form clothes itself upon the vibrating astral and mental sheath, and the idea of the solar Angel is attaining definite concretion.

chủ âm của chúng, và nhận thức được loại năng lượng đặc thù mà chúng thể hiện. Chưa có đủ sự nhấn mạnh đặt lên sự kiện rằng ba cấp độ cao hơn của các cõi dĩ thái đang ở trong sự giao tiếp rung động với ba cõi cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ, và chúng (cùng với cấp độ thứ tư bao quanh của chúng) đã được gọi trong các sách huyền bí là "Tetraktys đảo ngược." Chính tri thức này đặt nhà huyền thuật vào quyền sở hữu ba loại mãnh lực hành tinh và sự kết hợp của chúng, hay loại thứ tư, và nhờ đó giải phóng cho y năng lượng sinh lực sẽ thúc đẩy ý tưởng này vào tính khách quan. Khi các loại mãnh lực khác nhau gặp nhau và hợp nhất, một hình tướng mờ nhạt như bóng tự khoác lấy mình trên lớp vỏ cảm dục và trí tuệ đang rung động, và ý tưởng của Thái dương Thiên Thần đang đạt đến sự kết tụ xác định.

RULE XIV. *The sound swells out. The hour of danger to the soul courageous draweth near. The waters have not hurt the white creator and naught could drown nor drench him. Danger from fire and flame* [Page 1025] *menaces now, and dimly yet the rising smoke is seen. Let him again, after the cycle of peace, call on the solar Angel.*

QUY LUẬT XIV. *Âm thanh vang dội. Giờ phút nguy hiểm đối với linh hồn quả cảm đang đến gần. Nước đã không làm tổn hại nhà sáng tạo chánh thuật, và không gì có thể nhấn chìm hay làm y ướt đẫm. Giờ đây, hiểm nguy từ lửa và ngọn lửa* [Page 1025] *đang đe dọa, và làn khói bốc lên mới chỉ hiện ra lờ mờ. Sau chu kỳ bình an, hãy để y một lần nữa cầu gọi Thái dương Thiên Thần.*

The work of creation assumes now serious proportions, and for the final time the body of the magician is menaced by destruction. The "shadow" having been formed, it is now ready to take to itself a "fiery" or gaseous body, and it is these fire builders who menace the life of the magician, and this for the following reasons.

Công việc sáng tạo giờ đây mang những tỷ lệ nghiêm trọng, và lần cuối cùng thân thể của nhà huyền thuật bị đe doạ huỷ diệt. "Cái bóng" đã được hình thành, giờ đây sẵn sàng nhận lấy cho mình một thể "lửa" hay khí thể, và chính các đấng kiến tạo lửa này đe doạ sự sống của nhà huyền thuật, vì các lý do sau đây.

Firstly, because the fires of the human body are closely allied to the fires with which the magician seeks to work, and should these latent fires of the body and the latent fires of the planet be brought into too close

Thứ nhất, vì các lửa của thân thể con người có quan hệ mật thiết với các lửa mà nhà huyền thuật tìm cách làm việc cùng, và nếu các lửa tiềm tàng này của thân thể cùng các lửa tiềm tàng của hành tinh bị đưa vào sự

juxtaposition, the creator is in danger of burning and destruction.

cận kề quá mức, người sáng tạo sẽ lâm nguy bị thiêu đốt và huỷ diệt.

Secondly, the Agnichaitans, being *allied* to the "fire devas" of the mental plane, have much power, and can only be controlled properly by the solar Angel Himself.

Thứ hai, các Agnichaitan, vì *có liên hệ* với các "thiên thần lửa" của cõi trí, có rất nhiều quyền năng, và chỉ chính Thái dương Thiên Thần mới có thể kiểm soát đúng đắn.

Thirdly, on this planet the planetary fires are not as yet dominated by solar fire, and are very easily driven into the work of destruction.

Thứ ba, trên hành tinh này, các lửa hành tinh vẫn chưa được Lửa Thái dương chi phối, và rất dễ bị thúc đẩy vào công việc huỷ diệt.

The solar Angel must, therefore, now again be invoked. This means that the magician (when his "shadow" is completed, and prior to the final stages of concretion) must see to it that his alignment with the Ego is just and unimpeded, and the communicating currents in full play. He must literally "renew his meditation," and make direct contact afresh before proceeding with the work. Otherwise, the fires of his own body may get out of control, and his etheric body suffer in consequence. He, therefore, fights fire with fire, and draws down solar fire for his protection. This was not necessary on the astral plane. For the magician, the moments of the greatest danger in the work of creating are at certain junctures on the astral plane, where he is in danger of occult drowning, and at the transition from etheric levels [Page 1026] to the planes of tangible concretion, when he is menaced by "occult burning." In the one case, he does not call on the Ego, but stems the tide by love and the equilibrising powers of his own nature. In the latter case, he must call in that which represents the will aspect in the three worlds, the impulsive, dynamic thinker or solar Angel. He accomplishes this by means of a mantram. No clue can be given to this, owing to the powers it confers.

Do đó, Thái dương Thiên Thần giờ đây phải lại được khẩn cầu. Điều này có nghĩa là nhà huyền thuật (khi "cái bóng" của y đã hoàn tất, và trước các giai đoạn kết tụ cuối cùng) phải bảo đảm rằng sự chỉnh hợp của y với Chân ngã là đúng đắn và không bị cản trở, và các dòng truyền thông đang vận hành đầy đủ. Y phải theo nghĩa đen "làm mới lại sự tham thiền của mình," và một lần nữa tạo tiếp xúc trực tiếp trước khi tiếp tục công việc. Nếu không, các lửa của chính thân thể y có thể vượt khỏi sự kiểm soát, và thể dĩ thái của y sẽ chịu hậu quả. Vì vậy, y lấy lửa chống lửa, và kéo Lửa Thái dương xuống để tự bảo vệ. Điều này không cần thiết trên cõi cảm dục. Đối với nhà huyền thuật, những thời điểm nguy hiểm lớn nhất trong công việc sáng tạo là tại một số thời điểm nhất định trên cõi cảm dục, nơi y có nguy cơ bị chết đuối huyền bí, và tại sự chuyển tiếp từ các cấp độ dĩ thái [Page 1026] sang các cõi kết tụ hữu hình, khi y bị đe doạ bởi "sự thiêu đốt huyền bí." Trong trường hợp thứ nhất, y không kêu gọi Chân ngã, mà ngăn dòng triều bằng bác ái và các quyền năng quân bình của chính bản chất mình. Trong trường hợp sau, y phải gọi vào điều đại diện cho phương diện ý chí trong ba cõi giới, tức nhà tư tưởng phát động xung lực, năng động hay Thái dương Thiên Thần. Y thực hiện điều này bằng một

mantram. Không thể đưa ra đầu mối nào về điều này, do các quyền năng mà nó ban cho.

RULE XV. *The fires approach the shadow, yet burn it not. The fire sheath is completed. Let the magician chant the words that blend the fire and water.*

QUY LUẬT XV. *Các ngọn lửa tiếp cận cái bóng, nhưng không đốt cháy nó. Lớp vỏ lửa đã hoàn thành. Hãy để nhà huyền thuật xướng lên những lời kết hợp lửa và nước.*

Little can here be said in interpretation of these words, beyond a reference to the general sense. The gaseous sheath is created, and the hour for the formation of the sheath for the sixth subplane, the liquid, is near. The two must blend. This is the moment of the greatest danger, as far as the thought form itself is concerned. Earlier dangers have menaced the magician. Now the form he is creating must be protected. The nature of the danger is hinted at in the words: "Where fire and water meet apart from chanted sound, all dissipates in steam. The fire ceases to be." This danger is hid in the karmic enmity existing between the two great groups of devas. These groups can only be united by the mediator, man.

Ở đây, ngoài việc đề cập đến ý nghĩa tổng quát, rất ít điều có thể được nói ra để diễn giải những lời này. Lớp vỏ khí thể được tạo ra, và giờ phút hình thành lớp vỏ cho cõi phụ thứ sáu, tức trạng thái lỏng, đang đến gần. Hai thứ ấy phải hòa trộn. Đây là thời điểm nguy hiểm lớn nhất, xét theo chính Hình tư tưởng. Những hiểm nguy trước đó đe doạ nhà huyền thuật. Giờ đây hình tướng mà y đang tạo ra phải được bảo vệ. Bản chất của hiểm nguy được gợi ý trong những lời: "Nơi lửa và nước gặp nhau mà không có âm thanh được tụng lên, mọi sự tan biến thành hơi nước. Lửa không còn nữa." Hiểm nguy này ẩn trong mối thù nghịch nghiệp quả tồn tại giữa hai nhóm thiên thần lớn. Chỉ tác nhân trung gian là con người mới có thể hợp nhất các nhóm này.

It might be asked of what use the fifteen rules for magic communicated above may be. Naught, as yet, as far as practical work is concerned, but much where inner intellectual development is desired. He who meditates and broods over these rules in the light of what has been earlier communicated anent the devas and building forces, will arrive at an understanding of the Laws of Construction in the macrocosm, which will avail him much, and save him much time when the magical work and formulas are put in his hands.

Có thể sẽ được hỏi rằng mười lăm quy luật huyền thuật được truyền đạt ở trên có ích gì. Hiện nay thì chưa có ích gì, xét theo công việc thực hành, nhưng lại rất hữu ích ở nơi sự phát triển trí tuệ bên trong được mong muốn. Người nào tham thiền và suy ngẫm về các quy luật này dưới ánh sáng của những gì đã được truyền đạt trước đây liên quan đến các thiên thần và các mãnh lực kiến tạo, sẽ đi đến sự thấu hiểu các Định luật Kiến tạo trong Đại thiên địa, điều sẽ giúp ích cho y rất nhiều, và tiết kiệm cho y nhiều thời gian khi công việc huyền thuật và các công thức được trao vào tay y.

DIVISION E - MOTION ON THE PLANE OF MIND — PHÂN KHU E - CHUYỂN ĐỘNG TRÊN CÕI TRÍ

[Page 1027]

I. Introductory Remarks.

II. The Nature of this Motion.

1. Spiral-cyclic.

2. Triple.

3. Attractive.

III. Results of its Activity.

1. The Law of Expansion.

2. The Law of Monadic Return.

3. The Law of Solar Evolution.

4. The Law of Radiation.

a. The cause of radiation.

b. Radiation in the five kingdoms,

c. Radiation and cyclic law.

IV. The Turning of the Wheel.

1. The solar wheel.

2. The planetary wheel.

3. The human wheel.

[Page 1027]

I. Những nhận xét mở đầu.

II. Bản chất của chuyển động này.

1. Xoắn ốc-chu kỳ.

2. Tam phân.

3. Hấp dẫn.

III. Các kết quả của hoạt động của nó.

1. Định luật Mở Rộng.

2. Định luật Chân Thần Trở Về.

3. Định luật Tiến Hóa Thái Dương.

4. Định luật Phóng xạ.

a. Nguyên nhân của phóng xạ.

b. Phóng xạ trong năm giới,

c. Phóng xạ và định luật chu kỳ.

IV. Sự xoay chuyển của bánh xe.

1. Bánh xe thái dương.

2. Bánh xe hành tinh.

3. Bánh xe nhân loại.

V. Motion and the Form-Building Aspect.

V. Chuyển động và phương diện kiến tạo hình tướng.

1. In the mental sheath.

1. Trong thể trí.

2. In the causal body.

2. Trong thể nguyên nhân.

VI. Effects of Synthetic Motion.

VI. Các hiệu quả của chuyển động tổng hợp.

1. Introductory remarks.

1. Những nhận xét mở đầu.

2. It produces periodic manifestation.

2. Nó tạo ra sự biểu hiện theo chu kỳ.

3. Causes triangular linking.

3. Gây ra sự nối kết tam giác.

4. Produces a relation between three centres.

4. Tạo ra mối liên hệ giữa ba trung tâm.

I. INTRODUCTORY REMARKS — I. NHỮNG NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

We have now concluded our consideration of thought forms, having viewed the whole universe (including man) as an embodied thought, and having dealt with the ability [Page 1028] of man himself to create forms for the clothing of his ideas.

Giờ đây chúng ta đã kết thúc việc khảo cứu về các hình tư tưởng, sau khi đã nhìn toàn thể vũ trụ (kể cả con người) như một tư tưởng được nhập thể, và đã bàn đến khả năng [Page 1028] của chính con người trong việc tạo ra các hình tướng để khoác lấy các ý tưởng của y.

We now return once more to the realm of technicalities, and to the more scientific part of our thesis. I use the word "scientific," for that which will be said concerns that which is proven and known to occultists, and deals with *facts*. The modern fact of the modern scientist is his approximation of a part, and often an infinitesimal part, of some greater whole, and even then it concerns only the most objective part of manifestation, for that which is the essence is not regarded as a reality at all by them as it is by the real occult knower. That which we see and can touch is but an *effect* of inner underlying

Giờ đây chúng ta lại quay về lĩnh vực của các chi tiết kỹ thuật, và về phần khoa học hơn trong luận đề của chúng ta. Tôi dùng từ "khoa học", vì điều sẽ được nói đến liên quan đến điều đã được chứng minh và được các nhà huyền bí học biết rõ, và bàn đến các *sự kiện*. Sự kiện hiện đại của nhà khoa học hiện đại là sự tiếp cận của y đối với một phần, và thường là một phần vô cùng nhỏ, của một toàn thể lớn hơn nào đó, và ngay cả như vậy nó cũng chỉ liên quan đến phần khách quan nhất của biểu hiện, vì điều là tinh túy thì hoàn toàn không được họ xem là một thực tại như đối với thức giả huyền bí chân chính.

causes. The occultist does not concern himself with effects, but only with their originating cause. The modern scientist, therefore, is not as yet occupying himself with causes, and during the past only approached the realm of these initiatory impulses when he began to comprehend the energy aspect of matter, and to consider the nature of the atom. When he can pass more directly in his thoughts to the discussion and consideration of the etheric substratum which underlies the tangible, then and only then will he be entering the domain of causes, and even in this case, only those physical causes which underlie the grossly objective; he will not really have ascertained the vital impulses which produce Being. Yet a great step will have been made for, under the Law of Analogy, he will then be in a position to comprehend some of the major secrets of solar manifestation; for the planes of our solar system constitute, as we know, and as this Treatise seeks to demonstrate, the seven subplanes of the cosmic physical plane.

Điều mà chúng ta thấy và có thể chạm đến chỉ là một *kết quả* của những nguyên nhân nội tại nền tảng. Nhà huyền bí học không bận tâm đến các kết quả, mà chỉ bận tâm đến nguyên nhân phát sinh ra chúng. Vì vậy, nhà khoa học hiện đại cho đến nay vẫn chưa thực sự chú tâm đến các nguyên nhân, và trong quá khứ chỉ mới tiếp cận lĩnh vực của các xung lực khởi nguyên này khi y bắt đầu hiểu phương diện năng lượng của vật chất, và xem xét bản chất của nguyên tử. Khi y có thể chuyển trực tiếp hơn trong tư tưởng của mình sang việc thảo luận và khảo cứu nền chất liệu dĩ thái nằm bên dưới cái hữu hình, thì khi ấy và chỉ khi ấy y mới bước vào lãnh vực của các nguyên nhân, và ngay cả trong trường hợp này, cũng chỉ là những nguyên nhân hồng trần nằm dưới cái khách quan thô đặc; y vẫn chưa thực sự xác định được các xung lực sinh động tạo ra Bản Thể. Tuy nhiên, một bước tiến lớn sẽ được thực hiện, vì theo định luật tương đồng, khi ấy y sẽ ở vào vị thế để hiểu được một vài bí mật lớn của biểu hiện thái dương; vì các cõi của hệ mặt trời chúng ta cấu thành, như chúng ta biết, và như bộ Luận này tìm cách chứng minh, bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

It is apparent to all careful students of this *Treatise on Fire* that in this section we are concerned with:

Điều hiển nhiên đối với mọi đạo sinh cẩn trọng của bộ *Luận về Lửa* này là trong phần này chúng ta quan tâm đến:

First, that mode of activity which distinguishes the Vishnu aspect of Deity, or the motion of the Divine Manasaputras. [Page 1029] This involves, therefore, a consideration of the effects of this motion:

Thứ nhất, phương thức hoạt động phân biệt phương diện Vishnu của Thượng đế, hay chuyển động của các Manasaputras thiêng liêng. [Page 1029] Do đó, điều này bao hàm việc khảo cứu các hiệu quả của chuyển động này:

a. Within the planetary schemes, Their bodies.

a. Bên trong các hệ hành tinh, tức các thân thể của Các Ngài.

b. Upon the atoms or "Points" in those bodies, the human and deva Monads.

b. Trên các nguyên tử hay "Các Điểm" trong những thể ấy, tức các chân thần nhân loại và thiên thần.

Second, that impulse which is the basis of the Law of Periodicity, and which results in the cyclic incarnation of all Beings. This impulse manifests in three cycles or in three turns of the wheel of Being.

Thứ hai, xung lực là nền tảng của Định luật Chu Kỳ, và đưa đến sự nhập thể theo chu kỳ của mọi Hữu thể. Xung lực này biểu hiện trong ba chu kỳ hay trong ba vòng quay của bánh xe Bản Thể.

a. The activity which produces involution, or the submergence in matter of Life or Spirit.

a. Hoạt động tạo ra giáng hạ tiến hoá, hay sự chìm sâu của Sự sống hoặc tinh thần vào vật chất.

b. The activity which produces the equilibrium of these two forces, matter and Spirit, or manifestation, or the processes of evolution.

b. Hoạt động tạo ra sự quân bình của hai mãnh lực này, vật chất và tinh thần, hay biểu hiện, hay các tiến trình tiến hoá.

c. The activity which withdraws the central energy from out of the responsive form and produces obscuration.

c. Hoạt động rút năng lượng trung tâm ra khỏi hình tướng đáp ứng và tạo ra sự lu mờ.

Third, that activity which causes the interplay—attraction and consequent repulsion—between all atoms, from the great cosmic atom, a solar system, to the tiny atom of the chemist or the physicist. This activity, therefore, may be viewed as:

Thứ ba, hoạt động gây ra sự tương tác—hấp dẫn và do đó đẩy lui—giữa mọi nguyên tử, từ nguyên tử vũ trụ vĩ đại là một hệ mặt trời cho đến nguyên tử nhỏ bé của nhà hóa học hay nhà vật lý. Vì vậy, hoạt động này có thể được xem như:

a. Inter-cosmic, or affecting constellations.

a. Liên-vũ trụ, hay ảnh hưởng đến các chòm sao.

b. Inter-planetary, or affecting the schemes.

b. Liên-hành tinh, hay ảnh hưởng đến các hệ hành tinh.

c. Inter-chain, or affecting the chains.

c. Liên-dãy, hay ảnh hưởng đến các dãy.

d. Inter-globular, or producing an interchange of force between the globes of the chains.

d. Liên-bầu hành tinh, hay tạo ra sự trao đổi mãnh lực giữa các bầu hành tinh của các dãy.

e. Inter-sectional, or affecting the transference of force between the five kingdoms of nature.

e. Liên-phân khu, hay ảnh hưởng đến sự chuyển dịch mãnh lực giữa năm giới trong thiên nhiên.

f. Inter-human, or relating to the interplay between the various human units.

f. Liên-nhân loại, hay liên quan đến sự tương tác giữa các đơn vị nhân loại khác nhau.

g. Inter-atomic, or the passage of force from one atom to another atom.

g. Liên-nguyên tử, hay sự truyền mãnh lực từ nguyên tử này sang nguyên tử khác.

Students need here to remember that we are concerned with the energy or activity which produces forms, and, [Page 1030] therefore, with the forces which tend to coherence, to concretion, and to the stabilisation of the work of the builders. If they but realised it, the key to much that is connected with the production of forms, or of the Son, the second aspect, is contained in the above tabulation, for all nature holds together, and the life of any scheme, globe, kingdom, or atom, becomes in turn the animating principle of another scheme, globe, kingdom, or atom. Everything in the solar system is in a state of flux, as is everything in the universe, and the vital energy circulates, as the blood or the nervous energy of the body circulates, throughout the entire system. This is the basis of the occult fact that all in nature, for instance, will be, is, or has been, through the human kingdom. *(S. D., I, 215, 242, 295.)* Under this type of solar activity, the ultimate good is attained by the method of interplay, interchange, and in mutual attraction and repulsion.

Ở đây, các đạo sinh cần nhớ rằng chúng ta đang quan tâm đến năng lượng hay hoạt động tạo ra các hình tướng, và do đó, [Page 1030] đến các mãnh lực có khuynh hướng tạo nên sự kết dính, sự cô đặc, và sự ổn định hóa công việc của các đấng kiến tạo. Nếu họ nhận biết được điều đó, thì chìa khóa cho nhiều điều liên quan đến việc tạo ra các hình tướng, hay của Con, phương diện thứ hai, đã nằm trong bảng liệt kê trên, vì toàn thể thiên nhiên liên kết với nhau, và sự sống của bất kỳ hệ hành tinh, bầu hành tinh, giới hay nguyên tử nào lần lượt trở thành nguyên khí linh hoạt của một hệ hành tinh, bầu hành tinh, giới hay nguyên tử khác. Mọi sự trong hệ mặt trời đều ở trong trạng thái lưu chuyển, cũng như mọi sự trong vũ trụ, và năng lượng sinh động tuần hoàn, giống như máu hay năng lượng thần kinh của thể xác tuần hoàn, khắp toàn bộ hệ thống. Đây là nền tảng của sự kiện huyền bí rằng mọi sự trong thiên nhiên, chẳng hạn, sẽ đi qua, đang đi qua, hoặc đã từng đi qua giới nhân loại. *(S. D., I, 215, 242, 295.)* Dưới loại hoạt động thái dương này, thiện ích tối hậu đạt được bằng phương pháp tương tác, trao đổi, và trong sự hấp dẫn và đẩy lui lẫn nhau.

It would be advisable here if students would study that which was communicated in the early part of this treatise upon motion upon the physical and astral planes. Under the Law of Analogy, much will be noted as

Ở đây sẽ là điều nên làm nếu các đạo sinh nghiên cứu điều đã được truyền đạt trong phần đầu của bộ luận này về chuyển động trên cõi hồng trần và cõi cảm dục. Theo định luật tương đồng, nhiều điều sẽ được nhận

necessarily translated on to the higher plane, and to be transmuted into the energy of the form-building impulse. We will consider what we have to say in this section under the following heads:

thấy là tất yếu được chuyển dịch lên cõi cao hơn, và được chuyển hoá thành năng lượng của xung lực kiến tạo hình tướng. Chúng ta sẽ xem xét điều phải nói trong phần này dưới các đề mục sau:

1. The nature of this motion.... spiral cycling

1. Bản chất của chuyển động này.... xoắn ốc chu kỳ

2. The results of its activity. These results can be viewed as four subsidiary laws or adjuncts to the major law of Attraction, and may be called:

2. Các kết quả của hoạt động của nó. Các kết quả này có thể được xem như bốn định luật phụ thuộc hay bổ trợ cho định luật lớn về Hấp Dẫn, và có thể được gọi là:

The Law of Expansion.

Định luật Mở Rộng.

The Law of Monadic Return.

Định luật Chân Thần Trở Về.

The Law of Solar Evolution.

Định luật Tiến Hóa Thái Dương.

The Law of Radiation.

Định luật Phóng xạ.

[Page 1031] It will, therefore, be apparent that, as we consider these laws, we are dealing with matters that concern:

[Page 1031] Vì vậy, sẽ hiển nhiên rằng khi chúng ta xem xét các định luật này, chúng ta đang bàn đến những vấn đề liên quan đến:

The process of initiation.

Tiến trình điểm đạo.

The life of the divine pilgrims upon the upward arc.

Đời sống của các lữ khách thiêng liêng trên cung đi lên.

The impulse which produces the Son, and which drives Him to gain experience through the medium of the solar system.

Xung lực tạo ra Con, và thúc đẩy Ngài đạt được kinh nghiệm thông qua trung gian của hệ mặt trời.

Magnetism, or Divine Alchemy.

Từ điện, hay Thuật Luyện Kim Thiêng Liêng.

3. The turning of the wheel,

3. Sự xoay chuyển của bánh xe,

a. The solar wheel,

a. Bánh xe thái dương,

b. The planetary wheel,

c. The human wheel.

This will involve our taking up the consideration of the orbital paths of these various spheres, their centres, inter-play and intercommunication, and of force transference, and will bring out the concept that all spiral-cyclic activity is not the result of the rotary action of matter itself, but of an impulse emanating from without any particular atom, and therefore extraneous to it.

4. Motion, or the form-building impulse latent in:

a. The mental sheath itself, both cosmically and humanly considered.

b. The causal body of the macrocosm and the microcosm.

c. The centres, divine and human.

5. The effects of the united activity of the sheath, the centres, and the causal body as it produces:

a. Periodic manifestation.

b. The linking of the triangles.

c. The relation between the throat centre, the alta major centre, and the mental centre, macrocosmically and microcosmically considered. [Page 1032]

b. Bánh xe hành tinh,

c. Bánh xe nhân loại.

Điều này sẽ bao hàm việc chúng ta khảo cứu các quỹ đạo của những khối cầu khác nhau này, các trung tâm của chúng, sự tương tác và giao thông giữa chúng, cùng sự chuyển dịch mãnh lực, và sẽ làm nổi bật khái niệm rằng mọi hoạt động xoắn ốc-chu kỳ không phải là kết quả của chính tác động quay của vật chất, mà là của một xung lực phát ra từ bên ngoài bất kỳ nguyên tử riêng biệt nào, và do đó là ngoại tại đối với nó.

4. Chuyển động, hay xung lực kiến tạo hình tướng tiềm tàng trong:

a. Chính thể trí, xét cả về vũ trụ lẫn nhân loại.

b. Thể nguyên nhân của đại thiên địa và tiểu thiên địa.

c. Các trung tâm, thiêng liêng và nhân loại.

5. Các hiệu quả của hoạt động hợp nhất của vỏ bọc, các trung tâm, và thể nguyên nhân khi nó tạo ra:

a. Sự biểu hiện theo chu kỳ.

b. Sự nối kết các tam giác.

c. Mối liên hệ giữa trung tâm cổ họng, trung tâm alta major, và trung tâm trí tuệ, xét cả về đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa. [Page 1032]

II. THE NATURE OF THIS MOTION — II. BẢN CHẤT CỦA CHUYỂN ĐỘNG NÀY

As we well know, the nature of the motion on the plane of matter is *rotary*. Each atom of matter rotates on its own axis, and each larger atom, from the purely physical standpoint, likewise does the same; a cosmic atom, a solar system, a planetary atom, and a human atom, man, can be seen equally rotating at differing degrees of velocity upon their own axis or around their own pole. When we arrive at the plane of mind, and have to consider the activity of the second aspect of divinity, that which builds and holds the forms in coherent form, and which is the basis of the phenomenon we call *time* (literally, the awareness of the form), a different type of force or motion becomes apparent. This type of energy in no way negates or renders useless the atomic rotary type, but involves it, and yet at the same time it brings the atoms of all degrees under the influence of its own activity, so that in every form which is in manifestation, the two types are manifested. I would here remind the student that we are primarily considering the force of the second aspect as it concerns the human and superhuman kingdoms, or as the Manasaputras and their various groups are concerned. On the involutionary arc, the Vishnu force is likewise felt, but until the nature of the group soul is more apprehended, and the quality of the Life who informs each of the subhuman kingdoms of nature is known with greater accuracy, it will profit us more to deal with force as it affects the human being, the planet on which he may be found, and the system in which that planet is playing its part.

Như chúng ta đều biết rõ, bản chất của chuyển động trên cõi vật chất là *quay tròn*. Mỗi nguyên tử vật chất quay trên trục riêng của nó, và mỗi nguyên tử lớn hơn, xét từ quan điểm thuần hồng trần, cũng làm như vậy; một nguyên tử vũ trụ, một hệ mặt trời, một nguyên tử hành tinh, và một nguyên tử nhân loại, con người, đều có thể được thấy đang quay với những mức độ vận tốc khác nhau trên trục riêng của chúng hay quanh cực riêng của chúng. Khi chúng ta đạt đến cõi trí, và phải xem xét hoạt động của phương diện thứ hai của thiên tính, tức điều kiến tạo và giữ các hình tướng trong trạng thái kết hợp chặt chẽ, và là nền tảng của hiện tượng mà chúng ta gọi là *thời gian* (theo nghĩa đen, là sự nhận biết về hình tướng), thì một loại mãnh lực hay chuyển động khác trở nên hiển lộ. Loại năng lượng này tuyệt nhiên không phủ nhận hay làm cho loại quay tròn nguyên tử trở nên vô dụng, mà bao hàm nó, đồng thời cũng đưa các nguyên tử ở mọi cấp độ vào dưới ảnh hưởng của chính hoạt động của nó, đến nỗi trong mọi hình tướng đang biểu hiện, cả hai loại đều được biểu lộ. Ở đây tôi muốn nhắc đạo sinh rằng chúng ta chủ yếu đang xem xét mãnh lực của phương diện thứ hai trong chừng mực nó liên quan đến các giới nhân loại và siêu nhân loại, hay trong chừng mực các Manasaputras và các nhóm khác nhau của các Ngài có liên quan. Trên vòng cung giáng hạ tiến hoá, mãnh lực Vishnu cũng được cảm nhận như vậy, nhưng cho đến khi bản chất của hồn nhóm được hiểu rõ hơn, và phẩm tính của Sự Sống phú linh cho mỗi giới dưới nhân loại trong thiên nhiên được biết đến chính xác hơn, thì sẽ có ích hơn cho chúng ta nếu bàn đến mãnh lực trong chừng mực nó ảnh hưởng đến con người, hành tinh nơi y có thể được tìm thấy, và hệ mặt trời

trong đó hành tinh ấy đang giữ phần việc của nó.

The activity of the second aspect has been called *spiral-cyclic*, which in itself involves the concept of duality. This activity is the cause of all cyclic evolution, and has been called in the occult phraseology "the activity of Brahma's year." It is that which brings about the [Page 1033] periodical appearing and disappearing of all existences, great or small. It is intimately linked with the will aspect of Divinity, and with the Lipika Lords of the highest degree and its origin is, therefore, difficult for us to comprehend. Perhaps all that can be said about it is that it is largely due to certain impulses which (as far as our solar system is concerned) can be traced to the sun Sirius. These impulses find their analogy in the impulses emanating in cyclic fashion from the causal body of man, which impulses bring about his appearance upon the plane of maya for a temporary period. A hint may here be given to the earnest student; in the threefold Ego (the lives who form the central bud, the lives of the petals, and the triple group of lives who form the three permanent atoms) is seen a correspondence to the three groups of Lipika Lords who are the karmic cause of solar manifestation, and who control its periodic manifestation. These three groups are related to Their guiding Intelligences on Sirius.

Hoạt động của phương diện thứ hai đã được gọi là *xoắn ốc-chu kỳ*, mà tự nó đã bao hàm khái niệm nhị nguyên tính. Hoạt động này là nguyên nhân của mọi tiến hoá theo chu kỳ, và theo thuật ngữ huyền bí học đã được gọi là "hoạt động của năm Brahma." Chính nó đem lại sự [Page 1033] xuất hiện và biến mất theo chu kỳ của mọi tồn tại, lớn hay nhỏ. Nó liên hệ mật thiết với phương diện ý chí của thiên tính, và với các Đấng Lipika ở cấp độ cao nhất, nên nguồn gốc của nó vì vậy khó cho chúng ta thấu hiểu. Có lẽ tất cả những gì có thể nói về nó là nó phần lớn do một số xung lực nào đó mà (trong chừng mực hệ mặt trời của chúng ta có liên quan) có thể được truy nguyên về mặt trời Sirius. Những xung lực này có sự tương đồng của chúng trong các xung lực phát ra theo chu kỳ từ thể nguyên nhân của con người, những xung lực đem lại sự xuất hiện của y trên cõi ảo lực trong một thời kỳ tạm thời. Ở đây có thể đưa ra một gợi ý cho đạo sinh chí thành; trong Chân ngã tam phân (các sự sống tạo thành nụ trung tâm, các sự sống của các cánh hoa, và nhóm tam phân các sự sống tạo thành ba nguyên tử trường tồn) có thể thấy một sự tương ứng với ba nhóm Đấng Lipika là nguyên nhân nghiệp quả của biểu hiện thái dương, và kiểm soát sự biểu hiện theo chu kỳ của nó. Ba nhóm này có liên hệ với các Trí Tuệ hướng dẫn của Các Ngài trên Sirius.

The Law of Periodicity is the effect produced by the amalgamation of these two types of force with a third. The two types of force or energy are the activity of the first Aspect, the logoic will or purpose, and the energy of the second aspect. This purpose is hidden in foreknowledge of the Logos and is completely hidden even from the Adept of the fifth Initiation. The Adept has achieved a

Định luật Chu Kỳ là hiệu quả được tạo ra bởi sự hòa trộn của hai loại mãnh lực này với một loại thứ ba. Hai loại mãnh lực hay năng lượng ấy là hoạt động của Phương diện thứ nhất, ý chí hay mục đích của Thượng đế, và năng lượng của phương diện thứ hai. Mục đích này được che giấu trong sự biết trước của Thượng đế và hoàn toàn bị che giấu ngay cả đối với chân sư của lần điểm đạo thứ năm.

comprehension of the purpose of the Son, and for Him there remains the problem to recognise the purpose of the Father. The one is the impulse behind the *forward* movement of all life, and the other the impulse behind its cyclic activity, and this is called spiral-cyclic. When this blended dual force is brought in touch with the rotary activity of matter itself, we have the triple activity of the Ego, for instance, which is rotary-spiral-cyclic, and that which results in the stimulation of the self-contained atom, in the periodical emergence of form, and in the [Page 1034] steady, though slow, progress towards a goal. We might, for the sake of clarity, differentiate the effects thus:

Chân sư đã đạt được sự thấu hiểu mục đích của Con, và đối với Ngài vẫn còn vấn đề là nhận ra mục đích của Cha. Một bên là xung lực đứng sau chuyển động *tiến tới* của mọi sự sống, và bên kia là xung lực đứng sau hoạt động theo chu kỳ của nó, và điều này được gọi là xoắn ốc-chu kỳ. Khi mãnh lực nhị nguyên đã hòa trộn này được đưa vào tiếp xúc với hoạt động quay tròn của chính vật chất, chúng ta có hoạt động tam phân của chân ngã, chẳng hạn, là quay tròn-xoắn ốc-chu kỳ, và điều này đưa đến sự kích thích của nguyên tử tự chứa, sự xuất hiện theo chu kỳ của hình tướng, và sự [Page 1034] tiến bộ vững chắc, dù chậm, hướng đến một mục tiêu. Vì mục đích làm sáng tỏ, chúng ta có thể phân biệt các hiệu quả như sau:

1. Rotary activity

The internal activity of every atom viewed as a unity, the activity of Brahma or the Holy Spirit, perfected in the first solar system. It is unified individual consciousness... "I am."

2. Cyclic activity

The activity of all forms, viewing them from the aspect of consciousness, and of time. It is unified group consciousness... "I am That," the activity of Vishnu in process of being perfected in this the second solar system.

3. Spiral activity

The influence which impresses all forms, which emanates from their greater centre, and which merges itself a little, a very little, with the two other modes of motion, being practically lost sight of in the stronger vibration. It is the activity which will be perfected in the third solar system, and is the Shiva form of motion, and the unified consciousness of all groups. It is the consciousness which proclaims "I am That I am."

One of the primary things the occult student should remember when considering the

Một trong những điều chủ yếu mà đạo sinh huyền bí nên ghi nhớ khi xem xét bản chất

nature of spiral-cyclic activity, is that it has two effects.

First, it is an attractive force, gathering the rotating atoms of matter into definite types and forms, and holding them there as long as necessity demands.

Secondly, it is itself gradually dominated by another and higher vibration, and through its spiralling progress through matter it sweeps those forms systematically nearer and nearer to another and stronger point of energy.

These effects are to be seen clearly demonstrated in man's evolution in the approach he makes uniformly through the cycles to the centre of the spiral-cyclic energy, [Page 1035] and subsequently to the still more impressive point, that of his "Father in Heaven." The Angel first attracts animal man; cyclically He actuates the material sheaths, thus giving them coherence, and ever swings them into closer relation to himself. Later, as the momentum is increased, the man is swung more definitely into relation with the monadic aspect, until that higher rhythm is imposed upon him. This is equally true of a planetary Logos, and of a solar Logos.

của hoạt động xoắn ốc-chu kỳ là nó có hai hiệu quả.

Thứ nhất, nó là một mãnh lực hấp dẫn, tập hợp các nguyên tử vật chất đang quay vào những loại và hình tướng xác định, và giữ chúng ở đó chừng nào nhu cầu còn đòi hỏi.

Thứ hai, bản thân nó dần dần bị chi phối bởi một rung động khác cao hơn, và qua sự tiến triển theo xoắn ốc của nó xuyên qua vật chất, nó cuốn các hình tướng ấy một cách có hệ thống ngày càng gần hơn với một điểm năng lượng khác mạnh hơn.

Các hiệu quả này có thể được thấy biểu lộ rõ ràng trong sự tiến hoá của con người qua sự tiếp cận mà y thực hiện một cách đều đặn xuyên qua các chu kỳ đến trung tâm của năng lượng xoắn ốc-chu kỳ, [Page 1035] và sau đó đến điểm còn gây ấn tượng mạnh hơn nữa, tức điểm của "Cha y trên Trời." Thiên Thần trước hết hấp dẫn người thú; theo chu kỳ Ngài làm cho các thể vật chất hoạt động, nhờ đó ban cho chúng sự kết hợp chặt chẽ, và luôn luôn đưa chúng vào mối liên hệ gần gũi hơn với chính Ngài. Về sau, khi động lượng gia tăng, con người được đưa vào mối liên hệ rõ rệt hơn với phương diện chân thần, cho đến khi nhịp điệu cao hơn ấy được áp đặt lên y. Điều này cũng đúng như vậy đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế, và đối với một Thái dương Thượng đế.

The spiral-cyclic force demonstrates, as might be expected, in seven ways; of these, the three major methods of demonstration are symbolised in the Rod of Initiation of Sanat Kumara. The Rod most frequently recognised by men is that of the Hierophant, the Bodhisattva, which consists of the straight central serpent with the two others entwined around it, thus picturing, among other things:

Mãnh lực xoắn ốc-chu kỳ biểu lộ, như có thể dự đoán, theo bảy cách; trong số đó, ba phương pháp biểu lộ chính được biểu trưng trong Thần Trượng Điểm đạo của Đức Sanat Kumara. Thần Trượng thường được con người nhận biết nhất là của Đấng Điểm đạo, Đức Bồ Tát, gồm con rắn thẳng ở trung tâm với hai con khác quấn quanh nó, nhờ đó mô tả, trong nhiều điều khác, như sau:

a. The three outpourings,

a. Ba lần tuôn đổ,

b. The three worlds,

b. ba cõi giới,

c. The spinal column and its channels,

c. cột sống và các kinh đạo của nó,

or those main factors with which the initiate concerns himself. He has to understand somewhat the nature of matter and what is occultly involved in that expression, his own triple constitution, the three worlds in which he has to play his part, and the instrument which he has to use. This rod of the Bodhisattva is surmounted by a diamond which is not as great a diamond as the "Flaming Diamond" of the first Kumara, but is of rare beauty. At the time of initiation when the electrical forces are tapped, this diamond revolves on its axis, picturing the rotary nature of atomic matter.

hay những yếu tố chính mà điểm đạo đồ quan tâm đến. Y phải hiểu phần nào bản chất của vật chất và điều được bao hàm một cách huyền bí trong cách diễn đạt ấy, cấu tạo tam phân của chính y, ba cõi giới trong đó y phải giữ phần việc của mình, và công cụ mà y phải sử dụng. Thần Trượng này của Đức Bồ Tát được gắn trên đỉnh bởi một viên kim cương không lớn bằng "Kim Cương Rực Lửa" của Kumara thứ nhất, nhưng có vẻ đẹp hiếm có. Vào lúc điểm đạo khi các mãnh lực điện được khơi dẫn, viên kim cương này quay trên trục của nó, mô tả bản chất quay tròn của vật chất nguyên tử.

The Rod of Sanat Kumara is far more intricate, and instead of the central Rod, or Serpent, standing on the tip of its tail, all the three serpents are interwoven in a spiral fashion, and the Flaming Diamond which surmounts [Page 1036] it is of such radiance that the effect is produced of a spheroidal aura, cast around the interlaced serpents, typifying the form-building nature of the Vishnu activity.

Thần Trượng của Đức Sanat Kumara phức tạp hơn nhiều, và thay vì Cây Trượng trung tâm, hay Con Rắn, đứng trên chót đuôi của nó, thì cả ba con rắn đều đan xen nhau theo hình xoắn ốc, và Kim Cương Rực Lửa ở trên đỉnh [Page 1036] của nó có độ rạng ngời đến mức tạo ra hiệu quả của một hào quang hình cầu bao quanh các con rắn đan xen, tượng trưng cho bản chất kiến tạo hình tướng của hoạt động Vishnu.

According to the initiation taken, a reflection will be seen from a part of the interlaced serpents, and the illusion will be created that the diamond is cycling up and down between the summit, and the irradiated portion.

Tùy theo lần điểm đạo đã nhận, một sự phản chiếu sẽ được thấy từ một phần của các con rắn đan xen, và ảo giác sẽ được tạo ra rằng viên kim cương đang tuần hoàn lên xuống giữa đỉnh cao và phần được chiếu rạng.

At the same time, each serpent revolves upon itself, and likewise cycles around its neighbor, producing an effect of extraordinary brilliance and beauty, and typifying rotary-spiral-cyclic force.

Đồng thời, mỗi con rắn quay trên chính nó, và cũng tuần hoàn quanh con bên cạnh, tạo ra một hiệu quả rực rỡ và mỹ lệ phi thường, và tượng trưng cho mãnh lực quay tròn-xoắn ốc-chu kỳ.

The seven types of spiral-cyclic energy are suggestive of the nature of the planetary Logoi which they represent, and produce, therefore, the distinctions which exist between men; they are accountable for the nature of cycles, and this is a point oft overlooked. Students discuss the periods of the emergence of the Rays, setting arbitrary dates, such as 2500 years, for the manifestation of any particular ray. One ray does pass through its cycle in that length of time, but only one, the others being either longer or shorter. The difference has a great effect upon the egoic cycles, and is responsible for the length of time between incarnations. Some Egos cycle through their incarnations and their pralayas very rapidly; others spend untold aeons, and hence it is impossible to say that there are even "averages" connected with the appearance of Egos on the astral plane, for instance. This fact has bearing upon the statement of H. P. B. anent the Lodge effort each one hundred years. Under the particular type of cyclic force emanating from the Lodge, the high water mark of its activity is to be found once in every seven cycles. All that originates on that Ray is controlled by spiral-cyclic efforts based upon the number 10 and its multiples, and finding its highest cyclic vibration, as it happens, during the last [Page 1037] quarter

Bảy loại năng lượng xoắn ốc-chu kỳ gợi ý về bản chất của các Đức Hành Tinh Thượng Đế mà chúng biểu hiện, và do đó tạo ra những khác biệt tồn tại giữa con người; chúng chịu trách nhiệm về bản chất của các chu kỳ, và đây là một điểm thường bị bỏ qua. Các đạo sinh bàn luận về các thời kỳ xuất hiện của các cung, ấn định những niên đại tùy tiện, chẳng hạn 2500 năm, cho sự biểu hiện của bất kỳ cung nào. Quả thật có một cung đi qua chu kỳ của nó trong khoảng thời gian ấy, nhưng chỉ một cung mà thôi, các cung khác thì dài hơn hoặc ngắn hơn. Sự khác biệt này có ảnh hưởng lớn đến các chu kỳ chân ngã, và chịu trách nhiệm về khoảng thời gian giữa các lần nhập thể. Một số chân ngã đi qua các lần nhập thể và các giai kỳ qui nguyên của chúng rất nhanh; những chân ngã khác trải qua những đại kiếp không thể kể xiết, và do đó không thể nói rằng thậm chí có cả những "mức trung bình" liên quan đến sự xuất hiện của các chân ngã trên cõi cảm dục, chẳng hạn. Sự kiện này có liên quan đến phát biểu của H. P. B. về nỗ lực của Thánh đoàn trong mỗi một trăm năm. Dưới loại mãnh lực chu kỳ đặc biệt phát ra từ Thánh đoàn, đỉnh cao của hoạt động ấy được tìm thấy một lần trong mỗi bảy chu kỳ. Mọi điều phát sinh trên cung đó đều được kiểm soát bởi các nỗ lực xoắn ốc-chu kỳ dựa trên số 10 và các bội số của nó, và trên thực tế đạt rung

of each century. What our more modern students are apt to forget in this connection is that this activity is but the demonstration of one type of force out of seven possible and that it concerns primarily that group of adepts who are on that particular line of energy, and will necessarily affect greatly all disciples and people on a similar line. At the same time, the work it initiates is endorsed by the Lodge as a whole, for it is part of the force emanation of the planetary Logos. It is naturally of great importance owing to the fact that this ray-energy is that of one of the three major Rays; but it will be, in the equilibrising process, balanced by analogous cyclic emanatory activity from the two other major Rays.

động chu kỳ cao nhất của nó trong [Page 1037] phần tư cuối cùng của mỗi thế kỷ. Điều mà các đạo sinh hiện đại của chúng ta dễ quên trong mối liên hệ này là hoạt động này chỉ là sự biểu lộ của một loại mãnh lực trong bảy loại có thể có và chủ yếu liên quan đến nhóm chân sư ở trên đường năng lượng đặc biệt ấy, và tất yếu sẽ ảnh hưởng mạnh đến mọi đệ tử và mọi người ở trên một đường tương tự. Đồng thời, công việc mà nó khởi xướng được toàn thể Thánh đoàn tán đồng, vì nó là một phần của sự phát xạ mãnh lực của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Tự nhiên nó có tầm quan trọng lớn do sự kiện rằng năng lượng cung này là của một trong ba Cung chính; nhưng trong tiến trình quân bình hóa nó sẽ được cân bằng bởi hoạt động phát xạ theo chu kỳ tương tự từ hai Cung chính còn lại.

It might be added here that when this is recognised it will become apparent that the revolutionising scientific discoveries which can be traced down the centuries, such as the formulation of the Law of Gravitation, the circulation of the blood, the ascertainment of the nature of steam, the discovery by man of that form of electrical phenomena which he has harnessed, and the more recent discovery of radium, are in their own department (that of the Mahachohan), analogous to the effort made during the last quarter of each century to stimulate the evolution of men through a further revelation of some part of the *Secret Doctrine*. Newton, Copernicus, Galileo, Harvey, and the Curies are, on their own line of force, lightbringers of equal rank with H. P. B. All revolutionised the thought of their time; all gave a great impulse to the ability of man to interpret the laws of nature, and to understand the cosmic process, and only those of circumscribed vision will fail to

Ở đây có thể nói thêm rằng khi điều này được nhận ra thì sẽ trở nên hiển nhiên rằng những khám phá khoa học mang tính cách mạng hóa có thể được truy nguyên qua các thế kỷ, như việc xác lập Định luật Vạn Vật Hấp Dẫn, sự tuần hoàn của máu, sự xác định bản chất của hơi nước, việc con người khám phá ra dạng hiện tượng điện mà y đã chế ngự, và khám phá gần đây hơn về radium, trong lãnh vực riêng của chúng (lãnh vực của Đức Mahachohan), là tương tự với nỗ lực được thực hiện trong phần tư cuối của mỗi thế kỷ nhằm kích thích sự tiến hoá của con người qua một sự mặc khải thêm nữa về một phần nào đó của *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Newton, Copernicus, Galileo, Harvey, và gia đình Curie, trên đường mãnh lực riêng của họ, là những đấng mang ánh sáng có cấp bậc ngang với H. P. B. Tất cả đều cách mạng hóa tư tưởng của thời đại mình; tất cả đều đã tạo ra một xung lực lớn cho khả năng của con người trong việc giải thích các định luật của thiên nhiên, và thấu hiểu tiến trình vũ trụ, và chỉ những ai có tầm nhìn hạn hẹp mới không nhận ra được sự hợp nhất của nhiều

recognise the unity of the many force impulses emanating from the one Lodge.

xung lực mãnh lực phát ra từ một Thánh đoàn duy nhất.

These cycles will not coincide, for they are not all similar to the one hundred year spiral. Some idea as to the Mahachohan's cycle of emanatory impulses may be [Page 1038] gathered by considering the dates of the foremost scientific discoveries since Plato's time; the cycles of the second ray may also be averaged by a summary of the appearances of the great Teachers down the ages.

Các chu kỳ này sẽ không trùng hợp nhau, vì không phải tất cả đều giống với vòng xoắn một trăm năm. Một vài ý niệm về chu kỳ các xung lực phát xạ của Đức Mahachohan có thể được [Page 1038] rút ra bằng cách xem xét các niên đại của những khám phá khoa học hàng đầu kể từ thời Plato; các chu kỳ của cung hai cũng có thể được lấy mức trung bình bằng một bản tổng kết về sự xuất hiện của các Huấn Sư vĩ đại qua các thời đại.

The force emanations from the Manu, or those of the first Ray, are easily traced when the races are considered, and this has been done in the recognition of the races and subraces. What is oft overlooked is that each of these rays of energy demonstrates *constructively*, through the form-building agencies, and *destructively* through the ability of the force to destroy prior to building. Thus the cycles can be viewed from two angles.

Các phát xạ mãnh lực từ Đức Manu, hay của Cung một, có thể dễ dàng được truy ra khi các giống dân được xem xét, và điều này đã được thực hiện trong việc nhận diện các giống dân và giống dân phụ. Điều thường bị bỏ qua là mỗi cung năng lượng này biểu lộ một cách *xây dựng*, thông qua các tác nhân kiến tạo hình tướng, và một cách *phá hủy* thông qua khả năng của mãnh lực trong việc hủy diệt trước khi xây dựng. Vì vậy các chu kỳ có thể được nhìn từ hai góc độ.

It is at this point that students in one branch of our theosophical movement must recognise the fact that just as H. P. B. came forth on a cyclic tide of energy to destroy the limiting forms to be found in the world of science and religion, so his work must fit in with other force emanations, such as the constructive work of the second ray in conjunction with the energy of the seventh at this time.

Chính ở điểm này mà các đạo sinh trong một nhánh của phong trào Thông Thiên Học của chúng ta phải nhận ra sự kiện rằng cũng như H. P. B. đã xuất hiện trên một làn sóng năng lượng theo chu kỳ để phá hủy những hình tướng giới hạn có thể thấy trong thế giới khoa học và tôn giáo, thì công việc của H. P. B. phải phù hợp với các phát xạ mãnh lực khác, chẳng hạn như công việc xây dựng của cung hai phối hợp với năng lượng của cung bảy vào lúc này.

When students learn to blend the one hundred year cycles of the first type of energy with the equally powerful impulses from the second Ray and the third, we shall then have a cessation of many controversies. *No great impulse will come from the Lodge*

Khi các đạo sinh học cách dung hợp các chu kỳ một trăm năm của loại năng lượng thứ nhất với các xung lực mạnh mẽ tương đương từ cung hai và cung ba, thì khi đó chúng ta sẽ có sự chấm dứt của nhiều cuộc tranh luận. *Không có xung lực lớn nào sẽ đến từ*

along the line of the first Ray of Will or Power till the close of a century. One such impulse along another line of force came when the discovery of the nature of the atom was arrived at through the study of electricity, and of radioactive substances, and *an impulse from the second aspect is imminent.* It is not safe for students with limited vision to dogmatise anent this question of cycles. Apart from the cyclic impulses continuously going forth, overlapping and superseding, and intermingling with each other, there are many which we might call lesser impulses (and the cycle of one hundred years to which H. P. B. refers [Page 1039] is but one of the lesser impulses. There is a one thousand year cycle of greater moment). There are vaster cycles, of 2500 years, of 7,000 years, of 9,000 years, of 15,000 years, and many others which only advanced initiates know of or can follow; these can break in upon any of the lesser impulses, and can be seen appearing, unexpectedly, as far as average man's knowledge is concerned, and yet they are but the returning impulses set in cyclic motion perhaps thousands of years ago.

Thánh đoàn theo đường lối của Cung một của Ý Chí hay Quyền năng cho đến cuối một thế kỷ. Một xung lực như thế theo một đường mãnh lực khác đã đến khi bản chất của nguyên tử được khám phá ra qua việc nghiên cứu điện học và các chất phóng xạ, và *một xung lực từ phương diện thứ hai đang sắp xảy ra.* Sẽ không an toàn cho các đạo sinh có tầm nhìn hạn hẹp mà giáo điều hóa về vấn đề các chu kỳ này. Ngoài các xung lực chu kỳ liên tục phát ra, chồng lấp, thay thế và hòa trộn với nhau, còn có nhiều xung lực mà chúng ta có thể gọi là các xung lực nhỏ hơn (và chu kỳ một trăm năm mà H. P. B. đề cập đến [Page 1039] chỉ là một trong những xung lực nhỏ hơn. Có một chu kỳ một nghìn năm quan trọng hơn nhiều). Có những chu kỳ bao la hơn, 2.500 năm, 7.000 năm, 9.000 năm, 15.000 năm, và nhiều chu kỳ khác mà chỉ các điểm đạo đồ cao cấp mới biết đến hoặc có thể theo dõi; những chu kỳ này có thể xen vào bất kỳ xung lực nhỏ hơn nào, và có thể được thấy là xuất hiện một cách bất ngờ, xét theo tri thức của con người trung bình, tuy nhiên chúng chỉ là những xung lực quay trở lại đã được đặt vào chuyển động chu kỳ có lẽ từ hàng nghìn năm trước.

H. P. B. is right in his affirmation as far as the impulse of the first ray is concerned; but his followers are not right, in so far as they overlook and negate the six other types of impulses, of equal or of more importance, which may emanate cyclically from the Lodge, and which will meet with response from those who vibrate to that particular type of energy.

H. P. B. đúng trong lời khẳng định của mình xét theo xung lực của cung một; nhưng các môn đồ của H. P. B. không đúng, vì họ bỏ qua và phủ nhận sáu loại xung lực khác, có tầm quan trọng ngang bằng hoặc lớn hơn, có thể phát ra theo chu kỳ từ Thánh đoàn, và sẽ gặp được sự đáp ứng từ những ai rung động theo loại năng lượng đặc thù đó.

III. RESULTS OF ITS ACTIVITY. — III. CÁC KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CỦA NÓ.

These results can be studied in four ways, considering each as a subsidiary Law of the basic Law of Attraction and Repulsion. All motion is the result literally of the impact,

Các kết quả này có thể được nghiên cứu theo bốn cách, xem mỗi cách như một Định luật phụ của Định luật căn bản về Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Mọi chuyển động theo nghĩa đen

or intercourse, between atoms, and there is no atom anywhere which escapes this force. In the case of *rotary* motion, which governs the activity of the atom of substance, the impulse emanates from within the ring-pass-not, and is produced by the impact of the positive charge upon the negative charges. This is true of all atoms, cosmic, solar, individual, chemical, and so forth.

đều là kết quả của sự va chạm, hay sự giao tiếp, giữa các nguyên tử, và không có nguyên tử nào ở bất cứ đâu thoát khỏi mãnh lực này. Trong trường hợp chuyển động *xoay tròn* chi phối hoạt động của nguyên tử chất liệu, xung lực phát ra từ bên trong vòng-giới-hạn, và được tạo ra bởi sự va chạm của điện tích dương lên các điện tích âm. Điều này đúng với mọi nguyên tử, vũ trụ, thái dương, cá nhân, hóa học, v.v.

When, however, the effect of the rotation of the atom is so strong that it begins to affect other atoms outside its individual ring-pass-not, another influence begins to make itself felt, which draws together, or dissipates, those contacting coalescing atoms. Thus forms are built under the impulse of aggregated forces of some one kind, and these forms in turn produce effects on other cohering atomic forms, until the rhythm is built up, and a vibration [Page 1040] instigated which is a continuation of the rotary motion of the individual atoms, and the modification produced on them by their group activity. This causes progression and simultaneous rotation. The movement forward is modified considerably by the internal atomic activity, and this it is which causes that motion we call spiral cyclic. It demonstrates in all forms as a tendency to repeat, owing to the backward pull of the rotating atoms, and yet is offset by the strong progressive impulse of the form activity. Students can work this out in connection with:

Tuy nhiên, khi hiệu quả của sự xoay tròn của nguyên tử mạnh đến mức nó bắt đầu ảnh hưởng đến các nguyên tử khác ở ngoài vòng-giới-hạn cá biệt của nó, thì một ảnh hưởng khác bắt đầu được cảm nhận, ảnh hưởng này kéo các nguyên tử đang tiếp xúc và kết tụ ấy lại với nhau, hoặc làm tiêu tan chúng. Như vậy, các hình tướng được xây dựng dưới xung lực của các mãnh lực tập hợp thuộc một loại nào đó, và đến lượt mình các hình tướng này tạo ra các hiệu quả trên những hình tướng nguyên tử kết dính khác, cho đến khi nhịp điệu được xây dựng, và một rung động được [Page 1040] khởi phát, là sự tiếp nối của chuyển động xoay tròn của các nguyên tử cá biệt, cùng với sự biến đổi được tạo ra trên chúng bởi hoạt động nhóm của chúng. Điều này gây ra sự tiến triển và sự xoay tròn đồng thời. Chuyển động tiến về phía trước bị biến đổi đáng kể bởi hoạt động nguyên tử nội tại, và chính điều này gây nên chuyển động mà chúng ta gọi là xoắn ốc chu kỳ. Nó biểu lộ trong mọi hình tướng như một khuynh hướng lặp lại, do lực kéo ngược của các nguyên tử đang xoay tròn, tuy nhiên lại được hóa giải bởi xung lực tiến tới mạnh mẽ của hoạt động hình tướng. Các đạo sinh có thể khảo cứu điều này liên hệ với:

The planetary Logos, as He manifests through the rounds, each one of which, in its earlier stages, recapitulates all that has previously occurred.

Đức Hành Tinh Thượng Đế, khi Ngài biểu lộ qua các cuộc tuần hoàn, mà mỗi cuộc, trong các giai đoạn đầu của nó, đều tái diễn tất cả những gì đã xảy ra trước đó.

Man, in the ante-natal period, in which he runs through the various stages of development.

Con người, trong thời kỳ trước khi sinh, khi y trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau.

Spiritual man, as he creates that which will destroy the "Dweller on the Threshold."

Con người tinh thần, khi y tạo ra điều sẽ hủy diệt "Kẻ Chận Ngõ".

This spiral-cyclic activity, which is distinctive of all forms, can perhaps be comprehended more practically if we study it as an expression of four laws, taking each one briefly in turn:

Hoạt động xoắn ốc chu kỳ này, vốn là đặc trưng của mọi hình tướng, có lẽ có thể được hiểu một cách thực tiễn hơn nếu chúng ta nghiên cứu nó như một biểu hiện của bốn định luật, lần lượt xét ngắn gọn từng định luật:

1. The Law of Expansion. — 1. Định luật Mở Rộng.

This law of a gradual evolutionary expansion of the consciousness indwelling every form is the cause of the spheroidal form of every life in the entire solar system. It is a fact in nature that all that is in existence dwells within a sphere. (306) The chemical atom is spheroidal; man [Page 1041] dwells within a sphere, as does the planetary Logos and the solar Logos, this sphere being the form matter takes when its own internal activity, and the activity of the form are working in unison. It requires the two types of force—rotary and spiral-cyclic —to produce this. Scientists are beginning to recognise this more or less, and to realise that it is the Law of Relativity, or the relation between all atoms, which produces that which is called Light, and which, in its aggregated phenomena, forms that composite sphere, a solar system. The motion of the constellations *external* to the solar sphere is responsible for its form in conjunction with its own rotary motion in space. As the wave lengths of the light from the constellations, and their relation to the sun are better understood, and as the effect of those wave lengths or light vibrations

Định luật về sự mở rộng tiến hóa dần dần của tâm thức ngự trong mọi hình tướng này là nguyên nhân của dạng hình cầu của mọi sự sống trong toàn bộ hệ mặt trời. Trong tự nhiên, có một sự kiện là mọi cái đang hiện hữu đều cư ngụ trong một khối cầu. (306) Nguyên tử hóa học có hình cầu; con người [Page 1041] cư ngụ trong một khối cầu, cũng như Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, khối cầu này là hình tướng mà vật chất mang lấy khi hoạt động nội tại riêng của nó và hoạt động của hình tướng đang vận hành đồng điệu. Cần có hai loại mãnh lực—xoay tròn và xoắn ốc chu kỳ —để tạo ra điều này. Các nhà khoa học đang bắt đầu nhận ra điều này ít nhiều, và chứng nghiệm rằng chính Định luật Tương Đối, hay mối liên hệ giữa mọi nguyên tử, tạo ra điều được gọi là Ánh sáng, và trong hiện tượng tập hợp của nó, hình thành nên khối cầu tổng hợp ấy, một hệ mặt trời. Chuyển động của các chòm sao *bên ngoài* khối cầu thái dương chịu trách nhiệm về hình dạng của nó, kết hợp với chuyển động xoay tròn riêng của nó trong không gian. Khi các bước sóng ánh sáng từ các chòm sao, và mối liên hệ của chúng với mặt trời được hiểu rõ hơn,

(which are either attractive to, or repulsive to, the sun) are understood, much will be revealed. Little has as yet been grasped as to the effect [Page 1042] those constellations in the heavens (which are antagonistic to the solar system), have upon it, and whose wave lengths it will not transmit, whose rays of light do not pierce (if it might be expressed in so unscientific a manner) through the solar periphery.

và khi hiệu quả của các bước sóng hay rung động ánh sáng ấy (vốn hoặc hấp dẫn đối với, hoặc đẩy lùi, mặt trời) được hiểu rõ, thì nhiều điều sẽ được mặc khải. Cho đến nay, người ta vẫn còn hiểu rất ít về hiệu quả mà [Page 1042] những chòm sao trên trời ấy (vốn đối kháng với hệ mặt trời) tác động lên nó, và những chòm sao mà hệ mặt trời sẽ không truyền dẫn các bước sóng của chúng, những tia sáng của chúng không xuyên qua được (nếu có thể diễn đạt theo cách thiếu khoa học như vậy) chu vi thái dương.

(306) *The Atom.*—S. D., I, 113, 566. It is on the illusive nature of matter and the infinite divisibility of the atom that the whole Science of Occultism is built.

(306) *Nguyên Tử.*— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 113, 566. Toàn bộ Khoa Học Huyền Bí Học được xây dựng trên bản chất ảo huyễn của vật chất và tính khả phân vô hạn của nguyên tử.

1. Everything is atomic—God, Monads, atoms.

1. Mọi thứ đều có tính nguyên tử—Thượng đế, các chân thần, các nguyên tử.

a. The sphere of solar manifestation..... God

a. Khối cầu của biểu lộ thái dương..... Thượng đế

The mundane egg. The logoic auric egg..... Macrocosm

Noãn thế gian. Noãn hào quang của Thượng đế..... Đại thiên địa

b. The sphere of monadic manifestation.....Monads

b. Khối cầu của biểu lộ chân thần.....Các chân thần

The monadic auric egg..... Microcosm

Noãn hào quang chân thần..... Tiểu thiên địa

c. The sphere of the ultimate physical atom..... Atoms

c. Khối cầu của nguyên tử hồng trần tối hậu..... Các nguyên tử

2. The solar system is a cosmic atom.

2. Hệ mặt trời là một nguyên tử vũ trụ.

3. Each plane is an atom or complete sphere.

3. Mỗi cõi là một nguyên tử hay một khối cầu hoàn chỉnh.

4. Each planet is an atom.

4. Mỗi hành tinh là một nguyên tử.

5. Each Heavenly man is an atomic unit.

5. Mỗi Đấng Thiên Nhân là một đơn vị nguyên tử.

6. Each human Monad is an atom in the body of one of the Heavenly Men.

6. Mỗi Chân thần nhân loại là một nguyên tử trong thân thể của một trong các Đấng Thiên Nhân.

7. The causal body is an atom, or sphere.

7. Thể nguyên nhân là một nguyên tử, hay một khối cầu.

8. The physical plane elemental is an atomic unit.

8. Hành khí cõi hồng trần là một đơn vị nguyên tử.

What is an atom?

Nguyên tử là gì?

1. A sheath formed of the matter of the solar system in one or other of its seven grades and indwelt by life of some kind.

1. Một vỏ bọc được tạo thành từ vật chất của hệ mặt trời ở một trong bảy cấp của nó và được một loại sự sống nào đó ngự vào.

a. Absolute intelligence informs each atom. —S. D., I, 298.

a. Trí tuệ tuyệt đối thấm nhuần mỗi nguyên tử.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 298.

b. Absolute life informs each atom.—S. D., I, 278, 28l; II, 742, note.

b. Sự sống tuyệt đối thấm nhuần mỗi nguyên tử.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 278, 281; II, 742, ghi chú.

2. Atoms and souls are synonymous terms. —S. D., I, 620-622.

2. Nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 620-622.

a. In this solar system atoms and souls are synonymous terms. The Primordial Ray plus the Divine Ray of Wisdom.

a. Trong hệ mặt trời này, nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa. Cung Nguyên Sơ cộng với Cung thiêng liêng của Minh Triết.

b. In the previous solar system atoms and mind were probably synonymous terms. It resulted in the Primordial Ray of active intelligent matter, the basis of the present evolution.

b. Trong hệ mặt trời trước, nguyên tử và trí tuệ có lẽ là những thuật ngữ đồng nghĩa. Điều đó đã tạo ra Cung Nguyên Sơ của vật chất hoạt động thông tuệ, nền tảng của tiến hóa hiện nay.

c. In the next system atoms and the third factor, pure spirit may be synonymous terms. The Primordial Ray and The Divine Ray plus the third cosmic Ray of Will or Power.

c. Trong hệ mặt trời kế tiếp, nguyên tử và yếu tố thứ ba, tinh thần thuần túy, có thể là những thuật ngữ đồng nghĩa. Cung Nguyên Sơ và Cung thiêng liêng cộng với cung vũ trụ thứ ba của Ý Chí hay Quyền năng.

3. Atoms are inseparable from Spirit.—S. D., I, 367.

3. Các nguyên tử không thể tách rời khỏi Tinh thần.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 367.

a. They are the sheaths through which the informing God manifests.

a. Chúng là những vỏ bọc mà qua đó Thượng đế, Đấng thấm nhuần những vỏ bọc ấy, biểu lộ.

b. The form of the sheath is a sphere.

b. Hình tướng của vỏ bọc là một khối cầu.

c. The quality of the sheath is latent love.

c. Phẩm tính của vỏ bọc là tình thương tiềm ẩn.

d. The matter of the sheath is active intelligent substance. (back)

d. Vật chất của vỏ bọc là chất liệu hoạt động thông tuệ. (back)

We are told in the *Secret Doctrine* that "the seven solar Rays dilate to seven suns and set fire to the whole cosmos." *(S. D., II, 72.)* This it is which produces that final burning which ushers in the great pralaya, and brings to an end the logoic incarnation. It is produced under this Law of Expansion, and causes that eventual merging and blending of the seven sacred planetary schemes which marks the achievement of the goal, and their eventual perfection.

Chúng ta được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng "bảy tia thái dương nở rộng thành bảy mặt trời và đốt cháy toàn thể vũ trụ." *(Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 72.)* Chính điều này tạo ra sự bốc cháy cuối cùng mở đầu cho đại giai kỳ qui nguyên, và chấm dứt sự nhập thể của Thượng đế. Nó được tạo ra dưới Định luật Mở Rộng này, và gây nên sự hòa nhập và dung hợp sau cùng của bảy hệ hành tinh thiêng liêng, điều đánh dấu sự đạt thành mục tiêu và sự toàn thiện cuối cùng của chúng.

In occult literature this term "Law of Expansion" is limited to the discussion of the seven Rays, and to the subject of the *planetary* initiations. When dealing with the expansions of consciousness of the human being, and his initiations, we group them under the second "Law of Monadic Return."

Trong văn liệu huyền bí học, thuật ngữ "Định luật Mở Rộng" này được giới hạn vào việc bàn đến bảy cung, và chủ đề các điểm đạo *hành tinh*. Khi đề cập đến các sự mở rộng tâm thức của con người, và các điểm đạo của y, chúng ta xếp chúng dưới "Định luật Trở Về của Chân thần" thứ hai.

Students should here remember that we are dealing with the expansions of consciousness of a planetary Logos through the medium of:

a. The chains.

b. The rounds.

c. The kingdoms of nature.

d. The root races.

It should be remembered that the consciousness He is in process of developing is that of the absolute will and purpose of the solar Logos, as it is the expression of the *desire* of the cosmic Logos.(308) Therefore, the expansions might be grouped as follows: [Page 1043]

(308) The four sub-divisions of desire should be studied in the Brahmana of the Sama-veda. (1) The desire to know; whence (2) the desire to possess; thereafter (3) the desire to secure possession, i.e., to take the necessary steps, the action, that will bring possession; and finally (4) the attainment—these respectively are the four sub-divisions, cognitive-desire, desire-proper, active-desire and summation-desire.

"The ruler of desire is Shiva and his instruction to his sub-hierarchs takes this shape: Behold, our work is the work of destruction. The order and the way thereof are these. This should be destroyed first, this afterwards; and such and such work of the nature of negation should be performed. First, make enquiry, entertain the 'desire to know,' and thoroughly and fully understand the nature of the I and the This. Then

Ở đây, các đạo sinh nên nhớ rằng chúng ta đang bàn đến các sự mở rộng tâm thức của một Đức Hành Tinh Thượng Đế qua trung gian của:

a. Các Dãy.

b. Các cuộc tuần hoàn.

c. Các giới trong thiên nhiên.

d. Các giống dân gốc.

Cần nhớ rằng tâm thức mà Ngài đang trong tiến trình phát triển là tâm thức của ý chí và mục đích tuyệt đối của Thái dương Thượng đế, vì đó là biểu hiện của *dục vọng* của Thượng đế Vũ Trụ.(308) Do đó, các sự mở rộng có thể được nhóm lại như sau: [Page 1043]

(308) Bốn phân bộ của dục vọng nên được nghiên cứu trong Brahmana của Sama-veda. (1) Dục vọng muốn biết; từ đó có (2) dục vọng muốn sở hữu; tiếp theo là (3) dục vọng muốn bảo đảm sự sở hữu, tức là thực hiện các bước cần thiết, hành động sẽ đem lại sự sở hữu; và cuối cùng (4) sự đạt được—tương ứng, đó là bốn phân bộ: dục vọng nhận thức, dục vọng đúng nghĩa, dục vọng hoạt động và dục vọng tổng kết.

"Đấng cai quản dục vọng là Shiva và chỉ thị của Ngài cho các vị lãnh đạo cấp dưới mang hình thức này: Hãy nhìn xem, công việc của chúng ta là công việc hủy diệt. Trật tự và phương cách của nó là như sau. Điều này phải bị hủy trước, điều kia sau; và công việc này công việc nọ thuộc bản chất phủ định phải được thực hiện. Trước hết, hãy tra cứu, nuôi dưỡng 'dục vọng muốn biết,' và thấu hiểu một cách trọn vẹn và đầy đủ bản chất

entertain the desire to possess, 'I shall obtain the This and the I.' Having obtained them, you will pass on to the Negation, to the declaration, 'no (I want them no more).' In the Negation is the summation, sam-a-hara, 'bringing all together,' and it is the sam-hara also, the 'taking all in,' re-absorption, destruction."—*Pranava-Vada,* p. 364. (back)

của Cái Tôi và Cái Này. Sau đó hãy nuôi dưỡng dục vọng muốn sở hữu, 'Ta sẽ đạt được Cái Này và Cái Tôi.' Khi đã đạt được chúng, ngươi sẽ chuyển sang Sự Phủ Định, sang lời tuyên bố, 'không (ta không còn muốn chúng nữa).' Trong Sự Phủ Định có sự tổng kết, sam-a-hara, 'gom tất cả lại với nhau,' và đó cũng là sam-hara, 'thu tất cả vào,' tái hấp thu, hủy diệt."—*Pranava-Vada,* tr. 364. (back)

1. The solar Logos expands His consciousness to include the desire of the cosmic Logos.

1. Thái dương Thượng đế mở rộng tâm thức của Ngài để bao gồm dục vọng của Thượng đế Vũ Trụ.

2. The planetary Logos expands His consciousness to measure up to the will and purpose of the Solar Logos.

2. Đức Hành Tinh Thượng Đế mở rộng tâm thức của Ngài để tương xứng với ý chí và mục đích của Thái dương Thượng đế.

3. The Lords of the Chains are working at the desire consciousness (the love nature) of the planetary Logos.

3. Các Đấng Chúa Tể của các Dãy đang hoạt động trên tâm thức dục vọng (bản chất bác ái) của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

4. The informing Lives of the globe in the chain are working at the intelligent consciousness of the planetary Logos.

4. Các Sự Sống thấm nhuần bầu hành tinh trong dãy đang hoạt động trên tâm thức trí tuệ của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

This can be worked out in connection with a globe in a chain (such as our earth-chain) in the following manner.

Điều này có thể được triển khai liên hệ với một bầu hành tinh trong một dãy (như dãy địa cầu của chúng ta) theo cách sau.

The Lord of the world, the planetary Logos, in physical incarnation, works at His own peculiar problem, the bringing through (into physical manifestation upon the planet) of the *purpose* or will of the solar Logos in any particular scheme. This He does through meditation.

Đức Chúa Tể Thế Giới, Đức Hành Tinh Thượng Đế, đang lâm phàm hồng trần, hoạt động trên vấn đề đặc thù của riêng Ngài, là đưa *mục đích* hay ý chí của Thái dương Thượng đế vào biểu lộ hồng trần trên hành tinh trong bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào. Điều này Ngài thực hiện qua tham thiền.

The totality of Dhyan Chohans of the fifth or spiritual kingdom are occupied with the working out into active manifestation of the will and purpose of the planetary Logos.

Tổng thể các Dhyan Chohan của giới thứ năm hay giới tinh thần đang chuyên chú vào việc đưa ý chí và mục đích của Đức Hành Tinh Thượng Đế vào biểu lộ hoạt động.

The human family, or the fourth kingdom, is seeking to make manifest the desire, or love nature, of the planetary Logos.

Gia đình nhân loại, hay giới thứ tư, đang tìm cách biểu lộ dục vọng, hay bản chất bác ái, của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

The three subhuman kingdoms have for objective the [Page 1044] manifesting of the intelligent nature of the planetary Logos.

Ba giới dưới nhân loại có mục tiêu là [Page 1044] biểu lộ bản chất trí tuệ của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

All this done under the Law of Expansion, by the method of spiralling progression, cyclic growth, rotary repetition, and the summation of each greater spiral is the expansion of the consciousness into that of the sphere which enclosed the lesser ovoid, and the escape of the life imprisoned in the sphere. It is merged in its greater whole. As the fires of the sphere concerned blaze up, the "fire by friction" which produces rotary motion, and "solar fire," which is the basis of the spiral-cyclic activity, blend and merge. The ring-pass-not of the confining spheroidal wall is negated, and a blaze results.

Tất cả điều này được thực hiện dưới Định luật Mở Rộng, bằng phương pháp tiến triển xoắn ốc, tăng trưởng chu kỳ, lặp lại xoay tròn, và sự tổng kết của mỗi vòng xoắn lớn hơn là sự mở rộng của tâm thức vào tâm thức của khối cầu đã bao bọc hình trứng nhỏ hơn và sự thoát ra của sự sống bị giam cầm trong khối cầu. Nó được hòa nhập vào toàn thể lớn hơn của nó. Khi các ngọn lửa của khối cầu liên hệ bùng lên, "Lửa ma sát" tạo ra chuyển động xoay tròn, và "Lửa Thái dương," là nền tảng của hoạt động xoắn ốc chu kỳ, hòa lẫn và dung hợp. Vòng-giới-hạn của bức tường hình cầu giam hãm bị phủ định, và một ngọn lửa bùng phát xuất hiện.

The old Commentary expressed this as follows in connection with the planets, and it is equally, though relatively, true, of the atom of substance, or the solar atom:

Cổ Luận diễn đạt điều này như sau liên hệ với các hành tinh, và điều đó cũng đúng, dù tương đối, đối với nguyên tử chất liệu, hay nguyên tử thái dương:

1. "The life pulsates, and the pole performs its function. The sphere revolves in many cycles. As it revolves it senses other spheres, and seeks to know their secret.

1. "Sự sống rung nhịp, và cực thực hiện chức năng của nó. Khối cầu quay trong nhiều chu kỳ. Khi quay, nó cảm nhận các khối cầu khác, và tìm cách biết bí mật của chúng.

2. They meet each other. They seek a greater intimacy or reject with hatred any more approach. Some pass away; others return and marry. They know each other. They

2. Chúng gặp nhau. Chúng tìm kiếm một sự thân mật lớn hơn hoặc khước từ với lòng căm ghét bất kỳ sự đến gần nào hơn nữa. Một số qua đi; những khối cầu khác quay lại

spiral through their courses hand in hand. Through union the fires blaze up, the two become the one, and live again in their Son, who is the Third."

và kết hôn. Chúng biết nhau. Chúng xoắn ốc qua các lộ trình của mình tay trong tay. Qua sự hợp nhất, các ngọn lửa bùng lên, hai trở thành một, và lại sống trong Con của chúng, Đấng là Đấng thứ ba."

Through the study of these significant words students may learn somewhat concerning "polar affinity," the "Marriage in the Heavens," the transference of the germs of life from the male attractive planet to the negative and receptive one, and finally, at a later period, the absorption of the life of the two planets by a third planet, who is called occultly "the Son." This refers to the synthesising planet which forms the apex of the solar triangle.

Qua việc nghiên cứu những lời đầy thâm nghĩa này, các đạo sinh có thể học được phần nào về "sự tương hợp cực," "Hôn phối trên Thiên giới," sự chuyển giao các mầm sống từ hành tinh nam tính hấp dẫn sang hành tinh âm tính và tiếp nhận, và cuối cùng, vào một thời kỳ muộn hơn, sự hấp thu sự sống của hai hành tinh bởi một hành tinh thứ ba, được gọi một cách huyền bí là "Người Con." Điều này nói đến hành tinh tổng hợp tạo thành đỉnh của tam giác thái dương.

In summing up the effect of the union of individual atomic rotary motion and the spiral cyclic activity of all [Page 1045] atomic groups, it is necessary to point out, therefore, that the following units are affected.

Khi tổng kết hiệu quả của sự hợp nhất giữa chuyển động xoay tròn nguyên tử cá biệt và hoạt động xoắn ốc chu kỳ của mọi [Page 1045] nhóm nguyên tử, do đó cần chỉ ra rằng các đơn vị sau đây bị ảnh hưởng.

The essential individual atom. Its evolutionary progress towards self-determination is brought about by the effect of its group activity, or the motion of the form modifying its own inherent action.

Nguyên tử cá biệt cốt yếu. Sự tiến bộ tiến hóa của nó hướng tới tự quyết được mang lại bởi hiệu quả của hoạt động nhóm của nó, hay chuyển động của hình tướng làm biến đổi hoạt động cố hữu riêng của nó.

The atomic form, likewise an atomic unit, rotating on its own axis and influenced and driven towards the centre of force of a higher macrocosm by the activity of its embracing kingdom.

Hình tướng nguyên tử, cũng là một đơn vị nguyên tử, quay trên trục riêng của nó và bị ảnh hưởng cũng như bị thúc đẩy về phía trung tâm mãnh lực của một đại thiên địa cao hơn bởi hoạt động của giới bao bọc nó.

The human atom, self-determined and individual, yet driven progressively forward by the influence of its group, or the potent activity of the Heavenly Man in Whose body it is the cell.

Nguyên tử nhân loại, tự quyết và cá biệt, tuy nhiên được thúc đẩy tiến dần về phía trước bởi ảnh hưởng của nhóm của nó, hay hoạt động mạnh mẽ của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài nó là một tế bào.

The planetary atom, equally self-determined, a composite of all planetary groups, rotating on its own axis, yet conforming to the cyclic-spiralling action, induced by the activity of the greater sphere in which it finds its place.

Nguyên tử hành tinh, cũng tự quyết, là một tổng hợp của mọi nhóm hành tinh, quay trên trục riêng của nó, tuy nhiên vẫn tuân theo hoạt động xoắn ốc chu kỳ, được gây ra bởi hoạt động của khối cầu lớn hơn mà trong đó nó tìm thấy vị trí của mình.

The solar Atom, also an individualised Life, the Son in incarnation, through the medium of the Sun, pursuing its own inherent cycle, yet spiralling in cyclic fashion through the heavens, and therefore, progressing through the effect of the extra-cosmic active Lives who either attract or repulse it.

Nguyên tử Thái dương, cũng là một Sự sống đã biệt ngã hóa, Người Con đang nhập thể, qua trung gian Mặt Trời, theo đuổi chu kỳ cố hữu riêng của nó, tuy nhiên xoắn ốc theo cách chu kỳ xuyên qua các cõi trời, và do đó tiến triển nhờ hiệu quả của các Sự sống hoạt động ngoài vũ trụ, những Đấng hoặc hấp dẫn hoặc đẩy lùi nó.

These are the main sets of atomic groups, but there are many intermediate forms upon which it is not possible as yet to touch. All in nature affects that which it contacts, and these effects work either as

Đó là những tập hợp chính của các nhóm nguyên tử, nhưng còn có nhiều hình tướng trung gian mà hiện nay chưa thể đề cập đến. Mọi sự trong tự nhiên đều ảnh hưởng đến điều mà nó tiếp xúc, và những hiệu quả này vận hành hoặc như

a. Attractive or repulsive impulses.

a. Các xung lực hấp dẫn hay đẩy lùi.

b. Retarding or accelerating impulses.

b. Các xung lực làm chậm lại hay gia tốc.

c. Destructive or constructive impulses.

c. Các xung lực hủy diệt hay kiến tạo.

d. Devitalising or stimulating impulses.

d. Các xung lực làm mất sinh lực hay kích thích.

e. Energising or disintegrating impulses.

e. Các xung lực tiếp năng lượng hay làm tan rã.

Yet all can be expressed in terms of negative and positive [Page 1046] force, manifesting as rotary or spiral activity. The lesser cycle can, from certain angles of vision, be regarded as appertaining to the rotary activity of certain atomic forms, and the greater cycles, which are so much more

Tuy nhiên, tất cả đều có thể được diễn đạt bằng các thuật ngữ mãnh lực âm và dương [Page 1046], biểu lộ như hoạt động xoay tròn hay xoắn ốc. Chu kỳ nhỏ hơn, từ một số góc độ tầm nhìn nào đó, có thể được xem là thuộc về hoạt động xoay tròn của một số hình tướng nguyên tử nhất định, còn các

difficult for man to follow, as relating to the spiral action of the enclosing Life of the greater sphere. Every atom is part of a greater whole, even the solar atom is not a separated Life but a fragment of an immensity of Existence beyond the ken of man, and which is but dimly cognised by the most advanced Dhyan Chohan.

chu kỳ lớn hơn, vốn khó hơn nhiều đối với con người trong việc theo dõi, thì liên hệ đến hoạt động xoắn ốc của Sự sống bao bọc của khối cầu lớn hơn. Mọi nguyên tử đều là một phần của một toàn thể lớn hơn; ngay cả nguyên tử thái dương cũng không phải là một Sự sống tách biệt mà là một mảnh của một Sự Tồn Tại bao la vượt ngoài tầm hiểu biết của con người, và chỉ được nhận biết một cách mơ hồ bởi Dhyan Chohan cao cấp nhất.

2. The Law of Monadic Return. — 2. Định luật Trở Về của Chân thần.

Here it is possible to study the Monad from the cyclic and energetic standpoint, and divorce our minds temporarily from that aspect of manifestation we call the human, or man.

Ở đây có thể nghiên cứu chân thần từ quan điểm chu kỳ và năng lượng, và tạm thời tách trí tuệ của chúng ta ra khỏi phương diện biểu lộ mà chúng ta gọi là con người, hay con người.

In considering the "Divine Pilgrim" we can study him as demonstrating in the form of:

Khi xem xét "Người Hành Hương Thiêng Liêng", chúng ta có thể nghiên cứu y như biểu lộ dưới hình thức:

a. Three focal points of energy or force.

a. Ba tiêu điểm năng lượng hay mãnh lực.

b. Three fires, each producing a definite effect, and each in turn producing effects upon each other.

b. Ba ngọn lửa, mỗi ngọn tạo ra một hiệu quả xác định, và mỗi ngọn đến lượt mình lại tạo ra các hiệu quả lên nhau.

In relation to a solar system, these three fires on the cosmic planes are called: (309) [Page 1047]

Liên hệ với một hệ mặt trời, ba ngọn lửa này trên các cõi vũ trụ được gọi là: (309) [Page 1047]

(309) 1. The Names of the Sun mentioned in the Secret Doctrine are:

(309) 1. Các danh xưng của Mặt Trời được nêu trong Giáo Lý Bí Nhiệm là:

a. Maritanda.—S. D., I, 61, 126-129, 483; II, 221.

a. Maritanda.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 61, 126-129, 483; II, 221.

b. Agni.—S. D., II, 60, 400.

b. Agni.— Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 60, 400.

c. Surya.—S. D., I, 127, 643.

c. Surya.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 127, 643.

d. Helios.—S. D., II, 47.

d. Helios.— Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 47.

e. Apollo.—S. D., II, 6, 129.

e. Apollo.— Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 6, 129.

2. The Sun in the S. D. is used in the three following connotations:

2. Mặt Trời trong Giáo Lý Bí Nhiệm được dùng theo ba hàm nghĩa sau:

a. The Central Spiritual Sun.—S. D., I, 519, 520, 700, 736; S. D., II,—120, 249, 251.

a. Mặt trời Tinh thần Trung Ương.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 519, 520, 700, 736; Giáo Lý Bí Nhiệm, II,—120, 249, 251.

b. The visible physical Sun.—S. D., I, 628.

b. Mặt Trời hồng trần hữu hình.— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 628.

c. The three secondary Suns.—As above.

c. Ba Mặt Trời thứ cấp.— Như trên.

Consider the Microcosm, manifesting through the causal body, which contains the three permanent atoms, the centres of force for the three bodies, the mental, astral and physical.

Hãy xét Tiểu thiên địa, biểu lộ qua thể nguyên nhân, vốn chứa ba nguyên tử trường tồn, các trung tâm mãnh lực cho ba thể, thể trí, thể cảm dục và thể xác.

3. Consider the following three statements. —S. D. I., 574.

3. Hãy xét ba phát biểu sau.— Giáo Lý Bí Nhiệm I., 574.

a. In the Kosmos..The Sun is the kama-rupa, or desire body of Akasha (the second aspect of Brahma).

a. Trong Vũ trụ..Mặt Trời là kama-rupa, hay thể dục vọng của Akasha (phương diện thứ hai của Brahma).

Compare 'Son of necessity.'—S. D., I, 74.

So sánh "Con của sự tất yếu."— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 74.

b. In the system...The Sun is the sixth principle, buddhi, and its vehicle. (The Dragons of Wisdom taking form on the fourth cosmic ether, our buddhic plane).

b. Trong hệ mặt trời...Mặt Trời là nguyên khí thứ sáu, Bồ đề, và vận cụ của nó. (Các Rồng Minh Triết mang hình tướng trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề của chúng ta).

c. As an entity...The Sun is the seventh principle of Brahma or the aspect of active intelligent matter.

c. Với tư cách một thực thể...Mặt Trời là nguyên khí thứ bảy của Brahma hay phương diện của vật chất hoạt động thông tuệ.

Hence 'rejection' as it is called ensues because consciousness or the development of the Ego (logoic or human) is the goal of evolution, and not the matter aspect. "The Primordial Ray is only the vehicle of the Divine Ray."—S. D., I, 108. (back)

Do đó, "sự khước từ" như nó được gọi, xảy ra bởi vì tâm thức hay sự phát triển của chân ngã (của Thượng đế hay của con người) là mục tiêu của tiến hóa, chứ không phải phương diện vật chất. "Cung Nguyên Sơ chỉ là vận cụ của Cung thiêng liêng."— Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 108. (back)

1. The central spiritual sun (essential).

1. Mặt trời tinh thần trung ương (cốt yếu).

2. The sun (subjective), called 'the heart of the sun.'

2. Mặt trời (chủ quan), được gọi là 'trái tim của mặt trời.'

3. The physical sun (objective).

3. Mặt trời hồng trần (khách quan).

and the same thought can be carried through the monadic manifestation. The three monadic centres are distinguished by different types of energy:

và cùng một tư tưởng ấy có thể được áp dụng xuyên suốt biểu lộ chân thần. Ba trung tâm chân thần được phân biệt bởi các loại năng lượng khác nhau:

1. Monadic—dynamic energy	electric impulse	pure fire.
2. Egoic—magnetic energy	radiatory impulse	solar fire.
3. Personal—individual energy	rotary impulse	fire by friction.

The first produces light, the second heat, and the third moisture or concretion.

Loại thứ nhất tạo ra ánh sáng, loại thứ hai nhiệt, và loại thứ ba độ ẩm hay sự đông đặc.

By the interplay of the three types of force which constitute the three monadic aspects, a rhythm is set up which eventuates in the formation of:

Sự tương tác của ba loại mãnh lực cấu thành ba phương diện chân thần thiết lập một nhịp điệu, cuối cùng dẫn đến sự hình thành của:

A ring-pass-not, or ovoidal sphere, wherein the pilgrim is confined, and which contains within itself three major centres of force, corresponding to

Một vòng-giới-hạn, hay một khối cầu hình trứng, trong đó người hành hương bị giam giữ, và khối cầu này chứa trong chính nó ba trung tâm mãnh lực chính, tương ứng với

a. The three major logoic centres when the subjective or force side of existence is contemplated.

a. Ba trung tâm chính của Thượng đế khi phương diện chủ quan hay phương diện mãnh lực của sự tồn tại được chiêm ngưỡng.

b. The three permanent atoms if the purely objective side is in question.

b. Ba nguyên tử trường tồn nếu vấn đề là phương diện hoàn toàn khách quan.

A cyclic pulsation, which is the cause of every evolutionary impulse.

Một sự rung nhịp chu kỳ, là nguyên nhân của mọi xung lực tiến hóa.

[Page 1048] These evolutionary impulses may be regarded as three in number for a solar system, or for a Monad:

[Page 1048] Những xung lực tiến hóa này có thể được xem là có ba loại đối với một hệ mặt trời, hay đối với một chân thần:

There is the impulse which drives every atom to self-determination, and is the secret of the phenomenon called individualisation. It is largely the force called Brahma.

Có xung lực thúc đẩy mọi nguyên tử đến chỗ tự quyết, và là bí mật của hiện tượng được gọi là biệt ngã hóa. Nó phần lớn là mãnh lực được gọi là Brahma.

There is the impulse which forces the individual atom towards group determination, and is the secret of the phenomenon termed "Initiation," or the process of passing out of the human or self-determined individualised Life into the higher kingdom. It is the sum total of the force of Vishnu, the second aspect, and produces the higher states of consciousness.

Có xung lực buộc nguyên tử cá biệt hướng tới sự quyết định theo nhóm, và là bí mật của hiện tượng được gọi là "Điểm đạo," hay tiến trình vượt ra khỏi Sự sống nhân loại, hay Sự sống tự quyết đã biệt ngã hóa để đi vào giới cao hơn. Nó là tổng số mãnh lực của Vishnu, phương diện thứ hai, và tạo ra các trạng thái tâm thức cao hơn.

There is finally the impulse which forces the planetary groups, the sum total of all atoms and forms, to a conscious realisation of the nature of the all-enclosing group, the solar atom.

Sau cùng, có xung lực buộc các nhóm hành tinh, tổng thể của mọi nguyên tử và hình tướng, đi đến sự chứng nghiệm có ý thức về bản chất của nhóm bao trùm tất cả, tức nguyên tử thái dương.

The Monad, acted upon by the Heavenly Man, intelligently forms his ring-pass-not.

Chân thần, được Đấng Thiên Nhân tác động, một cách thông minh tạo thành vòng-giới-

There his work ceases from the purely monadic standpoint; the inherent life of the atomic matter thus constituted produces the later phenomena. The rotary life of the atoms, and their interplay, modified by the Life of the planetary group, or Heavenly Man, pursued through long aeons, causes the phenomena of the various involutionary stages up to the point where certain of the atoms have evolved to the consciousness of animal-man. All through this inconceivable period (that is, in connection with our earth sphere) the milliards of atomic lives have pursued their courses, energised by the Life of the Monad, as it pulsates through the medium of the monadic heart on the spiritual plane; and equally they have responded to the larger rhythm of the Heavenly Man. This it is which has produced graded concretion, and brought animal-man to the stage where the upward pull of the Monad itself began to be felt. At the same time, the Monad on its [Page 1049] own plane began to respond to the self-engendered energy of the lower form, the two rhythms contacted, individualisation occurred and the pilgrim manifested in his true nature.

hạn của y. Tại đó công việc của y chấm dứt theo quan điểm thuần túy chân thần; sự sống cố hữu của vật chất nguyên tử được cấu thành như thế tạo ra các hiện tượng về sau. Sự sống quay tròn của các nguyên tử, và sự tương tác của chúng, được Sự sống của nhóm hành tinh, hay Đấng Thiên Nhân, biến đổi, tiếp diễn qua những đại kiếp lâu dài, gây nên các hiện tượng của những giai đoạn giáng hạ tiến hoá khác nhau cho đến điểm mà một số nguyên tử đã tiến hoá đến tâm thức của người thú. Suốt toàn bộ thời kỳ không thể nghĩ bàn này (nghĩa là, liên hệ với khối cầu địa cầu của chúng ta), hàng tỷ sự sống nguyên tử đã theo đuổi các tiến trình của chúng, được tiếp năng lượng bởi Sự sống của Chân thần, khi nó rung động qua trung gian của tim chân thần trên cõi tinh thần; và đồng thời chúng cũng đáp ứng với nhịp điệu lớn hơn của Đấng Thiên Nhân. Chính điều này đã tạo ra sự kết tụ theo cấp bậc, và đưa người thú đến giai đoạn mà lực kéo đi lên của chính Chân thần bắt đầu được cảm nhận. Đồng thời, Chân thần trên [Page 1049] cõi riêng của mình bắt đầu đáp ứng với năng lượng do hình tướng thấp tự phát sinh; hai nhịp điệu tiếp xúc nhau, sự biệt ngã hóa xảy ra và người hành hương biểu lộ trong bản chất chân thực của mình.

Then—as far as concerns the Monad—progressive life forward begins. It is truly cyclic, repetitive and spiralling. At first the action, or the interplay between the rotary lower atomic form, and the influence of the Monad, is lethargic, slow and heavy, and the form retards the action of the Monad, and its heavy vibration tends to offset the higher. Gradually, as the sweeping spirals play their part, the higher vibration makes itself felt, and the activity, or motion, is more balanced, but lighter. Thus the cycles run until the higher rhythm or vibration is so dominant that the influence of the form is negated, and leads to its eventual discarding.

Khi ấy—xét theo phương diện Chân thần—sự sống tiến bộ hướng về phía trước bắt đầu. Quả thật nó có tính chu kỳ, lặp lại và xoắn ốc. Lúc đầu, hoạt động, hay sự tương tác giữa hình tướng nguyên tử thấp quay tròn và ảnh hưởng của Chân thần, thì trì trệ, chậm chạp và nặng nề, và hình tướng làm chậm tác động của Chân thần, còn rung động nặng nề của nó có khuynh hướng hóa giải cái cao hơn. Dần dần, khi các vòng xoắn quét qua thực hiện phần việc của chúng, rung động cao hơn tự làm cho mình được cảm nhận, và hoạt động, hay chuyển động, trở nên quân bình hơn, nhưng nhẹ hơn. Cứ thế các chu kỳ vận hành cho đến khi nhịp điệu hay rung

Simultaneously with this, the highest rhythm of all makes itself felt, leading to increased activity upon the highest planes, and producing in time a negation of the sheath life of the Ego. As the old Commentary again says:

động cao hơn trở nên áp đảo đến mức ảnh hưởng của hình tướng bị phủ nhận, và dẫn đến việc cuối cùng bị loại bỏ. Đồng thời với điều này, nhịp điệu cao nhất trong tất cả cũng tự làm cho mình được cảm nhận, dẫn đến hoạt động gia tăng trên các cõi cao nhất, và theo thời gian tạo ra sự phủ nhận đời sống vỏ bọc của chân ngã. Như Cổ Luận lại nói:

"The drops of moisture grow heavier. They break as rain upon the lowest plane. They sink into the clay and cause it to blossom. Thus do the waters cover the earth and all the cycles.

"Những giọt ẩm khí trở nên nặng hơn. Chúng vỡ ra thành mưa trên cõi thấp nhất. Chúng thấm vào đất sét và khiến nó nở hoa. Như thế nước phủ khắp mặt đất và mọi chu kỳ.

Two are the objectives of the fathering drops, and each attained in vastly separated cycles; one is to sink and lose itself in the dark soil of earth; the other to rise and merge itself in the clear air of heaven.

Hai là những mục tiêu của các giọt đóng vai trò sinh thành, và mỗi mục tiêu đạt được trong những chu kỳ cách biệt vô cùng lớn; một là chìm xuống và đánh mất chính mình trong lớp đất tối của địa cầu; mục tiêu kia là vươn lên và hòa nhập chính mình vào bầu không khí trong sáng của thiên giới.

Between the two vast periods the heat doth play its part.

Giữa hai thời kỳ bao la ấy, nhiệt lực thực hiện phần việc của nó.

But when the heat grows fierce, and the fires within the earth and beneath the waters burn hot and flow, the nature of the many drops is seen to undergo a change. They dissipate in steam. Thus doth the heat perform its part.

Nhưng khi nhiệt lực trở nên dữ dội, và các ngọn lửa bên trong địa cầu và dưới làn nước bốc cháy nóng bỏng và tuôn chảy, bản chất của nhiều giọt được thấy là trải qua một sự chuyển đổi. Chúng tiêu tan thành hơi nước. Như thế nhiệt lực thực hiện phần việc của nó.

Later again the fire electric flashes forth, and turns the steam to that which will permit its passage through the air."

Về sau nữa, lửa điện lóe ra, và biến hơi nước thành cái sẽ cho phép nó đi xuyên qua không khí."

We will now sum up briefly the various vibratory impulses which have a definite effect upon the Monad, and which must be borne in mind as we consider the evolution [Page 1050] of the Divine Pilgrim. It is not

Giờ đây chúng ta sẽ tóm lược ngắn gọn các xung lực rung động khác nhau có ảnh hưởng xác định lên Chân thần, và cần phải được ghi nhớ khi chúng ta xem xét sự tiến hoá [Page 1050] của Người Hành Hương Thiêng Liêng.

the purpose of this *Treatise* to enlarge upon each distinctive impulse. It but seeks to indicate, leaving to later individual students the expansion of the imparted ideas.

Mục đích của *bộ Luận* này không phải là khai triển từng xung lực riêng biệt. Nó chỉ tìm cách chỉ ra, để cho các đạo sinh cá nhân về sau tự mình mở rộng những ý tưởng đã được truyền đạt.

1. Three impulses inherent in the three periodical vehicles, as H. P. B. terms the three main centres of energy through which the Monad manifests:

1. Ba xung lực cố hữu trong ba vận cụ tuần hoàn, như H. P. B. gọi ba trung tâm năng lượng chính mà qua đó Chân thần biểu lộ:

a. The energy of the monadic ring-pass-not, viewing it as a unit.

a. Năng lượng của vòng-giới-hạn chân thần, xét nó như một đơn vị.

b. The energy of the causal body, within the monadic periphery.

b. Năng lượng của thể nguyên nhân, bên trong chu vi chân thần.

c. The energy of the physical body, the synthesis upon the physical plane of the force pouring through into manifestation through the three permanent atoms.

c. Năng lượng của thể xác, sự tổng hợp trên cõi hồng trần của mãnh lực tuôn vào biểu lộ qua ba nguyên tử trường tồn.

2. The activity set up in the seven etheric centres of force, the result of the activity of the seven principles:

2. Hoạt động được thiết lập trong bảy trung tâm mãnh lực dĩ thái, là kết quả của hoạt động của bảy nguyên khí:

a. The head centre—esoteric seven with an exoteric three.

a. Trung tâm đầu—bộ bảy nội môn với bộ ba ngoại môn.

b. The throat centre.

b. Trung tâm cổ họng.

c. The heart centre—an esoteric three and exoteric seven.

c. Trung tâm tim—bộ ba nội môn và bộ bảy ngoại môn.

d. The solar plexus—an esoteric three and exoteric four.

d. Tùng thái dương—bộ ba nội môn và bộ bốn ngoại môn.

e. The organs of generation—an esoteric two.

e. Các cơ quan sinh sản—một bộ hai nội môn.

f. The base of the spine—an esoteric unity.

f. Đáy cột sống—một sự đơn nhất nội môn.

3. The inherent activity of every atom in every sheath, which produces the rhythm of the sheath.

3. Hoạt động cố hữu của mọi nguyên tử trong mọi vỏ bọc, tạo ra nhịp điệu của vỏ bọc.

4. The unified activity of every sheath or form which the divine Pilgrim uses.

4. Hoạt động hợp nhất của mọi vỏ bọc hay hình tướng mà Người Hành Hương thiêng liêng sử dụng.

5. The united active motion produced by the unification of the three vehicles, the seven sheaths, the force centres, and the atomic substance.

5. Chuyển động hoạt động hợp nhất được tạo ra bởi sự hợp nhất của ba vận cụ, bảy vỏ bọc, các trung tâm lực, và chất liệu nguyên tử.

6. The effect produced by the action of the groups karmically allied with the Pilgrim. They are: [Page 1051]

6. Hiệu quả được tạo ra bởi tác động của các nhóm có liên hệ nghiệp quả với Người Hành Hương. Đó là: [Page 1051]

a. His Ray vibration, his monadic group.

a. Rung động cung của y, nhóm chân thần của y.

b. His subray vibration, or the vibration of the egoic group.

b. Rung động cung phụ của y, hay rung động của nhóm chân ngã.

c. His personality affiliations, such as his family, racial, and national energy. All of these play upon the sensitive atoms in the various bodies and produce specific effects.

c. Những liên hệ phàm ngã của y, như năng lượng gia đình, chủng tộc và quốc gia của y. Tất cả những điều này tác động lên các nguyên tử nhạy cảm trong những thể khác nhau và tạo ra các hiệu quả đặc thù.

7. The activity or motion initiated and stimulated by the life of any of the three lower kingdoms in nature,—all of which produce definite results.

7. Hoạt động hay chuyển động được khởi xướng và kích thích bởi sự sống của bất kỳ giới nào trong ba giới thấp trong thiên nhiên,—tất cả đều tạo ra những kết quả xác định.

8. The vibration of the particular planet upon which the monad may be seeking expression and experience.

8. Rung động của hành tinh đặc thù mà trên đó chân thần có thể đang tìm cách biểu lộ và kinh nghiệm.

9. The effect produced in the substance of the sheaths by the influences, or vibrations, of the various planets. This, esoterically

9. Hiệu quả được tạo ra trong chất liệu của các vỏ bọc bởi các ảnh hưởng, hay rung động, của các hành tinh khác nhau. Điều

understood, is the influence of some one or other of the solar centres, as the forces emanating from them play upon the planetary centres and thereby affect the involved monadic units. This is hidden in the karma of the Heavenly Man, and when true esoteric astrology comes into being then more anent this will be given out. Astrology as now studied and taught misleads more than it helps, and astrological students are as yet learning but the a-b-c of this stupendous subject, and are occupied with the exoteric fringes of that great veil which has been wisely thrown over all planetary lore.

này, khi được thấu hiểu theo nội môn, là ảnh hưởng của một trung tâm thái dương nào đó, khi các mãnh lực phát ra từ đó tác động lên các trung tâm hành tinh và nhờ vậy ảnh hưởng đến các đơn vị chân thần liên can. Điều này ẩn giấu trong nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân, và khi chiêm tinh học nội môn chân chính xuất hiện thì sẽ có thêm nhiều điều về vấn đề này được công bố. Chiêm tinh học như hiện nay được nghiên cứu và giảng dạy gây lạc hướng nhiều hơn là giúp ích, và các đạo sinh chiêm tinh cho đến nay mới chỉ học bảng chữ cái a-b-c của chủ đề vĩ đại này, và đang bận tâm với những rìa ngoại môn của bức màn lớn đã được khôn ngoan phủ lên mọi tri thức hành tinh.

10. Another form of energy which must ever be considered is that of the planetary Logos, as He pours His force through some one chain or some one globe upon the groups of evolving human units. This—from the human standpoint—cannot as yet be calculated, as it is dependent upon the occult "turning of the attention" by the planetary Logos in meditation upon any centre in His body corporate. It is, of course, all under cosmic law, but beyond the realisation of man. It involves cognisance [Page 1052] of the planetary individual purpose, which is not revealed until the later initiations.

10. Một dạng năng lượng khác luôn luôn phải được xét đến là năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế, khi Ngài tuôn mãnh lực của Ngài qua một dãy nào đó hay một bầu hành tinh nào đó lên các nhóm đơn vị nhân loại đang tiến hoá. Điều này—xét theo quan điểm nhân loại—hiện chưa thể tính toán được, vì nó tùy thuộc vào sự "chuyển hướng chú ý" huyền bí của Đức Hành Tinh Thượng Đế trong tham thiền lên bất kỳ trung tâm nào trong thân thể hợp thành của Ngài. Dĩ nhiên, tất cả đều ở dưới định luật vũ trụ, nhưng vượt ngoài sự chứng nghiệm của con người. Nó bao hàm sự nhận biết [Page 1052] về mục đích cá nhân của hành tinh, điều không được mặc khải cho đến các lần điểm đạo về sau.

11. The inherent energy of the solar atom itself has likewise a rhythmic effect upon the individual Monad, and though it only reaches the monad via the greater centres of Existence yet it has its effect upon one and all. This is another factor not sufficiently recognised.

11. Năng lượng cố hữu của chính nguyên tử thái dương cũng có một hiệu quả nhịp điệu lên Chân thần cá nhân, và dù nó chỉ đến với chân thần qua các trung tâm lớn hơn của Tồn Tại, nó vẫn có ảnh hưởng lên từng đơn vị và tất cả. Đây là một yếu tố khác chưa được nhìn nhận đầy đủ.

12. Finally, the energy of the greater life (in which our solar system but forms a part) has to be reckoned with, and the impulses emanating from the cosmic Logos, the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID reach the monadic lives and produce stimulation or retardation according to the nature of the cosmic ideation. These are necessarily entirely outside the ken of average man and are only touched upon as no tabulation would be complete without them.

12. Sau cùng, năng lượng của sự sống lớn hơn (trong đó hệ mặt trời của chúng ta chỉ tạo thành một phần) cũng phải được tính đến, và các xung lực phát ra từ Thượng đế Vũ Trụ, Đấng Bất Khả Tư Nghị, đến được các sự sống chân thần và tạo ra sự kích thích hay làm chậm trễ tùy theo bản chất của ý niệm vũ trụ. Những điều này tất yếu hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết của con người trung bình và chỉ được đề cập thoáng qua vì không có bảng liệt kê nào là đầy đủ nếu thiếu chúng.

13. There is also to be borne in mind the play of energy which emanates from any one of those "Twelve signs of the Zodiac" with which astrology concerns itself. This type of force is primarily concerned with planetary stimulation, with the planetary Logoi, and is hidden in Their cyclic karma,—a karma which of course will incidentally involve those monads and devas which form Their bodies and centres.

13. Cũng cần ghi nhớ sự vận hành của năng lượng phát ra từ bất kỳ một trong "Mười Hai dấu hiệu hoàng đạo" mà chiêm tinh học quan tâm. Loại mãnh lực này trước hết liên hệ đến sự kích thích hành tinh, đến các Đức Hành Tinh Thượng Đế, và ẩn giấu trong nghiệp quả chu kỳ của Các Ngài,—một nghiệp quả dĩ nhiên cũng sẽ bao hàm những chân thần và thiên thần tạo thành các thân thể và các trung tâm của Các Ngài.

14. We must not ignore the three great waves of energy which sweep cyclically through the entire solar system from:

14. Chúng ta không được bỏ qua ba làn sóng năng lượng lớn quét qua toàn thể hệ mặt trời theo chu kỳ từ:

a. The seven stars of the Great Bear. The strength of these vibrations depends upon the closeness of the connection and the accuracy of the alignment between any particular Heavenly Man and His Prototype. The mystery here is profound; it is connected with the stage in evolution of the "imperfect gods" and the objective of the planetary deities. [Page 1053]

a. Bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh. Sức mạnh của các rung động này tùy thuộc vào mức độ gần gũi của mối liên hệ và độ chính xác của sự chỉnh hợp giữa bất kỳ Đấng Thiên Nhân đặc thù nào với Nguyên Mẫu của Ngài. Huyền nhiệm ở đây thật sâu xa; nó liên hệ đến giai đoạn tiến hoá của các "vị thần bất toàn" và mục tiêu của các Thượng đế hành tinh. [Page 1053]

b. The Seven Sisters, or the Pleiades, and from that one in particular who is occultly termed "the wife" of the planetary Logos whose scheme will eventually receive the seeds of life from our planet, which is not

b. Bảy Chị Em, hay Pleiades, và đặc biệt từ một vị trong số đó, được gọi một cách huyền bí là "người vợ" của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà hệ hành tinh của Ngài rốt cuộc sẽ nhận các hạt giống sự sống từ hành tinh

considered a sacred planet, as has before been stated.

c. The sun Sirius.

There are other streams of energetic force which have an effect upon the Pilgrim everywhere, but the above enumeration will serve to show the complexity of the subject and the vastness of the scheme of evolution. All these vibratory emanations pass through the sphere cyclically; they come and go, and according to their presence or their non presence and according to the stage of evolution of the emanating Existence will depend the phenomenal character of all life, will depend the nature of any specific period, and the quality of the manifesting Monads. It is the appearance or the disappearance of these waves of life-force (planetary, inter-planetary, systemic, cosmic and inter-cosmic) which sweeps into incarnation the divine pilgrims, and which brings about the cyclic manifestation of such great Lives as the "Silent Watcher" and the "Great Sacrifice"; it is this which causes also the dissolution of a scheme, and its reappearance, and is responsible for the transportation of the life seeds from one scheme to another, or from one solar system to another.

In this great tide of forces, the Monads are swept along; their aggregate is termed the "force of evolution," and the life and persistence of the initiatory Being sets the term for their duration. Man is but the plaything of the forces which gather him up and carry him on, just as the atom, in the human frame is but the obedient servant of the man's imposing direction; yet within limits man is the controller of his destiny; within [Page 1054] limits he wields forces and energies, he manipulates lesser lives and

chúng ta, vốn không được xem là một hành tinh thiêng liêng, như đã nói trước đây.

c. Mặt trời Sirius.

Còn có những dòng mãnh lực năng lượng khác có ảnh hưởng lên Người Hành Hương ở khắp nơi, nhưng sự liệt kê trên đủ để cho thấy tính phức tạp của chủ đề và sự bao la của hệ thống tiến hoá. Tất cả những phát xạ rung động này đi qua khối cầu theo chu kỳ; chúng đến rồi đi, và tùy theo sự hiện diện hay vắng mặt của chúng, cũng như tùy theo giai đoạn tiến hoá của Tồn Tại phát xạ, mà tính chất hiện tượng của mọi sự sống, bản chất của bất kỳ thời kỳ đặc thù nào, và phẩm tính của các Chân thần đang biểu lộ sẽ được quyết định. Chính sự xuất hiện hay biến mất của những làn sóng sinh lực này (hành tinh, liên hành tinh, hệ mặt trời, vũ trụ và liên vũ trụ) cuốn các người hành hương thiêng liêng vào lâm phàm, và mang lại sự biểu lộ theo chu kỳ của những Sự sống vĩ đại như "Đấng Quan Sát Thầm Lặng" và "Đại Hi Sinh"; chính điều này cũng gây ra sự tan rã của một hệ hành tinh và sự tái xuất hiện của nó, đồng thời chịu trách nhiệm cho việc chuyển vận các hạt giống sự sống từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, hay từ hệ mặt trời này sang hệ mặt trời khác.

Trong thủy triều mãnh lực vĩ đại này, các Chân thần bị cuốn đi; tổng thể của chúng được gọi là "mãnh lực tiến hoá," và sự sống cùng sự bền vững của Hữu thể khởi xướng đặt ra giới hạn cho thời lượng của chúng. Con người chỉ là món đồ chơi của những mãnh lực gom lấy y và mang y đi, cũng như nguyên tử trong cơ thể con người chỉ là kẻ phụng sự vâng lời cho sự chỉ đạo áp đặt của con người; tuy nhiên trong những giới hạn nhất định, con người là kẻ kiểm soát số phận của mình; trong [Page 1054] những giới hạn

controls lesser centres of energy, and as time slips away his radius of control becomes ever more extensive.

ấy, y vận dụng các mãnh lực và năng lượng, y thao tác các sự sống nhỏ hơn và kiểm soát các trung tâm năng lượng nhỏ hơn, và theo thời gian bán kính kiểm soát của y ngày càng mở rộng hơn.

The atom controls its own central life; man can control the sets of lives who form his three bodies; the initiate and the adept are controlling energies of many kinds in the three worlds, as the Chohan does on the five planes of evolution. Thus the plan is carried forward until the Army of the Voice become themselves the Sounder of the Words, and the Sounders of the Words become the Word itself.

Nguyên tử kiểm soát sự sống trung tâm của chính nó; con người có thể kiểm soát các tập hợp sự sống tạo thành ba thể của mình; điểm đạo đồ và chân sư đang kiểm soát nhiều loại năng lượng trong ba cõi giới, cũng như Chohan làm như vậy trên năm cõi tiến hoá. Như thế Thiên Cơ được đưa tới phía trước cho đến khi Đạo Quân của Tiếng Nói tự mình trở thành những Đấng Xướng các Linh từ, và những Đấng Xướng các Linh từ trở thành chính Linh từ.

It will, therefore, be apparent, that the "Law of Monadic Return" which we have just been considering, is the sumtotal of those influences which have a direct bearing upon the monadic atoms, which affect its progress cyclically, and which stimulate it, or retard its activity according to the strength of the initiating life. It is only after initiation that the human atom reaches a stage in its development where forces and influences begin to be comprehended. When the methods are understood whereby adjustment is consciously made to extraneous force currents, resistance to retarding forces is initiated *consciously* and with scientific accuracy, and the man consciously puts himself into line with forces which will swing him along on the path of return. There is in this thought no undue complexity or cause for discouragement, for ever the potent force of electrical energy will offset the more lethargic vibration of solar fire, and solar fire itself in due time will negate the effects of "fire by friction."

Do đó, sẽ rõ ràng rằng "Định luật Trở Về của Chân thần" mà chúng ta vừa xem xét là tổng thể của những ảnh hưởng có liên hệ trực tiếp đến các nguyên tử chân thần, ảnh hưởng đến sự tiến bộ theo chu kỳ của nó, và kích thích nó hoặc làm chậm hoạt động của nó tùy theo sức mạnh của sự sống khởi xướng. Chỉ sau điểm đạo, nguyên tử nhân loại mới đạt đến một giai đoạn trong sự phát triển của mình mà ở đó các mãnh lực và ảnh hưởng bắt đầu được thấu hiểu. Khi các phương pháp được hiểu rõ nhờ đó sự điều chỉnh được thực hiện một cách có ý thức đối với các dòng mãnh lực bên ngoài, thì sự kháng cự đối với các mãnh lực làm chậm được khởi sự *một cách có ý thức* và với độ chính xác khoa học, và con người một cách có ý thức đặt mình vào hàng ngũ với các mãnh lực sẽ đưa y tiến bước trên Con Đường Trở Về. Trong tư tưởng này không có sự phức tạp quá mức hay nguyên nhân gây nản lòng nào, vì mãi mãi mãnh lực mạnh mẽ của năng lượng điện sẽ hóa giải rung động trì trệ hơn của Lửa Thái dương, và chính Lửa Thái dương đến đúng lúc sẽ phủ nhận các hiệu quả của "Lửa ma sát."

3. The Law of Solar Evolution. — 3. Định luật Tiến Hoá Thái Dương.

It is, of course, a truism to state that the Law of Solar Evolution is the sum-total of all the lesser activities. [Page 1055] We might consider this point in connection with the planetary atom, and the solar atom.

Dĩ nhiên, nói rằng Định luật Tiến Hoá Thái Dương là tổng thể của mọi hoạt động nhỏ hơn chỉ là một điều hiển nhiên. [Page 1055] Chúng ta có thể xem xét điểm này trong liên hệ với nguyên tử hành tinh và nguyên tử thái dương.

The planetary atom has, as all else in nature, three main activities:

Nguyên tử hành tinh, như mọi thứ khác trong tự nhiên, có ba hoạt động chính:

First. It rotates upon its own axis, revolves cyclically within its own ring-pass-not, and thus displays its own inherent energy. What is meant by this phrase? Surely that the milliards of atoms which compose the planetary body (whether dense or subtle) pursue an orbital course around the central energetic positive unit. This dynamic force centre must be considered as subsisting naturally in two locations (if such an unsuitable term is permissible) according to the stage, usage, and particular type of the indwelling planetary entity.

Thứ nhất. Nó quay trên trục của chính nó, vận hành theo chu kỳ bên trong vòng-giới-hạn của chính nó, và như thế biểu lộ năng lượng cố hữu của nó. Cụm từ này có nghĩa gì? Chắc chắn là hàng tỷ nguyên tử cấu thành thân thể hành tinh (dù đậm đặc hay vi tế) theo đuổi một quỹ đạo quanh đơn vị trung tâm mang năng lượng dương tính. Trung tâm mãnh lực năng động này phải được xem là tồn tại một cách tự nhiên ở hai vị trí (nếu có thể cho phép dùng một thuật ngữ không thích hợp như vậy) tùy theo giai đoạn, công dụng và loại hình đặc thù của thực thể hành tinh nội tại.

a. In what corresponds to the head centre in man, if the planetary Logos is of very advanced development.

a. Trong cái tương ứng với trung tâm đầu nơi con người, nếu Đức Hành Tinh Thượng Đế đã phát triển rất cao.

b. In the planetary correspondence to the heart centre.

b. Trong sự tương ứng hành tinh với trung tâm tim.

The throat centre is, of course, ever vibrant in all the Logoi, as all are fully intelligent Creators, having perfected this capacity in an earlier solar system.

Dĩ nhiên, trung tâm cổ họng luôn luôn rung động trong mọi Thượng đế, vì tất cả đều là những Đấng Sáng Tạo hoàn toàn thông minh, đã hoàn thiện năng lực này trong một hệ mặt trời trước kia.

Students should here bear in mind that these centres of force are to be found depicted in the central Triangles upon the

Ở đây, các đạo sinh nên ghi nhớ rằng những trung tâm mãnh lực này được mô tả trong các Tam Giác trung tâm trên biểu đồ ở trang

chart on page 373, though no indication is to be found through a study of such triangles as to the relative attainment of the planetary Logos. Within the chains likewise, will be found corresponding centres of energy, and also within the dense physical body of the Logos of any scheme, the physical planet.

373, dù không thể tìm thấy dấu hiệu nào qua việc nghiên cứu các tam giác ấy về mức độ thành tựu tương đối của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Bên trong các dãy cũng sẽ tìm thấy những trung tâm năng lượng tương ứng, và cũng vậy bên trong thể xác đậm đặc của Thượng đế của bất kỳ hệ hành tinh nào, tức hành tinh hồng trần.

One such centre is to be found at the North Pole, and two more are located within the planetary sphere, and frequently the inflow of force or energy to these internal centres (via the polar centre) results in those disasters we call earthquakes, and volcanic eruptions.

Một trung tâm như thế được tìm thấy ở Bắc Cực, và hai trung tâm khác nằm bên trong khối cầu hành tinh, và thường thì sự tuôn vào của mãnh lực hay năng lượng đến các trung tâm nội tại này (qua trung tâm cực) gây ra những tai họa mà chúng ta gọi là động đất và phun trào núi lửa.

There is, as we know, a cyclic shifting of polar inclination, [Page 1056] due to the gradually increasing responsiveness of the planetary Logos to His heavenly Prototype, whereby influences from the Great Bear draw, or occultly "attract," the attention of the Logos, and bring Him more into line with a greater impulsive Will. This shifting causes disruption in His lower manifestation, which is a condition on the cosmic Path of Initiation analogous to that undergone by a disciple.

Như chúng ta biết, có một sự chuyển dịch theo chu kỳ của độ nghiêng cực, [Page 1056] do sự đáp ứng ngày càng tăng của Đức Hành Tinh Thượng Đế đối với Nguyên Mẫu thiên thượng của Ngài, nhờ đó các ảnh hưởng từ Đại Hùng Tinh lôi kéo, hay một cách huyền bí "thu hút," sự chú ý của Thượng đế, và đưa Ngài chỉnh hợp hơn với một Ý Chí xung động lớn hơn. Sự chuyển dịch này gây ra sự gián đoạn trong biểu lộ thấp của Ngài, là một tình trạng trên Con Đường Điểm Đạo vũ trụ tương tự với điều mà một đệ tử phải trải qua.

The planetary atom revolves upon its axis and comes periodically under influences which produce definite effects. These influences are, among others, those of the moon, and of the two planets which lie nearest to it on either side—nearer and farther away from the Sun. The moon's influence is exceedingly strong, and has a curious resemblance (as far as the *physical* planet is concerned) to the "Dweller on the Threshold," which has such a familiar and potent effect upon the human atom. The resemblance must not be strained, for it should be borne in mind that the moon has

Nguyên tử hành tinh quay trên trục của nó và định kỳ chịu những ảnh hưởng tạo ra các hiệu quả xác định. Trong số những ảnh hưởng này có ảnh hưởng của mặt trăng, và của hai hành tinh nằm gần nó nhất ở hai phía—gần Mặt Trời hơn và xa Mặt Trời hơn. Ảnh hưởng của mặt trăng cực kỳ mạnh, và có một sự tương tự kỳ lạ (xét theo hành tinh *hồng trần*) với "Kẻ Chận Ngõ," vốn có một hiệu quả quen thuộc và mạnh mẽ như vậy lên nguyên tử nhân loại. Sự tương tự này không nên bị đẩy quá xa, vì cần ghi nhớ rằng mặt trăng không có ảnh hưởng nào lên chính Đấng Thiên Nhân, vì giai đoạn tiến

no effect upon the Heavenly Man Himself, as His stage of evolution negates such a thing, but that the influence felt is by the planetary Entity the sumtotal of the elemental essences of the planet. Scientific occult students will learn much anent the planetary scheme when they consider the influence of the moon's *karmic* pull upon the earth, coupled with the effect of the two neighboring planets, occultly understood.

hoá của Ngài phủ nhận điều đó, nhưng chính Thực Thể Hành Tinh, tức tổng thể của các tinh chất hành khí của hành tinh, cảm nhận ảnh hưởng ấy. Các đạo sinh huyền bí học khoa học sẽ học được nhiều điều về hệ hành tinh khi họ xem xét ảnh hưởng của lực kéo *nghiệp quả* của mặt trăng lên địa cầu, kết hợp với hiệu quả của hai hành tinh lân cận, được hiểu theo nghĩa huyền bí.

Second, the planetary atom also revolves orbitally around its solar centre. This is its expression of rotary-spiral-cyclic action, and its recognition of the divine central magnet. This brings it under the constant impression of other schemes, each of which produces effects upon the planet. It likewise brings it under the inflowing streams of energy from what are termed the zodiacal constellations which reach the planetary scheme via the great centre, the Sun. It will be apparent to any student [Page 1057] who has even slightly developed the power of visualisation, and has some realisation of the force currents of the solar system, that all can be regarded as the swirling tide of intermingling currents, with numerous focal points of energy demonstrating here and there, yet in no way static as to location.

Thứ hai, nguyên tử hành tinh cũng quay theo quỹ đạo quanh trung tâm thái dương của nó. Đây là biểu hiện của nó về hoạt động quay tròn-xoắn ốc-theo chu kỳ, và là sự nhìn nhận của nó đối với nam châm trung tâm thiêng liêng. Điều này đặt nó dưới ấn tượng thường xuyên của các hệ hành tinh khác, mỗi hệ đều tạo ra những hiệu quả lên hành tinh. Nó cũng đặt nó dưới các dòng năng lượng tuôn vào từ những gì được gọi là các chòm sao hoàng đạo, đến với hệ hành tinh qua trung tâm lớn, tức Mặt Trời. Sẽ rõ ràng đối với bất kỳ đạo sinh nào [Page 1057] dù chỉ phát triển đôi chút năng lực hình dung, và có chút chứng nghiệm về các dòng mãnh lực của hệ mặt trời, rằng tất cả có thể được xem như thủy triều xoáy cuộn của các dòng giao hòa, với vô số tiêu điểm năng lượng biểu lộ đây đó, nhưng tuyệt nhiên không tĩnh tại về vị trí.

The third activity of the planetary atom is that which carries it through space along with the entire solar system, and which embodies its "drift" or inclination towards the systemic orbit in the heavens.

Hoạt động thứ ba của nguyên tử hành tinh là hoạt động mang nó xuyên qua không gian cùng với toàn thể hệ mặt trời, và thể hiện "độ trôi" hay khuynh hướng của nó hướng về quỹ đạo của hệ mặt trời trong các tầng trời.

The solar atom must be considered as pursuing analogous lines of activity and as paralleling on a vast scale the evolution of the planetary atom. The entire solar sphere, the logoic ring-pass-not, rotates upon its axis, and thus all that is included within the

Nguyên tử thái dương phải được xem là theo đuổi những đường hoạt động tương tự và song hành trên một quy mô bao la với sự tiến hoá của nguyên tử hành tinh. Toàn thể khối cầu thái dương, vòng-giới-hạn của Thượng đế, quay trên trục của nó, và như thế

sphere is carried in a circular manner through the Heavens. The exact figures of the cycle which covers the vast rotation must remain as yet esoteric, but it may be stated that it approximates one hundred thousand years, being, as might be supposed, controlled by the energy of the first aspect, and therefore of the first Ray. This of itself is sufficient to account for varying and diverse influences which may be traced over vast periods by those with the "seeing eye," for it causes a turning of varying parts of the sphere to the differing zodiacal constellations. This influence (in connection with the planets) is increased or mitigated according to the place of the planets on their various orbital paths. Hence the immense complexity of the matter and the impossibility for the average astronomical and astrological student to make accurate computations or to draw accurate horoscopes. Within the Hall of Wisdom, there exists a department of which the modern varying astrological organisations are but the dim and uncertain reflections. The Adepts connected with it work not with humanity but concern Themselves specifically with "casting the horoscopes" (thus [Page 1058] ascertaining the nature of the work immediately to be done) of the various great lives who inform the globes and kingdoms of nature, with ascertaining the nature of the karmic influences working out in the manifestation of three of the planetary Logoi:

1. Our own planetary Logos.

2. The planetary Logos of our polar opposite.

mọi thứ được bao gồm trong khối cầu đều được mang đi theo cách tròn xoay qua các tầng trời. Các con số chính xác của chu kỳ bao trùm sự quay bao la này hiện vẫn phải được giữ kín, nhưng có thể nói rằng nó xấp xỉ một trăm ngàn năm, và như có thể giả định, được kiểm soát bởi năng lượng của phương diện thứ nhất, do đó bởi Cung một. Chỉ riêng điều này cũng đủ để giải thích những ảnh hưởng biến thiên và đa dạng mà những ai có "mắt thấy" có thể truy nguyên qua những thời kỳ bao la, vì nó gây ra sự xoay chuyển của những phần khác nhau của khối cầu về phía các chòm sao hoàng đạo khác nhau. Ảnh hưởng này (liên hệ với các hành tinh) được tăng cường hay giảm nhẹ tùy theo vị trí của các hành tinh trên những quỹ đạo khác nhau của chúng. Do đó mới có sự phức tạp vô cùng của vấn đề và sự bất khả đối với đạo sinh thiên văn và chiêm tinh trung bình trong việc thực hiện các tính toán chính xác hay lập các lá số chiêm tinh chính xác. Trong Phòng Minh triết có một bộ phận mà các tổ chức chiêm tinh hiện đại khác nhau chỉ là những phản ánh mờ nhạt và bất định. Các chân sư liên hệ với bộ phận ấy không làm việc với nhân loại mà chuyên biệt quan tâm đến việc "lập lá số chiêm tinh" (nhờ đó [Page 1058] xác định bản chất của công việc phải làm ngay) cho các sự sống vĩ đại khác nhau phú linh các bầu hành tinh và các giới trong thiên nhiên, và xác định bản chất của các ảnh hưởng nghiệp quả đang vận hành trong sự biểu lộ của ba Đức Hành Tinh Thượng Đế:

1. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta.

2. Đức Hành Tinh Thượng Đế của cực đối nghịch của chúng ta.

3. The planetary Logos of the scheme which makes with the two above mentioned a planetary triangle.

3. Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh cùng với hai vị vừa nêu tạo thành một tam giác hành tinh.

Beyond that, They may not go. They progress these various horoscopes for the next stated cycle, and Their records are of profound and significant interest. I would conjure students here to refrain from attempting (in years to come) to form cyclic computations of any kind, for as yet the many constellations which exist only in physical matter of an etheric nature are unknown and unseen. Yet they are potent in influence and until etheric vision is developed, all calculations will be full of error. It suffices for man as yet to master his own dharma, to fulfil group karma, and to dominate what is called "his stars."

Vượt quá điều đó, Các Ngài không thể đi xa hơn. Các Ngài tính tiến trình cho các lá số chiêm tinh khác nhau này cho chu kỳ được ấn định kế tiếp, và hồ sơ của Các Ngài hết sức đáng quan tâm và đầy thâm nghĩa. Ở đây tôi khẩn thiết yêu cầu các đạo sinh đừng cố gắng (trong những năm sắp tới) hình thành các tính toán chu kỳ dưới bất kỳ hình thức nào, vì cho đến nay nhiều chòm sao chỉ tồn tại trong vật chất hồng trần có bản chất dĩ thái vẫn chưa được biết đến và chưa được nhìn thấy. Tuy nhiên, chúng có ảnh hưởng mạnh mẽ, và cho đến khi linh thị dĩ thái được phát triển, mọi tính toán sẽ đầy sai lầm. Hiện nay, đối với con người, chỉ cần làm chủ dharma của chính mình, hoàn tất nghiệp quả nhóm, và chế ngự điều được gọi là "các ngôi sao của mình."

Like the planetary atom, the solar atom not only rotates on its axis but likewise spirals in a cyclic fashion through the Heavens. This is a different activity to the *drift* or progressive dynamic motion through the Heavens. It deals with the revolution of our Sun around a central point and with its relation to the three constellations so oft referred to in this *Treatise:*

Giống như nguyên tử hành tinh, nguyên tử thái dương không những quay trên trục của nó mà còn xoắn ốc theo cách chu kỳ qua các tầng trời. Đây là một hoạt động khác với *độ trôi* hay chuyển động năng động tiến tới qua các tầng trời. Nó liên quan đến sự quay của Mặt Trời chúng ta quanh một điểm trung tâm và mối liên hệ của nó với ba chòm sao thường được nhắc đến trong *bộ Luận này:*

The Great Bear.

Đại Hùng Tinh.

The Pleiades.

Pleiades.

The Sun Sirius.

Mặt trời Sirius.

These three groups of solar bodies are of paramount influence where the spiral cyclic activity of our system is concerned. Just as in the human atom the spiral cyclic [Page

Ba nhóm thiên thể thái dương này có ảnh hưởng tối quan trọng khi xét đến hoạt động xoắn ốc theo chu kỳ của hệ mặt trời chúng ta. Cũng như trong nguyên tử nhân loại,

1059] activity is egoic and controlled from the egoic body, so in connection with the solar system these three groups are related to the logoic Spiritual Triad, atma-buddhi-manas, and their influence is dominant in connection with solar incarnation, with solar evolution, and with solar progress.

hoạt động xoắn ốc theo chu kỳ [Page 1059] thuộc về chân ngã và được kiểm soát từ thể chân ngã, thì trong liên hệ với hệ mặt trời, ba nhóm này liên hệ với Tam Nguyên Tinh Thần của Thượng đế, atma-buddhi-manas, và ảnh hưởng của chúng là chủ đạo trong liên hệ với sự lâm phàm thái dương, sự tiến hoá thái dương, và sự tiến bộ thái dương.

Further, it must be added that the third type of motion to which our system is subjected, that of progress onward, is the result of the united activity of the seven constellations (our solar system forming one of the seven) which form the seven centres of the cosmic Logos. This united activity produces a uniform and steady *push* (if it might so be expressed) toward a point in the heavens unknown as yet to even the planetary Logoi.

Hơn nữa, cần nói thêm rằng loại chuyển động thứ ba mà hệ mặt trời chúng ta chịu tác động, tức sự tiến tới, là kết quả của hoạt động hợp nhất của bảy chòm sao (hệ mặt trời chúng ta tạo thành một trong bảy) tạo thành bảy trung tâm của Thượng đế vũ trụ. Hoạt động hợp nhất này tạo ra một sự *thúc đẩy* đồng đều và ổn định (nếu có thể diễn tả như vậy) hướng về một điểm trên trời mà ngay cả các Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng chưa biết.

The confines of the Heavens Themselves are illimitable and utterly unknown. Naught but the wildest speculation is possible to the tiny finite minds of men and it profits us not to consider the question. Go out on some clear starlit night and seek to realise that in the many thousands of suns and constellations visible to the unaided eye of man, and in the tens of millions which the modern telescope reveals there is seen the physical manifestation of as many millions of intelligent existences; this infers that what is visible is simply those existences who are in incarnation. But only one-seventh of the possible appearances are incarnating. Six-sevenths are out of incarnation, waiting their turn to manifest, and holding back from incarnation until, in the turning of the great wheel, suitable and better conditions may eventuate.

Chính các biên giới của các tầng trời là vô hạn và hoàn toàn không được biết đến. Đối với những trí tuệ nhỏ bé hữu hạn của con người, không gì ngoài sự suy đoán táo bạo nhất là có thể, và việc xem xét câu hỏi này không đem lại ích lợi gì cho chúng ta. Hãy ra ngoài vào một đêm quang đãng đầy sao nào đó và cố gắng chứng nghiệm rằng trong hàng ngàn mặt trời và chòm sao mà mắt thường của con người nhìn thấy, và trong hàng chục triệu mà kính thiên văn hiện đại phơi bày, người ta thấy sự biểu lộ hồng trần của cũng từng ấy triệu tồn tại thông minh; điều này hàm ý rằng cái được nhìn thấy chỉ đơn giản là những tồn tại đang lâm phàm. Nhưng chỉ một phần bảy của những sắc tướng khả hữu là đang lâm phàm. Sáu phần bảy ở ngoài lâm phàm, chờ đến lượt biểu lộ, và trì hoãn việc lâm phàm cho đến khi, trong sự quay của bánh xe lớn, những điều kiện thích hợp và tốt đẹp hơn có thể xuất hiện.

Realise further that the bodies of all these sentient intelligent cosmic, solar and planetary Logoi are constituted of living sentient beings, and the brain reels, and the mind draws back in dismay before such a staggering concept. Yet so it is, and so all moves forward to some unfathomable and magnificent consummation which will only in part begin to be visioned by us when our consciousness [Page 1060] has expanded beyond the cosmic physical plane, and beyond the cosmic astral until it can "conceive and think" upon the cosmic mental plane. That supposes a realisation beyond that of the Buddhas who have the consciousness of the cosmic physical plane, and beyond that of the planetary Logoi. It is the consciousness and knowledge of a solar Logos.

Hãy chứng nghiệm thêm rằng các thân thể của tất cả những Thượng đế vũ trụ, thái dương và hành tinh hữu cảm, thông minh ấy được cấu thành bởi những hữu thể sống hữu cảm, và bộ não quay cuồng, còn trí tuệ lùi lại trong kinh hãi trước một quan niệm choáng ngợp như vậy. Tuy nhiên, đúng là như thế, và như thế mọi sự tiến bước đến một sự viên mãn huy hoàng không thể dò thấu mà chúng ta chỉ bắt đầu có thể linh thị được phần nào khi tâm thức [Page 1060] của chúng ta đã mở rộng vượt khỏi cõi hồng trần vũ trụ, và vượt khỏi cõi cảm dục vũ trụ cho đến khi nó có thể "quan niệm và suy tư" trên cõi trí vũ trụ. Điều đó giả định một sự chứng nghiệm vượt quá sự chứng nghiệm của các Đức Phật, những Đấng có tâm thức của cõi hồng trần vũ trụ, và vượt quá sự chứng nghiệm của các Đức Hành Tinh Thượng Đế. Đó là tâm thức và tri thức của một Thái dương Thượng đế.

To the occult student, who has developed the power of the inner vision, the vault of Heaven can therefore be seen as a blazing fire of light, and the stars as focal points of flame from which radiate streams of dynamic energy. Darkness is light to the illumined Seer, and the secret of the Heavens can be read and expressed in terms of force currents, energy centres, and dynamic fiery systemic peripheries.

Do đó, đối với đạo sinh huyền bí học, người đã phát triển năng lực linh thị bên trong, vòm trời có thể được thấy như một ngọn lửa ánh sáng rực cháy, và các ngôi sao như những tiêu điểm của ngọn lửa từ đó các dòng năng lượng năng động phát xạ. Bóng tối là ánh sáng đối với nhà thông nhãn được soi sáng, và bí mật của các tầng trời có thể được đọc và diễn đạt bằng những thuật ngữ của các dòng mãnh lực, các trung tâm năng lượng, và các chu vi rực lửa năng động của hệ mặt trời.

4. The Law of Radiation. — 4. Định luật Phát Xạ.

It will be found that more time will be given to this expression of divine activity than to any other in this section, as it is the one of the most practical utility. This Law of Radiation is one that is beginning to be recognised by scientists since their

Người ta sẽ thấy rằng trong phần này sẽ dành nhiều thời gian cho biểu hiện hoạt động thiêng liêng này hơn bất kỳ biểu hiện nào khác, vì đây là điều có ích lợi thực tiễn bậc nhất. Định luật Phát Xạ này là một định luật đang bắt đầu được các nhà khoa học

acceptation of the radioactivity of certain substances, and when they are willing to approximate the occult conception of the radiatory, or emanatory condition, of all substances at a specific point in evolution, then they will very definitely approach Reality.

nhìn nhận kể từ khi họ chấp nhận tính phóng xạ của một số chất liệu, và khi họ sẵn lòng tiến gần đến quan niệm huyền bí về trạng thái phát xạ, hay xuất lộ, của mọi chất liệu tại một điểm tiến hoá đặc thù, thì họ sẽ rất rõ rệt tiến gần đến Thực Tại.

Radiation is the outer effect produced by all forms in all kingdoms when their internal activity has reached such a stage of vibratory activity that the confining walls of the form no longer form a prison, but permit of the escape of the subjective essence. It marks a specific point of attainment in the evolutionary process, and this is equally true of the atom of substance with which the chemist and physicist deal, when working with the elements, as it is of the forms in the vegetable kingdom, the [Page 1061] forms in the animal kingdom, in the human, and, likewise, in the divine.

Phát xạ là hiệu quả bên ngoài do mọi hình tướng trong mọi giới tạo ra khi hoạt động bên trong của chúng đã đạt đến một giai đoạn hoạt động rung động đến mức các bức tường giam hãm của hình tướng không còn tạo thành một nhà tù nữa, mà cho phép tinh chất chủ quan thoát ra. Nó đánh dấu một điểm thành tựu đặc thù trong tiến trình tiến hoá, và điều này cũng đúng như nhau đối với nguyên tử chất liệu mà nhà hóa học và nhà vật lý xử lý khi làm việc với các nguyên tố, cũng như đối với các hình tướng trong giới thực vật, các [Page 1061] hình tướng trong giới động vật, trong giới nhân loại, và tương tự như vậy trong giới thiêng liêng.

From some angles of vision, it might be regarded as the “true form” (which is to be understood occultly as the etheric form of energy) making its presence felt in such a way that it becomes apparent even to the scientist. Students should here remember two things:

Từ một số góc độ tầm nhìn, nó có thể được xem là “hình tướng chân thực” (điều này phải được hiểu theo nghĩa huyền bí là hình tướng năng lượng dĩ thái) đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận theo cách khiến nó trở nên hiển nhiên ngay cả đối với nhà khoa học. Ở đây các đạo sinh nên nhớ hai điều:

First, that in all occult conclusions, it is the body of energy which is dealt with and the subjective life back of the form which is recognised as being of supreme importance.

Thứ nhất, trong mọi kết luận huyền bí học, chính thể năng lượng là điều được đề cập đến và sự sống chủ quan đằng sau hình tướng được nhìn nhận là có tầm quan trọng tối thượng.

Second, that the dense objective manifestation, as has been reiterated frequently, is not regarded as a principle at all; the occultist deals with principles alone.

Thứ hai, biểu lộ khách quan đậm đặc, như đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, hoàn toàn không được xem là một nguyên khí; nhà huyền bí học chỉ đề cập đến các nguyên khí mà thôi.

It might be of value here to remind the student also that three things have to be recognised in all manifestation:

Ở đây cũng có thể có ích khi nhắc đạo sinh rằng có ba điều phải được nhìn nhận trong mọi biểu lộ:

First, that the tangible objective exterior, negative, receptive, and occultly unorganised, is without form and usefulness apart from the inner energy.

Thứ nhất, cái bên ngoài khách quan hữu hình, âm tính, tiếp nhận, và theo nghĩa huyền bí là không được tổ chức, thì không có hình tướng và không có công dụng nếu tách rời năng lượng bên trong.

Second, that the "true form" or the force-vehicle energises and produces the cohesion of that which is unorganised.

Thứ hai, "hình tướng chân thực" hay vận cụ lực tiếp năng lượng và tạo ra sự cố kết của cái vốn không được tổ chức.

Third, that the "volatile essence," or the spiritual essential Life, focuses itself in some one point within the "true form." (310)

Thứ ba, "tinh chất linh động," hay Sự sống cốt yếu tinh thần, tự tập trung vào một điểm nào đó bên trong "hình tướng chân thực." (310)

(310) Form: "The model according to which nature does its external work.—S. D., II, 107; see S. D., I, 619.

(310) Hình tướng: "Mô hình theo đó thiên nhiên thực hiện công việc bên ngoài của mình.—S. D., II, 107; xem S. D., I, 619.

1. Divine ideation passes from the abstract to the concrete or visible form.

1. Ý niệm thiêng liêng chuyển từ trừu tượng sang hình tướng cụ thể hay hữu hình.

a. The objective is an emanation of the subjective.—S. D., I, 407.

a. Cái khách quan là một sự phát xạ của cái chủ quan.—S. D., I, 407.

b. Impulse is Spirit energy causing objectivity.—S. D., I, 349, 683.

b. Xung lực là năng lượng tinh thần gây ra tính khách quan.—S. D., I, 349, 683.

c. The Logos renders objective a concealed thought.—S. D., II, 28.

c. Thượng đế làm cho một tư tưởng ẩn kín trở nên khách quan.—S. D., II, 28.

2. Three things required before any form of energy can become objective:—S. D., I, 89.

1. Privation....Separation. Initial impulse. Energy. Will.

2. Form....Quality or shape. Nature. Love.

3. Matter....Objective sphere. Intelligent activity.

See S. D., III, 561.

3. Life precedes form.—S. D., I, 242.

a. The Thinker ever remains.—S. D., II, 28.

b. Force of life is the transformation into energy of the thought of the Logos.—See S. D., III, 179.

4. Spirit evolves through form and out of form.—S. D., I, 680.

a. Spirit has to acquire full self-consciousness.—S. D., I, 215

b. Form imprisons Spirit.—S. D., II, 775.

c. The principle of limitation is form.—S. D., III, 561.

d. Spirit informs all sheaths.—S. D., I, 669, note.

2. Cần có ba điều trước khi bất kỳ dạng năng lượng nào có thể trở nên khách quan:—S. D., I, 89.

1. Sự thiếu vắng....Sự phân ly. Xung lực ban đầu. Năng lượng. Ý chí.

2. Hình tướng....Phẩm tính hay hình dạng. Bản chất. Bác ái.

3. Vật chất....Khối cầu khách quan. Hoạt động thông tuệ.

Xem S. D., III, 561.

3. Sự sống có trước hình tướng.—S. D., I, 242.

a. Đấng Tư Tưởng luôn luôn còn lại.—S. D., II, 28.

b. Mãnh lực sự sống là sự chuyển đổi thành năng lượng của tư tưởng của Thượng đế.—Xem S. D., III, 179.

4. Tinh thần tiến hoá qua hình tướng và ra khỏi hình tướng.—S. D., I, 680.

a. Tinh thần phải đạt được ngã thức trọn vẹn.—S. D., I, 215

b. Hình tướng giam hãm tinh thần.—S. D., II, 775.

c. Nguyên khí của sự giới hạn là hình tướng.—S. D., III, 561.

d. Tinh thần thấm nhuần mọi thể vỏ.—S. D., I, 669, ghi chú.

e. Spirit passes through the cycle of Being.—S. D., I, 160.

e. Tinh thần đi qua chu kỳ của Bản Thể.—S. D., I, 160.

5. The devas are the origin of form.—S. D., I, 488.

5. Các thiên thần là nguồn gốc của hình tướng.—S. D., I, 488.

They exist in two great groups:

Các vị tồn tại trong hai nhóm lớn:

a. The Ahhi are the vehicle of divine thought.—S. D., I, 70.

a. Các Ahhi là vận cụ của tư tưởng thiêng liêng.—S. D., I, 70.

b. The Army of the Voice.—S. D., I, 124.

b. Đạo quân của Tiếng Nói.—S. D., I, 124.

They are the sum-total of the substance of the four higher planes and of the three lower.

Các vị là tổng thể chất liệu của bốn cõi cao và ba cõi thấp.

6. There is a form which combines all forms.—S. D., I, 77, 118. (back)

6. Có một hình tướng kết hợp mọi hình tướng.—S. D., I, 77, 118. (back)

[Page 1062] In studying the subject of radiatory activity, we are dealing with the effect produced by the inner essence as it makes its presence felt through the form, when the form has been brought to a stage of such refinement that it becomes possible.

[Page 1062] Khi nghiên cứu đề tài hoạt động bức xạ, chúng ta đang bàn đến hiệu quả do tinh chất bên trong tạo ra khi nó làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận qua hình tướng, khi hình tướng đã được đưa đến một giai đoạn tinh luyện đến mức điều đó trở nên khả hữu.

When this realisation is applied to all the forms in all the kingdoms, it will be found possible to bridge the gaps existing between the different forms of life, and the "elements" in every kingdom, and those unifying radiating centres will be found. The word "element" is yet confined to the basic substances in what is called essential matter, and the chemist and physicist are busy with such lives; but their correspondence (in the occult sense of the term) is to be found in every kingdom in nature, and there are forms of life in the vegetable kingdom which are occultly

Khi sự chứng nghiệm này được áp dụng cho mọi hình tướng trong mọi giới, người ta sẽ thấy có thể bắt cầu những khoảng cách hiện có giữa các hình tướng của sự sống khác nhau, và các "nguyên tố" trong mỗi giới, và những trung tâm bức xạ hợp nhất ấy sẽ được tìm ra. Từ "nguyên tố" hiện vẫn còn bị giới hạn vào các chất liệu căn bản trong cái được gọi là vật chất cốt yếu, và các nhà hóa học cùng vật lý học đang bận rộn với những sự sống như thế; nhưng đối phần của chúng (theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ này) được tìm thấy trong mọi giới trong thiên nhiên, và có những hình tướng của sự sống

regarded as "radioactive," the eucalyptus tree being one such form. There are forms of animal life equally at an analogous stage and the human unit (as it approaches "liberation") demonstrates a similar phenomenon.

trong giới thực vật mà về mặt huyền bí được xem là "phóng xạ," cây bạch đàn là một dạng như thế. Có những hình tướng của sự sống động vật cũng ở một giai đoạn tương tự, và đơn vị nhân loại (khi tiến gần đến "giải thoát") biểu lộ một hiện tượng tương tự.

Again, as a planetary scheme nears its consummation, it becomes "radioactive," and through radiation transfers its essence to another "absorbent planet," or planets, as is the case with a solar system also. Its essence, or true Life, is absorbed by a receiving constellation, and the outer "case" returns to its original unorganised condition.

Một lần nữa, khi một hệ hành tinh tiến gần đến sự hoàn tất của nó, nó trở nên "phóng xạ," và qua bức xạ chuyển dịch tinh chất của nó sang một "hành tinh hấp thụ" khác, hay các hành tinh khác, cũng như trường hợp của một hệ mặt trời. Tinh chất của nó, hay Sự sống chân thực của nó, được một chòm sao tiếp nhận hấp thu, và "vỏ" bên ngoài trở về trạng thái không được tổ chức ban đầu của nó.

[Page 1063] Under our consideration of the law of radiation, we will first of all take up the topic of the cause of radiation.

[Page 1063] Trong khi xem xét định luật bức xạ, trước hết chúng ta sẽ đề cập đến chủ đề nguyên nhân của bức xạ.

a. *The Cause of Radiation.* The student will only be able to get a true view of this matter if he views the subject in a large way. Two aspects of the matter naturally come before his mental vision, both of which must be dealt with if any adequate concept of this subject is to be reached,—a subject which has engrossed philosophers, scientists and alchemists for hundreds of years consciously or unconsciously. We must, therefore, consider:

a. *Nguyên Nhân của Bức Xạ.* Đạo sinh chỉ có thể đạt được một cái nhìn chân thực về vấn đề này nếu y nhìn đề tài theo một cách rộng lớn. Hai phương diện của vấn đề tự nhiên hiện ra trước linh thị trí tuệ của y, và cả hai đều phải được bàn đến nếu muốn đạt tới một quan niệm đầy đủ về đề tài này,—một đề tài đã cuốn hút các triết gia, các nhà khoa học và các nhà luyện kim trong hàng trăm năm, một cách hữu thức hay vô thức. Vì vậy, chúng ta phải xem xét:

a. That which radiates.

a. Cái phát ra bức xạ.

b. That which is the subjective cause of radiation.

b. Cái là nguyên nhân chủ quan của bức xạ.

It might be very briefly stated that when any form becomes radioactive, certain conditions have been fulfilled and certain

Có thể phát biểu rất vắn tắt rằng khi bất kỳ hình tướng nào trở nên phóng xạ, một số điều kiện đã được hoàn tất và một số kết quả

results brought about, which conditions and results might be summed up as follows:

đã được tạo ra, những điều kiện và kết quả ấy có thể được tóm lược như sau:

The radioactive form is one which has run through its appointed cycles, through its wheel of life, great or small, which has been turned with adequate frequency, so that the volatile life-essence is ready to escape from that form and merge itself in the greater form of which the lesser is but a part. It must be remembered in this connection that radiation occurs when the etheric or true form becomes responsive to certain types of force. Radiation, as it is occultly understood, does not concern itself with the escape from the physical or dense form, but with that period in the life of any living entity (atomic, human or divine) wherein the etheric or pranic body is in such a state that it can no longer limit or confine the indwelling life.

Hình tướng phóng xạ là hình tướng đã đi qua các chu kỳ được chỉ định của nó, qua bánh xe sự sống của nó, lớn hay nhỏ, đã được quay với tần suất thích đáng, đến nỗi tinh chất sự sống linh động sẵn sàng thoát ra khỏi hình tướng ấy và hòa nhập vào hình tướng lớn hơn mà hình tướng nhỏ hơn chỉ là một phần. Cần nhớ trong mối liên hệ này rằng bức xạ xảy ra khi thể dĩ thái hay hình tướng chân thực trở nên đáp ứng với một số loại mãnh lực nào đó. Bức xạ, theo cách được hiểu trong huyền bí học, không liên quan đến sự thoát ra khỏi hình tướng hồng trần hay đậm đặc, mà liên quan đến giai đoạn trong đời sống của bất kỳ thực thể sống nào (nguyên tử, con người hay thiêng liêng) khi thể dĩ thái hay thể prana ở trong một trạng thái đến mức nó không còn có thể giới hạn hay giam giữ sự sống ngự bên trong nữa.

Radiation comes about when the internal, self-sufficient life of any atom is offset by a stronger urge, or pull, emanating from the enveloping greater existence of whose body it may form a part. This is nevertheless only true when it is caused by the *pull upon the essential* [Page 1064] *life by the essential life of the greater form*; it is not due to the attractive power of the form aspect of that greater life. A very definite distinction must here be made. It is the failure to recognise this that has led so many alchemical students and scientific investigators to lose their way, and thus negate the conclusions of years of study. They confuse the impulse of the atom to respond to the vibratory magnetic pull of the more powerful and comprehensive form with the true esoteric attraction which alone produces "occult radiation,"—that of the central essential life of the form in which the element under

Bức xạ xuất hiện khi sự sống nội tại, tự túc của bất kỳ nguyên tử nào được hóa giải bởi một thôi thúc hay lực hút mạnh hơn, phát ra từ sự tồn tại lớn hơn bao bọc nó mà nó có thể là một phần trong thân thể của sự tồn tại ấy. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng khi nó được gây ra bởi *lực hút tác động lên sự sống* [Page 1064] *cốt yếu bởi sự sống cốt yếu của hình tướng lớn hơn*; nó không phải do quyền năng hấp dẫn của phương diện hình tướng của sự sống lớn hơn ấy. Ở đây phải tạo ra một sự phân biệt rất rõ ràng. Chính việc không nhận ra điều này đã khiến biết bao đạo sinh luyện kim và nhà nghiên cứu khoa học lạc lối, và do đó phủ nhận các kết luận của nhiều năm nghiên cứu. Họ nhầm lẫn xung lực của nguyên tử trong việc đáp ứng với lực hút từ tính rung động của hình tướng mạnh hơn và bao quát hơn với sự hấp dẫn nội môn chân thực, vốn một mình nó mới tạo ra "bức xạ huyền bí,"—đó là sự hấp dẫn của sự sống cốt

consideration may have place. It is very necessary to make this clear from the start. Perhaps the whole subject may be clearer if we consider it in the following way.

yếu trung tâm của hình tướng mà yếu tố đang được xem xét có thể có chỗ trong đó. Điều rất cần thiết là phải làm sáng tỏ điều này ngay từ đầu. Có lẽ toàn bộ đề tài sẽ rõ hơn nếu chúng ta xem xét nó theo cách sau.

The atom in a form revolves upon its own axis, follows its own revolution, and lives its own internal life. This concerns its primary awareness. As time progresses it becomes magnetically aware of the attractive nature of that which envelops it on all sides, and becomes conscious of the form which surrounds it. This is its secondary awareness but it still concerns what we might, for lack of a better term, call matter. The atom, therefore, has an interplay with other atoms.

Nguyên tử trong một hình tướng quay trên trục riêng của nó, theo cuộc tuần hoàn riêng của nó, và sống đời sống nội tại riêng của nó. Điều này liên quan đến nhận biết sơ cấp của nó. Khi thời gian trôi qua, nó trở nên nhận biết bằng từ tính về bản chất hấp dẫn của cái bao bọc nó ở mọi phía, và trở nên có ý thức về hình tướng bao quanh nó. Đây là nhận biết thứ cấp của nó nhưng vẫn liên quan đến cái mà chúng ta có thể, vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, gọi là vật chất. Do đó, nguyên tử có sự tương tác với các nguyên tử khác.

Later, the atom in a form becomes aware that it not only revolves upon its axis, but that it also follows an orbit around a greater centre of force within a greater form. This is *tertiary* awareness, and is caused by the magnetic pull of the greater centre being felt, thus causing an urge within the atom which impels it to move within certain specific cycles. This awareness, esoterically understood, concerns itself with substance or with the true form within the objective form.

Về sau, nguyên tử trong một hình tướng nhận biết rằng nó không chỉ quay trên trục của mình, mà còn đi theo một quỹ đạo quanh một trung tâm mãnh lực lớn hơn bên trong một hình tướng lớn hơn. Đây là *nhận biết bậc ba* và được gây ra bởi lực hút từ tính của trung tâm lớn hơn được cảm nhận, nhờ đó gây ra một thôi thúc bên trong nguyên tử khiến nó chuyển động trong những chu kỳ đặc thù nhất định. Nhận biết này, theo cách hiểu nội môn, liên quan đến chất liệu hay hình tướng chân thực bên trong hình tướng khách quan.

Finally, the attractive pull of the greater centre becomes so powerful that the positive life within the atom (whatever type of atom it may be and in whatever kingdom) feels the force of the central energy which holds it, [Page 1065] along with other atoms, coherently fulfilling their function. This energy penetrates through the ring-pass-not, evokes no response from what might be called the electronic or negative lives within the atomic periphery, but does evoke a

Cuối cùng, lực hút hấp dẫn của trung tâm lớn hơn trở nên mạnh đến mức sự sống dương bên trong nguyên tử (dù đó là loại nguyên tử nào và trong bất kỳ giới nào) cảm nhận được mãnh lực của năng lượng trung tâm đang giữ nó, [Page 1065] cùng với các nguyên tử khác, một cách cố kết để hoàn thành chức năng của chúng. Năng lượng này xuyên qua vòng-giới-hạn, không gợi ra đáp ứng nào từ cái có thể gọi là các sự sống điện tử hay âm bên trong chu vi nguyên tử,

response from the essential, positive nucleus of the atom. This is due to the fact that the essential life of any atom, its highest positive aspect, is ever of the same nature as that of the greater life which is drawing it to itself. When this is felt sufficiently strongly, the atomic cycle is completed, the dense form is dispelled, the true form is dissipated, and the central life escapes to find its greater magnetic focal point.

nhưng lại gợi ra một đáp ứng từ hạt nhân cốt yếu, dương của nguyên tử. Điều này là do sự sống cốt yếu của bất kỳ nguyên tử nào, phương diện dương cao nhất của nó, luôn luôn có cùng bản chất với sự sống lớn hơn đang kéo nó về phía mình. Khi điều này được cảm nhận đủ mạnh, chu kỳ nguyên tử hoàn tất, hình tướng đậm đặc bị làm tiêu tan, hình tướng chân thực bị làm tiêu tan, và sự sống trung tâm thoát ra để tìm điểm tập trung từ tính lớn hơn của nó.

Through this process (which is found throughout the solar system in all its departments) every atom in turn becomes an electron. The positive life of any atom in due course of evolution becomes negative to a greater life toward which it is impelled or drawn, and thus the process of evolution carries every life invariably through the four stages enumerated above. Within the three lower kingdoms of nature, the process is undergone unconsciously, according to the human connotation of that term; it is consciously passed through in the human kingdom, and in the higher spheres of existence, with an enveloping consciousness which can only be hinted at in the ambiguous term "self-conscious group realisation."

Qua tiến trình này (được tìm thấy khắp hệ mặt trời trong mọi bộ phận của nó), đến lượt mình mọi nguyên tử đều trở thành một điện tử. Sự sống dương của bất kỳ nguyên tử nào, theo tiến trình tiến hoá đúng lúc, trở thành âm đối với một sự sống lớn hơn mà nó bị thôi thúc hay bị hút về phía đó, và như thế tiến trình tiến hoá mang mọi sự sống đi qua bốn giai đoạn đã được liệt kê ở trên một cách bất biến. Trong ba giới thấp trong thiên nhiên, tiến trình này được trải qua một cách vô thức, theo hàm ý nhân loại của thuật ngữ ấy; nó được trải qua một cách hữu thức trong giới nhân loại, và trong các khối cầu hiện hữu cao hơn, với một tâm thức bao trùm mà chỉ có thể được gợi ý bằng thuật ngữ mơ hồ "sự chứng nghiệm nhóm có ngã thức."

It was in connection with this transmutative process that the alchemists of old occupied themselves, but seldom did they reach the stage wherein it was possible for them to concern themselves with the response of the two types of positive energy to each other, and with the consequent escape of a lesser positive force to its greater attractive centre. When they did (with a few exceptions) they were brought up against a dead wall, for though they had succeeded in locating the radiating principle in substance, or in the true form, and had managed to pierce

Chính liên quan đến tiến trình chuyển hoá này mà các nhà luyện kim thời xưa đã chuyên chú, nhưng hiếm khi họ đạt đến giai đoạn mà ở đó họ có thể bàn đến sự đáp ứng của hai loại năng lượng dương đối với nhau, và sự thoát ra tiếp theo của một mãnh lực dương nhỏ hơn đến trung tâm hấp dẫn lớn hơn của nó. Khi họ làm được điều đó (trừ một vài ngoại lệ), họ đụng phải một bức tường bế tắc, vì dù họ đã thành công trong việc xác định nguyên khí bức xạ trong chất liệu, hay trong hình tướng chân thực, và đã xoay xở để xuyên qua (hay phủ nhận) cả thể

through (or to negate) both the dense physical [Page 1066] body and the etheric form, yet they had no perception of the nature of the central force which was drawing the life they were concerned with out of its apparently legitimate sphere into a new realm of activity. Some few did possess this knowledge but (realising the danger of their conclusions) refused to put in writing the result of their investigations.

xác đậm đặc [Page 1066] lẫn hình tướng dĩ thái, nhưng họ không có sự cảm nhận nào về bản chất của mãnh lực trung tâm đang kéo sự sống mà họ quan tâm ra khỏi phạm vi dường như chính đáng của nó để vào một lĩnh vực hoạt động mới. Một số rất ít có được tri thức này nhưng (do nhận ra sự nguy hiểm trong các kết luận của mình) đã từ chối không ghi chép kết quả các cuộc điều tra của họ thành văn bản.

If students will study the laws of transmutation, (311) as already apprehended, and above all, as incorporated in the writings of Hermes Trismegistus, bearing this in mind, some interesting results might be brought about. Let them remember that that which "seeks liberty" is the central electric spark; that this liberty is achieved first of all through the results brought about by the activity of the "frictional fire" which speeds up its internal vibration; then by the work upon the atom, or the substance of solar fire, which causes:

Nếu các đạo sinh nghiên cứu các định luật chuyển hoá, (311) như đã được lĩnh hội, và trên hết, như được trình bày trong các trước tác của Hermes Trismegistus, với điều này trong tâm trí, thì có thể đem lại một số kết quả lý thú. Các đạo sinh hãy nhớ rằng cái "tìm kiếm tự do" là tia lửa điện trung tâm; rằng sự tự do này trước hết đạt được qua các kết quả do hoạt động của "lửa ma sát" tạo ra, vốn làm tăng tốc rung động nội tại của nó; rồi đến công việc tác động lên nguyên tử, hay chất liệu của Lửa Thái dương, điều gây ra:

(311) In connection with Transmutation the following ancient formula is of interest. It was the basis of the alchemical work of olden days.

(311) Liên quan đến Chuyển Hoá, công thức cổ sau đây rất đáng quan tâm. Nó là nền tảng của công việc luyện kim thời xưa.

"True, without error, certain and most true; that which is above is as that which is below and that which is below is as that which is above, for performing the miracles of the one Thing; and as all things were from one by the mediation of one so all things arose from this one thing by adaptation.

"Chân thật, không sai lầm, chắc chắn và chân thật nhất; cái ở trên cũng như cái ở dưới và cái ở dưới cũng như cái ở trên, để thực hiện các phép lạ của một Vật duy nhất; và như mọi vật đều từ một mà ra qua sự trung gian của một, thì mọi vật cũng phát sinh từ vật duy nhất này bằng sự thích ứng.

The Father of it is the sun, the mother of it is the moon; the wind carries it in its belly and the Mother of it is the earth. This is the Father of all perfection, and consummation of the whole world. The power of it is integral if it be turned into earth.

Cha của nó là mặt trời, mẹ của nó là mặt trăng; gió mang nó trong bụng mình và Mẹ của nó là đất. Đây là Cha của mọi sự toàn hảo, và là sự hoàn tất của toàn thế giới. Quyền năng của nó là toàn vẹn nếu nó được chuyển thành đất.

Thou shalt separate the earth from the fire and subtle from the gross, gently with much sagacity; it ascends from earth to Heaven, and again descends to earth; and receives the strength of the superiors and the inferiors—so thou hast the glory of the whole world; therefore let all obscurity fly before thee. This is the strong fortitude of all fortitudes overcoming every subtle and penetrating every solid thing. So the world was created."—*Emerald Tablet of Hermes*. (back)

Ngươi hãy tách đất ra khỏi lửa và cái vi tế ra khỏi cái thô trược, một cách nhẹ nhàng với nhiều minh triết; nó đi lên từ đất đến Trời, rồi lại đi xuống đất; và nhận lấy sức mạnh của cái cao hơn và cái thấp hơn—như thế ngươi có được vinh quang của toàn thế giới; vì vậy hãy để mọi sự tối tăm bay khỏi ngươi. Đây là sức mạnh kiên cường của mọi sức mạnh, vượt thắng mọi cái vi tế và xuyên thấu mọi vật rắn chắc. Thế giới đã được tạo ra như vậy."—*Ngọc Bản của Hermes*. (back)

a. Orbital progression,

a. Sự tiến triển theo quỹ đạo,

b. Stimulative vibration,

b. Rung động kích thích,

c. Awakened internal response,

c. Đáp ứng nội tại được đánh thức,

until finally electric fire is contacted. This is true of all atoms: [Page 1067]

cho đến cuối cùng Lửa Điện được tiếp xúc. Điều này đúng với mọi nguyên tử: [Page 1067]

a. The atom of substance,

a. Nguyên tử của chất liệu,

b. The atom of a form whatsoever it be,

b. Nguyên tử của bất kỳ hình tướng nào,

c. The atom of a kingdom in nature,

c. Nguyên tử của một giới trong thiên nhiên,

d. The atom of a planet,

d. Nguyên tử của một hành tinh,

e. The atom of a solar system.

e. Nguyên tử của một hệ mặt trời.

In every case the three fires or types of energy play their part; in every case the four stages are passed through; in every case transmutation, transference, or radiation takes place, and the result of the escape of the central positive energy is achieved, and its absorption into a greater form, to be held in place for a specific cycle by the stronger energy.

Trong mọi trường hợp, ba lửa hay ba loại năng lượng đều đóng vai trò của chúng; trong mọi trường hợp, bốn giai đoạn đều được đi qua; trong mọi trường hợp, sự chuyển hoá, chuyển dịch, hay bức xạ đều diễn ra, và kết quả là sự thoát ra của năng lượng dương trung tâm được đạt tới, cùng sự hấp thu của nó vào một hình tướng lớn hơn, để được giữ tại chỗ trong một chu kỳ đặc thù bởi năng lượng mạnh hơn.

This process of rendering radioactive all the elements has, as we have seen, occupied students down the ages. The alchemists of the middle ages beginning with the simpler elements and starting with the mineral kingdom sought to find out the secret of the liberating process, to know the method of release, and to understand the laws of transmutation. They did not succeed in the majority of cases because, having located the essence, they had no idea how to deal with it when released, nor (as we have seen) had they any conception as to the magnetic force which was drawing the released essence to itself.

Như chúng ta đã thấy, tiến trình làm cho mọi nguyên tố trở nên phóng xạ này đã thu hút các đạo sinh qua nhiều thời đại. Các nhà luyện kim thời trung cổ, bắt đầu với các nguyên tố đơn giản hơn và khởi đi từ giới kim thạch, đã tìm cách khám phá bí mật của tiến trình giải phóng, biết phương pháp giải thoát, và thấu hiểu các định luật chuyển hoá. Trong đa số trường hợp họ đã không thành công vì, dù đã xác định được tinh chất, họ không biết xử lý nó như thế nào khi nó được giải phóng, cũng như (như chúng ta đã thấy) họ không có quan niệm nào về mãnh lực từ tính đang hút tinh chất được giải phóng về phía mình.

To comprehend the law and therefore to be able to work perfectly with it, the experimenting student must have the ability to release the essence from its form. He must know the formulae and words which will direct it to that particular focal point in the mineral kingdom which stands in the same correspondential relation to the mineral monad as the Ego on its own plane stands to the man who casts off his physical and true forms through death. This involves knowledge only committed to the pledged disciple; if chance students stumble upon the law, and theoretically know the process, they would do well to proceed no further until they have learned how [Page 1068] to protect themselves from the interplay of

Để hiểu định luật và do đó có thể làm việc hoàn hảo với nó, đạo sinh thực nghiệm phải có khả năng giải phóng tinh chất khỏi hình tướng của nó. Y phải biết các công thức và các từ sẽ hướng nó đến điểm tập trung đặc thù ấy trong giới kim thạch, điểm đứng trong cùng mối quan hệ tương ứng với chân thần khoáng vật như chân ngã trên cõi riêng của nó đứng đối với con người là kẻ vứt bỏ hình tướng hồng trần và hình tướng chân thực của mình qua cái chết. Điều này bao hàm tri thức chỉ được trao cho đệ tử đã tuyên thệ; nếu những đạo sinh tình cờ phát hiện ra định luật này, và về mặt lý thuyết biết được tiến trình, thì họ nên dừng lại ở đó cho đến khi học được cách [Page 1068] tự bảo vệ mình khỏi sự tương tác của các mãnh lực.

forces. As we well know, the workers with radium, and those who experiment in the world's laboratories, suffer frequently from loss of limb or life; this is due to their ignorance of the forces they are dealing with. The liberated essences become conductors of the greater force which is their magnetic centre, because they are responsive to it, and it is this force which produces the distressing conditions sometimes present in connection with radioactive substances. Every radioactive atom becomes, through this conductive faculty, a releasing agent; and they consequently cause what we call burns. These burns are the result of the process of releasing the essential life of the atom of physical substance being dealt with.

Như chúng ta đều biết rõ, những người làm việc với radium, và những người thí nghiệm trong các phòng thí nghiệm của thế giới, thường bị mất chi hay mất mạng; điều này là do sự thiếu hiểu biết của họ về các mãnh lực mà họ đang xử lý. Các tinh chất được giải phóng trở thành những chất dẫn của mãnh lực lớn hơn là trung tâm từ tính của chúng, bởi vì chúng đáp ứng với nó, và chính mãnh lực này tạo ra những tình trạng đau đớn đôi khi hiện diện liên quan đến các chất phóng xạ. Mọi nguyên tử phóng xạ, qua năng lực dẫn truyền này, đều trở thành một tác nhân giải phóng; và do đó chúng gây ra cái mà chúng ta gọi là bỏng. Những vết bỏng này là kết quả của tiến trình giải phóng sự sống cốt yếu của nguyên tử chất liệu hồng trần đang được xử lý.

There might here be noted the curious phenomenon, in the human kingdom which is erroneously termed the prolongation of life; it might more truthfully be called the perpetuation of the form. Medical science today strains every effort to retain life in forms diseased and inadequate; these Nature, if left to herself, would long ago have discarded. They thereby imprison the life, and force back the life essence again and again into the sheath at the moment of liberation. In course of time and with more knowledge, true medical science will become purely preventative. It will concentrate its ability on preserving the atomic life of the human atom, and at furthering the preservative protective processes, and the functionary smoothness of the atomic rotary life, thus conducing to the correct following of the human orbital path. But further than that it will not go, and when the course of nature has been run, when the wheel of life has run down, when the hour for liberation has struck, when the time has come for the return of the essence to its centre, then the work will be

Ở đây có thể lưu ý đến hiện tượng kỳ lạ trong giới nhân loại vốn bị gọi sai là sự kéo dài sự sống; gọi đúng hơn phải là sự duy trì hình tướng. Khoa học y học ngày nay dốc mọi nỗ lực để giữ sự sống trong những hình tướng bệnh hoạn và bất toàn; nếu để thiên nhiên tự vận hành, từ lâu chúng đã bị loại bỏ. Bằng cách đó họ giam hãm sự sống, và ép tinh chất sự sống hết lần này đến lần khác quay trở lại thể vỏ ngay vào lúc giải thoát. Theo thời gian và với nhiều tri thức hơn, khoa học y học chân chính sẽ trở nên hoàn toàn có tính phòng ngừa. Nó sẽ tập trung năng lực của mình vào việc bảo tồn sự sống nguyên tử của nguyên tử nhân loại, và thúc đẩy các tiến trình bảo tồn và bảo vệ, cùng sự trơn tru chức năng của đời sống quay vòng nguyên tử, nhờ đó góp phần vào việc đi theo đúng quỹ đạo nhân loại. Nhưng nó sẽ không đi xa hơn thế, và khi tiến trình của thiên nhiên đã hoàn tất, khi bánh xe sự sống đã ngừng quay, khi giờ giải thoát đã điểm, khi thời điểm đã đến để tinh chất trở về trung tâm của nó, thì công việc sẽ được nhìn nhận là đã hoàn tất, và hình tướng bị loại bỏ. Tuy nhiên, điều này sẽ chưa thể thực hiện được cho đến khi gia

recognised as completed, and the form discarded. But this will not, however, be possible until the human family has reached a stage [Page 1069] when, through pure living and clean thinking, the present corruptions have been eliminated. Men will then function on into old age, or until the Ego, realising the particular work to be accomplished in any one life has been duly worked out, calls in the lower spark of life, and withdraws the central point of fire. This naturally presupposes knowledge and faculties at present lacking.

đình nhân loại đạt đến một giai đoạn [Page 1069] mà ở đó, nhờ sống thanh khiết và suy nghĩ trong sạch, những sự băng hoại hiện nay đã được loại trừ. Khi ấy con người sẽ hoạt động cho đến tuổi già, hay cho đến khi chán ngã, nhận ra công việc đặc thù cần hoàn thành trong một kiếp sống nào đó đã được thực hiện đầy đủ, gọi về tia lửa sự sống thấp hơn và rút điểm lửa trung tâm đi. Điều này dĩ nhiên giả định có tri thức và năng lực hiện nay còn thiếu.

All these thoughts can be extended to include entire kingdoms of nature, the globes of a chain, the chains themselves, a planetary scheme or a solar system.

Tất cả những tư tưởng này có thể được mở rộng để bao gồm toàn bộ các giới trong thiên nhiên, các bầu hành tinh của một Dãy, chính các Dãy ấy, một hệ hành tinh hay một hệ mặt trời.

The moon is an interesting instance of the transmutative or liberating process practically completed in a globe: the essential life of the human kingdom has withdrawn and found a new field of expression. All animal life has equally been absorbed by a greater centre in another chain. Practically the same can be said of the vegetable kingdom on the moon though there are a few of the lower forms of the vegetable life (of a kind unrecognisable by us) still to be found there; whilst the mineral kingdom is radioactive and the essence of all mineral forms is fast escaping.

Mặt trăng là một ví dụ lý thú về tiến trình chuyển hoá hay giải phóng hầu như đã hoàn tất trong một bầu hành tinh: sự sống cốt yếu của giới nhân loại đã rút đi và tìm được một lĩnh vực biểu lộ mới. Mọi sự sống động vật cũng đã được hấp thu bởi một trung tâm lớn hơn trong một dãy khác. Điều gần như tương tự có thể nói về giới thực vật trên mặt trăng, dù vẫn còn tìm thấy ở đó một vài dạng thấp của sự sống thực vật (thuộc loại không thể nhận biết đối với chúng ta); trong khi giới kim thạch thì có tính phóng xạ và tinh chất của mọi hình tướng khoáng vật đang nhanh chóng thoát ra.

In connection with the kingdoms of nature, it must be remembered that their growth and eventual radiation is dependent upon the cyclic purpose of the planetary Logos, and upon the currents of force which play upon His planetary body, and which emanate from other planetary schemes.

Liên quan đến các giới trong thiên nhiên, cần nhớ rằng sự tăng trưởng và bức xạ sau cùng của chúng phụ thuộc vào mục đích chu kỳ của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và vào các dòng mãnh lực tác động lên thân thể hành tinh của Ngài, và phát ra từ các hệ hành tinh khác.

All atoms become radioactive as the result of a response to a stronger magnetic centre which response is brought about through the gradual evolutionary development of consciousness of some kind or another. This is known to be true in a small degree in connection with the mineral kingdom though scientists have not yet admitted that radiation is thus caused. Later they will, but only when this general theory which is here laid down in connection with all atoms is admitted by them to be a plausible [Page 1070] hypothesis. Then the goal of their endeavour will be somewhat changed; they will seek to ascertain through clear thinking and a study of the involved analogy what focal points of magnetic energy may be regarded as existing, and how they affect the atoms in their environment. One hint only can here be given. Light upon these dark problems will come along two lines.

Mọi nguyên tử đều trở nên phóng xạ do kết quả của một sự đáp ứng với một trung tâm từ tính mạnh hơn, sự đáp ứng này được tạo ra qua sự phát triển tiến hoá dần dần của một loại tâm thức nào đó. Điều này được biết là đúng ở một mức độ nhỏ liên quan đến giới kim thạch, dù các nhà khoa học chưa thừa nhận rằng bức xạ được gây ra như vậy. Về sau họ sẽ thừa nhận, nhưng chỉ khi lý thuyết tổng quát được trình bày ở đây liên quan đến mọi nguyên tử được họ chấp nhận như một giả thuyết hợp lý[Page 1070]. Khi đó mục tiêu nỗ lực của họ sẽ phần nào thay đổi; họ sẽ tìm cách xác định, qua tư duy sáng suốt và nghiên cứu phép loại suy liên quan, những điểm tập trung năng lượng từ tính nào có thể được xem là hiện hữu, và chúng ảnh hưởng đến các nguyên tử trong môi trường của chúng như thế nào. Ở đây chỉ có thể đưa ra một gợi ý. Ánh sáng soi rọi những vấn đề tối tăm này sẽ đến theo hai đường.

First, it will come through the study of the place of the solar system in the universal whole, and the effect that certain constellations have upon it; secondly, it will come through a close study of the effect of one planetary scheme upon another, and the place of the moon in our own planetary life. This will lead to a close investigation of polar conditions in the earth, of the planetary magnetic currents, and of the electrical intercourse between our earth, and the Venusian and Martian planetary schemes. When this has been accomplished, astronomy and esoteric astrology will be revolutionised, and the nature of solar energy as an expression of an Entity of the fourth rank will be appreciated. This will come at the close of this century after a scientific discovery of even greater importance to the scientific world than that as to the nature of the atom. Until that time it will be as difficult to express the

Thứ nhất, nó sẽ đến qua việc nghiên cứu vị trí của hệ mặt trời trong toàn thể vũ trụ, và ảnh hưởng mà một số chòm sao nhất định tác động lên nó; thứ hai, nó sẽ đến qua việc nghiên cứu kỹ lưỡng ảnh hưởng của một hệ hành tinh này lên một hệ hành tinh khác, và vị trí của mặt trăng trong đời sống hành tinh của chính chúng ta. Điều này sẽ dẫn đến một cuộc khảo cứu kỹ lưỡng về các điều kiện cực ở địa cầu, về các dòng từ tính hành tinh, và về sự giao tiếp điện giữa địa cầu chúng ta với các hệ hành tinh Kim Tinh và Hỏa Tinh. Khi điều này được hoàn tất, thiên văn học và Chiêm Tinh Học Nội Môn sẽ được cách mạng hóa, và bản chất của năng lượng mặt trời như một biểu lộ của một Thực Thể thuộc cấp bậc thứ tư sẽ được đánh giá đúng. Điều này sẽ đến vào cuối thế kỷ này sau một khám phá khoa học còn quan trọng hơn đối với giới khoa học so với khám phá về bản chất của nguyên tử. Cho đến lúc đó, việc diễn đạt quan niệm theo thuyết vật hoạt bằng các

hylozoistic conception in terms of exact science as it would be for the sixteenth century ancestor of present humanity to conceive of the atom as being simply an aspect of force, and not objective and tangible. Hence further elucidation will but serve to confuse.

thuật ngữ của khoa học chính xác sẽ khó khăn chẳng khác nào việc tổ tiên của nhân loại hiện nay ở thế kỷ mười sáu hình dung nguyên tử chỉ đơn giản là một phương diện của mãnh lực, chứ không phải là cái khách quan và sờ chạm được. Do đó, mọi sự làm sáng tỏ thêm chỉ càng gây rối.

In considering this vast subject of radiation, which is the result of spiral-progressive movement, it might be of interest if I here pointed out that in every kingdom of nature there are certain focal points of energy which, as the aeons gradually sweep along, bring the atomic substance of which all forms in all kingdoms are composed to the point where they become radioactive and achieve [Page 1071] liberation. (The term "liberation" really means the ability of any conscious atom to pass out of one sphere of energised influence into another of a higher vibration, of larger and wider expanse of conscious realisation.)

Khi xem xét đề tài rộng lớn này về bức xạ, vốn là kết quả của chuyển động xoắn ốc-tiến triển, có lẽ sẽ thú vị nếu ở đây tôi chỉ ra rằng trong mỗi giới trong thiên nhiên đều có những điểm tập trung năng lượng nhất định, những điểm mà, khi các đại kiếp dần dần trôi qua, đưa chất liệu nguyên tử mà từ đó mọi hình tướng trong mọi giới được cấu thành đến chỗ chúng trở nên phóng xạ và đạt được [Page 1071] giải thoát. (Thuật ngữ "giải thoát" thực sự có nghĩa là khả năng của bất kỳ nguyên tử hữu thức nào đi ra khỏi một khối cầu ảnh hưởng đã được tiếp năng lượng để vào một khối cầu khác có rung động cao hơn, có phạm vi chứng nghiệm hữu thức lớn hơn và rộng hơn.)

Broadly speaking, it might be said that:

Nói một cách khái quát, có thể nói rằng:

The *mineral kingdom* is responsive to that type of energy which is the lowest aspect of fire, of those internal furnaces which exert an influence upon the elements in the mineral world, and which resolve these atomic lives into a gradual series of ever-higher types of mineral energy. For instance, the type of energy which plays upon iron ore, or which produces tin, is emanated from a different centre in the body of the Entity informing the mineral kingdom to that which converts the elements into those wondrous jewels, the diamond, the sapphire, the emerald or the ruby. The energy of the particular centre involved is likewise responsive to force originating in the centre in the body of the planetary Logos—which

giới kim thạch đáp ứng với loại năng lượng là phương diện thấp nhất của lửa, của những lò lửa bên trong tác động lên các nguyên tố trong thế giới khoáng vật, và phân giải những sự sống nguyên tử này thành một chuỗi dần dần các loại năng lượng khoáng vật ngày càng cao hơn. Chẳng hạn, loại năng lượng tác động lên quặng sắt, hay tạo ra thiếc, phát ra từ một trung tâm khác trong thân thể của Thực Thể phú linh giới kim thạch so với trung tâm chuyển các nguyên tố thành những bảo ngọc kỳ diệu như kim cương, lam ngọc, lục bảo hay hồng ngọc. Năng lượng của trung tâm đặc thù liên quan ấy cũng đáp ứng với mãnh lực phát sinh từ trung tâm trong thân thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế—trung tâm này tùy thuộc

centre depends upon the kingdom to be vivified. In dealing with these kingdoms, therefore, the relations might be briefly indicated—

vào giới cần được tiếp sinh lực. Vì vậy, khi bàn đến các giới này, các mối liên hệ có thể được chỉ ra vắn tắt—

	Kingdom	*Planetary Centre*
a.	Human	Heart centre.
b.	Animal	Throat centre.
c.	Vegetable	Solar plexus.
d.	Mineral	Spleen.

The planetary egoic centre is, of course, the transmitter to all the others, and it should be borne in mind in this connection that every centre transmits three types of force, with the exception of the spleen which hands on the solar fires, pranic force, pure and simple. Students will eventually ascertain how to group the various types in the different kingdoms according to the type of energy they display in fullest measure, remembering that only in the fourth kingdom, the human, is the highest of the three types (that which produces self-consciousness) [Page 1072] manifesting; in the others it is latent. This will become apparent if the method of lunar individualisation is studied.

Trung tâm chân ngã hành tinh dĩ nhiên là bộ truyền dẫn đến tất cả các trung tâm khác, và cần ghi nhớ trong mối liên hệ này rằng mọi trung tâm đều truyền ba loại mãnh lực, ngoại trừ lá lách, vốn chuyển tiếp các lửa mặt trời, đơn thuần là mãnh lực prana. Cuối cùng các đạo sinh sẽ xác định được cách nhóm các loại khác nhau trong các giới khác nhau theo loại năng lượng mà chúng biểu lộ đầy đủ nhất, đồng thời nhớ rằng chỉ trong giới thứ tư, giới nhân loại, loại cao nhất trong ba loại (loại tạo ra ngã thức) mới đang [Page 1072] biểu lộ; trong các giới khác nó còn tiềm ẩn. Điều này sẽ trở nên rõ ràng nếu nghiên cứu phương pháp biệt ngã hóa theo thái âm.

The *vegetable kingdom* is responsive to the particular type of energy which produces the phenomenon of water, or moisture. Through the effect of water every higher type of plant life is evolved, and through the combination of heat and water results are brought about which produce new types.

giới thực vật đáp ứng với loại năng lượng đặc thù tạo ra hiện tượng nước, hay độ ẩm. Qua tác động của nước, mọi loại sự sống thực vật cao hơn đều tiến hoá, và qua sự kết hợp của nhiệt và nước, những kết quả được tạo ra làm phát sinh các loại mới. Nhà khoa học thảo mộc đang tạo ra các loài mới thực ra

The herbal scientist who is producing new species is really occupied with the effect of sex energy in the second kingdom of nature; he will do well to deal with all plant life as energy points responsive to other and greater energy centres. Much will be learned along this line when electricity and colored lights are more freely used in experimental stations. Sex, in the mineral kingdom, or chemical affinity, is the display in that kingdom of the second type of magnetic force; in the vegetable kingdom the same thing can be studied in the seed life, and in the fertilisation processes of all plants. Neptune, the God of the Waters, has a curious relationship to our planetary Logos, and also to the Entity Who is the informing life of the second kingdom.

đang chuyên chú vào tác động của năng lượng tính dục trong giới thứ hai trong thiên nhiên; ông nên xử lý mọi sự sống thực vật như những điểm năng lượng đáp ứng với các trung tâm năng lượng khác và lớn hơn. Nhiều điều sẽ được học theo đường này khi điện và ánh sáng màu được sử dụng tự do hơn trong các trạm thí nghiệm. Tính dục, trong giới kim thạch, hay ái lực hóa học, là sự biểu lộ trong giới ấy của loại mãnh lực từ tính thứ hai; trong giới thực vật, điều tương tự có thể được nghiên cứu trong sự sống của hạt giống, và trong các tiến trình thụ tinh của mọi loài cây. Neptune, Thượng đế của Nước, có một mối liên hệ kỳ lạ với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và cũng với Thực Thể là sự sống phú linh của giới thứ hai.

The *animal kingdom* is responsive to a type of energy which is neither fire nor water but is a combination of the two. They are also the first of the kingdoms on the physical plane to be responsive to *sound*, or to the energy emanating from that which we call noise. This is an occult fact worthy of close attention. The energy emanating from the Entity Who is the informing Life of the third kingdom in nature has five channels of approach, that is five centres. That animating the fourth kingdom has seven, for the mind and the intuition are added. In the second kingdom there are three centres, but their manifestation is so obscure as to seem practically nonexistent to the human mind. In the first or mineral kingdom, the avenue of approach is limited to one centre. [Page 1073] It will be observed, therefore, that the stimulation of magnetic energy proceeds from what might be regarded as jumps, 1-3-5-7. Each kingdom starts with a specific equipment, and during the process of evolution within the kingdom adds to it

giới động vật đáp ứng với một loại năng lượng không phải là lửa cũng không phải là nước mà là sự kết hợp của cả hai. Chúng cũng là giới đầu tiên trên cõi hồng trần đáp ứng với *âm thanh*, hay với năng lượng phát ra từ cái mà chúng ta gọi là tiếng động. Đây là một sự kiện huyền bí đáng được chú ý kỹ lưỡng. Năng lượng phát ra từ Thực Thể là Sự sống phú linh của giới thứ ba trong thiên nhiên có năm đường tiếp cận, tức là năm trung tâm. Năng lượng làm sinh động giới thứ tư có bảy đường, vì trí tuệ và trực giác được thêm vào. Trong giới thứ hai có ba trung tâm, nhưng sự biểu lộ của chúng mờ nhạt đến mức đối với trí tuệ con người dường như hầu như không hiện hữu. Trong giới thứ nhất hay giới kim thạch, đường tiếp cận bị giới hạn vào một trung tâm. [Page 1073] Do đó, sẽ thấy rằng sự kích thích năng lượng từ tính tiến hành theo những bước nhảy có thể xem là 1-3-5-7. Mỗi giới bắt đầu với một trang bị đặc thù, và trong tiến trình tiến hoá bên trong giới ấy lại thêm vào đó, để sự sống được giải phóng đi vào giới kế tiếp với trang bị cũ cộng thêm một.

so that the liberated life enters the next kingdom with its old equipment plus one.

The *human kingdom* is equally responsive to energy. This time it is the energy of fire at its highest manifestation in the three worlds. It must be borne in mind that we are referring to the positive energy of the greater Whole as it affects the lesser *positive* energetic points. We are not referring to form energy.

giới nhân loại cũng đáp ứng với năng lượng. Lần này đó là năng lượng của lửa ở biểu lộ cao nhất của nó trong ba cõi giới. Cần nhớ rằng chúng ta đang nói đến năng lượng dương của Toàn Thể lớn hơn khi nó tác động lên những điểm năng lượng dương nhỏ hơn của nó. Chúng ta không nói đến năng lượng hình tướng.

The atom becomes responsive to form energy or to that which surrounds it. It becomes conscious and then becomes responsive to the force of the *kingdom* in which it is a part. It gradually becomes responsive to stronger influences or to the force emanating from the Entity Who is the life of that kingdom.

Nguyên tử trở nên đáp ứng với năng lượng hình tướng hay với cái bao quanh nó. Nó trở nên hữu thức rồi trở nên đáp ứng với mãnh lực của *giới* mà nó là một phần trong đó. Dần dần nó trở nên đáp ứng với những ảnh hưởng mạnh hơn hay với mãnh lực phát ra từ Thực Thể là sự sống của giới ấy.

Finally, the atom becomes conscious of planetary energy, or responsive to the Heavenly Man Himself. It then transcends the kingdom in which it has been, and is elevated into another kingdom in which the cycle is again repeated.

Cuối cùng, nguyên tử trở nên có ý thức về năng lượng hành tinh, hay đáp ứng với chính Đấng Thiên Nhân. Khi đó nó vượt qua giới mà nó đã ở trong đó, và được nâng lên một giới khác, nơi chu kỳ lại được lặp lại.

This can all be expressed in terms of consciousness but in this section we will limit the thought simply to that of energy. In summation it might be said that:

Tất cả điều này đều có thể được diễn đạt theo các thuật ngữ của tâm thức, nhưng trong phần này chúng ta sẽ chỉ giới hạn tư tưởng vào năng lượng. Tóm lại, có thể nói rằng:

1. The planetary Logos has seven centres, as has man.

1. Đức Hành Tinh Thượng Đế có bảy trung tâm, cũng như con người vậy.

2. The informing Life of the animal kingdom has five centres, and the animal kingdom has five prototypes on the archetypal plane, whereas man has seven prototypes.

2. Sự sống thấm nhuần giới động vật có năm trung tâm, và giới động vật có năm nguyên mẫu trên cõi nguyên mẫu, trong khi con người có bảy nguyên mẫu.

3. The informing Life of the vegetable kingdom has three centres of force on His

3. Sự sống thấm nhuần giới thực vật có ba trung tâm mãnh lực trên cõi riêng của Ngài,

Own plane, and there are, therefore, but three basic types of plant life. [Page 1074] All that we know are but differentiations of those three.

và vì vậy chỉ có ba loại sự sống thực vật căn bản. [Page 1074] Tất cả những gì chúng ta biết chỉ là những biến phân của ba loại ấy.

4. The informing Life of the mineral kingdom works through one centre.

4. Sự sống thấm nhuần giới kim thạch hoạt động qua một trung tâm.

b. *Radiation in the Five Kingdoms.* We have seen that the cause of radiation is the response of the positive life in any atom to the attractive power of the positive life in a greater atom. Expressed in other words, we might say that the deva life of any atomic form proceeds with its evolution, and by a series of "releases" transfers itself during the manvantaric cycles out of one kingdom into another until every atom has achieved self-determination, and thus the purpose of the Heavenly Man for any particular mahamanvantara is satisfactorily accomplished. As might be expected, therefore, when the subject is viewed as a whole and not from the standpoint of any one kingdom, there are in the evolutionary process five major at-one-ments.

b. *Sự phóng xạ trong Năm Giới.* Chúng ta đã thấy rằng nguyên nhân của sự phóng xạ là sự đáp ứng của sự sống dương trong bất kỳ nguyên tử nào đối với quyền năng hấp dẫn của sự sống dương trong một nguyên tử lớn hơn. Nói theo cách khác, chúng ta có thể nói rằng sự sống thiên thần của bất kỳ hình tướng nguyên tử nào tiếp tục tiến hoá của nó, và qua một loạt "sự giải thoát", tự chuyển dịch trong các chu kỳ Giai kỳ sinh hóa từ giới này sang giới khác cho đến khi mọi nguyên tử đều đạt được sự tự quyết, và như thế mục đích của Đấng Thiên Nhân đối với bất kỳ Đại giai kỳ sinh hóa nào cũng được hoàn thành một cách thỏa đáng. Vì vậy, như có thể được dự liệu, khi đề tài này được nhìn như một toàn thể chứ không từ quan điểm của bất kỳ giới nào, thì trong tiến trình tiến hoá có năm sự hợp nhất lớn.

1. At-one-ment with the mineral kingdom.

1. Sự hợp nhất với giới kim thạch.

2. At-one-ment of the mineral monad with the vegetable kingdom.

2. Sự hợp nhất của chân thần khoáng vật với giới thực vật.

3. At-one-ment of the vegetable monad with the animal kingdom.

3. Sự hợp nhất của chân thần thực vật với giới động vật.

The progressive life has now made three at-one-ments or expanded its realisation three times.

Sự sống tiến bộ giờ đây đã thực hiện ba sự hợp nhất hoặc đã mở rộng sự chứng nghiệm của nó ba lần.

4. At-one-ment with the human kingdom.

4. Sự hợp nhất với giới nhân loại.

5. At-one-ment with the Heavenly Man or with the great planetary life.

Along these five stages, one of them is considered in this solar system to be the most important, and that is the at-one-ment with the human kingdom. For this particular greater cycle, the goal of evolution is man; when individualisation is achieved and self-determination is awakened, the Monad or Divine Pilgrim has attained that which expresses the logoic purpose most perfectly. The [Page 1075] later stages but set the crown upon the victor, and the final at-one-ment with the divine Self is but the consummation of the fourth stage. Students will find it of interest to work out the correspondence between the five initiations and these five unifications. There is a close connection between the two. By understanding the laws of the different kingdoms, much can be learned anent the conditions governing the five Initiations. It will be found that the initiations mark stages in response to contact and to realisation which have their interesting germs in the five kingdoms.

It might here be pointed out with propriety that radiation is the result of transmutation; transmutation marks the completion of a cycle of rotary-spiralling activity. No atom becomes radioactive until its own internal rhythm has been stimulated to a point where the positive central life is ready for the imposition of a higher vibratory activity, and when the negative lives within the atomic periphery are repulsed by the intensity of its vibration, and are no longer attracted by its drawing qualities. This is due to the coming in and consequent response to the magnetic vibration of a still stronger positive life which releases the imprisoned central spark and causes what

5. Sự hợp nhất với Đấng Thiên Nhân hay với sự sống hành tinh vĩ đại.

Trong năm giai đoạn này, có một giai đoạn được xem trong hệ mặt trời này là quan trọng nhất, và đó là sự hợp nhất với giới nhân loại. Đối với đại chu kỳ đặc biệt này, mục tiêu của tiến hoá là con người; khi biệt ngã hóa đạt được và sự tự quyết được đánh thức, Chân thần hay Người Lữ Hành thiêng liêng đã đạt tới điều biểu lộ mục đích của Thượng đế một cách hoàn hảo nhất. Các giai đoạn [Page 1075] về sau chỉ đặt vương miện lên người chiến thắng, và sự hợp nhất cuối cùng với Bản Ngã thiêng liêng chỉ là sự hoàn tất của giai đoạn thứ tư. Các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi tìm ra sự tương ứng giữa năm lần điểm đạo và năm sự hợp nhất này. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa hai điều đó. Bằng cách thấu hiểu các định luật của những giới khác nhau, có thể học được nhiều điều liên quan đến các điều kiện chi phối năm Cuộc Điểm Đạo. Sẽ thấy rằng các điểm đạo đánh dấu những giai đoạn đáp ứng với tiếp xúc và với sự chứng nghiệm, mà các mầm mống thú vị của chúng nằm trong năm giới.

Ở đây có thể chỉ ra một cách thích đáng rằng sự phóng xạ là kết quả của sự chuyển hoá; sự chuyển hoá đánh dấu sự hoàn tất của một chu kỳ hoạt động xoay tròn-xoắn ốc. Không nguyên tử nào trở nên phóng xạ cho đến khi nhịp điệu nội tại riêng của nó đã được kích thích đến một điểm mà sự sống trung tâm dương sẵn sàng tiếp nhận một hoạt động rung động cao hơn, và khi các sự sống âm bên trong chu vi nguyên tử bị đẩy lùi bởi cường độ rung động của nó, và không còn bị hấp dẫn bởi các phẩm tính lôi cuốn của nó nữa. Điều này là do sự đi vào và sự đáp ứng tiếp theo đối với rung động từ tính của một sự sống dương còn mạnh hơn nữa, sự sống này giải phóng tia lửa trung tâm bị giam

might from some aspects be called the dissipation of the atom. This process, nevertheless, in the majority of cases covers such a vast period of time that the human mind is unable to follow the process.

hãm và gây ra điều mà từ một vài phương diện có thể được gọi là sự làm tiêu tan của nguyên tử. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, tiến trình này bao trùm một khoảng thời gian quá rộng lớn đến nỗi trí tuệ con người không thể theo dõi được tiến trình ấy.

The radioactive period is much the longest in the mineral kingdom, and shortest of all in the human. We are not concerned with radiation in the spiritual kingdom at the close of the mahamanvantara, so no comment will here be made.

Thời kỳ phóng xạ dài hơn hẳn trong giới kim thạch so với mọi giới khác, và ngắn nhất trong giới nhân loại. Chúng ta không đề cập đến sự phóng xạ trong giới tinh thần vào lúc kết thúc Đại giai kỳ sinh hóa, nên ở đây sẽ không bình luận gì thêm.

It is interesting to note that during this round, owing to planetary decision, the process of producing human radiation or "release" is being artificially stimulated through the method which we call initiation, and the [Page 1076] short cut to intensive purification and stimulation is open to all who are willing to pass through the divine alchemical fire. Simultaneously, in the other kingdoms of nature a process somewhat similar in kind though not in degree is being attempted. The tremendous manipulation of ores, the scientific work of the chemist, and scientific investigation is analogous in the mineral kingdom to the world processes which are being utilised to liberate the human spark. Out of the chaos and turmoil of the World War, for instance, and the weight of metal undergoing violent disintegration the mineral monad emerged as from an initiatory test, incomprehensible as this may seem. It will be apparent that a great simultaneous movement is on foot to produce more rapid radiation in all the kingdoms of nature so that when the cycle is run the process of planetary radiation may be consummated. This intensive culture is not proceeding upon all the planets but only upon a very few. The others will run a longer cycle. The initiatory cultural process which

Thật thú vị khi lưu ý rằng trong cuộc tuần hoàn này, do quyết định hành tinh, tiến trình tạo ra sự phóng xạ hay "giải thoát" của con người đang được kích thích một cách nhân tạo qua phương pháp mà chúng ta gọi là điểm đạo, và con đường tắt [Page 1076] dẫn đến sự thanh lọc và kích thích mãnh liệt đang mở ra cho tất cả những ai sẵn lòng đi qua ngọn lửa luyện kim thiêng liêng. Đồng thời, trong các giới khác của thiên nhiên, một tiến trình phần nào tương tự về loại tuy không về mức độ cũng đang được thử nghiệm. Việc thao tác quặng ở quy mô lớn, công trình khoa học của nhà hóa học, và sự khảo cứu khoa học là điều tương tự trong giới kim thạch với các tiến trình thế giới đang được sử dụng để giải phóng tia lửa con người. Chẳng hạn, từ sự hỗn loạn và náo động của Thế Chiến, và từ khối lượng kim loại trải qua sự tan rã dữ dội, chân thần khoáng vật đã xuất hiện như từ một thử thách điểm đạo, dù điều này có vẻ khó hiểu đến đâu đi nữa. Sẽ rõ ràng rằng một vận động đồng thời lớn lao đang được tiến hành nhằm tạo ra sự phóng xạ nhanh hơn trong mọi giới của thiên nhiên để khi chu kỳ kết thúc, tiến trình phóng xạ hành tinh có thể được hoàn tất. Sự nuôi dưỡng mãnh liệt này không diễn ra trên mọi hành tinh mà chỉ trên một số rất ít. Những hành tinh khác sẽ

has in view the stimulation of magnetic radiation or transmutation is but an experiment. It was tried first on Venus, and on the whole proved successful, resulting in the consummation of the planetary purpose in five rounds instead of seven. This was what made it possible to utilise Venusian energy upon the Venus chain and the Venus globe of our scheme and thus cause the phenomenon of forced individualisation in Lemurian days. It was the intensive stimulation of the third kingdom of nature during the third root race which artificially unified the three aspects. The process of stimulating through the medium of Venusian energy was really begun in the third round when the triangle of force was completed, and ready to function. It is this factor which occultly makes the third Initiation of such tremendous importance. In it the human triangle is linked, the Monad, the [Page 1077] Ego and the personality, or Venus, the Sun and the Earth are symbolically allied.

trải qua một chu kỳ dài hơn. Tiến trình nuôi dưỡng điểm đạo nhằm kích thích sự phóng xạ từ tính hay sự chuyển hoá chỉ là một thử nghiệm. Nó đã được thử trước tiên trên Sao Kim, và nhìn chung đã chứng tỏ thành công, đưa đến sự hoàn tất mục đích hành tinh trong năm cuộc tuần hoàn thay vì bảy. Chính điều này đã làm cho việc sử dụng năng lượng Kim tinh trên dãy Kim tinh và bầu Kim tinh của hệ hành tinh chúng ta trở nên khả hữu, và như thế gây ra hiện tượng biệt ngã hóa cưỡng bức trong thời Lemuria. Chính sự kích thích mãnh liệt giới thứ ba của thiên nhiên trong giống dân gốc thứ ba đã hợp nhất một cách nhân tạo ba phương diện. Tiến trình kích thích qua trung gian của năng lượng Kim tinh thực sự đã bắt đầu trong cuộc tuần hoàn thứ ba khi tam giác mãnh lực được hoàn tất và sẵn sàng hoạt động. Chính yếu tố này khiến lần điểm đạo thứ ba có tầm quan trọng to lớn như vậy theo huyền bí học. Trong đó, tam giác con người được nối kết, Chân thần, [Page 1077] chân ngã và phàm ngã, hay Sao Kim, Mặt Trời và Trái Đất được liên kết một cách biểu tượng.

Enough has here been indicated to give the student room for thought, though one more word in this connection might be added. In the potentially radioactive qualities of the four kingdoms of nature with which we are most concerned will be found an interesting analogy to the functions of the four planetary schemes which (in their totality) form the logoic quaternary. This applies also in a lesser degree to the four chains which form the planetary quaternary. All have to become radioactive and all their principles have to be transmuted and the form for which they are responsible transcended.

Đã chỉ ra đủ ở đây để cho đạo sinh có chỗ suy ngẫm, dù có thể thêm một lời nữa trong mối liên hệ này. Trong các phẩm tính có khả năng phóng xạ của bốn giới thiên nhiên mà chúng ta quan tâm nhiều nhất, sẽ tìm thấy một sự tương đồng thú vị với các chức năng của bốn hệ hành tinh mà (trong tổng thể của chúng) tạo thành bộ bốn của Thượng đế. Điều này cũng áp dụng, ở mức độ thấp hơn, cho bốn dãy tạo thành bộ bốn hành tinh. Tất cả đều phải trở nên phóng xạ và mọi nguyên khí của chúng đều phải được chuyển hoá, còn hình tướng mà chúng chịu trách nhiệm thì phải được siêu vượt.

When the subject of radiation is more completely comprehended, it will be found

Khi đề tài về sự phóng xạ được thấu hiểu đầy đủ hơn, sẽ thấy rằng nó chứng minh thêm

that it demonstrates one more instance of the unity of all life, and furnishes one more corroborative indication of the synthetic nature of the entire evolutionary process. In every instance that which radiates from each kingdom of nature is one and the same. The radioactive human being is the same in nature (differing only in degree and in conscious response) as the radioactive mineral; in every case it is the central positive life, the electric spark or that which is its correspondence, which radiates. There are, therefore, seven correspondences in this connection in the solar system, seven types which radiate, or seven classes of entities which demonstrate ability to transcend their normal motion and to transfer themselves into some greater sphere in due course of evolution. These are:

một trường hợp nữa về sự hợp nhất của mọi sự sống, và cung cấp thêm một chỉ dấu xác nhận về bản chất tổng hợp của toàn bộ tiến trình tiến hoá. Trong mọi trường hợp, điều phóng xạ ra từ mỗi giới thiên nhiên đều là một và như nhau. Con người phóng xạ có cùng bản chất (chỉ khác về mức độ và về sự đáp ứng hữu thức) như khoáng vật phóng xạ; trong mọi trường hợp, chính sự sống trung tâm dương, tia lửa điện hay điều tương ứng với nó, là cái phóng xạ. Vì vậy, trong mối liên hệ này có bảy sự tương ứng trong hệ mặt trời, bảy loại phóng xạ, hay bảy lớp thực thể biểu lộ khả năng siêu vượt chuyển động bình thường của mình và chuyển dịch vào một khối cầu lớn hơn trong tiến trình tiến hoá thích đáng. Đó là:

1. The mineral monad of the mineral kingdom, or the central positive nucleus in all atoms and elements.

1. Chân thần khoáng vật của giới kim thạch, hay hạt nhân dương trung tâm trong mọi nguyên tử và nguyên tố.

2. The monad in the vegetable kingdom, or the central positive life of every plant and vegetable growth.

2. Chân thần trong giới thực vật, hay sự sống dương trung tâm của mọi cây cỏ và sự tăng trưởng thực vật.

3. The monad in the animal kingdom or the positive life of each type. [Page 1078]

3. Chân thần trong giới động vật hay sự sống dương của mỗi loại. [Page 1078]

4. The human Monads in their myriads of groups.

4. Các Chân thần con người trong vô số nhóm của chúng.

5. The Monad of any particular type, or form.

5. Chân thần của bất kỳ loại hay hình tướng đặc thù nào.

6. The planetary Monad, the sum total of all the lives within a planetary scheme.

6. Chân thần hành tinh, tổng số của mọi sự sống bên trong một hệ hành tinh.

7. The solar Monad or the sum total of all lives in the solar system.

7. Chân thần thái dương hay tổng số của mọi sự sống trong hệ mặt trời.

Each of these is first rotary in its activity, or self-centred; later each simultaneously with its original motion demonstrates spiral-cyclic activity. Thereby it becomes "aware" of form, and finally becomes radioactive. During this final period it transcends the form, and escapes from out of it, becoming thus conscious of, and able to participate in, the activity of the still greater enveloping whole.

Mỗi thực thể trong số này trước hết đều có hoạt động xoay tròn, hay tập trung vào bản thân; về sau, mỗi thực thể đồng thời với chuyển động nguyên thủy của mình biểu lộ hoạt động xoắn ốc-chu kỳ. Nhờ đó nó trở nên "nhận biết" hình tướng, và cuối cùng trở nên phóng xạ. Trong giai đoạn cuối cùng này, nó siêu vượt hình tướng và thoát ra khỏi đó, nhờ vậy trở nên hữu thức về, và có thể tham dự vào, hoạt động của toàn thể bao trùm còn lớn hơn nữa.

Cosmic Fire S9

(1079-1194)

S9S1 Text

c. *Radiation and Cyclic Law*. Scattered throughout this *Treatise*, are numerous indications of the cyclic nature of this phenomenon, and students should bear in mind that in all which concerns radiation, as in all else, there will be periods of quiescence, and periods of intensified activity. This will be seen quite clearly in connection with the fourth kingdom of nature. A period of radioactivity is being entered upon now in which men and women will achieve a larger realisation; they will begin to transcend their human limitations, and to enter the fifth kingdom one by one, and unit by unit. This period, as far as the larger cycle is concerned, began when the Door of Initiation was opened in Atlantean days, but many lesser cycles have occurred, for the influx into the fifth kingdom is equally governed by cyclic law, by periodic ebb and flow. At the close of the fourth root race there was a period of distinctive radioactivity, and many hundreds of men passed out of the fourth Creative Hierarchy into another and a higher one. Many posts

c. *Sự phóng xạ và Định luật Chu kỳ*. Rải rác khắp *Luận về Lửa Vũ Trụ* này có nhiều chỉ dẫn về bản chất chu kỳ của hiện tượng này, và các đạo sinh nên ghi nhớ rằng trong mọi điều liên quan đến sự phóng xạ, cũng như trong mọi điều khác, sẽ có những thời kỳ tĩnh lặng và những thời kỳ hoạt động tăng cường. Điều này sẽ được thấy khá rõ trong mối liên hệ với giới thứ tư của thiên nhiên. Hiện nay đang bước vào một thời kỳ phóng xạ trong đó những người nam và nữ sẽ đạt được một sự chứng nghiệm lớn hơn; họ sẽ bắt đầu siêu vượt những giới hạn nhân loại của mình, và đi vào giới thứ năm từng người một, từng đơn vị một. Thời kỳ này, xét theo chu kỳ lớn hơn, đã bắt đầu khi Cánh Cửa Điểm Đạo được mở ra trong thời Atlantis, nhưng nhiều chu kỳ nhỏ hơn đã xảy ra, vì sự tuôn vào giới thứ năm cũng được chi phối bởi định luật chu kỳ, bởi sự lên xuống tuần hoàn. Vào lúc kết thúc giống dân gốc thứ tư đã có một thời kỳ phóng xạ đặc biệt, và nhiều trăm người đã đi ra khỏi Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư sang một Huyền Giai khác và cao hơn. Nhiều chức vụ trước đây do các

held hitherto by Venusian Entities were vacated in order that our humanity might occupy them, and a vast interchain [Page 1079] radiation went on as many of the Kumaras and certain lesser existences quitted our earth chain, and entered upon subtler, and more advanced work. Then the activity gradually ebbed until a recurring cycle brought in influences which produced a new radiation, though not of such a strength as in the preceding period.

Thực Thể Kim tinh nắm giữ đã được bỏ trống để nhân loại chúng ta có thể đảm nhận, và một sự phóng xạ [Page 1079] liên dãy rộng lớn đã diễn ra khi nhiều vị Kumara và một số hiện hữu thấp hơn rời khỏi dãy địa cầu của chúng ta, và bước vào công việc tinh tế hơn, tiến bộ hơn. Khi ấy hoạt động dần dần suy giảm cho đến khi một chu kỳ tái diễn mang đến những ảnh hưởng tạo ra một sự phóng xạ mới, tuy không mạnh bằng thời kỳ trước đó.

Another period of radioactivity occurred during the time of the Buddha and many achieved Arhatship in those days. That period was the highest point of what is occultly termed "a cycle of the third degree," and a similar degree of radiatory activity has not been reached since that time. Human radiation of a very slight nature was felt about the time of Christ, but it only lasted for a couple of hundred years, and though individuals here and there have since achieved the goal, yet no large numbers have passed successfully through the fires of transmutation, and thus transcended the fourth kingdom. The cycle is again on the upward turn; about the fourteenth century the human kingdom began to be noticeably radioactive, and we are on the way to the fulfilment of a "cycle of the second order" or of a period of transcendence of a still greater activity than in the time of the Buddha. It will become demonstrably great when certain conditions have been fulfilled.

Một thời kỳ phóng xạ khác đã xảy ra vào thời Đức Phật và nhiều người đã đạt A-la-hán quả trong những ngày ấy. Thời kỳ đó là đỉnh cao của điều được gọi một cách huyền bí là "một chu kỳ cấp ba", và từ đó đến nay chưa đạt lại được một mức độ hoạt động phóng xạ tương tự. Sự phóng xạ của con người ở mức rất nhẹ đã được cảm nhận vào khoảng thời Đức Christ, nhưng nó chỉ kéo dài khoảng hai trăm năm, và dù từ đó đến nay vẫn có những cá nhân đây đó đạt được mục tiêu, song không có số lượng lớn nào đã đi qua thành công những ngọn lửa chuyển hoá, và như thế siêu vượt giới thứ tư. Chu kỳ hiện lại đang trên đà đi lên; vào khoảng thế kỷ mười bốn, giới nhân loại bắt đầu trở nên phóng xạ một cách đáng kể, và chúng ta đang trên đường tiến tới sự hoàn thành của "một chu kỳ cấp hai" hay một thời kỳ siêu vượt với hoạt động còn lớn hơn thời Đức Phật. Nó sẽ trở nên lớn lao một cách hiển nhiên khi một số điều kiện nhất định được hoàn tất.

First, when the present world chaos has subsided. Next, when the present generation has consummated its work of reconstruction. Third, when the coming great Lord has entered upon His mission upon earth, thereby increasing the vibration in every kingdom of nature, but particularly in the second and fourth.

Thứ nhất, khi sự hỗn loạn thế giới hiện nay đã lắng xuống. Kế đó, khi thế hệ hiện nay đã hoàn tất công việc tái thiết của mình. Thứ ba, khi vị Chúa Tể vĩ đại sắp đến đã bắt đầu sứ mệnh của Ngài trên địa cầu, nhờ đó làm gia tăng rung động trong mọi giới của thiên nhiên, nhưng đặc biệt là trong giới thứ hai và thứ tư.

Fourth, when the movement, inaugurated at the close of each century by the Trans-Himalayan Lodge is under way, and the psycho-scientific Egos who are its agents have made their presence felt.

Thứ tư, khi phong trào do Thánh đoàn Xuyên Hy Mã Lạp Sơn khởi xướng vào cuối mỗi thế kỷ đang được tiến hành, và các chân ngã tâm lý-khoa học là những tác nhân của phong trào ấy đã làm cho sự hiện diện của họ được cảm nhận.

Finally, when a movement is instituted by the Lodge, working in connection with the fourth root race; it will [Page 1080] also be part of the stimulative process, and will result in the rendering radioactive of some of the foremost thinkers of that race. It will be their day of opportunity, and so great is the importance attached to this that a Member of the Lodge, Confucius as he has been called in the past, will incarnate in order to superintend the work. The preliminary steps are being taken now, and Egos are coming in who will endeavour to direct the energies of this race on to the right line though the peak of the cycle of stimulation will not be until the middle of the next century. It is needless for me to point out that all such movements are first felt as disturbing, and only when the dust of turmoil, and the noise of clashing forces have died away will *purpose* be seen emerging. This is very apparent in Russia at the present time.

Sau cùng, khi một phong trào được Thánh đoàn thiết lập, hoạt động trong mối liên hệ với giống dân gốc thứ tư; nó sẽ [Page 1080] cũng là một phần của tiến trình kích thích, và sẽ đưa đến việc làm cho một số nhà tư tưởng hàng đầu của giống dân ấy trở nên phóng xạ. Đó sẽ là ngày cơ hội của họ, và tầm quan trọng gắn với điều này lớn đến nỗi một Thành viên của Thánh đoàn, người trước đây đã được gọi là Khổng Tử, sẽ nhập thể để giám sát công việc. Những bước sơ khởi hiện đang được tiến hành, và các chân ngã đang đi vào, những người sẽ cố gắng hướng dẫn các năng lượng của giống dân này đi theo đường lối đúng đắn, dù đỉnh điểm của chu kỳ kích thích sẽ không đến cho tới giữa thế kỷ tới. Tôi không cần phải chỉ ra rằng mọi phong trào như thế trước hết đều được cảm nhận như gây xáo trộn, và chỉ khi bụi của hỗn loạn và tiếng ồn của các mãnh lực xung đột đã lắng xuống thì *mục đích* mới được thấy đang xuất hiện. Điều này hiện rất rõ ràng ở nước Nga.

A great factor and one that it is hard to explain so that the average thinker can understand it is the cyclic coming in of egos who are at a point in evolution where they are ready for their first radioactive life. In one great department of hierarchical endeavour all egos are divided into two groups, according to their cycle and according to their type of energy. These grades are in turn subdivided according to the quality and the vibratory effect to be induced upon any one kingdom of nature by their united, or single, incarnation. This

Một yếu tố lớn lao, và là điều khó giải thích để nhà tư tưởng trung bình có thể hiểu được, là sự đi vào theo chu kỳ của các chân ngã đang ở một điểm tiến hoá mà tại đó họ đã sẵn sàng cho đời sống phóng xạ đầu tiên của mình. Trong một ngành lớn của hoạt động của Thánh đoàn, mọi chân ngã được chia thành hai nhóm, tùy theo chu kỳ của họ và tùy theo loại năng lượng của họ. Đến lượt mình, các cấp bậc này lại được phân chia nhỏ hơn theo phẩm tính và theo hiệu quả rung động sẽ được gây ra trên bất kỳ giới thiên nhiên nào bởi sự nhập thể chung hay riêng

might be illustrated by pointing out that by the gradual coming in of human beings who are vegetarians by natural inclination and by the appearance of egos who are interested specifically in the welfare and nurture of the animals (as is the case so noticeably now) we have the cyclic appearance of a whole group of human units who have a definite karmic relation to the third kingdom. This relation is of a kind differing in specific detail from the meat-eating, and oft inhuman, groups of the past five hundred years.

của họ. Điều này có thể được minh họa bằng cách chỉ ra rằng nhờ sự đi vào dần dần của những con người ăn chay do khuynh hướng tự nhiên, và nhờ sự xuất hiện của các chân ngã đặc biệt quan tâm đến phúc lợi và sự nuôi dưỡng động vật (như hiện nay thấy rất rõ), chúng ta có sự xuất hiện theo chu kỳ của cả một nhóm đơn vị con người có một mối liên hệ nghiệp quả xác định với giới thứ ba. Mối liên hệ này thuộc một loại khác biệt về chi tiết cụ thể so với các nhóm ăn thịt, và thường vô nhân đạo, của năm trăm năm qua.

It might be of profit and of interest if we here enumerated some of the occult terms applied to some of these [Page 1081] differentiated groups, remembering that we are only touching upon a few out of a vast number, and only name those the terminology of which conveys information and educational benefit to the student:

Sẽ có ích và thú vị nếu ở đây chúng ta liệt kê một số thuật ngữ huyền bí được áp dụng cho một số [Page 1081] nhóm phân biệt này, nhớ rằng chúng ta chỉ đang chạm đến một vài nhóm trong vô số nhóm, và chỉ nêu tên những nhóm mà thuật ngữ của chúng truyền đạt thông tin và lợi ích giáo dục cho đạo sinh:

1. The units of inertia,

1. Các đơn vị của quán tính,

2. Atoms of rhythmic centralisation,

2. Các nguyên tử của sự tập trung trung tâm có nhịp điệu,

3. Units of primary radiation,

3. Các đơn vị của sự phóng xạ sơ cấp,

4. The sons of heavy rhythm,

4. Những người con của nhịp điệu nặng nề,

5. The points of fiery excellence (a name given oft to magnetic, highly-evolved types),

5. Những điểm của sự xuất sắc rực lửa (một tên gọi thường dành cho các loại từ tính, tiến hoá cao),

6. Tertiary points of secondary fire,

6. Những điểm tam cấp của lửa thứ cấp,

7. Magnetic flames (given to chelas and initiates of certain degrees),

7. Những ngọn lửa từ tính (dành cho các đệ tử và các điểm đạo đồ ở một số cấp độ nhất định),

8. Positive sons of electricity,

9. Rotating units of the seventh order,

10. Points of light of the fourth progression,

11. Electric sparks,

12. Units of negative resistance,

13. The equilibrised atoms.

Many more names might be given but these will suffice to indicate the general nature of these energy summations, under which all the members of the human family are gathered and placed according to:

a. Their rhythm,

b. Their quality,

c. Their heat,

d. Their light,

e. Their magnetic influence,

f. Their radiation,

g. Their activity.

This tabulation is but an extension of the major one which grouped all Egos under the divisions of colour, sound and vibration. A similar enumeration has also grouped the atoms in the other kingdoms of nature, and [Page 1082] even the Dhyan Chohans of the highest rank find their place in the

8. Những người con dương của điện,

9. Những đơn vị xoay tròn của cấp bảy,

10. Những điểm ánh sáng của tiến trình thứ tư,

11. Những tia lửa điện,

12. Những đơn vị của sự kháng cự âm,

13. Những nguyên tử được quân bình.

Có thể nêu thêm nhiều tên nữa, nhưng chừng này đủ để chỉ ra bản chất tổng quát của các tổng hợp năng lượng này, theo đó mọi thành viên của gia đình nhân loại được tập hợp và xếp đặt tùy theo:

a. Nhịp điệu của họ,

b. Phẩm tính của họ,

c. Nhiệt của họ,

d. Ánh sáng của họ,

e. Ảnh hưởng từ tính của họ,

f. Sự phóng xạ của họ,

g. Hoạt động của họ.

Bảng liệt kê này chỉ là sự mở rộng của bảng lớn hơn đã nhóm mọi Chân ngã dưới các phân bộ màu sắc, âm thanh và rung động. Một sự liệt kê tương tự cũng đã nhóm các nguyên tử trong những giới khác của thiên nhiên, và [Page 1082] ngay cả các Dhyan Chohan ở cấp bậc cao nhất cũng tìm thấy vị

hierarchical archives of this fifth (or third) department.

trí của mình trong các văn khố phân cấp của bộ phận thứ năm (hay thứ ba) này.

A cyclic tabulation is of equal interest but is of a totally different nature, carrying to the initiated and intuitive investigator many hints of an evolutionary and historical value. Again we might append a brief epitome of some of the expressions used and of some of the names under which human beings are grouped in the archives of this the seventh department:

Một bảng liệt kê theo chu kỳ cũng thú vị không kém nhưng có bản chất hoàn toàn khác, mang đến cho nhà khảo cứu đã được điểm đạo và có trực giác nhiều gợi ý có giá trị tiến hoá và lịch sử. Một lần nữa, chúng ta có thể đính kèm một bản tóm lược ngắn về một số cách diễn đạt được dùng và một số tên gọi mà dưới đó con người được nhóm lại trong các văn khố của bộ phận thứ bảy này:

1. Units of the fire-mist stage,

1. Các đơn vị của giai đoạn sương lửa,

2. Points of lunar origin,

2. Những điểm có nguồn gốc thái âm,

3. Sons of the sun,

3. Những người con của mặt trời,

4. Devas of the fourth degree,

4. Các thiên thần của cấp bốn,

5. Flames from interplanetary spheres,

5. Những ngọn lửa từ các khối cầu liên hành tinh,

6. Atoms from the crimson sphere—a reference to certain Egos who have come to the earth from the planetary scheme whose note is red,

6. Những nguyên tử từ khối cầu đỏ thắm—ám chỉ một số Chân ngã đã đến địa cầu từ hệ hành tinh có âm điệu là màu đỏ,

7. The successful Vyasians,

7. Những Vyasians thành công,

8. The points in the third planetary petal, and groups of others related to the twelve petalled planetary lotus,

8. Những điểm trong cánh hoa hành tinh thứ ba, và những nhóm khác liên hệ với hoa sen hành tinh mười hai cánh,

9. The lovers of low vibration,

9. Những kẻ yêu rung động thấp,

10. The rejectors of the eighth scheme,

10. Những kẻ khước từ hệ hành tinh thứ tám,

11. The points of triple resistance,

11. Những điểm của sức kháng cự tam phân,

12. The followers of the ARHAT,

12. Những người theo A-la-hán,

13. The cyclic sons of peace,

13. Những người con hòa bình theo chu kỳ,

14. The recurring sons of war,

14. Những người con chiến tranh tái diễn,

15. The specks within the planetary eye,

15. Những đốm nhỏ bên trong mắt hành tinh,

16. The recognised points within the chakras. These naturally exist in ten groups.

16. Những điểm được nhận biết bên trong các luân xa. Dĩ nhiên những điểm này tồn tại trong mười nhóm.

Each name conveys to the mind of the initiate some knowledge as to the place in evolution of the Monad concerned, the nature of its incarnations, and its place in cyclic evolution.

Mỗi tên gọi truyền đạt cho trí tuệ của điểm đạo đồ một số hiểu biết về vị trí tiến hoá của Chân thần liên hệ, bản chất các lần nhập thể của nó, và vị trí của nó trong tiến hoá chu kỳ.

[Page 1083] The same method of grouping is used in connection with all the kingdoms though only in the case of the fourth and the fifth kingdoms are individual atoms dealt with; the tabulations and records for the other kingdoms are concerned with groups. When a group is known, the nature, vibration, and rhythm of the atom within that group is immediately apparent.

[Page 1083] Phương pháp nhóm loại tương tự cũng được dùng trong mối liên hệ với mọi giới, dù chỉ trong trường hợp của giới thứ tư và thứ năm thì các nguyên tử cá biệt mới được đề cập đến; các bảng liệt kê và hồ sơ của những giới khác liên quan đến các nhóm. Khi một nhóm được biết, bản chất, rung động và nhịp điệu của nguyên tử bên trong nhóm đó lập tức trở nên rõ ràng.

IV. THE TURNING OF THE WHEEL — IV. SỰ XOAY CHUYỂN CỦA BÁNH XE

(312)

(312)

(312) Man must understand the nature of the wheel in which he is turned, called in Sanskrit the wheel of Samsara. This latter word derived from the root Sru, to move, indicates a motion wheel or the great wheel of changing life in which the human entities have been called upon to work and which must never be abandoned out of compassion for man and in obedience to the law of

(312) Con người phải thấu hiểu bản chất của bánh xe trong đó y bị xoay chuyển, được gọi trong tiếng Phạn là bánh xe Luân hồi. Từ thứ hai này, phát sinh từ gốc Sru, nghĩa là chuyển động, chỉ một bánh xe chuyển động hay bánh xe lớn của đời sống biến đổi, trong đó các thực thể con người đã được kêu gọi hoạt động và bánh xe ấy không bao giờ được từ bỏ vì lòng từ bi đối với con người và vì sự

oneness which connects the many, in the opinion of all true yogees and Sri Krishna. The Teacher gives the nature of the samsaric wheel in a certain peculiar way which deserves to be thought over by you all. He says "all bhootas spring up from food and food from Parjanya or rain. Rain comes out of yagna and yagna out of Karma. Karma is out of the Veda and Veda is of the Eternal." Here you see a Septenary gamut is given with the bhoota (or manifested form) at one end and the eternal substance unmanifested to us at the other end. If we divide this seven according to the theosophical plane of a lower four dominated over by a higher triad, we get form, food, rain and yagna as the lower four and karma, Veda and eternal substance as the higher triad. The eternal substance that pervades all space, worked on by the world song and giving rise to all the laws of karma that govern the development of the world, develops a lower four and this four is started by yagna—the spirit of evolution that connects the higher and lower or in Puranic fashion, the spirit that seeks to add to the harmony of the unmanifested by giving it a field of disharmony to work upon and establish its own greatness. This spirit of yagna in its way to produce the manifested form gives rise to the Parjanya or rain. The word Parjanya is applied to rain and often times to a spirit whose function is to produce rain.—*Some Thoughts on the Gita*, p. 127. (back)

tuân phục định luật nhất thể nối kết số nhiều, theo quan điểm của mọi yogee chân chính và của Sri Krishna. Huấn sư trình bày bản chất của bánh xe luân hồi theo một cách đặc biệt nào đó đáng để tất cả các bạn suy ngẫm. Ngài nói "mọi bhoota phát sinh từ thức ăn và thức ăn từ Parjanya hay mưa. Mưa phát sinh từ yagna và yagna từ Karma. Karma phát sinh từ Veda và Veda từ Đấng Vĩnh Cửu." Ở đây bạn thấy một âm giai thất phân được nêu ra với bhoota (hay hình tướng biểu hiện) ở một đầu và chất liệu vĩnh cửu không biểu hiện đối với chúng ta ở đầu kia. Nếu chúng ta chia bảy này theo cách phân chia của Thông Thiên Học thành bốn thấp được chi phối bởi một bộ ba cao hơn, chúng ta có hình tướng, thức ăn, mưa và yagna là bốn thấp, còn karma, Veda và chất liệu vĩnh cửu là bộ ba cao hơn. Chất liệu vĩnh cửu thấm nhuần toàn thể không gian, được tác động bởi bài ca thế giới và làm phát sinh mọi định luật nghiệp quả chi phối sự phát triển của thế giới, phát triển thành một bộ bốn thấp và bộ bốn này được khởi động bởi yagna—tinh thần của tiến hoá nối kết cao và thấp, hay theo cách nói Puranic, tinh thần tìm cách thêm vào sự hài hòa của cái không biểu hiện bằng cách trao cho nó một lĩnh vực bất hòa để hoạt động và thiết lập sự vĩ đại riêng của nó. Tinh thần yagna này trên đường tạo ra hình tướng biểu hiện làm phát sinh Parjanya hay mưa. Từ Parjanya được áp dụng cho mưa và thường khi cho một tinh thần có chức năng tạo ra mưa.—*Một vài suy tưởng về Gita*, tr. 127. (trở lại)

We come now to the consideration of another point, and one of very real moment; it emerges out of what we have been saying anent cycles and is the basis of all periodic phenomena. One of the most elementary of scientific truths is that the earth revolves upon its axis, and that it travels around the sun. One of the truths less recognised, yet withal of equal importance, is that the entire

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét một điểm khác, và là một điểm có tầm quan trọng rất lớn; nó xuất hiện từ những gì chúng ta đã nói liên quan đến các chu kỳ và là nền tảng của mọi hiện tượng tuần hoàn. Một trong những chân lý khoa học sơ đẳng nhất là địa cầu quay quanh trục của nó, và chuyển động quanh mặt trời. Một trong những chân lý ít được nhận biết hơn, nhưng

solar system equally revolves upon its axis but in a cycle so vast as to be beyond the powers of ordinary man to comprehend, and which necessitates mathematical formulae [Page 1084] of great intricacy. The orbital path of the solar system in the heavens around its cosmic centre is now being sensed, and the general drift also of our constellation is being taken into consideration as a welcome hypothesis. Scientists have not yet admitted into their calculations the fact that our solar system is revolving around a cosmic centre along with six other constellations of even greater magnitude in the majority of cases than ours, only one being approximately of the same magnitude as our solar system. This cosmic centre in turn forms part of a great wheel till—to the eye of the illumined seer—the entire vault of Heaven is seen to be in motion. All the constellations, viewing them as a whole, are impelled in one direction.

đồng thời cũng quan trọng không kém, là toàn bộ hệ mặt trời cũng quay quanh trục của nó nhưng trong một chu kỳ rộng lớn đến nỗi vượt ngoài khả năng lĩnh hội của con người bình thường, và đòi hỏi những công thức toán học [Page 1084] cực kỳ phức tạp. Quỹ đạo của hệ mặt trời trên thiên không quanh trung tâm vũ trụ của nó hiện đang được cảm nhận, và xu hướng chung của chòm sao chúng ta cũng đang được xem xét như một giả thuyết đáng hoan nghênh. Các nhà khoa học vẫn chưa thừa nhận trong các phép tính của họ sự kiện rằng hệ mặt trời chúng ta đang quay quanh một trung tâm vũ trụ cùng với sáu chòm sao khác, trong đa số trường hợp còn có tầm vóc lớn hơn hệ mặt trời của chúng ta, chỉ có một chòm sao xấp xỉ cùng độ lớn với hệ mặt trời của chúng ta. Đến lượt mình, trung tâm vũ trụ này lại tạo thành một phần của một bánh xe lớn cho đến khi—đối với con mắt của nhà thông nhãn được soi sáng—toàn bộ vòm trời được thấy là đang chuyển động. Tất cả các chòm sao, khi nhìn như một toàn thể, đều bị thúc đẩy theo một hướng.

The old Commentary expresses this obscure truth as follows:

Cổ Luận diễn tả chân lý mơ hồ này như sau:

“The one wheel turns. One turn alone is made, and every sphere, and suns of all degrees, follow its course. The night of time is lost in it, and kalpas measure less than seconds in the little day of man.

“Bánh xe duy nhất xoay chuyển. Chỉ một vòng quay được thực hiện, và mọi khối cầu, cùng các mặt trời ở mọi cấp độ, đều theo lộ trình của nó. Đêm của thời gian mất hút trong đó, và các kalpa đo lường ít hơn những giây phút trong ngày nhỏ bé của con người.

Ten million million kalpas pass, and twice ten million million Brahmic cycles and yet one hour of cosmic time is not completed.

Mười triệu triệu kalpa trôi qua, và hai lần mười triệu triệu chu kỳ Brahma, vậy mà một giờ của thời gian vũ trụ vẫn chưa hoàn tất.

Within the wheel, forming that wheel, are all the lesser wheels from the first to the tenth dimension. These in their cyclic turn hold in their spheres of force other and

Bên trong bánh xe, tạo thành bánh xe ấy, là mọi bánh xe nhỏ hơn từ chiều kích thứ nhất đến chiều kích thứ mười. Những bánh xe này trong vòng quay chu kỳ của chúng lại

lesser wheels. Yet many suns compose the cosmic One.

giữ trong các khối cầu mãnh lực của mình những bánh xe khác và nhỏ hơn nữa. Tuy nhiên, nhiều mặt trời hợp thành Đấng Duy Nhất vũ trụ.

Wheels within wheels, spheres within spheres. Each pursues his course and attracts or rejects his brother, and yet cannot escape from the encircling arms of the mother.

Những bánh xe trong những bánh xe, những khối cầu trong những khối cầu. Mỗi cái theo đuổi lộ trình của mình và hấp dẫn hay khước từ huynh đệ của mình, nhưng vẫn không thể thoát khỏi vòng tay bao quanh của người mẹ.

When the wheels of the fourth dimension, of which our sun is one and all that is of lesser force and higher number, such as the eighth and ninth degrees, turn upon themselves, devour each other, and turn and rend their mother, then will the cosmic wheel be ready for a faster revolution."

Khi những bánh xe của chiều kích thứ tư, mà mặt trời chúng ta là một trong số đó, cùng mọi cái có mãnh lực thấp hơn và con số cao hơn, như các cấp thứ tám và thứ chín, tự xoay trên chính mình, nuốt chửng lẫn nhau, và xoay chuyển rồi xé rách mẹ của chúng, khi ấy bánh xe vũ trụ sẽ sẵn sàng cho một vòng quay nhanh hơn."

It will, therefore, be apparent that the power of man to conceive of these whirling constellations, to measure their interaction, and to realise their essential unity is not as yet great enough. We are told that even to the [Page 1085] liberated Dhyan Chohan the mystery of that which lies beyond his own solar Ring-Pass-Not is hid.

Vì vậy, sẽ rõ ràng rằng năng lực của con người trong việc hình dung các chòm sao xoay chuyển này, đo lường sự tương tác của chúng, và chứng nghiệm sự hợp nhất cốt yếu của chúng hiện vẫn chưa đủ lớn. Chúng ta được bảo rằng ngay cả đối với [Page 1085] vị Dhyan Chohan đã được giải thoát thì huyền nhiệm của điều nằm vượt ra ngoài vòng-giới-hạn thái dương riêng của Ngài vẫn còn bị che giấu.

Certain influences indicate to Him and certain lines of force demonstrate to Him the fact that some constellations are knit with His system in a close and corporate union. We know that the Great Bear, the Pleiades, Draco or the Dragon are in some way associated with the solar system but as yet He knows not their function nor the nature of the other constellations. It must also be remembered that the turning of our tiny systemic wheel, and the revolution of a cosmic wheel can be hastened, or retarded,

Một số ảnh hưởng chỉ cho Ngài biết và một số đường mãnh lực chứng minh cho Ngài sự kiện rằng một vài chòm sao được kết hợp với hệ thống của Ngài trong một sự hợp nhất chặt chẽ và tập thể. Chúng ta biết rằng Đại Hùng Tinh, Thất Nữ Tinh, Draco hay Con Rồng bằng cách nào đó có liên hệ với hệ mặt trời, nhưng cho đến nay Ngài vẫn chưa biết chức năng của chúng cũng như bản chất của các chòm sao khác. Cũng phải nhớ rằng sự xoay chuyển của bánh xe hệ thống nhỏ bé của chúng ta, và sự quay của một bánh xe vũ

by influences emanating from unknown or unrealised constellations whose association with a systemic or a cosmic Logos is as mysterious relatively as the effect individuals have upon each other in the human family. This effect is hidden in logoic karma and is beyond the ken of man.

trụ, có thể được thúc đẩy nhanh hơn hoặc làm chậm lại bởi những ảnh hưởng phát ra từ các chòm sao chưa biết hoặc chưa được chứng nghiệm, mà sự liên hệ của chúng với một Thượng đế của hệ thống hay một Thượng đế vũ trụ cũng huyền nhiệm một cách tương đối như ảnh hưởng mà các cá nhân tác động lên nhau trong gia đình nhân loại. Ảnh hưởng này ẩn giấu trong nghiệp quả của Thượng đế và vượt ngoài tầm hiểu biết của con người.

The wheels in order of their importance might be enumerated as follows:

Các bánh xe theo thứ tự quan trọng của chúng có thể được liệt kê như sau:

The wheel of the universe, or the sumtotal of all stars and starry systems.

Bánh xe của vũ trụ, hay tổng số của mọi ngôi sao và các hệ sao.

A cosmic wheel, or a group of seven constellations. These are grouped according to:

Một bánh xe vũ trụ, hay một nhóm bảy chòm sao. Chúng được nhóm lại theo:

a. Their magnitude,

a. Tầm vóc của chúng,

b. Their vibration,

b. Rung động của chúng,

c. Their colour,

c. Màu sắc của chúng,

d. Their influence upon each other.

d. Ảnh hưởng của chúng lên nhau.

These cosmic wheels, according to the esoteric books, are divided into forty-nine groups, each comprising millions of septenary constellations. For purposes of study by the Adepts, they are each known by a symbol, and these forty-nine symbols embody all that can be apprehended anent the size, magnitude, quality, vibratory activity, and objective of those great forms through which an Existence is experiencing. The Chohans of high degree [Page 1086] know the forty-nine sounds which give the *quality* of the consciousness aspect of these

Theo các sách nội môn, các bánh xe vũ trụ này được chia thành bốn mươi chín nhóm, mỗi nhóm gồm hàng triệu chòm sao gồm bảy thành phần. Vì mục đích nghiên cứu của các chân sư, mỗi nhóm đều được biết đến qua một biểu tượng, và bốn mươi chín biểu tượng này bao hàm tất cả những gì có thể được lĩnh hội liên quan đến kích thước, độ lớn, phẩm tính, hoạt động rung động, và mục tiêu của những hình tướng vĩ đại mà qua đó một Sự Tồn Tại đang kinh nghiệm. Các Chohan cấp cao [Page 1086] biết bốn mươi chín âm thanh tạo nên *phẩm tính* của

great Beings Who are as far removed from the consciousness of our solar Logos as the consciousness of man is removed from that of a crystal. The knowledge thus appreciated by the Chohans is naturally but theoretical and conveys only to their relatively limited consciousness the general nature of the group of constellations, and the force occasionally emanating from them which has at times to be taken into calculation. For instance, the interest awakened in the public mind lately by the giant star Betelgeuse in the constellation of Orion is due to the fact that at this particular time there has been an interplay of force between our tiny system and this giant one, and communication between the two informing Existences.

phương diện tâm thức của các Hữu Thể Vĩ Đại này, là những Đấng cách xa tâm thức của Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như tâm thức con người cách xa tâm thức của một tinh thể. Tri thức mà các Chohan lĩnh hội được như thế dĩ nhiên chỉ là lý thuyết và chỉ truyền đạt cho tâm thức tương đối hữu hạn của các Ngài bản chất tổng quát của nhóm chòm sao ấy, cùng mãnh lực đôi khi phát ra từ chúng mà vào những lúc nhất định phải được đưa vào tính toán. Chẳng hạn, sự quan tâm gần đây được khơi dậy trong trí óc công chúng đối với ngôi sao khổng lồ Betelgeuse trong chòm Orion là do vào đúng thời điểm này đã có một sự tương tác mãnh lực giữa hệ thống nhỏ bé của chúng ta và hệ thống khổng lồ kia, cùng sự giao tiếp giữa hai Sự Tồn Tại phú linh cho chúng.

Systemic wheels or the atomic life of individual constellations. These again are divided into 343 groups, known to the Adept again through a series of characters forming a word which—through its ideographic nature—conveys essential information to the Adept. The ideograph for our solar system may in part be disclosed—not the characters themselves but a digest of that for which the characters stand. Our solar system is disclosed as being:

Các bánh xe hệ thống hay sự sống nguyên tử của các chòm sao cá biệt. Các bánh xe này lại được chia thành 343 nhóm, cũng được chân sư nhận biết qua một chuỗi ký tự hợp thành một từ, mà—nhờ bản chất biểu ý của nó—truyền đạt thông tin cốt yếu cho chân sư. Biểu ý tự của hệ mặt trời của chúng ta có thể phần nào được tiết lộ—không phải chính các ký tự ấy mà là phần tóm lược điều mà các ký tự ấy biểu thị. Hệ mặt trời của chúng ta được trình bày như sau:

a. A system of the fourth order, having its force centres upon the fourth cosmic plane, and making its objective manifestation from the fourth systemic plane, via the fourth subplane of the systemic physical plane.

a. Một hệ thống thuộc cấp bậc thứ tư, có các trung tâm mãnh lực trên cõi vũ trụ thứ tư, và biểu hiện khách quan từ cõi hệ thống thứ tư, qua cõi phụ thứ tư của cõi hồng trần hệ thống.

b. Blue in colour, esoteric orange and green.

b. Có màu xanh lam, về mặt nội môn là cam và lục.

c. A system which is occultly known to the Adept as "in an airy sign in which the Bird can fly."

c. Một hệ thống mà chân sư biết một cách huyền bí là "ở trong một dấu hiệu hành khí nơi Con Chim có thể bay."

d. A system formed of "three fires which form a fourth."

d. Một hệ thống được tạo thành bởi "ba lửa hợp thành một lửa thứ tư."

e. A system in which the Bird has "four tail feathers" [Page 1087] and hence can occultly "mount to a higher plane and find its fifth."

e. Một hệ thống trong đó Con Chim có "bốn lông đuôi" [Page 1087] và vì thế có thể một cách huyền bí "bay lên một cõi cao hơn và tìm thấy cái thứ năm của nó."

f. A system which has four major cycles, and minor periods of manifestation which are multiples of that figure.

f. Một hệ thống có bốn chu kỳ chính, và các thời kỳ biểu hiện phụ là bội số của con số ấy.

g. A system which in the alchemical phraseology of the Masters is viewed as being "a product of the fourth; the fourth itself in process of transmutation; and the living stone with four shells." All this can be seen at one glance by the Master who has the ideographic word before Him. Other ideograms are available for His use which give Him the immediate information as He studies the influences contacting our solar system.

g. Một hệ thống mà theo thuật ngữ luyện kim của các Chân sư được xem là "một sản phẩm của cái thứ tư; chính cái thứ tư trong tiến trình chuyển hoá; và hòn đá sống với bốn lớp vỏ." Tất cả điều này có thể được Chân sư nhìn thấy chỉ trong một cái liếc mắt khi từ biểu ý ở trước Ngài. Còn có những biểu ý tự khác để Ngài sử dụng, cung cấp cho Ngài thông tin tức thời khi Ngài nghiên cứu các ảnh hưởng tiếp xúc với hệ mặt trời của chúng ta.

Planetary wheels. For these there are ten modes of expression.

Các bánh xe hành tinh. Đối với chúng có mười phương thức biểu đạt.

Chain wheels, called in some of the books rounds.

Các bánh xe dãy, trong một số sách được gọi là các cuộc tuần hoàn.

The revolution of any one globe.

Sự quay vòng của bất kỳ bầu hành tinh nào.

The cycle of the three worlds.

Chu kỳ của ba cõi thấp.

The wheel of a plane.

Bánh xe của một cõi.

The revolution or cyclic appearance of a kingdom in nature. This applies within a

Sự quay vòng hay sự xuất hiện theo chu kỳ của một giới trong thiên nhiên. Điều này áp

scheme but only to the four kingdoms in objective appearance.

dụng trong một hệ hành tinh nhưng chỉ đối với bốn giới trong biểu hiện khách quan.

The revolution of a planetary centre producing monadic appearance.

Sự quay vòng của một trung tâm hành tinh tạo ra sự xuất hiện chân thần.

The monadic wheel, or the periodic appearance of units of the fourth Creative Hierarchy. Thus we pass down the scale through all the kingdoms and forms till we arrive at the tiny revolution of an atom of substance.

Bánh xe chân thần, hay sự xuất hiện định kỳ của các đơn vị thuộc Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Như thế chúng ta đi xuống theo thang bậc qua mọi giới và mọi hình tướng cho đến khi đạt tới sự quay vòng nhỏ bé của một nguyên tử chất liệu.

S9S2 Text

In concluding our remarks concerning the diverse wheels of the universe, we will touch with brevity upon the "wheels" which concern the human monad. This is a subject but little dealt with as yet, though a few words have been spoken anent the egoic wheel.

Kết thúc các nhận xét của chúng ta về những bánh xe đa dạng của vũ trụ, chúng ta sẽ đề cập ngắn gọn đến các "bánh xe" liên quan đến chân thần con người. Đây là một đề tài cho đến nay hầu như chưa được bàn đến, mặc dù đã có đôi lời được nói ra liên quan đến bánh xe chân ngã.

It must be borne in mind that the evolution of the [Page 1088] Monad is a much more intricate thing than appears in the books as yet given to the public. In those books the development of consciousness and its transition through the kingdoms of nature are the points dwelt upon. Yet there have been earlier cycles which it will be only possible to comprehend as the history and evolution of the planetary Logoi become gradually revealed. They are parts of His body of manifestation, cells within that greater vehicle, and thus vitalised by His life, qualified by His nature, and distinguished by His characteristics. This will take the history, therefore, of a Monad back to the earlier kalpas. Such history it is not possible to reveal, and no purpose would be served by such a revelation. The fact only can be touched upon as it must be considered along

Cần ghi nhớ rằng sự tiến hoá của [Page 1088] chân thần là một điều phức tạp hơn nhiều so với những gì hiện nay xuất hiện trong các sách đã được trao cho công chúng. Trong các sách ấy, sự phát triển của tâm thức và sự chuyển tiếp của nó qua các giới trong thiên nhiên là những điểm được nhấn mạnh. Tuy nhiên, đã có những chu kỳ sớm hơn mà chỉ có thể được thấu hiểu khi lịch sử và sự tiến hoá của các Hành Tinh Thượng Đế dần dần được mặc khải. Chúng là những phần trong thể biểu hiện của Ngài, những tế bào trong vận cụ lớn lao hơn ấy, và do đó được sự sống của Ngài tiếp sinh lực, được phẩm định bởi bản chất của Ngài, và được phân biệt bởi các đặc tính của Ngài. Vì vậy, điều này sẽ đưa lịch sử của một chân thần trở lui về các kalpa sớm hơn. Lịch sử như thế không thể được tiết lộ, và cũng không có mục đích nào được phục vụ bởi một sự mặc khải như vậy. Chỉ có thể chạm đến sự kiện ấy mà thôi, vì nó phải

general lines if the true nature of the Self is to be accurately known.

được xem xét theo những đường nét tổng quát nếu bản chất chân thực của Bản Ngã muốn được biết đến một cách chính xác.

We might consider that the Monad of the human being passes through cycles analogous to those through which the Heavenly Man travels. There is, first, the vast cycle of unfoldment through which a "spark" passes. This covers the period of three major solar systems—that preceding this one, the present, and the succeeding one. In these three, the totality of the cosmic Past, Present, and Future, embodying the three aspects of the divine Life of the solar Logos, are carried to the point of perfection in an individualised Monad. It must be remembered that in this solar system, for instance, certain developments are only recapitulations of evolutionary processes undergone in an earlier solar system; the clue to this lies in the consideration of the manasic or mind principle. The solar Angels, the intelligent individualising factor, were (from certain angles of vision) the product of an earlier system, and only waited for the time in the present system when the forms in the three kingdoms had reached the point of synthetic development which made it possible for them to be impressed and influenced from on high. We [Page 1089] have in this concept an idea analogous to the entering in of those Monads, during Atlantean days, who, having individualised upon another chain, tarried in the inter-planetary spaces until earth conditions were such that the occupation of adequate forms became possible. The correspondence is not exact but is indicative of the truth. The vast cycle of unfoldment (which rendered later evolution possible) preceded this solar system, and might be regarded as the monadic correspondence to a cosmic wheel.

Chúng ta có thể xem rằng chân thần của con người đi qua những chu kỳ tương tự như những chu kỳ mà Đấng Thiên Nhân trải qua. Trước hết là chu kỳ khai mở bao la mà một "tia lửa" đi qua. Chu kỳ này bao trùm thời kỳ của ba hệ mặt trời lớn—hệ đi trước hệ này, hệ hiện tại, và hệ kế tiếp. Trong ba hệ ấy, toàn thể Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai vũ trụ, hiện thân cho ba phương diện của Sự sống thiêng liêng của Thái dương Thượng đế, được đưa đến điểm hoàn thiện trong một chân thần đã được biệt ngã hóa. Cần nhớ rằng, chẳng hạn trong hệ mặt trời này, một số phát triển nào đó chỉ là sự lặp lại những tiến trình tiến hoá đã trải qua trong một hệ mặt trời trước; đầu mối của điều này nằm trong việc xem xét nguyên khí manas hay nguyên khí trí tuệ. Các Thái dương Thiên Thần, yếu tố thông tuệ biệt ngã hóa, đã là (xét từ một số góc độ tầm nhìn) sản phẩm của một hệ trước, và chỉ chờ đợi thời điểm trong hệ hiện tại khi các hình tướng trong ba giới đã đạt đến điểm phát triển tổng hợp khiến chúng có thể được gây ấn tượng và chịu ảnh hưởng từ trên cao. Trong [Page 1089] khái niệm này, chúng ta có một ý tưởng tương tự với sự đi vào của những chân thần ấy trong thời Atlantis, là những chân thần đã biệt ngã hóa trên một dãy khác, lưu lại trong các khoảng không gian liên hành tinh cho đến khi các điều kiện trên địa cầu trở nên thích hợp để chiếm giữ những hình tướng đầy đủ. Sự tương ứng này không hoàn toàn chính xác nhưng có tính chỉ dấu cho chân lý. Chu kỳ khai mở bao la (đã làm cho sự tiến hoá về sau trở nên khả hữu) có trước hệ mặt trời này, và có thể được xem như sự tương ứng chân thần với một bánh xe vũ trụ. Trong Cổ Luận, điểm phát triển này được ám chỉ bằng những lời sau:

In the old Commentary this point of development is hinted at in the words:

"The fifth did not appear as the product of the present. The five spokes of that wheel had each a cycle of development, and one in which they were welded at the centre."

The Monad has cycles analogous, though on a miniature scale, to those of the one Life Who permeates and animates all lesser lives. *(Bible. I Peter 2:4.)* Certain of these cycles cover periods of time so vast, and so long past, that their history can only be conveyed to the investigating Adepts through the medium of sound and symbol. The details of that development are lost in the night of other kalpas, and all that can be seen are the *results*,—the cause must be accepted as existing, though for us remaining inexplicable until the higher initiations are taken.

In the fact of the turning of the monadic Wheel covering the period of three solar systems, lies hid the mystery of monadic self-will, and the secret as to why some of the Monads refused to incarnate, whilst others "fell," and thus proceeded along the present lines of evolution. They refused to incarnate because of internal group conditions brought about through the evolutionary processes of the past kalpas. It will, therefore, be apparent that the question of what constitutes sin and evil is far more intricate than even appears upon the surface. From our [Page 1090] limited vision, it appears to be "sin" to fall into incarnation, and equally sin or self-will, self-satisfaction, to remain unevolved upon the higher planes. Yet both groups followed the law of their

"Cái thứ năm đã không xuất hiện như sản phẩm của hiện tại. Năm nan hoa của bánh xe ấy mỗi cái đều có một chu kỳ phát triển, và một chu kỳ trong đó chúng được hàn gắn tại trung tâm."

Chân thần có những chu kỳ tương tự, dù ở quy mô thu nhỏ, với các chu kỳ của Sự sống duy nhất thấm nhập và làm sinh động mọi sự sống nhỏ hơn. *(Bible. I Peter 2:4.)* Một số chu kỳ này bao trùm những thời kỳ rộng lớn và đã trôi qua từ quá lâu đến mức lịch sử của chúng chỉ có thể được truyền đạt cho các chân sư khảo cứu qua trung gian của âm thanh và biểu tượng. Các chi tiết của sự phát triển ấy bị mất hút trong đêm tối của những kalpa khác, và tất cả những gì có thể thấy được là các *kết quả*,—nguyên nhân phải được chấp nhận là có tồn tại, dù đối với chúng ta vẫn không thể giải thích được cho đến khi các lần điểm đạo cao hơn được tiếp nhận.

Trong sự kiện bánh xe chân thần quay qua thời kỳ của ba hệ mặt trời, ẩn giấu bí nhiệm của ý chí tự ngã chân thần, và bí mật giải thích tại sao một số chân thần từ chối nhập thể, trong khi những chân thần khác "sa ngã," và do đó tiến hành theo các đường tiến hoá hiện tại. Chúng từ chối nhập thể vì những điều kiện nội tại của nhóm được tạo ra qua các tiến trình tiến hoá của các kalpa quá khứ. Vì vậy, sẽ rõ rằng vấn đề điều gì cấu thành tội lỗi và điều ác phức tạp hơn nhiều so với vẻ ngoài của nó. Từ linh thị [Page 1090] hạn hẹp của chúng ta, việc sa vào nhập thể dường như là "tội lỗi," và việc ở lại không tiến hoá trên các cõi cao hơn cũng dường như là tội lỗi hay tự ý chí, tự mãn. Tuy nhiên, cả hai nhóm đều tuân theo định luật của bản thể mình, và lời giải của bí nhiệm nằm trong điều sẽ đến.

being, and the solution of the mystery lies in that which is to come.

If the student will with care meditate upon the fact that the three lower planes—the mental, the astral, and the physical—form the dense physical body of the planetary Logos and are, therefore, no principle, it will become apparent to him that through necessity certain units or cells in the body are more active in space and time than others. He must also bear in mind that groups of Monads come into incarnation according to which centre in a Heavenly Man of a particular planetary scheme, or which centre of the solar Logos, is in process of vivification or cyclic activity, and that certain of the centres of a solar Logos *and this particular solar system* are in a condition of partial pralaya through the process of the absorption of the lower solar life forces by the centres of higher vitality. Again, he must remember that the entire aspect of the Divine Life is not intended to reach its full unfoldment at any time in this solar system but must wait for the vitalising impulses of a later. This is due to the fact that there exist in this solar system effects of causes originating in earlier kalpas or—to word it otherwise—the karmic seeds of earlier logoic activities.

Nếu đạo sinh cẩn trọng tham thiền về sự kiện rằng ba cõi thấp—cõi trí, cõi cảm dục, và cõi hồng trần—hợp thành thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế và vì thế không phải là nguyên khí, thì y sẽ thấy rõ rằng do tất yếu, một số đơn vị hay tế bào trong thể ấy hoạt động trong không gian và thời gian nhiều hơn những đơn vị khác. Y cũng phải ghi nhớ rằng các nhóm chân thần đi vào nhập thể tùy theo trung tâm nào trong một Đấng Thiên Nhân của một hệ hành tinh đặc thù, hay trung tâm nào của Thái dương Thượng đế, đang trong tiến trình được tiếp sinh lực hay hoạt động theo chu kỳ, và rằng một số trung tâm của một Thái dương Thượng đế *và của hệ mặt trời đặc thù này* đang ở trong tình trạng giai kỳ qui nguyên từng phần do tiến trình hấp thu các mãnh lực sự sống thái dương thấp hơn bởi các trung tâm có sinh lực cao hơn. Hơn nữa, y phải nhớ rằng toàn bộ phương diện của Sự sống thiêng liêng không được dự định đạt đến sự khai mở trọn vẹn trong bất kỳ thời điểm nào của hệ mặt trời này mà phải chờ các xung lực tiếp sinh lực của một hệ về sau. Điều này là do trong hệ mặt trời này có những hiệu quả của các nguyên nhân phát sinh trong các kalpa trước đó hay—nói cách khác—những hạt giống nghiệp quả của các hoạt động trước kia của Thượng đế.

Our solar Logos has not yet attained true rhythm, but for millenia of cycles the equilibrising process must go on. Nor has our planetary Logos achieved equilibrium, and the even balancing of forces, therefore until His point in evolution and His objective vision is known and it is known also which centre in the solar body is vitalised by His life, it will be the part of wisdom to refrain from dogmatic assertion, and a too free

Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa đạt được nhịp điệu chân chính, nhưng trong hàng thiên niên kỷ chu kỳ, tiến trình quân bình hóa vẫn phải tiếp tục. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng chưa đạt được sự quân bình và sự cân bằng đồng đều của các mãnh lực; vì vậy, cho đến khi mức tiến hoá và linh ảnh mục tiêu của Ngài được biết đến, và cũng biết được trung tâm nào trong thể thái dương được sự sống của Ngài

utterance in connection with incarnating, and non-incarnating, Monads. All are turning upon the monadic cosmic wheel; each is being [Page 1091] swept into some form of activity upon the lesser revolution of this particular systemic wheel, but not all in any particular cycle are to be found revolving upon a specific planetary wheel. Many wait for development and for more appropriate seasons in interplanetary spaces, and some must wait until the entering in of a new mahamanvantara. Students should bear carefully in mind the words of H. P. B. where he tells students of the *Secret Doctrine* that the stanzas and their Commentary deal primarily with our particular planetary Logos. This is oft forgotten.

tiếp sinh lực, thì điều khôn ngoan là nên tránh những khẳng định giáo điều và những phát biểu quá tự do liên quan đến các chân thần nhập thể và không nhập thể. Tất cả đều đang quay trên bánh xe vũ trụ chân thần; mỗi đơn vị đang [Page 1091] bị cuốn vào một hình thức hoạt động nào đó trên vòng quay nhỏ hơn của bánh xe hệ thống đặc thù này, nhưng không phải tất cả trong bất kỳ chu kỳ nào cũng được thấy quay trên một bánh xe hành tinh xác định. Nhiều đơn vị chờ sự phát triển và những mùa thích hợp hơn trong các khoảng không gian liên hành tinh, và một số phải chờ cho đến khi bước vào một Đại giai kỳ sinh hóa mới. Đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ lời của H. P. B. khi bà nói với các đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng các bài kệ và phần Luận giải của chúng chủ yếu bàn về Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta. Điều này thường bị quên lãng.

It may interest students to know that there are certain colours, veiling these groups of non-incarnating Monads, at present totally unknown to humanity. These will sweep into the consciousness of the human being in another solar system, or after the taking of the sixth Initiation. All that we have on earth are reflections of the true colours, and likewise the reflection of the lowest aspect.

Điều có thể khiến các đạo sinh quan tâm là hiện có những màu sắc nhất định che phủ các nhóm chân thần không nhập thể này, hoàn toàn chưa được nhân loại biết đến. Những màu sắc ấy sẽ tràn vào tâm thức con người trong một hệ mặt trời khác, hoặc sau khi tiếp nhận lần điểm đạo thứ sáu. Tất cả những gì chúng ta có trên địa cầu chỉ là những phản chiếu của các màu sắc chân thực, và cũng là phản chiếu của phương diện thấp nhất.

Every colour in the cosmos exists in three forms:

Mọi màu sắc trong vũ trụ đều tồn tại dưới ba hình thức:

1. The true colour.

1. Màu sắc chân thực.

2. The illusory appearance of the colour.

2. Sắc tướng ảo huyễn của màu sắc.

3. Its reflection.

3. Sự phản chiếu của nó.

The reflection is that with which we are familiar; the appearance, or that which veils the reality, is contacted and known when we see with the eye of the soul, the Eye of Shiva, and the true colour (314) is contacted after the fifth kingdom has been passed through, and group consciousness is merging in that of the divine. Students will, therefore, note that the monadic cosmic wheel can be [Page 1092] visioned in terms of "true colour," and is seen by the illumined seer as the combined blending of the primary colours of the three solar systems.

Sự phản chiếu là điều chúng ta quen thuộc; sắc tướng, hay cái che phủ thực tại, được tiếp xúc và biết đến khi chúng ta nhìn bằng mắt của linh hồn, Con Mắt của Shiva, và màu sắc chân thực (314) được tiếp xúc sau khi giới thứ năm đã được vượt qua, và tâm thức nhóm đang hòa nhập vào tâm thức thiêng liêng. Vì vậy, đạo sinh sẽ lưu ý rằng bánh xe vũ trụ chân thần có thể được [Page 1092] hình dung theo các thuật ngữ của "màu sắc chân thực," và được nhà thông nhãn soi sáng thấy như sự hòa trộn kết hợp của các màu cơ bản của ba hệ mặt trời.

(314) *Colour*.—Originally meant a "covering." From root "celare" to cover or hide. Also Occultare, to hide.

(314) *Màu sắc*.—Ban đầu có nghĩa là "một sự che phủ." Từ gốc "celare" nghĩa là che phủ hay ẩn giấu. Cũng như Occultare, nghĩa là ẩn giấu.

Symbology of colours. The language of the prism, of which "the seven mother colours have each seven sons," that is to say, forty-nine shades or "sons" between the seven, which graduated tints are so many letters or alphabetical characters. The language of colours has, therefore, fifty-six letters for the initiate. Of these letters each septenary is absorbed by the mother colour as each of the seven mother colours is absorbed finally in the white ray, Divine Unity symbolised by these colours. (back)

Biểu tượng học của màu sắc. Ngôn ngữ của lăng kính, trong đó "bảy màu mẹ mỗi màu có bảy người con," nghĩa là có bốn mươi chín sắc độ hay "người con" giữa bảy màu ấy, những sắc thái chuyển dần này là bấy nhiêu chữ cái hay ký tự mẫu tự. Vì vậy, ngôn ngữ của màu sắc có năm mươi sáu chữ cái đối với điểm đạo đồ. Trong các chữ cái này, mỗi bộ bảy được hấp thu bởi màu mẹ cũng như mỗi trong bảy màu mẹ cuối cùng được hấp thu vào tia trắng, Hợp Nhất thiêng liêng được biểu tượng hóa bởi các màu sắc này. (back)

The monadic systemic wheel, which concerns this solar system alone, is distinguished by being the totality of the seven colours of the seven Heavenly Men, and from the vision of the adept of the fifth Initiation is the sumtotal of the primary colours of the egoic groups of the differing planetary schemes.

Bánh xe hệ thống chân thần, chỉ liên quan đến riêng hệ mặt trời này, được phân biệt bởi việc là tổng thể của bảy màu của bảy Đấng Thiên Nhân, và theo linh thị của chân sư ở lần điểm đạo thứ năm, là tổng số toàn bộ các màu cơ bản của các nhóm chân ngã thuộc các hệ hành tinh khác nhau.

The monadic planetary wheel, which concerns the particular group of Monads

Bánh xe hành tinh chân thần, liên quan đến nhóm chân thần đặc thù đang nhập thể

incarnating in a particular scheme, is seen by the seer as the blending of egoic groups, but with the difference that the colour is a dual one, and the colouring of the personality ray of the incarnating Ego is also seen.

trong một hệ hành tinh đặc thù, được nhà thông nhãn thấy như sự hòa trộn của các nhóm chân ngã, nhưng với điểm khác biệt là màu sắc mang tính kép, và sắc thái của cung phàm ngã của Chân ngã nhập thể cũng được nhìn thấy.

The egoic cycle, or the turning of the wheel of the incarnating Ego, is of the most practical interest to man, and has already been somewhat dealt with. For purposes of clarity and elucidation, this wheel may also be seen as turning in three cycles and as making three kinds of revolutions, covering varying periods of time.

Chu kỳ chân ngã, hay sự quay của bánh xe của Chân ngã nhập thể, là điều đáng quan tâm nhất về mặt thực tiễn đối với con người, và đã phần nào được bàn đến. Vì mục đích làm sáng tỏ và giải minh, bánh xe này cũng có thể được thấy như quay trong ba chu kỳ và thực hiện ba loại vòng quay, bao trùm những thời kỳ khác nhau.

There is first, *the Wheel of the chain*, or the cycling of the Monad around an entire chain, and its passage through all the globes and kingdoms. The consideration of this is complicated by the fact that in any particular chain, the Monads seldom begin and end their evolution; they seldom emerge, pass through their cycle and achieve their objective. It is not possible to dissociate a chain from its preceding or succeeding chain. Many Monads who achieved self-consciousness in the moon chain only entered into renewed activity in the middle of the fourth root race; others, who have individualised on this earth, will not succeed in reaching their goal upon this planet. There is here a correspondence to systemic evolution, and there is an analogy between the Monads who refused to [Page 1093] incarnate and the Egos who were unable to take bodies in the Lemurian or third root race.

Trước hết là, *Bánh xe của dãy*, hay sự tuần hoàn của chân thần quanh toàn bộ một dãy, và sự đi qua của nó qua mọi bầu hành tinh và mọi giới. Việc xem xét điều này trở nên phức tạp bởi sự kiện rằng trong bất kỳ dãy đặc thù nào, các chân thần hiếm khi bắt đầu và kết thúc sự tiến hoá của mình; chúng hiếm khi xuất hiện, đi qua chu kỳ của mình và đạt được mục tiêu. Không thể tách rời một dãy khỏi dãy đi trước hay dãy kế tiếp nó. Nhiều chân thần đã đạt ngã thức trong Dãy Mặt Trăng chỉ bước vào hoạt động mới ở giữa giống dân gốc thứ tư; những chân thần khác, đã biệt ngã hóa trên địa cầu này, sẽ không thành công trong việc đạt đến mục tiêu của mình trên hành tinh này. Ở đây có một sự tương ứng với tiến hoá hệ thống, và có một sự tương đồng giữa các chân thần đã từ chối [Page 1093] nhập thể và các chân ngã đã không thể nhận thể xác trong giống dân gốc Lemuria hay giống dân gốc thứ ba.

There is next, *the Wheel of a globe*, or the process of evolution upon any particular globe. The student must bear in mind that the Monad, after planetary dissolution, passes the time between incarnations on

Tiếp theo là, *Bánh xe của một bầu hành tinh*, hay tiến trình tiến hoá trên bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng chân thần, sau khi hành tinh tan rã, trải qua thời gian giữa các lần nhập thể trên những

other and subtler globes, which are the correspondence to the interplanetary and intersystemic spheres.

bầu hành tinh khác và tinh tế hơn, là sự tương ứng với các khối cầu liên hành tinh và liên hệ thống.

There is also, *the Wheel of a race*, or the lesser cycle of incarnations—forming a definite series—wherein the incarnating Monad cycles through a number of lives in a particular race.

Cũng có, *Bánh xe của một giống dân,* hay chu kỳ nhỏ hơn của các lần nhập thể—hợp thành một chuỗi xác định—trong đó chân thần nhập thể tuần hoàn qua một số kiếp sống trong một giống dân đặc thù.

All these cycles of periodic manifestation are concerned primarily with the appearance, or the manifesting of the "sparks" upon one or other of the three planes in the three worlds, or in some part of the physical body of the planetary Logos. The lesser cycles deal with this; the greater turning of the wheel concerns also the appearance, or flashing forth, of the sparks in the planetary or systemic etheric body, or on the four higher planes of our solar system. We can picture to ourselves the glory of this concept; the downpouring of the streams of fiery sparks; their flashing forth into points of intensified fire as they meet conditions which produce occult "ignition"; and the constant circulation of the forty-nine fires constructed of the sixty thousand million human Monads and the countless streams of deva monads: fire on every side—a network of fiery rivers of living energy, focal points of intensified brilliancy and everywhere the sparks.

Tất cả các chu kỳ biểu hiện định kỳ này chủ yếu liên quan đến sự xuất hiện, hay sự biểu lộ, của các "tia lửa" trên một hay một cõi khác trong ba cõi giới, hay trong một phần nào đó của thể xác của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Các chu kỳ nhỏ hơn bàn đến điều này; vòng quay lớn hơn của bánh xe cũng liên quan đến sự xuất hiện, hay sự bùng lóe, của các tia lửa trong thể dĩ thái hành tinh hay hệ thống, hoặc trên bốn cõi cao hơn của hệ mặt trời chúng ta. Chúng ta có thể hình dung cho mình sự huy hoàng của khái niệm này; sự tuôn đổ của các dòng tia lửa rực lửa; sự bùng lóe của chúng thành những điểm lửa tăng cường khi chúng gặp các điều kiện tạo ra sự "bốc cháy" huyền bí; và sự lưu chuyển không ngừng của bốn mươi chín ngọn lửa được cấu thành từ sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại và vô số dòng chân thần thiên thần: lửa ở khắp mọi phía—một mạng lưới những dòng sông lửa của năng lượng sống, những tiêu điểm rực sáng tăng cường và ở khắp nơi là các tia lửa.

There are a few more remarks to be made anent the turning of the various wheels, and we can then take up the consideration of motion and the sheaths.

Còn một vài nhận xét nữa cần được đưa ra liên quan đến sự quay của các bánh xe khác nhau, rồi sau đó chúng ta có thể bắt đầu xem xét chuyển động và các lớp vỏ.

Within all those wheels which we have enumerated, are many lesser wheels all governed by the same laws, actuated by the same three forms of activity, and all (in their

Bên trong tất cả những bánh xe mà chúng ta đã liệt kê, có nhiều bánh xe nhỏ hơn, tất cả đều được chi phối bởi cùng những định luật, được thúc đẩy bởi cùng ba hình thức hoạt

totality) forming one great whole. It will be apparent [Page 1094] to all conscientious students that the founders of the symbolical method managed to convey in the symbol of the wheel an idea of the triplicity of all atomic activity:

động, và tất cả (trong tổng thể của chúng) hợp thành một toàn thể vĩ đại. Điều hiển nhiên đối với [Page 1094] mọi đạo sinh tận tâm là những người sáng lập phương pháp biểu tượng đã thành công trong việc truyền đạt, qua biểu tượng bánh xe, một ý niệm về tính tam phân của mọi hoạt động nguyên tử:

a.	The central point of active positive force	the hub.
b.	The negative stream of life	the radiating spokes.
c.	The sphere of activity itself, the effect of the interplay of these two	the circumference of the wheel.

If the student can picture those wheels in activity, if he can visualise all parts of the wheel as composed of lesser living wheels, and if he can work into his picture a hint of the interplay of all these fiery essences, coloured with certain predominant hues, he will become aware of conditions, and see before him a picture which is ever apparent to the illuminated seer. If, before doing this, he can vision the whole of the systemic wheel as in a constant state of circulation, in which the tiny lesser lives are impelled by the force of the central solar life to pass throughout the extent of the wheel so that they come in contact with all parts of the wheel, and are impressed by all the varying types of "power-substance," then the general nature of the method can be somewhat ascertained. We use the term "motion," but what do we really mean? Simply, and literally, the manifestation of the energy generated through the bringing together of certain aspects of energy, and the triple result thereby produced; the activities resulting from this stream of dynamic

Nếu đạo sinh có thể hình dung những bánh xe ấy trong hoạt động, nếu y có thể hình dung mọi phần của bánh xe đều được cấu thành bởi những bánh xe sống nhỏ hơn, và nếu y có thể đưa vào bức tranh của mình một gợi ý về sự tương tác của tất cả các tinh chất lửa này, được nhuốm những sắc thái trội nhất định, thì y sẽ nhận biết được các điều kiện, và thấy trước mắt mình một bức tranh luôn luôn hiện rõ đối với nhà thông nhãn được soi sáng. Nếu, trước khi làm điều này, y có thể hình dung toàn bộ bánh xe của hệ mặt trời như ở trong một trạng thái lưu chuyển không ngừng, trong đó những sự sống nhỏ bé hơn bị mãnh lực của sự sống thái dương trung tâm thúc đẩy đi khắp phạm vi của bánh xe để chúng tiếp xúc với mọi phần của bánh xe, và bị gây ấn tượng bởi mọi loại "chất liệu-quyền năng" khác nhau, thì bản chất tổng quát của phương pháp có thể phần nào được xác định. Chúng ta dùng thuật ngữ "chuyển động," nhưng thực sự chúng ta muốn nói gì? Chỉ đơn giản và theo nghĩa đen là sự biểu hiện của năng lượng được tạo ra qua việc đưa một số phương diện

electrical energy, emanating from some centre, which sweeps into response all that it contacts, and which holds the responsive units in some form or another.

năng lượng lại với nhau, và kết quả tam phân do đó được tạo ra; những hoạt động phát sinh từ dòng năng lượng điện động lực này, phát ra từ một trung tâm nào đó, khiến tất cả những gì nó tiếp xúc đáp ứng, và giữ các đơn vị đáp ứng trong hình thức này hay hình thức khác.

From the occult standpoint, all that manifests is spheroidal in form, and is appropriately called a wheel, yet (in dense physical manifestation) the forms are diverse, and many, and unless etheric vision is present, the spheroidal forms of all lives are not apparent. How can this [Page 1095] be explained? There are three major reasons for this illusion, and these we might here touch upon, finding in the word "illusion" (315) the key to the mystery.

Theo quan điểm huyền bí học, mọi thứ biểu hiện đều có hình cầu, và được gọi một cách thích đáng là một bánh xe, tuy nhiên (trong biểu hiện hồng trần đậm đặc) các hình tướng thì đa dạng và nhiều loại, và trừ phi có linh thị dĩ thái, các hình cầu của mọi sự sống sẽ không hiển lộ. Điều này có thể được [Page 1095] giải thích như thế nào? Có ba lý do chính cho ảo tưởng này, và chúng ta có thể chạm đến chúng ở đây, tìm thấy trong từ "ảo tưởng" (315) chìa khóa của bí nhiệm.

(315) Maya or Illusion. The word Maya is one which has to be properly understood by you in order that you may catch the spirit of the ancient philosophy. The derivation that is given for the word is Ma + Ya or not that. Maya is therefore a power that makes a thing appear as what it is not, or *a power of illusion* that arises out of limitation in the ancient concept of a true unity periodically appearing as multiplicity by the power of Maya that coexists with that unity. (back)

(315) Maya hay Ảo tưởng. Maya là một từ mà bạn phải hiểu cho đúng để có thể nắm bắt tinh thần của triết học cổ xưa. Từ nguyên được đưa ra cho từ này là Ma + Ya hay không phải cái đó. Vì vậy, Maya là một quyền năng làm cho một vật xuất hiện như cái mà nó không phải là, hay *một quyền năng của ảo tưởng* phát sinh từ sự giới hạn trong quan niệm cổ xưa về một hợp nhất chân thực định kỳ xuất hiện như tính đa tạp nhờ quyền năng của Maya cùng đồng tồn tại với hợp nhất ấy. (back)

We have been told in connection with the dense physical body that it is not considered a principle and is not (in this second solar system) expressing those qualities which are characteristic of the solar Logos and His present incarnation. We are told, further, that the grosser dense forms of substance, all that is objective and tangible upon the physical plane, are vibrating to a key which is characteristic of the preceding system,

Chúng ta đã được bảo rằng liên quan đến thể xác đậm đặc, nó không được xem là một nguyên khí và không phải (trong hệ mặt trời thứ hai này) đang biểu lộ những phẩm tính đặc trưng của Thái dương Thượng đế và lần nhập thể hiện tại của Ngài. Hơn nữa, chúng ta còn được bảo rằng các hình tướng đậm đặc thô nặng hơn của chất liệu, tất cả những gì khách quan và sờ chạm được trên cõi hồng trần, đang rung động theo một chủ âm đặc trưng của hệ trước, là phần còn sót lại (nếu

being a left-over (if so it might be expressed) of an earlier kalpa.

có thể diễn đạt như vậy) của một kalpa trước kia.

These two points must be carefully borne in mind and latitude allowed for them, when endeavouring to express the truth anent motion. Therefore, a number of the atoms of matter are as yet governed by an internal life which has for its main, distinctive feature, the faculty of a much closer adhesion, and a decisiveness of grouping that is inherently characteristic of the present body of manifestation of the solar system. We must remember when considering this, that all that is dense and gross in all forms, concerns only those forms on the three lower subplanes of the lowest systemic planes; the forms are constructed of matter of all the planes, but the percentage of gross matter is as we can plainly see but small. Interaction for the mineral monad exists, and completely negatives the vibration of the three lower subplanes of the physical plane; it passes eventually into forms which are more closely allied to the "true form."

Hai điểm này phải được ghi nhớ cẩn thận và phải dành chỗ cho chúng khi cố gắng diễn đạt chân lý liên quan đến chuyển động. Vì vậy, một số nguyên tử của vật chất hiện vẫn bị chi phối bởi một sự sống nội tại mà đặc điểm chính, nổi bật của nó là khả năng kết dính chặt chẽ hơn nhiều, và một tính quyết định trong sự kết nhóm vốn là đặc trưng cố hữu của thân thể biểu hiện hiện tại của hệ mặt trời. Chúng ta phải nhớ khi xem xét điều này rằng tất cả những gì đậm đặc và thô nặng trong mọi hình tướng chỉ liên quan đến những hình tướng trên ba cõi phụ thấp hơn của các cõi thấp nhất của hệ mặt trời; các hình tướng được cấu tạo từ vật chất của mọi cõi, nhưng như chúng ta có thể thấy rõ, tỷ lệ vật chất thô nặng chỉ là nhỏ. Sự tương tác đối với chân thần khoáng vật có tồn tại, và hoàn toàn phủ nhận rung động của ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần; cuối cùng nó đi vào những hình tướng gần gũi hơn với "hình tướng chân thực."

The mineral monad has a problem slightly at variance with that of the other kingdoms, for it is specifically an [Page 1096] expression of the lives which were classed as the failures of a previous solar system, and which were doomed to immerse themselves in the forms of the mineral kingdom. Liberation for man comes when he succeeds in freeing himself from the vibration of the three lower planes of our solar system, from that part of the logoic manifestation which constitutes His *dense* body, and which He does not therefore regard as a principle. It will, consequently, be apparent that there is a correspondence worthy of study to be found in the relation between the mineral monad, a human being, and a solar Logos. Viewing these three as an esoteric triplicity

Chân thần khoáng vật có một vấn đề hơi khác với các giới khác, vì nó đặc biệt là một [Page 1096] biểu hiện của những sự sống được xếp vào loại thất bại của một hệ mặt trời trước, và đã bị định phải dìm mình vào các hình tướng của giới kim thạch. Sự giải thoát đối với con người đến khi y thành công trong việc giải phóng mình khỏi rung động của ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta, khỏi phần biểu hiện của Thượng đế cấu thành thân thể *đậm đặc* của Ngài, và vì thế Ngài không xem đó là một nguyên khí. Do đó, sẽ rõ rằng có một sự tương ứng đáng nghiên cứu được tìm thấy trong mối liên hệ giữa chân thần khoáng vật, con người, và một Thái dương Thượng đế. Xem ba điều này như một bộ ba nội môn, nhiều ánh sáng

much light may be gained by meditation upon them as

a. The residual vibration of system 1,

b. The medial point of activity of system 2,

c. The subjective energy of the present system.

In the comprehension of this, and in the realisation that there are forces present in nature which are in the nature of left-overs, we have the clue to much of the puzzling side of manifestation, to the cruelty and death, the suffering, and the agony which are seen in the vegetable and animal kingdoms. In the term animal kingdom I include man's physical body. We have also the clue to some aspects of the left hand Path, and a clue to the problem of the basic cause of the appearance of such existences as black magicians. Just as no human being can escape the effects of energy generated by him in an early life, so the solar Logos Himself is working out and so held back by influences which are the result of His earlier activities in System 1.

The dense physical forms are an illusion because they are due to the reaction of the eye to those forces about which we have been speaking. Etheric vision, or the power to see energy-substance, is true vision for the human being, just as the etheric is the true form. But until [Page 1097] the race is further evolved, the eye is aware of, and responds to the heavier vibration only. Gradually it will shake itself free from the lower and coarser reactions, and become an organ of true vision. It might be of interest here to remember the occult fact that as the

có thể đạt được bằng cách tham thiền về chúng như là

a. Rung động tồn dư của hệ 1,

b. Điểm hoạt động trung gian của hệ 2,

c. Năng lượng chủ quan của hệ hiện tại.

Trong sự thấu hiểu điều này, và trong sự chứng nghiệm rằng có những mãnh lực hiện diện trong thiên nhiên mang bản chất của những phần còn sót lại, chúng ta có đầu mối để hiểu nhiều khía cạnh khó giải của biểu hiện, sự tàn nhẫn và cái chết, nỗi đau khổ và sự thống khổ được thấy trong giới thực vật và giới động vật. Trong thuật ngữ giới động vật, tôi bao gồm cả thể xác của con người. Chúng ta cũng có đầu mối cho một số phương diện của tả đạo, và một đầu mối cho vấn đề nguyên nhân căn bản của sự xuất hiện của những hữu thể như các nhà hắc thuật. Cũng như không một con người nào có thể thoát khỏi các hiệu quả của năng lượng do mình tạo ra trong một kiếp sống trước, thì chính Thái dương Thượng đế cũng đang giải quyết và do đó bị cản trở bởi những ảnh hưởng là kết quả của các hoạt động trước kia của Ngài trong Hệ 1.

Các hình tướng hồng trần đậm đặc là một ảo tưởng vì chúng là do phản ứng của mắt đối với những mãnh lực mà chúng ta đã nói đến. Linh thị dĩ thái, hay năng lực thấy chất liệu-năng lượng, là linh thị chân thực đối với con người, cũng như dĩ thái là hình tướng chân thực. Nhưng cho đến khi [Page 1097] nhân loại tiến hoá hơn nữa, mắt chỉ nhận biết và đáp ứng với rung động nặng nề hơn mà thôi. Dần dần nó sẽ tự giải thoát khỏi các phản ứng thấp và thô hơn, và trở thành một cơ quan của linh thị chân thực. Ở đây có thể đáng quan tâm nếu nhớ đến sự kiện huyền

atoms in the physical body of the human being pursue their evolution, they pass on and on to ever better forms, and eventually find their place within the eye, first of animals and then of man. This is the highest dense form into which they are built, and marks the consummation of the atom of *dense* matter. Occultly understood, the eye is formed through the interplay of certain streams of force, of which there are three in the animal, and five in the human being. By their conjunction and interaction, they form what is called "the triple opening" or the "fivefold door" out of which the animal soul or the human spirit can "look out upon the world illusion."

bí rằng khi các nguyên tử trong thể xác con người theo đuổi sự tiến hoá của chúng, chúng đi mãi vào những hình tướng ngày càng tốt hơn, và cuối cùng tìm được chỗ của mình trong mắt, trước hết của động vật rồi sau đó của con người. Đây là hình tướng đậm đặc cao nhất mà chúng được xây dựng vào, và đánh dấu sự hoàn tất của nguyên tử *đậm đặc* của vật chất. Theo nghĩa huyền bí, mắt được hình thành qua sự tương tác của một số dòng mãnh lực, trong đó có ba ở động vật và năm ở con người. Bằng sự hội tụ và tương tác của chúng, chúng tạo thành cái được gọi là "khai mở tam phân" hay "cánh cửa ngũ phân" mà từ đó linh hồn động vật hay tinh thần con người có thể "nhìn ra thế giới ảo tưởng."

The final reason why the spheroidal true form of everything is apparently not seen on the planet can only at this stage be expressed through a quotation from an old esoteric manuscript in the Masters' archives:

Lý do cuối cùng giải thích tại sao hình cầu chân thực của mọi sự vật dường như không được thấy trên hành tinh này, ở giai đoạn này chỉ có thể được diễn đạt qua một trích dẫn từ một bản thảo nội môn cổ trong văn khố của các Chân sư:

"The vision of the higher sphere is hidden in the destiny of the fourth form of substance. The eye looks downwards and, behold, the atom disappears from view. The eye looks sideways and the dimensions merge, and again the atom disappears.

"Linh thị về khối cầu cao hơn được ẩn giấu trong định mệnh của hình thức thứ tư của chất liệu. Con mắt nhìn xuống dưới và kìa, nguyên tử biến mất khỏi tầm nhìn. Con mắt nhìn sang ngang và các chiều kích hòa lẫn vào nhau, và một lần nữa nguyên tử lại biến mất.

Outward it looks but sees the atom out of all proportion. When the eye negates the downward vision, and sees all from within outwards, the spheres again will be seen."

Nhìn ra ngoài, nó nhìn nhưng thấy nguyên tử hoàn toàn mất cân xứng. Khi con mắt phủ định linh thị hướng xuống, và nhìn mọi sự từ bên trong ra ngoài, các khối cầu sẽ lại được thấy."

V. MOTION AND THE FORM-BUILDING IMPULSE — V. CHUYỂN ĐỘNG VÀ XUNG LỰC KIẾN TẠO HÌNH TƯỚNG

1. Motion and the Mental Sheath. — 1. Chuyển động và thể trí.

In the first section of this treatise we dealt somewhat with various phases of activity when considering "fire by friction," and the fiery motion of substance itself. We will only touch on some further aspects of the matter, for it is necessary that the student should bear in mind certain [Page 1098] things. He should endeavour to ascertain the relationship between the universal mind (or the systemic mind) and cosmic mind, and seek to comprehend the purpose of the mental sheath, which is one of the most interesting of the various bodies on account of its fiery gaseous constitution. He should also seek to bring about through meditation that mental control and alignment which will result in stabilisation, and a responsiveness to causal impression. This will lead to the transmission of egoic instruction to the man on the physical plane.

Trong phần thứ nhất của bộ luận này, chúng ta đã phần nào bàn đến các giai đoạn khác nhau của hoạt động khi xem xét "Lửa ma sát," và chuyển động rực lửa của chính chất liệu. Chúng ta sẽ chỉ đề cập đến một vài phương diện khác nữa của vấn đề, vì điều cần thiết là đạo sinh phải ghi nhớ một số [Page 1098] điều. Y nên cố gắng xác định mối liên hệ giữa Vũ Trụ Trí (hay trí tuệ của hệ mặt trời) và trí tuệ vũ trụ, đồng thời tìm cách thấu hiểu mục đích của thể trí, vốn là một trong những thể lý thú nhất trong các thể khác nhau do cấu tạo khí lửa của nó. Y cũng nên tìm cách, qua tham thiền, mang lại sự kiểm soát trí tuệ và sự chỉnh hợp sẽ dẫn đến sự ổn định, và khả năng đáp ứng với ấn tượng nguyên nhân. Điều này sẽ dẫn đến việc truyền đạt huấn thị chân ngã đến con người trên cõi hồng trần.

Certain points in connection with the mental sheath require emphasising, though it is not our purpose to do more than call attention to their nature. Under the law of correspondence, the student should be able to arrive at certain conclusions and judge wisely the assignment of purpose and place to the particular set of lunar pitris who form the vehicle.

Một số điểm liên quan đến thể trí cần được nhấn mạnh, dù mục đích của chúng ta không phải là làm gì hơn ngoài việc lưu ý đến bản chất của chúng. Theo định luật tương ứng, đạo sinh nên có khả năng đi đến một số kết luận và phán đoán một cách minh triết về sự phân công mục đích và vị trí cho nhóm thái âm tổ phụ đặc thù tạo thành vận cụ này.

The mental body is composed of only four types of essence, whereas the astral body and the physical are formed of seven types. The devas who compose this body are grouped together as "the cohorts of the fourth order" and have a close connection

Thể trí chỉ được cấu thành từ bốn loại tinh chất, trong khi thể cảm dục và thể xác được tạo thành từ bảy loại. Các thiên thần cấu thành thể này được nhóm lại với nhau thành "các đoàn quân của cấp thứ tư" và có liên hệ mật thiết với nhóm Các Sự Sống vũ trụ ấy,

with that group of cosmic Lives who (through the impress of their influence upon solar matter) are responsible for the fact that our solar system is a system of the fourth order. This group of Lives is manipulated and controlled, in the macrocosmic sense, from cosmic mental levels via the central spiritual sun, and through what is called in esoteric parlance "the fourth solar cavity." If students will meditate upon the nature of the human heart and its various divisions, and particularly upon one of the valves, light upon this complex problem may be forthcoming. There is a constant inflow of energy from these great Entities on cosmic mental levels; this inflow is the very life itself of the solar units who are the sumtotal of the four lower subplanes of the mental plane, and consequently the life [Page 1099] of the individual units who form the mental bodies of all human beings.

những Đấng (qua dấu ấn ảnh hưởng của Các Ngài lên vật chất thái dương) chịu trách nhiệm cho sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thống thuộc cấp thứ tư. Nhóm Các Sự Sống này được vận dụng và kiểm soát, theo ý nghĩa đại thiên địa, từ các cấp độ trí tuệ vũ trụ qua Mặt trời Tinh thần Trung Ương, và qua điều được gọi trong thuật ngữ nội môn là "khoang thái dương thứ tư." Nếu các đạo sinh tham thiền về bản chất của trái tim con người và các phần phân chia khác nhau của nó, đặc biệt là về một trong các van tim, thì ánh sáng soi rọi vấn đề phức tạp này có thể xuất hiện. Có một dòng năng lượng tuôn vào liên tục từ các Thực Thể vĩ đại này trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ; dòng tuôn vào này chính là sự sống của các đơn vị thái dương, là tổng số của bốn cõi phụ thấp của cõi trí, và do đó là sự sống [Page 1099] của các đơn vị cá biệt tạo thành các thể trí của toàn thể nhân loại.

It will be apparent to all careful students that on all the planes, the fourth subplane has a peculiar and close relation to the fourth Creative Hierarchy, that of the human monads, and this is peculiarly the case in connection with the mental body. Through the medium of the plane number (five), and the subplane number (four), the possibility of initiation for the human being becomes a fact and that particular form of activity which distinguishes his progress is brought about. There are, therefore, two main streams of energy responsible for the form of the mental sheaths,

Mọi đạo sinh cẩn trọng đều sẽ thấy rõ rằng trên mọi cõi, cõi phụ thứ tư có một liên hệ đặc biệt và mật thiết với Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức huyền giai của các chân thần nhân loại, và điều này đặc biệt đúng trong liên hệ với thể trí. Qua trung gian của số cõi (năm), và số cõi phụ (bốn), khả năng điểm đạo đối với con người trở thành một sự kiện, và hình thức hoạt động đặc thù phân biệt sự tiến bộ của y được mang lại. Vì vậy, có hai dòng năng lượng chính chịu trách nhiệm cho hình thức của các thể trí,

a. That emanating from the fourth subplane of the cosmic mental plane, including consequently the remaining three subplanes.

a. Dòng phát ra từ cõi phụ thứ tư của cõi trí vũ trụ, do đó bao gồm cả ba cõi phụ còn lại.

b. That emanating from the aggregate of those lives who form the fourth Creative

b. Dòng phát ra từ tổng thể những sự sống tạo thành Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Như

Hierarchy. As we know, the esoteric number of this Hierarchy is nine, the exoteric number being four.

chúng ta biết, con số nội môn của Huyền Giai này là chín, còn con số ngoại môn là bốn.

It is the blending of these two streams of force which (within the confines of the three worlds) results in the *progressive* activity of man. When this is coupled with the self-engendered action of the individual atoms of any sheath, we have spiral-progressive motion. This is true macrocosmically and microcosmically, for the activity of the cosmic physical plane (our seven systemic planes), is largely dependent upon the co-ordinated activity of certain force manifestations, which might be enumerated as follows:

Chính sự hòa trộn của hai dòng mãnh lực này (trong phạm vi ba cõi thấp) tạo ra hoạt động *tiến triển* của con người. Khi điều này kết hợp với hành động tự phát sinh của các nguyên tử cá biệt trong bất kỳ thể nào, chúng ta có chuyển động xoắn ốc-tiến triển. Điều này đúng cả ở đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, vì hoạt động của cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi của hệ mặt trời chúng ta) phần lớn tùy thuộc vào hoạt động phối hợp của một số biểu hiện mãnh lực, có thể được liệt kê như sau:

a. That of the fourth Creative Hierarchy, who, in their aggregate, form the force centres.

a. Hoạt động của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, những Đấng mà trong tổng thể tạo thành các trung tâm lực.

b. The emanating influences of the fourth cosmic ether, the buddhic plane, upon which is dependent, [Page 1100] throughout the system, the manifestation of that which is tangible and objective.

b. Các ảnh hưởng phát ra từ dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề; sự biểu lộ của điều hữu hình và khách quan trong toàn hệ mặt trời tùy thuộc vào cõi này [Page 1100].

c. The opening up, both macrocosmically and microcosmically, of the fourth aspect of the solar and human egoic lotus; this is the revelation of the "Jewel in the Lotus," and macrocosmically is the perfect co-ordination of the three aspects through the medium of substance; this is the completion of logoic purpose, which is that of the fourth group. It might be expressed otherwise:

c. Sự khai mở, cả ở đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, của phương diện thứ tư của Hoa Sen Chân Ngã thái dương và nhân loại; đây là sự mặc khải của "Ngọc trong Hoa Sen," và ở đại thiên địa là sự phối hợp hoàn hảo của ba phương diện qua trung gian của chất liệu; đây là sự hoàn tất mục đích của Thượng đế, vốn là mục đích của nhóm thứ tư. Có thể diễn đạt điều này theo cách khác:

"When all is known of the significance of fourth dimensional existence, then the fourth order with the fifth will complete the sacred nine."

"Khi mọi điều về thâm nghĩa của sự tồn tại bốn chiều được biết đến, thì cấp thứ tư cùng với cấp thứ năm sẽ hoàn tất con số chín thiêng liêng."

d. The specific alignment, interplay or free circulation of force simultaneously through the following manifestations of the one life:

d. Sự chỉnh hợp đặc thù, sự tương tác hay sự lưu thông tự do của mãnh lực đồng thời qua các biểu hiện sau đây của sự sống duy nhất:

1. The logoic Quaternary and equally the human.

1. Bộ Tứ của Thượng đế và tương ứng là của con người.

2. The fourth systemic ether.

2. Dĩ thái thứ tư của hệ mặt trời.

3. The fourth cosmic ether, the buddhic.

3. Dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

4. The fourth Creative Hierarchy.

4. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

When this has been completed, the goal universal will have been reached, and the Logos will have assumed the desired control of His physical body; the human units will be then functioning upon the buddhic plane, and the groups of lives who form the mental bodies of the human beings (who are numerically allied with the above progression) will have equally achieved.

Khi điều này đã được hoàn tất, mục tiêu phổ quát sẽ đạt được, và Thượng đế sẽ đảm nhận sự kiểm soát mong muốn đối với thể xác của Ngài; khi ấy các đơn vị nhân loại sẽ hoạt động trên cõi Bồ đề, và các nhóm sự sống tạo thành các thể trí của nhân loại (vốn có liên hệ số học với tiến trình trên) cũng sẽ đạt thành tựu tương tự.

Certain influences and forces play upon the mental sheath of any human being, and produce in it that activity which is termed "spiral progressive." These forces might be briefly considered as comprising the following:

Một số ảnh hưởng và mãnh lực tác động lên thể trí của bất kỳ con người nào, và tạo ra trong nó hoạt động được gọi là "xoắn ốc tiến triển." Có thể ngắn gọn xem các mãnh lực này gồm những điều sau:

1. The energies of the atoms of substance which compose the mental body.

1. Các năng lượng của những nguyên tử chất liệu cấu thành thể trí.

2. The energies of the lunar father who is the coherent [Page 1101] life of the mental group body. These two groups concern the Not-Self, the third aspect of monadic manifestation.

2. Các năng lượng của thái âm tổ phụ, là sự sống kết dính [Page 1101] của thể trí của nhóm. Hai nhóm này liên quan đến Phi-Ngã, phương diện thứ ba của biểu lộ chân thần.

3. The energies of the solar Angel, or Father, which is the co-ordinating principle behind manifestation in the three worlds.

3. Các năng lượng của Thái dương Thiên Thần, hay Người Cha, là nguyên khí phối hợp đứng sau biểu lộ trong ba cõi thấp.

4. The energies of the intelligent lives who form the body egoic. These lives find their emanating source on other levels than the systemic. These two groups concern the egoic principle, the middle principle which links the above and the below, and is the second aspect of monadic manifestation.

4. Các năng lượng của những sự sống thông tuệ tạo thành thể chân ngã. Những sự sống này tìm thấy nguồn phát xạ của chúng trên những cấp độ khác ngoài hệ mặt trời. Hai nhóm này liên quan đến nguyên khí chân ngã, nguyên khí trung gian nối kết cái trên và cái dưới, và là phương diện thứ hai của biểu lộ chân thần.

5. The energy emanating from the "Jewel in the Lotus" itself, the focal point of energy in the Upper Triad. This concerns the Self, the highest aspect of monadic manifestation.

5. Năng lượng phát ra từ chính "Ngọc trong Hoa Sen," tiêu điểm năng lượng trong Tam nguyên tinh thần thượng. Điều này liên quan đến Ngã, phương diện cao nhất của biểu lộ chân thần.

The effects produced by the play of these five types of energy upon each other produce (through the medium of the mental unit) that which we term the mental sheath. This sheath is after all only the aggregate of those atoms within a specific area with which the Thinker has to do, which he holds magnetically within his ring-pass-not, and which serve as the medium for his mental expression, according to his point of evolution. This same definition will be recognised as true of all atomic sheaths, and one of the things which students of the occult sciences will eventually do is to investigate the nature of the informing lives of the sheaths, the qualities of the energies influencing such lives, and the character and force of the basic underlying principles. They will thus arrive at facts concerning energies in the human kingdom which will prove of inestimable value.

Những hiệu quả do sự tác động qua lại của năm loại năng lượng này lên nhau tạo ra (qua trung gian của đơn vị hạ trí) điều mà chúng ta gọi là thể trí. Xét cho cùng, thể này chỉ là tổng thể những nguyên tử trong một khu vực xác định mà Nhà Tư Tưởng phải xử lý, mà y giữ bằng từ lực trong vòng-giới-hạn của mình, và phục vụ như phương tiện cho sự biểu lộ trí tuệ của y, tùy theo điểm tiến hoá của y. Cùng định nghĩa này sẽ được nhìn nhận là đúng đối với mọi thể nguyên tử, và một trong những điều mà các đạo sinh của các khoa học huyền bí cuối cùng sẽ làm là khảo cứu bản chất của các sự sống thấm nhuần các thể, các phẩm tính của những năng lượng ảnh hưởng đến các sự sống ấy, và tính cách cùng mãnh lực của các nguyên khí căn bản nền tảng. Nhờ đó họ sẽ đi đến những sự kiện liên quan đến các năng lượng trong giới nhân loại, những điều sẽ chứng tỏ có giá trị vô cùng lớn.

In order to keep the basic idea of this Treatise corresponding in its various

Để giữ cho ý tưởng căn bản của bộ Luận này tương ứng trong các phân bộ khác nhau của

divisions, I might call your attention to the four points we considered relative to motion [Page 1102] in the physical and astral sheaths. We found that the effects of such motion might be regarded as four altogether:

nó, tôi có thể lưu ý các bạn đến bốn điểm mà chúng ta đã xem xét liên quan đến chuyển động [Page 1102] trong thể xác và thể cảm dục. Chúng ta đã thấy rằng các hiệu quả của chuyển động ấy có thể được xem là gồm bốn điều tất cả:

Separation.

Sự phân ly.

Momentum.

Động lượng.

Frictional Activity.

Hoạt động ma sát.

Absorption.

Sự hấp thụ.

Separation. This separation is brought about through the initial activity of the Ego who produces the first of those forms which he intends to use during the cycle of incarnation, through the bringing together of these energies through self-engendered impulse. He, for purposes of development, identifies himself with that form, and thus *temporarily* separates himself off from his own real Self. Through the veil of mental matter he first knows separation, and undergoes his first experiences of the three worlds. This deals with separation from the highest aspect. Viewing it from the personality standpoint, separation is again to be seen, for the activity of the monadic sheath, its own internal volition produces the formation of a sphere of activity, distinct in its nature and governed by laws of its own, which—until a certain amount of alignment has been achieved during evolution—lives its own separate existence apart from the two lower sheaths, astral and physical. Thus it can be truly said that the "mind slays the Real" (316) and serves as the "great Deluder" of the Self in the one case, and as the "great Separator" in another; it

Sự phân ly. Sự phân ly này được mang lại qua hoạt động ban đầu của Chân ngã, Đấng tạo ra hình thức đầu tiên trong những hình thức mà y dự định sử dụng trong chu kỳ nhập thể, bằng cách tập hợp các năng lượng này qua xung lực tự phát sinh. Vì mục đích phát triển, y đồng hoá với hình thức ấy, và do đó *tạm thời* tách mình ra khỏi Ngã chân thực của chính mình. Qua bức màn của vật chất trí tuệ, trước hết y biết đến sự phân ly, và trải qua những kinh nghiệm đầu tiên của mình trong ba cõi thấp. Điều này liên quan đến sự phân ly khỏi phương diện cao nhất. Xét từ quan điểm phàm ngã, sự phân ly lại được thấy, vì hoạt động của thể chân thần, ý chí nội tại riêng của nó tạo ra sự hình thành một khối cầu hoạt động, khác biệt về bản chất và được chi phối bởi các định luật riêng của nó, mà—cho đến khi một mức độ chỉnh hợp nào đó đã đạt được trong tiến hoá—sống sự tồn tại riêng biệt của nó tách khỏi hai thể thấp hơn, thể cảm dục và thể xác. Vì vậy có thể nói thật rằng "trí tuệ giết chết Thực Tại" (316) và trong một trường hợp phục vụ như "Kẻ Đại Mê Hoặc" của Ngã, còn trong trường hợp khác như "Kẻ Đại Phân Ly"; nó đứng giữa sự sống chân ngã tập trung và các tồn tại phàm ngã.

comes between the centralised egoic life and the personality existences.

(316) "Mind the Slayer of the Real."—*Voice of the Silence*, pp. 14-15. (back)

This life of separation becomes steadily stronger as the rotary-spiral action of the mental body becomes intensified during the cycles of manifestation, and the "individualised" [Page 1103] Idea becomes daily more dominant. The "Ahamkara" principle, (317) as it is called in the Secret Doctrine, does its work, and man becomes strongly self-centred, and self-conscious *in the lower connotation of the term*. Later, as higher energies come into play and the effort is made to balance the three types of force manifestations in the three worlds through the three vehicles, the Ego becomes aware of delusion and eventually frees himself. When this is in process of consummation during the final stages of evolution, the mental body becomes a transmitter for force currents from the egoic mind, the antaskarana between the higher mind and the mental sheath is built, and the "transmitting mind body" blends itself with the "reflecting astral body." Thus separation is negated.

(317) *Ahamkara*. The "I" making principle necessary in order that self-consciousness may be evolved, but transcended when its work is over. (back)

Students will note, therefore, that the goal for the mental body is simply that it should become a transmitter of the thoughts and wishes of the solar Angel, and should act as the agent for the Triad. The goal for the astral body is that it should be the reflector in a similar way of the buddhic impulses, which reach the emotional body via certain

(316) "Trí tuệ, Kẻ Giết Chết Thực Tại."—*Tiếng Nói của Im Lặng*, tr. 14-15. (trở lại)

Sự sống phân ly này ngày càng mạnh hơn khi hoạt động xoay tròn-xoắn ốc của thể trí trở nên mãnh liệt hơn trong các chu kỳ biểu lộ, và Ý Tưởng đã được "biệt ngã hóa" [Page 1103] trở nên ngày càng chi phối hơn. Nguyên khí "Ahamkara," (317) như được gọi trong Giáo Lý Bí Nhiệm, thực hiện công việc của nó, và con người trở nên mạnh mẽ tập trung vào bản thân, và có ngã thức *theo hàm nghĩa thấp của thuật ngữ này*. Về sau, khi các năng lượng cao hơn bắt đầu tác động và nỗ lực được thực hiện để quân bình ba loại biểu hiện mãnh lực trong ba cõi thấp qua ba vận cụ, Chân ngã nhận biết sự mê lầm và cuối cùng tự giải thoát. Khi điều này đang trong tiến trình hoàn tất ở các giai đoạn cuối của tiến hoá, thể trí trở thành một bộ truyền dẫn cho các dòng mãnh lực từ trí tuệ chân ngã, antaskarana giữa thượng trí và thể trí được xây dựng, và "thể trí truyền dẫn" hòa nhập với "thể cảm dục phản chiếu." Như vậy sự phân ly bị phủ định.

(317) *Ahamkara*. Nguyên khí tạo ra "Tôi," cần thiết để ngã thức có thể được tiến hoá, nhưng phải được vượt qua khi công việc của nó đã hoàn tất. (trở lại)

Vì vậy, các đạo sinh sẽ lưu ý rằng mục tiêu của thể trí đơn giản là nó phải trở thành một bộ truyền dẫn các tư tưởng và ước muốn của Thái dương Thiên Thần, và phải hoạt động như tác nhân cho Tam nguyên tinh thần. Mục tiêu của thể cảm dục là nó phải trở thành bộ phản chiếu theo cách tương tự của các xung lực Bồ đề, những xung lực đi đến

petals in the egoic lotus, and the astral permanent atom. The process of equilibrising the forces in the personality (thus producing stability, and alignment) is brought about through the scientific manifestation of the electrical reactions of the three sheaths.

thể cảm xúc qua một số cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã, và nguyên tử trường tồn cảm dục. Tiến trình quân bình các mãnh lực trong phàm ngã (nhờ đó tạo ra sự ổn định, và sự chỉnh hợp) được mang lại qua sự biểu lộ khoa học của các phản ứng điện của ba thể.

The *mental sheath* is regarded in its totality of force as positive. The *physical bodies* are regarded as negative to the mental. The *astral vehicle* is the point of the at-one-ment of the energies; it is the battleground whereon the dualities are adjusted to each other, and equilibrium is attained. This is the underlying thought when the words "kama-manasic" body are used, because for two-thirds of the pilgrim's journey this body serves a dual purpose. It is only during the later stage that a [Page 1104] man differentiates between will and desire, and between his mental body and his desire body.

Thể trí được xem, trong toàn bộ mãnh lực của nó, là dương. *Các thể xác* được xem là âm đối với thể trí. *Vận cụ cảm dục* là điểm hợp nhất của các năng lượng; nó là chiến trường nơi các nhị nguyên tính được điều chỉnh với nhau, và sự quân bình được đạt tới. Đây là tư tưởng nền tảng khi các từ "thể trí-cảm" được dùng, bởi vì trong hai phần ba cuộc hành trình của người lữ khách, thể này phục vụ một mục đích kép. Chỉ trong giai đoạn sau này mà một [Page 1104] người mới phân biệt giữa ý chí và dục vọng, và giữa thể trí của mình với thể dục vọng của mình.

Momentum: The activity of the mental sheath and its gradually increasing rate of vibration is brought about by the inflow of energies of different kinds. These various factors, as they are brought to bear upon the mental sheath produce an increased activity and speed in the rotary motion of the individual atoms, and also greater speed in the progress of the entire sheath. This means a more rapid transference of the atoms of low vibration out of the sheath and the substitution of atoms of high quality.

Động lượng: Hoạt động của thể trí và nhịp độ rung động tăng dần của nó được mang lại bởi dòng tuôn vào của các năng lượng thuộc nhiều loại khác nhau. Các yếu tố khác nhau này, khi tác động lên thể trí, tạo ra hoạt động gia tăng và tốc độ lớn hơn trong chuyển động quay của các nguyên tử cá biệt, và cũng tạo ra tốc độ lớn hơn trong sự tiến triển của toàn bộ thể trí. Điều này có nghĩa là sự chuyển dịch nhanh hơn của các nguyên tử có rung động thấp ra khỏi thể trí và sự thay thế bằng các nguyên tử có phẩm chất cao.

It involves also more rapid transition of the various energies, or increased spiral action. This is one of the factors resulting in more rapid incarnation, and more rapid assimilation of the experiences learnt. Curiously enough, from the standpoint of the average thinker, this factor causes longer

Điều đó cũng bao hàm sự chuyển tiếp nhanh hơn của các năng lượng khác nhau, hay hoạt động xoắn ốc gia tăng. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến sự nhập thể nhanh hơn, và sự đồng hoá nhanh hơn các kinh nghiệm đã học được. Thật kỳ lạ, từ quan điểm của nhà tư tưởng trung bình, yếu tố

devachanic periods, for these cycles of interior mental consideration are of ever increasing activity. They are cycles of intense mental adjustment, and of the generation of force until (towards the close of the cycle of incarnation) the activity which has been generated is so strong that continuity of consciousness becomes an accomplished fact. The man frequently then foregoes devachan as he needs it no more. Other results are the fourth dimensional activity of the various "wheels," which begin not only to rotate but to "turn upon themselves," and the vivification of the four spirillae of the mental unit. Some of the energies which produce increased momentum in the mental sheath might be enumerated, and as the students consider them it will again become apparent what a complicated thing human unfoldment really is. These energies are:

này lại gây ra các thời kỳ devachan dài hơn, vì các chu kỳ suy xét trí tuệ nội tại này có hoạt động ngày càng gia tăng. Chúng là những chu kỳ điều chỉnh trí tuệ mãnh liệt, và phát sinh mãnh lực cho đến khi (về cuối chu kỳ nhập thể) hoạt động đã được phát sinh trở nên mạnh đến mức tính liên tục của tâm thức trở thành một sự kiện đã hoàn tất. Khi đó con người thường từ bỏ devachan vì y không còn cần đến nó nữa. Những kết quả khác là hoạt động bốn chiều của các "bánh xe" khác nhau, những bánh xe bắt đầu không chỉ quay mà còn "tự quay trên chính mình," và sự làm sống động bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí. Có thể liệt kê một số năng lượng tạo ra động lượng gia tăng trong thể trí, và khi các đạo sinh xem xét chúng, sẽ lại thấy rõ sự khai mở của con người thực sự là một điều phức tạp biết bao. Những năng lượng này là:

1. The direct increasing influence of the solar Angel.

1. Ảnh hưởng trực tiếp ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần.

This influence is felt in four stages:

Ảnh hưởng này được cảm nhận trong bốn giai đoạn:

As the three rows of petals unfold. [Page 1105]

Khi ba hàng cánh hoa khai mở. [Page 1105]

As the "interior jewel" rays forth more powerfully.

Khi "viên ngọc nội tại" phát ra mạnh mẽ hơn.

2. The reflex action from the physical personality, or the thought currents sent through in course of time from the physical brain.

2. Tác động phản hồi từ phàm ngã hồng trần, hay các dòng tư tưởng được gửi qua theo thời gian từ bộ não hồng trần.

3. The activities of the astral body.

3. Các hoạt động của thể cảm dục.

4. Các dòng tư tưởng hay các đơn vị năng lượng được khởi phát bởi sự đồng hoá với các

4. The thought currents or energy units initiated by identification with groups, national, family, racial and egoic.

nhóm quốc gia, gia đình, giống dân và chân ngã.

5. The currents which impinge upon the mental bodies of all human beings as different Rays pass in and out of incarnation.

5. Các dòng tác động lên các thể trí của toàn thể nhân loại khi các cung khác nhau đi vào và đi ra khỏi nhập thể.

6. The forces and energies which become active or latent during different cycles.

6. Các mãnh lực và năng lượng trở nên hoạt động hay tiềm ẩn trong các chu kỳ khác nhau.

7. The interplay between planets, or between systems and constellations, of which an illustration can be seen in the effect of Venusian energy upon our Earth

7. Sự tương tác giữa các hành tinh, hay giữa các hệ thống và các chòm sao, mà một minh họa có thể thấy trong hiệu quả của năng lượng Kim Tinh lên Trái Đất của chúng ta

and many more factors too numerous to mention. All these energies have their effects, and serve either to speed, or in some cases, to retard the evolutionary process.

và còn nhiều yếu tố khác quá nhiều không thể kể ra. Tất cả các năng lượng này đều có các hiệu quả của chúng, và hoặc phục vụ để thúc đẩy, hoặc trong một số trường hợp, làm chậm lại tiến trình tiến hoá.

It should be borne in mind by students that all egoic groups come under the Law of Karma, but only as it affects the Heavenly Man, and not the law as it demonstrates in the three worlds. This karmic law, which is the governing impulse of His centres, will show itself in peculiar ways, and as the human monads compose those centres, each group will have its own "activity" problems, will spiral through the round of Being in its own peculiar manner, and will demonstrate qualities and motions different from its brothers. For instance, through withdrawal of energy and not through basic inertia those monads who are the sum total of the centre of creative force of the Heavenly Man show qualities of violent [Page 1106] reaction on the physical plane against certain "laws of nature" and in the period of their transition from the lowest centre to the

Các đạo sinh nên ghi nhớ rằng mọi nhóm chân ngã đều nằm dưới Định luật Nghiệp quả, nhưng chỉ trong chừng mực nó ảnh hưởng đến Đấng Thiên Nhân, chứ không phải định luật như nó biểu lộ trong ba cõi thấp. Định luật nghiệp quả này, vốn là xung lực chi phối các trung tâm của Ngài, sẽ tự biểu lộ theo những cách đặc thù, và vì các chân thần nhân loại cấu thành các trung tâm ấy, mỗi nhóm sẽ có những vấn đề "hoạt động" riêng của mình, sẽ xoắn ốc qua vòng tuần hoàn của Bản Thể theo cách riêng đặc thù của mình, và sẽ biểu lộ các phẩm tính và chuyển động khác với các huynh đệ của mình. Chẳng hạn, do sự rút năng lượng chứ không phải do quán tính căn bản, những chân thần là tổng số của trung tâm mãnh lực sáng tạo của Đấng Thiên Nhân biểu lộ các phẩm tính phản ứng mãnh liệt [Page 1106] trên cõi hồng trần chống lại một số

throat centre of the Heavenly Man, betray qualities of revolt which make them a puzzle to their brothers.

"định luật của thiên nhiên" và trong thời kỳ chuyển tiếp của họ từ trung tâm thấp nhất lên trung tâm cổ họng của Đấng Thiên Nhân, bộc lộ những phẩm tính phản kháng khiến họ trở thành một điều khó hiểu đối với các huynh đệ của mình.

We have now to consider the "frictional activity" of the mental sheath, and the activity of the sheath as it manifests as absorption. These two concern, let us remember, the motion of the mental sheath as a whole. The result of this activity is rotary-spiral progressive action.

Giờ đây chúng ta phải xem xét "hoạt động ma sát" của thể trí, và hoạt động của thể trí khi nó biểu lộ như sự hấp thụ. Xin nhớ rằng hai điều này liên quan đến chuyển động của thể trí như một toàn thể. Kết quả của hoạt động này là hành động quay-xoắn ốc-tiến triển.

Frictional activity. This, as is apparent from the words, deals with the "Fire by friction" aspect of substance, and therefore with the lowest aspect of the energy of the mental sheath. The force of the Life within the sheath manifests in the attractive and repulsive action of the individual atoms, and this constant and ceaseless interplay results in the "occult heat" of the body, and its increased radiation. It is one of the factors also which produces the gradual building in of new atoms of substance (ever of a better and more adequate quality) and the expulsion of that which fails to suffice as a medium for intelligent expression.

Hoạt động ma sát. Điều này, như hiển nhiên từ chính các từ ngữ, liên quan đến phương diện "Lửa ma sát" của chất liệu, và do đó liên quan đến phương diện thấp nhất của năng lượng của thể trí. Mãnh lực của Sự sống bên trong thể trí biểu lộ trong hành động hút và đẩy của các nguyên tử cá biệt, và sự tương tác liên tục không ngừng này tạo ra "nhiệt huyền bí" của thể trí, cùng sự bức xạ gia tăng của nó. Đây cũng là một trong những yếu tố tạo ra sự xây dựng dần dần các nguyên tử mới của chất liệu (luôn luôn có phẩm chất tốt hơn và thích hợp hơn) và sự tống xuất những gì không còn đủ để làm môi trường cho sự biểu lộ thông tuệ.

The mental unit is the synthesis of the four types of force with which we are dealing, and of the four expressions of it which we are in process of considering.

Đơn vị hạ trí là sự tổng hợp của bốn loại mãnh lực mà chúng ta đang bàn đến, và của bốn biểu hiện của nó mà chúng ta đang trong tiến trình xem xét.

Each of the groups of lives which are the living essence of four subplanes and which focalise through one of the spirillae of the unit and thus influence

Mỗi nhóm sự sống là tinh chất sống của bốn cõi phụ và tập trung qua một trong các loa tuyến của đơn vị và do đó ảnh hưởng đến

a. The sheath itself

a. Chính thể trí ấy

b. The man on the physical plane

c. Part of the head centre

express in greater or less degree these four qualities.

It might be noted here that the groups are called certain names by some occult teachers, which names convey [Page 1107] the idea of the active enterprise which is their predominant function.

The "Lives" on the fourth subplane (that on which mental unit has its place) are called "The absorbers of the above and the below" or the "Transmitting faces of the fourth order." They receive energy and absorb from the Ego on the one hand in the first stage of the incarnation process, and on the other absorb the energies of the personality at the close of the period of manifestation. They have, therefore, an activity which might be regarded as corresponding to the first aspect. When it is remembered that the cosmic process repeats itself on every plane, and that the Ego in the three worlds stands for the unmanifested, it will be seen that they are the primal separators, and the final "destroyers."

The lives of the next plane (which utilise the second spirilla of the mental unit) are called "The interacting points of cyclic momentum." These points which gather momentum through the process of attraction and repulsion represent, in the mental body, *dual force*, for it is only through the coming together and the separation of atoms, great and small, macrocosmic and microcosmic, that manifestation of any kind becomes possible.

b. Con người trên cõi hồng trần

c. Một phần của trung tâm đầu

biểu lộ ở mức độ lớn hay nhỏ bốn phẩm tính này.

Ở đây có thể lưu ý rằng các nhóm này được một số huấn sư huyền bí gọi bằng những tên nhất định, những tên chuyển tải [Page 1107] ý niệm về hoạt động năng động vốn là chức năng nổi trội của chúng.

Các "Sự Sống" trên cõi phụ thứ tư (nơi đơn vị hạ trí có vị trí của nó) được gọi là "Những kẻ hấp thụ cái trên và cái dưới" hay "Các diện mạo truyền dẫn của cấp thứ tư." Chúng tiếp nhận năng lượng và hấp thụ từ Chân ngã ở một phía trong giai đoạn đầu của tiến trình nhập thể, và ở phía kia hấp thụ các năng lượng của phàm ngã vào lúc kết thúc thời kỳ biểu lộ. Vì vậy, chúng có một hoạt động có thể được xem là tương ứng với phương diện thứ nhất. Khi nhớ rằng tiến trình vũ trụ lặp lại trên mọi cõi, và rằng Chân ngã trong ba cõi thấp tượng trưng cho cái không biểu hiện, thì sẽ thấy rằng chúng là những kẻ phân ly nguyên thủy, và là những "kẻ hủy diệt" cuối cùng.

Các sự sống của cõi kế tiếp (những sự sống sử dụng loa tuyến thứ hai của đơn vị hạ trí) được gọi là "Các điểm tương tác của động lượng chu kỳ." Những điểm này, tích lũy động lượng qua tiến trình hút và đẩy, biểu hiện trong thể trí *mãnh lực kép*, vì chỉ qua sự tụ hội và phân ly của các nguyên tử, lớn và nhỏ, đại thiên địa và tiểu thiên địa, mà bất kỳ loại biểu lộ nào mới trở nên khả hữu.

On the subplane which is formed of lives functioning through the third spirilla, are found "the points of frictional activity" or the "heat producers" and these three—the absorbers, the points of momentum, and the heat producers, pour their united forces through the "separated lives" which form the real barrier between the next body and the mental sheath. This is only possible when their work is unified and synthesised. The student must here remember that the lives are the expression of one Life but that one or other of the spirillae will be the agency for lives which express specific qualities. We are dealing specifically with the fourth effect of motion in [Page 1108] the mental sheath as it manifests throughout the entire vehicle.

Trên cõi phụ được tạo thành từ các sự sống hoạt động qua loa tuyến thứ ba, có "các điểm hoạt động ma sát" hay "những kẻ tạo nhiệt," và ba nhóm này—những kẻ hấp thụ, các điểm động lượng, và những kẻ tạo nhiệt—tuôn các mãnh lực hợp nhất của chúng qua "các sự sống phân ly" tạo thành rào chắn thực sự giữa thể kế tiếp và thể trí. Điều này chỉ có thể khi công việc của chúng được hợp nhất và tổng hợp. Ở đây đạo sinh phải nhớ rằng các sự sống là biểu lộ của một Sự sống duy nhất nhưng loa tuyến này hay loa tuyến khác sẽ là tác nhân cho các sự sống biểu lộ các phẩm tính đặc thù. Chúng ta đang đặc biệt bàn đến hiệu quả thứ tư của chuyển động trong [Page 1108] thể trí như nó biểu lộ khắp toàn bộ vận cụ.

Absorption: This is the faculty which produces the forms of the mental ring-pass-not, and which (at the close of the cycle) is the active principle behind devachanic manifestation. The student, through a consideration of the macrocosmic process, can arrive at a knowledge of the separation of the mental body and its individual functioning. It is anent the process of "heavenly withdrawal" that we are speaking; under the law of analogy it is not easily possible to follow the various steps and stages and this for the following reasons:

Sự hấp thụ: Đây là năng lực tạo ra các hình thức của vòng-giới-hạn trí tuệ, và là nguyên khí hoạt động đứng sau biểu lộ devachan vào lúc kết thúc chu kỳ. Qua việc xem xét tiến trình đại thiên địa, đạo sinh có thể đi đến tri thức về sự phân ly của thể trí và hoạt động cá biệt của nó. Chúng ta đang nói đến tiến trình "rút lui thiên giới"; theo định luật tương đồng, không dễ gì có thể theo dõi các bước và giai đoạn khác nhau, và điều này là vì các lý do sau đây:

All our planes, being the cosmic physical subplanes, form the logoic physical body. At His final withdrawal from manifestation, He functions in His cosmic astral body, and the cosmic devachan is as yet far from Him, and impossible to conceive of. Certain points, therefore, anent man's "rest in Heaven" are all that is possible for us to deal with.

Tất cả các cõi của chúng ta, vì là các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, tạo thành thể xác của Thượng đế. Khi Ngài rút khỏi biểu lộ lần cuối, Ngài hoạt động trong thể cảm dục vũ trụ của Ngài, và devachan vũ trụ vẫn còn rất xa đối với Ngài, và không thể quan niệm được. Vì vậy, chỉ có một số điểm liên quan đến "sự nghỉ ngơi trên Thiên giới" của con người là điều chúng ta có thể bàn đến.

Absorption into devachan is absorption into a definite stage of consciousness within the logoic physical body; devachan, therefore, is occultly a state of consciousness, but of consciousness thinking in terms of time and space in the three worlds. It has therefore no location for the unit of consciousness, but has location from the standpoint of the Heavenly Man. Prakriti (matter) and consciousness are—in manifestation—inseparable.

Sự hấp thụ vào devachan là sự hấp thụ vào một giai đoạn tâm thức xác định bên trong thể xác của Thượng đế; do đó, về mặt huyền bí, devachan là một trạng thái tâm thức, nhưng là tâm thức suy nghĩ theo các phạm trù thời gian và không gian trong ba cõi thấp. Vì vậy, nó không có vị trí đối với đơn vị tâm thức, nhưng lại có vị trí từ quan điểm của Đấng Thiên Nhân. Prakriti (vật chất) và tâm thức—trong biểu lộ—là bất khả phân ly.

The "devachan" of the occult books is connected with the consciousness of the logoic planetary body, and with the gaseous subplane of the cosmic physical plane. It is, consequently, transcended the moment a man begins to function in the cosmic ethers, such as the fourth cosmic ether, the buddhic plane. It is closely allied with certain karmic forces for, whilst in devachan, the man is occupied with the aggregate of the thought forms he has built, [Page 1109] which are essentially of an occult, a mental, and a persistent nature.

"Devachan" của các sách huyền bí có liên hệ với tâm thức của thân thể hành tinh của Thượng đế, và với cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ. Do đó, nó được vượt qua ngay khi con người bắt đầu hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ, chẳng hạn như dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề. Nó có liên hệ mật thiết với một số mãnh lực nghiệp quả vì, trong khi ở devachan, con người bận rộn với tổng thể các hình tư tưởng mà y đã tạo dựng, [Page 1109] vốn về bản chất là huyền bí, trí tuệ, và bền vững.

It is in devachan that the man shapes and polishes the stones which are built into the Temple of Solomon. It is the workshop to which the individual stones (good deeds and thoughts) are taken for fashioning, after being extracted from the quarry of the personal life.

Chính trong devachan mà con người tạo hình và mài giũa những viên đá được xây vào Đền thờ Solomon. Đó là xưởng làm việc mà các viên đá riêng lẻ (những hành động tốt và tư tưởng tốt) được mang đến để gia công, sau khi được khai thác từ mỏ đá của đời sống cá nhân.

Being of mental matter, devachan might be regarded as a centre, or heart of peace, within the periphery of the sphere of influence of the mental unit. The four spirillae form four protecting streams of force. A correspondence to this stream of force can be seen in the four rivers which emanated from the Garden of Eden. Out of this garden man is driven into the world of physical incarnation and the Angel with the

Vì được làm bằng vật chất trí tuệ, devachan có thể được xem như một trung tâm, hay trái tim bình an, bên trong chu vi của khối cầu ảnh hưởng của đơn vị hạ trí. Bốn loa tuyến tạo thành bốn dòng mãnh lực bảo vệ. Một tương ứng với dòng mãnh lực này có thể thấy trong bốn con sông phát xuất từ Vườn Địa Đàng. Từ khu vườn này con người bị đuổi vào thế giới nhập thể hồng trần và Thiên Thần với thanh gươm rực lửa bảo vệ

flaming sword protects the entrance, driving him back from entry until the time comes when evolution has progressed so far that he can come to the portal laden with stones which can withstand the action of fire. When he submits these stones to the fire and they stand the test, he can enter "Heaven" again, his time though being limited by the nature and the quality of what he brought.

lối vào, ngăn y trở lại cho đến khi thời điểm đến mà tiến hoá đã tiến xa đến mức y có thể đến trước cổng mang theo những viên đá có thể chịu được tác động của lửa. Khi y đặt những viên đá này vào lửa và chúng đứng vững trước thử thách, y có thể lại bước vào "Thiên giới," dù thời gian của y vẫn bị giới hạn bởi bản chất và phẩm chất của những gì y đã mang đến.

When the consciousness within devachan has absorbed all the essences of life experience even that locality, or that aspect of matter, cannot enfold him, and he escapes from limitation into the causal vehicle.

Khi tâm thức trong devachan đã hấp thụ mọi tinh túy của kinh nghiệm sống thì ngay cả nơi ấy, hay phương diện vật chất ấy, cũng không thể còn bao bọc y nữa, và y thoát khỏi giới hạn để đi vào vận cụ nguyên nhân.

S9S4 Text

2. Motion in the Causal Body. — 2. Chuyển động trong thể nguyên nhân.

We have studied somewhat this activity as it manifests in fourfold fashion in the mental sheath, and the reason that there has not been much to say anent this matter has been that the mental sheath comes under the laws of the matter aspect, and is subject to the same rules as are the material vehicles of all existences. It is only matter of a finer grade. The student, therefore, can apply what has been earlier said anent the astral and physical bodies [Page 1110] to the mental body, and thus negate the necessity of our entering upon the subject in greater detail. The causal body differs from the Brahma aspect in that it is a fuller embodiment of the life of the second aspect, its predominant characteristics are those of the second aspect. To study the nature of motion in the causal vehicle involves much clarity of thought, and due appreciation of the nature of that body.

Chúng ta đã phần nào nghiên cứu hoạt động này khi nó biểu lộ theo lối tứ phân trong thể trí, và lý do khiến không có nhiều điều để nói về vấn đề này là vì thể trí nằm dưới các định luật của phương diện vật chất, và chịu cùng những quy luật như các vận cụ vật chất của mọi hiện hữu. Nó chỉ là vật chất ở một cấp độ tinh tế hơn. Vì vậy, đạo sinh có thể áp dụng vào thể trí những gì đã được nói trước đây về thể cảm dục và thể xác [Page 1110] và như thế loại bỏ sự cần thiết để chúng ta đi vào đề tài này một cách chi tiết hơn. Thể nguyên nhân khác với phương diện Brahma ở chỗ nó là hiện thân đầy đủ hơn của sự sống của phương diện thứ hai; các đặc tính nổi trội của nó là những đặc tính của phương diện thứ hai. Nghiên cứu bản chất của chuyển động trong vận cụ nguyên nhân đòi hỏi sự minh xác lớn trong tư tưởng, và sự đánh giá đúng đắn về bản chất của thể đó.

It should here be remembered that in considering the causal body, we are dealing specifically with the vehicle of manifestation of a solar Angel who is its informing life and who is in process of constructing it, of perfecting it, and of enlarging it, and thus reflecting on a tiny scale the work of the Logos on His own plane.

Ở đây cần ghi nhớ rằng khi xem xét thể nguyên nhân, chúng ta đang đề cập một cách chuyên biệt đến vận cụ biểu lộ của một Thái dương Thiên Thần, Đấng là sự sống thấm nhuần của nó và đang trong tiến trình kiến tạo nó, hoàn thiện nó, và mở rộng nó, nhờ đó phản ánh ở một quy mô cực nhỏ công việc của Thượng đế trên cõi riêng của Ngài.

Each part of the causal body is actuated by a type of force emanating from some one or other great centre, and it might be of interest, therefore, if we considered the component parts of this "Temple of the Soul," if we studied the type of animating activity and arrived at a knowledge of the forces playing upon it and through it. We will take them one by one, beginning with the outer row of petals.

Mỗi phần của thể nguyên nhân được thúc đẩy bởi một loại mãnh lực phát ra từ một đại trung tâm nào đó, và vì vậy sẽ là điều đáng quan tâm nếu chúng ta xem xét các thành phần của "Đền Thờ của Linh Hồn" này, nếu chúng ta nghiên cứu loại hoạt động làm sinh động và đạt đến sự hiểu biết về các mãnh lực tác động lên nó và xuyên qua nó. Chúng ta sẽ lần lượt xét từng phần, bắt đầu với hàng cánh hoa bên ngoài.

The Knowledge Petals. These are the petals which represent the lowest aspect of the Triad and are responsive to the lowest forms of egoic force. These petals are three in number and come under the influence of certain streams of activity.

Các cánh hoa tri thức. Đây là những cánh hoa biểu hiện phương diện thấp nhất của Tam nguyên tinh thần và đáp ứng với những hình thức thấp nhất của mãnh lực chân ngã. Những cánh hoa này có số lượng là ba và chịu ảnh hưởng của một số dòng hoạt động nhất định.

a. One stream of energy emanates from the lower triad of permanent atoms, particularly the physical permanent atom, via that one of the three petals called the knowledge petal. The stream of force engendered in the lower self circulates in a triple stream (the reflection in the lower self of the threefold Path to God) around the atomic triangle at the base of the egoic lotus. When of sufficient strength and [Page 1111] purity, it affects the outer row of petals. This begins to be felt during the third period of man's evolution when he is an average intelligent unit or atom. This energy, when it blends with the inherent life of the atomic

a. Một dòng năng lượng phát ra từ bộ ba thấp của các Nguyên tử trường tồn, đặc biệt là nguyên tử trường tồn hồng trần, qua một trong ba cánh hoa được gọi là cánh hoa tri thức. Dòng mãnh lực được tạo ra trong phàm ngã lưu chuyển thành một dòng tam phân (sự phản chiếu trong phàm ngã của Con Đường tam phân đến Thượng đế) quanh tam giác nguyên tử ở đáy của Hoa Sen Chân Ngã. Khi đủ mạnh và [Page 1111] thuần khiết, nó ảnh hưởng đến hàng cánh hoa bên ngoài. Điều này bắt đầu được cảm nhận trong thời kỳ thứ ba của tiến hoá con người khi y là một đơn vị hay nguyên tử trí tuệ trung bình. Năng lượng này, khi hòa trộn với sự sống cố

lives which form the petals, produces eventually that intimate fusing of soul and body which makes man a living soul.

hữu của các sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa, cuối cùng tạo ra sự dung hợp mật thiết giữa linh hồn và thân thể khiến con người trở thành một linh hồn sống động.

b. Another stream of energy emanates in time from the second tier of petals when in activity; this second tier is peculiarly instinctive with the life and quality of the Manasaputra in manifestation. The second tier of petals in any egoic lotus is the one that gives us the key to the nature of the solar Angel, just as the outer tier is—to the inner vision of the Adept—a clue to the point in evolution of the personality. By looking at the egoic lotus, the seer can tell the nature of the:

b. Một dòng năng lượng khác theo thời gian phát ra từ tầng cánh hoa thứ hai khi tầng này hoạt động; tầng thứ hai này đặc biệt thấm đẫm sự sống và phẩm tính của Manasaputra đang biểu lộ. Tầng cánh hoa thứ hai trong bất kỳ Hoa Sen Chân Ngã nào là tầng cho chúng ta chìa khóa về bản chất của Thái dương Thiên Thần, cũng như tầng ngoài cùng — đối với linh thị bên trong của chân sư — là đầu mối về điểm tiến hoá của phàm ngã. Bằng cách nhìn vào Hoa Sen Chân Ngã, nhà thông nhãn có thể biết được bản chất của:

Personal self through the condition of the atomic triangle, and the outer tier of petals.

Phàm ngã qua tình trạng của tam giác nguyên tử, và tầng cánh hoa bên ngoài.

Higher Self, through the colour and arrangement of the central tier of petals. This tier gives the "family" of the solar Angel through the arrangement of atomic lives which form the petals, and the circulation of the streams of forces in those petals.

Bản Ngã Cao Siêu, qua màu sắc và sự sắp xếp của tầng cánh hoa trung tâm. Tầng này cho biết "gia đình" của Thái dương Thiên Thần qua sự sắp xếp của các sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa, và sự lưu chuyển của các dòng mãnh lực trong những cánh hoa ấy.

Monad, through the inner circle of petals; its stage of lower awareness is revealed in a similar way.

Chân thần, qua vòng cánh hoa bên trong; giai đoạn nhận biết thấp của nó cũng được tiết lộ theo cách tương tự.

The number of the Ray concerned is known through the quality of the "light" of the concealed jewel.

Con số của cung liên hệ được biết qua phẩm tính của "ánh sáng" của viên ngọc ẩn kín.

In all these petals, groups of lives, solar and otherwise, are concerned, and streams of energy from them focus through the petals. This is apparent to the man who has the key. It is a curious fact that the streams of force which form the petals and [Page 1112]

Trong tất cả các cánh hoa này, các nhóm sự sống, thái dương và những loại khác, đều có liên quan, và các dòng năng lượng từ chúng hội tụ qua các cánh hoa. Điều này hiển nhiên đối với người có chìa khóa. Một sự kiện kỳ lạ là các dòng mãnh lực tạo thành các cánh hoa

which are in constant flux produce apparently "key symbols" within the periphery of the egoic wheel, and thus reveal themselves through their activity.

và [Page 1112] luôn luôn biến động dường như tạo ra các "biểu tượng chìa khóa" trong chu vi của bánh xe chân ngã, và do đó tự bộc lộ qua hoạt động của chúng.

c. A third type of energy is that which—at the close of evolution—makes itself felt through the inner circle of petals, and which is the result of an inflow of monadic force, or atma.

c. Loại năng lượng thứ ba là năng lượng — vào lúc kết thúc tiến hoá — tự làm cho mình được cảm nhận qua vòng cánh hoa bên trong, và là kết quả của sự tuôn vào của mãnh lực chân thần, hay atma.

d. Finally, therefore, when the petals are unfolded they are therefore transmitters of life or energy from three sources:

d. Sau cùng, khi các cánh hoa được khai mở, chúng trở thành những bộ truyền dẫn sự sống hay năng lượng từ ba nguồn:

1.	The lower self	Lunar Pitri	Knowledge petals.
2.	Ego	Solar Angel	Love petals.
3.	Monad	Father in Heaven	Sacrifice petals.

It then becomes possible for a still higher form of energy to be felt, that which is the energy of the centre of the body of the Heavenly Man or planetary Logos, and which uses the "Jewel in the Lotus" as its focal point.

Khi đó, một hình thức năng lượng còn cao hơn nữa mới có thể được cảm nhận, đó là năng lượng của trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế, và sử dụng "Viên Ngọc trong Hoa Sen" làm tiêu điểm của nó.

In this summation, we have dealt with the main types of energy manifesting in the egoic or causal body. Certain other influences must likewise be considered in connection with the outer tier of petals.

Trong phần tổng kết này, chúng ta đã bàn đến các loại năng lượng chính biểu lộ trong thể chân ngã hay thể nguyên nhân. Một số ảnh hưởng khác cũng phải được xem xét liên hệ với tầng cánh hoa bên ngoài.

e. There is the energy reaching directly to the knowledge petals from the manasic permanent atom. The permanent atoms of the Spiritual Triad, as well as the bodies which are built around them, bring in certain groups of deva lives which have not

e. Có năng lượng đi trực tiếp đến các cánh hoa tri thức từ nguyên tử trường tồn manas. Các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần, cũng như các thân thể được xây dựng quanh chúng, đưa vào một số nhóm sự sống thiên thần mà cho đến nay chưa được

as yet been much considered. They are not the lunar pitris, as that term is commonly understood, but have a direct connection with what is called "the cosmic moon" or to that dying solar system which has the same relation to our system as the moon has to the earth chain. This "cosmic [Page 1113] moon" transmits its energy to the manasic atomic subplane, via the planet Saturn. It is a triple energy and there is an esoteric connection between this triple energy, and Saturn's rings.

xem xét nhiều. Chúng không phải là thái âm tổ phụ, theo cách thuật ngữ đó thường được hiểu, mà có liên hệ trực tiếp với cái được gọi là "mặt trăng vũ trụ" hay với hệ mặt trời đang tàn lụi kia, vốn có cùng mối liên hệ với hệ của chúng ta như mặt trăng có với dãy địa cầu. "Mặt trăng vũ trụ [Page 1113]" này truyền năng lượng của nó đến cõi phụ nguyên tử manas, qua hành tinh Sao Thổ. Nó là một năng lượng tam phân và có một mối liên hệ nội môn giữa năng lượng tam phân này với các vành đai của Sao Thổ.

The old Commentary expresses this truth about an interesting group of sons of manas as follows:

Cổ Luận diễn tả chân lý này về một nhóm thú vị các con của manas như sau:

"These Sons of mind clung to the old and dying form, and refused to leave their Mother. They chose to pass into dissolution with her, but a younger son (Saturn) sought to rescue his brothers, and to this end he built a triple bridge between the old and new. This bridge persists, and forms a path whereon escape is possible.

"Những Con của trí tuệ này bám lấy hình tướng cũ đang tàn lụi, và từ chối rời Mẹ của mình. Họ chọn đi vào sự tan rã cùng với Mẹ, nhưng một người con trẻ hơn (Sao Thổ) đã tìm cách cứu các huynh đệ của mình, và vì mục đích đó y đã xây một cây cầu tam phân giữa cái cũ và cái mới. Cây cầu này vẫn tồn tại, và tạo thành một con đường trên đó sự thoát ra là điều có thể.

Some escaped and came to the help of the incarnating Sons of Mind who had left the Mother for the Father. The greater gulf was bridged. The lesser gulf persisted, and must be bridged by the living Sons of Mind themselves." (This latter clause, refers to the building of the antaskarana.)

Một số đã thoát ra và đến trợ giúp các Con của Trí Tuệ đang nhập thể, những Đấng đã rời Mẹ để đến với Cha. Hố ngăn cách lớn hơn đã được bắt cầu. Hố ngăn cách nhỏ hơn vẫn còn, và phải được chính các Con của Trí Tuệ đang sống bắt cầu." (Mệnh đề sau này ám chỉ việc xây dựng antahkarana.)

The energy transmitted from the manasic permanent atom of each incarnating jiva, its union with its reflection, the energy of the mental unit, and the triple stream of force thus created on the mental plane, has its planetary reflection in the relation of Saturn to another planetary scheme, and the three rings which are energy rings, and symbols of an inner verity.

Năng lượng được truyền từ nguyên tử trường tồn manas của mỗi jiva nhập thể, sự hợp nhất của nó với phản chiếu của nó, năng lượng của đơn vị hạ trí, và dòng mãnh lực tam phân do đó được tạo ra trên cõi trí, có sự phản chiếu hành tinh của nó trong mối liên hệ của Sao Thổ với một hệ hành tinh khác, và ba vành đai là những vành đai năng

lượng, đồng thời là biểu tượng của một chân lý nội tại.

f. Energy also pours in upon the knowledge petals from the egoic group, or from the aggregated knowledge petals of all the other lotuses in the group affiliated with any particular solar Angel. These groups have been earlier dealt with.

f. Năng lượng cũng tuôn vào các cánh hoa tri thức từ nhóm chân ngã, hay từ tổng hợp các cánh hoa tri thức của tất cả các hoa sen khác trong nhóm liên kết với một Thái dương Thiên Thần đặc biệt nào đó. Các nhóm này đã được bàn đến trước đây.

g. Energy is transmitted also to the petals via the groups and emanations from those planetary schemes and streams of force which form the outer petals of that great centre which is our solar system, and which we are told is seen from the higher planes as a twelve-petalled lotus. These streams [Page 1114] do not emanate from the seven sacred planets but from other planetary bodies within the solar Ring-Pass-Not. Streams of force from *the Sacred Planets* play upon the central tier of petals. Herein lies a hint to the wise student, and a clue to the nature of the lower aspect of the solar Angel.

g. Năng lượng cũng được truyền đến các cánh hoa qua các nhóm và các phát xạ từ những hệ hành tinh và những dòng mãnh lực tạo thành các cánh hoa bên ngoài của đại trung tâm là hệ mặt trời của chúng ta, và như chúng ta được cho biết, từ các cõi cao hơn nó được thấy như một hoa sen mười hai cánh. Những dòng này [Page 1114] không phát ra từ bảy hành tinh thiêng liêng mà từ các thiên thể khác bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời. Các dòng mãnh lực từ *các Hành Tinh Thiêng Liêng* tác động lên tầng cánh hoa trung tâm. Chính trong đây có một gợi ý cho đạo sinh minh triết, và một đầu mối về bản chất của phương diện thấp của Thái dương Thiên Thần.

The Love Wisdom Petals. The streams of energy playing upon and through this second tier of petals closely resemble those already dealt with, but originate in differing groups of lives (lunar and solar).

Các cánh hoa Bác Ái – Minh Triết. Các dòng năng lượng tác động lên và xuyên qua tầng cánh hoa thứ hai này rất giống với những dòng đã được bàn đến, nhưng phát sinh từ các nhóm sự sống khác nhau (thái âm và thái dương).

a. The lowest form of energy, reaching this circle, emanates from the lower self, via the astral permanent atom, and the second petal of the outer tier. It is transmuted astral energy; it is more powerful than its correspondence in the first tier, owing to the inherent nature of the astral body, and the fact that it is augmented by the energy of the outer tier itself. This is one of the factors which brings about the more rapid progress

a. Hình thức năng lượng thấp nhất đi đến vòng này phát ra từ phàm ngã, qua nguyên tử trường tồn cảm dục, và cánh hoa thứ hai của tầng ngoài cùng. Đó là năng lượng cảm dục đã được chuyển hoá; nó mạnh hơn sự tương ứng của nó trong tầng thứ nhất, do bản chất cố hữu của thể cảm dục, và do sự kiện nó được tăng cường bởi năng lượng của chính tầng ngoài cùng. Đây là một trong những yếu tố tạo nên sự tiến bộ nhanh hơn

made towards the close of the evolutionary period. There are certain streams of force in the evolution of the Monad which might be regarded as embodying for it the line of least resistance and they are specifically beginning at the lowest:

vào lúc gần cuối thời kỳ tiến hoá. Có những dòng mãnh lực nhất định trong sự tiến hoá của chân thần có thể được xem như hiện thân cho nó của con đường ít trở ngại nhất và chúng bắt đầu một cách chuyên biệt từ mức thấp nhất:

a. Emanations from the vegetable kingdom.

a. Các phát xạ từ giới thực vật.

b. Astral energy.

b. Năng lượng cảm dục.

c. The energy of the second circle of petals.

c. Năng lượng của vòng cánh hoa thứ hai.

d. Buddhic force.

d. Mãnh lực Bồ đề.

e. The activity of the second Logos, planetary or solar.

e. Hoạt động của Thượng đế thứ hai, hành tinh hay thái dương.

This is, of course, only true of this solar system, being the system of regenerative love.

Dĩ nhiên, điều này chỉ đúng đối với hệ mặt trời này, vì đây là hệ của bác ái tái sinh.

b. Another form of influencing energy originates in the inner circle of petals, which is the focal point [Page 1115] of force for the Monad, considered as atma. It must be pointed out that the streams of force which form the "petals of will" have a dynamic activity and (when in action) produce very rapid unfoldment. It is the inner of the two types of force; their mutual interplay provides the necessary stimulus, and results in the opening of the bud and the revelation of the Jewel.

b. Một hình thức năng lượng gây ảnh hưởng khác phát sinh từ vòng cánh hoa bên trong, là tiêu điểm [Page 1115] của mãnh lực cho chân thần, được xét như atma. Cần phải chỉ ra rằng các dòng mãnh lực tạo thành "các cánh hoa ý chí" có một hoạt động năng động và (khi hoạt động) tạo ra sự khai mở rất nhanh. Đây là loại bên trong của hai loại mãnh lực; sự tương tác hỗ tương của chúng cung cấp kích thích cần thiết, và dẫn đến việc nụ hoa mở ra cùng sự mặc khải của Viên Ngọc.

The other types of energy find their correspondence with those already enumerated but I seek only to mention one of them,—that one which reaches the second tier of love petals, via the buddhic permanent atom. The energy thus originating is of a peculiarly interesting kind being the basic energy of all manifestation,

Các loại năng lượng khác tìm thấy sự tương ứng của chúng với những loại đã được liệt kê, nhưng tôi chỉ muốn nhắc đến một loại trong số đó, — loại đi đến tầng thứ hai của các cánh hoa bác ái, qua nguyên tử trường tồn Bồ đề. Năng lượng phát sinh như thế là một loại đặc biệt thú vị vì nó là năng lượng căn bản của mọi biểu lộ, và là tổng số các

and the sum total of the forces which form the sevenfold heart of the physical sun, and which are located within its sheltering luminosity. They in their turn are transmitters of the life-impulses from the heart of the central Spiritual Sun, so that we have a direct graded chain of transmitting energies.

mãnh lực tạo thành trái tim thất phân của mặt trời hồng trần, và được định vị bên trong ánh sáng che chở của nó. Đến lượt mình, chúng là những bộ truyền dẫn các xung lực sự sống từ trái tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương, để rồi chúng ta có một chuỗi truyền dẫn năng lượng trực tiếp theo từng cấp.

a. The Heart of the central Spiritual Sun.

a. Trái tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

b. The sevenfold heart of the physical Sun.

b. Trái tim thất phân của mặt trời hồng trần.

c. The buddhic devas

to

d. The central circle of petals.

e. The astral permanent atom.

f. The heart centre within the Head.

g. The heart centre.

c. Các thiên thần Bồ đề

đến

d. Vòng cánh hoa trung tâm.

e. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

f. Trung tâm tim trong Đầu.

g. Trung tâm tim.

This buddhic energy is the sumtotal of the life force of Vishnu or the Son, Who is the transmitter and representative of a still greater cosmic Deity.

Năng lượng Bồ đề này là tổng số của lực sự sống của Vishnu hay Con, Đấng là bộ truyền dẫn và đại diện của một Thượng đế vũ trụ còn vĩ đại hơn nữa.

All the above serves to demonstrate the oneness of the tiniest unit with the one great informing Life, and shows the integral beauty of the scheme. The life of the greatest cosmic Lord of Love pulsates in infinitesimal degree [Page 1116] in the heart of His tiniest reflection, and for this reason the atom man can likewise say "I too am God; His Life is mine."

Tất cả những điều trên chứng minh tính nhất thể của đơn vị nhỏ bé nhất với một Sự sống thấm nhuần vĩ đại duy nhất, và cho thấy vẻ đẹp toàn vẹn của hệ thống. Sự sống của vị Chúa Tể Bác Ái vũ trụ vĩ đại nhất rung động ở mức vô cùng nhỏ [Page 1116] trong trái tim của phản chiếu nhỏ bé nhất của Ngài, và vì lý do này nguyên tử con người cũng có thể nói "Tôi cũng là Thượng đế; Sự sống của Ngài là của tôi."

The Sacrifice Petals. The energies or forces flowing through, and thus producing activity in the inner tier of petals, *the Sacrifice Petals*, are again similar in nature to those already enumerated, plus a definite stimulation of power in two directions.

Các cánh hoa hi sinh. Các năng lượng hay mãnh lực chảy qua, và do đó tạo ra hoạt động trong tầng cánh hoa bên trong, *các cánh hoa hi sinh*, lại tương tự về bản chất với những loại đã được liệt kê, cộng thêm một sự kích thích quyền năng xác định theo hai hướng.

One stimulating influence comes from the Will Aspect of the Monad, and thus (through transmission) from the first Aspect of the planetary Logos, and the other emanates from the "Sacred Bud which veils the Jewel." This is a particularly strong vibration because, when the inner circle is unfolded, the jewel is revealed, and the three "veils" or "sacred petals" open successively when the three tiers unfold.

Một ảnh hưởng kích thích đến từ Phương diện Ý Chí của chân thần, và do đó (qua sự truyền dẫn) từ Phương diện thứ nhất của Hành Tinh Thượng Đế, còn ảnh hưởng kia phát ra từ "Nụ Thiêng che phủ Viên Ngọc." Đây là một rung động đặc biệt mạnh bởi vì, khi vòng bên trong được khai mở, viên ngọc được tiết lộ, và ba "tấm màn" hay "các cánh hoa thiêng" mở ra tuần tự khi ba tầng được khai mở.

It is thus apparent what numerous energising agencies are responsible for the "motion," occultly understood, of the egoic lotus. There is the inherent life of the atomic units forming each petal, and the circulatory life of the petal itself, regarding it as an individual unit. There is likewise the life of the circle of three petals and to this we must add the unified activity of the outer three circles, or the blending of *knowledge forces* absorbed from the personal self, of *love forces* which are the natural energies of the solar Angel, and of *sacrifice forces* pouring in from the Monad. Thus we have a marvellous aggregate of streams of energies, all representing interior and still greater (because cosmic) energies.

Do đó, hiển nhiên là có vô số tác nhân tiếp năng lượng chịu trách nhiệm cho "chuyển động", theo nghĩa huyền bí, của Hoa Sen Chân Ngã. Có sự sống cố hữu của các đơn vị nguyên tử tạo thành mỗi cánh hoa, và sự sống tuần hoàn của chính cánh hoa, khi xem nó như một đơn vị cá biệt. Cũng có sự sống của vòng ba cánh hoa và vào đó chúng ta phải thêm hoạt động hợp nhất của ba vòng bên ngoài, hay sự hòa trộn của các *mãnh lực tri thức* được hấp thụ từ phàm ngã, của các *mãnh lực bác ái* là những năng lượng tự nhiên của Thái dương Thiên Thần, và của các *mãnh lực hi sinh* tuôn vào từ chân thần. Như thế, chúng ta có một tổng hợp kỳ diệu của các dòng năng lượng, tất cả đều biểu hiện những năng lượng nội tại và còn lớn hơn nữa (vì là vũ trụ).

Finally, we have the dynamic force of the "Jewel" at the Heart, which is itself the focal point for the life of the planetary Logos, and through the planetary Logos of all the other Logoi.

Sau cùng, chúng ta có mãnh lực năng động của "Viên Ngọc" ở Trung Tâm, bản thân nó là tiêu điểm cho sự sống của Hành Tinh Thượng Đế, và qua Hành Tinh Thượng Đế là của tất cả các Thượng đế khác.

Thus the potentialities latent in the incarnating jiva are stupendous, and he can become as God, provided he submits to the evolutionary process, and does not "refrain [Page 1117] from being stretched upon the wheel." Thus the expansions of consciousness, which will admit an individual point of spiritual life into the councils, and the Wisdom of the Deity, are no idle promise but are guaranteed by the very constitution of the vehicle employed, and the place in the scheme of the "developing Point," as the Ego is sometimes called. Naught in time and space can hinder, for every form being simply an expression of energised life, tends to serve every other form. Stimulation of some kind, the tendency to increase the vibration of contacting streams of energy, the accentuation of the activity of each centralised point as it contacts other points in the general heightening of the vibration through the interplay of those forces, all this sweeps the entire system on to its consummation, and to the revelation of the "glory which shall some day be revealed. *(Bible. I. Peter, 5:1.)* All these forces form the aggregate of what is called "fohatic life." As the system, or the body of the Logos, is carried forward through the energy in all its parts, so is each infinitesimal part speeded on to its similar individual glorification. The many which form the All, and the units which constitute the One, cannot be differentiated as the consummation is achieved. They are merged, and lost in the general "beatific light," as it is sometimes called. We can then extend the concept somewhat further, and realise the cosmic interplay which is likewise being carried forward. We can picture the cosmic stimulation and intensification which proceeds as constellations form the units in the Whole instead of planets or human

Như vậy, các tiềm năng tiềm ẩn trong jiva nhập thể là vô cùng to lớn, và y có thể trở nên như Thượng đế, miễn là y thuận phục tiến trình tiến hoá, và không "từ chối [Page 1117] bị căng trên bánh xe." Như vậy, những sự mở rộng tâm thức, vốn sẽ cho phép một điểm cá biệt của sự sống tinh thần đi vào các hội đồng và Minh triết của Thượng đế, không phải là lời hứa suông mà được bảo đảm bởi chính cấu tạo của vận cụ được sử dụng, và bởi vị trí trong hệ thống của "Điểm đang phát triển," như Chân ngã đôi khi được gọi. Không gì trong thời gian và không gian có thể cản trở, vì mọi hình tướng, chỉ đơn giản là một biểu hiện của sự sống được tiếp năng lượng, đều có khuynh hướng phụng sự mọi hình tướng khác. Sự kích thích thuộc một loại nào đó, khuynh hướng làm tăng rung động của các dòng năng lượng tiếp xúc, sự nhấn mạnh hoạt động của mỗi điểm được tập trung khi nó tiếp xúc với các điểm khác trong sự nâng cao tổng quát của rung động qua sự tương tác của các mãnh lực ấy, tất cả điều này cuốn toàn bộ hệ mặt trời tiến đến sự viên mãn của nó, và đến sự mặc khải của "vinh quang sẽ có ngày được bày tỏ. *(Kinh Thánh. I. Peter, 5:1.)* Tất cả các mãnh lực này tạo thành tổng thể của cái được gọi là "sự sống fohat." Cũng như hệ mặt trời, hay thân thể của Thượng đế, được đưa tiến lên nhờ năng lượng trong mọi phần của nó, thì mỗi phần vô cùng nhỏ bé cũng được thúc đẩy đến sự vinh hiển cá biệt tương tự của nó. Nhiều cái tạo thành Toàn Thể, và các đơn vị cấu thành Đấng Duy Nhất, không thể bị phân biệt khi sự viên mãn được đạt đến. Chúng được hòa nhập, và mất đi trong "ánh sáng chí phúc" tổng quát, như đôi khi được gọi như vậy. Khi đó chúng ta có thể mở rộng khái niệm thêm đôi chút, và chứng nghiệm sự tương tác vũ trụ cũng đang được xúc tiến. Chúng ta có thể hình dung sự kích thích và tăng cường vũ trụ diễn ra khi các chòm sao tạo thành các đơn vị trong Toàn Thể thay vì

atoms. Whole suns with their allied systems in their immensity play the part of atoms. Thus some idea may be gained of the unified purpose underlying the turning of the great Wheel of the cosmic Heaven, and the working through of the life purposes of those stupendous Existences Who [Page 1118] hold a position in the cosmic Hierarchy similar to that of the "ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID."

các hành tinh hay các nguyên tử người. Những mặt trời toàn vẹn cùng các hệ liên kết của chúng trong sự bao la của chúng đóng vai trò của các nguyên tử. Như vậy có thể đạt được một vài ý niệm về mục đích hợp nhất nằm bên dưới sự quay của Bánh Xe vĩ đại của Bầu Trời vũ trụ, và sự vận hành các mục đích sự sống của những Hiện Hữu vĩ đại ấy, các Đấng [Page 1118] giữ một vị trí trong Huyền Giai vũ trụ tương tự như vị trí của "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ."

It is not possible to give students an adequate idea of the beauty of the egoic lotus when it has reached the stage of complete unfoldment. The radiancy of its colour is not here referred to, but the brilliancy of the fires, and the rapid scintillation of the ceaselessly moving streams and points of energy. Each petal pulsates with quivering fire "points," and each tier of petals vibrates with life, whilst at the centre glows the Jewel, raying forth streams of energy from the centre to the periphery of the outermost circle.

Không thể đem lại cho đạo sinh một ý niệm đầy đủ về vẻ đẹp của Hoa Sen Chân Ngã khi nó đã đạt đến giai đoạn khai mở hoàn toàn. Ở đây không nói đến sự rực rỡ của màu sắc của nó, mà là sự chói sáng của các ngọn lửa, và sự lấp lánh nhanh chóng của các dòng và các điểm năng lượng chuyển động không ngừng. Mỗi cánh hoa rung động với những "điểm" lửa run rẩy, và mỗi tầng cánh hoa rung động với sự sống, trong khi ở trung tâm Viên Ngọc rực sáng, phóng ra các dòng năng lượng từ trung tâm đến chu vi của vòng ngoài cùng.

The fires of living energy circulate around each individual petal and the method of interweaving and the circulation of the fires is (as may be well realised) sevenfold in nature according to the sevenfold nature of the Logos involved. Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and revolves around the central Jewel, so that we have, not only the activity of the petals, not only the activity of the living points or the deva lives within the petal circumference, but likewise the unified activity of each tier of the threefold lotus. At a specific stage in evolution, prior to the opening of the central veiling bud, the three tiers of petals, considered as a unit, begin to revolve, so that the entire lotus appears to be in motion. At the final stages the central

Các ngọn lửa của năng lượng sống động lưu chuyển quanh mỗi cánh hoa riêng biệt và phương pháp đan kết cùng sự lưu chuyển của các ngọn lửa ấy là (như có thể dễ dàng chứng nghiệm) có bản chất thất phân tùy theo bản chất thất phân của Thượng đế liên hệ. Mỗi vòng cánh hoa cũng trở nên hoạt động khi tiến hoá diễn ra, và quay quanh Viên Ngọc trung tâm, để rồi chúng ta không chỉ có hoạt động của các cánh hoa, không chỉ có hoạt động của các điểm sống động hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa, mà còn có hoạt động hợp nhất của mỗi tầng của hoa sen tam phân. Ở một giai đoạn chuyên biệt trong tiến hoá, trước khi nụ che phủ trung tâm mở ra, ba tầng cánh hoa, được xem như một đơn vị, bắt đầu quay, đến nỗi toàn bộ hoa sen dường như đang chuyển

circle of petals opens, revealing that which is hid, and revolves around the Jewel, only in a contrary direction to the rapidly circulating outer lotus. The reason may not here be revealed for it is hid in the nature of the electric Fire of Spirit itself.

động. Ở các giai đoạn cuối cùng, vòng cánh hoa trung tâm mở ra, tiết lộ điều bị che giấu, và quay quanh Viên Ngọc, nhưng theo chiều ngược lại với hoa sen bên ngoài đang lưu chuyển nhanh chóng. Lý do không thể được tiết lộ ở đây vì nó ẩn giấu trong chính bản chất của Lửa Điện của Tinh thần.

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; it pulsates rhythmically as does the heart of man, and from it ray forth eight streams of living fire which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold [Page 1119] energy is atma-buddhi. It is this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego. The knowledge petals, not being the subject of the attention of this central fire in due time cease to be active; knowledge is superseded by divine wisdom and the love petals have their forces equally absorbed. Naught is eventually left but the desire to "sacrifice," and as the vibratory impulse is akin to the nature of the living Jewel, it is synthesised in the central living unit and only the Jewel of fire remains. When all the petals have merged their forces elsewhere, the process of revelation is completed. The lower fires die out; the central fire is absorbed, and only the radiant point of electric fire persists. Then a curious phenomenon is to be seen at the final Initiation. The Jewel of fire blazes forth as seven jewels within the one, or as the sevenfold electric spark, and in the intensity of the blaze thus created is reabsorbed into the Monad or the One. This process is paralleled at the final consummation of solar evolution when the seven Suns blaze forth before the great Pralaya.

Bản thân Viên Ngọc vẫn đứng yên một cách huyền bí, và không lưu chuyển. Nó là một điểm bình an; nó rung động theo nhịp điệu như trái tim con người, và từ nó phóng ra tám dòng lửa sống động kéo dài đến chóp của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh. Năng lượng bát phân [Page 1119] này là atma-buddhi. Chính sự phóng chiếu cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể Chân ngã. Các cánh hoa tri thức, vì không là đối tượng của sự chú ý của ngọn lửa trung tâm này, đến lúc thích hợp sẽ ngừng hoạt động; tri thức được thay thế bởi minh triết thiêng liêng và các cánh hoa bác ái cũng có các mãnh lực của chúng được hấp thụ tương tự. Cuối cùng không còn lại gì ngoài khát vọng "hi sinh," và vì xung lực rung động này tương đồng với bản chất của Viên Ngọc sống động, nên nó được tổng hợp trong đơn vị sống động trung tâm và chỉ còn lại Viên Ngọc lửa. Khi tất cả các cánh hoa đã hợp nhất các mãnh lực của chúng ở nơi khác, tiến trình mặc khải được hoàn tất. Các ngọn lửa thấp tắt đi; ngọn lửa trung tâm được hấp thụ, và chỉ còn điểm rực sáng của Lửa Điện tồn tại. Khi đó một hiện tượng kỳ lạ được thấy vào lần điểm đạo cuối cùng. Viên Ngọc lửa bùng cháy như bảy viên ngọc trong một, hay như tia lửa điện thất phân, và trong cường độ của ngọn lửa được tạo ra như thế, nó được tái hấp thụ vào chân thần hay Đấng Duy Nhất. Tiến trình này song hành với sự viên mãn cuối cùng của tiến hoá thái dương khi bảy Mặt Trời bùng cháy trước Đại giai kỳ qui nguyên.

All these modes of expression are but pictures which serve to convey some small idea of the beauty, and the intricacy of the divine process as it is carried on in the microcosm, and in the macrocosm. They all serve to limit and circumscribe the reality, but to the man who has the divine eye in process of opening, and to him who has the faculty of the higher intuition awakened, such pictures serve as a clue or key to the higher interpretation. They reveal to the student certain ideas as to the nature of fire.

Tất cả những phương thức diễn đạt này chỉ là những bức tranh nhằm truyền đạt một vài ý niệm nhỏ về vẻ đẹp và sự phức tạp của tiến trình thiêng liêng khi nó được thực hiện trong tiểu thiên địa và trong đại thiên địa. Tất cả chúng đều có tác dụng giới hạn và khoanh vùng thực tại, nhưng đối với người mà con mắt thiêng liêng đang trong tiến trình mở ra, và đối với người mà năng lực trực giác cao hơn đã được đánh thức, những bức tranh như thế đóng vai trò như một đầu mối hay chìa khóa cho sự diễn giải cao hơn. Chúng tiết lộ cho đạo sinh một số ý tưởng nhất định về bản chất của lửa.

S9S5 Text

In concluding what is to be said anent motion in the causal body, I would like to point out that it too—on its own plane—has the three characteristics of inertia, mobility and rhythm.

Để kết thúc những gì cần nói về chuyển động trong thể nguyên nhân, tôi muốn chỉ ra rằng nó cũng — trên cõi riêng của nó — có ba đặc tính là Quán tính, tính động và nhịp điệu.

Inertia characterises the stage prior to the revolution of the different tiers of petals, and this revolution only begins [Page 1120] to be felt when the petals are becoming active. It might be stated that the passing of the Pilgrim through the Hall of Ignorance corresponds to the period of "egoic inertia." During this period, the permanent atoms are the most noticeable points of light in the lotus; they constitute the "energy feeders" of the petal. Later, as the Pilgrim on the physical plane becomes more active and the egoic lotus is consequently unfolding with greater rapidity, the stage of *mobility* supervenes, and the circles commence their revolution. Finally, when the man treads the Path and his purpose is intensified, the central bud unfolds, the revolution is unified, and through the raying forth of the fires of the Jewel, a specific rhythm is

Quán tính đặc trưng cho giai đoạn trước khi các tầng cánh hoa khác nhau quay, và sự quay này chỉ bắt đầu [Page 1120] được cảm nhận khi các cánh hoa đang trở nên hoạt động. Có thể nói rằng việc Người Hành Hương đi qua Phòng Vô Minh tương ứng với thời kỳ "quán tính chân ngã." Trong thời kỳ này, các Nguyên tử trường tồn là những điểm sáng đáng chú ý nhất trong hoa sen; chúng cấu thành các "bộ tiếp năng lượng" của cánh hoa. Về sau, khi Người Hành Hương trên cõi hồng trần trở nên hoạt động hơn và do đó Hoa Sen Chân Ngã khai mở nhanh hơn, giai đoạn *tính động* xuất hiện, và các vòng bắt đầu quay. Sau cùng, khi con người bước trên Con Đường và mục đích của y được tăng cường, nụ trung tâm khai mở, sự quay được hợp nhất, và qua sự phóng chiếu của các ngọn lửa của Viên Ngọc, một nhịp điệu chuyên biệt được áp đặt lên hoa sen, và

imposed upon the lotus, and its energies are stabilised. This rhythm is diverse according to the type of Monad concerned, or the nature of the planetary Logos of a man's ray, his divine Prototype.

By the use of certain terms, information is conveyed to the Workers of the planet, the Brotherhood of Light, as to the *nature* of Ego concerned, the *quality* of his Ray, the number of his vibration, and the point of evolution attained. It will be apparent therefore, why it is not permitted here to make public the names of the seven rhythmic groups.

One of the effects produced in the lower man via the centres, through the unified activity of the causal body, is the co-ordination of the lower energies of the human being. These lower energies, as we know, demonstrate through the medium of:

a. The three groups of centres in the three bodies.

b. The etheric body itself.

c. Certain centres in the physical body such as the pineal gland, the pituitary body and the spleen.

We are not here referring to the work of those centres as it is self-initiated because inherent in their very nature, [Page 1121] but to the effects to be seen in them as the three tiers of petals function with increasing coherence, and the force latent in the Jewel makes its presence felt. It might specifically be said that these effects show themselves in a threefold manner:

các năng lượng của nó được ổn định. Nhịp điệu này khác nhau tùy theo loại chân thần liên hệ, hay bản chất của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung của một người, Nguyên Mẫu thiêng liêng của y.

Bằng việc sử dụng một số thuật ngữ nhất định, thông tin được truyền đạt cho những Người Hoạt Động của hành tinh, Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, về *bản chất* của Chân ngã liên hệ, *phẩm tính* của cung của y, con số rung động của y, và điểm tiến hoá đã đạt được. Vì vậy, sẽ hiển nhiên tại sao ở đây không được phép công khai các tên của bảy nhóm nhịp điệu.

Một trong những hiệu quả được tạo ra trong phàm nhân qua các trung tâm, nhờ hoạt động hợp nhất của thể nguyên nhân, là sự phối hợp các năng lượng thấp của con người. Những năng lượng thấp này, như chúng ta biết, biểu lộ qua trung gian của:

a. Ba nhóm trung tâm trong ba thân thể.

b. Chính thể dĩ thái.

c. Một số trung tâm trong thể xác như tuyến tùng, tuyến yên và lá lách.

Ở đây chúng ta không đề cập đến công việc của các trung tâm ấy khi nó được tự khởi xướng vì vốn có trong chính bản chất của chúng, [Page 1121] mà là đến những hiệu quả được thấy trong chúng khi ba tầng cánh hoa vận hành với sự cố kết ngày càng tăng, và mãnh lực tiềm ẩn trong Viên Ngọc làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận. Có thể nói một cách chuyên biệt rằng những hiệu quả này biểu lộ theo lối tam phân:

First, they cause the group of "wheels" or centres on each plane (or in each of the subtler vehicles) to become fourth dimensional, and to function as "wheels which turn upon themselves."

Thứ nhất, chúng khiến nhóm các "bánh xe" hay trung tâm trên mỗi cõi (hay trong mỗi vận cụ tinh tế hơn) trở thành bốn chiều, và vận hành như "những bánh xe tự quay trên chính mình."

Secondly, they produce the orderly distribution of force by the forming of various triangles of energy within the bodies. This has been earlier dealt with, and it is only necessary here to point out that it is the energy, accumulating in the causal body and from thence making its presence felt, which produces among the centres the esoteric circulation of force which eventually links each centre up in a peculiar geometrical fashion, thus bringing every part of the nature of the lower man into subjection.

Thứ hai, chúng tạo ra sự phân phối mãnh lực có trật tự bằng việc hình thành các tam giác năng lượng khác nhau bên trong các thân thể. Điều này đã được bàn đến trước đây, và ở đây chỉ cần chỉ ra rằng chính năng lượng tích lũy trong thể nguyên nhân và từ đó làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận, tạo ra giữa các trung tâm sự lưu chuyển nội môn của mãnh lực, cuối cùng nối kết mỗi trung tâm lại theo một cách hình học đặc biệt, nhờ đó đưa mọi phần của bản chất phàm nhân vào sự phục tùng.

Thirdly, they bring about the stimulation of certain of the glands of the body which are deemed at present purely physical, and thus enable the solar Angel to grip and hold to His purpose the *dense* physical body.

Thứ ba, chúng đem lại sự kích thích cho một số tuyến của thân thể mà hiện nay được xem là thuần túy hồng trần, và do đó giúp Thái dương Thiên Thần nắm giữ thể xác đậm đặc và khiến nó phục vụ mục đích của Ngài.

It may be helpful if the student bears in mind the fact that every centre may be considered as an evidence of solar energy or fire, manifesting as a medium of lower energy or fire by friction. Where these centres exist the solar Angel is enabled gradually to impose his rhythm and vibration upon that which vibrates to what is regarded as a lower rhythm. Thus He gradually swings the entire lower form-substance into His control.

Sẽ hữu ích nếu đạo sinh ghi nhớ sự kiện rằng mỗi trung tâm có thể được xem như một bằng chứng của năng lượng thái dương hay lửa, biểu lộ như một môi trường của năng lượng thấp hơn hay lửa ma sát. Ở nơi nào các trung tâm này hiện hữu, Thái dương Thiên Thần có thể dần dần áp đặt nhịp điệu và rung động của Ngài lên cái đang rung động theo điều được xem là một nhịp điệu thấp hơn. Như vậy Ngài dần dần đưa toàn bộ chất liệu hình tướng thấp vào sự kiểm soát của Ngài.

Before the final liberation but *after* the major part of the purificatory and aligning processes are complete, the vehicles of the initiate present a wonderful appearance, due

Trước khi được giải thoát tối hậu nhưng *sau* khi phần lớn các tiến trình thanh luyện và chỉnh hợp đã hoàn tất, các vận cụ của điểm đạo đồ biểu lộ một sắc tướng kỳ diệu, do các

to the streams of energy from the egoic body which [Page 1122] can reach him. The egoic lotus is unfolded, and the central "fire" displayed. Each petal and each circle of petals is pulsating with life and colour, and is in active movement, revolving with great rapidity and with the stream of living energy circulating in every part of the lotus. The three permanent atoms glow and blaze and form, through their rapid revolution and interplay, what appears to be a blazing point of fire, so that it has been called at times "the reflection of the Jewel in the Mother's forehead." The eighteen centres on the three planes (four on the mental and seven on each of the two lower planes) are radiant wheels of fire, each group distinguished by a specific colour, and revolving with such rapidity that the eye can scarce follow them. The bodies are formed of the highest grades of substance, each individual atom, therefore, being capable of intensified vibration, and glowing with the light of its own central fire. The etheric body especially is to be noticed as it is a transmitter at this stage of the purest type of prana, and deserves the name sometimes given to it of "the body of the Sun." It is the envelope which holds the fires of the microcosmic system; in it are centred not only the pranic fires, but those seven centres which are the transmitters of all the higher energies from the Ego, and from the two higher material bodies. All is centralised, and the etheric vehicle waits for use on the physical plane in co-operation with the dense medium until the man can succeed in linking the consciousness of the two aspects of the dense body so that the continuity is preserved. This work accomplished, the three centres which are of a strictly physical nature—the pineal gland, the pituitary body and the spleen-themselves become luminous and radiant, and all the fires of the body are so stimulated that the atoms which

dòng năng lượng từ thể chân ngã mà [Page 1122] có thể đến được với y. Hoa Sen Chân Ngã được khai mở, và "lửa" trung tâm được hiển lộ. Mỗi cánh hoa và mỗi vòng cánh hoa đều rung động với sự sống và màu sắc, và ở trong chuyển động tích cực, quay với tốc độ lớn cùng với dòng năng lượng sống lưu chuyển trong mọi phần của hoa sen. Ba nguyên tử trường tồn rực sáng và bừng cháy, và qua sự quay nhanh cùng sự tương tác của chúng, tạo thành điều trông như một điểm lửa chói sáng, đến nỗi đôi khi nó được gọi là "sự phản chiếu của Viên Ngọc trên trán của Mẹ." Mười tám trung tâm trên ba cõi (bốn trên cõi trí và bảy trên mỗi cõi trong hai cõi thấp hơn) là những bánh xe lửa rực rỡ, mỗi nhóm được phân biệt bằng một màu sắc đặc thù, và quay nhanh đến mức mắt hầu như không thể theo kịp. Các thân thể được cấu thành từ những cấp độ chất liệu cao nhất, vì thế mỗi nguyên tử riêng biệt đều có khả năng rung động mãnh liệt hơn, và rực sáng bằng ánh lửa trung tâm của chính nó. Đặc biệt cần lưu ý đến thể dĩ thái vì ở giai đoạn này nó là một bộ truyền dẫn loại prana tinh khiết nhất, và xứng đáng với tên đôi khi được gọi cho nó là "thân thể của Mặt Trời." Nó là lớp bao giữ các ngọn lửa của hệ thống tiểu thiên địa; trong nó tập trung không chỉ các lửa prana, mà còn bảy trung tâm là những bộ truyền dẫn mọi năng lượng cao hơn từ Chân ngã, và từ hai thể chất liệu cao hơn. Mọi sự đều được tập trung hoá, và vận cụ dĩ thái chờ được sử dụng trên cõi hồng trần trong sự hợp tác với môi trường đậm đặc cho đến khi con người có thể thành công trong việc nối kết tâm thức của hai phương diện của thể xác đậm đặc để sự liên tục được duy trì. Khi công việc này hoàn tất, ba trung tâm có bản chất thuần hồng trần—tuyến tùng, tuyến yên và lá lách—tự chúng trở nên sáng chói và rực rỡ, và mọi ngọn lửa của thân thể đều được kích thích đến mức các nguyên tử cấu thành vỏ bọc hồng trần dường như phát quang. Đây là chân lý huyền

form the physical sheath appear to radiate. This is the occult truth behind the belief that every messenger from the Lodge and every Saviour [Page 1123] of man is naturally a healer. The forces which flow through a man whose atoms, centres, sheaths, and causal body form a coherent unit in full and radiant activity are of such strength and purity as to have a definite effect upon the nature of those they contact. They heal, stimulate and increase the vibration of their fellow men.

bí nằm sau niềm tin rằng mọi sứ giả từ Thánh đoàn và mọi Đấng Cứu Thế [Page 1123] của nhân loại theo bản nhiên đều là một người chữa lành. Các mãnh lực tuôn qua một con người mà các nguyên tử, trung tâm, vỏ bọc và thể nguyên nhân của y tạo thành một đơn vị nhất quán trong hoạt động viên mãn và rực sáng thì có sức mạnh và sự tinh khiết đến mức tạo ra một ảnh hưởng xác định lên bản chất của những người mà chúng tiếp xúc. Chúng chữa lành, kích thích và gia tăng rung động của những người đồng loại của y.

All this must be somewhat realised and visioned before a man on the physical plane will be willing to undergo the purifying discipline, and tread the Path whereby he finds his centre and works from that standpoint of power. He has to align these various factors, or energy centres, and thus bring on to the physical plane power to be used in the healing of the nations. When the glory of a man's inner God is seen, when his radiance shines forth then will it be said of him as of those who have preceded him along the Path: "Then shall the Sun of Righteousness arise with healing in his wings." *(Bible. Malachi, 4:2.)*

Tất cả điều này phải được phần nào chứng nghiệm và hình dung trước khi một người trên cõi hồng trần sẵn lòng trải qua kỷ luật thanh luyện, và bước đi trên Con Đường nhờ đó y tìm thấy trung tâm của mình và hoạt động từ điểm tựa quyền năng ấy. Y phải chỉnh hợp các yếu tố khác nhau này, hay các trung tâm năng lượng, và như thế mang xuống cõi hồng trần quyền năng để dùng vào việc chữa lành các quốc gia. Khi vinh quang của Thượng đế nội tại của một người được nhìn thấy, khi sự rạng ngời của y chiếu tỏa ra, khi ấy người ta sẽ nói về y như đã nói về những vị đi trước y trên Con Đường: "Bấy giờ Mặt Trời của Chính Nghĩa sẽ mọc lên với sự chữa lành trong đôi cánh của mình." *(Kinh Thánh. Malachi, 4:2.)*

There are, in connection with human evolution, certain factors which produce definite and important results, when connected with each other through linking streams of energy and therefore consciously functioning. These factors might be considered as follows, dividing them into two groups, each of them emphasising the duality of the microcosmic manifestation:

Liên quan đến tiến hoá nhân loại, có một số yếu tố tạo ra những kết quả xác định và quan trọng khi được nối kết với nhau qua các dòng năng lượng liên kết và do đó hoạt động một cách hữu thức. Những yếu tố này có thể được xét như sau, chia thành hai nhóm, mỗi nhóm nhấn mạnh tính nhị nguyên của biểu hiện tiểu thiên địa:

Group I.

Nhóm I.

1. The Knowledge Petals.

2. The knowledge petal in each of the two inner circles.

3. The centres on the mental plane.

4. The throat centre in etheric matter.

5. The alta major centre.

6. The physical brain.

Group II.

1. The Love Petals.

2. The love petal in each circle. [Page 1124]

3. The centres on the astral plane.

4. The heart centre in etheric matter.

5. The pituitary body.

6. The sympathetic nervous system.

These various alignments (when functioning with due adjustment) result in the transmission of energy in the first case from the manasic permanent atom, and in the second case from the buddhic permanent atom. It will be apparent, therefore, how important it is that the student duly considers the process of bringing about a uniform alignment, and a conscious appreciation of the vibratory processes of these two groups. As he brings this adjustment about, the effect upon the physical plane will be the manifestation of

1. Các cánh hoa tri thức.

2. Cánh hoa tri thức trong mỗi vòng của hai vòng bên trong.

3. Các trung tâm trên cõi trí.

4. Trung tâm cổ họng trong chất liệu dĩ thái.

5. Trung tâm alta major.

6. Bộ não hồng trần.

Nhóm II.

1. Các cánh hoa bác ái.

2. Cánh hoa bác ái trong mỗi vòng. [Page 1124]

3. Các trung tâm trên cõi cảm dục.

4. Trung tâm tim trong chất liệu dĩ thái.

5. Tuyến yên.

6. Hệ thần kinh giao cảm.

Các chỉnh hợp khác nhau này (khi hoạt động với sự điều chỉnh thích đáng) đưa đến sự truyền dẫn năng lượng trong trường hợp thứ nhất từ nguyên tử trường tồn manas, và trong trường hợp thứ hai từ nguyên tử trường tồn Bồ đề. Vì vậy, sẽ thấy rõ tầm quan trọng của việc đạo sinh cân nhắc đúng mức tiến trình tạo ra một sự chỉnh hợp đồng đều, và một sự đánh giá hữu thức về các tiến trình rung động của hai nhóm này. Khi y tạo ra được sự điều chỉnh này, hiệu quả trên cõi hồng trần sẽ là sự biểu lộ các quyền năng của linh hồn, và năng lực chữa lành; con người

the powers of the Soul, and of the healing capacity; the man will become a focal point for egoic energy and a server of his race. The black magician brings about similar results by means of the first group, only with the exception that he cannot align the knowledge petals in the two inner groups, as the love-wisdom aspect is atrophied in his case. He does, however, bring through the energy of the manasic permanent atom, for the force of Mahat (of which Manas is an expression) is closely connected with what is erroneously called "evil." Mahat and cosmic Evil have a close connection.

sẽ trở thành một tiêu điểm cho năng lượng chân ngã và là một người phụng sự cho nhân loại của mình. Nhà hắc thuật cũng tạo ra những kết quả tương tự bằng phương tiện của nhóm thứ nhất, chỉ trừ một điều là y không thể chỉnh hợp các cánh hoa tri thức trong hai nhóm bên trong, vì phương diện bác ái-minh triết đã bị teo lại trong trường hợp của y. Tuy nhiên, y vẫn dẫn truyền năng lượng của nguyên tử trường tồn manas, vì mãnh lực của Mahat (mà Manas là một biểu hiện) có liên hệ mật thiết với điều bị gọi sai lầm là "ác." Mahat và Ác vũ trụ có một liên hệ gần gũi.

The great Existences Who are the principle of Mahat in its cosmic sense are connected with the lesser existences who express systemic evil. They are the sum total of the separative instrument, and where separation in any *form* exists, there is to be found ignorance, and therefore evil. Separation negates comprehension, or knowledge of that which is to be found outside the separated consciousness, for separative knowledge entails identification with that which is expressing itself through the medium of a form. Therefore, the Brothers of the Shadow can, and do, reach high levels along one aspect of consciousness, and touch certain specific heights of [Page 1125] spiritual evil, going a great way along the line of Mahat, or knowledge, the principle of Universal Mind. They can reach, in their later stages, expansions of consciousness and of power that will take them far beyond the confines of our solar system, and give them attributes and capacities which prove a menace to the unfolding of the second Aspect.

Các Đấng Hiện Hữu vĩ đại là nguyên khí của Mahat theo nghĩa vũ trụ có liên hệ với các hiện hữu nhỏ hơn biểu lộ cái ác của hệ mặt trời. Các Ngài là tổng thể của công cụ phân ly, và ở đâu sự phân ly dưới bất kỳ *hình tướng* nào tồn tại, ở đó có thể tìm thấy vô minh, và do đó là điều ác. Sự phân ly phủ nhận sự thấu hiểu, hay tri thức về điều được tìm thấy bên ngoài tâm thức bị tách biệt, vì tri thức phân ly kéo theo sự đồng hoá với điều đang biểu lộ qua trung gian của một hình tướng. Vì vậy, các Huynh Đệ của Bóng Tối có thể, và thực sự, đạt đến các cấp độ cao theo một phương diện của tâm thức, và chạm tới những đỉnh cao đặc thù nào đó của [Page 1125] điều ác tinh thần, đi rất xa trên đường của Mahat, hay tri thức, nguyên khí của Vũ Trụ Trí. Trong các giai đoạn sau này, họ có thể đạt đến những mở rộng của tâm thức và quyền năng đưa họ vượt xa các giới hạn của hệ mặt trời chúng ta, và ban cho họ những thuộc tính và năng lực chứng tỏ là một mối đe doạ đối với sự khai mở của Phương diện thứ hai.

The first group of alignments, when not balanced by the second group, is the line of the black magician; it will lead him

Nhóm chỉnh hợp thứ nhất, khi không được cân bằng bởi nhóm thứ hai, là con đường của nhà hắc thuật; cuối cùng nó sẽ dẫn y ra khỏi

eventually out of the stream of fivefold energy we call *manasic* on to the cosmic path of fohatic energy, the strictly mahatic. When on that Path two directions are possible to him; one will keep him in touch with the natural substance aspect concerned with the cosmic incarnations of *our* solar Logos; the other will sweep him on to that centre in the universe which is the emanating source of the mahatic principle; it is the focal point where is generated that type of energy which makes possible the *dense* physical manifestation of Gods and men.

dòng năng lượng ngũ phân mà chúng ta gọi là *manas* đến con đường vũ trụ của năng lượng fohat, tức cái thuần túy mahatic. Khi ở trên Con Đường đó, có hai hướng mở ra cho y; một hướng sẽ giữ y tiếp xúc với phương diện chất liệu tự nhiên liên quan đến các lần lâm phàm vũ trụ của *Thái dương Thượng đế* chúng ta; hướng kia sẽ cuốn y đến trung tâm trong vũ trụ là nguồn phát xạ của nguyên khí mahatic; đó là tiêu điểm nơi loại năng lượng làm cho sự biểu hiện hồng trần *đậm đặc* của các Thượng đế và con người trở nên khả hữu được phát sinh.

In making this statement, it is necessary to bear in mind that the dense physical sheath is never considered a principle. It is ever deemed *occultly* evil. The matter might be more simply expressed by stating that the black adept is frankly concerned with what is termed "the residue of that which earlier was." He responds to the vibration of the solar system of an earlier greater cycle in which the knowledge, or the manasic principle, was the goal of achievement. He does not respond to the impulse of this solar system, but this lack of response is hid in the karma of the earlier manifestation. As we know, the Sons of Mind or the incarnating jivas are the returning nirvanis of a previous logoic incarnation. They have achieved mind, and need love. Some few, through a mysterious cycle of events inexplainable to man in this solar system, repudiated opportunity and linked themselves with that great deva existence which is the impulse [Page 1126] of the dense physical, and they cannot loose themselves. Their destination, as well as his, is hidden in the plans of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and in this solar system there is no hope for them. Fortunately, they are little likely to make themselves known to

Khi đưa ra phát biểu này, cần ghi nhớ rằng vỏ bọc hồng trần đậm đặc không bao giờ được xem là một nguyên khí. Theo huyền bí học, nó luôn được coi là ác. Vấn đề có thể được diễn đạt đơn giản hơn bằng cách nói rằng chân sư hắc đạo công khai quan tâm đến điều được gọi là "cặn dư của cái đã từng có trước đây." Y đáp ứng với rung động của hệ mặt trời của một chu kỳ lớn trước kia, trong đó tri thức, hay nguyên khí manas, là mục tiêu thành tựu. Y không đáp ứng với xung lực của hệ mặt trời này, nhưng sự thiếu đáp ứng ấy được che giấu trong nghiệp quả của biểu hiện trước đó. Như chúng ta biết, các Con của Trí Tuệ hay các jiva nhập thể là những nirvani quay trở lại của một lần lâm phàm trước đây của Thượng đế. Họ đã đạt được trí tuệ, và cần bác ái. Một số ít, qua một chu kỳ huyền nhiệm của các biến cố không thể giải thích đối với con người trong hệ mặt trời này, đã khước từ cơ hội và tự nối kết với hiện hữu thiên thần vĩ đại là xung lực [Page 1126] của cõi hồng trần đậm đặc, và họ không thể tự giải thoát. Đích đến của họ, cũng như của y, được che giấu trong các kế hoạch của Đấng Bất Khả Tư Nghị, và trong hệ mặt trời này không có hy vọng nào cho họ. May thay, họ rất ít có khả năng tự làm cho mình được biết đến với con người trung

average man; it is the Adepts of the Good Law Who meet them the most often.

bình; chính các chân sư của Chánh đạo là những vị gặp họ thường xuyên nhất.

The subject is most intricate, but some light may come, if we remember that manas on the mental plane is found in two expressions:—the mental unit on the form levels and the manasic permanent atom on the formless planes. These two types of manas may be regarded as embodying the qualities of the two kinds, white and black. The mental unit or the mind aspect of a man, for instance, is after all but the sixth sense, and has to be transcended by the higher mind and the intuition. The black brother carries the evolution of the senses on to a stage inconceivable to man now and this sixth mahatic sense is of vaster extent and service to them than it ever is to the white Adept. Therefore, it will be apparent that for a long cycle of time, the black magician can persist and develop his powers because one-third of the force of the egoic lotus is his and he knows well how to utilise it to the best advantage. He builds also an antaskarana, but of quality and objective different to that of the student of the white magic. It is called "the path of manasic evil," and bridges a gap between the mental unit of the magician concerned, and certain correspondences on mental levels in the vehicles of the devas of that plane. Through this medium, and through *identification with the devas*, he can escape from the three worlds to spheres of evil incomprehensible to us. The point to be remembered here is that the black magician remains ever a prisoner; he cannot escape from substance and from form.

Chủ đề này cực kỳ phức tạp, nhưng một ít ánh sáng có thể đến nếu chúng ta nhớ rằng manas trên cõi trí được tìm thấy trong hai biểu hiện:—đơn vị hạ trí trên các cấp độ hình tướng và nguyên tử trường tồn manas trên các cõi vô tướng. Hai loại manas này có thể được xem như hiện thân cho các phẩm tính của hai loại, trắng và đen. Chẳng hạn, đơn vị hạ trí hay phương diện trí tuệ của một người, rốt cuộc chỉ là giác quan thứ sáu, và phải được vượt qua bởi thượng trí và trực giác. Huynh đệ bóng tối đưa sự tiến hoá của các giác quan đến một giai đoạn hiện nay con người không thể hình dung nổi và giác quan thứ sáu mahatic này có phạm vi và công dụng đối với họ lớn lao hơn nhiều so với đối với chân sư chánh đạo. Vì vậy, sẽ thấy rõ rằng trong một chu kỳ thời gian dài, nhà hắc thuật có thể tiếp tục tồn tại và phát triển các quyền năng của mình bởi vì một phần ba mãnh lực của Hoa Sen Chân Ngã là của y và y biết rõ cách sử dụng nó một cách lợi hại nhất. Y cũng xây dựng một antaskarana, nhưng có phẩm tính và mục tiêu khác với của đạo sinh Chánh Thuật. Nó được gọi là "con đường của điều ác manas," và bắt cầu một khoảng cách giữa đơn vị hạ trí của nhà huyền thuật liên hệ, và những tương ứng nào đó trên các cấp độ trí trong các vận cụ của các thiên thần của cõi ấy. Qua trung gian này, và qua *sự đồng hoá với các thiên thần*, y có thể thoát khỏi ba cõi giới để đến những khối cầu của điều ác mà chúng ta không thể hiểu nổi. Điểm cần ghi nhớ ở đây là nhà hắc thuật mãi mãi vẫn là một tù nhân; y không thể thoát khỏi chất liệu và hình tướng.

There is no need to enlarge further on this subject. I would like to enumerate the lines of alignment of the [Page 1127] third group which eventually transcends the other two,

Không cần phải khai triển thêm về chủ đề này. Tôi muốn liệt kê các đường chỉnh hợp của [Page 1127] nhóm thứ ba, nhóm cuối

and effects the final illumination and liberation of the man.

cùng vượt lên trên hai nhóm kia, và tạo ra sự soi sáng và giải thoát tối hậu cho con người.

Group III.

Nhóm III.

1. The Sacrifice Petals.

1. Các cánh hoa hi sinh.

2. The sacrifice petals in the two outer groups.

2. Các cánh hoa hi sinh trong hai nhóm bên ngoài.

3. The three *major* centres in each of the three planes of the three worlds, producing thus absorption of the lower four centres on each plane.

3. Ba *trung tâm* chính trên mỗi một trong ba cõi của ba cõi thấp, nhờ đó tạo ra sự hấp thu bốn trung tâm thấp hơn trên mỗi cõi.

4. The head centre, or the thousand-petalled lotus.

4. Trung tâm đầu, hay hoa sen ngàn cánh.

5. The pineal gland, producing the vivification and irradiation of the entire lower nature.

5. Tuyến tùng quả, tạo ra sự tiếp sinh lực và chiếu xạ cho toàn bộ bản chất thấp.

These three groups of forces in man, when synthesised, produce eventually that perfect co-ordination and adaptation to all conditions, forms and circumstances which eventuate in the escape of the liberated vital spark. This is technically accomplished when the "bud" opens, and it becomes possible for the Hierophant at initiation to liberate the energy of the Monad, and to direct that energy (through the agency of the Rod) so that eventually it circulates free and untrammelled through every part of the lower threefold manifestation. As it circulates, it destroys by burning, for it arouses the kundalini aspect perfectly by the time the fifth Initiation is taken. The destroyer aspect becomes dominated, and the form is "burnt upon the altar."

Ba nhóm mãnh lực này trong con người, khi được tổng hợp, cuối cùng tạo ra sự phối hợp hoàn hảo và sự thích ứng với mọi điều kiện, hình tướng và hoàn cảnh, đưa đến sự giải thoát của tia lửa sinh lực được giải phóng. Về mặt kỹ thuật, điều này được hoàn thành khi "nụ" mở ra, và trở nên có thể cho Đấng Điểm đạo trong lễ điểm đạo giải phóng năng lượng của chân thần, và điều hướng năng lượng ấy (qua tác nhân của Thần Trượng Điểm đạo) để cuối cùng nó lưu chuyển tự do và không bị trói buộc qua mọi phần của biểu hiện tam phân thấp. Khi nó lưu chuyển, nó hủy diệt bằng cách thiêu đốt, vì đến lúc lần điểm đạo thứ năm được tiếp nhận, nó đánh thức hoàn toàn phương diện kundalini. Phương diện hủy diệt trở nên bị chế ngự, và hình tướng được "thiêu trên bàn thờ."

These ideas can also be studied in their larger aspect; a clue to the mystery of cosmic

Những ý tưởng này cũng có thể được nghiên cứu trong phương diện rộng lớn hơn của

evil may be found in the difference existing between the sacred and non-sacred planets, and in the purpose and place, hitherto unrecognised, of the lives of the informing existences of the many planets and planetoids in the solar system. Some are purely mahatic or of the third Aspect, dominated by the devas. Others (of which the sacred planets are examples) are controlled by the second Aspect, and that second aspect will work through unconquerably into manifestation. [Page 1128] A few, like our Earth planet, are battlegrounds, and the two Aspects are in collision, with the indication of the eventual triumph of the "white" magic.

chúng; một đầu mối cho huyền nhiệm của điều ác vũ trụ có thể được tìm thấy trong sự khác biệt hiện hữu giữa các hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng, và trong mục đích cùng vị trí, cho đến nay vẫn chưa được nhận ra, của các sự sống của những hiện hữu phú linh cho nhiều hành tinh và tiểu hành tinh trong hệ mặt trời. Một số thuần túy là mahatic hay thuộc Phương diện thứ ba, bị các thiên thần chi phối. Những hành tinh khác (mà các hành tinh thiêng liêng là ví dụ) được kiểm soát bởi Phương diện thứ hai, và phương diện thứ hai ấy sẽ vận hành một cách bất khả chinh phục để đi vào biểu hiện. [Page 1128] Một số ít, như hành tinh Trái Đất của chúng ta, là những chiến trường, và hai Phương diện đang va chạm, với dấu hiệu cho thấy sự chiến thắng cuối cùng của huyền thuật "trắng."

S9S6 Text

VI. EFFECTS OF SYNTHETIC MOTION — VI. CÁC HIỆU QUẢ CỦA CHUYỂN ĐỘNG TỔNG HỢP

1. Introductory remarks on alignment. — 1. Những nhận xét mở đầu về sự chỉnh hợp.

The effects of the synthetic activity of the centres, sheaths and causal body produce:

Các hiệu quả của hoạt động tổng hợp của các trung tâm, các vỏ bọc và thể nguyên nhân tạo ra:

Periodicity of manifestation.

Tính chu kỳ của biểu hiện.

The linking of the Triangles.

Sự nối kết của các Tam giác.

The relation between:

Mối liên hệ giữa:

a. The alta major centre.

a. Trung tâm alta major.

b. The throat centre.

b. Trung tâm cổ họng.

c. The centres on the mental plane.

c. Các trung tâm trên cõi trí.

If we summarize the thoughts conveyed here, we will find that it deals with some aspects of that very necessary alignment which must take place prior to full ability to serve in final liberation. We have studied from many angles the component parts of man, the microcosm, and the mode whereby he manifests on earth in order to express that which lies hidden, and to make his energy felt in the group and place where he finds himself. The constitution of the causal body has been seen to consist of a triple form of energy, with a fourth and more dynamic type of force latent at the heart, ready to demonstrate when the other three forms are active, thus utilising them as a vehicle. We have noted also that there are also three forms of energy which we call the sheaths of the personal self, and which have also to be actively functioning before the triple egoic force can make itself felt through their medium. Added to these factors, must be mentioned the seven centres in etheric matter which find their place in the etheric body, and which awaken and become active as the sheaths swing into rhythmic activity. Of these centres the three major are of the main importance where [Page 1129] egoic alignment is concerned, and their vital force only begins to make itself felt *after* the lower four are fully active.

Nếu chúng ta tóm lược những tư tưởng được truyền đạt ở đây, chúng ta sẽ thấy rằng nó bàn đến một số phương diện của sự chỉnh hợp rất cần thiết phải diễn ra trước khi có đầy đủ khả năng phụng sự trong sự giải thoát tối hậu. Chúng ta đã nghiên cứu từ nhiều góc độ các bộ phận cấu thành của con người, tiểu thiên địa, và phương thức nhờ đó y biểu lộ trên trần gian để diễn đạt điều ẩn giấu bên trong, và làm cho năng lượng của mình được cảm nhận trong nhóm và nơi chốn mà y thấy mình ở đó. Cấu tạo của thể nguyên nhân đã được thấy là gồm một hình thức năng lượng tam phân, với một loại mãnh lực thứ tư năng động hơn tiềm ẩn ở trung tâm, sẵn sàng biểu lộ khi ba hình thức kia hoạt động, nhờ đó sử dụng chúng như một vận cụ. Chúng ta cũng đã lưu ý rằng còn có ba hình thức năng lượng mà chúng ta gọi là các vỏ bọc của bản ngã cá nhân, và chúng cũng phải hoạt động tích cực trước khi mãnh lực chân ngã tam phân có thể tự biểu lộ qua trung gian của chúng. Ngoài các yếu tố này, phải kể đến bảy trung tâm trong chất liệu dĩ thái tìm thấy vị trí của chúng trong thể dĩ thái, và thức tỉnh rồi trở nên hoạt động khi các vỏ bọc chuyển vào hoạt động có nhịp điệu. Trong các trung tâm này, ba trung tâm chính là quan trọng nhất ở nơi mà [Page 1129] sự chỉnh hợp chân ngã có liên quan, và sinh lực của chúng chỉ bắt đầu tự biểu lộ *sau* khi bốn trung tâm thấp hơn hoàn toàn hoạt động.

A second factor which works into the general scheme here is the latent triple kundalini fire which is aroused and mounts through the triple spinal channel just as soon as the three major centres (the head, the heart and the throat) form an esoteric triangle, and can thus pass the fiery energy hidden in each centre in circulatory fashion. To summarise therefore: we have perfected alignment just as soon as the following

Một yếu tố thứ hai đi vào sơ đồ tổng quát ở đây là lửa kundalini tam phân tiềm ẩn được đánh thức và đi lên qua ống sống tam phân ngay khi ba trung tâm chính (đầu, tim và cổ họng) tạo thành một tam giác nội môn, và do đó có thể truyền năng lượng lửa ẩn trong mỗi trung tâm theo cách tuần hoàn. Vì vậy, để tóm lược: chúng ta có sự chỉnh hợp hoàn hảo ngay khi các yếu tố sau đây đã được đặt vào tiếp xúc với nhau, hay ngay khi chuyển

factors have been put in touch with each other, or as soon as their motion or activity is synthesised; this is a most important subject for students of meditation, and for those who tread the Path of attainment to consider and practically realise.

động hoặc hoạt động của chúng được tổng hợp; đây là một chủ đề hết sức quan trọng để các đạo sinh tham thiền, và những ai bước trên Con Đường thành tựu, cân nhắc và thực sự chứng nghiệm.

1. The three tiers of petals.

1. Ba tầng cánh hoa.

2. The three sheaths.

2. Ba vỏ bọc.

3. The three major centres.

3. Ba trung tâm chính.

4. The threefold Kundalini fire.

4. Lửa Kundalini tam phân.

5. The threefold spinal channel.

5. Ống sống tam phân.

6. The three head centres, the pineal gland, the pituitary body, the alta major centre. (320)

6. Ba trung tâm đầu, tuyến tùng, tuyến yên, trung tâm alta major. (320)

(320) The alta major centre, which is formed at the point where the spinal channel contacts the skull and is therefore situated in the lowest part of the back of the head is formed of the lowest grade of etheric matter: matter of the fourth ether, whereas the etheric centres of the disciples are composed of matter of the higher ethers. (back)

(320) Trung tâm alta major, được hình thành tại điểm mà ống sống tiếp xúc với hộp sọ và vì thế nằm ở phần thấp nhất phía sau đầu, được cấu thành từ cấp thấp nhất của chất liệu dĩ thái: chất liệu của dĩ thái thứ tư, trong khi các trung tâm dĩ thái của các đệ tử được cấu thành từ chất liệu của các dĩ thái cao hơn. (trở lại)

Another factor which must be allowed for in advanced stages of development, is the third eye which is to the occultist and true white magician what the fourth energy centre (the jewel in the lotus) is to the lotus, or to the three tiers of petals. The correspondence is interesting:

Một yếu tố khác phải được tính đến trong các giai đoạn phát triển cao là con mắt thứ ba, đối với nhà huyền bí học và nhà huyền thuật chánh đạo chân chính, cũng như trung tâm năng lượng thứ tư (viên ngọc trong hoa sen) đối với hoa sen, hay đối với ba tầng cánh hoa. Sự tương ứng này thật thú vị:

The jewel in the lotus is the director of energy from the monad, whilst the third eye directs the energy of the Ego on the physical plane.

Viên ngọc trong hoa sen là bộ điều hướng năng lượng từ chân thần, trong khi con mắt thứ ba điều hướng năng lượng của Chân ngã trên cõi hồng trần.

The jewel in the Lotus is the centre of force which links [Page 1130] the buddhic and mental planes. When it is to be seen and felt, the man can function consciously on the buddhic plane. The third eye links the awakened physical plane man with the astral or subjective world, and enables him to function consciously there.

Viên ngọc trong Hoa Sen là trung tâm mãnh lực nối kết [Page 1130] cõi Bồ đề và cõi trí. Khi nó được nhìn thấy và cảm nhận, con người có thể hoạt động một cách hữu thức trên cõi Bồ đề. Con mắt thứ ba nối kết con người đã thức tỉnh trên cõi hồng trần với thế giới cảm dục hay chủ quan, và giúp y có thể hoạt động một cách hữu thức ở đó.

The jewel, or diamond concealed by the egoic lotus, is the window of the Monad or Spirit whereby he looks *outward* into the three worlds. The third eye is the window of the Ego or soul functioning on the physical plane whereby he looks inward into the three worlds.

Viên ngọc, hay kim cương được che giấu bởi Hoa Sen Chân Ngã, là cửa sổ của chân thần hay tinh thần nhờ đó y nhìn *ra ngoài* vào ba cõi giới. Con mắt thứ ba là cửa sổ của Chân ngã hay linh hồn đang hoạt động trên cõi hồng trần nhờ đó y nhìn vào bên trong ba cõi giới.

The jewel in the lotus is situated between manas and buddhi whilst the third eye is found between the right and left eyes.

Viên ngọc trong hoa sen nằm giữa manas và Bồ đề trong khi con mắt thứ ba được tìm thấy giữa mắt phải và mắt trái.

One of the main functions of the Master in this cycle (though not in all cycles) is to teach His pupil how to reconcile all these factors, how to synthesise their various modes of motion or expression, and how to co-ordinate them all so that the vibration is uniform. When energy from the Ego controls, or imposes its rhythm upon the various sheaths via their respective major centres, when the triple fire is mounting in orderly fashion via the triple channel, and when the three head centres are united in triangular fashion, then we have illumination or the irradiance of the entire personality life, darkness gives place to light, and the Sun of Knowledge arises and dispels the darkness of ignorance. The minor centres are concerned with the internal co-ordination of the sheath, the major with the group co-ordination or the interrelation of one sheath to another. The man becomes a

Một trong những chức năng chính của Chân sư trong chu kỳ này (dù không phải trong mọi chu kỳ) là dạy đệ tử của Ngài cách điều hòa tất cả các yếu tố này, cách tổng hợp các phương thức chuyển động hay biểu hiện khác nhau của chúng, và cách phối hợp tất cả chúng để rung động được đồng đều. Khi năng lượng từ Chân ngã kiểm soát, hay áp đặt nhịp điệu của nó lên các vỏ bọc khác nhau qua các trung tâm chính tương ứng của chúng, khi lửa tam phân đang đi lên một cách có trật tự qua ống tam phân, và khi ba trung tâm đầu được hợp nhất theo hình tam giác, khi ấy chúng ta có sự soi sáng hay sự chiếu xạ của toàn bộ đời sống phàm ngã, bóng tối nhường chỗ cho ánh sáng, và Mặt Trời của Tri Thức mọc lên xua tan bóng tối của vô minh. Các trung tâm phụ liên quan đến sự phối hợp nội tại của vỏ bọc, các trung tâm chính liên quan đến sự phối hợp nhóm hay mối tương quan giữa vỏ bọc này với vỏ bọc khác. Con người trở thành một ánh sáng

burning and a shining light, radiating forth a light which burns from within.

đang cháy và đang chiếu, phát tỏa một ánh sáng bừng cháy từ bên trong.

When the next step is accomplished, and the energy of the Monad, focussed through the jewel, makes itself felt also on the physical plane, passing through the triple egoic lotus via the channels already utilised by the Ego, [Page 1131] we have a man who is "inspired," who is a spiritual creator, and who is himself "a Sun of Healing Radiance."

Khi bước kế tiếp được hoàn thành, và năng lượng của chân thần, được tập trung qua viên ngọc, cũng tự biểu lộ trên cõi hồng trần, đi qua Hoa Sen Chân Ngã tam phân theo các kênh đã được sử dụng bởi Chân ngã, [Page 1131] chúng ta có một con người "được truyền cảm hứng," là một đấng sáng tạo tinh thần, và chính y là "một Mặt Trời của Bức Xạ Chữa Lành."

These are the objectives before all those who tread the path and the goal ahead for those who follow the necessary discipline of life, and the stages of unfoldment through meditation. There are, needless to say, certain modes of work and mantric formulas known to the Masters which enable Them to hasten the process (when necessary) for Their disciples, but these are secrets scrupulously guarded and not frequently used. The usual method, a lengthy and laborious one, is to let the pupil find out each step of the way for himself, to teach him the constitution of his own body, the nature of the sheaths, and the function and apparatus of energy and so let him gradually become aware of the forces latent in himself. What is meant by the "three periodical vehicles" and the seven principles or qualities of force, is slowly revealed to him, and through experience, experiment, frequent failures, occasional success, mature reflection and introspection, and frequent incarnation, he is brought to the point where he has produced a certain measure of alignment through self-induced and continuous effort. He is then taught how to utilise that alignment, and how to manipulate energy consciously so that he can bring about on the physical plane results in service that for many lives have been

Đó là những mục tiêu đặt ra trước tất cả những ai bước trên con đường và là đích đến phía trước cho những ai tuân theo kỷ luật sống cần thiết, cùng các giai đoạn khai mở qua tham thiền. Dĩ nhiên, có những phương thức làm việc và những công thức mantram nào đó mà các Chân sư biết, giúp Các Ngài đẩy nhanh tiến trình (khi cần thiết) cho các đệ tử của mình, nhưng đó là những bí mật được gìn giữ hết sức cẩn mật và không thường được sử dụng. Phương pháp thông thường, dài lâu và nhọc nhằn, là để đệ tử tự mình khám phá từng bước trên đường, dạy y về cấu tạo của chính thân thể mình, bản chất của các vỏ bọc, và chức năng cùng bộ máy của năng lượng, và như thế để y dần dần nhận biết các mãnh lực tiềm ẩn trong chính mình. Điều được hàm ý bởi "ba vận cụ chu kỳ" và bảy nguyên khí hay phẩm tính của mãnh lực được từ từ mặc khải cho y, và qua kinh nghiệm, thử nghiệm, nhiều lần thất bại, đôi khi thành công, suy tư chín chắn và nội quan, cùng nhiều lần lâm phàm, y được đưa đến điểm mà y đã tạo ra được một mức độ chỉnh hợp nào đó bằng nỗ lực liên tục do chính mình khởi phát. Khi ấy y được dạy cách sử dụng sự chỉnh hợp ấy, và cách vận dụng năng lượng một cách hữu thức để có thể tạo ra trên cõi hồng trần những kết quả trong phụng sự mà có lẽ trong nhiều kiếp sống chỉ là một giấc mơ hay một linh ảnh

probably a dream or an impossible vision. When he is proficient in these two things—stabilisation and manipulation—then, and only then, are committed to him the words and secrets which produce the demonstration on the physical plane of spiritual, or monadic, energy by means of the soul or egoic energy, utilising in its turn the energy of the material forms in the worlds, or what we might call bodily energy. This has been expressed in the following mystical and occult phrase:

bất khả. Khi y thành thạo trong hai điều này —sự ổn định hoá và sự vận dụng—thì, và chỉ khi ấy, những lời và bí mật tạo ra sự biểu lộ trên cõi hồng trần của năng lượng tinh thần, hay chân thần, bằng phương tiện của năng lượng linh hồn hay chân ngã, sử dụng đến lượt nó năng lượng của các hình tướng vật chất trong các cõi, hay điều chúng ta có thể gọi là năng lượng thân thể, mới được giao phó cho y. Điều này đã được diễn đạt trong cụm từ thần bí và huyền bí sau đây:

"When the jewel sparkles as does the diamond under the influence of the rays of the blazing sun, then the setting likewise [Page 1132] gleams and rays forth light. As the diamond shines with increasing brilliance, the fire is generated which sets on fire that which held and enclosed."

"Khi viên ngọc lấp lánh như kim cương dưới ảnh hưởng của các tia của mặt trời rực cháy, thì giá đỡ cũng [Page 1132] lóe sáng và phát ra ánh sáng. Khi kim cương chiếu sáng với độ rực rỡ ngày càng tăng, ngọn lửa được phát sinh, thiêu cháy điều đã giữ và bao bọc nó."

2. Motion produces periodic manifestation. — 2. Chuyển động tạo ra biểu lộ có chu kỳ.

We must here bear in mind, that we are considering *synthetic* alignment in connection with the second aspect, and are therefore dealing with the activity of those forms of divine manifestation which are nearing their objective. This objective might be defined as ability to vibrate synchronously with the greater unit of which it is a part. This must, therefore, be considered by the student in seven ways.

Ở đây chúng ta phải ghi nhớ rằng chúng ta đang xét sự chỉnh hợp *tổng hợp* liên quan đến phương diện thứ hai, và vì vậy đang bàn đến hoạt động của những hình thức biểu hiện thiêng liêng đang tiến gần mục tiêu của chúng. Mục tiêu này có thể được định nghĩa là khả năng rung động đồng bộ với đơn vị lớn hơn mà nó là một phần. Vì vậy, đạo sinh phải xem xét điều này theo bảy cách.

The first three ways concern the relation of the perfected or nearly perfected units in the three kingdoms of nature with their immediate group soul, and their continued manifestation in any particular kingdom.

Ba cách đầu tiên liên quan đến mối quan hệ của các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện trong ba giới của tự nhiên với hồn nhóm trực tiếp của chúng, và sự biểu hiện liên tục của chúng trong bất kỳ giới đặc thù nào.

Fourth, the relation of the disciple, or man on the path, to his immediate group, and the

Thứ tư, mối quan hệ của đệ tử, hay con người trên đường đạo, với nhóm trực tiếp

laws which govern his reappearance in physical incarnation.

Fifth, the relation of a planetary Spirit to His group of planets, and the processes of man's obscuration, or withdrawal, from physical plane manifestation.

Sixth, the relation of the major three planetary Spirits, or the three major aspects of the Logos and their manifestation.

Seventh, the relation of the informing Life of a solar system to the group of constellations of which He forms part, and His periodic manifestation.

These subjects have been touched upon when we studied incarnation and, earlier still, when considering pralaya or obscuration, but we dealt then with them in general terms. We might now deal more specifically with the final activities, or modes of motion, in these various congeries of lives, and see what occurs during the final stages of conscious existence, and of limited manifestation. The subject [Page 1133] is peculiarly abstruse, particularly where the elemental groups are concerned, but certain interesting points might here be brought out which will bear the closest study. Let us consider the three lower kingdoms first and pass later to the methods and activities of a human being, of a planetary Logos, and of a solar Logos.

The appearance, and the final disappearance, of any manifested Life is intimately concerned with the possession, the evolutionary development, and the final disintegration, of the permanent atom. Permanent atoms, as the term is usually understood, are the property of those lives

của mình, và các định luật chi phối sự tái xuất hiện của y trong lâm phàm hồng trần.

Thứ năm, mối quan hệ của một Chân Linh Hành Tinh với nhóm hành tinh của Ngài, và các tiến trình làm mờ đi, hay rút lui, của con người khỏi biểu hiện trên cõi hồng trần.

Thứ sáu, mối quan hệ của ba Chân Linh Hành Tinh chính, hay ba phương diện chính của Thượng đế và sự biểu hiện của các Ngài.

Thứ bảy, mối quan hệ của Sự Sống phú linh của một hệ mặt trời với nhóm chòm sao mà Ngài là một phần, và sự biểu hiện có chu kỳ của Ngài.

Những chủ đề này đã được đề cập khi chúng ta nghiên cứu sự lâm phàm và, sớm hơn nữa, khi xem xét pralaya hay sự làm mờ đi, nhưng khi ấy chúng ta đã bàn đến chúng theo những nét tổng quát. Giờ đây chúng ta có thể bàn cụ thể hơn về các hoạt động cuối cùng, hay các phương thức chuyển động, trong những tập hợp sự sống khác nhau này, và xem điều gì xảy ra trong các giai đoạn cuối của sự tồn tại hữu thức, và của biểu hiện hữu hạn. Chủ đề này [Page 1133] đặc biệt khó hiểu, nhất là khi liên quan đến các nhóm hành khí, nhưng ở đây có thể nêu ra một số điểm thú vị đáng được nghiên cứu hết sức kỹ lưỡng. Trước tiên, chúng ta hãy xét ba giới thấp rồi sau đó chuyển sang các phương pháp và hoạt động của một con người, của một Hành Tinh Thượng Đế, và của một Thái dương Thượng đế.

Sự xuất hiện, và sự biến mất cuối cùng, của bất kỳ Sự sống biểu hiện nào đều liên hệ mật thiết với việc sở hữu, sự phát triển tiến hoá, và sự tan rã cuối cùng, của nguyên tử trường tồn. Các nguyên tử trường tồn, theo cách thuật ngữ này thường được hiểu, chỉ là tài sản của những sự sống đã đạt được ngã thức,

only who have achieved self-consciousness, or individuality, and therefore relative permanence in time and space. The permanent atom may be viewed as the focal point of manifestation on any particular plane. It serves, if I may use so peculiar a term, as the anchor for any particular individual in any particular sphere, and this is true of the three great groups of self-conscious Lives:

hay biệt ngã tính, và do đó có tính trường tồn tương đối trong thời gian và không gian. Nguyên tử trường tồn có thể được xem như tiêu điểm của biểu hiện trên bất kỳ cõi đặc thù nào. Nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ kỳ lạ như vậy, nó phục vụ như chiếc neo cho bất kỳ cá thể đặc thù nào trong bất kỳ khối cầu đặc thù nào, và điều này đúng với ba nhóm lớn của các Sự Sống có ngã thức:

a. The incarnating Jivas, or human beings,

a. Các Jiva nhập thể, hay con người,

b. The planetary Logoi,

b. Các Hành Tinh Thượng Đế,

c. The solar Logos.

c. Thái dương Thượng đế.

We must remember here that all the atomic subplanes of the seven planes form the seven spirillae of the logoic permanent atom, for this has a close bearing upon the subject under consideration.

Ở đây, chúng ta phải nhớ rằng mọi cõi phụ nguyên tử của bảy cõi hợp thành bảy loa tuyến của Nguyên tử trường tồn của Thượng đế, vì điều này có liên hệ mật thiết đến chủ đề đang được bàn đến.

The units, therefore, in the three lower kingdoms possess no permanent atoms but contribute to the formation of those atoms in the higher kingdoms. Certain wide generalisations might here be made, though too literal or too identified an interpretation should not be put upon them.

Vì vậy, các đơn vị trong ba giới thấp không sở hữu các Nguyên tử trường tồn nhưng góp phần vào sự hình thành các nguyên tử ấy trong các giới cao hơn. Ở đây có thể đưa ra một vài khái quát hóa rộng lớn, dù không nên diễn giải chúng quá sát nghĩa hay quá đồng hoá.

First, it might be said that the lowest or *mineral kingdom* provides that vital something which is the essence of the physical permanent atom of the human being. It provides that energy which is the negative basis for the [Page 1134] positive inflow which can be seen pouring in through the upper depression of the physical permanent atom.

Trước hết, có thể nói rằng giới thấp nhất hay *giới kim thạch* cung cấp cái gì đó thiết yếu, là tinh túy của nguyên tử trường tồn hồng trần của con người. Nó cung cấp năng lượng là nền tảng âm cho [Page 1134] dòng tuôn đổ dương tính được thấy đang đổ vào qua chỗ lõm phía trên của nguyên tử trường tồn hồng trần.

Secondly, the *vegetable kingdom* similarly provides the negative energy for the astral

Thứ hai, *giới thực vật* cũng tương tự như vậy, cung cấp năng lượng âm cho nguyên tử

permanent atom of a man, and thirdly, the *animal kingdom* provides the negative force which when energised by the positive is seen as the mental unit. This energy which is contributed by the three lower kingdoms is formed of the very highest vibration of which that kingdom is capable, and serves as a link between man and his various sheaths, all of which are allied to one or other of the lower kingdoms.

trường tồn cảm dục của con người, và thứ ba, *giới động vật* cung cấp mãnh lực âm mà khi được tiếp năng lượng bởi dương tính thì được thấy như là đơn vị hạ trí. Năng lượng này do ba giới thấp đóng góp được cấu thành từ rung động cao nhất mà mỗi giới ấy có thể đạt được, và phục vụ như một mối liên kết giữa con người với các thể khác nhau của y, tất cả đều có liên hệ với giới thấp này hay giới thấp khác.

a.	The mental body	mental unit	animal kingdom.
b.	The astral body	astral permanent atom	vegetable kingdom.
c.	The physical body	physical permanent atom	mineral kingdom.

In man these three types of energy are brought together, and synthesised, and when perfection of the personality is reached, and the vehicles aligned, we have:

Trong con người, ba loại năng lượng này được tập hợp lại và tổng hợp, và khi sự hoàn thiện của phàm ngã đạt tới, và các vận cụ được chỉnh hợp, thì chúng ta có:

a.	The energy of the mental unit	positive.
b.	The energy of the astral permanent atom	equilibrised.
c.	The energy of the physical permanent atom	negative.

Man is then closely linked with the three lower kingdoms by the best that they can provide, and they have literally given him his permanent atoms, and enabled him to manifest through their activity. The above

Khi ấy, con người được liên kết chặt chẽ với ba giới thấp bằng điều tốt nhất mà chúng có thể cung cấp, và theo nghĩa đen, chúng đã trao cho y các nguyên tử trường tồn của y, và giúp y biểu lộ qua hoạt động của chúng. Ba

three groups might be studied also from the standpoint of the three Gunas: (321) [Page 1135]

(321) "Hence every manifested God is spoken of as a Trinity. The joining of these three Aspects, or phases of manifestation, at their outer points of contact with the circle, gives the basic Triangle of contact with Matter, which, with the three Triangles made with the lines traced by the Point, thus yields the divine Tetractys, sometimes called the Kosmic Quaternary, the three divine Aspects in contact with Matter, ready to create. These, in their totality, are the Oversoul of the kosmos that is to be.

"Under Form we may first glance at the effects of these Aspects as responded to from the side of Matter. These are not, of course, due to the Logos of a system, but are the correspondences in universal Matter with the Aspects of the universal Self. The Aspect of Bliss, or Will, imposes on Matter the quality of Inertia-Tamas, the power of resistance, stability, quietude. The Aspect of Activity gives to Matter its responsiveness to action—Rajas, mobility. The Aspect of Wisdom gives it Rhythm—Sattva, vibration, harmony. It is by the aid of Matter thus prepared that the Aspects of Logoic Consciousness can manifest themselves as Beings."—*A Study in Consciousness*, by Annie Besant, p. 9. (back)

nhóm trên cũng có thể được nghiên cứu từ quan điểm của ba Guna: (321) [Page 1135]

(321) "Do đó, mọi Thượng đế biểu hiện đều được nói đến như một Tam Vị. Sự kết hợp của ba Phương diện này, hay ba giai đoạn biểu hiện, tại các điểm tiếp xúc bên ngoài của chúng với vòng tròn, tạo nên Tam giác căn bản tiếp xúc với Vật chất; cùng với ba Tam giác được tạo thành bởi các đường do Điểm vạch ra, như vậy tạo nên Tetractys thiêng liêng, đôi khi được gọi là Bộ Bốn Vũ trụ, tức ba Phương diện thiêng liêng tiếp xúc với Vật chất, sẵn sàng sáng tạo. Trong tính toàn thể của chúng, đây là đại hồn của vũ trụ đang thành hình.

"Dưới khía cạnh Hình tướng, trước hết chúng ta có thể lướt nhìn các hiệu quả của những Phương diện này khi được đáp ứng từ phía Vật chất. Dĩ nhiên, các hiệu quả này không phải do Thượng đế của một hệ mặt trời tạo ra, mà là các tương ứng trong Vật chất vũ trụ với các Phương diện của Bản Ngã vũ trụ. Phương diện Chí phúc, hay Ý chí, áp đặt lên Vật chất phẩm tính Quán tính-Tamas, quyền năng kháng cự, sự ổn định, sự tĩnh tại. Phương diện Hoạt động ban cho Vật chất khả năng đáp ứng với hành động—Rajas, tính động. Phương diện Minh triết ban cho nó Nhịp điệu—Sattva, rung động, hòa điệu. Chính nhờ sự trợ giúp của Vật chất đã được chuẩn bị như thế mà các Phương diện của Tâm thức của Thượng đế có thể biểu lộ như những Hữu thể."—*Nghiên Cứu về Tâm Thức*, của Annie Besant, tr. 9. (trở lại)

1.	Tamas	inertia	mineral kingdom	physical permanent atom.
2.	Rajas	activity	vegetable kingdom	

				astral permanent atom.
3.	Sattva	rhythm	animal kingdom	mental unit.

All these must be regarded only from the point of view of the personality, the lower self, or not-self. In illustration of this idea, it might be pointed out that when the animal body of prehuman man was rhythmically adjusted, and had attained its highest or sattvic vibration, then individualisation became possible, and a true human being appeared in manifestation.

Tất cả những điều này chỉ phải được xem xét từ quan điểm của phàm ngã, phàm ngã, hay phi-ngã. Để minh họa cho ý tưởng này, có thể chỉ ra rằng khi thân thể động vật của con người tiền nhân loại được điều chỉnh theo nhịp điệu, và đã đạt tới rung động cao nhất hay sattva của nó, thì sự biệt ngã hóa trở nên khả hữu, và một con người đích thực xuất hiện trong biểu hiện.

Each kingdom is *positive* to the one next below it, and between them is found that period of manifestation which bridges the two, and connects the positive and the negative. The types of most intense rajas or activity in the mineral kingdom are found in those forms of life which are neither mineral nor vegetable but which bridge the two. Similarly in the vegetable kingdom, the rajas period is seen in fullest expression just before the activity becomes rhythmic and the vegetable merges in the animal. In the animal kingdom the same is seen in the animals which individualise, passing out of the group soul into separated identity. These types of activity must be regarded as constituting for the mineral, physical activity, for the vegetable, sentient activity, and for the animal, rudimentary mental activity.

Mỗi giới đều *dương* đối với giới ngay bên dưới nó, và giữa chúng có giai đoạn biểu hiện bắt cầu giữa hai giới, nối kết dương và âm. Những loại rajas hay hoạt động mãnh liệt nhất trong giới kim thạch được tìm thấy trong những dạng sự sống không hẳn là khoáng vật cũng không hẳn là thực vật mà là những dạng bắt cầu giữa hai giới. Tương tự, trong giới thực vật, giai đoạn rajas được thấy biểu lộ đầy đủ nhất ngay trước khi hoạt động trở nên có nhịp điệu và thực vật hòa nhập vào động vật. Trong giới động vật, điều tương tự được thấy nơi những con vật biệt ngã hóa, đi ra khỏi hồn nhóm để vào bản sắc tách biệt. Những loại hoạt động này phải được xem là cấu thành, đối với giới kim thạch, hoạt động hồng trần; đối với giới thực vật, hoạt động cảm giác; và đối với giới động vật, hoạt động trí tuệ sơ khai.

When this triple activity is achieved it might be noted that the dense physical body of the solar or planetary Logos is fully developed, and conscious contact can then [Page 1136] be made with the etheric or vital body. *It is this contact which produces man*, for Spirit (as

Khi hoạt động tam phân này đạt được, cần lưu ý rằng thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế được phát triển đầy đủ, và khi đó có thể thiết lập sự tiếp xúc có ý thức [Page 1136] với thể dĩ thái hay thể sinh lực. *Chính sự tiếp xúc này*

man understands the term) is after all but the energy, vitality, or essential life of the solar, or planetary Logos. Its correspondence in man is prana. A comprehension of this will be brought about if man realises that all the planes of our solar system are but the seven subplanes of the cosmic physical plane. It is the realisation of this which will eventually unite science and religion, for what the scientist calls energy, the religious man calls God, and yet the two are one, being but the manifested purpose, in physical matter, of a great extra-systemic Identity. Nature is the appearance of the physical body of the Logos, and the laws of nature are the laws governing the natural processes of that body. The Life of God, His energy, and vitality, are found in every manifested atom; His essence indwells all forms. This we call Spirit, yet He Himself is other than those forms, just as man knows himself to be other than his bodies. He knows himself to be a will, and a purpose, and as he progresses in evolution that purpose and will become to him ever more consciously defined. So with the planetary Logos and solar Logos. They dwell within, yet are found without, the planetary scheme or solar system.

tạo ra con người, vì Tinh thần (theo cách con người hiểu thuật ngữ này) rốt cuộc chỉ là năng lượng, sinh lực, hay sự sống cốt yếu của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế. Sự tương ứng của nó trong con người là prana. Sự thấu hiểu điều này sẽ đến nếu con người nhận ra rằng mọi cõi của hệ mặt trời chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Chính sự chứng nghiệm điều này cuối cùng sẽ hợp nhất khoa học và tôn giáo, vì điều mà nhà khoa học gọi là năng lượng thì người có tôn giáo gọi là Thượng đế, nhưng cả hai là một, chỉ là mục đích biểu hiện trong vật chất hồng trần của một Bản Sắc vĩ đại ngoài hệ mặt trời. Thiên nhiên là sắc tướng của thể xác của Thượng đế, và các định luật của thiên nhiên là các định luật chi phối những tiến trình tự nhiên của thể ấy. Sự Sống của Thượng đế, năng lượng và sinh lực của Ngài, được tìm thấy trong mọi nguyên tử biểu hiện; tinh túy của Ngài ngự bên trong mọi hình tướng. Chúng ta gọi điều này là Tinh thần, tuy nhiên chính Ngài lại khác với những hình tướng ấy, cũng như con người biết mình khác với các thân thể của mình. Con người biết mình là một ý chí và một mục đích, và khi y tiến bộ trong tiến hoá, mục đích và ý chí ấy ngày càng được xác định một cách hữu thức hơn đối với y. Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế cũng vậy. Các Ngài ngự bên trong, nhưng cũng được tìm thấy bên ngoài, hệ hành tinh hay hệ mặt trời.

It is useful to remember that in the three lower kingdoms, manifestation, or appearance on the physical plane, is ever *group* manifestation and not the appearance of separated units. Each group soul, as it is called, is divided into seven parts which appear in each of the seven races of a world period, and there is an interesting distinction between them and the units of the human kingdom. When portions of the group soul in one of its seven parts are out of

Thật hữu ích khi nhớ rằng trong ba giới thấp, sự biểu hiện, hay sắc tướng trên cõi hồng trần, luôn luôn là sự biểu hiện theo *nhóm* chứ không phải sắc tướng của các đơn vị tách biệt. Mỗi hồn nhóm, như cách gọi, được chia thành bảy phần xuất hiện trong mỗi một trong bảy giống dân của một thời kỳ thế giới, và có một sự khác biệt thú vị giữa chúng với các đơn vị của giới nhân loại. Khi các phần của hồn nhóm trong một trong bảy phần của nó ở ngoài lâm phàm, chúng

incarnation they are to be found on the astral plane, even though the Mother group soul is found on the mental plane. Human units of the fourth kingdom when out of incarnation pass through the astral to the mental and descend again to incarnation from mental levels. [Page 1137] Each group soul, therefore, subjectively forms a triangle of force with one point (the highest) to be found on the mental plane, the lowest on the etheric levels of the physical plane, and another on the astral plane. The third point for the mineral group-soul is found on the second subplane of the astral, the vegetable on the third, and the animal on the fourth. It is owing to the fact that a centre of force for the animal group soul is found on the fourth subplane of the astral plane that it is possible for transference eventually to be made out of that kingdom into the fourth.

được tìm thấy trên cõi cảm dục, dù hồn nhóm Mẹ lại được tìm thấy trên cõi trí. Các đơn vị nhân loại của giới thứ tư khi ở ngoài lâm phàm thì đi qua cõi cảm dục đến cõi trí và lại giáng xuống để nhập thể từ các cấp độ trí tuệ. [Page 1137] Vì vậy, mỗi hồn nhóm về mặt chủ quan tạo thành một tam giác lực với một điểm (cao nhất) được tìm thấy trên cõi trí, điểm thấp nhất trên các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, và một điểm khác trên cõi cảm dục. Điểm thứ ba đối với hồn nhóm khoáng vật được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục, đối với thực vật là cõi phụ thứ ba, và đối với động vật là cõi phụ thứ tư. Chính vì một trung tâm lực của hồn nhóm động vật được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục mà cuối cùng có thể có sự chuyển dịch từ giới ấy sang giới thứ tư.

S9S7 Text

Certain laws govern the appearance periodically of the three kingdoms of nature, which are the laws of involution, the laws of the elemental kingdoms, and the laws of the three great groups which hold the germs and seeds of all manifested forms. We have in logoic manifestation the following seven groups for consideration:

Một số định luật chi phối sự xuất hiện theo chu kỳ của ba giới trong thiên nhiên, đó là các định luật của giáng hạ tiến hoá, các định luật của các giới hành khí, và các định luật của ba nhóm lớn nắm giữ các mầm và hạt giống của mọi hình tướng biểu hiện. Trong biểu hiện của Thượng đế, chúng ta có bảy nhóm sau đây để xem xét:

1. 2. 3. Three groups of superhuman existence:

1. 2. 3. Ba nhóm tồn tại siêu nhân loại:

a. The group forming the Father aspect of which little can here be predicated.

a. Nhóm tạo thành phương diện Cha, về nhóm này ở đây chỉ có thể nói được rất ít.

b. The group of seven planetary Logoi.

b. Nhóm bảy Hành Tinh Thượng Đế.

c. The group of seven raja devas, or the life of each of the physical planes.

c. Nhóm bảy raja deva, hay sự sống của mỗi cõi hồng trần.

4. A group of solar lives who are the manasaputras or man.

4. Một nhóm các Sự sống Thái Dương là các manasaputra hay con người.

5. 6. 7. Three groups of elemental lives, who form the three involutionary elemental kingdoms.

5. 6. 7. Ba nhóm sự sống hành khí, tạo thành ba giới hành khí giáng hạ tiến hoá.

These three lower groups achieve concretion, and enter the upward arc, through the medium of the three lower kingdoms. The fourth group is the most important in some ways during the present cycle for it borrows from all the other six groups and is therefore the synthesis of energies taken from each and manifested. The higher three groups are closely allied, and until a man has passed out of the period of existence wherein he is controlled by [Page 1138] that which he has borrowed from the three lower kingdoms, he cannot comprehend the nature and purpose of the three higher. We might express the matter as follows:

Ba nhóm thấp này đạt đến sự kết tụ và đi vào vòng cung đi lên qua trung gian của ba giới thấp. Nhóm thứ tư, nhóm nhân loại, theo một số phương diện là quan trọng nhất trong chu kỳ hiện nay vì nó vay mượn từ cả sáu nhóm kia và do đó là sự tổng hợp của các năng lượng được lấy từ mỗi nhóm và được biểu hiện. Ba nhóm cao có liên hệ mật thiết với nhau, và cho đến khi con người vượt ra khỏi giai đoạn tồn tại trong đó y bị chi phối bởi [Page 1138] điều mà y đã vay mượn từ ba giới thấp, y không thể hiểu được bản chất và mục đích của ba nhóm cao. Chúng ta có thể diễn đạt vấn đề như sau:

The three higher groups are sattvic.

Ba nhóm cao là sattva.

The three lower groups are tamasic.

Ba nhóm thấp là tamas.

The fourth group, or human, is rajasic.

Nhóm thứ tư, hay nhân loại, là rajas.

Again, the three higher groups are energised by three streams of force which enter along the line of the three spirillae of the logoic permanent atom. The three lower groups are energised by energy entering by the three lowest spirillae (which we call the three lowest planes) and these spirillae energise the logoic dense body, were vitalised in the previous solar system, and are no longer in any way controlling factors in logoic existence. The fourth group, the human, is energised by the force of the fourth spirilla, to which we give the name of buddhic

Một lần nữa, ba nhóm cao được tiếp năng lượng bởi ba dòng mãnh lực đi vào theo đường của ba loa tuyến của Nguyên tử trường tồn của Thượng đế. Ba nhóm thấp được tiếp năng lượng bởi năng lượng đi vào qua ba loa tuyến thấp nhất (mà chúng ta gọi là ba cõi thấp nhất), và các loa tuyến này tiếp năng lượng cho thân thể đậm đặc của Thượng đế, đã được tiếp sinh lực trong hệ mặt trời trước, và không còn là những yếu tố kiểm soát trong sự tồn tại của Thượng đế nữa. Nhóm thứ tư, nhóm nhân loại, được tiếp năng lượng bởi mãnh lực của loa tuyến

energy, and this fourth group has, therefore, the problem of bringing about conditions whereby the buddhic vibrations may dominate the other, and lower, three. It is this imposition which eventually releases the human units, and permits of their passing into the higher group. The elemental group souls find correspondences in the higher—first, in the human kingdom in the three main groups of Egos, in whom the three types of energy predominate; again in the three main or major planetary groups, and finally in the three aspects.

thứ tư, mà chúng ta gọi là năng lượng Bồ đề, và vì vậy nhóm thứ tư này có vấn đề là phải tạo ra những điều kiện nhờ đó các rung động Bồ đề có thể chi phối ba rung động khác thấp hơn. Chính sự áp đặt này cuối cùng giải thoát các đơn vị nhân loại và cho phép họ đi vào nhóm cao hơn. Các hồn nhóm hành khí có những tương ứng ở các nhóm cao hơn—trước hết, trong giới nhân loại nơi ba nhóm chính của các chân ngã, trong đó ba loại năng lượng chiếm ưu thế; kế đó trong ba nhóm hành tinh chính hay lớn; và cuối cùng trong ba phương diện.

Elemental group	animal kingdom	Sattvic Father aspect.	Solar Logos	Uranus.
Elemental group	vegetable kingdom	Rajasic Son aspect	Planetary Logoi	Neptune.
Elemental group	mineral kingdom	Tamasic Mother, aspect. Brahma	Plane devas.	Saturn.

[Page 1139] The fourth or human group, unites all three lives. The periodic manifestation of the three elemental groups (through the medium of the three lower kingdoms) is, therefore, governed by factors hidden in the nature of that great vibration which we call *tamasic*, or heavy rhythm. It is the vibration of Brahma, the third aspect, the mother or matter aspect. Their appearance, therefore, is one of a very slow manifestation, the seven subsidiary vibrations bringing in one or other of the seven groups of each group soul in a very slow alternation. The cycles cannot be given;

[Page 1139] Nhóm thứ tư hay nhóm nhân loại hợp nhất cả ba sự sống. Vì vậy, sự biểu hiện theo chu kỳ của ba nhóm hành khí (qua trung gian của ba giới thấp) được chi phối bởi những yếu tố ẩn giấu trong bản chất của rung động lớn mà chúng ta gọi là *tamas*, hay nhịp điệu nặng nề. Đó là rung động của Brahma, phương diện thứ ba, phương diện mẹ hay vật chất. Do đó, sự xuất hiện của chúng là một sự biểu hiện rất chậm, bảy rung động phụ lần lượt đưa vào nhóm này hay nhóm kia trong bảy nhóm của mỗi hồn nhóm theo một sự luân phiên rất chậm. Không thể nêu ra các chu kỳ; chỉ có thể nói

two things only can be said: the appearance of these groups as units in manifestation is controlled by three factors:

hai điều: sự xuất hiện của các nhóm này như những đơn vị trong biểu hiện được kiểm soát bởi ba yếu tố:

1. The moon, for these are the many lunar fathers.

1. Mặt trăng, vì đây là nhiều thái âm tổ phụ.

2. The ray in manifestation at any time.

2. Cung đang biểu hiện vào bất kỳ thời điểm nào.

3. The karma of the informing Life of any kingdom.

3. Nghiệp quả của Sự sống thấm nhuần bất kỳ giới nào.

The second consideration is the karma and life-history of the planetary entity. He sleeps and awakes; he is the embodiment of tamas, and as he progresses and evolves so do the lower kingdoms.

Điều xem xét thứ hai là nghiệp quả và lịch sử sự sống của thực thể hành tinh. Nó ngủ và thức; nó là hiện thân của tamas, và khi nó tiến bộ và tiến hoá thì các giới thấp cũng vậy.

The lunar pitris are to the planetary entity what the three major centres are to man or to the Logoi. The lunar Pitris who contribute the human form are (to the planetary entity) the correspondence to the *head centre.* Those who are the fathers of the vegetable forms correspond to his *heart centre*, whilst the Pitris of the mineral kingdom are analogous to the *throat centre*. This is all very obscure but hints of much value lie here.

Các thái âm tổ phụ đối với thực thể hành tinh cũng như ba trung tâm chính đối với con người hay đối với các Thượng đế. Các thái âm tổ phụ góp phần tạo nên hình tướng con người là (đối với thực thể hành tinh) sự tương ứng với *trung tâm đầu.* Những vị là cha của các hình tướng thực vật tương ứng với *trung tâm tim* của nó, trong khi các tổ phụ của giới kim thạch tương tự với *trung tâm cổ họng*. Tất cả điều này rất mơ hồ nhưng ở đây có những gợi ý rất giá trị.

It is not possible to give much further information relative to the periodical appearing of the subhuman forms of life. The subject is too obscure, and the detail too vast. Until the student has fitted himself to appreciate [Page 1140] the symbolic, or hieroglyphic writings of the adepts, (322) it is impossible for him to grasp the matter. Much of the teaching on this matter is found in records in the department of the Manu, as it concerns primarily the initial stages of form building. It might be said that the

Không thể đưa ra thêm nhiều thông tin liên quan đến sự xuất hiện theo chu kỳ của các hình tướng sự sống dưới nhân loại. Chủ đề này quá mơ hồ, và chi tiết thì quá bao la. Cho đến khi đạo sinh tự chuẩn bị để đánh giá đúng [Page 1140] các văn tự biểu tượng hay tượng hình của các chân sư, (322) thì y không thể nắm được vấn đề. Phần lớn giáo huấn về vấn đề này được tìm thấy trong các hồ sơ thuộc bộ phận của Đức Manu, vì nó chủ yếu liên quan đến các giai đoạn đầu của việc kiến tạo hình tướng. Có thể nói rằng sự

appearance of any life in manifestation is due to primary activity on the part of some Entity, which activity is largely the expression of the first Ray. This concerns the periodical manifestation of the life or lives of any round just as it concerns also the ephemeral existence of a dragon fly; it deals with the form through which what we call a race is evolving and concerns itself with the tiny life of an individual in that race. The same laws govern all, though the response to the law may be relative and in degree. This law has the generic name of the "Law of Cycles," and is expressed in terms of time; [Page 1141] but the secret to the cycles may not as yet be given as it would convey to the intuitive too much dangerous information. It is the knowledge of this law as it concerns rounds, races, subraces, groups (involutionary and evolutionary) and individuals (human and superhuman) which enables the Lords of Karma, and the Adepts of the good Law, to manipulate force or energy, and so carry all that is, on to its triumphant conclusion. In connection with this, students may get much light on this difficult question of force if they bear in mind that every form in every kingdom on the downward, and the upward arc, is in itself a negative force impelled into activity by a positive force and demonstrating as a combination of the two. The distinctions are demonstrated in the fact that some forms are negative-positive, others positive-negative, whilst still others are at the point of equilibrium. This includes all the intermediate stages. The Builders of the cosmos work under cyclic law *consciously,* and utilise the aggregate of these forces in any kingdom, any group or any unit to bring about the consummation of the plan.

xuất hiện của bất kỳ sự sống nào trong biểu hiện là do hoạt động sơ khởi từ phía một Thực Thể nào đó, mà hoạt động này phần lớn là biểu hiện của Cung một. Điều này liên quan đến sự biểu hiện theo chu kỳ của sự sống hay các sự sống của bất kỳ cuộc tuần hoàn nào, cũng như liên quan đến sự tồn tại ngắn ngủi của một con chuồn chuồn; nó bàn đến hình tướng mà qua đó cái chúng ta gọi là một giống dân đang tiến hoá và cũng liên quan đến sự sống nhỏ bé của một cá nhân trong giống dân ấy. Cùng những định luật ấy chi phối tất cả, dù sự đáp ứng với định luật có thể là tương đối và khác nhau về mức độ. Định luật này có tên gọi chung là "Định luật Chu kỳ," và được biểu lộ bằng các thuật ngữ của thời gian; [Page 1141] nhưng bí mật của các chu kỳ hiện chưa thể được tiết lộ vì nó sẽ truyền cho người trực giác quá nhiều thông tin nguy hiểm. Chính sự hiểu biết định luật này trong chừng mực nó liên quan đến các cuộc tuần hoàn, các giống dân, các giống dân phụ, các nhóm (giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá) và các cá nhân (nhân loại và siêu nhân loại) giúp các Đấng Nghiệp Quả, và các chân sư của Định luật thiện lành, có thể vận dụng mãnh lực hay năng lượng, và như vậy đưa mọi cái đang hiện hữu đến kết cuộc vinh quang của nó. Liên quan đến điều này, các đạo sinh có thể nhận được nhiều ánh sáng về vấn đề khó khăn này của mãnh lực nếu họ ghi nhớ rằng mọi hình tướng trong mọi giới trên vòng cung đi xuống và vòng cung đi lên, tự thân đều là một mãnh lực âm được thúc đẩy vào hoạt động bởi một mãnh lực dương và biểu lộ như một sự kết hợp của cả hai. Các khác biệt được biểu lộ ở chỗ một số hình tướng là âm-dương, một số khác là dương-âm, trong khi một số khác nữa ở tại điểm quân bình. Điều này bao gồm mọi giai đoạn trung gian. Các đấng kiến tạo của vũ trụ làm việc dưới định luật chu kỳ một cách *hữu thức,* và sử dụng tổng thể các mãnh lực này trong bất kỳ giới,

bất kỳ nhóm hay bất kỳ đơn vị nào để hoàn thành Thiên Cơ.

(322) *Symbols*.

(322) *Các biểu tượng*.

"In a symbol lies concealment or revelation."—Carlyle.

"Trong một biểu tượng có sự che giấu hay sự mặc khải."—Carlyle.

1. Symbols are intended for:—

1. Các biểu tượng được dùng cho:—

a. The little evolved. They teach great truths in simple form.

a. Những người ít tiến hoá. Chúng dạy những chân lý lớn dưới hình thức đơn giản.

b. The bulk of humanity. They preserve truth intact and embody cosmic facts.

b. Đại đa số nhân loại. Chúng bảo tồn chân lý nguyên vẹn và hàm chứa các sự kiện vũ trụ.

c. The pupils of the Masters. They develop intuition.

c. Các môn sinh của các Chân sư. Chúng phát triển trực giác.

2. Symbolic books in the Master's archives used for instruction. These books are interpreted:—

2. Những sách biểu tượng trong văn khố của Chân sư được dùng để giảng dạy. Những sách này được giải thích:—

a. By their colour.

a. Bằng màu sắc của chúng.

b. By their position, i.e. above, on and beneath a line.

b. Bằng vị trí của chúng, tức là ở phía trên, trên chính đường, và phía dưới một đường.

c. By their connection with each other.

c. Bằng mối liên hệ của chúng với nhau.

d. By their key. One page may be read four ways:—

d. Bằng chìa khóa của chúng. Một trang có thể được đọc theo bốn cách:—

1. From above downwards.... involution.

1. Từ trên xuống dưới.... giáng hạ tiến hoá.

2. From beneath upwards.....evolution.

2. Từ dưới lên trên.....thăng thượng tiến hoá.

3. Right to left.....greater cycles, etc.

3. Từ phải sang trái..... các chu kỳ lớn hơn, v.v.

4. Left to right...lesser cycles.

4. Từ trái sang phải...các chu kỳ nhỏ hơn.

3. *The three keys:*—

3. *Ba chìa khóa:*—

1. Cosmic interpretation. The symbols standing for cosmic facts. i.e., Darkness. Light. The cross. The triangle.

1. Giải thích vũ trụ. Các biểu tượng tượng trưng cho các sự kiện vũ trụ. Thí dụ: Bóng tối. Ánh sáng. Thập giá. Tam giác.

2. Systemic interpretation. Dealing with evolution of system and all therein.

2. Giải thích ở quy mô hệ mặt trời. Bàn đến sự tiến hoá của hệ mặt trời và mọi thứ trong đó.

3. Human interpretation. Dealing with man himself. The cross of humanity. Seven-branched candlestick.

3. Giải thích nhân loại. Bàn đến chính con người. Thập giá của nhân loại. Chân đèn bảy nhánh.

4. Four kinds of symbols:—

4. Bốn loại biểu tượng:—

1. Symbols of extraneous objects physical... plane things.

1. Biểu tượng của các vật thể bên ngoài thuộc hồng trần... những vật trên cõi hồng trần.

2. Symbols of emotional nature.. astral plane things; pictures.

2. Biểu tượng của bản chất cảm xúc.. những sự vật trên cõi cảm dục; các hình ảnh.

3. Numerical symbolism... Lower mental. Man used himself to count by.

3. Biểu tượng số học... cõi hạ trí. Con người từng dùng chính mình để đếm.

4. Geometrical symbolism... abstract symbolism, higher mental. (back)

4. Biểu tượng hình học... biểu tượng trừu tượng, cõi thượng trí. (trở lại)

It would interest men much if they could see and interpret some of the records in the hierarchical records, for in them men and angels, minerals and elements, animals and vegetables, kingdoms and groups, Gods and ants are *specified in terms of energy formulas* and by a scrutiny of these records the approximate increase of vibration in any form of any kind can be found out at any time. This might be expressed in terms also of the Gunas; it will be found by disciples

Con người sẽ rất quan tâm nếu họ có thể thấy và giải thích một số hồ sơ trong hồ sơ của Thánh đoàn, vì trong đó con người và thiên thần, khoáng vật và nguyên tố, động vật và thực vật, các giới và các nhóm, các Thượng đế và loài kiến đều được *xác định bằng các công thức năng lượng* và bằng cách khảo xét các hồ sơ này, sự gia tăng gần đúng của rung động trong bất kỳ hình tướng nào thuộc bất kỳ loại nào đều có thể được biết vào bất cứ lúc nào. Điều này cũng có thể

(when permitted access to the records) that they themselves, along with every other expression of the divine life, are described by a triple formula which conveys to the mind of the initiate the proportions of tamas or inertia, of rajas or activity, and of sattva or rhythm to be found in any form. This, therefore, through correspondences, imparts knowledge as to past achievement, present opportunity and the immediate [Page 1142] future of any unit or embodied life, manifesting under any of the three aspects.

được diễn đạt bằng các thuật ngữ của các Guna; các đệ tử sẽ thấy (khi được phép tiếp cận các hồ sơ) rằng chính họ, cùng với mọi biểu hiện khác của sự sống thiêng liêng, được mô tả bằng một công thức tam phân truyền đạt cho trí tuệ của điểm đạo đồ các tỷ lệ của tamas hay quán tính, của rajas hay hoạt động, và của sattva hay nhịp điệu được tìm thấy trong bất kỳ hình tướng nào. Vì vậy, thông qua các tương ứng, điều này truyền đạt tri thức về thành tựu quá khứ, cơ hội hiện tại và tương lai gần nhất [Page 1142] của bất kỳ đơn vị hay sự sống nhập thể nào, biểu lộ dưới bất kỳ một trong ba phương diện nào.

Another series of files in the records give—under a different formula—information as to what is esoterically called "the heat content" of any unit, "the radiating light" of any form, and the "magnetic force" of every life. It is through this knowledge that the Lipikas control the bringing in, and the passing out, of every Life, divine, superhuman, solar and human, and it is through a consideration of that formula which is the basic formula for a solar system that the physical plane appearance of a solar Logos is controlled, and the length of a cosmic pralaya settled. We must not forget that the Lipika Lords of the solar system have Their cosmic prototypes, and that These have Their feeble and groping human reflections in the great astronomical scientists who endeavour to ascertain facts anent the heavenly bodies, being subconsciously aware of the existence of these cosmic formulas conveying information as to the specific gravity, constitution, radiation, magnetic pull, heat and light of any sun, solar system, or constellation. Many of them in future and remote ages will pass to a full comprehension, and will have the formulas committed to their care, thus joining the

Một loạt hồ sơ khác trong các biên bản cung cấp—dưới một công thức khác—thông tin về điều được gọi theo nội môn là "nội dung nhiệt" của bất kỳ đơn vị nào, "ánh sáng bức xạ" của bất kỳ hình tướng nào, và "mãnh lực từ tính" của mọi sự sống. Chính nhờ tri thức này mà các Lipika kiểm soát sự đi vào và sự ra đi của mọi Sự sống, thiêng liêng, siêu nhân loại, thái dương và nhân loại, và chính nhờ việc xem xét công thức là công thức căn bản cho một hệ mặt trời mà sắc tướng trên cõi hồng trần của một Thái dương Thượng đế được kiểm soát, và độ dài của một giai kỳ qui nguyên vũ trụ được quyết định. Chúng ta không được quên rằng các Đấng Lipika của hệ mặt trời có những nguyên mẫu vũ trụ của Các Ngài, và rằng Các Ngài có những phản ánh nhân loại yếu ớt và dò dẫm nơi các nhà khoa học thiên văn lớn đang nỗ lực xác định các sự kiện liên quan đến các thiên thể, vì họ một cách tiềm thức nhận biết sự hiện hữu của các công thức vũ trụ này, vốn truyền đạt thông tin về trọng lượng riêng, cấu tạo, bức xạ, lực hút từ tính, nhiệt và ánh sáng của bất kỳ mặt trời, hệ mặt trời hay chòm sao nào. Nhiều người trong số họ trong các thời đại tương lai xa xôi sẽ đạt đến sự thấu hiểu trọn vẹn, và sẽ được giao phó các công thức ấy để chăm nom, nhờ đó gia

ranks of the Lipikas. It is a peculiar line, requiring cycles of careful training in divine mathematics.

nhập hàng ngũ các Lipika. Đây là một đường lối đặc biệt, đòi hỏi nhiều chu kỳ huấn luyện cẩn trọng trong toán học thiêng liêng.

The Lipika Lords, controlling the periodical manifestation of life are, roughly speaking, divided into the following groups, which it might be of interest to note:

Các Đấng Lipika, kiểm soát sự biểu hiện theo chu kỳ của sự sống, nói đại thể được chia thành các nhóm sau đây, điều này có thể đáng lưu ý:

1. Three extra-systemic or cosmic Lords of Karma, Who work from a centre in Sirius through the medium of three representatives. These form a group around the solar Logos, and hold to Him a position analogous to the three Buddhas of Activity Who stand around Sanat Kumara. [Page 1143]

1. Ba Đấng Nghiệp Quả ngoài hệ mặt trời hay vũ trụ, các Ngài làm việc từ một trung tâm ở Sirius qua trung gian của ba vị đại diện. Các Ngài tạo thành một nhóm quanh Thái dương Thượng đế, và giữ đối với Ngài một vị trí tương tự như Ba Đức Phật Hoạt Động đứng quanh Đức Sanat Kumara. [Page 1143]

2. Three Lipika Lords Who are the karmic agents working through the three aspects.

2. Ba Đấng Lipika là các tác nhân nghiệp quả làm việc qua ba phương diện.

3. Nine Lipikas Who are the sumtotal of the agents for the Law working through what the *Qabbalah* calls the nine Sephiroth.

3. Chín Lipika là tổng số các tác nhân của Định luật làm việc qua điều mà *Qabbalah* gọi là chín Sephiroth.

4. Seven presiding agents of karma for each one of the seven schemes.

4. Bảy tác nhân chủ trì nghiệp quả cho mỗi một trong bảy hệ hành tinh.

These four groups correspond in manifestation to the Unmanifested, manifesting through the triple Aspects, and under Them work an infinity of lesser agents. These lesser agents might again be somewhat differentiated, each of the following groups being found in every scheme and on every ray-emanation.

Bốn nhóm này tương ứng trong biểu hiện với Cái Không Biểu Hiện, biểu lộ qua ba Phương diện, và dưới Các Ngài có vô số tác nhân nhỏ hơn làm việc. Những tác nhân nhỏ hơn này lại có thể được phân biệt phần nào, mỗi nhóm sau đây đều được tìm thấy trong mọi hệ hành tinh và trên mọi phát xạ cung.

1. The Lipika Lords of a scheme Who, through the manipulation of forces, make it possible for a planetary Logos to incarnate under the Law, and work out His cyclic problem.

1. Các Đấng Lipika của một hệ hành tinh, các Ngài, qua sự vận dụng các mãnh lực, làm cho một Hành Tinh Thượng Đế có thể nhập thể dưới Định luật, và giải quyết vấn đề chu kỳ của Ngài.

2. Those who (under the first group) control the destiny of a chain.

2. Những vị (dưới nhóm thứ nhất) kiểm soát số phận của một Dãy.

3. Those who are the energy-directors of a globe.

3. Những vị là các vị điều hướng năng lượng của một bầu hành tinh.

4. Agents of every kind Who are concerned with the karmic adjustments, incident upon the periodical manifestation of such forms as:

4. Các tác nhân thuộc mọi loại liên quan đến những điều chỉnh nghiệp quả gắn liền với sự biểu hiện theo chu kỳ của những hình tướng như:

a. A round, seven in all.

a. Một cuộc tuần hoàn, tổng cộng là bảy.

b. A kingdom in nature, seven in all.

b. Một giới trong thiên nhiên, tổng cộng là bảy.

c. The human kingdom.

c. Giới nhân loại.

d. A rootrace, subrace and branch race.

d. Một giống dân gốc, giống dân phụ và giống dân nhánh.

e. A nation, a family, a group, and their correspondences in all the kingdoms.

e. Một quốc gia, một gia đình, một nhóm, và các tương ứng của chúng trong mọi giới.

f. A plane.

f. Một cõi.

g. The reptile and insect world.

g. Thế giới loài bò sát và côn trùng.

h. The bird evolution.

h. Sự tiến hoá của loài chim.

i. The devas.

i. Các thiên thần.

j. Human units, egoic groups, monadic lives, [Page 1144] and myriads of other forms, objective and subjective, planetary and interplanetary, in connection with the Sun, and in connection with the planetoids.

j. Các đơn vị nhân loại, các nhóm chân ngã, các sự sống chân thần, [Page 1144] và vô số hình tướng khác, khách quan và chủ quan, thuộc hành tinh và liên hành tinh, liên quan đến Mặt Trời, và liên quan đến các tiểu hành tinh.

All work with energy emanations, and with force units under cyclic law, and all have the

Tất cả đều làm việc với các phát xạ năng lượng, và với các đơn vị lực dưới định luật

same objective,—the producing of perfected activity, intensification of heat, and of radiant magnetic light as an expression of the will or purpose of each embodied life.

chu kỳ, và tất cả đều có cùng một mục tiêu,—tạo ra hoạt động hoàn hảo, tăng cường nhiệt, và ánh sáng từ tính bức xạ như một biểu hiện của ý chí hay mục đích của mỗi sự sống nhập thể.

Periodicity of manifestation is the cyclic appearance of certain forms of specified energy, and this is true whether a man is speaking of a solar system, of a Ray, of the appearance of a planet in space, or of the phenomenon of human birth. Certain factors extraneous to any energy unit under consideration, will inevitably affect its appearance, and act as deflecting or directing agents. The Law of Cycles has ever been regarded as one of the most difficult for a man to master, and it has been truly said that when a man has mastered its technicalities, and can understand its methods of time computation, he has attained initiation. Its intricacies are so numerous and so bound up with the still greater law, that of cause and effect, that practically the whole range of possible knowledge is thereby surmounted. To comprehend this law involves ability to:

Tính chu kỳ của sự biểu hiện là sự xuất hiện theo chu kỳ của những hình tướng nhất định của năng lượng được xác định, và điều này đúng dù con người đang nói về một hệ mặt trời, về một cung, về sự xuất hiện của một hành tinh trong không gian, hay về hiện tượng sinh ra làm người. Một số yếu tố ở bên ngoài bất kỳ đơn vị năng lượng nào đang được xét đến tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến sự xuất hiện của nó, và hoạt động như những tác nhân làm lệch hướng hoặc định hướng. Định luật Chu Kỳ từ lâu vẫn được xem là một trong những định luật khó làm chủ nhất đối với con người, và quả thật đã có lời nói rằng khi một người đã làm chủ được các chi tiết kỹ thuật của nó, và có thể hiểu các phương pháp tính toán thời gian của nó, thì y đã đạt đến điểm đạo. Những chỗ phức tạp của nó nhiều đến mức và gắn bó chặt chẽ với định luật còn lớn hơn nữa, tức định luật nhân quả, đến nỗi hầu như toàn bộ phạm vi tri thức khả hữu đều được vượt qua nhờ đó. Thấu hiểu định luật này bao hàm khả năng:

a. Deal with the higher mathematical formulas of the solar system.

a. xử lý các công thức toán học cao hơn của hệ mặt trời.

b. Compute the relationship between a unit of any degree and the greater whole upon whose vibration that unit is swept into periodic display.

b. tính toán mối tương quan giữa một đơn vị ở bất kỳ cấp độ nào với toàn thể lớn hơn mà trên rung động của nó, đơn vị ấy bị cuốn vào sự biểu hiện theo chu kỳ.

c. Read the akashic records of a planetary system.

c. đọc các biên niên ký akasha của một hệ hành tinh.

d. Judge of karmic effects in time and space.

d. phán đoán các hiệu quả nghiệp quả trong thời gian và không gian.

e. Differentiate between the four streams of karmic effects as they concern the four kingdoms of nature.

e. phân biệt giữa bốn dòng hiệu quả nghiệp quả khi chúng liên quan đến bốn giới trong tự nhiên.

f. Distinguish between the three main streams of energy [Page 1145] —the units of inertia, mobility and rhythm—and note the key of each unit, and its place in the great group of transitional points. These latter units are those who are on the crest of one of the three waves, and ready, therefore, to be transferred into a wave of a higher vibratory capacity.

f. phân biệt giữa ba dòng năng lượng chính [Page 1145] —các đơn vị của quán tính, tính động và nhịp điệu—và ghi nhận chủ âm của mỗi đơn vị, cùng vị trí của nó trong đại nhóm các điểm chuyển tiếp. Các đơn vị vừa nêu sau là những đơn vị đang ở trên đỉnh của một trong ba làn sóng, và do đó sẵn sàng được chuyển dịch vào một làn sóng có năng lực rung động cao hơn.

g. Enter the Hall of Records and there read a peculiar group of documents dealing with planetary manifestation in a fourfold manner. It concerns the planetary Logos, and deals with the transference of energy from the moon chain. It concerns the transmission of energy to another planetary scheme, and concerns the interaction between the human Hierarchy (the fourth Kingdom) and the great informing Life of the animal kingdom.

g. đi vào Phòng Biên Niên và tại đó đọc một nhóm tài liệu đặc biệt đề cập đến sự biểu hiện hành tinh theo cách tứ phân. Nó liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế, và bàn đến sự chuyển dịch năng lượng từ Dãy Mặt Trăng. Nó liên quan đến sự truyền dẫn năng lượng sang một hệ hành tinh khác, và liên quan đến sự tương tác giữa Huyền Giai nhân loại (giới thứ tư) và Sự sống phú linh vĩ đại của giới động vật.

When a man can do all these things and has earned the right to know that which produces the phenomenon of manifestation, he has earned the right to enter into the councils of the planetary Hierarchy, and himself to direct streams of energy upon, through and out of the planet.

Khi một người có thể làm được tất cả những điều này và đã giành được quyền biết điều gì tạo ra hiện tượng biểu hiện, thì y đã giành được quyền bước vào các hội đồng của Thánh đoàn hành tinh, và tự mình điều hướng các dòng năng lượng lên trên, xuyên qua và ra khỏi hành tinh.

Some idea of the complexity governing the periodical manifestation of a human being may be gathered by a consideration of the forces which bring human units into manifestation, which produce individualisation; this is, after all, the appearing of a third stream of energy in conjunction with two others. A man is the meeting ground of three streams of force,

Có thể hình dung phần nào về tính phức tạp chi phối sự biểu hiện theo chu kỳ của một con người bằng cách xem xét các mãnh lực đưa các đơn vị nhân loại vào biểu hiện, những mãnh lực tạo ra sự biệt ngã hóa; rốt cuộc, đây là sự xuất hiện của một dòng năng lượng thứ ba kết hợp với hai dòng khác. Con người là điểm gặp gỡ của ba dòng mãnh lực,

one or other preponderating according to his peculiar type.

trong đó dòng này hay dòng kia trội hơn tùy theo loại hình đặc thù của y.

Let us briefly enumerate these factors and thus get some idea as to the complexity of the matter:

Chúng ta hãy liệt kê vắn tắt các yếu tố này để nhờ đó có được một ý niệm nào đó về tính phức tạp của vấn đề:

The first and paramount factor is the ray upon which a particular human unit is found. This means, that there are seven specialised force streams, each with its peculiar quality, type and rhythm. The matter is further complicated by the fact that though the Ray of the Monad is its [Page 1146] main qualifying factor, yet two subsidiary Rays, those of the Ego and of the personality, have likewise to be considered.

Yếu tố thứ nhất và tối quan trọng là cung mà trên đó một đơn vị nhân loại đặc thù được tìm thấy. Điều này có nghĩa là có bảy dòng mãnh lực chuyên biệt hóa, mỗi dòng có phẩm tính, loại hình và nhịp điệu riêng của nó. Vấn đề còn phức tạp thêm bởi sự kiện rằng tuy cung của chân thần là yếu tố quy định chính của nó, [Page 1146] nhưng hai cung phụ, tức cung của chân ngã và của phàm ngã, cũng phải được xét đến.

Secondly, it must be borne in mind that the human units now upon this planet fall naturally into two great groups—those who reached individualisation, or became "units of self-directing energy," upon the moon, and those who attained self-consciousness upon the earth. There are important distinctions between these two groups, for the units of the moon chain are distinguished, not only by a more advanced development, owing to the longer period of their evolution, but also by the quality of great and intelligent activity, for (as might be expected) on the third or moon chain, the third Ray was a dominant factor. In this fourth chain, the quaternary dominates, or the synthesis of the three so as to produce a fourth, and this is one reason for the intensely material nature of those who entered the human kingdom on this planet. The distinctions between the two groups are very great, and one of the mysteries lying behind the main divisions of humanity—rulers and the ruled, capitalists and labourers, the governed and those who govern—is found right here. No system of

Thứ hai, cần ghi nhớ rằng các đơn vị nhân loại hiện đang ở trên hành tinh này tự nhiên rơi vào hai nhóm lớn—những đơn vị đã đạt đến sự biệt ngã hóa, hay trở thành "những đơn vị năng lượng tự định hướng," trên mặt trăng, và những đơn vị đã đạt ngã thức trên trái đất. Có những khác biệt quan trọng giữa hai nhóm này, vì các đơn vị của Dãy Mặt Trăng được phân biệt không chỉ bởi sự phát triển cao hơn, do thời kỳ tiến hoá dài hơn của họ, mà còn bởi phẩm tính hoạt động lớn lao và thông tuệ, vì (như có thể dự đoán) trên dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng, cung ba là một yếu tố chi phối. Trong dãy thứ tư này, bộ bốn chi phối, hay sự tổng hợp của ba để tạo ra cái thứ tư, và đây là một trong những lý do cho bản chất vật chất mãnh liệt của những người đã bước vào giới nhân loại trên hành tinh này. Những khác biệt giữa hai nhóm là rất lớn, và một trong những huyền nhiệm nằm sau các phân chia chính của nhân loại—những người cai quản và những người bị cai quản, các nhà tư bản và người lao động, những người bị trị và những người cai trị—được tìm thấy ngay tại đây. Không một hệ thống cải cách xã hội học nào có thể

sociological reform will be successfully worked out without a due consideration of this important fact. Other distinguishing features might be enumerated but would only serve at this stage to complicate the matter.

được triển khai thành công nếu không lưu tâm đúng mức đến sự kiện quan trọng này. Có thể liệt kê thêm những đặc điểm phân biệt khác, nhưng ở giai đoạn này điều đó chỉ làm cho vấn đề thêm phức tạp.

S9S8 Text

A third factor differentiating the groups of human units who reached self-consciousness on our planet is hidden in the methods employed by the Lords of the Flame at that time. They, we are told, employed three methods.

Yếu tố thứ ba phân biệt các nhóm đơn vị nhân loại đã đạt ngã thức trên hành tinh chúng ta được ẩn giấu trong các phương pháp mà các Đấng Chúa Tể của Lửa đã sử dụng vào thời đó. Chúng ta được cho biết rằng Các Ngài đã dùng ba phương pháp.

First, They themselves took bodies and thus energised certain of the higher forms of the animal kingdom, so that they appeared as man, and thus initiated a particular group. Their descendants can be seen in the highest [Page 1147] specimens of the earth humanity now on earth. They are not even now, however, as far advanced as the groups of units from the moon chain who came in in Atlantean days. Their heredity is peculiar.

Thứ nhất, chính Các Ngài đã mang lấy thân thể và nhờ đó tiếp năng lượng cho một số hình tướng cao hơn của giới động vật, để chúng xuất hiện như con người, và nhờ đó khai mở một nhóm đặc thù. Hậu duệ của họ có thể được thấy nơi những mẫu người cao nhất [Page 1147] của nhân loại địa cầu hiện nay trên trái đất. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ họ vẫn chưa tiến bộ bằng các nhóm đơn vị từ Dãy Mặt Trăng đã đi vào trong những ngày Atlantis. Di truyền của họ là điều đặc biệt.

They implanted a germ of mind in the secondary group of animal-men who were ready for individualisation. This group, for a long time, was unable to express itself, and was most carefully nurtured by the Lords of Flame, nearly proving a failure. By the time, however, that the last subrace of the Lemurian root race was at its height it suddenly came into the forefront of the then civilisation, and justified hierarchical effort.

Các Ngài đã cấy một mầm trí tuệ vào nhóm thứ hai của những người-thú đã sẵn sàng cho sự biệt ngã hóa. Trong một thời gian dài, nhóm này không thể tự biểu lộ, và đã được các Đấng Chúa Tể của Lửa nuôi dưỡng hết sức cẩn trọng, suýt nữa đã thành thất bại. Tuy nhiên, vào lúc giống dân phụ cuối cùng của giống dân gốc Lemuria đạt đến đỉnh cao, nó đột ngột vươn lên hàng đầu trong nền văn minh đương thời, và chứng tỏ giá trị của nỗ lực của Thánh đoàn.

Thirdly, They fostered the germ of instinct in certain groups of animal-men until it flowered into mind. It must never be forgotten that men have within themselves

Thứ ba, Các Ngài đã nuôi dưỡng mầm bản năng trong một số nhóm người-thú cho đến khi nó nở hoa thành trí tuệ. Không bao giờ được quên rằng con người có bên trong

(apart from any extraneous fostering) the ability to *arrive*, and to achieve full self-consciousness.

chính mình (ngoài mọi sự nuôi dưỡng từ bên ngoài) khả năng *đạt đến* và thành tựu ngã thức trọn vẹn.

These three methods bring us to the fourth factor which must be remembered, that of the three modes of motion which powerfully affect the incarnating jivas.

Ba phương pháp này đưa chúng ta đến yếu tố thứ tư cần được ghi nhớ, đó là ba phương thức chuyển động có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các jiva đang lâm phàm.

The Sons of Mind are distinguished by the three qualities of matter as has been earlier brought out, and they have been generically called:

Các Con của Trí Tuệ được phân biệt bởi ba phẩm tính của vật chất như đã được nêu ra trước đây, và theo cách gọi chung, họ được gọi là:

1. The Sons of sattvic rhythm,

1. Các Con của nhịp điệu sattva,

2. The Sons of mobility,

2. Các Con của tính động,

3. The Sons of inertia.

3. Các Con của quán tính.

These qualities are the characteristics of the three major Rays, and of the three Persons of the Godhead; they are the qualities of consciousness—material, intelligent, and divine. They are the predominating characteristics of the chains of which our earth is one.[Page 1148]

Những phẩm tính này là các đặc trưng của ba cung chính, và của ba Ngôi của Thượng đế; chúng là các phẩm tính của tâm thức—vật chất, thông tuệ, và thiêng liêng. Chúng là những đặc trưng chi phối của các dãy mà trái đất chúng ta là một trong số đó. [Page 1148]

Earth Planetary Scheme	*Hệ Hành Tinh Địa Cầu*
First Chain	Archetypal.
Second Chain	Sattvic Rhythm.
Third Chain	Mobility.
Fourth Chain	Inertia.
Fifth Chain	Mobility.

Sixth Chain	Sattvic Rhythm.
Seventh Chain	Perfection.

The factors which we have considered as affecting the different incarnating units have a vital effect on their cyclic evolution, and the ray and the three main types produce varying periodic appearance. Certain statements have been made in occult books as to the length of time varying between incarnations. Such statements are in the main inaccurate, for they make no allowance for Ray difference, and permit of no calculations as to whether the human unit involved is a unit of inertia, a sattvic point, or a rajasic entity. No hard and fast rule can be laid down at this time for the general public, though such rules exist, and are governed by seven different formulas for the three main types. Within this sevenfold differentiation, exist many lesser, and the wise student refrains from dogmatic assertion on this most peculiar and difficult subject. The fringe of the matter has but been touched upon here. It should be remembered that in the earlier stages of incarnation, the unit is governed mainly by group appearance, and comes into incarnation with his group.

Các yếu tố mà chúng ta đã xét đến như ảnh hưởng đến các đơn vị đang lâm phàm khác nhau có tác động thiết yếu lên sự tiến hoá theo chu kỳ của họ, và cung cùng ba loại hình chính tạo ra sự xuất hiện theo chu kỳ khác nhau. Một số phát biểu đã được đưa ra trong các sách huyền bí về khoảng thời gian khác nhau giữa các lần nhập thể. Những phát biểu như thế nhìn chung là không chính xác, vì chúng không tính đến sự khác biệt về cung, và không cho phép tính toán xem đơn vị nhân loại liên quan là một đơn vị của quán tính, một điểm sattva, hay một thực thể rajas. Hiện nay không thể đặt ra một quy luật cứng nhắc cho công chúng nói chung, mặc dù những quy luật như thế có tồn tại, và được chi phối bởi bảy công thức khác nhau cho ba loại hình chính. Trong sự biến phân thất phân này, có nhiều biến phân nhỏ hơn, và đạo sinh minh triết tránh khẳng định giáo điều về chủ đề rất đặc biệt và khó khăn này. Ở đây mới chỉ chạm đến phần rìa của vấn đề mà thôi. Cần ghi nhớ rằng trong các giai đoạn đầu của nhập thể, đơn vị chủ yếu bị chi phối bởi sự xuất hiện theo nhóm, và đi vào nhập thể cùng với nhóm của y.

As time progresses and his own will or purpose becomes more distinctive, he will at times force himself into manifestation independently of his group, as will other group units, and this leads to an apparent confusion which is detrimental to the surface calculations of the superficial student. When this is the case, the particular unit concerned has his record transferred into another file in the hierarchical archives,

Khi thời gian trôi qua và ý chí hay mục đích riêng của y trở nên rõ nét hơn, đôi khi y sẽ tự ép mình vào biểu hiện một cách độc lập với nhóm của mình, cũng như các đơn vị nhóm khác sẽ làm như vậy, và điều này dẫn đến một sự lẫn lộn bề ngoài gây bất lợi cho các tính toán bề mặt của đạo sinh hời hợt. Khi điều này xảy ra, hồ sơ của đơn vị đặc thù liên quan được chuyển sang một hồ sơ khác trong văn khố của Thánh đoàn, và trở thành

and becomes what is occultly termed “a self directed point of fire.” He is then strongly individualised, entirely self-engrossed, free of [Page 1149] all group sense, except the earthly affiliations to which he adheres from the instinct of self-protection and personal well-being. In this stage he remains for a vast period of time, and has before him the mastering of a later stage in which he returns to the earlier group recognition on a higher turn of the spiral.

điều mà huyền bí học gọi là “một điểm lửa tự định hướng.” Khi đó y được biệt ngã hóa mạnh mẽ, hoàn toàn mải mê với bản thân, thoát khỏi [Page 1149] mọi ý thức nhóm, ngoại trừ những liên hệ trần thế mà y bám vào do bản năng tự bảo vệ và an ổn cá nhân. Trong giai đoạn này y ở lại trong một thời kỳ rất dài, và trước mặt y là việc làm chủ một giai đoạn muộn hơn, trong đó y quay trở lại sự nhận biết nhóm ban đầu trên một vòng xoắn cao hơn.

The rules governing the incarnations of average man have been considered elsewhere, and much information has been given in this treatise and in *Letters on Occult Meditation* which—if collated—will provide sufficient data for study for a long time. Not much has been given anent the incarnations of disciples and the methods involved in the later stages of evolution.

Các quy luật chi phối những lần nhập thể của con người trung bình đã được bàn đến ở nơi khác, và nhiều thông tin đã được đưa ra trong bộ luận này và trong *Thư Về Tham thiền Huyền môn* mà—nếu được tập hợp—sẽ cung cấp đủ dữ liệu để nghiên cứu trong một thời gian dài. Chưa có nhiều điều được đưa ra liên quan đến những lần nhập thể của các đệ tử và các phương pháp liên quan trong các giai đoạn tiến hoá muộn hơn.

It should here be borne in mind that (for a disciple) direct alignment with the Ego via the centres and the physical brain is the goal of his life of meditation and of discipline. This is in order that the Inner God may function in full consciousness and wield full control on the physical plane. Thus will humanity be helped and group concerns furthered. Again it must be remembered that the basic Ray laws and the disciple’s particular type will paramountly dictate his appearances, but certain other forces begin to hold sway which might here be touched upon.

Ở đây cần ghi nhớ rằng (đối với một đệ tử) sự chỉnh hợp trực tiếp với chân ngã qua các trung tâm và bộ não hồng trần là mục tiêu của đời sống tham thiền và kỷ luật của y. Điều này là để Thượng đế Nội Tại có thể hoạt động trong tâm thức trọn vẹn và nắm quyền kiểm soát đầy đủ trên cõi hồng trần. Nhờ đó nhân loại sẽ được giúp đỡ và các mối quan tâm của nhóm được xúc tiến. Cũng cần nhớ lại rằng các định luật căn bản của cung và loại hình đặc thù của đệ tử sẽ một cách tối thượng quyết định các lần xuất hiện của y, nhưng một số mãnh lực khác bắt đầu nắm quyền chi phối mà ở đây có thể được đề cập đến.

The factors governing the appearance in incarnation of a disciple are as follows:

Các yếu tố chi phối sự xuất hiện trong nhập thể của một đệ tử như sau:

First, *his desire to work off karma rapidly* and so liberate himself for service. The Ego

Thứ nhất, *khát vọng của y muốn giải quyết nghiệp quả một cách nhanh chóng* và nhờ đó

impresses this desire upon the disciple during incarnation, and thus obviates any counter desire on his part for the bliss of devachan, or even for work on the astral plane. The whole objective, therefore, of the disciple after death is to get rid of his subtler bodies, and acquire new ones. There is no desire for a period of rest, and as desire is the governing factor in this system of desire, and particularly in this planetary scheme, if it exists not, there is no incentive to fulfilment. [Page 1150] The man, therefore, absents himself from the physical plane for a very brief time, and is driven by his Ego into a physical body with great rapidity.

tự giải thoát mình để phụng sự. Chân ngã gây ấn tượng khát vọng này lên đệ tử trong khi nhập thể, và nhờ đó loại bỏ mọi phản khát vọng nơi y đối với chí phúc của devachan, hay ngay cả đối với công việc trên cõi cảm dục. Vì vậy, toàn bộ mục tiêu của đệ tử sau khi chết là loại bỏ các thân thể vi tế hơn của mình và có được những thân thể mới. Không có khát vọng về một thời kỳ nghỉ ngơi, và vì khát vọng là yếu tố chi phối trong hệ mặt trời khát vọng này, đặc biệt trong hệ hành tinh này, nên nếu nó không hiện hữu thì không có động lực để hoàn thành. [Page 1150] Do đó, con người vắng mặt khỏi cõi hồng trần trong một thời gian rất ngắn, và bị chân ngã của mình thúc đẩy vào một thể xác với tốc độ rất nhanh.

Second, *to work out some piece of service* under direction of his Master. This will involve some adjustments, and occasionally the temporary arresting of his karma. These adjustments are made by the Master with the concurrence of the disciple, and are only possible in the case of an accepted disciple of some standing. It does not mean that karma is set aside, but only that certain forces are kept in abeyance until a designated group work has been accomplished.

Thứ hai, *để hoàn thành một phần công việc phụng sự* dưới sự chỉ đạo của Chân sư của y. Điều này sẽ bao hàm một số sự điều chỉnh, và đôi khi là sự tạm thời đình chỉ nghiệp quả của y. Những điều chỉnh này được Chân sư thực hiện với sự đồng thuận của đệ tử, và chỉ có thể trong trường hợp một đệ tử được chấp nhận đã có vị thế nhất định. Điều đó không có nghĩa là nghiệp quả bị gạt sang một bên, mà chỉ có nghĩa là một số mãnh lực được giữ ở trạng thái tiềm phục cho đến khi một công tác nhóm được chỉ định đã hoàn thành.

Third, *a disciple will return into incarnation occasionally so as to fit into the plan of a greater than himself.* When a messenger of the Great Lodge needs a vehicle through which to express Himself, and cannot use a physical body Himself, owing to the rarity of its substance, He will utilise the body of a disciple. We have an instance of this in the manner the Christ used the body of the initiate Jesus, taking possession of it at the time of the Baptism. Again when a message has to be given out to the world during some recurring cycle, a disciple of high position in

Thứ ba, *một đệ tử đôi khi sẽ trở lại nhập thể để phù hợp với kế hoạch của một Đấng lớn hơn y.* Khi một sứ giả của Thánh đoàn cần một vận cụ để qua đó biểu lộ Chính Ngài, và không thể tự mình sử dụng một thể xác do chất liệu của nó quá tinh vi, Ngài sẽ sử dụng thể xác của một đệ tử. Chúng ta có một ví dụ về điều này trong cách Đức Christ đã dùng thể xác của điểm đạo đồ Jesus, chiếm hữu nó vào lúc làm Lễ Rửa Tội. Một lần nữa, khi một thông điệp phải được ban ra cho thế giới trong một chu kỳ tái diễn nào đó, một đệ tử có địa vị cao trong nhóm của một Chân sư sẽ xuất

a Master's group will appear in physical incarnation, and be "overshadowed" or "inspired" (in the technically occult sense) by some teacher greater than he.

hiện trong nhập thể hồng trần, và được "phủ bóng" hoặc "truyền cảm hứng" (theo nghĩa kỹ thuật huyền bí) bởi một huấn sư lớn hơn y.

Fourth, a disciple may, through lack of rounded development, be very far advanced along certain lines but lack what is called the full intensification of a particular principle. He may, therefore, decide (with the full concurrence of his Ego and of his Master) to *take a series of rapidly recurring incarnations* with the intention of working specifically at bringing a certain quality, or series of qualities, to a point of higher vibratory content, thus completing the rounding of his sphere of manifestation. This accounts for the peculiar, yet powerful, people who are [Page 1151] met at times; they are so one-pointed and apparently so unbalanced that their sole attention is given to one line of development only, so much so that the other lines are hardly apparent. Yet their influence seems great, and out of all proportion to their *superficial* worth. A realisation of these factors will deter the wise student from hasty judgments, and from rapid conclusions concerning his fellow men.

Thứ tư, một đệ tử có thể, do thiếu sự phát triển viên mãn, đã rất tiến bộ trên một số đường lối nào đó nhưng lại thiếu điều được gọi là sự tăng cường trọn vẹn của một nguyên khí đặc thù. Vì vậy, y có thể quyết định (với sự đồng thuận trọn vẹn của chân ngã và Chân sư của mình) *đảm nhận một loạt các lần nhập thể tái diễn nhanh chóng* với ý định chuyên biệt là nỗ lực đưa một phẩm tính nào đó, hay một chuỗi phẩm tính, đến một điểm có nội dung rung động cao hơn, nhờ đó hoàn tất sự viên mãn của khối cầu biểu hiện của y. Điều này giải thích cho những con người kỳ lạ nhưng đầy mãnh lực đôi khi [Page 1151] được gặp; họ nhất tâm đến mức và dường như mất cân bằng đến mức toàn bộ sự chú ý của họ chỉ dành cho một đường phát triển duy nhất, đến nỗi các đường khác hầu như không biểu lộ. Tuy nhiên, ảnh hưởng của họ dường như rất lớn, và hoàn toàn không tương xứng với *giá trị bề ngoài* của họ. Sự chứng nghiệm các yếu tố này sẽ ngăn cản đạo sinh minh triết khỏi những phán đoán vội vàng, và khỏi những kết luận hấp tấp về những người đồng loại của mình.

Occasionally a variation of this reason for rapid and immediate incarnation is seen when an initiate (who has nearly completed his cycle) appears in incarnation to express almost entirely one perfected principle. This he does for the good of a particular group which—though engaged in work for humanity—is failing somewhat in its objective through the lack of a particular quality, or stream of force. When this becomes apparent on the inner side, some advanced disciple puts the energy of that

Đôi khi một biến thể của lý do này cho sự nhập thể nhanh chóng và tức thời được thấy khi một điểm đạo đồ (người gần hoàn tất chu kỳ của mình) xuất hiện trong nhập thể để gần như biểu lộ hoàn toàn một nguyên khí đã được hoàn thiện. Điều này y làm vì lợi ích của một nhóm đặc thù mà—dù đang dấn thân vào công việc vì nhân loại—lại phần nào thất bại trong mục tiêu của mình do thiếu một phẩm tính đặc thù, hay một dòng mãnh lực. Khi điều này trở nên hiển nhiên ở mặt bên trong, một đệ tử tiến bộ nào đó đặt

particular quality at the disposal of the Hierarchy, and is sent forth to *balance* that group, and frequently to do so for a period of rapidly succeeding lives.

năng lượng của phẩm tính đặc thù ấy vào quyền sử dụng của Thánh đoàn, và được phái ra để *cân bằng* nhóm đó, và thường là làm như vậy trong một thời kỳ gồm nhiều đời sống kế tiếp nhanh chóng.

These are a few of the causes governing the periodic manifestation of those who are grouped in the Hierarchical records as "the aligned points of fire." They are distinguished by the energy flowing through them, by the magnetic quality of their work, by their powerful group effects, and by their physical plane realisation of the plan.

Đó là một vài nguyên nhân chi phối sự biểu hiện theo chu kỳ của những người được xếp trong hồ sơ của Thánh đoàn là "những điểm lửa đã chỉnh hợp." Họ được phân biệt bởi năng lượng tuôn chảy qua họ, bởi phẩm tính từ tính của công việc của họ, bởi các hiệu quả nhóm mạnh mẽ của họ, và bởi sự chứng nghiệm Thiên Cơ trên cõi hồng trần của họ.

The coming into manifestation of the superhuman lives (such as greater liberated Existences, or the raja-devas of a plane), the appearing of the planetary Logoi and the solar Logoi in physical incarnation is governed by laws similar in nature to those governing the human unit, but of a cosmic scope. It will be apparent to the most superficial student that the gradual emergence of a plane out of the darkness which exists between systems is produced not only as the result of vibratory response to the enunciated Word, but as the working out of the karma of a [Page 1152] cosmic Life and the relationship existing between that particular Life and the cosmic Existence Whom we call Brahma or the third Person of the Trinity. The deva Ruler of a plane is a superhuman Entity Who comes in under a great cosmic impulse to provide the vibratory form which will make possible the appearing of other and lesser forms. The Lords of the Rays, or the planetary Logoi, are similarly and karmically linked with the second aspect logoic, or with that manifesting Life we call Vishnu. It will thus be seen that three main impulses, each emanating from the will, plan, or conscious

Sự đi vào biểu hiện của các sự sống siêu nhân loại (như những Hiện Hữu giải thoát lớn hơn, hay các raja-deva của một cõi), sự xuất hiện của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế trong nhập thể hồng trần được chi phối bởi những định luật tương tự về bản chất với những định luật chi phối đơn vị nhân loại, nhưng ở tầm mức vũ trụ. Ngay cả đạo sinh hời hợt nhất cũng sẽ thấy rõ rằng sự xuất hiện dần dần của một cõi ra khỏi bóng tối tồn tại giữa các hệ thống không chỉ được tạo ra như kết quả của sự đáp ứng rung động đối với Linh từ đã được xướng ra, mà còn như sự triển khai nghiệp quả của một [Page 1152] Sự sống vũ trụ và mối tương quan hiện hữu giữa Sự sống đặc thù ấy với Hiện Hữu vũ trụ mà chúng ta gọi là Brahma hay Ngôi thứ ba của Tam Vị. Vị thiên thần cai quản một cõi là một Thực Thể siêu nhân loại đi vào dưới một xung lực vũ trụ lớn lao để cung cấp hình tướng rung động sẽ làm cho sự xuất hiện của những hình tướng khác và nhỏ hơn trở nên khả hữu. Các Đấng Chúa Tể của các cung, hay các Hành Tinh Thượng Đế, cũng tương tự như vậy và được nối kết bằng nghiệp quả với phương diện thứ hai của Thượng đế, hay với Sự sống biểu hiện mà chúng ta gọi là Vishnu.

purpose of a cosmic Entity are responsible for all that is seen and known in our solar system. This, of course, has been oft emphasised in different occult books but the following tabulation may be of service:

Như thế sẽ thấy rằng ba xung lực chính, mỗi xung lực phát xuất từ ý chí, Thiên Cơ, hay mục đích hữu thức của một Thực Thể vũ trụ, chịu trách nhiệm cho tất cả những gì được thấy và biết trong hệ mặt trời của chúng ta. Dĩ nhiên, điều này đã thường được nhấn mạnh trong nhiều sách huyền bí khác nhau, nhưng bảng tóm lược sau đây có thể hữu ích:

Cosmic Entity	*Cosmic Entity*	*Systemic Entities*	*Number of Impulses*	*Quality*
1.	Brahma	The Raja Lords	7...Activity	Inertia.
2.	Vishnu	The Planetary Logoi	7...Wisdom	Mobility.
3.	Shiva	The Solar Logos	1....Will	Rhythm.

It should be noted here that the above tabulation will apply to the microcosm as well as the macrocosm, and students will find it interesting to work it out.

Ở đây cần lưu ý rằng bảng tóm lược trên áp dụng cho tiểu thiên địa cũng như đại thiên địa, và các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi tự triển khai nó.

3. Triangular Linking. — 3. Sự Liên Kết Tam Giác.

Enough has been indicated in this *Treatise* to show the general plan underlying and accounting for systemic emergence or incarnation, and it is not my purpose here to enlarge at great length. Just as it is not possible for man in an early incarnation to conceive of the effects of evolution upon him and to realise the nature of the man upon the Path, so it is not possible for even great [Page 1153] systemic existences to conceive (except in the broadest and most general terms) of the nature of the solar Logos, and of the effect evolution will have on Him. Suffice it to add, anent this matter, that when certain vast cosmic alignments

Trong *Luận* này đã nêu ra đủ để cho thấy kế hoạch tổng quát nằm bên dưới và giải thích cho sự xuất hiện hay sự nhập thể của hệ mặt trời, và ở đây không phải là mục đích của tôi để khai triển dài dòng. Cũng như con người trong một lần nhập thể đầu tiên không thể hình dung được các hiệu quả của tiến hoá lên mình và chứng nghiệm bản chất của con người trên Con Đường, thì ngay cả những hiện hữu vĩ đại [Page 1153] trong hệ mặt trời cũng không thể hình dung (ngoại trừ theo những nét rộng nhất và tổng quát nhất) về bản chất của Thái dương Thượng đế, và về hiệu quả mà tiến hoá sẽ có lên Ngài. Chỉ cần nói thêm, liên quan đến vấn đề này, rằng khi

have been made and the energy from the logoic causal ovoid on the cosmic mental planes is able to flow unimpeded through to the physical plane atom (our solar system) great eventualities and unconceived of possibilities will then take place.

một số chỉnh hợp vũ trụ bao la nào đó đã được thực hiện và năng lượng từ noãn thể nguyên nhân của Thượng đế trên các cõi trí tuệ vũ trụ có thể tuôn chảy không bị cản trở xuống đến nguyên tử hồng trần (hệ mặt trời của chúng ta), thì những biến cố lớn lao và những khả năng không thể hình dung sẽ xảy ra.

Certain phenomena likewise of a secondary nature to this major happening will also take place as the cycles slip away which may be generally summarised as follows:

Một số hiện tượng khác, tuy có tính thứ yếu so với biến cố lớn này, cũng sẽ xảy ra khi các chu kỳ dần trôi qua, và có thể được tóm lược một cách tổng quát như sau:

First. Certain systemic triangles will be formed which will permit of the interplay of energy between the different planetary schemes, and thus bring to more rapid maturity the plans and purposes of the Lives concerned. It should be noted here that when we are considering the transmission of energy through alignment and through the forming of certain triangles, it is always in connection with the energy of the first aspect. It deals with the *transmission of electric fire*. It is important to bear this in mind, as it preserves the analogy between the macrocosm and the microcosm with accuracy.

Thứ nhất. Một số tam giác trong hệ mặt trời sẽ được hình thành, cho phép sự tương tác năng lượng giữa các hệ hành tinh khác nhau, và nhờ đó đưa các kế hoạch và mục đích của các Sự sống liên quan đến chỗ chín muồi nhanh hơn. Ở đây cần lưu ý rằng khi chúng ta xét đến sự truyền dẫn năng lượng qua chỉnh hợp và qua việc hình thành một số tam giác nào đó, thì luôn luôn là trong mối liên hệ với năng lượng của phương diện thứ nhất. Nó liên quan đến *sự truyền dẫn lửa điện*. Điều quan trọng là phải ghi nhớ điều này, vì nó giữ cho sự tương đồng giữa đại thiên địa và tiểu thiên địa được chính xác.

Second. A final systemic triangle will be formed which will be one of supreme force, for it will be utilised by the abstracted essence and energies of the septenate of schemes as the negative basis for the reception of positive electric energy. This electric energy is able to circulate through the schemes owing to the bringing about of a cosmic alignment. It is the bringing in of this terrific spiritual force during the final stages of manifestation which results in the blazing forth of the seven suns. (323) Though the seven have become the three, this is only in [Page 1154] connection with

Thứ hai. Một tam giác cuối cùng trong hệ mặt trời sẽ được hình thành, và đó sẽ là một tam giác có mãnh lực tối thượng, vì nó sẽ được sử dụng bởi tinh chất trừu xuất và các năng lượng của bộ bảy hệ hành tinh như là nền tảng âm để tiếp nhận năng lượng điện dương. Năng lượng điện này có thể lưu chuyển qua các hệ hành tinh nhờ sự thiết lập một chỉnh hợp vũ trụ. Chính việc đưa mãnh lực tinh thần khủng khiếp này vào trong các giai đoạn cuối của biểu hiện đã dẫn đến sự bùng cháy của bảy mặt trời. (323) Dù bảy đã trở thành ba, điều này chỉ là [Page 1154] trong mối liên hệ với các hành tinh hồng

the dense physical planets. The blazing forth spoken of in the occult books and in the Secret Doctrine is in etheric matter; it is this etheric fiery energy which brings to a consummation (and so destroys) the remaining three major schemes. In this we have a correspondence to the burning of the causal body at the fourth Initiation through the merging of the three fires. It is only a correspondence, and the details must not be pushed too far. The Saturn scheme is esoterically regarded as having absorbed the "frictional fires of systemic space"; Neptune is looked upon as the repository of the "solar flames," and Uranus as the home of "fire electric." When, through extra-systemic activity based upon three causes:

trần đậm đặc. Sự bùng cháy được nói đến trong các sách huyền bí và trong Giáo Lý Bí Nhiệm là trong vật chất dĩ thái; chính năng lượng lửa dĩ thái này đưa ba hệ hành tinh chính còn lại đến chỗ hoàn tất (và do đó hủy diệt). Ở đây chúng ta có một sự tương ứng với việc đốt cháy thể nguyên nhân ở lần điểm đạo thứ tư qua sự hòa nhập của ba ngọn lửa. Đây chỉ là một sự tương ứng, và không nên đẩy các chi tiết đi quá xa. Hệ Sao Thổ được xem theo nội môn là đã hấp thu "những ngọn lửa ma sát của không gian của hệ mặt trời"; Sao Hải Vương được xem là kho chứa của "các ngọn lửa thái dương," và Sao Thiên Vương là nơi cư ngụ của "lửa điện." Khi, qua hoạt động ngoài hệ mặt trời dựa trên ba nguyên nhân:

(323) The rising and setting of the Sun symbolises manifestation and obscuration. —S. D., II, 72. Pralaya is of different kinds:—

(323) Sự mọc và lặn của Mặt Trời tượng trưng cho sự biểu hiện và sự che khuất.—G. L. B. N., II, 72. Pralaya có nhiều loại khác nhau:—

1. Cosmic pralaya... The obscuration of the three suns, or of three solar systems.

1. Giai kỳ qui nguyên vũ trụ... Sự che khuất của ba mặt trời, hay của ba hệ mặt trời.

2. Solar pralaya... The obscuration of a system at the end of one hundred years of Brahma. Period between solar systems.

2. Giai kỳ qui nguyên thái dương... Sự che khuất của một hệ mặt trời vào cuối một trăm năm của Brahma. Khoảng thời gian giữa các hệ mặt trời.

3. Incidental pralaya... The obscuration of a scheme. Period between manvantaras.

3. Giai kỳ qui nguyên ngẫu phát... Sự che khuất của một hệ hành tinh. Khoảng thời gian giữa các giai kỳ sinh hóa.

Man repeats this at seventh, fifth initiations and at each rebirth in three worlds.

Con người lặp lại điều này ở lần điểm đạo thứ bảy, thứ năm và ở mỗi lần tái sinh trong ba cõi thấp.

The Pleiades are the centre around which our solar system revolves.—S. D., II, 251, 581, 582.

Pleiades là trung tâm mà quanh đó hệ mặt trời của chúng ta quay quanh.—G. L. B. N., II, 251, 581, 582.

The Sun is the kernel and matrix of all in the solar system.—S. D., I, 309, 310, 590, 591.

Mặt Trời là hạt nhân và khuôn mẹ của mọi sự trong hệ mặt trời.—G. L. B. N., I, 309, 310, 590, 591.

Kernel comes from the same word as corn.

Kernel xuất phát từ cùng một từ như corn.

Compare the words in Bible:—

Hãy so sánh những từ trong Kinh Thánh:—

"Except a corn of wheat fall into the ground and die it abideth alone, but if it die it bringeth forth much fruit."

"Nếu một hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi thì nó vẫn còn trơ trọi một mình, nhưng nếu nó chết đi thì nó sinh ra nhiều hoa trái."

The Sun is governed by the same laws as all other atoms.—S. D., I, 168, 667. (back)

Mặt Trời được chi phối bởi cùng những định luật như mọi nguyên tử khác.—G. L. B. N., I, 168, 667. (trở lại)

1. Logoic alignment,

1. Chỉnh hợp của Thượng đế,

2. The taking of a logoic Initiation,

2. Việc tiếp nhận một điểm đạo của Thượng đế,

3. The action of the "ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID,"

3. Tác động của "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ,"

these three schemes are simultaneously stimulated and the fires pass from one to another in a triangular manner, they then too pass into obscuration. Naught is left save the blazing etheric suns and these—through very intensity of burning—dissipate with great rapidity. [Page 1155]

ba hệ hành tinh này đồng thời được kích thích và các ngọn lửa truyền từ hệ này sang hệ kia theo cách tam giác, thì khi đó chúng cũng đi vào sự che khuất. Không còn gì ngoài những mặt trời dĩ thái rực cháy và những mặt trời này—do cường độ cháy quá mạnh—tan biến với tốc độ rất nhanh. [Page 1155]

S9S9 Text

4. Relation between the Throat, Alta Major and Mental Centres. — 4. Tương Quan giữa các Trung Tâm Cổ Họng, Alta Major và Trí.

The question of the centres has always had a great deal of interest for men, and much

Vấn đề các trung tâm từ lâu luôn gây nhiều quan tâm cho con người, và nhiều tổn hại đã

harm has been done through the directing of attention upon the physical centres. Unfortunately, names have been given to the centres which have their counterparts in the physical form, and with the usual aptitude of man to identify himself with that which is tangible and physical, a mass of data has accumulated which is based (not on spiritual knowledge) but on a study of the effects produced through meditation on the physical centres. Such meditation is only safely undertaken when a man is no longer polarised in the lower personal self but views all things from the standpoint of the Ego with whom he is completely identified. When this is the case, the centres in physical matter are recognised as being simply focal points of energy located in the etheric body, and having a definite use. This use is to act as transmitters of certain forms of energy *consciously* directed by the Ego or Self, with the intent of driving the physical body (which is *not* a principle) to fulfil egoic purpose. To do this the Ego has to follow certain rules, to conform to law, and to have attained not only conscious control of the physical body, but a knowledge of the laws of energy, and of the constitution of the etheric body, and its relation to the physical. The attention of students must be called to certain fundamental facts anent the centres and thus supplement, correlate, and summarise that already given in this *Treatise.* That a certain amount of repetition will be necessary is of value, and the information here given and the correspondences indicated, should provide all followers of raja yoga with a basis for sane consideration, wise meditation and a fuller comprehension of the truths involved. Owing to the rapid development of the race, and the future [Page 1156] quick unfoldment of etheric vision, the gain will be very real if occult students have at least a

phát sinh do việc hướng sự chú ý vào các trung tâm hồng trần. Đáng tiếc là các trung tâm đã được đặt những tên gọi có các đối phần của chúng trong hình thể hồng trần, và với khuynh hướng quen thuộc của con người là đồng hoá mình với điều gì hữu hình và hồng trần, một khối lượng dữ liệu đã tích lũy dựa trên (không phải trên tri thức tinh thần) mà trên sự nghiên cứu các hiệu quả được tạo ra qua việc tham thiền trên các trung tâm hồng trần. Việc tham thiền như thế chỉ được thực hiện một cách an toàn khi con người không còn phân cực trong phàm ngã thấp nữa mà nhìn mọi sự từ quan điểm của chân ngã, với chân ngã ấy y đã hoàn toàn đồng hoá. Khi điều này xảy ra, các trung tâm trong vật chất hồng trần được nhận biết chỉ đơn giản là những tiêu điểm năng lượng nằm trong thể dĩ thái, và có một công dụng xác định. Công dụng này là hoạt động như những bộ truyền dẫn của một số dạng năng lượng nhất định do chân ngã hay Ngã định hướng *một cách hữu thức,* với mục đích thúc đẩy thể xác (vốn *không* phải là một nguyên khí) hoàn thành mục đích chân ngã. Để làm được điều này, chân ngã phải tuân theo một số quy luật, phải phù hợp với định luật, và phải đạt được không chỉ sự kiểm soát hữu thức đối với thể xác, mà còn cả tri thức về các định luật năng lượng, và về cấu tạo của thể dĩ thái, cùng mối tương quan của nó với thể xác. Sự chú ý của các đạo sinh phải được hướng đến một số sự kiện căn bản liên quan đến các trung tâm và nhờ đó bổ sung, đối chiếu, và tóm lược những gì đã được đưa ra trong *Luận này.* Một mức độ lặp lại nào đó là cần thiết và có giá trị, và thông tin được đưa ra ở đây cùng các sự tương ứng được chỉ ra, sẽ cung cấp cho mọi người theo raja yoga một nền tảng để suy xét lành mạnh, tham thiền minh triết và thấu hiểu đầy đủ hơn về các chân lý liên quan. Do sự phát triển nhanh chóng của nhân loại, và sự [Page 1156] khai mở nhanh chóng trong tương lai của linh thị dĩ thái, lợi ích sẽ rất thực tế nếu

theoretical concept of the nature of that which will be seen relatively so soon.

các đạo sinh huyền bí học ít nhất có một quan niệm lý thuyết về bản chất của điều sẽ được thấy trong tương lai tương đối gần.

The centres, as we know, are seven in number and are formed in matter of the etheric subplanes of the physical plane. As we have been told, there are literally ten, but the lower three are not considered as subjects for the direction of egoic energy. They relate to the perpetuation of the physical form and have a close connection with:

Các trung tâm, như chúng ta biết, có bảy về số lượng và được hình thành trong vật chất của các cõi phụ dĩ thái của cõi hồng trần. Như chúng ta đã được cho biết, thực sự có mười, nhưng ba trung tâm thấp không được xem là những đối tượng cho sự định hướng năng lượng chân ngã. Chúng liên quan đến sự duy trì hình tướng hồng trần và có liên hệ mật thiết với:

a. The three lower kingdoms in nature.

a. ba giới thấp trong tự nhiên.

b. The three lower subplanes of the physical plane.

b. ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần.

c. The third solar system, from the logoic standpoint.

c. hệ mặt trời thứ ba, theo quan điểm của Thượng đế.

It must be borne in mind that though the three solar systems (the past, the present and that which is to come) are differentiated in time and space where the consciousness of man is concerned, from the point of view of the Logos they represent more accurately, highest, intermediate and lowest, and the three form but one expression. The past system, therefore, is deemed esoterically the third, being the lowest and being related to the dense and negative matter. It will be apparent that the past solar system has consequently a close relation to the third or animal kingdom, and this, man has presumably transcended.

Cần ghi nhớ rằng tuy ba hệ mặt trời (quá khứ, hiện tại và hệ sẽ đến) được phân biệt trong thời gian và không gian xét theo tâm thức của con người, nhưng từ quan điểm của Thượng đế, chúng biểu hiện chính xác hơn là cao nhất, trung gian và thấp nhất, và cả ba chỉ tạo thành một biểu hiện duy nhất. Vì vậy, hệ trước được xem theo nội môn là hệ thứ ba, vì là thấp nhất và liên hệ với vật chất đậm đặc và âm. Hiển nhiên là hệ mặt trời quá khứ do đó có liên hệ mật thiết với giới thứ ba hay giới động vật, và điều này con người hẳn đã vượt qua.

The seven centres with which man is concerned are themselves found to exist in two groups: a lower four, which are related to the four Rays of Attributes, or the four minor rays, and are, therefore, closely

Bảy trung tâm mà con người có liên hệ tự chúng được thấy là tồn tại trong hai nhóm: bốn trung tâm thấp, liên hệ với bốn Cung Thuộc Tính, hay bốn cung phụ, và vì vậy gắn bó chặt chẽ với bộ tứ, cả trong Tiểu thiên địa

connected with the quaternary, both microcosmic and macrocosmic, and a higher three which are transmitters for the three rays of aspect.

lẫn Đại thiên địa, và ba trung tâm cao là những bộ truyền dẫn cho ba cung trạng thái.

These energy centres are transmitters of energy from [Page 1157] many and varied sources which might be briefly enumerated as follows:

Các trung tâm năng lượng này là những bộ truyền dẫn năng lượng từ [Page 1157] nhiều và đa dạng nguồn mà có thể được liệt kê ngắn gọn như sau:

a. From the seven Rays, via the seven subrays of any specific monadic ray.

a. Từ bảy cung, qua bảy cung phụ của bất kỳ cung chân thần đặc thù nào.

b. From the triple aspects of the planetary Logos as He manifests through a scheme.

b. Từ ba phương diện của Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài biểu hiện qua một hệ hành tinh.

c. From what are called "the sevenfold divisions of the logoic Heart," or the sun in its sevenfold essential nature, as it is seen lying esoterically behind the outer physical solar form.

c. Từ cái được gọi là "bảy phân bộ của Trái Tim của Thượng đế," hay mặt trời trong bản chất cốt yếu thất phân của nó, như được thấy theo nội môn nằm phía sau hình tướng mặt trời hồng trần bên ngoài.

d. From the seven Rishis of the Great Bear; this pours in via the Monad and is transmitted downward, merging on the higher levels of the mental plane with seven streams of energy from the Pleiades which come in as the psychical force demonstrating through the solar Angel.

d. Từ bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh; dòng này tuôn vào qua chân thần và được truyền xuống dưới, hòa nhập ở các cấp độ cao của cõi trí với bảy dòng năng lượng từ chòm Pleiades đi vào như mãnh lực thông linh biểu lộ qua Thái dương Thiên Thần.

All these various streams of energy are passed through certain groups or centres, becoming more active and demonstrating with a freer flow as the course of evolution is pursued. As far as man is concerned at present, this energy all converges, and seeks to energise his physical body, and direct his action via the seven etheric centres. These centres receive the force in a threefold manner:

Tất cả các dòng năng lượng khác nhau này được chuyển qua những nhóm hay trung tâm nhất định, trở nên hoạt động hơn và biểu lộ với dòng chảy tự do hơn khi tiến trình tiến hoá được theo đuổi. Xét theo con người hiện nay, toàn bộ năng lượng này đều hội tụ và tìm cách tiếp sinh lực cho thể xác của y, và định hướng hành động của y qua bảy trung tâm dĩ thái. Các trung tâm này tiếp nhận mãnh lực theo cách tam phân:

a. Force from the Heavenly Man and, therefore, from the seven Rishis of the Great Bear via the Monad.

a. Mãnh lực từ Đấng Thiên Nhân và vì vậy từ bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh qua chân thần.

b. Force from the Pleiades, via the solar Angel or Ego.

b. Mãnh lực từ Pleiades, qua Thái dương Thiên Thần hay chân ngã.

c. Force from the planes, from the Raja Devas of a plane, or fohatic energy, via the spirillae of a permanent atom.

c. Mãnh lực từ các cõi, từ các Raja Deva của một cõi, hay năng lượng fohat, qua các loa tuyến của một nguyên tử trường tồn.

It is this fact which accounts for the gradual growth and development of a man. At first it is the force of the plane substance, which directs him, causing him to identify [Page 1158] himself with the grosser substance and to consider himself a man, a member of the fourth Kingdom, and to be convinced, therefore, that he is the Not-Self. Later as force from the Ego pours in, his psychical evolution proceeds (I use the word "psychical" here in its higher connotation) and he begins to consider himself as the Ego, the Thinker, the One who uses the form. Finally, energy from the Monad begins to be responded to and he knows himself to be neither the man nor the angel, but a divine essence or Spirit. These three types of energy demonstrate during manifestation as Spirit, Soul, and Body, and through them the three aspects of the Godhead meet and converge in man, and lie latent in every atom.

Chính sự kiện này giải thích cho sự tăng trưởng và phát triển dần dần của con người. Lúc đầu, chính mãnh lực của chất liệu cõi giới điều khiển y, khiến y đồng hoá [Page 1158] mình với chất liệu thô nặng hơn và xem mình là một con người, một thành viên của giới thứ tư, và do đó tin chắc rằng mình là Phi Ngã. Về sau, khi mãnh lực từ chân ngã tuôn vào, sự tiến hoá thông linh của y tiếp diễn (ở đây tôi dùng từ "thông linh" theo hàm nghĩa cao hơn của nó) và y bắt đầu xem mình là chân ngã, là Nhà Tư Tưởng, là Đấng sử dụng hình tướng. Cuối cùng, năng lượng từ chân thần bắt đầu được đáp ứng và y biết mình không phải là con người cũng không phải là thiên thần, mà là một tinh túy thiêng liêng hay tinh thần. Ba loại năng lượng này biểu lộ trong thời kỳ biểu hiện thành Tinh thần, Linh hồn và Thân thể, và qua chúng ba phương diện của Thượng đế gặp nhau và hội tụ trong con người, đồng thời tiềm tàng trong mỗi nguyên tử.

The sevenfold energy of the planes, and therefore of substance, finds its consummation when the four lower centres are fully active. The sevenfold energy of the psyche, the consciousness aspect, demonstrates when the three higher in the three worlds are vibrating with accuracy. The sevenfold activity of spirit makes itself felt when each of these seven centres is not

Năng lượng thất phân của các cõi, và vì vậy của chất liệu, đạt đến sự viên mãn khi bốn trung tâm thấp hoàn toàn hoạt động. Năng lượng thất phân của tâm linh, phương diện tâm thức, biểu lộ khi ba trung tâm cao trong ba cõi thấp rung động một cách chính xác. Hoạt động thất phân của tinh thần tự làm cho được cảm nhận khi mỗi một trong bảy trung tâm này không những hoàn toàn hoạt

only fully active but is rotating as “wheels turning upon themselves,” when they are fourth dimensional and are not only individually alive but are all linked up with the sevenfold head centre. A man is then seen as he is truly—a network of fire with flaming focal points, transmitting and circulating fiery energy. These centres not only receive the energy through the top of the head, or through a point slightly above the top of the head, to be more accurate, but pass it out through the head centre likewise, that which is being passed out being seen as differing in colour, being brighter and vibrating more rapidly than that which is being received. The etheric body is formed of a negative aspect of fire, and is the recipient of a positive fire. As the various types of fire blend, merge, and circulate, they gain thereby and produce definite effects in the fires of the microcosmic system.

[Page 1159] The centre at the base of the spine (the lowest with which man has consciously to deal) is one of a peculiar interest, owing to its being the originating centre for three long streams of energy which pass up and down the spinal column. This triple stream of force has most interesting correspondences which can be worked out by the intuitive student. Some hints may here be given. This channel of threefold energy has itself three points of supreme interest, which (to word it so as to convey sense to the interested) may be regarded as:

1. The basic centre at the extreme lowest point of the spine.

2. The alta major centre at the top of the spine.

động mà còn quay như “những bánh xe tự quay trên chính mình,” khi chúng có tính bốn chiều và không những sống động riêng rẽ mà còn đều được nối kết với trung tâm đầu thất phân. Khi ấy con người được thấy đúng như y thực sự là—một mạng lưới lửa với những tiêu điểm rực cháy, truyền dẫn và luân chuyển năng lượng hỏa. Các trung tâm này không những tiếp nhận năng lượng qua đỉnh đầu, hay chính xác hơn là qua một điểm hơi cao hơn đỉnh đầu, mà cũng phát nó ra qua trung tâm đầu; cái được phát ra được thấy là khác về màu sắc, sáng hơn và rung động nhanh hơn cái được tiếp nhận. Thể dĩ thái được tạo thành từ một phương diện âm của lửa, và là kẻ tiếp nhận một lửa dương. Khi các loại lửa khác nhau hòa trộn, dung nhập và luân chuyển, nhờ đó chúng gia tăng và tạo ra những hiệu quả xác định trong các lửa của hệ tiểu thiên địa.

[Page 1159] Trung tâm ở đáy cột sống (trung tâm thấp nhất mà con người phải hữu thức đề cập đến) là một trung tâm đặc biệt đáng quan tâm, do nó là trung tâm khởi nguyên cho ba dòng năng lượng dài đi lên và đi xuống theo cột sống. Dòng mãnh lực tam phân này có những tương ứng rất lý thú mà đạo sinh trực giác có thể tự khai triển. Ở đây có thể đưa ra vài gợi ý. Kênh năng lượng tam phân này tự nó có ba điểm tối quan trọng, mà (nói theo cách để truyền đạt ý nghĩa cho người quan tâm) có thể được xem là:

1. Trung tâm căn bản ở điểm thấp nhất tận cùng của cột sống.

2. Trung tâm alta major ở đỉnh cột sống.

3. The supreme head centre.

It is, therefore, a miniature picture of the whole evolution of spirit and matter for,

1. The lowest centre corresponds to the personality,

2. The middle centre to the Ego, or the Thinker,

3. The supreme head centre to the Monad.

In the evolution of the fires of the spine, we have a correspondence to the sutratma with its three points of interest, the monadic auric egg, its emitting point, the egoic auric egg, the medial point, and the body or gross form, its lowest point.

Another hint of interest lies in the fact that there exist between these spinal centres, certain gaps (if I may so express it) which have (in the course of evolution) to be bridged by the energetic action of the rapidly growing vibration of the force unit. Between the triple energy of the spinal column and the alta major centre, there is a hiatus, just as there exists that which must be bridged between the triple lower man and the egoic body, or between the mental unit on the fourth subplane of the mental plane and the solar Angel on the third subplane. Though we are told that the permanent atomic triad is enclosed in the [Page 1160] causal periphery, nevertheless, *from the standpoint of consciousness* there is that which must be bridged. Again, between the alta major centre and the supreme head centre, exists another gulf—a correspondence to the gulf found between the plane of the Ego and the

3. Trung tâm đầu tối cao.

Vì vậy, nó là một bức tranh thu nhỏ của toàn bộ sự tiến hoá của tinh thần và vật chất, vì

1. Trung tâm thấp nhất tương ứng với phàm ngã,

2. Trung tâm giữa tương ứng với chân ngã, hay Nhà Tư Tưởng,

3. Trung tâm đầu tối cao tương ứng với chân thần.

Trong sự tiến hoá của các lửa nơi cột sống, chúng ta có một tương ứng với sutratma cùng ba điểm đáng chú ý của nó: noãn hào quang chân thần, điểm phát xạ của nó; noãn hào quang chân ngã, điểm trung gian; và thân thể hay hình tướng thô nặng, điểm thấp nhất của nó.

Một gợi ý lý thú khác nằm ở sự kiện là giữa các trung tâm cột sống này có những khoảng hở nhất định (nếu tôi có thể diễn đạt như vậy) mà trong tiến trình tiến hoá phải được bắt cầu bằng hoạt động năng động của rung động đang tăng trưởng nhanh chóng của đơn vị mãnh lực. Giữa năng lượng tam phân của cột sống và trung tâm alta major có một khoảng gián đoạn, cũng như tồn tại điều phải được bắt cầu giữa phàm nhân tam phân và thể chân ngã, hay giữa đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí và Thái dương Thiên Thần trên cõi phụ thứ ba. Dù chúng ta được bảo rằng tam nguyên nguyên tử trường tồn được bao bọc trong [Page 1160] chu vi của thể nguyên nhân, tuy nhiên, *xét từ quan điểm của tâm thức* vẫn có điều phải được bắt cầu. Lại nữa, giữa trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao tồn tại một vực ngăn khác—một tương ứng với vực ngăn được tìm thấy giữa cõi của chân ngã và điểm thấp

lowest point of the Triad, the manasic permanent atom. When man has constructed the antaskarana (which he does during the final stages of his evolution in the three worlds) that gulf is bridged and the Monad and the Ego are closely linked. When man is polarised in his mental body, he begins to bridge the antaskarana. When the centre between the shoulder blades, referred to earlier in this Treatise as the manasic centre, is vibrating forcefully, then the alta major centre and the head centre, *via the throat centre* can be united.

nhất của Tam nguyên tinh thần, nguyên tử trường tồn manas. Khi con người đã xây dựng antaskarana (điều này y thực hiện trong các giai đoạn cuối của sự tiến hoá của mình trong ba cõi thấp) thì vực ngăn ấy được bắt cầu và chân thần cùng chân ngã được nối kết chặt chẽ. Khi con người được phân cực trong thể trí của mình, y bắt đầu bắt cầu antaskarana. Khi trung tâm giữa hai bả vai, đã được nói đến trước đây trong Luận này như là trung tâm manas, rung động mạnh mẽ, thì trung tâm alta major và trung tâm đầu, *qua trung tâm cổ họng* có thể được hợp nhất.

Man, when he reaches this stage, is a creator in mental matter of a calibre different from the unconsciously working average man. He constructs in unison with the plan and the divine Manasaputra, the Son of Mind, will turn his attention from being a Son of Power in the three worlds and centre his attention in the Spiritual Triad, thus recapitulating on a higher turn of the spiral, the work he earlier did as man. This becomes possible when the growth of the triangle just above dealt with (base of spine, alta major centre and throat, as they unify in the head) is paralleled by another triplicity, the solar plexus, the heart and the third eye; the energy merging through them is similarly unified in the same head centre. The third eye is an energy centre constructed by man; it is a correspondence to the energy centre, the causal body, constructed by the Monad. The alta major centre is similarly constructed by other streams of force and corresponds interestingly to the triple form constructed by the ego in the three worlds.

Khi đạt đến giai đoạn này, con người là một nhà sáng tạo trong chất liệu trí tuệ với một tầm mức khác với con người trung bình hoạt động một cách vô thức. Y kiến tạo trong sự hợp nhất với Thiên Cơ và Manasaputra Thiêng Liêng, Con của Trí Tuệ, sẽ chuyển sự chú ý của mình khỏi việc là một Con của Quyền Năng trong ba cõi thấp và tập trung sự chú ý vào Tam Nguyên Tinh Thần, nhờ đó lặp lại ở một vòng xoắn cao hơn công việc mà trước kia y đã làm với tư cách con người. Điều này trở nên khả hữu khi sự tăng trưởng của tam giác vừa được bàn đến ở trên (đáy cột sống, trung tâm alta major và cổ họng, khi chúng hợp nhất trong đầu) diễn ra song hành với một bộ ba khác, tùng thái dương, tim và con mắt thứ ba; năng lượng hòa nhập qua chúng cũng được hợp nhất trong cùng trung tâm đầu ấy. Con mắt thứ ba là một trung tâm năng lượng do con người kiến tạo; nó là một tương ứng với trung tâm năng lượng, thể nguyên nhân, do chân thần kiến tạo. Trung tâm alta major cũng được kiến tạo tương tự bởi những dòng mãnh lực khác và tương ứng một cách lý thú với hình tướng tam phân do chân ngã kiến tạo trong ba cõi thấp.

When this dual work has proceeded to a certain evolutionary point, another triplicity becomes alive within the [Page 1161] head itself as the result of these dual streams of triple energy. This triangle transmits fiery energy via the pineal gland, the pituitary body and the alta major centre and this reaches the head centre. In this way in these three triangles we have nine streams of energy converging and passing into the highest head lotus. The correspondence to certain macrocosmical forces will here be apparent to all discerning students.

Khi công việc kép này đã tiến đến một điểm tiến hoá nhất định, một bộ ba khác trở nên sống động bên trong chính [Page 1161] đầu như là kết quả của các dòng tam phân kép này. Tam giác này truyền năng lượng hỏa qua tuyến tùng quả, tuyến yên và trung tâm alta major, rồi năng lượng này đi đến trung tâm đầu. Theo cách này, trong ba tam giác này chúng ta có chín dòng năng lượng hội tụ và đi vào hoa sen đầu tối cao. Tương ứng với một số mãnh lực đại thiên địa ở đây sẽ hiển nhiên đối với mọi đạo sinh có khả năng phân biện.

We have seen the close connection between the different centres and the gradually demonstrating effects to be noted as they are linked up and eventually produce a synthetic circulatory system for egoic energy in conjunction with the energy of the lower man, which forms a kind of medium by which the egoic force makes itself felt. Macrocosmically, but little can be said which would prove intelligible to man at his present stage of evolution. Some brief statements might, nevertheless, be given which (if pondered on and correlated with each other) may throw some light on planetary evolution and on the relation of the planetary Logoi to the solar Logos.

Chúng ta đã thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa các trung tâm khác nhau và những hiệu quả dần dần biểu lộ cần được ghi nhận khi chúng được nối kết với nhau và cuối cùng tạo ra một hệ tuần hoàn tổng hợp cho năng lượng chân ngã kết hợp với năng lượng của phàm nhân, vốn tạo thành một loại trung gian nhờ đó mãnh lực chân ngã tự làm cho được cảm nhận. Xét theo Đại thiên địa, chỉ có thể nói rất ít điều mà con người ở giai đoạn tiến hoá hiện nay có thể hiểu được. Tuy nhiên, có thể nêu ra vài phát biểu ngắn gọn mà nếu được suy ngẫm và liên hệ với nhau, có thể soi sáng phần nào về sự tiến hoá hành tinh và về mối liên hệ của các Hành Tinh Thượng Đế với Thái dương Thượng đế.

A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and each of which, therefore, vibrates to the key of the logoic solar Angel, of which the human solar Angel is a dim reflection. It is interesting here to note that as the human solar Angel is a unity, manifesting through three tiers of petals, the logoic correspondence is even more interesting, for that great cosmic Entity demonstrates on the cosmic mental plane as a triple flame working through seven tiers of petals, and it is the energy

Một Thái dương Thượng đế dùng các hệ hành tinh làm những trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ hiện thân cho một loại năng lượng đặc thù, và vì vậy mỗi hệ rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần của Thượng đế, mà Thái dương Thiên Thần của con người chỉ là một phản ánh mờ nhạt. Ở đây thật lý thú khi lưu ý rằng cũng như Thái dương Thiên Thần của con người là một đơn vị, biểu lộ qua ba tầng cánh hoa, thì tương ứng của Thượng đế còn lý thú hơn nữa, vì Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy biểu lộ trên cõi trí vũ trụ như một ngọn lửa tam phân

from these seven circles of energy which pulsates through the medium of any scheme. All this is hidden in the mystery of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and it is not possible for men to solve it,—the truth being obscure to even the highest Dhyan Chohan of our system.

hoạt động qua bảy tầng cánh hoa, và chính năng lượng từ bảy vòng năng lượng này đập nhịp qua trung gian của bất kỳ hệ hành tinh nào. Tất cả điều này được che giấu trong huyền nhiệm của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, và con người không thể giải được—sự thật ấy mờ tối ngay cả đối với Dhyan Chohan cao nhất trong hệ của chúng ta.

The energy centres of the solar Logos are themselves [Page 1162] in the form of vast lotuses (324) or wheels, at the centre of which lies hidden that central cosmic Life, we call a planetary Logos. He is the meeting place for two types of force, spiritual or logoic, which reaches Him (via the logoic Lotus on cosmic mental planes) from the seven Rishis of the Great Bear on Their own plane, and, secondly, of buddhic force, which is transmitted via the Seven Sisters or the Pleiades from a constellation called the Dragon in some books, and from which has come the appellation "The Dragon of Wisdom."

Các trung tâm năng lượng của Thái dương Thượng đế tự chúng [Page 1162] có hình thức những hoa sen bao la (324) hay những bánh xe, ở trung tâm của chúng ẩn giấu Sự sống vũ trụ trung tâm mà chúng ta gọi là một Hành Tinh Thượng Đế. Ngài là điểm gặp gỡ của hai loại mãnh lực: mãnh lực tinh thần hay mãnh lực của Thượng đế, đến với Ngài (qua Hoa Sen của Thượng đế trên các cõi trí vũ trụ) từ bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh trên cõi riêng của Các Ngài; và thứ hai là mãnh lực Bồ đề, được truyền qua Bảy Chị Em hay Pleiades từ một chòm sao được gọi trong vài sách là Con Rồng, và từ đó phát sinh danh xưng "Con Rồng Minh Triết."

(324) See Section VIII, *Secret Doctrine*, Volume I.

(324) Xem Phần VIII, *Giáo Lý Bí Nhiệm*, Quyển I.

The Lotus is symbolical of both the Macrocosm and of the Microcosm.

Hoa sen là biểu tượng cho cả Đại thiên địa lẫn Tiểu thiên địa.

a. The seeds of the Lotus contain in miniature the perfect plant.

a. Các hạt giống của Hoa sen chứa cây hoàn hảo ở dạng thu nhỏ.

b. It is the product of fire and matter.

b. Nó là sản phẩm của lửa và vật chất.

c. It has its roots in the mud, it grows up through the water, it is fostered by the warmth of the sun, it blossoms in the air.

c. Rễ của nó ở trong bùn, nó mọc lên qua nước, được nuôi dưỡng bởi hơi ấm của mặt trời, và nở hoa trong không khí.

MACROCOSM

ĐẠI THIÊN ĐỊA

The mud..... The objective physical solar system.

Water.....The emotional or astral nature.

Flower on water.. Fruition of the spiritual.

Method..... Cosmic fire or intelligence.

MICROCOSM

The mud..... The physical body.

Water.....Emotional or astral nature.

Flower on water.. Fruition of the buddhic or spiritual.

Method..... Fire of mind.

"The significance of the tradition that Brahma is born from or in the lotus, is the same. The lotus symbolises a world-system, and Brahma dwells therein representing action; he is therefore called the Kamal-asana, the Lotus-seated. The lotus, again, is said to arise from or in the navel of Vishnu, because the navel of Vishnu or all-knowledge is *necessary desire*, the primal form of which, as embodied in the Veda-text, is: May I be born forth (as multitudinous progeny). From such central and essential desire, the will to live, arises the whole of becoming, all the operations, all the whirls and whorls, of change and manifestation, which make up life. In such becoming dwells Brahma, and from him and by him, i.e., by incessant activity, arises and manifests the organised world, the trib huvanam, the triple world. Because first *manifested*, therefore is Brahma *named* the first of the gods; by action is manifestation,

Bùn..... Hệ mặt trời hồng trần khách quan.

Nước..... Bản chất cảm xúc hay cảm dục.

Hoa trên nước.. Thành quả của tinh thần.

Phương pháp..... Lửa vũ trụ hay trí tuệ.

TIỂU THIÊN ĐỊA

Bùn..... Thể xác.

Nước..... Bản chất cảm xúc hay cảm dục.

Hoa trên nước.. Thành quả của Bồ đề hay tinh thần.

Phương pháp..... Lửa của trí tuệ.

"Thâm nghĩa của truyền thống cho rằng Brahma sinh ra từ hay trong hoa sen cũng là như vậy. Hoa sen biểu tượng cho một hệ thống thế giới, và Brahma ngự trong đó, tượng trưng cho hành động; vì vậy ngài được gọi là Kamal-asana, Đấng ngồi trên Hoa sen. Hoa sen, lại nữa, được nói là phát sinh từ hay trong rốn của Vishnu, bởi vì rốn của Vishnu hay toàn tri là *dục vọng tất yếu*, mà hình thức nguyên sơ của nó, như được thể hiện trong văn bản Veda, là: Cầu mong tôi được sinh ra (thành vô số hậu duệ). Từ dục vọng trung tâm và cốt yếu ấy, ý chí sống, phát sinh toàn bộ tiến trình trở thành, mọi hoạt động, mọi vòng xoáy và cuộn xoáy của biến đổi và biểu hiện, vốn hợp thành sự sống. Trong tiến trình trở thành ấy Brahma ngự trị, và từ ngài và bởi ngài, tức là bởi hoạt động không ngừng, thế giới có tổ chức phát sinh và biểu hiện, trib huvanam, thế giới tam phân. Bởi vì được biểu hiện trước tiên, nên Brahma được *gọi là* vị thần đầu tiên;

and he is the actor; and because actor, therefore is he also sometimes called the preserver or protector of the world; for he who makes a thing desires also the maintenance and preservation of his handiwork, and, moreover, by the making of the thing supplies the basis and opportunity for the operation of preservation, which, in strictness, of course, belong to Vishnu."—*Pranava-Vada,* pp. 84, 311. (back)

biểu hiện là do hành động, và ngài là tác nhân; và bởi vì là tác nhân, nên ngài cũng đôi khi được gọi là đấng bảo tồn hay bảo hộ thế giới; vì kẻ tạo ra một vật cũng mong muốn duy trì và bảo tồn công trình của mình, và hơn nữa, bằng việc tạo ra vật ấy, cung cấp nền tảng và cơ hội cho hoạt động bảo tồn, vốn theo nghĩa chặt chẽ dĩ nhiên thuộc về Vishnu."—*Pranava-Vada,* tr. 84, 311. (back)

A third type of energy is added and, therefore, can be detected in these centres, that of manasic type. This reaches the logoic centres via the star Sirius, and is transmitted from that constellation which (as earlier I have [Page 1163] hinted) must remain obscure at present. These three great streams of energy form the total manifestation of a logoic centre. This is known to us as a planetary scheme.

Một loại năng lượng thứ ba được thêm vào và vì vậy có thể được nhận ra trong các trung tâm này, đó là loại manas. Nó đến các trung tâm của Thượng đế qua sao Sirius, và được truyền từ chòm sao ấy mà (như trước đây tôi đã [Page 1163] gợi ý) hiện nay vẫn phải còn mờ tối. Ba dòng năng lượng lớn này tạo thành toàn bộ biểu hiện của một trung tâm của Thượng đế. Điều này được chúng ta biết đến như một hệ hành tinh.

Within the planetary scheme, these streams of energy work paramountly in the following manner:

Bên trong hệ hành tinh, các dòng năng lượng này hoạt động chủ yếu theo cách sau:

a.	Spiritual energy	three higher planes	the Monads.
b.	Buddhic force	fourth plane	the solar Angels.
c.	Manasic force	two lower planes	the four kingdoms of nature.

Physical energy, the left-over of a previous solar system, demonstrates through the dense physical form and in the material which is energised during the involutionary cycle. It is not considered a principle; and is regarded as the basis of maya or illusion.

Năng lượng hồng trần, phần còn lại của một hệ mặt trời trước, biểu lộ qua hình thể hồng trần đậm đặc và trong chất liệu được tiếp sinh lực trong chu kỳ giáng hạ tiến hoá. Nó không được xem là một nguyên khí; và được coi là nền tảng của ảo lực hay ảo tưởng.

The various planetary schemes are not all alike and differ as to:

a. Type of energy,

b. Point in evolution,

c. Position in the general plan,

d. Karmic opportunity,

e. Rate of vibration.

The main distinction exists in the fact, as we have so oft repeated, that three of them form the three higher etheric energy centres of the Logos, and four constitute the lower centres.

Saturn is of interest to us here because the Logos of Saturn holds a position in the body logoic similar to that held by the throat centre in the microcosm. Three centres towards the close of manifestation will become aligned in the same way as the centre at the base of the spine, the throat centre and the alta major centre. Here it must be pointed out that there are three planetary schemes which [Page 1164] hold a place analogous to that held by the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre, but they are not the schemes referred to as centres, or known to us as informed by planetary Logoi. Certain of the planetoids have their place here, and one scheme which has passed out of activity, and is in a condition of quiescence and nonactivity. This latter scheme is the correspondence in the logoic body to the atrophied third eye in the fourth kingdom of nature. When man has developed etheric vision and thus has

Các hệ hành tinh khác nhau không hoàn toàn giống nhau và khác biệt về:

a. Loại năng lượng,

b. Điểm tiến hoá,

c. Vị trí trong Thiên Cơ tổng quát,

d. Cơ hội nghiệp quả,

e. Tốc độ rung động.

Sự phân biệt chính nằm ở sự kiện, như chúng ta đã lặp đi lặp lại rất nhiều lần, rằng ba trong số chúng tạo thành ba trung tâm năng lượng dĩ thái cao của Thượng đế, và bốn hệ hành tinh còn lại cấu thành các trung tâm thấp.

Sao Thổ đáng quan tâm đối với chúng ta ở đây vì Thượng đế của Sao Thổ giữ một vị trí trong thân thể của Thượng đế tương tự như vị trí của trung tâm cổ họng trong tiểu thiên địa. Ba trung tâm vào lúc gần kết thúc biểu hiện sẽ trở nên chỉnh hợp theo cùng cách như trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm cổ họng và trung tâm alta major. Ở đây cần chỉ ra rằng có ba hệ hành tinh giữ một vị trí [Page 1164] tương tự với vị trí của tuyến tùng quả, tuyến yên và trung tâm alta major, nhưng chúng không phải là các hệ được nói đến như những trung tâm, hay được chúng ta biết là được các Hành Tinh Thượng Đế thấm nhuần. Một số tiểu hành tinh có vị trí của chúng ở đây, và một hệ đã ra khỏi hoạt động, đang ở trong trạng thái tĩnh lặng và bất hoạt. Hệ vừa nêu sau là tương ứng trong thân thể của Thượng đế với con mắt thứ ba bị teo đi trong giới thứ tư của thiên nhiên. Khi con người đã phát triển linh thị dĩ thái và nhờ đó mở rộng tầm nhìn của mình, y sẽ

expanded his range of vision, he will become aware of these facts, for he will see. Many planetary schemes which are found only in etheric matter will be revealed to his astonished gaze, and he will find that (as in the body microcosmic) there are seven (or ten), paramount centres but numbers of other centres for the purpose of energising various organs. So likewise the body macrocosmic has myriads of energy focal points or feeders which have their place, their function, and their felt effects. These centres, with no dense physical globe, constitute what has sometimes been called "the inner round" and transmit their force through those greater centres which have been spoken of in occult books as having a connection with the inner round.

nhận biết các sự kiện này, vì y sẽ thấy. Nhiều hệ hành tinh chỉ được tìm thấy trong chất liệu dĩ thái sẽ được mặc khải trước cái nhìn kinh ngạc của y, và y sẽ thấy rằng (như trong thân thể tiểu thiên địa) có bảy (hay mười) trung tâm chính yếu nhưng có vô số trung tâm khác nhằm mục đích tiếp sinh lực cho các cơ quan khác nhau. Tương tự như vậy, thân thể đại thiên địa có vô số tiêu điểm năng lượng hay các điểm cấp dưỡng có vị trí, chức năng và hiệu quả cảm nhận được của chúng. Những trung tâm này, không có bầu hành tinh hồng trần đậm đặc, cấu thành cái đôi khi được gọi là "cuộc tuần hoàn bên trong" và truyền mãnh lực của chúng qua những trung tâm lớn hơn đã được nói đến trong các sách huyền bí là có liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong.

Each of these planetary schemes can be seen as a lotus having seven major petals, of which each chain forms one petal, but having also subsidiary petals of a secondary colour according to the nature and karma of the Entity concerned. It is in the enumeration of these solar lotuses that occult students go astray. It is, for instance, correct to say that the planetary scheme corresponding to the microcosmic base of the spine is a fourfold lotus and has, therefore, four petals. There are four outstanding petals of a peculiar hue, but there are three of a secondary colour, and nine of a tertiary nature. (To students with intuition the hint here conveyed may reveal the name of the planet, and the nature of its evolution).

Mỗi hệ hành tinh này có thể được thấy như một hoa sen có bảy cánh hoa chính, trong đó mỗi dãy tạo thành một cánh hoa, nhưng cũng có những cánh hoa phụ với màu sắc thứ cấp tùy theo bản chất và nghiệp quả của Thực Thể liên hệ. Chính trong việc liệt kê các hoa sen mặt trời này mà các đạo sinh huyền bí học đi lạc hướng. Chẳng hạn, nói rằng hệ hành tinh tương ứng với đáy cột sống của tiểu thiên địa là một hoa sen tứ phân và do đó có bốn cánh hoa là điều đúng. Có bốn cánh hoa nổi bật với một sắc thái đặc biệt, nhưng có ba cánh mang màu thứ cấp, và chín cánh có bản chất tam cấp. (Đối với các đạo sinh có trực giác, gợi ý được chuyển trao ở đây có thể mặc khải tên của hành tinh ấy và bản chất của sự tiến hoá của nó).

[Page 1165] Each of these solar lotuses, or planetary schemes, unfolds in three great stages of activity, in each one of which one of the three types of energy dominates. As the unfolding proceeds, the vibratory

[Page 1165] Mỗi hoa sen mặt trời này, hay mỗi hệ hành tinh, khai mở trong ba giai đoạn hoạt động lớn, trong mỗi giai đoạn một trong ba loại năng lượng chi phối. Khi sự khai mở tiếp diễn, hoạt động rung động gia

activity increases, and the *appearance* of the manifesting activity changes.

tăng, và *vẻ ngoài* của hoạt động biểu hiện thay đổi.

a. The motion of the lotus or wheel for a long time is simply that of a slow revolution.

a. Chuyển động của hoa sen hay bánh xe trong một thời gian dài đơn giản chỉ là một sự quay chậm.

b. Later, for a still vaster period, each petal revolves within the greater whole, and at an angle different to that of the whole revolution.

b. Về sau, trong một thời kỳ còn bao la hơn nữa, mỗi cánh hoa quay bên trong toàn thể lớn hơn, và theo một góc khác với góc của toàn bộ vòng quay.

c. Finally, these two activities are increased by the appearance of a form of energy which, originating from the centre, pulsates so powerfully that it produces what look to be streams of energy passing backwards and forwards from the centre to the periphery.

c. Cuối cùng, hai hoạt động này được tăng cường bởi sự xuất hiện của một dạng năng lượng mà, phát sinh từ trung tâm, đập nhịp mạnh mẽ đến mức tạo ra điều trông như những dòng năng lượng đi qua đi lại từ trung tâm đến chu vi.

d. When these three are working in unison, the effect is wonderful in the extreme, and impossible for the eye to follow, the mind of man to conceive, or the pen to express in words. It is this stage, macrocosmic and microcosmic, which constitutes the different grades of alignment, for it must never be forgotten by students that all that manifests is a sphere, and alignment really consists in unimpeded communication between the heart of the sphere and the periphery or the bound of the influence of the dynamic will and the centre.

d. Khi cả ba hoạt động phối hợp đồng bộ, hiệu quả là kỳ diệu đến tột bậc, mắt không thể theo kịp, trí tuệ con người không thể hình dung, hay ngòi bút không thể diễn tả bằng lời. Chính giai đoạn này, trong Đại thiên địa và Tiểu thiên địa, cấu thành các cấp độ chỉnh hợp khác nhau, vì đạo sinh không bao giờ được quên rằng mọi cái biểu hiện đều là một khối cầu, và chỉnh hợp thực sự bao gồm sự thông giao không bị ngăn trở giữa trái tim của khối cầu và chu vi hay ranh giới ảnh hưởng của ý chí năng động và của trung tâm.

Within each planetary scheme, are found the seven chains which are the seven planetary centres, and again within the chain are the seven globes which are the chain centres, but students would do well not to study the globes from the point of view of centres until their knowledge of the mystery underlying dense physical substance is greater, or they will be led into error. The lower down one seeks to carry the correspondence, the more the likelihood of

Bên trong mỗi hệ hành tinh có bảy dãy là bảy trung tâm hành tinh, và lại nữa bên trong dãy có bảy bầu hành tinh là các trung tâm của dãy, nhưng đạo sinh nên tránh nghiên cứu các bầu hành tinh từ quan điểm các trung tâm cho đến khi tri thức của họ về huyền nhiệm nằm dưới chất liệu hồng trần đậm đặc lớn hơn, nếu không họ sẽ bị dẫn vào sai lầm. Càng tìm cách mang sự tương ứng xuống thấp hơn, khả năng sai lầm càng lớn. Sự tương ứng phải nằm trong phẩm tính và

error. The correspondence must lie in quality and in principle expressed, but not in form.

trong nguyên khí được biểu lộ, chứ không phải trong hình tướng.

S9S10 Text

DIVISION F. - THE LAW OF ATTRACTION — PHÂN ĐOẠN F. - ĐỊNH LUẬT HẤP DẪN

[Page 1166]

[Page 1166]

I. The Subsidiary laws.

I. Các định luật phụ thuộc.

1. Law of Chemical Affinity.

1. Định luật Ái lực Hóa học.

2. Law of Progress.

2. Định luật Tiến bộ.

3. Law of Sex.

3. Định luật Tính Dục.

4. Law of Magnetism.

4. Định luật Từ điện.

5. Law of Radiation.

5. Định luật Phóng xạ.

6. Law of the Lotus.

6. Định luật Hoa sen.

7. Law of Colour.

7. Định luật Màu sắc.

8. Law of Gravitation.

8. Định luật Trọng lực.

9. Law of Planetary Affinity.

9. Định luật Ái lực Hành tinh.

10. Law of Solar Unity.

10. Định luật Hợp nhất Thái dương.

11. Law of the Schools.

11. Định luật của các Trường.

II. Its Effects.

II. Các hiệu quả của nó.

1. Association.

1. Sự kết hợp.

2. Form Building.

3. Adaptation of form to life.

4. Group Unity.

III. Group Relations.

1. Three atomic relations.

2. Seven laws of group work.

3. Twenty-two methods of interplay.

This law is, as we know, the basic law of all manifestation, and the paramount law for this solar system. It might strictly be called the Law of Adjustment or of Balance, for it conditions that aspect of electrical phenomena which we call *neutral*. The Law of Economy is the basic law of one pole, that of the negative aspect; the Law of Synthesis is the basic law of the positive pole, but the Law of Attraction is the law for the fire which is produced [Page 1167] by the merging during evolution of the two poles. From the standpoint of the human being, it is that which brings about the realisation of self-consciousness; from the point of view of the subhuman beings it is that which draws all forms of life on to self-realisation; whilst in connection with the superhuman aspect it may be stated that this law of life expands into the processes conditioned by the higher law of Synthesis, of which the Law of Attraction is but a subsidiary branch.

Strictly speaking, the Law of Attraction is a generic term under which are grouped several other laws similar in nature but diverse in their manifestations. It might be

2. Sự kiến tạo hình tướng.

3. Sự thích ứng của hình tướng với sự sống.

4. Sự hợp nhất nhóm.

III. Các liên hệ nhóm.

1. Ba liên hệ nguyên tử.

2. Bảy định luật của công việc nhóm.

3. Hai mươi hai phương pháp tương tác.

Định luật này, như chúng ta biết, là định luật căn bản của mọi biểu hiện, và là định luật tối quan trọng của hệ mặt trời này. Nói một cách chính xác, nó có thể được gọi là Định luật Điều chỉnh hay Quân bình, vì nó tác động lên phương diện của các hiện tượng điện mà chúng ta gọi là *trung tính*. Định luật Tiết Kiệm là định luật căn bản của một cực, tức cực âm; Định luật Tổng Hợp là định luật căn bản của cực dương, nhưng Định luật Hấp Dẫn là định luật dành cho ngọn lửa được tạo ra [Page 1167] bởi sự hòa nhập của hai cực trong tiến hoá. Từ quan điểm của con người, đó là cái mang lại sự chứng nghiệm ngã thức; từ quan điểm của các sinh thể dưới nhân loại, đó là cái kéo mọi hình thức sự sống tiến đến sự chứng nghiệm bản ngã; còn liên hệ với phương diện siêu nhân loại, có thể nói rằng định luật của sự sống này mở rộng vào các tiến trình được tác động bởi Định luật Tổng Hợp cao hơn, mà Định luật Hấp Dẫn chỉ là một nhánh phụ thuộc.

Nói một cách chính xác, Định luật Hấp Dẫn là một thuật ngữ tổng quát, dưới đó tập hợp nhiều định luật khác tương tự về bản chất nhưng khác nhau trong các biểu hiện của

useful if we enumerated a few of these laws, thereby enabling the student to get (as he studies them in their totality) a broad general idea as to the Law and its modifications, its spheres of influence and the scope of its activity. It should be noted here as a basic proposition in connection with all atoms that the Law of Attraction governs the Soul aspect. *The Law of Economy is the law of the negative electron; the Law of Synthesis is the Law of the positive central life; whilst the Law of Attraction governs that which is produced by the relation of these two,* and is itself controlled by a greater cosmic law which is the principle of the intelligence of substance. It is the law of Akasha.

chúng. Sẽ hữu ích nếu chúng ta liệt kê một vài định luật trong số đó, nhờ vậy giúp đạo sinh có được (khi nghiên cứu chúng trong tính toàn thể của chúng) một ý niệm khái quát rộng lớn về Định luật này và các biến thái của nó, các phạm vi ảnh hưởng của nó và tầm mức hoạt động của nó. Ở đây cần lưu ý như một mệnh đề căn bản liên quan đến mọi nguyên tử rằng Định luật Hấp Dẫn chi phối phương diện linh hồn. *Định luật Tiết Kiệm là định luật của điện tử âm; Định luật Tổng Hợp là Định luật của sự sống trung tâm dương; còn Định luật Hấp Dẫn chi phối điều được tạo ra bởi mối liên hệ của hai điều này,* và chính nó lại được kiểm soát bởi một định luật vũ trụ lớn hơn, là nguyên khí của trí tuệ của chất liệu. Đó là định luật của Akasha.

It must be borne in mind that these three laws are the expression of the intent or purpose of the three Logoic Aspects. The Law of Economy is the governing principle of Brahma or the Holy Spirit; the Law of Synthesis is the law of the Father's life; whilst the Son's life is governed by, and manifests forth divine attraction. Yet these three are the three subsidiary laws of a greater impulse which governs the life of the Unmanifested Logos. *(S. D., I, 56, 73, 74.)* [Page 1168]

Cần ghi nhớ rằng ba định luật này là biểu hiện của ý định hay mục đích của ba Phương diện của Thượng đế. Định luật Tiết Kiệm là nguyên khí chi phối của Brahma hay Chúa Thánh Thần; Định luật Tổng Hợp là định luật của sự sống của Đức Cha; còn sự sống của Đức Con được chi phối bởi, và biểu lộ ra, sức hút thiêng liêng. Tuy nhiên, cả ba định luật này là ba định luật phụ thuộc của một xung lực lớn hơn, chi phối sự sống của Thượng đế Không Biểu Hiện. *(S. D., I, 56, 73, 74.)* [Page 1168]

I. THE SUBSIDIARY LAWS — I. CÁC ĐỊNH LUẬT PHỤ THUỘC

The subsidiary aspects, or laws, of the Law of Attraction might be enumerated as follows:

Các phương diện phụ thuộc, hay các định luật, của Định luật Hấp Dẫn có thể được liệt kê như sau:

1. *The Law of Chemical Affinity.* This law governs the soul aspect in the mineral kingdom. It concerns the marriage of the atoms, and the romance of the elements. It serves to perpetuate the life of the mineral kingdom and to preserve its integrity.

1. *Định luật Ái lực Hóa học.* Định luật này chi phối phương diện linh hồn trong giới kim thạch. Nó liên quan đến sự kết hôn của các nguyên tử, và mối tình của các nguyên tố. Nó giúp duy trì sự sống của giới kim thạch và bảo tồn tính toàn vẹn của giới này.

It is the cause of the immetalisation of the Monad.

Nó là nguyên nhân của sự kim thạch hóa của chân thần.

2. *The Law of Progress.* It is called this in the vegetable kingdom owing to the fact that it is in this kingdom that definite objective response to stimulation can be noted. It is the basis of the phenomenon of sensation, which is the key to this solar system of love, our system being a "Son of Necessity" or of desire. This law is the working out into manifestation of the informing consciousness of a part of the deva kingdom, and of certain pranic energies. The student will find much of esoteric interest in the following line of living forces:

2. *Định luật Tiến Bộ.* Nó được gọi như vậy trong giới thực vật vì chính trong giới này có thể ghi nhận được sự đáp ứng khách quan rõ rệt đối với kích thích. Nó là nền tảng của hiện tượng cảm giác, vốn là chìa khóa của hệ mặt trời bác ái này, vì hệ của chúng ta là một "Con của Sự Cần Thiết" hay của dục vọng. Định luật này là sự triển khai vào biểu hiện của tâm thức thấm nhuần của một phần giới thiên thần, và của một số năng lượng prana. Đạo sinh sẽ tìm thấy nhiều điều nội môn đáng quan tâm trong tuyến các mãnh lực sống động sau đây:

a. The second chain, globe and round,

a. Dãy, bầu hành tinh và cuộc tuần hoàn thứ hai,

b. The vegetable kingdom,

b. giới thực vật,

c. The devas of desire in their second *reflected* groupings,

c. các thiên thần của dục vọng trong các nhóm *phản chiếu* thứ hai của họ,

d. The heart of the Sun,

d. trái tim của Mặt Trời,

e. The second Ray force.

e. mãnh lực cung hai.

3. *The Law of Sex.*

3. *Định luật Tính Dục.*

This is the term applied to the force which brings about the physical merging of the two poles in connection with the animal kingdom, and of man, viewing him as responsive to the call of his animal nature. It concerns itself with the due guarding of the form in this particular cycle and its perpetuation. It is only powerful during the period of the duality of the sexes and their separation and, in the case of man, will be offset by a higher expression of the law

Đây là thuật ngữ được áp dụng cho mãnh lực tạo ra sự hòa nhập hồng trần của hai cực liên quan đến giới động vật, và của con người, khi xem y như đang đáp ứng tiếng gọi của bản chất động vật của mình. Nó quan tâm đến việc bảo vệ thích đáng hình tướng trong chu kỳ đặc biệt này và sự duy trì của nó. Nó chỉ mạnh mẽ trong thời kỳ nhị nguyên tính của hai giới tính và sự phân ly của chúng, và trong trường hợp con người, nó sẽ được hóa giải bởi một biểu hiện cao hơn của định luật

when man is again androgynous. It is [Page 1169] the law of marriage, and finds some aspects of its manifestation not only in marriage of men and animals in the physical sense, but in the "occult marriage" of

khi con người lại trở nên lưỡng tính. Nó là [Page 1169] định luật của hôn nhân, và tìm thấy một số phương diện biểu hiện của nó không chỉ trong hôn nhân của những người nam và nữ và của động vật theo nghĩa hồng trần, mà còn trong "hôn phối huyền bí" của

a. The Soul and the Spirit.

a. Linh hồn và tinh thần.

b. The Son with his Mother (or the Soul with the physical substance).

b. Đức Con với Mẹ của Ngài (hay linh hồn với chất liệu hồng trần).

c. The negative planetary lives with the positive ones earlier pointed out.

c. Các sự sống hành tinh âm với các sự sống hành tinh dương đã được nêu ra trước đó.

d. The systemic marriage, or the merging of the two final planetary schemes after their absorption of the other forces.

d. Cuộc hôn phối trong hệ mặt trời, hay sự hòa nhập của hai hệ hành tinh chung cuộc sau khi chúng hấp thu các mãnh lực khác.

e. The cosmic marriage, or the merging of our solar system with its opposite cosmic pole, another constellation. The cosmic marriage of stars and Systems is the cause of the occasional irregular flaring-up or intensification of suns and their increased luminosity which is sometimes seen, and which has frequently been the subject of discussion.

e. Cuộc hôn phối vũ trụ, hay sự hòa nhập của hệ mặt trời chúng ta với cực vũ trụ đối nghịch của nó, một chòm sao khác. Cuộc hôn phối vũ trụ của các ngôi sao và các hệ thống là nguyên nhân của sự bùng sáng bất thường hay sự tăng cường cường độ của các mặt trời và độ sáng gia tăng của chúng đôi khi được thấy, và điều này thường là đề tài bàn luận.

4. *The Law of Magnetism.* This is the law which produces the unifying of a personality, and though it is an expression of lunar force, is, nevertheless, of a much higher order than the law of physical sex. It is the expression of the law as it is demonstrated by the three major groups of lunar pitris. These three groups are not concerned with the building of the forms of the animal kingdom, for they are the builders of the body of man in the final three stages of the path of evolution:

4. *Định luật Từ Điện.* Đây là định luật tạo ra sự hợp nhất của một phàm ngã, và tuy là một biểu hiện của mãnh lực thái âm, nhưng dù vậy, nó thuộc một trật tự cao hơn nhiều so với định luật tính dục hồng trần. Nó là biểu hiện của định luật như được chứng tỏ bởi ba nhóm lớn các thái âm tổ phụ. Ba nhóm này không liên quan đến việc xây dựng các hình tướng của giới động vật, vì họ là các đấng kiến tạo thân thể của con người trong ba giai đoạn cuối cùng của con đường tiến hoá:

a. The stage of high intellectuality, or of artistic attainment,

b. The stage of discipleship,

c. The stage of treading the Path.

The lower four groups concern themselves with the earlier stages, and with the animal aspects of attraction in both the kingdoms. [Page 1170]

5. *The Law of Radiation.* This is one of the most interesting of the laws for it only comes into activity in connection with the highest specimens of the various kingdoms, and concerns itself with the attraction that a higher kingdom of nature will have for the highest lives of the next lower kingdom. It governs the radioactivity of minerals, the radiations of the vegetable kingdom and (curiously enough) the entire question of *perfumes.* Smell is the highest of the purely physical senses; so in the vegetable kingdom a certain series of perfumes are evidence of radiation in that kingdom.

There is, moreover, an interesting link between those who are members of the fifth kingdom (the spiritual) and the vegetable, for in esotericism the two and the five, the Son, and the Sons of Mind, are closely allied. It is not possible to indicate more, but it is not without significance that certain Rays are, through the initiates and Masters, represented by vegetable perfumes. It signifies radiation, and to those who have the key reveals the *quality* of the egoic lotus and the place it holds in any particular planetary lotus, as well as a connection with certain devas who are the sevenfold life of the vegetable kingdom. We must not forget

a. Giai đoạn trí tuệ cao, hay thành tựu nghệ thuật,

b. Giai đoạn địa vị đệ tử,

c. Giai đoạn bước đi trên Con Đường.

Bốn nhóm thấp hơn liên quan đến các giai đoạn sớm hơn, và đến các phương diện động vật của sức hút trong cả hai giới. [Page 1170]

5. *Định luật Phóng Xạ.* Đây là một trong những định luật lý thú nhất vì nó chỉ đi vào hoạt động liên quan đến những mẫu mực cao nhất của các giới khác nhau, và liên quan đến sức hút mà một giới tự nhiên cao hơn sẽ có đối với các sự sống cao nhất của giới thấp hơn kế tiếp. Nó chi phối tính phóng xạ của khoáng vật, các bức xạ của giới thực vật và (điều lạ lùng là) toàn bộ vấn đề về *hương thơm.* Khứu giác là giác quan cao nhất trong các giác quan thuần hồng trần; vì vậy trong giới thực vật, một chuỗi hương thơm nào đó là bằng chứng của sự phóng xạ trong giới ấy.

Hơn nữa, có một mối liên hệ lý thú giữa những ai là thành viên của giới thứ năm (giới tinh thần) và giới thực vật, vì trong nội môn học, số hai và số năm, Đức Con, và các Con của Trí Tuệ, có liên hệ mật thiết với nhau. Không thể nói thêm, nhưng không phải là không có thâm nghĩa khi một số cung, thông qua các điểm đạo đồ và các Chân sư, được biểu hiện bằng các hương thơm thực vật. Điều đó biểu thị sự phóng xạ, và đối với những ai có chìa khóa, nó tiết lộ *phẩm tính* của Hoa Sen Chân Ngã và vị trí mà nó giữ trong bất kỳ hoa sen hành tinh đặc thù nào, cũng như một mối liên hệ với một số thiên thần là sự sống thất phân của giới thực vật. Chúng ta không được quên rằng con

that man is occultly a "seven-leaved plant, the saptaparna." *(S. D., I, 251; II, 626.)*

người, một cách huyền bí, là "một cây bảy lá, saptaparna." *(S. D., I, 251; II, 626.)*

This law in a mysterious manner, inexplicable to those ignorant of the karma of our planetary Logos, is not operative in the animal kingdom during this Cycle or chain. One of the problems of the next chain will be the bringing in of animal radiation; thus offsetting the method of initiation now pursued. It must never be forgotten that the chain process of individualisation, and the earlier three Initiations concern the animal kingdom and man is viewed therein as an animal. In the final Initiation or the offering up of the entire bodily nature, [Page 1171] this part of the general karma of the planetary Logos and the Life of the informing Spirit of the animal kingdom become adjusted. If this is meditated upon, some light may be thrown upon the problem as to why the Adepts of the left hand path in Atlantean days were called "the Trees," (S. D., II, 519, 520, 521.) and were destroyed with the entire Atlantean vegetation. In the oldest of all the Commentaries the mystery is expressed thus:

Định luật này, theo một cách huyền nhiệm, không thể giải thích đối với những ai không biết nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, không hoạt động trong giới động vật trong Chu kỳ hay Dãy này. Một trong những vấn đề của Dãy kế tiếp sẽ là việc đưa vào sự phóng xạ động vật; nhờ đó hóa giải phương pháp điểm đạo hiện đang được theo đuổi. Không bao giờ được quên rằng tiến trình biệt ngã hóa của Dãy, và ba lần điểm đạo đầu tiên, liên quan đến giới động vật và con người được xem trong đó như một động vật. Trong cuộc Điểm đạo chung cuộc hay sự hiến dâng toàn bộ bản chất thân thể, [Page 1171] phần này của nghiệp quả tổng quát của Hành Tinh Thượng Đế và Sự sống của Tinh thần phú linh của giới động vật trở nên được điều chỉnh. Nếu điều này được tham thiền, một ít ánh sáng có thể được rọi vào vấn đề tại sao các chân sư của tả đạo trong thời Atlantis được gọi là "các Cây," (S. D., II, 519, 520, 521.) và đã bị hủy diệt cùng với toàn bộ thực vật Atlantis. Trong bản Cổ Luận xưa nhất, huyền nhiệm này được diễn tả như sau:

"They (the Adepts of the Left Hand Path) became thus separated through their own fault. Their smell rose not up to Heaven; they refused to merge. No perfume was theirs. They hugged to their greedy bosoms all the gains of the flowering plant."

"Họ (các chân sư của tả đạo) do đó trở nên tách biệt bởi chính lỗi lầm của họ. Mùi hương của họ không bay lên Thiên giới; họ từ chối hòa nhập. Họ không có hương thơm nào. Họ ôm chặt vào lòng tham lam của mình mọi thành quả của cây đang nở hoa."

6. *The Law of the Lotus.* This is the name given to the mysterious influence from the cosmic Law of Attraction which brought in the divine Sons of Mind, and thus linked the two poles of Spirit and matter, producing upon the plane of mind that which we call the egoic lotus, or "the Flower of the Self." It is the law which enables the lotus to draw

6. *Định luật Hoa Sen.* Đây là tên gọi dành cho ảnh hưởng huyền nhiệm từ Định luật Hấp Dẫn vũ trụ đã đưa các Con thiêng liêng của Trí Tuệ vào, và nhờ đó nối kết hai cực của tinh thần và vật chất, tạo ra trên cõi trí điều mà chúng ta gọi là Hoa Sen Chân Ngã, hay "Hoa của Bản Ngã." Đó là định luật giúp hoa sen rút từ bản chất thấp (phương diện vật

from the lower nature (the matter aspect and the water aspect) the moisture and heat necessary for its unfoldment, and to bring down from the levels of the Spirit that which is to it what the rays of the sun are to the vegetable kingdom. It governs the process of petal unfoldment, and therefore itself demonstrates as a triple law:

chất và phương diện nước) độ ẩm và nhiệt cần thiết cho sự khai mở của nó, và kéo xuống từ các cấp độ của tinh thần điều đối với nó cũng như các tia mặt trời đối với giới thực vật. Nó chi phối tiến trình khai mở các cánh hoa, và vì vậy chính nó biểu lộ như một định luật tam phân:

a.	The Law of Solar Heat	Knowledge petals.
b.	The Law of Solar Light	Love petals.
c.	The Law of Solar Fire	Sacrifice petals.

7. *The Law of Colour.*

To get any comprehension of this law students should remember that colour serves a twofold purpose. It acts as a veil for that which lies behind, and is therefore attracted [Page 1172] to the central spark; it demonstrates the attractive quality of the central life.

All colours, therefore, are centres of attraction, are complementary, or are antipathetic to each other, and students who study along these lines can find out the law, and comprehend its working through a realisation of the purpose, the activity, and the relation of colours to or for each other.

7. *Định luật Màu Sắc.*

Để có được bất kỳ sự thấu hiểu nào về định luật này, các đạo sinh nên nhớ rằng màu sắc phục vụ một mục đích nhị phân. Nó hoạt động như một bức màn che cho điều nằm phía sau, và vì vậy bị hút [Page 1172] về tia lửa trung tâm; nó chứng tỏ phẩm tính hấp dẫn của sự sống trung tâm.

Vì vậy, mọi màu sắc đều là những trung tâm hấp dẫn, hoặc bổ sung cho nhau, hoặc đối nghịch nhau, và các đạo sinh nghiên cứu theo những đường hướng này có thể tìm ra định luật ấy, và thấu hiểu sự vận hành của nó thông qua sự chứng nghiệm về mục đích, hoạt động, và mối liên hệ của các màu sắc với nhau hay đối với nhau.

8. *The Law of Gravitation.* This law is for the non-occult student the most puzzling and confusing of all the laws. It shows itself in one aspect as the power, and the stronger urge that a more vital life may have upon the lesser, such as the power of the spirit of the

8. *Định luật Trọng Lực.* Định luật này, đối với đạo sinh không huyền bí học, là điều khó hiểu và gây bối rối nhất trong mọi định luật. Nó biểu lộ trong một phương diện như là quyền năng, và sự thúc đẩy mạnh hơn mà một sự sống sinh động hơn có thể có đối với

Earth (the planetary Entity, not the planetary Logos) to hold all physical forms to itself and prevent their "scattering." This is due to the heavier vibration, the greater accumulative force, and the aggregated tamasic lives of the body of the planetary Entity. This force works upon the negative, or lowest, aspect of all physical forms. The Law of Gravitation shows itself also in the response of the soul of all things to the greater Soul in which the lesser finds itself. This law, therefore, affects the two lowest forms of divine life, but not the highest. It emanates in the first instance from the physical sun and the heart of the Sun. The final synthesising forces which might be regarded as forms of spiritual gravitational activity are, nevertheless, not so, but are due to the working of another law, emanating from the central spiritual Sun. The one is purely systemic, the other a cosmic law.

sự sống nhỏ hơn, chẳng hạn như quyền năng của Tinh linh của Địa Cầu (Thực Thể Hành Tinh, không phải Hành Tinh Thượng Đế) giữ mọi hình tướng hồng trần lại với chính nó và ngăn chúng "phân tán." Điều này là do rung động nặng hơn, mãnh lực tích lũy lớn hơn, và các sự sống tamas kết tập của thân thể của Thực Thể Hành Tinh. Mãnh lực này tác động lên phương diện âm, hay thấp nhất, của mọi hình tướng hồng trần. Định luật Trọng Lực cũng biểu lộ trong sự đáp ứng của linh hồn của vạn vật đối với Đại Hồn lớn hơn mà trong đó linh hồn nhỏ hơn tự thấy mình ở trong. Vì vậy, định luật này ảnh hưởng đến hai hình thức thấp nhất của sự sống thiêng liêng, nhưng không ảnh hưởng đến hình thức cao nhất. Trước hết, nó phát xuất từ mặt trời hồng trần và trái tim của Mặt Trời. Tuy nhiên, các mãnh lực tổng hợp hóa chung cuộc có thể được xem như những hình thức hoạt động trọng lực tinh thần thực ra không phải như vậy, mà là do sự vận hành của một định luật khác, phát xuất từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Một cái hoàn toàn thuộc hệ mặt trời, cái kia là một định luật vũ trụ.

9. *The Law of Planetary Affinity*. This term is used in the occult teaching specifically in connection with the interaction of the planets with each other and their eventual marriage. As we know, the planetary schemes (the seven sacred planets) will eventually synthesise, or absorb the life of the planets which are not termed sacred and the numerous planetoids, as far as the four kingdoms [Page 1173] of nature are concerned. The absorption of the Spirit aspect proceeds under the Law of Synthesis. The minor four planetary schemes become first the two, and then the one. This one, with the major three, forms a second and higher quaternary which again repeats the process, producing from the four, the two, and from the two, the one. This final one is

9. *Định luật Ái lực Hành tinh*. Thuật ngữ này được dùng trong giáo huấn huyền bí học một cách đặc biệt liên quan đến sự tương tác của các hành tinh với nhau và cuộc hôn phối chung cuộc của chúng. Như chúng ta biết, các hệ hành tinh (bảy hành tinh thiêng liêng) rốt cuộc sẽ tổng hợp, hay hấp thu sự sống của các hành tinh không được gọi là thiêng liêng và vô số tiểu hành tinh, xét theo bốn giới [Page 1173] tự nhiên. Sự hấp thu phương diện tinh thần diễn ra dưới Định luật Tổng Hợp. Bốn hệ hành tinh nhỏ trước hết trở thành hai, rồi sau đó thành một. Cái một này, cùng với ba hệ lớn, tạo thành một bộ bốn thứ hai và cao hơn, rồi lại lặp lại tiến trình, tạo ra từ bốn thành hai, và từ hai thành một. Cái một chung cuộc này cuối cùng hòa nhập vào Mặt Trời, tạo ra trong

eventually merged in the Sun, producing in this prolonged process, and over a vast period of time, the appearance of the "seven Suns who run together, and thus blaze forth, producing one flaming ball of fire."

tiến trình kéo dài này, và qua một thời kỳ vô cùng lâu dài, sự xuất hiện của "bảy Mặt Trời cùng chạy với nhau, và do đó bùng cháy rực rỡ, tạo thành một khối cầu lửa duy nhất."

On a lesser scale the same law governs the merging of the chains in a scheme.

Ở quy mô nhỏ hơn, cùng định luật ấy chi phối sự hòa nhập của các Dãy trong một hệ hành tinh.

10. *The Law of Solar Union.* When the interplay of the Suns is being dealt with from the material aspect and from the consciousness aspect, this term is occultly used. It is not possible to enlarge upon it, but only to point out the universality of this Law of Attraction.

10. *Định luật Hợp Nhất Thái Dương.* Khi sự tương tác của các Mặt Trời được bàn đến từ phương diện vật chất và từ phương diện tâm thức, thuật ngữ này được dùng một cách huyền bí. Không thể nói rộng hơn về nó, mà chỉ có thể chỉ ra tính phổ quát của Định luật Hấp Dẫn này.

S9S11 Text

11. *The Law of the Schools.* (The Law of Love and Light.) This is a mysterious term used to cover the law as it affects the expansions of consciousness which an initiate undergoes, and his ability to attract to himself through knowledge,

11. *Định luật của các Trường.* (Định luật của Bác Ái và Ánh sáng.) Đây là một thuật ngữ huyền nhiệm dùng để bao quát định luật khi nó ảnh hưởng đến các sự mở rộng tâm thức mà một điểm đạo đồ trải qua, và khả năng của y trong việc hút về mình, thông qua tri thức,

a. His own Higher Self, so as to produce alignment and illumination,

a. Chân ngã của chính y, để tạo ra sự chỉnh hợp và sự soi sáng,

b. His Guru,

b. Guru của y,

c. That which he seeks to know,

c. Điều mà y tìm cách biết,

d. That which he can utilise in his work of service,

d. Điều mà y có thể sử dụng trong công việc phụng sự của mình,

e. Other souls with whom he can work.

e. Những linh hồn khác mà y có thể cùng làm việc.

It will be evident, therefore, to the thoughtful student that this Law of the Schools is primarily applicable to all units of divine life who have arrived at, or transcended the stage of self-consciousness. It has consequently a vital connection with the human kingdom, and there is an occult significance in the fact that this is the eleventh [Page 1174] Law. It is the law which enables a man to unite two of his aspects (the personal self and the Higher Self). It is the law which governs the transition of the human atom into another and a higher kingdom. It is the law which (when comprehended and conformed to) enables a man to enter into a new cycle. It is the law of the adept, of the Master, and of the perfected man. For this reason it might be of profit here if we dealt with it a little more fully than with the other laws, for mankind is now at the stage where a number of its units are ready to come under the specific influence of this law, and thus be transferred out of the Hall of Learning, via the Hall of Wisdom, into the fifth or spiritual kingdom.

Vì vậy, đối với đạo sinh biết suy tư, sẽ hiển nhiên rằng Định luật của các Trường này trước hết áp dụng cho mọi đơn vị của sự sống thiêng liêng đã đạt đến, hay đã vượt qua, giai đoạn ngã thức. Do đó, nó có một mối liên hệ thiết yếu với giới nhân loại, và có một thâm nghĩa huyền bí trong sự kiện đây là Định luật thứ mười một [Page 1174]. Đây là định luật giúp một người hợp nhất hai phương diện của mình (phàm ngã và Chân ngã). Đây là định luật chi phối sự chuyển tiếp của nguyên tử nhân loại vào một giới khác và cao hơn. Đây là định luật mà (khi được thấu hiểu và tuân theo) giúp một người bước vào một chu kỳ mới. Đây là định luật của chân sư, của Chân sư, và của con người hoàn thiện. Vì lý do này, ở đây sẽ có ích nếu chúng ta bàn đến nó đầy đủ hơn đôi chút so với các định luật khác, vì hiện nay nhân loại đang ở giai đoạn mà một số đơn vị của nó đã sẵn sàng đi vào dưới ảnh hưởng đặc thù của định luật này, và nhờ đó được chuyển ra khỏi Phòng Hiểu Biết, qua Phòng Minh triết, vào giới thứ năm hay giới tinh thần.

This Law of the Schools does not specifically apply to the deva evolution. They come under another law called “The Law of Passive Resistance” which does not concern us here, nor would it profit us to consider it. Three main groups of existences are controlled by it:

Định luật của các Trường này không áp dụng một cách đặc thù cho tiến hoá thiên thần. Họ ở dưới một định luật khác gọi là “Định luật Kháng Cự Thụ Động”, điều này không liên quan đến chúng ta ở đây, và việc xét đến nó cũng không có ích gì. Ba nhóm hiện hữu chính được nó kiểm soát là:

1. Human beings from the moment they tread the Probationary Path.

1. Nhân loại từ lúc họ bước lên Con Đường Dự Bị.

2. All the units of the fifth kingdom, therefore, all the members of the Hierarchy.

2. Mọi đơn vị của giới thứ năm, do đó, mọi thành viên của Thánh Đoàn.

3. The planetary Logoi throughout the system.

3. Các Hành Tinh Thượng Đế trong toàn hệ mặt trời.

It will be apparent, therefore, that this law concerns the great experiment which has been inaugurated on earth by our planetary Logos in connection with the process of initiation, and it has only held sway since the Door of Initiation was opened in Atlantean days. It does not, therefore, apply to all the members of the human family; some of whom will achieve slowly and under the sway of the basic Law of Evolution. It does not affect, in any way, for instance, those members of the human family who have individualised on the earth chain through the fanning of the spark of mind—one of the methods employed by the Lords of the Flame, as earlier seen.

Vì vậy, sẽ rõ ràng rằng định luật này liên quan đến cuộc thí nghiệm lớn đã được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta khai mở trên địa cầu liên quan đến tiến trình điểm đạo, và nó chỉ mới nắm quyền từ khi Cánh Cửa Điểm Đạo được mở ra trong thời Atlantis. Do đó, nó không áp dụng cho mọi thành viên của gia đình nhân loại; một số trong họ sẽ thành tựu một cách chậm chạp và dưới quyền chi phối của Định luật căn bản của Tiến Hoá. Chẳng hạn, nó không ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào đến những thành viên của gia đình nhân loại đã biệt ngã hóa trên dãy địa cầu thông qua việc quạt bùng tia lửa trí tuệ—một trong những phương pháp được các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa sử dụng, như đã thấy trước đây.

[Page 1175] It can be studied in two main divisions, first, in connection with the human units passing under hierarchical influence in the Hall of Wisdom, and also in connection with the various planetary schemes. Each scheme exists in order to teach a specific aspect of consciousness, and each planetary school or Hierarchy subjects its pupils to this law, only in manners diverse. These planetary schools are necessarily governed by certain factors of which the two most important are the peculiar karma of the planetary Logos concerned, and His particular Ray.

[Page 1175] Nó có thể được nghiên cứu trong hai phân bộ chính, thứ nhất, liên quan đến các đơn vị nhân loại đi vào dưới ảnh hưởng của Thánh đoàn trong Phòng Minh triết, và cũng liên quan đến các hệ hành tinh khác nhau. Mỗi hệ tồn tại để dạy một phương diện đặc thù của tâm thức, và mỗi trường hành tinh hay Thánh Đoàn hành tinh đặt các môn sinh của mình dưới định luật này, chỉ khác nhau về cách thức. Các trường hành tinh này tất yếu được chi phối bởi một số yếu tố, trong đó hai yếu tố quan trọng nhất là nghiệp quả đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ, và cung đặc thù của Ngài.

It is not possible at this stage to convey to students the information as to the nature of each planetary school. They exist in five great groups:

Ở giai đoạn này, không thể truyền đạt cho các đạo sinh thông tin về bản chất của từng trường hành tinh. Chúng tồn tại trong năm nhóm lớn:

1. *The exoteric non-sacred planets*, called in occult parlance “the outer round” or outer circle of initiates. Of these our earth is one, but being aligned in a peculiar fashion with certain spheres on the inner round, a dual opportunity exists for mankind, which

1. *Các hành tinh ngoại môn không thiêng liêng*, được gọi trong thuật ngữ huyền bí là “cuộc tuần hoàn bên ngoài” hay vòng tròn bên ngoài của các điểm đạo đồ. Trong số này có địa cầu của chúng ta, nhưng vì nó được chỉnh hợp theo một cách đặc biệt với một số

facilitates, whilst it complicates, the evolutionary process.

khối cầu trong cuộc tuần hoàn bên trong, nên có một cơ hội kép dành cho nhân loại, điều này vừa làm dễ vừa làm phức tạp tiến trình tiến hoá.

2. *The sacred planets,* called sometimes (when this Law of the Schools is under consideration) the "seven grades of psychic knowledge" or the "seven divisions of the field of knowledge."

2. *Các hành tinh thiêng liêng,* đôi khi được gọi (khi Định luật của các Trường này được xét đến) là "bảy cấp độ tri thức thông linh" hay "bảy phân bộ của lĩnh vực tri thức."

3. *The inner round,* which carries with it vast opportunity for those who can surmount its problems and withstand its temptations. This inner round has a peculiar appeal to units on certain Rays, and has its own specific dangers. The inner round is the round that is followed by those who have passed through the human stage and have *consciously* developed the faculty of etheric living and can follow the etheric cycles, functioning consciously on the three higher etheric planes in all parts of the system. They have—for certain occult and specific purposes—broken the connection between the third etheric and the four lower subplanes of the physical plane. This [Page 1176] round is followed only by a prepared percentage of humanity, and is closely associated with a group who pass with facility and develop with equal facility on the three planets that make a triangle with the earth, namely Mars, Mercury, and Earth. These three planets—in connection with this inner round—are considered only as existing in etheric matter, and (in relation to one of the Heavenly Men) hold a place analogous to the etheric triangle found in the human etheric body. I have here conveyed more than has as yet been exoterically communicated anent this inner round and by the study of the human etheric triangle, its function, and the type of force which circulates around it, much may

3. *Cuộc tuần hoàn bên trong,* mang theo những cơ hội to lớn cho những ai có thể vượt qua các vấn đề của nó và đứng vững trước các cám dỗ của nó. Cuộc tuần hoàn bên trong này có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với các đơn vị trên một số cung nhất định, và có những nguy hiểm đặc thù riêng. Cuộc tuần hoàn bên trong là cuộc tuần hoàn được theo bởi những ai đã vượt qua giai đoạn nhân loại và đã *một cách hữu thức* phát triển năng lực sống dĩ thái và có thể theo các chu kỳ dĩ thái, hoạt động một cách hữu thức trên ba cõi dĩ thái cao hơn trong mọi phần của hệ mặt trời. Họ đã—vì những mục đích huyền bí và đặc thù nào đó—cắt đứt mối liên hệ giữa cõi dĩ thái thứ ba và bốn cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần. Cuộc tuần hoàn này [Page 1176] chỉ được một tỷ lệ nhân loại đã chuẩn bị theo đuổi, và có liên hệ mật thiết với một nhóm đi qua một cách dễ dàng và phát triển cũng dễ dàng như vậy trên ba hành tinh tạo thành một tam giác với địa cầu, đó là Sao Hỏa, Sao Thủy, và Trái Đất. Ba hành tinh này—liên quan đến cuộc tuần hoàn bên trong này—chỉ được xem như tồn tại trong vật chất dĩ thái, và (liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân) giữ một vị trí tương tự như tam giác dĩ thái được tìm thấy trong thể dĩ thái của con người. Ở đây tôi đã truyền đạt nhiều hơn những gì cho đến nay đã được công bố ngoại môn liên quan đến cuộc tuần hoàn bên trong này, và bằng việc nghiên cứu tam giác dĩ thái của con người,

be deduced about the planetary inner round. We must bear in mind in this connection that just as the human etheric triangle is but the preparatory stage to a vast circulation within the sphere of the entire etheric body, so the etheric planetary triangle—passing from the Earth to Mars and Mercury—is but the preparatory circulatory system to a vaster round included within the sphere of influence of one planetary Lord.

chức năng của nó, và loại mãnh lực lưu chuyển quanh nó, nhiều điều có thể được suy ra về cuộc tuần hoàn bên trong hành tinh. Chúng ta phải ghi nhớ trong mối liên hệ này rằng cũng như tam giác dĩ thái của con người chỉ là giai đoạn chuẩn bị cho một sự lưu chuyển rộng lớn bên trong khối cầu của toàn bộ thể dĩ thái, thì tam giác hành tinh dĩ thái—đi từ Trái Đất đến Sao Hỏa và Sao Thủy—cũng chỉ là hệ tuần hoàn chuẩn bị cho một cuộc tuần hoàn lớn hơn được bao gồm trong phạm vi ảnh hưởng của một Chúa Tể Hành Tinh.

4. *The circle of the planetoids.* Students of the Ageless Wisdom are apt to forget that the Life of the Logos manifests itself through those circling spheres which (though not large enough to be regarded as planets) pursue their orbital paths around the solar centre and have their own evolutionary problems and are functioning as part of the solar Body. They are informed—as are the planets—by a cosmic Entity and are under the influence of the Life impulses of the solar Logos as are the greater bodies. The evolutions upon them are analogous to, though not identical with, those of our planet, and they swing through their cycles in the Heavens under the same laws as do the greater planets.

4. *Vòng tròn các tiểu hành tinh.* Các đạo sinh của Minh Triết Ngàn Đời thường quên rằng Sự sống của Thượng đế biểu lộ chính nó qua những khối cầu đang quay đó, những khối cầu này (dù không đủ lớn để được xem là hành tinh) vẫn theo các quỹ đạo của chúng quanh trung tâm thái dương và có những vấn đề tiến hoá riêng của chúng và đang hoạt động như một phần của Thân thể thái dương. Chúng được phú linh—cũng như các hành tinh—bởi một Thực Thể vũ trụ và ở dưới ảnh hưởng của các xung lực sự sống của Thái dương Thượng đế cũng như các thiên thể lớn hơn. Các tiến hoá trên chúng là tương tự, dù không đồng nhất, với các tiến hoá của hành tinh chúng ta, và chúng xoay chuyển qua các chu kỳ của chúng trong bầu trời dưới cùng những định luật như các hành tinh lớn hơn.

5. *The absorbing Triangles.* This term is applied to the evolutionary schools found located in the three major [Page 1177] planets of our system—Uranus, Neptune and Saturn—and to those found in the three major chains, and three major globes in a planetary scheme. The Rulers of these planets, chains and globes are called the "Divine Examiners," and Their work concerns the human kingdom specifically

5. *Các Tam Giác Hấp Thu.* Thuật ngữ này được áp dụng cho các trường tiến hoá tọa lạc trong ba hành tinh lớn [Page 1177] của hệ mặt trời chúng ta—Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ—và cho những trường được tìm thấy trong ba Dãy lớn, và ba bầu hành tinh lớn trong một hệ hành tinh. Các Đấng Cai Quản của các hành tinh, các Dãy và các bầu hành tinh này được gọi là "Các Đấng Khảo Thí Thiêng Liêng," và công

and entirely. They are responsible for the work of

việc của Các Ngài liên quan một cách đặc thù và hoàn toàn đến giới nhân loại. Các Ngài chịu trách nhiệm về công việc

a. Transferring men from one school to another, and from one grade to another.

a. Chuyển con người từ trường này sang trường khác, và từ cấp độ này sang cấp độ khác.

b. For the expanding of the human consciousness under the law,

b. Mở rộng tâm thức nhân loại dưới định luật,

c. For the transmutation of the forms of the human unit in the three worlds and the consequent negation of the form,

c. Chuyển hoá các hình tướng của đơn vị nhân loại trong ba cõi giới và hậu quả là phủ nhận hình tướng,

d. For the radioactivity of the fourth kingdom in nature.

d. Tính phóng xạ của giới thứ tư trong tự nhiên.

We might regard the presiding lives in these departmental schools as the custodians of the Path, and responsible, therefore, for the divine Pilgrim during the final stages of the treading of the Path of Evolution. They begin to work with men from the moment they first set foot upon the Probationary Path and They continue Their work until the seventh initiation is taken.

Chúng ta có thể xem các sự sống chủ trì trong các trường bộ môn này như những vị giám hộ của Con Đường, và do đó chịu trách nhiệm về Người Hành Hương thiêng liêng trong các giai đoạn cuối cùng của việc bước đi trên Con Đường Tiến Hoá. Các Ngài bắt đầu làm việc với con người từ lúc họ lần đầu đặt chân lên Con Đường Dự Bị và Các Ngài tiếp tục công việc của mình cho đến khi lần điểm đạo thứ bảy được tiếp nhận.

The Masters, therefore, Who take pupils for training, are numbered amongst them, whilst the Masters Who do not concern Themselves with individuals and their development are not.

Vì vậy, các Chân sư nhận môn sinh để huấn luyện được kể vào số đó, trong khi các Chân sư không quan tâm đến các cá nhân và sự phát triển của họ thì không.

It is not possible to give fully the types of schools and teaching which is given on the different planets. All that can be done is to give an occult phrase which will convey to the intuitive student the necessary hint.

Không thể trình bày đầy đủ các loại trường và giáo huấn được ban ra trên các hành tinh khác nhau. Tất cả những gì có thể làm là đưa ra một cụm từ huyền bí sẽ chuyển đến đạo sinh trực giác gợi ý cần thiết.

Planetary Schools

Các Trường Hành Tinh

URANUS—The School of Magic of the tenth order. It is sometimes called "the planet of the violet [Page 1178] force," and its graduates wield the power of cosmic etheric prana.

SAO THIÊN VƯƠNG—Trường Huyền Thuật của cấp mười. Nó đôi khi được gọi là "hành tinh của mãnh lực tím" [Page 1178] và các học viên tốt nghiệp của nó vận dụng quyền năng của prana dĩ thái vũ trụ.

EARTH—The School of Magnetic Response. Another name given to its pupils is "The graduates of painful endeavour" or the "adjudicators between the polar opposites."

TRÁI ĐẤT—Trường Đáp Ứng Từ Tính. Một tên gọi khác dành cho các môn sinh của nó là "Những người tốt nghiệp của nỗ lực đau đớn" hay "những vị phân xử giữa các cực đối nghịch."

A further hint to be taken in connection with the two names above given, is that its graduates are said to undergo examination upon the third subplane of the astral plane.

Một gợi ý thêm cần được lưu ý liên quan đến hai tên gọi nêu trên là các học viên tốt nghiệp của nó được nói là phải trải qua khảo hạch trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục.

VULCAN—The School for Fiery Stones. There is a curious connection between the human units who pass through its halls and the mineral kingdom. The human units on the earth scheme are called in mystical parlance "the living stones"; on Vulcan they are called "fiery stones."

VULCAN—Trường dành cho Những Viên Đá Rực Lửa. Có một mối liên hệ kỳ lạ giữa các đơn vị nhân loại đi qua các đại sảnh của nó và giới kim thạch. Các đơn vị nhân loại trong hệ hành tinh địa cầu được gọi trong thuật ngữ thần bí là "những viên đá sống"; trên Vulcan họ được gọi là "những viên đá rực lửa."

JUPITER—The School of Beneficent Magicians. This planet is sometimes called in the parlance of the schools, the "College of Quadruple Force units," for its members wield four kinds of force in *constructive* magical work. Another name given to its halls is "The Palace of Opulence" for its graduates work with the Law of Supply, and are frequently called "The Sowers."

SAO MỘC—Trường của Các Nhà Huyền Thuật Từ Tâm. Hành tinh này đôi khi được gọi trong ngôn ngữ của các trường là "Học viện của các đơn vị mãnh lực tứ phân," vì các thành viên của nó vận dụng bốn loại mãnh lực trong công việc huyền thuật *xây dựng*. Một tên gọi khác dành cho các đại sảnh của nó là "Cung Điện Phong Phú" vì các học viên tốt nghiệp của nó làm việc với Định luật Cung Ứng, và thường được gọi là "Những Người Gieo Hạt."

MERCURY—The pupils in this planetary school are called "The Sons of Aspiration" or "The Points of Yellow Life." They have a close connection with our Earth scheme, and the old Commentary refers to this in the words:

SAO THỦY—Các môn sinh trong trường hành tinh này được gọi là "Các Con của Khát Vọng" hay "Các Điểm của Sự Sống Vàng." Họ có một mối liên hệ mật thiết với hệ Địa Cầu

của chúng ta, và Cổ Luận nói đến điều này bằng những lời sau:

"The points of golden flame merge and blend with the four-leaved plant of tender green, and change its colour to a tinge of autumn yellow. The four-leaved plant through new and fresh [Page 1179] inflow becomes the plant with seven leaves and three white flowers."

"Các điểm của ngọn lửa vàng hòa nhập và pha trộn với cây bốn lá màu xanh non, và đổi màu của nó thành một sắc vàng thu. Cây bốn lá nhờ một dòng chảy vào mới mẻ và tươi mới [Page 1179] trở thành cây bảy lá và ba hoa trắng."

VENUS—The School with five strict Grades. This again is a planetary scheme closely related to ours, but its planetary Logos is in a more advanced group of students in the cosmic sense than is our planetary Logos. Most of its hierarchical instructors come from the fifth cosmic plane, and are a peculiar group of Manasadevas of very exalted rank. They are each depicted in the archives of our Hierarchy as holding a trident of fire surmounted by five green emeralds.

SAO KIM—Trường với năm Cấp nghiêm ngặt. Đây lại là một hệ hành tinh có liên hệ mật thiết với hệ của chúng ta, nhưng Hành Tinh Thượng Đế của nó thuộc một nhóm đạo sinh tiến bộ hơn theo nghĩa vũ trụ so với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Phần lớn các huấn sư của Thánh đoàn của nó đến từ cõi vũ trụ thứ năm, và là một nhóm đặc biệt gồm các Manasadevas có cấp bậc rất cao. Mỗi vị trong số họ được mô tả trong văn khố của Thánh Đoàn chúng ta như đang cầm một cây đinh ba lửa được gắn trên đỉnh bằng năm viên ngọc lục bảo xanh.

MARS—The School for Warriors, or the open grades for soldiers. Four of these planetary schools are responsible for the energy flowing through the foremost exponents of the four castes and this not only in India but in all parts of the world. Its teachers are spoken of as the "Graduates of the ruddy Fire," and are frequently portrayed as clothed in red robes, and carrying ebony wands. They work under the first Aspect logoic and train those whose work is along the lines of the destroyer.

SAO HỎA—Trường dành cho các chiến binh, hay các cấp mở dành cho binh sĩ. Bốn trường hành tinh này chịu trách nhiệm về năng lượng tuôn chảy qua những đại biểu hàng đầu của bốn giai cấp, và điều này không chỉ ở Ấn Độ mà còn ở mọi nơi trên thế giới. Các huấn sư của trường được nói đến như "Những Vị Tốt Nghiệp của Lửa đỏ rực", và thường được mô tả là khoác áo choàng đỏ, mang những trượng mun. Họ hoạt động dưới Phương diện thứ nhất của Thượng đế và huấn luyện những ai có công việc đi theo đường lối của đấng hủy diệt.

NEPTUNE—This school concerns itself with the development and fostering of the desire element and its graduates are called "the Sons of Vishnu." Their symbol is a robe with a full sailed boat portrayed over the heart,

SAO HẢI VƯƠNG—Trường này chuyên đề cập đến sự phát triển và nuôi dưỡng yếu tố dục vọng, và những người tốt nghiệp của trường được gọi là "Các Con của Vishnu." Biểu tượng của họ là một chiếc áo choàng có

the significance of which will be apparent to those who have eyes to see.

hình một con thuyền căng buồm trọn vẹn trên tim, ý nghĩa của điều này sẽ hiển nhiên đối với những ai có mắt để thấy.

It is not permissible to touch upon the other planetary schools, nor would it profit. Certain further facts can be ascertained by the student of meditation who is aligned with his Ego, and in touch with his egoic group.

Không được phép đề cập đến các trường hành tinh khác, và điều đó cũng không ích lợi. Một số sự kiện khác nữa có thể được đạo sinh tham thiền xác định, nếu người ấy được chỉnh hợp với chân ngã của mình, và tiếp xúc với nhóm chân ngã của mình.

[Page 1180] The teaching given on our earth scheme in the Hall of Wisdom has been dealt with in many occult books, including *Initiation, Human and Solar*, and need not be enlarged upon here.

[Page 1180] Giáo huấn được ban ra trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta tại Phòng Minh triết đã được bàn đến trong nhiều sách huyền bí học, kể cả *Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương*, và không cần được khai triển thêm ở đây.

Some of the aspects of this law are here indicated. The ground is by no means covered but enough has been shown to indicate its magnitude and extent. In closing, it must be pointed out that the *Law of Karma* is from some angles of vision the sum total of this Law of Attraction for it governs the relation of all forms to that which uses the form, and of all lives to each other.

Một số phương diện của định luật này được chỉ ra ở đây. Phạm vi chủ đề hoàn toàn chưa được bao quát, nhưng đã trình bày đủ để chỉ ra tầm vóc và phạm vi của nó. Để kết thúc, cần phải chỉ ra rằng *Định luật Nghiệp Quả* xét từ một số góc độ tầm nhìn là tổng thể của Định luật Hấp Dẫn này, vì nó chi phối mối liên hệ của mọi hình tướng với cái sử dụng hình tướng, và của mọi sự sống với nhau.

Students of the Law of Attraction must be careful to bear in mind certain things. These should be carefully considered and realised as the subject is studied.

Các đạo sinh nghiên cứu Định luật Hấp Dẫn phải cẩn thận ghi nhớ một số điều. Những điều này cần được cân nhắc cẩn thận và chứng nghiệm khi chủ đề này được nghiên cứu.

They must remember first, that all these subsidiary laws are really only the manifestation of the One Law; that they are but differentiated terms, employed to express one great method of manifestation.

Trước hết, họ phải nhớ rằng tất cả các định luật phụ này thực ra chỉ là sự biểu lộ của Định luật Duy Nhất; chúng chỉ là những thuật ngữ đã được biến phân, được dùng để diễn tả một phương pháp biểu lộ vĩ đại.

Secondly, that all energy, demonstrating in the solar system, is after all the energy of the

Thứ hai, rằng mọi năng lượng biểu lộ trong hệ mặt trời, rốt cuộc đều là năng lượng của

logoic physical permanent atom, having its nucleus on the atomic subplane of the cosmic physical. This physical permanent atom (as is the case with the corresponding atom of the incarnating jiva), has its place within the causal body of the Logos on His own plane; it is, therefore, impressed by the totality of the force of the egoic cosmic lotus, or the attractive quality of cosmic love. This force is transmitted to the solar system in two ways: Through the medium of the Sun, which is in an occult sense the physical permanent atom; it, therefore, attracts, and holds attracted, all within its sphere of influence, thus producing the logoic physical body: through the medium of the planes which are the correspondences to the seven spirillae of the physical permanent atom of a human being. Thus a dual type of attractive force is found: one, basic and fundamental; the other more differentiated and secondary. [Page 1181]

nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế, có hạt nhân của nó trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. Nguyên tử trường tồn hồng trần này (cũng như trường hợp nguyên tử tương ứng của jiva đang lâm phàm) có vị trí của nó bên trong thể nguyên nhân của Thượng đế trên cõi riêng của Ngài; vì vậy, nó chịu ấn tượng bởi toàn bộ mãnh lực của Hoa Sen chân ngã vũ trụ, hay phẩm tính hấp dẫn của bác ái vũ trụ. Mãnh lực này được truyền vào hệ mặt trời theo hai cách: qua trung gian Mặt Trời, vốn theo một nghĩa huyền bí là nguyên tử trường tồn hồng trần; do đó, nó hấp dẫn và giữ mọi thứ trong phạm vi ảnh hưởng của nó ở trạng thái bị hấp dẫn, nhờ vậy tạo ra thể xác của Thượng đế; qua trung gian các cõi, là những tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của một con người. Vì vậy, tìm thấy một loại mãnh lực hấp dẫn nhị phân: một loại căn bản và nền tảng; loại kia biệt hóa hơn và thứ yếu hơn. [Page 1181]

CHART XI — ETHERIC-ATOMIC PHILOSOPHY OF FORCE

BIỂU ĐỒ XI — TRIẾT HỌC DĨ THÁI-NGUYÊN TỬ VỀ MÃNH LỰC

[picture]

[picture]

CHART XI

ETHERIC-ATOMIC PHILOSOPHY OF FORCE.

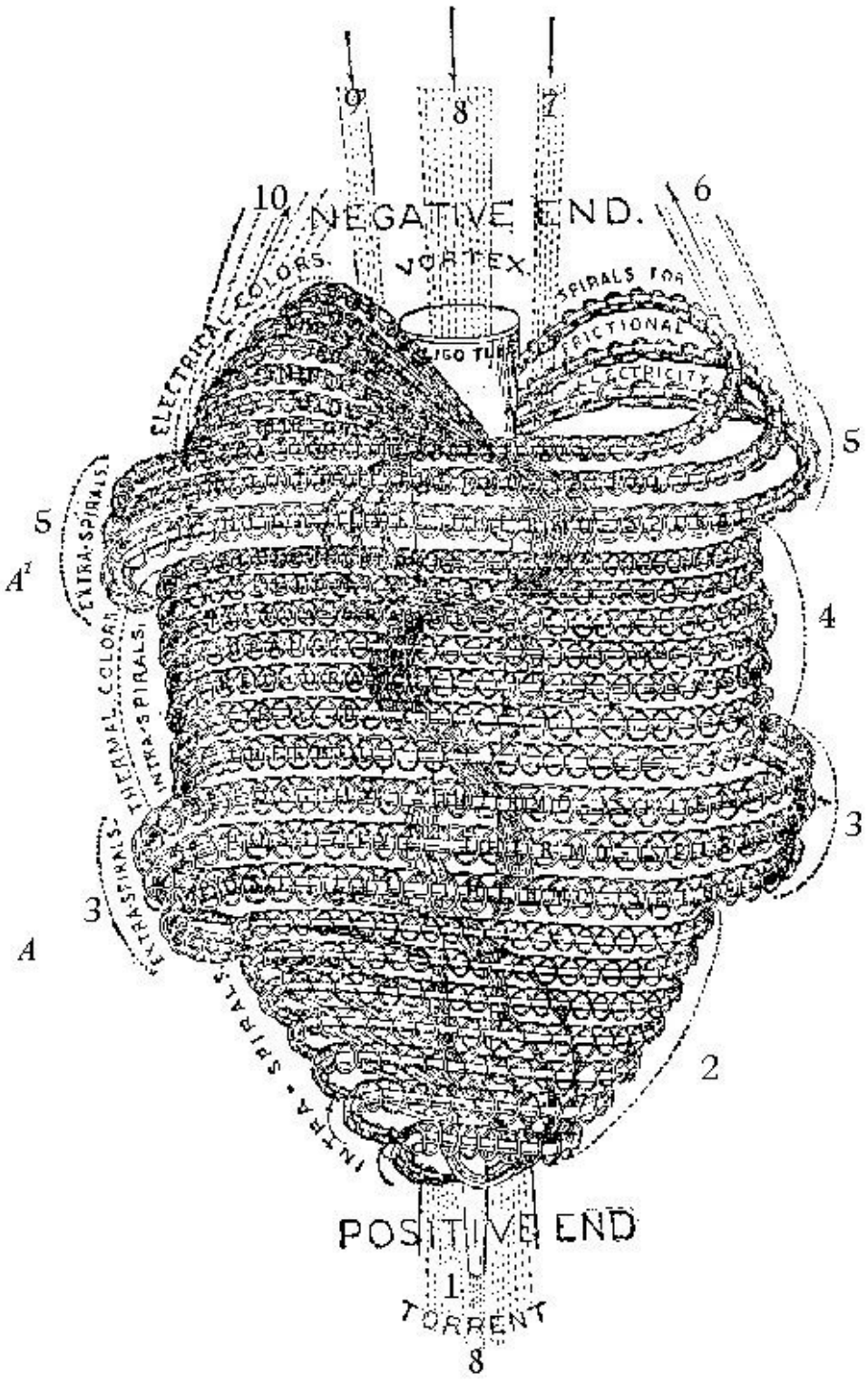

Fig. 135. The general Form of an Atom, including the spirals and 1st Spirillae, together with influx and efflux ethers, represented by dots, which pass through these spirillae. The 2nd and 3rd spirillae with their still finer ethers are not shown.

From *The Principles of Light and Color*.
Edwin D. Babbit, New York, 1878.

Fig 135. The General form of an atom, including the spirals and 1st Spirillae, together with influx and efflux ethers, represented by dots, which pass trhough these spirillae. The2nd and 3rd spirillae and their still finer ethers are not shown.

Hình 135. Hình dạng tổng quát của một nguyên tử, gồm các vòng xoắn và các loa tuyến thứ nhất, cùng với các dĩ thái nhập lưu và xuất lưu, được biểu thị bằng các chấm, đi qua các loa tuyến này. Các loa tuyến thứ hai và thứ ba cùng các dĩ thái còn tinh tế hơn của chúng không được trình bày.

From 'the Principles of Light and Colour',

Edwin D. Babbitt, New York 1878

Trích từ 'Các Nguyên Lý của Ánh Sáng và Màu Sắc',

Edwin D. Babbitt, New York 1878

[Page 1182] These streams of energy, judged by their effects, are called in human terminology *laws,* because their results are ever immutable and irresistible, and their effects remain unchangeably the same, varying only according to the form which is the subject of the energic impulse.

[Page 1182] Các dòng năng lượng này, xét theo các hiệu quả của chúng, được gọi trong thuật ngữ nhân loại là các *định luật,* vì các kết quả của chúng luôn bất biến và không thể cưỡng lại, và các hiệu quả của chúng luôn giữ nguyên không thay đổi, chỉ biến thiên tùy theo hình tướng là đối tượng của xung động năng lượng.

Thirdly, the student must bear in mind that the seven planes, or the seven spirillae of the logoic permanent atom, are not all equally vitalised by the attractive pull emanating from the logoic lotus via the heart of the Sun. Five of them are more "alive" than the other two; these five do not include the highest and the lowest. The words "the heart of the Sun" must be understood to mean more than a locality situated in the interior recesses of the solar body, and have reference to the nature of the solar sphere. This solar sphere is closely similar to the atom pictured in the book by Babbitt and later in *Occult Chemistry* by Mrs. Besant. The Sun is heart-shaped, and (seen from cosmic angles) has a depression at what we might call its north pole. This is formed by the impact of logoic energy upon solar substance.

Thứ ba, đạo sinh phải ghi nhớ rằng bảy cõi, hay bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế, không phải tất cả đều được tiếp sinh lực như nhau bởi lực kéo hấp dẫn phát ra từ Hoa Sen của Thượng đế qua tim của Mặt Trời. Năm trong số đó "sống động" hơn hai cái kia; năm cái này không bao gồm cái cao nhất và cái thấp nhất. Những từ "tim của Mặt Trời" phải được hiểu là nhiều hơn một vị trí nằm trong các chỗ sâu bên trong của thân thể thái dương, và có liên hệ đến bản chất của khối cầu thái dương. Khối cầu thái dương này rất giống với nguyên tử được minh họa trong sách của Babbitt và sau đó trong *Hóa Học Huyền Bí* của bà Besant. Mặt Trời có hình tim, và (nhìn từ các góc độ vũ trụ) có một chỗ lõm tại nơi mà chúng ta có thể gọi là cực bắc của nó. Điều này được tạo thành bởi sự va chạm của năng lượng của Thượng đế lên chất liệu thái dương.

This energy which impinges upon the solar sphere, and is thence distributed to all parts of the entire system, emanates from three cosmic centres and, therefore, is triple during this particular cycle.

Năng lượng này tác động lên khối cầu thái dương, rồi từ đó được phân phối đến mọi phần của toàn bộ hệ mặt trời, phát ra từ ba trung tâm vũ trụ và vì vậy là tam phân trong chu kỳ đặc biệt này.

a. From the sevenfold great Bear.

a. Từ Đại Hùng thất phân.

b. From the Sun Sirius.

b. Từ Mặt Trời Sirius.

c. From the Pleiades.

c. Từ Pleiades.

It must be remembered that the possible cosmic streams of energy available for use in our solar system are seven in number, of which three are major. These three vary during vast and incalculable cycles.

Cần nhớ rằng các dòng năng lượng vũ trụ khả dĩ có sẵn để sử dụng trong hệ mặt trời của chúng ta có số lượng là bảy, trong đó có ba dòng chính. Ba dòng này biến đổi qua những chu kỳ bao la và không thể tính được.

Students may find it of use to remember that,

Các đạo sinh có thể thấy hữu ích khi nhớ rằng,

a. The Law of Economy demonstrates as an *urge*,

a. Định luật Tiết Kiệm biểu lộ như một *xung lực*,

b. The Law of Attraction as a *pull*,

b. Định luật Hấp Dẫn như một *lực kéo*,

c. The Law of Synthesis as a tendency to concentrate at a centre, or to merge.

c. Định luật Tổng Hợp như một khuynh hướng tập trung vào một trung tâm, hay hòa nhập.

[Page 1183] The streams of energy which pour forth through the medium of the Sun from the egoic lotus and which are in reality "logoic Soul energy" attract to them that which is akin to them in vibration. This may sound rather like the statement of a platitude, but is susceptible of really deep significance to the student, being accountable for all systemic phenomena. These streams pass in different directions, and in the knowledge of occult direction comes knowledge of the various hierarchies

[Page 1183] Các dòng năng lượng tuôn đổ qua trung gian Mặt Trời từ Hoa Sen chân ngã và thực ra là "năng lượng Linh hồn của Thượng đế" hấp dẫn về phía chúng những gì đồng loại với chúng về rung động. Điều này có thể nghe khá giống một lời phát biểu sáo mòn, nhưng lại có thể mang thâm nghĩa thật sâu xa đối với đạo sinh, vì nó giải thích cho mọi hiện tượng của hệ mặt trời. Các dòng này đi theo những hướng khác nhau, và trong tri thức về phương hướng huyền bí có tri thức về các Huyền Giai khác nhau của

of being, and the secret of the esoteric symbols.

hiện hữu, cùng bí mật của các biểu tượng huyền bí.

The main stream of energy enters at the top depression in the solar sphere and passes through the entire ring-pass-not, bisecting it into two halves.

Dòng năng lượng chính đi vào tại chỗ lõm phía trên của khối cầu thái dương và đi xuyên qua toàn bộ vòng-giới-hạn, chia nó thành hai nửa.

With this stream enters that group of active lives whom we call the "Lords of Karma." They preside over the attractive forces, and distribute them justly. They enter, pass to the centre of the sphere and there (if I may so express it) locate, and set up the "Holy Temple of Divine Justice," sending out to the four quarters of the circle the four Maharajahs, their representatives. So is the equal armed Cross formed—and all the wheels of energy set in motion. This is conditioned by the karmic seeds of an earlier system, and only that substance is utilised by the Logos, and only those lives come into manifestation who have set up a mutual attraction.

Cùng với dòng này đi vào là nhóm các sự sống hoạt động mà chúng ta gọi là "các Đấng Nghiệp Quả." Các Ngài chủ trì các mãnh lực hấp dẫn và phân phối chúng một cách công bằng. Các Ngài đi vào, tiến đến trung tâm của khối cầu và ở đó (nếu tôi có thể diễn tả như vậy) định vị, và thiết lập "Ngôi Đền Thiêng của Công Lý thiêng liêng," gửi ra bốn phương của vòng tròn bốn Maharajah, là các đại diện của Các Ngài. Như thế Thập Giá có các cánh bằng nhau được hình thành—và mọi bánh xe năng lượng được đưa vào chuyển động. Điều này chịu sự quy định của các hạt giống nghiệp quả của một hệ mặt trời trước, và Thượng đế chỉ sử dụng chất liệu đó, và chỉ những sự sống nào đã thiết lập một sự hấp dẫn hỗ tương mới đi vào biểu lộ.

These five streams of living energy (the one and the four) are the basis of the onward march of all things; these are sometimes esoterically called "the forward moving Lives." They embody the *Will* of the Logos. It is the note they sound and the attractive pull which they initiate which bring into contact with the solar sphere a group of existences whose mode of activity is spiral and not forward.

Năm dòng năng lượng sống động này (một và bốn) là nền tảng của cuộc tiến bước không ngừng của vạn vật; đôi khi chúng được gọi một cách huyền bí là "các Sự Sống chuyển động tiến lên." Chúng thể hiện *Ý Chí* của Thượng đế. Chính âm điệu mà chúng xướng lên và lực kéo hấp dẫn mà chúng khởi xướng đã đưa vào tiếp xúc với khối cầu thái dương một nhóm hiện hữu có phương thức hoạt động là xoắn ốc chứ không phải tiến thẳng.

These groups are seven in number and pass into manifestation [Page 1184] through what is for them a great door of Initiation. In some of the occult books, these seven groups are spoken of as the "seven cosmic Initiates Who have passed within the Heart, and

Các nhóm này có số lượng là bảy và đi vào biểu lộ [Page 1184] qua điều đối với Các Ngài là một cánh cửa lớn của Điểm đạo. Trong một số sách huyền bí học, bảy nhóm này được nói đến như "bảy Điểm đạo đồ vũ trụ đã đi vào trong Tim, và ở lại đó cho đến khi

there remain until the test is passed." These are the seven Hierarchies of Beings, the seven Dhyan Chohans. They spiral into manifestation, cutting across the fourfold cross, and touching the cruciform stream of energy in certain places. The places where the streams of love energy cross the streams of will and karmic energy are mystically called the "Caves of dual light" and when a reincarnating or liberated jiva enters one of these Caves in the course of his pilgrimage, he takes an initiation, and passes on to a higher turn of the spiral.

cuộc thử thách được vượt qua." Đây là bảy Huyền Giai của các Đấng, bảy Dhyan Chohan. Các Ngài đi theo đường xoắn ốc vào biểu lộ, cắt ngang thập giá tứ phân, và chạm vào dòng năng lượng hình thập tự tại một số điểm nhất định. Những nơi mà các dòng năng lượng bác ái cắt các dòng năng lượng ý chí và nghiệp quả được gọi một cách thần bí là "Các Hang Động của ánh sáng nhị nguyên" và khi một jiva tái sinh hay được giải thoát đi vào một trong các Hang Động này trong tiến trình cuộc hành hương của y, y nhận một điểm đạo, và tiến lên một vòng xoắn cao hơn.

Another stream of energy follows a different route, which is a little difficult to make clear. This particular set of active lives enter the heart shaped depression, pass around the *edge* of the ring-pass-not to the lowest part of the solar sphere and then mount upwards, coming into opposition therefore with the stream of downpouring energy. This stream of force is called "lunar" force for lack of a better term. They form the body of the raja Lord of each of the planes, and are governed by the Law of Economy.

Một dòng năng lượng khác đi theo một lộ trình khác, hơi khó làm cho rõ. Tập hợp đặc biệt này của các sự sống hoạt động đi vào chỗ lõm hình tim, đi quanh *rìa* của vòng-giới-hạn đến phần thấp nhất của khối cầu thái dương rồi sau đó đi lên trên, vì vậy đi vào thế đối nghịch với dòng năng lượng tuôn xuống. Dòng mãnh lực này được gọi là mãnh lực "nguyệt" vì không có thuật ngữ nào tốt hơn. Chúng tạo thành thân thể của vị raja Chúa Tể của mỗi cõi, và được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm.

All these streams of energy form geometrical designs of great beauty to the eye of the initiated seer. We have the transverse and bisecting lines, the seven lines of force which form the planes, and the seven spiralling lines, thus forming lines of systemic latitude and longitude, and their interplay and interaction produce a whole of wondrous beauty and design. When these are visualised in colour, and seen in their true radiance, it will be realised that the point of attainment of our solar Logos is very high, for the beauty of the logoic Soul is expressed by that which is seen. [Page 1185]

Tất cả các dòng năng lượng này tạo thành những mô hình hình học có vẻ đẹp lớn lao đối với mắt của nhà thông nhãn đã được điểm đạo. Chúng ta có các đường ngang và đường phân đôi, bảy đường mãnh lực tạo thành các cõi, và bảy đường xoắn ốc, nhờ đó hình thành các đường vĩ độ và kinh độ của hệ mặt trời, và sự tương tác cùng tác động hỗ tương của chúng tạo ra một toàn thể có vẻ đẹp và mô hình kỳ diệu. Khi những điều này được hình dung trong màu sắc, và được thấy trong sự rạng ngời chân thực của chúng, người ta sẽ chứng nghiệm rằng mức thành tựu của Thái dương Thượng đế của chúng ta là rất cao, vì vẻ đẹp của Linh hồn của

Thượng đế được biểu lộ qua điều được thấy. [Page 1185]

S9S12 Text

II. THE EFFECTS OF THE LAW OF ATTRACTION — II. CÁC HIỆU QUẢ CỦA ĐỊNH LUẬT HẤP DẪN

The Law of Attraction produces certain effects which it might profit us to touch upon here, provided we remember that only a few effects out of many possible are being considered.

Định luật Hấp Dẫn tạo ra một số hiệu quả mà sẽ có ích nếu chúng ta đề cập đến ở đây, miễn là chúng ta nhớ rằng chỉ một vài hiệu quả trong số rất nhiều hiệu quả khả dĩ đang được xem xét.

1. Association. — 1. Sự liên kết.

The first effect might be called association. Under this law the karmic Lords are enabled to bring together those lives (human, subhuman, and superhuman) which have earlier been associated, and have, therefore, somewhat to work out. The seven Heavenly Men, for instance, are a few out of the great band of associated Lives who have chosen to come into incarnation in this kalpa for purposes of mutual help and mutual correction. They are really destined to work together, but nevertheless on other cosmic planes have points of contact unknown to us.

Hiệu quả thứ nhất có thể được gọi là sự liên kết. Dưới định luật này, các Chúa Tể nghiệp quả có thể đưa lại gần nhau những sự sống (nhân loại, dưới nhân loại, và siêu nhân loại) đã từng liên kết với nhau trước đây, và vì vậy có điều gì đó phải giải quyết. Chẳng hạn, bảy Đấng Thiên Nhân là một số ít trong đại đoàn các Sự Sống liên kết đã chọn đi vào lâm phàm trong kalpa này vì những mục đích trợ giúp lẫn nhau và điều chỉnh lẫn nhau. Các Ngài thực sự được định để cùng làm việc với nhau, nhưng tuy vậy trên các cõi vũ trụ khác vẫn có những điểm tiếp xúc mà chúng ta không biết.

Under this attractive pull the informing existences of the various kingdoms of nature are engaged in mutual interaction, and thus swing into lesser but similar activity all the lives of these various bodies of manifestation. These lines of attraction are veiled in mystery, and all that it is possible to indicate is the karma of the Lord of the second or vegetable kingdom with the Lord of the fifth kingdom, and a close line of linking energy between the Lord of the mineral kingdom and the human. These

Dưới lực kéo hấp dẫn này, các hiện hữu phú linh của các giới khác nhau trong tự nhiên tham gia vào sự tương tác hỗ tương, và nhờ vậy đưa mọi sự sống trong các thể biểu lộ khác nhau này vào một hoạt động nhỏ hơn nhưng tương tự. Những đường hấp dẫn này được che phủ trong huyền nhiệm, và tất cả những gì có thể chỉ ra là nghiệp quả của Chúa Tể của giới thứ hai hay giới thực vật với Chúa Tể của giới thứ năm, và một đường năng lượng liên kết chặt chẽ giữa Chúa Tể của giới kim thạch và con người. Những

points are only for reference to our own planetary scheme. The Lord of the Moon chain and the Lord of our present animal kingdom are "blood brothers" and in their relationship and the esoteric interference of the "Man of Men" (the human family personified) is hidden the mystery of present animal karma and the slaughter of animal forms, the terror of wild beasts and the work of vivisectionists.

điểm này chỉ để tham chiếu đến hệ hành tinh riêng của chúng ta. Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng và Chúa Tể của giới động vật hiện nay của chúng ta là "huynh đệ huyết thống" và trong mối liên hệ của Các Ngài cùng sự can thiệp huyền bí của "Con Người của những con người" (gia đình nhân loại được nhân cách hóa) ẩn giấu huyền nhiệm của nghiệp quả động vật hiện nay và sự tàn sát các hình tướng động vật, nỗi kinh hoàng của thú dữ và công việc của những kẻ mổ xẻ sinh thể.

Under this Law, too, is found "the Path" upon which [Page 1186] men lift themselves out of the human state of consciousness into the divine, but on this there is no need to enlarge.

Dưới Định luật này cũng tìm thấy "Con Đường" mà trên đó [Page 1186] con người nâng mình ra khỏi trạng thái tâm thức nhân loại để đi vào trạng thái thiêng liêng, nhưng về điều này không cần khai triển thêm.

2. Form Building. — 2. Sự tạo dựng hình tướng.

The second effect is form building. Upon this we will not enlarge at any length, as all that it is at present possible to impart anent this subject has already been given in this Treatise, and other works of a similar nature. It is the middle, or second aspect which is ever responsible for the construction of a form around a central nucleus. Students would find it useful to study and meditate upon the appended tabulation of energy streams and their objectivising through mutual interplay.

Hiệu quả thứ hai là sự tạo dựng hình tướng. Về điều này chúng ta sẽ không khai triển dài dòng, vì tất cả những gì hiện nay có thể truyền đạt liên quan đến chủ đề này đã được nêu ra trong Luận này, và trong các tác phẩm khác có tính chất tương tự. Chính phương diện trung gian, hay phương diện thứ hai, luôn chịu trách nhiệm cho việc kiến tạo một hình tướng quanh một hạt nhân trung tâm. Các đạo sinh sẽ thấy hữu ích nếu nghiên cứu và tham thiền về bảng liệt kê kèm theo của các dòng năng lượng và sự khách quan hóa của chúng qua sự tương tác hỗ tương.

As time goes on, science will become aware of the basic nature and fundamental accuracy of the method whereby every form can be divided into its three aspects, and viewed as an Entity energised by three types of force, emanating from various points extraneous to the form under consideration. It can be considered also as expressing in

Theo thời gian, khoa học sẽ nhận biết bản chất căn bản và tính chính xác nền tảng của phương pháp nhờ đó mọi hình tướng có thể được chia thành ba phương diện của nó, và được xem như một Thực Thể được tiếp năng lượng bởi ba loại mãnh lực, phát ra từ nhiều điểm ở ngoài hình tướng đang được xem xét. Nó cũng có thể được xem như đang biểu lộ,

some way or another, in its various parts, force or energy originating in the three forces of manifestation, Brahma, Vishnu and Shiva. Where this is the case and the premise admitted, the entire outlook on life, on nature, medicine and science and on methods of construction or destruction will be changed. Things will be viewed as essential triplicities, men will be regarded as a combination of energy units, and work with things and with men from the *form* aspect will be revolutionised. In the tabulation much information is given anent the form building aspects of energy and the Law of Attraction as it shows itself in the working of the various groups of the Army of the Voice. It is this Army which is responsible for the attraction which is the medium of bringing together the material required by the free Spirits in order to construct their bodies of manifestation. The [Page 1187]

bằng cách này hay cách khác, trong các phần khác nhau của nó, mãnh lực hay năng lượng bắt nguồn từ ba mãnh lực của biểu lộ, Brahma, Vishnu và Shiva. Khi điều này là như vậy và tiền đề được chấp nhận, toàn bộ quan điểm về sự sống, về tự nhiên, y học và khoa học, cũng như về các phương pháp kiến tạo hay hủy diệt sẽ thay đổi. Mọi vật sẽ được nhìn như những bộ ba cốt yếu, con người sẽ được xem như một sự kết hợp của các đơn vị năng lượng, và công việc với sự vật và với con người từ phương diện *hình tướng* sẽ được cách mạng hóa. Trong bảng liệt kê này có nhiều thông tin được đưa ra liên quan đến các phương diện tạo dựng hình tướng của năng lượng và Định luật Hấp Dẫn như nó tự biểu lộ trong hoạt động của các nhóm khác nhau của Đạo Quân của Tiếng Nói. Chính Đạo Quân này chịu trách nhiệm cho lực hấp dẫn là trung gian đưa lại với nhau vật chất cần thiết cho các Tinh thần tự do để kiến tạo các thể biểu lộ của các Ngài. [Page 1187]

TABULATION VII

ENERGIES

SOLAR LOGOS:

BẢNG LIỆT KÊ VII

CÁC NĂNG LƯỢNG

THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ:

	Source	*Focal Point*	*Medium*	*Type of Energy*	*Nature of Fire*
1.	Causal Body.	Jewel	Central Spiritual Sun.	Cosmic Will	Electric Fire - Positive.
2.	Causal Body.	Lotus (two petalled)	Heart of the Sun.	Cosmic Love - (The Son)	Solar Fire - Harmony - Equilibrium.
3.	Physical Plane Nucleus.	Permanent Atom.	The Physical Sun.	Cosmic Activity (Universal Mind).	Fire by Friction - Negative.

PLANETARY LOGOS:			HÀNH TINH THƯỢNG ĐẾ:		
1.	Planetary Causal Body.	Jewel	Heavenly Man (On his own plane.)	Systemic Will	Electric Fire - Positive.
2.	Planetary Causal Body.	Lotus	Egoic Groups	Systemic Love	Solar Fire - Harmony - Balance.
3.	Physical Plane Nucleus.	Permanent Atom.	Physical Planet.	Systemic Activity.	Fire by Friction - Negative.

MAN:			CON NGƯỜI:		
1.	Human Causal Body.	Jewel	Monad Spirit	Atma-Buddhi	Electric Fire - Positive Force.
2.	Human Causal Body.	Lotus	Solar Angel	Manasic Ego	Solar Fire - Equilibrising Force.
3.	Plane Nucleus.	Permanent Atom.	Lunar Angels	Lower Three-fold Man.	Fire by Friction - Negative.

PLANES:			CÁC CÕI:		
1.	Plane Raja Lord.	A Deva Hierarchy.	Atomic Sub-plane.	Fohatic	Central Fire - Initiatory.
2.	Plane Devas.	Centres	Prana	Solar Energy	

					Form building Fire.
3.	Elementals.	Elemental Essence.	Molecular Substance.	Lunar Force	The Mother's Heat.

ATOMS:					CÁC NGUYÊN TỬ:
1.	Atom	Nucleus	Plane Deva	Positive	Electric.
2.	Atomic Unit of Form.	Sphere	Plane Devas	Balancing	Solar Fire.
3.	Electrons	Nuclei	Elementals	Negative	Fire by Friction.

[Page 1188]vibration initiated by the Sound, which is the expression of the Law of Synthesis, is succeeded by the Voice or Word, and that Word as it progresses outward from the centre to the periphery (for, occultly understood, the Word is "spoken from the Heart") becomes

a. A phrase.

b. Phrases.

c. Sentences.

d. Speech.

e. The myriad sounds of nature.

Each of these terms can be explained in terms of attractive energy, and this attractive energy is likewise the

[Page 1188]rung động được khởi xướng bởi Âm Thanh, vốn là biểu hiện của Định luật Tổng Hợp, được tiếp nối bởi Tiếng Nói hay Linh từ, và Linh từ đó khi tiến ra ngoài từ trung tâm đến chu vi (vì, được hiểu theo huyền bí học, Linh từ được "nói ra từ Tim") trở thành

a. Một cụm từ.

b. Các cụm từ.

c. Những câu.

d. Lời nói.

e. Vô số âm thanh của tự nhiên.

Mỗi thuật ngữ này có thể được giải thích theo năng lượng hấp dẫn, và năng lượng hấp dẫn này cũng là sự biểu lộ của sự sống của một Hiện Hữu ở cấp độ nào đó.

demonstration of the life of an Existence of some grade or other.

"God speaks and the forms are made." This tabulation should form the basis of a complete phase of study along this line and is one of the most basic given in this Treatise.

"Thượng đế phán và các hình tướng được tạo thành." Bảng liệt kê này nên tạo thành nền tảng cho một giai đoạn nghiên cứu hoàn chỉnh theo đường hướng này và là một trong những bảng căn bản nhất được đưa ra trong Luận này.

3. Adaptation of the form to the life. — 3. Sự thích ứng của hình tướng với sự sống.

This is the process of gradually providing forms which are due expressions of the indwelling consciousness which is the great purpose of what we call "Mother Nature"; this she does, working under the Law of Attraction which we are considering. This law, therefore, governs two aspects of unfoldment, that which concerns the soul or consciousness aspect and that relating to the Spirit on its own plane. It is the cause of that continuous cycle of form taking, of form utilisation and of form rejection which characterises the incarnations of every kind and type of living being. The student should here remember that the Existences who are the attractive force in manifestation, the Dhyan Chohans, are seven in number, and that, therefore, the quality of the vehicles which form Their bodies will have the sevenfold variation according to the specific nature of the Lords of Life.

Đây là tiến trình dần dần cung cấp những hình tướng là những biểu hiện thích đáng của tâm thức nội tại, vốn là mục đích lớn lao của điều chúng ta gọi là "Mẹ Thiên Nhiên"; điều này bà thực hiện khi hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn mà chúng ta đang xem xét. Vì vậy, định luật này chi phối hai phương diện của sự khai mở, phương diện liên quan đến linh hồn hay phương diện tâm thức và phương diện liên hệ đến tinh thần trên cõi riêng của nó. Nó là nguyên nhân của chu kỳ liên tục nhận lấy hình tướng, sử dụng hình tướng và loại bỏ hình tướng, vốn đặc trưng cho các lần lâm phàm của mọi loại và mọi kiểu hữu thể sống. Ở đây đạo sinh nên nhớ rằng các Hiện Hữu là mãnh lực hấp dẫn trong biểu lộ, các Dhyan Chohan, có số lượng là bảy, và vì vậy phẩm tính của các vận cụ tạo thành thân thể của Các Ngài sẽ có sự biến thiên thất phân tùy theo bản chất đặc thù của các Chúa Tể của Sự sống.

[Page 1189] The only way to arrive at a realisation of the basic qualities of these planetary Logoi is through a consideration of the energy emanating from Them, and it is this which the true esoteric astrology will eventually reveal. The time is not yet; it will come when the scientific consideration of human magnetism, of the distinctions between the seven types of men, and the

[Page 1189] Cách duy nhất để đi đến một sự chứng nghiệm về các phẩm tính căn bản của các Đức Hành Tinh Thượng Đế này là thông qua việc xem xét năng lượng phát ra từ Các Ngài, và chính điều này mà chiêm tinh học nội môn chân chính cuối cùng sẽ mặc khải. Thời điểm ấy chưa đến; nó sẽ đến khi việc khảo cứu khoa học về từ điện của con người, về những khác biệt giữa bảy loại người, và về

nature of the Ego is more truly followed. Then will be revealed the nature of planetary magnetism and the quality of any specific planetary *soul* as it is known through the aggregated nature of the men, responsive to and exponents of any particular planetary Ray. The mystery is increased by the fact that there are not only certain logoic qualities manifesting which are not included by the term "sacred," but that there are numerous other aspects of what we might term "secondary centres of fire," generated and making their presence felt. We have a correspondence to this in the fact that there are centres of energy in man which are not purely etheric centres but are the product of the interaction of the etheric centres and certain forms of negative energy of the lowest kind. Such, for instance, is the heart. There is the heart centre, one of the major centers on the etheric planes, but there is also the physical heart which is an energy generator also; there are the lower organs of generation which are equally a reflex product with an energy which is the resultant of the higher vibrations yet which has a quality all its own. This has its correspondence in the solar system. Many are the lesser planets and numerous are the planetoids which have an energy or attractive quality all their own and which, from the systemic standpoint, must be allowed for in the measuring of the attraction producing the forms of or upon any particular planet.

bản chất của chân ngã được thực hiện đúng đắn hơn. Khi đó bản chất của từ điện hành tinh và phẩm tính của bất kỳ *linh hồn* hành tinh đặc thù nào sẽ được mặc khải như nó được biết đến qua bản chất tổng hợp của những con người đáp ứng với và là những đại biểu của bất kỳ cung hành tinh đặc thù nào. Huyền nhiệm còn tăng thêm bởi sự kiện là không chỉ có một số phẩm tính của Thượng đế đang biểu lộ mà không được bao hàm trong thuật ngữ "thiêng liêng," mà còn có vô số phương diện khác của điều mà chúng ta có thể gọi là "các trung tâm lửa thứ yếu," được tạo ra và làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận. Chúng ta có một tương ứng với điều này trong sự kiện là có những trung tâm năng lượng trong con người không hoàn toàn là các trung tâm dĩ thái mà là sản phẩm của sự tương tác giữa các trung tâm dĩ thái và một số dạng năng lượng âm thấp nhất. Chẳng hạn như tim. Có trung tâm tim, một trong những trung tâm chính trên các cõi dĩ thái, nhưng cũng có trái tim hồng trần, vốn cũng là một bộ phát năng lượng; có các cơ quan sinh sản thấp cũng là một sản phẩm phản xạ cùng với một năng lượng là kết quả của các rung động cao hơn nhưng lại có một phẩm tính riêng của nó. Điều này có tương ứng của nó trong hệ mặt trời. Có nhiều hành tinh nhỏ hơn và vô số tiểu hành tinh có một năng lượng hay phẩm tính hấp dẫn riêng của chúng, và từ quan điểm của hệ mặt trời, phải được tính đến trong việc đo lường lực hấp dẫn tạo ra các hình tướng của hay trên bất kỳ hành tinh đặc thù nào.

As we know from a study of the *Secret Doctrine,* certain of the planetary Logoi are pure and passionless whilst others are still under the domination of desire and [Page 1190] of passion. *(S. D., I, 214, 449; II, 223.)* This quality of Theirs necessarily attracts to Them that which They need for the due expression of Their life in any scheme, and

Như chúng ta biết từ việc nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm,* một số Đức Hành Tinh Thượng Đế thì thanh khiết và vô dục, trong khi những vị khác vẫn còn dưới sự thống trị của dục vọng và [Page 1190] đam mê. *(S. D., I, 214, 449; II, 223.)* Phẩm tính này của Các Ngài tất yếu hấp dẫn đến với Các Ngài điều mà Các Ngài cần cho sự biểu lộ thích đáng của sự

controls the nature of those egoic groups who are (for Them) generating force centres. Hence the nature of men upon earth. All human beings are paramountly governed by certain planetary attractions, impressions or influences which might be enumerated in the order of their importance.

sống của Các Ngài trong bất kỳ hệ hành tinh nào, và kiểm soát bản chất của những nhóm chân ngã là (đối với Các Ngài) các trung tâm phát sinh mãnh lực. Do đó mới có bản chất của con người trên Trái Đất. Tất cả nhân loại đều chủ yếu bị chi phối bởi một số hấp lực, ấn tượng hay ảnh hưởng hành tinh nào đó, có thể được liệt kê theo thứ tự quan trọng của chúng.

There is, first of all, the attractive pull of the Life of the planetary Logos of this particular planet. This is necessarily the strongest and is one of the basic factors which have settled the lines the human form has taken upon this planet. There are human beings, or exponents of self-consciousness on other planets, but the forms they utilise are not the same as ours.

Trước hết là lực kéo hấp dẫn của Sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh đặc thù này. Điều này tất yếu là mạnh nhất và là một trong những yếu tố căn bản đã quyết định những đường nét mà hình tướng con người đã mang lấy trên hành tinh này. Có những con người, hay những đại biểu của ngã thức trên các hành tinh khác, nhưng các hình tướng mà họ sử dụng không giống như của chúng ta.

There is next, the attractive pull of the planetary Logos Who is the complementary Life to that of our Logos. This involves a planetary Logos responsive to a vibration which harmonises with that of our Logos but Who, when in union with Him, forms what might be called “the Third” or His dominant, as the case may be. It is not possible to reveal whether the blending of the note will mean that our scheme will absorb that which expresses the note of another scheme, or vice versa. It means that somewhere in the solar system is a planetary scheme of some kind (not necessarily one of the seven or of the ten) which has an interplay with ours and which, therefore, inevitably affects the egoic groups. We must note also the fact that—in connection with the expression of a Heavenly Man—the egoic groups are energy centres and make His dense physical body eventually an accomplished fact.

Tiếp theo là lực kéo hấp dẫn của Đức Hành Tinh Thượng Đế là Sự sống bổ sung cho Sự sống của Thượng đế của chúng ta. Điều này bao hàm một Đức Hành Tinh Thượng Đế đáp ứng với một rung động hài hòa với rung động của Thượng đế của chúng ta nhưng Đấng ấy, khi hợp nhất với Ngài, tạo thành điều có thể được gọi là “Đấng Thứ Ba” hay âm chủ của Ngài, tùy trường hợp. Không thể tiết lộ liệu sự hòa trộn của âm điệu sẽ có nghĩa là hệ hành tinh của chúng ta sẽ hấp thu điều biểu lộ âm điệu của một hệ hành tinh khác, hay ngược lại. Điều đó có nghĩa là ở đâu đó trong hệ mặt trời có một hệ hành tinh nào đó (không nhất thiết là một trong bảy hay một trong mười) có sự tương tác với hệ của chúng ta và vì vậy tất yếu ảnh hưởng đến các nhóm chân ngã. Chúng ta cũng phải lưu ý sự kiện là—liên quan đến sự biểu lộ của một Đấng Thiên Nhân—các nhóm chân ngã là các trung tâm năng lượng và cuối cùng làm cho thể hồng trần đậm đặc của Ngài trở thành một sự kiện hoàn tất.

Finally, there is the attractive pull of that planetary scheme which is esoterically regarded as our polar opposite. [Page 1191] (What is here said has reference to the other schemes, for the law persists throughout the solar system.)

Cuối cùng là lực kéo hấp dẫn của hệ hành tinh được xem một cách huyền bí là đối cực của Trái Đất chúng ta. [Page 1191] (Điều được nói ở đây có liên hệ đến các hệ hành tinh khác, vì định luật này vẫn tồn tại khắp hệ mặt trời.)

It will be apparent, therefore, that the real and esoteric astrology will deal with four kinds of force, when it seeks to explain the nature of the Energies which influence any human being:

Vì vậy, sẽ hiển nhiên rằng chiêm tinh học chân chính và nội môn sẽ đề cập đến bốn loại mãnh lực khi nó tìm cách giải thích bản chất của các Năng Lượng ảnh hưởng đến bất kỳ con người nào:

1. The quality of the solar system.

1. Phẩm tính của hệ mặt trời.

2. The quality of the Logos of the planet as it pours through the chains and globes and rounds in a sevenfold differentiation.

2. Phẩm tính của Thượng đế của hành tinh khi nó tuôn chảy qua các dãy, các bầu hành tinh và các cuộc tuần hoàn trong một sự biến phân thất phân.

3. The quality of our earth's complementary planet.

3. Phẩm tính của hành tinh bổ sung cho Trái Đất chúng ta.

4. The quality of the attraction of our earth's polar opposites.

4. Phẩm tính của lực hấp dẫn từ các đối cực của Trái Đất chúng ta.

This involves information as yet veiled in deepest mystery, but which will unfold as the true psychology is studied, and which will eventually embody itself in a fourth fundamental of the *Secret Doctrine* so that later students will have the three as they are now found in the Proem to that book, plus the fourth. *(S. D., I, 42-46.)* This might be expected in this fourth round. The true astrology will reveal the nature of this fourth proposition at some later date. More attention will eventually be paid to the planetary influences, and not so much to the signs of the zodiac where the nature of an Ego is concerned. The great signs of the zodiac concern the Heavenly Man, and necessarily, therefore, the Monads of every

Điều này bao hàm thông tin hiện vẫn còn bị che phủ trong huyền nhiệm sâu thẳm nhất, nhưng sẽ khai mở khi tâm lý học chân chính được nghiên cứu, và cuối cùng sẽ tự thể hiện thành một nguyên lý căn bản thứ tư của *Giáo Lý Bí Nhiệm* để các đạo sinh về sau sẽ có ba nguyên lý như hiện nay được tìm thấy trong Lời Mở Đầu của quyển sách ấy, cộng thêm nguyên lý thứ tư. *(S. D., I, 42-46.)* Điều này có thể được mong đợi trong cuộc tuần hoàn thứ tư này. Chiêm tinh học chân chính sẽ mặc khải bản chất của mệnh đề thứ tư này vào một ngày sau đó. Cuối cùng, người ta sẽ chú ý nhiều hơn đến các ảnh hưởng hành tinh, chứ không quá nhiều đến các dấu hiệu hoàng đạo khi bản chất của một chân ngã được xét đến. Các dấu hiệu lớn của hoàng

human being. The planetary influences must be studied to find out the quality of a man's Ray, and this in the above indicated threefold manner. Man is the Monad, therefore, he expresses a small part of his enfolding life. In this solar system he is essentially the Ego.

đạo liên quan đến Đấng Thiên Nhân, và vì vậy tất yếu liên quan đến các chân thần của mọi con người. Các ảnh hưởng hành tinh phải được nghiên cứu để tìm ra phẩm tính của cung của một người, và điều này theo cách tam phân đã được chỉ ra ở trên. Con người là chân thần, vì vậy y biểu lộ một phần nhỏ của sự sống bao bọc y. Trong hệ mặt trời này, về bản chất y là chân ngã.

Astrologers should study the planetary schemes in the light of the Heavenly Man, viewing them as an incarnation [Page 1192] of a planetary Logos, and thus strive to cast the horoscope of the planetary Logos. They cannot succeed in doing so, but in the attempt may learn much and achieve new light upon a most difficult subject.

Các nhà chiêm tinh nên nghiên cứu các hệ hành tinh dưới ánh sáng của Đấng Thiên Nhân, xem chúng như một lần lâm phàm [Page 1192] của một Đức Hành Tinh Thượng Đế, và nhờ vậy cố gắng lập lá số chiêm tinh của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Họ không thể thành công trong việc đó, nhưng trong nỗ lực ấy có thể học được nhiều điều và đạt được ánh sáng mới về một chủ đề hết sức khó khăn.

In considering this question of the adaptation of the form to vibration, or the construction of a vehicle which will be a fitting instrument for spirit, the following factors must be borne in mind:

Khi xem xét vấn đề này về sự thích ứng của hình tướng với rung động, hay việc kiến tạo một vận cụ sẽ là một công cụ thích hợp cho tinh thần, cần phải ghi nhớ các yếu tố sau đây:

1. That it is the *quality* of the indwelling life which decides the type of form.

1. Rằng chính *phẩm tính* của sự sống nội tại quyết định loại hình tướng.

2. That these qualities are the sumtotal of the attributes of divinity which the indwelling life has succeeded in unfolding.

2. Rằng các phẩm tính này là tổng số các thuộc tính của thiên tính mà sự sống nội tại đã thành công trong việc khai mở.

3. That these qualities—as may well be surmised—fall into the usual septennate.

3. Rằng các phẩm tính này—như có thể dễ dàng suy ra—cũng rơi vào bộ bảy thông thường.

4. That they fall also into two groups, those which concern the lower principles, and are, therefore, four in number, and those which concern the higher and middle and are, therefore, three.

4. Rằng chúng cũng rơi vào hai nhóm, những phẩm tính liên quan đến các nguyên khí thấp và vì vậy có số lượng là bốn, và những phẩm tính liên quan đến các nguyên khí cao hơn và trung gian, và vì vậy là ba.

This is true of all men, of the Heavenly Men and of the solar Logos likewise, and there is a mysterious analogy concerned in the manifestation of the three higher principles in man (which may be considered as demonstrating through the perfected Adept, the Bodhisattva) and the three higher principles of the solar Logos as they demonstrate through the major three aspects. They form but one principle showing forth in three ways. So it is with the unmanifested Monad (unmanifested from the standpoint of the lower man). That Monad can—at a certain very advanced stage in evolution, and one far beyond that of the Adept—have its triple simultaneous manifestation, and show forth as a Master in the three worlds, as a Bodhisattva on His own plane and as the emancipated Dhyani Buddha; yet these Three will be but One, will be [Page 1193] the result of a great spiritual vibration and will perform the triple work which may (from the standpoint of the three worlds) appear as the work of three separate great Existences. They are forms of three monadic "vestures," worn by the one Monad as a man wears his three bodies simultaneously, and functions in them separately. (330)

Điều này đúng với mọi người, với các Đấng Thiên Nhân và cũng đúng với Thái dương Thượng đế; và có một sự tương đồng huyền bí liên quan đến sự biểu lộ của ba nguyên khí cao trong con người (có thể được xem là biểu hiện qua vị chân sư toàn thiện, Đức Bồ Tát) và ba nguyên khí cao của Thái dương Thượng đế khi chúng biểu lộ qua ba phương diện chính. Chúng chỉ tạo thành một nguyên khí biểu lộ theo ba cách. Cũng vậy đối với chân thần không biểu hiện (không biểu hiện theo quan điểm của phàm nhân). Chân thần ấy có thể—ở một giai đoạn tiến hoá rất cao nào đó, và vượt xa giai đoạn của chân sư—có sự biểu lộ tam phân đồng thời của mình, và biểu lộ như một Chân sư trong ba cõi giới, như một Đức Bồ Tát trên cõi riêng của Ngài và như một Dhyani Buddha đã được giải thoát; tuy nhiên Ba Đấng này chỉ là Một, sẽ là [Page 1193] kết quả của một rung động tinh thần vĩ đại và sẽ thực hiện công việc tam phân mà (theo quan điểm của ba cõi giới) có thể dường như là công việc của ba Thực Thể Vĩ Đại riêng biệt. Các Ngài là những hình tướng của ba "pháp y" chân thần, được một chân thần khoác lấy cũng như con người đồng thời mang ba thể của mình và hoạt động riêng biệt trong chúng. (330)

(330) The Three Vestures.—"*The stream is crossed. 'Tis true thou hast a right to Dharmakaya vesture; but Sambhogakaya is greater than a Nirvani, and greater still is a Nirmanakaya—the Buddha of Compassion.*"—*Voice of the Silence*, p. 97.

(330) Ba Pháp Y.—"*Dòng sông đã được vượt qua. Đúng vậy, ngươi có quyền đối với pháp y Dharmakaya; nhưng Sambhogakaya còn cao hơn một nirvani, và cao hơn nữa là một Nirmanakaya—Đức Phật của Lòng Từ Bi.*"—*Tiếng Nói của Im Lặng*, tr. 97.

"The three Buddhic bodies or forms are styled: Nirmanakaya, Sambhogakaya, Dharmakaya.

"Ba thể hay ba hình tướng Bồ đề được gọi là: Nirmanakaya, Sambhogakaya, Dharmakaya.

The first is that ethereal form which one would assume when leaving his physical he would appear in his astral body—having in

Thứ nhất là hình tướng dĩ thái mà người ta sẽ mang lấy khi rời bỏ thể xác; y sẽ xuất hiện trong thể cảm dục của mình—đồng thời có

addition all the knowledge of an Adept. The Bodhisattva develops it in himself as he proceeds on the path. Having reached the goal and refused its fruition, he remains on earth, as an Adept; and when he dies, instead of going into Nirvana, he remains in that glorious body he has woven for himself, invisible to uninitiated mankind, to watch over and protect it.

thêm toàn bộ tri thức của một chân sư. Đức Bồ Tát phát triển nó trong chính mình khi Ngài tiến bước trên đường đạo. Khi đã đạt đến mục tiêu và từ chối quả vị của nó, Ngài vẫn ở lại trên trần gian như một chân sư; và khi Ngài chết, thay vì đi vào Niết Bàn, Ngài vẫn ở lại trong thể huy hoàng này mà Ngài đã tự dệt nên cho mình, vô hình đối với nhân loại chưa được điểm đạo, để canh chừng và bảo vệ họ.

Sambhogakaya is the same, but with the additional lustre of three perfections, one of which is entire obliteration of all earthly concerns.

Sambhogakaya cũng vậy, nhưng có thêm ánh huy hoàng của ba sự toàn thiện, một trong số đó là sự xoá bỏ hoàn toàn mọi mối bận tâm trần thế.

The Dharmakaya body is that of complete Buddha, i.e., no body at all, but an ideal breath; consciousness merged in the universal consciousness, or soul devoid of every attribute. Once a Dharmakaya, an Adept or Buddha leaves behind every possible relation with, or thought for, this earth. Thus to be enabled to help humanity, an Adept who has won the right to Nirvana, 'renounces the Dharmakaya body' in mystic parlance; keeps, of the Sambhogakaya, only the great and complete knowledge, and remains in his Nirmanakaya. The esoteric school teaches that Gautama Buddha, with several of his Arhats, is such a Nirmanakaya, higher than whom, on account of his great renunciation and sacrifice for mankind, there is none known."—*Voice of the Silence*, p. 98. (back)

Thể Dharmakaya là thể của một vị Phật toàn vẹn, tức là không còn thân thể nào cả, mà là một hơi thở lý tưởng; tâm thức hòa nhập vào tâm thức vũ trụ, hay linh hồn không còn bất kỳ thuộc tính nào. Một khi đã là Dharmakaya, một chân sư hay một vị Phật bỏ lại phía sau mọi liên hệ khả hữu với, hay mọi ý nghĩ dành cho, trái đất này. Vì vậy, để có thể giúp đỡ nhân loại, một chân sư đã giành được quyền vào Niết Bàn "từ bỏ thể Dharmakaya" theo cách nói thần bí; chỉ giữ lại, từ Sambhogakaya, tri thức vĩ đại và trọn vẹn, và vẫn ở trong Nirmanakaya của mình. Trường phái nội môn dạy rằng Đức Phật Gautama, cùng với vài vị A La Hán của Ngài, là một Nirmanakaya như thế; cao hơn Ngài, do sự từ bỏ và hi sinh lớn lao của Ngài cho nhân loại, thì không ai được biết đến."—*Tiếng Nói của Im Lặng*, tr. 98. (trở lại)

One or other of these three can, if so He will, occupy a body on the physical plane which will not be simply a created mayavirupa. This is done in one of two ways: either through the occupancy of a willingly vacated body, as was the case when the Christ occupied the body of Jesus, or by a divine overshadowing of a disciple, as has

Một trong ba Đấng này, nếu Ngài muốn, có thể chiếm ngụ một thân thể trên cõi hồng trần mà không chỉ đơn thuần là một mayavirupa được tạo ra. Điều này được thực hiện theo một trong hai cách: hoặc bằng cách chiếm ngụ một thân thể được tự nguyện bỏ trống, như trường hợp Đức Christ chiếm ngụ thân thể của Đức Jesus, hoặc

been and will be the case. The quality of the form occupied or used, and the nature of its work depends upon which of the three higher aspects of the initiating impulse, is manifesting. Very rarely a more mysterious phenomenon occurs and the overshadowing Buddha, Bodhisattva, or Adept each makes His "appearance" [Page 1194] upon earth thus demonstrating the three aspects of knowledge, love and will and all taking form.

bằng sự phủ bóng thiêng liêng lên một đệ tử, như đã từng và sẽ còn xảy ra. Phẩm tính của hình tướng được chiếm ngụ hay sử dụng, và bản chất công việc của nó, tùy thuộc vào việc phương diện nào trong ba phương diện cao của xung lực điểm đạo đang biểu lộ. Rất hiếm khi xảy ra một hiện tượng còn huyền bí hơn, và Đức Phật phủ bóng, Đức Bồ Tát, hay chân sư, mỗi Đấng đều tạo nên "sự xuất hiện" của Ngài [Page 1194] trên trái đất, nhờ đó biểu lộ ba phương diện tri thức, bác ái và ý chí, và tất cả đều mang hình tướng.

This may seem to be a great complexity, but it is not so much stranger after all than the phenomenon of the Monad (in time and space and during evolution) demonstrating forth as the Triad, the Ego and the Personality. This type of triple Avatar only makes its appearance under a peculiar series of cycles concerned with a group of Monads who were the most progressed and advanced at the opening of the mahamanvantara. As yet, there are not many progressed enough to do this triple work; the Buddha and nine others being the only Ones as yet remaining in touch with our particular planet in this particular manner. A few are as Christ is, and have the power to make a dual appearance. This type of monad is only found on Rays two, four, six.

Điều này có vẻ là một sự phức tạp lớn, nhưng rốt cuộc cũng không lạ lùng hơn bao nhiêu so với hiện tượng chân thần (trong thời gian và không gian, và trong tiến hoá) biểu lộ thành Tam nguyên tinh thần, chân ngã và phàm ngã. Loại Đấng Hoá Thân tam phân này chỉ xuất hiện dưới một chuỗi chu kỳ đặc biệt liên quan đến một nhóm chân thần vốn là những Đấng tiến hoá và phát triển nhất vào lúc mở đầu Đại giai kỳ sinh hóa. Hiện nay, chưa có nhiều Đấng đủ tiến bộ để làm công việc tam phân này; Đức Phật và chín Đấng khác là những Đấng duy nhất cho đến nay vẫn còn liên hệ với hành tinh đặc thù của chúng ta theo cách đặc thù này. Một số ít thì như Đức Christ, và có quyền năng tạo nên sự xuất hiện nhị phân. Loại chân thần này chỉ được tìm thấy trên các cung hai, bốn, sáu.

Cosmic Fire S10

If the student bears in mind that the nature of the form is dependent upon the *quality* of the incarnating Life, he will have also to bear in mind the distinctions between the various groups of Hierarchies, for the Lives in those groups are of a quality diverse to each other and the forms through which they manifest are equally distinct and

Nếu đạo sinh ghi nhớ rằng bản chất của hình tướng tùy thuộc vào *phẩm tính* của Sự sống nhập thể, thì y cũng phải ghi nhớ những khác biệt giữa các nhóm Huyền Giai khác nhau, vì các Sự sống trong những nhóm ấy có phẩm tính khác nhau, và các hình tướng qua đó chúng biểu lộ cũng khác biệt và đa

diverse. Therefore, we must distinguish between:

1. The involutionary groups.

2. The evolutionary groups.

3. The seven groups of lives which we call the lunar Fathers:

a. Three incorporeal who are the elemental kingdoms.

b. Four material who are the forms of the four kingdoms on the upward arc.

4. The seven hierarchies of Lives.

5. The seven groups of solar Angels.

There must not be confusion as to the distinction between the hierarchies of Beings and the seven Rays, for [Page 1195] though there is close connection, there is no resemblance. The "Rays" are but the primordial forms of certain Lives who "carry in their Hearts" all the Seeds of Form. The Hierarchies are the manifold groups of lives, at all stages of unfoldment and growth who will use the forms. (331) The Rays are vehicles and are, therefore, negative receivers. The Hierarchies are the users of the vehicles, and it is the nature of these lives and the quality of their vibration which under this great Law of Attraction brings to them the needed forms. These are the two primal distinctions, Life and Form, and these two are the "Son of God," the second Person of the Trinity in His form-building aspect. They are the Builders and equally exist in three groups with their lesser differentiations. It is not necessary here to

dạng tương ứng. Do đó, chúng ta phải phân biệt giữa:

1. Các nhóm giáng hạ tiến hoá.

2. Các nhóm thăng thượng tiến hoá.

3. Bảy nhóm sự sống mà chúng ta gọi là các thái âm tổ phụ:

a. Ba nhóm vô thể là các giới hành khí.

b. Bốn nhóm vật chất là các hình tướng của bốn giới trên vòng cung đi lên.

4. Bảy huyền giai của các Sự sống.

5. Bảy nhóm Thái dương Thiên Thần.

Không được nhầm lẫn về sự khác biệt giữa các huyền giai của các Đấng và bảy cung, vì [Page 1195] tuy có liên hệ mật thiết, nhưng không có sự giống nhau. Các "cung" chỉ là những hình tướng nguyên sơ của một số Sự sống nhất định, những Đấng "mang trong Tim mình" mọi Hạt Giống của Hình Tướng. Các Huyền Giai là những nhóm sự sống đa tạp, ở mọi giai đoạn khai mở và tăng trưởng, sẽ sử dụng các hình tướng. (331) Các cung là các vận cụ và do đó là những bộ tiếp nhận mang tính âm. Các Huyền Giai là những Đấng sử dụng các vận cụ, và chính bản chất của các sự sống này cùng phẩm tính rung động của chúng, dưới Định luật Hấp Dẫn vĩ đại này, mang đến cho chúng những hình tướng cần thiết. Đây là hai phân biệt nguyên thủy, Sự sống và Hình tướng, và hai điều này là "Con của Thượng đế," Ngôi thứ hai của Tam Vị trong phương diện kiến tạo hình tướng của Ngài. Các Ngài là những Đấng Kiến Tạo và cũng tồn tại trong ba nhóm với những biến phân nhỏ hơn của mình. Ở đây

place these groups on certain planes in the solar system.

không cần đặt các nhóm này trên những cõi nhất định trong hệ mặt trời.

(331) *The Twelve Creative Hierarchies*. Students are often puzzled in trying to account for the "twelves" in the cosmos. A correspondent sends the following suggestion: In a Study in Consciousness, the three, by an arrangement of internal groupings, show seven groups; these may be represented as ABC, ACB, BCA, BAC, CAB, CBA, and a seventh, a synthesis in which the three are equal. A second six would be represented by (AB) C, C (AB), A (BC), (BC) A, (CA) B, B (AC), the two bracketed being equal and the third stronger or weaker. The two groups of six, and the group in which the three are equal, would make thirteen. "This thirteen may be arranged as a circle of twelve, with one in the centre. The central one will be synthetic, and will be that class in which all three are equal. The physical correspondence of this will be the twelve signs of the Zodiac with the Sun at the centre, synthesising all of them. The spiritual correspondence will be the twelve Creative Orders with the Logos at the centre, synthesising all." The arrangement is quite legitimate.—*The Theosophist*, Vol. XXIX, p. 100.

(331) *Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo*. Các đạo sinh thường bối rối khi cố giải thích những "bộ mười hai" trong vũ trụ. Một người trao đổi thư từ gửi đến gợi ý sau đây: Trong quyển Nghiên cứu về Tâm thức, bộ ba, bằng một sự sắp xếp các nhóm nội tại, cho thấy bảy nhóm; có thể biểu thị chúng là ABC, ACB, BCA, BAC, CAB, CBA, và một nhóm thứ bảy, là một tổng hợp trong đó cả ba đều bằng nhau. Một bộ sáu thứ hai sẽ được biểu thị bằng (AB) C, C (AB), A (BC), (BC) A, (CA) B, B (AC), trong đó hai yếu tố đặt trong ngoặc là bằng nhau và yếu tố thứ ba mạnh hơn hoặc yếu hơn. Hai nhóm sáu, và nhóm trong đó cả ba bằng nhau, sẽ thành mười ba. "Mười ba này có thể được sắp xếp thành một vòng tròn mười hai, với một ở trung tâm. Điểm trung tâm sẽ có tính tổng hợp, và sẽ là loại trong đó cả ba đều bằng nhau. Sự tương ứng hồng trần của điều này sẽ là mười hai dấu hiệu hoàng đạo với Mặt Trời ở trung tâm, tổng hợp tất cả chúng. Sự tương ứng tinh thần sẽ là mười hai Huyền Giai Sáng Tạo với Thượng đế ở trung tâm, tổng hợp tất cả." Sự sắp xếp này hoàn toàn hợp lý.—*The Theosophist*, Tập XXIX, tr. 100.

Compare also the Twelve Signs of the Zodiac. (back)

Cũng hãy so sánh với Mười Hai Dấu Hiệu Hoàng Đạo. (trở lại)

These hierarchies of Beings Who come in on the Ray of Light from the centre are the seeds of all that later is and it is only as they pass out into manifestation and the forms which they are to occupy are gradually evolved, that consideration of the planes becomes necessary. The planes are to certain of these hierarchies what the sheaths of the Monad are to it; they are veils for the Life indwelling; they are media of expression,

Các huyền giai của những Đấng này, những Đấng đi vào trên Cung Ánh Sáng từ trung tâm, là những hạt giống của mọi điều về sau sẽ hiện hữu; và chỉ khi các Ngài đi ra biểu hiện, và những hình tướng mà các Ngài sẽ chiếm ngụ dần dần được tiến hoá, thì việc xét đến các cõi mới trở nên cần thiết. Đối với một số huyền giai này, các cõi cũng như các lớp vỏ của chân thần đối với nó; chúng là những bức màn che cho Sự sống nội tại;

and exponents of force or energy of a specialised kind. The quality of a [Page 1196] Ray is dependent upon the quality of the hierarchy of Beings who use it as a means of expression. These seven hierarchies are veiled by the Rays, but each is found behind the veil of every ray, for in their totality they are the informing lives of every planetary scheme within the system; they are the life of all interplanetary space, and the existences who are expressing themselves through the planetoids, and all forms of lesser independent life than a planet. Let me briefly give certain hints concerning these hierarchies which may serve to elucidate that contained in the *Secret Doctrine* concerning them.

chúng là những môi giới biểu lộ, và là những tác nhân biểu hiện mãnh lực hay năng lượng thuộc một loại chuyên biệt. Phẩm tính của một [Page 1196] cung tùy thuộc vào phẩm tính của huyền giai các Đấng sử dụng nó như một phương tiện biểu lộ. Bảy huyền giai này được che phủ bởi các cung, nhưng mỗi huyền giai đều được tìm thấy phía sau bức màn của mọi cung, vì trong tổng thể của mình, các Ngài là những sự sống thấm nhuần của mọi hệ hành tinh trong hệ mặt trời; các Ngài là sự sống của toàn bộ không gian liên hành tinh, và là những hiện thể đang biểu lộ qua các tiểu hành tinh, cùng mọi hình tướng của sự sống độc lập nhỏ hơn một hành tinh. Hãy để tôi ngắn gọn đưa ra vài gợi ý về các huyền giai này, điều có thể giúp làm sáng tỏ những gì được chứa đựng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* liên quan đến các Ngài.

What is here imparted is not in itself new, but is the synthesising of much already known and its gathering together in the form of brief enunciated facts.

Điều được truyền đạt ở đây tự nó không mới, mà là sự tổng hợp của nhiều điều đã được biết, và là sự tập hợp chúng lại dưới hình thức những mệnh đề sự kiện ngắn gọn.

Each of these seven hierarchies of Beings Who are the Builders or the *Attractive* Agents are (in their degree) intermediaries; all embody one of the types of force emanating from the seven constellations. Their intermediary work, therefore, is dual:

Mỗi một trong bảy huyền giai của những Đấng này, những Đấng là các Đấng Kiến Tạo hay các Tác Nhân *Hấp Dẫn*, đều là (trong cấp độ của mình) những trung gian; tất cả đều thể hiện một trong các loại mãnh lực phát ra từ bảy chòm sao. Vì vậy, công việc trung gian của các Ngài là nhị phân:

1. They are the mediators between Spirit and matter.

1. Các Ngài là những đấng trung gian giữa tinh thần và vật chất.

2. They are the transmitters of force from sources extraneous to the solar system to forms within the solar system.

2. Các Ngài là những đấng truyền dẫn mãnh lực từ những nguồn ở ngoài hệ mặt trời đến các hình tướng bên trong hệ mặt trời.

Each of these groups of beings is likewise septenary in nature, and the forty-nine fires of Brahma are the lowest manifestation of

Mỗi nhóm chúng sinh này cũng có bản chất thất phân, và bốn mươi chín ngọn lửa của Brahma là biểu hiện thấp nhất của bản chất

their fiery nature. Each group also may be regarded as "fallen" in the cosmic sense, because involved in the building process, or the occupiers of forms of some degree of density or another.

lửa của họ. Mỗi nhóm cũng có thể được xem là "sa ngã" theo nghĩa vũ trụ, vì bị cuốn vào tiến trình kiến tạo, hay là những đấng chiếm ngụ các hình tướng ở mức độ đậm đặc nào đó.

Hierarchy I. The first great Hierarchy is emanated from the Heart of the central Spiritual Sun. *(S. D., I, 233-250; III, 565-566.)* It is the Son of God Himself, the First Born in a cosmic sense, even as the Christ was the "Eldest in a vast family of [Page 1197] brothers," and the "first flower on the human plant." The symbol of this Hierarchy is the Golden Lotus with its twelve petals folded.

Huyền Giai I. Huyền Giai lớn thứ nhất được phát xuất từ Trái Tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương. *(S. D., I, 233-250; III, 565-566.)* Đó là chính Con của Thượng đế, Đấng Đầu Sinh theo nghĩa vũ trụ, cũng như Đức Christ là "Người Anh Cả trong một đại gia đình [Page 1197] huynh đệ," và là "đóa hoa đầu tiên trên cây nhân loại." Biểu tượng của Huyền Giai này là Hoa Sen Vàng với mười hai cánh khép lại.

It should be remembered that this Hierarchy is literally the sixth, for five hierarchies have passed on, being the product of the earlier system, that wherein Intelligence or Manas was the goal. The five liberated hierarchies are in their totality the sumtotal of manas. It is the Hierarchy which is the fifth in order, and which we are told is in process of achieving final liberation, or taking its fourth Initiation, which is the cause of certain phenomena upon our planet which has merited our planet being called the "Star of Suffering." There is a karmic link between the animal kingdom and the fifth Creative Hierarchy of the earlier system which makes itself felt in man in the necessary crucifixion of the animal physical nature, particularly along sex lines. We must remember that the hierarchies work under the Law of Attraction; it is the law of the Builders.

Cần nhớ rằng Huyền Giai này theo nghĩa đen là huyền giai thứ sáu, vì năm huyền giai đã đi qua rồi, là sản phẩm của hệ mặt trời trước, hệ mặt trời trong đó Trí Tuệ hay Manas là mục tiêu. Năm huyền giai được giải thoát, trong tổng thể của chúng, là tổng số của manas. Chính Huyền Giai là thứ năm theo thứ tự, và như chúng ta được bảo là đang trong tiến trình đạt đến giải thoát cuối cùng, hay đang nhận lần điểm đạo thứ tư, là nguyên nhân của một số hiện tượng trên hành tinh chúng ta, khiến hành tinh này được gọi là "Ngôi Sao Đau Khổ." Có một mối liên kết nghiệp quả giữa giới động vật và Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm của hệ mặt trời trước, điều tự biểu lộ trong con người qua sự đóng đinh cần thiết của bản chất thể xác động vật, đặc biệt theo đường lối tính dục. Chúng ta phải nhớ rằng các huyền giai hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn; đó là định luật của các Đấng Kiến Tạo.

This first (sixth) Hierarchy has for its type of energy the first aspect of the sixth type of cosmic electricity, and wields special power, therefore, in conjunction with the lowest fire, or "fire by friction," as it makes itself felt

Huyền Giai thứ nhất (thứ sáu) này có loại năng lượng là phương diện thứ nhất của loại điện vũ trụ thứ sáu, và do đó nắm giữ quyền năng đặc biệt khi kết hợp với ngọn lửa thấp nhất, hay "Lửa ma sát," khi nó được cảm

on the sixth plane. These lives are called "the burning Sons of Desire" and were the Sons of Necessity. It is said of them in the old Commentary:

"They burned to know. They rushed into the spheres. They are the longing of the Father for the Mother. Hence do they suffer, burn, and long through the sixth sphere of sense."

Hierarchy II. The second Hierarchy is closely allied with the Great Bear. We are told that They entered through the second ventricle within the Sacred Heart, and are (as we are told in the *Secret Doctrine*) the prototypes of the Monads. They are the source of monadic Life, but They are not the Monads; They are far higher.

[Page 1198] This Hierarchy, which is literally the seventh, is the influx into our system of those Lives who in the first solar system remained on their own plane, being too sinless and holy to find opportunity in that very material and intellectual evolution. Even in this, they will find it impossible to do more than influence the incarnating Jivas, imparting to them ability to realise the nature of group consciousness, the quality of the seven Heavenly Men, but not being able to express themselves fully. Some clue to this mystery will come if the student carefully bears in mind that in our solar system and our seven planes, we have only the physical body of the Logos, and that that physical body is a limitation of the expression of His threefold nature. The first (sixth) Hierarchy might be viewed as endeavouring to express the *mental* vibration of the solar Logos and the second, His emotional, or cosmic astral, nature.

nhận trên cõi thứ sáu. Các sự sống này được gọi là "những Con rực cháy của Dục vọng" và là những Con của Tất Yếu. Cổ Luận nói về họ như sau:

"Họ cháy bỏng để biết. Họ lao vào các khối cầu. Họ là nỗi khát khao của Cha đối với Mẹ. Vì thế họ đau khổ, cháy bỏng, và khát khao xuyên qua khối cầu thứ sáu của giác quan."

Huyền Giai II. Huyền Giai thứ hai có liên hệ mật thiết với Đại Hùng Tinh. Chúng ta được bảo rằng Các Ngài đi vào qua tâm thất thứ hai bên trong Trái Tim Thiêng Liêng, và (như được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*) là các nguyên mẫu của các chân thần. Các Ngài là nguồn của Sự sống chân thần, nhưng Các Ngài không phải là các chân thần; Các Ngài cao hơn rất nhiều.

[Page 1198] Huyền Giai này, theo nghĩa đen là huyền giai thứ bảy, là dòng tuôn đổ vào hệ mặt trời chúng ta của những Sự sống mà trong hệ mặt trời thứ nhất đã ở lại trên cõi riêng của mình, vì quá vô tội và thiêng liêng để tìm thấy cơ hội trong tiến hoá quá vật chất và trí tuệ ấy. Ngay cả trong hệ mặt trời này, các Ngài cũng sẽ thấy không thể làm gì hơn ngoài việc ảnh hưởng đến các Jivas nhập thể, ban cho họ khả năng chứng nghiệm bản chất của tâm thức nhóm, phẩm tính của bảy Đấng Thiên Nhân, nhưng không thể biểu lộ chính mình một cách trọn vẹn. Một vài đầu mối cho huyền nhiệm này sẽ đến nếu đạo sinh cẩn thận ghi nhớ rằng trong hệ mặt trời của chúng ta và bảy cõi của chúng ta, chúng ta chỉ có thể xác của Thượng đế, và thể xác ấy là một sự giới hạn đối với sự biểu lộ bản chất tam phân của Ngài. Huyền Giai thứ nhất (thứ sáu) có thể được xem như đang cố gắng biểu lộ rung động *trí tuệ* của Thái dương Thượng đế, còn huyền giai thứ hai thì biểu lộ bản chất cảm xúc, hay cảm dục vũ trụ, của Ngài.

This second (seventh) Hierarchy has for its type of force the second aspect of the seventh type of force from out of the many. Some idea of the relative point in evolution of the solar Logos may be gained by study of the varying aspects of force which He is demonstrating in this particular incarnation. It is this energy which drives the Monads through into physical incarnation for it makes itself felt on the seventh plane. The energies which are functioning are those which the Logos has unfolded, and are the *gain* of previous incarnations. Gaps necessarily occur, and certain types of force are lacking, because He has as yet much cosmically to gain.

Huyền Giai thứ hai (thứ bảy) này có loại mãnh lực là phương diện thứ hai của loại mãnh lực thứ bảy trong số nhiều loại. Có thể có được một ý niệm nào đó về điểm tiến hoá tương đối của Thái dương Thượng đế bằng cách nghiên cứu các phương diện mãnh lực khác nhau mà Ngài đang biểu lộ trong lần lâm phàm đặc thù này. Chính năng lượng này thúc đẩy các chân thần đi vào lâm phàm hồng trần vì nó được cảm nhận trên cõi thứ bảy. Những năng lượng đang hoạt động là những năng lượng mà Thượng đế đã khai mở, và là *thành quả* của các lần lâm phàm trước. Tất yếu có những khoảng trống, và một số loại mãnh lực còn thiếu, vì về mặt vũ trụ Ngài vẫn còn nhiều điều phải đạt được.

It is the energy of this Hierarchy (whose numbers are two and seven) which results in the manifestation of the Divine Androgyne, and in the seven centres of force which are the seven Spiritual Energies.

Chính năng lượng của Huyền Giai này (có các con số là hai và bảy) dẫn đến sự biểu lộ của Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng, và của bảy trung tâm mãnh lực là bảy Năng Lượng Tinh Thần.

Hierarchy III. The third Creative Hierarchy (or the eighth) is a peculiarly interesting one. They are called "the Triads" for they hold in themselves the potencies [Page 1199] of triple evolution, mental, psychical, and spiritual. These Triads of Life are inherently the three Persons and the flower of the earlier system from a certain angle. From another angle, when studied as the "flower of the earlier Eight," They are the eightfold points awaiting opportunity to flame forth. They are the devas who are ready for service, which is to give to another hierarchy certain qualities which are lacking. This Hierarchy is regarded as the great donors of immortality whilst themselves "standing aloof from incarnation." Lords of Sacrifice and Love are They, but They cannot pass out of the logoic etheric body into the dense physical vehicle.

Huyền Giai III. Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba (hay thứ tám) là một huyền giai đặc biệt lý thú. Các Ngài được gọi là "các Tam nguyên tinh thần" vì các Ngài nắm giữ trong mình những tiềm năng [Page 1199] của sự tiến hoá tam phân: trí tuệ, thông linh, và tinh thần. Những Tam nguyên tinh thần của Sự sống này vốn là ba Ngôi Vị và là tinh hoa của hệ mặt trời trước theo một góc độ nào đó. Theo một góc độ khác, khi được nghiên cứu như "đóa hoa của Tám Đấng trước đây," Các Ngài là những điểm bát phân đang chờ cơ hội để bùng cháy. Các Ngài là những thiên thần đã sẵn sàng phụng sự, mà sự phụng sự ấy là ban cho một huyền giai khác một số phẩm tính còn thiếu. Huyền Giai này được xem là những đấng ban tặng sự bất tử vĩ đại, trong khi chính Các Ngài lại "đứng ngoài sự nhập thể." Các Ngài là các Đấng Chúa Tể của Hi sinh và Bác ái, nhưng Các Ngài không thể

đi ra khỏi thể dĩ thái của Thượng đế để vào vận cụ hồng trần đậm đặc.

This third Hierarchy wields the third aspect of electric force of the first type of cosmic energy. They stand for a recurrent cycle of that first type symbolised by the number 8. The formulae for these electrical energies are too complicated to be given here, but the student should bear in mind that these hierarchies express:

Huyền Giai thứ ba này vận dụng phương diện thứ ba của điện lực thuộc loại năng lượng vũ trụ thứ nhất. Các Ngài tượng trưng cho một chu kỳ tái diễn của loại thứ nhất ấy, được biểu tượng hóa bằng số 8. Các công thức cho những năng lượng điện này quá phức tạp để trình bày ở đây, nhưng đạo sinh nên ghi nhớ rằng các huyền giai này biểu lộ:

1. Septenary cosmic energy.

1. Năng lượng vũ trụ thất phân.

2. Cosmic prana.

2. Prana vũ trụ.

3. Solar energy or electric fire, solar fire and fire by friction.

3. Năng lượng thái dương hay Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát.

Each hierarchy manifests a triple energy or an aspect of each of the above, and that necessitates a ninefold differentiation, for the two first are triple as is the third. It is the rejection of the Triadal Lives by units in the fourth Hierarchy, that of the human Monads, which precipitates a man eventually into the eighth sphere. He refuses to become a Christ, a Saviour and remains self-centred.

Mỗi huyền giai biểu lộ một năng lượng tam phân hay một phương diện của mỗi điều kể trên, và điều đó đòi hỏi một sự biến phân cửu phân, vì hai điều đầu là tam phân cũng như điều thứ ba. Chính việc các đơn vị trong Huyền Giai thứ tư, tức các chân thần nhân loại, từ chối các Sự sống Tam nguyên tinh thần, là điều cuối cùng đẩy con người vào khối cầu thứ tám. Y từ chối trở thành một Đức Christ, một Đấng Cứu Rỗi, và vẫn chỉ tập trung vào bản thân.

We have dealt with the first three hierarchies which are regarded as ever "seeing the Face of the Ruler of the Deep," or as being so pure and holy that Their forces are in realised contact with Their emanating source.

Chúng ta đã bàn đến ba huyền giai đầu tiên, những huyền giai được xem là luôn luôn "chiêm ngưỡng Thánh Nhan của Đấng Cai Quản Vực Sâu," hay là thanh khiết và thiêng liêng đến mức các mãnh lực của Các Ngài ở trong sự tiếp xúc được chứng nghiệm với nguồn phát xuất của mình.

We now take up for brief consideration two hierarchies [Page 1200] which closely concern ourselves, the human self-conscious entities. These two groups are

Giờ đây chúng ta sẽ xét ngắn gọn hai huyền giai [Page 1200] có liên quan mật thiết đến chính chúng ta, những thực thể ngã thức nhân loại. Hai nhóm này theo nghĩa đen là

literally three, as the fifth Hierarchy is a dual one and it is this which has led to some confusion and is the occult significance behind the ill-omened number thirteen. They are the "Seekers of satisfaction" and the cause of the second fall into generation, the fact behind the taking of a lower nature by the Ego. The fourth and the fifth Hierarchies are the ninth and tenth, or the "Initiates" and the "Perfect Ones." All human beings, or "Imperishable Jivas," are those who evolve through a graded series of initiations either self-induced or brought about on our planet with extraneous aid. This they achieve through a "marriage" with the order next to them, the fifth. They are then completed or perfected, and it is owing to this occult fact that the fourth Hierarchy is regarded as masculine and the fifth as feminine.

ba, vì Huyền Giai thứ năm là một huyền giai nhị phân, và chính điều này đã dẫn đến một số nhầm lẫn và là ý nghĩa huyền bí đằng sau con số mười ba bị xem là xấu. Họ là những "Kẻ Tìm Kiếm sự thỏa mãn" và là nguyên nhân của lần sa ngã thứ hai vào sự sinh sản, là sự kiện nằm sau việc chân ngã khoác lấy một bản chất thấp hơn. Huyền Giai thứ tư và thứ năm là thứ chín và thứ mười, hay là các "Điểm đạo đồ" và các "Đấng Toàn Thiện." Tất cả con người, hay các "Jivas Bất Hoại," là những đấng tiến hoá qua một chuỗi điểm đạo theo cấp bậc, hoặc do tự mình tạo ra hoặc được thực hiện trên hành tinh chúng ta với sự trợ giúp từ bên ngoài. Điều này họ đạt được qua một "cuộc hôn phối" với huyền giai kế cận họ, tức huyền giai thứ năm. Khi ấy họ được hoàn tất hay toàn thiện, và chính do sự kiện huyền bí này mà Huyền Giai thứ tư được xem là nam tính và Huyền Giai thứ năm là nữ tính.

Hierarchy IV. The fourth Creative Hierarchy is the group wherein the highest aspect of man, his "Father in Heaven" finds place. These lives are the points of fire who must become the flame; this they do through the agency of the fifth Hierarchy and the four wicks, or the two dual lower hierarchies. Thus it can be seen that where man is concerned, the fourth, fifth, sixth and seventh hierarchies are, during the cycle of incarnation, his very self. They are the "Lords of Sacrifice" and "Lords of Love," the flower of Atma-buddhi.

Huyền Giai IV. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là nhóm trong đó phương diện cao nhất của con người, "Cha trên Trời" của y, tìm được chỗ đứng. Những sự sống này là những điểm lửa phải trở thành ngọn lửa; điều này họ thực hiện qua tác nhân của Huyền Giai thứ năm và bốn tim đèn, hay hai huyền giai thấp nhị phân. Như vậy có thể thấy rằng, xét về con người, các huyền giai thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy, trong chu kỳ nhập thể, chính là bản thân y. Họ là các "Đấng Chúa Tể của Hi sinh" và "Đấng Chúa Tể của Bác ái," là tinh hoa của Atma-buddhi.

In studying these hierarchies, one of the most valuable lessons to be learned is the place and importance of man in the scheme. The hierarchy, for instance, which is the essence of the intangible Life of Spirit, and principle of Buddhi, is the esoteric cause of the cosmic marriage of spirit and matter, based on the love and desire of the Logos,

Khi nghiên cứu các huyền giai này, một trong những bài học có giá trị nhất cần học là vị trí và tầm quan trọng của con người trong hệ hành tinh. Chẳng hạn, huyền giai là tinh túy của Sự sống vô hình của tinh thần, và là nguyên khí của Bồ đề, là nguyên nhân huyền bí của cuộc hôn phối vũ trụ giữa tinh thần và vật chất, dựa trên tình thương và

but each hierarchy also expresses itself through one particular manifestation which comes to be regarded by the finite mind of man as the hierarchy itself. This [Page 1201] is not so, and care must be taken to distinguish between these hierarchies.

dục vọng của Thượng đế; nhưng mỗi huyền giai cũng biểu lộ chính mình qua một biểu hiện đặc thù nào đó, điều được trí tuệ hữu hạn của con người xem như chính huyền giai ấy. Điều [Page 1201] này không phải vậy, và cần thận trọng để phân biệt giữa các huyền giai này.

They are latent germs of force centres and manifest subjectively; they warm and vitalise groups of forms; they flower forth and express themselves through the medium of a form, or another hierarchy. These hierarchies are all interrelated and are negative or positive to each other as the case may be.

Chúng là những mầm tiềm ẩn của các trung tâm mãnh lực và biểu lộ một cách chủ quan; chúng sưởi ấm và tiếp sinh lực cho các nhóm hình tướng; chúng nở hoa và biểu lộ chính mình qua trung gian của một hình tướng, hay một huyền giai khác. Các huyền giai này đều liên hệ với nhau và là âm hay dương đối với nhau tùy trường hợp.

As is stated in the *Secret Doctrine*, this hierarchy is the nursery for the incarnating Jivas; *(S. D., I, 238.)* and it carried in it the germs of the Lives which achieved the human stage in another solar system, but were not able to proceed beyond that owing to the coming in of pralaya, which projected them into a state of latency. The condition of the hierarchy is similar, only on a cosmic scale, to the condition of the seeds of human life held in a state of obscuration during an interchain period. The three other hierarchies dealt with (first, second, and third) were those who have (in previous kalpas of logoic manifestation) passed beyond the human stage altogether. They are, therefore, the formless groups, as the remaining are the rupa groups or those having forms.

Như đã được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, huyền giai này là vườn ươm cho các Jivas nhập thể; *(S. D., I, 238.)* và nó mang trong mình các mầm sống của những Sự sống đã đạt đến giai đoạn nhân loại trong một hệ mặt trời khác, nhưng không thể tiến xa hơn vì sự xuất hiện của Giai kỳ qui nguyên, điều đã phóng chiếu họ vào một trạng thái tiềm ẩn. Tình trạng của huyền giai này tương tự, nhưng ở quy mô vũ trụ, với tình trạng của các hạt giống sự sống nhân loại được giữ trong trạng thái lu mờ trong một thời kỳ giữa hai dãy. Ba huyền giai khác đã được bàn đến (thứ nhất, thứ hai và thứ ba) là những huyền giai đã (trong các kalpas trước của sự biểu lộ của Thượng đế) vượt hẳn giai đoạn nhân loại. Do đó, các huyền giai ấy là những nhóm vô sắc tướng, trong khi các huyền giai còn lại là các nhóm rupa hay những nhóm có hình tướng.

The fourth Creative Hierarchy, or the ninth, must ever be regarded in this solar system as occupying what might be considered as the third place,

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, hay thứ chín, trong hệ mặt trời này phải luôn được xem là chiếm giữ điều có thể được coi là vị trí thứ ba,

First, the Lives or the three Persons of the Trinity.

Thứ nhất, các Sự sống hay ba Ngôi Vị của Tam Vị.

Second, the Prototypes of man, the seven Spirits.

Thứ hai, các Nguyên Mẫu của con người, bảy Thánh Linh.

Third, man or the lowest manifestation of the self-conscious Spirit aspect.

Thứ ba, con người hay biểu lộ thấp nhất của phương diện tinh thần ngã thức.

This needs to be carefully considered and has no reference to the form aspect but solely to the nature of the lives expressing themselves through other lives who are also *self-conscious*, or fully intelligent. This, certain of the hierarchies are not.

Điều này cần được cân nhắc cẩn thận và không liên quan gì đến phương diện hình tướng mà chỉ liên quan đến bản chất của các sự sống đang biểu lộ qua những sự sống khác, những sự sống này cũng *có ngã thức*, hay hoàn toàn thông tuệ. Một số huyền giai thì không như vậy.

[Page 1202] The four lower hierarchies are all concerned with manifestation in the three worlds, or in the dense physical body of the solar Logos. They are those who can discard or pass through the etheric body of the solar Logos and take forms composed of either gaseous, liquid, or dense substance. The others cannot. They cannot fall into physical generation.

[Page 1202] Bốn huyền giai thấp đều liên quan đến sự biểu hiện trong ba cõi giới, hay trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Họ là những đấng có thể bỏ đi hay xuyên qua thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế và mang lấy những hình tướng được cấu thành bằng chất liệu khí, lỏng, hay đậm đặc. Các huyền giai khác thì không thể. Các huyền giai ấy không thể sa vào sự sinh sản hồng trần.

Students must bear in mind that from the standpoint of the Logos, the solar Angels on the mental plane (the fifth subplane of the cosmic physical plane) are in physical incarnation, and what is called the "second fall" applies to this. The first fall has reference to the taking of a form of cosmic etheric matter, such as is the case with the Heavenly Men, the prototypes of the human jivas. In this latter case the bodies used are called "formless" from our standpoint, and are "vital bodies" animated by cosmic prana. In the case of ourselves and the remaining groups, the forms are composed of substance of the three lower planes (that

Các đạo sinh phải ghi nhớ rằng theo quan điểm của Thượng đế, các Thái dương Thiên Thần trên cõi trí (cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần vũ trụ) đang ở trong lâm phàm hồng trần, và điều được gọi là "lần sa ngã thứ hai" áp dụng cho điều này. Lần sa ngã thứ nhất liên quan đến việc mang lấy một hình tướng bằng vật chất dĩ thái vũ trụ, như trường hợp của các Đấng Thiên Nhân, các nguyên mẫu của các jivas nhân loại. Trong trường hợp sau này, các thân thể được dùng được gọi là "vô sắc tướng" theo quan điểm của chúng ta, và là "thể sinh lực" được tiếp sinh lực bởi prana vũ trụ. Trong trường hợp của chính chúng ta và các nhóm còn lại, các

which the Logos does not regard as principle) and, therefore, matter responding still to the vibration of the earlier system. This means that the four lower hierarchies are links between the life of the past and of the future. They are the present. They had not finished their contacts with the active intelligent principle of the preceding kalpa, and so must continue such contacts in this. They will work out of it in this system, the four will become the three and they will then be the three, higher arupa hierarchies of the next system.

hình tướng được cấu thành bằng chất liệu của ba cõi thấp (điều mà Thượng đế không xem là nguyên khí) và do đó là vật chất vẫn còn đáp ứng với rung động của hệ mặt trời trước. Điều này có nghĩa là bốn huyền giai thấp là những mối nối giữa sự sống của quá khứ và của tương lai. Họ là hiện tại. Họ chưa hoàn tất những tiếp xúc của mình với nguyên khí hoạt động thông tuệ của kalpa trước, và vì vậy phải tiếp tục những tiếp xúc ấy trong kalpa này. Họ sẽ thoát ra khỏi điều đó trong hệ mặt trời này, bốn sẽ trở thành ba, và khi ấy họ sẽ là ba huyền giai arupa cao hơn của hệ mặt trời kế tiếp.

Before continuing our consideration of the particular hierarchies, it is necessary to point out that in these hierarchies, certain of them are termed "dominant hierarchies" and others "subsidiary hierarchies." By this is meant that certain of them are in this solar system expressing themselves more fully than the others, and this necessarily entails the consequence that their vibration is more to be felt than that of the subsidiary groups. [Page 1203] The dominant groups are the second, fourth and fifth, and this because:

Trước khi tiếp tục xem xét các huyền giai riêng biệt, cần chỉ ra rằng trong các huyền giai này, một số được gọi là "huyền giai trội" và một số khác là "huyền giai phụ thuộc." Điều này có nghĩa là một số huyền giai trong hệ mặt trời này đang biểu lộ chính mình đầy đủ hơn những huyền giai khác, và điều đó tất yếu kéo theo hệ quả là rung động của chúng được cảm nhận nhiều hơn rung động của các nhóm phụ thuộc. [Page 1203] Các nhóm trội là nhóm thứ hai, thứ tư và thứ năm, và điều này là vì:

a. The second is the great expression of duality, of the Son as He vitalises the Sun.

a. Huyền giai thứ hai là biểu lộ lớn lao của nhị nguyên tính, của Con khi Ngài tiếp sinh lực cho Mặt Trời.

b. The fourth is the hierarchy of human Monads who are the mediators or the synthesisers; they express the gain of System 1 and the goal of System 2.

b. Huyền giai thứ tư là huyền giai của các chân thần nhân loại, những đấng là các trung gian hay các đấng tổng hợp; họ biểu lộ thành quả của hệ mặt trời thứ nhất và mục tiêu của hệ mặt trời thứ hai.

c. The fifth or tenth is closely linked with the five liberated hierarchies, and is an expression of their synthesised life. It might, therefore, be said that the fifth Hierarchy serves as the representative of the five

c. Huyền giai thứ năm hay thứ mười liên kết mật thiết với năm huyền giai được giải thoát, và là một biểu lộ của sự sống được tổng hợp của các huyền giai ấy. Vì vậy, có thể nói rằng Huyền Giai thứ năm phụng sự như

liberated groups and the fourth is the representative group in this system, whilst the second represents (for man, or these two groups united) that which is the Spirit aspect, the Father, the Unknown.

đại diện của năm nhóm được giải thoát, và Huyền Giai thứ tư là nhóm đại diện trong hệ mặt trời này, trong khi Huyền Giai thứ hai biểu lộ (đối với con người, hay đối với hai nhóm này hợp nhất) điều là phương diện tinh thần, là Cha, là Đấng Vô Danh.

Hierarchy V. The fifth Creative Hierarchy is, as we know from study of the Secret Doctrine, a most mysterious one. This mystery is incident upon the relation of the fifth Hierarchy to the five liberated groups. This relation, in connection with our particular planet, which is not a sacred planet, can be somewhat understood if the history of the Buddha and his work is contemplated. This is hinted at in the third volume of the Secret Doctrine. *(S. D., I, 239; III, Sections 43, 44, 45)*

Huyền Giai V. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm, như chúng ta biết qua việc nghiên cứu Giáo Lý Bí Nhiệm, là một Huyền Giai vô cùng huyền bí. Sự huyền bí này phát sinh từ mối liên hệ của Huyền Giai thứ năm với năm nhóm được giải thoát. Mối liên hệ này, khi gắn với hành tinh đặc thù của chúng ta, vốn không phải là một hành tinh thiêng liêng, có thể được hiểu phần nào nếu chiêm ngưỡng lịch sử của Đức Phật và công việc của Ngài. Điều này được ám chỉ trong quyển ba của Giáo Lý Bí Nhiệm. *(S. D., I, 239; III, Sections 43, 44, 45)*

The relation of the fifth Hierarchy to a certain constellation has also a bearing upon this mystery. This is hidden in the karma of the solar Logos, and concerns His relationship to another solar Logos, and the interplay of force between them in a greater mahakalpa. This is the true "secret of the Dragon," and it was the dragon-influence or the "serpent energy" which caused the influx of manasic or mind energy into the solar system. Entangled closely with the karma of these two cosmic [Page 1204] Entities, was that of the lesser cosmic Entity Who is the Life of our planet, the planetary Logos. It was this triple karma which brought in the "serpent religion" and the "Serpents or Dragons of Wisdom" in Lemurian days. It had to do with solar and planetary Kundalini, or serpent fire. A hint lies in the fact that the constellation of the Dragon has the same relation to the ONE greater than our Logos as the centre at the base of the spine has to a human being. It

Mối liên hệ của Huyền Giai thứ năm với một chòm sao nào đó cũng có liên quan đến huyền nhiệm này. Điều này ẩn giấu trong nghiệp quả của Thái dương Thượng đế, và liên quan đến mối tương quan của Ngài với một Thái dương Thượng đế khác, cùng sự tương tác của mãnh lực giữa Các Ngài trong một mahakalpa lớn hơn. Đây là "bí mật của Rồng" chân chính, và chính ảnh hưởng của rồng hay "năng lượng rắn" đã gây ra sự tuôn vào của năng lượng manas hay năng lượng trí tuệ trong hệ mặt trời. Gắn chặt với nghiệp quả của hai [Page 1204] Thực Thể vũ trụ này là nghiệp quả của Thực Thể vũ trụ nhỏ hơn, Đấng là Sự Sống của hành tinh chúng ta, tức Đức Hành Tinh Thượng Đế. Chính nghiệp quả tam phân này đã đưa vào "tôn giáo rắn" và "các Rắn hay Rồng Minh Triết" trong thời Lemuria. Điều đó liên quan đến Kundalini thái dương và hành tinh, hay lửa rắn. Một gợi ý nằm trong sự kiện rằng chòm sao Rồng có cùng mối liên hệ với ĐẤNG lớn hơn Thượng đế của chúng ta như trung tâm ở

concerns stimulation, and vitalisation with a consequent co-ordination of the manifesting fires.

đáy cột sống có với một con người. Điều này liên quan đến sự kích thích, và sự tiếp sinh lực cùng với sự phối hợp tất yếu của các ngọn lửa đang biểu hiện.

A clue to the mystery lies also in the relation of this fifth group to the two contracting poles. They are the fivefold Links, the "Benign Uniters" and "the Producers of the Atonement." Esoterically, they are the "Saviours of the Race" and from Them emanates that principle which—in conjunction with the highest aspect—lifts the lower aspect up to Heaven.

Một đầu mối cho huyền nhiệm này cũng nằm trong mối liên hệ của nhóm thứ năm này với hai cực đang co kéo. Họ là các Mối Nối ngũ phân, là "Những Đấng Hợp Nhất Từ Hòa" và "Những Đấng Tạo Ra Sự Chuộc Tội." Theo huyền bí học, Họ là "Đấng Cứu Rỗi của Nhân Loại" và từ Các Ngài phát ra nguyên khí mà—kết hợp với phương diện cao nhất—nâng phương diện thấp hơn lên Thiên giới.

When these mysteries are carefully studied, and due application made to the lives of the greatest exponents of the at-one-ing principle, it will become apparent how great and all-important is their place in the scheme.

Khi các huyền nhiệm này được nghiên cứu cẩn trọng, và được áp dụng thích đáng vào cuộc đời của những vị biểu hiện vĩ đại nhất của nguyên lý hợp nhất, thì sẽ trở nên hiển nhiên rằng vị trí của họ trong hệ hành tinh lớn lao và tối quan trọng đến mức nào.

It is for this reason that the units of the fifth Hierarchy are called "The Hearts of Fiery Love"; they save through love, and in their turn these lives are peculiarly close to the great Heart of Love of the solar Logos. These great redeeming Angels, who are the Sons of Men on their own true plane, the mental, are ever, therefore, pictured as taking the form of twelve-petalled lotuses—this symbology linking them up with "the Son of Divine Love," the manifested solar system, which is said to be a cosmic twelve-petalled lotus, and with the logoic causal lotus, equally of a twelve-petalled nature.

Chính vì lý do này mà các đơn vị của Huyền Giai thứ năm được gọi là "Những Trái Tim của Tình Thương Rực Lửa"; họ cứu rỗi bằng tình thương, và đến lượt mình các sự sống này lại đặc biệt gần gũi với Trái Tim Vĩ Đại của Tình Thương của Thái dương Thượng đế. Vì vậy, các Thiên Thần cứu chuộc vĩ đại này, là những người con của nhân loại trên cõi chân thực của chính họ, tức cõi trí, luôn được mô tả như mang hình tướng những hoa sen mười hai cánh—biểu tượng này nối kết họ với "Con của Bác Ái thiêng liêng," tức hệ mặt trời biểu hiện, vốn được nói là một hoa sen mười hai cánh vũ trụ, và với hoa sen nguyên nhân của Thượng đế, cũng có bản chất mười hai cánh.

We have, therefore, a direct flow of energy flowing through: [Page 1205]

Vì vậy, chúng ta có một dòng năng lượng trực tiếp chảy qua: [Page 1205]

a. The logoic twelve-petalled egoic Lotus. Cosmic mental plane.

b. The solar twelve-petalled Lotus.

c. The planetary logoic Heart, also a twelve-petalled Lotus.

d. The twelve-petalled human egoic lotus on the mental plane.

e. The twelve-petalled heart centre in a human being.

Or, to word it otherwise, energy flows directly from:

a. The solar Logos via three great cosmic centres:

1. The central spiritual Sun.

2. The heart of the Sun.

3. The physical Sun.

b. The heart centre of the planetary Logos, situated on the fourth cosmic etheric plane (our buddhic plane)

c. The egoic lotus of a human being on the mental plane, which is literally a correspondence to the "heart of the sun." The monadic point is a reflection in the human system of the "central spiritual sun."

d. The heart centre of a man on the etheric plane of the physical plane, which is in its turn a correspondence to the physical sun.

a. Hoa Sen chân ngã mười hai cánh của Thượng đế. Cõi trí vũ trụ.

b. Hoa Sen thái dương mười hai cánh.

c. Trái Tim của Đức Hành Tinh Thượng Đế, cũng là một Hoa Sen mười hai cánh.

d. Hoa sen chân ngã nhân loại mười hai cánh trên cõi trí.

e. Trung tâm tim mười hai cánh trong một con người.

Hoặc, nói theo cách khác, năng lượng chảy trực tiếp từ:

a. Thái dương Thượng đế qua ba trung tâm vũ trụ lớn:

1. Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

2. Trái tim của Mặt Trời.

3. Mặt Trời hồng trần.

b. Trung tâm tim của Đức Hành Tinh Thượng Đế, nằm trên cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề của chúng ta)

c. Hoa sen chân ngã của một con người trên cõi trí, vốn theo nghĩa đen là một tương ứng với "trái tim của mặt trời." Điểm chân thần là một phản chiếu trong hệ thống của con người của "mặt trời tinh thần trung ương."

d. Trung tâm tim của con người trên cõi dĩ thái của cõi hồng trần, đến lượt nó là một tương ứng với mặt trời hồng trần.

Thus the tiny atom man is linked with the great central Life of the solar system.

Như vậy, nguyên tử nhỏ bé là con người được nối kết với Sự sống trung tâm vĩ đại của hệ mặt trời.

This Fifth Hierarchy is equally, under the law, a distributor of energy to the fifth subplane of each plane in the system, only it must be borne in mind that in the three worlds, it is the fifth subplane counting from above downward whilst in the worlds of superhuman evolution, it is the fifth counting from below upwards. This hierarchy wields, as we know, the dual aspects of manas, one in the three worlds and one which makes itself felt in higher spheres.

Huyền Giai thứ năm này cũng vậy, theo định luật, là một đấng phân phối năng lượng đến cõi phụ thứ năm của mỗi cõi trong hệ mặt trời, tuy nhiên phải ghi nhớ rằng trong ba cõi giới, đó là cõi phụ thứ năm tính từ trên xuống, trong khi trong các thế giới của tiến hoá siêu nhân, đó là cõi phụ thứ năm tính từ dưới lên. Như chúng ta biết, Huyền Giai này vận dụng các phương diện kép của manas, một trong ba cõi giới và một phương diện khác biểu lộ ảnh hưởng của nó trong các khối cầu cao hơn.

[Page 1206] It is necessary to bear in mind that all these groups are (even when termed "formless") the true forms of all that persists, for all are in the *etheric* body of the solar Logos or planetary Logos. This is a point requiring careful emphasis; students have for too long regarded the form as being the dense physical body, whereas to the occultist the physical body is not the form, but a gross maya, or illusion, and the true form is the body of vitality. Therefore, these hierarchies are the sumtotal of the vital lives and the substratum or the substance of all that is. We might regard the subject as follows:

[Page 1206] Cần ghi nhớ rằng tất cả các nhóm này (ngay cả khi được gọi là "vô tướng") đều là các hình tướng chân thực của mọi điều tồn tại bền vững, vì tất cả đều ở trong thể *dĩ thái* của Thái dương Thượng đế hay Đức Hành Tinh Thượng Đế. Đây là một điểm cần được nhấn mạnh cẩn trọng; các đạo sinh từ quá lâu đã xem hình tướng là thể xác hồng trần đậm đặc, trong khi đối với nhà huyền bí học, thể xác hồng trần không phải là hình tướng, mà là một ảo lực thô nặng, hay ảo tưởng, còn hình tướng chân thực là thể sinh lực. Vì vậy, các huyền giai này là tổng thể của các sự sống sinh lực và là nền tảng hay chất liệu của mọi cái đang hiện hữu. Chúng ta có thể xem xét chủ đề này như sau:

a. The four superior groups are the hierarchies expressing themselves through the three cosmic ethers, the second, third and fourth.

a. Bốn nhóm cao hơn là các huyền giai biểu hiện qua ba dĩ thái vũ trụ, thứ hai, thứ ba và thứ tư.

b. The two lowest groups are the lives which are found functioning as the involutionary matter (organised and unorganised) of the

b. Hai nhóm thấp nhất là các sự sống được tìm thấy đang hoạt động như vật chất giáng hạ tiến hoá (có tổ chức và không có tổ chức)

logoic dense physical body, the liquid and gaseous, with the living substance of the four higher subplanes of the systemic dense physical body.

c. The fifth Hierarchy has an interesting position as the "mediating" body between the higher four and those which are found on the lower three subplanes. There is a vital and significant correspondence to be found between the seven head centres and the seven groups of Egos on the mental plane, and there is an occult analogy *between the three head centres (pineal gland, pituitary body, and the alta major centres) and the expression of these seven groups of Egos in the three worlds.* This is a most important esoteric fact, and all students of meditation upon the laws of at-one-ment must take this analogy into consideration.

It is useful to remember the place of these hierarchies in the scheme, and to realise that upon the sumtotal of these vital bodies is gradually gathered the dense manifestation which we regard as the evolutionary matter. The forms are built (from the form of all atoms to the [Page 1207] body of the Ego, from the form of a flower to the vast planetary or solar lotus) because the hierarchies exist as the aggregate of germ lives, giving the impulse, providing the model, and procuring, through their very existence, the entire *raison d'être* of all that is seen on all planes.

Hierarchies VI and VII. These sixth and seventh Hierarchies which provide the substance forms of the three worlds have a vital use and a most interesting place. From the logoic standpoint, they are not regarded as providing principles, but from the standpoint of man they do provide him with

của thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, tức phần lỏng và khí, cùng với chất liệu sống của bốn cõi phụ cao hơn của thể xác hồng trần đậm đặc của hệ mặt trời.

c. Huyền Giai thứ năm có một vị trí thú vị như nhóm "trung gian" giữa bốn nhóm cao hơn và những nhóm được tìm thấy trên ba cõi phụ thấp hơn. Có một tương ứng sinh động và đầy thâm nghĩa giữa bảy trung tâm đầu và bảy nhóm chân ngã trên cõi trí, và có một tương đồng huyền bí *giữa ba trung tâm đầu (tuyến tùng, tuyến yên, và các trung tâm alta major) với sự biểu hiện của bảy nhóm chân ngã này trong ba cõi giới.* Đây là một sự kiện nội môn vô cùng quan trọng, và mọi đạo sinh tham thiền về các định luật hợp nhất đều phải lưu ý đến sự tương đồng này.

Thật hữu ích khi ghi nhớ vị trí của các huyền giai này trong hệ hành tinh, và chứng nghiệm rằng trên tổng thể của các thể sinh lực này, biểu hiện đậm đặc mà chúng ta xem là vật chất tiến hoá đang dần dần được tập hợp lại. Các hình tướng được xây dựng (từ hình tướng của mọi nguyên tử đến [Page 1207] thể nguyên nhân của chân ngã, từ hình tướng của một bông hoa đến hoa sen hành tinh hay thái dương bao la) bởi vì các huyền giai tồn tại như tổng hợp của các sự sống mầm giống, ban xung lực, cung cấp mô hình, và do chính sự hiện hữu của chúng mà tạo nên toàn bộ *lý do tồn tại* của mọi điều được thấy trên mọi cõi.

Huyền Giai VI và VII. Hai Huyền Giai thứ sáu và thứ bảy này, vốn cung cấp các hình tướng chất liệu của ba cõi giới, có một công dụng thiết yếu và một vị trí rất thú vị. Từ quan điểm của Thượng đế, chúng không được xem là cung cấp các nguyên khí, nhưng từ quan điểm của con người, chúng quả thật

his lowest principles. They hold the same relation to the Logos as the dense physical body does to man, and all that concerns the evolution of man must (in this particular place) be studied as going on within the physical, logoic vehicle. They deal with the display of physical energy; with the working out in the physical vehicle, of all divine purposes, and with the physical organisation of a certain great cosmic Life.

cung cấp cho y các nguyên khí thấp nhất của mình. Chúng giữ cùng mối liên hệ với Thượng đế như thể xác hồng trần đậm đặc đối với con người, và mọi điều liên quan đến sự tiến hoá của con người phải (ở chỗ đặc biệt này) được nghiên cứu như đang diễn ra bên trong vận cụ hồng trần của Thượng đế. Chúng đề cập đến sự biểu lộ của năng lượng hồng trần; đến việc triển khai trong vận cụ hồng trần mọi thiên ý, và đến tổ chức hồng trần của một Sự Sống vũ trụ lớn lao nào đó.

Particularly is this so when we view the two hierarchies under consideration. They are the lowest residue of the previous system, and the energy of that matter (liquid, gaseous and dense) which the vibration of the logoic permanent atom (on the plane adi) attracts to itself in the building of the divine form. For purposes of clarification and of generalisation, it might be noted that the seventh Hierarchy is the life or energy found at the heart of every atom, its positive aspect, and the sixth Hierarchy is the life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object. The function of this Hierarchy is well described in the words of the old Commentary:

Điều này đặc biệt đúng khi chúng ta xem xét hai huyền giai đang bàn đến. Chúng là phần cặn thấp nhất của hệ mặt trời trước, và là năng lượng của loại vật chất ấy (lỏng, khí và đậm đặc) mà rung động của nguyên tử trường tồn của Thượng đế (trên cõi adi) hút về cho chính nó trong việc xây dựng hình tướng thiêng liêng. Để làm sáng tỏ và khái quát hoá, cần lưu ý rằng Huyền Giai thứ bảy là sự sống hay năng lượng được tìm thấy ở trung tâm của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó, và Huyền Giai thứ sáu là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật hữu hình. Chức năng của Huyền Giai này được mô tả rất rõ trong lời của Cổ Luận:

"The devas hear the word go forth. They sacrifice themselves and out of their own substance they build the form desired. They draw life and the material from themselves, and yield themselves to the divine impulse."

"Các thiên thần nghe Linh từ phát ra. Họ hi sinh chính mình và từ chất liệu của chính họ, họ xây dựng hình tướng được mong muốn. Họ rút sự sống và vật chất từ chính mình, và hiến mình cho xung lực thiêng liêng."

[Page 1208] It is not possible to say much more anent these two last Hierarchies. Much that concerns them has been covered in the section of this *Treatise* which deals with the fire of matter. I would only point out that just as we teach in the occult wisdom that there is a definite progression from one kingdom into the next higher above, so there

[Page 1208] Không thể nói thêm nhiều hơn về hai Huyền Giai cuối cùng này. Nhiều điều liên quan đến chúng đã được trình bày trong phần của bộ *Luận* này bàn về lửa của vật chất. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng cũng như chúng ta dạy trong Minh Triết huyền bí rằng có một sự tiến triển xác định từ giới này sang giới cao hơn kế tiếp, thì trong lĩnh vực các

is a similar activity in the realm of the hierarchies. The lives which compose a Hierarchy pass in ordered cycles into the next above, though the word "above" but serves to mislead. It is *consciousness* and realisation which must be considered as being transferred and the consciousness of one hierarchy expands into that of the next higher.

huyền giai cũng có một hoạt động tương tự. Các sự sống cấu thành một Huyền Giai đi qua những chu kỳ có trật tự vào Huyền Giai kế trên, dù từ "trên" chỉ gây hiểu lầm. Điều phải được xem là được chuyển dịch là *tâm thức* và sự chứng nghiệm, và tâm thức của một huyền giai mở rộng vào tâm thức của huyền giai cao hơn kế tiếp.

This can also be viewed in terms of energy. The negative lives of a hierarchy follow the following sequence:

Điều này cũng có thể được nhìn dưới góc độ năng lượng. Các sự sống âm của một huyền giai đi theo trình tự sau:

1. Negative energy.

1. Năng lượng âm.

2. Equilibrised energy.

2. Năng lượng được quân bình.

3. Positive energy.

3. Năng lượng dương.

The positive lives of one hierarchy become the negative lives of another when they pass into it, and this it is which leads to the general confusion of ideas under which the average student labours. If he is to comprehend the matter with accuracy, he must study each hierarchy in a threefold manner, and view it also in its transitional state, as the negative blends and merges into the positive, and the positive becomes the negative pole of a higher vibratory stage. There are, therefore, nine states of consciousness through which each hierarchy has to pass, and some idea of the significance of this and their relativity can be gained by a consideration of the nine Initiations of the fourth Creative Hierarchy. Within these nine distinct expansions through which each life in each hierarchy must pass, are to be found lesser expansions and it is here that the main difficulty for the student of divine psychology lies. The whole subject concerns the [Page 1209] psyche, or second aspect, of every life—superhuman,

Các sự sống dương của một huyền giai trở thành các sự sống âm của một huyền giai khác khi chúng đi vào đó, và chính điều này dẫn đến sự lẫn lộn chung về ý tưởng mà đạo sinh trung bình phải chịu đựng. Nếu y muốn thấu hiểu vấn đề một cách chính xác, y phải nghiên cứu mỗi huyền giai theo cách tam phân, và cũng phải nhìn nó trong trạng thái chuyển tiếp của nó, khi cái âm hòa lẫn và nhập vào cái dương, và cái dương trở thành cực âm của một giai đoạn rung động cao hơn. Vì vậy, có chín trạng thái tâm thức mà mỗi huyền giai phải đi qua, và có thể có được một ý niệm nào đó về ý nghĩa của điều này cùng tính tương đối của chúng bằng cách xem xét chín cuộc Điểm đạo của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Bên trong chín sự mở rộng riêng biệt này mà mỗi sự sống trong mỗi huyền giai phải trải qua, còn có những sự mở rộng nhỏ hơn, và chính ở đây nằm khó khăn chính đối với đạo sinh của tâm lý học thiêng liêng. Toàn bộ chủ đề này liên quan đến [Page 1209] linh hồn, hay phương diện thứ hai, của mọi sự sống—siêu nhân, nhân loại

human and subhuman—and only when the true psychology is better understood will the subject take on its true importance. Then the nine unfoldments of each hierarchy will be somewhat comprehended, and their relative importance assigned.

và hạ nhân loại—và chỉ khi tâm lý học chân chính được hiểu rõ hơn thì chủ đề này mới mang lấy tầm quan trọng đích thực của nó. Khi đó chín sự khai mở của mỗi huyền giai sẽ được hiểu phần nào, và tầm quan trọng tương đối của chúng sẽ được xác định.

Study of the matter in each kingdom will not as yet bring full enlightenment regarding the constitution of the elements of the human kingdom and its principles, which are the manifestations of the different hierarchies. The true revelation will only come as the following points are recognised:

Việc nghiên cứu vật chất trong mỗi giới hiện chưa thể mang lại sự soi sáng trọn vẹn về cấu tạo của các nguyên tố của giới nhân loại và các nguyên khí của nó, vốn là những biểu hiện của các huyền giai khác nhau. Sự mặc khải chân thực sẽ chỉ đến khi các điểm sau được nhận ra:

1. The triple nature of man.

1. Bản chất tam phân của con người.

2. The distinctions between the vehicle and that which utilises the vehicle.

2. Những phân biệt giữa vận cụ và cái sử dụng vận cụ ấy.

3. The distinction between a Ray which is the expression of logoic energy and a positive emanation, and a hierarchy which is a negative emanation of the Logos, upon which His positive energy impresses itself, driving that hierarchy on to self expression and forcing the “marriage of the poles.”

3. Sự phân biệt giữa một cung là biểu hiện của năng lượng của Thượng đế và đồng thời là một phát xạ dương, với một huyền giai là một phát xạ âm của Thượng đế, trên đó năng lượng dương của Ngài in dấu chính nó, thúc đẩy huyền giai ấy đi đến tự biểu hiện và cưỡng bách “sự hôn phối của các cực.”

The whole subject is very involved and difficult but light will begin to dawn before long when science recognises the nature, place and responsibility of the etheric body in man, or of his vital body, and its position as the true form, and basic unit of the dense physical body. When this has been admitted, and the illuminating facts recorded and known, when the connection between the two is grasped, and the necessary deductions and correlations are made, the whole subject of logoic manifestation and the work of the Lives on the four higher planes, with their effect upon the Logoic dense physical plane (our three worlds of

Toàn bộ chủ đề này rất phức tạp và khó khăn, nhưng ánh sáng sẽ sớm bắt đầu ló rạng khi khoa học nhận ra bản chất, vị trí và trách nhiệm của thể dĩ thái nơi con người, hay thể sinh lực của y, và vị trí của nó như hình tướng chân thực, và đơn vị cơ bản của thể xác hồng trần đậm đặc. Khi điều này được thừa nhận, và các sự kiện soi sáng được ghi nhận và biết đến, khi mối liên hệ giữa hai thể được nắm bắt, và các suy luận cùng tương quan cần thiết được thực hiện, thì toàn bộ chủ đề về biểu hiện của Thượng đế và công việc của các Sự Sống trên bốn cõi cao hơn, cùng với ảnh hưởng của các Ngài lên cõi hồng trần đậm đặc của Thượng đế (ba cõi

expression) will take on a new colouring. The thoughts of men will be revolutionised on the subject of creation; [Page 1210] the terms and expressions now used will be corrected, and all will be expressed in terms of form-building energy, and the three modes of electrical phenomena. This realisation is rapidly on its way but only the generation after the one which the children of the present age are expressing, will see it demonstrated to such an extent as to place etheric electrical phenomena beyond all dispute. This will be done by the coming in of egos who are fully conscious on the etheric levels and who can *see* all that which is now the subject of speculation. They—from their great numbers and high stage of intellectuality—will rescue the whole matter from the realm of controversy and demonstrate the facts.

giới biểu hiện của chúng ta) sẽ mang một sắc thái mới. Tư tưởng của con người sẽ được cách mạng hoá về chủ đề sáng tạo; [Page 1210] các thuật ngữ và cách diễn đạt hiện nay sẽ được điều chỉnh, và mọi sự sẽ được diễn đạt theo năng lượng xây dựng hình tướng, cùng ba phương thức của hiện tượng điện. Sự chứng nghiệm này đang nhanh chóng đến gần, nhưng chỉ thế hệ sau thế hệ mà con cái của thời đại hiện nay đang biểu hiện mới thấy nó được chứng minh đến mức đặt các hiện tượng điện dĩ thái vượt ngoài mọi tranh cãi. Điều này sẽ được thực hiện nhờ sự xuất hiện của các chân ngã hoàn toàn hữu thức trên các cấp dĩ thái và có thể *thấy* tất cả những gì hiện nay còn là đối tượng của suy đoán. Họ—nhờ số lượng đông đảo và trình độ trí tuệ cao—sẽ cứu toàn bộ vấn đề này ra khỏi lĩnh vực tranh luận và chứng minh các sự kiện.

The work of building forms will never be understood till the true function of the etheric body is realised. It is the attractive agent for those lives which are so low an order as to be occultly *inert*. These lives, which are not included in the list of hierarchies, are acted upon by the sixth and seventh groups and by the energy emanating from them. They are stirred from the inertia in which they have rested, and are driven to take their place, and to form the concrete vehicles of all that is. They are the lowest manifestation of that which is abstract; they are the densest concretion of Spirit; they are the failures of the system preceding this, and their failure is so complete (from the standpoint of consciousness) that all the response they can make to the positive vibration of the seventh Hierarchy is simply to be attracted. They can be occultly drawn into place but only at the close of this solar system will they be in a condition to pass into and

Công việc xây dựng hình tướng sẽ không bao giờ được hiểu cho đến khi chức năng chân thực của thể dĩ thái được chứng nghiệm. Nó là tác nhân hấp dẫn đối với những sự sống có thứ bậc thấp đến mức theo huyền bí học là *trì trệ*. Những sự sống này, không được bao gồm trong danh sách các huyền giai, bị tác động bởi nhóm thứ sáu và thứ bảy cùng năng lượng phát ra từ chúng. Chúng được khuấy động khỏi trạng thái trì trệ mà chúng đã an nghỉ trong đó, và bị thúc đẩy nhận lấy vị trí của mình, và tạo thành các vận cụ cụ thể của mọi cái đang hiện hữu. Chúng là biểu hiện thấp nhất của cái trừu tượng; chúng là sự kết tụ đậm đặc nhất của Tinh thần; chúng là những thất bại của hệ mặt trời trước hệ mặt trời này, và sự thất bại của chúng hoàn toàn đến mức (xét từ quan điểm tâm thức) mọi đáp ứng mà chúng có thể tạo ra đối với rung động dương của Huyền Giai thứ bảy chỉ đơn giản là bị hút vào. Chúng có thể được kéo vào vị trí một cách huyền bí, nhưng chỉ vào lúc kết thúc hệ mặt trời này chúng mới ở

become the seventh Hierarchy of the next solar system.

trong tình trạng có thể đi vào và trở thành Huyền Giai thứ bảy của hệ mặt trời kế tiếp.

The goal for that which is not a principle is that it shall become a vital principle through the play of energy upon it. We are dealing here with that mysterious something which has been called "the refuse of that which earlier [Page 1211] was seen," with that latent energy which hid the lowest vibration of the system before ours, and which was so heavy, and so inert, as to be regarded beyond the ken of the Logos. He was unaware of it, and the object before these peculiar lives which live (and yet are occultly dead) is that they must force themselves into the range of His *conscious* control by response to those lives which are consciously directed by Him, and who are, therefore, the Saviours of the lowest.

Mục tiêu đối với cái không phải là một nguyên khí là nó sẽ trở thành một nguyên khí sinh động nhờ sự tác động của năng lượng lên nó. Ở đây chúng ta đang bàn đến điều huyền bí nào đó đã được gọi là "phế dư của cái mà trước đây [Page 1211] đã được thấy," với năng lượng tiềm ẩn đã che giấu rung động thấp nhất của hệ mặt trời trước hệ mặt trời chúng ta, và vốn nặng nề, trì trệ đến mức bị xem là vượt ngoài tầm biết của Thượng đế. Ngài không nhận biết nó, và mục tiêu đặt ra trước những sự sống đặc biệt này, vốn sống (nhưng theo huyền bí học lại chết), là chúng phải tự ép mình vào phạm vi kiểm soát *hữu thức* của Ngài bằng cách đáp ứng với những sự sống được Ngài điều khiển một cách hữu thức, và vì vậy là Đấng Cứu Rỗi của những gì thấp nhất.

4. Group Unity. — 4. Hợp Nhất Nhóm.

Group unity must be viewed somewhat from the mystical standpoint. It is a truism in occultism to say that nothing stands alone, yet it is a fact that each infinitesimal part of the whole has three relations:

Hợp nhất nhóm phải được nhìn phần nào từ quan điểm thần bí. Trong huyền bí học, nói rằng không gì đứng riêng lẻ là một chân lý hiển nhiên, tuy nhiên cũng là một sự kiện rằng mỗi phần vô cùng nhỏ của toàn thể có ba mối liên hệ:

1. To those units which form its body of manifestation.

1. Với những đơn vị tạo thành thân thể biểu hiện của nó.

2. To its own unitary life.

2. Với sự sống đơn nhất của chính nó.

3. To that greater unit of which it forms a part.

3. Với đơn vị lớn hơn mà nó tạo thành một phần của đơn vị ấy.

One of the main things which, it has been said, underlies logoic purpose, is the working out of ways which will result in true group unity. All that is to be seen might

Một trong những điều chính, như đã được nói, nằm bên dưới mục đích của Thượng đế, là việc tìm ra những phương cách sẽ dẫn đến hợp nhất nhóm chân thực. Mọi điều có thể

be regarded as a gigantic endeavour on the part of a great Intelligence to produce a group, and evolution is to be regarded, therefore, as a vast experiment with this objective in view.

được thấy có thể được xem như một nỗ lực khổng lồ của một Trí Tuệ vĩ đại nhằm tạo ra một nhóm, và vì vậy tiến hoá phải được xem như một thí nghiệm bao la với mục tiêu này trong tầm nhìn.

This triple responsibility above referred to exists for the atom or for the solar Logos, and the trend of the evolutionary process is to make each unit, microcosm and macrocosm, an intelligent co-operator, responsive to forces impinging upon it externally, and aware of its own internal economy and of the latent forces and energies which it has to contribute to the good of the whole. Man, standing as he does at the middle point in evolution, and marking the stage in the evolution of consciousness where a triple awareness is possible,—awareness of individuality, awareness of the forces which are subhuman and [Page 1212] which must be controlled, and awareness of a place within the plan and purpose of a greater Man—must, therefore, rightly be regarded as the most important of the evolutions, for through him can be worked out intelligently the laws of group unity for all the three groups, superhuman, human, and subhuman.

Trách nhiệm tam phân vừa được nói đến ở trên tồn tại đối với nguyên tử cũng như đối với Thái dương Thượng đế, và xu hướng của tiến trình tiến hoá là làm cho mỗi đơn vị, tiểu thiên địa và đại thiên địa, trở thành một cộng tác viên thông tuệ, đáp ứng với các mãnh lực tác động lên nó từ bên ngoài, và nhận biết cơ cấu vận hành nội tại của chính nó cũng như các mãnh lực và năng lượng tiềm ẩn mà nó phải đóng góp cho lợi ích của toàn thể. Con người, vốn đứng ở điểm giữa trong tiến hoá, và đánh dấu giai đoạn trong sự tiến hoá của tâm thức nơi một nhận biết tam phân là có thể,—nhận biết về biệt tính, nhận biết về các mãnh lực hạ nhân loại và [Page 1212] phải được kiểm soát, và nhận biết về một vị trí trong thiên cơ và mục đích của một Đấng Thiên Nhân lớn hơn—vì vậy phải được xem một cách đúng đắn là quan trọng nhất trong các cuộc tiến hoá, vì qua y các định luật hợp nhất nhóm cho cả ba nhóm, siêu nhân, nhân loại và hạ nhân loại, có thể được triển khai một cách thông tuệ.

Above him stand those who are too pure or, as it is called, “too cold” to be immersed in the matter of the three worlds, below him are found those lives which are too impure (occultly understood) or “too full of burning matter and veiled in smoke” to be able to mount of themselves into regions where stand the unveiled sons of God. Man, therefore, acts as the mediator, and in him and through him can be worked out group methods and laws which—in a later solar system—can form a basic law for unified work. It is this fact which brings about so

Phía trên y là những Đấng quá thanh khiết hay, như cách gọi, “quá lạnh” để đắm mình trong vật chất của ba cõi giới; phía dưới y là những sự sống quá bất tịnh (theo nghĩa huyền bí) hay “quá đầy vật chất đang cháy và bị che phủ trong khói” nên không thể tự mình vươn lên những vùng nơi các con của Thượng đế không che phủ đang đứng. Vì vậy, con người hành động như đấng trung gian, và trong y và qua y các phương pháp và định luật nhóm có thể được triển khai mà—trong một hệ mặt trời về sau—có thể tạo thành một định luật cơ bản cho công việc

much of the peculiar trouble and nature of the human kingdom, and it might here be said that on our planet, which is, it must be remembered, one of the "profane" planets, certain experiments in connection with this problem have been undertaken by our planetary Logos. These (if successful) will result in a great expansion of the knowledge of the planetary Logos regarding the laws governing all bodies, and masses. Our planetary Logos has been given the name of the "experimenting divine Physicist." It is this condition which makes the humanity of this planet unique in some respects, for they may be regarded as working out two main problems:

hợp nhất. Chính sự kiện này gây ra rất nhiều khó khăn đặc thù và bản chất riêng của giới nhân loại, và ở đây có thể nói rằng trên hành tinh của chúng ta, vốn cần nhớ là một trong những hành tinh "phàm tục," một số thí nghiệm liên quan đến vấn đề này đã được Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thực hiện. Những thí nghiệm này (nếu thành công) sẽ dẫn đến một sự mở rộng lớn lao trong tri thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế về các định luật chi phối mọi vật thể và mọi khối vật chất. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã được đặt tên là "nhà Vật lý thiêng liêng thực nghiệm." Chính điều kiện này làm cho nhân loại của hành tinh này là độc đáo ở một vài phương diện, vì họ có thể được xem là đang giải quyết hai vấn đề chính:

1. The problem of establishing a *conscious* relation, and response, to the animal kingdom.

1. Vấn đề thiết lập một mối liên hệ và sự đáp ứng *hữu thức* đối với giới động vật.

2. The problem of simultaneously receiving and holding vibrations from superhuman lives and of transmitting them consciously to the subhuman states.

2. Vấn đề đồng thời tiếp nhận và giữ các rung động từ các sự sống siêu nhân và truyền chúng một cách hữu thức đến các trạng thái hạ nhân loại.

[Page 1213] All this has to be accomplished by the units of the human kingdom in full individual consciousness, and the work of each human being might be regarded therefore as having in view the establishment of a sympathetic relation with other human units and with the pitris of the animal kingdom, and also the development of the power to act as the transmitter of energies from greater lives than his own, and to become a transmuting mediating agency.

[Page 1213] Các đơn vị của giới nhân loại phải hoàn thành tất cả điều này trong tâm thức cá nhân trọn vẹn, và vì vậy công việc của mỗi con người có thể được xem là nhằm thiết lập một mối liên hệ cảm thông với các đơn vị nhân loại khác và với các pitris của giới động vật, đồng thời cũng phát triển năng lực hành động như người truyền dẫn các năng lượng từ những sự sống lớn hơn sự sống của chính y, và trở thành một tác nhân trung gian chuyển hoá.

It might be of interest here to note that it is the problem of establishing a relation between the animal and himself which was

Ở đây có thể đáng quan tâm khi lưu ý rằng chính vấn đề thiết lập một mối liên hệ giữa động vật và bản thân con người là nền tảng

the original basis of what is called Hatha-Yoga and tantric magic. The link was sought in this yoga with that which was known to be similar in the two kingdoms (the physical body with its activities and purposes) and that which should be negative in the human kingdom was stimulated into a positive agency through the power of the will. That followers of Hatha-Yoga are not aware of this purpose may be true, but the originating exponents of the Hatha-Yoga mysteries were well aware of this objective, and in their zeal for unity between the two kingdoms, sought unity in the lower aspects, and neglected the real method.

nguyên thủy của cái được gọi là Hatha-Yoga và huyền thuật tantra. Trong yoga này, mối nối đã được tìm kiếm với cái được biết là tương tự trong hai giới (thể xác hồng trần với các hoạt động và mục đích của nó), và cái đáng lẽ phải âm trong giới nhân loại đã được kích thích thành một tác nhân dương nhờ quyền năng của ý chí. Việc những người theo Hatha-Yoga không nhận biết mục đích này có thể là đúng, nhưng những vị khai sáng ban đầu của các huyền nhiệm Hatha-Yoga hoàn toàn nhận biết mục tiêu này, và trong lòng nhiệt thành của họ đối với sự hợp nhất giữa hai giới, họ đã tìm kiếm sự hợp nhất trong các phương diện thấp hơn, và bỏ quên phương pháp chân thực.

III. GROUP RELATIONS — III. CÁC TƯƠNG QUAN NHÓM

In establishing group relation with the superhuman kingdoms, man has not so erred, though relatively little progress has as yet been made, and few are the human units who have merged their consciousness with that of the greater directing Intelligences and yet remained in the human family. This is the true Raja Yoga.

Trong việc thiết lập tương quan nhóm với các giới siêu nhân, con người đã không lầm lạc đến thế, dù cho đến nay tiến bộ đạt được còn tương đối ít, và rất hiếm những đơn vị nhân loại đã hòa nhập tâm thức của mình với tâm thức của các Trí Tuệ chỉ đạo lớn hơn mà vẫn còn ở trong gia đình nhân loại. Đây là Raja Yoga chân chính.

It will be apparent, therefore, that in the fourth or human kingdom, wherein the fourth Hierarchy is seeking experience, there is an effort on foot to effect the merging or centralisation of the forces of three groups,

Vì vậy, sẽ hiển nhiên rằng trong giới thứ tư hay giới nhân loại, nơi Huyền Giai thứ tư đang tìm kiếm kinh nghiệm, đang có một nỗ lực nhằm thực hiện sự hòa nhập hay tập trung hoá các mãnh lực của ba nhóm,

a. Of the energy for which the animal kingdom stands,

a. Của năng lượng mà giới động vật tượng trưng,

b. Of purely human energy, [Page 1214]

b. Của năng lượng thuần túy nhân loại, [Page 1214]

c. Of the spiritual energy of the group which is the exponent of buddhic force, thus

c. Của năng lượng tinh thần của nhóm biểu hiện mãnh lực Bồ đề, nhờ đó đưa vào, ở sự

bringing in at the third great realisation, the force of atma itself, of which buddhi is but the vehicle.

chứng nghiệm lớn lao thứ ba, chính mãnh lực của atma, mà Bồ đề chỉ là vận cụ của nó.

These three streams of force should hold the following place:

Ba dòng mãnh lực này nên giữ vị trí như sau:

Buddhic force	Positive.
Human energy	Equilibrised.
Animal energy	Negative.

Or, to word it otherwise, the positive controlling factor in the human group should be spiritual energy, toward which the animal nature should be entirely receptive, these two holding towards each other the relative position of Father-Mother. The purely human energy serves as the balancing factor and brings about an adjustment between the Spirit aspect and the material. It is this triple group relation which makes the microcosm such a genuine reflection of the greater Man and the Fourth Kingdom a true exponent of cosmic processes.

Hoặc, nói theo cách khác, yếu tố kiểm soát dương trong nhóm nhân loại phải là năng lượng tinh thần, mà bản chất động vật phải hoàn toàn tiếp nhận, hai yếu tố này giữ đối với nhau vị trí tương đối của Cha-Mẹ. Năng lượng thuần túy nhân loại đóng vai trò yếu tố quân bình và tạo ra sự điều chỉnh giữa phương diện Tinh thần và vật chất. Chính tương quan nhóm tam phân này làm cho tiểu thiên địa trở thành một phản chiếu chân thực của Đấng Thiên Nhân lớn hơn và giới thứ tư trở thành một biểu hiện chân thực của các tiến trình vũ trụ.

The same laws govern the relationship of these three factors as govern the group inter-relation of the Brahma-Vishnu-Shiva aspects; time and space or “divine opportunity” play their parts in microcosmic group work as they do in the macrocosmic, and cyclic evolution proceeds in its work of group adjustment for both units, in order to produce eventual group harmony in both cases. It is the harmony of the individual with himself and with his environing units, and his realisation of the essential oneness of all life which brings

Các định luật chi phối mối liên hệ của ba yếu tố này cũng chi phối tương quan nhóm giữa các phương diện Brahma-Vishnu-Shiva; thời gian và không gian hay “cơ hội thiêng liêng” đóng vai trò của chúng trong công việc nhóm của tiểu thiên địa cũng như trong đại thiên địa, và tiến hoá theo chu kỳ tiếp tục công việc điều chỉnh nhóm của nó cho cả hai đơn vị, nhằm tạo ra sự hài hòa nhóm chung cuộc trong cả hai trường hợp. Chính sự hài hòa của cá nhân với chính mình và với các đơn vị bao quanh y, cùng sự chứng nghiệm của y về tính nhất thể cốt yếu của mọi sự

about the great expansions of consciousness and leads to individual identification with some greater whole.

sống, mang lại những sự mở rộng lớn lao của tâm thức và dẫn đến sự đồng hoá cá nhân với một toàn thể lớn hơn nào đó.

The work of a human atom, therefore, is but a replica of that which proceeds in the planetary, or solar atom, and serves as an incentive to those minute individual lives which find their place in the six subhuman kingdoms (the [Page 1215] three elemental, and the three material). In one case we have a correspondence of so close a nature as to be almost a replica on a tiny scale; in the other we have analogies which produce what may be regarded as a reflection of the whole; in both cases we have basic group relations, fundamental group laws which produce group inter-relations, and bring about an essential union between all the forms of life. It is not my intention to say much anent group forms and work. It is for the student to study himself and that which surrounds him, and thus arrive at his own conclusions. We will, therefore, close this part of our *Treatise* by a brief enumeration of:

Vì vậy, công việc của một nguyên tử nhân loại chỉ là bản sao của điều đang diễn ra trong nguyên tử hành tinh hay thái dương, và đóng vai trò như một động lực đối với những sự sống cá thể nhỏ bé tìm thấy vị trí của chúng trong sáu giới hạ nhân loại (gồm [Page 1215] ba giới hành khí, và ba giới vật chất). Trong một trường hợp, chúng ta có một tương ứng gần gũi đến mức gần như là một bản sao ở quy mô nhỏ bé; trong trường hợp kia, chúng ta có những tương đồng tạo ra điều có thể được xem như một phản chiếu của toàn thể; trong cả hai trường hợp, chúng ta đều có những tương quan nhóm cơ bản, những định luật nhóm nền tảng tạo ra các tương quan nhóm, và mang lại một sự hợp nhất cốt yếu giữa mọi hình tướng của sự sống. Tôi không có ý định nói nhiều về các hình tướng nhóm và công việc nhóm. Đạo sinh phải tự nghiên cứu chính mình và những gì bao quanh mình, và như vậy đi đến các kết luận của riêng mình. Vì vậy, chúng ta sẽ kết thúc phần này của bộ *Luận* bằng một sự liệt kê ngắn gọn về:

1. The three atomic relations.

1. Ba tương quan nguyên tử.

2. The seven laws of group work.

2. Bảy định luật của công việc nhóm.

3. The twenty-two methods of interplay.

3. Hai mươi hai phương pháp tương tác.

These thirty-two phases and ideas must be applied in degree to all atoms, the tiny lives which are the sumtotal of all material worlds, the planetary atom, the macrocosm for all on the five planes, and the solar atom, the synthesis of all on the seven planes and of the seven evolutions.

Ba mươi hai giai đoạn và ý tưởng này phải được áp dụng theo mức độ cho mọi nguyên tử, những sự sống nhỏ bé là tổng thể của mọi thế giới vật chất, nguyên tử hành tinh, đại thiên địa đối với mọi sự trên năm cõi, và nguyên tử thái dương, sự tổng hợp của mọi sự trên bảy cõi và của bảy cuộc tiến hoá.

1. Three Atomic Relations. — 1. Ba Tương Quan Nguyên Tử.

Individual. This concerns the central fire of all atoms and affects the relation of that positive centre to all within its sphere of influence.

Cá nhân. Điều này liên quan đến lửa trung tâm của mọi nguyên tử và ảnh hưởng đến mối liên hệ của trung tâm dương đó với mọi sự bên trong khối cầu ảnh hưởng của nó.

Systemic. This concerns the relation of all atoms to other atoms which come within their range of influence, or their scale of contacts.

Hệ thống. Điều này liên quan đến mối liên hệ của mọi nguyên tử với các nguyên tử khác đi vào trong phạm vi ảnh hưởng của chúng, hay trong thang bậc tiếp xúc của chúng.

Universal. This deals with the identification of all atoms with these particular groups, and their consequent submergence in the interests of the greater whole.

Vũ trụ. Điều này bàn đến sự đồng hoá của mọi nguyên tử với các nhóm đặc thù này, và do đó sự chìm ngập của chúng vào các lợi ích của toàn thể lớn lao hơn.

It might be noted here that the immediate objective of the human kingdom is *consciously* to establish systemic relations, [Page 1216] and be actively, and consciously, part of group work. The individual consciousness of relationship is somewhat established owing to there being self-consciousness. The work for the subhuman kingdoms is the establishment of conscious self-realisation, or the bringing about of a distinct individualism in every form of atomic life, whilst the object for the superhuman lives is the establishment of a universal consciousness which will enable every planet and solar life to be consciously and intelligently part of a cosmic whole.

Cần lưu ý rằng mục tiêu trước mắt của giới nhân loại là *thiết lập một cách hữu thức* các mối liên hệ hệ thống, [Page 1216] và trở thành một phần tích cực và hữu thức của công việc nhóm. Tâm thức cá nhân về mối liên hệ phần nào đã được thiết lập do có ngã thức. Công việc đối với các giới dưới nhân loại là thiết lập sự chứng nghiệm bản ngã một cách hữu thức, hay tạo ra một tính cá biệt rõ rệt trong mọi hình tướng của sự sống nguyên tử, trong khi mục tiêu đối với các sự sống siêu nhân loại là thiết lập một tâm thức vũ trụ, điều sẽ giúp mọi sự sống hành tinh và thái dương trở thành một phần hữu thức và thông tuệ của một toàn thể vũ trụ.

2. The Seven Laws of Group Work. — 2. Bảy Định luật của Công việc Nhóm.

These can only be expressed largely through the medium of mystical terms, and it is left to the intuition of the student to apply them to the more material forms of life.

Những định luật này chỉ có thể được diễn đạt phần lớn qua trung gian của các thuật ngữ thần bí, và việc áp dụng chúng vào các hình thức sự sống vật chất hơn tùy thuộc vào trực giác của đạo sinh.

Law 1. The Law of Sacrifice. This involves the immolation and sacrifice of that which has been realised. This is crucifixion, the basic law of all group work, the governing principle which results in each human unit eventually becoming a Saviour.

Định luật 1. Định luật Hi sinh. Điều này bao hàm sự hiến tế và hi sinh điều đã được chứng nghiệm. Đây là sự đóng đinh, định luật căn bản của mọi công việc nhóm, nguyên lý chi phối khiến mỗi đơn vị nhân loại cuối cùng trở thành một Đấng Cứu Thế.

Law 2. The Law of Magnetic Impulse. The law governing the primary realisations by any atom of its environing contacts, and the going out, or feeling after, by that atom so that eventually a relation between that which is realised as part of the group and the unit is established. This is not the same thing as making sense contacts, as the relation established is between the Self in all, and not between aspects of the Not-Self. This law is sometimes called "The first step towards marriage," for it results in an eventual union between the man or atom and the group which produces harmonious group relations.

Định luật 2. Định luật Xung Động Từ Tính. Định luật chi phối những chứng nghiệm sơ khởi của bất kỳ nguyên tử nào về các tiếp xúc bao quanh nó, và sự vươn ra, hay dò tìm, của nguyên tử đó để cuối cùng một mối liên hệ được thiết lập giữa điều được chứng nghiệm như là một phần của nhóm và đơn vị. Điều này không giống như việc tạo ra các tiếp xúc giác quan, vì mối liên hệ được thiết lập là giữa Bản Ngã trong mọi sự, chứ không phải giữa các phương diện của Phi-Ngã. Định luật này đôi khi được gọi là "bước đầu tiên hướng tới hôn phối," vì nó dẫn đến một sự hợp nhất sau cùng giữa con người hay nguyên tử với nhóm, tạo ra các mối liên hệ nhóm hài hoà.

Law 3. The Law of Service. This law, for want of a better name, concerns the identification of an atom with the group interest, and the steady negation of the atom's own material interests; it really deals with the process or [Page 1217] method whereby an atom (positive in its own centralised life) gradually becomes responsive and receptive to the positive life of the group.

Định luật 3. Định luật Phụng sự. Định luật này, vì thiếu một tên gọi tốt hơn, liên quan đến sự đồng hoá của một nguyên tử với lợi ích của nhóm, và sự phủ nhận đều đặn các lợi ích vật chất riêng của nguyên tử; thực ra nó bàn đến tiến trình hay [Page 1217] phương pháp nhờ đó một nguyên tử (dương trong sự sống tập trung của chính nó) dần dần trở nên đáp ứng và tiếp nhận đối với sự sống dương của nhóm.

Law 4. The Law of Repulsion. This law concerns itself with the ability of an atom to throw off, or refuse to contact, any energy deemed inimical to group activity. It is literally a law of service, but only comes consciously into play when the atom has established certain basic discriminations, and guides its activities through a knowledge of the laws of its own being. This

Định luật 4. Định luật Đẩy Lùi. Định luật này liên quan đến khả năng của một nguyên tử trong việc loại bỏ, hay từ chối tiếp xúc với, bất kỳ năng lượng nào bị xem là thù nghịch với hoạt động nhóm. Theo nghĩa đen, đây là một định luật phụng sự, nhưng chỉ đi vào hoạt động một cách hữu thức khi nguyên tử đã thiết lập được một số phân biện căn bản, và hướng dẫn các hoạt động của nó qua sự

law is not the same as the Law of Repulsion which is used in connection with the Law of Attraction between forms which have relation to the material. The laws we are now considering have relation to the psyche, or to the Vishnu aspect. One group of laws concern energies emanating from the physical sun; the ones we are now considering emanate from the heart of the Sun. The "repulsion" here dealt with has the effect (when consciously applied through the developed heart energy of a human atom, for instance) of furthering the interests of the repulsed unit and of driving this unit closer to its own centre. Perhaps some idea of the great beauty of this law as it works out can be gathered from an occult phrase in a certain old book:

hiểu biết về các định luật của chính bản thể nó. Định luật này không giống với Định luật Đẩy Lùi được dùng liên hệ với Định luật Hấp Dẫn giữa các hình tướng có liên quan đến vật chất. Các định luật mà hiện nay chúng ta đang xét có liên quan đến linh hồn, hay đến phương diện Vishnu. Một nhóm định luật liên quan đến các năng lượng phát ra từ mặt trời vật chất; còn những định luật hiện nay chúng ta đang xét phát ra từ trái tim Mặt Trời. "Sự đẩy lùi" được bàn đến ở đây có tác dụng (khi được áp dụng một cách hữu thức qua năng lượng tim đã phát triển của một nguyên tử nhân loại chẳng hạn) là thúc đẩy lợi ích của đơn vị bị đẩy lùi và đẩy đơn vị này đến gần hơn với trung tâm riêng của nó. Có lẽ có thể nắm được phần nào ý niệm về vẻ đẹp lớn lao của định luật này khi nó vận hành qua một cụm từ huyền bí trong một quyển sách cổ nào đó:

"This repulsive force drives in seven directions, and forces all that it contacts back to the bosom of the seven spiritual fathers."

"Mãnh lực đẩy lùi này thúc đẩy theo bảy hướng, và buộc mọi thứ nó tiếp xúc quay trở về lòng của bảy vị phụ thân tinh thần."

Through repulsion, the units are driven home and the straying unconscious ones are forced towards their own centre. The Law of Repulsion, or the stream of energy for which it is but a name, can work from any centre, but as dealt with here, *it must emanate from the heart* if it is to bring about the necessary group work.

Qua sự đẩy lùi, các đơn vị bị thúc đẩy trở về nhà và những đơn vị vô thức đi lạc bị buộc hướng về trung tâm riêng của chúng. Định luật Đẩy Lùi, hay dòng năng lượng mà nó chỉ là một tên gọi, có thể hoạt động từ bất kỳ trung tâm nào, nhưng như được bàn đến ở đây, *nó phải phát ra từ tim* nếu muốn tạo ra công việc nhóm cần thiết.

Law 5. The Law of Group Progress. This is sometimes called "the Law of Elevation" for it concerns the mysteries of group realisation, and expansions of consciousness [Page 1218] and the part each unit plays in the general progress of a group. In relation to the human family, for instance, the truth must ever be borne in mind that no human atom arrives at "fullness of life" without

Định luật 5. Định luật Tiến Bộ Nhóm. Định luật này đôi khi được gọi là "Định luật Nâng Cao" vì nó liên quan đến các huyền nhiệm của sự chứng nghiệm nhóm, và các sự mở rộng tâm thức [Page 1218] cùng phần mà mỗi đơn vị đảm nhiệm trong sự tiến bộ chung của một nhóm. Chẳng hạn, liên hệ với gia đình nhân loại, chân lý phải luôn được ghi nhớ là không một nguyên tử nhân loại

adding much to the general nature of his own group. The elevation of a unit results in the raising of the group; the realisation of the unit brings about eventually group recognition; the initiation of the unit leads finally to planetary initiation, and the attainment of the goal by the human atom and his achievement of his objective brings about steadily and ceaselessly group achievement. No man liveth to himself, and the crucifixion of the units throughout the aeons, and their realisation of their essential nature, only in order to offer up the best they have and realise to the interests of the group, are but the methods whereby the work of liberation is carried forward.

nào đạt đến "sự viên mãn của sự sống" mà không đóng góp nhiều vào bản chất chung của chính nhóm mình. Sự nâng cao của một đơn vị dẫn đến sự nâng cao của nhóm; sự chứng nghiệm của đơn vị cuối cùng mang lại sự nhận biết của nhóm; điểm đạo của đơn vị cuối cùng dẫn đến điểm đạo hành tinh, và việc nguyên tử nhân loại đạt được mục tiêu cùng sự thành tựu mục đích của y mang lại một cách đều đặn và không ngừng sự thành tựu của nhóm. Không ai sống cho riêng mình, và sự đóng đinh của các đơn vị qua các thời đại, cùng sự chứng nghiệm của họ về bản chất cốt yếu của mình, chỉ để dâng lên điều tốt đẹp nhất mà họ có và chứng nghiệm cho các lợi ích của nhóm, chỉ là những phương pháp nhờ đó công việc giải thoát được tiếp tục tiến hành.

Sacrifice, Service, Magnetism (*"I, if I be lifted up, will draw"*), Group Progress, Divine Repulsion, these are but the inadequate terms whereby we seek to express the divine truth that the whole life and expression of the solar Logos will only be possible, and His purpose only be revealed, when He has brought each atomic unit to the stage of self-realisation. Then He will lead them on to the point of sacrificing that realised self so that divine purpose and will may be consummated, and the divine life and glory shine forth in perfect radiance.

Hi sinh, Phụng sự, Từ điện (*"Ta, nếu được nâng lên, sẽ thu hút"*), Tiến Bộ Nhóm, Sự Đẩy Lùi thiêng liêng, đó chỉ là những thuật ngữ chưa đầy đủ mà qua đó chúng ta tìm cách diễn đạt chân lý thiêng liêng rằng toàn bộ sự sống và biểu hiện của Thái dương Thượng đế sẽ chỉ có thể có được, và mục đích của Ngài sẽ chỉ được mặc khải, khi Ngài đã đưa mỗi đơn vị nguyên tử đến giai đoạn chứng nghiệm bản ngã. Khi đó Ngài sẽ dẫn dắt chúng đến điểm hi sinh cái ngã đã được chứng nghiệm ấy để mục đích và ý chí thiêng liêng có thể được hoàn tất, và sự sống cùng vinh quang thiêng liêng có thể toả sáng trong ánh huy hoàng hoàn hảo.

This might be expressed in more material terms by saying that through the dominance of these laws of the Soul, the logoic physical body will become an active expression of His self-realised purpose.

Điều này có thể được diễn đạt bằng những thuật ngữ vật chất hơn bằng cách nói rằng qua sự chi phối của các định luật này của linh hồn, thể xác hồng trần của Thượng đế sẽ trở thành một biểu hiện tích cực của mục đích mà Ngài đã tự chứng nghiệm.

The final two laws concerning group activity can only be very briefly treated as their true

Hai định luật cuối cùng liên quan đến hoạt động nhóm chỉ có thể được bàn đến rất vắn

significance is only apparent to pledged disciples. They concern primarily the astral and the mental planes, and, therefore the corresponding vehicles of the group units. A group, it [Page 1219] should be remembered, which is functioning on the physical plane is also found in a still larger form on the astral and the mental. Just as the astral body of a man is larger than his physical body, and, therefore, has built into its structure a larger number of atomic units, so a group contains (astrally considered) more units than on the physical plane. The laws we are touching upon concern the relation of the physical plane units to those units who form a part of the group, and yet are functioning without the physical plane sheaths or vehicles. The same idea must be applied to the units devoid of a physical vehicle who form a component part of the mental body of the group.

tắt vì ý nghĩa đích thực của chúng chỉ hiển nhiên đối với các đệ tử đã tuyên thệ. Chúng chủ yếu liên quan đến cõi cảm dục và cõi trí, và do đó đến các vận cụ tương ứng của các đơn vị nhóm. Cần nhớ rằng một nhóm, [Page 1219] đang hoạt động trên cõi hồng trần, cũng được tìm thấy trong một hình thức còn lớn hơn trên cõi cảm dục và cõi trí. Cũng như thể cảm dục của một người lớn hơn thể xác của y, và do đó có một số lượng đơn vị nguyên tử lớn hơn trong cấu trúc của nó, thì một nhóm cũng chứa đựng (xét về cảm dục) nhiều đơn vị hơn là trên cõi hồng trần. Những định luật mà chúng ta đang đề cập liên quan đến mối liên hệ của các đơn vị trên cõi hồng trần với những đơn vị tạo thành một phần của nhóm, nhưng lại đang hoạt động mà không có các thể hay vận cụ cõi hồng trần. Ý tưởng tương tự cũng phải được áp dụng cho các đơn vị không có vận cụ hồng trần, là những thành phần cấu tạo nên thể trí của nhóm.

These two laws are termed:

Hai định luật này được gọi là:

6. The Law of Expansive Response.

6. Định luật Đáp Ứng Mở Rộng.

7. The Law of the Lower Four.

7. Định luật của Bốn Thấp.

These laws only become operative in units on the physical plane which are becoming responsive consciously to those group workers who are discarnate.

Những định luật này chỉ trở nên tác động nơi các đơn vị trên cõi hồng trần đang trở nên đáp ứng một cách hữu thức với những người hoạt động nhóm đã lìa xác.

All these laws, from the point of view of a disciple, need only be considered as operative in the three worlds, though it is needless to point out that parallels will be found on all planes. These seven laws are those which are ascertained and consciously studied in all groups working under the Masters.

Tất cả những định luật này, từ quan điểm của một đệ tử, chỉ cần được xem là tác động trong ba cõi giới, mặc dù không cần phải chỉ ra rằng các tương ứng song hành sẽ được tìm thấy trên mọi cõi. Bảy định luật này là những định luật được xác định và được nghiên cứu một cách hữu thức trong mọi nhóm hoạt động dưới sự hướng dẫn của các Chân sư.

For each of these Laws, there is a definite formula and symbol. At this stage of teaching or through this Treatise, it is not possible to reveal or impart the formulas. The symbol may be described, and if the student will carefully ponder upon the nomenclature of the Law, its occult name and its symbol, much may be gathered anent group inter-relations. It is these laws which the coming cycle of regeneration will enunciate, and which the Great Lord will demonstrate upon His appearing, and it is these laws which will gradually be applied to the working methods [Page 1220] of all organisations, brotherhoods, fraternities and masonic circles.

Đối với mỗi Định luật này, có một công thức và một biểu tượng xác định. Ở giai đoạn giảng dạy này hay qua bộ Luận này, không thể tiết lộ hay truyền đạt các công thức. Biểu tượng có thể được mô tả, và nếu đạo sinh cẩn thận suy ngẫm về danh xưng của Định luật, tên gọi huyền bí của nó và biểu tượng của nó, thì có thể thu thập được nhiều điều liên quan đến các tương quan giữa các nhóm. Chính những định luật này mà chu kỳ tái sinh sắp đến sẽ công bố, và mà Đức Chúa Tể Vĩ Đại sẽ chứng minh khi Ngài xuất hiện, và chính những định luật này sẽ dần dần được áp dụng vào các phương pháp hoạt động [Page 1220] của mọi tổ chức, huynh đệ đoàn, hội đoàn và các nhóm Tam Điểm.

THE LAWS AND SYMBOLS

CÁC ĐỊNH LUẬT VÀ BIỂU TƯỢNG

No.	*Exoteric Name*	*Esoteric Name*	*Symbol*	*Ray Energy*
1.	Law of Sacrifice.	The Law of Those Who Choose to Die.	A Rosy Cross with Golden Bird	Out-pouring 4th Ray. At-one-ing factor
2.	Law of Magnetic Impulse	The Law of the Polar Union.	Two fiery balls and triangle.	Radiatory energy 2nd Ray Manifesting factor.
3.	Law of Service.	The Law of Water and of Fishes	A Pitcher on the head of a man.	Out-going energy 6th Ray. Vivifying factor.
4.	Law of Repulse.	The Law of all Destroying Angels	An Angel with a flaming sword.	Rejecting energy 1st Ray. Dispersing factor.
5.	Law of Gronp Progress.	The Law of Elevation.	The Mountain and the Goat.	Progressive energy 7th Ray. Evolving factor
6.		(Name not given.)	Flaming Rosy Sun.	

	Law of Expansive Response.			Expansive energy 3rd Ray. Adapting factor.
7.	Law of the lower Four.	The Law of Etheric Union.	A Male and Female Form, placed back to back	Fiery energy 5th Ray. Vitalizing factor.

The symbols are as follows:

Các biểu tượng như sau:

Law 1. A rosy cross, with a bird hovering above it.

Định luật 1. Một thập giá hồng, với một con chim lượn phía trên nó.

Law 2. Two balls of fire united by a triangle of fire, thus picturing the triple interplay between all atomic structures.

Định luật 2. Hai quả cầu lửa được nối liền bằng một tam giác lửa, qua đó mô tả sự tương tác tam phân giữa mọi cấu trúc nguyên tử.

Law 3. A pitcher of water, balanced on the head of a man, standing in the form of a cross. It is this law which brings in the energy, symbolised by the sign Aquarius, and this law is the governing factor of the Aquarian age. It might here be added that the symbol for Law 2 was the [Page 1221] origin of the balance or scales of the sign Libra, but in the course of the ages its true form was distorted. Not all the astrological signs can be traced to the symbols, for only a few can be traced back as far as the Master's ashram.

Định luật 3. Một vò nước, cân bằng trên đầu một người đang đứng theo hình thập giá. Chính định luật này đưa vào năng lượng, được biểu trưng bởi dấu hiệu hoàng đạo Bảo Bình, và định luật này là yếu tố chi phối của kỷ nguyên Bảo Bình. Ở đây có thể thêm rằng biểu tượng của Định luật 2 là [Page 1221] nguồn gốc của cái cân hay cán cân của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình, nhưng theo dòng thời đại hình thức chân thực của nó đã bị bóp méo. Không phải mọi dấu hiệu chiêm tinh đều có thể được truy nguyên từ các biểu tượng, vì chỉ một số ít có thể được truy ngược xa đến tận ashram của Chân sư.

Law 4. Here we have the angel with the flaming sword turning in all directions. This symbolism is held true in the Bible where the Angel guards the treasure, and drives man forth in search of another way of entrance, thus forcing him through the cycle of rebirth until he finds the portal of initiation. This portal is occultly regarded as freed from the intervention of the sword as

Định luật 4. Ở đây chúng ta có thiên thần với thanh gươm rực lửa quay về mọi hướng. Biểu tượng này được giữ đúng trong Kinh Thánh, nơi Thiên Thần canh giữ kho tàng, và đẩy con người ra ngoài để tìm kiếm một lối vào khác, do đó buộc y đi qua chu kỳ tái sinh cho đến khi tìm thấy cổng điểm đạo. Cánh cổng này về mặt huyền bí được xem là thoát khỏi sự can thiệp của thanh gươm khi

man has developed the ability to soar and mount as an eagle on wings.

con người đã phát triển khả năng bay vút lên như đại bàng trên đôi cánh.

Law 5. The symbol for this is the mountain with a goat standing on the summit, and again an astrological sign, that of Capricorn, can be noted. All hard places can be surmounted, and the summit reached by the "Divine Goat," symbol of the group, viewed as a unit.

Định luật 5. Biểu tượng của định luật này là ngọn núi với một con dê đứng trên đỉnh, và một lần nữa có thể nhận thấy một dấu hiệu chiêm tinh, đó là Ma Kết. "Con Dê Thiêng liêng," biểu tượng của nhóm xét như một đơn vị, có thể vượt qua mọi chỗ hiểm trở và đạt tới đỉnh cao.

Law 6. The symbol contains a flaming rosy sun with a sign in the centre—a sign symbolising the union of fire and water; below this sign is found a hieroglyphic which may not be given as it gives the clue to the Earth sign, and the keynote of the physical body of the planetary Logos.

Định luật 6. Biểu tượng chứa một mặt trời hồng rực cháy với một dấu hiệu ở trung tâm —một dấu hiệu biểu trưng cho sự hợp nhất của lửa và nước; bên dưới dấu hiệu này có một chữ tượng hình không thể được tiết lộ vì nó đưa ra đầu mối về dấu hiệu của Trái Đất, và chủ âm của thể xác hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế.

Law 7. This symbol takes the form of a male and female figure standing back to back, the male figure holding above his head what looks like a shield or tray of silver, a great reflector, whilst the female figure holds aloft an urn full of oil. Below this sign is another hieroglyphic which [Page 1222] contains the secret of the astral plane, which has to be dominated by the mental.

Định luật 7. Biểu tượng này mang hình thức một nhân vật nam và một nhân vật nữ đứng quay lưng vào nhau, nhân vật nam giơ cao trên đầu một vật trông như chiếc khiên hay khay bạc, một tấm phản chiếu lớn, trong khi nhân vật nữ nâng cao một bình đầy dầu. Bên dưới dấu hiệu này là một chữ tượng hình khác, [Page 1222] chứa bí mật của cõi cảm dục, cõi mà cõi trí phải chế ngự.

These seven laws can be worked out along the line of correspondences. It will be found that the energy of any particular centre and that of any one law can be brought into line with each other.

Bảy định luật này có thể được triển khai theo các sự tương ứng. Sẽ thấy rằng năng lượng của bất kỳ trung tâm đặc thù nào và năng lượng của bất kỳ định luật nào cũng có thể được đưa vào tương ứng với nhau.

3. The Twenty-two methods of Group Interplay. — 3. Hai mươi hai phương pháp Tương tác Nhóm.

These methods of group interplay can only be grasped through a consideration of the fact that all groups are to be found on one or other of the seven Rays, and that their

Những phương pháp tương tác nhóm này chỉ có thể được nắm bắt qua việc xem xét sự kiện rằng mọi nhóm đều được tìm thấy trên một trong bảy cung, và do đó sự tương tác

interaction will, therefore, be triple. This must again be regarded as having:

a. A triple internal interplay.

b. A triple external interaction.

We might, therefore, take the seven Rays and give the names for the three ways in which the groups on any particular ray interact with each other, remembering that as we consider them, we are really studying the twenty-one vibrations of the Law of Attraction or motion, with the basic vibration, which is the synthesis of the twenty-one added, thus making the twenty-two:

RAY METHODS OF ACTIVITY

I. Ray of Power.

1. Destruction of forms through group interplay.

2. Stimulation of the Self, or egoic principle.

3. Spiritual impulse, or energy.

II. Ray of Love Wisdom.

4. Construction of forms through group intercourse.

5. Stimulation of desire, the love principle.

6. Soul impulse, or energy.

III. Ray of Activity or Adaptability.

của chúng sẽ là tam phân. Điều này lại phải được xem là có:

a. Một sự tương tác nội tại tam phân.

b. Một sự tương tác bên ngoài tam phân.

Do đó, chúng ta có thể lấy bảy cung và nêu tên ba cách mà các nhóm trên bất kỳ cung đặc thù nào tương tác với nhau, đồng thời nhớ rằng khi xem xét chúng, thực ra chúng ta đang nghiên cứu hai mươi mốt rung động của Định luật Hấp Dẫn hay chuyển động, cùng với rung động căn bản là sự tổng hợp của hai mươi mốt rung động ấy, do đó thành hai mươi hai:

CÁC PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG CỦA CUNG

I. Cung Quyền năng.

1. Sự phá huỷ các hình tướng qua tương tác nhóm.

2. Sự kích thích Bản Ngã, hay nguyên lý chân ngã.

3. Xung lực tinh thần, hay năng lượng.

II. Cung Bác Ái – Minh Triết.

4. Sự kiến tạo các hình tướng qua giao tiếp nhóm.

5. Sự kích thích dục vọng, nguyên lý bác ái.

6. Xung lực linh hồn, hay năng lượng.

III. Cung Hoạt động hay Thích ứng.

7. Vitalising of forms through group work.

7. Sự tiếp sinh lực cho các hình tướng qua công việc nhóm.

8. Stimulation of forms, the etheric or pranic principle.

8. Sự kích thích các hình tướng, nguyên lý dĩ thái hay prana.

9. Material impulse, or energy. [Page 1223]

9. Xung lực vật chất, hay năng lượng. [Page 1223]

IV. Ray of Harmony, Union.

IV. Cung Hài hoà, Hợp nhất.

10. Perfecting of forms through group interplay.

10. Sự hoàn thiện các hình tướng qua tương tác nhóm.

11. Stimulation of the solar Angels, or the manasic principle.

11. Sự kích thích các Thái dương Thiên Thần, hay nguyên lý manas.

12. Buddhic energy.

12. Năng lượng Bồ đề.

V. Ray of Concrete Knowledge.

V. Cung Tri thức Cụ thể.

13. Correspondence of forms to type, through group influence.

13. Sự tương ứng của các hình tướng với kiểu mẫu, qua ảnh hưởng nhóm.

14. Stimulation of logoic dense physical body, the three worlds.

14. Sự kích thích thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế, ba cõi giới.

15. Manasic energy or impulse.

15. Năng lượng hay xung lực manas.

VI. Ray of Abstract Idealism or Devotion.

VI. Cung Duy Tâm Trừu tượng hay Sùng tín.

16. Reflection of reality through group work.

16. Sự phản chiếu thực tại qua công việc nhóm.

17. Stimulation of the Man through desire.

17. Sự kích thích Con Người qua dục vọng.

18. Desire energy, instinct and aspiration.

18. Năng lượng dục vọng, bản năng và khát vọng.

VII. Ray of Ceremonial Order.

19. Union of energy and substance through group activity.

20. Stimulation of all etheric forms.

21. Vital energy.

These twenty-one methods and their synthesis sum up very largely all that can be said anent the actions and motions of all deva substance and all forms. Under the Law of Attraction, the interplay between these ray forces and all atomic forms is brought about, and manifestation becomes a fact in nature, and the great Maya is. It might here be noted in conclusion that the following factors:

VII. Cung Trật tự Nghi lễ.

19. Sự hợp nhất của năng lượng và chất liệu qua hoạt động nhóm.

20. Sự kích thích mọi hình tướng dĩ thái.

21. Năng lượng sinh lực.

Hai mươi mốt phương pháp này và sự tổng hợp của chúng phần lớn tóm lược tất cả những gì có thể nói liên quan đến các hành động và chuyển động của mọi chất liệu thiên thần và mọi hình tướng. Dưới Định luật Hấp Dẫn, sự tương tác giữa các mãnh lực cung này và mọi hình tướng nguyên tử được tạo ra, và sự biểu hiện trở thành một sự kiện trong tự nhiên, và đại ảo lực hiện hữu. Ở đây có thể lưu ý để kết luận rằng các yếu tố sau đây:

3	Atomic Relations
7	Laws
22	Methods of activity
32	

make the thirty-two vibrations necessary to produce, as far as man is concerned, the five planes of evolution. There are, as we know, the thirty-five subplanes, or in reality the thirty-two minor vibrations and the three which dominate. Just as the three planes of the Ego on [Page 1224] the mental plane dominate the remaining planes in the three worlds, so in the five worlds of the Hierarchy the three higher subplanes of the atmic plane hold an analogous place.

tạo nên ba mươi hai rung động cần thiết để tạo ra, xét theo con người, năm cõi tiến hoá. Như chúng ta biết, có ba mươi lăm cõi phụ, hay thực ra là ba mươi hai rung động nhỏ và ba rung động chi phối. Cũng như ba cõi của chân ngã trên [Page 1224] cõi trí chi phối các cõi còn lại trong ba cõi giới, thì trong năm thế giới của Thánh Đoàn, ba cõi phụ cao nhất của cõi atma giữ một vị trí tương tự.

	Hierarchy	*Nos.*	*Symbol*	*Aspect*	*Force*	*Type*
1.	The Divine Lives.	1 or 6.	Closed twelve petalled Lotus Golden.	One	of the	6th Cosmic Force or shakti
2.	The Burning Sons of Desire.	2 or 7	Seven coloured Spheres, each with a central fire.	Two	of the	7th Shakti
3.	The Triads or the Triple Flowers.	3 or 8	A triple Flame hovering over a glowing altar.	Three	of the	1st Shakti or type of force
4.	The Lords of Sacrifice or The lnitiates.	4 or 9.	The Son, standing with outstretched arms in space.	Second	of the	4th Cosmic energy.
5.	The Crocodiles or the Perfect Ones.	5 or 10	The five-pointed Star with the symbol of Systern1 in the centre.	Fourth	of the	5th Cosmic force (Mahat).
6.	The Sacrificial Fires. The Aspirants.	6 or 11	A silver Moon surmounted by an equal armed Cross.	Third	of the	6th Cosmic force.
7.	The Baskets of Nourishment or The Blinded Lives.	7 or 12	A Man reversed with his eyes closed.	Fourth	of the	7th Creative force.

In closing, we might give certain of the symbols for the twelve Creative Hierarchies. It is not possible to give the symbols whereby the Adepts know them, for in those symbols would be revealed much that it is deemed wiser to guard in secrecy, but the symbols, as they are [Page 1225] found in

Để kết thúc, chúng ta có thể nêu ra một số biểu tượng của mười hai Huyền Giai Sáng Tạo. Không thể đưa ra các biểu tượng mà các chân sư dùng để biết chúng, vì trong các biểu tượng ấy sẽ tiết lộ nhiều điều được xem là khôn ngoan hơn nếu giữ kín trong bí mật, nhưng các biểu tượng như chúng được [Page

records accessible to disciples, may be given, and from the close scrutiny of these some knowledge as to the essential character of the hierarchy may be revealed.

1225] tìm thấy trong các ghi chép mà đệ tử có thể tiếp cận thì có thể được nêu ra, và từ sự khảo sát kỹ lưỡng các biểu tượng này có thể mặc khải một ít hiểu biết về tính chất cốt yếu của huyền giai.

The symbols for the five hierarchies which have passed on may be stated as follows:

Các biểu tượng của năm huyền giai đã đi qua có thể được nêu như sau:

1. A ball of green fire with three rays of rose.

1. Một quả cầu lửa xanh lục với ba tia hồng.

2. A sphere, divided by a Tau, in colours green and silver.

2. Một khối cầu, được phân chia bằng một chữ Tau, với các màu xanh lục và bạc.

3. A bird, with plumage dark and with the eye of radiant fire.

3. Một con chim, với bộ lông sẫm màu và con mắt lửa rực sáng.

4. Two stars of vivid rose linked by a band of violet.

4. Hai ngôi sao hồng rực nối với nhau bằng một dải tím.

5. An ovoid of colour indigo with five letters or symbolic words within its borders.

5. Một hình trứng màu chàm với năm chữ cái hay các từ biểu tượng bên trong đường viền của nó.

These hierarchies are also classed together and viewed as one and are called in esoteric parlance:

Các huyền giai này cũng được xếp chung lại và được nhìn như một, và trong thuật ngữ nội môn chúng được gọi là:

“The Lives of that which appeared, rotated and gathered to themselves the fifth aspect of Mahat.”

“Các Sự Sống của điều đã xuất hiện, quay tròn và thu hút về mình phương diện thứ năm của Mahat.”

This symbol, which signifies the liberation achieved and the gains attained in System One, takes the form of a blazing altar of pure fire out of which is escaping a bird of green and gold plumage with five wings outspread. Above this symbol appear certain hieroglyphics in the earliest Sensa script signifying, “Still I seek.”

Biểu tượng này, biểu thị sự giải thoát đã đạt được và các thành quả đã thu hoạch trong hệ mặt trời thứ nhất, mang hình thức một bàn thờ rực cháy bằng lửa thuần khiết, từ đó một con chim lông xanh lục và vàng đang bay ra với năm cánh dang rộng. Phía trên biểu tượng này xuất hiện một số chữ tượng hình bằng văn tự Sensa cổ xưa nhất, mang nghĩa: “Ta vẫn còn tìm kiếm.”

The symbols of the seven Creative Hierarchies now in manifestation are all enclosed in a circle denoting limitation and the circumscribing of the Life. All these hierarchies are Sons of Desire, and are paramountly an expression of the desire for manifested life of the solar Logos. They receive their primary impulse from the cosmic astral plane. They are also the expression of a vibration emanating from the second row of petals in the logoic Lotus on the cosmic mental plane.

Các biểu tượng của bảy Huyền Giai Sáng Tạo hiện đang biểu hiện đều được bao trong một vòng tròn biểu thị sự giới hạn và sự khoanh định của Sự Sống. Tất cả các huyền giai này đều là Các Con của Dục vọng, và trên hết là một biểu hiện của dục vọng của Thái dương Thượng đế đối với sự sống biểu hiện. Chúng nhận xung lực sơ khởi của mình từ cõi cảm dục vũ trụ. Chúng cũng là biểu hiện của một rung động phát ra từ hàng cánh hoa thứ hai trong Hoa sen của Thượng đế trên cõi trí vũ trụ.

They are, therefore, one and all an expression of His love nature, and it is for this reason that buddhi is found at the heart of the tiniest atom, or what we call in this [Page 1226] system, electric fire. For the positive central life of every form is but an expression of cosmic buddhi, and the downpouring of a love which has its source in the Heart of the Solar Logos; this is itself an emanating principle from the ONE ABOVE OUR LOGOS, HE OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID.

Vì vậy, tất cả chúng đều là một biểu hiện của bản chất bác ái của Ngài, và chính vì lý do này mà Bồ đề được tìm thấy ở trung tâm của nguyên tử nhỏ bé nhất, hay điều mà trong hệ mặt trời này [Page 1226] chúng ta gọi là Lửa Điện. Vì sự sống trung tâm dương của mọi hình tướng chỉ là một biểu hiện của Bồ đề vũ trụ, và của sự tuôn đổ của một tình thương có nguồn cội trong Trái Tim của Thái dương Thượng đế; bản thân điều này là một nguyên khí phát xạ từ ĐẤNG Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ CỦA CHÚNG TA, ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

It is love limiting itself by desire, and for that which is desired. It is love pouring itself out into forms which are stimulated and aided thereby; it is the fulfillment of divine obligations incurred in the dim and distant kalpas which antedate the triplicity of solar systems which we can dimly vision, and it is the "Father of Light" (in a cosmic connotation) pouring Himself out for that which binds Him and which it is His dharma to lift up to His Throne. It is not possible to picture the revelation of the Love of the solar Logos as it reveals itself to the eye of the illuminated seer, nor to show the nature of the cosmic Lord of Sacrifice as He limits Himself in order to save. At each step along the Path, the extent of that love and sacrifice

Đó là tình thương tự giới hạn mình bằng dục vọng, và vì điều được mong muốn. Đó là tình thương tuôn đổ chính nó vào các hình tướng, nhờ đó các hình tướng được kích thích và trợ giúp; đó là sự hoàn thành các nghĩa vụ thiêng liêng đã gánh lấy trong những kalpa mờ xa và xa xăm có trước bộ ba các hệ mặt trời mà chúng ta chỉ có thể lờ mờ hình dung, và đó là "Cha của Ánh Sáng" (theo một hàm nghĩa vũ trụ) đang tuôn đổ chính Ngài vì điều trói buộc Ngài và điều mà bổn phận dharma của Ngài là phải nâng lên đến Thánh Ngai của Ngài. Không thể mô tả sự mặc khải của Tình thương của Thái dương Thượng đế như nó tự bộc lộ trước mắt nhà thông nhãn được soi sáng, cũng không thể chỉ ra bản chất của Chúa Tể Hi sinh vũ

is opened up as the disciple knows himself to be in tiny measure also a Lord of Sacrifice and Love. It can only be appreciated as the two inner rows of egoic petals are unfolded; knowledge would not reveal it, and it is only as a man transcends knowledge, and knows himself to be something non-separative, and inclusive that this particular revelation comes to him.

trụ khi Ngài tự giới hạn mình để cứu độ. Ở mỗi bước trên Đường Đạo, mức độ của tình thương và hi sinh ấy được khai mở khi đệ tử biết rằng mình, trong mức độ rất nhỏ bé, cũng là một Chúa Tể của Hi sinh và Tình thương. Điều đó chỉ có thể được hiểu rõ khi hai hàng cánh hoa chân ngã bên trong được khai mở; tri thức sẽ không mặc khải nó, và chỉ khi con người vượt lên trên tri thức, và biết mình là một cái gì đó không phân ly và có tính bao gồm thì sự mặc khải đặc thù này mới đến với y.

This is the secret behind the seven symbols, each one of which hides an aspect of the sevenfold Love of God as it is revealed through the hierarchy of Beings, or as the Son reveals it, Who is the sumtotal of the Love of God.

Đây là bí mật ẩn sau bảy biểu tượng, mỗi biểu tượng che giấu một phương diện của Bác ái thất phân của Thượng đế như nó được mặc khải qua huyền giai các Đấng, hay như Con mặc khải nó, Đấng là tổng thể của Bác ái của Thượng đế.

We might at the same time consider the type of force wielded by a particular hierarchy.

Đồng thời, chúng ta cũng có thể xem xét loại mãnh lực được một huyền giai đặc thù vận dụng.